Từ Điển Tác Phẩm Kinh - Luật - Luận Phật Học Việt Nam (Thích Hạnh Thành)

Từ điển — tra cứu lẻ

Biên soạn: Thích Hạnh Thành

TỪ ĐIỂN TÁC PHẨM KINH – LUẬT – LUẬN PHẬT HỌC VIỆT NAM

PL. 2565 – DL. 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Phật xuất hiện tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ VII Tr. TL, do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khai sáng. Trải qua 45 năm truyền bá chân lý giải thoát tối hậu, những giáo lý Ngài đã tuyên thuyết được gọi là Kinh, những gì đã chế định trong sinh hoạt tu tập, hoằng hóa của Tăng Ni được gọi là Giới-luật. Tương truyền, Đức Phật thường dùng ngôn ngữ Pàli để thuyết giảng. Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, chư vị Tổ sư đã phân biệt, chỉnh lí hoặc giải thích để chỉ rõ yếu nghĩa của Kinh điển thì gọi là Luận. Từ đó, Kinh-Luật-Luận là Tam tạng Thánh điển của Phật giáo được truyền thừa ban đầu qua hình thức khẩu truyền và lưu truyền qua ba lần Kết tập Kinh điển tại Ấn Độ. Đến khoảng thế kỷ thứ I Tr. TL, Đại Hội Kết tập Kinh điển lần thứ IV được tổ chức tại Tích Lan, Tam tạng lần đầu tiên được viết trên lá Bối, đây là những văn bản Kinh điển nguyên thủy và lưu truyền đến ngày nay. Tại Việt Nam, Phật giáo đã du nhập vào đến nay có hơn 2.000 năm. Thời bấy giờ, trong hoàn cảnh lịch sử của đất nước bị đô hộ hơn một ngàn năm bởi các triều đại phong kiến phương Bắc-Trung Quốc. Vì thế, Phật giáo Việt Nam bị ảnh hưởng gần như hoàn toàn của Phật giáo Trung Quốc, tất nhiên Kinh điển sử dụng cũng đều là Đại tạng Kinh chữ Hán. Đến thời kỳ Phật giáo nước nhà hưng thịnh, nhà Lý đã khởi sự việc khắc mộc bản, rồi sang thời nhà Trần vào năm Tân Hợi (1311), Vua Trần Anh Tông ban chiếu sắc cho Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng hành thực hiện công trình khắc bản gỗ Đại tạng Kinh, nhưng đó vẫn là Kinh luật chữ Hán. Mãi cho đến thời kỳ Pháp thuộc (1867-1945), người Việt buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa, từ đó cho đến những thập niên 50, 60, các cao Tăng Việt Nam như HT. Khánh Anh (1895-1961), HT. Trí Tịnh (1917-2014), HT. Hành Trụ (1904-1984), HT. Trí Quang (1923-2019), HT. Thanh Từ, HT. Trí Nghiêm (1911-2003), HT. Thiện Siêu (1921-2001),... và các Cư sĩ, dịch giả như Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969), Thiều Chửu-Nguyễn Hữu Kha (1902-1954), Tuệ Nhuận-Văn Quang Thùy (1887-1967), Hồng Tai-Đoàn Trung Còn (1908-1988),... mới quyết định phiên dịch Kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để truyền bá Phật pháp được rộng rãi trong quần chúng nhân dân. Như vậy, Phật giáo Việt Nam có khoảng thời gian mười sáu, mười bảy thế kỷ hầu hết sử dụng Kinh điển chữ Hán, từ thời kỳ du nhập cho đến giai đoạn dịch Kinh điển ra Việt ngữ, đó là khoảng thời gian mà hàng hậu tấn chúng ta phải suy ngẫm và kinh nghiệm. Lúc ban đầu, tại các lớp gia giáo của sơn môn, Phật học đường chư vị giáo thọ đa phần căn cứ vào nguyên bản Kinh văn chữ Hán rồi dịch ra tiếng Việt, sau đó mới có những văn bản viết tay (cảo bản), không bao lâu thì chính thức thực hiện in ấn và xuất bản. Những tác phẩm Kinh Luật được dịch sang tiếng Việt La-tinh và xuất bản đầu tiên hiện

nay chưa được xác định niên đại và văn bản có còn lưu trữ hay không? Theo chỗ chúng tôi sưu tra, biên soạn thì quyển Kinh A-di-đà – Hồng Danh – Vu Lan do Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học ấn hành vào năm 1934, là một trong những tác phẩm Kinh được xuất bản rất sớm, bản này hiện được Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang (Tp. Hồ Chí Minh) bảo quản tại phòng lưu trữ.

Và cũng trong quá trình biên soạn, đã đi nhiều nơi, tôi nhận thấy chỉ có khoảng bốn, năm Thư viện lớn của Phật giáo tại Tp. Hồ Chí Minh là còn bảo quản, lưu trữ khá tốt những Kinh luận dịch ra tiếng Việt La-tinh trong thời kỳ đầu, ngoài ra thì nhiều phòng Kinh sách, cả đến một số không nhỏ Thư viện của chùa cũng không còn việc bảo lưu những ấn bản pháp bảo xa xưa đó. Một khi lưu trữ đã không có, thì việc tìm kiếm các văn bản liên quan đến thống kê, tra cứu về Kinh sách Việt ngữ cũ lại càng khó khăn vô vàn. Thực trạng này, những Học giả, giới nghiên cứu Phật giáo sẽ gặp nhiều trở ngại trong việc nghiên cứu về các ấn phẩm cũ của Kinh điển chữ Việt La-tinh. Từ đó, tôi khởi lên ý nghĩ cần phải có một quyển sách mô tả sơ lược về các tác phẩm Kinh điển dịch ra Việt ngữ, một phần giúp cho việc thống kê, tra cứu, một phần có tác dụng bảo lưu tên tuổi tác phẩm. Thế là, những ý nghĩ trên khiến cho tôi thực hiện công trình biên soạn này phải mất hơn hai năm. Lúc đầu, khi biên soạn ở dăm ba Thư viện tôi chỉ định làm quyển Mục lục, nhưng dần dần về sau số lượng tác phẩm tăng lên nhiều đến tầm vóc quy mô nên người biên soạn quyết định lấy tên là Từ điển Tác Phẩm Kinh Luật Luận Phật Học Việt Nam, vì xét thấy những Từ điển cùng loại như "Từ Điển về Từ Điển", có khổ 13 x 19cm, có 281 trang, bìa mềm; "Từ điển-Sách Công cụ chữ Hán của Việt Nam và Trung Quốc", khổ 14.5 x 20.5cm, có 309, bìa mềm, vẫn gọi là Từ điển. Tác giả mong rằng Từ điển Tác Phẩm Kinh Luật Luận Phật Học Việt Nam này sẽ góp phần giúp cho những ai muốn tìm hiểu sơ lược, con số thống kê, phân loại, tra cứu nhanh các tác phẩm Kinh luận Việt ngữ đã xuất bản được tiện lợi hơn. Trong quá trình biên soạn Từ điển này, tác giả rất may mắn được Thầy Không Hạnh quản thủ Thư viện Huệ Quang cho tiếp cận, biên soạn tại phòng lưu trữ Kinh sách của Thư viện và các nhân viên làm việc tại đây đã ân cần hỗ trợ, cung cấp cho văn bản thống kê một số Kinh sách Việt ngữ; quí Sư cô làm việc tại Thư viện Viện Nghiên cứu PHVN cũng tận tình giúp đỡ. Nhân đây chúng tôi xin được chân thành tri ân sâu sắc đến quí vị. Về phần người biên soạn, đây là cả tâm thành kính Pháp bảo. Nhưng do kiến thức và khả năng của tác giả có hạn nên Từ điển này khó tránh khỏi những vụng về, sơ suất. Chúng tôi rất mong các bậc thiện tri thức, quí độc giả cao minh chỉ giáo để lần tái bản Từ điển này được hoàn hảo hơn.

Núi Dinh, ngày 27 – 6 – 2021 (Tân Sửu)

Sa-môn Thích Hạnh Thành Cẩn bút

THỂ LỆ CHUNG

I. NỘI DUNG Từ điển này chỉ biên soạn những tác phẩm Kinh-Luật-Luận do chư Tôn đức Tăng Ni, dịch giả, học giả, giới tri thức Phật giáo dịch, chú giải, giảng giải,... sang Việt ngữ. Từ điển đã biên soạn hầu như tất cả những tác phẩm Kinh-Luật-Luận được

dịch ra chữ Quốc ngữ đã có mặt ở Việt Nam từ khởi thủy cho đến hiện nay. Có thể, một trong những tác phẩm Kinh điển được dịch ra Việt ngữ và xuất bản sớm nhất đó là vào năm 1934, Kinh A-di-đà – Hồng Danh – Vu Lan do Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học ấn hành, và chúng tôi biên soạn các tác phẩm được xuất bản hoặc tái bản cho đến năm 2021, như Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai do HT. Thích Trí Tịnh dịch (tái bản), Nxb Đà Nẵng. Đồng thời, chúng tôi cũng có đối chiếu với Mục lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt do Nguyễn Minh Tiến biên soạn, để cập nhật tất cả những Kinh luận trong Đại Tạng Kinh đã được dịch sang Việt ngữ và xuất bản. Những Kinh-Luật-Luận được biên soạn trong Từ điển này đại đa số đều là tác phẩm dưới dạng sách, có một số Kinh luận được dịch và đăng trên các trang Website Phật giáo, chúng tôi cũng đã biên soạn vào đây cho tác phẩm được đầy đủ hơn. Còn lại, hầu hết tất cả các Kinh-Luật-Luận trên Website thì tác giả biên soạn để vào phần Phụ lục. Về cơ quan xuất bản, những tác phẩm trước năm 1981 thì ghi rõ: Nhà xuất bản, Nhà in, Hệ phái, Chùa và Giấy phép xuất bản (nếu có); từ sau năm 1981 thì tác giả chỉ ghi một cơ quan pháp lý cho phép xuất bản như Thành hội Phật giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam hay Nhà xuất bản. Và về việc chú thích, năm sinh và viên tịch của chư Tôn đức, dịch giả thì chúng tôi căn cứ vào bộ Tiểu sử Danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX, 3 tập, do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam thực hiện, Tỳ-kheo Thích Đồng Bổn chủ biên. Trong phạm vi giới hạn cũng như khả năng cho phép của tác giả, Từ điển này chỉ biên soạn, xác nhận về tính lịch sử hiện hữu tồn tại của tác phẩm, còn về giá trị nội dung, tiêu chuẩn đúng tinh thần của Tam tạng Kinh điển Phật giáo, thì xin để dành cho các nhà nghiên cứu Kinh tạng, những công trình nghiên cứu chuyên môn về Tam tạng Thánh điển Phật giáo. Kết cấu của Từ điển này gồm có 4 phần: 1. Tác phẩm Kinh điển: Trên 1.130 tác phẩm, bao gồm các loại: - Kinh dịch (chánh văn): Kinh Trường Bộ, Kinh Trung Bộ, Kinh Tăng Chi Bộ, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Kinh Dược Sư, Kinh Duy-ma-cật, Kinh Đại Bát Niết- bàn,... - Kinh dịch và giảng giải: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải, Kinh Duy-ma-cật giảng giải, Bát-nhã Tâm Kinh giảng giải, Kinh Pháp Bảo Đàn giảng giải, Kinh Thủ Lăng Nghiêm giảng giải,... - Giới Kinh, Bồ-tát Giái Kinh, Kinh Mười giới và các Oai nghi của Sa-di, Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới, Kinh Ưu-bà-tắc Giới, Tỳ-kheo Giới Kinh,... - Kinh luận: Luận Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, Luận Kinh Thập Địa, Luận Kinh Vô Lượng Thọ, Luận về Kinh Đại Trang Nghiêm,...

- Chú giải Kinh: Chú giải Kinh Pháp Cú, Chú giải Bổn Sanh Kinh, Chú giải Kinh Di Giáo, Chú giải Kinh Phạm Võng... - Lược giải Kinh: Lược giải Kinh A-di-đà, Lược giải Kinh Duy-ma, Lược giải Kinh Hoa Nghiêm, Lược giải Kinh Địa Tạng,... - Nghiên cứu Kinh: Nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, Nghiên cứu Kinh Lăng-già, Nghiên cứu Kinh Pháp Hoa,... - Đại cương Kinh: Đại cương Kinh Hoa Nghiêm, Đại cương Kinh Tạp A-hàm, Đại cương Kinh Tăng nhất A-hàm,... - Tác phẩm Kinh diễn văn vần và thi hóa: Có 40 tác phẩm, tiêu biểu như: Kinh Vu Lan và Báo hiếu, Hội Hoa Đàm – Kinh Hiền, Qua Suối Mây Hồng – Kinh Ngọc, Lời vàng Vi diệu, Kinh Tụng diễn ca tuyển tập, Trường ca Kinh Sa-môn quả,... 2. Tác phẩm Luật: Có trên 240 tác phẩm, bao gồm các loại: - Giới luật dịch (chánh văn): Giới bản Tỳ-kheo, Bồ-tát giới, Tứ Phần Luật, Luật Ma-ha Tăng kỳ, Tứ Phần Tỳ-kheo Ni giới bổn, Thức-xoa-ma-na Ni giới bổn,... - Căn bản Giới luật: Căn bản

Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bách nhất Yết-ma, Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự, Căn bản Giới Bồ-tát của Phật giáo Tây Tạng,... - Giới Luật lược giải: Sa-di Luật giải, Sa-di Luật nghi yếu lược, Luật Tứ phần Bổn giới Tỳ-kheo Ni lược ký,... - Giới Luật thiết yếu: Trùng Trị Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu, Tỳ-ni Nhật dụng thiết yếu, Yết-ma yếu chỉ, Giới Luật học cương yếu, Luật học Tinh yếu,... 3. Tác phẩm Luận: Trên 330 tác phẩm, bao gồm các thể loại: - Luận dịch (chánh văn): Luận Đại Trí độ, Luận Du-già-sư-địa, Luận Thành Duy thức, Luận Trung quán,... - Luận dịch và giảng giải: Luận Đại thừa Khởi tín giảng giải, Trung Luận giảng giải, Thắng Pháp Tập yếu luận hậu sớ giải, Triệu Luận lược giải,... - Luận (Phật giáo Nam truyền): Bộ Nguyên chất ngữ-Bộ Nhân chế định, Bộ Ngữ tông, Bộ Pháp tụ, Bộ Phân tích, Bộ Song đối – Tạng Vô Tỷ Pháp,... - Luận Đại thừa: Luận Đại thừa Khởi tín, Luận Đại thừa Trăm pháp Minh môn, Luận bản Nhiếp Đại thừa, Luận Thành Duy Thức, Luận Đại thừa tập Bồ-tát học,... - Luận sử: Việt Nam Phật giáo Sử Luận, Ấn Độ Phật giáo Sử Luận,... 4. Phụ lục: Có 6 phần, I. Những tác phẩm Kinh-Luật-Luận trên các trang Website Phật giáo; II. Ngữ lục; III. Từ điển (Phật học Việt Nam), IV. Mục lục Dịch giả-soạn giả của tác phẩm, V. Bảng Tra cứu phân loại tác phẩm, VI. Mục lục Nhà in-Nhà xuất bản tiêu biểu

II. CÁCH TRÌNH BÀY: Các mục từ trong những phần Tác phẩm Kinh, Tác phẩm Luật, Tác phẩm Luận được xếp theo mẫu tự tiếng Việt: A, (Ă, Â), B, C, CH, D, (Đ), E, Ê, G, H, I, K, KH, L, M, N, NG, NGH, NH, O, (Ô, Ơ), P, Q, R, T, TH, TR, U, (Ư), V, X, Y. Trong mỗi mục từ tác phẩm được trình bày như sau: - Tên tác phẩm (Kinh, Luật, Luận) - Tác giả, dịch giả, soạn giả, người giảng giải

- Nhà xuất bản, năm xuất bản, số tập, khổ sách, số lượng trang, bìa - Sơ lược nội dung tác phẩm - Năm tái bản (nếu có)

III. CHỮ VIẾT TẮT:
- B: Bài
- C: Chương
- DL: Dương lịch
- ĐCTTĐTK: Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh
- GHPGVN: Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- GHPGVNTN: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất
- HT: Hòa thượng
- K: Kinh
- Ks: Kinh số (trong Đại Chánh tạng hay Tục tạng)
- Nxb: Nhà xuất bản
- P: Phẩm
- PL: Phật lịch
- PT: Phật tử
- Q: Quyển
- S: Số (trong Đại Chánh tạng hay Tục tạng)
- T (24): Tập 24 (T. 24) trong Đại Chánh tạng

- T: Tiết
- THPG: Thành hội Phật giáo
- TK: Tỳ-kheo
- TN: Thích nữ
- Tp. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- TT: Thượng tọa - (tt): Tiếp theo
- X (62): Tập 62 (X.62) trong Tục tạng.

MỤC LỤC

Lời nói đầu
Thể lệ chung
Lời Tri ân của Tác giả
Mục lục
I. Tác phẩm Kinh điển
Những tác phẩm Kinh điển Diễn văn vần và Thi hóa
II. Tác phẩm Giới Luật
III. Tác phẩm Luận
Phụ lục:

I. Những tác phẩm Kinh-Luật-Luận trên các trang Website Phật giáo
1. Tác phẩm Kinh
2. Tác phẩm Luật
3. Tác phẩm Luận
II. Ngữ lục
III. Từ điển (Phật học Việt Nam)
IV. Mục lục Dịch giả-Soạn giả của tác phẩm
V. Bảng Tra cứu phân loại tác phẩm
VI. Mục lục Nhà in-Nhà xuất bản tiêu biểu

LỜI TRI ÂN CỦA TÁC GIẢ

Tác giả xin chân thành tri ân chư Đại đức Tăng, Ni và nhân viên làm việc ở các Thư viện Phật giáo tại Tp. Hồ Chí Minh:

1. Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
2. Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
3. Thư viện Chùa Huệ Nghiêm-Giới Đài Viện Huệ Nghiêm
4. Thư viện Chùa Xá Lợi
5. Thư viện Chùa Bửu Quang (Hệ Phái Phật giáo Nam tông)
6. Thư viện Xá-Lợi-Phất tại Pháp viện Minh Đăng Quang (Hệ phái Khất sĩ)
7. Thư viện Tịnh xá Trung Tâm (Hệ phái Khất sĩ)
8. Thư viện Chùa Già Lam
9. Thư viện Chùa Vạn Đức

10. Thư viện Tp. Bà Rịa (tỉnh BRVT)

11. Tàng Kinh Các tại Tịnh viện Bát Nhã (thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT)

Và các trang Website Phật giáo: thuvienhoasen.org, thuvienphatgiao.com, thuvienhuequang.vn, phatphapungdung.com, hoavouu.com, vnbet.vn, daitangkinh.org, phatgiaonguyenthuy.com, quangduc.com, phaptangpgvn.net,... các Phòng Phát hành Kinh sách: Văn Thành (Tp. HCM), Ngọc Linh (Tp. HCM), chùa Phổ Quang (quận Tân Bình), Thanh Duy (quận Thủ Đức), chùa Vĩnh Nghiêm (Tp. HCM), Ni viện Thiện Hòa (tỉnh BRVT), Thiền viện Thường Chiếu (tỉnh Đồng Nai), Tuệ Giác (Cô Lợi - Đại Tòng Lâm, tỉnh BRVT),... đã tận tình, tạo mọi điều kiện cho chúng tôi trong quá trình biên soạn được tiếp cận tất cả các Kinh sách hiện có tại Thư viện cũng như các Phòng Phát hành Kinh sách, để hôm nay Từ điển Tác Phẩm Kinh-Luật-Luận Phật Học Việt Nam ra đời. Một lần nữa, tác giả vô cùng niệm ân, cảm tạ sâu sắc đến toàn thể quí vị.

Tác giả Sa-môn Thích Hạnh Thành

bày Thể và Dụng của bộ Kinh, 4. Người dịch và thời gian dịch, 5. Bàn về Đốn- I. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Tiệm, 6. Chính thức đi vào giải thích văn Kinh: Thời gian thuyết pháp, Chủ thuyết

A giáo, Địa điểm giáo hóa, Đối tượng làm căn cơ, Khen ngợi tài đức, Nêu tên; Chú thích; Q.II, Phần chính tông, Đ.1 Trình bày về nguồn gốc cõi Tịnh, - Nói cụ thể về 1. A-DI-ĐÀ PHÁP ĐÀ-LA-NI KINH cõi Tịnh, - Cây cối được trang sức bằng Biên dịch: bốn thứ báu, - Những hồ nước được trang Sa-môn Thích Quảng Trí – Huyền Thanh trí bằng các loại báu, - Trong không trung Nxb Tôn Giáo – 2009 vang rền tiếng nhạc, - Trên đất trải đầy Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 204 trang. vàng, - Mưa hoa khắp trời, - Mọi người đi Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Kinh đến các nước, - Các loại chim ngâm pháp A-di-đà Cổ Âm thanh vương Đà-la-ni (No. mầu, - Gió thổi ra tiếng nhạc; Nói về đặc 370), 3. Vô lượng thọ Như Lai quán hạnh điểm của thân Phật, Đặc điểm của đức hóa Cúng dường Nghi quỹ (No. 930), 4. Kinh chủ, Giải thích những thắc mắc về tên gọi Kim Cương đỉnh – Pháp tu hành Quán Tự của Phật, Giải thích ý nghĩa tên A-di-đà, Tại vương Như Lai (No. 931), 5. Kinh Trình bày đặc điểm của thính chúng, Hai Kim Cương đỉnh – Pháp tu hành Du-già chúng tiểu và đại tính đếm không hết, Hai Quán Tự Tại vương Như Lai (No. 932), 6. chúng cũ và mới, nhân hạnh khác nhau, Cửu Phẩm Vãng sanh A-di-đà Tam-ma-Khuyên sinh về nước kia, Lợi ích của việc địa Tập Đà-la-ni Kinh (No. 933), 7. Phật khuyên vãng sanh, Từ đây trở xuống là nói Kinh Vô lượng Công đức Đà-la-ni phần hai: Trình bày về nhân duyên khác (No. 934), 8. Cực lạc Nguyện văn (No. nhau của cõi Cực lạc, Ngăn người có chút 935), 9. Kinh Đại thừa Vô lượng thọ (No. ít căn lành; Chú thích; Q.III, - Nói nhiều 936), 10. Phật nói Đại thừa Thánh Vô nhân, - Chúng Thánh đến đón rước, - lượng thọ Quyết định Quang minh vương Chúng sinh vãng sinh, - Tóm lại lời Như Lai Đà-la-ni (No. 937), 11. Cam Lộ khuyến khích vãng sinh, - Dẫn chư Phật Đà-la-ni (No. 1317), 12. Phật nói Kinh A- để chứng minh, - Trình bày lời tự khen, - di-đà Bí mật Căn bản Thần chú (TTK, No. Dẫn chư Phật để chứng minh, - Đầu tiên 205), 13. Mười hai lễ (TTK, No. 57), 14. đức Phật kể về phương Đông, - Trình bày Thập Cam lộ Đà-la-ni, 15.

A-di-đà Phật số lượng nhiều ít và hiện tướng chứng Chân ngôn. minh, - Dẫn lời để chứng minh, - Trình bày về phương Nam, - Trình bày về 2. A-DI-ĐÀ THÔNG TÁN SỚ phương Tây, - Trình bày về thế giới Biên soạn: Khuy Cơ phương Bắc, - Dẫn chứng về phương Việt dịch: Thích Thọ Phước Dưới, - Trình bày các đức Phật ở phương Nội dung gồm có 3 quyển: Q.I, 1. Trình Trên, - Giải thích tên Kinh, - Giải thích bày khái quát về nhân duyên Phật nói nghi vấn, - Giải thích chung, - Tóm lại và Kinh, 2. Phân biệt kỹ về tông chỉ, 3. Trình khuyến khích, - Ba đời phát nguyện, Phát

tâm cầu vãng sanh, - Trình bày lợi ích của Cố sự; No. 40 Phật nói Kinh Vua Văn- việc vãng sanh, - Vị trí ở ba cõi, - Khuyến kiệt-đà. (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) khích sinh về cõi nước kia, Đức Phật kia khen ngợi đều là việc hiếm có, - Đoạn văn 4. A-HÀM, MƯA PHÁP CHUYỂN này thuộc phần thứ nhất, - Khen ngợi hạnh HÓA PHIỀN NÃO (Trọn bộ 2 tập) hóa độ ở thế giới nhơ uế, - Giải thích danh Giảng giải: Thích nữ Giới Hương từ, - Nêu ra bản chất, - Tam đối trị, - Phế Nxb Hồng Đức – 2016 (Tái bản lần thứ 3) lập, - Ngạc nhiên về việc thành Phật, Nói Tập I, tác phẩm này có 4 chương: - Lời pháp huyền bí, - Đức Phật tự trình bày giới thiệu, - Lời Đầu, C.1 Sự hình thành và những việc khó làm, - Hạnh khó tu, - cấu trúc của A-hàm và Nikaya; C.2 Ý Trình bày việc khó chứng, - Trình bày nghĩa A-hàm; C.3 Những lời Phật dạy pháp khó tin, - Phần Lưu thông; Chú trong Trường A-hàm; C.4 Những lời Phật thích. (https://phatphapungdung.com, dạy trong Trung A-hàm; Tập II, gồm có 4 Pháp bảo, Kinh tạng Bắc truyền, Bộ Kinh chương: C.1 Những lời Phật dạy trong Tạp sớ - Tịnh độ tông) A-hàm; C.2 Những lời Phật dạy trong Tăng Nhất A-hàm; C.3 Những chủ đề 3. A-HÀM BỘ THƯỢNG chung trong A-hàm; C.4 Kết luận. Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Tác phẩm này đã xuất bản năm 2014, Nxb Nam Hồng Đức (Trọn bộ 2 tập), khổ 14.5 x Quyển I, No. 5 Kinh Phật Bát Nê-hoàn 20.5cm, dày khoảng 1900 trang, bìa mềm, (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 6 Kinh có tay gấp. Phật Bát Nê-hoàn (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 14 Phật nói Kinh Con người do Dục sanh; No. 15 Kinh Đế-thích sử vấn; No. 16 Kinh Thi-ca-la-việt lạy 6 phương; No. 17 Kinh Thiện Sanh tử; No. 18 Kinh Công đức Tin Phật; No. 19 Phật nói Kinh Đại Tam-ma-nhã; No. 20 Kinh Phật Giáo hóa Phạm chí A-bạt; No. 21 Phật nói Kinh Phạm Võng 62 tà kiến; No. 22 Kinh Tích chí quả; No. 27 Phật nói Kinh Thất tri; No. 28 Phật nói Kinh Viên sanh thọ; No. 29 Phật nói Kinh Dụ nước Biển; No. 30 Phật nói Kinh Tát-bát-đa Tô- lý-du-nại-dã; No. 31 Phật nói Kinh Nhất thiết Lưu nhiếp Thủ nhân; No. 32 Phật nói Kinh Tứ đế; No. 33 Phật nói Kinh Nước Sông Hằng; No. 34 Phật nói Kinh Pháp hải; No. 35 Phật nói Kinh Tám đức của Biển; No. 36 Phật nói Kinh Bốn Tương ỷ Trí; No. 37 Phật nói Kinh Duyên bổn Trí; 38. Phật nói Kinh Luân vương Thất bảo; No. 39 Phật nói Kinh Đảnh Sanh vương

No. 199 Kinh Năm trăm đệ tử nói về Bổn khởi; No. 203 Kinh Tạp bảo tạng (Tập 1A, 1B; Tập 2A, 2B; Tập 3, 4, 5, 6, 7; 8A, 8B;

B 10). (phaptangpgvn.net, Pháp tạng)

8. BẢO TÍCH BỘ 5. BA KINH TỊNH ĐỘ Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Việt dịch: Thích Thiện Thông Nam Nxb Phương Đông – 2009 Bảo Tích Bộ Thượng, Quyển XI: No. 314 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 270 trang, Kinh Phật thuyết Đại thừa Thập

pháp; No. bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Đức 315 Kinh Phật thuyết Phổ môn phẩm; Phật A-di-đà và Thánh chúng. Nội dung Bảo Tích Bộ Hạ, Quyển XII: No. 321 Phật gồm có 3 Kinh: Lời tựa, Nghi thức tụng nói Kinh Tôn giả Hộ Quốc hỏi về Đại thừa Kinh, Kinh Phật thuyết Vô lượng thọ Phật, (Tập I, II, III và IV); No. 328 Kinh Phật Hán dịch: Sa-môn Khang Tăng Khải, nói về Tu Lại; No. 361 Kinh Phật thuyết Quyển thượng-Quyển hạ; Kinh Quán Phật Vô lượng thanh tịnh Bình đẳng giác (Tập Vô lượng thọ, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư I, II, III và IV); No. 362 Kinh Phật thuyết Cương-lương-gia-xá; Đức Phật nói Kinh A-di-đà (Quyển thượng và Quyển hạ); No. A-di-đà, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư 375 Kinh Đại Bát Niết-bàn (36 Tập, từ Cưu-ma-la-thập; Khóa lễ Tịnh độ, Duyên Tập I đến Tập XXXVI); No. 384 Kinh Bồ- khởi,... Phục nguyện, Tam Quy y. tát Tùng Đâu-thuật Thiên giáng Thần Mẫu thai thuyết quảng phổ - Kinh Bồ-tát xứ thai (Tập I và Tập III, Tập IV, Tập V, Tập 6. BA KINH TỊNH ĐỘ - Kinh Tạng Dịch nghĩa: HT. Pháp sư Thích Quảng VI, Tập VII); No. 329 Kinh Phật nói về Tu Lại; No. 330 Kinh Phật nói về sự tu hành Liên Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 của Bồ-tát; No. 331 Kinh Phật thuyết Vô Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 109 trang, bìa úy Thọ sở vấn Đại thừa; No. 332 Kinh mềm. Nội dung gồm có 3 Kinh chính: Lời Phật thuyết Ưu-điền vương; No. 333 Kinh giới thiệu, Nghi thức tụng Kinh (Dâng Phật thuyết Đại thừa Nhật Tử vương sở hương,...), Bài Khai Kinh, Kinh Vô vấn; No. 340 Kinh Văn-thù-sư-lợi nói về Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai, cảnh giới Bất tư nghì của Phật, No. 349 Kinh A-Di-Đà; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la- Kinh Bồ-tát Di-lặc hỏi Đức Phật về bổn mật-đa. nguyện; No. 352 Phật thuyết Kinh Đại Ca- diếp hỏi chánh pháp Đại thừa Bảo tích; 7. BẢN DUYÊN BỘ HẠ No. 363 Kinh Đại thừa Vô lượng thọ trang Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt nghiêm. Nam Quyển IV, No. 194 Những Kinh do Tỳ- (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) kheo sáng lập (quyển Thượng, Trung và Hạ); No. 195 Phật nói Kinh Thập Nhị du; 9. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM No. 196 Kinh Trung bổn khởi (quyển KINH Thượng và Hạ); No. 197 Phật nói Kinh Dịch và chú giải: Hưng khởi thịnh (quyển Thượng và Hạ); HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Tác phẩm này gồm có: - Lời giới thiệu, - những thành tố không Phật, Tự do, Tát-bà- Tâm Kinh Bát-nhã phiên âm, - Tâm Kinh ha. Hành Thiền yếu chỉ. Bát-nhã dịch nghĩa, - Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú giải: Dẫn nhập, Giải thích đề Kinh; Giải thích nội dung: A. Tự 12. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA phần, B. Chánh tôn, I. Nguyên lý bất nhị TÂM KINH lược giải giữa uẩn và không, II. Chứng minh bằng Lược giải: Thích Duy Lực (1923-2000) lý luận triết học, III. Hiện thực bằng hành Dịch giả: Chánh Ngọc trì thực tế; C. Lưu thông: 1. Tán thán công PL. 2518 – DL. 1974. Kinh có 78 trang, đức của Bát-nhã, 2. Diệu dụng của Bát- bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có nhã; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (văn viền khung hoa văn. Nội dung gồm có: bản): Dẫn nhập, Chú thích. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh lược giải, (https://thuvienhoasen.org, Kinh I. Giải thích đề Kinh, II. Giải thích nội Sanskrit/Hán tạng) văn; Đường lối Thực hành tham Tổ sư Thiền; Cơ bản Thực hành Tổ sư Thiền; 10. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM Phật pháp với Thiền tông. KINH Tác phẩm này về sau được Từ Ân Thiền Việt dịch: Chánh Trí – Mai Thọ Truyền Đường (Santa Ana-Hoa Kỳ) tái bản. Nhà in Hòa Chánh (Sài Gòn) – 1962 Kinh có 90 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 13. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM có 3

chương: Cùng một tác giả, Sách tham KINH lược giảng khảo, Lời nói đầu, Nguyên văn Ma-ha Lược giảng: HT. Thích Tuyên Hóa Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Dịch Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Hằng Đạt nghĩa, C.I Tên Kinh và ý nghĩa, C.II Nội Tác phẩm Kinh này gồm có: Bát-nhã Ba- dung, C.III Tổng kết. la-mật-đa Tâm Kinh, Biệt giải văn nghĩa Xem: Bát-nhã Tâm Kinh Việt giải (cùng 1, 2, 3 và 4 (trong mỗi phần có Phiên âm, dịch giả) dịch nghĩa và giảng). 11. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH diễn giải 14. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM Nguyên tác: Thích Nhất Hạnh KINH – Phi Đài Tụng Giải Biên soạn: Peter Levitt Giảng thuật: HT. Tuyên Hóa Chuyển ngữ: N.T. Lê Trung Hưng Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới Lá Bối xuất bản – Vạn Phật Thánh Thành (Mỹ Quốc) xuất Kinh có 74 trang. Nội dung gồm có: Lời bản – 2008 giới thiệu, Đôi nét về tác giả, Ma-ha Bát- Sách dày hơn 204 trang. Nội dung gồm có nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (phiên âm), 2 phần: Kệ khai Kinh; Kinh văn, Hoa văn, Bát-nhã Tâm Kinh (dịch nghĩa); Tương Anh văn, Hán văn & Dịch nghĩa; Phần I. duyên, Không cái gì?, Con đường giải Giải thích tổng quát: 1. Đề mục Kinh, 2. thoát, Tánh không muôn năm, Chúc mừng Người phiên dịch; Phần II. Biệt giải văn ngày kế tục, Hoa hồng và rác, Mặt trăng nghĩa, Quán Tự Tại Bồ-tát, Chiếu kiến luôn luôn là mặt trăng, Phật được tạo bởi ngũ uẩn giai không, Xá-lợi tử, Sắc bất dị không,… không tức thị sắc, Thọ tưởng

hành thức,… bất tăng bất giảm, Vô trí diệc Prajnàpàramità-Hrdaya-Sùtra-vyàkhyana vô đắc, Dĩ vô sở đắc cố,… tâm vô quái A Comprehensive Commentary on the ngại, Cố tri Bát-nhã ba-la… chân thiệt bất Prajnàpàramità Heart Sùtra hư, Cố thuyết Bát-nhã… Bồ-đề tát-bà-ha; (Taishò Volume 33, Number 1710) Sơ lược về Hòa thượng Tuyên Hóa; Giới Biên soạn: Đại sư Khuy Cơ thiệu Kinh sách. Việt dịch và chú giải: Quảng Minh Tác phẩm này có 2 quyển Thượng và Hạ, 15. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM dày 177 trang, nội dung gồm có: - Dẫn KINH Thích Yếu nhập (2019), - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Soạn thuật: Bồ-tát Sa-di Trí Húc (1599- Kinh: dịch âm, dịch nghĩa; Bát-nhã Ba-la- 1655) mật-đa Tâm Kinh u tán. Việt dịch (2019) và chú thích: Quảng (https://thuvienhoasen.org, Kinh Minh Sanskrit/Hán tạng) Tác phẩm Kinh này có 15 (PDF), nội dung có Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh dịch 18. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH giải với 33 chú thích. Trực Chỉ Đề Cương Sanskrit/Hán tạng) Biên soạn: Thích Từ Thông Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 16. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 175 trang, KINH Thiêm Túc bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang 34 đề mục: - Lời nói đầu; 1. Bối cảnh thời (602-664) pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa; 2. Vấn đề cơ Việt dịch và chú thích (2019): Quảng bản của một Bồ-tát phải làm; 3. Vấn đề Minh hàng phục tâm mình; 4. Phát tâm Vô Tác phẩm này gồm có 2 phần chính: I. thượng Chánh đẳng chánh giác phải trụ Giải thích đề mục, 1. Giải thích đề Kinh, tâm như thế nào? 5. Thế nào là một đức tin Giải thích tên người dịch; II. Giải thích có giá trị? 6. Vấn đề thành Phật và thuyết Kinh văn, 1. Hiển thuyết Bát-nhã (a. pháp của một Như Lai; 7. Đệ tử Phật phải Người năng tu, b. Pháp sở tu, c. Địa vị tu làm gì để có được phước đức nhiều? 8. chứng), 2. Chánh tông pháp Không: a. Nói Vấn đề chứng đắc trong Đạo Phật, người rõ Uẩn không, b. Hiển Không đức (Biệt Phật tử phải hiểu như thế nào? 9. Làm thế thích), c. Y pháp tu chứng, d. Kết tán công nào để trang nghiêm cho mình một cõi năng; Mật thuyết Bát-nhã; Phụ lục: 1.

Lời Phật? 10. Người đệ tử Phật phải làm gì để tựa Tâm Kinh thiêm túc, 2. Tâm Kinh có được phước đức nhiều? 11. Bát-nhã thiêm túc khoa văn, 3. Lời tựa tái bản lưu Ba-la-mật-đa là một thứ Kinh ưu việt; 12. thông sách Tâm Kinh thiêm túc (1930). Phải hiểu rõ ý Phật và đúng như pháp mà (https://thuvienhoasen.org, Kinh thọ trì, phước đức mới nhiều; 13. Ly nhất Sanskrit/Hán tạng) thiết chư tướng cách nào để được gọi là chư Phật? 14. Sự lợi ích của người thọ trì đọc tụng và xiển dương giáo lý Bát-nhã 17. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM Ba-la-mật; 15. Bát-nhã Ba-la-mật với vấn KINH U Tán đề nghiệp chướng; 16. Tột cùng chân lý

ngã pháp đều không; 17. Qua sự nhận thức Nhà in Viễn Đệ (Huế), Kiểm duyệt số 198 của Phật nhãn thì tất cả là một và một là ngày 11-5-49. tất cả; 18. Vấn đề phước đức hành giả phải Kinh có 42 trang, bìa mềm. Nội dung gồm hiểu như thế nào? 19. Phải chiêm ngưỡng có Lời giới thiệu và Tâm Kinh giảng thế nào mới đích thực chiêm ngưỡng Như nghĩa. Lai; 20. Năng sở song vong, nếu nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật; 21. 20. BÁT-NHÃ TÂM KINH Chú Giải Vô thượng Chánh đẳng chánh giác không Dịch và Chú giải: Thích Thái Hòa là quả vị chứng đắc của Như Lai; 22. Giá Nxb Hồng Đức – 2019 trị của Bát-nhã Ba-la-mật vượt ngoài tỷ lệ Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 9 thông thường; 23. Với Bát-nhã Ba-la-mật, chương: - Ngỏ; C.I Nẻo vào tuệ không, năng sở song vong; 24. Phải chiêm C.II Lý do Kinh Bát-nhã xuất hiện, C.III ngưỡng cách nào mới đích thực thấy Như Các tụng bản Bát-nhã, C.IV Giải thích đề Lai? 25. Sắc thân 32 tướng với Như Lai Kinh, C.V Tựa phần, C.VI Chánh tông bất tức bất ly; 26. Lý vô ngã thể nhập như phần, C.VII Lưu thông phần, C.VIII Bát- Pháp nhẫn vô sanh người đó phước đức rất nhã và tình yêu, C.IX Vài nét lịch sử phát nhiều; 27. Phải hiểu thế nào về một Như triển; Phụ mục: Lai? 28. Vi trần và thế giới chỉ là hai mặt Prajnàpàramitàhrdayasùtram, Bản Việt của một thực thể tồn tại khách quan; 29. dịch từ Phạn văn, Thư mục Tham khảo, Phải hiểu như thế nào về tứ tướng của Như Ngữ vựng, Các tác phẩm của tác giả đã Lai; 30. Như như bất động là đạt đạo điểm xuất bản. của Bát-nhã Ba-la-mật; 31. Vấn đề sắc tâm qua cái nhìn của Bát-nhã Ba-la-mật; 32. 21. BÁT-NHÃ TÂM KINH dịch nghĩa Mười hai nhập, Mười tám giới vẫn là pháp và lược giải Duyên sinh Y tha khởi; 33. Pháp Tứ đế, Dịch-giải: Thích Thiện Hoa Thập Nhị nhơn duyên chỉ là phương Hương Đạo xuất bản-In lần thứ nhất năm chước dĩ độc trị độc của Như Lai; 34. Bát- 1965 nhã Ba-la-mật là duyên nhơn của Vô Kinh có 69 trang, bìa mềm. Nội dung gồm thượng Chánh đẳng chánh giác. Phụ lục: a. có: Kinh Đại Bát-nhã toát yếu, Hán dịch: Bát-nhã Ba-la-mật một trong những tư Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, Nguyên tưởng giáo lý của Đại thừa Phật giáo Việt văn (bản dịch thứ nhất), (bản dịch thứ hai), Nam; b. Quả Vô thượng Chánh đẳng Lược giải, Phần Duyên khởi, Phần Chánh chánh giác của Như Lai chỉ là kết quả của tôn (ở hai phần Duyên khởi và Chánh tôn quá trình cải tạo, xây dựng và sống dung, có: chánh văn, lược giải, và giải danh từ). sống hợp với chân lý. Tác phẩm này được Huỳnh Mai Tịnh Thất (Sài Gòn) ấn hành năm 1988.

22. BÁT-NHÃ TÂM KINH Giảng Giải 19. BÁT-NHÃ TÂM KINH Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Chú giải: Thích Trí Độ Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998 Chứng minh Ngài Tăng Cang Tây Thiên Kinh có khổ 13 x 19cm, có 42 trang, bìa Hội Việt Nam Phật Học xuất

bản – 1949 mềm. Nội dung Kinh gồm có 3 phần: 1.

Giảng đề kinh, 2. Giảng văn kinh, 3. Kết Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 235 thúc. trang. Nội dung gồm có 4 phần: Lời nói Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm đầu, Phần A. Tổng luận, I. Khái lược về sự 1974, Tu viện Chân Không (Vũng Tàu) ấn ra đời của văn học Bát-nhã, II. Tổng hợp hành, Giấy phép số các bản văn Kinh Bát-nhã, 1. Tâm Kinh 1537/BDVCH/KSALP/TP, ngày 10-4-174; lược bản Phạn văn, 2. Bản phiên âm Latin, năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 3. Các bản dịch Hán văn, 3.1 Bản Hán 2001, Nxb Tôn Giáo, với nhan đề là "Tâm dịch của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, Kinh Bát-nhã"; năm 2006, 2009, Nxb Tôn 3.2 Bản Hán dịch của ngài Tam tạng Pháp Giáo. sư Cưu-ma-la-thập, 4. Bản dịch Anh ngữ, 5. Bản phiên âm Hán-Việt (theo bản Hán 23. BÁT-NHÃ TÂM KINH giảng giải dịch của ngài Huyền Trang), 6. Bản dịch Giảng giải: Zen Master HT. Thích Thanh Việt ngữ; Phần B. Tìm hiểu tựa đề Bát- Từ nhã Tâm Kinh và một số thuật ngữ quan Translated by Tuệ Ấn, Edited by Thuần trọng, I. Nhận thức tổng quát, II. Bát-nhã Bạch & Fran Mary. Tâm Kinh là gì, III. Các thuật ngữ quan Giáo án giảng dạy Phật pháp tại Thiền trọng trong Bát-nhã Tâm Kinh, 1. Quán viện Diệu Nhân (Buddhist Meditation Tự Tại, 2. Bát-nhã, 3. Ba-la-mật, 4. Association Inc). Toàn bộ giáo án có 10 Không, 5. Ngũ Uẩn (5.1 Sắc Uẩn, 5.2 Thọ bài (song ngữ Anh-Việt): 1. Nguồn gốc Uẩn, 5.3 Tưởng Uẩn, 5.4 Hành Uẩn, 5.5 kinh Bát-nhã, 2. Kinh Bát-nhã, 3. (Sắc Thức Uẩn), 6. Thập Bát giới, 7. Xá-lợi-tử, uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn); Bài 4. (Hành 8. Niết-bàn, 9. A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam uẩn, thức uẩn, truyện Một quân nhân); 5. Bồ-đề; Phần C. Phân tích Kinh văn, I. Kinh văn, giảng (1. Lý thuyết, 2. Thực tập Dẫn nhập, II. Giảng Kinh, 1. Thực tính sống với cái không); 6 và 7: Kinh văn, của Năm Uẩn là Không tính, 2. Tính bất giảng và giải thích (12 nhân duyên: - Các nhị giữa Khống và Sắc, 3. Tính tương đối ý nghĩa: 12 nhân duyên, vô minh, quán của các pháp, 4. Phá chấp bằng các phủ chiếu Hành nghiệp, quán chiếu Thức, quán định từ Vô (Không), 5. Bát-nhã là mẹ của chiếu Ái, Thủ, Hữu và Sanh tử; Thầy hết ba đời chư Phật, 6. Năng lực tối thượng phương, Trong nhà dưỡng lão, Tiếng hét của Bát-nhã; Phần D. Kết luận; của Ryuho; Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Sự Preface, Part A. Recapitulation, I. chết, Đất trời sụp đổ; 8. Kinh văn, giảng Summary of the birth of the Prajna (Phật ở đâu?); 9. Kinh văn, giảng (truyện: literature, II. Synthesis of the Heart Sutra cây kiếm giấy, cơn bão, tinh tế vô cùng); texts, 1. Summary of the Heart Sutra in 10. Kinh văn, giảng (truyện: Kinh nhất tự Sanskrit, 2. Latin transcription, 3. Chinese của Đại Giác, Kinh vô tự của Phật Quang, versions, 3.1 Chinese versions by Vẽ chân tánh, Hoa cúc trắng ngần). Venerable Xuanzang, 3.2 Chinese versions by Venerable Kumarajiva, 4. English 24. BÁT-NHÃ TÂM KINH Lược Giảng version, 5. A Chinese-Vietnamese verion, – THE HEART SUTRA 6.Vietnamese verion; Part B. Learning Lược giảng: Thích Phước Tiến about the title of the Heart Sutra and some Nxb Hồng Đức – 2014 of its important terms, I. General awareness, II. What is the Heart Sutra? III.

Important terms in the Heart Sutra, 1. Sách có khổ 14 x 20cm, có 316 trang, bìa Avalokitesvara, 2. Prajna, 3. mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 Transcendental perfection, 4. Emtiness, 5. phần chính. Lời đầu sách, Tựa khắc kinh, Five Aggregates (5.1 Form, 5.2 Feelings, Lời dẫn tựa, Tựa. Phần I, Trực giải: Kệ 5.3 Conceptions, 5.4

Actions, 5.5 đảnh lễ cầu gia hộ, Giải thích văn kinh Consciousnesses), 6. Realms of sense/ (chánh văn); Phần II, Kệ tụng: 1. Mười tắc Eighteen Precepts, 7. Sàriputta, 8. cương lãnh, 2. Tín, giải, hạnh, chứng, 3. Nibbana/Nirvàna, 9. Supreme and Perfect Hai mươi thiên kệ hậu bạt, 4. Giải thích kệ Enlightenment; Part C. Sutra Analysis, I. Bát-nhã, 5. Kệ sáu căn, bảy đại; Phần III, Introduction, II. Preaching Sutra, 1. Real Phụ lục: - Lạc đạo ca, - Đàn kinh (trích nature of the Five Aggregates is lục); Phần cuối, Hán văn. Emptiness, 2. Uniqueness between Emptiness and Form, 3. Relativity of 28. BẤT KHÔNG QUYẾN SÁCH ĐÀ- Dharmas, 4. Eradicating the attachments LA-NI by the negatives of “Emptiness”, 5. TỰ TẠI VƯƠNG CHÚ KINH Prajna-pàramità is the mother of the Mật Tạng bộ 3, No. 1097 Buddhas’ three lives, 6. Supreme capacity Hán dịch: Tam tạng Bảo Tư Duy of Prajna; Part D. Conclusion. Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí Sưu tập Phạn chú: Huyền Thanh 25. BÁT-NHÃ TÂM KINH Thiền Giải Tác phẩm có 27 trang (PDF), nội dung Tác giả: Đương Đạo gồm 3 quyển, 16 phần (P): Quyển thượng, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2010 P.I Thành Tựu Tôn giả nói Bất Không Tác phẩm Kinh này gồm có: Dẫn nhập; Thần chú Công đức; P.II Thành tựu Thọ Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, trì Cúng dường Thần chú; P.III Thành tựu Hành giải (Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa thấy Quán Tự Tại Bồ-tát pháp; P.IV Tâm Kinh). Thành tựu Pháp vẽ Tranh tượng; P.V Thành tựu Sứ giả hay thành các việc; 26. BÁT-NHÃ TÂM KINH Việt Giải Quyển trung, P.VI Thành tựu khu sách Giảng giải: Chánh Trí-Mai Thọ Truyền Đồng bộc Sứ giả; P.VII Pháp Thành tựu (1905-1973) Bình Cát tường; P.VIII Thành tựu Sách sử Nxb Tôn Giáo – 2014 La-sát đồng tử; P.IX Thành tựu Khiến tử Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 97 trang, thi lấy Phục tàng; P.X Thành tựu vào bìa mềm. Tác phẩm này gồm có 3 chương: Phòng khuê nữ; P.XI Thành tựu Nhãn Lời nói đầu; C.1 Tên Kinh và ý nghĩa, C.2 dược; P.XII Thành tựu Trừ bệnh Quỷ dựa; Nội dung, C.3 Tổng kết. Quyển hạ, P.XIII Thành tựu Pháp vào đàn; Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb P.XIV Thành tựu Điều phục các Rồng Tôn Giáo. được Tự tại; P.XV Thành tựu Pháp nhìn 27. BÁT-NHÃ TRỰC GIẢI thấy Bất Không Quyến Sách vương; Trực giải: Thiền sư Minh Chánh P.XVI Thành tựu Pháp nhìn thấy Như Lai. Thường Chiếu tông) THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2539 – DL.

29. BẾN BỜ TUỆ GIÁC (Kinh MA-HA Tập III, dày 673 trang, có 12 quyển (từ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT) quyển 19 – 30), 36 phẩm (P. 56 – 90): (Trọn bộ 3 tập) 56.P. Kiên cố, 57.P. Thâm áo, 58.P. Mộng Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) hành, 59.P. Hằng già đề bà, 60.P. Học Giảng giải: Sa-môn Giác Toàn không bất chứng, 61.P. Mộng trung bất Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2557 chứng, 62.P. Ma sầu, 63.P. Đẳng học, – DL. 2014 64.P. Tùy hỷ, 65.P. Hư không, 66.P. Chúc Sách có khổ 16 x 24cm, tổng cộng 3 tập lụy, 67.P. Bất khả tận, 68.P. Lục độ tương dày 2.003 trang, bìa mềm, chữ tựa có 3 nhiếp, 69.P. Đại phương tiện, 70.P. Tam màu: cam, vàng và trắng, có tay gấp, có tuệ, 71.P. Đạo thọ, 72.P. Bồ-tát hạnh, hộp đựng cả bộ. Toàn bộ tác phẩm này có 73.P. Chủng thiện căn, 74.P. Biến học, 30 quyển, 90 phẩm. 75.P. Tam thứ đệ hành, 76.P. Nhứt niệm, Tập I, dày 665 trang, có 7 quyển, 25 phẩm 77.P. Lục dụ, 78.P. Tứ nhiếp, 79.P. Thiện (P) Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật: 1.P. đạt, 80.P. Thật tế, 81.P. Cụ túc, 82.P. Tịnh Tự, 2.P. Phụng bát, 3.P. Tu tập đúng, 4.P. Phật quốc, 83.P. Quyết định, 84.P. Tứ đế, Vãng sanh, 5.P. Tán thán

Ba-la-mật, 6.P. 85.P. Thất dụ, 86.P. Bình đẳng, 87.P. Như Tướng lưỡi, 7.P. Tam giả, 8.P. Khuyến hóa, 88.P. Tát-bà-ba-luân, 89.P. Đàm-vô- học, 9.P. Tập tán, 10.P. Hành tướng, 11.P. kiệt, 90.P. Chúc lụy. Ảo học, 12.P. Cú nghĩa, 13.P. Kim cang, 14.P. Đoạn chư kiến, 15.P. Phú-lâu-na, 30. BI HOA KINH – KINH HOA SEN 16.P. Thừa Đại thừa, 17.P. Trang nghiêm, TỪ BI 18.P. Vấn thừa, 19.P. Quảng thừa, 20.P. (Karuna-Pundarika Sutra) Phát thú, 21.P. Xuất đáo, 22.P. Thắng Hán dịch: Đàm Vô Sấm xuất, 23.P. Đẳng không, 24.P. Hội tông và Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường 25.P. Thập vô. PL. 2542 – DL. 1998 Tập II, dày 665 trang, có 11 quyển (từ Kinh dày có 392 trang, bìa mềm. Kết cấu quyển 8 – 18), 31 phẩm (P. 26 – 56): 26.P. Kinh gồm 10 quyển, 6 phẩm như sau: - Vô sanh, 27.P. Thiên vương, 28.P. Ảo Lời nói đầu; Q.I, P.1 Chuyển pháp luân, nhơn thính pháp, 29.P. Tán hóa, 30.P. Tam P.2 Đà-la-ni; Q.II, P.3 Bố thí lớn (Phần 1); thán, 31.P. Diệt tránh, 32.P. Bửu pháp đại Q.III, P.3 Bố thí lớn (Phần 2), P.4 Nguồn minh, 33.P. Thuật thành, 34.P. Khuyến trì, gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 1); 35.P. Khiển trừ ma đạo, 36.P. Tôn đạo, Q.IV, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ 37.P. Xá-lợi, 38.P. Pháp thí, 39.P. Tương ký (Phần 2); Q.V, P.4 Nguồn gốc các Bồ- tợ, 40.P. Tùy hỷ, 41.P. Chiếu minh, 42.P. tát được thọ ký (Phần 3); Q.VI, P.4 Nguồn Tín hủy, 43.P. Thán tịnh, 44.P. Vô tác, gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 4); 45.P. Khắp ca ngợi trăm Ba-la-mật, 46.P. Q.VII, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ Kinh nhĩ văn trì, 47.P. Ma sự, 48.P. Lưỡng ký (Phần 5); Q.VIII, P.4 Nguồn gốc các bất hòa hiệp hóa, 49.P. Phật mẫu, 50.P. Bồ-tát được thọ ký (Phần 6), P.5 Bố thí Vấn tướng, 51.P. Thành biện, 52.P. Thí Ba-la-mật (Phần 1); Q.IX, P.5 Bố thí Ba- dụ, 53.P. Thiện tri thức, 54.P. Xu hướng la-mật (Phần 2); Q.X, P.5 Bố thí Ba-la-mật nhất thiết trí, 55.P. Đại như, 56.P. Bất thối (Phần 3), P.6 Môn nhập Định-Tam-muội. chuyển.

(Bản Kinh lưu tại Thư viện Viện Nghiên chữ Hán, dịch âm; Phần sau là Bồ-tát Giái, cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí dịch nghĩa, có Mười giái trọng: 1. Giết, 2. Minh, Mã sách: Vie 7039) Trộm, 3. Dâm, 4. Nói bậy (láo), 5. Mua rượu, 6. Nói điều lỗi của tứ chúng, 7. 31. Bình Giảng KINH MÂU-NI Khen mình và chê kẻ khác, 8. Keo lận lại Bình giảng: Thích Nhất Hạnh còn nhục mạ, 9. Lòng hờn giận chẳng chịu Phiên tả: Chân Giác Lưu ăn năn, 10. Gièm chê Tam bảo; và Bốn Mùa An cư Kiết Đông năm 2009. Tác mươi tám Giái khinh: 1. Chẳng kính thầy phẩm Bình giảng Kinh này gồm có 15 bài bạn, 2. Uống rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn năm kệ do đức Phật thuyết về một vị Mâu-ni món cay, 5. Chẳng bảo sám hối, 6. Chẳng đúng nghĩa chân chánh. cung cấp thỉnh pháp, 7. Trễ nhác chẳng tới (https://thuvienhoasen.org, Kinh/Giảng nghe pháp, 8. Trái Đại theo Tiểu, 9. Chẳng giải Kinh) thăm bệnh, 10. Chứa đồ giết chúng sanh, 11. Quốc sứ, 12. Buôn bán, 13. Nói xấu, 32. BỒ-ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT 14. Phóng lửa đốt cháy, 15. Dạy sái, 16. NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG Vì lợi thuyết ngược, 17. Cậy thế xin xỏ, KINH 18. Không hiểu mà làm thầy, 19. Hai lưỡi, Mật Tạng bộ 2 – No. 950 20. Chẳng làm việc phóng cứu, 21. Hờn Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không đánh trả thù, 22. Kiêu mạn chẳng thỉnh Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí pháp, 23. Kiêu mạn thuyết quấy, 24. Phục hồi Phạn chú (2014): Huyền Thanh Chẳng tập học Phật, 25. Chẳng khéo hòa Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 5 chúng, 26. Riêng lợi thọ dưỡng, 27. Nhận quyển, 13 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Hiện thỉnh riêng cho mình, 28. Thỉnh Tăng bày đại oai đức của chân ngôn; Q.II, P.3 riêng, 29. Dùng tà mạng nuôi sống mình, Nghi quỹ vẽ tượng, P.4 Hành, P.5 Nghi 30.

Chẳng kính ngày giờ tốt, 31. Chẳng quỹ, P.6 Phân biệt tướng bí mật; Q.III, P.7 làm việc cứu chuộc, 32. Việc tổn hại Mạt pháp thành tựu, P.8 Mật ấn; Q.IV, P.8 chúng sanh, 33. Làm nghề quấy chơi xem, Mật ấn (chi khác), P.9 Các pháp thành tựu, 34. Tạm nhớ Tiểu thừa, 35. Chẳng phát P.10 Thế thành tựu; Q.V, P.11 Vô năng nguyện, 36. Chẳng phát thệ, 37. Xông pha thắng gia trì, P.12 Chứng học pháp, P.13 nơi nguy nan mà du hành, 38. Trái thứ tự Hộ ma. (www.quangduc.com, Kinh) cao thấp, 39. Chẳng tu phước-huệ, 40. Lựa chọn người thọ giải, 41. Vì lợi làm thầy, 33. BỒ-TÁT GIẢI KINH 42. Thuyết giải với người dữ, 43. Không Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) hổ thẹn mà thọ bố-thí, 44. Chẳng cúng Phật học Thơ xã xuất bản (in lần đầu- dường Kinh điển, 45. Chẳng giáo hóa 1953) chúng sanh, 46. Thuyết pháp chẳng theo Sở Thông Tin Nam Việt cho phép số 197, như phép, 47. Hạn chế trái phép, 48. Phá ngày 4-3-1953 pháp (cuối một số trang có chú thích). Kinh dày 152 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, chữ Hán màu đỏ, có 34. BỒ-TÁT TẠI GIA, BỒ-TÁT XUẤT hình Bồ-tát một tay chống tích trượng và GIA một cầm cái chuông. Nội dung gồm có: KINH DUY-MA-CẬT Giảng Luận Phần đầu là Bồ-tát Giải Kinh, nguyên văn Giảng luận: Nhất Hạnh

Nxb Lá Bối – 2002 Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 chương: xuất bản – 2000 C.1 Đạo Bụt sau thời đức Thế Tôn nhập Bộ Bản Duyên I, Tập 10, từ số 152 - 157, diệt: - Giáo đoàn Thanh văn và chủ nghĩa có các Kinh số: số 152, - Kinh Lục độ tập, xuất gia, - Sự xuất hiện của Kinh Đại thừa, có 8 quyển: Q. 1, 2 và 3, Chương Bố thí - Tiến trình cuộc vận động chống đối tinh độ vô cực; Q.4. Chương Giới độ vô cực; thần Thanh văn; C.2 Kinh Úc Già trưởng Q.5. Chương nhẫn nhục độ vô cực; Q.6. giả: - Tóm tắt ý Kinh, - Kiến giải Kinh, - Chương tinh tấn độ vô cực; Q.7. Chương Phương cách hành trì của Bồ-tát tại gia, - Thiền định độ vô cực; Q.8. Chương Minh Nếp sống của một Bồ-tát xuất gia, - Nếp độ vô cực; số 153, - Phật thuyết Kinh Bồ- sống tại gia, hành trì giới xuất gia, - Kết tát Bản duyên, có 3 quyển, Thượng, Trung thúc; C.3 Kinh Duy-ma-cật: - Vài nét về và Hạ; số 154, - Phật nói Kinh sinh, có 5 Kinh, - Các nhân vật trong Kinh, - Kiến quyển; số 155, - Kinh Bồ-tát Bản hạnh, có giải Kinh, 1.P Phật quốc, 2.P Phương tiện, 3 quyển, Thượng, Trung và Hạ; số 156, - 3.P Đệ tử (các thầy: Mục-kiền-liên, Ca- Kinh Đại phương tiện Phật báo ân, có 7 diếp, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Ma-ha Ca- quyển; số 157, - Kinh Bi hoa, có 10 quyển. chiên-diên, A-na-luật, Ưu-ba-ly, La-hầu- Bộ Bản Duyên II, Tập 11, từ số 158 – la, A-nan), 4.P Bồ-tát (Đồng tử Quang 185, có các Kinh số: số 158, - Kinh Đại Nghiêm, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Thiện thừa Đại bi Phân-đà-lợi, có 8 quyển, 28 Đức), 5.P Văn-thù-sư-lợi, 6.P Bất tư nghị, phẩm: Q.1, P.1 Chuyển Pháp luân, Q.2, 7.P Quán chúng sanh, 8.P Phật đạo, 9.P P.4 Khuyên bố thí, Q.3, P.6 Vua Ly Tránh Pháp môn không hai, 10.P Phật Hương được thọ ký, Q.4, P.10 Mười ngàn người Tích, 11.P Hạnh của Bồ-tát, 12.P Thấy được thọ ký, Q.5, P.16 Đại sư lập nguyện, Bụt A-súc, 13.P Pháp Cúng dường, 14.P Q.6, P.19 Cảm ứng, Q.7, P.22 Trang Chúc lụy; C.4 Phần kết: - Tinh hoa của nghiêm, Q.8 P.28 Bồ-tát vân tập; số 159, - Kinh Duy-ma, - Đọc và hiểu Kinh Duy- Kinh Đại thừa Bản sinh Tâm địa quán, có ma; C.5 Chỉ mục và đối chiếu Việt-Phạn. 8 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, Q.2, P.2 Báo ân, Q.3, P.2 Báo ân (tt), Q.4, P.3 Yếm 35. BỘ A-HÀM – TRƯỜNG A-HÀM – xả, Q.5, P.4 Vô cấu tánh, Q.6, P.6 Ly thế 2 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam gian, Q.7, P.8 Ba-la-mật-đa, Q.8, P.10 Học Viện Phật Giáo Việt Nam Quán

tâm; số 161, - Kinh Trường thọ Việt dịch: Tuệ Sỹ vương; số 162, - Kinh Kim sắc vương; - số Nxb Tôn Giáo – 2007 163, - Kinh Nhân duyên của vua Diệu Sắc; Kinh có khổ 19 x 27cm, 2 tập dày 1.932 số 164, - Kinh vua Sư Tử Tố-đà-bà không trang (Tập I, dày 943 trang; Tập II, dày ăn thịt; số 165, - Kinh Nhân duyên của vua 989 trang), bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa Đảnh Sanh, có 6 quyển; số 166, - Kinh màu xanh dương và màu đen. Bồ-tát Bồ-tát Nguyệt Quang; số 167 – Xem: Trường A-hàm (3 cuốn), do Tuệ Sỹ 168, - Kinh Thái tử Mộ Phách; số 169, - dịch và chú. Kinh Bồ-tát Nguyệt Minh; số 170, - Kinh Thái tử Đức Quang; số 171, - Kinh Thái tử 36. BỘ BẢN DUYÊN – 8 Tập Tu-đại-noa; số 172, - Kinh Nhân duyên Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập xây tháp Bồ-tát hiến thân cho hổ đói; số 10 – 17 173, - Kinh Nhân duyên của Thái tử

Phước Lực, có 4 quyển; số 174, - Kinh vật dụng quý báo dùng trang sức, P.10 Chỉ Bồ-tát Thiểm Tử; số 175, - Kinh Thiểm rõ về các thứ kinh sách chữ nghĩa, P.11 Tử, có 3 bản; số 176, - Kinh Sư tử Nguyệt Xem công việc nhà nông, P.12 Hiện rõ tài bản sinh; số 177, - Kinh Đại ý; - số 178, - nghệ, Q.5, P.13 Âm nhạc phát khởi giác Kinh Tiền thế Tam chuyển; số 179, - Kinh ngộ, P.14 Cảm mộng, Q.6, P.15 Xuất gia, Ngân nữ sắc; số 180, - Kinh Đức Phật khất Q.7, P.16 Vua Tần-bà-sa-la khuyên Bồ-tát thực trong đời quá khứ; số 181, - Kinh nhận lợi dưỡng thế gian, P.17 Tu khổ Cửu sắc lộc; số 182, - Kinh Lộc mẫu; số hạnh, P.18 Đến sông Ni-liên, Q.8, P.19 183, - Kinh Nhân duyên tiền thân Nhất Đến Bồ-đề tràng, P.20 Trang nghiêm Bồ- Thiết Trí Quang Minh Từ Tâm không ăn đề tràng, Q.9, P.21 Hàng phục chúng ma, thịt; số 184, - Kinh Tu hành bản khởi, có 2 P.22 Thành bậc Chánh giác, Q.10, P.23 Ca quyển: Thượng-Hạ; số 185, - Kinh Bản ngợi, P.24 Thương nhân được Phật thọ ký, khởi Thái tử hiện điềm lành, có 2 quyển: P.25 Đại Phạm thiên khuyến thỉnh, Q.11, Thượng-Hạ. P.26 Chuyển pháp luân, Q.12, P.26 Bộ Bản Duyên III, Tập 12, từ số185 – Chuyển pháp luân (tt), P.27 Giao phó dặn 190, có các Kinh số: số 186, - Kinh Phổ dò; số 188, - Kinh Dị xuất Bồ-tát Bản Diệu, có 8 quyển, 30 phẩm; Q.1, P.1 Bàn khởi; số 189, - Kinh Nhân quả trong đời về giáng thần, P.2 Thuyết pháp môn, P.3 Quá khứ và Hiện tại, có 4 quyển; số 190, Hiện hình voi, Q.2, P.4 Giáng thần ở trong Kinh Phật bản hạnh tập, có 60 quyển, 60 thai, P.5 Kinh sắp sanh ứng hiện 32 điềm phẩm: Q.1 – Q.3, P.1 Phát tâm cúng lành, Q.3, P.6 Vào miếu trời, P.7 Thị hiện dường, Q.4, P.2 Quyết định thọ ký, Q.5, học chữ, P.8 Ngồi dưới gốc cây xem cày P.3 Dòng vua thời Hiền kiếp, Q.6, P.4 ruộng, P.9 Vua Bạch Tịnh chọn vợ cho Thác sanh cung trời Đâu-suất, Q.7, P.5 Thái tử, P.10 Thi tài nghệ, P.11 Bốn lần Giáng sinh vương cung, P.6 Đản sanh dạo xem, Q.4, P.12 Xuất gia, P.13 Bảo dưới cây Vô ưu, Q.8, P.6 Đản sanh dưới Xa-nặc thắng ngựa, Q.5, P.14 Ba môn học cây Vô ưu (tt), Q.9, P.7 Từ Vương hoa trở khác, P.16 Rồng Ca-lâm, P.17 Vời ma, về thành, P.8 Tướng sư xem tướng, Q.10, Q.6, P.18 Hàng phục ma quân, P.19 Thiền P.8 Tướng sư xem tướng (tt), P.9 Tiên A- tư hành đạo, P.20 Chư thiên chúc mừng tư-đà hỏi điềm lành, Q.11, P.10 Di mẫu Phật thành đạo, Q.7, P.21 Quán sát cây, nuôi Thái tử, P.11 Tập học kỷ nghệ, Q.12, P.22 Thương nhân dâng bánh, P.23 Phạm P.12 Du ngoạn, P.13 Tranh tài kết hôn, thiên khuyến thỉnh Phật thuyết pháp, P.24 Q.13, P.13 Tranh tài kết hôn (tt), Q.14, Câu lân, Q.8, P.25 Mười tám phép quyền P.14 Thường phục được vợ, P.15 Tiếng biến, P.26 Phật đến nước Ma-kiệt-đà, P.27 kêu gọi lìa bỏ năm dục trên hư không, Giáo hóa Xá-lợi-phất, P.28 Ưu-đà-gia, P.16 Thái tử dạo chơi gặp người

già. P.29 Khen ngợi Phật, P.30 Chúc lụy; số Bộ Bản Duyên IV, Tập 13, từ số 190 – 187, - Kinh Phương quảng Đại trang 191, - Kinh Phật bản hạnh tập (tt), Q.15, nghiêm (tên khác kinh Thần thông Du hý), P.17 Tịnh Phạn thấy điềm mộng, P.18 Dọc có 12 quyển, 27 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, đường thấy người bệnh, P.19 Trên đường P.2 Cung trời Đâu-suất, P.3 Chủng tộc thù gặp thây người chết, P.20 Da-du-đà-la thắng, P.4 Pháp môn, Q.2, P.5 Giáng sinh, thấy điềm mộng, Q.16, P.21 Bỏ Vương P.6 Ở trong thai mẹ, Q.3, P.7 Đản sanh, cung xuất gia, Q.17, P.21 Bỏ Vương cung Q.4, P.8 Viếng đền thờ chư thiên, P.9 Các xuất gia (tt), P.22 Xuống tóc nhuộm y,

Q.18, P.22 Xuống tóc nhuộm y (tt), P.23 việc làm của người, P.52 Nghi thức thuyết Xa-nặc và ngựa trở về cung, Q.19 – 20, pháp, Q.50, P.52 Nghi thức thuyết pháp P.23 Xa-nặc và ngựa trở về cung (tt), P.24 (tt), P.53 Bổn sinh của Phật Thi-khí, Q.51, Quan sát các ngoại đạo, P.25 Sứ giả của P.53 Bổn sinh của Phật Thi-khí (tt), Q.52, nhà vua đi tìm Thái tử, Q.21, P.25 Sứ giả P.54 Nhân duyên Ưu-đà-di, Q.53, P.54 của nhà vua đi tìm Thái tử (tt), Q.22, P.26 Nhân duyên Ưu-đà-di (tt), P.55 Nhân Bồ-tát hỏi đạo Tiên A-la-la, P.27 Đáp lời duyên Ưu-ba-ly, Q.54 – 55, P.55 Nhân hỏi con của La-ma, P.28 Khuyên hưởng duyên Ưu-ba-ly (tt), P.56 Nhân duyên La- thọ dục lạc thế gian, Q.23 – 24, P.28 hầu-la, Q.56, P.56 Nhân duyên La-hầu-la Khuyên hưởng thọ dục lạc thế gian (tt), (tt), P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia, P.29 Tinh tấn tu khổ hạnh, Q.25, P.29 Q.57, P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia Tinh tấn tu khổ hạnh (tt), P.30 Hướng về (tt), P.58 Nhân duyên của Bà-đề-lợi-ca, cây Bồ-đề, Q.26 – 27, P.30 Hướng về cây Q.58 – 59, P.58 Nhân duyên của Bà-đề- Bồ-đề (tt), P.31 Ma vương khủng bố Bồ- lợi-ca (tt), P.59 Ma-ni-lâu-đà, Q.60, P.59 tát, Q.28 – 29, P.31 Ma vương khủng bố Ma-ni-lâu-đà (tt), P.60. Nhân duyên của Bồ-tát (tt), P.32 Bồ-tát thu phục ma A-nan; số 191, - Kinh Chúng Hứa-ma-đế, vương, Q.30, P.32 Bồ-tát thu phục ma có 13 quyển. vương (tt), P.33 Bồ-tát thành Phật, Q.31, Bộ Bản Duyên V, Tập 14, từ số 192 – P.34 Trong quá khứ ma vương tranh với 198, có các Kinh số: số 192, - Kinh Phật Bồ-tát, P.35 Hai thương gia cúng Phật, sở hành tán, có 5 quyển, 28 phẩm: Q.1, Q.32, P.35 Hai thương gia cúng Phật (tt), P.1 Giáng sinh, P.2 Ngự trong cung, P.3 P.36 Phạm thiên khuyến thỉnh, Q.33, P.36 Chán đời khổ hoạn, P.4 Dứt bỏ tham dục, Phạm thiên khuyến thỉnh (tt), P.37 Chuyển P.5 Xuất thành, Q.2, P.6 Xa-nặc trở về, diệu pháp luân, Q.34, P.37 Chuyển diệu P.7 Vào rừng khổ hạnh, P.8 Toàn cung sầu pháp luân (tt), P.38 Lý do đặt tên Da-du- thương, P.9 Tìm kiếm Thái tử, Q.3, P.10 đà-la, Q.35, P.38 Lý do đặt tên Da-du-đà- Vua Bình Sa đến viếng Thái tử, P.11 Thái la (tt), Q.36, P.39 Nhân duyên đời trước tử đáp lời vua Bình Sa, P.12 A-la-lam-uất- của Da-du-đà-la, Q.37, P.40 Phú-lâu-na đầu-lam, P.13 Phá ma, P.14 Duy tam Bồ- xuất gia, P.41 Na-la-đà xuất gia, Q.38, đề, P.15 Chuyển pháp luân, Q.4, P.16 Vua P.41 Na-la-đà xuất gia (tt), Q.39, P.42 Ta-Bình Sa và các đệ tử, P.17 Đại đệ tử xuất tỳ-la xuất gia, P.43 Giáo hóa binh tướng, gia, P.18 Hóa độ Cấp Cô Độc, P.19 Cha Q.40, P.43 Giáo hóa binh tướng (tt), P.44 con gặp nhau, P.20 Đức Phật nhận tịnh xá Ba anh em Ca-diếp, Q.41 – 42, P.44 Ba Kỳ Hoàn, P.21 Thử tài điều phục voi say, anh em Ca-diếp (tt), P.45 Ưu-ba-tư-na, P.22 Nàng Am-ma-la gặp Đức Phật, Q.5, Q.43, P.45 Ưu-ba-tư-na (tt), Q.44 – 45, P.23 Thần lực trụ thọ, P.24 Từ biệt ly xa, P.46 Hiến cúng rừng tre, P.47 Nhân duyên P.25 Niết-bàn, P.26 Đại bát Niết-bàn, P.27 của Đại Ca-diếp, Q.46 – 47, P.47 Nhân Tán thán Niết-bàn, P.28 Phân chia

Xá-lợi; duyên của Đại Ca-diếp (tt), P.48 Nhân số 193, - Phật Bổn hạnh Kinh, có 7 quyển, duyên vợ chồng Bạt-đà-la, P.49 Nhân 31 phẩm: Q.1, P.1 Nhân duyên, P.2 Khen duyên Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Q.48, ngợi Như Lai, P.3 Giáng thai, P.4 Đức P.49 Nhân duyên Xá-lợi-phất và Mục- Phật đản sanh, P.5 Phạm chí xem tướng, kiền-liên (tt), Q.49, P.50 Nhân duyên 500 P.6 A-di phá vỡ ngờ vực, P.7 Nhập dự Tỳ-kheo, P.51 Đoạn trừ niệm bất tín với luận, Q.2, P.8 Cùng chúng thể nữ du cư,

P.9 Biểu hiện lo sợ, P.10 Dưới bóng cây Tu-đà-lợi, 4. Phạm chí Ma-kiệt, 5. Vua Diêm-phù-đề, P.11 Xuất gia đề, P.12 Xa- Kính diện, 6. Già trẻ đều chết, 7. Di-lặc nặc, P.13 Vua Bình Sa thưa hỏi, Q.3, P.14 thưa hỏi, 8. Phạm chí dũng từ, 9. Ma Thuyết pháp cho vua Bình Sa, P.15 Không Nhân-đề-nữ, 10. Dị học giác phi, 11. đồng ý A-lan, P.16 Hàng ma, Q.4, P.17 Phạm chí mãnh quán, 12. Phạm chí pháp Chuyển pháp luân, P.17 Độ năm Tỳ-kheo, quán, 13. Phạm chí Đâu-lặc, 14. Liên Hoa P.18 Độ Bảo Xưng, P.19 Quảng độ, P.20 Sắc Tỳ-kheo Ni, P.15 Cha con cùng hội, Hiện đại thần thông, Q.5, P.21 Phật lên 16. Vua Duy-lâu-lặc). cung trời Đao Lợi vì mẫu thân, P.22 Nhớ Bộ Bản Duyên VI, Tập 15, từ số 199 – xưa, P.23 Đi đến Duy-da-ly, P.24 Tán thán 202, số 199, Năm trăm vị đệ tử Đức Phật Phật Định Quang, P.25 Hàng voi, P.26 Ma nói về Bổn khởi, có 30 phẩm: P.1 Đại Ca-khuyên xả thọ mạng, Q.6, P.27 Điều Đạt diếp, P.2 Xá-lợi-phất, P.3 Ma-ha Mục- vào địa ngục, P.28 Hiện nhũ bộ lực, Q.7, kiền-liên, P.4 Luân-đề-đà, P.5 Tu-man, P.29 Đại diệt, P.30 Thân vô vi, P.31 Tám P.6 Luân Luận, P.7 Phàm Kỳ, P.8 Tân- vua chia Xá-lợi; số 194, - Kinh do Lăng- đầu-lô, P.9 Hóa Kiệt, P.10 Nan-đà, P.11 già-la-sát tập thành, có 3 quyển; số 195, - Dạ-da, P.12 Thi-lợi, P.13 Bạt-câu-lô, P.14 Kinh Thập nhị du; số 196, - Kinh Trung Ma-ha Trở, P.15 Ưu-vi Ca-diếp, P.16 Ca- bổn khởi, có 2 quyển Thượng-Hạ, 15 da, P.17 Thọ-đề-cù, P.18 Lại-tra-hòa-la, phẩm: P.1 Chuyển pháp luân, P.2 Biến P.19 Hóa-đề, P.20 Thiên thừa Ca-diếp, hiện, P.3 Hóa độ Ca-diếp, P.4 Độ vua P.21 Châu-lợi-bàn-đặc, P.22 Đề-hồ thí, Bình Sa, P.5 Xá-lợi-phất và Đại Mục- P.23 A-na-luật, P.24 Di-ca-phất, P.25 La kiền-liên đến học đạo, P.6 Trở về bổn Vân, P.26 Nan-đề, P.27 Bạt-đề, P.28 La- quốc, P.7 Tu-đạt, P.8 Nhân duyên Cai bàn-bạt-đề, P.29 Ma-đầu Luật-chí, P.30 dùng trai giới, P.9 Cù-đàm-di đến xin Đức Thế Tôn; số 200, - Kinh một truyện nhân Phật xuất gia làm Tỳ-kheo Ni, P.10 Độ duyên, có 10 quyển: Q.1, 1. Ba-la-môn vua Ba-tư-nặc, P.11 Tự yêu thương bản Mãn Hiền thỉnh Phật từ xa, 2. Nàng Danh thân, P.12 Đại Ca-diếp mới đến học đạo, Xưng thỉnh Phật, 3. Gã Nan-đà lười biếng P.13 Độ Nại Nữ, P.14 Ni-kiền vấn nghi, gặp Phật, 4. 500 người đi buôn ra biển tìm P.15 Đức Phật ăn lúa ngựa; số 197, - Kinh châu báu, 5. Chàng Tu-ma nghèo khổ Phật nói về Hưng khởi hạnh, có 2 quyển cúng dường Phật một ít chỉ, 6. Trưởng giả Thượng-Hạ, có 10 mục (1. Nhân duyên Bà-trì-gia bị bệnh nặng, 7. Người giữ ao đời trước của nàng Tôn-đà-lợi, 2. Nhân của vua rải hoa cúng Phật, 8. Hai vị Phạm duyên đời trước của nàng Xa-di-bạt, 4. chí tranh cãi về Như Lai, 9. Phật nói pháp Nhân duyên các khớp xương bị đau, 5. và xuất gia cho 2 vị vua, 10. Trưởng giả Nhân duyên đời trước của việc đau lưng, làm vua 7 ngày, Q.2, 11. Người lái đò 6. Nhân duyên bị cây giáo đâm vào chân, thỉnh Phật qua sông, 12. Vua Quán Đảnh 7. Nhân duyên Đề-bà-đạt-đa xô đá, 8. thỉnh Phật, 13. Pháp Hộ thỉnh Phật tắm Nhân duyên Bà-la-môn nữ Tiên-chiên-sa rửa, 14. Đức Phật cứu giúp dân chúng mắc hủy báng Phật, 9. Nhân duyên đời trước bệnh, 15. Trời Đế-thích cúng dường Đức

phải ăn lúa ngựa, 10. Nhân duyên đời Phật, 16. Phật hiện thân trời Đế-thích để trước của sự khổ hạnh); số 198, - Kinh hóa độ Bà-la-môn, 17. Thần Càn-thác-bà Nghĩa túc, có 2 quyển Thượng-Hạ, có 16 trổi nhạc khen Phật, 18. Chàng Như mục (1. Vua Kiệt tham, 2. Vua Ưu-điền, 3. Nguyện sắp bị hành hình xin Phật xuất

gia, 19 Vua Tần-bà-sa-la thỉnh Phật, 20. Vũ đầu đàn thỉnh Phật, 57. Vua sai sứ giả Trời Đế-thích biến hóa vườn trúc Ca-lan- thỉnh Phật, sứ giả qua đời được sinh lên đà, Q.3, 21. Vương tử Hóa sinh chướng trời, 58. Phật hóa độ con trâu được sinh thành Bích-chi Phật, 22. Một đứa trẻ rải lên cõi trời, 59. Hai vị Phạm chí thọ trai hoa cúng dường Phật, 23. Một phụ nữ rải pháp, 60. Năm trăm con chim nhạn nghe vật báu cúng dường Đức Phật, 24. Bà lão Phật nói pháp, Q.7, 61. Cậu bé thân màu Thiện Ái tham lam bỏn sẻn, 25. Trưởng vàng ròng, 62. Cậu bé thân có mùi hương giả Hàm Hương thỉnh Phật, 26. Người lái Chiên-đàn, 63. Tỳ-kheo Uy Đức, 64. Tỳ- đò đưa Đức Phật và chúng Tăng qua sông, kheo Đại Lực, 65. Tỳ-kheo được người 27. Người tớ gái xoa hương chiên-đàn lên cung kính, 66. Vị Tỳ-kheo trên đầu có chân Phật, 28. Người nghèo Bạt-đề bố thí lọng báu, 67. Vị Tỳ-kheo có giọng tiếng củi cho Phật, 29. Về việc trổi nhạc cúng hay, 68. Một trăm đứa bé cùng sinh ra đời dường được chứng thành Bích-chi Phật, một lúc, 69. Vị Tỳ-kheo trên đầu có hạt 30. Tên cướp ác nô lệ, Q.4, 31. Vua Liên châu, 70. Treo phướng cúng dường tháp Hoa bỏ thân làm loài xích ngư, 32. Vua Phật, Q.8, 71. Tỳ-kheo Ni Bảo Châu lúc Phạm Dự bố thí thóc gạo cho Bà-la-môn, sinh ra có ánh sáng chiếu khắp trong 33. Vua Thi-tỳ khoét mắt mình bố thí cho thành, 72. Tỳ-kheo Ni Thiện Ái lúc sinh ra chim đại bàng, 34. Vua Thiện Diện cầu tự nhiên có các thức ăn uống, 73. Tỳ-kheo pháp, 35. Thái tử con vua Phạm Ma cầu Ni Bạch Tịnh khi sinh ra đời đã có áo, 74. pháp, 36. Người Bà-la-môn đòi nợ Phật, Tỳ-kheo Ni Tu-mạn có tài biện luận, 75. 37. Đức Phật sắp nhập Niết-bàn hóa độ Cô gái múa trở thành Tỳ-kheo Ni, 76. Tỳ- 500 vị lực sĩ, 38. Thỏ đầu đàn nướng mình kheo Ni Ca-thi khi sinh ra đã mặc Ca-sa, cúng dường tiên nhân, 39. Nói về con của 77. Tỳ-kheo Ni trên trán có vòng trân vua Pháp Hộ bị mẹ giết hại, 40. Tên cướp châu, 78. Tỳ-kheo Ni Sai Ma ra đời mà hai Lâu-đà, Q.5, 41. Bà-phú-na-kỳ bị đọa vào vị vua hòa giải với nhau, 79. Nàng công ngạ quỷ, 42. Vợ trưởng giả Hiền Thiện bị chúa xấu xí con vua Ba-tư-nặc, 80. Về tên đọa vào loài ngạ quỉ, 43. Do ác kiến không trộm, Q.9, 81. Người dẫn đầu đoàn người bố thí nước nên đọa vào loài ngạ quỷ, 44. đi buôn tên Hải Sanh, 82. Người khi sinh Bàn-đà-la bị đọa làm ngạ quỷ thân thể hôi ra đã mặc áo Tu-mạn hoa, 83. Tỳ-kheo thối, 45. Mục-kiền-liên vào thành gặp 500 Bảo Thủ Hoa, 84. Vị Tỳ-kheo thông suốt ngạ quỷ, 46. Mẹ chàng Ưu-đa-la bị đọa ba tạng, 85. Da-xà-mật-đa, 86. Tỳ-kheo vào loài ngạ quỷ, 47. Ngạ quỷ sinh ra đã bị hóa sinh, 87. Tỳ-kheo Chúng Bảo trang mù, 48. Trưởng giả Nhã-đạt-đa vì tham nghiêm, 88. Vua Kế Tân Ninh, 89. Vua lam nên bị đọa vào loài ngạ quỷ, 49. Ngạ Bạt-đề thích làm Tỳ-kheo, 90. Phật độ quỷ tự ăn thịt 500 ngạ quỷ con do nó sinh vương tử Hộ Quốc xuất gia, Q.10, 91. ra, 50. Chàng Diêm-ba-la giống ngạ quỷ, Chàng Tu-bồ-đề có tâm độc ác, 92. Vị Tỳ- Q.6, 51. Trưởng giả Hiền Diện vì tham kheo trưởng giả ở trong thai mẹ 60 năm lam bỏn sẻn mà bị đọa làm rắn độc, 52. ác, 93. Vị Tỳ-kheo cụt tay, 94. Tỳ-kheo Lê Chàng Nguyệt Quang sinh lên cõi trời, 53. Quân Chi, 95. Tỳ-kheo sinh tử khổ, 96. Hái hoa cúng dường Đức Phật được sinh Trưởng giả thân thể bị ghẻ lở, 97. Vị Tỳ- lên cõi trời, 54. Nàng Công Đức Ý cúng kheo

xấu xí, 98. Tỳ-kheo Hằng-già-đạt, dường tháp được sinh lên cõi trời, 55. Tu 99. Phạm Chí Trường Trảo, 100. Tỳ-kheo Đạt cõi voi đi khuyến hóa, 56. Chim Anh Tôn-đà-lợi khôi ngô tuấn tú; số 201, - Đại

Trang Nghiêm Kinh Luận, có 15 quyển; số em đồng xuất gia, 28. Cừu-già-ly hủy 202, - Kinh Hiền Ngu, có 13 quyển, 60 báng ngài Xá-lợi-phất, 29. Bài kệ của phẩm. Q1, P.1 Phạm thiên thỉnh pháp, Long vương, 30. Đề-bà-đạt-đa muốn làm Q.2, P.8 Nàng Kim Cương con gái vua Phật bị thương, 31. Chim Cộng mạng, 32. Ba-tư-nặc, Q.3, P.15 Cứ-đà bố thí thân, Bạch Nga vương, 33. Con rùa lớn, 34. Hai Q.4, P.22 Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na, Q.5, phụ tướng sàm tấu, 35. Sơn Kê vương, 36. P.24 Sa-di giữ giới tự sát, Q.6, P.31 Vua Chim Cát lợi, 37. Vị Tiên già, 38. Hai Nguyệt Quang bố thí đầu, Q.7, P.36 Đại khách buôn, 39. Tám vị trời lần lượt hội kiếp Tân ninh, Q.8, P.39 Nhân duyên Cái pháp, Q.4, 40. Người nghèo cúng bánh sự, Q.9, P.41 Trời Tịnh Cư thỉnh Phật tắm, bằng bột lúa tiểu mạch, 41. Cô gái nghèo Q.10, P.45 A-nan tổng trì, Q.11, P.52 Vô cúng hai đồng tiền, 42. Người nghệ sĩ tên Não, Q.12, P.54 Ma-đầu-la Thế-chất, con Kế-na ở nước Càn-đà-vệ, 43. Hai vợ của ông sư Chất, Q.13, P.60 Năm trăm chồng Kế-di-la tự bán mình, 44. Sa-di cứu chim nhạn nghe Phật pháp được sinh cõi bầy kiến khỏi bị nước, 45. Vua nước Càn- trời. đà-vệ nhờ sửa chùa tháp cũ, 46. Tỳ-kheo Bộ Bản Duyên VII, Tập 16, từ số 203 – tu bổ lỗ hổng vách chùa được sống lâu, 47. 211, số 203, - Kinh Tạp bảo tạng, có 9 Con của trưởng giả thấy Phật cầu được quyển. Q.1, 1. Thập Xa vương, 2. Vương trường thọ, 48. Con của trưởng giả làm tử dùng thịt của mình để cứu cha mẹ, 3. thuê thiết hội, 49. Phất-na cúng Phật một Nhân duyên chim Anh Vũ cúng dường cha bát cơm, 50. Đại Ái Đạo cúng Đức Phật y mẹ mù, 4. Khí lão quốc, 5. Đức Phật ở bằng vàng, Q.5, 51. Thiên nữ dùng tràng trên cõi trời Đao Lợi Phật thuyết pháp cho hoa cúng dường tháp, 52. Thiên nữ dùng mẹ là bà Ma-da, 6. Ngày xưa mẹ ngài là hoa sen cúng dường tháp, 53. Thiên nữ thọ bà Ca-đán-già-la, 7. Từ Đồng nữ, 8. Phu trì tám trai giới được sinh về cõi trời, 54. nhân Liên Hoa, 9. Phu nhân Lộc Nữ, Q.2, Thiên nữ nhờ đốt đèn cúng dường, 55. 10 Con voi trắng sáu ngà, 11. Con thỏ tự Người nữ đang cởi xe thấy Phật hoan hỷ thiêu thân để cúng dường vị đại tiên, 12. tránh đường, 56. Thiên nữ dùng hoa rải Con khỉ thiện và con khỉ ác, 13. Phật dùng trên Phật, 57. Xá-lợi-phất Ma-đề cúng nước trí tuệ diệt trừ ba thứ lửa, 14. Con dường tháp của Phật, 58. Vợ chồng trưởng trưởng giả và vị thiên thần nước Ba-la-nại giả xây cất chùa tháp, 59. Vợ chồng cảm hóa nhà vua thực hành hiếu hạnh, 15. trưởng giả tín tâm kính lễ Đức Phật, 60. Con Bạch Hương tượng của quốc vương Cô gái đạo Bà-la-môn học đệ tử của Đức Ca-thi nuôi, 16. Nước Ba-la-nại em Phật, 61. Cô gái nghèo cúng tấm dạ cho khuyên anh bỏ ác, 17. Vợ của Phạm-ma- trưởng giả Tu-đạt, 62. Cô gái của trưởng đạt vì đố kỵ, 18. Tỳ-kheo Đà-phiếu bị hủy giả không tin Tam Bảo, 63. Cô gái quét báng, 19. Ly Việt bị hủy báng, 20. Người dọn thấy Phật sinh tâm hoan hỷ, 64. con gái xấu xí tên là Lạc Đề, 21. Người Trưởng giả làm nhà thỉnh Phật cúng con tên Thiện Quang, 22. Hai anh em dường, 65. Người phụ nữ lấy nước mía vương tử bị đuổi ra khỏi nước, 23. Vợ của cúng dường, 66. Cô gái dùng hương xoa trưởng giả Tu Đạt cúng dường Phật, 24. lên chân Đức Phật, 67. Nữ tỳ của trưởng Tỳ-kheo Sa-la-na bị vua ác sinh làm khổ giả Tu-đạt quy y Tam Bảo, 68. Cô gái não, 25. Nội quan chuộc lại con trâu, 26. nghèo xin thức ăn nơi Phật, 69. Nữ tỳ của Nội quan ranh Đạo lý; Q.3, 27. Hai

anh trưởng giả đem cơm cho chủ, 70. Trưởng

giả xây cất giảng đường cúng dường Đức dục xuất gia, 110. Đứa con bất hiếu nhận Phật, 71. Trưởng giả thấy vua xây tháp, quả báo, 111. Luận nghị giữa vua Nan-đà 72. Khách buôn xây nhà cúng dường Đức cùng với Na-già-tư-na, 112. Người vợ bất Phật, Q.6, 73. Đế Thích hỏi việc, 74. Đức hiếu muốn hại mẹ chồng, 113. Vua nước Phật độ A-nhã Kiều-trần-như, 75. Sai Ma Ba-la-nại nghe tiếng kêu trong gò mả, 114. bị bệnh mắt, quy y Tam Bảo được nhãn Tỳ-kheo già được bốn quả, 115. Cô gái chí tịnh, 76. Bảy loại pháp bố thí, 77. Vua thành được đạo quả, 116. Vua Ưu-đà-tiện, nước Ca-bộ lúc trời hạn hán tắm Phật, 78. 117. La-hầu-la, 118. Bà-la-môn già nói Trưởng giả thỉnh Xá-lợi-phất và Ma-ha-la, dối, 119. Vợ của Bà-la-môn muốn hại mẹ Q.7, 79. Bà-la-môn dùng ngọc như ý cúng chồng, 120. Con chim kêu và con quạ báo dường Đức Phật, 80. Thập lực Ca-diếp oán, 121. Nô tỳ và con dê đực chiến đấu; dùng lời chân thật, 81. Ma vương Ba-tuần số 204, - Kinh Tạp Thí dụ; số 205, - Kinh muốn đến não hại Đức Phật, 82. Đức Phật Tạp Thí dụ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số nói về tai họa của lợi dưỡng, 83. Tên giặc 206, - Kinh Cựu Tạp Thí dụ, có 2 quyển sắp bị giết từ xa trông thấy Đức Phật, 84. Thượng-Hạ; số 207, - Kinh Tạp Thí dụ; số Người sa lưới pháp luật bị chặt tay chân, 208, - Chúng Kinh tuyển tạp thí dụ, có 2 85. Trưởng giả lấy nước mật tốt cúng quyển; số 209, - Kinh Bách dụ, có 4 dường, 86. Vua Ba-tư-nặc sai người đi quyển; số 210, - Kinh Pháp cú, có 2 quyển thỉnh Phật, 87. Vua Ba-tư-nặc khuyến hóa Thượng-Hạ; số 211, - Kinh Pháp cú Thí quyên góp, 88. Người anh thường khuyên dụ, có 4 quyển. người em phụng tu Tam Bảo, 89. Người Bộ Bản Duyên VIII, Tập 17, từ số 212 – cha nghe con đắc đạo vui, 90. Người con 219, số 212, - Kinh Xuất diệu, có 30 bị cha bắt buộc xuất gia, 91. La-hán Kỳ-quyển. Từ Q.1 – Q.3, P.1 Vô thường; Q.4, dạ-đa đuổi ác long ra biển, 92. Hai Tỳ- P.2 Dục; Q.5, P.3 Ái; Q.6, P.4 Không kheo thấy tôn giả Kỳ-dạ-đa, 93. Nước buông lung; Q.7, P.5 Buông lung; Q.8, P.6 Nguyệt Thị thấy tôn giả Kỳ-dạ-đa, 94. Niệm; Q.9, P.7 Giới; Q.10, P.8 Học; Q.11, Vua nước Nguyệt Thị kết bạn thân với ba P.9 Phỉ báng; Q.12, P.11 Tín; Q.13, P.12 vị quan quan trí tuệ, 95. Vợ chồng phụ Sa-môn; Q.14, P.13 Đạo; Q.15, P.14 Lợi tướng nước Câu-thi-di ác tâm với Đức dưỡng; Q.16 P.15 Phẫn nộ; Q.17, P.16 Phật, 96. Nan-đà em của Đức Phật bị Đức Duy niệm; Q.18, P.17 Tạp; Q.19, P.18 Phật bắt buộc xuất gia, 97. Đại lực sĩ cảm Hoa; Q.20, P.21 Giận dữ; Q.21, P.22 Như hóa nhóm giặc ở đồng hoang, 98. Phụ Lai; Q.22, P.25 Nói rộng; Q.23, P.27 Nê- tướng nghe pháp nên ly dục, 99. Ni-kiền hoàn; Q.24, P.28 Quán; Q.25, P.29 Kinh; tử nhảy vào đống lửa được Phật cứu độ, Q.26, P.30 Song yếu; Q.27, P.31 Lạc; Q.8, 100. Năm trăm con chim ưng trắng Q.28, P.32 Tâm ý; Q.29, P.33 Sa-môn; nghe pháp, 101. Đề-bà-đạt-đa thả voi say Q.30, P.34 Phạm chí; số 213, - Pháp Tập tên Hộ Tài muốn hại Phật, Q.9, 102. Ca- yếu tụng Kinh, có 4 quyển, 30 phẩm; 214, chiên-diên giải thích tám giấc mộng của - Kinh Chó dữ; số 215, - Kinh Thí dụ bầy vua ác sinh, 103. Con mèo vàng, 104. Vua trâu; số 216, - Kinh Chuyện cá lớn; số ác sinh được 500 cái bát, 105. Người cầu 217, - Kinh Thí dụ; số 218, - Kinh Vua vị trời Tỳ-ma mong được giàu lớn, 106. quán đảnh; số 219, - Kinh thầy thuốc. 108. Thờ thần cây, 109. Cô gái nhàm chán

37. BỘ BẢO TÍCH – 5 Tập Thượng; Q.99, P.32 Bồ-tát Vô Úy Đức; Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập Q.100, P.33 (1. Bồ-tát Vô Cấu thí ứng 42 - 46 hiện, 2. Thanh văn, 3.

Bồ-tát hạnh, 4. Bồ- Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc tát); Q.101, P.34 Bồ-tát Công Đức Bảo xuất bản – 2000 Hoa Phu, P.35 Thiên tử Thiện Đức; từ Tập 42, Kinh Đại Bảo Tích I, từ Q.1-Q.40, Q.102-Q.105, P.36 Thiên tử Thiện Trụ Ý; Phần (P).1 Ba Luật nghi; Q.4-Q.5, P.2 Vô Q.106, P.37 Vương tử A-xà-thế, P.38 Đại thượng Đà-la-ni Vô biên trang nghiêm; thừa Phương tiện; Q.107-Q.108, P.38 Đại Q.6, P.2 Xuất Đà-la-ni Vô biên trang thừa Phương tiện (tt); Q.109, P.39 Trưởng nghiêm; Q.7, P.2 Thanh tịnh Đà-la-ni Vô giả Hiện Hộ; Q.110, P.39 Trưởng giả Hiện biên trang nghiêm; từ Q.8-Q.14, P.3 Mật Hộ (tt); Q.111, P.40 Tịnh Tín đồng nữ, tích Kim Cang lực sĩ; Q.15-Q.16, P.4 P.41 Bồ-tát Di-lặc hỏi tám pháp, P.42 Bồ- Thiên tử Tịnh Cư; Q.17-Q.18, P.5 Như Lai tát Di-lặc hỏi những điểm nghi; Q.112, vô lượng thọ; Q.19, P.6 Thọ ký trang P.43 Bồ-tát Phổ Minh; Q.113, P.44 Bảo nghiêm -Như Lai bất động; Q.20, P.6 Lượng tụ (1. Tứ Sa-môn, 2. Tỳ-kheo, 3. Chúng Bồ-tát-Như Lai bất động; từ Q.21- Sa-môn Chiên-đà-la, 4. Doanh tự Tỳ- Q.25, P.7 Mặc áo giáp trang nghiêm; kheo); Q.114, P.44 (5. Tỳ-kheo A-lan-nhã, Q.26-Q.27, P.8 Pháp giới thể tánh vô phân 6. Tỳ-kheo khất thực, 7. Phấn tảo y Tỳ- biệt; Q.28, P.9 Đại thừa thập pháp; Q.29, kheo); Q.115, P.45 Bồ-tát Vân Tận Tuệ, P.10 Văn-thù-sư-lợi Phổ Môn; từ Q.30- P.46 Văn-thù-sư-lợi thuyết Bát-nhã; Q.34, P.11 Xuất hiện quang minh; từ Q.116, P.46 Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết Q.35-Q.40, P.12 Bồ-tát tạng. Bát-nhã (tt); Q.117-Q.118, P.47 Bồ-tát Tập 43, Kinh Đại Bảo Tích II, từ Q.41- Bảo Kế; Q.119, P.48 Thắng Man phu Q.54, P.12 Bồ-tát tạng; Q.55, P.13 Phật vì nhân; Q.120, P.49 Tiên nhân quảng bác; A-nan nói về sự nhập thai; Q.56-Q.57, số 311, - Kinh Đại phương quảng Tam P.14 Phật nói nhập thai tạng; từ Q.58- giới, có 3 quyển; số 312, - Kinh Đại thừa Q.60, P.15 Thọ ký Văn-thù-sư-lợi; từ Bí mật chẳng nghĩ bàn của Như Lai, có 20 Q.61-Q.76, P.16 Bồ-tát thấy thật; từ Q.77- quyển, 25 phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Thân mật Q.78, P.17 Phú-lâu-na; Q.79, P.17 Phú- của Bồ-tát; Q.3, P.2 Mật ngữ của Bồ-tát; lâu-na Đại bi; Q.80-Q.81, P.18 Bồ-tát Q.4, P.3 Mật tâm của Bồ-tát, P.4 Bồ-tát Quốc Hộ; Q.82, P.19 Trưởng giả Úc-già; Chấn Hống Âm Thanh đến hội, P.5 Trì Q.83-Q.84, P.20 Vô tận phục tạng; Q.85, Quốc Luận vương đi trước; Q.5, P.5 Trì P.21 Thọ ký cho nhà thuật Bạt-đà-la; Quốc Luận vương đi trước (tt); Q.6, P.6 Q.86-Q.87, P.22 Đại thần biến; Q.88- Bồ-đề đạo; Q.7, P.7 Mật thân chẳng nghỉ Q.89, P.23 Ma-ha Ca-diếp; Q.90, P.24 Ưu- bàn của Như Lai, P.8 Mật ngữ chẳng nghĩ ba-ly. bàn của Như Lai; Q.9, P.8 Mật ngữ chẳng Tập 44, Kinh Đại Bảo Tích III, từ số 310 – nghĩ bàn của Như Lai (tt), P.10 Tán thán 312; số 310, Q.91-Q.92, P.25 Phát thắng công đức của Bồ-tát Kim Cang Thủ Đại bí chí lạc; Q.93-Q.94, P.26 Bồ-tát Thiện Tý; mật chủ, P.11 Bồ-tát khổ hạnh siêu xuất Q.95, P.27 Bồ-tát Thiện Thuận; Q.96, P.28 thù thắng-mượn duyên thọ thực; Q.10, Trưởng giả Dũng Mãnh Thọ; Q.97, P.29 P.12 Bồ-tát đến Bồ-đề đạo tràng; Q.11, Vua Ưu-đà-diên; Q.98, P.30 Đồng nữ P.13 Hàng ma; Q.12, P.14 Chuyển pháp Diệu Tuệ, P.31 Ưu-bà-di Hằng-hà luân, P.15 Đối tượng duyên; Q.13, P.15

Đối tượng duyên (tt), P.16 Thọ ký Đại bí Kinh, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; Mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ; Q.14, P.16 số 320, - Phụ tử hợp tập Kinh, có 20 Thọ ký Đại bí Mật chủ Bồ-tát Kim Cang quyển, 27 phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Vua Tịnh Thủ (tt); P.17 Không có hai ngôn thuyết, Phạn mới phát lòng tin, P.2 Vua đến chỗ Q.15, P.18 Vào thành lớn Khoáng Dã thọ Phật; Q.3, P.3 Vua Tịnh Phạn đến đảnh lễ thực; Q.16-Q.17, P.19 Hộ thế, P.20 Khứ Đức Như Lai, P.4 Thọ ký A-tu-la vương; lai; Q.18, P.21 Bồ-tát Dũng Lực đi

trước; Q.4, P.5 Bản hạnh của Như Lai, P.6 Thọ Q.19, P.22 Vua A-xà-thế hỏi đáp, P.23 ký Ca-lâu-la vương; Q.5, P.7 Thọ ký Long Thiên tử Hiền vương, P.24 Nói thí dụ khen nữ, P.8 Thọ ký Long vương; Q.6, P.9 Thọ ngợi công đức Tổng trì vô tận; Q.20, P.24 ký Cưu-bàn-trà vương, P.10 Thọ ký Càn- Nói thí dụ khen ngợi công đức Tổng trì vô thác-bà vương, P.11 Thọ ký Dược xoa tận, P.25 Chúc lụy Chánh pháp. vương; Q.7, P.12 Thọ ký Khẩn-na-la Tập 45, Kinh Đại Bảo Tích IV, từ số 313 – vương, P.13 Thọ ký Bảo Anh Lạc thiên; 320; số 313, - Kinh A-súc Phật quốc, 2 Q.8, P.14 Thọ ký Bốn đại thiên vương, quyển Thượng-Hạ, 5 phẩm: P.1 Phát ý thọ P.15 Thọ ký Tam thập tam thiên, P.16 Thọ tuệ, P.2 Hỷ lạc toàn thiện của cõi Phật A- ký Diệm-ma thiên thiên; Q.9, P.17 Thọ ký súc, P.3 Sự thành tựu sở học của chúng đệ Đồ sử đa thiên, P.18 Thọ ký Lạc biến hóa tử, P.4 Sự thành tựu sở học của chư Bồ- thiên, P.19 Thọ ký Tha hóa tự tại thiên; tát, P.5 Đức Phật Bát Nê-hoàn; số 314, - Q.10, P.20 Thọ ký Đại Phạm thiên vương, Kinh Đại thừa Thập pháp; số 315, - Kinh P.21 Thọ ký Quang Âm thiên; Q.11, P.22 Phổ Môn phẩm; số 316, - Kinh Đại thừa Thọ ký Biến tịnh thiên, P.23 Thọ ký Bồ-tát tạng chánh pháp, có 40 quyển, 11 Quảng Quả thiên; Q.12, P.23 Thọ ký phẩm: từ Q.1-Q.4, P.1 Trưởng giả Hiền Quảng Quả thiên (tt); Q.13-Q.14, P.24 Hộ; Q.5, P.2 Dạ-xoa vô số; Q.6, P.3 Bồ-tát Tịnh Cư thiên tử nói kệ khen; Q.15, P.25 quán sát; Q.7, P.3 Bồ-tát quán sát (tt), P.4 Thọ ký Thọ ký ngoại đạo Bà-la-môn; từ Như Lai chẳng thể nghĩ bàn; từ Q.8-Q.16, Q.16-Q.18, P.26 Sự sai khác của lục giới; P.4 Như Lai chẳng thể nghĩ bàn (tt), P.5 Q.19, P.27 Vua Tịnh Phạn tin hiểu; Q.20, Từ Bi Hỷ Xả; Q.17, P.5 Từ Bi Hỷ Xả (tt), P.27 Vua Tịnh Phạn tin hiểu (tt). P.6 Bố thí Ba-la-mật-đa; Q.18, P.6 Bố thí Tập 46, Kinh Đại Bảo Tích V, từ số 321 – Ba-la-mật-đa (tt), P.7 Trì giới Ba-la-mật- 373; số 321, - Kinh Hộ quốc Tôn giả sở đa; Q.19, P.7 Trì giới Ba-la-mật-đa; từ vấn Đại thừa, có 4 quyển; số 322, - Kinh Q.20-Q.24, P.7 Trì giới Ba-la-mật-đa (tt), Pháp kính; số 323, - Kinh Úc-ca-la-việt P.8 Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa; Q.25, P.8 văn Bồ-tát hành, có 8 phẩm: P.1 Thượng Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa (tt); từ Q.26- sĩ, P.2-3 Giới y dược, P.4-5 Chỗ không Q.31, P.9 Tinh tấn Ba-la-mật-đa, P.10 thanh tịnh, P.6-7 Lễ tháp tri túc, P.8 Ở nơi Thiền định Ba-la-mật-đa; Q.32-Q.33, P.10 vắng vẻ; số 324, - Kinh Huyễn sĩ Nhân Thiền định Ba-la-mật-đa (tt), P.11 Tuệ thù Hiền; số 325, - Kinh Quyết định Tỳ-ni; số thắng Ba-la-mật-đa; từ Q.34-Q.40, P.11 326, - Kinh Tam thập ngũ Phật danh lễ Tuệ thù thắng Ba-la-mật-đa (tt); số 317, - sám văn; số 327, - Kinh Phát giác Tịnh Kinh Bào thai; số 318, - Kinh Văn-thù-sư- tâm, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 328-329, - lợi Phật độ nghiêm tịnh, 2 quyển Thượng- Kinh Tu lại; số 330, - Kinh Bồ-tát tu hành; Hạ; số 319, - Đại thánh Văn-thù-sư-lợi số 331, - Kinh Vô úy thọ sở vấn Đại thừa, Bồ-tát Phật sát công đức trang nghiêm có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 332,

- Kinh Ưu-điền vương; số 333, - Kinh Đại quyển Thượng-Hạ; số 365, - Kinh Quán thừa Nhật tử vương sở vấn; số 334- 335, - vô lượng thọ Phật; số 366, - Kinh A-di-đà; Kinh Tu-ma-đề Bồ-tát; số 336, - Kinh Tu- số 367, - Kinh Xưng tán Tịnh độ Phật ma-đề; số 337, - Kinh A-xà-thế vương nữ nhiếp thọ; số 368, - Thần chú bạt nhất thiết A-thuật-đạt Bồ-tát; số 338, - Kinh Ly cấu nghiệp chướng căn bản đắc sinh Tịnh độ Thí nữ; số 339, - Kinh Đắc Vô cấu thí nữ; (trích từ Kinh Tiểu vô lượng thọ); số 370, số 340, - Kinh Văn-thù-sư-lợi sở thuyết - Kinh A-di-đà cổ âm thanh vương Đà-la- bất tư nghì Phật cảnh

giới, có 2 quyển ni; số 371, - Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát, Thượng-Hạ; số 341, - Kinh Thánh Thiện Đắc Đại Thế Bồ-tát thọ ký; số 372, - Kinh trụ ý thiên tử sở vấn, có 3 quyển Thượng, Như huyễn tam-ma-địa vô lượng ấn pháp Trung và Hạ; số 342, - Kinh Như huyễn môn, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 373, - Kệ Hậu xuất A-di-đà Phật. Kinh Thái tử Hòa Hưu; số 345, - Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát vấn Đại thừa quyền, có 2 38. BỘ ĐẠI TẬP – 4 Tập quyển Thượng-Hạ; số 346, - Kinh Đại Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập phương quảng Thiện xảo phương tiện, có 50 – 53 4 quyển; số 347, - Kinh Đại thừa Hiển Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc thức, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 348, - xuất bản – 2000 Kinh Đại thừa Phương đẳng yếu tuệ; số Tập 50, Kinh Đại phương đẳng Đại tập I, 349, - Kinh Di Bồ-tát sở vấn bản nguyện; có 48 quyển, 15 phẩm: Q.1, P.1 Anh lạc, số 350, - Kinh Di nhật Ma-ni bảo; số 351, P.2 Bồ-tát Đà-la-ni Tự tại vương; từ Q.2- - Kinh Ma-ha diễn Bảo Nghiêm; số 352, - Q.4, P.2 Bồ-tát Đà-la-ni Tự tại vương (tt); Kinh Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo tích chánh Q.5-Q.6, P.3 Bảo nữ; Q.7, P.4 Bồ-tát Bất pháp, có 5 quyển; số 353, - Kinh Thắng- Thuấn; từ Q.8-Q.11, P.5 Bồ-tát Hải Tuệ; man được thọ ký; số 354, - Kinh Tỳ-da-sa Q.12, P.6 Bồ-tát Vô ngôn; Q.13, P.7 Bồ- vấn, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 355, - tát Bất Khả Thuyết; từ Q.14-Q.18, P.8 Bồ- Kinh Nhập pháp giới thể tánh; số 356, - tát Hư Không Tạng; Q.19, P.9 Bảo Tràng Kinh Bảo tích tam-muội Văn-thù-sư-lợi (1. Khổ não của ma vương, 2. Tích xưa, 3. Bồ-tát vấn pháp thân; số 357, - Kinh Như Điều phục ma); Q.20, P.9 Bảo Tràng (4. Lai trang nghiêm trí tuệ quang minh nhập Thần túc tam-muội, 5. Nêu tướng); Q.21, nhất thiết Phật cảnh giới, có 2 quyển P.9 Bảo Tràng (6. Đà-la-ni, 7. Hộ trì, 8. Thượng-Hạ; số 358, - Kinh Độ nhất thiết Thọ ký, 9. Hạnh bi, 10. Hộ pháp, 11. chư Phật cảnh giới trí nghiêm; số 359, - Thiên vương Hộ pháp, 12. Quỷ Khoáng Kinh Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí giả, 13. Trở về nơi gốc); Q.22, P.10 Hư quang minh trang nghiêm, có 5 quyển; số Không Mục (1. Thanh văn); Q.23, P.10 (2. 360, - Kinh Vô lượng thọ, có 2 quyển Thế gian, 3. Di-lặc, 4. Tâm vô lượng, 5. Thượng-Hạ; số 361, - Kinh Vô lượng Tịnh mục); Q.24, P.10 (6. Thánh mục, 7. thanh tịnh bình đẳng giác, có 4 quyển; số Pháp Bích-chi Phật, 8. Trí Vô ngại của 362, - Kinh A-di-đà, có 2 quyển Thượng- Phật, 9. Hộ pháp, 10. Đại chúng); Q.25- Hạ; số 363, - Kinh Đại thừa Vô lượng thọ Q.26, P.11 Bồ-tát Bảo Kế; từ Q.27-Q.30, trang nghiêm, có 3 quyển Thượng, Trung P.12 Bồ-tát Vô Tận Ý; Q.31, P.13 Nhật và Hạ; số 364, - Kinh Đại A-di-đà, có 2 mật (1. Hộ pháp, 2. Bồ-tát khắp nơi tập

hợp); Q.32, P.13 (2. Bồ-tát khắp nơi tập phương (tt); số 398, - Kinh Đại bi, có 8 hợp (tt), 3. Phân biệt nói về dục, 4. Phân quyển, 28 phẩm: Q.1, P.1 Bồ-tát trang biệt); Q.33, P.13 (4. Phân biệt); Q.34, P.14 nghiêm pháp hội, P.2 Tán thán pháp hội); Nhật tạng (1. Hộ trì chánh pháp); Q.35, Q.2, P.3 Pháp môn Vô cái, P.4 Trang P.14 (2. Đà-la-ni); Q.36, P.14 (2. Đà-la- nghiêm pháp bản, P.5 Tám hào quang; ni); Q.37, P.14 (3. Bồ-tát sứ giả); Q.38, Q.3, P.3 Đại bi, P.7 Giáo hóa, P.8 Đạo tuệ, P.14 (4. Định); Q.39, P.14 (5. Tích tập P.9 Kiếp số, P.10 Hạnh nghiệp; Q.4, P.11 nghiệp ác); Q.40, P.14 (6. Hộ trì, 7. Phật Biết ba đời, P.12 Trí hiểu chúng sanh, hiện thần thông); Q.41-Q.42, P.14 (8. Tinh P.13 Chủng loại chúng sanh, P.14 Căn tú); Q.43, P.14 (9. Đưa xứ giả, 10. Tam- bản, P.15 Thần túc, P.16 Nhất tâm định ý; muội niệm Phật, 11. Lên đỉnh Tu-di); Q.5, P.17 Biết bản hạnh của chúng sanh, Q.44, P.14 (12. Tam quy cứu rồng); Q.45, P.18 Thấu rõ, P.19 Chấm dứt lậu hoặc, P.14 (13. Bảo

vệ pháp); Q.46, P.15 Nguyệt P.20 Bốn Vô úy, P.21 Mười tám pháp bất tạng (1. Chủ thần Nguyệt Tràng); Q.47, cộng; Q.6, P.21 Mười tám pháp bất cộng P.15 (2. Ma vương Ba-tuần đi đến chỗ (tt), P.22 Đạo Như Lai; Q.7, P.23 Tám Phật, 3. Chúng A-tu-la đến chỗ Phật); Tổng trì; Q.8, P.24 Quá khứ, P.25 Tuệ Q.48, P.15 (4. Nói về sự việc đời trước của nghiệp, P.26 Bồ-tát Trí Tích, P.27 Tán các vị đệ tử Phật, 5. Chân đế Đệ nhất thán, P.28 Phó chúc; số 399, - Kinh Bảo nghĩa). nữ Sở vấn, có 4 quyển, 13 phẩm: Q.1, P.1 Tập 51, Kinh Đại phương đẳng Đại tập II, Vấn tuệ; Q.2, P.2 Ba mươi hai báu phát từ số 397 – 401; số 397 (tt), Q.49, P.15 tâm, P.3 Thông tỏ, P.4 Vấn Bảo nữ, P.5 Nguyệt tạng (6. Khiến cho ma vương kính Tám lực, P.6 Mười loại lực, P.7 Bốn điều tin vui vẻ, 7. Hết thảy chư quỷ thần cùng không sợ; Q.3, P.8 Mười tám pháp bất đến chúng hội); Q.50, P.15 (8. Chúng quỷ cộng; Q.4, P.9 Ba mươi hai tướng, P.10 thần xấu ác có được lòng kính tin); Q.51, Hành pháp, P.11 Không thoái chuyển, P.15 (8. Chúng quỷ thần xấu ác có được P.12 Đại thừa, P.13 Chúc lụy; số 400, - lòng kính tin (tt), 9. Các vị thiên thần hộ Kinh Những điều Bồ-tát Hải Ý hỏi về trì); Q.52, P.15 (10. Chúng ma có được pháp môn Tịnh ấn, có 18 quyển; số 401, - lòng kính tin, 11. Thiên vương Đề-đầu-lại- Kinh Đồng tử Vô ngôn. trá hộ trì, 12. Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa, Tập 52, Kinh Đại phương đẳng Đại tập 13. Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, 14. III, từ số 402 – 411; số 402, - Kinh Bảo Thiên vương Tỳ Sa-môn); Q.53, P.15 (15. Tinh Đà-la-ni, có 10 quyển, 13 phẩm: Q.1, Luân chú hộ trì); Q.54, P.15 (16. Nhẫn P.1 Hàng phục ma; Q.2, P.2 Bản sự; Q.3, nhục); Q.55, P.15 (17. Phân công đầy đủ P.3 Ma vương quy phục; Q.4, P.3 Ma về việc hộ trì chánh pháp nơi cõi Diêm- vương quy phục (tt), P.4 Đại tập; Q.5, P.5 phù-đề); Q.56, P.15 (18. Các tinh tú thâu Tướng; Q.6, P.6 Đà-la-ni; Q.7, P.6 Đà-la- tóm hộ trì các quốc độ, 19. Tạo lập chùa ni, P.7 Nhiếp thọ diệu pháp, P.8 Thọ ký; tháp, 20. Pháp diệt tận); Q.57, P.16 Tu-di Q.8, P.8 Thọ ký (tt), P.9 Từ mẫn, P.10 Tạng (1. Thanh văn đảnh lễ tất cả chư Phật Ủng hộ; Q.9, P.11 Hộ chánh pháp; Q.10, mười phương, 2. Thiền của Bồ-tát, 3. Diệt P.12 Tra-bạc-câu, P.13 Các Đức Phật trở trừ mưa gió chẳng phải thời); Q.58, P.16 về nước; số 403, - Kinh A-soa-mạt Bồ-tát, (4. Đà-la-ni); Q.59, P.17 Bồ-tát nơi mười có 7 quyển; số 404, - Kinh Đại tập Những phương; Q.60, P.17 Bồ-tát nơi mười điều Bồ-tát Hư Không Tạng hỏi Phật, có 8

quyển; số 405, - Kinh Hư Không Tạng có 5 quyển, 16 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, Bồ-tát; số 406, - Kinh Hư Không Tạng P.2 Bản sự của Bồ-tát Bất Không Kiến; Bồ-tát thần chú; số 408, - Kinh Hư Không Q.2, P.3 Thần thông, P.4 Thần thông của Dựng Bồ-tát, có 2 quyển Thượng-Hạ; số Di-lặc, P.5 Khen âm thanh biện tài của 409, - Kinh Quán Hư Không Tạng Bồ-tát; Đức Phật; Q.3, P.5 Khen âm thanh biện tài số 410, - Kinh Đại phương quảng Thập của Đức Phật (tt), P.6 Khen công đức của luân, có 8 quyển, 15 phẩm: Q.1, P.1 Mở Như Lai, P.7 Thần lực chứng chánh thuyết đầu; Q.2, P.2 Chư thiên nữ hỏi về bốn đại, của Như Lai, P.8 Bồ-tát Bất Không Kiến P.3 Phát vấn bản nghiệp đoạn kết; Q.3, P.4 khuyến thỉnh; Q.4, P.9 Tán thán tướng Dụ Quán đảnh, P.5 Tướng luân; Q.4, P.5 tam-muội, P.10 Chánh quán, P.11 Vua Vi Chiên-đà-la hiện trí tướng, P.6 Sát-lợi Mật; Q.5, P.12 Ba pháp, P.13 Khuyến trí, Chiên-đà-la hiện trí tướng; Q.5, P.7 Các P.14 Bản hạnh của Bồ-tát, P.15 Chánh tướng lành; Q.6, P.8 Sát-lợi y chỉ luân niệm, P.16 Đại chúng phụng trì; số 415, - tướng; Q.7, P.9 Xa lìa sự ganh ghét, P.10 Kinh Đại tập Đại phương đẳng Bồ-tát Bố thí, P.11 Trì giới, P.12 Nhẫn nhục; Tam-muội niệm Phật, có 10 quyển, 15

Q.8, P.13 Tinh tấn, P.14 Thiền định, P.15 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, P.2 Bản sự của Trí tuệ; số 411, - Kinh Đại thừa Đại tập Bất Không Kiến; Q.2, P.2 Bản sự của Bất Địa tạng Thập luân, có 10 quyển, 8 phẩm: Không Kiến (tt); Q.3, P.3 Thần biến; Q.4, Q.1, P.1 Tựa; Q.2, P.2 Thập luân; Q.3- P.3 Thần biến (tt), P.4 Thần thông của Di- Q.5, P.3 Vô y hành; Q.5-Q.7, P.4 Hữu y lặc Bồ-tát, P.5 Khen ngợi âm thanh vi diệu hành, P.5 Sám hối; Q.8-Q.9, P.6 Thiệp biện tài thù thắng của Phật; Q.5, P.5 Khen nghiệp đạo, P.7 Phước điền tướng; Q.10, ngợi âm thanh vi diệu biện tài thù thắng P.7 Phước điền tướng (tt), P.8 Hoạch Ích của Phật (tt), P.6 Khen ngợi công đức của chúc lụy. Như Lai; Q.6, P.7 Phật hiện thần thông, Tập 53, Kinh Đại phương đẳng Đại tập P.8 Thưa hỏi rộng về việc thấy nhiều Đức IV, từ số 412 – 424; số 412, - Kinh Địa Phật; Q.7, P.9 Khen tướng tam-muội, Tạng Bồ-tát bản nguyện, có 2 quyển P.10 Chánh quán; Q.8, P.11 Suy nghĩ về Thượng-Hạ, 13 phẩm: Quyển Thượng, P.1 tam-muội, P.12 Hiện ra mỉm cười, P.13 Thần thông tại cung trời Đao Lợi, P.2 Thần thông; Q.9, P.13 Thần thông (tt), Phân thân hóa quy tụ lại, P.3 Quán sát P.14 Nói về tu tập tam-muội; Q.10, P.14 nghiệp duyên của chúng sinh, P.4 Sự cảm Nói về tu tập tam-muội (tt), P.15 Bản hạnh ứng nghiệp của người Diêm-phù-đề, P.5 của Bồ-tát; số 416, - Kinh Đại phương Danh xưng địa ngục, P.6 Thế Tôn tuyên đẳng Đại tập Hiền Hộ, có 5 quyển, 17 dương; Quyển Hạ, P.7 Lợi ích cho người phẩm: Q.1, P.1 Suy nghĩ; Q.2, P.1 Suy còn kẻ mất, P.8 Vua tôi Diêm-la xưng nghĩ (tt), P.2 Thực hành tam-muội, P.3 tụng, P.9 Xưng tụng danh hiệu chư Phật, Thấy Phật, P.4 Niềm tin ngay thẳng, P.5 P.10 So sánh duyên công đức bố thí, P.11 Thọ trì, P.6 Quan sát; Q.3, P.6 Quan sát Thần đất hộ trì bố thí, P.12 Lợi ích của sự (tt), P.7 Đầy đủ giới hạnh; Q.4, P.8 Ca thấy nghe, P.13 Thế Tôn phú chúc cho trời ngợi công đức, P.9 Đem lợi ích cho người, người; số 413, - Một trăm ngàn bài tụng P.10 Đầy đủ năm pháp, P.11 Thọ ký, P.12 của Kinh Đại tập Khen ngợi Bồ-tát Địa Thâm diệu; Q.5, P.13 Mười pháp trong tạng khi hỏi Đức Phật về pháp thân; số tam-muội hiện tiền, P.14 Công đức của 414, - Kinh Bồ-tát Tam-muội niệm Phật, pháp Bất cộng, P.15 Tùy hỷ công đức,

P.16 Giác ngộ, P.17 Dặn dò phó thác; số khen ngợi Đức Phật, P.21 Mười hồi hướng 417, - Kinh Ban-chu Tam-muội; số 419, - của Bồ-tát Kim Cang Tràng; từ Q.15- Kinh Bạt-pha Bồ-tát; số 420, - Kinh Bồ-tát Q.22, P.21 Mười hồi hướng của Bồ-tát Tự Tại vương, quyển Thượng; số 421, - Kim Cang Tràng (tt); từ Q.23-Q.27, P.22 Kinh Bồ-tát Phấn Tấn vương hỏi Phật, Mười Địa. quyển Thượng; số 422, - Kinh Đại tập Ví Tập 37, Hoa Nghiêm II, Q.28, P.23 Mười dụ vương, quyển Thượng; số 423, - Kinh Minh, P.24 Mười Nhân; Q.29, P. 25 Bồ-tát Tăng-già-tra; số 424, - Kinh Chánh pháp Tâm Vương hỏi về A-tăng-kỳ, P.26 Tuổi Đại tập hội. (https://daitangkinh.org) thọ, Bồ-tát Tâm Vương hỏi về A-tăng-kỳ, P.27 Trụ xứ của Bồ-tát; Q.30, P.28 Pháp 39. BỘ HOA NGHIÊM – 6 Tập chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật; Q.31, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập P.28 Pháp chẳng thể nghĩ bàn của Đức 36 – 41 Phật (tt); Q.32, P.29 Biến tướng của Đức Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Như Lai, P.30 Công đức sáng chói ở xuất bản – 2000 tướng nhỏ của Phật; Q.33, P.31 Hạnh Bồ- Tập 36, Hoa Nghiêm I, số 274, - Kinh Tế tát Phổ Hiền, P.32 Bảo vương Như Lai chư Phương đẳng học; số 275, - Kinh Đại tánh khởi; Q.34-Q.35, P.32 Bảo vương thừa Phương quảng Tổng trì; số 276, - Như Lai tánh khởi (tt); Q.36, P.32 Bảo Kinh Vô lượng nghĩa, có 3 phẩm: P.1 Đức vương Như Lai tánh khởi (tt), P.33 Xa lìa hạnh, P.2

Thuyết pháp, P.3 Mười công thế gian; từ Q.37-Q.43, P.33 Xa lìa thế đức; số 277, - Kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát gian (tt); từ Q.44-Q.60, P.34 Nhập pháp hành pháp; - số 278, - Kinh Đại phương giới. quảng Phật Hoa nghiêm, Q.1-Q.2, P.1 Mắt Tập 38, Hoa Nghiêm III, từ Q.1-Q.5, P.1 thanh tịnh của thế gian, P.2 Phật Lô-xá-na; Thế chủ Diệu Nghiêm; Q.6, P.2 Như Lai Q.3-Q.4, P.2 Phật Lô-xá-na (tt), P.3 Danh hiện tướng; Q.7, P.3 Tam-muội Phổ Hiền, hiệu Như Lai, P.4 Bốn Thánh đế; Q.5, P.4 P.4 Thế giới thành tựu; từ Q.8- Bốn Thánh đế (tt), P.5 Quang minh giác Q.10, P.5 Thế giới Hoa tạng; Q.11, P.6 ngộ Như Lai, P.6 Bồ-tát thuyết minh câu Tỳ-lô-giá-na Phật; Q.12, P.7 Danh hiệu hỏi; Q.6, P.7 Tịnh hạnh, P.8 Bồ-tát Hiền Như Lai, P.8 Bốn Thánh đế; Q.13, P.9 Thủ; Q.7, P.8 Bồ-tát Hiền Thủ (tt), P.9 Quang Minh giác, P.10 Bồ-tát vấn minh; Phật lên đỉnh núi Tu Di, P.10 Bồ-tát vân Q.14, P.11 Tịnh hạnh, P.12 Hiền Thủ; tập nói kệ ở điện Diệu Thắng; Q.8, P.10 Q.15, P.12 Hiền Thủ; Q.16, P.13 Lên đỉnh Bồ-tát vân tập nói kệ ở điện Diệu Thắng núi Tu-di, P.14 Kệ tán nơi đỉnh núi Tu-di, (tt), P.11 Mười trụ của Bồ-tát, P.12 Phạm P.15 Thập trụ; Q.17, P.16 Phạm hạnh, hạnh; Q.9, P.13 Công đức Bồ-tát mới phát P.17 Công đức của Bồ-tát mới phát tâm; tâm; Q.10, P.14 Thuyết minh về pháp, Q.18, P.18 Minh pháp; Q.19, P.19 Lên P.15 Phật tự lên cung trời Dạ-ma, P.16 thiên cung Dạ-ma, P.20 Kệ tán trong cung Cung trời Dạ-ma Bồ-tát nói kệ; Q.11, P.17 Dạ-ma, P.21 Thập hạnh; Q.21, P.22 Mười Mười hạnh Bồ-tát công đức Hoa Tụ; Q.12, tạng Vô tận; Q.22, P.23 Lên thiên cung P.17 Mười hạnh Bồ-tát công đức Hoa Tụ Đâu-suất, P.24 Kệ tán nơi cõi Đâu-suất, (tt); Q.13, P.19 Như Lai đến tất cả điện P.25 Thập Hồi hướng; từ Q.26-Q.33, P.25 báu ở cung trời Đâu-suất; Q.14, P.20 Tại Thập Hồi hướng (tt); từ Q.34-39, P.26 thiên cung Đâu-suất các Bồ-tát tập hợp Thập địa; từ Q.40-Q.43, P.27 Thập định;

Q.44, P.28 Phẩm thông, P.29 Thập nhẫn; nơi phát đại định, P.7 Bồ-tát Đẳng Mục Q.45, P.30 A-tăng-kỳ, P.31 Thọ lượng. nói về vô lượng như, P.8 Trí tuệ phương Tập 39, Hoa Nghiêm IV, số 279, Q.46, tiện thanh tịnh, P.9 Bồ-tát Đẳng Mục nói P.32 Trụ xứ của chư Bồ-tát, P.33 Pháp bất về sự hưng khởi hiển lộ, P.10 Bồ-tát Đẳng tư nghì của Phật; Q.47, P.33 Pháp bất tư Mục bày biện sự biến hóa ngoại thân, P.11 nghì của Phật; Q.48, P.34 Như Lai thập Dùng đại tuệ phân biệt thân hành là thân tướng hải, P.35 Như Lai tùy hảo không, P.12 Bồ-tát Đẳng Mục nêu rõ đại quang minh công đức; Q.49, P.36 Hạnh phương tiện, P.13 Bồ-tát Đẳng Mục nói về Phổ Hiền; từ Q.50-Q.52, P.37 Như Lai Long vương Duyệt Lạc; số 289, - Kinh xuất hiện; từ Q.53-Q.59, P.38 Ly thế gian; Làm rõ công đức vô biên cõi Phật; số 290, từ Q.60-Q.80, P.39 Nhập pháp giới; số - Kinh So lường công đức tất cả cõi Phật; 280, - Kinh Đâu-sa; số 281, - Kinh Bản số 291, - Kinh Như Lai hưng hiển, có 4 nghiệp của Bồ-tát; số 282, - Kinh các Bồ- quyển; số 492, - Kinh Độ thế phẩm, có 6 tát cầu học bản nghiệp; số 283, - Kinh Bồ- quyển; số 293, từ Q.1-Q.22, P. Nhập bất tư tát Thập trụ hành đạo phẩm; số 284, - nghì giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh Kinh Mười trụ của Bồ-tát; số 285, - Kinh nguyện. Dần đủ tất cả trí đức, có 5 quyển: Q.1, P.1 Tập 41, Hoa Nghiêm VI, số 293, từ Q.23- Trụ diệt dự sơ phát ý; Q.2, P.3 Trụ hưng Q.40, P. Nhập bất tư nghì giải thoát cảnh quang; Q.3, P.5 Trụ nan thắng; Q.4, P.7 giới Phổ Hiền hạnh nguyện; số 294, - Kinh Trụ huyền diệu; Q.5, P.10 Trụ pháp vũ. La-ma-già, có 3 quyển Thượng, Trung và Tập 40, Hoa Nghiêm V, số 286, - Kinh Hạ; số 295, - Kinh Nhập pháp giới Hoa Thập trụ, có 4 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 nghiêm; số 296, - Kinh Văn-thù-sư-lợi Địa hoan

hỷ, P.2 Địa ly; Q.2, P.3 Địa phát nguyện; số 297, - Kinh Bồ-tát Phổ minh, P.4 Địa điểm, P.5 Địa nan thắng; Hiền hạnh nguyện tán; số 298, - Kinh Đại Q.3, P.6 Địa hiện tiền, P.7 Địa viễn thành, phương quảng Phổ Hiền sở thuyết; số 299, P.8 Địa bất động; Q.4, P.9 Địa diệu thiện, - Kinh Đại phương quảng Tổng trì Bảo P.10 Địa cực hỷ; số 287, - Kinh Thập Địa, quang minh, có 5 quyển; số 300, - Kinh có 9 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Địa cực hỷ; Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm nói Q.2, P.1 Địa cực hỷ (tt), P.2 Địa ly cấu; về cảnh giới không thể nghỉ bàn của Phật; Q.3, P.3 Địa phát quang, P.4 Địa diệm tuệ; số 301, - Kinh Đại phương quảng Như Lai Q.4, P.5 Địa nan thắng, P.6 Địa hiện tiền; bất tư nghì cảnh giới; số 302, - Kinh Độ Q.5, P.6 Địa hiện tiền, P.7 Địa viên hành; chư Phật cảnh giới trí quang nghiêm; số Q.6, P.8 Địa bất động; Q.7, P.9 Địa thiện 303, - Kinh Đại phương quảng Phật Hoa tuệ; Q.8, P.10 Địa pháp vân; Q.9, P.10 Địa nghiêm vào cảnh giới đức trí không thể pháp vân; số 288, - Kinh Bồ-tát Đẳng Mục nghỉ bàn của Như Lai; số 304, - Kinh Đại hỏi về tam-muội, có 3 quyển Thượng, phương quảng nhập Như Lai trí đức bất tư Trung và Hạ, 13 phẩm: P.1 Sự cảm ứng nghì; số 305, - Kinh Tín lực nhập ấn pháp lớn lao, P.2 Bồ-tát Đẳng Mục nói về hành môn, có 5 quyển; số 306, Kinh Tu từ; số định, P.3 Bồ-tát Đẳng Mục nói về thần 307, - Kinh Trang nghiêm tâm Bồ-đề; số thông biến hóa, P.4 Bồ-tát Đẳng Mục nói 308, - Kinh Đại phương quảng Bồ-tát về sự huyễn hóa, P.5 Bồ-tát Đẳng Mục nói Thập địa; số 309, - Kinh Tối Thắng vấn về sự an lạc trong định của Bồ-tát, P.6 Bồ- Bồ-tát Thập trụ trừ cấu đoạn kết, có 10 tát Đẳng Mục nói về trí tuệ phương tiện quyển, 33 phẩm: Q.1, P.1 Hướng dẫn, P.2

Ở lại để hóa độ, P.3 Quán không, P.4 Sắc Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. nhập; Q.2, P.5 Thấu triệt không, P.6 Căn “Nhóm thứ hai”; C.16 Liên kết Ca- môn, P.7 Quảng thọ; Q.3, P.8 Đồng chân, diếp,...; C.17 Liên kết Lợi-Danh, Nhóm I. P.9 Định ý; Q.4, P.10 Thành đạo, P.11 “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. “Nhóm thứ Diệt tâm; Q.5, P.12 Thần túc, P.13 Cung hai”, Nhóm III. “Nhóm thứ ba”, Nhóm IV. kính, P.14 Dũng mãnh; Q.6, P.15 Phân “Nhóm thứ tư”; C.18 Liên kết Ràhula, thân, P.16 Thân nhập lại, P.17 Tài biện Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. luận, P.18 Phương tiện bằng trí tuệ; Q.7, “Nhóm thứ hai”; C.19 Liên kết Lakkhana, P.19 Giáo hóa chúng sanh, P.20 Ba đạo Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. diệt độ, P.21 Thừa vô tướng; Q.8, P.22 “Nhóm thứ hai”; C.20 Liên kết Ví Dụ,...; Đẳng từ, P.23 Pháp giới; Q.9, P.24 Đạo C.21 Liên kết Các Tỳ-kheo,...; Bảng Viết trí, P.25 Thân khẩu ý; Q.10, P.26 Trong tắt, Chú thích. mộng thành đạo, P.27 Bồ-tát chứng đắc, Quyển III – Quyển Năm Uẩn, dày 418 P.28 Giải tuệ, P.29 Tam độc, P.30 Hỏi về trang. Nội dung sơ lược gồm có: Về Bản Niết-bàn, P.31 Bốn phạm đường, P.32 dịch; C.22 Liên kết Năm Uẩn; Phần I. Phạm thiên thỉnh cầu, P.33 Phó chúc cho “Năm mươi Kinh gốc”, Nhóm I. Nhóm Nhóm III. Nhóm “Gánh nặng”, Nhóm IV. 40. BỘ KINH LIÊN KẾT (Quyển II, Nhóm “Không phải là của ta”, Nhóm V. III, IV, V) Nhóm “Chính mình là hòn đảo”; Phần II. Samyutta Nikàya – Tương Ưng Kinh “Năm mươi Kinh giữa”, Nhóm I. Nhóm Bộ Nakulapità, Nhóm II. Nhóm “A-la-hán”, Việt dịch: Lê Kim Kha Nhóm III. “Nhóm đang bị nhai nuốt”, Nxb Hồng Đức – 2018. Nhóm IV. Nhóm “Các trưởng lão”, Nhóm Kinh có khổ 18.2 x 25.7cm, 4 quyển dày V. Nhóm “Hoa”; Phần III. “Năm mươi 2.090 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ đen, Kinh cuối”, Nhóm I. Nhóm “Các phần”, có hộp đựng 4 quyển (Q.II – Q.V). Nhóm II. Nhóm “Người thuyết pháp”, Quyển II - Quyển Nhân-Duyên, dày 388

Nhóm III. Nhóm “Vô minh”, Nhóm IV. trang. Nội dung sơ lược gồm có 10 Nhóm “Than cháy đỏ”, Nhóm V. Nhóm chương (từ C.12 đến C.21): Về Bản dịch, “Cách nhìn”; C.23 Liên kết Radha, Nhóm C.12, Liên kết Nhân-Duyên, Nhóm I. I. Nhóm “Ma vương thứ nhất”, Nhóm III. Nhóm các vị Phật, Nhóm II. Nhóm Dưỡng Nhóm “Yêu cầu”, Nhóm IV. Nhóm “Ngồi chất, Nhóm III. Nhóm “Mười năng lực”, bên cạnh”; C.24 Liên kết Cách Nhìn, Nhóm IV. Nhóm Tỳ-kheo Kalàra từ giai Nhóm I. Nhóm “Nhập lưu”, Nhóm II. cấp chiến sĩ, Nhóm V. Nhóm Gia chủ, Nhóm “Thuyết lại vòng hai”, Nhóm III. Nhóm VI. Nhóm Khổ (hay cây), Nhóm Nhóm “Thuyết lại vòng ba”, Nhóm IV. VII. Nhóm Lớn, Nhóm VIII. Nhóm các tu Nhóm “Thuyết lại vòng bốn”; C.25 Liên sĩ và Bà-la-môn, Nhóm IX. Nhóm Gộp lại; kết Nhập Vào,…; C.26 Liên kết Sinh;… C.13 Liên kết Sự Đột Phá,…; C.14 Liên C.27 Liên kết Ô Nhiễm,…; C.28 Liên kết kết Các Yếu Tố, Nhóm I. Nhóm Sự đa Xá-lợi-phất…; C.29 Liên kết Rồng dạng, Nhóm II. “Nhóm Thứ hai”, Nhóm Naga…; C.30 Liên kết Chim Thần,…; III. Nhóm “Đường nghiệp”, Nhóm IV. C.31 Liên kết Càn-thát-bà,…; C.32 Liên “Nhóm Thứ tư”; C.15 Liên kết Vô Thủy, kết Thiên Thần Mây,…; C.33 Liên kết

Vacchagotta,…; C.34 Liên kết Thiền Nhóm “Vô minh”…, Nhóm II. Nhóm “An Định,…; Bảng Viết tắt, Chú thích. trú”, Nhóm III. Nhóm “Sai lạc”, Nhóm IV. Quyển IV – Quyển Sáu Cơ Sở Cảm Nhóm “Sự tu tập”, Nhóm V. Nhóm Nhận, dày 516 trang. Nội dung sơ lược “Những du sĩ khác đạo”, Nhóm VI. Nhóm gồm có: Về Bản dịch; C.35 Liên kết Sáu “Mặt trời” tóm lược & Lặp lại, Nhóm VII. Cơ Sở Cảm Nhận, Phần I. “Năm mươi Nhóm “Một pháp” thứ nhất tóm lược & Kinh gốc”, Nhóm I. Nhóm “Vô thường”, Lặp lại, Nhóm VIII. Nhóm“Một pháp” thứ Nhóm II. Nhóm “Các cặp”, Nhóm III. hai tóm lược & Lặp lại, Nhóm IX. Nhóm Nhóm “Tất cả”, IV. Nhóm “Phải bị sanh”, Sông Hằng thứ nhất tóm lược & Lặp lại, Nhóm V. Nhóm “Tất cả vô thường”; Phần Nhóm X. Nhóm Sông Hằng thứ hai tóm II. “Năm mươi Kinh thứ hai”, Nhóm I. lược & Lặp lại, Nhóm XI. Nhóm Sông Nhóm “Vô minh”, Nhóm II. Nhóm Hằng thứ ba tóm lược & Lặp lại, Nhóm Migajàla, Nhóm III. Nhóm “Bệnh”, Nhóm XII. Nhóm Sông Hằng thứ tư tóm lược & IV. Nhóm Channa, Nhóm V. Nhóm Lặp lại, Nhóm XIII. Nhóm “Chuyên cần”, “Nhóm sáu”; Phần III. “Năm mươi Kinh Nhóm XIV. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, thứ ba”, Nhóm I. Nhóm “An toàn khỏi sự Nhóm XV. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm trói buộc”, Nhóm II. Nhóm “Thế giới và XVI. Nhóm “Những dòng lũ”; C.46 Liên năm dây dục lạc”, Nhóm III. Nhóm “Gia kết Các yếu tố Giác ngộ, Nhóm I. Nhóm chủ”, Nhóm IV. Nhóm Devadaha, Nhóm “Núi”, Nhóm II. Nhóm “Bệnh”, Nhóm III. V. Nhóm “mới & cũ”; Phần IV. “Năm Nhóm “Udàyì”, Nhóm IV. Nhóm mươi Kinh thứ tư”, Nhóm I. Nhóm “Tiêu “Chướng ngại”, Nhóm V. Nhóm Chuyển diệt sự thích thú”, Nhóm II. Nhóm “Sáu Luân Vương, Nhóm VI. Nhóm “Thảo mươi Kinh tóm lược & lặp lại”, Nhóm III. luận”, Nhóm VII. Nhóm “Thở vào – thở Nhóm “Đại dương”, Nhóm IV. Nhóm ra”, Nhóm VIII. Nhóm “Sự chấm dứt”, “Rắn độc”; C.36 Liên kết Cảm Giác, Nhóm IX. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Nhóm I. Nhóm “Có thi kệ”, Nhóm II. Lặp lại, Nhóm X. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm “Một mình”, Nhóm III. Nhóm “Chủ Nhóm XI. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, đề một trăm lẻ tám”; C.37 Liên kết Phụ Nhóm XII. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm Nữ, Nhóm I. Nhóm “Kinh tóm lược thứ XIII. Nhóm “Những dòng lũ”, Nhóm XIV. nhất”, Nhóm II. Nhóm “Kinh tóm lược thứ Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp

lại, hai", Nhóm III. Nhóm "Những sức mạnh"; Nhóm XV. Nhóm "Chuyên cần", Nhóm C.38 Liên kết Jambukhàdakasa,...; C.39 XVI. Nhóm "Việc làm khó nhọc", Nhóm Liên kết Sàmandaka,... C.40 Liên kết XVII. Nhóm "Tìm kiếm", Nhóm XVIII. Mục-kiền-liên...; C.41 Liên kết Citta; Nhóm "Những dòng lũ"; C.47 Liên kết C.42 Liên kết Trưởng thôn,...; C.43 Liên Các nền tảng Chánh niệm, Nhóm I. Nhóm kết Vô Vi, Nhóm I. Nhóm thứ nhất, Nhóm "Ambapàlì", Nhóm II. Nhóm "Alanda", II. Nhóm thứ hai; C.44 Liên kết Không Nhóm III. Nhóm "Giới hạnh và Tồn tại", Được Tuyên Bố;... Bảng Viết tắt, Chú Nhóm IV. Nhóm "chưa từng nghe", Nhóm thích. V. Nhóm "Bất tử", Nhóm VI. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm VII. Quyển V – Quyển Lớn, dày 768 trang. Nhóm "Chuyên cần", Nhóm VIII. Nhóm Nội dung sơ lược gồm có: Về Bản dịch; "Việc làm khó nhọc", Nhóm IX. Nhóm C.45 Liên kết Con Đường (Đạo), Nhóm I. "Tìm kiếm", Nhóm X. Nhóm "Những

dòng lũ"; C.48 Liên kết Các căn, Nhóm I. Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm II. Nhóm Nhóm "Bản Kinh ngắn gọn", Nhóm II. "Chuyên cần", Nhóm III. Nhóm "Việc làm Nhóm "yếu hơn", Nhóm III. Nhóm "Sáu khó nhọc", Nhóm IV. Nhóm "Tìm kiếm", căn", Nhóm IV. Nhóm "Căn sướng", Nhóm V. Nhóm "Những dòng lũ"; C.54 Nhóm V. Nhóm "Già", Nhóm VI. Nhóm Liên kết Hơi thở vô-ra, Nhóm I. Nhóm "Hang heo rừng", Nhóm VII. Nhóm "Hộ "Một giáo pháp", Nhóm II. Nhóm dẫn tới Giác ngộ", Nhóm VIII. Nhóm "Ananda"; C.55 Liên kết Nhập-lưu, Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm IX. I. Nhóm "Cổng tre", Nhóm II. Nhóm Nhóm "Chuyên cần", Nhóm X. Nhóm "Tịnh xá Hoàng gia" (một ngàn), Nhóm "Việc làm khó nhọc", Nhóm XI. Nhóm III. Nhóm "Sarakàni", Nhóm IV. Nhóm "Tìm kiếm", Nhóm XII. Nhóm "Những "Những dòng phước đức", Nhóm V. dòng lũ", Nhóm XIII. Nhóm Sông Hằng Nhóm "Những dòng Phước đức-có thi tóm lược & Lặp lại, Nhóm XIV. Nhóm kệ", Nhóm VI. Nhóm "Người có trí", "Chuyên cần", Nhóm XV. Nhóm "Việc Nhóm VII. Nhóm "Đại trí"; C.56 Liên kết làm khó nhọc", Nhóm XVI. Nhóm "Tìm Bốn Diệu đế, Nhóm I. Nhóm Định tâm, kiếm", Nhóm XVII. Nhóm "Những dòng Nhóm II. Nhóm "Chuyển dịch Bánh xe lũ"; C.49 Liên kết Nỗ lực đúng đắn, Nhóm giáo pháp", Nhóm III. Nhóm "Kotigàma", I. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm IV. Nhóm "Rừng Simapà", Nhóm Nhóm II. Nhóm "Chuyên cần", Nhóm III. V. Nhóm "Vực núi", Nhóm VI. Nhóm "Sự Nhóm "Việc làm khó nhọc", Nhóm IV. đột phá", Nhóm VII. Nhóm Gạo sống thứ Nhóm "Tìm kiếm", Nhóm V. Nhóm nhất & Lặp lại, Nhóm VIII. Nhóm Gạo "Những dòng lũ"; C.50 Liên kết Năng lực, sống thứ hai & Lặp lại, Nhóm IX. Nhóm Nhóm I. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Gạo sống thứ ba & Lặp lại, Nhóm X. Lặp lại, Nhóm II. Nhóm "Chuyên cần", Nhóm Gạo sống thứ ba & Lặp lại, Nhóm Nhóm III. Nhóm "Việc làm khó nhọc", XI. Nhóm Năm đến & Lặp lại...; Bảng Nhóm IV. Nhóm "Tìm kiếm", Nhóm V. Viết tắt, Chú thích. Nhóm "Những dòng lũ", Nhóm VI. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm 41. BỘ KINH SỚ – 28 Tập VII. Nhóm "Chuyên cần", Nhóm VIII. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập Nhóm "Việc làm khó nhọc", Nhóm IX. 115 – 142 Nhóm "Tìm kiếm", Nhóm X. Nhóm Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc "Những dòng lũ"; C.51 Liên kết Cơ sở xuất bản – 2000 Thần thông, Nhóm I. Nhóm "Đền Tập 115, Số 1693, - Chú Kinh Nhân Bổn Càbàla", Nhóm II. Nhóm "Rung chuyển dục sanh; số 1694, - Chú Kinh Ấm trì lâu đài", Nhóm III. Nhóm "Hòn sắt",

nhập, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1695, - Nhóm IV. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Thuật tán về Phần lý thú Bát-nhã của Kinh Lặp lại, Nhóm V. Nhóm “Chuyên cần”, đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có 3 quyển; số Nhóm VI. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, 1696, - Đại Phẩm Du ý; số 1697, - Đại Nhóm VII. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm Tuệ độ Kinh tông yếu; số 1698, - Kim VIII. Nhóm “Những dòng lũ”; C.52 Liên Cang Bát-nhã Kinh sớ; số 1699, - Kim kết A-nậu-lâu-đà, Nhóm I. Nhóm “Một Cang Bát-nhã Kinh sớ, có 4 quyển; số mình”, Nhóm II. Nhóm “Một ngàn”; C.53 1700, - Kinh Kim Cang Bát-nhã tán thuật, Liên kết Thiền định, Nhóm I. Nhóm Sông có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1701, - Kim

Cang Bát-nhã Kinh sớ luận Toản yếu, có 2 1721, - Pháp Hoa Nghĩa sớ, có 12 quyển, quyển Thượng-Hạ; số 1702, - Kim Cang 28 phẩm (từ Q.1-Q.4). Kinh Toản yếu San định ký, có 7 quyển; Tập 121, Số 1721, - Pháp Hoa Nghĩa sớ số 1703, - Kim Cang Bát-nhã La-mật Kinh (tt), từ Q.5-Q.12; số 1722, - Pháp Hoa Du chú giải; số 1704, - Lược sớ Kinh Kim Ý; số 1723, - Huyền Tán Kinh Diệu pháp Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có 2 quyển Liên hoa, có 10 quyển (từ Q.1-Q.5). Thượng-Hạ. Tập 122, Số 1723, - Huyền Tán Kinh Diệu Tập 116, Số 1705, - Sớ Kinh Nhân vương pháp Liên hoa (tt), từ Q.6-Q.10; số 1724, - Hộ quốc Bát-nhã, có 5 quyển; số 1706, - Pháp Hoa Huyền tán Nghĩa quyết; số Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Kinh sớ 1725, - Pháp Hoa tông yếu; số 1726, - Thần bảo ký, có 4 quyển; số 1707, - Sớ Quán Âm Huyền nghĩa, có 2 quyển Kinh Nhân vương Bát-nhã, có 6 quyển; số Thượng-Hạ; số 1727, - Quán Âm Huyền 1708, - Nhân vương Kinh sớ, có 3 quyển: nghĩa ký, có 4 quyển; số 1728, - Quán Âm Q. Thượng, Phật thuyết Nhân vương Hộ Nghĩa sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số quốc Bát-nhã Ba-la-mật Kinh; Q. Trung, 1729, - Quán Âm Nghĩa sớ ký, có 4 P. Giáo hóa, P. Nhị đế; Q. Hạ, P. Hộ quốc, quyển; số 1730, - Kinh Tam-muội Kim P. Tán hoa, P. Thọ trì, P. Chúc lụy; số Cương luận, có 3 quyển Thượng, Trung và 1709, - Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba- Hạ. la-mật-đa Kinh sớ, có 3 quyển Thượng, Tập 123, Số 1731, - Hoa Nghiêm Du Ý; Trung và Hạ. số 1732, - Đại phương quảng Phật Hoa Tập 117, Số 1710, - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Nghiêm Kinh - Sưu huyền Phân tề Thông Tâm Kinh U tán, có 2 quyển Thượng-Hạ; trí Phương quỹ, có 5 quyển: Q.1, Thế gian số 1711, - Chú giải Kinh Bát-nhã Ba-la- tịnh nhãn, Lô-giá-na Phật, Như Lai danh mật-đa; số 1712, - Sớ lược Bát-nhã Ba-la- hiệu, Tứ đế-Quang minh giác, Minh mạng, mật-đa Tâm Kinh; số 1713, - Bát-nhã Tâm Thanh tịnh-Hiền thủ; Q.2, Phật thăng Tu- Kinh lược sớ Liên châu ký, có 2 quyển di đảnh, Thập trú-Thập hạnh, Phát tâm Thượng-Hạ; số 1714, - Chú giải Tâm Kinh Công đức-Minh pháp, Phật thăng Dạ-ma Bát-nhã Ba-la-mật-đa; số 1715, - Pháp thiên Tự Tại Bồ-tát thuyết kệ, Công đức Hoa Kinh nghĩa ký, có 8 quyển, 27 phẩm; Hoa tụ Bồ-tát Thập hạnh, Bồ-tát Thập Vô số 1716, - Diệu Pháp Liên hoa Kinh tận tạng, Phật thăng Đâu-suất thiên cung Huyền nghĩa, có 10 quyển, Q.1-Q.2. Nhất thiết bảo điện, Đâu-suất thiên cung Tập 118, Số 1716, - Diệu Pháp Liên hoa Bồ-tát vân tập tán Phật, Kim Cang Tràng Kinh Huyền nghĩa (tt), từ Q.3-Q.10; số Bồ-tát hồi hướng; Q.3-Q.4, Thập Địa; Q.4, 1717, - Pháp Hoa Huyền nghĩa Thích Thập Minh, Thập Nhẫn, Thọ mạng-Bồ-tát thiêm, có 20 quyển. trú xứ, Phật Tiểu tướng quang minh Công Tập 119, Số 1718, - Văn cú Kinh Diệu đức-Phổ Hiền Bồ-tát hạnh, Bảo Vương pháp Liên hoa, có 10 quyển, 28 phẩm; số Như Lai tánh khởi, Lý thế gian; Q.5, Nhập 1719, - Pháp Hoa văn cú ký, có 10 quyển, Pháp giới; số 1733, - Hoa Nghiêm Kinh từ

Q.1-Q.5. thám Huyền ký, có 20 quyển (từ Q.1-Q.8). Tập 120, Số 1718, - Văn cú Kinh Diệu Tập 124, Số 1733, - Hoa Nghiêm Kinh pháp Liên hoa (tt), từ Q.6-Q.10; số 1720, - thám Huyền ký (tt), từ Q.9-Q.20; số 1734, Pháp Hoa Huyền luận, có 10 quyển; số - Hoa Nghiêm Kinh văn nghĩa Cương mục

San hành (1); số 1734, - Hoa Nghiêm Quán Vô lượng Thọ Phật sớ; số 1751, - Kinh văn nghĩa Cương mục (2). Kinh Quán Vô lượng Thọ Phật sớ Diệu Tập 125, Số 1735, - Đại Phương quảng tông sao, có 6 quyển; số 1752, - Quán Vô Phật Hoa Nghiêm Kinh sớ, có 60 quyển, lượng Thọ Kinh nghĩa sớ; số 1753, - Phật tập 125, từ Q.1-Q.30. thuyết Kinh Quán Vô lượng Thọ Phật sớ, Tập 126, Số 1735, - Đại Phương quảng có 4 quyển. Phật Hoa Nghiêm Kinh sớ (tt), có 60 Tập 132, Số 1754, - Kinh Quán Vô lượng quyển, tập 126, từ Q.31-Q.60. Thọ Phật nghĩa sớ, có 3 quyển Thượng, Tập 127, số 1736, - Đại Phương quảng Trung và Hạ; số 1755, - Kinh A-di-đà Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy sớ Diễn nghĩa Nghĩa ký; số 1756, - Kinh A-di-đà Nghĩa sao, có tất cả 90 quyển, tập 127, từ Q.1- thuật; số 1757, - Kinh A-di-đà sớ; số 1758, Q.33. - A-di-đà Kinh Thông tán sớ, có 3 quyển Tập 128, số 1736, - Đại Phương quảng Thượng, Trung và Hạ; số 1759, - Phật Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy sớ Diễn nghĩa thuyết A-di-đà Kinh sớ; số 1760, - Phật sao (tt), có tất cả 90 quyển, tập 128, từ thuyết A-di-đà Kinh sớ và Lời tựa; số Q.34-Q.66. 1761, - Phật thuyết A-di-đà Kinh nghĩa sớ; Tập 129, số 1736, - Đại Phương quảng số 1762, - Phật thuyết A-di-đà Kinh yếu Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy sớ Diễn nghĩa giải; số 1763, - Đại bát Niết-bàn Kinh Tập sao (tt), có tất cả 90 quyển, tập 129, từ giải, có 71 quyển, tập 132, từ Q.1-Q.40. Q.67-Q.90; số 1737, - Đại Hoa Nghiêm Tập 133, Số 1763, - Đại bát Niết-bàn Kinh Kinh lược sách; số 1738, - Giải thích kệ Tập giải (tt), có 71 quyển, tập 133, từ Chín lần Bảy nơi Kinh Hoa Nghiêm; số Q.41-Q.71; số 1764, - Đại bát Niết-bàn 1739, - Tân Hoa Nghiêm Kinh luận, có 40 Kinh Nghĩa ký, có 10 quyển, tập 133, từ quyển, tập 129, từ Q.1-Q.10. Q.1-Q.3. Tập 130, Số 1739, - Tân Hoa Nghiêm Tập 134, Số 1764, - Đại bát Niết-bàn Kinh Kinh luận, có 40 quyển, tập 130, từ Q.11- Nghĩa ký (tt), có 9 quyển, tập 134, từ Q.4- Q.40; số 1740, - Đại Phương quảng Phật Q.10. Hoa Nghiêm Kinh; số 1741, - Lược Tích Tập 135, Số 1765, - Đại bát Niết-bàn Kinh tân Hoa Nghiêm Kinh Tu hành Thứ đệ Huyền nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số Quyết nghi luận, có 4 quyển; số 1742, - 1766, - Niết-bàn Huyền nghĩa Phát nguyện Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Cơ yếu, có 4 quyển; số 1767, - Đại bát Nguyện hành Quán môn Cốt mục; số Niết-bàn Kinh sớ, có 33 quyển: Q.1-Q.2, 1743, - Huyền Nghĩa Kinh Hoa Nghiêm. Kinh Niết-bàn bản Nam; Q.3-Q.5, Thuần- Tập 131, Số 1744, - Thắng-man Bảo quật, đà; Q.5-Q.6, Ai thán; Q.7-Q.8, Trường có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số thọ; Q.8, Kim Cang thân, Danh tự Công 1745, - Phật thuyết Kinh Vô lượng thọ đức; Q.9, Bốn tướng; Q.10, Tứ y; Q.11, Tà Nghĩa sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số chánh, Tứ đế, Tứ đảo, Như Lai tánh; Q.12, 1746, - Kinh Vô lượng Thọ Nghĩa sớ; số Văn tự, Điều dụ, Nguyệt dụ, Bồ-tát; Q.13, 1747, - Kinh Vô lượng Thọ tông yếu; số Nhất thiết đại chúng sở vấn, Hiện bịnh, 1748, - Kinh Vô lượng Thọ Liên nghĩa Thánh hạnh; Q.14-Q.16, Thánh hạnh; Thuật văn tán, có 3 quyển Thượng, Trung Q.17-Q.19, Phạm hạnh; Q.21, Anh Nhi và Hạ; số 1749, - Kinh Quán Vô lượng hạnh; Q.22-Q.23, Đức vương; Q.23-Q.27, Thọ Nghĩa sớ; số 1750, - Phật thuyết Kinh Sư tử hống; Q.28-Q.31, Ca-diếp; Q.32-

Q.33, Kiều Trần Như; số 1768, - Niết-bàn Thiên nữ, Đại Cát tường Thiên nữ, Đại Kinh Du ý; số 1769, - Niết-bàn Tông yếu. Cát tường Thiên nữ tăng trưởng tài vật, Tập 136, Số 1770, - Bản Nguyện Dược Sư Kiên Lao địa thần, Tăng Thận Da-dược- Kinh Cổ tích, có 2 quyển Thượng-Hạ; số xoa Đại tướng thứ 19, Vương pháp Chánh 1771, - Di-lặc Kinh Du ý; số 1772, - Quán luận; Q.6, Thiên sanh vương, Chư thiên Di-lặc Bồ-tát Thượng sanh Đâu-suất Thiên Dược-xoa hộ trì, Thọ ký, Trừ bệnh, Kinh tán, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1773, Trưởng giả tử Lưu Thủy, Xả thân, Thập - Di-lặc Thượng sinh Kinh tông yếu; số phương Bồ-tát tán thán, Diệu Trang Bồ-tát 1774, - Lời sớ về Ba Kinh Di-lặc, Kinh tán thán, Bồ-đề Thọ thần tán thán, Đại Thượng sinh Liệu giản ký; số 1775, - Chú biện tài Thiên nữ tán thán, Phó chúc; số giải Kinh Duy-ma-cật, có 10 quyển; số 1789, - Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh 1776, - Duy-ma Kinh Nghĩa ký, có 4 chú giải, có 4 quyển: từ Q.1-Q.4, Nhất quyển. thiết Phật ngữ Tâm; số 1790, - Nhập Tập 137, Số 1777, - Duy-ma Kinh Huyền Lăng-già Tâm huyền nghĩa; số 1791, - sớ, có 6 quyển; số 1778, - Duy-ma Kinh Chú Đại thừa Nhập Lăng-già Kinh, có 10 Lược sớ, có 11 quyển; số 1779, - Duy-ma quyển; số 1792, - Phật thuyết Vu Lan bồn Kinh Lược sớ Thùy dụ ký, có 10 quyển, Kinh sớ, có 2 quyển; số 1793, - Ôn Thất tập 137, từ Q.1-Q.5. Kinh nghĩa ký; số 1794, - Lược ghi về Tập 138, Số 1779, - Duy-ma Kinh Lược Phật giáo Phía Tây truyền đến Huyền hóa sớ Thùy dụ ký, có 10 quyển, tập 138, từ ứng vận; số 1794, - Kinh Phật thuyết Tứ Q.6-Q.10; số 1780, - Tịnh Danh Huyền thập nhị Chương. luận, có 8 quyển; số 1781, - Duy-ma-cật Tập 141, Số 1795, - Kinh Đại Phương Kinh Nghĩa sớ, có 6 quyển; số 1782, - quảng Viên giác Tu-đa-la Liễu nghĩa Lược Thuyết Vô cấu xưng Kinh sớ, có 6 quyển. sớ; số 1795, - Lược sớ chú Kinh Đại Tập 139, Số 1783, - Kim Quang minh Phương quảng Viên giác Tu-đa-la Liễu Kinh Huyền nghĩa, có 2 quyển Thượng- nghĩa Lược sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số Hạ; số 1784, - Kinh Kim Quang minh 1796, - Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật Kinh Huyền nghĩa Thập di ký, có 6 quyển; số sớ, có 20 quyển: Q.1-Q.3, Nhập môn Chân 1785, - Kinh Kim Quang minh Văn cú, có ngôn trụ Tâm; Q.3, Nhập Mạn-đồ-la Cụ 6 quyển; số 1786, - Kinh Kim Quang minh duyên Chân ngôn; Q.4-Q.5, Nhập Mạn- Văn cú ký, có 6 quyển; số 1787, - Kinh đồ-la Cụ duyên Chân ngôn; từ Q.6-Q.9, Kim Quang minh sớ; số 1788, - Kim Nhập Mạn-đồ-la Cụ duyên; Q.9, Tức Quang minh Tối thắng vương Kinh sớ, có chương thứ ba; Q.10, Phổ thông Chân 6 quyển: Q.1; Q.2, Như Lai thọ lượng, ngôn tạng, Thành tựu thế gian, Tất-địa Q.2-Q.3, Phân biệt tam thân; Q.3, Mộng xuất hiện; Q.12, Tất-địa xuất hiện (tt), kiến sám hối; Q.4, Diệt nghiệp chướng. Thành tựu Tất-địa, Chuyển tự Luân Mạn- Tập 140, Số 1788, - Kim Quang minh Tối đồ-la hạnh; Q.13, Chuyển tự Luân Mạn- thắng vương Kinh sớ (tt): Q.4, Tịnh địa đồ-la hạnh (tt), Mật ấn; Q.14, Mật ấn (tt), Đà-la-ni, Liên hoa dụ tán, Kim thắng Đà- Tự luân, Bí mật Mạn-đồ-la; Q.15-Q.16, Bí la-ni, Trùng hiển Không tánh, Y không mật Mạn-đồ-la (tt), Nhập Bí mật Mạn-đồ- mãn nguyện; Q.5, Tứ Thiên vương Quán la, Nhập vị Bí mật Mạn-đồ-la; Q.17, Bí sát nhân thiên, Tứ Thiên vương Hộ quốc, mật Bát ẩn; Trì minh Cấm giới, A-xà-lê, Vô nhiễm trước Đà-la-ni, Đại Biện tài Chân thật trí-Bố tự; Q.18, Bồ-tát giới-

Phẩm thọ Phương tiện Học xứ phẩm, Thọ lượng thọ Phật, Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phương tiện Học xứ, Bách tự sinh-Bách tự Thọ ký, Kinh Phật thuyết Vô lượng Thanh quả Tương ưng; Q.19, Bách tự Vị thành, tịnh Bình đẳng giác, Kinh Đại thừa Vô Bách tự

thành tựu trì tụng, Bách tự Chân lượng thọ Trang nghiêm, Kinh A-di-đà, ngôn pháp, Tánh Bồ-đề, Tam Tam-muội- Kinh A-di-đà Tam-da Phật Tát-lâu Phật- da hạnh, Như Lai hộ ma; Q.20, Thế xuất đàn Quá độ Nhơn đạo, Kinh A-di-đà Cổ thế Pháp hộ ma, Bổn tôn Tam-muội, Vô âm thanh Vương Đà-la-ni, Thích Tịnh độ tướng Tam-muội, Thế xuất thế gian trì Quần nghi luận, Tây Phương Hiệp Luận, tụng-Chúc lụy; số 1797, - Đại Tỳ-lô-giá-Niệm Phật Tam-muội Bảo vương luận, na Kinh Cúng dường Thứ đệ Pháp sớ, có 2 Luận về Tịnh độ Sanh-Vô sanh, Luận Tịnh quyển, 5 phẩm: Q. Thượng, Tăng ích Thủ độ, Luận Tịnh độ Thập nghi, Luận Kinh hộ Thanh tịnh hạnh; Q. Hạ, Cúng dường Vô lượng thọ. nghiệp. Tập 142, Số 1798, - Kim Cương đảnh 43. BỘ KINH TẬP – 14 Tập Kinh Đại Du-già Bí mật Tâm địa Pháp Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập môn nghĩa quyết; số 1799, - Kinh Thủ 54 – 69 Lăng Nghiêm Nghĩa sớ chú, có 10 quyển; Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc số 1800, - Thỉnh Quán Âm Kinh sớ; số xuất bản – 2000 1801, - Thỉnh Quán Âm Kinh sớ Xiển Tập 54, Kinh tập I, từ số 425 – 440; số nghĩa sao, có 4 quyển; số 1802, - Thập 425, - Kinh Hiền kiếp, có 8 quyển, 24 Nhất diện Thần chú Tâm Kinh nghĩa sớ; phẩm: Q.1, P.1 Hỏi về pháp Tam-muội, số 1803, - Phật Đảnh Tôn thắng Đà-la-ni P.2 Nói về việc thực hành Tam-muội, P.3 Kinh Giáo tích nghĩa ký, có 2 quyển Nêu bốn sự việc của Bồ-tát, P.4 Nói về pháp thí; Q.2, P.6 Nói về các Pháp độ vô 42. BỘ KINH SỚ - Tịnh Độ Tông cực, P.7 Nói về sự tu tập thực hiện các Bộ Kinh sớ này gồm có: Kinh A-di-đà Pháp độ vô cực, P.8 Nói về tính chất vượt (văn vần), A-di-đà Thông Tán sớ, An Lạc mọi biên vực; Q.3, P.9 Nói về sự lãnh hội tập, Bài kệ Ca ngợi Đức Phật A-di-đà, Bảo giữ gìn, P.10 Nói về thần thông, P.11 Nói vương Tam-muội Niệm Phật Trực chỉ, Du về ba mươi hai tướng; Q.4, P.12 Nói về Tâm An lạc Đạo, Giải thích Kinh Quán tùy thời, P.13 Nói về ba mươi bảy phẩm Vô lượng thọ Phật, Giảng thích Tinh yếu trợ đạo; Q.5, P.14 Nói về độ vô cực an Kinh A-di-đà, Kệ chú Kinh Vô lượng thọ nhiên tịch tĩnh, P.15 Nói về mười thứ trí Ưu-bà-đề-xá Nguyện sanh, Kệ lễ Tán sáu lực, P.16 Nói về Bốn Vô sở úy, P.17 Nói thời, Lược luận về nghĩa An lạc Tịnh độ, về Mười tám pháp Bất cộng, P.18 Nói về Phương pháp Niệm Phật, Những Nghi vấn phương tiện; Q.6, P.19 Nói về Tám bậc, về Pháp môn Tịnh độ, Quán niệm A-di-đà P.20 Nói về danh hiệu một ngàn Phật; Q.7, Phật Tướng hải Tam-muội Công đức Pháp P.21 Sự hưng lập của một ngàn vị Phật; môn, Tây phương Yếu quyết Thích nghi Q.8, P.22 Nói về sự phát tâm tu tập của Thông quy, Tịnh độ Cảnh quán Yếu môn, một ngàn vị Phật, P.23 Ca ngợi về các việc Kinh Quán Vô lượng thọ Phật, Kinh Xưng xưa, P.24 Giao phó dặn dò; số 426, - Kinh tán Tịnh độ Phật Nhiếp thọ, Kinh Vô Thiên Phật nhân duyên; số 427, - Kinh Bát

Cát tường thần chú; số 428, - Kinh Bát P.2 Thánh đế, P.3 Giải luật, P.4 Đạo môn; dương thần chú; số 429, - Kinh Bát bộ số 461, - Kinh Văn-thù-sư-lợi hiện Bảo Phật danh; số 430, - Kinh Tám điều an tạng, có 2 quyển Thượng và Hạ; số 462, - lành; số 431, - Kinh Danh hiệu tám đức Kinh Đại phương quảng Bảo kiếp, có 3 Phật; số 432, - Kinh Mười điều An lành; quyển Thượng, Trung và Hạ; số 463, - số 433, - Kinh Bảo võng; số 434, - Kinh Kinh Văn-thù-sư-lợi vào Niết-bàn; số 464, Khen ngợi công đức của chư Phật, có 3 - Kinh Văn-thù-sư-lợi vấn Bồ-đề; số 465, - quyển Thượng, Trung và Hạ; số 435, - Kinh Già-da sơn đảnh; số 466, - Kinh Tịnh Kinh Diệt trừ tối tăm trong mười phương; xá Tượng Đầu; số 467, - Kinh Đại thừa số 436, - Kinh Thọ trì danh hiệu bảy Đức Già-da sơn đảnh. Phật

sinh ra công đức; số 437, - Kinh Đại Tập 56, Kinh tập III, từ số 468 – 489; số thừa Bảo Nguyệt đồng tử vấn pháp; số 468, - Kinh Văn-thù-sư-lợi vấn, có 2 438, - Kinh Đại thừa phương quảng Phật quyển, 17 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Tựa, quan, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 439, - P.2-3 Bồ-tát giới, P.4 Vô ngã, P.5 Niết- Kinh Phật thuyết về chư Phật; số 440, - bàn, P.6-7 Bát-nhã Ba-la-mật hữu dư khí, Kinh Phật danh, có 12 quyển. P.8-9 Đi lại Trung đạo Bát-nhã Ba-la-mật, Tập 55, Kinh tập II, từ số 441 – 467; số P.10-11 Giới thế gian, Giới xuất thế gian, 441, - Kinh Phật danh, có 30 quyển; số P.12-13 Giới thượng xuất thế gian, Bồ-tát 442, - Kinh Thập phương thiên ngũ bách thọ giới, P.14 Tự mẫu; Quyển Hạ, P.15 Phật danh; số 443, - Kinh Ngũ thiên Ngũ Phân biệt bộ, P.16 Tạp vấn, P.17 Chúc bách Phật danh Thần chú Trừ chướng diệt lụy; số 469, - Kinh Văn-thù vấn Tự mẫu; tội, có 8 quyển; số 444, - Kinh Bách Phật số 470, - Kinh Văn-thù-sư-lợi tuần hành; danh; số 445, - Kinh Bất tư nghì công đức số 471, - Kinh Văn-thù-sư-lợi hành; số chư Phật sở hộ niệm, có 2 quyển Thượng- 472, - Kinh Đại thừa Thiện kiến Biến hóa Hạ; số 446, - Kinh Duyên khởi Tam kiếp Văn-thù-sư-lợi vấn pháp; số 473, - Kinh Tam thiên Phật; số 447, - Kinh Hiện tại Diệu Cát Tường Bồ-tát sở vấn Đại thừa Hiền kiếp Thiên Phật danh; số 448, - Kinh pháp loa; số 474, - Kinh Duy-ma-cật, có 2 Vị lai Tinh tú kiếp thiên Phật danh; số quyển Thượng-Hạ, 14 phẩm: Quyển 449, - Kinh Dược Sư Như Lai bản nguyện; Thượng, P.1 Phật quốc, P.2 Thiện quyền, số 450, - Kinh Dược Sư Lưu ly Quang P.3 Đệ tử, P.4 Bồ-tát, P.5 Đàm luận, P.6 Như Lai bản nguyện Công đức; số 451, - Bất tư nghì; Quyển Hạ, P.7 Quán nhân Kinh Dược Sư Lưu ly Quang thất Phật bản vật, P.8 Chủng tánh và Như Lai, P.9 Nhập nguyện Công đức, có 2 quyển Thượng-Hạ; vào bất nhị, P.10 Phật Hương tích, P.11 số 452, - Kinh Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng Việc làm của Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A- sanh Đâu-suất thiên; số 453, - Kinh Quán súc, P.13-14 Cúng dường Phật, ký thác Di-lặc Bồ-tát hạ sanh; số 454, - Kinh Di- Di-lặc; số 475, - Kinh Duy-ma-cật sở lặc hạ sanh; số 455, - Kinh Di-lặc hạ sanh thuyết: P.1-2 Tịnh độ, P.3 Đệ tử, P.4 Bồ- Thành Phật; số 456, - Kinh Di-lặc thành tát, P.5 Thăm bịnh, P.6-7 Bất khả tư nghì-Phật; số 457, - Kinh Di-lặc lai thời; số Quan sát chúng sinh, P.8-9 Đường đi của 458, - Kinh Văn-thù-sư-lợi hỏi về Trí tuệ Phật-Hội nhập pháp môn Bất nhị, P.10-11 siêu việt của Bồ-tát; số 459, - Kinh Văn- Nhìn Phật bất động-Hiến cúng bằng pháp; thù hối lỗi; số 460, - Kinh Văn-thù-sư-lợi số 476, - Kinh Thuyết Vô cấu xứng, có 6 tịnh luật, có 4 phẩm: P.1 Nghĩa Chân đế, quyển, 13 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Hiển

bày phương tiện thiện xảo bất khả tư nghì, Kinh Tỳ-kheo Tị nữ ố danh dục tự sát; số P.3 Thanh văn, P.4 Bồ-tát; Q.3, P.5 Thăm 504, - Kinh Tỳ-kheo Thính thí; số 505, - bịnh, P.6 Bất tư nghì; Q.4, P.7 Hữu tình, Kinh Tùy Dũng tôn giả; số 506, - Kinh P.8 Bồ-đề phần, P.9 Pháp môn Bất nhị; Kiền-đà quốc vương; số 507, - Kinh Vị Q.5, P.10 Phật Hương đài, P.11 Bồ-tát Sinh Oán; số 508, - Kinh A-xà-thế vương hạnh; Q.6, P.12 Quán Như Lai, P.13 Cúng ngũ nghịch; số 509, - Kinh A-xà-thế được dường pháp, Chúc lụy; số 477, - Kinh Đại Thọ ký; số 510, - Kinh Thái Hoa Vi vương phương đẳng Đảnh vương; số 478, - Kinh Thượng Phật thọ quyết hiệu Diệu Hoa; số Đại thừa Đảnh vương; số 479, - Kinh 511, - Kinh Bình-sa vương ngũ nguyện; số Đồng tử Thiện Tư, có 2 quyển Thượng- 512, - Kinh Tịnh Phạn vương bát Niết- Hạ; số 480, - Kinh Nguyệt Thượng nữ, có bàn; số 513, - Kinh Lưu Ly vương; số 514, 2 quyển Thượng-Hạ; số 481, - Kinh Bồ-tát - Kinh Gián vương; số 515,

Kinh Như Lai Trì Nhân, có 4 quyển, 14 phẩm: Q.1, P.1 thị giáo Thắng Quân vương; số 516, - Bốn pháp, P.2 Phật diệu tuệ siêu vương, Kinh Thắng quân vương sở vấn; số 517, - P.3-4 Vua Trì thí-Mười tám chủng tánh, Kinh Lạt-ma vương; số 518, - Kinh Chiên- P.5-6 Hiểu rõ về ba cõi, P.7 Mười hai đà-việt quốc vương; số 519, - Kinh Ma-đạt nhân duyên; Q.3, P.8 Ba mươi bảy phẩm; quốc vương; số 520, - Kinh Tát-la quốc; Q.4, P.9-10 Thế gian và xuất thế gian-Hữu số 521, - Kinh Phạm-ma-nan quốc vương; vi và vô vi, P.11-12 Bồ-tát Bảo Quang- số 522, - Kinh Phổ Đạt vương; số 523, - Bản sự, P.13-14 Nhóm Bạt-đà-hòa, Chúc Kinh Ngũ vương; số 524, - Kinh Phật vị lụy; số 482, - Kinh Trì thế; số 483, - Kinh Ưu-điền vương thuyết vương pháp chánh Tam-mạn-đà Bạt-đà-la Bồ-tát; số 484, - luận; số 525, - Kinh Trưởng giả tử Áo não Kinh Bồ-tát Bất tư nghì quang sở thuyết; Tam xứ; số 526, - Kinh Trưởng giả Tử số 485, - Kinh Vô sở hữu Bồ-tát; số 486, - Chế; số 527, - Kinh Thệ đồng tử; số 528, - Kinh Bồ-tát Sư tử trang nghiêm vương Kinh Bồ-tát thệ; số 529, - Kinh A-cưu-lưu; thỉnh vấn; số 487, - Kinh Bồ-tát Ly Cấu số 530, - Kinh Tu-ma-đề trưởng giả; số Tuệ hỏi về cách thức lễ Phật; số 488, - 531, - Kinh trưởng giả Âm Duyệt; số 532, Kinh Bảo Thọ Bồ-tát Bồ-đề hạnh; số 489, - Kinh Bồ-tát Sinh Địa; số 533, - Kinh Tư- - Kinh Trừ cái chướng Bồ-tát sở vấn. ha-muội; số 534, - Kinh Nguyệt Quang Tập 57, Kinh tập IV, từ số 490 – 584; số đồng tử; số 535, - Kinh Thân nhật; số 536, 490, - Kinh Tám vị Đại Bồ-tát; số 491, - - Kinh Thân nhật Nhi bản; số 537, - Kinh Kinh Sáu Bồ-tát cũng nên trì tụng; số 492, Việt-nan; số 538, - Kinh Ha-điêu A-na- - Kinh A-nan hỏi sự cát hung việc thờ hàm; số 539, - Kinh Lô Chí trưởng giả Phật; số 493, - Kinh A-nan Tứ sự; số 494, nhân duyên; số 540, - Kinh Thọ Đề-già; số - Kinh A-nan thất mộng; số 495, - Kinh A- 541, - Kinh Phật Tăng đại; số 542, - Kinh nan Phân biệt; số 496, - Kinh Đại Ca-diếp Da-kỳ; số 543, - Kinh Cự Lực trưởng giả bản; số 497, - Kinh Ma-ha Ca-diếp độ bần sở vấn Đại thừa, có 3 quyển Thượng, mẫu; số 498, - Kinh Sơ phần thuyết, có 2 Trung và Hạ; số 544, - Kinh Biện ý trưởng quyển Thượng-Hạ; số 499, - Kinh A-chi-la giả tử sở vấn; số 545, - Kinh Đức Hộ Ca-diếp tự hóa tác khổ; số 500, - Kinh La trưởng giả, có 2 quyển Thượng-Hạ; số Vân nhẫn nhục; số 501, - Kinh Tỳ-kheo Sa 546, - Kinh Đồng tử Kim Diệu; số 547, - Hạt công đức; số 502, - Kinh Phật vị niên Kinh trưởng giả Đại Hoa Nghiêm hỏi Phật thiếu Tỳ-kheo thuyết Chánh sự; số 503, - về sức Na-la-diên; số 548, - Kinh Đồng tử

Kim Quang vương; số 549, - Kinh Nhân Phân biệt lời nói pháp, P.4 Hiểu rõ các duyên Quang Minh đồng tử, có 4 quyển; pháp; Q.2, P.5 Nêu vấn nạn, P.6 Thưa hỏi, số 550, - Kinh Kim Sắc đồng tử Nhân P.7 Đàm luận; Q.3, P.8 Luận tịch, P.9 Lực duyên, có 12 quyển; số 551, - Kinh Nữ hành, P.10 Chí nguyện Đại thừa, P.11 Ma-đăng; số 552, - Kinh Ma-đăng nữ giải Hành đạo, P.12-13 Khen ngợi-Khen ngợi hình trong sáu việc; số 553, - Kinh Nhân công đức, P.14 Đẳng hạnh; Q.4, P.15 Thọ duyên Nại-nữ và Kỳ-vực; số 554, - Kinh ký thiên tử hiện bất thoái chuyển, P.16 Nại-nữ và Kỳ-bà; số 555, - Kinh Ngũ mẫu Kiến lập pháp, P.17-18 Chư thiên khen tử; số 556, - Kinh Thất Nữ; số 557, - Kinh ngợi-Chúc lụy; số 586, - Kinh Tư Ích Long Thí nữ; số 558, - Kinh Long Thí Bồ- Phạm thiên sở vấn, có 3 quyển, 18 phẩm: tát bản khởi; số 559, - Kinh Lão nữ nhân; Q.1, P.1 Tựa, P.2 Bốn hạnh, P.3 Phân biệt, số 560, - Kinh Lão mẫu nữ Lục Anh; số P.4 Hiểu rõ các pháp; Q.2, P.4 Hiểu rõ các 561, - Kinh Lão mẫu; số 562, - Kinh Vô pháp (tt), P.5 Nêu vấn nạn, P.6 Vấn đàm; Cấu hiền nữ; số 563, - Kinh Bé gái trong Q.3, P.7 Đàm luận, P.8 Luận

tịch, P.9 Lực bụng mẹ nghe kinh; số 564, - Kinh hạnh, P.10 Chí Đại thừa, P.11 Hành đạo, Chuyển thân nữ; số 565, - Kinh Thuận P.12-13 Xưng tán-Ca ngợi công đức, P.14 quyền phương tiện, có 4 phẩm: P.1 Pháp Đẳng hành, P.15 Thọ ký thiên tử Bất thoái Sa-môn, P.2 Chứng ngộ chân lý, P.3 Khất chuyển, P.16 Kiến lập pháp, P.17-18 Chư thực, P.4 Tên gọi giả; số 566, - Kinh Lạc thiên tán thán-Chúc lụy; số 587, - Kinh Anh lạc Trang nghiêm Phương tiện; số Thắng tư duy Phạm thiên sở vấn, có 6 567, - Kinh Phạm chí nữ Thủ ý; số 568, - quyển; số 588, - Phật thuyết Tu chân Kinh Hữu Đức nữ sở vấn Đại thừa; số Thiên tử Kinh, có 4 quyển, 10 phẩm: Q.1, 569, - Kinh Tâm minh; số 570, - Kinh P.1 Thưa hỏi về bốn việc; Q.2, P.2 Đáp về Hiền Thủ; số 571, - Kinh Phụ nhân ngộ nghĩa pháp, P.3 Nói về pháp thuần thục, cô; số 572, - Kinh Vợ trưởng giả Pháp P.4 Nói về Thanh văn; Q.3, P.5 Nói về vô Chí; số 573, - Kinh Thọ ký Sai-ma-bà-đề; úy, P.6 An trụ nơi đạo, P.7 Hạnh Bồ-tát, số 574, - Kinh Nữ kiên cố; số 575, - Kinh P.8 Phân biệt; Q.4, P.9 Kệ tán, P.10 Nói Đại phương đẳng Tu-đa-la vương; số 576, về các thứ đạo; số 589, - Phật thuyết Ma Kinh Chuyển hữu; số 577, Kinh Đại thừa nghịch Kinh; số 590, - Phật thuyết Tứ lưu chuyển chư hữu; số 578, - Kinh Ưu- thiên vương Kinh; số 591, - Kinh Thương bà-di Vô Cấu vấn; số 579, - Kinh Ưu-bà- chủ Thiên tử sở vấn; số 592, - Kinh Thiên di Tịnh hạnh Pháp môn, có 2 quyển thỉnh vấn; số 593, - Kinh Phật vì Thiên tử Thượng-Hạ, 3 phẩm: P.1 Tu hành, P.2 Tu Thắng Quang thuyết Vương pháp; số 594, học, P.3 Điềm lành; số 580, - Kinh Trưởng - Thuyết đại Tự tại Thiên tử Nhân đại giả nữ Yêm-đề-già Sư tử hống liễu nghĩa; Kinh; số 595, - Kinh Ta-miệt-nẵng Pháp số 581, - Kinh Bát sư; số 582, - Kinh Tôn- Thiên tử thọ Tam quy y khỏi sanh ác đạo; đa-da trí; số 583, - Kinh Hắc Thị Phạm số 596, - Thiên vương Thái tử Tích-la chí; số 584, - Kinh Trường Trảo Phạm chí Kinh; số 597, - Kinh Long vương Huynh thỉnh vấn. đệ; số 598, - Hải Long vương Kinh, có 4 Tập 58, Kinh tập V, từ số 585 – 605; số quyển, 20 phẩm: Q.1, P.1 Hạnh, P.2-3 585, - Kinh Trì Tâm Phạm thiên sở vấn, có Phân biệt, P.4 Vô tận tạng; Q.2, P.5 Tổng 4 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 Ánh sáng của trì, P.6 Tổng trì thân, P.7 Tổng trì môn, Bồ-tát Minh Võng, P.2 Bốn pháp, P.3 P.8-9 Phân biệt danh; Q.3, P.10 Thính

Phật, P.11 Mười Đức sáu Độ, P.12 A-tu-la Duy lược yếu; số 618, - Kinh Thiền Đạt- Yển Cư được thọ ký, P.13 Vua rồng Vô ma-đa-la; số 619, - Ngũ môn Thiền Kinh Phần được thọ ký, P.14 Nữ Bảo Cẩm được yếu dụng pháp; số 620, - Pháp Bí yếu trị thọ ký, P.15 Trời Đế thích; Q.4, P.16 Kim bịnh thiền, có 2 quyển Thượng-Hạ; số Sí Điểu, P.17 Xá-lợi, P.19 Không tịnh, 621, - Kinh Phật ấn Tam-muội; số 622, - P.20 Chúc lụy thọ trì; số 599, - Kinh Phật Kinh Tự thệ Tam-muội; số 623, - Kinh vì Hải Long vương thuyết Pháp ấn; số Như Lai độc chứng Tự thệ Tam-muội, có 600, - Kinh Thập thiện Nghiệp đạo; số 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 624, - 601, - Kinh Phật vì Ta-già-la Long vương Kinh Thuần Chân-đà-la sở vấn Như Lai sở thuyết Đại thừa; số 602, - Kinh Đại An tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Ban thủ ý, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 603, Hạ; số 625, - Kinh Đại Thọ Khẩn-na-la - Kinh Ấm trì nhập, có 2 quyển Thượng- vương sở vấn, có 3 quyển. Hạ; số 605, - Kinh Thiền hành pháp Tập 60, Kinh tập VII, từ số 626 – 639; số tướng. 626, - Kinh A-xà-thế vương, có 2 quyển Tập 59, Kinh tập VI, từ số 606 – 625; số Thượng-Hạ; số 627, - Kinh Văn-thù-sư-lợi 606, - Kinh Con đường Tu hành, có 6 phổ siêu tam-muội, có 3 quyển Thượng, quyển, 30 phẩm: Q.1, P.1 Tập tán, P.2-3 Trung và Hạ, 13 phẩm: Quyển

Thượng, Gốc năm Ấm, P.4-5 Phân biệt năm Ấm; P.1 Chánh sĩ, P.2 Hóa Phật, P.3 Cử bát; Q.2, P.6-7 Từ, Trừ sợ hải, P.8 Phân biệt Quyển Trung, P.4 Đồng ấu, P.5 Không tôi hành tướng; Q.3, P.9 Khuyến ý, P.10-11 ta, P.6 Tổng trì, P.7-8 Tam tạng-Bất thoái Lìa điên đảo, Hiểu rõ thức ăn, P.12-16 chuyển luân, P.9 Biển Đông; Quyển Hạ, Phục thắng các căn-Nhẫn nhục, P.17-18 P.10 Quyết nghi, P.11 Tâm bản tịnh, P.12- Nghĩ về đời trước-Biết tâm niệm người, 13 Nguyệt Thủ thọ quyết-Chúc lụy; số P.19 Địa ngục; Q.4, P.20 Khuyến duyệt, 628, - Kinh Vị Tằng hữu Chánh pháp, có 6 P.21 Hành không; Q.5, P.22 Thần túc, quyển; số 629, - Kinh Phóng bát; số 630, - P.23 Số tức; Q.6, P.24 Quán, P.25 Học Kinh Thành cụ quang minh định ý; số 631, địa, P.26-27 Bậc Vô học-Vô học, P.28 Tu - Kinh Pháp luật tam-muội; số 632, - Kinh hành của ba bậc đệ tử, P.29-30 Duyên Tuệ ấn tam-muội; số 633, - Như Lai ấn trí Giác; số 607, - Kinh Đạo địa, có 7 chương Kinh; số 634, - Đại thừa Trí ấn Kinh, có 5 (C): C.1-3, Xét về loại-Biết năm ấm Tuệ- quyển; số 635, - Kinh Hoằng đạo quảng Tùy thuộc hoàn toàn vào ứng tưởng; C.4- hiển Tam-muội, có 4 quyển, 12 phẩm: 5, Năm ấm Phân biệt liền chận đứng được Q.1, P.1 Được Trí Tâm rộng lớn, P.2 năm loại thành bại; C.6-7, Hạnh thần túc- Thanh tịnh đạo, P.3 Đạo vô tập; Q.2, P.4 Năm mươi lăm thứ quán; số 608, - Kinh Thỉnh Như Lai, P.5 Hạnh vô dục; Q.3, P.6 Tiểu đạo địa; số 609, - Kinh Thiền yếu; số Lòng tin gặp pháp, P.7 Chuyển bánh xe 610, - Kinh Quán chương cú trong thân; số pháp, P.8 Giải quyết các nghi quyết; Q.4, 611, - Kinh Quán pháp; số 612, - Kinh P.9 Pháp Nhẫn không khởi, P.10 Các Pháp Quán thân; số 613, - Kinh Pháp thiền Bí yếu, P.11 Thọ phong bái, P.12 Chúc lụy yếu, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số Pháp tạng; số 636, - Kinh Vô cực Bảo 614, - Kinh Tọa thiền Tam-muội, có 2 Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số quyển Thượng-Hạ; số 615, - Kinh Bồ-tát 637, - Kinh Bảo Như Lai Tam-muội, có 2 Ha Sắc dục pháp; số 616, - Thiền pháp yếu quyển Thượng-Hạ; số 638, - Kinh Siêu giải, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 617, - Tư nhật minh Tam-muội, có 2 quyển Thượng-

Hạ; số 639, - Kinh Nguyệt đăng Tam- biệt Pháp môn Kinh; số 655, - Kinh Thắng muội, có 5 quyển. nghĩa Không. Tập 61, Kinh tập VIII, từ số 639 – 656; số Tập 62, Kinh tập IX, từ số 656 – 657; số 639, - Kinh Nguyệt đăng Tam-muội (tt), 656, - Kinh Bồ-tát Anh Lạc, có 14 quyển, từ Q.6-Q.10; số 640-641, - Kinh Nguyệt 45 phẩm: Q.1, P.1 Nêu bày khắp chốn, P.2 đăng Tam-muội (tt); số 642, - Kinh Thủ Nói về pháp thức Định, P.3 Trang nghiêm Lăng Nghiêm Tam-muội, có 2 quyển cây Bồ-đề; Q.2, P.4 Long vương tắm Thái Thượng-Hạ; số 643, - Quán Phật Tam- tử, P.5 Nói về các pháp môn Anh Lạc; muội hải Kinh, có 10 quyển, 12 phẩm: Q.3, P.6 Cảnh giới của Thức, P.7 Chư Q.1, P.1 Sáu Ví dụ, P.2 Trình bày Quán Phật khuyến trợ, P.8 Như Lai; Q.4, P.9 địa, P.3 Quán tưởng; Q.2-Q.4, P.3 Quán Âm hưởng, P.10-11 Nhân duyên, P.12-13 tưởng (tt); Q.5, P.4 Quán Phật tâm; Q.6, Bốn Thánh đế; Q.5, P.14-15 Chúng sinh P.5 Quán Bốn tâm vô lượng, P.6 Quán và Phật-Nói về gốc ngọn, P.16-17 Chẳng Bốn oai nghi; Q.7, P.6 Quán Bốn oai nghi phải có Thức-Không thức; Q.6, P.18 Đạt (tt); Q.8, P.7 Quán Mã vương tàng; Q.9, đến vô lượng; Q.7, P.19 Hành hóa thuần P.8-9 Bản hạnh-Quán tượng; Q.10, P.10- hợp, P.20 Ánh hào quang, P.21 Vô tưởng; 11 Niệm bảy Đức Phật-Niệm mười Q.8, P.22 Không còn dấy Thức vướng phương Phật, P.12 Quán mật hạnh của chấp, P.23 Nhận sự khuyến hành của Tôn Đức Phật; số 644, - Kinh Kim cang Tam- giả Ca-diếp, P.24 Pháp Hữu hành; Q.9, muội Bản tánh Thanh tịnh

bất hoại biến P.25-26 Thọ nhận-Dứt hết tham chấp diệt; số 645, - Kinh Bất tất định Nhập định vướng mắc, P.27-28 Trí Thanh tịnh dứt trừ Nhập ấn; số 646, - Kinh Nhập định Bất cấu nhiễm-không gián đoạn; Q.10, P.29 định ấn; số 647, - Kinh Lực Trang nghiêm Hiền thánh tập hợp đông đủ, P.30 Ba Tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và đường ba Thừa; Q.11, P.31 Cúng dường Hạ; số 648, - Kinh Tịch chiếu Thần biến Xá-lợi, P.32 Thí dụ, P.33 Pháp tướng ba Tam-ma-địa; số 649, - Kinh Quan sát chư đời, P.34 Thanh tịnh; Q.12, P.35-36 Pháp hạnh, có 4 quyển, 3 phẩm: Q.1, P.1 Thích-đề Hoàn-nhân hỏi Phật-Gốc của Hạnh Phương tiện khéo Vô biên; Q.2, P.2 mọi nẻo hành hóa; Q.13, P.37-38 Lãnh hội Siêng năng đời trước; Q.3, P.2 Siêng năng chánh pháp-Thiên tử cõi trời Tịnh Cư hỏi đời trước (tt); Q.3-Q.4, P.3 Thọ ký; số pháp; Q.14, P.39 Pháp giới trong mười 650, - Kinh chư Pháp vô hành, có 2 quyển phương, P.40-41 Mười trí-Thuận hợp thời, Thượng-Hạ; số 651, - Kinh Các pháp vốn P.42-43 Mười pháp chẳng thể nghĩ bàn-Vô Không, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 652, - ngã, P.44 Các Thừa-vô ngã, P.45 Ba cõi- Kinh Đại thừa Tùy chuyển tuyên thuyết vô ngã; số 657, - Kinh Phật thuyết Hoa chư Pháp, có 3 quyển Thượng, Trung và Thủ, có 9 quyển, 35 phẩm: Q.1, P.1 Mở Hạ; số 653, - Kinh Phật tạng, có 3 quyển, đầu, P.2-3 Nói về thần lực-Bồ-tát Võng 17 phẩm: Q.1, P.1 Thật tướng của các Minh, P.4-5 Nói về tướng Như-sự bất tín; Pháp, P.2-3 Niệm Phật-Niệm Pháp, P.4 Q.2, P.6-7 Nói về niệm xứ-Bồ-tát phát tâm Niệm Tăng, P.5 Tịnh giới; Q.2, P.5 Tịnh tức chuyển pháp luân, P.8-9 Thể hiện sự giới (tt), P.6 Pháp Thanh tịnh, P.7 Thời xa biến hóa-Diệu lực của Như Lai, P.10-11 xưa; Q.3, P.8 Kiến tịnh, P.9 Liễu giới, Nói về Công đức-Nói về Phát tâm; Q.3, P.17 Chúc lụy; số 654, - Nhập Vô phân P.12 Nói về Bồ-tát Vô Ưu, P.13 Trung thuyết, P.14 Tổng tướng; Q.4, P.15 Thế

giới thượng Thanh tịnh, P.16 Tung rải hoa luận; Q.7, P.17 Thiện tập, P.18 Quỷ thần, cúng dường; Q.5, P.17 Thế giới chúng P.19-20 Thọ ký-Trừ bịnh, P.21 Con ông tướng, P.18 Các phương khác; Q.6, P.19 Trưởng giả Lưu Thủy; Q.8, P.22 Xả bỏ Các pháp Tam-muội, P.20 Cầu pháp, P.21- thân mạng, P.23 Tán Phật, P.24 Phú chúc; 22 Ca ngợi Công đức-Chứng nghiệm tâm số 665, - Kinh Kim Quang Minh Tối Bồ-tát-cầu pháp; Q.7, P.23 Vương tử Đắc Thắng Vương, có 10 quyển, 31 phẩm: Q.1, Niệm, P.24-25 Chánh kiến-Ca ngợi chỉ P.1 Tựa, P.2 Tuổi thọ của Như Lai; Q.2, giáo, P.26 Nói về sự hủy hoại tâm Bồ-tát; P.3 Phân biệt ba thân, P.4 Mơ thấy trống Q.8, P.27 Nói về nhiều thứ pháp, P.28-29 vàng sám hối; Q.3, P.5 Diệt nghiệp Các thứ pháp thâm diệu-Nói về sự nghịch chướng; Q.4, P.6 Đà-la-ni Tối tịnh địa; thuận; Q.9, P.30 Không thoái chuyển, P.31 Q.5, P.7 Liên hoa dụ tán, P.8-9 Đà-la-ni Cầu pháp, P.32-33 Ca ngợi chúng hội- Kim thắng-Trùng hiển không tính, P.10 Y Thượng kiên đức, P.34 Pháp môn, P.35 không mãn nguyện-Trùng hiển không tính, Dặn dò giao phó. P.11 Tứ Thiên vương quán sát nhân thiên; Tập 63, Kinh tập X, từ số 658 – 665; số Q.6, P.12 Tứ Thiên vương Hộ quốc; Q.7, 658, - Kinh Bảo Vân, có 7 quyển; số 659, P.13-14 Đà-la-ni vô nhiễm trước-Như ý - Kinh Đại thừa Bảo Vân, có 7 quyển, 7 bảo châu, P.15 Thiên nữ Đại biện tài; Q.8, phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Mười Ba-la-mật; P.15 Thiên nữ Đại biện tài (tt), P.16-17 Q.2, P.2 Mười Ba-la-mật (tt); Q.3, P.3 Thiên nữ Đại Cát tường-Tăng trưởng tài Bình đẳng; Q.4, P.4 Đà-la-ni; Q.5, P.5 An vật, P.18-19 Địa thần Kiên Lao-Đại tướng lạc hạnh; Q.6, P.6 Nhị đế; Q.7, P.7 Bảo Dược-xoa Thận-nhĩ-đa, P.20 Chánh luận tích; số 660, - Kinh Bảo Vũ, có 10 quyển; Vương pháp; Q.9, P.21 Vua Thiện

Sinh, số 661, - Kinh Đại thừa Bách phước P.22 Chư thiên Dược-xoa Hộ trì, P.23-24 tướng; số 662, - Kinh Đại thừa Bách Thọ ký-Trừ bịnh, P.25 Trưởng giả tử Lưu phước Trang nghiêm tướng; số 663, - Thủy; Q.10 P.26 Xả bỏ thân mạng, P.27- Kinh Kim Quang Minh, có 2 quyển, 10 28 Bồ-tát được mười phương tán thán-Bồ- phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2-3 Thọ lượng-Sám tát Diệu Tráng khen ngợi, P.29-31 Thần hối, P.4 Tán thán, P.5 Không; Q.2, P.6 Tứ cây Bồ-đề khen ngợi-Thiên nữ Đại Biện thiên vương, P.7-9 Đại Biện thiên, P.10-11 tài khen ngợi, Phú chúc. Quỷ thần Tán chỉ-Chánh luận, P.12-13 Tập 64, Kinh tập XI, từ số 666 – 673; số Thiện tập-Quỷ thần, P.14-15 Thọ ký-Trừ 666, - Kinh Đại phương đẳng Như Lai bệnh, P.16-17 Trưởng giả Lưu Thủy-Xả tạng; số 668, - Kinh Không tăng không thân, P.18-19 Tán thán-Chúc lụy; số 664, - giảm; số 669, - Kinh Vô thượng y, có 2 Kinh Kim Quang Minh Hợp bộ, có 8 quyển, 7 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Sự quyển, 24 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Thọ suy lường công đức, P.2 Như Lai giới, P.3 mạng vô lượng, P.3 Phân biệt về ba thân; Bồ-đề; Quyển Hạ, P.4 Công đức của Như Q.2, P.4 Sám hối, P.5 Nghiệp chướng diệt; Lai, P.5-7 Việc của Như Lai-khen ngợi- Q.3, P.6 Đà-la-ni Tối tịnh địa; Q.4, P.7 Chúc lụy; số 670, - Kinh Lăng-già A-bạt- Tán thán, P.8 Không, P.9 Y không mãn đa-la Bảo, có 4 quyển, 4 phẩm: P.1-4 Nhất nguyện; Q.5, P.10 Tứ Thiên vương; Q.6, thiết Phật ngữ tâm; số 671, - Kinh Nhập P.11-12 Ngân chủ Đà-la-ni-Đại Biện Lăng-già, có 10 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 thiên, P.13-14 Công Đức thiên-Kiên Lao Thỉnh Phật, P.2 Vấn đáp; Q.2, P.3 Tập hợp Địa thần, P.15-16 Tán Chỉ quỷ thần-Chánh tất cả pháp Phật; Q.3, P.3 Tập hợp tất cả

pháp Phật (tt); Q.4, P.3 Tập hợp tất cả 678, - Kinh Tương tục giải thoát Đại Ba- pháp Phật (tt); Q.5, P.4 Phật tâm; Q.6, P.5 la-mật Liễu nghĩa; số 679, - Kinh Tương Lô-ca-da-đà, P.6-7 Niết-bàn-Pháp thân; tục Giải thoát Như Lai sở tác Tùy thuận Q.7, P.8-9 Vô thường-Nhập đạo, P.10-11 xứ Liễu nghĩa; số 680, - Kinh Phật địa; số Thưa hỏi Như Lai là thường hay vô 681, - Kinh Đại thừa Mật nghiêm, có 3 thường-Phật tánh, P.12-13 Năm pháp quyển, 8 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Hội môn-Hằng-hà-sa; Q.8, P.14-15 Sát-na, Mật nghiêm, P.2 Diệu thân sinh; Quyển P.16-17 Ngăn ăn thịt-Đà-la-ni; Q.9-Q.10, Trung, P.2 Diệu thân sinh (tt), Nhập mật P.18 Tổng trì; số 672, - Kinh Đại thừa nghiêm sinh thân vi diệu, P.3-4 Thai sinh- nhập Lăng-già, có 7 quyển, 10 phẩm: Q.1, Hiển thị tự tác, P.5-6 Phân biệt quán hành- P.1 La-ba-na vương thỉnh pháp, P.2 Sự tập Kiến lập A-lại-da; Quyển Hạ, P.7-8 Cảnh hợp tất cả các pháp; Q.3, P.2 Sự tập hợp giới tự thức, A-lại-da vi mật; số 682, - tất cả các pháp (tt); Q.4, P.3 Vô thường; Kinh Đại thừa Mật nghiêm, có 3 quyển, 8 Q.5, P.3 Vô thường (tt), P.4-5 Hiện chứng- phẩm: Quyển Thượng, P.1 Đạo tràng Mật Tính chất thường và vô thường của Như nghiêm, P.2 Nhập mật nghiêm sinh thân vi Lai, P.6 Sát-na; Q.6, P.7 Sự biến hóa, P.8 diệu; Quyển Trung, P.2 Nhập mật nghiêm Không ăn thịt, P.9-10 Đà-la-ni, Kệ tụng; sinh thân vi diệu (tt), P.3-4 Sinh thai tạng- Q.7, P.10 Kệ tụng; số 673, - Kinh Đại thừa Cảnh giới tự tác, P.5-6 Biện quán hạnh- Đồng tánh, có 2 quyển Thượng-Hạ. Hướng vào A-lại-da; Quyển Hạ, P.7-8 (https://daitangkinh.org) Cảnh giới ngã thức-A-lại-da chính là mật Tập 65, Kinh tập XII, từ số 674 – 720; số nghiêm; số 683, - Kinh Chư đức Phước 674, - Kinh Chứng khế Đại thừa, có 2 điển; số 684, - Kinh Ân Cha mẹ khó báo quyển Thượng-Hạ; số 675, - Kinh Thâm đáp; số 685, - Kinh Vu Lan bồn; số 686, - mật Giải thoát, có 5 quyển, 11 phẩm: Q.1, Kinh Báo ân Phụ mẫu; số 687, - Kinh

P.1-2 Tựa Quy mạng Đức Phật Thích-ca Hiếu tử; số 688, - Kinh Vị Tằng-hữu; số Mâu-ni, P.3-4 Thánh giả Đàm-vô-kiệt 689, - Kinh Thậm Hy hữu; số 690, - Kinh thưa hỏi, P.5-6 Tuệ Mạng Tu-bồ-đề thưa Hy hữu giảo lượng Công đức; số 691, - hỏi-Thánh giả Bồ-tát Quảng Tuệ thưa hỏi; Kinh Tối vô tỷ; số 692, - Kinh Tạo hình Q.2, P.7 Thánh giả Bồ-tát Công Đức Lâm tượng Phật; số 693, - Kinh Tạo lập hình thưa hỏi, P.8 Thánh giả Bồ-tát thành tựu tượng phước báo; số 694, - Kinh Đại thừa Đệ nhất nghĩa thưa hỏi; Q.3, P.9 Thánh Tạo tượng Công đức, có 2 quyển Thượng- giả Bồ-tát Công Đức Lâm thưa hỏi; Q.4, Hạ; số 695, - Kinh Quán tẩy Phật hình P.9 Thánh giả Bồ-tát Di-lặc thưa hỏi, P.10 tượng; số 696, - Kinh Ma-ha Sát-đầu quán Thánh giả Bồ-tát Quán thế Tự Tại thưa Phật hình tượng; số 697, - Kinh Dục tượng hỏi; Q.5, P.10 Thánh giả Bồ-tát Quán thế Công đức; số 698, - Kinh Dục Phật công Tự Tại thưa hỏi (tt); số 676, - Kinh Giải đức; số 699, - Kinh Tạo tháp Công đức; số Thâm mật, có 5 quyển, 8 phẩm: Q.1, P.1-3 700, - Kinh Công đức nhiễu bên phải tháp Mở đầu-Thắng nghĩa-Tâm thức; từ Q.2, Phật; số 701, - Kinh Ôn thất Tẩy dục P.4 Tự tánh-Vô tánh; từ Q.3, P.6 Du-già; chúng Tăng-Xây nhà tắm cúng Tăng; số Q.4, P.7 Đại độ; Q.5, P.8 Phật sự; số 677, 702, - Kinh Thí đăng Công đức; số 703, - - Kinh Giải tiết, có 4 phẩm: P.1 Bất khả Kinh Đăng chỉ Nhân duyên; số 704, - ngôn vô nhị, P.2 Vượt hơn cảnh giới giác Kinh Lâu các chánh pháp Cam-lộ cổ; số quán, P.3 Quán Nhất dị, P.4 Nhất vị; số 705, - Kinh Bố thí; số 706, - Kinh Ngũ đại

thí; số 707, - Kinh Xuất gia Công đức; số Không phóng dật (tt), P.7 Chê trách năm 708, - Kinh Liễu bản sanh tử-Rõ nguồn dục; Q.4, P.7-8 Chê trách năm dục-Lìa ái, gốc sanh tử; số 709, - Kinh Đạo Vu-Nói P.9-10 Lìa tà hạnh-Lìa tội lỗi của rượu; về cây lúa, cây khoai; số 710, - Kinh Từ Q.5, P.11 Đối trị tâm; Q.6, P.13 Phước Thị Bồ-tát sở thuyết Đại thừa Duyên sinh nghiệp, chẳng phải phước nghiệp, P.14-15 Đạo cán dụ; số 711, - Kinh Đại thừa Xá- Chỉ dạy chúng sinh-Thuyết minh về tội; lê-sá Đam-ma; số 712, - Kinh Đại thừa Q.7, P.15 Thuyết minh về tội, P.15-16 Đại Vu; số 713, - Kinh Bối Đa Hạ tư duy Thuyết minh về tội-Địa ngục, P.17-19 Ngạ Thập nhị Nhân duyên; số 714, - Kinh quỷ-Súc sinh-Nghiệp báo đói khát; Q.8, Duyên khởi Thánh đạo; số 715, - Kinh P.20-21 Trừ bỏ biếng nhát-Từ bi với hữu Cựu Thành dụ; số 716, - Kinh Duyên sanh tình, P.22-23 Bố thí-Trì giới; P.24-27 sơ thắng phần Pháp bản, có 2 quyển Nhẫn nhục-Tinh tấn-Thiền định-Thắng Thượng-Hạ; số 717, - Kinh Phân biệt tuệ; Q.9, P.28-29 Tịch tịnh-Thánh đạo, Duyên khởi sơ thắng Pháp môn, có 2 P.30 Giáo giới Tỳ-kheo, P.31 Phước hạnh; quyển Thượng-Hạ; số 718, - Kinh Phân Q.10, P.32 Sinh thiên, P.33-34 Diệu lạc- biệt Duyên sinh; số 719, - Kinh Thập nhị Thiện trí thức, P.35-36 Vua cai trị nước- Nhân duyên sinh Tường thụy, có 2 quyển Khen ngợi công đức. Thượng-Hạ; số 720, - Kinh Vô minh La- Tập 68, Kinh tập XV, từ số 729 – 804; số sát tập, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ. 729, - Phật thuyết Phân biệt Thiện ác sở Tập 66, Kinh tập XIII, số 721, - Kinh khởi Kinh; số 730, - Phật thuyết Xứ xứ Chánh pháp Niệm xứ, từ Q.1-Q.50, 6 Kinh; số 731, - Phật thuyết Thập bát Nê-lê phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Mười con đường thiện Kinh; số 732, - Phật thuyết Mạ Ý Kinh; số nghiệp; Q.3-Q.5, P.2 Sinh tử; từ Q.6-Q.15, 733, - Phật thuyết Kiên Ý Kinh; số 734, - P.3 Địa ngục; Q.16-Q.17, P.4 Ngạ quỷ; từ Phật thuyết Quỷ vấn Mục-liên Kinh; số Q.18-Q.21, P.5 Súc sinh; Q.22-Q.24, P.6 735, - Phật thuyết Tứ nguyện Kinh; số Tứ thiên vương; từ Q.25-Q.35, P.6 Tam 736, - Phật thuyết Tứ tự Xâm Kinh; số thập Tam thiên; từ

Q.36-Q.50, P.6 Quán 737, - Kinh Sở dục Trí hoạn; số 738, - thiên, Dạ-ma thiên. Phật thuyết Phân biệt Kinh; số 739, - Phật Tập 67, Kinh tập XIV, số 721, - Kinh thuyết Mạn pháp Kinh; số 740, - Kinh Át- Chánh pháp Niệm xứ (tt), từ Q.50-Q.64, đa-hòa-đa-kỳ Kinh; số 741, - Kinh Ngũ P.6 Quán thiên, Dạ-ma thiên; từ Q.65- khổ Chương cú; số 742, - Phật thuyết Tự Q.70, P.7 Thân niệm xứ; số 722, Kinh ái Kinh; số 743, - Phật thuyết Trung tâm Diệu pháp Thánh niệm xứ, có 8 quyển; số Kinh; số 744, - Phật thuyết Trừ khủng Tai 723, - Kinh Phân biệt nghiệp báo lược; số hoạn Kinh; số 745, - Phật thuyết Tạp tạng 724, - Kinh Tội nghiệp báo ứng Giáo hóa Kinh; số 746, - Kinh Quỷ báo ứng; số 747 địa ngục; số 725, - Kinh Lục Đạo Già-đà; (a), - Phật thuyết Tội phước Báo ứng số 726, - Kinh Lục thú Luân hồi; số 727, - Kinh; số 747 (b), - Phật thuyết Luân Kinh Thập bất thiện Nghiệp đạo; số 728, - chuyển Ngũ đạo Tội phước Báo ứng Kinh; Kinh Chư pháp Tập yếu, có 10 quyển, 36 số 748, - Phật thuyết Hộ Tịnh Kinh; số phẩm: Q.1, P.1-2 Diệt trừ phiền não- 749, - Phật thuyết Nhân duyên Tăng hộ Thuyết pháp, P.3-4 Nhàm chán nhân-Xa Tịnh Kinh; số 750, - Kinh Sa-di-la; số lìa bất thiện, P.5 Vô thường; Q.2, P.5 Vô 751-752, - Phật thuyết Ngũ võ Phản phục thường (tt), P.6 Không phóng dật; Q.3, P.6 Kinh; số 753, - Kinh Thập nhị Phẩm Sinh

tử; số 754, - Phật thuyết Vị Tằng-hữu Kinh Kim Cang Đảnh Du-già niệm châu; Nhân duyên Kinh, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 790, - Phật thuyết Bột Kinh sao; số 791, số 755, - Phật thuyết Tịnh ý Ưu-bà-tắc Sở - Phật thuyết Xuất gia duyên Kinh; số 792, vấn Kinh; số 756, - Phật thuyết Bát vô hạ - Phật thuyết Pháp thọ trần Kinh; số 793, - Hữu hạ Kinh; số 757, - Phật thuyết Thân Phật thuyết Phật y Kinh; số 794, - Phật Hao hỷ Thụ Kinh, có 3 quyển Thượng, thuyết Thời - phi thời Kinh; số 795, - Phật Trung và Hạ; số 758, - Phật thuyết Chư Trị thân Kinh; số 796, - Phật thuyết Kiến hành hữu Vi Kinh; số 759, - Phật thuyết chánh Kinh; số 797, - Phật thuyết Bần Giảo lượng Thọ mạng Kinh; số 760, - cùng Lão Công Kinh; số 798, - Phật thuyết Kinh Duy nhất Tạp nan; số 761, - Phật Tấn học Kinh; số 799, - Phật thuyết Lược thuyết Pháp tập Kinh, có 6 quyển; số 762, Giáo giới Kinh; số 800, - Phật thuyết Vô - Phật thuyết Quyết định nghĩa Kinh; số thượng Xứ Kinh; số 801, - Phật thuyết Vô 763, - Phật thuyết Pháp thừa nghĩa Quyết thường Kinh; số 802, - Phật thuyết Tín định Kinh, có 3 quyển Thượng, Trung và giải Trí lực Kinh; số 803, - Phật thuyết Hạ; số 764, - Phật thuyết Pháp tập Danh số Thanh tịnh Tâm Kinh; số 804, - Phật Kinh; số 765, - Kinh Bản sự, có 7 quyển, 3 thuyết Giải ưu Kinh. phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Một pháp; Q.3-Q.5, Tập 69, Kinh tập XVI, từ số 805 – 847; số P.2 Hai pháp; Q.6-Q.7, P.3 Ba pháp; số 805, - Phật thuyết Chiên-đàn Thọ Kinh; số 766, - Phật thuyết Pháp thân Kinh; số 767, 806, - Phật thuyết Khổ thọ Kinh; số 807, - - Phật thuyết Tam phẩm Đệ tử Kinh; số Phật thuyết Nội tạng Bách bảo Kinh; số 768, - Kinh Tam Tuệ; số 769, - Phật 808, - Phật thuyết Độc Tử Kinh; số 809, - thuyết Tứ bối Kinh; số 770, - Phật thuyết Phật thuyết Nhũ Quang Phật Kinh; số 810, Tứ Bất khả đắc Kinh; số 771, - Kinh Tứ - Kinh Chư Phật yếu tập, có 2 quyển phẩm học Pháp; số 772, - Kinh Đại thừa Thượng-Hạ; số 811, - Phật thuyết Quyết Tứ pháp; số 773, - Phật thuyết Bồ-tát Tu định Tổng trì Kinh; số 812, - Bồ-tát hành hành Tứ pháp Kinh; số 774, Kinh Đại thừa Ngũ thập duyên Kinh; số 813, - Phật Tứ pháp; số 775, - Phật thuyết Tứ Vô sở thuyết Vô hy vọng Kinh; số 814, - Phật úy Kinh; số 776, - Phật thuyết Tứ Phẩm thuyết Tượng Dịch Kinh; số 815, - Phật pháp môn Kinh; số

777, - Phật thuyết Hiền lên trời Đao Lợi thuyết pháp cho Thân giả Ngũ phước đức Kinh; số 778, - Phật mẫu, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số thuyết Bồ-tát Nội tập Lục Ba-la-mật Kinh; 816, - Phật thuyết Đạo thần túc Vô cực số 779, - Phật thuyết Bát Đại Nhân giác biến hóa Kinh, có 4 quyển; số 817, - Phật Kinh; số 780, - Phật thuyết Thập Lực thuyết Đại tịnh Pháp môn Kinh; số 818, - Kinh; số 781, - Phật thuyết Phật Thập Lực Kinh Đại Trang nghiêm Pháp môn, có 2 Kinh; số 782, - Phật thuyết Thập Hiệu quyển Thượng-Hạ; số 819, - Phật thuyết Kinh; số 783, - Phật thuyết Thập nhị Đầu- Pháp thường trụ Kinh; số 820, - Phật đà Kinh; số 784, - Kinh Tứ Thập nhị thuyết Diễn Đạo tục Nghiệp Kinh; số 821, chương; số 785, - Kinh Đắc Đạo Thê đăng - Kinh Đại phương quảng Như Lai Bí mật tích trượng; số 786, - Phật thuyết Mộc tạng, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 822, - Hoạn tử Kinh; số 787, - Kinh Mạn-thù- Phật thuyết Chư pháp Dũng Vương Kinh; thất-lợi chú tạng Trung giảo lượng số châu số 823, - Phật thuyết Nhất thiết Pháp Cao Công đức; số 788, - Phật thuyết Giảo vương Kinh; số 824, - Kinh Chư pháp Tối lượng số châu Công đức Kinh; số 789, - thượng vương; số 825, - Kinh Thậm thâm

Đại Hồi hướng; số 826, - Kinh Đệ tử Chết Đại về Như Lai tạng để phát khởi chỗ rồi sống lại; số 827, - Kinh Người cày Chân ngộ, 10. Chỉ rõ sự tiếp tục giả dối ruộng lười biếng; số 828, - Kinh Vô tự sinh ra và các đại không ngăn ngại lẫn Bảo khiếp; số 829, - Đại thừa Ly văn tự nhau, 11. Chỉ Tánh diệu minh hợp về Như Phổ Quang minh tạng; số 830, - Kinh Đại Lai tạng rời cả hai nghĩa Phi và Tức, 12. thừa Biến chiếu Quang minh tạng Vô tự Chỉ mê vọng không có nhân hết mê tức là Pháp môn; số 831, - Kinh Báng Phật; số Bồ-đề, 13. Lại phá xích Nhân duyên Tự 832, - Kinh Phật ngữ; số 833, - Kinh Đệ nhiên và trách chỉ biết nghe nhiều, 14. Chỉ nhất nghĩa Pháp thắng; số 834, - Kinh Đại nghĩa Quyết định, 15. Đánh chuông thật Oai đăng quang Tiên nhân vấn nghi; số nghiệm Tánh thường, 16. Nêu ra cái căn 835, - Kinh Như Lai Sư tử hống; số 836, - để chỉ chỗ mê-Nương chỗ ngộ mà viên tu, Kinh Đại phương quảng Sư tử hống; số 17. Cột khăn để chỉ đầu nút, 18. Chỉ cởi 837, - Phật thuyết Xuất sanh Bồ-đề Tâm nút trước sau, 19. Gạn hỏi Đại chúng về Kinh; số 838, - Phật thuyết Phát Bồ-đề viên thông, 20. Nhân A-nan xin cứu độ tâm phá chư ma Kinh, có 2 quyển đời vị lai Phật tóm nêu ra ba nghĩa Quyết Thượng-Hạ; số 839, - Kinh Chiêm Sát định-Rộng để lại khuôn pháp tu hành, 21. Thiện ác Nghiệp báo, có 2 quyển Thượng- Gạn hỏi đại chúng về viên thông, 22. Chỉ Hạ; số 840, - Kinh Xưng tán Đại thừa đích pháp viên tu, 23. Phật khai thị về Mật Công đức; số 841, - Kinh Diệu pháp giáo thầm giúp cho những người tu hành, Quyết định Nghiệp chướng; số 842, - Kinh 24. Khai thị về những pháp tắc lập đạo Đại phương quảng Viên giác Tu-đa-la tràng tu trì, 25. Tuyên nói Tâm chú rộng Liễu nghĩa; số 843, - Kinh Đại thừa Bất tư khai thị những lợi ích, 26-27. Khai thị nghì Thần thông Cảnh giới, có 3 quyển những vị trí tu chứng trước sau, 28. Hỏi về Thượng, Trung và Hạ; số 844, - Phật những tập khí vốn sinh khởi ra sáu nẻo, thuyết Đại phương quảng Vị Tằng-hữu 29. Hỏi về bác không có Nhân quả bị sa Kinh-Phẩm Phương tiện thiện xảo; số 845, mãi vào địa ngục và về Nghiệp chung - Phật thuyết Tôn-na Kinh; số 846, - Kinh Nghiệp riêng, 30. Khai thị về phần trong Ngoại đạo vấn Thánh Đại thừa Pháp Vô và phần ngoài của chúng sanh, 31. Chỉ ra ngã nghĩa; số 847, - Đại thừa Tu hành Bồ- Mười tập nhân và Sáu nẻo giao báo, 32. tát Hạnh môn chư Kinh yếu tập, có 3 Tu nhân riêng biệt thành quả hư vọng, 33- quyển Thượng, Trung

và Hạ. 34. Các cõi trời sai khác, 35. Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài để khuyến khích tu Bộ Mật tông, Kinh Thủ Lăng Nghiêm I, hành Chánh pháp, 36-37. Phân biệt các ấm tập 70 ma, 38. Chỉ rõ thứ lớp tiêu diệt các Ấm và Tập 70, số 945, - Kinh Thủ Lăng Nghiêm, giới hạn phạm vi các Ấm, 39. Được phước 1. Đề mục, 2. Gạn hỏi cái Tâm, 3. Chỉ rõ hơn cả, Tiêu tội hơn cả, Trừ ma hơn cả, tánh thấy, 4. Chỉ rõ tánh Thấy không sinh Phần lưu thông, 40. Kinh Thiên thủ Thiên không diệt, 5. Phật nêu ra tánh thấy ra nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát quảng đại viên ngoài các nghĩa Thị và Phi thị, 6. Phá mãn vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni, 41. Bộ những thuyết Nhân duyên Tự nhiên để bày Mật giáo-Giới thiệu phần bộ Mật giáo, 42. tỏ sự thật nhận thấy Tánh thấy, 7. Chỉ ra Về sự mở mang của Mật giáo-Từ khi phát cái nhận thức sai lầm để bày tỏ thể Tánh khởi đến đời Tùy, 43. Dâm dục là Đạo Chân thật, 8-9. Tóm thâu bốn Khoa và bảy (trích trong Hoa Vũ tập 4 của Đại sư Ấn

Thuận, 1906-2005). đà; Q.2, P.4 Xót xa than thở, P.5 Sống lâu, (https://daitangkinh.org) P.6 Thân Kim cương, P.7 Thọ trì; Q.3, P.8 Bốn pháp; Q.4, P.9 Bốn hạng người để 44. BỘ NIẾT-BÀN – 3 Tập nương tựa, P.10 Phân biệt tà chánh; Q.5, Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập P.11 Bốn đế, P.12 Bốn thứ điên đảo, P.13 47 – 49 Như Lai tánh, P.14 Văn tự, P.15 Lấy chim Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc làm thí dụ, P.16 Lấy mặt trăng làm thí dụ; xuất bản – 2000 Q.6, P.17 Hỏi về Bồ-tát, P.18 Vui theo; số Tập 47, Kinh Đại bát Niết-bàn I, số 374, 377, - Kinh Đại bát Niết-bàn hậu phần, có có 40 quyển, 13 phẩm: từ Q.1-Q.3, P.1 2 quyển Thượng-Hạ, 4 phẩm: P.1 Lời răn Thọ mạng; Q.3 P.2 Kim Cang thân, P.3 dạy của Đức Phật để lại, P.2 Sự trở về Danh tự công đức; Q.4, P.4 Thọ mạng, P.4 nguồn phải làm tròn, P.3 Cơ cảm trà-tỳ, Như Lai tánh; từ Q.5-Q.10, P.4 Như Lai P.4 Thân mình đức Thánh thấm nhuần tánh (tt), P.5 Những điều đại chúng hỏi rộng lớn; số 378, - Kinh Phương đẳng bát Phật; Q.11, P.6 Hiện bịnh, P.7 Thánh Nê-hoàn, có 2 quyển, 9 phẩm: Quyển hạnh; từ Q.12-Q.14, P.7 Thánh hạnh; từ Thượng, P.1 Khóc thương, P.2 Bốn đồng Q.15-Q.20, P.8 Phạm hạnh, P.9 Anh nhi tử hiện sinh, P.3 Bốn đồng tử; Quyển Hạ, hạnh; từ Q.21-Q.26, P.10 Bồ-tát Quang P.4 Chúc lụy, P.5 Độ địa ngục, P.6 Hiện minh biến chiếu Cao quý Đức vương; từ các Đức Phật, P.7 Nước Phật thanh tịnh, Q.27-Q.32, P.11 Bồ-tát Sư tử hống; từ P.8 Thiên Bồ-tát, P.9 Như Lai hóa thuyết Q.33-Q.40, P.12 Bồ-tát Ca-diếp. pháp; số 379, - Kinh Tứ Đồng tử Tam- Tập 48, Kinh Đại bát Niết-bàn II, số 375, muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; có 36 quyển, 25 phẩm: Q.1, P.1 Tựa; Q.2, số 380, - Kinh Đại bi, có 5 quyển, 14 P.2 Thuần-đà, P.3 Ai thán; Q.3, P.4 phẩm: Q.1, P.1 Phạm thiên, P.2 Thương Trường thọ, P.5 Thần Kim cương, P.6 chủ, P.3 Đế-thích; Q.2, P.4 La-hầu-la, P.5 Danh tự công đức; Q.4, P.7 Bốn tướng; Ca-diếp, P.6 Giữ gìn, P.7 Xá-lợi; Q.3, P.8 Q.5, P.7 Bốn tướng (tt); Q.6, P.8 Bốn y; Lễ bái, P.9 Thiện căn, P.10 Phước đức, Q.7, P.9 Tà chánh, P.10 Tứ đế, P.11 Bốn P.11 Trồng căn lành; Q.4, P.12 Dùng các điên đảo; Q.8, P.12 Như Lai tánh, P.13 thí dụ để phó chúc chánh pháp; Q.5, P.13 Văn tự, P.14 Điều dụ; Q.9, P.15 Nguyệt Trồng căn lành, P.14 Hỏi-đáp; số 381, - dụ, P.16 Bồ-tát; Q.10, P.17 Nhất thiết đại Kinh Đẳng tập chủng đức Tam-muội, có 3 chúng sở vấn, P.18 Hiện bịnh; Q.11-Q.13, quyển Thượng, Trung và Hạ; số 382, - P.19 Thánh hạnh; từ Q.14-Q.18, P.20 Kinh Tập nhất thiết phước đức Tam-muội, Phạm hạnh, P.21 Anh nhi hạnh; từ Q.19- có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 383, Q.24, P.22 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu - Kinh

Ma-ha Ma-da, có 2 quyển Thượng- Cao quý Đức vương; từ Q.25-Q.30, P.23 Hạ; số 384, - Kinh Bồ-tát Tùng đâu thuật Bồ-tát Sư tử hống; từ Q.31-Q.34, P.24 Bồ- thiên giáng thần Mẫu thai thuyết quảng tát Ca-diếp; Q.35-Q.36, P.25 Kiều Trần phổ, có 7 quyển, 38 phẩm: Q.1, P.1 Thiên Như. cung, P.2 Du bộ, P.3 Thánh đế; Q.2, P.4 Tập 49, Kinh Đại bát Niết-bàn III, từ số Phật thọ, P.5 Tam thế đẳng; Q.3, P.6 376 – 396; số 376, - Kinh Đại bát Nê- Tưởng vô tưởng, P.7 Trụ bất trụ, P.8 Bát hoàn, có 6 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, chủng thân, P.9 Toàn thân Xá-lợi, P.10 P.3 Bồ-tát đại thân, P.4 Trưởng giả Thuần- Thường vô thường; Q.4, P.11 Tùy hỷ,

P.12 Ngũ đạo tâm thức, P.13 Chư Phật Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập hành tề vô sai biệt, P.14 Hành định bất 34 – 35 định; Q.5, P.15 Chúng sanh nhậm lục đạo, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc P.16 Chuyển pháp luân, P.17 Năm thần xuất bản – 2000 thông, P.18 Thức trụ xứ, P.19 Thiện Tập 34, số 262, - Kinh Diệu Pháp Liên quyền; Q.6, P.20 Vô minh, P.21 Khổ Hoa do Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập hạnh, P.22 Tử đạo hòa hợp, P.23 Ý, P.24 dịch, có 7 quyển, 28 phẩm; số 263, - Kinh Định ý, P.25 Quang ảnh; Q.7, P.26 Phá tà Chánh Pháp Hoa do Tam tạng Pháp sư kiến, P.27 Văn-thù thân biến hóa, P.28 Bát Trúc Pháp Hộ dịch, có 10 quyển, 26 phẩm; Hiền Thánh trai giới, P.29 Năm lạc, P.30 số 624, - Kinh Thiêm phẩm Diệu Pháp Khẩn-đà-la, P.31 Hương ấm thân, P.32 Liên Hoa do Tam tạng Xà-na-quật-đa và Địa thần, P.33 Người, P.34 Hành, P.35 Cấp-đa dịch, có 7 quyển, 26 phẩm. Pháp trụ, P.36 Phụ bản hình, P.37 Xây Tập 35, gồm có các Kinh số: số 265, - tháp, P.38 Xuất kinh; số 385, - Kinh Trung Kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi; số 266, - Kinh ấm, có 2 quyển, 12 phẩm: Quyển Thượng, Phật thuyết A-duy-việt Trí già, có 3 quyển P.1 Năm thệ nguyện rộng lớn của Như Thượng, Trung và Hạ, 18 phẩm: P.1 Pháp Lai, P.2 Đức Như Lai Diệu giác đưa các luân không thối chuyển, P.2 Giữ vững Bồ-tát vào trung ấm để giáo hóa, P.3 Đức lòng tin, P.3 Phụng trì chánh pháp, P.4 Như Lai Diệu giác nhập trung ấm phần Tám bậc, P.5 Nẻo đạo, P.6 Vãng lai, P.7 thân, P.4 Bồ-tát Hiện Hộ hỏi việc, P.5 Đạo Không trở lại, P.8 Không vướng mắc, P.9 thọ; Quyển Hạ, P.6 Thần túc, P.7 Phá lưới Thanh văn, P.10 Duyên giác, P.11 Nói về ái, P.8 Ba đời bình đẳng, P.9 Không sinh quả, P.12 Hàng phục chúng ma, P.13 Như diệt, P.10 Giáo hóa không và vô hình, P.11 Lai, P.14 Dẫn dắt giáo hóa, P.15 Bậc Sư tử Hữu sắc và vô sắc, P.12 Hoan hỷ; số 386, nữ, P.16 Ca ngợi Pháp sư, P.17 Nói về bài - Kinh Liên Hoa diện, có 2 quyển Thượng- giảng Kinh này, P.18 Giao phó dặn dò; số Hạ; số 387, - Kinh Đại phương đẳng Vô 267, - Kinh Pháp luân không thoái chuyển, tưởng, có 6 quyển: Q.1-Q.2, Đại Vân nói có 4 quyển, 9 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Tín và về đại chúng; Q.3 Đại Vân nói về Đà-la- hành, P.3 Thanh văn Bích-chi Phật, P.4 ni; Q.4 Đại Vân-Như Lai Niết-bàn; Q.5- Nêu rõ hành tướng hai thừa, P.5 Dứt trừ Q.6 Đại Vân-Tăng trưởng; số 388, - Kinh các tướng, P.6 Hàng phục các ma, P.7 Thọ Đại Vân Vô tưởng; số 389, - Kinh Phật ký, P.8 Nhận rõ, P.9 An dưỡng quốc; số thùy bát Niết-bàn lược thuyết giáo giới 268, - Kinh Phật thuyết Quảng bác nghiêm (Kinh Phật di giáo); số 390, - Kinh Phật tịnh Bất thối chuyển luân, có 6 quyển; số lâm Niết-bàn ký pháp trụ; số 391, - Kinh 269, - Kinh Pháp Hoa Tam-muội; số 270, - Bát Nê-hoàn hậu quán lạp; số 392, - Kinh Kinh Đại pháp cổ, có 2 quyển Thượng-Hạ; Phật diệt độ hậu quán liệm táng tống; số số 271, - Kinh Bồ-tát hành Phương tiện 393, - Kinh Ca-diếp phó Phật bát Niết- cảnh giới thần thông biến hóa, có 3

quyển bàn; số 394, - Kinh Phật nhập Niết-bàn Thượng, Trung và Hạ; - số 272, - Kinh Mật tích Kim cang lực sĩ ai luyến; số 395, Đại Tát-già Ni-kiền tử sở thuyết, có 10 - Kinh Đương lai biến; số 396, - Kinh quyển, 12 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Vấn nghi, Sí, P.5 Vương luận, P.6 Thỉnh thọ trai, P.7 45. BỘ PHÁP HOA – 2 Tập Hỏi về tội lỗi, P.8 Công đức không lỗi lầm

của Như Lai, P.9 Đến gặp Như Lai, P.10 đại bi, Sáu thần thông, Tâm tùy hỷ-bố thí, Thuyết pháp, P.11 Thọ ký, P.12 Công đức Hồi hướng, Thiện căn cúng dường, Chư của Tín Thọ Trì Kinh; số 273, - Kinh Kim Phật xưng tán tên Bồ-tát, Mười tám Cang Tam-muội, có 8 phẩm. Không, Bốn duyên, Đến bờ kia, Thấy thế (https://daitangkinh.org) giới chư Phật, Tín trì không có ba độc, Phẩm 2-Báo ứng, Phẩm 3-Tập tương ưng 46. BỘ THÍCH KINH LUẬN (3 phần), Phẩm 4-Vãng sanh (3 phần), Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập Phẩm 5-Tán thán cứu độ, Phẩm 6-Tướng 83 – 88 lưới, Phẩm 7-Ba giả, Phẩm 8-Khuyến học; Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Giải thích các Phẩm (P) 9-Tập tán (2 xuất bản – 2000 phần), P.10 Hành tướng, P.11 Huyễn học, Tập 83, Kinh Luận 1, Tứ A Hàm mộ sao P.12 Cú nghĩa, P.13 Ma-ha-tát, P.14 Đoạn giải, từ số 1505-1509 kiến, P.15 Phú-lâu-na, P.16 Thừa thừa Số 1505, - Tựa, Tứ A Hàm mộ sao giải, có (cưỡi xe), P.17 Trang nghiêm, P.18 Đại 9 quyển; 1506, - Luận Tam pháp đội, có 3 thừa (2 phần), P.19 Bốn Niệm xứ, P.20 quyển Thượng, Trung và Hạ; 1507, - Luận Phát thú (2 phần), P.21 Xuất đáo, P.22 Phân biệt Công đức, có 5 quyển; 1508, - Thắng xuất, P.23 Hàm thụ, P.24 Hội tông, Kinh A Hàm Khẩu giải Thập nhị Nhân P.25 Mười vô, P.26 Vô sanh, P.27 Thiên duyên; 1509, - Luận Đại Trí độ, có: 1. Giải vương, P.28 Người nhân nghe pháp, P.29 thích duyên khởi, 2. Giải thích Như Thị Rải hoa, P.30 Tán thán 3 lần, P.31 Diệt trừ Ngã Văn Nhất thời, 3. Giải thích về tổng tranh chấp, P.32 So sánh tháp báu, P.33 quát Như Thị Ngã Văn; các Giải thích về: Thuật thành, P.34 Khuyến trì, P.35 Phạm Bà-già-bà, trú thành Vương Xá, Đại Tỳ- chí, P.36 Tôn Đạo, P.37 Xá-lợi, P.38 kheo Tăng, Bốn chúng, Bồ-tát, Ma-ha-tát- Mười thiện. đỏa, Công đức của Bồ-tát, Mười dụ, Ý vô Tập 85, Kinh Luận 3, Đại Trí Độ luận (tt) ngại, Nguyện thế giới của Phật, Nguyện Giải thích các phẩm: P.39 Tùy hỷ, P.40 phóng quang, Nguyện Bồ-tát mười Chiếu sáng, P.41 Tin tưởng chê bai, P.42 phương đến, Nhân duyên Xá-lợi-phất, Đàn Tán thán thanh tịnh, P.43 Vô tác thật Ba-la-mật, Tán thán đàn Ba-la-mật, Tướng tướng (thanh tịnh), P.44 Vô các Ba-la-mật, của đàn Ba-la-mật, Đàn Ba-la-mật pháp P.45 Tán thán tín hạnh, P.46 Việc ma, thí, Thi-la Ba-la-mật, Tướng của Thi-la P.47 Hai bên không hòa hợp, P.48 Phật (giới), Tán thán nghĩa Thi-la, Sằn-đề Ba- mẫu, P.49 Hỏi về tướng, P.50 Việc lớn la-mật pháp nhân, Tỳ-lê-da (tinh tấn) Ba- sanh khởi, P.51 Thí dụ, P.52 Thiện tri la-mật, Tướng của tinh tấn Ba-la-mật, thức, P.53 Đi đến Nhất thiết trí, P.54 Đại Thiền Ba-la-mật, Phẩm Bát-nhã Ba-la- Như, P.55 Chẳng Thoái chuyển, P.56 mật, Tướng Bát-nhã, 37 Phẩm Trợ đạo, Chuyển-Bất thoái chuyển, P.57 Tim đèn, Phẩm Ba Tam-muội, Bốn Vô lượng tâm, P.58 Trong mộng nhập Tam-muội, P.59 Tám bội xả, Chín tướng, Tám niệm, Mười Hằng Bà-đề-bà, P.60 Học không-Không tưởng, Mười một trí, Mười lực, Bốn việc thủ chứng, P.61 Trong mộng không không sợ. chứng, P.62 Cùng học, P.63 Bình đẳng Tập 84, Kinh Luận 2, Đại Trí Độ luận (tt) học, P.64 Nguyện vui mừng, P.65 Khen Số 1509, - Đại Trí Độ luận, các giải thích ngợi, P.66 Chúc lụy, P.67 Phương tiện Vô về: Mười tám pháp không

chung, Đại từ tận, P.68 Sáu độ thu nhiếp nhau, P.69 Đại

Phương tiện, P.70 Ba Tuệ, P.71 Đạo thọ, Kinh Tứ pháp Ưu-ba-đề-xá; - Luận Niết- P.72 Hạnh Bồ-tát, P.73 Gieo trồng Thiện bàn; - Luận Niết-bàn Kinh Bổn hữu Kim căn, P.74 Học khắp, P.75-76 Thứ lớp học, vô kệ; - Luận Di giáo Kinh; - Luận Phật P.77 Sáu dụ, P.78 Bốn Nhiếp, P.79 Khéo Địa Kinh, có 7 quyển; - Văn-thù-sư-lợi Thông suốt, P.80 Thật tế, P.81 Chiếu sáng, Bồ-tát Vấn Bồ-đề Kinh luận, có 2 quyển P.82 Làm thanh tịnh cõi Phật, P.83 Chắc Thượng-Hạ; - Thắng Tư duy Phạm thiên chắn, P.84 Bốn Đế, P.85 Bảy Thí dụ, P.86 sở vấn Kinh luận, có 4 quyển; - Kinh Bình đẳng. Chuyển Pháp luân Ưu-ba-đề-xá; - Kinh Tập 86, Kinh Luận 4, Đại Trí Độ luận (tt) Tam Cụ túc Ưu-ba-đề-xá; - Kinh Đại thừa Giải thích các phẩm trong Đại Trí Độ Tứ pháp Thích. (https://daitangkinh.org) luận: P.87 Niết-bàn như hóa, P.88 Tát-đà- ba luân, P.89 Đàm-vô-kiệt, P.90 Chúc lụy; 47. BỐN KINH CỦA PHẬT TỔ - Luận Kim Cang Bát-nhã, có 2 quyển Giảng giải: HT. Thích Huyền Vi (1926- Thượng-Hạ; - Luận Kim Cang Bát-nhã, có 2005) 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (biệt bản); - PL. 2542 – DL. 1998 Luận Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, Toàn bộ tác phẩm này có 327 trang (PDF), có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; - Luận gồm 4 Kinh: - Lời đầu; I. Lược giải Kinh Kim Cang Tiên, có 10 quyển; - Kinh Bát đại nhân giác (Phần đầu, Phần hai và Thích Năng đoạn Kim cang Bát-nhã Ba- Phần cuối); II. Giảng giải Kinh Bốn mươi la-mật-đa, có 3 quyển Thượng, Trung và hai chương; III. Giảng giải Kinh Di giáo Hạ; - Luận tụng Năng đoạn Kim cương (Phần tựa, Phần chánh tôn và Phần lưu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh; - Luận Kinh thông); IV. Đức Phật nói Kinh Nghiệp báo Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Phá thủ sai khác (Ý nghĩa rộng lớn của Nghiệp, Thượng-Hạ; - Luận Thánh Phật mẫu Bát- Kinh) nhã Ba-la-mật-đa Cửu tụng nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; - Luận Thích Phật mẫu 48. BỐN MƯƠI HAI BÀI PHẬT NÓI – Bát-nhã Ba-la-mật-đa Viên tập yếu nghĩa, PHẬT ĐỂ LỜI DẠY có 4 quyển; - Luận Phật mẫu Bát-nhã Ba- Việt dịch: Tỳ-kheo Quê Mùa la-mật-đa Viên tập Yếu nghĩa. In tại Ấn quán Thạnh Mậu (Gia Định) Tập 87, Kinh Luận 5, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có 115 trang, bìa mềm. Nội dung - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Ưu-ba-xá-đề, gồm có 3 Kinh: Lời bày tỏ, Kinh Phật nói có 2 quyển Thượng-Hạ; - Diệu Pháp Liên Bốn mươi hai bài, giải nghĩa; Hán dịch và Hoa Kinh Ưu-ba-xá-đề; - Luận Thập Trụ giải, Sa-môn Thích Trí Húc, hiệu Ngẫu Tỳ-bà-sa, có 17 quyển; - Luận Thập Địa Ích; Kinh Phật để Lời dạy (Kinh Di Giáo), Kinh, có 12 quyển; - Luận Kinh Đại Bảo giải nghĩa, Hán dịch và giải, Sa-môn Tích, có 4 quyển; - Kinh Vô lượng thọ Thích Trí Húc, hiệu Ngẫu Ích; Lời sau; Ưu-ba-xá-đề Nguyện sanh kệ. Kinh Tám điều Tỉnh biết của Đại nhơn Tập 88, Kinh Luận 6, Di-lặc Bồ-tát sở vấn (Giải nghĩa sơ lược), Hán dịch: Sa-môn kinh An Thế Cao. - Luận Di-lặc Bồ-tát sở vấn Kinh, có 9 (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu quyển; - Ghi nhận về việc phiên dịch Kinh Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Bửu Kế Tứ pháp Ưu-ba-đề-xá; - Bảo kế Mã sách: Vie 2119)

Quyết định Chơn ngôn, Niệm Phật, Sám 49. BỔN MÔN PHÁP HOA KINH Nhứt Tâm, Hồi hướng, Tam quy; Kinh Biên soạn: HT. Thích Trí Quảng Dược Sư, Nguyện hương, Tán Phật, Lễ THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. Phật, Tán Dương chi, Nam mô Đại bi Hội 2540 – DL. 1996 thượng Phật Bồ-tát, Tiêu tai kiết tường Kinh có 93 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ thần chú, Tán hương, Khai Kinh, Kinh tựa màu vàng. Nội dung gồm có: Phần

đầu Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn là Nghi thức tụng niệm Bổn môn Pháp Nguyện Công Đức; Dược Sư Quán Đảnh Hoa Kinh, - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Chơn Ngôn, Tam quy. Phẩm Tựa thứ nhất, - Phẩm Pháp sư thứ mười, - Phẩm Tùng địa dũng xuất thứ 51. BỔN SANH – JÀTAKAPÀLI (Bộ 3 mười lăm, - Phẩm Như Lai Thọ lượng thứ Tập), Tạng Kinh – Tiểu Bộ mười sáu, - Phẩm Phân biệt công đức thứ Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 32 mười bảy, - Phẩm Phổ môn thứ hai mươi Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda lăm, - Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát (Trương Đình Dũng) thứ hai mươi tám; Kinh Đại Phương Buddhist Cultural Centre, Quảng Phật Hoa Nghiêm – Phẩm nhập bất 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- tư nghì giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh Sri Lanka nguyện kệ, - Kinh Bát Đại Nhân Giác. Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, Bản Kinh này được tái bản nhiều lần: 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn Borelesgamuwa, Sri Lanka. hành; năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng năm 2006, 2008, 2009, Nxb Tôn Giáo. màu đỏ, chữ mạ vàng. Tập I, ấn hành PL. 2560 – DL. 2016, dày 50. BỔN MÔN PHÁP HOA – SÁM hơn 532 trang, nội dung gồm có: Lời tựa- HỐI HỒNG DANH – Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn KINH A-DI-ĐÀ – KINH DƯỢC SƯ giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân HT. Thích Trí Quảng sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Bổn Kinh có khổ 10 x 15.5cm, có 159 trang, Sanh: I. Nhóm Một Kệ ngôn (có 15 phẩm, bìa mềm. Nội dung gồm có: Bổn Môn với 150 chuyện Bổn sanh, 1-150), 1.P Pháp Hoa Kinh, Nguyện hương, Tán Phật, Không Lỗi lầm, 2.P Giới, 3.P Sơn dương, Lễ Phật, Sám hối, Phát nguyện, Kinh Diệu 4.P Tổ chim con, 5.P Mong mỏi sự tấn Pháp Liên Hoa (Xem: Bổn môn Pháp Hoa hóa, 6.P Hy vọng, 7.P Người nữ, 8.P Cây Kinh), Sám Pháp Hoa, Hồi hướng, Phục Varana, 9.P Chúng tôi đã uống, 10.P Đã nguyện, Tam quy; Pháp Hoa Thủ hộ Thần được thoa, 11.P Hơn một trăm người, 12.P chú; Sám Hối Hồng Danh, Nguyện hương, Thiên hoa, 13.P Cỏ ống Kusa, 14.P Không Tán Phật, Lễ Phật, Hồi hướng, Tam quy; tiếp nhận, 15.P Con tắc kè; II. Nhóm Hai Kinh A-di-đà, Nguyện hương, Tán Phật, Kệ ngôn (có 10 phẩm, với 95 chuyện Bổn Lễ Phật, Tán Dương chi, Nam mô Đại bi sanh, 151-250), 1.P Cứng rắn, 2.P Thân Hội thượng Phật Bồ-tát, Tiêu tai kiết thiết, 3.P Pháp tốt lành, 4.P Không thể tường thần chú, Tán hương, Khai Kinh, sánh bằng, 5.P Quan Tế tự Ruhaka, 6.P Phật thuyết A-di-đà Kinh, Vãng sanh Việc ấy không rắn chắc, 7.P Đám cỏ

Bìrana, 8.P Y Ca-sa, 9.P Đôi giày, 10.P ngôn (có 3 chuyện Bổn sanh, 526-528); Chó rừng; III. Nhóm Ba Kệ ngôn (có 5 XIX. Nhóm Sáu mươi Kệ ngôn (có 2 phẩm, 50 chuyện Bổn sanh, 251-300), 1.P chuyện Bổn sanh, 529-530); XX. Nhóm Tư duy, 2.P Hoa sen, 3.P Khu rừng, 4.P Bảy mươi Kệ ngôn (có 2 chuyện Bổn Chính giữa, 5.P Cái hũ; IV. Nhóm Bốn Kệ sanh, 531-532); XXI. Nhóm Tám mươi Kệ ngôn (có 5 phẩm, với 50 chuyện Bổn sanh, ngôn (có 5 chuyện Bổn sanh, 533-537); 301-350), 1.P Hãy mở ra, 2.P Cây Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ Pucimanda, 3.P Kẻ phá hoại cốc liêu, 4.P riêng, Thư mục từ đặc biệt. Kokàlika, 5.P Tiểu Kunàla; V. Nhóm Năm Tập III, ấn hành PL. 2561 – DL. 2017, Kệ ngôn (có 3 phẩm, với 25 chuyện Bổn dày hơn 480 trang, nội dung gồm có: Lời sanh, 351-375), 1.P Bông tai ngọc ma-ni, tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ 2.P Màu da và dáng vóc, 3.P Một nửa; VI. Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần Nhóm Sáu Kệ

ngôn (có 2 phẩm, với 20 nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới chuyện Bổn sanh, 376-395), 1.P Gã chèo thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – đò, 2.P Senaka; Nhóm Bảy Kệ ngôn (có 2 Sinhala; Bổn Sanh: XXI. Nhóm Lớn (có phẩm, với 21 chuyện Bổn sanh, 396-416), 10 chuyện Bổn sanh, 538-547); Thư mục 1.P Kukku, 2.P Gandhàra; VIII. Nhóm câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư Tám Kệ ngôn (có 1 phẩm, 10 chuyện Bổn mục từ đặc biệt. sanh, 417-426), P. Bà Kaccàni; IX. Nhóm Chín Kệ ngôn (có 12 chuyện Bổn 52. BỔN SỰ KINH sanh427-438); X. Nhóm Mười Kệ ngôn ĐCTTĐTK, Quyển 17 thuộc Kinh tập, (có 16 chuyện Bổn sanh, 439-454); XI. Quyển thứ 14 Nhóm Mười Một Kệ ngôn (có 9 chuyện Việt dịch: Thích Như Điển Bổn sanh, 455-463); XII. Nhóm Mười Hai Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Kệ ngôn (có 10 chuyện Bổn sanh, 464- (602-664) 473); XIII. Nhóm Mười Ba Kệ ngôn (có Việt dịch (2002): Thích Như Điển 10 chuyện Bổn sanh, 474-483); XIV. Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 136 trang Nhóm Linh tinh (có 13 chuyện Bổn sanh, (PDF), gồm 7 quyển: Q.I, P.1 Pháp (Phần 484-496); Phụ lục, Thư mục câu kệ Pàli, một); Q.II, P.1 Pháp (Phần hai); Q.III, P.2 Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc Pháp (Phần một); Q.IV, P.2 Pháp (Phần biệt. hai); Q.V, P.2 (Phần ba); Q.VI, P.2 Pháp Tập II, ấn hành PL. 2561 – DL. 2017, dày (Phần một); Q.VII, P.3 Pháp (Phần hai). Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Bổn Sanh: XV. Nhóm Hai mươi Kệ ngôn (có 14 chuyện Bổn sanh, 497-510); XVI. Nhóm Ba mươi Kệ ngôn (có 10 chuyện Bổn sanh, 511-520); XVII. Nhóm Bốn mươi Kệ ngôn (có 5 chuyện Bổn sanh, 521-525); XVIII. Nhóm Năm mươi Kệ

sự mô tả, 12. Phân tích cách truyền đạt bằng sự liệt kê, 13. Phân tích cách truyền đạt bằng sự làm rõ, 14. Phân tích cách truyền đạt bằng sự xác định, 15. Phân tích cách truyền đạt bằng sự thiết yếu, 16. Phân

C tích cách truyền đạt bằng sự xếp loại; 1. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo, 2. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự tìm hiểu, 3. Sự phối hợp cách truyền 53. CẨM NANG HỌC PHẬT, Tạng đạt bằng sự kết nối, 4. Sự phối hợp cách Kinh – Tiểu Bộ Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 43 truyền đạt bằng nền tảng, 5. Sự phối hợp Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda cách truyền đạt bằng tướng trạng, 6. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng bốn sự dàn (Trương Đình Dũng) PL. 2563 – DL. 2019 trận, 7. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng Buddhist Cultural Centre, sự xoay vần, 8. Sự phối hợp cách truyền 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- đạt bằng sự phân tích, 9. Sự phối hợp cách Sri Lanka truyền đạt bằng sự đảo ngược, 10. Sự phối Printed by: BCC Printing Press (Pvt) Ltd, hợp cách truyền đạt bằng từ đồng nghĩa, 140/4, Anderson Road, Nedimala, 11. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự Dehiwala. mô tả, 12. Sự phối hợp cách truyền đạt Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng bằng sự liệt kê, 13. Sự phối hợp cách màu đỏ, chữ mạ vàng. truyền đạt bằng sự làm rõ, 14. Sự phối hợp Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt cách truyền đạt bằng sự xác định, 15. Sự ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và phối hợp cách truyền đạt bằng sự thiết Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ yếu, 16. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, sự xếp loại; Nguồn phát khởi phương Mẫu tự Pali – Sinhala, Cẩm Nang Học pháp, Sự hình thành giáo pháp; Phần Phụ Phật (Văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt):

chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh Phần Tổng hợp, Phần Tóm lược, Phần từ riêng, Thư mục từ đặc biệt. Diễn giải; Phần Diễn giải trực tiếp: 1. Phân tích cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo, 54. Cương Yếu KINH PHÁP HOA 2. Phân tích cách truyền đạt bằng sự tìm Tác giả: HT. Thích Trí Quảng hiểu, 3. Phân tích cách truyền đạt bằng sự Nxb Tôn Giáo – 2008 kết nối, 4. Phân tích cách truyền đạt bằng Nội dung gồm có: Lời tựa, Lịch sử Kinh nền tảng, 5. Phân tích cách truyền đạt bằng Pháp Hoa, Ý nghĩa Kinh Đại thừa Vô tướng trạng, 6. Phân tích cách truyền đạt lượng nghĩa, Ý nghĩa Phẩm Tựa, Ý nghĩa bằng bốn sự dàn trận, 7. Phân tích cách Phương tiện và chân thật, Ý nghĩa Thí dụ, truyền đạt bằng sự xoay vần, 8. Phân tích Ý nghĩa Thí dụ 1. Ba xe và nhà lửa trong cách truyền đạt bằng sự phân tích, 9. Phân phẩm Thí dụ thứ ba, Ý nghĩa Thí dụ 2. tích cách truyền đạt bằng sự đảo ngược, Cùng tử trong phẩm Tín giải thứ tư, Ý 10. Phân tích cách truyền đạt bằng từ đồng nghĩa Thí dụ 3. Ba cỏ hai cây trong phẩm nghĩa, 11. Phân tích cách truyền đạt bằng Dược thảo dụ thứ năm, Ý nghĩa Thí dụ 4. Người làm đồ gốm trong phẩm Dược thảo

dụ thứ năm, Ý nghĩa Thí dụ 5. Người mù viết tắt; Giải thích ý nghĩa nội tại tập Chú thuở nhỏ trong phẩm Dược thảo dụ thứ giải Chuyện Chư Thiên, Khởi đầu chuyện năm, Ý nghĩa Thí dụ 6. Hóa thành trong kể Chuyện chư Thiên; Phụ nữ Thiên cung; phẩm Hóa thành dụ thứ bảy, Ý nghĩa Thí P.I Phẩm Tọa sàng, 1. Chú giải chuyện kể dụ 7. Hạt châu trong áo (Hệ châu dụ) trong Thiên cung có tọa sàng, 2. Chú giải Thiên phẩm Ngũ bá đệ tử thứ tám, Ý nghĩa Thí cung có tọa sàng thứ hai, 3. Chú giải dụ 8. Viên minh châu trên đỉnh đầu (Kế Thiên cung có tọa sàng thứ ba, 4. Chú giải châu) trong phẩm An lạc hạnh thứ 14, Ý Thiên cung có tọa sàng thứ tư, 5. Chú giải nghĩa Thí dụ 9. Lương y trong phẩm Như Thiên cung con Voi, 6. Chú giải Thiên Lai thọ lượng thứ mười sáu, Ý nghĩa phẩm cung có chiếc Thuyền, 7. Chú giải Thiên Pháp sư, Ý nghĩa phẩm An lạc hạnh, Ý cung có chiếc Thuyền thứ hai, 8. Chú giải nghĩa phẩm Bồ-tát Tùng địa dũng xuất, Ý Thiên cung có chiếc Thuyền thứ ba, 9. nghĩa phẩm Như Lai thọ lượng, Ý nghĩa Chú giải Thiên cung có ngọn đèn, 10. Chú phẩm Phân Biệt công đức và Pháp sư giải Thiên cung do Cúng Mè, 11. Chú giải Công đức, Bồ-tát hạnh: Dược Vương, Thiên cung của Người vợ chung thủy, 12. Diệu Âm, Quan Âm, Diệu Trang Nghiêm Chú giải Thiên cung của Người vợ chung và Phổ Hiền. thủy thứ hai, 13. Chú giải Thiên cung của Con Dâu, 14. Chú giải Thiên cung của 55. Chú giải BỔN SANH KINH – Con dâu thứ hai, 15. Chú giải Thiên cung ATTHAKATHÀJÀTAKA của nàng Uttarà, 16. Chú giải Thiên cung Theravàda – Đạo Phật Thích Ca của nàng Sirimà, 17. Chú giải Thiên cung Dịch giả: Tỳ-khưu Hộ Tông (1893-1981) của Kesakàrì; P.II Phẩm Cittalatà: 1. Chú In tại Nhà in Hiệp Hưng – Sài Gòn, Giấy giải Thiên cung của nữ tỳ, 2. Chú giải phép số 1290/Xb 19/8/1957 - PL. 2501. Thiên cung của nàng Lakhumà, 3. Chú Toàn bộ tác phẩm có 34 trang, bìa mềm. giải Thiên cung của Người Cúng dường Nội dung gồm có: - Lời nói đầu, - Mười Cơm cháy, 4. Chú giải Thiên cung của pháp không yên tâm đáng sợ; Nói rõ về 10 nàng Candàlì, 5. Chú giải Thiên cung của Nguyên nhân (đáng lo sợ); - Tích người Phu nhân Khả ái, 6. Chú giải Thiên cung không làm tội nữa; - Tích Brahmacarya; của nàng Sonadinnà, 7. Chú giải Thiên Sau cùng là Bảng Cải chánh. cung của nàng Uposathà, 8-9. Chú giải Thiên cung của nàng Niddì và nàng 56. Chú giải CHUYỆN CHƯ THIÊN Suniddà, 10. Chú giải Thiên

cung của Nữ (Vimànavatthu-Atthakathà) thí chủ, 11. Chú giải Thiên cung của Nữ Kinh Tạng – Sutta Pitaka thí chủ thứ hai; P.III Phẩm Pàricchattaka, Bản Pàli ngữ: Àcariya Dhammapàla 1. Chú giải Thiên cung Huy hoàng, 2. Chú Bản dịch Anh ngữ: Peter Masefield giải Thiên cung do Cúng Mía, 3. Chú giải Bản dịch Việt ngữ: Tỳ-khưu Siêu Minh Thiên cung có Sàng tọa, 4. Chú giải Thiên Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2551 cung của Latà, 5. Chú giải Thiên cung của – DL. 2007 nàng Guttila, 6. Chú giải chuyện kể Thiên Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 929 cung Rực rỡ, 7. Chú giải Thiên cung của trang. nàng Sesavatì, 8. Chú giải Thiên cung của Nội dung tác phẩm gồm có 7 phẩm: Lời nàng Malilikà, 9. Chú giải Thiên cung của nói đầu, Lời giới thiệu của dịch giả, Chữ nàng Visàlakkhi, 10. Chú giải Thiên cung

Pàricchattaka; P.IV Phẩm Đỏ sẫm: 1. 4. Chú giải Thiên cung bằng vàng, 5. Chú Chuyện kể Thiên cung Đỏ sẫm, 2. Chuyện giải Thiên cung Vườn Xoài, 6. Chú giải kể Thiên cung Sáng chói, 3. Chuyện kể Thiên cung của Người Chăn bò, 7. Chú Thiên cung Con Voi, 4. Chuyện kể Thiên giải Thiên cung Kanthaka, 8. Chú giải cung Alomà, 5. Chuyện kể Thiên cung của Thiên cung có muôn vàng màu sắc, 9. Chú Người Cúng cháo gạo, 6. Chú giải Thiên giải Thiên cung của Thiên tử đeo vòng tai cung Tịnh xá, 7. Chú giải Thiên cung Bốn sáng chói, 10. Chú giải Thiên cung của nữ nhân, 8. Chú giải Thiên cung Vườn Serissaka, 11. Chú giải Thiên cung Xoài, 9. Chú giải Thiên cung Hoàng Kim, Sunikkhita; Nhận định Tổng kết. 10. Chú giải Thiên cung do Cúng Mía, 11. Chú giải Thiên cung do Đảnh Lễ, 12. Chú 57. Chú giải KINH DI GIÁO (Di chúc giải Thiên cung Rajjumàlà; Chuyện Chư của Đức Phật) Thiên Nam Giới, P.V Phẩm Đại xa: 1. Bản Pali: Acariya buddhaghosathere Chú giải Thiên cung Tiên Nhái, 2. Chú Bản dịch Anh ngữ: Yang Gyu An giải Thiên cung của nàng Revatì, 3. Chú Bản dịch Việt ngữ: Tỳ-khưu Siêu Minh giải Thiên cung Chattamànava, 4. Chú giải Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008. Thiên cung của Người Cúng cháo cua, 5. Tác phẩm Chú giải Kinh này có 304 trang, Chú giải Thiên cung Người Giữ cửa, 6. nội dung gồm 6 chương: - Lời nói đầu; Thiên cung do Công đức Thiện sự, 7. C.I, 1. Chú giải nhập đề, 2. Chú giải về Thiên cung thứ hai do Công đức Thiện sự, những điều kiện tạo hạnh phúc trong 8. Chú giải Thiên cung do Cúng dường vương quốc, 3. Chú giải điều kiện xã hội Cây kim mà có, 9. Thiên cung thứ hai do chư vị Tỳ-kheo được nhận, 4. Chú giải Cúng dường Cây kim mà có, 10. Chú giải những hiểm nguy do hành vi bất thiện đem Thiên cung Con voi, 11. Chú giải Thiên lại, 5. Chú giải về công việc kiến thiết cung Con voi thứ hai, 12. Chú giải Thiên thành Pataliputta; C.II, 1. Chú giải về Tứ cung Con voi thứ ba, 13. Thiên cung có diệu đế, 2. Chú giải về được đi đến giác Cổ xe nhỏ, 14. Thiên cung có Cổ xe lớn; ngộ không tái phạm nữa, 3. Chú giải P.VI Phẩm Pàyàsi: 1. Chú giải Thiên cung gương Chánh pháp, 4. Chú giải về tình tiết của Gia chủ, 2. Chú giải Thiên cung của dâm nữ Ambapali, 5. Chú giải về nhập Gia chủ thứ hai, 3. Chú giải Thiên cung kiết hạ tại ngôi làng Beluva; C.III, 1. Chú của Người Cúng trái cây, 4. Chú giải giải về đoạn gồm những lời gợi ý, 2. Chú Thiên cung của Người Cúng nơi cư trú, 5. giải về tình tiết Ma vương đưa ra yêu cầu, Chú giải Thiên cung của Người Cúng nơi 3. Chú giải về từ bỏ sanh mệnh, 4. Chú cư trú thứ hai, 6. Chú giải Thiên cung của giải cuộc động đất lớn, 5. Chú giải về tám Người cúng Sa-môn khất thực, 7. Chú giải Tăng đoàn, 6. Chú giải tám thắng xứ, 7. Thiên cung của Người Giữ lúa

mạch, 8. Chú giải tám mối giải thoát; C.IV, 1. Chú Chú giải Thiên cung của Thiên tử Đeo giải cái nhìn từ biệt của Voi chúa, 2. Chú vòng tai, 9. Chú giải Thiên cung của Thiên giải về bốn điều đại liên quan, 3. Chú giải tử Đeo vòng tai thứ hai, 10. Chú giải về đoạn Kinh người thợ bạc Cunda, 4. Chú Thiên cung của Uttara; P.VII Phẩm giải về việc lấy nước; 5. Chú giải về giao Sunikkhitta: 1. Chú giải Thiên cung thoại Malla Pukkusa; C.V, 1. Chú giải về Cittalatà, 2. Chú giải Thiên cung Nandana, hai cây Sala song thọ, 2. Chú giải về bốn 3. Chú giải Thiên cung có Trụ ngọc bích, cõi dành cho cảm thọ, 3. Chú giải về

chuyện kể những câu hỏi của Trưởng lão (PHẠM VÕNG KINH – Bồ-tát Tâm Địa Ananda, 4. Chú giải về những người đáng Phẩm – Hiệp chú) trưng bày trong bảo tháp, 5. Chú giải Giới Đài Viện Huệ Nghiêm những phẩm chất tuyệt vời nơi Trưởng lão Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Ananda, 6. Chú giải giáo pháp về Kinh thập (Kumarajiva, 344-413) Mahasudassana, 7. Chú giải về lời thần Chú giải: Bồ-tát Sa-di Trí Húc dân Mallas chào hỏi Đức Phật, 8. Chú giải Hiệu đính: Bồ-tát Tỳ-kheo Đạo Phưởng câu chuyện kể về hành giả Subbadha; Việt dịch: Bồ-tát Tỳ-kheo Phước Nghĩa C.VI, 1. Chú giải về lời dạy cuối cùng của Nxb Hồng Đức – 2015. Kinh có khổ 14.5 vị Như Lai, 2. Chú giải chuyện kể Vô dư x 20.5cm, dày hơn 787 trang. Niết-bàn, 3. Chú giải về việc tôn kính Xá- Nội dung gồm có 6 quyển: Lời người dịch, lợi của Đức Phật, 4. Chú giải đoạn kể về Nhân duyên Phát khởi, Thể lệ chung; Q.I Trưởng lão Mahakassapa, 5. Chú giải về Nói về thời gian-địa điểm, Chính thức liệt việc phân phát xá-lợi của Đức Phật, 6. nêu ra 40 pháp môn, Nói rõ về Mười Tâm Chú giải về việc kính lễ bảo tháp trưng phát thú, 1. Tâm bố thí, 2. Tâm trì giới, 3. bày xá-lợi của Đức Phật. Tâm nhẫn nhục, 4. Tâm tinh tấn, 5. Tâm thiền định, 6. Tâm tuệ, 7. Tâm nguyện, 8. 58. Chú giải KINH ĐẠI DUYÊN Tâm hộ trì (Tâm lực), 9. Tâm hỷ (Tâm Pàli dịch: Bhikkhu Bodhi phương tiện), 10. Tâm đỉnh đầu (Tâm trí); Việt dịch: Tỳ-kheo Giác Lộc Nói rõ về Mười Tâm Trưởng dưỡng, 1. Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Tâm từ (tâm ban vui), 2. Tâm bi (tâm cứu Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 224 khổ), 3. Tâm hỷ (tâm vui mừng), 4. Tâm trang. Nội dung gồm có: Về tác giả, Lời xả (tâm buông xả), 5. Tâm bố thí, 6. Tâm người dịch, Lời nói đầu, Các Kinh điển sử ái ngữ (tâm nói lời hòa ái), 7. Tâm lợi dụng, Bảng kê các chữ tắt; Phần Giới hành (tâm làm lợi ích), 8. Tâm đồng sự thiệu, Phần I: Mahànidàna Sutta; Phần II, (tâm làm việc chung), 9. Tâm định, 10. Chú giải Mahànidàna Sutta, 1. Đoạn sơ Tâm tuệ; Q.II Nói rõ về Mười Tâm Kim dẫn, 2. Lời tán dương Ànanda, 3. Sự sâu Cương, 1. Tâm tin tưởng, 2. Tâm ghi nhớ, sắc của lý Duyên khởi, 4. Lời ngăn chặn 3. Tâm hồi hướng (tâm sâu xa), 4. Tâm Ànanda, 5. Lý Duyên khởi, 6. Những sự thấu hiểu, 5. Tâm ngay thẳng (tâm chánh diễn tả về Ngã, 7. Những sự không diễn tả trực), 6. Tâm không lui sụt, 7. Tâm Đại về Ngã, 8. Những sự suy tưởng về Ngã, 9. thừa, 8. Tâm vô tướng, 9. Tâm tuệ, 10. Bảy Thức trú, 10. Tám Giải thoát; Phụ lục: Tâm bất hoại; Nói rõ về Mười Địa, 1. Địa Các duyên hệ và lý Duyên khởi; Biểu đồ bình đẳng, 2. Địa tuệ thiện hành, 3. Địa 1, Những giải thích tiêu chuẩn và ánh sáng, 4. Địa tuệ ngọn lửa, 5. Địa tuệ Mahànidàna về lý Duyên khởi; Biểu đồ 2, chiếu soi, 6. Địa hoa ánh sáng, 7. Địa đầy Bảy Thức trú và hai Xứ; Từ vựng Pàli – đủ, 8. Địa Phật rống, 9. Địa trang nghiêm Việt. hoa Phật, 10. Địa nhập cảnh giới Phật, Phật Lô-xá-na dặn dò truyền bá rộng khắp; 59. Chú Giải KINH LƯỚI TRỜI ĐẠI Q.III Phật Thích-ca tuyên nói lại Giới Bồ- PHẠM tát, Tụng việc Phật Lô-xá-na

đầu tiên trao – Phẩm Tâm Địa Của Bồ-tát - Kết hợp truyền, Tụng việc Tụng việc Phật Thích-ca Chú giải lại trao truyền lại, Nói thẳng việc ở dưới

cội Bồ-đề; GIỚI NẶNG (có 10 giới), 1. tận, Những lý thuyết về sự sinh khởi Giết hại chúng sanh, 2. Trộm cướp, từ ngẫu nhiên, Những lý thuyết về Tưởng Q.IV đến Q.VI, nói về 10 Giới nặng và 48 bất tử, Những lý thuyết về Vô tưởng bất Giới nhẹ; Kệ tán, Lời bạt I, Lời bạt II, Phụ tử, Những lý thuyết về Phi tưởng phi phi lục Phần Chánh văn của Kinh Lưới Trời tưởng bất tử, Chủ thuyết Đoạn kiến, Đại Phạm. Những lý thuyết về Niết-bàn hiện tại, Sự Xem: (10 Giới nặng và 48 Giới nhẹ) của luân chuyển của các duyên và sự giải thoát Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới do duyên xúc, Sự chấm dứt luân chuyển; Phần tóm lược Kinh Phạm Võng; Tài liệu 60. Chú giải KINH NHÂN QUẢ 3 ĐỜI tham khảo. (https://thuvienhoasen.org, Chú giải: Đạt-ma Phổ Giác Kinh-Giảng giải Kinh) Nxb Hồng Đức – 2014 Sách có khổ A5, có 62 trang. Nội dung gồm có: 1. Kinh Nhân Quả 3 đời, 2. Nhân 62. Chú giải KINH PHÁP CÚ – 4 quả là chân lý sống, 3. Hiếu kính cha mẹ Quyển là nền tảng đạo đức, 4. Bố thí cúng dường Dịch giả: Trưởng lão Thiền sư Pháp Minh được quả báo giàu sang, 5. Tham lam-bỏn Tác phẩm Chú giải Kinh này có 4 quyển: sẻn quả báo nghèo hèn, 6. Pháp thí thù Quyển I, THPG Tp. Hồ Chí Minh – 1997, thắng hơn các sự bố thí, 7. Sống đúng đạo dày 478 trang. Nội dung gồm: I. P. Song nghĩa làm người, 8. Phá hoại sự sống đối, 1. Trưởng lão Hộ Nhãn, 2. Cậu Kim người và vật, 9. Phá hoại hạnh phúc gia Hoàn, 3. Trưởng lão Đề-xá, 4. Người sanh đình người khác, 10. Sáu căn không đầy làm nữ Dạ-xoa, 5. Các Tỳ-kheo ở đủ, 11. Phỉ báng người tu hành chân Kosambi, 6. Tiểu hắc và Đại hắc, 7. chánh, 12. Quả báo sự lường gạt, 13. Quả Devadatta được y quý, 8. Ông Tân-nhã-di báo làm khổ chúng sinh, 14. Quả báo của không đầu Phật, 9. Đại đức Nanda, 10. Đồ việc làm ác, 15. Quả báo của sự chấp ngã, tể Thuần-đà, 11. Thiên Nam sùng đạo, 12. 16. Quả báo của sự lừa đảo-giết hại, 17. Devadatta phản Phật, 13. Nàng Tố Tâm Kệ hồi hướng công đức. nương tử, 14. Hai vị Tỳ-kheo bạn; II. P. Chuyên niệm, 1. Hoàng hậu Ô-nhi-ly, 2. 61. Chú giải KINH PHẠM VÕNG – Chàng Công-bá-cồ-xá, 3. Trưởng lão Tiểu BRAHMAJALA SUTTA Bàn-đặc, 4. Cái tết thác loạn, 5. Trưởng Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: THE lão Ma-ha Ca-diếp, 6. Hai vị Tỳ-kheo bạn, DISCOURSE ON THE ALL 7. Đức Ngọc Hoàng Đế Thích, 8. Vị Tỳ- EMBRACING NET OF VIEWS by kheo Quán lửa rừng, 9. Đại đức Đề-xá ở Bhikkhu BODHI thị xã; Quyển I này được tái bản năm Dịch giả: Tỳ-kheo Giác Lộc 2011, Nxb Tôn Giáo. Pháp Bảo Tự, PL. 2543 – DL. 2000 Quyển II, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999, Tác phẩm Chú giải Kinh này gồm có: Lời dày 963 trang. Nội dung như sau: III. P. người dịch, Lời tựa; Kinh Phạm Võng; Tâm, 1. Đại đức Mê-kỳ-da, 2. Tỳ-kheo Phần Chú giải: Chủ thuyết Thường kiến, Thủy-lưu-thôn, 3. Tỳ-kheo Bất mãn, 4. Chủ thuyết Thường kiến phiến diện, Tỳ-kheo Hộ Tăng Diệt, 5. Đại đức Phục Những lý thuyết về thế giới hữu biên và Tôn, 6. Chư Tỳ-kheo quán tự ngã, 7. Đề- vô biên, Những lý thuyết về ngụy biện vô xá, 8. Nan-đà, 9. Đại đức Tu-lệ-da; IV. P.

Hoa, Chư Tỳ-kheo đàm luận về Địa đại, 2. Cốm rang, 4. Ông Cấp Cô Độc đuổi thiên Tỳ-kheo quán bào ảnh, 3. Lưu Ly vương, nữ, 5. Tỳ-kheo khinh giới nhỏ, 6. Bá hộ 4. Nàng sư phụ, 5. Bá hộ Khan-nang, 6. chăn mèo, 7. Phú thương tranh hiểm lộ, 8. Tu sĩ ngoại đạo Tiểu Diệp, 7. Than-nam Thợ săn Kê Hữu, 9. Thợ săn Kê Hữu, 10. Tản-thủ, 8. Bà đại thí chủ thiện chí, 9. Đại Thợ săn gặp Thiền sư, 11. Trưởng lão Đề- đức A-nan, 10. Đại đức

Ma-ha Ca-diếp, xá, 12. Ba nhóm Tỳ-kheo, 13. Vua Thiện 11. Đại đức Cổ-diệt, 12. Oán trách thí; V. Giác; X. P. Đao Trượng, 1. Nhóm lục sư P. Nghi, 1. Trai nghèo có vợ đẹp, 2. Đệ tử hành hung, 2. Nhóm lục sư đe dọa, 3. Lũ của Đại đức Ma-ha Ca-diếp, 3. Trưởng giả trẻ đập rắn, 4. Trưởng lão Kon-đá-tha-ná, A-nab, 4. Người điếm móc túi, 5. Đại đức 5. Bát quan trai của phụ nữ, 6. Ngạ quỷ Ưu-bà-di, 6. Nhóm Tỳ-kheo Bạt-đề, 7. mình trăn, 7. Trưởng lão Mục-kiền-liên Thiên Giác, 8. Người nông phu mắc cạn, Niết-bàn, 8. Tỳ-kheo nhiều vật dụng, 9. 9. Ông hàng hoa hảo ý, 10. Nữ Thánh Đại thần Sa-tá-tí, 10. Trưởng lão khố rách, Thanh Liên Sắc, 11. Ngoại đạo Hào Cẩu, 11. Sa-di hạnh phúc; XI. P. Lão, 1. Bạn bà 12. Ngạ quỷ mình rắn, 13. Ngạ quỷ búa thiện chí say, 2. Nàng Xí-rí-na, 3. Trưởng đập đầu, 14. Đại đức Thiện Pháp, 15. Đại lão Ni-út-tá-ra bị té, 4. Nhóm Tăng thượng đức Đề-xá; VI. P. Hiền trí, 1. Đại đức L mạn, 5. Tỳ-kheo Ni Sắc-nan-đà, 6. Hoàng Đà, 2. Nhóm ác Tăng, 3. Đại đức Sa-nặc, hậu Mạt-ly, 7. Trưởng lão Lô-ưu-đà-di lần 4. Đại đức Ma-ha Kiếp-tân-na, 5. Sa-di Trí quẩn, 8. Phật thành đạo, 9. Đại phú phá giả, 6. Đại đức Bạt-đà, 7. Mẹ công chúa sản; XII. P. Tự ngã, 1. Bồ-đề vương tử, 2. Cà-na, 8. Năm trăm vị Tỳ-kheo, 9. Đại Thích tử Ú-pá-nan-đá, 3. Trưởng lão Đề- đức Hợp pháp, 10. Nghe thuyết pháp, 11. xá tinh tấn thiền, 4. Mẹ của Trưởng lão Khách Tăng Kiều-tát-la; Ca-diếp đồng tử, 5. Thiện nam Ma-ha-ka- Quyển III, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000, lá, 6. Devadatta, 7. Cố ý chia rẽ Tăng, 8. dày 455 trang. Nội dung gồm: VII. P. A- Trưởng lão Ka-lá, 9. Thiện nam Tiểu Ka- la-hán, 1. Ngự y Kỳ bá, 2. Trưởng lão Ma- lá, 10. Trưởng lão Tư Lợi; ha Ca-diếp, 3. Trưởng lão Bê-lát-thá-xi- Quyển II và III tái bản năm 2012, Nxb Tôn xô, 4. Trưởng lão A-nậu-lâu-đà, 5. Trưởng Giáo. lão Ma-ha Ca-chiên-diên, 6. Trưởng lão Quyển IV, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Xá-lợi, 7. Trưởng lão Đề-xá, 8. Trưởng Minh – 2013, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 637 lão Xá-lợi-phất, 9. Trưởng lão Ly-bà-đa, trang. Nội dung gồm có: XX. P. Chánh 10. Phụ nữ ghẹo Thiền sư; VIII. P. Ngàn, đạo, 1. Năm trăm Tỳ-kheo luận đạo, 2. 1. Đao phủ thủ nanh đồng, 2. Trưởng lão Năm trăm Tỳ-kheo quán vô thường 3. Ba-hy-dá, 3. Tỳ-kheo Ni tóc quăn, 4. Ba- Quán khổ não, 4. Quán phi ngã, 5. Đại đức la-môn hỏi pháp vô ích, 5. Bà-la-môn cậu Tissa Nôn-tu, 6. Ngạ quỷ heo, 7. Đại đức của Trưởng lão Xá-lợi-phất, 6. Bà-la-môn Pothila, 8. Các đại đức già, 9. Đệ tử đại cháu của Xá-lợi-phất, 7. Bà-la-môn bạn đức Sariputta, 10. Đại phú thương, 11. của Xá-lợi-phất, 8. Cậu bé Ích thọ, 9. Sa- Nàng Kisa Gotami, 12. Nàng Patacara; di đòn xóc, 10. Trưởng lão Kiều-trần-như XXI. P. Tạp lục, 1. Hạnh nghiệp của Đức gốc cây, 11. Trưởng lão Xà-nô, 12. Nàng Phật, 2. Thiếu nữ ăn trứng gà, 3. Chuyện Sa-đọa, 13. Nàng Kiều-đàm, 14. Tỳ-kheo Tỳ-kheo xứ Bhaddiya, 4. Trưởng lão Ni Đa-tử; IX. P. Ác, 1. Bà-la-môn một áo, Lakuntaka Bhaddiya, 5. Con trai ông 2. Trưởng lão Xây-dá-xá-ká, 3. Thiên nữ Darusakatika, 6. Tỳ-kheo Vajiputta, 7.

Trưởng giả Citta, 8. Nàng Culasubhadda, Trưởng lão Tissa ngụ trong núi, 22. 9. Trưởng lão Ekavihari; XXII. P. Cảnh Chuyện nhiều vị Tỳ-kheo, 23. Các Sa-di, khổ, 1. Nữ ngoại giáo Sundari, 2. Chuyện 24. Trưởng lão Mahapanthaka, 25. Trưởng khổ nhân, 3. Tích chư Tỳ-kheo trú gần lão Pilindavaccha, 26. Chuyện một vị Tỳ- sông Vaggumuda, 4. Thanh niên kheo, 27. Trưởng lão Sariputta, 28. Khemaka, 5. Tỳ-kheo Đa ngôn, 6. Chuyện Trưởng lão Moggallana, 29. Trưởng lão nữ nhân hờn ghen, 7. Chuyện Tăng khách, Revata, 30. Trưởng lão Candabha, 31. 8. Chuyện Nigantha, 9. Môn đồ ngoại

Trưởng lão Sivali, 32. Trưởng lão giáo; XXIII. P. Voi, 1. Chuyện Bậc đạo Sundarasamudda, 33. Trưởng lão Jotika, sư, 2. Chuyện Một Tăng sĩ, 3. Bà-la-môn 34. Chuyện Trưởng lão Jatila, 35-36. lão niên, 4. Quốc vương Pasenadi Kosala, Chuyện vị Tỳ-kheo khiêu vũ, 37. Trưởng 5. Sa-di Sanu, 6. Thớt tượng Paveraka, 7. lão Vangisa, 38. Trưởng lão Ni Chuyện chư Tỳ-kheo, 8. Chuyện Ma Dhammadinna, 39. Trưởng lão vương; XXIV. P. Ái dục, 1. Tích con cá Angulimala, 40. Bà-la-môn Devahita. vị Tỳ-kheo hoàn tục, 4. Chuyện khám Tác phẩm này tái bản năm 2013 (Trọn bộ đường, 5. Hoàng hậu Khema, 6. Công tử 4 quyển), Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Uggasena, 7. Hiền trí Culadhanuggaha, 8. khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, có tay gấp. Chuyện Ma vương, 9. Du sĩ Upaka, 10. Đức Thiên vương Đế thích, 11. Vị trưởng 63. Chú giải KINH PHÁP CÚ – 5 giả không con, 12. Thiên tử Ankura; XXV. Quyển P. Tỳ-kheo, 1. Năm vị Tỳ-kheo, 2. Vị Tỳ- DHAMMAPÀDA – ATTHAKATHÀ kheo giết hạc, 3. Tỳ-kheo Kokalika, 4. Việt dịch: Tỳ-khưu Minh Đạt (Sư Chí Trưởng lão Dhammarama, 5. Hai vị Tỳ- Thâm) kheo nghịch gặp nhau, 6. Bà-la-môn Nxb Hồng Đức: 2019 – 2020. Sách có khổ Pancaggadayaka, 7. Nhiều vị Tỳ-kheo, 8. 14.5 x 20.5cm. Chuyện 500 vị Tỳ-kheo, 9. Trưởng lão Quyển 1, Phẩm Song Đối (Yamaka Santakaya, 10. Trưởng lão Nangalakuta, Vagga), xuất bản năm 2018, dày hơn 789 11. Trưởng lão Vakkali, 12. Sadi Sumana; trang. Nội dung gồm có 1 phẩm, 14 XXVI. P. Bà-la-môn, 1. Vị Bà-la-môn chuyện: Lời nói đầu, Mẫu tự Pali và cách nhiều đức tin, 2. Nhiều vị Tỳ-kheo, 3. phát âm, Kệ khởi đầu của tác phẩm; Phẩm Chuyện Ma vương, 4. Một vị Bà-la-môn, Song đối, 1. Chuyện về trưởng lão 5. Trưởng lão Ananda, 6. Chuyện Một Cakkhupàla, 2. Chuyện về Matthakundalì, người xuất gia, 7. Trưởng lão Sariputtta, 8. 3. Chuyện về trưởng lão Tissa, 4. Chuyện Trưởng lão Ni Maha Pajapatigotami, 9. về nữ Dạ-xoa Kàlaya, 5. Chuyện về thành Chuyện Trưởng lão Sariputta, 10. Chuyện Kosabi, 6. Chuyện về trưởng lão Bà-la-môn Jatila, 11. Bà-la-môn Kuhaka, Mahàkàla, 7. Chuyện về Devadatta, 8. 12. Nàng Kisagotami, 13. Chuyện vị Bà- Chuyện về trưởng lão Sàriputta, 9. Chuyện la-môn, 14. Ngài Uggasena, 15. chuyện về trưởng lão Nanda, 10. Chuyện về đồ tể hai vị Bà-la-môn, 16. Bà-la-môn Cunda, 11. Chuyện về cận sự nam Akkosaka Bharadvaja, 18. Trưởng lão Ni Dhammika, 12. Chuyện về Devadatta, 13. Uppalavanna, 19. Chuyện một vị Bà-la- Chuyện về Sumanàdevì, 14. Chuyện về môn, 20. Trưởng lão Ni Khema, 21. hai vị Tỳ-kheo bằng hữu.

Quyển 2, xuất bản năm 2018, dày 809 chuyện: Về người đệ tử đồng trú cùng trang. Nội dung gồm có 2 phẩm, 18 câu trưởng lão Mahakassapa, 3. Câu chuyện: chuyện: Lời nói đầu, Mẫu câu đơn giản Về trưởng giả Ananda, 4. Câu chuyện: Về trong văn phạm Pàli; Phẩm Không dễ tên trộm chuyên móc túi, 5. Câu chuyện: duôi: 1. Câu chuyện Sàmàvatìvatthu, 2. Về trưởng lão Udayi, 6. Câu chuyện: Về Câu chuyện bá hộ Kumbhaghosaka, 3. nhóm 30 Tỳ-kheo ở Paveyyaka, 7. Câu Câu chuyện trưởng lão Cùlapanthaka, 4. chuyện: Về chàng cùi Suppabuddha, 8. Câu chuyện sự huyên náo dành cho người Câu chuyện: Về người nông dân, 9. Câu ngu, 5. Câu chuyện trưởng lão chuyện: Về người thợ làm tràng hoa Mahàkassapa, 6. Câu chuyện hai người Sumana, 10. Câu chuyện: Về trưởng lão bạn dễ duôi và không dễ duôi, 7. Câu Ni Uppalavanna, 11. Câu chuyện: Về chuyện về Magha, 8. Câu chuyện về một trưởng lão Jambuka, 12. Câu chuyện: Về vị Tỳ-kheo khác, 9. Câu chuyện trưởng lão ngạ quỷ Rắn, 13. Câu

chuyện: Về ngạ quỷ Tissa ở thị trấn; Phẩm Tâm: 1. Câu chuyện 60 cái búa, 14. Câu chuyện: Về gia chủ về trưởng lão Meghiya, 2. Câu chuyện về Citta, 15. Câu chuyện: Về Sadi Tissa cư một vị Tỳ-kheo khác, 3. Câu chuyện về ngụ trong rừng. một vị Tỳ-kheo khác, 4. Câu chuyện về Quyển 4, xuất bản năm 2019, dày hơn 866 cháu của trưởng lão Sangharakkhita, 5. trang, nội dung gồm 3 phẩm, 35 câu Câu chuyện của trưởng lão Cittahattha, 6. chuyện: Lời nói đầu, Phẩm Hiền trí: 1. Câu chuyện về năm trăm vị Tỳ-kheo, 7. Câu chuyện về trưởng lão Ràdha, 2. Câu Câu chuyện về trưởng lão Tissa có thân chuyện về nhóm môn đệ của thể hôi thối, 8. Câu chuyện về người chăn Assajipunabbasu, 3. Câu chuyện về trưởng bò Nanda, 9. Câu chuyện trưởng lão lão Channa, 4. Câu chuyện về trưởng lão Soreyya, Bảng phụ lục về cách chia danh Mahàppina, 5. Câu chuyện về trưởng lão từ; Mục lục. Bhaddiya lùn, 7. Câu chuyện về mẹ của Quyển 3, xuất bản năm 2019, dày hơn 957 nàng Kàna, 8. Câu chuyện về năm trăm vị trang, nội dung gồm có 2 phẩm, 27 câu Tỳ-kheo, 9. Câu chuyện về trưởng lão chuyện: Lời nói đầu, Phẩm Hoa, 1. Câu Dhammika, 10. Câu chuyện về việc lắng chuyện: Năm trăm Tỳ-kheo bận rộn đàm nghe pháp, 11. Câu chuyện về năm trăm vị luận về địa đại, 2. Câu chuyện: Trưởng lão khách Tăng; Phẩm A-la-hán: 1. Câu với đề mục nghiệp xứ ảo ảnh, 3. Câu chuyện về câu hỏi Jivaka, 2. Câu chuyện chuyện: Vitatubha, 4. Câu chuyện: Về về trưởng lão Mahàkassapa, 3. Câu thiếu nữ tôn vinh chồng, 5. Câu chuyện: chuyện về trưởng lão Belatthasìsa, 4. Câu Trưởng giả Kosiya keo kiết, 6. Câu chuyện về trưởng lão Anuruddha, 5. Câu chuyện: Ngoại đạo Paveyya, 7. Câu chuyện về trưởng lão Mahàkaccàyana, 6. chuyện: Cận sự nam Chattapani, 8. Câu Câu chuyện về trưởng lão Sàriputta, 7. chuyện: Nàng Visakha, 9. Câu chuyện: Về Câu chuyện về vị sadi đệ tử của trưởng lão câu hỏi của Trưởng lão Ananda, 10. Câu Tissa ngụ ở Kosambi, 8. Câu chuyện về chuyện: Cúng dường vật thực đến Trưởng trưởng lão Sàriputta, 9. Câu chuyện về lão Mahakassapa, 11. Câu chuyện: Trưởng trưởng lão Revata trong khu rừng keo, 10. lão Godhika viên tịch, 12. Câu chuyện: Về Câu chuyện về một người phụ nữ khác; Garahadinna; Phẩm Phu nhân: 1. Câu Phẩm Ngàn: 1. Câu chuyện về người đao chuyện: Về một chàng thanh niên, 2. Câu phủ có bộ râu màu đồng, 2. Câu chuyện về

trưởng lão Bàhiya đắp y vỏ cây, 3. Câu trưởng lão y củ rách, 11. Câu chuyện về chuyện về trưởng lão Ni tóc xoăn, 4. Câu Sadi Sukha; Phẩm Già lão: 1. Câu chuyện chuyện về câu hỏi vô nghĩa của một vị Bà- về những người bạn gái của bà Visàkhà, 2. la-môn, 5. Câu chuyện về người Bà-la- Câu chuyện về nàng Sirimà, 3. Câu môn cậu của trưởng lão Sàriputta, 6. Câu chuyện về trưởng lão Ni, 4. Câu chuyện về chuyện về cháu trai của trưởng lão nhóm Tỳ-kheo có nhiều tự mãn, 5. Câu Sàriputta, 7. Câu chuyện về Bà-la-môn chuyện về trưởng lão Ni Rùpanandà, 6. bạn của trưởng lão Sàriputta, 8. Câu Câu chuyện về hoàng hậu Mallikà, 7. Câu chuyện về đứa trẻ được tăng tuổi thọ, 9. chuyện về trưởng lão Làludàya, 8. Câu Câu chuyện về sadi Samkicca, 10. Câu chuyện về âm hứng ngữ, 9. Câu chuyện về chuyện về trưởng lão Kondanna tợ gốc con trai một trưởng giả có đại tài sản; cây, 11. Câu chuyện về trưởng lão Phẩm Tự ngã: 1. Câu chuyện về vương tử Sappadàsa, 12. Câu chuyện về Tỳ-kheo Ni Bodhi, 2. Câu chuyện về trưởng lão Patàcàrà, 13. Câu chuyện về nàng Upananda, 3. Câu chuyện về trưởng lão Gothamì gầy yếu, 14. Câu chuyện về Tỳ- Tissa, 4. Câu chuyện về trưởng lão Ni mẹ kheo

Ni vốn có nhiều con. của Kumàrakassapa, 5. Câu chuyện về cận Quyển 5, xuất bản năm 2020, dày hơn 866 sự nam Mahàkàla, 6. Câu chuyện về trang. Nội dung gồm 4 phẩm, 42 câu Devadatta, 7. Câu chuyện về sự cố gắng chuyện: Lời nói đầu, Phẩm Ác: 1. Câu chia rẽ Tăng chúng, 8. Câu chuyện về chuyện về Ba-la-môn Cùlekasàtaka, 2. trưởng lão Kàla, 9. Câu chuyện về cận sự Câu chuyện về trưởng lão Seyyasaka, 3. nam Cùlakàla, 10. Câu chuyện về trưởng Câu chuyện về thiên nữ Làja, 4. Câu lão Attadattha. chuyện về trưởng giả Anàthapindika, 5. Câu chuyện vị Tỳ-kheo không tiết chế vật 64. Chú giải KINH PHẬT THUYẾT dụng tùy thân, 6. Câu chuyện về trưởng ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ giả người có đôi chân mèo, 7. Câu chuyện TRANG NGHIÊM THANH TỊNH về người lái buôn nhiều tài sản, 8. Câu BÌNH ĐẲNG GIÁC chuyện về người thợ săn Kukkutamita, 9. Chú giải: Hoàng Niệm Tổ Câu chuyện về người thợ săn Koka và đàn Việt dịch: Như Hòa chó, 10. Câu chuyện về trưởng lão Tissa, Nxb Phương Đông – 2002. Kinh có khổ 11. Câu chuyện về ba nhóm người 15 x 21cm, dày 1068 trang, bìa cứng. Tayojanavatthu, 12. Câu chuyện về Đức Toàn bộ tác phẩm Chú giải Kinh này gồm vua Suppabuddha; Phẩm Hình phạt: 1. có 4 quyển, 48 phẩm. Phần đầu là Đôi lời Câu chuyện về nhóm Tỳ-kheo lục sư (1), bày tỏ, Lời giới thiệu; Quyển I, Lời nói 2. Câu chuyện về nhóm Tỳ-kheo lục sư đầu, Khái yếu (- Giáo khởi nhân duyên, - (2), 3. Câu chuyện về đàn trẻ con, 4. Câu Thể tánh của Kinh, - Tông thú của Kinh chuyện về trưởng lão Kondadhàna, 5. Câu này, - Phương tiện lực dụng, - Các căn khí chuyện về những người phụ nữ thọ Bát được Kinh này hóa độ, - Tạng giáo sở quan trai, 6. Câu chuyện về ngạ quỷ Trăn, nhiếp, - Bộ loại sai biệt, - Dịch, hội, hiệu, 7. Câu chuyện về trưởng lão thích, - Tổng thích Kinh đề); Phần giải Mahàmoggallàna, 8. Câu chuyện về vị Tỳ- thích Kinh nghĩa: Tự phần, Thông tự, P.1. kheo có nhiều vật dụng, 9. Câu chuyện về Pháp hội Thánh chúng, P.2. Đức tuân Phổ quan đại thần Santati, 10. Câu chuyện về Hiền, Biệt tự, P.3. Đại giáo duyên khởi;

Quyển II, Chánh tông phần: P.4. Pháp tạng Việt dịch: Tỳ-kheo Siêu Minh nhân địa, P.5. Chí tâm tinh tấn, P.6. Phát Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 đại thệ nguyện, P.7. Ắt thành chánh giác, Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 847 P.8. Tích công lũy đức, P.9. Viên mãn trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, I. thành tựu, P.10. Đều phát nguyện thành Nguồn tư liệu các tập Chú giải, II. Chức Phật; Quyển III, P.11. Quốc giới nghiêm năng một tập Chú giải, III. Một số phương tịnh, P.12. Quang minh chiếu khắp, P.13. pháp Chú giải, 1. Những trích dẫn Kinh Thọ chúng vô lượng, P.14. Cây báu khắp điển, 2. Những cách giải thích khác, 3. cõi nước, P.15. Bồ-đề đạo tràng, P.16. Những liệt kê, 4. Những lần “Liệt kê”, 5. Nhà, viện, lầu, quán, P.17. Công đức của Một Chương sách phụ, 6. Nhiều nghĩa Đa ao, P.18. Siêu thế hy hữu, P.19. Thọ dụng dạng; Nhập đề, Ngữ pháp, Trùng âm, đầy đủ, P.20. Gió đức mưa hoa, P.21. Hoa Những người sanh cùng thời với nhau, sen báu và quang minh Phật, P.22. Quyết Một số đặc tính khác, Viết tắt, Viết tắt tên chứng cực quả, P.23. Mười phương Phật tiếng Anh, Xuất xứ Phật tông, Chú giải về ngợi khen, P.24. Ba bậc vãng sanh, P.25. Tiền thân, I. Chú giải về địa điểm du hành Chánh nhân vãng sanh, P.26. Lễ cúng Châu báu, II.A Chú giải Bồ-tát Sumedha, thính pháp, P.27. Khen ngợi Phật đức, II.B Chú giải Đức Phật Dìpankara, III. P.28. Đại sĩ thần quang, P.29. Nguyện lực Chú giải Đức Phật Kondanna, IV. Chú hoằng thâm; Quyển IV, P.30. Bồ-tát tu

trì, giải Đức Phật Mangala, V. Chú giải Phật P.31. Chơn thật công đức, P.32. Thọ lạc Tổ Sumana, VI. Chú giải Đức Phật Tổ vô cực, P.33. Khuyến dụ sách tấn, P.34. Revata, VII. Chú giải Đức Phật Tổ Tâm được khai minh, P.35. Trược thế ác Sobhita, VIII. Chú giải Đức Phật Tổ khổ, P.36. Trùng trùng hối miễn, P.37. Anomadassin, IX. Chú giải Phật Tổ Như kẻ nghèo được của báu, P.38. Lễ Phật Paduma, X. Chú giải Đức Phật Tổ Nàrada, hiện quang, P.39. Ngài Từ Thị thuật lại XI. Chú giải Đức Phật Tổ Padumuttara, những điều mình thấy, P.40. Biên địa nghi XII. Chú giải Đức Phật Tổ Sumedha, XIII. thành, P.41. Hoặc tận kiến Phật, P.42. Bồ- Chú giải Đức Phật Tổ Sujàta, XIV. Chú tát vãng sanh; Lưu thông phần: P.43. giải Đức Phật Tổ Piyadassin, XV. Chú Chẳng phải là Tiểu thừa, P.44. Thọ ký Bồ- giải Đức Phật Tổ Atthadassin, XVI. Chú đề, P.45. Riêng lưu lại Kinh này, P.46. giải Phật Tổ Dhammadassin, XVII. Chú Siêng tu giữ vững, P.47. Phước huệ mới giải Phật Tổ Siddhattha, XVIII. Chú giải được nghe, P.48. Nghe Kinh được lợi ích. Đức Phật Tổ Tissa, XIX. Chú giải Phật Tổ Lời sau cùng, Phụ lục 1 và 2, Lược sử Phussa, XX. Chú giải Đức Phật Tổ Ngài U Khê. Vipassin, XXI. Chú giải Đức Phật Tổ Tác phẩm Chú giải Kinh này được tái bản Sikhin, XXII. Chú giải Đức Phật Tổ nhiều lần: Năm PL. 2548 – DL. 2004; năm Vessabhù, XXIII. Chú giải Đức Phật Tổ 2009, Tịnh Tông Học hội Los Angeles Kakusandha, XXIV. Chú giải Đức Phật Tổ Amida Society ấn tống. Konagamana, XXV. Chú giải Đức Phật Tổ Kassapa, XXVI. Chú giải Đức Phật Cồ- 65. Chú Giải LỊCH SỬ CHƯ PHẬT đàm, Diễn giải về những khác nơi chư Ngyên tác: Buddhavamsa Phật. Bản Pali ngữ: Buddhatta Thera; Anh ngữ: LB. Horner 66. Chú giải NGẠ QUỶ SỰ

Anh ngữ: Peter Masefield (Paramatthadìpanì nàma Việt dịch: Tỳ-kheo Minh Huệ Udànatthakathà) PL. 2540 – DL. 1996 Bản Tiếng Pàli: Àcariya Dhammapàla Sách dày hơn 558 trang. Nội dung gồm có Bản Anh ngữ: Peter Masefield 4 chương: Lời giới thiệu, Giải thích ý Việt dịch: Tỳ-kheo Siêu Minh nghĩa bên trong, Chú giải về những câu Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007 chuyện Ngạ quỷ; C.I Xà phẩm Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng màu (Uragavagga): 1. Phước điền quỷ sự, 2. đen, chữ vàng, có hộp, tổng cộng 2 tập dày Trủng quỷ sự, 3. Xú khẩu quỷ sự, 4. Tích hơn 1.568 trang. chuyện cái bánh đồ chơi, 5. Hộ ngoại quỷ Tập I, dày hơn 762 trang. Nội dung gồm sự, 6. Thực ngũ nhì quỷ sự, 7. Thực thất có 3 chương: Lời giới thiệu, Bản tường nhì quỷ sự, 8. Ngưu quỷ sự, 9. Đại chức trình khởi đầu công trình biên soạn; C.I, vật sư quỷ sự, 10. Ngốc đầu quỷ sự, 11. Giác ngộ: 1. Giác ngộ (1), 2. Giác ngộ (2), Tượng quỷ sự, 12. Xà quỷ sự; C.II Uất- 3. Giác ngộ (3), 4. Gốc cây đa, 5. Các vị ba-lợi phẩm (Ubbarivagga): 1. Ly luân trưởng lão, 6. Trưởng lão Đại Ca-diếp hồi quỷ sự, 2. Xá-lợi-phất mẫu quỷ sự, 3. (Kassapa), 7. Tại Pàvà, 8. Sangàmaji, 9. Mẫu quỷ sự, 4. Nan-đà quỷ sự, 5. Nhĩ- Các vị ẩn sĩ búi tóc, 10. Ngài Bàhiya; C.II, hoàn nữ quỷ sự, 6. Hắc quỷ sự, 7. Tài hộ Mucalinda: 1. Mucalinda, 2. Vị vua, 3. quỷ sự, 8. Tiểu thương quỷ sự, 9. Quỷ sự Với cây gậy, 4. Lòng kính trọng, 5. Với về (Ankura), 10. Uất-đa-la mẫu quỷ sự, một Phật tử, 6. Mang thai, 7. Con trai độc 11. Tư ngạ quỷ sự, 12. Vô nhĩ khuyển cẩu nhất, 8. Suppavàsà, 9. Visàkhà, 10. quỷ sự, 13. Uất-ba-lợi quỷ sự; C.III Tiểu Bhaddiya con trai của ngài Kàligodhà; phẩm (Culavagga): 1. Bất đáng quỷ sự, 2. C.III, Nanda: 1. Nghiệp, 2. Nanda, 3. Quỷ sự về Sànuvàsi, 3. Tạo xa quỷ sự, 4. Yasoja, 4. Sàriputta, 5. Kolita, 6. Pilinda, Mạt quỷ sự, 5. Tiểu nhi quỷ sự, 6. Sê-rí-ni 7. Kassapa, 8. Của bố thí, 9. Nghề thủ quỷ sự, 7. Liệp-lộc quỷ

sự, 8. Đệ nhị Liệp- công, 10. Nhờ thế gian. lộc quỷ sự, 9. Trá-khi ngạ quỷ sự, 10. Giới Tập II, dày hơn 806 trang. Nội dung gồm bất kỉnh thấp quỷ sự; C.IV Đại phẩm: 1. có 5 chương: C.IV Meghiya, 1. Meghiya, Ăm-bá-sắc-khá-rá quỷ sự, 2. Sê-rít-sá-ká 2. Bị phân tâm (phóng dật), 3. Người chăn quỷ sự, 3. Nan-đà quỷ sự, 4. Rê-vát-tí quỷ bò, 4. Dưới ánh trăng rằm, 5. Với Long sự, 5. Cam-giá quỷ sự, 6. Tiểu nhi quỷ sự, vương, 6. Pindola, 7. Sàriputta, 8. Sundari, 7. Vương nhi quỷ sự, 8. Phẩn thực quỷ sự, 9. Upasena Vangantaputta, 10. Sàriputta; 9. Thực phẩn quỷ sự, 10. Quần tập quỷ sự, C.V Sona, 1. Người yêu quí, 2. Sanh mệnh 11. Hoa tử quỷ sự, 12. Âm ba quỷ sự, 13. ngắn ngủi, 3. Bệnh nhân phong, 4. Các Mộc-trục quỷ sự, 14. Súc tài quỷ sự, 15. chàng thanh niên, 5. Uposatha trai giới Thương tử quỷ sự, 16. Quỷ sự về sáu chục (ngày tụng giới), 6. Sona, 7. Revata, 8. ngàn cái búa; Kết luận. Chia rẻ, 9. Điều giễu cợt, 10. Cùlapanthaka, C.VI Người mù bẩm sinh, 1. Thọ mệnh, 2. Để tóc rối, 3. Quán xét lại, 4. Quan điểm (1), 5. Quan điểm (2), 6. Những quan điểm (3), 7. Subhùti, 8. Cô 67. Chú giải PHẬT TỰ THUYẾT (I, II) gái làng chơi, 9. Ở trên và quá khứ, 10. Họ – Kinh Tạng (Sutta Pitaka) khởi sanh; C.VII Tiểu phẩm, 1. Bhaddiya

(1), 2. Bhaddiya (2), 3. Chấp thủ (1), 4. Đống xương, 25. K. Nói lời vọng ngữ, 26. Chấp thủ (2), 5. Người lùn, 6. Diệt trừ ái K. Bố thí, 27. K. Chuyển tải Từ tâm nơi dục, 7. Diệt trừ những hý tưởng nữa, 8. chúng sanh; Diễn giải chương xử lý hai Kaccàna, 9. Cái giếng, 10. Udena (Ưu- pháp: 28. K. Trú xứ bất an (phiền toái), điền vương); C.VIII Dân làng Pàtali, 1. 29. K. Trú xứ an lạc, 30. K. Dẫn đến giày Nibbàna (1), 2. Níp-bàn (2), 3. Níp-bàn vò (Dẫn đến đau khổ), 31. K. Không dẫn (3), 4. Níp-bàn (4), 5. Cunda, 6. Dân làng đến giày vò đau khổ, 32. K. Giới đức thứ Pàtali, 7. Chúng sanh trên lộ trình, 8. nhất, 33. K. Giới đức thứ hai, 34. K. Nhiệt Visàkhà, 9. Dabba (1), 10. Dabba (2); tâm, 35. K. Không lừa dối thứ nhất, 36. K. Nhận định kết thúc. Không lừa dối thứ hai, 37. K. Tình trạng lạc hỷ; C.II, 38. K. Tư duy, 39. K. Giáo 68. Chú giải PHẬT THUYẾT NHƯ pháp, 40. K. Minh kiến, 41. K. Thối đọa VẦY – Kinh Tạng (Sutta Pitaka) trí tuệ, 42. K. Các Pháp trắng, 43. K. (The Itivuttaka-atthakathà) – 2 Tập Không sanh, 44. K. Niết-bàn giới, 45. K. Bản Pàli ngữ: Dhammapàla Mahàthera Viễn ly, 46. K. Những lợi do tu học đem Bản Anh ngữ: Peter Masefield lại, 47. K. Cảnh giác, 48. K. Rơi vào đọa Việt dịch: Tỳ-khưu Siêu Minh xứ, 49. K. Tà kiến; Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2557 Tập II, dày 473 trang. Nội dung gồm có: – DL. 2013 Diễn giải chương xử lý ba pháp: C.I, 50. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn K. Các căn (gốc rễ), 51. K. Giới, 52. K. 994 trang, bìa mềm, nền màu đen, chữ tựa Cảm thọ thứ nhất, 53. K. Cảm thọ thứ hai, màu trắng. 54. K. Tầm cầu thứ nhất, 55. K. Tầm cầu Tập I, dày 521 trang. Nội dung gồm có: thứ hai, 56-57. K. Cặp lậu hoặc, 58. K. Lời dịch giả, Lời nói đầu, Những từ viết Tham ái, 59. K. Cõi ác ma; C.II, 60. K. tắt, Các bản văn, Từ điển, Từ viết tắt, Sách Các căn phước nghiệp, 61. K. Đôi mắt, 62. tham khảo, Bài tường trình nguồn gốc K. Các căn, 63. K. Ba thời gian, 64. K. biên soạn tác phẩm này, Bình luận về Các ác hành, 65. K. Các thiện hành, 66. K. nguồn tư liệu; Diễn giải chương xử lý một Các Thanh tịnh, 67. K. Các thầm lặng, 68. pháp: C.I, 1. Kinh (K) Tham dục, 2. K. K. Tham dục thứ nhất, 69. K. Tham dục Sân hận, 3. K. Si mê, 4. K. Phẫn nộ, 5. K. thứ hai; C.III, 70. K. Tà kiến, 71. K. Gièm pha, 6. K. Kiêu mạn, 7. K. Thắng Chánh kiến, 72. K. Xuất ly, 73. K. An tịnh tri-liễu tri tất cả, 8. K. Thắng tri-liễu tri hơn, 74. K. Các con trai, 75. K.

Hạng kiêu mạn, 9. K. Thắng tri-liễu tri tham, 10. người như hạn hán, 76. K. Hy vọng được K. Thắng tri-liễu tri sân; C.II, 11. K. hạnh phúc (lạc), 77. K. Mỏng giòn, 78. K. Thắng tri-liễu tri si, 12. K. Thắng tri-liễu Giao thân chung dòng tùy theo giới, 79. K. tri phẫn nộ, 13. K. Thắng tri-liễu tri gièm Thối thất (sa ngã); C.IV, 80. K. Tâm bất pha, 14. K. Vô minh Triền cái, 15. K. Ái thiện, 81. K. Cung kính, 82. K. Có tiếng kiết sử, 16. K. Hữu học thứ nhất, 17. K. Vị chư Thiên vang vọng, 83. K. Năm tướng Hữu học thứ hai, 18. K. Phá hòa hợp nơi báo trước, 84. K. Hạnh phúc cho nhiều Tăng đoàn, 19. K. Hòa hợp trong chúng người, 85. K. Sống tùy quán bất tịnh, 86. Tăng, 20. K. Tâm ác ý; C.III, 21. K. Tâm K. Hành trì tùy đúng pháp, 87. K. Khiến ta thiện ý, 22. K. Đừng sợ thực hiện Phước thành mù quáng, 88. K. Ba nội uế, 89. K. nghiệp, 23. K. Cả hai mục tiêu, 24. K. Devadatta; C.V, 90. K. Tín thành tối

thượng, 91. K. Chánh mệnh, 92. K. Viền (Mangala Sutta); C.VI Kinh Châu báu áo tăng-già-lê, 93. K. Lừa, 94. K. Quán (Ratana Sutta); C.VII Kinh Ngoài bức sát, 95. K. Các pháp dục lạc sanh khởi, 96. tường; C.VIII Kinh Bảo tang, Kinh Từ K. Do dục ách trói buộc, 97. K. Có giới tốt tâm, Lời bạt; Tái bút. lành, 98. K. Vật thí, 99. K. Tam minh (Phệ-đà); Diễn giải chương xử lý bốn 71. Chú Giải TRƯỞNG LÃO NI KỆ pháp: C.I, 100. K. Bà-la-môn Chánh pháp (Paramàtthadìpanì Therìgàthà – và Tế tự, 101. K. Dễ chứng đắc, 102. K. Atthakathà) Triệt phá các lậu hoặc [149], 103. K. Sa- Bản tiếng Pali: Acàriya Dhàmmapàla môn và Bà-la-môn, 104. K. Chứng đầy đủ Anh ngữ: William Pruit giới, 105. K. Tham ái sanh khởi, 106. K. Việt ngữ: Tỳ-kheo Siêu Minh Ngang bằng với Phạm thiên, 107. K. Đem Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008 lại lợi ích to lớn, 108. K. Về sự lừa đảo- Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 649 dối trá, 109. K. Bị dòng sông cuốn trôi trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, [779], 110. K. Đang di chuyển đó đây, Các từ Viết tắt; C.I, P.1 Tập Một kệ, 1. 111. K. Chứng giới đức, 112. K. Thế giới; Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Vô danh, 2. Những nhận định kết luận. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Muttà, 3. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Punnà, 4. 69. Chú Giải TÂM KINH BÁT-NHÃ Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Tissà, 5-10. BA-LA-MẬT-ĐA Chú giải những bài kệ chư vị Trưởng lão Chú giải: Pháp sư Ấn Thuận (1906-2005) Ni khác, 11. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Việt dịch: HT. Thích Tâm Trí Muttà khác, 12. Chú giải bài kệ Trưởng Nxb Hồng Đức – 2018. Kinh có khổ 14 x lão Ni Dhammadinnà, 13. Chú giải bài kệ 20cm, có 70 trang, bìa mềm. Trưởng lão Ni Visàkhà, 14. Chú giải bài Tác phẩm chú giải Kinh này có 3 phần, kệ Trưởng lão Ni Sumanà, 15. Chú giải nội dung gồm: Lời giới thiệu, I. Giải đề bài kệ Trưởng lão Ni Uttarà, 16. Chú giải Kinh, II. Giải thích đề Kinh, III. Giải thích bài kệ Trưởng lão Ni Sumanà là người chính văn. xuất gia vào lúc tuổi già, 17. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Dhammà, 18. Chú giải 70. Chú Giải TIỂU TỤNG – bài kệ Trưởng lão Ni Sanghà; P.2 Tập Hai KHUDDAKAPÀTHA ATTHAKATHÀ kệ, 1. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Kinh Tạng (Sutta Pitaka) Abhirùpanandà, 2. Chú giải bài kệ Trưởng Bản Pàli ngữ: Bhadantacariya lão Ni Jentà, 3. Chú giải bài kệ Trưởng lão Buddhaghosa Ni Sumangalamàtà, 4. Chú giải bài kệ Bản Anh ngữ: Nànamoli Trưởng lão Ni Addhakàsi, 5. Chú giải bài Bản Việt ngữ: Tỳ-kheo Siêu Minh kệ Trưởng lão Ni Città, 6. Chú giải bài kệ Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Trưởng lão Ni Mettikà, 7. Chú giải bài kệ Sách có khổ 14 x 20cm, dày 582 trang. Trưởng lão Ni Mittà, 8. Chú giải bài kệ Nội dung gồm 8

chương: C.I. Nhập đề, Trưởng lão Ni Abhayamàtà, 9. Chú giải Tam quy y (Saranattaya); C.II Thập giới bài kệ Trưởng lão Ni Abhayà, 10. Chú giải (Dasasikkhapada); C.III Ba mươi hai thể bài kệ Trưởng lão Ni Sàmà; P.3 Tập Ba (Davattimsàkàrà); C.IV Nam tử hỏi đạo kệ, 1. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sàmà (Kumarapanha); C.V Kinh điềm lành khác, 2. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni

Uttamà, 3. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Ambapàlì, 2. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Uttamà khác, 4. Chú giải bài kệ Trưởng Ni Rohinì, 3. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão lão Ni Dantikà, 5. Chú giải bài kệ Trưởng Ni Càpà, 4. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão lão Ni Ubbirì, 6. Chú giải bài kệ Trưởng Ni Sundarì, 5. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Sukkà, 7. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Subha con gái kệ Kim hoàn; P.14 lão Ni Selà, 8. Chú giải bài kệ Trưởng lão Tập Ba mươi kệ, 1. Chú giải đoạn kệ Ni Somà; P.4 Tập Bốn kệ, 1. Chú giải bài Trưởng lão Ni Subhà Jìvakambavanikà; kệ Trưởng lão Ni Bhaddà Kàpilànì; P.5 P.15 Tập Bốn mươi kệ, 1. Chú giải đoạn Tập Năm kệ, 1. Chú giải bài kệ Trưởng lão kệ Trưởng lão Ni Isidàsì; P.16 Đại Phẩm Ni Vô danh, 2. Chú giải bài kệ Trưởng lão kệ, 1. Chú giải Trưởng lão Ni kệ Ni Vimalà, 3. Chú giải bài kệ Trưởng lão Sumedhà; Kết luận. Ni Sihà, 4. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sundarì Nandà, 5. Chú giải bài kệ Trưởng 72. Chủ Yếu KINH LĂNG NGHIÊM lão Ni Nanduttarà, 6. Chú giải bài kệ HT. Thích Huyền Vi Trưởng lão Ni Mittàkàlì, 7. Chú giải bài PL. 2554 – DL. 2010 kệ Trưởng lão Ni Sakulà, 8. Chú giải bài Kinh dày 551 trang, bìa cứng, nền đen, kệ Trưởng lão Ni Sonà, 9. Chú giải bài kệ chữ tựa màu vàng, có hình vòng tròn. Trưởng lão Ni Bhaddà Kundalakesà, 10. Nội dung gồm có 10 quyển: Lời nói đầu, Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Patàcàrà, Phụ đề Toàn bộ Phật giáo, Tóm lược Kinh 11. Chú giải đoạn kệ thuộc nhóm ba mươi Thủ Lăng Nghiêm, Chủ yếu Kinh Thủ Trưởng lão Ni, 12. Chú giải bài kệ Trưởng Lăng Nghiêm, Đại hội Thủ Lăng Nghiêm, lão Ni Cunda; P.6 Tập Sáu kệ, 1. Chú giải Quyển thứ nhất. Biểu đồ 2 lần gạn hỏi đoạn kệ của 500 Trưởng lão Ni là các bà tâm; Quyển thứ hai. Biểu đồ Tịnh-Uế có mẹ, 2. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni không đều do tâm hiện; Quyển thứ Vàsitthì, 3. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão ba,...đến Quyển thứ bảy, Biểu đồ Tổng Ni Khemà, 4. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão kết 12 loại sinh; Quyển thứ tám. Biểu đồ Ni Sujàta, 5. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão thứ lớp 10 quả vị trong 2 vị, Biểu đồ Giác Ni Anopamà, 6. Chú giải đoạn kệ Trưởng tế Nhập giao gọi là Đẳng giác, Biểu đồ 3 lão Ni Mahà Pajàpatì Gotamì, 7. Chú giải sự tăng tiến thành tựu 55 vị thù thắng; đoạn kệ Trưởng lão Ni Guttà, 8. Chú giải Quyển thứ chín. Biểu đồ thọ ấm dứt sạch đoạn kệ Trưởng lão Ni Vijayà; P.7 Tập trải qua 60 Thánh vị; Quyển thứ mười. Bảy kệ, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Biểu đồ 3 Tự tính sinh, khởi, hoàn, diệt; Uttarà, 2. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Thích Huyền Càlà, 3. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Vi. Upacàlà; P.8 Tập Tám kệ, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Sìsùpacàlà; P.9 73. CHUẨN-ĐỀ PHẬT MẪU ĐÀ-LA- Tập Chín kệ, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng NI KINH lão Ni Vaddha Mata; P.10 Tập Mười một Việt dịch: Huyền Thanh kệ, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Nxb Tôn Giáo – 2009 Kisa Gotami; P.11 Tập Mười hai kệ, 1. Nội dung gồm có: I. Danh tự, II. Trú xứ, Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni III. Tôn tượng, IV. Chân ngôn, V. Ấn khế, Uppalavannà, P.12 Tập Hai mươi kệ, 1. VI. Ý nghĩa pháp vẽ tượng Chuẩn-đề Phật Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Mẫu; Phật thuyết

Thất-câu-đê Phật Mẫu

Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni Kinh; Phật Dịch giả: Tỳ-kheo Indacanda (Trương thuyết Thất-câu-đê Phật Mẫu Chuẩn-đề Đình Dũng) Đại minh Đà-la-ni Niệm tụng Pháp; Thất- Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 câu-đê Phật Mẫu Sở thuyết Chuẩn-đề Đà- Tác phẩm Kinh này có 227 trang, bìa la-ni Kinh; Thất-câu-đê Chuẩn-đề Đà-la-ni mềm. Nội dung gồm 4 phẩm: Lời giới Niệm tụng Nghi quỹ; Phật thuyết Thất- thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – câu-đê Phật Mẫu Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Sinhala, Văn bản Pali và văn bản tiếng Kinh; Thất-câu-đê Phật Mẫu Tâm Đại Việt, Các bản dịch của Tỳ-kheo Chuẩn-đề Đà-la-ni Pháp Thất-câu-đê Độc Indacanda, Phương danh Thí chủ; I. bộ Pháp; Phật thuyết Trì minh tạng Du-già Uragavaggo – Phẩm Rắn, 1. Chuyện ngạ Đại giáo Tôn-na Bồ-tát Đại minh Thành quỷ ví như cánh đồng, 2. Chuyện ngạ quỷ tựu Nghi quỹ Kinh; Q.I, Phần thứ nhất, mõm heo, 3. Chuyện ngạ quỷ miệng thối, Phần thứ hai; Q.II; Q.III Phần thứ ba, Phần 4. Chuyện ngạ quỷ hình nộm bằng bột, 5. thứ tư, Phần thứ năm, Phần thứ sáu; Q.IV, Chuyện ngạ quỷ ở bên kia vách tường, 6. Chuẩn-đề Tam-muội Hành pháp, I. Chuyện ngạ quỷ ăn năm đứa con trai, 7. Khuyến tu, II. Thọ giới phát tâm, III. Hành Chuyện ngạ quỷ ăn 7 đứa con trai, 8. nhân với hạn kỳ ngày, thời số, IV. Pháp tu Chuyện ngạ quỷ bò đực, 9. Chuyện ngạ chính, V. Trì minh nghiệm tướng, Đại quỷ và người chủ thợ dệt, 10. Chuyện ngạ Chuẩn-đề Bồ-tát Phần Tu-tất-địa Sám hối quỷ sói đầu, 11. Chuyện ngạ quỷ rắn; II. huyền văn. Ubbarivaggo – Phẩm Ubbari, 1. Chuyện ngạ quỷ Sanramocaka, 2. Chuyện ngạ quỷ 74. CHUYỂN PHÁP LUÂN (Kinh Mẹ của Trưởng lão Sariputta, 3. Chuyện Chuyển Pháp Luân) ngạ quỷ Matta, 4. Chuyện ngạ quỷ Nanda, Nyanatiloka Maha Thera 5. Chuyện ngạ quỷ Mattakundali, 6. Soạn dịch: Huỳnh Văn Niệm Chuyện ngạ quỷ của Kanha, 7. Chuyện THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. ngạ quỷ Dhanapala, 8. Chuyện ngạ quỷ 2539 – DL. 1995 Cullasetthi, 9. Chuyện ngạ quỷ Arikura, Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 268 trang, bìa 10. Chuyện ngạ quỷ mẹ của Uttara, 11. mềm. Nội dung gồm có: Đại đức Chuyện ngạ quỷ ở hồ Kannamunda, 13. Nyanatiloka, Phi lộ, Nhận định của Nhà Chuyện ngạ quỷ Ubbari; III. Culavaggo – Phật học A. Foucher, Tiểu phẩm, 1. Chuyện ngạ quỷ không làm Dhammacakkappvattana-suttàrambho: Bố (mặt) nước bị vỡ ra, 2. Chuyện ngạ quỷ ở cáo Kinh Chuyển Pháp Luân, Chuyển núi Sanuvasi, 3. Chuyện ngạ quỷ ở hồ Pháp Luân, gồm Tứ Thánh đế: Khổ, Rathakara, 4. Chuyện ngạ quỷ vỏ trấu, 5. Nguyên nhân của Khổ (Khổ tập), Sự chấm Chuyện ngạ quỷ về đứa bé trai, 6. Chuyện dứt khổ (Diệt Thánh đế) và Chân lý cao ngạ quỷ Erini, 7. Chuyện ngạ quỷ người siêu về Con đường diệt khổ (Đạo Thánh thợ săn thú (1), 8. Chuyện ngạ quỷ người đế). thợ săn thú (2), 9. Chuyện ngạ quỷ có sự quyết đoán sái quấy, 10. Chuyện ngạ quỷ 75. CHUYỆN NGẠ QUỶ - do chê bai Xá-lợi; IV. Mahavaggo – Đại PETAVATTHULALI phẩm, 1. Chuyện ngạ quỷ ở Tam tạng Song ngữ Pali – Việt (Tạng Ambasakkhara, 2. Chuyện ngạ quỷ Kinh – Tiểu Bộ) Serissaka, 3. Chuyện ngạ quỷ Nandaka, 4.

Chuyện ngạ quỷ Revati, 5. Chuyện ngạ thường, 8. Niệm Phật-Tứ Thánh-Vãng quỷ Mía, 6. Chuyện ngạ quỷ hai người sinh...; D. Phóng sinh văn; Đ. Khoa Mông thanh niên, 7. Chuyện ngạ quỷ con trai của sơn Thí thực (cúng cháo). đức vua, 8. Chuyện ngạ quỷ ăn phân, 9. Chuyện nữ ngạ quỷ ăn phân, 10. Chuyện 77. CHƯ KINH HIỂN MẬT nhóm ngạ

quỷ, 11. Chuyện ngạ quỷ ở Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí – Pataliputta, 12. Chuyện ngạ quỷ ở hồ sen, Huyền Thanh 13. Chuyện ngạ quỷ ở cây xoài, 14. Nxb Hồng Đức – 2013 Chuyện ngạ quỷ gom góp của cải, 15. Kinh có khổ 20 x 29cm, dày 300 trang. Chuyện ngạ quỷ các con trai nhà triệu phú, Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Phật 16. Chuyện ngạ quỷ với sáu mươi ngàn nói Kinh A-di-đà Bí mật thần chú (TTK, quả búa tạ. No. 205), 3. Phật nói Kinh Quán vô lượng thọ Phật (ĐTK, No. 365), 4. Kinh Bản 76. CHƯ KINH CẦU SIÊU nguyện Công đức của Lưu ly Quang Như Soạn giả: Thích Tâm Dung Lai (ĐTK, No. 450), 5. Quán Thế Âm Bồ- Trụ trì chùa Long Hoa (Sài Gòn) xuất bản tát Phổ Môn phẩm (ĐTK, No. 262), 6. và ấn tống, PL. 2515 – DL. 1971 Phật nói Kinh Diên mệnh Địa Tạng Bồ-tát, Kinh dày hơn 221 trang, bìa mềm, có hình 7. Phật nói Kinh Di-lặc hạ sanh thành Phật đảnh hương và hoa văn chìm, chữ màu (ĐTK, No. 454), 8. Thiện Tài đồng tử Cầu đen. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, A. đạo Giải thoát, 9. Đại Phật đảnh Như Lai Phần Nghi lễ, 1. Lễ Tam bảo, Hiến hương, Phóng quang Tất-đát-đa Bát-đát-ra đại Tán Phật, Cửu bái, Sám hối (có 2 bài) và thần lực Đô nhiếp Nhất thiết Chú vương Tán Lô hương, 2. Kinh Di-đà, 3. Hồng Đà-la-ni Kinh (ĐTK, No. 947), 10. Phổ danh Bửu sám, 4. Bốn mươi tám nguyện Hiền Hạnh nguyện (Gia Hưng ĐTK, No. của Đức Di-đà, 5. Bát-nhã, 6. Sám hối Hồi BO44), 11. Cát Tường thiên nữ, 12. Phật hướng, 7. Kinh Lăng-nghiêm chương nói Kinh 12 danh hiệu của Đại Cát Tường Niệm Phật, 8. Phát nguyện có 4 bài (B): thiên nữ (ĐTK, No. 1252), 13. Phật nói B.1 Sám Thập phương, B.2 Sám Nhất tâm, Kinh 12 danh hiệu của Đại Cát Tường B.3 Pháp nguyện Cầu siêu, B.4 Sám Khể thiên nữ (ĐTK, No. 1252BIS), 14. Đại Cát thủ, 9. Hồi hướng, 10. Phục nguyện (có 3 Tường thiên nữ 12 khế 108 danh Vô cấu bài); B. Phần Nghi lễ, 1. Nguyện hương, Đại thừa Kinh (ĐTK, No. 1253), 15. Phật Kỳ nguyện (có 2 bài), Tán Pháp vương và nói Kinh Đại Cát Tường Đà-la-ni (ĐTK, Lễ Tam bảo, 2. Tán Lô hương, Dương chi, No. 1381), 16. Công đức Thiên pháp, 17. Đại Bi và khai Kinh, 3. Kinh Vu Lan, 4. Mật chú Viên nhân Vãng sinh tập (ĐTK, Kinh Báo ân Phụ mẫu, 5. Bát-nhã, chú No. 1956), 18. Kinh Con đường của Mười Vãng sanh và Niệm Phật, 6. Sám Vu Lan, Nghiệp tốt lành (ĐTK, No. 600), 19. Tây 7. Sám Nhớ ơn cha mẹ, 8. Sám Phát Phương Phát nguyện văn (Liên Trì Đại nguyện, 9. Hồi hướng và Phục nguyện; C. sư), 19. Mục lục. Khoa Cúng chúc thực: 1. Cầu Phật Di-đà triệu thỉnh hồn về, 2. Con cháu cùng Tổ 78. CHƯ KINH NHẬT TỤNG Tiên, 3. Con cúng cha mẹ, 4. Chồng-vợ PL. 2515 – DL. 1971 cúng cho nhau, 5. Cha mẹ cúng con cháu, In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Giấy 6. Vong linh An tọa Sái tịnh, 7. Thán Vô phép số 1605 của HĐKD ngày 26-6-1964.

Kinh dày 163 trang, bìa mềm, nền trắng, DL. 1966 với tựa đề là Nghi Thức Chư chữ tựa màu đỏ, có hình Bồ-tát Quán Thế Kinh Nhật Tụng. Âm đứng trên tòa sen ở giữa biển lớn. Nội dung gồm có: Phần đầu là (Nghi thức 80. CHƯ KINH NHẬT TỤNG tụng Kinh): Hương tán, Tụng chú,... Khai Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015 Kinh kệ, Phật thuyết A-di-đà Kinh, Sám Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày hơn 481 hối văn, Lăng-nghiêm Thế Chí Bồ-tát trang, bìa cứng. Niệm Phật chương, Kinh Sám nguyện, Tác phẩm Kinh này gồm có: 1. Khóa lễ Sám nguyện Tịnh độ, Kinh Dược Sư, Kinh Kinh A-di-đà, 2. Khóa lễ Sám nguyện, 3. Pháp Hoa – Phẩm Phổ môn, Niệm Phật Khóa lễ Kinh Phổ môn, 4. Khóa lễ Đại bi được mười Công đức, Văn Phóng sinh. Sám pháp, 5. Kinh Dược Sư, 6. Kinh Địa Tạng,

7. Kinh Ngũ Bách Danh, 8. Kinh 79. CHƯ KINH NHẬT TỤNG Kim Cương; Phụ lục: a. Nghi thức hiến Tổ đình Vĩnh Nghiêm (Tp. Hồ Chí Minh) cúng Phật, b. Văn Thí thực, c. Các Bài Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 văn, d. Khuyến tu Tịnh độ, e. Nghi thức Kinh có khổ 14.3 x 20.3cm, có 493 trang. niệm Phật hằng ngày, f. Các kệ chú Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Khóa lễ thường dùng. Kinh A-di-đà (tối), Nghi thức tụng niệm (sáng: Đại bi, Thập chú, Phật thuyết Vô 81. CHƯ KINH NHẬT TỤNG (Chùa thường kinh, Bát Đại Nhân Giác kinh), Từ Thọ) Nghi thức (trưa: Kinh Tứ thập bát Biên soạn: ĐĐ. Thích Hạnh Phú nguyện), Khóa lễ kinh Phổ Môn, Khóa lễ Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 kinh Dược Sư, Khóa lễ Sám nguyện, Nghi Kinh có khổ 15 x 23cm, dày hơn 529 thức lễ tụng kinh Pháp Hoa, Nghi thức trang, bìa cứng, chữ tựa màu trắng, phần Sám hối, Khóa lễ kinh Bát Đại Nhân Giác, dưới có hình hoa sen. Nội dung gồm có: Khóa lễ kinh Vu Lan, Nghi thức niệm Nghi thức Khóa sáng, Nghi thức Khóa tối, thực, Nghi tán lễ Phật thống nhất, Phép Khóa lễ Kinh Phổ Môn, Khóa lễ Kinh thỉnh chuông, Văn thí thực, Cảnh sách Dược Sư, Khóa lễ Kinh Dược Sư Thất niệm Phật (Kệ đánh mộc bản buổi sáng, Phật, Khóa lễ Kinh Dược Sư Sám Pháp, Tịnh nghiệp đường cảnh sách, Lão đường Khóa lễ Kinh Vu Lan Báo Hiếu, Khóa lễ cảnh sách, Chúng chức cảnh sách, Kệ Phật đản-Tổ đình Vĩnh Nghiêm, Khóa lễ đánh mộc bản buổi chiều, Thảo Đường Sám nguyện Tịnh độ; Phụ lục: Nghi thức Hòa thượng truy tố cảnh sách, Bệnh Niệm thực, Nghi Cúng Phật, Nghi thức đường cảnh sách, Lâm thụy tuyên vô Thí thực Mông Sơn, Nghi thức Thỉnh thường kệ niệm Phật), Nghi thức lễ thành chuông U minh, Nghi thức Cảnh sách hôn trước cửa Phật, Nghi thức cầu an cầu Niệm Phật, Văn Phóng sanh. siêu đảo bệnh, Các bài thần chú cần thiết, Văn hồi hướng, Văn đảo bệnh, cầu siêu, 82. CHƯ KINH TẬP YẾU Văn phóng sinh, Khoa cúng tiếp linh, Dịch và giải: Thích Duy Lực (1923-2000) Khoa chúc thực, Phật tử tại gia, Những THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành PL. 2537 ngày trai, Các ngày đản Phật và Bồ-tát. – DL. 1993 Tác phẩm Kinh này được Ban Hoằng pháp Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 572 trang, bìa Miền Vĩnh Nghiêm ấn hành PL. 2510 – mềm. Toàn bộ Chư kinh tập yếu gồm có 8

bộ kinh và 1 luận: Kinh Kim Cang, Bát- Chú âm và Dịch nghĩa; 7. Phật Di Giáo nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh lược giải, Kinh, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa. Yếu chỉ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và Yếu Tác phẩm này đã được Phật Học Tòng chỉ Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Thơ ấn hành năm 1970, Kiểm duyệt số Kinh, Kinh Pháp Bảo Đàn, Duy-Ma-Cật 3150 BTT/PHNT ngày 28-7-1970, dày 363 Sở thuyết Kinh, Kinh Viên Giác, Bát-Nhã trang, bìa mềm; tái bản, Nxb Tôn Giáo, Tâm Kinh, Triệu Luận. Dịch và Chú giải: Đoàn Trung Còn và Kinh Kim Cang và Duy-Ma-Cật Sở thuyết Nguyễn Minh Tiến, Hiệu đính Hán văn: Kinh do HT. Duy Lực dịch sang Việt ngữ Nguyễn Minh Hiển. từ nguyên bản Hán của Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413); 84. CHƯ KINH THƯỜNG TỤNG Yếu chỉ Đại Phương quảng Phật Hoa Miền Vĩnh Nghiêm – Chi Vĩnh Nghiêm Nghiêm Kinh do Thiền sư Duy Tắc lược Phước Hòa giảng, HT. Duy Lực dịch và biên soạn; (tái bản nguyên bản của Hội Việt Nam Kinh Pháp Bảo Đàn do Lục tổ Huệ Năng Phật giáo) (638-713) giảng và ngài Pháp Hải ghi lại; In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy Kinh Viên Giác do Sa-môn Phật-đà-đa-la phép số 1677/BTT/BC3/ XB ngày 5-5- dịch từ Phạn sang Hán, Ngài Duy Lực 1965. Kinh dày 366

trang, bìa mềm, chữ dịch sang Việt ngữ và lược giải. Triệu tựa màu nâu đỏ, có hình tượng Bồ-tát Luận là tác phẩm của cao Tăng Tăng Triệu Quán Thế Âm Thiên thủ thiên nhãn. (384-414) người Trung Hoa. Luận này Nội dung gồm có: Khải bạch, Nghi thức; gồm 9 đoạn vấn nạn, 10 đoạn diễn tả, Khóa tụng chính thức của Hội Việt Nam mượn "Hữu Danh" thay cho vấn nạn, Phật giáo (Thời gian 30 phút), Tổng tắc, 1. mượn "Vô Danh" thay cho giải đáp, để Kỉnh lễ Tam bảo, 2. Dâng hương, 3. Tán hiển bày chánh lý của "Vô Danh". Phật, 4. Lễ cửu bái, 5. Sám hối, 6. Khai Tác phẩm Kinh này năm 1997 được THPG Kinh, 7. Tụng Kinh Bát-nhã, 8. Tụng Kinh Tp. Hồ Chí Minh ấn hành. sám hối Hồi hướng văn, 9. Niệm Phật, 10. Tuyên sớ, 11. Phát nguyện, 12. Tự quy; 83. CHƯ KINH TẬP YẾU Khóa tụng Cầu an Kinh Phả Môn (Thời Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) gian 1 giờ 15 phút); Khóa tụng Cầu an Nxb Tôn Giáo – 2016 Kinh Dược Sư (Thời gian 1 giờ); Khóa lễ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 447 trang, Cầu siêu Kinh A-di-đà (Thời gian 1 giờ 20 bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, phút); Khóa lễ Kim Cương (Thời gian 1 1. Phật thuyết A-di-đà Kinh, Hán văn, Chú giờ 10 phút); Khóa lễ Sám nguyện Tịnh âm và Dịch nghĩa; 2. Diệu Pháp Liên Hoa Độ (Thời gian 1 giờ 40 phút). (nghi thức Kinh – Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn của các Khóa lễ giống với Khóa tụng Phẩm, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa; 3. Chính thức, chỉ có khác nhau ở phần tụng Kinh Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai Bổn Kinh tùy theo Khóa lễ nào thì tụng Kinh Nguyện Công Đức, Hán văn, Chú âm và của Khóa lễ đó) Dịch nghĩa; 4. Kim Cang Bát-nhã Ba-la- mật-đa Kinh, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa; 5. Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa Kinh, 6. Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Hán văn,

Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và

D Nguyễn Minh Tiến Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển Nxb Tôn Giáo – 2017. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 51 trang, bìa mềm, nền đỏ, viền 85. Dàn ý KINH TRUNG BỘ & Tóm khung màu vàng, chữ tựa màu vàng và tắt KINH TRƯỜNG BỘ Biên soạn: Thích Minh Châu (1918-2012) trắng, có hình hoa sen chính giữa. Nội Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011 dung gồm có: Nghi thức khai Kinh, Phần Sách có khổ 13 x 19cm, dày 439 trang, bìa dịch âm; Phần dịch nghĩa, Kinh Lời Dạy mềm. Nội dung gồm có: Phần I. Dàn ý Cuối Cùng (Sắc chỉ của vua Đường Thái Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikàya), có 152 Tông về việc thực hành Kinh này), 1. Tựa Kinh (từ K.1 Kinh Pháp môn Căn bản đến Kinh, 2. Giữ Giới luật, (Phần Chánh tông), K.152 Kinh Căn Tu tập); Phần II. Tóm tắt 3. Chế tâm, 4. Ăn uống có tiết độ, 5. Đừng Kinh Trường Bộ (Dìgha Nikàya), có 34 tham ngủ nhiều, 6. Không nóng giận, 7. Kinh (từ K.1 Kinh Phạm Võng đến K.34 Đừng kiêu mạn, 8. Trừ tâm siểm khúc, 9. Kinh Thập Thượng). Ít ham muốn, 10. Biết đủ, 11. Xa lìa, 12. Tinh tấn, 13. Không mất chánh niệm, 14. Xem: Kinh Trung Bộ (I, II, III) và Kinh Thiền định, 15. Trí tuệ, 16. Không nói Trường Bộ (I – II), HT. Thích Minh Châu đùa, 17. Tự gắng sức, 18. Dứt lòng nghi, dịch. 19. Chúng sanh được độ thoát, 20. Pháp thân còn mãi, (Phần Lưu thông). (cuối 86. DI-ĐÀ hợp giải (A-di-đà Kinh hợp trang có phần chú thích) giải) Hợp dịch: Như Hòa Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 2010, Nxb Tôn Giáo. Sách có khổ 14 x 20cm, có 487 trang. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời trần 88. DI GIÁO TAM KINH tình, 1. Giáo khởi nhân duyên, 2. Hiển thể, Minh – Cổ Ngô Ngẫu Ích Thích Trí Húc 3. Hiển minh tông thú, 4. Phương tiện lực thuật dụng, 5.

Tạng giáo sở nhiếp, 6. Căn tánh Dịch và chú thích: Tỳ-kheo Liên Hạnh – sở bị, 7. Bộ loại sai biệt, 8. Dịch truyền Thích Thiện Huệ cảm thông, 9. Tổng thích đề kinh, 10. Nxb Tôn Giáo – 2006 Chánh thích kinh văn. Phụ lục: A-di-đà Tác phẩm Kinh này có 282 trang, nội dung Chân ngôn. gồm: Lời tựa, Ngẫu Ích Đại sư truyện, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Bành Tế Thanh lược truyện, Kinh Bát Đại Nhân 87. DI GIÁO KINH (Kinh Lời Dạy Cuối Giác, An Thế Cao lược truyện, Kinh Di Cùng) Phật Thùy Bát Niết-bàn Lược Thuyết Giáo Giáo, Lời bạt, Cưu-ma-la-thập lược Giới Kinh truyện. Diệc danh: Phật Di Giáo Kinh (âm – nghĩa) 89. DI-LẶC ĐỘ THẾ CHƠN KINH Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Việt dịch: Vũ Xuân Tăng In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định), PL. thập (Kumàrajiva, 344-413) 2514 – DL. 1951

Kinh có 67 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 431 trang, có: Phật Di-lặc, Kinh Di-lặc, Một quyển, bìa mềm, chữ tựa màu trắng và đen, có Phiên âm, dịch nghĩa; Kinh Di-lặc Độ thế, hình vẽ tranh thiên nhiên cảnh biển và núi Phiên âm-dịch nghĩa, Bài Tán hương, Tán ở trên có ngôi chùa; bìa sau vẫn là tranh khai Kinh, P.1 Di-lặc Thọ ký, P.2 Thỉnh thiên nhiên và đoạn văn trích từ Lời đầu Phật hạ sanh, P.3 Dặn dò đức Ngọc Phật, sách. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, P.4 Tảo duyệt tà thần, P.5 Đức Ngọc Phật Giảng lược đề cương kinh Pháp Hoa, Lời thỉnh vấn, P.6 Ngọc Phật công đức; Kệ dẫn tựa, Tựa tông chỉ đề cương kinh Diệu Thâu Kinh. Pháp Liên Hoa, Tông chỉ đề cương kinh Diệu Pháp Liên Hoa, các Phẩm: Phương 90. DI-LẶC KINH (Thượng Sanh-Hạ tiện, Thí dụ, Tín giải, Thọ ký, Dược thảo Sanh) dụ, Hóa thành dụ, Ngũ bá đệ tử thọ ký, Việt dịch: Đoàn Trung Còn Thọ học vô học nhân ký, Pháp sư, Hiện Phật Học Tòng Thơ xuất bản (in kỳ nhì) bảo tháp, Đề-bà-đạt-đa, Trì, An lạc hạnh, Kinh có 70 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Tùng địa dũng xuất, Như Lai thọ lượng, có: Kinh văn chữ Hán và dịch âm, Quán Phân biệt công đức, Tùy hỷ công đức, Di-lặc Thượng sanh Đâu-suất Kinh, Hán Pháp sư công đức, Thường Bất Khinh Bồ- dịch: Tư cừ Kinh Thinh (đời nhà Tống), tát, Như Lai thần lực, Chúc lụy, Dược phần sau là dịch nghĩa, cuối trang có chú vương Bồ-tát bổn sự, Diệu Âm Bồ-tát, thích; Di-lặc Hạ sanh Thành Phật Kinh, Quan Thế Âm Bồ-tát phổ môn, Đà-la-ni, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, Diệu Trang Nghiêm vương bản sự, Phổ gồm Kinh văn chữ Hán, dịch âm và dịch Hiền Bồ-tát khuyến phát. nghĩa. Tác phẩm này được Phật Học Tòng Thơ xuất bản lần đầu năm 1950. 93. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH 91. Diệu Lý KINH PHÁP HOA SADDHARMA-PUNDARIKA-SUTRA HT. Thích Huyền Vi (1926-2005) (Le Lotus De La Bonne Loi) Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 387 trang, Phật học Thơ xã xuất bản – 1969 (in kỳ bìa mềm, nền đen, chữ màu vàng. ba) Nội dung gồm có: Giới thiệu Kinh Pháp Kinh dày 257 trang, bìa mềm, chữ tựa màu Hoa, Chuẩn đích Kinh Pháp Hoa, Lược đen, có hình Đức Phật ngồi trên tòa sen, giảng và Diệu lý Kinh Pháp Hoa, và 28 tay kiết ấn. Kết cấu tác phẩm gồm có 7 Phẩm Kinh; sau cùng là Sơ lược Tiểu sử quyển, 28 phẩm: Q.I, P.1 Bài Tựa, P.2 HT. Thích Huyền Vi, Cùng một soạn giả/ Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Giải về dịch giả, Ấn tống, Mục lục. sức Tin; Q.III, P.5 Những Cây dược thảo, Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên P.6 Thọ ký, P.7 Bài Thí dụ về cảnh thành Hoa thị biến hóa; Q.IV, P.8 Phật Thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo, P.9 Phật Thọ ký cho 92. Diệu Nghĩa KINH PHÁP

HOA A-nan, La-hầu-la và hai ngàn thầy tu, P.10 Giảng giải: Thích Nhật Quang Vị Pháp sư, P.11 Cái Bảo tháp, P.12 Đề- Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2010 bà-đạt-đa, P.13 Thọ trì-Giảng giải Pháp

Hoa; Q.V, P.14 Cách Hành đạo Ôn hòa- Thọ lượng Phẩm đệ thập lục, Phân biệt An lạc, P.15 Chư Bồ-tát xuất hiện, P.16 Công đức Phẩm đệ thập thất, Tùy hỷ Công Đời của Phật, P.17 Phân biệt Công đức; đức Phẩm đệ thập bát, Pháp sư Công đức Q.VI, P.18 Công đức người nghe pháp mà Phẩm đệ thập cửu, Thường Bất Khinh Bồ- vui, P.19 Công đức vị Pháp sư, P.20 tát Phẩm đệ nhị thập, Như Lai thần lực Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Lực thần Phẩm đệ nhị thập nhất, Chúc lụy Phẩm đệ của Phật, P.22 Cuộc chúc truyền cái Pháp, nhị thập nhị, Dược vương Bồ-tát bản sự P.23 Sự tu hành tưởng đạo thuở trước của Phẩm đệ nhị thập tam, Diệu Âm Bồ-tát Dược Vương Bồ-tát; Q.VII, P.24 Diệu Âm Phẩm đệ nhị thập tứ, Quán Thế Âm Bồ-tát Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát (Phổ Phổ môn Phẩm đệ nhị thập ngũ, Đà-la-ni môn), P.26 Những câu Thần chú, P.27 Sự Phẩm đệ nhị thập lục, Diệu Trang Nghiêm tu hành tưởng đạo của vua Diệu Trang vương bản sự Phẩm đệ nhị thập thất, Phổ Nghiêm thuở trước, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát. Hiền Bồ-tát khuyến phát Phẩm đệ nhị thập Tác phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh – 2 bát; Phần kết Kinh, Bát-nhã Ba-la-mật-đa cuốn đã xuất bản năm 1936, N0 11 Cuốn Tâm Kinh, Tụng Kinh Sám hối – Hồi nhứt, có 153 trang, bìa mềm, tựa chữ âm hướng văn, Bảo Tháp kệ, Văn Hồi hướng, Hán-Việt, chữ Sanskrit, chữ Hán và chữ Văn Đảo mệnh, Văn cầu siêu, Lễ tạ, Tam Pháp, chữ tựa màu đen, từ Q.1 đến Q.4, Tự Quy y. đến P.8; N0 11 Cuốn nhì, có 144 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, tt. Q.4 đến Q.7, và 95. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế P.28. Âm Bồ-Tát PHỔ MÔN PHẨM Lược giảng: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) 94. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH Phiên dịch và xuất bản: Buddhist Text Phiên Âm Translation Society – Trường Đại Học Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Pháp Giới – Vạn Phật Thánh Thành. thập Việt ngữ - In lần thứ nhất 2001 Phiên âm Hán-Việt: Thích Thanh Kiểm Sách dày 321 trang. Nội dung gồm có: Ban Hoằng Pháp chùa Vĩnh Nghiêm ấn Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh hành, PL. 2514 – DL. 1970 điển, Kệ khai Kinh, Kinh Diệu Pháp Liên Kinh dày 582 trang, bìa mềm, nền trắng, Hoa – Phẩm Phổ Môn; Phẩm Phổ Môn – chữ tựa màu đỏ, có hình bánh xe Pháp Phần lược giảng; Sơ lược Tiểu sử Hòa luân. Nội dung gồm có: Nghi thức Lễ tụng thượng Tuyên Hóa, Mười tám Đại nguyện, khai Kinh Pháp Hoa, Tự Phẩm đệ nhất, Kệ Hồi hướng. Phương tiện Phẩm đệ nhị, Thí dụ Phẩm đệ Tác phẩm này tái bản năm 2004, Nxb Tôn tam, Tín giải Phẩm đệ tứ, Dược thảo dụ Giáo. Phẩm đệ ngũ, Thụ ký Phẩm đệ lục, Hóa thành dụ Phẩm đệ thất, Ngũ bách đệ tử 96. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH – Thụ ký Phẩm đệ bát, Thụ học vô học nhân Trọn bộ ký Phẩm đệ cửu, Pháp sư Phẩm đệ thập, Diễn Ra Quốc Âm toàn bộ Hiện bảo tháp Phẩm đệ thập nhất, Đề-bà- Việt dịch: Sa-môn Trừng Ngộ - Minh Kính đạt-đa Phẩm đệ thập nhị, Trì Phẩm đệ thập (Trương Văn Đó) tam, An lạc hạnh Phẩm đệ thập tứ, Tòng Thanh Sơn Tự (Hạt Châu Đốc-Quận Tri địa dũng xuất Phẩm đệ thập ngũ, Như Lai Tôn) – 1938

Kinh dày 365 trang, bìa mềm. Nội dung (Xem thân tứ đại-ngũ uẩn của chúng gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Cáo bạch, Bài sanh), P.8 Nói về Phật đạo, P.9 Nói về Tán lư hương, (tụng chú,...), Khai Kinh Pháp nhập Bất nhị Pháp môn (Là vào pháp kệ, Kính nghe, Kinh

Diệu Pháp Liên Hoa, môn mầu nhiệm có một chẳng hai), P.10 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Nói về Hương tích Phật, P.11 Nói về các thập, Q.I, P.1 Lời tựa, P.2 Về Phẩm Hạnh đức của Bồ-tát, P.12 Nói về sự thấy Phương tiện; Q.II, P.3 Nói về Thí dụ, P.4 Phật A-súc, P.13 Nói về Pháp cúng dường, Tính giải; Q.III, P.5 Nói về Phẩm Dược P.14 Nói về Việc phó thác Chánh pháp; thảo, P.6 Phật Thọ ký, P.7 Nói cái Hóa Lời dặn, Then chốt của Kinh Bát-nhã. thành lời Thí dụ; Q.IV P.8 Phật Thọ ký Tác phẩm này đã được Thiền Tịnh Đạo cho năm trăm người đệ tử, P.9 Phẩm Thọ Tràng-Phật Bửu Tự (Sài Gòn) xuất bản từ ký bực Hữu học cùng người Vô học, P.10 năm 1951. Phẩm Pháp sư, P.11 Kiến Bửu tháp, P.12 Nói sự tích ông Đề-bà-đạt-đa, P.13 Hộ trì; 98. DUY-MA-CẬT KINH Q.V, P.14 Về Phẩm An lạc hạnh, P.15 Nói Việt dịch: Đoàn Trung Còn từ Dưới đất vọt lên, P.16 Đức Như Lai Phật học Tòng thơ - In kỳ đầu năm 1971 Thọ lượng, P.17 Phân biệt việc Công đức; Kinh dày 339 trang, bìa mềm. Kết cấu Q.VI, P.18 Phẩm Tùy hỷ Công đức, P.19 Kinh gồm có 2 quyển, 14 phẩm. Phần đầu Pháp sư Công, P.20 Về sự tích ông là Hương tán, Tịnh khẩu nghiệp Chơn Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Thần lực ngôn, Tịnh Tam nghiệp Chơn ngôn, An Đức Như Lai, P.22 Đức Thế Tôn Phú Thổ địa Chơn ngôn, Phổ Cúng dường chúc, P.23 Sự tích nhà ông Dược Vương Chơn ngôn, Khai Kinh kệ, Duy-ma-cật Sở Bồ-tát; Q.VII, P.24 Phẩm Diệu Âm Bồ-tát, thuyết Kinh, gồm 14 phẩm (trong mỗi P.25 Quan Thế Âm Bồ-tát về Phẩm Phổ phẩm có: Nguyên bản chữ Hán, Phiên âm môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Phẩm Diệu Hán-Việt, dịch sang Việt ngữ và Chú Trang Nghiêm Vương, P.28 Phẩm Phổ giải). Hiền Bồ-tát khuyến phát; Tán (Lời khen). Xem: (14 phẩm) Kinh Duy-ma-cật

97. DUY-MA-CẬT CHƠN KINH 99. DUY-MA-CẬT sở thuyết Việt dịch: HT. Thiền sư Minh Trực (1895- (VIMALAKÌRTINIRDESA-SÙTRA) 1976) Việt dịch và chú: Tuệ Sỹ Nxb Tôn Giáo – 2002 Nxb Hồng Đức – 2017 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 167 trang, Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 310 trang bìa mềm. (tái bản lần 2), bìa mềm, có tay gấp, nền Nội dung gồm có 14 phẩm: Duy-ma-cật màu tím, tựa chữ Việt, chữ Phạn và chữ Kinh tán (Lời khen Kinh Duy-ma-cật), Hán (có màu đỏ và trắng), có hình vẽ ngài Thiền đạo ca, Lời tựa; Duy-ma-cật Sở Duy-ma-cật (bán thân), có hộp đựng (cùng thuyết Kinh, P.1 Nói về Phật quốc, P.2 quyển Huyền thoại Duy-ma-cật). Tác Nói về Phương tiện, P.3 Nói về Đệ tử, P.4 phẩm này gồm có 14 phẩm chính. Phần Nói về Bồ-tát, P.5 Nói về Văn-thù-sư-lợi đầu là - Tiểu dẫn lịch sử truyền dịch (Các đi thăm bệnh, P.6 Nói về Pháp bất tư nghì bản Hán dịch, Việt dịch), - Thư mục (Các (Pháp huyền vi không thể nghĩ bàn được), bản Hán dịch, Các bản sớ giải căn bản), - P.7 Nói về Pháp Quán tưởng Chúng sanh Tựa của Tăng Triệu; Chương (C) Giới

thiệu: - Nhân cách và huyền thoại, - Ý Từ Ân Thiền đường Santa Ana, Hoa Kỳ nghĩa nhân cách và ý nghĩa lịch sử, - Cơ xuất bản 1991. Tác phẩm này gồm có: Lời sở tư tưởng, - Thực tiễn hành đạo. C.1. dịch giả và 14 phẩm Kinh. Quốc độ Phật, C.2. Phương tiện quyền Xem: (14 phẩm) Duy-ma-cật Sở thuyết xảo, C.3. Chúng đệ tử, C.4. Bồ-tát, C.5. Kinh Văn-thù-sư-lợi thăm bệnh, C.6. Bất tư nghì, C.7. Quán chúng sinh, C.8. Phật đạo, 102. DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT C.9. Pháp môn bất nhị, C.10. Phật Hương KINH tích, C.11. Bồ-tát hành, C.12. Thấy Phật Trực Chỉ Đề Cương - Tập I và II A-súc, C.13. Cúng dường chính pháp, (Giáo án Trung Cao cấp Phật học) C.14. Chúc lụy. Sách dẫn. Dịch giả: Pháp

sư Thích Từ Thông Kinh này được xuất bản từ năm 2011, Nxb Nxb Tôn Giáo – 2000 Phương Đông. Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 14 chương, phân làm 2 tập. Tập 1, - Lời tựa (1991), - 100. DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT Phàm lệ; C.1 Cõi nước Phật (Phải làm gì KINH để xây dựng một cõi Phật?), C.2 Phương Dịch giả: Thích Huệ Hưng (1917-1990) tiện (Giáo lý phương tiện và việc làm THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. phương tiện), C.3 Thanh văn (Vấn đề 2537 – DL. 1993 thiền, Vấn đề thuyết pháp, Vấn đề khất Kinh có khổ 14 x 20cm, có 237 trang, bìa thực, Lại vấn đề khất thực, Lại vấn đề mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ, có thuyết pháp, Thuyết pháp yếu, Vấn đề tay gấp. Tác phẩm Duy-ma-cật sở thuyết thiên nhãn, Giảng luật, Vấn đề xuất gia, kinh gồm có 14 phẩm chính. Phần đầu, Như Lai bệnh), C.4 Bồ-tát (Vấn đề thọ ký, Lời giới thiệu, Lời nói đầu; Các phẩm: 1. Vấn đề đạo tràng, Pháp vui vô tận, Hội đại Phật quốc, 2. Phương tiện, 3. Đệ tử, 4. Bồ- thí), C.5 Văn-thù Bồ-tát thăm bệnh; Tập 2, tát, 5. Văn-thù-sư-lợi, 6. Bất tư nghì, 7. Lời tựa, C.6 Bất tư nghì, C.7 Quán chúng Quán chúng sanh, 8. Phật đạo, 9. vào sanh, C.8 Con đường Phật, C.9 Chứng “Pháp môn không hai”, 10. Phật hương nhập pháp môn không hai, C.10 Phật tích, 11. Hạnh Bồ-tát, 12. thấy Phật A Súc, Hương Tích, C.11 Việc làm của Bồ-tát, 13. Pháp cúng dường, 14. Chúc lụy. Phần C.12 Thấy Vô Động Như Lai, thế giới Chú thích. Diệu Hỷ, C.13 Cúng dường pháp, C.14 Kinh này được xuất bản nhiều lần: Năm Chúc lũy. PL. 2518, Liên Hoa Tịnh thất (Mỹ Tho) ấn Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm hành, với tựa: Kinh Duy-ma-cật; năm 1992, Huỳnh Mai Tịnh Thất (Sài Gòn) ấn 2013 (tái bản lần thứ 4), Nxb Tôn Giáo. hành; năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

101. DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT 103. DUY THỨC TAM TỰ KINH – KINH DUY THỨC GIẢNG LƯỢC Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- – PHẬT GIÁO TAM TỰ KINH thập (Kumàrajiva, 344-413) Giám định: Pháp sư Thái Hư (1890-1947) Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923- Trước tác và giảng: Đường Đại Viên 2000) Việt dịch: Thích Minh Chánh

Tài liệu học tập Trường Phật học Đồng In tại nhà In Thạnh Mậu – Gia Định, PL. Nai 2513 – DL. 1950 Sách có khổ 14.5 x 20cm, có 164 trang, Kinh có 85 trang, bìa mềm. Nội dung gồm bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: có: Kỉnh lời tựa, Nhơn duyên dịch Kinh Lời nói đầu, Bài tựa, Tựa, Đôi lời của tác Dược Sư, Dược Sư Lưu Ly Quang Như-giả; Duy thức Tam tự Kinh (có: Hán văn, Lai Bổn Nguyện Công Đức Kinh, Phần phiên âm): Tâm vương, Tâm sở, Thức dịch âm, Phần dịch nghĩa, Phần Giải thích phần, Thức biến, Tứ duyên, Tam lượng, và Chú thích. Tam cảnh, Tam tự tánh, Tam vô tánh, Sở y kinh luận, Tây Trúc sáng tông, Chấn đán 106. DƯỢC SƯ PHÁP ĐÀ-LA-NI thừa truyền, Kết khuyến tu học; Duy Thức KINH tam tự Kinh (phần nghĩa); Duy Thức tam Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí – tự Kinh thích luận; Phật giáo Tam tự Kinh Huyền Thanh (Hán văn, phiên âm, phần dịch nghĩa và Nxb Tôn Giáo – 2009 thích nghĩa). Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 337 trang. Nội dung gồm có: 1. Dẫn nhập, 2. 104. DƯỢC SƯ KINH SÁM Tôn tượng của Đức Phật Dược Sư và các Việt dịch: Trí Quang (1923-2019) quyến thuốc, 3. Dược Sư Lưu Ly Quang Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2538 – DL. Tiêu trừ Tai nạn niệm tụng Nghi quỹ (No. 1994 922), 4. Dược Sư Như Lai Quán hạnh Kinh có khổ 13 x 19cm, dày 295 trang, bìa Nghi quỹ pháp (No. 923), 5. Dược Sư Như mềm, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm đứng, Lai Niệm tụng Nghi quỹ (No. 924A), 6. chữ tựa màu đen. Nội dung

Kinh này gồm Dược Sư Như Lai Niệm tụng Nghi quỹ có: Tiểu dẫn, Lời đề khóa tụng Kinh Dược (No. 924B), 7. Dược Sư Như Lai Nghi Sư của Ngọc Lâm Quốc sư, Kinh Dược Sư quỹ Nhất cụ (No. 924C), 8. Dược Sư Lưu (Chánh văn), Sám Dược Sư, Cuốn trước, Ly Quang Thất Phật Bổn nguyện Công Cuốn giữa, Cuốn sau; Lược giải Kinh đức Kinh Niệm tụng Nghi quỹ (No. 925), Dược Sư (có Mục lục riêng). (Bản lưu tại Quyển thượng, Quyển hạ; 9. Dược Sư Lưu Thư viện Học viện PGVN Tp. Hồ Chí Ly Quang Thất Phật Bổn nguyện Công Minh, Ký hiệu: KSTG009431) đức Kinh Niệm tụng Nghi quỹ (No. 926), Tác phẩm này đã in lần thứ nhất năm PL. 10. Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi 2518 – DL. 1974, với tựa "Dược Sư Kinh quỹ Như ý Vương Kinh (No. 927), 11. & Sám, Việt – Hoa, Trí Quang dịch giải, Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi quỹ dày hơn 600 trang, bìa mềm; năm PL. Kinh bản tựa khắc lại (No. 928), 12. Biểu 2559 – DL. 2015 tái bản, với tựa Kinh tượng của cõi tịnh Thổ Tịnh Lưu Ly (No. Dược Sư, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 929), 13. Thiên nhãn Thần thông pháp. 20.5cm, dày 271 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng.

105. DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG
NHƯ-LAI
BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC KINH
Việt dịch: Thích Nguyệt Quang
Tập nhứt, xuất bản 1974, Giấy phép số

Đ 1.458/74/BDVCH/KSALP/T.P, ngày 8-4- 1974. Tập này có 448 trang, bìa mềm, có 5 quyển (Q. 1-5). Quyển 1 và 2, Phẩm Thọ mạng; Quyển 3, Phẩm 1. Thọ mạng, Phẩm 107. ĐẠI BÁO PHỤ MẪU ÂN TRỌNG 2. Thân Kim cang, Phẩm 3. Công đức của KINH Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- danh tự; Quyển 4 và 5, Phẩm 4. Như Lai tánh. (ở mỗi phẩm phần đầu là Kinh văn thập (Kumarajiva, 344-413) Việt dịch: Đa văn Bật-sô Thanh Tùng chữ Hán và dịch âm, phần sau dịch nghĩa) Linh Quang Tịnh xá (Khánh Hội) ấn tống, Tập nhì, xuất bản năm 1975, Giấy phép số PL. 2516 – DL. 1972 911/75 BDVCH/ NBCSHNT/ ALP.T.P/ Kinh có 64 trang, bìa mềm. Nội dung gồm ngày 12-4-1975. Tập nhì dày 523 trang, có: Mấy lời nói đầu; Khai Kinh kệ, Phật bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen và nói Kinh Đại báo Phụ mẫu Ân trọng (dịch tựa chữ Hán màu đỏ, có hình đức Phật nghĩa); Phật thuyết Đại báo Phụ mẫu Ân nhập Niết-bàn, có 6 quyển (Q. 6-11). trọng Kinh (dịch âm), Tam tự Quy y. Quyển 6 - 10, Phẩm 4. Như Lai tánh; Quyển 11, Phẩm 5. Tất cả đại chúng hỏi (Bản Kinh lưu tại Thư viện Viện Nghiên Phật, Phẩm 6. Thị hiện bệnh, Phẩm 7. cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Thánh hạnh. (ở mỗi phẩm phần đầu là Minh; Mã sách: Vie 2142) Kinh văn chữ Hán và dịch âm, phần sau dịch nghĩa), Cuối sách có Giải thích (từ 108. Đại Bảo Tích DIỆU HUỆ ĐỒNG ngữ). NỮ KINH Hán dịch: Bồ-đề Lưu-chi Dịch và giảng: Thích Thiện Huệ 110. ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH Nxb Tôn Giáo – 2006. Kinh có khổ 14 x Huyền Nghĩa 20cm, dày 208 trang, bìa mềm. Biên soạn: Sa-môn Quán Đảnh Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Đại bảo Việt dịch: Thích Đạt-ma Viên Diệu tích Diệu Huệ Đồng Nữ Kinh – Chính Nxb Tôn Giáo – 2012. Sách có khổ 13 x văn; Giảng: A. Đại Bảo Tích Kinh và Dịch 19cm, dày hơn 98 trang, bìa mềm. giả, B. Giải nghĩa đề Kinh, Duyên khởi, Nội dung gồm có 2 quyển: Tiểu sử Sa- Chính

tông, Lưu thông phần; Phụ lục: Phật môn Quán Đảnh; Đại Bát Niết-bàn Kinh pháp là gì? Trương Trừng Cơ. huyền nghĩa, Quyển thượng: I. Giải thích danh, II. Giải thích Thể của Niết-bàn; 109. ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH (2 Quyển hạ: III. Làm sáng tỏ Tông của Niết- Tập) bàn, IV. Giải thích Dụng của Niết-bàn, V. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm Giải thích Tướng của Niết-bàn. (385-433) Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) 111. ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH Trực Phật học Tòng thơ (Sài Gòn) xuất bản. Chỉ Đề Cương – 2 Tập Kinh có khổ 16 x 24cm, tổng cộng 2 tập Giáo án Cao đẳng Phật học dày 971 trang, bìa mềm. Biên dịch: Pháp sư Thích Từ Thông Nxb Tôn Giáo – 2013

Toàn bộ Kinh này gồm có 23 phẩm, phân tượng các phẩm mới được thêm vào, 5. thành 2 tập. Tập 1, gồm có 17 phẩm: - Hiện tượng kết hợp ngôn ngữ Prakrit & Tiểu dẫn; P.1 Tựa, P.2 Thuần-đà, P.3 Ai Sanskrit; IV. Những đặc tính của Kinh thán, P.4 Trường thọ, P.5 Kim Cang thân, Pháp Hoa, 1. Tính cách thông tục, đại P.6 Danh tự công đức, P.7 Tứ tướng, P.8 chúng & thực tiễn, 2. Khả năng dung hợp Tứ y, P.9 Tà chánh, P.10 Tứ Thánh đế, tiếp nhận các truyền thống Phật giáo, 3. Sự P.11 Tứ đảo, P.12 Như Lai tánh, P.13 Văn hội tụ tất cả tư tưởng uyên áo của Phật tự, P.14 Điểu dụ, P.15 Nguyệt dụ, P.16 giáo Đại thừa, 3.1 Tư tưởng Không tính Bồ-tát, P.17 Đại chúng sở vấn. Tập 2, có 6 của Kinh Bát-nhã, 3.2 Tư tưởng Duyên phẩm: P.18 Hiện bệnh, P.19 Thánh hạnh khởi của Kinh Hoa Nghiêm, 3.3 Tư tưởng (A, B), P.20 Phạm hạnh (A, B, C, D), P.21 Giải thoát bất tư nghì của Kinh Duy-ma, 4. Anh nhi hạnh, P.22 Quang minh Biến Kinh được trình bày dưới hình thức kịch chiếu Cao quý đức vương Bồ-tát (A, B, C, nghệ; V. Bí quyết của Kinh Diệu Pháp D), P.23 Sư tử hống Bồ-tát; Mục lục. Liên Hoa, 1. Nhận diện Tích môn, Bản môn & Hạnh môn, 2. Phải hiểu nghĩa lý 112. Đại cương KINH DIỆU PHÁP mà không nô lệ văn tự; VI. Tư tưởng căn LIÊN HOA bản của Kinh Pháp Hoa, 1. Tất cả chúng (SADDHARMAPUNDARIKASUTRA sanh đều có khả năng thành Phật, 2. Tư M) tưởng Phật thân thường trú, 3. Quan điểm Biên soạn: Thích Khế Đạo Tam hội quy Nhất (Phẩm Phương tiện); Nxb Tôn Giáo – 2013 VII. Ý nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa, 1. Ý Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 296 nghĩa về “diệu pháp” trong Kinh Pháp trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Hoa, 2. Ý nghĩa “Liên hoa” trong văn hóa I. Tổng quan Phật giáo, 1. Sự hình thành Phật giáo; VIII. Phân tích nội dung Kinh Phật giáo nguyên thủy, 1.1 Phương diện Pháp Hoa, 1. Giới thiệu khái quát tư tưởng thời gian, 1.2 Phương diện tư tưởng, 1.3 Kinh Pháp Hoa, 1.1 Bối cảnh Kinh Pháp Phương diện hình thức sinh hoạt; 2. Sự Hoa được thuyết giảng, 1.2 Chủ đích hình thành Phật giáo bộ phái, 2.1 Phương chính của phẩm này; 2. Phân tích nội dung diện thời gian, 2.2 Phương diện lập trường tư tưởng Kinh, 2.1 Pháp hoa trên bình diện tư tưởng, 2.3 Phương diện hình thức sinh hiện tượng, 2.1.1 Nội dung phẩm Phương hoạt; 3. Sự hình thành Phật giáo Đại thừa, tiện, 2.1.2 Nội dung phẩm Thí dụ, 2.1.3 3.1 Phương diện thời gian, 3.2 Phương Nội dung phẩm Tín giải, 2.1.4 Nội dung diện lập trường tư tưởng, 3.3 Phương diện phẩm Dược Thảo dụ, 2.1.5 Nội dung hình thức sinh hoạt, 3.4 Những Kinh xuất phẩm Thọ ký, 2.1.6 Nội dung phẩm Hóa hiện buổi đầu của Đại thừa; II. Lịch sử thành dụ, 2.1.7 Nội dung phẩm Thọ ký truyền dịch Kinh Pháp Hoa, 1. Nguyên tác 500 đệ tử, 2.1.8 Thọ ký cho hàng Hữu học bằng Sanskrit, 2. Pháp Hoa trong quá trình Vô học, 2.1.9 Nội dung phẩm Devadatta, chuyển ngữ, 3. Các bản chú giải của Kinh 2.1.10 Nội dung phẩm Trì, 2.1.11

Nội Pháp Hoa; III. Văn thể & sự hình thành dung phẩm An lạc hạnh, 2.1.12 Nội dung Kinh Pháp Hoa, 1. Hình thức của thể loại phẩm Pháp sư; 2.2 Kinh Pháp Hoa trên Trùng tụng, 2. Hình thức của thể loại phương diện bản thể, 2.2.1 Nội dung phẩm Trường hàng, 3. Hiện tượng bổ sung & Hiện bảo tháp, 2.2.2 Nội dung phẩm Tùng phát triển phần Trường hàng, 4. Hiện địa dũng xuất, 2.2.3 Nội dung phẩm Như

Lai thọ lượng, 2.2.4 Nội dung phẩm Như Bước tu thứ nhì, 18 pháp Bất cộng, Bốn Lai thần lực, 2.2.5 Nội dung phẩm Chúc đức vô úy, Mười thứ trí lực, Thập thân, lũy; 2.3 Kinh Pháp Hoa trên phương diện Hội chủ: Đức Phổ Hiền, Bước tu thứ ba, diệu dụng, 2.3.1 Nội dung phẩm Bồ-tát Những bước kế tiếp; C.IV Mở rộng giáo Thường Bất Khinh, 2.3.2 Nội dung phẩm pháp: Mở đầu, Sự giới hạn của giác quan, Dược Vương bổn sự, 2.3.3 Nội dung phẩm Tác hại của cái nhìn sai, Tác hại của bản Bồ-tát Diệu Âm, 2.3.4 Nội dung phẩm Phổ ngã, Khu vực không tạo ra điểm mù, môn, 2.3.5 Nội dung phẩm Đà-la-ni, 2.3.6 Phóng quang, các Hào quang: giữa răng, Nội dung phẩm Diệu Trang Nghiêm giữa mày (1), từ lòng bàn chân, ở đầu vương, 2.3.7 Nội dung phẩm Phổ Hiền ngón chân, nơi bắp chân, nơi đầu gối, giữa khuyến phát; 3. Công năng & lợi ích của mày (2), giữa mày và cửa miệng, giữa Kinh Pháp Hoa, 3.1 Nội dung phẩm Phân mày (3), từ đỉnh đầu, Khai mở hào quang biệt Công đức, 3.2 Nội dung phẩm Tùy hỷ của tự tánh; C.V Trở về căn bản: Mở đầu, Công đức, 3.3 Nội dung phẩm Pháp sư. Sáu căn, Tâm, Thức thứ bảy, Thức thứ tám, Nhân và quả, Chết đi - sống lại, Sinh tử và giải thoát, Chuyển thức thành trí, Kết 113. Đại cương KINH HOA NGHIÊM, chương, Lời cuối. Phụ lục: Hội và Phẩm, Tập 1 Hồi hướng công đức. Biên soạn: Thích Hằng Trường Nxb Tôn Giáo – 2003 114. Đại cương KINH HOA THỦ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 326 trang, Việt dịch và chú thích: Thích Thiện Nhơn bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có tay gấp. Tác Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015 phẩm Đại cương kinh này gồm có 5 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 270 trang. chương chính. Lời ngõ; C.I Căn bản: Mở Nội dung gồm có 35 phẩm: Lời nói đầu, đầu, Ý nghĩa chữ Kinh, Ý nghĩa của pháp Tiểu sử Dịch giả; P.1 Tựa, P.2 Thần lực, giới, Ý nghĩa tên kinh, Truyền thuyết về P.3 Bồ-tát Võng Minh, P.4 Như Tướng, bản kinh, Ba bản dịch chính, Tông chỉ và P.5 Bất tín, P.6 Niệm xứ, P.7 Phát Tâm thú hướng, Kinh được thuyết như thế nào? tức chuyển Pháp luân, P.8 Biến hiện, P.9 Nói về người thuyết pháp: Phật, Đại ý của Thần lực Như Lai, P.10 Côn đức, P.11 kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm Phát Tâm, P.12 Vô ưu, P.13 Trung thuyết, được giảng ở đâu? Chín hội; C.II Bồ-tát và P.14 Tổng tướng, P.15 Thượng Thanh Bồ-tát đạo: Mở đầu, Bồ-tát là ai? Bồ-tát ở tịnh, P.16 Tán hoa, P.17 Chúng tướng, đâu? Gương tu hành, Nội dung chủ yếu P.18 Các phương, P.19 Tam-muội, P.20 của Bồ-tát đạo, Phát Bồ-đề tâm, Lý tưởng Cầu pháp, P.21 Tán thán Công đức, P.22 của Bồ-tát, Đại tâm chúng sanh, Gieo Kiểm nghiệm Công hạnh, P.23 Đắc niệm, duyên lành, Câu chuyện về đức cha P.24 Chánh kiến, P.25 Khen ngợi Giáo Damien, Sửa đổi cái nhìn, Phương tiện để pháp, P.26 Hủy hoại Chánh pháp, P.27 tu, Chiều hướng tu, tới vô ngã, Bản đồ Bồ- Các thứ Tạp nhiễm, P.28 Các thứ Tâm vi tát đạo, Trước khi lên đường; C.III Hội diệu của Bồ-tát, P.29 Thuận-nghịch Chánh đạo tràng Bồ-đề: Mở đầu, Hành trình chín pháp, P.30 Bất thối hạnh, P.31 Vị pháp, bước, Hội này gồm có phẩm nào? Hàm ý P.32 Thán Hội chúng, P.33 Thượng Kiên về nơi thuyết pháp, Ý nghĩa của tên hội, đức, P.34 Pháp môn, P.35 Chúc

lụy (Di Giới thiệu ba bước tu, Bước tu đầu tiên, chúc).

Biên soạn: Thích Thiện Nhơn 115. Đại cương KINH TẠP A-HÀM Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994 Biên soạn: Thích Thiện nhơn Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 243 trang, Lưu hành nội bộ, PL. 2539 – DL. 1995 bìa mềm. Toàn bộ Đại cương Kinh này Sách có khổ 14.5 x 20cm, có 177 trang, được phân thành 4 phần, 34 phẩm. Lời nói bìa mềm. Đại cương Kinh Tạp A-hàm đầu, A. Phần tổng quát, B. Phần trích gồm có 3 phần chính, với 27 kinh. I. Phần giảng, các kinh: 1.K. Thiện pháp, 2.K. Ví tổng quát; II. Phần trích giảng: 1.K. Vô dụ về cái thành, 3.K. Ví dụ cổ xe, 4.K. Lậu thường, 2.K. Chủng tử, 3.K. Ngũ chuyển, tận, 5.K. Ví dụ hạt muối, 6.K. Độ, 7.K. 4.K. Thất niệm xứ, 5.K. Pháp ấn, 6.K. Ca-di-ni, 8.K. Phân biệt Thánh đế, 9.K. Tam giáo hóa, 7.K. Đại không, 8.K. Pháp Cung kính, 10.K. Vì các Tỳ-kheo nói, giới, 9.K. Đệ nhất nghĩa Không, 10.K. 11.K. Nói về nguồn gốc, 12.K. Bát niệm, Tam tướng, 11.K. 44 Trí, 12.K. 77 Trí, 13.K. Tịnh bất động đạo, 14.K. Cù-đàm- 13.K. Ưu-đàn-na, 14.K. Chỉ quán, 15.K. di, 15.K. Sa-môn Nhị thập ức, 16.K. Tam thọ, 16.K. Tứ thanh tịnh, 17.K. Ca- Phước điền, 17.K. Thiện sanh, 18.Ví dụ ma, 18.K. Thiên tử, 19.K. 3 Căn, 20.K. 5 dấu chân voi, 19.K. Man-nhàn-đề, 20.K. Căn, 21.K. Tứ nhiếp pháp, 22.K. Bát Bà-la-bà đường, 21.K. Phân biệt lục giới, chánh đạo, 23.K. Thiền định, 24.K. Tam 22.K. A-nan thuyết, 23. Trích giảng bài kệ học, 25.K. Ma-ha-nam, 26.K. Hằng hà, Bạt-địa-la-đế, 24.K. Phân biệt đại nghiệp, 27.K. Ương-cù-lợi-ma-la; Phần tổng luận. 25.K. Đa giới, 26. Giảng yếu 18 giới, 27.K. Thánh đạo, 28.K. Tiểu không, 29.K. 116. Đại cương KINH TĂNG NHẤT A- Đại không, 30.K. A-lê-tra, 31.K. Trà-đế, HÀM 32.K. Pháp Lạc Tỳ-kheo Ni, 33.K. Ví dụ Biên soạn: Thích Thiện Nhơn mũi tên, 34.K. Lệ; C. Phần tổng luận; D. Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994 Phần Phụ lục: Bảng đối chiếu. Sách có khổ 14 x 20cm, có 260 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, 118. Đại cương KINH ƯU-BÀ-TẮC Phần tổng quát, Phần trích giảng, có 27 Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn phẩm (P): 1.P. Tựa, 2.P. Thập niệm, 3.P. Nxb Tôn Giáo – 2014 Quảng diễn, 4.P. Lợi dưỡng, 5.P. An ban, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 208 6.P. Tàm quý, 7.P. Khuyến thỉnh, 8.P. trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 28 Thiện tri thức, 9.P. Địa chủ, 10.P. Cao phẩm: Lời nói đầu, Tổng luận, Tiểu sử tràng, 11.P. Tứ đế, 12.P. Tứ ý đoạn, 13.P. Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm, P.1 Tập Đẳng phú Tứ đế, 14.P. Khổ lạc, 15.P. Tu- hội, P.2 Phát Bồ-đề tâm, P.3 Tâm từ bi, đà, 16.P. Tăng thượng, 17.P. Ngũ vương, P.4 Giải thoát, P.5 Ba thứ Bồ-đề, P.6 Tu 18.P. Lục trọng, 19.P. Lực, 20.P. Mạc úy, hạnh nghiệp 32 tướng tốt, P.7 Phát 21.P. Mã huyết Thiên tử vấn chính, 22.P. nguyện, P.8 Bồ-tát giả danh và Bồ-tát Kiết cấm, 23.P. Thiện ác, 24.P. Thập bất chân thật, P.9 Tâm kiên cố của Bồ-tát chân thiện, 25.P. Phóng ngưu, 26.P. Lễ Tam thật, P.10 Tự lợi – Lợi tha, P.11 Trang bảo, 27.P. Đại Ái Đạo bát Niết-bàn. Phần nghiêm tự lợi, P.12 Phúc đức-trí tuệ trang Phụ lục: Bảng đối chiếu. nghiêm, P.13 Thu phục-giáo hóa đệ tử, P.14 Thọ giới Bồ-tát, P.15 Tịnh giới, P.16 117. Đại cương KINH TRUNG A-HÀM Trừ các điều ác, P.17 Cúng dường Tam

bảo, P.18 Sáu pháp Ba-la-mật, P.19 Bố thí nhóm Tám về Trong sạch, 5. Diễn giải Ba-la-mật, P.20 Thanh tịnh Tam quy, P.21 Kinh nhóm Tám về Tối thắng, 6. Diễn giải Thanh tịnh Năm giới, P.22 Bát quan trai, Kinh về sự Già, 7. Diễn giải Kinh về P.23 Trì giới, P.24 Mười nghiệp thiện, Tissametteyya, 8. Diễn giải Kinh về P.25 Nhẫn nhục, P.26 Tinh tấn Ba-la-mật, Pasùra, 9. Diễn giải Kinh về Màgandiya, P.27 Thiền định, P.28

Bát-nhã Ba-la-mật. 10. Diễn giải Kinh Trước khi Hoại rã, 11. Diễn giải Kinh Cãi cọ và Tranh cãi, 12. 119. Đại cương Tư tưởng KINH A- Diễn giải Kinh Sự dàn trận nhỏ, 13. Diễn HÀM giải Kinh Sự dàn trận lớn, 14. Diễn giải Biên soạn: TT. Thích Thiện Nhơn Kinh Một cách nhanh chóng, 15. Diễn giải Lưu hành nội bộ, PL. 2539 – DL. 1995 Kinh Uế hạnh của bản thân, 16. Diễn giải Sách có khổ 14 x 20cm, có 209 trang, bìa Kinh về Sàriputta; Phần Phụ chú, Thư mục mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư Lược sử kinh A-hàm, Quan niệm về Đức mục từ đặc biệt. Phật, Văn học bản sanh, Tư tưởng Trung đạo, Tư tưởng Không, Tư tưởng Bình 121. ĐẠI PHẬT ĐẢNH QUẢNG TỤ đẳng, Tư tưởng Thiền định, Tư tưởng Trí ĐÀ-LA-NI KINH tuệ, Quan niệm về tu chứng, Quan niệm về Mật Tạng bộ 2 – No. 946 thế gian, Tư tưởng giáo dục và đạo đức. Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí Phục hồi Phạn chú: Huyền Thanh 120. ĐẠI DIỄN GIẢI – Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 quyển, 23 MAHÀNIDDESAPÀLI, Tạng Kinh – phẩm: Q.I, P.1 Tựa (Tổng nhiếp tất cả Tiểu Bộ Phật đảnh pháp), P.2 Công năng trì chú Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 35 của tất cả Như Lai, P.3 Trì tụng công đức, Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda chư Phật ở sáu phương hiện đến; Q.II, P.4 (Trương Đình Dũng) Kiến chú sư phổ huân diệt tội, P.5 Nhãn PL. 2562 – DL. 2018 dược phương nhất thiết quang minh, P.6 Buddhist Cultural Centre, Diên niên dược pháp (Pháp thuốc kéo dài 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- tuổi thọ), P.7 Nhãn dược, P.8 Tướng mạng Sri Lanka chú sư tự chứng, P.9 Quán Thế Âm, Văn- Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, thù-sư-lợi Bồ-tát dữ nguyện, P.10 Tiên cao 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, du (dầu thuốc cao của Tiên), P.11 Tạo trân Borelesgamuwa, Sri Lanka. bảo; Q.III, P.12 Vô úy bảo quảng tụ Như Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn Lai Phật đảnh bí mật tạng (Thất tộc 729 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. vương); Q.IV, P.13 Triệu thỉnh chư Phật, Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt P.14 Pháp thuốc thư hoàng với Đàn pháp ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và bí mật, P.15 Biện thất chủng Phật đảnh trì Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ tụng biến số thành tựu; Q.V, P.16 Bí đàn- Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Bát trửu đại đàn pháp, P.17 Ái lạc dược Mẫu tự Pali – Sinhala; Đại Diễn Giải: 1. pháp (Pháp thuốc yêu thích), P.18 Thành Diễn giải Kinh về Dục, 2. Diễn giải Kinh tựu chú sư y thường (Thành tựu quần áo nhóm Tám về Hang, 3. Diễn giải Kinh của Chú sư), P.19 Chú sư tự trước chú nhóm Tám về Xấu xa, 4. Diễn giải Kinh sách (Chú sư tự làm sợi dây chú), P.20

Chú sư táo dục (Chú sư tắm gội), P.21 (Dành cho sinh viên Cao cấp Phật học – Pháp Liên hoa họa tượng, P.22 Tổng nhiếp Cao đẳng Phật học) nhất thiết chư bộ Thủ ấn, P.23 Công năng Kinh dày 166 trang, nội dung gồm có: Lời của đại đàn. (www.quangduc.com, Kinh) nói đầu, I. Nguồn gốc bổn Kinh, II. Lược giải đầu đề Kinh, III. Phân chia nội dung; 122. ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI Đại Phương Quảng Viên Giác Kinh, Hán PHÓNG QUANG TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT- dịch: Sa-môn Phật đàotala, Phần tự ĐÁT-RA ĐẠI THẦN LỰC ĐÔ NHIẾP (Chứng tín phần), Phần Thực tập, gồm có NHẤT THIẾT CHÚ VƯƠNG ĐÀ-LA-12 chương Kinh (trong mỗi chương có các NI KINH phần: Dịch nghĩa và Lược giải, Chú thích). Mật Tạng bộ 2 – No. 947 Xem: (12 chương) Kinh Viên Giác Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí Phục hồi Phạn chú: Huyền Thanh 125. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN Tác

phẩm này gồm có 6 phẩm: P.1 Đại oai GIÁC KINH Giảng Giải đức tối thắng Kim luân Tam-muội chú, Tỳ-kheo Thích Trí Thành P.2 Chư Bồ-tát vạn hạnh, P.3 Chư Kim Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2557 Cang, P.4 Chư thiên, P.5 Triệu nhất thiết – DL. 2013 Tiểu thiên Chú ấn pháp, P.6 Như Lai khẩu Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 654 trang. ấn triệu nhất thiết Dược-xoa tướng quân. Nội dung gồm có 12 chương chính: Giới tắt đại ý 12 chương Kinh Viên Giác, Phần 123. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT Chứng tín, I. Lược nói về: Pháp-văn-thời- HOA NGHIÊM KINH chủ; II. Rộng nói về: xứ và chúng; Phần Phẩm thứ Mười một-Tịnh Hạnh Phẩm Chánh thuyết: Chỉ bày cảnh và hạnh, C.1 – 4 Quyển Văn-thù, A. Chỉ bày cảnh bình đẳng, C.2 Chủ giảng: Lão Pháp sư Thích Tịnh Phổ Hiền, B. Chỉ bày Hạnh sai biệt, a.1 Không Nói về bậc địa thượng vào hạnh Phật địa, Chuyển ngữ: Bửu Quang tự Đệ tử Như C.3 Phổ Nhãn, a.2 Noi về bậc địa tiền vào Hòa hạnh Địa thượng, C.4 Kim Cang Tạng, II. Giáo duyệt: Đức Phong-Huệ Trang-Minh Phần Quyết trạch, 1. Quyết trạch về cảnh, Tiến a.1 Cảnh tự ngộ, C.5 Di-lặc a.2 Cảnh ngộ Nxb Hồng Đức – 2017 tha, C.6 Thanh Tịnh Tuệ, 2. Quyết trạch Kinh có khổ 18.8 x 26cm, 4 quyển dày về hạnh, a.1 Hạnh vị, C.7 Uy Đức Tự Tại, 2.470 trang, bìa cứng, nền đen, chữ tựa a.2 Hạnh pháp, b.1 Pháp môn đơn giản, mạ màu trắng. Q.1 (dày 633 trang), Q.2 C.8 Biện Âm Bồ-tát, b.2 Pháp môn phức (dày 646 trang), Q.3 (dày 621 trang) và tạp, C.9 Tịnh Chư Nghiệp Chướng, a.3 Q.4 (dày 570 trang), nội dung gồm có: Đại Hạnh bịnh hoạn, b.1 Bịnh tự tâm, C.10 Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh- Phổ Giác Bồ-tát, b.2 Bệnh tà sư, C.11 Phẩm Tịnh Hạnh Thứ mười một. Viên Giác Bồ-tát, Hạnh phương tiện, C.12 Hiền Thiện Thủ Bồ-tát, 1. Lời thỉnh, 2. 124. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN Lời hứa, 3. Lời đáp; Tổng kết toàn bộ GIÁC KINH Kinh; Phụ chú: Thiền chương Biện âm, Tu Dịch và lược giải: Tỳ-kheo Thích Thiện Trí giải thoát, Hồi hướng Công đức.

Kinh Viên Giác từ tiếng Việt sang Pháp 126. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN văn bởi Giáo sư Tuệ Quang); Phụ lục: GIÁC KINH Lược Giải Bảng Phân khoa tổng của bộ Kinh Viên Dịch giả: HT. Thích Giải Năng Giác do Hoàng Lệ đời Thanh lập ra; Bảng Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Phân khoa của Pháp sư Đế Nhàn. Toàn bộ tác phẩm gồm có 3 phần chính với 12 chương. – Lời nói đầu, - Đại ý toàn 129. ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM kinh; A. Phần Chứng tín (1. Lược nói về (Bắc Truyền) Pháp, Văn, Thời và Chủ; 2. Rộng nói về Giáo hội Phật giáo Việt Nam Xứ và Chúng); B. Phần Chánh thuyết: I. Hội đồng Chứng minh Chỉ bày cảnh và hạnh; 1.C. Văn Thù, 2.C. của Hội đồng Phiên dịch và ấn hành Đại Phổ Hiền, 3.C. Phổ Nhãn; II. Phần Quyết tạng Kinh Việt Nam trạch; 4.C. Kim Cang Tạng, 5.C. Di Lặc, 1. HT. Thích Đức Nhuận, 2. HT. Thích 6.C. Thanh Tịnh Huệ, 7.C. Oai Đức Tự Đôn Hậu, 3. HT. Thích Trí Tịnh, 4. HT. Tại, 8.C. Biện Âm, 9.C. Tịnh chư Nghiệp Thích Mật Hiển, 5. HT. Thích Huệ Thành, chướng, 10.C. Phổ Giác, 11.C. Viên Giác; 6. HT. Thích Giác Nhu, 7. HT. Kim Cương C. Phần Lưu thông; 12.C. Hiền Thiện Thủ. Tử, 8. HT. Thích Tâm Thông, 9. HT. Thích Kinh này đã được ấn hành từ năm PL. Siêu Việt, 10. HT. Mahà Saray, 11. HT. 2516 – DL. 1972. Thích Trí Nghiêm Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành 127. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN Đại Tạng Kinh Việt Nam: GIÁC KINH Chủ tịch: HT. Thích Minh Châu; Phó Chủ TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA tịch (5 vị): 1. HT. Thích Thiện Siêu, 2. HT. Việt dịch: Thích Thông Phương Kim Cương Tử, 3. HT. Thích Thanh Kiểm, Nxb Tôn Giáo – 2006 4. TT. Thích Thanh Từ, 5. TT. Thích Thiện Kinh có khổ 14.5 x

20.5cm, có 62 trang, Châu; Trưởng ban Thư ký: TT. Thích bìa mềm. Nội dung gồm có: A. Phần tựa, Chơn Thiện, Trưởng ban Tài chánh: TT. B. Phần Chánh tông, với 12 chương Kinh. Thích Giác Toàn, Trưởng ban in ấn và Xem: (12 chương) Kinh Viên Giác phát hành: Cư sĩ Võ Đình Cường; Trưởng ban từ vựng Phật học: Cư sĩ Minh Chi. 128. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN Đại Tạng Kinh Việt Nam – Bắc Truyền GIÁC TU-ĐA-LA gồm có 4 bộ: LIỄU NGHĨA KINH I. Kinh Trường A-hàm (2 tập: Tập 1 có: Việt dịch: Huyền Cơ 19 Kinh; Tập 2 có: 11 Kinh); Phật học viện Huyền Cơ, PL. 2507 – DL. Hán dịch: Phật-đà-da-sá và Trúc Phật 1964 Niệm Kinh dày 226 trang, bìa mềm. Nội dung Việt dịch: Viện Cao đẳng Phật học Huệ gồm có: Lời giới thiệu, Lời giới thiệu, Nghiêm Tựa, Kinh Viên Giác – Đại Phương quảng Hiệu đính: HT. Thích Trí Tịnh (1917- Tu-đa-la Liễu nghĩa Kinh, Hán dịch: Sa- 2014) môn Phật-đà-đa-la (cuối trang có chú II. Kinh Trung A-hàm (4 tập: Tập 1 có: 6 thích); La Parfaite Connaissance, Traduit phẩm, với 64 Kinh; Tập 2, Tiếp theo (Tập Du Vietnamien par Tuệ Quang (Bản dịch I) của Phẩm VI (Phần cuối) và Phẩm VII,

VIII, IX, X, với tất cả 52 Kinh); Tập 3 có: 130. ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM 4 Phẩm với tất cả 54 Kinh; Tập 4 có 6 (Nam Truyền) Phẩm, với 51 Kinh); Giáo hội Phật giáo Việt Nam Hán dịch: Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề- Hội đồng Chứng minh bà; Chấp bút: Đạo Tổ của Hội đồng Phiên dịch và ấn hành Đại Việt dịch: Viện Cao đẳng Phật học Hải tạng Kinh Việt Nam Đức Nha Trang 1. HT. Thích Đức Nhuận, 2. HT. Thích Hiệu đính: HT. Thích Thiện Siêu (1921- Đôn Hậu, 3. HT. Thích Trí Tịnh, 4. HT. 2001) Thích Mật Hiển, 5. HT. Thích Huệ Thành, III. Kinh Tăng Nhất A-hàm (3 tập: Tập 1 6. HT. Thích Giác Nhu, 7. HT. Kim Cương có: 26 Phẩm; Tập 2 có: 13 Phẩm; Tập 3 Tử, 8. HT. Thích Tâm Thông, 9. HT. Thích có: 13 Phẩm) Siêu Việt, 10. HT. Mahà Saray, 11. HT. Việt dịch: HT. Thích Thanh Từ; Hiệu Thích Trí Nghiêm đính: HT. Thích Thiện Siêu Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành IV. Kinh Tạp A-hàm (4 tập: Tập 1 có: 342 Đại Tạng Kinh Việt Nam: Kinh; Tập 2, từ Kinh số 343 đến Kinh số Chủ tịch: HT. Thích Minh Châu; Phó Chủ 711; Tập 3, từ Kinh số 712 đến Kinh số tịch (5 vị): 1. HT. Thích Thiện Siêu, 2. HT. 1.080; Tập 4, từ Kinh số 1.081 đến Kinh Kim Cương Tử, 3. HT. Thích Thanh Kiểm, số 1.362) 4. TT. Thích Thanh Từ, 5. TT. Thích Thiện Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt- Châu; Trưởng ban Thư ký: TT. Thích đà-la (Gunabhadra, 394-468) Chơn Thiện, Trưởng ban Tài chánh: TT. Việt dịch: HT. Thích Thanh Từ và HT. Thích Giác Toàn, Trưởng ban in ấn và Thích Thiện Siêu phát hành: Cư sĩ Võ Đình Cường; Trưởng Tổng cộng Đại Tạng Kinh – Bắc truyền có ban từ vựng Phật học: Cư sĩ Minh Chi. 13 Tập, khởi in từ năm PL. 2536 – DL. Nguyên bản Pali; Việt dịch: HT. Thích 1992 đến năm PL. 2545 – DL. 2001, do Minh Châu (1918-2012) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Đại Tạng Kinh Việt Nam – Nam Truyền Nhà xuất bản Tôn Giáo xuất bản. Tập gồm có 5 bộ: Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, bao I. Kinh Trường bộ (2 tập: Tập 1, 15 Kinh; da màu đỏ, chữ tựa Kinh mạ vàng, mỗi tập Tập 2, từ Kinh thứ 17 - 34); đều có hộp. II. Kinh Trung bộ (3 tập: Tập 1, 50 Kinh; Đại Tạng Kinh Việt Nam (Nam truyền và Tập 2, 50 Kinh; Tập 3, 52 Kinh); Bắc truyền) trọn bộ 37 tập được tái bản III. Kinh Tương ưng bộ (5 tập: Tập 1, năm PL. 2562 – DL. 2018, do Giáo hội Thiên có kệ gồm 11 chương; Tập 2, 10 Phật giáo Việt Nam xuất bản, Ấn bản này chương; Tập 3, 13 chương; Tập 4, 10 do tập thể Thư viện Huệ Quang

(Tp. Hồ chương; Tập 5, 12 chương); Chí Minh) thực hiện. Tập Kinh khổ 14.5 x IV. Kinh Tăng chi bộ (4 tập: Tập 1, 4 20.5cm, bìa cứng ép kim, gáy mo, có tờ chương; Tập 2, gồm từ Phẩm 11 – Phẩm gác và có hình Phật in màu đầu mỗi quyển 28 và chương V; Tập 3, 3 chương; Tập 4, (Bản đặc biệt, bìa mạ vàng 2 đầu, vẽ tranh 3 chương); cuộc đời đức Phật lên bụng sách). V. Kinh Tiểu bộ (10 tập: Tập 1 có: Tiểu tụng, Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập; Tập 2 có:

chuyện Thiên cung và chuyện Ngạ quỉ; Quyển XIII, No. 401 Đức Phật nói Kinh Tập 3 có 2 phần: 1. Trưởng lão Tăng kệ và Đồng tử Vô ngôn (Quyển thượng và 2. Trưởng lão Ni kệ; Tập 4 có: 1 chương, Quyển hạ); No. 402 Kinh Bảo Tinh Đà-la- 12 phẩm với 120 chuyện; Tập 5 có: 3 ni (10 Tập, từ Tập 1 đến Tập 10); No. 403 chương, 15 phẩm với 143 chuyện; Tập 6 Kinh A-soa-mạt Bồ-tát (6 Tập, từ Tập 1 có: 4 chương, 4 phẩm, 13 chuyện; Tập 7 đến Tập 6); No. 404 Kinh Đại tập đại Hư có: 6 chương, 6 phẩm, 77 chuyện; Tập 8 không Bồ-tát sở vấn (8 Tập, từ Tập 1 đến có: 4 chương, 4 phẩm, 47 chuyện; Tập 9 Tập 8); No. 405 Kinh Hư không Tạng Bồ- có: 6 chương, 6 phẩm, 19 chuyện; Tập 10, tát; No. 406 Đức Phật nói Kinh Hư Không Tiếp theo chương 12, có 8 chuyện) tạng Bồ-tát Thần chú; No. 407 Kinh Hư Tổng cộng Đại Tạng Kinh – Nam truyền Không tạng Bồ-tát Thần chú; No. 408 có 24 Tập, khởi in từ Kinh Trường bộ tập Kinh Hư Không Dựng Bồ-tát (Quyển 1 (năm PL. 2535 – DL. 1991) đến Kinh thượng và Quyển hạ); No. 409 Kinh Quán Tiểu bộ tập 10 (năm PL. 2548 – DL. Hư không tạng Bồ-tát; No. 411 Kinh Đại 2004), do Viện Nghiên cứu Phật học Việt thừa Đại tập Địa Tạng Thập luân (10 Tập, Nam; Nhà xuất bản Tôn Giáo; Nhà xuất từ Tập 1 đến Tập 10); No. 413 Một Trăm bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản. ngàn Bài tụng của Kinh Đại tập Bồ-tát Địa Tập Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, Tạng hỏi Đức Phật về Pháp thân; No. 415 bao da màu đỏ, chữ tựa Kinh mạ vàng, Kinh Đại tập Đại Phương đẳng Bồ-tát mỗi tập đều có hộp. niệm Phật Tam-muội (10 Tập, từ Tập 1 Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền tái đến Tập 10); No. 424 Phật nói Kinh bản nhiều lần: Năm 2013, Nxb Tôn Giáo; Chánh pháp Đại Tập hội (5 Tập, từ Tập 1 năm 2016 – 2017 do Viện Nghiên cứu đến Tập 5). (phaptangpgvn.net, Pháp Phật học Việt Nam thực hiện, gồm 13 Tập tạng) (Kinh Trường bộ, 1 tập; Kinh Trung bộ, 2 Tập; Kinh Tương Ưng bộ, 2 Tập; Kinh 132. ĐẠI THỪA ĐẢNH VƯƠNG KINH Tăng Chi bộ, 2 Tập; Kinh Tiểu bộ, 6 Tập). Pram Nguyễn – Thiện Thọ Kinh có khổ lớn (19 x 26cm), bìa cứng, Nội dung gồm có 6 quyển, 14 phẩm: Lý màu đỏ chữ mạ vàng; năm 2020, do Chú giải mật nghĩa, Kinh thuyết Vô GHPGVN tái bản Đại Tạng Kinh Việt Cấu Xưng (Vimalakirti), Hán dịch: Tam Nam Nam truyền và Bắc truyền (trọn bộ tạng Pháp sư Huyền Trang, Việt dịch: 37 quyển), Thư viện Huệ Quang thực hiện. Thích nữ Tịnh Nguyên, Chứng nghĩa: Tỳ- Phiên bản này ảnh ấn lại bản in cũ, khổ kheo Thích Đỗng Minh, Thích Tâm Hạnh, 14.5 x 20.5cm, (chữ to) ruột sách được in Giáo đính và chú giải rộng thêm: Nguyễn trên giấy ford Nhật định lượng 72 gsm, bìa Pram; Q.I, P.1 Tựa, P.2 Hiển bày Phương sách được bọc bằng giấy giả da cao cấp, Tiện thiện xảo bất khả tư nghì; Q.II, P.3 ép kim bản đồng sắc nét, bìa cứng, gáy mo Thanh văn (Sravaka), P.4 Bồ-tát; Q.III, tròn, mỗi cuốn có hộp đựng. P.5 Thăm bệnh, P.6 Bất tư nghì; Q.IV, P.7 Hữu tình, P.8 Phật đạo (Khai thị Mật 131. ĐẠI TẬP BỘ giáo), P.9 Pháp môn Bất Nhị (Advaita); Ban Phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Q.V, P.10 Phật Diệu Hương Tích Nam

(Tathagata Sugandhakuta), P.11 Bồ-tát hạnh (Bodhisattvacarya); Q.VI, P.12 Quán

Như-Lai (Thấy Phật A-súc, Aksobhya Luận". (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên Buddha), P.13 Cúng dường (Puja) pháp, cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí P.14 Chúc lụy. (Chú giải xong năm 2005, Minh, Mã sách: Vie 4520) Tiểu bang Ohio, Hoa Kỳ) 136. ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ 133. ĐẠI THỪA KIM CANG KINH KINH (Giản chú dịch giải) LUẬN Biên soạn: Pháp sư Tịnh Không Chùa Vạn Đức (Phú Thọ - Sài Gòn), PL. Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Trừng 2514 – DL. 1971 Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002. In tại Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn), Giấy Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 359 trang, phép số 1126/XB. Bộ Thông tin Sài Gòn bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: trắng, đỏ và ngày 5-6-1962. vàng. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có Kinh có 53 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 48 phẩm (P): - Lời giới thiệu, - Tựa của có: Đại thừa Kim Cang Kinh luận, Chú người dịch, - Tựa, - Đề Kinh; P.1 Pháp hội thích. Thánh chúng, P.2 Đức tôn Phổ Hiền, P.3 Đại giáo Duyên khởi, P.4 Pháp tạng nhân 134. ĐẠI THỪA KIM CANG KINH địa, P.5 Chí tâm Tinh tấn, P.6 Phát đại Thệ LUẬN nguyện, P.7 Tất thành Chánh giác, P.8 Việt dịch: Nhứt Như Cư sĩ Tích công lũy đức, P.9 Viên mãn thành In tại Thiên Phước Tự (Sài Gòn), PL. 2515 tựu, P.10 Giai nguyện tác Phật, P.11 Quốc – DL. 1952 giới nghiêm tịnh, P.12 Quang minh biến Q.G.V.N. Giấy phép số 803 T A B. ngày chiếu, P.13 Thọ chúng vô lượng, P.14 Bảo 16-10-1952 thụ biến quốc, P.15 Bồ-đề đạo tràng, P.16 Kinh có 140 trang, bìa mềm. Nội dung Đường xá lâu quán, P.17 Tuyền trì Công gồm có: Lời tựa, Phật thuyết Đại thừa đức, P.18 Siêu thế hy hữu, P.19 Thọ dụng Kim Cang Kinh luận (bản Kinh luận có: cụ túc, P.20 Đức phong hoa vũ, P.21 Bảo Nguyên văn chữ Hán, dịch âm, dịch nghĩa liên Phật quang, P.22 Quyết chứng cực và thích nghĩa). quả, P.23 Thập phương Phật tán, P.24 Tam bối vãng sanh, P.25 Vãng sanh chánh 135. ĐẠI THỪA KIM CANG KINH nhân, P.26 Lễ cúng thính pháp, P.27 Ca LUẬN thán Phật đức, P.28 Đại sĩ Thần quang, Việt dịch: Thích Viên Giác P.29 Nguyện lực Hoằng thâm, P.30 Bồ-tát Trung tâm Phật giáo Hayward, Tu trì, P.31 Chân thật Công đức, P.32 Thọ Hayward California ấn tống, PL. 2510 – lạc vô cực, P.33 Khuyến dụ sách tấn, P.34 DL. 1966 Tâm đắc khai minh, P.35 Trọc thế ác khổ, Kinh có 67 trang, bìa mềm. Nội dung gồm P.36 Trùng trùng hối miễn, P.37 Như bản có: Thay lời tựa, Phật nói Kinh luận Kim đắc bảo, P.38 Lễ Phật hiện quang, P.39 Từ Cang Đại Thừa, dịch nghĩa; Phụ lục: Thị thuật kiến, P.40 Biên địa nghi thành, Mười điều Tâm niệm. P.41 Hoặc tận kiến Phật, P.42 Bồ-tát vãng Tác phẩm này đã được Tịnh thất Pháp sanh, P.43 Phi thị Tiểu thừa, P.44 Thọ Bồ- Minh (Sài Gòn) in Lưu hành nội bộ năm đề ký, P.45 Độc lưu thử Kinh, P.46 Cần tu PL. PL. 2509 – DL. 1965, với nhan đề kiên trì, P.47 Phước huệ thỉ khai, P.48 Văn "Phật thuyết Đại thừa Kim Cang Kinh Kinh hoạch ích.

Khuyến trì thứ 13, P. An lạc hạnh thứ 14, 137. ĐẠI VIÊN GIÁC KINH P. Tùng địa dũng xuất thứ 15, P. Như Lai Hán dịch: Sa-môn Phật-đà-đa-la thọ lượng thứ 16, P. Phân biệt công đức Dịch-giảng: HT. Minh Trực (1895-1976) thứ 17, P. Tùy hỷ công đức thứ 18, P. Thiền Tịnh Đạo tràng-Phật Bửu tự Tổ đình Pháp sư công đức thứ 19, P. Thường Bất (Sài Gòn), ấn hành năm 1972 Khinh Bồ-tát thứ 20, P. Như Lai thần lực Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 142 trang, thứ 21, P. Chúc lụy thứ 22, P. Dược vương bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm Bồ-tát bản sự thứ 23, P. Diệu Âm Bồ-tát có 2 quyển: Lời tựa, Viên

Giác khai tâm thứ 24, P. Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn kệ, các phẩm: Quyển thượng, P. Văn Thù thú 25, P. Đà-la-ni thứ 26, P. Diệu Trang Bồ-tát, P. Phổ Hiền Bồ-tát, P. Phổ Nhãn Nghiêm vương Bản sự thứ 27, P. Phổ Hiền Bồ-tát, P. Kim Cang Tạng Bồ-tát, P. Di- Bồ-tát khuyến phát thứ 28. Lặc Bồ-tát; Quyển hạ, P. Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát, P. Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, P. Biện 139. Đại Ý BA KINH MỘT LUẬN Âm Bồ-tát, P. Tịnh Chư Nghiệp Chướng TỊNH ĐỘ Bồ-tát, P. Phổ Giác Bồ-tát, P. Viên Giác Nguyên tác: Pháp sư Huệ Tịnh Bồ-tát, P. Hiền Thiện Thủ Bồ-tát; Phần Việt dịch: Nhuận Hà; Hiệu đính: Định giải nghĩa, Định tâm chơn ngôn, Thiền đạo Huệ biệt truyền. Công Ty Sách Thời Đại - Nxb Hồng Đức Bản Kinh này được tái bản năm 2002, Nxb – 2016 Tôn Giáo. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 354 trang, bìa cứng. 138. Đại Ý KINH PHÁP HOA Kết cấu nội dung gồm có 5 phần: Lời giới Soạn giả: HT. Thích Thanh Kiểm (1921- thiệu, Lời tựa; Phần I. Đại ý Kinh Vô 2000) Lượng Thọ, 1. Tự thuyết, 2. Chánh thuyết, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 3. Tổng kết; Phần II. Đại ý Kinh Quán Vô 2534 – DL. 1990 Lượng Thọ, 1. Tự thuyết, 2. Chánh thuyết, Nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. Đại ý 3. Tổng kết; Phần III. Đại ý Kinh A-di-đà, Kinh Pháp Hoa, Phiên dịch và nguyên 1. Tự thuyết, 2. Chánh thuyết, 3. Tổng kết; bản, Lưu truyền và chú thích, Pháp Hoa Phần IV. Đại ý Vãng Sanh Luận chú, 1. Tam đại bộ, Nhất Tâm tam quán, Ngũ Tự thuyết, 2. Chánh thuyết, 3. Tổng kết; Trùng Huyền nghĩa, Đề hiệu đủ và lược, Phần V. Hỏi đáp về niệm Phật, 1. Liên Nơi chốn nói Kinh, Pháp Hoa tam bộ, Bốn quan đến Tín tâm và Niệm Phật, 2. Sự giải trùng-Ba phần, Tổng khoa Kinh Pháp Hoa, thích có liên quan đến lời giải thích trong Diêu Tần Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Kinh, 3. Giải thích những hoài nghi thông thập dịch; II. Nội dung Kinh Pháp Hoa, P. thường. Tựa thứ nhất, P. Phương tiện thứ hai, P. Thí dụ thứ ba, P. Tín giải thứ tư, P. Dược 140. ĐÀN KINH (Bản Đôn Hoàng) thảo dụ thứ năm, P. Thọ ký thứ sáu, P. Nghe Lục Tổ Huệ Năng giảng Thiền Hóa thành dụ thứ bảy, P. Ngũ bách đệ tử Biên soạn: Thiền sư Đan Thanh thứ tám, P. Thọ học vô học nhân ký thứ Dịch: An sỹ Chu Tước chín, P. Pháp sư thứ mười, P. Hiện bảo Nxb Thời Đại – 2011. Kinh có khổ 19 x tháp thứ 11, P. Đề-bà-đạt-đa thứ 12, P. 27cm, dày hơn 284 trang, bìa cứng.

Tác phẩm Kinh này gồm có 9 chương. tưởng lại pháp hội, 3. Mở đầu của Đàn Phần đầu là Lời nói đầu; C.I, Đàn Kinh Kinh: Nghi thức tịnh tâm, 4. Kết duyên với Phật giáo: Thiền tông Trung Quốc, 1. với Đức Phật: Lục Tổ Huệ Năng và Kim Đàn Kinh: Tiêu chí Trung Quốc hóa Phật Cương Kinh, 5. Lục Tổ Huệ Năng và Ngũ giáo, 2. Lập đề của Đàn Kinh: 7 loại lập đề Tổ Hoằng Nhẫn: Ấn chứng khai ngộ, 6. của Kinh Phật, 3. Ý nghĩa của Đàn Kinh: Mục đích của Phật giáo Đại thừa: Duy cầu Trực chỉ nhân tâm-kiến tánh thành Phật, 4. thành Phật, 7.Nhận thức của Thiền tông về Lịch sử Thiền tông: Thiền tông kể từ Bồ- nhân tính và Phật tính: Phật tính không có đề Đạt-ma, 5. Từ Kinh Lăng-già đến Đàn Nam Bắc, 8. Tiệm ngộ trong tu hành: Thời Kinh: Những diễn biến của Kinh điển thời thường lau quét, 9. Trở về tâm tính Thiền tông, 6. Đàn Kinh với Thiền tông: thanh tịnh vốn có của mình: Bồ-đề bản vô Đàn Kinh là Kinh điển căn bản nhất của thụ, 10. Ngũ Tổ truyền thụ y bát: Huệ Thiền tông, 7. Phật giáo mang bản sắc Năng trở thành Tổ sư đời thứ sáu, 11. Lục Trung Quốc: Sự cải tạo của Đàn Kinh đối Tổ hoằng pháp tại phương Nam: Lục Tổ với Phật giáo, 8. Tự viện của Thiền tông: đi về phương Nam; C.IV, Sám hối và Quy Chế độ tùng lâm, 9. Ảnh hưởng của Thiền y: Chuẩn bị trước

khi tiến vào cảnh giới tông với mỹ học: Từ chân thực đến không đốn ngộ, 1. Cuộc sống và tu hành quán minh, 10. Ảnh hưởng của Thiền tông với thông như một: Nhất hành Tam-muội, 2. học thuật truyền thống: Hợp lưu của Nho Đạt đến trạng thái hư tâm viên dung: Nhất Phật Đạo, 11. Công án của Thiền tông: tướng Tam-muội, 3. Trạng thái chuyên Mâu thuẩn không thể nói; C.II, Lý luận chú không tán không loạn: Thiền định, 4. trung tâm của Thiền tông: 1. Mục đích Quan niệm về tọa thiền của Thiền tông: cuối cùng của Phật giáo: Niết-bàn, 2. Tâm niệm bất khởi, tự tính bất động, 5. Quan niệm về Niết-bàn của Thiền tông: Phật tính có đầy đủ trong tự tính: Tự tính Chứng đắc bản lai diện mục chính là Niết- tam thân Phật, 6. Quan niệm về trì giới của bàn, 3. Phương pháp biện chứng của Thiền Thiền tông: Tự tính Ngũ phần pháp thân tông: Phiền não tức Bồ-đề, 4. Khái niệm hương, 7. Tinh thần Bồ-tát Đại thừa: Tứ trung tâm của Thiền tông: Tự tính, 5. hoằng thệ nguyện, 8. Hàm nghĩa của Sám Quan niệm về Giới-Định-Tuệ của Thiền hối: Ăn năn lỗi trước, từ bỏ lỗi sau, 9. tông: Chính định Tam-muội, 6. Phật tính Phép sám hối của Thiền tông: Vô tướng không có phân biệt: Tự tính Bát-nhã, 7. sám hối, 10. Bắc đầu tiến nhập vào Phật Tâm thanh tịnh tức là Tâm Phật: Tức tâm môn: Quy y tự tính Tam bảo; C.V, Tự thức tức Phật, 8. Nhận thức của chúng sinh đối tỉnh tác Bát-nhã: Con đường tất yếu để với ngoại cảnh: Mười tám giới, 9. Thế giới thông đạt trí tuệ vô thượng, 1. Con đường trong mắt chúng sinh: Tướng, 10. Căn tất yếu để giác ngộ thành Phật: Đại pháp nguyên của phiền não: Ngã chấp, 11. Cảnh Bát-nhã, 2. Nội hàm của Bát-nhã là gì? tỉnh với người mê muội: Các phương pháp Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, 3. Thực tiễn khai ngộ trong Thiền tông; C.III, Từ bản của phép Bát-nhã: Hành Bát-nhã hạnh, 4. thân quan sát trần duyên nhân quả của Kinh điển tất yếu phải tụng để chứng ngộ: chúng sinh: Quá trình thành Phật của Lục Được Bát-nhã tự tính "Kim Cương Kinh", Tổ Huệ Năng, 1. Dịch nghĩa tên Kinh: 5. Phật pháp tối thượng thừa trong mắt Xuất xứ và nội hàm của Đàn Kinh, 2. Lục Huệ Năng: Lại luận về tự tính Bát-nhã, 6. Tổ Huệ Năng thiết đàn giảng Kinh: Hồi Sự khác nhau giữa Phật và chúng sinh:

Chỉ ở mê ngộ, không ở sinh tử, 7. Phật Thần Hội vấn đạo: Trí tuệ thấy hay không pháp tùy duyên theo căn cơ của chúng thấy? 9. Trình bày cụ thể hơn đối với tất sinh: Pháp tùy theo cơ trí của con người cả các pháp: Pháp môn tam khoa, 10. Mối mà định, 8. Trở về với nơi sâu thẳm của tương quan của các pháp: 36 pháp đối, 11. tâm linh: Quan tâm kiến tính, 9. Bậc trí giả Trí tuệ trong câu trả lời: Phương pháp dẫn dắt chúng sinh giác ngộ bản tính: Đại hành trì Trung đạo; C.VIII, Căn dặn: Lục thiện tri thức, 10. Cảnh giới thông đạt của Tổ hoằng pháp trước khi nhập tịch, 1. Căn phép đốn ngộ: Nhất tâm vô niệm, 11. dặn đệ tử định giáo: Phê bình của Thần Tổng kết về giảng Kinh: Huệ Năng truyền Hội đối với Bắc tông, 2. Nhấn mạnh thêm bá "vô tướng tụng", 12. Đại sư Huệ Năng tôn chỉ chủ yếu của Thiền tông: Tự tâm là trả lời sứ quân: Phúc đức không giống với Phật, 3. Bài kệ trước khi nhập diệt: Tự tính công đức; C.VI, Hễ tâm thanh tịnh là Tây kiến chân Phật, 4. Cách nhìn của Thiền Phương: Con đường độc đáo đốn ngộ tông đối với sinh tử: Tính vô sinh diệt, 5. thành Phật, 1. Niệm Phật có thể vãng sinh Chứng đắc Phật quả vô thượng: Lục Tổ ở Tây phương Cực lạc được không? Tự nhập diệt, 6. Truyền thừa Phật pháp Thiền tâm thanh tịnh tức thấy Tây phương, 2. tông: Phật Tổ truyền pháp thống, 7. Từ Phá trừ đối với ngã chấp: Không phân biệt Đạt-ma đến Huệ Năng:

Nhất hoa ngũ diệp, người-ta tức Tu-di sẽ đổ, 3. Không hướng 8. Thiền tông sau đời Lục Tổ: Y bát vô ra bên ngoài để truy cầu: Con đường thành hình; C.IX, Lưu truyền: Ảnh hưởng của Phật của bản thân, 4. Phá trừ niệm tưởng Thiền tông đối với hậu thế, 1. Thiền và thi đối với sự vật: Vô niệm là Tông, 5. Nhận ca: Thiền không lời, sâu xa tự tại, 2. thức về không tính của sự vật: Vô tướng là Vương Duy và Tô Thức: vừa là thơ vừa là thể, 6. Trừ bỏ sự chấp trước đối với sự vật: thiền, 3. Quan niệm nghệ thuật: Thiền Vô trú là gốc, 7. Chấp trước của phàm phu tông và mỹ học cổ điển Trung Quốc, 4. và nhị thừa: Bát điên đảo, 8. Con đường Thiền và họa: Phong cốt thiền cảnh, 5. kỳ diệu để tiêu diệt tham sân si: Nội chiếu Thiền và trà: Trà thiền nhất vị, 6. Thiền và tâm tính, Tam độc lập tức bị diệt trừ, 9. võ: Thiền Võ đồng nguyên, thiền quyền Tại gia cũng có thể thành Phật: Tu hành duy nhất, 7. Thiền Nhật Bản: Kế thừa và của cư sỹ, 10. Điển phạm của cư sĩ tại gia: phát triển. Duy-ma-cật, 11. Phật pháp tại thế gian: Huệ Năng một lần nữa khai thị "Vô tướng 141. ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ - tụng"; C.VII, Tiệm ngộ và Đốn ngộ: Khai Giảng Ký thị của Lục Tổ đối với đệ tử, 1. Nam tông Giảng thuật: Pháp sư Tịnh Không và Bắc tông: Sự phân hóa Nam Bắc của Việt dịch: Nhựt Chiếu Thiền tông, 2. Sự khác biệt của ngộ đạo: Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 14.5 Nhân tính có lợi độn-tu trì có tiệm đốn, 3. x 20.5cm, dày hơn 413 trang. Nguồn gốc của Đốn ngộ thành Phật: Định Nội dung gồm có 10 phẩm chính: Lời Huệ song hành, 4. Khai thị cho Chí Thành: người dịch, Lời nói đầu, Đề Kinh, Đại ý Xác lập Giới-Định-Tuệ, 5. Pháp Đạt khai của Kinh, P.1 Ngộ pháp truyền y, P.2 Giải ngộ: Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa, 6. Đả thích về Công đức của Tịnh độ, P.3 Định phá sự chấp trước đối văn tự: Không lập và Tuệ là một thể, P.4 Dạy truyền ngồi văn tự, 7. Trí Thường vấn đạo: Hàm nghĩa Thiền, P.5 Truyền hương Sám hối, P.6 Cơ tinh túy của Phật pháp tối thượng thừa, 8. duyên Tham thỉnh, P.7 Nam đốn Bắc tiệm,

P.8 Triều đại nhà Đường ban chiếu mời, Quyển I, Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển P.9 Chỉ dạy pháp môn hai nghĩa đối nhau, Minh, dày 367 trang, nội dung gồm 4 P.10 Phó chúc Lưu thông; Chánh văn bản phần: Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2, chữ Hán, Bản Việt dịch đối chiếu Hán Phần Dẫn nhập (Kệ ngôn 1-56); Phần I. văn. Câu hỏi của Bà-la-môn Ajita Punnaka (Kệ ngôn 57-99); Phần II. Câu hỏi của Bà-la- 142. ĐẠO BỤT NGUYÊN CHẤT môn Ajita Punnaka (Kệ ngôn 100-115); (KINH NGHĨA TÚC) Phần III. Câu hỏi của Bà-la-môn Ajita Hán dịch: Cư sĩ Chi Khiêm Punnaka (Kệ ngôn 116-145); Biên dịch và giảng giải: Thích Nhất Hạnh Quyển II, Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 13 x Minh, dày 423 trang, nội dung gồm có: 21cm, dày 343 trang, bìa mềm. Phần IV. Câu hỏi của Bà-la-môn Metag ù Toàn bộ tác phẩm này gồm có 2 phần, 16 (Kệ ngôn 146-202); Phần V. Câu hỏi của Kinh: - Lời tựa Sách Đạo Bụt nguyên Bà-la-môn Dhotaka (Kệ ngôn 203-241); chất; Phần I. 1. Kinh Nhiếp phục tham Phần VI. Câu hỏi của Bà-la-môn Upasìva dục, 2. Kinh Hang động ái dục, 3. Kinh (Kệ ngôn 242-280); Phần VII. Câu hỏi của Buông bỏ Sở tri và Ngôn từ, 4. Kinh Bà-la-môn Nanda (Kệ ngôn 281-323); Buông bỏ Sở lạc và Nhiễm tịnh, 5. Kinh Phần VIII. Câu hỏi của Bà-la-môn Sự thật đích thực, 6. Kinh Buông bỏ Ân ái, Hemaka (Phật ngôn 324-345); Phần IX. 7. Kinh Xa lìa Ái dục, 8. Kinh Buông bỏ Câu hỏi của Bà-la-môn Todeyya (Kệ ngôn Ý muốn hơn thua, 9. Kinh Nhân cách của 346-366); Phần X. Câu hỏi của Bà-la-môn

một vị Mâu-ni, 10. Kinh Đạo lý Duyên Kappa (Kệ ngôn 367-387); khởi, 11. Kinh Chấm dứt tranh cãi, 12. Quyển III, Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển Kinh Buông bỏ nắm bắt, 13. Kinh Công Minh, dày 308 trang. Nội dung gồm có: phu Thực tập căn bản, 14. Kinh Phòng hộ, Phần XI. Câu hỏi của Bà-la-môn… (Kệ 15. Kinh Vị Mâu-ni thành đạt, 16. Kinh ngôn 388-412); Phần XII. Câu hỏi của Bà- Chuyển hóa bạo động và sợ hãi; Phần II. la-môn… (Kệ ngôn 413-431); Phần XIII. (Giảng giải Kinh): - Kinh vị Mâu-ni thành Câu hỏi của Bà-la-môn… (Kệ ngôn 432- đạt, - Kinh Xa lìa Ái dục, - Kinh Chuyển 466); Phần XIV. Câu hỏi của Bà-la-môn… hóa bạo động và sợ hãi. (Kệ ngôn 467-487); Phần XV. Câu hỏi của Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Bà-la-môn… (Kệ ngôn 488-510); Phần Đạo tràng Mai Thôn ấn hành năm 2011; XVI. Câu hỏi của Bà-la-môn… (Kệ ngôn Nxb Phương Đông. 511-581); Tổng kết của 18 Bà-la-môn (Kệ ngôn 582-662); 143. ĐẾN BỜ KIA – Quyển IV, Kinh Tê Ngưu – PÀRÀYANAVAGGO – 4 Quyển Khaggavisànasutto, dày 429 trang. Nội Tạng Kinh – Kinh Tiểu Bộ dung gồm có 4 phẩm: Phần Xiển thuật Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển Minh Kinh Tê Ngưu, P.1 Kệ ngôn 663-700; P.2 Việt dịch: Tỳ-khưu Minh Đạt (Sư Chí Kệ ngôn 701-738; P.3 Kệ ngôn 739-779; Thâm) P.4 Kệ ngôn 780-821. Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày 144. ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN 1.527 trang. NGUYỆN KINH

Việt dịch và giảng: Thích Vĩnh Hóa Quyển hạ, dày 589 trang, với 26 tập (từ Lư Sơn tự, 7509 Mooney Drive, tập 26 – 51), 7 phẩm: P.7 Lợi ích cho kẻ Rosemead, CA 91770, USA, xuất bản lần còn người mất, P.8 Vua Diêm-la và quyến thứ nhất. Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày thuộc tán thán, P.9 Xưng danh hiệu chư 584 trang, có 13 phẩm (P), với nội dung Phật, P.10 Nhân duyên và so sánh công gồm có: - Tựa Kinh, P.1 Thần thông tại đức bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12 cung Đao Lợi, P.2 Thân phân hóa qui tụ Thấy nghe được lợi ích, P.13 Dặn dò cứu lại, P.3 Quán sát nghiệp duyên chúng sinh, độ nhân thiên. P.4 Nghiệp quả của chúng sinh Diêm-phù, P.5 Danh xưng địa ngục, P.6 Thế Tôn 146. ĐỊA TẠNG KINH tuyên dương, P.7 Lợi ích người còn kẻ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng mất, P.8 Chúa tôi Diêm-la xưng tụng, P.9 Việt dịch: Huyền Mặc Đạo Nhân và Đoàn Xưng tụng danh hiệu chư Phật, P.10 Trắc Trung Còn lượng công đức bố thí, P.11 Thần đất hộ Phật học Tòng thơ xuất bản – 1949 (in lần trì, P.12 Lợi ích của sự thấy nghe, P.13 đầu) Thế Tôn ký thác. In tại Nhà in Hữu Luyên (Chợ Lớn), Giấy Sanskrit/Hán tạng) hơn 50 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh âm Hán-Việt màu đen, chữ Hán màu đỏ. Nội dung gồm có 3 quyển (Thượng-Trung- Hạ), 13 phẩm. Phần đầu là (Nghi thức 145. ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN tụng Kinh: Hương tán, Tụng chú,…), Địa NGUYỆN KINH Giảng Ký Tạng Bồ-tát Bổn nguyện Kinh, gồm Kinh (Bộ 2 quyển) văn chữ Hán, dịch âm; Phần sau là dịch Chủ giảng: HT. Tịnh Không nghĩa. Giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân-gia-ba Chuyển ngữ: Nhóm Diệu Âm 147. ĐỊA TẠNG MẬT NGHĨA Printed in Taiwan (Đài Loan) (Printed for Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng free distribution by The Corporate Body of (910-974) the Buddha Educationl Foundation) – Việt dịch: Chánh Trí – Mai Thọ Truyền 2017. (1905-1973) Kinh có khổ 19 x 27cm, tổng cộng 2 THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành PL. 2537 quyển dày 1.199 trang, bìa cứng, nền màu – DL. 1993 đen, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có 2 Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 203 trang, bìa quyển, 51 tập, 13 phẩm. Quyển thượng, mềm. Kết cấu Kinh này gồm có 3 quyển, gồm có 610 trang, được phân

thành 25 tập, 13 phẩm. Phần đầu là Thay lời tựa, Lời 2 phần và 6 phẩm: Đôi lời bày tỏ, A. dẫn; Quyển thượng, P.1. Phật hiển thần Duyên khởi, B. Giới thiệu đề Kinh, C. thông nơi cõi trời Đao Lợi, P.2. Các phân Phần Tựa; P.1 Thần thông trên cung trời thân hội về một chỗ, P.3. Xem xét nghiệp Đao Lợi, P.2 Phân thân tập hội, P.3 Quán duyên của chúng sanh, P.4. Nghiệp cảm nghiệp duyên chúng sanh, P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh cõi Diêm Phù; Quyển của chúng sanh ở cõi Diêm phù, P.5 Danh trung, P.5. Danh hiệu của các địa ngục, hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai tán thán. P.6. Như Lai khen ngợi Địa Tạng, P.7. Sự

lợi ích cho kẻ chết người sống, P.8. Chúng Diêm-La khen ngợi, P.9. Pháp môn xưng danh; Quyển hạ, P.10. Hiệu lực và năng lượng của công đức bố thí, P.11. Thần thổ G địa hộ vệ chánh pháp, P.12. Sự lợi ích của 150. Giải Thích KINH A-DI-ĐÀ việc thấy nghe, P.13. Phật gởi gấm người, Nguyên tác Hán văn: Đại sư Khuy Cơ trời cho Địa Tạng. soạn Tác phẩm này đã xuất bản năm 1966, Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn Giấy phép số 3575/TBTTCH/BC3/XB. Nxb Hồng Đức – 2016 Ngày 16-11-1966, Ấn quán Hòa Chánh. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 127 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Đại sư 148. ĐỘC NGỮ TÂM KINH (Bạch Ẩn Khuy Cơ (632-682), Giải thích Kinh A-di- bình Tâm Kinh) đà (A-di-đà Kinh sớ), I. Thân Phật, II. Cõi Nguyên tác: Dokugo Shingyò; Tác giả: nước, III. Bất thoái chuyển, IV. Chỉ ca Hakuin Ekaku ngợi Tịnh độ Tây phương, V. Thể tính, VI. Anh dịch: Norman Waddell; Việt dịch: Đỗ Bộ loại Tông chỉ, VII. Phân đoạn và giải Đình Đồng thích văn nghĩa; Bạt; Kinh A-di-đà Cổ âm Tác phẩm này gồm có: - Lời người dịch, - thanh Vương Đà-la-ni. Dẫn nhập của Dịch giả bản tiếng Anh; - Độc ngữ Tâm Kinh, Bản văn Tâm Kinh, 151. Giải Thích KINH QUÁN VÔ Vài nét về tác giả, tác phẩm và dịch giả LƯỢNG THỌ PHẬT bản tiếng Anh; Thư mục. (Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Thiền) Ban Dịch thuật Hán tạng Nguyên tác: Nguyên Chiếu 149. ĐỨC PHẬT NÓI KINH HỒNG Dịch và chú thích: Chính Trang – Giác DANH LỄ SÁM Vân Việt dịch từ Tục Tạng Kinh (Ấn Độ soạn Hiệu đính: Thích Nguyên Chơn thuật) Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 14 x HT. Thích Huyền Vi (1926-2005) 20cm, dày 271 trang. Tác phẩm này có 3 Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển: - quyển, nội dung gồm: Qui định chữ viết Lời nói đầu, Nghi thức tụng niệm; Q.I, tắt, Lời tựa, Tiểu sử tác giả; Quyển Phần chú giải Q.I; Q.II, Phần chú giải thượng: Phần nghĩa môn, I, Lý do nhập Q.II; Q.III, Phần chú giải Q.III; Q.IV, giáo, 1. Lý do về một đời lập giáo, 2. Nêu Phần chú giải Q.IV; Q.V, Phần chú giải riêng lý do lập giáo; II, Phạm vị giáo nghĩa Q.V; Q.VI, Phần chú giải Q.VI; Q.VII, thâu nhiếp, 1. Nói về sự lập giáo thuần và Phần chú giải Q.VII; Q.VIII, Phần chú giải tạp ở hai cõi, 2. Phân biệt đại-tiểu-tiệm- Q.VIII; Q.IX, Phần chú giải Q.IX; Q.X, đốn, 3. Phân biệt liễu nghĩa và bất liễu Phần chú giải Quyển X; Phần phụ lục. nghĩa; III, Luận về tông chỉ, 1. Xác định (www.quangduc.com, Kinh) tông chỉ của Kinh, 2. Trình bày sự lý, 3. Phân biệt pháp quán không đồng nhau, 4. Phân biệt dị đồng (1. Trình bày về chung

và riêng của báo thân và báo độ; 2. Luận căn phước đức nhân duyên lớn, - Cảnh về việc phá bỏ và kiến lập của các thuyết giới ngũ uẩn giai không, - Sắc và không xưa nay); Quyển trung: A. Phần tự, I. đều là Bát-nhã, - Bát-nhã là từng khoảnh Chứng tín tự, II. Phát khởi tự (1. A-xà-thế khắc mới mẻ hiện tiền, - Bát-nhã ly tất cả giam tù cha, 2. A-xà-thế muốn hại mẹ); B. tướng, tức tất cả pháp), 6. Kết luận. Phần chánh tông, I.

Phóng ánh sáng hiện các quốc độ thẩm định cơ nghi, II. Chính 153. Giảng giải KINH BẢO TÍCH thức nói chánh nhân pháp quán tịnh Tuệ Chủng Nhóm Nghiên cứu & Dịch nghiệp (1. Đức Như Lai hứa khả, 2. Chỉ thuật Phật học dạy: các pháp quán: Một, Quán mặt trời Giảng giải: HT. Ấn Thuận (1906-2005) lặn; Hai, Quán nước; Ba, Quán đất; Bốn, Việt dịch: Hạnh Bình và Quán Như Quán cây; Năm, Quán ao); Quyển hạ: Nxb Phương Đông – 2011 Pháp quán Sáu, Quán tổng quát; Bảy, Tác phẩm Kinh giảng giải này có 296 Quán tòa hoa; Tám, Quán tượng; Chín, trang, bìa mềm. Nội dung gồm: - Lời nói Quán Phật; Mười, Quán Bồ-tát Quán Âm; đầu; 1. Đối chiếu "Kinh Đại Bảo Tích" và Mười một, Quán Bồ-tát Đại Thế Chí; "Kinh Bảo Tích", 2. Vấn đề phiên dịch Mười hai, Phổ quán; Mười ba, Tạp quán; bản Kinh Bảo Tích cổ, 3. Ý nghĩa tên Mười bốn, Quán ba phẩm bậc Thượng; Kinh, 4. Đại ý Kinh Đại Bảo Tích; Phần Mười lăm, Quán ba phẩm bậc Trung; giải thích: Phần tựa, I. Bồ-tát đạo, 1. Bồ- Mười sáu, Quán ba phẩm bậc Hạ; III. Lợi tát đạo, 1.1 Phân biệt hành tướng của Bồ- ích (1. Chúng đương cơ thấy sự trang tát, 1.2 Không mất tâm Bồ-đề, 1.3 Tăng nghiêm của y, chánh báo ở cõi kia; 2. Tùy trưởng thiện pháp, 1.4 Trực tâm, 1.5 Thiện căn cơ mà đạt được lợi ích); C. Phần lưu xảo điều thuận, 1.6 Chánh đạo, 1.7 Thiện thông: 1. Phó chúc lưu thông tại thâm tri thức, 1.8 Chơn thật Bồ-tát; 2. Sự lợi ích cung, 2. Chuyển thuyết lưu thông ở Kỳ-xà; của chánh hành, 2.1 Thành tựu đại tang, Lời bạt. 2.2 Vượt qua chuyện ma, 2.3 Thu nhiếp thiện căn, 2.4 Phước đức trang nghiêm; 3. 152. Giảng Giải Thành tựu chánh hành, 4. Tán thán công BÁT-NHÃ TÂM KINH đức Bồ-tát; II. Tu tập Trung quán: 1. Giảng giải: Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải Thuyết minh Chánh quán, 2. Quán ngã Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019 (tái không, 3. Quán pháp không, 4. Quán bản lần 2) chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, 5. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 185 trang, bìa Quán tâm chẳng phải thật chẳng phải cứng, chữ tựa mạ vàng, có hình tượng Đức không thật, 6. Quán chẳng có chẳng Phật (bán thân) một tay kiết ấn và một tay không, 7. Quán duyên khởi, 8. Loại trừ bưng bảo tháp (nhỏ). Kết cấu tác phẩm kiến chấp, 9. Năng quán Sở quán đều này gồm có 6 mục chính: 1. Lời tựa, 2. không, 10. Công đức quảng đại, 11. Trí Chánh văn Bát-nhã Tâm kinh, 3. Ý nghĩa tuệ quảng đại, 12. Chủng tánh tôn quí thù Bát-nhã Tâm kinh, 4. Giải thích tựa kinh, thắng, 13. Thiệu long Phật chủng, 14. 5. Giải nghĩa chánh văn Bát-nhã Tâm kinh Nhân thiên lễ kính; III. Thực hiện sự (- Năm uẩn, - Hành thâm Bát-nhã, - Ngũ nghiệp giáo hóa, 1. Tất cánh trí được đối uẩn đều không liền qua hết thảy khổ ách, - trị, 2. Xuất thế trí được đối trị, 2.1 Quán Muốn ngũ uẩn giai không phải có thiện tổng quát về pháp tánh không, 2.2 Quán

tâm vô tánh, 2.3 Vô tánh tức là tánh, 2.4 đức trì kinh nhiều hơn công đức bố thí vật Trừ bỏ các tướng; IV, Thanh văn đạo, 1. chất); 10. Khuyến khích trì Kinh: Pháp Việc nên và không nên làm của Tỳ-kheo giáo hóa lìa ngôn ngữ, Nơi giáo hóa không (Tăng thượng giới học, Tăng thượng tâm thật, Người giáo hóa vô tướng, Công đức học, Tăng thượng tuệ học); 2. Nên xa lìa trì Kinh nhiều hơn công đức bố thí thân tám loại lỗi lầm (Tâm bất tịnh, Sự cột mạng; 11. Tán thán Công đức Thọ trì: Tán chặt, Chướng ngại, Cấu uế, Mưa đá, Ghẻ thán giáo pháp sâu xa, Tán thán người có nhọt, Thiêu đốt, Bệnh tật); 3. Sa-môn khéo niềm tin; 12. Như Lai tán thán Công đức và không khéo tu học: Hình phục Sa-môn, thù thắng và khuyến khích thực hành: Tán Khi dối Sa-môn, Danh văn Sa-môn,

Thực thán tổng quát, Khuyến khích tu hạnh hành Sa-môn; 4. Nên tu tập như Thực nhẫn nhục, Lời khuyên chơn thật của Như hành Sa-môn, 5. Thiện tịnh bất thiện tịnh Lai, Công đức trì Kinh nhiều hơn công trì giới, 6. Đương cơ đạt lợi ích, 7. Thiện đức bố thí, Hiển bày sự thù thắng, Điều xảo giảng dạy, 8. Thọ lãnh lời dạy đạt tôn thắng ở thế gian, Sự thù thắng của được giải thoát, 9. Mật thuyết; V. Phần lưu pháp chuyển hóa diệt trừ tội nghiệp, So thông. sánh công đức, Tổng kết tán thán công đức không thể nghĩ lường; 13. Trình tự của Phương tiện đạo: Chỉ bày theo trình tự, 154. Giảng giải KINH BÁT-NHÃ Minh tâm Bồ-đề, Chơn chánh phát tâm Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam – Bồ-đề, Chứng quả Bồ-đề, Xuất đáo Bồ-đề, Trung tâm Phật học Hán truyền Thành tựu pháp thân, Thành thục chúng Giảng giải: HT. Ấn Thuận (1906-2005) sanh, Trang nghiêm cõi Phật, Cứu cánh Việt dịch: Hạnh Bình và Quán Như Bồ-đề, Tri kiến viên minh, Phước đức vô Nxb Phương Đông – 2010. Tác phẩm lượng, Thân tướng đầy đủ, Pháp âm biến Giảng giải Kinh này có 302 trang, nội mãn, Tín chúng thù thắng, Thành tựu dung gồm có 3 phần chính: - Lời nói đầu; chánh giác, So sánh công đức, Sự nghiệp I. Tổng luận, 1. Giải thích tựa đề Kinh, 2. thị hiện hóa thân, Giáo hóa phàm phu, Nội dung chính của Kinh, 3. Lược thuật về Thân tướng hóa hiện, So sánh công đức, quá trình truyền dịch; II. Phần giải thích: Oai nghi, Nơi giáo hóa là Đại thiên thế 1. Phần tựa, 2. Lời tựa chứng tín, 3. Lời giới, Thế giới, Nói về vô ngã; 14. Khuyến tựa phát khởi, 4. Phần nội dung, 5. Thứ khích phát tâm thọ trì: Nói rõ pháp lìa lớp của Bát-nhã; Lời cầu thỉnh, 1. Thế Tôn tướng, Nên thọ trì tùng thuyết giảng, Tổng chấp nhận giảng dạy, 2. Phát tâm Bồ-đề, 3. kết chánh quán; III. Phần lưu thông: Giảng Hàng phục tâm, 4. Minh tâm Bồ-đề; Lìa giải Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa: 1. tướng để thấy pháp thân, Thực hành lâu sẽ Tổng luận, 2. Giải thích đề Kinh; Ba-la- có niềm tin, 5. Đầy đủ giới và tuệ, 6. Tu mật-đa, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Tâm Kinh tập căn lành lâu dài, 7. Chư Phật hộ trì, 8. Bát-nhã Ba-la-mật-đa, 2. Giới thiệu tác giả Ba tướng đều tịch tĩnh, 9. Thánh hiền đều dịch Kinh này, 3. Phần giải thích, 4. Tông chứng pháp vô vi; Lấy Như Lai làm chỉ, 5. Quán 5 uẩn đều không, 6. Rời chứng, So sánh công đức, Lấy Thanh văn tướng chứng tánh, 7. Quán 12 xứ là làm chứng, Lấy Bồ-tát làm chứng, (Được không, 8. Quán 18 giới là không, 9. Quán vô sanh pháp nhẫn, Trang nghiêm thanh 12 nhân duyên là không, 10. Quán Tứ đế tịnh cõi Phật, Thành tựu pháp thân, Công là không, 11. Không có sở đắc, 12. Thành

tựu Niết-bàn – quả vị của Tam thừa, 13. Tạng, P.5 Chí tâm tinh tấn, P.6 Phát thệ Quả vị Bồ-đề - quả vị của Như Lai, 14. nguyện lớn, P.7 Nhất định thành chánh Tán thán công đức Bát-nhã, 15. Phương giáo, P.8 Tích lũy công đức, P.9 Sự thành pháp tu tập cho người đốn căn. tựu viên mãn, P.10 Đều nguyện thành Tác phẩm này được tái bản năm 2014, Phật; Q.III, P.11 Cõi nước nghiêm tịnh, Nxb Phương Đông. P.12 Hào quang chiếu khắp, P.13 Chúng sống lâu vô lượng, P.14 Cây báu khắp 155. Giảng giải KINH DUY-MA-CẬT nước, P.15 Đạo tràng Bồ-đề, P.16 Nhà cửa Giảng giải: Lê Sỹ Minh Tùng lầu quán, P.17 Công đức của suối ao, P.18 Tác phẩm Kinh giảng giải này gồm có 14 Việc vượt đời hiếm có, P.19 Thọ dụng đầy phẩm chính: - Lời nói đầu (PL. 2552 – đủ, P.20 Gió đức mưa hoa, P.21 Phật và DL. 2008), - Lời giới thiệu, - Tiểu sử Pháp hào quang trong hoa sen báu, P.22 Quyết sư Cưu-ma-la-thập; P.1 Phật quốc, P.2 chứng cực quả, P.23

Mười phương Phật Phương tiện, P.3 Đệ tử (hàng Thanh văn), khen ngợi, P.24 Ba bậc vãng sanh, P.25 P.4 Bồ-tát, P.5 Văn-thù-sư-lợi, P.6 Bất tư Chánh nhân vãng sanh, P.26 Lễ cúng nghe nghì, P.7 Quán chúng sinh, P.8 Phật đạo, pháp, P.27 Ca ngợi đức của Phật, P.28 P.9 Nhập pháp môn không hai, P.10 Phật Thần thông sáng ngời của Đại sĩ, P.29 Hương Tích, P.11 Hạnh Bồ-tát, P.12 Thấy Nguyện lực sâu rộng; Q.IV, P.30 Bồ-tát tu Phật A-súc, P.13 Pháp cúng dường, P.14 trì, P.31 Công đức chân thật, P.32 Sống Chúc lụy. (https://thuvienhoasen.org, lâu và vui vô cùng, P.33 Khuyến dụ sách Kinh-Giảng giải Kinh) tấn, P.34 Tâm được mở sáng, P.35 Ác khổ ở đời ô trược, P.36 Dạy bảo khuyến khích 156. Giảng Giải KINH ĐẠI THỪA VÔ rất nhiều, P.37 Như người nghèo được của LƯỢNG THỌ Toàn Tập báu, P.38 Lễ Phật và thấy Phật hiện hào (Đức Phật Nói Kinh Đại Thừa Vô Lượng quang, P.39 Ngài Từ Thị thuật điều thấy Thọ Trang Nghiêm được, P.40 Biên Địa Nghi Thành, P.41 Hết Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác) lầm lẫn thì thấy Phật, P.42 Bồ-tát vãng Việt dịch: Thích Nhựt Chiếu sanh; Phần Lưu thông, P.43 Chẳng phải là Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Tiểu thừa, P.44 Nhận lời thọ ký giác ngộ, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 963 P.45 Riêng lưu lại Kinh này, P.46 Cần tu trang. Nội dung gồm có 4 quyển, 48 phẩm: kiên trì, P.47 Phước tuệ mới nghe, P.48 Lời người dịch, Lời tựa; Q.I, Một. Lời nói Nghe Kinh được lợi ích; Bốn. Lời ghi sau đầu; Hai. Khái yếu; 1. Nhân duyên giáo khi chú giải; Năm. Lời ghi lại; Sáu. Phụ pháp phát sinh, 2. Thể tính của Kinh này, lục. 3. Tông thú của một Kinh, 4. Lực dụng của phương tiện, 5. Bao trùm các căn khí, 157. Giảng Giải KINH ĐỊA TẠNG BỒ- 6. Tạng giáo của Kinh này, 7. Bộ loại sai TÁT BỔN NGUYỆN biệt, 8. Dịch hội hiệu thích; Ba. Giải thích Giảng giải: HT. Tịnh Không nghĩa Kinh: Thứ nhất. Phần Tựa, I. Tựa Việt dịch: Tâm Phước chung, P.1 Thánh chúng trong pháp hội, Nxb Tôn Giáo – 2007. Kinh có khổ 14 x P.2 Đức theo Phổ Hiền, II. Tựa riêng, P.3 20cm, dày 212 trang, bìa mềm. Duyên khởi của Đại giáo, Q.II, Thứ hai. Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Lời Phần Chánh tông, P.4 Nhân địa của Pháp nói đầu, A. Sơ lược giảng giải, Khải thị

kinh Địa Tạng Bồ-tát bổn nguyện; B. Đại diệt tà kiến, Sơ thiền và ngã mạn, Những ý kinh Địa Tạng: 1. Sự thù thắng của kinh thuộc tính của Sơ thiền, Năm trăm Tỳ- (Chư Phật đến dự hội, Hết thảy đại viên kheo bị đánh lừa, Câu chuyện về Trưởng mãn, Lục đại cương lĩnh tu hành Lục độ, lão Mahànàga, Câu chuyện về Trưởng lão Pháp môn rộng nhiếp thập pháp giới, Lợi Culasuma,… Lối sống đoạn giảm phiền ích y giáo phụng hành, Gương tu hành, não, Giải rộng về việc thực hành… Không Phân thân vô lượng chủ bạn viên dung), 2. bạo hành (Avihimsa), Phương diện khởi Đối tượng giáo học (Pháp giới nhất thiết tâm, Phương diện tránh né, Phương diện chúng sanh, Niệm Phật – âm dương đều hướng thượng, Phương diện dập tắt, Quả được lợi, Pháp bảo vô lượng tiêu tai diệt báo của nghiệp bạo hành và không bạo tội – A-di-đà Phật, Lục đạo luân hồi chân hành, Câu chuyện Trưởng lão thật không hư, Hàm nghĩa chân chánh của Putigattatissa, Xá-lợi của vị A-la-hán, Tiền việc thi thết các Phật ngôn, Bình đẳng phổ kiếp của Tisa, Sát sanh, Phương diện đoạn hóa), 3. Bồ-tát hóa độ chi duyên (Pháp giảm, Khởi tâm không sát sanh,… Thiền môn thù thắng, Đức Thế Tôn hai lần định và không sát sanh,… Ăn thịt cá đối phóng quang, Khiến hết thảy chúng sanh với vị Tỳ-kheo, Quả nghiệp của sát sanh, chứng Niết-bàn lạc, Phổ Quảng thỉnh Những đứa bé chết non, Câu

trả lời của pháp, Kiến văn diệt tội, Đọc kinh cứu độ đức Phật,... Sức mạnh cao quí của pháp oan quỷ trói thân và bệnh nan y, Nên tu bậc trí, Thuận theo lời dạy của đức Phật, phước khi có bệnh nhân lâm chung, Sự thanh tịnh và thiền Minh sát,... Tuệ Khuyên gắng trì tụng, Dưỡng sinh tu định phân biệt danh sắc, Tuệ phân biệt nhân – Thập trai nhật, Chân tướng sự thật – duyên,... Thiền định và sự thanh tịnh tâm, "thiện dễ thối, ác dễ tăng"), 4. Đạo thành Sự cố chấp của một đạo sư ngoại đạo. Phật (Niệm Phật, Niệm pháp, hộ pháp, Đức Phật ba lần phóng quang, Tăng bảo 159. Giảng Giải KINH GÁNH NẶNG nối tiếp huệ mạng Phật pháp). - Lý luận và (Bhàra Sutra The Burden of Khandhà) sự thật việc siêu độ, - Làm thế nào để siêu Thiền sư Mahasi Sayàdaw độ gia thân quyến thuộc, - Tinh yếu thập Việt dịch: Tỳ-kheo Pháp Thông niệm pháp, - Đại sư Ấn Quang khai thị. Nxb Hồng Đức – 2016 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 137 158. Giảng Giải KINH ĐOẠN GIẢM trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 phần: Giảng giải: Thiền sư Mahàsi Sayàdaw Chánh Kinh, Phần I. Giới thiệu, C.I Phận Việt dịch: Tỳ-kheo Pháp Thông sự hàng ngày của Đức Phật, 1. Thứ nhất là Nxb Hồng Đức – 2013 Purebhatta Kicca, 2. Thứ hai là Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 475 Pacchabhatta Kicca, 3. Thứ ba là trang, bìa cứng. Nội dung sơ lược gồm có: Purimayama Kicca, 4. Thứ tư là Giảng giải Kinh Đoạn Giảm, Câu hỏi của Majjhimayama Kicca, 5. Thứ năm là Trưởng lão Cunda, Những Quan niệm sai Pacchimayama Kicca; C.II Gánh nặng thật lầm về Atta, Thế giới luận thuyết, Câu trả sự: Năm uẩn, I. Gánh nặng Năm uẩn là rất lời của đức Phật, Năm uẩn hoạt động, lớn, II. Uẩn và Năm thủ uẩn, 1. Tứ thủ, a. Những phiền não tiềm tàng, Ngăn chặn Dục thủ, b. Kiến thủ, c. Giới cấm thủ, d. phiền não... Nhờ thiền quán, "Cái này Ngã luận thủ, 2. Chấp thủ phát sanh như không phải là Tôi", Quán như thế nào... thế nào, 3. Ngã luận thủ; C.III Loại trừ

Atta; C.IV Atta có thể bị bỏ qua nhờ ghi 160. Giảng Giải TINH YẾU nhận, C.V Gánh nặng này như thế nào, KINH A-DI-ĐÀ Ngạ quỷ xương, Ngạ quỷ thịt, Có rất nhiều (A-di-đà Kinh Yếu giải) loại ngạ quỷ, Chuyện những nữ ngạ quỷ Giảng giải: Trí Húc tích cóp tài sản, C.VI Mang lấy gánh nặng, Việt dịch: Tuệ Nhuận C.VII Những thú vui trần tục dường như THPG Tp. Hồ Chí Minh – 1993 cũng làm cho gánh nặng nhẹ bớt, C.VIII Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời Nhận ra sự nặng nề của gánh nặng, C.IX tựa Phật thuyết A-di-đà Kinh yếu giải, Ai mang gánh nặng, 1. Câu trả lời của Ngũ trùng huyền nghĩa (Năm tầng nghĩa Vajira cho ma vương, 2. Puggala (người) huyền vi), 1. Thích rõ nghĩa cái tên đề của chỉ là một cái tên, C.X Chế định và chân bộ Kinh, 2. Biện luận về thể chất của bộ đế, 1. Để giải thích về Tàm và Úy, hay sự Kinh, 3. Nói về tôn chỉ của bộ Kinh, 4. hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, 2. Để chỉ cho Nói rõ lực dụng của bộ Kinh, 5. Nói về mọi người thấy các chúng sanh có nghiệp giáo tướng của bộ Kinh; A. Phần tựa (Tự là tài sản của riêng họ, 3. Để mô tả những phận), I. Thông tự, II. Biệt tự, C. Phần lưu nghiệp nổi bật của con người, 4. Để giải thông (Lưu thông phận); Phổ khuyến, 1. thích về tính chất vô gián và bất hoàn của Khuyến tín lưu thông, 2. Khuyến nguyện loại cực trọng nghiệp, 5. Để khuyến khích lưu thông, 3. Khuyến hạnh lưu thông, Kết việc thực hành các Phạm trú, 6. Để tiết lộ khuyến. bản chất của Thần túc thông, trí nhớ các tiền kiếp của mình và của mọi người, 7. 161. Giảng Giải KINH GÒ MỐI Để giải thích về Thanh tịnh trí: a. Thanh (VAMMÌKA SUTTA) tịnh thí, b. Cá nhân thí-phước phát sanh do Giảng

giải: Mahàsi Sayàdaw cá nhân thí, 3. Tăng thí, 4. Cái vẻ giống Việt dịch: Tỳ-kheo Pháp Thông Vipassanà trong việc bố thí, 8. Ngôn ngữ Nxb Hồng Đức – 2017 quy ước; Phần II. Kinh Gánh Nặng, C.I Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 204 trang. Chấp nhận gánh nặng, C.II Tham ái đói Nội dung gồm có: Tựa, Phần Chánh Kinh, khát các dục trần, 1. Chuyện Long vương Giới thiệu bài Kinh, Mười lăm vấn đề Champeyya, 2. Hoàng hậu Upari, C.III Ba thâm thúy, Tóm tắt mười lăm vấn đề, Lịch loại ái, I. Kàmatanhà (Dục ái), 1. Những sử quá khứ của Tôn giả Kumàrakassapa, khát vọng không thành, 2. Ăn năn, 3. Khổ Bảy vị Tỳ-kheo đi vào an cư trong rừng, được thấy trước bởi bậc trí và những Bảy vị đã hành thiền như thế nào trên đỉnh người hành thiền, II. Hữu ái (Bhavatanhà), núi, Cách để có được những quả lợi ích, III. Phi hữu ái (Vibhavatanhà), C.IV Trở thành một bậc A-la-hán trước bảy Quăng xuống gánh nặng, 1. Minh sát, 2. tuổi, Trưởng lão Dabba, Đức vua Quăng bỏ gánh nặng bằng thực hành minh Pukkusàti, Bàhiya Dàruciriya, Dê thành sát, 3. Một bậc Thánh nhập lưu đã làm nhẹ chó, Gò mối lớn, Gò mối có nhiều lỗ, Gò bớt gánh nặng, 4. Gánh nặng cũng có thể mối bốc ra mùi hôi thối, Gò mối – một được quăng đi ở những giai đoạn chứng đống hỗn độn đáng ghê tởm, Gò mối – đạo cao hơn, C.V Gánh nặng nhìn từ ánh ngôi nhà chung của các sinh vật và vi sáng của Tứ Thánh đế, Phần Quan trọng, trùng khác nhau, Gò mối – sự tích tụ của C.VI Kết luận. tứ đại, Thân này bắt đầu từ những phân tử nước tinh tế, Thân này phát triển nhờ đồ

ăn hay dưỡng chất, Phun ra khói, Bắn ra đạo lộ, Tham và sân (lobha và dosa), Định lửa, Vị thầy Bà-la-môn, Sumedhà – người (samàdhi) là cần thiết cho tuệ minh sát, học trò xuất sắc, Thiền trong hai phút, Thực hành theo Trung đạo, Thực hành để Tám chi đạo trong một ghi nhận, Bậc thầy giác ngộ, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, duy nhất, Chuyện vị Tỳ-kheo con của một Chánh định, Makkha (vô ơn) và palàsa (tự nhà đại phú, Vũ khí cái xẻng, Sự quan phụ), Tự phụ, ganh tỵ và bỏn xẻn, Xảo trá trọng của phương pháp, Trưởng lão Ledi (màyà) và đạo đức giả (sàtheyya), Cứng Sayàdawpayayi người tiên phong trong đầu (thambha) và hợm hĩnh (sarambha), việc giảng giải Thiền Minh sát, Sự khiển Mạn (màna) và Tăng thượng mạn trách của đức Phật, Hãy giữ cho cánh cửa (atimàna), Sự khiêm tốn của Trưởng lão mở, Con cóc phình to mỗi lần bị chạm Xá-lợi-phất, Kiêu hãnh (mada) và phóng vào, Pháp hạ liệt, Chuyện nữ gia chủ dật (pamàda), Đồ chúng, sự giàu sang, sắc Vedehikà, Đề tài thảo luận về Nhẫn nại đẹp, kiến thức và sự thông minh, Thâm (Khanti), Ngã ba đường, Kinh nghiệm cá niên, khổ hạnh, sức chịu đựng và danh nhân về hoài nghi, Hoài nghi giống với sự tiếng, Các nguyên nhân khác của mada lừa đảo, Lý do chính của phút hành Thiền, (kiêu hãnh), Pamàda hay phóng dật, Sáu Làm sáng tỏ thêm về hoài nghi, Sự thể loại phóng dật, Hai cách thực hành, Phụ hiện (Paccuppatthàna) của hiện tượng lục; Giảng giải Kinh Đế Thích Vấn cũng cần phải được quán, Cái lọc nước, Đạo…; Giảng giải Kinh Thừa Tự Pháp; Nước và cá – ngũ dục và tâm, Các triền Đức Phật ở đâu?… cái này được xua tan như thế nào, Tâm tịnh (Citta-visuddhi), Danh-sắc phân tích 163. Giảng giải KINH TRUNG BỘ - trí xảy ra như thế nào, Con rùa-ngũ uẩn, Quyển 1 Dao và thớt, Nandiràga (hỷ tham) – một NĂM MƯƠI KINH CĂN BẢN miếng thịt, Con rồng (nàga) – bậc A-la- Giảng giải: Bhikkhu Gandhasàràbhivamsa hán, Đảnh lễ con rồng, Cách đảnh lễ con Biên dịch: Tỳ-khưu Bửu Nam rồng, Đức Phật ra đời vì lợi ích của tất cả Nxb Hồng Đức, PL. 2560 – DL. 2016 nhân

loại, Kết luận, Quả lợi ích của Thiền Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 749 Minh sát; Phụ lục. trang. Nội dung gồm có: 1. Mùlapariyàyasutta 162. Giảng Giải KINH THỪA TỰ (Kinh Pháp môn căn bản), 2. PHÁP Sabbàsavasuttam (Kinh Nhứt thiết lậu Giảng giải: Thiền sư Mahàsì Sayàdaw hoặc), 3. Dhammadàyàdasutta (Kinh Thừa Việt dịch: Tỳ-kheo Pháp Thông tự pháp), 4. Bhayabheravasutta (Kinh Sợ Nxb Hồng Đức – 2018 hãi và khiếp đảm), 5. Ananganasuttam Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 215 trang, (Kinh Không cấu uế), 6. Àkankheyyasutta bìa mềm. Nội dung gồm có: Giới thiệu, (Kinh Ước nguyện), 7. Vatthùpamasutta Bài giảng về Kinh Thừa Tự Pháp: Mở đầu, (Kinh Ví dụ tấm vải), 8. Sallekhasutta Giới thiệu bài Kinh, Kinh Thừa Tự Pháp (Kinh Đoạn diệt), 9. Sammàditthisutta (Dhammadàyàda sutta), Phần giảng giải, (Kinh Chánh kiến), 10. So sánh việc thừa tự tài vật, Ví dụ về hai Mahàsatipatthànasuttam (Kinh Đại niệm vị Tỳ-kheo, Câu hỏi của Trưởng lão Xá- xứ), 11. Cùlàsìhanàsuttam (Sư tử hống lợi-phất, Các chướng ngại (nìvàranas) trên tiểu Kinh), 12. Mahàsìhanàdasuttam (Đại

Kinh sư tử hống), 13. Mahàdhammasamàdànasutta (Đại Kinh Mahàdukkhakkhandhasutta (Kinh Đại khổ Hành trì pháp), 48. Vìmamsakasutta (Kinh uẩn), 14. Cùladukkhakkhandhasutta (Kinh Tư sát), 49. Kosambiyasutta (Kinh Tiểu khổ uẩn), 15. Anumànasutta (Kinh Kosambiya), 50. Brahmanimantanikasutta Tư lượng), 16. Cetokhìlasutta (Kinh Tâm (Kinh Phạm thiên thỉnh cầu), 51. hoang vu), 17. Vanapatthasuttam (Kinh Màratajjanìyasutta (Kinh Hàng ma); Bảng Khu rừng), 18. Madhupinadikasutta (Kinh liệt kê. Mật hoàn), 19. Dvedhàvitakkasutta (Kinh Song tầm), 20. Vitakkasanthànasutta 164. Giảng KINH VÔ NGÃ TƯỚNG – (Kinh An trú tầm), 21. Kakacùpamasutta ANATTALAKKHANA SUTTA (Kinh So sánh cái cưa), 22. Giảng giải: Mahasi Sayadaw Alagaddùpamasutta (Kinh Xà dụ), 23. Việt dịch: Phạm Kim Khánh Vammikasutta (Kinh Gò mối), 24. Nxb Hồng Đức – 2017 Rathavinìtasutta (Kinh Bảy trạm xe), 25. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 293 Nitàpasutta (Kinh Bẩy mồi), 26. trang. Nội dung sơ lược gồm có 9 đề mục: Pàsaràsisutta (Kinh Thánh cầu), 27. Vài nét Tiểu sử của Trưởng lão Thiền sư Cùlahatthipadopamasutta (Tiểu Kinh Ví Mahasi, Tiểu sử của Trưởng lão Thiền sư dụ dấu chân voi), 28. Mahasi, Lời tựa, Lời nói đầu; I. Thân, II. Mahàhatthipadopamasutta (Đại Kinh Ví Thọ, III. Tưởng và Hành, IV. Thức, V. dụ dấu chân voi), 29. Mahàsàropamasutta Thấy Vô ngã, VI. Phân tách đặc tướng vô (Đại Kinh Ví dụ lõi cây), 30. thường, VII. Mười một phương thức phân Cùlasàropamasutta (Tiểu Kinh Ví dụ lõi tách Ngũ uẩn, VIII. Thuần hóa Tuệ minh cây), 31. Mahàyamakavagga (Phẩm sát, IX. Thuật ngữ. Mahàyamaka), 32. Cùlagosingasutta (Tiểu Kinh Khu rừng sừng bò), 33. 165. Giảng Nghĩa KINH DƯỢC SƯ Mahàgosangosutta (Đại Kinh Khu rừng Việt dịch và giảng: Thiều Chữu (1902- sừng bò), 34. Mahàgopàlasutta (Đại Kinh 1954) Người chăn bò), 35. Cùlagopàlasutta (Tiểu PL. 2510 – DL. 1966 Kinh Người chăn bò), 36. Sách dày 279 trang, bìa mềm. Nội dung Cùlasaccakasutta (Tiểu Kinh Saccaka), 37. gồm có: Mấy lời nói đầu, Khóa lễ Dược Mahàsaccakasutta (Đại Kinh Saccaka), 38. Sư (Bài Sám hối, Bài Tán hương, Chú Cùlatanhàsankhayasutta (Tiểu Kinh Đoạn Tịnh khẩu, Chú Tịnh thân nghiệp, Chú tận ái), 39. Mahàtanhàsankhayasutta (Đại Tịnh tam nghiệp, Chú An Thổ địa, Chú Kinh Đoạn tận ái), 40. Mahàassapurasutta Phổ cúng dàng, Bài Tán Kinh, Bài Tán (Đại Kinh Xóm ngựa), 41. Phật, Kệ Khai Kinh); Kinh Nói về Công

Cùlaassapurasutta (Tiểu Kinh Xóm ngựa), đức Bản nguyện của Đức Dược Sư Lưu 42. Sàleyyakasutta (Kinh Sàleyyaka), 43. Ly Quang Như Lai, Bài Tán chung, Bài Veranjakasutta (Kinh Veranjaka), 44. Tán nhiễu đàn, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-Mahàvedallasutta (Đại Kinh Phương mật-đa, Giảng nghĩa Kinh Dược Sư, I. Tên quảng), 45. Cùlavedallasutta (Kinh Tiểu Kinh, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Phương quảng), 46. Bản Nguyện Công Đức Kinh, II. Lịch sử Cùladhammasamàdànasutta (Tiểu Kinh phiên dịch, III. Những phần cốt yếu, 1. Hành trì pháp), 47. Lấy trí mà chỉ cho biết phép tu hành chính

quả của đức Dược Sư, 2. Lấy bi mà cứu độ Mạn-thù vâng lời, tuyên dương, 3. Đức những giống hữu tình trong lúc chuyển Thích-ca nói lại sự ích lợi làm đàn, a. Chỉ sang hồi tượng pháp, A. Nhổ sạch hết bảo phép làm đàn, b. Chỉ vẽ công hiệu lợi mẩm nghiệp chướng, 1. Đức Như Lai gia ích, 1. Được ích lợi thêm phúc, 2. Được hộ khắp thẩy, 2. Nghe tên hiệu Phật sạch ích lợi khỏi nạn, - Nạn trăm quái xuất tội vãng sanh, 3. Tụng chú thoát khỏi bệnh hiện, - Nạn mọi sự sợ hãi, - Nạn nước khổ, 4. Các giống hữu tình vâng giữ, a. khác xâm lấn, - Nạn phạm giới đọa lạc, - Được phúc khỏi nạn, b. Cứu mạng thêm Nạn đàn bà sinh đẻ; Ngài A-nan hỏi phép thọ, B. Mười hai thần tướng làm ích lợi làm thêm lòng tin, a. Phật hỏi tin không? cho các giống hữu tình, IV. Giải nghĩa b. Ngài A-nan đáp lại, 1. Đáp rằng phải tin Kinh văn, 1. Nói về người nghe nói và lúc Phật pháp, 2. Nói rõ sự không tin phải tội, nói, chỗ nói, 2. Chúng nghe pháp trong c. Lại nói rõ cái lòng tin (lại chia làm ba), pháp hội, 3. Kính lễ, 4. Khải thỉnh, 5. Tán 1. Bảo rõ sự lợi ích không ngờ, 2. Nói rõ thán hứa cho, 6. Thích nghe, V. Phần cái lẽ Kinh này là Kinh hiếm có khó tin, 3. Chính thuyết, A. Chỉ rõ thể tướng, 1. Nêu Nói qua cái hành nguyện rất lớn, 2. Vòng cả toàn thể y báo và chánh báo, VI. Bày cứu thoát thêm thọ, A. Ngài Cứu Thoát chỉ riêng từng tướng hành quả và nêu cả các phép thêm thọ, B. Ngài A-nan hỏi pháp điều nguyện lớn, VII. Bầy riêng từng điều làm đàn, 1. Cứu thân bệnh cho thêm tuổi nguyện, 1. Chính báo trang nghiêm, 2. thọ, 2. Cứu nạn nước cho thêm sinh mạng, Hào quang của thân phá tan tối tăm, 3. 3. Cứu cho mọi người thêm thọ, C. Ngài Lấy trí tuệ giúp thêm sự sống, 4. Dẫn dụ A-nan hỏi phép thêm thọ, D. Ngài Cứu vào trong đạo Đại Thừa, 5. Được giới Thoát lại khuyên phép tu độ, 3. Vòng thanh tịnh, 6. Được thân tốt đẹp, 7. An Dược-xoa thề hộ vệ, a. Liệt các thần khang vui đạo, 8. Chuyển nữ thành nam, Dược-xoa, b. Cảm ơn hộ pháp, c. Đức 9. Tà ma ngoại đạo quy về đường chính, Thích-ca tán thán hứa cho; XIII. Phận Lưu 10. Giải thoát lo khổ, 11. Được hưởng đồ thông, 1. Định tên Kinh và phép phụng trì, ăn uống ngon tuyệt, 12. Được đồ mặc rất 2. Kể các chứng tín thụ phụng trì. (Bản lưu tốt, VIII. Kết thành diệu nguyện, IX. Nói tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học về Quả, Đức, 1. Lời ít ý nhiều, 2. Đem Việt Nam tại Tp. HCM; Mã sách: Vie phương Tây ví phương Đông, 3. Khen bạn 2173) tỏ chủ, X. Khuyên tin nguyện sinh sang Tác phẩm này được Chùa Khánh Anh in cõi Phật, XI. Nói rõ căn cơ và lợi ích được Lưu hành nội bộ năm 1990. nghe tên hiệu Phật, 1. Được lợi ích trừ tội tham lận mà hay bố thí, 2. Được lợi ích trừ 166. Giảng Nghĩa KINH TỨ NIỆM XỨ được tội phá giới mà lại giữ được giới, 3. Giảng nghĩa: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm Được lợi ích diệt tội ghen ghét mà giải (1920-2013) thoát, 4. Được lợi ích diệt tội não hại Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 hưởng thú yên vui, 5. Được lợi ích vãng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày

hơn 389 sanh, Lợi ích tụng chú: 1. Phật xem thấy trang. nỗi ốm khổ của chúng sinh, 2. Trong hào Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Dẫn quang nói chú, 3. Trì chú trừ bệnh, XIII. nhập, Lời khai thị, Lễ Phật; Kinh Tứ niệm Sự ích lợi của các giống hữu tình phụng xứ, I. Quán Thân: Hơi thở, Oai nghi, 32 trì, 1. Đức Thích-ca chỉ điểm, 2. Ngài thể trược, Tứ đại, Cửu tưởng, Tổng quát,

Tứ thiền; II. Quán Thọ; III. Quán Tâm; 168. Giáo Nghĩa Quán Pháp, A. 1. Năm Triền cái: Ái dục, KHAI THỊ NGỘ NHẬP – 8 Tập Sân hận, Thùy miên, Trạo hối, Nghi; 2. BỘ LOẠI PHÁP HOA Năm Thủ uẩn; 3. Sáu Nội Ngoại xứ; B. 1. Việt dịch: Ban Dịch Thuật Hán Tạng Bảy Giác chi: Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn, Pháp Âm Hỷ, Khinh an, Định, Xả; 2. Tứ Thánh đế: Chủ biên: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn Khổ, Khổ Tập, Khổ Diệt, Khổ Diệt Đạo. Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 16 x 24cm, 8 tập dày hơn 6.252 trang, bìa cứng, 167. Giáo Khoa KINH KIM CANG và có bìa bao, chữ mạ vàng, mỗi tập đều HT. Thích Đổng Quán (1926-2009) có hộp đựng. Hiệu đính: HT. Thích Như Tín Tập I, KINH (I), dày hơn 507 trang, nội Lưu hành nội bộ, PL. 2562 – DL. 2018 dung gồm có: Lời nói đầu, Kinh Vô Lượng (Tái bản lần I) Nghĩa, Tựa, P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết Sách dày hơn 214 trang, bìa mềm. Nội pháp, P.3 Mười Công đức; Kinh Diệu dung gồm có 34 bài (B): Lời phi lộ, Lời Pháp Liên Hoa, Tựa Kinh Đại thừa Diệu nói đầu; B.1 Giải thích đề Kinh, B.2 Phần Pháp Liên Hoa do nhà Vua viết, Tựa tựa, B.3 Phần Chính tông, B.4 Hàng phục hoằng truyền Kinh Pháp Hoa, Q.I P.1 Tựa, tâm, B.5 An trú tâm, B.6 Nhìn không P.2 Phương tiện; Q.II P.3 Thí dụ, P.4 Tín tướng, B.7 Chánh tín Pháp bảo, B.8 Đức giải; Q.III P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thụ ký, Phật và Phật pháp, B.9 Kim Cang là Phật P.7 Hóa thành dụ; Q.IV P.8 Ngũ bách Đệ mẫu, B.10 Nhận diện về bốn quả Thanh tử Thọ ký, P.9 Thụ học-vô học nhơn ký, văn, B.11 Quả vị của Bồ-tát hạnh, B.12 P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Phước đức thọ trì Kinh, B.13 Trí tuệ là tối Đề-bà-đạt-đa, P.13 khuyến trì; Q.V P.14 thắng Ba-la-mật, B.14 Đề Kinh phụng trì, An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, B.15 Đức tin nơi tuệ giác, B.16 Phước đức P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Tối thắng Thọ trì Đọc tụng, B.17 Thọ trì Công đức; Q.VI P.18 Tùy hỷ Công đức, Đọc tụng Cúng dường là trên hết, B.18 P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Chánh tín siêu việt, B.19 Vô ngã-vô sở, Khinh, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc B.20 Thấy biết như thật, B.21 Không trụ lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát bản sự; tướng, B.22 Lìa danh sắc, B.23 Vô năng Q.VII P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán sở thuyết, B.24 Thấy biết quả vị của Phật, Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, B.25 Thọ trì Kinh Kim Cang phước tối P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bản sự, thắng, B.26 Loại trừ thường kiến, B.27 (a) P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Hậu Loại bỏ chấp thường, B.27 (b) Loại bỏ tựa Kinh Pháp Hoa, Tựa cho Phẩm Quán chấp thường, B.28 Loại bỏ chấp đoạn, Thế Âm Phổ môn; Kinh Đại Pháp Cổ, B.29 Sức Nhẫn tối thượng, B.30 Vô khứ Quyển thượng & Quyển hạ; Kinh Phật lai, B.31 Duyên danh không chủ thể, B.32 Thuyết Tế chư Phương Đẳng Học; Kinh Nhìn đúng thật tướng của các pháp, B.33 Tất-đàm Phân-đà-lợi; Kinh Văn-thù-sư-lợi Kết thúc lý vô ngã của các pháp, B.34 Phát nguyện. Phần Lưu thông; Phụ lục: 1. Nguyên văn Tập II, KINH (II), dày hơn 547 trang, nội chữ Hán, 2. Âm Hán-Việt; Tiểu sử của dung gồm có: Kinh Đại Tát-già Ni-kiền-tử HT. Thích Đổng Quán. Sở thuyết, Q.I P.1 Tựa, P.2 Vấn nghi, P.3 Nhất thừa (Phần 1); Q.II P.3 Nhất thừa

(Phần 2), P.4 Yết kiến Nghiêm Xí vương; Giải thích ý mười khoa, 3. Trình bày đại ý, Q.III P.5 Vương luận (Phần 1); Q.IV P.5 4. Những việc làm khi tu thiền; C.2 Giải Vương luận (Phần 2); Q.V P.5 Vương luận thích tên gọi; C.3 a. Giải thích về môn, b. (Phần 3), P.6 Thỉnh thực, P.7 Vấn tội; Trình bày về thứ tự; C.4 Giải thích về Tâm Q.VI P.8 Như Lai vô quá Công đức (Phần và Pháp; Q.II 1. Phương tiện, 2. Đầu-đà, 3. 1); Q.VII P.8 Như Lai vô quá Công đức Phẩm Nội Phương tiện; C.5 1. Phương (Phần 2); Q.VIII P.8 Như Lai vô quá Công pháp đếm hơi thở, 2. Biệt tám xúc nơi đức (Phần 3); Q.IX P.8 Như Lai vô quá thân, 3. Chính và Tà của tám xúc. Công đức (Phần 4), P.9 Yết kiến Như Lai, Tập IV, KINH SỚ LUẬN (II), dày hơn P.10 Thuyết pháp (Phần 1); Q.X P.10 879 trang, nội dung gồm có: Diệu Pháp Thuyết pháp (Phần 2), P.11 Thụ ký, P.12 Liên Hoa Kinh Thông Nghĩa, có 7 quyển, Tín Công đức; Kinh Đại thừa Phương 28 phẩm (Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu quảng Tổng trì; Kinh Phật thuyết Bồ-tát Pháp Liên Hoa), Kệ Hồi hướng; Giải thích Hành Phương tiện Cảnh giới Thần thông Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Quyển thượng, Biến hóa, Quyển thượng-Quyển trung- P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Quyển hạ; Kinh Phật thuyết Quán Phổ Tín giải; Quyển hạ, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Hiền Bồ-tát Hành pháp; Kinh Phật thuyết Thụ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV P.8 Ngũ Quảng bát Nghiêm tịnh Bất thoái Chuyển bách Đệ tử Thọ ký, P.9 Thụ học-vô học luân, có 6 quyển (Q.1 đến Q.6). nhơn ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo Tập III, KINH SỚ LUẬN (I), dày hơn tháp, P.12 Trì, P.13 An lạc hạnh, P.14 904 trang, nội dung gồm có: Pháp Hoa Tùng địa dũng xuất, P.15 Thọ lượng, P.16 Kinh Tinh Giải Bình Lâm, Tựa, có 2 Phân biệt Công đức, P.17 Tùy hỷ Công quyển, 28 phẩm (xem: 28 phẩm Kinh Diệu đức, P.18 Pháp sư Công đức, P.19 Thường Pháp Liên Hoa); Diệu Pháp Liên Hoa Bất Khinh, P.20 Như Lai thần lực, P.21 Kinh Kích Tiết, Lời bạt; Đại Ý Kinh Pháp Chúc lụy, P.22 Dược Vương Bồ-tát bản Hoa, Tựa khai Kinh, Quyển thượng- sự, P.23 Diệu Âm, P.24 Quán Thế Âm, Quyển trung-Quyển hạ, Phụ lục; Yếu chỉ P.25 Đà-la-ni, P.26 Diệu Trang Nghiêm Kinh Pháp Hoa, có 28 Phẩm (Xem: 28 vương, P.27 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa); Duy- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu-ba-đề-xá, ma-cật Kinh Tam quán Huyền nghĩa, Tựa Quyển thượng, Phẩm Tựa, I. Tự phần khắc in lại, Quyển thượng, I. Phân biệt Thành tựu, II. Chúng Thành tựu, III. Thời cảnh trí, II. Chính giải thích, 1. Giải thích gian Như Lai sắp Thuyết pháp đã đến danh từ Tam quán, 2. Luận về tướng Tam Thành tựu, IV. Oai nghi tùy thuận trụ quán, 3. Phối hợp trí nhãn; Quyển hạ, 4. nương vào pháp được Thuyết thành tựu, Thể hội thừa nghĩa, 5. Tam quán tóm thâu V. Nhân Y chỉ Thuyết pháp Thành tựu, tất cả pháp, 6. Căn cứ đoạn kết thanh tịnh VI. Đại chúng muốn nghe Pháp hiện tiền để giải thích nghĩa Duy-ma-cật, 7. Tùy Thành tựu; Phẩm Phương tiện, Quyển hạ, văn giải thích-tức dùng Tam quán giải Phẩm Phương tiện (tt), Phẩm Thí dụ; thích nghĩa toàn bộ Kinh Duy-ma-cật; Nghĩa An lạc Hạnh trong Kinh Pháp Hoa; Thập Bất Nhị Môn; Thỉ Chung Tâm Yếu; Thiền môn Yếu lược; Thiên Thai Bát Giáo Thỉ Chung Tâm Yếu chú; Giải thích Giác Đại Ý; Thiền Môn Khẩu Quyết; Thiên Ý Tam-muội Kinh Ma-ha Bát-nhã; Thiền Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký; Thiên Thai Môn Chương, Q.I C.1, 1. Khái quát, 2. Tứ Giáo Nghi; Hành Pháp Tâm Chú Thiên

Thủ Nhãn Đại Bi; Tu Tập Chỉ Quán Tọa Luận về thoát nạn và không thoát nạn, 8. Thiền Pháp yếu, Tựa khắc bản, 1. Đầy đủ Dùng nghĩa hai loại thứ tự để giải thích các duyên,

2. Quở trách dục, 3. Dứt trừ phẩm Diệu Trang Nghiêm, 9. Luận về Năm cái, 4. Điều hòa, 5. Thật hành Chính pháp và Tượng pháp, 10. Luận về Phương tiện, 6. Chính tu, 7. Thiện căn nghĩa Phật nhập Niết-bàn...; Tùy Tự Ý Phát khởi, 8. Nhận biết ma sự, 9. Trị bệnh, Tam-muội, P.1 Uy nghi khi đi, P.2 Uy 10. Chứng quả; Bài ký Chỉ Quán Tọa nghi khi đứng, P.3 Uy nghi khi ngồi, P.4 Thiền Pháp Yếu; Thiên Thai Chỉ Quán Uy nghi khi ngủ, P.5 Uy nghi khi ăn có Thống Lệ. nhiều món ngon, P.6 Uy nghi khi nói Tập V, KINH SỚ LUẬN (III), dày hơn năng; Tứ Niệm Xứ, Q.I 1. Tứ niệm xứ của 876 trang, nội dung gồm có: Pháp Hoa Tam tạng giáo, Q.II 2. Tứ niệm xứ của Kinh Du Ý, Tựa, I. Chủ ý thuyết Kinh, II. Thông giáo, Q.III 3. Tứ niệm xứ của Biệt Tông chỉ, III. Giải thích tên Kinh, IV. giáo, Q.IV 4. Tứ niệm xứ của Viên giáo; Luận biện ý giáo, V. Hiển và Mật, VI. Viên Đốn Tông Nhãn, Tựa, 1. Tông nhãn, Tam và Nhất, VII. Công dụng, VIII. 2. Khảo cứu bản Tâm, 3. Suy cứu Thể Phương pháp hoằng Kinh, IX. Bộ loại bất tính, 4. Luận về Đạo, 5. Truy cùng Tâm đồng, X. Khởi nguyên giảng bộ Kinh này; biến, 6. Luận về Tính cụ, 7. Pháp được Pháp Hoa Huyền Luận, Q.I 1. Phương truyền thừa, 8. Tam quán, 9. Chính tông, pháp hoằng Kinh, 2. Đại ý của Kinh; Q.II 10. Tu và Tính; Bài Tụng Tam thiên hữu 3. Giải thích tên Kinh, 4. Lập tông; Q.III môn; Lược giải Bài Tụng Tam thiên hữu Lập tông (tt); Q.IV 1. Trình bày nghĩa môn, A. Giải thích đề, B. Giải thích chính Nhất thừa; Q.V 1. Mở cửa Phương tiện- văn. hiển bày tướng chân thật, 2. Luận về nghĩa Tập VI, KINH SỚ LUẬN (IV), dày hơn Đại sự Nhân duyên; Q.VI 1. Luận về 878 trang, nội dung gồm có: Diệu Pháp nghĩa A-la-hán biết Nhất thừa hay không Liên Hoa Kinh Ý Ngữ, Tựa, Tựa, và 28 biết Nhất thừa; Q.VII 1. Nghĩa thí dụ trong phẩm (Xem: 28 phẩm Kinh Diệu Pháp phẩm Tín giải, 2. Nghĩa Năm thừa và Liên Hoa); Pháp Hoa Thống Lược, Quyển nghĩa Nhất âm trong phẩm Dược thảo dụ, thượng, P.1 Tựa, P.2 Phương tiện; Quyển 3. Giải thích nghĩa Thụ ký, 4. Giải thích trung, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Quyển hạ, nghĩa Hóa thành; Q.VIII 1. Phẩm An lạc P.5 Ngũ bách Đệ tử Thụ ký, P.6 Học-Vô hạnh; Q.IX 1. Phẩm Hiện bảo tháp mật học nhân ký, P.7 Pháp sư, P.8 Hiện bảo khai nghĩa Bản Tích, 2. Phẩm Đề-bà-đạt- tháp, P.9 Đề-bà-đạt-đa, P.10 Trì, P.11 An đa, 3. Luận về nghĩa Bản Tích để giải lạc hạnh, P.12 Tùng địa dũng xuất, P.13 thích các phẩm Thọ lượng, Tín giải,... 4. Thọ lượng, P.14 Phân biệt Công đức, P.15 Bốn phạm trù Bản Tích chung cho tất cả Tùy hỷ Công đức, P.16 Pháp sư Công đức, các thuyết khác nhau trong Kinh; Q.X 1. P.17 Thường Bất Khinh, P.18 Như Lai Luận về nghĩa số lần sinh trong phẩm thần lực, P.19 Chúc lụy, P.20 Dược Phân biệt Công đức, 2. Luận về nghĩa Đắc Vương, P.21 Diệu Âm, P.22 Quán Âm đạo nhiều ít, 3. Nghĩa Tùy hỷ trong Kinh phổ môn, P.23 Đà-la-ni, P.24 Diệu Trang Pháp Hoa và Kinh Đại Phẩm, 4. Sự giống- Nghiêm vương, P.25 Phổ Hiền khuyến khác giữa Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát phát; Nghĩa Quyền Thật của việc Long Nữ Diệu Âm, 5. Luận về nghĩa Quán Âm Phổ thành Phật trong Kinh Pháp Hoa, 1. Dẫn môn, 6. Luận về danh hiệu Quán Âm, 7. văn-chia chương đoạn và giải thích tóm

tắt, 2. Căn cứ ý nghĩa dẫn văn để giải thích Mười pháp thành Bốn môn, e. Bốn môn và dung hội, 3. Giải thích những nghi ngờ- của bậc Tùy tín hành-Tùy pháp hành chướng ngại, 4. Phán giáo tướng luận về không đồng; Q.IV 4. Căn cứ giai vị của việc giáo hóa; Tính Thiện-Ác luận, Tựa, Bốn giáo để phân biệt giảng nói nghĩa Tựa, và 6 quyển (Q.I... đến Q.6); Tịnh vô cấu xưng, 4.1 Căn cứ Tam tạng Tập VII, KINH SỚ LUẬN (V), dày hơn

giáo giải thích nghĩa Tịnh vô cấu xưng 950 trang, nội dung gồm có: Đại Ý Chỉ (tt); Q.V Căn cứ Tam tạng giáo giải thích Quán; Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn, nghĩa Tịnh vô cấu xưng (tt); Q.VI Căn cứ Tựa, Tựa, Q.I 1. Chỗ nương của Chỉ Tam tạng giáo giải thích nghĩa Tịnh vô Quán; Q.II Chỗ nương của Chỉ Quán (tt); cấu xưng (tt); Q.VII Căn cứ Tam tạng giáo Q.III Chỗ nương của Chỉ Quán (tt); 2. giải thích nghĩa Tịnh vô cấu xưng (tt); Cảnh giới của Chỉ Quán, 3. Thể trạng của Q.VIII 4.2 Căn cứ Thông giáo luận bàn Chỉ Quán, 4. Chỉ Quán trừ chướng được giai vị-giải thích nghĩa Tịnh vô cấu xưng; lợi ích, 5. Tác dụng của Chỉ Quán; Chư Q.IX 4.3 Căn cứ Biệt giáo luận bàn giai Pháp Vô Tránh Tam-muội Môn, Quyển vị-giải thích nghĩa Tịnh vô cấu xưng; Q.X thượng & Quyển hạ; Giáo Quán Cương Căn cứ Biệt giáo luận bàn giai vị-giải Tông, I. Tổng quan về Quyền-Thật của thích nghĩa Tịnh vô cấu xưng (tt); Q.XI Năm thời Tám giáo, II. Luận về Năm thời 4.4 Căn cứ Viên giáo nói giai vị-giải thích chung và riêng, III. Bốn giáo hóa nghi, IV. nghĩa Tịnh vô cấu xưng; Q.XII Căn cứ Bốn giáo hóa pháp, V. Phụ nói về: Viên giáo nói giai vị-giải thích nghĩa Tịnh Chuyển-Tiếp-Đồng-Hội-Tá; Luận Kim vô cấu xưng (tt), 4.5 Căn cứ Ví dụ Năm vị Cương Bề; Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn, để hiển bày giai vị của Bốn giáo, 4.6 Kinh Tựa chung, Quyển thượng-Quyển trung- điển nói giai vị Bốn giáo nhiều ít không Quyển hạ; Hành Pháp Phương Đẳng đồng; 5. Quyền-Thật, a. Lược nói về Tam-muội, Tựa, 1. Đủ sáu duyên, 2. Biết Quyền-Thật, b. Khảo sát giai vị, c. Hưng ngăn ngừa chướng nạn, 3. Pháp cấm, 4. và phế; 6. Căn cứ quán tâm nói Bốn giáo: Yếu quyết nội lực; Quán Âm Huyền a. Căn cứ quán tâm nói tướng của Tam Nghĩa, Quyển thượng, I. Giải thích tên, 1. tạng giáo, b. Căn cứ quán tâm mà nói Giải thích chung, 2. Giải thích riêng; Thông giáo, c. Căn cứ quán tâm mà nói Quyển hạ, II. Giải thích thể, III. Luận tông Biệt giáo, d. Căn cứ quán tâm mà nói Việt chỉ, IV. Bàn về dụng, V. Phân biệt giáo giáo, 7. Hội thông Kinh Luận, a. So sánh tướng; Quán Âm Nghĩa Sớ, Quyển các Kinh Luận, b. Chính thức trình bày thượng-Quyển hạ; Luận Quán Tâm; Tứ dùng Bốn giáo giải thích chung Kinh này. Giáo Nghĩa, Q.I, 1. Giải thích bốn giáo; Tập VIII, NGUYỆN VĂN-TÁN VĂN-LỄ Q.II, 2. Luận về Sở thuyên, a. Căn cứ lý SÁM-TRUYỆN KÍ, dày hơn 711 trang, Bốn đế để nói về lý Sở thuyên, b. Căn cứ nội dung gồm có: Văn Phát Nguyện của Ba đế để nói về lý Sở thuyên của Bốn Bồ-tát Phổ Hiền; Văn Phát Nguyện của giáo, c. Căn cứ Hai đế để nói về lý Sở Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Tư; Văn Phát thuyên của Bốn giáo, d. Y cứ Nhất đế để Nguyện của Đại sư Thiên Thai Trí Giả; nói về Sở thuyên; Q.III 3. Bốn môn Nhập Quán Tâm Tụng Kinh Pháp; Quán Tâm lý, a. Lược giải thích tướng của Bốn môn, Tụng Kinh Pháp Kí; Nghi Thức Niệm b. Bốn môn Nhập lý, c. Dùng bốn Tất-đàn Tụng Đạo Tràng Xí Thạnh Quang; Pháp phát khởi giáo bốn môn, d. Căn cứ nghĩa Hoa Tam-muội Sám Nghi; Thích-ca Như

Lai Niết-bàn Lễ Tán Văn; Biệt Truyện Đại sư Thiên Thai Trí Giả; Truyện Chín vị Tổ 170. GIỚI KINH CĂN BẢN CỦA Tông Thiên Thai, 1. Cao Tổ Long Thọ, 2. THUYẾT NHỨT THIẾT HỮU BỘ Tôn giả Bắc Tề, 3. Tôn giả Nam Nhạc, 4. (Căn Bản Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ Giới Đại sư Trí Giả, 5. Tôn giả Chương An, 6. Kinh) Tôn giả Pháp Hoa, 7. Tôn giả Thiên Cung, Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) 8. Tôn giả Tả Khê, 9. Tôn giả Kinh Khê; Việt dịch: Thích Tâm Hạnh Pháp Hoa Linh Nghiệm Truyện, Quyển Tác phẩm Giới Kinh này gồm có: Bài tựa thượng & Quyển hạ; Truyện Kí Kinh Pháp Giới Kinh; I. Bốn

pháp Ba-la-thị-ca Hoa, Q.I 1. Bộ loại tăng giảm, 2. Thời đại (Pàràjika); II. 13 pháp Tăng-già-phạt-thi- ẩn hiện khác nhau, 3. Niên đại truyền dịch, sa (Sanghadisesa); III. Hai pháp bất định 4. Chi phái biệt hành, 5. Luận thích không (Aniyatta); IV. 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật- đồng; Q.II 6. Tập hợp những bài tựa của để-ca (Nissaggiya Pàcittita); V. 90 pháp các Đại sư, 7. Giảng giải những cảm ứng; Ba-dật-để-ca (Pàcittiya); VI. Bốn pháp Ba- Q.III 8. Giảng giải những cảm ứng (tt), 9. la-để-đề-xá-ni (Patidesaniya); VII. Pháp Lợi ích việc phúng tụng; Q.IV 10. Lợi ích chúng học (Sekkhiyavatta); VIII. Bảy việc tụng Kinh; Q.V 11. Lợi ích việc tụng pháp diệt tránh (Adhikarana samatha). việc đọc tụng; Q.VII 13. Đọc tụng Kinh Bộ Luật) dứt trừ tội lỗi, 14. Chép Kinh cứu khổ; Q.VIII 15. Chép Kinh cứu khổ (tt); Q.IX 171. Giới Thiệu 16. Nghe Kinh được lợi ích; Q.X 17. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Chính báo và Y báo của sự Cúng dường; Dịch và giảng giải: HT. Thích Thiện Siêu Lời cuối sách. (1921-2001) Nxb Tôn Giáo – 2004 169. GIỚI KINH CĂN BẢN BẬT-SÔ Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 613 trang, NI CỦA THUYẾT NHỨT THIẾT HỮU bìa cứng, nền đỏ, có hình đầu Đức Phật, BỘ (Căn Bản Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ chữ tựa màu trắng và đỏ. Tác phẩm này Bật-sô Ni Giới Kinh) gồm có 10 quyển chính. Phần đầu là Giới (1 quyển, T.24, No. 1455) thiệu về Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Sự liên Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) hệ của Kinh với Tam tạng, Sự phán giáo Việt dịch: Thích Tâm Hạnh trong Kinh Lăng Nghiêm, Bốn loại Tứ đế Nội dung Giới Kinh này gồm có: Bài tựa trong kinh Lăng Nghiêm. Quyển I, Giải Giới Kinh; I. Tám pháp Ba-la-thị-ca thích đề kinh, Phần tựa chung và riêng, (Pàràjika); II. 20 pháp Tăng-già-phạt-thi- Bảy chỗ gạn tâm (Chấp tâm ở: trong thân, sa (Sanghadisesa); III. 33 pháp Ni-tát-kỳ- ngoài thân, chặng giữa, núp sau con mắt, ba-dật-để-ca (Nissaggiya Pàcittita); IV. nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân, hợp 180 pháp Ba-dật-để-ca (Pàcittiya); V. 11 chỗ nào thì liền có ở chỗ ấy), mười phen pháp Ba-la-để-đề-xá-ni (Patidesaniya); VI. chỉ tánh thấy. Quyển II, Chỉ rõ tánh thấy Pháp chúng học (Sekkhiyavatta); VII. Bảy không sanh diệt,… Tóm thu 4 khoa, 7 đại pháp diệt tránh (Adhikarana samatha). về Như Lai tạng để phát khởi chỗ chân Bộ Luật) Lai tạng tánh. Quyển III, Phật chỉ bản tánh

của Lục căn, Thập nhị xứ, Thập bát giới, Thất đại là giả dối, thật ra chỉ là diệu chơn như của Như Lai tạng tánh. Quyển IV, Phật chỉ tánh bất biến tùy duyên, tùy H duyên bất biến của Như Lai tạng, và chỉ rõ 172. HÀM TIẾU THIỀN (Phép lạ của 6 căn không có tự tánh, phát minh chơn sự Tỉnh thức) – KINH QUÁN NIỆM – tánh thì được giải thoát… Quyển V, Phật KINH BÁT ĐẠI NHƠN GIÁC (tụng) dạy triền phược và giải thoát không hai, Biên soạn: Thạch Đức gạn hỏi chỗ chứng ngộ để chọn lựa căn PL. 2518 – DL. 1974 viên thông thù thắng. Quyển VI, 32 ứng Sách có khổ 14 x 20cm, có 48 trang, bìa thân, Nhĩ căn viên thông được chọn lấy mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. làm phương tiện thích hợp để tu tập… Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Quyển VII, Phật khai thị: về Mật giáo, Hàm tiếu Thiền theo Thiền phổ; Kinh pháp tắc lập đạo tràng, nói thần chú, Quán niệm (Satipattana, Majjhima Nikaya những lợi ích, những vị trí tu chứng trước 10); Kinh An ban thủ ý (Anapanasati sau. Quyển VIII, An lập các Thánh vị, chỉ Majjhima Nikaya 118) – Bản tóm lược; dạy tên Kinh, nghe pháp tăng tiến, chỉ ra Kinh Bách thiên tụng Bát-nhã – trích 10 tập nhân và 6 giao báo, nhân tu riêng Phẩm “Nhập Đà-la-ni môn” (Satasahasrika biệt, thành quả hư vọng, các cõi trời sai Prajnaparamita);

trích Kinh khác. Quyển IX, Khai thị chỗ hư vọng của Sikshasamuccaya – Bảo Tích Ratnakuta; 7 loài để khuyến khích tu hành chính Kinh Tám điều giác ngộ của các bậc Đại pháp, Phân biệt ngũ ấm ma. Quyển X, Chỉ nhân. rõ thứ lớp tiêu diệt các ấm và giới hạn phạm vi các ấm. Sau cùng là Phần lưu 173. Hành Pháp - KINH DI-ĐÀ thông kinh này. Biên tập: Tỳ-kheo Trí Quang Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2010 Kinh có khổ 13 x 19cm, có 65 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Hành pháp Kinh Di-đà, 1. Giới thiệu Thiết yếu, 2. Tụng Kinh Di-đà, 3. Lễ bái theo Kinh Di-đà, 4. Trì chú Vãng sanh.

174. HẠNH PHÚC KINH –
MANGALA SUTTA
Việt dịch: Tỳ-kheo Giới Nghiêm (Bhikkhu
Thita Sìlo)
Nội dung của Kinh, Đức Thế Tôn giảng giải về 38 điều Hạnh phúc.
Xem: Kinh Hạnh Phúc do Tỳ-kheo Giới
Nghiêm dịch
175. HIỀN NGU NHÂN DUYÊN KINH Quyển III, từ tr. 1403 đến tr. 2185, nội Hán dịch: Sa-môn Tuệ Giác dung từ Q.XIV đến Q.XX. Việt dịch: Thích Trung Quán (1918-2003) Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh có khổ 14.5 178. HỢP BỘ x 20.5cm, dày hơn 380 trang, bìa mềm. KINH KIM QUANG MINH Nội dung gồm có: 9 quyển, trong đó có 46 Tùy Bảo Quý hiệp phẩm. Việt dịch: Tuệ Khai Xem: Kinh Hiền Ngu do Thích Trung Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 16 Quán dịch. phẩm: - Bài tựa Kinh Kim Quang Minh Tác phẩm Kinh này đã ấn hành từ năm hợp bộ (Sa-môn Thích Ngạn Tông, chùa 1949; tái bản: Năm PL. 2536 – DL. 1992, Nhật Nghiêm thuật); P.1 Tự (tựa), P.2 Thọ THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm lượng (thời lượng sống lâu), P.3 Ba thân 2018, Nxb Hồng Đức, khổ 14.5 x 20.5cm, phân biệt, P.4 Sám hối, P.5 Nghiệp dày 382 trang. chướng diệt, P.6 Đà-la-ni tối tịnh địa, P.7 Tán thán, P.8 Không, P.9 Y không mãn 176. HOA NGHIÊM BỘ HẠ nguyện, P.10 Tứ Thiên vương, P.11 Chân Ban Phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt chủ Đà-la-ni, P.12 Đại Biện thiên, P.13 Nam Công đức thiên, P.14 Kiên Lao Địa thần, Quyển X, No. 293 Kinh Đại phương P.15 Tán Chỉ quỹ thần, P.16 Chánh luận. No. 294 Phật thuyết Kinh Ma-la-già Bộ Kinh tập) (Thượng – Trung và Hạ); No. 301 Kinh Đại phương quảng Như Lai Bất tư nghì 179. Huyền thoại DUY-MA-CẬT cảnh giới; No. 302 Kinh độ chư Phật Cảnh Tác giả: Tuệ Sỹ giới Trí quang nghiêm; No. 304 Kinh Đại Nxb Hồng Đức – 2017 phương quảng nhập Như Lai Trí Đức bất Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 348 trang, tư nghì; No. 305 Kinh Tín lực nhập ấn (tái bản lần 5), bìa mềm, nền màu tím, chữ pháp môn (Tập 1, 2, 3, 4, 5); No. 306 Kinh tựa màu trắng và đỏ, có hình vẽ ngài Duy- Đại Phương quảng Phật Hoa nghiêm ma-cật đang ngồi trên giường, có tay gấp, (Phẩm tu từ). (phaptangpgvn.net, Pháp có hộp đựng 2 quyển (Huyền thoại Duy- tạng) ma-cật và Duy-ma-cật Sở thuyết). Toàn bộ tác phẩm này được phân thành 10 177. HOA NGHIÊM KINH chương chính và 1 chương kết. Phần đầu Thám Huyền Ký – 3 Quyển là Tựa, C.I, - Pháp hội vườn xoài (Phát Đại sư Pháp Tạng khởi chí hướng, Biểu tượng cương giới Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ Phật quốc, Hành trang tư tưởng, Thanh Nxb Phương Đông – 2011 tịnh quốc độ Phật, Tuần tự tu hành, Thể Kinh có khổ 13 x 20.5cm, cả bộ dày 2.185

nghiệm Tịnh độ); C.II, - Hiện thân bệnh trang, bìa mềm, có hộp đựng. (Hiện thực và quy ước, Quá trình tu tập, Quyển I, dày 688 trang, nội dung từ Q.I Vận dụng phương tiện, Hiện thân thuyết đến Q.VI; Quyển II, từ tr. 691 đến tr. pháp); C.III, - Hội kiến các Thanh văn 1399, nội dung từ Q.VII đến Q.XIII; (Những hình tượng mâu thuẩn và phản diện, Mười đại đệ tử); C.IV, - Hội kiến các

Bồ-tát (Mâu thuẩn nội tâm và thời đại, Các Bồ-tát); C.V, - Văn-thù thăm bệnh (Ngôn ngữ và biểu tượng, Quan hệ nhân sinh, Điều trị); C.VI, - Bất tư nghị (Trụ và vô K trụ, Bất tư nghị, Tòa sư tử, Tự tại, Nhân 181. KIM CANG BÁT-NHÃ cách Ca-diếp); C.VII, - Quán chúng sinh Giới thiệu-dịch-chú giải: Thái Hòa (Nhân sinh quan, Phát triển tâm từ, Thiên Nxb Hồng Đức – 2016 nữ tán hoa); C.VIII, - Hành trang giác ngộ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 925 (Chủng loại Bồ-đề, Quá trình tích lũy, trang, bìa cứng. Phiền não tức Bồ-đề, Chủng tánh Như Lai, Nội dung gồm có: Giới thiệu Kinh Kim Quyến thuộc của Bồ-tát); C.IX, - Cửa vào Cang, Không lý từ Văn hệ A-hàm đến bất nhị (Nhất nguyên tuyệt đối, Từ sự im Bát-nhã, Phát tâm, an trú tâm và hàng lặng của Phật, Thể nhập tuyệt đối); C.X, - phục tâm, Không vướng mắc bởi bất cứ Những giá trị phổ quát của Bồ-tát hành đối tượng nào, Pháp và phi pháp, Thực (Lý tưởng và hiện thực, Những giá trị phổ tướng là vô tướng, Cách nhìn vạn hữu, quát, Nhân cách siêu việt); Chương kết. Vạn hữu đều là Phật pháp, Nhất thừa Sách dẫn. pháp, Niềm tin và sự chuyển hóa, Niềm tin Sách này được xuất bản từ năm 2007, Nxb từ sự lắng nghe, Niềm tin từ sự thuận Phương Đông. hành, Không gian của niềm tin, Hiệu năng của niềm tin, Giải thích đề Kinh, Ý nghĩa 180. HƯƠNG THIỀN PHÁP CÚ đề Kinh theo Phạn ngữ và Kinh văn theo (Song ngữ Anh-Việt) thể loại, Ý nghĩa đề Kinh Kim Cang Bát- ZEN FRAGRANCE IN nhã qua Giáo-Lý-Hạnh và Quả, Kinh Bát- DHAMMAPADA nhã Ba-la-mật-đa Kim Cang năng đoạn Dharma lectures for Enghish speaking dịch từ Phạn văn, Kinh Kim Cang Bát-nhã class at Wonderful Cause (Diệu Nhân) Ba-la-mật dịch từ Hán văn, Kinh Kim Zen Convent by Dharma Taecher Thuần Cang chú giải, Phạn bản Devanagari, Phạn Bạch bản phiên âm La-tinh, Hán bản La-thập Tác phẩm này gồm có: - Lời đầu sách dịch, Bản Việt âm, Từ vựng, Thư mục (2009); 1. Hộ trì các căn-Quán năm pháp, tham khảo. 2. Bát phong, 3. Điều phục tâm; Phụ lục, Truyện: 4. Bố thí, 5. Tham ái-khổ-chết, 6. 182. KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA- Thiện và ác, 7. Tích lũy nghiệp-cận tử MẬT KINH Trực Chỉ Đề Cương nghiệp, 8. Phản quan tự kỷ con người chân (Giáo án Cao đẳng Phật học) thật, 9. Vọng ngữ, 10. Phước đức-Công Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- đức, 11. Hiện tiền, 12. Tâm bình thường, thập (Kumarajiva, 344-413) 13. Hạnh nhẫn nhục, 14. Hạnh độc cư, 15. Biên dịch: Pháp sư Từ Thông Tam thân; Truyện: Bàn tay yêu thương, Nxb Tôn Giáo – 2013 16. Hạnh xuất gia. Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 88 trang (Https://thuvienhoasen.org, Kinh-Giảng (PDF), gồm 2 phần, 35 chương: - Lời dẫn giải Kinh) nhập, Phần I, Văn-tư-tu; Nội dung: C.1 Sinh hoạt thường ngày, C.2 Nhân duyên

đề khởi, C.3 Hàng phục Tâm, C.4 Trụ tâm vi trần không phải hai nhưng nói một vào bố thí Ba-la-mật, C.5 Thấy thân Phật không trúng, C.30 Tứ tướng mà Như Lai chưa hẳn đã thấy được Như Lai Phật, C.6 đề cập do tùy thuận ngôn ngữ phàm phu, Giáo lý dù thậm thâm siêu tuyệt hậu thế C.31 Hãy nhìn vạn pháp qua tinh thần thập vẫn có người nghe hiểu, C.7 Quả A-nậu- “như thị” của tự nó, C.32 Lại vấn đề thí đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề

chỉ là danh pháp thí tài phước nhiều phước ít, C.33 ngôn Như Lai phương tiện nói, C.8 Phước (Tâm Kinh) Vạn pháp giai không, C.34 đức chỉ là danh ngôn Như Lai phương tiện Duyên sanh như huyễn, C.35 Lời kết (sau nói, C.9 Bốn quả Thanh văn chỉ là danh mỗi chương Kinh có phần Trực chỉ đề ngôn Như Lai phương tiện nói, C.10 Đừng cương); Phần II, Thọ trì – Đọc tụng, - Lời thấy có chứng đắc-đừng khởi niệm thiết tự thuật của thầy Khất sĩ A-nan, - Bạt văn. lập trang nghiêm cõi Phật, C.11 Bố thí Kinh này đã được xuất bản từ năm 2009, pháp truyền bá Kim Cang Bát-nhã Ba-la- Nxb Tôn Giáo. mật-đa Kinh phước đức hơn bố thí tài, C.12 Tên Kinh là phương tiện huyễn 183. KIM CANG Chú Giải danh- thuyết pháp là phương tiện Như Lai Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- huyễn thuyết! C.13 Vi trần và thế giới nói thập (Kumàrajiva, 344-413) một thì sai nói hai không đúng, C.14 Thấy Chú giải: Cư sĩ Như Pháp 32 tướng của Phật chưa phải thấy Phật Chứng minh: Đức Tông sư Minh Trí càng chưa thấy biết Như Lai, C.15 Thật (1886-1958) tướng vẫn phóng xả như phóng xả pháp Giấy phép số 991 Pr. Đề ngày 7/7/1949, in hữu vi! C.16 Trì Kinh tiêu nghiệp chướng tại nhà in Nguyễn Văn Huấn (Sài Gòn). tức thân thành Phật, C.17 Vô ngã, vô Tác phẩm Kinh chú giải này dày 237 nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả, vô ngôn, trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: - Phàm vô hành, vô đắc, vô chứng, vô tu là những lệ, Chú giải đại ý Phần 1, có tất cả 27 đoạn vấn đề được Như Lai tái khẳng Kinh Kim Cang và chú giải mỗi đoạn; - định…đinh ninh… C.18 Như Lai chỉ cần Phát minh Tứ cú kệ; - Kết luận, - Bổ một đôi mắt, C.19 Phước đức một danh khuyết Tâm Kinh (âm Hán và dịch nghĩa), ngôn trừu tượng-danh ngôn giả lập, C.20 - Phụ giải nghĩa lý “Tâm Kinh đại Trí tuệ Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Đáo bỉ ngạn”. Như Lai, C.21 Như Lai chẳng có pháp riêng để thuyết (đừng nói Như Lai có nói 184. KIM CANG Chư Gia pháp), C.22 Như Lai không hề chứng đắc Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- quả vị! C.23 Trì Kinh Kim Cang Bát-nhã thập (Kumàrajiva, 344-413) Ba-la-mật phước lớn hơn bố thí tài, C.24 Việt dịch: Trần Huỳnh Như Lai không có độ chúng sanh-vì không THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. có chúng sanh Như Lai độ! C.25 Nhớ 2538 – DL. 1994 tưởng Như Lai không nhận thức Như Lai Kinh có khổ 16 x 24cm, có 452 trang, bìa qua âm thanh và sắc tướng, C.26 Hiện mềm, chữ tựa màu trắng và đỏ, có hình vẽ tượng vạn pháp chuyển biến thay đổi tranh phong cảnh thiên nhiên có núi và lượng, dần dần thay đổi chất, có ra hiện nhà. tượng mới, C.27 Lại vấn đề phước đức, Toàn bộ Kinh Kim Cang chư gia gồm có 2 C.28 Như Lai pháp thân, C.29 Thế giới và phần chính. Tiểu dẫn, Nghi thức tụng

kinh. Nội dung chính: Kinh Kim Cang sư, 34. Tăng Vi Từ Am Thiền sư, 35. Tiêu (âm-nghĩa) có 32 phần: 1. Nhân do nói Diêu Ông, 36. Tiên Du Ông, 37. Tổ Ấn pháp, 2. Thiện hiện khởi hỏi, 3. Đại thừa Minh Thiền sư, 38. Tông Mật Thiền sư, tông chánh, 4. Hạnh mầu không trụ, 5. Rõ 39. Tự Tại Lực Vương Như Lai, 40. Tứ lý như như, 6. Chánh tín ít có, 7. Không Tổ Nhẫn Đại sư, 41. Từ Thọ Thâm Thiền chi đắc thuyết, 8. Nương pháp xuất sanh, sư, 42. Thái Dương Huyền Thiền sư, 43. 9. Một tướng không tướng, 10. Trang Thiên Thai Trí Khải Đại sư, 44. Thông nghiêm Tịnh độ, 11. Vô vi phước lớn, 12. Vương Như Lai, 45. Trần Hùng cư sĩ, 46. Tôn trọng chánh lý, 13. Thọ trì theo pháp, Triều Văn Nguyên cư sĩ, 47. Trương Vô 14. Lìa tướng vắng lặng, 15. Công đức trì Tận cư sĩ, 48. Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, 49. kinh, 16. Thường tịnh tiêu nghiệp, 17. Rốt Viên Ngộ

Thiền sư, 50. Vĩnh Gia Đại sư, ráo không ta, 18. Xem đồng một thể, 19. 51. Vô Danh Thị, 52. Vương Nhựt Hưu cư Pháp giới khắp độ, 20. Lìa sắc lìa tướng, sĩ, 53. Xuyên Thiền sư (Giả phủ). 21. Thuyết chẳng phải thuyết, 22. Không Tác phẩm này đã được ấn hành năm 1961, pháp chi đặng, 23. Tâm tịnh làm lành, 24. In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn). Phước trí không sánh, 25. Hóa không chỗ hóa, 26. Pháp thân không tướng, 27. 185. KIM CANG DIỆU CẢM Không đoạn không diệt, 28. Không nhiễm Dịch giải: Nguyên Nguyên không tham, 29. Oai nghi vắng lặng, 30. Nxb Tôn Giáo – 2010 Lý tướng nhứt hiệp, 31. Thấy biết không Sách có khổ 14 x 0cm, có 167 trang, bìa sanh, 32. Ứng hóa không thiệt. Bổ khuyết mềm. Tâm kinh. Ngũ thập gia (53 nhà giải kinh, Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời mở từ phần 1 đến 31): 1. Bách Trượng Thiền đầu, nội dung có 32 đoạn Kinh Kim Cang sư, 2. Bàng Uẩn cư sĩ, 3. Bảo Ninh Dõng (trong mỗi đoạn có: Nguyên văn chữ Hán, Thiền sư, 4. Bửu Tích Như Lai, 5. Cổ Đức Phiên âm Hán Việt, Phiên bản tiếng Việt, Thiền sư, 6. Châu Sử Khanh chơn nhơn, 7. Diệu cảm); và Phụ lục: 1. Tổng quan, 2. Chơn Tịnh Vân Thiền sư, 8. Đạt-ma Đại Yếu lược, 3. Từ vựng. sư, 9. Đồng Quan Sát Thiền sư, 10. Hải Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Giác Nguyên Thiền sư, 11. Huyền Tông Ba-la-mật Hoàng đế, 12. Huỳnh Nghiệt Vận Thiền sư, 13. Kỳ Thiền sư, 14. Kim Hải Quang 186. KIM CANG Giảng Luận Như Lai, 15. Kỉnh San Kiểu Thiền sư, 16. Dịch và giảng: Thích Thanh Từ Khuê Phong Thiền sư, 17. Lâm Tế Đại sư, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 18. Lý Văn Hội cư sĩ, 19. Lục Tổ Đại sư, 2536 – DL. 1993 20. Lưu Đẩu Đại sư, 21. Mã Tổ Đại sư, Kinh có khổ 14 x 20cm, có khoảng 300 22. Nam Tuyền Thiền sư, 23. Ngũ Tổ Đại trang, bìa mềm. sư, 24. Nhan Bính Như Như cư sĩ, 25. Nội dung gồm có: Lời đầu, Lược khảo, Nhựt Nguyệt Quang Như Lai, 26. Pháp Kinh Kim Cang giảng, gồm 32 đoạn Kinh Thường Mãn Như Lai, 27. Phó Đại sĩ, 28. (ở mỗi đoạn có: dịch âm, dịch nghĩa và Qui Tông Thiền sư, 29. Tạ Linh Vận, 30. giảng); Bát-nhã Tâm Kinh Tăng Nhược Nột Thiền sư, 31. Tăng Liễu (Prajnàparamitàhridaya Sùtra) giảng giải. Tánh Vân Am Thiền sư, 32. Tăng Triệu Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Pháp sư, 33. Tăng Tử Vinh Phú Sa Thiền Ba-la-mật

189. KIM CANG KINH Thích Yếu 187. KIM CANG HUYỀN NGHĨA Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên (1879- Việt dịch: HT. Thích Chơn Pháp 1965) Nxb Tôn Giáo – 2010 Việt dịch: Hậu học Đặng Hữu Trí Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 112 trang, Hiệu đính: Ân sư Song Hào Lý Việt Dũng bìa mềm. Nội dung gồm có 27 đoạn: Lời Nxb Hồng Đức – 2018. Kinh có khổ 14.5 dẫn, 1. Nguyên do sự việc, 2. Bắt đầu xảy x 20.5cm, dày hơn 291 trang. ra, 3. Diệu hạnh vô trụ, 4. Như lý thật Nội dung gồm có 32 phẩm: Lời giới thiệu, kiến, 5. Vô đắc – Vô thuyết, 6. Y pháp Kỷ lược Phật Nguyệt Khê thành Đạo, I. xuất sanh, 7. Nhất tướng – vô tướng, 8. Giải thích đề Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba- Trang nghiêm Tịnh độ, 9. Vô vi thắng la-mật, 1. Giải thích Thật tướng Bát-nhã, phước, 10. Như pháp thọ trì, 11. Ly tướng 2. Giải thích Quán chiếu Bát-nhã, a. Soi tịch diệt, 12. Trì kinh công đức, 13. Năng xét tường tận căn bản của phiền não, b. tịnh nghiệp chướng, 14. Cứu cánh vô ngã, Phá trừ vô thỉ vô minh, 3. Thế nào gọi là 15. Nhất thể đồng quán, 16. Pháp giới Phương tiện Bát-nhã? 1. Niết-bàn hữu dư, thông hóa, 17. Ly sắc ly tướng, 18. Phi 2. Pháp môn nhập vào Niết-bàn vô dư, 3. thuyết sở thuyết, 19. Vô pháp khả đắc, 20. “Thấu triệt ba câu” chỉ rõ Phật tánh, 4. Hóa vô sở hóa, 21. Pháp thân phi tướng, Phân biệt xiển minh bốn bệnh,

5. Phân biệt 22. Vô đoạn vô diệt, 23. Bất thọ bất tham, xiển minh bốn tướng, 6. Biện biệt sự trước 24. Oai nghi tịch tịnh, 25. Nhất hợp tướng sau của chân và vọng, II. Giảng thuật bổn lý, 26. Tri kiến bất sanh, 27. Ứng hóa phi văn Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, chơn. Phần (P) 1. Nhân do của Pháp hội, P.2 Ngài Thiện Hiện xin giải bày (tức ngài Tu- 188. KIM CANG KINH bồ-đề hỏi Phật về việc minh tâm kiến Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) tánh), P.3 Chánh tông của Đại thừa, P.4 Phật học Tòng thơ xuất bản – (in kỳ nhì) Diệu hạnh vô trụ, P.5 Như lý thực thấy, Kinh có 139 trang, bìa mềm, chữ tựa màu P.6 Lòng tin chân chánh hiếm có, P.7 Vô đen, có hình Đức Phật ngồi giảng pháp đắc vô thuyết, P.8 Y theo pháp mà xuất cho một đệ tử nghe. Nội dung gồm có: sanh, P.9 Nhất tướng vô tướng, P.10 Tịnh Phần đầu là (Nghi thức tụng Kinh): Hương độ Trang nghiêm, P.11 Phước thù thắng tán, Tụng các chú,... Phụng thỉnh Tứ Bồ- của Vô vi, P.12 Tôn trọng Chánh giáo, tát, Khai Kinh kệ, Kim Cang Bát-nhã Ba- P.13 Như pháp Thọ trì, P.14 Lìa tướng la-mật Kinh, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư tịch diệt, P.15 Công đức của trì Kinh, P.16 Cưu-ma-la-thập, Kinh văn chữ Hán, dịch Thường hay Thanh tịnh Nghiệp chướng, âm; Phần sau là dịch nghĩa, gồm 32 đoạn. P.17 Rốt ráo vô ngã, P.18 Nhất thể đồng (cuối một số trang có chú thích) quán, P.19 Sự biến hóa thông suốt của Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2015, Pháp giới, P.20 Lìa sắc lìa tướng, P.21 Cái Nxb Tôn Giáo, khổ 16 x 24cm, có 87 gọi là "thuyết" vốn chẳng phải là "thuyết", trang, bìa mềm, với nhan đề: "Kinh Kim P.22 Không có Pháp để đắc, P.23 Tịnh Cang-Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, tâm hành thiện, P.24 Phước trí không thể âm nghĩa, do Đoàn Trung Còn & Nguyễn so sánh, P.25 Hóa độ mà không có chỗ Minh Tiến Việt dịch và chú giải". hóa độ, P.26 Pháp thân chẳng phải là tướng, P.27 Không có đoạn-không có diệt,

P.28 Không thọ nhận-không tham lam, Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, P.1 Tựa, P.29 Oai nghi tịch tĩnh, P.30 Nhất hợp lý P.2 Phụng bát, P.3 Tu tập đúng, P.4 Vãng tướng, P.31 Tri kiến không sanh khởi, sanh, P.5 Tán thán Ba-la-mật, P.6 Tướng P.32 Ứng hóa chẳng phải là chân thật. lưỡi, P.7 Tam giả, P.8 Khuyến học, P.9 Tập tán, P.10 Hành tướng, P.11 Ảo học, 190. KIM CANG Nghĩa Tụng Giảng P.12 Cú nghĩa, P.13 Kim Cang, P.14 Đoạn Giải kiến, P.15 Phú-lầu-na, P.16 Thừa Đại HT. Giới Hương thừa, P.17 Trang nghiêm, P.18 Vấn Thừa, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2555 P.19 Quãng Thừa, P.20 Phát thú, P.21 – DL. 2011 Xuất đáo, P.22 Thắng xuất, P.23 Đẳng Kinh có khổ 13 x 21cm, dày hơn 135 Không, P.24 Hội tông, P.25 Thập vô, P.26 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay Vô sanh, P.27 Thiên vương, P.28 Ảo nhơn lời tựa, Lời nói đầu; và 32 phần Kinh (ở Thính pháp, P.29 Tán hoa, P.30 Tam thán, mỗi phần có: Chánh văn, Dịch nghĩa và P.31 Diệt tánh, P.32 Bửu pháp Đại minh, Giảng). P.33 Thuật thành, P.34 Khuyến trì, P.35 Xem: (32 phần) Kinh Kim Cang Bát-nhã Khiển trừ Ma ngoại, P.36 Tôn đạo, P.37 Ba-la-mật Xá-lợi, P.38 Pháp thí, P.39 Tương tợ, P.40 Tùy hỷ, P.41 Chiếu minh, P.42 Tín hủy, 191. KIM CANG Quyết Nghi & TÂM P.43 Thán tịnh, P.44 Vô tác, P.45 Ma-ha KINH Trực Thuyết Ba-la-mật, P.46 Kinh Nhĩ văn trì, P.47 Ma Hám Sơn Đại sư sự, P.48 Bất Hòa hiệp, P.49 Phật mẫu, Khảo đính: Sa-môn Thích Huyền Dung P.50 Vấn tướng, P.51 Thành biện, P.52 Việt dịch: Vương Gia Hớn – Pháp danh Thí dụ, P.53 Thiện Tri thức, P.54 Xu Thiền Minh hướng Nhất thiết trí, P.55 Đại như, P.56 Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Bất Thối chuyển, P.57 Kiên cố, P.58 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 137 Thâm áo, P.59 Mộng

hành, P.60 Hằng- trang, bìa mềm. già-đề-bà, P.61 Học không-bất chứng, Kim Cang Quyết Nghi, Tựa của Dịch giả, P.62 Mộng trung Bất chứng, P.63 Ma sầu, Tựa của Cư sĩ Lục Khoan Dục, Lời tựa P.64 Đẳng học, P.65 Tùy hỷ, P.66 Hư Kim Cang Quyết Nghi, Kim Cang Quyết không, P.67 Chúc lụy, P.68 Bất khả tận, Nghi văn Kinh; Kim Cang Quyết Nghi- P.69 Lục độ Tương nhiếp, P.70 Đại Phần I, Phần II; Tâm Kinh Trực Thuyết; Phương tiện, P.71 Tam Huệ, P.72 Đạo Kinh sách tham khảo, Phần Hán văn. Thọ, P.73 Bồ-tát hạnh, P.74 Chủng Thiện căn, P.75 Biến học, P.76 Nhứt niệm, P.77 192. KIM CANG TAM-MUỘI ĐẠI Lục dụ, P.78 Tứ nhiếp, P.79 Thiện Đạt, BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT P.80 Thật Tế, P.81 Tinh Phật quốc, P.82 Thuần Tâm Cụ túc, P.83 Quyết định, P.84 Tứ đế, P.85 Lăng Nghiêm Thiền viện – Tri Thức Thất dụ, P.86 Bình đẳng, P.87 Như hóa, Kiểm duyệt số P.88 Bát-đà-ba-luân, P.89 Đàm-vô-kiệt, 6.217/74/BDVCH/PHBCNT/ALP/TP, P.90 Chúc lụy. ngày 5-12-1974 Sách dày 378 trang, bìa mềm. Nội dung 193. KIM CANG TAM-MUỘI KINH gồm có 90 phẩm: Tựa, Sơ dẫn, Tìm hiểu

Giới thiệu-dịch và chú giải: Thích Thái tinh thần vô ngã, 26. Pháp thân không có Hòa hình tướng, 27. Không chấp đoạn, không Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013. chấp diệt, 28. Không thọ lãnh và không Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 279 trang, tham, 29. Pháp thân thanh tịnh, 30. Đạo lý gồm 8 phẩm: - Giới thiệu Kim Cang Tam- về tướng hợp nhất, 31. Không nên chấp muội Kinh, Kinh bản và huyền thoại, Ý tướng của sự vật, 32. Tất cả sự vật và hiện nghĩa đề Kinh, Đặc điểm của Kim Cang tượng đều không thật. Phụ lục: Bản dịch tam-muội Kinh: 1. Tông yếu, 2. Giáo học, Anh văn, Bản chính Hán văn. 3. Pháp hành, 4. Quả vị; Kim Cang Tam- muội Kinh: P.1 Tựa, P.2 Pháp vô tướng, 195. KIM CANG và TÂM KINH P.3 Hành vô sanh, P.4 Lợi ích từ bản giác, Dịch nghĩa và lược giải: Thích Thiện Hoa P.5 Vào bến bờ chân thực, P.6 Chân tánh Hương Đạo xuất bản – 1965 (in lần thứ không, P.7 Như Lai tạng, P.8 Tổng trì; nhất) Thư mục tham khảo. Kinh dày 255 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: I. Lời tựa, II. Kinh Kim Cang 194. KIM CANG – THE DIAMOND Bát-nhã (dịch nghĩa và lược giải), III. Bát- SUTRA nhã Tâm Kinh (dịch nghĩa và lược giải); Dịch và chú giải: Đinh Sỹ Trang IV. Phụ lục: “Một sự nghiệp của đời tôi”. Tái bản ấn tống – 2005 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 235 trang, 196. KIM CƯƠNG KINH bìa mềm. Tác phẩm gồm có: Lời giới Giảng Nghĩa thiệu, Lời đầu sách, Ý nghĩa của tên Kinh, Người giảng: Giang Vị Nông Cư sĩ Kinh Kim Cang chú giải; Nội dung có 32 Việt dịch: Đồ Nam Lão nhân chương: 1. Nguyên do hội thuyết pháp, 2. Nxb Hồng Đức – 2018 Ông Tu-bồ-đề hỏi Phật, 3. Chánh tông của Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 1.094 Đại thừa, 4. Bố thí không dựa vào tướng, trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ mạ vàng. Nội 5. Phải biết thấy cho đúng, 6. Biết tin cho dung gồm có 5 quyển: Lời nói đầu của đúng, thật là có ít, 7. Không có pháp để Dịch giả; Q.I Bát-nhã cương yếu, Dung được, 8. Phật và Pháp đều từ Kinh này ma hội Chư gia, Noi theo năm tầng giải nghĩa ra, 9. Quả vị cũng không chấp, 10. Trang Kinh đề, Hiển thể, Phân biệt chỗ giống nghiêm cõi Phật, 11. Pháp thí tạo phước nhau và khác nhau, Hiển thể, Giải thích lớn hơn hết, 12. Tôn trọng giáo lý chân nghĩa Minh tông, Phân biệt cái khác nhau chánh, 13. Tiếp nhận và thực hành theo lời và cái giống nhau, Minh tông, Biện dụng, Phật dạy, 14. Dứt bỏ mọi khái niệm về Giải nghĩa phán giáo tướng, Phiếm luận tướng, 15. Công đức lớn khi ứng dụng giáo tướng, Giải thích người dịch, Kim Kim Cang, 16. Khả năng tiêu trừ nghiệp Cương Bát-nhã; Q.II

Biệt giải văn nghĩa, chướng, 17. Sau rốt khái niệm về Ngã Phát khởi tự, Chính tông phận, Xưng tán, cũng không có, 18. Thấy được cái thể Thỉnh pháp, Như Lai tán hứa, Hứa nói, đồng nhất, 19. Thông hiểu pháp giới, 20. Khế hợp với tôn chỉ, cầu xin nói rõ, Theo Không chấp vào hình tướng, 21. Không có cảnh nói rõ vô trụ để hiển Bát-nhã lý thể, nói pháp, 22. Không có pháp để được, 23. Chính nói rõ, Trưng thích, Chẳng trụ ở Tịnh tâm khi làm việc lành, 24. Đọc tụng tướng tức là trụ, Trưng thích cớ của nó, Kim Cang được phước lớn, 25. Hóa độ với Thí dụ cho rõ, Sanh tín; Q.III Suy mở Vô

trụ để khai giải, Bất hoại giả danh, Cực dung gồm có: - Lời giới thiệu, - Kinh tựa, hiển kinh công; Q.IV Tỏ rõ Vô trụ để hiển - Chánh phần, - Phần lưu thông. Q.V Lưu thông phận. Sanskrit/Hán tạng) Tác phẩm này đã xuất bản từ năm 1972, Nxb Hạnh Phúc. 200. KINH A-DI-ĐÀ Việt dịch: HT. Thích Tâm Châu (1921- 197. KIM CƯƠNG KHỦNG BỐ TẬP 2015) HỘI PHƯƠNG QUẢNG QUỸ NGHI Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: - QUÁN TỰ TẠI BỒ-TÁT TAM THẾ Lời Phật dạy, Mật niệm, Nguyện hương, TỐI THẮNG Kỳ nguyện, Tán Phật – Quán tưởng, Đỉnh TÂM MINH VƯƠNG KINH lễ, Trì tụng, Chú Đại bi (tiếng Phạm), Kệ Mật Tạng bộ 3 – No. 1033 khai Kinh; - Phật nói Kinh A-di-đà; Sau Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không cùng là Niệm Phật, Sám nguyện, Hồi Việt dịch: Huyền Thanh hướng, Phục nguyện, Tự quy, Chú Đại bi gồm 9 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Việc thành tựu, P.3 Thành tựu báu như ý, P.4 Trị liệu tất 201. KINH A-DI-ĐÀ cả bệnh, P.5 Tất cả hữu tình kính niệm, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- P.6 Thành tựu nghĩa lợi, P.7 Thành tựu thập (Kumarajiva, 344-413) Nghi quỹ, P.8 Phổ thông thành tựu, P.9 Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Minh Định Thành tựu tâm chân ngôn. Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần đầu là nói Kinh A-di-đà; Sau cùng là Ma-ha Bát- 198. KIM QUANG MINH nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh và nghi thức Việt dịch: Huyền Thanh 202. KINH A-DI-ĐÀ Nxb Hồng Đức, PL. 2558 – DL. 2015 Soạn dịch: Thích Nhật Từ Kinh có khổ 20 x 29cm, có 191 trang. Nội Nxb Tôn Giáo – 2005 dung gồm 10 quyển: 1. Sơ lược về Kinh Kinh có khổ 14 x 20.5cm, có 34 trang, bìa Kim Quang Minh, 2. Kim Quang Minh mềm, nền đỏ, chữ tựa màu nâu, có hình Tối Thắng Vương Kinh, từ Q.I đến Q.X, tượng Đức Phật A-di-đà đứng, một tay 3. Kim Quang Minh Tối Thắng sám nghi, bưng đóa hoa sen. Nội dung gồm có: Lời 4. Mục lục nói đầu, Phần Nghi thức dẫn nhập, 1. Nguyện hương, 2. Đảnh lễ Tam bảo, 3. 199. KINH A-DI-ĐÀ Tán hương, 4. Phát nguyện trì Kinh, 5. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Tán dương Giáo pháp; Phần Chánh Kinh, thập (Kumàrajiva, 344-413) 6. Kinh A-di-đà; Phần Sám nguyện và Hồi Việt dịch và lược giảng: Thích Vĩnh Hóa hướng: 7. Bát-nhã Tâm Kinh, 8. Niệm Lu Mountain Temple (Lư Sơn tự), 7509 Phật, 9. Mười hai lời nguyện, 10a. Sám Mooney Drive, Rosemead, CA 91770, Di-đà, 10b. Sám Niệm Phật, 10c. Sám USA, xuất bản lần thứ nhất. Toàn bộ tác Nhất tâm, 10d. Sám Phát nguyện, 10e. phẩm Kinh này dày 327 trang, với nội

Sám Tống táng, 11. Hồi hướng Công đức, Tịnh độ, Nắm lấy danh hiệu, Đã về đã tới, 12. Phục nguyện, 13. Đảnh lễ Ba ngôi báu. Hoa sen chín phẩm, Thiền định không hai, Gạn đục khơi trong, Ba nguồn năng lượng; 203. KINH A-DI-ĐÀ Kinh A-di-đà (thầy Nhất Hạnh dịch từ bản Giảng giải: Đinh Sĩ Trang chữ Hán). (Bản lưu tại Thư viện Huệ Sách có 175 trang, bìa mềm. Nội dung Quang-Trung Tâm Dịch thuật Hán Nôm gồm: Đức Phật A-di-đà, Kinh A-di-đà – Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Pháp môn Tịnh Độ,

Phương cách tu tập: VKINH 0109) Tọa thiền niệm Phật, Ngọa thiền niệm Phật, Lạy Phật niệm Phật, Tụng Kinh 206. KINH A-DI-ĐÀ (Họa Tập) niệm Phật, Kinh A-di-đà dịch ra tiếng Họa tranh và lời: Thích nữ Minh Triều Việt; Kinh A-di-đà giảng giải; Lạy Phật có Nxb Tôn Giáo – 2004 ích cho sức khỏe; 48 nguyện của Phật A- Kinh có khổ 16 x 24cm, có 60 trang, bìa di-đà. (Số bản tài liệu: KSTV011423, lưu cứng. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phật tại Thư viện Học viện PGVN tại Tp. Hồ nói Kinh A-di-đà, với 23 hình Phật A-di- Chí Minh) đà và cảnh giới Tây phương.

204. KINH A-DI-ĐÀ Bạch Thoại Giải 207. KINH A-DI-ĐÀ – HỒNG DANH – Thích VU LAN Diễn thuật: Cư sĩ Huỳnh Trí Hải (Có chữ Hán, chữ Quốc ngữ, có diễn âm, Việt dịch: HT. Thích Trí Minh diễn Nghĩa lý và Sự tích) Nxb Phương Đông – 2011. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 484 trang, 2 thập và Trúc Pháp Hộ bìa (1 bìa mềm bao, 1 bìa cứng). Các vị trong tòa soạn Phật học Tạp chí Từ Nội dung gồm có: Lời người dịch, Lời tựa Bi Âm dịch ra Quốc văn (1), Lời tựa (2), Kinh A-di-đà Bạch thoại Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học (Điều lệ giải thích, Quyển thượng và Quyển hạ, có quan Thống đốc Nam kỳ phê ngày Pháp sư Ấn Quang giám định (trong mỗi 26/1931), ấn hành năm 1934. quyển có: Kinh văn, âm, nghĩa, giải, thích, (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Trung tóm tắt, phụ lục, giải thích danh từ trong Tâm Dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. phần phụ lục); sau cùng là Lời bạt, Phần Hồ Chí Minh) phụ Phụ Phương pháp tu hành, Pháp Thập niệm, Kệ Hồi hướng và Văn hồi hướng. 208. KINH A-DI-ĐÀ – HỒNG DANH – Tác phẩm này được xuất bản từ năm 2001, VU LAN – PHỔ MÔN Nxb Tôn Giáo. Dịch âm-nghĩa: Thích Trí Tịnh (1917- 2014) 205. KINH A-DI-ĐÀ Giảng Giải Liên Hải Phật Học Đường Giảng giải: Nhất Hạnh In tại Nhà In Thạnh Mậu (Gia Định), PL. Kinh dày 142 trang, bìa mềm. Nội dung 2501 – DL. 1957 gồm có: Bụt tại mười phương, Tịnh nhiễm Kinh có 104 trang, bìa mềm. Nội dung do tâm, Khổ vui tương tác, Diệu dụng gồm có: I. Kinh Phật thuyết A-di-đà, Hán pháp thân, Tích môn Bản môn, Đạo tràng dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, lý tưởng, Gió chim thuyết pháp, Tạo lập 1. Kỳ viên đại hội, 2. Y báo-chánh báo, 3.

Y báo trang nghiêm, 4. Chánh báo vô và nâu đỏ, có hình tượng Đức Phật A-di- lượng thù thắng, 5. Nhơn sanh vãng sanh, đà đứng, một tay bưng đóa hoa sen. Nội 6. Sáu phương Phật đồng khuyên tin, 7. dung gồm có: Nghi thức Trì tụng (Nguyện Thuyết Kinh rất khó; Bạt Nhất thiết hương, Tán Phật, Tán lư hương, Chú Đại Nghiệp chướng Căn bổn đắc sanh Tịnh độ Bi); Phật nói Kinh A Mi Đà, Hán dịch: Đà-la-ni, A-di-đà Phật tán; Thích nghĩa, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, 1. Kỳ Phụ lục vài tích vãng sanh có chứng viên đại hội, 2. Y báo-chánh báo, 3. Y báo nghiệm; 48 Đại Nguyện của Đức Phật A- trang nghiêm, 4. Chánh báo vô lượng thù di-đà; II. Hồng danh Bửu sám, dịch âm- thắng, 5. Nhơn sanh vãng sanh, 6. Sáu dịch nghĩa; Thích nghĩa; III. Vu Lan Bồn phương Phật đồng khuyên tin, 7. Thuyết Kinh, dịch âm-dịch nghĩa, Thích nghĩa; IV. Kinh rất khó; Bạt Nhất thiết Nghiệp Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, dịch chướng Căn bổn đắc sanh Tịnh độ Đà-la- âm-dịch nghĩa, Thích nghĩa. ni, Bài Khen Phật A-mi-đà, Ma-ha Bát- (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Quyết định Chân ngôn, Kệ niệm Phật, Hồ Chí Minh; Mã sách: VKINH 0188) Sám Từ Vân, Tán Hộ Pháp, Hồi hướng, Tự Quy y, Nguyện; Thích

nghĩa A-mi-đà 209. KINH A-DI-ĐÀ – HỒNG DANH – Kinh. VU LAN – Tác phẩm Kinh này được xuất bản từ năm PHỔ MÔN – KIM CANG 1952, Tự Giác Phật Học Tùng Thư ấn Cao Miên Phật Giáo Nam Vang – 1938 hành, với nhan đề "Phật thuyết A-di-đà Kinh dày 116 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh" do Thích Trí Tịnh dịch và phiên gồm có: Chú Rửa tay, Chú Rửa mặt, Chú âm; tái bản nhiều lần: Năm PL. 2554 – Súc miệng, 1. Bài Kệ niệm hương, 2. Bài DL. 2010, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x Nguyện chuông, 3. Chú Tịnh khẩu nghiệp, 20.5cm, có 47 trang, bìa mềm, chữ tựa 4. Chú Tịnh thân nghiệp, 5. Chú Tịnh tam màu đỏ, có hình tượng Đức Phật A-di-đà nghiệp, 6. Chú An thổ địa, 7. a. Chú Hộ đứng; năm 2009-2012, Nxb Tôn Giáo. pháp, b. Bài Tán dương chi, 8. Chú Đại bi, 9. Bài Kệ khai Kinh, 10. A-di-đà Kinh, 11. 211. KINH A-DI-ĐÀ (Nghĩa) Hồng Danh sám, 12. Vu Lan bồn Kinh, Tổ đình Linh Quang Tịnh Xá (Quận 4, Tp. 13. Phổ Môn Kinh, 14. Kim Cang Kinh, Hồ Chí Minh) ấn hành 15. Bổ khuyết Tâm Kinh, 16. Đại Bổ Nxb Tôn Giáo – 2010 khuyết, 17. Chú vãng sanh, 18. Bài Kệ tán Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 86 trang, Phật, 19. Bài Sám Thập phương, 20. Bài bìa mềm. Nội dung gồm có: Nghi thức Thập giả kỉnh, 21. Bài Phúng tụng Kinh, Tịnh độ (Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn, Án Nguyện tiêu và Nguyện sanh, 22. Bài Tam Thổ địa chơn ngôn, Tịnh Tam nghiệp chơn Quy y. ngôn, Phổ Cúng dường chơn ngôn, Phụng thỉnh bát Kim Cang, Phụng tỉnh tứ Bồ-tát, 210. KINH A-DI-ĐÀ nghĩa Phát nguyện văn, Vân hà phạm, Khai Kinh Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) kệ); Phật nói Kinh A-di-đà; Ma-ha Bát- Nxb Hồng Đức – 2015 nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt nhứt Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 47 trang, thiết Nghiệp chướng căn bổn đắc sanh bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu trắng Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Tĩnh tâm, Hồi

hướng, Phục nguyện, Tam tự Quy y, Tán A-di-đà Phật, 12 Lời nguyện, Sám Nhất 214. KINH A-DI-ĐÀ Sớ Sao tâm, 10 Lợi ích ấn tạo Kinh Phật; Các Sớ sao: Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612) ngày lễ kỷ niệm của Phật giáo, Những Dịch giả: HT. Thích Hành Trụ (1904- ngày trai. 1984) THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 212. KINH A-DI-ĐÀ 2535 – DL. 1991 PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH Kinh có khổ 15 x 23cm, dày 472 trang, bìa (âm – nghĩa) mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- huy hiệu GHPGVN-TP.HCM, có tay gấp. thập (Kumàrajiva, 344-413) Toàn bộ Kinh này gồm có 4 quyển chính: Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và Lời giới thiệu, Lời tựa, Lời nói đầu; Quyển Nguyễn Minh Tiến I, Phần Thông tự đại ý của kinh (Nói rõ tự Nxb Tôn Giáo – 2010. Tác phẩm Kinh này tánh, Khen ngợi kinh này, Cảm thích thời có 50 trang, bìa mềm, nội dung gồm có: - cơ, Tỏ ý mình giải kinh, Cầu Phật giúp Nghi thức khai Kinh (Niệm hương, Cúng thêm), Phần Chánh tông và Phần lưu hương tán Phật, Kỳ nguyện, Tán Phật, thông; Quyển II, Rõ bày y báo, chánh báo Quán tưởng, Tán hương, Chú Đại bi, Khai đều tốt sạch để cho chúng nảy lòng tin ưa, Kinh kệ); Phần dịch âm: Phật thuyết A-di- Chỉ ngay hạnh nguyện ra, khiến cho chúng đà Kinh (Tán Phật, Chí tâm đảnh lễ, Ma- biết để mà tu chứng, Cùng nhau dẫn lời ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng Phật nói, để cho chúng dứt lòng nghi lầm, sanh Quyết định Chân ngôn, Tán Phật, Cùng nhau rõ sự khó khăn để cho chúng Sám Thập phương, Sám Phổ Hiền, Hồi nảy lòng cảm thiết; Quyển III, Nhạc trời, hướng, Tam tự Quy y); Phần dịch nghĩa: Đất vàng, Tuôn hoa, Tóm kết; Quyển IV, Kinh A-di-đà. Cảm quả: Phật hiện trước mặt ta, Ta sanh Tác phẩm

Kinh này tái bản năm 2016, qua xứ Phật. Nxb Tôn Giáo, khổ 16 x 24cm, có 50 Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm trang, bìa mềm, nền đỏ, có khung bao hoa 1949, Giác Nguyên Tự Phật Học Đường văn bốn góc, chữ tựa màu vàng và màu xuất bản, với tựa "Kinh Di-Đà sớ sao", trắng, có hình hoa sen. Trọn bộ-Quyển I, II và III, dịch giả Sa- môn Lê Phước Bình (tức HT. Thích Hành 213. KINH A-DI-ĐÀ (Phạn – Việt) Trụ); năm PL. 2517-DL. 1954, Phật học Dịch và chú thích: Lê Tự Hỷ đường Giác Nguyên xuất bản và phát Nxb Hồng Đức – 2020. Kinh có khổ 15.5 hành, In tại Nhà in Nam Quan (Sài Gòn), x 23.cm, có 195 trang, bìa mềm. Giấy phép số 137 T.X.B. ngày 2-3-1954 Nội dung gồm có: Lời mở đầu, và 20 đoạn của Nha Thông tin Việt Nam, với tựa văn Kinh (trong mỗi đoạn có: Kinh văn "Kinh A-Mi-Đà sớ sao"-Trọn bộ; năm chữ Phạn, Từ vựng, Chuyển câu theo PL. 2518 – DL. 1974, Giác Nguyên Tự Devanàgari qua IAST, Tháo hợp âm, Phân Phật Học Viện (Sài Gòn) tái bản lần thứ tích ngữ pháp của các từ, Cho ý nghĩa của nhất, In tại Nhà in Sen Vàng; năm 1983, các từ và Dịch Phạn văn ra Việt văn); Phụ Phật học viện Quốc tế ấn hành; năm lục: Từ vựng trong Kinh A-di-đà; Tài liệu 2007; năm 2013, Kinh A-di-đà sớ sao, tập tham khảo. 1, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

dịch Kinh Phật thuyết A-di-đà Yếu giải; 215. KINH A-DI-ĐÀ Sớ Sao Lời tựa Phật thuyết A-di-đà Kinh Yếu (Gồm phần trì tụng – phần giải thích – giải; Ngũ trùng huyền nghĩa: 1. Thích rõ phần chú thích các hạng từ Phật học) nghĩa cái tên đề của bộ Kinh, 2. Biện luận Thuyết: Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612) thể chất của bộ Kinh, 3. Nói về tôn chỉ của Dịch và giải: Tiến sĩ Nguyên Hồng bộ Kinh: TÍN, a. Thế nào là tin ở mình? b. Nxb Tôn Giáo – 2004 Thế nào là tin ở người? c. Thế nào là tin ở Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 477 nhân? d. Thế nào là tin ở quả? e. Thế nào trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần: là tin ở sự thật? f. Thế nào là tin ở lý? I. Phần tụng trì: Nghi thức bằng tiếng NGUYỆN, HÀNH, 4. Nói rõ lực dụng của Việt; II. Phần giải nghĩa: Bản dịch Kinh bộ Kinh, 5. Nói về giáo tướng của bộ A-di-đà sớ sao; III. Phần chú thích: Bản Kinh; Kinh văn, Kinh A-di-đà Yếu giải, A. dịch các hạng từ Phật học. Phần tựa, 1. Thông tự, a. Thanh văn chúng, b. Bồ-tát chúng, c. Thiên-nhân 216. KINH A-DI-ĐÀ Sớ Sao Diễn Nghĩa chúng, 2. Biệt tự, B. Phần Chánh tông: I. – 9 Quyển Khải tín, a. Quả Y báo, b. Quả Chánh báo, Chủ giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không 2. phát nguyện, 3. Lập hạnh; C. Phần Lưu Chuyển ngữ: Đệ tử Như Hòa thông: I. Phổ khuyến, 1. Khuyến tín lưu Giảo duyệt: Minh Tiến – Huệ Trang – Đức thông, 2. Khuyến nguyện lưu thông, 3. Phong Khuyến hạnh lưu thông, II. Kết khuyến; Nxb Hồng Đức – 2014 (5 quyển đầu). Phương pháp thực hành tu Tịnh độ; Lời Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, bìa cứng. nguyên bạt; Chú thích; Kinh Kiến Chính Q.I, dày hơn 590 trang, nội dung gồm 30 (cũng gọi là Sinh Tử Biến Thức), Dịch tập (T.1 đến T.30); Q.II, dày hơn 638 giả: Sa-môn Trí Hải (chùa Quán Sứ), Lời trang, nội dung gồm từ T.31 đến T.60; nói đầu, Kinh Kiến Chính; Kinh Bốn Mươi Q.III, dày hơn 606 trang, nội dung gồm từ Hai Chương (Tứ Thập Nhị Chương Kinh), T.61 đến T.90; Q.IV, dày hơn 659 trang, Thiện Tuệ-Ngô Duy Ban; Phật thuyết nội dung gồm từ T.91 đến T.120; Q.V, dày Kinh Bốn Mươi Hai Chương, có 42 hơn 587 trang, nội dung gồm từ T.121 đến chương: C.1 Xuất gia tu đạo, C.2 Bỏ Ái T.150; Q.VI, Q.VII, Q.VIII, Q.IX, xuất bản dục, C.3 Bỏ Tâm tham, C.4 Thiện và Ác, năm 2016, Nxb Hồng Đức. C.5 Nên biết cải quá, C.6 Nhẫn nhục, C.7 Chớ làm việc ác, C.8 Không nên làm hại 217. KINH A-DI-ĐÀ Yếu Giải

người hiền, C.9 Hiểu đạo, C.10 Bố thí (Kinh Tam Bảo) được phúc, C.11 Ruộng phúc hơn kém, Yếu giải: Đại sư Ngẫu Ích (1599-1655) C.12 Tu là cõi phúc, C.13 Biết được kiếp Việt dịch: Thích Tuệ Nhuận trước, C.14 Hay nhất-Lớn nhất, C.15 THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. Mạnh nhất-Sáng nhất, C.16 Bỏ Ái dục 2537 – DL. 1993 thấy Đạo, C.17 Thấy Đạo, C.18 Chân lý, Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 277 trang, bìa C.19 Đắc Đạo, C.20 Phá Vọng ngã, C.21 mềm, chữ tựa màu xanh dương, có hình Cái hại cầu danh, C.22 Tiền của và Sắc hoa sen và bánh xe pháp luân. Nội dung đẹp, C.23 Thê tróc tử phọc, C.24 Cái hại gồm có: Phật tánh- Lời tựa Kinh A-di-đà về Sắc dục, C.25 Lửa dục đốt thân, C.26 Yếu giải mới dịch ra tiếng Việt; Lời tựa Thiên ma quấy Phật, C.27 Tinh tiến đắc

Đạo, C.28 Phải xa nữ sắc, C.29 Đối với nữ nhân, C.30 Xa lòng ham muốn, C.31 Ngăn 218. KINH A-HÀM CHÍNH HẠNH và bỏ tà tâm, C.32 Ái dục sinh lo sợ, C.33 KINH THIÊN THỈNH VẤN Bền gan đắc Đạo, C.34 Dạy về Trung Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Đạo, C.35 Tu tâm, C.36 Biết Tu thực khó, Chùa Từ Quang (Sài Gòn), PL. 2501 – C.37 Giữ giới đắc Đạo, C.38 Tính mệnh DL. 1957 người đời, C.39 Tin theo lời Phật, C.40 Kinh có 22 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ Hành đạo tại tâm, C.41 Qua vũng bùn nhơ, tựa màu đỏ và màu hường, có hình vẽ hoa C.42 Đời là cảnh mộng; Kinh Di Giáo, có sen. Nội dung gồm có: Phật nói Kinh A- 18 Tiết, Kinh Di Giáo của Phật, T.1 Kính hàm Chính Hạnh, Hán dịch: Ngài An Thế giới như kính Phật, T.2 Kềm chế ngũ căn, Cao; và Kinh Thiên Thỉnh Vấn, Hán dịch: T.3 Không cầu nhiều, T.4 Đừng ham ngủ, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. (Bản lưu T.5 Không Giận bẳn, T.6 Không nên Kiêu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học ngạo, T.7 Bỏ tính Xiểm khúc, T.8 Công Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: đức ít Ham muốn, T.9 Công đức Tri túc, Vie 341) T.10 Công đức viễn ly, T.11 Công đức Tinh tiến, T.12 Công đức không quên 219. KINH A-HÀM Toát Yếu – Trọn bộ Chính niệm, T.13 Công đức Thiền định, 5 tập T.14 Công đức Trí tuệ, T.15 Công đức Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920- Cứu kính, T.16 Khuyên nên tu hành, T.17 2013) Lời dạy ân cần về phép Tứ-đế, T.18 Bỏ Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019 mối Nghi ngờ; Bài Cảnh sách của Tổ Qui Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 5 tập dày hơn Sơn, 1. Tại sao phải tu? 2. Mục đích của 830, bìa cứng, có hộp đựng 5 tập. người xuất gia, 3. Cái hại về tham danh- TRƯỜNG A-HÀM, dày hơn 177 trang. Nội tham lợi, 4. Phải học giới luật, 5. Cái hại dung gồm có: Tiểu sử, Lời giới thiệu; về không tu, a. Trí người xuất gia, b. Răn Trường A-hàm, Tựa, Kinh Du hành, Kinh mình, c. Cầu Đạo, d. Chọn bạn, e. Tu bằng Thanh tịnh, Kinh A-ma-trú, Kinh Phạm phép Thiền Trực chỉ, g. Tu bằng giáo động, Chủng đức, Cứu-la-đàn-đầu, Kiên pháp, h. Lời răn, i. Lời nguyện, k. Dạy cố, Phạm chí lõa hình, Tam minh, Sa-môn phép tu, l. Lời khuyên miễn, m. Nhân nào quả, Bố-tra-bà-lâu, Lộ-già, Thế ký; Trung quả nấy, n. Bài minh. A-hàm, Tượng tích, Ngũ thịnh ấm, Úc-già Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. trưởng giả, Bản tế, Vua đón Phật, Tam 2510 – DL. 1966, Tịnh xá Trung Tâm (Gia thập dụ, Trường thọ vương, Phẩm uế, Định)-Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Phẩm nhân, Kinh niệm, Lại-tra-hòa-la, Nam ấn hành, với nhan đề "Phật thuyết A- Toán số, Tu-nhàn-đề, Phu-lợi-đa, Tiễn dụ. di-đà Kinh yếu giải", có 158 trang, bìa TRUNG A-HÀM 1, Việt dịch: Cao đẳng mềm, chữ tựa màu đỏ và màu xanh dương, Phật học Hải Đức Nha Trang, Toát yếu: có hình Đức Phật A-di-đà; năm 1974, có Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm, dày hơn 170 phụ thêm: Kinh Kiến Chính, Kinh

42 trang. Nội dung gồm có: Thiện pháp, Cây Chương, Kinh Di Giáo, Bài Cảnh Sách, In Trú độ, Thành dụ, Thủy dụ, Mộc tích dụ, tại Nhà in Hạnh Phúc, Giấy phép số Thế gian phước, Bảy Mặt trời, Bảy Cổ xe, 726/74/PBDVCH/KSALP/TP, ngày 29-5- Lậu tận, Hạt muối, Hòa phả, Độ người, La 1974; năm 2009, Nxb Tôn Giáo. vân, Suy nghĩ, Già-lam, Cadini, Sư tử,

Thành tựu giới, Kinh trí, Sư tử hống, Cù- Suy ngẫm, Kosambiya, Hàng ma, ni sư, Đà-nhiên, Đại Câu-hy-la, Phân biệt Kandaraka, Hữu học, Jivaka, Hạnh con Thánh đế, Thị giả Vị tằng hữu (hiếm có), chó, Vương tử Vô úy, Nhiều cảm thọ, La- Bạc-câu-la, A-tu-la, Thủ Trưởng giả, hầu-la, Đại Kinh, Bhaddali, Chim cáy, Công đức trì giới, Tận trí, Di-hê, Kinh Catuma; tướng, Đảnh sanh, Thí dụ phân trâu, Bệ- TRUNG BỘ 2, Việt dịch: HT. Thích Minh bà-lăng-kỳ, Thiên sứ, Kinh Ô-điều dụ, Châu, Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Thuyết bồn, Vua Đại Thiện kiến, Chuyển Âm. Kinh dày hơn 163 trang. Nội dung Luân vương, Bệ tứ, Tâm niệm, Tịnh bất gồm có: Gulissani, Kitagiri, Vaccha, động Đạo, Úc-già-chi-la, Ly dục, Phật Trường Trảo, Sakuludaya, Makhadeva, giáo giới, Niệm thân, Tự mãn tai hại, Thùy Madhura, Bồ-đề Vương tử, Angulimala, miên, Gai chích, Chân nhân; Ái sanh khổ, Trí quang, Pháp trang TRUNG A-HÀM 2, Việt dịch: Cao đẳng nghiêm, Canki, Vasettha, Subha, Phật học Hải Đức Nha Trang, Toát yếu: Devadaha, Như thế nào, Làng Sama, Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm, dày hơn 168 Thiện Tinh, Gopaka, Trăng tròn, Thanh trang. Nội dung gồm có: Thuyết xứ, Cầu tịnh, Chân nhân, Nên và không nên, Đa pháp, Biết pháp, Tiệm giảm, Sen trắng, giới, Bốn mươi, Niệm Hơi thở, Niệm thân, Thùy tịnh, Hắc Tỳ-kheo, Trụ pháp, Đại Đại không, Điều ngự Tâm địa, Phù-di, nhân, Tăng thượng tâm, Sư tử hống, Ưu- Tùy phiền não, Hiền ngu, Hiền giả một đàm-ba-la, Ước nguyện, Quán tâm, Đạt đêm, Nghiệp, Ba mươi sáu thọ, Tổng biệt Phạm hạnh, A-nô-ba, Pháp bổn, Ưu-đà-la, thuyết, Vô tránh, Sáu giới, Bốn sự thật, Kiều-đàm-di, Từ bi, Luận nghị, Vô Cúng dường, Giáo giới Phú-lâu-na, Giáo thường, Tự tứ thanh lương, Chiêm-ba, Sa- giới Tỳ-kheo Ni, Sáu sáu, Khất thực thanh môn hai mươi ức, Tám nạn, Bần cùng, tịnh, Sáu căn tu tập. Phước điền, Ưu-bà-tắc, Oan gia, Đàm-di, Đế-thích, Vợ la-sát, Thế gian, Phước, Chỉ 220. KINH A-MI-ĐÀ đạo, Lập chí, Không phóng dật, Thương- Việt dịch và Giảng giải: ca-la, Sanh văn, Uất-sấu, Nhiếp hòa, Bà- HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) la-bà, Tu-đạt-đa, Vườn Hoàng Lô, Đầu-na, Biên tập: Thích Thiện Cung A-lan-na, Phạm ma, Phân biệt quán pháp, Lưu hành nội bộ, PL. 2563 – DL. 2019 Ôn tuyền, Ý hành, Oanh vũ. Kinh dày 219 trang, bìa mềm, có tay gấp, TRUNG BỘ 1, Việt dịch: HT. Thích Minh có viền khung hoa văn bốn góc, nền đỏ, Châu, Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hải Triều chữ tựa màu vàng nhạt. Nội dung gồm có Âm, dày hơn 152 trang. Nội dung gồm có: 4 phần: Phần I. Bốn Bài (B) kệ, B.1 Kệ Pháp môn căn bản, Thừa tự pháp, Sợ hãi, tán Phật, B.2 Kệ Đại từ, B.3 Kệ Quán Ước nguyện, Tấm vải, Chánh tri kiến, Khổ tưởng, B.4 Kệ khai Kinh; Phần II. Phật uẩn, Tư lượng, Tâm hoang vu, Chọn chỗ nói Kinh A-mi-đà, Mục (M) A. Đề Kinh, ở, Bánh mật, Song tầm, Cái cưa, Con rắn, M.B Phiên dịch; Phần III. Kinh A-mi-đà Gò mối, Bẫy mồi, Thánh cầu, Dấu chân giảng giải, C.I Duyên khởi, Kỳ viên Đại voi, Lõi cây, Ba Tôn giả, Sáng chói, hội, M.A Phần tựa, M.B Phần thính Người chăn bò, Saccaka chúng; C.II Chánh đề, 1. Y báo-Chánh Culasaccakasuttam, Đoạn tận ái, Xóm báo, 2. Y báo trang nghiêm, 3. Chánh báo ngựa, Sala, Phương quảng, Pháp

hành, vô lượng thù thắng, 4. Nhơn hạnh vãng

sanh, 5. Sáu phương Phật đồng khuyên, 6. Kinh này đã được xuất bản năm 2004, Nxb Thuyết Kinh rất khó; C.III Lưu thông, Đại Tôn Giáo. chúng thọ trì; Phần IV. Phụ chú, 1. Phân khoa, 2. Thích nghĩa Kinh A-mi-đà. 223. KINH ANH LẠC 221. KINH A-NAN VẤN PHẬT SỰ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Trúc Phật CÁT HUNG Niệm (A-nan hỏi Phật chuyện tốt xấu) Việt dịch: Viện Cao đẳng Phật học Huệ Giảng giải: HT. Tịnh Không Nghiêm Việt dịch: Thích Nhuận Nghi Kinh dày hơn 124 trang, bìa cứng, chữ tựa Nxb Phương Đông – 2007. Kinh dày 242 mạ vàng (PL. 2514), (bản đánh máy). Nội trang, bìa mềm. Nội dung gồm 2 phần dung gồm có 8 phẩm: Lời nói đầu, P.1 Tập chính: - Thay lời tựa; Phần I, 1. Giải thích chúng, P.2 Hiền Thánh danh tự, P.3 Hiền đề Kinh, 2. Hình thức tổ chức Kinh, 3. Thánh học quán, P.4 Thích nghĩa, P.5 Phật Dịch giả; Phần II, Kinh văn, và Giảng. mẫu, P.6 Nhân quả, P.7 Đại chúng thọ học, P.8 Tập tán; Phần Chú thích; Phần 222. KINH AN BAN THỦ Ý Lược Giải Phụ bản: Kinh Thanh tịnh Tỳ-ni Phương Biên soạn: Thích Đạt Đạo Quảng. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên Nxb Hồng Đức – 2013 cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 300 trang, bìa Minh; Mã sách: Vie 2111) cứng, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Phật ngồi kiết-già, tay kiết ấn. Kết cấu Kinh 224. KINH ÁNH SÁNG HOÀNG KIM gồm có 6 chương. Phần đầu: - Lời giới Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) thiệu, - Lời tri ân, - Lời tựa cho Kinh An Dịch giả: Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019) Ban Thủ Ý, Tựa An Ban Thủ Ý Kinh chú Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh dày 875 giải; Phần nội dung: C.I, Nhận thức tổng trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng. quát: 1. Xuất xứ, 2. Về mặt hình thức Tác phẩm này gồm có 10 cuốn, 31 phẩm. (Những cận vệ giúp An Ban Thủ Ý hoàn Phần đầu là Mục lục, Tổng quan, Nghi thành nhiệm vụ, Phần vấn đáp về những thức sám hối đơn giản trước khi tụng cận vệ giúp An Ban Thủ Ý), 3. Về mặt nội Kinh, Kinh Ánh sáng hoàng kim: cuốn I, dung; C.II, Giới thiệu, xác minh về truyền P.1. Mở đầu pháp thoại, P.2. Thọ lượng bản và tên gọi, xác minh về niên đại: 1. Thế Tôn; cuốn II, P.3. Phân biệt ba thân, Phần giới thiệu (Xác minh về vấn đề P.4. Âm thanh trống vàng; cuốn III, P.5. truyền bản và tên gọi, Xác minh về niên Diệt trừ nghiệp chướng; cuốn IV, P.6. đại), 2. Quá trình hình thành và Mâu Tử, Minh chú tịnh địa; cuốn V, P.7. Hoa sen ca 3. Nội dung tư tưởng; C.III, Mục đích của tụng, P.8. Minh chú Kim thắng, P.9. Trùng An ban thủ ý: 1. Theo Khương Tăng Hội, tuyên về Không, P.10. Mãn nguyện vì 2. Theo Thiền Ba-la-mật thứ đệ pháp môn, Không, P.11. Thiên vương quan sát; cuốn 3. Theo Trí Khải, 4. Vấn đề hiệu bản và VI, P.12. Thiên vương hộ quốc; cuốn VII, dịch; C.IV, Kinh Niệm xứ; C.V, Kinh P.13. Minh chú Ly nhiễm, P.14. Ngọc báu Nhập tức Xuất tức niệm; C.VI, Kinh Thân Như ý, P.15/1. Đại biện thiên nữ; cuốn hành niệm; Phụ lục: 1. Bảng Hán văn, 2. VIII, P.15/2. Đại biện thiên nữ, P.16. Cát Bảng Anh văn, 3. Bảng Pali. tường thiên nữ, P.17. Tăng trưởng tài vật;

P.18. Kiên lao địa thần, P.19. Dược xoa muốn sập, 20. Quan hầu của vua, 21. Ông đại tướng, P.20. Vương pháp chính luận; vua là chủ, 22. Người cầm đèn sáng vào cuốn IX, P.21. Thiện sinh luân vương, phòng tối, 23. Các đoàn binh của vua, 24. P.22. Tám bộ hộ trì, P.23. Thọ ký thành Ngọn đèn cháy suốt đêm, 25. Người nông Phật, P.24. Chữa trị bệnh khổ, P.25. phu, 26. Ngọn đèn và bức thư, 27. Không Truyện của Lưu thủy; cuốn X, P.26. Xả bỏ hái quả sống chỉ hái quả chín, 28. Người thân mạng, P.27. Bồ-tát tán dương,

P.28. trộm xoài, 29. Ngòi và trứng, 30. Ương Diệu Tràng tán dương, P.29. Thọ thần tán hột xuống đất, 31. Ngôi điện thượng, 32. dương, P.30. Biện Tài tán dương, P.31. Ký Người có công trạng với vua, 33. Ông thác Kinh vua; Ghi chú. quan giữ kho, 34. Người chế thuốc độc, Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Năm 35. Tiếng đại hồng chung, 36. Người đầu 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2010, bếp của vua, 37. Giao năm thứ hột, 38. Nxb Tôn Giáo; năm 2011, Nxb Tổng hợp Trái trên cây, 39. Đào giếng, 40. Loài sấu-Tp. Hồ Chí Minh; năm 2017, Nxb Hồng rùa-công-bồ câu, 41. Nước chịu lấy hết, Đức, dày 822 trang, bìa cứng, chữ tựa 42. Niết-bàn là tịch diệt, 43. Niết-bàn là an màu vàng. lạc, 44. Phật có ra đời, 45. Phật là cao thượng hơn hết, 46. Châm lửa đuốc, 47. 225. KINH ẤM TRÌ NHẬP Cây chưa có trái, 48. Nông phu cày và Hán dịch: An Thế Cao gieo, 49. Đốt một đám lửa lớn, 50. Ông Việt dịch: Tuệ Khai lương y, 51. Tòa sen trăm cánh, 52. Hai Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: người khóc, 53. Mê tỉnh, 54. Gió ở tại đâu, Quyển thượng và Quyển hạ. 55. Bụm nước biển nếm; III. Kinh Pháp Pháp bảo-Bộ Kinh tập) 58. Rùa với chó nước, 59. Cành mềm trước cơn gió lốc, 60. Gió thổi núi đá, 61. 226. KINH ẨN DỤ Hoa sen thanh khiết, 62. Kẻ lữ hành mệt Soạn giả: Thích Hồng Đạo mỏi, 63. Cái muỗng múc thuốc, 64. Cái Chùa Qui Sơn (Vũng Tàu) xuất bản năm lưỡi với thuốc thang, 65. Phòng hộ thành PL. 2519 – DL. 1975 quách, 66. Voi xuất trận, 67. Luyện voi, Toàn bộ Kinh này có 193 trang, bìa mềm, 68. Loài heo, 69. Người quản tượng tài gồm 111 chuyện ẩn dụ trong 5 Kinh. Nội giỏi, 70. Voi vượt khỏi sa lầy, 71. Voi dung gồm có: - Lời tựa; I. Kinh Pháp giữa rừng sâu, 72. Nhện giăng tơ, 73. Cỏ Hoa: 1. Nhà cháy, 2. Người cha bỏ đi hại ruộng vườn, 74. Múc nước thuyền, 75. hoang, 3. Một trận mưa, 4. Ánh sáng mặt Thương khách điều phục ngựa, 76. Mặt trời, 5. Người mù mắt, 6. Chỗ có nhiều trăng ra khỏi mây, 77. Thầy tập voi, 78. báu, 7. Người nghèo cùng, 8. Khát nước Đánh chuông khánh, 79. Bầu chứa vị; IV. đào giếng, 9. Viên ngọc báu, 10. Ông thầy Kinh Tứ Thập Nhị Chương: 80. Một người thuốc giỏi, 11. Cha trẻ con già; II. Kinh chiến vạn người, 81. Bóng hiện theo hình, Na-tiên Tỳ-kheo: 12. Niệm Phật như ghe 82. Trầm hương đốt, 83. Lau bụi mặt thuyền, 13. Sa-môn với thân mình, 14. gương, 84. Nước trong bị quấy đục, 85. Cây nào trái nấy, 15. Cắt lúa, 16. Viên Người cầm đuốc vào nhà tối, 86. Mặt dính ngọc làm nước trong, 17. Người lướt qua lưỡi dao, 87. Sống trong nhà tù, 88. Cái túi rạch, 18. Đất đai, 19. Chống nhà xiên da đựng đồ dơ, 89. Cư trần bất nhiễm trần,

90. Người chiến sĩ, 91. Trừ hết sét rỉ, 92. nước mía, 17. Món nợ nửa tiền, 18. Lên Ăn mật ở bát, 93. Trâu kéo mệt, 94. Trâu lầu mài dao, 19. Đi thuyền làm rơi chén chở nặng đi chỗ bùn lầy, 95. Vàng ngọc xuống biển, 20. Vua bị người chê là bạo như ngói sỏi, 96. Hiểu đạo, 97. Thân là ngược, 21. Người đàn bà muốn sinh thêm huyễn, 98. Nước về biển; V. Kinh Hoa con, 22. Vào biển tìm trầm hương, 23. Nghiêm: 99. Đa văn, 100. Cây trôi dòng Trộm áo gấm thêu, gói đồ thô rách, 24. nước, 101. Côn trùng nằm trong đống Gieo hạt mè rang, 25. Nước và lửa, 26. phân, 102. Mặt trời xuất hiện, 103. Pháp Bắt chước vua nheo mắt, 27. Chữa vết đức Phật ví như đất-lửa-nước, 104. Viên thương bị roi đánh, 28. Thay mũi cho vợ, ngọc chưa giũa lau, 105. Con đường lớn, 29. Người nghèo đốt áo vải thô, 30. Người 106. Đồ đựng nước, 107. Chốn đại địa, nuôi dê, 31. Thuê thợ gốm, 32. Người lái 108. Hoa Ba-lợi-chất-đa, 109. Chim Ca- buôn trộm vàng, 33. Đốn cây

hái trái, 34. lăng-tần-già, 110. Vàng Diêm-phù-đàn, Dâng nước ngọt, 35. Tấm gương trong 111. Người có tay. rương báu, 36. Móc mắt của vị tiên chứng ngũ thông, 37. Giết cả đàn trâu, 38. Uống 227. KINH BA TĨNH LẶNG nước trong thùng gỗ, 39. Thấy người tô Trích từ Kinh Tiểu Bộ, quyển 15 vách nhà, 40. Chữa bệnh đầu hói, 41. Quỷ Dịch giả: HT. Thích Thiện Châu (1931- Tỳ-xá-xà, 42. Lạc đà của người lái buôn 1998) chết, 43. Mài đá, 44. Ăn nửa cái bánh, 45. Tác phẩm Kinh này gồm có 2 phần: I. Người giúp việc giữ cửa, 46. Trộm trâu, Giới thiệu; II. Chánh Kinh. 47. Người nghèo giả tiếng chim uyên Kinh điển) lưng, 49. Hai đứa trẻ tranh nhau phân biệt sợi lông, 50. Chữa lưng gù, 51. Năm chủ 228. KINH BÁCH DỤ một tớ, 52. Ca nhi đánh nhạc, 53. Thầy Hán dịch: Cầu-na-tỳ-địa đau chân nhờ hai đệ tử xoa bóp, 54. Đầu (Gunavrdhi, ?-502) rắn và đuôi rắn giành nhau đi trước, 55. Biên soạn: Tăng-già-tư-na Xin được cạo râu vua, 56. Đòi không có Việt dịch: Thích Phước Cẩn vật, 57. Đạp miệng ông trưởng giả, 58. Nxb Tôn Giáo – 2005. Kinh có khổ 14.5 x Hai người con chia của, 59. Xem nắn bình, 20.5cm, có 107 trang, bìa mềm. Nội dung 60. Thấy bóng vàng dưới nước, 61. Đệ tử Kinh này gồm có 98 ví dụ: 1. Người ngu Phạm thiên tạo vật, 62. Người bệnh ăn thịt ăn muối, 2. Người ngu để dành sữa, 3. chim trĩ, 63. Diễn viên mặc trang phục quỷ Chàng ngốc bị đánh bể đầu, 4. Dối chồng cả đoàn đều sợ, 64. Nhà cũ có quỷ dữ, 65. theo trai, 5. Khát gặp nước, không uống, 6. Năm trăm cái bánh hoan hỷ, 66. Nói hay Con chết, muốn hoàn lại trong nhà, 7. làm dở, 67. Vợ chồng đánh cuộc để ăn Nhận người làm anh, 8. Sơn khương trộm bánh, 68. Thù ghét lẫn nhau, 69. Bắt đồ trong kho vua, 9. Khen đức hạnh cha chước tổ tiên ăn nhanh, 70. Nếm xoài, 71. mình, 10. Xây lầu ba, 11. Người Ba-la- Vì hai vợ nên mù đôi mắt, 72. Ngậm cớm môn giết con, 12. Nấu nước đường, 13. bị rạch miệng, 73. Nói dối ngựa đã chết, Người hay sân hận, 14. Giết người dẫn 74. Người xuất gia tham lợi dưỡng, 75. đường để tế thân, 15. Ngự y hốt thuốc cho Lạc đà chết, hũ bể, 76. Nông phu mơ công chúa mau lớn, 16. Tưới mía bằng tưởng công chúa, 77. Vắt sữa lừa, 78. Hẹn

con đi sớm, 79. Gánh ghế cho vua, 80. ương, 48. Chó và cây, 49. Vị tiên lầm lộn, Rửa ruột, 81. Bị gấu cắn, 82. Sạ lúa, 83. 50. Sửa lưng gù, 51. Người tớ gái, 52. Trò Khỉ bị đánh, 84. Ngày nguyệt thực đánh vui giả dối, 53. Lão sư bị hành hạ, 54. Đầu chó, 85. Người phụ nữ sợ đau mắt, 86. Cất rắn và đuôi rắn tranh cãi, 55. Cạo râu vua, giấu bông tai của con, 87. Bọn cướp chia 56. Cái không có, 57. Bị đạp rụng răng, của, 88. Khỉ cầm nấm đậu, 89. Được chuột 58. Chia của, 59. Xem làm bình, 60. Thấy vàng, 90. Lượm tiền vàng, 91. Người vàng dưới nước, 61. Tạo hình người, 62. nghèo muốn có tiền của bằng người giàu, Ăn thịt gà, 63. Chạy trốn, 64. Quỷ trong 92. Đứa bé được chiếc bánh hoan hỷ, 93. nhà cũ, 65. Ăn bánh độc, 66. Chết chìm, Bà lão bắt gấu, 94. Đường cống ma-ni, 95. 67. Đánh cuộc, 68. Hại người thành hại Đôi chim bồ câu, 96. Giả mù, 97. Bị bọn mình, 69. Tổ truyền ăn mau, 70. Nếm trái cướp đoạt áo lông, 98. Cậu bé bắt được tần-bà, 71. Đui mắt, 72. Sưng môi, 73. rùa lớn. Kết luận. Ngựa đen đuôi trắng, 74. Mang bồn tắm, 75. Giết lạc đà, 76. Nông phu mơ tưởng 229. KINH BÁCH DỤ công chúa, 77. Tìm sữa, 78. Đi không rồi Việt dịch: Thích nữ Như Huyền về, 79. Gánh ghế cho vua, 80. Uống thuốc Nxb Tôn Giáo – 2011 nước rửa ruột, 81. Không nên vu oan cho Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 131 trang, người hiền đức, 82. Gieo lúa, 83. Khỉ bị bìa mềm. Nội dung gồm: Tựa, Lời nói đánh, 84. Nguyệt thực, 85. Đau mắt, 86. đầu, Lời đầu quyển; 1. Người ngu ăn Vì của

giết con, 87. Bọn cướp chia của, muối, 2. Để dành sữa, 3. Khoanh tay chịu 88. Khỉ mất đậu, 89. Chuột vàng và rắn đòn, 4. Giả chết dối chồng, 5. Khát không độc, 90. Lượm được tiền, 91. Người uống nước, 6. Giết con thành gánh, 7. nghèo, 92. Đứa bé được đường, 93. Bà già Nhận người làm anh, 8. Trộm áo nhà vua, đánh cọp, 94. Hiểu lầm, 95. Hai con hạc, 9. Kẻ ngốc khen cha, 10. Phú ông cất lầu, 96. Giả mù, 97. Cướp áo lông dê, 98. Đứa 11. Ba-la-môn giết con, 12. Quạt nước nhỏ bắt rùa. Lời cuối quyển. đường, 13. Sự thật chứng minh, 14. Giết Kinh này đã được xuất bản năm 1957, kẻ dẫn đường, 15. Muốn con mau lớn, 16. chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) tổ chức ấn tống; Tưới mía bằng nước mía, 17. Vì nhỏ mất năm 1959, Phật học Ni trường Nam Việt lớn, 18. Trên lầu mài dao, 19. Ghi dấu trên (chùa Dược Sư-Gia Định) ấn tống, Kiểm thuyền để tìm đồ rơi xuống biển, 20. Trả duyệt số 2598/XB, ngày 17-12-1959; năm thịt, 21. Cầu con, 22. Bán trầm hương, 23. 1994, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; Trộm mền, 24. Gieo mè, 25. Nước và lửa, năm 1996, Phật học viện Quốc tế xuất 26. Bắt chước vua, 27. Trị vết thương, 28. bản; năm 1997, THPG Tp. Hồ Chí Minh Xẻo mũi, 29. Đốt áo, 30. Nuôi dê, 31. Mua ấn hành. lừa, 32. Trộm vàng, 33. Chặt cây tìm trái, 34. Thâu ngắn đường đi, 35. Tấm bóng trong gương, 36. Lầm móc con mắt, 37. 230. KINH BÁCH DỤ Giết trâu, 38. Bảo nước đừng chảy, 39. Biên soạn: Tăng-già-tư-na Sơn tường, 40. Người sói đầu tìm thuốc, Hán dịch: Cầu-na-tỳ-địa 41. Hai con quỷ tranh vật, 42. Che da lạc Việt dịch: Nguyên Thuận đà, 43. Mài đá, 44. Ăn bánh, 45. Giữ cửa, Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 98 46. Ăn trộm trâu, 47. Giả tiếng chim uyên truyện ví dụ.

Dụ Sanskrit/Hán tạng) Pháp bảo-Kinh tạng) 234. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Thái Hư Đại sư giảng (Hán ngữ) 231. KINH BẠI VONG (Parabhava- Việt dịch: Thanh Cát sutta) Xuất bản Mùa Đông năm Canh Tý, PL. Dịch giả: HT. Thích Thiện Châu (1931- 2504 – DL. 1961 1998) Kinh có 60 trang, bìa mềm, chữ tựa màu Tác phẩm Kinh này gồm có 2 phần: I. đen và màu đỏ, chữ tựa Kinh (chữ Hán) Giới thiệu; II. Chánh Kinh. màu đỏ, có hình vẽ cánh tay cầm đóa sen. Kinh Bát Đại Nhân Giác, Khảo xét người 232. KINH BẢO TINH ĐÀ-LA-NI phiên dịch, I. Phần Duyên khởi, II. Phần Hán dịch: Ba-la-pha Mật-đa-la Chính thuyết, 1. Chính tu Tứ niệm xứ, 2. Việt dịch: Tuệ Khai Giác ngộ tham ái là khổ, 3. Giác ngộ nhiều Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 13 cầu thêm tội, 4. Tinh tiến độ giải đãi, 5. phẩm: Q.I, P.1 Hàng ma; Q.II, P.2 Bốn sự; Trí tuệ độ ngu si, 6. Bình đẳng bố thí, 7. Ở Q.III, P.3 Ma vương qui phục; Q.IV, P.3 trần tục mà không nhiễm, 8. Thay chúng Ma vương qui phục (tt), P.4 Đại tập; Q.V, sinh chịu khổ để làm lợi ích; III. Phần Lưu P.5 Tướng; Q.VI, P.6 Đà-la-ni; Q.VII, P.6 thông; Khuyên tụng tám việc, (văn bản Đà-la-ni (tt), P.7 Nhiếp thọ diệu pháp, P.8 Kinh được phân thành từng đoạn để dịch, Thọ ký; Q.VIII, P.8 Thọ ký (tt), P.9 Từ có dịch âm và dịch nghĩa); Khóa lễ Kinh mẫn, P.10 Ủng hộ; Q.IX, P. 10 Ủng hộ Bát Đại Nhân Giác. (Bản lưu tại Thư viện (tt), P.11 Hộ chánh pháp; Q.X, P.12 A-tra- Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại bạc-câu, P.13 Các đức Phật trở về nước. Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2180) Bộ Đại tập) 235. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Chứng minh: HT. Tịnh Khiết (1890-1973) 233. KINH BÁT CHU TAM-MUỘI Việt dịch: Tỳ-kheo Thiên Ân Hán dịch: Tam tạng Khất-đa và Cấp-đa Hội đồng Kiểm duyệt Giáo lý Phật giáo Việt dịch: HT. Thích Minh Lễ Trung Việt Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 4 quyển, Phật Học Viện Trung Phần xuất bản- 17 phẩm: Q.I, P.1 Vấn đáp, P.2 Tư duy, Ấn

quán Hoa Sen (Nha Trang), PL. 2506 – P.3 Tam-muội hành, P.4 Thấy Phật; Q.II, DL. 1962 P.5 Chánh tín, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh Kinh có 62 trang, bìa mềm. Nội dung gồm đầy đủ, P.8 Thọ ký; Q.III, P.9 Công đức có: I. Phần thứ nhất, Giải thích đầu đề: 1. thọ trì, P.10 Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy Phật, 2. Đại nhân, 3. Giác, 4. Kinh, 5. đủ Năm pháp, P.12 Xa lìa Phân biệt; Q.IV, Tổng nghĩa của đề Kinh; II. Phần thứ hai, P.13 Vô tránh hạnh, P.14 Pháp bất cộng, Lược khảo dịch sử; III. Phần thứ ba, Giải P.15 Công đức tùy hỷ, P.16 Phụng sự thích văn nghĩa: C.1 Tổng khỉ phần, C.2 Pháp sư, P.17 Chúc lụy. Chánh thuyết phần, I. Hạnh tự lợi, A. Chánh tu Tứ niệm trú, a. Vô thường quán,

b. Khổ quán, c. Vô ngã quán, d. Bất tịnh Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao quán; B. Biệt quán Nhân duyên Ái-Thủ, a. Phỏng Việt dịch: Thánh Tri Giác ngộ tham ái là khổ, b. Giác ngộ sự Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Lời mong cầu là tăng trưởng tội lỗi, II. Hạnh nói đầu (Mùa hạ-2016); Phật nói Kinh Bát Tự-Tha kiêm lợi, A. Tinh tấn độ giải thoát, Đại Nhân Giác, Dịch nghĩa, Phiên âm, bản B. Trí tuệ độ ngu si, III. Hạnh lợi tha, C.3 chữ Hán, Bài học giải (giải thích văn Lưu thông phần, 1. Kết thành hai lợi, 2. Kinh, trong mỗi phần có: chính văn, học Khuyết khích tụng 8 việc, IV. Phần thứ tư, giải); Tài liệu tham khảo. Nghi thức Tụng niệm Phổ thông; Phần Sanskrit/Hán tạng) Phụ lục-Kinh Bát Đại Nhân Giác (chuyển thơ, thể Song thất lục bát). 239. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Giảng giải: Lão HT. Tịnh Không 236. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Việt dịch: Cư sĩ Vọng Tây và Cư sĩ Viên Hán dịch: Đại sư An Thế Cao Đạt Giảng giải: Đại sư Tinh Vân Biên tập: Phật tử Diệu Hiền Việt dịch: Thích Minh Quang Tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần: Phần Nxb Tôn Giáo – 2001. Tác phẩm này gồm I. 1. Duyên khởi, 2. Tựa đề Kinh, 3. Người có 10 mục chính: - Lời người dịch, - Lược dịch Kinh, 4. Phần Chánh văn (có Tám sử Đại sư An Thế Cao; 1. Khai thuật về điều giác ngộ từ “Đệ nhất giác ngộ” đến Kinh Bát Đại Nhân Giác; 2. Thế giới quan “Đệ bát giác tri”, trong mỗi đoạn có phiên của Phật giáo; 3. Đa dục là căn bản của âm và giảng giải). sanh tử luân hồi; 4. Tri túc là căn bản để gìn giữ đạo nghiệp; 5. Tinh tấn là căn bản 240. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC để hàng phục ma chướng; 6. Trí tuệ là căn Dịch và chú giải: Nhất Hạnh bản để chuyển hóa ngu mê; 7. Bố thí là Nxb Lá Bối – 2001 (in lần thứ tư, San Jose căn bản rộng độ chúng sanh; 8. Trì giới là – California) căn bản để tiết chế dục vọng; 9. Tâm Đại Kinh có 37 trang, bìa mềm. Nội dung gồm thừa là căn bản phổ độ chúng sanh; 10. có: Kinh văn chữ Hán, Phật thuyết Bát Đại Phật thuyết Kinh Tám điều Giác ngộ. Nhân Giác Kinh, Kinh Tám Điều Giác Ngộ Của Các Bậc Đại Nhân (Bản dịch để 237. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC đọc), Chú giải, Kinh Tám Điều Giác Ngộ Dịch và giảng: Thích Viên Giác Của Các Bậc Đại Nhân (Bản dịch để tụng, Nxb Tôn Giáo – 2000 kèm theo Kệ dâng hương, Kệ tán Bụt, Kệ Tác phẩm Kinh này gồm có 3 chương: - Quán tưởng trước khi lạy Bụt, Kệ khai Lời giới thiệu; C.I Nhận thức tổng quát, Kinh và Kệ Hồi hướng); Phần giải Kinh: C.II Kinh Bát đại Nhân giác (có 10 bài, Xuất xứ Kinh Bát Đại Nhân Giác, Nội mỗi bài có: chánh văn, dịch nghĩa, giải dung Kinh Bát Đại Nhân Giác. thích nội dung, kết luận), C.III Thay lời Tác phẩm này được Lá Bối in nhiều lần: Kết luận. Năm 1982 tại Paris; năm 1983 tại Montréal; năm 1993 tại Làng Cây Phong. 238. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC ĐCTTĐTK, Sách thứ 10, Ks. 779. 241. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương – 1998, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; Giáo Trình Trung Cấp Phật Học năm 1996, Nxb Thuận Hóa; năm PL. 2542 Trưởng Ban Biên soạn: TT. TS. Thích Viên – DL. 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 14 Trí x 20cm, dày 118 trang, bìa mềm, chữ tựa Ban Biên soạn: TT. Thích Viên Giác và màu đỏ, có hình vẽ bàn tay cầm cành hoa TT. TS. Thích Huyền Lý sen; năm 2002, 2008, Nxb Tôn giáo; năm Nxb Phương Đông – 2016 2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 186 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 phần, 10 bài 243. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC chính và 6 bài phụ: Lời giới thiệu, A. Phần Giảng Giải mở đầu, B.1 Tác giả soạn dịch Kinh Bát Giảng giải: Thích Trúc Thông Quang Đại Nhân Giác, B.2 Xuất xứ và ý nghĩa đề Lưu hành nội bộ; Tác phẩm gồm: Duyên Kinh Bát Đại Nhân Giác; B. Nội dung khởi, nội dung có Tám điều Giác ngộ Kinh: B.1 Bài Mở đầu, B.2 Điều Giác ngộ giảng giải (Điều Giác ngộ thứ Nhất,... đến thứ nhất, B.3 Điều Giác ngộ thứ hai, B.4 Điều Giác ngộ thứ Tám, ở mỗi đoạn có: Điều Giác ngộ thứ ba, B.5 Điều Giác ngộ chánh văn Kinh (âm Hán Việt), Dịch thứ tư, B.6 Điều Giác ngộ thứ năm, B.7 nghĩa và Giảng giải); sau cùng là Tóm Điều Giác ngộ thứ sáu, B.8 Điều Giác ngộ lược Kinh Bát Đại Nhân Giác. thứ bảy, B.9 Điều Giác ngộ thứ tám, B.10 (Bản lưu tại Thư viện chùa Vạn Đức, Q. Bài Tổng kết; C. Phần Phụ lục: B.1 Giới Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh) thiệu nội dung, B.2 Liên hệ các Kinh Bát niệm-Anuruddha Sutta và Kinh Bát Đại 244. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Nhân Giác, B.3 Vài lời giải thích, B.4 Giới Lược Giải thiệu mẫu người lý tưởng. Hán dịch: Sa-môn An Thế Cao Lược giải: Ngẫu Ích – Trí Húc Việt dịch: TT. Thích Thiện Huệ Tác phẩm này phân làm 3 phần: Phần đầu 242. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC là nêu chung, Phần hai là giải riêng (gồm giảng giải có Tám điều giác ngộ của Bậc đại nhân) Hán dịch: An Thế Cao và sau cùng là Phần Kết thán. THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993 245. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Kinh có khổ 14 x 20cm, có 118 trang, bìa Lược Giảng mềm. Toàn bộ Kinh này gồm có: Lời đầu Soạn dịch: HT. Thích Nguyên Ngôn (1938- sách, Mở đầu và 8 điều Giác ngộ Đức 2005) Phật dạy cho hàng Bồ-tát (ở mỗi điều có: Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 (tái chánh văn, dịch văn vần (thể song thất lục bản lần thứ hai) bát) và giảng). Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 126 trang, Tác phẩm Kinh này được xuất bản lần đầu bìa mềm. Nội dung tác phẩm gồm: Lời nói năm 1973, Nxb Hạnh Phúc (Sài Gòn); tái đầu; Phần thứ nhứt, Lược sử dịch giả; bản nhiều lần: Năm 1980, Phật học viện Phần thứ hai, Giải thích đề Kinh; Phần thứ Quốc tế xuất bản; năm 1986; năm 1997, ba, Lược giảng Kinh văn, Bài (B) 1: Tu

quán Tứ niệm xứ, B.2 Tu quán Nhân P.8 A-duy việt trí, P.9 Hằng-giá-điều Ưu- duyên Ái và Thủ, B.3 Quán sát tội khổ, bà-di; Q.V, P.10 Thủ không, P.11 Viễn ly, phát triển trí tuệ, B.4 Giới thiệu pháp P.12 Thiện tri thức, P.13 Thích-đề-hoàn- độ ngu si, B.6 Thực hành pháp Bố thí bình Sanskrit/Hán tạng) đẳng, B.7 Tu phạm hạnh, B.8 Phát Đại thừa tâm lợi tha viên mãn; Phần thứ tư, 248. KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT – Tổng kết – Khuyến tấn tu học; Phần Tiểu Phẩm cương yếu, Phần Phụ lục, Dịch nghĩa văn Ban Dịch Thuật Hán Tạng Pháp Âm vần. Hán dịch: Pháp sư Cưu-ma-la-thập Tác phẩm này đã được THPG Tp. Hồ Chí (Kumarajiva, 344-413) Minh ấn hành từ năm 1995. Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Đồng Tiến Hiệu đính: Bồ-tát Giới tại gia Định Huệ 246. KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT- Nxb Tôn Giáo – 2012 ĐA NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn

468 (Rút từ Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh) trang. Nội dung gồm có 10 quyển, 29 Việt dịch: Minh An Cư sĩ phẩm: Bài Tựa Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Hiệu đính: Đại đức Thích Minh Tông Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Nghi thức Tụng Nxb Tôn Giáo – 2011 niệm; Q.I, P.1 Tựa, P.2 Thích-đề-hoàn- Tác phẩm Kinh này có hơn 145 trang, bìa nhơn; Q.II, P.3 Tháp, P.4 Minh chú, P.5 mềm. Nội dung gồm có 3 phần: Lời nói Xá-lợi; Q.III, P.6 Khuyến trợ, P.7 Hồi đầu; Phần dịch nghĩa, Khai Kinh, P.1 Bài hướng, P.8 Nê-lê; Q.IV, P.9 Ca ngợi tựa, P.2 Quán Như Lai, P.3 Bồ-tát hạnh, Thanh tịnh, P.10 Bất khả tư nghị; Q.V, P.4 Nhị đế, P.5 Hộ quốc, P.6 Bất khả tư P.11 Ma sự, P.12 Tiểu như, P.13 Tướng nghị, P.7 Phụng trì, P.8 Chúc lũy, Phần vô tướng, P.14 Thuyền dụ; Q.VI, P.15 Đại chú thích; Phần Phiên âm, Khai Kinh, Tự như, P.16 Tướng A-duy-việt-trí; Q.VII, phẩm đệ nhất, Quán Như Lai phẩm đệ nhị, P.17 Công đức sâu xa, P.18 Hằng-già-đề- Bồ-tát hạnh phẩm đệ tam, Nhị đế phẩm đệ bà, P.19 Bồ-tát A-tỳ-bạt-trí nhận biết ma tứ, Hộ quốc phẩm đệ ngũ, Bất khả tư nghị sự; Q.VIII, P.20 Thâm Tâm cầu Bồ-đề, phẩm đệ lục, Phụng trì phẩm đệ thất, chúc P.21 Cung kính Bồ-tát, P.22 Vô Khan lũy phẩm đệ bát. phiền não; Q.IX, P.23 Khen ngợi Bồ-tát, P.24 Chúc lụy, P.25 Thấy Phật A-súc, 247. KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT P.26 Tùy tri; Q.X, P.27 Tat1-đà-ba-luân, SAO P.28 Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, P.29 Chúc lụy. Hán dịch: Sa-môn Đàm-ma-ty và Trúc Phật Niệm 249. KINH BÁT-NHÃ Toát Yếu (Bát- Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường Nhã Tâm Kinh) Ni viện Diệu Quang – Nha Trang. Toàn bộ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- tác phẩm Kinh Bát-nhã sao này gồm có 5 thập (Kumarajiva, 344-413) quyển, 13 phẩm. Q.I, P.1 Đạo hạnh, P.2 Việt dịch: Sa-môn Thích Thiện Hoa (1918- Hỏi về đại Bát-nhã Ba-la-mật; Q.II, P.3 1973) Công đức; Q.III, P.4 Thiện quyền, P.5 Địa PL. 2509 – DL. 1965. Nội dung Kinh này ngục, P.6 Thanh tịnh; Q.IV, P.7 Bổn vô, gồm có: - Nguyên văn (bản dịch thứ nhất);

- Nguyên văn (bản dịch thứ hai); Lược Giải các mối hồ nghi, 8. Giảng giải Kinh giải: Phần duyên khởi, Phần chánh tôn này phước đức hơn ở 5 điểm, Chú thích; (chánh văn, lược giải), Giải danh từ. (trích B. Quyển hạ, 1. Đối trị không khổ nhẫn Phật Học Phổ Thông, quyển 3, khóa XII, lưu chuyển, 2. Không nhẫn khổ trái Nxb Tôn Giáo – 2005) nghịch, 3. Tin Kinh được phước, 4. Đủ đức hay truyền đạt, 5. Ít vui không kham, 250. KINH BÁU TUỆ GIÁC 6. Xem như tháp Phật, 7. Chuyển tội được Siêu Việt Tuyệt Luân phước, 8. Cao cả đáng tôn kính, 9. Nghe Nguyên tác: Pháp sư Khuy Cơ rồi sanh nghi, 10. Tổng kết chỗ sanh nghi, Việt dịch: Sa-môn Thích Bảo Lạc 11. Ngũ nhãn của Phật, 12. Pháp thân Như Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 13 x Lai, 13. Tướng cụ túc không đạt được vô 20.5cm, dày 302 trang. thượng chánh đẳng Bồ-đề, 14. Dựa vi trần Toàn bộ tác phẩm này gồm có: - Phàm lệ; để phá một hiệp tướng; III. Phần lưu Kinh Kim Cang Bát-nhã tán thuật: Tựa, thông, 1. Chúng nghe Tâm Kinh đại hoan Lời tựa khắc bản in, 6 qui tắc hiệu đính, A. hỷ, 2. Tất cả vâng lời Phật phụng hành, 3. Quyển thượng, 1. Năm hoặc sáu pháp Nói rõ 3 nghĩa của từ hoan hỷ phụng hành, chứng tín thành tựu, 2. Hộ niệm có 6 Chú thích. nghĩa, 3. Bố thí không trụ tướng, 4. Không trụ tướng bố thí phước đức vô lượng, 5. Pháp Phật thuyết dụ như chiếc bè, 6. Bố thí của báu nhiều không bằng thọ trì Kinh, 7. Bốn quả Thánh trong ý niệm chứng đắc, 251. KINH BẤT TĂNG BẤT GIẢM 8. Dẫn tích xưa thời Phật Nhiên Đăng, 9. Việt dịch: Thích Trí Thủ (1909-1984) Thọ trì 4 câu kệ Kinh này phước đức hơn PL. 2505 – DL. 1961; Ông bà Bác sỹ Ung cả, 10. Phá

4 tướng chấp; B. Quyển hạ, 1. Văn Vy ấn tống Hạnh Nhẫn nhục Ba-la-mật, 2. Năm cách Kinh có 66 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nói chân thật của Như Lai, 3. Bố thí thân đỏ và màu xanh dương. mạng không bằng tin Kinh, 4. Cúng Nội dung gồm có 2 Kinh: Lời nói đầu, dường, phụng sự chư Phật quá khứ, 5. Kinh Đại Phương đẳng Như Lai tạng, Hán Phát Vô thượng Bồ-đề tâm, 6. Trang dịch: Tam tạng Pháp sư Phật-đà Bạt-đà-la; nghiêm quốc độ Phật, 7. Ngũ nhãn của Kinh Bất Tăng Bất Giảm, Hán dịch: Tam Như Lai, 8. Tâm trong 3 thời lượng, 9. tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi. Pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu 10. Nghĩa từ Như Lai, Chú thích; Kinh Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Kim Cang Bát-nhã luận giải toát yếu, A. Mã sách: Vie 2141) Quyển thượng, - Nhân duyên phát khởi Tông thể của Kinh, - Nơi chốn, hội Phật 252. KINH BI HOA thuyết Kinh, I. Phần tựa, (Tựa chứng tín, 6 Việt dịch: Minh Đức – Nguyệt Trí pháp thành tựu; Tựa phát khởi 7 điểm Nxb Hà Nội – 1996 thích nghi), II. Phần chánh tông: 1. Bảy Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 572 trang, loại nghĩa cú, 2. 18 trụ xứ, 3. Phật chỉ cách bìa mềm, có tay gấp. hàng phục tâm, 4. Cầu 3 tâm, 5. Đoạn trừ Nội dung gồm có: Tựa, Kinh Bi Hoa, Q.I, chấp thô, 6. Phá chấp đoạn 4 quả vị, 7. P.1 Chuyển Pháp luân, P.2 Đà-la-ni, Hồi

hướng-Phát nguyện; Q.II, P.3 Đại thí - Tác phẩm này đã xuất bản từ năm 2007, Phần 1; Q.III, P.3 Đại thí - Phần 2, Hồi Nxb Tôn Giáo. hướng-Phát nguyện; Q.IV, P.4 Các Bồ-tát thụ ký - Phần 1, Phần 2; Q.IV, P.4 Các 254. KINH BIẾN CHIẾU ĐẠI LỰC Bồ-tát thụ ký - Phần 3; Q.VI, P.4 Các Bồ- MINH VƯƠNG XUẤT SANH tát thụ ký - Phần 4; Q.VII, P.4 Các Bồ-tát HẾT THẢY PHÁP NHẪN NHƯ LAI thụ ký - Phần 5; Q.VIII, P.4 Chư Bồ-tát Hán dịch: Pháp Hộ thụ ký - Phần 6, Hồi hướng; P.5 Đàn Ba- Việt dịch: Huyền Thanh la-mật – Phần 1; Q.IX, P.5 Đàn Ba-la-mật Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: – Phần 2, Phần 3, Hồi hướng-Phát nguyện; Quyển thượng và Quyển hạ. hướng-Phát nguyện. Bộ Mật giáo)

253. KINH BI HOA 255. KINH BỒ-ĐỀ HẠNH (Hán ngữ, âm – nghĩa) Long Thọ Bồ-tát tập Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm Hán dịch: Thiên Tức Tai Dịch và chú giải: Nguyễn Minh Tiến Việt dịch: Thích Như Điển Hiệu đính Hán văn: Nguyễn Minh Hiển Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển, 8 Nxb Tôn Giáo – 2018. Kinh có khổ 16 x phẩm: Q.I, P.1 Tán Bồ-đề tâm, P.2 Bồ-đề 24cm, dày 1.135 trang, bìa cứng. tâm thí cúng dường, P.3 Hộ giới; Q.II, P.4 Nội dung gồm có 10 quyển, 6 phẩm: Phần Bồ-đề tâm nhẫn nhục Ba-la-mật, P.5 Bồ- Hán văn; Phần dịch âm: Quyển đệ nhất, - đề tâm tinh tấn Ba-la-mật; Q.III, P.6 Bồ-đề Chuyển Pháp luân phẩm, - Đà-la-ni phẩm; tâm tịnh lự Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Q.IV, Quyển đệ nhị, - Đại thí phẩm; Quyển đệ P.7 Bồ-đề tâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa, P.8 tam, - Đại thí phẩm, - Chư Bồ-tát bổn thọ Bồ-đề tâm hồi hướng. Chư Bồ-tát bổn thọ ký phẩm; Quyển đệ Bộ Luận tập) bát, - Chư Bồ-tát bổn thọ ký phẩm, - Đàn Ba-la-mật phẩm; Quyển đệ cửu, - Đàn Ba- 256. KINH BỒ-TÁT DI-LẶC la-mật phẩm; Quyển đệ thập, - Đàn Ba-la- Dịch và giải thích: mật phẩm, - Nhập định tam-muội môn Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn phẩm. Phần dịch nghĩa: Q.I, Chuyển Pháp Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2013 luân, Phẩm thứ nhất; Đà-la-ni, Phẩm thứ Kinh có khổ 14 x 20cm. Nội dung sơ lược nhì; Q.II, Đại thí, Phẩm thứ ba (1); Q.III, gồm có: Phần Tổng quan, Kinh Phật nói Đại thí, Phẩm thứ ba (2); Bồ-tát thọ ký, về Thệ nguyện Đời trước của Bồ-tát Di- Phẩm thứ tư (1); Q.IV, V, VI, VII, Bồ-tát lặc; Kinh Phật nói về Bồ-tát Di-lặc Sanh thọ ký,

Phẩm thứ tư (2) (3) (4) (5); Q.VIII, lên cõi Trời Đâu-suất; Kinh Phật nói về Bồ-tát thọ ký, Phẩm thứ tư (6), Pháp Bố Bồ-tát Di-lặc hạ sanh Thành Phật; Phẩm thí, Phẩm thứ năm (1); Q.IX, Pháp bố thí, Thập Bất Thiện số 48 (Kinh số 3) – Tăng Phẩm thứ năm (2); Q.X, Pháp bố thí, Nhất A-hàm; Toát yếu Kinh Chuyển Luân Phẩm thứ năm (3), Pháp môn nhập định, vương Tu hành (Kinh số 6) – Trường A- Phẩm thứ sáu. hàm; Toát yếu Kinh Thuyết Bổn – Trung A-hàm; Phụ lục Kinh văn: - Kinh Trường

A-hàm 6, - Kinh Trung A-hàm 66 – Kinh 259. KINH BỒ-TÁT QUÁN THẾ ÂM Thuyết Bổn. BÍ MẬT TẠNG NHƯ Ý LUÂN ĐÀ-LA-NI THẦN CHÚ 257. KINH BỒ-TÁT DI-LẶC HẠ Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà SANH THÀNH PHẬT Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 6 Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) phẩm: P.1 Trừ nhất thiết ác nghiệp Đà-la- Việt dịch và phiên âm: ni, P.2 Quán Thế Âm Bồ-tát bí mật tạng Thích Giác Nguyên tất cả pháp ái lạc, P.3 Quán Thế Âm Đà- PL. 2548 – DL. 2004. Tác phẩm này có 32 la-ni pháp hòa thuốc A-già-đà khiến cho trang, nội dung gồm có: - Khóa lễ Giao người yêu thích, P.4 Quán Thế Âm như ý thừa mừng xuân, - Nghi thức tụng Kinh, - luân thuốc ngậm, P.5 Quán Thế Âm Bồ-tát Đức Phật Thích-ca nói Kinh Bồ-tát Di-lặc chiên đàn Ma-ni tâm luân nhãn dược pháp, hạ sanh thành Phật, - Nghi thức hồi hướng, P.6 Quán Thế Âm Bồ-tát hỏa án Đà-la-ni cúng Lễ giao thừa, Mồng Một Tết, - Pháp bảo-Bộ Mật giáo) Nguyên tác Hán văn Kinh Di-lặc hạ sanh thành Phật, phiên âm, Chú thích. Sanskrit/Hán tạng) 260. KINH BỒ-TÁT THIỆN GIỚI 258. KINH BỒ-TÁT ĐỊA TRÌ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt- Việt dịch và Chú thích: ma (Gunavarman, 367-431) Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Thiện Thông Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016 Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 277 quyển, 30 phẩm: - Duyên khởi, - Lời tựa trang, bìa mềm. (1995); Q.I, Bồ-tát địa, P.1 Phần tựa, P.2 Nội dung gồm có 27 phẩm: Lời nói đầu, Tánh của hạnh lành, P.3 Phát tâm Bồ-đề, Tiểu sử Dịch giả; 1.P. Chủng tánh, 2.P. P.4 Lợi ích trong ngoài; Q.II, Bồ-tát địa, Phát Bồ-đề tâm, 3.P. Tư lợi và lợi tha, 4.P. P.5 Nghĩa chân thật, P.6 Chẳng thể nghĩ Nghĩa chơn thật, 5.P. Năng lực, 6.P. bàn; Q.III, Bồ-tát địa, P.7 Điều phục, P.8 Thuần thục, 7.P. Vô thượng Bồ-đề, 8.P. Bồ-đề, P.9 Lực và tánh Bồ-đề; Q.IV, Bồ- Uy lực và chủng tánh, 9.P. Bố thí, 10.P. tát địa, P.10 Bố thí độ, P.11 Trì giới độ; Trì giới, 11.P. Nhẫn nhục, 12.P. Tinh tấn, Q.V, Bồ-tát địa, P.12 Nhẫn nhục độ, P.13 13.P. Thiền định, 14.P. Bát-nhã (Trí tuệ), Tinh tấn độ, P.14 Thiền định độ, P.15 Trí 15.P. Tứ Nhiếp pháp, 16.P. Cúng dường tuệ độ, P.16 Ái ngữ…Lợi hành…Đồng sự; Tam bảo và tu Tứ Vô lượng tâm, 17.P. Q.VI, Bồ-tát địa, P.17 Cúng dường Tam Bồ-đề, 18.P. Công đức, 19.P. Hành tướng bảo, P.18 37 phẩm trợ đạo; Q.VII, Bồ-tát của Bồ-tát, 20.P. Phận sự của hai giới, địa, P.19 Những pháp trợ Bồ-đề khác, 21.P. Tịnh tâm, 22.P. Tướng trụ, 23.P. Sự P.20 Công đức, P.21 Tướng như pháp trụ ra đời của Bồ-tát, 24.P. Tóm thu, 25.P. của Bồ-tát, P.22 Như pháp trụ thiền; Các địa, 26.P. Các hạnh, 27.P. Kiến lập. Q.VIII, Bồ-tát địa, P.23 Như pháp trụ định tâm, P.24 Như pháp trụ sanh Bồ-đề địa, P.25 Sự ra đời của Tất cánh địa; Q.IX, Bồ-

tát địa, P.26 Sự nhiếp lấy của Tất cánh địa, P.37 Xây tháp, P.38 Xuất kinh. Hạnh Tất cánh địa, P.29 32 tướng tốt 80 Bộ Niết-bàn) vẻ đẹp của Tất cánh địa, P.30 Trụ Tất cánh địa; Q.X, Bồ-tát địa, Ngài Ưu-ba-ly hỏi về 263. KINH BỐN MƯƠI HAI BÀI thể thức thọ

Bồ-tát giới và những pháp Dịch giả: HT. Thích Trí Quang (1923- Giá, Khai của giới Bồ-tát. 2019) Sanskrit/Hán tạng) Tác phẩm Kinh này gồm có: I. Dẫn nhập, II. Dịch nghĩa bản A, III. Dịch nghĩa bản 261. KINH BỒ-TÁT THỰC HÀNH B, IV. Dịch nghĩa bản chữa; Tài liệu và ký PHƯƠNG TIỆN hiệu, Văn bản Kinh Bốn mươi bài: 1. Bản Hán dịch: Cầu-na-bạt-đà-la A, 2. Bản B, Lai lịch Kinh 42 bài; Bản A Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: Sanskrit/Hán tạng) Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. Bộ Pháp Hoa) 264. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG Hán dịch: Ca-diếp-ma-đằng và Trúc Pháp 262. KINH BỒ-TÁT TÒNG ĐÂU Lan THUẬT THIÊN HÀNG THẦN MẪU Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ Nội dung Kinh này gồm có 42 chương: Hán dịch: Trúc Phật Niệm C.1 Xuất gia-chứng quả, C.2 Đoạn dục Việt dịch: Thích nữ Diệu Châu tuyệt chứng, C.3 Cắt ái bỏ tham, C.4 Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 7 Thiện-ác đều rõ, C.5 Chuyển nặng thành quyển, 38 phẩm: Q.I, P.1 Thiên cung, P.2 nhẹ, C.6 Nhẫn ác không giận, C.7 Ác lại Du bộ, P.3 Thánh đế; Q.II (đang cập nhật); bản thân, C.8 Tung-nhổ tự nhơ, C.9 Về Q.III, P.6 Tưởng vô tưởng, P.7 Trụ bất trụ, gốc gặp đạo, C.10 Hỷ thí được phúc, C.11 P.8 Bát chủng thân, P.9 Toàn thân Xá-lợi, Cúng cơm dần hơn, C.12 Khó-khuyên P.10 Thường-vô thường; Q.IV, P.11 Tùy gắng tu, C.13 Hỏi về túc mệnh, C.14 Hỏi hỷ, P.12 Ngũ đạo tầm thức, P.13 Chư Phật về Hiện-Đại, C.15 Hỏi về Lực-Minh, C.16 hành tề vô sai biệt, P.14 Hành định bất Xả ái đắc Đạo, C.17 Sáng lại tối rời, C.18 định; Q.V, P.15 Chúng sanh nhập lục đạo, Niệm…vốn không, C.19 Quán giả và P.16 Chuyển pháp luân, P.17 Năm thần chân, C.20 Cái ta vốn không, C.21 Thanh thong, P.18 Thức trụ xứ (chỗ thức trụ), danh hại mình, C.22 Tài-sắc vời khổ, C.23 P.19 Thiện quyền; Q.VI, P.20 Vô minh, Cái ngục vợ con, C.24 Sắc dục chướng P.21 Khổ hạnh, P.22 Tứ đạo hòa hợp, P.23 Đạo, C.25 Lửa dục đốt mình, C.26 Thiên Ý, P.24 Định ý, P.25 Quang ảnh; Q.VII, ma quấy Phật, C.27 Không chấp-đắc đạo, P.26 Phá tà kiến, P.27 Văn-thù thân biến C.28 Đừng buông ý mã, C.29 Chính quán hóa, P.28 Bát Thánh hiền trai giới, P.29 ngăn sắc, C.30 Xa lìa lửa dục, C.31 Tâm Năm lạc, P.30 Khẩn-đà-la, P.31 Hương vắng dục diệt, C.32 Ta không sợ sệt, C.33 âm thần, P.32 Địa thần, P.33 Người, P.34 Trí sáng phá ma, C.34 Trung bình, đắc Hành, P.35 Pháp trụ, P.36 Phục bổn hình, Đạo, C.35 Nhơ sạch sáng còn, C.36 Mở

mang hơn lên, C.37 Niệm giới gần Đạo, tịch tĩnh, C.1 Thức tâm đạt bổn, C.2 Ngộ C.38 Có sinh có diệt, C.39 Dạy bảo không vô vi pháp, C.3 Hiện hạnh Sa-môn, C.4 sai, C.40 Hành đạo tại tâm, C.41 Trực tâm Hai ngả thiện-ác, C.5 Làm mới thân tâm, xuất dục, C.42 Suốt sự biết huyễn. C.6-7-8 Tu tập hạnh nhẫn nhục, C.9 Bác Sanskrit/Hán tạng) dường, C.12 Vượt qua khó khăn, C.13 Tịnh tâm thủ chí, C.14-15 Hành Đạo thủ 265. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG chân, C.16 Xả ly ái dục, C.17 Thắp sáng Việt dịch và chú thích: Thích Thanh Cát trí tuệ, C.18 Siêu việt nhị biên, C.19-20 MCMLXIV; PL. 2507 Tam Pháp ấn, C.21-22 Tham đắm các dục, Chùa Giác Minh (Sài Gòn) phát hành, C.23-24-25 Họa hại ái dục, C.26 Quán Giấy phép xuất bản số chiếu sự thọ dụng, C.27 Trôi vào biển giải 1549/HĐKDTƯ/PI/XB của Hội đồng thoát, C.28 Thận trọng với ý thức, C.29 kiểm duyệt Trung ương cấp ngày 12-7- Phong cách Sa-môn, C.30 Đoạn các duyên 1963. sinh khởi ái dục, C.31-32 Đoạn gốc rễ sinh Kinh có 108 trang, bìa mềm. Nội dung khởi ái dục, C.33 Mặc giáp tinh tấn, C.34 Kinh này gồm có 42 chương: Phần duyên Con đường Trung Đạo,

C.35 Thanh lọc khởi, I. Chứng quả xuất thế gian, C.1; II. thân tâm, C.36 Con đường hạnh phúc, Tu hạnh xuất gia: từ C.2 – C.8; III. Lập tín C.37 Thân cận bên Phật, C.38 Người hiểu nguyện: C.9; IV. Tu Lục độ hạnh, 1. Bố Đạo, C.39 Pháp chỉ thuần một vị, C.40 thí độ: từ C.10 – C.12; 2. Trì giới độ: C.13 Thân tâm nhất như, C.41 Nỗi sợ tử sinh, – C.14; 3. Nhẫn nhục độ: C.15; 4. Thiền C.42 Nhìn bằng đôi mắt Phật; Tổng kết; định độ: C.16; 5. Bát-nhã độ: a. Trí căn Phụ lục Hán văn. bản, C.17; b. Trí hậu đắc, C.18; c. Gia hạnh trí: Quán vô thường, C.19; Quán vô 267. KINH BỔN KHỞI ngã như huyễn, C.20; Thông quán ngũ Thích nữ Như Hải dục, từ C.21 – C.26; 6. Tinh tấn độ: a. THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2541 – DL. Mặc áo giáp hạnh tinh tấn, từ C.27 – C.32; 1997 b. Mặc áo giáp tưởng tinh tấn, C.33; c. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 134 Tiếp thiện tinh tấn, C.34 – C.35; d. Lợi lạc trang, bìa mềm. tinh tấn, C.36; V. Minh cấp giới thặng, Nội dung gồm có: Lời nói đầu, 1. Phẩm C.37 – C.38; Tín giáo-giải lý-tu hành: 1. Du hóa, 2. A-nan vấn Phật, 3. Phẩm Biến Tín giáo, C.39; 2. Giải lý, C.40; 3. Tu hiện, 4. Phật độ anh em ông Ca-diếp, 5. hành, C.41; Phần kết luận, C.42; Phần chú Phật độ Bình Sa vương, 6. Phật độ Xá-lợi- thích. phất và Mục-kiền-liên, 7. Phật trở về cố quốc thăm phụ vương, 8. Phật hóa độ 266. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG Trưởng giả Tu-đạt, 9. Phật hóa độ Cai Dịch và giải: Thích Phước Tịnh dung, 10. Phật hóa độ bà Kiều-đàm-di, 11. Nxb Phương Đông – 2011 Phật hóa độ vua Ba-tư-nặc, 12. Phẩm Tự Kinh có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 727 ái, 13. Phật hóa độ ông Ca-diếp, 14. Phật trang, bìa cứng. hóa độ Nại nữ, 15. Ni-kiền tử vấn nghị, Nội dung gồm có 42 chương: Lời dẫn, 16. Phật ăn lúa ngựa. Lược khảo văn bản, Phần Mở đầu: Ly dục

268. KINH BỔN NGUYỆN CÔNG Sammodamana, 34. Bổn sanh Maccha, 35. ĐỨC CỦA BẢY ĐỨC PHẬT Bổn sanh Vattaka, 36. Bổn sanh Sakuna, DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ 37. Bổn sanh Tittira, 38. Bổn sanh Baka, LAI 39. Bổn sanh Nanda, 40. Bổn sanh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh Khadirangàra; P.5 Phẩm Lợi ái, 41. Bổn (635-713) sanh Losaka, 42. Bổn sanh Kapota, 43. Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường Bổn sanh Veluka, 44. Bổn sanh Makasa, Tác phẩm Kinh này có 2 quyển Thượng, 45. Bổn sanh Rohinì, 46. Àràmadùsaka, Hạ. 47. Bổn sanh Vàruni, 48. Bổn sanh Kinh Sanskrit/Hán tạng) Bổn sanh Dummedha; P.6 Phẩm Àsimsa, 269. KINH BỔN SANH (JÀTAKA) – 2 51. Bổn sanh Mahàsilavà, 52. Bổn sanh Tập Cùlajanaka, 53. Bổn sanh Punnapàti, 54. (Trong Tiểu Bộ Kinh – Khuddaka Bổn sanh Phala, 55. Bổn sanh Nikàya) Pancàyudha, 56. Bổn sanh Phiên dịch từ bản Pàli: Tỳ-kheo Thích Kancanakkhandha, 57. Bổn sanh Minh Châu (1918-2012) Vànarinda, 58. Bổn sanh Tayodhammà, Tập I, Kinh Bổn Sanh, Tu Thư Phật Học 59. Bổn sanh Bherivàda, 60. Bổn sanh Vạn Hạnh xuất bản – 1980, dày 363 trang, Sankhadhama; P.7 Phẩm Đàn bà, 68. Bổn bìa mềm. Nội dung gồm có 1 chương, 12 sanh Sàketa, 69. Bổn sanh Visavanta, 70. phẩm như sau: C.I, P.1 Phẩm Apannaka, Bổn sanh Kuddàla; P.8 Phẩm Varana, 71. 1. Bổn sanh Apannaka, 2. Bổn sanh Bổn sanh Varana, 72. Bổn sanh Vannupatha, 3. Bổn sanh Serivanija, 4. Sìlavanaga, 73. Bổn sanh Saccankira, 74. Bổn sanh Cullaka-Setthì, 5. Bổn sanh Bổn sanh Rukkhadhamma, 75. Bổn sanh Tandulanàli, 6. Bổn sanh Devadhamma, 7. Maccha, 76. Bổn sanh Asankiya, 77. Bổn Bổn sanh Katthahàri, 8. Bổn sanh Gamini, sanh Giấc mộng lớn (chưa in), 78. Hlìsa, 9. Bổn sanh Makhàdeva, 10. Bổn sanh 79. Bổn sanh Kharassara,

80. Bổn sanh Sukhavihàri; P.2 Phẩm Giới, 11. Bổn sanh Bhìmasena; P.9 Phẩm Apàyimha, 81. Bổn Lakkhana, 12. Bổn sanh Con nai sanh Uống rượu, 82. Bổn sanh Mittavinda, Nigrodha, 13. Bổn sanh Kandina, 14. Bổn 83. Bổn sanh Kàlakanni, 84. Bổn sanh sanh Vàtamiga, 15. Bổn sanh Kharàdiya, Atthassadvàra, 85. Bổn sanh Kimpakka, 16. Bổn sanh Tipallatthamiga, 17. Bổn 86. Bổn sanh Sìlavimamsana, 87. Bổn sanh Màluta, 18. Bổn sanh Matakabhatta, sanh Mangala, 88. Bổn sanh Sàrambha, 19. Bổn sanh Àyàcitabhatta, 20. Bổn sanh 89. Bổn sanh Kuhaka, 90. Bổn sanh Nalakapàna; P.3 Phẩm Kurunga, 21. Bổn Akatannu; P.10 Phẩm Litta, 91. Bổn sanh sanh Kurunga, 22. Bổn sanh Kukkura, 23. Litta, 92. Bổn sanh Mahàsàra, 93. Bổn Bổn sanh Bhojaniya, 24. Bổn sanh sanh Vissàsabhojana, 94. Bổn sanh Ajanna, 25. Bổn sanh Tittha, 26. Bổn sanh Lomahamsa, 95. Bổn sanh Mahilàmukha, 27. Bổn sanh Abhinla, 28. Mahàsudassana, 96. Bổn sanh Tolapatta, Bổn sanh Nandivisàla, 29. Bổn sanh 97. Namasiddhi, 98. Bổn sanh Kùtavànija, Kanha, 30. Bổn sanh Munika; P.4 Phẩm 99. Bổn sanh Parosahassa, 100. Asàtarùpa; Kulàvaka, 31. Bổn sanh Kulàvaka, 32. P.11 Phẩm Parosata, 101. Bổn sanh Bổn sanh Nacca, 33. Bổn sanh Parosata, 102. Bổn sanh Pannika, 103.

Veri, 104. Bổn sanh 104, 105. Bổn sanh 148. Bổn sanh Sigala (Jat 501), 149. Bổn Dubhalakattha, 106. Bổn sanh Udancani, sanh Ekapanna (Jat 504), 150. Bổn sanh 107. Bổn sanh Sàlittaka, 108. Bàhiya, 109. Sanjiva (Jat 508); Bổn sanh Kundakapùva, 110. Bổn sanh P.I DALHA, 151. Bổn sanh Rajovada (Jat Sabhasanhàkara; P.12 Phẩm Hamsa, 111. 2.1), 152. Bổn sanh Sigala (Jat 2.5), 153. Bổn sanh Gadrabhapanha, 112. Bổn sanh Bổn sanh Kukara (Jat 2.9), 154. Bổn sanh Amaràdevìpanha, 113. Bổn sanh Sìgala, Uraga (Jat 2.12), 155. Bổn sanh Gagga 114. Mitacinti, 115. Bổn sanh Anusàsika, (Jat 2.15), 156. Bổn sanh Alinacitta (Jat 116. Bổn sanh Dubbaca, 117. Tittira, 118. 2.17), 157. Bổn sanh Guna (Jat 2.23), 158. Bổn sanh Vattaka, 119. Bổn sanh Bổn sanh Suhanu (Jat 2.30), 159. Bổn Akàlaràvi, 120. Bổn sanh sanh Mora (Jat 2.33), 160. Bổn sanh Bandhanamokkha. Vinilaka (Jat 2.38); P.II SANTHAVA, 161. Bổn sanh Tập II, Kinh Bổn Sanh, Tu Thư Phật Học Tudasamanagotta (Jat 2.41), 162. Bổn Vạn Hạnh xuất bản – 1982, dày hơn 303 sanh Santhava (Jat 2.43), 163. Bổn sanh trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời Susima (Jat 2.45), 164. Bổn sanh Gijjha giới thiệu, (Jat 2.50), 165. Bổn sanh Nakula (Jat P.13 KUSANALI, 121. Bổn sanh 2.52), 166. Bổn sanh Upassalha (Jat 2.54), Dummedha (Jat 441), 122. Bổn sanh 167. Bổn sanh Samiddhi (Jat 2.56), 168. Dummedha (Jat 444), 123. Bổn sanh Bổn sanh Sakunagghi (Jat 2.58), 169. Bổn Nangalisa (Jat 446), 124. Bổn sanh Amba sanh Araka (Jat 2.60), 170. Bổn sanh (Jat 449), 125. Bổn sanh Katahaka (Jat Kakanta (Jat 2.63); 451), 126. Bổn sanh Asilakkhana (Jat P.III THIỆN PHÁP, 171. Bổn sanh 455), 127. Bổn sanh Kalanduka (Jat 458), Kalyana – Dhamma (Jat 2.63), 172. Bổn 128. Bổn sanh Bilara (Jat 460), 129. Bổn sanh Daddara (Jat 2.65), 173. Bổn sanh sanh Aggika (Jat 461), 130. Bổn sanh Makkata (Jat 2.68), 174. Bổn sanh Kosiya (Jat 463); Dubhiyanakkata (Jat 2.70), 175. Bổn sanh P.14 ASAMPADANA, 131. Bổn sanh Adiccapatthana (Jat 2.72), 176. Bổn sanh Asampadana (Jat 465), 132. Bổn sanh Kaaya – Mutthi (Jat 2.74), 177. Bổn sanh Pancagaru (Jat 469), 133. Bổn sanh Tinduka (Jat 2.76), 178. Bổn sanh Ghatasana (Jat 471), 134. Bổn sanh Kacchapa (Jat 2.79), 179. Bổn sanh Thanosodhana (Jat 473), 135. Bổn sanh Satadhamma (Jat 2.82), 180. Duddhada

Candabha (Jat 474), 136. Bổn sanh (Jat 2.85); Suvannahamsa (Jat 474), 137. Bổn sanh P.IV ASADISA, 181. Bổn sanh Asadisa Babbu (Jat 477), 138. Bổn sanh Godha (Jat 2.86), 182. Bổn sanh Sangamavacara (Jat 480), 139. Bổn sanh Ubhatobhattha (Jat 2.92), 183. Bổn sanh Valodaka (Jat (Jat 482), 140. Bổn sanh Kaka (Jat 484); 2.95), 184. Bổn sanh Giridanta (Jat 2.98), P.15 KAKANTAKA, 141. Bổn sanh Gosha 185. Bổn sanh Anabhirati (Jat 2.99), 186. (Jat), 142. Bổn sanh Sigala (Jat 489), 143. Bổn sanh Dadhivahana (Jat 2.100), 187. Bổn sanh Virocana (Jat 490), 144. Bổn Bổn sanh Catumatta (Jat 2.106), 188. Bổn sanh Nanguttha (Jat 493), 145. Bổn sanh sanh Sihakotthuka (Jat 2.108), 189. Bổn Radha (Jat 495), 146. Bổn sanh Kaka (Jat sanh Jihaca dma (Jat 2.109), 190. Bổn 497), 147. Bổn sanh Puppharatta (Jat 499), sanh Silani Samsa (Jat 2.111), 191. Bổn

sanh Rahaka (Jat 2.112), 192. Bổn sanh P.IX PHẨM UPAHANA, 231. Bổn sanh Sinikalakanni (Jat 2.115), 193. Bổn sanh Upahana (Jat 2.221), 232. Bổn sanh Cullapaduma (Jat 2.115), 194. Bổn sanh Vinathuna (Jat 2.224), 233. Bổn sanh Manicora (Jat 2.121), 195. Bổn sanh Vikannaka (Jat 2.227), 234. Bổn sanh Pabhatu patthara (Jat 2.125), 196. Bổn Asitabhù (Jat 2.229), 235. Bổn sanh sanh Valàhassa (Jat 2.127), 197. Vacchanakha (Jat 2.231), 236. Bổn sanh Mittamitta (Jat 2.130), 198. Bổn sanh Baka (Jat 2.233), 237. Bổn sanh Saketa Radha (Jat 2.132), 199. Bổn sanh Gahapati (Jat 2.234), 238. Bổn sanh Ekarada (Jat (Jat 2.134), 200. Bổn sanh Sadhusila (Jat 2.236), 239. Bổn sanh Hurita-mata (Jat 2.137); 2.237), 240. Bổn sanh Maha Pingala (Jat P.VI NATAMDALHA, 201. Bổn sanh 2.239); Bandhanagara (Jat 2.139), 202. Bổn sanh P.X SIGALA, 241. Bổn sanh Sabhadatha Kolisila (Jat 2.142), 203. Bổn sanh (Jat 2.242), 242. Bổn sanh Sunakha (Jat Khanda-Vatta (Jat 2.144), 204. Bổn sanh 2.246), 243. Bổn sanh Guttida (Jat 2.248), Viraka (Jat 2.148), 205. Bổn sanh 244. Bổn sanh Viticcha (Jat 2.257), 245. Gangeyya (Jat 2.151), 206. Bổn sanh Bổn sanh Mulapariyaya (Jat 2.259), 246. Kurungamiga (Jat 2.152), 207. Bổn sanh Bổn sanh Telovada (Jat 2.262), 247. Bổn Assaka (Jat 2.155), 208. Bổn sanh sanh Padanjali (Jat 2.263), 248. Bổn sanh Sumsumara (Jat 2.158), 209. Bổn sanh Kinsukopama (Jat 2.265), 249. Bổn sanh Kakkara (Jat 2.160), 210. Bổn sanh Salaka (Jat 2.266), 250. Bổn sanh Kapi Kandagalaka (Jat 2.162); (Jat 2.268). P.VII BIRANATTHABHAKA, 211. Bổn sanh Biranatthambhaka (Jat 2.164), 212. 271. KINH BỔN SỰ Bổn sanh Luchitthabha (Jat 2.167), 213. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Bổn sanh Bharu (Jat 2.169), 214. Bổn sanh (602-664) Punna nadi (Jat 2.173), 215. Bổn sanh Việt dịch: Thích Như Điển Kacchapa (Jat 2.175), 216. Bổn sanh Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 7 Maccha (Jat 2.178), 217. Bổn sanh Seggu quyển: Q.I, P.1 Pháp (Phần 1); Q.II, P.1 (Jat 2.179), 218. Bổn sanh Kutavanija (Jat Pháp (Phần 2); Q.III, P.2 Pháp (Phần 1); 2.181), 219. Bổn sanh Garahita (Jat Q.IV, P.2 Pháp (Phần 2); Q.V, P.2 Pháp 2.189), 220. Bổn sanh Dhammaddhaja (Jat (Phần 3); Q.VI, Q.VII, P.3 Pháp (Phần 2). P.VIII KASAVA, 221. Bổn sanh Kàsàva Bộ Kinh tập) (Jat 2.196), 222. Bổn sanh Cùlanandiya (Jat 2.199), 223. Bổn sanh Puta Bhatta (Jat 272. KINH 42 CHƯƠNG & 2.202), 224. Bổn sanh Kumbhila (Jat KINH DI GIÁO 2.206), 225. Bổn sanh Khantivannana (Jat (Những Bài Thuyết Pháp Khi Đức Phật 2.206), 226. Bổn sanh Kosiya (Jat 2.208), Mới Thành Đạo và Khi Đức Phật Vào 227. Bổn sanh Guthapàna (Jat 2.209), 228. Niết-bàn) Bổn sanh Kamanita (Jat 2.212), 229. Bổn Việt dịch: Thích Bình Minh sanh Palayi (Jat 2.216), 230.

Bổn sanh Chùa Giác Minh (Sài Gòn), PL. 2502 Dutiya-palayi (Jat 2.219); Kinh có hơn 56 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Phật nói Kinh 42 Chương, Hán

dịch: Sa-môn Ca-diếp Ma-đằng và Trúc (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Pháp Lan, C.1 Những quả vị tu chứng, C.2 Q.3, Tp. Hồ Chí Minh) Lý đạo thâm huyền, C.3 Xa lìa của cải, C.4 Mười điều thiện ác, C.5 Ăn năn tội lỗi, 273. KINH CAHYNA C.6 Nhẫn nhục là hay, C.7 Nhân nào quả Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) nấy, C.8 Hại mình trước, C.9 Giữ chí Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, phụng đạo, C.10 Phúc ví như lửa, C.11 PL. 2564 – DL. 2020 Phúc báo hơn kém, C.12 Hai mươi việc Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 90 khó làm, C.13 Biết được đời trước, C.14 trang. Nội dung gồm có: Lời tự thuật, Hay nhất-Lớn nhất, C.15 Mạnh nhất-Sáng Nghi thức Tụng Kinh, Chương trình Thọ nhất, C.16 Đoạn trừ ái dục, C.17 Tỏ ngộ Y Công đức, Kinh Cahyna, Lễ 18 vị A-la- đạo mầu, C.18 Không chấp tướng, C.19 hán, Lễ Y công đức, Nhân duyên trì Y Vạn vật vô thường, C.20 Không có cái ta, Công đức, Chương trình Tu học, Huấn từ C.21 Xa lìa danh, C.22 Xa lìa lợi, C.23 Khai khóa Cahyna, Huấn từ Tạ khóa Khổ về gia đình, C.24 Yêu sắc đẹp, C.25 Cahyna, Hải Triều Âm toàn tập. Mê ái dục, C.26 Hàng phục ma nữ, C.27 Xa lìa tình dục, C.28 Đừng vội tin ý 274. KINH CĂN BẢN PHÁP MÔN ngươi, C.29 Phải chính tâm, C.30 Phải giữ Biên soạn: Tỳ-khưu Chánh Minh mình, C.31 Đoạn âm chẳng bằng đoạn Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 tâm, C.32 Không lo sợ, C.33 Phải dũng Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 270 trang. tiến, C.34 Giữ mực điều hòa, C.35 Đạo Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Những hạnh trong sạch, C.36 Không phải tu- chữ viết tắt, Luận giải Kinh Căn Bản Pháp chứng là khó nhất, C.37 Gần Phật-xa Phật, Môn, A. Duyên khởi, B. Tóm lược bài C.38 Mệnh con người ta, C.39 Tin lời Phật Kinh, Chánh Kinh: Ukathà, Subhaga, Về dạy, C.40 Tâm hành đạo, C.41 Nhất tâm vì 500 vị Tỳ-kheo nghe Kinh CBPM, Xứ đạo, C.42 Vạn pháp là giả tạm; Phần Chú Licchavì, Dahamma (Pháp), Kẻ vô văn thích; phàm phu, Bậc Thánh, Bậc chân nhân, Phật nói Kinh Di Giáo, Hán dịch: Tam Không thông suốt pháp các bậc Thánh, tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, C.1 Tôn Không tu tập pháp các bậc Thánh, Thế nào trọng Giới luật, C.2 Kiềm chế nội tâm, C.3 là luật thu thúc? Thế nào là luật từ bỏ? Sắc Xứng lượng vừa phải, C.4 Phải biết hổ pháp: Vấn đề về đất, Đất, Mạn (màna là thẹn, C.5 Nhẫn nhục Đệ nhất đạo, C.6 Bỏ gì?), Chấp nhận đất, Nghĩ (tự ngã) ở trong tâm kiêu mạn, C.7 Tâm địa thẳng thắn, đất, Nghĩ (tự ngã) là đất, Nghĩ đất là của C.8 Hạnh muốn ít, C.9 Hạnh biết đủ, C.10 ta, Hoan hỷ trong đất, Thế nào là hiểu rõ Xa nơi huyên náo, C.11 Chuyên cần tinh đất? Vấn đề nước, Vấn đề lửa, Vấn đề gió; tiến, C.12 Đừng quên nhớ điều chính, Chúng sanh chế định (danh-sắc pháp), C.13 Tâm thường Thiền định, C.14 Ánh Vấn đề chúng sanh-chư thiên-sanh chủ, 1. sáng Trí tuệ, C.15 Không bàn nói đùa, Về chúng sanh, 2. Về chư thiên, Năm cõi C.16 Ly khai sự phóng dật, C.17 Giải chư thiên, 3. Vấn đề sanh chủ, Vấn đề quyết sự ngờ vực, C.18 Nhân duyên hợp nhân chế định cõi sắc giới, 1. Về Phạm tan, C.19 Nhất tâm cầu đạo; Phần Chú thiên, 2. Về Quang Âm thiên, 3. Về Biến thích. Tịnh thiên, 4. Về Quảng Quả thiên, 5. Thắng giả; Vô sắc pháp: 1. Về Không vô

biên xứ, 2. Về Thức vô biên xứ, 3. Về Vô Soạn dịch: HT. Thích Trí Tịnh (1917- sở hữu xứ, 4. Về Phi tưởng phi phi tưởng 2014) xứ, 5. Về Sở kiến, 6. Về Sở văn-Tùy văn, Tác phẩm Kinh này gồm có: Cúng hương, 7. Về Sở xúc, 8. Về Sở trí, 9. Về đồng Tán Phật, Quán

tưởng, Đảnh lễ, Trì tụng, nhất, 10. Về sai biệt, 11. Về tất cả, 12. Về Tán lư hương, Chú Đại bi, Phát nguyện trì Niết-bàn; Vị Thánh Hữu học: Sekkhà (hữu Kinh, Khai Kinh; Phật nói Kinh A-di-đà; học), An tịnh các triền ách, Vị ấy biết rõ Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, đất là đất, Vị ấy không nghĩ tưởng đất là Vãng sanh Quyết định chơn ngôn, Tán đất, Sự biết về chân pháp, Biết hoàn toàn Phật, Thần chú Thất Phật diệt tội, Hồi do trí, Vì nhân nào? Ta nói vị ấy có thể hướng, Phục nguyện, Tự quy, Đảnh lễ. đề vô sắc, Về sở kiến, sở văn, sở xúc, sở Sanskrit/Hán tạng) tri, Về đồng nhất, Về vấn đề sai biệt, Về vấn đề tất cả, Về vấn đề Niết-bàn; Vị 277. KINH CÔNG ĐỨC CÁC BỔN Thánh A-la-hán: Tu hành thành mãn các NGUYỆN CỦA DƯỢC SƯ LƯU LY việc nên làm đã làm, Về phiền não, Về QUANG NHƯ LAI Lược Giảng pháp ngũ ngầm, Đã đặt gánh nặng xuống, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Đã tận trừ hữu-kiết sử, Kiết sử, Chánh trí Huyền Trang (602-664) giải thoát, Thoát ra điều khác; Đấng Như Lược giảng (1983): Lai: Những từ đồng nghĩa với Như Lai, a. Tuyên Hóa Thượng nhân (1918-1995) Trí thấu hiểu các quyền của chúng sanh Tác phẩm Kinh này có 185 trang (PDF). tùy miên có trong chúng sanh mạnh hay PDF) yếu, c. Song thông trí, d. Đại bi trí, e. Toàn giác trí, f. Vô chướng ngại trí; Tài liệu 278. KINH CỰU TẠP THÍ DỤ tham khảo. Hán dịch: Khương Tăng Hội Việt dịch: Lê Mạnh Thát 275. KINH CẦU MƯA Tác phẩm Kinh này có 61 truyện thí dụ. Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không Bộ Bổn duyên) Việt dịch: Huyền Thanh Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: 279. KINH CHÁNH PHÁP – Quyển thượng, - Kinh Đại vân luân thỉnh SANGHATA vũ (cầu mưa) và Quyển hạ; Kinh Đại vân (The Noble Mahayana Sanghatasutra Thỉnh vũ (Mahà-megha-sùtra: Kinh cầu Dharma – Paryaya) mưa) – Phẩm 64; - Kinh Đàn pháp Cầu Việt dịch: Hồng Như mưa; - Đại phương đẳng đại vân Kinh - Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x Thỉnh vũ (cầu mưa). 20.5cm, có hơn 280 trang, bìa mềm. Tác Pháp Sanghata, Khai Kinh, Kinh Chánh 276. KINH CẦU SIÊU pháp Sanghata, Hoàn Kinh; Phụ lục: 1. Nghi Thức Cầu Siêu Hướng dẫn cách tụng Kinh Sanghata, 2. (Tụng Kinh A-di-đà) Nghi thức tụng Kinh Sanghata (theo

truyền thống Phật giáo Tây Tạng), Ghi chú Nxb Ananda Viet Foundation. Tác phẩm về bản dịch Kinh Chánh pháp Sanghata, Kinh này gồm có: - Lời giới thiệu của Nhà Bảo quản Kinh sách Phật pháp, Hồi hướng xuất bản, 1. Lời giới thiệu của người dịch, ấn tống. 2. Bài Kinh Chú Tâm Tỉnh Giác, 3. Ghi Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: chú về Kinh Chú Tâm Tỉnh Giác, 4. Phụ Năm 2012, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, khổ lục: Bản dịch tiếng Anh của Thiền sư 16 x 24cm, dày 113 trang, bìa mềm, chữ Thanissaro Bhikkhu, Vài nét về dịch giả. Tây Tạng và tiếng Phạn màu trắng, có giải Kinh) viền khung, hoa văn bốn góc; năm 2015, Nxb Phương Đông. 283. KINH CHÚ TÂM VÀO HƠI THỞ 280. KINH CHIÊM SÁT NGHIỆP BÁO Việt dịch: Hoang Phong THIỆN ÁC Nxb Ananda Viet Foundation – 2018. Hán dịch: Bồ-đề Đăng; Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời Việt dịch: Thích Thiện Thông giới thiệu của Nhà xuất bản, 2. Giới thiệu & CHIÊM SÁT HÀNH PHÁP DIỆT Kinh Chú Tâm Vào Hơi Thở, 3. Ghi chú CHƯỚNG TRỪ NGHI về Kinh Chú Tâm Vào Hơi Thở, 4. Phụ Pháp sư Định Hoằng; lục: 1. Bốn cấp bậc luyện tập về sự chú Chuyển ngữ: Hạnh Chơn tâm dựa vào hơi thở; 2. Một vài tư liệu Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, bìa xem thêm có thể tìm được trên mạng, 5. Kinh Chiêm sát Nghiệp báo Thiện ác có Kinh-Giảng giải Kinh) hơn 119 trang, nội dung gồm 2

Quyển thượng và Quyển hạ (có Phần phiên âm và 284. KINH CHÚ THƯỜNG TỤNG dịch nghĩa); Chiêm sát Hành pháp Diệt Phân Viện Nghiên cứu Phật học chướng Trừ nghi có: Địa Tạng Chiêm Sát Việt Nam sám nghi và Chiêm sát Hành pháp diệt Nxb Tôn Giáo chướng trừ nghi. Tác phẩm Kinh này có 548 trang, nội dung gồm: 1. Lời tựa, 2. Kinh A-di-đà, 3. Kinh 281. KINH CHÚ ĐÀ-LA-NI THỈNH Phổ môn, 4. Kinh Tám điều, 5. Kinh Bát- BỒ-TÁT QUÁN THẾ ÂM nhã, 6. Kinh Dược sư, 7. Kinh Sám KINH CHƯ PHÁP VÔ HẠNH nguyện, 8. Kinh Vu Lan, 9. Kinh Địa Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-Tạng, 10. Khoa cúng Phật, 11. Khoa Tiếp thập (Kumarajiva, 344-413) linh, 12. Khoa Cúng Tổ tiên, 13. Cúng Việt dịch: Định Huệ Cha mẹ, 14. Vợ chồng cúng cho nhau, 15. Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Cha mẹ cúng cho con cháu, 16. Cúng hội Quyển thượng và Quyển hạ. viên quá cố, 17. Khoa Thí thực (cúng Bộ Kinh tập) cúng Giao thừa, 20. Khóa lễ “Niệm Phật 10 hơi”, 21. Văn Phát nguyện, 22. Lời dặn 282. KINH CHÚ TÂM TỈNH GIÁC cần nhớ khi cúng lễ, 23. Ngày-tháng trai Việt dịch: Hoang Phong

giới, 24. Các ngày khánh đản chư Phật, No. 1077), 13. Chuẩn-đề Tâm yếu (TTK. Bồ-tát. No. 1078), 14. Trì tụng Chuẩn-đề Chân ngôn Pháp yếu (TTK. No. 1079).

287. KINH CHUẨN-ĐỀ ĐÀ-LA-NI (Hội Thích) 285. KINH CHUẨN-ĐỀ BỔN TÔN Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bất Không Mật sư Thích Giác Tiến Hội thích: Sa-môn Hoằng Tán PL. 2542 – DL. 1998. Lưu hành nội bộ. Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Viên Đức Tác phẩm Kinh này có 413 trang, gồm 19 Chùa Dược Sư (Ban Mê Thuột) ấn tống phẩm. Nội dung gồm: P.1 Thành đạo, P.2 PL. 2516 – DL. 1973 Tế độ ác long, P.3 Bồ-tát vân tập, P.4 Mật Tác phẩm Kinh này có 213 trang, bìa hạnh Bồ-tát, P.5 Tế độ Ô-nẫu vương, P.6 mềm. Nội dung gồm có: - Lời tựa của ngài Tàm quí, P.7 Tế độ xà vương U-đô-ra, P.8 Hoằng Tán, - Phần Kinh văn, Nghi quỹ Uế-tích Kim Cang Bồ-tát, P.9 Cụ túc phá niệm tụng; Văn tán thán; Bổn tôn Đà-la-ni tướng, P.10 Điều ngự, P.11 Tế độ Diêm- bố tự pháp; Tư duy mẫu tự chủng tử nghĩa, đê-ra Tỳ-kheo, P.12 Bồ-tát cúng dường, quán tưởng Phạn tự, tu trì xuất thế gian P.13 Tế độ Ta-ma-sa, P.14 Sư tử Hẩu Bồ- đàn pháp; Phiến-để-ca pháp, Dứt tai ương tát, P.15 Y báo-chánh báo, P.16 Thiên nữ pháp môn; Bố-sắc-trí-ca pháp, Tăng ích cật vấn, P.17 Tối sơ cổ Phật, P.18 Phân pháp môn; Phạt-thi-ca-ra-noa pháp, Kính biệt công đức, P.19 Đại Hiền Bồ-tát. ái pháp môn; A-tỳ-giá-lỗ-ca pháp, Hàng phục pháp môn; Phương pháp họa tượng 286. KINH CHUẨN-ĐỀ ĐÀ-LA-NI Chuẩn-đề Tôn-na Bồ-tát; Pháp sám ngũ Việt dịch: Sa-môn Thích Viên Đức hối; Trì tụng pháp yếu; Tu bi điền và kính Kinh dày 213 trang, bìa mềm. Nội dung điền; Quán Tự Tại Bồ-tát cam lồ chơn gồm có: 1. Chuẩn-đề Phật Mẫu, 2. Tôn ngôn; Lục tự đại minh chơn ngôn; A-di-đà tượng Chuẩn-đề Phật Mẫu, 3. Chủng tử, Phật nhất tự tâm chú; Văn-thù Bồ-tát ngũ Chân ngôn, Thủ ấn của Chuẩn-đề Phật tự tâm chú; Đại Bảo quảng bát lầu các Mẫu, 4. Phật nói Kinh Thất-câu-đê Phật thiện trụ bí mật Đà-la-ni; Công đức Bảo Mẫu Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni (No. sơn thần chú; Tam tự tổng trì chơn ngôn; 1075), 5. Thất-câu-đê Phật Mẫu Sở thuyết Sổ châu công đức pháp; Hành Du-già bí Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh (No. 1076), 6. mật pháp yếu; Tụng kệ, sái tịnh, kiết ấn hộ Phật nói Kinh Thất-câu-đê Phật Mẫu Tâm thân; Tịnh pháp giới, kiết giới, triệu thỉnh, Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni (No. 1077), 7. cúng dường; Bổn tôn gia trì; Tán thán; Thất-câu-đê Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn-đề Phụ bản trì chú tháp. Đà-la-ni Pháp (No. 1078), 8. Thất-câu-đê Độc bộ Pháp (No. 1079), 9. Phật nói

Kinh 288. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN Trì minh Tạng Du-già Đại giáo Tôn-na (hay Bài thuyết pháp đầu tiên của Bồ-tát Đại minh Thành tựu Nghi quỹ, 10. Đức Phật Thích-ca) Chuẩn-đề Tam-muội Hành pháp (TTK. Dịch và chú thích (2016): No. 1481), 11. Đại Chuẩn-đề Bồ-tát Phần GS. Nguyễn Vĩnh Thượng Tu-tất-địa Sám hối huyền văn (TTK. No. Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời dịch 1482), 12. Chuẩn-đề Tịnh Nghiệp (TTK. giả; I. Nhập đề, II. Thân bài, a. Con đường

ở giữa, b. Bát chánh đạo, c. Tứ Diệu Đế 291. KINH CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI (Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế), d. NHIẾP CHƠN THỰC Tam Chuyển pháp luân (Thị chuyển, Hán dịch: Bát-nhã Khuyến chuyển và Chứng chuyển); Kết Việt dịch: Huyền Thanh luận; Chú thích. Kết cấu Kinh này gồm có 3 quyển, 9 giải Kinh) sinh; P.3 Kim Cương giới đại đạo trường; Quyển trung, P. Hạ, P.4 Kim Cương ngoại 289. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN giới; Quyển hạ, P.5 Cúng dường Kim (DHAMMACAKKAPPAVATTANASU Cương giới ngoại, P.6 Tu hành nghi quỹ, TTA) P.7 Kiến lập đạo trường phát nguyện, P.8 Theravàda – Phật giáo Nguyên Thủy Trì niệm, P.9 Hộ ma. Nxb Tôn Giáo, PL. 2562 – DL. 2019 Toàn Bộ Mật giáo) bộ tác phẩm Kinh này gồm có: Kệ lễ bái Tam Bảo, Lời nói đầu, Bài Kinh Chuyển 292. KINH DANH HIỆU BA NGÀN pháp luân: - Tứ Thánh đế (1. Khổ Thánh CHƯ PHẬT đế, 2. Nhân sinh khổ Thánh đế, 3. Diệt Nxb Hồng Đức – 2013 khổ Thánh đế, 4. Pháp hành dẫn đến Diệt Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 195 khổ Thánh đế); - Tam Bảo xuất hiện trên trang. Nội dung gồm có: 3000 danh hiệu thế gian, - Thực hành pháp hành Thiền chư Phật, Tán, Phát nguyện, Tam Quy; tuệ, - Pháp hành Trung đạo, - Trí tuệ Chú thích. Thiền tuệ, - Vipassanupakkilesa là thế nào? – Ba gút mắt của pháp hành Thiền 293. KINH DI-ĐÀ – HỒNG DANH – tuệ, - Bảy pháp Anupassanà, - Bậc Thánh VU LAN – PHỔ MÔN nhân; - Từ ngữ Pàli trong bài Kinh In tại Nhà In Thạnh Mậu (Gia Định) – Chuyển pháp luân; - Đoạn kết, Tài liệu 1948 Tham khảo. Kinh có 59 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Nghi thức Tụng Kinh niệm Phật, Ít lời 290. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN cần yếu, Lời dặn, Nghi thức, Đại bi chú, Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao Kinh Di-đà, Kinh Hồng danh, Kinh Vu Việt dịch: Phật tử Đồng An – Lan, Kinh Phổ Môn, Hườn Kinh (Tịnh Hoàng Phước Đại độ), Sám Di-đà, Sám Hồ quỳ, Sám Đại từ, PL. 2561 – DL. 2017 Sám Từ vân, Bài Tống táng. Tác phẩm Kinh này gồm có: Bản gốc, bản (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung khắc gỗ Càn Long; Dịch Nôm “Chuyển Tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Pháp Luân Kinh”; Dịch Việt “Kinh Hồ Chí Minh; Mã sách: VKINH 0066) Chuyển Bánh xe Pháp”; Ảnh chụp từ bản khắc gỗ Càn Long (Tiểu Thừa Kinh, A-294. KINH DI-ĐÀ Sớ Sao – Trọn bộ 3 hàm bộ 7, tập 55). Quyển Sanskrit/Hán tạng) Dịch giả: Sa-môn Lê Phước Bình (Thích Hành Trụ, 1904-1984)

Giác Nguyên Tự Phật Học Đường xuất Trung tâm Phật giáo Hayward xuất bản - bản – 1949 1994 Xem: Kinh A-di-đà sớ sao – 4 quyển do Toàn bộ tác phẩm này gồm có 3 phần: Lời HT. Thích Hành Trụ dịch ngỏ, Lời nói đầu (1. Giải thích đề Kinh; 2. Phần tựa); Phần Chánh tông, và Phần Lưu 295. KINH DI GIÁO thông. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Xem: Kinh Phật Di Giáo do Giáo sư Thích thập (Kumàrajiva, 344-413) Hoàn Quan giải thích. Việt dịch và giảng: Thích Vĩnh Hóa Nxb Phương Đông – 2011. 297. KINH DI GIÁO Tác phẩm Kinh này dày 144 trang, bìa Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- mềm. Nội dung gồm có: A.1 Tự phần, A.2 thập (Kumàrajiva, 344-413) Chánh

Tông phần, B.1 Cộng thế gian pháp Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) yếu, C.1 Đối trị tà nghiệp pháp yếu (Giữ Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 21 giới, Phương tiện viễn ly thanh tịnh giới, mục: 1. Kinh tự, 2. Trì giới, 3. Chế tâm, 4. Giới có thể sinh chư công đức, Thuyết Tiết độ sự ăn uống, 5. Răn việc ngủ nghỉ, khuyên tu giới lợi ích); C.2 Đối trị chỉ khổ 6. Răn về oán giận, 7. Răn về kiêu mạn, 8. pháp yếu (Căn phóng dật -khổ đối trị, Dục Răn về siểm khúc, 9. Thiểu dục (ít muốn), phóng dật-khổ đối trị, Đa thực-khổ đối trị, 10. Tri túc (biết đủ), 11. Viễn ly, 12. Tinh Giải đãi thụy miên-khổ đối trị); C.3 Đối trị tiến, 13. Bất vong niệm, 14. Thiền định, diệt phiền não pháp yếu (Sân nhuế phiền 15. Trí tuệ, 16. Không hý luận, 17. Tự não chướng đối trị, Cống cao phiền não gắng sức, 18. Quyết nghi, 19. Chúng sinh chướng đối trị, Siểm khúc phiền não đắc độ, 20. Pháp thân thường tại, 21. Kết pháp yếu (Vô cầu công đức, Tri túc công Sanskrit/Hán tạng) đức, Viễn ly công đức, Bất bì quyện (tinh tấn) công đức, Bất vọng niệm công đức, 298. KINH DI GIÁO Thiền định công đức, Trí tuệ công đức, Dịch giả: Tất cánh công đức (không hý luận); A.3 Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019) Lưu thông phần: B.1 Khuyên tu lưu thông, Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 B.2 Chứng quyết lưu thông, B.3 Đoạn Kinh có khổ 13 x 19cm, có 46 trang, bìa nghi lưu thông (Hiển thị dư nghi, Vi đoạn mềm. bỉ chi nghi, Vi trọng thuyết hữu vi vô Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2020, thường tướng khuyên tu), B.4 Chúc phó. Nxb Hồng Đức, có 41 trang, bìa mềm, có Tác phẩm Kinh này được Báo Ân tự (7509 tay gấp. Mooney Drive, Rosemead, CA 91770, USA), ấn hành lần thứ ba, PL. 2554 – DL. 299. KINH DI GIÁO 2010 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Phiên âm và lược dịch: Nguyên Tánh 296. KINH DI GIÁO (Trần Tiễn Khanh) Việt dịch: Thích Hoàn Quan và Nguyên Hiển (Trần Tiễn Huyến) Việt dịch (2009): Bùi Đức Huề

No. 389; Tuệ Quang Foundation. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 350 trang. PDF) thiết trí Quang minh Tiên nhân Từ Tâm nhân duyên Bất thực nhục Kinh, Di-lặc sở 300. KINH DI GIÁO vấn hội, Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương thượng sinh Đâu-suất Thiên Kinh, Phật Giáo Trình Trung Cấp Phật Học thuyết Di-lặc Hạ sinh Kinh, Phật thuyết Ban Biên soạn: Trưởng ban- Di-lặc Đại thành Phật Kinh, Đại Phương TT. TS. Thích Thích Viên Trí – quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, các quyển: HT. Thích Viên Giác – 77, 78, 79; Nghi thức Hồi hướng, Bảng TT. TS. Thích Hương Vân Chú thích thuật ngữ. Nxb Phương Đông – 2017. Sách có khổ Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 14.5 x 20.5cm. 2008, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23cm, dày Xem: Kinh Di Giáo lược giải của 342 trang, bìa cứng. HT. Thích Viên Giác. 304. KINH DI-LẶC CỨU THẾ - 301. KINH DI GIÁO lược giải Long Hoa Hội Dịch-giải: Thích Viên Giác Chánh Đạo Trưởng-Ngộ Chân Tử Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 Chùa Hoằng Pháp (Gia Định) Trụ sở Kinh có khổ 13 x 19cm, có 162 trang, bìa Trung Ương ấn hành mềm. Tác phẩm này gồm có 2 chương Giấy phép số 2543-BTT-PHNT ngày chính. Phần đầu, Lời giới thiệu, Lời nói 5/8/1972 đầu; Chương I, Nhận thức tổng quát; Kinh có 63 trang, khổ nhỏ, bìa mềm. Nội Chương II, Nội dung Kinh Di Giáo; Phụ dung gồm có 6 phẩm: Lời giới thiệu, Lời lục: 1. Phần dịch nghĩa, 2. Phần Hán văn. nói đầu, Khai Kinh kệ, P.1 Chép lời Thế Tôn truyền cho Đệ tử là Ngọc Phật; P.2 302. KINH DI-LẶC Thỉnh Phật Thế Tôn Giáng sinh xuống Việt dịch: đời; P.3 Đức Thế Tôn dặn dò Đức Ngọc Thích nữ Diệu

Không (1905-1997) Phật; P.4 Dặn những cách tảo trừ tà thần; PL. 2515 – DL. 1972 P.5 Đức Ngọc Phật bạch hỏi Thế Tôn; P.6 Kinh có 45 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ Nói về Công đức Ngọc Phật; Lời kết; Giáo tựa màu xanh dương, có hình bánh xe hội Khuyên tu để gặp Phật, Phục hưng pháp luân. Nội dung gồm có 2 quyển: Chánh pháp-Giáo hội Đạo tràng Thiền Kinh Di-lặc thượng sinh (Quyển thượng), học, Khuyến nhân Tu thân, Kệ Giác ngộ, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh; Long Hoa chuyển thế. Kinh Di-lặc hạ sinh (Quyển hạ). (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2125) 303. KINH DI-LẶC Dịch giả: Tỳ-kheo Thích Nhất Chân 305. KINH DI-LẶC Hạ Sinh Nxb Tôn Giáo – 2012 Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015)

Chùa Từ Quang (Sài Gòn) xuất bản – Ban Bảo Tự Tổ đình Phái Thiên Thai ấn 1956 tống Kinh có 24 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ Kinh có hơn 88 trang, bìa mềm, nền khung tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Một đôi lời màu trắng, chữ tựa màu đỏ. (Mùa Thành đạo – 1956), Phật nói Kinh Nội dung gồm có: Thay lời tựa, I. Kinh Di-lặc Hạ sinh, Hán dịch: Ngài Trúc Pháp Di-đà nghĩa, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Hộ; Chú thích. (Bản lưu tại Thư viện Viện Kinh nghĩa, 3. Phật thuyết A-di-đà Kinh, Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ 4. Bổ khuyết (chữ), 5. Vãng sanh, 6. Tán Chí Minh) Phật, 7. Sám Khể thủ nghĩa, 8. Phúng Kinh, 9. Phục nguyện; II. Kinh Hồng 306. KINH DI-LẶC Danh nghĩa, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Hạ Sanh Thành Phật Kinh nghĩa, 3. Hồng danh Bửu sám nghĩa, Việt dịch: Phật tử Khánh Anh 4. Bổ khuyết (chữ), 5. Vãng sanh, 6. Tán Ban Tu bổ Chùa Phước Hậu (Vĩnh Long) Phật, 7. Sám Nhứt tâm nghĩa, 8. Phúng xuất bản, PL. 2504 – DL. 1960 Kinh, 9. Phục nguyện; III. Kinh Vu Lan Kinh có 84 trang, bìa mềm. Nội dung gồm nghĩa, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Kinh có: Phật nói Kinh Di-lặc Hạ sanh Thành nghĩa, 3. Phật thuyết Vu Lan Bồn Kinh, 4. Phật, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Bổ khuyết nghĩa, 5. Vãng sanh, 6. Xưng Tịnh, Giảng yếu: Thái Hư Pháp sư (Cư sĩ tụng công nghĩa, 7. Sám Nhơn lành nghĩa, Lâm-Quảng Châu); Thay lời tựa, Giáp. 8. Nguyện tiêu-Nguyện sanh nghĩa, 9. Thích Kinh đề, Ất. Thích dịch đề, 2. Minh Phục nguyện; IV. Kinh Báo Ân nghĩa, 1. đại ý, Thích Kinh: Giáp. 1. Phần Chứng Lư hương nghĩa, 2. Khai Kinh nghĩa, 3. tín phát khởi, Ất. 1. Chứng Tín tự, Ất. 2. Phật thuyết Báo Ân Kinh, 4. Bổ khuyết Phát khởi tự, Giáp. 2. Phần Già-đà thỉnh (chữ), 5. Vãng sanh, 6. Tán Phật, 7. Sám nói, Ất. 1. Kệ văn thỉnh nói, Ất. 2. Kệ Thập phương, 8. Phúng Kinh, 9. Phục thuyết, Bính. 1. Răn hứa, Bính. 2. Chính nguyện; V. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa- thuyết, Đinh.1. Y chánh trang nghiêm, Phẩm Phổ Môn; Phụ thêm: Sám Thái Mậu. 1. Quốc giới trang nghiêm, Mậu. 2. bình. (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Quốc chủ trang nghiêm, Đinh.2. Phật pháp Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KT. hưng hóa, Mậu.1. Giáng thế thị sanh, 046) Mậu.2. Xuất gia thành Phật, Mậu.3. Thuyết pháp độ sanh, Kỷ.1. Nghe pháp 308. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA đắc quả, Canh.1. Sơ văn pháp xuất gia, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Canh.2. Tu hành đắc quả, Kỷ.2. Suất thập (Kumàrajiva, 344-413) chúng phổ hóa, Mậu.4. Hóa mãn pháp trú, Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Bính.3. Kiết-Khuyến, Giáp.3. Phần lợi ích Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017 (tái tín phụng, Ất.1. Văn pháp lợi ích, Ất.2. bản lần thứ mười bảy) Kiết chúng phụng tín; Chú thích. Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 589 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu xanh dương, có hình Đức Phật Thích-ca chuyển pháp luân; bìa sau tựa chữ Hán, có hình 307. KINH DIỄN NGHĨA

nhiều hoa sen.

Toàn bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa gồm có DL. 1966, Giáo hội Tăng-già Nam Việt 7 quyển, 28 phẩm như sau: Nghi thức sám xuất bản, In tại Nhà in Sen Vàng (chùa Ấn hối, Nghi thức trì tụng; Quyển I, P.1. Tựa, Quang), Giấy phép số 566/XB. Bộ Thông P.2. Phương tiện, Sự tích tả kinh Pháp tin Saigon, ngày 2-4-1966; năm PL. 2510 Hoa; Quyển II, P.3. Thí dụ, P.4. Tín giải, – DL. 1967, Chùa Ấn Quang, Nhà in Sen Sự tích tả kinh thoát khổ; Quyển III, P.5. Vàng tái bản (in lần thứ năm), với tựa Dược thảo dụ, P.6. Thọ ký, P.7. Hóa thành "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa âm-nghĩa", dụ, Sự tích đọc kinh thoát khổ; Quyển IV, dày 715 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ; P.8. Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9. Thọ học vô năm PL. 2511, chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) ấn học nhơn ký, P.10. Pháp sư, P.11. Hiện tống, với tựa "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa bửu tháp, P.12. Đề-bà-đạt-đa, P.13. Trì, Sự âm-nghĩa", dày 716 trang, bìa mềm; năm tích tụng đề kinh; Quyển V, P.14. An lạc PL. 2514 – DL. 1970, In tại Nhà in Hạnh hạnh, P.15. Tùng địa dũng xuất, P.16. Như Phúc (Gia Định), chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) Lai thọ lượng, P.17. Phân biệt công đức, ấn tống, cũng năm này Nxb Sen Vàng tái Sự tích tả kinh cứu bạn đồng học; Quyển bản, với tựa "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh"; VI, P.18. Tùy hỷ công đức, P.19. Pháp sư năm PL. 2516 – DL. 1972, Nhà in Sen công đức, P.20. Thường Bất Khinh Bồ-tát, Vàng tái bản; năm PL. 2519 – DL. 1975, P.21. Như Lai thần lực, P.22. Chúc lụy, In tại Nhà in Sen Vàng, Giấy phép số P.23. Dược vương Bồ-tát bổn sự, Sự tích 566/XB. Bộ Thông tin Saigon, ngày 2-4- tụng kinh thoát nữ thân; Quyển VII, P.24. 1966, với tựa "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Diệu Âm Bồ-tát, P.25. Quan Thế Âm Bồ- nghĩa"; năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí tát phổ môn, P.26. Đà-la-ni, P.27. Diệu Minh ấn hành; các năm 2001, 2009, 2010, Trang Nghiêm vương bổn sự, P.28. Phổ 2012, Nxb Tôn Giáo (tái bản lần thứ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Sự tích nghe chín); năm 2016, Nxb Hồng Đức; năm kinh khỏi thân chim, Tụng kinh cứu toàn 2020, Nxb Hồng Đức, khổ 19 x 27cm, dày thành, Bổ khuyết Tâm kinh (sau mỗi hơn 641 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. quyển đều có phần Thích nghĩa). (Theo các bản Kinh lưu tại Thư viện Huệ Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm 1960, Liên Hải Phật học Đường xuất bản, Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh) In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), Giấy phép số 566/XB, ngày 2-4-1960; năm PL. 309. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA 2506 – DL. 1962, Giáo hội Tăng-già Nam Việt dịch: Nguyên Hồng Việt In lần thứ nhất tại Nhà in Sen Vàng, Nxb Tôn Giáo – 2004. Giấy phép số 244/XB, Hội đồng Kiểm Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày 406 trang, duyệt Sài Gòn, ngày 13-2-1962, với tựa nội dung gồm 28 phẩm. "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nghĩa"; năm Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên PL. 2508 – DL. 1964, Chùa Ấn Quang, Hoa Nhà in Sen Vàng, Giấy phép số 1226/XB. Bộ Thông tin Saigon, ngày 25-5-1964; 310. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA năm 1965, Tỳ-kheo Thích Đăng Quang Việt dịch: Pháp sư Thích Từ Thông (Trụ trì chùa Hải Tuệ) tái bản, ấn quán Nxb Tôn Giáo – 2010 Sen Vàng, Giấy phép số 1226/ U.B.K.D. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 255 trang, bìa Saigon, ngày 25-5-1964; năm PL. 2510 – mềm.

Nội dung gồm có 28 phẩm: Tiểu dẫn, môn Bồ-tát Quán Thế Âm, P.26 Đà-la-ni, Nguyện hương, Tán thán Phật, Quán P.27 Bổn sự Bồ-tát vua Diệu Trang tưởng, Đảnh lễ, Bài Tán lư hương, Bài văn Nghiêm, P.28 Khuyến phát của Bồ-tát Phổ Phát nguyện, Bài Khai

kinh; P.1 Tựa, P.2 Hiền. Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành 312. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA dụ, P.8 Ngũ bách đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ Giảng Giải học Vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Giảng giải: Thích Thanh Từ Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002 Khuyến trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 763 địa dũng xuất, P.16 Như Lai Thọ lượng, trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này P.17 Phân biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ gồm có, Phần đầu là Lời đầu sách, Lược Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 khảo lịch sử Kinh; Phần nội dung chính có Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai 28 phẩm Kinh giảng giải; sau cùng là Toát thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược yếu toàn bộ Kinh. Vương Bồ-tát Bổn sự, P.24 Diệu Âm Bồ- Tác phẩm Kinh giảng giải này được tái tát vãng lai, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát bản nhiều lần: Năm 1993, THPG Tp. Hồ Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Chí Minh ấn hành; năm 1999-2002-2009- Nghiêm Bổn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát 2012-2014-2016, Nxb Tôn Giáo. khuyến phát; Bổ khuyết Tâm Kinh, (Niệm Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Phật A-di-đà và Bồ-tát), Bài sám Nhất Hoa tâm, Hồi hướng, Tam Quy y. 313. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA 311. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Giải – Trọn bộ Việt dịch: Thích Minh Định Giảng giải: Tỳ-kheo Thích Trí Thành Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015 Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2013 Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 605 Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 1043 trang, trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. bìa cứng, chữ tựa Kinh màu vàng, có hình Nội dung gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Lời hoa lá sen và chữ Vạn. Nội dung gồm có 7 tựa, Q.I, P.1 Tựa, P.2 Phương tiện; Q.II, quyển, 5 phần, 28 phẩm như sau: A. Phần P.3 Thí dụ, P.4 Tin hiểu; Q.III, P.5 Dược Tổng hiển, Q.I, Duyên khởi Tổng tự, Đề thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; Kinh, Tổng Phẩm mục, P.1 Tựa; B. Phần Q.IV, P.8 Thọ ký cho 500 vị đệ tử, P.9 Khai Phật Tri kiến, P.2 Phương tiện; Q.II, Thọ ký cho bậc Hữu học và Vô học, P.10 P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, P.5 Dược Pháp sư, P.11 Thấy Bảo tháp, P.12 Đề-bà- thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; đạt-đa, P.13 Khuyên trì; Q.V, P.14 An lạc Q.IV, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ hạnh, P.15 Từ dưới đất vọt lên, P.16 Thọ học Vô học nhơn ký, P.10 Pháp sư; C. lượng của Như Lai, P.17 Phân biệt Công Phần Thị Phật Tri kiến, P.11 Hiện bảo đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 tháp; D. Phần Ngộ Phật Tri kiến (5 Phẩm Công đức Pháp sư, P.20 Bồ-tát Thường đầu là Ngộ Phật Tri kiến), P.12 Đề-bà-đạt- Bất Khinh, P.21 Như Lai Thần lực, P.22 đa, P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Chúc lũy; Q.VII, P.23 Bổn sự Bồ-tát Dược Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ Vương, P.24 Bồ-tát Diệu Âm, P.25 Phổ lượng, (Sau Phẩm sau Diệu ngộ cùng cực

Phật Tri kiến), P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp 316. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ- Giảng Diễn Lục – Tập I tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy; Giảng lục: Thái Hư Đại sư E. Phần Nhập Phật Tri kiến, P.23 Dược Việt dịch: Bí sô Thích Trí Nghiêm vương Bồ-tát Bản sự; Q.VII, P.24 Diệu PL. 2514 – DL. 1970, Dịch giả chủ trì ấn Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ loát. môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Tập I, dày 424 trang, bìa mềm, có 10 Nghiêm vương Bản sự, P.28 Phổ Hiền Bồ- phẩm. Nội dung gồm có: Tựa Kinh đề, tát Khuyến phát; Kinh Pháp Hoa hội lớn Minh cương tông, Thích Kinh văn, P.1 chỉ Chơn tâm, Tóm toàn bộ Kinh Pháp Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín Hoa, Như thị,

Tỉnh tâm tu tập, Đạo tràng giải, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Pháp Hoa tu học, Hồi hướng Công đức in Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá đệ tử Lãnh ký, Kinh. P.9 Trao ký Học-Vô học nhơn, P.10 Pháp sư. 314. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Giải – Trọn bộ 5 Tập 317. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Tán (4 tập) Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) Nguyên tác: Đại sư Khuy Cơ Giảng giải: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) Việt dịch: HT. Thích Chân Thường Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Minh Định Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Chùa Kinh Quang (Pháp Quốc), PL. 2549 Sách có khổ 16 x 24cm, bìa cứng, đóng – DL. 2005 hộp (Bản Tu chỉnh). Tập I, , dày 412 The Corporate Body of the Buddha trang, gồm có: Lời giới thiệu, Lời dịch giả, Educational Foundation Mấy lời giới thiệu về Tác giả-Tác phẩm 11F, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa huyền tán, gồm Taipei, Taiwan, R.O.C 3 quyển 1 (Phần trước-Phần sau), 2 (Phần Tác phẩm Kinh giảng giải này gồm có 28 trước-Phần sau) và 3 (phần trước); Tập II, phẩm. dày 400 trang, nội dung gồm: Lời giới Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên thiệu, Lời dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Hoa Tác giả-Tác phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa huyền tán, tiếp theo; Q.3 (Phần sau), 315. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Phẩm Phương tiện (tt); Q.4, (Phần trước- Giảng Nghĩa Phần sau) Nghĩa của Nhất thừa chính là Giảng nghĩa: Pháp sư Thiện Trí tông chỉ của Kinh; Q.5, (Phần trước-Phần Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998 sau) P.3 Phẩm Thí dụ; Tập III, dày 412 Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 367 trang, bìa trang, nội dung gồm: Lời giới thiệu, Lời mềm. Nội dung gồm có 28 phẩm Kinh do dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Tác giả-Tác Pháp sư Thiện Trí giảng nghĩa, phần đầu phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa huyền có: - Lời nói đầu; Giải thích đề Kinh; sau tán, tiếp theo quyển 5, 6, 7 và 8; Tập IV, cùng là Sách tham khảo. dày 441 trang, nội dung gồm: Lời giới Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên thiệu, Lời dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Hoa Tác giả-Tác phẩm Kinh Diệu Pháp Liên

Hoa huyền tán, tiếp: Q.8, Phẩm Pháp sư Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: (tt); Q.9, Phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phẩm Tòng Năm PL. 2517 – DL. 1973, In tại Nhà in Địa dũng xuất; Q.10, Phẩm Tùy hỷ Công Hạnh Phúc (Gia Định), Giấy phép số đức, Phẩm Diệu Âm Bồ-tát; Hồi hướng. 3731/PTUDV/KSALP/TP, ngày 18-9- 1973, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, 318. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA dịch giả Thích Trí Tịnh & Kinh Đại Thừa (Trọn Bộ-Tái Bản) Vô Lượng Thọ, dịch giả Thích Chánh Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học Quang”, dày 596 trang, bìa mềm; năm Việt dịch: HT. Thích Tuệ Hải PL. 2518 – DL. 1974, Liên Hoa Tịnh Thất Nxb Hồng Đức, PL. 2558 – DL. 2014 (Mỹ Tho) ấn tống, In tại Nhà in Hạnh Kinh có khổ 15 x 23cm, dày 578 trang, bìa Phúc (Gia Định), Giấy phép số cứng. Nội dung gồm có: Phần Nghi lễ, 2701/74/BDVCH/KSALP/TP, ngày 29-5- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, gồm 7 quyển, 1974. 28 phẩm; sau cùng là Tâm Kinh Bát-nhã, Tụng Kinh hồi hướng, Kệ niệm Phật, Hòa 320. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – Nam Thánh chúng. PHẨM PHỔ MÔN Xem: (7 quyển, 28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Việt dịch: Chân An-Đạo Nhơn-Thanh Tâm Liên Hoa đồng dịch Tác phẩm Kinh này đã được Hương Nxb Tôn Giáo – 2010 Quang (Sài Gòn) xuất bản từ năm 1965, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 90 trang, Giấy phép số 604 BTT/BC3-XB, ngày 6-2- bìa mềm. 1965, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Saddharmapundartka Sutram”, dày 592 321. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – trang, bìa mềm. PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN 319. KINH DIỆU PHÁP LIÊN

HOA & Ban Liên Hoa – Miền Vĩnh Nghiêm ấn KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG tống, PL. 2514 – DL. 1970 NGHĨA In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), Kiểm Việt dịch: Thích Trí Tịnh (1917-2014) duyệt số 1913/XB ngày 7-11-1957 của PL. 2514 – DL. 1970, Tỳ-kheo Thích Nha T.T.N.P Đăng Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ-Sài Kinh có 81 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ Gòn) – Trưởng Ban tổ chức ấn tống, In tại tựa màu đỏ và màu đen. Nội dung gồm có: Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định). Bài Cúng hương, Bài Kỳ nguyện, Bài Tán Kinh dày 608 trang, bìa mềm, chữ tựa màu dương Phật bảo, Quán tưởng, Tán Lư đỏ. Nội dung gồm có: Kinh Diệu Pháp hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Quán Liên Hoa, có 28 phẩm; Kinh Đại Thừa Vô Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, dịch âm; Lượng Nghĩa, có 3 phẩm: P.1 Đức Hạnh, Thập nhị Đại nguyện Quán Thế Âm Bồ- P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; Ma- tát, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng Kinh, Vãng sinh Quyết định Chân ngôn, sanh Quyết định Chơn ngôn, và Hồi Sám Di-đà, Phục nguyện, Tam quy; Quán hướng. Thế Âm Bồ-tát Phẩm Phổ Môn, dịch Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên nghĩa, Mười hai Lời nguyện lớn. Hoa

322. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – Kết cấu tác phẩm gồm có 7 quyển, 28 PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ phẩm; nội dung: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Phương MÔN Giảng Lục tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, Giảng lục: Pháp sư Bảo Tịnh P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa Việt dịch: Thích Trí Nghiêm thành dụ; Q.IV, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, Chùa Hải Đức (Nha Trang), PL. 2516 – P.9 Thọ học Vô học nhơn ký, P.10 Pháp DL. 1972. Tác phẩm Kinh này dày 224 sư, P.11 Hiện bửu tháp, P.12 Đề-bà-đạt- trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Thay lời đa, P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 tựa, Lời nói đầu; Kinh Diệu Pháp Liên Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ Hoa, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn lượng, P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI, Phẩm, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu- P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công ma-la-thập; Phụ lục: Nghi thức Tụng niệm đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Quán Thế Âm Bồ-tát (1. Quán Âm tán, 2. Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Tụng Kinh chú, 3. Đại Quán Âm tán, 4. Dược Vương Bồ-tát Bổn sự; Q.VII, P.24 Quán Âm kệ I, 5. Quán Âm kệ II, 6. Niệm Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Phổ môn-Quan Thế hồng danh Bồ-tát, 7. Hồi hướng kệ); Bài Âm Bồ-tát, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu bạt (của Thôi Chú Bình dịch); Trích Kinh Trang Nghiêm Vương, P.28 Phổ Hiền Bồ- Diệu Pháp Liên Hoa – Thay lời nguyện tát; Kết luận. (Bản lưu tại Thư viện Viện của Người ấn tống. Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Tác phẩm này đã được Giáo hội (Phật Chí Minh; Mã sách: Vie 2000) giáo) Khánh Hòa ấn hành năm PL. 2513 – DL. 1969. 325. KINH DUY-MA Dịch giải: 323. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA HT. Thích Trí Quang (1923-2019) Thông Nghĩa Nxb Tp. Hồ Chí Minh - 1994 Nguyên tác: Hám Sơn – Thích Đức Thanh Tác phẩm này gồm có 4 phần chính: - Việt dịch: Thích Viên Giác Tổng quan Kinh Duy-ma (PL. 2537- DL. Nxb Tôn Giáo – 2002. Kinh có khổ 14 x 1993); Phần I, a. Tịnh độ, b. Phương tiện, 20cm, dày 492 trang. c. Thanh văn; Phần II, d. Bồ-tát, e. Thăm Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Kinh bịnh, f. Bất khả tư nghị, g. Quan sát chúng Diệu Pháp Liên Hoa thông nghĩa, Q.1, sanh; Phần III, h. Đường đi của Phật, i. Lời tựa, Phán Giáo, Giải thích đề Kinh, Nhập vào bất nhị, j. Đức Phật Hương Đời Diêu Tần ngài Tam tạng Pháp sư Tích, k. Việc làm của Bồ-tát; Phần IV, l. Cưu-ma-la-thập, và 7 quyển, 28 phẩm Nhìn Phật bất động, m. Hiến cúng bằng Kinh; Kệ Hồi hướng. pháp, n. Ký thác

từ tôn; Viết tắt và Ghi Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên chú. Hoa 326. KINH DUY-MA-CẬT 324. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Biên dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) Yếu Lược Nxb Tôn Giáo – 2012 Soạn giả: Thuần Tâm Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 424 trang, Tu viện Tín Hạnh Nguyện xuất bản bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần, 3 Kinh dày hơn 120 trang, bìa mềm. quyển, 14 phẩm: Phần Hán văn; Phần

Dịch âm, Quyển thượng, Phật quốc phẩm, (Kinh Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát) Phương tiện phẩm, Đệ tử phẩm, Bồ-tát Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- phẩm; Quyển trung, Văn-thù-sư-lỵ vấn tật thập (Kumàrajiva, 344-413) phẩm, Bất tư nghị phẩm, Quán chúng sinh Việt dịch: Pháp Tuệ phẩm, Phật đạo phẩm, Nhập Bất nhị pháp Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012. môn phẩm; Quyển hạ, Hương tích Phật Kinh có khổ 14.4 x 20.5cm, dày hơn 221 phẩm, Bồ-tát hạnh phẩm, Kiến A-súc Phật trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh phẩm, Pháp Cúng dường phẩm, Chúc lụy này gồm có 14 phẩm. phẩm; Phần Dịch nghĩa, Quyển thượng, Xem: (14 phẩm) Kinh Duy Ma Cật Cõi Phật, Phương tiện, Đệ tử, Bồ-tát; Quyển trung, Văn-thù thăm bệnh, Không 329. KINH DUY-MA-CẬT thể nghĩ bàn, Quán chúng sinh, Đạo Phật, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Vào Pháp môn Chẳng phân hai; Quyển hạ, thập (Kumàrajiva, 344-413) Phật hương tích, Hạnh Bồ-tát, Thấy Phật Việt dịch: Thích Huệ Hưng A-súc, Cúng dường pháp, Chúc lụy. Ấn hành năm 1970. Tác phẩm Kinh này Tác phẩm Kinh này đã được Phật học gồm có 14 phẩm: - Lời giới thiệu, - Lời Tòng thơ xuất bản năm 1971 (in kỳ đầu), nói đầu; 1.P Phật quốc, 2.P Phương tiện, với nhan đề “Duy Ma Cật Kinh”. 3.P Đệ tử, 4.P Bồ-tát, 5.P Văn-thù-sư-lợi, 6.P Bất tư nghị, 7.P Quán chúng sanh, 8.P 327. KINH DUY-MA-CẬT Phật đạo, 9.P Vào Pháp môn không hai, Dịch và chú giải: Đinh Sỹ Trang 10.P Phật Hương Tích, 11.P Hạnh Bồ-tát, Ấn tống PL. 2547 – DL. 2003, 12.P Thấy Phật A-súc, 13.P Pháp cúng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 303 trang, dường, 14.P Chúc lụy. bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm Tác phẩm Kinh này đã được Thiền viện có 14 chương: Lời tựa, 1. Cõi Phật, 2. Tập Thành (Sài Gòn) ấn hành lần đầu vào Phương tiện, 3. Tranh luận với mười Đại năm 1951; Thiền viện tái bản năm 1965; đệ tử của Phật (Duy-ma-cật với: Xá-lợi- năm 1971, Phật học đường ấn hành; năm phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề, 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành. Phú-lâu-na, Ca-chiên-diên, A-na-luật, Ưu- (Theo các bản lưu tại Thư viện Viện ba-ly, La-hầu-la, A-nan; 4. Tranh luận với Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ các Bồ-tát (Duy-ma-cật với: Di-lặc, về thọ Chí Minh; Mã sách: Vie 9614, Vie 2130, ký, Quang Nghiêm, về đạo tràng, Trì Thế, Vie 2131, Vie 1582) về niềm vui đạo đức, Thiện Đức, về pháp thí; 5. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, 6. Pháp môn 330. KINH DUY-MA-CẬT không thể nghĩ bàn, 7. Quán sát chúng Giảng giải: Lê Sỹ Minh Tùng sanh, 8. Đường đến quả Phật, 9. Pháp môn Tác phẩm Kinh này có 14 phẩm (Xem: không hai, 10. Phật Hương Tích, 11. Hành Kinh Duy Ma Cật), Lời nói đầu (PL. 2552 động của Bồ-tát, 12. Thấy Phật Vô Động, – DL. 2008), Phần giới thiệu, Tiểu sử 13. Cúng dường bằng Kinh điển, 14. Lời Pháp sư Cưu-ma-la-thập, sau cùng là Lời có giải nghĩa trong Kinh này. Kinh/Giảng giải Kinh)

328. KINH DUY-MA-CẬT 331. KINH DUY-MA-CẬT

Trong lộ trình Giải thoát và Mô hình soát vùng đồng bằng Bắc Ấn từ thế kỷ thứ hoằng truyền Bồ-tát đạo 8 đến thế kỷ thứ 13, Tiểu vương quốc Trong xu thế văn hóa thời đại thành hình-Trung Á quấy phá-Thổ Nhĩ Kỳ Trần Quang Thuận xâm chiếm; Lộ trình phương Nam, Lộ Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 16 x trình phương Bắc và phương Đông, Từ 24cm, dày hơn 383 trang, bìa mềm. Phật giáo Nguyên thủy đến Phật giáo Đại Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Phần một: thừa, Lộ trình phương Tây, Kết luận; Tiến Tiến trình phát triển Phật giáo trong bối trình phát triển với những đoạn đường và cảnh lịch sử, văn hóa Ấn Độ; Ấn độ thời những cây cầu mong manh nhưng vững Cổ đại-Thời văn minh Harappa, Mohenjo chắc, Cây cầu nhân sự làm gạch nối giữa Daro (3000 tkn), Ấn Độ thời Vệ Đà-Thời Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo, Câu dân Aryans chinh phục Ấn Độ (1600-600 chuyện về Ma-ha Ca-diếp, Phát triển giáo tkn), Ấn Độ thời Phật ra đời-Thế kỷ 6 tkn; nghĩa của phái Sarvastivada tại Kashmir, Tiến trình phát triển Phật giáo thời kỳ I, Đức Di-lặc là gạch nối giữa Tiểu thừa và Phật giáo thời Nguyên thủy, Từ lúc Phật Đại thừa, Tư tưởng Đại thừa trong giáo lý chuyển pháp luân cho đến Đại hội kết tập Nguyên thủy – Yếu tố xúc tác đẩy mạnh II, Từ thời Tần-bà-sa-la đến triều đại đà phát triển Phật giáo Đại thừa, Kinh Bát- Maurya (542-340 tkn); Tiến trình phát nhã là gạch nối giáo nghĩa giữa Tiểu thừa triển Phật giáo thời kỳ II, Phật giáo thời và Đại thừa, Những Kinh điển chủ yếu của Bộ phái, Từ Đại hội kết tập II đến Đại hội Đại thừa Phật giáo trong giai đoạn giao kết tập III, Thế kỷ thứ 5 đến thứ 4 trước kỷ thời giữa Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo; nguyên, - Alexander xâm chiếm Ấn Độ Phần hai: Kinh Duy Ma Cật, Phần Dẫn (327-325 tkn) và triều đại Maurya (322- nhập, Phần Nội dung, Phần Kinh văn, 183 tkn), - Bindusara (297-272 tkn), - Vua Tổng kết: 1. Hai chủ đề chính của Kinh Asoka (268-232 tkn), - Asoka lấy Phật Duy-ma-cật, 2. Ba chủ đề phụ của Kinh giáo làm quốc giáo, - Đế quốc Maurya suy Duy-ma-cật, 3. Mục tiêu tối hậu của Kinh thoái, - Phật giáo sau thời Asoka; Tiến Duy-ma-cật, 4. Lời phó thác đặc biệt của trình phát triển Phật giáo thời kỳ III và IV, Phật cho đức Di-lặc; Phần ba: Hoằng Triều đại Sunga, Vương quốc Kharavela, truyền Bồ-tát đạo trong bối cảnh văn hóa Ngoại xâm-Ấn Hy lạp (Bactria), Dân hiện đại hay mô hình lãnh đạo trong xu Saka, Parthia, Kushana và Ksatrapa, Triều thế văn hóa thời đại, I. Đời sống và lãnh đại Kushana, Vua Kanishka (Ca-nhị-sắc- đạo, II. Mô hình chuyên mô: 1. Lãnh đạo ca) và Đại hội kết tập IV, Triều đại qua dạng thức của một giám đốc điều Satavahana, Nam Ấn Độ, Con đường tơ hành, 2. Lãnh đạo qua một ông sếp, 3. lụa, Cộng đồng thương mãi phát triển (200 Lãnh đạo qua một người điều hợp, 4. Lãnh tkn – 300), Liên hệ văn hóa, Kiến trúc- đạo là xúc tác, mang lại niềm phấn khởi; điêu khắc-hội họa; Phật giáo thời kỳ III và III. Mô hình hoằng truyền đời là một cuộc IV, Tín ngưỡng và hành trì, Triều đại tìm kiếm không ngừng-nhà hoằng truyền Gupta và kẻ kế thừa, Harsha (606-647), là nhà lãnh đạo, 1. Đời là một cuộc tìm Cúng dường ruộng đất, Nam Ấn độ-Sự kiếm-4 tìm kiếm căn bản, a. Tìm kiếm cá xuất hiện của các vương quốc Pallava, nhân, b. Tìm kiếm cộng đồng, c. Tìm kiếm Chalukya, Rashtrakuta (500-900), Bắc Ấn ý nghĩa, d. Tìm kiếm hy vọng, 2. Những độ 700-1200, Đấu tranh giành quyền kiểm đặc tính căn bản của lãnh đạo hoằng

truyền, a. Ưu tiên cho chúng sanh hơn tổ Tác phẩm Kinh này đã in Lưu hành nội bộ chức, b. Thuần thành và thành công trong từ năm 1989. sứ mệnh, c. Nhân hậu và hòa

đồng; Phật giáo trong bốn xu thế thời đại và hậu quả 334. KINH DUY-MA-CẬT của chúng, Bốn nhiệm vụ chính trong 4 xu Giảng Luận thế thời đại: 1. Xu thế di tản quyền năng, Giảng luận: Minh Tâm 2. Xu thế dị thể hỗn tạp, 3. Xu thế đa Nxb Thanh Văn – USA, 1991. Tác phẩm nguyên, 4. Xu thế chuyên môn hóa. Kinh giảng luận này gồm có: Lời nói đầu, 14 phẩm (Xem: Kinh Duy Ma Cật), sau 332. KINH DUY-MA-CẬT Chú Giải cùng là Tổng kết. Hán dịch và bình: Pháp sư Cưu-ma-la- thập (Kumarajiva, 344-413) 335. KINH DUY-MA-CẬT Chú giải: Đại sư Tăng Triệu – Lược Giải Việt dịch: Hồng Đạo (Duy-ma-cật Sở thuyết Bất khả Tư nghì Nxb Thiện Tri Thức. Tác phẩm Kinh này Giải thoát Kinh) gồm có: Kinh Duy Ma Cật sở thuyết chú Việt dịch: tự; Kinh Duy Ma Cật chú giải, 14 phẩm. Thích nữ Diệu Không (1905-1997) Xem: (14 phẩm) Kinh Duy-Ma-Cật In tại Nhà in Liên Hoa – Trung tâm Văn hóa Liễu Quán (Huế), 333. KINH DUY-MA-CẬT Giảng Giải PL. 2517 – DL. 1973 Giảng giải: Thích Thanh Từ Kinh dày 241 trang, bìa mềm, nền trắng, Nxb Văn hóa Văn nghệ – 2015 chữ tựa màu tím. Nội dung gồm có 14 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 596 trang, phẩm: Lời giới thiệu của Hòa thượng Trúc bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ, có hình Lâm, Định danh, Mục đích, Phân đoạn, tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay P.1 Phật quốc, Lược giải Phật quốc, Tâm gấp. tịnh độ tịnh, Vị chúng đoạn nghi, Tùy cơ Kết cấu tác phẩm gồm có 14 phẩm; nội được lợi ích, P.2 Phương tiện, P.3 Đệ tử, dung như sau: Lược khảo lịch sử Kinh, I. P.4 Bồ-tát đệ tử, P.5 Văn-thù Bồ-tát đi Phiên dịch, II. Xuất xứ, III. Giải thích tên thăm bệnh, P.6 Bất tư nghị pháp môn, P.7 Kinh, IV. Nội dung Kinh; Kinh Duy-ma- Quán chúng sanh, P.8 Phật đạo, P.9 Nhập cật giảng giải: P.1 Phật quốc, P.2 Phương Bất nhị môn, P.10 Hương Tích Phật quốc, tiện, P.3 Đệ tử (Xá-lợi-phất, Mục-kiền- P.11 Bồ-tát hạnh, P.12 Quán Phật A-súc, liên, Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, P.13 Pháp Cúng dường, P.14 Phú chúc lưu Ca-chiên-diên, A-na-luật, Ưu-ba-ly, La- thông; Vài lời của người dịch. hầu-la, A-nan), P.4 Bồ-tát (Bồ-tát Di-lặc, Đồng tử Quang Nghiêm, Bồ-tát Trì Thế, 336. KINH DUY-MA-CẬT Lược Giải Trưởng giả Thiện Đức), P.5 Văn-thù thăm Soạn giảng: HT. Thích Thanh Hùng bệnh, P.6 Bất tư nghì, P.7 Quán chúng Sách dày 190 trang, bìa mềm. Nội dung sanh, P.8 Phật đạo, P.9 Vào pháp môn gồm có 6 bài: B.1 Phần khái luận, B.2 không hai, P.10 Phật Hương tích, P.11 Bồ- Phẩm Phật quốc, B.3 Phẩm Phương tiện, tát hạnh, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13 Cúng B.4 Phẩm Thanh văn, B.5 Phẩm Bồ-tát, dường pháp, P.14 Chúc lụy. B.6 Văn-thù Bồ-tát thăm bệnh.

337. KINH DUY-MA-CẬT Ba-la-mật-đa (Prajna Paramita), Bài niệm (Hán văn – âm – nghĩa) Phật của ngài Đại Thế Chí Bồ-tát (Trong Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Kinh Thủ Lăng Nghiêm), Bài niệm Phật, thập (Kumàrajiva, 344-413) Bài Hồi hướng, Lễ tổng, Lễ Phát nguyện, Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và Phục nguyện. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nguyễn Minh Tiến Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển Chí Minh; Mã sách: Vie 2128) Nxb Tôn Giáo – 2005. Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày 424 trang, có 3 quyển, 14 339. KINH DƯỢC SƯ phẩm (P). Nội dung gồm có: - Phần Hán Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- văn, - Phần dịch âm: Quyển thượng, Phật thập (Kumàrajiva, 344-413) quốc phẩm, Phương tiện phẩm, Đệ tử Dịch giả: Bồ-tát giới Tuệ Nhuận phẩm, Bồ-tát phẩm; Quyển trung, Văn- Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 thù-sư-lợi vấn tật phẩm, Bất tư nghị phẩm, Kinh có khổ 15.5 x

23cm, có 81 trang, bìa Quán chúng sinh phẩm, Phật đạo phẩm, mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình Nhập bất nhị pháp môn phẩm; Quyển hạ, vẽ bình cam-lồ và tay cầm nhành dương Hương Tích Phật phẩm, Bồ-tát hạnh liễu. phẩm, Kiến A-súc Phật phẩm, Pháp cúng Nội dung gồm có: Khóa tụng (Tịnh pháp dường phẩm, Chúc lụy phẩm. – Phần dịch giới chân ngôn, Văn Thù hộ thân chân nghĩa: Quyển thượng, P.1 Cõi Phật, P.2 ngôn, Lục tự đại minh chân ngôn, Đại Phương tiện, P.3 Đệ tử, P.4 Bồ-tát; Quyển Phật đỉnh Thủ Lăng Nghiêm chú, Đại Bi trung, P.5 Văn-thù thăm bệnh, P.6 Không chú); Khóa lễ Dược Sư (Bài dâng hương, thể nghĩ bàn, P.7 Quán chúng sinh, P.8 Tán Phật, Bài Sám hối, Tán hương, Chân Đạo Phật, P.9 Vào pháp môn chẳng phân ngôn..., Tán kinh, Tán Phật, Kệ khai hai; Quyển hạ, P.10 Phật Hương Tích, kinh), Kinh nói về Công đức Bản nguyện P.11 Hạnh Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A-súc, của Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang P.13 Cúng dường pháp, P.14 Chúc lụy. Như Lai (12 nguyện lớn). Bài tán chung, Kinh này được tái bản năm 2007, Nxb Tôn Tán nhiễu đàn, Bài niệm Phật, Kinh tâm Giáo. yếu, Nguyện chú Kiết tường, Phát nguyện Sám hối, Phúng kinh, Tam tự Quy y. Phụ 338. KINH DUYÊN MẠNG lục: Văn cúng Phật, Văn phóng sinh. ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. Hán dịch: Tam tạng Bất Không 2501 – DL. 1957, In tại ấn quán Phú San Việt dịch: Cực Lạc Liên Hữu (Sài Gòn); năm 1958, tái bản Giấy phép PL. 2509 – DL. 1963 (bìa ngoài); số 2199-K.D.S. do Ủy ban Kiểm duyệt Bắc PL. 2511 – DL. 1967 (bìa trong) Việt cấp ngày 13-8-1953; năm PL. 2505 – Kinh có hơn 40 trang, bìa mềm, nền màu DL. 1961, tái bản In tại Nhà in Việt Liên xanh dương, chữ tựa màu đen. Nội dung (Sài Gòn), Kiểm duyệt số 685/XB. do gồm có: Khóa lễ A-di-đà Lễ Tam bảo, Lễ N.T.G.Đ.T.T. cấp ngày 27-4-1961; năm Cửu bái Tây phương, Lễ Sám hối, Bài Tán PL. 2507 – DL. 1964, tái bản In tại Nhà in hương, Tụng các chú..., Bài kệ khai Kinh; Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy phép số Phật nói Kinh Duyên Mệnh Địa Tạng Bồ- 717/XB, cấp ngày 9-4-1964; năm PL. tát, Kinh Tâm yếu nói về phép Bát-lạt-nhã 2516 – DL. 1972, Hội Phụ Nữ Phật Tử

ấn tống, Kiểm duyệt số 584/XB, cấp ngày Sanskrit/Hán tạng) 6-4-1960 của B.T.T; năm PL. 2518 – DL. 1974, Nhà In Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản, 342. KINH DƯỢC SƯ Giấy phép số 2123-XB/H.Đ.K.D.T.Ư – Biên soạn: HT. Thích Trí Quảng Saigon, ngày 5-8-1964; In ấn tống năm Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 Mậu Tý (2008); năm 2009, Nxb Tôn Giáo; Kinh có khổ 14 x 20cm, có 55 trang, bìa năm 2014, Nxb Hồng Đức. (Theo các bản mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Tác phẩm Kinh này gồm có: Nguyện Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ hương, Tán Phật, Lễ Phật, Tán dương chi, Chí Minh) Tiêu tai kiết tường Thần chú, Tán hương, Khai Kinh, Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang 340. KINH DƯỢC SƯ vương Như Lai Bổn nguyện Công đức, Việt dịch: Trưởng lão Tỳ-kheo Trí Quang Dược Sư quán đảnh chơn ngôn, Phục Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 nguyện, Tam quy, Pháp Hoa Thủ Hộ Thần Kinh dày 281 trang, bìa cứng, chữ tựa màu chú, các Thần chú... Ý nghĩa 12 đại vàng. Nội dung gồm có: Cáo bạch, Lời đề nguyện của Đức Phật Dược Sư. của Ngọc Lâm Quốc sư, Cuốn đầu, Kinh Dược Sư, bản dịch lại (PL. 2554 – DL. 343. KINH DƯỢC SƯ 2010), (và lạy theo Kinh Dược Sư); Kinh Soạn dịch: Thích Nhật Từ Bản nguyện và Công đức của đức Dược Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14.5 x Sư Như Lai, Bản Hoa dịch của ngài Huyền 20.5cm, có 38

trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ Tráng, Lạy theo Kinh Dược Sư; Kinh tựa màu vàng, có hình tượng Đức Phật Dược Sư, bản dịch cũ (PL. 2516 – DL. Dược Sư tĩnh tọa. 1972), (và Sám Dược Sư); Cuốn giữa, Kết cấu Kinh này có 3 phần: Lời nói đầu; Phương pháp Sám hối "Dược Sư Tiêu tai I. Phần Nghi thức dẫn nhập, 1. Nguyện Diên thọ"; Cuốn sau, Phương pháp Sám hương, 2. Đảnh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, hối "Dược Sư Tiêu tai Diên thọ". 4. Phát nguyện trì Kinh, 5. Tán dương giáo Tác phẩm Kinh này đã được Tu viện pháp, 6. Tán Phật Dược Sư; II. Phần Quảng Hương Già-Lam (Sài Gòn) ấn Chánh Kinh, 7. Kinh Bổn nguyện Công hành năm 1974; tái bản năm 2010, Nxb đức của Phật Dược Sư; III. Phần Sám Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. nguyện và Hồi hướng, 8. Kinh Tinh hoa Trí tuệ, 9. Niệm danh hiệu bảy Phật Dược 341. KINH DƯỢC SƯ Sư, 10. Nguyện cầu an lành, 11. a. Mấy Hán dịch: Tam tạng Pháp sư điều quán tưởng, b. Sám Mười nguyện, 12. Huyền Trang (602-664) Hồi hướng công đức, 13. Lời nguyện cuối, Việt dịch và giảng: Thích Vĩnh Hóa 14. Đảnh lễ Ba ngôi báu. Báo Ân tự, 7509 Mooney Drive, Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Rosemead, CA 91770, USA, xuất bản lần Năm 2020, Nxb Hồng Đức, khổ 14 x thứ nhất. Tác phẩm Kinh này dày 304 20cm, có 39 trang, bìa mềm, đây là lần in trang, với nội dung gồm có: - Tựa phần, - thứ 8 của Kinh này. Chánh phần, - Phần lưu thông.

344. KINH DƯỢC SƯ Bổn Nguyện Thân quang phá ám, 3) Lấy trí tuệ giúp Công Đức (âm-nghĩa) thêm sự sống, 4) Dẫn dụ vào Đại thừa, 5) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Được giới thanh tịnh, 6) Được thân tốt (602-664) đẹp, 7) An khang vui đạo, 8) Chuyển nữ Việt dịch: Thích Huyền Dung thành nam, 9) Tà ma ngoại đạo quy về Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 đường chánh, 10) Giải thoát sự ưu khổ, Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 116 trang, 11) Được hưởng đồ ăn uống ngon tuyệt, bìa mềm. Nội dung Kinh này gồm có: Lời 12) Được đồ mặc tốt đẹp; Kết thành diệu nói đầu, Nghi thức tụng niệm, Dược Sư nguyện; b. Nói về quả đức, 1. Lời ít ý Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện nhiều, 2. Đem phương Tây ví phương Công Đức Kinh (phần dịch âm), Kinh Đông, 3. Khen bạn để tỏ chủ; c. Khuyên Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn tin nguyện sanh sang cõi Phật, d. Nói rõ Nguyện Công Đức (phần dịch nghĩa). căn cơ và lợi ích được nghe tên hiệu Phật, Cuối cùng là phần Thích nghĩa. 1) Được lợi ích trừ tội tham lam, 2) Trừ tội Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều phá giới, 3) Diệt tội ghen ghét và giải lần, các năm: 1968, 1969, 1970, 1971, thoát, 4) Diệt tội não hại-hưởng thú yên 1974, do Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản; năm vui, 5) Vãng sanh, - Do nơi hoa báu sanh 1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; ra, - Được sanh về cõi trời; e. Lợi ích tụng năm 2000, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm chú, 1. Phật xem thấy những bệnh khổ của 2004, 2007, 2008, 2009, Nxb Tôn Giáo. chúng sanh, 2. Phóng hào quang thuyết (Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch chủ, 3. Trì chú trừ bịnh, f. Sự lợi ích của Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí giống hữu tình phụng trì, 1. Vòng Phật nói Minh) pháp tiêu tai, a. Đức Thích-ca chỉ điểm, b. Ngài Mạn Thù vâng lời tuyên dương, c. 345. KINH DƯỢC SƯ Giảng Giải Đức Thích-ca nói lại, d. Chỉ bảo pháp làm Thích Minh Chánh đàn (Chỉ về công hiệu lợi ích, - Được lợi Tài liệu Học tập cho Tăng Ni An cư Kiết ích thêm phước, - Được lợi ích khỏi nạn), hạ (Phổ biến nội bộ) 1) Nạn trăm quái xuất hiện, 2) Nạn mọi sự Sách dày hơn 265 trang, bìa mềm. Nội sợ hãi, 3) Nạn nước khác xâm lấn, 4) Nạn dung gồm có: Thay lời

tựa, Nhân duyên phạm giới đọa lạc, 5) Nạn đàn bà sanh đẻ, giải Kinh Dược Sư, I. Giải đề Kinh, A. e. Ngài A-nan hỏi pháp làm thêm lòng tin, Phân giải, B. Hiệp giải, II. Lịch sử phiên - Phật hỏi tin không? – Ngài A-nan đáp dịch, III. Những phần cốt yếu, A. Vì có lại, - Đáp rằng phải tin Phật pháp, - Nói rõ đại trí mà bày tỏ, B. Do nơi lòng đại bi, a. không tin phải bị tội, Lại nói rõ cái lòng Nhổ sạch hết cội rễ, b. Mười hai vị thần tin, - Bảo rõ sự lợi ích không ngờ, - Cái lẽ tướng, III. Giải về Kinh văn, A. Phần Tự Kinh này là Kinh hiếm có, Nói qua cái thỉnh, a. Sáu điều chứng tín, b. Duyên hạnh nguyện rất lớn; 2. Vòng cứu nạn khởi phần, 1. Kính lễ, 2. Khải thỉnh, 3. thêm thọ, a. Ngài Cứu Thoát chỉ pháp tăng Tán thán hứa cho, 4. Thích nghe; B. Phần thêm tuổi thọ, b. Ngài A-nan hỏi pháp làm Chánh thuyết, a. Chỉ rõ thể tướng, 1. Nêu đàn, - Cứu thân bệnh cho thêm tuổi thọ, - cả toàn thể Y báo và Chánh báo, 2. Bày Cứu nạn trong nước, - Cứu cho mọi người tướng hạnh quả, 3. Bày riêng từng điều thêm thọ, c. Ngài A-nan hỏi pháp tăng thọ, nguyện: 1) Chánh báo trang nghiêm, 2) d. Ngài Cứu Thoát khuyên tu để khỏi khổ,

3. Vòng Dược-xoa nguyện xin hộ vệ, a. Kinh Dược Sư (phần dưới các trang có Danh hiệu các thần Dược-xoa, b. Cảm ơn chú thích). Hộ pháp, c. Đức Thích-ca tán thán và hứa Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm khả; C. Phần Lưu thông, I. Định tên Kinh 2010, Nxb Tôn Giáo. và pháp phụng trì, II. Kể các chứng tín thọ phụng trì; Phụ lục. 348. KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI 346. KINH DƯỢC SƯ Lược Yếu BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC Lược dịch: Thích Tịnh Từ Giảng giải: Tỳ-kheo Thích Hằng Quang Nội dung Kinh này gồm có: - Lời dẫn; - Nội dung Kinh này gồm có: - Duyên khởi Dâng hương, Dâng sớ Cầu nguyện, Kệ mở Kinh: Tạng thừa sở nhiếp, Tông chỉ của bộ Kinh, Lời phát nguyện, Chú Đại bi, Kệ mở Kinh, Giải thích đề Kinh, Truyền dịch sử Kinh; Trì niệm, Hồi hướng, Hướng về giả, Giảng giải văn nghĩa; - Kinh Dược Sư Kính lạy, Sám nguyện, Sám Quy mạng, Lưu ly Quang Như Lai bổn nguyện công hộ chuyển hóa, Tùy hỷ hồi hướng, Kinh tạng) Thương yêu, Kinh Phước đức, Mười Công Kinh-Hán tạng) 347. KINH DƯỢC SƯ LƯU LY 349. KINH DƯỢC SƯ LƯU LI QUANG NHƯ LAI QUANG THẤT PHẬT BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC (âm – BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC nghĩa) Soạn dịch: Thích Nguyên Chơn Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Nxb Tôn Giáo – 2008 (602-664) Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 150 trang. Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và Nội dung gồm có: Giới thiệu, Nghi thức Nguyễn Minh Tiến Tụng niệm, Kinh Dược Sư Lưu Li Quang Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển Thất Phật Bản Nguyện Công Đức. Nxb Tôn Giáo – 2016. Kinh có khổ 16 x Tác phẩm này được tái bản 2019, Nxb 24cm, có 91 trang, bìa mềm, nền đỏ, viền Hồng Đức, với tên: “Kinh Dược Sư Lưu khung màu vàng, chữ tựa màu vàng và Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công trắng, có hình hoa sen chính giữa. Nội Đức”. dung gồm có: Nghi thức khai Kinh (Niệm hương, tụng chú, Cúng hương Tán Phật, 350. KINH DƯỢC SƯ – Khóa Lễ Thập Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tán Chú Dương chi, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Tán Việt dịch: Thích Trung Quán (1918-2003) Phật Dược Sư); Dược Sư Kinh – Dược Sư Hiệu chính: Thích Nhật Liên (1923-2010) Lưu Ly Quang Như Lai Bản nguyện Công Chùa Bàng Long (Vientiane Ai Lao) xuất đức Kinh, Phần dịch âm, Dược Sư Quán bản, PL. 2507 – DL. 1963 đảnh Chân ngôn, Tán Dược-xoa, Ma-ha In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi phép số 2841/HĐKD TƯ/ PI/ XB ngày hướng, Tam tự Quy y; Phần dịch nghĩa- 23-12-1963.

Kinh có 84 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Bài Tán Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, Kinh, Bài Tán Phật, Kệ khai Kinh, Kinh Việt dịch: Bồ-tát giới đệ tử Tuệ Nhuận, Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai Bổn (văn Kinh); Sau cùng là Bài Tán chung, nguyện Công đức; Khóa lễ Đại bi Thập Bài Tán nhiễu đàn, Bài Niệm Phật, Kinh chú. Tâm Yếu, Chú Vãng sanh, Sám Cầu an, Bài Phát nguyện Sám hối, Bài Xưng tán 351. KINH DƯỢC SƯ Phạn Bản Tân Đức Dược Sư, Mười hai Đại nguyện Dịch nghĩa, Bài Tán dương Khen ngợi, Phục Việt dịch và chú: Tỳ-kheo Thích Phước nguyện, Tự Quy y; Dược Sư Sám Pháp, Nguyên Việt dịch: Thích Mật Trí, Phép tụng Kinh, Nội dung Kinh này gồm có: - Tình hình Bài khen Phật, Xưng tán, Tụng chú Đại bi, văn bản, - Ghi sau khi dịch; - Chánh Kinh: Hương tán, Lời kệ khai Kinh, Lời Phát 1. Mở đầu pháp hội, 2. Quốc độ và bản nguyện tụng Kinh, Chú Dược Sư, Bài nguyện, 3. Trang nghiêm Tịnh độ, 4. Cúng hương, Phép Sám Dược Sư, Tán; Thượng thủ Bồ-tát, 5. Nguyện sinh Tịnh Quyển II, Tán, (lạy Phật, mỗi danh hiệu độ, 6. Chuyển hóa ác nghiệp, 7. Trưởng một lạy); Quyển III, Tán, (lạy Phật, mỗi dưỡng phẩm chất, 8. Đập vỡ tự ngã, 9. danh hiệu một lạy); Tán, Sám hối, Ma-ha Vun đắp hòa bình, 10. Tịnh độ cộng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Chú thông, 11. Phước báu an vui, 12. Vĩnh ly Vãng sanh, Lời khen Phật, Bài Phát thân nữ, 13. Đức Văn-thù khuyến phát, 14. nguyện Sám hối, Hồi hướng Công đức, Hiệu lực pháp bản Dược Sư, 15. Khai thị Phục nguyện, Tự Quy y. tôn giả A-nan, 16. Bồ-tát cứu thoát trình Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm bày, 17. Phương thức, 18. Chín loại hoạnh 1970, 1972, 1992, 1997; năm 2008-2013- tử, 19. Dạ-xoa đại tướng hộ trì, 20. Lưu 2018 (tái bản lần thứ 11), Nxb Tôn Giáo. hành pháp môn, 21. Kết thúc pháp thoại. Sanskrit/Hán tạng, Ấn bản điện tử -2019) ĐỈNH QUẢNG TỤ Việt dịch: Thích Quảng Trí 352. KINH DƯỢC SƯ và SÁM PHÁP Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển, 23 DƯỢC SƯ phẩm: Q.I, P.1 A-ca-ni-tra thiên thỉnh vấn, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang P.2 Công năng trì chú, P.3 Chư Phật sáu (602-664) phương hiện lại; Q.II, Đại Phật đảnh Vô Việt dịch: Tuệ Nhuận – Thích Mật Trí úy quảng tụ Như Lai Phật đảnh kiến chú PL. 2544 – DL. 2000. Kinh dày 129 trang, sư, P.4 Phổ huân diệt tội, P.5 Nhân dược bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Phật phương nhất thế quang minh, P.6 Diên Dược Sư ngồi, tay kiết ấn. Nội dung gồm niên dược pháp, P.7 Nhãn dược, P.8 có: Khóa tụng (tụng các chú,... chú Đại Tướng mạng chú sư tư chứng, P.9 Quán Bi); Bài kệ, Khóa lễ Dược Sư, Bài Dâng Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát dữ hương, Bài Tán Phật, Bài Sám hối-Chí nguyện, P.10 Tiên du, P.11 Kiến tạo trân tâm Sám hối, Bài Tán hương (và tụng các bảo (Kinh đã thất bản Q.III); Q.IV, Đại chú), Bài Tán Kinh, Bài Tán Phật, Kệ khai Phật đảnh Vô úy quảng tụ Như Lai Phật Kinh, Kinh nói về Công đức Bổn nguyện đảnh phẩm, P.13 Kiến triệu thỉnh chư

Phật, P.14 Thư hoàng dược pháp và Bí 356. KINH ĐÀ-LA-NI Xuất Tượng mật đàn pháp, P.15 Biện thất chủng Phật Hán dịch: Sa-môn Dà-phạm Đạt-ma đảnh; Q.V, P.16 Mật đàn bát lượng Đại Việt dịch (?); PL. 2548 đàn pháp, P.17 Ái lạc dược pháp, P.18 Kinh dày hơn 162 trang. Nội dung gồm Thành tựu chú sư y thường, P.19 Chú sư có: Kinh Thiên thủ Thiên nhãn Quán Thế tự trước chú tác, P.20 Chú sư tháo dục, Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại P.21 Pháp Liên Hoa họa tượng, P.22 Tổng Đại Bi tâm Đà-la-ni; 84 danh hiệu, và 84 nhiếp nhất thiết chư bộ thủ ấn, P.23 Đại hình Quán Thế Âm Bồ-tát hóa thân;

Thích đàn công năng. nghĩa, Sám Cầu an; Phụ lời Phát nguyện Bộ Mật giáo) 357. KINH ĐẠI ÁI ĐẠO 354. KINH ĐÀ-LA-NI NHƯ Ý LUÂN TỲ-KHEO NI Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Việt dịch: Tỳ-kheo Minh Như Việt dịch: Huyền Thanh Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014 Nội dung Kinh này gồm có 10 phẩm: P.1 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng. Tựa, P.2 Phá nghiệp chướng, P.3 Pháp Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Kinh Đại tụng niệm, P.4 Pháp ấn, P.5 Đàn pháp, P.6 Ái Đạo Tỳ-kheo Ni, Quyển thượng và Bội dược (thuốc dùng để đeo mang), P.7 Quyển hạ. Hàm dược (thuốc ngậm), P.8 Phục dược Tác phẩm Kinh này đã in Lưu hành nội bộ (thuốc uống), P.9 Hộ ma, P.10 Chúc lụy. năm 2005. Bộ Mật giáo) 358. KINH ĐẠI BÁO PHỤ MẪU TRỌNG ÂN 355. KINH ĐÀ-LA-NI TRƯỜNG THỌ Nhà in Sen Vàng tái bản, DIỆT TỘI BẢO VỆ TRẺ EM PL. 2509 – DL. 1966 Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – Kinh có hơn 40 trang, bìa mềm, chữ tựa Ban Dịch Thuật Luật Tạng màu xanh dương và màu đỏ, có hình vẽ Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn hoa sen trong vòng tròn. Nội dung gồm Chứng minh và thẩm định: có: Thay lời tựa, Nghi thức, Kiến Phật, Tỳ-kheo hoằng luật Thích Minh Thông Pháp vương, Quán tưởng,... Tán hương, Nxb Hồng Đức – 2014 Tụng chú Đại bi; Khai Kinh kệ, Phật nói Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 77 trang, Kinh Đại báo Phụ mẫu Trọng ân, Bát-nhã bìa mềm, chữ tựa màu vàng và màu nâu Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết đen. Nội dung gồm có: Nghi thức Tụng định Chơn ngôn, Tán Phật, Sám Mục-liên, niệm, Tán dương Phật, Tán hương, Thần Hồi hướng, Tam Quy y, Văn Phát nguyện. chú Đại Bi, Kệ khai Kinh, Kinh Đà-la-ni (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Trường thọ Diệt tội Bảo vệ trẻ em, Hán Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; dịch: Sa-môn Phật-đà-ba-lợi; sau cùng là Mã sách: Vie 1657) Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Vãng sanh Tịnh độ Thần chú, Ca ngợi và niệm 359. KINH ĐẠI BÁO Phật, Sám Khể thủ, Hồi hướng, Tự quy. PHỤ MẪU TRỌNG ÂN Việt dịch: HT. Thích Huyền Tôn

Tác phẩm Kinh này có 40 trang (PDF), nội hội Văn-thù-sư-lợi Phổ môn, 11. Pháp hội dung chia làm 3 phần: I. Phần Kinh tụng; xuất hiện quang minh. II. Phật thuyết Đại Báo Phụ Mẫu Ân Tập III, 12. Pháp hội Bồ-tát tạng (Phẩm Trọng Kinh; III. Tụng Kinh sám hối, Hồi (P) Khai hóa trưởng giả, P. Kim-tỳ-la hướng văn. thiên thọ ký, P. Thí nghiệm Bồ-tát, P. Như Kinh này ấn hành lần đầu tại Việt Nam Lai bất tư nghì tánh, P. Tứ vô lượng, P. năm PL. 2509-DL. 1965; In lần thứ hai tại Đàn-na Ba-la-mật-đa, P. Thi-la Ba-la-mật, Sách Phật học-PDF) mật, P. Tĩnh lự Ba-la-mật, P. Bát-nhã Ba- la-mật, P. Đại Tự tại Thiên thọ ký. 360. KINH ĐẠI BẢO QUẢNG BÁC Tập IV, 13. Pháp hội Phật thuyết nhơn xử LÂU CÁC THIỆN TRỤ thái, 14. Pháp hội Phật thuyết nhập thai BÍ MẬT ĐÀ-LA-NI tạng, 15. Pháp hội Văn-thù-sư-lợi thọ ký, Hán dịch: Bất Không 16. Pháp hội Bồ-tát kiến thiệt (có 26 Việt dịch: Huyền Thanh phẩm: P. Tự, P. Tịnh Phạn vương đến Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 Phật, P. A-tu-la vương thọ ký, P. Bổn sự, quyển, 9 phẩm: Quyển thượng, P.1 Tựa, P. Ca-lâu-la vương thọ ký, P. Long nữ thọ P.2 Căn bản Đà-la-ni, P.3 Tâm với Tùy ký, P. Long vương thọ ký, P. Cưu-bàn-trà tâm Đà-la-ni; Quyển trung, P.4 Thành tựu thọ ký, P. Càn-thát-bà thọ ký, P. Dạ-xoa tâm Đà-la-ni pháp, P.5 Thành tựu tâm Đà- thọ ký, P. Khẩn-na-la vương thọ ký, P. Hư la-ni pháp (tt), P.6 Các nghi quỹ Đà-la-ni, không hành thiên thọ ký, P. Tứ thiên P.7 Xây dựng Mạn-đồ-la, P.8 Về tượng, vương thọ ký, P. Tam thập tam thiên thọ P.9 Hộ ma; Quyển hạ, P.9 Hộ ma (chi ký, P. Dạ-ma thiên thọ ký, P.

Đâu-suất-đà Pháp bảo-Bộ Mật giáo) Tha Hóa Tự tại thiên thọ ký, P. Chư Phạm thiên thọ ký, P. Quang Âm thiên thọ ký, P. 361. KINH ĐẠI BẢO TÍCH (Trọn bộ 9 Biến Tịnh thiên thọ ký, P. Quảng Quả tập) thiên thọ ký, P. Tịnh Cư thiên tử tán kệ, P. Hán dịch: Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi Giá-la-ca-ba-lợi Bà-la-xà-ca ngoại đạo, P. Việt dịch: Tỳ-kheo Thích trí Tịnh (1917- Lục giới sai biệt, P. Tứ chuyển luân 2014) vương). THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. Tập V, 17. Pháp hội Phú-lâu-na, 18. Pháp 2543 – DL. 1999. Bộ Kinh này gồm có 9 hội Hộ quốc Bồ-tát, 19. Pháp hội Úc-già tập. Phần đầu là Lời nói đầu của Dịch giả. trưởng giả, 20. Pháp hội Vô tận phục tạng, Tập I, 1. Pháp hội tam tụ luật nghi, 2. Pháp 21. Pháp hội thọ ký Ảo sư Bạt-đà-la, 22. hội Vô biên trang nghiêm, 3. Pháp hội Mật Pháp hội Đại thần biến, 23. Pháp hội Ma- tích Kim cang lực sĩ, 4. Pháp hội Tịnh cư ha Ca-diếp, 24. Pháp hội Ưu-ba-ly, 25. thiên tử, 5. Pháp hội Vô lượng thọ Như Pháp hội phát thắng chí nguyện. Lai. Tập VI, 26. Pháp hội Thiện Tý Bồ-tát, 27. Tập II, 6. Pháp hội Bất động Như Lai, 7. Pháp hội Thiện Thuận Bồ-tát, 28. Pháp hội Pháp hội Mặc giáp trang nghiêm, 8. Pháp Dũng Mãnh Thọ trưởng giả, 29. Pháp hội hội Pháp giới thể tánh Vô phân biệt, 9. Ưu-đà-diên vương, 30. Pháp hội Diệu Huệ Pháp hội Đại thừa Thập pháp, 10. Pháp đồng nữ, 31. Pháp hội Hằng hà thượng

Ưu-bà-di, 32. Pháp hội Vô Úy đức Bồ-tát, Việt dịch: Thích Chơn Tế 33. Pháp hội Vô cấu thí Bồ-tát ứng biện, Ban Hoằng Pháp GHPGVNTN Thừa 34. Pháp hội Công đức Bửu hoa phu Bồ- Thiên duyệt y tát, 35. Pháp hội Thiện Đức thiên tử, 36. In tại Nhà in Liên Hoa (Trung Tâm Văn Pháp hội Thiện trụ ý thiên (có 10 phẩm: P. Hóa Liễu Quán – Huế) Duyên khởi, P. Khai thiệt nghĩa, P. Văn- Chùa Tường Vân xuất bản, PL. 2517 thù thần biến, P. Phá ma, P. Bồ-tát thân Kinh dày 143 trang, bìa mềm, có tay gấp. hành, P. Bồ-tát tướng, P. Nhị thừa tướng, Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Kinh Đại P. Phàm phu tướng, P. Thần thông chứng Bảo Tích – Ưu-đà-diên vương Hội thứ 29, thuyết, P. Xưng tán phó pháp), 37. Pháp Quyển 97. hội A-xà-thế vương tử, 38. Pháp hội Đại thừa phương tiện, 39. Pháp hội Hiền hộ 363. KINH ĐẠI BÁT NÊ-HOÀN trưởng giả, 40. Pháp hội Tịnh thí đồng nữ. Hán dịch: Pháp Hiển Tập VII, 41. Pháp hội Di-lặc Bồ-tát vấn Việt dịch: Thích Nguyên Hùng bát pháp, 42. Pháp hội Di-lặc Bồ-tát vấn Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 6 quyển, sở vấn, 43. Pháp hội Phổ Minh Bồ-tát, 44. 18 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Bồ-tát đại thân, Pháp hội Bửu Lương tụ (có 7 phẩm: P. Sa- P.3 Trưởng giả Thuần-đà; Q.II, P.4 Ai môn, P. Tỳ-kheo, P. Chiên-đà-la Sa-môn, thán, P.5 Trường thọ, P.6 Thân Kim cang, P. Doanh sự Tỳ-kheo, P. A-lan-nhã Tỳ- P.7 Thọ trì; Q.III, P.8 Bốn pháp; Q.IV, P.9 kheo, P. Tỳ-kheo Khất thực, P. Phấn tảo y Tứ y, P.10 Phân biệt tà chánh; Q.V, P.11 Tỳ-kheo), 45. Pháp hội Vô tận huệ Bồ-tát, Tứ đế, P.12 Bốn pháp điên đảo, P.13 Như 46. Pháp hội Văn-thù thuyết Bát-nhã, 47. Lai tánh, P.14 Văn tự, P.15 Điều dụ, P.16 Pháp hội Bửu Kế Bồ-tát, 48. Pháp hội Nguyệt dụ; Q.VI, P.17 Hỏi về Bồ-tát, P.18 Bác tiên nhân, 50. Pháp hội Nhập Phật Pháp bảo-Bộ Niết-bàn) cảnh quang minh trang nghiêm, 51. Pháp hội Tự Tại vương Bồ-tát. 364. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (2 Tập VIII, 52. Pháp hội Bửu nữ, 53. Pháp Tập) hội Bất thuần Bồ-tát, 54. Pháp hội Hải Dịch giả: Thích Trí Tịnh (1917-2014) Huệ Bồ-tát, 55. Pháp hội Hư Không Tạng Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (trụ trì chùa Bồ-tát, 56. Pháp hội Vô Ngôn Bồ-tát. Hải Tuệ - Sài Gòn), Trưởng ban Ấn tống Tập IX, 57. Pháp hội Bất khả thuyết Bồ- kinh; PL. 2510 – DL. 1965. tát, 58. Pháp hội Bửu tràng, 59. Pháp hội

Kinh có khổ 17 x 25cm, 2 tập dày 1.389 Hư không mục, 60. Pháp hội Nhựt Mật trang, bìa mềm, có 29 phẩm. Bồ-tát, 61. Pháp hội Vô Tận Ý Bồ-tát, 62. Tập I, dày 776 trang, từ Phẩm 1-21. Nội Pháp hội Quán Vô lượng thọ Phật, - Lời dung gồm: 1.P. Tự thứ nhất, 2.P. Thuần- ghi nhận sau kinh của người dịch. đà, 3.P. Ai thán, 4.P. Trường thọ, 5.P. Kim Bộ Kinh Đại Bảo Tích này được tái bản cang thân, 6.P. Danh tự công đức, 7.P. Tứ nhiều lần: Năm 2004, Nxb Tôn Giáo, trọn tướng, 8.P. Tứ y, 9.P. Tà chánh, 10.P. Tứ bộ 9 quyển, khổ 16 x 24cm, dày hơn 6.000 đế, 11.P. Tứ đảo, 12.P. Như Lai tánh, trang, bìa cứng; năm 2010, Nxb Tôn Giáo. 13.P. Văn tự, 14.P. Điều dụ, 15.P. Nguyệt dụ, 16.P. Bồ-tát, 17.P. Đại chúng vấn, 362. KINH ĐẠI BẢO TÍCH

18.P. Hiện bệnh, 19.P. Thánh hạnh, 20.P. 3), P.2 Kim Cang Thân, P.3 Công đức Phạm hạnh, 21.P. Anh nhi hạnh; Danh tự; Q.4 P.4 Tánh Như Lai (Phần 1); Tập II, dày 613 trang, từ Phẩm 22-29. Nội Q.5 P.4 Tánh Như Lai (Phần 2); Q.6 P.4 dung gồm có: 22.P. Quang minh biến Tánh Như Lai (Phần 3); Phần Hán văn; chiếu chiếu Cao quí đức vương Bồ-tát, Tập II, dày 615 trang, Q.7 – Q.12; nội 23.P. Sư tử hống Bồ-tát, 24.P. Ca-diếp Bồ- dung gồm có: Phần Dịch âm, Quyển đệ tát, 25.P. Kiều Trần Như, 26.P. Di giáo, Thất, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi tứ; 27.P. Ứng tận hườn nguyên, 28.P. Trà-tỳ, Quyển đệ Bát, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ 29.P. Cúng dường Xá-lợi. chi ngũ; Quyển đệ Cửu, Như Lai tánh Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều phẩm Đệ tứ chi lục; Quyển đệ Thập, Như lần: Năm PL. 2510 – DL. 1966, Tỳ-kheo Lai tánh phẩm Đệ tứ chi thất; Nhất thiết Thích Đăng Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ- Đại chúng Sở vấn phẩm Đệ ngũ chi nhất; Sài Gòn), Trưởng Ban In Kinh ấn tống; Quyển đệ Thập nhất, Nhất thiết Đại chúng năm 1967 (PL. 2511) và 1969 (PL. 2513), Sở vấn phẩm Đệ ngũ chi nhị; Quyển đệ Thích Thiện Huê -Trụ trì chùa Đại Giác Thập nhị, Thánh hạnh phẩm Đệ thất chi (Sài Gòn) ấn tống, gồm 3 tập; năm 1967, nhị; Phần Dịch nghĩa, Q.7 P.4 Tánh Như chùa Hải Tuệ ấn tống; năm 1991, 1994, Lai (Phần 4); Q.8 P.4 Tánh Như Lai (Phần THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 5); Q.9 P.4 Tánh Như Lai (Phần 6); Q.10 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2003, P.4 Tánh Như Lai (Phần 7), P.5 Đại chúng 2009, Nxb Tôn Giáo. Thưa hỏi (Phần 1); Q.11 P.5 Đại chúng Thưa hỏi (Phần 2), P.6 Thị hiện bịnh, P.7 365. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (Trọn Thánh hạnh (Phần 1); Q.12 P.7 Thánh bộ 8 tập) hạnh (Phần 2); Phần Hán văn; Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và Tập III, dày 615 trang, Q.13 – Q.18; nội Nguyễn Minh Tiến dung gồm có: Phần Dịch âm, Quyển đệ Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển Thập tam, Thánh hạnh phẩm Đệ thất chi Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 16 x tam; Quyển đệ Thập tứ, Thánh hạnh phẩm 24cm, có 4.732 trang, bìa cứng, có hộp Đệ thất chi tứ; Quyển đệ Thập ngũ, Phạm đựng 4 tập vào 1 hộp. Bộ Kinh này có 7 hạnh phẩm Đệ bát chi nhất; Quyển đệ tập chánh Kinh và 1 tập Phụ lục. Thập lục, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi nhị; Tập I, dày 639 trang, Q.1 – Q.6; nội dung Quyển đệ Thập thất, Phạm hạnh phẩm Đệ gồm: Phần dịch âm, Quyển đệ Nhất, Thọ bát chi tam; Quyển đệ Thập bát, Phạm mạng phẩm Đệ nhất chi nhất; Quyển đệ hạnh phẩm Đệ bát chi tứ; Phần Dịch Nhị, Thọ mạng phẩm Đệ nhất chi nhị; nghĩa, Q.13 P.7 Thánh hạnh (Phần 3); Quyển đệ Tam, Thọ mạng phẩm Đệ nhất Q.14 P.7 Thánh hạnh (Phần 4); Q.15 P.8 chi tam, Kim Cang Thân phẩm Đệ nhị, Hạnh thanh tịnh (Phần 1); Q.16 P.8 Hạnh Danh tự Công đức phẩm Đệ tam; Quyển thanh tịnh (Phần 2); Q.17 P.8 Hạnh thanh đệ Tứ, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ

chi nhất; tịnh (Phần 3); Q.18 P.8 Hạnh thanh tịnh Quyển đệ Ngũ, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ (Phần 4); Phần Hán văn; chi nhị; Quyển đệ Lục, Như Lai tánh Tập IV, dày 615 trang, Q.19 – Q.24; nội phẩm Đệ tứ chi tam; Phần Dịch nghĩa, dung gồm có: Phần Dịch âm, Quyển đệ Q.1 P.1 Thọ mạng (Phần 1); Q.2 P.1 Thọ Thập cửu, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi mạng (Phần 2); Q.3 P.1 Thọ mạng (Phần ngũ; Quyển đệ Nhị thập, Phạm hạnh phẩm

Đệ bát chi lục; Anh nhi hạnh phẩm Đệ hống (Phần 3); Q.30 P.11 Bồ-tát Sư tử cửu; Quyển Đệ Nhị thập nhất, Quang hống (Phần 4); Phần Hán văn; minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ- Tập VI, dày 623 trang, Q.31 – Q.36; nội tát phẩm Đệ thập chi nhất; Quyển Đệ Nhị dung gồm có: Phần Dịch âm, Quyển Đệ thập nhị, Quang minh Biến chiếu Cao quý Tam thập nhất, Sư tử hống Bồ-tát phẩm Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi nhị; Đệ thập nhất chi ngũ; Quyển Đệ Tam thập Quyển Đệ Nhị thập tam, Quang minh Biến nhị, Sư tử hống Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ chi lục; Quyển Đệ Tam thập tam, Sư tử thập chi tam; Quyển Đệ Nhị thập tứ, hống Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhất chi thất; Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi tứ; Phần nhất; Quyển Đệ Tam thập tứ, Ca-diếp Bồ- Dịch nghĩa, Q.19 P.8 Hạnh thanh tịnh tát phẩm Đệ Thập nhị chi nhị; Quyển Đệ (Phần 5); Q.20 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần Tam thập ngũ, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ 6), P.9 Hạnh anh nhi; Q.21 P.10 Bồ-tát Thập nhị chi tam; Quyển Đệ Tam thập lục, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi tứ; vương (Phần 1); Q.22 P.10 Bồ-tát Quang Phần Dịch nghĩa, Q.31 P.11 Bồ-tát Sư tử minh Biến chiếu Cao quý Đức vương hống (Phần 5); Q.32 P.11 Bồ-tát Sư tử (Phần 2); Q.23 P.10 Bồ-tát Quang minh hống (Phần 6); Q.33 P.11 Bồ-tát Sư tử Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 3); hống (Phần 7), P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần Q.24 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu 1); Q.34 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 2); Cao quý Đức vương (Phần 4); Phần Hán Q.35 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 3); Q.36 văn; P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 4); Phần Hán Tập V, dày 623 trang, Q.25 – Q.30; nội văn; dung gồm có: Phần Dịch âm, Quyển Đệ Tập VII, dày 639 trang, Q.37-Q.42; nội Nhị thập ngũ, Quang minh Biến chiếu Cao dung: Phần Dịch âm, Quyển Đệ Tam thập quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi thất, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi ngũ; Quyển Đệ Nhị thập lục, Quang minh ngũ; Quyển Đệ Tam thập bát, Ca-diếp Bồ- Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát tát phẩm Đệ Thập nhị chi lục, Kiều-trần- phẩm Đệ thập chi lục; Quyển Đệ Nhị thập như Đệ Thập tam chi nhất; Quyển Đệ Tam thất, Sư tử hống Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất thập cửu, Kiều-trần-như Đệ Thập tam chi chi nhất; Quyển Đệ Nhị thập bát, Sư tử nhị; Quyển Đệ Tứ thập, Kiều-trần-như Đệ hống Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi nhị; Thập tam chi tam; Quyển Đệ Tứ thập Quyển Đệ Nhị thập cửu, Sư tử hống Bồ-tát nhất, Kiều-trần-như Đệ Thập tam chi tứ, phẩm Đệ thập nhất chi tam; Quyển Đệ Di giáo phẩm Đệ nhất, Ứng tận Hoàn Tam thập, Sư tử hống Bồ-tát phẩm Đệ nguyên phẩm Đệ nhị; Quyển Đệ Tứ thập thập nhất chi tứ; Phần Dịch nghĩa, Q.25 nhị, Cơ cảm Trà-tỳ phẩm Đệ tam, Thánh P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao khu khuếch nhuận phẩm Đệ tứ; Phần Dịch quý Đức vương (Phần 5); Q.26 P.10 Bồ- nghĩa, Q.37 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 5); tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức Q.38 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 6), P.13 vương (Phần 6); Q.27 P.11 Bồ-tát Sư tử Kiều-trần-như (Phần 1); Q.39 P.13 Kiều- hống (Phần 1); Q.28 P.11 Bồ-tát Sư tử trần-như

(Phần 2); Q.40 P.13 Kiều-trần- hống (Phần 2); Q.29 P.11 Bồ-tát Sư tử như (Phần 3); Q.41 P.13 Kiều-trần-như (Phần 4), P.1 Lời dạy cuối cùng (Phần 1),

P.2 Duyên dứt về nguồn; Q.42 P.3 Linh Tập III, dày 696 trang, nội dung gồm có: ứng khi Trà-tỳ, P.4 Phân chia xá-lợi; Phần P.23 Bồ-tát Sư Tử hống (tt), (phần 3, 4, 5, Hán văn; 6); P.24 Bồ-tát Ca-diếp (phần 1, 2, 3, 4); Tập VIII, PHỤ LỤC, Biên soạn: Nguyễn P.25 Kiều Trần Như (phần 1, 2, Phẩm Minh Tiến. Sách dày hơn 229 trang, bìa cuối); Kinh Đại Bát Niết-bàn, Phần sau- cứng; nội dung gồm có: Phụ lục 1, Tổng Quyển thượng, P.I Di giáo, P.II Ứng tận quan Kinh Đại bát Niết-bàn, I. Đôi dòng hoàn nguyên, P.III Cơ cảm trà-tỳ, P.IV dẫn nhập, II. Tìm hiểu cấu trúc tổng thể, 1. Thánh khu khuếch nhuận. Về hình thức, 2. Về nội dung; III. Một số Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2013, nội dung chính: 1. Đại thừa Khởi tín, 2. Nxb Tôn Giáo. Như Lai thường trụ, 3. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, 4. Tánh Phật và Nhất- 367. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN xiển-đề, 5. Phân biệt tà-chánh, 6. Phương Hán dịch: Sa-môn Pháp Hiển tiện quyền thừa, 7. Thường-Lạc-Ngã-Tịnh, Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) 8. Bốn tâm vô lượng, 9. Nghiệp và kết Bố cục Kinh này được chia thành 19 đoạn, quả, 10. Sanh tử tương tục; IV. Thay lời sau mỗi đoạn có phần Toát yếu. 1. Duyên kết; Phụ lục 2, Bảng Tham khảo thuật ngữ. khởi Niết-bàn, 2. A-nan khải thỉnh, 3. Tác phẩm này được tái bản năm 2015, Nhóm họp đại chúng, 4. Đức Phật gặp Nxb Tôn Giáo. phái Ly-xa, 5. Bốn đế và 4 quyết-thiết, 6. Phất-đa-dục đế cúng trai, 7. Ông Thuần-đà 366. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (3 thỉnh Phật, 8. Phật độ ông Phất-ca-sa, 9. Tập) Báo điềm nhập diệt, 10. Phật tới Sa-la Việt dịch: HT. Thích Chân Thường song thọ, Chú thích; 11. Khi Phật nhập Hiệu đính: Thích Thanh Giác & diệt, 12. Công hạnh ông A-nan, 13. Nhân Thích Đồng Bổn xưa của thành Cưu-thi-na, 14. Đức Phật và Nxb Tôn Giáo – 2010 phái lực sĩ, 15. Ông Tu-bạt-đà-la quy Phật, Kinh có khổ 16 x 24cm, bìa cứng. 16. Lời phó chúc, 17. Đức Phật Niết-bàn, Tập I, dày 769 trang, nội dung gồm có: P.1 18. Hỏa tán thân Phật, 19. Quân phân xá- Trường thọ, P.5 Kim Cương Thân, P.6 Kinh Sanskrit/Hán tạng) Danh tự Công đức, P.7 Tứ tướng, P.8 Tứ y, P.9 Tà-Chính, P.10 Tứ đế, P.11 Tứ đảo, 368. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN P.12 Như Lai tính, P.13 Văn tự, P.14 Điểu Hán dịch: Tam tạng Pháp sư dụ, P.15 Nguyệt dụ, P.16 Bồ-tát, P.17 Đại Đàm Vô Sấm (385-433) chúng sở vấn, P.18 Hiện bệnh, P.19 Thánh Việt dịch: Cư sĩ Tuệ Khai hạnh (phần 1, 2, 3); Chú thích; Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh Tập II, dày 703 trang, nội dung gồm có: Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 36 P.20 Phạm hạnh (phần 1, 2, 3, 4, 5); P.21 quyển, 25 phẩm. Q.1 P. Tựa; Q.2 P. Anh Nhi hạnh; P.22 Bồ-tát Quang minh Thuần-đà, P. Ai thán; Q.3 P. Trường thọ, Biến chiếu Cao quý Đức vương (phần 1, 2, P. Danh tự công đức, P. Thân kim cương; 3, 4, 5, 6); P.23 Bồ-tát Sư Tử hống (phần Q.4 – Q.5 P. Bốn tướng; Q.6 P. Tứ y; Q.7 1, 2); P. Tà chính, P. Tứ đế, P. Bốn điên đảo; Q.8 P. Như Lai tính, P. Văn tự, P. Điểu

dụ; Q.9 P. Nguyệt dụ, P. Bồ-tát; Q.10 P. hành tướng 1 - 4; từ Q.42 đến Q.44 là các Nhất thiết đại chúng sở vấn, P. Hiện bệnh; P. Thí dụ 1-3; Q.45, P. Thí dụ 4 và P. Bồ- Q.11 P. Thánh hạnh; từ Q.12 – Q.17 P. tát 1; Q.46, P. Bồ-tát 2; Q.47, P. Ma-ha-tát Thánh hạnh; Q.18 P. Thánh hạnh (tt), P. 1; Q.48, P. Ma-ha-tát 2; Q.49, P. Ma-ha- Anh nhi hạnh; từ Q.19 – Q.24 P. Bồ-tát tát 3 và P. Áo giáp Đại thừa 1; Q.50, P. Áo Quang minh biến chiếu cao quí đức giáp Đại thừa 2. vương; từ Q.25 – Q.30 P. Bồ-tát Sư tử Tập 03, dày 748 trang, từ

Q.51 đến Q.75: hống; từ Q.31 – Q.34 P. Bồ-tát Ca-diếp; từ Q.51 đến Q.55 là các P. Biện Đại thừa 1 Q.35 – Q.36 P. Kiều Trần Như. – 5; Q.56, P. Biện Đại thừa 6 và P. Tán Sanskrit/Hán tạng) Đại thừa 2 - 5; Q.61, P. Tán Đại thừa 6 và Vô sở đắc 1; từ Q.62 đến Q.69 là các P. 369. KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA- Vô sở đắc 2 - 9; Q.70, P. Vô sở đắc 10 và MẬT-ĐA (Trọn bộ 24 tập) P. Quán hạnh 1; Q.71, P. Quán hạnh 2; Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Q.72, P. Quán hạnh 3; Q.73, P. Quán hạnh (602-664) 4; Q.74, P. Quán hạnh 5 và P. Vô sanh 1; Việt dịch: HT. Thích Trí Nghiêm (1911- Q.75, P. Vô sanh 2, P. Tịnh đạo 1. 2003) Tập 04, dày 715 trang, từ Q.76 đến Q.100: Khảo dịch: HT. Thích Quảng Độ (1928- Q.76, P. Tịnh đạo 2; Q.77, P. Thiên đế 1; 2020) Q.78, P. Thiên đế 2; Q.79, P. Thiên đế 3; Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1998 – 1999 Q.80, P. Thiên đế 4; Q.81, P. Thiên đế 5 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, chữ và P. Các Thiên tử 1; Q.82, P. Các Thiên tựa mạ vàng. tử 2 và P. Thọ giáo 1; Q.83, P. Thọ giáo 2; Bộ Kinh Đại Bát-nhã này gồm có 24 tập, Q.84, P. Thọ giáo 3 và P. Tán hoa; từ Q.85 600 quyển: Mục lục, Lời trần tình, Hội đến Q.88 là các P. Học Bát-nhã 1 – 4; đồng phiên dịch Tam tạng, Lời ký Tam Q.89, P. Học Bát-nhã 5 và Cầu Bát-nhã 1; tạng Thánh giáo, Tựa Sơ hội Kinh Bát- từ Q.90 đến Q.97 là các P. Cầu Bát-nhã 2 nhã, Thừa sự Tăng sai, Đôi nét về HT. – 9; Q.98, P. Cầu Bát-nhã 10 và P. Tán Thích Trí Nghiêm. thán các đức; Q.99, P. Tán thán các đức và Tập 01, dày 814 trang, từ Q.01 đến Q.25: P. Nhiếp thọ 1; Q.100, P. Nhiếp thọ 2. Q.1, P. Duyên khởi a; Q.2, P. Duyên khởi Tập 05, dày 691 trang, từ Q.101 đến b; Q.3, P. Học quán 1; Q.4, P. Học quán 2; Q.125: Q.101, P. Nhiếp thọ 3; Q.102 P. P. Tương ưng 1; Q.5, P. Tương ưng 2; Nhiếp thọ 4; Q.103 P. Nhiếp thọ 5, P. So Q.6, P. Tương ưng 3; Q.7, P. Tương ưng sánh công đức (1); từ Q.104 P. So sánh 4, P. Chuyển sanh 1; Q.8, P. Chuyển sanh công đức (2) đến Q.25 P. So sánh công 2; Q.9, P. Chuyển sanh 3; Q.10, P. Khen đức (23). ngợi thắng đức, P. Hiện tướng lưỡi; từ Tập 06, dày 651 trang, từ Q.126 đến Q.11 đến Q.25 là các P. Dạy bảo trao Q.150: Q.126 P. So sánh công đức (24) truyền 1 - 15. đến Q.150 P So sánh công đức (48). Tập 02, dày 766 trang, từ Q.26 đến Q.50: Tập 07, dày 716 trang, từ Q.151 đến từ Q.26 đến Q.35 là các P. Dạy bảo trao Q.175: Q.151 P. So sánh công đức (49) truyền 16 – 26 và P. Vô trụ 1; Q.37, P. Vô đến Q.168 P. So sánh công đức (66), P. trụ 2; từ Q.38 đến Q.41 là các P. Bát-nhã Tùy hỷ hồi hướng (1); từ Q.169 đến Q.171

P. Tùy hỷ hồi hướng (2) - (4); Q.172 P. Q.317 – Q.318 P. Trí hướng đến (2) – (3), Tùy hỷ hồi hướng (5), P. Khen Bát-nhã P. Chơn Như (1); Q.319 – Q.323 P. Chơn (1); từ Q.173 đến Q.175 P. Khen Bát-nhã Như (2) – (6); Q.324 P. Chơn Như (7), P. (2) – (4). Bồ-tát an trụ (1); Q.325 P. Bồ-tát an trụ Tập 08, dày 737 trang, từ Q.176 đến (2), P. Bất thối chuyển (1). Q.200: Q.176 P. Khen Bát-nhã (5) đến Tập 14, dày 759 trang, từ Q.326 đến Q.181 P. Khen Bát-nhã (10), Hủy báng Q.350: Q.326 – Q.327 P. Bất thối chuyển Bát-nhã; từ Q.182 P. Khó tin hiểu (1) đến (2) – (3); Q.328 – Q.329 P. Phương tiện Q.200 P. Khó tin hiểu (19). Thiện xảo (1) – (2); Q.330 P. Phương tiện Tập 09, dày 764 trang, từ Q.201 đến thiện xảo (3), P. Hạnh nguyện (1); Q.331 Q.225: Q.201 P. Khó tin hiểu (20) đến P. Hạnh nguyện (2), P. Khéo học (1); Q.225 P. Khó tin hiểu (44). Q.332 – Q.335 P. Khéo học (2) – (5), P. Tập 10, dày 775 trang, từ Q.226 đến Đoạn Phân biệt (1); Q.336 P. Đoạn Phân Q.250: Q.226 P. Khó tin hiểu (45) đến biệt (2); Q.337 – Q.341 P. Học Phương Q.250 P. Khó tin hiểu (69). tiện thiện xảo (1) – (5), P. Nguyện dụ (1); Tập 11, dày 763 trang, từ Q.251 đến Q.342 P.

Nguyện dụ (2), P. Khen tánh Q.275: Q.251 P. Khó tin hiểu (70) đến chắc thật (1); Q.343 – Q.346 P. Khen tánh Q.275 P. Khó tin hiểu (94). chắc thật (2) – (5), P. Chúc lụy (1); Q.347 Tập 12, dày 735 trang, từ Q.276 đến P. Chúc lụy (2), P. Vô tận (1); Q.348 P. Q.300: Q.276 – Q.284 P. Khó tin hiểu (95) Vô tận (2); Q.349 – Q.350 P. Dẫn nhiếp – (103); Q.285 – Q.286 P. Khen ngợi nhau (1) – (2). thanh tịnh (1) (2); Q.287 P. Khen ngợi Tập 15, dày 766 trang, từ Q.351 đến thanh tịnh (3), P. Trước và chẳng trước Q.375: Q.351 – Q.363 P. Đa vấn Bất nhị tướng (1); từ Q.288 đến 291 P. Trước và (1) – (13), P. Nói thật (1); Q.364 – Q.365 chẳng trước tướng (2) (5); Q.292 P. Trước P. Nói thật (2) – (3), P. Xảo tiện hành (1); và chẳng trước tướng (6), P. Nói tướng Q.366 P. Xảo tiện hành (2), P. Học đạo Bát-nhã (1); Q.296 P. Nói tướng Bát-nhã khắp (1); Q.367 – Q.372 P. Học đạo khắp (5), P. Ba-la-mật-đa (1); Q.297 P. Ba-la- (2) – (7), P. Tam tiệm thứ (1); Q.373 P. mật-đa (2), P. Khó nghe công đức (1); từ Tam tiệm thứ (2), P. Vô tướng-vô đắc (1); Q.298 đến Q.300 P. Khó nghe công đức Q.374 – Q.375 P. Vô tướng-vô đắc (2) – (2) – (4). (3). Tập 13, dày 778 trang, từ Q.301 đến Tập 16, dày 783 trang, từ Q.376 đến Q.325: Q.301 – Q.302 P. Khó nghe công Q.400: Q.376 – Q.378 P. Vô tướng-vô đắc đức (5) – (6); Q.303 – Q.304 P. Ma sự (1) (4) – (6), P. Pháp nghĩa vô tạp (1); Q.379 – (2); Q.305 – Q.307 P. Phật mẫu (1) – Pháp nghĩa vô tạp (2), P. Tướng các công (3); Q.308 P. Phật mẫu (4), P. Chẳng nghĩ đức (1); Q.380 – Q.383 P. Tướng các công bàn (1); Q.309 P. Chẳng nghĩ bàn (2); đức (2) – (5), P. Các pháp bình đẳng (1); Q.310 P. Chẳng nghĩ bàn (3), P. Biện sự Q.384 – Q.386 P. Các pháp bình đẳng (2) (1); Q.311 P. Biện sự (2), P. Chúng dụ (1); – (4), P. Bất khả động (1); Q.387 – Q.390 Q.312 P. Chúng dụ (2); Q.313 P. Chúng P. Bất khả động (2) – (5), P. Thành thục dụ (3), P. Chơn Thiện hữu (1); Q.314 – hữu tình (1); Q.391 – Q.393 P. Thành thục 315 P. Chơn Thiện hữu (2) – (3); Q.316 P. hữu tình (2) – (4), P. Nghiêm tịnh cõi Phật Chơn Thiện hữu (4), P. Trí hướng đến (1); (1); Q.394 P. Nghiêm tịnh cõi Phật (2), P.

Tịnh độ phương tiện (1); Q.395 P. Tịnh độ hỷ hồi hướng (1); Q.433 P.37 Tùy hỷ hồi phương tiện (2), P. Vô tánh tự tánh (1); hướng (2); Q.434 P.38 Đại sư, P.39 Địa Q.396 P. Vô tánh tự tánh (2), P. Thắng ngục (1); Q.435 P.39 Địa ngục (2); Q.436 nghĩa Du-già (1); Q.397 P. Thắng nghĩa P.40 Thanh tịnh, P.41 Không nêu cờ (1); Du-già (2), P. Pháp tánh vô động; Q.398 Q.437 P.41 Không nêu cờ (2), P.42 Bất P. Bồ-tát Thường Đề (1); Q.399 P. Bồ-tát khả đắc; Q.438 P.43 Phương Đông Bắc Thường Đề (2), P. Bồ-tát Pháp dũng (1); (1); Q.439 - Q.440 P.43 Phương Đông Q.400 Bồ-tát Pháp dũng (2), P. Kết Bắc (2) – (3), P.44 Ma sự, P.45 Không hòa khuyến. hợp (1); Q.441 P.45 Không hòa hợp (2), Tập 17, dày 784 trang, từ Q.401 đến P.46 Phật mẫu (1); Q.442 P.46 Phật mẫu Q.425: Q.401 Hội thứ 2, P.1 Duyên khởi; (2), P.47 Chỉ tướng (1); Q.443 P.47 Chỉ Q.402 P.2 Hoan hỷ, P.3 Quán chiếu (1); tướng (2); Q.444 P.48 Thành biện, P.49 Q.403 – Q.405 P.3 Quán chiếu (2) – (4), Thuyền đẳng dụ (1); Q.445 P.49 Thuyền P.4 Vô đẳng đẳng, P.5 Tướng thiệt căn; đẳng dụ (2), P.50 Sơ nghiệp (1); Q.446 Q.406 – Q.408 P.6 Thiện hiện (1) – (3), P.50 Sơ nghiệp (2), P.51 Điều phục tham P.7 Ly sanh, VIII. P Thắng quân (1); đẳng, P.52 Chơn Như (1); Q.447 – Q.448 Q.409 P.8 Thắng quân (2), P.9 Hành P.52 Chơn Như (2) – (3), P.53 Bất thối tướng (1); Q.410 P.9 Hành tướng (2), P.10 chuyển; Q.449 P.54 Chuyển bất chuyển, Huyễn dụ; Q.411 P.11 Thí dụ, P.12 Đoạn P.55 Nghĩa thậm thâm (1); Q.450 P.55 chư kiến, P.13 Lục đáo bỉ ngạn (1); Q.412 Nghĩa thậm thâm (2). P.13 Lục đáo bỉ ngạn, P.14 Nương Đại

Tập 19, dày 795 trang, từ Q.451 đến thừa (1); Q.413 P.15 Không buộc-không Q.475: Q.451 P.56 Mộng hành, P.57 Hạnh mở, P.16 Tam-ma-địa (1); Q.414 P.16 nguyện, P.58 Căn-già thiên; Q.452 P.59 Tam-ma-địa (2), P.17 Niệm trụ đẳng (1); Tập cận, P.60 Tăng thượng mạn (1); Q.415 P.17 Niệm trụ đẳng (2), P.18 Tu trị Q.453 – Q.454 P.60 Tăng thượng mạn (2) địa (1); Q.416 P.18 Tu trị địa (2), P.19 – (3), P.61 Đồng học (1); Q.455 P.61 Xuất trụ (1); Q.417 P.19 Xuất trụ (2), P.20 Đồng học (2), P.62 Đồng tánh (1); Q.456 Siêu thắng (1); Q.418 P.20 Siêu thắng (2), P.62 Đồng tánh (2), P.63 Không phân biệt, P.21 Vô sở hữu (1); Q.419 P.21 Vô sở hữu P.64 Kiên cố-chẳng kiên cố (1); Q.457 (2); Q.420 P.21 Vô sở hữu (3), P.22 Tùy P.64 Kiên cố-chẳng kiên cố (2), P.65 Thật thuận, P.23 Vô biên tế (1); Q.421 – Q.423 ngữ (1); Q.458 P.65 Thật ngữ (2), P.66 Vô P.23 Vô biên tế (2) – (4), P.24 Viễn ly (1); tận; Q.459 P.67 Tương nhiếp; Q.460 P.68 Q.424 P.24 Viễn ly (2); Q.425 P.25 Đế Phương tiện thiện xảo (1); Q.461 – Q.463 Thích (1). P.68 Phương tiện thiện xảo (2) – (4), P.69 Tập 18, dày 799 trang, từ Q.426 đến Thọ dụ; Q.464 P.70 Bồ-tát hạnh, P.71 Q.450: Q.426 P.25 Đế Thích (2), P.26 Tín Thân cận, P.72 Học tất cả (1); Q.465 P.72 thọ, P.27 Tán hoa (1); Q.427 P.27 Tán hoa Học tất cả (2), P.73 Tuần tự (1); Q.466 (2), P.28 Thọ ký, P.29 Nhiếp thọ (1); P.73 Tuần tự (2), P.74 Vô tướng (1); Q.428 P.29 Nhiếp thọ (2), P.30 Bảo tháp; Q.467 P.74 Vô tướng (2), P.75 Không tạp Q.429 P.31 Phước sanh, P.32 Công đức, (1); Q.468 P.75 Không tạp (2), P.76 Các P.33 Ngoại đạo, P.34 Trời đến (1); Q.430 đức tướng (1); Q.469 – Q.471 P.76 Các P.34 Trời đến (2), P.35 Thiết-lợi-la; Q.431 đức tướng (2) – (4), P.77 Thiện Đạt (1); – Q.432 P.36 Kinh văn (1) – (2), P.37 Tùy Q.472 – Q.473 P.77 Thiện Đạt (2) – (3),

P.78 Thật tế (1); Q.474 P.78 Thật tế (2), Tuyên hóa (1); Q.537 P.31 Tuyên hóa (2); P.79 Vô khuyết (1); Q.475 P.79 Vô khuyết Q.538, Hội thứ 4, P.1 Diệu hạnh (1); (2). Q.539 P.1 Diệu hạnh (2), P.2 Đế Thích, Tập 20, dày 798 trang, từ Q.476 đến P.3 Cúng dường bảo tháp (1); Q.540 – Q.500: Q.476 P.80 Đạo sĩ; Q.477 P.81 Q.541 P.3 Cúng dường bảo tháp (2) – (3), Chánh Định, P.82 Phật pháp; Q.478 P.83 P.4 Xưng dương công đức, P.5 Phước môn Vô sự, P.84 Nói thật, P.85 Tánh không; (1); Q.542 P.5 Phước môn (2); Q.543 – Q.479 Hội thứ 3, P.1 Duyên khởi, P.2 Xá- Q.544 P.6 Tùy hỷ hồi hướng (1) – (2), P.7 lợi tử (1); Q.480 – Q.482 P.2 Xá-lợi tử (2) Địa ngục; Q.545 P.8 Thanh tịnh, P.9 Khen – (4), P.3 Thiện hiện (1); từ Q.483 – ngợi, P.10 Tổng trì (1); Q.546 P.10 Tổng Q.498 P.3 Thiện hiện (2) – (17), P.4 Thiên trì (2), P.11 Ma sự (1); Q.547 P.11 Ma sự Đế (1); Q.499 – Q.500 P.4 Thiên Đế (2) – (2), P.12 Thế gian, P.13 Bất tư nghì; (3), P.5 Hiện bảo tháp (1). Q.548 P.14 Thí dụ, P.15 Trời khen ngợi, Tập 21, dày 845 trang, từ Q.501 đến P.16 Chơn như (1); Q.549 P.16 Chơn như Q.525: Q.501 – Q.502 P.5 Hiện bảo tháp (2), P.17 Tướng bất thối, P.18 Tướng (2) – (3), P.6 Xưng dương công đức (1); không (1); Q.550 P.18 Tướng không (2), Q.503 P.6 Xưng dương công đức (2), P.7 P.19 Công đức sâu xa, P.20 Căn-già thiên, Xá-lợi Phật, P.8 Phước tụ (1); Q.504 P.8 P.21 Biết việc ma (1). Phước tụ (2), P.9 Tùy hỷ hồi hướng (1); Tập 23, dày 846 trang, từ Q.551 đến Q.505 P.9 Tùy hỷ hồi hướng (2), P.10 Địa Q.575: Q.551 P.21 Biết việc ma (2), P.22 ngục (1); Q.506 P.10 Địa ngục (2), P.11 Thiện hữu (1); Q.552 P.22 Thiện hữu (2), Tán thán thanh tịnh (1); Q.507 P.11 Tán P.23 Thiên chủ, P.24 Vô tạp-vô dị, P.25 thán thanh tịnh (2), P.12 Tán thán công Tấn tốc (1); Q.553 P.25 Tấn tốc (2), P.26 đức; Q.508 – Q.509 P.13 Đà-la-ni (1) – Huyễn dụ, P.27 Kiên cố (1); Q.554 P.27 (2), P.14 Việc ma; Q.510

P.15 Hiện thế Kiên cố (2), P.28 Tán hoa; Q.555 P.29 gian; Q.511 P.16 Bất tư nghì đẳng, P.17 Tùy thuận; Q.556, Hội thứ 5, P.1 Thiện Thí dụ; Q.512 P.18 Bạn lành; Q.513 – hiện, P.2 Thiên Đế; Q.557 P.3 Bảo tháp, Q.514 P.19 Chơn như (1) – (2), P.20 P.4 Thần chú; Q.558 P.5 Xá-lợi, P.6 Kinh Tướng bất thối (1); Q.515 P.20 Tướng bất điển, P.7 Hồi hướng; Q.559 P.8 Địa ngục, thối (2), P.21 Tướng không (1); Q.516 – P.9 Thanh tịnh, P.10 Bất tư nghì (1); Q.517 P.21 Tướng không (2) – (3), P.22 Q.560 P.10 Bất tư nghì (2), P.11 Ma sự, Căn-già thiên, P.23 Xảo tiện (1); từ Q.518 P.12 Chơn như; Q.561 P.13 Thậm thâm – Q.520 P.23 Xảo tiện (2) – (4), P.24 Khi tướng, P.14 Thuyền đẳng dụ, P.15 Như học; Q.521 P.25 Thấy bất động (1); Q.522 Lai (1); Q.562 P.15 Như Lai (2), P.16 Bất P.25 Thấy bất động (2); từ Q.523 – Q.525 thối, P.17 Tham hành (1); Q.563 P.17 P.26 Phương tiện thiện xảo (1) – (3). Tham hành (2), P.18 Tỷ muội, P.19 Mộng Tập 22, dày 823 trang, từ Q.526 đến hành; Q.564 P.20 Thắng ý lạc, P.21 Tu Q.550: Q.526 P.26 Phương tiện thiện xảo học, P.22 Trồng căn lành (1); Q.565 P.22 (4); Q.527, P.27 Tuệ đáo bỉ ngạn; từ Trồng căn lành (2), P.23 Phó chúc, P.24 Q.528 – Q.532 P.28 Diệu tướng (1) – (5), Kiến bất động Phật; Q.566, Hội thứ 6, P.1 P.29 Thí bình đẳng (1); Q.533 – Q.535 Duyên khởi, P.2 Thông đạt; Q.567 P.3 P.29 Thí bình đẳng (2) – (4), P.30 Phật Hiển tướng, P.4 Pháp giới (1); Q.568 P.4 quốc (1); Q.536 P.30 Phật quốc (2), P.31 Pháp giới (2), P.5 Niệm trụ; Q.569 P.6

Pháp tánh; Q.570 P.7 Bình đẳng, P.8 Hiện tướng; Q.571 P.9 Vô sở đắc, P.10 Chứng 370. KINH ĐẠI BI khuyến; Q.572 P.11 Hiển đức, P.12 Hiện Hán dịch: Tam tạng Pháp sư hóa, P.13 Đà-la-ni, P.14 Khuyên răn (1); Na-liên-đề-da-xá Q.573 P.14 Khuyên răn (2), P.15 Nhị Việt dịch (2016): Cư sĩ Hạnh Cơ hạnh, P.16 Tán thán, P.17 Phó chúc; Hoàng Hậu Thái Châu xuất bản Q.574, Hội thứ 7, Phần Mạn-thù-thất-lợi PL. 2561 – DL. 2017 (1); Q.575 Phần Mạn-thù-thất-lợi (2). Tác phẩm Kinh này gồm có 14 phẩm: - Tập 24, dày 789 trang, từ Q.576 đến Giới thiệu; P.1 Phạm thiên, P.2 Thương Q.600: Q.576, Hội thứ 8, Phần Na-già- chủ, P.3 Đế thích, P.4 La-hầu-la, P.5 Ca- thất-lợi; Q.577, Hội thứ 9, Phần Kim diếp, P.6 Hộ trì chánh pháp, P.7 Xá-lợi, cương năng đoạn; Q.578, Hội thứ 10, Phần P.8 Lễ bái, P.9 Căn lành, P.10 Phước đức Lý thú Bát-nhã; Q.579, Hội thứ 11, Phần cúng dường, P.11 Trồng căn lành, P.12 Bố thí Ba-la-mật-đa (1); từ Q.580 – Q.583 Phó chúc chánh pháp, P.13 Phó chúc Phần Bố thí Ba-la-mật-đa (2) – (5); Q.584, chánh pháp (tt), P.14 Giáo huấn; Chú (1); từ Q.585 – Q.588 Phần Tịnh giới Ba- Sanskrit/Hán tạng) la-mật-đa (2) – (5); Q.589, Hội thứ 13, Phẩm An nhẫn Ba-la-mật-đa; Q.590, Hội 371. KINH ĐẠI BI thứ 14, Tinh tấn Ba-la-mật-đa; Q.591, Hội Hán dịch: Na-liên-đề-da-xá thứ 15, Phần Tĩnh lự Ba-la-mật-đa (1); Việt dịch: Thích Như Điển Q.592 Phần Tĩnh lự Ba-la-mật-đa (2); Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển, 14 Q.593, Hội thứ 16, Phẩm Bát-nhã Ba-la- phẩm: Q.I, P.1 Phạm thiên, P.2 Thương mật-đa (1); từ Q.594 – Q.600 Phẩm Bát- chủ, P.3 Đế-thích; Q.II, P.4 La-hầu-la, P.5 nhã Ba-la-mật-đa (2) – (8). Ca-diếp, P.6 Trì chánh pháp, P.7 Xá-lợi; Bộ Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa gồm Q.III, P.8 Lễ bái, P.9 Căn lành, P.10 Bố thí 600 quyển, chiếm tới ba tập khổ lớn trong phước đức, P.11 Trồng căn lành; Q.IV, Đại tạng Kinh Đại Chánh Tân tu, mỗi tập P.12 Các thí dụ phụ thuộc chánh pháp; trên dưới 1.000 trang, mỗi trang độ 1.500 Q.V, P.13 Trồng căn lành, P.14 Dạy (Hán). Năm 1972, HT. Trí Nghiêm đã 372. KINH ĐẠI BI SÁM PHÁP khởi dịch bộ Kinh này, và dịch suốt 8 năm Biên tập: Nguyễn Tường Long (1972-1980) mới xong và đã dịch theo bản Nxb Tôn Giáo,

PL. 2558 – DL. 2014 biệt hành, gồm 24 tập (mỗi tập 25 quyển), Kinh có khổ 14 x 20cm, có 50 trang, bìa và cũng đóng thành 24 tập như nguyên mềm. Nội dung gồm: Đại bi Tâm sám, bản chữ Hán. Chú (Đại bi), Lễ sám và Tam Quy. Bộ Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Ban Bảo trợ Phiên dịch Pháp tạng, PGVN 373. KINH ĐẠI BI SÁM PHÁP – tại Hoa Kỳ ấn hành năm 2003; Hội Ấn ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI hành Đại tạng kinh Việt Nam, PL. 2548 – Việt dịch: HT. Giác Hải – DL. 2004 (Trọn bộ gồm 11 tập, khổ lớn, HT. Thiền Tâm – HT. Đức Niệm bìa cứng, chữ tựa mạ vàng); năm 2018, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012 Nxb Hồng Đức.

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 183 trang. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 303 trang, Nội dung gồm có: Sơ lược Hạnh nguyện bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu vàng Đức Quán Thế Âm Bồ-tát, Nghi lễ Sám và đen. Đại Bi, Kinh Quán Âm Đại Bi Tâm Đà-ra- Nội dung gồm có 5 quyển, 31 phẩm như ni; Phần Kinh văn; Phần Chánh văn; Phần sau: Lời của người dịch; Q.I, P.1 Nhập Xuất tượng; Phần Chú thích, Phần Đại Bi Chân ngôn trụ tâm; Q.II, P.2 Đủ duyên và trì nghiệm. Chân ngôn- Nhập Mạn-đà-la, P.3 Tịnh trừ chư chướng ngại, P.4 Kho Chân ngôn 374. KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI thông dụng; Q.III, P.5 Thành tựu thế gian Xuất Tượng Tất-địa; Q.III (Phần hạ), P.6 Xuất hiện Nxb Tôn Giáo – 2006 Tất-địa, P.7 Thành tựu Tất-địa, P.8 Tu tập Kinh có khổ 10 x 15cm, có hơn 130 trang. Mạn-trà-la chuyển Tự luân; Q.IV, P.9 Mật Nội dung gồm có: Lời giới thiệu (của ấn; Q.V, P.10 Tự luân, P.11 Bí mật Mạn- Thiền Đức), Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô trà-la, P.12 Pháp nhập bí mật Mạn-trà-la, Ngại Đại Bi Tâm Đà-ra-ni (trong đó có 84 P.13 Nhập bí mật Mạn-trà-la, P.14 Tám ấn danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát và 84 hình bí mật, P.15 Cấm giới trì minh, P.16 Thật ảnh hiện tướng của Bồ-tát, 1 hình Hộ trí của các bậc A-xà-lê, P.17 Quán sát cả Pháp, 4 hình Tứ Đại Thiên Vương). ba Mạn-trà-la, P.18 Nhận phương tiện và Tác phẩm này tái bản năm 2013, Nxb Tôn học giới, P.19 Bách quang biến chiếu, Giáo. P.20 Quả tương ưng với 100 chữ, P.21 Phương pháp chỉ dẫn chư Bồ-tát, P.22 Trì 375. KINH ĐẠI BỬU TÍCH tụng thành tựu, Bách quang biến chiếu, Pháp Hội Bất Động Như Lai – Tập II, P.23 Bách quang Chân ngôn pháp, P.24 Pháp hội thứ 6 Giải thích tánh Bồ-đề, P.25 Tam Tam-ma- Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) da, P.26 Giải thích danh Như Lai, P.27 Chùa Vạn Đức (Thủ Đức-Tp. Hồ Chí Thế gian và xuất thế gian, Hộ ma Nghi Minh), PL. 2561 – DL. 2017 quỹ, P.28 Bổn tôn Tam-muội, P.29 Giải Kinh dày 159 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ thích về vô tướng Tam-muội, P.30 Thế tựa màu vàng và xanh dương, có hình gian – xuất thế gian trì tụng, P.31 Chúc tượng Đức Bất Động Như Lai-A-súc-bệ lụy. Phật (Namo Aksobya). Nội dung gồm có: Nghi thức trì tụng; Phẩm Thọ ký Trang 377. KINH ĐẠI NHẬT nghiêm, Phẩm Phật sát Trang nghiêm, Biên dịch: Huyền Thanh Phẩm Thanh văn chúng, Phẩm Bồ-tát Nxb Phương Đông – 2010 chúng, Phẩm Niết-bàn Công đức Trang Kinh có khổ 20 x 29cm, dày hơn 252 nghiêm, Phẩm Nhơn duyên Vãng sanh. trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật 376. KINH ĐẠI NHẬT Thần biến Gia trì Kinh (No. 848), có 7 (Mahavairocana-Xbhisambodhi- quyển, từ Q.I … đến Q.VII; 3. Đại Tỳ-lô-Vikurvit-Adhisthana-Vaipulya-Sutra) giá-na Phật nói Kinh Niệm tụng Yếu lược Dịch giả: Nguyễn Pram (No. 849). Nxb Tôn Giáo – 2006 378. KINH ĐẠI NHẬT – Tập Một

Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng thiện), 6. Tướng trạng và hành tướng 60 Việt dịch: Trần Anh Ngọc Tâm xuất thế gian, 8. Các loại Vô úy xứ, Nxb Tôn Giáo – 2003. 9. Quán Chơn ngôn theo 10 câu Duyên Tập I, Kinh này có 1.006 trang, nội dung sanh tự tánh Bát-nhã, Tóm lược Quyển gồm 7 quyển: - Lời nói đầu, A. Dẫn nhập, hai; Quyển ba, P.II, Phần 1. Đủ duyên Xuất xứ Kinh văn, B. Tổng quan, C. Tiểu nhập Mạn-đà-la: 1. Định nghĩa giải thích sử Người dịch và Thuật ký (1. Tiểu sử danh xưng Mạn-đà-la, 2. Thỉnh Phật nói Người dịch và giải thích Kinh, 2. Tiểu sử hạnh tu Chơn ngôn, 3. Thứ lớp chứng Thuật ký, 3. Người dịch ra Việt văn; và 7 nhập Mạn-đà-la, 4. Vị thầy truyền trao quyển Kinh. phạm hạnh, 5. Chọn đất kiến lập Mạn-đà- Xem: (7 quyển) Kinh Đại Nhật – Tập I của la, 6. Cách thức don đất tạo lập Mạn-đà-la Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng (- Sự dọn đất lập Mạn-đà-la, - Lý ẩn dụ trong tướng dọn đất thiết lập Mạn-đà-la); 379. KINH ĐẠI NHẬT – 2 Tập 7. Chọn ngày lập Mạn-đà-la theo tướng Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng pháp (- Ngày giờ thiết lập Mạn-đà-la theo Nxb Tôn Giáo – 2008 sự, - Lý ẩn dụ lập Mạn-đà-la), 8. Kim Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn Cang bày nghi vấn, Thế Tôn nói mật nghĩa 1.891 trang. Pháp dùng phương tiện, 9. Cách thức lập Tập I, dày hơn 993 trang, nội dung gồm 7 Mạn-đà-la, Tóm lược Quyển ba; Quyển quyển: - Lời nói đầu, A. Dẫn nhập, Xuất bốn, P.II, Phần 2. Duyên nhập Mạn-đà-la, xứ Kinh văn, B. Tổng quan, C. Tiểu sử 11. Quán xét căn tánh tâm hạnh chúng đệ Người dịch và Thuật ký (1. Tiểu sử Người tử, 12. Danh xưng Mạn-đà-la, 13. Pháp tắc dịch và giải thích Kinh, 2. Tiểu sử Thuật kiến lập phương tiện hộ trì đệ tử, 14. Thời ký, 3. Người dịch ra Việt văn; Quyển một, gian thiết lập Mạn-đà-la, Tóm lược Quyển P.I Nhập chân ngôn trụ Tâm, 1. Phần tựa bốn; Quyển năm, P.II, Phần 3. Đủ duyên giải thích đề Kinh, 2. Giải thích tựa đề nhập Mạn-đà-la, 15. Tán thán công đức phẩm Tự, 3. Phần tựa (a. Sáu món thành Ứng hóa thân Đức Phật, 16. Ngài Kim tựu, b. Chúng hội tu tập, c. Nơi chốn nói Cang Thủ tán thán Đức Phật và giáo pháp pháp, d. Danh tự Kim Cang chúng, e. Bồ- Chơn ngôn, 17. Thưa hỏi ý nghĩa màu sắc tát chúng thích pháp, f. Thời gian nói và cách thức bố trí để cúng dường, 18. pháp); 4. Chánh tông pháp: a. Bí mật chủ Bày tỏ Tam-muội và cảnh giới của Nhất thỉnh pháp, b. Đức Tỳ-lô-giá-na bày yếu thiết trí, 19. Rộng nói các môn Tam-muội nghĩa, c. Căn bản thành tựu Nhất Thiết của các Thừa, 20. Nhập Phật tam-muội, Trí, d. Bồ-tát tịnh Bồ-đề tâm, Tóm lược nói rõ nhân duyên phương tiện giáo hóa, Quyển một; Quyển hai, P.I Nhập chân 21. Ngài Kim Cang Thủ được trí nhãn tán ngôn trụ Tâm (tt), 5. Ngài Kim Cang Thủ thán bậc Nhất Thiết Trí, 22. Quán sát pháp thỉnh Phật nói tướng trạng tâm Bồ-đề (a. thân Phật, Bồ-tát bổ xứ trụ Phật địa rõ biết Các kiến chấp về Ngã và Ngã sở của các tướng thế gian, 23. Đạo tam-muội của Bồ- tôn giáo Ấn Độ, b. Nguồn gốc hạnh ăn tát, 24. Đạo tam-muội của Thanh văn, 25. chay, c. Đức Phật khai thị Bồ-đề tâm, d. Đạo tam-muội của Duyên giác, 26. Đạo Giải thích tâm chấp Ngã và các tư tưởng tam-muội của thế gian, 27. Tổng tướng chấp trước ngày xưa tại Ấn Độ, e. Giải của Chơn ngôn, 28. Biệt tướng của Chơn thích nguồn gốc của pháp ăn chay và hành ngôn, 29. Đức Thế Tôn phương tiện nói

Chơn ngôn, 30. Đạo chơn ngôn của Như tiện Trí, 4. Ngài Kim Cang Thủ thỉnh Phật Lai, 31. Giải thích nghĩa các chữ, 32. Thứ nói Tất-địa thành tựu Phật đạo, 5. Đức Thế lớp tu pháp Mạn-đà-la, Tóm lược Quyển Tôn nói cách tu hành và quả chứng, 6. Y năm; Quyển

sáu, P.II, Phần 4. Đủ duyên chơn Tâm thanh tịnh được thành tựu, 7. nhập Mạn-đà-la chơn ngôn, 33. Chơn Tác nghiệp Hý hạnh Vũ của Như Lai, 8. ngôn pháp dùng phương tiện, 34. Nghi Kim Cang Tam-muội hàng phục bốn ma, thức tu Mạn-đà-la, 35. Cách thức bố trí và 9. Phạ Tự môn, 10. Ra Tự môn, 11. Ha Tự pháp hành, 36. Hành pháp Hộ ma trừ môn, 12. Các chữ Chơn ngôn, 13. Tóm chướng đệ tử, 37. Hành pháp Quán đảnh, lược Phẩm Xuất hiện Tất-địa; P.VII Thành 38. Cách thức giao truyền, 39. Giới luật tựu Tất-địa, 1. Kim Cang Kiết tường nói của Mật thừa, 40. Lời khai thị của bậc A- rõ tất cả diệu dụng chơn Ngôn đều từ tâm xà-lê, 41. Đức Thế Tôn nói Chơn ngôn bí thanh tịnh sanh, 2. Tịnh ý căn hay căn đối mật, Tóm lược Quyển sáu; Quyển bảy, trần không khởi phân biệt là đạo, 3. Ứng P.III, Tức Chướng, 42. Tịnh trừ chướng dụng của diệu tâm ẩn mật, 4. Am và Ra ngại, 43. Đức Phật chỉ cách tịnh trừ Tự môn; P.VIII Hành Mạn-đà-la Chuyển chướng ngại, 44. Ngộ nhập chơn tâm mới tự luân, 1. Đức Phật nói Minh Phi vô ngại thấu suốt được tất cả Phật pháp và Chơn lực, 2. Rộng bày thể tướng thanh tịnh và ngôn; P.IV, Kho Chơn ngôn phổ thông; ứng dụng của Tâm; Quyển mười, P.VIII Tóm lược Quyển bảy. Hành Mạn-đà-la Chuyển tự luân (tt), 1. Tập II, dày hơn 898 trang, nội dung gồm Cách thức chi tiết sắp đặt Mạn-đà-la thọ có 7 quyển; Kinh Đại Tỳ-lô-giá-na Diệu trì, 2. Sắp bày các sắc, 3. Đức Tỳ-lô-giá-na Đức Phương tiện lực, Quyển tám, P.V nói "Đại bi Tạng sanh Mạn-đà-la vương", Thành tựu thế gian, 1. Giải thích thành tựu 4. Điều hòa thảy sắc, bố trí Thánh tượng, và rộng nói nghi thức tu hành, a. Giải 5. Pháp Quán đảnh, P.IX Mật ấn, 1. Đức thích thành tựu, b. Nghi thức quán tưởng Thế Tôn nhập Tam-muội nói Đại ấn của tu hành; 2. Thọ trì Nhất nguyệt, 3. Giải chư Phật, 2. Đại ấn bí mật của ba đời chư thích nghĩa thâm diệu, 4. Thọ trì tháng thứ Phật, 3. Giải thích tướng dụng của hai tay, hai, 5. Nơi chốn lập đạo tràng, Mạn-đà-la, 4. Các Mật ấn và Chơn ngôn, 5. Tóm lược 6. Rộng giải thích các tướng thành tựu; Quyển mười; Quyển mười một, P.X Tự P.VI Xuất hiện Tất-địa, 1. Giải thích nghĩa luân, 1. Lộ trình tu tập theo Kinh Đại Nhật Tất-địa, 2. Đức Thế Tôn dạy cách quan sát và Hoa Nghiêm, 2. Giải thích danh tự ứng dụng tương ưng với chơn Tâm, 3. Phẩm, 3. Đức Phật nói pháp, 4. Nghĩa bí Giới luật phải hành trì, 4. Kết quả hai mật các Tự luân, 5. Tóm lược Phẩm Tự mươi hạnh tương ưng chơn Tâm, 5. Câu luân; P.XI Bí mật Mạn-đà-la, 1. Như Lai Tương ưng thứ nhất, 6. Rộng giải thích hiện bày diệu dụng vô biên của diệu tâm, tánh tướng của Giáo pháp Chơn ngôn, 7. a. Giải thích tựa Phẩm, b. Như Lai hiện Chỉ dạy cách trì Chơn ngôn, 8. Câu Chánh bày diệu dụng lợi ích hữu tình, c. Bày rõ đẳng giác và Gia trì viên mãn, 9. Tóm diệu dụng của Tâm thanh tịnh, 2. Đức Phật lược quyển 8; Quyển chín, P.VI Xuất hiện nói rõ diệu dụng Vô tướng Hữu tướng của Tất-địa (tt), 1. Diệu nghĩa Tất-địa và chỗ Mạn-đà-la, a. Thế Tôn bày bí mật chủng quy hướng, 2. Chơn ngôn "Hư không tử Tự bí mật đàn trong thân hành giả, b. Bí Đẳng lực", Hư Không Tạng, Chuyển Minh mật đàn trong thân hành giả, c. Ngài Kim Phi", 3. Rộng giải thích ứng dụng Phương Cang Thủ nhập vào Tam mật Như Lai nói

Chơn ngôn, d. Chư Phật khen ngợi Kim thế gian và ngoại đạo, c. Phân biệt giới Cang Thủ, đ. Ngài Kim Cang Thủ tán thán tướng; P.XX Quả tương ứng với 100 chữ; diệu pháp Chơn ngôn, 3. Kim Cang Thủ P.XXI Thành vị 100 chữ; P.XXII Trì tụng thỉnh vấn đức Phật các Pháp tướng Chơn thành tựu 100 chữ, Tóm lược Quyển 13; ngôn, 4. Đức

Tỳ-lô-giá-na giải thích các Quyển mười bốn, P.XXIII Pháp Chơn Pháp tướng, a. Giải thích tướng trạng của ngôn 100 chữ; P.XXIV Tánh Bồ-đề; các bậc A-xà-lê, b. Các loại đệ tử, c. Hộ trì P.XXV Hành Tam-muội-da; P.XXVI Nói người tu hành, d. Ý nghĩa gia trì đất và về Như Lai; P.XXVII Pháp Hộ ma Thế dây ngũ sắc, đ. Sắp đặt tòa Như Lai và Bồ- gian và Xuất thế gian, 1. Nguồn gốc Pháp tát, e. Nghi thức cúng dường, f. Các pháp Hộ ma Thế gian, 2. Các Pháp Hộ ma Xuất hộ ma, j. Các Pháp Quán đảnh, g. Nghĩa lý Thế gian, 3. Lửa Tam-ma-địa và cách thức các Tam-muội-da, Tóm lược Quyển mười sái tịnh tu hành; P.XXVIII Tam-muội bổn một; Quyển mười hai, P.XI Bí mật Mạn- tôn; P.XXIX Tam-muội Vô tướng; P.XXX đà-la (tt), h. Giải thích lý thú Tam-muội- Trì tụng thế gian và Xuất thế gian; da, i. Ý nghĩa kiến đế, k. Giải thích các P.XXXI Chúc lụy, Tóm lược Quyển mười Tất-địa lúc nào sanh, l. Giải thích Pháp Hộ bốn, Chương Kết luận. ma nguồn gốc lý và sự, m. Giải thích nghĩa Tam-muội, n. Đức Thế Tôn nói Mạn-đà-la bí mật của Đức Đại Nhật Như Lai, o. Mạn-đà-la Quan Âm, p. Đàn Thích-ca Sư Tử, q. Năm loại Quán đảnh 380. KINH ĐẠI NHẬT Thích Nghĩa Như Lai, r. Hạnh của cảnh giới thanh tịnh; Thuật ký: Nhất Hành Thiền sư Tịnh Cư Thiên, s. Ấn khế Địa Thần, chư Việt dịch (1991): Như Pháp Quân Thiên và các hình tướng, t. Mạn-đà-la của Tác phẩm Kinh này dày hơn 788 trang, bìa Bồ-tát Văn-thù, u. Mạn-đà-la trừ nhất thiết cứng. Nội dung gồm có 14 quyển, 30 cái chướng Bồ-tát, v. Mạn-đà-la Địa Tạng phẩm: Q.I, P.1 Nhập chân ngôn trụ tâm; Bồ-tát, x. Mạn-đà-la Hư Không Tạng Bồ- Q.II, P.1 Nhập chân ngôn trụ tâm (tt); tát; P.XII Pháp nhập bí mật Mạn-đà-la, 1. Q.III, P.2 Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chân Ba môn Bí mật, 2. Pháp nhập Bí mật Mạn- ngôn; Q.IV, Phần 2, P.2 Đủ duyên nhập đà-la, P.XIII Nhập Bí mật Mạn-đà-la, 1. Mạn-đà-la chân ngôn; Q.V, Phần 3, P.2 Đức Thế Tôn nói Bí mật của Mạn-đà-la Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chân ngôn; Vô tướng, 2. Tiểu kết; P.XIV Tám ấn Bí Q.VI, Phần 4, P.2 Đủ duyên nhập Mạn-đà- mật và Chơn ngôn; P.XV Cấm giới Trì la chân ngôn; Q.VII, P.3 Tức chướng, P.4 minh, 1. Bí mật chủ hỏi Giới pháp, Đức Kho Chân ngôn phổ thông; Q.VIII, P.5 Đại Nhật dạy Vô tướng giới, 2. Giải thích Thành tựu thế gian, P.6 Xuất hiện Tất-địa; chi tiết Giới trì minh, 3. Tâm giới của chư Q.IX, P.6 Xuất hiện Tất-địa (tt), P.7 Thành Phật, 4. Các tháng hành trì; P.XVI Trí tựu Tất-địa, P.8 Hành Mạn-đà-la chuyển chân thật của A-xà-lê; P.XVII Sắp đặt các tự luân; Q.X, P.8 Hành Mạn-đà-la chuyển chữ, Tóm lược Quyển mười hai; Quyển tự luân (tt), P.9 Mật ấn; Q.XI, P.10 Tự mười ba, P.XVIII Nhân chỗ học Phương luân, P.11 Bí mật Mạn-đà-la; Q.XII, P.11 tiện, 2. Thập Thiện giới Ba-la-mật của Bồ- Bí mật Mạn-đà-la (tt), P.12 Pháp nhập bí tát, a. Căn bản hành giới, b. Sự sai biệt của mật Mạn-đà-la, P.13 Nhập bí mật Mạn-đà- Thập thiện giới giữa Bồ-tát, Thanh văn, la, P.14 Tâm ấn bí mật, P.15 Cấm giới trì

minh, P.16 Tri chân thật của A-xà-lê, P.17 Q.X Ma sự (tt), - Năm ấm là năm vọng Sắp đặt các chữ (Bộ tự); Q.XIII, P.18 tưởng, - Kết luận: Lợi ích lớn lao của Kinh sanh ra 100 chữ, P.20 Quả tương ứng 100 Kinh/Hán tạng; vnbet.vn, Kinh) chữ, P.21 Trì tụng thành tựu 100 chữ; Q.XIV, P.22 Pháp Chân ngôn 100 chữ, 382. KINH ĐẠI PHƯỚC ĐỨC P.23 Tánh Bồ-đề, P.24 Hành Tam tam- Việt dịch: Thích Huyền Diệu muội da, P.25 Nói về Như Lai, P.26 Pháp Việt Nam Phật Quốc tự (Buddha Gaya Hộ ma thế gian và xuất thế gian, P.27 P.C. 824231. Dist. Gaya. Bihar) Tam-muội bổn tôn, P.28 Tam-muội vô PL. 2541 – DL. 1997. Kinh có khổ 14 x tướng, P.29 Trì tụng thế gian và xuất thế 20.5cm, có 49 trang, bìa

mềm, nền trắng, gian, P.30 Chúc lụy. chữ tựa màu tím, có hình tượng Đức Phật tọa thiền. 381. KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ Nội dung gồm có: Một số hình ảnh trong LĂNG NGHIÊM – 2 Tập chuyến hành hương chiêm bái cuối năm Hán dịch: Sa-môn Bát-lạt-mật-đế 1996, Lý do ấn tống, Lời giới thiệu kinh Việt dịch: Cư sĩ Hạnh Cơ Đại Phước Đức, Niệm hương, Cúng Ban Bảo Trợ Phiên dịch Pháp tạng Việt hương, Cầu nguyện, Khen ngợi Phật, Nam in lần thứ nhất, Quán tưởng Phật, Tán dương chi, Chú Đại California, PL. 2556 – DL. 2012 bi, Kệ khai kinh, Kinh Đại Phước Đức, Toàn bộ tác phẩm này gồm có 2 tập, 10 Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, quyển. Niệm Phật, Tam quy, Hồi hướng. Phụ lục: Tập 1, dày 262 trang, có 5 quyển: Giới - Kinh Đại Phước Đức nguyên văn Pali, - thiệu, Cung bạch, Kinh Đại Phật đảnh Kinh Đại Phước Đức phiên âm chữ La Như Lai Mật nhân Tu chứng Liễu nghĩa Mã, - Kinh Đại Phước Đức bản dịch tiếng Chư Bồ-tát Vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm; - Anh. Cung bạch; Q.I Duyên khởi, - Tâm ở chỗ nào? – Tánh thấy không phải con mắt; 383. KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG ĐẠI Q.II Trong cái thân vô thường sinh diệt có TẬP HIỀN HỘ BỒ-TÁT cái thường hằng không sinh diệt; Q.III Hán dịch: Xà-na-quật-đa Vạn pháp là biểu hiện của Như Lai tạng; Việt dịch: Thích Minh Lễ Q.IV Bảy đại dung nhau không ngăn ngại, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 17 - Tánh nghe thường hằng; Q.V Sáu căn là phẩm: P.1 Vấn đáp, P.2 Tư duy, P.3 Tam- đầu mối của sinh tử và Niết-bàn, - Nhân muội hành, P.4 Thấy Phật, P.5 Chánh tín, duyên và phương tiện chứng đắc viên P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, P.8 thông; Chú thích; Thọ ký, P.9 Công đức thọ trì, P.10 Mau Tập 2, dày 225 trang, có 5 quyển: Q.VI chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ năm pháp, P.12 Nhĩ căn viên thông, - Nhiếp tâm là giới; Xa lìa phân biệt, P.13 Vô tránh hạnh, P.14 Q.VII Thần chú Thủ Lăng Nghiêm, - Pháp bất cộng, P.15 Công đức tùy hỷ, P.16 Nguyên nhân điên đảo của 12 loài chúng Phụng sự Pháp sư, P.17 Chúc lụy. Nguyên nhân và quả báo của chúng sinh Bộ Đại tập) ba cõi; Q.IX Ma chướng trên đường tu tập;

384. KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG Hán dịch: Đại sư Phật-xoa-nan-đà PHẬT HOA NGHIÊM Dịch giả: HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) ĐẠI TẠNG KINH – 2 Tập Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019. Việt dịch: T.T.P.S Thiện Thanh Kinh có khổ 16 x 24cm, bìa cứng (tái bản Ban Văn hóa chùa Phật Tổ (California- lần thứ mười hai). Hoa Kỳ) ấn hành Tập I, có hơn 665 trang, với 21 phẩm (P). PL. 2537 – DL. 1993 Phần đầu là Lời nói đầu, Nghi thức sám Hai tập dày 1.035 trang, bìa cứng, nền hối; Phần nội dung: P.1. Thế chủ Diệu màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. nghiêm, P.2. Như Lai hiện tướng, P.3. Phổ Tập I, dày 506 trang. Nội dung gồm có: Hiền Tam-muội, P.4. Thế giới thành tựu, Lời nói đầu, Lịch sử Truyền thừa Kinh P.5. Hoa tạng thế giới, P.6. Tỳ-lô-giá-na, Hoa Nghiêm, Sự dịch thuật Kinh Hoa P.7. Như Lai danh hiệu, P.8. Tứ Thánh đế, Nghiêm, Hội thứ nhứt, gồm có 6 phẩm; P.9. Quang minh giác, P.10. Bồ-tát vấn Hội thứ hai, gồm có 6 phẩm; Kinh Đại minh, P.11. Tịnh Hạnh, P.12. Hiền Thủ, Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, P.1 P.13. Thắng Tu-di Sơn đảnh, P.14. Tu-di Thế Chủ Diệu Nghiêm, P.2 Như Lai Hiện sơn đảnh kệ tán, P.15. Thập trụ, P.16. tướng, P.3 Phổ Hiền Tam-muội, P.4 Thế Phạm hạnh, P.17. Sơ phát tâm công đức, giới Thành tựu, P.5 Hoa Tạng thế giới, P.6 P.18. Minh pháp, P.19. Thăng Dạ-ma Tỳ-lô-giá-na, P.7 Như Lai danh hiệu, P.8 thiên cung, P.20. Dạ-ma kệ tán, P.21. Tứ Thánh đế, P.9 Quang Minh Giác, P.10 Thập hạnh. Bồ-tát vấn minh, P.11 Tịnh

hạnh, P.12 Tập II, có hơn 604 trang, có 5 phẩm (P.22 Hiền Thủ; Phần Phụ lục: 1. Nguyên tử, 2. – P.26): P.22. Vô tận tạng, P.23. Thăng Quang minh; Phần Chú giải: Bảng Mục Đâu-suất thiên cung, P.24. Đâu-suất kệ lục, Bảng Thư mục; tán, P.25. Thập Hồi hướng, P.26. Thập Tập II, dày 529 trang. Nội dung gồm có: địa. Lời nói đầu, Đại ý mỗi Hội và mỗi Phẩm; Tập III, có 737 trang, có 12 phẩm (từ P.27 Hội thứ ba, gồm có 6 phẩm; Hội thứ tư, – P.38): P.27. Thập định, P.28. Thập gồm có 4 phẩm; Hội thứ năm, gồm có 3 thông, P.29. Thập nhẫn, P.30. A-tăng-kỳ, phẩm; Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa P.31. Thọ lượng, P.32. Chư Bồ-tát trụ xứ, Nghiêm, P.13 Thăng Tu-di sơn đảnh, P.14 P.33. Phật Bất tư nghì, P.34. Như Lai thập Tu-di đảnh thượng Kệ tán, P.15 Thập Trụ, thân tướng hải, P.35. Như Lai tùy hảo P.16 Phạm hạnh, P.17 Sơ Phát Tâm Công quang minh công đức, P.36. Phổ Hiền đức, P.18 Minh Pháp, P.19 Thăng Dạ-ma hạnh, P.37. Như Lai xuất hiện, P.38. Ly Thiên cung, P.20 Dạ-ma cung trung Kệ thế gian. tán, P.21 Thập Hạnh, P.22 Vô Tận tạng, Tập IV, có 855 trang, với 2 phẩm. P.39. P.23 Thăng Đâu-suất Thiên cung, P.24 Nhập pháp giới, P.40. Nhập bất tư nghì Đâu-suất cung trung Kệ tán, P.25 Thập giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh Hồi hướng; Phần Phụ lục: Hữu vi pháp và nguyện. Vô vi pháp; Phần Chú giải: Bảng Mục lục, Bảng Thư mục. 386. KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC 385. KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA PHẬT HOA NGHIÊM (Bộ 4 tập) Hán dịch: Sa-môn Phật-đà-đa-la

Giảng giải (Hán văn): Thiền sư Hám Sơn – Q.IV, P.6 Ác hữu; Q.V, P.7 Từ; Q.VI, P.8 Đức Thanh (1546-1623) Ưu-ba-ly; Q.VII, P.9 Thân cận. Việt dịch: HT. Thích Huyền Vi (1926-2005) 389. KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIỀN Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 TỬ Sở Thuyết quyển: - Phần mở đầu; Quyển thượng và (Đại Tạng Kinh, Tập 35, Bộ Pháp Hoa II) Quyển hạ; Ý kiến giải Kinh Viên Giác. Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 12 P.3 Nhất thừa (1); Q.II, P.3 Nhất thừa (2), 387. KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT P.4 Đến chỗ vua Nghiêm Sí; Q.III, P.5 BÁO ÂN Vương luận (1); Q.IV, P.5 Vương luận Dịch giả: Thích Chính Tiến và Thích (2); Q.V, P.5 Vương luận (3); P.6 Thỉnh Quảng Độ (1928-2020) Thọ trai, P.7 Hỏi về tội lỗi; Q.VI, P.8 Chùa Bồ Đề (Gia Định) xuất bản Công đức không lỗi lầm của Như Lai (1); PL. 2506 – DL. 1962 Q.VII, P.8 Công đức không lỗi lầm của Kinh này có 7 quyển, 9 phẩm, dày hơn Như Lai (2); Q.VIII, P.8 Công đức không 477 trang. Nội dung gồm: Q.I P.1 Tự, P.2 lỗi lầm của Như Lai (3); Q.IX, P.8 Công Hiếu dưỡng; Q.II P.3 Đối trị, P.4 Phát tâm đức không lỗi lầm của Như Lai (4), P.10 Bồ-đề; Q.III P.5 Luận nghĩa; Q.IV P.6 Ác Thuyết pháp (1); Q.X, P.10 Thuyết pháp hữu; Q.V P.7 Từ bi; Q.VI P.8 Ưu-ba-ly; (2), P.11 thọ ký, P.12 Công đức của tín thọ Q.VII P.9 Thân cận. trì Kinh. (Lưu hành nội bộ, Tàng Kinh các Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm tại Tịnh viện Bát Nhã, xã Tân Hòa, thị xã 1992, 1999 do THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn Phú Mỹ, tỉnh BRVT) hành; năm 2012, Nxb Tôn Giáo; The Corporate Body of the Buddha 390. KINH ĐẠI TÁT-GIÀ Educational Foundation – 2015 (Taiwan); NI-KIỀN TỬ Sở Thuyết năm 2014, Nxb Hồng Đức, khổ 16 x 24cm, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam dày hơn 453 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm vàng. Huệ Quang Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi 388. KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT Hiệu đính: HT. Thích Minh Cảnh BÁO ÂN Việt dịch: Thích nữ Lệ Tuyên Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam – Nxb Phương Đông – 2016. Kinh có khổ Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ 16 x 24cm, dày

hơn 307 trang, bìa cứng. Quang Nội dung gồm có 10 quyển, 12 phẩm: Lời Việt dịch: Huệ Trang – Truyền Từ giới thiệu; Q.I, P.1 Tựa, P.2 Nghi vấn, P.3 Hiệu đính: Thích Nguyên Chơn Nhất thừa (1); Q.II, P.3 Nhất thừa (2), P.4 Nxb Hồng Đức – 2018 Vua Nghiêm Xí; Q.III, P.5 Vương luận Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 245 trang, bìa (1); Q.IV, P.5 Vương luận (2); Q.V, P.5 cứng, chữ tựa màu trắng. Nội dung gồm Vương luận (3), P.6 Thỉnh Thọ thực, P.7 có 7 quyển, 9 phẩm: Lời giới thiệu, Q.I, Hỏi về tội; Q.VI, P.8 Công đức Không có P.1 Tựa, P.2 Hiếu dưỡng; Q.II, P.3 Đối trị, lỗi của Như Lai (1); Q.VII, P.8 Công đức P.4 Phát tâm Bồ-đề; Q.III, P.5 Luận nghị; Không có lỗi của Như Lai (2); Q.VIII, P.8

Công đức Không có lỗi của Như Lai (3); Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển: - Lời Q.IX, P.8 Công đức Không có lỗi của Như nói đầu; - Phật nói Kinh Chánh pháp Đại Lai (4), P.9 Đến gặp Đức Như Lai, P.10 tập hội: Quyển I, II, III, IV và V. Thuyết pháp (1); Q.X, P.10 Thuyết pháp (2), P.11 Thọ ký, P.12 Tin Công đức. 393. KINH ĐẠI THÔNG PHƯƠNG QUẢNG SÁM HỐI DIỆT TỘI 391. KINH ĐẠI TẬP ĐẠI PHƯƠNG TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT ĐẲNG BỒ-TÁT Dịch giả: HT. Thích Trung Quán (1918- NIỆM PHẬT TAM-MUỘI 2003) Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa Nxb Tôn Giáo – 2013. Kinh có khổ 15.5 x Việt dịch: Thích Chánh Lạc 24.5cm, dày 190 trang. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 Toàn bộ Kinh gồm có: Nghi thức tụng quyển, 15 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Bất Kinh (Tán lư hương, Khai kệ Kinh); không kiến bổn sự; Q.II, P.2 Bất không Quyển Thượng, Quyển Trung và Quyển kiến bổn sự (tt); Q.III, P.3 Thần biến; Hạ; sau cùng là Bổ khuyết Tâm Kinh, Tán Q.IV, P.3 Thần biến (tt), P.4 Bồ-tát niệm Phật, Bài Khen Phật, Hồi hướng, Tam Phật tam-muội sự thần thông của Bồ-tát Quy y, Bài Phát nguyện sám hối. Di-lặc, P.5 Bồ-tát niệm Phật tam-muội tán Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều thán âm thanh vi diệu biện tài thù thắng lần: Năm PL. 2511 – DL. 1967, Thanh của Phật; Q.V, P.5 Bồ-tát niệm Phật tam- Minh Thiền Viện xuất bản, dày 171 trang, muội tán thán âm thanh vi diệu biện tài thù bìa mềm, có tay gấp; năm 1990, chùa thắng của Phật (tt), P.6 Tán thán công đức Khánh Anh (France); năm 1995, Nxb Tp. của Như Lai; Q.VI, P.7 Phật hiện thần Hồ Chí Minh; năm 2001-2009-2012 (Tái thông, P.8 Thưa hỏi rộng về việc thấy bản lần thứ 5)-2016, Nxb Tôn Giáo. nhiều Đức Phật; Q.VII, P.9 Khen tướng tam-muội, P.10 Bồ-tát niệm Phật tam- 394. KINH ĐẠI THÔNG PHƯƠNG muội – Phẩm chánh quán, P.11 Tư duy QUẢNG SÁM HỐI DIỆT TỘI Tam-muội; Q.VIII, P.11 Tư duy Tam- TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT muội (tt), P.12 Thị hiện mỉm cười, P.13 Việt dịch: HT. Thích Thiền Tâm Thần thông; Q.IX, P.13 Thần thông (tt), Nxb Hồng Đức, PL. 2558 – DL. 2014 P.14 Nói về tu tập Tam-muội; Q.X, P.14 Kinh có khổ 10 x 19cm, dày hơn 254 Nói về tu tập Tam-muội (tt), P.15 Bổn trang, bìa cứng. hạnh của Bồ-tát. Nội dung gồm có 3 quyển (Thượng, Trung Bộ Đại tập) Tác phẩm này đã xuất bản năm 2008, Nxb Tôn Giáo. 392. KINH ĐẠI TẬP HỘI CHÁNH PHÁP 395. KINH ĐẠI THÔNG PHƯƠNG Hán dịch: Thí Hộ (Danapala) QUẢNG SÁM HỐI DIỆT TỘI Việt dịch: Nguyên Hiển TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT Nxb Tôn Giáo – 2007. Kinh có khổ 14 x Việt dịch: Sa-môn Thích Giác Phổ 20cm, dày 151 trang, bìa mềm. Hiệu đính: Sa-môn Thích Nguyên Thiện Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013

Tác phẩm Kinh này dày 238 trang, gồm có Tập một, Nxb Tôn Giáo – 2002, dày 537 3 quyển Thượng, Trung và Hạ. trang. Nội dung gồm có 15 bài chính từ 7 phẩm (1.P. Tựa,

2.P. Phương tiện, 3.P. Thí 396. KINH ĐẠI THỪA BẢN SANH dụ, 4.P. Tín giải, 5.P. Dược thảo dụ, 6.P. TÂM ĐỊA QUÁN Thọ ký, 7.P. Hóa thành dụ). Sau cùng là Dịch giả: Thích Tâm Châu (1921-2015) Tóm tắt 7 phẩm – 15 bài và Phụ lục. Chùa Từ Quang – Sài Gòn, ấn hành PL. Tập hai, Nxb Tôn Giáo – 2003, dày 478 2503 – DL. 1959 trang. Nội dung gồm có 11 bài chính (từ Kiểm duyệt số 2634/XB, ngày 21-12-1959 bài 16 – 26) của 9 phẩm (8. P. Ngũ bá đệ của Hội đồng Kiểm duyệt Bộ Thông tin. tử thọ ký, 9. P. Thọ học vô học nhơn ký, Kinh có khổ 14 x 20cm, có 474 trang, bìa 10. P. Pháp sư, 11. P. Hiện bảo tháp, 12. P. mềm. Toàn bộ Kinh này gồm có 13 phẩm: Đề-bà-đạt-đa, 13. P. Trì, 14. P. An lạc 1.P. Tựa, 2.P. Báo ân, 3.P. Yếm xả, 4.P. hạnh, 15. P. Tùng địa dũng xuất, 16. P. Vô cấu tính, 5.P. A-lan-nhã, 6.P. Ly thế Như Lai thọ lượng). Cuối cùng là Tóm gian, 7.P. Yếm thân, 8.P. Ba-la-mật-đa, lược 9 phẩm – 11 bài và Lời sau sách. 9.P. Công đức trang nghiêm, 10.P. Quán tâm, 11.P. Phát Bồ-đề tâm, 12.P. Thành 399. KINH ĐẠI THỪA DIỆU PHÁP Phật, 13.P. Chúc lụy. LIÊN HOA Kinh này được tái bản năm 2018, Nxb Phẩm Phổ Môn (âm và nghĩa) Hồng Đức, khổ 13 x 20cm, có 474 trang, Việt dịch: Thích Viên Giác bìa cứng. PL. 2512 – DL. 1968 Kinh có 148 trang, bìa mềm. Nội dung 397. KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC gồm có: Thay lời tựa, Đại thừa Diệu Pháp TẠO TƯỢNG PHẬT Liên Hoa Kinh – Phổ Môn Phẩm, Chánh Hán dịch: Sa-môn Đề Vân Bát-nhã văn-dịch âm; Chánh văn-dịch nghĩa, Lục (Devaprajnà) Tự Đại minh Chơn ngôn, Phổ môn tán, Dịch giả: Thích Thiện Thông Đảnh lễ, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2538 – DL. Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn 1995 ngôn,... Phát nguyện Cầu sanh Tịnh độ, Kinh có khổ 14 x 20cm, có 203 trang, bìa Phục nguyện, Kỳ nguyện, Tam tự Quy y; mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời giới Tìm hiểu Quán Thế Âm Bồ-tát, A. Sự tích, thiệu, Thay lời tựa; A. Phần Hán văn và B. Hạnh nguyện của Ngài, C. Lý do cảm dịch nghĩa (quyển thượng, quyển hạ), B. ứng, D. Phương pháp tu hành của Quán Phần dịch âm (quyển thượng, quyển hạ). Thế Âm Bồ-tát; Những Chuyện linh ứng ở Tác phẩm Kinh này được tái bản năm chùa Giác Hải; Những Chuyện linh cảm 2014, Nxb Tôn Giáo. xa gần. (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, 398. KINH ĐẠI THỪA DIỆU PHÁP Q.3, Tp. Hồ Chí Minh) LIÊN HOA giảng luận Giảng luận: Sa-môn Thích Thông Bửu 400. KINH ĐẠI THỪA ĐẠI TẬP (1936-2007) ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN Kinh có khổ 16 x 24cm, 2 tập dày 1.016 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: Thích nữ Huệ Thanh Đà-la-ni hộ trì quốc giới, P.3 Phát tâm Bồ- Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 8 đề; Q.III, P.4 Không thoái chuyển; Q.IV, phẩm: P.1 Tựa, P.2 Thập luân, P.3 Vô y P.5 Bố thí Ba-la-mật-đa; Q.V, P.6 Tịnh hành (phần 1), (2) và (3), P.4 Hữu y hành giới Ba-la-mật; Q.VI, P.7 Nhẫn nhục Ba- (phần 1), (2), (3), P.5 Sám hối, P.6 Thiện la-mật-đa; Q.VII, P.8 Tinh tấn Ba-la-mật- nghiệp đạo, P.7 Phước điền tướng (phần đa; Q.VIII, P.9 Thiền định Ba-la-mật-đa 1), (2), P.8 Hoạch ích chúc lụy. (phần 1); Q.IX, P.9 Thiền định Ba-la-mật- Bộ Đại tập) (phần 1); Q.X, P.10 Bát-nhã Ba-la-mật-đa 401. KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC Pháp bảo-Bộ Bát-nhã) Việt dịch: Thích Đồng Thái Nxb Tôn Giáo – 2001 404. KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC Kinh có 157 trang, bìa mềm. Nội dung sơ BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA lược gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa, Nghi Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam thức Trì tụng, Kinh Đại thừa Hiển Thức, Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Sa-môn Địa-bà-ha-la vưng sắc dịch, Quang Quyển thượng và Quyển hạ (sau

mỗi Hán dịch: Tam tạng Bát-nhã quyển đều có phần Thích nghĩa); Chúc Hộ Chủ nhiệm: HT. Thích Minh Cảnh pháp, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Việt dịch: Tắc Phú – Diệu Quý; Hiệu Kinh, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam tự đính: Định Huệ Quy y, Thích nghĩa đề Kinh; Phụ lục Đạo Nxb Phương Đông – 2016. Kinh có khổ tích. 16 x 24cm, dày hơn 267 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 10 quyển, 10 phẩm: 402. KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC Thay lời tựa; Q.I, P.1 Quy y Tam bảo; Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 347 Q.II, P.2 Đà-la-ni Hộ trì Cõi nước, P.3 Hán dịch: Sa-môn Đại-bà-ha-la Phát Bồ-đề Tâm; Q.III, P.4 Bất thoái Phiên âm và lược dịch điện tử: Nguyên chuyển; Q.IV, P.5 Bố thí Ba-la-mật-đa; Tánh & Nguyên Hiển Q.V, P.6 Tịnh Giới Ba-la-mật-đa; Q.VI, Việt dịch (2007): Thích Đạo Không P.7 An nhẫn Ba-la-mật-đa; Q.VII, P.8 Biên tập: Thích Phước Nghiêm Tinh tấn Ba-la-mật-đa; Q.VIII, P.9 Thiền Tuệ Quang Wisdom Light Foundation. định Ba-la-mật-đa; Q.IX, P.9 Thiền định Tác phẩm Kinh này gồm có 53 trang Ba-la-mật-đa (tt), P.10 Bát-nhã Ba-la-mật- (PDF), chia thành 2 quyển: Quyển thượng đa; Q.X, P.10 Bát-nhã Ba-la-mật-đa (tt). Phật học-PDF) 405. KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ 403. KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC Hán dịch: Ngài Thiệt-xoa-nan-đà BA-LA-MẬT-ĐA Anh ngữ: Suzuki Hán dịch: Bát-nhã Việt dịch: Ni sư Trí Hải Việt dịch: Thích Tâm Châu Trung tâm Nhập thất chùa Tịnh Luật xuất Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 10 bản PL. 2546 – DL. 2002. Nội dung Kinh phẩm: Q.I, P.1 Quy y Tam bảo; Q.II, P.2 này gồm có 7 quyển: - Lời tựa, Q.I, C.1

Vua Lăng-già thưa hỏi, C.2 Thực hành tất Âm Bồ-tát nghi vấn, C.9 Tịnh Chư Nghiệp cả pháp; Q.II, C.2 Thực hành tất cả pháp Chướng Bồ-tát nghi vấn, C.10 Phổ Giác (tt); Q.III, Tu tập hết thảy pháp; Q.IV, Vô Bồ-tát nghi vấn, C.11 Viên Giác Bồ-tát thường (Anityatìparivatro Màmattrìyah); nghi vấn, C.12 Hiền Thiện Thủ Bồ-tát Q.V, Vô thường, Hiện chứng, Như Lai nghi vấn, C.13. thường hay Vô thường, Sát-na phẩm; Q.VI, Phẩm biến hóa, Cấm ăn thịt, Đà-la- 408. KINH ĐẠI THỪA ni Kệ tụng I, Q.VII, Kệ tụng II. VÔ LƯỢNG NGHĨA Kinh này đã ấn hành từ năm 1968; tái bản Việt dịch: Thích Tuệ Hải năm 2018, Nxb Hồng Đức, khổ 13 x Hương Quang (Sài Gòn) xuất bản, PL. 20.5cm, dày hơn 299 trang. 2508 – DL. 1964 In tại Nhà in Việt Liên, Giấy phép số 406. KINH ĐẠI THỪA TRANG 491/XB ngày 17-3-1964 NGHIÊM BẢO VƯƠNG Kinh có 99 trang, bìa mềm, chữ tựa màu Hán dịch: Thiên Tức Tai đen. Nội dung gồm có 3 phẩm: Lời tựa, Việt dịch: Sa-môn Thích Viên Đức Phần Nghi lễ, Kinh Đại thừa Vô lượng Chùa Khải Đoan (Ban Mê Thuột) xuất nghĩa, Hán dịch: Sa-môn Đàm-ma Già-đà- bản, PL. 2517 – DL. 1973 da-xá, P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Tác phẩm Kinh này có 124 trang, bìa Mười Công đức; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la- mềm. Nội dung gồm 4 quyển: Lời giới mật, Văn tụng Kinh Sám hối-Hồi hướng, thiệu, Lời tựa; Kinh Đại thừa Trang Bài Phát nguyện, Tam Tự Quy y. nghiêm Bảo vương, Q.I, Q.II, Q.III và Q.IV; Kinh Thất-câu-chi Phật mẫu Tâm 409. KINH ĐẠI THỪA đại Chuẩn-đề Đà-la-ni; Thất-câu-chi Phật VÔ LƯỢNG NGHĨA (âm – nghĩa) mẫu Tâm đại Chuẩn-đề Đà-la-ni pháp; Hán dịch: Sa-môn Đàm-ma-già-đà-da-xá Thất-cu-chi Độc bộ pháp; Chuẩn-đề biệt Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và pháp; Kinh Thánh lục tự tăng thọ Đại Nguyễn Minh Tiến minh Đà-la-ni; Lục tự Thần chú Vương Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển Kinh; Bảng Đính chính. Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 119 trang, bìa mềm, nền đỏ, có 407. KINH ĐẠI THỪA VIÊN

GIÁC khung bao hoa văn bốn góc, có hình hoa Hán dịch: Sa-môn Phật-đà-da-la sen ở dưới tựa Kinh, chữ tựa màu vàng. Dịch và giải thích: Pháp sư Quảng Liên Nội dung gồm: Nghi thức khai Kinh, Phần (1926-2009) dịch âm: Đức hạnh phẩm, Đệ nhất; Thuyết Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 pháp phẩm, Đệ nhị; Thập Công đức phẩm, Tác phẩm này có 193 trang, bìa mềm. Nội Đệ tam; Phần dịch nghĩa: Phẩm thứ nhất, dung gồm có 2 quyển, 13 chương: Lời Đức hạnh; Phẩm thứ nhì, Thuyết pháp; người dịch, Q.I, C.1 Văn-thù Bồ-tát nghi Phẩm thứ ba, Mười Công đức. vấn, C.2 Phổ Hiền Bồ-tát nghi vấn, C.3 Phổ Nhãn Bồ-tát nghi vấn, C.4 Kim Cang 410. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG Bồ-tát nghi vấn, C.5 Di-lặc Bồ-tát nghi NGHĨA (âm – nghĩa) vấn; Q.II, C.6 Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát nghi Dịch giả: Thích Chánh Quang vấn, C.7 Tự Tại Bồ-tát nghi vấn, C.8 Biện THPG Tp. Hồ Chí Minh

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2540 – DL. báu, P.38 Lễ Phật hiện quang, P.39 Từ Thị 1997. Kinh có khổ 15.5 x 23cm. Kết cấu thuật chỗ thấy, P.40 Biên địa nghi thành, Kinh này có 3 phẩm chính: Lư hương tán, P.41 Hết lầm thấy Phật, P.42 Bồ-tát vãng Khai Kinh kệ; a. Phẩm Đức hạnh, b. Phẩm sanh, P.43 Chẳng phải là Tiểu thừa, P.44 Thuyết pháp và c. Phẩm Mười công đức; Thọ ký Bồ-đề, P.45 Chỉ lưu lại một Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh và Hồi này, P.46 Cầu tu kiên trì, P.47 Phước huệ hướng; Thích nghĩa. được nghe, P.48 Nghe Kinh được lợi ích. lần: Năm 1950; năm 1958, chùa Giác Quang in ấn tống; năm 1962, Nhà in Sen 412. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG Vàng tái bản, với nhan đề "Đại Thừa Vô THỌ giảng giải Lượng Nghĩa Kinh"; năm PL. 2513 – DL. (Kinh Đại thừa Vô lượng Trang nghiêm 1969, Nhà in Sen Vàng tái bản; năm 2014, Thanh tịnh Bình đẳng giác) Nxb Hồng Đức. Giảng giải: Pháp sư HT. Tịnh Không Biên dịch: Vọng Tây Cư sĩ 411. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG Biên tập: PT. Giác Minh Duyên THỌ Tác phẩm Kinh giảng giải này có 64 phần. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 48 giải Kinh) phẩm: P.1 Pháp hội Thánh chúng, P.2 Đức tôn Phổ Hiền, P.3 Duyên khởi đại giáo, 413. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG P.4 Nhân địa pháp tạng, P.5 Chí tâm tinh THỌ TRANG NGHIÊM tấn, P.6 Phát đại thệ nguyện, P.7 Quyết Hán dịch: Pháp Hiền thành chánh giác, P.8 Tích công dồn đức, Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; 2. P.9 Thành tựu viên mãn, P.10 Đều nguyện Ban Phiên dịch Pháp Tạng làm Phật; P.11 Cõi nước nghiêm tịnh, P.12 Tác phẩm Kinh này có 3 quyển: Quyển Ánh sáng chiếu khắp, P.13 Thọ mạng đại thượng, Quyển trung và Quyển hạ. P.15 Bồ-đề đạo tràng, P.16 Nhà cửa lầu Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) gác, P.17 Suối ao công đức, P.18 Hiếm có- siêu vượt thế gian, P.19 Thọ dụng đầy đủ, 414. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG P.20 Gió đức-mưa hoa; P.21 Sen báu Phật THỌ TRANG NGHIÊM quang, P.22 Quyết chứng quả tối cực, P.23 THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC Mười phương chư Phật tán thán, P.24 Ba Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam – bậc vãng sanh, P.25 Chánh nhân vãng Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ sanh, P.26 Lễ cúng nghe pháp, P.27 Ca Quang thán Phật đức, P.28 Đại sĩ thần quang, Hội tập: Bồ-tát giới Hạ Liên Cư P.29 Nguyện lực hoằng thâm, P.30 Bồ-tát Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Minh Cảnh tu trì; P.31 Công đức chân thật, P.32 Thọ Nxb Tôn Giáo – 2012 lạc vô cực, P.33 Khuyến dụ sách tấn, P.34 Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 190 trang, bìa Tâm được mở sáng, P.35 Trược thế ác cứng. khổ, P.36 Trùng trùng hối miễn (nhiều lần Nội dung gồm có 48 chương: Lời cẩn khuyên gắng), P.37 Như nghèo đặng của bạch, Nghi thức trì tụng, C.1

Pháp hội

Thánh chúng, C.2 Vâng theo đức hạnh Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2017, Bồ-tát Phổ Hiền, C.3 Duyên khởi đại giáo, Nxb Hồng Đức, khổ 16 x 24cm, dày 194, C.4 Nhân địa tu hành của Pháp tạng, C.5 bìa cứng, chữ tựa màu trắng. Chí tâm tinh tấn, C.6 Phát lời thệ nguyện rộng lớn, C.7 Chắc chắn thành Phật, C.8 415. KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ Tích lũy công đức, C.9 Thành tựu viên Hán dịch: Tam tạng Pháp sư mãn, C.10 Đều nguyện thành Phật, C.11 Chi-lâu-ca-sấm Cõi nước Thanh tịnh Trang nghiêm, C.12 Việt dịch: Định Huệ Ánh sáng chiếu khắp, C.13 Mạng sống Nxb Hồng Đức – 2014 Phật và đại chúng đều vô lượng, C.14 Cây Toàn bộ Kinh này có 344 trang, gồm 10 báu cùng khắp cõi nước, C.15 Đạo tràng quyển, 30 phẩm: - Bài tựa Kinh Đạo Hành Bồ-đề, C.16 Nhà cửa lầu các, C.17 Công Bát-nhã (Thích Đạo An soạn); Q.I, P.1 đức của ao suối, C.18 Ít có-siêu việt thế Đạo hành, P.2 Nạn vấn; Q.II, P.3 Công gian, C.19 Thọ dụng được đầy đủ, C.20 đức; Q.III, P.4 Phương tiện thiện xảo Gió đức-mưa hoa, C.21 Hoa sen báu và khuyến trợ, P.5 Địa ngục, P.6 Thanh tịnh; ánh sáng Phật, C.22 Quyết định chứng quả Q.IV, P.7 Tán thán, P.8 Trì, P.9 Giác ma; cao nhất, C.23 Mười phương chư Phật đều Q.V, P.10 Chiếu minh, P.11 Bất khả kế, nghe pháp, C.24 Ba hạng Vãng sanh, C.25 P.12 Thí dụ, P.13 Phân biệt, P.14 Bản vô; Chánh nhân của Vãng sanh, C.26 Đảnh lễ- Q.VI, P.15 Bất thoái chuyển, P.16 Ưu-bà- Cúng dường-Nghe pháp, C.27 Ca tụng tán di Đát-kiệt; Q.VII, P.17 Thủ không, P.18 thán công đức của Phật, C.28 Thần thông Viễn ly, P.19 Thiện tri thức; Q.VIII, P.20 và ánh sáng của Bồ-tát, C.29 Sức thệ Thích-đề-hoàn-nhơn, P.21 Cống cao, P.22 nguyện rộng sâu, C.30 Sự tu trì của Bồ-tát, Học, P.23 Thủ hạnh, P.24 Cường nhược; C.31 Công đức chân thật, C.32 Tuổi thọ Q.IX, P.25 Lụy giáo, P.26 Bất khả tận, và sự an lạc vô cùng, C.33 Khuyến dụ P.27 Tùy, P.28 Bồ-tát Tát-bà-đa-luân; sách tấn, C.34 Tâm được khai mở-sáng Q.X, P.29 Bồ-tát Đàm-mô-kiệt, P.30 Chúc suốt, C.35 Cuộc đời dơ nhớp-nhiều thứ lụy. khổ ác, C.36 Lớp lớp khuyên dạy, C.37 Như người nghèo được của báu, C.38 416. KINH ĐỊA TẠNG Đảnh lễ Phật-ánh sáng hiện ra, C.39 Bồ-tát Dịch giải: HT. Thích Trí Quang (1923- Từ Thị thuật lại điều mình trông thấy, 2019) C.40 Do nghi ngờ mà sanh ở vùng biên Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2554 địa, 41. Phiền não hết-thấy được Phật, – DL. 2010 C.42 Bồ-tát vãng sanh, C.43 Không phải Kinh dày 358 trang, bìa cứng, có bìa bao, Tiểu thừa, C.44 Tiếp nhận sự thọ ký Bồ- chữ tựa màu vàng. đề, C.45 Chỉ còn Kinh này, C.46 Khuyên Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 13 nên trì Kinh tu hành, C.47 Có Phước Huệ phẩm chính: Tổng quan, Mục lục, Dẫn mới được nghe, C.48 Nghe Kinh được lợi nhập, Ghi về Địa Tạng Đại sĩ, Sám nguyện ích; Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, trước hay sau khi tụng Kinh Địa Tạng; Bạt Nhất thiết nghiệp chướng Căn bản đắc Kinh Địa Tang, Cuốn trên (1), P.1 Thần sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám nguyện, Quy thông tại cung Đao Lợi, P.2 Thân phân nguyện, Hồi hướng, Ba Quy y, Chú thích. hóa qui tụ lại, P.3 Quán sát nghiệp quả chúng sanh, P.4 Nghiệp quả của người

Diêm Phù; Cuốn giữa, P.5 Danh xưng địa c. Sám Nhất tâm, d. Sám Phát nguyện, e. ngục, P.6 Thế Tôn tuyên dương, P.7 Lợi Sám Tống táng, 10. Hồi hướng công đức, ích người còn kẻ mất, P.8 Chúa tôi Diêm- 11. Phục nguyện, 12. Đảnh lễ Ba ngôi báu. La xưng tụng, P.9 Xưng tụng danh hiệu Kinh này đã được xuất bản từ năm 2008, chư Phật; Cuốn dưới, P.10 Trắc lượng Nxb Tôn Giáo. công đức bố thí, P.11 Thần đất hộ trì, P.12 Lợi ích của sự

thấy nghe, P.13 Thế Tôn ký 418. KINH ĐỊA TẠNG BẢN NGUYỆN thác; Phần chú thích: Chú thích mục lục, CÔNG ĐỨC ghi chú về Đức Địa Tạng và Nghi thức Chùa Bồ-đề (Gia Định) xuất bản, PL. Sám nguyện, Chú thích: Cuốn trên, Cuốn 2508 – DL. 1964 giữa và Cuốn dưới. Kinh có 203 trang, bìa mềm. Nội dung Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. gồm có 3 quyển, 13 phẩm: Lời nói đầu, 2538 – DL. 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Phần Nghi lễ, Bài Tựa tán thán Công đức khổ 14.5 x 20.5cm, dày 278 trang, bìa Bồ-tát Địa Tạng; Kinh Bản nguyện của mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát Địa Bồ-tát Địa Tang, Quyển thượng, P.1 Thần Tạng một tay cầm viên minh châu, một tay thông Thuyết pháp trên cung trời Đao Lợi, chống tích trượng; năm 2004, THPG Tp. P.2 Phân thân hội họp, P.3 Nói rõ về các Hồ Chí Minh ấn hành. nghiệp duyên của chúng sinh, P.4 Nói về nghiệp cảm của chúng sinh ở cõi Nam 417. KINH ĐỊA TẠNG Diêm-phù-đề; Quyển trung, P.5 Tên các Soạn dịch: Thích Nhật Từ Địa ngục, P.6 Đức Như Lai tán thán Công Nxb Hồng Đức – 2018 đức Bồ-tát Địa Tạng, P.7 Lợi ích cho kẻ Kinh có khổ 14 x 20cm, có 160 trang, bìa còn người thác (chết), P.8 Các vua Diêm- mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình la tán thán Công đức, P.9 Xưng niệm danh tượng Bồ-tát Địa Tạng ngồi tay cầm tích hiệu chư Phật; Quyển hạ, P.10 So sánh trượng. Công đức những nhân duyên Bố thí, P.11 Tác phẩm Kinh này có 3 phần. Nội dung Nói về Địa thần Hộ pháp, P.12 Nói về Lợi gồm: I. Phần dẫn nhập, 1. Nguyện hương, ích được nghe-được thấy Bồ-tát Địa Tạng, 2. Đảnh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Phát P.13 Phó chúc để tế độ cho Nhân-Thiên; nguyện trì Kinh, 5. Tán dương giáo pháp, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Văn tụng 6. Chí tâm quy mạng lễ; II. Phần Chánh Kinh Sám hối Hồi hướng, Kinh Lăng Kinh, gồm có 13 phẩm: P.1 Thần thông Nghiêm-Chương Niệm Phật của Bồ-tát trên cung trời Đao Lợi, P.2 Phân thân tụ Thế Chí, Văn Phát Nguyện,... Tam Quy y. hội, P.3 Xét soi nghiệp quả, P.4 Nghiệp (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung quả trong cõi Diêm-phù, P.5 Tù ngục và Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, tội báo, P.6 Đức Phật tán dương, P.7 Lợi Tp. Hồ Chí Minh) ích kẻ còn người mất, P.8 Vua Diêm-la khen ngợi, P.9 Xưng tụng danh hiệu các 419. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN Phật, P.10 So sánh công đức bố thí, P.11 NGUYỆN (Trọn bộ) Thần đất hộ trì, P.12 Thấy nghe được lợi Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng ích, P.13 Thế Tôn ủy thác; III. Phần Hồi Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) hướng, 7. Kinh Tinh hoa Trí tuệ, 8. Niệm Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Phật, 9. a. Sám Di-đà, b. Sám Niệm Phật,

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 231 trang, bìa 420. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát Địa BỔN NGUYỆN Tạng cưỡi Đề Thính, tay cầm tích trượng; Hán dịch: Tam tạng Sa-môn bìa sau tựa chữ Hán, màu đen. Thật-xoa-nan-đà Toàn bộ Kinh này gồm có 3 quyển, 13 Việt dịch: Ban Việt dịch Kinh điển – phẩm. Phần đầu: Bài tựa Địa Tạng Bồ-tát Vạn Phật Thánh Thành (Chí tâm quy mạng lễ, Nguyện hương, Bài Dharma Realm Buddhist Association văn phát nguyện, Bài kệ khai kinh). Quyển Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới – Vạn Phật thượng (có 4 phẩm): P.1. Thần thông trên Thánh Thành xuất bản – 2008 cung trời Đao Lợi; P.2. Phân thân tập hội; Kinh dày 709 trang, nội dung gồm có 3 P.3. Quán chúng sanh nghiệp duyên; P.4. quyển, 13 phẩm: Duyên khởi của Pháp hội Nghiệp cảm của chúng sanh. Quyển trung giảng Kinh; Quyển thượng, P.1 Thần (có 5 phẩm): P.5. Danh hiệu của địa ngục; thông trên cung trời Đao

Lợi, P.2 Phân P.6. Như Lai tán thán; P.7. Lợi ích cả kẻ thân tập hội, P.3 Quán chúng sanh nghiệp còn người mất; P.8. Các vua Diêm-la khen duyên, P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh ở ngợi; P.9. Xưng danh hiệu chư Phật. cõi Diêm-phù; Quyển trung, P.5 Danh Quyển hạ (có 4 phẩm): P.10. So sánh nhân hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai tán thán, duyên công đức của sự bố thí; P.11. Địa P.7 Lợi ích cả kẻ còn người mất, P.8 Các thần hộ pháp; P.12. Thấy nghe được lợi vua Diêm-la và quyến thuộc khen ngợi, ích; P.13. Dặn dò cứu độ nhơn thiên. Ma- P.9 Xưng danh hiệu chư Phật; Quyển hạ, ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh, Bạt P.10 Nhân duyên và sự so sánh công đức nhứt thiết nghiệp chướng căn bổn đắc sanh bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12 Thấy Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Thập phương, Sám nghe được lợi ích, P.13 Chúc lụy nhơn Phổ Hiền, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam thiên; Kệ tán, Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng tự Quy y. Sau cùng là phần: Thích nghĩa, Tuyên Hóa, Mười tám Đại Nguyện của Bài tựa về văn "Mười phương". Hòa thượng Tuyên Hóa. Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1949, In tại Nhà in Thạnh Mậu; năm 421. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT 1956, In tại Nhà in Nguyễn Văn Công (Sài BỔN NGUYỆN Gòn); năm 1962, 1966, 1967, chùa Ấn Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà Quang-Nhà in Sen Vàng; năm 1969, với Việt dịch: Nguyên Thuận tựa đề: Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện Tác phẩm Kinh này gồm có 13 phẩm: P.1 (âm-nghĩa) Trọn bộ, In tại Nhà in Hạnh Thần thông tại cung trời Tam thập tam, Phúc; cũng năm 1969, chùa Hải Tuệ (Sài P.2 Phân thân hội họp, P.3 Quán chúng Gòn) tổ chức ấn tống Kinh Địa Tạng; năm sanh nghiệp duyên, P.4 Nghiệp cảm của 1971, Nhà in Thăng Long; năm 1973, Nhà chúng sanh ở châu Thắng Kim, P.5 Các in Sen Vàng (Sài Gòn); năm 1991, THPG danh hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai ngợi Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2005- khen, P.7 Lợi ích kẻ sống và người đã mất, 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb P.8 Diêm vương và quyến thuộc tán thán, Hồng Đức. (Theo các bản lưu tại Thư viện P.9 Xưng niệm các danh hiệu của chư Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán- Phật, P.10 Nhân duyên và so sánh công Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh) đức của bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12 Lợi ích của sự thấy nghe, P.13 Phó

chúc trời người. Bộ Đại tập) BỔN NGUYỆN Thiển Thích – Quyển thượng 422. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN Giảng thuật: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) NGUYỆN – 3 Quyển Nội dung gồm có 13 phẩm: Duyên khởi Giảng giải: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) của Pháp hội giảng Kinh, Nhân duyên này Nxb Hồng Đức – 2013. Kinh có khổ 14 x sanh Giáo pháp (Giáo khởi Nhân duyên), 20cm, bìa mềm. Phân loại theo Tạng thừa (Tạng thừa Sở Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 nhiếp), Nêu rõ Tông chỉ Kinh (Biện định quyển (Thượng, Trung và Hạ), 13 phẩm: - Tông chỉ), Giải thích đề mục Kinh (Tiêu Duyên khởi của pháp hội giảng Kinh, P.1 thích danh đề), Dịch giả truyền dịch Thần thông trên cung trời Đao Lợi, P.2 (Truyền dịch sử giả) (người lưu truyền, Phân thân tập hội, P.3 Quán chúng sanh phiên dịch bộ Kinh), Giảng giải Kinh văn nghiệp duyên, P.4 Nghiệp cảm của chúng (Biệt giải văn nghĩa): Phần Duyên khởi, và sanh ở cõi Diêm Phù, P.5 Danh hiệu của 13 phẩm Kinh; Phần Phụ lục. địa ngục, P.6 Như Lai tán thán, P.7 Lợi ích Xem: (13 phẩm) Kinh Địa Tạng Bồ-tát cho cả kẻ còn người mất, P.8 Các vua Bổn Nguyện Diêm La và quyến thuộc khen ngợi, P.9 Xưng danh hiệu chư Phật, P.10 Nhân 425. KINH ĐỊA TẠNG – duyên và sự so sánh công đức bố thí, P.11 Bộ Truyện Tranh Phật Giáo Địa thần

hộ pháp, P.12 Thấy, nghe đều Soạn dịch: Hiền Hậu được lợi ích, P.13 Giao phó cho trời Nxb Tôn Giáo – 2015 người; Phần Phụ lục. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 135 trang, bìa mềm. 423. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN Tác phẩm Truyện tranh Kinh này gồm có: NGUYỆN (Lược Ký) 1. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì mẹ thuyết Hán dịch, lược ký và minh họa hình ảnh: pháp, 2. Đại nguyện của Bồ-tát Địa Tạng, Cư sĩ Ngô Trọng Đức 3. Đất nước vào thời lâu xa về trước, 4. Việt dịch: Lệ Thiện Tinh thần hiếu thảo của Bồ-tát Địa Tạng, PL. 2553 – DL. 2009. Kinh dày hơn 166 5. Nhiều đời độ sanh của Bồ-tát Địa Tạng, trang, bìa mềm. Nội dung gồm 13 phẩm, 6. Nhận sự phó chúc của Phật, 7. Lợi ích có minh họa hình ảnh. P.1 Hiện thần thông của kẻ còn người mất, 8. Lợi ích cúng trên cung trời Đao Lợi; P.2 Phân thân tập dường Bồ-tát Địa Tạng, 9. Lợi ích của hội; P.3 Quán chúng sinh nghiệp duyên; việc xưng danh hiệu chư Phật, 10. Công P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh trong cõi đức của Bồ-tát Địa Tạng. Diêm-phù-đề; P.5 Danh hiệu của địa ngục; P.6 Như Lai tán thán; P.7 Lợi ích của kẻ 426. KINH ĐỊA TẠNG Đồ Giải – còn người mất; P.8 Chúng Diêm-la vương Cẩm Nang Chỉ Lối Nhân Sinh tán thán; P.9 Xưng danh hiệu chư Phật; HT. Thích Tâm Điền P.10 So sánh công đức của sự bố thí; P.11 Việt dịch: Đàm Hưng Địa thần hộ pháp; P.12 Thấy nghe được Nxb Văn hóa Thông tin – 2014. Kinh có lợi ích; P.13 Phú chúc cho trời người. khổ 16 x 24cm, dày hơn 316 trang, bìa

cứng, chữ tựa màu cam, có Bồ-tát Địa khổ nhiều, Cánh cổng cực ác: Cõi địa Tạng ngồi, tay cầm tích trượng. ngục; C.V, Giải nghĩa “Kinh Địa Tạng Nội dung gồm có 10 chương: Lời nói đầu, Bồ-tát Bản nguyện”, Kết cấu của “Kinh C.I, Địa Tạng Bồ-tát độ hết chúng sinh Địa Tạng Bồ-tát Bản nguyện”: 13 phẩm, mới thành Phật; C.II, Địa Tạng Bồ-tát: Phẩm thứ nhất: Thích-ca thuyết pháp tại Không yêu Tịnh độ-yêu chúng sinh, Sự cung trời Đao Lợi, Lai lịch của Địa Tạng: tích về Địa Tạng: Kiếp trước của Địa Tạng Phật giảng về hành tích của Địa Tạng, Bồ-tát, Hình tượng Địa Tạng: Vị Bồ-tát Ứng hóa cứu thế: Địa Tạng Bồ-tát có bao Tỳ-kheo hiền hòa, Bản nguyện của Địa nhiêu phân thân, Đức hạnh quảng đại: Địa Tạng: Địa ngục chưa sạch-thề không thành Tạng Bồ-tát và Kiên Lao Địa thần; C.VI, Phật, Bồ-tát hiển linh: Thánh tích và Tội ác và trừng phạt: Địa ngục, Diêm- truyền thuyết về Địa Tạng; C.II, Cuốn phù-đề: Ngũ trọc ác thế, Chủ quản của địa “Đạo đức Kinh” của nhà Phật “Địa Tạng ngục: Diêm-la thiên tử, Diêm-la trong tín Bồ-tát Bản nguyện Kinh”, Thệ nguyện căn ngưỡng dân gian, Thập điện Diêm vương bản của Địa Tạng Bồ-tát: Giải thích tên trong tín ngưỡng dân gian, Quỷ trong địa gọi của Kinh Địa Tạng Bồ-tát bản nguyện, ngục: Quan chấp hành thưởng thiện phạt “Kinh Địa Tạng Bồ-tát bản nguyện”: cuốn ác, Một nghiệp một báo: Địa ngục trong “Hiếu Kinh” của Phật môn, Cội nguồn Kinh Địa Tạng, Tòa án của cõi âm: 18 hành tích của Địa Tạng: Cái tâm từ bi, tầng địa ngục trong dân gian, Pháp giáo Siksananda (Thực-xoa-nan-đà): Đại diện hóa của Địa Tạng Bồ-tát; C.VII, Con cho “phong trào cổ văn” của Phật giáo, đường siêu thoát khỏi biển khổ: Công đức, Chân nguyên Kinh Phật: Phiên bản chân Đại Bồ-tát độ hết chúng sinh, Tại sao Địa thực và sự ảnh hưởng của Kinh Địa Tạng; Tạng Bồ-tát lại có được công đức kỳ diệu, C.III, Nhân quả Nghiệp chướng, Niềm tin Chính giác và thực tiễn: Bồ-đề tâm cơ bản của nhà Phật: Nhân quả báo ứng, nguyện hành nhất trí, Từ phát tâm đến Phép tắc của luân hồi: Nhân quả tam thế, thành Phật: 52 cấp bậc của Bồ-tát, Thiện Nghiệp: Việc làm của tất cả hữu tình, Tạo nhân: Công đức của

việc bố thí, Pháp sư: nghiệp thế nào: Phân loại nghiệp, Tam Công đức của việc tụng niệm danh hiệu độc: Nguồn gốc của tất cả phiền não, 25 Phật, Giúp người chết thoát khỏi nỗi khổ hữu: Quả thể của tam giới hữu tình; C.IV, sa vào cõi ác: Công đức tiến vong, Sám Sáu cõi luân hồi, Sáu cõi luân hồi: Trạm hối: Cúng tuần thất và sám Địa Tạng; trung chuyển của tất cả hữu tình, Thần bất C.VIII, Công đức cúng dường Địa Tạng diệt: Quan niệm linh hồn của Phật giáo, Bồ-tát, Cúng dường Tam bảo: Phật-Pháp- Thời gian ngắn nhất và thời gian dài nhất: Tăng, 28 lợi ích của Địa Tạng: Công đức Từ một sát-na đến vô lượng kiếp, Tứ kiếp của tín đồ, Phẩm Địa thần Hộ pháp: 10 và tam thời: Chu kỳ tồn vong của thế giới, loại lợi ích cúng dường của người thế tục, Ba nghìn đại thiên thế giới: Thế giới quan Phẩm "Dặn dò người trời": Công đức của của Phật giáo, Ba cõi thiện: Trời, người, thiên long-quỷ thần, Công đức phổ độ A-tu-la, Cõi trời: Vui vẻ cũng có lúc hết, chúng sinh: Pháp môn hồi hướng; C.IX, Như trời lại không phải trời: Cõi A-tu-la, Pháp môn Địa Tạng: Sự tu trì thân thể lực Chúng sinh đều khổ: Cõi người, Ba cõi ác: hành, Con đường giải thoát thuận tiện-dễ Súc sinh, quỷ đói, địa ngục, Cõi súc sinh: học, Sự thù thắng của pháp môn Địa Tạng, Hữu tình bậc thấp, Cõi quỷ đói: Sướng ít Tam-ma-địa: 23 loại "định" của Địa Tạng

Bồ-tát, Thập thiện nghiệp đạo: Căn bản kiếm, địa ngục Cày lưỡi, địa ngục Dùng của pháp môn Địa Tạng, Bước vào sự tu roi đánh, địa ngục Chém chặt, địa ngục hành thân tâm: Quy y, Làm thế nào để Lạnh giá, địa ngục Giường lửa, địa ngục phát nguyện: Chí tâm phát nguyện chính Móc mắt, địa ngục Chặt chân, địa ngục là công đức, "Nhập xuất tức quán": Pháp Máu mủ, địa ngục Đâm giã, địa ngục Quỷ môn chỉ quán của Địa Tạng, Sự tu hành đói, địa ngục Nước tiểu bùn phân, địa đối với hai loại căn khí: "Cảnh giới nhất ngục Dơi hút máu, địa ngục Treo ngược, thực, hai loại quán đạo", Lễ nghi cúng địa ngục Xuyên sườn, địa ngục Rút gân, Phật: Lễ bái cúng dường, Khóa tụng của địa ngục Chặt eo, địa ngục Lột da, địa nhà Phật: Trì tụng và hồi hướng; C.X, Ba ngục Kéo lưỡi, địa ngục Bánh xe lửa, địa Kinh Địa Tạng và pháp môn Chiêm Sát, ngục Bắn mù mắt, địa ngục Mọt ăn, địa Kinh điển Luật tông: "Kinh Đại thừa Đại ngục Nước sôi, địa ngục Cây gươm, địa tập Địa Tạng Thập luân", "Kinh Dịch" của ngục Treo lưỡi, địa ngục Đập đầu gối, địa cửa Phật: "Kinh Chiêm-sát thiện ác nghiệp ngục Kéo ruột mổ tim, địa ngục Đá lửa- báo", Mộc luân tướng pháp: Pháp môn dao bay, địa ngục Đóng đinh vào cổ họng, Chiêm-sát của Địa Tạng, Sự mở rộng của địa ngục Bò lửa, địa ngục Cối giã, địa văn hóa Địa Tạng, Những tài liệu và Kinh ngục Chặt đầu, địa ngục Cối sắt xay, địa điển khác có liên quan, Ăn chay niệm ngục Cọp ăn, địa ngục Kéo lưỡi đâm ngực, Phật: Mười ngày chay, Ngày cúng vong địa ngục Cắn thận, địa ngục Chó cắn sói linh: Tiết Vu Lan bồn, Ấn tượng Địa ăn, địa ngục Chảo dầu sôi, địa ngục Hoàn Tạng: Hình Địa Tạng Bồ-tát từ xưa đến sắt, địa ngục Bàn chông, địa ngục Quỳ đội nay, Tịnh độ vô biên: Sự truyền bá tín đá, địa ngục Chó lửa, địa ngục Cân bàn, ngưỡng Địa Tạng; Phụ lục 1, Phụ lục 2. địa ngục Rắn sắt, địa ngục Nước sắt, địa ngục Bò cạp kẹp ong chích, địa ngục Đốt 427. KINH ĐỊA TẠNG THẬP VƯƠNG tủy, địa ngục Cưa chặt, địa ngục Rắn độc, BIẾN TƯỚNG địa ngục Ép đầu lấy não, địa ngục Quạ ăn, (Bức Tranh Nhân Quả) địa ngục Mưa kim; với 96 bức hình minh Tác giả: Giang Dật Tử họa về cảnh ở các địa ngục và 1 hình Bồ- Hiệu đính: Thích Đồng Văn tát Địa Tạng (bìa lót). Biên dịch: Thích Thiện Phước Nxb Hồng

Đức – 2013. Sách có khổ 14.5 428. KINH ĐỒNG TỬ TÔ-BÀ-HÔ x 20.5cm, có 101 trang, bìa mềm. Nội THƯA HỎI dung gồm có, 10 Điện Minh vương: Điện Hán dịch: Du-ba-ca-la 1. Tần Quảng Minh Vương, Điện 2. Sở Việt dịch: Thích Quảng Trí Giang Minh Vương, Điện 3. Tống Đế Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 12 Minh Vương, Điện 4. Ngũ Quan Minh phẩm: Quyển thượng, P.1 Luật, P.2 Phân Vương, Điện 5. Diêm-la Minh Vương, biệt xứ sở, P.3 Trừ chướng, P.4 Phân biệt Điện 6. Biến Thành Minh Vương, Điện 7. chày Kim Cang và thuốc chứng nghiệm; Thái Sơn Minh Vương, Điện 8. Bình Đẳng Quyển trung, P.5 Phân biệt thành tựu Minh Vương, Điện 9. Đô Thị Minh tướng phần, P.6 Tô-bà-hô đồng tử niệm Vương, Điện 10. Chuyển Luân Minh tụng nghi quỹ (Quán tướng ấn mộng Vương; và các địa ngục: Địa ngục Ôm cột chứng), P.7 Tô-bà-hô đồng tử tất-địa đồng, địa ngục Đâm bụng, địa ngục Lá tướng, P.8 Tô-bà-hô đồng tử hạ Bát-tư-na,

P.9 Tô-bà-hô đồng tử Kinh Phân biệt khổ quát, Phần lược giảng, có 5 phẩm: P. tựa nạn; Quyển hạ, P.10 Phân biệt Đạo, P.11 thứ 1, P. Thắng nghĩa đế tướng thứ 2, P. Tô-bà-hô đồng tử phân biệt chủ bộ, P.12 Tâm ý thức tướng thứ 3, P. Nhứt thiết Tô-bà-hô đồng tử phân biệt tám pháp. pháp tướng thứ 4, P. Vô tự tánh tướng thứ Bộ Mật giáo) 432. KINH GIỚI HẠNH – 429. KINH GIẢI THÂM MẬT SILAVANTA SUTTA Dịch-giải: HT. Thích Trí Quang Hòa thượng Thiền sư U Sìlànanda Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2537 – DL. Dịch giả: Nita Truitner 1994 Việt dịch: Thiền sư Khippapanno Kim Kinh có khổ 13 x 19cm, dày 295 trang, bìa Triệu mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Kinh có 163 trang (PDF), nội dung gồm Phật (bán thân). Nội dung gồm có 8 phẩm: có: Lời giới thiệu, Vài lời của Người dịch Phần dẫn nhập, A.1 Mở đầu (P.1), A.2 (2005), Lời giới thiệu của Như Lai Thiền Chính thuyết, có 2 B: B.1 Nói tâm siêu viện, Tiểu sử Thiền sư U Sìlànanda (1927- việt như thế nào (P.2), B.2 Nói tâm siêu 2005); Kinh Giới Hạnh, 1. Giới thiệu về việt như thế nào, có 3 C: C.1 Nói tâm ấy là Ngũ uẩn, 2. Vô thường, 3. Khổ, 4. Ba đặc cảnh sở quán (các P.3 đến P.5), C.2 Nói tướng, 5. Nhập lưu, 6. Phước báu và tâm ấy là hạnh năng quán (các P.6 và P.7), những bảo vật cao quí, 7. Con đường đến C.3 Nói tâm ấy là quả sở đắc (P.8). (Phật Niết-bàn, 8. Các tầng Thánh đạo cao hơn, tử Thái Thị Kim Lan-ở Đức, ấn tống) 9. Sự quan trọng của Chánh niệm, 10. Chỉ 430. KINH GIẢI THÂM MẬT dẫn về cách hành Thiền Minh sát. Tập 65 – Bộ Kinh Tập, XII – Số 676 Lưu hành nội bộ, PL. 2561 – DL. 2017 433. KINH HẠNH NGƯỜI CƯ SĨ Kinh dày hơn 153 trang, bìa cứng, chữ tựa (Ưu-bà-di Tịnh hạnh Pháp môn Kinh) mạ vàng, có hình hoa sen trên có bánh xe Việt dịch: Thích Định Viên pháp luân. Nội dung gồm có 5 quyển: Q.I, Tác phẩm Kinh này gồm có: P.I, Tu hành, P.1 Mở đầu, P.2 Thắng nghĩa (Thắng 1. Nhân duyên Phật nói Kinh, 2. Tiền thân nghĩa đế tướng), P.3 Tâm thức (Tâm ý của bà Tỳ-xá-khư, 4. Những hạnh phụ trợ, thức tướng); Q.II, P.4 Tự tánh (Nhất thiết 5. Pháp căn bản đầu tiên, 6. Ba hạnh lớn, Pháp tướng), P.5 Vô tánh (Vô tự Tánh 7. Bốn hạnh hướng đến quả Phật, 8. tướng); Q.III, P.6 Du-già (Phân biệt Du- Những pháp tu quán, 9. Đối tượng của già); Q.IV, Địa độ (Địa Ba-la-mật-đa); pháp quán bất tịnh, 10. Bảy tâm chấp Q.V, Phật sự (Như Lai thành sở tác sự). trước cần xả bỏ, 11. Ba hạnh trọn vẹn tất cả pháp môn, 12. Tám điều bậc Đại nhân 431. KINH GIẢI THÂM MẬT cần phải nhớ nghĩ; P.II, Tu học, 1. Pháp giảng yếu dành cho người mới học hạnh Bồ-tát, 2. Dịch giảng: TT. Thích Thiện Nhơn Hào quang của Như Lai và nhân tu để Lưu hành nội bộ, PL. 2540 – DL. 1996, thành tựu, 3. Tướng

đại nhân và pháp tu khổ 14 x 20cm, có 251 trang, bìa mềm. tập, 4. Nói rõ nhân tu để thành tựu tướng Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phần tổng tốt, 5. Tám mươi vẻ đẹp; P.III, Hiện điềm

lành, 1. Mười sáu tướng khi Bồ-tát đản cải cho đến các bậc Sa-môn, Bà-la-môn sanh, 2. Những điềm lành xuất hiện khi và các kẻ cơ hàn, tật bệnh, cô quạnh, Bồ-tát đản sinh, 3. Nhân duyên đại địa không nơi dựa.v.v... gọi là hạnh phúc cao chấn động khi Bồ-tát đản sanh, 4. Lời thượng; 16. Nết hạnh ở theo Phật, Pháp là khuyên kết thúc. giữ đúng theo tám đường chánh (Bát Bộ Kinh tập) 17. Sự tiếp độ quyến thuộc cho đặng an lạc, gọi là hạnh phúc cao thượng; 18. 434. KINH HẠNH PHÚC – Chúng sanh làm những nghề nghiệp vô MANGALA SUTTA tội, chỉ có sự lợi ích làm mục đích, gọi là Soạn dịch: Tỳ-khưu Giới Nghiêm (Bhikkhu hạnh phúc cao thượng; 19. Nết hạnh ghê Thita Sìlo, 1921-1984) sợ và tránh xa các tội lỗi do thân-khẩu-ý, Tác phẩm Kinh này có 100 trang (PDF), gọi là hạnh phúc cao thượng; 20. Thu thúc nội dung giải về 38 điều hạnh phúc do đức để tranh khỏi sự uống rượu, là kềm chế Thế Tôn thuyết giảng. Các Điều hạnh không uống rượu và các chất say, gọi là phúc: 1. Tư cách không xu hướng theo kẻ hạnh phúc cao thượng; 21. Sự không thể dữ hay kẻ si ác, người có tâm tội lỗi, gọi là dể duôi trong Phật pháp, gọi là hạnh phúc hạnh phúc cao thượng; 2. Tư cách thân cao thượng; 22. Sự tôn kính những bậc cận các bậc trí tuệ gọi là hạnh phúc cao đáng tôn kính, gọi là hạnh phúc cao thượng; 3. Tư cách cúng dường các bậc thượng; 23. Nết hạnh khiêm nhượng tự ty, nên cúng dường, gọi là hạnh phúc cao là hạnh phúc cao thượng; 24. Sự thật hành thượng; 4. Tư cách của người ở trong pháp tri túc, là người mong tầm sự lợi ích nước nên ở, gọi là hạnh phúc cao thượng; ở tiền đồ, gọi là hạnh phúc cao thượng; 25. 5. Tư cách của người đã làm được việc Tư cách biết ơn của người đã thi ân đến lành để dành từ trước, gọi là hạnh phúc mình, gọi là hạnh phúc cao thượng; 26. Tư cao thượng; 6. Nết hạnh giữ mình theo lẽ cách thường được tùy thời nghe pháp, gọi chánh, gọi là hạnh phúc cao thượng; 7. là hạnh phúc cao thượng; 27. Sự nhịn nhục Nết hạnh của người được nghe nhiều học ở trong tâm, không rung động, khi gặp các rộng về Pháp bảo, gọi là hạnh phúc cao nguyên nhân phát hiện ngay trước mặt, gọi thượng; 8. Sự rành rẽ trong tất cả nghề là hạnh phúc cao thượng; 28. Nết hạnh nghiệp, gọi là hạnh phúc cao thượng; 9. người dễ dạy, gọi là hạnh phúc cao Người học đúng đắn theo giới luật, gọi là thượng; 29. Nết hạnh thấy các bậc Sa-môn hạnh phúc cao thượng; 10. Lời nói chơn là bậc có lục căn thanh tịnh, gọi là hạnh chánh ngay thẳng hiệp theo sự lợi ích, gọi phúc cao thượng; 30. Nết hạnh biện luận là hạnh phúc cao thượng; 11. Nết hạnh về Phật pháp hợp theo thời buổi, gọi là phụng sự cha mẹ, gọi là hạnh phúc cao hạnh phúc cao thượng; 31. Tư cách của thượng; 12. Sự tiếp độ con, gọi là hạnh người có sự cố gắng thiêu hũy phiền não ở phúc cao thượng; 13. Sự tiếp độ vợ, gọi là trong tâm, gọi là hạnh phúc cao thượng; hạnh phúc cao thượng; 14. Không lười 32. Nết hạnh hành theo pháp cao thượng biếng trong các công việc, làm những đặng điều trị thân, tâm, gọi là hạnh phúc nghề chẳng lẫn lộn nghiệp dữ, cho đạt cao thượng; 33. Tư cách thấy các pháp thành ý nguyện, gọi là hạnh phúc cao Diệu-đế, là chân lý chắc thiệt, bằng trí tuệ, thượng; 15. Nết hạnh bố thí, là đem của gọi là hạnh phúc cao thượng; 34. Sự làm

cho thấy rõ Niết-bàn do trí tuệ, gọi là hạnh trong đời, 3. Phát triển tâm linh, 4. Kết phúc cao thượng; 35. Tư cách không xao luận. phúc cao thượng; 36. Sư không khóc than tiếc, do những nguyên nhân phát sanh, gọi 436. KINH HIỀN KIẾP THIÊN PHẬT là hạnh phúc cao thượng; 37. Sự thoát ly DANH bụi dơ, tức phiền não, gọi là hạnh phúc Việt dịch: HT. Thích Huyền Tôn cao thượng; 38. Sự tự tại giải thoát khỏi Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời duyên các điều triền phược (Yoga), gọi là hạnh khởi: Nghi thức khai Kinh, Chơn ngôn phúc cao thượng. Tịnh pháp giới, Nguyện hương, Chú Đại (phatgiaonguyenthuy.com) bi, Kệ Khai Kinh; Chánh văn: - Kinh Hiền kiếp Thiên Phật danh (1000 danh hiệu 435. KINH HẠNH PHÚC – Phật); Hồi hướng, Tâm Kinh Bát-nhã Ba- MANGALA SUTTA la-mật, Chú vãng sanh, Phổ Hiền thập (Lộ Trình Tu Tập) nguyện, Sám nguyện, Phục nguyện, Tam Việt dịch: Phạm Kim Khánh tự Quy; Danh hiệu chư Phật, Bồ-tát trong Nội dung chính yếu Kinh này, Đức Phật 30 ngày Duyên nhật. 1. Không gần kẻ ngu si, 2. Thân cận người (Có nơi ghi tựa Kinh này là Kinh Hiện Tại hiền trí, 3. Cúng dường bậc xứng đáng, 4. Hiền Kiếp Thiên Phật Danh) Ở trú xứ thích hợp, 5. Quá khứ tạo nhân lành, 6. Hướng tâm theo lẽ chánh, 7. Học 437. KINH HIỀN NGU nhiều, 8. Nghề nghiệp giỏi, 9. Giới luật Hán dịch: Sa-môn Tuệ Giác biết tu tập, 10. Có những lời khéo nói, 11. Việt dịch: Hiếu dưỡng cha mẹ, 12. Biết nuôi nấng vợ Thích Trung Quán (1918-2003) con, 13. Việc làm không xung khắc, 14. Nxb Thuận Hóa, PL. 2538 – DL. 1994. Bố thí, 15. Đức hạnh đúng pháp, 16. Giúp Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 454 trang, bìa đỡ họ hàng, 17. Hành xử không tỳ vết, 18. mềm, nền có hoa văn nghệ thuật chìm, chữ Ghê sợ điều ác, 19. Tránh làm điều ác, 20. tựa màu xanh dương. Không nghiện ngập, 21. Tinh tấn hành Toàn bộ Kinh Hiền Ngu gồm có 9 quyển, thiện pháp, 22. Sống lễ độ, 23. Biết khiêm 46 phẩm. Quyển I, 1. Phạm thiên thỉnh cung, 24. Sống tri túc, 25. Biết tri ân, 26. pháp, 2. Thái tử Ma-ha Tá-đỏa đem thân Đúng thời-nghe giảng pháp, 27. Kham cho cọp ăn, 3. Hai người dòng Phạm chí nhẫn, 28. Biết phục thiện, 29. Thường đến thụ pháp Bát quan trai, 4. Đi ở lấy công gặp các Sa-môn, 30. Đúng thời-đàm luận cúng dàng, 5. Thần bể với người đi buôn, pháp, 31. Tự chế, 32. Sống phạm hạnh 6. Cầu tự, 7. Thái tử Tu-xà-đề; Quyển II, thanh cao, 33. Thấy chân lý nhiệm mầu, 8. Cô Kim Cương, 9. Tỷ-khưu Kim Tài, 34. Thực chứng quả Niết-bàn, 35. Tâm 10. Hoa thiên, 11. Tỷ-khưu Bảo Thiên, 12. không động, 36. Tâm không sầu não, 37. Sàn-đề Bà-la, 13. Vua Từ Lực cho huyết, Tâm không tham dục, 38. Sống an nhiên; 14. Hàng phục Lục sư; Quyển III, 15. Cứ- Tỳ-kheo Khantipalo giải thích Tiến trình đà thí thân, 16. Vua Đại Quang Minh, 17. tu tập như sau: 1. Sửa soạn, 2. Cách sống Ưu-ba-tư-na; Quyển IV, 18. Xuất gia công đức, 19. Sa-di hộ giới, 20. Người không

tai, mắt, mũi, lưỡi, 21. Hai vợ chồng nhân xử thế, theo luân lý và đạo đức của nghèo, 22. Bà lão bán nghèo; Quyển V, 23. bậc hiền nhân. Kim Thiên, 24. Trùng tín, 25. Tán Đàn Tác Phẩm Kinh này được THPG Tp. Hồ Ninh, 26. Bố thí đầu; Quyển VI, 27. Bố thí Chí Minh ấn hành năm 1994; tái bản năm mắt, 28. Năm trăm người mù, 29. Phú-na- 2012 - 2015, Nxb Tôn Giáo (tái bản lần kỳ, 30. Ni-đề; Quyển VII, 31. Đại kiếp Tân thứ năm). Ninh, 32. Tỷ-khưu Ni Vi Diệu, 33. Lê-kỳ- di, 34. Thiết-đầu-la Kiện-ninh, 35. A-du- 439. KINH HIẾU TỬ ca, 36. Bảy lọ vàng, 37. Sai ma; Quyển Việt dịch: Thích Tâm Châu VIII, 38. Cái sự, 39. Đại thí tát biển; Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành – 1957 Quyển IX, 40.

A-nan tổng trì, 41. Ưu-bà- Kinh có 42 trang, bìa mềm, nền vàng, có tư, 42. Con ngộ sát cha, 43. Tu-đạt làm hình Phật tay kiết ấn, chữ tựa màu đen. tịnh xá, 44. Lặc-na-xà-gia, 45. Cá trăm Nội dung gồm có các Kinh: 1. Phật nói đầu, 46. Tịnh Cư thiên. Kinh Hiếu Tử, 2. Phật nói Kinh Vu Lan Tác phẩm Kinh Hiền Ngu (Hiền Ngu Nhân Bồn, Hán dịch: Ngài Trúc Pháp Hộ; 3. Duyên Kinh) này được xuất bản lần đầu Phật nói Kinh Giải Hạ, Hán dịch: Ngài năm PL. 2502 – DL. 1959, Giấy phép số Pháp Hiển; 4. Phật nói Kinh Tân Tuế, Hán 292/XB, cho ngày 23-2-1959 của Nha dịch: Ngài Đàm Vô Lan; Phật nói Kinh Thông tin Nam Phần, với nhan đề "Kinh Tân Tuế (1), Hán dịch: Ngài Trúc Pháp Hiền Ngu, Quyển I, chứng minh Hòa Hộ. thượng Thích Thanh Thạnh"; năm PL. (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, 2505 – DL. 1961, chùa Long Vĩnh (Sài Q.3, Tp. Hồ Chí Minh) Gòn) xuất bản, với tựa "Kinh Hiền Ngu, Trọn bộ 9 Quyển"; năm PL. 2508 – DL. 440. KINH HOA NGHIÊM – 4 Tập 1964, chùa Pháp Vương (Sài Gòn) xuất Việt dịch: Thích Trí Tịnh bản và phát hành, In tại Nhà in Sen Vàng, Tập I, PL. 2510 – DL. 1964, chùa Hải Tuệ Giấy phép số 1704/XB. Bộ Thông tin (Sài Gòn) – Tỳ-kheo Thích Đăng Quang, Saigon, ngày 4-7-1964, dày 574 trang, bìa Trưởng Ban Ấn tống, Kinh dày 558 trang, mềm; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh bìa mềm; Tập I, Hán bộ từ Q.1 đến Q.20; ấn hành; năm 2005, 2008, Nxb Tôn giáo; Tập II, PL. 2511 – DL. 1965, chùa Hải năm 2013, Nxb Phương Đông. (Theo các Tuệ ấn tống Tập II, Hán bộ từ Q.21 đến bản Kinh lưu tại Thư viện Huệ Quang-Q.39, từ tr. 551 đến tr. 990, bìa mềm, và Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Tập III, Hán bộ từ Q.40 đến Q.59, dày 559 Quang, Tp. Hồ Chí Minh) trang, bìa mềm; Tập IV, PL. 2512 – DL. 1967, chùa Hải Tuệ tiếp tục ấn tống Tập 438. KINH HIỀN NHÂN – Ông Bụt IV, In tại ấn quán Hưng Long (Sài Gòn), Dịch giả: dày 743 trang, bìa mềm; HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) Xem: Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Nghiêm – 4 Tập, do HT. Thích Trí Tịnh Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 79 trang, dịch. bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu tím. Tác phẩm Kinh Hoa Nghiêm (4 Tập) này Nội dung gồm có: Lời nói đầu, ý nghĩa được tái bản: Năm PL. 2509 – DL. 1966, của Kinh này Đức Phật dạy về cách đối chùa Đại Giác (Sài Gòn) ấn tống, Giấy

phép số 3106 BTT-BC3-XB, ngày 28-7- tam-muội, thuyết Như Lai y chánh pháp). 1965; năm PL. 2514 – DL. 1970, chùa Đại P.7 Danh hiệu Như Lai, P.8 Tứ Thánh đế, Giác (Sài Gòn) tiếp tục ấn tống. P.9 Ánh sáng giác ngộ, P.10 Bồ-tát hỏi nhau, P.11 Hạnh thanh tịnh, P.12 Hiền 441. KINH HOA NGHIÊM – Trọn bộ 5 Thủ. (Sáu phẩm này thuộc về phần Giải, Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam chương Nhân quả sai biệt. Phần Giải này Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà gồm 31 phẩm, từ P.7 đến P.37, có tất cả 6 Việt dịch (1963): Thiện Trí hội thuyết pháp, từ Hội nhì đến Hội bảy, Hiệu đính: Tuệ Liên sáu phẩm trên đây thuộc Hội nhì, tại Điện Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014. Phổ Quang Minh, Đức Thế Tôn phóng Kinh có khổ 19 x 27cm, 5 tập dày hơn quang từ hai chân ra, ngài Văn Thù làm 3.410 trang, bìa cứng, có bìa bao, nền đỏ, Hội chủ, không nhập định, vì địa vị Tín chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng cả bộ. chưa nhập Vị, thuyết pháp Thập Tín); Tập I, dày 692 trang, từ Q.1 đến Q.15, có Nghi thức Hồi hướng. 12 phẩm. Nội dung: Lời nói đầu của Dịch Tập II, dày 735 trang, từ Q.16 đến Q.33, giả, - Lời Tri ân, Các phần chỉ dẫn, I. Năm từ P.13 đến P.25: Nghi thức trì tụng (Phần thời thuyết pháp, II. Nhân duyên và truyền âm), Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.13 sử của Kinh Hoa Nghiêm, Chín hội-bảy Lên

đỉnh núi Tu-di, P.14 Bài kệ ca ngợi nơi thuyết pháp trong Kinh, Pháp môn trên đỉnh núi Tu-di, P.15 Thập Trụ, P.16 thuyết tại chín hội, Chín hội chủ và Tám Phạm hạnh, P.17 Công đức của bậc sơ tam-muội, Giải nghĩa tên của Kinh, Bốn phát tâm Bồ-tát, P.18 Khai sáng pháp môn pháp giới, Sáu tướng, Phân tích tổng ý của (Sáu phẩm này thuộc Hội ba (phần Giải), Kinh; Bảng Tổng yếu Toàn bộ Kinh Hoa tại cung trời Đao Lợi, Thế Tôn phóng Nghiêm, Mười cửa huyền, Các đồ bản Vũ quang từ ngón chân ra, ngài Pháp Huệ trụ Pháp giới thấy theo huệ nhãn Hoa làm chủ, nhập Tam-muội vô lượng phương Nghiêm, Các thể chất, hình lượng, của các tiện, thuyết pháp Thập trụ); P.19 Lên cung núi, các biển và bốn châu, Các cõi trời trời Dạ-ma, P.20 Kệ ca ngợi trên cung trời Thiền rộng hẹp thế nào, Nguyên nhân sanh Dạ-ma, P.21 Mười hạnh, P.22 Mười kho ra thế giới và chúng sanh, Thân thể-áo tạng vô tận. (Bốn phẩm này thuộc Hội tư quần-mạng sống các chư thiên trong tam (phần Giải), tại cung trời Dạ-ma, Đức giới, Đồ hình Hoa tạng thế giới, Biển thế Như Lai phóng quang từ hai chân ra, ngài giới gồm có 10 nhóm thế giới, Hoa tạng Công Đức Lâm làm Hội chủ, nhập Tam- thế giới; Nghi thức trì tụng (Phần âm), muội Thiện tư duy của Bồ-tát, thuyết pháp Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.1 Thế Thập Hạnh); P.23 Lên cung trời Đâu-suất, chủ Diệu Nghiêm, P.2 Như Lai hiện P.24 Kệ ca ngợi trên cung Đâu-suất, P.25 tướng, P.3 Pháp môn Tam-muội của Đức Thập Hồi hướng. (Ba phẩm này thuộc Hội Phổ Hiền, P.4 Thế giới thành tựu, P.5 Hoa thứ năm (phần Giải), tại cung trời Đâu- tạng thế giới, P.6 Tỳ-lô-giá-na (Sáu phẩm suất, Đức Như Lai phóng quang từ hai này thuộc về phần Tín, chương Phát tín đầu gối ra, ngài Kim Cang Tràng làm Hội Nhơn quả tại Hội thứ nhất ở Bồ-đề Đạo chủ, nhập vào Tam-muội Trí Quang của tràng, Đức Tỳ-lô-giá-na phóng quang từ Bồ-tát, thuyết pháp Thập Hồi hướng); răng và từ giữa chặn mày, ngài Phổ Hiền Nghi thức Hồi hướng. làm Hội chủ, nhập vào Tỳ-lô tạng thân

Tập III, dày 627 trang, từ Q.34 đến Q.49, thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng từ P.26 đến P.36. Nội dung gồm: - Nghi (Phần nghĩa); P.39 Nhập vào pháp giới thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng (tt), P.40 Nhập Cảnh giới giải thoát (Đây (Phần nghĩa); P.26 Mười địa vị, (Phẩm là phẩm đặc biệt: Nhập vào cảnh giới này thuộc Hội thứ sáu (phần Giải), tại không thể nghĩ bàn của hạnh nguyện Phổ cung trời Tha Hóa Tự Tại, Đức Như Lai Hiền); Nghi thức Hồi hướng. phóng quang từ giữa chặn mày, ngài Kim Cang Tạng làm Hội chủ, nhập vào Tam- 442. KINH HOA NGHIÊM ĐẠI muội Đại Trí huệ Quang minh của Bồ-tát, PHƯƠNG QUẢNG PHẬT – 8 Quyển thuyết pháp Thập Địa); P.27 Thập Định, Hán dịch: Sa-môn Thật-xoa-nan-đà P.28 Thập Thông, P.29 Thập Nhẫn, P.30 Việt dịch: Thích Minh Định A-tăng-kỳ, P.31 Thọ lượng của Như Lai, Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015 P.32 Chỗ ở của các Bồ-tát, P.33 Pháp Kinh có khổ 16 x 24cm, 8 quyển dày hơn không thể nghĩ bàn của Phật, P.34 Mười 3.000 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ tựa biển tướng thân Như Lai, P.35 Ánh sáng mạ vàng. Công đức, P.36 Hạnh Phổ Hiền; Nghi thức Quyển I, dày hơn 390 trang. Nội dung Hồi hướng. gồm có: Lời tựa, Q.1 đến Q.5, P.1 Thế chủ Tập IV, dày 659 trang, từ Q.50 đến Q.65, Diệu Nghiêm; Q.6, P.2 Như Lai hiện từ P.37 đến P.39. Nội dung gồm: - Nghi tướng; Q.7, P.3 Phổ Hiền Tam-muội, P.4 thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng Thế giới thành tựu; Q.8 đến Q.10, P.5 Thế (Phần nghĩa); P.37 Đức Như Lai hiện ra giới Hoa Tạng; Tam Quy y. đời (Mười một phẩm

này, từ P.27 đến Quyển II, dày hơn 486 trang. Nội dung P.37, thuộc Hội thứ 7 (phần Giải), chương gồm có: Lời tựa, Q.11, P.6 Tỳ-lô-giá-na; Nhơn quả bình đẳng, trở lại điện Phổ Q.12, P.7 Danh hiệu Như Lai, P.8 Bốn Quang Minh, Đức Như Lai làm Hội chủ, Thánh đế; Q.13, P.9 Quang minh giác, nhập vào tam-muội sát-na Tế, thuyết pháp P.10 Bồ-tát vấn minh; Q.14, P.11 Tịnh môn Đẳng giác, Diệu giác); P.38 Thoát ly hạnh; Q.15, P.12 Hiền thủ; Q.16, P.13 thế gian (Phẩm này thuộc Hội thứ tám Thăng lên đỉnh Tu-di, P.14 Kệ khen ngợi (phần Hành), chương Hành nhơn quả, trở trên đỉnh Tu-di, P.15 Thập Trụ; lại tại điện Phổ Quang Minh lần thứ ba, Q.17, P.16 Phạm hạnh, P.17 Công đức ban Phật không phóng quang là ý nói Hạnh Y đầu Phát tâm; Q.18, P.18 Minh pháp, P.19 Giải, Pháp Y Giải vậy, ngài Phổ Hiền làm Thăng lên cung trời Dạ-ma; Q.19, P.20 Kệ Hội chủ nhập vào Hoa Nghiêm tam-muội khen ngợi trong cung Dạ-ma, P.21 Thập của Phật, thuyết hai ngàn hạnh môn); Hạnh; Tam Quy y. P.39 Nhập vào pháp giới (Phẩm này thuộc Quyển III, dày hơn 170 trang. Nội dung Hội thứ chín (phần Chứng) chương Chứng gồm có: Lời tựa, Q.21, P.22 Mười tạng Vô nhập Nhân quả, tại rừng Thệ-Đa lâm, Đức tận; Q.22, P.23 Thăng lên Cung trời Đâu- Như Lai phóng bạch hào giữa chặn mày. suất, P.24 Kệ tán trên Cung trời Đâu-suất; Như Lai Thiện Hữu làm Hội chủ, nhập Q.23 – Q.33, P.25 Thập Hồi hướng; Tam vào Tam-muội Sư tử Tần thân, thuyết Quả Quy y. pháp giới); Nghi thức Hồi hướng. Quyển IV, dày hơn 468 trang. Nội dung Tập V, dày 697 trang, từ Q.66 đến Q.81, gồm có: Lời tựa, P.25 Thập Hồi hướng từ P.39 đến P.40. Nội dung gồm: - Nghi (tt); Q.34 – Q.39, P.26 Thập Địa, 1. Hoan

hỷ địa, 2. Ly cấu địa, 3. Phát quang địa, 4. Thắng Quân-Hội duyên vào Thật tướng, Diệm huệ địa, 5. Nan thắng địa, 6. Hiện 49. Bà-la-môn Tối Tịch Tinh-Hội duyên tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, vào Thật tướng; Q.77, 50. Đức Sinh đồng 9. Thiện huệ địa, 10. Pháp vân địa; Q.40 – tử, Hữu Đức đồng tử-Hội duyên vào Thật Q.43, P.27 Thập Định; Tam Quy y. tướng, 51. Bồ-tát Từ Thị-Nhiếp đức thành Quyển V, dày hơn 457 trang. Nội dung nhân tướng; Q.78 – Q.79, Bồ-tát Từ Thị- gồm có: Lời tựa, P.27 Thập Định (tt); Nhiếp đức thành nhân tướng; Q.80, 52. Q.45, P.30 A-tăng-kỳ, P.31 Như Lai thọ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Trí chiếu tướng lượng, P.32 Trụ xứ của các Bồ-tát; Q.46 – không hai, 53. Bồ-tát Phổ Hiền-Hiền nhân Q.47, P.33 Pháp không nghĩ bàn của Phật; tướng rộng lớn; Q.81, Phẩm Phổ Hiền Q.48, P.34 Mười Thân biến tướng của Hạnh nguyện vào Cảnh giới Giải thoát Như Lai, P.35 Vẻ đẹp Quang minh Công không nghĩ bàn; Tam Quy y. đức của Như Lai; Q.50 – Q.52, P.37 Như Lai xuất hiện; Tam Quy y. 443. KINH HOA NGHIÊM – Phẩm Quyển VI, dày hơn 200 trang. Nội dung HIỀN THỦ - Đường Đạo Vô Biên gồm có: Lời tựa, P.37 Như Lai xuất hiện Dịch và lược giải: Thích Hằng Trường (tt); Q.53 – Q.59, P.38 Lìa thế gian; Tam Nxb Tôn Giáo – 2003 Quy y. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 644 trang, Quyển VII, dày hơn 150 trang. Nội dung bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và vàng, có hình gồm có: Lời tựa, Q.60 – Q.70, P.39 Vào ao sen, có tay gấp. Nội dung gồm có: Giới Giới; Tam Quy y. thiệu kinh Hoa Nghiêm và phẩm Hiền Quyển VIII, dày hơn 620 trang. Nội dung Thủ; Phần I, Thỉnh pháp; Phần II, Hứa gồm có: Lời tựa, 35. Dạ thần Tịch tỉnh âm khả, tán thán, Căn bản, Nhân duyên phát hải-Phó thác thứ năm Nan thắng địa; Q.71, tâm, Động cơ phát tâm, Đặc tính của lòng 36. Dạ thần Thủ hộ Nhất thiết thành-Phó tin, thứ tam-muội: Hải ấn, Hoa nghiêm, thác thứ sáu Hiện tiền địa; Q.72, 37.

Dạ Nhân Đà-la võng, Thủ xuất quảng cúng, thần khai phu Nhất thiết Thụ hoa-Phó thác Hiện chư pháp môn, Tứ nhiếp pháp sinh, thứ bảy Viễn hành địa; Q.73, 38. Dạ thần Phù đồng thế gian, Mao quang chiếu ích, Đại nguyện Tinh tấn lực Cứu hộ Nhất thiết Chủ bạn nghiêm lệ, Tịch dụng vô nhai); chúng sinh-Phó thác thứ tám Bất động địa; Dụ huống huyền chỉ (20 dụ: Thanh văn Q.74, 39. Lâm thần Lam-tỳ-ni-Phó thác hiện thần thông, Nhật nguyệt hiện ảnh, thứ chín Thiện huệ địa; Q.75, 40. Thích nữ Nước hiện binh lính, Biện tài của Thiện Cù Ba-Phó thác thứ mười Pháp vân địa; Âm, Ban bố biện tài, Huyễn thuật gia, A- Q.76, 41. Ma-gia phu nhân-Hội duyên vào tu-la làm phép ẩn hình, Voi trời biến hiện, Thật tướng, 42. Cô gái Thiên chủ quang- Tu-la hiện đại thân, Đế Thích hàng phục Hội duyên vào Thật tướng, 43. Đồng tử sư Tu-la, Trống trời thuyết pháp, Trống trời biến hữu-Hội duyên vào Thật tướng, 44. an ủi, Đế Thích ứng hiện, Ma vương giăng Thiện tri chúng Nghệ đồng tử-Hội duyên lưới, Phạm vương ngồi tòa, Ma-hê-thủ-la vào Thật tướng, 45. Ưu-bà-di Hiền Thắng- thiên, Đại phong thành sự, Ngôn âm xứng Hội duyên vào Thật tướng, 46. Trưởng giả ý, Đại hải bao hàm, Long vương du hí); Kiên Cố Giải Thoát-Hội duyên vào Thật Giảo lượng khuyến trì, Tổng kết, Phụ lục: tướng, 47. Trưởng giả Diệu Nguyệt-Hội Kệ tán Bồ-đề tâm, Hồi hướng. duyên vào Thật tướng, 48. Trưởng giả Vô

444. KINH HOA NGHIÊM – Phật, Mắt-tai-mũi-lưỡi-thân và ý của Phật, Phẩm NHƯ LAI HIỆN TƯỚNG Thân quang-quang minh-âm thanh và trí Dịch và lược giải: Thích Hằng Trường tuệ, TV, Hồi hướng công đức, Hộ pháp Nxb Tôn Giáo – 2003 Vi-đà. Kinh dày 238 trang, bìa mềm, chữ tựa màu Tác phẩm này đã được Hoa Nghiêm xuất đỏ và vàng, phần trên bìa có hình hòn đá bản năm 2000 (Sescond edition printed in nhô lên giữa biển và phần dưới là hình ao Taiwan), sách dày hơn 229 trang, bìa sen, có tay gấp. mềm. Nội dung gồm có: Phần Chính văn, 1. Chúng hải đồng thỉnh, 2. Phóng quang triệu tập, 3. Đại chúng vân tập, 4. Phật hiện điềm lành, 5. Đại chúng xưng tán, 6. 445. KINH HOA NGHIÊM – Kết thông; Phần lược giải, Giới thiệu, Đại Phẩm TỊNH HẠNH ý của Phẩm Như Lai Hiện tướng, Kể lại Dịch và lược giải: Thích Hằng Trường câu chuyện trong phẩm, Ý nghĩa của chữ Nxb Tôn Giáo – 2004 Như Lai, Nội dung của chữ Hiện tướng, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 355 trang, Bốn mươi câu hỏi, Thái độ thỉnh pháp, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Giới Nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, Vì sao thiệu (Khái quát, Bối cảnh, Cốt tủy của Phật phóng quang giữa răng? Nghĩa lý của pháp tịnh hạnh, Giới hạn của cái nhìn); việc phóng quang, Thiên ma phóng quang, Phần thỉnh vấn; Phần trả lời: Bốn chiều Pháp tán thán khen ngợi, Hào quang của sâu của pháp tịnh hạnh, Bố cục của phần Phật và hào quang của tự tánh, Sắc khí của trả lời: 1. Giai đoạn khi còn ở nhà, 2. Đến kẻ phàm, Đầu lông phóng quang, Vọng chùa, xuất gia, học đạo, 3. Tọa thiền, tu tâm-chân tâm và Bồ-đề tâm, Bàn về sát- quán, 4. Lúc mặc áo quần, 5. Đánh răng, na, Đại chúng ở mười phương vân tập, rửa mặt, 6. Lúc cất bước lên đường, 7. Phật hiện điềm lành (1): Hào quang giữa Vào làng khất thực, 8. Sau khi thọ trai, về chặng mày, Hào quang thu lại, Tác dụng chùa, 9. Lúc tụng kinh, lễ pháp, 10. Lúc của hào quang: (1) Chấn động thế giới, (2) ngũ, lúc thức; Kết phẩm. Hiện ra chư Phật, (3) Mưa pháp; Phật hiện điềm lành (2): Hoa sen xuất hiện, Hoa sen 446. KINH HOA THỦ tượng trưng cho Bồ-đề tâm, Hoa sen pháp: Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Mười phương

Ba-la-mật, Phật hiện điềm Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) lành (3): Xuất hiện chúng Bồ-tát, Chúng Việt dịch: Thích Bảo Lạc Bồ-tát nhiễu quanh đức Phật, Đức hạnh Pháp Bảo ấn tống – 1990 của chúng Bồ-tát giữa chặng mày, Khía Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 376 trang, cạnh giáo dục của một người trưởng gồm 10 quyển, 35 phẩm. thành, Chúng Bồ-tát tán thán Phật, Bài tán Nội dung như sau: - Lời cẩn khải; Q.I, có của ngài Thắng Âm, Kết thông vô cùng; 5 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Thần lực, P.3 Võng Phần Phụ lục: Phật địa, Cảnh giới của minh, P.4 Như tướng, P.5 Bất tín; Q.II, có Phật, Sự gia trì của Phật, Việc làm của chư 6 phẩm: P.6 Niệm xứ, P.7 Phát tâm tức Phật, Sức mạnh của Phật, Đức vô úy của chuyển pháp luân, P.8 Hiện biến, P.9 Như Phật, Tam-muội của Phật, Thần thông của Lai lực, P.10 Công đức, P.11 Phát tâm; Phật, Sự tự tại của Phật, Sức tối thắng của Q.III, có 3 phẩm: P.12 Vô ưu, P.13 Trung

thuyết, P14 Tổng tướng; Q.IV, có 2 phẩm: việc tụng Kinh mỗi ngày), 1. Namo P.15 Thượng thanh tịnh, P.16 Tán hoa; Buddhàya – Kính lễ đức Phật, 2. Q.V, có 2 phẩm: P.17 Chúng tướng, P.18 Tisaranagamana – Quy y Tam bảo, 3. Các phương; Q.VI, có 4 phẩm: P.19 Tam- Buddhagunà – Ân đức Phật, 4. muội, P.20 Cầu pháp, P.21 Tán thán đức, Buddhavandanà – Đảnh lễ đức Phật, 5. P.22 Nghịch hạnh; Q.VII, có 4 phẩm: P.23 Dhammagunà – Ân đức giáo pháp, 6. Đắc niệm, P.24 Chánh kiến, P.25 Tán thán Dhammavandanà – Đảnh lễ giáo pháp, 7. giáo hóa, P.26 Hủy hoại; Q.VIII, có 3 Sanghagunà – Ân đức Tăng chúng, 8. phẩm: P.27 Tạp, P.28 Thần diệu, P.29 Sanghavandanà – Đảnh lễ Tăng chúng; Thuận nghịch; Q.IX, có 4 phẩm: P.30 Bất Phần II (Chánh Kinh, Tụng đọc theo ngày thối chuyển, P.31 Vị pháp, P.32 Ca ngợi trong tuần), Chủ nhật. Parittaparikamma – gặp gỡ, P.33 Kiên đức; Q.X, có 2 phẩm: Bố cáo Kinh Hộ trì & 1. Mangalasutta – P.34 Pháp môn, P.35 Phó chúc. Kinh Hạnh phúc, Thứ hai. 2. Ratanasutta – Kinh Châu báu, Thứ ba. 3. Mettàsutta – 447. KINH HOẰNG ĐẠO QUẢNG Kinh Từ bi, Thư tư. 4. Khandhasutta – HIỂN TAM-MUỘI Kinh Khandha, 5. Morasutta – Kinh Con Hán dịch: Trúc Pháp Hộ công & 6. Vattasutta – Kinh Chim cút, Việt dịch: Thích Chánh Lạc Thứ năm. 7. Dhajaggasutta – Kinh Ngọn Tác phẩm Kinh này gồm có 12 phẩm: P.1 cờ, Thứ sáu. 8. Àtànàtiyasutta – Kinh Được tâm phổ trí, P.2 Thanh tịnh đạo, P.3 Àtànàtiya, Thứ bảy. 9. Angulimalasutta – Đạo vô tập, P.4 Thỉnh Như Lai, P.5 Hạnh Kinh Ngài Angulimàla, 10. Bojjhangasutta vô dục, P.6 Do lòng tin tín gặp pháp, P.7 – Kinh Ngọn cờ & 11. Pubbanhasutta – Chuyển pháp luân, P.8 Giải quyết các nghi Kinh Buổi sáng; Phần III. (Hoàn mãn, Kết nạn, P.9 Pháp nhẫn không khởi, P.10 Các thúc việc tụng Kinh sau mỗi ngày), 1. pháp yếu, P.11 Thọ phong bái, P.12 Chúc Paccavekkhana – Bốn sự quán tưởng, 2. lụy pháp tạng. Mettàbhàvanà – Phát triển Tâm từ, 3. Bộ Kinh tập) – Niệm sự chết, 5. Patthanà – Ước nguyện, 6. Lakkhanattayam – Tam tướng, 7. 448. KINH HỘ TRÌ Buddhassa Bhagavato Ovàda – Giáo huấn (Phân tích từ ngữ Pàli) của Đức Phật, 8. Pattidàna – Hồi hướng PARITTAPÀLI phước báu, 9. Ratanattayapùjà – Cúng Hiệu trưởng Tiến sĩ Sayadaw U dường Tam bảo, Bảng Tiếng Anh (English Sìlànandàbhivamsa Section), Part I (Opening Chanting Soạn dịch: Tỳ-kheo Đức Hiền Ceremony), 1. Namo Buddhaya (Homage Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 To The Buddha), 2. Taking Three Refuge Sách có khổ 14 x 20cm, dày 383 trang, bìa (Tisaranagamana), 3. Nine Supreme cứng. Virtues of the Buddha (Buddhagunà), 4. Nội

dung gồm có 3 phần: Chữ viết tắt, Lời Paying Homage to the Buddhas nói đầu của Soạn giả, Tiểu sử của Cố Hòa (Buddhavandanà), 5. Six Supreme Virtues thượng Sayadaw U Sìlànandàbhivamsa, of the Dhamma (Dhammagunà), 6. Paying Lời giới thiệu của Cố Hiệu trưởng Homage to the Dhamma Sayadaw; Phần I. (Khai Kinh, Mở đầu (Dhammavandanà), 7. Nine Supreme

Virtues of the Sangha (Sanghagunà), 8. Kinh kệ, Nam-mô Đại bi Hội thượng Phật Paying Homage to the Sangha Bồ-tát, Chí tâm đảnh lễ, Nam-mô Hồng (Sanghavandanà); Part II (Main Daily danh hội thượng Phật Bồ-tát, 1. Tán thán Suttas), - Sunday: Preliminary công đức của chư Phật, 2. Quy y Tam bảo, (Parittaparikamma) & 1. Mangalasutta, - 3. Phát tâm Tối thượng thừa, 4. Quy y Vô Monday: 2. Ratanasutta, - Tuesday: 3. tận Tam bảo, 5. Xưng dương 10 đức hiệu Mettàsutta, - Wednesday: 4. Phật, 6. Lễ 89 hiệu Phật, 7. Sám hối tội Khandhasutta, 5. Morasutta & 6. lỗi, 8. Hồi hướng căn lành, 9. Tổng kết hai Vattasutta, - Thursday: 7. Dhajaggasutta, - đoạn trước, 10. Kính lễ chư Phật, 11. Friday: 8. Àtànàtiyasutta, - Saturday: 9. Xưng tán Như Lai, 12. Quảng tu cúng Angulimàlasutta, 10. Bojjhangasutta & 11. dường, 13. Sám hối nghiệp chướng, 14. Pubbanhasutta; Part III (Closing Chanting Tùy hỷ công đức, 15. Thỉnh chuyển Pháp Ceremony), 1. Four Kinds of luân, 16. Thỉnh Phật trụ thế, 17. Phổ giai Contemplation (Paccavekkhana), 2. hồi hướng, 18. Qui nhơn thừa và tổng kết; Meditation on the Loving-Kindness Thất Phật diệt tội Chơn ngôn, Ma-ha Bát- (Mettàbhàvanà), 3. Contemplation of the nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Sám hối Body (Kàyagatàsati), 4. Recollection on nguyện, Hồi hướng, Phục nguyện, Phổ Death (Maranassati), 5. Aspiration nguyện, Tam tự Quy y. (Patthanà), 6. Threefold Characteristics of Body-and-Mind (Lakkhanattayam), 7. 451. KINH HỒNG DANH Admonition of the Buddha (Buddhassa TAM THIÊN PHẬT Bhagavato Ovàda), 8. Sharing of Merits Hán dịch: Tam tạng Pháp sư (Pattidàna), 9. Dedication to the Triple Bồ-đề-lưu-chi Gem (Ratanattayapùjà); Thư mục từ Pàli, Việt dịch: Thích Minh Huệ Sách tham khảo. Chứng minh: HT. Thích Trí Tịnh Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002. 449. KINH HỒNG DANH SÁM HỐI Kinh có khổ 15 x 23cm, có 174 trang. Nội Sưu tập: Thiện Anh Lạc dung gồm: Tán lư hương, Khai Kinh kệ, Tác phẩm Kinh này gồm có: Quy y Tam Phật thuyết Phật danh Kinh (gồm có ba bảo, Phát Bồ-đề tâm; Ý nghĩa sám hối; ngàn hồng danh các đức Phật). Phần Chánh văn: Hồng danh Sám hối. Tác phẩm Kinh này đã được chùa Vạn DL. 1963, có 184 trang, bìa mềm. 450. KINH HỒNG DANH SÁM HỐI Nxb Tôn Giáo – 2010 452. KINH KALAMA: LỜI PHẬT Tổ đình Linh Quang Tịnh xá, Q.4, Tp. Hồ DẠY CHO NGƯỜI KALAMA Chí Minh (KALAMA SUTRA: THE Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 96 trang, INSTRUCTION TO THE KALAMAS) bìa mềm. Nội dung gồm có: Vào Nghi Translated from the Pali by Soma Thera thức, Tán Phật, Quán tưởng, Tán lư Chuyển ngữ: Nguyễn Văn Tiến hương, Các Chơn ngôn..., Phụng thỉnh Tác phẩm Kinh này gồm có, Kinh văn: Bát Kim Cang, Phụng thỉnh Tứ Bồ-tát, Người Kalama ở Kesaputta đến nghe Đức Phát nguyện tán, Vân hà phạm, Niệm Khai Phật giảng dạy, Người Kalama ở

Kesaputta xin Đức Phật giảng dạy, Tiêu Chí Minh, dày 398 trang, bìa cứng, có bìa chuẩn để bác bỏ, Tham lam-sân hận và si bao, chữ tựa màu vàng. mê, Tiêu chuẩn để chấp nhận, Không tham lam, không sân hận và không si mê, Bốn 455. KINH KIM CANG cách

sống hạnh phúc (Sống theo bốn cách: Lược giảng: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) Từ bi hỷ xả), Bốn niềm vui (Nhờ có niềm Tổng Hội Phật giáo Pháp Giới – Vạn Phật an ủi và có sự hỗ trợ), (Người Kalama trả Thánh Thành ấn hành. lời Đức Phật qua những đoạn văn dưới Kinh dày hơn 333 trang, nội dung gồm 3 đây); Kalama Sutra (Bản Anh ngữ). chương: Kinh văn, Phần giới thiệu; C.I, giải Kinh) Dịch giả, Ngài Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; C.III, Biệt giảng văn nghĩa 453. KINH KIẾN CHÁNH (gồm có 32 phẩm Kinh Kim Cang); Vài Chứng minh: Hòa thượng Pháp chủ nét về Vạn Phật Thánh Thành (The Sagely Giáo Hội Tăng-già Trung Việt City of Ten Thousand Buddhas), Sơ lược Giáo hội Tăng-già Trung Việt ấn hành, về Hòa thượng Tuyên Hóa, Mười tám Đại PL. 2516 – DL. 1972 nguyện của Hòa thượng Tuyên Hóa. In tại Nhà in Liên Hoa (Huế), Kiểm duyệt Xem: (32 phẩm) Kinh Kim Cang Bát-nhã số 527 ngày 18-?-1956 Ba-la-mật Kinh có 16 trang, bìa mềm, nền màu hường, chữ tựa màu xanh dương, có hình 456. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ chữ Phạn trong vòng tròn. Nội dung gồm Bhikkhu Thích Thái Hòa có: Lời nói đầu, Phật nói Kinh Kiến Chứng minh: Đại lão Chánh. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên HT. Thích Huyền Quang cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Chùa Phước Duyên (Huế), Minh; Mã sách: Vie 2140) PL. 2551 – DL. 2007 Kinh dày 232 trang, bìa cứng. Nội dung 454. KINH KIM CANG gồm có: Phạn văn bản Devanagari, Bản Dịch giải: Việt dịch từ Phạn văn, Bản Hán của ngài Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019) La-thập dịch, Bản Hán phiên âm Việt, Bản Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2010 Việt dịch từ Hán. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 398 trang. Tác phẩm này gồm có 3 phần chính: 1. 457. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA- Kinh Kim Cang Bát-nhã có 52 đoạn (dịch LA-MẬT theo thể kệ 4 chữ), Hồi hướng; 2. Phần lễ Trình bày Hán – Việt – Anh bái (có 52 lạy Kim Cang Bát-nhã); 3. Phần Soạn dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và dịch chú. Nguyễn Minh Tiến Tác phẩm Kinh này in lần đầu năm 1987 Nxb Tôn Giáo – 2006. Kinh có khổ 14.5 x (bản đánh máy), với nhan đề là “Kim 20.5cm, dày 160 trang, bìa mềm. Nội dung Cương”; tái bản nhiều lần: Năm 2003, gồm có: - Lời nói đầu, - Phần Việt ngữ, - Nxb Tôn Giáo, với nhan đề là “Kinh Kim Phần Anh ngữ, - Phần Hán ngữ và Phần Cương”; năm 2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ dịch âm.

458. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA- 460. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA- LA-MẬT LA-MẬT Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Việt dịch: Tỳ-kheo Như Minh thập (Kumàrajiva, 344-413) Nxb Tôn Giáo – 2014 Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923- Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 15 2000) trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói Từ Ân Thiền đường (Hoa Kỳ) xuất bản. đầu, Phần Nghi thức khai Kinh, Niệm Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 hương lễ bái, Cúng hương, Tán Phật, phần, 32 đoạn. – Lời dịch giả; Phần I, có 9 Quán tưởng, Chí tâm đảnh lễ, Tán hương, đoạn: 1. Pháp hội nhân do, 2. Thiện hiện Phụng thỉnh Bát Kim Cang, Phụng thỉnh khởi thỉnh, 3. Đại thừa chánh tông, 4. Diệu Tứ Bồ-tát, Phát nguyện văn, Khai Kinh kệ, hạnh vô trụ, 5. Như lý thật kiến, 6. Chánh Phần Chánh Kinh, Kinh Kim Cang Bát- tín hy hữu, 7. Vô đắc vô thuyết, 8. Y pháp nhã Ba-la-mật. xuất sanh, 9. Nhất tướng vô tướng; Phần II, có 8 đoạn (tt): 10. Trang nghiêm Tịnh 461. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA- độ, 11. Vô vi phước thắng, 12. Tôn trọng LA-MẬT – Trọn bộ 2 Quyển chánh giáo, 13. Như pháp thọ trì, 14. Ly Giảng giải: Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải tướng tịch diệt, 15. Trì kinh công đức, 16. Nxb Tôn Giáo –

2013 Năng tịnh nghiệp chướng, 17. Cứu kính vô Kinh có khổ 15 x 21cm, 2 quyển dày hơn ngã; Phần III, có 15 đoạn (tt): 18. Nhất thể 428 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa đồng quán, 19. Pháp giới thông hóa, 20. mạ vàng, có hình tượng Đức Phật tay kiết Ly sắc ly tướng, 21. Phi thuyết sở thuyết, ấn, có hộp đựng 2 quyển. 22. Vô pháp khả đắc, 23. Tịnh tâm hành Quyển I, dày hơn 233 trang, gồm có 4 thiện, 24. Phước trí vô tỉ, 25. Hóa vô sở phần, 14 đoạn (Đ). Phần I. Lời mở đầu, hóa, 26. Pháp thân phi tướng, 27. Vô đoạn Phần II. Lược khảo, Phần III. Ý nghĩa của vô diệt, 28. Bất thọ bất tham, 29. Oai nghi tên Kinh Kim Cang, Phần IV. Giải nghĩa tịch tịnh, 30. Nhất hợp tướng lý, 31. Tri chánh văn Kinh Kim Cang: Đ.1 Nguyên kiến bất sanh, 32. Ứng hóa phi chơn. do của Pháp hội, Đ.2 Thiện hiện thưa hỏi, Đ.3 Chánh tông của Đại thừa, Đ.4 Diệu 459. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA- hạnh không chỗ trụ, Đ.5 Thấy lẽ thật đúng LA-MẬT lý, Đ.6 Chánh tín ít có (Người tin đúng rất Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- ít có), Đ.7 Không được không nói, Đ.8 Y thập (Kumàrajiva, 344-413) nơi chánh pháp mà sanh ra các quả vị, Đ.9 Việt dịch và lược giải: HT. Thích Thiện Một tướng không tướng, Đ.10 Trang Hoa (1918-1973) nghiêm Tịnh độ, Đ.11 Phước vô vi là hơn Tác phẩm Kinh này gồm có 10 bài giảng hết, Đ.12 Tôn trọng Kinh điển chơn chính: - Lời tựa, Bài 1. Đề mục kinh, Tên chánh, Đ.13 Đúng pháp thọ trì, Đ.14 Lìa tác giả; A. Phần tự; Bài 2. B. Phần chánh tướng tịch diệt (trong mỗi đoạn có: chánh tôn; Bài 3, Bài 4, Bài 5, Bài 6, Bài 7, Bài văn và lược giải); 8, Bài 9 và Bài 10; C. Phần lưu thông. Quyển II, dày 195 trang, từ Đ.15 đến (Trích Phật Học Phổ Thông, Q.3, Nxb Tôn Đ.32. Nội dung: Đ.15 Công đức trì Kinh, Giáo - 2005) Đ.16 Hãy làm sạch các Nghiệp chướng, Đ.17 Tột cùng không có ngã, Đ.18 Đồng

quán có một thể, Đ.19 Pháp tướng thông Pháp Bảo – Sydney ấn tống, PL. 2545 – suốt không bị ngăn trở, Đ.20 Lìa sắc lìa DL. 2002 tướng, Đ.21 Không năng thuyết và sở Kinh dày hơn 300 trang. Nội dung gồm thuyết, Đ.22 Không pháp có thể được, có: Lời nói đầu, Lời tựa; Quyển bảy, và 27 Đ.23 Tâm trong sạch làm việc thiện, Đ.24 đoạn Kinh Kim Cang Bát-nhã giảng luận. Phước trí không gì sánh bằng, Đ.25 Giáo hóa không giáo hóa, Đ.26 Pháp thân chẳng 464. KINH KIM CANG ĐẢNH DU- phải tướng, Đ.27 Không đoạn không diệt, GIÀ LÝ THÚ BÁT-NHÃ Đ.28 Không thọ không tham trước, Đ.29 Đại Chánh (Taisho) vol. 8, no. 241 Bốn oai nghi đến tịch tĩnh, Đ.30 Ly một Hán dịch: Kim Cang Trí hợp tướng, Đ.31 Tri kiến chẳng phải sanh, Phiên âm và lược dịch: Nguyên Tánh và Đ.32 Ứng hóa không phải thật (trong mỗi Nguyên Hiển đoạn có: chánh văn và lược giải). Việt dịch (2006): Chùa Châu Lâm Tuệ Quang Wisdom Light Foundation 462. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA- Tác phẩm Kinh này có 44 trang (PDF). Dịch giả: Trí Tịnh (1917-2014) PDF) In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định), Ấn tống PL. 2512 – DL. 1949 465. KINH KIM CANG ĐỈNH NHỨT Kinh có khổ 15.5 x 22cm, có 86 trang, bìa THIẾT NHƯ LAI CHƠN THỰC mềm, nền màu nâu đỏ, chữ tựa màu đỏ NHIẾP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG nhạt, 2 chữ Kim Cang mạ vàng; (Bà ĐẠI GIÁO VƯƠNG Grégoire Võ Thành, nhủ danh Cao Thị Hán dịch: Bất Không Hai, pháp danh: Diệu Phước ấn tống). Việt dịch: Huyền Thanh Tác phẩm Kinh này gồm có: Nghi thức Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 tụng kinh, niệm Phật; Kim Cang nghi quyển, 4 phần: Quyển thượng, I. Thâm thức; Kim Cang kinh (dịch âm, có 32 diệu bí mật Kim Cương giới Tam-muội- phần) và Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la- gia tu tập Du-già nghi; Quyển hạ, II. Tỳ- mật (dịch nghĩa). Sau cùng

là phần Thích lô-giá-na nhất thiết Như Lai trụ bí mật tâm nghĩa, Sám Di-đà, Sám Hồ quì. địa ấn chân ngôn yết-ma bộ, III. Tỳ-lô-giá- Xem: (32 phần) Kinh Kim Cang Bát-nhã na nhất thiết Như Lai tộc bí mật tâm địa ấn Ba-la-mật-đa chân ngôn tam-muội-gia bộ, IV. Tỳ-lô- Kinh này được tái bản Lưu hành nội bộ giá-na nhất thiết Như Lai tộc bí mật tâm năm 2002; năm 2018, Nxb Hồng Đức, địa ấn chân ngôn-cúng dường bộ. màu vàng cam, chữ tựa màu đỏ, có hình Bộ Mật giáo) hoa sen góc phải phía dưới, với nhan đề "Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật". 466. KINH KIM CANG Giác Nghĩa Đoạn Nghi 463. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ COMMENTARY ON THE DIAMOND Tinh Yếu Giảng Luận SUTRA By Han Shan Bảo Lạc Tùng Thư Translated by Charlesluk Bi-lingual Việt dịch: Thích Bảo Lạc Edition Vietnamese-English

Thiền sư Hám Sơn thân chẳng phải là tướng, 27. Không đoạn- Việt dịch: Nguyên Hiển không diệt, 28. Không thọ, không tham Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14 x trước, 29. Bốn oai nghi đều tịch tĩnh, 30. 20cm, có hơn 161 trang, bìa mềm. Lý một hợp tướng, 31. Tri kiến chẳng Nội dung gồm có: Lời ghi chú, Nhân dịp sanh, 32. Ứng hóa không phải thật. tái bản năm 2008 (PL. 2552), Lời giới Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều thiệu, Bài tựa của ngài Hám Sơn, Kinh lần: Năm 1997, THPG Tp. Hồ Chí Minh Kim Cang Giác Nghĩa Đoạn Nghi, Phần I; ấn hành; các năm 2003, 2005, 2009, 2010, Phần II; Phụ bản Anh ngữ - The Diamond Nxb Tôn Giáo; năm 2017, Nxb Hồng Đức. Cutter of Doubts, Foreword, Preface, The Diamond Cutter of Doubts, Part I, Part II. 468. KINH KIM CANG Giảng Giải Giảng giải: Thích Trúc Thông Quang 467. KINH KIM CANG Giảng Giải Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Quang – PL. Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ 2550 (Lưu hành nội bộ) Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 Nội dung gồm có: Duyên khởi, Ý nghĩa Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 262 trang, bìa của tên Kinh; và 32 Đoạn Kinh Kim Cang mềm. giảng giải. Toàn bộ Kinh này gồm có 32 đoạn, mỗi đoạn có 3 phần: phiên âm, dịch nghĩa và 469. KINH KIM CANG Giảng Lục giảng. Phần đầu là Lược khảo: - Những Giảng giải: Thái Hư Đại sư (1889-1947) nhà phiên dịch Phạn-Hán, - Những nhà sớ Việt dịch: Thích Huệ Hưng (1917-1990) giải, - Những nhà phiên dịch Hán Việt, - Nxb Hồng Đức – 2020 Sự liên hệ giữa kinh Kim Cang và Thiền Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 214 trang. tông. Phần chính: Đề kinh, Kim Cang Bát- Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Kinh Kim nhã Ba-la-mật. Các đoạn: 1. Nguyên do Cang Bát-nhã Ba-la-mật giảng lục, gồm của pháp hội, 2. Thiện hiện thưa hỏi, 3. 32 phẩm Kinh Kim Cang, mỗi phẩm có: Chánh tông của Đại thừa, 4. Diệu hạnh Kinh văn âm Hán-Việt, dịch nghĩa và không chỗ trụ, 5. Thấy lẽ thật đúng lý, 6. giảng giải. Chánh tín ít có, 7. Không được-không nói, Xem: (32 phẩm) Kinh Kim Cang 8. Y nơi chánh pháp mà sanh ra tất cả quả Tác phẩm Kinh này đã được Phật Quang vị, 9. Một tướng không tướng, 10. Trang xuất bản năm PL. 2500 – DL. 1956, In tại nghiêm Tịnh độ, 11. Phước vô vi là hơn Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Giấy phép số hết, 12. Tôn trọng kinh điển chân chánh, 1491/TXB của N.T.T.N.V., có 101 trang, 13. Đúng pháp thọ trì, 14. Lìa tướng tịch bìa mềm; năm 1991, THPG Tp. Hồ Chí diệt, 15. Công đức trì kinh, 16. Hay làm Minh ấn hành. sạch các nghiệp chướng, 17. Tột cùng không có ngã, 18. Đồng quán có một thể, 470. KINH KIM CANG Giảng Lục 19. Pháp giới thông suốt không bị ngăn Giảng giải: TT. Thích Thông Phương trở, 20. Lìa sắc-lìa tướng, 21. Không năng Nxb Tôn Giáo – 2004 thuyết và sở thuyết, 22. Không pháp có thể Toàn bộ tác phẩm Kinh

này gồm có 32 được, 23. Tâm trong sạch làm việc thiện, đoạn: - Lời đầu sách, Lời dẫn, Giải đề 24. Phước trí không già sánh bằng, 25. Kinh, Giải về Người dịch, Vào văn Kinh; Giáo hóa không có chỗ giáo hóa, 26. Pháp 1. Nguồn gốc pháp hội, 2. Thiện hiện khải

thỉnh, 3. Chánh tông của Đại thừa, 4. Diệu Kinh có khổ 16 x 24cm, có 87 trang, bìa hạnh vô trụ, 5. Thật thấy đúng như lý, 6. mềm, nền đỏ, có khung bao hoa văn bốn Chánh tín ít có, 7. Không được không nói, góc, có hình hoa sen ở dưới tựa Kinh, chữ 8. Y pháp sinh ra, 9. Một tướng vô tướng, tựa màu vàng và màu trắng. Nội dung gồm 10. Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Phước vô có: Nghi thức khai Kinh, Niệm hương, vi thù thắng, 12. Tôn trọng chánh giáo, 13. Tụng chú,... Khai Kinh kệ, Phần dịch âm, Đúng như pháp thọ trì, 14. Tịch diệt lìa Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, Bát- tường, 15. Công đức trì Kinh, 16. Hay nhã Vô tận chơn ngôn, Kim Cang Tâm sạch nghiệp chướng, 17. Rốt ráo vô ngã, chân ngôn,... Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa 18. Đồng quán một thể, 19. Hóa thông cả Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định chân pháp giới, 20. Lìa sắc lìa tướng, 21. Chẳng ngôn, Hồi hướng, Tam tự Quy y; Phần phải thuyết-sở thuyết, 22. Không pháp có dịch nghĩa, Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba- thể được, 23. Tịnh tâm hành thiện, 24. la-mật-đa. Phước trí không sánh, 25. Giáo hóa không chỗ giáo hóa, 26. Pháp thân chẳng phải 473. KINH KIM CANG KHỦNG BỐ tướng, 27. Không đoạn không diệt, 28. TẬP HỘI PHƯƠNG QUẢNG Chẳng thọ chẳng tham, 29. Uy nghi tịch QUỸ NGHI QUÁN TỰ TẠI BỒ-TÁT tĩnh, 30. Lý nhất hợp tướng, 31. Tri kiến TAM THẾ chẳng sinh, 32. Ứng hóa chẳng phải chân. TỐI THẮNG TÂM MINH VƯƠNG Kinh này được tái bản năm 2011, Nxb Tôn Hán dịch: Bất Không Giáo. Việt dịch: Huyền Thanh Tác phẩm Kinh này gồm có 9 phẩm: P.1 471. KINH KIM CANG - Giảng Nghĩa Tựa, P.2 Việc thành tựu, P.3 Thành tựu Từng Đoạn Thiết Yếu báu như ý, P.4 Trị liệu tất cả bệnh, P.5 Tất Giảng giải: HT. Tịnh Không cả hữu tình kính niệm, P.6 Thành tựu Việt dịch: Thích Nhựt Chiếu nghĩa lợi, P.7 Thành tựu nghi quỹ, P.8 Phổ Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 thông thành tựu, P.9 Thành tựu tâm chân bìa mềm. Nội dung gồm có 5 quyển: Kinh Pháp bảo-Bộ Mật giáo) Kim Cang Giảng nghĩa Từng đoạn Thiết yếu, Quyển một,... đến Quyển năm; Chánh 474. KINH KIM CANG TAM-MUỘI văn bản chữ Hán từng đoạn phiên âm và Dịch và chú giải: Thích Thái Hòa dịch nghĩa. Chùa Phước Duyên (Huế) ấn hành, PL. 2557 – DL. 2013 472. KINH KIM CANG – Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày hơn 287 KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT trang; nội dung gồm có 8 phẩm chính: - KINH – âm nghĩa Giới thiệu Kinh Kim Cang Tam-muội: Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Kinh bản và huyền thoại, Ý nghĩa đề Kinh, Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Đặc điểm của Kinh Kim Cang Tam-muội, Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và 1. Tông yếu, 2. Giáo học, 3. Pháp hành, 4. Nguyễn Minh Tiến Quả vị; Kinh Kim Cang Tam-muội: P.1 Nxb Tôn Giáo – 2015 Tựa, P.2 Pháp vô tướng, P.3 Hành vô sanh, P.4 Lợi ích từ bản giác, P.5 Vào bến

bờ chân thực, P.6 Chân tánh không, P.7 Đoạn nghi hóa thân xuất hiện thọ tướng Như Lai tạng, P.8 Tổng trì; Thư mục tham phước báo; 25. Đoạn nghi pháp thân, hóa khảo. thân là một hay khác; 26. Đoạn nghi hóa thân thuyết pháp không có phước; 27. 475. KINH KIM CANG Tông Thông Đoạn nghi nhập Niết-bàn làm sao thuyết Hán dịch: Tam tạng Pháp sư pháp. Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) Tông thông: Tăng Phụng Nghi 476. KINH KIM CANG THỌ MẠNG Việt dịch: Thích nữ Tuệ Đăng VÀ KINH BÁT

DƯƠNG Nxb Phương Đông – 2009. Kinh có khổ Nxb Tôn Giáo – 2008 14 x 20cm, dày hơn 302 trang, bìa mềm. Kinh có khổ 11.5 x 15.5cm, có 114 trang, Nội dung Kinh này gồm có 27 đoạn: - bìa mềm. Kinh Kim Cang tông thông duyên khởi; - Tác phẩm Kinh này gồm có: Nghi thức Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa tông tụng Kinh, Cúng hương, Kỳ nguyện, Tán thông; 1. Đoạn nghi vì cầu tướng hảo Phật thán Phật, Quán tưởng, Đảnh lễ, Đại bi nên thực hành bố thí trụ tướng; 2. Đoạn thần chú, Khai Kinh kệ; Phật nói Kinh nghi không tin sâu nhân quả; 3. Đoạn nghi Nhất thế Như Lai Kim cang Thọ mạng Đà- vô tướng thì làm sao đắc, làm sao thuyết; la-ni (Hán dịch: Tam tạng Kim Cang Trí 4. Đoạn nghi Thanh văn đắc quả là thủ và Sa-môn Trì Tạng); Phật nói Kinh Thiên chứng; 5. Đoạn nghi Thích-ca, Nhiên địa Bát dương (Hán dịch: Tam tạng Pháp Đăng có thủ chứng, có thuyết pháp; 6. sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344- Đoạn nghi trang nghiêm cõi Phật trái với 413), Phần I. Trong Pháp hội thành tựu, chẳng thủ; 7. Đoạn nghi thọ được báo thân Phần II. Khai bày việc chánh kiến, Phần là có thủ đắc; 8. Đoạn nghi thọ trì giảng III. Vấn đề chánh đạo, an tử, tẩn, táng, thuyết chưa thoát quả khổ; 9. Đoạn nghi Phần IV. Thế đề cưới gả, Phần V. Nói về này chứng vô thể chẳng phải nhân; 10. tên Kinh Bát dương, Phần VI. Lời phú Đoạn nghi chân như có đắc, có bất đắc; chúc, Phần VII. Chứng ngộ chỗ mầu 11. Đoạn nghi trụ tu hàng phục là ngã; 12. nhiệm, Phần VIII. Đồng phụng hành thủ Đoạn nghi Phật nhân là có Bồ-tát; 13. hộ, Lời các ông Bồ-tát khen Phật, Lời Đoạn nghi không nhân thì không có Phật khen Kinh Bát dương này, Nghi thức Hồi pháp; 14. Đoạn nghi không người hóa độ hướng, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật; 15. Kinh, Bạt nhứt thiết Nghiệp chướng căn Đoạn nghi chư Phật chẳng thấy các pháp; bản đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Thập 16. Đoạn nghi phước đức sánh với tâm phương, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam điên đảo; 17. Đoạn nghi vô vi đâu có Quy y, Đôi lời khuyên nhủ, Các ngày vía tướng hảo; 18. Đoạn nghi không có thân Phật và Bồ-tát hằng năm, Những ngày lấy gì thuyết pháp; 19. Đoạn nghi không chay. có pháp thì làm sao tu chứng; 20. Đoạn Tác phẩm Kinh này đã in xuất bản từ nghi sở thuyết vô ký chẳng phải nhân; 21. năm: 1950, 1974 do Liên Hoa Tịnh thất ấn Đoạn nghi bình đẳng làm sao độ chúng hành. sinh; 22. Đoạn nghi lấy tướng so sánh để biết chân Phật; 23. Đoạn nghi Phật quả 477. KINH KIM CANG Trọn Bộ chẳng liên quan đến phước tướng; 24. Thuyết giảng:

HT. Tuyên Hóa (1918-1995) Nxb Tôn Giáo – 2006 479. KINH KIM CANG & CHÁNH Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 380 trang, bìa PHÁP chưa từng có mềm, chữ tựa màu đỏ và trắng. HT. Thích Huyền Vi Nội dung gồm có: Kinh Kim Cang – Phần Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Kinh văn; Kinh Kim Cang - Phần chú giải; Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 465 trang, C.I Giải thích tổng quát về tên Kinh, C.II bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Dịch giả: Diêu Tần Tam tạng Pháp sư Nội dung gồm có: Lời đầu sách, I. Kinh Cưu-ma-la-thập, C.III Biệt giảng văn sám Kim Cang, Chú giải Kinh Kim Cang, nghĩa, có 32 phần. I. Giảng nói tên Kinh, II. Lịch sử Kim Xem: (32 phần) Kinh Kim Cang Bát-nhã Cang, III. Lược sử ngài Tam tạng Pháp sư Ba-la-mật Cưu-ma-la-thập, IV. Phân giới hạn thuyết giảng, V. Nguyên do Pháp hội thuyết 478. KINH KIM CANG & BÁT-NHÃ giảng, VI. Thuyết vào bản Kinh; và 32 TÂM KINH phần Kinh; II. Kinh Chánh Pháp chưa Edward Conze từng có, gồm 6 quyển; III. Phụ trang – Việt dịch: Thích Nhuận Châu Lược sử Đức Thế Tôn, Giáng

sinh, Xuất Việt – Hán – Phạn – Anh gia, Khổ hạnh, Thành đạo, Thuyết pháp; (Đối chiếu–so sánh–chú giải) Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Sơ lược Nxb Phương Đông – 2016. Kinh có khổ Tiểu sử HT. Thích Huyền Vi, Cùng một 13 x 20.5cm, dày 363 trang, bìa mềm. soạn giả/dịch giả. Nội dung gồm có: Lời nói đầu cho ấn bản Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã lần thứ nhất, Kinh Kim Cang, 1. Dẫn nhập, Ba-la-mật 2. Công hạnh của hàng Bồ-tát, 3. Thứ bậc của đời sống tâm linh, 4. Kết thúc phần 480. KINH KIM CANG Yếu Nghĩa đầu, 5. Tính chất siêu nghiệm, 6. Bồ-tát, 7. Giảng giải: Pháp sư Tịnh Không Đức Phật, 8. Lời khuyên cho những điều Việt dịch: Đệ tử Như Hòa chưa trọn vẹn, 9. Kết luận của phần thứ Nxb Hồng Đức – 2013 hai; Bát-nhã Tâm Kinh Hrdaya, Kinh văn Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 90 trang, Sanskrit, I. Đảnh lễ, II. Mở đầu, III. Biện bìa mềm. Nội dung gồm: A. Sanh tâm vô chứng pháp của Tánh không tầng thứ nhất, trụ, 1. Mục đích của Phật thất, 2. Đạo ở IV. Biện chứng pháp của Tánh không tầng trong sinh hoạt hằng ngày, 3. Làm thế nào thứ hai, V. Biện chứng pháp của Tánh “an tâm đoạn vọng”, 4. Vạn pháp là tướng không tầng thứ ba, VI. Hiện thân cụ thể tương tục (tiếp nối) của nhân quả, 5. Đoạn của tánh không và nền tảng thực tiễn của ác tu thiện trong đời sống; B. Ảo tưởng nó, VII. Tánh không cũng là nền tảng của của duyên sanh, đương thể tức không, 1. Phật quả, VIII. Giáo pháp được đề xuất Bố thí vô trụ, 2. Quy hướng Cực Lạc Tịnh trong phạm vi tiếp cận tương đối chưa Độ, 3. Chư pháp đều không-nhân quả sáng tỏ; Phụ lục: 1. Tranh bìa của ấn bản chẳng không, 4. Hễ những gì có tướng đều Đôn Hoàng, 2. Kinh Kim Cang bản tiếng là hư vọng, 5. Chánh pháp còn nên xả, Phạn, 3. Kinh Kim Cang bản tiếng Hán, huống hồ là phi pháp; C. Lìa khỏi bốn Chữ viết tắt trong sách này, Thuật ngữ đối tướng, tin nhân quả, 1. Rộng kết thiện chiếu, Sách dẫn. duyên và pháp duyên, 2. Đức Phật vạn đức

vạn năng, 3. Lìa bốn tướng-hiểu rõ sự lý- Kinh 1. Mở đầu, có 2 Kim, Kim 1. Mở đầu tin nhân quả; D. Tôn đức Phật A-di-đà làm như các Kinh khác (Đoạn 1), Kim 2. Mở thầy, 1. Pháp môn bình đẳng, 2. Thân cận đầu bằng hai câu hỏi đáp căn bản (Đoạn 2- thiện tri thức, 3. Đừng lôi kéo tín đồ, đừng 6); Kinh 2. Nội dung, có 3 Kim: Kim 1. hóa duyên, 4. Pháp môn vô lượng chỉ chọn Như thật tri kiến về đối tượng, Kim 2. một môn, 5. Lối dạy học nghệ thuật hóa Như thật tri kiến về Tuệ giác, Kim 3. Như trong Phật giáo, 6. Tôn Phật làm thầy; E. thật tri kiến về chủ thể; Kinh 3. Kết thúc; Vũ trụ nhân sanh chỉ là mộng huyễn bào a. Kim 1. Kết thúc với 2 câu hỏi đáp căn ảnh, 1. Thọ trì một câu kệ hơn cả bố thí bản, a1. Cương 1. Kết thúc với 2 câu hỏi thất bảo, 2. Hoằng pháp phải địa phương đáp căn bản (đoạn 49), a2. Cương 2. hóa và hiện đại hóa, 3. Cành cũ lá mới-tùy Khuyến cáo tu học và diễn tả Kim Cương duyên thuyết pháp, 4. Ăn chay vệ sinh, vệ (đoạn 50), a3. Cương 3. Chỉ cách diễn tả tánh, vệ tâm (bảo vệ sinh thái, bảo vệ tánh Kim Cương (đoạn 51), b. Kim 2. Kết thúc đức, bảo vệ tâm tánh), 5. Vũ trụ nhân sanh như các Kinh khác (đoạn 52), chỉ là mộng huyễn bào ảnh. Kim 1. Như thật tri kiến về đối tượng, có 3 Cương: Cương 1. Như thật tri kiến về 481. KINH KIM CƯƠNG Phật, có 2 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về Dịch giải: Thích Trí Quang (1923-2019) Phật (đoạn 7), Bát 2. Đức tin của Pháp Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994 thoại (đoạn 8), Cương 2. Như thật tri kiến Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 263 về Pháp, có 2 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng. về Pháp (đoạn 9), Bát 2. Phước đức của Nội dung Kinh này gồm có:

(Lời cầu pháp thoại (đoạn 10), Cương 3. Như thật nguyện), Phần tụng niệm, Phần lược giải, tri kiến về Tăng, có 3 Bát: Bát 1. Như thật Bảng viết tắt, Mục lục; tri kiến về Thanh văn (đoạn 11), Bát 2. Dẫn nhập: 1. Kinh Kim Cương, 2. Tài Như thật tri kiến về Bồ-tát, có 3 Nhã: Nhã liệu tham khảo để dịch giải Kim Cương, 3. 1. Như thật tri kiến về Bồ-tát hạnh quả của Vài dòng về dịch chủ La-thập và ngài Phật (đoạn 12), Nhã 2. Như thật tri kiến về Tăng Triệu, 4. Cách dịch và cách giải Kim Bồ-tát hạnh (đoạn 13), Nhã 3. Như thật tri Cương được áp dụng, 5. Đại thể của Kim kiến về Bồ-tát quả (đoạn 14), Bát 3. Phước Cương, 6. Đối tượng của Kim Cương, 7. đức của pháp thoại (đoạn 15); Nội dung của Kim Cương, a. Ý nghĩa Kim 2. Như thật tri kiến về Tuệ giác, có 2 danh hiệu Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, Cương: Cương 1. Như thật tri kiến về Tuệ b. Ngã chấp trong Kim Cương, c. Bát-nhã giác, có 4 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về của Kim Cương, d. Phát tâm, Trú tâm và bản thân của Tuệ giác, có 4 Nhã: Nhã 1. Hàng tâm, 8. Kim Cương: Đại thừa và Như thật tri kiến về bản thân của Tuệ giác Tiểu thừa, a. Vấn đề Phật, b. Vấn đề (đoạn 16), Nhã 2. Như thật tri kiến về Tuệ chúng sinh thành Phật, c. Vấn đề Niết-bàn, giác Phật dạy (đoạn 17-18), Nhã 3. Như 9. Thực hành Kim Cương, 10. Vị trí của thật tri kiến về cái thân Phật dùng để dạy Kim Cương, 11. Ghi chú phần dẫn nhập; Tuệ giác ấy (đoạn 19), Nhã 4. Phước đức Lược giải, Kim Cương dịch thành 1544 của pháp thoại (đoạn 20); Bát 2. Như thật câu, chia thành 52 đoạn, phân khoa có 5 tri kiến về đức tin của Tuệ giác (đoạn 21); lớp, đánh dấu bằng 5 chữ: Kinh-Kim- Bát 3. Như thật tri kiến về chi tiết của Tuệ Cương-Bát-Nhã. Kim Cương có 3 Kinh: giác, có 2 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến về

nhẫn nhục (đoạn 22), Nhã 2. Như thật tri về bản thân (đoạn 48); Kinh 3. Kết thúc, kiến về bố thí (đoạn 23); Bát 4. Phước đức có 2 Kim: Kim 1. Kết thúc ứng với 2 câu của pháp thoại (đoạn 24), Cương 2. Như hỏi đáp căn bản, có 3 Cương: Cương 1. thật tri kiến về sự tin của Tuệ giác ấy, có 4 Kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về sự tin đặc (đoạn 49), Cương 2. Khuyến cáo tu học và biệt (đoạn 25), Bát 2. Như thật tri kiến về diễn tả Kim Cương (đoạn 51), Cương 3. địa điểm đặc biệt (đoạn 26), Bát 3. Như Chỉ cách diễn tả Kim Cương (đoạn 51); thật tri kiến về hiệu năng đặc biệt (đoạn Kim 2. Kết thúc như các Kinh khác (đoạn 27), Bát 4. Như thật tri kiến về phước đức 52). đặc biệt (đoạn 28); Kim 3. Như thật tri kiến về chủ thể, có 2 482. KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ Cương: Cương 1. Như thật tri kiến về chủ BA-LA-MẬT thể, có 3 Bát, Bát 1. Như thật tri kiến chủ Vajra-Prajnàramità-Sutra thể về Nhân và Quả của Bồ-tát, có 5 Nhã: Việt dịch: Thích Tuệ Hải Nhã 1. Như thật tri kiến về chủ thể phát Hương Quang xuất bản, PL. 2506 – DL. tâm Vô thượng Bồ-đề (đoạn 29), Nhã 2. 1962 Như thật tri kiến về chủ thể thực hiện Vô Kinh có hơn 79 trang, bìa mềm, chữ tựa thượng Bồ-đề (đoạn 30), Nhã 3. Như thật màu xanh dương và màu đỏ. Nội dung tri kiến về Bồ-tát hạnh thực hiện Vô gồm có: Thay lời tựa, Phần Nghi lễ, (Tán thượng Bồ-đề (đoạn 31-32), Nhã 4. Như hương, Tụng Thần chú,...); Kệ khai Kinh, thật tri kiến về Tuệ của Vô thượng Bồ-đề Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, Hán (đoạn 33), Nhã 5. Như thật tri kiến về dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, phước của Vô thượng Bồ-đề (đoạn 34), a.1 và 32 đoạn Kinh, Tâm Kinh Bát-nhã Ba- 2. Bát 2. Như thật tri kiến chủ thể về Phật la-mật-đa, Phát nguyện Hồi hướng, Tam quả của Bồ-tát, có 4 Nhã: Nhã 1. Như thật Tự Quy y; Phần chú

thích. tri kiến về Phật thân (đoạn 35), Nhã 2. Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cương Bát-nhã Như thật tri kiến về Phật thuyết (đoạn 36), Ba-la-mật Nhã 3. Như thật tri kiến về Phật hóa (đoạn Tác phẩm Kinh này được Ban Hoằng 37), Nhã 4. Như thật tri kiến về Phật pháp Pháp Miền Vĩnh Nghiêm (Sài Gòn) tái (đoạn 38); Bát 3. Phước đức của pháp bản, PL. 2510 – DL. 1966. thoại (đoạn 39); Cương 2. Như thật tri kiến về chủ thể mà loại bỏ tà kiến, có 2 483. KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ Bát: Bát 1. Như thật tri kiến mà loại bỏ tà BA-LA-MẬT kiến, có 2 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- mà loại bỏ tà kiến thường còn (đoạn 40- thập (Kumàrajiva, 344-413) 41), Nhã 2. Như thật tri kiến mà loại bỏ tà Việt dịch: Thích Như Minh kiến đoạn diệt (đoạn 42-43); Bát 2. Loại Chùa Việt Nam (Los Angeles) – 2015 bỏ tà kiến mà hội nhập Như thật tri kiến, Tác phẩm Kinh này dày 361 trang. Nội có 4 Nhã: Nhã 1. Hội nhập như thật tri dung gồm có: Pháp nhũ phụng trì Kinh, kiến về Nhân (đoạn 44), Nhã 2. Hội nhập Vài lời cảm niệm của Trưởng lão Thích Như thật tri kiến về Quả (đoạn 45), Nhã 3. Tâm Châu, Tựa; Kinh Kim Cang Bát-nhã Hội nhập Như thật tri kiến về vũ trụ (đoạn Ba-la-mật; Kinh Kim Cang Năng Đoạn 46-47), Nhã 4. Hội nhập Như thật tri kiến Bát-nhã Ba-la-mật;

Vajracchedikàprajnàpàramità Sùtram; Ngữ vương (No. 865), Quyển thượng-Quyển vựng Kinh Kim Cương. trung-Quyển hạ; 3. Kinh Niệm Tụng được lược ra trong Kim Cương Đỉnh Du-già 484. KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ (No. 866), Quyển I, II, III, IV; 4. Kim Giảng Nghĩa Cương Đỉnh Liên hoa Bộ Tâm niệm Tụng Nguyên tác: Lục Tổ Huệ Năng (638-713) Nghi quỹ (No. 873), 5. Kim Cương Đỉnh Việt dịch (2008): Nguyên Hiển Nhất thiết Như Lai chân thật Nhiếp Đại Tác phẩm Kinh này có 120 trang (PDF), thừa Hiện chứng Đại Giáo vương Kinh với 32 đoạn: 1. Nhân duyên pháp hội, 2. (No. 874), Quyển thượng-Quyển hạ; 6. Tu-bồ-đề thưa hỏi, 3. Đại thừa chính tông, Liên hoa Bộ Tâm niệm Tung Nghi quỹ 4. Hạnh vô trụ, 5. Thật thấy như lý, 6. (No. 875). Hiếm có lòng tin chân thật, 7. Không chứng đắc-không thuyết pháp, 8. Y pháp 486. KINH KIM CƯƠNG – xuất sinh, 9. Một tướng vô tướng, 10. Gươm Báu Cắt Đứt Phiền Não Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Phúc vô vi Dịch và giải: Thích Nhất Hạnh vượt trội, 12. Tôn trọng chính giáo, 13. Nxb Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh Thụ trì đúng như pháp, 14. Vắng lặng lìa – 2016 bỏ các tướng, 15. Công đức thụ trì Kinh, Sách có khổ 13 x 20cm, có 164 trang, bìa 16. Có khả năng làm sạch nghiệp chướng, mềm, chữ tựa màu hường và đen nằm 17. Cứu cánh vô ngã, 18. Đồng quán một trong hình vẽ dáng người ngồi thiền; bìa thể, 19. Pháp giới thông hóa, 20. Rời bỏ sau là 2 đoạn văn giới thiệu về Kinh Kim sắc tướng, 21. Không nói pháp, không Cương. pháp để nói, 22. Không được một pháp Toàn bộ tác phẩm này gồm 2 phần: Kinh nào, 23. Tịnh tâm thực hành thiện pháp, văn và Chú giải. 24. Phúc và Trí không thể so sánh, 25. Tác phẩm Kinh này đã được Lá Bối in lần Hóa độ và không chỗ hóa độ, 26. Pháp thứ nhất – 1992 tại San Jose, với nhan đề thân không hình tướng, 27. Không đoạn là “Kim Cang – Gướm Báu Chặt Đứt không diệt, 28. Không nhận-không tham, Phiền Não”. 29. Uy nghi vắng lặng, 30. Lý về tướng hợp nhất, 31. Tri kiến không sinh, 32. Ứng hóa chẳng phải chân thật. PDF) (Phạn – Việt) Dịch và Chú giải: Lê Tự Hỷ 485. KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH Nxb Hồng Đức – 2020 – Tập I Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 275 trang, Biên dịch: Huyền Thanh bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời mở

đầu, Nxb Phương Đông, PL. 2554 – DL. 2010 Vài điều nên biết trước khi bạn đọc bắt Kinh có khổ 20 x 29cm, dày hơn 320 đầu đọc phần dịch Phạn – Việt; Phần dịch trang, bìa cứng. Phạn – Việt; Bản Việt dịch toàn văn Kinh Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Kinh Kim Cương; Phụ lục: Từ vựng Phạn – Việt Kim Cương Đỉnh Nhất thiết Như Lai Chân trong Kinh Kim Cương; Tài liệu tham thật Nhiếp Đại thừa Hiện chứng Đại Giáo khảo.

thần Kiên Lao, P.15 Tán Chỉ quỷ thần, 488. KINH KIM QUANG MINH P.16 Chánh luận, P.17 Thiện tập; Q.VII, Việt dịch: HT. Thích Thiện Trì P.18 Quỷ thần, P.19 Thọ ký, P.20 Trừ Nxb Hồng Đức – 2013 bệnh, P.21 Lưu Thủy trưởng giả tử; Kinh này có khổ 16 x 26cm, dày 304 Q.VIII, P.22 Xả thân, P.23 Tán Phật, P.24 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Toàn bộ Phó chúc. Sau cùng là Nghi thức Hồi Kinh Kim Quang Minh có 4 quyển, 19 hướng, Sám Quy mạng, Hồi hướng, Phục phẩm: Lời giới thiệu, Tựa, Lời người dịch; nguyện, Phụ trương: - Nghi thức hành trì Nghi khai Kinh, Q.I P.1 Tựa, P.2 Thọ mật chú Chuẩn Đề, - Bài Phục nguyện. lượng, P.3 Sám hối, P.4 Tán thán, P.5 Tác phẩm Kinh này được chùa Hải Vân Không; Q.II P.6 Tứ Thiên vương, P.7 Đại (Vũng Tàu) xuất bản năm 1975; tái bản Biện thiên, P.8 Công đức thiên, P.9 Kiên năm 1993, Nxb Tôn Giáo; năm 2005, Lao Địa thần; Q.III P.10 Tán Chỉ quỉ THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành. thần, P.11 Chánh luận, P.12 Thiện tập, P.13 Quỉ thần, P.14 Thọ ký, P.15 Trừ 490. KINH KIM QUANG MINH - Nghi bịnh; Q.IV P.16 Trưởng giả Lưu Thủy, Thức Tụng Niệm P.17 Xả thân, P.18 Tán Phật, P.19 Chúc Ban Dịch thuật Hán tạng Pháp âm lũy; Bát-nhã Tâm Kinh, Kệ viết Kinh, Hồi Biên dịch và chú thích: Thích Nguyên hướng; Phần Chú thích. Chơn Tác phẩm Kinh này đã được chùa Linh Nxb Hồng Đức – 2013 Quang (Huế) ấn hành năm PL. 2515 – DL. Tác phẩm Kinh này dày 515 trang, bìa 1971. mềm; kết cấu gồm có 10 quyển, 31 phẩm. Nội dung như sau: Thay lời tựa; Kinh Kim 489. KINH KIM QUANG MINH Quang Minh – Nghi thức tụng niệm, Q.I, Hiệp Bộ P.1 Tựa, P.2 Thọ lượng của Như Lai; Q.II, Dịch giả: Tỳ-kheo Ni Như Ấn P.3 Phân biệt ba thân, P.4 Mộng thấy THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. trống vàng phát tâm sám hối; Q.III, P.5 2536 – DL. 1992 Diệt trừ nghiệp chướng; Q.IV, P.6 Tịnh Kinh dày hơn 532 trang, bìa mềm, chữ tựa địa Đà-la-ni; Q.V, P.7 Bài tán Liên Hoa màu vàng và đỏ, có hình tượng Phật Ngọc, dụ, P.8 Đà-la-ni Kim thắng, P.9 Giảng lại phía sau là bảo tháp tại Bồ-đề Đạo tràng tánh không, P.10 Nương không đạt (Ấn Độ). nguyện, P.11 Tứ thiên vương quán sát trời Kết cấu gồm có 8 quyển, 24 phẩm: - Lời người; Q.VI, P.12 Tứ Thiên vương Hộ duyên khởi, - Tựa Kinh Kim Quang Minh quốc; Q.VII, P.13 Đà-la-ni không nhiễm hiệp bộ, - Nghi thức khai Kinh trì tụng; trước, P.14 Như ý bảo châu, P.15 Thiên nữ Q.I, P.1 Tựa Kinh, P.2 Thọ lượng, P.3 Đại Biện Tài (1); Q.VIII, P. 15 Thiên nữ Tam thân phân biệt; Q.II, P.4 Sám hối, P.5 Đại Biện Tài (2), P.16 Thiên nữ Đại Cát Diệt nghiệp chướng; Q.III, P.6 Đà-la-ni Tường, P.17 Thiên nữ Đại Cát Tường tăng Tối tịnh địa; Q.IV, P.7 Tán thán, P.8 trưởng tài vật, P.18 Địa thần Kiên Lao, Giảng luận pháp không; Q.V, P.9 Y không P.19 Đại tường Da-xoa Chánh Liễu Tri, mãn nguyện, P.10 Tứ Thiên vương; Q.VI, P.20 Vương pháp chính luận; Q.IX, P.21 P.11 Ngân chủ Đà-la-ni, P.12 Đại Biện Thiện Sanh vương, P.22 Chư thiên và dạ-Thiên, P.13 Công đức Thiên, P.14 Địa xoa hộ trì, P.23 Thọ kí, P.24 Trừ bệnh,

P.25 Trưởng giả tử Lưu Thủy; Q.X, P.26 Xả thân, P.27 Bồ-tát mười phương ca 492. KINH KIM QUANG MINH TỐI ngợi, P.28 Bồ-tát Diệu Tràng ca ngợi, P.29 THẮNG VƯƠNG Thần cây Bồ-đề ca ngợi, P.30 Thiên nữ Hán dịch: Đại Biện Tài ca ngợi, P.31 Phó chúc; Phụ Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) lục, Chú thích. Việt dịch: Tuệ Khai Kinh này được xuất bản năm 2009, Nxb Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 Tôn Giáo. quyển, 31 phẩm. 491. KINH KIM QUANG MINH TỐI Pháp bảo-Bộ Kinh tập) THẮNG VƯƠNG Hán dịch: 493. KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: Duy Tịnh Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên quyển, 31 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Thọ Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 thân, P.4 Mộng thấy cái trống vàng-sám Pháp bảo-Bộ Bát-nhã) hối; Q.III, P.5 Diệt nghiệp chướng; Q.IV, P.6 Tối tịnh địa Đà-la-ni; Q.V, P.7 Liên 494. KINH LA-MA-GIÀ Hoa dụ tán, P.8 Kim thắng Đà-la-ni, P.9 Hán dịch: Thánh Kiên Trùng hiển Không tính (Hiển tính trống Việt dịch: Thích nữ Như Phúc rỗng lần nữa), P.10 Y không mãn nguyện, Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: P.11 Tứ Thiên vương quan sát người trời; Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. Q.VII, P.13 Vô nhiễm trước Đà-la-ni, P.14 Bộ Hoa Nghiêm) Như ý bảo châu, P.15 Đại Biện Tài thiên nữ (chi một); Q.VIII, P.15 Đại biện tài thiên nữ (chi hai), P.16 Đại Cát Tường 495. KINH LĂNG-GIÀ thiên nữ, P.17 Đại Cát Tường thiên nữ (Lăng-già A-bạt-đa-la Bửu Kinh) tăng trưởng tài vật, P.18 Kiên Lai Địa Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt- thần, P.19 Tăng-thận-nhĩ-gia-dược-xoa, đà-la (Gunabhadra, 394-468) P.20 Vương pháp chính luận; Q.IX, P.21 Việt dịch: Vua Thiện sinh, P.22 Chư Thiên Dược- Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000) xoa hộ trì, P.23 Thọ ký, P.24 Trừ bệnh, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, P.25 Trưởng giả tử lưu thủy; Q.X, P.26 PL. 2538 – DL. 1994 Buông xả thân mạng, P.27 Mười phương Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 4 quyển: - Bồ-tát khen ngợi, P.28 Diệu Tràng Bồ-tát Lời dịch giả; Q.I, Đệ nhất nghĩa, Nhất khen ngợi, P.29 Thần cây Bồ-đề khen thiết Phật ngữ tâm, Lý luận về sừng thỏ, ngợi, P.30 Đại Biện Tài thiên nữ khen Nhất xiển-đề, Ba thứ Tự tánh, Hai vô ngã, ngợi, P.31 Phó chúc. Pháp tánh không; Q.II, Như Lai tạng, Thế Bộ Kinh tập) nhân duyên của tất cả các pháp, Tướng

ngôn thuyết vọng tưởng, Nhất hay dị, khác nhau (có 6 phần), A. Đại Huệ thưa đồng hay chẳng đồng, Ba thứ lượng, Bốn hỏi, B. Phân biệt 8 thức nhân duyên bất thứ thiền, Thánh chủng tánh, Thế nào là giác, C. Gạn xét Tạng thức đến cùng tột tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự bờ mé, D. Chỉ hiện lượng tự tâm lìa vọng tánh? Q.III, Ý sanh thân, Năm tội vô gián, thấy chơn thật, Đ. Tụng 8 Thức phân biệt Tính bình đẳng của Phật quả, Không một để tự ngộ nhập, E. Chỉ Tự giác Thánh trí lời nào do Phật thuyết, Về hữu và vô của có 3 tướng; C.V Biện minh Ngũ pháp (có tất cả các pháp, Thuyết tướng tông thông, 9 phần), A. Đại Huệ hỏi Phật, B. Phá Thế nào là ngữ, Thế nào là nghĩa, Thuyết ngoại đạo chấp hữu-vô, C. Khai thị tịnh thông và tông thông, Chín thứ chuyển biến trừ Đốn-Tiệm các pháp, D. Khai thị 3 món luận, Luận về vô sanh, Về Niết-bàn; Q.IV, thân Phật nói Trí-Như sai khác, Đ. Chia Ta chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chỗ sai khác của Nhị thừa tự giác, E. Giải chữ, Các kiến giải về vô thường, Sự sanh Thánh trí-thường bất tư nghị, G. Giải Nhị diệt của ấm-giới-nhập, Năm pháp tự tánh, thừa-xả vọng cầu chơn, H. Khai thị chủng Thế nào là tướng Sát-na của tất cả các

tánh, vọng tưởng Trí-Như sai khác, I. Khai pháp? Ba loại Ba-la-mật, Công đức và tội thị vọng tưởng, Trí-Như bình đẳng; C.VI lỗi của người ăn thịt và không ăn thịt. Đoạn II, Giải 3 món tự tánh, Đoạn III, Nói Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: về 2 món vô ngã (có 4 phần), A. Nhơn vô Năm 1996, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn ngã, B. Nói Pháp vô ngã, C. Giải Thiện hành; năm 2000, Nxb Tôn Giáo. pháp vô ngã (chia 2 mục), 1. Ly kiến lập và phỉ báng, 2. Đến chỗ cứu kính độ thoát 496. KINH LĂNG GIÀ TÂM ẤN – luân hồi, D. Khai thị 4 pháp vô ngã tướng Trọn Bộ 4 Quyển (chia 5 mục), 1. Tướng pháp không, 2. Việt dịch: TN. Diệu Không (1905-1997) Tướng vô sanh, 3. Tướng ly tự tánh, 4. Nhà in Liên Hoa (Trung Tâm Liễu Quán – Tướng vô nhị, 5. Kết luận 4 tướng nhập Huế), PL. 2515 – DL. 1970 hết thảy Kinh; Quyển I, dày 171 trang. Nội dung gồm có Quyển II, dày 125 trang. Nội dung gồm 6 chương: Lời Chứng minh của ngài Hòa có: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng thượng Giác Nhiên, Mục lục, Lời nói đầu, Giác Nhiên, Mục lục; Khai thị Như Lai Tổng luận, Dẫn nhập; C.I Nhất thế Phật tạng-siêu ngôn thuyết thành tựu các địa ngữ tâm, A. Đại ý, B. Tự phần, Bồ-tát kệ quả hải của Phật (Phân 11 chương), C.I tán Phật; C.II Đệ nhất nghĩa môn, A. Ngài Khai thị Như Lai tạng không đồng thần Đại Huệ hỏi 108 câu, B. Phật đáp trực chỉ ngã ngoại đạo; C.II Khai thị Như Lai tạng phi cú, Bbis. Phật đáp ngài Đại Huệ; C.III Phương tiện nói (có 5 phần), a. Tổng nói Hiển bày Thánh trí tự giác (có 7 phần), A. có 4 pháp Phương tiện, b. Khéo phân biệt Các Thức sanh diệt khó biết, B. Lược nói tự tâm hiện, c. Quán ngoại tánh phi tánh, thức tướng y Chơn như khi mê vọng, C. d. Ly chấp sanh-trú-dị-diệt, đ. Tự giác Khai ngộ chơn là bất diệt bất sanh, D. Chỉ Thánh trí thiện-ác; C.III Thị Như Lai tạng tà chấp để đoạn Dị nhơn ngoại đạo, Đ. lìa các nhơn duyên; C.IV Thị Như Lai Khai thị chánh nhơn khác với tà nhơn, E. tạng Đệ nhứt nghĩa ly vọng tưởng ngôn Bác ngoại đạo chấp hữu vô là tà đạo, G. thuyết; C.V Như Lai tạng Tự giác Thánh Chỉ chỗ chứng ly vọng tưởng; C.IV Nói rõ trí ly hữu-vô 4 cú chấp; C.VI Bốn món biên tế tám thức để khai thị thức và trí thuyền khác Như Lai thanh tịnh thuyền;

C.VII Như Lai tạng Tự tánh Niết-bàn Chỉ Bát địa thân tướng, d. Phật địa-vô không đồng Nhị thừa; C.VIII Thần lực hành tác-thân tướng; C.III Phương tiện kiến lận phi hữu-vô; C.IX Các pháp duyên Thiện nội Ngũ hạnh (có 6 phần), a. Đại khi để hiểu rõ Như Lai tạng phi nghĩa Huệ hỏi 5 món Vô gián hạnh, b. Đoạn 2 nhơn duyên; C.X Khai thị các pháp món căn bản, c. Cứu kính pháp đoạn, d. thường trú như huyễn bày rõ Như Lai tạng Các ấm thân Cứu kính đoạn, đ. Bảy món tự tánh vô sanh (có 4 phần), a. Hoặc loạn Thức đoạn, e. Ngoại Vô gián hạnh; C.IV thường, b. Hoặc loạn khỉ hai chủng tánh Viên mãn Phật giác (có 4 phần), a. Phật hiện bày chơn như bình đẳng (có 2 mục), giác, b. Như Lai tự-ngữ-thân-pháp bình 1. Hoặc loạn khỉ hai chủng tánh, 2. Thị ly đẳng, c. Giác chứng Phật tự, d. Phật giác vọng bình đẳng chơn như, c. Hoặc loạn cảnh giới ly nhị biên (có 4 mục), 1. Thế vốn vô pháp (có 2 mục), 1. Hoặc loạn như gian chấp hữu-vô, 2. Hữu-vô hai chấp có huyễn, 2. Như huyễn không lỗi, d. Vô nhơn tướng, 3. Bát vô-hại chánh pháp, 4. sanh như huyễn tuyệt hy vọng; C.XI Ly Tổng tụng các nghĩa, Cứu kính nhị thông, ngôn không bị đọa phàm phu ngoại đạo, thức trí các dụng, khác ngoại đạo phàm hiệp giác tâm, kiến lập Niết-bàn (có 5 phu (phân 3 chương): C.I Cứu kính nhị phần), A. Thị ly ngôn đắc nghĩa, B. Chỉ thông, viễn ly vọng tưởng kế trước (có 2 luận

thuyết-cần hiểu nghĩa không chấp lời phần), a. Cứu kính nhị thông, b. Vọng nói, C. Giải 4 quả-chỉ rõ chơn giác (chia 6 tưởng sanh tướng-để rõ Đệ nhất nghĩa (có mục), 1. Hỏi 4 quả sai biệt tướng, 2. Chỉ 3 4 mục): 1. Đại Huệ hỏi vọng tưởng sanh món Tu-đà-hoàn (có 2 tiết), a. Tu-đà-hoàn tướng, 2. Nạn vọng tưởng nhứt sanh-nhứt quả tướng, b. Tu-đà-hoàn đoạn kết sai bất sanh, 3. Giác tâm hiện lượng-vọng khác, 3. Tư-đà-hàm quả tướng, 4. A-na- tưởng bất sanh, 4. Tổng tụng; C.II Ngữ hàm quả tướng, 5. A-la-hán quả tướng, 6. nghĩa-thức trí để rõ Tôn thông (có 5 phần), A-la-hán không đồng siêu giác, D. Giải A. Thị ngữ nghĩa (có 5 mục), 1. Thị ngữ thích Giác tâm (chia 3 mục), 1. Quán sát tướng, 2. Thị nghĩa tướng, 3. Thị dĩ ngữ giác tướng, 2. Chỉ vọng tưởng giác tướng- nhập nghĩa, 4. Biệt y ngữ thủ nghĩa, 5. để minh tự giác trí, 3. Thiện phân tứ đại Tổng tụng, B. Biện minh các Trí (có 3 tạo sắc, nhập quán sát giác, Đ. Kiến lập mục), 1. Ba món Trí tướng, 2. Thức và Trí Niết-bàn (có 3 mục), 1. Lựa riêng Niết- khác biệt, 3. Ngoại đạo chuyển biến không bàn Nhị thừa-ngoại đạo, 2. Vọng tưởng rời Thức (có 2 tiết), a. Ngoại đạo chuyển Thức diệt-tức Niết-bàn, 3. Gạn vọng tưởng danh tướng, b. Chuyển biến vô tánh-do sai biệt để rõ Niết-bàn quả hải; C.I Tự giác vọng thức tạo, C. Biệt y ngữ thủ nghĩa- Nhất thừa đoạn các hữu lậu (có 5 phần), a. thành thâm mật (có 5 mục), 1. Đại Huệ Tự giác Thánh trí, b. Chỉ Nhứt thừa tướng hỏi, 2. Mười một món tương tục thâm mật mạo, c. Tam thừa tùy cơ, d. Chỉ Nhứt thừa pháp, 3. Tương tục thâm mật-tự hoại-hoại bình đẳng pháp, đ. Tổng tụng các nghĩa; tha, 4. Các pháp tịch tịnh viễn ly tương tục Quyển III, có 108 trang. Nội dung gồm và bất tương tục, 5. Tổng tụng, D. Lấy có: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng Thánh trí không sự để phá chấp vọng (có 6 Giác Nhiên, Mục lục; Nhứt thế Phật ngữ mục), 1. Đại Huệ nạn các pháp đoạn diệt, tâm (tt); C.II Thị Thánh trí chiếu minh chư 2. Không pháp-không phải vô Thánh trí, 3. địa (có 4 phần), a. Giải 3 món Ý sanh Nạn các pháp phi vô-Thánh trí đọa hữu thân, b. Thân tướng từ Thất địa trở lên, c. (có 2 tiết), a. Nghi Thánh trí đồng vọng

tưởng, b. Nghi Thánh trí đọa hữu, 4. nhơn tướng, b. Như Lai giác tự tâm lượng- Thánh trí không sự ly hữu-vô, 5. Thánh trí vọng tưởng bất sanh, c. Nêu chỗ ngoại đạo không sự-bất lập tôn thú (có 3 tiết), a. vọng chấp bất thiệt, d. Vọng tưởng thiệt Không lập-bất sanh tôn, b. Thánh trí như tánh tức chơn tịch tịnh tánh, đ. Nêu vô huyễn không lỗi, c. Tổng kết bất sanh như nhơn-để bày nghĩa vô sanh, e. Quảng thị huyễn, 6. Đạt Thánh trí-xa lìa tánh sở tri, vô sanh pháp nghĩa (có 2 mục), 1. Hữu thị Đ. Không rõ tự tôn-vọng chấp phương tiện vô sanh, 2. Nhân duyên sanh pháp-phá lập tự tôn-phá thế luận (có 3 mục), 1. Phật nhân chấp pháp; C.IV Như Lai thuyết quở người chấp phương tiện, 2. Chỉ bày pháp-phi thường vô thường-không đồng tôn thuyết không đọa phàm phu kiến, 3. ngoại đạo (có 2 phần), A. Hỏi ngoại đạo Bác thế luận-rõ tự tôn, a. Thế luận không vọng chấp vô thường tà-chánh, B. Kê vào tự tôn, b. Thế Tôn nói theo chỗ tự ngoại đạo vô thường để rõ chánh pháp phi thông, c. Như Lai chỉ luận, d. Chỉ thế luận thường vô thường (có 11 mục), 1. Kê 7 nhiếp thọ tham dục-không nhiếp chánh món vô thường ngoại đạo, 2. Tánh vô pháp, đ. Nhiếp thọ chánh pháp-ly thế luận, tánh-vô thường, 3. Các pháp bất sanh-vô e. Tổng tụng; C.III Ngăn Nhị thừa vào giải thường, 4. Tánh vô thường, 5. Tác rồi xả ngoại đạo (có 3 phần), A. Vọng tưởng vô thường, 6. Hình-xứ hoại vô thường, 7. Niết-bàn, B. Như Lai tùy thuận Niết-bàn, Sắc tức vô thường, 8. Sắc chuyển

biến- C. Tổng tụng; khoảng giữa vô thường, 9. Kết 7 món vô Quyển IV, dày 147 trang. Nội dung gồm thường vọng chấp, 10. Như Lai thuyết: Phi có: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng thường vô thường để rõ tự tâm hiện lượng, Giác Nhiên, Mục lục; Thị Chánh giác phi 11. Tổng tụng; C.V Như Lai Đệ nhất nhơn quả pháp-ly sanh diệt thuyết-liễu nghĩa-đốn trừ các địa-rõ lý duy tâm (có 5 chơn thường vô cấu-đốn siêu chư địa; C.I phần), a. Nhơn Đại Huệ hỏi: Chánh thọ Thị Như Lai pháp thân phi nhơn quả (có 7 diệt định, b. Sơ địa đến Thất địa-sai khác phần): a. Đại Huệ hỏi pháp thân nhơn hay Nhị thừa, c. Bát địa Tam-muội giác trì, d. quả?, b. Như Lai pháp thân phi nhơn sự-lìa Thất Bát địa xả ly tam-muội, tự tâm hiện 4 cú, c. Chỉ bày pháp thân chơn ngã lượng, đ. Duy tâm trừ hẳn các định tướng; thường tịch, d. Chỉ bày pháp thân đối C.VI Như Lai chánh giác thường trú (có 4 hiện-phi nhứt dị, đ. Pháp thân giải thoát- phần), a. Chánh giác không còn lầm, b. phi nhứt dị, e. Trí và chướng phi nhứt phi Chánh giác vô gián bởi trí thường hiển, c. dị, g. Tổng kết pháp thân-ly căn lượng; Như Lai tánh thường bình đẳng, d. Tổng C.II Thị Như Lai pháp thân-bất sanh diệt- tụng; C.VII Chỉ gốc sanh diệt để rõ Tạng ly ngôn thuyết (có 4 phần): a. Như Lai thức vốn là Như Lai tạng-vô cấu nhiễm pháp thân-phi vô tánh, b. Như Lai pháp (có 5 phần), a. Đại Huệ thỉnh vấn, b. Như thân đương sanh vô sanh, c. Như Lai pháp Lai tạng-thanh tịnh vô cấu, c. Phàm ngoại thân nhiều tên một thể, d. Như Lai pháp nương thức giải thoát-không thấy Như Lai thân ly ngôn-hiện chơn tánh (có 2 mục), 1. tạng tánh, d. Như Lai tự giác đốn ly sanh Pháp thân chơn nghĩa không đọa văn tự, 2. diệt, đ. Tổng tụng; Nói 8 thức- 5 pháp tự Như Lai ngôn thuyết kiến lập-vi khiển tánh- 2 vô ngã, rốt ráo của Đại thừa thành ngôn thuyết; C.III Như Lai pháp thân-bất Đệ nhất nghĩa (Phân 2 chương), C.I Nói 5 sanh bất diệt-không đồng ngoại đạo (có 6 pháp chuyển biến (có 3 phần), a. 5 pháp phần), a. Nạn Như Lai đồng ngoại đạo 4 tướng tạng, b. Danh tướng do vọng tưởng,

c. Chuyển vọng tưởng thành Chánh trí Như như; C.II Các pháp vào 5 pháp tự 497. KINH LĂNG GIÀ TÂM ẤN Giảng tánh (có 4 phần), a. 3 món tự tánh vào 5 Giải – Trọn bộ 2 Tập pháp, b. 8 Thức-2 Vô ngã vào 5 pháp, c. Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Các pháp vào trong 5 pháp, d. Tổng tụng; Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009 Ba đời các Phật pháp thân-ra ngoài thế Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày gian-không ở trong thời gian-thanh tịnh vô 1.198 trang, bìa cứng, nền màu vàng cam, lậu (Phân 4 chương), C.I Pháp thân xuất chữ tựa màu đỏ, có hộp đựng 2 tập. thế gian (có 10 phần), 1. Đại Huệ hỏi Tập I, dày 614 trang, nội dung gồm 2 nghĩa như Hằng-sa? 2. Tự thông của Phật quyển như sau: Lời người dịch, Lăng-già không thể chỉ, 3. Dụ Như Lai Pháp thân Tâm ấn duyên khởi, Lăng-già A-bạt-đa-la bổn tịch, 4. Dụ Pháp thân bất diệt, 5. Pháp Bảo Kinh Tâm ấn; thân biến khắp không lựa chọn, 6. Dụ Quyển I, Tổng luận, A.1 Phần tự, B.1 Pháp thân đối hiện-không tăng giảm, 7. Duyên khởi của Kinh, B.2 Đương cơ kệ Dụ Như Lai Pháp thân bi nguyện bình tán, A.2 Phần Chánh tông, B.1 Chỉ thẳng đẳng như pháp giới, 8. Dụ Như Lai tùy pháp môn Đệ nhất nghĩa rộng lớn vi diệu thuận Niết-bàn, 9. Giải thoát sanh tử- lìa nói bặt chứng, C.1 Hỏi một trăm lẻ tám nguồn gốc vô biên, 10. Tổng tụng; C.II câu, C.2 Đáp chỉ thẳng phi cú, D.1 Lặp lại, Pháp thân vô lậu phi sát-na (có 2 phần), A. D.2 Đáp, B.2 Bày ngôn thuyết để vào Đệ Giải pháp sát-na (có 2 mục), 1. Nói nghĩa nhất nghĩa biển thức thường trụ, dùng hiển sát-na, phi sát-na, 2. Nói nghĩa

sát-na, B. duy tâm, C.1 Nói nhân quả chánh tà của Vô lậu tập khí phi sát-na nghĩa (có 5 mục), tám thức để hiển Thánh trí tự giác, D.1 1. Nói nghĩa sát-na, phi sát-na, 2. Như Lai Lược nói nhân quả chánh tà của tám thức tạng- phi sát-na, 3. Thế gian-xuất thế gian, để biểu thị lìa vọng mà chứng, E.1 Chỉ các Ba-la-mật không lìa sát-na, 4. Xuất thế thức sanh diệt khó biết, E.2 Lược nói thức gian thượng thượng Ba-la-mật phi sát-na, tướng y nơi chân do mê phát khởi, E.3 Chỉ 5. Tổng kết sát-na, phi sát-na bình đẳng; ngộ chân chẳng diệt, E.4 Chỉ ra tà kiến C.III Pháp thân chơn Phật bình đẳng vô đoạn kiến dị nhân, E.5 Chỉ chánh nhân để biên, phá nghi lìa các lỗi lầm (có 7 phần), biện biệt tà vọng, E.6 Bác tà đoạn có- a. Đại Huệ hỏi 6 món nghi, b. Trừ nghi A- không của ngoại đạo, E.7 Chỉ bày lìa vọng la-hán thọ ký, c. Trừ nghi không nói 1 được chứng, D.2 Nói rộng bờ mé cứu kính chữ, d. Trừ nghi vô lự-vô quán sát, đ. Trừ của tám thức để phân biệt Thức và Trí, E.1 nghi chúng sanh thành Phật-thức và sát-na Đại Huệ thưa hỏi, E.2 Phân biệt nhân tương hoại, e. Trừ cái nghi Kim Cang hộ duyên bất giác của tám thức, E.3 Tột tàng vệ và hết thảy nghiệp báo, g. Kết luận tổng thức là bờ mé cứu kính, E.4 Hiển hiện đáp; C.IV Như Lai thường trú chánh quả lượng của tự tâm lìa vọng chân thật, E.5 rốt ráo thanh tịnh (có 4 phần), 1. Đại Huệ Tụng phân biệt tám thức để khởi tự ngộ, hỏi Phật-thực nhục có tội không? 2. Nói E.6 Chỉ thẳng ba tướng Tự giác Thánh trí, ăn thịt rất nhiều tội, 3. Nghĩa chơn thật của C.2 Chỉ Năm pháp tự tánh vô ngã, giản Kinh này là dứt các lối ăn thịt, 4. Tổng kết biệt Nhị thừa ngoại đạo, để rõ nhân quả các lỗi của người tu; Vịnh Lăng-già Kinh. của chánh pháp, D.1 Nói Năm pháp, E.1 Tác phẩm Kinh này tái bản năm PL. 2518 Đại Huệ hỏi, E.2 Phá ngoại đạo vọng chấp – DL. 1974, Nhà in Hoa Sen (Huế). có-không, E.3 Chỉ trừ sạch đốn hay tiệm,

E.4 Chỉ ba Phật nói trí, như sai biệt, E.5 bình đẳng chân như, E.3 Chỉ hoặc loạn Biện về Nhị thừa Tự giác Thánh trí sai không pháp, G.1 Chỉ hoặc loạn không biệt, E.6 Biện đạt được Thánh trí thường pháp như huyễn, G.2 Lại chỉ như huyễn bất tư nghì, E.7 Biện Nhị thừa bỏ vọng cầu không lỗi, E.4 Chỉ thẳng vô sanh như chân, E.8 Chỉ ra chủng tánh vọng tưởng huyễn khiến lìa hy vọng; trí, như sai biệt, E.9 Chỉ vọng tưởng, trí, Tập II, dày 584 trang, nội dung gồm: như bình đẳng để hiển bày xiển-đề Phật Quyển II (tt), Quyển III và Quyển IV. tánh chẳng đoạn, D.2 Nói về Ba tự tánh, Quyển II (tt), D.11 Chỉ lìa lời nói được D.3 Nói về Hai vô ngã, E.1 Nói về nhân nghĩa, dừng ngoại đạo khác ngu phu, chọn vô ngã, E.2 Nói về pháp vô ngã, E.3 Chỉ lựa tâm giác dựng lập Niết-bàn, E.1 Chỉ thiện pháp vô ngã, G.1 Lìa dựng lập phỉ lìa lời nói được nghĩa, E.2 Nêu chỉ luận để báng, G.2 Tiến đến cứu kính độ thoát, E.4 rõ nghĩa chẳng ở lời nói, E.3 Riêng tứ quả, Chỉ thiện pháp vô ngã được bốn tướng để chỉ ra chân giác, G.1 Hỏi bốn quả sai pháp vô ngã, G.1 Tướng pháp không, G.2 biệt, G.2 Liệt bày ba thứ Tu-đà-hoàn, H.1 Tướng vô sanh, G.3 Lìa tướng tự tánh, G.4 Chỉ quả tướng Tu-đà-hoàn, H.2 Chỉ Tu- Không hai tướng, G.5 Kết bốn tướng vào đà-hoàn đoạn kết sai biệt, G.3 Chỉ tướng tất cả Kinh điển; quả Tư-đà-hàm, G.4 Chỉ tướng quả A-na- Quyển II, C.3 Chỉ Như Lai tàng siêu quá hàm, G.5 Chỉ tướng quả A-la-hán, G.6 vọng tưởng ngôn thuyết của phàm ngu và Riêng A-la-hán chẳng đồng siêu giác, E.4 ngoại đạo thành tựu các địa cứu cánh quả Chọn lựa giác tâm, G.1 Chánh chỉ quán sát hải, D.1 Chỉ Như Lai tàng chẳng đồng tướng giác, G.2 Chỉ vọng tưởng giác thần ngã của ngoại đạo, D.2 Chỉ Như Lai tướng để rõ tự giác Thánh

lạc, G.3 Chỉ rõ tàng phương tiện hiển bày, E.1 Chỉ chung tứ đại tạo sắc vào quán sát giác, E.5 Chỉ phương tiện có bốn pháp, E.2 Khéo phân kiến lập Niết-bàn, G.1 Riêng bày Niết-bàn biệt tự tâm hiện, E.3 Quán ngoại tánh phi của ngoại đạo, Nhị thừa để hiển bày Niết- tánh, E.4 Lìa kiến chấp sanh trụ diệt, E.5 bàn của Như Lai, G.2 Chỉ vọng tưởng thức Tự giác Thánh trí thiện lạc, D.3 Chỉ Như diệt tức là Niết-bàn, G.3 Cùng tột vọng Lai tàng lìa các nhân duyên, D.4 Chỉ Như tưởng sai biệt để hiển trí, như, thành thật, Lai tàng Đệ nhất nghĩa lìa ngôn thuyết biển quả Niết-bàn, C.4 Chỉ tự giác Nhất vọng tưởng, D.5 Chỉ Như Lai tàng Tự giác thừa soi sáng các địa, khéo đoạn các lậu, Thánh trí lìa bốn câu có không, D.6 Chỉ viên mãn thân Phật, chẳng rơi vào có bốn thứ Thiền để hiển Như Lai thanh tịnh không, D.1 Chỉ tự giác Nhất thừa, E.1 Chỉ chẳng đồng Nhị thừa, D.7 Chỉ Như Lai tự giác Thánh trí, E.2 Chỉ Nhất thừa, E.3 tàng tự tánh Niết-bàn chẳng đồng Nhị Chỉ Tam thừa tùy cơ, E.4 Chỉ Nhất thừa thừa, D.8 Chỉ thần lực dựng lập chẳng rơi bình đẳng, E.5 Tụng chung; vào có không, D.9 Chỉ các pháp duyên Quyển III, D.2 Chỉ Thánh trí chiếu minh khởi để hiển bày nghĩa Như Lai tàng phi các địa, E.1 Bày ba thứ ý sanh thân, E.2 nhân duyên, D.10 Chỉ các pháp thường trụ Chỉ thân tướng Thất địa trở lên, E.3 Chỉ như huyễn để hiển Như Lai tàng tự tánh thân tướng Bát địa, E.4 Chỉ Phật địa thân vô sanh, E.1 Hiển hoặc loạn thường, E.2 tướng không hành tác và bài tụng, D.3 Chỉ Chỉ hoặc loạn khởi hai thứ tánh để hiển phương tiện khéo vào năm hạnh, E.1 Nhân bày chân như bình đẳng, G.1 Chỉ hoặc Đại Huệ hỏi liệt bày hạnh ngũ vô gián, E.2 loạn khởi hai chủng tánh, G.2 Chỉ lìa vọng Chỉ hai căn bản đoạn, E.3 Chỉ các pháp

cứu kính đoạn, E.4 Chỉ các ấm cứu kính G.3 Nạn các pháp chẳng không, Thánh trí đoạn, E.5 Chỉ bảy thứ thức đoạn, E.6 Chỉ rơi vào có, H.1 Nghi chỗ biết của Thánh ngoại ngũ vô gián hạnh cùng tụng, D.4 trí đồng vọng tưởng hiện, H.2 Nghi Thánh Chỉ viên mãn Phật giác, E.1 Chỉ Phật giác, trí rơi vào có, G.4 Chỉ Thánh trí không sự E.2 Chỉ Như Lai tự, ngữ, thân, pháp bốn lìa có không, G.5 Chỉ Thánh trí không sự thứ đồng, E.3 Chỉ Phật giác tự chứng, chẳng lập tông thú, H.1 Chỉ chẳng nên lập không thể nói bày, E.4 Chỉ cảnh giới Phật tông bất sanh, H.2 Chỉ Thánh trí xem thấy giác xa lìa hai bên, G.1 Chỉ thế gian chấp như huyễn không lỗi, H.3 Tổng kết chẳng có không, G.2 Chỉ ra nhân tướng hai thứ sanh như huyễn, G.6 Chỉ Thánh trí xa lìa chấp có không, G.3 Bài xích chấp không sở tri, E.5 Nhân chẳng rõ tự tông vọng hay phá hoại chánh pháp, G.4 Tổng tụng, chấp phương tiện, lại chỉ tông thuyết để C.5 Chỉ tông thuyết hai đều thong để rành phá thế luận, G.1 Trách ngu phu chấp về dụng ngữ nghĩa thức trí, giản biệt ngu thuyết phương tiện, khởi Đại Huệ thưa ngoại, giúp tiến mình người, chánh pháp thỉnh, G.2 Chỉ tông thuyết không rơi vào giải thoát, D.1 Chỉ tông thuyết hai đều kiến tướng của phàm phu, G.3 Bác thế thông xa lìa vọng tưởng chấp trước, E.1 luận để hiển tự tông, H.1 Chỉ thế luận Chỉ tông thuyết hai đều thông, E.2 Chỉ tột chẳng vào tự thông, hay chiêu cảm khổ, tướng sanh của vọng tưởng để hiển Đệ phá hoại kiết tập, H.2 Chỉ Như Lai theo nhất nghĩa, G.1 Nhân Đại Huệ hỏi, chỉ chỗ tự thông nói, H.3 Nêu Như Lai chỉ tướng sanh của vọng tưởng, G.2 Nạn vọng luận, H.4 Chỉ thế luận chấp nhận tham tưởng một bên sanh một bên chẳng sanh, dục, chẳng nhận chấp pháp, H.5 Chỉ chấp G.3 Chỉ giác tự tâm lượng vọng tưởng nhận chánh pháp, xa lìa thế luận, H.6 chẳng sanh, G.4 Tụng chung, D.2 Chỉ ngữ, Tổng tụng, D.3 Chỉ chánh pháp giải thoát, nghĩa, thức, trí để hiển

dụng tông thông, xa lìa ngu ngoại, E.1 Liệt bày vọng tưởng E.1 Chỉ ngữ, nghĩa, G.1 Nhân Đại Huệ và Niết-bàn, E.2 Chỉ Như Lai tùy thuận hỏi, trước chỉ tướng ngữ, G.2 Chỉ tướng Niết-bàn, E.3 Tổng tụng; nghĩa, G.3 Chỉ do ngữ nhập nghĩa, G.4 Quyển IV, C.6 Chỉ chánh giác chẳng phải Riêng y ngữ chấp nghĩa, G.5 Tụng chung, pháp nhân quả, nói lìa sanh diệt, hiển bày E.2 Biện thức trí, G.1 Chỉ tướng ba thứ trí, chân thường không cấu, chóng vượt các G.2 Chỉ thức trí sai biệt, G.3 Chỉ ngoại địa, D.1 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng đạo chuyển biến chẳng lìa vọng thức, H.1 phải nhân quả, E.1 Hỏi pháp thân Như Lai Nêu danh tướng ngoại đạo chuyển biến, là nhân là quả, E.2 Chỉ pháp thân Như Lai H.2 Chỉ chuyển biến không tánh, đều do chẳng phải nhân quả xa lìa tứ cú, E.3 Chỉ vọng thức. Gồm tụng, E.3 Riêng y ngữ thủ pháp thân chân ngã thường lặng lẽ, E.4 nghĩa thành chấp sâu kín, G.1 Đại Huệ Chỉ pháp thân đối hiện phi một phi khác, thưa hỏi, G.2 Chỉ ra mười một thứ tương E.5 Chỉ pháp thân và giải thoát chẳng phải tục sâu kín, G.3 Chỉ tương tục sâu kín tự một chẳng phải khác, E.6 Chỉ trí chướng hoại hoại người, G.4 Chỉ các pháp tịch chẳng phải một chẳng phải khác, E.7 Tổng tĩnh, xa lìa tương tục và chẳng tương tục, kết pháp thân lìa các căn lượng. Gồm G.5 Tụng chung, E.4 Chỉ Thánh trí không tụng, D.2 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng sự để phá vọng chấp, G.1 Đại Huệ nạn các sanh chẳng diệt lìa ngôn thuyết, E.1 Chỉ pháp đoạn diệt, G.2 Chỉ không tánh các pháp thân Như Lai chẳng phải không tánh, pháp, chẳng phải không tri kiến Thánh trí, E.2 Chỉ pháp thân Như Lai chính khi sanh

mà vô sanh, E.3 Chỉ pháp thân Như Lai thường bình đẳng, E.4 Tổng tụng, D.7 Chỉ tên khác thể một, E.4 Chỉ pháp thân Như cội gốc sanh diệt để hiển bày thức tức Như Lai lìa lời nói hiển chân thật, G.1 Chỉ Lai tàng vốn không cấu nhiễm, E.1 Đại nghĩa chân pháp thân chẳng rơi vào văn Huệ thỉnh hỏi, E.2 Chỉ Như Lai tàng thanh tự, G.2 Chỉ Như Lai kiến lập ngôn thuyết tịnh không nhơ, E.3 Riêng phàm ngu y vì dẹp ngôn thuyết, D.3 Chỉ Như Lai thức giải thoát chẳng thấy Như Lai tàng chẳng sanh chẳng diệt không đồng với tánh, E.4 Chỉ Như Lai tàng tự giác chóng ngoại đạo, E.1 Nạn Như Lai đồng với lìa sanh diệt chẳng phải Nhị thừa, E.5 ngoại đạo bốn thứ nhân tướng, E.2 Chỉ Tổng tụng, C.7 Chỉ tám thức, năm pháp, Như Lai giác tâm tự lượng vọng tưởng ba tự tánh, hai vô ngã cứu kính Đại thừa chẳng sanh, E.3 Chỉ ra ngoại đạo vọng thành Đệ nhất nghĩa, D.1 Chỉ năm pháp chấp chẳng thật, E.4 Chỉ thật tánh vọng chuyển biến, E.1 Bày tướng năm pháp, E.2 tưởng tức chân tịch tĩnh, E.5 Chỉ vô nhân Chỉ danh tướng thảy do vọng tưởng, E.3 để bày nghĩa vô sanh, E.6 Rộng chỉ nghĩa Chuyển vọng tưởng tức trí, như, D.2 Chỉ vô sanh, G.1 Chỉ thẳng vô sanh, G.2 Chỉ tất cả pháp thảy vào năm pháp, E.1 Chỉ ba pháp nhân duyên sanh phá trừ chấp nhân, tự tánh vào năm pháp, E.2 Chỉ tám thức, D.4 Chỉ Như Lai nói pháp chẳng phải hai vô ngã vào năm pháp, E.3 Chỉ tất cả thường vô thường, chẳng đồng với ngoại Phật pháp vào năm pháp, E.4 Tổng tụng, đạo, E.1 Hỏi ngoại đạo vọng chấp vô C.8 Chỉ pháp thân ba đời Như Lai quá chỗ thường là tà hay chánh, E.2 Bày ngoại đạo nghĩ ngợi của thế gian, chẳng phải nghĩa vô thường để hiển chánh pháp chẳng phải sát-na, trước sau không lỗi thanh tịnh vô thường vô thường, G.1 Tổng bày bảy thứ lậu, D.1 Chỉ pháp thân tự thông quá chỗ vô thường, G.2 Tánh không tánh vô nghĩ ngợi của thế gian, E.1 Thưa thỉnh về thường, G.3 Tất cả pháp chẳng sanh vô chư Phật có hằng sa diệu nghĩa, E.2 Chỉ thường, G.4 Tánh vô thường, G.5 Tạo rồi chư Phật tự

thông quá chỗ nghĩ thế gian, mà bỏ vô thường, G.6 Hình xứ hoại vô không thể nói thí dụ, E.3 Dụ Như Lai pháp thường, G.7 Sắc tức vô thường, G.8 Sắc thân bản tịch, E.4 Dụ pháp thân chẳng chuyển biến trung gian vô thường, G.9 Kết diệt, E.5 Dụ pháp thân khắp tất cả chỗ bảy thứ vô thường vọng chấp, G.10 Chỉ không có chọn lựa, E.6 Dụ pháp thân đối Như Lai nói ra phi thường phi vô thường, hiện không có tăng giảm, E.7 Dụ Như Lai để hiển tự tâm hiện lượng, G.11 Tổng bi nguyện đồng với pháp giới, E.8 Dụ Như tụng, D.5 Chỉ Như Lai đệ nhất nghĩa Lai pháp thân tùy thuận Niết-bàn, E.9 Chỉ chóng trừ các địa, riêng hiển duy tâm, E.1 sanh tử giải thoát bản tế vô biên, E.10 Nhân Đại Huệ hỏi chánh thọ, trước chỉ Tổng tụng, D.2 Chỉ pháp thân vô lậu, hành tướng thất bát địa, E.2 Chỉ Sơ địa chẳng phải nghĩa sát-na, E.1 Chỉ các pháp cho đến Thất địa, cùng Nhị thừa đồng sát-na, G.1 Sắp chỉ sát-na phi nghĩa sát-na, khác, E.3 Chỉ Bát địa tam-muội giác trì, trước bày các pháp, G.2 Chỉ nghĩa sát-na, E.4 Chỉ Thất bát địa xả ly tam-muội hiện E.2 Chỉ tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa tự tâm lượng, E.5 Chỉ duy tâm xoay về trừ sát-na, G.1 Chỉ sát-na chẳng phải nghĩa các địa, D.6 Chỉ Như Lai Chánh giác sát-na, G.2 Chỉ Như Lai tàng chẳng phải thường trụ, E.1 Chỉ chánh giác chẳng đồng nghĩa sát-na, G.3 Chỉ thế gian xuất thế lỗi tạo tác, E.2 Chỉ chánh giác trí vô gián gian Ba-la-mật chẳng lìa sát-na, G.5 Tổng thường bày hiện, E.3 Chỉ Như Lai tánh kết sát-na phi sát-na bình đẳng, D.3 Chỉ

pháp thân chân Phật, bình đẳng bản tế, phá Nxb Tôn Giáo, khổ 14 x 20cm, dày 301 nghi lìa lỗi, E.1 Đại Huệ thưa thỉnh về sáu trang, bìa mềm. chỗ nghi, E.2 Trừ nghi thọ ký A-la-hán, E.3 Trừ nghi chẳng nói một chữ, E.4 Trừ nghi không suy nghĩ không xét nét, E.5 Trừ nghi chúng sanh thành Phật, thức sát- 499. KINH LĂNG-NGHIÊM – Phương na hoại, E.6 Trừ nghi Kim Cang hộ vệ và Pháp Mới Nghiên Cứu tất cả nghiệp báo, E.7 Kệ tổng đáp, D.4 Tuệ Quang – Phật học viện Huyền Cơ Chỉ Như Lai chánh nhân chánh quả cứu Dịch và bình luận: Trí Độ và Tuệ Quang cánh thanh tịnh, E.1 Đại Huệ thỉnh hỏi tội In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), phước ăn thịt và chẳng ăn thịt, E.2 Chỉ ăn Giấy phép số 1154, BTT-BC3, XB ngày thịt nhiều lỗi, E.3 Chỉ thật nghĩa Kinh này 6-4-1965 tất cả thảy dứt, E.4 Tổng kết chỉ rõ tu hành Kinh này dày 618 trang, bìa mềm. Nội lỗi lầm. dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời người Tác phẩm Kinh này được xuất bản từ năm dịch; A. Duyên khởi; B. Chính tôn, I. Phật 1975, Tu viện Chân Không (Vũng Tàu) ấn dạy tu diệu định, - Dạy tu pháp Sa-ma-tha, hành; năm PL. 2537 – DL. 1993, THPG I. Trước hết, nói "không Như Lai tạng", A. Tp. Hồ Chí Minh ấn hành (Trọn bộ 1 Phá chỗ chấp vọng tâm, a. Chúng sinh quyển), khổ 14 x 20cm, dày 559 trang, bìa nhận lầm ý thức của mình là tâm, b. Phật mềm, nền trắng, chữ tựa màu xanh dương phá những nhận lầm đó, + Phật chỉ vọng và màu đỏ; năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí thức không có chỗ ở, 1. Phá chấp tâm ở Minh ấn hành; Năm 2001, 2009, Nxb Tôn trong, 2. Phá chấp tâm ở ngoài, 3. Phá Giáo. chấp tâm ở căn, 4. Phá chấp tâm ở trong lẫn ngoài thân, 5. Phá chấp tùy hợp, 6. Phá 498. KINH LĂNG-NGHIÊM chấp tâm ở giữa, 7. Phá chấp tâm không Dịch và lược giải: dính mắc; + Phật chỉ rõ vọng thức không Thích Duy Lực (1923-2000) phải tâm, + Suy phá vọng thức không có Nxb Tôn Giáo – 1999 thực; B. Chỉ rõ Như Lai tạng, I. Nương Kinh có khổ 14 x 20cm, có 371 trang, bìa theo tính thấy chỉ chân lý, a. Nương vọng mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình hiển chơn, 1. Chỉ tính thấy là tâm, 2. Chỉ vẽ

mỹ thuật Tổ Bồ-đề Đạt-ma (nhỏ) đứng tính thấy không động, 3. Chỉ tính thấy trên cành lau. không diệt, 4. Chỉ tính thấy không mất, 5. Toàn bộ Kinh Lăng Nghiêm này gồm có Chỉ tính thấy không trở lại được, 6. chỉ Lời dịch giả và 10 quyển (Quyển một,... tính thấy không tạp, 7. Chỉ tính thấy không đến Quyển mười). bị ngăn ngại, 8. Chỉ tính thấy bao trùm cả Tác phẩm Kinh này đã tái bản nhiều lần: "chân vọng", 9. Chỉ tính thấy vượt trên Năm 1990, Từ Ân Thiền đường-Santa phân biệt, 10. Chỉ tính thấy xa cái thấy Ana-Hoa Kỳ xuất bản; năm PL. 2536 – phân biệt, b. Phân tích vọng, chỉ chân, II. DL. 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn Chỉ 4 khoa là tính thường trụ: a. Ngũ ấm, hành, khổ 14 x 20cm, dày 371 trang, bìa b. Lục nhập, c. Thập nhị xứ, d. Thập bát mềm, chữ tựa Kinh màu đen, chữ Lăng giới, III. Tỏ bày bảy đại là tính chu biến; Nghiêm màu đỏ, có hình Tổ Bồ-đề Đạt-ma II. Nói hai Như Lai tạng sau: B. Dạy tu (mỹ thuật); năm PL. 2562 – DL. 2018, pháp Tam-ma, I. Chọn căn viên thông

nhất, a. Phân môn để định hai nghĩa, 1. Nxb Hồng Đức – 2013 Nhân đồng như quả, 2. Theo căn giải Kinh này có khổ 13 x 20.5cm, dày 333 thoát; b. Chứng nghiệm để giải hai sự trang. Nội dung gồm có: 1. Lời tựa, 2. Trí nghi, + Giải thường và không thường, chú phương tiện, 3. Kiến lập Đàn nghi để Đánh chuông để nghiệm thường, + Giải cầu hiện chứng, 4. Nam-mô Lăng Nghiêm riêng mối nút, Sáu căn là nút, c. Thắt khăn Hội thượng Phật Bồ-tát, 5. Trước hết là để chỉ thứ lớp, 1. Cởi sáu mất một, 2. Mở nói về Chơn ngôn năm hội: Chơn ngôn nút thứ lớp, d. Chọn căn viên thông nhất Hội thứ nhất, Chơn ngôn Hội thứ hai, để tu, 1. Các Thánh nói lối tu của mình, 2. Chơn ngôn Hội thứ ba, Chơn ngôn Hội thứ Đức Quán Âm nói về lối tu "Nhĩ căn viên tư, Chơn ngôn Hội thứ năm, 6. Thiên thủ thông", 3. Phật khiến ngài Văn-thù chọn; Thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ-tát Vô ngại II. Lập Đạo trường, Nói bốn giới quan Đại bi Tâm Đà-la-ni dịch thích, 7. Phật trọng, Đoạn dâm, Đoạn sát, Đoạn đạo, đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (Đời Đường, Đoạn vọng, b. Trợ chú lực, c. Dạy tu pháp nước Kế Tân, Sa-môn Phật-đà-ba-lợi thuyền-na, A. Nhiễm duyên thành luân dịch), 8. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni hồi, B. Tịnh duyên thành Thánh vị, 1. Ba (Chép ra từ Đại Minh Nhơn Hiếu Hoàng vị tiệm-thứ, 2. Căn-tuệ-địa, 3. Thập tín, 4. hậu Mộng cảm Kinh), 9. Thất-câu-chi Phật Thập trụ, 5. Thập hạnh, 6. Thập Hồi mẫu Sở thuyết Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh, hướng, 7. Bốn vị Gia hạnh, 8. Thập địa, 9. 10. Chuẩn-đề thần chú Niệm tụng Nghi Đẳng giác, 10. Diệu giác; II. Phật dạy quỷ, 11. Kim Cang Chánh tọa, 12. Đại tránh những lầm lẫn, tu lạc sang đường tà, Tam-muội ấn, 13. Tịnh Pháp giới quán, 1. Nói bảy thú để răn: Địa ngục, Quỷ thú, 14. Kim Cang Quyền ấn, 15. Chuẩn-đề thủ Súc sinh, Nhân thú, Tiên thú, Thiên thú, ấn, 16. Tâm nguyệt Phạn tự quán, 17. Năm A-tu-la thú, 2. Nói ma ấm để giúp: Sắc ấm cách tụng Mật giáo, 18. Chuẩn-đề Trai kỳ, ma, Thụ ấm ma, Tưởng ấm ma, Hành ấm 19. Kế đến Tụng Long Thọ Bồ-tát khai ma, Thức ấm ma; C. Lưu thông, Kết luận chú kệ, 20. Đại Luân nhất tự chú, 21. về Kinh Lăng Nghiêm. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Quán đảnh Chơn ngôn, 22. Vãng sanh Tịnh độ 500. KINH LĂNG-NGHIÊM thần chú, 23. Đà-la-ni Trừ sạch hết nghiệp Việt dịch: Mai Hạnh Hiền chướng nặng nhẹ, được vãng sanh về Tịnh Kinh này dày 302 trang, bìa mềm, nền Độ, 24. Chánh xuất định chú, 25. Lời bạt. trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời dịch giả và 10 quyển (Quyển một,... 502. KINH LĂNG-NGHIÊM đến Quyển mười, có lược giải và ghi chú). Giảng Giải – 2 Tập (Bản đánh máy, lưu tại Thư viện Huệ

Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Nxb Hồng Đức – 2017 Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn Minh) 1.042 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Tập I, dày hơn 520 trang. Nội dung gồm 501. KINH LĂNG NGHIÊM Chú Sớ - có: Lời giới thiệu, Lược khảo, 1. Duyên Sùramgama-samàdhi-sùtra khởi, 2. Những nhà sớ giải, 3. Dịch Hán- Nguyên tác: Sa-môn Tục Pháp Việt, 4. Giảng đề Kinh; Phần Tựa, Phần Việt dịch: Thích Thiện Phước Chánh tông, C.I Kiến đạo, I. Bảy chỗ hỏi

tâm, 1. Chấp tâm ở trong thân, 2. Chấp Tập II, dày hơn 522 trang. Nội dung gồm tâm ở ngoài thân, 3. Chấp tâm núp trong có: IV. Hỏi đại chúng về viên thông (tt), con mắt, 4. Chấp thấy tối gọi là thấy trong, 21. Viên thông về phong đại, 22. Viên 5. Chấp tâm tùy chỗ hợp mà có, 6. Chấp thông về không đại, 23. Viên thông về tâm ở khoảng giữa, 7. Chấp tất cả không thức đại, 24. Viên thông về kiến đại, 25. dính mắc gọi là tâm; II. Chỉ ra Tánh thấy, Viên thông về nhĩ căn, a. Ba mươi hai ứng 1. Tánh thấy biết chính là tâm, 2. Tánh thân, b. Mười bốn công đức vô úy, c. Bốn thấy không động, 3. Tánh thấy không hoại đức không thể nghĩ bàn; V. Chỉ pháp viên diệt, 4. Tánh thấy không điên đảo, 5. Tánh tu, 1. Phóng quang hiện điềm lành, 2. Bồ- thấy không chỗ trả về, 6. Tánh thấy không tát Văn-thù chọn căn viên thông, a. Lựa ra phải là vật, 7. Tánh thấy không ngại, 8. những căn không viên thông, b. Nhĩ căn Tánh thấy không hai, 9. Tánh thấy không viên thông nhất; VI. Khuôn phép tu hành, thuộc nhân duyên và tự nhiên, 10. Tánh 1. Nghĩa quyết định về đoạn tâm dâm, 2. thấy không phải là cái thấy; III. Thu về Nghĩa quyết định về đoạn tâm giết hại, 3. Như Lai tạng, 1. Thu về Năm ấm, 2. Thu Nghĩa quyết định về đoạn tâm trộm cắp, 4. về Lục nhập, 3. Thu về Mười hai xứ, 4. Nghĩa quyết định về đoạn trừ đại vọng Thu về Mười tám giới, 5. Thu Bảy đại; IV. ngữ; C.III Khai thị về Mật giáo, 1. Phép A-nan giác ngộ phát nguyện, V. Quyết tắc lập đạo tràng, 2. Tuyên thuyết thần nghi, 1. Nguyên nhân vọng thấy có tướng chú, 3. Lợi ích của tâm chú, 4. Chư thần thế giới và chúng sinh, 2. Giác chẳng sanh hộ pháp phát nguyện bảo hộ; C.IV Các địa mê, 3. Các đại viên dung, 4. Như Lai tạng vị Tu chứng, I. Hai nhân điên đảo, 1. lìa hai nghĩa “Phi và Tức”, 5. Mê vốn Chúng sanh điên đảo, 2. Thế giới điên đảo, không nhân, hết mê là Bồ-đề, 6. Phá nhân 3. Mười hai loài chúng sanh; II. Ba thứ duyên và tự nhiên; C.II Tu đạo, I. Hai lớp, 1. Trợ nhân, 2. Chánh tánh, 3. Hiện nghĩa quyết định của người mới phát tâm, nghiệp; III. An lập các Thánh vị, 1. Càn 1. Nhân quả tương ưng, 2. Cội gốc phiền huệ địa, 2. Thập tín, 3. Thập trụ, 4. Thập não, 3. Thể nghiệm tánh chân thường; II. hạnh, 5. Thập hồi hướng, 6. Tứ gia hạnh, Sáu căn là đầu gút sanh tử và Bồ-đề; III. 7. Thập địa, 8. Đẳng giác và Diệu giác; Cột khăn chỉ gút, 1. Cột gút, 2. Mở gút; IV. Chỉ dạy tên Kinh; C.V Nghiệp quả- IV. Hỏi đại chúng về viên thông, 1. Viên Các cảnh giới-Chướng nạn, I. Nghiệp quả, thông về thanh trần, 2. Viên thông về sắc 1. Nhân quả của sáu đường, 2. Mười tập trần, 3. Viên thông về hương trần, 4. Viên nhân và sáu giao báo, a. Thế nào là mười thông về vị trần, 5. Viên thông về xúc trần, nhân? b. Thế nào là sáu báo? 3. Dư báo; 6. Viên thông về pháp trần, 7. Viên thông II. Mười thứ tiên; III. Các cõi trời, 1. Dục về nhãn căn, 8. Viên thông về tỷ căn, 9. giới, 2. Sắc giới, 3. Vô sắc giới; IV. Bốn Viên thông về thiệt căn, 10. Viên thông về loại A-tu-la, V. Các chướng ma, 1. Sắc thân căn, 11. Viên thông về ý căn, 12. ấm, 2. Thọ ấm, 3. Tưởng ấm, 4. Hành ấm, Viên

thông về nhãn thức, 13. Viên thông 5. Thức ấm; VI. Khai thị bản nhân Năm về nhĩ thức, 14. Viên thông về tỷ thức, 15. ấm là vọng tưởng-giới hạn phạm vi các Viên thông về thiệt thức, 16. Viên thông ấm; Phần Lưu thông, Phần Tóm kết, 1. về thân thức, 17. Viên thông về ý thức, 18. Trong Kinh này, đoạn nào nói về Khai? 2. Viên thông về hỏa đại, 19. Viên thông về Bước qua phần Thị, 3. Bước qua phần địa đại, 20. Viên thông về thủy đại; Ngộ, 4. Sau khi Ngộ là tới Nhập.

tưởng, 8b. Quán chiếu thực tại, 9a. Sám 503. KINH LẦN TRÀNG (Có nơi kêu là mười nguyện, 9b. Sám quy mạng, 9c. Sám Lần Chuỗi) nguyện, 10. Hồi hướng công đức, 11. Lời Việt dịch: HT. Thích Tâm Châu (1921- nguyện cuối, 12. Đảnh lễ ba ngôi báo. 2015) Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành 505. KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG Kinh có 47 trang, bìa mềm. Kết cấu Kinh CỦA PHẬT gồm có 4 phần: I. Phật nói Kinh Mộc- Dịch và chú: HT. Thích Trí Tạng Hoạn-Tử; II. Phật nói Kinh Hiệu lượng Sổ Tác phẩm này gồm có: - Lời mở đầu châu Công đức, Hán dịch: Bảo Tư Duy; (1980), - Khóa lễ (Kỷ niệm ngày Đức Thế III. Kim Cương đính Du-già niệm châu Tôn Niết-bàn), - Kinh Phật dạy lần cuối Kinh, Hán dịch: Sa-môn Bất Không; IV. khi sắp Niết-bàn, - Kinh Tâm yếu Bát-nhã Phụ dẫn (1. Tô-tất-địa Kinh, 2. Chư Phật Ba-la-mật-đa, - Phần hồi hướng, - Chú ni tập Kinh, 4. Thủ hộ Quốc giới chủ Đà- Sanskrit/Hán tạng) la-ni Kinh, 5. Tri hành Tổng yếu, 6. Phụ lục, 7. Tưởng niệm trước khi ăn cơm, 8. 506. KINH LỜI VÀNG Những ngày trai, 9. Những ngày kỷ niệm); Soạn giả: Dương Tú Hạc Chú thích. Dịch giả: HT. Thích Trí Nghiêm (1911-2003) 504. KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 CỦA ĐỨC PHẬT Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 286 trang, bìa Soạn dịch: Thích Nhật Từ mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có Nxb Tôn Giáo – 2009 3 phần chính. Phần tựa, Phần thứ nhất, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 38 trang, Quy y: Tín ngưỡng, Niệm Phật, Sám hối; bìa mềm, nền màu đỏ, chữ màu vàng, có Phần thứ hai, Ngôn hành: Tu thiện – phá ảnh Đức Phật nhập Niết-bàn. Nội dung ác, Tự lợi (Chế tâm, thật ngữ, nhẫn thọ, gồm có: Thay lời tựa, Phần dẫn nhập, 1. cần tấn, sắc dục, hổ thẹn, lìa các trộm Nguyện hương, 2. Tán Phật và đảnh lễ cướp, rượu có nhiều lỗi, điều hòa bốn đại), Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Tán dương Lợi tha (Biết ơn trả ơn, Vua-tôi-chủ-tớ, giáo pháp; Kinh Lời dạy cuối cùng: 1. Đạo khen ngợi hiếu lành, đạo thầy trò, bằng đức thanh cao, 2. Làm chủ giác quan, 3. hữu thiện ác, đạo vợ chồng, từ là cội gốc, Không màng hưởng thụ, 4. Vượt qua thói người thăm bệnh), Tam Bảo (Phật bảo, quen, 5. Trang sức hổ thẹn, 6. Chuyển hóa Pháp bảo, Tăng bảo, Cứu khổ cho vui); sân hận, 7. Từ bỏ kiêu mạn và dua nịnh, 8. Phần thứ ba, Nhơn quả: Muôn vật trong Ít muốn, biết đủ, 9. Tâm thoát tục, 10. vũ trụ (Thật tướng của muôn vật, Muôn Tinh tấn không dừng, 11. Thắp sáng chánh vật sanh khởi), Chúng sanh (vô thường, niệm, 12. Thể nghiệm chánh định, 13. thân người, tâm người, tội ác, nghiệp báo, Nuôi lớn trí tuệ, 14. Từ bỏ hý luận, 15. Tự luân hồi, công hạnh và từng bậc giải mình cất bước, 16. Bốn chân lý Thánh, 17. thoát), Phật-đà (từ bi, trí tuệ, cứu tế, pháp Sanh tử an nhiên; Phần Hồi hướng: 5. thân, Niết-bàn). Phụ lục. Kinh Tinh hoa trí tuệ, 6. Niệm Phật và Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm Sám hối, 7. Xướng lễ, 8a. Mấy điều quán 1963, Nhà in Liên Hoa (Huế), Kiểm duyệt

số 061 ngày 19-3-1963, dày 339 trang, bìa Trì Thế Đà-la-ni (No. 1165), 27. Cát mềm; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh; Tường thiên nữ, 28. Phật nói Kinh Mười các năm:

2002-2011-2014, Nxb Tôn Giáo. hai Danh hiệu của Đại Cát Tường thiên nữ (No. 1252), 29. Phật nói Kinh Mười hai 507. KINH LUẬN Tuyển Tập Danh hiệu của Đại Cát Tường thiên nữ Biên dịch: Huyền Thanh (No. 1252bis), 30. Đại Cát Tường thiên nữ Nxb Tôn Giáo – 2009 12 Khế 108 Danh vô cấu Đại thừa Kinh Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 271 (No. 1253), 31. Từ Thị Bồ-tát Lược tu-dũ- trang, bìa cứng. nga Niệm tụng pháp (No. 1141), Quyển Nội dung gồm có: 1. Phật nói Kinh Thủ thượng-Quyển hạ, 32. Phật nói Từ Thị Bồ- Lăng Nghiêm Tam-muội (No. 642), tát Đà-la-ni (No. 1142), 33. Phật nói Kinh Quyển thượng-Quyển hạ, 2. Kinh Đại Từ Thị Bồ-tát Thệ nguyện Đà-la-ni (No. Thừa Phương Quảng Tổng Trì (No. 274), 1143), 34. Phật nói Di-lặc Bồ-tát Phát 3. Phật nói Kinh Tinh xá Đầu Voi (No. nguyện Vương kệ (No. 1144), 35. Mục 466), 4. Phật nói Kinh Trang nghiêm Tâm lục. Bồ-đề (No. 307), 5. Phật nói Kinh Sinh ra Tâm Bồ-đề (No. 837), 6. Luận Phát Tâm 508. KINH MA-HA BÁT-NHÃ Vô thượng Chính đẳng Chính giác trong BA-LA-MẬT, Trọn bộ 3 Tập Kim Cương đỉnh Du-già (No. 1665), 7. Dịch giả: Nghĩa của Tâm Bồ-đề (No. 1953), 8. Kinh HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Đại Phương quảng Như Lai tạng (No. Chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) 667), 9. So sánh Công đức của Tràng hạt Tỳ-kheo Thích Đăng Quang – Trưởng ban trong Mạn-thù-thất-lợi Chú tạng (No.787), ấn tống Kinh 10. Kinh Kim Cương đỉnh Du-già Niệm Toàn bộ Kinh gồm có 30 quyển, 90 phẩm. Châu (No.789), 11. Kinh Danh hiệu của Tập 1, In tại Nhà in Sen Vàng, PL. 2511 – Tám đức Phật (No. 431), 12. Kinh nói DL. 1967 (in lần thứ nhất), Tỳ-kheo Thích Mười điều Tốt lành (No. 432), 13. Phật Đăng Quang (chùa Hải Tuệ) tổ chức ấn nói Kinh Tám vị Đại Bồ-tát (No. 490), 14. tống. Tập 1, dày 522 trang, bìa mềm, nền Phật nói Kinh Bát Cát tường Thần chú trắng, chữ tựa màu đỏ; gồm có 10 quyển, (No. 427), 15. Bốn ngày Trai của Đại thừa 36 phẩm. Quyển I, có 3 phẩm: P.1. Tự, (No. 2849), 16. Phật nói Kinh Bốn vị P.2. Phụng bát, P.3. Tu tập đúng; Quyển Thiên vương (No. 590), 17. Phật nói Kinh II, có 3 phẩm: P.4. Vãng sanh, P.5. Tán Tám điều Giác ngộ của bậc Đại nhân (No. thán Ba-la-mật, P.6. Tướng lưỡi, P.7. Tam 779), 18. Phật vì Hải Long vương nói giả; Quyển III, có 3 phẩm: P.8. Khuyến Kinh Pháp Ấn (No. 599), 19. Phật vì Sa- học, P.9. Tập tán, P.10. Hành tướng; già-la Long vương nói Kinh Đại thừa (No. Quyển IV, có 6 phẩm: P.11. Ảo học, P.12. 601), 20. Phật nói Văn lễ Sám tên của 35 Cú nghĩa, P.13. Kim Cang, P.14. Đoạn vị Phật (No. 326), 21. Phổ Hiền Hạnh chư kiến, P.15. Phú-lâu-na, P.16. Thừa Nguyện tán (No. 297), 22. Trì Thế Bồ-tát, Đại thừa; Quyển V, có 2 phẩm: P.17. 23. Kinh Trì Thế Đà-la-ni (No. 1162), 24. Trang nghiêm, P.18. Vấn thừa; Quyển VI, Phật nói Kinh Vũ Bảo Đà-la-ni (No. có 3 phẩm: P.19. Quảng thừa, P.20. Phát 1163), 25. Phật nói Kinh Đại Thánh Trì thú, P.21. Xuất đáo; Quyển VII, có 4 Thế Đà-la-ni (No. 1164), 26. Kinh Thánh phẩm: P.22. Thắng xuất, P.23. Đẳng

không, P.24. Hội tông, P.25. Thập vô; học; Quyển XXV, có 2 phẩm: P.75 Tam Quyển VIII, có 2 phẩm: P.26. Vô sanh, thứ đệ hành, P.76 Nhứt niệm; Quyển P.27. Thiên vương; Quyển IX, có 4 phẩm: XXVI, có 2 phẩm: P.77 Lục dụ, P.78 Tứ P.28. Ảo nhơn thính pháp, P.29. Tán hoa, nhiếp; Quyển XXVII, P.78 Tứ nhiếp (tt), P.30. Tam thân, P.31. Diệt tránh; Quyển X, P.79 Thiện Đạt; Quyển XXVIII, có 2 có 5 phẩm: P.32. Bửu pháp đại minh, phẩm: P.80 Thật tế, P.81 Cụ túc; Quyển P.33. Thuật hành, P.34. Khuyến trì, P.35. XXIX, có 6 phẩm: P.82 Tịnh Phật quốc, Khiến trừ ma ngoại, P.36. Tôn tạo. P.83 Quyết định, P.84

Tứ đế, P.85 Thất Tập 2, In tại Nhà in Thăng Long, PL. 2516 dụ, P.86 Bình đẳng, P.87 Như hóa; Quyển – DL. 1972 (in lần thứ nhất), Tỳ-kheo XXX, có 3 phẩm: P.88 Tát-đà-ba luân, Thích Đăng Quang (chùa Hải Tuệ) tổ chức P.89 Đàm Vô Kiệt, P.90 Chúc lụy. ấn tống. Tập 2, dày 501 trang, bìa mềm; có Bộ Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật này 10 quyển, từ quyển 11 đến quyển 20. được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2530 – Quyển XI, có 2 phẩm: P.37 Xá-lợi, P.38 DL. 1986, Viện Phật học Phổ Hiền xuất Pháp thí thứ 38 phần trên; Quyển XII, P.38 bản; năm 1987, Giáo hội Vạn Hạnh -chùa Pháp thí thứ 38 phần dưới; P.39 Tùy hỷ; Liên Hoa Cali xuất bản; năm 1993, THPG Quyển XIII, có 2 phẩm: P.40 Chiếu minh, Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm PL. 2539 P.41 Tín hủy; Quyển XIV, P.42 Thân tịnh, – DL. 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn P.43 Vô tác, P.44 Khắp Ca ngợi trăm Ba- hành; Nxb Tôn Giáo – 2007. la-mật; Quyển XV, có 2 phẩm: P.45 Kinh nhĩ văn trì, P.46 Ma sự; Quyển XVI, có 3 509. KINH MA-HA MA-DA phẩm: P.47. Lưỡng bất hòa hiệp quá, P.48 ĐCTTĐTK, quyển 12, Ks. 383 Phật mẫu, P.49 Vấn tướng; Quyển XVII, Hán dịch: Sa-môn Thích Đàm Cảnh có 4 phẩm: P.50 Thành biện, P.51 Thí dụ, Việt dịch và chú thích: Cư sĩ Hạnh Cơ P.52 Thiện tri thức, P.53 Xu hướng Nhất Nội dung Kinh này có 4 phần: Giới thiệu thiết trí; Quyển XVIII, có 2 phẩm: P.54 Đại (2018); Phần I, Đức Phật lên cung trời như, P.55 Bất thối chuyển; Quyển XIX, có Đao Lợi thuyết pháp hóa độ thánh mẫu 3 phẩm: P.56 Kiên cố, P.57 Thâm áo, P.58 Ma-ha Ma-da; Phần II, Thế Tôn du hành Mộng hành; Quyển XX, P.59 Hằng-già- hóa độ và sau cùng đến rừng Ta-la song đề-bà, P.60 Học không bất chứng, P.61 thọ nhập Niết-bàn; Phần III, Thánh mẫu Mộng trung bất chứng. Ma-da từ trời Đao Lợi về rừng Ta-la, và Tập 3, Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (chùa Đức Phật an ủi lời từ biệt; Phần IV, tôn giả Hải Tuệ) tổ chức ấn tống, PL. 2517 – DL. A-nan thuật lại lời Phật dạy về "trụ và 1973. Tập 3, dày 557 trang, bìa mềm; có diệt" của chánh pháp từ sau khi Ngài nhập Quyển XXI, có 4 phẩm: P.62 Ma sầu, P.63 Sanskrit/Hán tạng) Đẳng học, P.64 Tùy hỷ, P.65 Hư không; Quyển XXII, có 3 phẩm: P.66 Chúc lụy, 510. KINH MẠT PHÁP NHẤT TỰ ĐÀ- P.67 Bất khả tận, P.68 Lục độ tướng LA-NI (Mật Giáo) nhiếp; Quyển XXIII, có 2 phẩm: P.69 Đại Hán dịch: Tam tạng Bảo Tư Duy Phương tiện, P.70 Tam huệ; Quyển XXIV, Việt dịch: Sa-môn Thích Viên Đức có 4 phẩm: P.71 Đạo thọ, P.72 Bồ-tát Chùa Dược Sư (Ban Mê Thuột) xuất bản - hạnh, P.73 Chủng thiện căn, P.74 Biến 1974.

Kinh này có 136 trang, bìa mềm. Nội dung thuyết pháp, P.4 Hỏi về pháp kiết giới, P.5 gồm có: Kinh Đà-la-ni Mạt pháp trung Hỏi về việc an cư, P.6 Hỏi về việc độ nhất tự tâm chú; Kinh Đại phương quảng người, P.7 Hỏi việc thụ giới, P.8 Hỏi về Bồ-tát tạng Kinh trung; Văn-thù-sư-lợi căn việc nhận phẩm vật cúng dường, P.9 Hỏi bổn nhất tự Đà-la-ni Kinh; Mạn-thù-thất- về bệnh tật, P.10 Hỏi về việc Tỳ-kheo thị lợi Bồ-tát chú tạng trung nhất tự chú tịch, P.11 Hỏi về ba y, P.12 Hỏi về bát, vương Kinh; Uế tích Kim Cang thuyết P.13 Hỏi về các việc linh tinh, P.14 Hỏi về thần thông đại mãn Đà-la-ni pháp thuật thụ Ba tự qui, P.15 Hỏi về thụ Năm giới, linh yếu môn; Uế tích Kim Cang cấm bách P.16 Hỏi về thụ Mười giới, P.17 Hỏi về biến pháp Kinh; Thần biến diên mạng Sa-di, P.18 Văn sám hối sau 90 ngày kiết mạng; Phật nói Thất tinh chơn ngôn thần Pháp bảo-Bộ luật) chú; Kinh nhất thiết công đức Trang nghiêm vương; Phật nói Kinh Trang 513. KINH MỤC-LIÊN nghiêm vương Đà-la-ni chú; Phật nói Kinh Dịch giả: Thích Quảng Độ trì cú thần chú; Kinh Tăng huệ Đà-la-ni; Chùa Bồ-Đề (Gia Định) xuất bản, Quán Thế Âm

khuyết trừ nhất thiết nhãn PL. 2508 – DL. 1964 thống Đà-la-ni; Quán Thế Âm linh chi căn Kinh dày 181 trang, bìa mềm. Nội dung cụ tác Đà-la-ni; Hoạch chư thiền tam-muội gồm có: Tựa, Dâng mẹ, Từ bi Đạo tràng nhất thiết Phật pháp môn Đà-la-ni. Mục-liên Sám pháp, Quyển thứ nhất, Quyển thứ hai và Quyển thứ ba; Cử tán. 511. KINH MẬT NGHIÊM Tác phẩm Kinh này tái bản năm PL. 2512 Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn – DL. 1968, chùa Bồ-Đề (Gia Định) ấn Nxb Tôn Giáo – 2010 hành. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 212 trang, bìa mềm, chính giữa có hình ao sen, chữ tựa Kinh màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phần Tổng 514. KINH MƯỜI GIỚI VÀ CÁC OAI quát; P.1 Đạo tràng Mật nghiêm; P.2 Thân NGHI CỦA SA-DI Thanh tịnh sinh vào thế giới Mật nghiêm Việt dịch: Tỳ-kheo Phước Nghĩa vi diệu, Phần 1 và Phần 2; P.3 Sanh từ bào Nxb Hồng Đức – 2017 thai; P.4 Tự tác cảnh giới; P.5 Phân biệt Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 67 Quán hạnh; P.6 Nhập A-lại-da; P.7 Ngã trang, bìa mềm. Thức cảnh giới; P.8 A-lại-da chính là Mật Nội dung gồm có: Kinh Mười Giới và Các nghiêm; Phần Chú thích. Oai nghi của Sa-di, Kinh Tám điều Giác ngộ của bậc Đại nhân, Kinh Phật răn dạy 512. KINH MỤC-KIỀN-LIÊN HỎI sơ lược những pháp thiết yếu lúc sắp nhập NĂM TRĂM TỘI KHINH TRỌNG Niết-bàn. TRONG GIỚI LUẬT Việt dịch: Thích Nguyên Lộc 515. KINH MƯỜI THIỆN NGHIỆP Nội dung Kinh này gồm có 18 phẩm: P.1 Việt dịch: Trưởng lão Tỳ-kheo Trí Quang Hỏi về quả báo phạm năm thiên giới, P.2 (1923-2019) Hỏi về vật dụng của Phật, P.3 Hỏi việc Nxb Hồng Đức – 2017

Nội dung Kinh gồm có: Chính văn Kinh, người ngu, - Bay lên trên không, - Xương Chú giải Kinh Mười Thiện Nghiệp, Phần dài bốn ngàn dặm, - Ngưng hơi thở, - Trí sao lục Hoa văn Kinh Mười Thiện Nghiệp. tuệ soi thấu tất cả, - Thần hồn, trí và thức, - Phật làm được việc khó làm. Lời cuối 516. KINH NA-TIÊN TỲ-KHEO cùng. Soạn thuật: Cao Hữu Đính Tác phẩm Kinh này tái bản năm 1971, Giáo án Trường Cơ bản PHVN – Nxb Minh Đức (Sài Gòn). Lưu hành nội bộ. Hương Sen ấn tống năm 1970. Kinh có 517. KINH NĂM GIỚI TƯỚNG CỦA khổ 14 x 20cm, có 159 trang, bìa mềm. ƯU-BÀ-TẮC Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói Hán dịch: Tam tạng Pháp sư đầu, Đối thoại: - Vô ngã hay danh, - Số, - Cầu-na-bạt-ma (Gunavarman, 367-431) Cách nói chuyện của hiền giả và vương Việt dịch: Thích Thiện Phước giả hay điều kiện đối thoại, - Di-la-đà Nxb Tôn Giáo. Nội dung của Kinh này nói thỉnh Na-tiên vào hoàng cung, - Cứu cánh về 5 giới, gồm có: Lời người dịch (chùa đích thực của bậc xuất gia, - Nguyên nhân Đông Sơn, Tiền Giang – 2009); Kinh Năm luân hồi và phương pháp giải thoát, - Pháp giới tướng của Ưu-bà-tắc, 1. Giới sát lành, - Tương quan giữa thân trước và thân sanh, 2. Giới trộm, 3. Giới dâm, 4. Giới sau, - Tự biết hết tái sanh, - Trí và minh, - vọng ngữ, 5. Giới uống rượu. Đắc đạo rồi có còn đau khổ không? – Vui, khổ, thiện và bất thiện, - Danh thân tài sắc, 518. KINH NĂM PHẬT ĐẢNH TAM- - Đã hỏi rồi không nên hỏi lại, - Danh thân MUỘI ĐÀ-LA-NI tương liên, - Thời gian, - Đầu mối của Mật Tang bộ 2 – No. 952 sanh tử, - Nhân duyên sanh, - Linh hồn, - Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí Liên hệ giữa căn và tâm thần, - Xúc, - Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí Cảm thọ, - Giác, - Sở niệm, - Nỗi lòng, - Phục hồi Phạn chú: Huyền Thanh Muối, - Duyên nghiệp của tri giác, - Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 Nguyên nhân bất bình đẳng giữa loài quyển, 10 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Ngũ người, - Phải sớm làm điều lành, - Lửa địa Phật đảnh luân vương Đà-la-ni Nhập

tam- ngục, - Nước dựa trên không khí, - Niết- ma-địa gia trì hiển đức, P.3 Nhất tự đảnh bàn, - Phật có ra đời, - Phật là tối thắng, - vương họa tượng pháp, P.4 Ngũ đảnh Thân cũ không tái sanh, - Thân mất, việc vương Tam-ma-địa thần biến gia trì hóa làm còn, - Không thể biết quả báo về sau, - tượng; Q.II, P.5 Hành tướng Tam-muội- Niết-bàn ở đâu?, - Vì sao săn sóc cái thân, gia của năm Đảnh vương, P.6 Nghi pháp - Vì sao Phật không giống cha mẹ, - Chơi bí mật của năm Đảnh vương, P.7 Pháp chữ, - Giọt nước mắt lành, - Mê ngộ khác thành tựu của Năm đảnh vương; Q.III, P.8 nhau, - Trí nhớ, - Mười sáu cách nhớ, - Mật ấn của Năm đảnh vương; Q.IV, P.9 Phật là đấng toàn giác, - Nhân ít, quả Tu chứng Tất-địa của Năm đảnh vương, nhiều, - Ngừa giặc khi giặc chưa đến, - P.10 Phổ thông thành tựu pháp hộ ma của đến một lượt, - Bảy sự việc tựu thành giác Kinh-Hán tạng) ngộ, - Làm việc lành nhỏ được phước lớn, - Kẻ trí làm điều dữ ít bị bị tai vạ hơn

519. KINH NĂM TRĂM ĐỆ TỬ TỰ Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm NÓI VỀ BỔN KHỞI 2001, 2017, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Nxb Hồng Đức. Việt dịch: Thích Chánh Lạc Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 30 521. KINH NIỆM PHẬT VIÊN ĐỐN phẩm: 1.P Đại Ca-diếp (19 bài kệ (bk), 2.P Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Minh Lễ Xá-lợi-phất (12 bk), 3.P Ma-ha Mục-kiền- Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 liên (15 bk), 4.P Luân Đề-đà (Tịnh trừ, 17 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 254 trang, bk), 5.P Tu-man (Thiện niệm, 14 bk), 6.P bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Luân luận (Nghe rõ, 11 bk), 7.P Phàm-kỳ Tác phẩm này gồm có 3 Kinh chính. Nội (Thủ thiện, 8 bk), 8.P Tân-đầu-lô (Khất bế dung: Tựa, Tựa hiệp khắc 3 bộ Kinh Niệm môn, 11 bk), 9.P Hóa kiệt (Thiện lai, 21 Phật Viên Đốn; I. Kinh Văn Thù sở thuyết bk), 10.P Nan-đà (Hân lạc, 12 bk), 11.P Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, Đôi lời sau Dạ-da (Danh văn, 26 bk), 12.P Thi-lợi-la Kinh Văn Thù sở thuyết Ma-ha Bát-nhã (20 bk), 13.P Bạt-câu-lô (Họ cố, 12 bk), Ba-la-mật; II. Kinh Đại Phương đẳng Như 14.P Ma-ha-trở (Đại trường, 12 bk), 15.P Lai Bất tư nghị Cảnh giới; III. Kinh Bát- Ưu-vi Ca-diếp (8 bk), 16.P Ca-da (Tróc chu Tam-muội (có 4 quyển, 17 phẩm): thủ, 15 bk), 17.P Thọ-đề-cù (37 bk), 18.P Q.I, P.1 Vấn đáp, P.2 Tư duy, P.3 Tam-Lại-tra-hòa-la (26 bk), 19.P Hóa đề (27 muội hành, P.4 Thấy Phật; Q.II, P.5 Chánh bk), 20.P Thiền thừa Ca-diếp (11 bk), 21.P tín, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, Châu-lợi-bàn-đặc (8 bk), 22.P Thí đề-hồ P.8 Thọ ký; Q.III, P.9 Công đức thọ trì, (27 bk), 23.P A-na-luật (Vô liệp, 9 bk), P.10 Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ năm 24.P Di-ca-phất (Lộc tử, 14 bk), 25.P La pháp, P.12 Xa lìa phân biệt; Q.IV, P.13 Vô vân (10 bk), 26.P Nan-đề (14 bk), 27.P tránh hạnh, P.14 Pháp bất cộng, P.15 Công Bạt-đề (19 bk), 28.P La-bàn-bạt-đề (14 đức tùy hỷ, P.16 Phụng sự pháp sư, P.17 bk), 29.P Ma-đầu-hòa-luật-chí (21 bk), Chúc lụy; Vài hàng sau Kinh Bát-chu 30.P Thế Tôn (50 bk). Tam-muội, Lời bạt, Tiểu sử Cư sĩ Bồ-tát Pháp bảo-Bộ Bổn duyên) Tác phẩm này đã được Vạn Đức Tự ấn hành năm PL. 2512 – DL. 1968 520. KINH NIỆM PHẬT BA-LA-MẬT Dịch và giải: 522. KINH NGŨ BÁCH DANH HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992) Việt dịch: Thích Chân Lý Nxb Tôn Giáo – 2008 Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013 Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 102 Kinh có khổ 15 x 23cm, có 88 trang, bìa trang, bìa cứng, nền màu đen, chữ mạ mềm. Tác phẩm này gồm có: Nghi thức lễ vàng. Nội dung gồm có 7 phẩm chính: P.1 tụng (các chơn ngôn, Vịnh, Cung văn, Tán Duyên khởi, P.2 Mười Tâm thù thắng, P.3

dương chi, 500 hồng danh chư Phật và Niệm Phật công đức, P.4 Xưng tán danh Bồ-tát. Sau cùng là Chí tâm sám hối, Chú hiệu, P.5 Quán Thế Âm Bồ-tát niệm Phật Đại bi, Tiêu tai cát tường thần chú, Cử tán, viên thông, P.6 Năng lực Bất tư nghị của Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm Kinh, danh hiệu Phật, P.7 Khuyến Phát niệm Chí tâm phát nguyện, Cung nguyện, Phổ Phật và Đọc tụng Chân ngôn. nguyện, Tam tự Quy y.

Hồ Chí Minh ấn hành năm 1997; tái bản tạng) năm 2007, Nxb Tôn Giáo. 526. KINH NGŨ BÁCH DANH 523. KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM QUÁN THẾ ÂM Biên tập: Lê Hồng Sơn Việt dịch: Quảng Minh Nxb Tôn Giáo – 2012 Tác phẩm Kinh này gồm có 142 trang Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 100 trang, (PDF): - Lời phi lộ (2009); - Kinh Ngũ bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, bách danh Quán Thế Âm (dịch âm); - Lễ Cử tán, Nhất thiết Cung kính Tín lễ Ngũ bách danh Quán Thế Âm nghi; - Kinh Thường trụ Tam bảo, Lễ tán bạch, Chí tâm Ngũ bách danh Quán Thế Âm (dịch đảnh lễ: (500 hồng danh Bồ-tát Quán Thế nghĩa); - Lễ Ngũ bách danh Quán Thế Âm Âm), Phúng Quán Thế Âm Bồ-tát Tùy tâm nghi; Chú thích; và phần chú thích của Tùy ý, Pháp sám bạch, Chí tâm Phát HT. Thích Thiền Tâm. nguyện, Phúng Hồi hướng kệ. PDF) 527. KINH NGŨ BÁCH VẤN Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – 524. KINH NGŨ BÁCH DANH Ban Dịch Thuật Luật Tạng QUÁN THẾ ÂM Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Lộc Biên soạn: Thích Tâm Châu Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh khổ 14.5 x Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lược sử; - 20.5cm, có 146 trang, bìa mềm. Nghi thức Lễ tụng; Chánh văn Kinh (500 Tác phẩm Kinh này gồm có 17 phẩm: 1.P danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát); Thiên Hỏi về quả báo phạm năm thiên giới, 2.P thủ thiên nhãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la- Hỏi về vật dụng của Phật, 3.P Hỏi việc ni, Tiêu tai Cát tường thần chú, Bát-nhã thuyết pháp, 4.P Hỏi về pháp Kiết giới, Ba-la-mật-đa tâm Kinh và Nghi thức Hồi 5.P Hỏi về việc An cư, 6.P Hỏi việc độ tạng) việc nhận phẩm vật cúng dường, 9.P Hỏi về bệnh tật, 10.P Hỏi về việc Tỳ-kheo thị 525. KINH NGŨ BÁCH DANH tịch, 11.P Hỏi về ba y, 12.P Hỏi về bát, QUÁN THẾ ÂM 13.P Hỏi về các việc linh tinh, 14.P Hỏi về Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Hạnh Định, Tỳ- thụ ba tự quy, 15.P Hỏi về thụ năm giới, kheo Thích Hạnh Tâm, 16.P Hỏi về thụ mười giới, 17.P Hỏi về Tỳ-kheo Thích Hạnh Bổn Sa-di; Văn sám hối sau 90 ngày kiết hạ. Chứng nghĩa: HT. Thích Như Điển PL. 2559 – DL. 2015. Tác phẩm Kinh này 528. KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG gồm có: - Lời vào Kinh, - Nghi thức lễ Dịch và chú giải: Nhất Hạnh tụng; Chánh văn (500 danh hiệu Quán Thế Tác phẩm Kinh này có 38 trang, bìa mềm. Âm Bồ-tát); Phúng Quán Âm Bồ-tát, Tùy Nội dung gồm: - Kinh văn, - Tên kinh và tâm chú, Chí tâm phát nguyện, Phật nói nguồn gốc của Kinh, - Trường hợp Kinh Chơn Kinh Cứu khổ, Tuyên sớ, Kệ Hồi được nói, - Chủ đích và đại ý nội dung; - Năm giới pháp (1. Giới không giết hại, 2.

Giới không xâm phạm vào tư hữu của kẻ Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm khác, 3. Giới không tà dâm, 4. Giới không 2006, Nxb Tôn Giáo; tái bản năm 2012, nói dối, 5. Giới không sử dụng các chất Nxb Tôn Giáo. ma túy trong đó có rượu); - Bốn tâm cao đẹp (1. Phép quán niệm thứ nhất là niệm 531. KINH NHÂN QUẢ BA ĐỜI Bụt, 2. Phép quán niệm thứ hai là niệm Việt dịch: Pháp, 3. Phép quán niệm thứ ba là niệm HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992) Tăng, 4. Phép quán niệm thứ tư là niệm Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 Giới); - Hạnh phúc trong hiện tại, - Vun Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 61 trang, trồng phước đức, - Tính cách tương dung bìa mềm. của Năm giới pháp và Bốn

tâm cao đẹp, - Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Sám Dược Đối tượng của niềm tin, - Năm giới mầu Sư, Kinh Phật nói Nhân Quả Ba Đời; nhiệm (Giới thứ nhất, hai, ba, tư và năm). Nhân quả Luân hồi Tạp lục (Mạnh Phu nhân, Chu Tinh Hải, Hạ Phùng Thánh, 529. KINH NGHI QUỸ ĐẠI MINH Chuyện Vị Lão Tăng, Thái thú họ Ngưu, THÀNH TỰU TRÌ MINH TẠNG Giết dê hại vợ, Phạm dâm trả quả, Bất DU-GIÀ ĐẠI GIÁO hiếu đọa làm heo, Vùi trong bếp lửa) và 51 TÔN-NA BỒ-TÁT bức tranh minh họa về nhân quả báo ứng. Hán dịch: Pháp Hiền Kinh này được tái bản nhiều lần: Phật học Việt dịch: Huyền Thanh viện Quốc Tế xuất bản 1983; năm 1994, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 1998, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; quyển, 6 phần: Q.I, Phần 1. Đại minh các năm: 2002, 2003, 2010, 2016, Nxb thành tựu, Phần 2. Quán trí thành tựu; Tôn Giáo. Q.II, Phần 2. Quán trí thành tựu (tt); Q.III, Phần 3. Tạo tranh tượng, Phần 4. Pháp làm 532. KINH NHÂN QUẢ SÁM PHÁP Man-noa-la, Phần 5. Hộ ma, Phần 6. Pháp Sưu tập: Thích Giác Thiện trì tụng của Tôn-na Bồ-tát (1); Q.IV, Phần Nxb Tôn Giáo – 2009 6 Pháp trì tụng của Tôn-na (2). Kinh có khổ 14.5 x 25.5cm, dày 338 trang, Bộ Mật giáo) Phật Ngọc, sau lưng là hình bảo tháp tại Bồ-đề Đạo Tràng (Ấn Độ). Toàn bộ tác 530. KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT phẩm gồm có: Nghi thức tụng niệm, Phật Hán dịch: Cù-đàm Pháp Trí nói Kinh Nhân quả Ba đời, Phật nói Kinh Việt dịch: Thích Tuệ Thông Thiện ác Nhân quả, Kinh Nghiệp báo, Nxb Hồng Đức – 2013 Phật nói Kinh Nghiệp báo Sai biệt, Nói rõ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 64 trang, quả báo, Kinh Thiên sứ, Từ bi Thủy sám, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Phật Giải oan Thích kiết, Kinh Tâm từ, Bát-nhã nói Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, và 18 bức Tâm kinh, Phát nguyện Sám hối, Khuyến hình; Phần Phụ lục: Kinh Vua A-xà-thế tu. hỏi Phật về tội ngũ nghịch, Kinh Mối thù khi chưa sinh. 533. KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC Việt dịch:

Thích Trung Quán (1918-2003) việc ăn thịt, P.9 Đà-la-ni, P.10 Kệ tụng (có Ban Hoằng Pháp Miền Vĩnh Nghiêm xuất 2 phần). bản, PL. 2508 In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), 536. KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN Giấy phép số 2486/BTT/BC-3/XB, ngày VƯƠNG 12-9-1964 Mật Tạng bộ 2 – No. 951 Kinh có 144 trang, bìa mềm. Nội dung Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí gồm có: Phần Nghi lễ, Phật nói Kinh Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật- Phục hồi Phạn chú: Huyền Thanh đa; Phần Hồi hướng, Tâm Kinh Bát-nhã, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 5 Tam Tự Quy y. quyển, 13 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Pháp vẽ tượng; Q.II, P.3 Phân biệt thành pháp, P.4 534. KINH NHẬP LĂNG-GIÀ Phân biệt Mật nghi, P.5 Phân biệt Bí Hán dịch: Tam tạng Pháp sư tướng, P.6 Thành tượng pháp; Q.III, P.7 Bồ-đề-lưu-chi Ấn thành tựu; Q.IV, P.8 Đại pháp đàn, P.9 Việt dịch: Cư sĩ Tuệ Khai Cúng dường thành tựu; Q.V, P.10 Thế Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh thành tựu, P.11 Hộ pháp, P.12 Chứng học (1927-2005) pháp, P.13 Hộ ma đàn. nội dung gồm 10 quyển, 18 phẩm: Q.I, P.1 Thỉnh Phật, P.2 Vấn đáp; Q.II, P.3 Tập 537. KINH NHẤT TỰ họp tất cả Phật pháp; Q.III, P.3 Tập nhất KỲ ĐẶC PHẬT ĐẢNH thiết Phật pháp; Q.IV, P.3 Tập nhất thiết Mật Tạng bộ 2 – No. 953 Phật pháp; Q.V, P.4 Phật tâm; Q.VI, P.5 Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không Lư-ca-gia-đà, P.6 Niết-bàn, P.7 Pháp thân; Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí Q.VII, P.8 Vô thường, P.9 Nhập đạo, P.10 Phục hồi Phạn chú: Huyền Thanh Hỏi đức Như Lai thường-vô thường, P.11 Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 Phật tính, P.12 Năm pháp môn, P.13 quyển, 9

phẩm: Quyển thượng, P.1 Hiện Hằng-hà sa; Q.VIII, P.14 Sát-na, P.15 oai đức, P.2 Ấn khế, P.3 Mạn-trà-la nghi Hóa, P.16 Ngăn ăn thịt, P.17 Đà-la-ni; quỹ, P.4 Tiên hành; Quyển trung, P.5 Q.IX và Q.X, P.18 Tổng. Thành tựu Tỳ-na-dạ-ca, P.6 Thuyết pháp; Kinh Sanskrit/Hán tạng) chướng Tỳ-na-dạ-ca thiên vương, P.8 Thành tựu tối thắng, P.9 Bồ-tát tạng. Dịch và giảng: Đương Đạo Thiện Tri Thức – 2017 538. KINH NHẬT TỤNG Tác phẩm này gồm có 10 phẩm: P.1 Vua Biên soạn: Thích Đăng Quang La-bà-na xin thỉnh, P.2 Tập tất cả pháp (có Nxb Tôn Giáo – 2020 3 phần), P.3 Vô thường (có 2 phần), P.4 Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 181 trang, Hiện chứng, P.5 Như Lai thường-vô bìa mềm. Nội dung gồm có: Nghi thức thường, P.6 Sát-na, P.7 Biến hóa, P.8 Dứt Công phu khuya, Nghi thức Công phu chiều (Tịnh độ hay Cầu siêu), Nghi thức

Sám hối, Mông Sơn Thí thực, Nghi thức Sám hối, Mông sơn Thí thực), Cầu an, Cầu an, Phật Thích-ca nói Kinh Di-lặc..., Tụng Kinh Kim Cang, Lễ Vu Lan bồn, Nghi thức Phóng sanh; Phụ trang: Các Bài Kinh Hạ sanh Di-lặc thành Phật, Lễ Khánh sám. đản, Lễ An vị Phật, Cúng ngọ, Quá đường, Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Kệ dộng Đại hồng chung, Kệ chuyển Năm 1984, chùa Hiển Quang ấn hành; trống, Phóng sanh; Các Bài sám: Sám năm 2006; năm 2021, Nxb Tôn Giáo, khổ Thích-ca, Sám Di-đà, Sám Nhứt Tâm 15.5 x 23cm, dày 181, bìa mềm, chữ tựa nghĩa, Sám hối Phát nguyện, Sám Đại từ, màu đỏ, có hình Đức Phật (bán thân), tay Sám Phát nguyện, Sám Quan Âm, Sám kiết ấn. Nhứt Tâm, Bài nguyện chư Thiên; - Các ngày lễ kỷ niệm, - Những ngày trai. 539. KINH NHẬT TỤNG Tác Phẩm Kinh này được tái bản nhiều Biên tập: HT. Thích Thanh Kiểm và lần: Năm 2011-2016, Nxb Tôn Giáo. HT. Thích Hiển Tu THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, 541. KINH NHẬT TỤNG PL. 2535 – DL. 1991 Soạn và ấn tống: Tạng Thư Phật Học Kinh có khổ 11.5 x 15cm, có 489 trang, PL. 2553 – DL. 2009. Toàn bộ tác phẩm bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Kinh này gồm có 103 trang, 8 Kinh: Công Toàn bộ Kinh Nhật Tụng này gồm có 2 phu khuya, Kinh A-di-đà, Hồng danh Sám phần chính: Phần các nghi thức: Nghi hối, Mông sơn Thí thực, Phẩm Phổ môn, thức công phu khuya, Nghi thức cầu siêu Lễ Khánh đản, Kinh Vu Lan bồn, Kinh (Tịnh độ), Sám hối Hồng danh, Mông sơn Báo Hiếu Phụ mẫu trọng ân, Kinh Dược thí thực, Nghi thức cầu an (hay Nghi thức Sư, Kinh Kim Cang, Kinh Di-lặc hạ sanh tụng kinh Phổ Môn), Nghi thức tụng kinh thành Phật, Kinh Diệt tội Trường thọ, Kim Cang, Nghi thức lễ Vu Lan Bồn (kinh Những ngày Vía Phật, Bồ-tát, Tổ Sư, Các Vu Lan), Nghi thức lễ An vị Phật, Nghi ngày trai, Mười Công đức Ấn tống Kinh. Nghi thức kệ đại hồng chung, Nghi thức PDF) phóng sinh; và Phần các bài sám: - Sám 542. KINH NHẬT TỤNG Thập phương, - Sám Phổ Hiền, - Sám THPG Tp. Hồ Chí Minh – Ban Nghi Lễ Nhứt tâm, - Sám Cầu an, - Sám Ngã niệm, Nxb Hồng Đức – 2020 - Sám Vu Lan, - Sám Di-đà, - Sám Đại từ, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 259 trang, - Sám Phát nguyện. bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới Tác phẩm Kinh này được THPG Tp. Hồ thiệu; Nghi thức Công phu khuya: Tán Chí Minh tái bản, PL. 2536 – DL. 1992. dương, Chú Lăng Nghiêm, Chú Đại Bi, Thập chú, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-540. KINH NHẬT TỤNG mật-đa; Nghi thức Công phu chiều: Tán Biên soạn: Thích Minh Thời dương, Mông Sơn Thí thực, Kinh Tinh Nxb Tôn Giáo – 2008 yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Chú Đại bảo; Kinh có khổ 11.5 x 15.5cm, có 523 trang, Nghi thức Kỳ an: Dâng hương, Chú Đại bìa cứng. Toàn bộ Kinh Nhật Tụng này bi, Kinh Phổ môn, Kinh

Tinh yếu Bát-nhã gồm có, các Nghi thức: Công phu khuya, Ba-la-mật-đa; Nghi thức Kỳ siêu: Dâng Công phu chiều (Kinh Di-đà, Hồng Danh hương, Chú Đại bi, Kinh A-di-đà, Kinh

Tinh yếu Bát-

Kinh A-di-đà; 4. Kinh Diệu Pháp Liên pháp bảo, Lễ bái Tăng bảo, Ân đức Tăng Hoa phẩm Phổ Môn; 5. Mấy lời tâm bảo, Lời bố cáo Quy y Tăng bảo, Sám hối huyết. Tăng bảo, Sambuddhe, Lễ tam thế Phật, Dâng hoa cúng Phật, Năm điều quán 547. KINH NHẬT TỤNG tưởng, Vô thường, Rải tâm từ đến các (chùa Vạn Đức) hướng, Hồi hướng đến chư thiên, Hồi Nxb Tôn Giáo – 2007 hướng đến chúng sanh, Hồi hướng phước Kinh có khổ 14 x 20cm, có hơn 51 trang, báu, Phép thọ Ngũ giới, Cầu an, cầu siêu, bìa mềm. Xin dâng thực phẩm, Kinh này có 2 Nghi thức: Nghi thức tụng Mangagalasuttarambho, Tụng bố cáo Kinh A-di-đà và Nghi thức tụng Kinh Phổ Hạnh phúc kinh, Mangala sutta (Evam me Môn. sutam), Hạnh phúc kinh, Ratanasuttarambho, Tụng bố cáo kinh 548. KINH NHẬT TỤNG Tam bảo, Ratanasutta, Kinh Tam bảo, Tu Viện Huệ Quang - Lưu hành nội bộ, Buddhajayamangalagàthà, Kinh tám kệ PL. 2545 – DL. 2001 ngôn, Về sự cảm thắng và sự lành của Đức Kinh dày hơn 141 trang. Nội dung gồm Phật, Karaniya Mettà Suttam – Từ bi kinh, có: Nghi thức Trì tụng, Kinh tụng ngày Từ bi kinh, Samvejaniya Gatha – Kệ động thứ Hai: Kinh Thương yêu, Kinh Tám điều tâm, Paticca Samupàda, Vô thường, Phép Giác ngộ của các bậc Đại nhân, Kinh thọ ngũ giới, Dhamma Hạnh phúc; Kinh tụng ngày thứ Ba: Kinh Dasanàyàcanagàthà, Thỉnh pháp sư, Người áo trắng; Kinh tụng ngày thứ Tư: Patidànagàthà (Kinh hồi hướng sau khi Kinh Quán niệm hơi thở; Kinh tụng ngày nghe pháp), Hồi hướng đến chư thiên, Bài thứ Năm: Kinh Diệt trừ phiền giận; Kinh sám hối, Lễ bái phụ mẫu kệ, Kệ tụng khi tụng ngày thứ Sáu: Kinh Soi gương; Kinh nhiễu Phật, Lễ bái Tam bảo tóm tắt chung tụng ngày thứ Bảy: Kinh Độ người hấp với sự cúng dường lễ vật, Lễ bái Xá-lợi, hối; Kinh tụng ngày Chủ nhật: Kinh A-di- Kệ tụng trước các tháp thờ Xá-lợi Phật, đà, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Phép tu bước đầu, Phép thọ Bát quan trai Bạt Nhất thiết Nghiệp chướng Căn bản giới, Bát quan trai giới, Chi của ngũ giới, Đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám nguyện, Chi của giới Bát quan trai, Hạn kỳ trong Hồi hướng; Phụ lục các bài Sám. phép thọ giới Bát quan trai, Giải tóm tắt về hai cách thọ trì Bát quan trai, Việc nên 549. KINH NHẬT TỤNG của cư sĩ làm, Phép niệm Phật có ba cách, Thập ác Phật giáo Nguyên Thủy – Theravàda, nghiệp, Giải về 14 phép dâng cúng vật Thích Ca Thiền viện, 15950 Winters Lane thực, Cách dâng biếu y – Kathina, Phương Riverside, California 92504. PL. 2548 – pháp dâng cúng vật dụng, Những phương DL. 2004 pháp nên suy xét hằng ngày, Bài thỉnh Tỳ- Kinh có khổ 14 x 20cm, có 288 trang. khưu Tăng tụng kinh cầu an Kinh Nhật Tụng này gồm có: Lễ bái Tam (Parittabhàsanàyàcangàthà), Vô thường- bảo, Bài thỉnh chư thiên, Lễ dâng cúng Khổ não-Vô ngã, Girimananda Sutta, Phật Tam bảo, Ân đức Phật, Lời bố cáo Quy y cảm thắng ma vương, Phật nhập Niết-bàn, Phật bảo, Lễ bái Pháp bảo, Ân đức pháp Tiểu sử Phật Thích-ca, Khandhaparitta bảo, Lời bố cáo Quy pháp bảo, Sám hối Gàthà, Anantariya Gàtha,

Dasadisàbuddhasutta (kinh Thập phương Phật), Kinh Thập phương Phật, Maha 550. KINH NHẬT TỤNG cư sĩ Jàyamangala Gàthà, Narasìha Gàthà, Kệ (Theravàda – Thánh điển Pàli) hùng sư nhân, Biên soạn: Tỳ-kheo Tăng Định Buddhapàdanàmakkàragàthàdvadasaparitt Nxb Tp. Hồ Chí Minh, a (trích ở kinh tụng Paritta 12 bộ của Miên PL. 2544 – DL. 2000 văn), Kệ lễ Phật – tích, Khaggavis – Tê Kinh có khổ 12 x 16cm, có 440 trang, bìa giác kinh, Dasa Kàmaguna – Tội ngũ trần, mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hình Kệ của Đại đức Sariputta, Moraparitta, Đức Phật (bán thân). Khổng tước kinh, Phục nguyện, Thập Toàn bộ Kinh này gồm có 4 mục chính: I. nguyện, Bài cầu chư thiên, Chúc người Lễ bái Tam bảo (Thỉnh chư thiên, Kệ Năm mới Quy y, Cờ Phật giáo, Nghi thức và lễ vị đảnh lễ Đức Phật, Kệ đảnh lễ năm dấu giáo của Phật tử tại gia, Nghi lễ Quy y, chân Đức Phật, Lễ bái Xa-lợi, Lễ tam thế Nghi thức lễ bái Tam bảo, Nghi lễ thọ ngũ Phật, Kinh Thập phương Phật, Kinh tụng giới, Bát quan trai giới, Nghi thức thờ rãi tâm Bác ái đến tất cả hướng, Bài kệ phượng tại gia, Lễ sám hối lệ, Nghi lễ sám hối của cư sĩ, Kệ thỉnh pháp sư, Kệ thuyết pháp, Nghi lễ nhiễu Phật, Lễ an vị hồi hướng sau khi thính pháp, Kệ hồi Phật, Lễ dâng cúng tài sản chùa, đất, vật hướng đến chư thiên, Kinh Hồi hướng, Kệ dụng, Lễ thọ Đầu-đà, Phương pháp thọ hồi hướng phước đến thân quyến đã quá Đầu-đà, Lễ dâng y (Kathina), Lễ thành vãng, Câu nguyện giải thoát, Phục nguyện, hôn, Lễ ma chay, Lễ giỗ tổ, Lễ cầu siêu Thập nguyện, Bài kệ cầu chư thiên, Kệ tội độ, Lễ cầu an lành, Để bát chư Tăng, Khi ngũ trần, Kệ tụng nhiễu Phật trong lễ người Phật tử phục sức, Khi người Phật tử Dâng y, Bài ý nghĩa cờ Phật giáo); II. Luật đến chùa, Lối xưng hô của người Phật tử cư sĩ tóm tắt: - Quy y Tam bảo và thọ giới, đối với chư Tăng, Khi người Phật tử đối - Chúc người mới Quy y, - Giải luật cư sĩ diện với chư Tăng trên đường đi hay nơi tóm tắt; III. Cầu an và Cầu siêu: 1. Cầu an đô hội, Khi người tín đồ cung thỉnh chư (- Thỉnh chư thiên tóm tắt, - Thỉnh chư Tăng về tư gia, Khi người Phật tử cúng Tăng tụng kinh Cầu an, - Kinh Hạnh Phúc, dường tứ vật dụng đến chư Tăng, Khi - Kinh Tam Bảo, - Kinh Từ bi, - Kinh rải người Phật tử tổ chức lễ, Khi người Phật tâm từ đến các loài rắn, - Kinh Khổng tử thính pháp, Khi người Phật tử tạo Tước, Kinh Chim Cút, - Kinh Tượng sáu phước báu, Phật tử khi nghe kinh, Phật tử ngà, - Kệ đảnh lễ 28 vị tổ, - Kệ đảnh lễ A- tâm niệm trong những ngày Bát quan trai la-hán tám phương, - Kệ cầu tài lộc, - giới, Phật tử tâm niệm hằng ngày, Phật tử Kinh Angulimàla, - đối với các nghi lễ thuộc tập tục, Phật tử Mahàjayamangalagàthàrambho, - khi thệ nguyện, Bổn phận đối với cha mẹ, Mahàjayamangalagàthà, - Tám kệ ngôn an Cha mẹ đối với con, Bổn phận đối với lành về sự cảm thắng của Đức Phật, - Kệ chồng, Bổn phận đối với vợ, Bổn phận học khải hoàn, - Kệ Nhất dạ hiền giả, - Lời di trò đối với thầy, Bổn phận thầy đối với huấn tối hậu, - Kệ anh hùng, - Kinh Tê học trò, Bổn phận chủ đối với tớ, Bổn giác, - Kệ của Đại đức Sàrìptta, - Kinh Gí- phận tớ đối với chủ, Bổn phận đối với bạn rí-má-nan-đá, - Kệ tiểu sử Phật Thích-ca, - hữu, Bổn phận đối với chúng sanh, Phật tử Kệ Phật cảm thắng ma vương, Kệ Phật với pháp lục hòa. nhập Níp-bàn); 2. Cầu siêu (- Các kệ Động

tâm, - Y tương sinh, - Năm điều quán 552. KINH NHẬT TỤNG PHẬT GIÁO tưởng, - Kệ vô thường-khổ não-vô ngã); NGUYÊN THỦY - Theravàda IV. Pháp trích lục. Nxb Hồng Đức – 2016 Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 232

Hồ Chí Minh ấn hành năm 1995. trang. Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, 551. KINH NHẬT TỤNG (Pali – Việt) Chú ý Cách đọc Kinh nhật tụng, Quỳ gối Pa – Auk Thiền Lâm Viện lễ bái: Phật-Pháp-Tăng; Kinh dày hơn 170 trang, bìa cứng, nền đỏ, Phần I. Kinh Nhật Tụng Nguyên Thủy chữ tựa màu vàng. (tiếng Việt), Lễ bái Tam bảo, Thỉnh chư Nội dung gồm có: KINH TỤNG BUỔI Thiên, Lễ dâng cúng Tam bảo, Lễ bái Phật SÁNG (4h00), Kệ khải hoàn, Quán tưởng bảo, Lễ bái Phật bảo, Ân đức Phật, Lời bố (Tứ vật dụng); KINH TỤNG BUỔI TỐI cáo Quy y Phật bảo, Sám hối Phật bảo, Lễ (6h00), Đại Thi lễ kệ, Kệ mở đầu hộ Kinh, bái Pháp bảo, Ân đức Pháp bảo, Lời bố 1. Kinh Phước lành, 2. Kinh Châu báu, 3. cáo Quy y Pháp bảo, Sám hối Pháp bảo, Kinh Lòng từ, 4. Kinh Khandha, 5. Kinh Lễ bái Tăng bảo, Ân đức Tăng bảo, Lời bố Khổng tước, 6. Kinh Chim cút, 7. Kinh cáo Quy y Tăng bảo, Sám hối Tăng bảo, Đầu lá cờ, 8. Kinh Àtànàtiya, 9. Kinh Lễ bái Xá-lợi, Kệ lễ bái Phật-Pháp-Tăng, Angulimàla, 10. Kinh Thất Giác chi, (i). Lễ bái Phật tích, Lễ tam thế Phật, Dâng Kinh Bệnh thứ nhất, (ii). Kinh Bệnh thứ hoa cúng Phật, Tam quy, Quán tưởng tứ hai, (iii). Kinh Bệnh thứ ba, (iv). Hộ Kinh vật dụng: - Quán tưởng yếu tố tứ vật dụng, giác chi, 11. Kinh Ban mai, 12. Kinh Đại - Quán tưởng sự đáng chán của tứ vật Niệm xứ (tụng trong 14 ngày), i. Sơ dụng, - Quán tưởng khi đang thọ dụng tứ thuyết, ii. Quán thân-phần hơi thở, iii. vật dụng, - Quán tưởng lại tứ vật dụng đã Quán thân-phần oai nghi, iv. Quán thân- dùng trong ngày, Thỉnh chư Thiên; Kinh phần tỉnh giác, v. Quán thân-phần thể tụng ngày thứ 2: Kinh Phật lực, Kinh trược, vi. Quán thân-phần đại giới, vii. Huân tập Công đức, Kinh Tứ niệm xứ; Quán thân-phần 9 loại tử thi, viii. Quán Kinh tụng ngày thứ 3: Bố cáo Hạnh phúc thọ, ix. Quán tâm, x. Quán pháp-phần Kinh, Kinh Hạnh phúc, Kinh Hồi hướng Triền cái, xi. Quán pháp-phần Uẩn, xii. Vong linh, Kinh Lễ bái Sáu phương; Kinh Quán pháp-phần Xứ, xiii. Quán pháp-phần tụng ngày thứ 4: Kinh Châu báu, Kinh Giác chi, xiv. Quán pháp-phần sự thật, xv. Thắng hạnh, Lễ bái chư Phật, Kinh Giải về Khổ Thánh đế diễn giải, xvi. Khổ tập lửa Phiền não; Kinh tụng ngày thứ 5: Kinh Thánh đế diễn giải, xvii. Khổ diệt Thánh Từ bi, Kinh Rải tâm từ đến các loài Rắn, đế diễn giải, xviii. Khổ đạo Thánh đế diễn Lễ bái phụ mẫu, Kệ Niệm ân Phụ mẫu, Kệ giải; Duyên khởi Phân tích, Phân tích theo Sám hối Phụ mẫu, Lời chỉ giáo Tóm tắt; Kinh, Kinh Chuyển Pháp luân, Kinh Vô Kinh tụng ngày thứ 6: Kinh Thập độ, Kinh ngã tướng, Kinh Pháp Sa-môn thường Chuyển Pháp luân; Kinh tụng ngày thứ 7: quán, Thiền Tâm từ - Nguyện cầu – Chia Thập nhị Duyên khởi, Kinh Ghí-rí-má- phước, Nhân quả liên quan đến 32 hảo nan-đá; Kinh tụng ngày Chủ nhật: Kinh tướng chư Phật. Vạn pháp Tổng trì, Vô ngã tướng Kinh, Hồi hướng, Thập Quán Sa-môn hạnh, Kệ Thánh Tăng xuất hạnh, Kinh Khổng tước,

Rải Tâm từ, Từ bi nguyện, Kệ Hồi hướng ngày thứ 6: Kinh Thập độ (Dasapàramì), sau khi tụng Kinh, Hồi hướng chư Thiên, Kinh Chuyển pháp luân Kệ tiễn chư Thiên, Kinh Hồi hướng Công (Dhammacakkappavattanasutta); Kinh đức, Hồi hướng cho người quá vãng, Hồi tụng ngày thứ 7: Kinh Thập nhị Duyên hướng, Quỳ gối lễ bái: Phật-Pháp-Tăng; khởi (Patieeasamuppàda), Kinh tụng cho Phần II. Kinh Nhật Tụng Nguyên Thủy bệnh nhân (Girimànandasutta); Kinh tụng (tiếng Pàli), Ratanattayapùjà, Lễ bái Tam ngày chủ nhật: Kinh Vạn pháp Tổng trì bảo, Bài Thỉnh chư Thiên, Lễ dâng cúng (Dhammasanganì), Kinh Vô ngã tướng Tam bảo, Buddharatanapanàma, Lễ bái

(Anattalakkhanasutta), Hồi hướng, Mười Phật bảo, Buddha Guna – Ân đức Phật, điều Quán tưởng của bậc xuất gia Buddha Attapatinnà, Buddha Khamàpana, (Dasadhammasuttam), Kệ Thánh Tăng Dhammaratanapanàma, Lễ bái Pháp bảo, xuất hạnh (Ratthapàla), Kinh Khổng tước Dhamma Guna – Ân đức Pháp bảo, (Moraparitta), Rải Tâm bác ái Dhamma Attapatinnà, Dhamma (Sabbadisàsu mettàpharanam), Kệ Hồi Khamàpana, Sangharatanapanàma, Sangha hướng quả báo bố thí đến chư Thiên Guna – Ân đức Tăng bảo, Sana (Patidànagàthà), Kinh Vô úy Attapatinna, Sangha Khamàpana, Lễ bái (Abhayaparittagàthà), Hồi hướng chư Xá-lợi, Tirataananamassakàragàthà, Thiên (Patidànagàthà), Kinh Vô úy Sambuddhe, Pujemi, Quán tưởng tứ vật (Abhayaparittagàthà), Hồi hướng chư dụng: - Quán tưởng yếu tố tứ vật dụng, - Thiên (Àkàsatthà), Kinh Hồi hướng Quán tưởng sự đáng chán của tứ vật dụng, (Tilokavijayaràjapattidànagàthà); - Quán tưởng khi đang thọ dụng tứ vật Phần III. Các Nghi lễ Thông thường, dụng, - Quán tưởng lại tứ vật dụng đã Nghi lễ Thọ trì Tam quy và ngũ giới, Phép dùng trong ngày; Kinh tụng ngày thứ 2: Thọ trì Tam quy, Thọ trì Ngũ giới, Chúc Kinh Phật lực (Buddhajayamangalagàthà), người mới Quy y, Nghi thức Thọ Tam quy Kinh Huân tập Công đức và Bát quan trai giới, Phép Thọ trì Tam (Nidhikandasuttam), Kinh Tứ niệm xứ quy, Thọ trì Bát quan trai giới, Kệ tụng khi (Satipatthànasutta); Kinh tụng ngày thứ 3: nhiễu Phật, Thỉnh Pháp sư, Thỉnh tụng Hạnh phúc Kinh (Mangalasuttàrambho), Kinh Cầu an, Tác bạch dâng thực phẩm Kinh Hạnh phúc (Mangalasutta), Kinh Hồi cúng dường, Tác bạch Cầu siêu, Tác bạch hướng Vong linh, Kinh Lễ bái Sáu phương dâng Y Tắm mưa, Tác bạch dâng Y (Singalovadasutta); Kinh tụng ngày thứ 4: Kathina, Kệ Sám hối của cư sĩ, Sám Kinh Châu báu (Ratanasutta), Kinh Thắng nguyện. hạnh (Jayaparitta), Àtanatiyaparittam, Kinh Giải về Lửa phiền não 553. KINH NHẬT TỤNG Sơ Thời (Àdittapariyayasutta); Kinh tụng ngày thứ Việt dịch và chú giải: Nguyên Giác 5: Bố cáo Kinh Từ bi Nxb Ananda Viet Foundation (Karanìyamettàsuttàrambho), Kinh Từ bi Toàn bộ tác phẩm gồm có: Lời nhà xuất (Karanìyamettàsuttam), Kinh Rải Tâm từ bản, Về Kinh Nhật tụng Sơ thời; Phẩm đến các loài Rắn (Khandhaparitta gàthà), Tám, có: Sn 4.1 – Kama Sutta (Kinh về Kệ Sám hối Phụ mẫu tham dục); Sn 4.2 – Guhatthaka Sutta (Màtàpitupanàmagàthà), Lời chỉ giáo tóm (Kinh về Thân giam trong Hang động); Sn tắt (Bhàsitovàdasankhepa); Kinh tụng 4.3 – Dutthatthaka Sutta (Kinh về Tà

kiến); Sn 4.4 – Suddhatthaka Sutta (Kinh hỏi của Pingiya); Sn 5. Epilogue Verses in về Thanh tịnh); Sn 4.5 – Paramatthaka Praise of the Way to the Beyond (Phần kết Sutta (Kinh về Tối thượng); Jara Sutta các bài kệ Ngợi ca pháp qua bờ kia 165). (Kinh về Tuổi già); Sn 4.7 – Tissametteyya Sutta (Kinh dạy Tissa 554. KINH NHẬT TỤNG – Metteyya); Sn 4.8 – Pasura Sutta (Kinh Tổng hợp 49 Kinh Căn bản của Hai Pasura – Chớ tranh cãi); Sn 4.9 – Truyền thống Phật giáo Nam tông và Magandiya Sutta (Kinh về không giữ quan Bắc tông điểm nào); Sn 4.10 – Purabheda Sutta Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994 (Kinh về Thân tan rã); Sn 4.11 – Kalaha – Kinh dày 544 trang, nội dung gồm có 49 vivada Sutta (Kinh Cội nguồn tranh cãi); Kinh: Thay lời tựa, Hướng dẫn hành trì, I. Sn 4.12 – Culaviyuha Sutta (Tiểu kinh về Nghi thức Tụng niệm, II. Phần Chánh Tranh cãi); Sn 4.13 – Mahaviyuha Sutta Kinh: 1. Kinh Tiểu sử Đức Phật, 2. Kinh (Đại kinh về Tranh

cãi); Sn 4.14 – Chuyển Pháp luân, 3. Kinh Người Áo Tuvataka sutta (Kinh Lối đi nhanh chóng); trắng, 4. Kinh Pháp cú, 5. Kinh Đức tin, 6. Sn 4.15 – Attadanda Sutta (Kinh về Bạo Kinh Tình thương, 7. Kinh Từ tâm, 8. lực); Sn 4.16 – Sariputta Sutta (Kinh về Kinh Phước đức, 9. Kinh Sáu Pháp vô Sariputta); Phẩm Qua bờ bên kia, có: Các thượng, 10. Kinh Hiền nhân, 11. Kinh bài kệ giới thiệu; Sn 5.1 – Ajita manava Quốc gia Cường thịnh, 12. Kinh Thiện puccha Ajita's Questions (Các câu hỏi của sinh, 13. Kinh Hôn phối, 14. Kinh Dụ Ajita); Sn 5.2 – Tissa manava puccha (Các ngôn Bảy loại vợ, 15. Kinh Người Vợ mẫu câu hỏi của Tissa metteyya); Sn 5.3 – mực, 16. Kinh Giáo hóa Người bệnh, 17. Punnaka manava puccha (Các câu hỏi của Kinh Mười pháp Quán niệm, 18. Kinh Qui Punnaka); Sn 5.4 – Mettayu manava luật Cái chết, 19. Kinh Nhổ lên Mũi tên puccha (Các câu hỏi của Mettagu); Sn 5.5 sầu muộn, 20. Kinh Vô thường-Khổ não- – Dhottaka manava puccha (Các câu hỏi Vô ngã, 21. Kinh Cúng thí Người mất, 22. của Dhotaka); Sn 5.6 – Upasiva manava Kinh Tệ túc, 23. Kinh Tỳ-kheo Na Tiên, puccha (Các câu hỏi của Upasiva); Sn 5.7 24. Kinh Sống Hòa hợp, 25. Kinh Thiền – Nanda manava puccha (Các câu hỏi của Giáo Bình đẳng, 26. Kinh Bốn mươi hai Nanda); Sn 5.8 – Hemaka manava puccha chương, 27. Kinh Chủ trương của Như (Các câu hỏi của Hemaka); Sn 5.9 – Lai, 28. Kinh Quán niệm Như Lai, 29. Todeyya manava puccha (Các câu hỏi của Kinh Người biết Sống một mình, 30. Kinh Todeyya); Sn 5.10 – Kappa manava Pháp ấn, 31. Kinh Dụ ngôn Bọt nước, 32. puccha (Các câu hỏi của Kappa); Sn 5.11 Kinh Trung đạo Nhân duyên, 33. Kinh Dụ – Jatukanni manava puccha (Các câu hỏi ngôn Người Bắt rắn, 34. Kinh Bốn Lãnh của Jatukanni); Sn 5.12 – Bhadravudha vực Quán niệm, 35. Kinh Tám điều Giác manava puccha (Các câu hỏi của ngộ của bậc Đại nhân, 36. Kinh Bốn Bhadravudha); Sn 5.13 – Udaya manava Thánh đế, 37. Kinh Bốn Điên đảo, 38. puccha (Các câu hỏi của Udaya); Sn 5.14 Kinh Bốn Điều Nương tựa, 39. Kinh Chỉ – Posala manava puccha (Các câu hỏi của bày Chơn tâm, 40. Kinh Cúng dường Posala); Sn 5.15 – Mogharaja manava Pháp, 41. Kinh Hạnh Anh nhi, 42. Kinh puccha (Các câu hỏi của Mogharaja); Sn Hạnh Bồ-tát, 43. Kinh Lục độ Tương 5.16 – Pingiya manava puccha (Các câu nhiếp, 44. Kinh Chỉ bày Phương tiện, 45.

Kinh Ý nghĩa Bát-nhã, 46. Kinh Kim Cang Bát-nhã, 47. Kinh Vào Pháp môn 558. KINH NHỰT TỤNG Không hai, 48. Kinh Viên Giác, 49. Kinh Soạn giả: Thích Thiện Tâm Giáo huấn Sau cùng, III. Hồi hướng, IV. Thu Tử xuất bản, PL. 2503 – DL. 1959 Chú thích, V. Phương danh Ấn tống, VI. In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn). Kinh Mục lục. dày 269 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: 1. Nghi thức Sám hối, 555. KINH NHƠN VƯƠNG HỘ QUỐC 2. Nghi thức Công phu sáng, 3. Nghi thức BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA Công phu chiều (Vu-Lan), 4. Nghi thức Hán dịch: Bất Không Tịnh độ, 5. Kinh Kim Cang, 6. Nghi thức Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên Cúng ngọ, 7. Nghi thức Lễ an vị Phật, 8. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 7 Nghi thức Quá đường, 9. Sám Khể thủ, 10. phẩm: P.1 Tựa, P.2 Quán Như Lai, P.3 Sám Quy mạng, 11. Sám Ngã niệm, 12. Hạnh Bồ-tát, P.4 Nhị đế, P.5 Bất tư nghì, Những Bài Hô chuông. P.6 Phụng trì, P.7 Chúc lụy. Bộ Bát-nhã) 559. KINH NHỰT TỤNG 556. KINH NHƯ Ý BẢO CHÂU Việt dịch: CHUYỂN LUÂN BÍ MẬT HIỆN HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) THÂN THÀNH PHẬT KIM LUÂN Nxb Tôn Giáo – 2012 CHÚ VƯƠNG Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày hơn 223 Mật Tạng bộ 2 – No. 961

trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng, có hình Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không tượng Phật ngọc, tay bưng bình bát. Nội Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí dung gồm có: Nghi thức trì tụng, Chú Phục hồi Phạn chú: Huyền Thanh Lăng Nghiêm và Thập chú, Phật nói Kinh Hiệu chỉnh hoàn tất năm 2008. A-mi-đà, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa-Phẩm Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 9 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, Hồng danh phẩm: P.I Phóng bát, P.II Thiện ác nhân Bửu sám, Nghi thức Hồi hướng, Các Bài quả, P.III Như ý bảo châu, P.IV Đại Mạn- sám, Tiểu sử Hòa thượng Thích Trí Tịnh. đà-la, P.V Quán đảnh ấn chân ngôn, P.VI A-xà-lê thành Phật, P.VII Tất-địa thành 560. KINH NHỰT TỤNG tựu, P.VIII Hộ ma, P.IX Chúc lụy. (Nghi thức Tụng niệm các Khóa lễ) Nxb Tôn Giáo – 2011 557. KINH NHỮNG BÍ YẾU CỦA Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 554 THIỀN trang, bìa cứng. Hán dịch: Cưu-ma-la-thập Nội dung gồm có: Khóa lễ Đại chúng: Việt dịch: Thích Nhựt Chiếu Khóa lễ đại chúng, Khóa lễ Cầu an, Khóa Nxb Tôn Giáo – 2005 lễ Sám hối, Khóa lễ Cầu siêu, Kệ tụng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 118 trang, Thánh hội, Kinh Tụng Đại lễ Tam hợp, Kệ bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa của Sám hối (đọc trong ngày 14, 15 và 28, 29, bản Việt ngữ; Q.I, Q.II, Q.III và Q.IV. 30), Kệ nhiễu Phật Đại lễ Tăng y, Rải Tâm

từ các hướng (Phạn văn), Bài Nguyện 561. KINH NHỰT TỤNG Tiểu Bản cúng sao Giải hạn (Phạn văn), Kinh Lễ Biên soạn: TT. Thích Thiện Hoa Tam bảo (Phạn văn), Kinh Lễ Tam bảo Việt Nam Quốc Tự xuất bản, PL. 2509 – giản lược; Phần Kinh văn: Lễ Chánh Giác DL. 1965 (in lần thứ nhất) tông (Phạn văn), Kinh Hạnh phúc (Phạn Nội dung gồm có: Nghi thức Thống nhất văn), Kinh Từ bi (Phạn văn), Kinh Châu (Cầu an-Cầu siêu và Sám hối), Bài Cúng báu (Phạn văn), Kinh Bồ-đề phần (Phạn hương, Bài Kỳ nguyện, Bài Tán dương văn), Kinh Vô quý (Phạn văn), Kinh Phật bảo, Quán tưởng, Tán lư hương, Khai Chuyển Pháp luân (Phạn văn), Kinh Kinh kệ, Tụng Đại bi, Ma-ha Bát-nhã Ba-Thắng hạnh (Phạn văn), Kinh Phật lực la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt Nhất thế nghiệp (Phạn văn), Kinh Đáo bỉ ngạn (10 Ba-la- chướng Căn bổn Đắc sanh Tịnh độ Đà-la- mật) (Phạn văn), Kinh Vô ngã tướng ni, Bài Sám hối, Hồi hướng, Tam Tự Quy (Phạn văn), Năm Pháp quán (Phạn văn), y; Nghi thức Cầu an (Tụng Phổ môn); Kinh Quán niệm (Phạn văn), Kinh Duyên Nghi thức Cầu siêu (Nghi thức Tịnh độ); sinh (Phạn văn), Kinh Suy niệm về nghiệp Nghi thức Tiểu Sám hối; Nghi thức Sám (Phạn văn), Kinh Vạn pháp tổng trì (Phạn hối Hồng danh; Nghi thức Công phu văn), Kệ Tỉnh thức, Kinh Chúc nguyện khuya; Nghi thức Khai Kinh; Nghi thức (Phạn văn), Kinh Hồi hướng Vong linh Cúng ngọ; Nghi thức Hoàn Kinh; Nghi (Phạn văn), Kinh Huân tập Công đức thức An vị Phật và Bồ-tát. (Phạn văn), Kệ Phật sử, Kệ Chiêm bái Xá- (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, lợi, Sám nguyện (Kệ sám hối tụng ngày 14 Q.3, Tp. Hồ Chí Minh) – 30), Niệm ân cha mẹ, Sám hối cha mẹ (Phạn văn), Ba Pháp ấn (Kệ Vô thường- 562. KINH NHỮNG ĐIỀU PHẬT DẠY Khổ não-Vô ngã), Kinh Ghi-ri-ma-nan-đa (Phật thuyết Tứ Thập Nhị Chương (Giải bệnh) (Phạn văn), Kinh Tứ Niệm xứ, Kinh) Kinh Lễ Bái sáu phương, Lễ Hồng danh Hán dịch: Ca-diếp-ma-đằng và Trúc Pháp (Phạn văn), Quy sám, Hồi hướng Chư Lan thiên (Phạn văn), Từ Bi nguyện (Phạn Việt dịch: Sa-môn Trí Tạng văn), Kinh Hồi hướng Công đức (Phạn Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời ngỏ văn), Phát nguyện (Phạn văn), Các Nghi (PL. 2523 – DL. 1980), - Kinh Những thức Thường dùng:

Nghi thức Quy y điều Phật dạy (Khóa lễ kỷ niệm ngày Đức (Phạn văn), Chúc Người mới Quy y, Nghi Thế Tôn thành đạo), - Kinh Tâm yếu Bát- thức Thọ Tam quy Ngũ giới (Phạn văn), nhã Ba-la-mật-đa và nghi thức Hồi hướng. Nghi thức An vị Phật, Nghi thức Thỉnh Pháp sư, Nghi thức (Phạn văn),Trai Tăng 563. KINH PHẢ MÔN Giảng Nghĩa (Phạn văn), Nghi thức Hôn lễ, Nghi thức Giảng nghĩa: Đại sư Thái Hư Cầu thọ, Nghi thức Sám nguyện (Lễ nhập Việt dịch: Thích Thanh Cát liệm), Nghi thức Thù ân (Lễ Phát tang), Nhà in Hòa Chánh (Sài Gòn), Giấy phép Nghi thức Cầu vãng sanh, Nghi thức Cảnh số 585/XB. U.B.K.D.T.Ư. ngày 4-4-1962, sách (Các tuần thất-Lễ an tang), Thí thực (PL. 2506) Cô hồn. Kinh có 93 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Lược dẫn Tiểu sử Bồ-tát

Quán Thế Âm; Kinh Phả Môn, 1. Vấn HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) nhân danh, 2. Đáp Tự nghĩa, 3. Biệt hiển THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. xưng danh được giải thoát, 4. Quán tâm 2539 – DL. 1995 cứu giúp, 5. Quán sắc cứu giúp, 6. Ứng Kinh có khổ 15 x 23cm, có 79 trang, bìa hiện các thân hình, 7. Tổng kết khuyến tu, mềm. Toàn bộ Kinh gồm có: - Nghi tụng 8. Xưng niệm danh hiệu thóat khỏi ba tai- Giới Bồ-tát (Bài tán lư hương, bài kệ khai bảy nạn, 9. Diệt khổ thân ngay đời hiện kinh); - Phật thuyết PHẠM VÕNG KINH tại, 10. Tán thân công đức khuyến quy y, Bồ-tát Tâm địa Phẩm: I. Lô-xá-na Phật, II. 11. Ngài Trì Địa tán thán; Khóa lễ Kinh Thích-ca Mâu-ni Phật, III. Đức Phật kiết Phả Môn. Bồ-tát giới; IV. Mười Giới trọng: 1. Giới Sát sanh, 2. 564. KINH PHẠM VÕNG Giới Trộm cướp, 3. Giới Dâm, 4. Giới Việt dịch: Vọng, 5. Giới Bán rượu, 6. Giới Rao lỗi HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) của tứ chúng, 7. Giới tự khen mình chê Nxb Hồng Đức – 2013 người, 8. Giới bỏn sẻn thêm mắng đuổi, 9. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 118 trang, Giới Giận hờn không nguôi, 10. Giới Hủy bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ màu trắng báng Tam bảo, V. Đức Phật kết răn; bạc, có tay gấp. Nội dung gồm có: Lời nói VI. Bốn mươi tám điều Giới khinh: 1. Giới đầu, Lời dặn, Tán hương, Kệ khai Kinh không kính thầy bạn, 2. Giới uống rượu, 3. (Quí vị Thọ Bồ-tát giới lắng nghe, Đồng Giới ăn thịt, 4. Giới ăn ngũ tân, 5. Giới chúng hãy nhứt tâm lắng nghe, Thưa các không dạy người sám tội, 6. Giới không Đại đức); Phật nói Kinh Phạm Võng-Bồ- cúng dường thỉnh pháp, 7. Giới không đi tát Tâm Địa Phẩm sau, Hán dịch: Tạm nghe pháp, 8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa, tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, sống ở đời 9. Giới không khán bịnh, 10. Giới chứa vua Diêu Tần; Các Phật tử lóng nghe (10 khí cụ sát sanh, 11. Giới đi sứ, 12. Giới giới trọng, 48 giới khinh); Phần Lưu buôn bán phi pháp, 13. Giới hủy báng, 14. thông, Tán, Kệ Thâu Kinh, Tam Tự Quy Giới phóng hỏa, 15. Giới dạy giáo lý ngoài y-Phục nguyện; Chú thích. Đại thừa, 16. Giới vì lợi mà giảng pháp Tác phẩm Kinh này đã được chùa Niết- lộn lạo, 17. Giới cậy thế lực quyên tới, 18. bàn (Sài Gòn) ấn hành từ năm PL. 2514 – Giới không thấu hiểu mà làm thầy truyền DL. 1951, In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia giới, 19. Giới lưỡng thiệt (lưỡi đôi chiều), Định), (in lần thứ nhứt), người dịch: Lê 20. Giới không phóng sanh, 21. Giới đem Phước Bình (tức HT. Hành Trụ); năm sân báo sân đem đánh trả đánh, 22. Giới 1958, In tại Nhà in Lê Thị Đảm (In lần thứ kiêu mạn không thỉnh pháp, 23. Giới ba), Giấy phép số 1409/XB. Saigon, ngày khinh ngạo không tận tâm dạy, 24. Giới 01-9-1958 của N.T.T.N.P; năm PL. 2517 – không tập học Đại thừa, 25. Giới tri chúng DL. 1973, chùa Đông Hưng (Sài Gòn) tái vụng về, 26. Giới riêng thọ lợi

dưỡng, 27. bản lần thứ tư, In tại Nhà in Sen Vàng, có Giới thọ biệt thỉnh, 28. Giới biệt thỉnh 103 trang, bìa mềm. Tăng, 29. Giới tà mạng nuôi sống, 30. Giới quản lý cho bạch y, 31. Giới không 565. KINH PHẠM VÕNG mua chuộc, 32. Giới tổn hại chúng sanh, BỒ-TÁT GIỚI 33. Giới tà nghiệp giác quán, 34. Giới tạm Dịch giả: bỏ Bồ-đề tâm, 35. Giới không phát

nguyện, 36. Giới không phát thệ, 37. Giới lợi ích, Khuyến hộ giới tướng, Hồi hướng, vào chỗ hiểm nạn, 38. Giới trái thứ tự tôn Bồ-tát Kim cang bảo giới, Phạm Võng. không bình đẳng truyền giới, 41. Giới vì lợi làm thầy, 42. Giới vì người ác giảng 567. KINH PHẠM VÕNG giới, 43. Giới cố mống tâm phạm giới, 44. BỒ-TÁT GIỚI Giới không cúng dường Kinh luật, 45. Việt dịch: Giới không giáo hóa chúng sanh, 46. Giới HT. Thích Trí Quang (1923-2019) thuyết pháp không đúng pháp, 47. Giới Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần mở đầu chế hạn phi pháp, 48. Giới phá diệt Phật (Ghi sau khi duyệt Bồ-tát giới Phạn võng, pháp; VII. Tổng kết, VIII. Lưu thông, IX. Lời nói đầu (PL. 2531 – DL. 1987), ; I. Kệ khen tặng giới pháp, X. Phần hồi Phần 1 Dịch giải, C.I Dẫn nhập (Tiết 1. hướng (Kiết Kinh kệ, Bát-nhã Ba-la-mật- Tài liệu sử dụng, Tiết 2. Các bản Bồ-tát đa Tâm Kinh, Nguyện, Chí tâm đảnh lễ); giới, Tiết 3. Giải thích đầu đề, Tiết 4. Phần chú thích. Phẩm 10 với Phẩm Pháp môn Tâm địa, Tác phẩm Kinh này được Giáo hội Tăng- Tiết 5. Thế giới Phạn võng, Tiết 6. Sự liên già Nam Việt-Cực Lạc Liên Hữu xuất bản hệ của Phạn Võng, Tiết 7. Giới hạn tụng từ năm 1956; tái bản: Năm 1965, Sen Bồ-tát giới Phạn võng, Tiết 8. Đặc chất Vàng xuất bản, Giấy phép số của Bồ-tát giới Phạn Võng, Tiết 9. Bồ-tát 4144/BTLC/BC3/XB, Saigon ngày 4-10- Phạn Võng đối với người tại gia); II. Phần 1965; năm PL. 2515 – DL. 1971, chùa 2 Trì tụng; C.II Chính văn Bồ-tát giới Vạn Đức (Thủ Đức) ấn tống, In tại Nhà in Phạn Võng: Xuất xứ trực tiếp của Bồ-tát Sen Vàng (Sài Gòn), có 79 trang, bìa giới Phạn Võng, Xuất xứ của Bồ-tát giới mềm, sách được HT. Thích Huệ Quang- Phạn Võng bằng văn chỉnh cú, Quy định Pháp chủ Giáo hội Tăng-già Nam Việt mấy điều cốt yếu về Bồ-tát giới Phạn Phật Quang xuất bản; năm 1992, THPG tạng) Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 2002, 2006, 2007, Nxb Tôn giáo. 568. KINH PHẠM VÕNG BỒ-TÁT GIỚI 566. KINH PHẠM VÕNG Nguyên tác: Pháp sư Diễn Bồi BỒ-TÁT GIỚI Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh Giảng giải (tiếng Hoa): Pháp sư Diễn Bồi Biên soạn: Thích nữ Tuệ Như Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Trí Minh Lưu hành nội bộ, PL. 2549 – DL. 2005 Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hiền Tịnh; PL. 2544 Kinh dày 199 trang, bìa mềm. Nội dung – DL. 2001 gồm có: Lời tựa; Phật thuyết Kinh Phạm Tác phẩm này gồm có: I. Kệ khai suối Võng – Phẩm Bồ-tát Tâm Địa, Quyển hạ Cam lồ, II. Tựa, III. Xá-na trao giới, Cam (có 10 Giới trọng và 48 Giới khinh, trong lồ môn khai, Thích-ca truyền lại, Khuyến mỗi đoạn có 2 phần: 1. Chánh văn, 2. tín, Kết giới tướng, Sắp tuyên giới pháp, Giảng); Tổng kết, Kết khuyến lưu thông, Phổ nhiếp quần cơ, IV. Giới tướng: A. Kệ Khen tặng Người và Pháp, Phần Hồi Mười giới trọng, B. 48 giới khinh, Tổng hướng. kết, Kết khuyến lưu thông, Trì pháp được

569. KINH PHẠM VÕNG trì giới, 3. Sách tấn tu hành, 4. Tiền BỒ-TÁT GIỚI Lược Giải phương tiện, 5. Chất vấn sự thanh tịnh của PL. 2523 – DL. 1979 Tăng; III. Kinh Phạm Võng, 1. Giải thích Việt dịch: Thích nữ Thể Quán đề Kinh, 2. Dịch giả; B. Tựa Kinh Phạm Nội dung gồm có: Phần I. Giải thích đề Võng Bồ-tát Tâm địa Phẩm 10: các Đoạn mục, A.

Giải thích phẩm Kinh và đề Kinh, 1, 2, 3, 4; C. Chú thích thêm: Sáu quả vị tu B. Giải thích tên người dịch; Phần II. Giải chứng của Bồ-tát; D. Giới tướng, 1. 10 thích văn Kinh: A. Biệt tự, Chia làm 5 giới trọng, 2. 48 giới khinh; E. Kết thúc phần, I. Tam Phật truyền giáo: Chia 3 Bồ-tát giới Phạm Võng; Mục lục, Sách phần, 1. Thiên Hòa thượng Phật thuyết, 2. Kinh Sanskrit/Hán tạng) Thiên Bách ức Thích-ca thuyết; III. Nhất Phật thuyết pháp: Chia 4 phần, 1. Thập xứ 571. KINH PHẠM VÕNG Hiệp Chú – thuyết pháp, 2. Giáo khởi nhân duyên, 3. BRAHMAJALA - SUTRA Giáng sinh phi nhất, 4. Phật thuyết giới Hiệp chú: Đại sư Trí Húc (1599-1655) cho phàm chúng; IV. Trùng tụng; V. Tự Dịch giả: Tỳ-kheo Thích Minh Thông kết giới; B. Chánh tôn: Chia 3 phần, I. Giới đài Viện Huệ Nghiêm, Nxb Đồng Mười giới trọng, 1. Tổng tiêu, 2. Biệt tiêu, Nai – 2015 3. Tổng kết; II. Bốn mươi tám giới khinh, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 514 trang, Chia 3 phần, 1. Tổng tiêu, 2. Biệt tiêu, 3. bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu nâu, có tay Tổng kết; C. Lưu thông: Chia 2 phần, I. gấp. Toàn bộ kinh này có 7 quyển. Phần Chánh chúc Lưu thông, II. Kết tụng Hồi đầu là Lời nói đầu, Đại sư Ngẫu Ích Trí hướng. Húc, Duyên khởi Phạm Võng hiệp chú, (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Phàm lệ. Quyển 1, nói Tổng quát về thời Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Q. gian và xứ sở và nói về Thập trưởng Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh, mã: VRONEO dưỡng tâm. Quyển 2, Thập Kim Cang tâm 0125) và nói về Thập địa. Quyển 3, Đức Phật Thích-ca thuyết giới Bồ-tát, Chánh thuyết 570. KINH PHẠM VÕNG BỒ-TÁT minh khuyến phát dưới cội Bồ-đề, Nêu TÂM ĐỊA GIỚI giới pháp trọng và khinh (1. Sát sanh, 2. Soạn dịch và chú thích: Trộm cắp). Quyển 4. các giới: 3. Dâm, 4. Thích Thiện Hạnh Nói dối, 5. Bán rượu, 6. Rao nói lỗi của Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 212 bốn chúng, 7. Khen mình chê người, 8. trang (PDF), với nội dung: - Lời đầu sách; Bỏn sẻn còn thêm mắng đuổi, 9. Tâm giận A. Nghi thức tụng giới Bồ-tát Phạm Võng, chẳng nhận người sám hối, 10. Hủy báng I. Sơ lược giáo nghĩa Tiểu thừa và Đại Tam bảo và Tổng kết. Quyển 5. gồm có: thừa Luật, 1. Giáo nghĩa Tiểu thừa Luật (a. Nêu chung, Giải thích riêng về 48 giới: 1. Khái quát nội dung, b. Tiểu thừa 5 thiên 7 Chẳng kính thầy bạn, 2. Uống rượu, 3. Ăn tụ), 2. Giáo nghĩa Đại thừa Luật (a. Nội thịt, 4. Ăn ngũ tân, 5. Không dạy người dung Kinh Phạm Võng, b. Bồ-tát Tâm địa sám hối, 6. Không cúng dường thỉnh pháp, giới); II. Nghi thuyết giới Bồ-tát, 1. Tựa 7. Không đi nghe pháp, 8. Tâm trái bỏ Đại mở đầu, 2. Qui kính Tam bảo – Khuyên hộ thừa, 9. Không nuôi bệnh, 10. Chứa khí cụ

sát sanh, 11. Đi sứ, 12. Buôn bán, 13. Hủy khinh, VII. Tổng kết, VIII. Lưu thông, IX. báng, 14. Phóng lửa đốt núi rừng, 15. Dạy Kệ khen tặng pháp giới. sai lệch, 16. Vì lội mà giảng pháp lộn lạo, Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. 17. Cậy thế lực đi quyên tới, 18. Không Hồ Chí Minh ấn hành năm 1992. hiểu mà làm thầy, 19. Nói lời đâm thọc, 20. Không phóng sanh... Quyển 6. tiếp 573. KINH PHẠM VÕNG – theo các giới: 21. Đem giận dữ để báo thù, Phẩm Bồ-tát Tâm Địa 22. Kiêu mạn chẳng thỉnh pháp, 23. Khinh Dịch giả: Thích Viên Thành- ngạo không tận tâm chỉ dạy, 24. Chẳng Nguyễn Hữu Kha học tập Đại thừa, 25. Tri chúng vụng về, Chùa Tuyết Sơn-Đạo tràng Chân Tịnh ấn 26. Riêng mình nhận lợi dưỡng, 27. Nhận tống – 2005 (Printed in Taiwan) thỉnh riêng, 28. Thỉnh Tăng riêng, 29. Tà Tác phẩm Kinh này có 96 trang, bìa mềm, mạng, 30. Quản lý cho bạch y, 31. Không chữ tựa màu đỏ và màu tím, có hình tượng cứu chuộc, 32. Tổn hại

chúng sanh, 33. Tà Đức Phật ngồi, tay kiết ấn. Nội dung gồm: nghiệp theo giác quán, 34. Tạm rời bỏ tâm Lời nói đầu, Nghi thức Bá tát Thuyết giới Bồ-đề, 35. Chẳng phát nguyện, 36. Chẳng (Bồ-tát); Phật nói Phạm Võng – Phẩm Bồ- phát thệ, 37. Vào chỗ hiểm nạn. Quyển 7. tát Tâm Địa (Phần hạ, gồm có 10 giới 38. Ngồi không theo thứ tự, 39. Chẳng tu trọng và 48 giới khinh), Hán dịch: Tam phước huệ, 40. Không được chọn lựa tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; Phần Tổng truyền giới, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Nói kết; Chú thích, Lời bạt. giới cho người ác, 43. Cố ý phạm giới, 44. Không cúng dường kinh điển, 45. Không 574. KINH PHẠM VÕNG – giáo hóa chúng sanh, 46. Thuyết pháp Quyển Thượng không đúng pháp, 47. Hạn chế phi pháp, ĐCTTĐTK, T. 24, Ks. 1484 48. Phá pháp. Sau cùng là Tổng kết, Kệ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- khen ngợi có ba, Lời bạt. thập (Kumàrajiva, 344-413) Việt dịch: Quảng Minh 572. KINH PHẠM VÕNG Lược Giảng Tác phẩm Kinh này có 46 trang, Sơ lược và Nghi Thức Tụng Bồ-tát Giới về Kinh Phạm Võng (2017); nội dung HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Kinh này còn gọi là Phẩm Pháp môn Tâm THPG Tp. Hồ Chí Minh, địa, nói về Đức Phật Lô-giá-na thuyết PL. 2541 – DL. 1997 giảng Pháp môn Tâm địa và thế giới Liên Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 278 Hoa đài tạng do Ngài tu tập pháp môn này trang, bìa mềm. thành tựu được. Đức Phật Lô-giá-na đã nói Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Bút tích pháp cho hàng ngàn Phật Thích-ca báo Lời nói đầu của HT. Thích Trí Tịnh; Kinh thân và ứng hóa thân về pháp môn Tâm Phạm Võng Bồ-tát Giới, I. Lời khai giảng, địa, gồm có 40 pháp môn: 10 Phát thú, 10 II. Phần khai Kinh, III. Phần quy kính, IV. Tâm trưởng dưỡng, 10 Tâm kim cương và tấn; Phần nguyên văn của Kinh, I. Lô-xá- Sanskrit/Hán tạng) na Phật, II. Thích-ca Mâu-ni Phật, III. Đức Phật kiết Bồ-tát giới, IV. Mười giới trọng, 575. KINH PHẠM VÕNG và Chú Giải V. Đức Phật kết răn, VI. 48 điều giới Brahmajalàsutta & Atthakathà

Biên dịch Thái-Việt: Tỳ-kheo Bửu Nam trương Niết-bàn pháp hiện tại, Phần Tranh Nxb Hồng Đức – 2020 luận chưa thỏa mãn, Phần Duyên xúc, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 279 trang, Luân khởi của người chấp thủ và hành bìa cứng. theo tri kiến, Thành kiếp. Nội dung gồm có: Phần Chánh Kinh, Lời nói đầu, Câu chuyện du sĩ ngoại đạo, Tiểu 576. KINH PHÁP ẤN giới, Trung giới, Đại giới; 62 Tri kiến, 18 (Kinh Ba Cửa Giải Thoát) Tri kiến về quá khứ, 4 Thường kiến, 4 Một Hán dịch: Thi Hộ vài thường kiến, 4 Tri kiến hữu tận và Vô Việt dịch và chú giải: Nhất Hạnh hữu tận, 4 Tri kiến Ngụy biện trườn uốn Lá Bối xuất bản năm 2000. Tác phẩm này như lươn, 2 Tri kiến vô nhân sinh, 44 Tri có 20 trang, bìa mềm, nội dung gồm: - kiến về vị lai, 16 Tri kiến hữu tưởng, 8 Tri Kinh Pháp Ấn, - Phần Chú giải-từ ngữ. kiến vô tưởng, 8 Tri kiến phi hữu tưởng (ĐCTTĐTK, Ks. 104) phi vô tưởng, 7 Tri kiến đoạn diệt, 5 Tri kiến Niết-bàn pháp hiện tại, Trường hợp 577. KINH PHÁP BẢO ĐÀN của vị kiến chấp, Phần xúc làm duyên, Tác giả: Lục Tổ Huệ Năng (638-713) Luân khởi của người chấp thủ và hành Soạn thuật: Pháp Hải theo tri kiến, Thành kiếp; Phần Chú giải: Việt dịch: Trí Hải Câu chuyện liên quan du sĩ ngoại đạo, Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Kinh Giải thích ý nghĩa cụm từ Evam, Giải có khổ 14.5 x 20.5cm, có 140 trang, bìa thích ý nghĩa Câu Me, Giải thích ý nghĩa mềm, (tái bản lần thứ nhất). Toàn bộ Kinh câu Sutam, Giải thích ý nghĩa câu này gồm có 10 phẩm: 1. Tự thuật, 2. Bát- Evamme Sutam, Giải thích ý nghĩa câu nhã, 3. Giải quyết nghi

hoặc, 4. Định tuệ, Ekam Samayam, Giải thích ý nghĩa câu 5. Diệu hạnh, 6. Sám hối, 7. Cơ duyên, 8. Bhagavà, Giải thích ý nghĩa câu: Evamme Đốn và tiệm, 9. Duy trì chánh pháp, 10. sutam ekam samayam bhagavà, Giải thích Dặn dò. Sau cùng là Phụ lục của Linh ý nghĩa câu: Antarà ca ràjagaham antara Thao và Lược sử Lục tổ Đại sư. ca nàlandam, Giải thích ý nghĩa cụm từ: Tác phẩm Kinh này đã xuất bản từ năm Addhànamaggapatipanno hoti, Giải thích 2004, Nxb Tôn Giáo. ý nghĩa cụm từ Vanna, Du sĩ ngoại đạo với đức Thế Tôn, Giải thích câu: Nhiều vị 578. KINH PHÁP BẢO ĐÀN Tỳ-kheo và Tăng chúng, Vai trò năm Phật Dịch và lược giải: sự, Nhân sanh Kinh, Vai trò Tiểu giới, Thích Duy Lực (1923-2000) Giải thích cụm từ Puthujjana, Giải thích THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, cụm từ Tathàgata, Có 5 loại câu hỏi, Tiểu PL. 2540 – DL. 1997 giới, Trung giới, Đại giới, Chủ trương quá Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 126 trang, bìa khứ thường tồn, Chủ trương một vài mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có 10 phẩm thường tồn, Chủ trương hữu tận và vô hữu Kinh (Xem: Kinh Pháp Bảo Đàn) do Lục tận, Chủ trương ngụy biện bất tử, Chủ Tổ Huệ Năng (638-713) giảng và ngài trương bản ngã và thế giới tự sanh lên, Pháp Hải ghi lại. Chủ trương về vị lai, Chủ trương hữu Tác phẩm Kinh này đã được Từ Ân Thiền tưởng, Chủ trương phi hữu tưởng phi vô đường (Santa Ana-CA, Hòa Kỳ) ấn hành tưởng xứ, Chủ trương đoạn diệt, Chủ

năm 1992; tái bản năm 2011, Nxb Tôn Tái bản PL. 2560 – DL. 2016. Kinh dày Giáo. 158 trang, bìa mềm và một bìa bao, chữ 579. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – tựa có 3 màu: trắng, đỏ và đen, có hình vẽ Diễn nghĩa và Lược chú cành hoa mai. Nội dung gồm có: Lời dẫn Hội Linh Sơn Nghiên Cứu Phật Học Thiên ngoại Tường Vân, Duyên khởi (Đàn Văn Khố Từ Bi Âm, Kinh), Lục Tổ Huệ Năng là người Việt PL. 2495 – DL. 1951 Nam, Lục Tổ Huệ Năng là người Việt Sách dày hơn 155 trang, bìa mềm. Nội Nam (Thích Mãn Giác-Thiền sư), Pháp dung gồm có: Tiểu tựa, Lược thuật sự tích Bảo Đàn Kinh, Chứng đạo ca (Huyền Giác Lục Tổ Đại Sư; Đàn Kinh Đông Độ Thiền Đại sư), Nói thông Tâm cũng thông, Tông - 10 phẩm. Chân-giả động-tĩnh kệ, Niết-bàn, Sám hối, Xem: (10 phẩm) Kinh Pháp Bảo Đàn Tín tâm minh.

580. KINH PHÁP BẢO ĐÀN 583. KINH PHÁP BẢO ĐÀN Việt dịch: Sa-môn Thích Giác Phổ Giảng Giải Hiệu đính: Sa-môn Thích Nguyên Thiện Giảng giải: Thích Thanh Từ Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013 Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2003 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 148 Sách có khổ 14 x 20cm, dày 486 trang, bìa trang, bìa mềm, nền màu nâu đen, chữ tựa mềm, chữ tựa màu nâu. Toàn bộ tác phẩm mạ vàng. Tác phẩm gồm có: Lời ân triêm; Kinh này gồm có 10 phẩm chính. Nội nội dung có 10 phẩm; Phụ lục, Sự tích Lục dung gồm: Lời đầu sách, Lược khảo; P.1. Tổ Đại sư (lược). Hành do, P.2. Bát-nhã, P.3. Nghi vấn, P.4. Xem: (10 phẩm) Kinh Pháp Bảo Đàn Định tuệ, P.5. Tọa thiền, P.6. Sám hối, P.7. Cơ duyên, P.8. Đốn tiệm, P.9. Tuyên 581. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – chiếu, P.10. Phó chúc (trong mỗi phẩm có Đôn Hoàng Bản 2 phần: Dịch nghĩa và Giảng giải). Việt dịch: Thiền sư Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều Thích Mãn Giác (1929-2006) lần: Năm 1989, Trường Cao cấp Phật học Ấn hành PL. 2534 – DL. 1990 Việt Nam cơ sở II tại Tp. Hồ Chí Minh ấn Kinh có khổ 13 x 19cm, có 98 trang, bìa hành, với nhan đề “Pháp Bảo Đàn Kinh”; mềm. Nội dung gồm có: 2 phần chính. năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh, Thiền Phần đầu, Lục Tổ Huệ Năng là người Việt viện Thường Chiếu

ấn hành; năm 1999, Nam (Sự thực lịch sử về việc hình thành Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2005, 2009, Thiền tông được khai quật từ động Đôn 2010, 2012, Nxb Tôn Giáo; năm 2017, Hoàng ở vùng sa mạc Tân Cương tại Nxb Hồng Đức. Trung Á.); Phần chính văn, Pháp Bảo Đàn kinh – Đôn Hoàng bản. 584. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – Giảng Ký (2 Tập) 582. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – Tào Khê nguyên bản Đôn Hoàng Bản Dịch giảng: Thích Thông Phương Việt dịch: Thiền sư Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019 Thích Mãn Giác (1929-2006) Biên soạn: Thiên ngoại Tường Vân

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 604 trang, bìa mềm nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có tay gấp. 587. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – Tập I, dày 367 trang, nội dung gồm có 5 Qua Ngôn Ngữ Thiền Biết Vọng phẩm: Sơ lược Kinh Pháp Bảo Đàn và Tác giả: Lục Tổ Huệ Năng Phần lưu truyền, Sơ lược về tích Lục Tổ Biên dịch: Thích nữ Huệ Ngọc Huệ Năng; P.1 Ngộ pháp truyền y, P.2 Hiệu đính: Tỳ-kheo Thích Đồng Bổn Giải thích Công đức Tịnh độ, P.3 Định Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x Huệ một thể, P.4 Chỉ dạy tọa thiền, P.5 20.5cm, có hơn 62 trang, bìa mềm. Nội Truyền hương Sám hối. dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu, P.1 Tập II, dày 237 trang, nội dung gồm có 5 Tự thuật, P.2 Bát-nhã, P.3 Vỡ nghi, P.4 phẩm: P.6 Tham thỉnh Cơ duyên, P.7 Nam Định Tuệ, P.5 Diệu hạnh (tọa thiền), P.6 Đốn – Bắc Tiệm, P.8 Đường triều Chiếu Sám hối. thỉnh, P.9 Pháp môn Đối nhau chỉ dạy, P.10 Phó chúc Lưu thông; Sách dẫn. 588. KINH PHÁP CÚ Tác giả: Nàrada 585. KINH PHÁP BẢO ĐÀN Biên dịch: Phạm Kim Khánh (Hán – Việt) Nxb Tôn Giáo – 2004. Kinh có khổ 14 x Dịch và chú giải: 20cm, có 289 trang, bìa mềm, nền màu Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến xanh dương, chữ tựa màu vàng, có hình Nxb Tôn Giáo. Kinh này dày 136 trang, tượng Đức Phật tọa thiền phóng hào bìa mềm. Nội dung gồm có 10 phẩm: Bài quang. tựa Kinh Pháp Bảo Đàn, Phần Hán văn và Toàn bộ Kinh này có 26 chương. Phần đầu dịch âm Pháp Bảo Đàn Kinh: Hành do, là Lời giới thiệu, Lời mở đầu; Phần nội Phẩm đệ nhất; Bát-nhã, Phẩm đệ nhị; Nghi dung chính: 1. Yammaka Vagga (Song vấn, Phẩm đệ tam; Định tuệ, Phẩm đệ tứ; yếu), 2. Appamàda Vagga (Chuyên niệm), Tọa thiền, Phẩm đệ ngũ; Sám hối, Phẩm 3. Citt Vagga (Tâm), 4. Puppha Vagga đệ lục; Cơ duyên, Phẩm đệ thất; Đốn tiệm, (Hoa), 5. Bàla Vagga (Cuồng dại), 6. Phẩm đệ bát; Hộ pháp, Phẩm đệ cửu; Phó Panndita Vagga (Bậc thiện trí), 7. chúc, Phẩm đệ thập. Phụ lục 1. Chuyện kể Arahanta Vagga (A-la-hán), 8. Sahassa của người giữ tháp (Hán văn). Vagga (Ngàn), 9. Pàpa Vagga (Ác), 10. Danda Vagga (Gậy gộc, Hình phạt), 11. 586. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – Jarà Vagga (Tuổi già), 12. Atta Vagga (Tự Lục Tổ Huệ Năng ngã), 13. Loka Vagga (Thế gian), 14. Việt dịch và chú thích: Nguyên Hồng Buddha Vagga (Phật), 15. Sukha Vagga Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000 (Hạnh phúc), 16. Piya Vagga (Thân ái), Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 184 17. Kodha Vagga (Sân hận), 18. Mala trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng. Vagga (Uế trược hay ô nhiễm), 19. Nội dung gồm có: Giới thiệu và 10 phẩm Dhammattha Vagga (Công bằng, Chánh Kinh. hạnh), 20. Magga Vagga (Con đường), 21. Xem: (10 phẩm) Kinh Pháp Bảo Đàn Pakinnaka Vagga (Tạp lục), 22. Niraya Vagga (Khổ cảnh), 23. Nàga Vagga (Voi), 24. Tanhà Vagga (Ái dục), 25. Bhikkha

Vagga (Tỳ-khưu), 26. Bràhmana Vagga Nxb Phương Đông – 2017 (Bà-la-môn). Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 358 trang, Tác phẩm Kinh này đã xuất bản lần đầu bìa mềm.

Nội dung gồm có 27 bài (B): B.1 tiên năm PL. 2515 – DL. 1971, In tại Nhà Tổng quan về Kinh Pháp Cú, B.2 P. Song in Hạnh Phúc (Gò Vấp), Giấy phép số yếu, B.3 P. Không Phóng dật, B.4 P. Tâm, 935/BTT/NHK/PHNT cấp ngày 12-3-1971, B.5 P. Hoa, B.6 P. Ngu, B.7 P. Hiền trí, dày 341 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa B.8 P. A-la-hán, B.9 P. Ngàn, B.10 P. Ác, màu đỏ, có hình biểu tượng hoa sen và B.11 P. Hình phạt, B.12 P. Già, B.13 P. bánh xe pháp luân; nội dung gồm có Tự ngã, B.14 P. Thế gian, B.15 P. Phật-đà, nguyên tác Pàli, bản dịch Việt ngữ cùng B.6 P. An lạc, B.17 P. Hỷ ái, B.18 P. Phẫn với câu chuyện dẫn tích tóm tắt và chú nộ, B.19 P. Cấu uế, B.20 P. Pháp trụ, B.21 thích. P. Đạo, B.22 P. Tạp lục, B.23 P. Địa ngục, B.24 P. Voi, B.25 P. Tham ái, B.26 P. Tỳ- 589. KINH PHÁP CÚ kheo, B.27 P. Bà-la-môn; Thư mục tham Biên soạn: Pháp Cứu khảo. Hán dịch: Duy-kỳ-nan Việt dịch: Nguyên Thuận 591. KINH PHÁP CÚ BẮC TRUYỀN Tác phẩm Kinh này có 39 phẩm: P.1 Vô Hán dịch: Sa-môn Duy-kỳ-nan thường, P.2 Giáo học, P.3 Đa văn, P.4 Soạn tập: Tôn giả Pháp Cứu Chánh tín, P.5 Trì giới, P.6 Tư duy, P.7 Từ Việt dịch: Thích Đồng Ngộ - Thích bi, P.8 Lời nói, P.9 Song yếu, P.10 Buông Nguyên Hùng lung, P.11 Tâm ý, P.12 Hương hoa, P.13 Nxb Ananda Viet Foundation - 2019. Ngu ám, P.14 Minh triết, P.15 Ứng chân, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 39 P.16 Số ngàn, P.17 Tội chướng, P.18 Dao phẩm, hơn 750 bài kệ. Nội dung có: - Lời gậy, P.19 Già suy, P.20 Ái thân, P.21 Thế thưa, - Bài tựa; P.1 Vô thường, P.2 tục, P.22 Đức Phật, P.23 An lạc, P.24 Yêu Khuyến học, P.3 Nghe nhiều, P.4 Dốc thương, P.25 Sân hận, P.26 Trần cấu, P.27 lòng tin, P.5 Giữ giới cẩn thận, P.6 Quán Phụng trì, P.28 Chánh đạo, P.29 Quảng niệm, P.7 Nhân từ, P.8 Nói năng, P.9 Song thuyết, P.30 Địa ngục, P.31 Voi dụ, P.32 yếu, P.10 Phóng dật, P.11 Tâm ý, P.12 Ái dục, P.33 Lợi dưỡng, P.34 Sa-môn, Hương hoa, P.13 Ngu tối, P.14 Minh triết, P.35 Tịnh hạnh, P.36 Niết-bàn, P.37 Sanh P.15 A-la-hán, P.16 Một và nhiều, P.17 tử, P.38 Đạo lợi, P.39 Cát tường. Làm ác, P.18 Dao gậy, P.19 Già suy, P.20 Bộ Bổn duyên) Phật, P.23 An ninh, P.24 An vui, P.25 Tức giận, P.26 Trần cấu, P.27 Phụng trì, P.28 590. KINH PHÁP CÚ Con đường giải thoát, P.29 Quảng diễn, Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương - P.30 Địa ngục, P.31 Ví dụ con voi, P.32 GHPGVN Ái dục, P.33 Lợi dưỡng, P.34 Sa-môn, Giáo Trình Trung Cấp Phật Học P.35 Phạm chí, P.36 Niết-bàn, P.37 Sinh Trưởng Ban Biên soạn: tử, P.38 Nếp sống đạo, P.39 Điều lành; TT. Ts. Thích Viên Trí Nguyên văn Kinh chữ Hán. Thạc sĩ Ngộ Bổn Sanskrit/Hán tạng)

Dịch giả: Tỷ-kheo Thích Minh Châu 592. KINH PHÁP CÚ (1918-2012) (DHAMMAPADDA) Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên-Huế Cơ sở II ấn hành – 1990 Dịch giả: Thích Thiện Siêu (1921-2001) Kinh có khổ 14 x 20cm, có 294 trang, bìa Nxb Thuận Hóa-Huế - 1996 mềm, nền vàng, chữ tựa màu đen và đỏ, có Kinh có khổ 13 x 19cm, có 204 trang, bìa hình Đức Phật tọa thiền bên bờ sông. Toàn mềm, chữ tựa màu xanh dương và đỏ. bộ Kinh Pháp Cú này gồm có 4 phần Toàn bộ tác phẩm Kinh này được chia làm chính. A. Lời giới thiệu, B. Kinh Pháp Cú, 4 phần, có 26 phẩm, với 423 câu kệ. a. Lời có 26 phẩm với 423 câu kệ; song ngữ Việt dịch giả, b. Bài tựa; Nội dung: 1.P. Song – Pàli; Nội dung như sau: 1. Song yếu, 2. yếu, 2.P. Không buông lung, 3.P. Tâm, Không phóng dật, 3. Tâm, 4. Hoa, 5. Kẻ 4.P. Hoa, 5.P. Ngu, 6.P. Hiền trí, 7.P. A-ngu, 6. Hiền trí, 7. A-la-hán, 8. Ngàn, 9. la-hán, 8.P. Ngân, 9.P. Ác, 10.P. Đao Ác, 10. Hình phạt, 11. Già, 12. Tự ngã, 13. trượng, 11.P. Già, 12.P. Tự ngã, 13.P. Thế Thế gian, 14.

Phật-đà, 15. An lạc, 16. Hỷ gian, 14.P. Phật-đà, 15.P. An lạc, 16.P. Hỷ ái, 17. Phẩn nộ, 18. Cấu uế, 19. Pháp trụ, ái, 17.P. Phẫn nộ, 18.P. Cấu uế, 19.P. Pháp 20. Đạo, 21. Tạp lục, 22. Địa ngục, 23. trụ, 20.P. Đạo, 21.P. Tạp, 22.P. Địa ngục, Voi, 24. Tham ái, 25. Tỷ-kheo, 26. Bà-la- 23.P. Voi, 24.P. Ái dục, 25.P. Tỳ-kheo, môn; C. Phụ lục: Bảng tra từ Pàli – Việt 26.P. Bà-la-môn. c. Chú thích, d. Phụ lục: trong Kinh Pháp Cú; D. Bài giảng về Kinh Bản chữ Hán. Pháp Cú. Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều Kinh Pháp Cú này được tái bản nhiều lần: lần: Năm 1959, Ban Liên Hoa Miền Vĩnh Năm 1982, Ban Tu thư Phật học Vạn Nghiêm và Ban hộ trì Tam Bảo-Việt Nam Hạnh ấn hành; năm 1989, Trường Cao Quốc tự ấn hành lần đầu tiên, Kiểm duyệt cấp Phật học Việt Nam cơ sở II ấn hành; số 7471, Huế ngày 3-10-1959, dịch giả lấy năm 2000, 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2013 hiệu Thích Trí Đức; năm 1962, Giáo hội - 2014, Nxb Hồng Đức. Tăng-già Nam Việt xuất bản kỳ III, In tại ấn quán Sen Vàng (Chợ Lớn), Giấy phép 594. KINH PHÁP CÚ – số 1127/XB Ủy ban Kiểm duyệt Trung DHAMMAPADA ương Saigon ngày 5-6-1962; năm 1966, (Phân tích Từ ngữ Pàli) Giáo hội Tăng-già Khất sĩ (Sài Gòn) ấn Biên soạn: Tỳ-kheo Đức Hiền hành; năm 1993, Viện Nghiên cứu Phật Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017 học Việt Nam ấn hành, dịch giả lấy hiệu Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 781 trang, bìa Thích Thiện Siêu; năm 2000, Nxb Tôn cứng, nền đỏ, có hình Phật kiết ấn, chữ tựa Giáo; năm 2014, Nxb Hồng Đức. màu trắng. Nội dung gồm có 26 chương như sau: - Chữ viết tắt, Lời tựa, Lời giới thiệu; C.1 P. Song đối – Yamakavagga, C.2 P. Không sao lãng – Appamavagga, C.3 P. Tâm – Cittavagga, C.4 P. Bông hoa 593. KINH PHÁP CÚ - – Pupphavagga, C.5 P. Kẻ ngu – DHAMMAPADA - (Kinh tạng Pàli) Bàlavagga, C.6 P. Người trí – Panditavagga, C.7 P. A-la-hán –

Arahantavagga, C.8 P. Một ngàn – Cú Kinh); Bảng Chú thích; Phụ lục A, Sahassavagga, C.9 P. Điều ác – Thư tịch, Phụ lục B, Thuật ngữ. Pàpavagga, C.10 P. Hình phạt – Dandavagga, C.11 P. Sự già – Jaràvagga, 597. KINH PHÁP CÚ Hán Tạng C.12 P. Tự ngã – Attavagga, C.13 P. Thế Việt dịch: Thích Nhất Hạnh gian – Lokavagga, C.14 P. Đức Phật – Thể kệ: Nguyên Định Buddhavagga, C.15 P. An lạc – Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 39 Sukhavagga, C.16 P. Hỷ ái – Piyavagga, phẩm với 752 bài kệ: - Viết về Kinh Pháp C.17 P. Phẩn nộ - Kodhavagga, C.18 P. Cú Hán tạng, - Bài Tựa Kinh Pháp Cú; 1. Cấu uế - Malavagga, C.19 P. Chánh hạnh Kinh Quán chiếu vô thường, 2. Kinh Học – Dhammadharavagga, C.20 P. Đạo lộ - hỏi và thực tập, 3. Kinh Mở rộng tầm hiểu Maggavagga, C.21 P. Linh tinh – biết, 4. Kinh Bồi đắp niềm tin, 5. Kinh Pakinnakavagga, C.22 P. Địa ngục – Nghiêm trì giới luật, 6. Kinh Thực tập Nirayavagga, C.23 P. Con voi – quán niệm, 7. Kinh Nuôi lớn tình thương, Nàgavagga, C.24 P. Ái dục – Tanhàvagga, 8. Kinh Thực tập ái ngữ, 9. Kinh Đối C.25 P. Tỳ-khưu – Bhikkhuvagga, C.26 P. chiếu, 10. Kinh Tinh chuyên, 11. Kinh Bà-la-môn - Bràhmanavagga; Mục lục các Điều phục tâm ý, 12. Kinh Hoa hương, 13. câu kệ; Thư mục từ Pàli. Kinh Người ngu muội, 14. Kinh Bậc minh Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm triết, 15. Kinh Vị La-hán, 16. Kinh Vượt 2009, Nxb Tôn Giáo. thắng, 17. Kinh Quả báo, 18. Kinh Bất hại, 19. Kinh Tuổi già, 20. Kinh Thương thân, 595. KINH PHÁP CÚ Giảng Giải 21. Kinh Thoát tục, 22. Kinh Phật bảo, 23. Giảng giải: Thích Thanh Từ Kinh An lạc, 24. Kinh Luyến ái, 25. Kinh Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2015 Chế ngự phẫn nộ, 26. Kinh Thanh lọc tâm Kinh có khổ 14.5 x

20.5cm, dày 336 trang, ý, 27. Kinh Phụng trì, 28. Kinh Con bìa mềm, nền vàng, chữ tựa mà đỏ, có đường, 29. Kinh Tuyết trên đỉnh núi, 30. hình tháp chuông nhỏ. Nội dung gồm có: Kinh Địa ngục, 31. Kinh Điều phục chính Lời nói đầu và 26 phẩm, trong đó có 423 mình, 32. Kinh Chiếc lưới ái ân, 33. Kinh bài kệ Kinh Pháp Cú dịch nghĩa thành văn Lợi dưỡng, 34. Kinh Người xuất sĩ, 35. xuôi và giảng giải. Kinh Rong chơi trời phương ngoại, 36. Xem: (26 phẩm) Kinh Pháp Cú Kinh Thoát vòng sinh tử, 37. Kinh Đời sống đạo lý, 38. Kinh Vị Phạm chí, 39. 596. KINH PHÁP CÚ Kinh Điềm lành lớn nhất. Pàli – Anh – Việt – Hán đối chiếu Sanskrit/Hán tạng) Nàrada MahàThera dịch Pàli – Anh HT. Thích Thiện Siêu dịch Hán – Việt 598. KINH PHÁP CÚ HT. Thích Minh Châu dịch Pàli – Việt Song ngữ Chú giải – 3 Tập Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 15 x Biên soạn: Thích Phước Thái 24cm, dày hơn 321 trang, bìa mềm. Nxb Quang Minh (chùa Quang Minh) Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói Tác phẩm Kinh Pháp cú Song ngữ (Anh - đầu, Lời dịch giả; Dhammapada – Kinh Việt) chú giải gồm có 4 tập, đã xuất bản 2 Pháp Cú – Lời Phật dạy; Hán bản (Pháp tập; Tập I, ấn hành lần đầu năm 2005, dày

419 trang, Lời nói đầu, P.1 Song yếu, P.2 (Phờmh Rowas), XXIV.P Tham ái Không buông lung, P.3 Tâm, P.4 Hoa, P.5 (Phờmh Pìt gơvoh), XXV.P Tỳ-kheo Ngu, P.6 Hiền Trí, P.7 A-la-hán, P.8 (Phờmh Tì-khèu), XXVI.P Bà-la-môn Ngàn, P.9 Ác; Tập II, ấn hành năm 2007, (Phờmh Bàlamôn). Hết (Lồi) dày 282 trang, Lời nói đầu, Nội dung có: Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm P.10 Đao trượng, P.11 Già, P.12 Tự ngã, PL. 2552 – DL. 2008 P.13 Thế gian, P.14 Phật-đà, P.15 An lạc; Tập III, dày 338 trang, bìa mềm. Nội dung 600. KINH PHÁP CÚ TÂY TẠNG gồm có: Lời đầu sách, P.16 Hỷ ái, P.17 Tuyển soạn: Tôn giả Pháp Cứu Phẫn nộ, P.18 Cấu uế, P.19 Pháp trụ, P.20 (Dharmatràta) Đạo, P.21 Tạp, P.22 Địa ngục. Dịch và ghi nhận: Nguyên Giác Nxb Ananda Viet Foundation – 2019 599. KINH PHÁP CÚ – Kinh này dày hơn 163 trang, gồm có 4 SRÁ GOH PHÁP KÚ chương, 33 phẩm, 1.100 bài kệ. Phần đầu Trường Phật học Lâm Đồng là Lời giới thiệu, Lời tựa của Đức Đạt Lai Dịch từ tiếng Việt ra tiếng Koho Lạt Ma; Phần nội dung: Chương I, P.1. Vô và Châu Mạ (Mvlàng voh dà Yuan golik thướng, P.2. Tham, P.3. Ái dục, P.4. dà Koho-CauMà) Thanh tịnh, P.5. Khả ái, P.6. Giới, P.7. Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 14.5 Thiện hạnh, P.8. Lời nói, P.9. Việc làm, x 20.5cm, dày 250 trang, bìa mềm, nền đỏ, P.10. Lòng tin, P.11. Người xuất gia, P.12. chữ tựa màu vàng, có hình gương mặt Đức Thánh đạo; Chương II, P.13. Danh vọng, Phật. P.14. Ghét, P.15. Niệm, P.16. Tạp, P.17. Nội dung gồm có 26 phẩm: Lời giới thiệu Nước, P.18. Hoa, P.19. Ngựa, P.20. Sân, (Jơnau yal tơnggít), Lời nói đầu (Sáp Đơs P.21. Như Lai, P.22. Lắng nghe, P.23. Tự vồ), I.P Song yếu (Phờmh Yô nri), II.P ngã, P.24. Số lượng; Chương III, P.25. Không Phóng dật (Phờmh Ờ Jrók-Bời ba), Bạn, P.26. Niết-bàn, P.27. Cái thấy, P.28. III.P Tâm ý (Phờmh Nùs), IV.P Hoa Ác, P.29. Ngày và đêm, P.30. An lạc; (Phờmh Vơkàu), V.P Ngu (Phờmh Chương IV, P.31. Tâm, P.32. Tỳ-kheo, Vơrngơl), VI.P Hiền trí (Phờmh Niam P.33. Ba-la-môn. goh), VII.P A-la-hán (Phờmh A-la-hán), VIII.P Ngàn (Phờmh Rơvô), IX.P Ác 601. KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ (Phờmh Vơsák), X.P Hình phạt (Phờmh Dịch giả: Thích Minh Quang Lơh glài), XI.P Già (Phờmh Krà), XII.P THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. Tự ngã (Phờmh Khát sá tờm), XIII.P Thế 2538 – DL. 1994 gian (Phờmh Lơgar dunia), XIV.P Phật-đà Kinh có khổ 14 x 20cm, có 420 trang, bìa (Phờmh Phờk-đà), XV.P An lạc (Phờmh mềm, chữ tựa màu

vàng và trắng, có hình Ram vơnàr), XVI.P Hỷ ái (Phờmh Đức Phật (bán thân) chấp tay, xung quanh Gơvoh), XVII.P Phẫn nộ (Phờmh có lá Bồ-đề. Kinh này có 42 phẩm (P). Gơjranh), XVIII.P Cấu uế (Phờmh Bớbơl), Phần đầu là Lời giới thiệu, Lời dẫn; Phần XIX.P Pháp trụ (Phờmh Sơndìng pháp), nội dung chính: 1.P. Vô thường, 2.P. Giáo XX.P Đạo (Phờmh Gùng), XXI.P Tạp lục học, 3.P. Hộ giới, 4.P. Đa văn, 5.P. Đốc (Phờmh Rà vơta tam vơrlú), XXII.P Địa tín, 6.P. Giới thận, 7.P. Duy niệm, 8.P. Từ ngục (Phờmh Vrah tìng), XXIII.P Voi nhân, 9.P. Ngôn ngữ, 10.P. Song yếu,

11.P. Phóng dật, 12.P. Tâm ý, 13.P. Hoa Tác phẩm Kinh này được THPG Tp. Hồ hương, 14.P. Dụ hoa hương, 15.P. Ngu Chí Minh ấn hành năm 1994. ám, 16.P. Minh triết, 17.P. A-la-hán, 18.P. Thuật thiện, 19.P. Ác hạnh, 20.P. Đao 603. KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ trượng, 21.P. Lão mạo, 22.P. Ái thân, Hán dịch: Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập 23.P. Thế tục, 24.P. Thuật Phật, 25.P. An Việt dịch: Thiện Thuận – Nguyên Trang ninh, 26.P. Hiếu hỉ, 27.P. Phẩn nộ, 28.P. Nxb Hồng Đức – 2013. Kinh có khổ 16 x Trần cấu, 29.P. Phụng trì, 30.P. Đạo hạnh, 24cm, dày 241 trang, bìa cứng. 31.P. Quảng diễn, 32.P. Địa ngục, 33.P. Tác phẩm Kinh này gồm 4 quyển, 41 Tượng, 34.P. Ái dục, 35.P. Dụ ái dục, phẩm. Nội dung: - Lời đầu sách; Quyển 36.P. Lợi dưỡng, 37.P. Sa-môn, 38.P. một, P.1 Vô thường, 1. Đế thích và kiếp Phạm chí, 39.P. Nê-hoàn, 40.P. Sinh tử, lừa, 2. Quà cho người ra đi, 3. Đàn bò vô 41.P. Đao Lợi, 42.P. Kiết tường. tri, 4. Lá vàng khóc lá xanh rơi, 5. Sắc đẹp Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều chóng tàn, 6. Chạy trốn thần chết; P.2 Dạy lần: Năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh. học, 1. Tỳ-kheo mê ngủ, 2. Tâm tịnh tình dứt, 3. Hạnh độc cư; P.3 Giữ giới, 1. Xa 602. KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ và gần; P.4 Đa văn, 1. Hai vợ chồng hung Dịch giả: Thích Thiện Phát dữ, 2. Cầm đuốc giữa ban ngày, 3. Tâm Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 bệnh hay thân bệnh, 4. Vết thương nào Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 374 trang, đau hơn; P.5 Lòng tin, 1. Niềm tin nhiệm bìa mềm, chữ tựa viết thư pháp, màu đen, mầu, 2. Lời di huấn của cha; P.6 Cẩn thận, có hình tranh thiên nhiên cảnh núi và 1. Giá trị một bữa ăn; P.7 Tư duy, 1. Món trăng. Tác phẩm Kinh gồm có 39 phẩm. quà cho bạn; P.8 Nhân từ, 1. Bỏ nghề săn Phần đầu là Lời giới thiệu, Lời dịch giả; bắn, 2. Đôi bờ sống chết; P.9 Lời nói, 1. Phần nội dung chính: P.1. Vô thường, P.2. Lời thề độc; P.10 Song yếu, 1. Nghĩ gì Giáo học, P.2. Hộ giới, P.3. Đa văn, P.4. được đó, 2. Cái giá phải trả, 3. Hương hoa Đốc tín, P.5. Cẩn thận giữ giới, P.6. Duy thơm và tanh hôi; P.11 Buông lung, 1. Sa- niệm, P.7. Nhân từ, P.8. Ngôn ngữ, P.9. môn tham dục; P.12 Tâm ý, 1. Giữ tâm ý Song yếu, P.10. Phóng dật, P.11. Tâm ý, như rùa giữ thân; P.13 Hương hoa, 1. P.12. Hoa hương, P.13. Ngu ám, P.14. Nguyện xưa đã thành; Quyển hai, P.13 Minh triết, P.15. La-hán, P.16. Thuật Hoa hương, 1. Hương giới hạnh, 2. Hoa thiên, P.17. Ác hạnh, P.18. Đao trượng, sen giữa bùn; P.14 Ngu tối, 1. Một đời lo P.19. Dụ lão mạo, P.20. Ái thân, P.21. Thế toan, 2. Công chúa đền tội; P.15 Minh tục, P.22. Thuật Phật, P.23. An ninh, P.24. triết, 1. Phạm chí thiên tài, 2. Chuyện xưa Hảo hỷ, P.25. Phẫn nộ, P.26. Trần cấu, chuyện nay; P.16 A-la-hán, 1. Con đường P.27. Phụng trì, P.28. Đạo hạnh, P.29. tự do; P.17 Muôn ngàn phép thuật, 1. Quảng diễn, P.30. Địa ngục, P.30. Địa Người ngu chứng đạo, 2. Cúng dường như ngục (tiếp theo), P.31. Tượng, P.32. Ái pháp, 3. Cúng tế thêm tai họa; P.18 Ác dục, P.33. Lợi dưỡng, P.34. Sa-môn, P.35. hạnh, 1. Nhân đùa quả thật, 2. Thảm họa Phạm chí, P.36. Niết-bàn, P.37. Sanh tử, dòng họ Thích; P.19 Dao gậy, 1. Chăm

P.38. Đao Lợi, P.39. Kiết tường. Phụ lục: sóc đệ tử bệnh, 2. Thần cây khai thị; Trích 2 bài trong báo Hải Triều Âm: 1. Quyển ba, P.20 Người già, 1. Xuất gia còn Ngoan cố và 2. Chống đối. vướng thế sự, 2. Cơ hội tốt nhất; P.21 Yêu

quý thân thể, 1. Tam tạng Pháp sư và Tỳ- dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 kheo dốt, 2. Tìm lỗi của Phật; P.22 Thế Phân biệt Công đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ tục, 1. Phạm chí trả châu báu; P.23 Phật, 1. Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Chết trên đường tìm thầy học đạo; P.24 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai An ninh, 1. Ước nguyện thuở xưa, 2. Đau thần lực, P.22 Chúc lụy; E. Phần Nhập khổ lớn nhất; P.25 Ưa thích, 1. Hạnh phúc Phật Tri kiến, P.23 Dược vương Bồ-tát lớn nhất; P.26 Phẫn nộ, 1. Mưu hại Thế Bổn sự; Q.VII, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Tôn; P.27 Trần cấu, 1. Anh chàng hư đốn Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà- ngộ đạo; P.28 Phụng trì, 1. Chất vấn đắc la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương bổn đạo; P.29 Đạo hạnh, 1. Đến Diêm-la đòi sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; F. con; P.30 Quảng diễn, 1. Phương thuốc Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa, P.1 Đức giảm cân; P.31 Địa ngục, 1. Lối xuống địa hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công ngục, 2. Thoái chí đường tu; P.32 Dụ về đức; G. Pháp Hoa cương yếu, Lời nói đầu, voi, 1. Chiếc chậu rửa chân, 2. Điều phục C.I, Tổng Tự, C.II, Đề Kinh, C.III, Tổng chính mình; P.33 Ái dục, 1. Bên đạo bên phân phẩm mục, C.IV, Đại ý mỗi phẩm. đời, 2. Độ người trên giàn hỏa; Quyển Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: bốn, P.34 Ái dục, 1. Trưởng giả keo kiệt, năm 2008-2010, Nxb Tôn Giáo. 2. Tỳ-kheo vướng lụy, 3. Tai họa lười biếng, 4. Sắc đẹp của nữ nhi; P.35 Lợi 605. KINH PHÁP HOA dưỡng, 1. Cái nết đánh chết cái đẹp; P.36 Giảng thuyết: Sa-môn, 1. Sức quyến rũ của âm thanh; Thiền sư Viên Trừng (1561-1626) P.37 Phạm chí, 1. Niết-bàn chân thật; P.38 Dịch giả: Tỳ-kheo Ni Thích nữ Trí Hải Nê-hoàn, 1. Hãy chiến thắng chính mình; PL. 2554 – DL. 2010. Nội dung tác phẩm P.39 Sinh tử, 1. Khóc thương ai; P.40 Lợi Kinh này dày 274 trang, gồm có 28 phẩm: ích của đạo, 1. Vội quên quá khứ, 2. Chế - Lời nói đầu, - Dẫn nhập; P.1 Tựa, P.2 phục voi thần, 3. Trả thù; P.41 Cát tường, Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 1. Cát tường tối thượng. Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành, P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học vô học 604. KINH PHÁP HOA nhơn ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo Dịch giả: Thích Trí Tịnh tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản, lạc, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như PL. 2550 – DL. 2007 Lai thọ lượng, 17. Phân biệt công đức, Kinh này dày hơn 726 trang, nội dung P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công gồm có 7 quyển, 28 phẩm: A. Phần Tổng đức, P.20 Thường Bất Khinh, P.21 Như hiển, Q.I, P.1 Tự; B. Phần Khai Phật tri Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược kiến, P.2 Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, Vương Bồ-tát bổn sự, P.24 Diệu Âm, P.25 P.4 Tín giải; Q.III, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV, P.8 Ngũ Nghiêm bổn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học nhơn khuyến phát. ký, P.10 Pháp sư; C. Phần Thị Phật Tri kiến, P.11 Hiện bảo tháp; D. Phần Ngộ 606. KINH PHÁP HOA Chính Văn Phật Tri kiến, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì; – 2 Tập Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa Việt dịch:

Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019) 608. KINH PHÁP HOA Giảng Lục Nxb Văn hóa Sài Gòn, – 3 Tập PL. 2553 – DL. 2009 Thích Thông Phương Tác phẩm Kinh này dày 1.543 trang, bìa Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng. Kinh có khổ 14.5

x 20.5cm, cả bộ dày hơn Tập I, dày hơn 704 trang, nội dung gồm 1.000 trang, với 28 phẩm. có: Mục lục Pháp Hoa chính văn tập Ký Tập I, dày hơn 189 trang, nội dung gồm 3 hiệu, Lược dẫn, Bổ túc lược dẫn, 4 Cuốn, phẩm: Lời đầu, Lời dẫn, Giải đề Kinh; P.1 và 13 Phẩm; Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ; Tập II, từ tr. 733 đến tr. 1.543, nội dung Tập II, dày hơn 377 trang, nội dung gồm gồm có: Mục lục Pháp Hoa chính văn tập có 8 phẩm: P.4 Tín giải, P.5 Dược Thảo 2, Cuốn 5, 6, 7; và P.14 đến P.28; Phần dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa Thành dụ, P.8 Sao lục, 1. Phẩm Phổ Hiền, 2. Toát yếu Ngũ Bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học Pháp Hoa. nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện Bửu Xem: (28 phẩm) Kinh Pháp Hoa – Hoa tháp; Sen Chánh Pháp do Trí Quang dịch. Tập III, dày hơn 415 trang, nội dung gồm Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2016, có 17 phẩm: P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, Nxb Hồng Đức. P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng Địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân 607. KINH PHÁP HOA Giảng Giải biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ Công đức, Giảng giải: Lễ Sỹ Minh Tùng P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất PL. 2556 – DL. 2012 Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 28 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bổn phẩm: Lời mở đầu, Phần giới thiệu; P.1 sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín Âm Bồ-tát, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu giải, P.5 Dược Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Trang Nghiêm vương Bổn sự, P.28 Phổ Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bách đệ tử thọ ký, Hiền Bồ-tát khuyến phát; Tổng kết về P.9 Thọ học vô học nhân ký, P.10 Pháp Kinh Pháp Hoa. sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Khuyên trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 609. KINH PHÁP HOA Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ (Hoa Sen Chánh Pháp) lượng, P.17 Phân biệt công đức, P.18 Tùy Hán dịch: Tam tạng Pháp sư hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức, P.20 Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai Dịch giả: Thích Trí Quang (1923-2019) thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2542 – DL. Vương Bồ-tát Bổn sự, P.24 Diệu Âm Bồ- 1998 tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, Kinh có khổ 19 x 27cm, dày hơn 975 P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm trang. Nội dung gồm có 7 cuốn, 28 phẩm: vương Bổn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát Mục lục, Ký hiệu (cho lời lược dẫn), Lược khuyến phát; Phần Tổng luận; Phần Phụ dẫn; Chính văn Pháp Hoa, Cuốn I, P.1 Mở Kinh/Giảng giải Kinh) P.4 Tin hiểu; Cuốn III, P.5 Cây cỏ, P.6 Thọ ký, P.7 Tương quan xa xưa; Cuốn IV,

P.8 Năm trăm đệ tử tiếp nhận thọ ký, P.9 dụ (ph 3), T.2 chư Thanh văn lãnh hội (ph Thọ ký cho các vị tu học tiếp tục và tu học 4); C.3 đức Thế Tôn nói về Nhất thừa hoàn tất, P.10 Người diễn giảng Pháp Hoa, bằng cách Thọ ký, có 4 tiết: T.1 đức Thế P.11 Bảo tháp xuất hiện, P.12 Đề-bà-đạt- Tôn xác quyết mọi chủng tánh đều hấp thụ đa, P.13 Kính giữ Pháp Hoa; Cuốn V, P.14 Nhất thừa (ph 5), T.2 đức Thế Tôn thọ ký Sống yên vui, P.15 Từ đất xuất hiện, P.16 cho Thanh văn (ph 6), T.3 đức Thế Tôn Sự sống lâu của Đức Thế Tôn, P.17 Phân nói chư Thanh văn được giáo hóa từ lâu tích thành quả; Cuốn VI, P.18 Thành quả bằng Nhất thừa (ph 7), T.4 đức Thế Tôn tùy hỷ, P.19 Thành quả của người diễn tiếp tục thọ ký cho Thanh văn (ph 8), (tiếp giảng Pháp Hoa, P.20 Bồ-tát Thường Bất theo) (ph 9); Đại bộ phận 2, nói về sự Khinh, P.21 Sức thần của Thế Tôn, P.22 quảng bá Nhất thừa, có 6 chương: C.1 đức Giao phó trọng trách, P.23 Việc cũ của Thế Tôn nói về phẩm chất của người Bồ-tát Dược Vương; Cuốn VII, P.24 Bồ- quảng bá Nhất thừa (ph 10); C.2 đức

Đa tát Diệu Âm, P.25 Quan Âm Đại sĩ: vị Bảo chứng minh – đức Thế Tôn khuyến toàn diện, P.26 Tổng trì minh chú, P.27 khích phát nguyện quảng bá Nhất thừa, có Việc cũ của Diệu Trang Nghiêm vương, 2 tiết: T.1 đức Thế Tôn khuyến khích P.28 Sự khuyến khích của Bồ-tát Phổ quảng bá (ph 11), Phụ lục. đức Thế Tôn Hiền; Phần sao lục: 1. Phẩm Phổ Hiền; 2. thọ ký Đề-bà làm Phật và chứng minh Toát yếu Pháp Hoa. Long nữ thành Phật (ph 12), T.2 chư Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm Thanh văn và chư Bồ-tát phát nguyện 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; in lưu hành quảng bá (ph 13); C.3 Đức Thế Tôn dạy nội bộ năm PL. 2540 – DL. 1996, khổ 16 x cách sống cho quảng bá Nhất thừa (ph 14); 24cm, dày 1092 trang, bìa mềm. C.4 chư Bồ-tát dũng xuất và quảng bá, có 3 tiết: T.1 Chư Bồ-tát dũng xuất (ph 15), 610. KINH PHÁP HOA Lược Giải T.2 Xuất xứ của chư Bồ-tát dũng xuất (ph – 2 Tập 16), T.3 Thành quả tín giải sự bất diệt của Dịch và giải: Tỳ-kheo Trí Quang Đức Thế Tôn (ph 17); C.5 Đức Thế Tôn Tập I, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, PL. 2553 – nói thành quả của sự quảng bá Nhất thừa, DL. 2009; Tập II, Nxb Hồng Đức, PL. có 3 tiết: T.1 Thành quả sự tùy hỷ quảng 2561 – DL. 2017 bá (ph 18), T.2 Thành quả phi thường của Tổng cộng 2 tập Kinh dày hơn 1.415 bình thường (ph 19), T.3 Điển hình thành trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu quả phi thường của bình thường (ph 20); vàng. Nội dung 2 tập gồm có: Mục lục C.6 Sự gia trì cho sự quảng bá Nhất thừa, Pháp Hoa lược giải, Ký hiệu, Lược dẫn, có 4 tiết: T.1 Đức Thế Tôn gia trì, có 2 Bổ túc lược dẫn, Lời yêu cầu; Lược giải mục: M.1 Đức Thế Tôn gia trì bằng thần PH, có 3 phần: Phần 1. Đức Di-lạc phát lực (ph 21), M.2 Đức Thế Tôn gia trì bằng khởi (ph 1), Phần 2. Đức Thế Tôn nói về ký thác (ph 22); T.2 Chư đại Bồ-tát gia trì, Nhất thừa và sự quảng bá Nhất thừa, có 2 có 3 mục: M.1 Đức Dược Vương gia trì đại bộ phận: Đại bộ phận 1, nói về Nhất bằng khổ hạnh (ph 23), M.2 Đức Diệu Âm thừa, có 3 chương: C.1 đức Thế Tôn nói gia trì bằng định lực (ph 24), M.3 Đức về Nhất thừa bằng cách nói thẳng (ph 2); Quan Âm gia trì bằng toàn diện (ph 25), C.2 đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng T.3 Gia trì bằng minh chú (ph 26), T.4 Gia cách Ví dụ, có 2 tiết: T.1 đức Thế Tôn Ví

trì bằng tri thức (ph 27); Phần 3. Đức Phổ – Phổ Môn Phẩm, Chánh văn Dịch âm, Hiền kết thúc (ph 28). Chánh văn-Dịch nghĩa; Hồi hướng, Tam Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2004 Tự Quy y; Tìm hiểu Quán Thế Âm Bồ-tát, (In lần thứ 7), Nxb Tôn Giáo, 1 quyển, khổ Những Chuyện linh ứng ở chùa Giác Hải; 19 x 27cm, dày 917 trang, bìa cứng, có bìa Phần Phụ bản: Lược sử Điện Nam hải bao, chữ tựa mạ vàng. Quán Âm (Vạn Giả - Nha Trang), Tiểu sử cố Thượng tọa Thích Giác Phong-Giác 611. KINH PHÁP HOA linh Bổn sư chúng tôi. (Bản lưu tại Thư Phẩm Phổ Môn – Quán Thế Âm viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Bồ-tát, Giảng luận tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 1988) Giảng luận: Sa-môn Thích Thông Bửu (1936-2007) 614. KINH PHÁP HOA TAM-MUỘI Nxb Tôn Giáo – 2000 Đại Chánh Tân Tu, Kinh số 269. Sách có khổ 13 x 19cm, dày 226 trang. Hán dịch: Nội dung gồm có 8 bài: Thay lời tựa, Bài Sa-môn Trí Nghiêm (Đời Lưu Tống) số 1,... đến Bài số 8. Việt dịch (2010): Nguyên Hiển Tác phẩm Kinh có 51 trang (PDF), gồm 2 612. KINH PHÁP HOA – bản: bản dịch Việt ngữ “Phật nói Kinh Phẩm Phổ Môn Pháp Hoa Tam-muội” và bản Anh ngữ: Lược giảng: HT. Tuyên Hóa “The Sutra of Dharma Flower Samadhi”, Dịch sang Việt ngữ: Ban Phiên Dịch Kinh Meditation on Human Destiny; Nguyen Điển (Vạn Phật Thánh Thành) Hien’s

Translation from Chinese. Thánh Thành xuất bản – 2000 PDF) Sách dày 306 trang. Nội dung gồm có: Tám Qui luật của Viện Phiên dịch Kinh 615. KINH PHÁP HOA Tiểu Sử - điển, Kệ Khai Kinh, Kinh Diệu Pháp Liên Đời Sống Của Các Giáo Điển Vĩ Đại Hoa – Phẩm Phổ Môn, Sơ lược Tiểu sử Donald S. Lopez, Jr. HT. Tuyên Hóa, Mười tám Đại nguyện, Dịch và chú thích: Trần Văn Duy Kệ Hồi hướng. Nxb Hồng Đức – 2019 Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 289 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 7 chương: Lời người dịch, Dẫn nhập, C.1 613. KINH PHÁP HOA – Khái lược cốt truyện, C.2 Kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn (âm và nghĩa) ở Ấn Độ, C.3 Kinh Pháp Hoa ở Trung Việt dịch: Thích Viên Giác Quốc, C.4 Kinh Pháp Hoa ở Nhật Bản, Chùa Giác Hải xuất bản C.5 Vượt Đại Tây dương, C.6 Kinh Pháp năm PL. 2505 – DL. 1961 Hoa trong thế kỷ hai mươi, C.7 Vượt Thái Kinh có hơn 50 trang, bìa mềm. Nội dung bình dương; Chú thích, Bảng tra. gồm có: Thay lời tựa, Nghi thức khai Kinh, Cúng hương, Sái tịnh, Cung thỉnh, 616. KINH PHÁP HOA – Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Đại thừa Diệu Truyện Tranh (Tập 1, 2, 3) Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Biên soạn: Đạo Quang

Nxb Tôn Giáo – 2015 P.23 Tự mình, P.24 Quảng thuyết, P.25 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, mỗi tập có Thiện hữu, P.26 Tịch diệt, P.27 Quán sát, hơn 130 trang, bìa mềm. P.28 Tội chướng, P.29 Tương ứng, P.30 Tập 1, nội dung gồm: I. Siêu việt thời gian An lạc, P.31 Tâm ý, P.32 Tỳ-kheo, P.33 Thế Tôn; II. Điềm dự báo trước khi giảng Pháp bảo-Bộ Bổn duyên) Kinh, Phóng ánh sáng nơi lông trắng giữa chân mày..., Bồ-tát Văn-thù...; III. Đức 618. KINH PHÁT GIÁC TỊNH TÂM Cha lành Thích-ca Mâu-ni ban pháp lành, Hán dịch: Xà-na-quật-đa Khéo léo giáo hóa, Ba loại phương pháp; Việt dịch: Thích Nguyên Xuân IV. Chân lý vĩnh viễn, Lý giải của chúng Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: đệ tử, Tưới tẩm cỏ cây, Thụ ký. Tập 2, nội Quyển thượng và Quyển hạ. đạo, Năm trăm đệ tử, Chúng đệ tử vui Kinh tạng) mừng; II. Kinh điển tôn quý, Bồ-tát Dược Vương, Xuất hiện bảo tháp, III. Giáo pháp 619. KINH PHÁT KHỞI BỒ-TÁT THÙ vĩ đại, Đề-bà-đạt-đa, Con gái Long vương, THẮNG CHÍ NHẠO Lưu truyền chính pháp; IV. Phương pháp Giảng giải: Pháp sư Tịnh Không truyền đạo, Bốn loại hạnh an lạc, Mặt đất Chỉnh lý: Thích Pháp Đăng nứt ra; Tập 3, nội dung gồm: I. Thọ mạng Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011 vô lượng, Công đức thuốc hay, Công đức Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 402 của niềm tin, Công đức của niềm vui; II. trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Diệu pháp thậm thâm, Sáu căn thanh tịnh, Duyên khởi, Giới thiệu Sơ lược Kinh Đại Bồ-tát Thường Bất Khinh, Sức thần thông Bảo Tích, Giới thiệu Sơ lược Dịch giả, của Phật; III. Sự cúng dường của chư Bồ- Giới thiệu Đại lược bản Kinh; Lược giải tát, Được dặn dò, Đốt thân cúng dường, Kinh văn: A. Tự phần, B. Chánh tông Sức thần thông biến hóa tự tại; IV. Tâm phần, C. Lưu thông phần. đại từ bi, Từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, Thần chú; V. Đức Phật vĩnh viễn, Chuyện vua Diệu Trang Nghiêm, Bồ-tát cõi voi 620. KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC trắng lớn. BÁO ỨNG 617. KINH PHÁP TẬP YẾU TỤNG Hán dịch: Đại sư Thiên Tức Tai Hán dịch: Thiên Tức Tai Việt dịch: Hương Bối Việt dịch: Nguyên Thuận Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 13 x Tác phẩm Kinh này gồm có 33 phẩm: P.1 19cm, có 89 trang, bìa mềm. Vô thường, P.2 Ái dục, P.3 Tham dục, P.4 Buông lung, P.5 Yêu thương, P.6 Trì giới, 621. KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC P.7 Tu thiện, P.8 Lời nói, P.9 Hành BÁO ỨNG nghiệp, P.10 Chánh tín, P.11 Sa-môn, P.12 Hán dịch: Sa-môn Thiên Tức Tai

Chánh đạo, P.13 Lợi dưỡng, P.14 Oán Việt dịch: TT. Thích Chánh Lạc hận, P.15 Tư duy, P.16 Thanh tịnh, P.17 Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Nước dụ, P.18 Hương hoa, P.19 Ngựa dụ, Quyển thượng và Quyển hạ.

Da-du-đà túc duyên, P.40 Phú-lâu-na xuất 622. KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP – gia, P.41 Na-la-đà xuất gia, P.42 Sa-tỳ-gia Trọn Bộ 4 Tập xuất gia, P.43 Giáo hóa binh tướng, P.44 Việt dịch: Ca-diếp tam huynh đệ, P.45 Ưu-ba-tư-na, HT. Thích Trung Quán (1918-2003) P.46 Bá Trí Trúc viên, P.47 Đại Ca-diếp THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2540 – DL. nhân duyên; 1996 Tập IV, dày hơn 423 trang. Nội dung gồm, Kinh có khổ 14 x 20cm, cả bộ dày hơn từ Q.46 – Q.60, tiếp theo P.47 – P.60. P.47 1.781 trang, bìa mềm, nền màu trắng, chữ Đại Ca-diếp nhân duyên, P.48 Bạt-đà-la- tựa Kinh màu đỏ. Toàn bộ tác phẩm có 4 phu phu nhân duyên, P.49 Xá-lợi-phất, tập, 60 quyển. Mục-kiền-liên nhân duyên, P.50 Ngũ bách Tập I, dày hơn 480 trang. Nội dung gồm, Tỳ-kheo nhân duyên, P.51 Đoạn bất tín từ Q.1 – Q.15, trong đó có 20 phẩm: P.1 nhân duyên, P.52 Thuyết pháp nghi thức, Phát Tâm Cúng dường, P.2 Thụ quyết P.53 Thi-khí Phật bản sinh địa, P.54 Ưu- định ký, P.3 Hiền kiếp Vương chủng, P.4 đà-di nhân duyên, P.55 Ưu-ba-ly nhân Thượng thác Đâu-suất, P.5 Phủ giáng duyên, P.56 La-hầu-la nhân duyên, P.57 Vương cung, P.6 Đản sinh dưới gốc cây, Nan-đà xuất gia nhân duyên, P.58 Bà-đề- P.7 Từ vườn về thành, P.8 Tướng sư ly-ca nhân duyên, P.59 Ma-ni-lâu-đà, P.60 chiêm khán, P.10 Di mẫu Dưỡng dục, P.11 A-nan nhân duyên. Học kỹ nghệ, P.12 Du hý Quan chúc, P.13 Giốc thuật Tranh hôn, P.14 Thường sức 623. KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP nạp phi, P.15 Tiếng trên không khuyên Hán dịch: Sa-môn Sa-na-quật-đa chán, P.16 Ra đi gặp người già, P.17 Vua Việt dịch: Phạn Tịnh nằm mộng, P.18 Đi đường thấy HT. Thích Trung Quán (1918-2003) bệnh nhân, P.19 Đi đường gặp tử thi, P.20 Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hoa Nghiêm Đi đường gặp xuất gia; Ni viện Hương Sen (Lâm Đồng) ấn tống – Tập II, dày hơn 444 trang. Nội dung gồm, 1994 từ Q.16 – Q.30, tiếp theo P.20 – P.33. P.20 Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 174 trang, bìa Gia-du-đà-la nằm mộng, P.21 Bỏ cung mềm. Nội dung gồm có: P.1 Phát tâm điện đi xuất gia, P.22 Cạo tóc nhuộm áo, Cúng dàng, P.2 Thọ quyết định ký, P.3 P.23 Xa-nặc trở về, P.24 Quan sát dị đạo, Hiền kiếp Vương chủng, P.4 Thượng thác P.25 Vương xứ vãng hoàn, P.26 Hỏi A-la- Đâu-suất, P.5 Giáng vương cung, P.6 Đản là, P.27 Đáp Ma-la tử, P.28 Khuyến thu sanh, P.7 Từ vườn về thành, P.8 Xem thế lợi, P.29 Tinh tiến khổ hạnh, P.30 tướng, P.9 Niên thiếu trong hoàng gia, Hướng Bồ-đề thụ, P.31 Ma bố Bồ-tát, P.32 P.10 Cảnh sách, P.11 Xuất gia, P.12 Quan Bồ-tát hàng ma, P.33 Thành Vô thượng sát dị đạo, P.13 Khổ hạnh, P.14 Bồ-đề, đạo; P.15 Thỉnh pháp, P.16 Chuyển diệu pháp Tập III, dày hơn 434 trang. Nội dung gồm, luân, P.17 Da-du-đà túc duyên, Phú-lâu- từ Q.31 – Q.45, tiếp theo P.34 – P.47. P.34 na, Na-la-đà, Sa-tỳ-gia, Kết duyên giải Xưa cung ma cạnh tranh, P.35 Hai người thoát, Ba anh em Ca-diếp, Ưu-ba-tư-na, thường chú dâng thức ăn, P.36 Phạm thiên Bá thí Trúc viên, Đại Ca-diếp, Bạt-đà-la, khuyến thỉnh, P.37 Chuyển Diệu Pháp Xá-lợi-phất & Mục-kiền-liên, Tập Thuyết luân, P.38 Da-du-đà-la nhân duyên, P.39 pháp, Ưu-đà-di, Đề-bà-ly-ca, La-hầu-la,

Nan-đà, A-na-luật-đà; Kinh này tên gì? (Cẩm nang học Phật cho giới trẻ & Lời phụ. người bận rộn) Soạn dịch: TT. Thích Nhật Từ 624. KINH PHẬT BÁT NÊ-HOÀN Nxb Hồng Đức – 2013, khổ 14 x 20cm, Việt dịch: Thích Chánh Lạc dày 128 trang, bìa mềm. Toàn bộ

tác phẩm Hiệu chú: Tuệ Sỹ - Đức Thắng Kinh này gồm có 3 phần chính với 10 Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Kinh: - Thay lời tựa; Phần dẫn nhập, Quyển thượng và Quyển hạ. Nguyện hương, Đảnh lễ Tam bảo, Tán Kinh: 1. Kinh Chuyển Pháp luân, 2. Kinh 625. KINH PHẬT CĂN BẢN Người áo trắng, 3. Kinh Phước đức, 4. Soạn dịch: Thích Nhật Từ Kinh Thiện sinh, 5. Kinh Tránh xa các Nxb Hồng Đức – 2018 cánh cửa bại vong, 6. Kinh Nhân quả đạo Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 175 trang, bìa đức, 7. Kinh Bốn ân lớn, 8. Kinh Thực tập mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Đức vô ngã, 9. Kinh Bốn pháp quán niệm, 10. Phật ngồi tay kiết ấn, phía sau có vòng Kinh Bảy cách dứt trừ khổ đau; Phần Hồi tròn hào quang, có tay gấp. Tác phẩm hướng: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Kinh này có 3 phần, với 13 bài Kinh căn Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Quán bản. Nội dung như sau: Lời nói đầu, Ý chiếu thực tại, 5. Sám quy nguyện, 6. Hồi nghĩa và cách thức tụng kinh; Phần dẫn hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. nhập, - Nguyện hương, - Đảnh lễ Tam Đảnh lễ Ba ngôi báu. bảo, - Tán dương giáo pháp; Phần Chánh Kinh, 1. Kinh Tiểu sử Đức Phật, 2. Kinh 627. KINH PHẬT Chuyển Pháp luân, 3. Kinh Thực tập Vô CHO NGƯỜI TẠI GIA ngã, 4. Kinh Thiện sinh, 5. Kinh Người áo Soạn dịch: Sa-môn Thích Nhật Từ trắng, 6. Kinh Phước đức, 7. Kinh Bốn Nxb Hồng Đức – 2018 Pháp quán niệm, 8. Kinh Quán niệm Hơi (Tái bản lần thứ 7) thở, 9. Kinh Từ bi, 10. Kinh Bảy cách dứt Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 924 trang, bìa trừ đau khổ, 11. Kinh Tám điều Giác ngộ cứng, nền màu đỏ đậm, chữ tựa màu đỏ của Bậc Đại nhân, 12. Kinh Phổ môn, 13. nhạt, có hình tượng Đức Phật ngồi tay kiết Kinh Lời dạy Cuối cùng của Đức Phật; ấn và phóng hào quang. Phần Sám nguyện: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, Kết cấu tác phẩm gồm 4 phần, nội dung 2. Niệm Phật, 3. Năm điều Quán tưởng, 4. như sau: Lời Tựa cho lần tái bản thứ 3, Quán chiếu Thực tại, 5. Sám nguyện: a. Lời nói đầu, Ý nghĩa và cách thức tụng Sám Quy mạng, b. Sám Quy y, c. Sám Kinh; A. Phần dẫn nhập: - Nguyện hương, Quy nguyện 1, d. Sám Quy nguyện 2, e. - Đảnh lễ Tam bảo, - Tán hương, - Tán Sám nguyện, 6. Hồi hướng Công đức, 7. dương giáo pháp; B. Phần Chánh Kinh, I. Lời nguyện cuối, 8. Đảnh lễ ba ngôi báu, Các Kinh về đạo đức: 1. Kinh Tiểu sử Đức 9. Phụ lục: Xuất xứ các bài Kinh và Sám Phật, 2. Kinh Người áo trắng, 3. Kinh nguyện. Mười nghiệp thiện, 4. Phật nói Kinh Tám điều Trai giới, 5. Kinh Nhân quả đạo đức, 626. KINH PHẬT CHO NGƯỜI MỚI 6. Kinh Lời vàng Phật dạy, 7. Kinh Soi BẮT ĐẦU gương nhân cách, 8. Kinh Phân biệt

nghiệp báo, 9. Kinh Định luật nghiệp, 10. Kinh Vu Lan bồn, 63. Phật nói Kinh Báo Kinh Nghiệp tạo Sai biệt, 11. Kinh hiếu Công ơn cha mẹ; C. Phần Sám Chuyển hóa nghiệp chướng, 12. Kinh nguyện: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phước thế gian; II. Các Kinh về gia đình, Phật, 3. Năm điều Quán tưởng, 4. Quán xã hội và chính trị: 13. Kinh Thiện sinh, chiếu Thực tại, 5. Sám nguyện: a. Sám 14. Kinh Phước đức, 15. Kinh Tránh xa Mười nguyện Phổ Hiền, b. Sám Quy cánh cửa bại vong, 16. Kinh Bảy loại vợ, mạng, c. Sám Quy y, d. Sám Quy nguyện 17. Kinh Bốn ân lớn, 18. Kinh mọi người 1, đ. Sám tu tập, e. Sám Quy nguyện 2, f. bình đẳng, 19. Kinh Không có giai cấp, Sám nguyện, g. Sám Hồng trần, h. Sám 20. Kinh Sống trong hòa hợp, 21. Kinh Tống táng, 6. Hồi hướng Công đức, 7. Lời Hóa giải tranh cãi, 22. Kinh Hòa hợp và nguyện cuối, 8. Đảnh lễ ba ngôi báu, D. Hòa giải, 23. Kinh Chuyển luân Thánh Phần Phụ lục: 1. Xuất xứ các bài Kinh và

vương, 24. Kinh Đức hạnh của vua và Tu Sám nguyện, 2. Các ngày lễ trong hai sĩ, 25. Kinh Quốc gia cường thịnh, 26. truyền thống Phật giáo, 3. Các ngày ăn Kinh Hiền nhân; III. Các Kinh về triết lý: chay, 4. Sách đồng tác giả. 27. Kinh Chuyển pháp luân, 28. Kinh Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Năm Mười hai nhân duyên, 29. Kinh Chánh tri 2013, Nxb Phương Đông; năm 2014, Nxb kiến, 30. Kinh Ba Dấu ấn thực tại, 31. Hồng Đức. Kinh Thực tập Vô ngã, 32. Kinh Nhận diện vô ngã, 33. Kinh Chuyển hóa cái tôi, 628. KINH PHẬT DI GIÁO 34. Kinh Nền tảng đức tin, 35. Kinh kiến Giải thích: thức và trí tuệ, 36. Kinh thuyết minh và Giáo sư Thích Hoàn Quan (1928-2005) xác minh, 37. Kinh Bảy điều nên biết, 38. Chùa Khánh Vân – Kinh Ẩn dụ về bảy hạng người dưới nước, Hoa Đạo xuất bản – 1970 39. Kinh Tham ái là gốc khổ đau, 40. Kinh Kinh dày 132 trang, bìa mềm, có tay gấp. Dụ ngôn người bắt rắn, 41. Kinh lời Phật Nội dung gồm có 16 bài, 3 phần: Kinh qua các con số, 42. Kinh Nương tựa ai khi Phật Di Giáo, Lời nói đầu, 1. Giải thích đề Phật qua đời? IV. Các Kinh về Thiền và Kinh, 2. Lược sử Dịch giả, Đề mục tóm chuyển hóa: 43. Kinh Cốt lõi thiền tập, 44. lược: A. Phần tự, B. Phần Chánh tôn, 1. Kinh Bốn pháp quán niệm, 45. Kinh Quán Pháp yếu chung, 1. Đối trị tà nghiệp, a. niệm hơi thở, 46. Kinh các cấp Thiền Căn bản thanh tịnh, b. Phương tiện thanh quán, 47. Kinh Bốn loại hành Thiền, 48. tịnh, c. Công đức trì giới, d. Ích lợi của Kinh Ẩn dụ về thành trì, 49. Kinh Sống giới; 2. Đối trị khổ vọng, a. Khổ do Căn và trong hiện tại, 50. Kinh Căn bản tu tập, 51. Dục buông lung, 1. Khổ do Căn buông Kinh Tu các pháp lành, 52. Kinh Phát tâm lung, 2. Khổ do Dục buông lung, b. Khổ Bồ-đề, 53. Phật nói Kinh Bốn vô lượng về tham cầu ăn uống, c. Khổ về biếng Tâm, 54. Kinh Từ bi và Hồi hướng, 55. nhác và ngủ nghỉ, 3. Đối trị phiền não, a. Kinh Tám điều Giác ngộ, 56. Kinh Bảy Đối trị giận dữ, b. Đối trị kiêu mạn, c. Đối cách dứt trừ khổ đau; V. Các Kinh về Tịnh trị dua nịnh; II. Pháp yếu riêng, 1. Thiểu độ: 57. Kinh Phổ môn, 58. Kinh Bổn dục, 2. Tri túc, 3. Xa bỏ, 4. Siêng năng, 5. nguyện Công đức của Phật Dược sư, 59. Không quên chánh niệm, 6. Thiền định, 7. Kinh A-di-đà, 60. Kinh Sám hối sáu căn, Trí tuệ, 8. Hý luận; C. Phần Lưu thông, 1. 61. Kinh Sám hối Hồng danh, 62. Phật nói Siêng tu, 2. Chứng quyết, 3. Dứt các nghi

ngờ, a. Trình bày các nghi, b. Dứt các C.24 Sắc dục chướng ngại đường đạo, nghi, c. khuyên tu hành, 4. Lời dặn lưu C.25 Lửa dục đốt người, C.26 Thiên ma thông. quấy nhiễu Phật, C.27 Không chấp trước Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang tất đắc Đạo, C.28 Đừng theo “con ngựa” ý (Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ niệm, C.29 Quán tưởng chân chánh thắng Quang) Ảnh ấn năm 2016. được sắc dục, C.30 Lánh xa lửa dục, C.31 Tâm vắng lặng-dục vọng dứt, C.32 Không 629. KINH PHẬT ĐẢNH còn cái “ngã” thì hết sợ hãi, C.33 Trí tuệ TÔN THẮNG ĐÀ-RA-NI và sự sáng suốt phá tan chúng ma, C.34 Hán dịch: Sa-môn Phật-đà-ba-ly Giữ trung dung tất đắc Đạo, C.35 Tẩy sạch Việt dịch: cấu bẩn-chỉ còn vẻ sáng, C.36 Sự chuyển HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992) đổi thù thắng, C.37 Nhớ nghĩ đến giới là Phương Liên Tịnh Xứ, PL. 2554 – DL. gần với Đạo, C.38 Có sanh tất có diệt, 2010. Kinh này có 53 trang, bìa mềm; nội C.39 Sự dạy bảo vốn không phân biệt, dung gồm: Lời tựa, Kinh Phật đảnh Tôn C.40 Tâm phải thực hành theo Đạo, C.41 thắng Đà-ra-ni; Lời sau cùng. Ngay thắng dứt trừ dục vọng, C.42 Hiểu được cõi đời là hư huyễn. BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG Sanskrit/Hán tạng) (Phật thuyết - Tứ Thập Nhị Chương Kinh) Việt dịch: Ban Phiên dịch Việt ngữ, Tổng Hội Phật giáo Pháp

giới, Vạn Phật Thánh Thành. 631. KINH PHẬT NÓI - Nội dung Kinh này gồm có 42 chương: DANH HIỆU PHẬT Kinh tựa; C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Trừ Việt dịch: Tỳ-kheo Trí Quang dục vọng-dứt mong cầu, C.3 Cắt đứt ái Nxb Tôn Giáo – 2004 dục-xả bỏ lòng tham, C.4 Thiện-Ác phân Kinh có khổ 19 x 25.5cm, dày 988 trang, minh, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa mạ vàng. Nhịn kẻ ác và không oán hận, C.7 Ở ác Nội dung gồm có: (Kinh này nói danh hiệu gặp ác, C.8 Gieo gió gặp bão, C.9 Về Phật theo "10 phương 3 đời", khá nhất nguồn gặp đạo, C.10 Hoan hỷ bố thí tất quán rõ rệt. Tôi có phân đoạn theo văn được phước, C.11 Sự gia tăng của công Kinh, nhưng không thấy cần đặt tên và đức, C.12 Nêu ra sự khó để khuyên tu, làm mục lục. Mục lục chỉ ghi số trang của C.13 Hỏi về Đạo và Túc mạng, C.14 Hỏi 12 cuốn theo Hoa văn, lại ghi 7 chỗ cho dễ về tánh Thiện và Đại, C.15 Hỏi về Sức tìm, mà thôi – Trí Quang); Dẫn nhập, mạnh và Sáng, C.16 Bỏ ái dục tất đắc đạo, Cuốn một,... đến Cuốn sáu (lạy danh hiệu C.17 Ánh sáng đến-bóng tối tan, C.18 Ý Bồ-tát, lạy danh hiệu Duyên Giác), Cuốn niệm và mọi thứ vốn là không, C.19 Quán bảy (lạy thêm danh hiệu Bồ-tát), Cuốn tám xét cả thật lẫn giả, C.20 Suy ra cái "Ta" (nói cách sám hối), Cuốn chín (lạy thêm vốn là không, C.21 Danh vọng hại người, danh hiệu Bồ-tát và Nói thêm cách sám C.22 Tiền của và sắc dục mang lại đau hối), Cuốn mười, Cuốn mười một và Cuốn khổ, C.23 Gia đình còn tệ hơn lao ngục, mười hai (lạy thêm danh hiệu Bồ-tát);

Bảng sách dẫn Hoa văn dịch âm Phạn văn giới (Phần đầu); Quyển trung, P.5 Giới (mà không phổ thông, khó hay chưa tra tịnh (tt), P.6 Kinh Phật tạng Pháp thanh ra). tịnh, P.7 Kinh Phật tạng Quay về thời cổ; Quyển hạ, P.8 Nhìn thấy thanh tịnh, P.9 632. KINH PHẬT NÓI QUẢ BÁO CỦA Kinh Phật tạng Hiểu giới, P.10 Ủy thác MƯỜI ÁC NGHIỆP Kinh Phật tạng. Biên dịch: Thích Thiện Thông Bộ Kinh tập) Nxb Tôn Giáo – 2009 Kinh có khổ 13 x 19cm, có hơn 85 trang, 635. KINH PHẬT TẠNG bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Phật Hán dịch: Tam tạng Pháp sư phóng hào quang (bán thân). Nội dung Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) gồm có: Lời tựa, (Nghi thức tụng niệm), Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Từ Mẫn Niệm hương,... Kệ khai Kinh; Đức Phật Nxb Tôn Giáo – 2008 nói Kinh Thập Ác Báo, Hán dịch: khuyết Kinh có hơn 128 trang, bìa mềm. Nội danh; Chú thích. dung gồm có 4 quyển, 10 phẩm: Lời giới thiệu, Q.I, P.1 Chư pháp thật tướng, P.2 633. KINH PHẬT NÓI VỀ Niệm Phật, P.3 Niệm Pháp, P.4 Niệm HƯNG KHỞI HẠNH Tăng; Q.II, P.5 Giới thanh tịnh; Q.III, P.6 (Trích từ Kinh Bản Duyên, bộ 5, số 197) Pháp thanh tịnh, P.7 Vãng cổ, P.8 Tịnh Tác phẩm Kinh này có hơn 60 trang, bìa kiến phẩm; Q.IV, P.9 Liễu hoặc, P.10 mềm; nội dung gồm có 10 Kinh: Bài tựa; Chúc lụy. Quyển thượng, 1. Kinh Phật nói:...của nàng Tôn-đà-lợi; 2. Kinh Phật nói... của 636. KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ nàng Xa-di-bạt, của; 3. Kinh Phật nói... Hán văn: Tam tạng Pháp sư của việc nhứt đầu; 4. Kinh Phật nói... các Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) khớp xương bị đau nhứt; 5. Kinh Phật Lược giải: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) nói... của việc đau lưng; 6. Kinh Phật Phiên dịch và xuất bản (Ban phiên dịch nói... bị cây giáo đâm vào chân; Quyển Việt ngữ) Department of Vietnamese hạ, 7. Kinh Phật nói... Đề-bà-đạt-đa xô Translation Buddhist Text Translation đá; 8. Kinh Phật nói... Bà-la-môn tên Society 3361 East Ocean Boulevard Long Chiên-sa hủy báng Phật; 9. Kinh Phật Beach, CA 90803. Dịch sang Việt ngữ nói... Phải ăn lúa ngựa; 10. Kinh Phật xuất

bản lần thứ nhất năm 1998, khổ 14 x nói... của sự khổ hạnh. 20cm, có 254 trang, bìa mềm, tựa chữ Việt màu nâu, có hình Đức Phật A-di-đà phóng 634. KINH PHẬT TẠNG hào quang, bay trên mây cùng hai vị Bồ- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí. Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Nội dung gồm có: Tám Quy luật của Viện Việt dịch: Bùi Đức Huề Phiên dịch Kinh điển, Kinh Phật thuyết A- Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 10 di-đà, I. Thích danh, II. Hiển thể, III. Minh phẩm: Quyển thượng, P.1 Thượng tướng tông, IV. Luận dụng, V. Phán giáo; Biệt của các pháp, P.2 Suy nhớ Phật, P.3 Suy giải văn nghĩa (có chánh văn Kinh và nhớ Pháp, P.4 Suy nhớ Tăng, P.5 Tịnh giảng giải); Đại Phật đảnh Thủ-lăng-

nghiêm Kinh; Chương Đại Thế Chí Bồ-tát Việt dịch: Thích Thiện Thuận – Thích Niệm Phật Viên thông; Bây giờ chúng ta Nguyên Trang cùng Quy y Thập phương Thường trụ Tam Nxb Hồng Đức – 2014 bảo; Trung Thiên Trúc Sa-môn Bát-lặc- Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 264 trang. mật-đế (có chánh văn-lược giải); Sơ lược Nội dung Kinh gồm có: Lời giới thiệu và Tiểu sử Hòa thượng Tuyên Hóa. 13 quyển. Kinh này được tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo. 640. KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI TỊNH PHÁP MÔN 637. KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Yếu Giải Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh Yếu giải: Đại sư Ngẫu Ích (1599-1655) Tác phẩm Kinh này có 45 trang (PDF). Như Lai Tự Ấn tống và Phát hành – 1959 ebook 18/8/2009; Người thực hiện: Nam Xem: Kinh A-di-đà yếu giải do Tuệ Nhuận Thiên. (https://phatphapungdung.com, dịch. Pháp bảo-Bộ Kinh tập; In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn); năm 641. KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI 1966, Tịnh xá Trung Tâm (Gia Định) tái THỪA CÂY LÚA bản. Giảng giải: Đại sư Thái Hư (1889-1947) Việt dịch: Viên Diệu 638. KINH PHẬT THUYẾT BÁT ĐẠI Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008 NHÂN GIÁC Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 70 Giảng giải: Lão HT. Tịnh Không trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 7 phần: Việt dịch: Cư sĩ Vọng Tây – Lời đầu sách, Đề Kinh, Giải thích Kinh, Cư sĩ Viên Đạt Chánh văn, I. Phần Tự, II. Phần Phát khởi, Biên tập: Phật tử Diệu Hiền III. Phần Sở tri sự, 1. Nêu lên chứng cứ để Tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần: Phần dẫn khởi, 2. Nương vào câu hỏi mà giải I, 1. Duyên khởi, 2. Tựa đề Kinh, 3. Người thích, a. Cửa lưu chuyển, b. Cửa hoàn diệt; dịch Kinh, 4. Phần Kinh văn: - Kinh văn IV. Phần Sở tri tánh, V. Phần Sở tri quả, phần đầu, 1. Đệ nhất giác tri, 2. Đệ nhị VI. Phần Vân hà sở tri, A. Thắng nghĩa Đế giác tri, 3 - 4. Đệ tam giác tri; Phần II, 5. môn, 1. Quán Nhân duyên, 2. Quán Pháp, Đệ tứ giác tri, 6. Đệ ngũ giác tri, 7. Đệ lục 3. Quán Phật; B. Thế tục Đế môn, 1. Từ có giác tri, 8. Đệ thất giác tri; Phần III, 9. Đệ nhân duyên mà sanh ra, 2. Từ nhân vô bát giác tri, 10. Kinh văn đoạn cuối. thường mà sanh ra, 3. Từ nhân vô ngã mà giải Kinh) tương ưng, Duyên tương ưng; b. Nội nhân duyên, Nhân tương ưng, Duyên tương 639. KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG ưng...; VII. Phần Kinh chi sở yếu, 1. Trừ HỨA-MA-ĐẾ (No. 191) mê ba đời, 2. Xả chư kiến, 3. Nói rõ lợi Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền ích của quả, 4. Kết lại tin thọ.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 227 trang 642. KINH PHẬT THUYẾT (PDF), gồm 25 quyển, 32 phẩm. Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường PDF) Nội dung Kinh này Đức Phật nói về 10 pháp Đại thừa đó là: 1. Thành tựu chánh 646. KINH PHẬT THUYẾT PHẬT tín,

2. Thành tựu hạnh, 3. Thành tựu tánh, MẪU XUẤT SINH TAM PHÁP TẠNG 4. Ưa thích tâm Bồ-đề, 5. Ưa thích pháp, BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA 6. Ưa thích quán Chánh pháp, 7. Thực Hán dịch: Thi Hộ hành Chánh pháp và tùy thuận theo Chánh Việt dịch: Nhóm Phiên dịch Đại tạng chùa pháp, 8. Xa lìa các việc mạn, ngã mạn..., Châu Lâm 9. Thông suốt hoàn toàn các mật ngữ vi Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009 diệu, 10. Chẳng ưa thích hạnh Thanh văn Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 606 trang, bìa Kinh-Hán tạng) hình tượng Đức Phật ngồi. Tác phẩm Kinh gồm có 25 quyển, 32 phẩm. Nội dung như sau: - Lời dẫn nhập, Nghi thức khai Kinh; Q.I, P.1 Biết rõ các 643. KINH PHẬT THUYẾT - hành tướng; Q.II, P.1 Biết rõ các hành PHẬT DANH tướng (tt), P.2 Thiên chủ Đế-thích, P.3 Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Công đức bảo tháp; Q.III, P.3 Công đức Việt dịch: Nguyên Thuận bảo tháp (tt); Q.IV, P.4 Xưng tác Công Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 12 đức; Q.V, P.5 Phúc đức Chân chính; Q.VI, quyển, với 10.100 danh hiệu Phật. P.6 Tùy hỷ Hồi hướng; Q.VII, P.6 Tùy hỷ Bộ Kinh tập) Q.VIII, P.7 Nhân duyên Địa ngục (tt), P.8 Thanh tịnh; Q.IX, P.8 Thanh tịnh (tt), P.9 644. KINH PHẬT THUYẾT - Khen pháp vượt trội, P.10 Khen người thụ PHẬT DANH trì; Q.X, P.10 Khen người thụ trì (tt); Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Q.XI, P.11 Ác ma chướng ngại, P.12 Hiển Việt dịch: Thích Thiện Chơn thị thế gian; Q.XIII, P.12 Hiển thị thế gian Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 12 (tt), P.13 Không nghĩ bàn; Q.XIV, P.14 quyển, có một vạn một ngàn một trăm Thí dụ, P.15 Hiển Thánh; Q.XV, P.15 (11.100) danh hiệu Phật. Hiển Thánh (tt), P.16 Chân như; Q.VI, Bộ Kinh tập) Q.VII, P.18 Tính không, P.19 Nghĩa sâu xa; Q.XVIII, P.20 Phương tiện Thiện xảo; 645. KINH PHẬT THUYẾT PHẬT Q.XIX, P.21 Chỉ rõ tướng ma, P.22 Thiện MẪU XUẤT SINH TAM PHÁP TẠNG trí thức (Phần 1); Q.XX, P.22 Thiện trí BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA thức (Phần 2), P.23 Thiên chủ Đế thích Hán dịch: Thi Hộ ngợi khen, P.24 Tăng thượng mạn; Q.XXI, Việt dịch: Thích Từ Chiếu P.25 Học, P.26 Huyễn dụ; Q.XXII, P.27 Nghĩa kiên cố, P.28 Nhân duyên rải hoa

(Phần 1); Q.XXIII, P.28 Nhân duyên rải Kinh Tránh xa cánh cửa bại vong, 10. hoa (Phần 2), P.29 Do đó mà biết, P.30 Kinh Bảy loại vợ, 11. Kinh Bốn ân lớn, Bồ-tát Thường Đề (Phần 1); Q.XXIV, 12. Kinh Mọi người bình đẳng, 13. Kinh P.30 Bồ-tát Thường Đề (Phần 2); Q.XXV, Không có giai cấp, 14. Kinh Sống trong P.30 Bồ-tát Thường Đề (Phần 3), P.31 Bồ- hòa hợp, 15. Kinh Hóa giải tranh cãi, 16. tát Pháp Thượng, P.32 Chúc lụy. Kinh Hòa hợp và hòa giải, 17. Kinh Chuyển luân Thánh vương, 18. Kinh Đức 647. KINH PHẬT THUYẾT VÔ hạnh của vua và tu sĩ, 19. Kinh Quốc gia LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG cường thịnh, 20. Kinh Hiền nhân; Phần GIÁC Sám nguyện: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Hán dịch: Chi-lâu-ca-sấm Niệm Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Việt dịch: Thích nữ Như Phúc Quán chiếu thực tại, 5. Sám Quy mạng, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 Sám Quy y, Sám Quy nguyện, Sám quyển. nguyện, 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) Phụ lục: 1. Xuất xứ các bài Kinh và sám nguyện, 2. Các ngày lễ trong hai truyền 648. KINH PHẬT THUYẾT VÔ ÚY thống Phật giáo, 3. Các ngày ăn chay. THỌ SỞ VẤN ĐẠI THỪA Hán dịch: Thí Hộ 650. KINH PHẬT Việt dịch: Ban Phiên dịch Pháp tạng VỀ THIỀN VÀ CHUYỂN HÓA Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 Soạn dịch: Sa-môn Thích Nhật Từ quyển: Quyển thượng, Quyển trung và Nxb Hồng Đức – 2019 Pháp bảo-Kinh tạng) mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ, có hình tượng Đức Phật tọa

thiền. 649. KINH PHẬT Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 4 phần. Về Đạo Đức Và Xã Hội Nội dung gồm: Lời nói đầu, Ý nghĩa và Soạn dịch: Sa-môn Thích Nhật Từ cách thức tụng Kinh; I. Phần dẫn nhập, 1. Nxb Hồng Đức – 2017 Nguyện hương, 2. Đảnh lễ Tam bảo, 3. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 403 trang, bìa Tán dương giáo pháp; II. Phần Chánh mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có Kinh, Các Kinh về Thiền: 1. Kinh Bốn 4 phần chính với 20 Kinh: - Lời nói đầu, - pháp quán niệm, 2. Kinh Quán niệm hơi Ý nghĩa và cách thức tụng Kinh; Phần thở, 3. Kinh Các cấp thiền quán, 4. Kinh Dẫn nhập: Nguyện hương, Đảnh lễ Tam Bốn loại hành thiền, 5. Kinh Sống trong bảo, Tán dương giáo pháp; Phần Chánh hiện tại; Các Kinh về Chuyển hóa: 6. Kinh Kinh: A. Các Kinh về đạo đức, 1. Kinh Chuyển pháp luân, 7. Kinh Ba dấu ấn thực Tiểu sử đức Phật, 2. Kinh Người áo trắng, tại, 8. Kinh Thực tập vô ngã, 9. Kinh 3. Kinh Mười nghiệp thiện, 4. Phật nói Mười hai nhân duyên, 10. Kinh Chánh tri Kinh tám điều trai giới, 5. Kinh Nhân quả kiến, 11. Kinh Căn bản tu tập, 12. Kinh đạo đức, 6. Lời vàng Phật dạy; B. Các Bảy cách dứt trừ khổ đau, 13. Kinh Ẩn dụ Kinh về gia đình, xã hội và chính trị, 7. về thành trì, 14. Phật Nói Kinh Bốn vô Kinh Thiện Sinh, 8. Kinh Phước đức, 9. lượng tâm, 15. Kinh Từ bi và Hồi hướng,

16. Kinh Tám điều giác ngộ của bậc đại Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. nhân; III. Phần Sám nguyện, 1. Bát-nhã 2501 – DL. 1957, Cực Lạc Liên Hữu xuất Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều bản; năm PL. 2506 – DL. 1962, Cực Lạc quán tưởng, 4. Quán chiếu thực tại, 5. a. Liên Hữu tái bản kỳ III; Năm PL. 2508 – Sám Quy mạng, b. Sám Quy y, c. Sám DL. 1965, Cực Lạc Liên Hữu tái bản kỳ Quy nguyện 1, d. Sám nguyện, 6. Hồi IV; năm 1969, chùa Kim Liên (Sài Gòn) hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. ấn tống; năm PL. 2518 – DL. 1974, Cực Đảnh lễ Ba ngôi báu; IV. Phần Phụ lục: 1. Lạc Liên Hữu tái bản kỳ VI, chùa Vạn Đức Xuất xứ các bài Kinh và Sám nguyện, 2. (Thủ Đức) ấn tống; năm 1996, Nxb Thuận Các ngày lễ trong 2 truyền thống Phật Hóa, khổ 15.5 x 23cm, dày 156 trang, bìa giáo, 3. Các ngày ăn chay. mềm, chữ tựa màu đỏ, nền có hình hoa Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm văn trắng những hoa sen chìm; năm 2002, 2017, Nxb Hồng Đức, khổ 14 x 20cm, dày Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23.5cm, có hơn 226 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa 115 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu đỏ, có hình tượng Đức Phật tọa thiền. màu xanh dương, có hình Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng 6 ngà. (Theo các bản lưu 651. KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch THANH TỊNH SÍ THẠNH NHƯ Ý Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG Minh) ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ-LA-NI 653. KINH PHỔ MÔN Hán dịch: Bất Không Diệu Pháp Liên Hoa Kinh-Phổ Môn Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; Phẩm (âm-nghĩa) 2. Thích Viên Đức Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển, 2 Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) phẩm: Q.I, P.1 Tựa, Q.II, P.2 Tu hành tùy Việt dịch: Đoàn Trung Còn và cầu đại hộ minh vương Đà-la-ni. Nguyễn Minh Tiến Bộ Mật giáo) Nxb Tôn Giáo – 2016. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 51 trang, bìa mềm, nền đỏ, có 652. KINH khung bao hoa văn bốn góc, có hình hoa PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN sen ở dưới tựa Kinh, chữ tựa màu vàng và Dịch giả: màu trắng. Nội dung gồm có: Nghi thức HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) khai Kinh, Niệm hương, Tụng chú,... Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2010 Khai Kinh kệ, Phần dịch

âm, Diệu Pháp Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có hơn 115 Liên Hoa Kinh - Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ trang (tái bản lần thứ năm), bìa mềm. Tác môn Phẩm; Phần dịch nghĩa. (cuối một số phẩm Kinh này gồm có: Lời tùy hỷ, Lời trang có chú thích) tựa, Tụng trì Nghi thức – Hán dịch, Nghi Tác phẩm này đã xuất bản năm 2010, Nxb thức trì tụng – Việt dịch, Phổ Hiền hạnh Tôn Giáo. nguyện Kinh – Hán dịch; Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện – Việt dịch, Lược luận, Phụ 654. KINH PHỔ MÔN thích. Soạn dịch: Thích Nhật Từ

Nxb Tôn Giáo – 2015. Kinh có khổ 14 x Kinh có hơn 60 trang, bìa mềm, nền màu 20cm, có 33 trang, bìa mềm, chữ tựa màu hường, chữ tựa màu đen. Nội dung gồm đen, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi tay có: Khóa lễ Cầu an, Kinh Diệu Pháp Liên chấp, bên cạnh có bình dương liễu và hoa Hoa – Phẩm Phổ Môn của Bồ-tát Quán sen. Thế Âm, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Tác phẩm Kinh này gồm có: Thay lời tựa; Hồi hướng, Tam Tự Quy y; Chú Đại Bi. Nghi thức dẫn nhập, 1. Nguyện hương, 2. Đảnh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Phát 657. KINH PHỔ MÔN Nghĩa nguyện trì Kinh, 5. Tán dương giáo pháp; Việt dịch: Chánh Kinh, 6. Kinh Phổ Môn; Sám HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) nguyện và Hồi hướng, 7. Kinh Tinh hoa Nxb Hồng Đức – 2016 Trí tuệ, 8. Niệm Bồ-tát, 9. Mười hai lời Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 48 trang, nguyện, 10. a. Năm điều quán tưởng, b. bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và vàng, có hình Quán chiếu thực tại, 11. a. Sám Quy (bán thân) gương mặt đức Bồ-tát Quán nguyện, b. Sám cầu an, 12. Hồi hướng Âm từ bi nhìn xuống. công đức, 13. Phục nguyện, 14. Đảnh lễ Nội dung gồm có: Nguyện hương, Tán Ba ngôi báu. Phật, Quán tưởng, Tán hương, Chú Đại bi, Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm Kệ Khai Kinh; Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 2005, Nxb Tôn Giáo. – Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn", Hán dịch: Dao Tần, Tam tạng Pháp sư 655. KINH PHỔ MÔN Chú Giảng Cưu-ma-la-thập; 1. Bạch hỏi sở nhơn, 2. Chú giảng: TT. Thích Thái Hòa Thoát tám điều nạn, 3. Toại hai điều cầu, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 8 4. So sánh công đức lễ niệm, 5. Mười chín phần: 1. Ý nghĩa và duyên khởi, 2. Nội loại thuyết pháp, 6. Cúng dường, 7. Trùng dung chủ yếu, 3. Phương pháp thực hành, tụng, 8. Tổng kết nghe Kinh đặng công 4. Tin, hiểu và cảm nhận, 5. Kinh Diệu đức; Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm Pháp Liên Hoa-Phẩm Phổ môn, Bồ-tát Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn Chơn ngôn Quán Thế Âm, 6. Phẩm Phổ Môn bằng viết, Lục tự Đại minh Chân ngôn, Phổ chữ Nôm, 7. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, môn tán, Thập nhị nguyện, Quán Âm tán, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt Nhứt (nguyên bản Hán ngữ), 8. The Universal thế nghiệp chướng căn bổn đắc sanh Tịnh Gateway of The Bodhisattva Perceier of Độ Đà-la-ni, Bài kệ niệm Phật, Sám Cầu The World's Sounds (bản Anh ngữ). an, Tiêu tai Cát tường thần chú, Cử tán, Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: 656. KINH PHỔ MÔN Năm 2012, Nxb Tôn Giáo; gần đây có Ấn (Khóa Lễ Cầu An) bản lưu hành nội bộ. Việt dịch: Thích Tuệ Hải PL. 2511 – DL. 1967 658. KINH PHỔ MÔN Nghĩa GHPGVNTN – Ban Hoằng Pháp Miền Soạn dịch: Thích Tâm Châu Vĩnh Nghiêm xuất bản Tác phẩm Kinh này gồm có: Nghi thức lễ In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Giấy tụng: Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, phép số 1697/XB cấp ngày 4-7-1964. Đỉnh lễ, Trì niệm chú Đại bi, Sám nguyện,

Kệ khai Kinh; - Diệu Pháp Liên Hoa Kinh 661. KINH QUÁ KHỨ HIỆN TẠI – Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, NHÂN QUẢ Chân ngôn, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật- Việt

dịch: Tỳ-kheo Nhất Chân đa, Niệm Phật, Hồi hướng, Tam Quy y, Nxb Tôn Giáo – 2006 Chú Đại bi bằng tiếng Phạm (The Mantra Kinh có khổ 16 x 24cm. Nội dung Kinh of Aralokiteshrara). gồm có 4 quyển, 3 chương: Khai Kinh Thành quả hiện tại, C.3 Kết thúc khích lệ. 662. KINH QUÁN ÂM BỒ-TÁT 659. KINH PHƯỚC ĐỨC Giảng Giải THỤ KÝ Dịch và giảng giải: Thích Nhất Hạnh Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Chùa Cam Lộ, mùa An cư 2009-2010. Tác Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành, phẩm Kinh này gồm có 16 bài kệ (chữ PL. 2501 – DL. 1957 Hán, phiên âm Hán-Việt và dịch nghĩa) do In tại Nhà in Hưng Long (Sài Gòn) Sư ông Làng Mai giảng giải. Kinh có 45 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ giải Kinh) gồm có: Quán Âm Bồ-tát Nhân quả địa- Lược dẫn; Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát thụ 660. KINH PHƯƠNG QUẢNG ký; (cuối một số trang có chú thích). (Bản ĐẠI TRANG NGHIÊM lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Dịch giả: Tỳ-kheo Ni Như Hải Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh) THPH Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2539 – DL. 1995 663. KINH QUÁN ÂM ĐẠI BI TÂM Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày hơn 589 ĐÀ-RA-NI trang. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có Việt dịch: Liên Du 27 phẩm (P) chính: - Lời giới thiệu, - Lời Hương Nghiêm xuất bản – PL. 2518 nói đầu; 1.P Tựa, 2.P Đâu-suất thiên cung, Kinh có 80 trang, bìa mềm, có hình Quán 3.P Thắng tộc, 4.P Pháp môn, 5.P Giáng Thế Âm Bồ-tát đứng trên tòa sen. Nội sanh, 6.P Nhập thai, 7.P Đản sanh (ra đời), dung gồm có: Kinh Thiên thủ thiên nhãn 8.P Vào Thiên miếu, 9.P Bổ báu trang Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn nghiêm, 10.P Thị thơ (đến trường học), Vô ngại Đại bi Tâm Đà-ra-ni, Hán dịch: 11. Quán nông vụ, 12.P Hiện nghệ, 13.P Sa-môn Dà-phạm Đạt-ma; Thích nghĩa; Âm nhạc phát ngộ, 14.P Cảm mộng, 15.P Đại bi Trì nghiệm, Lời bạt; Đại bi Tâm Xuất gia, 16.P Vua Tần-bà-ta-la khuyến Đà-ra-ni (Mahakaruna Dharani), Chánh thọ tục lợi, 17.P Khổ hạnh, 18.P Đến sông văn – Thích nghĩa. Ni-liên-thiền, 19.P Đến Bồ-đề tràng, 20.P (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Nghiêm Bồ-đề tràng, 21.P Hàng ma, 22.P Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Thành Chánh giác, 23.P Tán thán, 24.P Tp. Hồ Chí Minh) Hai người lái buôn thọ ký, 25.P Đại Phạm Thiên vương khuyến thỉnh, 26.P Chuyển 664. KINH QUÁN NIỆM HƠI THỞ bánh xe Pháp luân (2 phẩm A và B), 27.P Dịch và chú giải: Nhất Hạnh Chúc lụy. Lá Bối xuất bản - 1987. Tác phẩm Kinh này có 42 trang, nội dung có 6 mục chính:

I. Kinh Quán niệm hơi thở, II. Chú thích, Nội dung gồm có 3 phẩm: P.1 Hạnh III. Đại ý, IV. Phân tích nội dung (A. Phần Phương tiện khéo Vô biên, P.2 Cần (siêng) thứ nhất, B. Phần thứ hai, 1. Bốn hơi thở đời trước tương ứng, P.3 Thọ ký. chót, 4. Bốn hơi thở cuối, C. Phần thứ ba, Bộ Kinh tập) D. Phần thứ tư, E. Phần thứ năm, F. Phần thứ sáu); V. Quan niệm về hành trì; VI. Phương pháp hành trì: 1. Theo dõi hơi thở 667. KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT trong đời sống hằng ngày: cắt ngang thất CỨU KHỔ niệm suy tưởng (hơi thở thứ nhất và thứ Vạn Tự Chánh Tục Tạng Kinh, số 34 hai); 2. Ý thức về thân thể (hơi thở thứ Việt dịch: Quảng Minh ba); 3. Thực hiện thân tâm nhất như (hơi Nội dung Kinh này gồm có: Chánh văn thở thứ tư); 4. Thiền duyệt là thức ăn (hơi (chữ Hán), Dịch âm, Dịch nghĩa, Lược thở thứ năm và sáu); 5. Quán chiếu cảm ghi; Biên dịch: Kinh văn, Phát nguyện: thọ (hơi thở thứ bảy và tám); 6. Điều phục Tướng dụng, Hành pháp, Lời kết. chín, thứ mười, thứ mười một và thứ mười giải Kinh) hai); 7. Quán chiếu về thực tướng vạn hữu (hơi thở thứ mười ba, mười bốn, mười lăm 668. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ

và mười sáu). Hán dịch: Cương-lương-gia-xá Tác phẩm Kinh này được Lá Bối tái bản Việt dịch: năm 2000. HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992) Nội dung Kinh này Đức Phật dạy để thấy 665. KINH QUÁN PHẬT - được Phật A-di-đà và cõi nước Cực Lạc TAM-MUỘI HẢI thì phải quán 16 pháp: 1. Quán sát mặt trời Hán dịch: Phật-đà Bạt-đà-la sắp lặn (nhật quán), 2. Quán nước đóng Việt dịch: Tuệ Khai thành băng (thủy quán), 3. Quán cảnh Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 12 tướng trên dưới đất Lưu ly (bảo địa quán), phẩm: P.1 Sáu Thí dụ, P.2 Trình bày quán 4. Quán tưởng cây báu (bửu thọ quán), 5. địa, P.3 Quán tướng, P.4 Quán Phật tâm, Quán ao nước Bát công đức (bảo trì quán), P.5 Quán Tứ vô lượng tâm, P.6 Quán Bốn 6. Quán chung về đất, cây, ao, lầu báu oai nghi, P.7 Quán Mã vương tang, P.8 (tổng tướng quán), 7. Quán tưởng tòa sen Bản hạnh, P.9 Quán tượng, P.10 Niệm thất (hoa tòa quán), 8. Quán tướng Phật và Bồ- Phật, P.11 Niệm thập phương Phật, P.12 tát (tượng quán), 9. Quán chân thân Phật Quán mật hạnh của Đức Phật. Vô lượng thọ (Phật thân quán), 10. Quán Bộ Kinh tập) Âm quán), 11. Quán thân tướng Đức Đại Thế Chí (Đại Thế Chí quán), 12. Quán 666. KINH QUÁN SÁT - thấy mình (tự vãng sanh quán), 13. Quán CHƯ PHÁP HẠNH xen về Phật và Bồ-tát (tạp tưởng quán), Hán dịch: Xà-na-quật-đa 14. Quán sanh về Thượng phẩm (Thượng Việt dịch: Tuệ Khai phẩm sanh quán), 15. Quán sanh về Trung phẩm (Trung phẩm sanh quán), 16. Quán

sanh về Hạ phẩm (Hạ phẩm sanh quán). của Nhà xuất bản Rừng Trúc, - Bản cổ đức Thế Tịnh sao chép, - Thượng tọa 669. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ Thích Trí Quang giới thiệu Đại ý Kinh Hán dịch: Pháp sư Khang Tăng Khải Bát-nhã, - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Việt dịch: HT. Thích Tuệ Đăng Kinh, bản Hán dịch Nôm của ngài Huyền Tu viện Quảng Đức (Australia) ấn hành, Trang, - Kinh Ruột Tuệ Giác Siêu Việt, PL. 2555 – DL. 2011 bản dịch Việt ngữ của Thi Vũ. Tác phẩm Kinh này gồm có: Lời tựa, Lời bạt, Nghi thức lễ tụng, Phật nói Kinh Vô 672. KINH TAM BẢO (âm-nghĩa) lượng thọ, Quyển thượng và Quyển hạ; Dịch giả: Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Sám HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) hối và Hồi hướng, Niệm Phật, Lễ tổng, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 Phát nguyện Tịnh độ và Tam Quy y. Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có hơn 294 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có: 670. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ A-di-đà Kinh, Hồng Danh Bửu sám Kinh, PHẬT âm-nghĩa Vu Lan bồn Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa (Ba mươi bốn đồ hình) Kinh, Kim Cang Kinh; Niệm Phật Hồi Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cương-hướng, Phỏng dịch Bài sám Thập Phương, lương-da-xá (Kàlayasas, 383-442) Bài tựa về Văn Mười Phương, Lời bạt, Việt dịch: Nghi thức Sám hối niệm Phật. Sa-môn Thích Hưng Từ (1911-1991) Tác phẩm Kinh này đã được Liên Hải Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 Phật Học Trường xuất bản năm 1963, Ấn Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 146 trang, tái loát tại Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn), Giấy bản lần thứ hai. Toàn bộ Kinh này gồm có: phép số 679/H.Đ.K.D.T.Ư./XB Saigon Lược trình phiên dịch bộ kinh Quán Vô ngày 3-4-1963, với nhan đề "Tam Bảo, Lượng Phọ Phật, Nghi thức khai kinh, âm-nghĩa", dày 268 trang, bìa mềm, có Phật thuyết Quán vô lượng thọ Phật Kinh hình Đức Phật Thích-ca tọa thiền; tái bản: (dịch âm), Đức Phật nói Kinh Quán vô năm 1965, Liên Hải Phật Học Trường ấn lượng thọ Phật (dịch nghĩa). hành; năm 1970, chùa Vạn Đức (Thủ Kinh này được xuất bản lần đầu vào năm Đức) ấn tống; năm 1992, THPG Tp. Hồ 1974,

In tại Nhà in Khảo Chánh (Sài Chí Minh ấn hành. Gòn); tái bản: Năm 1997 do THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 2002- 673. KINH TAM BẢO DI-ĐÀ, 2010-2015, Nxb Tôn Giáo. HỒNG DANH, VU LAN, PHỔ MÔN, KIM CANG (Có cả Pháp – Nghi) 671. KINH RUỘT - Phật học Thơ xã xuất bản TUỆ GIÁC SIÊU VIỆT In tại Nhà in riêng của Phật học Tòng thơ Prajnaparamita Hrdaya Sutra (Sài Gòn) – In kỳ tám. (Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh) Kinh dày hơn 110 trang, bìa mềm, nền Dịch và chú giải: Thi Vũ trắng, chữ tựa màu đỏ và màu đen, có hình Nxb Rừng Trúc Paris, PL. 2517 – DL. Tam Thánh. Nội dung gồm có: Những 1973. Nội dung tác phẩm này có: - Đôi lời ngày vía, Chú rửa tay, Chú Rửa mặt, Chú

Súc miệng, 1. Bài Niệm hương, 2. Bài ngôn"; tái bản: Năm 1989, THPG Tp. Hồ Nguyện chuông, 3. Tịnh Khẩu nghiệp Chí Minh ấn hành; năm 2008, Nxb Tôn chơn ngôn, 4. Tịnh Thân nghiệp chơn Giáo. ngôn, 5. Tịnh Tam nghiệp chơn ngôn, 6. An Thổ địa chơn ngôn, 7. Hộ Pháp chú, 8. 675. KINH TAM BẢO Tán dương chi, 9. Đại Phật đảnh Thủ lăng THÔNG DỤNG – Dịch Nghĩa nghiêm chú, 10. Đại Bi chú, 11. Thập chú, Soạn dịch: Tỳ-kheo Thích Chơn Không 12. Khai Kinh kệ, 13. A-di-đà Kinh, 14. Nxb Tôn Giáo – 2005 Vãng sanh Quyết định chơn ngôn, 15. Di- Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 403 trang, đà Kinh tán, 16. Tán Phật A-di-đà, 17. bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Thánh hiệu, 18. Tứ hoằng thệ nguyện, 19. Ý nghĩa tụng Kinh, Cách thức hành lễ, Sám Thập phương, 20. Thập Giả kính, 21. Nghi thức tụng Kinh A-di-đà (Tịnh độ - Hồi hướng, 22. Nguyện tiêu, 23. Nguyện cầu siêu); Nghi thức tụng Kinh Bốn mươi sanh, 24. Tiểu Hồi hướng, 25. Tam qui, tám Lời nguyện của Đức Phật A-di-đà 26. Tụng Cầu siêu, 27. Hồng Danh sám, (Kinh Bốn mươi tám Lời nguyện); Nghi 28. Thí thực, 29. Vu Lan Bồn Kinh, 30. thức tụng Sám hối Hồng danh; Nghi thức Phổ môn, 31. Quan Âm Kinh tán, 32. tụng Kinh Vu Lan bồn (Kinh Vu Lan); Thập nhị nguyện, 33. Cứu khổ Chơn Kinh, Nghi thức tụng Kinh Báo hiếu Công ơn 34. Quan Âm Bạch y chú, 35. Bài Kinh Cha Mẹ (Kinh Báo Hiếu); Nghi thức tụng cúng sao, 36. Kim Cang Kinh, 37. Bổ Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kinh Mười khuyết Tâm Kinh. Điều Thiện); Nghi thức tụng Kinh Thi-ca- la-việt Lễ Sáu Phương (Kinh Lễ Sáu 674. KINH TAM BẢO I và Phương); Nghi thức tụng Kinh Diệu Pháp KINH XƯNG TỤNG TAM BẢO II Liên Hoa, Phẩm Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Biên soạn: môn (Kinh Phổ Môn – Cầu an); Nghi thức Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987) tụng Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Nxb Tôn Giáo – 2002 (Kinh Kim Cang); Nghi thức Niệm Phật Kinh có khổ 14 x 20cm, có 228 trang, bìa tiếp dẫn, Nghi thức Cúng ngọ, Nghi thức mềm. Cúng dường quá đường, Nghi thức Dùng Nội dung Kinh Tam Bảo I gồm có: Lời nói cơm của chư Tăng Ni, Nghi thức Dùng đầu, Nghi thức cầu siêu, Kinh A-di-đà, Bài cơm của Quý Thiện tín, Nghi thức Cúng sám, Hồng danh bửu sám, Kinh Vu Lan vong; Các Bài Kệ, Bài Chú và Bài Sám bồn, Nghi thức cầu an, Kinh Phổ Môn, thông dụng: Kệ Tắm Phật, Kệ Dung nhan, Kinh Báo Hiếu. Kinh xưng tụng Tam Bảo Kệ Nhớ ơn Đức Phật, Thần chú Tiêu tai II gồm có (Tác bạch cầu an – cầu siêu), Kiết tường, Kệ An lành, Chơn ngôn Bảy Nghi thức cúng dường, Nghi thức thọ trì, Phật diệt tội, Kệ Tiêu diêu, Sám Nhứt tâm, Nghi thức sám hối – sám hối tam nghiệp, Sám Phát nguyện, Sám Thái bình, Sám Nghi thức cúng dường thọ trai (của cư sĩ), Thảo lư, Sám Tỉnh thế (Sám Hồng trần), Nghi thức dâng y, dâng tịnh xá. Cuối cùng Sám Tống táng; Các ngày lễ vía (tính theo là

Phụ lục kệ ngôn. âm lịch), Những ngày trai (ăn chay). Tác phẩm Kinh này đã được Tịnh xá Ngọc Phương ấn hành năm 1964, với nhan đề 676. KINH TAM-MẠN-ĐÀ “Kinh Xưng Tụng Tam Bảo và Phụ lục kệ BẠT-ĐÀ-LA BỒ-TÁT

Hán dịch: Nhiếp Đạo Chơn Kinh, chú Diệt tội-Vãng sanh, niệm Phật, Việt dịch: Huyền Thanh Hồi hướng, Tự Quy y) Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 5 phẩm: P.1 Năm sự che lấp (Ngũ cái: 679. KINH TẠP A-HÀM, 4 Tập Panca-àvaranàni), P.2 Sám hối lỗi lầm, P.3 Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Hâm mộ ưa thích, P.4 Khuyến thỉnh, P.5 Đại tạng Kinh Việt Nam Thí dụ về phước. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt- Bộ Kinh tập) Việt dịch: HT. Thích Thanh Từ và HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001) 677. KINH - Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 TAM THIÊN PHẬT DANH tập dày 2.767 trang, bìa cứng, bao da màu Chùa Long Hoa (Sài Gòn) xuất bản, đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp PL. 2506 – DL. 1962 đựng. Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy phép Tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt số 715/XB ngày 17-4-1962 Nam ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993 Kinh dày 193 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh dày 696 trang; (Số thứ tự 17), Kinh gồm có: Tán hương, Khai Kinh kệ, Phật Tạp A-hàm gồm có 342 Kinh (từ Kinh số thuyết Phật danh Kinh, Hán dịch: Tam 1-342). Cuối cùng là Bảng đối chiếu các tạng Pháp sư Bồ-đề Lưu-chi, Tam kiếp Kinh tương đương giữa Kinh Tạp A-hàm tam thiên Phật duyên khởi, Quá khứ Trang và Kinh Pàli. nghiêm Kiếp thiên Phật (Một ngàn danh Tập II, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. hiệu Phật trong kiếp Quá khứ Trang 2001, dày 713 trang; (Số thứ tự 18), Kinh nghiêm); Hiện tại hiền kiếp thiên Phật Tạp A-hàm gồm có từ Kinh số 343 đến (Một ngàn danh hiệu Phật trong kiếp hiện Kinh số 711. Cuối Tập II là Bảng đối tại); Vị lai tinh tú kiếp thiên Phật (Một chiếu các Kinh tương đương giữa Kinh ngàn danh hiệu Phật trong kiếp vị lai). Tạp A-hàm và Kinh Pàli. Tập III, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 678. KINH - 2001, dày 690 trang; (Số thứ tự 19), Kinh TAM THIÊN PHẬT DANH Tạp A-hàm gồm có từ Kinh số 712 đến Phiên dịch và Ấn tống: Kinh số 1.080. Cuối Tập III là Bảng đối Chùa Từ Ân (Huế) chiếu các Kinh tương đương giữa Kinh Chứng minh: Thích Trừng Gia Tạp A-hàm và Kinh Nikàya. PL. 2505 – DL. 1961; Kiểm duyệt số 0312 Tập IV, Viện Nghiên cứu Phật học Việt HĐKD Huế ngày 15-8-1961, In tại Nhà in Nam ấn hành, PL. 2539 – DL. 1995, dày Liên Hoa (Huế). 668 trang; (Số thứ tự 20), gồm có từ Kinh Kinh dày 143 trang, bìa mềm, chữ tựa màu số 1.081 đến Kinh số 1.362. Cuối Tập IV đỏ. Nội dung gồm có: Nghi thức, Tán Giới là Bảng đối chiếu các Kinh tương đương hương, Tụng bài Đại bi, Khai Kinh kệ; giữa Kinh Tạp A-hàm và Kinh Nikàya. Phật thuyết Phật Danh Kinh, (gồm có 3.000 danh hiệu Phật), Hán dịch: Tam 680. KINH TẠP A-HÀM – tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi; (Tụng Tâm Trọn bộ 4 Cuốn Việt dịch: Thích Đức Thắng

Hiệu đính và chú thích: Tuệ Sỹ (các sức mạnh), 3.P. Người ngu, 4.P. Tâm Nxb Phương Đông – 2010 (lần đầu), tái thăng bằng (đất), 5.P. Hội chúng, 6.P. bản 2015; Nxb Hồng Đức – 2019. Người, 7.P. Lạc, 8.P. Tướng, 9.P. Các Toàn bộ tác phẩm Kinh Tạp A-hàm gồm pháp, 10.P. Kẻ ngu, 11.P. Các hy vọng, có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục, trong 12.P. Hy cầu, 13.P. Bố thí, 14.P. Đón đó có 50 quyển, với 1.362 Kinh. chào, 15.P. Nhập định (thiền chứng), 16.P. Xem: Tạp A-hàm – Tiểu Tạng Kinh Phẫn nộ, 17.P. Thứ mười bảy. Chương III, Ba Pháp, có 16 phẩm: 1.P. 681. KINH TĂNG CHI BỘ - 4 Tập Người ngu, 2.P. Người đóng xe (ba pháp, Giáo hội Phật giáo Việt Nam – ba chỗ, ba hạng người, pháp, người

đóng Đại tạng Kinh Việt Nam xe hay Pacetana, con đường không có lỗi Nguyên bản: Pali lầm, ba pháp, thiên giới, người buôn bán 1 Việt dịch: và 2), 3.P. Người (chứng thực với thân, HT. Thích Minh Châu (1918-2012) người bịnh, chất chứa, nhiều lợi ích, vết Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 thương làm mủ, cần phải thân cận, đáng tập dày 2.918 trang, bìa cứng, bao da màu ghê tởm, nói như hoa, mù lòa, lộn ngược), đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp 4.P. Sứ giả của trời (ngang bằng với Phạm đựng. thiên, Ànanda, Sàriputta, các nguyên nhân, Tập I, Kinh Tăng Chi Bộ, Nxb Tôn Giáo, về Àlavi, Diêm vương, bốn bậc đại vương, PL. 2540 – DL. 1996, có 745 trang, (Số Sakka, được nuôi dưỡng tế nhị, kiêu mạn, thứ tự 21), nội dung gồm có 4 chương tăng thượng), 5.P. Nhỏ (sự có mặt, sự chính: kiện, ba lợi ích, trường hợp, bổn phận, bậc Chương I, Một Pháp, có 21 phẩm (P): 1.P. giới hạnh, hữu vi, núi, nhiệt tình tinh tấn, Sắc (nữ sắc), 2.P. Đoạn triền cái (tịnh giặc cướp), 6.P. Các Ba-la-môn (hai người tướng), 3.P. Khó sử dụng (tâm không tu 1 và 2, vị Bà-la-môn, Bà-la-môn cư sĩ, tập), 4.P. Không điều phục (tâm không Niết-bàn, người giàu có, Vacchagotta, điều phục), 5.P. Đặt hướng và trong sáng Tikanna, Jànusoni, Sangàrava), 7.P. Lớn (tâm đặt sai hướng), 6.P. Búng ngón tay (sở y xứ, các sợ hãi, Venàga, Sarabha, các (tâm được tu tập), 7.P. Tinh tấn (tinh cần, vị ở Kesaputta, Sàlha, các vấn đề được nói tinh tấn), 8.P. Làm bạn với thiện, 9.P. đến, du sĩ ngoại đạo, các căn bản bất thiện, Phóng dật, 10.P. Phi pháp 1, 11.P. Phi các lễ Uposatha), 8.P. Ànanda (Channa, tà pháp 2, 12.P. Vô phạm, 13.P. Một người mạng đệ tử, người họ thích, vị lõa thể, cần (Như Lai), 14.P. Người tối thắng (Các vị phải khích lệ, hiện hữu, tư và khởi điểm, Tỳ-kheo: 1, 2, 3, 4; nữ đệ tử Tỳ-kheo Ni, sự hầu hạ giúp đỡ, hương, Abhibhù), 9.P. nam cư sĩ, nữ cư sĩ), 15.P. Không thể có Sa-môn (Sa-môn, nghề nông, người vajji, được (- Chấp nhận các hành là thường hữu học (1) và (2), bản tụng đọc (1) và (2), còn, - Không thể xảy ra: 1, 2), 16.P. Một học giới, học pháp, Pankadhà), 10.P. Hạt pháp (niệm Phật), 17.P. Chủng tử (tà muối (cấp thiết, sống viễn ly, hội chúng, kiến), 18.K. Makkhali (một pháp), 19.K. con ngựa thuần thục (1), (2) và (3), vải thô Không phóng dật (một pháp), 20.P. Thiền bằng vỏ cây, vải Ba-la-nại, hạt muối, kẻ định 1 (thật sự là vậy), 21.P. Thiền định 2. lọc vàng), 11.P. Chánh giác (trước khi Chương II, Hai Pháp, có 17 phẩm: 1.P. giác ngộ, vị ngọt, khóc than, không thỏa Hình phạt (hai loại tội), 2.P. Tranh luận mãn, nóc nhọn (1), (2), Ba nhân duyên (1)

và (2), nhân duyên (3) và (4), 12.P. Đọa Devadatta, tinh cần, phi pháp), 8.P. Không xứ (rơi vào đọa xứ, khó tìm được, không hý luận (không hý luận, chánh kiến, bậc thể ước lượng, không vô biên xứ, khiếm chân nhân, người vợ trẻ, sự tối thượng, khuyết và viên mãn, chính xác, hành động, Kusinàrà, không có thể nghĩ được, thanh thanh tịnh (1) và (2), toàn hảo), 13.P. tịnh thí vật, buôn bán, tinh túy của sự Kusinàra (tại Kusinàra, tranh luận, điện nghiệp), 9.P. Không có rung động (ăn thờ Gotama, Brandu, Hatthaka, thối nát, trộm, nói láo, tán thán, phẫn nộ, tối tăm, Anuruddha (1) và (2), che dấu, chữ viết thấp kém, các hạng sa-môn (1) và (2), các trên đá, trên đất, trên nước), 14.P. Kẻ hạng sa-môn (3) và (4), Asura (các A-tu- chiến sĩ (kẻ chiến sĩ, hội chúng, bạn, xuất la, định (1) và (2), thiền định, que lửa, lợi hiện, mền bằng tóc, thành tựu tăng trưởng, ích cho mình (1) (2) và (3), những học ngựa chưa được điều phục, ngựa được pháp, Potaliya). điều phục, các loài ngựa thuần thục, Kinh Bộ Tăng Chi tập I được Trường Cao Moranivàpa),

15.P. Cát tường (không cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II) ấn hành thiện, có phạm tội, không thăng bằng, bất năm 1988, có 691 trang. tịnh, mất gốc (1), (2), (3) và (4), kính lễ, buổi sáng tốt đẹp), 16.P. Lõa thể (đạo lộ Tập II, Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên (1) và (2), sát sanh, lấy của không cho, tà cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2540 hạnh trong các dục vọng, định). – DL. 1996, có 757 trang, (Số thứ tự 22); Chương IV, Bốn Pháp, có 10 phẩm: 1.P. nội dung gồm từ phẩm 11 đến phẩm 28 và Bhandagàma (giác ngộ, rời khỏi, mất gốc, có một chương V. 11.P. Mây mưa (mây thuận dòng, học hỏi ít, chói sáng Tăng mưa (1) và (2), cái ghè, hồ nước (1), các chúng, vô sở úy, khát ái, các ách), 2.P. hồ nước (2), các trái xoài, các loại chuột, Hành (hành, chế ngự (1) và (2), chánh cần, các loài bò đực, các cây, các con rắn), thi thiết, trí tế nhị, sanh thú không nên đi, 12.P. Kesi (kesi, tốc độ, gậy thúc ngựa, sanh thú nên đi, không nên đi, nên đi, con voi, các trường hợp, không phóng dật, người đầu bếp), 3.P. Uruvelà (tại Uruvelà, hộ trì, xúc động, sợ hãi (1) và (2), 13.P. Sợ thế giới, Kàlaka, phạm hạnh, kẻ lừa dối, hãi (tự tránh, sóng biển, hạng người sai biết đủ, truyền thống, pháp cú, các du sĩ), khác (1), các hạng người sai khác (2), từ 4.P. Bánh xe (bánh xe, nhiếp pháp, con sư (1) và (2), vi diệu (1), (2), (3) và (4), 14.P. tử, các lòng tin, Vassakàra, tùy thuộc thế Loài người (kiết sử, trả lời, lanh trí, nỗ lực, giới, không thể rơi xuống, tránh né, có tội, có giới (1) và (2), viễn ly, thuyết Ujjaya, Udàyi), 5.P. Rohitassa (định, các pháp, hạng thuyết trình), 15.P. Ánh sáng câu hỏi, phẫn nộ, sự phẫn nộ, Rohitassa (hào quang, ánh sáng, ánh lửa, ánh chiếu, (1) và (2), rất xa xăm, Visàkhà, tưởng điên ánh đèn, thời gian (1) và (2), hạnh ác về đảo, các uế nhiễm), 6.P. Nguồn sanh lời nói, hạnh thiện về lời nói, lõi), 16.P. phước (nguồn sanh phước (với cư sĩ) (1) Các căn (các căn, lực (1), (2), (3) và (4), và (2), sống chung (1) và (2), xứng đôi (1) kiếp, bệnh, thối đọa, Tỳ-kheo Ni, luật của và (2), Suppavàsà, Suddatta, các đồ ăn, các bậc Thiện thệ), 17.P. Đạo hành (tóm bổn phận người gia chủ), 7.P. Nghiệp tắt, với chi tiết, bất tịnh, kham nhẫn (1) và công đức (bốn nghiệp công đức, không nợ, (2), với các chi tiết, Sàriputta và bằng với Phạm thiên, địa ngục, hình thức Moggallàna, Moggallàna và Sàriputta, với bên ngoài, tham ái, vua các loài rắn, một vài nỗ lực, gắn liền, cột chặt), 18.P.

Tư tâm sở (với tư tâm sở, được ngã tánh, (2), các uế nhiễm, ác giới, nhiếp thọ, giải phân tích, Kotthita, Upavàna, mong cầu, thoát xứ, định, năm chi phần, kinh hành, Rahula, hồ nước ở làng, Niết-bàn, căn cứ Tôn giả Nagita), 4.P. Sumana (Sumana, địa), 19.P. Chiến sĩ (người chiến sĩ, an con gái vua; Cundi, con gái vua; Uggaha, toàn, điều được nghe, không sợ hãi, các sự người gia chủ; đại tướng Siha, lợi ích bố thật Bà-la-môn, con đường sai lạc, thí, cho đúng thời, bố thí bữa ăn, sự lợi ích Vassakàra, Upaka, chứng ngộ, ngày trai lòng tin, con trai, cây sala lớn), 5.P. Vua giới), 20. Đại phẩm (nghe với tai, trường Munda (trở thành giàu, bậc chân nhân, khả hợp, Bhaddiya, các vị Sàpùgiyà, Vappa, lạc, cho các vật khả ý, phước điền, cụ túc, Sàlha, Mallikà, tự mình hạ mình, ái, luyến tài vật, sự kiện không thể có được, người ái), 21.P. Bậc chân nhân (các hợp pháp, Kosala, Tôn giả Narada), 6.P. Triền cái người có lòng tin, kẻ tàn hại chúng sanh, (ngăn chận, đống, các chi phần, thời gian mười hạnh, con đường tám ngành, con để tinh cần, mẹ và con, thân giáo sư, sự đường mười ngành, kẻ ác độc (1) và (2), kiện cần phải quan sát, thanh niên ác tánh, tánh ác độc), 22.P. Ô uế (chúng, Licchavi, khó tìm được (1) và (2), 7.P. kiến,

không biết ơn, sát sanh, con đường Tưởng (các tưởng (1) và (2), tăng trưởng (1) và (2), cách thức nói (1) và (2), không (1) và (2), nói chuyện, đời sống, thần xấu hổ, với liệt tuệ), 23.P. Diệu hạnh (diệu thông (1) và (2), nhàm chán (1) và (2), hạnh, kiến, vô ơn, sát sanh, con đường, 8.P. Chiến sĩ (tâm giải thoát (1) và (2), cách thức nói (1) và (2), không xấu hổ, liệt sống theo pháp (1) và (2), người chiến sĩ tuệ, các thi sĩ), 24.P. Nghiệp (tóm tắt, với (1) và (2), sợ hãi trong tương lai (1), (2), chi tiết, Sonakàyana, cách học pháp, (3) và (4), 9.P. Trưởng lão (khả ái, ly Thánh đạo, giác chi, đáng quở trách, có tham, lừa đảo, lòng tin, không kham nhẫn, hại, vị sa-môn, lợi ích nhờ bậc chân nhân), vô ngại giải, giới, vị trưởng lão, vị Tỳ- 25.P. Sợ hãi phạm tội (phạm tội (1) và (2), kheo hữu học (1) và (2), 10.P. Kakudha lợi ích học tập, cách nằm, xứng đáng được (đầy đủ (1) và (2), trả lời, lạc thú, bất dựng tháp, trí tuệ tăng trưởng, cách thức động, nghe pháp, nói chuyện, rừng, con sư nói (1), (2), (3) và (4), 26.P. Thắng trí tử, Kakudha), 11.P. An ổn trú (đáng sợ (thắng trí, tầm cầu, nhiếp pháp, con của hãi, đáng nghi ngờ, kẻ ăn trộm, đem lại an Malunkyaputta, lợi ích cho gia đình, con lạc, an ổn trú, tôn giả Ananda, giới, vô ngựa thuần chủng (1) và (2), lực, sống học, người bốn phương, khu rừng), 12.P. trong rừng, hành động), 27.P. Nghiệp đạo Andhakavinda (đi đến các gia đình, sa- (chấp nhận (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), môn tùy tùng, thiền định, tại (8), (9) và (10), 28.P. Tham. Andhakavinda, xan lẫn, tán thán, ganh tị, Chương V, Năm Pháp, có 26 phẩm: 1.P. tri kiến, lời nói, tinh tấn), 13.P. Bệnh Sức mạnh hữu học (tóm lược, rộng rãi, (người bị bệnh, niệm xứ, săn sóc bệnh (1) khổ, tương xứng, học pháp, bước vào, dục và (2), tuổi thọ (1) và (2), sống biệt lập, vọng, từ bỏ, không tôn kính (1) và (2), các điều khổ cho sa-môn, ngũ nghịch, 2.P. Sức mạnh (chưa được nghe, nóc thành tựu), 14.P. Vua (chuyển luân vương nhọn, các sức mạnh tóm lược, các sức (1), (2) và (3), tại mỗi phương hướng, mục mạnh rộng thuyết, cần phải thấy, lại nóc đích (1) và (2), chúng ngủ rất ít, ăn các đồ nhọn, hạnh phúc cho ai (1), (2), (3) và (4), thực vật, không có thể kham nhẫn, biết 3.P. Năm phần (không có cung kính (1) và nghe), 15.P. Tikandaki (nó cho là khinh,

nó làm sai lạc, tại đền Sarandada, tại rừng Kinh Bộ Tăng Chi -tập II, được Trường Tikandaki, con đường đi đến địa ngục, Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II) ấn người bạn, bố thí không xứng bậc chân hành năm 1988, có 580 trang. nhân, bố thí xứng bậc chân nhân, thời giải thoát (1) và (2), 16.P. Diệu pháp (quyết Tập III, Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên định tánh về diệu pháp (1), (2) và (3), diệu cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2540 pháp hỗn loạn (1), (2) và (3), ác thuyết, sợ – DL. 1996, có 706 trang, (Số thứ tự 23); hãi, tôn giả Udayi, khó trừ khử), 17.P. nội dung gồm có 3 chương (VI, VII và Hiềm hận (trừ khử hiềm hận (1) và (2), VIII): cuộc nói chuyện, một ví dụ, những câu Chương VI, Sáu Pháp (50 kinh đệ nhất), hỏi, diệt thọ tưởng định, buộc tội, giới, có 12 phẩm: 1.P. Đáng được cung kinh đưa đến biết, Bhaddaji), 18.P. Nam cư sĩ (đáng được cung kính (1) và (2), các căn, (sợ hãi, không sợ hãi, địa ngục, sợ hãi hận các lực, con ngựa thuần chủng (1) và (2), thù, kẻ bị vất bỏ, hoan hỷ, người buôn bán, vô thượng, Tứ niệm xứ, Mahanama), 2.P. các vua, gia chủ, Gavesi, người tầm cầu), Cần phải nhớ (cần phải nhớ (1) và (2), 19.P. Rừng (rừng, các hạng người khác, ăn xuất ly giới, hiền thiện, không hối hận, cha từ bình bát), 20.P. Bà-la-môn (ví dụ con mẹ của Nakula (1) và (2), con cá, niệm chó, Bà-la-môn Dona, Bà-la-môn chết (1) và (2), 3.P. Trên tất cả (tại Sangarava,

Bà-la-môn Karanapali, Bà-la- Samagama, không thối đọa, sợ hãi, núi môn Pingiyani, mộng, mưa, lời nói, gia Tuyết sơn, Tùy niệm xứ, Kaccana, các đình, xuất ly), 21.P. Kimbila (Kimbila, thời gian (1) và (2), Udayi, trên tất cả), nghe pháp, con ngựa thuần, các sức mạnh, 4.P. Chư thiên (hữu học, không thối đọa tâm hoang vu, tâm triền phược, cháo, tâm (1) và (2), Đại-mục-kiền-liên, minh phần, xỉa răng, thuyết pháp với giọng ca, thất gốc rễ của đấu tranh, bố thí, tự làm, nhân niệm), 22.P. Mắng nhiếc (mắng nhiếc, đấu duyên, tôn giả Kimbila, đống gỗ, tôn giả tranh, ác giới, phá giới, người nói nhiều, Nagita), 5.P. Dhamika (con voi, Migasala, không kham nhẫn (1) và (2), không tịnh nghèo khổ, Mahacunda, cho đời này (1) và tín (1) và (2), lửa, tại Madhurà), 23.P. Du (2), khema, các căn, Ananda, vị Sát-đế-lị, hành dài (du hành dài (1) và (2), sống quá không phóng dật, Dhammika), 6. Đại lâu (1) và (2), viếng thăm gia đình (1) và phẩm (Sona, Phagguna, sáu sanh loại, các (2), tài sản, bữa ăn, rắn đen (1) và (2), lậu hoặc, người bán củi, Hatthisariputta, 24.P. Trú tại chỗ (trú tại chỗ, được ái mộ, con đường đi đến bờ bên kia, lời cảm làm cho chói sáng, giúp đỡ nhiều, có lòng hứng, một pháp môn quyết trạch, tiếng từ mẫn, không tán thán tương xứng, xan rống con sư tử), 7.P. Chư thiên (vị Bất tham (1), (2), (3) và (4), 25.P. Ác hành Lai, A-la-hán, những người bạn, hội (người ác hành (1), (2), (3) và (4), nghĩa chúng, vị thiên nhân, thần thông, chứng địa, tịnh tín đối với một người), 26.P. Cụ nhân, sức mạnh, thiền (1) và (2), 8.P. A- túc giới (cụ túc giới, che chở và phục vụ, la-hán (khổ, A-la-hán quả, thượng nhơn xan tham, phạm hạnh, thiền, thiền và pháp, lạc hỷ, chứng đắc, lớn mạnh, địa Thánh quả (1) và (2), người tri phạn, tri ngục (1) và (2), pháp tối thượng, ngày và phạn, các người khác, năm pháp (1), (2) và đêm), 9.P. Mát lạnh (mát lạnh, chướng (3), tham (1), (2), (3) và (4). ngại, nghiệp chướng, không ưa nghe, cần phải đoạn tận, chúng được đoạn tận, làm

cho sanh khởi, bậc đạo sư, hành, mẹ, tự và (2), tùy chuyển thế giới (1) và (2), làm), 10.P. Lợi ích (sự xuất hiện, các lợi Devadatta, tôn giả Uttara, tôn giả Ananda, ích, vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn, các đồ rác), 2.P. Lớn (gần Veranjà, tướng không có hạn chế (1), (2) và (3), hữu, khát quân Sìha, con ngựa thuần thục, con ngựa ái), 11. Ba pháp (tham, ác hành, suy tầm, chưa điều phục, các cấu uế, sứ giả, sự trói tưởng, giới, thỏa mãn, bất lạc, biết đủ, ác buộc của nữ nhân, nam nhân trói buộc, A- ngôn, trạo cử), 12.P. Các kinh không tu-la Pahàràdà, ngày trai giới), 3.P. Gia nhiếp trong phẩm: Quán (1) và (2), Thấy chủ (Ugga ở Vesàli, Ugga người bất tử, Thấy được bất tử, Tham (1), (2), Hatthigàma, Hatthaka, người Àlavì, (3) và (4). Hatthaka, người xứ Àlavì, Thích tử Chương VII, Bảy Pháp, có 9 phẩm: 1.P. Mahànàma, Jìvaka komàrabhacca, sức Tài sản (được ái mộ (1) và (2), các sức mạnh (1) và (2), không phải thời, tôn giả mạnh tóm tắt, các sức mạnh rộng thuyết, Anurudha), 4.P. Bố thí (bố thí (1) và (2), Ugga, các kiết sử, đoạn tận, xan tham), căn bản để bố thí, thửa ruộng, thọ sanh do 2.P. Tùy miên (tùy miên (1) và (2), gia bố thí, phước nghiệp sự, người chân nhân đình, các hạng người, ví dụ nước, không (1) và (2), nguồn nước công đức, rất là thường xuyên, khổ-vô ngã-tịch tịnh, sự thù nhẹ), 5.P. Ngày trai giới (các trai giới, diệu), 3.P. Vajji (Bạt-kỳ) (tại Sàrandada, ngày trai giới, Visàkha, Vàsettha, Bojahà, Vassakàra, vị Tỳ-kheo, công việc, tin tôn giả Anuruddha, Visàkha, Nakulamàtà, tưởng, giác chi, tưởng, hữu học, thối đọa, ở đời này, đời này), 6.P. Gotamì bất hạnh-thối đọa), 4.P. Chư thiên (không (Mahàpajàpati Gotamì, ai giáo giới, pháp

phóng dật, xấu hổ, dễ nói (1) và (2), bạn tóm tắt, Dìghajànu, người Koliya, Bà-la- hữu (1) và (2), vô ngại giải, điều phục, thù môn Ujjaya, sợ hãi, xứng đáng được cúng diệu sự (1) và (2), 5.P. Đại tế đàn (thức dường (1) và (2), tám hạng người (1) và trú, tư lương cho định, lửa (1) và (2), (2), 7.P. Đất rung động (dục, vừa đủ, pháp tưởng (1) và (2), dâm dục, hệ lụy, bố thí, lược thuyết, Tagayà, thắng xứ, các giải mẹ của Nanda), 6.P. Không tuyên bố thoát, phi Thánh ngôn, Thánh ngôn, các (không tuyên bố, sanh thú của loài người, hội chúng, động đất). Tissa, Siha, không có che đậy, Kimbila, Kinh Bộ Tăng Chi - tập III, được Trường bảy pháp, ngủ gục, các người vợ, sân hận), Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II) ấn 7. Đại phẩm (xấu hổ, mặt trời, thành trì, hành năm 1988. pháp trí, cây Kovilàra pàricchattaka, vị Tỳ-kheo phải kính trọng ai, sự tu tập, lửa, Tập IV, Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên Sunetta, Araka), 8.P. Về luật (Trì luật (1), cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2541 (2), (3) và (4), thông điệp, diệt tránh – DL. 1997, có 710 trang, (Số thứ tự 24), pháp), 9.P. Các kinh không nhiếp (1. Sự nội dung gồm có 3 chương (IX, X và XI): phá hoại, - các pháp khác, - phi diệu pháp, 8.P. Song đôi (lòng tin (1) và (2), niệm - diệu pháp, 2. Người xứng đáng được chết (1) và (2), đầy đủ (1) và (2), dục, vừa cung kính, - các người khác đáng được đủ, thối đọa, tám căn cứ để biếng nhác và cung kính, 3. Thắng trí tham (1), (2), (3) tinh tấn), 9.P. Niệm (niệm, tôn giả và (4). Punniya, cội rễ của sự vật, đại ăn trộm, Chương VIII, Tám Pháp, có 7 phẩm: 1.P. người sa-môn, đảnh lễ, bình bát, phản đối, Từ (từ, tuệ, các pháp không được ái mộ (1) buộc tội, hành xử đúng pháp, một số nữ cư

sĩ), 10.P. Tham ái (thắng tri tham ái (1), không phóng dật, đáng được cúng dường, (2) và (3), tham ái, các pháp khác). vị hộ trì (1) và (2), Thánh cư (1) và (2), Chương IX, Chín Pháp, có 10 phẩm: 1.P. 3.P. Lớn (con sư tử, những tuyên bố về Chánh giác (chánh giác, y chỉ, tôn giả pháp, với thân, Maha Cunda, thiền án xứ, Meghiya, tôn giả Nandaka, những sức Kàli, những câu hỏi lớn (1) và (2), người mạnh, cần phải thân cận, du sĩ Sutavà, du Kosalà (1), Kosalà (2), 4.P. Upàli và sĩ Sajjha, các hạng người, đáng cung Ànanda (Upàli và giới bổn, người đoạn sự, kính), 2.P. Tiếng rống con sư tử (sau khi cụ túc giới, y chỉ sadi, phá hòa hợp Tăng, an cư, không có dư y, tôn giả hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng, quả của Mahakotthita, tôn giả Samiddhi, một ung pháp hòa hợp Tăng, hòa hợp Tăng, Quả nhọt, tưởng, gia đình, từ bi, chư thiên, của phá hòa hợp Tăng đưa lại), 5.P. Mắng Velàma), 3.P. Chỗ cư trú các hữu tình nhiếc (tranh luận, cội gốc của tranh luận, (trong 3 phương diện, ngựa chưa được tại Kusinàrà, đi vào hậu cung, các vị điều phục, ái, các loài hữu tình, trí tuệ, trụ Sakkà Thích tử, Mahàli, các pháp, trú đá, sợ hãi hận thù (1) và (2), xung đột sự, thân, đấu tranh), 6.P. Tâm của mình (tâm điều phục xung đột sự, chính thứ đệ diệt), của mình (1) và (2), đứng một chỗ, tịnh 4. Đại phẩm (thứ đệ trú (1) và (2), Niết- chỉ, tổn giảm, tưởng (1) và (2), lấy căn bản bàn, con bò cái, thiền, tôn giả Ananda, các nơi Thế tôn, xuất gia, Girimànanda, 7.P. Bà-la-môn, chư thiên, con voi lớn, Song đôi (vô minh, hữu ái, cứu cánh, bất Tapussa), 5.P. Pancala (Pancalacanda, vị động, lạc và khổ (1) và (2), tại Nalakapàna thân chứng, tuệ giải thoát, giải thoát cả 2 (1), Nalakapàna (2), những đề tài câu phần, chính thực mình thấy (1) và (2), chuyện (1), những đề tài để câu chuyện Niết-bàn, hoàn mãn Niết-bàn, chi phần (2), 8.P. Ước nguyện (ước nguyện, cây Niết-bàn, thiết thực hiện tại Niết-bàn), 6.P. gai, khả lạc, tăng trưởng, Migasàlà,

không An ổn (an ổn, người đạt an ổn, bất tử, thể tăng trưởng, con quạ, Ni-kiền-tử, người đạt được bất tử, vô úy, người đạt vô những trường hợp hiềm hận, nhiếp phục úy, khinh an, thứ đệ khinh an, đoạn diệt, hiềm hận), 9.P. Trưởng lão (Bàhuna, thứ đệ đoạn diệt, có khả năng), 7.P. Niệm Ànanda, Punniya, nói lên chánh trí, Tỳ- xứ (học tập, triền cái, dục trưởng dưỡng, kheo Kàlaka, tai nạn, Tỳ-kheo Kokàlika, thủ uẩn, năm hạ phần kiết sử, sanh thú, những sức mạnh), 10.P. Nam cư sĩ (người xan tham, năm thượng phần kiết sử, năm hưởng dục (phục dâm kinh), sợ hãi và hận tâm hoang vu, tâm triền phược), 8.P. thù, kiến, Vajjiyamàhita, Uttiya, Chánh cần (bốn chánh cần), 9.P. Bốn như Kokanuda, đáng đảnh lễ, vị trưởng lão, ý túc, 10.P. Tham (thắng tri tham (1) và Upàli, không thể tăng trưởng), 11.P. Sa- (2), liễu tri tham). môn tưởng (tưởng, giác chi, tà tánh, chủng Chương X, Mười Pháp, có 22 phẩm: 1.P. tử, với minh, nguyên nhân khiến cho tổn Lợi ích (ý nghĩa gì, nghĩ với dụng ý, sở y, giảm, tẩy trần, y thuật, mửa, bài tiết, vô có Sở y (do Sàriputta thuyết), có Sở y (do học (1) và (2), 12.P. Đi xuống (phi pháp, tôn giả Ananda thuyết), Định do bậc Đạo không phải mục đích, phi pháp, Ajita, sư thuyết, Định do tôn giả Sàriputta Sangàrava, bờ bên này-bờ bên kia, sự đi thuyết, người có lòng tin, tịch tịnh giải xuống của bậc Thánh, lễ đi xuống của bậc thoát, với các minh), 2.P. Hộ trì (trú xứ, Thánh, điềm báo trước, các lậu hoặc), các chi phần, các kiết sử, tâm hoang vu, 13.P. Thanh tịnh (các pháp thanh tịnh,

pháp chưa khởi, pháp có quả lớn, cứu cánh Ananda, tai họa, tưởng hay tác ý (1) và nhiếp phục tham, nhất hướng nhàm chán, (2), tác ý, Sandha, rừng khổng tước), 2.P. được tu tập (1), (2), (3) và (4), tà tánh, Tùy niệm (Mahànama (1) và (2), Nandiyà, chánh tánh), 14.P. Thiên lương (lành và Subhùti, từ, Dasama-gia chủ, người chăn không lành, Thánh và phi Thánh, thiện và bò, thiền định (1), (2), (3) và (4), 3.P. bất thiện, mục đích và phi mục đích, pháp Tổng kết (người chăn bò, tham ái (1) và và phi pháp, hữu lậu và vô lậu, có tội và (2). vô tội, hối hận và không hối hận, đi đến tích tập và không tích tập, dẫn khổ và 682. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM, không dẫn lạc, khổ dị thục và lạc dị thục), 3 Tập 15.P. Thánh đạo (Thánh và phi Thánh, Giáo hội Phật giáo Việt Nam – bạch đạo và hắc đạo, diệu pháp và phi diệu Đại tạng Kinh Việt Nam pháp, chân nhân pháp-phi chân nhân pháp, Việt dịch: HT. Thích Thanh Từ cần khởi lên và không cần khởi lên, cần Hiệu đính: phải thực hiện và không cần phải thực HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001) hiện, cần phải tu tập và không cần phải tu Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn tập, cần phải làm sung mãn và không cần hành, PL. 2541 – DL. 1997 phải làm sung mãn, cần phải nhớ và không Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 cần phải nhớ, cần phải chứng ngộ và tập dày 1.841 trang, bìa cứng, bao da màu không cần phải chứng ngộ), 16.P. Người đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp (không nên thân cận, những người sai đựng. khác), 17.P. Janussoni (sự xuất ly của bậc Tập I (Số thứ tự 25), dày 617 trang, có 26 Thánh (1) và (2), Sangàrava, bờ bên này phẩm: 1.P. Tựa, 2.P. Thập niệm, 3.P. bờ bên kia, pháp và phi pháp (1), (2) và Quảng diễn, 4.P. Đệ tử, 5.P. Tỳ-kheo Ni, (3), do tham-sân-si, thoát ly, Cunda-người 6.P. Thanh tín sĩ (Ưu-bà-tắc), 7.P. Thanh thợ rèn, Janussoni), 18.P. Thiện lương tín nữ (Ưu-bà-di), 8.P. A-tu-la, 9.P. Một (thiện, bất thiện, Thánh và phi Thánh), đứa con, 10.P. Hộ tâm, 11.P. Bất đãi, 12.P. 19.P. Thánh đạo (như kinh trên, các đề Nhập đạo, 13.P. Lợi dưỡng, 14.P. Ngũ kinh khác...), 20.P. Các hạng

người giới, 15.P. Hữu vô, 16.P. Hỏa diệt, 17.P. (giống như phẩm 16, 155, 156, 166), 21.P. An-ban (1), - P. An-ban (2), 18.P. Tàm Thân do nghiệp sanh (địa ngục-thiên giới, quý, 19.P. Khuyến thỉnh, 20.P. Thiện tri địa ngục và thiên giới, nữ nhân, nữ cư sĩ, thức, 21.P. Tam bảo, 22.P. Cúng dường, sợ hãi và vô úy, pháp môn quanh co, ngọc 23.P. Địa chủ, 24.P. Cao tràng (1), - P. ma-ni, tổn giảm và tăng trưởng, Phạm Cao tràng (2), - P. Cao tràng (3), 25.P. Tứ thiên trú hay thân do nghiệp sanh, sau khi đế, 26.P. Tứ ý đoạn (1), - P. Tứ ý đoạn (2). chết), 22.P. Không có đầu đề (10 pháp, 20 Tập II (Số thứ tự 26), Viện Nghiên cứu pháp, 30 pháp, 40 pháp, tổn hại, sau khi Phật học Việt Nam ấn hành, PL. 2542 – chết (1) và (2), tham ái (3) và (4), tham ái, DL. 1998, dày 594 trang; Tập II gồm có sân). 13 phẩm (từ phẩm 27-39) như sau: 27.P. Chương XI, Mười một Pháp, có 3 phẩm: Tứ đế, 28.P. Thanh văn, 29.P. Khổ lạc, 1.P. Y chỉ (có lợi ích gì? Nghĩ với dụng ý, 30.P. Tu-đà, 31.P. Tăng thượng, 32.P. thiếu sở y-do bậc Đạo sư, thiếu sở y-do Thiện tụ, 33.P. Ngũ vương, 34.P. Đẳng tôn giả Sariputta, thiếu sở y-do tôn giả kiến, 35.P. Tà tư, 36.P. Thính pháp, 37.P.

Lục trọng (1), - P. Lục trọng (2), 38.P. Lực Phước nghiệp, P. Thất nhật, P. Thính (1), - P. Lực (2), 39.P. Đẳng pháp. pháp, P. Tâm từ, P. Vô thường, P. Ma-ha- Tập III (Số thứ tự 27), dày 630 trang, gồm nam, P. Lưu ly, P. Tứ đế, P. Cao tràng, P. có 13 phẩm (từ phẩm 40-52) như sau: Mã vương, P. Nhập đạo, P. An ban, P. 40.P. Thất nhật (1), - P. Thất nhật (2), Tàm quý, P. Hỏa diệt, P. Tứ chánh cần, P. 41.P. Mạc úy, 42.P. Bát nạn (1), - P. Bát Bát nạn, P. Phạm chí, P. Tăng thượng, P. nạn (2), 43.P. Thiên tử Mã Huyết hỏi về Ương-quật-ma, P. A-xà-thế, P. Lục trọng, Bát chánh (1), - P. Thiên tử Mã Huyết (2), P. Kết cấm, P. Thiện ác, P. Thiện tụ, P. 44.P. Chín nơi cư trú của chúng sanh, Lợi dưỡng, P. Chăn trâu, P. Tà tư, P. Thập 45.P. Mã vương, 46.P. Kết cấm, 47.P. bất thiện, P. Ca-lưu-đà-di, P. Thuyết giới, Thiện ác, 48.P. Thập bất thiện (1), - P. P. Di-lặc; Bát-nhã tâm kinh, Thân-khẩu-ý- Thập bất thiện (2), 49.P. Chăn trâu (1), - P. nhẫn-giới, Phát nguyện sám hối, Hồi Chăn trâu (2), 50.P. Lễ Tam bảo, 51.P. Phi hướng, Khuyến tu. thường, 52.P. Đại Ái Đạo nhập Niết-bàn. Cuối Tập III là Bảng so sánh Kinh Tương 685. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM – đương giữa Kinh Tăng Nhất A-hàm và Quyển thứ 22 Kinh Tạng Pàli. Hán dịch: Đam-ma-nan-đề Việt dịch: Thích Trí Nghiêm 683. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM – Phật học viện Trung Phần xuất bản, PL. Trọn bộ 4 Cuốn 2508 – DL. 1964 Việt dịch: Thích Đức Thắng Kinh có 39 trang, bìa mềm; nội dung gồm Hiệu đính và chú thích: Tuệ Sỹ có Phẩm Tu-ma-đề nữ, thứ 30. Nxb Phương Đông – 2011, tái bản 2017. Toàn bộ tác phẩm Kinh Tăng Nhất A-hàm gồm có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục, nội dung gồm 52 phẩm, có: Thiên Một Pháp, Thiên Hai Pháp, Thiên Ba Pháp, Thiên Bốn Pháp, Thiên Năm Thiên Pháp, 686. KINH TÂM BÁT-NHÃ Sáu Pháp, Thiên Bảy Pháp, Thiên Tám BA-LA-MẬT-ĐA Pháp, Thiên Chín Pháp, Thiên Mười Pháp, Dịch giải: Tỳ-kheo Thích Minh Điền Thiên Mười Một Pháp. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời Xem: Tăng Nhất A-hàm – Tiểu Tạng Kinh tựa (PL. 2555 – DL. 2011); Kinh văn (nguyên bản Hán ngữ), Dịch nghĩa Việt 684. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM Kinh Tâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Dẫn Tuyển chọn: Thích Giác Thiện nhập, Giải thích đề Kinh, Lược giải Kinh; Nxb Phương Đông – 2012 Tài liệu tham khảo; Phụ lục. Kinh này Tuyển chọn gồm có: Nghi thức, giải Kinh) P. Tựa, P. Chuyển pháp luân, P. Tam Bảo, P. Giới, P. Lễ Tam Bảo, P. Cúng

dường, 687. KINH TÂM ĐỊA QUÁN (Kinh Đại P. Quảng diễn, P. Địa chủ, P. Bố thí Ba-la- Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán) mật, P. Thanh văn, P. Khổ lạc, P. Tu-ma- Việt dịch: Thích Tâm Châu đề, P. Thi-bà-la, P. Thiện tri thức, P. Chùa Từ Quang (Sài Gòn)

Kiểm duyệt số 2634/XB, ngày 21-12-1959 Sabhiya, 7.K Sela, 8.K Mũi tên, 9.K của Hội đồng Kiểm duyệt Bộ Thông tin. Vàsettha, 10.K Kokàlika, 11.K Nàlaka, Kệ Kinh gồm có 13 phẩm, dày 474 trang, bìa ngôn dẫn chuyện, 12.K Quán xét hai khía mềm. cạnh, Tóm lược phẩm này; P. Nhóm Tám, Xem: Kinh Đại thừa Bản sanh Tâm Địa 1.K Giảng về dục, 2.K Nhóm tám về hang, Quán do Thích Tâm Châu dịch 3.K Nhóm tám về xấu xa, 4.K Nhóm tám về trong sạch, 5.K Nhóm tám về tối thắng, 688. KINH TẬP – 6.K Về sự già, 7.K Tissametteyya, 8.K SUTTANIPÀTAPÀLI, Pasùra, 9.K Màgandiya, 10.K Trước khi Tạng Kinh – Tiểu Bộ hoại rã, 11.K Cãi cọ và tranh cãi, 12.K Sự Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 29 dàn trận nhỏ, 13.K Sự dàn trận lớn, 14.K Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda Một cách nhanh chóng, 15.K Uế hạnh của (Trương Đình Dũng) bản thân, 16.K Sàriputta, Tóm lược phẩm PL. 2558 – DL. 2014 này; V.P Đi đến bờ kia: Kệ ngôn dẫn Buddhist Cultural Centre, chuyện, 1.K Ajita, 2.K Tissametteyya, 3.K 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- Punnaka, 4.K Mettagù, 5.K Dhotaka, 6.K Sri Lanka Upasìva, 7.K Nanda, 8.K Hemaka, 9.K Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, Todeyya, 10.K Kappa, 11.K Jatukanni, 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, 12.K Bhadràvudha, 13.K Udaya, 14.K Borelesgamuwa, Sri Lanka. Posàla, 15.K Mogharàja, 16.K Pingiya, Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn Các kệ ngôn tường thuật; Thư mục Câu kệ 348 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. Pàli, Thư mục Danh từ riêng, Thư mục Từ Nội dung tác phẩm gồm có 5 phẩm, 70 Đặc biệt. Kinh: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn Tác phẩm này được tái bản năm 2016, bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 255 Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, trang, bìa cứng, có hình Phật, nền đỏ, chữ Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự tựa màu vàng. Pali – Sinhala, Kinh Tập: I.P Rắn, 1.K Rắn, 2.K Dhaniya, 3.K Sừng tê giác, 4.K 689. KINH TẬP BỘ I Kasìbhàradvàja, 5.K Cunda, 6.K Thoái Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt hóa, 7.K Người hạ tiện, 8.K Từ ái, 9.K Nam Hemavata, 10.K Àlavaka, 11.K Chiến Quyển XIV, No. 435 Phật thuyết Kinh thắng, 12.K Hiền trí, Tóm lược phẩm này; Diệt trừ tối tăm trong Mười phương; No. II. Tiểu Phẩm: 1.K Châu báu, 2.K Mùi 436 Kinh Thọ trì Danh hiệu bảy Đức Phật tanh hôi, 3.K Hổ thẹn, 4.K Điềm lành, 5.K sinh ra Công đức; No. 437 Kinh Đại thừa Sùciloma, 6.K Kapila, 7.K Truyền thống Bảo Nguyệt đồng tử Pháp vấn; No. 438 Bà-la-môn, 8.K (Chiếc thuyền) Giáo pháp, Phật thuyết Kinh Đại thừa Đại Phương 9.K Với Giới gì, 10.K Đứng lên, 11.K quảng Phật quang; No. 449 Bài tựa Kinh Ràhula, 12.K Nigrodhakappa, 13.K Du Dược Sư Như Lai Bổn nguyện Công đức; hành chân chánh, 14.K Dhammika, Tóm No. 450 Kinh Phật thuyết Dược Sư Như lược phẩm này; III. Đại Phẩm: 1.K Xuất Lai Bổn nguyện; No. 451 Kinh Bổn gia, 2.K Nỗ lực, 3.K Khéo nói, 4.K nguyện Công đức của bảy Đức Phật Dược Sundarikabhàradvàja, 5.K Màgha, 6.K Sư Lưu Ly Quang; No. 452 Kinh Quán

Di-lặc Bồ-tát Thượng sanh Đâu-suất; No. Sai-ma-bà-đế; No. 574 Phật thuyết Kinh 453 Kinh Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát Nữ kiên cố; No. 575 Kinh Đại Phương hạ sanh; No. 454 Kinh Di-lặc hạ sanh; No. đẳng tu-đa-la vương; No. 576 Phật thuyết 455 Kinh Phật

thuyết Di-lặc hạ sanh thành Chuyển hữu Kinh; No. 577 Kinh Đại thừa Phật; No. 472 Kinh Phật thuyết Đại thừa Lưu chuyển hữu; No. 578 Kinh Ưu-bà-di Thiện kiến Biến hóa Văn-thù-sư-lợi vấn Vô cấu; No. 580 Kinh Phật thuyết trưởng pháp; No. 473 Kinh Phật thuyết Diệu Cát giả nữ Yêm-đề-giá Sư tử hống Liễu nghĩa. Tường Bồ-tát sở vấn Đại thừa Pháp loa; (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) No. 476 Kinh thuyết Vô cấu xứng (6 Tập, từ Tập 1 đến Tập 6); No. 579 Kinh Ưu-bà- 690. KINH TẬP BỘ II di Tịnh Hạnh Pháp môn (quyển Thượng Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt và Hạ); No. 496 Kinh Phật nói về Đại Ca- Nam diếp; No. 497 Kinh ngài Ma-ha Ca-diếp độ Quyển XV, No. 599 Đức Phật vì vua Rồng bà lão nghèo; No. 532 Kinh Tư-ha-muội; Biển nói Pháp ấn; No. 600 Kinh Thập No. 533 Kinh Bồ-tát Sanh địa; No. 534 thiện Nghiệp đạo; No. 601 Đức Phật vì Kinh Phật thuyết Nguyệt Quang đồng tử; vua Rồng Ta-kiệt-la giảng nói Đại thừa; No. 535 Kinh Phật thuyết Thân nhật; No. No. 602 Kinh Phật thuyết Đại An-bát Thủ 536 Kinh Thân nhật Nhi bổn; No. 538 ý (quyển Thượng và Hạ); No. 603 Kinh Kinh Phật thuyết Ha-điêu A-na-hàm; No. Ấm Trì Nhập (quyển Thượng và Hạ); No. 539 Kinh Phật thuyết Lô-chí Trưởng giả 604 Đức Phật nói Kinh Thiền hành Tam nhân duyên; No. 540 Kinh Phật thuyết Lô- thập thất Phẩm; No. 605 Kinh Thiền hành chí Trưởng giả nhân duyên; No. 542 Phật Pháp tưởng; No. 621 Kinh Phật ấn tam- nói Kinh Da-kỳ; No. 543 Phật nói Kinh muội; No. 622 Kinh Phật thuyết Tự thệ Trưởng giả Cự Lực hỏi về Đại thừa; No. Tam-muội; No. 623 Kinh Phật thuyết Như 549 Kinh Phật thuyết Nhân duyên Quang Lai Độc chứng tự thệ Tam-muội; No. 624 Minh đồng tử; No. 551 Kinh Nữ Ma-đặng; Kinh Phật thuyết Thuần chơn Đà-la sở vấn No. 553 Phật nói Kinh Nhân duyên Nại-nữ Như Lai tam-muội (quyển Thượng, Trung và Kỳ-vực; No. 554 Phật nói Kinh Nhân và Hạ); No. 628 Kinh Vị Tằng hữu Chánh duyên Nại-nữ và Kỳ-vực; No. 555 Kinh pháp (6 Tập, từ Tập 1 đến Tập 6); No. 629 Làm con năm người mẹ; No. 556 Phật Kinh Phật thuyết Phóng bát; No. 635 thuyết Kinh Bảy người nữ; No. 557 Phật Hoằng đạo Quảng hiển Tam-muội (4 Tập, thuyết Kinh Nữ Long Thí; No. 558 Phật từ Tập 1 đến Tập 4); No. 640 Đức Phật nói thuyết Kinh Long Thí Bồ-tát Bổn khởi; Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội (2 Tập); No. 559 Phật thuyết Kinh Lão nữ nhơn; No. 642 Đức Phật nói Kinh Thủ Lăng No. 560 Phật thuyết Kinh Bà lão Lục Anh; Nghiêm Tam-muội (quyển Thượng và No. 561 Phật nói Kinh Bà lão; No. 563 Hạ); No. 643 Đức Phật nói Kinh Quán Phật nói Kinh Bé gái trong bụng mẹ nghe Phật Tam-muội hải (10 quyển, từ Q.1 đến Kinh; No. 564 Phật thuyết Kinh Chuyển Q.10); No. 644 Đức Phật nói Kinh Kim thân nữ; No. 569 Phật thuyết Tâm minh Cương Tam-muội Bản tính Thanh tịnh Bất Kinh; No. 570 Phật thuyết Kinh Hiền Thủ; hoại bất diệt; No. 645 Kinh Bất Tất định No. 571 Phật thuyết Kinh Người phụ nữ nhập Định ấn; No. 646 Kinh Nhập Định thấy tội; No. 572 Phật thuyết Kinh Vợ bất Định ấn; No. 647 Kinh Lực Trang trưởng giả Pháp Chí; No. 573 Kinh Thọ ký nghiêm Tam-muội (quyển Thượng, Trung

và Hạ); No. 648 Kinh Tịch chiếu Thần Kinh Vô tự bảo khiếp; No. 830 Kinh Vô biến Tam-ma-địa; No. 649 Kinh Quán sát tự Trang; No. 831 Kinh Đạt-ma. chư Pháp hạnh (4 quyển, từ Q.1 đến Q.4). (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) 693. KINH TÌ-NI MẪU 691. KINH TẬP BỘ III Giới Đài Viện Huệ Nghiêm Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Việt dịch: Đồng Lưu-Thành Thông-Tuệ Nam Thành Quyển

XVI, No. 664 Hợp bộ Kinh Kim Chủ nhiệm và Thẩm định: HT. Thích Minh quang minh (8 quyển, từ Q.1 đến Q.8); Thông No. 665 Kinh Kim Quang minh Tối thắng Hiệu đính: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn vương (10 quyển, từ Q.1 đến Q.10); No. Nxb Hồng Đức – 2018 671 Kinh Nhập Lăng-già (10 quyển, từ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 299 trang, Q.1 đến Q.10); No. 703 Kinh Nhân duyên bìa mềm, nền đỏ, có hoa văn mây, chữ tựa Đăng chỉ; No. 704 Phật thuyết Kinh Lầu mạ vàng, có tay gấp. Kết cấu gồm có 8 Cái Chánh pháp Cam-lồ cổ; No. 705 Phật quyển, nội dung Kinh nói về Tỳ-kheo, Tỳ- thuyết Kinh Bố thí; No. 706 Phật thuyết kheo Ni và tất cả các tụ. Kinh về Năm Bố thí lớn; No. 707 Phật thuyết Kinh Công đức Xuất gia; Quyển XVII, No. 708 Phật thuyết Kinh Xuất gia; 694. KINH TIỂU BỘ - 10 Tập Quyển XVIII, No. 709 Phật thuyết Kinh Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Công đức Tu hành; No. 710 Phật thuyết Đại tạng Kinh Việt Nam Kinh Tu hành khổ luyện. Nguyên bản: Pali (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 10 tập dày 7.480 trang, bìa cứng, bao da màu 692. KINH TẬP BỘ IV đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt đựng. Nam Tập I, Kinh Tiểu Bộ, Việt dịch: HT. Thích Quyển XVII, No. 721 Kinh Chánh pháp Minh Châu (1918-2012), Nxb Tp. Hồ Chí Niệm xứ (các Tập: 67, 68, 69, 70); No. Minh, PL. 2543 – DL. 1999, dày 821 817 Kinh Phật thuyết Đại Tịnh Pháp môn; trang, (số thứ tự 28), nội dung gồm có: No. 819 Phật thuyết Kinh Pháp Thường Tiểu tụng, Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, trụ; No. 820 Phật thuyết Kinh Diễn đạo Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập. tục nghiệp; No. 821 Kinh Đại Phương Tiểu tụng có: Tam quy, Thập giới, Ba quảng Như Lai bí mật tạng (quyển mươi hai phần, Nam tử hỏi đạo, Kinh Thượng và Hạ); No. 823 Phật thuyết Kinh điềm lành, Kinh Châu báu, Kinh ngoài Nhất thiết Cao vương; No. 824 Phật thuyết bức tường, Kinh bảo tàng, Kinh lòng từ; Kinh Pháp Tối thượng vương; No. 825 Pháp cú gồm có 26 phẩm: 1.P. Song yếu, Phật thuyết Kinh Thậm thâm Đại hồi 2.P. Không phóng dật, 3.P. Tâm, 4.P. Hoa, hướng; No. 826 Phật thuyết Kinh Đệ tử 5.P. Kẻ ngu, 6.P. Hiền trí, 7.P. A-la-hán, chết rồi sống lại; No. 827 Phật thuyết Kinh 8.P. Ngàn, 9.P. Ác, 10.P. Hình phạt, 11.P. Người cày ruộng làm biếng; No. 828 Kinh Già, 12.P. Tự ngã, 13.P. Thế gian, 14.P. Vô tự Bảo khiếp; Quyển XVIII, No. 829 Phật-đà, 15.P. An lạc, 16.P. Hỷ ái, 17.P.

Phẫn nộ, 18.P. Cấu uế, 19.P. Pháp trụ, hợp nhỏ lẻ, 13. Những vấn đề to lớn, 14. 20.P. Đạo, 21.P. Tạp lục, 22.P. Địa ngục, Kinh Tuvataka, 15. Kinh Chấp trượng, 16. 23.P. voi, 24.P. Tham ái, 25.P. Tỳ-kheo, Kinh Sàriputta; Chương V, Trên đường 26.P. Bà-la-môn; Kinh Phật tự thuyết có 8 đến bờ bên kia 1. Bài kệ mở đầu, 2. Câu chương: 1. Phẩm Bồ-đề, 2. Phẩm hỏi của thanh niên Ajita, 3. Câu hỏi của Muccalinda, 3. Phẩm Nanda, 4. Phẩm thanh niên Tissametteyya, 4. Câu hỏi của Meghiya, 5. Phẩm Trưởng lão Sona, 6. thanh niên Punnaka, 5. Câu hỏi của thanh Phẩm Sanh ra đã mù, 7. Phẩm Nhỏ, 8. niên Mettagù, 6. Câu hỏi của thanh niên Phẩm Pataligamiya; Kinh Phật thuyết như Dhotaka, 7. Câu hỏi của thanh niên vậy có 4 chương: Chương I, Tập một pháp Upasìva, 8. Câu hỏi của thanh niên Nanda, (phẩm 1, 2, 3); Chương II, Tập hai pháp 9. Câu hỏi của thanh niên Hemaka, 10. (phẩm 1, 2); Chương III, Tập ba pháp Câu hỏi của thanh niên Todeyya, 11. Câu (phẩm 1, 2, 3, 4, 5); Chương IV, Bốn pháp hỏi của thanh niên Kappa, 12. Câu hỏi của (phẩm 1). thanh niên Jatukannì, 13. Câu hỏi của Kinh tập gồm có 5

chương: Chương I, thanh niên Bhadràvudha, 14. Câu hỏi của Phẩm Rắn Uragavagga (1. Kinh rắn, 2. thanh niên Udaya, 15. Câu hỏi của thanh Dhaniya, 3. Kinh Con tê ngưu một sừng, niên Posàla, 16. Câu hỏi của thanh niên 4. Kinh Kasibbàradvàja-Người cày ruộng, Magharàja, 17. Câu hỏi của thanh niên 5. Kinh Cunda, 6. Kinh Bại vong, 7. Kinh Pingiya. Kết luận. Kẻ bần tiện, 8. Kinh Từ bi, 9. Kinh Hemavata, 10. Kinh Àlavaka, 11. Kinh Tập II, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: Isaline Thắng trận, 12. Kinh Ẩn sĩ); Chương II, Blew Horner (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Tiểu phẩm (1. Kinh Châu báu, 2. Kinh Hôi Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: Nguyên Tâm - thối, 3. Kinh xấu hổ, 4. Kinh Điềm lành Trần Phương Lan, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, lớn, 5. Kinh Sùciloma, 6. Kinh Hành PL. 2543 – DL. 1999, có 672 trang, (số chánh pháp, 7. Kinh Pháp Bà-la-môn, 8. thứ tự 29); nội dung gồm có 2 chuyện: Kinh Chiếc thuyền, 9. Kinh Thế nào là Chuyện Thiên cung và Chuyện Ngạ quỷ. giới, 10. Kinh Đứng dậy, 11. Kinh Ràhula, Chuyện Thiên cung có tất cả 7 phẩm: 1.P. 12. Vangìsa, 13. Kinh Chánh xuất gia, 14. Lâu đài nữ giới, có 17 chuyện (Các Kinh Dhammika; Chương III, Đại phẩm 1. chuyện: 1. Lâu đài có sàng tọa, 2. Lâu đài Kinh Xuất gia, 2. Kinh Tinh cần, 3. Kinh có sàng tọa thứ hai, 3. Lâu đài có sàng tọa Khéo thuyết, 4. Kinh Sundarika thứ ba, 4. Lâu đài có sàng tọa thứ tư, 5. Bhàradvàja, 5. Kinh Màgha, 6. Kinh Lâu đài có con voi, 6. Lâu đài có chiếc Sabhiya, 7. Kinh Sela, 8. Kinh Mũi tên, 9. thuyền, 7. Lâu đài có chiếc thuyền thứ hai, Kinh Vàsettha, 10. Kinh Kokàliya, 11. 8. Lâu đài có chiếc thuyền thứ ba, 9. Lâu Kinh Nàlaka, 12. Kinh Hai pháp tùy quán; đài có ngọn đèn, 10. Lâu đài có cúng mè, Chương IV, Phẩm tám 1. Kinh Về dục, 2. 11. Lâu đài trinh phụ, 12. Lâu đài trinh Kinh Hang động tám kệ, 3. Kinh Sân hận phụ thứ hai, 13. Lâu đài của nàng dâu, 14. tám kệ, 4. Kinh Thanh tịnh tám kệ, 5. Lâu đài nàng dâu thứ hai, 15. Lâu đài của Kinh Tối thắng tám kệ, 6. Kinh Già tám Uttarà, 16. Lâu đài của Sirimà, 17. Lâu đài kệ, 7. Kinh Tissametteyya, 8. Kinh Pasùra, của Kesakàri); 2.P. Cittalatà, có 11 9. Kinh Màgandiya, 10. Kinh trước khi bị chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài của nữ tỳ, hủy hoại, 11. Kinh Tranh luận, 12. Sự tập 2. Lâu đài của Lakhumà, 3. Lâu đài người

con cơm cháy, 4. Lâu đài của nàng Chiên- Lâu đài Cittalatà, 2. Lâu đài của Nandana, đà-la, 5. Lâu đài của phu nhân khả ái, 6. 3. Lâu đài có trụ ngọc bích, 4. Lâu đài Lâu đài của con Sonadinnà, 7. Lâu đài của bằng vàng, 5. Lâu đài vườn xoài, 6. Lâu Uposatha, 8 và 9. Các lâu đài của Niddà đài của người chăn bò, 7. Lâu đài của và Suniddà, 10. Lâu đài của người nữ thí Kanthaka, 8. Lâu đài có nhiều màu sắc, 9. chủ, 11. Lâu đài của nữ thí chủ thứ hai); Lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng 3.P. Pàricchattaka, có 10 chuyện (Các chói, 10. Lâu đài của Serissaka, 11. Lâu chuyện: 1. Lâu đài huy hoàng, 2. Lâu đài đài của Sunikkhitta). do cúng mía, 3. Lâu đài có chiếc trường Chuyện Ngạ quỷ có 4 phẩm: 1.P. Con rắn, kỷ, 4. Lâu đài của Latà, 5. Lâu đài của có 12 chuyện (Các chuyện: 1. Thí dụ Guttila, 6. Lâu đài rực rỡ, 7. Lâu đài của phước điền, 2. Con lợn rừng, 3. Ngạ quỷ Sesavati, 8. Lâu đài của Mallikà, 9. Lâu có mồm hôi thối, 4. Hình nhân bằng bột, đài của Visàlakkhi, 10. Lâu đài cây san 5. Ngạ quỷ ngoại bức tường, 6. Ngạ quỷ hô); 4.P. Đỏ sẫm, có 12 chuyện (Các ăn thịt năm đứa bé, 7. Ngạ quỷ ăn thịt bảy chuyện: 1. Lâu đài đỏ sẫm, 2. Lâu đài sáng đứa bé, 8. Con bò, 9. Ông chủ thợ dệt, 10. chói, 3. Lâu đài trên con voi, 4. Lâu đài Nữ nhân sói đầu, 11. Con voi, 12. Con Alomà, 5. Lâu đài của người cúng cháo rắn); 2.P. Ubbarì, có 13 chuyện (Các gạo, 6. Lâu đài tinh xá, 7. Lâu đài

bốn nữ chuyện: 1. người tìm giải thoát vòng luân nhân, 8. Lâu đài vườn xoài, 9. Lâu đài hồi, 2. Mẹ của Trưởng lão Sàriputta, 3. Nữ hoàng kim, 10. Lâu đài do cúng mía, 11. Ngạ quỷ Mattà, 4. Nữ Ngạ quỷ Nandà, 5. Lâu đài do sự đảnh lễ, 12. Lâu đài của Mattakundalì, 6. Đại vương Kanha, 7. Ngạ Rajjumàlà); 5.P. Đại xa, có 14 chuyện quỷ Dhanapàla, 8. Tiểu chủ ngân khố, 9. (Các chuyện: 1. Lâu đài tiên nhái, 2. Lâu Ankura, 10. Mẹ của Uttara, 11. Cuốn chỉ, đài của Revati, 3. Lâu đài của Chatta, 4. 12. Nữ quỷ ở hồ Kannamunda, 13. Hoàng Lâu đài của người cúng cháo cua, 5. Lâu hậu Ubbarì); 3.P. Tiểu phẩm, có 10 đài của người giữ của, 6. Lâu đài do công chuyện (Các chuyện: 1. Không chìm trong đức thiện sự, 7. Lâu đài thứ hai do công nước, 2. Ngạ quỷ núi Sànuvàsin, 3. Nữ đức thù thắng, 8. Lâu đài do cúng cây kim, quỷ hồ Ràthakàrà, 4. Rơm trấu, 5. Chàng 9. Lâu đài thứ hai do cúng cây kim, 10. trai, 6. Nữ Ngạ quỷ Serinì, 7. Chuyện Lâu đài con voi, 11. Lâu đài con voi thứ người săn nai, 8. Người săn nai thứ hai, 9. hai, 12. Lâu đài con voi thứ ba, 13. Lâu Những phán quyết gian dối, 10. Chuyện đài có cỗ xe nhỏ, 14. Lâu đài có cỗ xe khinh khi Xá-lợi); 4.P. Đại phẩm, có 16 lớn); 6.P. Pàyasi, có 10 chuyện (Các chuyện (Các chuyện: 1. Vua chuyện: 1. Lâu đài gia chủ, 2. Lâu đài gia Ambasakkhara, 2. Serìsaka, 3. Quỷ thần chủ thứ hai, 3. Lâu đài của người cúng trái Nandaka, 4. Ngạ quỷ Revatì, 5. Cây mía, cây, 4. Lâu đài của người cúng chỗ cư trú, 6. Các vương tử, 7. Vị vương tử, 8. Những 5. Lâu đài của người cúng chỗ cư trú thứ Ngạ quỷ ăn phân, 9. Thứ hai về các ngạ hai, 6. Lâu đài của người cúng món khất quỷ ăn phân, 10. Bầy ngạ quỷ, 11. Ngạ thực, 7. Lâu đài của người giữ lúa mạch, quỷ thành Pàtaliputta, 12. Các trái xoài, 8. Lâu đài của vị thiên tử thứ hai đeo vòng 13. Trục xe và cây gỗ, 14. Thu góp tài sản, tai, 9. Lâu đài của vị thiên tử thứ hai đeo 15. Các nam tử của nhà triệu phú, 16. Sáu vòng tai, 10. Lâu đài của Uttara); 7.P. vạn cái búa). Sunikkhitta, có 11 chuyện (Các chuyện: 1.

Kinh Tiểu Bộ - Tập II, được Tu thư Phật Suyàman, 75. Susàrada, 76. Piyanjaha, 77. học Vạn Hạnh ấn hành – 1982. Hatthàroha-putta, 78. Mendasira, 79. Rakkhita, 80. Ugga; Phẩm chín: 81. Tập III, Kinh Tiểu Bộ, Việt dịch: HT. Samitigutta, 82. Kassapa, 83. Sìha, 84. Thích Minh Châu (1918-2012), Nxb Tp. Nìta, 85. Sunàga, 86. Nàgita, 87. Pavittha, Hồ Chí Minh, PL. 2544 – DL. 2000, có 88. Ajjuna, 89. Devasabha, 90. Sàmidatta; 735 trang, (số thứ tự 30); nội dung gồm có Phẩm mười: 91. Paripunnaka, 92. Vijaya, 2 phần, 1. Trưởng lão Tăng kệ và 2. 93. Eraka, 94. Mettajì, 95. Cakku-pàla, 96. Trưởng lão Ni kệ. Khandasumana, 97. Tissa, 98. Abhaya, 99. I. Trưởng lão Tăng kệ có tổng số 21 Uttiya, 100. Devasabha; Phẩm mười một: chương. Chương một kệ, có 12 phẩm: 101. Belatthakàni, 102. Setuccha, 103. Phẩm một: 1. Subhùti, 2. Mahà Kotthita, Bandhura, 104. Khitaka, 105. 3. Kankha Revata, 4. Punna Mantàniputta, Malitavambha, 106. Suhemanta, 107. 5. Dabba, 6. Sìta-Vaniya, 7. Bhalliya, 8. Dhammasava, 108. Phụ thân của Vìra, 9. Pilinda-vaccha, 10. Punamàsa; Dhammasava, 109. Langha Rakkhita, 110. Phẩm hai: 11. Gavaccha, 12. Mahà Usabha; Phẩm mười hai: 111. Jenta, 112. Gavaccha, 13. Vana-vaccha, 14. Sìvaka, Vacchagotta, 113. Vana-vaccha, 114. 15. Kunda-dhàna, 16. Belatthasìsa, 17. Adhimutta, 115. Mahànàma, 116. Dàsaka, 18. Singàla-pitar, 19. Kula, 20. Pàràpariya, 117. Yasa, 118. Kimliba, 119. Ajita; Phẩm ba: 21. Nigrodha, 22. Cittaka, Vajji-putta, 120. Isidatta. 23. Gosàla, 24. Sugandha, 25. Nandiya, Chương hai kệ, có 5

phẩm, Phẩm một: 26. Abhaya, 27. Lomasakangiya, 28. 121. Utara, 122. Pindola-bhàradvàja, 123. Jambugàmika, 29. Hàrita, 30. Uttiya; Valliya, 124. Gangatìriya Datta, 125. Phẩm bốn: 31. Gahvaratìriya, 32. Suppiya, Ajina, 126. Melajina, 127. Rhàdha, 128. 33. Sopàka, 34. Posiya, 35. Sàmannakàni, Suràdha, 129. Gotama, 130. Vasabha; 36. Kumàputta, 37. Sundanta (Bạn của Phẩm hai: 131. Mahà Cunsa, 132. người Kumà), 38. Gavampati, 39. Tissa, Jotidàra, 133. Herannakàni, 134. 40. Vaddhamàna; Phẩm năm: 41. Somamitta, 135. Sabbamitta, 136. Sirivaddha, 42. Khadira-Vaniya, 43. Mahàkàla, 137. Tissa, 138. Kimbila, 139. Sumangala, 44. Sànu, 45. Ràmanìya- Nanda, 140. Sirimat; Phẩm ba: 141. vihàrim, 46. Sumiddhi, 47. Ujiya, 48. Uttara, 142. Bhaddaji, 143. Sobhita, 144. Sanjaya, 49.Ràmaneyyaka, 50. Viamala; Valliya Kanhamitta, 145. Vìtasoka, 146. Phẩm sáu: 51. Godhika, 52. Subàhu, 53. Punnamàsa, 147. Nandaka, 148. Bharata, Valliya, 54. Uttiya, 55. Anjana-vaniya, 56. 149. Bhàradvàja, 150. Kanhadinna; Phẩm Kutivihàrim (1), 57. Kutivihàrim (2), 58. bốn: 151. Migasìra, 152. Sìvaka, 153. Ramanìya-kutika, 59. Kosala-vihàrim, 60. Upavàna, 154. Isidinna, 155. Sambula- Sivali; Phẩm bảy: 61. Vappa, 62. Vajji- kaccàna, 156. Khitaka, 157. Sona- putta, 63. Pakkha Sammeda, 64. Vimala- potiriyaputta, 158. Nisabha, 159. Usabha, kondanna, 65. Ukkhepata-vaccha, 66. 160. Kappata-kura; Phẩm năm: 161. Meghiya, 67. Ekadhamma-savannìya, 68. Kumàra-kassapa, 162. Dhammapàla, 163. Ekudàniya, 69. Channa, 70. Punna Brahmàli, 164. Mogharàjam, 165. (Sunàparantaka); Phẩm tám: 71. Visàkha, 166. Cùlaka, 167. Anùpama, Vacchapàla, 72. Àtuma, 73. Mànava, 74. 168. Vajjita, 169. Sandhita.

Chương ba, Phẩm ba kệ: 170. Anganika- Chương mười sáu, Phẩm hai mười kệ: bhàradvàja, 171. Paccaya, 172. Bàkula, 248. Adhimutta, 249. Pàràpariya, 250. 173. Dhaniya, 174. Màtanga-putta, 175. Kelakàni, 251. Ratthapàla, 252. Khujja-sobhita, 176. Vàrana, 177. Passika, Màlunkyàputta, 253. Sela, 254. 178. Yasoja, 179. Sàtimattiya, 180. Upàli, Bhaddhiya-kàligodhàyaputta, 255. 181. Uttarapàla, 182. Abhibhùta, 183. Angulimàla, 256. Anuruddha, 257. Gotama, 184. Hàrita, 185. Vimala; Pàràpariya; Chương mười bảy, Phẩm ba Chương bốn, Phẩm bốn kệ: 186. mươi kệ: 258. Phussa, 259. Sàriputta, 260. Nàgasamàla, 187. Bhagu, 188. Sabhiya, Ànanda; Chương mười tám, Phẩm bốn 189. Nandaka, 190. Jambuka, 191. mươi kệ: 261. Mahà Kassapa, Chương Senaka, 192. Sambhùta, 193. Ràhula, 194. mười chín, Phẩm năm mươi kệ: 262. Candana, 195. Dhammaika, 196. Sabbaka, Tàlaputa; Chương hai mười, Phẩm sáu 197. Mudita; Chương năm, Phẩm năm kệ: mươi kệ: 263. Mahà Moggallàna; Chương 198. Ràjadatta, 199. Subhùta, 200. hai mươi mốt, Phẩm bảy mươi mốt kệ: Girimànanda, 201. Sumana, 202. Vaddha, 264. Vangisa. 203. Nadikassapa, 204. Kassapa ở Gayà, II. Trưởng lão Ni kệ, có 16 phẩm. Phẩm 205. Vakkali, 206. Vifgitasena, 207. một, Tập 1 kệ: 1. Vô danh Ni, 2. Mutta, 3. Yasadatta, 208. Sona-kutikanna, 209. Punna, 4. Tissa, 5. Một Tissa khác, 6. Kosiya; Chương sáu, Phẩm sáu kệ: 210. Dhira, 7. Một Dhira khác, 8. Mitta, 9. Kassapa ở Uruvelà, 211. Tekicchakàri, Bhadha, 10. Upasama, 11. Mutta, 12. 212. Mahànàga, 213. Kulla, 214. Dhammadinnà, 13. Visàkhà, 14. Sumànà, Mallunkyaputta, 215. Sappadàsa, 216. 15. Uttara, 16. Sumànà, 17. Dhamima, 18. Kàtiyàna, 217. Migajàla, 218. Jenta, 219. Sanjhà; Phẩm hai, Tập 2 kệ: 19. Sumana, 220. Nhàlaka-muni, 221.

Abhirupa-nanda, 20. Jenti, 21. Mẹ của Brahmadatta, 222. Sirimanda, 223. Sumangala, 22. Addhakasi, 23. Citta, 24. Sabbhakàma; Chương bảy, Phẩm bảy kệ: Mettika, 25. Mùtta, 26. Mẹ của Abhayà, 224. Sundara-samudda, 225. Lakuntaka- 27. Abhaya, 28. Sama; Phẩm ba, Tập 3 kệ: bhaddiya, 226. Bhadda, 227. Sopàka, 228. 29. Một Sama khác, 30. Uttama, 31. Một Sarabhanga; Chương tám, Phẩm tám kệ: Uttama khác, 32. Dantika, 33. Ubbiri, 34. 229. Mahà-kaccàyana, 230. Sirimitta, 231. Sukkà, 35. Siela, 36. Soma; Phẩm bốn, Mahà-panthaka; Chương chín, Phẩm chín Tập 4 kệ: 37. Bhaddà; Phẩm năm, Tập 5 kệ: 232. Bhùta; Chương mười, Phẩm mười kệ: 38. Một Tỳ-kheo Ni vô danh, 39. kệ: 233. Kàludàyin, 234. Ekavihàriya, 235. Vimalà-xưa là một kỷ nữ, 40. Sihà, 41. Mahà-kappina, 236. Cùla- panthaka, 237. Sundari Nandà, 42. Nanduttara, 43. Kappa, 238. Upasena, 239. Gotama; Mittakali, 44. Sukulà, 45. Sonà, 46. Chương mười một, Phẩm mười một kệ: Bhaddà Kundalakesà, 47. Patacara, 48. Ba 240. Sankicca; Chương mười hai, Phẩm mươi vị Tỳ-kheo Ni tuyên bố về chánh trí mười hai kệ: 241. Sìlavat, 242. Sunìta; dưới sự lãnh đạo của Patacara, 49. Canda; Chương mười ba, Phẩm mười ba kệ: 243. Phẩm sáu, Tập 6 kệ: 50. Năm trăm Sona Kilivisa; Chương mười bốn, Phẩm Patacara, 51. Vasitthi, 52. Khema, 53. mười bốn kệ: 244. Revata, 245. Godatta; Sujata, 54. Anopamà, 55. Mahapajapati Chương mười lăm, Phẩm mười sáu kệ: Gotami, 56. Gutta, 57. Vijaya; Phẩm bảy, 246. Annà- kindanna, 247. Udàyin; Tập 7 kệ: 58. Uttara, 59. Càlà, 60.

Upacala; Phẩm tám, Tập 8 kệ: 61. Chuyện Múa ca, 33. Chuyện Sống hòa Sisupacala; Phẩm chín, Tập 9 kệ: 62. Mẹ hợp, 34. Chuyện Con cá, 35. Chuyện Con của Vaddha; Phẩm mười, Tập 10 kệ: 63. chim cút, 36. Chuyện Con chim, 37. Kisa Gotami; Phẩm mười một, Tập 12 kệ: Chuyện Con chim trĩ, 38. Chuyện Con cò, 64. Uppalavanna; Phẩm mười hai, Tập 12 39. Chuyện Người nô lệ Nanda, 40. kệ: 65. Pumà hay Punnika; Phẩm mười ba, Chuyện Hố than lửa cây Keo; 5. Phẩm Lợi Tập 13 kệ: 66. Ambapali, 67. Rohini, 68. ái, 41. Chuyện Trưởng lão Losaka, 42. Càpà, 69. Sundari, 70. Subha con người Chuyện Chim bồ câu, 43. Chuyện Con rắn thợ vàng; Phẩm mười bốn, Tập 30 kệ: 71. tre, 44. Chuyện Con muỗi, 45. Chuyện Nữ Subha ở rừng xoài của Jivaka; Phẩm mười tỳ Rohini, 46. Chuyện Kẻ làm hại vườn, lăm, Tập 40 kệ: 72. Isidasi; Phẩm mười 47. Chuyện Rượu mạnh, 48. Chuyện Bà- sáu, Đại phẩm: 73. Sumedha. la-môn Vedabbha, 49. Chuyện Các vì sao, 50. Chuyện Những kẻ vô trí; 6. Phẩm À Tập IV, Kinh Tiểu Bộ, Việt dịch: HT. simsa, 51. Chuyện Vua đại giới đức, 52. Thích Minh Châu (1918-2012), Nxb Tp. Chuyện Tiểu Janaka, 53. Chuyện Bình Hồ Chí Minh, PL. 2545 – DL. 2001, có rượu đầy, 54. Chuyện Trái cây, 55. 723 trang, (số tứ tự 31); nội dung gồm có Chuyện Năm vũ khí, 56. Chuyện Khối 1 Chương, 12 phẩm, mỗi phẩm có 10 vàng, 57. Chuyện Khỉ chúa, 58. Chuyện chuyện, tổng cộng 120 chuyện. Bá pháp, 59. Chuyện Tiếng trống, 60. Chương I, 1. Phẩm Apannaka, 1. Chuyện Chuyện Thổi tù và; 7. Phẩm nữ nhân, 61. Pháp tối thượng, 2. Chuyện Bãi sa mạc, 3. Chuyện Bài kinh khổ đau, 62. Chuyện Cô Chuyện Người buôn chè, 4. Chuyện Tiểu gái trên bảy tầng lầu, 63. Chuyện Hiền sĩ triệu phú, 5. Chuyện Đấu gạo, 6. Chuyện Chà Là, 64. Chuyện Người vợ khó hiểu, Thiên pháp, 7. Chuyện Nàng lượm củi, 8. 65. Chuyện Nỗi bất mãn, 66. Chuyện Chuyện Vua Gàmani, 9. Chuyện Vua Hoàng hậu từ tâm, 67. Chuyện Người đàn Makhàdeva, 10. Chuyện Trưởng lão bà thôn

quê, 68. Chuyện Thành Saketa, Sukhavihàri; 2. Phẩm Giới, 11. Chuyện 69. Chuyện Con rắn phun nọc độc, 70. Con nai điềm lành, 12. Chuyện Con nai Chuyện Hiền giả cái cuốc; 8. Phẩm cây đa, 13. chuyện Mũi tên, 14. Chuyện Varana, 71. Chuyện Cây Varana, 72. Con nai gió, 15. Chuyện Con nai Chuyện Tượng vương đức hạnh, 73. Kharàdiya, 16. Chuyện Con nai có ba cử Chuyện Đúng vậy chăng?, 74. Chuyện chỉ, 17. Chuyện Gió thổi, 18. Chuyện Đồ Luật cây rừng, 75. Chuyện Con cá, 76. ăn cúng người chết, 19. Chuyện Lễ cúng Chuyện Người không sợ hãi, 77. Chuyện do có lợi, 20. Chuyện Hồ Nalakapàla; 3. Giấc mộng lớn, 78. Chuyện Vị triệu phú Phẩm Kurunga, 21. Chuyện Con nai sơn Illìsa, 79. Chuyện Tiếng trống ồn ào, 80. dương, 22. Chuyện Con chó, 23. Chuyện Chuyện Người thợ dệt Bhimasena; 9. Con ngựa thuần chủng, 24. Chuyện Đôi Phẩm Apayimha, 81. Chuyện Uống rượu, ngựa nòi tốt, 25. Chuyện Bến tắm, 26. 82. Chuyện Nam tử Mittavinda, 83. Chuyện Con voi Ma Hilàmukha, 27. Chuyện Điềm xui xẻo, 84. chuyện Cửa Chuyện Đôi bạn thân thiết, 28. Chuyện ngõ hạnh phúc, 85. Chuyện Cây có trái lạ, Con bò đại hỷ, 29. Chuyện Con bò đen, 86. Chuyện Thử thách giới đức, 87. 30. Chuyện Con heo Munika; 4. Phẩm Chuyện Điềm lành dữ, 88. Chuyện Con bò Kulavaka, 31. Chuyện Tổ chim con, 32. Sà rambha, 89. Chuyện Kẻ lừa đảo, 90.

Chuyện Kẻ vong ân; 10. Phẩm Litta, 91. 2. Phẩm Asampadàna, 131. Chuyện Kẻ Chuyện Chơi súc sắc ngộ độc, 92. Chuyện vong ân, 132. Chuyện Ngũ dục lạc, 133. Đại bảo vật, 93. chuyện Ngộ độc do luyến Chuyện Lửa cháy, 134. Chuyện Thiền ái, 94. Chuyện Nỗi kinh hoàng, 95. quán, 135. Chuyện Nguyệt quang, 136. Chuyện Vua đại thiện kiến, 96. Chuyện Chuyện Con thiên nga vàng, 137. Chuyện Bát dầu, 97. Chuyện Điềm lành của tiên, Con mèo, 138. Chuyện Con cắc kè, 139. 98. Chuyện Người lái buôn lừa đảo, 99. Chuyện Cả hai mặt thất bại, 140. Chuyện Chuyện Hơn một ngàn kẻ ngu, 100. Con quạ; 3. Phẩm Kakantaka, 141. Chuyện Sắc thân bất lạc; 11. Phẩm Chuyện Con cắc kè, 142. Chuyện Con chó Parossata, 101. Chuyện Hơn một trăm kẻ rừng, 143. Chuyện Chiếu sáng như mặt ngu, 102. Chuyện Người bán rau, 103. trời, 144. Chuyện Cái đuôi bò, 145. Chuyện Kẻ thù, 104. Chuyện Chàng trai Chuyện Con vẹt Radha, 146. Chuyện Con Mittavinda, 105 Chuyện Con voi sợ chết, quạ, 147. Chuyện Áo vải màu đỏ, 148. 106. Chuyện Múc nước, 107. Chuyện Chuyện Con chó rừng, 149. Chuyện Cây Nghề ném đá, 108. Chuyện Lạ kỳ, 109. một lá, 150. Chuyện Thanh niên Sanjiva. Chuyện Bánh bột trấu đỏ, 110. Chuyện Chương II (Hai bài kệ), 4. Phẩm Dalha, Câu hỏi bao quát tất cả); 12. Phẩm Hamsa, 151. Chuyện Lời giáo giới cho vua, 120. 111. Chuyện Câu hỏi của con lừa, 112. Chuyện Con chó rừng, 153. Chuyện Con Chuyện Câu hỏi của hoàng hậu bất tử, heo rừng, 154. Chuyện Con rắn, 155. 113. Chuyện Con chó rừng, 114. Chuyện Chuyện Nhảy mũi, 156. Chuyện Hoàng tử Con cá nghĩ vừa, 115. Chuyện Người giáo có tâm thâu phục, 157. Chuyện Công đức, giới, 116. Chuyện Người múa giáo, 117. 158. Chuyện Con ngựa Suhanu, 159. Chuyện Chim đa đa, 118. Chuyện Chim Chuyện Con công, 160. Chuyện Con cun cút, 119. Chuyện Con gà gáy phi thời, ngỗng xanh sẫm; 5. Phẩm Santahava, 161. 120. Chuyện Giải thoát sự trói buộc. Chuyện Ẩn sĩ Indasamànagotta, 162. Chuyện Mối thân giao, 163. Chuyện Vua Tập V, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: Isaline Susìma, 164. Chuyện Chim diều hâu, 165. Blew Horner (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Chuyện Con chuột rừng, 166. Chuyện Bà- Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: HT. Thích la-môn Upasàlha, 167.

Chuyện Trưởng lão Minh Châu (1918-2012) và PT. Nguyên Samiddhi, 168. Chuyện Chim diều hâu, Tâm - Trần Phương Lan, Nxb Tp. Hồ Chí 169. Chuyện Đạo sư Araka, 170. Chuyện Minh, PL. 2545 – DL. 2001, có 753 trang, Con kỳ nhông; 6. Phẩm Thiện pháp, 171. (số thứ tự 32); nội dung gồm có 3 chương, Chuyện Thiện pháp, 172. Chuyện Núi 15 phẩm, với 143 chuyện (từ chuyện 121- Daddara, 173. Chuyện Con vượn, 174. 263). Chuyện Con vượn lừa dối, 175. Chuyện Chương I, 1. Phẩm Kusanàli, 121. Chuyện Đảnh lễ mặt trời, 176. Chuyện Một nắm Thần cây cỏ Kusa, 122. Chuyện Kẻ ngu, đậu, 177. Chuyện Cây Tinduka, 178. 123. Chuyện Cái cán cày, 124. Chuyện Chuyện Con rùa, 179. Chuyện Bà-la-môn Trái xoài, 125. Chuyện Người nô lệ Satadhamma, 180. Chuyện Khó cho; 7. Katàhaka, 126. Chuyện Tướng của kiếm, Phẩm Asadisa, 181. Chuyện Hoàng tử vô 127. Chuyện Người nô lệ Kalanduka, 128. địch, 182. Chuyện Con voi thiện chiến, Chuyện Con mèo, 129. Chuyện Kẻ thờ 183. Chuyện Đồ tàn thực, 184. Chuyện lửa, 130. Chuyện Nữ Bà-la-môn Kosiya; Người luyện ngựa Giridanta, 185. Chuyện

Tâm bất tịnh, 186. Chuyện Vua mang sữa Chuyện Con nhái xanh, 240. Chuyện Vua đông, 187. Chuyện Bốn vẻ đẹp, 188. Mahàpingala; 13. Phẩm Sigàla - chó rừng, Chuyện Sư tử lai chó rừng, 189. Chuyện 241. Chuyện Vua chó rừng Sabbadàtha, Tấm da sư tử, 190. Chuyện Giữ giới; 8. 242. Chuyện Con chó, 243. Chuyện Nhạc Phẩm Ruhaka, 191. Chuyện Tế sư sĩ Guttila, 244. Chuyện Ly dục, 245. Ruhaka, 192. Chuyện Thiên nữ Siri và Chuyện Kinh Pháp môn căn bản, 246. Kàlakanni, 193. Chuyện Hoàng tử Liên Chuyện Lời phỉ báng, 247. Chuyện Hoàng hoa, 194. Chuyện Kẻ trộm ngọc, 195. tử Pàdanjali, 248. Chuyện Thí dụ cây Chuyện Hòn núi đẹp, 196. Chuyện Con Kimsuka, 249. Chuyện Con khỉ Sàlaka, ngựa bay, 197. Chuyện Bạn-thù, 198. 250. Chuyện Con khỉ. Chuyện Con vẹt Radha, 199. Chuyện Chương III, 14. Phẩm Sankappa, 251. Người gia chủ, 200. Chuyện Giới hạnh tốt Chuyện Dục tầm, 252. Chuyện Một nắm lành; 9. Phẩm Natamdaiha, 201. Chuyện mè, 253. Chuyện Vua rắn Manikantha, Nhà tù trói buộc, 202. Chuyện Tánh 254. Chuyện Con ngựa quý ăn cám gạo nghịch ngợm, 203. Chuyện Tu tập từ tâm, đỏ, 255. Chuyện Con vẹt, 256. Chuyện 204. Chuyện Con quạ Viraka, 205. Cái giếng cũ, 257. Chuyện Người hầu cận Chuyện Cá sông Hằng, 206. Chuyện Con Gàmani-canda, 258. Chuyện Đại vương nai núi, 207. Chuyện Vua Assaka, 208. Mandahàtà, 290. Chuyện Ẩn sĩ Trìta- Chuyện Con cá sấu, 209. Chuyện Con vaccha, 260. Chuyện Sứ giả của cái bụng); chim mồi, 210. Chuyện Con chim gõ mõ; 15. Phẩm Kosya, 261. Chuyện Hoa sen, 10. Phẩm Biranatthambahaka – Đám cỏ 262. Chuyện Bàn tay mềm mại, 263. thơm, 211. Chuyện Chàng trai Somadatta, Chuyện Tiểu dục tham. 212. Chuyện Thức ăn thừa, 213. Chuyện Vua Bharu, 214. Chuyện Con sông đầy, Tập VI, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: 215. Chuyện Con rùa, 216. Chuyện Con W.H.Rouse, H.T.Francis & R.A.Neil (Hội cá, 217. Chuyện Người bán rau, 218. Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Chuyện Người lái buôn lừa đảo, 219. Việt dịch: Trần Tuấn Mẫn (từ số 264 – Chuyện Đáng chỉ trích, 220. Chuyện Tế sư 371); Nguyên Tâm – Trần Phương Lan (từ Dhammadhaja; 11. Phẩm Kàsàva, 221. số 372 – 395), Nxb Tôn Giáo – Hà Nội, Chuyện Tấm y vàng, 222. Chuyện Con khỉ PL. 2545 – DL. 2002, có 746 trang, (số Cùllanandiya, 223. Chuyện Thức ăn đi thứ tự 33); nội dung gồm có tiếp theo: đường, 224. Chuyện Con các sấu, 225. Chương III, IV, V và VI, có 4 phẩm, có Chuyện Đề cao tính kham nhẫn, 226.

132 chuyện (từ chuyện 264 - 395). Chuyện Con cú, 227. Chuyện Con bọ ăn Chương III, Phẩm 3 Bài kệ, có 37 chuyện: phân, 228. Chuyện Bà-la-môn Kàmanita, 264. Chuyện Đại vương Panàda, 265. 229. Chuyện Du sĩ Palàyi, 230. Chuyện Chuyện Mũi tên, 266. Chuyện Con ngựa Du sĩ Palàyi thứ hai; 12. Phẩm Upàhana, quý tốc như phong, 267. Chuyện Con cua, 231. Chuyện Chiếc giày, 232. Chuyện 268. Chuyện Kẻ làm hại vườn, 269. Không được hướng dẫn, 233. Chuyện Mũi Chuyện Nàng Sujàta, 270. Chuyện Con tên, 234. Chuyện Nàng Asitàbhù, 235. cú, 271. Chuyện Kẻ làm bẩn giếng nước, Chuyện Vị ẩn sĩ Vaccha-nakha, 236. 272. Chuyện Con cọp, 273. Chuyện Con Chuyện Con cò, 237. Chuyện Thành rùa, 274. Chuyện Tham ăn, 275. Chuyện Sàketa, 238. Chuyện Một chữ, 239. Tham ăn, 276. Chuyện Chánh pháp nước

Kuru, 277. Chuyện Chim bồ câu, 278. Chuyện Chiếc gậy thúc xe, 333. Chuyện Chuyện Con trâu, 279. Chuyện Con hạc, Con tắc kè, 334. Chuyện Khuyến dụ quốc 280. Chuyện Kẻ phá hư giỏ, 281. Chuyện vương, 335. Chuyện Chó rừng, 336. Trái xoài chính trung, 282. Chuyện Điều Chuyện Vương tử Chatta vĩ đại, 337. tốt nhất, 283. Chuyện Con heo rừng của Chuyện Cái sàng tọa, 338. Chuyện Vỏ thợ mộc, 284. Chuyện Vận may, 285. trấu, 339. Chuyện Xứ Bàveru, 340. Chuyện Heo rừng trong hang thủy tinh, Chuyện Trưởng giả Visayha, 341. Chuyện 286. Chuyện Con heo liên căn, 287. Vua Kandari, 342. Chuyện Con khỉ, 343. Chuyện Chê bai lợi nhuận, 288. Chuyện Chuyện Con hạc, 344. Chuyện Người ăn Xâu cá, 289. Chuyện Mong ước khác trộm xoài, 345. Chuyện Con rùa lười nhau, 290. Chuyện Thử thách giới đức, biếng, 346. Chuyện Đạo sĩ Kesava, 347. 291. Chuyện Cái bát thần, 292. Chuyện Chuyện Cái chày sắt, 348. Chuyện Chốn Vua quạ Supatta, 293. Chuyện Thân hư rừng hoang, 349. Chuyện Lời gièm pha, hoại, 294. Chuyện Con chim ăn trái đào, 350. Chuyện Vấn đề của chư thiên, 295. Chuyện Loài hạ liệt, 296. Chuyện Chương V, Phẩm 5 Bài kệ: có 21 chuyện: Biển cả, 297. Chuyện Dục tình nhảm nhí, 351. Chuyện Vòng tai bằng ngọc, 352. 298. Chuyện Trái sung, 299. Chuyện Ẩn sĩ Chuyện Chàng Sujàta, 353. Chuyện Cành Komàya-putta, 300. Chuyện Chó sói. cây thanh tịnh, 354. Chuyện Con rắn, 355. Chương IV, Phẩm 4 Bài kệ, có 50 chuyện: Chuyện Vương tử Ghata, 356. Chuyện 301. Chuyện Tiểu vương Kàlinga, 302. Nam tử Kàrandiya, 357. Chuyện Chim Chuyện Đại kỵ sĩ, 303. Chuyện Vị thánh cút, 358. Chuyện Tiểu vương tử hộ pháp, vương, 304. Chuyện Rắn thần Daddara, 359. Chuyện Con nai vàng, 360. Chuyện 305. Chuyện Thử thách giới đức, 306. Hoàng hậu Sussondi, 361. Chuyện Sắc Chuyện Hoàng hậu Sujàta, 307. Chuyện đẹp, 362. Chuyện Thử nghiệm đức hạnh, Thần cây hồng điệp, 308. Chuyện Chim 363. Chuyện Hổ thẹn, 364. Chuyện Con gõ kiến, 309. Chuyện Người tiện dân, 310. đôm đốm, 365. Chuyện Người luyện rắn, Chuyện Vị quốc sư Sayha, 311. Chuyện 366. Chuyện Con quỷ Gumbiya, 367. Cây Nimbo, 312. Chuyện Ẩn sĩ Kassapa Chuyện Vị y sĩ già, 368. Chuyện Dây trói chậm chễ, 313. Chuyện Đạo lý kham buộc, 369. Chuyện Chàng trai Mittavinda, nhẫn, 314. Chuyện Địa ngục nồi sắt, 315. 370. Chuyện Cây hồng phượng vĩ, 371. Chuyện Miếng thịt, 316. Chuyện Con thỏ, Chuyện Hoàng tử Kosala). 317. Chuyện Khóc người chết, 318. Chương VI, Phẩm 6 Bài kệ, có 24 chuyện: Chuyện Vòng hoa Kanavera, 319. Chuyện 372. Chuyện Chú nai con, 373. Chuyện Chim đa đa, 320. Chuyện Dễ cho, 321. Con chuột, 374. Chuyện Chàng tiểu xạ Chuyện Kẻ đốt lều, 322. Chuyện Tiếng thủ, 375. Chuyện Chim bồ câu, 376. động mạnh,

323. Chuyện Vua Chuyện Người lái đò, 377. Chuyện Bà-la- Brahmadatta, 324. Chuyện Thầy tu mặc áo môn Setakeku, 378. Chuyện Bà-la-môn da, 325. Chuyện Con tắc kè, 326. Chuyện Darìmukha, 379. Chuyện Núi Neru, 380. Thiên hoa Kakkàku, 327. Chuyện Hoàng Chuyện Thiên nữ Àsankà, 381. Chuyện hậu Kàkàti, 328. Chuyện Không khóc Chim thứu Migàlopa, 382. Chuyện Hai người chết, 329. Chuyện Con khỉ đen lớn, thiên nữ Siri và Kàlakanni, 383. Chuyện 330. Chuyện Thử thách giới đức, 331. Kê vương, 384. Chuyện Pháp ấn, 385. Chuyện Trưởng lão Kokàlika, 332. Chuyện Lộc vương hoan hỷ, 386. Chuyện

Con lừa, 387. Chuyện Cây kim, 388. kệ, 427. Chuyện Chim thứu, 428. Chuyện Chuyện Con heo mõm dài, 389. Chuyện Giáo hội ở Kosambi, 429. Chuyện Đại anh Con cua vàng, 390. Chuyện Chim vũ, 430. Chuyện Tiểu anh vũ, 431. Mayhaka, 391. Chuyện Vị tà thuật sư, Chuyện Nam tử Hàrita, 432. Chuyện Cậu 392. Chuyện Củ và hoa sen, 393. Chuyện bé có tài nhận dấu chân, 433. Chuyện Vị Món tàn thực, 394. Chuyện Chim cút, 395. khổ hạnh Ca-diếp nhiều lông tóc, 434. Chuyện Con quạ. Chuyện Chim hồng nga, 435. Chuyện Ước mơ chóng phai tàn, 436. Chuyện Cái hộp, Tập VII, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: 437. Chuyện Chó rừng Pùtinumsa, 438. H.T.Francis, E.B.Cowell & W.H.Rouse Chuyện Con gà gô. Chương X, Phẩm 10 (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Bài kệ, 439. Chuyện Bốn cổng thành, 440. Quốc), Việt dịch: Nguyên Tâm – Trần Chuyện Hắc hiền giả, 441. Chuyện Bốn vị Phương Lan, Nxb Tôn Giáo Hà Nội, PL. giữ trai giới, 442. Chuyện Bà-la-môn 2545 – DL. 2002, có 730 trang, (số thứ tự Sankha, 443. Chuyện Trí giả Tiểu Bồ-đề, 34); nội dung gồm có 6 Chương, 6 phẩm, 444. Chuyện Hắc nhân Dìpàyana, Bài kệ với 77 chuyện (từ chuyện 396-473). 445. Chuyện Vua Đa, Bài kệ 446. Chuyện Chương VII, Phẩm 7 Bài kệ, 396. Chuyện Cây hành, 447. Chuyện Đại nhân hộ pháp, Ác hạnh, 397. Chuyện Sư tử Manoja, 398. 448. Chuyện Kê vương, 449. Chuyện Nam Chuyện Hiếu tử Sutana, 399. Chuyện tử đeo vòng tai, 450. Chuyện Phú ông keo Chim thứu, 400. Chuyện Hoa cỏ Kusa, kiệt, 451. Chuyện Hồng nga, 452. Chuyện 401. Chuyện Người nuốt lưỡi kiếm, 402. Vấn đề trí tuệ, 453. Chuyện Điềm lành Chuyện Túi da đựng bánh, 403. Chuyện lớn, 454. Chuyện Trí giả Ghata. Chương Trí giả Atthisena, 404. Chuyện Hầu XI, Phẩm 11 Bài kệ, 455. Chuyện Voi hiếu vương, 405. Chuyện Phạm thiên Baka, dưỡng mẹ, 456. Chuyện Vương tử Nguyệt 406. Chuyện Quốc vương Gandhàra, 407. quang, 457. Chuyện Thiên tử Chánh pháp, Chuyện Đại hầu vương, 408. Chuyện 458. Chuyện Vua Thiện lai, 459. Chuyện Người thợ gốm, 409. Chuyện Vua Ngụm nước uống, 460. Chuyện Thái tử Dalhadhamma, 410. Chuyện Voi con Yuvanjana, 461. Chuyện Đại vương Somadatta, 411. Chuyện Vua Susìma, 412. Dasaratha, 462. Chuyện Vương tử Chuyện Thần cây bông vải, 413. Chuyện Samvara, 463. Chuyện Trí giả Suppàraka. Người chăn dê Dhùmakàri, 414. Chuyện Chương XII, Phẩm 12 Bài kệ, 564. Người tỉnh thức, 415. Chuyện Phần cháo Chuyện Tiểu vương Điểu Kùnala, 565. cúng dường, 416. Chuyện Cận thần Chuyện Sàla-cổ thụ cát tường, 566. Parantapa. Chương VIII, Phẩm 8 Bài kệ, Chuyện Thương nhân trên biển cả, 567. 417. Chuyện Hiền mẫu Kaccàni, 418. Chuyện Dục tham, 568. Chuyện Đại Chuyện Tám tiếng kêu, 419. Chuyện Kiều vương Janasandha, 569. Chuyện Đại hắc nữ Sulasà, 420. Chuyện Người giữ ngự thiên cẩu, 570. Chuyện Phú ông keo kiệt, viên Sumangala, 421. Chuyện Người hớt 571. Chuyện Con dê,

572. Chuyện Vương tóc Gangamàla, 422. Chuyện Quốc vương tử Liên hoa, 573. Chuyện Bạn-thù. Ceti, 423. Chuyện Uy lực dục tham, 424. Chuyện Ngọn lửa đốt cháy, 425. Chuyện Tập VIII, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: Những sự kiện không thể xảy ra, 426. W.H.D.Rouse & H.T.Francis (Hội Kinh Chuyện Con báo. Chương IX, Phẩm 9 Bài tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt

dịch: Nguyên Tâm – Trần Phương Lan, Chuyện Hiền giả quản tượng, Bài kệ 510. Nxb Tôn Giáo Hà Nội, PL. 2546 – DL. Chuyện Vương tử trong ngôi nhà sắt; 2003, có 704 trang, (số thứ tự 35); nội Chương XVI, Phẩm 30, Bài kệ 511. dung gồm có 4 Chương, 4 Phẩm, với 47 Chuyện Dục tham kỳ dị, Bài kệ 512. chuyện (từ chuyện 474-520). Chuyện Bình rượu, Bài kệ 513. Chuyện Chương XIII, Phẩm 13, Bài kệ 474. Vương tử chiến thắng, Bài kệ 514. Chuyện Chuyện Trái xoài, Bài kệ 475. Chuyện Tượng vương ở hồ Chaddanta, Bài kệ 515. Cây hồng phượng vĩ, Bài kệ 476. Chuyện Chuyện Nam tử Sambhava, Bài kệ 516. Chúa thiên nga có thần tốc, Bài kệ 477. Chuyện Khỉ chúa, Bài kệ 517. Chuyện Chuyện Tiểu đạo sĩ Nàrada, Bài kệ 478. Tiền thân Dakarakkhasa, Bài kệ 518. Chuyện Sứ thần, Bài kệ 479. Chuyện Cây Chuyện Long vương Pandara, Bài kệ 519. Bồ-đề và Thánh đế Kàlinga, Bài kệ 480. Chuyện Hoàng hậu Sambulà, Bài kệ 520. Chuyện Hiền giả Akitta, Bài kệ 481. Chuyện Vị thần cây Tindu. Chuyện Hiền giả Takkàriya, Bài kệ 482. Chuyện Lộc vương, Bài kệ 483. Chuyện Tập IX, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: Chúa nai Sarabha; Chương XIV, Tạp phẩm H.T.Francis & E.B.Cowell (Hội Kinh 484. Chuyện Cánh đồng lúa, Tạp phẩm tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt 485. Chuyện Đôi ca thần Canda, Tạp dịch: Nguyên Tâm – Trần Phương Lan, phẩm 486. Chuyện Chúa chim ưng, Tạp Nxb Tôn Giáo Hà Nội, PL. 2547 – DL. phẩm 487. Chuyện Nam tử Uddàlaka, Tạp 2004, có 768 trang, (số thứ tự 36); nội phẩm 488. Chuyện Củ sen, Tạp phẩm 489. dung gồm có 6 chương, 6 phẩm, với 19 Chuyện Đại vương huy hoàng, Tạp phẩm chuyện (từ chuyện 521-539). 490. Chuyện Nam vi hành trì trai giới, Tạp Chương XVII, Phẩm 40 Bài kệ, 521 phẩm 491. Chuyện Đại khổng tước, Tạp Chuyện Ba con chim, 522. Chuyện Đại phẩm 492. Chuyện Lợn rừng của thợ mộc, nhân thiện xạ Sarabhanga, 523. Chuyện Tạp phẩm 493. Chuyện Vị đại thương Thiên nữ Alambusà, 524. Chuyện Long nhân, Tạp phẩm 494. Chuyện Đại vương vương Samkhapàla, 525. Chuyện Tiểu Sadhìna, Tạp phẩm 495. Chuyện Mười Sutasoma; Chương XVIII, Phẩm 50 Bài hạng Bà-la-môn, Tạp phẩm 496. Chuyện kệ, 526. Chuyện Công chúa Nalinikà, 527. Cúng thực phẩm đúng cấp bậc; Chương Chuyện Kỳ nữ Ummadantì, 528. Chuyện XV, Phẩm 20, Bài kệ 497. Chuyện Bậc Hiền giả Đại Bồ-đề; Chương XIX, Phẩm hiền trí Màtanga, Bài kệ 498. Chuyện Đôi 60 Bài kệ, 529. Chuyện Hiền giả Sonaka, bạn Citta-sambhùta, Bài kệ 499. Chuyện 530. Chuyện Hiền giả Samkicca; Chương Đại vương Sivi, Bài kệ 500. Chuyện Thần XX, Phẩm 70 Bài kệ, 531. Chuyện Đại đế nữ Cát tường, Bài kệ 501. Chuyện Lộc Kusa, 532. Chuyện Hai hiền giả Sona- vương Rohanta, Bài kệ 502. Chuyện Chúa nanda; Chương XXI, Phẩm 80 Bài kệ, 533. thiên nga, Bài kệ 503. Chuyện Anh vũ Chuyện Tiểu thiên nga, 534. Chuyện Đại Sattigumba, Bài kệ 504. Chuyện Đại thiên nga, 535. Chuyện Thực phẩm thiên vương Bhallàtiya, Bài kệ 505. Chuyện giới, 536. Chuyện Chúa chim Kunàla, 537. Vương tử hoan lạc, Bài kệ 506. Chuyện Chuyện Đại Sutasoma; Chương XXII Đại Long vương Campeyya, Bài kệ 507. phẩm, 538. Chuyện

Vương tử què câm, Chuyện Sức cám dỗ mạnh, Bài kệ 508. 539. Chuyện Đại vương Mahàjanaka. Chuyện Năm vị hiền nhân, Bài kệ 509.

Tập X, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: E.R.Cowell & W.H.D.Rouse (Hội Kinh 697. KINH TỌA THIỀN TAM-MUỘI tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Phước Sơn dịch: Nguyên Tâm – Trần Phương Lan, Viện Phật học Vạn Hạnh, Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2004, có PL. 2525 – DL. 1981 828 trang, (số thứ tự 37); nội dung gồm có Kinh dày 118 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, tiếp theo chương XXII, có 8 chuyện (từ chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có 2 chuyện 540-547). quyển: Lời nói đầu, Quyển thượng, 1. Chương XXII Đại phẩm, 540. Chuyện Tổng luận, 2. Khảo sát tâm bệnh, 3. Pháp Hiếu tử Sàma, 541. Chuyện Đại vương môn đối trị tham dục, 4. Pháp môn đối trị Nimi, 542. Chuyện Tế sư Khandahàla, nóng giận, 5. Pháp môn đối trị ngu si, 6. 543. Chuyện Bậc đại trí Bhùràdatta, 544. Pháp môn đối trị suy nghĩ nhiều, 7. Pháp Chuyện Bậc đại trí Mahanàrada-kassapa, môn đối trị đẳng phần; Quyển hạ, 1. Tứ 545. Chuyện Bậc đại trí vô song, 546. Thiền, 2. Tứ Không, 3. Tứ Vô lượng tâm, Chuyện Đường hầm vĩ đại, 547. Chuyện 4. Thần túc thông, 5. Tứ Niệm chỉ, 6. Tứ Đại vương Vessantara. đế, 7. Tứ Gia hạnh, 8. Tứ Quả Thanh văn, 9. Quả Bích-chi Phật, 10. Năm Pháp môn 695. KINH TIỂU PHẨM BÁT-NHÃ tu của Bồ-tát: a. Bồ-tát niệm Phật Tam- BA-LA-MẬT muội, b. Bồ-tát bất tịnh Tam-muội, c. Bồ- ĐCTTĐTK, Quyển thứ 8, Ks. 227 tát quán Từ Tam-muội, d. Bồ-tát quán Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nhân duyên Tam-muội, e. Bồ-tát quán A-Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) na-ban-na Tam-muội; 11. Tổng kết. (Bản Phiên âm và lược dịch: Nguyên Tánh & lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Nguyên Hiển Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Việt dịch (2007): Chùa Châu Lâm Vie 9338) Tuệ Quang Wisdom Light Foundation. Tác phẩm Kinh này có 648 trang (PDF). 698. KINH TỌA THIỀN TAM-MUỘI PDF) Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

696. KINH TÍN LỰC NHẬP ẤN PHÁP 699. KINH TÔ-TẤT-ĐỊA YẾT-LA MÔN Hán dịch: Du-ba-ca-la ĐCTTĐTK, Quyển thứ 10, Ks. 305 Việt dịch: Thích Viên Đức Hán dịch: Đàm-ma-lưu-chi Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 37 Phiên âm và lược dịch: Nguyên Tánh & phẩm: Quyển thượng, P.1 Thưa hỏi, P.2 Nguyên Hiển Tướng chân ngôn, P.3 Phân biệt A-xà-lê Việt dịch (2006): Nguyên Hồng tướng, P.4 Phân biệt tướng trì tụng chân Tuệ Quang Wisdom Light Foundation. ngôn, P.5 Phân biệt tướng đồng bạn, P.6 Tác phẩm Kinh này có 390 trang (PDF), Lựa chọn chỗ ở, P.7 Trì giới, P.8 Cúng Phật học-PDF) hương thoa), P.10 Phân biệt hương đốt,

P.11 Phân biệt pháp nhiên đăng (đốt đèn), vấn, P.33 Chúc lụy cho Phạm thiên. P.13 Pháp Phiến-để-ca, P.14 Pháp Bổ-sắc- Bộ Hoa Nghiêm) trưng-ca, P.15 Pháp A-tỳ-giá-rô-ca, P.16 Phân biệt pháp thành tựu, P.17 Phụng 701. KINH TỘI PHÚC BÁO ỨNG thỉnh Bổn tôn, P.18 Pháp thứ lớp cúng Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) dường, P.19 Quang hiển pháp, P.20 Pháp Chùa Từ Quang (Sài Gòn) xuất bản hốn đảnh Bổn tôn, P.21 Kỳ nghiệm tướng, Kinh có 23 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ P.22 Pháp thọ chân ngôn, P.23 Pháp nhãn tựa màu hường và màu đỏ, có hình vẽ hoa túc chân ngôn, P.24 Pháp Tăng oai, P.25 sen. Phật nói Kinh Tội Phúc Báo Ứng, Pháp Hộ ma, P.26 Bị biện trì tụng

chi Hán dịch: Ngài Câu-na-bạt-đa-la; (cuối phần, P.27 Tương thành tựu các vật, P.28 một số trang có chú thích). (Bản lưu tại Pháp thủ thành tựu vật, P.29 Pháp tịnh trừ Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt chư vật, P.30 Lượng số chư vật, P.31 Trừ Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie nhất thiết chướng đại hốn đảnh mạn-trà-la 2157) pháp, P.32 Các vật quang hiển; Quyển hạ, P.33 Thời phần (phần thời tiết), P.34 Viên 702. KINH TÔN GIẢ HỘ QUỐC HỎI bị thành tựu, P.35 Thỉnh Tôn gia bị thành VỀ ĐẠI THỪA tựu, P.36 Bổ khuyết thiếu, P.37 Bị thâu Hán dịch: Thi Hộ thành vật khước trưng pháp. Việt dịch: Thích Nguyên Xuân Kinh tạng) 700. KINH TỐI THẮNG HỎI VỀ VIỆC TRỪ CẤU ĐOẠN KẾT 703. KINH TỤNG – CỦA BỒ-TÁT THẬP TRỤ Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravàda) Hán dịch: Trúc Phật Niệm Việt dịch: ĐĐ. Hộ Tông Việt dịch: Thích Tâm Khanh Nam Trung Bắc, (ấn hành Sài Gòn) – Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 33 1966 phẩm: P.1 Đạo dẫn, P.2 Lưu hóa, P.3 Tác phẩm Kinh tụng này gồm có: Kệ tụng Quán không, P.4 Sắc nhập, P.5 Liễu (cho thí chủ) hoan hỷ: 1. Kệ bố cáo cho thí không, P.6 Căn môn, P.7 Quảng thoi, P.8 chủ hoan hỷ, 2. Kệ hoan hỷ tương hợp, 3. Đồng chơn, P.9 Định ý, P.10 Thành đạo, Kệ điềm lành vũ trụ, 4. Kệ hoan hỷ về sự P.11 Diệt tâm, P.12 Thần túc, P.13 Cung thí thực, 5. Kệ hoan hỷ thí thực hộ mạng, kính, P.14 Dõng mãnh, P.15 Toái thân, 6. Kệ hoan hỷ thí thực hồi hướng cho bậc P.16 Thân nhập, P.17 Biện tài, P.18 Quyền tiền nhân, 7. Kệ cầu thỉnh chư thiên đến trí, P.19 Giáo hóa chúng sanh, P.20 Tam hộ trì thí chủ, 8. Kệ hồi hướng quả báo đạo diệt độ, P.21 Thừa vô tướng, P.22 đến ngạ quỉ, nhứt là ngạ quỉ ngự ngoài Đẳng từ, P.23 Pháp giới, P.24 Đạo trí, vách nhà, 9. Kệ tụng về sự hoan hỷ theo P.25 Thân khẩu ý, P.26 Trong mộng thành vật thí (xe cộ), 10. Kệ bố cáo thời bố thí, đạo, P.27 Chứng Bồ-tát, P.28 Giải tuệ, 11. Kệ tụng về sự thí tịnh xá, 12. Kệ tụng P.29 Tam độc, P.30 Hỏi về Niết-bàn, P.31 để hồi hướng quả bố thí đến chư thiên, 13. Tứ phạm đường, P.32 Phạm thiên thỉnh Kinh tụng để ghi nhớ, 14. Kệ tụng về pháp

tế độ, 15. Kệ tụng vừa theo lẽ phải, 16. Kệ thí chủ) hoan hỷ, 2. Kệ Hoan hỷ tương tụng về sự chôn của để dành, 17. Kệ tụng hợp, 3. Kệ tụng về sự Hoan hỷ theo vật về nguồn gốc, 18. Kệ cầu xin sự thành tựu; thí, 4. Ratanattayànubhàvàdigàthà, 5. Kệ Anumodanavidhi-về cách dùng kệ hoan tụng về pháp Tế độ, 6. Kệ Hoan hỷ về sự hỷ; Kinh tụng cầu an: 1. Bài thỉnh chư Thí thực, 7. Kệ tụng để Ghi nhớ, 8. Tịnh thiên, 2. Phép lễ bái, 3. Tam quy, 4. Lễ bái tín Tối thượng, 9. Tiểu phúc chúc điềm chư Phật, 5. Tụng bố cáo Hạnh phúc Kinh; lành vũ trụ, 10. Kệ tụng về Nguồn gốc, 11. Mangalasutra-Hạnh phúc Kinh; 6. Tụng Kệ Bố cáo Tùy thời Bố thí, 12. Kệ tụng bố cáo Kinh Tam Bảo, Kinh Tam Bảo; 7. Tùy thời Bố thí, 13. Kệ Hồi hướng quả Bố cáo Bác ái Kinh, Bác ái Kinh; báo Bố thí đến chư Thiên, 14. Kệ tụng về Pakinnakaparitta (Kinh tụng sau cùng các sự Thí tịnh xá, 15. Kệ Cầu chư Thiên, 16. Kinh cầu an): 1. Abhayaparittagàthà, 2. Kệ tụng về sự Chôn của để dành, 17. Kệ Jayaparittagàthà, 3. Àtànàtiyaparittagàthà, Hồi hướng quả báo đến Ngạ quỉ, 18. Kệ 4. Tidasapàrami – Tam thập độ, 5. Bố cáo tụng vừa theo Lẽ phải, 19. Kinh Chuyển pháp luân, Jìvabhattànumodanàgàthà, 20. Kệ Thí thực Dhammacakkappavattanastra – Kinh Hồi hướng đến Ngạ quỉ, 21. Kệ Cầu xin sự Chuyển pháp luân, 6. Tụng cầu an cho Thành tựu, 22. Cách dùng Kệ Hoan hỷ bệnh nhân, 7. Kinh Girimànandasutra – (dứt Nghi thức Phúc chúc); III. tụng cho bệnh nhân, 8. Lời chỉ giáo tóm Mangalagatha, Kinh Cầu an,

tắt, 9. Kệ tụng lễ bái các tháp thờ Xá-lợi, Cullarajaparitta: 1. Kinh Thắp đèn nguyện 10. Kinh giải về lửa (phiền não), 11. Kệ hương cúng Tam bảo, 2. Thỉnh chư Thiên, tụng về sự cảm thắng và hạnh phúc, 12. 3. Phép Lễ bái, 4. Tam quy, 5. Lễ bái Tam Kinh tụng về Tướng vô ngã; Kinh tụng thế Phật, 6. Kệ tụng Lễ bái các tháp Xá- trong đám cúng vong nhân: 1. Vi diệu lợi, 7. Tam Thập độ, 8. Kệ tụng Oai lực tạng (Pháp tụ), 2. Thập nhị duyên khởi, 3. Cảm thắng của Đức Phật, 9. Bố cáo Kinh Các kệ động tâm. Hạnh phúc, 10. Kinh Hạnh phúc, 11. Bố cáo Kinh Tam bảo, 12. Kinh Tam bảo, 13. 704. KINH TỤNG CHƯ TĂNG Bố cáo Kinh Bác ái, 14. Kinh Bác ái, 15. (Theravàda – Kinh Điển Pàli) Khandhaparittàrambho, 16. Kinh Rải Tâm Việt dịch: Tịnh Tâm (HT. Hộ Tông) từ đến các loài Rắn, 17. Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2544 – DL. Dhajaggasuttàrambho, 18. Kinh Ngọn cờ, 2000 19. Àtànàtiyaparittàrambho, 20. Kinh có khổ 12 x 16.5cm, dày hơn 389 Àtànàtiyaparittam, 21. trang, bìa mềm, nền vàng chữ màu đỏ. Angulimàlaparittàrambho, 22. Kinh Nội dung gồm có: I. Khuddakapatho, Bộ Angulimàla, 23. Kinh Thất Giác chi (dứt Tiểu Tụng; Namassakara, Phép Lễ bái: 1. phần Cullaràjaparitta); Maharajaparitta: Tam quy, 2. Mười Điều học, 3. Ba mươi 1. Thỉnh chư Thiên, 2. Bố cáo Kinh Hạnh hai thể trược, 4. Sa-di vấn đáp, 5. Kinh phúc, 3. Kinh Hạnh phúc, 4. Bố cáo Kinh Hạnh phúc, 6. Kinh Tam bảo, 7. Kệ Hồi Tam bảo, 5. Kinh Tam bảo, 6. Bố cáo hướng phước báo đến Ngạ quỉ, 8. Kệ tụng Kinh Bác ái, 7. Kinh Bác ái, 8. Catuttham về sự Chôn của để dành, 9. Kinh Bác ái Khandhaparittam, 9. Kinh Rải Tâm từ đến (dứt Bộ Tiểu Tụng); II. Anumodanàvidhi, các loài Rắn, 10. Kinh Tượng sáu ngà, 11. Nghi thức Phúc chúc: 1. Kệ Bố cáo (cho Pancamam Moraparittam, 12. Kinh Khổng

tước, 13. Chattham Vattakaparittam, 14. xứ; V. Avamangalagàthà, Kinh Cầu siêu: Kinh Chim cút, 15. Sattamam 1. Đầu Đề bộ Pháp tụ, 2. Bản Tóm lược Dhajaggaparittam Suttam, 16. Kinh Ngọn giúp trí nhớ 22 Đầu đề, 2. Nền tảng Tuệ cờ, 17. Atthamam Àtànàtiyaparittam, 18. quán, 3. Thập nhị Duyên khởi, 4. - Các kệ Àtànàtiyaparittam, 19. Navamam Động tâm, - Abhinhapacca Angulimàlaparittam, 20. Kinh vekkhanapàtho, - Năm điều Quán tưởng, - Angulimàla, - Kinh A-sha-nang-chi, 21. Bảy pháp đi đến Niết-bàn, - Chúa Rồng Dasamam Bojjhangaparittam, 22. Kinh kén rể, - Bảy câu đáp của chàng Uttarà, Thất Giác chi, 24. Thập độ văn vần. Mahàcundabojjhangasuttapatho, 25. Kinh Gí-rí-ma-nan-đa, 26. Ekadasamam 705. KINH TỤNG HẰNG NGÀY Abhayaparittam, 27. Kinh Vô úy, 28. Biên soạn: Thích Nhật Từ Dvàdasamam Jayaparittam, 29. Kinh Nxb Tôn Giáo – 2005 Chiến thắng & Linh dược, 30. Kinh có khổ 14 x 21cm, dày 985 trang, bìa Mahàmangala Cakkavàla, 31. Tiễn chư cứng, chữ tựa màu xanh dương, có hình lá Thiên hồi quy, Mahàràjaparittam Bồ-đề bên trong lá có hình Đức Phật (bán Dvadasaparittam Nitthitam (dứt phần thân). Toàn bộ Kinh này gồm có 3 phần Maharajaparitta); Sưu tập kệ: 1. Buddhà chính. Lời giới thiệu, Lời tựa, Ý nghĩa của Mangala 1, 2. Buddhà Mangala 2, A-la- tụng kinh, Hướng dẫn hành trì; Phần nghi hán tám phương, 3. Kinh Trồng rừng, 4. thức dẫn nhập (Nguyện hương, Ca ngợi Không Phóng dật, 5. Tội Ngũ trần, 6. Kinh Phật và quán tưởng, Đảnh lễ Tam bảo, Giáo thọ Thi-ca-la-việt, 7. Vua trời Lễ Phát nguyện trì kinh, Tán dương giáo thập phương, 8. Kinh Tê giác, 9. Kệ tụng pháp); Phần chánh Kinh (có 48 bài Kinh): Thắp đèn nguyện hương, 10. Bài Kinh 1. Thi kệ cuộc đời Đức Phật, 2.K. Chuyển tụng trong lễ Cầu mưa, 11.

Lời chỉ giáo pháp luân, 3.K. Người áo trắng, 4.K. Danh tóm tắt, 12. Bố cáo Kinh Chuyển pháp ngôn chánh pháp, 5.K. Nền tảng đức tin, luân, 13. Kinh Chuyển pháp luân, 14. 6.K. Từ tâm, 7.K. Phước đức, 8.K. Sáu Anattalakkhanasuttàrambho, 15. Kinh Vô pháp vô thượng, 9.K. Hiền nhân, 10.K. ngã tướng, 16. Bố cáo Kinh giải về Lửa Quốc gia cường thịnh, 11.K. Nền tảng đạo phiền não, 17. Kinh giải về Lửa phiền não, đức xã hội, 12.K. Bảy loại vợ, 13.K. 18. Ba mươi Tục lệ chư Phật, - Ba mươi Người vợ mẫu mực, 14.K. Giáo hóa người Tục lệ chư Phật (văn vần), 19. Mười điều bệnh, 15.K. Mười pháp quán niệm, 16.K. Quán tưởng của bậc xuất gia, 20. Phép Qui luật cái chết, 17.K. Nhổ mũi tên sầu Quán tưởng về Nguyên chất, 21. Phép muộn, 18.K. Nhận thức vô thường và đau Quán tưởng về Vật đáng Nhờm gớm, 22. khổ, 19.K. Cúng thí người mất, 20.K. Phép Quán tưởng trong khi dùng các vật Nghiệp báo tái sanh, 21.K. Na-tiên đàm dụng, 23. Phép Quán tưởng các vật dụng đạo, 22.K. Sống và tu trong hòa hợp, đã dùng rồi (dứt Sưu tập kệ Kinh); IV. 23.K. Tôn trọng các pháp môn, 24.K. Bốn Tipitaka Sankhepa – Tam tạng Tóm tắt, 1. mươi hai bài, 25.K. Chủ trương của Như Tạng Luật, 2. Tạng Kinh, 3. Tạng Diệu Lai, 26.K. Quan niệm về Như Lai, 27.K. pháp, 4. Bộ Pháp tụ, 5. Bộ Phân tích, 6. Bộ Người biết sống một mình, 28.K. Ba cánh Nguyên chất ngữ, 7. Bộ Nhân chế định, 8. cửa giải thoát, 29.K. Dụ ngôn bọt nước, Bộ Ngữ tông, 9. Bộ Song đối, 10. Bộ Đại 30.K. Chánh kiến, 31.K. Dụ ngôn người

bắt rắn, 32.K. Quán niệm hơi thở, 33.K. Kinh Suy nghiệm về Nghiệp, B.5 Phật dạy Bốn lãnh vực quán niệm, 34.K. Mười pháp Kinh Người Áo trắng, B.6 Kinh Hạnh đến bờ kia, 35.K. Tám điều giác ngộ của nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm, B.7 Phật hàng Bồ-tát, 36.K. Dẫn nhập Đại thừa, dạy Trách nhiệm người Tại gia, B.8 Kinh 37.K. Chỉ bày chân tâm, 38.K. Cúng Phân biệt Nghiệp báo, B.9 Kinh Lời dạy dường pháp, 39.K. Hạnh trẻ thơ, 40.K. cuối cùng của Đức Phật. Hạnh Bồ-tát, 41.K. Bốn điều nương tựa, 42.K. Lục độ dung thông, 43.K. Chỉ bày 707. KINH TỤNG NHẬT HÀNH (Pàli- phương tiện, 44.K. Ý nghĩa Bát-nhã, 45.K. Việt) - Theravàda Trí tuệ kim cương, 46.K. Các pháp tu viên Nxb Tôn Giáo – 2011 thông, 47.K. Thể nhập pháp môn Không Kinh có khổ 12 x 18cm, dày hơn 224 hai, 48.K. Viên giác, 49.K. Lời dạy sau trang, bìa cứng, nền đỏ chữ màu trắng. cùng; Phần sám nguyện và Hồi hướng: 1. Nội dung gồm có: 1. Lời tác bạch, 2. Kinh Bát-nhã tâm kinh, 2. Niệm Phật A-di-đà Tam bảo, - Thỉnh chư Thiên, - Dâng và Phật Bổn sư, 3. Xướng lễ, 4. Mấy điều hương, - Lễ Phật, Lễ pháp, Lễ Tăng; 3. Lễ quán tưởng, Quán chiếu thực tại, 5. Sám bái Tam bảo Tóm tắt, 4. Lễ bái Xá-lợi, nguyện (Sám Mười phương, sám Quy Bảo tháp, cây Bồ-đề, 5. Dâng hoa, 6. Lễ mạng, sám Quy y, sám Quy nguyện, sám bái chư Phật, 7. Pháp thọ trì Tam quy Ngũ Tu tập, sám Tu là cội phúc, sám Hồng giới, Bát quan trai giới, 8. Kinh Cầu an: - trần, sám Tống táng), 6. Hồi hướng công Từ Bi Kinh, - Phật lực Thắng hạnh kệ, - đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đảnh lễ ba Hạnh phúc Kinh, - Linh Bảo Kinh, - Tam ngôi báu. Các Phụ lục: 1. Tóm tắt nội thập độ (Đáo bỉ ngạn), - Kệ Hộ trì Tối dung của 49 kinh, 2. Chú thích các thuật thắng, - Abhaya-Paritta-Sutta, - Kệ Vô úy ngữ và danh từ riêng, 3. Về một bộ kinh Hộ trì, - Kệ Hộ trì Àtànatiya, 9. Kinh Cầu Thánh Phật giáo, 4. Các ngày lễ trong hai siêu: - Vô thường, - Patticca Samuppada, - truyền thống Phật giáo, 5. Các ngày ăn Thập nhị Duyên khởi, - Ti-màtikà, 10. chay. Kinh Chuyển pháp luân, 11. Kinh Vô ngã tướng, 12. Kinh Rải Tâm từ đến loài Rắn, 706. KINH

TỤNG HẰNG NGÀY - 13. Bài Kinh Tán dương ngài Sivali, Đệ Chùa Linh Xứng nhất Thánh phước, 14. Kệ An lành, 15. (Dành cho Phật tử tại gia) Năm điều Quán tưởng, 16. Mười điều Thích Đạt-ma Phổ Giác Quán tưởng của bậc xuất gia, 17. Quán Nxb Hồng Đức – 2016 tưởng tứ vật dụng, 18. Kệ Tùy hỷ Công Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 239 đức, 19. Kệ Hoan hỷ tương hợp, 20. Kệ trang, bìa mềm, có tay gấp. Điềm lành vũ trụ, 21. Tirokudda-kanda- Nội dung gồm có 9 bài (B) Kinh: Lời giới gàthà (Kệ Hồi hướng đến Ngạ quỉ), 22. thiệu, Đạo làm người, Sống Hiếu thuận Siddhiyàcanagàthà, 23. Bài Sám hối, 24. Thương yêu mọi người, Sống Đạo đức Kệ Sám nguyện, 25. Từ Bi nguyện, 26. bằng Trái tim yêu thương và hiểu biết, Hồi hướng chư Thiên, 27. Hồi hướng Văn phát nguyện chùa Linh Xứng, Nghi Công đức, 28. Hồi hướng pháp thí, 29. Hồi thức Kinh Cuộc đời Đức Phật Thích-ca hướng đến Thân bằng quyến thuộc- Mâu-ni, B.1 Kinh Cuộc đời Đức Phật, B.2 Nguyện-Phổ nguyện. Kinh Phước đức, B.3 Kinh Từ Tâm, B.4

708. KINH TỤNG PÀLI-VIỆT Rằm tháng Tư và Rằm tháng Bảy); Phụ (Nhật Tụng dành cho Cư sĩ) lục: Các Nghi thức và Tác bạch trong Phật Rừng Thiền Huyền Không Sơn Thượng giáo Nguyên Thủy, Sám hối tội-Àpattiyo Biên soạn: Minh Đức-Triều Tâm Ảnh (dành cho Tỳ-kheo), Thơ Lục bát khuyến Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 7 tu, Sách Tham khảo. phần: - Lời thưa 7; I. Xưng tán Tam bảo (Thời khóa hằng ngày), II. Kinh gia niệm 710. KINH TƯƠNG ƯNG BỘ - 5 Tập an lành, III. Một số bài kệ Động tâm (Cầu Giáo hội Phật giáo Việt Nam – siêu), IV. Kinh Trì tụng, V. Xin quy giới, Đại tạng Kinh Việt Nam Tác bạch đặt bát, Trai Tăng, VI. Kệ xưng Nguyên bản: Pali tán (Các kỳ đại lễ, Tiểu sử Phật, báo ân Việt dịch: cha mẹ, thỉnh Pháp sư, chiêm bái Xá-lợi), HT. Thích Minh Châu (1918-2012) Kinh Pali) tập dày 2.782 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp 709. KINH TỤNG đựng. PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY Tập I, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn Biên soạn: Tỳ-kheo Đức Hiền Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 534 trang, Nxb Tôn Giáo, PL. 2562 – DL. 2018 (số thứ tự 16); nội dung gồm: Thiên có kệ, Nội dung sơ lược gồm có 5 phần: Lời giới có 11 chương. thiệu, Trình bày Nội dung, Cách phát âm Chương I, Tương ưng chư thiên, có 8 Pàli, Bảng đánh vần Pàli, Các chữ Viết tắt, phẩm: 1.P. Cây lau (Bộc lưu, Giải thoát, Lược đồ Tam tạng Pàli; Phần I. Khóa Đưa đến đoạn tận, Thời gian trôi qua, Bao Kinh hằng ngày, 1. Tisarana Vandanà & nhiêu phải cắt đoạn, Tỉnh giác, Không liễu Lễ bái Tam bảo, 2. Parittapàli/Sutta & tri, Mê loạn, Mong muốn kiêu ngạo, Rừng Kinh Hộ trì/Kinh (Chánh Kinh, tụng đọc núi), 2.P. Vườn hoan hỷ (Vườn hoan hỷ, theo ngày trong tuần, từ thứ Hai đến Chủ Vui thích, Không ai bằng con, Giai cấp nhật), 3. Anussati & Quán niệm, 4. Sát-đế-lợi, Tiếng động rừng sâu, Ngủ gục, Patidàna-gàthà; Patthana & Kệ Hồi hướng; biếng nhác, Khó làm (hay con rùa), Tàm Nguyện cầu; Phần II. Dananumodana- quý, Am tranh, Samiddhi), 3.P. Kiếm Gatha & Khóa Kinh phúc chúc, Hoan hỷ (Kiếm, Xúc chạm, Triền phược, Chế ngự phước thí, Trích 1. Tisarana Vandanà & tâm, Vị A-la-hán, Ánh sáng, Nước chảy, Lễ bái Tam bảo; Phần III. Mangala-Gatha Giàu lớn, Bốn bánh xe, Con sơn dương), & Khóa Kinh Cầu an (Phúc chúc), Trích 1. 4.P. Quần tiên (Với người thiện, Xan Khóa Kinh hằng ngày-Lễ bái Tam bảo, tham, Lành thay, Chúng không phải, Hiềm Trích 2. Khóa Kinh hằng ngày; Phần IV. trách thiên, Lòng tin, Tụ hội, Miếng đá Avamangala-Gàthà & Khóa Kinh Cầu vụn, Con gái của Pajjunna, Con gái của siêu, Trích 1. Khóa Kinh hằng ngày-Lễ bái

Pajjunna), 5.P. Thiêu cháy (Thiêu cháy, Tam bảo, Trích 2. Khóa Kinh hằng ngày, Cho gì, Đồ ăn, Một căn rễ, Bậc hoàn toàn, Trích 3. Quán niệm ở Khóa Kinh hằng Thiên nữ, Trồng rừng, Kỳ viên, Xan tham, ngày, Trích Khóa Kinh Phúc chúc-Hoan Thợ đồ gốm), 6.P. Già (Già, Không già, hỷ phước thí; Phần V. Giới thiệu các ngày Bạn, Cơ sở, Sanh thân, Sanh thân (1), (2) lễ-Các bài Kinh dài (Rằm tháng Giêng, và (3), Phi đạo, Người bạn, Người thi sĩ),

7.P. Thắng (Danh, Tâm, Khát ái, Kiết sử, Chương VI, Tương ưng Phạm thiên, có 2 Triền phược, Bị áp đảo, Bị treo cột, Bị phẩm: 1. Phẩm thứ nhất (Thỉnh cầu, Cung đóng kín, Ước muốn, Đời), 8.P. Đoạn kính, Phạm thiên, Phạm thiên Baka, Tà (Đoạn sát, Cổ xe, Tài sản, Mưa, Khủng kiến khác, Phóng dật, Kokalikà, Tissaka, bố, Không già, Tôn chủ, Dục, Lương thực, Tudu Brahmà, Kokalikà), 2. Phẩm thứ hai Chớp, Không tranh luận). (Sanamkumàra (Thường Đồng tử), Chương II, Tương ưng Thiên tử, có 3 Devadatta, Andhakavinda, Arunavati, phẩm: 1.Phẩm thứ nhất (Kassapa (Ca- Parinibhàna Bát Niết-bàn). diếp), Kassapa, Màgha, Màghatha, Chương VII, Tương ưng Bà-la-môn, có 2 Dàmali, Kàmada, Pancàlacanda, Tàyana, phẩm: 1.P. A-la-hán (Dhanànjani, Phỉ Candima (Nguyệt thiên tử), Suriya (Nhật báng, Asurindaka, Bilangika, Bất hại- thiên tử), 2.P. Cấp Cô Độc (Candimasa, Ahimsaka, Bện tóc, Suddhika, Aggika Vendu, Dìghalatthi, Nandana, Candana (Thờ lửa), Bahudhiti), 2.P. Cư sĩ (Cày (Chiên-đàn), Sudatta (Tu-đạt-đa), ruộng, Udaya, Devahita, Mahasala, Subramà, Kakudha, Uttara, Anàthapindika Mànatthada, Paccanìka, Navakammika, (Cấp Cô Độc), 3.P. Các ngoại đạo (Siva, Katthahàra, Màtaposaka (Nuôi dưỡng mẹ), Khema, Serì, Ghatìkara, Jantu, Rohita, Bhikkhaka, Sangarava, Khomadussa). Nanda, Nandivisàla, Susima, Các ngoại Chương VIII, Tương ưng, Trưởng lão đạo sư). Vangisa (Xuất ly, Không khoái, Khinh Chương III, Tương ưng Kosala, có 3 miệt kẻ ôn hòa, Ànanda, Khéo nói, phẩm: 1. Phẩm thứ nhất (Tuổi trẻ, Người, Sàriputta (Xá-lợi-phất), Tự tứ, Một ngàn Vua, Thân ái, Tự bảo hộ, Thiểu số, Xử và nhiều hơn, Ronjanna: Kiều Trần Như, kiện, Mallikà (Mạt-lị), Tế đàn, Triền Moggallàna: Mục-kiền-liên, Gaggarà, phược), 2. Thẩm thứ hai (Bện tóc, Năm Vangìsa). vua, Đại thực (ăn nhiều), Hai lời nói về Chương IX, Tương ưng Rừng (Viễn ly, chiến tranh, Người con gái, Không phóng Săn sóc-hầu hạ, Kassapogotta hay thợ săn, dật, Không phóng dật, Không con, Không Đa số hay du hành, Ànanda, Anuruddha, có con), 3. Phẩm thứ ba (Người, Tổ mẫu, Nàgadatta, Gia phụ hay say đắm, Thế gian, Cung thuật, Ví dụ hòn núi). Vajjiputta (Bạt-kỳ tử hay Tỳ-xá-lị), Tụng Chương IV, Tương ưng Ác ma, có 3 phẩm: học kinh điển (hay pháp), Bất chánh tư 1. Phẩm thứ nhất (Khổ hạnh và nghiệp, duy, Giữa trưa hay tiếng động, Không chế Con voi, Tịnh, Bẫy sập, Bẫy sập, Con rắn, ngự căn hay nhiều Tỳ-kheo, Sen hồng hay Thụy miên, Hoan hỷ, Tuổi thọ, Tuổi thọ), sen trắng). 2. Phẩm thứ hai (Hòn đá, Con sư tử, Phiến Chương X, Tương ưng Dạ-xoa (Indaka, đá, Tương ưng-thích nghi, Ý, Bình bát, Sakka, Suciloma, Manibhadda, Sànu, Xứ, Đoàn thục, Người nông phu, Thống Piyankara, Punabbasu, Sudatta, Sukkà, trí), 3. Phẩm thứ ba (Đa số, Samidhi, Sukkà, Cirà hay Virà, Àlava). Godhika, Bảy năm, Những người con gái). Chương XI, Tương ưng Sakka, có 3 phẩm: Chương V, Tương ưng Tỳ-kheo Ni 1. Phẩm thứ nhất (Suvìra, Susìma, (Àlavikà, Soma, Gotami, Vijayà, Dhajaggham: Đầu lá cơ, Vepacitti hay Uppalavannà, Càlà, Uppacàlà, kham nhẫn, Thắng

lợi nhờ thiện ngữ, Tổ Sisuppacàlà, Selà, Vajià). chim, Không gian trá, Vua A-tu-la Verocana hay mục đích, Các ẩn sĩ ở rừng

hay hương, Ẩn sĩ ở bờ biển hay Sambara), triều dâng, Susima), 8.P. Sa-môn, Bà-la- 2. Phẩm thứ hai (Chư thiên hay cấm giới, môn (Sa-môn, Bà-la-môn…), 9.P. Trung Chư thiên, Chư thiên, Người nghèo, Khả lược (Đạo sư, Học tập, Tu tập, Dục, Nỗ ái-khả lạc, Tổ chức lễ tế đàn, Kính lễ, lực, Bất thối chuyển, Nhiệt tâm, Tinh tấn, Sakka kính lễ, Sakka đảnh lễ, Sakka đảnh Kiên trì, Chánh niệm, Chánh tri, Không lễ), 3. Phẩm thứ ba (Sát hại gì? Xấu xí, phóng dật). Huyễn thuật, Tội lỗi (hay không phẫn nộ), Chương II, Tương ưng Minh kiến (Đầu Không phẫn nộ (không hại). móng tay, Hồ sen, Nước sông hợp dòng, Nước sông hợp dòng, Quả đất, Quả đất, Tập II, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn Biển, Biển, Ví dụ với núi, Ví dụ với núi, Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 499 trang, Ví dụ núi). (số thứ tự 17); nội dung gồm có 10 Chương III, Tương ưng Giới, có 4 phẩm: chương: 1.P. Sai biệt, a. Nội giới năm Kinh (Giới, Chương I, Tương ưng Nhân duyên, có 9 Xúc, Và không phải như vậy, Thọ, Thọ), phẩm: 1.P. Phật-đà (Thuyết pháp, Phân b. Ngoại giới năm Kinh (Giới, Tưởng, Và biệt, Con đường, Vipassi (Tỳ-bà-thi), không phải như vậy, Xúc, Xúc), 2. Phẩm Sikhì (Thi-khí), Vessabhu (Tỳ-xá-phù), thứ hai (Bảy pháp này, Có nhân, Căn nhà Kakusandha (Câu-lưu-tôn), Konagamana bằng gạch, Liệt ý chí, Nghiệp, Kinh với (Câu-na-hàm), Kassapa (Ca-diếp), Maha các bài kệ, Bất tín, Năm kinh về căn bản Sakyamuni Gotama (Đại Thích-ca Mâu-ni bất tín, Bốn kinh về căn bản không biết Cù-đàm), 2.P. Đồ ăn (Các loại đồ ăn, thẹn, Ba kinh về căn bản không biết sợ, Moliya Phagguna, Sa-môn, Bà-la-môn, Hai kinh về ít nghe, Biếng nhác), 3.P. Sa-môn, Bà-la-môn, Kaccaganagotta (Ca- Nghiệp đạo (Không tịch tịnh, Ác giới, chiên-diên Thị), Vị thuyết pháp, Lõa thể, Năm học pháp, Bảy nghiệp đạo, Mười Bimbaruka, Bậc hiền so với kẻ ngu, nghiệp đạo, Tám chi, Mười chi), 4. Phẩm Duyên), 3.P. Mười lực (10 lực, 10 lực, thứ tư (Bốn, Trước, Ta đã đi, Nếu không Duyên, Ngoại đạo sư, Bhùmija, Upavana có cái này, Khổ, Hoan hỷ, Sanh khởi, Sa- (Ưu-ba-ma-na), Duyên, Vị Tỳ-kheo, Sa- môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa- môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn), môn, Bà-la-môn). 4.P. Kalara – Vị Sát-đế-lỵ (Sanh, Kalàra, Chương IV, Tương ưng Vô thỉ, có 2 phẩm: Những căn bản của trí, Những căn bản của 1. Phẩm thứ nhất (Cỏ và củi, Quả đất, trí, Do duyên vô minh, Do duyên vô minh, Nước mắt, Sữa, Núi, Cột cãi, Các đệ tử, Không phải của ông, Cetana (Tư tâm sở), Sông Hằng, Cây gậy, Người), 2. Phẩm thứ Tư tâm sở, Tư tâm sở), 5.P. Gia chủ (Năm hai (Khốn cùng, An lạc, Khoảng ba mươi, hận thù sợ hãi, Năm hận thù sợ hãi, Khổ, Mẹ, Cha, Anh, Chị, Con trai, Con gái, Núi Thế giới, Natika, Một vị (Bà-la-môn), Vepulia). Janusoni, Thuận thế phái, Thánh đệ tử, Chương V, Tương ưng Kassapa (Tri túc, Thánh đệ tử), 6.P. Cây (Tư lương, Thủ, Không biết sợ, Ví dụ với trăng, Đi với các Kiết sử, Kiết sử, Cây lớn, Cây lớn, Cây gia đình, Trở về già, Giáo giới, Giáo giới, non, Danh sắc, Thức, Nhân), 7.P. Đại Giáo giới, Thiền và thắng trí, Trú xứ, Y (Hạng người ít nghe, Hạng người ít nghe, áo, Sau khi chết, Tượng pháp). Thịt đứa con, Có tham, Thành ấp, Xúc Chương VI, Tương ưng Lợi ích đắc cung chạm-biết rõ, Bó lau, Kosambi, Nước chảy kính, có 4 phẩm: 1. Phẩm thứ nhất (Khổ

lụy, Lưỡi câu, Con rùa, Lông dài, Trùng Tập III, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn phẩn, Xét đánh, Trúng độc, Con giả-can, Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 433 trang, Cuồng phong,

Kinh với bài kệ), 2. Phẩm (số thứ tự 18); nội dung gồm có 13 thứ hai (Bình bát, Bình bát, Từ một đồng chương: tiền vàng cho đến người mỹ nhân địa Chương I, có 3 phần chính (A, B, C): A. phương), 3. Phẩm thứ ba (Phụ nữ, Mỹ Năm mươi Kinh căn bản, có 5 phẩm: 1.P. nhân, Con trai, Con gái một, Sa-môn, Bà- Nakulapità (Nakulapità, Devadaha, la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà- Hàliddikàni, Thiền định, Tỉnh mặc, Chấp la-môn, Da, Dây, Tỳ-kheo), 4. Phẩm thứ thủ và ưu não, Chấp thủ và ưu não, Ba thời tư (Cắt, Gốc, Pháo, Trắng, Bỏ đi, Xe, Mẹ, là vô thường, Ba thời là khổ, Ba thời là vô Cha, Anh, Chị, Con trai, Con gái, Vợ). ngã), 2.P. Vô thường (Vô thường, Khổ, Vô Chương VII, Tương ưng Rahula, có 2 ngã, Cái gì vô thường, Cái gì khổ, Cái gì phẩm: 1. Phẩm thứ nhất (Mắt, Sắc, Thức, Vô ngã, Có nhân là vô thường, Có nhân là Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn), 2. khổ, Có nhân là vô ngã, Ànanda), 3.P. Phẩm thứ hai (Mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Gánh nặng (Gánh nặng, Liễu tri, Thắng Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn, Tùy miên, Viễn tri, Dục tham, Vị ngọt, Vị ngọt, Vị ngọt, ly) Hoan hỷ, Sanh khởi, Cội gốc của đau khổ, Chương VIII, Tương ưng Lakkhana, có 2 Hoại pháp), 4.P. Không phải của các ông phẩm: 1. Phẩm thứ nhất (Đống xương, Đồ (Không phải của các ông, Không phải của tể giết trâu bò, Một miếng thịt và kẻ bắt các ông, Tỳ-kheo, Vị Tỳ-kheo, Ànanda, chim, Người giết dê bị lột da, Người giết Ànanda, Tùy pháp, Tùy pháp, Tùy pháp, heo với đao kiếm, Người săn thú với cây Tùy pháp), 5.P. Tự mình làm hòn đảo (Tự lao, Người tra tấn với mũi tên, Người đánh mình làm hòn đảo, Con đường, Vô xe với cây kim, Người do thám, Người thường, Vô thường, Quán kiến, Các uẩn, phán quan tham nhũng với hòn dái lớn), 2. Sona, Sona, Hỷ được đoạn tận, Hỷ được Phẩm thứ hai (Kẻ thông dâm bị chìm đoạn tận). B. Năm mươi Kinh ở giữa, có 5 trong hố, Tà ác Bà-la-môn ăn phân, Gian phẩm: 1.P. Tham luyến (Tham luyến, phụ bị lột da, Người phụ nữ xấu xí bói Chủng tử, Lời cảm hứng, Thủ chuyển, Bảy toán, Người đàn bà khô héo đã rãi than đỏ xứ, Chánh đẳng giác, Năm vị (vô ngã trên một người đàn bà khác, Kẻ trộm cướp tưởng), Mahàli, Lửa cháy, Ngôn lộ), 2.P. đứt đầu, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Học nữ, A-la-hán (Chấp trước, Suy tưởng, Hoan Sa-di, Sa-di Ni). hỷ, Vô thường, Khổ, Vô ngã, Không đáng Chương IX, Tương ưng Thí dụ (Chóp mái, thuộc tự ngã, Chỉ trú cho vô nhiễm, Đầu ngón tay, Gia đình, Cái nồi, Cây lao, Ràdha, Suradha), 3.P. Những gì được ăn Người bắn cung, Cái chốt trống, Cỏ rơm, (Vị ngọt, Tập khởi, Tập khởi, Các vị A-la- Voi, Con mèo, Con chó rừng (giả can), hán, Các vị A-la-hán, Sư tử, Đáng được Con giả-can). ăn, Người khất thực, Pàrileyya, Trăng Chương X, Tương ưng Tỳ-kheo: Kolita, rằm), 4.P. Trưởng lão (Ànanda, Tissa, Upatissa, Cái ghè, Tân Tỳ-kheo, Thiện Yamaka, Anuràdha, Vakkali, Assaji, sanh, Bhaddi, Visàkha, Nanda, Tissa, Tên Khema, Channa, Ràhula, Rà hula), 5.P. trưởng lão, Kappina, Thân hữu. Hoa (Dòng sông, Bông hoa (hay tăng trưởng), Bọt nước (bảy bài kệ), Phân bò, Đầu ngón tay, Thanh tịnh (hay biển), Dây

thằng (hay dây buộc), Dây thằng (hay dây tại, Như Lai không tồn tại và không không buộc), Cán búa (hay chiếc thuyền), Vô tồn tại), 2.P. Trùng thuyết (1) (Gió, Phi thường tánh (hay tưởng). C. Năm mươi hữu phi vô), 3.P. Trùng thuyết (2) (Tự ngã Kinh sau, có 5 phẩm: 1.P. Biên (Biên kinh, có sắc, Tự ngã không có sắc, Tự ngã có Khổ, Hữu thân, Sở biến tri, Các sa-môn, sắc và không sắc, Tự ngã không có sắc và Các sa-môn, Dự lưu, A-la-hán, Dục được không không sắc, Thuần lạc, Thuần khổ, đoạn trừ, Dục được đoạn

trừ), 2.P. Thuyết Thuần lạc-thuần khổ, Chẳng phải khổ- pháp (Vô minh (2 vị Tỳ-kheo), Minh (2 vị chẳng phải lạc), 4.P. Trùng thuyết (3) Tỳ-kheo), Vị thuyết pháp, Vị thuyết pháp, (Như kinh chương I, Kinh Nakusapità; Trói buộc, Giải thoát, Giải thoát, Kiết sử, Như Kinh I, Phẩm Trùng thuyết (1) đến Chấp thủ, Người giữ giới, Vị có nghe, Thuần lạc-thuần khổ của Trùng thuyết (2); Kappa, Kappa), 3.P. Vô minh (Tập pháp, Như chẳng phải khổ-chẳng phải lạc của Tập pháp, Tập pháp, Vị ngọt, Vị ngọt, Tập Trùng thuyết (2), 5.P. Trùng thuyết (4) khởi, Tập khởi, Kotthika, Kotthika, (Như Kinh Kinh Nakusapità; Như Kinh I, Kotthika), 4.P. Than đỏ (Than đỏ hực, Vô Phẩm Trùng thuyết (1) đến Thuần lạc- thường, Vô thường, Vô thường, Khổ, Vô thuần khổ của Trùng thuyết (2). ngã, Thiện nam tử khổ, Thiện nam tử khổ, Chương IV, Tương ưng Nhập (Con mắt, Thiện nam tử khổ), 5.P. Kiến (Nội, Cái Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, này là của tôi, Ngã, Và nếu không phải là Uẩn). Chương V, Tương ưng Sanh (Con của tôi, Tà kiến, Thân hữu, Ngã kiến, mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Thiên kiến, Thiên kiến, Ànanda). Giới, Uẩn). Chương VI, Tương ưng Phiền Chương II, Tương ưng Radha, có 4 phẩm: não (Con mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, 1. Phẩm thứ nhất (Màra, Chúng sanh, Sợi Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn). dây tái sanh, Sở biến tri, Sa-môn, sa-môn, Chương VII, Tương ưng Sàruputta (Lý, Bậc Dự lưu, Bậc A-la-hán, Dục tham, Dục Không tầm, Hỷ, Xả, Không vô biên xứ, tham), 2. Phẩm thứ hai (Màra, Tánh chất Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng của Màra, Vô thường, Vô thường tánh, phi phi tưởng xứ, Diệt tận định, Khổ, Khổ tánh, Vô ngã, Vô ngã tánh, Tận Sùcimukhi (Tịnh diện). pháp, Diệt pháp, Tập khởi pháp, Đoạn diệt Chương VIII, Tương ưng loài Rồng pháp), 3.P. Sơ vấn (Về Màra, Đoạn diệt (Chủng loại, Diệu thắng, Uposatha (Bố- tánh), 4.P. Thân cận (Màra, Màra tánh, Vô tát), Uposatha, Uposatha, Uposatha, Nghe, thường, Vô thường tánh, Khổ, Khổ tánh, Nghe, Nghe, Ủng hộ bố thí, Ủng hộ bố Vô ngã tánh, Tận diệt, Đoạn diệt, Tập thí); Chương IX, Tương ưng Kim xí điểu khởi, Đoạn diệt tánh). (Chủng loại, Mang đi, Làm hai hạnh, Làm Chương III, Tương ưng Kiến, có 5 phẩm: hai hạnh, Ủng hộ bố thí, Ủng hộ bố thí); 1.P. Dự lưu (Gió, Cái này là của tôi, Cái Chương X, Tương ưng Càn-thát-bà này là tự ngã, Có thể không phải của tôi, (Chủng loại, Thiện hành, Kẻ bố thí, Kẻ bố Không có, Đối với người hành động, thí, Ủng hộ bố thí, Ủng hộ bằng bố thí); Nhân, Đại tà kiến, Thế gian là thường, Thế Chương XI, Tương ưng Thần mây (Chủng gian là vô thường, Hữu biên, Vô biên, loại, Thiện hành, Ủng hộ bố thí, Ủng hộ Mạng với thân là một, Mạng với thân là bố thí, Lạnh, Trời nóng, Trời sấm, Trời khác, Như Lai có tồn tại, Như Lai không gió, Trời mưa); Chương XII, Tương ưng tồn tại, Như Lai có tồn tại và không tồn Vacchagota (Vô tri (1-5), Vô kiến (1-5),

Không hiện quán, Không liễu tri, Không diệt), 5.P. Vô thường (Vô thường, Khổ, thông đạt, Không đẳng quán, Không tùy Vô ngã, Cần phải thắng tri, Cần phải liễu quán, Không cận quán, Không đẳng sát, tri, Cần phải đoạn tận, Cần phải chứng Không cận sát, Không hiện kiến). ngộ, Cần phải liễu tri-thắng tri, Bị phiền Chương XIII, Tương ưng Thiền (Thiền lụy, Bị áp đảo). định-thiền chứng, Chỉ trú, Xuất khởi, Phần hai, Năm mươi Kinh thứ hai, có 5 Thuần thục, Sở duyên, Hành cảnh, Sở phẩm: 1.P. Vô minh (Vô minh, Kiết sử, nguyện, Thận trọng, Kiên trì, Thích ứng, Kiết sử, Các lậu hoặc, Các tùy miên, Liễu Chỉ trú trong thiền chứng, Xuất khởi từ tri, Được chấm dứt, Được chấm dứt), 2.P.

thiền chứng, Thuần thục trong thiền Migajàla (Bởi Migajàla, Migajàla, chứng, Sở duyên trong thiền chứng, Hành Samiddhi, Samiddhi, Samiddhi, Samiddhi, cảnh trong thiền chứng, Sở nguyện trong Upasena, Sáu xúc xứ, Sáu xúc xứ, Sáu xúc thiền chứng, Thận trọng trong thiền xứ), 3.P. Bệnh (Bệnh, Bệnh, Ràdha, chứng, Kiên trì trong thiền chứng, Thích Ràdha, Ràdha, Vô minh, Vô minh, Tỳ- ứng trong thiền chứng, Chỉ trú-xuất khởi, kheo, Thế giới), 4.P. Channa (Biến hoại, Thuần thục-thích ứng, Xuất khởi-thuần Trống không, Vắn tắt, Channa, Punna, thục, Sở duyên cho đến thích ứng, Thuần Bàhiya, Ái nhiễm, Ái nhiễm, Cả hai, Cả thục-sở duyên, Thuần thục, Sở duyên- hai), 5.P. Từ bỏ (Thâu nhiếp, Thâu nhiếp, hành cảnh, Sở duyên, Hành cảnh-sở Thối đọa, Sống phóng dật, Nhiếp hộ, nguyện, Hành cảnh, Sở nguyện-thận trọng, Thiền định, Thiền định, Không phải của Sở nguyện và kiên trì, Thận trọng và kiên các ông, Không phải của các ông, Uddka). trì, Sở nguyện và thích ứng). Phần ba, Năm mươi Kinh thứ ba, có 5 phẩm: 1.P. An ổn, khỏi các khổ ách Tập IV, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn (Người được an ổn-khỏi các khổ ách, Giáo, PL. 2545 – DL. 2001, có 623 trang, Chấp thủ, Khổ, Thế giới, Thắng, Kinh sử, (số thứ tự 15); nội dung gồm có 10 Chấp thủ, Tuệ tri, Tuệ tri, Nghe trộm), chương: 2.P. Thế giới dục công đức (Ma lưới bẫy, Chương I, Tương ưng Sáu xứ, có 4 phần Màra lưới bẫy, Thế giới dục công đức, chính: Thế giới dục công đức, Sakka, Pancasikha, Phần một, Năm mươi Kinh thứ nhất, có 5 Sàriputta, Ràhula, Kiết sử), 3.P. Gia chủ phẩm: 1.P. Vô thường (Vô thường, Khổ, (Vesàli, Vejji, Nàlanda, Bhàradvàja, Sona, Vô ngã, Vô thường ngoại, Khổ ngoại, Vô Ghosita, Haliddhaka, Nakulapità, Lohicca, ngã ngoại, Vô thường nội, Khổ nội, Vô Verahaccàni), 4.P. Devadaha (Sát-na ở ngã nội, Vô thường ngoại, Khổ ngoại, Vô Devadaha, Thâu nhiếp, Không thâu nhiếp, ngã ngoại), 2.P. Song đôi (Chánh giác, Các lá, Các lá, Nội căn do nhân, Nội căn Chánh giác, Vị ngọt, Vị ngọt, Nếu không do nhân, Nội căn do nhân, Ngoại căn do có, Nếu không có, Với ưa thích, Ưa thích, nhân), 5.P. Mới và cũ (Nghiệp, Thích ứng, Sanh khởi, Sự sanh khởi), 3.P. Tất cả (Tất Thích ứng, Thích ứng, Đệ tử nội trú, Với cả, Đoạn tận, Đoạn tận, Liễu tri, Liễu tri, mục đích gì, Có pháp môn nào, Căn, Vị Bị bốc cháy, Mù lòa, Thích hợp, Thích thuyết pháp). hợp, Thích hợp), 4.P. Sanh pháp (Sanh, Bị Phần bốn, Năm mươi Kinh thứ tư, có 4 già, Bị bệnh, Bị chết, Bị sầu, Bị phiền não, phẩm: 1.P. Duyệt hỷ tiêu tận (Duyệt hỷ Bị đoạn tận, Bị tiêu diệt, Tập khởi, Đoạn tiêu tận, Duyệt hỷ tiêu tận, Duyệt hỷ tiêu

tận, Duyệt hỷ tiêu tận, Trong vườn xoài Nhân, Sự kiện (Thànam), Không sợ hãi, Jivaka, Trong vườn xoài Jivaka, Kotthika, Tăng trưởng). Kotthika, Tà kiến, Thân kiến, Ngã kiến), Chương IV, Tương ưng Jambukhàdaka 2.P. Sáu mươi lược thuyết (Do dục niệm (Nibbàna, Niết-bàn), A-la-hán, Vị thuyết (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) và (8), Thuộc pháp, Có cái gì? Điều hòa hơi thở quá khứ (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) và (Assàra), Điều hòa hơi thở tối thượng, (8), Cái gì vô thường (1), (2), (3), (4), (5), Thọ, Lậu hoặc, Vô minh, Khát ái, Bộc lưu (6), (7) và (8), Nội (1), (2) và (3), Ngoại (Ogha), Chấp thủ (Upadànam), Hữu, Khổ, (1), (2) và (3); 3.P. Biển (Biển, Biển, Có thân (Sakkàya), Khó làm). Người câu cá, Cây có nhựa, Kotthika, Chương V, Tương ưng Sàmandaka (Niết- Kàmabhu, Udàji, Với lửa cháy, Ví dụ tay bàn… Khó làm); Chương VI, Tương ưng và chân, Ví dụ tay và chân), 4.P. Rắn độc Moggalàna (Với tầm, Không tầm, Với lạc, (Rắn độc, Hỷ lạc, Con rùa, Khúc gỗ, Khúc Xả, Hư không, Thức, Vô sở hữu xứ, Phi gỗ, Dục lậu, Khổ pháp, Phải gọi là gì, Đờn tưởng,

Vô tướng, Skka (Đế Thích), Tỳ-bà, Sáu sanh vật, Bó lúa). Candana); Chương VII, Tương ưng Tâm Chương II, Tương ưng Thọ, có 3 phần: (Kiết sử, Isidatta, Isidatta, Mahaka, Phần một, Phẩm có kệ (Thiền định, An Kàmabhù, Kàmabhù, Godatta, Nigantha lạc, Đoạn tận, Vực thẩm, Cần phải quán (Ni-kiền-tử), Accla (lõa thể), Thăm người kiến, Với mũi tên, Tật bệnh, Tật bệnh, Vô bệnh). thường, Căn bản của xúc); Phần hai, Chương VIII, Tương ưng Thôn trưởng Phẩm sống một mình (Sống một mình, Hư (Canda (tàn bạo), Puta, Yodhàjivo (kẻ không, Hư không, Khách xa, Thuộc sở chiến đấu), Voi, Ngựa, Người đất phương hữu, Thuộc sở hữu, Tám lần, Tám lần, Tây hay người đã chết, Thuyết pháp, Vỏ Năm vật dụng, Bởi vị Tỳ-kheo); Phần ba, ốc, Gia tộc, Maniculam, Bhadra (Hiền) Phẩm một trăm lẻ tám pháp môn (Sìvaka, hay Bhagandha-Hatthaha, Ràsiya, Pàtali Một trăm lẻ tám, Vị Tỳ-kheo, Từ về quá (khả ý). khứ, Bởi vị Tỳ-kheo, Sa-môn, Bà-la-môn Chương IX, Tương ưng Vô vi, có 2 phần: (1), (2) và (3), Thanh tịnh không liên hệ Phần một, Phẩm 1 (Nhân, Chỉ, Tầm, đến vật chất). Không, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Chương III, Tương ưng Nữ nhân, có 3 Căn, Lực, Giác chi, Với con đường); Phần phần: Phần một, Phẩm Trung lược (Khả hai, Phẩm 2 (Vô vi, Đích cuối cùng ý-không khả ý (1) và (2), Đặc thù (Antam), Vô lậu, Sự thật (Saccam), Bờ (Àvenika), Ba sự việc, Phẫn nộ, Có hậu bên kia (Pàram), Tế nhị (Nipunam), Khó (Upanàli), Tật đố (Issuki), Do xan tham thấy được (Sududdasam), Không già, (Macharena), Phạm dâm (Aticari), Ác Thường hằng, Không suy yếu, Không giới, Ít nghe, Biếng nhác (Kusàta), Thất thấy, Không lý luận, Tịch tịnh, Bất tử, Thù niệm (Mutthassati), Năm cấm thắng, An lạc, An ổn, Ái đoạn tận, Bất khả (Pancaveram); Phần hai, Phẩm Trung tư nghì, Hy hữu, Không tai họa, Không bị lược (Không phẫn nộ, Không phẫn nộ); tai họa, Niết-bàn Không tồn tại, Ly tham, Phần ba, Phẩm 3 (Không có sợ hãi Thanh tịnh, Giải thoát, Không chứa giữ, (Visàradà), Ức chế (Pasaykà), Chinh phục Ngọn đèn, Hang ẩn, Pháo đài, Quy y, Đến (Abhibhùyya), Một, Bộ phận, Họ đuổi đi, bờ bên kia).

Chương X, Tương ưng Không thuyết Kiến (1), Không phóng dật (1), Như lý (1); (Trưởng lão Nikhemà, Anuràdha, b. Nhiếp phục tham (Bạn hữu với thiện Sariputta-Kotthika (1), (2), (3) và (4), (2)… Như lý (2); Một pháp trung lược II, Moggalàna (hay xứ), Vaccha (hay trói a. Liên hệ đến viễn ly (Bạn hữu với thiện buộc), Luận nghị đường (Kutùhalasàlà), (1), Giới hạnh (1)… Như lý (1); b. Nhiếp Ànanda (hay sự có mặt của ngã), phục tham (Bạn hữu với thiện (2), Giới Sabhiya). Phụ lục: Số thứ tự các tập Kinh. hạnh (2)… Như lý (2); Hằng hà lược thuyết a. Liên hệ đến viễn ly (Phương Tập V, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn đông (1), Hướng đông (1-6), Biển (1-6), b. Giáo, PL. 2537 – DL. 1993, có 693 trang, Nhiếp phục tham (Hướng đông (1-6), Biển (số thứ tự 16); nội dung gồm có 12 (1-6), c. Nhập vào bất tử (Amatogaddha) chương: (Hướng đông (1-6), Biển (1-6), d. Thiên Chương I, Tương ưng Đạo, có 8 phẩm: về Niết-bàn (Hướng đông (1-6), Biển (1- 1.P. Vô minh (Vô minh, Một nửa 6); 5.P. Không phóng dật: Như Lai, - Viễn (Upaddham), Sàriputta, Bà-la-môn, Với ly, - Nhiếp phục tham, - Bất tử, - Niết-bàn mục đích gì, Một Tỳ-kheo khác (1) và (2), (Dấu chân, Chóp mái, Gốc rễ, Lõi hương, Phân tích, Sùka (râu lúa mì), Nandiya), Hạ sanh hoa (bông huệ: Vassikam), Vua, 2.P. Trú (Trú (1) và (2), Hữu học, Sanh Mặt trăng, Mặt trời, Vải), 6.P. Việc làm khởi (1) và (2), Thanh tịnh (1) và (2), cần sức mạnh (Sức lực, Các hột giống Vườn gà (Kukkutàràma) (1) (2) và (3), (Nàga), Cây,

Cái ghè, Râu lúa mì 3.P. Tà tánh (Tà tánh, Pháp bất thiện, Đạo (Sukiya), Hư không, Mây mưa (1), (2), lộ (1) và (2), Không phải chân nhân Chiếc thuyền, Các khách, Con sông), 7.P. (Asappurisa) (1) (2), Cái bình, Định, Thọ, Tầm cầu: - Tầm cầu (Thắng tri, Liễu tri Uttiya hay Uttika), 4.P. Về hạnh (Parinnà), - Đoạn diệt (Parikkaya), - Đoạn (Patipattivagga) (Hạnh-Patipatti, Người tận (Pahàna) (Kiêu mạn (Vidhà), Lậu hành trì, Thối thất (Viraddha), Đến bờ bên hoặc, Hữu, Khổ tánh (Dukkhàta), Hoang kia, Sa-môn hạnh (1) và (2), Bà-la-môn vu (Khilà), Cấu nhiễm (Malam), Dao động (1) và (2), Phạm hạnh (1) và (2); Ngoại (Nighà), Thọ, Khát ái (Tanhà), Khát ái đạo Trung lược (Ly tham, Kiết sử (Tasìnà hay Tanhà); 8.P. Bộc lưu (Bộc lưu (Samyojanam), Tùy miên, Hành lộ (Ogha), Ách phược (Yohô), Chấp thủ, Hệ (Addhànam), Đoạn tận các lậu hoặc, Được phược (Ganthà), Tùy miên, Dục công đức, giải thoát nhờ minh (Vijjàvimutti), Trí, Các triền cái, Uẩn, Hạ phần kiết sử, Không chấp thủ); Mặt trời lược thuyết Thượng phần kiết sử). (Suriyassa Peyyàlam): a. Liên hệ đến viễn Chương II, Tương ưng Giác chi, có 18 ly (Thiện hữu (1), Giới hạnh (2), Ước phẩm: 1.P. Núi (Tuyết sơn, Thân, Giới, muốn (Chanda) (1), Ngã, kiến, không Chuyển (Vatta), Vị Tỳ-kheo, Kundali phóng dật (1), Như lý (Yoniso) (1), b. (Người đeo vòng tai), Nóc nhà, Upavàna, Nhiếp phục tham (Bạn hữu với thiện (2), Sanh (1) và (2), 2.P. Về bệnh (Sanh loại, Giới hạnh (2), Ước muốn (Chanda) (2), Ví dụ mặt trời (1) và (2), Bệnh (1), (2) và Ngã, kiến, không phóng dật (2), Như lý (3), Đến bờ bên kia hay không có hơn nữa, (2); Một pháp trung lược I, a. Liên hệ đến Thối thất (Virddha) hay tấn tu (Àradda), viễn ly (Bạn hữu với thiện (1), Giới hạnh Thánh, Nhàm chán), 3.P. Udàyi (Giác (1), Ước muốn (Chanda) (1), Ngã (1), (Bodhanà), Thuyết giảng, Trú xứ (Thànà),

Phi như lý (Ayonisa), Không tổn giảm chim ưng (Sakunagghi), Con vượn, Người (Aparihàni), Đoạn tận (Khaya), Đoạn diệt, đầu bếp, Bệnh, Trú xứ Tỳ-kheo Ni), 2.P. Thể nhập (Nibbedha), Một pháp, Udàyi), Dànanda (Đại nhân, Nàlanda, Cunda, 4.P. Triền cái (Thiện (1) và (2), Cấu uế Celam, Bàhiya hay Bàhika, Uttiya, Bậc (1), Các cấu uế (2), Như lý (1) và (2), Thánh, Phạm thiên, Sedaka, hay Ekantaka, Tăng trưởng, hay không giảm thiểu, Quốc độ, hay Ekantaka), 3.P. Giới trú Chướng ngại-triền cái, Cây, Triền cái), (Giới, Trú, Tổn giảm (Parihànam), Thanh 5.P. Chuyển luân (Các kiêu mạn, Chuyển tịnh, Bà-la-môn, Một phần, Hoàn toàn luân, Marà, Liệt tuệ (Duppanna), Có trí (Samattam), Thế giới, Sirivaddha, tuệ, Bần cùng (Dallido), Không bần cùng, Mànadinna), 4.P. Chưa từng được nghe Mặt trời, Chi phần (1) và (2), 6.P. Tổng (chưa từng được nghe, Ly tham, Thối thất nhiếp Giác chi: - Đồ ăn (Món ăn của triền (Viraddha), Tu tập, Niệm, Chánh trí, Ước cái, Món ăn của các giác chi, Không phải muốn (Chandam), Liễu tri, Tu tập, Phân món ăn cho các triền cái, Không phải là biệt), 5.P. Bất tử (Bất tử, Tập khởi, Con món ăn cho các giác chi; - Pháp môn đường, Niệm, Đống thiện, Pàtimokkha, Ác (Pariyàya) (Năm trở thành mười, Bảy trở hành, Thân hữu, Các cảm thọ, Các lậu thành mười bốn); - Lửa (Phi thời, Phải hoặc); 6.P. Sông Hằng rộng thuyết; 7.P. thời, Không phải thời, Phải thời); - Từ Không phóng dật; 8.P. Việc làm cần sức (Sangàrava), Abhaya (vô úy), 7.P. Hơi thở mạnh; 9.P. Tầm cầu; 10.P. Bộc lưu vô hơi thở ra: - Bộ xương (Quả lớn-lợi ích (Thượng phần kiết sử). lớn, Trí và bất hoàn (Annàsativa), Nghĩa Chương IV, Tương ưng Căn, 17 phẩm: lợi lớn, An ổn lớn khỏi khổ ách, Hứng 1.P. Thanh tịnh (Thanh tịnh, Dự lưu (1) và

khởi lớn (Samvegà), Lạc trú (Côn trùng, (2), A-la-hán (1) và (2), Sa-môn, Bà-la- Ăn (Pulavaka), Xanh bầm (Vinilaka), Bị môn (1) và (2), Cần phải quán, Phân biệt nứt nỉ (Vicchiddaka), Sưng phồng lên (1) và (2), 2.P. Có phần yếu hơn - (Uddhumàtaka), Từ, Bi, Hỷ, Xả, Hơi thở Mudutaravaggo (Chứng được, Tóm tắt (1), vô hơi thở ra), 8.P. Đoạn diệt (Bất tịnh, (2) và (3), Rộng thuyết (1), (2) và (3), Chết, Ghê tởm, Bất khả lạc hay toàn thế Thực hành (hướng: Patipanno), Tịch tịnh giới, Vô thường, Khổ, Vô ngã, Đoạn tận, (Ukasanno), Đoạn tận các lậu hoặc), 3.P. Ly tham, Đoạn diệt (Quả lớn-lợi ích lớn, Sáu căn (Không có tái sanh-hay người có Trí và bất hoàn, Nghĩa lợi lớn… Lạc thú); trí, Mạng, Chánh lý, Nhứt thắng trí-hay 9.P. Sông Hằng quảng thuyết (Hướng về Nhứt chủng trí, Thanh tịnh, Dòng nước Đông), 10.P. Không phóng dật, 11.P. Cần hay Dự lưu, A-la-hán (1), A-la-hán hay dùng sức mạnh, 12.P. Tầm cầu, 13.P. Bộc Phật (2), Sa-môn hay Bà-la-môn (1) và lưu (Thượng phần kiết sử), 14.P. Sông (2), 4.P. Lạc căn (Thanh tịnh, Dòng nước, Hằng quảng thuyết, 15.P. Không phóng A-la-hán, Sa-môn hay Bà-la-môn (1) và dật (Nhiếp phục tham), 16.P. Cần dùng (2), Phân tích (1) (2) và (3), Cây quay ra sức mạnh (Nhiếp phục tham), 17.P. Tầm lửa (Arani), Sanh), 5.P. Về già (Già, Bà- cầu (Nhiếp phục tham), 18.P. Bộc lưu la-môn Unnàbha, Sàketa, Pubbakotthaka (Thượng phần kiết sử). (Ngôi nhà phía Đông), Ngôi nhà phía Chương III, Tương ưng Niệm xứ, có 10 Đông (1), (2), (3) và (4), Pindolo (kẻ tìm phẩm: 1.P. Ambapàli (Ambapàli, Chánh tòi các đống rác), Tín hay ngôi chợ), 6. niệm, Tỳ-kheo, Sàlà, Một đống thiện, Con Phẩm Thứ sáu (Sàlà, Mallikà, Hữu học,

Vết chân, Lõi cây, Y chỉ-an trú, Phạm Chương VIII, Tương ưng Anuruddha, có 2 thiên, Hang con gấu, Sanh (1) và (2), 7.P. phẩm: 1.P. Độc cư (Độc cư (1) và (2), Giác chi phần (Kiết sử, Tùy miên, Liễu tri Sutanu, Kantaki (1), (2) và (3), Ái tận, hay con đường ra khỏi, Đoạn diệt các lậu Nhà bằng cây Sàla, Tất cả hay Ambapàla, hoặc, Hai quả, Bảy lợi ích, Cây (1), (2), Bị trọng bệnh hay bệnh), 2.P. Phẩm thứ (3) và (4), 8.P. Sông Hằng rộng thuyết hai (Một ngàn, Như ý lực (1) và (2), Với (Viễn ly), 9.P. Không phóng dật (Viễn ly), tâm của mình, Xứ (1) và (2), Đạo lộ, Thế 10.P. việc làm cần sức mạnh (Viễn ly), giới, Thắng giải sai biệt, Căn, Thiền, Minh 11.P. Tầm cầu (Viễn ly), 12.P. Bộc lưu (1), (2) và (3). (Viễn ly, Thượng phần), 13.P. Sông Hằng Chương IX, Tương ưng Thiền, có 5 phẩm: rộng thuyết (Tham), 14.P. Không phóng 1.P. Sông Hằng rộng thuyết (Thanh tịnh dật (tham), 15.P. Việc làm cần sức mạnh thứ nhất), 2.P. Không phóng dật, 3.P. Việc (tham), 16.P. Tầm cầu (tham), 17.P. Bộc làm cần sức mạnh, 4.P. Tầm cầu, 5.P. Bộc lưu (tham, Thượng phần kiết sử). lưu (Thượng phần kiết sử). Chương V, Tương ưng Chánh cần, có 5 Chương X, Tương ưng Hơi thở vô, hơi thở phẩm: 1.P. Sông Hằng rộng thuyết, 2.P. ra, có 2 phẩm: 1. Phẩm một pháp (Một Không phóng dật, 3.P. Việc làm cần sức pháp, Giác chi, Thanh tịnh, Quả (1) và (2), mạnh, 4.P. Tầm cầu, 5.P. Bộc lưu Arittha, Kappina, Ngọn đèn, Vesàli, (Thượng phần kiết sử). Kimbilà), 2. Phẩm thứ hai (Icahànangala, Chương VI, Tương ưng Lực, có 10 phẩm: Nghi ngờ, À nanda, (1) và (2), Tỳ-kheo (1) 1.P. Sông Hằng rộng thuyết (viễn ly), 2.P. và (2), Kiết sử, Tùy miên, Con đường, Không phóng dật (viễn ly), 3.P. Sức mạnh Đoạn tận các lậu hoặc). (viễn ly), 4.P. Tầm cầu (viễn ly), 5.P. Bộc Chương XI, Tương ưng Dự lưu, có 7 lưu (viễn ly, Thượng phần kiết sử), 6.P. phẩm: 1.P. Veludvàra (Vua, Thể nhập, Sông Hằng rộng thuyết (tham), 7.P. Dìghavu, Sàriputta (1)

và (2), Các người Không phóng dật (tham), 8.P. Lực (tham), thợ mộc (Thapataye), Những người ở 9.P. Tầm cầu (tham), 10.P. Bộc lưu (tham, Veludvàra, Giảng đường bằng gạch (1) và Thượng phần kiết sử). (2), Ngôi nhà bằng gạch (3), 2.P. Một Chương VII, Tương ưng Như ý túc, có 8 ngày hay vườn vua (Một ngàn, Các Bà-la- phẩm: 1.P. Càpàla (Bờ bên kia, Thối thất, môn, À nanda, Ác thú (1) và (2), Thân hữu Thánh, Yếm ly, Một phần, Toàn diện, Tỳ- (1), Bạn bè thân hữu (2), Du hành chư kheo, Phật hay A-la-hán, Trí, Cetiya), 2.P. thiên, Thăm viếng chư thiên (1) và (2), Lầu rung chuyển (Trước hay nhân, Quả 3.P. Saranàni (Mahànàma (1) và (2), lớn, Ý muốn (Chando), Moggalàna, Bà-la-Godhà hay Mahànàma (3), Sarakàni hay môn, Sa-môn, Bà-la-môn hay đại thần Saranàni (1) và (2), Ác giới hay thông; Sa-môn, Bà-la-môn hay kiêu mạn, Anathapindika (1) và (2), Hận thù hay Tỳ-kheo, Thuyết pháp hay tu tập, Phân Anathapindika (3), Sợ hãi hay vị Tỳ-kheo, tích), 3. Phẩm thứ ba (Đạo, Hòn sắt, Tỳ- Licchavi hay Nandaka), 4.P. Phước đức kheo, Thanh tịnh, Quả (1) và (2), Ànanda sung mãn (Sung mãn (1), (2) và (3), Con (1) và (2), Tỳ-kheo (1) và (2), Moggalàna, đường của chư thiên (1) và (2), Đi đến bạn Như Lai), 4.P. Sông Hằng rộng lớn, 5.P. bè, Mahànàma, Mưa, Kali, Nandiyà), 5.P. Không phóng dật, 6.P. Việc làm cần sức Phước đức sung mãn với kệ (Sung mạn mạnh, 7.P. Tầm cầu, 8.P. Bộc lưu. (1), (2) và (3), Rất giàu hay giàu (1) và

(2), Tỳ-kheo hay thanh tịnh, Nandiya, 9.P. Lúa gạo sống rộng thuyết (Múa, Bhaddiya, Mahànàma, Phần), 6.P. Với trí Giường nằm, Bạc, Lúa gạo, Thịt, Con gái, tuệ (Với bài kệ, An cư mùa mưa, Nữ tỳ, Dê, dê rừng, Gà-heo, Voi), 10.P. Dhammadinna, Bị bệnh, Bốn quả (1), (2), Chúng sanh nhiều hơn (Ruộng, Mua bán, (3) và (4), Lợi đắc, Tăng trưởng, Quảng Đưa tin tức, Cân lường, Hối lộ, Sát hại, đại), 7.P. Đại trí tuệ (Đại, Quảng đại trộm cắp, cướp phá), 11.P. Năm sanh thú (Puthu), Tăng trưởng (Vipula), Thâm sâu, (Năm sanh thú (1), (2), (3), (4), (5), (6), Không có ngang bằng (Asamatta), Sung (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13) và (14). mãn (Bhùri), Nhiều, Nhanh lẹ (Sìgha), Khinh an, Hoan hỷ (Hàsa), Tốc hành, Sắc 711. KINH TƯƠNG ƯNG bén, Thể nhập (Nibbedhika). Huyền Giải – Tập 1 Chương XII, Tương ưng Sự thật, có 11 Giác Nguyên (Toại Khanh) phẩm: 1.P. Định (Định, Thiền định Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – 2019 (Patisallàna), Thiện nam tử (1) và (2), Sa-Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 592 môn, Bà-la-môn (1) và (2), Các tầm, Suy trang. tư (Cintà), Tranh luận (Viggàhikà), Lời Nội dung gồm có 6 phẩm, 60 Kinh: C.I nói), 2.P. Chuyển pháp luân (Như Lai Tương ưng chư Thiên, I.P Cây lau, 1. Bộc thuyết (1) và (2), Uẩn, Xứ, Thọ trì (1) và lưu-Oghataranasutta, 2. Giải thoát- (2), Vô minh, Minh, Thi thiết (Sankàsanà), Vimokkhasutta, 3. Đưa đến đoạn tận- Như thật (Tathà), 3.P. Kotigàma (Minh (1) Upanìyasutta, 4. Thời gian trôi qua- và (2), Chánh đẳng giác, A-la-hán, Đoạn Accentisutta, 5. Bao nhiêu phải cắt đoạn- tận các lậu hoặc, Thân hữu, Như thật, Thế Katichindasutta, 6. Tỉnh giác-Jagarasutta, giới, Cần phải liễu tri hay thắng tri, 7. Không Liễu tri-Appatividitasutta, 8. Gavampati), 4.P. Rừng Simsapà (Simsapà, Kinh Mê loạn-Susammutthasutta, 9. Mong Cây leo (Khandira?), Cái gậy, Khăn đầu, muốn kiêu mạn-Manakamasutta, 10. Rừng Một trăm cây thương (Sattisata), Sanh loại núi-Arannasutta; II.P Vườn Hoan hỷ, 1. (Pànà), Ví dụ mặt trời (1) và (2), Cột trụ Vườn Hoan hỷ-Nandanasutta, 2. Vui (Indakhilo), Tranh luận), 5.P. Vực thẳm thích-Nandatisutta, 3. Không ai bằng con- (Tư duy, Vực thẳm, Nhiệt não, Nhà có nóc

Natthiputtasama, 4. Giai cấp Sát-đế-lỵ- nhọn, Chiggala (Lỗ khóa hay sợi lông) (1), Khattiyasutta, 5. Tiếng động rừng sâu- Hắc ám, Lỗ khóa (2) và (3), Núi Sineru Sanamànasutta, 6. Ngủ gục- (Tu Di) (1) và (2), 6.P. Chứng đạt (Đầu Niddàtandìsutta, 7. Khó làm-Dukkarasutta, móng tay, Ao hồ, Nhập dòng (Sambhejja) 8. Liêm sỉ-Hirìsutta, 9. Am tranh- (1), Hợp dòng (2), Quả đất (1) và (2), Biển Kutikasutta, 10. Samiddhi-Samiddhisutta; (1) và (2), Ví dụ với núi (1) và (2), 7.P. III.P Thanh gươm, 1. Thanh gươm- Bánh xe lược thuyết (Người khác, Biên Sattisutta, 2. Xúc chạm-Phusatisutta, 3. địa, Trí tuệ, Rượu, Sanh ở nước, Hiếu kính Triền phược-Jatasutta, 4. Chế ngự tâm- mẹ, Hiếu kính cha, Kính trọng Sa-môn, Manonivàranasutta, 5. Vị A-la-hán- Bà-la-môn, Kính trọng các bậc lớn tuổi), Arahantasutta, 6. Kinh Ánh sáng- 8.P. Ít người từ bỏ (Sanh loại, Lấy của Pajjotasutta, 7. Nước chảy-Sarasutta, 8. không cho, Trong các dục vọng, Nói láo, Giàu lớn-Mahaddhanasutta, 9. Bốn bánh Nói ly gián, Nói lời thô ác, Nói lời phù xe-Catucakkasutta, 10. Con sơn dương- phiếm, Hột giống, Phi thời, Hương liệu), Enijanghasutta; IV.P Quần tiên,

Satullapakàyikavaggo, 1. Với người thiện- 713. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG Sabbhisutta, 2. Xan tham-Maccharisutta, Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương 3. Lành thay-Sàdhusutta, 4. Chúng không Giáo Trình Trung Cấp Phật Học phải-Nasantisutta, 5. Hiềm trách thiên- Chủ biên: TT. TS. Thích Thích Viên Trí – Ujjhànasannisutta, 6. Lòng tin- Biên soạn: TT. Thích Viên Giác Saddhàsutta, 7. Tụ hội-Samayasutta, 8. Nxb Phương Đông – 2015. Sách có khổ Miếng đá vụn-Sakalikasutta, 9. Con gái 14.5 x 20.5cm. của Pajjunna 1- Xem: Kinh Kinh Tứ Thập Nhị Chương do Pathamapajjunnadhitusutta, 10. Con gái TT. Thích Viên Giác biên soạn. của Pajjunna 2-Dutiyapajjunnadhitusutta; V.P Thiêu cháy, 1. Thiêu cháy-Adittasutta, 714. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG 2. Cho gì-Kimdadasutta, 3. Đồ ăn- Hán dịch: Ca-diếp-ma-đằng Annasutta, 4. Một căn rễ-Anomasutta, 5. và Trúc Pháp Lan Bậc hoàn toàn- Anomasutta, 6. Thiên nữ- Việt dịch và lược giảng: Thích Vĩnh Hóa Accharàsutta, 7. Trồng rừng- Báo Ân tự, 7509 Mooney Drive, Vanaropasutta, 8. Kỳ viên-Jetavanasutta, Rosemead, CA 91770, USA (Tái bản lần 9. Xan tham-Maccharisutta, 10. Thợ đồ thứ hai). Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày gốm-Ghatikàrasutta; VI.P Già, 1. Già- 223 trang, nội dung có 42 chương (C), mỗi Jarasutta, 2. Không già-Ajarasàsutta, 3. chương có 3 phần: Kinh văn, Dịch nghĩa Bạn-Mittasutta, 4. Cơ sở-Vatthusutta, 5. và Lược giảng. Nội dung gồm có: Kinh Sanh nhân-Pathamajanasutta, 6. Sanh nhân tựa, C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Đoạn 2-Dutiyajanasutta, 7. Sanh nhân 3- dục tuyệt cầu, C.3 Cắt ái khứ tham, C.4 Tatiyajanasutta, 8. Phi đạo-Uppathasutta, Thiện ác tinh minh, C.5 Chuyển trọng linh 9. Người bạn-Dutiyasutta, 10. Thi nhân- khinh, C.6 Nhẫn ác vô sân, C.7 Ác hoàn Kavisutta. bản thân, C.8 Trần thóa tự ô, C.9 Phản bổn hội đạo, C.10 Hỷ thí hoạch phúc, C.11 Thí phạn chuyển thắng, C.12 Cử nan khuyến tu, C.13 Vấn đạo túc mạng, C.14 Thỉnh 712. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG vấn thiện đại, C.15 Thỉnh vấn lực minh, Biên soạn: Thích Viên Giác C.16 Xả ái đắc đạo, C.17 Minh lai ám tạ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000 C.18 Niệm đẳng bổn không, C.19 Chân Kinh có khổ 13 x 19cm, có 176 trang, bìa giả tinh quán, C.20 Suy ngã bổn không, mềm (tái bản lần thứ nhất). Nội dung Kinh C.21 Danh thanh táng bổn, C.22 Tài sắc này gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu và chiêu khổ, C.23

Thê tử thậm ngục, C.24 42 chương Kinh, mỗi chương có các phần: Sắc dục chướng đạo, C.25 Dục hỏa thiêu chánh văn, đại ý, giảng nghĩa, nhận xét và thân, C.26 Thiên ma nhiễu Phật, C.27 Vô kết luận. Cuối sách là Phụ lục nguyên bản trước đắc đạo, C.28 Ý mã mạc túng, C.29 Hán ngữ Tứ Thập Nhị Chương Kinh của Chánh quán địch sắc, C.30 Dục hỏa viễn hai cao Tăng Ca-diếp-ma-đằng và Trúc ly, C.31 Tâm tịch dục trừ, C.32 Ngã không Pháp Lan cùng dịch. bố diệt, C.33 Trí minh phá ma, C.34 Xử Tác phẩm Kinh này đã được tái bản năm trung đắc đạo, C.35 Cấu tịnh minh tồn, 2002, Nxb Tôn Giáo. C.36 Triển chuyển hoạch thắng, C.37 Niệm giới cận đạo, C.38 Sanh tức hữu

diệt, C.39 Giáo hối vô sai, C.40 Hành đạo Phần dịch nghĩa, Bài tựa Kinh, C.1 Xuất tại tâm, C.41 Trực tâm xuất dục, C.42 Đạt gia chứng quả, C.2 Trừ dục dứt tình, C.3 thế như huyễn. Dứt bỏ tham ái, C.4 Phân rõ lành dữ, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 Nhịn kẻ ác 715. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG không giận, C.7 Làm ác gặp ác, C.8 Tự Kinh Bốn Mươi Hai Chương làm xấu mình, C.9 Về nguồn hiểu đạo, – âm nghĩa C.10 Tán trợ được phước, C.11 Đãi cơm Hán dịch: Đời Hậu Hán, khác biệt, C.12 Khó nhọc nên gắng tu, Ca-diếp-ma-đằng và Trúc Pháp Lan C.13 Hỏi về túc mạng, C.14 Hỏi điều tốt Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và lành, C.15 Sức mạnh và sự sáng, C.16 Bỏ Nguyễn Minh Tiến luyến ái được đạo, C.17 Sáng đến tối đi, Nxb Tôn Giáo – 2016. Kinh có khổ 16 x C.18 Nghĩ tưởng lẽ không, C.19 Quan sát 24cm, có 71 trang, bìa mềm, nền đỏ, có chân giả, C.20 Ngã vốn là không, C.21 khung bao, hoa văn bốn góc, chữ tựa màu Tham danh mất gốc, C.22 Tài sắc chuốc vàng và màu trắng, có hình hoa sen. Nội sự khổ, C.23 Vợ con trói buộc, C.24 Sắc dung gồm có: Nghi thức khai Kinh, dục che lấp đạo, C.25 Lửa dục thiêu thân, Phần Dịch âm, Kinh tự, C.1 Xuất gia C.26 Thiên ma quấy rối Phật, C.27 Không chứng quả, C.2 Đoạn dục tuyệt trẫm, C.3 vướng mắc, C.28 Chớ buông thả tâm ý, Cắt ái khử tham, C.4 Thiện ác tịnh minh, C.29 Chánh quán trừ sắc dục, C.30 Lìa xa C.5 Chuyển trọng linh khinh, C.6 Nhẫn ác lửa dục, C.31 Tĩnh tâm trừ dục, C.32 Trừ vô sân, C.7 Ác hoàn bổn thân, C.8 Trần ngã không còn sợ, C.33 Trí sáng phá tà thóa tự ô, C.9 Phản bổn hội đạo, C.10 Hỷ ma, C.34 Trung đạo, C.35 Trừ cấu nhiễm, thí hoạch phúc, C.11 Thí phạn chuyển C.36 Được chỗ tốt hơn, C.37 Giữ giới gần thắng, C.12 Cử nan khuyến tu, C.13 Vấn đạo, C.38 Có sanh có diệt, C.39 Lời dạy đạo túc mạng, C.14 Thỉnh vấn thiện đại, chẳng sai, C.40 Lễ bái do nơi tâm, C.41 C.15 Thỉnh vấn lực minh, C.16 Xả ái đắc Lòng ngay trừ dục, C.42 Biết đời là huyễn. đạo, C.17 Minh lai ám tạ, C.18 Niệm đẳng 716. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG bổn không, C.19 Chân giả tinh quán, C.20 (Vạn Tân Toản Đại Nhật Bản Suy ngã bổn không, C.21 Danh thanh táng Tục Tạng Kinh Vol 37, No. 671) bổn, C.22 Tài sắc chiêu khổ, C.23 Thê tử Hán dịch: Sa-môn Ca-diếp-ma-đằng thậm ngục, C.24 Sắc dục chướng đạo, và Trúc Pháp Lan C.25 Dục hỏa thiêu thân, C.26 Thiên ma Việt dịch: Thánh Tri nhiễu Phật, C.27 Vô trước đắc đạo, C.28 Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời Ý mã mạc túng, C.29 Chánh quán địch tựa (San Antonio, Tx, Hoa Kỳ - 2016), nội sắc, C.30 Dục hỏa viễn ly, C.31 Tâm tịch dung có 3 phần chính với 42 chương: Phần dục trừ, C.32 Ngã không bố diệt, C.33 Trí Sơ tựa; Phần hai Chánh tông: C.1 Xuất gia minh phá ma, C.34 Xử trung đắc đạo, chứng quả, C.2 Rõ lý đạo cao, C.3 Cạo bỏ C.35 Cấu khứ minh tồn, C.36 Triển râu tóc giữ Đạo thanh tịnh, C.4 Chuyển ác chuyển hoạch thắng, C.37 Niệm giới cận thành thiện, C.5 Sửa lỗi diệt tội, C.6 Nhịn đạo, C.38 Sanh tức hữu diệt,

C.39 Giáo ác đừng sân, C.7 Mắng Phật chiêu họa, hối vô sai, C.40 Hành đạo tại tâm, C.41 C.8 Hại người tức hại mình, C.9 Vững chí Trực tâm xuất dục, C.42 Đạt thế tri huyễn; ngộ Đạo, C.10 Tùy hỷ giúp người bố thí được phước, C.11 So sánh ruộng phước,

C.12 Kính trọng cha mẹ để bày tỏ đạo Hình thức Sa-môn, C.3. Điều ác và điều hiếu, C.13 Biết rõ cái khó mà cố gắng làm, thiện, C.4. Tội lỗi và sám hối, C.5. Quà C.14 Sạch tâm thấy Đạo đoạn dục biết đời tặng trở về, C.6. Ngược gió tung bụi, C.7. trước, C.15 Hành thiện chí lớn, C.16 Nhẫn Bố thí và trì giới, C.8. Bố thí và tùy hỷ, mạnh tâm sáng, C.17 Gạn đục thấy đạo, C.9. Phân biệt cúng dường, C.10. Năm C.18 Hết tối còn sáng, C.19 Chân tướng điều khó, C.11. Đắc đạo và túc mạng, không tướng, C.20 Quán thấu thì đắc Đạo, C.12. Thiện, lớn, mạnh và sáng, C.13. Ái C.21 Trừ ngã thành không, C.22 Cầu danh diệt thì tâm tịnh, C.14. Bóng tối và ánh hại thân, C.23 Tham tiền chiêu khổ, C.24 sáng, C.15. Thân, khẩu, ý thanh tịnh, C.16. Bị vợ con trói buộc như đắm trong bùn Nhân thế vô thường, C.17. Niệm đạo và lầy, C.25 Luyến sắc mất Đạo, C.26 Dục tín căn, C.18. Tứ đại vô ngã, C.19. Danh giảm thì Đạo tăng, C.27 Ngược dòng theo vọng hão huyền, C.20. Tham dục như mật tánh, C.28 Bỏ ý xa sắc, C.29 Giữ chánh ngọt, C.21. Thê tử như lao ngục, C.22. Ái niệm phòng nữ sắc, C.30 Hướng đạo tránh dục mạnh nhất, C.23. Cầm đuốc đi ngược dục, C.31 Lo lắng lòng dâm nên đoạn tâm gió, C.24. Ngọc nữ hầu Phật, C.25. Khúc dâm dục, C.32 Lìa ái hết lo, C.33 Vững gỗ trôi sông, C.26. Chớ tin tâm mình, tâm đắc quả, C.34 Rõ đạo lý trong bốn câu C.27. Phụ nữ và người thân, C.28. Như cỏ hỏi, C.35 Bỏ hết dơ bẩn thì hạnh liền trong tránh lửa, C.29. Đoạn âm và đoạn tâm, sạch, C.36 Đề ra cái khó để rõ biết mà tu, C.30. Cội nguồn của dục vọng, C.31. C.37 Thường giữ giới luật đắc được đạo Tham dục và sợ hãi, C.32. Bốn hạng chiến quả, C.38 Biết mạng người trong hơi thở sĩ, C.33. Tiếng đàn của So-na, C.34. Tu là hiểu Đạo, C.39 Học Phật tin Kinh, C.40 hành như luyện sắt, C.35. Có thân thì có Nhổ gốc ái dục đắc Đạo thoát khổ, C.41 khổ, C.36. Những điều khó trong đời, Trực tâm hành Đạo mới thoát khổ, C.42 C.37. Mạng người trong hơi thở, C.38. Xét các pháp rõ biết là huyễn hóa; Phần ba Gần Phật – xa Phật, C.39. Phật pháp thuần Lưu thông. Phụ lục: 1. Kinh văn phiên âm một vị, C.40. Nhổ gốc ái dục, C.41. Vượt Hán-Việt; 2. Văn Kinh bản Hán; 3. Chú khỏi bùn nhơ, C.42. Vương hầu như khách thích; Tài liệu tham khảo. trọ. Kinh Sanskrit/Hán tạng) 2014, Nxb Hồng Đức.

717. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG 718. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG Đối chiếu và Nhận định giải thích Đối chiếu và nhận định: Thích Chúc Phú Việt dịch – giải thích: Nxb Hồng Đức – 2019 Giáo sư Thích Hoàn Quan (1928-2005) Kinh có khổ 13 x 20.5cm, có 398 trang, Chùa Khánh Vân – bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ và Hoa Đạo xuất bản – 1967 đen, nền có hoa văn mây và văn kinh chữ Kinh có khổ 13 x 19cm, có 204 trang, bìa Hán chìm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 42 gồm có 42 chương (C) chính. Lời giới chương, được phân thành 3 phần chính, 4 thiệu, Lời nói đầu, Khảo luận về tác giả, mục lớn. A. Phần tổng khởi; B. Phần niên đại và truyền bản, Bài tựa kinh Tứ chánh thuyết: I. Cộng giáo hạnh quả của thập nhị chương. C.1. Quả vị Sa-môn, C.2. Tam thừa (Chứng quả xuất thế và Tu hạnh

xuất gia), II. Thông nghĩa thiện ác của Nxb Tôn Giáo – 2009, khổ 14.5 x 20.5cm, Ngũ thừa, III. Thắng hạnh bất cộng của dày 318 trang, bìa mềm. Đại thừa: - Lập tín nguyện, - Tu lục độ: Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 Bố thí độ, trì giới độ, nhẫn nhục độ, thiền quyển: - Lời nói đầu; Quyển thượng, I. định độ, bát-nhã độ (căn bản trí, hậu đắc Duyên khởi, II. Xuất sanh, III. Chứng đạo, trí, gia hạnh trí: Quán vô thường là IV. Độ sanh, V. Hội ngộ, VI. Thỉnh vấn, thường, Quán vô ngã như huyễn, Thông VII. Vấn đáp: 1. Mục đích xuất gia, 2. Tái quán ngũ dục, Riêng trách sắc dục), tinh sanh, 3. Các điều lành, 4. Hiếu thuận, 5. tấn độ: Mặc giáp tinh tấn, Hạnh mặc giáp Tinh tấn, 6. Nhớ nghĩ điều lành, 7. Nhất tinh tấn, Tướng mặc giáp tinh tấn, Nhiếp tâm, 8. Trí tuệ, 9. Công năng của các điều thiện tinh tấn, Lợi lạc tinh tấn, Giới là lành, 10. Ai tái sanh, 11. Không còn tái quan trọng; IV. Tín giáo, giải lý và tu sanh, 12. Trí tuệ của người đắc đạo, 13. hạnh; C. Phần tổng kết. Năm tâm lành; Quyển trung, I. Các vấn đề Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm về tâm thức: 1. Cảm xúc và sự khổ, vui, 2. 1971-1972, Hoa Đạo xuất bản; các năm: Sau khi chết, 3. Nguyên nhân tái sanh, 4. 2004-2008-2016, Nxb Tôn Giáo. Danh và thân, 5. Vòng tròn sanh tử, 6. Cội nguồn sanh tử, 7. Nhân duyên sanh, 8. Bản 719. KINH TỪ TÂM ngã, 9. Căn và Thức, 10. Xúc nhập, 11. VÀ PHƯỚC ĐỨC Lạc thọ, 12. Hiểu rõ và nhận biết, 13. Tư Biên soạn: Thích Nhật Từ tưởng, 14. Sự rung động trong lòng, 15. Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh có khổ 14 x Phân biệt, 16. Căn và Trần; II. Sanh tử và 20cm, có 44 trang, bìa mềm. Niết-bàn: 1. Nghiệp quả sai biệt, 2. Nên Toàn bộ Kinh này gồm có 3 phần: Phần sớm làm việc thiện, 3. Địa ngục, 4. Niết- dẫn nhập, 1. Nguyện hương, 2. Ca ngợi bàn, 5. Ai nhập Niết-bàn, 6. Vì sao biết Phật và quán tưởng, 3. Đảnh lễ Tam bảo, Niết-bàn là vui? 7. Vì sao biết có Phật? 8. 4. Tán hương, 5. Phát nguyện trì Kinh, 6. Người đắc đạo có khổ hay không? 9. Đắc Tán dương giáo pháp; Phần Chánh Kinh, đạo và nhập Niết-bàn; Quyển hạ, I. Việc 1. Kinh Từ Tâm, 2. Kinh Phước Đức, 3. làm và nhân quả: 1. Không ai hơn Phật, 2. Kinh Người Áo Trắng; Phần Hồi hướng, Làm theo Kinh Phật, 3. Sau khi chết, 4. 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. a. Niệm Phật A- Nhân quả nối tiếp, 5. Dự tri nhân quả; II. di-đà và Thánh chúng, b. Sám Quy y, 3. a. Phật và đệ tử: 1. Phật đang ở đâu? 2. Tự Sám Quy nguyện, b. Sám tu là cội phúc, 4. yêu mến thân thể, 3. Phật không giống thế Hồi hướng công đức, 5. Lời nguyện cuối, gian, 4. Ngụy biện, 5. Ai là thầy của Phật; 6. Đảnh lễ Ba ngôi báu. III. Tu tập và giải thoát: 1. Hai giọt lệ, 2. Kinh này đã được xuất bản từ năm 2009, Người được giải thoát, 3. Trí nhớ, 4. Phát Nxb Tôn Giáo. khởi trí nhớ, 5. Độ người cũng như trị bệnh, 6. Thuyền chở đá, 7. Vì sao phải lo 720. KINH TỲ-KHEO NA-TIÊN tu hành, 8. Sự hóa hiện của tâm thức, 9. (Hán – Việt) Nhân duyên hiểu đạo, 10. Thiện ác và tội Dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và phước, 11. Người đắc đạo và các việc lạ, Nguyễn Minh Tiến 12. Ngưng hơi thở, 13. Trí tuệ của người Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển đắc đạo; IV. Đoạn kết; Phần Hán văn: Q. thượng, Q. trung và Q. hạ.

chắc thật, 13. Bản tánh thanh tịnh, 14. Con 721. KINH THANH TỊNH TỲ-NI thật của Phật, 15. Thắng Man hoàng hậu; Dịch và giải thích: Ghi chú. Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 724. KINH THẮNG MAN Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 89 Dịch giả: HT. Thích Đức Niệm trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen và đỏ, có Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 hình Đức Phật an tọa trên tòa sen tay kiết Kinh có

khổ 14.5 x 20.5cm, có 478 trang. ấn. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tiểu sử Kinh này gồm có: Thay lời tựa, Huyền Dịch giả, Kinh Thanh Tịnh Tỳ-ni Phương luận kinh Thắng Man, Phần tự, Phần Quảng; Phần Chú thích. Chánh tông và Phần Lưu thông, Phần chú thích. 722. KINH THẮNG MAN Kinh Thắng Man này lần đầu được THPG Việt dịch: HT. Thích Thanh Từ Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1996, khổ Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 15 14 x 20cm, có 458 trang, bìa mềm. chương chính: C.1 Ý nghĩa chơn thật về công đức của Như Lai; C.2 Mười điều nhận lãnh; C.3 Ba lời nguyện; C.4 Nhiếp thụ; C.5 Nhất thừa; C.6 Vô biên Thánh đế; C.7 Như Lai tạng; C.8 Pháp thân; C.9 Không nghĩa ân phú chân thật; C.10 Một 725. KINH THẮNG MAN Thánh đế; C.11 Một sở y; C.12 Điên đảo Dịch-chú và giảng: Tiến sĩ Nguyên Hồng và chân thật; C.13 Tự tánh thanh tịnh; Nxb Tôn Giáo – 2005 C.14 Chân thật đệ tứ; C.15 Thắng Man. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 255 Sanskrit/Hán tạng) thiệu, C.1 Ý nghĩa chân thật về Công đức của Như Lai, C.2 Mười điều nhận lãnh, 723. KINH THẮNG MAN C.3 Ba lời nguyện, C.4 Nhiếp thụ, C.5 Dịch giả: Trí Quang (1923-2019) Nhất thừa, C.6 Vô biên Thánh đế, C.7 Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Như Lai tạng, C.8 Pháp thân, C.9 Không PL. 2538 – DL. 1994 nghĩa ẩn phú chân thật, C.10 Một Thánh Kinh có khổ 13 x 19cm, có 88 trang, bìa đế, C.11 Một sở y, C.12 Điên đảo và chân mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát thật, C.13 Tự tính thanh tịnh, C.14 Chân Quán Thế Âm tay cầm nhành dương liễu. thật đệ tử, C.15 Thắng Man; Phiên âm, Nội dung gồm có: Dẫn nhập, Kinh Thắng Hán văn. Man, I. Được thọ ký, 1. Đức tính chân thật của Như Lai; II. Phát Bồ-đề tâm, 2. Mười 726. KINH THẮNG MAN - điều nhận lãnh, 3. Ba điều đại nguyện, 4. PHU NHÂN HỘI Thu nhận chánh pháp; III. Nhập Như Lai Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí tạng, 5. Xác quyết Nhất thừa, 6. Chân lý Việt dịch và giải thích: Chân Hiền Tâm vô biên, 7. Như Lai tạng, 8. Pháp thân, 9. Nxb Tôn Giáo – 2006. Toàn bộ tác phẩm Chân thật bị ẩn, 10. Thánh đế duy nhất, này gồm có 3 phần chính: - Lời nói đầu, 11. Nương tựa duy nhất, 12. Thác loạn, Phần I. Nhân duyên Thắng Man gặp Phật,

Mười hoằng thệ; Phần II. Ba đại nguyện, Việt dịch: Thích Giác Thiện Nghĩa quảng đại của nhiếp thọ chánh Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14.5 x pháp, Thực tướng của nhiếp thọ chánh 20.5cm, bìa cứng, nền màu vàng chữ tựa pháp và chánh pháp, Ý nghĩa của sáu độ màu đen, dày 1.016 trang, với 121 tập. Ba-la-mật, Xả bỏ thân mạng và tài sản để nhiếp thọ chánh pháp, Lời ca ngợi của 730. KINH THẬP THIỆN Giải Thích Đức Phật đối với việc nhiếp thọ chánh Giải thích: pháp; Nhiếp thọ chánh pháp chính là nhiếp Giáo sư Thích Hoàn Quan (1928-2005) thọ Đại thừa; Phần III. Sự khác nhau giữa Hoa Đạo xuất bản, PL. 2515 – DL. 1971 Phật và La-hán, Hai loại tử, Ba thứ vô Nội dung gồm có: A. Chứng tín (tự phần), minh, Như Lai tạng, Tác Thánh đế và Vô B. Chánh thuyết (chánh tôn), I. Thuyết tác Thánh đế, Không và bất không Như minh nghiệp quả thế và xuất thế, 1. Từ Lai tạng, Tịnh trí của Thanh văn và Duyên nhân nói quả, 2. Ngay nơi quả mà nói giác, Bốn trí nhập lưu, Giải thích 4 tướng nhân, 3. Đem nhân để nói tướng: a. Quán ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả theo kinh tâm vô chủ, b. Quán pháp như huyễn, c. Viên Giác, 3 loại người có thể thành tựu Khuyên nên tu thiện, 4. Đem tướng nghiệp đại pháp, Lời phó chúc của Đức Phật; Chú quả chứng minh, a. Đem Phật quả chứng thích. minh, b. Đem Bồ-tát quả chứng minh, c. Đem thiên long chứng minh, d. Dẫn loài 727. KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG thủy tộc chứng minh; II. Thuyết minh BÁT-NHÃ

BA-LA-MẬT Thập thiện nghiệp đạo, 1. Hiển dụng của Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm thiện pháp, 2. Giải thích tên của thiện Huệ Quang pháp, 3. Trình bày hành tướng của thiện Hán dịch: Đời Trần, pháp; III. Thuyết minh công đức của Thập Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na thiện nghiệp, 1. Thuyết minh công đức Việt dịch: Minh Định; không sát sanh, 2. Thuyết minh công đức Hiệu đính: Định Huệ không trộm cắp, 3. Thuyết minh công đức Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x không tà hạnh, 4. Thuyết minh công đức 20.5cm, dày hơn 215 trang. không vọng ngữ, 5. Thuyết minh công đức Nội dung gồm có: Thay lời tựa và 7 không nói hai lưỡi, 6. Thuyết minh công Quyển (Q.I đến Q.VII). đức không nói ác khẩu, 7. Thuyết minh công đức không thêu dệt, 8. Thuyết minh 728. KINH THẬP THIỆN công đức không tham dục, 9. Thuyết minh Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) công đức không sân hận, 10. Thuyết minh Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành công đức không tà kiến; IV. Thuyết minh Kinh có 27 trang, bìa mềm. Nội dung gồm thắng hạnh Mười thiện nghiệp, 1. Thuyết có: Phật nói Kinh Thập Thiện Nghiệp minh Lục độ, a. Rộng nói về Bố thí độ, b. Đạo; Chú thích. (Bản lưu tại Thư viện Lược nói năm độ khác, 2. Thuyết minh Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại các hạnh: a. Tứ vô lượng tâm, b. Tứ nhiếp Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2189) pháp, c. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.v.v..., 3. Tổng kết; V. Thuyết minh sự thù thắng 729. KINH THẬP THIỆN của Mười thiện nghiệp; C. Phần Lưu Giảng luận: Pháp sư Tịnh Không thông.

Tác phẩm này đã được Hoa Đạo xuất bản Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 289 trang, bìa năm 1965, với tên “Kinh Thập Thiện” mềm, chữ tựa Kinh mạ vàng, có tay gấp. (Dùng cho lớp Tiểu học Phật giáo); năm Nội dung gồm có: I. Lời tựa, II. Giải nghĩa 1972, (Chùa Khánh Vân) Hoa Đạo xuất đề Kinh Thập Thiện, III. Chánh văn Kinh bản. Thập Thiện, IV. Giải nghĩa chánh văn Kinh Thập Thiện, A. Thập Thiện, 1. Sát 731. KINH THẬP THIỆN giảng giải sanh, 2. Trộm cướp, 3. Tà hạnh, 4. Vọng Dịch-giảng: HT. Thích Thanh Từ ngữ, 5. Nói hai lưỡi, 6. Ác khẩu, 7. Ỷ ngữ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2004 8. Tham dục, 9. Sân hận, 10. Tà kiến; B. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 121 trang, Thập thiện và Bố thí, C. Thập thiện và Lục bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ và độ Ba-la-mật, D. Thập thiện và Từ Bi Hỷ đen, có hình tháp chuông (nhỏ) phần dưới. Xả, E. Thập thiện và Ba mươi bảy phẩm Tác phẩm này gồm có: Lời đầu sách, trợ đạo; Kết luận. Giảng đề kinh, Giảng văn kinh (dịch âm, dịch nghĩa và giảng); 10 nghiệp lành: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà hạnh, 4. Không nói dối, 5. 734. KINH Không nói hai lưỡi, 6. Không nói lời hung THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO dữ, 7. Không nói lời trau chuốt, 8. Không Việt dịch: Thích nữ Tịnh Ý tham dục, 9. Không sân giận, 10. Không tà Kim Huê Tự (Sa-Đéc) ấn tống kiến. Nói về những thành tựu công đức – PL. 2520 của việc xa lìa mười nghiệp lành. Kinh có 42 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều có: Tựa, C.1 Lời nói đầu, I. Nghĩa chơn lần: Năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh thật đúng lý, II. Pháp ứng cơ đối trị; C.2 ấn hành; năm 1997, Thiền viện Thường Phần 1. Giải thích đầu đề Kinh, Phần 2. I. Chiếu ấn hành; năm 1996, THPG Tp. Hồ Giải thích đầu đề bản dịch, II. Giải thích Chí Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ về bổn văn dịch có hai phần, Tổng kết; Chí Minh (tái bản lần thứ tư); năm 2006, C.3 Lưu thông. 2007, 2011, 2016 (tái bản lần thứ bảy), Nxb Tôn giáo. 735. KINH THẬP THIỆN NGHIỆP

ĐẠO 732. KINH THẬP THIỆN Lược Giải Soạn dịch: Thích Giải Hiền Lược giải: Chân Hiền Tâm Toàn bộ tác phẩm này gồm có 12 chương Nxb Phương Đông - 2011. Nội dung Kinh chính: Lời mở đầu (2015); C.1 Tự luận; này gồm có 3 phần chính: - Lời nói đầu, 1. C.2 Cách thức nhìn nhận bố cục một bộ Nhân duyên nói Kinh Thập Thiện; 2. Công Kinh Phật giáo; C.3 Ai là người sáng thế? đức của Thập thiện hạnh; 3. Thắng hạnh C.4 Nhìn rõ hiện tượng tâm vật; C.5 Sự của Thập thiện hạnh. khác biệt của vạn vật hữu tình; C.6 Đức hạnh căn bản của học Phật; C.7 Mười 733. KINH THẬP THIỆN Lược Giảng hành vi xây dựng hạnh phúc nhân sanh; Lược giảng: Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải C.8 Con đường thành Phật; C.9 Tinh thần Nxb Tôn Giáo, PL. 2564 – DL. 2020 của Bồ-tát; C.10 Phương tiện để nhiếp hóa chúng sinh; C.11 Pháp môn hướng đến

giải thoát; C.12 Tổng kết; Phần chánh văn; mẹ phải có năm điều, II. Lạy phương Nam Phần dịch âm; Phần dịch nghĩa. nghĩa là: Bổn phận làm trò đối với thầy giải kinh) nghĩa là: Bổn phận làm vợ đối với chồng phải có năm điều, IV. Lạy phương Bắc 736. KINH nghĩa là: Bổn phận mình đối với bà con THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO thân quyến kia đây đều có năm điều, V. Nguyên tác: Lạy phương Dưới nghĩa là: Bổn phận chủ Pháp sư Thái Hư (1889-1947) nhà đối với tôi tớ phải có năm điều, VI. Việt dịch: Lạy phương Trên nghĩa là: Bổn phận thí HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) chủ cúng dường Sa-môn, thiện tri thức Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời giới phải đủ năm điều; Phụ lục: 1. Nhơn duyên thiệu (Phật học đường Báo Quốc-Huế, PL. Phật giáng thế, 2. Sự tích Đức Thích-ca 2512 – DL. 1949), I. Thiệt nghĩa của khế Mâu-ni Phật, 3. Phát Bồ-đề tâm. lý, II. Ứng dụng của khế cơ; A. Giải thích Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. đề mục, B. Giải thích Kinh văn; có 5 Hồ Chí Minh ấn hành năm 1995. chương: C.1 Nghiệp quả thế gian và xuất thế gian; C.2 Thập thiện nghiệp đạo; C.3 739. KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN Công đức của Thập thiện; C.4 Thắng hạnh – ĐẠI BI SÁM PHÁP của Thập thiện nghiệp; C.5 Kết luận, Sự ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI Kinh Sanskrit/Hán tạng) Thích Thiền Tâm (1925-1992) Duc Vien Buddhist Community Pagoda, 737. KINH THẤT PHẬT 2420-2440 Mc Laughlin Ave. Việt dịch: Thích Tâm Hạnh San Jose, CA 95121-2745 USA, ấn tống, Hiệu chú: Tuệ Sỹ - Đức Thắng PL. 2540 – DL. 1997 Nội dung Kinh này nói về dòng họ, thân Sách dày 224 trang, bìa cứng, màu xanh thế, công hạnh, thành tựu Vô thượng dương, chữ mạ vàng. Chánh giác và hoằng hóa độ sanh của bảy Toàn bộ Kinh này gồm có: Kinh Thiên thủ Đức Phật: 1. Phật Tỳ-bà-thi, 2. Phật Thi- Thiên nhãn Đại bi Sám pháp (Giác Hải khí, 3. Phật Tỳ-xá-phù, 4. Phật Câu-lưu- dịch), Thiên thủ Thiên nhãn Pháp bửu tôn, 5. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, 6. Phật Chân ngôn đồ (có 42 đồ hình); Lời bạt, Ca-diếp và 7. Phật Thích-ca Mâu-ni. Phần Kinh văn: Kinh Thiên Thủ Thiên Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-ra-ni; 738. KINH THI-CA-LA-VIỆT Phần Chánh văn và Xuất tượng Đại bi (Phước Bình Tuyển Tập) Tâm Đà-ra-ni – Mahakaruna Dharani (có HT. Thích Hành Trụ 84 đồ hình). Sau cùng là Phần Chú thích Nxb Tôn Giáo – 2011 và Phần Đại bi trì nghiệm. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 20 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: 740. KINH THIỆN ÁC NHÂN QUẢ Lễ bái sáu phương, I. Lạy phương Đông, Việt dịch: nghĩ là: Bổn phận làm con thờ kính cha HT. Thích Trung Quán (1918-2003)

Nxb Hồng Đức – 2014 P.4 Nhập vào Đại bi chẳng thể nghĩ bàn Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 54 trang, của Như Lai; Q.V, P.5 (Chi một). Nhập bìa mềm. vào Sự nghiệp sâu

xa chẳng thể nghĩ bàn Nội dung gồm có: Nghi thức Niệm hương của Như Lai; Q.VI, P.5 (Chi hai). Nhập và Khai Kinh (Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán vào Sự nghiệp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn tưởng, Tán lư hương, Chú Đại bi, Khai của Như Lai; Q.VII, P.5 (Chi ba). Nhập Kinh kệ), Phật Nói Kinh Thiện Ác Nhân vào Sự nghiệp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn Quả, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm của Như Lai, P.6 (Chi một). Anh lạc trang Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn ngôn, nghiêm của Bồ-tát; Q.VIII, P.6 (Chi hai). Tán Phật, Sám Thập phương, Tứ Hoằng Anh lạc trang nghiêm của Bồ-tát, P.7 Đại thệ nguyện, Hồi hướng và Tam Quy y. quang phổ chiếu trang nghiêm, P.8 Bát- Tác phẩm Kinh đã được THPG Tp. Hồ nhã căn bản sự nghiệp trang nghiêm; Chí Minh ấn hành năm 1994; tái bản: Q.IX, P.9 Đà-la-ni công đức nghi quỹ; Năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; các Q.X, P.10 Thọ ký cho vua A-xà-thế, P.11 năm 2012-2015, Nxb Tôn Giáo. Đức Như Lai căn dặn giao phó. 741. KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ theo Mật Tạng bộ 2 – No. 997) ĐÀ-LA-NI Dịch giả: Thích Thông Đức 743. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM THPG Tp. Hồ Chí Minh, Soạn dịch: Ni trưởng - PL. 2539 – DL. 1995 TN. Hải Triều Âm (1920-2013) Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 337 trang. Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 Toàn bộ kinh này gồm có 11 phẩm chính: Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 398 trang. 1.P. Tựa, 2.P. Đà-la-ni, 3.P. Đại bi thai Nội dung Kinh này gồm có 4 phần chính: tạng xuất sanh, 4.P. Như Lai Đại bi bất tư I. Tựa; II. Chánh tông, A. Kiến đạo nghì, 5.P. Nhập Như Lai bất tư nghì thậm (Samatha), 1. Gạn hỏi tìm tâm (- Nguyên thâm sự nghiệp, 6.P. Bồ-tát Anh Lạc trang do thường trụ và luân chuyển, - Bảy lần nghiêm, 7.P. Đại quang phổ chiếu trang tìm tâm, - Chỉ rõ vọng tâm); 2. Khai tri nghiêm, 8.P. Bát-nhã căn bản sự nghiệp kiến Phật (- Mười lần chỉ kiến tính, - Phá trang nghiêm, 9.P. Đà-la-ni công đức nghi xích hòa hợp, - Vạn pháp quy về Như Lai quỹ, 10.P. Thọ ký vua A-xà-thế, 11.P. tạng, - Anan giác ngộ phát nguyện); 3. Như Lai chúc lụy. Quyết nghi (- Như Lai tạng thanh tịnh do đâu hốt nhiên có chúng sanh? – Bảy đại 742. KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ viên mãn dung hòa, - Chúng sanh nhân ĐÀ-LA-NI đâu có vọng, - Nghi Nhân duyên, Tự Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bát-nhã và nhiên, Chú thích); B. Tu đạo (Tamma), 1. Mâu-ni Thất-lợi Hai nghĩa quyết định (- Nhân quả tương Việt dịch và phục hồi Phạn chú: ưng, - Thẩm tường căn bản phiền não); 2. Huyền Thanh Phương pháp giải kết; 3. (- Trình bày viên Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 thông, - Quán Âm quảng trần); 4. Văn-thù quyển, 11 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 (Chi đích chỉ pháp viên tu; 5. Yếu pháp hộ định một); Q.II, P.2 (Chi hai); Q.III, P.2 (Chi (- Giới luật nghiêm trì, - Thần chú trừ tập ba), P.3 Đại bi Thai tạng xuất sinh; Q.IV, khí, - Chú thích); C. Nhập đạo (Thiền-na),

1. Bản nhân 12 loài sanh, 2. Tam tiệm thứ, na hỏi nghĩa vọng sanh tương tục, Phật 3. An lập Thánh vị, 4. Tên Kinh, Chú hiển minh nghĩa vọng sanh tương tục, thích; III. Hiểm nạn cần đề phòng (a. Bảy Ngài Phú-lâu-na hỏi lý giác mê, Phật hiển thú, b. Ngũ ấm ma); IV. Lưu thông, Phụ minh lý giác mê; Phần chánh tông: B. trương: Gỡ giải năm ấm. Hành đạo, C. Chứng đạo, Nhứt thiết đại Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: chúng cầu tu chứng đại thừa pháp, Phật Năm 2007-2009, Nxb Tôn Giáo. khai thị Đại thừa pháp, Nghĩa quyết định thứ nhứt, Nghĩa quyết định thứ hai; Quyển năm, Ngài A-nan xin biết chỗ buộc gút và pháp mở gút của thân tâm, Chư Phật đồng chứng minh Lục căn vốn là chỗ buộc và 744. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM mở gút, Ngài A-nan và đại chúng cầu hiểu

Việt dịch và lược giải: bổn căn viên thông, Phật bảo 25 vị Thánh Thích Duy Lực (1923-2000) thuyết minh bổn căn viên thông; Quyển Từ Ân Thiền đường, Santa Ana-Hoa Kỳ, sáu, Phật thể hiện oai đức kiết tường độ xuất bản năm 1990. sanh, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù tuyển chỗ Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 viên thông cho hạng Hữu học, Tất cả đại quyển. chúng vui thọ pháp kệ, Ngài A-nan hỏi Xem: Kinh Lăng Nghiêm do HT. Thích pháp an lập đạo tràng độ sanh, Phật dạy tu Duy Lực dịch và lược giải. Giới-định-tuệ để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm dâm dục để giải thoát, Phật dạy đoạn 745. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM, Dịch tâm sát sanh để giải thoát, Phật dạy đoạn âm – Diễn nghĩa – Yếu giải tâm thâu đạo để giải thoát, Phật dạy đoạn Việt dịch: HT. Thiền sư Thích Từ Quang tâm đại vọng ngữ để giải thoát; Quyển Chơn Đức Thiền Viện – 1961 bảy, Phật khai thị diệu pháp tu chứng (tái bản lần thứ ba) chánh định, Nhứt thiết đại chúng cầu Phật Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển. thuyết Mật chú Thủ Lăng-nghiêm, Phật Quyển nhứt, Phần lưu thông, Phần biệt tự, thuyết Mật chú Thủ Lăng-nghiêm, Ngài Phần chánh tông; A. Kiến đạo: Ngài A- A-nan cầu Như Lai chơn thiệt chánh định, nan thỉnh giáo, Phật hỏi nguyên nhân tu Phật hiển minh hai nhân điên đảo: chúng hành của ngài A-nan, Ngài A-nan tự trần sanh và thế giới; Quyển tám, Tam tiệm- tri kiến của chúng sanh, Bảy lần mê chấp thứ tu hành, 55 tâm Bồ-tát, Năm đức hiệu tâm của ngài A-nan đều được Phật tu của Kinh Thủ Lăng-nghiêm, Nhân quả chỉnh; Quyển nhì, Phật hiển minh bốn thứ: cảm ứng; Quyển chín, Thập bát Sắc giới Ấm-Nhập-Xứ-Giới, Phật hiển minh Ngũ thiên, Tứ Vô sắc giới thiên, Tứ chủng A- ấm; Quyển ba, Phật hiển minh Lục nhập, tu-la, Phật hiển minh lý "tự vọng sanh Phật hiển minh: Thập nhị xứ, Phật hiển nghiệp", Phật hiển minh các chướng ma; minh: Thập bát giới, Ngài A-nan bày tỏ sự Quyển mười, Phật hiển minh pháp môn nghi chấp, Phật giải nghi chấp của ngài A- Bồ-đề vô thượng, Phước đức tụng niệm nan, Phật hiển minh Tứ đại: Địa-Hỏa- Kinh Thủ Lăng-nghiêm, Phần Lưu thông. Thủy-Phong, Phật hiển minh Tam đại: Tác phẩm Kinh này được ấn hành lần đầu Không-Kiến-Thức, Ngài A-nan và đại vào năm 1948, Chơn Đức Thiền viện (Sài chúng kiến đạo; Quyển tư, Ngài Phú-lâu-Gòn) thực hiện; tái bản nhiều lần: Năm

2011, Nxb Tôn Giáo, với nhan đề là "Thủ chỉ dạy tu hành lần 3, Phật chỉ Tâm lần 1 Lăng Nghiêm yếu giải"; năm 2013, Nxb (tánh thấy là Tâm), Phật chỉ Tâm lần 2 Hồng Đức; năm 2014, Nxb Thời Đại, tựa (Tánh thấy không động); đề "Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Dịch âm- Q.II, A-nan cầu Phật chỉ dạy: Cái nào Diễn nghĩa-Yếu giải", 1 quyển, khổ 15 x Chơn cái nào vọng, Phật hiển minh Tánh 23cm, bìa cứng. thấy không mất, Phật hiển minh Tánh thấy không hoàn, Phật hiển minh Tánh thấy không tạp, Phật hiển minh Tánh thấy không ngại, Phật hiển minh Tánh thấy 746. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM không phân biệt, Phật hiển minh Tánh (Chánh Trí Toàn Tập) thấy không chấp, Phật hiển minh Chơn Chánh Trí - Mai Thọ Truyền kiến ly vọng kiến, Phật hiển minh 4 thứ: Nxb Tôn Giáo – 2012 Ấm-Nhập-Xứ-Giới, Phật hiển minh Ngũ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 519 ấm, Hiển minh: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu và 6 Thức ấm, Phụ chú; Q.III, Phật hiển minh quyển (từ Q.I đến Q.VI). Lục nhập: Hiển minh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý nhập, Phật hiển minh Thập 747. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM nhị xứ: Hiển minh: Nhãn với Sắc, Nhĩ với Giảng Giải – Trọn bộ 2 Tập

Thinh, Tỷ với Hương, Thiệt với Vị, Thân Giảng giải: Tỳ-kheo Thích Trí Thành với Xúc, Ý với Pháp, Phật hiển minh Thập Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012 bát giới, Hiển minh: Nhãn giới, Sắc giới, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày Nhãn thức giới; Nhĩ giới, Thinh giới, Nhĩ 1.367 trang, bìa cứng. thức giới; Tỷ giới, Hương giới, Tỷ thức Tập I (Quyển thượng), dày 665 trang, gồm giới; Thiệt giới, Vị giới, Thiệt thức giới, 5 quyển: Lời nói đầu, Tựa, Giải tên Kinh, Thân giới, Xúc giới, Thân thức giới; Ý Tóm giải 20 chữ Kinh Thủ Lăng Nghiêm; giới, Pháp giới, Ý thức giới; Ngài A-nan Q.I, Dàn bài Q.I, Phần Thông tự, Phần bày tỏ sự nghi chấp, Phật hiển minh 7 Đại Duyên khởi, Phần Biệt tự, Phần Chánh là Tánh châu biến, Phật hiển minh Tứ đại: tông, A. Kiến đạo, Ngài A-nan thỉnh giáo, Địa-hỏa-thủy-phong đại; Phật hiển minh Phật hỏi nguyên nhân tu hành của ngài A- Tam Đại: Không-kiến-thức đại; Ngài A- nan, A-nan tự trần tri kiến của chúng sanh, nan và đại chúng kiến đạo, Nghĩa từ trong Phật bảo chúng sanh nhận lầm, 1. Mê chấp Kinh Thủ Lăng Nghiêm; Tâm ở trong thân, 2. Mê chấp Tâm ở Q.IV Phật hiển minh Chơn lý sắc không, ngoài thân, 3. Mê chấp Tâm ẩn tại mắt, 4. không sắc, Phật chỉ rõ nguyên nhân chúng Mê chấp Tâm ở trong lẫn ngoài, 5. Mê sanh ra hư không, thế giới và chúng sanh, chấp Tâm ở chỗ tùy hiệp, 6. Mê chấp Tâm Thế giới tương tục, Chúng sanh tương tục, ở khoảng giữa, 7. Mê chấp Tâm vô trước, Nghiệp quả tương tục; Phật hiển minh lý Ngài A-nan cầu Phật khai thị diệu pháp, Giác Mê, Hiển minh tạng không và bất Phật hiển minh hai căn bổn: Vô thỉ sanh tử không, Hiển minh vọng vốn vô nhân, Hiển và Vô thỉ Bồ-đề Niết-bàn, Phật chỉ vọng minh công đức vô lậu, B. Hành đạo, Nhứt thức không phải là tâm, Phật chỉ vọng thức thiết đại chúng cầu tu chứng Đại thừa không có thật, Phật giải thích là có Tâm, pháp, Phật khai thị Đại thừa pháp, Nghĩa Phật chỉ Tâm vọng, Ngài A-nan cầu Phật quyết định thứ nhất: Ngũ trược khổ lụy

của chúng sanh, a. Kiếp trược khổ lụy, b. Q.VI, Ngài Quán Thế Âm giác ngộ do nhĩ Kiến trược khổ lụy, c. Phiền não trược khổ căn, 32 Ứng thân độ sanh của Bồ-tát Quán lụy, d. Chúng sanh trược khổ lụy, e. Mạng Thế Âm, 14 pháp Vô úy của Bồ-tát Quán trược khổ lụy, Khuyên nên mau bỏ vọng Thế Âm, Tứ diệu đức của Bồ-tát Quán theo chơn; Nghĩa quyết định thứ hai: Theo Thế Âm, Phật thể hiện oai đức kiết tường căn giải thoát, Số lượng của thế giới và lục độ sanh, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù tuyển căn, Tìm căn viên thông-thoát luân hồi chỗ viên thông cho hạng Hữu học, Bồ-tát khổ, Chứng nghiệm thoát ràng buộc thành Văn-thù thuyết: Chơn như duy nhất- diệu dụng; Tóm Q.IV; phương tiện đa môn, Bồ-tát Văn-thù Q.V, Ngài A-nan xin biết chỗ buộc gút và không tuyển lục trần làm chỗ viên thông pháp mở gút, Khai thị nghĩa buộc và mở cho hạng hữu học, Bồ-tát Văn-thù không gút, Thuyết kệ trùng tuyên nghĩa buộc và tuyển ngũ căn làm chỗ viên thông cho mở gút, Phương pháp mở gút, Ngài A-nan hạng hữu học, Bồ-tát Văn-thù không tuyển và đại chúng cầu hiểu bổn căn viên thông, lục thức làm chỗ viên thông cho hạng hữu 25 vị Thánh thuyết trình bổn căn viên học, Bồ-tát Văn-thù không tuyển thất đại thông, Ngài Kiều-trần-như giác ngộ do làm chỗ viên thông cho hạng hữu học, Bồ- thinh trần, Ngài Ưu-bà-ni-sa-đà giác ngộ tát Văn-thù tuyển nhĩ căn viên thông, Bồ- do sắc trần, Ngài Hương Nghiêm giác ngộ tát Văn-thù phổ khuyến tu chứng nhĩ căn do hương trần, Hai ngài Dược Vương và viên thông, Tất cả đại chúng vui thọ pháp Dược Thượng giác ngộ do vị trần, Ngài kệ, Ngài A-nan hỏi pháp an lập đạo tràng

Bạt-đà-bà-la giác ngộ do xúc trần, Ngài độ sanh, Phật dạy tu Giới-Định-Tuệ để Ma-ha Ca-diếp giác ngộ do pháp trần, giải thoát, Phật dạy đoạn tâm dâm dục để Ngài A-na-luật-đà giác ngộ do nhãn trần, giải thoát, Phật dạy đoạn tâm sát sanh để Ngài Châu-lỵ Bàn-đặc-ca giác ngộ do tỷ giải thoát, Phật dạy đoạn tâm thâu đạo để trần, Ngài Kiều-phạm-ba-đề giác ngộ do giải thoát, Phật dạy đoạn tâm đại vọng ngữ thiệt trần, Ngài Tất-lăng-già-bà-ta giác ngộ để giải thoát; do thân trần, Ngài Tu-bồ-đề giác ngộ do ý Q.VII, Phật khai thị diệu pháp tu chứng căn, Ngài Xá-lợi-phất giác ngộ do nhãn Chánh định, Trợ lực thiêng liêng của Phật thức, Ngài Phổ Hiền giác ngộ do nhĩ thức, đảnh Mật chú, Thân tâm trong sạch kiết Ngài Tôn-đà-la-nan-đà giác ngộ do tỷ giới, Phước đức tịnh tu ở đạo tràng, Qui thức, Ngài Phú-lầu-na giác ngộ do thiệt tắc an lập đạo tràng, Nghi lễ cúng dường ở thức, Ngài Ưu-ba-ly giác ngộ do thân đạo tràng, Thể thức thiết tượng ở đạo thức, Ngài Đại Mục-kiền-liên giác ngộ do tràng, Chơn công đức nhập đạo tràng ý thức, Ngài Ô-sô-sắc-ma giác ngộ do hỏa trong tam thất, Nhứt thiết đại chúng cầu đại, Ngài Trì Địa giác ngộ do hỏa đại, Phật thuyết Mật chú Thủ Lăng Nghiêm, Ngài Nguyệt Quang giác ngộ do thủy đại, Phật thuyết Mật chú Thủ Lăng Nghiêm, Ngài Lưu Ly Quang Pháp vương tử giác Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, Phật đảnh ngộ do phong đại, Ngài Hư Không Tạng Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, Ý nghĩa từng giác ngộ do không đại, Ngài Di-lặc giác hội Phật đảnh Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, ngộ do thức đại, Ngài Đại Thế Chí giác Chư Phật Mật trì Tâm chú Thủ Lăng ngộ do kiến đại; Nghiêm, Diệu dụng linh cảm của Phật Tập II (Quyển hạ), dày hơn 702 trang, đảnh tâm chú, Oai đức vô lượng của Phật gồm 5 quyển (từ Q.VI đến Q.X): đảnh Tâm chú, Vô lượng Thánh Hiền

đồng bảo hộ chơn nhân tu trì Tâm chú, vọng tâm, Thỉnh pháp, Đích chỉ vọng tâm, Ngài A-nan cầu Như Lai chơn thiệt Chánh Phân biệt chân vọng; định, Phật hiển minh hai nhân điên đảo: Mục II. Khai tri kiến Phật, A. Mười lần Chúng sanh và thế giới; chỉ kiến tính, 1. Kiến tinh là tâm linh giác, Q.VIII, Tam tiệm thứ tu hành, Trợ nhân là 2. Kiến tinh bất động, 3. Kiến tinh bất diệt, chi và làm thế nào dứt? Can-Tuệ-Địa Bồ- 4. Kiến tinh viên mãn, 5. Kiến tinh vô tát, Thập Tín Bồ-tát, Thập Trụ Bồ-tát, sanh, 6. Kiến tinh chân ngã, 7. Kiến tinh Thập Hạnh Bồ-tát, Thập Hồi hướng Bồ- tùy duyên bất biến, 8. Kiến tinh bất nhị, 9. tát, Tứ Gia hạnh Bồ-tát, Thập Địa Bồ-tát, Kiến tinh siêu hình, 10. Kiến tinh chưa Năm đức hiệu của Kinh Thủ Lăng phải kiến tánh; B. Phá xích hòa hợp, C. Nghiêm, Nhân quả cảm ứng, Mười Tập Vạn pháp quy về Như Lai tạng, 1. Năm nhân tạo khổ, Sáu Khổ báo, Tam đồ khổ: ấm: Sắc ấm, Thọ ấm, Tưởng ấm, Hành địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, Thập chủng ấm, Thức ấm; 2. Sáu nhập: Nhãn nhập, tiên, Lục dục giới thiên tu Thập thiện, Yếu Nhĩ nhập, Tỉ nhập, Thiệt nhập, Thân nhập, giải; Ý nhập; 3. Mười hai xứ: 2 xứ sắc trần và Q.IX, Thập bát Sắc giới thiên, Tứ Vô sắc nhãn căn, 2 xứ thanh trần và nhĩ căn, 2 xứ giới thiên, Tứ chủng A-tu-la, Phật hiển hương trần và tỵ căn, 2 xứ vị trần và thiệt minh lý “Tự vọng sanh nghiệp”, Phật hiển căn, 2 xứ xúc trần và thân căn, 2 xứ pháp minh các chướng ma, Sắc ấm ma, Thọ ấm trần và ý căn; 4. Mười tám giới: Nhãn-sắc- ma, Tưởng ấm ma, Yếu giải; nhãn thức giới, Nhĩ-thanh-nhĩ thức giới, Q.X, Hành ấm ma, Thức ấm ma, Phật hiển Tỵ-hương-tỷ thức giới, Thiệt-vị-thiệt thức minh pháp môn Bồ-đề vô thượng, Phước giới, Thân-xúc-thân thức giới, Ý-pháp-ý đức tụng niệm Kinh chú Thủ Lăng thức giới; 5. Bảy đại: Địa đại, Hỏa đại, Nghiêm, Phần

Lưu thông, Yếu giải. Thủy đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại, Thức đại; D. Anan giác ngộ phát nguyện; 748. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Mục III. Quyết nghi, 01. a. Như Lai tạng Giảng Nghĩa, Phần 1 - Samatha thanh tịnh do đâu hốt nhiên có chúng Giảng nghĩa: Tỳ-kheo Ni - sanh? b. Chỉ rõ căn nguyên hư vọng, c. Ba Hải Triều Âm (1920-2013) tướng tiếp tục, d. Giác không sanh mê; 02. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, a. Bảy đại viên mãn dung hòa, b. Hợp với PL. 2564 – DL. 2020 trần tướng, c. Hợp với Như Lai tạng, d. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 551 Thể tịch "phi" tất cả, đ. Dụng chiếu "tức" trang, bìa cứng. tất cả, e. Diệu trí phát diệu dụng; 03. a. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Kinh Chúng sanh nhân đâu có vọng, b. Mê Thủ Lăng Nghiêm, I. Tựa; II. Chánh tông, không nguyên nhân, d. Diệu pháp Liên A. Kiến đạo (Samatha), hoa bất hoại; 04. a. Nghi Nhân duyên, Tự Mục I. Gạn hỏi tìm tâm, a. Nguyên do nhiên, b. Dùng thí dụ bài xích, c. Dẫn vào thường trụ và luân chuyển; b. Bảy lần tìm Bồ-đề; Hải Triều Âm toàn tập. tâm: 1. Tâm ở trong thân, 2. Tâm ở ngoài thân, 3. Tâm núp sau con mắt, 4. Nhắm 749. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM mắt thấy tối là thấy trong thân, 5. Tâm Huyền Nghĩa theo duyên phát sanh, 6. Tâm ở chặng Trí Húc Đại sư giữa, 7. Tâm không vướng mắc; c. Chỉ rõ Việt dịch: Thích Minh Bá

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011 Quyển III, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 220 Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 quyển, Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 283 trang, nội 5 chương: Lời tựa; Huyền Nghĩa – Quyển dung gồm có Quyển III; thượng, C.1 Thích danh; Huyền Nghĩa – Quyển IV, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Quyển hạ, C.2 Hiển thể, C.3 Minh tông, Nxb Phương Đông – 2008, khổ 14.5 x C.4 Biện dụng, C.5 Giáo tướng. 20.5cm, dày 382 trang. Nội dung gồm có: Khai Kinh kệ, Tám Quy luật của Viện 750. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – Phiên dịch Kinh điển; C.I Nguyên do sinh SÙRAMGAMA-SÙTRA (10 Quyển) khởi Tương tục, C.II Sự dung thông của (Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhơn các Đại chủng, C.III A-nan chấp vào Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa duyên, C.IV Hai nghĩa quyết định, - Tịnh Chư Bồ-Tát Vạn Hạnh) hóa các lớp vẩn đục, - Mở gút các căn; Giảng thuật: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) C.V Nghe không phải là tiếng; Thuật ngữ Quyển I, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, đối chiếu; Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Quyển V, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 441 Nxb Phương Đông – 2008, khổ 14.5 x trang. Nội dung gồm có: - Tám quy luật, - 20.5cm, dày 284 trang. Nội dung gồm có: Bài tựa một, - Bài tựa hai, Chính văn: I. Khai Kinh kệ, Tám Quy luật của Viện Giải thích tổng quát đề Kinh, II. Nhân Phiên dịch Kinh điển; C.I Mở sáu nút, Sáu duyên phát khởi Kinh này, 1. Ỷ vào đa nút, Hai mươi lăm pháp môn Viên thông, văn, không tu tập định lực, 2. Cảnh giác Viên thông Sáu trần: Viên thông thanh đối với cuồng huệ-bảo hộ cho chúng sinh trần – Kiều-trần-na, Viên thông sắc trần – khỏi rơi vào tà kiến, 3. Chỉ rõ chân tâm- Ưu-bà-ni Sa-đà, Viên thông hương trần – hiển bày căn tánh, 4. Hiển thị chân tánh Hương Nghiêm đồng tử, Viên thông vị của định lực và khuyến khích việc tu trần – Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát, chứng, 5. Tiêu hủy vọng tưởng điên đảo- Viên thông xúc trần – Bạt-đà-bà-la, Viên phá trừ mê lầm nhỏ nhiệm vi tế, 6. Mở bày thông pháp trần – Ma-ha Ca-diếp; Viên hai pháp môn; III. Phân tích rõ Kinh này thông Năm căn: Viên thông nhãn căn – A- thuộc Tạng và Thừa nào, IV. Khảo sát sự na-luật-đà, Viên

thông Tỷ căn – Châu-lợi sâu mầu của giáo lý, V. Tuyên bày giáo Bàn-đặc-ca, Viên thông thiệt căn – Kiều- thể, VI. Sự thích nghi của từng căn cơ phạm-bát-đề, Viên thông thân căn – Tất- chúng sinh với giáo nghĩa Kinh này, VII. lăng-già Bà-ta, Viên thông về thân căn – Phân định rõ Tông thú của Kinh, VIII. Xác Tu-bồ-đề; Sáu thức: Viên thông về nhãn định rõ thời gian thuyết Kinh, IX. Lịch sử thức – Xá-lợi-phất, Viên thông nhĩ thức – truyền bá và phiên dịch Kinh, X. Người Bồ-tát Phổ Hiền, Viên thông tỵ thức – dịch, XI. Giảng giải Kinh văn; Kệ Hồi Tôn-đà-la Nan-đà, Viên thông thiệt thức – hướng; Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử, Viên thông về Quyển II, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, thân thức – Ưu-ba-ly, Viên thông ý thức – Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Mục-kiền-liên; Viên thông Bảy đại: Viên Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 326 trang, nội thông hỏa đại – Ô-sô-sắc-ma, Viên thông dung gồm có Quyển II; địa đại – Trì Địa Bồ-tát, Viên thông thủy đại – Nguyệt Quang đồng tử, Viên thông

phong đại – Lưu ly Quang Pháp vương tử, Giảng giải: Lê Sỹ Minh Tùng Viên thông không đại – Hư Không Tạng Cuốn 1, Gồm có 11 chương: - Lời nói đầu Bồ-tát, Viên thông thức đại – Di-lặc Bồ- (Viết tại Washington 2010); Phần giới tát, Viên thông kiến đại – Bồ-tát Đại Thế thiệu MP3; C.I Đề mục Kinh, Nhân duyên Chí; và thời điểm Phật nói Kinh Thủ Lăng Quyển VI, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nghiêm, Phần chánh tông; C.II Bảy đoạn Nxb Phương Đông – 2008, khổ 14.5 x Phật hỏi về tâm; C.III Chỉ rõ tánh thấy, 20.5cm, dày 314 trang. Nội dung gồm có: Phật chỉ tâm lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Khai Kinh kệ, Tám Quy luật của Viện A-nan đã hiểu được chơn tâm nhưng chưa Phiên dịch Kinh điển; Nhĩ căn – Quán Thế dám nhận, Phật chỉ tâm lần thứ tư và thứ Âm Bồ-tát, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Tuyển năm; C.IV A-nan nghi “chơn tâm” đồng chọn căn Viên thông, Tứ chủng Thanh với thuyết Tự nhiên của ngoại đạo; C.V tịnh Minh hối, 1. Phải đoạn trừ tâm dâm, Do nhận thức sai lầm khiến cho người bỏ 2. Phải đoạn trừ tâm sát hại, 3. Phải đoạn mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trừ tâm trộn cắp, 4. Dứt trừ vọng ngữ; trú của mình, Tánh thấy ngoài hai nghĩa Thuật ngữ đối chiếu; hòa hợp và không hòa hợp; C.VI Bốn Quyển VII, Việt dịch: Tâm Nguyên, Nxb khoa Bảy đại vốn là hiện tượng biểu hiện Phương Đông – 2014, khổ 14 x 20cm, có từ Như Lai tạng; Ngũ uẩn, Sáu nhập, 190 trang. Nội dung gồm có: Thành lập Mười hai xứ, Bảy đại là hiện tượng biểu đạo tràng, Tâm chú, Hai cái nhân điên hiện từ Như Lai tạng, Giác ngộ và phát đảo, Mười hai chủng loại chúng sinh; nguyện; C.VII Phật thuyết minh tánh của Quyển VIII, Việt dịch: Tâm Nguyên, Nxb các đại vốn không ngăn ngại gì nhau nhằm Phương Đông – 2014, khổ 14 x 20cm, dày khai thị chơn lý “Sắc không không sắc”, 326 trang. Nội dung gồm có: Các địa vị Phật khai thị nguồn gốc duyên khởi của của Bồ-tát, Thập Tín, Thập Trụ, Thập hiện tượng vật chất, Phật chỉ hai nghĩa Hạnh, Thập Hồi hướng, Tứ Gia hạnh, quyết định, Dựa vào Nhân tu mà suy biết Thập Địa, Đẳng giác và Diệu giác, Tên Quả sơ chứng, Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu Kinh, Thất phận, Phận quỷ, Phận thú, căn, Phật bảo đánh chuông để chứng Phận người, Phận thần tiên, Phận chư nghiệm tánh nghe của nhĩ căn là thường thiên; còn. Quyển IX-X, Năm Mươi Hiện Tượng Ấm Cuốn 2, C.VIII Nương chỗ ngộ mà viên Ma, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nxb tu, Chỉ một cái khăn mà sáu lần cột thành Phương Đông – 2015, khổ 14.5 x 20.5cm, sáu gút, Mở hết sáu gút một cũng không dày 573 trang. Nội dung gồm: Khai Kinh còn, Gạn hỏi đại chúng về viên

thông; kệ, Tám quy luật của người phiên dịch C.IX Đại Thế Chí Bồ-tát niệm Phật viên Kinh điển, Lời giới thiệu; Phần Chánh văn thông; C.X Quán Thế Âm Bồ-tát nhĩ căn và Giảng giải: Sắc ấm, Thọ ấm, Tưởng viên thông; C.XI Phật bảo Văn-thù so sánh ấm, Hành ấm và Thức ấm; Phần Chú chọn căn ưu việt nhất, So sánh sự ưu thích, Khai thị và Tham vấn; Sách dẫn. khuyết của Sáu trần, Năm căn, Sáu thức và 751. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Giảng giải kinh) Giảng Giải – 2 cuốn (SURAMGAMA SUTRA)

752. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Tiểu Ban Văn hóa THPG Tp. HCM thực Giảng Ký – Trọn bộ 4 Tập hiện. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 1.107 Việt dịch: Thích Phước Hảo (1930-2014) trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa Giảng giải: Thích Thông Phương mạ vàng. Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 Toàn bộ Kinh Thủ Lăng Nghiêm gồm có Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, nền 10 quyển (4 chương) với 3 phần chính. đỏ, chữ tựa mạ vàng. Quyển I, Đề mục Kinh, Phần thứ nhất, Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 tập, Phần Tựa: Tựa chung và riêng – Duyên 3 phần, 26 mục. Tập I, - Lời tựa, - Giải đề khởi của kinh. Phần thứ hai, Phần chánh Kinh, - Yếu chỉ Kinh, - Kinh Lăng tông: Chỉ ngay chỗ viên ngộ, Gạn hỏi cái Nghiêm và sự lưu truyền, - Người phiên tâm, Chỉ rõ tính thấy. Quyển II và III, Phật dịch; Phần một, Tựa; Phần hai, Chánh nêu ra tính thấy ra ngoài các nghĩa “thị” và tông: 1. Bảy chỗ hỏi tâm, 2. Hiển bày căn “phi thị”, Phá những thuyết Nhân duyên, và tánh thấy, 3. Nêu tánh thấy ra ngoài Tự nhiên để bày tỏ sự thật nhận thấy tính nghĩa “phải” và “chẳng phải”, 4. Bác thấy, Chỉ ra cái nhận thức sai lầm để bày thuyết Nhân duyên, Tự nhiên để hiển bày tỏ thể tính chân thật, Tóm thu 4 khoa, 7 thật tướng của tánh thấy, 5. Chỉ ra cái thấy đại, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới về Như Lai vọng để hiển bày cái thấy; Tập II, 6. Tóm tạng để phát khởi chỗ chân ngộ. Quyển thu bốn khoa bảy đại về Như Lai tạng, 7. IV, chỉ rõ sự tiếp tục giả dối sinh ra và các Chỉ rõ vọng sanh tiếp nối và các đại không đại không ngăn ngại lẫn nhau, Chỉ tính ngăn ngại nhau, 8. Chỉ Diệu minh hợp với diệu minh hợp về Như Lai tạng, rời cả hai Tạng tánh, 9. Chỉ mê vọng không có nhân, nghĩa “phi” và “tức”, Chỉ mê vọng không 10. Lại bác nghĩa Nhân duyên-Tự nhiên, có nhân, hết mê tức là Bồ-đề, Lại phá xích 11. Chỉ nghĩa quyết định; Tập III, 12. Nhân duyên, Tự nhiên và trách chỉ biết Đánh chuông nghiệm tánh thường, 13. nghe nhiều, Chỉ nghĩa quyết định, Đánh Nêu ra căn để chỉ chỗ mê, 14. Cột khăn để chuông thật nghiệm tính thường. Quyển V, chỉ đầu gút, 15. Chỉ mở gút trước sau, 16. Nương chỗ ngộ mà viên tu, Nêu ra cái căn Gạn hỏi đại chúng về chỗ viên thông, 17. để chỉ rõ chỗ mê, Cột khăn để chỉ đầu nút, Chỉ chính chỗ viên tu, 18. Chỉ bốn lời dạy Chỉ cởi nút trước sau, Gạn hỏi đại chúng bảo rõ ràng, quyết định, 19. Phật khai thị về viên thông. Quyển VI, Chỉ đích phép về Mật giáo thầm giúp những người tu viên tu, Rộng để lại khuôn phép tu hành, hành, 20. Khai thị vị trí tu chứng trước và Nhân ông A-nan xin cứu độ đời vị lai, sau; Tập IV, 21. Kết chỉ dạy tên Kinh, 22. Phật tóm nêu ra ba nghĩa quyết định, Chỉ Khai thị phần trong, phần ngoài của chúng bày bốn lời dạy bảo rõ ràng quyết định. sanh, 23. Chỉ ra mười tập nhân, sáu đường Quyển VII, Phật khai thị về: Mật giáo, giao báo, 24. Các cõi trời sai khác, 25. phép tắc lập đạo tràng, những lợi ích, Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài, 26. tuyên nói tâm chú, vị trí tu chứng trước Phân biệt các ấm ma; Phần ba, Lưu thông; sau. Quyển VIII, Phân biệt kỹ các nghiệp Tóm tắt ý chính Kinh Lăng Nghiêm. quả, phân tách rạch ròi về tà ma ngoại đạo,

753. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – Hỏi về những tập khí vốn có, sinh khởi ra SURAMGAMA SUTRA lục đạo, Hỏi về việc bác không có nhân Dịch giả: Tâm Minh (1897-1969) quả, bị sa mãi vào địa ngục và về nghiệp Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998 chung, nghiệp riêng, Khai thị về phận

trong, phận ngoài của chúng sanh, Chỉ ra Giải kết; C. Yếu pháp hộ định; Mục III. 10 tập nhân và 6 giao báo, Tu nhân riêng Nhập đạo Thiền-na, a. Mười hai nhân điên biệt thành quả hư vọng, Các cõi trời sai đảo, b. Ba tiệm thứ, c. 54 quả vị, d. 5 tên khác. Quyển IX, Khai thị chỗ hư vọng của Kinh, Giải nghĩa tên Kinh; Mục IV. Hiểm bảy loài để khuyến khích tu hành chánh nạn phải đề phòng, Lưu thông, Toát yếu pháp, Phân biệt các ấm ma. Quyển X, Chỉ bài giảng Ngũ ấm ma. rõ các thứ lớp tiêu diệt các ấm và giới hạn phạm vi các ấm. Phần thứ ba, Phần Lưu 756. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Tông thông: Được phúc hơn cả, Tiêu tội hơn cả, Thông Trừ ma hơn cả. (Lăng Nghiêm Tông Thông) Kinh này đã được xuất bản từ năm PL. - Trọn bộ 2 tập 2513 – DL. 1969, Tổng Trị sự Hội Việt Dịch giả: HT. Nhẫn Tế (1889-1951) Nam Phật học xuất bản, Tỉnh hội Thừa THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Thiên phát hành; tái bản: Năm PL. 2517 – PL. 2541 – DL. 1997 DL. 1973, in tại Sài Gòn; năm 2012, Nxb Kinh có khổ 15.5 x 23cm, tổng cộng 2 tập Tôn Giáo. dày 1.463 trang, bìa mềm, nền màu xanh dương, Tập I chữ tựa màu xanh lá cây, 754. KINH Tập II chữ tựa màu vàng, có hình tượng THỦ LĂNG NGHIÊM TAM-MUỘI Đức Phật ngồi tay kiết ấn. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tập I, Kinh này có 750 trang, 2 phần Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) chính với 5 quyển và 2 chương. Lời nói Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; đầu, Tiểu sử ngài Thubten Osall Lama 2. Định Huệ; 3. Tuệ Khai (Nhẫn Tế Thiền sư). Phần thứ nhất, Phần Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 Tựa, Duyên khởi của Kinh Lăng Nghiêm quyển: Quyển Thượng và Quyển Hạ. Tông Thông và tên Kinh. Phần thứ hai, Bộ Kinh tập) chân tâm, Gạn hỏi cái tâm, Chỉ rõ tánh thấy, Phật nêu ra Tánh thấy ngoài các 755. KINH nghĩa, Phá những thuyết Nhân duyên, Tự THỦ LĂNG NGHIÊM Toát Yếu nhiên, Chỉ ra cái vọng thấy, Chỉ rõ ý nghĩa Biên soạn: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm Tánh thấy không phải là cái thấy, viên Nxb Tôn Giáo – 2007 mãn Bồ-đề, Tóm thu về Như Lai tạng, Chỉ Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 89 rõ căn nguyên hư vọng và tánh thấy toàn trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 mục: vẹn, Chỉ nghĩa quyết định; Chương II, Lời giới thiệu, Tựa, Duyên khởi; Chánh Nương chỗ ngộ mà tu, Nêu ra cái căn để tông, Mục I. Kiến đạo-Samatha, A. Phá chỉ chỗ mê, Cột khăn để chỉ mối nút và vọng, 1. Bảy lần tìm tâm, 2. Chánh phá cách mở nút, Hỏi đại chúng về viên thông. vọng tâm, Phụ chú; B. Khai Tri kiến Phật; Tập II, Kinh này có 713 trang, 1 phần C. Vạn pháp quy về Như Lai tạng, 1. Năm chính với 5 quyển (VI, VII, VIII, IX, X) ấm, 2. Bảy đại, 3. A-nan phát nguyện; D. và 2 chương (III, IV). Viên thông về nhĩ Quyết nghi; Mục II. Tu đạo-Tamma, A. căn, Chỉ pháp viên tu. Chương III, Phật Hai nghĩa quyết định, 1. Nhân quả tương khai thị về Mật giáo: khai thị đạo tràng tu ứng, 2. Thẩm tường căn bản phiền não; B. chứng, tâm của mười phương Như Lai,

tuyên thuyết thần chú,... Chương IV, Khai bác nghĩa Nhơn duyên, Tự nhiên, để trách thị các địa vị tu chứng: khai thị hai cái nghe nhiều, Chỉ nghĩa quyết định, Đánh nhân điên đảo, An lập các Thánh vị, Chỉ chuông nghiệm tính thường; Quyển V, dạy tên Kinh,

Các cõi trời, khai thị sự hư Nương chỗ ngộ mà viên tu, Nêu ra căn để vọng của bảy loài, Phân biệt các ấm ma, chỉ chỗ mê, Cột khăn để chỉ đầu gút, Chỉ Sanh tử là vọng tưởng năm ấm mà có, lý mở gút trước sau, Gạn hỏi đại chúng về tuy đốn ngộ, sự phải tiệm tu. Phần thứ ba, chỗ viên thông; Quyển VI, Chỉ chính chỗ Phần Lưu thông. – Được phước tiêu tội viên tu, Rộng để lại khuôn phép tu hành: hơn cả, - Trừ ma hơn cả. Nhân ông A-nan xin cứu độ đời vị lai – Kinh Lăng Nghiêm Tông Thông (trọn bộ) Phật nêu chung ba nghĩa quyết định, Chỉ được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2546 – bày bốn lời dạy bảo rõ ràng và quyết định; DL. 2002, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x Quyển VII, Phật khai thị về Mật giáo thẩm 23cm, bìa cứng màu đỏ chữ vàng; năm giúp những người tu hành, Khai thị những PL. 2549 – DL. 2005, tái bản đổi tên là phép tắc lập đạo tràng tu trì, Tuyên nói Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, tâm chú rộng khai thị những lợi ích, Khai Nxb Tôn giáo, khổ 14 x 20cm, có 609 thị vị trí tu chứng trước và sau; Quyển trang, trọn bộ; năm 2006, 2009, Nxb Tôn VIII, Kết chỉ dạy tên kinh, Nghe pháp Giáo. được tăng tiến, Phân biệt chín chắn nghiệp quả, phân tích kỹ về ta ma ngoại đạo, Hỏi 757. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Trực về vọng tưởng tập khí sẵn có, sanh khởi ra Chỉ (Trọn bộ) lục đạo, Hỏi về việc bác không nhơn quả Hán dịch-giải: bị sa vào địa ngục và về nghiệp chung, Thiền sư Hàm Thị (1608-1685) nghiệp riêng, Khai thị phần trong, phần Việt dịch: Thích Phước Hảo (1930-2014) ngoài của chúng sanh, Chỉ ra mười tập THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, nhơn, sáu đường giao báo, Tu nhân riêng PL. 2538 – DL. 1994 biệt, thành quả hư vọng, Các cõi trời sai Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 927 trang. khác; Quyển IX, Khai thị chỗ hư vọng của Kết cấu Kinh này gồm có 10 quyển, được bảy loài, để khuyến tu theo chánh pháp, phân thành 3 phần chính. Nội dung: Quyển Phân biệt các ấm ma; Quyển X, Chỉ rõ thứ I, Đề mục kinh, Phần thứ nhất, Phần tựa; lớp tiêu diệt các ấm và giới hạn phạm vi Phần thứ hai, Phần Chánh tông: - Chỉ ngay các ấm; Phần thứ ba, Phần Lưu thông: - chỗ viên ngộ, Gạn hỏi cái tâm, Hiển bày Được phúc hơn cả, - Tiêu tội hơn cả, - căn và tánh thấy; Quyển II, Nêu tánh thấy Dẹp trừ ma hơn cả. ra ngoài nghĩa phải và chẳng phải, Bác 758. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Trực thuyết Nhân duyên, Tự nhiên để hiển bày Chỉ nhận thấy thật tướng của tánh thấy, Chỉ ra Hán dịch-giải: cái thấy vọng để hiển bày tánh thấy, Tóm Sa-môn Hàm Thị (1608-1685) thu bốn khoa, bảy đại về Như Lai tạng để Việt dịch: Thích nữ Thể Dung phát khởi chơn ngộ; Quyển III và IV, Chỉ Nxb Tôn Giáo Hà Nội, rõ vọng sanh tiếp nối và các đại không PL. 2551 – DL. 2008 ngại nhau, Chỉ diệu minh hợp với tạng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 909 tánh “phi” “tức” cả đều ly, Chỉ mê vọng trang. Toàn bộ nội dung Kinh này có 10 không có nhơn, hết mê tức là Bồ-đề, Lại quyển, phần đầu là Lời giới thiệu, Lời tri

ân, Lời duyên khởi khắc bộ Lăng-nghiêm điệp từ Kinh Trái Tim (bản mới 2007); Trực chỉ, Bài tựa Kinh Thủ Lăng-nghiêm Phần IV, Nghi thức thọ trì Kinh Trái Tim; trực chỉ. Phụ lục: 1. Message from the Heart Sutra (American version-2007), 2. Words from 759. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Văn Heart of Wisdom. Cú (Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhơn Tu 763. KINH TRÌ TRAI Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Thủ Lăng Nghiêm Kinh) Tỳ-kheo Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa Hán dịch: Sa-môn Bát-lặt-mật-đế Hải Tuệ (Sài Gòn) Tổ chức ấn tống Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Minh Bá In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), PL. Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012

2514 – DL. 1970 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 774 trang, Kinh có 32 trang, bìa mềm. Nội dung gồm bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời Chứng có: 1. Phật nói Kinh Trì Trai, Hán dịch: minh; Q.I, A. Phần Tựa, B. Phần Chánh Cư sĩ Chi Khiêm; 2. Phật nói Kinh Ưu-bà-tông, từ Q.II… đến Q.X; C. Phần Lưu di Đọa-xá-ca; 3. Phật nói Kinh Bát quan thông, Vài dòng Trình bạch. trai, Hán dịch: Cư sĩ Kim Thanh; 4. Phật giảng nghĩa Ăn chay; 5. Truyện Hai người 760. KINH THỤ THẬP THIỆN GIỚI Phạm Chí thụ trai. Việt dịch: Thích Thọ Phước Tác phẩm Kinh này đã được chùa Từ Nội dung gồm có 1 quyển, 2 phẩm: 1. Quang (Sài Gòn) ấn hành năm 1957, có Phẩm Mười Nghiệp ác, 2. Phẩm Quả báo 35 trang, bìa mềm. của sự Bố thí. Bộ Luật) Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Đại tạng Kinh Việt Nam 762. KINH TRÁI TIM Hán dịch: TUỆ GIÁC VÔ THƯỢNG Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà (PRAJNÀPÀRAMITÀSÙTRA – Chấp bút: Đạo Tổ (347-419) HRDAYA – SÙTRA) Việt dịch: Viện Cao đẳng Phật học Hải Dịch và chú giải: Đức Nha Trang Khải Thiên (bản mới 2007) Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000 Hiệu đính: Kết cấu Kinh này gồm có 4 phần chính: HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001) Lời dẫn; Phần I, Nguyên bản và dịch bản, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn 1. Tâm Kinh nguyên bản Sanskrit, 2. Tâm hành, PL. 2536 – DL. 1992 Kinh-bản Hán dịch của Huyền Trang, 3. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (ngữ âm tập dày 2.981 trang, bìa cứng. Hán-Việt), 4. Tâm Kinh-bản Anh ngữ, 5. Tập I, (số thứ tự 8), dày 682 trang, gồm có Tâm Kinh (bản dịch tiếng Việt), Chú thích 6 phẩm, với 64 Kinh: I. Phẩm Thất pháp, đặc biệt của bản dịch tiếng Việt; Phần II, có 10 Kinh (K. Thiện pháp, K. Trú độ thọ, Cấu trúc Kinh Trái Tim, 1. Cấu trúc, 2. K. Thành dụ, K. Thủ dụ, K. Mộc tích dụ, Phân tích; Phần III, Thông điệp: Thông K. Thiện nhân vãng, K. Thế gian phước,

K. Thất nhật, K. Thất xa, K. Lậu tận); II. có 10 Kinh (K. Uế phẩm, K. Cầu pháp, K. Phẩm Nghiệp tương ưng, có 10 Kinh (K. Tỳ-kheo thỉnh, K. Tri pháp, K. Châu-na Ví dụ hạt muối, K. Hòa phá, K. Độ, K. La- vấn kiến, K. Thanh bạch Liên hoa dụ, K. vân, K. Tư, K. Già-lam, K. Ca-di-ni, K. Sư Thủy Tịnh Phạm chí, K. Hắc Tỳ-kheo, K. tử, K. Ni-kiền, K. Ba-la-lao); III. Phẩm Trụ pháp, K. Vô); IX. Phẩm Nhân, có 10 Xá-lê tử tương ưng, có 11 Kinh (K. Đẳng Kinh (K. Đại nhân, K. Niệm xứ, K. Khổ tâm, K. Thành tựu giới, K. Trí, K. Sư tử ấm (A), K. Khổ ấm (B), K. Tăng thượng hống, K. Thủy dụ, K. Cù-ni sư, K. Phạm tâm, K. Niệm, K. Sư tử hống, K. Ưu-đàm- chí Đà-nhiên, K. Giáo hóa bệnh, K. Đại bà-la, K. Nguyện, K. Tưởng); X. Phẩm Câu-hy-la, K. Tượng tích dụ, K. Phân biệt Lâm, có 10 Kinh (K. Lâm (A), K. Lâm Thánh đế); IV. Phẩm Vị tằng hữu, có 10 (B), K. Tự quán tâm (A), K. Tự quán tâm Kinh (K. Vị tằng hữu pháp, K. Thị giả, K. (B), K. Đại phạm hạnh, K. A-nô-ba, K. Bạc-câu-la, K. A-tu-la, K. Địa động, K. Chư pháp bổn, K. Ưu-đà-la, K. Mật hoàn Chiêm-ba, K. Úc-già trưởng giả (A), K. dụ, K. Cù-đàm-di). Úc-già trưởng giả (B), K. Thủ trưởng giả Tập III, dày 777 trang, gồm có 4 phẩm, (A), K. Thủ trưởng giả (B); V. Phẩm Tập với 54 Kinh: XI. Phẩm Đại, có 25 Kinh tương ưng, có 16 Kinh (K. Hà nghĩa, K. (K. Nhu nhuyến, K. Long tượng, K. Bất tư, K. Niệm, K. Tàm quý (A), K. Tàm Thuyết xứ, K. Thuyết vô thường, K. Thỉnh quý (B), K. Giới (A), K. Giới (B), K. thỉnh, K. Chiêm-ba, K. Sa-môn Nhị thập Cung kính (A), K. Cung kính (B), K. Bổn ức, K. Bát nạn, K. Bần cùng, K. Hành dục, tế, K. Thức ăn (A), K. Thức ăn (B), K. K. Phước điền, K. Ưu-bà-tắc, K. Oán gia, Tận trí, K. Niết-bàn, K. Di-hê, K. Vị Tỳ- K. Giáo Đàm-di, K. Hàng ma, K. Lại-tra- kheo

thuyết); VI. Phẩm Vương tương ưng, hòa-la, K. Ưu-bà-ly, K. Thích vấn, K. có 7 Kinh (K. Thất bảo, K. Tam thập nhị Thiện sanh, K. Thương nhân cầu tài, K. tướng 5, K. Tứ châu, K. Ngưu Phấn dụ, K. Thế gian, K. Phước, K. Tức chỉ đạo, K. Tần-bệ-ta-la vương nghinh Phật, K. Bệ- Chí biên, K. Dụ); XII. Phẩm Phạm chí bà-lăng-kỳ, K. Thiên sứ). (phần trên), có 10 Kinh (K. Vũ thế, K. Tập II, dày 751 trang, gồm có tiếp theo Thương-ca-la, K. Toán số Mục-kiền-liên, Tập I, phẩm VI (phần cuối) và phẩm VII, K. Cù-mặc Mục-kiền-liên, K. Tượng tích VIII, IX, X, có tất cả 52 Kinh: VI. Phẩm dụ, K. Văn đức, K. Hà khổ, K. Hà dục, K. Vương tương ưng (phần cuối), có 7 Kinh Uất-sấu-ca-la, K. A-nhiếp-hòa); XIII. (K. Ô điểu dụ, K. Thuyết bổn, K. Đại Phẩm Phạm chí (phần dưới), có 10 Kinh Thiện Nại lâm, K. Đại Thiên Kiến vương, (K. Anh vũ, K. Tu-nhàn-đề, K. Bà-la-bà- K. Tam thập dụ, K. Chuyển luân vương, đường, K. Tu-đạt-đa, K. Phạm Ba-la-diên, K. Bệ tứ); VII. Phẩm Trường Thọ vương, K. Huỳnh Lô viên, K. Đầu-na, K. A-già- có 15 Kinh (K. Trường Thọ vương bổn la-ha-na, K. A-lan-na, K. Phạm ma); XIV. khởi, K. Thiên, K. Bát niệm, K. Tịnh bất Phẩm Căn bản phân biệt, có 10 Kinh (K. động đạo, K. Úc-già-chi-la, K. Sa-kê-đế Phân biệt lục giới, K. Phân biệt lục xứ, K. Tam tộc tánh tử, K. Phạm thiên thỉnh Phật, Phân biệt quán pháp, K. Ôn tuyền lâm K. Hữu thắng thiên, K. Ca-hy-nan, K. thiên, K. Thất trung thuyền thất tôn, K. A- Niệm thân, K. Chi-ly-di-lê, K. Trưởng lão nan thuyết, K. Ý hành, K. Câu-lâu-sấu vô thượng tôn thùy miên, K. Vô thích, K. tránh, K. Anh võ, K. Phân biệt đại Chân nhân, K. Thuyết xứ); VIII. Phẩm Uế, nghiệp).

Tập IV, dày 771 trang, gồm có 6 phẩm Hán dịch: Trúc Phật Niệm (XIV, XV, XVI, XVII, XVIII và XIX), Việt dịch: Thích nữ Tịnh Quang với 51 Kinh: XIV. Phẩm Tâm, có 10 Kinh Kinh này gồm có 12 phẩm: P.1 Như Lai (K. Tâm, K. Phù-di, K. Thọ pháp (A), K. năm hoằng thệ nguyện vào Trung ấm giáo Thọ pháp (B), K. Hành thiền, K. Thuyết, hóa, P.2 Đức Diệu giác Như Lai đưa chư K. Lạp sư, K. Ngũ chi vật chủ, K. Cù- Bồ-tát vào Trung ấm giáo hóa, P.3 Đức đàm-di, K. Đa giới); XV. Phẩm Song Diệu giác Như Lai phân thân vào Trung (phần trên), có 5 Kinh (K. Mã ấp (A), K. ấm, P.4 Bồ-tát Hiền Hộ thưa hỏi, P.5 Đạo Mã ấp (B), K. Ngưu giác Sa-la lâm (A), K. thụ, P.6 Thần túc, P.7 Phá lưới ái, P.8 P.8 Ngưu giác Sa-la lâm (B), K. Cầu giải Ba đời bình đẳng, P.9 Không sanh diệt, thoát); XVI. Phẩm Song (phần dưới), có 5 P.10 Giáo hóa không vô hình, P.11 Có Kinh (K. Thuyết trí, K. A-di-na, K. Thánh sắc-không sắc, P.12 Hoan hỷ. Phẩm Đại, có 10 Kinh (K. Ca-lô-ô-đà-di, Bộ Niết-bàn) K. Mâu-lê-phá-quần-na, K. Bạt-đà-hòa- lợi, K. A-thấp-bối, K. Châu-na, K. Ưu-ba- 767. KINH TRUNG BỘ - 3 Tập ly, K. Điều ngự địa, K. Si tuệ địa, K. A-lê- Giáo hội Phật giáo Việt Nam – tra, K. Trà-đế); XVIII. Phẩm Bô-lỵ-đa, có Đại tạng Kinh Việt Nam 10 Kinh (K. Trì trai, K. Bô-lỵ-đa, K. La- Nguyên bản: Pali ma, K. Ngũ hạ phần kiết, K. Tâm uế, K. Việt dịch: Tiễn mao (A), K. Tiễn mao (B), K. Bệ- HT. Thích Minh Châu (1918-2012) ma-na-tu, K. Pháp lạc Tỳ-kheo Ni, K. Đại Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 Câu-hy-la); XIX. Phẩm Lệ, có 11 Kinh (K. tập dày 2.246 trang, bìa cứng, bao da màu Nhất thiết trí, K. Pháp trang nghiêm, K. đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp Bệ-ha-đề, K. Đệ nhất đắc, K. Ái sanh, K. đựng. Bát thành, K. A-na-luật-đà (A), K. A-na- Tập I, Kinh Trung Bộ, Viện Nghiên cứu luật-đà (B), K. Kiến, K. Tiễn dụ, K. Lệ). Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2536 – Cuối Tập IV là Mục lục Tương đương DL. 1992, có 745 trang, nội dung gồm có giữa Kinh Trung A-hàm và Kinh Nikàya. 50 Kinh (K): 1.K. Pháp

môn căn bổn (Mulapariyayasutta), 2.K. Tất cả lậu hoặc 765. KINH TRUNG A-HÀM – (Sabbasavasuttam), 3.K. Thừa tự Pháp Trọn bộ 4 Cuốn (Dhammadayadasutta), 4.K. Sợ hãi và Dịch và chú: Tuệ Sỹ khiếp đảm (Bhayabheravasuttam), 5.K. Nxb Phương Đông – 2009 (lần đầu), tái Không uế nhiễm (Ananganasuttam), 6.K. bản 2013; Nxb Hồng Đức – 2019. Ước nguyện (Akankheyyasuttam), 7.K. Ví Toàn bộ tác phẩm Kinh Trung A-hàm này dụ tấm vải (Vatthupamasutta), 8.K. Đoạn gồm có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục, giảm (Sallekhasuttam), 9.K. Chính tri kiến nội dung chính yếu có 20 phẩm, trong đó (Sammaditthisuttam), 10.K. Niệm xứ có 222 Kinh. (Satipatthanasutta), 11.K. Tiểu kinh sư tử Xem: Trung A-hàm – Tiểu Tạng Kinh do hống (Culasihanadasuttam), 12.K. Đại Tuệ Sỹ dịch và chú kinh sư tử hống (Mahasihanadasuttam), 13.K. Đại kinh khổ uẩn 766. KINH TRUNG ẤM (Mahadukkhakkhandhasutta), 14.K. Tiểu

kinh khổ uẩn sát (Vimamsakasuttam), 48.K. Kosambiya (Culadukkhakkhandhasuttam), 15.K. Tư (Kosambiyasuttam), 49.K. Phạm thiên lượng (Anumanasuttam), 16.K. Tâm thỉnh cầu (Brahmanimantanikasuttam), hoang vu (Cetekhilasuttam), 17.K. Khu 50.K. Hàng phục ma rừng (Vanapathasuttam), 18.K. Mật hoàn (Maratajjaniyasuttam). (Madhupindikasuttam), 19.K. Song tầm (Dvedhavitakkasutta), 20.K. An trú tầm Tập II, Kinh Trung Bộ, Nxb Tôn Giáo, (Vitakasanthanasuttam), 21.K. Ví dụ cái PL. 2544 – DL. 2000, có 829 trang, (Số cưa (Kakacupamasutta), 22.K. Ví dụ con thứ tự 6); nội dung gồm có 50 Kinh (từ rắn (Alaggadupamasuttam), 23.K. Gò mối kinh số 51-100): 51.K. Kandaraka (Vammikasutta), 24.K. Trạm xe (Kandarakasuttam), 52.K. Bát thành (Rathavivutasutta), 25.K. Bẫy mồi (Atthakanagarasuttam), 53.K. Hữu học (Nivapasuttam), 26.K. Thánh cầu (Sekhasuttam), 54.K. Potaliya (Ariyapariyesanasuttam), 27.K. Tiểu kinh (Potaliyasuttam), 55.K. Jivaka dụ dấu chân voi (Jivakasuttam), 56.K. Ưu-ba-ly (Culahatthipadopamasuttam), 28.K. Đại (Upalisuttam), 57.K. Hạnh con chó kinh dụ dấu chân voi (Kukkuravatikasuttam), 58.K. Vương tử (Mahahatthipadopamasuttam), 29.K. Đại Bhaya (Vô Úy) kinh ví dụ lõi cây (Mahasaropamasuttam), (Abhayarajakumarasuttam), 59.K. Nhiều 30.K Tiểu kinh ví dụ lõi cây cảm thọ (Bahuvedaniyasuttam), 60.K. (Culasaropamasuttam), 31.K. Tiểu kinh Không gì chuyển hướng rừng sừng bò (Culagosingasuttam), 32.K. (Apannakasuttam), 61.K. Giáo giới La- Đại kinh rừng sừng bò hầu-la ở rừng Am-bà-la (Ambalatthika (Mahagosingasuttam), 33.K. Đại kinh Rahulovadasuttam), 62.K. Đại kinh giáo người chăn bò (Mahagopalakasuttam), giới La-hầu-la (Maha-Rahulovadasuttam), 34.K. Tiểu kinh người chăn bò 63.K. Tiểu kinh Malunkya (Culagopalakasuttam), 35.K. Tiểu kinh (Malunkyasuttam), 64.K. Đại kinh Saccaka (Culasaccakasuttam), 36.K. Đại Mahamalunkyaputta kinh Saccaka (Mahasaccakasuttam), 37.K. (Mahamalunkyaputtasuam), 65.K. Tiểu kinh đoạn tận ái Bhaddali (Bhaddalisuttam), 66.K. Ví dụ (Culatanhasankhayasuttam), 38.K. Đại con chim cáy (Latukikopamasuttam), kinh đoạn tận ái 67.K. Catuma (Catumasuttam), 68.K. (Mahatanhasankhayasuttam), 39.K. Đại Nalakapana (Nalakapanasuttam), 69.K. kinh xóm ngựa (Mahassapurasuttam), Gulissani (Gulissanisuttam), 70.K. Kitagiri 40.K. Tiểu kinh xóm ngựa (Kitagirisuttam), 71.K. Ba minh (Culassapurasuttam), 41.K. Saleyyaka Vacchagota (Tevijja-Vacchagotasuttam), (Saleyyakasuttam), 42.K. Veranjaka 72.K. Aggivacchagotta

(Veranjakasuttam), 43.K. Đại kinh phương (Aggivacchagottasuttam), 73.K. Đại kinh quảng (Mahavedallasuttam), 44.K. Tiểu Vacchagotta (Mahavacchagottasutta), kinh phương quảng, 45.K. Tiểu kinh Pháp 74.K. Trường Trảo (Dighanakhasuttam), hành (Culadhammasamadanasuttam), 75.K. Magandiya (Magandiyasuttam), 46.K. Đại kinh Pháp hành 76.K. Sandaka (Sandakasuttam), 77.K. (Mahadhammasamadanasuttam), 47.K. Tư Mahasakuludaya, 78.K. Samanamandiya,

79.K. Tiểu kinh Thiện sanh Ưu-đà-di (Bahudhatukasuttam), 116.K. Tôn thiên (Culasakuludayisuttam), 80.K. (Isigilisutta), 117.K. Đại kinh bốn mươi Vekhanassa, 81.K. Ghatikara, 82.K. (Mahacattarisakasuttam), 118.K. Nhập tức Ratthapala, 83.K. Makhadeva xuất tức niệm (Anapanasatisuttam), (Makhadevasuttam), 84.K. Madhura, 119.K. Thân hành niệm 85.K. Bồ-đề vương tử (Kayagatasatisuttam), 120.K. Hành sanh (Bodhirajakumarasuttam), 86.K. (Sankharuppatisuttam), 121.K. Tiểu không Angulimala, 87.K. Ái sanh (Culasunnatasuttam), 122.K. Đại không (Piyajakasuttam), 88.K. Bahitika, 89.K. (Mahasunnatasuttam), 123.K. Hy hữu vị Pháp trang nghiêm tằng hữu pháp (Dhammacetiyasuttam), 90.K. (Acchariyabbhutadhammasuttam), 124.K. Kannakatthala, 91.K. Brahmayu Bạc-câu-la (Bakkulasuttam), 125.K. Điều (Brahmayusuttam), 92.K. Sela Ngự Địa (Dantabhumisuttam), 126.K. (Selasuttam), 93.K. Assalayana Phù-di (Bhumijasuttam), 127.K. A-na-luật (Assalayanasuttam), 94.K. Ghotamukha, (Anuruddhasuttam), 128.K. Tùy phiền não 95.K. Canki (Cankisuttam), 96.K. Esukari (Upakkilesasuttam), 129.K. Hiền ngu (Esukarisuttam), 97.K. Dhananjani (Balapanditasuttam), 130.K. Thiên sứ (Dhananjanisuttam), 98.K. Vasettha (Devadutasuttam), 131.K. Nhứt dạ hiền (Vasetthasutta), 99.K. Subha giả (Bhaddekarattasuttam), 132.K. A-nan (Subhasuttam), 100.K. Sangarava Nhứt dạ hiền giả (Sangaravasuttam). (Anandabhaddekarattasuttam), 133.K. Đại Ca-chiên-diên Nhứt dạ hiền giả Tập III, Kinh Trung Bộ, Nxb Tôn Giáo, (Kacanabhaddekarattasuttam), 134.K. PL. 2545 – DL. 2001, dày 672 trang, bìa Lomasakangiya Nhứt dạ hiền giả cứng, (Số thứ tự 7); nội dung gồm có 52 (Lomasakangiyabhaddekarattasuttam), Kinh (từ kinh số 101-152): 101.K. 135.K. Tiểu nghiệp phân biệt Devadaha (Devadahasuttam), 102.K. Năm (Culakammavibhangasuttam), 136.K. Đại ba (Pancattayasuttam), 103.K. Như thế nghiệp phân biệt nào (Kintisutta), 104.K. Làng Sama (Mahakammavibhangasuttam), 137.K. (Samagamasuttam), 105.K. Thiện Tinh Phân biệt sáu xứ (Sunakkhattasuttam), 106.K. Bất động lợi (Salayatanavibhangasuttam), 138.K. Tổng ích (Ananjasappayasuttam), 107.K. thuyết và biệt thuyết Ganaka Moggallana (Ganaka (Uddassavibhangasuttam), 139.K. Vô Moggallanasuttam), 108.K. Gopaka tránh phân biệt (Aranavibhangasuttam), Moggallana (Gopaka Moggallanasuttam), 140.K. Giới phân biệt 109.K. Đại kinh mãn nguyệt (Dhatuvibhangasuttam), 141.K. Phân biệt (Mahapunnamasuttam), 110.K. Tiểu kinh về sự thật (Saccavibhangacittasuttam), mãn nguyệt (Culapunnamasuttam), 111.K. 142.K. Phân biệt cúng dường Bất đoạn (Anupadasuttam), 112.K. Sáu (Dakkhinavibhangasuttam), 143.K. Giáo thanh tịnh (Chabbisodhanasuttam), 113.K. giới Cấp Cô Độc Chân nhân (Sappurisasuttam), 114.K. Nên (Anathapindikovadasuttam), 144.K. Giáo hành trì, không nên hành trì (Sevitabha-giới Channa (Channovadasuttam), 145.K. asevitabhasuttam), 115.K. Đa giới Giáo giới

Phú-lâu-na (Punnovadasuttam),

146.K. Giáo giới Nandaka hống (Cùlasìhanàda Sutta), B.12 Đại Kinh (Nandakovadasuttam), 147.K. Tiểu kinh Sư tử hống (Mahàsìhanàda Sutta), B.13 giáo giới La-hầu-la (Cula Đại Kinh Khổ uẩn (Mahàdukkhakkhandha Rahulovadasuttam), 148.K. Sáu sáu Sutta), B.14 Tiểu Kinh Khổ uẩn (Chachakkasuttam), 149.K. Đại kinh sáu (Cùladukkhakkhandha Sutta), B.15 Kinh xứ (Mahasalayatanikasuttam), 150.K. Nói Tư lượng (Anumàna Sutta), B.16 Kinh cho dân chúng Nagaravinda Tâm hoang vu (Cetokhila Sutta), B.17 (Nagaravindeyyasuttam), 151.K. Khất Kinh Khu rừng (Vanapattha Sutta), B.18 thực thanh tịnh Kinh Mật hoàn (Madhupindika Sutta) (Pindapataparisuddhisuttam), 152.K. Căn B.19 Kinh Song tầm (Dvedhàvitakka tu tập (Indriyabhavanasuttam). Sau cùng là Sutta), B.20 Kinh An trú tầm Mục lục tương đương giữa Kinh Trung Bộ (Vitakkasanthàna Sutta); Thư mục tham và các Kinh Hán tạng. khảo. Tác phẩm Kinh Trung Bộ - Tập I, II và III, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở 769. KINH TRUNG BỘ II tại Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1986, (Tóm tắt và chú giải) - 3 Tập khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, Giấy phép xb Dịch giả: số 46/XBNT/GP ngày 16-3-1986. HT. Thích Minh Châu (1918-2012) Tóm tắt và chú giải: Thích nữ Trí Hải (1938-2003) Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002 Kinh có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 3 tập 768. KINH TRUNG BỘ có 152 kinh, dày 1.278 trang, bìa mềm. Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương – Mỗi kinh gồm có 5 phần: 1. Toát yếu bằng Giáo Trình Trung Cấp Phật Học Anh ngữ của ngài Nanamoli và dịch, 2. Trưởng Ban Biên Soạn: Tóm tắt, 3. Chú giải theo luận giải kinh TT. TS. Thích Viên Trí Trung bộ, bản Anh ngữ của hai Đại đức Biên soạn: TT. TS. Thích Tâm Minh Nanamoli và Bodhi, 4. Pháp số liên hệ, 5. Nxb Phương Đông – 2017 Kệ thuộc lòng. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 240 trang, Tập I, có 340 trang, với 50 Kinh; Tập II, bìa mềm. Nội dung gồm có 20 bài Kinh: có 500 trang, và 50 Kinh (từ Kinh 51- Lời nói đầu, B.1 Kinh Pháp môn Căn bản 100); Tập III, có 438 trang, với 52 Kinh (Mùlapariyàya Sutta), B.2 Kinh Nhất thiết (từ Kinh 101-152) tất cả 152 Kinh đều Lậu hoặc (Sabbàsava Sutta), B.3 Kinh được tóm tắt và chú giải. Thừa tự Pháp (Dhammadàyàda Sutta), B.4 Xem: Kinh Trung Bộ Tập I, II và III do Kinh Sợ hãi và Khiếp đảm (Bhayabherava HT. Thích Minh Châu dịch. Sutta), B.5 Kinh Vô uế (Anangana Sutta), B.6 Kinh Ước nguyện (Àkankheyya 770. KINH TRUNG BỔN KHỞI Sutta), B.7 Kinh Ví dụ Tấm vải Đại Chánh Tân Tu, Bộ Bản duyên, Kinh (Vatthùpama Sutta), B.8 Kinh Đoạn giảm số 0196 (Sallekha Sutta), B.9 Kinh Chánh Tri kiến Hán dịch: Đàm Quả và (Sammàditthi Sutta), B.10 Kinh Niệm xứ Khương Mạnh Tường (Satipatthàna Sutta), B.11 Tiểu Kinh Sư tử Việt dịch: Thích Chánh Lạc

Tác phẩm Kinh này có 82 trang (PDF), Tập I (số thứ tự 2), có 641 trang, gồm có gồm 2 quyển, 15 phẩm: Quyển thượng, 19 Kinh (K) như sau: 1.K. Đại bổn duyên, 1.P Chuyển Pháp luân, 2.P Hiệp biến (còn 2.K. Du hành, 3.K. Điển tôn, 4.K. Xà-ni- gọi Thiện Lai), 3.P Hóa độ Ca-diếp, 4.P sa, 5.K. Tiểu duyên, 6.K. Chuyển luân Độ vua Bình Sa, 5.P Xá-lợi-phất, Đại Thánh vương tu hành, 7.K. Tệ túc, 8.K. Mục-kiền-liên đến học đạo, 6.P Trở về Tán-đà-na, 9.K. Chúng tập, 10.K. Thập bổn quốc; Quyển hạ, 7.P Tu-đạt, 8.P Nhân thượng, 11.K. Tăng nhất, 12.K. Tam tụ, duyên huyền dung trai giới, 9.P Cù-đàm-di 13.K. Đại duyên phương tiện, 14.K. đi đến Đức Phật xin làm Tỳ-kheo Ni, 10.P Thích-đề Hoàn

nhân vấn, 15.K. A-nậu-di, Độ vua Ba-tư-nặc, 11.P Tự ái, 12.P Đại 16.K. Thiện sanh, 17.K. Thanh tịnh, 18.K. Ca-diếp lúc mới đến học đạo, 13.P Độ Tự hoan hỷ, 19.K. Đại hội. Nại-nữ, 14.P Ni-kiền vấn nghi, 15.P Đức Tập II (số thứ tự 4), có 518 trang, gồm có Phật ăn lúa ngựa. 11 Kinh (từ Kinh số 20-30) như sau: 20.K. Bộ Bổn duyên) đức, 23.K. Cứu-la-đàn-đầu, 24.K. Kiên cố, 25.K. Lõa hình phạm chí, 26.K. Tam 771. KINH TRỪ KHỦNG TAI HOẠN minh, 27.K. Sa-môn quả, 28.K. Bố-tra-bà- Việt dịch: lâu, 29.K. Lộ-già, 30.K. Thế ký, có 12 HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) phẩm (P. Diêm-phù-đề, P. Uất-đơn-việt, P. Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Chuyển luân Thánh vương, P. Địa ngục, P. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 78 trang, bìa Long điểu, P. A-tu-luân, P. Tứ thiên mềm. vương, P. Đao Lợi thiên, P. Tam tại, P. Nội dung gồm có: Tựa, Lời nói đầu; Kinh Chiến đấu, P. Tam trung kiếp, P. Thế bổn Trừ Khủng Tai Hoạn. duyên). Cuối Tập II có Mục lục Kinh Tác phẩm Kinh này đã được ấn hành năm tương đương giữa Trường A-hàm và 1952, In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Trường bộ. Định); tái bản: Năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành. 773. KINH TRƯỜNG A-HÀM – Trọn bộ 3 Cuốn 772. KINH TRƯỜNG A-HÀM, 2 Tập Việt dịch và chú: Tuệ Sỹ Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Nxb Phương Đông – 2008 (lần đầu), tái Đại tạng Kinh Việt Nam bản 2012; Nxb Hồng Đức – 2018. Hán dịch: Phật-đà-da-sá Toàn bộ tác phẩm Kinh Trường A-hàm và Trúc Phật Niệm này có 2 cuốn nội dung, gồm có 30 Kinh, Việt dịch: Cuốn I, có 17 Kinh, Cuốn II, có 13 Kinh; Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm và 1 cuốn Tổng Mục lục. Hiệu đính: Xem: Trường A-hàm – Tiểu Tạng Kinh do HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Tuệ Sỹ dịch và chú Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 774. KINH TRƯỜNG A-HÀM tập dày 1.159 trang, bìa cứng, bao da màu (DIRGHÀGAMA) đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng mỗi tập. Tuyển dịch: HT. Thích Trí Đức Nxb Tôn Giáo – 2003

Tác phẩm Kinh này dày 342 trang, bìa khổ hạnh suông); 16. Kinh Sa-môn quả mềm. Nội dung gồm: 1. Lời giới thiệu, 2. (Quan niệm về quả báo của Lục sư ngoại Tựa, 3. Kinh Đại bản duyên (Lược thuật đạo và Phật giáo); 17. Kinh Bố-tra-bà-lâu Nhân duyên giáng sanh, Thành đạo giáo (Phật không quan tâm, không nói đến vấn hóa của 7 Đức Phật trong thế giới Ta-bà); đề bản ngã và thế gian thường-vô thường, 4. Kinh Du hành (Phần I. Lược thuật cuộc Ngài chỉ chú trọng dạy pháp Tứ-đế); 18. hành hóa của Phật, theo đó Phật đã tùy cơ Kinh Tiền dụ (Ví dụ người bị trúng tên giảng dạy những lời thâm trầm, thi thiết độc); 19. Vài lời sau Kinh, 20. Bản đối cho hàng đệ tử, từ việc xử thế, tu hành đến chiếu các Kinh Pàli – Hán. việc an quốc; Phần II. Lược thuật giai Tác phẩm Kinh này đã được Phật Học đoạn Phật nhập Niết-bàn và những lời dạy Viện Trung Phần xuất bản năm PL. 2505 cuối cùng của Ngài; Phần III. Lược thuật – DL. 1962, In tại Nhà in Hoa Sen (Nha tiếp giai đoạn Phật nhập Niết-bàn cho tới Trang), dày 341 trang, bìa mềm. khi phân chia Xá-lợi dựng tháp tôn thờ); 5. Kinh Điển tôn (Thuật một tiền thân Phật, 775. KINH TRƯỜNG BỘ - 2 Tập khi làm vị Đại thần Điển Tôn tài cao, đức Giáo hội Phật giáo Việt Nam – lớn, đã giúp vị vua thuở ấy lấy chánh pháp Đại tạng Kinh Việt Nam trị dân); 6. Kinh Tứ tánh (Dạy về nguyên Nguyên bản: Pali lai của 4 tánh và yếu lý bình đẳng giữa 4 Việt dịch: tánh đó); 7. Kinh Chuyển luân vương tu HT. Thích Minh Châu (1918-2012) hành (Dạy về tư cách vị Chuyển Luân Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng

2 vương và tình trạng sinh tồn của nhân tập dày 1.366 trang, bìa cứng, bao da màu loại); 8. Kinh Tệ Túc (Cuộc thảo luận về đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng mỗi tập. kiếp sau giữa Ca-diếp đồng nữ và Bà-la- Tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt môn Tệ Túc); 9. Kinh Tán-đà-na (Phật chỉ Nam ấn hành PL. 2535 – DL. 1991, có tính cách tịnh-bất tịnh trong pháp tu khổ 686 trang, nội dung gồm có 15 Kinh (K): hạnh và mục đích mà Ngài thuyết pháp); 1.K. Phạm võng, 2.K. Sa-môn quả, 3.K. 10. Kinh Đại duyên Phương tiện (Phương Ambattha, 4.K. Sonadanda, 5.K. cách suy tầm lý Nhân duyên và Vô ngã); Kutadanta, 6.K. Mahàli, 7.K. Kassapa, 11. Kinh Thiện Sinh (Dạy cách cư xử 8.K. Potthapada, 9.K. Subha, 10.K. trong gia đình, với thầy bạn và thân thích); Kevaddha, 11.K. Lohicca, 12.K. Tevijja, 12. Kinh Phạm Võng (Phật nêu chỉ 62 13.K. Đại bổn, 14.K. Đại duyên, 15.K. Đại kiến chấp sai lầm của ngoại đạo và dạy bát Niết-bàn. cho biết tán thán Phật theo cách cao Tập II, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. thượng); 13. Kinh Cứu-la-đàn-đầu (Chỉ 2001, có 680 trang, (Số thứ tự 2); nội dung cách tế lễ gây thêm tội báo và cách tế lễ gồm từ kinh số 17 đến kinh số 34 như sau: gây phúc báo cao thượng, cách tế lễ mê tín 17.K. Đại Thiện Kiến vương (Mahà- và cách tế lễ không mê tín); 14. Kinh Kiên Sudassana-Suttanta), 18.K. Xà-ni-sa cố (Dạy về Tứ đại do đâu diệt mất và Tỳ- (Janavasabha-Suttanta), 19.K. Đại Điển kheo nên hiện thần thông như thế nào); 15. Tôn (Mahà-Govinda-Suttanta), 20.K. Đại Kinh Lõa hình Phạm chí (Người được hội (Mahà-Samaya-Suttanta), 21.K. Đế mệnh danh là Sa-môn hay Bà-la-môn cốt ở Thích sở vấn (Sakka-Panha-Suttanta), chỗ dứt phiền não chứ không do hình thức 22.K. Đại niệm xứ (Mahà-Sapitatthana-

Suttanta), 23.K. Tệ túc (Pàyàsi-Suttanta), Việt dịch: Mạt Nhân Đạo Quang 24.K. Ba-lê (Pàtika- Suttanta), 25.K. Ưu- Nxb Phương Đông – 2011 đàm-bà-la Sư tử hống (Udumbarika- Sách có khổ 14 x 20cm, có 180 trang, bìa Sìhanàda-Suttanta), 26.K. Chuyển luân mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Thánh vương sư tử hống (Cakkhavatti- Tranh truyện Kinh Trường Thọ Diệt Tội, Sìhanàda- Suttanta), 27.K. Khởi thế nhân Kinh Trường Thọ Diệt Tội Hộ Chư Đồng bổn (Agganna-Suttanta), 28.K. Tự hoan hỷ Tử Đà-la-ni (Sa-môn Phật-đà-ba-lợi vâng (Sampasàdaniya-Suttanta), 29.K. Thanh chiếu dịch), Lời cuối. tịnh (Pàsàdika-Suttanta), 30.K. Tướng (Lakkhana-Suttanta), 31.K. Giáo thọ Thi- ca-la-việt (Singàlovàda- Suttanta), 32.K. 778. KINH TRƯỜNG THỌ A-sá-nang-chi (Atànàtiya-Suttanta), 33.K. DIỆT TỘI VÀ THẦN CHÚ Phúng tụng (Sangìti-Suttanta), 34.K. Thập BẢO HỘ CÁC EM BÉ thượng (Dasuttara-Suttanta). Cuối kinh là Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Mục lục Kinh tương đương giữa Trường Phật-đà-ba-lợi Bộ và Trường A-hàm. Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; 2. Ghi chú: Trong Mục lục tập I ghi 15 Kinh, Thích Thiện Thông; 3. Không Trú đúng ra là 16 Kinh nhưng kinh Jàliya, số 7 Tác phẩm Kinh này có 33 trang (PDF), nội phần lớn giống Kinh Mahàli nên dịch giả dung: - Nghi thức khai Kinh, - Tán dương không dịch. Do đó, số thứ tự Kinh của Tập chi, - Chú Đại Bi, - Kinh Trường thọ diệt I từ số 7 đến số 15 tương đương với số 8 tội Hộ chư Đồng tử Đà-la-ni. 776. KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI Sách Phật học-PDF) Hộ Chư Đồng Tử Đà-la-ni Hán dịch: Tam tạng Sa-môn - 779. KINH TRƯỞNG GIẢ CỰ LỰC Phật-đà-ba-ly HỎI VỀ ĐẠI THỪA Việt dịch: Thích Thiện Thông Hán dịch: Trí Kiết Tường Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014 Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Kinh

có khổ 14 x 20cm, có 87 trang, bìa Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: mềm, nền màu tím, có hình hoa sen ở góc Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. Nội dung gồm có: Lời tựa, Nghi thức khai Bộ Kinh tập) Kinh (Niệm hương, Tán thán Phật, Quán tưởng, Tán Dương chi, Chú Đại bi, Văn 780. KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI Phát nguyện, Kệ Khai Kinh), Kinh Trường Hán dịch: Tam tạng Pháp sư thọ Diệt tội Hộ chư Đồng tử Đà-la-ni. Đàm Vô Sấm Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều Việt dịch: Linh Sơn Pháp Bảo lần: Năm 2008, 2011, Nxb Tôn Giáo. (Trích: Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, tập 82-Bộ luật 12-Số 1488) 777. KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019 Tranh Truyện Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 334 trang, Tác giả: Liên Ca Tử bìa cứng. Nội dung gồm có 7 quyển, 28

phẩm: Q.I, P.1 Tập hội, P.2 Phát tâm Bồ- Trang nghiêm tự-tha, 14.P Phước Trí trang đề, P.3 Tâm bi, P.4 Giải thoát, P.5 Ba thứ nghiêm, 15.P Nhiếp thủ, 16.P Thọ giới, Bồ-đề, P.6 Tu hạnh nghiệp 32 tướng; Q.II, 17.P Tịnh giới, 18.P Dứt trừ các điều ác, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả danh và 19.P Cúng dường Tam bảo, 20.P Lục Ba- Bồ-tát thật nghĩa, P.9 Tâm kiên cố của Bồ- la-mật, 21.P Bố thí Ba-la-mật, 22.P Thanh tát thật nghĩa, P.10 Lợi mình và lợi người, tịnh Tam quy, 23.P Bát quan trai giới, P.12 Phước trí trang nghiêm; Q.III, P.13 24.P Năm giới, 25.P Trì giới Ba-la-mật, Thâu giữ, P.14 Thọ giới, P.15 Tịnh giới, 26.P Nghiệp, 27.P Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.16 Trừ các điều ác, P.17 Cúng dường 28.P Tinh tấn Ba-la-mật, 29.P Thiền Ba- Tam bảo; Q.IV, P.18 Sáu Ba-la-mật, P.19 la-mật, 30.P Bát-nhã Ba-la-mật; Phụ thích. Bố thí; Q.V, P.19 Bố thí (tt), P.20 Tam Tác phẩm này được chùa Giác Hoằng quy Thanh tịnh, P.21 Bát quan trai giới; (Wasning Ton D. C. (U.S.A) tái bản tại Q.VI, P.22 Năm giới, P.23 Giới Ba-la-mật, Hoa Kỳ, PL. 2548 – DL. 2004. P.24 Nghiệp quả (Phần 1); Q.VII, P.24 Nghiệp quả (Phần 2), P.25 Nhẫn nhục Ba- 783. KINH ƯU-BÀ-TẮC la-mật, P.26 Tinh tấn Ba-la-mật, P.27 NGŨ GIỚI TƯỚNG Thiền định Ba-la-mật, P.28 Bát-nhã Ba-la- Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - mật. Cầu-na-bạt-ma (Gunavarman, 367-431) Việt dịch: Minh Lễ 781. KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI THPG Tp. Hồ Chí Minh, Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Minh PL. 2538 – DL. 1994 Nxb Phương Đông Kinh có khổ 14 x 20cm, có 98 trang, bìa Sách dày hơn 258 trang, bìa cứng, chữ mạ mềm, chữ tựa màu đen và đỏ. Nội dung vàng. Kinh này gồm có: Nghi thức tụng giới, Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tựa; và Phật thuyết Ưu-bà-tắc ngũ giới tướng kinh 28 Phẩm Kinh cương yếu, sau cùng là (Giới thứ nhất, không nên sát sanh; Giới Cương yếu Tổng quát. thứ hai, Không nên trộm cắp, Giới thứ ba, Xem: (28 phẩm) Kinh Ưu-bà-tắc Giới Không nên tà dâm, Giới thứ tư, Không nên Tác phẩm Kinh này đã được chùa Ấn vọng ngữ, Giới thứ năm, Không nên uống Quang (Sài Gòn) ấn hành năm PL. 2501 – rượu), Phật thuyết hy hữu giáo lượng công DL. 1957 đức kinh, Lời bạt. Tác phẩm Kinh này đã được chùa Vạn 782. KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI Đức (Thủ Đức-Sài Gòn) ấn hành năm PL. Toàn Tập 2512 – DL. 1968 Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Minh Phật Học Đường Việt Nam; Sách dày 456 784. KINH VẠN PHẬT trang, bìa cứng. (Kinh Phật thuyết Phật danh) Nội dung gồm có: 1. Lời giới thiệu, 2. Dịch giả: HT. Thích Thiện Chơn Tựa, 3.P Tập hội, 4.P Phát Tâm Bồ-đề, 5.P Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Tâm Từ bi, 6.P Giải thoát, 7.P Ba thứ Bồ- Kinh có khổ 16 x 24cm, có 753 trang, bìa đề, 8.P Tu hạnh nghiệp 32 tướng, 9.P Phát cứng, tái bản lần thứ 5. Toàn bộ Kinh này nguyện, 10.P Bồ-tát giả và thật, 11.P Tâm

gồm có: Đầu quyển sự nghi, Kinh Phật kiên cố, 12.P Lợi mình-lợi người, 13.P thuyết Phật danh: Từ quyển 1 đến quyển

12 (có một vạn, một ngàn, một trăm danh 17 phẩm: Niệm hương, Tán thán Phật; P.1 hiệu Phật); Phần Hồi hướng, Ma-ha Bát- Phần tựa, P.2 Giới Bồ-tát, P.3 Chẳng thể nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh. nghĩ bàn, P.4 Vô ngã, P.5 Niết-bàn, P.6 Kinh này đã được xuất bản năm PL. 2512 Bát-nhã Ba-la-mật, P.7 Tập khí còn lại, – DL. 1968, do Tỳ-kheo Thích Đăng P.8 Đến-Đi, P.9 Trung Đạo, P.10 Giới thế Quang-Trụ trì chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) tổ gian, P.11 Giới xuất thế gian, P.12 Vượt chức ấn tống, In tại Nhà in Hạnh Phúc trên giới thế gian, P.13 Sự thọ giới của (Gia Định), dày 654 trang, khổ lớn, bìa Bồ-tát, P.14 Tự mẫu, P.15 Phân chia Bộ mềm; năm 2013, Nxb Tôn Giáo. phái, P.16 Hỏi việc linh tinh, P.17 Chúc lụy; Phần Hồi hướng, Bát-nhã Ba-la-mật- 785. KINH VẠN PHẬT – 3 Tập đa Tâm Kinh, Bạt Nhứt thiết Nghiệp (Kinh Phật Nói Danh Hiệu Phật) chướng Căn bổn Đắc sanh Tịnh độ Đà-la- Việt dịch: Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019) ni; Sám Nhứt tâm, Văn Phục nguyện; Nxb Văn hóa Sài Gòn, PL. 2554 – DL. Phần Chú thích Quyển thượng. 2010 Trọn bộ 3 tập dày 1.786 trang, bìa cứng, 787. KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI có bìa bao, chữ tựa Kinh màu vàng. NÓI VỀ CẢNH GIỚI PHẬT KHÔNG Tập I, dày 598 trang, Đại quan; từ 100 thứ THỂ NGHĨ BÀN 1,… đến 100 thứ 39. Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chí; Tập II, từ tr. 605 đến tr. 1196; nội dung Việt dịch: Thích Chánh Lạc gồm từ: 100 thứ 40,… đến 100 thứ 73, Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: (sau 100 thứ 56 có Phụ lục: 1. “lạy danh Quyển thượng và Quyển hạ. sau 100 thứ 65 có Phụ lục: 3. “lạy danh Kinh tạng) hiệu Bồ-tát”; sau 100 thứ 72 có Phụ lục: 4. “nói cách Sám hối”). 788. KINH VỊ TẰNG HỮU - Tập III, từ tr. 1205 đến tr. 1786; 100 thứ CHÁNH PHÁP 74,… đến 100 thứ 111 (sau 100 thứ 74 có Hán dịch: Pháp Thiên Phụ lục: 5 “lạy thêm danh hiệu Bồ-tát”; Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên sau 100 thứ 80, Phụ lục 6 “nói thêm cách Chứng nghĩa: sám hối”; sau 100 thứ 109, Phụ lục 7 “lạy Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh (1927-2005) thêm danh hiệu Bồ-tát”); Bảng chữ Phạn và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh dịch âm nơi các danh hiệu Phật và Bồ-tát Tác phẩm Kinh này có 6 quyển. Sanskrit/Hán tạng) 786. KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI HỎI PHẬT 789. KINH VỊ TẰNG HỮU Hán dịch: Tam tạng Pháp sư THUYẾT NHÂN DUYÊN Tăng-già-ba-la (Nhân Duyên Chưa Từng Có Nói) Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Thiện Thông Adbhutadharma (A-phù-đà-đạt-ma) PL. 2537 – DL. 1993 PL. 2506 – DL. 1962 Kinh dày hơn 183 trang, bìa cứng, nền Hán dịch: Sa-môn Thích Đàm Cảnh màu đen, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có Việt dịch: Bồ-tát Đệ tử Tuệ Nhuận

Kinh dày 137 trang, bìa mềm. Nội dung về sau y nhơn địa này mà thật hành, tức tín gồm có: Lời tựa, Kinh Vị tằng hữu Thuyết giải làm căn bản. Sau 10 Ngài hỏi đáp y nhân duyên, Quyển trên-Quyển dưới; Giải giải tu hành đến chứng quả.” thích những chữ khó ở Quyển trên-Quyển Tác phẩm Kinh này tái bản năm PL. 2518 dưới; Lời bàn Kinh Vị tằng hữu Quyển – DL. 1974, với nhan đề “Kinh Đại trên-Quyển dưới; Phụ lục: Tiếng Như Lai, Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Thân, Khẩu, Nhẫn, Giới, Huệ, Ý, Khuyên Nghĩa”. sớm Giác ngộ, Heo trong lò thịt. 792. KINH VIÊN GIÁC 790. KINH VỊ TẰNG HỮU Giảng giải: Đại sư Thái Hư (1889-1947) THUYẾT NHÂN DUYÊN Việt dịch: Dịch giả: HT. Thích Trung Quán (1918-2003) HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) In tại Nhà in Hưng Long (Sài Gòn), Giấy Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014 phép số 1170/TXB ngày

3-9-1956. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 156 Kinh này có 188 trang, bìa mềm. Nội dung trang, bìa mềm, tái bản lần thứ sáu. Tác gồm 12 chương: Lời giới thiệu, Phiên phẩm Kinh này gồm có: Tựa, Lời nói đầu, dịch, Kinh Viên Giác thích Kinh, Chính Kinh Vị Tằng Hữu Thuyết Nhân Duyên: thuyết phần, 1. Văn-thù chương, 2. Phổ Quyển trước, - Phần thông tự, - Phần Hiền chương, 3. Phổ Nhãn chương, 4. Kim chánh tông; Quyển sau, - Phần lưu thông, Cương tạng chương, 5. Di-lặc chương, 6. Lời phụ. Thanh tịnh Tuệ chương, 7. Uy đức Tự tại Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: chương, 8. Biện Âm chương, 9. Tịnh chư Năm 1950, Tăng-già Tự (Khánh Hội-Sài Nghiệp chướng chương, 10. Phổ giác Gòn) xuất bản, với nhan đề "Vị Tằng Hữu chương, 11. Viên giác; Lưu thông phần, Thuyết Nhân Duyên Kinh", dịch giả Lê 12. Hiền Thiện Thủ chương (ở mỗi Phước Bình (tức HT. Hành Trụ); năm chương chia làm nhiều đoạn, ở mỗi đoạn 1962, Sa-môn Thích Đăng Quang tổ chức có: phiên âm, dịch nghĩa và giảng văn). ấn tống tại Sài Gòn, và cùng năm này Như Lai Tự (Nam Vang) cũng ấn tống Kinh 793. KINH VIÊN GIÁC này; năm PL. 2510 – DL. 1966, Sa-môn Hán dịch: Phật-đà-đa-la Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa Hải Tuệ Việt dịch: (Sài Gòn) tổ chức ấn tống, dịch giả Lê Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000) Phước Bình; năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Từ Ân Thiền đường, California Hoa Kỳ Minh ấn hành; năm 2011, Nxb Tôn Giáo. xuất bản – 1991 Kinh này về sau được tái bản tại Việt 791. KINH VIÊN GIÁC Nam, Nxb Tôn Giáo. Dịch giả: Thích Trí Hữu (1912-1975) Ấn hành năm 1953, khổ 16 x 24cm, có 794. KINH VIÊN GIÁC 202 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này Dịch giả: nói về 12 Bồ-tát hỏi Đức Phật, "trước hết HT. Thích Trí Quang (1923-2019) là ngài Văn Thù thưa hỏi nhơn địa pháp Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994 hạnh của chư Phật tu hành chứng Viên Tác phẩm Kinh này gồm có 12 chương: giác, để tất cả mọi người hiện tại cũng như Lời nói đầu (1986); C.1 Văn-thù, C.2 Phổ

Hiền, C.3 Phổ Nhãn, C.4 Kim Cang Tạng, chương: 1. Bồ-tát Văn Thù, 2. Bồ-tát Phổ C.5 Di Lạc, C.6 Thanh Tịnh Tuệ, C.7 Uy Hiền, 3. Bồ-tát Phổ Nhãn, 4. Bồ-tát Kim Đức Tự Tại, C.8 Biện Âm, C.9 Tịnh chư Cang Tạng, 5. Bồ-tát Di Lặc, 6. Bồ-tát Nghiệp chướng, C.10 Phổ Giác, C.11 Viên Thanh Tịnh Tuệ, 7. Bồ-tát Oai Đức Tự Giác, C.12 Hiền Thiện Thủ. Tại, 8. Bồ-tát Biện Âm, 9. Bồ-tát Tịnh Năm 1980, tác phẩm "Viên Giác - Thái Chư Nghiệp Chướng, 10. Bồ-tát Phổ Giác, Hư Đại sư, Trí Quang dịch và giải" (bản 11. Bồ-tát Viên Giác, 12. Bồ-tát Hiền đánh máy, Lưu hành nội bộ; Bản lưu tại Thiện Thủ. Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie lần: Năm 2008, 2011, Nxb Tôn Giáo. 6630) 798. KINH VIÊN GIÁC 795. KINH VIÊN GIÁC giảng giải – 2 Tập Giáo án Học viện Phật giáo Việt Nam Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam Việt dịch và chú thích: Giảng giải: Thích Nhật Quang Thích Thanh Kiểm (1921-2000) Nxb Hồng Đức – 2019 Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 91 trang, tập dày hơn 644 trang, bìa mềm. bìa mềm, chữ tựa màu vàng và đỏ, có hình Tập I, dày hơn 307 trang. Nội dung gồm ngôi bảo tháp. Kinh này gồm có 12 có 6 chương: Mở đầu; Kinh Viên Giác chương: Tóm tắt Giải thích đề mục Kinh, giảng giải, C.I Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa Phần Tự phận, Phần Chính tông; C.1 Văn- hỏi, C.II Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi, C.III thù, C.2 Phổ Hiền, C.3 Phổ Nhãn, C.4 Bồ-tát Phổ Nhãn thưa hỏi, C.IV Bồ-tát Kim Cang Tạng, C.5 Di-lặc, C.6 Thanh Kim Cang Tạng thưa hỏi, C.V Bồ-tát Di- tịnh Tuệ, C.7 Uy đức

Tự tại, C.8 Biện âm, lặc thưa hỏi, C.VI Bồ-tát Thanh Tịnh Huệ C.9 Tịnh chư nghiệp chướng, C.10 Phổ thưa hỏi; giác, C.11 Viên giác, C.12 Hiền thiện thủ. Tập II, dày hơn 337 trang. Nội dung gồm Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm có 6 chương (tt): C.VII Bồ-tát Oai Đức Tự 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh. Tại thưa hỏi, C.VIII Bồ-tát Biện Âm thưa hỏi, C.IX Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp 796. KINH VIÊN GIÁC Chướng thưa hỏi, C.X Bồ-tát Phổ Giác Việt dịch: Thích Huyền Vi (1926-2005) thưa hỏi, C.XI Bồ-tát Viên Giác thưa hỏi, PL. 2541 – DL. 1997. Toàn bộ tác phẩm C.XII Bồ-tát Hiền Thiện Thủ thưa hỏi. Kinh này gồm có 2 quyển: Bài tựa, Quyển thượng và Quyển hạ, Ý kiến giải Kinh 799. KINH VIÊN GIÁC - Kinh Tụng Hán tạng) (Phật tử Mỹ Tho ấn tống) Nội dung gồm có 3 phần, 12 chương: Nghi 797. KINH VIÊN GIÁC giảng giải thức Trì tụng, Kinh Viên Giác, A. Phần tự; Dịch và giảng: Thích Thanh Từ B. Phần Chánh tông, C.1 Văn-thù, C.2 Phổ Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 Hiền, C.3 Phổ Nhãn, C.4 Kim Cang Tạng, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 293 trang, C.5 Di-lặc Bồ-tát, C.6 Thanh Tịnh Huệ, bìa mềm. Kinh Viên Giác gồm có 12 C.7 Oai Đức Tự Tại, C.8 Biện Âm, C.9

Tịnh chư Nghiệp chướng, C.10 Phổ Giác, Thiện Tri Thức – 2015. Nội dung tác C.11 Viên Giác; C. Phần Lưu thông, C.12 phẩm gồm có: 1. Phần mở đầu, 2. Các vị Hiền Thiện Thủ; Bổ khuyết Ma-ha Bát- Bồ-tát trong pháp hội, 3. Chương Bồ-tát nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt nhứt Văn-thù, 4. Chương Bồ-tát Phổ Hiền, 5. thiết Nghiệp chướng Căn bản đắc sanh Chương Bồ-tát Phổ Nhãn, 6. Chương Bồ- Tịnh độ Đà-la-ni, Tán Phật, Hồi hướng, tát Kim Cương Tạng. trong lò thịt, Huệ. giải kinh)

800. KINH VIÊN GIÁC lược giải 803. KINH VÔ CẤU XƯNG Việt dịch và lược giải: Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Thích Thiện Hoa (1918-1973) Huyền Trang (602-664) Nxb Hương Đạo – 1959 Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên Tác phẩm Kinh này có 190 trang, bìa Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 6 mềm. Tác phẩm Kinh này gồm có 12 bài quyển, 13 phẩm: Q.I, 1.P Tựa, 2.P Hiển (B), 12 chương: Thay lời tựa, Lời dịch tác bày phương tiện thiện xảo bất khả tư nghì; giả; Kinh Viên Giác (Phiên dịch và lược Q.II, 3.P Thanh văn, 4.P Bồ-tát; Q.III, 5.P giải): B.1 C. Văn-thù, B.2 C. Phổ Hiền, Thăm bệnh, 6.P Bất tư nghì; Q.IV, 7.P B.3 C. Phổ Nhãn, B.4 C. Kim Cang Tạng, Hữu tình, 8.P Bồ-đề phần, 9.P Pháp môn B.5 C. Di-lặc Bồ-tát, B.6 C. Thanh Tịnh Bất nhị; Q.V, 10.P Hương đài Phật, 11.P Huệ, B.7 C. Oai Đức Tự Tại, B.8 C. Biện Bồ-tát hạnh; Q.VI, 12.P Quán Như Lai, Âm, B.9 C. Tịnh chư Nghiệp chướng, 13.P Cúng dường pháp. B.12 C. Hiền Thiện Thủ. Bộ Kinh tập) Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1971, Hương Đạo xuất bản; năm 804. KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Đàm-ma-già-đà-da-xá 801. KINH VIÊN GIÁC Luận Giảng Các bản Việt dịch: 1. Đoàn Trung Còn- Luận giảng: Thích Thông Huệ Nguyễn Minh Tiến; 2. Hạnh Cơ; Nxb Tôn Giáo – 2006. Toàn bộ tác phẩm 3. Nguyên Thuận này gồm có 12 chương chính: - Lời nói Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 đầu, - Phần chứng tín; 1.C Văn-thù, 2.C phẩm: - Giới thiệu (PL. 2549 – DL. 2006); Phổ Hiền, 3.C Phổ Nhãn, 4.C Kim Cang P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Tạng, 5.C Di-lặc, 6.C Thanh Tịnh Tuệ, công đức; Chú thích; Sùtra of 7.C Oai Đức Tự Tại, 8.C Biện Âm, 9.C Immeasurable Meaning, Translated by: Tịnh chư nghiệp chướng, 10.C Phổ Giác, Rulu; The Sutra of Innumerable Meanings, 11. Viên Giác, 12.C Hiền Thiện Thủ; Kết Translated by: Biona Bộ Pháp Hoa) 802. KINH VIÊN

GIÁC Lược Giảng Hán dịch: Sa-môn Phật-đà-đa-la Lược giảng: Đương Đạo

805. KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA 808. KINH VÔ LƯỢNG THỌ Hán dịch: Đàm-ma-già-đà Gia-xá Việt dịch: HT. Thích Chân Thường Việt dịch: HT. Mật Thể (1912-1961) Nxb Hồng Đức – 2014 Tác phẩm Kinh này có 35 trang, bìa mềm. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 205 Nội dung gồm có: - Lời giới thiệu (PL. trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, 2513 – DL. 1969); - Kinh Vô Lượng có hình Phật tọa thiền. Nội dung gồm có: Nghĩa. Pháp môn niệm Phật, Phật thuyết Kinh Vô Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2007, Lượng Thọ, Hương tán, Kệ khai Kinh, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, với nhan đề: Kinh Phật thuyết Kinh Vô Lượng Thọ, Quyển Vô Lượng Nghĩa & Xuân Đạo Lý, dày 172 thượng-Quyển hạ, Bát-nhã Ba-la-mật-đa trang. Tâm Kinh, Văn Phát nguyện.

806. KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA 809. KINH VÔ LƯỢNG THỌ - Việt dịch: Tỳ-kheo Hải Tịnh Sukhàvativynha-sùtra Việt Nam Phật Học Hội Xuất bản Hán dịch: Khương Tăng Khải PL. 2513 – DL. 1969 Việt dịch: Thích Giác Chính Phật Học Đường Trung-Việt Phát hành Hiệu đính: Thích Nguyên Chơn Kinh có 54 trang, bìa mềm. Nội dung sơ Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14.5 x lược gồm có: Lời giới thiệu; Kinh Vô 20.5cm, dày 259 trang, gồm có 2 quyển Lượng Nghĩa, Hán dịch: Tam tạng Đàm- (Thượng và Hạ). ma-già-đà-gia-xá dịch. 810. KINH VÔ LƯỢNG THỌ DIỆT 807. KINH VÔ LƯỢNG THỌ TỘI Hán dịch: Pháp sư Khang Tăng Khải HỘ CHƯ ĐỒNG TỬ ĐÀ-LA-NI Việt dịch: Sa-môn HT. Thích Tuệ Đăng Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Phật-đà-bà-ly Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Việt dịch: Thích Thiện Thông Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 166 trang, Nxb Tôn Giáo, PL. 2540 – DL. 1996 (tái bản lần thứ ba). Nội dung gồm có: Xem: Kinh Trường thọ Diệt tội Hộ Chư Nghi thức lễ tụng, Phật nói kinh Vô Lượng Đồng Tử Đà-la-ni do Thích Thiện Thông Thọ, Quyển thượng và Quyển hạ; Kinh dịch Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Sám hối và hồi hướng, Bài niệm Phật của Đại Thế 811. KINH VÔ LƯỢNG THỌ - Chí Bồ-tát và Lời bạt. NHƯ LAI và QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều PHẬT lần: Năm 1992, 1995, THPG Tp. Hồ Chí Việt dịch: Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Minh; năm 1998, Tịnh thất Viên Âm Nxb Tôn Giáo – 2005 (California-Hoa Kỳ) ấn hành; năm 1999, Kinh Vô lượng thọ Như Lai do Pháp sư 2003, 2006, 2010, Nxb Tôn Giáo. Khương Tăng Khải dịch sang Hán ngữ Thọ Phật do Tam tạng Cương Lương Gia Xá dịch sang Hán ngữ vào thời Lưu Tống.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2021, Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Nxb Đà Nẵng, với nhan đề “Kinh Vô Nguyện hương, Tán Phật, Lễ Phật, Tán Lượng Thọ Như Lai”, khổ 15 x 23cm, dày dương chi, Tiêu tai Kiết tường Thần chú, 178 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa Tán hương, Khai Kinh; Phật thuyết Kinh Kinh mạ vàng. Vu Lan bồn; Sám Vu Lan, Phục nguyện, 812. KINH VÔ LƯỢNG THỌ Pháp bảo-Kinh tạng Bắc truyền) Yếu Giải – Quyển 1 (Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ 815. KINH VU LAN Trang Nghiêm Thanh Tịnh Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm Bình Đẳng Giác Kinh) Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019 Yếu giải: HT. Tịnh Không và Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, có 72 trang, Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Nxb Phương Đông – 2009 Nghi thức tụng Kinh Vu Lan; Phật nói Kinh có khổ 19 x 26cm, dày hơn 742 Kinh Vu Lan

Bồn; Phật nói Kinh Đại Báo trang. Phụ Phụ Mẫu Trọng Ân; Kinh Tâm yếu Nội dung gồm có 7 phẩm: Lời giới thiệu, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Chú Vãng sanh, Lời nói đầu, Khái yếu, Pháp hội Thánh Sám Mục-Liên, Hồi hướng, Tam Quy y. chúng, Dịch-giải, Pháp hội Thánh chúng đệ nhất, Đức Tôn Phổ Hiền đệ nhị, Đức 816. KINH VU LAN BÁO ÂN Tôn Phổ P.2, Đại giáo Duyên khởi đệ tam, Việt dịch: Trưởng lão - Duyên khởi Đại giáo P.3, Pháp Tạng nhân Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019) địa đệ tứ, Nhân Địa Pháp Tạng P.4, Chí Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 Tâm tinh tấn đệ ngũ, Chí Tâm tinh tấn P.5, Kinh dày hơn 89 trang, bìa mềm. Nội Dịch-giải, Phát Đại thệ nguyện đệ lục, dung gồm có: Tựa, Mục lục, Kinh Vu Lan, Phát Đại thệ nguyện P.6, Tất thành Chánh Kinh Báo Ân Cha Mẹ, Phẩm Báo Ân. giác đệ thất, Quyến thành Chánh giác P.7 (sau mỗi phẩm có phần Dịch và Giải). 817. KINH VU LAN BÁO HIẾU Các dịch giả: HT. Trí Quang - 813. KINH VÔ NGÃ TƯỚNG HT. Thích Huệ Đăng (Anattalakkhana Sutta) Nxb Tôn Giáo – 2011 Thiền sư Mahasi Sayadaw (1904-1982) Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 102 trang, Việt dịch: Phạm Kim Khánh bìa mềm. Tác phẩm Kinh này gồm có 9 phần: - Lời Nội dung gồm có: Phần khai Kinh; Phần tựa và Lời nói đầu; 1. Thân, 2. Thọ, 3. Kinh văn: Kinh Vu Lan Bồn (Bản văn Tưởng và Hành, 4. Thức, 5. Thấy Vô ngã, xuôi), Kinh Vu Lan Bồn (Bản văn vần), 6. Phân tách đặc tánh Vô thường, 7. Mười Kinh Báo Ân Cha Mẹ (Bản văn xuôi), một phương thức phân tách Ngũ uẩn, 8. Kinh Báo Ân Cha Mẹ (Bản văn vần); Phần Thuần hóa Tuệ minh sát, 9. Thuật ngữ. Hồi hướng: Bát-nhã Tâm Kinh, Sám Vu Vu Lan. 814. KINH VU LAN Soạn giả: HT. Thích Trí Quảng 818. KINH VU LAN BỒN

Dịch-giải: Thích Trí Quang (1923-2019) Lời nói đầu, Phật nói Kinh Vu Lan, Phật Trí Quang, Nhật Thiện, Hoàng Văn Lộc nói Kinh Báo ân Cha Mẹ, Hồi hướng. và nhân viên Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn) ấn tống, PL. 2515 – DL. 1971, khổ 13 x 822. KINH VUA A-XÀ-THẾ 19cm, có 147 trang, bìa mềm. (Phật thuyết A-xà-thế vương Kinh) Tác phẩm kinh này gồm có 3 phần: Phần Hán dịch: Tam tạng Pháp sư tụng dịch âm, Phần tụng dịch nghĩa, Phần Chi-lâu-ca-sấm phụ chú kinh Vu Lan bồn (1. Giải thích Việt dịch: Phật tử Phước Thắng nhan đề Vu Lan bồn, 2. Dịch giả kinh Vu Chứng nghĩa: HT. Thích Đỗng Minh và Lan bồn, 3. Phụ chú kinh văn). Phật tử Giác Tuệ Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 2528 – DL. 1984 (Dịch giả có sửa chữa); quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. Giáo. Hán tạng)

819. KINH VU LAN BỒN 823. KINH XUẤT DIỆU – 2 Tập (Phật thuyết Vu Lan Bồn Kinh) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm - Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Huệ Quang 2. Huyền Thanh; 3. Thích Huyền Tôn; Chủ nhiệm và hiệu đính: 4. Ban Phiên dịch Việt ngữ Vạn Phật HT. Thích Minh Cảnh Thánh Thành. Hán dịch: Sa-môn Trúc Phật Niệm Pháp bảo-Bộ Kinh tập) Ban Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 16 x 820. KINH VU LAN BỒN 24cm, 2 quyển dày hơn 846 trang, bìa (Phật thuyết Vu Lan bồn Kinh) cứng, nền màu đen, chữ tựa Kinh màu Đại Chánh Tạng, Kinh số 685, quyển 16 trắng, có hộp đựng. Toàn bộ tác phẩm Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Kinh này gồm có 2 tập, 30 quyển, 34 Hộ phẩm. Việt dịch (2011): Cư sĩ Hạnh Cơ Tập I, dày hơn 447 trang. Nội dung gồm Kinh này được dịch theo thể ngũ tự (mỗi có 15 quyển, trong đó có 14 phẩm: Lời câu năm chữ). giới thiệu, Lời tựa; Q.1, P.1 Vô thường; 821. KINH VU LAN và BÁO HIẾU

thường (tt); Q.4, P.2 Dục; Q.5, P.3 Ái, P.4 (họa tập) Không Phóng dật; Q.6, P.4 Không Phóng Tranh và lời: Thích nữ Minh Triều dật (tt), P.5 Phóng dật; Q.7, P.5 Phóng dật Nxb Tôn Giáo – 2008 (tt); Q.8, P.6 Niệm; Q.9, P.7 Giới; Q.10, Kinh có khổ 16 x 24cm, có 46 trang, bìa P.8 Học, P.9 Phỉ báng; Q.11, P.9 Phỉ báng cứng, chữ tựa màu trắng, có hình Tôn giả (tt), P.10 Hạnh; Q.12 P.11 Tín; Q.13 P.12 Mục-kiền-liên tay cầm tích trượng và tay Sa-môn; Q.14, P.13 Đạo; Q.15 P.14 Lợi lần chuỗi. Nội dung gồm có: 42 bức tranh, dưỡng;

Tập II, dày hơn 399 trang. Nội dung gồm có 15 quyển, từ P.15 – P.34. Q.16, P.15 Phẫn nộ; Q.17, P.16 Duy niệm, P.17 Tạp; Q.18, P.17 Tạp (tt), P.18 Thủy; Q.19, P.19 KH Hoa, P.20 Ngựa; Q.20, P.21 Giận dữ, P.22 825. Khai thị luận Như Lai; Q.21, P.22 Như Lai (tt), P.23 BÁT-NHÃ TÂM KINH Văn, P.24 Ngã; Q.22, P.25 Diễn rộng, Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng P.26 Thân cận; Q.23, P.27 Niết-bàn; Q.24, Nxb Tôn Giáo – 2014 P.28 Quán; Q.25, P.29 Ác hạnh; Q.26, Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 228 trang, P.30 Song yếu; Q.27, P.31 Lạc; Q.28, P.32 bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và màu Tâm ý; Q.29, P.33 Sa-môn, P.34 Phạm vàng, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. chí; Q.30, P.34 Phạm chí (tt). Tác phẩm này gồm có: - Lời nói đầu, - Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2015, Dẫn nhập; I. Ý nghĩa triết lý Tánh không; Nxb Phương Đông, 2 tập, dày 892 trang, II. Giải thích đề Kinh; Kết luận. khổ 16 x 24cm, bìa cứng, chữ tựa màu trắng, có hộp đựng. 826. Khai thị luận KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT 824. KINH 42 BÀI Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng (Tứ Thập Nhị Chương Kinh) Nxb Tôn Giáo – 2014 Việt dịch-khảo-chú: Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 293 trang, Trí Quang (1923-2019) bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu vàng và Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994 đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Tác phẩm này Kinh có khổ 13 x 19cm, dày 293 trang, bìa gồm có: Dẫn nhập, Giải thích đề Kinh. 1. mềm, có hình gương mặt đức Bồ-tát. Nội Dẫn khởi phần, 2. Chánh thuyết phần, 3. dung gồm có: Dẫn nhập, Dịch nghĩa bản Lưu thông truyền bá, Kết luận. A, Dịch nghĩa bản B, Dịch nghĩa bản chữa, Chính văn bản A, Chính văn bản B, 827. Khai thị luận Chính văn bản chữa; Phụ lục: Bản chữ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Hán. Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Nxb Tôn Giáo – 2014 Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 213 trang, bìa mềm, nền màu xám, chữ tựa màu xanh dương và vàng, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có 28 phẩm: - Lời nói đầu; P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá Đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt công đức, P.18

Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức, 830. Khai thị luận P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát. P.21 Như KINH ĐẠI BẢO TÍCH Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược - Pháp hội Vô lượng thọ Như Lai Vương Bồ-tát bổn sự, P.24 Diệu Âm Bồ- Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng tát, P.25 Quán Thế Âm, P.26 Đà-la-ni, Nxb Tôn Giáo – 2014 P.27 Diệu Trang Nghiêm vương bổn sự, Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 165 trang, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát; Kết luận. bìa mềm, nền màu xanh dương, chữ tựa màu trắng và màu cam, có hình vẽ bàn tay 828. Khai thị luận chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có: Lời nói KINH DUY-MA-CẬT đầu, Dẫn nhập, Giải thích Đề Kinh, A. Tự Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Phần, Pháp hội Vô lượng thọ, B. Chánh Nxb Tôn Giáo – 2014 Tông phần, a. Nhơn duyên phát khởi,

b. Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 265 trang, Phát tâm Quán sát tư duy cõi Phật, c. Phát bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và đỏ, Đại Thệ nguyện, d. Nhất tâm Tu hành có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội Trang nghiêm Phật độ, e. Viên thành Phật dung gồm có 14 phẩm: Lời nói đầu, Dẫn đạo-cõi nước trang nghiêm, f. Quang minh nhập; P.1 Phật quốc, P.2 Phương tiện, P.3 công đức, g. Thọ mạng vô lượng, h. Thánh Đệ tử Thanh văn, P.4 Bồ-tát, P.5 Văn-thù- chúng vô biên, j. Cây báu Đạo tràng thọ sư-lợi, P.6 Bất tư nghì, P.7 Quán chúng trang nghiêm, i. Lâu đài ao báu sắc thân sanh, P.8 Phật đạo, P.9 Nhập pháp môn chúng nhơn thiên và thọ dụng, q. Cõi nước không hai, P.10 Phật Hương Tích, P.11 trang nghiêm thanh tịnh, k. Thứ bậc vãng Hạnh Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13 sanh, u. Tán thán chơn tâm và nguyện tu Pháp cúng dường, P.14 Chúc lụy; Kết để tâm này hiện bày, o. Công đức Bồ-tát, luận. Xưng tán Công đức Phật, Tán thán Chơn tâm-khuyên vãng sanh Tịnh độ, Ngũ ác- 829. Khai thị luận ngũ thống-ngũ thiêu và ngũ thiện của cõi KINH ĐẠI BẢO TÍCH Ta-bà, Đức Vô lượng thọ hiện thân, Ân - Pháp hội Vô biên Trang nghiêm cần dặn dò phải một lòng tín thọ; C. Lưu Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Thông phần, Kết luận. Nxb Tôn Giáo – 2014 Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 285 trang, 831. Khai thị luận bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: xanh dương, KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN vàng và đen, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng gấp. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn Nxb Tôn Giáo – 2014 nhập (1. Giới thiệu khái lược về bộ Kinh Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 256 Bảo Tích, 2. Yếu tố Mật giáo trong Kinh trang. Nội dung gồm có 29 phẩm: Lời nói Đại Bảo Tích, 3. Pháp hội Vô biên trang đầu, Dẫn nhập; P. Tự, P. Thuần-đà, P. Ai nghiêm); Chương nội dung: 1. Phẩm Vô thán, P. Trường thọ, P. Kim Cang thân, P. thượng Đà-la-ni, 2. Phẩm Xuất ly Đà-la- Danh tự công đức, P. Tứ tướng, P. Tứ y, ni, 3. Phẩm Thanh tịnh Đà-la-ni, 4. Điểm P. Tà chánh, P. Tứ đế, P. Tứ đảo, P. Như đặc thù của Pháp hội này; Chương Kết Lai tánh, P. Văn tự, P. Điểu dụ, P. Nguyệt luận. dụ, P. Bồ-tát, P. Đại chúng sở vấn, P. Hiện bệnh, P. Thánh hạnh, P. Phạm hạnh, P.

Anh nhi hạnh, P. Quang minh Biến chiếu Nghiêm; - Sự thành tựu của nhập pháp Cao quý đức vương Bồ-tát, P. Sư tử hống giới; Kết luận. Bồ-tát, P. Ca-diếp Bồ-tát, P. Kiều Trần Như, P. Di giáo, P. Ứng tận hoàn nguyên, 834. Khai thị luận KINH LĂNG-GIÀ P. Trà tỳ, P. Cúng dường xá-lợi; Kết luận. Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Nxb Tôn Giáo – 2014 832. Khai thị luận KINH ĐẠI NHẬT Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 156 trang, Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu xanh dương Nxb Tôn Giáo – 2014 và vàng, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 249 trang, gấp. Toàn bộ tác phẩm Luận Kinh này bìa mềm, có tay gấp, nền màu đỏ, chữ tựa gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập; I. Nguồn màu vàng và xanh dương, có hình vẽ bàn gốc Kinh Lăng-già, II. Triết lý Kinh Lăng- tay chỉ. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, già, III. Một trăm lẻ tám câu hỏi, IV. Lược Dẫn nhập, Tổng quan; 1. Nhập chân ngôn nói nhân quả tà chánh của tám thức để trụ tâm, 2. Đủ duyên nhập Mạn-đà-la, 3. biểu thị lìa vọng chứng chân, V. Bờ mé Tức chướng, 4. Thành tựu thế gian, 5. cứu cánh của tám thức, phân biệt thức và Xuất hiện Tất-địa, 6. Ứng dụng phương trí, VI. Chuyển tám thức thành tứ trí và tiện trí, 7. Thành tựu Tất-địa, 8. Hành pháp giới trí, VII. Hiện lượng của tự tâm Mạn-đà-la: Chuyển tự luân, 9. Mật ấn, 10. lìa vọng chân thật, VIII. Dụng phân biệt Tự luân, 11. Bí

mật Mạn-đà-la, 12. Pháp tám thức để tự ngộ, IX. Ba tướng tự giác nhập bí mật Mạn-đà-la, 13. Cấm giới trì Thánh trí, X. Đạt được Thánh trí không minh, 14. Trí chân thật của bậc A-xà-lê, thể nghĩ bàn, XI. Ý sanh thân; Kết luận. 15. Tánh Bồ-đề, 16. Nói về Như Lai, 17. Tam-muội vô tướng, 18. Trì tụng thế gian 835. Khai thị luận – xuất thế gian, 19. Chúc lụy; Kết luận. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng 833. Khai thị luận KINH HOA Nxb Tôn Giáo – 2014 NGHIÊM (Phẩm Nhập Pháp Giới) Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 343 Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng trang. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Nxb Tôn Giáo – 2014 Dẫn nhập, Nội dung, Kết luận. Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 249 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu xanh 836. Khai thị luận KINH VIÊN GIÁC dương và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng bộ tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Dẫn Nxb Tôn Giáo – 2014 nhập, Nguồn gốc và lịch sử Kinh Hoa Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 276 trang, Nghiêm: I. Lịch sử hình thành, II. Thời kỳ bìa mềm, nền màu hường, chữ tựa màu đỏ đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, III. Nơi và nâu, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, IV. Nội dung gồm có 12 chương: - Lời nói Cảm nghĩ về đức Phật qua Kinh Hoa đầu, - Dẫn nhập; C.1 Văn-thù Bồ-tát, C.2 Nghiêm, V. Nội dung Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ-tát, C.3 Phổ Nhãn Bồ-tát, VI. Tóm lược triết lý Kinh Hoa Nghiêm; - C.4 Kim Cang tạng Bồ-tát, C.5 Di-lặc Bồ- Những bước thăng trầm Bồ-tát đạo của tát, C.6 Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát, C.7 Oai ngài Thiện Tài đồng tử theo Kinh Hoa đức Tự tại, C.8 Biện Âm Bồ-tát, C.9 Tịnh

Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, C.10 Phổ sơn, Tam sơn, Tứ sơn, Phổ khuyến Phát Giác Bồ-tát, C.11 Viên Giác Bồ-tát, C.12 tâm Bồ-đề; Quyển trung: âm, Khải bạch; Hiền Thiện Thủ Bồ-tát; Kết luận. Quyển hạ, âm; Khóa Hư diễn nghĩa, Quyển thượng, nghĩa: Từng núi thứ nhứt, 837. Khai thị luận Từng núi thứ hai, Từng núi thứ ba, Từng PHÁP BẢO ĐÀN KINH núi thứ tư, Nói về Sắc thân, Khuyên khắp Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng mọi người mở lòng Bồ-đề, Lược giải Nxb Tôn Giáo – 2014 những tích khó trong Kinh, Khóa Hư diễn Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 263 trang, nghĩa, Quyển trung, nghĩa, Tâu bạch; bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu xanh Khóa Hư diễn nghĩa, Quyển hạ, nghĩa. dương và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn Tác phẩm này tái bản năm 1961, Nxb bộ tác phẩm này gồm có 10 phẩm: - Lời Hưng Long, với tựa “Khóa Hư Kinh – nói đầu, - Dẫn nhập, - Bài tựa; Pháp bảo Thái Tôn Hoàng Đế ngự chế”, khổ 14.5 x đàn Kinh lược tự: P.1 Hành do, P.2 Bát- 20.5cm, dày 128 trang, bìa mềm; Thư viện nhã (trí tuệ), P.3 Nghi vấn, P.4 Định huệ, Huệ Quang (Tp. Hồ Chí Minh) ảnh ấn P.5 Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, năm 2016. P.8 Đốn tiệm, P.9 Hộ pháp, P.10 Phó chúc; Kết luận. 840. Khóa Tụng Hằng Ngày KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ 838. Khái Luận Triết Lý Việt dịch: Bồ-tát giới Đệ tử Tuệ Nhuận KINH HOA NGHIÊM Hội Phật Tử Việt Nam xuất bản – 1948 Tác giả: Thích Đức Nhuận In tại Nhà in Minsang (Hà Nội) Viện Triết lý Việt Nam & Triết học Thế Sách có 82 trang, bìa mềm. Nội dung gồm giới (California, USA) xuất bản - 2000 có: Lời tựa Kinh Phật thuyết A-di-đà, Tác phẩm này gồm có 3 phần: Khai từ; Khóa lễ A-di-đà, (Bài Dâng hương, Bài Phần 1. Nội dung triết lý Kinh Hoa Tán Phật,...), Kinh Phật thuyết A-di-đà Nghiêm; Phần 2. Giới thiệu Bồ-tát đạo hay hay là Kinh Phật Tán thán Công đức Vô con đường lý tưởng; Phần 3. Kết luận. lượng, Chú Vãng sanh, Kinh Tâm yếu nói giải

Kinh) Paramita), Bài niệm Phật của ngài Đại Thế Chí Bồ-tát (trong Kinh Thủ Lăng 839. KHÓA HƯ KINH Dịch Nghĩa Nghiêm), Bài Niệm Phật, Lễ Tổng, Lễ Tác giả: Trần Thái tôn Hoàng đế Phát nguyện, Giải thích những từ khó Biên tập: Thiều Chữu (1902-1954) trong khóa lễ Phật A-di-đà, Giải thích Nhà in Hòa Ký (Hà Nội) xuất bản – 1934 những chữ và nghĩa khó trong Kinh Phật (in lần thứ nhất) thuyết A-di-đà. Sách dày 125 trang, bìa mềm. Nội dung (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, gồm có: Vài lời của Nhà xuất bản, Thay Q.3, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KT. 072) lời tựa, "Khóa Hư diễn nghĩa" Bài tựa khắc Kinh, Lược chuyện vua Trần Nhân Tôn, Lời mở đầu, Thể lệ dịch Kinh, Thái tôn Hoàng đế Ngự chế Khóa Hư tập, Quyển thượng: Tựa, âm, Nhất sơn, Nhị

Tướng tám thức, E.2 Tướng ba trí, C.2

L Thuyết minh phản vọng quy chân đứng về Năm pháp, Ba tự tánh, Hai vô ngã để biện biệt tướng nhân ngã tà chánh, D.1 Lựa riêng tà chánh chỉ thẳng tướng lý hạnh 841. LĂNG-CA KINH nhân quả Nhất thừa, E.1 Biện minh nhân (tức KINH LĂNG-GIÀ) Trích giảng: địa tâm, G.1 Phá tà hiển chánh để chỉ chân lý thường trụ, H.1 Đứng về ba môn, phá Trần Trọng Kim (1882-1953) Tủ sách Phật học Tân Việt – Nhà in Tân nhân tà hiển nhân chánh, I.1 Rõ Năm Văn Hóa tổng phát hành – 1964 pháp, K.1 Phá danh tướng vọng tưởng, Sách có 33 trang, bìa mềm. Nội dung gồm K.2 Hiển Chánh trí Như như, L.1 Hiển có Lăng-ca-a-bạt-đa-la Bảo Kinh Chánh trí, L.2 Hiển Như như, K.3 Phá hai (Lankavatara sutra), gọi tắt là Lăng-ca thứ tà nhân, L.1 Đứng về tà nhân Nhị thừa Kinh (có chú thích). để nêu chánh nhân, L.2 Đem Chánh trí chánh nhân để phá ngoại đạo tà nhân, K.4 Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang- Cử quả nghiệm nhân, L.1 Phá kiến chấp Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ về Diệt của Nhị thừa, L.2 Phá kiến chấp Quang ảnh ấn năm 2016. về Sanh của ngoại đạo, K.5 Xét quả biết nhân, K.6 Chỉ nhân quả nhất như, I.2 Nói 842. LĂNG-GIÀ Bút Ký – 2 Tập Ba tự tánh, I.3 Nói Hai vô ngã, I.4 Phá hai Đại sư Hám Sơn Việt dịch: Như Đức kiến chấp có không để hiển lìa lỗi dứt Nxb Phương Đông – 2015. Sách có khổ quấy, I.5 Giải thích về kiến lập, H.2 Đứng 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 724 trang, về Nhất tâm phá vọng chấp để hiển chân bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. lý, I.1 Nói về tịch diệt Nhất tâm, I.2 Chỉ Tập I, dày hơn 405 trang. Nội dung gồm Như Lai tạng tánh, G.1 Căn cứ vào lý mà có: A.1 Phần Tự, A.2 Phần Chánh tông, khám định để biện rõ hai hạnh chánh tà, B.1 Trực chỉ Nhất tâm Chân như để chỉ ba H.1 Chỉ chung về phương diện chánh cõi Duy tâm, C.1 Hỏi 108 câu, C.2 Đáp, hạnh, I.1 Trí năng quán, I.2 Chỉ ra mê D.1 Lặp lại, D.2 Đáp, B.2 Chỉ bày Nhất hoặc bị phá, K.1 Nói rõ duyên sanh vô tâm sanh diệt để hiển vạn pháp Duy thức, tánh để phá Y tha khởi, K.2 Nói vọng C.1 Nói rõ nhân căn cứ của chân-vọng chỉ tưởng vô tánh để phá Chấp biến kế, I.3 rộng tám thức để hiển tướng nhân duyên Hiển lý Viên thành, I.4 Hiển bày lìa lỗi sanh diệt, D.1 Lược nói Duy thức để phân dứt quấy, H.2 Lược chỉ nhân quả tà chánh, biệt tà chánh, E.1 Rõ chân Duy thức để I.1 Sơ lược hai thứ nhân tà và chánh, K.1 biện biệt tông tà, G.1 Hiển chân Duy thức, Chỉ tà nhân ngoại đạo và Nhị thừa, K.2 G.2 Dụ phá Nhị kiến, G.3 Biện tà tông, Chánh nhân của Tam thừa, I.2 Lược nói về E.2 Nêu bảy thứ Thánh nghĩa để biện biệt quả tướng của tà chánh không giống, I.3 tà kiến, G.1 Nêu chánh nghĩa, G.2 Trách Lược chỉ cách chuyển Hai tánh, I.4 Nêu lỗi ngoại đạo, E.3 Chánh thức trình bày bày hai cảm ứng, H.3 Giải thích rộng về nhân tà để nêu nhân chánh, G.1

Trình bày tướng sai biệt của nhân quả tà chánh, I.1 nhân tà, G.2 Nêu nhân chánh, D.2 Nói Giải thích rộng về Ba thứ thiền để hiển rộng tám thức để chỉ tướng thức trí, E.1 bày tướng nhân quả sai biệt của Ba thừa, K.1 Nói về nhân sai biệt, L.1 Giải thích

Ngu phu sở hành thiền, M.1 Ngoại đạo tà pháp chấp, I.2 Chỉ Trí và Thức là nguồn thiền, N.2 Biện vọng tưởng vô tánh để phá của buộc và mở, I.3 Tức tướng chuyển tự tánh tướng, O.1 Nói rõ vọng cảnh chân biến để rõ sanh diệt vốn chẳng động, I.4 thường để phá đoạn kiến, O.2 Nói rõ pháp Đoạn tâm tương tục để hiển bày sanh vốn vốn là một, do căn cơ thấy mỗi mỗi khác vô sanh, H.3 Dẹp cả hai trí và cảnh để rõ nhau để phá thường kiến, O.3 Nói rõ tâm- vô trí-vô đắc, I.1 Dẹp cảnh sở quán, K.1 cảnh như như để phá kiến chấp một-khác, Dẹp cảnh sự, K.2 Dẹp cảnh lý sở quán, I.2 O.4 Nói duyên sanh như huyễn để phá Dẹp trí năng quán, H.4 Quên lời thuận kiến chấp có-không, O.5 Nói rõ sanh vốn chứng để hiển quả hải lìa duyên, G.2 Đầy tự vô sanh để phá kiến chấp sanh nhân, đủ hạnh lợi tha, H.1 Song kết nhị hành, O.6 Nói rõ ngôn thuyết vô tánh để phá tập H.2 Riêng chỉ hạnh lợi tha, E.2 Chánh khí danh ngôn, O.7 Nói rõ danh ngôn cùng hiển qủa đức của đoạn chứng, G.1 Quả dứt để vong ngôn mặc chứng, M.2 Thiền chuyển y Niết-bàn, H.1 Trình bày 21 thứ định thiên lệch của Nhị thừa, L.2 Quán sát tông tà, H.2 Chỉ tối thượng Nhất thừa nghĩa thiền, L.3 Giải thích phan duyên chánh quả, G.2 Quả chuyển y Bồ-đề, tứ như thiền, M.1 Quán tứ đại như, M.2 đức chia làm 5: H.1 Hiển đức Pháp thân Quán ngũ ấm như, M.3 Chỉ chánh quán, chân ngã, I.1 Hiển Tam đức bí tạng, I.2 K.2 Rộng biện về nhân quả không đồng, Hiển Nhất tâm chân như, K.1 Lìa tất cả L.1 Nêu lên quả tà, L.2 Nêu lên quả tướng danh tự, K.2 Lìa tướng ngôn thuyết, chánh, I.2 Giải thích Như Lai thiền dung H.2 Hiển đức chân thường của cứu cánh hội Năm pháp vọng tưởng-như như để Niết-bàn, I.2 Chánh hiển chân thường, H.3 hiển tướng nhân quả bình đẳng, K.1 Tức Hiển đức Pháp thân chân lạc, H.4 Hiển vọng tức chân để hiển nhân bình đẳng, K.2 đức Pháp thân chân tịnh, H.5 Giải thích Tức tâm tức cảnh để hiển quả bình đẳng, nghi khuyến tu, C.3 Nói rõ tướng sai biệt L.1 Tức tâm, L.2 Tức cảnh; rốt ráo Năm pháp, Ba tự tánh, Tám thức, Tập II, dày hơn 319 trang. Nội dung gồm Hai vô ngã, D.1 Nói chung nhân y cứ của có: H.1 Nêu quả nghiệm nhân, để hiển thị mê ngộ, D.2 Hiển riêng bốn môn nhiếp tướng chân thật của Nhất thừa, I.1 Nêu nhập, E.1 Nói chung tướng sai biệt của tướng chân quả Ý sanh thân, I.2 Nêu ra Năm pháp, G.1 Nói chung pháp sai biệt, Ngũ vô gián hạnh để biện tướng chân G.2 Hiển người trụ như như, E.2 Nói Ba nhân, I.3 Biện biệt quả địa giác, G.1 Nói môn nhập Năm pháp, G.1 Nói Ba tự tánh Ba thân để hiển đức thường của Pháp thân, vào Năm pháp, G.2 Nói Tám thức-Hai vô H.1 Nêu chung trí giác của Phật, H.2 Hiển ngã vào Năm pháp, E.3 Nói bốn môn hai thân báo và hóa, H.3 Hiển pháp thân Nhiếp nhập tất cả pháp, E.4 Nói bốn môn thường trụ, G.2 Phá nhị kiến để hiển Niết- thảy quy về Như như để bày chánh quán, bàn lìa lỗi, G.3 Nêu nhị thông để rõ quả E.5 Kết khuyên tu học, C.4 Nói Pháp thân hải lìa ngôn, D.2 Y cứ vào lý hạnh ở trước, thường trụ để chỉ tướng sanh tử, Niết-bàn chỉ thẳng tướng nhân quả của đoạn chứng, bình đẳng, D.1 Nói pháp thân thường trụ, E.1 Hiển bày nhân của hạnh, H.1 Nói D.2 Nói bình đẳng Như như, C.5 Chỉ Tạng vọng tưởng không thật để phá ngã chấp, tâm tự tánh để hiển tướng chân vọng sanh đoạn phiền não chướng, H.2 Nói ngôn diệt bình đẳng, C.6 Nói Lục độ để chỉ thuyết Tánh không để

phá pháp chấp dứt tướng Diệu hạnh vô tu, C.7 Rộng phá các trừ Sở tri chướng, I.1 Nói ngôn thuyết gốc nghi, hiện chung Pháp thân lìa lỗi, C.8

Đặc biệt chỉ giới bổn chân tu Phật tánh để Tâm là gì? Thức là gì? – Cái vòng huyễn trình bày chúng sanh-Phật bình đẳng. hiện của thức biến – chân thức, Hiện thức và thức biến và chuyển thức – Tâm vương 843. LĂNG-GIÀ Đại thừa Kinh và tâm thể - Sắc pháp và bất tương ưng Bản dịch từ nguyên bản Sanskrit: hành pháp, - Căn thức đắm nhiễm lẫn Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966) nhau, - Lý trùng trùng huyễn khởi tương Việt dịch: ưng; C.4 Bí ẩn bộ ba căn trần thức, - Căn Tỳ-kheo Thích Chơn Thiện (1942-2016) là gì? – Trần là gì? – Thức là gì? – Mỗi và Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn căn mỗi trần đều dính mắc dung thông Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998. Kinh có khắp pháp giới, và luôn chuyển hiện tương khổ 13 x 19cm, có 589 trang, bìa mềm. ưng, vì thế Phật dạy rằng: 12 xứ sở chỉ là Nội dung gồm có 9 chương: Phần đầu là luống dối, - Khám phá mới Tâm linh học Lời tựa, Dẫn nhập. C.1 Chúa thành Lăng- chứng minh lời Kinh xưa, - Thuyết thời già, xin được chỉ dạy; C.2 Sự tập hợp tất gian của Kozyrev; C.5 6 nhập, 12 xứ, 18 cả các pháp (có 108 câu hỏi của ngài giới là để đối trị những kiến chấp gì? – 5 Mahàmati (Đại Huệ); C.3 Về vô thường; ấm là gì? – Tương xứng với 8 thức cùng C.4 Về sự hiểu biết ngay liền (hiện lượng); ngũ trược như thế nào? – Pháp môn chiếu C.5 Về sự suy diễn về tính chất thường và kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ vô thường của Như Lai tính; C.6 Sự ách; C.6 Nói về 7 đại, 7 đại vốn như huyễn chuyển biến theo từng sát-na; C.7 Về sự vô tự tánh, nên Phật đã dùng biện chứng biến hóa; C.8 Về sự ăn thịt; C.9 Các mật Trung quán thâu về Như Lai tạng chân chú (Đà-la-ni, Dhàranis). Tổng kệ. như nhiệm mầu…7 đại ẩn hiện ra sao? Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 2004, 2005, Nxb Tôn Giáo. 845. LINH SƠN PHÁP BẢO - ĐẠI TẠNG KINH 844. LĂNG NGHIÊM ẢNH HIỆN Chủ trì dịch: Sa-môn Thích Tịnh Hạnh (Tiểu luận về Kinh Thủ Lăng Nghiêm Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc vương) xuất bản năm 2000 Tác giả: Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng Ban Chứng minh: HT. Thích Phổ Tuệ, HT. Ban Văn hóa chùa Phật Tổ (905 Orange Thích Trí Tịnh, HT. Thích Minh Châu, HT. Ave, Long Beach, CA 90813) Kim Cương Tử, HT. Giáo sư Thích Quảng Nội dung tác phẩm này gồm có 6 chương: Độ, HT. Giáo sư Thích Tuệ Sỹ, HT. Thích Lời dẫn, Tựa; C.1 Mystery của tâm thức: Trí Quang, HT. Thích Thiện Siêu, HT. cái vô tướng là tối quan hệ vì là nguồn Thích Đổng Minh, HT. Thích Thanh Từ, gốc, còn hình tướng là thứ yếu vì là biến HT. Thích Đức Thắng, HT. Thích Trí hiện – Thuyết quang minh của nhà Phật – Quảng, HT. Thích Phước Sơn, Giáo sư Thuyết Sát-na – Lý tương sanh tương Tiến sĩ Lê Mạnh Thát, Giáo sư Tiến sĩ Lý duyên; C.2 Biển chân tâm diệu minh-câu Kim Hoa (Nguyên Hồng) hỏi của ngài Phú-lâu-na: Tại sao khởi Ban Dịch thuật: HT. Thích Trí Tịnh, HT. vọng? – Câu chuyện chàng Diễn-nhã-đạt- Giáo sư Thích Nguyên Chứng, HT. Thích đa, - Vô minh bất giác hay niệm mê mờ vô Đức Thắng, HT. Thích Đổng Minh, HT. thủy: Tự tâm thủ tự tâm – Mặt trăng thứ 2 Thích Trí Quang, HT. Thích Phước Sơn, – Hư minh, Bóng mờ của diệu tâm; C.3 HT. Thích Thiện Siêu, HT. Thích Minh

Cảnh, Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa, Nhà 846. LONG VƯƠNG PHÁP KINH Nghiên cứu Phật học Nguyên Huệ, Nhà Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí - Nghiên cứu Lý Việt Dũng, Ni sư Thích nữ Huyền Thanh Như Lộc, thầy Chánh Tiến, Tâm Hạnh và Nxb Hồng Đức –

2015 quí Cư sĩ Trí Không, Hồng Sơn, Thanh Kinh có khổ 21 x 29.7cm, dày 195 trang. Nguyên, Như Huệ, nhóm dịch Phật học Nội dung gồm: 1. Thay lời tựa, 2. Kinh viện Nha Trang… Hai an hem vua Rồng (No. 507), 3. Phật vì Ban Biên tập: Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa Hải Long vương nói Kinh Pháp Ấn (No. (Tổng Biên tập), Nhà Nghiên cứu Phật học 599), 4. Kinh con đường của mười Nghiệp Nguyên Huệ, Thầy Chánh Tiến, Trí tốt lành (No. 600), 5. Phật vì Sa-dà-la Không, Phước Đình, Bảo Quang, Giảng Long vương nói Kinh Đại thừa (No. 601), Quang Dương, Trí Lâm, Minh Ngọc, Nhật 6. Kinh Như ý Bảo châu Chuyển luân Bí Trí, Như Huệ. mật hiện thân thành Phật Kim luân chú Phần Mở đầu Kinh tạng có Lời nói đầu vương (No. 961), 7. Kinh Đại vân luân của người Chủ trì dịch Đại Tạng Kinh chữ Thỉnh võ (No. 991), Quyển thượng, Quyển Việt (PL. 2544 – DL. 2000); Lời giới thiệu hạ; 8. Kinh Đại vân – Đàn pháp Cầu mưa của HT. Thích Quảng Độ (1998); Lời giới (No. 990), 9. Kinh Đại vân luân – Thỉnh thiệu của HT. Thích Đức Niệm (1999). võ (No. 991), Quyển thượng, Quyển hạ; Toàn bộ Đại tạng này gồm có 203 tập, khổ 10. Kinh Đại Phương đẳng Đại vân Kinh – 17 x 24cm, bìa cứng. Thỉnh võ, Phẩm 64 (No. 992), 11. Kinh Kinh tạng, có 70 tập: - Bộ A-hàm (9 tập: Đại vân, Kinh Thỉnh vũ, Phẩm 64 (No. 1-9), - Bộ bản duyên (8 tập, 10-17), - Bộ 993), 12. Phật nói Kinh Câu-lợi-già-la Đại Bát-nhã (16 tập: 18-33), - Bộ Pháp Hoa (2 Long thắng ngoại đạo phục Đà-la-ni (No. tập: 34-35), - Bộ Hoa Nghiêm (6 tập: 36- 1206), 13. Thuyết Củ-lý-ca Long vương 41), - Bộ Bảo Tích (5 tập: 42-46), - Bộ tượng pháp (No. 1207), 14. Câu-lực-ca Niết-bàn (3 tập: 47-49), - Bộ Đại tập (4 Long vương Nghi quỹ (No. 1208), 15. Lợi tập: 50-53), - Bộ Kinh tập (16 tập: 54-69), ích khi xưng niệm danh tự của các vị Long - Bộ Mật tông (1 tập: 70) vương, 16. Tư tưởng Mẫu hệ và tín Luật tạng, có 12 tập: - Bộ luật (12 tập: 71- ngưỡng Rồng trong Phật giáo Việt Nam, 82). 17. Ý nghĩa tôn tượng lưỡng long Nam hải Luận tạng, có 78 tập: - Bộ Thích kinh (6 Bạch y Quán Thế Âm, 18. Long Đầu Quán tập: 83-88), - Bộ Tỳ-đàm (14 tập: 89-102), Âm, 19. Lưỡng Long Nam hải Bạch y - Bộ Trung Quán (1 tập: 103), - Bộ Du Già Quán Thế Âm Bồ-tát chú, 20. Long vương (7 tập: 104-110), - Bộ Luận tập (4 tập: Chú pháp, 21. Một số Thần chú thông 111-114), - Bộ Kinh sớ (28 tập: 115-142), dụng của Long thần vương, 22. Nghi thức - Bộ Luật sớ (3 tập: 143-145), - Bộ Luận trì niệm Ủng hộ Long thần, 23. Nghi thức sớ (15 tập: 146-160). Tụng niệm Kinh Hải Long Vương, 24. Ghi Tạp tạng, có 42 tập: - Bộ chư tông (18 tập: chú Ý nghĩa các bài Chân ngôn trong Nghi 161-178), - Bộ sử truyện (16 tập: 179- thức Tụng niệm, 25. Mục lục 194), - Bộ sự vựng (8 tập: 195-202), Tập Mục lục (1 tập: 203). 847. LỜI PHẬT DẠY Các dịch giả: Thích Thiện Siêu –

Thích Minh Châu – sản 66, 3. Động sản & bất động sản 68, 4. Thích Giác Toàn – Phạm Kim Khánh Có tài sản lớn 70, 5. Nguyên nhân phung Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014 phí tài sản 72, 6. Kế thừa gia tài chánh Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 596 pháp 74; V. Cư sĩ, 1. Hoa sen trong giới trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời đầu nam cư sĩ 78, 2. Người cư sĩ 80, 3. Bổn sách, Lời dịch giả (Bản dịch của HT. phận người gia chủ 82, 4. Cư sĩ chứng quả Thích Thiện Siêu); Lời giới thiệu (Bản dự lưu 84, 5. Lật úp bình bát 86, 6. Thọ trì dịch của HT. Thích Minh Châu), Lời nói năm giới 88, 7. Hương đức hạnh 90, 8. đầu (Bản diễn thơ của HT. Thích Giác Những gia đình chư Tăng không nên đến Toàn), 26 phẩm Kinh Pháp Cú; Phần Phụ 92; VI. Xuất gia, 1. Ba hạnh của Sa-môn lục: 1,

2 và 3 96, 2. Khất sĩ 98, 3. Bậc Trưởng lão 100, Xem: Kinh Pháp Cú-HT. Thích Thiện Siêu 4. Năm hạng người ăn bình bát 102, 5. dịch; Kinh Pháp Cú-HT. Thích Minh Châu Sống biệt lập 104, 6. Không nên sống quá dịch; Lời Vàng Vi Diệu (Kinh Pháp Cú) – lâu ở một nơi 106, 7. Bốn hạng thuyết HT. Thích Giác Toàn chuyển thơ; Kinh trình 108, 8. Ba việc trọng yếu của người Pháp Cú-Phạm Kim Khánh dịch. tu 110, 9. Xứng đáng được xây tháp 112, 10. Xuất gia khi tuổi xế chiều 114, 11. 848. LỜI PHẬT DẠY TRONG Hoàn tục 116, 12. Khó làm 118, 13. Hóa KINH TẠNG NIKAYA – 3 Tập duyên 120, 14. Thiền & giáo 122, 15. Đến Biên soạn: Quảng Tánh với gia chủ 124; VII. Hãy tự mình thắp Nxb Tôn Giáo – 2009 đuốc lên mà đi, 1. Dùng chánh pháp làm Tập I, Lời Phật dạy trong Kinh tạng ngọn đèn 128, 2. Tránh xa hai cực đoan Nikaya, nội dung gồm có: Lời nói đầu, 130, 3. Dòng đời xuôi ngược 132, 4. Sanh Lời giới thiệu; phần Nội dung có 12 chủ tử là việc lớn 134, 5. Chớ khinh thường trẻ đề như sau: I. Lòng tin, 1. Lợi ích của lòng tuổi 136, 6. Nắm lá trong bàn tay 138, 7. tin 12, 2. Biểu hiện của lòng tin 14, 3. Hạt muối 140, 8. Tinh cần 142, 9. Sợ hãi Chánh tín 16, 4. Lòng tin là tài sản tối 144; VIII. Nhân quả, 1. Trường thọ và thượng 18, 5. Chỉ tin một người 20; II. Bố đoản thọ 148, 2. Vu khống bậc Thánh 150, thí & cúng dường, 1. Phước báo thù thắng 3. Đẹp và xấu 152, 4. Quả báo 154, 5. Hai của bố thí 24, 2. Bố thí và cúng dường như loại tội 156, 6. Khó được ở đời 158; IX. pháp 26, 3. Tương quan giữa cho và nhận Hiếu đạo, 1. Thâm ân nan báo 162, 2. Bao 28, 4. Bố thí với tâm rộng lớn 30, 5. Cội la tình mẹ 164, 3. Cha mẹ và con cái 166, phước 32, 6. Bố thí thanh tịnh 34, 7. Nhân 4. Người thực sự có hiếu không nhiều 168, duyên của giàu và nghèo 36, 8. Hai hạng 5. Khuyến hóa cha mẹ hướng thiện 170, 6. người đáng được cúng dường 38, 9. Người Phước báo hiếu dưỡng 172; X. Giới, 1. cày ruộng 40, 10. Xứng đáng là ruộng Rùa và dã can 176, 2. Biển lớn không phước 42; III. Làm giàu, 1. Kinh doanh dung chứa tử thi 178, 3. Chánh mạng 180, thành công 46, 2. Không kinh doanh phi 4. Vui chơi trong chánh pháp 182, 5. pháp 48, 3. Làm giàu 50, 4. Giàu lên dễ Mang y bát đẹp bị Phật quở 184, 6. Không sanh tật 52, 5. Có mắt mà như mù 54, 6. phòng hộ 186, 7. Tội lỗi 188, 8. Sống với Sự nghèo khổ 56, 7. Buôn bán phát tài 58, người thứ hai 190, 9. Lợi ích của giữ giới 8. Chủ nhân & người làm 60; IV. Tài sản, 192; XI. Định, 1. Sơ thiền 196, 2. Tứ niệm 1. Tài sản của người tu 64, 2. Giữ gìn tài xứ 198, 3. Mạng người trong hơi thở 200,

4. Tâm cấu uế 202, 5. Niệm Phật 204, 6. Phật an cư không tiếp khách 326, 6. Khúc Trung đạo 206, 7. Đất lành chim đậu 208, gỗ 328, 7. Không nên sống quá lâu tại một 8. Ung nhọt 210; XII. Tuệ, 1. Trí tuệ là tối nơi 330, 8. Chư thiên cũng luyến tiếc an thượng 214, 2. Vô minh và tuệ giác 216, 3. cư 332; VII. Già chết, 1. Có sinh ắt có diệt Chánh tri kiến 218, 4. Không phải của tôi 336, 2. Tuổi xế chiều 338, 3. Niệm chết 220, 5. Tu tập tánh không 222, 6. Người 340, 4. Chết do tai nạn sẽ tái sinh về đâu? mù sờ voi 224, 7. Vô minh là cấu uế lớn 342, 5. Trợ duyên cho người hấp hối 344, nhất 226, 8. Bọt nước 228, 9. Có và không 6. Chết – một sự thật tất yếu 346, 7. Chết 230, 10. Tàm và quý 232, 11. Tuệ giác vô có đáng sợ không? 348, 8. Cội nguồn khổ ngã 234. đau 350; VIII. Thuyết pháp & nghe pháp, 1. Ba hạng người nghe pháp 354, 2. Đúng Tập II, Lời Phật dạy trong Kinh tạng thời 356, 3. Thuyết pháp phân biệt 358, 4. Nikaya, gồm có 12 chủ đề: I. Ăn uống & Giáo hóa người nghèo 360, 5. Du hành sức khỏe, 1. Ăn nhiều không tốt cho sức 362, 6. Bốn

hạng người nghe pháp 364, 7. khỏe 238, 2. Năm pháp làm gia tăng tuổi Bản lĩnh hoằng pháp 366, 8. Nghe pháp thọ 240, 3. Lợi ích của kinh hành 242, 4. được nhiều lợi ích 368, 9. Năm đức của Trăm năm trong cõi người ta 244, 5. Thân Pháp sư 370, 10. Thuyết pháp như Tỳ- bệnh nhưng tâm không bệnh 246, 6. Ăn kheo ni Sukkà 372; IX. Chư thiên & ma đúng giờ có năm lợi ích 248, 7. Ai cũng có quỷ, 1. Nhân duyên phước báo làm thiên bệnh 250, 8. Bị bệnh vẫn tu được 252, 9. chủ 376, 2. Trộm hương 378, 3. Tụng kinh Bốn loại bệnh của người xuất gia 254, 10. 380, 4. Không bị phi nhân làm hại 382, 5. Sức mạnh 256; II. Ngủ nghỉ, thư giản, 1. Ngạ quỷ nghe kinh 384, 6. Chư thiên cảnh Đêm dài lắm mộng 260, 2. Thiền, liệu giác 386, 7. Không chế ngự 388, 8. Ác ma pháp của giấc ngủ bình an 262, 3. Ngủ ban xúc giục cai trị 390, 9. Cô độc mà không ngày 264, 4. Bốn cách nằm 266, 5. Ngủ an cô đơn 392; X. Tham ái, 1. Không bao giờ lành 268, 6. Đói ăn, mệt ngủ 270, 7. Lo thỏa mãn 396, 2. Con vượn và chiếc bẫy toan 272; III. Nam giới, 1. Người đàn ông 398, 3. Cọ cây lấy lửa 400, 4. Vô lượng lý tưởng 276, 2. Ba hạng con trai 278, 3. kiếp luân hồi 402, 5. Như cá mắc câu 404, Sinh con – gái hay trai đều tốt 280, 4. Sự 6. Trúng tên độc, 7. Bị trúng lao 408, 8. Bị trói buộc giữa nam và nữ 282, 5. Thích trói 410, 9. Cảnh giác với lợi dưỡng cung sinh con trai 284; IV. Phụ nữ, 1. Người kính 412, 10. Nguy hiểm của đam mê con gái trước thềm hôn nhân 288, 2. Phái rượu chè 414, 11. Vướng mắc ngũ dục yếu 290, 3. Dễ thương như người vợ trẻ 416, 12. Chúng sinh 418, 13. Được và mất 292, 4. Phụ nữ thành công 294, 5. Phước 420, 14. Nguy hiểm của đam mê cờ bạc báo thiên nữ khả ái 296, 6. Sức mạnh của 422, 15. Đằng sau miếng mồi ngon là khổ phái yếu 298, 7. Mẫu người phụ nữ được lụy 424; XI. Sân hận, 1. Giết giặc phiền nam giới yêu thích 300, 8. Người vợ lý não 428, 2. Kham nhẫn 430, 3. Những tưởng 302; V. Cầu nguyện, 1. Cầu nguyện hạng người nóng giận 432, 4. Người ác và 306, 2. Tế đàn 308, 3. Cúng linh 310, 4. người hiền 434, 5. Phẫn nộ 436, 6. Tâm Thánh cầu 312, 5. Ước nguyện 314; VI. An người như vết thương 438; XII. Si mê, 1. cư, 1. An cư 318, 2. Tự tứ 320, 3. Thời Tổn thất lớn nhất 442, 2. Vực thẳm 444, 3. điểm lý tưởng để nổ lực tu hành 322, 4. Rửa tội 446, 4. Mù lòa 448, 5. Trói buộc Xứng đáng được cúng dường 324, 5. Đức và ngăn che 450, 6. Cội nguồn của bất an

452, 7. Ta thương mình nhất 454, 8. Nhân Được tiếng thơm 580, 8. Nội chứng bên duyên của sự suy vong 456. trong 582, 9. Cấp thiết phải làm ngay 584, 10. Không có che giấu 586; VIII. Những Tập III, Lời Phật dạy trong Kinh tạng điều khó ở đời, 1. Không dễ tái sanh làm Nikaya, có 12 chủ đề: I. An lạc, 1. Bốn người 590, 2. Khó tìm được ở đời 592, 3. loại an lạc 460, 2. Ngày lành tháng tốt Không thể ước lượng 594, 4. Rất khó thực 462, 3. Dục lạc và an lạc 464, 4. Lợi lạc hiện 596, 5. Không thể nghĩ đến 598, 6. cho số đông 466, 5. Vui trong tĩnh lặng Sanh làm người người là khó 600, 7. Dạy 468, 6. Pháp môn đưa đến an ổn 470, 7. con nên người 602; IX. Phật và Thánh Biết đủ thường vui 472, 8. Thiết lập an lạc tích, 1. Một sự xuất hiện vi diệu 606, 2. 474; II. Bạn tốt, 1. Xứng đáng là bạn tốt Người mang hạnh phúc cho nhân loại 608, 478, 2. Chọn bạn mà chơi 480, 3. Cần phải 3. Sự xuất hiện của mắt lớn 610, 4. Tôn nương tựa 482, 4. Thân cận bạn tốt 484, 5. giả Đại Ca-diếp 612, 5. Chiêm bái Thánh Người bạn chân thật 486, 6. Ở đâu cũng tích 614, 6. Tứ động tâm 616, 7. Di huấn được thương mến 488, 7. Được ái mộ và sau cùng 618; X. Thân nghiệp, 1. Sát sanh noi theo; III. Hạnh phúc, 1. Để mãi bên – lợi bất cập hại 622, 2. Quả

báo của nhau 494, 2. Đạo nghĩa vợ chồng 496, 3. nghiệp giết 624, 3. Sát sanh đọa địa ngục Bí quyết hạnh phúc 498, 4. Tổn hại gia 626, 4. Nguy hại của lười biếng 628, 5. đình 500, 5. Thiết lập hạnh phúc 502, 6. Quán thân bất tịnh 630, 6. Tu tập niệm Báu vật ở đời 504, 7. Những cặp vợ chồng thân 632, 7. Tác hại của lối sống xa hoa 506; IV. Khổ đau, 1. Nguồn gốc khổ đau 634, 8. Đi đêm gặp nhiều nguy hiểm 636, 510, 2. Giàu mà không được hưởng 512, 9. Bỏ ác, làm lành 638; XI. Khẩu nghiệp, 3. Khổ đau nhiều hơn hạnh phúc 514, 4. 1. Nói và im lặng như pháp 642, 2. Nói Sợ hãi và vô úy 516, 5. Ác Tỳ-kheo 518, như hoa, như mật 644, 3. Mắng nhiếc bậc 6. Gốc rễ của đấu tranh 520, 7. Khổ vui Thánh 646, 4. Hái hoa tặng người 648, 5. cho mình 522, 8. Khổ và diệt khổ 524, 9. Nói năng cẩn trọng 650, 6. Khéo nói 652, Khổ tâm và vô tâm 526, 10. Thương người 7. Lời nói và việc làm 654, 8. Tạp thoại bệnh khổ 528; V. Hội chúng, 1. Hòa hợp 656, 9. Tán thán 658, 10. Nói không lỗi Tăng 532, 2. Chúng Tăng cường thịnh lầm 660, 11. Một điều nhịn, chín điều lành 534, 3. Sáu pháp hòa kính 536, 4. Ba loại 662; XII. Ý nghiệp, 1. Giữ tâm trong sạch hội chúng 538, 5. Tăng già thanh tịnh 540, 666, 2. Tà tư duy 668, 3. Tưởng điên đảo 6. Im lặng hùng tráng 542, 7. Hội chúng 670, 4. Kiêu mạn 672, 5. Nghiệp mới và tinh hoa 544, 8. Tôn trọng diệu pháp 546, cũ 674, 6. Vượt qua dòng xoáy cuộc đời 9. Năm hạng người sống ở rừng 548; VI. 676, 7. Đặt tâm đúng hướng 678, 8. Lắng Từ bi hỷ xả, 1. Lợi ích tu tập tâm từ 552, 2. lòng thanh tịnh 680. Rải tâm từ 554, 3. Từ mẫn với Phật tử 556, 4. Hoan hỷ 558, 5. Xả buông 560, 6. 849. LUẬN ĐẠI THỪA - An lạc và hoan hỷ 562, 7. Hãy sống với TRANG NGHIÊM KINH tâm từ 564; VII. Nền tảng của giải thoát, Thuyết kệ: Bồ-tát Di-lặc 1. Nền tảng của giải thoát 568, 2. Xa và Luận giải: Đại sĩ Vô Trước; Hán dịch: Ba- gần 570, 3. Tu học phải song hành 572, 4. la-pha Mật-đa-la Hình thức bên ngoài 574, 5. Không thối Việt dịch và Chú giải: Quảng Minh đọa 576, 6. Hướng đến ánh sáng 578, 7. Hiệu đính: Nguyễn Minh Tiến

Nxb Tôn Giáo – 2014. Kinh có khổ 14.5 x thích tên Kinh, I. Tên Kinh, II. Người dịch 20.5cm, dày 942 trang, bìa cứng. Kinh; B. Giải thích văn Kinh, I. Phần Tựa, Nội dung tác phẩm Luận Kinh này gồm có II. Phần Chánh tông, 1. Pháp cần thiết 13 quyển, 24 phẩm: Dẫn nhập, Q.I, P.1 chung thế gian, 2. Pháp cần thiết không Duyên khởi, P.2 Thành tông, P.3 Quy y, chung thế gian, III. Phần Lưu thông, 1. P.4 Chủng tánh; Q.II, P.5 Phát tâm, P.6 Lưu thông khuyến tu, 2. Lưu thông chứng Nhị lợi, P.7 Chân thật, P.8 Thần thông, P.9 quyết, 3. Lưu thông đoạn nghi, 4. Lưu Thành thục; Q.III, P.10 Bồ-đề; Q.IV, P.11 thông phó chúc; Lời bạt. Minh tín, P.12 Thuật cầu - Phần 1; Q.V, P.12 Thuật cầu - Phần 2; Q.VI, P.13 852. Luận Giải KINH ĐIỀM LÀNH – Hoằng pháp, P.14 Tùy tu; Q.VII, P.15 Mangalasutta – Tập 1 Giáo thọ, P.16 Nghiệp bạn, P.17 Độ nhiếp Biên soạn: Tỳ-kheo Chánh Minh Phần 1; Q.VIII, P.17 Độ nhiếp Phần 2; Nxb Hồng Đức – 2017 Q.IX, P.18 Cúng dường, P.19 Thân cận, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 325 P.20 Phạn trú; Q.X, P.21 Giác phần - Phần trang, bìa cứng. 1; Q.XI, P.21 Giác phần - Phần 2; Q.XII, Nội dung gồm có: Những chữ viết tắt, Lời P.22 Công đức; Q.XIII, P.23 Hành trú, nói đầu, A. Khai mở, Bổn sự Điềm lành P.24 Kính Phật; Chỉ mục từ ngữ (1203 lớn, Kinh Điềm lành; B. Tìm hiểu Kinh mục). Điềm lành, Tỳ-kheo Subhadda, C. Ý nghĩa các từ “Evam me sutam” và những từ 850. Luận Giải KINH CĂN BẢN PHÁP khác, Đoạn I, từ “Evam me sutam… MÔN (Mùlapariyàya Sutta) Ajjhabhàsi”, Đoạn II, “Năm sự náo động Luận giải: Tỳ-kheo

Chánh Minh (kolàhala), Đoạn III, Kệ ngôn 1, Tóm Tác phẩm Luận giải Kinh này gồm có: Lời lược, I.1 Bổn sự Mahilamukha, Tóm lược giới thiệu, Những chữ viết tắt; A. Duyên I.2 Bổn sự Sattigumbha, Tóm lược; khởi, B. Tóm lược Bài Kinh, C. Luận giải: Chuyện Tôn giả Dabba Mallaputta, Kệ 1. Phàm phu (Puthujjana), a. Sắc pháp, b. ngôn 2, Kệ ngôn 3, Kệ ngôn 4; Đoạn IV, Danh-Sắc pháp, c. Vô sắc pháp; 2. Vị Patirùpadesavàso ca: Ở trú xứ thích hợp, Thánh hữu học (Sekkhà), - Sắc pháp, - Kệ ngôn 1; Patirùpadesavàso ca: Ở vùng Danh sắc pháp, - Vô sắc pháp; 3. Vị đất thích hợp, Kệ ngôn 2; Pubbe ca Thánh A-la-hán; 4. Đấng Như Lai. katapunnatà: Trước đã làm việc lành, Kệ giải Kinh) hướng đúng, Kệ ngôn 4, Etam mangalamuttam: “Đó là điềm lành cao 851. Luận Giải KINH DI GIÁO tột”. Soạn thuật Hán văn: Đời Minh-Cổ Ngô Ngẫu Ích-Thích Trí Húc 853. Luận Giải KINH KIM CANG Việt dịch: Cư sĩ Minh Ngọc Luận giải: Chân Quang Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 14.5 Nxb Tôn Giáo – 2013 x 20.5cm, có 53 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh dày hơn 638 trang, bìa cứng, có bìa màu vàng, có hình quang cảnh Đức Phật bao, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Thích-ca Mâu-ni nhập Niết-bàn. Nội dung Lời ngỏ, Phần mở đầu, Kim Cang (KC) 1. gồm có: Luận giải Kinh Di Giáo, A. Giải Thời Hoàng kim, KC.2 Tự lợi và lợi tha là

một, KC.3 Thâm sâu bốn tướng, KC.4 162 và 163; Phần 2. Chủ thuyết của 6 vị Không chấp Công đức, KC.5 Thiện căn Tôn chủ dị giáo, Giải đoạn 165, Chủ sâu xa, KC.6 Bậc Thánh thấy như thế nào? thuyết của Tôn chủ Pùrana Kassapa; Giải KC.7 Sự Giúp đỡ chân chánh, KC.8 đoạn 167, Chủ thuyết của Tôn chủ Không tự khen mình, KC.9 Ưng vô sở trụ Makkhali Gosàla; Giải đoạn 171, Chủ nhi sanh kỳ tâm, KC.10 Phước Tâm linh thuyết của Tôn chủ Ajita Kesakambala; vô tận, KC.11 Vũ trụ quan, KC.12 Sự Phụ lục: Giải đoạn 174, Chủ thuyết của Nhẫn nhục của Thánh, KC.13 Kim Cang Pùrana Kassapa; Giải đoạn 177, Chủ nhiệm mầu, KC.14 Mắt của Phật, KC.15 thuyết của Nigantha Nataputta; Giải đoạn Tâm của Phật, KC. 16 Bản chất của Tâm 180, Chủ thuyết của Sanjaya thức, KC.17 Nhân quả phi thường, KC.18 Belatthaputta; C.III, Phần 1. Quả Sa-môn Điều Thiện tận cùng, KC.19 Tín Phật, thông thường; Giải đoạn 182, Quả thiết KC.20 Đạo đức tối thượng; Lời kết; thực đầu tiên; Giải đoạn 186, Quả thiết Nguyên văn chữ Hán Kinh Kim Cang. thực thứ 2; Phần 2. Các quả thiết thực vi diệu, Giải đoạn 189, Tốt đẹp (sadhukam), 854. Luận Giải KINH SA-MÔN QUẢ - Hãy suy nghiệm kỹ; Giải đoạn 190, Ở đây 2 Tập (idha), Như Lai xuất hiện trên thế gian; Phật Giáo Nguyên Thủy - Theravàda Giải đoạn 191; Biên soạn: Tỳ-kheo Chánh Minh Tập II, dày hơn 222 trang, nội dung gồm: Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2009 C.III (tt), Phần 3. Giải về Tiểu giới, Sách có khổ 14.3 x 20.3cm, 2 tập dày hơn Chuyện vua Majjha, Giải về Trung giới, 474 trang. Giải về Đại giới; C.IV Phần 1. Sự thực Tập I, dày hơn 252 trang, nội dung gồm hành: A. Giữ gìn các quyền, Trưởng lão có 3 chương: Lời nói đầu, Những chữ viết Mahatissa; B. Niệm – tỉnh giác, Lợi ích tắt, C.I Vua Ajàtasattu (A-xà-thế) yết kiến tỉnh giác, Thích hợp tỉnh giác, Hành xứ đức Thế Tôn, Phần 1. Duyên khởi, Giải tỉnh giác, Vô si tĩnh giác, Trưởng lão đoạn 150: Như vầy tôi nghe, Một thời, Mahaphussa, Trưởng lão Mahànàga; C. Đức Thế Tôn, Rajagaha (Vương xá), Biết đủ, Đức Ananda với 500 chiếc y, Lương y Jivaka komarabhacca, Vương tử Chuyện ba tấm y, Lương y Jìvaka cúng Abhaya, Vua Ajàtasattu (A-xà-thế), dường y; D. Từ bỏ triền phược, Chư Tỳ- Vương quốc

Magadha (Ma-kiệt-đà), Vua kheo và các vị thọ thần, Trưởng lão Bimbisàra (Bình-sa), Hoàng hậu Vedehi; Vajjìputta, Trưởng lão Vangisa, Ví dụ về Phần 2. Giải từ đoạn 151 – 156, Sáu vị Năm triền cái, Trưởng lão Tăng hộ cháu, Tôn chủ dị giáo, Tôn chủ Pùrana Kassapa, Bà-la-môn Tiểu nhất y, Trưởng lão Tôn chủ Makkhali Gosàla, Tôn chủ Ajita Soreyya, Tai hại của sân hận; Phần 2. A. Kesakambala, Tôn chủ Pakudha Các tầng thiền, Sơ thiền, Nhị thiền, Tam Kaccàyana, Tôn chủ Sanjaya thiền, Tứ thiền; B. Trí quán; C. Các Thắng Belatthaputta, Tôn chủ Nigantha trí, Trí ý hóa thông, Thần thông trí, Mười Nataputta, Đức Phật với 6 vị Tôn chủ; loại thành tựu, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Phần 3. Giải đoạn 157 và 158, Lương y Túc mạng trí, Thiên nhãn trí, Vị Trưởng Jìvaka chuẩn bị kiệu voi, Giải đoạn 159, lão và Tỳ-kheo trẻ, Trí diệt tận ô nhiễm, Vua Ajàtasattu sợ hãi; C.II Câu hỏi Sa- Vua A-xà-thế trở thành cận sự nam, Giải môn quả: Phần I. Giải các đoạn: 160, 161,

về nương nhờ, Vua A-xà-thế sám hối tội không có nói, 7. Y vào Pháp này mà sanh lỗi. ra Công đức, 8. Một tướng không có tướng, 9. Trang nghiêm Tịnh độ, 10. 855. Luận Giảng DIỆU PHÁP LIÊN Phước đức Vô vi hơn hết, 11. Tôn trọng HOA KINH Toàn Tập Chánh giáo, 12. Thọ trì đúng như pháp- Luận giảng: Sa-môn Thích Huệ Đăng hiển bày tên Kinh, 13. Ly tướng vắng Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 lặng, 14. Công đức Trì Kinh, 15. Trừ sạch Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 511 Nghiệp chướng, 16. Rốt ráo không ngã, trang, bìa cứng. 17. Xem đồng một thể, 18. Thông hóa Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập; Pháp giới, 19. Lìa sắc-lìa tướng, 20. Phẩm Tựa, Phẩm Phương tiện, Phẩm Thí Không có Năng thuyết và Sở thuyết, 21. dụ, Phẩm Tín giải, Phẩm Dược thảo dụ, Không pháp gì có thể được, 22. Tịnh tâm Phẩm Thọ ký, Phẩm Hóa thành dụ, Phẩm hành thiện, 23. Phước đức-Trí tuệ không Ngũ bá đệ tử Thọ ký, Phẩm Thọ học Vô gì so sánh, 24. Hóa độ mà không người học nhân ký, Phẩm Pháp sư, Phẩm Hiện được hóa độ, 25. Pháp thân không phải là bảo tháp, Phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phẩm Trì, hình tướng, 26. Không đoạn-không diệt, Phẩm An lạc hạnh, Phẩm Tùng địa dũng 27. Không nhận lấy-không tham đắm, 28. xuất, Phẩm Như Lai thọ lượng, Phẩm Oai nghi vắng lặng, 29. Lý tướng nhất Phân biệt Công đức, Phẩm Tùy hỷ Công hiệp, 30. Không nên sanh tri kiến, 31. Ứng đức, Phẩm Pháp sư Công đức, Phẩm hóa không phải là chơn thật; III. Lưu Thường Bất Khinh Bồ-tát, Phẩm Như Lai thông phần; IV. Kết luận. thần lực, Phẩm Chúc lụy, Phẩm Dược Vương Bồ-tát bổn sự, Phẩm Diệu Âm Bồ- tát, Phẩm Quán Thế Âm, Phẩm Đà-la-ni, Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương bổn sự, 857. Luận Giảng Phẩm Phổ Hiền khuyết phát Bồ-tát; Kết KINH DUY-MA-CẬT luận. Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng Nxb Tôn Giáo – 2006 856. Luận Giảng KIM CANG THỪA & Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 385 KIM CANG BÁT-NHÃ trang, bìa cứng, nền màu xanh, chữ tựa Luận giảng: Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng Kinh màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời nói Nxb Tôn Giáo – 2006 đầu, Dẫn nhập; P. Phật quốc, A. Phần Tựa, Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 700 B. Phần Chánh tông, P. Phương tiện, P. trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Thanh văn, 1. Xá-lợi-phất, 2. Mục-kiền- Nội dung của Luận giảng Kinh Kim Cang liên, 3. Ma-ha Ca-diếp, 4. Tu-bồ-đề, 5. Bát-nhã gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Phú-lâu-na, 6. Ca-chiên-diên, 7. A-na-luật, Tiểu sử Dịch giả, Giải thích đề Kinh, I. 8. Ưu-ba-ly, 9. Tôn giả La-hầu-la, 10. Tôn Dẫn khởi phần, 1. Nhân do pháp hội, 2. giả A-nan, P. Bồ-tát, 1. Di-lặc Bồ-tát, 2. Duyên khởi

chung, 3. Duyên khởi riêng; Quang Nghiêm Bồ-tát, 3. Trí Thế Bồ-tát, II. Chánh thuyết phần, 1. Ngài Thiện Hiện 4. Thiện Đức Bồ-tát, P. Văn-thù-sư-lợi, P. thưa thỉnh, 2. Chánh tông Đại thừa, 3. Bất khả Tư nghì, P. Quán Chúng sanh, P. Diệu hạnh Vô trụ, 4. Thấy thật đúng lý, 5. Phật Đạo, P. Vào Pháp môn bất nhị, P. Chánh tín rất ít có, 6. Không có được- Phật Hương Tích, P. Bồ-tát hạnh, P. Thấy

Phật A-súc, P. Pháp Cúng dường, P. Chúc vọng tưởng Trí, Như sai biệt, IX. Vọng lụy; C. Lưu thông Thọ trì; Kết luận. tưởng Trí Như bình đẳng hiển bày xiển-đề Phật tánh chẳng đoạn, 1. Năm pháp, 2. Ba 858. Luận Giảng KINH LĂNG-GIÀ Tự tánh, 3. Hai Vô ngã, 4. Thiện pháp vô - Tánh Không Duyên khởi – ngã, 5. Tướng Thiện pháp vô ngã; D. Như A-lại-da Duyên khởi Lai tàng siêu quá vọng tưởng ngôn thuyết Luận giảng: Sa-môn Thích Huệ Đăng của phàm phu và ngoại đạo, thành tựu các Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 địa cứu cánh quả hải, I. Như Lai tàng Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 608 chẳng đồng thần ngã của ngoại đạo, II. trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Phương tiện hiển bày Như Lai tàng, 1. Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Phương tiện có 4 pháp, 2. Khéo phân biệt Lời nói đầu, Dẫn nhập; tự tâm hiện, 3. Quán ngoại tánh phi tánh, Phần I. Nguồn gốc và triết lý Kinh Lăng- 4. Lìa kiến chấp sanh-trụ-diệt, 5. Tự giác già, I. Nguồn gốc Kinh Lăng-già, II. Triết Thánh trí thiện lạc; III. Như Lai tàng lìa lý Kinh Lăng-già, III. Kinh Lăng-già tự các nhân duyên, IV. Như Lai tàng Đệ nhất phần, IV. Chánh tông phần: Lìa nói năng, nghĩa lìa ngôn thuyết vọng tưởng, V. Như bặt chứng pháp môn, đệ nhất nghĩa rộng Lai tàng Tự giác Thánh trí lìa bốn câu có lớn; không, VI. Chỉ bốn thứ Thiền định, hiển Phần II. Bày ngôn thuyết để vào Đệ nhất bày Như Lai thanh tịnh chẳng đồng với nghĩa, biển thức thường trụ dùng hiển duy Nhị thừa, VII. Như Lai tàng Tự tánh Niết- tâm, A. Lược nói nhân quả tà chánh của bàn chẳng đồng với Nhị thừa, VIII. Thần tám thức để biểu thị lìa vọng chứng chân, lực dựng lập chẳng ra vào có không, IX. I. Chỉ các thức sanh diệt khó biết, II. Thức Chỉ các pháp Duyên khởi để hiển bày tướng y nơi chân, do mê phát khởi, III. nghĩa của Như Lai tàng chẳng phải nghĩa Ngộ chân chẳng diệt, IV. Tà kiến đoạn của Nhân duyên, X. Các pháp thường trú kiến dị nhân, V. Chánh nhân phân biệt rõ để hiển Như Lai tàng Tự tánh Vô sanh, 1. tà vọng, VI. Tà đoạn có không của ngoại Huyễn hoặc loạn thường, 2. Chỉ loạn hoặc đạo, VII. Lìa vọng chứng chơn; B. Bờ mé khứ lai thức tánh, bày chân như bình đẳng, cứu cánh của tám thức, phân biệt Thức và 3. Chỉ loạn hoặc không pháp, 4. Chỉ thẳng Trí, I. Đại Huệ thưa hỏi, II. Phân biệt nhân vô sanh như huyễn lìa hư vọng; XI. Do lời duyên bất giác, III. Tột Tàng thức là bờ nói để nhận được nghĩa, dừng ngoại đạo, mé cứu cánh, IV. Hiện lượng của tự tâm khác ngu phu, chọn lựa tâm giác dựng lập lìa vọng chân thật, V. Dụng phân biệt tám Niết-bàn, 1. Do theo lời nói để nhận được thức để tự ngộ, VI. Ba tướng tự giác nghĩa, 2. Không luận bàn, nói năng (chỉ Thánh trí; C. Năm Pháp, Ba Tự tánh, Hai luận) do rõ nghĩa chẳng ở lời nói, 3. Hỏi Vô ngã, Giản biệt Nhị thừa, ngoại đạo và bốn quả sai biệt, 4. Chỉ rõ kiến lập Niết- nhân quả chánh pháp, I. Đại Huệ thưa hỏi, bàn, 5. Cùng tột vọng tưởng sai biệt để II. Phá vọng chấp có không của ngoại đạo, hiển trí như thành thật, liễu quả Niết-bàn; III. Trừ sạch Đốn hay Tiệm, IV. Ba thân E. Kiến lập Niết-bàn: I. Tự giác Nhất thừa Phật nói Trí như sai biệt, V. Nhị thừa tự soi sáng các đại, khéo đoạn các lậu, viên giác Thánh sai biệt, VI. Đạt được Thánh mãn thân Phật,

cũng chẳng rơi vào có trí thường không thể nghĩ bàn, VII. Nhị không, 1. Tự giác Thánh trí, 2. Nhất thừa, thừa bỏ vọng cầu chân, VIII. Chủng tánh 3. Tam thừa, 4. Nhất thừa bình đẳng; II.

Chỉ Thánh trí chiếu minh các Địa, 1. Bày luận thì bị tham dục nhiếp trì chẳng nhiếp ba thứ Ý sanh thân, 2. Chỉ thân tướng từ thọ được Chánh pháp, 5. Nhiếp thọ Chánh Sơ địa, Thất địa trở lên, 3. Chỉ thân tướng pháp xa lìa Thế luận, 6. Kệ tụng; V. Chánh Bát địa, 4. Chỉ Phật địa thân tướng không pháp giải thoát xa lìa ngu si ngoại đạo, 1. hành tác, 5. Kệ tụng; III. Phương tiện khéo Liệt bày vọng tưởng và Niết-bàn, 2. Như vào năm hạnh, 1. Bồ-tát Đại Huệ hỏi về Lai tùy thuận Niết-bàn, 3. Tổng tụng; VI. năm hạnh Vô gián, 2. Đoạn hai căn bản, 3. Chánh pháp chẳng phải pháp nhân quả, lìa Cứu cánh đoạn các pháp, 4. Các ấm cứu sanh diệt, không cấu nhiễm, sanh diệt siêu cánh đoạn, 5. Bảy thức đoạn, 6. Ngoại ngũ việt các địa, 1. Pháp thân Như Lai chẳng vô gián hạnh; IV. Viên mãn giác ngộ Phật: phải nhân quả, 2. Pháp thân Như Lai 1. Phật giác, 2. Bốn món bình đẳng của chẳng sanh chẳng diệt lìa ngôn thuyết, 3. Như Lai, 3. Chỉ rõ giác ngộ, tự chứng của Như Lai chẳng sanh chẳng diệt không Phật không thể dùng lời nói, ngôn ngữ đồng với ngoại đạo có sáu, 4. Vọng chấp hiển bày; V. Cảnh giới giác ngộ của Phật của ngoại đạo chẳng thật có, 5. Thật tánh xa lìa có và không: 1. Thế gian chấp có vọng tưởng tức Chân như tịch tịnh, 6. Vô không, 2. Nhân tướng hai thứ chấp có nhân để bày nghĩa vô sanh, 7. Rộng chỉ không, 3. Bài xích chấp không hay phá nghĩa vô sanh; VII. Chỉ Như Lai nói pháp hoại chánh pháp, 4. Tổng tụng; chẳng phải thường-vô thường, chẳng đồng Phần III. Tông Thuyết cả hai đều thông để với ngoại đạo, 1. Hỏi ngoại đạo vọng chấp biết rõ về Dụng-Ngữ-Nghĩa-Thức-Trí vô thường là tà hay chánh, 2. Bày vô phân biệt người ngu và kẻ ngoại đạo để thường của ngoại đạo để hiển bày Chánh giúp mình và người khác đạt chánh pháp pháp phi thường vô thường; VIII. Chỉ Như giải thoát, I. Tông Thuyết đều thông, xa Lai Đệ nhất nghĩa siêu việt các địa, hiển lìa vọng tưởng chấp trước, 1. Tông Thuyết bày duy tâm, 1. Bồ-tát Đại Huệ hỏi chánh đều thông, 2. Cùng tột tướng sanh của thọ, chỉ bày hành tướng Thất địa, Bát địa, vọng tưởng để hiện bày Đệ nhất nghĩa đế, 2. Từ Sơ địa đến Thất địa cùng bậc Nhị II. Ngữ nghĩa trí thức để hiển bày diệu thừa đồng khác, chớ mê lầm ngoại đạo, 3. dụng của Tông thông, 1. Chỉ bảy ngữ và Bát địa Tam-muội gia trì, 4. Thất địa xả ly nghĩa, 2. Biện rõ thức và trí, 3. Ngoại đạo tam-muội, hiện tự tâm lượng, 5. Duy tâm chuyển biến chẳng lìa tâm thức, 4. Riêng trừ các địa; IX. Như Lai chánh giác ngữ thủ nghĩa thành chấp sâu kín; III. thường trụ: 1. Chánh giác chẳng đồng lỗi Thánh trí không sự để phá trừ vọng chấp, tạo tác, 2. Chánh giác trí vô gián thường 1. Đại Huệ nạn các pháp đoạn diệt, 2. Các bày hiện; X. Chỉ cội gốc sanh diệt để hiển pháp không tánh, chẳng phải không tri bày Tàng thức tức Như Lai tàng không kiến Thánh trí, 3. Nghi chỗ biết của Thánh cấu nhiễm: 1. Đại Huệ thỉnh hỏi về Như trí đồng vọng tưởng hiện, 4. Nghi Thánh Lai tàng không cấu nhiễm, 2. Phàm nguy trí rơi vào không, 5. Thánh trí không sự lìa nơi thức giải thoát chẳng thấy Như Lai có không, 6. Thánh trí vô sự chẳng lập tàng tánh, 3. Chỉ rõ Như Lai tàng tự giác Tông thú; IV. Bác Thế luận để hiển tự mau lìa sanh diệt chẳng phải cảnh giới của Tông, 1. Thế luận thẳng vào tự Tông, Nhị thừa; XI. Chỉ Tám thức, Năm pháp, người phá hoại kiết tập hay chiêu cảm quả Ba tự tánh, Hai vô ngã cứu cánh Đại thừa khổ, 2. Như Lai theo chỗ

nói tự thông, 3. tánh Đệ nhất nghĩa, 1. Năm pháp chuyển Nêu Như Lai chỉ luận, 4. Chạy theo thế biến, 2. Tất cả pháp vào năm pháp; XII.

Chỉ pháp thân ba đời chư Phật Như Lai, Quyển II, 1. Chỉ tánh thấy không sanh siêu quá chỗ nghĩ ngợi thế gian, chẳng diệt, 2. Chỉ điên đảo hiện tại, 3. Giản trạch phải nghĩa sát-na trước sau không lỗi, rốt tâm duyên thấy tánh không, 4. Lựa riêng ráo thanh tịnh vô lậu, 1. Pháp thân tự trần cảnh nêu tánh thấy; III. Nêu tánh thấy thông siêu suy nghĩ thế gian, 2. Pháp thân ra ngoài nghĩa phải và chẳng phải, 1. Nghi vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, 3. Pháp chỉ hiện thấy trước mắt, 2. Chỉ ra không có thân chân thật của Phật bình đẳng bổn tế cái gì tức là thấy, 3. Chỉ ra không có cái gì phá nghi lìa lỗi, 4. Như Lai chánh chân ngoài cái thấy, 4. Ngài Văn-thù thỉnh Phật nhân quả cứu cánh thanh tịnh; Kết luận. phân minh hai nghĩa, 5. Chỉ cái thấy không có cái phải và chẳng phải; IV. Bác 859. Luận Giảng thuyết Nhân duyên và Tự nhiên dễ hiểu, 1. KINH THỦ LĂNG NGHÊM – 2 Tập Nghi tánh thấy đồng thần ngã, 2. Chỉ rõ Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng tánh thấy chẳng phải không tự nhiên, 3. Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Nghi nhân duyên, 4. Chỉ rõ tánh thấy Kinh có khổ 14.3 x 20.3cm, 2 tập dày hơn không phải nhân duyên và kết luận tánh 1.294 trang, bìa cứng. thấy lìa danh tướng, 5. Lại nghi nhân Tập I, dày hơn 701 trang. Nội dung gồm duyên, 6. Đức Phật bác nhân duyên-tự có 5 quyển: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Triết nhiên nêu ra tánh thấy lìa danh tướng, 7. lý Kinh Thủ Lăng Nghiêm; Chỉ rõ thật tướng của tánh thấy; V. Chỉ ra Quyển I, Giải thích đề mục Kinh Đại Phật cái vọng để bày tánh thấy, 1. Thỉnh Phật đảnh Như Lai Mật nhân Tu chứng Liễu chỉ dạy nghĩa về nhận được tánh thấy nghĩa chư Bồ-tát Vạn hạnh Thủ Lăng không phải là cái thấy, 2. Trước khi chỉ Nghiêm, Phần thứ nhất, Tự phần, C.I, Tựa dạy pháp Tổng trì Đức Phật dạy ngài A- chung; C.II, Tựa riêng; Phần thứ hai, nan phải nghe cho chín chắn, 3. Chỉ hai Chánh tông phần; C.I, CHỈ NGAY CHỖ thứ vọng thấy, 4. So sánh cái thấy hiện VIÊN NGỘ, I. Gạn hỏi các tâm: 1. Nêu tiền để chỉ rõ nhận được tánh thấy không nguyên do của thường trụ và lưu chuyển, phải là cái xa lìa hòa hiệp viên mãn đạo 2. Chấp tâm ở trong thân, 3. Chấp tâm ở Bồ-đề; VI. Tóm Thường trụ bốn khoa-bảy ngoài thân, 4. Chấp tâm núp sau con mắt, đại về Như Lai tạng để phát khởi chơn 5. Chấp nhắm mắt sáng tối là thấy ở trong ngộ, 1. Tóm thâu, 2. Thâu năm ấm; thân, 6. Chấp tâm tùy chỗ hòa hiệp mà có, Quyển III, 3. Thâu lục nhập, 4. Thâu mười 7. Chấp tâm ở chặng giữa, 8. Chấp tất cả hai xứ, 5. Thâu mười tám giới, 6. Thâu đều không dính mắc; II. Hiển bày căn và bảy đại, 7. Được chứng ngộ; tánh thấy, 1. Hối hận nghe nhiều không tu, Quyển IV, VII. Chỉ rõ vọng sanh tiếp nối, cầu Phật dạy rõ chơn tâm, 2. Phóng hào và các đại không ngại nhau, 1. Ngài Mãn quang nên tánh thấy viên mãn sáng suốt, Từ khen ngợi Phật và trình bày chỗ nghi, 3. Chỉ hai món căn bản chia riêng mê ngộ, 2. Thiết lập hai điều nạn vấn, 3. Phật hứa 4. Nương cái thấy gạn hỏi tâm, 5. Chỉ cái sẽ tuyên nói nghĩa thù thắng, 4. Nêu bản suy nghĩ có thật thể, 6. Hiển bày tánh thấy tánh để chỉ rõ căn nguyên hư dối, 5. Chỉ chẳng phải con mắt, 7. Gạn hỏi hai nghĩa nguyên nhân có tướng thế giới, hư không, khách trần để chỉ ông chủ và hư không 6. Chỉ ba tướng kết quả tiếp nối, 7. Thuyết hiển bày tánh thấy; minh giác chẳng si mê, 8. Chỉ bày các đại có thể dung nhau; VIII. Chỉ Diệu minh

hợp với Tạng tánh “phi-tức” cả hai đều ly, Quyển VI, Do nhĩ căn chứng viên thông, I. 1. Chỉ trái với giác Tánh hợp theo trần Thuật lại nhơn tu; II. Chỉ chính chỗ viên tướng, 3. Chỉ Như Lai tàng đều “phi” tất tu, 1. Phóng hào quang để hiện điềm lành, cả, 4. Chỉ Như Lai tàng đều “tức tất cả; 2. Đức Phật bảo Văn-thù chọn căn viên IX. Chỉ mê vọng không có nhơn, hết mê thông, 3. Lựa ra những căn không viên tức Bồ-đề, 1. Nghi tánh giác nhơn đâu có thông, 4. Lựa căn viên thông, 5. Nghe vọng, 3. Chỉ dứt các duyên thì hết cuồng, pháp được chứng ngộ; C.III, RỘNG ĐỂ tánh giác trùm khắp; X. Lại bác nghĩa LẠI KHUÔN PHÉP TU HÀNH, I. Nhân nhân duyên-tự nhiên để trách nghe nhiều, ông A-nan xin cứu độ đời vị lai, Phật nêu 1. Phát nghi và hỏi, 2. Gạn hỏi nguyên chung ba nghĩa quyết định; II. Chỉ bày bốn nhân khởi nghi, 3. Ví dụ cái đầu xưa lời dạy bảo rõ ràng và quyết định, 1. Dạy không mất, để chỉ ra tánh cuồng giả dối, 4. nghĩa quyết định đoạn dâm, 2. Dạy nghĩa Phá nhân duyên-tự nhiên dẫn vào Bồ-đề; quyết định đoạn tâm sát hại, 3. Dạy nghĩa XI. Chỉ nghĩa quyết định, 1. Thuật lại chỗ quyết định đoạn tâm trộm cắp, 4. Dạy ngộ, thỉnh cầu pháp tu hành, 2. Xét về phát nghĩa quyết định đoạn nói dối; tâm trong lúc tu thân lấy hư không dụ Quyển VII, III. Phật khai thị về Mật giáo nhơn không sanh diệt, 3. Khai năm trược, thầm giúp những người tu hành; IV. Khai 4. Kết thành cái tâm tu nhân, 5. Xét rõ cội thị những phép tắc lập đạo tràng tu trì, a. gốc phiền não. Xét chỗ điên đảo của căn Thưa hỏi quy tắc lập đạo tràng tu trì, b. trần; XII. Đánh chuông nghiệm tánh Khai thị nghi thức kiến lập đạo tràng, c. thường, 1. Nghi căn tánh không tự thể, xét Khai thị được chứng ngộ; V. Tuyên nói về quả vị thể tánh thường trụ, 2. Chỉ tánh tâm chú rộng khai thị những lợi ích, 1. nghe là thường trụ, a. Trách tâm chẳng tin Phật phóng quang khai thị, 2. Tuyên nói phục, b. Đánh chuông để gạn hỏi tánh tâm chú, 3. Khai thị những lợi ích, 4. Khai nghe và tiếng, c. Tóm kết bỏ cái sanh diệt thị chú tâm rộng lớn không cùng, 5. Khai để hoàn thành tri giác; thị sức thần chú thành tựu được thế gian Quyển V, C.II NƯƠNG CHỖ NGỘ MÀ và xuất thế gian, 6. Khai thị trì chú được VIÊN TU, I. Nêu ra căn để chỉ mê, 1. Xin mãn nguyện, sanh chỗ thù thắng, 7. Khai khai thị cách mở gút, 2. Mười phương thị chú lực có thể tiêu quốc nạn, 8. Khai Như Lai phóng hào quang, 3. Chỉ căn trần thị để bảo hộ sơ tâm, lìa ma chướng, tâm dùng để lựa bỏ vọng thức, 4. Lựa cái giả chứng khai ngộ, 9. Kim Cang thiên thần dối để hiển bày cái chơn thật thanh tịnh, 5. trong hội phát nguyện bảo hộ rộng rãi; VI. Phật nói kệ khen chơn vọng, không thật Khai thị vị trí tu chứng trước và sau, 1. tánh theo tánh viên thông để trở về bổn Ông A-nan thỉnh Phật khai thị về những giác; II. Cột khăn để chỉ gút; III. Chỉ mở danh mục thứ bậc tu hành, 2. Phật khen gút trước sau; IV. Gạn hỏi đại chúng về ngợi và hứa chỉ trước, a. Chúng sanh điên chỗ viên thông, 1. Tu sáu Trần chứng viên đảo, b. Thế giới điên đảo, c. Sanh loại có thông, 2. Do các Căn chứng viên thông, 3. sai biệt; Do sáu Thức chứng viên thông, 4. Do thất Quyển VIII, Tổng kết tên của các loài, VI. Đại chứng viên thông. Khai thị vị trí tu chứng trước và sau (tt), 4. Tập II, dày hơn 593 trang. Nội dung gồm Kết luận về bản nhân điên đảo dùng để có 5 quyển: khởi các thứ lớp tu hành, 5. Khai thị ba món tiệm thứ, i. Trừ trợ nhân, ii. Gột sạch

chánh tánh, iii. Trái với hiện nghiệp, iv. Phần thứ ba. Lưu thông phần, I. Lưu thông An lập các Thánh vị, Kết thúc bằng hai Kinh này được phước hơn cả, II. Lưu quả vị Đẳng

giác và Diệu giác để hiển bày thông chung, III. Kết luận. Càn huệ đã thành tựu, từ tu hành tiệm thứ rốt ráo đến Bồ-đề; VII. Kết chỉ dạy tên 860. Luận Giảng PHÁP BỬU ĐÀN Kinh, VIII. Nghe pháp được tăng tiến; KINH – BÁT-NHÃ TÂM KINH C.IV, PHÂN BIỆT CHÍN CHẮN NGHIỆP Luận giảng: Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng QUẢ, PHÂN TÍCH KỸ VÊ TÀ MA NGOẠI Nxb Tôn Giáo – 2005 ĐẠO, I. Hỏi về vọng tưởng tập khí sẵn có, Sách có khổ 14 x 20cm, dày 577 trang, bìa sanh khởi ra lục đạo, II. Hỏi về việc bác cứng, chữ mạ vàng. không nhơn quả bị sa vào địa ngục và về Nội dung Bát-nhã Tâm Kinh gồm: Lời nói nghiệp chung, nghiệp riêng; III. Khai thị đầu, I. Dẫn nhập, II. Ý nghĩa triết lý Tánh phần trong-phần ngoài của chúng sanh, 1. không, 1. Ý nghĩa thế đế, 2. Ý nghĩa thế đế Nêu chung, 2. Phần trong, 3. Phần ngoài, thứ hai, 3. Ý nghĩa chân đế, III. Giải thích 4. Phân biệt tình tưởng nặng nhẹ, 5. Kết đề Kinh, Các dịch bản, IV. Tiểu sử dịch lại đồng phận nhưng đều chia riêng; IV. giả, V. Dẫn khởi phần, VI. Chánh tông Chỉ ra mười tập nhơn, sáu đường giao báo, phần, a. Quán pháp tự tại-sáu căn viên 1. Nêu chung danh mục, 2. Chính chỉ thông, b. Ngũ uẩn giai không, c. Căn trần mười tập nhơn, 3. Tóm nêu sáu giao báo, thanh tịnh, d. Mười tám giới giai không, đ. 4. Khai thị sáu giao báo, 5. Kết luận về tập Mười hai nhân duyên-Tứ đế-Tất cả pháp nhân, giao báo khi hoàn thành, khi khiếm không, e. Vô sở đắc theo Tâm Kinh Bát- khuyết và đáp lại nghiệp riêng, 6. Khai thị nhã, f. Đại bi và đức Vô úy trên tinh thần về các dư báo, quỷ báo, súc sanh báo; V. Tánh không diệu dụng của Phật trí, g. Tu nhân riêng biệt, thành quả hư vọng, Thần chú Bát-nhã, VII. Kết luận; Phụ lục: Các cõi trời sai khác: 1. Dục giới; a. Bát-nhã: Chánh kiến giải thoát, b. Bát- Quyển IX, 2. Sắc giới, 3. Vô sắc giới; VI. nhã là chánh kiến đưa đến giải thoát-giải Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài để thoát tức thì. khuyên tu theo chánh pháp, 1. Khai thị chỗ hư vọng, 2. Khai thị về nghiệp nhân, 3. 861. LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT- Chỉ rõ sự tu hành chân chánh, 4. Tổng kết NHÃ BA-LA-MẬT về quả báo đồng phần, 5. Khuyên đoạn Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân trừ; VII. Phân biệt các Ấm ma, 1. Nguyên Hán dịch Bồ-đề-lưu-chi do khởi ra các ma sự, 2. Khai thị ấm ma Việt dịch: Nguyên Huệ những ma sự thuộc Sắc ấm, 3. Những ma Tác phẩm Luận Kinh này gồm có 3 quyển. Quyển X, 4. Những ma sự thuộc Tưởng Bộ Bát-nhã) ấm, 5. Những ma sự thuộc Hành ấm, 6. Những ma sự thuộc Thức ấm; I. Tổng kết 862. LUẬN KINH THẬP ĐỊA – ấm hết, thành tựu được Kim Cang Huệ VANSUBANDHU quả Địa viên mãn dùng để khuyên tu hành Hán dịch: Bồ-đề Lưu-chi tinh tấn, II. Đức Phật chỉ rõ thứ lớp tiêu Việt dịch: Nguyên Huệ diệt các Ấm và giới hạn phạm vi Năm ấm, Nxb Phương Đông – 2011 III. Khai thị về biên giới của các Ấm;

trang; nội dung gồm 12 quyển. Phần giới Bộ Bát-nhã) thiệu, Tiểu sử Tóm tắt; Q.I, Địa thứ nhất, Địa Hoan hỷ - Phần 1; Q.II, Địa thứ nhất, 865. LUẬN VỀ Địa Hoan hỷ - Phần 2; Q.III, Địa thứ nhất, KINH ĐẠI TRANG NGHIÊM Địa Hoan hỷ - Phần 3; Q.IV, Địa thứ hai, Tạo luận: Mã Minh Bồ-tát (Asvaghosa) Ly cấu địa; Q.V, Địa thứ ba, Địa minh; Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Q.VI, Địa thứ tư, Địa diệm; Q.VII, Địa thứ thập (Kumarajiva, 344-413) năm, Địa nan thắng; Q.VIII, Địa thứ sáu, Việt dịch: Nhóm Phiên dịch Đại Tạng Địa Hiện tiền; Q.IX, Địa thứ bảy, Địa Kinh Phật giáo Quảng Trị Viễn hành; Q.X, Địa thứ tám, Địa Bất Nxb Hồng Đức – 2014 động; Q.XI, Địa thứ chín, Địa Thiện tuệ; Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 523 trang. Q.XII, Địa thứ mười, Địa Pháp vân. Nội dung

gồm có 15 quyển: Lời giới thiệu; Q.I, 1. Phàm đối với các pháp phải nên 863. LUẬN KINH VÔ LƯỢNG THỌ suy nghĩ chính chắn, 2. Tà luận ngoại đạo Tạo luận: Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đậu không đưa đến giải thoát nên ai cũng Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi muốn xa tránh, 3. Gieo ruộng phước gì thì Việt dịch: Nguyên Thuận có phước của việc ấy, không nên chọn lựa Tác phẩm Luận về Kinh này gồm có: Phần già trẻ tốt xấu; luận, Năm niệm môn (Lễ bái, Tán thán, Q.II, 4. Người nghe pháp được tăng Phát nguyện, Quán sát và Hồi hướng); trưởng trí tuệ, tâm ý đều được điều phục, Quán sát công đức trang nghiêm ở cõi 5. Người ít muốn tuy có nhiều tài vật nước của Đức Phật kia; Quán sát công đức nhưng không sanh tâm tham đắm, 6. Giữ trang nghiêm của Đức Phật Vô lượng thọ; giới vì tham cầu vui sướng ở cõi trời Quán sát công đức trang nghiêm của chư người thì cũng là phá giới, 7. Người có trí Bồ-tát nơi đó; Nhập tất cả công đức thành nên thấy rõ đâu tà đâu chánh, 8. Ý làm chủ một từ pháp cú; Bồ-tát thành tựu thiện xảo thân nghiệp và khẩu nghiệp, 9. Người có phương tiện của hồi hướng; Đắc vãng sanh trí hiểu sâu sắc tài vật là họa hoạn, 10. do tùy thuận năm pháp môn; Năm thành Người biết đủ tuy nghèo mà giàu, người tựu môn (1. Thân cận môn, 2. Đại hội không biết đủ tuy giàu mà lại nghèo; Thánh chúng môn, 3. Xá trạch môn, 4. Cư Q.III, 11. Đệ tử Phật giữ gìn giới thể tin ốc môn, 5. Viên lâm du hý địa môn). nghiêm, liền được tất cả mọi người trong Luận tạng) hiền lành được nhiều an ổn lợi ích, 13. Nếu chưa thấy dấu đạo, tuy đa văn nhưng 864. LUẬN THÍCH KINH NĂNG không thể thoát khổ sanh tử, 14. Vinh hoa ĐOẠN KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ phú quý đều không thường còn, 15. Lúc BA-LA-MẬT-ĐA chết không thể mang của cải đến đời sau, Tạo luận Bồ-tát Vô Trước 16. Thân này không bền chắc; Hán dịch: Q.IV, 17. Muốn được cung kính cúng Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) dường, cần phải đoạn trừ các kiết sử, 18. Việt dịch: Nguyên Huệ Không có lỗi lầm mới trách mắng người, Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển. 19. Người khéo quan sát, thấy sắc đẹp liền

sanh lòng nhàm chán, cũng không khởi thục tuy muốn tránh mặt, nhưng Như Lai tâm ái luyến, 20. Tâm không tham luyến đại bi quyết không từ bỏ, 43. Tuy chưa có thể bố thí tất cả, hiện đời được phước thấy chân đạo, tu học đa văn cũng có thể báo lớn, 21. Bố thí cốt ở lòng tin sâu sắc, khiến các loài ma không thể lay động; tuy ít mà được phước báo thì rất khó Q.VIII, 44. Trị bệnh của thân tâm chỉ có lường; nương lời Phật dạy, 45. Nếu đã có lòng tin Q.V, 22. Thân gần thiện hữu tri thức, hay bất hoại đối với Tam bảo và giới rồi, thà khiến thân tâm thanh tịnh, 23. Làm ác phải xả bỏ thân mạng quyết không hủy phạm, đọa vào địa ngục, nếu gặp được thiện tri 46. Có tâm kiêu mạn thì không việc ác gì thức liền được diệt tội mà còn được sanh không làm, dù cao quý mà kiêu mạn cũng lên cõi trời, 24. Người trí tu hạnh bố thí gọi là thấp hèn, 47. Người thấy chánh đạo cho tiền tài là lao ngục, 25. Nghe chánh không bị thiên ma và ngoại đạo lừa dối, pháp, hay giải thoát được các sự trói buộc, 48. Người không có định lực, thân hoại 26. Lúc còn khỏe mạnh những việc đáng mạng chung không thể tự làm chủ mình, làm thì nên mau chóng làm liền, 27. Phàm 49. Nên cung kính cúng dường người có ngu khinh chê chửi mắng hiền nhân, Hiền đức; nhân trọn không sanh tâm sân hận, 28. Q.IX, 50. Nhân duyên của sân giận, Phật Nhà ảo thuật dùng thân năm uẩn này làm không thể can gián, 51. Khi ăn phải nên các thứ vui đùa, người trí thấy liền giác quán

tưởng, 52. Người cuồng loạn phóng ngộ, 29. Người căn lành đã thành thục dật là do quá tham dục, 53. Phật thấy thường hay ưa thích pháp thậm thâm; người đã có căn lành, càng về lâu sau tín Q.VI, 30. Có công đức chân thật thì nên tâm càng sâu, không nên vội vàng cang lãnh nhận sự cúng dường, nếu không thì gián; không nên nhận cúng dường của tín thí, Q.X, 54. Tán thán Phật sẽ được quả báo 31. Nhờ sức học vấn có thể đưa đến đắc lớn, 55. Có công đức lớn rồi còn phải đạo, 32. Muốn xây dựng thiện nghiệp phải siêng tu không mệt mỏi, huống không có nên siêng tu các điều thiện, 33. Nếu nghe phước mà lại lười biếng, 56. Hạt giống ai nói về điều thiện thì phải nên suy nghĩ thiện tuy ít cũng nên cầu Phật, việc thiện ắt được lợi ích, 34. Người có thiện tâm dù ít, cầu Phật như được cam lồ, 57. Căn chân chánh tuy không cầu mà tự được lợi lành thành thục liền được quả giải thoát, chân thật, 35. Hiện tại kiết sử tuy không 58. Chúng sanh tạo nghiệp nào, tự mỗi khởi nhưng nếu không đoạn diệt thì vẫn người chịu quả báo ấy, 59. Gieo hạt thì hái khởi lại như cũ, 36. Bố thí vì cầu giải thoát được quả, không phải do sự may mắn; không vì cầu tài vật, nếu vì cầu tài vật thì Q.XI, 60. Người trí tuệ thấp kém thấy Phật không gọi là bố thí, 37. Xa lánh tám nạn là tướng tốt còn phát thiện tâm, huống là khó, được làm thân người là khó, được người trí tuệ và công đức lớn lao mà thân người xa lìa các nạn là khó, 38. Tiền không phát thiện tâm, 61. Bậc đại nhân tài xả bỏ là khó, 39. Nếu khéo quán sát, như vậy không cầu mong cung kính cúng việc đang làm tuy có sai sót nhưng về sau dường, chỉ cầu tu tập hành trì, 62. Người ắt có lợi ích lớn; hộ trì cấm giới thà mất thân mạng trọn Q.VII, 40. Lợi dưỡng làm loạn tâm người không hủy phạm; hành đạo, 41. Đều đắc lậu tận nhưng pháp Q.XII, 63. Phật pháp rất khó được nghe, học sai khác, 42. Người căn lành đã thành 64. Nên gần gũi thiện tri thức;

Q.XIII, 65. Cúng dường tháp Phật có công quả tốt liền sanh hối hận, 87. Phật đến lúc đức rất lớn, 66. Đời trước có căn lành thì sắp Niết-bàn còn phân chia xá-lợi để lợi sẽ được giải thoát, do nhân duyên không lạc quần sanh, 88. Tất cả trời người quỉ nghe pháp nên trở lại đọa địa ngục; thần-long vương đều đến cúng dường Phật Q.XIV, 67. Phật xuất hiện ở đời là điều rất đó, không phải là cúng dường Phật mà là hy hữu, người nữ tuy kiết sử nặng nề vẫn cúng dường công đức của Phật. được giải thoát, 68. Bồ-tát đại nhân vì tất cả chúng sanh không tiếc thân mạng; 866. LỤC ĐỘ TẬP KINH Q.XV, 69. Cho đến những việc to lớn của và Lịch Sử Khởi Nguyên quốc gia, biết sẽ là sanh khổ não thì nên xả Của Dân Tộc Ta bỏ đi, 70. Phước nghiệp thanh tịnh thì sẽ Tác giả: Lê Mạnh Thát được cúng dường, 71. Nhờ lực thiện Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 nghiệp tự nhiên có nghiệp báo tốt, dù có Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 368 trang, thế lực của vua trợ giúp cũng không bằng bìa mềm. nghiệp lực, 72. Dù có thù oán người trí Nội dung gồm có 5 chương: Tựa, Lời nói vẫn còn có lợi ích, 73. Có lòng thành đem đầu, C.I Về truyền thuyết trăm trứng, C.II của cải bố thí sẽ được sản nghiệp của cải, Về vấn đề An Dương Vương, C.III Thần 74. Chí tâm trì giới cho đến mất mạng Nông và triều đại Hùng Vương, C.IV Vấn được phước báo hiện tại, 75. Nếu tin lời đề tiếng Việt thời Hùng Vương, C.V Tổng Phật dạy, xem luận ngoại đạo như đứa trẻ kết; Phụ lục: Tư liệu cổ sử Việt Nam: A. nói năng khờ khạo, 76. Khéo phân biệt Dẫn nhập, B. Phần tư liệu, I. Sử ký 6, Tần cung kính công đức, không nên ỷ vào Thỉ Hoàng bản kỷ, II. Tiền Hán thơ 1 – 12,

dòng họ, 77. Nếu muốn thấy biết Thần Đề kỷ, III. Sử ký 113, Nam Việt Úy Đà, thông của Phật, gặp các chùa-tháp Phật IV. Sử ký 114, Đông Việt, V. Tiền Hán phải nên cúng dường, 78. Tháp Phật có uy thơ 95, Nam Việt vương, Mân Việt vương, thần lớn, cho nên phải cúng dường tháp VI. Sử ký 97 Tiền Hán thơ 43, Lục giả, Phật, 79. Chúng sanh phàm phu vì vô trí VII. Tiền Hán thơ 64 thượng, Nghiêm trợ, nên đem bình bơ công đức đời sau, đổi lấy Chu Mãi Thần, VIII. Tiền Hán thơ 4 hạ, bình bốn thứ điên đảo, 80. Hương hoa Chung Quân, Giả Quyên Chi, IX. Sử ký Chiêm-bặc dùng xoa trên tóc, người ngu 129, Hóa thực liệt truyện, X. Tiền Hán thơ không biết, cho rằng đầu mình phát ra 28 hạ, Địa lý chí, C. Phần nhận định: Mấy hương thơm, 81. Như Lai tùy căn cơ nhận định, 1. Về tượng quận, 2. Về nước chúng sanh thuyết pháp để đối trị và phá Việt thường thị, 3. Về vấn đề chín quận, 4. trừ điên đảo, 82. Lần theo dây Đa văn, Về quan hệ Việt – Trung thời Hùng Tín, Giới, Định và Tuệ, tuột xuống khỏi Vương, 5. Về ý nghĩa chữ "hạnh", 6. Kết cột sanh tử cao lớn, 83. Làm nghiệp gì luận. được quả báo nghiệp ấy, 84. Tâm nếu Tác phẩm này đã được Tu thư Đại học tham đắm hưởng thụ năm món dục lạc, Vạn Hạnh (Sài Gòn) xuất bản năm 1972. không thể tiến lên quả vị giải thoát, 85. Đời này gieo nhân lành-đời sau gặt quả 867. LỤC TỔ ĐÀN KINH lành-không nên sân giận khi chưa thấy có Lược giảng: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) kết quả gì, 86. Không biết thiện nghiệp- Việt dịch: Ban Phiên dịch Việt ngữ (Vạn không tu tạo thiện nghiệp sẽ không được Phật Thánh Thành)

Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x Biên dịch: Thiền Chửu 20.5cm, dày hơn 450 trang. Toàn bộ tác Nxb Tôn Giáo – 2002 phẩm gồm có 10 phẩm Lược giảng Kinh Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 98 Lục Tổ Pháp Bảo Đàn: P.1. Hành do, P.2. trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Phát Bát-nhã, P.3. Nghi vấn, P.4. Định huệ, P.5. nguyện Quy y, Nguyên do Tu hành, P. Tọa thiền, P.6. Sám hối, P.7. Cơ duyên, Bát-nhã, P. Nghi vấn, P. Định tuệ, P. Tọa P.8. Đốn tiệm, P.9. Tuyên chiếu, P.10. Phó thiền, P. Sám hối, P. Cơ duyên, P. Đốn-chúc; Mười tám Đại nguyện của Hòa Tiệm, P. Hộ pháp, P. Phó chúc; Tiểu sử thượng Tuyên Hóa. Nhà văn hóa-Cư sĩ Thiều Chửu. Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Nxb Tôn Giáo. 870. LỤC TỔ HUỆ NĂNG Giảng Nghĩa KINH KIM CANG 868. LỤC TỔ ĐÀN KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT Tác giả: Lục Tổ Huệ Năng (638-713) Việt dịch: Nguyên Hiển Soạn dịch: ĐĐ. Thích Minh Nghiêm Nxb Phương Đông – 2009 Nxb Thời Đại – 2010 Tác phẩm này gồm có 32 đoạn Kinh Kim Sách có khổ 19 x 27cm, dày 198 trang, bìa Cương do Lục Tổ Huệ Năng (638-713) mềm. giảng nghĩa: Lời nói đầu, Bài tựa Kinh Nội dung gồm có 9 chương, với 300 đồ Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, Kinh Kim hình, hơn 100 biểu đồ minh họa cảnh sinh Cương Bát-nhã Ba-la-mật. hoạt Thiền tông như sau: Lời nói đầu, C.1 Đàn Kinh và Phật giáo Trung Hoa, C.2 871. LỤC TỔ - Liên quan tới Thiền tông, lý luận hạt nhân PHÁP BẢO ĐÀN KINH của Thiền tông, C.3 Nhân quả trần duyên Minh Trung chez M. Ngô Trung Tính là do tự thân chúng sinh quá trình thành À Huyền Hội (Trà Vinh) Phật của Lục Tổ Huệ Năng, C.4 Đàn Kinh Nội dung gồm có 8 quyển, 10 phẩm: Q.I, Sám hối và Quy y chuẩn bị trước khi tiến P. 1 Hành du (Sài Gòn, xb năm 1938); vào cảnh giới đốn ngộ, C.5 Thức tự tính Q.II, P.2 Bát-nhã (Sài Gòn, xb năm 1938); tức Bát-nhã, con đường tất yếu của thông Q.III, P.3 Nghi vấn, P.4 Định-Huệ, P.5 đạt vô thượng trí tuệ, C.6 Vững tâm thanh Tọa thiền (Sài Gòn, xb năm 1938); Q.IV, tịnh tức là

Tây Phương con đường độc đáo P.6 Sám hối (Sài Gòn, xb năm 1938); Q.V, đốn ngộ thành Phật, C.7 Tiệm ngộ và Đốn P.7 Cơ duyên; Q.VII, P.8 Đốn-Tiệm (Sài ngộ - Sự khai sáng của Lục Tổ đối với đệ Gòn, xb năm 1938).; Q.VIII, P.9 Hộ pháp, tử, C.8 Dặn dò việc hoằng pháp của Lục P.10 Phú chúc (Sài Gòn, xb năm 1940). Tổ Huệ Năng trước lúc nhập diệt, C.9 Lưu truyền - Ảnh hưởng của Thiền tông với 872. Lược giải đời sau. BỔN MÔN PHÁP HOA KINH Lược giải: HT. Thích Trí Quảng Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Tác phẩm này gồm có 3 chương: Lời giới thiệu, C.I Ý nghĩa Bổn môn Pháp Hoa, C.II Ý nghĩa Hồng danh Pháp Hoa, 1. 869. LỤC TỔ ĐÀN KINH Nguyện hương, 2. Tán thán Phật, 3. Đảnh

lễ Phật (a. Lễ Phật quá khứ, b. Đảnh lễ ngài Cưu-ma-la-thập; Lược giải Kinh A- Phật hiện tại, c. Lễ Phật vị lai, d. Đảnh lễ di-đà (trong mỗi đoạn có Tạm dịch Bạch các Bồ-tát..., Tổng lễ Thánh hiền Bồ-tát, thoại và Thuyết minh bổ sung). Đảnh lễ ngài A-nan và các vị Thánh Tăng, Đảnh lễ Phật Di-mẫu và Tỳ-kheo Ni 875. Lược giải KINH DI-ĐÀ chúng, e. Đảnh lễ Pháp hoa Kinh hoằng Lược giải: Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải thông liệt vị Tổ sư, g. Đảnh lễ Pháp hoa Nxb Tôn Giáo – 2006 Kinh thủ hộ hiện thần); 4. Sám hối, 5. Phát Kinh có khổ 14 x 20cm, có 162 trang. Tác nguyện; C.III Ý nghĩa thọ trì 7 Phẩm Bổn phẩm này gồm có 3 phần: Phần I, Nhân môn Pháp hoa Kinh: 1. Ý nghĩa Phẩm duyên lý giải kinh Di-đà; Phần II, Lược Tựa, 2. Ý nghĩa Phẩm Pháp sư, 3. Ý nghĩa giải Kinh Di-đà: 1. Ý nghĩa của tên kinh Phẩm Bồ-tát Tùng địa dũng xuất thứ 15, 4. Di-đà (Tín, Nguyện và Hạnh), 2. Yếu Ý nghĩa Phẩm Như Lai thọ lượng thứ 16, nghĩa của kinh Di-đà (a. Ý nghĩa của Tây 5. Ý nghĩa Phẩm Phân biệt Công đức thứ phương thế giới cực lạc, b. Ý nghĩa "trải 17, 6. Ý nghĩa Phẩm Phổ môn thứ 25, 7. Ý qua mười muôn ức cõi Phật", Điểm chung nghĩa Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; nhứt căn bản của tất cả các pháp môn Hồi hướng – Ý nghĩa tụng Thủ hộ thần trong Phật pháp: dứt trừ 10 tập nhân gây ra chú. đau khổ), - Cõi phàm Thánh đồng cư độ, - Tác phẩm này được xuất bản năm 2002, Cõi phương tiện hữu dư, - Cõi thật báo Nxb Tôn Giáo. trang nghiêm, - Cõi thường tịch quang, 3. Ý nghĩa của Cửu phẩm liên hoa (1. 873. Lược giải KINH A-DI-ĐÀ Thượng phẩm thượng sanh, 2. Thượng Hán dịch: Tam tạng Pháp sư phẩm trung sanh, 3. Thượng phẩm hạ Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) sanh, 4. Trung phẩm thượng sanh, 5. Lược giải (2012): Trung phẩm trung sanh, 6. Trung phẩm hạ Tỳ-kheo Thích Minh Điền sanh, 7. Hạ phẩm thượng sanh, 8. Hạ Nội dung gồm có: Lời tựa, Phần Lược phẩm trung sanh, Hạ phẩm hạ sanh); Phần giải: Chánh văn, Phật Nói Kinh A-di-đà, 1. III, Kết luận. Giải thích từ ngữ, 2. Giải thích đề Kinh, 3. Quán tưởng niệm Phật, 4. Thật tướng niệm 876. Lược giải KINH DUY-MA Phật; Bản Kinh được phân ra nhiều đoạn, Lược giải: HT. Thích Trí Quảng trong mỗi đoạn có: Chánh văn, Giải thích Nxb Tôn Giáo, PL. 2543 – DL. 1999 từ ngữ, Lược giải, Ghi chú. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 688 trang, bìa cấu Kinh này gồm có 14 phẩm (P) chính. 874. Lược giải KINH A-DI-ĐÀ Phần đầu là Lời tựa, Tổng luận. Phần – Bằng Tranh chính: P.1. Phật quốc, P.2. Phương tiện, Tác giả: Ngô Trọng Đức P.3. Thanh văn, P.4. Bồ-tát, P.5. Văn Thù Việt dịch: Thích Thiện Phước Sư Lợi thăm bệnh, P.6. Bất tư nghì, P.7. Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 13 Quán chúng sanh, P.8. Phật đạo, P.9. Nhập x 20cm, có 184 trang. Bất nhị pháp môn, P.10. Phật Hương tích, Toàn bộ tác phẩm gồm có: 56 bức tranh, P.11. Bồ-tát đạo, P.12. Kiến Phật

A-súc, Lời giới thiệu, Lời tựa, Sơ lược tiểu sử P.13. Pháp cúng dường, P.14. Chúc lụy.

Tác phẩm Lược giải Kinh này được tái hội: 33. Vô cấu thí Bồ-tát ứng biện, 34. bản nhiều lần: Năm 1989-1991, THPG Tp. Công đức Bửu Hoa phu Bồ-tát, 35. Thiện Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Đức Thiên tử, 36. Thiện Trụ Ý thiên tử, Tôn Giáo. 37. A-xà-thế vương tử, 38. Đại thừa phương tiện, 39. Hiền Hộ trưởng giả, 40. 877. Lược giải KINH ĐẠI BẢO TÍCH – Tịnh Tín đồng nữ, 41. Di Lặc Bồ-tát vấn 2 Quyển bát pháp, 42. Di Lặc Bồ-tát sở vấn, 43. Lược giải: HT. Thích Trí Quảng Phổ Minh Bồ-tát, 44. Bửu Lương Tụ, 45. Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2005 Vô Tận Huệ Bồ-tát, 46. Văn Thù thuyết Kinh có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 2 tập Bát-nhã, 47. Bửu Kế Bồ-tát, 48. Thắng dày 1.194 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa Man phu nhân, 49. Quảng Bác tiên nhân, màu vàng. 50. Nhập Phật cảnh giới trí quang minh Quyển 1, dày 575 trang; nội dung có 32 trang nghiêm, 51. Bửu nữ, 52. Bất Thuấn pháp hội: Lời tựa, Tổng luận; Pháp hội 1, Bồ-tát, 53. Hải Huệ Bồ-tát, 54. Hư Không Tam tụ Luật nghi; Pháp hội 2, Vô biên Tạng Bồ-tát, 55. Vô Ngôn Bồ-tát, 56. Bất trang nghiêm Đà-la-ni; Pháp hội 3, Mật Khả Thuyết Bồ-tát, 57. Bửu Tràng Bồ-tát, tích Kim Cang lực sĩ; Pháp hội 4, Tịnh Cư 58. Hư Không Mục, 59. Nhựt Mật Bồ-tát, thiên tử; Pháp hội 5, Vô lượng thọ Như 60. Vô Tận Ý Bồ-tát. Lai; Pháp hội 6, Bất Động Như Lai, Pháp hội 7, Mặc giáp Trang nghiêm; Pháp hội 8. 878. Lược giải KINH - Pháp giới thể tánh vô sai biệt; Pháp hội 9. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC Đại thừa Thập pháp; Pháp hội 10. Văn- Giới Đài Viện Huệ Nghiêm thù-sư-lợi Phổ môn; Pháp hội 11, Xuất Nguyên tác Hán văn: hiện Quang minh; Pháp hội 12, Bồ-tát Sa-môn Tông Mật soạn tạng; Pháp hội 13, Phật thuyết nhơn xử Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn thái; Pháp hội 14, Phật thuyết Nhập Như Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh có khổ 14.5 Lai tạng; Pháp hội 15. Văn-thù-sư-lợi thọ x 20.5cm, dày hơn 330 trang. ký; Pháp hội 16, Bồ-tát Kiến thiệt; Pháp Nội dung gồm có: Thiền sư Khuê Phong hội 17, Phú-lâu-na; Pháp hội 18, Hộ Quốc Tông Mật, Tựa (Bùi Hưu), Tựa (Tông Bồ-tát; Pháp hội 19, Úc-già trưởng giả; Mật), I. Nhân duyên khởi giáo, II. Thuộc Pháp hội 20, Vô Tận phục tạng; Pháp hội về Tạng và Thừa nào, III. Đối luận Quyền- 21, Thọ ký Ảo sư Bạt-đà-la; Pháp hội 22, Thật, IV. Giới hạn phạm vi sâu kín, V. Đại thần biến; Pháp hội 23, Ma-ha Ca- Căn cơ thích hợp với giáo này, VI. Thể diếp; Pháp hội 24, Ưu-ba-ly; Pháp hội 25, tính năng thuyên, VII. Chung và riêng của Phát thắng chí nguyện; Pháp hội 26, Thiện Tông thú, VIII. Giai vị Tu chứng, IX. Giải Tý Bồ-tát; Pháp hội 27, Thiện Thuận Bồ- thích đề Kinh, X. Y văn giải nghĩa, 1. tát; Pháp hội 28, Dũng Mãnh Thọ trưởng Phần Tựa, 2. Phần Chính tông, 3. Phần giả; Pháp hội 29, Ưu-đà-diên vương; Pháp Lưu thông. hội 30, Diệu Huệ đồng nữ; Pháp hội 31, Hằng-hà Thượng Ưu-bà-di; Pháp hội 32, 879. Lược giải KINH ĐỊA TẠNG Vô úy đức Bồ-tát. Hán dịch: Pháp sư Pháp Đăng và Quyển 2, dày 619 trang; nội dung gồm từ Thật-xoa-nan-đà pháp hội 33 đến pháp hội 60. Các pháp Lược giải: Tỳ-kheo Thích Minh Điền

Tác phẩm lược giải Kinh này gồm có: Lời trưởng giả Ưu-bát-la-hoa, thuyền trưởng tựa (PL.2555 – DL. 2011), Tìm hiểu lời Bà-thi-la, Di Lặc Bồ-tát, Tỳ-kheo Ni Sư tựa của Kinh, Phần dịch nghĩa lời tựa, Tử Tần Thân, Bà-tu-mật-đa nữ, cư sĩ Tỳ- Lược giải Bài tựa; Nội dung: Lược giải 13 sắc-chi-la, Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát phẩm Kinh Địa Tạng; Nguyên bản Hán Chánh Thu, thần Đại Thiên, địa thần An ngữ Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện

Kinh. Trụ, chủ Dạ thần Bà-san-bà-diễn-để, Dạ giải Kinh) Nguyện Tinh Tấn Lực Cứu Nhứt Thiết Chúng Sanh, thọ thần Diệu Đức Viên 880. Lược giải KINH HOA NGHIÊM Mãn, Bồ-tát Di Lặc, Văn Thù Sư Lợi Bồ- Lược giải: HT. Thích Trí Quảng tát, Phổ Hiền Bồ-tát); Chương VI, Phẩm Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000 nhập Bất tư nghì giải thoát cảnh giới – Kinh có khổ 14 x 20cm, có 417 trang, bìa Phổ Hiền hạnh nguyện. mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng, có hình Tác phẩm này được tái bản năm 2004, bánh xe pháp luân, có tay gấp. Toàn bộ Nxb Tôn Giáo. kinh Hoa Nghiêm lược giải gồm có 6 chương chính. Lời tựa, Chương I, Lịch sử 881. Lược giải KINH HOA NGHIÊM kinh Hoa Nghiêm: Khái niệm về lịch sử (Phẩm Nhập Pháp Giới) – 2 Tập kinh Hoa Nghiêm, Lịch sử truyền thừa và Hành Bồ-Tát Đạo phát triển kinh Hoa Nghiêm, Nội dung Soạn giả: Tỳ-kheo Ni Như Thanh (1911- kinh Hoa Nghiêm; Chương II, Quan niệm 1999) về Đức Phật theo kinh Hoa Nghiêm: 1. Tổ đình Huê Lâm, PL. 2532 – DL. 1989 Quan niệm về Đức Phật trong thời kỳ Phật Nội dung gồm có 7 chương: C.I, Giảng giáo nguyên thủy, 2. Quan niệm về Đức minh yếu lý, C.II, Phương châm học đạo Phật theo Đại thừa Phật giáo, 3. Quan và hành đạo, C.III, Thâm nhập diệu pháp, niệm về Đức Phật theo kinh Hoa Nghiêm; C.IV, Trang nghiêm công đức, C.V, Trải Chương III, Ý nghĩa đề kinh Hoa Nghiêm; thân cầu đạo, C.VI, Pháp môn hành thiền, Chương IV, Bồ-tát đạo: - Bồ-tát thập tín, - C.VII, Thánh giả Văn-thù và Phổ Hiền Bồ-tát thập trụ, - Bồ-tát thập hạnh, - Bồ-tát Bồ-tát phát đại thệ nguyện. thập hồi hướng, Bồ-tát thập địa hay thập thánh, - Bồ-tát thập định, - Bồ-tát thập 882. Lược giải KINH KIM CƯƠNG thông, - Bồ-tát thập nhẫn; Chương V, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Phẩm nhập pháp giới (Thiện Tài đồng tử thập (Kumàrajiva, 344-413) cầu đạo với: Đức Vân Tỳ-kheo, Hải Vân Dịch giải: Tỳ-kheo Thích Minh Điền Tỳ-kheo, Thiện Trụ Tỳ-kheo, Di-già, Chùa Hoa Nghiêm – VA USA xuất bản, trưởng giả Giải Thoát, Hải Tràng Tỳ-kheo, PL. 2550 – DL. 2006. Tác phẩm Kinh này Hưu Xã Ưu-bà-di, tiên nhơn Tỳ-mục-cù- gồm có 32 đoạn, trong mỗi đoạn có: Kinh sa, Thắng Nhiệt Bà-la-môn, Từ Hạnh đồng văn (dịch âm), Dịch nghĩa (theo thể kệ, nữ, Thiện Kiến Tỳ-kheo, Tự Tại Chủ đồng mỗi câu 4 chữ), Giải thích từ ngữ, Tìm tử, Cụ Túc Ưu-bà-di, cư sĩ Minh Trí, hiểu nội dung. 32 đoạn như sau: 1. Pháp trưởng giả Pháp Bửu Kế, trưởng giả Phổ hội nhân do, 2. Thiện hiện khởi thỉnh, 3. Nhãn, vua Vô Yểm Túc, vua Đại Quang, Đại thừa chính tông, 4. Diệu hạnh vô trụ, Bất Động ưu-bà-di, Biến Hành ngoại đạo, 5. Như lý thật kiến, 6. Chánh tín hy hữu, 7.

Vô đắc vô thuyết, 8. Y pháp xuất sinh, 9. HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001) Nhất tướng vô tướng, 10. Trang nghiêm Nxb Hồng Đức – 2018 Tịnh độ, 11. Vô vi phúc thắng, 12. Tôn Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 327 trang, trọng chính giáo, 13. Như pháp thọ trì, 14. bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Ly tướng tịch diệt, 15. Trì Kinh công đức, Lời giới thiệu; Đại cương Kinh Pháp Hoa, 16. Năng tịnh nghiệp chướng, 17. Cứu Nội dung 28 phẩm Kinh Pháp Hoa, Đại kính vô ngã, 18. Nhất thể đồng quán, 19. thừa Diệu pháp Liên hoa Kinh, I. Ý niệm Pháp giới thông hóa, 20. Ly sắc ly tướng, về Đại thừa, II. Diệu pháp, III. Liên hoa 21. Phi thuyết sở thuyết, 22. Vô pháp khả (hoa sen), IV. Kinh; Vị trí Kinh Pháp Hoa, đắc, 23. Tịnh tâm hành thiện, 24. Phúc trí Kinh Pháp Hoa giữa các Kinh Đại thừa, vô tỉ, 25. Hóa vô sở hóa, 26. Pháp thân phi Hình tượng Hoa sen trong Kinh Pháp Hoa, tướng, 27. Vô đoạn vô diệt, 28. Bất thọ bất Nhất thừa Đạo, Nhà Như Lai,

Áo Như Lai, kham, 29. Uy nghi tịch tĩnh, 30. Nhất hiệp Tòa Như Lai; Kinh Pháp Hoa với lời thệ lý tướng, 31. Tri kiến bất sinh, 32. Ứng nguyện "Chúng sinh vô biên thệ nguyện hóa phi chân. độ", Điều kiện để đến với Kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Thường Bất Khinh, Pháp môn 883. Lược giải Quán Âm (hay Nhĩ căn viên thông); I. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – 2 Quyển Kinh nghĩa, 14 món công đức vô úy, Bốn Lược giải: Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải món diệu đức; II. Đại ý Nhĩ căn viên Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009 thông, 32 ứng thân, 14 món vô úy; Phân Q.I, dày 427 trang, gồm 5 phẩm: Tổng tích phẩm Tựa, 1. Phần bố cục, 2. Phần luận, P.1 Hành do, P.2 Bát-nhã, P.3 Nghi Kinh văn; Phân tích phẩm Phương tiện: 1. vấn, P.4 Định Tuệ, P.5 Tọa thiền. Bố cục, 2. Kinh văn. Q.II, dày 460 trang, gồm có 5 phẩm: P.6 Kinh này đã được Tu viện Kim Sơn ấn Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 Đốn Tiệm, P.9 hành năm PL. 2542 – DL. 1998, với nhan Tuyên chiếu, P.10 Phó chúc, Kết luận. đề "Lược giảng Kinh Pháp Hoa"; tái bản: Năm 2003-2006, Nxb Tôn Giáo. 884. Lược giải KINH PHÁP BẢO ĐÀN Lược giải: Tỳ-kheo Thích Minh Điền 886. Lược giải KINH PHÁP HOA – Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 SADHARMA PUNDARIKA SUTRA Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 365 Lược giải: HT. Thích Trí Quảng trang. Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 Nội dung gồm có 10 phẩm: 1. Tìm hiểu Kinh có khổ 14.5 x 20cm, dày 767 trang, đôi dòng lịch sử, P.1 Hành do, P.2 Bát- bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ, nhã, P.3 Nghi vấn, P.4 Định-Huệ, P.5 Tọa có tay gấp. thiền, P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 Tác phẩm Kinh này gồm có 28 phẩm (P): Đốn-Tiệm, P.9 Tuyên chiếu, P.10 Phó Phần đầu là Lời tựa, Lịch sử Kinh Pháp chúc (ở mỗi phẩm có các phần: Phiên âm Hoa và Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa. Hán-Việt, Dịch nghĩa và Lược giải). P.1. Tựa, P.2. Phương tiện, P.3. Thí dụ, P.4. Tín giải, P.5. Dược thảo dụ, P.6. Thọ 885. Lược giải KINH PHÁP HOA ký, P.7. Hóa thành dụ, P.8. Ngũ bá đệ tử Lược giải: thọ ký, P.9. Thọ học vô học nhơn ký, P.10.

Pháp sư, P.11. Hiện bảo tháp, P.12. Đề-bà- Không của Bát-nhã trong A-hàm: - Bát-đạt-đa, P.13. Trì, P.14. An lạc hạnh, P.15. nhã trong A-hàm, - Không trong bộ A- Tùng địa dũng xuất, P.16. Như Lai thọ hàm, - Chánh tri kiến và Không tam-muội lượng, P.17. Phân biệt công đức, P.18. như vậy hủy diệt cái gì? - Không như vậy Tùy hỷ công đức, P.19. Pháp sư công đức, vì sao có thể thực hiện? – Như vậy thì vì P.20. Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21. Như "không" mới "có"; 3. Lược nói Bát-nhã và Lai thần lực, P.22. Đà-la-ni, P.23. Dược Không của Bát-nhã trong Đại thừa: - Bát- Vương Bồ-tát bổn sự, P.24. Diệu Âm Bồ- nhã là Phật mẫu, - Bát-nhã là chủ đạo của tát, P.25. Phổ môn, 26. Diệu Trang Bồ-tát hạnh, - Bát-nhã là gì? - Không của Nghiêm vương bổn sự, P.27. Phổ Hiền Bát-nhã, - Tác dụng không của Bát-nhã, - Bồ-tát khuyến phát, P.28. Chúc lụy. Sau hết cũng nên biết tu học Bát-nhã thì Preface (ở mỗi phẩm có 2 phần: I. Lược sinh ở đâu; 4. Lược nói Bát-nhã và Không Kinh văn, II. Giải thích). của Bát-nhã trong Tâm Kinh: a. Sự độc Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: đáo thứ nhất của Tâm Kinh là nói về cái Năm 1990-1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh Không siêu việt, b. Sự độc đáo thứ hai của ấn hành; các năm 1999, 2004, Nxb Tôn Tâm Kinh là nói Bát-nhã là một bài chú, c. Giáo. Sự độc đáo thứ ba của Tâm Kinh là đem Bát-nhã và Không của Bát-nhã làm thành 887. Lược giải KINH VIÊN GIÁC một cảnh ngữ để tu học Bát-nhã; 5. Lược Lược giải: nói các pháp số trong Tâm Kinh: Về 5 Thiền sư Hám Sơn (1546-1623) uẩn, Về 12 xứ, Về 18 giới, Về 12 nhân Việt dịch: Đạt-ma Khế Định duyên, Về 4 đế, Về 2 chuyển y; 6. Thử hội Nxb

Phương Đông – 2011 dịch Tâm Kinh, Phần II. Lược giải, Tiết 1. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 202 Lược giải đầu đề, Tiết 2. Lược giải chính trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời văn, Mục 1. Mở đầu, Mục 2. Nói về Bát- người dịch, Lược truyện Đại sư Hám Sơn, nhã, Đoạn 1. Nói về Bát-nhã, Đoạn 2. Nói Lời tựa, Tổng luận, I. Phần tựa chung về đại dụng của Bát-nhã, Mục 3. Nói về (Thông lệ các Kinh), II. C. Văn-thù-sư-lợi, thần chú Bát-nhã, Tiết 3. Viết tắt lại Tâm Kim Cang Tạng, VI. C. Bồ-tát Di-lặc, VII. Kinh/Giảng giải Kinh) C. Thanh Tịnh Huệ, VIII. C. Oai Đức Tự Tại, IX. C. Biện Âm, X. C. Tịnh Chư 889. Lược giảng BỒ-TÁT GIỚI Nghiệp Chướng, XI. C. Phổ Giác, XII. C. Việt dịch: Viên Giác, XIII. C. Hiền Thiện Thủ. HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Lược giảng: 888. Lược giải TÂM KINH HT. Thích Duy Lực (1923-2000) Dịch giải: Thích Trí Quang (1923-2019) Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015 PL. 2537 – DL. 1993 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 150 trang, Tác phẩm Kinh lược giải này gồm có: bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dịch âm, Dịch nghĩa; Phần I. Trước khi Kinh Phạm Võng, Mười Điều Trọng và lược giải Tâm Kinh, 1. Lược nói oai linh Bốn mươi tám Điều Khinh; Tổng kết, Lưu của Tâm Kinh và đức Quan Âm, vị thuyết thông. ra Tâm Kinh; 2. Lược nói Bát-nhã và

Xem: (10 điều giới trọng và 48 điều giới mắt thấy tối là thấy trong thân, Phá chấp khinh) trong Kinh Phạm Võng. sự suy nghĩ là tâm, Phá chấp tâm ở chính giữa, Phá chấp tất cả vô trước là tâm; Q.II, 890. Lược giảng KINH ANH LẠC Ngũ ấm vốn vô sanh: Sắc ấm vốn vô sanh, Lược giảng: Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn Thọ ấm vố vô sanh, Tưởng ấm vốn vô Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2010 sanh, Hành ấm vốn vô sanh, Thức ấm vốn Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 229 trang. vô sanh; Q.III, Lục nhập, Nhãn nhập vốn Nội dung gồm có 8 phẩm: Lời nói đầu, vô sanh, Nhĩ nhập vốn vô sanh,... Ý nhập Phần Tổng quát, P.1 Đại chúng tập họp, vốn vô sanh, Thập nhị xứ, nhãn căn với P.2 Danh tự của bậc Hiền Thánh, P.3 Học sắc trần vốn vô sanh, Ý căn với pháp trần quán của Hiền Thánh, P.4 Thích nghĩa, vốn vô sanh, Thập bát giới, Nhãn căn-sắc P.5 Phật mẫu, P.6 Nhân quả, P.7 Đại trần-nhãn thức vốn vô sanh, Ý căn-pháp chúng thọ học, P.8 Pháp hội giải tán. trần-ý thức vốn vô sanh, Thất đại, Tánh thức đại vốn vô sanh; Q.IV; Q.V, Q.VI, 891. Lược giảng KINH KIM CANG Q.VII, Q.VIII, Sao gọi là trợ nhân? Sao gọi Hán dịch: Ngài Tam tạng Pháp sư là nạo sạch chánh tánh? Sao gọi là xoay Cưu-ma-la-thập ngược hiện nghiệp, Thập tín, Thập trụ, Việt dịch và Lược giảng: Diệu giác, Dục giới; Q.IX, Sắc giới, Sơ Thích Duy Lực (1923-2000) thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Ngũ Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2017 tịnh cư thiên, Vô sắc giới, A-tu-la, Ma ngũ Sách có khổ 14 x 20cm, dày 133 trang, bìa ấm, Ma sắc ấm, Ma thọ ấm, Ma tưởng ấm; mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời Q.X, Ma hành ấm, Ma thức ấm. dịch giả; Lược giảng Kinh Kim Cang, Giải Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. thích đề Kinh, và 32 phẩm Kinh; Phần 2552 – DL. 2009, Nxb Tôn Giáo. phụ: Phần vấn đáp, Hướng dẫn thực hành tham Tổ sư Thiền. 893. Lược giảng Xem: (32 phẩm) Kinh Kim Cang Bát-nhã KINH PHÁP BẢO ĐÀN Ba-la-mật Lược giảng: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 10 892. Lược giảng phẩm: Phần Lược tự; P.1 Hành do, P.2 KINH LĂNG-NGHIÊM Bát-nhã, P.3 Nghi vấn, P.4 Định-Huệ, P.5 Lược giảng: Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 HT. Thích Duy Lực (1923-2000) Đốn-Tiệm, P.9 Tuyên chiếu, P.10 Phó Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 692 trang, Kinh/Giảng giải Kinh) bìa mềm, nền trắng, chữ tựa

màu xanh dương và đỏ, có hình vẽ mỹ thuật Tổ Bồ- 894. Lược giảng đề Đạt-ma (nhỏ) đứng trên cành lau. KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ Nội dung gồm có 10 quyển: Lời nói đầu, Lược giảng: HT. Tuyên Hóa Lời dịch giả, Giải thích Đề Kinh; Q.I, Bảy Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14 x chỗ gạn hỏi tìm tâm: Phá chấp tâm ở ngoài 20cm, dày 238 trang. thân, Phá chấp tâm ở trong thân, Phá chấp Nội dung sơ lược gồm có: I. Thích danh, tâm ẩn núp sau con mắt, Phá chấp nhắm II. Hiển thể, III. Minh tông, IV. Luận

dụng, V. Phán giáo, Dịch giả: Đời Dao Tần, ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- thập dịch, Biệt giải văn Kinh. M 895. Lược giảng KINH VIÊN GIÁC 896. MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT- Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Trí Hải ĐA ĐẠI MINH CHÚ KINH Nxb Tôn Giáo – 2014 Việt dịch: Quảng Minh Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 246 trang, Tác phẩm Bát-nhã Đại minh chú Kinh này bìa mềm. gồm có 6 bản: 1. Ma-ha Bát-nhã Ba-la- Nội dung gồm có 2 phần: Lời nói đầu, mật Đại minh chú Kinh, No. 250; Hán Khái quát bản Kinh, Thích nghĩa đề Kinh; dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập Phần lược giải, P.1 Cảnh giới viên giác, (Kumarajiva, 344-413); 2. Bát-nhã Ba-la- P.2 Đại Trí Văn-thù, P.3 Đại Hạnh Phổ mật-đa Tâm Kinh, No. 251, Hán dịch: Hiền, P.4 Bồ-tát Phổ Nhãn, P.5 Bồ-tát Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602- Kim Cang Tạng, P.6 Bồ-tát Di-lặc, P.7 664); 3. Phổ biến Trí tạng Bát-nhã Ba-la- Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, P.8 Bồ-tát Oai mật-đa Tâm Kinh, No. 252; 4. Bát-nhã Ba- Đức Tự Tại, P.9 Bồ-tát Biện Âm, P.10 Bồ- la-mật-đa Tâm Kinh, No. 253, Hán dịch: tát Tịnh Nghiệp Chướng, P.11 Bồ-tát Phổ Tam tạng Bát-nhã và Lợi Ngôn; 4. Bát- Giác, P.12 Bồ-tát Viên Giác, P.13 Bồ-tát nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, No. 254, Hiền Thiện Thủ; Phần Thọ trì, Tham lễ Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Trí Tuệ Tam Bảo, Phần Kinh văn, Phần dịch âm, Luân; 5. Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh Thư mục tham khảo. (Bản Thạch thất Đôn Hoàng), No. 255, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Thành; 6. Phật thuyết Thánh Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, No. 257, Hán dịch: Tam tạng Đại sư Thi Hộ. (ngày Hán tạng)

897. MA-HA BÁT-NHÃ

BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Lược giải: Đại đức Thích Tuệ Hải

Nxb Tôn Giáo – 2013

Kinh có khổ 15 x 21cm, dày 187 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa mạ vàng, có hình Đức Phật Thích-ca ngồi, tay kiết ấn.

Nội dung gồm có: I. Phần chánh văn Kinh

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, II. Phần dịch

Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, 1.

Ý nghĩa phần tựa Kinh, 2. Giải nghĩa phần chánh văn, gồm có văn Kinh và Giảng giải; III. Kết luận.

Tập II, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2544 – 898. MẬT TẠNG PHẬT GIÁO DL. 2000, Biên dịch: Sa-môn Thích – 9 Tập Quảng Trí & Huyền Thanh, dày 465 trang, Biên dịch: HT. Thích Thiền Tâm, SM. bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội Thích Viên Đức, SM. Thích Quảng Trí, dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Vô lượng Huyền Thanh, Vọng Chí & Diệu Lý thọ Như Lai Quán hạnh Cúng dường Nghi Tập I, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2544 – quỹ

(No. 930), 3. Kinh Cương Đĩnh Kinh DL. 2000, Biên dịch: Sa-môn Thích Quán Tự Tại vương Như Lai Tu hành Quảng Trí & Huyền Thanh, dày 454 trang, Pháp (No. 931), 4. Cực Lạc nguyện văn bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội (No. 935), 5. Đại thừa Vô lượng Kinh (No. dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại Tỳ-lô- 936), 6. Phật thuyết Đại thừa Thánh Vô giá-na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh lượng thọ Quyết định Quang minh vương (No. 848), có 7 quyển, 3. Chư Phật tâm Đà-la-ni (No. 937), 7. Quán Tự Tại Thành Đà-la-ni (No. 918), 4. Chư Phật Tâm ấn tựu Du-già Liên hoa bộ Niệm tụng Pháp Đà-la-ni Kinh (No. 919), 5. Phật Tâm môn (No. 1030), 8. Thánh Quán Tự Tại Kinh Phẩm (No. 920), 6. Phật Tâm Trung Bồ-tát Tâm Chân ngôn Du-già Quán hạnh Tâm Ấn (No. 920), 7. A-súc Như Lai Nghi quỹ (No. 1031), 9. Du-già Liên hoa Niệm tụng Cúng dường Pháp (No. 921), 8. Bộ Niệm tụng Pháp (No. 1032), 10. Kim Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Tiêu trừ Cương Khủng bố Tập hội Phương quảng Tai nạn Niệm tụng Nghi quỹ (No. 922), 9. Quỹ nghi Quán Tự Tại Bồ-tát Tam thế Tối Dược Sư Như Lai Quán hạnh Nghi quỹ thắng Tâm minh vương Kinh (No. 1033), (No. 923), 10. Dược Sư Như Lai Niệm 11. Chú Ngũ thủ (No. 1034), 12. Thiên tụng Nghi quỹ (No. 924 A), 11. Dược Sư chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát chú Như Lai Niệm tụng Nghi quỹ (No. 924 B), (No. 1035), 13. Thiên chuyển Đà-la-ni 12. Dược Sư Nghi quỹ Nhất cụ (No. 924 Kinh (No. 1036), 14. Quán Tự Tại Bồ-tát C), 13. Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. Bổn nguyện Công đức Kinh Niệm tụng 1037), 15. Thanh tịnh Quán Tự Tại Phổ Nghi quỹ, Quyển thượng-Quyển hạ (No. Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1038), 16. A-lợi- 925, a-b), 14. Dược Sư Lưu Ly Quang đa-la Đà-la-ni A-lỗ-lực Kinh (No. 1039), Thất Phật Bổn nguyện Công đức Kinh 17. Kim Cương Đỉnh giáng Tam thế Đại Niệm tụng Nghi quỹ Cúng dường Pháp Nghi quỹ Pháp vương Giáo trung Quán Tự (No. 926), 15. Dược Sư Thất Phật Cúng Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất thiết Như dường Nghi quỹ Như ý Kinh (No. 927), Lai Liên hoa Đại Mạn-noa-la Phẩm (No. 16. Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi 1040), 18. Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân quỹ (No. 928), 17. Biểu tượng của Cõi ngôn Nhất ấn Niệm tụng Pháp (No. 1041), Tịnh thổ Lưu Ly (No. 929), 18. Cửu Phẩm 19. Quán Tự Tại Bồ-tát Đại bi Trí ấn Chu Vãng sinh A-di-đà Tam-ma-địa Tập Đà- biến Pháp giới Lợi ích Chúng sanh huân la-ni Kinh (No. 933), 19. Phật thuyết Vô Chân như Pháp (No. 1042), 20. Phật lượng thọ Công đức Đà-la-ni Kinh (No. thuyết Nhất thiết Phật nhiếp Tương ưng 934), 20. Mâu-lê Đà-la-ni chú Kinh Đại giáo vương Kinh Thánh Quán Tự Tại (No.1007); Cách Đọc âm Tất-đàn bằng âm Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1051), tiếng Việt (Nguyên âm, Phụ âm); 21. Tán Quán Thế Âm Bồ-tát tụng (No. 1052), 22. Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát

Công đức tán (No. 1053), 23. Thánh Quán 1366), 49. Phật thuyết Túc mệnh Trí Đà- Tự Tại Bồ-tát 108 Danh Kinh (No. 1054), la-ni Kinh (No. 1383); 24. Phật thuyết Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Phạm tán, 25. Đại Tùy Cầu Bồ-tát, 26. Phổ Tập III, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2546 – biến Quang minh Thanh tịnh Xí thịnh Như DL. 2002, Biên dịch: TT. Thích Thiền ý Bảo ấn Tâm vô năng thắng Đại minh Tâm, SM. Thích Viên Đức, SM. Thích vương Đại Tùy Cầu Đà-la-ni Kinh (No. Quảng Trí & Huyền Thanh, dày 503 trang, 1153), Quyển thượng-Quyển hạ, 27. Ghi bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội chú Phạn bản: Đại Tùy Cầu Đại Đà-la-ni, dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Kinh Tô- 28. Đại Tùy Cầu Đà-la-ni Phạn bản, 29. tất-địa Yết-ra (No. 893), Quyển thượng- Phật thuyết Tùy cầu Tức đắc Đại

Tự tại Quyển trung-Quyển hạ, 3. Tô-bà-hô Đồng Đà-la-ni Thần chú Kinh (No. 1154), 30. tử Kinh (No. 895), Quyển thượng-Quyển Kim Cương Đỉnh Du-già Tối thắng Bí mật trung-Quyển hạ, 4. Nhân vương Bát-nhã thành Phật Tùy cầu Tức đắc Thần biến Gia Niệm tụng Pháp (No. 995), 5. Nhân vương trì Thành tựu Đà-la-ni Nghi quỹ (No. Bát-nhã Đà-la-ni Thích (No. 996), 6. Phật 1155), 31. Đại Tùy Cầu Tức đắc Đà-la-ni nói Kinh Thủ hộ Đại thiên Quốc thổ (No. Minh vương Sám hối Pháp (No. 1156 A), 999), Quyển thượng-Quyển trung-Quyển 32. Tông quyến Tăng chính (No. 1156 B), hạ, 7. Phật nói Kinh Đại thừa Trang 33. Tùy cầu Tức đắc Đà-la-ni Phạn bản, nghiêm Bảo vương (No. 1050), có 4 34. Phật thuyết Phổ biến Quang diễm Man Quyển, 8. Sơ lược Tín ngưỡng Thiên Thủ Thanh tịnh Xí thịnh Như ý Bảo châu Ấn Quán Âm, 9. Các Kinh bản Thiên Thủ tâm Vô năng thắng Tùy cầu Đại minh Quán Âm, 10. Kim Cương Đỉnh Du-già vương Đà-la-ni, 35. Tùy cầu Đại Hộ minh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ- vương Đại Tâm Đà-la-ni, 36. Kim Cang tát Tu hành Nghi quỹ Kinh (No. 1056), Thủ Quang minh Quán đảnh Kinh Tối Quyển thượng-Quyển hạ, 11. Thế Tôn thắng Lập ấn Thánh Vô động Tôn Đại oai Thánh giả Thiên Thủ Thiên Nhãn Túc nộ Niệm tụng Nghi quỹ Pháp Phẩm (No. thiên Thiệt thiên Tý Quán Tự Tại Bồ-đề 1199), 37. Cát Tường Thiên nữ, 38. Công Tát-đỏa Phộc Quảng đại Viên mãn Vô đức Thiên Pháp, 39. Đại Cát Tường Thiên ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1056 và nữ 12 khế 108 danh Vô cấu Đại thừa Kinh No. 1056 B), Dịch âm 1 - 2, Phục hồi và (No. 1253), 40. Phật thuyết Đại Cát Tường Chú thích, 12. Thiên Thủ Thiên Nhãn Thiên nữ 12 danh hiệu Kinh (No. 1252), Quán Tự Tại Bồ-tát Chân ngôn (No. 41. Phật thuyết Đại Cát Tường Thiên nữ 1056), Âm Hán Việt, Phục hồi và Chú 12 danh hiệu Kinh (No. 1252 Bis), 42. thích Phạn văn, 13. Thiên Thủ Thiên Tý Phật thuyết Đại Cát Tường Đà-la-ni Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Thần chú (No. 1381), 43. Bảo Tạng Thiên, 44. Bảo Kinh (No. 1057), Quyển thượng-Quyển Tạng Thiên nữ Đà-la-ni Pháp (No. 1282), hạ, Thiên Thủ Thiên Tý Đà-la-ni Quán 45. Tăng Tuệ Đà-la-ni Kinh (No. 1372), Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Thần chú, 14. 46. Phật thuyết Liên hoa Nhãn Đà-la-ni Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ- Kinh (No. 1411), 47. Phật thuyết Bảo sinh tát Đà-la-ni Thân Kinh (No. 1058), Thiên Đà-la-ni Kinh (No. 1412), 48. Phật thuyết Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la- Bí mật Bát danh Đà-la-ni Kinh (No. ni Thần chú, 15. Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Đại Thần chú (No.

1062 A), 16. Thiên Thủ Thiên Tý Quán đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời Thế Âm Bồ-tát Đại Thần chú, Tựa Các bài nói đầu; 2. Nhiếp Đại Tỳ-lô-giá-na thành Đại bi Tâm Đà-la-ni, 17. Ý nghĩa Hồng Phật Thần biến Gia trì Kinh (No. 840), có danh Thanh cảnh Quán Thế Âm Bồ-tát, 3 quyển, và 189 câu Phạn văn và Phần 18. Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế dịch âm; 3. Đại Tỳ-lô-giá-na Kinh Quảng Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại đại Nghi quỹ (No. 851), Quyển thượng- Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1060), 19. Thiên Quyển trung-Quyển hạ, 4. Đại Tỳ-lô-giá- Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát na Lược yếu Tốc tật Môn ngũ chi Niệm Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm tụng Pháp (No. 858), 5. Thất Chi Niệm Đà-la-ni Chú bản (No. 1061), 20. Thiên tụng Tùy hành Pháp (No. 856), 6. Tỳ-lô- Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Đại giá-na Ngũ tự Chân ngôn Tu tập Nghi quỹ bi Tâm Đà-la-ni (No. 1064), 21. Thiên (No. 861), 7. A-đô-lê Đại Mạn-đồ-la Quán Quang nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Bí mật đỉnh Nghi quỹ (No. 862), 8.

Phật thuyết Pháp Kinh (No. 1065), 22. Đại Bi Tâm Kim Cương Trường Trang nghiêm Bát- Đà-la-ni Tu hành Niệm tụng Lược nghi nhã Ba-la-mật-đa Giáo (No. 886), 9. Kinh (No. 1066), 23. Bổ-đà-lạc Hải hội Chư tôn Tô-tất-địa Yết-la (Dị bản của No. 893), Phương vị Lược xuất Nghi quỹ Hình sắc Quyển thượng-Quyển trung-Quyển hạ, 10. (No. 1067), 24. Nghi quỹ Pháp tạp Thứ tự Phật nói Xí thạnh Oai đức Tiêu tai Cát của Thiên Thủ Quán Âm (No. 1068), 25. tường Đà-la-ni Kinh (No. 963), 11. Phật Thanh cảnh Quán Tự Tại Bồ-tát Đà-la-ni nói Đại oai đức Kim luân Phật đỉnh Xí Kinh (No. 1111), 26. Kim Cương Đỉnh thịnh Quang Như Lai Tiêu trừ Nhứt thiết Du-già Thanh cảnh Đại bi vương Quán Tự Tai nạn Đà-la-ni Kinh (No. 964), 12. Kỳ Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. Tối thắng Kim luân Phật đảnh Niệm tụng 1112), 27. Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại Nghi quỹ Pháp yếu (No. 940), 13. Thánh Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Hạ-dã-hột-lị-phộc Đại Uy nộ vương lập (No. 1113 A), 28. Thanh cảnh Đại bi Tâm thành Đại Thần nghiêm Cúng dường Niệm Đà-la-ni, 29. Đại từ Đại bi Cứu khổ Quán tụng Nghi quỹ Pháp Phẩm (No. 1072), Thế Âm Tự tại vương Bồ-tát Quảng đại Quyển thượng-Quyển hạ, 14. Mã Đầu Viên mãn Vô ngại Tự tại Thanh cảnh Đại Quán Âm Tâm Đà-la-ni (No. 1072 B), 15. bi Tâm Đà-la-ni (No. 1113 B), 30. Đại Bi Ha-gia-yết-lợi-bà Tượng Pháp (No. 1073), Căn bản Chú, 31. Mahà Karunika citta 16. Ha-gia-yết-lợi-bà Quán Thế Âm Bồ-tát Dhàrani, 32. Đại Bi Tâm Đà-la-ni, 33. Trì Yếu pháp Đàn (No. 1074), 17. Tín ngưỡng Thế Đà-la-ni Kinh (No. 1162), 34. Phật Đà-la Bồ-tát, 18. Tôn tượng Đà-la Bồ-tát, thuyết Vũ bảo Đà-la-ni Kinh (No. 1163), 19. Đà-la Bồ-tát Chân ngôn pháp, 20. 35. Trì Thế Đà-la-ni, 36. Phật thuyết Đại Kinh Tán dương 108 danh của Đa-la Tôn thừa Thánh Cát tường Trì Thế Đà-la-ni Bồ-tát (No. 1106), 21. Lễ tán 21 Thế Tôn Kinh (No. 1164), 37. Thánh Trì Thế Đà- Thánh Tàrà Thiên và Công đức lợi ích, 22. la-ni Kinh (No. 1165); Kinh Lễ tán 21 loại Thánh Cứu độ mẫu, 23. Kinh Lễ tán 21 loại Cứu độ Phật mẫu Tập IV, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2546 – (No. 1108 B), 24. Kinh Lễ Thánh Tàrà, DL. 2002, Biên dịch: Sa-môn Thích người bảo vệ khỏi tám nạn, 25. Đa-la Bồ- Quảng Trí, Vọng Chí, Diệu Lý & Huyền tát Hộ trì, 26. Phật thuyết Thánh Đa-la Bồ- Thanh; dày 498 trang; bìa cứng, nền màu tát Kinh (No. 1104), 27. Kim Cương Đỉnh

Kim Đa-la Bồ-tát Niệm tụng Pháp (No. Đô Bộ Đà-la-ni mục (No. 903), 17. Niệm 1102), 28. Quán Tự Tại Bồ-tát Tùy Tâm tụng Kết Hộ pháp Phổ thông Chú bộ (No. chú Kinh (No. 1103), 29. Thánh Đa-la Bồ- 904), 18. Phật đỉnh Tôn thắng Tâm phá tát 108 danh Kinh (No. 1105), 30. Ngự Địa ngục Chuyển nghiệp chướng Xuất chế Cứu độ Phật mẫu tán (No. 1108 A), Tam giới Bí mật Đà-la-ni (No. 907), 19. 31. Bạch Cứu độ Mẫu tán (No. 1109), 32. Nghi Thọ Bồ-tát Tâm giới (No. 915), 20. Thánh Cứu độ Phật mẫu Tu hành Pháp, Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 33. Pháp Thành tựu Quán niệm Lục độ 967), 21. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni mẫu, 34. Pháp Trường thọ của Bạch Tàrà, Kinh (No. 968), 22. Phật đảnh Tôn thắng 35. Thánh Ca-nễ Phẫn nộ Kim Cương Đà-la-ni Kinh (No. 969), 23. Tôn thắng Đồng tử Bồ-tát Thành tựu Nghi quỹ Kinh Phật đảnh Đà-la-ni Tịnh trừ Nghiệp (No. 1222), Quyển thượng-Quyển trung- chướng chú Kinh (No. 970), 24. Phật nói Quyển hạ; Kinh Tôn thắng Phật đảnh Đà-la-ni (No. 971), 25. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Tập V, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2547 – Niệm tụng Nghi quỹ (No. 972), 26. Tôn DL. 2003, Biên dịch: Sa-môn Thích thắng Phật đảnh Du-già Nghi quỹ (No. Quảng Trí, Vọng Chí &

Huyền Thanh; dày 973), Quyển thượng-Quyển hạ, 27. Tôn 506 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ thắng Phật đảnh Đà-la-ni (No. 974 A), 28. vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 974 B), Chư Phật Cảnh giới nhiếp Chân thật Kinh 29. Gia cú Linh nghiệm Phật đảnh Tôn (No. 868), Quyển thượng-Quyển trung-thắng Đà-la-ni ký (No. 974 C), 30. Ghi Quyển hạ, 3. Kim Cương Đỉnh Du-già 18 chú nghĩa của Phật đảnh Tôn thắng Đà-la- Hội chỉ quy (No. 869), 4. Lược thuật Kim ni (No. 974 D), 31. Phật đảnh Tôn thắng Cương Đỉnh Gia trì Phân biệt Thánh vị Tu Đà-la-ni Chân ngôn (No. 974 E), 32. Phật chứng Pháp môn Kinh (No. 870), 5. Kim đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Pháp (No. 974 Cương Đỉnh Du-già Lược thuật 37 tôn F), 33. Phật thuyết Nhất thiết Như Lai Ô- Tâm yếu (No. 871), 6. Kim Cương Đỉnh sắc-ni-sa Tối thắng Tổng trì Kinh (No. Du-già 37 Tôn Xuất sinh nghĩa (No. 872), 978), 34. Vu-sắt-ni-sa Tả-dã Đà-la-ni (No. 7. Kim Cương Đỉnh Nhất thiết Như Lai 979), 35. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Chân thật Nhiếp Đại thừa Hiện chứng Đại Thần chú (No. 1320), 36. Tôn thắng Đà- giáo vương Kinh (No. 874), Quyển la-ni (Mật tạng Đồ tượng 10), 37. Phật thượng-Quyển hạ, 8. Kim Cương Đỉnh đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (Thiện Vô Úy), Kim Cương Giới Đại Đạo tràng Tỳ-lô-giá-38. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (Hoằng na Tự thọ dụng thân Nội chứng Trí quyến Pháp), 39. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni thuộc Pháp thân (No. 878), 9. Kim Cương (Bảo Tư Duy), 40. Usnìsa vjaya Dhàrani Đỉnh Du-già 37 tôn lễ (No. 879), 10. Du- (Pháp Thiên), 41. Bạch Tán cái Đại Phật già Kim Cương Đỉnh Kinh Thích tự mẫu đỉnh vương Tối thắng Vô tỷ đại Uy đức Phẩm (No. 880), 11. Mười sáu Tôn đời Kim Cương Vô ngại Đại Đạo trường Đà- Hiền kiếp (No. 881), 12. Diệu Tý Bồ-tát la-ni Niệm tụng Pháp yếu (No. 975), 42. Sở vấn Kinh (No. 896), có 4 quyển, 13. Phật đỉnh Đại Bạch Tản cái Đà-la-ni Kinh Phật thuyết Tỳ-nại-da Kinh (No. 898), 14. (No. 976), 43. Phật thuyết Đại Bạch Tản Mười tám Khế ấn (No. 900), 15. Tổng cái Tổng trì Đà-la-ni Kinh (No. 977), 44. Thích Đà-la-ni Nghĩa tán (No. 902), 16. Đại Bạch Tản cái Phật mẫu Tổng trì Tán

thán Đảo chúc kệ, 45. Đại thắng Kim nghĩa Đại giáo vương Nghi quỹ (No. 888), Cương Phật đỉnh Niệm tụng Nghi quỹ Quyển thượng-Quyển hạ, 5. Đại Thánh (No. 980), 46. Đại Phương Quảng Phật Diệu Cát tường Bồ-tát Thuyết trừ tai Giáo Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới Phẩm lệnh Pháp luân Nghi quỹ (No. 966), 6. 42 Tự quán môn (No. 1019), 47. Đại Phật nói Kinh Thủ hộ Đại Thiên quốc thổ Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh (No. 999), Quyển thượng-Quyển trung- Nhập Pháp giới Đốn chứng Tỳ-lô-giá-na Quyển hạ, 7. Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Pháp thân Tự luân Du-già Nghi quỹ (No. Tiêu phục Độc hại Đà-la-ni Chú Kinh (No. 1020), 48. Hoa Nghiêm Tâm Kinh Đà-la- 1043), 8. Phật thuyết Lục tự Thần chú ni (No. 1021), 49. Pháp Hoa Can Tâm vương Kinh (No. 1045), 9. Chuẩn Đề Phật Chân ngôn (Đại Tạng 3), 50. Lục tự chú mẫu, 10. Phật thuyết Thất-câu-đê Phật Đà-la-ni Kinh (No. 1046), 51. Phật thuyết mẫu Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni Kinh Thánh Lục tự Đại Minh vương Đà-la-ni (No. 1075), 11. Thất-câu-đê Phật mẫu Sở Kinh (No. 1047), 52. Thánh Lục tự Tăng thuyết Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh (No. thọ Đại minh Đà-la-ni Kinh (No. 1049), 1076), 12. Phật thuyết Thất-câu-đê Phật 53. Mã Minh Bồ-tát Đại Thần lực Vô tỷ mẫuTâm Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh nghiệm pháp Niệm tụng Nghi quỹ (No. (No. 1077), 13. Thất-câu-đê Phật mẫuTâm 1166), 54. Tỳ-sa-môn Thiên vương Kinh Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Pháp (No. 1078), (No. 1244), 55. Phật thuyết Tỳ-sa-môn 14.

Thất-câu-đê Độc bộ Pháp (No. 1079), Thiên vương Kinh (No. 1245), 56. Ma-ha 15. Phật thuyết Trì minh tạng Du-già Đại Phệ-thất-la-mạt-na Dã-đề-bà-hát-la-xà Đà- giáo Tôn-na Bồ-tát Đại minh Thành tựu la-ni Nghi quỹ (No. 1246), 57. Bắc Nghi quỹ (No. 1169), có 4 quyển, 16. phương Tỳ-sa-môn Thiên vương Tùy quân Chuẩn-đề Tam-muội Hành Pháp (No. Hộ pháp Nghi quỹ (No. 1247), 58. Bắc 1481), 17. Đại Chuẩn-đề Bồ-tát Phần Tu phương Tỳ-sa-môn Thiên vương Tùng Tất-địa Tam-muội Sám hối Huyền văn quân Hộ pháp Chân ngôn (No. 1248), 59. (TTK No. 1482), 18. Như ý Luân Đà-la-ni Tỳ-sa-môn Nghi quỹ (No. 1249), 60. Bắc Kinh (No. 1080), 19. Phật thuyết Quán Tự phương Tỳ-sa-môn Đa văn Bảo tạng Tại Bồ-tát Như ý Tâm Đà-la-ni chú Kinh Thiên vương Đà-la-ni Biệt hạnh Nghi quỹ (No. 1081), 20. Quán Thế Âm Bồ-tát Bí (No. 1250), 61. Kinh Kim Cương Thọ mật tạng Như ý Luân Đà-la-ni Thần chú mệnh, 62. Phật thuyết Vô úy Đà-la-ni Kinh (No. 1082), 21. Quán Thế Âm Bồ-tát Kinh, 63. Kệ Hồi hướng, 64. Mục lục; Như ý Đà-la-ni Kinh (No. 1083), 22. Quán Thế Âm Bồ-tát Như ý Ma-ni luân Đà-la-ni Tập VI, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2548 – Niệm tụng Pháp (No. 1084), 23. Quán Tự DL. 2004, Biên dịch: Sa-môn Thích Tại Bồ-tát Như ý luân Niệm tụng Nghi Quảng Trí & Huyền Thanh; dày 503 quỹ (No. 1085), 24. Quán Tự Tại Bồ-tát trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Như ý luân Du-già (No. 1086), 25. Như ý Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Kim luân Bồ-tát Quán môn Nghĩa chú Bí quyết Cương Đỉnh Kinh Du-già Tu tập Tỳ-lô- (No. 1088), 26. Đồ biểu Như ý Ma-ni giá-na Tam-ma-địa Pháp (No. 867), 3. Chuyển luân Thánh vương Thứ đệ Niệm Kim Cương Đỉnh Kinh Tỳ-lô-giá-na Nhất tụng Tối yếu Lược pháp (No. 1089), 27. bách Bát tôn Pháp thân Ấn khế (No. 877), Phật thuyết Như ý luân Liên hoa Tâm Như 4. Nhất thiết Bí mật Tối thượng Danh Lai Tu hành Quán môn nghi (No. 1090),

28. Thất tinh Như ý luân Bí mật pháp (TTK), 57. Mã Minh Bồ-tát Thành tựu Kinh (No. 1091), 29. Quán Tự Tại Bồ-tát Tất-địa Niệm tụng (TTK, No. 206), 58. Như ý luân chú Khóa pháp và Tựa (ĐTK, Mục lục; quyển 46, No. 1952), 30. Phật thuyết Từ Thị Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1142), 31. Phật Tập VII, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2550 thuyết Từ Thị Bồ-tát Thệ nguyện Đà-la-ni – DL. 2006, Biên dịch: Sa-môn Thích Kinh (No. 1143), 32. Phật thuyết Di-lặc Quảng Trí, Huyền Thanh & Vọng Chi; dày Bồ-tát Phát nguyện vương kệ (No. 1144), 501 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ 33. Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Niệm tụng vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Pháp (No. 1146), 34. Thánh Hư Không Đại Nhật Kinh Lược nhiếp Niệm tụng Tùy Tạng Bồ-tát Đà-la-ni Kinh (No. 1147), 47. hành Pháp (No. 857), 3. Đại Tỳ-lô-giá-na Ngũ đại Hư Không Tạng Bồ-tát Tốc-tật Lược yếu Tốc-tật Môn ngũ chi Niệm tụng Đại thần Nghiệm Bí mật thức Kinh (No. Pháp (No. 858), 4. Kim Cương Phong Lâu 1149), 36. Địa Tạng Bồ-tát Nghi quỹ (No. các Nhất thiết Du-kỳ Kinh (No. 867), 1158), 37. Kiên Cố Đại Đạo Tâm khu sách Quyển thượng-Quyển hạ, 5. Mười tám Pháp (No. 1159), 38. Phật nói Kinh A-di- Khế ấn (No. 900), 6. Phật nói Kinh Bí mật đà Bí mật Căn bản Thần chú (TTK, No. Tam-muội Đại Giáo vương (No. 883), có 205), 39. Thắng quân Bất động Minh 4 quyển, 7. Đại Phật đảnh Quảng tụ Đà-la-vương Tứ thập bát Sứ giả Bí mật Thành ni Kinh (No. 946), có 5 quyển, 8. Đại Phật tựu Nghi quỹ (No. 1205), 40. Sử chú Pháp đảnh Như Lai Phóng quang Tất-đát-đa Kinh (No. 1267), 41. Đại Thánh Hoan hỷ Bát-đát-ra Đại Thần lực đô Nhiếp Nhất Song thân Đại Tự tại Thiên Tỳ-na-dạ-ca thiết chú vương Đà-la-ni Kinh (No. 974), vương Quy y Niệm tụng

Cúng dường 9. Chú Tam thủ Kinh (No. 1338), 10. Pháp (No. 1270), 42. Quyền Kim Sắc-ca-Mâu-lê Đà-la-ni Kinh (No. 1007), 11. Phật na-bà-đề Cửu mục thiên Pháp (TTK), 43. thuyết Hồi hướng luân Kinh (No. 998), 12. Phật thuyết Kim Sắc-ca-na-bát-đề Đà-la-ni Phật nói Tạo pháp Diên mạng Công đức Kinh (No. 1269), 44. Ma-hê-thủ-la Thiên Kinh (No. 1026), 13. Phật nói Hộ chư pháp yếu (No. 1279), 45. Thâm Sa Đại Đồng tử Đà-la-ni Kinh (No. 1028 A), 14. tướng Nghi quỹ (No. 1291), 46. Thí Bát Đồng tử Kinh Niệm tụng Pháp (No. 1028 thiên Nghi tắc (No. 1294), 47. Cúng B), 15. Phật nói An trạch chú Kinh (No. dường Hộ thế Bát Thiên pháp (No. 1295), 1029), 16. Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm 48. Thập Thiên Nghi quỹ (No. 1296), 49. Chân ngôn Du-già Quán hạnh Nghi quỹ Phật thuyết Thánh diệu Mẫu Đà-la-ni Kinh (No. 1031), 17. Du-già Liên hoa bộ Niệm (No. 1303), 50. Tú diệu Nghi quỹ (No. tụng Pháp (No. 1032), 18. Quán Tự Tại 1304), 51. Bắc đẩu Thất tinh Niệm tụng Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất ấn Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1305), 52. Bắc đẩu Thất Pháp (No. 1041), 19. Quán Tự Tại Bồ-tát tinh Hộ ma Bí yếu Nghi quỹ (No. 1306), Đại bi Trí ấn Chu biến Pháp giới Lợi ích 53. Phật thuyết Bắc đẩu Thất tinh Diên Chúng sanh huân Chân như Pháp (No. mệnh Kinh (No. 1037), 54. Bắc đẩu Thất 1042), 20. Diệp y Quán Tự Tại Bồ-tát tinh Hộ ma Pháp (No. 1310), 55. Phật nói Kinh (No. 1100), 21. Hương vương Bồ-tát Đại Như ý Bảo châu luân Ngưu vương Đà-la-ni Kinh (No. 1157), 22. Kim Cương Thủ hộ Thần chú (TTK), 56. Ngũ đại Đỉnh Thắng Sơ Du-già Phổ Hiền Bồ-tát Ngưu vương Vũ bảo Đà-la-ni Nghi quỹ Niệm tụng Pháp (No. 1123), 23. Phật

thuyết Phổ Hiền Mạn-noa-la Kinh (No. thượng, No. 1227 A; Quyển trung, No. 1126), 24. Phật thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni 1227 B; Quyển hạ, No. 1227 C), 48. Uế Kinh (No. 1127), 25. Thánh Kim Cương Tích Kim Cương thuyết Thần thông Đại thủ Bồ-tát Nhất bách bát Danh Phạn tán mãn Đà-la-ni Pháp thuật yếu môn (1 (No. 1131), 26. Kim Cương Đỉnh Siêu quyển, No. 1228), 49. Uế Tích Kim thắng Tam giới Kinh thuyết Văn-thù Ngũ Cương Cấm bách biến Pháp môn Kinh (1 tự Chân ngôn Thắng tướng (No. 1172), 27. quyển, No. 1229), 51. Phật thuyết Xuất Mạn-thù-thất-lợi Đồng tử Bồ-tát Ngũ tự sinh Nhất thiết Như Lai Pháp nhãn Biến Du-già Pháp (No. 1176), 28. Văn-thù Bồ- chiếu Đại lự Minh vương Kinh (No. tát hiến Phật Đà-la-ni danh Ô-tô-tra (No. 1243), Quyển thượng-Quyển hạ, 52. Phật 1178), 29. Lục tự chú Kinh (No. 1180), thuyết Ma-lợi-chi Bồ-tát Đà-la-ni Kinh, 30. Phật thuyết Văn-thù-sư-lợi 108 danh 53. Phật thuyết Ma-lợi-chi Thiên Kinh, 54. Phạn tán (No. 1197), 31. Tu tập Bát-nhã Ma-lợi-chi Bồ-tát Lược Niệm tụng Pháp Ba-la-mật Bồ-tát Quán hạnh Niệm tụng (No. 1258), 55. Ma-lợi-chi Thiên Nhất ấn Nghi quỹ (1 quyển, No. 1151), 32. Phật Pháp (No. 1259), 56. Đại Thánh Hoan hỷ thuyết Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Đại Song thân Tỳ-na-dạ-ca Pháp (No. 1266), minh Quán tưởng Nghi quỹ (No. 1152), 57. Sử chú Pháp Kinh (No. 1267), 58. Ma- 33. Phật thuyết Quán tưởng Phật mẫu Bát- ha Tỳ-lô-giá-na Định Tuệ quân đẳng Nhập nhã Ba-la-mật-đa Bồ-tát Kinh (No. 259), Tam-muội-da thân song thân Đại Thánh 34. Phật thuyết Thánh Phật mẫu Tiểu tự Hoan hỷ Thiên Bồ-tát Tu hành Bí mật Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh (No. 258), 35. pháp Nghi quỹ (No. 1271), 59. Bí mật Yếu Phật thuyết Câu-lợi-già-la Đại long Thắng thuật Pháp (No. 188), 60. Mục lục; ngoại đạo Phục Đà-la-ni Kinh (No. 1206), 36. Thuyết Cư-lý-ca Long vương Tượng Tập VIII, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2551 pháp (No. 1207), 37.

Câu-lực-ca Long – DL. 2007, Biên dịch: Sa-môn Thích vương Nghi quỹ (No. 1208), 38. Kim Quảng Trí & Huyền Thanh; dày 499 Cương Đỉnh Du-già giáng Tam thế Thành trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. tựu Cực thâm mật môn (1 quyển, No. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại 1209), 39. Giáng Tam thế Phẫn nộ Minh Tỳ-lô-giá-na thành Phật Thần biến Gia trì vương Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1210), Kinh (No. 852), 2 quyển, 3. Đại Tỳ-lô-giá- 40. Quán Tự Tại Bồ-tát Hóa thân Nhương na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh (Dị ngu lị Đồng nữ Tiêu phục Độc hại Đà-la- bản của No. 852), Quyển thượng-Quyển ni Kinh (No. 1264), 41. Phật thuyết hạ, 4. Thai Tạng Phạn tự Chân ngôn (No. Nhương ngu lợi Đồng nữ Kinh; 42. Dẫn 854), 5. Thanh Long Tự quỹ Ký (No. nhập, 43. Phật thuyết Huyễn hóa Võng đại 855), 6. Danh hiệu Kim Cương Giáo pháp Du-già Giáo thập Phẫn nộ Minh vương của Thai tạng giới (No. 864 B), 7. Bồ-đề Đại minh Quán tưởng Nghi quỹ Kinh (No. tràng Sở thuyết Nhất tự Đảnh luân vương 891), 44. Kim Cương Ô-xu-sa-ma Pháp ấn Kinh (No. 950), có 5 quyển, 8. Bảo Tất- Chú Phẩm (1 quyển, No. 901), 45. Đại Uy địa thành Phật Đà-la-ni Kinh (No. 962), 9. nộ Ô-sáp-sa-ma Nghi quỹ Kinh (No. Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh 1225), 46. Ô-sáp-sa-ma Minh vương Nghi Nhập Pháp giới Phẩm Tứ thập nhị tự Quán quỹ Phạn tự (No. 1226), 47. Đại Oai lực môn (No. 1019), 10. Đại Phương quảng Ô-khu-sa-ma Minh vương Kinh (Quyển Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới

Phẩm Đốn chứng Tỳ-lô-giá-na Pháp thân phộc-lý Đại Đà-la-ni (No. 1384), 34. Phật tự luân Du-già Nghi quỹ (No. 1020), 11. thuyết Câu-chỉ-la Đà-la-ni Kinh (No. Nhất thiết Như Lai Tâm Bí mật Toàn thân 1385), 35. Phật thuyết Diệu sắc Đà-la-ni Xá-lợi Bảo khiếp Ấn Đà-la-ni Kinh (No. Kinh (No. 1386), 36. Bạt tế Khổ nạn Đà- 1022 A), 12. Nhất thiết Như Lai Tâm Bí la-ni Kinh (No. 1395), 37. Phật nói Kinh mật Toàn thân Xá-lợi Bảo khiếp Ấn Đà-la- Bạt trừ Tội chướng chú vương (No. 1396), ni, 13. Quán Tự Tại Đại bi Thành tựu Du- 38. Phật nói Kinh Diệt trừ Ngũ nghịch Tội già Liên hoa bộ Niệm tụng Pháp môn (No. Đà-la-ni (No. 1399), 39. Phật nói Kinh 1030), 14. Kim Cương Khủng bố Tập hội Tiêu trừ Nhất thiết Tai chướng Bảo kế Đà- Phương quảng Quỹ Kinh Quán Tự Tại Bồ- la-ni (No. 1400), 40. Phật thuyết Như ý tát Tam thế Tối thắng Tâm Minh vương Bảo tổng Trì Kinh (No. 1404), 41. Phật Kinh (No. 1033), 15. Chú Ngũ thủ (No. nói Kinh Liên hoa Nhãn Đà-la-ni (No. 1034), 16. Thiên chuyển Đà-la-ni Quán 1411), 42. Phật nói Kim thân Đà-la-ni Thế Âm Bồ-tát chú (No. 1035), 17. Quán Kinh (No. 1414); 43. Mục lục; Tự Tại Bồ-tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1037), 18. Thanh tịnh Quán Thế Tập IX, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2544 – Âm Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1038), DL. 2000, Biên dịch: Sa-môn Thích 19. Kim Cương đỉnh giáng Tam thế đại Quảng Trí & Huyền Thanh; dày 493 Nghi quỹ Pháp vương Giáo trung Quán Tự trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất thiết Như Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại Lai Liên hoa Đại Man-noa-la Phẩm (No. Tỳ-lô-giá-na Kinh A-xà-lê Chân thật Trí 1040), Phật thuyết Nhất thiết Phật nhiếp phẩm trung A-xà-lê trụ A tự Quán môn Tương ưng Đại Giáo vương Kinh Thánh (No. 863), 3. Bất không Quyến sách Tỳ- Quán Tự Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ lô-giá-na Phật đại Quán đỉnh quang Chân (No. 1051), 20. Bất không Quyến sách ngôn (No. 1002), 4. Kinh Đại Bảo quảng Thần chú Tâm Kinh (No. 1094), 21. Bác lâu các Thiện trụ Bí mật Đà-la-ni (No. Thánh Vô động Tôn Nhất tự Xuất sinh bát

1005 A), Quyển thượng-Quyển trung- Đại Đồng tử Bí yếu Pháp Phẩm (No. Quyển hạ, 5. Bảo lâu các Kinh Phạn tự 1024), 22. Băng-yết-la Thiên đồng tử Kinh Chân ngôn (No. 1005 B), 6. Kinh Bồ-đề (No. 1263), 23. Bảo tạng Thiên nữ Đà-la- trường Trang nghiêm Đà-la-ni (No. 1008), ni Pháp (No. 1282), 24. Kiên lao Địa 7. Vô cấu Tịnh quang Đà-la-ni Kinh (No. Thiên Nghi quỹ (No. 1282), 25. Cúng 1024), 8. Kinh Phật đỉnh Phóng Vô cấu dường 12 Trời Đại Uy đức Phẩm Báo ân Quang minh nhập Phổ môn Quán sát Nhứt (No. 1297), 26. Nghi quỹ Cúng 12 Thiên thiết Như Lai Tâm Đà-la-ni (No. 1025), (No. 1298), 27. Trừ Nhất thiết Nhãn Tật Quyển thượng-Quyển hạ, 9. Ngũ đại Hư Đà-la-ni Kinh (No. 1323), 28. Năng tĩnh Không Tạng Bồ-tát Tốc-tật đại Thần Nhất thiết Nhãn Tật Đà-la-ni Kinh (No. nghiệm Bí mật Thức Kinh (No. 1149), 10. 1324), 29. Phật nói Kinh Điều trị bệnh trĩ Kim Cương đỉnh Kinh Thắng sơ Du-già (No. 1325), 30. Phật thuyết Chú Thời khí trung Lược xuất đại lạc Kim Cương Tát- bệnh Kinh (No. 1326), 31. Phật thuyết Đại đỏa Niệm tụng nghi (No. 1120 A), 11. Thất bảo Đà-la-ni Kinh (No. 1368), 32. Thắng sơ Du-già Nghi quỹ Chân ngôn Phật thuyết Đại ái Đà-la-ni Kinh (No. (No. 1120 B), 12. Kim Cương Thọ mệnh 1379), 33. Phật nói Kinh Bát-lan-na-xa- Đà-la-ni Niệm tụng Pháp (No. 1135), 13.

Kim Cương Thọ mệnh Đà-la-ni Kinh Pháp Đà-la-ni (No. 1405), 40. Phật nói Kinh (No. 1134 A), 14. Kinh Kim Cương Thọ Tịch trừ Tặc hại chú (No. 1406), 41. Phật mệnh Đà-la-ni (No. 1134 B), 15. Phật nói nói Kinh Tịch trừ chư ác Đà-la-ni (No. Kinh Nhất thiết Như Lai Kim Cương Thọ 1407), 42. Phật nói Kinh Tối thượng ý Đà- mệnh Đà-la-ni (No. 1135), 16. Phật nói la-ni (No. 1408), 43. Phật nói Kinh Thánh Kinh Nhất thiết chư Như Lai Tâm Quang Tối thắng Đà-la-ni (No. 1409), 44. Thỉnh minh Gia trì Phổ Hiền Bồ-tát Diên mệnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu phục Độc hại Kim Cương Tối thắng Đà-la-ni (No. Đà-la-ni chú Kinh (No. 1043), 45. Phật nói 1136), 17. Kinh Kim Cương Bí mật Thiện Kinh Lục tự chú vương Kinh (No. 1044), môn Đà-la-ni chú (No. 1138 A), 18. Kinh 46. Phật nói Lục tự Thần chú vương Kinh Kim Cương Bí mật Thiện môn Đà-la-ni (No. 1045), 47. Lục tự Thần chú Kinh (No. 1138 B), 19. Kinh Hộ mệnh Pháp (No. 1045 B), 48. Lục tự Đà-la-ni chú môn Thần chú (No. 1139), 20. Địa Tạng Kinh (No. 1046), 49. Phật nói Kinh Thánh Bồ-tát Nghi quỹ (No. 1158), 21. Phật nói Lục tự Đại minh vương Đà-la-ni (No. Kinh Địa Tạng Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1159 1047), 50. Phật thuyết Đại Hộ minh đại B), 22. Nhất kế Văn-thù-sư-lợi Đồng tử Đà-la-ni Kinh (No. 1048), 51. Thánh Lục Đà-la-ni Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1183), tự Tăng thọ Đại minh Đà-la-ni Kinh (No. 23. Phật nói Kinh Văn-thù-sư-lợi Pháp bảo 1049), 52. Thiên thủ Thiên nhãn Quán Thế tàng Đà-la-ni (No. 1185 A), 24. Bảo tàng Âm Bồ-tát Trị bệnh Hợp dược Kinh (No. Thần, 25. Phật nói Kinh Bảo tàng Thần 1059), 53. Quán Tự Tại Như ý luân Bồ-tát Đại minh Mạn-noa-la Nghi quỹ (No. Du-già Pháp yếu (No. 1087), 54. Bất 1283), Quyển thượng-Quyển hạ, 26. Phật không Quyến sách Đà-la-ni Tự tại vương nói Kinh Thánh Bảo tàng Thần Nghi quỹ chú Kinh (No. 1097), Quyển thượng- (No. 1284), Quyển thượng-Quyển hạ, 27. Quyển trung-Quyển hạ, 55. Thập Cam-lộ Pháp Bố thí Thức ăn uống với nước cho Đà-la-ni, 56. Mật Giáo Ấn đồ tập; 57. Mục các loài quỷ đói (No. 1315), 28. Phật nói lục. Kinh Hoa tích Lâu các Đà-la-ni (No. (Bộ Mật Tạng Phật Giáo này lưu tại Thiền 1359), 29. Phật nói Kinh Đại Phổ Hiền thất Minh Tâm, núi Dinh, thôn Phước Đà-la-ni (No. 1367), 30. Phật nói Kinh

Thành, xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Trang nghiêm vương Đà-la-ni chú (No. Bà Rịa-Vũng Tàu) 1357), 31. Phật nói Kinh Lạc-xoa Đà-la-ni (No. 1390), 32. Phật nói Kinh Đàn-đặc La- 899. MILINDA VẤN ĐẠO, ma-du thuật (No. 1391), 33. Kinh đái Tạng Kinh – Tiểu Bộ Thánh Hàn lâm Nan-noa Đà-la-ni (No. Dịch giả: Tỳ-kheo Indacanda (Trương 1392), 34. Phật nói Kinh Ma-ni-la-đản Đình Dũng) (No. 1393), 35. Phật nói Kinh Tiêu trừ PL. 2555 – DL. 2011 Nhất thiết Tai chướng Bảo kế Đà-la-ni Buddhist Cultural Centre, (No. 1400), 36. Tiêu trừ Nhất thiết Thiểm 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- điện Chướng nạn Tùy cầu Như ý Đà-la-ni Sri Lanka Kinh (No. 1402), 37. Phật nói Kinh Như ý Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd. 342 Ma-ni Đà-la-ni (No. 1403), 38. Phật nói Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Kinh Như ý Bảo Tổng trì vương (No. Borelesgamuwa, Sri Lanka. 1404), 39. Phật nói Kinh Tức trừ Tặc nạn

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng giả hay như một vương giả, 4. Thỉnh mời màu đỏ, chữ mạ vàng, dày hơn 706 trang. vào Hoàng cung, 5. Cứu cánh của Sa-môn Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt hạnh, 6. Tái sanh-vô sanh, 7. Chú tâm, 8. ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Hành tướng của chú tâm và trí tuệ cùng sự Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ khác nhau giữa chúng, 9. Tất cả pháp lành Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, lấy giới làm sở y, 10. Hành tướng của Tín, Mẫu tự Pali – Sinhala, Mục lục Milinda 11. Hành tướng của Tấn, 12. Hành tướng vấn đạo, Văn bản Pali và văn bản tiếng của Niệm, 13. Hành tướng của Định, 14. Việt: Các câu hỏi của Minlinda, Việc hỏi Hành tướng của Tuệ, 15. Ngũ Căn-riêng và trả lời các câu hỏi của Milinda, Phần và chung, 16. Tương quan thân trước và mở đầu-Các câu hỏi đối chọi: I.P Năng sau, 17. Tái sanh và vô sanh, 18. Trí tuệ, lực của thần thông, II.P Không bị chia rẽ, 19. Bậc vô sanh có còn đau khổ không? III.P Đã bị đuổi đi, IV.P Về toàn tri, V.P 20. Cảm thọ, 21. Cái gì dẫn dắt đi tái Thân thiết; Các câu hỏi suy luận: I.P Đức sanh? 22. Không nên hỏi lại câu hỏi đã Phật, II.P Không chướng ngại, III.P hỏi, 23. Danh sắc tương quan liên hệ, 24. Vessantara, IV.P Suy luận; Các câu hỏi Thời gian và không còn thời gian, 25. giảng về các Ví dụ-Các tiêu đề: I.P Lừa, Nguyên nhân của thời gian, 26. Thời gian II.P Biển cả, III.P Đất, IV.P Mối, V.P Sư tối sơ? 27. Có rồi không! Không rồi có, tử, VI.P Nhện, VII.P Chum nước; Đoạn 28. Pháp hành thì sao? 29. Tự nhiên sanh? kết, Milinda Vấn đạo được chấm dứt; 30. Tự ngã trong thân? 31. Hãn thức và Phần Phụ lục, Thư mục câu kệ Pàli, Thư tâm thức? 32. Hành tướng của Xúc, 33. mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt. Hành tướng của Thọ, 34. Hành tướng của Tướng, 35. Hành tướng của Tác ý, 36. 900. MI-TIÊN VẤN ĐÁP Hành tướng của Thức, 37. Hành tướng của (MILINDAPANHA) Tầm, 38. Hành tướng của Tứ, 39. Lại hỏi Dịch giả: HT. Giới Nghiêm (Thìtasìla về “chú tâm”, 40. Những tâm sở đồng Mahàthera, 1921-1984) sanh, 41. Về năm giác quan, 42. Bất bình Hiệu chính: Tỳ-kheo Giới Đức đẳng sai khác của chúng sanh là do Nxb Phương Đông – 2009 nghiệp, 43. Sớm ngăn ngừa điều ác, 44. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 878 trang, Lửa địa ngục, 45. Nước dựa khí, 46. Niết- bìa cứng, chữ tựa màu đen và đỏ, có hình bàn, 47. Ai sẽ đắc Niết-bàn, 48. Làm sao tượng Đức Phật đứng, tay kiết ấn. Nội biết Niết-bàn là tối thượng, 49. Có Phật dung gồm có: Tiểu sử Hòa thượng Giới không? 50. Phật là tối thượng tôn bảo, 51. Nghiêm, Lời nói đầu, Kệ lễ bái Tam bảo, Phật tối thắng như thế nào? 52. Thấy Phật, Chương mục: 53. Khi chết ngũ uẩn diệt theo, 54. I. Phần

dẫn nhập, 1. Ngoại thuyết Vedagù? 55. Nếu chết mà diệt hết thì thoát (Bàhirakathà), 2. Câu chuyện liên quan khỏi nghiệp, 56. Nghiệp trú ở đâu, 57. Biết trong tiền kiếp (Pubbapa Yoga), 2.1 còn tái sanh? 58. Phật ở đâu? 59. Thương Chuyện về Đức vua Milinda (Mi-lan-đà), yêu cái thân? 60. Bậc toàn giác biết tất cả, 2.2 Chuyện về Đại đức Na-tiên, 2.3 Thấp 61. Tại sao Phật không giống cha mẹ thoáng bóng sư tử; Ngài, 62. Thực hành Phạm hạnh II. Nội dung Mi-tiên vấn đáp: 1. Danh, 2. (Brahmacàri), 63. Ai truyền Cu túc giới Con số hạ lạp, 3. Đàm thoại như một trí cho Đức Phật? 64. Nước mắt nào là thuốc?

Nước mắt nào là độc dược? 65. Tham nghiệp do không biết, tại sao lại không có luyến và dứt tham luyến, 66. Trí tuệ ở tội? 109. Đức Thế Tôn có lãnh đạo, bảo đâu? 67. Luân hồi, 68. Trí nhớ, 69. Ai quản Giáo hội Tỳ-kheo không? 110. Tại cũng có trí nhớ, 70. Có bao nhiêu loại trí sao đức Thế Tôn không thu thúc lục căn? nhớ, 71. Tương quan phước và tội, 72. 111. Sao đức Thế Tôn có lời nói khiếm Diệt khổ chưa đến? 73. Cõi Phạm thiên nhã? 112. Cái cây có tâm lý không? 113. bao xa? 74. Thời gian tái sanh, 75. Sự liên Bữa cơm của Cunda có vấn đề! 114. Tại quan giữa kiếp này với kiếp kia, 76. Vào sao chư Tăng không được cúng dường cửa nào để đầu thai, 77. Nhân sanh giác nhục thân Như Lai? 115. Quả đất dường ngộ, 78. Điều lành nhỏ, phước quả lớn. như có tâm thức? 116. Đức Phật thuyết về Điều ác lớn, tội báo nhỏ, 79. Kẻ trí làm bố thí là để nhận được lợi lộc cúng dường? điều ác, tội báo nhỏ. Người ngu làm điều 117. Tại sao đức Thế Tôn không muốn ác tội báo lớn, 80. Bay bằng thân, 81. thuyết pháp sau khi đắc đạo? 118. Ai là Xương dài 100 do-tuần, 82. Biến, 83. thầy của đức Thế Tôn? 119. Thế nào gọi là Ngưng hơi thở, 84. Pháp xuất thế gian, 85. Sa-môn? 120 Có nên hoan hỷ không khi Tuệ xuất thế gian nằm ở đâu, 86. Thức-tuệ người ta tán dương Tam Bảo? 121. Sao và sanh mạng, 88. Thì giờ phải lẽ rồi, 89. đức Thế Tôn lại dùng lời ác khẩu, ác ngữ? Phật và chư Tăng ai phước báu nhiều hơn; 122. Đức Thế Tôn còn bất bình, sân hận! Sự chuẩn bị của đức vua về những câu hỏi 123. Phải chăng đức Thế Tôn không có Mendaka, 90. Lễ bái, cúng dường xá-lợi, tâm bi mẫn? 124. Phẩm mạo xuất gia cao kim thân Phật, cây Bồ-đề... không có siêu đến cỡ nào? 125. Đời sống Sa-môn vô phước báu! 91. Đức Phật có toàn giác tư, như nai trong rừng, sao lại xây chùa, không? 92. Đức Thế Tôn có tâm đại bi hay tạo thất liêu? 126. Tại đức Thế Tôn không không? 93. Nghi vấn về sự bố thí Ba-la- thu thúc cái bụng? 127. Đức Phật muốn mật, 94. Bố thí 2 mắt lại được thiên nhãn, che giấu pháp? 128. Lý do nặng nhẹ của 95. Hoài nghi về sự thụ thai, 96. Nghi về tội nói dối! 129. Phước báo của đức Thế thời gian giáo pháp tồn tại, 97. Đức Thế Tôn không ưu thắng, tối thượng bằng đệ Tôn còn khổ chút ít nào không? 98. Đức tử của mình? 130. Thần thông của đức Thế Tôn đã thật sự hoàn tất mọi phận sự Mục-kiền-liên không đương cự nổi thần chưa? 99. Tại sao Đức Thế Tôn không lực của kẻ giết Ngài? 131. Kiếp áp chót tại dùng "Tứ thần túc" để duy trì thọ mạng, cung trời Đâu-suất, đức Bồ-tát quán sát 100. Chánh pháp của Đức Thế Tôn có vẻ thế gian để làm gì? 132. Rơi đi bằng phi không được hoàn hảo? 101. Tại sao có pháp? Rơi đi bằng pháp? Cắt đứt sự rơi? những câu mà Đức Thế Tôn làm thinh 133. Tâm từ vô lượng không tiêu trừ được không trả lời? 102. Chúng sanh sợ hãi các sự họa hại? 134. Quả của thiện và ác Diêm chúa? 103. Tụng kinh Paritta thật nghiệp rất lạ lùng, 135. Sự tà hạnh của không có lợi ích! 104. Oai lực của Đức người

nữ? 136. Các vị A-la-hán còn sợ Phật thua ma vương? 105. Vì Đức Phật hãi? 137. Đức Phật dạy cắt đứt sợ hãi? thuyết pháp mà làm cho 60 vị Tỳ-kheo hộc 138. Cái gì nơi đức Thế Tôn là cao quý máu chết! 106. Bậc Thánh cư sĩ sao lại không ai sánh bằng? 139. Đức Thế Tôn là phải đảnh lễ, cúng dường Phàm Tăng? người khai sáng đạo hay đạo có sẵn từ 107. Giáo hội của Đức Tôn sư có bị phân ngàn xưa? 140. Đức Phật từ bỏ sự tinh tấn, ly, chia rẽ không? 108. Tỳ-kheo tạo lại khuyên đệ tử nên tinh tấn? 141. Tại sao

có đắc quả nhanh, chậm khác nhau? 142. Những câu hỏi về ví dụ: 178. Về con lừa, Về cư sĩ A-la-hán? 143. Tại sao Bồ-tát 179. Về con gà, 180. Về con sóc, 181. Về Loma Kassapa giết hại chúng sanh để tế con cọp cái, 182. Về con cọp đực, 183. Về lễ? 144. Tượng vương Chaddanta thì cung con rùa nước, 184. Về cái kèn, 185. Về kính y cà-sa, mà Bồ-tát Jotipàla lại nhiếc cây súng, 186. Về con quạ, 187. Về con mắng "Sa-môn trọc đầu"? 145. Về cái nhà khỉ, 188. Về dây bầu leo, 189. Về hoa sen, không mái của người thợ gốm? 146. Tại 190. Về hạt giống, 191. Cây sala xanh tốt, sao có lúc đức Phật xưng mình là Bà-la- 192. Về chiếc thuyền, 193. Về ghe thuyền môn, có khi xưng mình là vua? 147. Tại dính đá ngầm, 194. Về cột buồm, 195. Về sao không có hai đức Phật xuất hiện một người cầm lái thuyền, 196. Về người làm lần? 148. Không nên cho kẻ phàm tục xuất công, 197. Về biển cả, 198. Về quả đất, gia trong Giáo hội thanh tịnh của đức Bổn 199. Về nước, 200. Về lửa, 201. Về gió, sư, 149. Thân thọ khổ, tâm có thọ khổ? 202. Về núi, 203. Về hư không, 204. Về 150. Giải thêm về "tâm không động", 151. mặt trăng, 205. Về mặt trời, 206. Về trời Người đã phạm "bất cộng trụ" xin tu lại, Đế-thích, 207. Về Chuyển luân Thánh có đắc được đạo quả không? 152. Cư sĩ vương, 208. Về con mối, 209. Về con phá giới và Sa-môn phá giới, hậu quả tội mèo, 210. Về con chuột, 211. Về con bọ lỗi nặng nhẹ ra sao? 153. Nước có sanh cạp, 212. Về con chồn, 213. Về chó rừng, mạng chăng? 154. (Trùng câu 141), 155. 214. Về con nai, 215. Về con bò, 216. Về Trên thế gian này cái gì không sanh? 156. con heo, 217. Về con voi, 218. Về sư tử, Bậc A-la-hán còn phạm giới? 157. Cái gì 219. Về vịt nước, 220. Về chim Venàhikà không do nhân, nghiệp, thời tiết sanh? mái, 221. Về chim sẻ, 222. Về chim cu, 158. (trùng câu 157), 159. Sao không thấy 223. Về con rít, 224. Về con dơi, 225. Về tử thi của dạ-xoa? 160. Tại sao đức Thế con đỉa, 226. Về con rắn, 227. Về con trăn, Tôn không cấm chế giới luật một lần? 161. 228. Về nhện giăng lưới, 229. Về hài nhi, Mặt trời có bệnh không? 162. Lại bệnh 230. Về rùa vàng, 231. Về rừng, 232. Về của mặt trời nữa! 163. Về chuyện Bồ-tát cây đại thọ, 233. Về mưa, 234. Về ngọc Vessantara bố thí vợ con! 164. Chư Phật mani, 235. Về người săn bắn, 236. Về quá khứ có tu khổ hạnh không? 165. Năng người câu cá, 237. Về thợ bào gỗ, 238. Về lực của thiện và ác nghiệp cái nào mạnh người thợ gốm, 239. Về con quạ, 240. Về hơn? 166. Hồi hướng phước có hiệu quả cái dù, 241. Về đám ruộng, 242. Thuốc trị không? 167. Hồi hướng ác có được độc rắn, 243. Về vật thực, 244. Về người không? 168. Tại sao có chiêm bao? 169. bắn cung; Chết đúng thời và chết không đúng thời, III. Sau cuộc vấn đáp, Thi điếu. 170. Tại sao nhập Niết-bàn lại có hiện Tác phẩm này được xuất bản từ năm 1973, tượng phi thường? 171. Chúng sanh nào có 2 tập, năm 1981, in tập III; tái bản năm có khả năng đắc đạo? 172. Niết-bàn có 2003, in chung thành 1 quyển, với tên xen lẫn khổ? 173. Tại sao không diễn tả "Kinh Mi-Tiên vấn đáp". Niết-bàn một cách cụ thể? 174. Làm sao rõ Niết-bàn, 175. Niết-bàn không ở đâu 901.

MỘT TRĂM BÀI KINH PHẬT cả! 176. Có ai thắng Phật không? 177. Đoàn Trung Còn Đầu-đà khổ hạnh có ích lợi gì? Phật Học Tòng Thơ xuất bản (in kỳ ba) –

Kinh dày 319 trang, bìa mềm, nền trắng, Vinh hạnh, 86. Sanh ra bằng cách thần chữ tựa màu đen, có hình đầu Đức Phật. thông, 87. Sáng hực, 88. Vua cả xuất gia, Nội dung gồm có 100 bài Kinh: Mấy lời 89. Bạt-đề (Bhadrika), 90. Hoàng tử xuất đầu; 1. Chư Tỳ-kheo ẩn hình, 2. Cô dâu gia, 91. Tu-bồ-đề, 92. Trưởng lão, 93. Hai kính Phật, 3. Người làm biếng, 4. Người bàn tay, 94. La-hán còn mắc quả, 95. Luân khách thương, 5. Người thợ dệt, 6. Người hồi, 96. Phủ kín, 97. Hình tướng xấu xa, bịnh nặng, 7. Đóa hoa sen, 8. Hai nhà vua, 98. Liều mình chẳng chết, 99. Đệ nhứt về 9. Một cuộc thề, 10. Phật giảng hòa, 11. sự thông hiểu dành rành, 100. Tiên Thánh Những người thuyền chài, 12. Cây cất nhà, hiệp vầy. 13. Tắm Phật, 14. Bịnh thời khí, 15. Phép linh, 16. Cuộc lễ trong năm năm, 17. Phật khảy đờn, 18. Cứu kẻ tà dâm, 19. Cúng áo 902. MỤC LỤC ĐẠI CHÁNH - cho Phật, 20. Đồ ăn của Tiên, 21. Chiên TÂN TU ĐẠI TẠNG KINH đàn hương, 22. Thọ ký cho đứa em nhỏ, Biên soạn: Nguyễn Minh Tiến 23. Cái bánh xe, 24. Sanh ra trên tòa sen, Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiển 25. Nước da mịn màng, 26. Ánh sáng mát Nxb Tôn Giáo – 2005 mẻ, 27. Bay qua sông, 28. Mùi thơm ngạt Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 767 trang, ngào, 29. Chẳng dính dơ, 30. Tiếng êm bìa cứng, tựa chữ Hán màu đỏ, tựa chữ dịu, 31. Cá linh cứu bịnh, 32. Nhịn miếng Việt màu đen, đỏ và xanh dương. Toàn bộ ăn, 33. Từ-Bi-Hỷ-Xả, 34. Xả thân cầu đạo, quyển Mục lục gồm có: Lời nói đầu, 35. Thí thân cầu pháp, 36. Phải có hiếu, Chính văn, Mục lục Đại chính tân tu Đại 37. Thỏ độ thầy tu, 38. Liều mình vì pháp, tạng Kinh. Sau cùng là 5 Phụ lục: 1. Dịch 39. Món nợ lâu đời, 40. Vị đệ tử cuối giả và dịch phẩm, 2. Các triều đại và dịch cùng, 41. Tại lò đường, 42. Mắng chửi phẩm, 3. Các dịch phẩm và trước tác của thầy tu, 43. Khát nước, 44. Phẫn trong bát, Nhật Bản, 4. Các dịch phẩm và trước tác 45. Năm trăm ngạ quỷ, 46. Bà mẹ bỏn sẻn, của Triều Tiên, 5. Các dịch phẩm không rõ 47. Ngạ quỷ mù, 48. Thầy tu rít róng, 49. triều đại. Mắc lời thề, 50. Thích ở chỗ sình, 51. Rắn hổ đất, 52. Rầu con, 53. Cúng hoa sa-la, 903. MỤC LỤC ĐẠI TẠNG KINH 54. Thắp đèn cúng Phật, 55. Manh vải che Tiếng Việt (Khởi thảo – 2016) thân, 56. Chim kéc, 57. Sứ giả, 58. Con Biên soạn: Nguyễn Minh Tiến trân, 59. Tám giái, 60. Bầy ngỗng, 61. Ánh Nxb Hồng Đức – 2016 sáng như vàng, 62. Thơm tho, 63. Hình Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 666 tướng tốt xinh, 64. Mạnh mẽ, 65. Yêu trang, bìa cứng, chữ tựa màu đỏ nhạc và mến, 66. Cặp mắt hoa sen, 67. Tiếng nói màu vàng, có hình bàn tay Phật, trong lòng như chuông ngân, 68. Một trăm đứa con, tay có bánh xe pháp luân. Nội dung gồm 69. Mặt trời, 70. Thượng cờ lên tháp Phật, có: Lời nói đầu, Mục lục Đại Tạng Kinh 71. Ánh sáng tốt tươi, 72. Thương yêu, 73. Tiếng Việt, Tra cứu theo tên Kinh Hán- Trắng tinh, 74. Mặt trăng, 75. Cô vũ nữ, Việt, Kinh điển chưa có bản Việt dịch 76. Mỹ nữ nước Cá-xi (Kaci), 77. Hột trong Mục lục này, Bộ A-hàm, Bộ Bảo châu, 78. Bà mẹ hồi các đời trước, 79. tích, Bộ Bát-nhã, Bộ Bổn duyên, Bộ Đại Hạnh phước, 80. Tướng xấu, 81. Biển, 82. tập, Bộ Đôn Hoàng, Bộ Du-già, Bộ Hoa Hoa, 83. Vàng trong tay, 84. Tam tạng, 85. Nghiêm, Bộ Kinh tập, Bộ Luận tập, Bộ

Luật, Bộ Mật giáo, Bộ Mục lục, Bộ Ngoại giáo, Bộ Niết-bàn, Bộ Pháp Hoa, Bộ Sử truyện, Bộ Sự vị, Bộ Kinh sớ-Thiền, Bộ Kinh sớ-Tịnh độ, Bộ Trung Quán, Tục N tạng; Dịch giả Tham gia Việt dịch Kinh 905. NA-TIÊN TỲ-KHEO KINH và điển, Dịch giả và dịch phẩm,

Suy nghĩ về Thi-ca-la-việt Kinh Đại Tạng Kinh Tiếng Việt hiện trạng và Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) tương lai, I. Dẫn nhập, II. Phiên dịch Kinh Phật học Thơ xã xuất bản – (in kỳ ba) điển sang tiếng Việt, 1. Tiến trình phiên Kinh có 85 trang, bìa mềm, chữ tựa màu dịch, 2. Tìm hiểu thực trạng hiện nay, a. đen, có hình vua Di-lan-đà tham vấn Phật Tính hệ thống, b. Tính tổ chức, c. Độ tin pháp với Tỳ-kheo Na-tiên. Nội dung gồm cậy, d. Tính phổ cập; III. Việt tạng: Hiện có: Bài tựa, I. Tích ngài Na-tiên và vua trạng và tương lai, 1. Xác định hiện trạng, Di-lan-đà, Kinh thành Xá-kiệt, Từ những 2. Một số ý kiến đề xuất, a. Hệ thống hóa đời trước, Vua Di-lan-đà, Chư La-hán Kinh điển Việt dịch, b. Kết nối cộng đồng thỉnh đức Đại Tiên giáng, Thánh Lâu-hán dịch giả, c. Chuẩn hóa và đồng thuận, d. bị phạt, Đức Na-tiên giáng sanh và học Đa dạng hóa việc lưu hành Kinh điển; IV. hành, Na-tiên thọ giái xuất gia, Na-tiên Thay lời kết. đến thọ giáo với Át-ba-nhựt, Na-tiên đến xứ Hoa-thị, Na-tiên đến thành Xá-kiệt, Di- 904. Mười bài giảng lan-đà đi kiếm Na-tiên; II. Vấn đáp về đạo KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC lý, Không có người, Con số, Cách nói Giảng giải: HT. Thích Tinh Vân chuyện của nhà đạo đức và nhà vua chúa, Việt dịch: Thích Minh Quang Tranh biện, Vua thỉnh Na-tiên vào đền, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 Vua đãi yến Na-tiên, Mục đích của kẻ tu Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 179 trang, xuất gia, Tại sao phải luân hồi, Những bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có phương pháp giải thoát, Nhứt tâm và trí 10 bài giảng chính, ở mỗi bài có các phần: tuệ, Các điều thiện, Thành tín là trong Hán văn, phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ và sạch, Thành tín là tinh tấn, Hiếu thuận, giảng. Phần đầu là Mười công đức lớn, Nghị lực, Ý niệm lành, Nhứt tâm thiền Lời người dịch, Phật thuyết kinh Tám định, Trí tuệ, Hiệu lực của các điều thiện, Điều Giác Ngộ, Lược sử ngài An Thế Sự dính dấp đời trước với đời sau, La-hán Cao; Bài 1. Khái thuật về kinh Bát Đại biết mình hết luân hồi, Trí tuệ với thông Nhân Giác, Bài 2. Thế giới quan của Phật minh, Sự đau khổ của bậc La-hán, Sự vui giáo, Bài 3. Đa dục là căn bản của sinh tử khổ thanh và trược, Tên gọi và thân sắc lai luân hồi, Bài 4. Tri túc là căn bản để gìn sanh, Na-tiên trách vua hỏi đi hỏi lại, Tên giữ đạo nghiệp, 5. Tinh tấn là căn bản để gọi và thân sắc, Thời gian, Nguồn gốc của hàng phục ma chướng, 6. Trí tuệ là căn thời gian, Nguyên thủy của thời gian, Hợp bản để chuyển hóa ngu mê, 7. Bố thí là lại và xúc động, Có nhơn duyên mới sanh căn bản để rộng độ chúng sinh, 8. Trì giới ra, Chẳng có thần hồn, Giác quan với tâm là căn bản để tiết chế dục vọng, 9. Tâm thần, Tâm thần và thọ cảm, Thọ cảm, Đại thừa là căn bản phổ độ chúng sinh, 10. Giác, Sở niệm, Nội động, Không thể phân Tổng kết kinh Bát Đại Nhân Giác. tách các nỗi lòng, Muối; III. Vấn đáp về

những chỗ tinh vi, Duyên nghiệp của ngũ làm Phước, C.VII Nghi và bài báng niệm quan, Nguyên nhân bất bình đẳng ở đời, Phật mắc tội nặng, C.VIII Thệ nguyện Phải làm lành từ trước, Lửa địa ngục, chứng nghiệm Giáo pháp, C. IX Rộng Nước chịu lấy đất, Niết-bàn là Tịch diệt, nhiếp các Giáo, C.X Giải thích các điều Đắc Niết-bàn, Niết-bàn là cảnh sướng, Nghi hoặc, C.XI Niệm Phật ra khỏi Ba Phật có ra đời, Phật là cao thượng hơn hết, cõi, Lời bạt. Pháp, Sanh ra sữa, Thần hồn, Đời trước phạm tội-đời sau phải trả, Sự thiện-ác vẫn 907. NIỆM PHẬT theo mình, Không thể biết trước những VIÊN ĐỐN TAM KINH quả về sau, Biết rằng mình còn luân hồi, Việt dịch: Minh Lễ Đức Phật ngự ở đâu, Tại sao nhà sư lăn Vạn Đức Tự (Thủ Đức), lóc lấy thân, Phật biết hết, Tại sao Phật

PL. 2512 – DL. 1968 không giống cha mẹ, Bắt chữ, Sự truyền Nội dung gồm có: Tựa – Thọ giả Hòa giải, Nước mắt lành, Mê-tỉnh, Trí tuệ ở tại thượng, Tự - của Bồ-tát giới Bành Tế đâu, Trí nhớ, Nhớ tự nhiên và nhớ khích Thanh, I. Kinh Văn-thù Sở thuyết Bát-nhã, thích, Mười bảy cách nhớ, Nhơn nhỏ quả vài lời sau Kinh Văn-thù Sở thuyết Bát- to, Từ mặt đất đến cảnh trời Phạm thiên, nhã; II. Như Lai Bất khả tư nghì Cảnh Sanh ra một lượt, Phân biệt thiện ác, Việc giới; III. Kinh Bát Chu Tam-muội, Q.1, thiện là trọng hệ, Hai người làm ác, Bay P.1 Vấn pháp, P.2 Tư duy, P.3 Tam-muội lên trên không, Xương dài 100 do-tuần, hành, P.4 Thấy Phật; Q.2, P.5 Chánh tín, Ngưng hơi thở, Biển, Phân tách vật tỉ mỹ, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, P.8 Thức-trí và thần hồn, Sự khó, Bài cuối Thọ ký; Q.3, P.9 Công đức Thọ trì, P.10 cùng; IV. Phụ trương: Thi-ca-la-việt Kinh. Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ năm pháp, Tác phẩm Kinh này đã được Phật học Thơ P.12 Xa lìa phân biệt; Q.4, P.13 Vô tránh xã xuất bản năm 1941 (in lần đầu), In tại hạnh, P.14 Pháp bất cộng, P.15 Công đức Nhà in Đức Lưu Phương (Sài Gòn), với tùy hỷ, P.16 Phụng sự Pháp sư, P.17 Chúc nhan đề "Na-tiên Tỳ-kheo Kinh hay là lụy; Vài lời sau Kinh Bát Chu Tam-muội; Vua Di-lan-đà hỏi đạo". Lời bạt (Minh Lễ); Tiểu sử Cư sĩ Bồ-tát Bành Tế Thanh. (Bản lưu tại Thư viện 906. NIỆM PHẬT KINH Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Chư Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 1960) Tôn Bộ 4, Quyển 47, số 1966 (Tấm Gương soi của người niệm Phật) Tuyển tập: Đại sư Đạo Cảnh và Đại sư Thiện Đạo Tuyển dịch: Sa-môn Thích Hồng Nhơn Nội dung gồm có 11 chương: Lời giới thiệu, Dẫn nhập; C.I Khuyến tấn niệm Phật, C.II Tự lực và Tha lực, C.III Niệm Phật được lợi ích, C.IV Đã được vãng sanh nhiều ít, C.V So lường Công đức niệm Phật, C.VI So sánh việc Trì trai và

cùng; Phần C. Bát-nhã, Hồi hướng, Tam

NG tự Quy; Phần D. Các bài sám: Sám nguyện, Sám Phát nguyện sám hối, Sám Cầu nguyện, Sám Cầu an, Sám Quan Âm, Sám Phát nguyện Vãng sanh, Sám Phổ 908. NGŨ KINH TỊNH ĐỘ Dịch giả: Hiền, Sám Mười phương, Sám Di-đà, Sám Cầu sanh Tịnh độ, Sám Báo hiếu Phụ thân, HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Tu viện Quảng Đức (Australia) ấn hành, Sám báo hiếu Mẫu thân, Sám Nhất tâm, PL. 2561 – DL. 2017 Sám Thảo lư, Sám Hồng trần, Sám Tống Tác phẩm Kinh này dày hơn 163 trang; tang, Bài Tụng lễ Phật Khánh đản, Bài nội dung gồm có: Lời khai thị của Đức Tụng lễ Phật Xuất gia, Bài Tụng lễ Phật Trưởng lão HT. Thích Trí Tịnh về pháp tu Thành đạo, Bài Tụng lễ Phật Niết-bàn, Bài Tụng Kinh; 1. Kinh A-di-đà, 2. Phẩm Tụng 12 hiệu An dưỡng, Bài Tụng 12 hiệu Phương tiện (Kinh Pháp Hoa), 3. Phẩm Quán Âm. Phổ Môn (Kinh Pháp Hoa), 4. Kinh Kim Cang Bát-nhã, 5. Phẩm Phổ Hiền (Kinh 910. NGHI THỨC TỤNG NIỆM Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 Kinh-Hán tạng) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 296 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

NGH Nội dung gồm có 3 phần: I. Nghi thức: A. Phần khai Kinh, 1. Dâng hương, 2. Tán dương, 3. Đảnh lễ Tam bảo, 4. Tán hương, 5. Bài kệ khai Kinh; B. Phần Nội dung, 1. 909. Nghi Thức Kinh A-di-đà, 2. Nghi thức Thí thực; C. KINH TỤNG HẰNG NGÀY Phần Hồi hướng, 1. Chú Tôn thắng, 2. Biên soạn: Thích Phước Tiến Kinh Bát-nhã, 3. Chú Đại bảo; II. Các bài Nxb Hồng Đức – 2015 Kinh: 1. Hồng danh Sám hối, 2. Kinh Tám Sách có khổ

13 x 20.5cm, dày 462 trang. điều Thượng nhân Giác ngộ, 3. Kinh Di- Tác phẩm gồm có 4 phần chính, trong đó lặc, 4. Kinh Mười nguyện Phổ Hiền, 5. có 16 Kinh. Nội dung: Lời nói đầu; Phần Kinh Phổ môn, 6. Kinh Người áo trắng, 7. A. Dẫn nhập, Phần B. Chánh Kinh: Sám Kinh Hải đảo Tự thân, 8. Kinh Tuổi trẻ và hối Hồng danh, Sám hối Sáu căn, Kinh Hạnh phúc, 9. Kinh Phước đức, 10. Kinh Người áo trắng, Kinh Từ tâm, Kinh Sáu Soi gương, 11. Kinh Diệt trừ Phiền giận, Pháp vô thượng, Kinh Hiền nhân, Kinh 12. Kinh Trung đạo Nhân duyên, 13. Kinh Nền tảng Đạo đức Xã hội, Kinh Phổ môn, Ba cửa Giải thoát, 14. Kinh A-na-luật-đà, Kinh Bốn lãnh vực Quán niệm, Kinh Quán 15. Kinh Người bắt rắn, 16. Kinh Sức niệm hơi thở, Kinh Diệt trừ Phiền hận, mạnh Quán Âm, 17. Kinh Vô thường, 18. Kinh Giáo hóa người bệnh, Kinh Nhận Kinh Độ người Hấp hối, 19. Kinh Vu Lan; thức Vô thường và Đau khổ, Kinh Cúng III. Các bài Sám: 1. Sám nguyện, 2. Sám thí người mất, Kinh Nghiệp báo Tái sanh, Phát nguyện Sám hối, 3. Sám Cầu nguyện, Kinh A-di-đà, Kinh Kim Cương gương 4. Sám Phát nguyện Vãng sanh, 5. Sám báu Cắt đứt phiền não, Kinh Lời dạy sau Phổ Hiền, 6. Sám Mười Phương, 7. Sám

Nhất Tâm, 8. Sám Thảo lư, 9. Sám Hồng Hướng về Kính lạy, Phòng hộ Chuyển trần, 10. Sám Tống táng, 11. Sám Vu Lan, hóa, Sám Quy mạng, Sám Nguyện, Tùy hỷ 12. Bài Tụng lễ Phật Khánh đản, 13. Bài Hồi hướng, Ngày đêm An lành, Chuyển Tụng lễ Phật Xuất gia, 14. Bài Tụng lễ niệm, Thiên Long Hộ pháp, Bốn Phép Tùy Phật Thành đạo, 15. Bài Tụng lễ Phật niệm, Kệ Tán, Quy y Tam bảo, Khấn Tổ Niết-bàn, 16. Bài Tụng 12 hiệu An dưỡng, tiên năm mới, Nghi thức Ăn cơm yên lặng, 17. Bài Tụng 12 hiệu Dược Sư, 18. Bài Thi kệ Nhật dụng, Thực tập Ba lạy, Thực Tụng 12 hiệu Quán Âm. tập Năm lạy, Bông hồng Cài áo, Nguồn gốc Kinh văn. 911. NGHI THỨC TỤNG NIỆM Đại Toàn – Bằng Quốc văn 912. Nghi Thức Tụng và Yếu Giải Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn KINH A-DI-ĐÀ (Việt ngữ) Lá Bối xuất bản Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Sách dày 384 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ thập (Kumarajiva, 344-413) tựa màu trắng, có hình biểu tượng hoa sen Yếu giải: Ngẫu Ích Đại sư (1599-1655) ở trong có chùa Một Cột (nhỏ), có viền Việt dịch: Thích Tuệ Nhuận khung hoa văn; bìa sau góc trên có hình Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 14.5 (bán thân) Thiền sư Thích Nhất Hạnh. x 20.5cm, có 133 trang, bìa mềm. Nội Nội dung gồm có: Lời tựa, Lời chỉ dẫn, dung gồm có: Nghi thức Tụng Kinh A-di- Các Nghi thức: Công phu tại gia, Sám hối, đà, Nguyện hương, Tán Phật, Quán tưởng, Chúc tán Rằm và mùng Một, Chúc tán Tổ Đảnh lễ, Cử tán, Chú Đại bi, Bài văn Phát sư, Hộ niệm Cầu an, Hộ niệm Siêu độ, nguyện, Bài kệ khai Kinh, Tán Liên trì; Cúng Ngọ, Thí Thực, Thọ Trai, Cúng Phật thuyết Kinh A-di-đà: A. Tựa, 1. Thất, Tẩy tịnh và Nhập liệm, Thành Phục Thông tự, 2. Biệt tựa; B. Chánh tông, I. (Thọ tang), Gia trì Nước tịnh, Tắm Bụt, Khải tín, 1. Y báo, 2. Chánh báo, II. Vu Lan, Hôn Lễ, Truyền Ba Quy Năm Khuyên phát nguyện, III. Lập hạnh, Kết Giới, Truyền Giới Tiếp hiện, Tụng Giới khuyến; C. Lưu thông, I. Phổ khuyến, 1. Thiếu nhi và Năm Giới, Tụng Giới Tiếp Khuyến tín, 2. Khuyến nguyện, 3. Khuyến hiện; Kinh văn: Kinh Yêu thương, Kinh hạnh, Kết khuyến; Ma-ha Bát-nhã Ba-la- Phước đức, Kinh A-nậu-la-độ, Kinh Tám mật-đa Tâm Kinh; Kinh Lăng Nghiêm điều Giác ngộ của Các bậc Đại nhân, Kinh (Đại Thế Chí niệm Phật Viên thông Người Biết sống một mình, Kinh Ba Cửa chương), Bạt Nhất thiết Nghiệp chướng Giải thoát, Kinh Độ Người Hấp hối, Kinh Căn bản Đắc sanh Tịnh độ

Đà-la-ni, Tán Bát-nhã Hành, Kinh Kim Cương Gươm Phật, Sám Thập Phương, Phát nguyện báu Cắt đứt Phiền não, Kinh Người Áo Đảnh lễ Phật A-di-đà Cầu sanh Tịnh độ, trắng, Kinh Người Bắt rắn, Kinh Sức Phát nguyện Vãng sanh Tây Phương, Bài Mạnh Quán Âm, Kinh Trung Đạo Nhân khuể thủ của Liên Tông Bát Tổ Liên Trì Duyên, Kinh Mười nguyện Phổ Hiền, Đại sư), Hồi hướng, Phục nguyện, Tự Quy Kinh Tuổi trẻ và Hạnh phúc, Kinh Soi y, Kệ Vô thường; Yếu giải Kinh A-di-đà, Gương, Kinh Diệt trừ Phiền giận, Kinh Tiểu sử Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, Lời Hải đảo Tự thân, Kinh A-di-đà, Kinh Bốn Người dịch, Yếu giải Ngũ trùng huyền Lĩnh vực Quán niệm, Kinh Quán niệm nghĩa, I. Tên Kinh, II. Thể chất của Kinh, Hơi thở; Phụ lục: Bài Tụng Hạnh phúc, III. Tôn chỉ của Kinh, A. Tin, B. Nguyện,

C. Hạnh; IV. Lực dụng của Kinh, V. Giáo sắc không, 3. Ước tam tính, 4. Hiển vô tướng (yếu giải nội dung Kinh A-di-đà từ tướng, 5. Thuyết vô sinh, 6. Luận ngũ A. I. Thông tự,… đến Kết khuyến); Lời giáo, 7. Lặc Thập huyền, 8. Quát lục cuối. tướng, 9. Thành Bồ-đề, 10. Nhập Niết- bàn); V. Hợp luận Kinh Hoa Nghiêm; VI. 913. Nghiên cứu Du tâm pháp giới ký Hoa Nghiêm; VII. KINH HOA NGHIÊM Huyền đàm Hoa Nghiêm; VIII. Kinh Hoa (AVATAMSAKA) - Sanskrit Nghiêm Sưu Huyền ký; IX. Kinh Hoa Tác giả: Tiến sĩ Lâm Như Tạng Nghiêm Thám Huyền ký; X. Kinh Hoa Tác phẩm nghiên cứu Kinh này gồm có: Nghiêm Tùy sớ Diễn nghĩa sao; XI. Kinh A. Nghiên cứu một, I. Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Văn nghĩa Cương mục; XII. II. Avatamsa; B. Nghiên cứu hai, I. Kinh Năm Quán môn của Tông Hoa Nghiêm; Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm, II. XIII. Hoa Nghiêm Nhất thừa giáo Phân Ba bản dịch của Kinh Hoa Nghiêm, 1. ký; XIV. Hoa Nghiêm Nhất thừa Phân tề Phật-đà-bạt-đà-la đời Đông Tấn dịch, 2. chương nghĩa uyển sớ; XV. Hoa Nghiêm 5 Thực-xoa-nan-đà đời Đường dịch, 3. Bát- vị (a. Chính vị, b. Kiêm vị, c. Dẫn vị, d. nhã đời Đường dịch, III. Ba bản Kinh Hoa Quyền vị, e. Viễn vị); XVI. Nguyên nhân Nghiêm, IV. Mười loại Kinh Hoa Nghiêm: luận; XVII. Phật hoa Tam-muội; XVIII. 1. Ngài Hiền Thủ giảng 10 loại, a. Hằng Ba bậc Thánh; XIX. Mười điểm khác biệt bản, b. Đại bản, c. Thượng bản, d. Trung của Kinh Hoa Nghiêm; XX. Mười nghĩa bản, e. Hạ bản, f. Lược bản, g. Luận thích, Hoa Nghiêm; XXI. Bốn phần Hoa h. Phiên dịch, i. Chi lưu, Đâu-sa Kinh, Bồ- Nghiêm; XXII. Tông Hoa Nghiêm (Mười tát bản nghiệp Kinh, j. Cảm ứng; 2. Ngài Tổ, Bảy Tổ, Năm Tổ, Năm giáo, Mười Thanh Lương nói 10 loại: a. Lược bản tông, Bốn pháp giới, Mười Huyền môn, Kinh, b. Hạ bản Kinh, c. Trung bản Kinh, Sáu Tướng viên dung). Đồng thuyết Kinh, g. Dị thuyết Kinh, h. Chủ bạn Kinh, i. Quyến thuộc Kinh, j. 914. Nghiên cứu KINH LĂNG-GIÀ Viên mãn Kinh; V. Hoa Nghiêm Tam- (Một trong những bộ kinh quan trọng nhất muội, VI. Hoa tạng Thế giới; C. Nghiên của Phật giáo Đại thừa, trong đó tất cả các cứu ba, I. Thời gian Phật giảng Kinh Hoa giáo lý chủ yếu được trình bày, kể cả Nghiêm, II. Hoa Nghiêm Kinh chỉ qui, III. Thiền học) Mười cửa huyền nhiệm sâu xa, 1. Đồng Nguyên tác Anh ngữ: thời cụ túc tương ứng môn, 2. Quảng hiệp Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966) tự tại vô ngại môn, 3. Nhất đa tương dung Việt dịch: bất đồng môn, 4. Chư pháp tương tức tự Tỳ-kheo Thích Chơn Thiện (1942-2016) tại môn, 5. Ẩn mật hiểu liễu câu thành và Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn môn, 6. Vi tế tương dung an lập môn, 7. Nxb Thuận Hóa – 1999. Sách có khổ 14.5 Nhân đà-la võng pháp giới môn, 8. Thác x 20.5cm, dày 711 trang, bìa mềm. Toàn sự hiển pháp

sinh giải môn, 9. Thập thế bộ tác phẩm này gồm có 3 phần chính: Lời cách pháp dị thành môn, 10. Chủ bạn viên nói đầu, Trích yếu; Phần I, Dẫn nhập vào minh cụ túc môn; IV. Kim Sư tử chương việc nghiên cứu kinh Lăng-già; Phần II, Hoa Nghiêm (1. Minh duyên khởi, 2. Biện Kinh Lăng-già và giáo lý Phật giáo Thiền:

1. Khái quát về các ý niệm chủ yếu được Amita-Buddha, II. Tây phương Tam tôn, trình bày trong bộ kinh, 2. - Nội dung tri III. Cảnh Tây phương Tịnh độ, IV. Mạn- thức của kinh nghiệm Phật giáo, - Tâm lý đồ-la A-di-đà (1. Mạn-đồ-la lý thú, 2. học về kinh nghiệm Phật giáo, 3. Đời sống Mạn-đồ-la cửu phẩm, 3. Mạn-đồ-la tám và công việc của vị Bồ-tát; Phần III, Một đại Bồ-tát); V. Năm tôn Mạn-đồ-la; VI. số lý thuyết quan trọng được trình bày Năm mươi vị Bồ-tát và Phật A-di-đà; VII. trong Lăng-già (Học thuyết Duy tâm, Khái Đại tâm chú A-di-đà; VIII. Báo hóa dị; niệm về vô sinh, Ba thân của Đức Phật, Phần hai: Kinh A-di-đà, A. Nghiên cứu Các tiểu đề khác). Cuối sách là Các chú một, I. Kinh A-di-đà, II. Đại A-di-đà giải thuật ngữ Phạn Hán. Kinh; B. Nghiên cứu hai, I. Aparimitayus- Tác phẩm này đã được Ban Giáo dục sutra, II. Sukhavatyamrta-vyuha; 1. Kinh Tăng Ni TƯ. GHPGVN ấn hành năm 1991 Tiểu Vô lượng thọ, 2. Kinh Xưng tán Tịnh và 1992; tái bản: Năm 2005, Nxb Tôn độ Phật nhiếp thọ, III. Cổ âm thanh vương Giáo. Đà-la-ni Kinh, IV. Kinh A-di-đà nghĩa sớ, 1. A-di-đà Kinh sớ tịnh tự, 2. Chú thích A- 915. Nghiên cứu LỤC TỔ ĐÀN KINH di-đà Kinh nghĩa sớ, V. A-di-đà Kinh sớ, Nghiên cứu: Vũ Thế Ngọc 1. Ngài Khuy Cơ chú thích, 2. Nguyên Nxb Phương Đông – 2010 Hiếu chú thích; VI. A-di-đà sớ sao; Phần Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 415 trang, trích dẫn-tham khảo Kinh A-di-đà (Các bìa mềm. Nội dung gồm có 4 phần: Tựa, bản tiếng: Việt, Anh và Sanskrit). I. Thời tông trước thời Huệ Năng, II. Ba bộ Kinh căn bản của Thiền tông, III. Thiền 917. Nghiên cứu về KINH PHÁP HOA Đạt-ma và Pháp môn Đông Sơn; Phần II. Tác giả: Tiến sĩ Lâm Như Tạng Huệ Năng và văn bản Pháp Bảo Đàn Kinh, Tác phẩm Kinh này gồm có 4 phần nghiên I. Tiểu sử Lục Tổ Huệ Năng, II. Văn bản cứu: A. Nghiên cứu một, I. Diệu (1. Lý Pháp Bảo Đàn Kinh; Phần III. Nội dung thật tướng, 2. Tuyệt đối không có gì so Pháp Bảo Đàn Kinh, I. Á Đông hóa Thiền sánh được, 3. Không thể nghĩ bàn), II. Ấn độ, II. Đàn Kinh là bản tuyên ngôn Pháp, III. Hoa sen, IV. Hoa sen diệu pháp, pháp môn tu trì độc lập, III. Tư tưởng chủ V. Kinh Hoa sen diệu pháp; B. Nghiên yếu của Pháp Bảo Đàn Kinh; Phần IV. cứu hai, I. The Lotus, II. Saddharma, III. Pháp Bảo Đàn Kinh (Bản Đôn Hoàng), I. Saddharmapundarika sutra; C. Nghiên cứu Bản dịch Việt ngữ, II. Bản dịch Anh ngữ, ba, I. Kinh Hoa sen Diệu pháp, II. Cửa III. Nguyên bản Hán văn; Thư mục chính. huyền diệu, III. Pháp Hoa tam-muội, IV. Pháp Hoa tông; D. Nghiên cứu bốn, I. Ba 916. Nghiên cứu về KINH A-DI-ĐÀ thừa về một, II. Bồ-tát Thế Thân chú thích Tác giả: Tiến sĩ Lâm Như Tạng Kinh Pháp Hoa, III. Kinh Pháp Hoa giải Tác phẩm nghiên cứu Kinh này gồm có: thích theo Mật giáo, IV. Văn cú ký, V. A. Nghiên cứu một, I. Amitabha Pháp Hoa 7 ví dụ, VI. Y vương, VII. Pháp (Sanskrit), Amitabutsu (tiếng Nhật), Phật Hoa Kinh văn cú, VIII. Pháp Hoa sám A-di-đà; II. Mười ba danh hiệu của Phật pháp, IX. Năm lớp nghĩa huyền diệu của A-di-đà; III. Ba mươi bảy danh hiệu; B. Kinh Pháp Hoa, X. Pháp Hoa Kinh nghĩa Nghiên cứu hai; C. Nghiên cứu ba, I. sớ, XI. Mười bảy tên của Kinh Pháp Hoa,

XII. Ý nghĩa huyền diệu của Kinh Pháp Chúc lụy. (mỗi phẩm phân ra nhiều đoạn, Hoa, XIII. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh ở mỗi đoạn có: Chính văn và Giải văn) huyền tán, XIV. Pháp Hoa an lạc hạnh, XV. Pháp Hoa Kinh huyền luận, XVI. 920. Nhập Môn KINH HOA NGHIÊM Pháp Hoa 8 hội giảng, XVII. Tông Pháp Đại sư Pháp Tạng – Trừng Quán Hoa - Nhật Liên, XVIII. Trí Giả Đại sư Trạm Nhiên – Tịnh Cư – (538-597), XIX. Năm thời thuyết giáo, Lý Thông Huyền XX. Từ Linh Thứu đến Thiên Thai, XXI. Việt dịch: Nguyên Huệ Núi Thiên Thai, XXII. Tông Thiên Thai. Nxb Phương Đông – 2010. Sách có khổ 13 dung gồm có: Lời giới thiệu, Số 1743/1, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm

NH Kinh; Huyền nghĩa Nhất bộ; Số 1740/1, Lược nêu Đại ý của mỗi quyển trong Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; Số 1742/2, Hoa Nghiêm Kinh Nguyện Hạnh 918. NHÂN QUẢ QUÁ KHỨ- Quán Môn Cốt mục, Q.1 và Q.2; Số HIỆN TẠI KINH Hán dịch: Tam tạng Pháp sư 1737/1, Đại Hoa Nghiêm Kinh Lược sách; Số 1738/1, Tân dịch Hoa Nghiêm Kinh Cầu-na-bạt-đà-la Việt dịch: Nguyên Lộc – Nhất Nghiêm Thất xứ Cửu hội Tụng thích chương; Số Hiệu đính: Thích Nguyên Chơn 1734/1, Hoa Nghiêm Kinh Văn nghĩa Nxb Phương Đông – 2007. Kinh có khổ Cương mục; Tiểu sử Tác giả. 14 x 20cm, có 294 trang, bìa mềm. Toàn bộ Kinh này có 4 quyển, nội dung kinh 921. NHẬT TỤNG 49 KINH Đức Phật giảng dạy về nhân quả, nhân Lưu hành nội bộ duyên trong quá khứ và hiện tại. Tác phẩm Kinh này dày hơn 714 trang, bìa cứng, gồm có 49 Kinh. Nội dung như sau: Nghi thức tụng niệm, 1. Tiểu sử đức Phật, 919. Nhân Vương Hộ Quốc 2. Kinh Chuyển Pháp luân, 3. Kinh Người BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA KINH Hán dịch: Bất Không Bồ-tát Áo trắng, 4. Kinh Cúng thí người mất, 5. Giảng lục: Thái Hư Đại sư Kinh Pháp cú, 6. Kinh Đức tin, 7. Kinh Từ Việt dịch: Thích Trung Quán tâm, 8. Kinh Phước đức, 9. Kinh Sáu pháp In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định) xuất vô thượng, 10. Kinh Thiện sanh, 11. Kinh bản – 1957 Hiền nhân, 12. Kinh 42 chương, 13. Kinh Kinh có 185 trang, bìa mềm. Nội dung Bát đại nhân giác, 14. Kinh Người vợ mẫu gồm có: Lời nói đầu, Nghi thức tụng Kinh, mực, 15. Kinh Giáo hóa người bệnh, 16. Kinh Chủ trương của Như Lai, 17. Kinh Phật thuyết Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh, Huyền luận, I. Thích Trung đạo Nhân duyên, 18. Kinh Mười Kinh đề danh nghĩa, Thích Kinh, P.1 Tựa, pháp quán niệm, 19. Kinh Quy luật của cái P.2 Quán Như Lai, P.3 Hạnh Bồ-tát, P.4 chết, 20. Kinh vô thường-khổ não-vô ngã, Nhị đế, P.5 Bất tư nghì, P.6 Phụng trì, P.7 21. Kinh Người biết sống một mình, 22. Kinh Tệ túc, 23. Kinh Du ngôn người bắt rắn, 24. Kinh Cúng dường pháp, 25. Kinh

Thiết-lợi-la, 26. Kinh Tướng trang trí, Kinh Gavampati, Kinh A-la-hán, Loạt nghiêm, 27. Kinh Sống hòa hợp, 28. Kinh Kinh Luân hồi Vô thủy, Kinh Chánh kiến, Giáo huấn cuối cùng, 29. Kinh Na-tiên Kinh Thực phẩm (điều kiện cho thiện và Tỳ-kheo, 30. Kinh Chúng tập, 31. Kinh ác), Kinh Hội chúng, Kinh Mahànàma, Tu Thập thượng, 32. Kinh Thiền giáo bình đúng thì không sợ chết, Kinh Hộ niệm đẳng, 33. Kinh Đại nhân, 34. Kinh Sáu người cận tử, Ý nghĩa cầu siêu, Kinh Hỏa mươi tâm, 35. Kinh Pháp ấn, 36. Kinh dụ, Kinh Khúc gỗ, Kinh Girimànanda, Quán niệm Như Lai, 37. Kinh Bốn lãnh Kinh Vô sở hữu, Khái lược Giáo lý Duyên vực quán niệm, 38. Kinh Bốn Thánh đế, hệ, Thập độ (điều kiện tác thành Phật quả), 39. Kinh Bốn điên đảo, 40. Kinh Bốn điều Kinh Niệm xứ, Kinh Tất cả Lậu hoặc, nương tựa, 41. Kinh Chỉ bày chơn tâm, 42. Kinh Ước

nguyện, Kinh Tê ngưu, Kinh Kinh Hạnh Anh nhi, 43. Kinh Bồ-tát hạnh, Căn bản Pháp môn, Kinh Ví dụ con Rắn 44. Kinh Ý nghĩa Bát-nhã, 45. Kinh Kim (trích dẫn), Kinh Tự Hoan hỷ, Kinh Vô cương Bát-nhã, 46. Kinh Lục độ tương ngã tướng; Kệ Simsapà, Kệ Kalama, Kệ nhiếp, 47. Kinh Bồ-tát thường khóc, 48. Cúng dường Đại y, Kệ Cúng dường Kinh Vào Pháp môn không hai, 49. Kinh Hương đăng, Kệ Phật đản, Kệ Quy y, Xá- Viên giác; Sám Quy mạng, Phần Hồi lợi Răng Phật. hướng. (Bản lưu tại Tàng Kinh các, Tịnh viện Bát-nhã, xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, 923. NHẬT TỤNG THIỀN MÔN tỉnh BRVT) năm 2000 Biên soạn: Thiền sư Nhất Hạnh 922. NHẬT TỤNG KÀLÀMA Nxb Tôn Giáo – 2004 Toại Khanh sưu lục Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 591 trang, bìa Nxb Hồng Đức – 2020 mềm, nền đỏ nhạt, chữ tựa màu đồng, có Sách có khổ 18 x 26cm, dày hơn 571 viền khung hoa văn. Toàn bộ Nhật tụng trang, bìa cứng. Thiền môn này gồm có: Phần đầu, Lời giới Nội dung gồm có các Kinh: Kinh Lễ bái thiệu, Lời nói đầu, Những chỉ dẫn cần Tam bảo, Kinh Kàlàma, Kinh Simsapa, thiết. Phần chính, Công phu: Sáng – chiều Kinh Người phương ngoại, Kinh thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, Kaccànagotta, Kinh Tự trách, Kinh Nhất thứ bảy, Chủ nhật; Nghi thức: Chúc tán dạ hiền giả, Kinh Ngọn lửa, Kinh rằm và mồng một, Chúc tán Tổ sư, Cúng Sangàrava, Loại bỏ chướng ngại Thiền ngọ, Thọ trai, Truyền giới Sa-di, Tụng giới định, Kinh Các ngoại đạo, (Kinh Người Sa-di; Lời cảnh giác và khích lệ của Thiền mù sờ voi), Kinh Chuyển Pháp luân, Sự sư Qui Sơn. Sau cùng là Phụ lục: Kệ tán, Tồn vong của Chánh pháp, Năm lợi ích Sám Quy mạng, Thi kệ nhật dụng, Thi kệ của Tư thế Thiền hành, Kinh Di giáo, thực tập tiếp xúc bản môn, Những chỉ dẫn Pháp Bất thối, Kinh Phân biệt, Kinh về sự thực tập Ba cái lạy, Nguồn gốc các Khema, Đại Kinh Phương quảng, Hải đảo kinh văn sử dụng, Những bài kinh văn và Tựa nương, Bốn đại cứ pháp (Kinh tạng), bài tụng mới. Bốn đại cứ pháp (Luật tạng), Giáo lý Bốn đế, Kinh Hiền ngu, Kinh Phân biệt về sự thật, Kinh Khu rừng, Kinh Bẫy mồi, Đại Kinh Sư tử hống, Phật thuyết Toàn giác

924. NHỊ KHÓA HIỆP GIẢI niệm tư duy là con đường tu tập tiệm tiến, Dịch giả: 4. Chưa ra khỏi luân hồi bàn Viên giác HT. Thích Khánh Anh (1895-1961) tánh thì tánh Viên giác trở thành đống luân THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, hồi, 5. Ân ái tham dục là căn của sự luân PL. 1535 – DL. 1991 hồi, 6. Tánh viên giác vốn là phi tánh, 7. Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 527 trang, Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề và thiền-na là bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Nhị khóa pháp hành căn bản trong toàn bộ nền giáo Hiệp giải gồm có 2 thời khóa tụng (khuya lý Phật, 8. Chỉ, quán, thiền có thể xoay và chiều) là chính. Lời tựa, Phụ lời Quốc vòng thay đổi thành 25 cách trong tiến sư dạy chúng, Lời thuyết chỉ bảo, Tổng trình tu tập, 9. Chứng ngộ liễu giác là pháp quát ý nghĩa thời kinh mai, Tổng quát ý chương ngại Bồ-đề, 10. Tác nhậm chỉ diệt nghĩa thời kinh chiều; Thời khóa tụng là bốn căn bệnh trở thành ngại tiến trình về khuya: Yếu nghĩa kinh Lăng Nghiêm, Chú nhà Như Lai viên giác, 11. Xa-ma-tha, Đại bi, các thần chú: Như ý bửu luân Tam-ma-bát-đề và thiền-na trong bước vương Đà-la-ni, Tiêu tai cát tường, Công đường tu tập, 12. Biển cả dung chứa nước đức bửu sơn, Phật mẫu chuẩn đề, Thánh hết thảy sông ngòi khe lạch. Viên giác Đại vô lượng thọ, Dược Sư quán đảnh, Quan thừa giáo lợi ích khắp căn cơ. Âm linh cảm, Thất Phật diệt tội, Vãng Tác phẩm Kinh này tái bản lần thứ 5 năm sanh Tịnh độ, Thiện nữ thiên và Bát-nhã 2017, Nxb Hồng Đức, khổ 14 x

20cm, dày Ba-la-mật-đa tâm kinh, Bài kệ Hồi hướng, 126 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có Phát nguyện Hồi hướng, Thập nguyện Phổ tay gấp. Hiền, Nguyện vì chúng sanh, Văn tam quy; Thời khóa tụng chiều: Phật thuyết A- 926. Những Bài Giảng di-đà kinh, Sám Hồng danh, Mông sơn thí KINH TƯƠNG ƯNG – 2 Tập thực. Giảng giải: Tỳ-kheo Giác Nguyên Sách này đã được Nhà in Sen Vàng (Chợ Ghi chép: Nhị Tường Lớn) xuất bản năm 1966; tái bản nhiều Lưu hành nội bộ, PL. 2561 – DL. 2017 lần: Năm 1971, Giáo hội Tăng-già Nam Tập I, dày hơn 502 trang. Nội dung gồm Việt ấn hành; năm 2009-2011, Nxb Tôn có: Thiên có kệ, C.I, Tương ưng Chư Giáo. Thiên, Những bài giảng tháng 5, 6, 7 và đầu tháng 8 năm 2014, với các chủ đề: 925. NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH trực Bộc lưu, Giải thoát, Đưa đến đoạn tận chỉ đề cương (Thời gian trôi qua), Bao nhiêu phải cắt Giáo án Cao đẳng Phật học đoạn, Tỉnh giác, Không liễu tri, Mê loạn, Biên soạn: Pháp sư Thích Từ Thông Mong muốn kiêu mạn, Rừng núi, Vườn Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 Hoan hỷ, Vui thích, Không ai bằng con, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 138 trang, Giai cấp Sát-đế-lỵ, Tiếng động rừng sâu, bìa mềm, nền có hình hoa văn rồng-phụng Ngủ gục, biếng nhác, Khó làm, Tàm quý, chìm, chữ tựa màu đỏ. Toàn bộ Kinh này Am tranh, Samidhi, Kiếm, Xúc chạm, gồm có 12 chương. Phần đầu là Tựa, Lời Triền phược, Chế ngự tâm, Vị A-la-hán, cáo bạch, Phàm lệ; 1. Pháp hành của Như Ánh sáng, Nước chảy, Giàu lớn, Bốn bánh Lai trong khi tu Nhân địa, 2. Biết huyễn là xe, Con sơn dương, Với người thiện, Xan đã ly huyễn ly huyễn là Phật rồi, 3. Chánh tham, Lành thay, Chúng không phải, Hiềm

trách thiên, Lòng tin, Tụ hội, Kinh Miếng Arunavàti, Parinibhàna; C.VII, Tương ưng đá vụn, Kinh Con gái của Pajjuna, Thiêu Bà-la-môn: Tương ưng Bà-la-môn cháy, Cho gì, Đồ ăn, Một căn rễ, Bậc Dhananjàni, Phỉ báng, Asurindaka, Hoàn toàn, Thiên nữ, Trồng rừng, Kỳ Bilangika, Bất hại, Ahimsaka, Bện tóc, viên, Xan tham, Thợ đồ gốm, Già, Không Suddhika, Aggika: Thờ lửa, Sundarika, già, Bạn, Cơ sở, Sanh nhân, Phi đạo, Bahudhiti, Phẩm Bà-la-môn cư sĩ Cày Người bạn, Người thi sĩ, Danh, Tâm, Khát ruộng, Udaya, Devahita, Mahàsàla, ái, Kiết sử, Triền phược, Bị áp đảo, Bị treo Manatthada, Paccaniika, Navakammika, cột, Bị đóng kín, Ước muốn, Đời, Đoạn Katthahàra, Màtaposaka, Bhikkhaka, sát, Cổ xe, Tài sản, Mưa, Khủng bố, Sangarava, Khomadusa; C.VIII, Tương Không già, Tôn chủ, Dục, Lương thực, ưng Trưởng lão Vangisa: Xuất ly, Arati, Chớp, Không tranh luận; Khinh miệt, Ananda, Khéo nói, Xá-lợi- Tập II, dày hơn 620 trang. Nội dung gồm phất, Tự tứ, Kiều Trần Như, Mục-kiền- có: C.II, Tương ưng Thiên tử, những bài liên, Gaggarà, Vangìsa; C.IX, Tương ưng giảng tháng 8, 9, 10 năm 2014, với các Rừng: Tương ưng Rừng: Viễn ly, Săn sóc chủ đề: Kassapa, Màgha, Màgadha, hầu hạ, Kassapagotta, Đa số hay du hành, Damali, Kamada, Pancalacanda, Tayana, Ananda, Anuruddha, Tương ưng Rừng. Suriya, Candimasa, Vendu, Diighalatthi, Nagadatta, Gia phụ hay say đắm, Dighalatthi, Subrahma, Nandana, Vajjiputta, Tụng đọc Kinh điển, Bất chánh Candana, Vasudatta, Subrahma, tư duy, Giữa trưa hay tiếng động, Không Kakudhasuttam, Uttarasuttam, chế ngự căn, Sen hồng hay sen trắng; C.X, Anathapindika, Sivasuttam, Khema, Seri, Tương ưng Dạ-xoa: Indaka, Sakka, Ghatikara, Jantu, Rohita đến, Nanda, Suciloma, Manibhadda, Sanu, Piyankara, Susima, Các ngoại đạo sư, Tuổi trẻ, Punabbasu, Suddata, Sukka, Cira hay Người, Vua,

Thân ái, Tự bảo hộ, Thiểu số, Vira, Alava; C.X, Tương ưng Sakka: Xử kiện, Mallikà, Tế đàn, Triền phược, Alava (tt), Tương ưng Sakka: Suvira, Bện tóc, Năm vua, Đại thực, Chiến tranh, Susima, Dhajaggam (ngọn cờ), Người con gái, Không phóng dật, Không Dhajaggam (tt), Niệm Phật, Niệm Pháp, con, Không cô đơn; C.III, Tương ưng Niệm Tăng. Kosala: Người, Tổ mẫu, Thế gian, Cung (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Huệ thuật, Ví dụ hòn núi; C.IV, Tương ưng Ác Nghiêm-Giới Đài Viện Huệ Nghiêm, Tp. ma: Bẫy sập, Tịnh, Con voi, Khổ hạnh và Hồ Chí Minh) nghiệp, Kinh Hoan hỷ, Bình bát, Đoàn thực, Người nông phu, Thống trị, 927. NHỮNG BÀI Samiddhi, Godhika, Con gái của Ma KINH TỤNG HÀNG NGÀY vương; C.V, Tương ưng Tỳ-kheo Ni: Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Chân Quang Alavikha, Soma, Gotami, Vijaya, Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Uppalavannà, Càlà, Upacàlà, Sisupacàlà, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 337 trang, Selà, Vajirà; C.VI, Tương ưng Phạm thiên: bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu đỏ và trắng, Tương ưng Phạm thiên: Thỉnh cầu, Cung có hình hoa sen đỡ bánh xe pháp luân kính, Baka, Phóng dật, Kokalika, (nhỏ). Toàn bộ tác phẩm này gồm có các Sanamkumàra, nghi thức: Nghi thức cầu an, Nghi thức kinh Hạnh người xuất gia, Nghi thức kinh

Sống hòa hợp, Nghi thức lạy Phật sám hối, gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh); Phần Nghi thức tụng kinh (dành cho khóa tỉnh Lưu thông, Tán, Kệ thâu Kinh; Chú thích. tu), Nghi thức an vị Phật, Thánh trí Bát- nhã, Nghi thức tang lễ (lễ nhập liệm, lễ 930. PHẠM VÕNG - phát tạng, lễ cúng hương linh, nghi thức KINH BỒ-TÁT GIỚI BỔN Giảng Ký cầu siêu, lễ di quan, lễ hạ huyệt), Nghi Hán văn: Pháp sư Thích Diễn Bồi thức cúng thí thực, Nghi thức cầu siêu độ Việt dịch: HT. Thích Trí Minh chúng sinh địa ngục, Nghi thức tụng rước Tác phẩm Kinh giảng ký này gồm có 4 vong, Nghi thức cầu siêu cho hương linh chương: Khái thuật Tiểu sử HT. Thích Trí chết nước, Nghi thức cầu siêu các anh Minh, Phàm lệ của Dịch giả, Lời Pháp sư hùng liệt sĩ, Nghi thức cầu mưa thuận gió Diễn Bồi (PL. 2512-DL. 1968), C.I Tiền hòa, Nghi thức cầu nguyện cho quê đề khái thuyết, C.II Chánh thích Kinh văn, hương, Sám Vu Lan, Lời cầu nguyện buổi C.III Chánh thuyết Giới tướng, C.IV Kết sáng dành cho trẻ, Nghi thức Quy y Tam khuyến lưu thông. Tác phẩm Kinh này đã xuất bản vào năm PL. 2549 – DL. 2005, Nxb Tôn Giáo. 931. PHẠM VÕNG - KINH BỒ-TÁT GIỚI Lược Sớ Minh Hoằng Tán thuật

P Việt dịch: Thích nữ Trí Hải Tác phẩm Giới lược sớ này gồm có 8 quyển: Q.I, Phần một, Giải thích đề mục: A. Giải thích đề Kinh, B. Giải thích tên 928. PHẠM VÕNG - người dịch; Phần hai, Giải thích Kinh văn: BỒ-TÁT GIỚI KINH Soạn dịch: Thích nữ Huệ Như A. Bài tựa riêng, I. Ba Phật truyền giáo, 1. Nxb Phương Đông – 2010 Phó chúc chung, 2. Phó chúc riêng, 3. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 239 trang, Cúng dường Bổn tôn; II. Hai Phật thuyết bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Phật pháp: 1. Phật trên ngàn hoa thuyết pháp, 2. thuyết Kinh Phạm Võng Phẩm Bồ-tát Tâm Ngàn trăm ức Thích-ca nói pháp; Q.II, III. địa; Mười giới trọng, Bốn mươi tám giới Một Phật thuyết pháp, 1. Mười nơi thuyết khinh; Phần Hồi hướng; Tài liệu tham pháp, 2. Nhơn duyên khởi giáo, 3. Giáng khảo. sanh không phải một, 4. Nói giới cho phàm phu, IV. Trùng tụng, V. Kết giới; Q.III, I. Mười giới trọng; Q.IV, II. Bốn 929. PHẠM VÕNG KINH Ấn quán Thạnh Mậu (Gia Định), mươi tám giới khinh (từ Giới thứ 1 – Giới Giấy phép số 166/TXB, ngày 18-4-1951 thứ 15); Q.V, Bốn mươi tám giới khinh của N.T.T.N.V. (tt) từ Giới thứ 16 – Giới thứ 27;

Q.VI, (tt) Kinh có 83 trang, bìa mềm. Nội dung gồm từ Giới thứ 28 – Giới thứ 37; Q.VII, (tt) từ có: Lời nói đầu, Lời dặn, Tán lư hương, Giới thứ 38 – Giới thứ 46; Q.VIII, (tt) từ Kệ khai Kinh, Phật nói Kinh Phạm Võng Giới thứ 47 – Giới thứ 48; C. Lưu thông, Bồ-tát Tâm Địa Phẩm sau, Hán dịch: Tam 1. Phó chúc lưu thông, 2. Kết tụng Hồi tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, (nội dung hướng lưu thông.

bảo/Luận tạng) pháp (Thứ chín); Phó chúc Phẩm (Đệ thập), Phẩm Phó chúc (Thứ mười) (ở mỗi 932. PHÁP BẢO ĐÀN KINH phẩm có 2 phần: Diễn âm và Diễn nghĩa). Chánh văn – Dịch nghĩa – Phụ chú Việt dịch: Thích Nhựt Long 934. PHÁP BẢO ĐÀN KINH PL. 2514 – DL. 1970 Đông Độ Thiền Tông – Lục Tổ Kinh dày 210 trang, bìa mềm, chữ tựa Huệ Năng Đại sư thuyết Kinh màu đen, tựa chữ Hán màu đỏ, có Soạn thuật: Pháp Hải hình vẽ ao sen. Nội dung gồm có: Lời nói Chú giải và ấn tống: đầu, Pháp Bảo Đàn Kinh – Đông độ Lục Minh Thành (Nguyễn Xuân Hy) Tổ Huệ Năng nói pháp, Bực Sa-môn ngài Tỉnh hội Phật học Gia Định, PL. 2516 – Pháp Hải lục (gồm 10 phẩm, văn bản chia DL. 1972. In tại Nhà in Sen Vàng (Chợ thành từng đoạn dịch, ở mỗi đoạn có: Lớn), Giấy phép số 653/BTT/PHNT, chánh văn, dịch nghĩa, phụ chú). (Bản lưu Saigon ngày 15-3-1972. tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Sách dày 393 trang, bìa mềm, nền vàng, Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, Mã sách: chữ tựa màu đỏ. Tác phẩm Kinh này gồm Vie 3982) có 10 phẩm (P) chính: Đôi lời giới thiệu, Lời tựa, Lược sử của Đại sư Lục Tổ. Phần 933. PHÁP BẢO ĐÀN KINH chính văn (phiên âm Hán-Việt và dịch (Diễn Nghĩa) – Đông Độ Thiền Tông nghĩa): P.1. Tự tự, P.2. Bát-nhã, P.3. Giáo sư Từ Quang Quyết nghi, P.4. Định huệ, P.5. Diệu hạnh, Linh Sơn Phật Học Tùng Thơ (Sài Gòn) P.6. Sám hối, P.7. Cơ duyên, P.8. Đốn – xuất bản – 1958 Tiệm, P.9. Hộ pháp, P.10. Phó chúc. Kinh dày 261 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 10 phẩm: Vài lời trần thuyết của 935. PHÁP BỬU ĐÀN KINH Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội, Lục Thuyết giảng: Tổ Đại sư Sự Lược, (Diễn âm), Lược thuật Lục Tổ Huệ Năng (638-713) sự tích Lục Tổ Đại sư, (Diễn nghĩa); Lục Việt dịch: Tổ Huệ Năng Đại sư thuyết môn nhơn HT. Minh Trực Thiền sư (1895-1976) Pháp Hải lục, Tự Tự Phẩm (Đệ nhứt), Lục Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Tổ Huệ Năng Đại sư nói môn nhơn Pháp Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 247 trang, Hải chép lại, Phẩm Tự Tự (Thứ nhứt); bìa mềm. Nội dung gồm có 10 phẩm: Lời Bát-nhã Phẩm (Đệ nhị), Phẩm Bát-nhã tựa của Dịch giả, Bài khuyến cáo, Đàn (Thứ hai); Lược chú (Phẩm Bát-nhã); Kinh tự, Lục Tổ Đại sư Pháp Bửu Đàn Quyết nghi Phẩm (Đệ tam), Phẩm Quyết Kinh lược tự; P.1 Hành do (đời Lục Tổ), nghi (Thứ ba); Định-Huệ Phẩm (Đệ tứ), P.2 Bát-nhã (Trí tuệ), P.3 Nghi vấn, P.4 Phẩm Định-Huệ (Thứ tư); Diệu hạnh Định huệ, P.5 Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7 Phẩm (Đệ ngũ), Phẩm Diệu hạnh (Thứ Cơ duyên, P.8 Đốn tiệm, P.9 Hộ pháp, năm); Sám hối Phẩm (Đệ lục), Phẩm Sám P.10 Phó chúc; Bài phụ, Thiền đạo biệt hối (Thứ sáu); Cơ duyên Phẩm (Đệ thất), truyền. Phẩm Cơ duyên (Thứ bảy); Đốn-Tiệm Tác phẩm Kinh này đã được Thiền Tịnh Phẩm (Đệ bát), Phẩm Đốn-Tiệm (Thứ Đạo tràng xuất bản năm 1949; các năm

1957-1969, Thiền Tịnh Đạo tràng-Phật (The Just), P.20 Đạo hạnh (The Way), Bảo tự tiếp tục tái bản. (Theo bản lưu tại P.21 Quảng diễn (Miscellaneous), P.22 Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Địa ngục (The Downward Course), P.23 Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Tượng dụ (The Elephant), P.24 Ái dục Minh); năm 1990, THPG Tp. Hồ

Chí Minh (Thirst), P.25 Sa-môn (The Bhikshu), P.26 ấn hành, với nhan đề "Kinh Pháp Bảo Phạm chí (The Brahmana). Đàn". 938. PHÁP HOA Chân Nghĩa 936. PHÁP BỬU ĐÀN KINH Chân Quang Đoàn Trung Còn – Nxb Tôn Giáo – 2013 Huyền Mặc Đạo Nhơn Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 666 Nxb Tôn Giáo – 2019 trang, bìa cứng, nền màu cam, có hình hoa Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 207 trang, sen, chữ tựa màu đỏ. bìa mềm. Nội dung gồm có: Lược tự, Bài Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và 28 Tựa Kinh Pháp Bảo Đàn, Phần dịch nghĩa phẩm Kinh; Lời kết. (có 10 phẩm); Phần âm chữ Hán (có 10 Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên phẩm). Hoa Xem: Kinh Pháp Bảo Đàn của Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến dịch và 939. PHÁP HOA Chính Văn chú giải. (Kinh Pháp Hoa-Hoa sen Chánh Pháp) Dịch giả: Trí Quang (1923-2019) 937. PHÁP CÚ KINH – Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2542 – DL. Anh Hán Đối Chiếu Hòa Dịch 1998 Soạn giả: Thường Bàn Đại Định Kinh có khổ 19 x 27cm, dày hơn 975 Việt dịch: Á Nam – Trần Tuấn Khải trang. Nội dung gồm có: Mục lục, Ký hiệu Hiệu đính: Lãng Hồ - Nguyễn Khắc Kham (cho lời lược dẫn), Lược dẫn, Chính văn Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản – 1963 Pháp Hoa, có 7 cuốn, 28 phẩm; Phần sao (in lần thứ nhất) lục: 1. Phẩm Phổ Hiền, 2. Toát yếu Pháp Kinh dày hơn 269 trang, bìa mềm. Nội Hoa. dung gồm có 26 phẩm: Lời nói đầu, Tiểu Xem: (28 phẩm) Kinh Pháp Hoa (Hoa Sen dẫn, Tự tự; P.1 Song yếu (The Twin- Chánh Pháp) Verses), P.2 Phóng dật (Reflection or Earnestness), P.3 Tâm ý (Thought), P.4 940. PHÁP HOA ĐỀ CƯƠNG Hoa hương (Flowers), P.5 Ngu ám (The Tác giả: Thiền sư Minh Chánh Fool), P.6 Minh triết (The Wise Man), P.7 Dịch giả: Thích Nhật Quang La-hán (The Venerable), P.8 Thuật thiên Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 (The Thousands), P.9 Ác hành (Evil), P.10 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 144 Đao trượng (Punishment), P.11 Lão mạo trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này (Old Age), P.12 Ái thân (Self), P.13 Thế gồm có: Lời giới thiệu, Lời người dịch, tục (The World), P.14 Thuật Phật (The Phàm lệ, Lời dẫn tựa – Pháp Hoa Đề Buddha), P.15 An ninh (Happiness), P.16 Cương, Tựa – Tông chỉ Đề cương Kinh Hiếu hỷ (Pleasure), P.17 Phẫn nộ (Anger), Diệu Pháp Liên Hoa, Tông chỉ Đề cương P.18 Trần cấu (Impurity), P.19 Phụng trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tổng nêu Pháp

dụ và Đề mục của Kinh, Tổng nêu nhân do hướng, Phục nguyện, Tam tự Quy y; Phần tôn chỉ Khai thị ngộ nhập, Nêu rõ diệu lý chú thích và ghi chú của các phẩm. Phẩm Phương tiện, Thí dụ, Tín giải, Thọ ký; - Phẩm Dược thảo dụ và Hóa thành dụ; 942. PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA - Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký, Thọ học vô (SADDHARMA PUNDARIKA học nhân ký và Phẩm Pháp sư; - Phẩm SUTRA) Hiện bảo tháp, - Phẩm Đề-bà-đạt-đa, - Soạn dịch: Chánh Trí Mai Thọ Truyền Phẩm Trì, - Phẩm An lạc hạnh, - Phẩm Nxb Tôn Giáo – 2011 Tùng địa dũng xuất, - Phẩm Như Lai thọ Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 290 trang, lượng; - Phẩm Phân biệt công đức, Tùy hỷ bìa mềm. Nội dung gồm có 28 phẩm: - công đức và Pháp sư công đức; - Phẩm Kính gởi độc giả, - Sách tham khảo - Lời Thường Bất Khinh Bồ-tát, - Phẩm Như nói đầu; P.1 Tự (Le sujet), P.2 Phương Lai thần lực và Chúc lụy, - Phẩm Dược tiện (L'habilete' desmoyens), P.3 Thí dụ vương Bồ-tát bản sự, - Phẩm Diệu Âm (La Parabole), P.4 Tín giải (Les Bồ-tát Phổ môn, - Phẩm Quan Thế Âm inclinations), P.5 Dược thảo dụ (Les Bồ-tát Phổ môn, - Phẩm Đà-la-ni, - Phẩm plantes médi-cinales), 6.P Thọ ký (Les Diệu Trang Nghiêm vương bản sự, - Phẩm Prédictions), P.7 Hóa thành dụ Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, - Bạt dẫn (L'ancienne

app-lication), P.8 Ngũ bá đệ Đề mục đầu Kinh- Phụ tụng Tông chỉ các tử thọ ký (Prédiction relative aux 500 chữ: Khai Thị Ngộ Nhập Phật Thừa Tri Religieux), P.9 Thọ học vô học nhơn ký Kiến Đạo Trí Tuệ Tông Chỉ; - Các chữ (Prediction relative à Ananda, à Râhula et phụ tụng, Tụng 14 chữ; - Chỉ thẳng diệu aux 2.000 Religieux), P.10 Pháp sư nghĩa của 14 chữ toát yếu, - Phụng khuyến (L'interprète de la Loi), P.11 Hiện bửu hối tàng mật cơ tụng vài Tắc; Phụ bản chữ tháp (L'apparition d'un stupa), P.12 Đề- Hán. bà-đạt-đa, P.13 Trì (L'Effort); Q.V, P.14 Tác phẩm này đã được Tu viện Chơn An lạc hạnh (La position commode), P.15 Không in Lưu hành nội bộ năm 1973. Tùng địa dũng xuất (Apparition des Bohisattvas), P.16 Như Lai thọ lượng (La 941. PHÁP HOA HỒNG DANH durée de la vie du Tathâgata), P.17 Phân (Đảnh lễ chư Phật tôn Pháp chư Bồ-tát biệt công đức (Proportion des mérites), Tăng trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa) P.18 Tùy hỷ công đức (Indication du Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Liễu Nguyên mérite de la satisfaction), P.19 Pháp sư Tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Lời công đức (Le Perfectionnement des sens), nói từ tâm; Nghi thức lễ lạy (Tụng các P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát (Le Relig- chơn ngôn, Nguyện hương, Tán Phật, ieux Sadâparibhuta), P.21 Như Lai thần Quán tưởng, Đảnh lễ Tam bảo, Tán lư lực (Effet de la puissance surnaturelle du hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Văn Tathâgata), P.22 Chúc lụy (Le dépôt), P.23 phát nguyện); Đảnh lễ chư Phật tôn Pháp Dược vương Bồ-tát bổn sự (Ancienne Bồ-tát Tăng trong Kinh Diệu Pháp Liên meditation de Chaichadjyarâdja), P.24 Hoa; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Diệu Âm Bồ-tát (Le Bodhisattva Kinh, Vãng sanh Quyết định chơn ngôn, Gadgadasvara), P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Sám nguyện, Thần chú Dược-xoa, Hồi Phổ môn (Le récit parfaitement heureux),

P.26 Đà-la-ni (Les Formules Magiques), Ngũ huyền đối với sự chú giải Kinh Pháp P.27 Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự Hoa. C.I, mục 1. Chú thích đặc thù về (Ancienne méditation du roi Pháp, mục 2. Chú thích đặc thù về Diệu; Cubhuvyuâha), P.28 Phổ Hiền Bồ-tát Diệu trí – Phân tích cái diệu thứ hai thuộc khuyến phát (Satisfaction de Tích môn; Diệu hành – Phân tích cái diệu Samantabhadra); Tổng kết Kinh Pháp thứ ba thuộc Tích môn; Diệu vị - Phân tích Hoa, Phụ chú về chữ Tâm. cái diệu thứ tư thuộc Tích môn; Diệu tam Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1959; pháp - Phân tích cái diệu thứ năm thuộc tái bản các năm 1962-1964, Hội Phật học Tích môn; Diệu cảm ứng - Phân tích cái Nam Việt (Chùa Xá Lợi); năm 2006, Nxb diệu thứ sáu thuộc Tích môn; Diệu thần Tôn Giáo. thông - Phân tích cái diệu thứ bảy thuộc Tích môn; Diệu thuyết pháp - Phân tích 943. PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA - cái diệu thứ tám thuộc Tích môn; Diệu Phật học Thiên Thai tông quyến thuộc - Phân tích cái diệu thứ chín Tác giả: Trí Khải Đại sư (538-597) thuộc Tích môn; Diệu công đức và lợi ích Nguyên tác: The Profound Meaning of the - Phân tích cái diệu thứ mười thuộc Tích Lotus Sutra by Haiyan Shen môn; Tổng kết Tích môn Thập diệu. Tham Dịch giả: Từ Hoa khảo: mục 3. Biệt giải về Hoa sen, mục 4. Nxb Phương Đông – 2008 Biệt giải nghĩa Kinh; C.II, Hiển thể; C.III, Sách có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 950 trang, Minh tông; C.IV, Luận dụng; C.V, Phân bìa cứng; gồm có 2 quyển. định những đặc tính của giáo pháp (phán Quyển I, gồm có: - Lá thư thay lời tựa, - giáo). Phụ lục: Muôn pháp hội trổ một hoa Vài nét về văn bản, - Phần giới thiệu; Phần vô tướng – Thi hóa Kinh Diệu Pháp Liên một, Giới thiệu về

đời sống và thời đại của Hoa – Từ Hoa. Trí Khải Đại sư: 1. Bối cảnh lịch sử, 2. Cuộc đời của Trí Khải Đại sư; Phần hai, 944. PHÁP HOA KINH Cương Yếu Sự ngộ nhập huyền nghĩa Kinh Diệu Pháp HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Liên Hoa: 1. Trí Khải đã cấu trúc tác phẩm Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 Huyền nghĩa như thế nào để chú giải Kinh Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 128 Pháp Hoa với mục đích trình bày hệ thống trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 tư tưởng của riêng mình? 2. Làm thế nào chương, 5 phần và 28 phẩm như sau: Lời Trí Khải nối kết những học thuyết viên nói đầu, C.I Tổng tự, C.II Đề Kinh, C.III dung của mình một cách tuôn chảy và tràn Tổng phán phẩm mục, C.IV Đại ý mỗi đầy. Trí Khải đã sử dụng đường lối nào để phẩm; A. Phần Tổng hiển, P.1 Tự, B. Phần tư tưởng không sai lạc, đứng vững với thời Khai Phật Tri kiến, P.2 Phương tiện, P.3 gian? 3. Đâu là những học thuyết và hệ Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo dụ, P.6 thống tư tưởng Trí Khải Đại sư thành lập Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá đệ để phơi bày đặc tính dung hợp những tín tử Thọ ký, P.9 Thọ học vô học nhơn ký, giải khác nhau trở thành rường cột của P.10 Pháp sư; C. Phần Thị Phật Tri kiến, một nền minh triết hài hòa? Tổng luận. P.11 Hiện bảo tháp; D. Phần Ngộ Phật Tri Quyển II, Phần một, Đặc tính tổng quát kiến, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An của Ngũ huyền đối với sự chú giải Kinh lạc hạnh, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Pháp Hoa; Phần hai, Đặc tính cá biệt của Phân biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ Công

đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Đức Thanh (1546-1623) Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, Việt dịch – giảng: P.22 Chúc lụy; E. Phần Nhập Phật Tri HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) kiến, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bổn sự, Nxb Tôn Giáo – 2007 P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Kinh có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 3 tập Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu dày 1.238 trang, bìa mềm, chữ tựa có 4 Trang Nghiêm vương Bổn sự, P.28 Phổ màu: đỏ, cam, trắng và đen, có hộp đựng Hiền Bồ-tát Khuyến phát. cả bộ. Kinh Pháp Hoa này gồm 28 phẩm, chia 945. PHÁP HOA KINH - làm 3 phần chính: A. Phần Tổng hiển: Thâm Nghĩa Đề Cương Phẩm Tựa tức là phần trình bày nguyên Việt dịch: Pháp sư Thích Từ Thông do. B. Phần Chánh tông: Gồm 27 phẩm, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2001. dùng 4 chữ “Khai, Thị, Ngộ, Nhập” để Kinh này dày 196 trang, bìa mềm. Kết cấu chia (1. Từ phẩm Phương Tiện đến phẩm Kinh gồm có 28 phẩm, ở sau mỗi phẩm có Pháp Sư gồm 9 phẩm là Khai Phật tri phần Thâm nghĩa. Nội dung: Duyên khởi, kiến; 2. Phẩm Hiện Bảo tháp thứ 11 là Thị Pháp Hoa Kinh Thâm nghĩa Đề cương, Phật tri kiến; 3. Từ phẩm Đề-bà-đạt-đa Phàm lệ, Tiểu dẫn, P.1 Tựa; P.2 Phương đến phẩm Chúc lụy gồm 11 phẩm là Ngộ tiện; P.3 Thí dụ; P.4 Tín giải; P.5 Dược Phật tri kiến; 4. Từ phẩm Dược vương Bồ- Thảo dụ; P.6 Thọ ký; P.7 Hóa thành dụ; tát bổn sự đến phẩm Phổ Hiền bồ-tát P.8 Ngũ bách Đệ tử thọ ký; P.9 Thọ học khuyến phát gồm 6 phẩm, là Nhập Phật tri Vô học nhân ký; P.10 Pháp sư; P.11 Hiện kiến). Khai Thị Ngộ tức là Tín Giải; Nhập bảo tháp; P.12 Đề-bà-đạt-đa; P.13 Khuyến tức là Hạnh Chứng. C. Phần lưu thông: Từ trì; P.14 An lạc hạnh; P.15 Tùng địa dũng “lúc Phật nói kinh này... lễ mà đi”, là xuất; P.16 Như Lai thọ lượng; P.17 Phân phần chung kết vậy. biệt Công đức; P.18 Tùy hỷ Công đức; Tập I, kinh này có 382 trang, gồm: Lời P.19 Pháp sư Công đức; P.20 Thường Bất đầu, Lời tựa, Lời phán trước, Giải thích đề Khinh Bồ-tát; P.21 Như Lai thần lực; P.22 kinh, Đời Diêu Tần Tam tạng Pháp sư Chúc lụy; P.23 Dược Vương Bồ-tát Bổn

Cưu-ma-la-thập phụng chiếu dịch, A. sự; P.24 Diệu Âm Bồ-tát vãng lai; P.25 Phần tổng hiển: 1. Phẩm Tựa, 2. Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn Phẩm; P.26 Phương tiện, 3. Phẩm Thí dụ, 4. Phẩm Tín Đà-la-ni; P.27 Diệu Trang Nghiêm vương giải. Bổn sự; P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến Tập II, kinh này có 431 trang, gồm các phát. Phẩm: 5. Phẩm Dược thảo dụ, 6. Phẩm Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương Thọ ký, 7. Phẩm Hóa thành dụ, 8. Phẩm toàn tập do Huỳnh Mai Tịnh Thất (Sài Ngũ bá đệ tử thọ ký, 9. Phẩm Thọ học vô Gòn) ấn hành năm 1986; năm 1995, Nxb học nhân ký, 10. Phẩm Pháp sư. B. Phần Tp. Hồ Chí Minh; năm 1996, Thao Hối chánh tông: 11. Phẩm Hiện bảo tháp, 12. Am ấn hành. Phẩm Đề-bà-đạt-đa, 13. Phẩm Trì, 14. Phẩm An lạc hạnh. 946. PHÁP HOA KINH thông nghĩa Tập III, kinh này có 425 trang, gồm các (Trọn bộ 3 tập) phẩm: 15. Phẩm Tùng địa dũng xuất, 16. Hán văn: Thiền sư Hám Sơn - Phẩm Như Lai thọ lượng, 17. Phẩm Phân

biệt công đức, 18. Phẩm Tùy hỷ công đức, Nhất thừa, có 2 tiết: T.1 Đức Thế Tôn 19. Phẩm Pháp sư công đức, 20. Phẩm khuyến khích quảng bá (P.11), Phụ lục: Thường Bất Khinh Bồ-tát, 21. Phẩm Như Đức Thế Tôn thọ ký Đề-bà làm Phật và Lai thần lực, 22. Phẩm Chúc lụy, 23. chứng minh Long Nữ thành Phật (P.12), Phẩm Dược Vương Bồ-tát bổn sự, 24. T.2 Chư Thanh văn và chư Bồ-tát phát Phẩm Diệu Âm Bồ-tát, 25. Phẩm Quan nguyện quảng bá (P.13), C.III Đức Thế Thế Âm Bồ-tát phổ môn, 26. Phẩm Đà-la- Tôn dạy cách sống cho người quảng bá ni, 27. Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương Nhất Thừa (P.14), C.IV Chư Bồ-tát dũng bổn sự, 28. Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến xuất quảng bá, có 3 tiết: T.1 Chư Bồ-tát phát. C. Phần lưu thông. dũng xuất (P.15), T.2 Xuất xứ của chư Bồ- Bộ Kinh này được tái bản năm 2019, Nxb tát dũng xuất (hay sự bất diệt của Đức Thế Hồng Đức, trọn bộ 3 tập, khổ 14 x 20cm, Tôn) (P.16), T.3 Thành quả tín giải sự bất bìa mềm, có tay gấp. diệt của đức Thế Tôn (P.17), C.V Đức Thế Tôn nói thành quả của sự quảng bá Nhất 947. PHÁP HOA Lược Giải Thừa, có 3 tiết: T.1 Thành quả của sự tùy Lược giải: Trí Quang (1923-2019) hỷ quảng bá (P.18), T.2 Thành quả phi Nxb Tp. Hồ Chí Minh, thường của bình thường (P.19), T.3 Điển PL. 2542 – DL. 1998 hình thành quả phi thường của bình Sách có khổ 19 x 27cm, dày hơn 917 thường (P.20); C.VI Sự gia trì cho sự trang. Nội dung gồm có: Ký hiệu, Lược quảng bá Nhất thừa, có 4 tiết: T.1 Đức Thế dẫn, Lược giải PH, có 3 phần: Phần I. đức Tôn gia trì, có 2 mục (M): M.1 Đức Thế Di-lặc phát khởi (P.1), Phần II. Đức Thế Tôn gia trì bằng thần lực (P.21), M.2 Đức Tôn nói về Nhất thừa và sự quảng bá Nhất Thế Tôn gia trì bằng ký thác (P.22), T.2 thừa (các P. 2 – 27), có 2 đại bộ phận: Đại Chư đại Bồ-tát gia trì, có 3 mục: M.1 Đức bộ phận 1 nói về Nhất thừa, có 3 chương: Dược Vương gia trì bằng khổ hạnh (P.23), C.1 Đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng M.2 Đức Diệu Âm gia trì bằng định lực cách nói thẳng (P.2); C.2 Đức Thế Tôn nói (P.24), M.3 Đức Quan Âm gia trì bằng về Nhất thừa bằng cách Ví dụ, có 2 tiết: toàn diện (P.25), T.3 Gia trì bằng minh T.1 Đức Thế Tôn nói Ví dụ (P.3), T.2 Chư chú (P.26), T.4 Gia trì bởi thiện tri thức Thanh văn lãnh hội (P.4); C.3 Đức Thế (P.27), Phần III. Đức Phổ Hiền kết thúc Tôn nói về Nhất thừa bằng cách Thọ ký, (P.28); Ghi thêm. có 4 tiết: T.1 Đức Thế Tôn xác quyết mọi chủng tánh đều hấp thụ Nhất thừa (P.5), 948. PHÁP HOA TINH YẾU T.2 Đức Thế Tôn thọ ký cho Thanh văn Chứng minh: (P.6), T.3 Đức Thế Tôn nói chư Thanh văn HT. Thích Huyền Quang (1920-2008) được giáo hóa từ

lâu bằng Nhất thừa (P.7), Tác giả: Thích Thái Hòa T.4 Đức Thế Tôn tiếp tục thọ ký cho Nxb Hồng Đức, PL. 2551 – DL. 2007 Thanh văn (P.8), (tt) (P.9); Đại bộ phận 2 Tác phẩm này gồm có 4 chương: - Lời nói về sự quảng bá Nhất thừa, có 6 thưa, C.I Ý nghĩa đề Kinh Pháp Hoa; C.II chương: C.I Đức Thế Tôn nói về phẩm Những đặc điểm...; C.III Chủ yếu, bố cục chất của người quảng bá Nhất thừa (P.10), và nội dung; C.IV Lịch sử phát triển Kinh C.II Đức Đa Bảo chứng minh-Đức Thế Pháp Hoa; Thư mục tham khảo. Tôn khuyến khích phát nguyện quảng bá

Tác phẩm này được tái bản năm 2017, 951. PHÁP HOA YẾU GIẢI Nxb Hồng Đức. Yếu giải: Thích Phước Nhơn Printed in Taiwan, Reprinted and donated 949. PHÁP HOA TÔNG YẾU for free distribution by The Corporate (ĐCTTĐTK, Q. 34, Ks. 1725) Body of the Buddha Educational Biên soạn (Hán văn): Nguyên Hiểu Foundation. Việt dịch (2013): Phổ Quang (Taiwan) ấn hành - 1999, khổ Sa-môn Thích Như Điển 15.5 x 21.5cm, có 448 trang. Toàn bộ tác Nội dung tác phẩm này theo Dịch giả, phẩm này có: - Lời giới thiệu của Triết gia "Đầu tiên thuật lại đại ý, thứ đến biện giải Phạm Công Thiện, Tựa của người sớ giải, về Tông của Kinh; ba là làm sáng tỏ và Giải thích đề Kinh; nội dung với 28 phẩm việc giải thích đầy đủ; bốn là cách chú kinh Pháp Hoa, sau mỗi phẩm là Phần yếu thích tên gọi; năm là hiển bày giáo lý và giải. sáu là ý nghĩa của đầu đề câu văn". KIM CANG LỰC SĨ 950. PHÁP HOA THÔNG NGHĨA (Kinh Đại Bảo Tích, Tập 1, Soạn thuật: Sa-môn Hám Sơn Chương III) Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm Việt dịch: Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Sách có khổ 14.5 x 21cm, có 124 trang. Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998 Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tựa, Sách có khổ 16 x 24cm, dày 251 trang, bìa Giải nghĩa tên kinh, Tam tạng Pháp sư mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Cưu-ma-la-thập Phụng chiếu dịch, Phân Nghi thức khai Kinh, III. Pháp hội Mật khoa (Hám Sơn Đức Thanh Đại sư), tích Kim Cang lực sĩ, thứ ba, Hán dịch: Không tông và Tánh tông (Tông Mật Đại Tây Tấn, Nguyệt Thị, Pháp sư Trúc Pháp sư), Giảng nghĩa Chánh văn: P.1 Tựa, P.2 Hộ, Việt dịch: Việt Nam, Tỳ-kheo Thích Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Trí Tịnh. Dược thảo, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô 953. PHÁP HỘI TAM TỤ - học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo LUẬT NGHI (Kinh Đại Bảo Tích) tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí lạc hạnh, P.15 Tòng địa dũng xuất, P.16 Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công Nxb Phương Đông – 2013 đức, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Pháp hội Tam tụ Luật nghi là Phẩm thứ Công đức, P.20 Thường Bất Khinh, P.21 nhất trong Kinh Đại Bảo Tích, Kinh số Như Lai thần lực, P.22 Chúc lũy, P.23 310, Quyển 120, Đại chánh Tân tu Đại Dược Vương Bồ-tát Bổn sự, P.24 Diệu tạng Kinh. Tác phẩm Pháp hội Tam tụ Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Luật nghi có 362 trang, nội dung gồm: Lời môn phẩm, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu ghi chú, Nghi thức trì tụng; Pháp hội Tam Trang Nghiêm Bổn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ- tụ Luật nghi, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa tát khuyến phát, Kệ Hồi hướng. Tâm Kinh, Hồi hướng, Tam Quy y, Phụ lục Hán văn.

Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) 954. PHÁP HỘI VÔ BIÊN TRANG Việt dịch (2003): NGHIÊM (Kinh Đại Bảo Tích) Tỳ-kheo Thích Như Điển Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí Toàn bộ tác phẩm Kinh Luận này có 44 Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

trang (PDF), gồm 2 quyển, 12 phẩm: Nxb Phương Đông – 2013 Quyển thượng, P.1 Khuyến phát, P.2 Phát Pháp hội Vô biên Trang nghiêm là Phẩm tâm, P.3 Nguyện thệ, P.4 Đàn Ba-la-mật, thứ nhì trong Kinh Đại Bảo Tích, Kinh số P.5 Thi-la Ba-la-mật, P.6 Sằn-đề Ba-la- 310, Quyển 120, Đại chánh Tân tu Đại mật; Quyển hạ, P.7 Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, tạng Kinh. Tác phẩm Pháp hội Vô biên P.8 Thiền-na Ba-la-mật, P.9 Bát-nhã Ba- Trang nghiêm dày 493 trang, nội dung la-mật, P.10 Như thật pháp môn, P.11 gồm: Lời ghi chú, Nghi thức trì tụng; P.1 Không-vô tướng, P.12 Công đức trì. Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi hướng, Tam tạng Bắc truyền) Quy y; Phụ lục Hán văn. 957. PHÁT KHỞI BỒ-TÁT THÙ 955. Pháp Môn Niệm Phật & THẮNG CHÍ NHẠO KINH Giảng Ký KINH VÔ LƯỢNG THỌ Chủ giảng: Lão HT. Thích Tịnh Không HT. Thích Huyền Vi Chỉnh lý: Cư sĩ Truyền Tịnh PL. 2540 – DL. 1996 Chuyển ngữ: Đệ tử Như Hòa Nội dung gồm có: Giới thiệu sách, Lời Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2017. đầu, Văn Phát nguyện; 1. Nhơn duyên Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 470 Phát khởi niệm Phật, 2. Niệm Phật tức là trang, bìa cứng. Toàn bộ tác phẩm Kinh tu hành, 3. Niệm Phật rất là ổn đáng, 4. này gồm có: I. Giảng Kinh duyên khởi, II. Niệm Phật có phương tiện thù thắng, 5. Bảo tích – Pháp bảo tích tập, III. Giới Niệm Phật hay tiêu nghiệp chướng, 6. thiệu sơ lược dịch giả: ngài Bồ-đề-lưu-chi, Niệm Phật chớ cầu phước báu, 7. Niệm IV. Giới thiệu đại lược bản kinh này, V. Phật hay đoạn phiền não, 8. Niệm Phật Lược giải Kinh văn; A. Tự phần, 1. Phật chóng thoát sanh tử, 9. Niệm Phật đầy đủ tại Lộc Uyển, 500 Tỳ-kheo, 500 Bồ-tát ba học, 10. Niệm Phật khắp nhiếp các cùng nhóm, 2. Có các Bồ-tát nghiệp trình độ, 11. Niệm Phật có thể độ chúng chướng sâu nặng, đầy dẫy hạnh bất thiện, sanh, 12. Niệm Phật được thành Phật đạo. nghi hoặc, thoái chuyển, Di-lặc Bồ-tát hỏi (Bản lưu tại Thư viện chùa Huệ Nghiêm- han, an ủi khiến họ vui mừng; B. Chánh Giới Đài Viện Huệ Nghiêm, Tp. Hồ Chí tông phần, 1. Có 60 vị Bồ-tát nghe theo lời Minh) khuyên đến chỗ Phật, gieo mình xuống đất buồn khóc, Phật an ủi bảo họ đứng dậy, lại 956. PHÁT BỒ-ĐỀ nói lỗi xưa ác nghiệp phỉ báng pháp sư, TÂM KINH LUẬN thọ nhiều nỗi khổ, về sau cũng sẽ được (ĐCTTĐTK, Q. 32 thuộc Luận tập Bộ vãng sanh thế giới cực lạc; 2. Khi ấy các toàn, Ks. 1659) Bồ-tát liền phát 13 hoằng thệ, Phật tán Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân thán ấn khả; 3. Di-lặc Bồ-tát nhân đó hỏi Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bồ-tát đời mạt thành tựu mấy pháp để

được an ổn độ thoát; 4. Phật đáp: dùng hai (Thạch Long Thinh) loại "bốn pháp" để được giải thoát; 5. Lúc PL. 2551 – DL. 2007 dùng tâm không mong cầu để hành pháp Buddhist Cultural Centre, thí, sẽ thành 20 điều lợi, và lại thêm 20 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- điều lợi nữa; VI. Những lỗi xấu ác trong Sri Lanka đời mạt pháp: 1. Tham cầu lợi dưỡng, 2. Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng 15 thứ tà pháp đức Phật chẳng hề nói đến, màu đỏ, chữ mạ vàng. 3. Chúng sanh đời mạt phỉ báng, ô nhục, Toàn bộ tác phẩm gồm có: Lời tựa-Sinhala chán lìa người có sư trưởng lẫn Bồ-tát trì và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo- chánh pháp, 4. Có 4 loại biện tài, hết thảy Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, chư Phật đều tuyên nói, 5. Có 4 biện tài Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ (thế trí biện tài) bị hết thảy chư Phật ngăn viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala. cấm, 6. Tướng trạng bất đồng giữa huệ Tập I, dày hơn 521 trang, nội dung gồm: hạnh Bồ-tát và sơ nghiệp Bồ-tát, 7. Sơ A. P. Chính yếu, I. Giảng về trí: Tiêu đề,

nghiệp Bồ-tát phải nên quán sát những 1. Trí về yếu tố tạo thành điều đã được điều tai hại của lợi dưỡng, ồn náo, ngôn nghe, 2. Trí về yếu tố tạo thành giới, 3. Trí luận thế gian, sự vụ; VII. 1. Mười một về yếu tố tạo thành việc tu tập định, 4. Trí pháp chướng đạo nghiêm trọng, 2. Sơ về sự hiện diện của các pháp, 5. Trí về sự nghiệp Bồ-tát nên quán sát lỗi hại của lợi thấu hiểu, 6. Trí quán xét sự sanh diệt, 7. dưỡng, 3. Lợi ích của sự xa lìa lợi dưỡng, Trí về minh sát, 8. Trí về điều tai hại, 9. 4. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán sát: Ồn náo Trí về các trạng thái xả đối với các pháp có 20 loại lỗi lầm lớn (a. Trường hàng, b. hữu vi, 10. Trí chuyển tộc, 11. Trí về đạo, Trùng tụng), 5. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán 12. Trí về quả, 13. Trí về giải thoát, 14. ngôn luận thế gian có 20 lỗi lớn (a. Trí về việc quán xét lại, 15. Trí về tính Trường hàng, b. Trùng tụng), 6. Sơ nghiệp chất khác biệt của các vật nương, 16. Trí Bồ-tát nên quán sát ngủ nghê có 20 lỗi lầm về tính chất khác biệt của các hành xứ, 17. lớn (a. Trường hàng, b. Trùng tụng), 7. Sơ Trí về tính chất khác biệt của các hành vi, nghiệp Bồ-tát nên quán sát rộng lo các 18. Trí về tính chất khác biệt của các lãnh việc có 20 lỗi lớn (a. Trường hàng, b. vực, 19. Trí về tính chất khác biệt của các Trùng tụng), 8. Chẳng tu các hạnh, chẳng pháp, 20-24. Năm loại trí, 25-28. Trí về sự đoạn phiền não, chẳng tập thiền tụng, phân tích, 29-31. Ba loại trí, 32. Trí về chẳng cầu đa văn, chẳng phải là người định không gián đoạn, 33. Trí về sự an trú xuất gia, 9. Lược nói hý luận có 20 loại lỗi không uế nhiễm, 34. Trí về chứng đạt lớn, 10. Phát 10 thứ tâm có thể sanh về thế Thiền diệt, 35. Trí về sự viên tịch Niết- giới Cực lạc; C. Lưu thông phần. bàn, 36. Trí về ý nghĩa của các pháp đứng đầu được tịnh lặng, 37. Trí về ý nghĩa của 958. PHÂN TÍCH ĐẠO, việc dứt trừ, 38. Trí về việc khởi sự tinh Tạng Kinh – Tiểu Bộ tấn, 39. Trí về sự trực nhận ý nghĩa, 40. Patisambhidàmaggapakarana Trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức, Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 37 41. Trí về việc chấp nhận, 42. Trí về sự Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda thâm nhập, 43. Trí về sự an trú vào các (Trương Đình Dũng) lãnh vực, 44-49. Trí về sự ly khai (nhóm và Tỳ-khưu Brahmapalita 6), 50. Trí về thể loại của thần thông, 51.

Trí thanh tịnh của nhĩ giới, 52. Trí biết P.20 Da-du-đà-la nằm mộng, P.21 Rời được tâm, 53. Trí nhớ về các kiếp sống cung điện đi xuất gia (Phần 1); Q.17, P.21 trước, 54. Trí về thiên nhãn, 55. Rời cung điện đi xuất gia (Phần 2), P.22 Cạo tóc nhuộm áo (Phần 1); Q.18, P.22 959. PHẬT BẢN HẠNH TẬP KINH – 3 Cạo tóc nhuộm áo (Phần 2), P.23 Xa-nặc Tập trở về (Phần 1); Q.19, P.23 Xa-nặc trở về Hán ngữ: Đời Tùy, Tam tạng (Phần 2); Q.20, P.23 Xa-nặc trở về (Phần Xà-na-quật-đa 3), P.24 Quan sát đi dạo, P.25 Vương sứ Việt ngữ: Tỳ-kheo Ni Thích nữ Tuệ Đăng trở về (Phần 1). Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Tập 2, dày hơn 437 trang, từ Q.21 đến Huệ Quang Q.40, nội dung gồm: Q.21, P.25 Vương sứ Nxb Phương Đông – 2012. Kinh có khổ trở về (Phần 2), P.26 Hỏi A-la-la (Phần 1); 13 x 20.5cm, tổng cộng 3 tập dày hơn Q.22, P.26 Hỏi A-la-la (Phần 2), P.27 Đối 1.310 trang. đáp với con của A-la-ma, P.28 Khuyên Tập 1, dày hơn 470 trang, gồm có 20 nhận thế lợi (Phần 1); Q.23, P.28 Khuyên quyển, 25 phẩm: Lời người dịch, Q.1, P.1 nhận thế lợi (Phần 2); Q.24, P.28 Khuyên Phát tâm Cúng dường (Phần 1); Q.2, P.1 nhận thế lợi (Phần 3), P.29 Tinh tiến khổ Phát tâm Cúng dường (Phần 2); Q.3, P.1 hạnh (Phần 1); Q.25, P.29 Tinh tiến khổ Phát tâm Cúng dường (Phần 3), P.2 Nhận hạnh (Phần 2), P.30 Hướng về cội

Bồ-đề lĩnh lời thụ ký (Phần 1); Q.4, P.2 P.2 Nhận (Phần 1); Q.26, P.30 Hướng về cội Bồ-đề lĩnh lời thụ ký (Phần 2), P.3 Dòng vua thời (Phần 2); Q.27, P.30 Hướng về cội Bồ-đề Hiền kiếp (Phần 1); Q.5, P.3 Dòng vua (Phần 3), P.31 Ma khủng bố Bồ-đề (Phần thời Hiền kiếp (Phần 2), P.4 Sinh lên Đâu- 1); Q.28, P.31 Ma khủng bố Bồ-đề (Phần suất (Phần 1); Q.6, P.4 Sinh lên Đâu-suất 2); Q.29, P.31 Ma khủng bố Bồ-đề (Phần (Phần 2); Q.7, P.5 Giáng thần vương cung, 3), P.32 Bồ-tát hàng phục ma (Phần 1); P.6 Đản sinh dưới cội cây (Phần 1); Q.8, Q.30, P.32 Bồ-tát hàng phục ma (Phần 2), P.6 Đản sinh dưới cội cây (Phần 2), P.7 Từ P.33 Thành đạo vô thượng (Phần 1); Q.31, vườn trở về thành (Phần 1); Q.9, P.7 Từ P.34 Thuở xưa chiến đấu với ma, P.35 Hai vườn trở về thành (Phần 2), P.8 Tướng sư thương chủ dâng thức ăn (Phần 1); Q.32, xem tướng (Phần 1); Q.10, P.8 Tướng sư P.35 Hai thương chủ dâng thức ăn (Phần xem tướng (Phần 2), P.9 Tư-đà hỏi điềm 2), P.36 Phạm thiên khuyến thỉnh (Phần lành (Phần 1); Q.11, P.10 Di mẫu dưỡng 1); Q.33, P.36 Phạm thiên khuyến thỉnh dục, P.11 Học kỹ nghệ (Phần 1); Q.12, (Phần 2), P.37 Chuyển Pháp luân vi diệu P.12 Dạo chơi và quan sát, P.13 So tài (Phần 1); Q.34, P.37 Chuyển Pháp luân vi tranh hôn (Phần 1); Q.13, P.13 So tài tranh diệu (Phần 2), P.38 Nhân duyên Da-du-đà- hôn (Phần 2), P.14 Phục sức giản dị chọn la (Phần 1); Q.35, P.38 Nhân duyên Da- được phi (Phần 1); Q.14, P.14 Phục sức du-đà-la (Phần 2); Q.36, P.39 Túc duyên giản dị chọn được phi (Phần 2), P.15 Da-du-đà; Q.37, P.40 Phú-lâu-na xuất gia, Tiếng trên không khuyên chán lìa, P.16 Ra P.41 Na-la-đà xuất gia (Phần 1); Q.38, đường gặp người già; Q.15, P.17 Vua Tịnh P.41 Na-la-đà xuất gia (Phần 2), P.42 Sa- Phạn nằm mộng, P.18 Ra đường gặp tì-da xuất gia (Phần 1); Q.39, P.42 Sa-tì-da người bệnh, P.19 Ra đường gặp tử thi, xuất gia (Phần 2), P.43 Giáo hóa binh P.20 Ra đường gặp người xuất gia; Q.16, tướng (Phần 1); Q.40, P.43 Giáo hóa binh

tướng (Phần 2), P.44 Ba anh em Ca-diếp Kinh có 32 trang, bìa mềm. Nội dung gồm (Phần 1). có: Tựa, Phật Di giáo Kinh (dịch âm), Hán Tập 3, dày hơn 403 trang, từ Q.41 đến dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; Q.60, nội dung gồm: Q.41, P.44 Ba anh Phật Di giáo Kinh (dịch nghĩa), Di chúc em Ca-diếp (Phần 2); Q.42, P.44 Ba anh của Phật, trước giờ nhập Niết-bàn, 1. Giữ em Ca-diếp (Phần 3), P.45 Ưu-ba-tư-na Giới, 2. Buộc tâm, 3. Tiết độ, 4. Xét mình (Phần 1); Q.43, P.45 Ưu-ba-tư-na (Phần tủi hổ, 5. Nhẫn nhục, 6. Mạng chánh, 7. 2); Q.44, P.46 Cúng dường Trúc Viên Lòng chơn thật, 8. Ít muốn, 9. Biết đủ, 10. (Phần 1); Q.45, P.46 Cúng dường Trúc Xa lánh trần tục, 11. Tinh tấn, 12. Không Viên (Phần 2), P.47 Nhân duyên của Đại quên chánh niệm, 13. Thiền định, 14. Trí Ca-diếp (Phần 1); Q.46, P.47 Nhân duyên tuệ, 15. Không được bàn nhãm, 16. Bỏ tật của Đại Ca-diếp (Phần 2); Q.47, P.47 phóng dật, 17. Nghi thì hỏi, 18. Nói rõ Nhân duyên của Đại Ca-diếp (Phần 3); nhân duyên, 19. Nhứt tâm; Tổng kết; Q.48, Nhân duyên vợ chồng Bạt-đà-la, Thích nghĩa. P.49 Nhân duyên của Xá-lợi, Mục-liên (Phần 1); Q.48, P.49 Nhân duyên của Xá- 961. PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP lợi, Mục-liên (Phần 2); Q.49, P.50 Nhân KINH duyên của 500 Tỳ-kheo, P.51 Dẹp trừ Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí - hạnh kẻ bất tín, P.52 Nghi thức thuyết Huyền Thanh pháp (Phần 1); Q.50, P.52 Nghi thức Nxb Phương Đông – 2015 thuyết pháp (Phần 2), P.53 Bản sinh Phật Kinh có khổ 20 x 29cm, dày 290 trang. Thi-khí (Phần 1); Q.51, P.53 Bản sinh Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Phật Phật Thi-khí (Phần 2); Q.52, P.54 Nhân Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu, 3.

Phật đỉnh duyên Ưu-đà-di (Phần 1); Q.53, P.54 Tôn thắng pháp, 4. Phật đảnh Tôn thắng Nhân duyên Ưu-đà-di (Phần 2), P.55 Nhân Đà-la-ni Kinh (No. 967), 5. Phật đảnh Tôn duyên Ưu-ba-ly (Phần 1); Q.54, P.55 thắng Đà-la-ni Kinh (No. 968), 6. Phật Nhân duyên Ưu-ba-ly (Phần 2); Q.55, đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 969), P.55 Nhân duyên Ưu-ba-ly (Phần 3), P.56 7. Tôn thắng Phật đảnh Đà-la-ni Kinh Nhân duyên La-hầu-la (Phần 1); Q.56, Tịnh trừ nghiệp chướng chú Kinh (No. P.56 Nhân duyên La-hầu-la (Phần 2), P.57 970), 8. Phật nói Kinh Phật đảnh Tôn Nhân duyên Nan-đà xuất gia (Phần 1); thắng Đà-la-ni (No. 971), 9. Phật đảnh Q.57, P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia Tôn thắng Đà-la-ni Niệm tụng Nghi quỹ (Phần 2), P.58 Nhân duyên Bà-đề-lợi-ca pháp (No. 972), 10. Tôn thắng Phật đảnh (Phần 1); Q.58, P.58 Nhân duyên Bà-đề- Tu-du-già pháp nghi quỹ (No. 973), lợi-ca (Phần 2); Q.59, P.58 Nhân duyên Quyển thượng, Quyển hạ; 11. Tôn thắng Bà-đề-lợi-ca (Phần 3), P.59 Ma-ni-lâu-đà Phật đảnh Đà-la-ni (No. 974A), 12. Phật (Phần 1); Q.60, P.59 Ma-ni-lâu-đà (Phần đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 974B), 13. 2), P.60 Nhân duyên A-nan. Gia cú linh nghiệm Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni ký (No. 974C), 14. Ghi chú nghĩa 960. PHẬT DI GIÁO KINH của Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. Việt dịch: Thích Từ Quang 974D), 15. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni Ấn tống PL. 2516 – DL. 1953, Giấy phép Chân ngôn (No. 974E), 16. Phật đỉnh Tôn số 1076 T.XB ngày 26-12-1952 thắng Đà-la-ni Biệt pháp (No. 974F), 17.

Phật thuyết Nhất thiết Như Lai Ô-sắt-ni-sá ác, C.8 Gieo gió gặt bảo, C.9 Phải thực Tối thắng Tổng trì Kinh (No. 978), 18. hành mới được đạo, C.10 Bố thí tất được Vu-sắc-ni Sa-tả-dà Đà-la-ni (No. 979), 19. phước, C.11 Mức độ gia tăng Công đức, Pháp Đà-la-ni bí mật của ba loại Tất-địa C.12 Chỉ rõ sự khó về khuyên tu, C.13 Hỏi phá địa ngục chuyển nghiệp chướng ra về Đạo, C.14 Hỏi về tánh thiện, C.15 Hỏi khỏi ba cõi (No. 905), 20. Phật đỉnh Tôn về sức mạnh và sáng, C.16 Phải bỏ ái dục thắng tâm phá địa ngục chuyển nghiệp mới thấy được Đạo, C.17 Ánh sáng đến thì chướng xuất tam giới bí mật tam thân Phật bóng tối tan, C.18 Ý nghĩ và mọi thứ đều quả tam chủng tất-địa chân ngôn nghi quỹ là Không, C.19 Phải biết Phân biệt Thiệt (No. 906), 21. Phật đỉnh Tôn thắng tâm và Giả, C.20 Cái “Ta” vốn là Không, C.21 phá địa ngục chuyển nghiệp chướng xuất Danh vọng hại người, C.22 Tiền của và tam giới bí mật Đà-la-ni (No. 907), 22. Tín Sắc dục là dao hai lưỡi, C.23 Gia đình ngưỡng Phật đỉnh Tôn thắng pháp tại Việt ràng buộc, C.24 Sắc dục chướng ngại việc Nam, 23. Phật đỉnh Tôn thắng Gia cú linh tu hành, C.25 Lửa dục đốt người, C.26 Ma nghiệm Đà-la-ni; Văn bia số 5, Văn bia số quấy nhiễu Phật, C.27 Đừng để ái dục mê 6, Văn bia số 7, Văn bia số 8, Văn bia số hoặc thì được Đạo, C.28 Gần gũi Sắc dục 9; 24. Phật đỉnh Tôn thắng Gia cú linh tất sanh họa, 29. Hãy thận trọng đối với nữ nghiệm Đà-la-ni tại Việt Nam, 25. Usnìsa sắc, C.30 Lánh xa lửa Dục, C.31 Diệt trừ – Vijaya Dhàranì (Bản của Pháp Thiên), Tà tâm thì Dục vọng sẽ dứt, C.32 Xa lìa ái 26. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni (Dựa dục thì hết lo và hết sợ, C.33 Trí huệ phá theo bản của cố Thượng tọa Thiền Tâm), tan các ma sự, C.34 Giữ Trung dung tất 27. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni của được Đạo, C.35 Phải loại trừ mọi Dục Thiện Vô Úy, 28. Phật đỉnh Tôn thắng Đà- vọng, C.36 Chín điều khó của kiếp người, la-ni của Đại sư Hoằng Pháp, 29. Phật C.37 Biết giữ giới là gần với Đạo, C.38 Có đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni của ngài Bảo Tư sanh tất có diệt, C.39 Chớ phân biệt Đại Duy, 30. Nghi thức trì tụng

Phật đỉnh Tôn thừa-Tiểu thừa, C.40 Tâm phải thực hành thắng pháp, 31. Mục lục theo Đạo, C.41 Diệt trừ vọng tưởng về Sắc Tác phẩm này đã xuất bản năm 2008, Nxb dục, C.42 Cõi đời là hư huyễn; Giải nghĩa Tôn Giáo (với tên: Phật đỉnh Tôn thắng Tứ diệu đế, Giải nghĩa Danh từ Phật học, Đà-la-ni Kinh) Bản dịch Anh văn, Bản Hán văn.

962. PHẬT GIẢNG 963. PHẬT GIÁO TAM TỰ KINH KINH 42 CHƯƠNG Dịch giả: Thông Thiền Việt dịch và Chú giải: Đinh Sĩ Trang – Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Nguyễn Văn Đọng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 193 PL. 2553 – DL. 2009 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này Sách dày hơn 249 trang, bìa mềm. Nội gồm có: Lời nói đầu, Lý do in lại Phật dung gồm có 42 chương: Lời đầu sách, giáo Tam tự Kinh, Tựa cũ, Tựa; Phật giáo Phần Mở đầu; C.1 Tu xuất gia, C.2 Trừ Tam tự Kinh: I. Pháp giới, II. Thích-ca dục vọng-Dứt mong cầu, C.3 Cắt đứt ái Phật sanh, III. Kết tập Tam tạng, IV. Đại dục-xả bỏ lòng tham, C.4 Thiện-ác phân pháp Đông lai, V. Thập tông: 1. Thành minh, C.5 Biết nhận lỗi-tội sẽ nhẹ đi, C.6 thật tông, 2. Câu-xá tông, 3. Thiền tông, 4. Nên nhịn và không oán hận, C.7 Ở ác gặp Luật tông, 5. Thiên thai tông, 6. Hiền Thủ

tông, 7. Từ ân tông, 8. Tam luận tông, 9. khởi, Lại-da duyên khởi), 2. Thật tướng Mật tông, 10. Tịnh độ tông; VI. Sám pháp; của vạn hữu (Vạn hữu nhứt như và sai VII. Chư pháp: Ngũ uẩn, Lục căn, Lục biệt); Chương IV, Chúng sanh (nhân sinh, trần, Thập nhị xứ, Thập bát giới, Chuyển vô thường, khổ, phiền não, luân hồi, Phật Bát thức thành Tứ trí, Tam thân, Ngũ tánh, bổn lai thành Phật). nhãn, Lục thông, Tứ đế, Thập nhị nhân Tác phẩm này tái bản nhiều lần: Năm duyên, Lục độ, Tứ vô lượng tâm, Niết-bàn 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; tứ đức, Thập giới, Khí thế gian; VIII. năm 2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Khuyến học; IX. Tự thuật cổ đức, X. Tổng Minh. kết; Văn hồi hướng. 966. PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT HÀNH 964. PHẬT GIÁO TAM TỰ KINH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI Quảng Chơn Thiền sư THẦN THÔNG BIẾN HÓA Việt dịch: Thích Thiện Phước Đại Tạng Kinh, Quyển 9, Pháp Hoa bộ Nxb Phương Đông – 2012 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Trúc Cầu-na Kinh có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 293 Bạt-đà-la trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có Việt dịch (2001): Thích Như Điển 3 phần chính: Lời nói đầu; Phần I. Chữ Tác phẩm Kinh này có 67 trang (PDF), Hán-Phiên âm-Dịch nghĩa; Phần II. Chú gồm 3 quyển: Quyển thượng, Quyển trung Phần III. Phụ lục, Bát-nhã Tâm Kinh; Bát- Phật học-PDF) nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh. Xem: Phật giáo Tam tự Kinh 967. PHẬT NÓI KINH CHÁNH PHÁP ĐẠI BỬU TÍCH HỎI NGÀI CA-DIẾP 965. PHẬT GIÁO THÁNH ĐIỂN, Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Thi Hộ Quyển I Việt dịch: Thích Huyền Vi (1926-2005) Biên soạn (Hán ngữ): Thái Đạm Lư Layout bản điện tử: Tâm Từ và Nguyên Việt dịch: Hân Kỉnh Thanh Lăng Nghiêm Thiền viện, ấn hành năm PL. 2539 – DL. 1995. Kinh dày hơn 177 1974. Kinh có khổ 13 x 19cm, có 166 trang, bìa cứng, nền đen, chữ tựa màu trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có vàng, có hình vòng tròn. 1 thiên, 4 chương chính. Phần đầu là Lời Nội dung gồm có: Lời nói đầu và 5 quyển dịch giả, Lời nói đầu, Kinh điển dẫn cứ; (từ Q.I đến Q.V). Thiên thứ nhất, Giáo pháp, Chương I, Phật-đà (Danh hiệu Phật, Phật nói pháp, 968. PHẬT NÓI - Sự bình đẳng của Phật, Đại bi của Phật, KINH CÔNG ĐỨC RUỘNG PHƯỚC Ân Phật, Thân Phật (2 thân), Thân Phật (3 Hán dịch: Sa-môn Pháp Lập và Pháp Cự thân); Chương II, Pháp: Tứ đế, Pháp Soạn dịch: Thích Tuệ Thông Duyên khởi, Tam pháp ấn và Tứ pháp ấn, Nxb Hồng Đức – 2013 Pháp

Tam thừa, Pháp Nhứt thừa, Pháp và Tác phẩm Kinh này có 133 trang, bìa nghĩa, Phật pháp và ngoại đạo; Chương mềm. Nội dung gồm: Lời tựa; Phần I. III, Vạn hữu, 1. Duyên khởi của vạn hữu Kinh Công đức ruộng phước; Phần II. Bố (Nghiệp cảm duyên khởi, Duy tâm duyên thí có lợi gì? 1. Người nghèo cùng có uy

thế, 2. Bố thí như đem tiền của ra khỏi nhà nói Kinh Nhân duyên kiếp trước của sự cháy, 3. Nhờ cúng tiền xây chùa nên đau đầu, 4. Phật nói Kinh Nhân duyên nghiệp nặng chuyển thành nhẹ, 4. Hiện tại xương cốt, các khớp đau nhức, 5. Phật nói có phước chẳng nên hưởng hết, 5. Làm Kinh Nhân duyên kiếp trước của sự đau lành ít được quả báo nhiều, 6. Bố thí hai lưng, 6. Phật nói Kinh Nhân duyên bị cây đồng được làm hoàng hậu, 7. Thợ vẽ bố giáo đâm chân; Quyển hạ, 7. Phật nói thí 30 lượng vàng được hiện báo, 8. Quả Kinh Nhân duyên Đề-bà-đạt-đa đôi đá, 8. báo tùy thuộc vào thời gian, 10. Khởi tâm Phật nói Kinh Nhân duyên Bà-la-môn nữ lành được làm vua, 11. Tôn giả Ca-chiên- tên là Chiên-sa hủy báng Phật, 9. Phật nói diên hóa độ bà già nghèo, 12. Tôn giả Ma- Kinh Nhân duyên kiếp trước phải ăn lúa ha Ca-diếp hóa độ bà già xin ăn, 13. Nô tỳ ngựa, 10. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp cúng dường một đồng được làm công trước của sự khổ hạnh. được làm vua, 15. Chỉ khởi tâm lành liền được phước, 16. Sơ tổ Trúc Lâm mở hội bố thí, 17. Thiền sư Linh Nguyên dạy, 18. 970. PHẬT NÓI KINH PHẠM VÕNG Hòa thượng Thanh Từ dạy, 19. Bài ca BỒ-TÁT TÂM ĐỊA PHẨM Lược Sớ chẳng biết đủ, 20. Năm việc làm có nhiều Dịch giả: Tỳ-kheo Ni Thích nữ Trí Hải công đức, 21. Công đức tùy thuộc vào tâm Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 chí thành, 22. Vua A-dục tu phước thắng Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 406 trang. Long Vương, 23. Nhân duyên nửa trái lê, Toàn bộ Kinh lược sớ này gồm có: Lời 24. Tiền thân Phật cúng dầu và đèn, 25. giới thiệu, Lời nói đầu. Phần một, Giải Cung nữ dâng hóa cúng Phật, 26. Tung thích đề mục (giải thích đề kinh, giải thích hoa cúng Phật được sinh cõi trời, 27. tên người dịch); Phần hai, Giải thích kinh Phước báo sửa tháp, 28. Bà già nghèo chí văn: A. Bài tựa riêng (1. Ba Phật truyền thành cúng đèn, 29. Tiền thân tôn giả A- giáo, 2. Hai Phật thuyết pháp, 3. Một Phật na-luật, 30. Tiền thân thái tử Kỳ-đà, 31. thuyết pháp, 4. Trùng tụng, 5. Kết giới); B. Công đức sửa tháp, 32. Phật chăm sóc Tỳ- Chánh tông: I. 10 giới trọng (1. Sát sanh, kheo bệnh, 33. Hai an hem đồng xuất gia, 2. Trộm cắp, 3. Dâm dục, 4. vọng ngữ, 5. 34. Vàng bạc phải chăng là hạnh phúc. Bán rượu, 6. Rao nói lỗi của bốn chúng, 7. Tự khen mình chê người, 8. Bỏn xẻn thêm 969. PHẬT NÓI - mắng đuổi, 9. Giận hờn không chịu sám KINH HƯNG KHỞI HẠNH hối, 10. Hủy báng Tam Bảo; II. 48 giới Hán dịch: khinh (1. Không kính thầy bạn, 2. Uống Tam tạng Khương Mạnh Tường rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn ngũ vị tân, 5. Việt dịch: Thích Chánh Lạc Không dạy người có tội sám hối, 6. Không Chứng nghĩa: cung cấp thỉnh pháp, 7. Giãi đãi không Thích Đỗng Minh (1927-2005) nghe pháp, 8. Trái với Đại thừa, hướng về Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 Tiểu thừa, 9. Không chăm sóc bệnh, 10. quyển, 10 Kinh: - Bài tựa; Quyển thượng, Chứa khí cụ sát sanh, 11. Đi sứ, 12. Buôn 1. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp trước bán phi pháp, 13. Hủy báng, 14. Phóng của Tôn-đà-lợi, 2. Phật nói Kinh Nhân hỏa thiêu đốt, 15. Dạy giáo lý ngoài Đại duyên kiếp trước của Xa-di-bạt, 3. Phật thừa, 16. Vì lợi nói pháp lộn lạo, 17. Cậy

thế lực khuyên góp, 18. Không hiểu mà đế, 2. Tập đế, 3. Tận (Diệt) đế, 4. Đạo đế. chiều, 20. Không phóng sanh cứu vật, 21. Đem sân hận báo thù sân hận, đem đánh 973. PHẬT NÓI KINH THẤT TRI trả đánh, 22. Tâm kiêu mạn không thỉnh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Chi Khiêm pháp, 23. Khinh ngạo không tận tâm dạy, Việt dịch: Thích Chánh Lạc 24. Không tu học Đại thừa, 25. Tri chúng Nội dung Kinh này Đức Phật dạy về bảy vụng về, 26. Riêng thọ lợi dưỡng, 27. Thọ pháp để hướng đạo đệ tử đưa đến an lạc, biệt thỉnh, 28. Biệt thỉnh Tăng, 29. Tà đa hạnh, tinh tấn và thành tựu cứu cánh. mạng nuôi sống, 30. Bất kính trong những Bảy pháp đó là: 1. Tri pháp, 2. Tri nghĩa, ngày trai giới, 31. Không mua chuộc, 32. 3. Tri thời, 4. Tri tiết, 5. Tự tri, 6. Tri quán, 34. Tạm bỏ Bồ-đề tâm, 35. Không Kinh-Hán tạng) phát nguyện, 36. Không phát thệ, 37. Không được du hành nơi mạo hiểm, có 974. PHẬT NÓI KINH TRAI GIỚI nạn, 38. Trái thứ lớp tôn ti, 39. không tu Hán dịch: Cư sĩ Chi Khiêm phước huệ, 40. Không được lựa chọn thọ Việt dịch: Thích Chánh Lạc giới, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Giảng thuyết Nội dung Kinh này Đức Phật dạy Trai giới giới cho kẻ ác, 43. Không tâm hổ thẹn, thọ theo Phật pháp là người Phật tử tại gia mỗi nhận của cúng dường, 44. Không cúng tháng có sáu ngày ăn chay, thọ trì tám giới dường kinh điển, 45. Không giáo hóa (vắn tắt): 1. Không sát sanh, 2. Không chúng sanh, 46. Thuyết pháp không đúng tham lam, trộm cắp, 3. Không tham sắc, như pháp, 47. Cấm chế không đúng pháp, không làm tà dục, 4. Không nói dối, 5. 48. Phá pháp); C. Lưu thông (phó chúc, Không dùng chất gây kích thích, không kết tụng hồi hướng). uống rượu, 6. Không đeo vòng hoa, thoa Kinh này tái bản năm 2011, Nxb Tôn hương, ca múa-xướng hát, 7. Không nằm Giáo. giường cao đẹp, rộng lớn, 8. Ăn đúng giờ, không ăn quá ngọ. Ngoài ra, Ngày trai giới 971. PHẬT NÓI KINH TÔN GIẢ tu tập 5 điều nhớ nghĩ: 1. Niệm Phật, 2. HỘ QUỐC HỎI VỀ ĐẠI THỪA Niệm Pháp, 3. Niệm chúng Tăng, 4. Niệm Hán dịch: Tam tạng Thi Hộ giới, 5. Niệm chư Thiên. Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 975. PHẬT NÓI KINH ỨNG PHÁP quyển. Hán dịch: Tam tạng Trúc Pháp Hộ Nội dung Kinh này Đức Phật giảng dạy về 972. PHẬT NÓI KINH TỨ ĐẾ Bốn pháp Tương ưng, đó là: 1. Pháp tương Hán dịch: An Thế Cao ưng hiện tại vui nhưng về sau thọ quả báo Việt dịch: Thích Chánh Lạc khổ, 2. Pháp tương ưng hiện tại khổ nhưng Nội dung Kinh này Đức Phật giảng dạy về về sau thọ quả báo vui, 3. Pháp tương ưng Tứ Đế (Bốn Chân lý). Tứ Đế đó là: 1. Khổ hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ, 4. Pháp tương ưng hiện tại vui, về sau thọ

Hán tạng) về việc phân chia Xá-lợi; Hạnh tạng, I. Sự toàn hảo về bố thí: 1. 976. PHẬT SỬ & HẠNH TẠNG, Hạnh của (đức Bồ-tát) Akitti, 2. Hạnh của Tạng Kinh – Tiểu Bộ (đức Bồ-tát) Sankha, 3. Hạnh của (đức Bồ- Buddhavamsapàli & Cariyàpitakapàli tát) Kurudhamma, 4. Hạnh của (đức Bồ- Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 42 tát) Mahàsudassana, 5. Hạnh của (đức Bồ- Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda tát) Mahàgovinda, 6. Hạnh của đức vua (Trương Đình Dũng) Nimi, 7. Hạnh của Hoàng tử Canda, 8. và Tỳ-khưu Brahmapalita (Thạch Long Hạnh của đức vua Sivi, 9. Hạnh của (đức Thỉnh) Bồ-tát) Vessantara, 10. Hạnh của con thỏ PL. 2550 – DL. 2006 Hiền trí (Phẩm Akitti là phần thứ nhất); II. Buddhist Cultural Centre, Sự toàn hảo về Giới: 1. Hạnh của vị nuôi 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- dưỡng mẹ, 2. Hạnh của (đức Bồ-tát) Sri Lanka Bhùridatta, 3. Hạnh của con rồng Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm),

bìa cứng Campeyya, 4. Hạnh của (đức Bồ-tát) màu đỏ, chữ mạ vàng. Cullabodhi, 5. Hạnh của con trâu chúa, 6. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt Hạnh của con nai chùa Ruru, 7. Hạnh của ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và (đức Bồ-tát) Màtanga, 8. Hạnh của Thiên Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ tử Dhamma, 9. Hạnh của (đức Bồ-tát) Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Alìnasatta, 10. Hạnh của (đức Bồ-tát) Mẫu tự Pali – Sinhala, Sankhapàla (Phẩm con long tượng là phần Phật sử, Con đường kinh hành bằng châu thứ nhì); III. Sự hoàn hảo về xuất ly: 1. báu, Phần nói về Sumedha, 1. Lịch sử Đức Hạnh của (đức Bồ-tát) Yudhanjaya, 2. Phật Dìpankara, 2. Lịch sử Đức Phật Hạnh của (đức Bồ-tát) Somanassa, 3. Kondanna, 3. Lịch sử Đức Phật Mangala, Hạnh của (đức Bồ-tát) Ayoghara, 4. Hạnh 4. Lịch sử Đức Phật Sumana, 5. Lịch sử của (đức Bồ-tát) Bhisa, 5. Hạnh của vị Đức Phật Revata, 6. Lịch sử Đức Phật hiền trí Sona; IV. Sự toàn hảo về quyết Sobhita, 7. Lịch sử Đức Phật Anomadassì, định: 6. Hạnh của vị hiền trí Temiya; V. 8. Lịch sử Đức Phật Paduma, 9. Lịch sử Sự toàn hảo về chân thật: 7. Hạnh của con Đức Phật Nàrada, 10. Lịch sử Đức Phật khỉ chúa, 8. Hạnh của đạo sĩ Sacca, 9. Padumuttara, 11. Lịch sử Đức Phật Hạnh của chim Cút con, 10. Hạnh của vua Sumedha, 12. Lịch sử Đức Phật Sujàta, 13. Cá, 11. Hạnh của (đức Bồ-tát) Lịch sử Đức Phật Piyadassì, 14. Lịch sử Kanhadìpàyana, 12. Hạnh của (đức Bồ-tát) Đức Phật Atthadassì, 15. Lịch sử Đức Phật Sutasoma; VI. Sự toàn hảo về từ ái: 13. Dhammadassì, 16. Lịch sử Đức Phật Hạnh của (đức Bồ-tát) Suvannasàma, 14. Siddhattha, 7. Lịch sử Đức Phật Tissa, 18. Hạnh của (đức Bồ-tát) Ekaràja; VII. Sự Lịch sử Đức Phật Phussa, 19. Lịch sử Đức toàn hảo về hành xả: 15. Hạnh của (đức Phật Vipassì, 20. Lịch sử Đức Phật Sikhì, Bồ-tát) Mahàlomahamsa, Bài kệ tóm tắt; 21. Lịch sử Đức Phật Vessabhù, 22. Lịch Phụ chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục sử Đức Phật Kakusandha, 23. Lịch sử Đức danh từ riêng, Thư mục câu kệ Pàli, Thư Phật Konàgamana, 24. Lịch sử Đức Phật mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt, Kassapa, 25. Lịch sử Đức Phật Gotama; Thư mục từ đặc biệt.

cộng của Đại thừa (a. Lập tín nguyện, b. 977. PHẬT TỔ NGŨ KINH Tu Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Dịch giả: Thiền định, Bát-nhã (căn bản trí, hậu đắc HT. Thích Hoàn Quan (1928-2005) trí, gia hạnh trí: - Quán vô thường là Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017 thường, - Quán vô ngã như huyễn, - Quán Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 601 trang ngũ dục, - Trách về sắc dục), Tinh tấn (- (tái bản lần thứ mười), bìa mềm, nền màu Mặc giáp tinh tấn (Hạnh mặc giáp tinh tấn, cam, chữ tựa màu đỏ, tựa chữ Hán nổi Tướng mặc giáp tinh tấn), - Nhiếp thiện viền trắng, có hình quyển Kinh và xâu tinh tấn, - Lợi lạc tinh tấn); c. Giới thừa là chuỗi (nhỏ) phần dưới; bìa sau năm tựa cần kíp); 4. Tín giáo, hiểu lý và tu hạnh; chữ Hán. C. Phần tổng kết, Phần dịch âm. Toàn bộ tác phẩm gồm có: III. Kinh Di giáo: - Lời nói đầu (Giải thích I. Kinh Thập thiện: - Lời dịch giả, - Lời đề kinh, Lịch sử dịch giả), A. Phần tựa, B. nói đầu, A. Phần chứng tín (tự phần), B. Phần chánh tôn: 1. Pháp yếu chung (a. Đối Chánh thuyết (chánh tôn), 1. Nghiệp quả trị tà nghiệp: Căn bản thanh tịnh, Phương thế gian xuất thế gian (- Từ nơi nhân mà tiện thanh tịnh, Công đức trì giới, Lợi ích nói quả, - Từ nơi quả mà nói nhân, - Nói của giới; b. Đối trị khổ vọng: - Khổ do căn rõ về tướng của nhân, - Đem tướng của và dục buông lung, - Khổ về tham cầu ăn nghiệp quả để chứng minh, - Khuyên tu uống, - Khổ về

biếng nhác và ngủ nghỉ; c. học); 2. Chánh thuyết minh Thập thiện Đối trị phiền não: Đối trị giận dữ, Đối trị nghiệp đạo (- Hiển bày công dụng của kiêu mạn, Đối trị dua nịnh); 2. Pháp yếu thiện pháp, - Giải thích tên thiện pháp, - riêng (- Thiểu dục, - Tri túc, - Xa bỏ, - Trình bày hành tướng thiện pháp); 3. Công Siêng năng, - Không quên chánh niệm, - đức của mười thiện nghiệp (- Công đức xa Thiền định, - Trí tuệ, - Không hý luận); C. lìa nghiệp sát, - Công đức xa lìa trộm cắp, Phần lưu thông: - Siêng tu, - Chứng quyết, - Công đức xa lìa tà hạnh, - Công đức xa - Đoạn nghi (Trình bày các nghi, Dứt các lìa vọng ngữ, - Công đức xa lìa nghiệp hai nghi, Khuyên tu hành), - Lời dặn lưu lưỡi, - Công đức xa lìa nghiệp ác khẩu, - thông; Phần dịch âm. Công đức xa lìa ỷ ngữ, - Công đức xa lìa IV. Cảnh sách: - Lời giới thiệu, - Lời nói tham dục, - Công đức xa lìa sân khuể, - đầu, Bài 1 – Bài 24; Phần dịch âm; Phần Thuyết minh công đức xa lìa tà kiến); 4. phụ trang: - Sám quy mạng, - Quy mạng Thắng hạnh của mười thiện nghiệp (- Nói diễn nghĩa. về Lục độ (nói về bố thí độ, lược nói năm V. Duy Thức tam thập tụng: - Tiểu sử tác độ sau), - Các hạnh khác, - Tổng kết); 5. giả; Bài 1 – Bài 14; Tổng luận. Thuyết minh sự thù thắng của của Thập Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều thiện nghiệp. C. Phần lưu thông, Phần dịch lần: Năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh âm. ấn hành, với nhan đề "Phật Tổ Ngũ Kinh- II. Kinh Tứ thập nhị chương: - Bức thư Chư Kinh Tập Yếu, trọn bộ"; năm 1998, thay lời tựa, - Lời nói đầu; A. Phần tổng Nxb Tp. Hồ Chí Minh; các năm: 2011- khởi; B. Phần chánh thuyết, 1. Hạnh quả 2012-2016, Nxb Tôn Giáo. của Tam thừa cộng giáo (- Hạnh quả xuất thế, - Tu hạnh xuất gia); 2. Thông nghĩa thiện ác của Ngũ thừa; 3. Thắng hạnh bất

978. PHẬT TỔ TAM KINH Minh Tông (giảng về Tông, tức điều được (Tam Kinh Nhật Tụng) đề cao, cương lãnh tu học của bản Kinh Chú giải: Thiền sư Thủ Toại này), 4. Luận dụng (luận định lực dụng, Dịch chú: Quảng Minh tức hiệu quả giáo hóa của Kinh này), 5. Tác phẩm này có 178 trang (PDF), nội Minh giáo tướng (phán định giáo tướng, dung gồm: Dẫn nhập (San Francisco - tức luận định Kinh này thuộc về thời nào, 2020); Tựa Tam Kinh nhật tụng, Cư sĩ Âu giáo nào trong Ngũ thời Bát giáo, căn cơ Dương Dĩnh, Kinh Tứ thập nhị chương và nào được hóa độ bởi bản Kinh này); IV. Kinh Di giáo, Đại sư Liên Trì Chú Hoành, Chính thức giảng vào nội dung bài Kinh, Tựa Phật Tổ tam Kinh, Thiền sư Thích Tại 1. Phần tự, 1.1 Thông tự, 1.2 Biệt tự, 2. Tại, Tựa Tịnh Nghiêm Thiền sư chú Phật Phần Chánh tông, 2.1 Trình bày chi tiết sự Tổ tam Kinh, Tả Trung phụng Đại phu trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của Hứa Đoan Phu; Kinh Phật thuyết Bốn diệu quả để khơi gợi lòng tin, 2.2 Khuyên mươi hai chương, Lời bạt Kinh Tứ thập chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu vãng nhị chương, Thiền sư Thủ Toại, Tứ thập sanh, 2.3 Dạy hãy lập hạnh chấp trì danh nhị chương tụng, Tăng Viên Diễn; Sắc chỉ hiệu, 3. Phần Lưu thông, 3.1 Phổ khuyến, thi hành Kinh Phật Di giáo, No. 665-A, 3.1.1 Khuyến tín lưu thông, 3.1.2 Khuyến Hoàng đế Đường Thái Tông; Kinh Phật Di nguyện lưu thông, 3.1.3 Khuyến hành lưu giáo, Di giáo Kinh tụng (Tăng Viên Diễn), thông, 3.2 Kết khuyến. Tựa Quy Sơn cảnh sách chú, No. 1239-A, Tác phẩm này đã xuất bản năm 2006, Nxb Tả triều phụng Đại phu Trương Thù; Quy Tp. Hồ Chí Minh; tái bản năm 2012, Nxb Sơn Cảnh Sách, Cảnh sách hậu bạt, Thiền Tp. Hồ Chí Minh. sư Toại Thủ, Tam Kinh hậu bạt, Tư thiện Đại phu Diêu Quảng Hiếu, Tăng bổ âm 980. PHẬT THUYẾT ĐẠI thích

(không chuyển dịch), Bổ san Tam KHỔNG TƯỚC CHÚ VƯƠNG KINH Kinh bạt ngữ; Phụ lục, Hán văn. Hán dịch: Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Ấn Nghiêm 979. PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH PL. 2546 – DL. 2002 Yếu Giải Giảng Ký Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: - Lời Hán dịch: Tam tạng Pháp sư nói đầu, Duyên khởi của Kinh; Quyển Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) thượng, Phật thuyết Đại Khổng Tước chú Chú giải: Sa-môn Ngẫu Ích- vương Kinh, Phần chánh Kinh, Góp ý tạo Trí Húc (1599-1655) niềm tin; Quyển trung, Quyển hạ, Phật Giảng thuật: Pháp sư Tịnh Không thuyết Đại Khổng Tước chú vương Kinh; Chuyển ngữ: Như Hòa Chú thích, Phần phụ trang. Tác phẩm Kinh này có 430 trang; nội dung gồm: I. Dẫn nhập; II. (Giảng giải) lời tựa 981. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA KIM nêu nguyên do soạn sách Yếu giải (của CƯƠNG KINH LUẬN Ngẫu Ích Đại sư); III. Giải thích phần Việt dịch: Nguyễn Văn Ngoạn Huyền nghĩa, 1. Thích danh (giải thích tên Giấy phép số 1852/XB, ngày 17-7-1964 Kinh), 2. Biện thể (luận định Thế), 3.

Kinh có 33 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: có: Tựa và Phật thuyết Đại thừa Kim Năm 2012, Nxb Tôn Giáo; năm 2013, Nxb Cương Kinh Luận. Tôn Giáo, Việt dịch: HT. Thích Đức Niệm, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 185 trang, bìa 982. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM A-di-đà. THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH 983. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ Hán bản: Hạ Liên Cư (hội tập) LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM Việt dịch: HT.Thích Đức Niệm và THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC cư sĩ Minh Chánh KINH Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009 Nguyên bản Hán: Hạ Liên Cư (hội tập) Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 185 trang. Chuyển ngữ: Tâm Tịnh Toàn bộ Kinh này gồm có 48 phẩm chính: Nxb Phương Đông – 2010. Kinh có khổ 1. Pháp hội Thánh chúng, 2. Đức tuân Phổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng. Toàn bộ tác Hiền, 3. Đại giáo duyên khởi, 4. Pháp tạng phẩm Kinh này gồm có: - Nghi thức tụng nhân địa, 5. Chí tâm tinh tấn, 6. Phát đại niệm; - Kinh văn: Phật thuyết Đại thừa Vô thệ nguyện, 7. Quyết thành chánh giác, 8. lượng thọ Trang nghiêm thanh tịnh Bình Tích công lũy đức, 9. Thành tựu viên mãn, đẳng giác Kinh, có 48 phẩm; - Bát-nhã 10. Đều nguyện làm Phật, 11. Cõi nước Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, - Nghi thức hồi nghiêm tịnh, 12. Ánh sáng chiếu khắp, 13. hướng, - Tam quy. Thọ mạng đại chúng vô lượng, 14. Cây Xem: (48 phẩm) Phật thuyết Đại thừa Vô báu khắp nước, 15. Bồ-đề đạo tràng, 16. lượng Thọ trang nghiêm Thanh tịnh Bình Nhà cửa lầu gác, 17. Suối ao công đức, 18. đẳng Giác Kinh Hiếm có, siêu vượt thế gian, 19. Thọ dụng Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: đầy đủ, 20. Gió đức mưa hoa, 21. Sen báu Năm 2004, 2007, Nxb Tôn giáo. Phật quang, 22. Quyết chứng cực quả, 23. Mười phương chư Phật tán thán, 24. Ba 984. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ bậc vãng sanh, 25. Chánh nhân vãng sanh, LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM 26. Lễ cúng nghe pháp, 27. Ca thán Đức THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC Phật, 28. Đại sĩ thần quang, 29. Nguyện KINH Giảng Giải – 8 Quyển lực hoằng sâu, 30. Bồ-tát tu trì, 31. Công Giảng giải: HT. Tịnh Không đức chân thật, 32. Thọ mạng không cùng Việt dịch: Vọng Tây cư sĩ tận, 33. Khuyến dụ sách tấn, 34. Tâm Nxb Phương Đông; Kinh có khổ 14.5 x được mở sáng, 35. Trược thế ác khổ, 36. 20.5cm, 8 quyển dày hơn 2.336 trang. Bao lượt khuyên lơn, 37. Như nghèo đặng Quyển I, xb năm 2010, nội dung có Phần của báu, 38. Lễ Phật hiện ánh sáng, 39. Từ 1;

Quyển II, xb năm 2012, nội dung có thị thuật chỗ thấy, 40. Biên địa, nghi Phần 1; Quyển III, xb năm 2012, Kinh dày thành, 41. Hoặc tận kiến Phật, 42. Bồ-tát hơn 209 trang. Nội dung gồm có: Phần 2. vãng sanh, 43. Chẳng phải là Tiểu thừa, Đức tuân Phổ Hiền, Phần 3. Đại giáo 44. Thọ ký Bồ-đề, 45. Chỉ lưu lại một kinh Duyên khởi; này, 46. Cần tu kiên trì, 47. Phước huệ được nghe, 48. Nghe kinh được lợi ích.

Quyển IV, xb năm 2013, khổ 14 x 20cm, Hồi hướng, Mười Công đức, Ấn tống Kinh bìa cứng, dày 384 trang. Nội dung gồm có: Phật, Mười Công đức niệm Phật. Phần 4. Pháp tạng nhân địa; Quyển VII, xb năm 2015, dày 549 trang, Quyển V, xb năm 2013, khổ 14 x 20cm, bìa cứng. Nội dung gồm có: Một người mà bìa cứng, dày 440 trang. Nội dung gồm có: trong đời bạn không thể không biết đến, Phần 4. Pháp tạng nhân địa (tt), Phần 5. Kệ khai Kinh, P.6 Phát đại thệ nguyện: Chí tâm tinh tấn; Nguyện 18. Mười niệm ắt sanh nguyện, Quyển VI, xb năm 2015, dày 406 trang, Mười điều trong Di-lặc Sở vấn Kinh: Câu bìa cứng. Nội dung gồm có: Một người mà 1. “Nhất giả, ư nhất thiết chúng sanh, trong đời bạn không thể không biết đến, thường sanh từ tâm, ư nhất thiết chúng Kệ khai Kinh, Phật thuyết Đại thừa Vô sanh, bất hủy kỳ hạnh, nhược hủy kỳ hạnh, lượng thọ Trang nghiêm Thanh tịnh Bình chung bất vãng sanh” (Kinh văn); Câu 2. đẳng giác Kinh, P.6 Phát đại thệ nguyện: “Nhị giả, ư nhất thiết chúng sanh, thâm Nguyện 1. Quốc vô ác đạo nguyện, Ba khởi bi tâm, trừ tàn hại ý”; Câu 3. “Tam đường ác, a. Địa ngục, Lục hòa kính, b. giả, phát hộ pháp tâm, bất tích sinh mạng, Ngạ quỷ, c. Súc sanh; Nguyện 2. Bất đọa ư nhất thiết pháp, bất sanh phỉ báng”; Câu Ác đạo thú nguyện; Nguyện 3. Chân kim 4. “Tứ giả, ư nhẫn nhục trung, sanh quyết sắc thân nguyện; Nguyện 4. Tam thập nhị định tâm”; Câu 5. “Ngũ giả, thân tâm chủng, Đại trượng phu tướng nguyện; thanh tịnh, bất nhiễm lợi dưỡng”; Câu 6. Nguyện 5. Thân vô sai biệt nguyện; “Lục giả, phát nhất thiết chủng trí tâm, Nguyện 6. Túc mạng thông nguyện; nhật nhật thường niệm, vô hữu phế vong”; Nguyện 7. Thiên nhãn thông nguyện; Câu 7. “Thất giả, ư nhất thiết chúng sanh, Điểm khác nhau giữa năng lực Ngũ thông khởi tôn trọng tâm, trừ ngã mạn ý, khiêm giữa Phật, Bồ-tát và Nhị thừa thiên-nhân, hạ ngôn thuyết”; Câu 8. “Bát giả, ư thế Điểm khác nhau: 1. Rộng hẹp khác nhau, đàm thoại, bất sanh vị trước”; Câu 9. “Cửu 2. Nhiều ít khác nhau, 3. Lớn nhỏ khác giả, cận ư giác ý, sanh khởi chủng chủng, nhau; Tứ y pháp: Câu 1. Y pháp bất y thiện căn nhân duyên, viễn ly hội náo, tán nhân, Câu 2. Y nghĩa bất y ngữ, Câu 3. Y loạn chi tâm”; Câu sau cùng là “Chánh liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa, Câu 4. Y niệm quán Phật, trừ khứ chư căn”; Nguyện trí bất y thức; Điểm khác nhau: 4. Nhanh 19. Văn danh phát tâm nguyện, Lục độ chậm khác nhau, 5. Hư thực khác nhau, 6 Ba-la-mật: 1. Bố thí, có 3 loại: a. Tài bố & 7. Sở tác khác nhau và Sở hiện khác thí, b. Pháp bố thí, c. Bố thí vô úy, 2. Trì nhau, 8. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói giới, 3. Nhẫn nhục Ba-la-mật, 4. Tinh tấn Lục căn hỗ dụng, 9. Tự tại khác nhau; Ý Ba-la-mật, 5. Thiền định, 6. Trí tuệ Bát- nghĩa của Túc mạng thông; Nguyện 9. Tha nhã; Nguyện 20. Lâm chung tiếp dẫn tâm thông nguyện; Nguyện 10. Thần túc nguyện, Ba loại không thoái chuyển: a. Vị thông nguyện; Nguyện 11. Biến cúng chư bất thoái, b. Hạnh bất thoái, c. Niệm bất Phật nguyện; Nguyện 12. Định thành thoái; Pháp ngữ, Văn Sám hối, Lợi ích của Chánh giác nguyện; Nguyện 13. Quang việc Hồi hướng, Văn Hồi hướng, Kệ Hồi minh vô lượng nguyện; Nguyện 14. Xúc hướng, Mười công đức ấn tống

Kinh sách, quang An lạc nguyện; Nguyện 17. Chư Mười công đức niệm Phật. Phật xưng tán nguyện; Pháp ngữ, Văn Quyển VIII, xb năm 2017, dày 454 trang, Sám hối, Lợi ích của việc Hồi hướng, Kệ bìa cứng. Nội dung gồm có: Kệ khai Kinh;

Nguyện 21, Nguyện 22, Nguyện 23, dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, Phần Nguyện 24, Nguyện 25, Nguyện 26, dịch âm-Phần dịch nghĩa, Bổ thích. Nguyện 27, Nguyện 28, Nguyện 29, (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Nguyện 30, Nguyện 31, Nguyện 32, Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Nguyện 33, Nguyện 34, Nguyện 35, Tp. Hồ Chí Minh) Nguyện 36; Kệ Hồi hướng, Mười công đức niệm Phật. 988. PHẬT THUYẾT KINH VẠN PHẬT 985. PHẬT THUYẾT ĐƯƠNG LAI Hán dịch: BIẾN KINH Giảng Ký Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi Chủ giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không Việt dịch: HT. Thích Thiền Tâm Ghi chép: Tâm Huệ; Nxb Hồng Đức – 2015 Kiểm giảo: Hàn Anh Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 905 Chuyển ngữ: Như Hòa trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Liên xã Đại Giác, Cựu Kim Sơn, Hoa Kỳ - Nội dung gồm có 12 quyển: Kinh lễ Phật Giảng giải Kinh) ba nghiệp, 2. Nghiêm tịnh đạo tràng, 3. Lập thệ nguyện lớn, 4. Siêng tu cúng 986. PHẬT THUYẾT dường, 5. Lễ thỉnh Tam bảo, 6. Tỏ bày đại KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC nguyện, 7. Khen công đức, 8. Xưng danh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư An Thế Cao đảnh lễ, 9. Sám hối phát nguyện, 10. Tu Việt dịch và chú thích (2015): quán hạnh); Quyển thứ nhất,... đến Quyển Phước Nguyên thứ mười hai; Nghi thức Hồi hướng, Tiểu Kinh này trích dịch từ Đại Tạng 17, No. sử Hòa thượng Thích Thiền Tâm. 0779. Nội dung Kinh gồm có 8 điều giác Tác phẩm Kinh này đã được Phương Liên ngộ của bậc đại nhân, Tổng kết; Thư mục Tịnh Xứ - Mật Tịnh Đạo Tràng in Lưu tham khảo đối chiếu; Hán bản, Bản đối hành nội bộ năm PL. 2554 – DL. 2010. chiếu; Văn bản Pali; Văn bản trích dẫn Kinh khổ lớn, dày hơn 905 trang, bìa cước chú; Phụ lục:1. Nguyên văn chữ Hán cứng, nền đỏ, chữ tựa Kinh mạ vàng. “Phật thuyết Kinh Bát Đại Nhân Giác”; 2. Kinh văn tương đương đối chiếu; Bát 989. PHẬT THUYẾT Niệm Kinh-Trung A-hàm; Chú thích. KINH VUA A-XÀ-THẾ Sanskrit/Hán tạng) Tam tạng Pháp sư Chi-lâu-ca-sấm Việt dịch: Phật tử Phước Thắng 987. PHẬT THUYẾT KINH - Chứng nghĩa (2001): DI-LẠC HẠ SANH THÀNH PHẬT HT. Thích Đổng Minh (1927-2005) In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định), và Phật tử Giác Tuệ PL. 2515 – 1952 Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển Kinh có 11 trang, bìa mềm. Thượng và Hạ. Kinh Di-lạc Hạ sanh Thành Phật, Hán Hán tạng)

990. PHẬT THUYẾT - theo “con ngựa” ý niệm, C.29 Quán tưởng PHÂN BIỆT KINH chân chánh thắng được sắc dục, C.30 Lánh Việt dịch: Thích Thiện Trí xa lửa dục, C.31 Tâm vắng lặng-dục vọng In tại Nhà in Hoa Sen (Nha Trang), Kiểm dứt, C.32 Không còn cái “ngã” thì hết sợ duyệt số 17/UBKD/V2CT/GP, ngày 3-4- hãi, C.33 Trí tuệ và sự sáng suốt phá tan 1973 (PL. 2517). chúng ma, C.34 Giữ Trung dung tất đắc Kinh có 83 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Đạo, C.35 Tẩy sạch cấu bẩn-chỉ còn vẻ có 8 Kinh: 1. Phân biệt Duyên sanh Kinh, sáng, C.36 Sự chuyển đổi thù thắng, C.37 2. Phân biệt Bố thí Kinh, 3. Phân biệt Nhớ nghĩ đến Giới là gần với Đạo, C.38 Kinh, 4. Mạn pháp Kinh, 5. Pháp ấn Kinh, Có sanh tất có diệt, C.39 Sự dạy bảo vốn 6. Bần cùng Lão công Kinh, 7. Thanh tịnh không phân biệt, C.40 Tâm phải thực hành Tâm Kinh, 8. Đại Hồi hướng Kinh; Phụ theo Đạo, C.41 Ngay thẳng dứt trừ dục chú. vọng, C.42 Hiểu được cõi đời là hư huyễn; Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Tuyên Hóa, 991. PHẬT THUYẾT - Mười tám Đại nguyện của

Hòa thượng TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH Tuyên Hóa, Kệ Hồi hướng. Lược giảng: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) Tác phẩm này đã được in Lưu hành nội bộ Nxb Đồng Nai – 2017 năm 1999, với nhan đề "Phật thuyết Tứ Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 299 trang, thập Nhị Chương Kinh thiển thích"; năm bìa mềm. Nội dung gồm có 42 chương: Kệ 2006, Sariputra Educational Charity khai Kinh, Kinh văn, Đề tựa, Dịch giả, Foundation (USA) tái bản. Kinh tựa; C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Trừ dục vọng-dứt mong cầu, C.3 Cắt đứt ái 992. PHẬT THUYẾT dục-xả bỏ lòng tham, C.4 Thiện-ác phân THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH minh, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 (Cổ Đại Bạch Thoại Ngữ Pháp) Nhịn kẻ ác và không oán hận, C.7 Ở ác Thích Định Huệ gặp ác, C.8 Gieo gió gặp bão, C.9 Về Nxb Hồng Đức – 2019 nguồn gặp Đạo, C.10 Hoan hỷ bố thí tất Sách có khổ 15 x 23cm, dày 253 trang, bìa được phước, C.11 Sự gia tăng của Công mềm. Nội dung gồm có: Thọ Trì Đọc đức trong việc bố thí thức ăn, C.12 Nêu ra Tụng Pháp sư, Phật thuyết Thập Thiện sự khó để khuyên tu, C.13 Hỏi về Đạo và Nghiệp Đạo Kinh (nghĩa); Thập Thiện Túc mạng, C.14 Hỏi về tánh Thiện và Đại, Nghiệp Đạo Kinh (âm); Giải thuyết Pháp C.15 Hỏi về sức mạnh và sáng, C.16 Bỏ ái sư, Thư tả Pháp sư Cổ đại Bạch thoại ngữ dục tất đắc Đạo, C.17 Ánh sáng đến-bóng pháp; Phần 1. Từ vựng, Phần 2. Ngữ pháp tối tan, C.18 Ý niệm và mọi thứ vốn là phân tích, Phần 3. Ngữ pháp định nghĩa, I. Không, C.19 Quán xét cả Thật lẫn Giả, Từ loại, A. Thật từ, B. Hư từ, C. Từ loại C.20 Suy ra cái "Ta" vốn là Không, C.21 hoạt dụng, II. Đoản ngư, 1. Liên hợp đoản Danh vọng hại người, C.22 Tiền của và ngữ, 2. Thiên chính đoản ngữ, 3. Động tân sắc dục mang lại đau khổ, C.23 Gia đình đoản ngữ, 4. Bổ sung đoản ngữ, 5. Chủ vị còn tệ hơn lao ngục, C.24 Sắc dục chướng đoản ngữ, 6. Giới tân đoản ngữ, 7. Phức ngại đường Đạo, C.25 Lửa dục đốt người, chỉ đoản ngữ, 8. Liên động đoản ngữ, 9. C.26 Thiên ma quấy nhiễu Phật, C.27 Kiêm ngữ đoản ngữ, 10. Sở tự đoản ngữ, Không chấp trước tất đắc Đạo, C.28 Đừng 11. Số lượng đoản ngữ, 12. Phương vị

đoản ngữ, 13. Cố định đoản ngữ; III. Cú hành, 4. Đồng sự; Thực tiễn Thập Thiện tử, A. Cú tử hoạch phân, B. Cú tử thành Nghiệp Đạo vào trong Tứ niệm xứ, 1. phần, 1. Chủ ngữ, 2. Vị ngữ, 3. Tân ngữ, Quán Thân bất tịnh, 2. Quán Thọ là khổ, 4. Định ngữ, 5. Trạng ngữ, 6. Bổ ngữ, C. 3. Quán Tâm vô thường, 4. Quán Pháp vô Cú tử phân loại, I. Kết cấu phân loại, a. ngã; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào Đơn cú, 1. Chủ vị cú, 2. Phi chủ vị cú, 3. trong Tứ chánh cần, Thập Thiện Nghiệp Đặc thù phi chủ vị cú, 4. Bị động cú, 5. Đạo thực tiễn vào trong Tứ như ý túc, 1. Tỉnh lược cú, 6. Độc lập thành phần, 7. Dục, 2. Niệm, 3. Tấn, 4. Tuệ; Thập Thiện Đảo trang cú; b. Phức cú, 1. Nhất trùng Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Ngũ căn, phức cú, 2. Đa trùng phức cú, II. Ngữ khí 1. Tín căn, 2. Tấn căn, 3. Niệm căn, 4. phân loại, 1. Trần thuật cú, 2. Nghi vấn cú, Định căn, 5. Tuệ căn; Giới thiệu về "Nội 3. Kỳ sử cú, 4. Cảm thán cú, D. Luyện điển Tu học Yếu lĩnh", 1. Mục đích nghiên đọc-luyện viết. cứu Kinh giáo của chúng ta là gì? 2. Thái độ tu hành, 3. Phương pháp tu học; Thập 993. PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong NGHIỆP ĐẠO KINH Giảng Giải Ngũ lực; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực Giảng giải: Lão Pháp sư Tịnh Không tiễn vào trong Thất giác chi, 1. Niệm giác Việt dịch: Cư sĩ Vọng Tây và chi, 2. Trạch pháp giác chi, 3. Tấn giác Cư sĩ Viên Đạt chi, 4. Hỷ giác chi, 5. Khinh an giác chi, 6. Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 16 x Định giác chi, 7. Xả

giác chi; Thập Thiện 24cm, 2 quyển dày hơn 1.073 trang, bìa Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Bát chánh cứng, nền màu đen, chữ màu vàng, có hình đạo, 1. Chánh Kiến, 2. Chánh Tư duy, 3. Tam Thánh. Chánh Ngữ, 4. Chánh Nghiệp, 5. Chánh Quyển I, dày hơn 533 trang. Nội dung Tinh tấn, 6. Chánh Định, 7. Chánh Niệm, gồm có: Lời giới thiệu, I. Duyên khởi, II. 8. Chánh Mạng; Thập Thiện Nghiệp Đạo Thượng dụ của Hoàng đế Ung Chánh, III. thực tiễn vào trong Chỉ Quán, Thập lực- Đề Kinh, IV. Nhân đề, V. Phần Kinh văn; Vô úy-Thập bát bất cộng. Mười Điều Thiện, Quả báo của Tu Thập Thiện Nghiệp, 1. Quả báo của không sát 994. PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN sanh, 2. Quả báo của không trộm cắp, 3. NGHIỆP ĐẠO KINH Giảng Yếu Quả báo của không tà hạnh, 4. Quả báo Thái Hư Đại sư của không vọng ngữ, 5. Quả báo của Soạn dịch: Thích Định Huệ không lưỡng thiệt, 6. Quả báo của không An Phước Tự, PL. 2541 – DL. 1997 ác khẩu, 7. Quả báo của không ỷ ngữ, 8. Kinh dày hơn 200 trang. Nội dung gồm Quả báo của lìa tham dục, 9. Quả báo của có: Huyền luận, I. Khế lý và ứng cơ, A. lìa sân nhuế, 10. Quả báo của lìa tà kiến. Thật nghĩa của sự khế lý, 1. Thập thiện là Quyển II, dày hơn 540 trang. Nội dung Tôn chỉ, 2. Thập thiện là Chánh nhân, 3. gồm có: V. Phần Kinh văn (tt), Thập Thập thiện là Căn bản; B. Ứng cơ đối trị, Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Lục 1. Đối trị hướng ngoại quên mình, 2. Đối độ Ba-la-mật, Thập Thiện Nghiệp Đạo trị khoe khoang, hạnh kém, 3. Đối trị dục thực hiện vào trong Từ-Bi-Hỷ-Xả, Thập dầy, phước mỏng; II. Giải thích đề Kinh Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Tứ và dịch đề Kinh, A. Giải thích đề Kinh, B. nhiếp pháp, 1. Bố thí, 2. Ái ngữ, 3. Lợi Giải thích dịch đề Kinh; Chú thích phần

huyền luận, Giải thích Kinh; Bài học Nxb Phương Đông – 2009. Sách có khổ 14 (BH). 1 I. Chứng tín; BH. 2 II. Chánh x 20cm, có 158 trang. thuyết, A.1. Nghiệp quả thế và xuất thế, B.1. Lấy nhân thuyết minh quả; BH.3 B.2. 996. PHẬT THUYẾT - Lấy quả thuyết minh nhân; BH.4 B.3. VÔ LƯỢNG THỌ KINH Thuyết minh tướng nhân, C.1. Quán tâm Chánh Trí – Mai Thọ Truyền vô chủ; BH.5 C.2. Quán pháp như huyễn; Nxb Tôn Giáo – 2012 BH.6 C.3. Khuyên rộng tu thiện; BH.7 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 179 trang, B.4. Nêu tướng quả làm chứng, C.1. Lấy bìa mềm. quả Phật làm chứng; BH.8 C.2. Lấy Bồ-tát Nội dung gồm có: Lời dẫn, Phương pháp làm chứng; BH.9 C.3. Lấy thiên long làm trình bày; Phật thuyết Vô lượng thọ Kinh, chứng; BH.10 C.4. Lấy hải chúng làm Quyển nhất, 1. Nơi thuyết Kinh và thành chứng; BH.11 B.5. Kết khuyên tu học; phần pháp hội, 2. Nguyên nhân thuyết BH.12 A.2. Chánh thuyết Thập thiện, B.1. pháp, 3. Sự tích Pháp Tạng Tỳ-kheo, 4. Ứng dụng của thiện pháp; BH.13 B.2. Tên Pháp Tạng phát nguyện; Chú giải Diệu lý của thiện pháp; BH.14 B.3. Tướng của và 48 lời nguyện, 5. Pháp Tạng thành thiện pháp; BH.15 A.3. Công đức Thập Phật, 6. Cảnh nước an lạc, 7. Ánh sáng Thiện nghiệp, B.1. Công đức lìa Sát sanh; không lường, 8. Sống lâu vô cùng, 9. BH.16 B.2. Công đức lìa Thâu đạo; BH.17 Thánh chúng vô lượng, 10. Các cây bảy B.3. Công đức lìa Tà hạnh; BH.18 B.4. báu, 11. Cây báu nơi đạo tràng, 12. Nhà Công đức lìa Vọng ngữ; BH.19 B.5. Công cửa cung điện, 13. Hồ tắm bảy báu, 14. Y đức lìa Lưỡng thiệt; BH.20 B.6. Công đức thực tự nhiên, 15. Nhan sắc-dung mạo lìa Ác khẩu; BH.21 B.7. Công đức lìa Ỷ đoan chánh; Quyển dưới, 1. Có chánh định ngữ; BH.22 B.8. Công đức lìa Tham dục; mới vãng sanh, 2. Ba hạng vãng sanh, 3. BH.23 B.9. Công đức lìa Sân khuể; BH.24 Công đức của chư Bồ-tát, 4. Khuyên tấn B.10. Công đức lìa Tà kiến; BH.25 A.4. tới vãng sanh, 5. Nên bỏ

năm điều ác, 6. Thắng hạnh của Thập thiện, B.1. Thuyết Muốn chết chẳng được, 7. Lễ Phật ánh minh Lục độ, C.1. Thuyết minh rộng Bố sáng hiện ra, 8. Nghi vấn về thai sanh, 9. thí độ; BH.26 C.2. Sơ lược năm độ còn lại; Các hàng Bồ-tát được vãng sanh, 10. Phần BH.27 B.2. Thuyết minh nhiều hạnh khác, lưu thông, 11. Lợi ích của sự nghe Kinh. C.1. Tứ vô lượng tâm; BH.28 C.2. Tứ nhiếp; BH.29 C.3. Tam thập thất Bồ-đề phần; BH.30 B.3 Kết rộng; BH.31 A.5 Thù thắng của Thập thiện; BH.32 III. Lưu thông; Phụ bản nguyên văn.

995. PHẬT THUYẾT TRƯỜNG THỌ
DIỆT TỘI HỘ CHƯ ĐỒNG TỬ
ĐÀ-LA-NI - Bằng Tranh
Pháp sư Hải Đào
Việt dịch (chánh văn Kinh):
HT. Thích Thiện Thông
Dịch phần Truyện tranh: Hương Bối
thiện, 6. Hội thông Kinh luận, a. Nêu lên

Q kiến giải của các nhà chú giải, b. Dùng lý luận đả phá, c. Dùng “chín phẩm” đả phá, d. Dùng Kinh văn dẫn chứng, e. Hội thông ý nghĩa “Biệt thời”, f. Hội thông ý nghĩa 997. QUAN TRUNG SÁNG LẬP “Người căn tính Nhị thừa không vãng GIỚI ĐÀN ĐỒ KINH Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – sanh”, g. Biện biệt bà Vi-đề-hy nghe pháp Ban Dịch Thuật Luật Tạng được lợi ích; Quyển hai, I. Chứng tín tự, Nguyên tác Hán văn: II. Phát khởi tự, 1. Hóa tiền tự, 2. Nhân duyên giam cầm phụ vương, 3. Nhân Sa-môn Thích Đạo Tuyên Dịch sang Việt văn: duyên giam cầm mẫu thân, 4. Chán sự khổ ta-bà, 5. Cầu sự vui cực lạc, 6. Dạy pháp Tỳ-kheo Thích Thọ Phước Nxb Hồng Đức – 2014 môn Tán thiện, 7. Dạy pháp môn Định Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 80 trang, thiện; Quyển ba, 1. Quán mặt trời (nhật bìa mềm. quán), 2. Quán nước, 3. Quán đất báu, 4. Nội dung gồm có: 1. Kết giới và dạy lập Quán cây báu, 5. Quán ao báu, 6. Quán lầu đàn, 2. Đặt danh và hiệu, 3. Hình dáng, báu, 7. Quán hoa báu, 8. Quán tượng, 9. tầng lớp và tướng trạng, 4. Cao-thấp-rộng- Quán chân thân Phật A-di-đà, 10. Quán hẹp, 5. Bên trong và bên ngoài đại giới, 6. chân thân đức Quán Thế Âm, 11. Quán Pháp kết giới trước hay sau, 7. Nhóm họp chân thân đức Đại Thế Chí, 12. Quán tự Tăng gần hay xa, 8. Yết-ma thành hay thân vãng sanh, 13. Quán Phật và Bồ-tát; không thành, 9. Phép tắc thụ giới, 10. Quyển bốn, I. Tán thiện, 1. Dùng ba phước Công năng xa gần, 11. Ca ngợi công đức. làm chánh nhân, 2. Dùng chính phẩm làm chánh hạnh, A. Thượng Phẩm vãng sanh, a. Thượng Phẩm thượng sanh, b. Thượng 998. QUÁN KINH ĐẠI THỪA - Phẩm trung sanh, c. Thượng Phẩm hạ ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT Hán dịch: Pháp Hộ sanh, B. Trung Phẩm vãng sanh, a. Trung Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường Phẩm thượng sanh, b. Trung Phẩm trung Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 sanh, c. Trung Phẩm hạ sanh, C. Hạ Phẩm quyển, Quyển thượng và Quyển hạ. vãng sanh, a. Hạ Phẩm thượng sanh, b. Hạ Phẩm trung sanh, c. Hạ Phẩm hạ sanh; II. Lợi ích, III. Lưu thông, IV. Kỳ-xà-quật; Bộ Kinh tập) Lời bạt, Phụ lục 1, Phụ lục 2. 999. QUÁN KINH TỨ THIẾP SỚ (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Sách dày hơn 366 trang, bìa cứng, nền đỏ, Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ

Quang, Q. chữ tựa mạ vàng. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh) Nội dung gồm có 4 quyển: Quyển một, I. Kệ Quy y Tam bảo, II. Bảy môn biện biệt, 1.000. QUÁN TỰ TẠI 1. Nêu rõ tựa đề, 2. Giải thích đề Kinh, 3. BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI KINH Biện biệt Tông chỉ, giáo phái Đại-Tiểu, 4. Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí – Nêu lên sự khác biệt của người giảng Huyền Thanh pháp, 5. Biện biệt hai môn Định thiện-Tán Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 386 trang.

Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Quán (No.1051), 26. Tán Quán Thế Âm Bồ-tát Tự Tại Đại bi Thành tựu Du-già Liên hoa tụng (No. 1052), 27. Thánh Quán Tự Tại Bộ Niệm tụng pháp môn (No. 1030), 3. Bồ-tát Công đức tán (No. 1053), 28. Kinh Thánh Quán Tự Tại tâm Chân ngôn Du- Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát 108 danh (No. già Quán hạnh Nghi quỹ (No. 1031), 4. 1054), 29. Phật nói Thánh Quán Tự Tại Du-già Liên hoa Bộ Niệm tụng pháp (No. Bồ-tát Phạm tán (No. 1055), 30. Phật nói 1032), 5. Kim Cương khủng bố Tập hội Kinh Quán Tự Tại Mẫu Đà-la-ni (No. phương quảng quỹ nghi Quán Tự Tại Bồ-1117), 31. Phật nói Kinh Nhất thập bát Tý tát Tam thế tối thắng Tâm minh Vương Đà-la-ni (No. 1118), 32. Quán Thế Âm Kinh (No. 1033), 6. Chú Ngủ thủ (No. Bồ-tát Thí thực. 1034), 7. Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát chú, 8. Phục hồi Phạn bản 1.001. Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ- QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ KINH tát chú, 9. Kinh Thiên chuyển Đà-la-ni Việt dịch: Liên Du (No. 1036), 10. Quán Tự Tại Bồ-tát nói In tại Nhà in Hoa Sen (Nha Trang), Giấy Kinh Phổ Hiền Đà-la-ni (No. 1037), 11. phép xuất bản số 0016 ngày 16-1-1961 Thanh tịnh Quán Thế Âm Phổ Hiền Đà-la- của Hội đồng Kiểm duyệt Huế. ni Kinh (No. 1038), 12. Phục hồi Phạn bản Kinh có 152 trang, bìa mềm. Nội dung Phổ Hiền Đà-la-ni, 13. Kinh A-lợi-đa-la gồm có: Lời tựa, Phật thuyết Quán Vô Đà-la-ni A-lỗ-lực (No. 1039), 14. Kim lượng thọ Kinh sớ, Hán dịch: Ngài Cương- Cương Đỉnh giáng tam thế Đại Nghi quỹ lương-gia-xá, I. Phần tự, II. Phần Chánh Pháp vương Giáo trung Quán Tự Tại Bồ- tông, Mười sáu phép quán, III. Phần Lưu tát Tâm Chân ngôn Nhất thiết Như Lai thông. Liên hoa Đại Man-noa-la phẩm (No. Tác phẩm này được Nhà in Sen Vàng (Sài 1040), 15. Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân Gòn) tái bản – 1966. ngôn Nhất ấn niệm tụng pháp (No. 1041), 16. Quán Tự Tại Bồ-tát Đại bi Trí ấn chu 1.002. QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT biến pháp giới Lợi ích chúng sanh huân KINH (Amitayus-Dhyàna-Sutra) Chân như pháp (No. 1042), 17. Thỉnh Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988) Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu phục Độc hại Phật học Tòng thơ xuất bản – 1973 Đà-la-ni chú Kinh (No. 1043), 18. Phật nói (in kỳ nhì) Kinh Lục tự Chú vương (No. 1044), 19. Giấy phép số 4.532/PTUDV/KSALP/TP. Phật nói Kinh Lục tự Thần Chú vương ngày 9-11-1973 (No. 1045), 20. Kinh Lục tự Thần Chú Kinh có 80 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh (No. 1045B), 21. Kinh Lục tự Đà-la-ni âm Hán-Việt, chữ Sanskrit đều màu đen, Chú (No. 1046), 22. Phật nói Kinh Thánh chữ Hán màu đỏ, và có hình Tam Thánh. Lục tự Đại minh Vương Đà-la-ni (No. Nội dung gồm có: Bài tựa, Quán Vô lượng 1047), 23. Phật nói Kinh Đại hộ minh Đà- thọ Phật Kinh, Hán dịch: Tam tạng Pháp la-ni (No. 1048), 24. Kinh Thánh Lục tự sư Cương-lương-gia-xá, có Kinh văn chữ Tăng thọ Đại minh Đà-la-ni (No. 1049), Hán, dịch âm, và sau cùng là dịch nghĩa, 25. Phật nói Kinh Nhất thiết Phật nhiếp gồm 3 phần, I. Phần tựa, II. Phần Chánh Tương ưng Đại giáo vương Thánh Quán tông, và III. Phần Lưu thông. (cuối một số Tự Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi

quỹ trang có chú thích)

Tác phẩm này đã được Phật học Tòng thơ
(Sài Gòn) xuất bản năm 1948, với dịch giả là Huyền Mặc Đạo Nhân & Đoàn Trung Còn.

S

1.004. SEN NỞ TRỜI PHƯƠNG

R NGOẠI (Kinh Pháp Hoa Giảng Giải) Giảng giải: Thích Nhất Hạnh Nxb Lá Bối – 2001 Tác phẩm này gồm có 3 phần và 28 phẩm: 1.003. RONG CHƠI - Phần I. Kinh Pháp Hoa và Đạo Bụt Đại TRỜI PHƯƠNG NGOẠI thừa, Vòng tay lớn của Kinh Pháp Hoa, (Trích từ Kinh Pháp Cú Hán tạng- Vai trò Kinh Pháp Hoa trong sự hình Phẩm Nê-hoàn thứ 36) thành Đạo Bụt Đại thừa, Văn thể và các Dịch và bình giảng: Thích Nhất Hạnh giai đoạn hình thành của Kinh Pháp Hoa, Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 13 x Hoa Sen và các Tông phái trong Đạo Bụt, 21cm, có 154 trang, bìa mềm. Đạo Bụt Đại thừa chống báng việc thần Nội dung tác phẩm gồm có 2 phần: Phần Thánh hóa Bụt Thích-ca, Hãy nắm tay I, Kinh văn: Nê-hoàn phẩm Pháp Cú Kinh nhau, Sự phân định các phẩm trong Kinh đệ tam thập lục, Kinh Rong Chơi Trời Pháp Hoa, Những chìa khóa cần có trước Phương Ngoại, dịch từ Kinh Pháp Cú khi tụng đọc Kinh Pháp Hoa; Phần II. trong Hán tạng, Kinh thứ 36, gồm có 36 Kiến giải Pháp Hoa Kinh: P.1 Tựa, P.2 bài kệ (mỗi bài gồm 4 câu kệ chữ Hán, Phương tiện (Ba con đường tu học, Thông phiên âm và dịch nghĩa); Phần II, Bình điệp thứ nhất của Pháp Hoa), P.3 Thí dụ, giảng (Tất cả có 10 bài pháp thoại do P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo, P.6 Thọ ký, Thiền sư Nhất Hạnh giảng trong hai khóa P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bách đệ tử thọ tu: mùa Xuân và mùa Đông, năm 2010 tại ký, P.9 Thọ học vô học nhân ký, P.10 Làng Mai). Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà- đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt công đức, P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức; Phần II. Kiến giải Pháp Hoa Kinh (tt), P.20 Bồ-tát Thường Bất Khinh, P.21 Thần lực của Như Lai, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát bản sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Phần III. Tổng quan; Kết thúc, Vun bón một chồi non cúng dường cây Đại thụ.

Tác phẩm này được tái bản năm 2019, Nxb Văn hóa Văn nghệ, khổ 14 x 20.5cm, dày 344 trang. T 1.005. Sớ Luận Toát Yếu 1.007. TẠI GIA BỒ-TÁT GIỚI KINH KINH KIM CANG BÁT-NHÃ (Ưu-bà-tắc Giới Kinh) Đường Tông Mật thuật Tống Tử Tuyền Trị Hán dịch: Định Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm Việt dịch: Thích Bảo Lạc Việt dịch: Thích Tịnh Nghiêm Tác phẩm Sớ luận về Kinh này gồm có 2 Tường Quang Tùng Thư 6, quyển, 3 phần: Q.I, Lời tựa, A. Phần tựa; PL. 2550 – DL. 2006 B. Phần chánh tông; Q.II; C. Phần lưu Tác phẩm Kinh này có 252 trang (PDF), Pháp bảo-Bộ Bát-nhã) Bồ-đề, P.3 Tâm Đại bi, P.4 Giải thoát, P.5 Ba loại Bồ-đề, P.6 Tu tập nghiệp 32 1.006. Sớ Thần Bảo Ký tướng, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả Nhơn Vương Hộ Quốc danh-thực nghĩa, P.9 Tâm kiên cố của Bồ- KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT tát thực nghĩa, P.10 Lợi mình và lợi người, Tống Thiện Nguyệt thuật P.11 Trang nghiêm mình và người, P.12 Việt dịch: Thích Bảo Lạc Trang nghiêm phước đức trí tuệ, P.13 Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 quyển: -

Nuôi dưỡng đồ chúng, P.14 Thọ giới, P.15 Lời tựa; Q.I: Q.II; Q.III, P. Quán không, P. Tịnh giới, P.16 Trừ ác, P.17 Cúng dường Bồ-tát giáo hóa; Q.IV, P. Giáo hóa, P. Nhị Tam bảo, P.18 Sáu Ba-la-mật, P.19 Bố thí đế, P. Hộ quốc, P. Thọ trì. Ba-la-mật, P.20 Thanh tịnh Tam Quy y, Bộ Bát-nhã) P.23 Thi-la Ba-la-mật, P.24 Nghiệp, P.25 Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.26 Tinh tiến Ba- la-mật, P.27 Thiền định Ba-la-mật, P.28 Bát-nhã Ba-la-mật; Chú thích. PDF)

1.008. TAM BẢO âm – nghĩa
Việt dịch: Thích Trí Tịnh (1917-2014)
Liên Hải Phật học trường xuất bản – 1963
Sách có khổ 15 x 21cm, có 268 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có:
(Nghi thức lễ tụng), Phật nói kinh A-di-đà,
48 Đại nguyện của Đức Phật A-di-đà,
Hồng danh bửu sám, Phật nói kinh Vu Lan bồn, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm
Quán Thế Âm Bồ-tát phổ môn, Thập nhị
nguyện, Phật nói kinh Kim Cang Bát-nhã (Trọn bộ 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục). Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh, Cuốn I, Tạp A-hàm, dày 758 trang, Nội Niệm Phật hồi hướng. Bài tựa về văn dung gồm có: Tiểu dẫn, 1. Tương ưng “Mười phương”. Sau mỗi Kinh đều có Năm uẩn [1a6], K.1 Vô thường, K.2 phần thích nghĩa. Chánh tư duy, K.3 Vô tri (1), K.4 Vô tri (2), K.5 Vô tri (4), K.6 Vô tri (5), K.7 Hỷ 1.009. TAM BẢO TÔN KINH lạc sắc, K.8 Quá khứ vô thường, K.9 Yểm Thích Từ Bạch ly, K.10 Giải thoát, K.11 Nhân duyên (1), Nhà In Phan Thanh Giản (Sài Gòn), K.12 Nhân duyên (2), K.13 Vị (1), K.14 PL. 2510 – DL. 1966 Vị (2), K.15 Sử, K.16 Tăng chư số, K.17 Nội dung gồm có: Nguồn Giác Sống, Kinh Phi ngã, K.18 Phi bỉ, K.19 Kết hệ, K.20 Di-đà (Ý nghĩa Tịnh độ Cầu siêu), Nghi Thâm Kinh, K.21 Động dao, K.22 Kiếp-ba thức Tịnh độ (Tụng Kinh Di-đà), Nghi sở vấn, K.23 La-hầu-la sở vấn (1), K.24 thức Sám hối (Tụng Kinh Hồng danh); La-hầu-la sở vấn (2), K.25 Đa văn, K.26 Kinh Vu Lan Bồn, Nghi thức Cầu siêu Thiện thuyết pháp, K.27 Hướng pháp, (Tụng Kinh Vu Lan); Kinh Phổ Môn (Ý K.28 Niết-bàn, K.29 Tam-mật-ly-đề vấn nghĩa Cầu an), Nghi thức Cầu an (Tụng thuyết pháp sư, K.30 Thâu-lũ-na (1), K.31 Kinh Phổ Môn); Kinh Kim Cang Bát-nhã Thâu-lũ-na (2), K.32 Thâu-lũ-na (3); Ba-la-mật hay Đại cương của Thể tánh [64b22], K.33 Vô minh (1), K.34 Vô minh Kim Cang, Tam Quy; Nghi thức tụng (2), K.35 Vô minh (3), K.36 Vô gián đẳng, Kinh Kim Cang, Hồi hướng, Phục nguyện, K.37 Diệt, K.38 Phú-lưu-na, K.39 Xiển- Tam quy. đà, K.40 Ứng thuyết, K.41 Tiểu thổ đoàn, (Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, K.42 Bào mạt, K.43 Vô tri (1), K.44 Vô tri Tp. Hồ Chí Minh) (2), K.45 Hà lưu; [70b], K.46 Kỳ lâm, K.47 Thọ, K.48 Đê-xá, K.49 Trách chư 1.010. TÁN THUẬT tướng; [15b10], K.50 Sanh diệt, K.51 Bất KINH KIM CANG BÁT-NHÃ lạc, K.52 Phân biệt (1), K.53 Phân biệt (2), Biên soạn: Khuy Cơ K.54 Phân biệt (3), K.55 Ưu-đà-na, K.56 Việt dịch: Thích Bảo Lạc Thọ, K.57 Sanh, K.58 Lạc, K.59 Lục nhập Tác phẩm Tán thuật Kinh này gồm có 2 xứ, K.60 Kỳ đạo, K.61 Thật giác, K.62 quyển: - Tựa, - Lời tựa khắc bản Thuật tán Hữu thân, K.63 Tri pháp, K.64 Trọng Kinh Kim Cang Bát-nhã; Quyển thượng đảm, K.65 Vãng nghệ, K.66 Quán, K.67 và Quyển hạ. Dục, K.68 Sanh (1), K69 Sanh (2), K.70 Bộ Bát-nhã) K.73 Trúc viên, K.74

Tỳ-da-ly, K.75 Thanh tịnh, K.76 Chánh quán sát, K.77 Vô 1.011. TẠP A-HÀM (3 Cuốn) – thường, K.78 Khổ; [7b22], K.79 Phi ngã, Tiểu Tạng Kinh K.80 Ngũ Tỳ-kheo, K.81 Tam chánh sĩ, Dịch Việt: Thích Đức Thắng K.82 Thập lục Tỳ-kheo, K.83 Ngã, K.84 Hiệu chỉnh và Chú thích: Tuệ Sỹ Ty hạ, K.85 Chủng tử, K.86 Phong trệ, Nxb Hồng Đức – 2019 K.87 Ngũ chuyển, K.88 Thất xứ, K.89 Kinh có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 3 Thủ trước, K.90 Hệ trước; [11b], K.91 cuốn dày 2.217 trang, bìa cứng. Giác, K.92 Tam thế ấm thế thực, K.93

Tín, K.94 A-nan (1), K.95 A-nan (2), K.96 bất thiện pháp, K.181 Dục định, K.182 Tín A-nan (3), K.97 Hoại pháp, K.98 Uất-đề- căn, K.183 Tín lực, K.184 Niệm giác ca, K.99 Bà-la-môn, K.100 Thế gian, phần, K.185 Chánh kiến, K.186 Khổ tập K.101 Uẩn, K.102 Lậu vô lậu, K.103 Tật tận đạo, K.187 Vô tham pháp cú, K.188 lậu tận, K.104 Uẩn căn; [29c6], K.105 Sai- Chỉ, K.189 Tham dục; ma, K.106 Diệm-ma-ca, K.107 Tiên-ni, Tụng II. Sáu xứ: K.108 A-nậu-la, K.109 Trưởng giả, K.110 4. Tương ưng Sáu xứ [49b7], K.190 Ly hỷ Tây, K.111 Mao đoan, K.112 Tát-giá; tham, K.191 Ly dục tham, K.192 Tri (1), 2. Tương ưng La-đà [37c6], K.113 Hữu K.193 Tri (2), K.194 Bất ly dục (1), K.195 lưu, K.114 Đoạn tri, K.115 Đoạn sắc khổ, Bất ly dục (2); [50a], K.196 Sanh hỷ, K.116 Tri khổ, K.117 Đoạn ưu khổ, K.118 K.197 Vô thường (1), K.198 Vô thường Ngã tận, K.119 Đoạn hữu lậu, K.120 (2), K.199 Thị hiện, K.200 La-hầu-la (1), Tham nhuế si, K.121 Tận dục ái hỷ, K.122 K.201 La-hầu-la (2), K.202 La-hầu-la (3), Ma (1), K.123 Tử diệt, K.124 Chúng sanh, K.203 Lậu tận, K.204 Ngã kiến đoạn, K.125 Hữu thân, K.126 Ma (2), K.127 Ma K.205 Năng đoạn nhất pháp, K.206 Như pháp, K.128 Tử pháp, K.129 Phi ngã phi thật tri kiến, K.207 Ưu-đà-na, K.208 Như ngã sở, K.130 Đoạn pháp (1), K.131 Đoạn thật tri, K.209 Tam-ma-đề, K.210 Vô pháp (2), K.132 Cầu Đại sư (1), K.133 thường, K.211 Lục xúc nhập xứ, K.212 Tập, K.134 Bất tập cận; Địa ngục, K.213 Thế gian ngũ dục, K.214 3. Tương ưng Kiến, K.135 Sanh tử lưu Bất phóng dật; [54a], K.215 Pháp, K.216 chuyển, K.136 Hồ nghi đoạn (1), K.137 Nhị pháp, K.217 Phú-lưu-na, K.218 Đại Hồ nghi đoạn (2), K.138 Sanh tử lưu hải (1), K.219 Đại hải (2), K.220 Khổ tập chuyển, K.139 – K.140, K.141 Ưu não diệt, K.221 Niết-bàn đạo tích, K.222 Tợ sanh khởi, K.142 – K.143, K.144 Ngã ngã thú Niết-bàn đạo tích, K.223 Thủ, K.224 sở, K.145 - K.146, K.147 Hữu lậu chướng Tri thức, K.225 Đoạn (1), K.226 Đoạn (2), ngại, K.148 Tam thọ, K.149 Tam khổ, K.227 Đoạn (3); [55c], K.228 Kế (1), K.150 Thế bát pháp, K.151 Ngã thắng, K.229 Kế (2), K.230 Tăng trưởng, K.231 K.152 Tha thắng, K.153 Vô thắng, K.154 Hữu lậu vô lậu, K.232 Tam-di-ly-đề (1), Hữu ngã, K.155 Bất nhị, K.156 Vô quả; K.233 Tam-di-ly-đề (2), K.234 Không, [44a], K.157 Vô lực, K.158 Tử hậu đoạn K.235 Thế gian, K.236 Thế gian biên, hoại, K.159 Vô nhân vô duyên (1), K.160 K.237 Cận trụ, K.238 Thanh tịnh khất Vô nhân vô duyên (2), K.161 Vô nhân vô thực trụ, K.239 Tỳ-da-ly, K.240 Nhân duyên (3), K.162 Vô nhân vô duyên (4), duyên, K.241 Kết; [58a], K.242 Thủ, K.163 Thất thân, K.164 Tác giáo, K.165 K.243 Thiêu nhiệt, K.244 Tri, K.245 Vị, Sanh tử định lượng, K.166 Phong, K.167 K.246 Ma-câu, K.247 Tứ phẩm pháp, Đại Phạm, K.168 Sắc thị ngã (1), K.169 K.248 Thất niên, K.249 Tập cận, K.250 Sắc thị ngã (2), K.170 Thế gian thường, Thuần-đà, K.251 Câu-hi-la (1), K.252 K.171 Thế gian ngã thường, K.172 Ngộ Câu-hi-la (2), K.253 Câu-hi-la (3), K.254 lạc Niết-bàn, K.173 Ngã chánh đoạn, Ưu-ba-tiên-na, K.255 Tỳ-nữu Ca-chiên- K.174 Đương đoạn, K.175

Quá khứ đương diên, K.256 Nhị thập ức nhĩ, K.257 Lỗ-hê- đoạn, K.176 Cầu Đại sư (2), K.177 Cứu giá; [72b20], K.258 Thủ thanh dụ, K.259 đầu nhiên thí, K.178 Thân quán trụ (1), Khí xả, K.260 Nan-đà, K.261 Nan-đà K.179 Thân quán trụ (2), K.180 Đoạn ác thuyết pháp, K.262 Luật nghi bất luật

nghi, K.263 Thối bất thối, K.264 Điều chiên-diên, K.340 A-chi-la, K.341 Điếm- phục, K.265 Tần-đầu thành, K.266 Oanh mâu-lưu; [93b25], K.342 Phù-di, K.343 phát Mục-kiền-liên, K.267 Chư căn tu; Câu-hi-la, K.344 Tập sanh, K.345 Tam [86c23], K.268 Lục lục, K.269 Lục nhập pháp, K.346 Tu-thâm, K.347 Thập lực, xứ, K.270 Nhân, K.271 Kiến pháp, K.272 K.348 Thánh xứ, K.349 Thánh đệ tử; Bất nhiễm trước, K.273 Lộc-nữu (1), [98c], K.350 Mậu-sư-la, K.351 Sa-môn K.274 Lộc-nữu (2); [89b], K.275 Phú-lan-Bà-la-môn (1), K.352 Sa-môn Bà-la-môn na, K.276 Ma-la-ca-cữu, K.277 Kinh (2), K.353 Sa-môn Bà-la-môn (3), K.254 Pháp, K.278 Đoạn dục, K.279 Nhãn sanh, Lão tử, K.355 Chủng trí, K.356 Vô minh K.280 Nhãn vô thường, K.281 Nhãn khổ, tăng (1), K.357 Vô minh tăng (2), K.358 K.282 Nhãn phi ngã, K.283 Nhất thiết, Tư lương (1), K.359 Tư lương (2), K.360 K.284 Nhất thiết hữu, K.285 Nhất thiết; Tư lương (3), K.361 Đa văn đệ tử, K.362 [91c], K.286 Nhãn nội nhập xứ, K.287 Thuyết pháp Tỳ-kheo (1), K.363 Thuyết Lục nội nhập xứ, K.288 Lục ngoại nhập pháp Tỳ-kheo (2), K.364 Thuyết pháp; xứ, K.289 Lục thức thân, K.290 Lục xúc [101a6], K.365 Tỳ-bà-thi, K.366 Tu tập, thân, K.291 Lục thọ thân, K.292 Lục K.367 Tam-ma-đề, K.368 Thập nhị nhân tưởng thân, K.293 Lục tư thân, K.294 Lục duyên (1), K.369 Thập nhị nhân duyên (2), ái thân, K.295 Lục cố niệm, K.296 Lục K.370 Thực, K.371 Phả-cầu-na, K.372 Tử phú, K.297 Vô thường, K.298 Hữu nhân nhục, K.373 Hữu tham (1), K.374 Hữu hữu duyên hữu phược pháp, K.299 Đệ tham (2), K.375 Hữu tham (3), K.376 Hữu nhất nghĩa không, K.300 Lục hỷ hành, tham (4), K.377 Hữu tham (5); K.301 Lục ưu hành, K.302 Lục xả hành, 6. Tương ưng Tứ đế [103c13], K.378 K.303 Lục thường hành (1), K.304 Lục Chuyển pháp luân, K.379 Tứ đế (1), thường hành (2), K.305 Lục thường hành K.380 Tứ đế (2), K.381 Đương tri, K.382 (3), K.306 Lục thường hành (4); [310b20], Dĩ tri, K.383 Lậu tận, K.384 Biên tế, K.307 Bà-la-diên, K.308 Tân-đầu-lô, K.385 Hiền thánh (1), K.386 Hiền thánh K.309 Thủ túc dụ, K.310 Qui, K.311 (2), K.387 Ngũ chi lục phần, K.388 Lương Khoáng mạch, K.312 Cầm, K.313 Lại y, K.389 Sa-môn Bà-la-môn (1), K.390 bệnh, K.314 Lục chúng sanh, K.315 Rắn Sa-môn Bà-la-môn (2), K.391 Như thật tri, độc, K.316 Khổ pháp, K.317 Đại thọ, K.392 Thiện nam tử, K.393 Nhật nguyệt K.318 Khẩn-thú-dụ, K.319 Lậu pháp, (1); [106c], K.394 Nhật nguyệt (2), K.395 K.320 Hôi hà; Thánh đệ tử, K.396 Khư-đề-la, K.397 Tụng III. Nhân duyên: Nhân-đà-la trụ, K.398 Luận xứ, K.399 5. Tương ưng Nhân duyên [79a25], K.321 Thiêu y, K.400 Bách thương, K.401 Bình Chủng thọ, K.322 Đại thọ, K.323 Phật đẳng chánh giác, K.402 Như thật tri, phược, K.324 Thủ, K.325 Thành ấp, K.403 Thân thứ, K.404 Khổng, K.405 K.326 Lô, K.327 Vô văn (1); [82a], K.328 Manh; K.406 Tư duy (1), K.407 Tư duy Vô văn (2), K329 Xúc, K.330 Tư lương; (2), K.408 Giác (1), K.409 Giác (2), K.410 [83c1], K.331 Thậm thâm, K.332 Ngu si Luận thuyết, K.411 Tranh, K.412 Vương hiệt tuệ, K.333 Phi nhữ sở hữu, K.334 lực, K.413 Túc mạng, K.414 Đàn việt, Nhân duyên, K.335 Đại không pháp, K.415 Thọ trì (1), K.416 Như như, K.417 K.336 Pháp thuyết nghĩa thuyết, K.37 Thọ trì (2); [111a], K.418 Nghi (1), K.419 Duyên khởi pháp, K.338 Tha, K.339 Ca- Nghi (2),

K.420 Thâm hiểm, K.421 Đại

nhiệt, K.422 Đại ám, K.423 Minh ám (1), 10. Tương ưng Mục-kiền-liên [132a13], K.424 Minh ám (2), K.425 Minh ám (3), K.500 Thánh mặc nhiên, K.501 Vô minh, K.426 Thánh đế, K.427 Thiền tư, K.428 K.502 Tịch diệt, K.503 Xan cấu, K.504 Ái Tam-ma-đề, K.429 Trượng (1), K.430 tận, K.505 Đế Thích, K.506 Chư thiên, Trượng (2), K.431 Ngũ tiết luân, K.432 K.507 Đồ ngưu nhi, K.508 Đồ ngưu giả, Tăng thượng thuyết pháp, K.433 Hiệt tuệ, K.509 Đồ dương giả, K.510 Đồ dương đệ K.434 Tu-đạt, K.435 Điện đường (1), tử, K.511 Đọa thai, K.512 Điều tượng sĩ, K.436 Điện đường (2), K.437 Chúng sanh, K.513 Hiếu chiến, K.514 Liệp sư, K.515 K.438 Tuyết sơn, K.439 Hồ trì đẳng; Sát trư, K.516 Đoạn nhân đầu, K.517 [114a], K.440 Thổ, K.441 Trảo giáp, Đoàn đồng nhân, K.518 Bổ ngư sư, K.519 K.442 Tứ Thánh đế dĩ sanh. Bốc chiêm nữ, K.520 Bốc chiêm sư, Cuốn II, Tạp A-hàm, từ tr. 759 đến tr. K.521 Háo tha dâm, K.522 Mại sắc, K.523 1438, 7. Tương ưng Giới, K.443 Nhãn Sân nhuế đăng du sái, K.524 Tằng-tật Bà- dược hoàn, K.444 Bỉ tâm, K.445 Kệ (1), la-môn, [138a] K.525 Bất phân du, K.526 K.446 Hành, K.447 Kệ (2), K.448 Giới Đạo thủ thất quả, K.527 Đạo thực thạch hòa hợp, K.449 Tinh tấn, K.450 Giới, mật, K.528 Đạo thủ nhị bính, K.529 Tỳ- K.451 Xúc (1), K.452 Xúc (2), K.453 kheo; [138c] K.530 Giá thừa ngưu xa, Tưởng (1), K.454 Tưởng (2); [116c12], K.531 Ma-ma-đế, K.532 Ác khẩu hình K.455 Chánh thọ, K.456 Thuyết, K.457 danh, K.533 Hảo khởi tranh tụng; Nhân, K.458 Tự tác, K.459 Cù-sư-la, 11. Tương ưng A-na-luật, K.534 Độc nhất K.460 Tam giới (1), K.461 Tam giới (2), (1), K.535 Độc nhất (2), K.536 Thủ thành K.462 Tam giới (3), K.463 Đồng pháp, dục trì, K.537 Mục-liên sở vấn, K.538 A- K.464 Trước sử, nan sở vấn, K.539 Sở hoạn (1), K.540 Sở 8. Thọ Tương ưng [119a11], K.465 Xúc hoạn (2), K.541 Hữu học lậu tận, K.542 nhân, K.466 Kiếm thích, K.467 Tam thọ, A-la-hán Tỳ-kheo; [141b] K.543 Hà cố K.468 Thâm hiểm, K.469 Tiễn, K.470 Hư xuất gia, K.544 Hướng Niết-bàn; không, K.471 Khách xá, K.472 Thiền, 12. Tương ưng Ma-ha Ca-chiên-diên, K.473 Chỉ tức, K.474 Tiên trí, K.475 K.545 Tháo quán trượng, K.546 Túc sĩ, Thiền tư, K.476 A-nan sở vấn, K.477 Tỳ- K.547 Ma-thâu-la, K.548 Ca-lê, K.549 Ly, kheo, K.478 Giải thoát, K.479 Sa-môn Bà- K.550 Ha-lê (1), K.551 Ha-lê (2), K.552 la-môn, K.480 Nhất-xa-năng-già-la, K.481 Ha-lê (3), K.553 Ha-lê (4), K.554 Ha-lê Hỷ lạc, K.482 Vô thực lạc, K.483 Bạt-đà- (5); la, K.484 Ưu-đà-di, K.485 Nhất pháp (1), 13. Tương ưng A-nan, K.555 Vô tướng K.486 Nhất pháp (2), K.487 Nhất pháp tâm tam-muội, K.556 Xà-tri-la, [146b] (3), K.488 Nhất pháp (4); K.557 A-nan, K.558 Ca-ma, K.559 Độ Tụng IV. Đệ tử sở thuyết: lượng, K.560 Bà-la-môn, K.561 Cù-sư, 9. Tương ưng Xá-lợi-phất [126a7], K.489 K.562 Ni-kiền, K.563 Tỳ-kheo Ni, K.564 Diêm-phù-xa, K.490 Sa-môn xuất gia sở Bà-đầu; vấn, [128b] K.491 Nê thủy, K.492 Thừa 14. Tương ưng Chất-đa, K.565 Na-già- thuyền nghịch lưu, K.493 Khô thọ, K.494 đạt-đa (1), K.566 Na-già-đạt-đa (2), K.567 Giới, K.495 Tránh, K.496 Cử tội, K.497 Già-ma, K.568 Lê-tê-đạt-đa (1), K.569 Lê- Na-la-kiền-đà, K.498 Thạch trụ, K.499 tê-đạt-đa (2), K.570 Ma-ha-ca, K.571 Hệ, Tịnh khẩu;

K.572 A-kỳ-tỳ-ca, K.573 Ni-kiền, K.574 thiện pháp, K.652 Thập lực, K.653 Nhũ Bệnh tướng; mẫu, K.654 Sư tử hống (1), K.655 Sư tử Tụng V. Đạo phẩm: hống (2), K.656 Thất lực (1), K.657 15. Tương ưng Niệm xứ, [170c28] K.575 Đương thành thất lực, K.658 Thất lực (2), Nan-đà lâm, K.576 Niệm xứ (2), K.577 K.659 Quảng thuyết thất lực, K.660 Bát

Tịnh, K.578 Cam lộ, K.579 Tập, K.580 lực, K.661 Quảng thuyết bát lực, K.662 Chánh niệm, K.581 Thiện tụ, K.582 Cung, Xá-lợi-phất vấn, K.663 Di Tỳ-kheo vấn, K.583 Bất thiện tụ, K.584 Đại trượng phu, K.664 Vấn chư Tỳ-kheo, K.665 Cửu lực, K.585 Tỳ-kheo Ni, K.586 Trù sĩ, K.587 K.666 Quảng thuyết cửu lực, K.667 Thập Điều, K.588 Tứ quả, K.589 Tư-đà-già, lực, K.668 Quảng thuyết thập lực, K.669 K.590 Di-hầu, K.591 Niên thiếu Tỳ-kheo, Như Lai lực (1), K.670 Như Lai lực (2), K.592 Am-la nữ, K.593 Thế gian, K.594 K.671 Như Lai lực (3); Uất-đế-ca, K.595 Bà-hê-ca, K.596 Tỳ- 18. Tương ưng Giác chi, K.672 Bất chánh kheo, K.597 A-na-luật, K.598 Giới, K.599 tư duy, K.673 Bất thoái, K.674 Cái, K.675 Bất thoái chuyển, K.600 Thanh tịnh, Chướng cái, K.676 Thọ; [190b] K.677 K.601 Độ bỉ ngạn, K.602 A-la-hán, K.603 Thất giác chi, K.678 Thính pháp, K.679 Nhất thiết pháp, K.604 Hiền Thánh, K.605 Vô úy (1), K.680 Vô úy (2), K.681 Quang trạch, K.606 Tỳ-kheo, K.607 Ba- Chuyển thú, K.682 Hỏa, K.683 Thực, la-đề-mộc-xoa, K.608 Thuần-đà, K.609 K.684 Pháp (1), K.685 Pháp (2), K.686 Bố-tát; Xá-lợi-phất, K.687 Ưu-ba-ma, K.688 A- 16. Tương ưng Căn [182a14], K.610 Tri, na-luật, K.689 Chuyển luân vương (1), K.611 Tịnh, K.612 Tu-đà-hoàn, K.613 A- K.690 Chuyển luân vương (2), K.691 Niên la-hán, K.614 Đương tri, K.615 Phân biệt, thiếu, K.692 Quả báo phụng sự; [195b] K.616 Lược thuyết, K.617 Lậu tận, K.618 K.693 Bất thiện tụ, K.694 Thiện tri thức, Sa-môn Bà-la-môn (1), K.619 Sa-môn Bà- K.695 Câu-di-na, K.696 Thuyết, K.697 la-môn (2), K.620 Hướng, K.621 Quảng Diệt, K.698 Phân, K.699 Chi tiết, K.700 thuyết, K.622 Tuệ căn (1), K.623 Tuệ căn Khởi, K.701 Thất đạo phẩm (1), K.702 (2), K.624 Tuệ căn (3), K.625 Tuệ căn (4), Quả báo (1), K.703 Quả báo (2), K.704 K.626 Tuệ căn (5), K.627 Tuệ căn (6), Thất chủng quả, K.705 Thất đạo phẩm (2), K.628 Khổ đoạn; K.706 Quả báo (3), K.707 Quả báo (4), 17. Tương ưng Lực, K.629 Nhị lực (1), K.708 Quả báo (5), K.709 Bất tinh quán, K.630 Nhị lực (2), K.631 Nhị lực (3), K.710 Niệm tử tướng, K.711 Từ (1), K.632 Tam lực (1), K.633 Tam lực (2), K.712 Từ (2), K.713 Không, K.714 An- K.634 Tam lực (3), K.635 Tứ lực (1), na-ban-na niệm (1), K.715 Vô thường; K.636 Tứ nhiếp sự, K.637 Nhiếp; [185b] 19. Tương ưng Thánh đạo [198b5], K.716 K.638 Tứ lực (2), K.639 Tứ lực (3), K.640 Nhập xuất, K.717 Vô minh (1), K.718 Vô Tứ lực (4), K.641 Ngũ lực, K.642 Ngũ lực minh (2), K.719 Khởi, K.720 Ca-ma, đương thành tựu, K.643 Đương tri ngũ K.721 A-lê-sắt-tra, K.722 Xá-lợi-phất, lực, K.644 Đương học ngũ lực, K.645 Ngũ K.723-K.725 Tỳ-kheo, K.726 Úy, K.727 học lực, K.646 Đương thành học lực, Thọ, K.728 Tam pháp, K.729 Học, K.730 K.647 Quảng thuyết học lực, K.648 Lậu tận, K.731 Tám Thánh đạo phần, Đương thành học lực (2), K.649 Bạch K.732 Tu (1), K.733 Tu (2), K.734 Thanh pháp (1), K.650 Bạch pháp (2), K.651 Bất tịnh, K.735 Tụ, K.736 Bán, K.737 Bà-la-

môn, K.738 Tà, K.739 Bỉ ngạn, K.740 – Thiện đạo (3), K.818 Thiện đạo (4), K.819 K.742, K.743 Chánh-Bất chánh tư duy (1), Pháp kính (1), K.820 Pháp kính (2), K.821 K.744 Chánh-Bất chánh tư duy (2), K.745 Pháp kính (3), K.822 Na-lê-ca, K.823 Chánh-Bất chánh tư duy (3), K.746 Thiện Nan-đề (1), K.824 Nan-đề (2), K.825 Nan- ác tri thức, K.747 Thiện tri thức, K.748 đề (3), K.826 Nan-đề (4), K.827 Lê-sư- Thiện ác tri thức (2), K.749 Chánh-Bất đạt-đa, K.828 Điền nghiệp; [225c21], chánh tư duy (4), K.750 Phi pháp thị pháp, K.829 Như Lai đệ nhất, K.833 Ly tham K.751 Đoạn tham; [203a] K.752 Tà chánh, pháp đệ nhất, K.831 Thanh văn đệ nhất; K.753 Quảng thuyết Bát Thánh đạo, [297b19],

K.832 Thích thị, K.833 Tật K.754 Hướng tà, K.755 Tà kiến Chánh bệnh, K.834 Bồ-đề, K.836 Tu-đà-hoàn (1), kiến (1), K.756 Tà kiến Chánh kiến (2), K.837 Tu-đà-hoàn (2), K.838 Bốn pháp, K.757 Sanh văn, K.758 Tà kiến (1), K.759 K.839 Bốn quả (1), K.840 Bốn quả (2), Tà kiến (2), K.760 Tà kiến (3), K.761 K.841 Hàn xứ, K.842 Bốn thức ăn, K.843 Thuận lưu nghịch lưu, K.765 Sa-môn pháp Nhuận trạch (1), K.844 Nhuận trạch (2), Sa-môn quả, K.766 Sa-môn pháp Sa-môn K.845 Nhuận trạch (3), K.846 Bốn mươi nghĩa, K.767 Sa-môn quả, K.768 Bà-la- thiên tử; môn; 23. Tương ưng Thiên [219b4], K.847 Đâu-20. Tương ưng An-na-ban-na [205c23], suất thiên, K.848 Hóa lạc thiên, K.849 Tha K.769 Ngũ pháp, K.770 An-na-ban-na hóa tự tại thiên, K.850 Sơ thiền, K.851 niệm (1), K.771 An-na-ban-na niệm (2), Giải thoát, K.852 Trung bát Niết-bàn, K.772 Đoạn giác tưởng, K.773 A-lê-sắt- K.853 Đệ Nhị thiền thiên, K.854 Giải tra, K.774 Kế-tân-na, K.775 Nhất-xa-thoát, K.855 Đệ Tam thiền, K.856 Giải năng-già-la, K.776 Ca-ma, K.777 Kim thoát, K.857 Phong vân thiên, K.858 Tán cương, K.778 A-nan, K.779-K.780 Tỳ- cái phú đăng; kheo, K.781 Kim-tỳ-la, K.782 Bất bì, 24. Tương ưng Chứng, K.859 Tứ chủng K.783 Bố-tát; điều phục, K.860 Tam chủng tử, K.861 Tứ 21. Tương ưng học [210a6], K.784 Học chánh đoạn (1), K.862 Tứ chánh đoạn (2), (1), K.785 Học (2), K.786 Học (3), K.787 K.863 Tứ chánh đoạn (3), K.864 Tứ chánh Học (4), K.788 Học (5), K.789 Học (6), đoạn (4), K.865 Tứ chánh đoạn (5), K.866 K.790 Niết-bàn (1), K.791 Niết-bàn (2), Bất phóng dật, K.867 Đoạn tam, K.868 K.792 Học (7), K.793 Học (8), K.794 Học Bất phóng dật căn bản, K.869 Tứ chủng (9), K.795 Canh ma, K.796 Lô, K.797 thiền, K.870 Vô học Tam minh (1), K.871 Bạt-kỳ tử; [213a], K.798 Băng-già-xà, Vô học Tam minh (2), K.872 Tam minh, K.799 Giới, K.800 Học; K.873 Tín, K.874 Tăng ích, K.875 Đẳng 22. Tương ưng Bất hoại tịnh [213c24], khởi, K.876 Vô vi pháp, K.877 Mao đoan; K.801 Ly-xa, K.802 Bất bần, K.803 25. Tương ưng Giới uẩn [224b26], K.878 Chuyển luân vương, K.804 Tứ bất hoại Lục nội xứ, K.879 Ngũ chủng chủng tử, tinh, K.805 Quá hoạn, K.806 Thực, K.807 K.880 Như thật tri, K.881 Tam ái; [225b] Giới (1), K.808 Giới (2), K.809 Nhuận K.882 Tam lậu, K.883 La-hầu-la, K.884 trạch; [215b] K.810 Bà-la-môn, K.811 Xá- Nhãn dĩ đoạn, K.885 Nhãn sanh, K.886 Vị lợi-phất (1), K.812 Xá-lợi-phất (2), K.813 trước, K.887 Thiện pháp kiến lập; Khủng bố (1), K.814 Khủng bố (2), K.815 Tụng VI. Tám chúng: Thiện đạo (1), K.816 Thiện đạo (2), K.817

26. Tương ưng Tám chúng [254c2], K.888 K.964 Pháp phi pháp khổ, K.965 Phi luật Niệm Tam bảo, K.889 Cây phướn, K.890 Thánh luật. A-nan Xá-lợi-phất (1), K.891 A-nan Xá-lợi-phất (2), K.892 Ái (1), K.893 Ái (2), Cuốn III, Tạp A-hàm, từ tr. 1.459 đến tr. K.894 Hai sự khó đoạn, K.895 Hai pháp, 2.217; nội dung gồm có: Tụng VII kệ, 30. K.896 Đế Thích (1), K.897 Đế Thích (2), Tương ưng Tỳ-kheo [276a9], K.966 Thiện K.898 Lộc trú (1), K.899 Lộc trú (2), sanh, K.967 Xú lậu, K.968 Đề-bà, K.969 K.900 Phước điền; [340a20], K.901 Gia Tượng thủ, K.970 Nan-đà (1), K.971 Nan- nhân, K.902 Cung kính trụ, K.903 Tàm đà (2), K.972 Đê-sa, K.973 Tỳ-xá-khư, quý, K.904 Thiêu nhiên pháp, K.905 Ác K.974 Niên thiếu, K.975 Trưởng lão, hành; K.976 Tăng-ca-lam, K.977 A-nan, K.978 27. Tương ưng Thí dụ, K.906 Luyện kim, Oanh phát, K.979 Đà-phiêu (1), K.980 Đà- K.907 Luyện kim (2), K.908 Mục ngưu phiêu (2), K.981 Tặc, K.982 Tán-đảo-tra, giả, K.909 Mục ngưu (2), K.910 Na-đề-ca K.983 Bạt-chẩn, K.984 Tàm quý, K.985 (1), K.911 Na-đề-ca (2), K.912 Li-xa-tử,

Khổ chủng, K.986 Sang vưu, K.987 Ngẫu K.913 Tam bách phủ, K.914 Đa nữ nhân, căn; K.915 Chủy thủ; [345a] K.916 Trảo thổ, 31. Tương ưng ma [284b20], K.988 K.917 Cung thủ; [345b], K.918, K.919 Trường thọ, K.989 Thọ mạng, K.990 Ma Thiết hoàn, K.920 Miêu ly, K.921 Mộc phược, K.991 Miên, K.992 Kinh hành, xử, K.922 Dã hồ, K.923 Phẩn thỉ, K.924 K.993 Đại long, K.994 Thụy miên, K.995 Dã hồ; Cù-đê-ca, K.996 Ma nữ, K.997 Tịnh bất 28. Tương ưng Bệnh [346b7], K.925 Bạt- tịnh, K.998 Khổ hành, K.999 Khất thực, ca-lê, K.926 Xiển-đà; [266c9] K.927 Phả- K.1000 Thằng sách, K.1001 Thuyết pháp, cầu-na, K.928 A-thấp-ba-thệ, K.929 Tật K.1002 Tác vương, K.1003 Chúng đa, bệnh (1), K.930 Tật bệnh (2), K.931 Tỳ- K.1004 Thiện giác, K.1005 Sư tử, K.1006 kheo bệnh, K.932 Tật bệnh (3), K.933 Tật Bát, K.1007 Nhập xứ; bệnh (4); [269b], K.934 Cấp Cô Độc (1), 32. Tương ưng Đế-thích [290b19], K.1008 K.935 Cấp Cô Độc (2), K.936 Cấp Cô Bảy thọ, K.1009 Ma-ha-ly, K.1010 Hà Độc (3), K.937 Đạt-ma-đề-ly, K.938 nhân, K.1011 Dạ-xoa, K.1012 Hành nhẫn Trường thọ, K.939 Bà-tẩu, K.940 Sa-la, nhục, K.1013 Thiện luận nghị, K.1014 K.941 Da-thâu, K.942 Ma-na-đề-na; Ngũ phược, K.1015 Kính Phật, K.1016 29. Tương ưng Nghiệp báo [271b], K.943 Kính pháp, K.1017 Kính pháp (2), K.1018 Thuần-đà, K.944 Xả hành, K.945 Sanh Kính Tăng, K.1019 Tú-tỳ-lê, K.1020 Tiên văn, K.946 Tỳ-la-ma (1), K.947 Tỳ-la-ma nhân, K.1021 Diệt sân, K.1022 Nguyệt bát (2), K.948 Bề-nữu-đa-la, K.949 Tùy loại, nhật, K.1023 Bệnh, K.1024 Bà-trĩ, K.1025 K.950 Xà hành, K.951 Viên châu (1), Thệ ước; [333b24] K.1026 Tổ chim, K.952 Viên châu (2), K.953 Na nhân; K.1027 Người nghèo, K.1028 Đại tế tự [274c], K.954 Pháp xuất không xuất, (1), K.1029 Đại tế tự (2); K.955 Bờ kia bờ này, K.956 Chân thật, 33. Tương ưng Câu-tát-la [334c13], K.957 Ác pháp, K.958 Pháp chân nhân, K.1030 Tam-bồ-đề, K.1031 Tổ mẫu, K.959 Mười pháp (1), K.960 Mười pháp K.1032 Tự niệm, K.1033 Tự hộ, K.1034 (2), K.961 Hai mươi pháp, K.962 Ba mươi Tài lợi, K.1035 Tham lợi, K.1036 Xan lẩn, pháp; [275c], K.963 Bốn mươi pháp, K.1037 Vô tử, K.1038 Tế tự, K.1039 Hệ

phược, K.1040 Chiến đấu (1), K.1041 pháp cú, [332b] K.1120 Na-già sơn trắc, Chiến đấu (2), K.1042 Bất phóng dật (1), K.1121 Bạt tiễn, K.1122 Ni-câu-luật K.1043 Bất phóng dật (2), K.1044 Tam tưởng, [259a5] K.1123 Tán Thượng tọa, pháp; [304a] K.1045 Ưng thí, K.1046 K.1124 Bà-kỳ-xá tán Phật; Sáng tối, K.1047 Núi đá, K.1048 Xà-kỳ- 38. Tương ưng chư Thiên [260c24], la, K.1049 Thất vương, K.1050 Suyễn tức; K.1125 A-luyện-nhã, K.1126 Kiêu mạn, 34. Tương ưng Bà-la-môn, [306c26] K.1127 Công đức tăng trưởng, K.1128 K.1051 A-tu-la, K.1052 Tân-kì-ca, K.1053 Cho gì được sức lớn, K.1129 Hoan hỷ, Ma-lỵ (1), K.1054 Ma-lỵ (2), K.1055 Vi K.1130 Viễn du, K.1131 Xâm bức, nghĩa, K.1056 Bất hại, K.1057 Hỏa dữ, K.1132 Đoạn trừ, K.1133 Giác miên, K.1058 Bà-tứ-tra, K.1059 Ma-cù, K.1060 K.1134 Hỗ tương hoan hỷ, K.1135 Nhân Trì kim cái, K.1061 La-hán pháp, K.1062 vật, K.1136 Sở ái, K.1137 Sát-lợi, K.1138 Lão nam nữ, K.1063 Lão tử, K.1064 Hiếu Chủng tử, K.1139 Tâm, K.1140 Phược, dưỡng, K.1065 Ưu-ba-ca (1), K.1066 Ưu- K.1141 Yểm, K.1142 Vô minh, K.1143 ba-ca (2), K.1067 Uất-xà-ca, K.1068 Kiêu Tin, K.1144 Đệ nhị, K.1145 Trì giới, mạn, K.1069 Tam hỏa [33], K.1070 K.1146 Chúng sinh (1), K.1147 Chúng Nguyệt, K.1071 Sanh văn, K.1072 Dị Bà- sinh (2), K.1148 Chúng sinh (3), K.1149 la-môn, K.1073 Khất thực, K.1074 Canh Phi đạo, K.1150 Vô thượng, K.1151 Kệ điền, K.1075 Tịnh thiên, K.1076 Phật (1), nhân, K.1152 Tri xa thặng, [153c5] K.1077 Phật (2),

K.1078 Lãnh quần đặc, K.1153 Nan-đà lâm, K.1154 Câu tỏa, K.1079 Bà-tứ-tra, K.1080 Thất ngưu, K.1155 Tàm quý, K.1156 Bất tập cận, K.1081 Trí giả, K.1082 Thiên tác, K.1083 K.1157 Thiện điều, K.1158 La-hán, Điền nghiệp, K.1084 Thái tân, K.1085 K.1159 La-hán (2), K.1160 Nguyệt thiên Tôn-đà-lỵ (1), K.1086 Tôn-đà-lỵ (2), tử, K.1161 Tộc bản, K.1162 Độc nhất trụ, K.1087 Oanh phát, K.1088 Oanh phát (2); K.1163 Lợi kiếm, K.1164 Thiên nữ, 35. Tương ưng Phạm Thiên [321c18], K.1165 Tứ luân, K.1167 Giác thụy miên, K.1089 Tôn trọng, K.1090 Phạm thiên (1), K.1168 Hải châu, K.1169 Cấp cô độc, K.1091 Phạm chúa, K.1092 Không nhàn K.1170 Cấp cô độc, [159a] K.1171 Thủ xứ, K.1093 Tập hội, K.1094 Cù-ca-lê, thiên tử, K.1172 Đào sư, K.1173 Thiên tử K.1095 Phạm thiên (2), K.1096 Bà-cú (1), K.1174 Thiên tử (2) [49], K.1175 phạm, K.1097 Tà kiến, K.1098 Nhập diệt; Thụy miên, K.1176 Kết triền, K.1177 Nan 36. Tương ưng Tỳ-kheo Ni [325c16], độ [53], K.1178 Tiểu lưu, K.1179 Lộc bác, K.1099 A-lạp-tì, K.1100 Tô-ma, K.1101 K.1180 Chư lưu; [348b7] K.1181 Sử lưu, Cát-ly-xá Cù-đàm-di, K.1102 Liên hoa K.1182 Giải thoát, K.1183 Chiên-đàn, sắc, K.1103 Thi-la, K.1104 Tỳ-la, K.1105 K.1184 Câu-ca-ni (1), K.1185 Câu-ca-ni Tỳ-xà-da, K.1106 Giá-la, K.1107 Ưu-ba- (2) [14], K.1186 Câu-ca-ni (3), K.1187 giá-la, K.1108 Thi-lị-sa-giá-la; Câu-ca-ni (4), K.1188 Câu-ca-ni (5) [18], 37. Tương ưng Bà-kỳ-xá, K.1109 Trì Yết- K.1189 Xúc, K.1190 An lạc, K.1191 Hiềm già, K.1110 Kiều-trần-như, K.1111 Xá- trách, K.1192 Cù-ca-lê [27], K.1193 Bại lợi-phất, K.1112 Na-già sơn, K.1113 Hoài vong, K.1194 Đồng tử hỷ, K.1195 Già ý, thọ, K.1114 Bất lạc, K.1115 Tham dục, K.1196 Đắc danh xưng, K.1197 Cầu tài K.1116 Xuất ly, K.1117 Kiêu mạn, [43], K.1198 Thô ngưu, K.1199 Hà pháp K.1118 Bản dục cuồng hoặc, K.1119 Tứ khởi, K.1200 Phi thế gian, K.1201 Đồng

xứ, K.1202 Xan lẩn, K.1203 Kim thương, K.1283 Tệ nạp y, K.1284 Tằng vi, K.1285 K.1204 Tỳ-nữu, K.1205 Hỏa bất thiêu, Chúng giảm thiểu, K.1286 Ngoại đạo, K.1206 Trì tư lương, K.1207…, K.1208 K.1287 Pháp tương hoại; Sở cầu, K.1209 Xa, K.1210 Sanh tử, 42. Tương ưng Tụ lạc chủ [227a2], K.1211 Số, K.1212 Hà vật, K.1213 Hà K.1288 Giá-la-châu-la, K.1289 Chiến đấu giới, K.1214 Ngũ vị, K.1215 Trưởng hoạt, K.1290 Điều mã, K.1291 Hung ác, thắng, K.1216 Thi-tì, K.1217 Nguyệt tự K.1292 Ma-ni châu kế, K.1293 Vương tại, K.1218 Vi-nựu, K.1219 Ban-xà-la- đảnh, K.1294 Việt đàm, K.1295 Đao sư kiện, K.1220 Tu-thâm, K.1221 Xích mã, thị, K.1296 Đao sư thị (2), K.1297 Đao sư K.1222 Ngoại đạo, K.1223 Ma-già, thị (3); K.1224 Di-kì-ca, K.1225 Đà-ma-ni, 43. Tương ưng Mã, K.1298 Tam chủng K.1226 Đa-la-kiền-đà, [361a] K.1227 Ca- điều mã, K.1299 Thuận lương mã, K.1300 ma (1), K.1228 Ca-ma (2), K.1229 Chiên- Lương mã, K.1301 Tam Lương mã, đàn (1), K.1230 Chiên-đàn (2), K.1231 K.1302 Tứ năng, K.1303 Tiên ảnh, Ca-diếp (1), K.1232 Ca-diếp (2); K.1304 Chỉ thi, K.1305 Hữu quá, K.1306 39. Tương ưng Dạ-xoa, K.1233 Khuất-ma, Bát chủng đức, K.1307 Sằn-đà ca-chiên- K.1234 Ma-cưu-la, K.1235 Tất-lăng-già diên; quỷ, K.1236 Phú-na-bà-tẩu, K.1237 Ma- 44. Tương ưng Ma-ha-nam, K.1308 Ưu- ni-giá-la, K.1238 Châm mao quỷ, K.1239 bà-tắc, K.1309 Thâm diệu công đức, Quỷ ám, K.1240 A-lạp quỷ, K.1241 Thúc- K.1310 Nhất thiết sự, K.1311 Tự khủng, ca-la, K.1242 Tỳ-la, K.1243 Hê-ma-ba-đê, K.1312 Tu tập trụ, K.1313 Thập nhất, K.1244 Ưu-ba-già-tra; K.1314 Thập nhị, K.1315 Giải thoát, 40. Tương ưng lâm [367c], K.1245 Chúng K.1316 Sa-đà, K.1317 Bách thủ; đa, K.1246 Thụy miên, K.1247 Viễn ly, 45. Tương

ưng vô thủy, K.1318 Huyết, K.1248 Bất chánh tư duy, K.1249 Giữa K.1319 Lệ, K.1320 Mẫu nhũ, K.1321 trưa, K.1250 A-na-luật, K.1251 Tụng Thảo mộc, K.1322 Thổ hoàn liệp, K.1323 Kinh, K.1252 Bát-đàm-ma, K.1253 Thợ An lạc, K.1324 Khổ não, K.1325 Khủng săn, K.1254 Kiều-mâu-ni, K.1255 Chỉ trì bố, K.1326 Ái niệm, K.1327 Hằng hà, giới, K.1256 Na-ca-đạt-đa, K.1257 Phóng K.1328 Lụy cốt, K.1329 Thành trì, K.1330 túng, K.1258 Gia phụ, K.1259 Kiến-đa, Núi, K.1331 Quá khứ, K.1332 Vô hữu K.1260 Thụy miên, K.1261 Tửu binh, nhất xứ, K.1333 Vô bất nhất xứ, K.1334 K.1262 Dã can, K.1263 Ưu-lâu điểu, Bong bóng nước mưa, K.1335 Cơn mưa K.1264 Ba-tra-lị hoa, K.1265 Khổng tước, trút, K.1336 Ngũ tiết luân, K.1337 Tì-phú- K.1266 Doanh sự, K.1267 Tần-đà sơn, la; K.1268 Tùy lưu, K.1269 Minh nguyệt, 46. Tương ưng Bà-sa [244a9], K.1338 K.1270 Phan, K.1271 Ngõa âu, K.1272 Thân mạng, K.1339 Mục-liên, K.1340 Kỳ Bẩn sỹ phu, K.1273 Kiếp-bối, K.1274 tai, K.1341 Kỳ đặc, K.1342 Hữu ngã, Thâm nê, K.1275 Bên bờ sông, K.1276 K.1343 Kiến, K.1344 Vô tri, K.1345 Xuất Cáp điểu; Tụng VIII. Như Lai sở thuyết: gia; 41. Tương ưng Đại Ca-diếp [299c6] 47. Tương ưng ngoại đạo [247c14], K.1277 Nguyệt dụ, K.1278 Thí dữ, K.1346 Uất-đê-ca, K.1347 Phú-lân-ni, K.1279 K.1272 Thắng, K.1280 Vô tín, K.1348 Câu-ca-na, K.1349 Cấp Cô Độc, K.1281 Phật căn bản, K.1282 Niên kỷ, K.1350 Trường Trảo, K.1351 Xá-la-bộ,

K.1352 Thượng tọa, K.1353 Tam đế, Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí K.1354 Chiên-đà, K.1355 Bổ-lũ-đê-ca (1), Minh) xuất bản – 1980 K.1356 Bổ-lũ-đê-ca (2), K.1357 Thi-bà Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 3 tập dày (1), K.1358 Thi-bà (2), K.1359 Thương 1.456 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh màu chủ, K.1360 Tu-bạt-đà-la. đỏ, chữ tựa Pàli mà xanh dương. Tác phẩm này in lần đầu năm 2010, và tái Tập I, Giấy phép số 3059/XBNT-GP, ngày bản 2015, Nxb Phương Đông. 31-10-1980; dày 348 trang, kết cấu có 3 chương; Tập II (quyển a), Giấy phép số 1.012. TẠP A-HÀM – Tiểu Tạng Kinh, 830/XBNT-GP ngày 30-3-1981 của Sở Tổng Mục Lục Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày Biên soạn: Tuệ Sỹ 334 trang, kết cấu gồm có 28 phẩm; Tập Nxb Hồng Đức – 2019 III (quyển a), dày 448 trang, từ Chương Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày hơn 179 Bảy Pháp,… đến Chương Chín Pháp; Tập trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lịch sử III (quyển b), dày 326 trang, từ Chương truyền dịch, Toát yếu nội dung các tương Mười Pháp đến Chương Mười một Pháp. ưng, i. Tạp A-hàm và Du-già sư-địa nhiếp (Tập II và III (a-b) cùng Giấy phép số sự phần, ii. Toát yếu nội dung; Chỉnh lý 830/XBNT-GP ngày 30-3-1981) văn bản, Mục lục đối chiếu i, Mục lục đối Xem: Kinh Tăng Chi Bộ - 4 Tập, Đại Tạng chiếu ii, Mục lục chỉnh lý, Thư mục đối Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu chiếu Hán-Pàli, a. Đối chiếu Hán-Pàli Tạp dịch. A-hàm & Samyuttanikàya, b. Đối chiếu Tạp A-hàm & Hán dịch đơn hành bản; 1.015. TĂNG NHẤT A-HÀM Danh mục Pháp số: hai, ba, bốn, năm, sáu, (Trọn bộ 4 Cuốn) – Tiểu Tạng Kinh bảy, tám, chín, mười, dư; Từ vựng Pàli- Dịch Việt: Thích Đức Thắng Việt-Hán; Sách dẫn Tổng quát. Hiệu chỉnh và Chú thích: Tuệ Sỹ Nxb Phương Đông – 2017 1.013. TẠP THÍ DỤ KINH Bộ Kinh Tăng Nhất A-hàm gồm có 3 cuốn (Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh số 204) Chính văn, và 1 cuốn Tổng Mục lục, có Hán dịch: Sa-môn Chi-lâu-ca-sấm khổ 14 x 20.5cm, 3 cuốn dày hơn 1.771 Việt dịch và chú giải (2011): trang, bìa cứng. B.S. Trần Văn Nghĩa Cuốn I, Tăng Nhất A-hàm, dày hơn 515 Hiệu đính (2014): Cư sĩ Phúc Anh và trang. Nội dung gồm có: 1.P Tựa, Thiên Nguyên

Tánh Một Pháp, 2.P Thập niệm, từ Kinh số 1 Tác phẩm Kinh này có 12 Thí dụ và phần đến Kinh số 10; 3.P Quảng diễn, từ Kinh chú giải. số 1 đến Kinh số 10; 4.P Đệ tử, từ Kinh số Sanskrit/Hán tạng) số 1 đến Kinh số 5; 6.P Thanh Tín sĩ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 4; 7.P Thanh Tín sĩ 1.014. TĂNG CHI BỘ KINH nữ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 3; 8.P A-tu- (Pàli Anguttara Nikàya) – 3 Tập la, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 9.P Con Việt dịch: một, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 10.P Hộ Tỷ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012) tâm, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 11.P Bất hoàn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10;

12.P Nhập đạo, từ Kinh số 1 đến Kinh số nạn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 43.P 10; 13.P Lợi dưỡng, từ Kinh số 1 đến Kinh Thiên tử Mã Huyết hỏi tám chính, từ Kinh số 7; 14.P Ngũ giới, từ Kinh số 1 đến Kinh số 1 đến Kinh số 10; Thiên Chín Pháp, số 10; Thiên Hai Pháp, 15.P Hữu vô, từ 44.P Chín Chúng sanh cư, từ Kinh số 1 Kinh số 1 đến Kinh số 10; 16.P Hỏa diệt, đến Kinh số 11; 45.P Mã vương, từ Kinh từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 17.P An-ban, số 1 đến Kinh số 7; Thiên Mười Pháp, từ Kinh số 1 đến Kinh số 11; 18.P Tàm 46.P Kết cấm, từ Kinh số 1 đến Kinh số quí, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 19.P 10; 47.P Thiện ác, từ Kinh số 1 đến Kinh Khuyến thỉnh, từ Kinh số 1 đến Kinh số số 10; 48.P Mười bất thiện, từ Kinh số 1 11; 20.P Thiện tri thức, từ Kinh số 1 đến đến Kinh số 6; 49.P Phóng ngưu, từ Kinh Kinh số 13; Thiên Ba Pháp, 21.P Tam bảo, số 1 đến Kinh số 10; 50.P Lễ Tam bảo, từ từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 22.P Ba cúng Kinh số 1 đến Kinh số 10; 51.P Phi dường, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 23.P thường, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 52.P Địa chủ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; Đại Ái Đạo Bát Niết-bàn, từ Kinh số 1 đến 24.P Cao tràng, từ Kinh số 1 đến Kinh số Kinh số 9. 10. Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Tăng Nhất A-hàm, bộ này gồm có 3 cuốn Phương Đông. và 1 cuốn Tổng Mục Lục. Cuốn IV, Tổng Mục Lục, dày hơn 143 Cuốn II, Tăng Nhất A-hàm, dày hơn 539 trang. Nội dung gồm có: Lược sử truyền trang. Nội dung gồm có: Thiên Bốn Pháp, dịch, I. Kết tập và Bộ loại, 1. Hình thức 25.P Tứ đế, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; Kết tập, 2. Ý nghĩa Tăng nhất, 3. Yếu tố 26.P Bốn ý đoạn, từ Kinh số 1 đến Kinh số Đại thừa; II. Truyền thừa và Truyền dịch, 10; 27.P Đẳng thú Bốn đế, từ Kinh số 1 1. Truyền thừa, 2. Hán dịch; Toát yếu Nội đến Kinh số 10; 28.P Thanh văn, từ Kinh dung các Kinh: Thiên Một Pháp, Thiên số 1 đến Kinh số 7; 29.P Khổ lạc, từ Kinh Hai Pháp, Thiên Ba Pháp, Thiên Bốn số 1 đến Kinh số 10; 30.P Tu-đà, từ Kinh Pháp, Thiên Năm Thiên Pháp, Sáu Pháp, số 1 đến Kinh số 3; 31.P Tăng thượng, từ Thiên Bảy Pháp, Thiên Tám Pháp, Thiên Kinh số 1 đến Kinh số 11; Thiên Năm Chín Pháp, Thiên Mười Pháp, Thiên Mười Pháp, 32.P Thiện tụ, từ Kinh số 1 đến Một Pháp; Thư mục Đối chiếu: I. Đối Kinh số 12; 33.P Năm vua, từ Kinh số 1 chiếu Hán-Pàli, II. Đơn Hành bản, III. Đối đến Kinh số 10; 34.P Đẳng kiến, từ Kinh chiếu Pàli-Hán, Từ vựng Pàli-Việt-Hán; số 1 đến Kinh số 10; 35.P Tà tụ, từ Kinh Sách dẫn. số 1 đến Kinh số 10; 36.P Thính pháp, từ Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Kinh số 1 đến Kinh số 5; Thiên Sáu Pháp, Phương Đông. 37.P Sáu trọng pháp, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 38.P Lực, từ Kinh số 1 đến Kinh số 12. 1.016. TÂM ĐỊA QUÁN (Kinh Đại Cuốn III, Tăng Nhất A-hàm, dày hơn 574 Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán) trang. Nội dung gồm có: Thiên Bảy Pháp, Việt dịch: Phúc Điền 39.P Đẳng pháp, từ Kinh số 1 đến Kinh số THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, 10; 40.P Bảy mặt trời, từ Kinh số 1 đến PL. 2538 – DL. 1995 Kinh số 10; 41.P Chớ sợ, từ Kinh số 1 đến Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 493 trang,

Kinh số 5; Thiên Tám Pháp, 42.P Tám bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương. Nội

dung gồm có 13 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Báo (theo Tác Phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê ân, P.3 Yến xả, P.4 Vô cấu tính, P.5 A- Đình Thám, tập 1, từ tr 218 – 252, Thích lan-nhã, P.6 Ly thế gian, P.7 Yến thân, P.8 Trung Hậu – Thích Hải Ấn sưu tập và giới Ba-la-mật-đa, P.9 Công đức trang nghiêm, thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007) P.10 Quán tâm, P.11 Phát Bồ-đề tâm, P.12 Thành Phật, P.13 Chúc lụy. 1.021. Tập Kinh TIỂU BỘ KINH (Khuddaka Nikàya) – 2 Tập 1.017. TÂM KINH BÁT-NHÃ Việt dịch: BA-LA-MẬT-ĐA Tỷ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012) Dịch và chú giải: Thích Trí Thủ Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Tác phẩm Kinh này gồm có: Lời giới Minh) xuất bản – 1982 thiệu; Phiên âm – Dịch nghĩa; Chú giải, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 857 tựa Pàli màu xanh dương. 1.018. TÂM KINH Giảng Ký Tập I, Kinh tập-Trưởng lão Ni kệ, Phật tự Giảng ký: Thánh Ấn Pháp sư thuyết-Phật thuyết như vậy; Giấy phép số Việt dịch: Thích Thiện Phước 1336/BNT-GP, ngày 13-17-1982 của Sở Nxb Văn Hóa Sài Gòn – 2009. Sách có Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày khổ 14.5 x 20.5cm, có 66 trang, bìa mềm. 519 trang, kết cấu gồm có 4 chương; Tập Nội dung gồm có: Ma-ha Bát-nhã Ba-la- II, Pháp Cú – Trưởng Lão Ni kệ, (cùng mật-đa Tâm Kinh, dịch âm Hán-Việt, Giấy phép với Tập I), dày 338 trang, kết Nguyên bản chữ Hán, và giảng giải. cấu gồm 21 chương, từ Phẩm Một đến Phẩm Bảy mươi mốt kệ. 1.019. TÂM KINH Giảng Lục Xem: Kinh Tiểu Bộ - Tập I và III, Đại Giảng giải: Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên Châu dịch. Việt dịch: Hậu học Đặng Hữu Trí Nxb Phương Đông – 2015 1.022. Tập Kinh Kinh có khổ 14 x 20cm, có 172 trang, bìa TRƯỞNG LÃO NI KỆ (Therigàthà) mềm. Nội dung gồm có 4 phần: P.1 Tâm Việt dịch: Kinh ấn tâm sớ, P.2 Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tỷ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012) Tâm Kinh, P.3 Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Kinh chú giải, P.4 Tâm Kinh ấn tâm sớ Minh) xuất bản – 1982 giản lược. Kinh dày 282 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu xanh dương. Nội dung gồm có: Trưởng lão Ni kệ, có 16 phẩm (từ P.1 Tập 1.020. TÂM KINH Giảng Nghĩa 1 kệ,... đến P.15 Tập 40 kệ, P.16 Đại Việt dịch và giảng: Phẩm). Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969) Xem: Kinh Tiểu Bộ - Tập III, Đại Tạng Nội dung gồm có: Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu Tâm Kinh nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch. dịch nghĩa và giảng nghĩa (dịch và giảng từng đoạn).

1.023. TÍCH TRUYỆN PHÁP CÚ – Một người cùi bị thử thách phủ nhận niềm Trọn bộ 3 Tập tin, - Một nông dân bị kết tội oan, - Việt dịch: Viên Chiếu Sumana-người làm vườn, Uppalavannà bị Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 cưỡng bức, - Đạo sĩ lõa thể Jambuka, - Sách có khổ 14.3 x 20.3cm, tổng cộng cả Quỷ rắn và quỷ quạ, - Quỷ búa tạ, - Citta bộ dày 1.343 trang. Toàn bộ tác phẩm này và Sudhamma, - Sa-di bảy tuổi được lòng gồm có 26 phẩm, Phần đầu là Lời nói đầu mọi người). và Dẫn nhập. Tập II, Tích Truyện Pháp Cú, có 414 Tập I, Tích Truyện Pháp Cú, có 496 trang, với 11 phẩm (từ phẩm 6-16): P.6. trang, với 5 phẩm: P.1. Song yếu (- Nếu Hiền trí (- Một người được kho báu tinh con mắt ngươi làm hại người, hãy móc bỏ thần, - Những Tỳ-kheo ương ngạnh, - nó đi, - Khóc đòi những chuyện trên trời, - Trưởng lão Xa-nặc, - Trưởng lão Đại Chàng mập Tissa, - Không lấy oán trả oán, Kappina, - Sa-di Pandita, - Vững vàng như - Những vị Tỳ-kheo hay cãi cọ xứ Câu- đá tảng, - Yên lặng sau cơn bão, - Một lũ thâm (Kosambi), -

Kala anh và Kala em, - lang thang, - Chồng và vợ, - Ít người đến Đề-bà-đạt-đa đắp y không tương xứng, - bờ kia, - Từ bỏ đen tối); P.7. A-la-hán (- Những đại đệ tử, - Trưởng lão Nan-đà, - Đấng Như Lai không đau khổ, - Thoát Cunda-đồ tể mổ heo, - Cư sĩ hiền thiện, - khỏi trói buộc, - Một Tỳ-kheo trữ thức ăn, Nghiệp của Đề-bà-đạt-đa, - Bà Sumanà, - - Tỳ-kheo và nữ thần, - Đế Thích lễ kính Chuyện hai huynh đệ); P.2. Không phóng một Tỳ-kheo, - Tưởng mình bị khi dễ, - dật (- Những chuyện luân hồi quanh vua Mất một mắt, - Không tin vào ai khác, - Udena, - Tiếng nói của một người giàu, - Trưởng lão Revata trong rừng keo, - Một Châu-lợi-bàn-đặc, - Ngày lễ của kẻ ngu, - kỷ nữ cám dỗ một Tỳ-kheo); P.8. Ngàn (- Đại Ca-diếp, - Hai huynh đệ, - Magha trở Tên đao phủ, - Sự chuyển hóa của Bàhiya thành trời Sakka, - Một Tỳ-kheo chứng A- Dàrucìriya, - Cô gái lấy tên cướp, - Được la-hán, - Tissa ở phố chợ); P.3. Tâm (- và mất, - Chú của Xá-lợi-phất, - Cháu của Trưởng lão Meghiya, - Người đọc được Xá-lợi-phất, - Bạn của Xá-lợi-phất, - tâm, - Một Tỳ-kheo bất mãn, - Tăng hộ Chàng trai tăng tuổi thọ, - Sa-di Samkicca, cháu, - Trưởng lão tâm được điều phục, - - Tỳ-kheo và kẻ cướp, - Lưỡi dao cạo, - Tỳ-kheo và thần cây, - Vì bạo ác nổi mụn Patacara bị mất cả gia đình, - Kis à Gotami nhọt, - Nanda chăn bò, - Vừa là mẹ vừa là tìm hạt cải trị bệnh cho đứa con đã chết, - cha); P.4. Hoa (- Đất của tâm, - Một Tỳ- Góa phụ Bazhuputtikà và những đứa con kheo chứng A-la-hán, - Vua Vidùdabha trả bất hiếu); P.9. Ác (- Bà-la-môn tiểu nhất y, thù họ Thích-ca, - Người tôn vinh chồng, - - Một Tỳ-kheo bất mãn, - Thiên nữ với Kosiya keo kiệt, - Ẩn sĩ lõa thể Pàthika, - Tỳ-kheo, - Cấp Cô Độc và nữ thần, - Tỳ- Vua và vua các vua, - Đám cưới bà Tỳ-xá- kheo không giữ gìn tốt đồ dùng, - Chưởng khư, - Câu hỏi của Trưởng lão A-nan, - Đế khố chân mèo, - Thương gia đại phú, - thích cúng dường Đại Ca-diếp, - Godhica Người thợ săn bắn mê muội, - Thợ săn bị chứng Niết-bàn, - Sirigutta và bầy chó của mình nuốt sống, - Thợ kim Garahadinna); P.5. Ngu (Nhà vua và hoàn, Tỳ-kheo và con ngỗng, Ba nhóm người nghèo có vợ đẹp, - Một Tăng sinh Tỳ-kheo, Supabuddha lăng nhục đạo sư); khó dạy, - Kẻ vận rủi trong nhà, - Kẻ móc P.10. Hình phạt (- Lục quần Tỳ-kheo, Lục túi, - Trí ngu, - Từ trụy lạc tới đức hạnh, quần Tỳ-kheo, Một bầy trẻ, - Tỳ-kheo và

con ma, - Tỳ-xá-khư và quyến thuộc giữ Phật an ủi người phiền muộn, - Phật an ủi Bát quan trai, - Ngạ quỷ hình trăn, - Cái kẻ ưu sầu, - Các công tử Lệ-xá và kỷ nữ, - chết của Đại Mục-kiền-liên, - Tỳ-kheo lắm Cô nương tử kim, - Đừng để tâm vào của của, - Santati, quan đại thần của vua, Tỳ- cải thế gian, - Ngài Ca-diếp được giỏ kheo và bộ đồ rách, Sa-di Sukha); P.11. bánh, - Tôn giả chứng quả A-na-hàm, - Già (- Bạn của Tỳ-xá-khư say rượu, - Đức Nandiya được sanh thiên). Phật chữa trị một Tỳ-kheo lụy tình, - Bà Tập III, Tích Truyện Pháp Cú, có 433 Ni già, - Nhóm Tỳ-kheo cả tin, - Ni cô và trang, với 10 phẩm (từ phẩm 17-26). P.17. bóng sắc, - Hoàng hậu Mallikà và con chó, Sân hận (- Sân hận tàn phá dung nhan, - - Một Tỳ-kheo thường nói không đúng Thọ thần và thầy Tỳ-kheo, - Người nghèo chỗ, - Kệ của Trưởng lão A-nan, - Đại và cô con gái, - Việc thiện nhỏ đưa đến phú, con của chưởng khố); P.12. Tự ngã (- thiên giới, - Bà-la-môn đón Phật như con, Hoàng tử Bồ-đề và con chim thần, - Một - Có phải người tặng quà làm nên quà Tỳ-kheo tham lam, - Hãy hành động theo tặng? – Không có gì, quá nhiều, quá ít, - lời nói, - Đừng ghét bỏ cha mẹ mình, - Lục quần Tỳ-kheo); P.18. Cấu uế (- Người Mahà Kàla

bị giết, - Đề-bà-đạt-đa tìm cách đồ tể và đứa con trai, - Dần dà từng chút, - giết Phật, - Đề-bà-đạt-đa gây chia rẽ trong Con rận tiếc của, - Thầy Tỳ-kheo kiêu Tăng đoàn, - Vị Tỳ-kheo đố kỵ, - Cô gái ngạo, - Tà hạnh của nữ nhân, - Lịch sự và giang hồ cứu mạng một cư sĩ, - Tu tập thô lỗ, - Tất cả giới cấm đều khó giữ, - Kẻ chân chánh để tôn quý Thế Tôn); P.13. bới lỗi người, - Những người lơ đễnh, - Thế gian (- Một thiếu nữ chế giễu thầy Tỳ- Trưởng giả Ram, - Tỳ-kheo bới lỗi, - Hư kheo trẻ, - Đức Phật về thăm Ca-tỳ-la-vệ, - không có dấu chân?); P.19. Công bình Năm trăm Tỳ-kheo chứng quả, - Hoàng tử pháp trụ (- Quan tòa bất công, - Lục quần vô úy (Abhaya) mất hầu thiếp, - Thầy Tỳ- Tỳ-kheo, - Không phải vì nói nhiều mà kheo và cây chổi, - Câu chuyện của Chỉ được ca tụng, - Người trẻ có thể là Trưởng Man, - Cô bé dệt vải, - Ba mươi vị Tỳ- lão? – Thế nào là người hoàn toàn? – Đầu kheo, - Chiến Già vu khống Phật, - Phẩm trọc không làm nên Tỳ-kheo, - Điều gì làm vật không thể nào so sánh, - Đức hạnh nên Sa-môn, - Không phải im lặng làm được trả giá); P.14. Phật (- Đấng Toàn nên bậc Thánh, - Cao quí là hành động cao giác, - Thần thông song hành, - Long quí, - Đừng tự mãn); P.20. Đạo (- Bát vương và ái nữ, - Phương cách giáo giới chánh đạo là đường tối thượng, - Vô trong ngày Bố-tát của bảy đời Đức Phật, - thường, - Khổ, - Vô ngã, - Chớ hẹn ngày Phật trị bệnh bất mãn cho thầy Tỳ-kheo, - mai, - Con quỉ đầu heo, - Pothila, ông sư Sa-môn và vua rồng, - Người nào quý sinh rỗng, - Các lão Tỳ-kheo và lão bà, - Cỏ úa, ra ở đâu? – Điều gì hạnh phúc nhất trên hoa phai, - Chắc chắn sẽ chết, - Người mẹ đời, - Tôn kính những bậc đáng tôn kính); mất con và những hạt cải, - Người đàn bà P.15. Hạnh phúc (- Mối tranh chấp giữa mất hết thân quyến); P.21. Tạp lục (- Sông hai lân bang, - Ma vương chế ngự thôn Hằng dâng nước, - Không lấy oán báo dân, - Vua Ba-tư-nặc bại trận, - Đừng nhìn oán, - Các Tỳ-kheo phù hoa, - Sa-môn giết say đắm nữ nhân, - Phật ban thức ăn cho cha mẹ, - Cậu bé và quỉ dữ, - Hoàng tử người đói, - Ăn uống tiết độ, - Sống chân Bạt-kỳ làm Sa-môn, - Cư sĩ tâm-người chánh là tôn kính Phật, - Đế Thích săn sóc thành tín, - Cô gái đức hạnh, - Vị Sa-môn Thế Tôn); P.16. Hỷ ái (- Cha mẹ và con, - độc cư); P.22. Địa ngục (- Cái chết của

Tôn-đà-lỵ, - Con quỉ xương khô, - Xảo khí, - Thầy Tỳ-kheo bị kết tội trộm cắp, - thuật tìm thức ăn, - Kẻ đào hoa, - Thầy Sa- Tôn giả Xá-lợi-phất bị hiểu lầm, - Tôn giả môn tự phụ, - Người vợ ghen tuông, - Tự Mục-kiền-liên bị hiểu lầm, - Bỏ cả tốt lẫn canh phòng như giữ thành, - Các đạo sĩ lõa xấu, - Tôn giả Nguyệt Quang, - Bảy năm thể, - Trẻ con quy y Phật); P.23. Voi (- trong bụng mẹ, - Cô gái giang hồ quyến rũ Phật bị lăng nhục, - Thầy Sa-môn luyện thầy Tỳ-kheo Sundarasamudda, - Jotika và voi, - Lão Bà-la-môn và các con, - Ăn Jatika, - Vua A-xà-thế đánh chiếm lâu đài uống điều độ, - Chú tiểu và dạ xoa, - Con Jotika, - Người diễn kịch câm xuất gia làm voi sa lầy, - Voi làm thị giả Phật, - Ma Sa-môn, - Người gõ đầu lâu, - Ông bà vương cám dỗ Phật); P.24. Tham ái (- Con Visàkha, Angulimàla, vô não, - Phạm cá vàng, - Con heo nái tơ, - Thầy Tỳ-kheo hạnh của thí chủ...). Phần kết. bỏ đạo, - Ngôi nhà tù, - Sắc đẹp phù du, - Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Chàng trai có cô vợ diễn viên nhào lộn, - Năm 2009, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.3 x Xạ thủ trẻ tài ba, - Ma vương chẳng nhát 20.3cm, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, 3 tập được La-hầu-la, - Nhà tu khổ hạnh hoài dày hơn 1.330 trang, có hộp đựng cả bộ; nghi, - Pháp thí thắng mọi thí, - Quan năm 2015, Nxb Hồng Đức, khổ 14.5 x chưởng khố không con, -

Bố thí nhiều và 20.5cm, 3 tập dày 1.343 trang, bìa mềm, bố thí ít); P.25. Tỳ-kheo (- Giữ gìn ngũ chữ tựa thư pháp, màu đen và đỏ, có hình căn, - Thầy Tỳ-kheo giết ngỗng, - Thầy Bồ-tát ngồi. Tỳ-kheo không giữ gìn mồm miệng, - Bằng sự tinh tấn làm vinh dự cho Phật, - 1.024. TIỂU DIỄN GIẢI – Thầy Tỳ-kheo lạc bầy, - Người Bà-la-môn CULLANIDDESAPÀLI, cúng dường năm lần thành quả đầu tiên, - Tạng Kinh – Tiểu Bộ Đảng cướp đi tu, - Cỏ úa, hoa phai, - Vị Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 36 Sa-môn nhàn tịnh, - Vị Sa-môn và chiếc Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda khố rách, - Người thấy chánh pháp là thấy (Trương Đình Dũng) ta, - Vị Sa-môn và long vương); P.26. Bà- PL. 2562 – DL. 2018 la-môn (- Bà-la-môn đại hỷ, - Thế nào là Buddhist Cultural Centre, “hai trạng thái”? – Thế nào là bờ kia?, - 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- Thế nào là Bà-la-môn? – Đức Phật sáng Sri Lanka ngời, - Thế nào là Tỳ-kheo? – Đức nhẫn Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, nại chinh phục sự tàn ác, - Ngài Di mẫu 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, thọ giới, - Tôn kính người đáng tôn kính, - Borelesgamuwa, Sri Lanka. Thế nào là Bà-la-môn, - Người Bà-la-môn Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn gian xảo, - Bà Kisa Gotami, - Diễn viên 654 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. xiếc Uggasena, - Tranh cãi về sức kéo, - Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt Đức Thế Tôn chế ngự kẻ sân giận, - Tôn ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và giả Xá-lợi-phất bị mẹ mắng, - A-la-hán có Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ phàm thân hay không? – Người nô lệ trút Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, gánh nặng, - Khemà trí tuệ, - Vị Sa-môn Mẫu tự Pali – Sinhala; Đại Diễn Giải: và thiên thần, - Vị Sa-môn và người đàn Phẩm Đường Đi Đến Bờ Kia: Kệ ngôn bà, - Bốn vị Sa-di, - Tôn giả Đại Bàn-đặc dẫn chuyện, 1. Câu hỏi của thanh niên có còn sân giận không? – Sức mạnh tập Ajita, 2. Câu hỏi của thanh niên

Tissametteyya, 3. Câu hỏi của thanh niên hàm, 4 cuốn, Dịch Việt: Thích Đức Thắng, Punnaka, 4. Câu hỏi của thanh niên Hiệu chỉnh và chú thích: Tuệ Sỹ, Nxb Mettagù, 5. Câu hỏi của thanh niên Phương Đông – 2010, tái bản 2015; Nxb Dhotaka, 6. Câu hỏi của thanh niên Hồng Đức – 2019. Upasìva, 7. Câu hỏi của thanh niên Nanda, Xem:Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tăng 8. Câu hỏi của thanh niên Hemaka, 9. Câu Nhất A-hàm và Tạp A-hàm, do Tuệ Sỹ và hỏi của thanh niên Todeyya, 10. Câu hỏi Thích Đức Thắng dịch và chú. của thanh niên Kappa, 11. Câu hỏi của thanh niên Jatukannì, 12. Câu hỏi của 1.026. TIỂU TỤNG – thanh niên Bhadràvudha, 13. Câu hỏi của KHUDDAKAPÀTHAPÀLI, thanh niên Udaya, 14. Câu hỏi của thanh Tạng Kinh – Tiểu Bộ niên Posàla, 15. Câu hỏi của thanh niên Pháp Cú-Phật Tự Thuyết- Mogharàja, 16. Câu hỏi của thanh niên Phật Thuyết Như Vậy Pingiya, 17. Phần tường thuật về Đường Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 28 Đi Đến Bờ Kia; Diễn giải Phẩm Đường Đi Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda Đến Bờ Kia: 1. Diễn giải Kinh Ajita, 2. (Trương Đình Dũng) Diễn giải Kinh Tissametteyya, 3. Diễn giải PL. 2557 – DL. 2013 Kinh Punnaka, 4. Diễn giải Kinh Mettagù, Buddhist Cultural Centre, 5. Diễn giải Kinh Dhotaka, 6. Diễn giải 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- Kinh Upasìva, 7. Diễn giải Kinh Nanda, 8. Sri Lanka Diễn giải Kinh Hemaka, 9. Diễn giải Kinh Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, Todeyya, 10. Diễn giải Kinh Kappa, 11. 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Diễn giải Kinh Jatukannì, 12. Diễn giải Borelesgamuwa, Sri Lanka. Kinh Bhadràvudha, 13. Diễn

giải Kinh Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn Udaya, 14. Diễn giải Kinh Posàla, 15. 488 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. Diễn giải Kinh Mogharàja, 16. Diễn giải Nội dung tác phẩm gồm có: Lời tựa- Kinh Pingiya, 17. Diễn giải Phần Tường Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn thuật về Đường Đi Đến Bờ Kia; Diễn giải giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân Kinh Sừng Tê Ngưu, P.1, P.2, P.3 và P.4; sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các Phần Phụ chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt. Tiểu Tụng (Văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt): 1. Việc đi đến nương nhờ, 2. Mười 1.025. TIỂU TẠNG KINH điều học, 3. Ba mươi hai thể, 4. Các câu Bao gồm các bộ Kinh: hỏi dành cho thiếu niên, 5. Kinh Điềm I. Trường A-hàm, 3 cuốn, Tuệ Sỹ dịch và Lành, 6. Kinh Châu Báu, 7. Kinh Bên chú, Nxb Phương Đông - 2008, tái bản Ngoài Vách Tường, 8. Kinh Phần Của Cải 2012; Nxb Hồng Đức 2018; II. Trung A- Để Dành, 9. Kinh Từ Ái; hàm, 4 cuốn, Tuệ Sỹ dịch và chú, Nxb Pháp Cú (có 26 phẩm): 1. P. Song đối, 2. Phương Đông - 2009, tái bản 2013; Nxb P. Không xao lãng, 3. P. Tâm, 4. P. Bông Hồng Đức 2019; III. Tăng Nhất A-hàm, 4 hoa, 5. P. Kẻ ngu, 6. P. Bậc sáng suốt, 7. cuốn, Dịch Việt: Thích Đức Thắng, Hiệu P. A-la-hán, 8. P. Một ngàn, 9. P. Ác, 10. chỉnh và chú thích: Tuệ Sỹ, Nxb Phương P. Hình phạt, 11. P. Già, 12. P. Tự ngã, 13. Đông – 2011, tái bản 2017; IV. Tạp A- P. Thế gian, 14. P. Đức Phật, 15. P. An

lạc, 16. P. Yêu thích, 17. P. Giận dữ, 18. 9.K Giếng nước, 10.K Udena, Tóm lược P. Vết nhơ, 19. P. Công minh, 20. P. Đạo phần này; VIII.P Dân làng Pàtali: 1.K lộ, 21. P. Linh tinh, 22. P. Địa ngục, 23. P. Niết-bàn (1), 2.K Niết-bàn (2), 3.K Niết- Voi, 24. P. Tham ái, 25. P. Tỳ-kheo, 26. P. bàn (3), 4.K Niết-bàn (4), 5.K Cunda, 6.K Bà-la-môn; Tóm lược các phẩm, Tóm lược Dân làng Pàtali, 7.K Đường rẽ hai nhánh, các câu kệ; 8.K Visàkhà, 9.K Dabba (1), 10.K Dabba Phật Tự Thuyết (có 8 phẩm, mỗi phẩm có (2), Tóm lược phần này; 10 Kinh, tổng cộng là 80 Kinh): I.P Giác Phật Thuyết Như Vậy (có 10 phẩm, 112 ngộ, 1.K Sự Giác ngộ (1), 2.K Sự Giác Kinh): Nhóm Một Pháp, P.I, 1.K Tham, ngộ (2), 3.K Sự Giác ngộ (3), 4.K Cây si, 2.K Sân, 3.K Si, 4.K Gận dữ, 5.K Gièm 5.K Các vị Trưởng lão, 6.K Kassapa, 7.K pha, 6.K Ngã mạn, 7.K Biết toàn diện tất Pà và, 8.K Sangàmaji, 9.K Đạo sĩ Bện tóc, cả, 8.K Biết toàn diện ngã mạn, 9.K Biết 10.K Bàhiya, Tóm lược phần này; II.P toàn diện tham, 10.K Biết toàn diện sân, Mucalinda: 1.K Mucalinda, 2.K Đức vua, Tóm lược phần này; P.II, 1.K Biết toàn 3.K Gậy gộc, 4.K Tôn vinh, 5.K Nam Cư diện si, 2.K Biết toàn diện giận dữ, 3.K sĩ, 6.K Sản phụ, 7.K Con Trai độc nhất, Biết toàn diện gièm pha, 4.K Che lấp bởi 8.K Suppavàsà, 9.K Visàkhà, 10.K vô minh, 5.K Ràng buộc bởi tham ái, 6.K Bhaddiya, Tóm lược phần này; III.P Hữu học (1), 7.K Hữu học (2), 8.K Chia rẽ Nanda: 1.K Nghiệp, 2.K Nanda, 3.K hội chúng, 9.K Hợp nhất hội chúng, 10.K Yasoja, 4.K Sàriputta, 5.K Kolita, 6.K Người xấu xa, Tóm lược phần này; P.III, Pilindivaccha, 7.K Kassapa, 8.K Vị hành 1.K Tâm tịnh tín, 2.K Chớ sợ hãi phước pháp Khất thực, 9.K Nghề nghiệp, 10.K thiện, 3.K Cả hai mục đích, 4.K Đống Xem xét Thế gian, Tóm lược phần này; xương, 5.K Cố tình nói dối, 6.K Bố thí và IV.P Meghiya: 1.K Meghiya, 2.K Náo san sẻ, 7.K Từ tâm giải thoát, Tóm lược động, 3.K Người Chăn bò, 4.K Thượng phần này; Nhóm Hai Pháp, P.I, 1.K Tỳ- huyền, 5.K Long tượng, 6.K Pindola, 7.K khưu (1), 2.K Tỳ-khưu (2), 3.K Làm cho Sàriputta, 8.K Sundarì, 9.K Upasena, 10.K bứt rứt, 4.K Không làm cho bứt rứt, 5.K Sàriputta, Tóm lược phần này; V.P Sona: Giới ác xấu, 6.K Giới hiền

thiện, 7.K 1.K Đức vua, 2.K Tuổi thọ ít ỏi, 3.K Gã Không có Nhiệt tâm, 8.K Dối gạt người gù Suppabuddha, 4.K Các Thiếu niên, 5.K (1), 9.K Dối gạt người (2), 10.K Tâm hỷ, Lễ Uposatha, 6.K Sona, 7.K Revata, 8.K Tóm lược phần này; P.II, 1.K Suy tâm, Ànanda, 9.K Nhạo báng, 10.K Panthaka, 2.K Thuyết giảng, 3.K Minh, 4.K Thấp Tóm lược phần này; VI.P Mù bẩm sinh: kém về Tuệ, 5.K Pháp trắng, 6.K Không 1.K Buông bỏ thọ hành, 2.K Đạo sĩ Bện sanh, 7.K Bản thể Niết-bàn, 8.K Thiền tóc, 3.K Quán xét lại, 4.K Ngoại đạo (1), tịnh, 9.K Lợi ích của việc học tập, 10.K 5.K Ngoại đạo (2), 6.K Ngoại đạo (3), 7.K Tỉnh thức, 11.K Kẻ sanh đọa xứ, 12.K Tà Subhùti, 8.K Người Kỷ nữ, 9.K Đến gần kiến, Tóm lược phần này; Nhóm Ba Pháp, rồi vượt qua, 10.K Sự hiện khởi của Như P.I, 1.K Bất thiện căn, 2.K Giới, 3.K Thọ Lai, Tóm lược phần này; VII.P Nhỏ: 1.K (1), 4.K Thọ (2), 5.K Tầm cầu (1), 6.K Bhaddiya (1), 2.K Bhaddiya (2), 3.K Bị Tầm cầu (2), 7.K Lậu hoặc (1), 8.K Lậu Dính mắc (1), 4.K Bị Dính mắc (2), 5.K hoặc (2), 9.K Tham ái, 10.K Phạm vi của Lakuntakabhaddiya, 6.K Diệt trừ tham ái, ma vương, Tóm lược phần này; P.II, 1.K 7.K Diệt trừ chướng ngại, 8.K Kaccana, Nền tảng của việc hành thiện, 2.K Về

nhãn, 3.K Về quyền, 4.K Khoảng thời lầm và Hối quá; C.6 Phỉ báng thiện và ác gian, 5.K Uế hạnh, 6.K Thiện hạnh, 7.K quả dị thục; C.7 Thái độ của Đức Phật Thanh tịnh, 8.K Hiền trí hạnh, 9.K Luyến trước lời khiển trách; C.8 Ác giả Ác báo; ái (1), 10.K Luyến ái (2), Tóm lược phần C.9 Giá trị tri và hành; C.10 Phước đức này; P.III, 1.K Thọ trì các nghiệp do tà tùy hỷ hạnh bố thí; C.12 Hai mươi điều kiến, 2.K Thọ trì các nghiệp do chánh khó của kiếp người; C.13 Điều kiện chứng kiến, 3.K Thoát ly, 4.K An tịnh hơn, 5.K Túc mạng minh; C.14 Định nghĩa Thiện Con trai, 6.K Mưa, 7.K Ước nguyện hạnh và vĩ đại; C.15 Nhẫn nhục; C.16 Điều kiện phúc, 8.K Dễ tan vỡ, 9.K Sự kết hợp theo con đường đạt đạo; C.17 Ánh sáng người bản chất, 10.K Sự thoái hóa, Tóm lược đạt đạo; C.18 Cốt tủy của Đạo Phật; C.19 phần này; P.IV, 1.K Suy tầm, 2.K Tôn Nguyên lý vô thường của vạn pháp; C.20 vinh, 3.K Âm thanh của chư Thiên, 4.K Hữu thể con người: vô thường, khổ, vô Dấu hiệu báo trước, 5.K Sự lợi ích cho ngã; C.21 Danh vọng: Thú vui ít giá trị; nhiều người, 6.K Quan sát bất tịnh, 7.K C.22 Tài sắc: Ngọt ít đắng nhiều; C.23 Ân Thực hành pháp thuận theo pháp, 8.K Sự ái là tù ngục; C.24 Ái dục khổ đệ nhất tạo ra tăm tối, 9.K Vết nhơ ở bên trong, (cũng may chỉ có một); C.25 Lửa ái cháy 10.K Devadatta, Tóm lược phần này; P.V, tay; C.26 Thiên ma dâng ngọc nữ; C.27 1.K Sự tịnh tín tối cao, 2.K Sự nuôi mạng, Lại nói về điều kiện đạt Đạo; C.28 Không 3.K Chéo y hai lớp, 4.K Lửa, 5.K Khảo nên chủ quan (khi chưa phải là A-la-hán); sát, 6.K Sự sanh khởi của các dục, 7.K Sự C.29 Đoạn trừ tâm ái dục-Duy trì phạm gắn bó với các dục, 8.K Giới tốt đẹp, 9.K hạnh; C.30 Tránh dục như tránh lửa; C.31 Bố thí, 10.K Ba minh, Tóm lược phần này; Đoạn âm không bằng đoạn tâm; C.32 Diệt Nhóm Bốn Pháp, 1.K Bà-la-môn, 2.K Bốn ái dục, ly sanh tử; C.33 Tỳ-kheo chiến sĩ vật không bị khiển trách, 3.K Diệt trừ lậu diệt lậu hoặc; C.34 Độc lộ giải thoát (Tinh hoặc, 4.K Sa-môn và Bà-la-môn, 5.K tấn Trung đạo); C.35 Bỏ cấu nhiễm tâm, Thành tựu giới, 6.K Sự sanh khởi của đạt đạo giải thoát; C.36 Lại nói về cái khó tham ái, 7.K Có Phạm thiên, 8.K Nhiều sự của con người; C.37 Chứng đạo phải do sự ích lợi, 9.K Dối trá, 10.K Người và sắc tu tập (Như Lai chỉ là người chỉ đường); đáng yêu, 11.K Bước đi, 12.K Giới thành C.38 Mạng sống con người chỉ trong một tựu, 13. Giác ngộ về thế giới, Tóm lược hơi thở; C.39 Chư pháp bình đẳng, Vô hữu

phần này; Thư mục Câu kệ Pàli, Thư mục cao hạ; C.40 Thân hành đạo-Tâm hành Danh từ riêng, Thư mục từ Đặc biệt. đạo; C.41 Tinh tấn-Bỏ tình dục (giải thoát); C.42 Phương tiện tri kiến, Như thị 1.027. Tìm hiểu tri kiến; Phụ lục. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG Bản Kinh này đã xuất bản năm 2008, Nxb Tác giả: Thích Nhật Từ Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. Nxb Thời Đại – 2010. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 42 chương Kinh: - Lời giới 1.028. Tìm hiểu KINH KIM CƯƠNG thiệu; Phần 1. Tổng luận Kinh Bốn Mươi Cư sĩ Viên Minh Hai Chương; C.1 Định nghĩa Sa-môn và Nxb Phương Đông – 2011 Sa-môn quả; C.2 Đối tượng tu tập (Bảo sở Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 269 Sa-môn, định nghĩa đạo); C.3 Sa-môn trang. hạnh; C.4 Thập thiện-Thập ác; C.5 Lỗi

Tác phẩm Tìm hiểu Kinh này gồm có 3 phần, 32 chương. Nội dung: Lời giới 1.030. Tìm hiểu thiệu, Lời nói đầu; Phần I: Kinh văn Kinh KINH LĂNG NGHIÊM – Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật; Phần II: The SURANGAMA SUTRA Chú giải, C.1 Nhân do pháp hội, C.2 Đinh Sĩ Trang – Nguyễn Văn Đọng Trưởng lão Tu-bồ-đề thưa thỉnh, C.3 (Copyright Đinh Sĩ Trang 2005. National Chánh tông Đại thừa, C.4 Diệu hạnh vô Library of Australia, trụ, C.5 Thấy thật đúng lý, C.6 Chánh tín Cataloguing-in-Publication Data ISBN 0 – hiếm có, C.7 Không đắc không thuyết, C.8 9585294 – 4 – 2) Y pháp sinh công đức, C.9 Một tướng Nội dung gồm có 10 tập: Lời đầu sách; không tướng, C.10 Trang nghiêm cõi Phật, T.1 Kinh Lăng Nghiêm, Phật hỏi về Tâm, C.11 Phước đức vô vi hơn hết, C.12 Tôn Phật chỉ rõ Tánh thấy, Mắt không phải là trọng chánh pháp, C.13 Thụ trì đúng pháp, Tánh thấy; T.2 Tánh thấy không sanh diệt, C.14 Lìa tướng vắng lặng, C.15 Công đức Hai nhận thức sai lầm, Phật giảng về Năm trì Kinh, C.16 Làm sạch nghiệp chướng, ấm; T.3 Cách Tâm thu nhận cảm giác, Sáu C.17 Rốt ráo không ngã, C.18 Xem đồng giác quan và sáu đối tượng, Mười tám yếu một thể, C.19 Thông hóa pháp giới, C.20 tố sanh ra sự nhận biết, Bốn nguyên tố đất- Lìa sắc lìa tướng, C.21 Không năng thuyết nước-gió-lửa (Tứ đại); T.4 Tứ đại không sở thuyết, C.22 Không pháp có thể đắc, ngăn ngại nhau, Căn nguyên của vọng C.23 Tâm sạch làm lành, C.24 Phước đức tưởng, Nguồn gốc hiện tượng vật chất, trí tuệ vô song, C.25 Không năng độ sở Thế giới tiếp tục, Chúng sanh tiếp tục, độ, C.26 Pháp thân chẳng phải sắc tướng, Nghiệp quả tiếp tục, Các đại có thể dung C.27 Không đoạn không diệt, C.28 Không nhau, Phật tánh không có hình tướng, Hết nhận không tham, C.29 Oai nghi vắng mê là giác ngộ, Thuyết Nhân duyên và Tự lặng, C.30 Nghĩa lý của hợp tướng, C.31 nhiên, Cội gốc phiền não, Phật giảng về Không sinh tri kiến, C.32 Ứng hóa chẳng Tánh nghe; T.5 Phật chỉ cách mở gút mê phải thật; Phần III: Tổng kết; Phụ lục. lầm, Bồ-tát chỉ cách tu để được Chánh Kinh này đã được xuất bản từ năm 2007, quả; T.6 Bồ-tát Quán Thế Âm trình bày, Nxb Tôn Giáo. Bồ-tát Văn-thù chọn cách tu dễ nhất, Phật dặn bốn điều phải nhớ; T.7 Hiển giáo và 1.029. Tìm hiểu KINH KIM CƯƠNG Mật giáo, Phật nói về chú Lăng Nghiêm, Thích nữ Trí Hải Chú Lăng Nghiêm; T.8 Tên của Kinh Nxb Hồng Đức – 2013 Lăng Nghiêm, Mười thói quen không Sách có khổ 12 x 20cm, có hơn 139 trang, thiện; T.9 Phật giải thích về Thiền, Sắc bìa mềm. giới và Vô sắc giới, Nguyên nhân của Nội dung gồm có: Khi Phật trải tòa, Hàng Nghiệp, Các hiện tượng quấy nhiễu của phục vọng tâm, Sanh kỳ tâm, “Bất ưng trụ Ma; T.10 Phật giảng về Thiền bệnh, Bản sắc sanh tâm”, Ngã và pháp, Ngũ uẩn giai Hán văn chú Lăng Nghiêm. không, Ưng vô sở trú và Thiền định, Phật và pháp,

Trang nghiêm Tịnh Độ, “Ưng vô 1.031. Tìm hiểu sở trú nhi sanh kỳ tâm”, Trung đạo Đệ KINH PHÁP CÚ – DHAMMAPADA nhất nghĩa, Đại cương Kinh Kim Cương, Tác giả: Tâm Minh - Ngô Tằng Giao Tâm-Phật và Chúng sanh. Nxb Tôn Giáo – 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, có 323 trang, bìa TRUNG BỘ KINH I, II, III mềm, chữ tựa màu vàng và trắng, có hình Biên soạn: tượng đá đầu Đức Phật. Toàn bộ tác phẩm Thích Chơn Thiện (1942-2016) này gồm có 4 chương: C.I, - Nguồn gốc Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Kinh Pháp cú, - Vô thường và vô ngã, - Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 Nhân quả và nghiệp báo, - Luân hồi; C.II, tập dày 662 trang, bìa mềm, nền đen, chữ - Tam độc (tham, sân, si), - Ái dục, - Giới, tựa màu trắng; nội dung có tất cả 152 định, tuệ, - Người ngu và người trí, - Tam Kinh. quy và ngũ giới; C.III, - Thập thiện, - Lục Tìm hiểu Kinh Trung Bộ I, có 206 trang, độ Ba-la-mật, - Tứ diệu đế và Bát chánh 50 Kinh, được phân thành 6 phần. Phần I, đạo, - Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả), - (từ kinh số 1-10) – Cương yếu của pháp Mầu áo cà-sa; C.IV, - Hương vị giải thoát, môn căn bản; Phần II, (từ kinh số 11-20) – - Nghệ thuật thuyết pháp, - Đạo Phật là Tiếng rống sư tử; Phần III, (từ kinh số 21- đạo yêu đời, - Hãy tự mình thắp đuốc lên 30) – Các ảnh dụ; Phần IV, (từ kinh số 31- mà đi. Cuối cùng là Tài liệu tham khảo. 40) – Các phẩm song đôi; Phần V, (từ kinh số 41-50) – Các phẩm song đôi; Phần VI, Phần tổng luận, Tổng luận kinh Trung Bộ I. Tìm hiểu Kinh Trung Bộ II, có 187 1.032. Tìm hiểu KINH PHÁP HOA trang, 50 Kinh, phân thành 6 phần. Phần I, Đinh Sĩ Trang – Nguyễn Văn Đọng (từ kinh số 51-60) – Phẩm các gia chủ; Nxb Phương Đông – 2010 Phần II, (từ kinh số 61-70) – Phần các Tỳ- Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 308 kheo; Phần III, (từ kinh số 71-80) – Phần trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 28 kinh Liên Hệ các du sĩ ngoại đạo; Phần chương (C): Lời đầu sách; C.1 Tựa, C.2 IV, (từ kinh số 81-90) – Phần liên hệ các Phương tiện, C.3 Thí dụ, C.4 Tin và hiểu, vị vua và hoàng tộc; Phần V, (từ kinh số C.5 Thí dụ về cây cỏ, C.6 Dự báo thành 91-100) – Phần liên hệ các Ba-la-môn; Phật, C.7 Thí dụ về Hóa thành, C.8 Dự Phần VI, Phần tổng luận, Tổng luận kinh báo cho 500 đệ tử, C.9 Dự báo cho Thanh Trung Bộ II. văn, A-la-hán, C.10 Pháp sư, C.11 Tháp Tìm hiểu Kinh Trung Bộ III, có 269 trang, báu hiện ra, C.12 Đề-bà-đạt-đa, C.13 Gìn 52 Kinh, phân thành 6 phần. Phần I, (từ giữ Kinh Pháp Hoa, C.14 Hạnh An lạc, kinh số 101-110) – Phần thị trấn các Sakka C.15 Bồ-tát từ đất vọt lên, C.16 Tuổi thọ (thuộc dòng dõi họ Thích); Phần II, (từ của Như Lai, C.17 Phân biệt Công đức, kinh số 111-120) – Phần bất đoạn; Phần C.18 Công đức nghe Kinh Pháp Hoa, C.19 III, (từ kinh số 121-130) – Phần không Công đức giảng Kinh Pháp Hoa, C.20 Bồ- tánh; Phần IV, (từ kinh số 131-142) – tát Thường Bất Khinh, C.21 Thần lực của Phần phân tích; Phần V, (từ kinh số 143- Như Lai, C.22 Lời ủy thác, C.23 Bồ-tát 152) – Phần lục xứ; Phần cuối – Tổng luận Dược Vương, C.24 Bồ-tát Diệu Âm, C.25 về Trung Bộ Kinh, Phụ lục. Bồ-tát Quán Thế Âm, C.26 Đà-ra-ni, C.27 Tác phẩm này được tái bản năm 2017, Vua Diệu Trang Nghiêm, C.28 Lời Nxb Tôn Giáo. khuyên của Bồ-tát Phổ Hiền. 1.034. Tìm Hiểu và Học Tập 1.033. Tìm hiểu KINH PHÁP CÚ – 2 Tập

Phiên dịch và ghi chú: Thiện Nhựt Chủ giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không Tập I, dày 205 trang; nội dung gồm có 5 (Giảng tại Phật-đà Giáo dục Hiệp Hội- phẩm: Vài lời xin thưa trước, P.1 Song HongKong năm 2010-2011) yếu (kệ số (ks)1 – ks.20), P.2 Chẳng Chuyển ngữ: Bửu Hòa, Hạnh Chơn, Tử Phóng dật (ks.21 – ks.32), P.3 Tâm (ks.33 Hà,… – ks.43),

P.4 Hoa (ks.44 – ks.59), P.5 Ngu Toàn bộ tác phẩm gồm có 60 quyển, 600 (ks.60 – ks.75); tập. Mỗi Quyển dày từ 300 – 500 trang, Tập II, từ tr.207 – tr.396; nội dung gồm 6 bìa cứng. phẩm: P.6 Hiền trí (ks.76 – ks.89), P.7 A- (Bộ Kinh này lưu tại Thư viện chùa Vạn la-hán (ks.90 – ks.99), P.8 Ngàn (ks.100 – Đức, Q.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh) ks.115), P.9 Ác (ks.116 – ks.128), P.10 Hình phạt (ks.129 – ks.145), P.11 Già (ks.146 – ks.156).

1.037. TỊNH ĐỘ NGŨ KINH Tác phẩm này dày hơn 895 trang, gồm có 1.035. TINH TÚY 5 Kinh: 1. Kinh A-di-đà sớ sao; 2. Quán BÁT-NHÃ TÂM KINH Vô lượng thọ Kinh sớ (Hán dịch: ngài THE ESSENCE OF THE HEART Cương-lương-da-xá; Việt dịch: HT. Thích SUTRA Thiền Tâm); 3. Kinh Vô lượng thọ (Hán Giảng giải: Đức Đạt-lai Lạt-ma dịch: Pháp sư Khang Tăng Khải; Việt Chuyển ngữ: Hồng Như dịch: Sa-môn Thích Tuệ Đăng); 4. Kinh Wisdom Publications, Boston, 2002. Hoa Nghiêm – Phẩm Phổ Hiền hạnh Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 nguyện (Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bát- phần, 12 chương: - Lời dịch giả (bản dịch nhã; Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh); 5. Việt ngữ), - Lời Nhà xuất bản (bản dịch Kinh Lăng Nghiêm – Chương Đại Thế Chí Anh ngữ); Phần I. Tổng quan Phật giáo, niệm Phật viên thông (Việt dịch: Cư sĩ C.1 Tiến bộ tâm linh, C.2 Tôn giáo và thế Minh Tâm). giới ngày nay, C.3 Căn bản Phật giáo, C.4 Phật giáo Đại thừa, C.5 Giải thoát khổ 1.038. TỊNH ĐỘ TAM KINH đau; Phần II. Bát-nhã Tâm Kinh, C.6 Khai Việt dịch: Sa-môn Thích Đức Nghiệp Kinh Tinh túy Bát-nhã Tâm Kinh, C.7 Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Nhập Bồ-tát đạo, C.8 Nội dung thuyết Vô Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 238 trang, ngã, C.9 Luận về "không" Bát-nhã, C.10 bìa mềm, chữ tựa mạ vàng, có hình Tam Như thật tri kiến, C.11 Thành tựu Đạo Thánh. Nội dung gồm có: Lời dịch Kinh; quả; Phần III. Đường đi của Bồ-tát, C.12 Kinh A-di-đà; Kinh Quán Phật Vô Lượng Phát tâm Bồ-đề; Kết; Phụ lục: 1 và 2; Thư Thọ; Kinh Vô Lượng Thọ (Quyển trên); Kinh Sanskrit/Hán tạng) lục: Nghi thức Tụng Kinh niệm Phật.

1.036. TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI 1.039. Tịnh Độ Pháp Nghi – DIỄN NGHĨA – Trọn bộ 60 Quyển KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (Giảng Kinh Vô Lượng Thọ lần thứ 11) In tại Nhà In Nguyễn Văn Huấn

(Sài Gòn) Kinh; 10. Tứ Thập Hoa nghiêm Kinh – Kinh có 91 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Nhập Bất tư nghì Giải thoát cảnh giới Phổ có: Lời tựa, Tịnh Độ Nghi thức; Phật Hiền hạnh nguyện Phẩm; 11. Đại Phật thuyết A-di-đà Kinh, Tịnh độ Pháp nghi Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh – Đại Thế (Tại gia Tu trì), Khai Kinh, Phật thuyết A- Chí Bồ-tát niệm Phật Viên thông chương; di-đà Kinh (văn vần, theo thể thơ Lục bát), 12. Vô lượng thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Chú thích, Tịnh Độ văn, Trì châu chú, nguyện sanh kệ. Tụng sám, Tụng chú vãng sanh, Bài Sám Nhất Tâm, Bài Sám Diễn nghĩa, Diệu 1.041. Toát Yếu KINH TRUNG BỘ Pháp Liên Hoa Kinh-Phổ Môn Phẩm, (MAJJHIMA-NIKAYA) – 3 Tập (dịch âm Hán-Việt, dịch nghĩa theo thể thơ HT. Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Song thất lục bát); Bát-nhã Ba-la-mật-đa Pali Tâm Kinh, Nhất tâm kỉnh lễ, Trì châu Thích nữ Trí Hải tóm tắt và chú giải niệm Phật kệ, Lần chuỗi niệm Phật, Sám Nxb Tôn Giáo – 2010 hối, Hồi hướng, Vãng sinh Tịnh độ Thần Tập 1, dày 362 trang, gồm 50 Kinh; nội chú, Tam Quy y, Tái nguyện, Bài tụng dung: Lời giới thiệu; từ Kinh số 1. K.Pháp Tiếp dẫn cầu siêu, Bài Sám Ngã niệm, môn căn bản,... đến Kinh số 50. K.Hàng Tỉnh thế ca.

ma (ở mỗi Kinh gồm có các phần: I. Toát (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, yếu, II. Tóm tắt, III. Chú giải, IV. Pháp số Q.3, Tp. Hồ Chí Minh) liên hệ, V. Kệ học thuộc lòng); Tập 2, dày 808 trang, gồm 50 Kinh; nội dung: từ 1.040. TỊNH ĐỘ TÔNG KINH LUẬN Kinh số 51. K.Kandaraka,... đến Kinh số Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh – 100. K.Sangarava (ở mỗi Kinh gồm có các Thích Huệ Đăng – Thích nữ Như Phúc – phần: I. Toát yếu, II. Tóm tắt, III. Chú Thích nữ Hương Trí giải, IV. Pháp số liên hệ, V. Kệ tụng); Tập Ban Phiên dịch Pháp tạng – 3, gồm có 52 Kinh, từ Kinh số 101. K. Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa Devadaha,... đến Kinh số 152. K. Căn tu Sưu tập – Trình bày: Đức Phong tập (ở mỗi Kinh gồm có các phần: I. Toát Giảo duyệt: Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa yếu, II. Tóm tắt, III. Chú giải, IV. Kệ Nxb Hồng Đức – 2020. Sách có khổ 18.8 tụng). x 26cm, dày hơn 797 trang, bìa cứng, chữ Xem: Kinh Trung Bộ - 3 tập (152 Kinh) do mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Phật thuyết HT. Thích Minh Châu dịch. A-di-đà Kinh; 2. Xưng tán Tịnh độ Phật Tác phẩm Toát yếu Kinh Trung Bộ này đã Nhiếp thọ Kinh; 3. Vô Lượng Thọ Kinh; xuất bản năm PL. 2546 – DL. 2002, Nxb 4. Vô lượng Thanh tịnh Bình đẳng giác Tôn Giáo, khổ 14 x 20cm, cả bộ (3 tập) Kinh; 5. Phật thuyết A-di-đà Tam-da-tam dày 1.278 trang. Phật Tát-lâu Phật đàn Quá độ nhân đạo Kinh; 6. Phật thuyết Đại thừa Vô lượng 1.042. Toát Yếu Nội Dung thọ Trang nghiêm Kinh; 7. Đại bảo Tích CÁC KINH TRƯỜNG A-HÀM Kinh – Vô lượng thọ Như Lai hội; 8. Phật Biên soạn: Tuệ Sỹ thuyết Đại thừa Vô lượng thọ Trang Tác phẩm này toát yếu nội dung 30 Kinh nghiêm Thanh tịnh Bình đẳng Giác Kinh; gồm có: 1.K Đại bản, 2.K Du hành, 3.K 9. Phật thuyết Quán vô lượng thọ Phật Điển tôn, 4.K Xà-ni-sa, 5.K Tiểu duyên,

6.K Chuyển Luân vương Tu hành, 7.K Tệ Sách có khổ 15 x 14cm, có 112 trang, bìa tú, 8.K Tán-đà-na, 9.K Chúng tập, 10.K mềm. Nội dung gồm có: Đoạn mở đầu Thập thượng, 11.K Tăng nhất, 12.K Tam (Kinh Đại Niệm Xứ), Kinh Đại Niệm Xứ tụ, 13.K Đại Duyên Phương tiện, 14.K (Phần Pàli), Đây là con đường độc nhất, Thích-đề-hoàn Nhân vấn, 15.K A-nậu-di, Để làm cho các chúng sinh được thanh 16.K Thiện sinh, 17.K Thanh tịnh, 18.K tịnh, Để vượt qua sầu bi, Để chấm dứt khổ Tự hoan hỷ, 19.K Đại hội, 20.K A-ma-trú, ưu, Để đạt đến Thánh đạo, Giác ngộ, Để 21.K Phạm võng, 22.K Chủng đức, 23.K chứng ngộ Niết-bàn, Chánh niệm, Các Cứu-la-đàn-đầu, 24.K Kiên cố, 25.K Lõa Niệm xứ, Thực hành chánh niệm, Quán hình Phạm chí, 26.K Tam minh, 27.K Sa- Thân trong thân, Àtàpì (nhiệt tâm), Tỉnh môn quả, 28.K Bố-tra-bà-lâu, 29.K Lộ-già, giác, Định hay sự Nhất tâm, Các thành 30.K Thế ký (Kinh này có 12 phẩm, 1. P. phần của pháp hành, Các thành phần hay Diêm-phù-đề, 2. P. Uất-đan-việt, 3. P. Ngũ căn cần phải làm việc hòa hợp với Chuyển Luân Thánh vương, 4. P. Địa nhau, Những kết quả của Thiền, Vượt qua, ngục, 5. P. Long điểu, 6. P. A-tu-la, 7. P. Khi chúng ta chánh niệm, Những phiền Tứ thiên vương, 8. P. Đao-lị thiên, 9. P. não được đoạn trừ, Ba loại đoạn trừ, Tham Tam tai, 10. P. Chiến đấu, 11. P. Ba Trung và ưu, Tứ Niệm xứ hay Bốn nền tảng thiết kiếp, 12. P. Thế bản duyên). lập niệm, Lưu ý cuối cùng về việc thực Kinh) lục: 1. (Dịch từng chữ đoạn mở đầu bài Kinh Tứ Niệm Xứ), 2. (Những hướng dẫn 1.043. Tóm tắt 300 BỘ KINH LUẬN hành Thiền), Vipassanà (Tọa thiền), PHẬT GIÁO DANH TIẾNG – Tập 1 Vipassanà (Thiền đi), Hồi hướng công đức Biên soạn: Lý Việt Dũng hay chia phước. Nxb Phương Đông – 2008 Sách có khổ 14 x 20cm, dày 278 trang, bìa 1.045. Tóm tắt KINH

TRUNG BỘ mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời (Majjhima Nikàya) tựa, Lời bạt, Phần khai dẫn sách: A. Đôi Thích Minh Châu điều về Đại tạng Kinh, B. Tản mạn đôi Nxb Văn Hóa Sài Gòn – 2010 điều về An cư kiết hạ, C. Khái lược Tịnh Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 403 độ tông, D. Đôi điều về Tịnh độ tông, E. trang, bìa cứng, có bìa bao. Ngữ lục, F. Việt Nam Thiền – Tịnh tối Nội dung gồm có: Lời thưa, Lời giới thiệu, lược sử, G. Chùa chiền, H. Lược sử và và 152 bài Kinh Trung Bộ tóm tắt. giáo pháp ngũ gia Thiền tông; Tóm tắt 150 Xem: (152 bài) Kinh Trung Bộ - 3 tập bộ Kinh Luận Phật giáo danh tiếng; Phụ lục: I. Bài tựa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa 1.046. Tóm tắt do Đạo Tuyên soạn, II. Lời bạt Kinh Phạm KINH TRUNG BỘ, Tập I Võng hiệp chú. Biên soạn: TT. Thích Thiện Tâm Trường Cơ bản Phật học Tp. Hồ Chí 1.044. Tóm tắt KINH TỨ NIỆM XỨ Minh, PL. 2540 – DL. 1996 Thiền sư Sayadaw U Sìlananda Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 357 trang, Việt dịch: Tỳ-kheo Pháp Thông lưu hành nội bộ. Tập I, kinh Trung Bộ tóm Nxb Tôn Giáo – 2008 tắt này gồm có 51 bài: 1. K. Căn bản pháp

môn, 2.K. Nhứt thiết lậu hoặc, 3.K. Thừa 1.048. Tổng Tập PHÁP CÚ – tự pháp, 4.K. Sợ hãi và khiếp đảm, 5.K. Pc Bắc Tông (Kinh Xuất Diệu) Vô cấu, 6.K. Ước nguyện, 7.K. Bố dụ, Biên tập: 8.K. Đoạn giảm, 9.K. Chánh tri kiến, Tỷ-kheo Trí Quang (1923-2019) 10.K. Niệm xứ, 11. Tiểu kinh Sư tử hống, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 12. Đại kinh sư tử hống, 13. Đại kinh khổ PL. 2556 – DL. 2012 uẩn, 14. Tiểu kinh khổ uẩn, 15.K. Tư Sách dày hơn 857 trang, bìa cứng, chữ tựa lương, 16.K. Tâm hoang vu, 17.K. Khu màu vàng. rừng, 18.K. Mật hoàn, 19.K. Song tầm, Nội dung gồm có 34 phẩm chính: Dẫn 20.K. An trú tầm, 21.K. Ví dụ cái cưa, nhập, P.1 Vô thường (chuyển biến, chết), 22.K. Xà dụ, 23.K. Gò mối, 24.K. Trạm P.2 Dục (muốn), P.3 Ái (yêu thích), P.4 xe, 25.K. Bẩy mồi, 26.K. Thánh cầu, 27.K. Vô phóng dật (chớ buông thả), P.5 Phóng Tượng tích dụ tiểu kinh, 28.K. Tượng tích dật (buông thả), P.6 Niệm (nhớ nghĩ), P.7 dụ đại kinh, 29.K. Tài dụ đại kinh, 30.K. Giới (giữ giới), P.8 Học (học tập), P.9 Phỉ Tài dụ tiểu kinh, 31. Tiểu kinh rừng sừng báng (chê bai), P.10 Hành (hành vi), P.11 bò, 32. Đại kinh rừng sừng bò, 33. Đại Tín (tin tưởng), P.12 Sa-môn, P.13 Đạo kinh người chăn bò, 34. Tiểu kinh người (đường đi), P.14 Lợi dưỡng, P.15 Phẫn nộ chăn bò, 35. Tiểu kinh Saccaka, 36. Đại (tức giận), P.16 Duy niệm (chuyên chú tư kinh Saccaka, 37. Tiểu kinh đoạn tận ái, duy), P.17 Tạp (tạp lục), P.18 Thủy (ngụ 38. Đại kinh đoạn tận ái, 39. Đại kinh mã ngôn về nước), P.19 Hoa (ngụ ngôn về ấp, 40.K. Tiểu kinh mã ấp, 41.K. Hoa), P.20 Mã dụ (ngụ ngôn về Ngựa), Saleyyaka, 42.K. Veranjaka, 43.K. Đại P.21 Khuể (tức giận), P.22 Như Lai (đức kinh phương quảng, 44.K. Tiểu kinh Phật), P.23 Văn (học), P.24 Ngã (bản phương quảng, 45.K. Tiểu kinh pháp thân), P.25 Quảng diễn (tạp lục B), P.26 hành, 46.K. Đại kinh pháp hành, 47.K. Tư Thân (người thân), P.27 Nê-hoàn, P.28 sát, 48.K. Kosambiya, 49.K. Phạm thiên Quan (quan sát), P.29 Ác hành (điều ác), cầu thỉnh, 50.K. Hàng ma. P.30 Song yếu (song song), P.31 Lạc (yên vui), P.32 Tâm ý, P.33 Tỳ-kheo, P.34 1.047. Tổng Quan BỐN BỘ A-HÀM Phạn chí (tịnh hạnh); Hậu ký. Biên soạn: Thích Nguyên Hùng Nxb Hồng Đức – 2012 1.049. Tổng Tập PHÁP CÚ – Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 355 Pc Nam Tông (trọn bộ) trang, bìa mềm, chữ tựa có màu vàng và Biên tập: màu đỏ, có hình Phật ngồi kiết-già, tay Tỷ-kheo Trí Quang (1923-2019) kiết ấn. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Khái quát Lịch sử Hình thành và Truyền PL. 2555 – DL.

2011 bá Kinh A-hàm, Tổng quan Bốn bộ A- Sách dày hơn 963 trang, bìa cứng, chữ tựa hàm, Toát yếu Kinh Trường A-hàm, Toát màu vàng. yếu Kinh Trung A-hàm, Toát yếu Kinh Nội dung gồm có 5 phần: Phần 1. Tổng Tạp A-hàm, Toát yếu Kinh Tăng Nhất A-quan Pháp Cú Nam tông, Phần 2. Pháp cú hàm. Nam tông, Phần 3. Truyện tích Pháp cú Nam tông, Phần 4. Trích Pháp cú và Truyện tích, Pháp cú Nam tông: 1. Trích

Pháp cú, 2. Trích Truyện tích, Phần 5. Kinh; Thứ sáu: 5. Tidasa Parami-Tam Trích tụng Pháp cú Nam tông. Thập độ; Thứ bảy: 6. Paticca Sammuppàda-Thập nhị Duyên khởi; Chủ 1.050. Tuyển Tập nhật: 7. Dhammasanganì (Ti-màtikà)-Kinh KINH TỤNG NAM TÔNG Vạn pháp Tổng trì (Tam Mẫu đề); Phật Giáo Nguyên Thủy - Theravàda Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 3.4 Biên soạn: Tỳ-kheo Đức Hiền Anussati & Quán niệm, Dhamma-Pháp, 1. Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013 Maranassati-Niệm sự chết, 2. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Trình Kàyagatàsati-Niệm thân, 3. Samvejanìya- bày nội dung, Cách phát âm; gàthà, Kệ Động tâm, 4. Tilakkhana-Tam Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 1.4 Ti- tướng, 5. Abhinhapacca Vekkhanapàtho- sarana Vandana & Lễ bái Tam bảo, 1. Năm điều Quán tưởng, 6. Devàradhanà-Thỉnh chư Thiên, 2. Dasadhammasuttam-Mười điều Tâm niệm Ratanattayapùjà-Dâng cúng Tam bảo, 3. của bậc xuất gia, 7. Dasa Kàmaguna-Mười Namassakakàra-Lễ Phật, 4. Buddha ngũ trần (ngũ dục), 8. Kệ Khuyến tu, 9. vandana-Lễ bái Phật bảo, 5. Buddha-guna, Khách lữ hành, 10. Ratthapàla-gàthà, Kệ Ân đức Phật, 6. Buddha-attapattinnà, Quy Thánh Tăng Ratthapàla, 11. ngưỡng Phật, 7. Buddha khamàpana-Sám Atìtappaccavekkhana-Quán tưởng Tứ vật hối Phật, 8. Dhamma-vandanà, Lễ bái dụng; Pháp bảo, 9. Dhamma-guna, Ân đức Pháp, Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 4.4 10. Dhamma-attapatinna, Quy ngưỡng Patidàna-gàthà; Patthanà & Kệ Hồi Pháp, 11. Dhamma-khamàpana, Sám hối hướng-Nguyện cầu, 1. Devanumodanà- pháp, 12. Sangha-vandanà, Lễ bái Tăng Hồi hướng chư Thiên, 2. Hồi hướng cho bảo, 13. Sangha-guna, Ân đức Tăng, 14. người quá vãng, 3. Punnànumodanà Sangha- attapatinna, Quy ngưỡng Tăng, (Pattidàna)-Hoan hỷ phước, 4. Patthana- 15. Sangha-khamàpana, Sám hối Tăng, 16. Nguyện cầu; Cetiya-vandanà, Lễ bái bảo tháp, 17. Phần II.VII Bổ sung Kinh Tụng, 1. Sambuddhe-Lễ bái chư Phật, 18. Tisaranavandanà-Lễ bái Tam bảo (tóm Mettàpharanam-Từ bi nguyện; tắt), 2. Khandhasuttam-Kinh Rải Tâm từ Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 2.4 đến các loài Rắn, 3. Morasuttam-Kinh Parittapàli & Kinh Hộ trì (Chánh Kinh, Chim công, 4. Angulimàlasuttam-Kinh Tụng đọc theo ngày trong tuần), Thứ hai: ngài Angulimàla, 5. Anantariyaka-gàthà, 1. Buddha-jayamangala-gàthà, Kệ Phật Kệ An lành, 6. Vattasutta-Kinh Chim cút, cảm thắng; Thứ ba: 2.A 7. Dhammapada-Kinh Pháp cú (tuyển Mangalasuttàrambho-Bố cáo Hạnh phúc chọn), 8. 24 Paccaya (Patthana), 24 Duyên Kinh; 2.B Mangalasuttam-Hạnh phúc (Bộ Vị trí), 9. Dhàranasuttam-Hộ trì người Kinh; 2.B + Hạnh phúc Kinh – Ta là A- trì pháp, 10. Atthavìsati Buddhavandanà- nan-đa (Ananda) được nghe lại như vầy; Đảnh lễ 28 hồng danh Phật, 11. Thứ tư: 3.A Ratanasuttàrambho-Tụng bố Parabhavasuttam-Kinh Bại vong, 12. cáo Kinh Tam bảo; 3.B Ratanasuttam- Mahà-kassapathera-Kinh Giác chi ngài Kinh Châu báu (Kinh Tam bảo); Thứ năm: Mahà Kassapa, 13. Mahà-moggallànathera 4.A Karanìyamettasuttàrambho-Bố cáo Từ Bojjhangam-Kinh Giác chi ngài Mahà bi Kinh;

4.B Karanìyamettasuttam-Từ bi Moggallàna, 14. Mahà-cundathera

Bojjhangam-Kinh Giác chi ngài Mahà Abhaya-paritta-gàthà, Kệ Tiêu trừ sự sợ Cunda, 15. Bojjhangasuttam-Kinh Giác hãi, 3. Jayaparitta-gàthà, Kệ Hộ trì Đại tối chi, 16. Girimànandasuttam-Kinh ngài thắng (linh dược), 4. Àtànàtiya-paritta- Girimànanda, 17. Vijayasuttam-Kinh gàthà, Kệ Hộ trì Àtànàtiya, 5. Thắng trận, 18. Sallasuttam-Kinh Mũi tên, Sàmannànumodana-gàthà, Kệ Hoan hỷ 19. Maccharàjacariyam-Hạnh của Vua Cá, tương hợp, 6. Sumangala-gàthà, Kệ Thiện 20. Karunà-Lòng Bi mẫn (Vì lợi ích số phúc, 7. Siddhiyàcana-gàthà, Kệ Cầu chúc đông), 21. Paccavekkhana-Quán tưởng Tứ sự thành tựu; vật dụng; Phần V.VII Avamangala-gàthà & Khóa Phần III.VII Dànànumodana-gàthà & Kinh Cầu siêu, Trích 1.4 Khóa Kinh hằng Khóa Kinh Phúc chúc, Hoan hỷ Phước thí, ngày, Lễ bái Tam bảo (1-18); Trích 2.4 1. Namassakakara-Lễ bái Tam bảo (tóm Khóa Kinh hằng ngày: Thứ hai: Thứ bảy: tắt), 2. Buddha-guna-Ân đức Phật, 3. 6. Paticca Sammuppada-Thập nhị Duyên Dhamma-guna-Ân đức Pháp, 4. Sangha- khởi; Chủ nhật: 7. Dhammasanganì (Ti- guna-Ân đức Tăng, 5. màtikà)-Kinh Vạn pháp Tổng trì (Tam Yanadànànumodana-gàthà, Kệ về sự Hoan Mẫu đề); Trích 3.4 Quán niệm ở Khóa hỷ theo vật thí, 6. Nidhikandasuttam-Kinh Kinh hằng ngày, Dhamma-Pháp, 1. Chôn của để dành, 7. Pubba-peta- Maranassati-Niệm sự chết, 2. balidànànumodana-gàthà, Kệ Hồi hướng Kàyagatàsati-Niệm thân, 3. Samvejanìya-Phước đến Ngạ quỉ, 8. Tirokuddakanda- gàthà, Kệ Động tâm, 4. Abhinhapacca gàthà, Kệ Hồi hướng hương linh, 9. Vekkhanapàtho-Năm điều Quán tưởng; Anumodanarambhagàthà-Kệ bố cáo (cho Trích khóa Kinh Phúc chúc, Hoan hỷ thí chủ) hoan hỷ, 10. Sàmannànumodana- Phước thí, 7. Pubba-peta- gàthà, Kệ Hoan hỷ tương hợp, 11. balidananumodana-gàthà, Kệ Hồi hướng Sumangala-gàthà, Kệ Thiện phúc, 12. phước đến Ngạ quỉ, 8. Tirokuddakanda- Siddhiyàcana-gàthà, Kệ Cầu chúc sự thành gàthà, Kinh Hồi hướng hương linh, 9. tựu; Anumodanàrambhagàthà-Kệ bố cáo (cho Phần IV.VII Mangala-gàthà & Khóa Kinh thí chủ) Hoan hỷ, 10. Cầu an (Phúc chúc), Trích 1.4 Khóa Kinh Sàmannànumodanagàthà-Kệ Hoan hỷ hằng ngày, Lễ bái Tam bảo (1-18); Trích tương hợp, 11. Sumangala-gàthà, Kệ 2.4 Khóa Kinh hằng ngày: Thứ hai: 1. Thiện phúc, 12. Siddhiyàcana-gàthà, Kệ Buddha-jayamangala-gàthà, Kệ Phật cảm Cầu chúc sự thành tựu; thắng; Thứ ba: 2.A Mangalasuttarambho- Phần VI.VII Khóa Kinh Phật tử Sám hối Bố cáo Hạnh phúc Kinh, 2.B ngày 14, Rằm & 30 mỗi tháng, 1. Mangalasuttam-Hạnh phúc Kinh; 2.B + Devàradhanà-Thỉnh chư Thiên, 2. Hạnh phúc Kinh; Thứ tư: 3.A Ratanattayapùjà-Dâng cúng Tam bảo, 3. Ratanasuttàrambho-Tụng bố cáo Kinh Namassakakàra-Lễ Phật, 4. Buddha- Tam bảo, 3.B Ratanasuttam-Kinh Châu vandana, Lễ bái Phật bảo, 5. Buddha-guna, báu (Kinh Tam bảo); Thứ năm: 4.A Ân đức Phật, 6. Buddha-attapatinnà, Quy Karanìyamettasuttàrambho-Bố cáo Từ bi ngưỡng Phật, 7. Buddha khamapana-Sám Kinh, 4.B Karanìyamettasuttam-Từ bi hối Phật, 8. Dhamma-vandana, Lễ bái Kinh; (tiếp tục-chi tiết), 1. Mangala- Pháp bảo, 9. Dhamma-guna, Ân đức Pháp, cakkavala, Kệ Điềm lành vũ trụ, 2. 10. Dhamma-attapatinnà, Quy ngưỡng

Pháp, 11. Dhamma khamapana, Sám hối Húy kỵ một vị xuất gia (Tỳ-kheo), 12. Tác Pháp, 12. Sangha-vandana, Lễ bái Tăng bạch Dâng y Tắm mưa, 13. Tác bạch Dâng bảo,

13. Sangha-guna, Ân đức Tăng, 14. y Kathina, 14. Tác bạch Dâng Liêu cốc, Sangha-attapatinnà, Quy ngưỡng Tăng, 15. Tác bạch Cúng dường Kinh sách, 16. 15. Sangha-khamapana, Sám hối Tăng, Tác bạch An vị Phật, 17. Nghi thức Chúc 16. Cetiya Vandana-Lễ bái bảo tháp, 17. thọ, 18. Kệ Tán thán Đại lễ Dâng y Sambuddhe-Lễ bái chư Tăng, 18. Kathina, 19. Nghi thức Dâng hoa; Sách Mettàpharanam-Từ bi nguyện, 19. Tham khảo, Phương danh Thí chủ, Cách lễ Abhinhapacca Vekkhanapàtho-Năm điều bái (hình ảnh). Quán tưởng, 20. Kệ Khuyến tu, 21. Khách Lữ hành, 22. Bài Sám hối, 23. 1.051. Tư tưởng KINH A-DI-ĐÀ Devànumodanà-Hồi hướng chư Thiên, 24. Soạn-dịch: Hồi hướng cho người quá vãng, 25. Thích Chơn Thiện (1942-2016) Punnànumodanà (Pattidàna)-Hoan hỷ Nxb Tôn Giáo - 2000 phước, 26. Patthanà-Nguyện cầu; Kinh có khổ 13 x 19cm, có 137 trang, bìa Phần VII.VII Giới thiệu các ngày lễ - Các mềm. bài Kinh dài (Rằm tháng Giêng, Rằm Toàn bộ tác phẩm này có 2 chương chính. tháng Tư và Rằm tháng Bảy) Các ngày lễ Phần đầu là Lời tựa; Chương I, - Xuất xứ quan trọng trong Phật giáo Nguyên Thủy, và ý nghĩa danh hiệu A-di-đà, - Duyên Rằm tháng Giêng (2 bài Kinh): 1.a Phật khởi kinh A-di-đà, - Cảnh giới A-di-đà, - cảm thắng ma vương, 1.b Kệ xưng tán đại Hàng đệ tử được Đức A-di-đà giáo hóa, - lễ Rằm tháng Giêng, 2. Kệ Vô thường- Kết quả của con đường tu tập do Đức A- Khổ não-Vô ngã (Kinh xưa); Rằm tháng di-đà giáo hóa, - Xác định sự thật giải Tư (3 bài Kinh): 1. Kệ xưng tán Đại lễ thoát của con đường tu tập Giới, Định, Tam hợp, 2.a Tiểu sử Phật Thích-ca, 2.b Tuệ hay trì niệm A-di-đà, - Giới Định Tuệ Kệ Tiểu sử Phật (Kinh xưa), 2.c Trường ca hay con đường giáo hóa của Đức Phật A- Phật sử (Kinh xưa), 3. Phật nhập Niết-bàn di-đà, là con đường độc nhất dẫn đến giải (Kinh xưa); Rằm tháng Bảy (2 bài Kinh): thoát; Chương II, - Kinh A-di-đà là kinh 1.a Màtàpitupanàma-gàthà, Kệ Sám hối xiển dương tha lực hay tự lực? – Cảnh giới Phụ mẫu, 1.b Kệ Sám Phụ mẫu (Kinh Cực lạc, - Giáo dục trong kinh A-di-đà, - xưa), 2. Kệ Niệm ân và Báo hiếu hiền Ý nghĩa vãng sanh Cực lạc, - Khía cạnh mẫu; Phụ lục: Các Nghi thức và Tác bạch văn hóa, xã hội và tâm lý trong kinh A-di- trong Phật giáo Nguyên Thủy, 1. Panca đà, Kết luận; Phụ lục: 1. Nguyên bản Phạn Sìla-Nghi thức Thọ trì Ngũ giới, 2. ngữ, 2. Bản dịch Hán ngữ của Cưu-ma-la- Uposatha-Sìla, Nghi thức Thọ Bát quan thập, 3. Bản dịch Anh ngữ của F. Max trai giới, 3. Nghi thức Quy y (Buổi đầu tu Muler. Phật), 4. Tác bạch Thỉnh Pháp sư, 5. Tác Tác phẩm này được tái bản năm 2010, bạch lễ Trai Tăng-Cầu siêu, 6. Tác bạch Nxb Phương Đông. Cầu siêu (Không có tứ sự), 7. Tác bạch tụng Kinh Cầu an (Không có tứ sự), 8. Tác 1.052. Tư tưởng KINH ĐỊA TẠNG bạch Dâng y-Tứ sự và Cầu an, 9. Tác bạch Soạn-dịch: Đặt bát, Cầu an và Cầu siêu, 10. Tác bạch HT. Thích Chơn Thiện (1942-2016) Dâng y-Để bát-An vị Phật, 11. Tác bạch Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 127 trang, giáo lý này; Nhẫn nhục vô ngã tướng và bìa mềm, chữ tựa màu vàng và màu trắng, tâm giải thoát hoàn toàn; Sự hiện hữu và có hình Bồ-tát Địa Tạng ngồi, một tay cầm không hiện hữu của chúng sinh; Thật và tích trượng, một tay cầm viên minh châu. hư; Công đức nhận được, sự giả định và Kết cấu nội dung tác phẩm gồm có 3 kết quả của công đức; Hạnh nguyện Bồ- chương chính. Phần đầu là Lời tựa, Lời tát; Cảnh giới tâm của Bồ-tát khi gặp Đức dâng; Chương I, - Xuất xứ Kinh Địa Tạng, Nhiên Đăng; Bồ-tát ở cuối đường hạnh - Tên kinh và danh hiệu

Bồ-tát Địa Tạng; nguyện; Thái độ của Bồ-tát đối với việc độ Chương II, Nội dung kinh, có 13 phẩm: 1. sinh; Chư Phật ngũ nhãn của Đức Phật; Thần thông tại cung trời Đao Lợi, 2. Phân Thắng trí biết tâm của tất cả chúng sanh thân hóa tập hợp lại, 3. Quan sát nghiệp của Đức Phật; Phước đức của Đức Phật là báo chúng sanh, 4. Nghiệp báo của người "không phước đức"; Thân sắc của Đức Diêm-phù, 5. Xưng danh địa ngục, 6. Phật; Sự giảng dạy của Đức Phật; Pháp Phật-đà tán dương, 7. Lợi ích người còn kẻ của Đức Phật; Lại một lần nữa nói về mất, 8. Chúa tôi Diêm-la ca tụng, 9. Trì phước đức của Phật; Đức Phật, đấng cứu niệm danh hiệu Phật-đà, 10. Trắc lượng độ và bản chất của giải thoát; Thực tính công đức bố thí, 11. Thần Đất hộ vệ Phật của Phật; Hiệu quả của các việc làm công pháp, 12. Ích lợi của sự nghe và thấy, 13. đức; Lời chỉ dạy về thế giới bất toàn: thế Phật-đà ký thác trọng trách; - Nội dung giới vật chất; Quan điểm và thái độ; Chìa kinh Địa Tạng được trình bày qua từng khóa vào tối thắng trí; Kết thúc thứ hai. phần giáo lý; Chương III, Nhận thức tổng Chương III, Điểm giáo lý gặp gỡ giữa quát về kinh Địa Tạng - Phật tử tu tập theo kinh Kim Cương và Nikaya hay tính chất kinh Địa Tạng. truyền thống Phật giáo của giáo lý Kim Cương. Phụ lục: Bát-nhã tâm kinh. 1.053. Tư tưởng KINH KIM CƯƠNG Tác phẩm Kinh này được tái bản năm Anh ngữ: Tiến sĩ Edward Conze 2012, Nxb Phương Đông. Việt dịch – bàn: Thích Chơn Thiện (1942-2016) 1.054. Tư tưởng KINH KIM CƯƠNG & Nxb Tôn Giáo – 1999. Sách khổ 13 x BÁT-NHÃ (Phạn-Hán-Anh-Việt) 19cm, dày 206 trang, bìa mềm, chữ tựa Vajracchedikà Prajnàpàramità màu nâu. Toàn bộ tác phẩm gồm có 3 HT. Thích Chơn Thiện (1942-2016) chương chính. Chương I, Nhận thức khái Nxb Phương Đông – 2012 quát. Chương II, (32 phẩm kinh): Thánh Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 349 chúng cu hội; Tôn giả Tu-bồ-đề đặt câu trang, bìa mềm. hỏi; Hạnh nguyện Bồ-tát; Tu tập các Ba- Nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu, la-mật; Đức Phật và 32 tướng quý; Pháp C.I Nhận thức khái quát, C.II Thánh chúng thân như là kết quả tuệ giác tối thượng; câu hội, Tôn giả Tu-Bồ-đề đặt câu hỏi, Pháp thân như là kết quả của công đức; Hạnh nguyện Bồ-tát, Tu tập các Ba-la- Bốn bậc Thánh; Tâm giác ngộ của Bồ-tát; mật, Đức Phật và 32 tướng quý, Pháp thân Bồ-tát và cõi Phật; Niết-bàn tối hậu của như là kết quả tuệ giác tối thượng, Pháp Bồ-tát; Công đức phát sinh từ trí Bát-nhã; thân Như Lai là kết quả của công đức, Bốn Phần kết thúc đầu; Tính chất siêu việt tính bậc Thánh, Tâm giác ngộ của Bồ-tát, Bồ- biện chứng của thực tại; Tối thắng của tát và cõi Phật, Niết-bàn tối hậu của Bồ-

tát, Công đức phát sinh từ trí Bát-nhã, bảng-Tiếng Phạn Bát-nhã Tâm Kinh; Phụ Phần kết thúc đầu, Tính chất siêu việt-tính bảng-Tiếng Hán Bát-nhã Tâm Kinh. biện chứng của thực tại, Tối thắng của giáo lý này, Nhẫn nhục vô ngã tướng và 1.055. Tư tưởng KINH PHÁP HOA Tâm giải thoát hoàn toàn, Sự hiện hữu và Biên soạn: không hiện hữu của chúng sinh, Thật và Thích Chơn Thiện (1942-2016) hư, Công đức nhận được-sự giả định và Nxb Tôn Giáo – 1999 kết quả của công đức, Hạnh nguyện Bồ- Kinh có khổ 13 x 19cm, có 192 trang, bìa tát, Cảnh giới tâm của Bồ-tát khi gặp đức mềm, chữ tựa màu nâu. Nhiên Đăng, Bồ-tát ở cuối đường hạnh Nội dung gồm có: Lời dâng, Lời nói đầu; nguyện, Thái độ của Bồ-tát đối với việc độ Chương I, Lịch sử thành lập, Về các sinh, Chư Phật ngũ nhãn của Đức Phật, nguyên bản Phạn văn của Pháp Hoa, Ý Thắng trí biết tâm

tất cả chúng sinh của nghĩa tên Kinh, Nội dung kinh Pháp Hoa, đức Phật, Phước đức của đức Phật là Ngôn ngữ của kinh Pháp Hoa và phương "không phước đức", Thân sắc của đức thức đón nhận diệu nghĩa của Pháp Hoa; Phật, Sự giảng dạy của đức Phật, Pháp của Chương II, 28 phẩm kinh Pháp Hoa; Phần Đức Phật, Lại một lần nữa nói về phước kết của soan giả: - Quan điểm của kinh đức của Phật, Đức Phật-Đấng cứu hộ và Diệu Pháp Liên Hoa, - Tổng luận. bản chất của giải thoát, Thực tính của Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Phật, Hiệu quả của các việc làm công đức, Nxb Phương Đông. Lời chỉ dạy về thế giới bất toàn: thế giới vật chất, Quan điểm và thái độ, Chìa khóa 1.056. Tư Tưởng và Cuộc Đời vào tối thắng trí, Kết thúc thứ hai; C.III Tổ Huệ Năng KINH PHÁP BẢO ĐÀN Điểm giáo lý gặp gỡ giữa Kinh Kim Dịch và chú giải: Đinh Sỹ Trang Cương và Nikàya hay tính chất truyền Copyright Đinh Sĩ Trang 1999 – National thống Phật giáo của giáo lý Kim Cương, Library of Australia Tôn giả Tu-bồ-đề và sinh hoạt hằng ngày Cataloguing-in-Publication Data ISBN 09 của chư Tăng, Tâm giao động và tâm an 585 294 2 6 trú, Chủ trương vô ngã-bác bỏ các thuyết Sách dày 400 trang. Nội dung gồm có 2 tự ngã, Như Lai, Bố thí pháp tối thắng, phần và 10 chương: I. Phần mở đầu, 1. Nương tựa mình và nương tựa pháp hay Các danh từ Phật học được giải nghĩa, 2. tính chất thiết thực hiện tại của Phật giáo, Phật giáo và Thiền tông tại Trung Quốc, 3. Giáo lý như chiếc bè, Căn cơ Đại thừa và Thiền, 4. Tư tưởng Huệ Năng, a. Phát tâm căn cơ Tiểu thừa, Giáo lý Trung đạo, Tán Bồ-đề, b. Trí Bát-nhã, c. Phật tánh, d. thán và tôn kính người giảng nói pháp, Tâm, e. Vô niệm, f. Kiến tánh; II. Phần Giáo lý Năm uẩn và Thiền quán vô ngã-vô dịch và chú giải Kinh Pháp Bảo Đàn, C.1 thường, Tổng kết; Phụ lục: Bát-nhã Tâm Lục Tổ tự thuật Tiểu sử, C.2 Bát-nhã là Kinh (Trái tim của Bát-nhã), Phụ bảng- gì? C.3 Giải đáp các mối nghi ngờ, C.4 Tiếng Phạn Kinh Kim Cương; Phụ bảng- Định và Huệ rất liên quan với nhau, C.5 Tiếng Hán Kinh Kim Cương; Bản dịch Ngồi thiền, C.6 Phép Sám hối, C.7 Cơ tiếng Hán của ngài Cưu-ma-la-thập, Bản duyên, C.8 Mau chậm, C.9 Ủng hộ chánh dịch tiếng Hán của ngài Huyền Trang; Phụ pháp, C.10 Lời dạy cuối cùng.

Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019 1.057. TƯƠNG ƯNG BỘ KINH Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 88 (Pàli Samyutta Nikàya) – 5 Tập trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tiểu Việt dịch: sử, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Lời nói Tỷ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012) đầu, A. Tổng khởi, B. Chánh thuyết, 1. Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Cộng-giáo, Hạnh-Quả Tam thừa, 2. Bất Minh) xuất bản – 1982 Cộng giáo, Thắng hạnh Đại thừa, 3. Tu, C. Cả bộ (5 tập) dày 1.878 trang, bìa mềm, Tổng kết; Kinh Di Giáo, 1. Tu tập công chữ tựa Kinh màu đỏ, chữ tựa Pàli màu đức đối trị tà nghiệp, 2. Tu tập công đức xanh dương. đối trị các khổ, 3. Thành tựu công đức Tập I, Giấy phép số 560/XBNT GP ngày xuất thế, 4. Chứng nhập quyết định, 5. Tái 25-3-1982 của Sở Văn hóa Thông tin Tp. huấn; Khuyến Phát Bồ-đề Tâm văn, 1. Báo Hồ Chí Minh; dày 316 trang, kết cấu gồm ơn Phật, 2. Báo ơn cha mẹ, 3. Ơn Sư có 11 chương; Tập II, dày 338 trang, kết trưởng, 4. Báo ơn Thí chủ, 5. Báo ơn cấu có 10 chương; Tập III, dày 302 trang, chúng sanh, 6. Nhớ khổ sanh tử, 7. Tôn kết cấu có 13 chương (Tập I, II và III cùng trọng tánh linh, 8. Sám hối nghiệp chướng, 1 Giấy phép số 560/XBNT GP ngày 25-3- 9. Cầu sanh Tịnh độ, 10. Phật pháp trường 1982); Tập IV, Giấy phép số 1336/BNT tồn. GP ngày

13-7-1982 của Sở Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày 415 1.060. trang, kết cấu có 10 chương; Tập V, dày TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH 507 trang, kết cấu có 12 chương (Tập IV Hán dịch: Ca-diếp-ma-đằng và và V, cùng một Giấy phép số 1336/BNT Trúc Pháp Lan GP ngày 13-7-1982). Việt dịch và giảng: Thích Vĩnh Hóa Xem: Kinh Tương Ưng Bộ - 5 Tập, Đại Nxb Phương Đông. Tác phẩm này dày 218 Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh trang, nội dung có 42 chương Kinh được Châu dịch. HT. Vĩnh Hóa dịch và giảng giải. 1.058. TỨ DIỆU ĐẾ KINH Sanskrit/Hán tạng) (CATUARIYASACCA) Kinh này được Báo Ân Tự (7509 Mooney Soạn giả: Trưởng lão HT. Hộ Tông Drive Rosemead, CA 91770, USA) tái bản (Vansarakkhita MahàThera) hai lần. Nội dung Kinh này gồm có 4 phần: - Tiểu tựa; Tứ Diệu Đế, 1. Khổ diệu đế (Dukkha 1.061. TỲ-KHEO GIỚI KINH ariyasacca), 2. Tập khổ diệu đế (Samudaya Dịch giả: ariyasacca), 3. Diệt diệu đế (Nirodha HT. Thích Thiện Hòa (1907-1978) ariyasacca), 4. Đạo đế (Magga ariyasacca). Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007, (phatgiaonguyenthuy.com, Tác phẩm) tái bản lần thứ ba. Kinh này khổ 15.5 x 23cm, có 87 trang, 1.059. TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG bìa mềm, nền vàng, chữ màu nâu, có hình (Kinh: Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Đức Phật (bán thân) tay kiết ấn. Nội dung Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn) gồm có 3 phần chính: Hướng dẫn Nghi Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm thức tụng giới Tỳ-kheo (Tán Phật, Quán

tưởng, Tán hương, Khai Luật kệ); Tỳ-kheo Giới bổn (có: Bốn tội cực ác, Mười ba tội hữu dư, Hai pháp bất định, Ba mươi pháp xả đọa, Bốn tội hướng bỉ hối, Trăm pháp TH chúng học, Bảy pháp dứt sự tranh cãi); 1.062. THANH TỊNH KINH – Cuối kinh nói về: Những điều cần thiết VISÙDDHIKATHA trước khi tụng giới, Lược thuyết giới, Phép Theravàda – Phật giáo Nguyên Thủy ba hoặc hai Tỳ-kheo thuyết giới, Phép tâm Dịch giả: Tỳ-khưu Hộ Tông (1893-1981) niệm thuyết giới, Phép Ni sai sứ đi cầu PL. 2505 – DL. 1961. Nội dung gồm có: - thầy giáo thọ, Phép Ni bạch vào chùa Giải về pháp Thanh tịnh, - Bảy pháp Tăng, Phép Ni dặn thỉnh thầy giáo thọ, Thanh tịnh (1. Thanh tịnh vì sự trì giới, 2. Phép Tỳ-kheo thọ lời Ni nhờ thầy bạch Thanh tịnh vì sự sửa trị tâm, 3. Thanh tịnh thỉnh thầy giáo thọ, Phép sai người giáo vì sự hiểu thấy chơn chánh, 4. Thanh tịnh thọ Ni. vì sự dứt khỏi hoài nghi, 5. Thanh tịnh vì Tác phẩm Tỳ-kheo Giới Kinh này được tái trí tuệ thấy rõ đạo hay chẳng phải đạo, 6. bản nhiều lần: Năm 1973, GHPGVNTN Thanh tịnh vì trí tuệ thấy rõ cách thức tiến ấn hành; năm PL. 2536 – DL. 1992, hóa (trong 9 pháp Minh sát tuệ), 7. Thanh THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, khổ 15 x tịnh vì trí tuệ thấy rõ Thánh đạo); - Giảng 23cm, có khoảng 80 trang, bìa mềm; năm giải về: - Pháp Thanh tịnh thứ Nhất, - PL. 2539 – DL. 1995, THPG Tp. HCM ấn Pháp Thanh tịnh thứ Hai, - Pháp Thanh hành, khổ 15.5 x 23cm, có 79 trang, bìa tịnh thứ Ba, - - Pháp Thanh tịnh thứ Tư, - mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật Pháp Thanh tịnh thứ Năm, - Pháp Thanh (bán thân); năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí tịnh thứ Sáu, - Pháp Thanh tịnh thứ Bảy. Minh, khổ 15.5 x 23.5cm, có 95 trang, bìa Sau cùng là phần Trích lục trong mềm; năm PL. 2549 – DL. 2005, Nxb Tôn Papancapasutaniya, về Bảy Nguyên tắc Giáo, khổ 15.5 x 23.5cm, có 87 trang, bìa trọng yếu: 1. Nguyên tắc chữa sửa tính hay mềm; năm PL. 2555- DL. 2011, Nxb quên, 2. Nguyên tắc chữa sửa tính ngu Phương Đông, khổ 15.6 x 23cm, có 95 độn, 3. Nguyên tắc chữa sửa tính lười trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình biếng, 4. Nguyên tắc chữa sửa tâm buồn Tăng đoàn khất thực; năm 2016,

Nxb Tôn bực, 5. Nguyên tắc chữa sửa sự không hài giáo. lòng, 6. Nguyên tắc chữa sửa tâm không kiên cố, 7. Nguyên tắc chữa sửa tính không trung dung.

1.063. THÁNH NHÂN KÝ SỰ - 3 Tập,
Tạng Kinh – Tiểu Bộ
Suttantapitake Khuddakanikàye
Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda
(Trương Đình Dũng)
PL. 2552 – DL. 2008
Buddhist Cultural Centre,
125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- Metteyya, 42.P Bhaddàli, 43.P Sri Lanka Sakimsammajjaka, 44.P Ekavihàrì, 45.P Printed by: Ajith Printers, 85/4, Old Vibhìtaka, 46.P Jagatidàyaka, 47.P Kesbewa Road, Sàlakusumiya, 48.P Nalamàlì, 49.P Gangodawila, Nugegoda, Sri Lanka. Pamsukùla, 50.P Tikinkanipupphiya, 51.P Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng Kanikàra, 52.P Phaladàyaka, 53.P màu đỏ, chữ mạ vàng. Tinadàyaka, 54.P Kaccàna, 55.P Tập I, dày hơn 629 trang. Nội dung gồm Bhaddiya, 56.P Yasa; Thư mục câu kệ có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành đặc biệt. phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới Tập III, Trưởng Lão Ni Ký Sự, dày hơn thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – 219 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa- Sinhala, Mục lục Thánh nhân Ký sự tập I, Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn Văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt: 1.P giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân Đức Phật, 2.P Sì hà sanadàyaka, 3.P sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các Subhùti, 4.P Kundadhàna, 5.P Upàli, 6.P chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Mục Vìjanì, 7.P Sakacintaniya, 8.P lục Thánh nhân Ký sự tập III, Văn bản Nàgasamàla, 9.P Timirapupphiya, 10.P Pàli và văn bản tiếng Việt (Trưởng Lão Ni Sudhapindiya, 11.P Bhikkhàdàyì, 12.P Ký Sự gồm có 4 phẩm, 40 ký sự): 1.P Mahàparivàra, 13.P Sereyyaka, 14.P Sumedhà, 2.P Một lần trai giới, 3.P Sobhita, 15.P Chatta, 16.P Bandhujìvaka, Kundalakesì, 4.P Các dòng Sát-đế-lỵ, Tóm 17.P Supàricariya, 18.P Kumuda, 19.P lược của các phẩm; Thư mục câu kệ Pàli, Kutajapupphiya, 20.P Tamàlapupphiya, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc 21.P Kanikàrapupphiya, 22.P Hatthi, 23.P biệt. Àlambanadàyaka, 24.P Udakàsana, 25.P Tuvaradàyaka, 26.P Thomaka, 27.P 1.064. THẮNG MAN Giảng Luận Àkàsukkhipiya, 28.P Suvannabimbohana, Dịch và giảng: Tuệ Sỹ 29.P Pannadàyaka, 30.P Citakapùjaka, Nxb Phương Đông – 2012 31.P Padumakesariya, 32.P Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 354 trang, Àrakkhadàyaka, 33.P Ummàpupphiya, bìa mềm, có tay gấp. Tác phẩm này gồm 34.P Gandhadhùpiya, 35.P Ekepadumiya, có 2 phần chính: - Tựa; Phần một, có 10 36.P Saddasannaka, 37.P chương: C.1 Giới thiệu tổng quát, C.2 Bồ- Mandàravapupphiya, 38.P Bodhivandaka, đề tâm và quy y, C.3 Bồ-tát giới, C.4 Bồ- 39.P Avantaphala, 40.P Pilindivaccha; tát nguyện, C.5 Bồ-tát hành, C.6 Cứu cánh Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ của Bồ-tát đạo, C.7 Thánh đế và Niết-bàn, riêng. C.8 Như Lai tạng, C.9 Pháp thân, C. kết, Tập II, dày hơn 417 trang. Nội dung gồm Thắng Man: nhân cách lý tưởng; Phần có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản hai, có 15 chương, Phiên dịch Kinh văn:

của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành Tiểu dẫn lịch sử truyền dịch, C.1 Phẩm phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới tính siêu việt của Như Lai, C.2 Mười đại thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – thọ, C.3 Ba đại nguyện, C.4 Nhiếp thọ, Sinhala, Mục lục Thánh nhân Ký sự tập II, C.5 Nhất thừa, C.6 Vô biên Thánh đế, C.7 Văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt: 41.P Như Lai tạng, C.8 Pháp thân, C.9 Nghĩa

không che lấp chân thật, C.10 Một đế, và Quyển hạ; 10. Phật nói Kinh Thập nhất C.11 Một sở y, C.12 Điên đảo và chân diện Quán Thế Âm thần chú (No. 1070), thật, C.13 Tự tánh thanh tịnh, C.14 Con 11. Kinh Thập nhất diện thần chú (No. đích thực, C.15 Thắng Man Sư tử hống; 1071), 12. Phật nói Kinh Đại thừa Trang Thư mục tham khảo; Phụ lục: Thắng Man nghiêm Bảo vương (No. 1050), từ Q.I đến Sư tử hống Nhất thừa đại phương tiện Q.IV, 13. Kim Cương Đỉnh Kinh Du-già phương quảng Kinh; Sách dẫn. Thiên thủ Thiên nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Tác phẩm Giảng luận này được tái bản Tu hành Nghi quỹ (No. 1056), Quyển nhiều lần: Năm 2007, Nxb Phương Đông; thượng và Quyển hạ; 14. Thế Tôn Thánh năm PL. 2544 – DL. 2000, Viện Cao Đẳng giả Thiên thủ Thiên túc Thiên tý Quán Tự Phật Học Hải Đức (Ban Tu Thư Phật Tại Bồ-đề-tát-đỏa-phộc Quảng đại Viên Học) ấn hành; năm PL. 2545 – DL. 2001; mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. Ban Tu thư Phật học ấn hành, dày 314 1062B), 15. Phục hồi bản Thế Tôn Thánh trang, bìa mềm; năm PL. 2549 – DL. giả Thiên thủ Thiên túc Thiên tý Quán Tự 2005, Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Tại Bồ-đề-tát-đỏa-phộc Quảng đại Viên (Ban Tu Thư Phật Học) ấn hành, dày 293 mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni, 16. trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng. Thanh cảnh Quán Thế Âm Bồ-tát, 17. Kinh Thiên thủ Thiên nhãn Quán Thế Âm 1.065. THIÊN THỦ THIÊN NHÃN Bồ-tát Trị bệnh hợp dược (No. 1059), 18. QUÁN ÂM ĐÀ-LA-NI KINH Kinh Thiên thủ Thiên nhãn Quán Thế Âm Việt dịch: Huyền Thanh Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Nxb Phương Đông – 2008 Tâm Đà-la-ni (No. 1060), 19. Thiên thủ Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày hơn 710 Thiên nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại trang. Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Năm Chú bản (No. 1061), 20. Thiên thủ Thiên loại Tôn tượng Thiên thủ Quán Âm, 3. nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Đại thân chú Kinh Thiên Quang Nhãn Quán Tự Tại Bồ- bản (No. 1062A), 21. Thiên thủ Thiên tát Bí mật Pháp (No. 1065), 4. Nhiếp Vô nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Đại bi Tâm Đà- ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Kinh Kế Nhất la-ni (No. 1064), 22. Đại bi Tâm Đà-la-ni pháp trung xuất Vô lượng nghĩa Nam Tu hành Niệm tụng lược nghi (No. 1066), phương Mãn nguyện Bổ-đà-lạc Hải hội 23. Kinh Thanh cảnh Quán Tự Tại Bồ-tát Ngũ bộ Chủ tôn Phương đẳng Hoằng thệ Đà-la-ni (No. 1111), 24. Kim Cương Đỉnh Lực phương vị cập Uy nghi Hình sắc Chấp Du-già Thanh cảnh Đại bi vương Quán Tự trì Tam-ma-già Tiêu xí Mạn-trà-la Nghi Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. quỹ (No. 1067), 5. Nghi quỹ pháp Tạo thứ 1112), 25. Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại tự của Thiên thủ Quán Âm (No. 1068), 6. Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Thiên thủ Thiên nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát (No. 1113A), 26. Đại từ Đại bi Cứu khổ Chân ngôn, 7. Phục hồi bản Thiên thủ Quán Thế Âm Tự Tại vương Bồ-tát Quảng Thiên nhãn Quán Tự Tại Bồ-tát Chân đại Viên mãn Vô ngại Tự tại Thanh cảnh ngôn, 8. Thập Nhất diện Quán Tự Tại Bồ- Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1113B), 27. Đại tát, 9. Kinh Thập nhất diện Quán Tự Tại Bi Căn bản chú (Đồ tượng 3), 28. Đại Bi Bồ-tát Tâm mật ngôn Niệm tụng Nghi quỹ

Tâm chú (Bản của chùa Già-lam), 29. (No. 1069), Quyển thượng, Quyển trung Quảng bản Đại Bi Tâm Đà-la-ni (Phục

hồi), 30. Lược bản Đại Bi Tâm Đà-la-ni Buổi Chiều, Đại công phu: Tụng Di-đà, (Phục hồi), 31. Nhật Quang Nguyệt Quang Hồng Danh và Nghi Mông Sơn; Tiểu công Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1160), 32. Kinh phu: Tụng Sám Di-đà và Nghi Mông Sơn; Thiên nhãn Thiên tý Quán Thế Âm Bồ-tát III. Vu Lan Bồn Kinh; IV. Quán Thế Âm Đà-la-ni thần chú (No. 1057A), Quyển Bồ-tát Phổ Môn Phẩm; V. Tiểu Thời Thọ thượng và Quyển hạ; 33. Kinh Thiên nhãn Trì; Tam Qui-Ngũ Giới. Thiên tý Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Tác phẩm này tái bản năm 2009, Nxb Tôn thần chú (No. 1057B), Quyển thượng và Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 334 trang, Quyển hạ; 34. Kinh Thiên thủ Thiên nhãn bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, với Quán Thế Âm Bồ-tát Mẫu Đà-la-ni Thân nhan đề là “Thiền Môn Nhựt Tụng”. (No. 1058), 35. Phục hồi bản Thiên nhãn Thiên tý Quán Thế Âm Đại thần chú. 1.067. THIỆN ÁC NGHIỆP BÁO Chư Kinh Tập Yếu (Trọn bộ 2 tập) 1.066. THIỀN MÔN NHỰT TỤNG Pháp sư Đạo Thế CHƠN KINH Chủ biên: Thích Nguyên Chơn Thiền Tịnh Đạo Tràng – Phật Bửu Tự (Sài Nxb Phương Đông – 2009 Gòn) – 1948 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 Việt dịch: tập có 20 quyển, dày 1.402 trang, bìa HT. Thiền sư Minh Trực (1895-1976) mềm, có hộp đựng. Kinh dày 149 trang, bìa mềm. Nội dung Tập I, dày 767 trang, gồm có 10 quyển. gồm có: Tựa, Thiền Môn Nhựt Tụng-Khóa Phần đầu, Tựa (1, 2, 3); Quyển 1, Kính tụng hằng ngày; I. Thời Công phu buổi Tam Bảo, Kính Phật (Lời dẫn, Niệm thập mai: Kệ khai chung, Kệ thâu chung, Chú phương Phật, Niệm Phật Thích-ca, Niệm phá Địa ngục, Khai chuông mõ, Kệ khen Phật A-di-đà, Niệm Phật Di-lặc, Niệm bãn, Kệ khen chuông, Kệ khen trống, Kệ Phật tam-muội); Quyển 2, Kính pháp (Đại khen mõ, Xưng tụng Công đức Tam thế ý, Điều kiện thuyết pháp, Nhân duyên Phật, Thiên thủ Thiên nhãn Vô ngại Đại bi nghe pháp, Tiệm và đốn, Cầu pháp, Cảm Tâm Đà-la-ni, Như ý Bảo luân vương Đà- được phúc báo, Báo ân, Phỉ báng pháp; la-ni, Tiêu tai Kiết tường Thần chú, Công Kính Tăng: Lời dẫn, Lợi ích, Tổn giảm); đức Bửu sơn Thần chú, Phật mẫu Chuẩn Quyển 3, Kính tháp (Lời dẫn, Dẫn chứng, đề Thần chú, Thánh Vô lượng Thọ Quyết Dựng tháp, Cảm báo, Nhiễu tháp, Vào định Quang minh vương Đà-la-ni, Dược chùa, Sửa chùa tháp; Nhiếp niệm: Lời dẫn, sư Quán đảnh Chơn ngôn, Thất Phật diệt Thập niệm, Lục niệm (Niệm Phật, pháp, tội Chơn ngôn, Vãng sanh Tịnh độ Thần Tăng, giới), Pháp nguyện); Quyển 4, Nhập chú, Thiện thiên nữ chú; Bát-nhã Ba-la- đạo (Lời dẫn, Ưa thích và nhàm chán, mật-đa Tâm Kinh, Hồi hướng Công đức Xuất gia, Dẫn chứng), Tán tụng (Lời dẫn, Tụng chú, Khen ngợi Công đức Phật, Lạy Dẫn chứng, Khen ngợi công đức), Hương Tứ Thánh, Sám Thích-ca Mâu-ni Phật, đăng (Lời dẫn, Hoa hương, Đốt đèn, Treo Nguyện trì Giác Tâm Kinh, Diệu Giác tràng phan); Quyển 5, Thụ thỉnh (Lời dẫn, Tâm Kinh, Khen ngợi Đức Phật, Khen Cúng dường, Phân biệt những điều sai Công đức niệm Phật, Hồi hướng Công đức lầm, Thánh Tăng, Bố thí thức ăn, Ăn đúng Tụng Kinh, Nguyện tiêu-Nguyện sanh, thời, Cách ăn, Ăn xong); Quyển 6, Thụ trai Phục nguyện, Tự Quy y; II. Khóa Tụng (Lời dẫn, Chứng minh), Phá trai (Lời dẫn,

Chứng minh), Phú quí (Lời dẫn, Chứng là …thứ năm, 6. Ác khẩu là… thứ sáu, 7. minh), Bần tiện (Lời dẫn, Dẫn chứng, Tu- Nói lời vô nghĩa…thứ bảy, 8. Tham dục đạt, Bần nhi,

Bần nữ); Quyển 7, Khuyến là… thứ tám, 9. Sân hận là… thứ chín, 10. khích tu tập (Lời dẫn, khuyên răn người Tà kiến là… thứ mười); Quyển 14, Mười nam, Khuyên răn người nữ, Khuyến đạo, việc ác (sát sinh, trộm cướp tài vật, tà Quyến thuộc, Bỏ chấp, Giáo giới); Quyển dâm, nói lời giả dối, nói lời hung ác); 8, Báo ân (Lời dẫn, Báo ân, Vong ân, Kệ Quyển 15, Mười việc ác (tiếp theo: nói kết duyên), Phóng sinh (Lời dẫn, Giết hại, lưỡi đôi chiều, nói lời nịnh hót, tham lam Phóng sinh, Cứu nạn, Kết khuyến), Làm keo kiệt, giận dữ ghen ghét, nhận thức sai phúc (Lời dẫn, Tu phúc, Đúng pháp, Cúng lầm); Quyển 16, Dối trá (Lời dẫn, Giả làm dường, Chuẩn bị nước tắm cho Tăng, Các thân gần, Dùng độc mưu hại, Giả làm phú việc phúc khác, Kệ kết khuyến); Quyển 9, quý, Giả can đảm, Loài vật dối trá), Lười Chọn bạn kết giao (Lời dẫn, Thiện tri biếng và kiêu mạn (Lời dẫn, Dẫn chứng, thức, Ác tri thức, Vay trả, Răn lỗi lầm), Lập chí); Quyển 17, Rượu thịt (Lời dẫn, Suy nghĩ thận trọng (Lời dẫn, Thận trọng Uống rượu, Ăn thịt), Xem tướng (Lời dẫn, đối với: lỗi lầm, tai họa, hoàn cảnh, vật thụ Xem tướng, Lòng tin); Quyển 18, Địa dụng); Quyển 10, Lục độ: 1. Bố thí (Lời ngục (Lời dẫn, Tổng hợp các tên, Thụ quả dẫn, Bỏn xẻn và dối trá, Bố thí tài vật, Bố báo, Thời gian chịu tội, Vị vua quản ngục, thí giáo pháp, Lượng định để bố thí, Phúc Cung điện của vua Diêm-la, Nghiệp nhân, điền, Đối đãi), 2. Trì giới (Lời dẫn, Khuyên răn); Quyển 19, Tổng chung (Lời Khuyên giữ giới), 3. Nhẫn nhục (Lời dẫn, dẫn, chăm sóc người bệnh, Chữa bệnh, Khuyên nhẫn nhục, Lợi ích của nhẫn Sắp đặt, Nhiếp niệm, Mạng chung, Đưa nhục), 4. Tinh tiến (Lời dẫn, Biếng nhác, tiễn, Thụ sinh, Cúng tế); Quyển 20, Linh Sách tấn tu tập), 5. Thiền định (Lời dẫn, tinh (Lời dẫn, Oán khổ, Bát khổ, Trùng Tướng của thiền định), 6. Trí tuệ (Lời dẫn, ngụ, Ngũ tân, Hắt hơi, Đại tiểu tiện, Hộ Cầu pháp). tịnh, Minh chung, Nhập chúng, Suy tướng, Tập II, có 635 trang, 10 quyển (từ quyển Ngủ mộng, Tạp hạnh). 11-20). Quyển 11, Tập nhân (Lời dẫn, Phát nghiệp, Hành vi tội, Hành vi phúc, 1.068. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH Nghiệp khác); Quyển 12, Dục cái (Lời Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu dẫn, Năm dục, Khổ do dục trói buộc, Khổ Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn do dục chướng ngại, Chê trách khổ đau do Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh dục gây tạo; Năm món ngăn che: tham Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội dục, sân khuể, thụy miên, trạo hối, nghi), Hán dịch: Sa-môn Bát-lặc-mật-đế Tứ sinh (Lời dẫn, Tổng hợp về các tên gọi Việt dịch: Đại đức Thích Chơn Giám về bốn hình thái sinh, Phối hợp giữa bốn và Sa-môn Thích Như Phước & Sa-môn loài và sáu đường, Ngũ sinh, Trung ấm, Thích Từ Quang Thụ thai); Quyển 13, Thụ báo (Lời dẫn, Hội quán Chùa Linh Sơn (Sài Gòn) xuất Loại báo, Hiện báo, Sinh báo, Hậu báo, bản – 1961 Định báo, Bất định báo, Thiện báo, Ác Kinh dày 637 trang, bìa mềm. Nội dung báo: 1. Sát sinh là nỗi khổ lớn thứ nhứt, 2. gồm có: Vài lời trần thuyết của Linh Sơn Trộm cắp là…thứ hai, 3. Tà dâm là …thứ Phật Học Nghiên Cứu Hội, Bài tựa – Diễn ba, 4. Vọng ngữ …thứ tư, 5. Nói đôi chiều giải Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đề mục,

Phần Thông tự, Biệt Tự phần, Chánh Tông chấp mắc, Lựa bỏ tâm vương víu cảnh phần, có 10 quyển (từ Q.I đến Q.X, bố cục duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về, Kinh được phân ra thành từng đoạn, ở mỗi Vật là đối tượng phân biệt của tâm. Tâm trang: phần trên là phiên âm Hán-Việt, biểu hiện qua cái thấy là chủ thể phân biệt phần dưới là dịch nghĩa, phần cuối có chú vật, Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối-chỉ thích); Khuyên

người thọ trì Kinh Thủ do tiền cảnh ngăn ngại mà thôi, Tánh thấy Lăng Nghiêm. và vật bị thấy vốn là tâm tánh Bồ-đề Tác phẩm Kinh này đã được Chơn Đức nhiệm mầu sáng suốt, Văn-thù cầu Phật Thiền viện (Sài Gòn) ấn hành lần đầu năm thương xót. Phật dạy tánh thấy không thể 1957. đặt vấn đề "là" hay "không là", Tánh thấy rời tất cả tướng-nhưng không ngoài tất cả 1.069. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH pháp. Giáo lý Nhân duyên vẫn chưa là Đệ Tuyển Trạch Tân Tu nhất nghĩa. Thuyết Tự nhiên là một nhận HT. Từ Thông – Như Huyễn Thiền sư thức sai lầm về chân lý vũ trụ, Do nhận Nxb Hồng Đức – 2016 thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 323 trang, bản tâm thanh tịnh-bản giác thường trú bìa cứng, nền màu đỏ, chữ màu vàng. Nội của mình, Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa dung gồm có: Lời đầu sách; Đề Kinh, hợp và Không hòa hợp, Bốn khoa-Bảy đại Nhân duyên và thời điểm Phật nói Kinh vốn là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Thủ Lăng Nghiêm, Tâm là căn bản của Lai tàng, Năm ấm là hiện tượng-tướng Bồ-đề Niết-bàn và cũng là căn bản của biểu hiện từ Như Lai tàng, Sáu nhập là luân chuyển sanh tử, Gạn hỏi tâm, 1. A- hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai nan cho rằng tâm ở trong thân, 2. A-nan tàng, Mười hai xứ là hiện tượng-tướng cho rằng tâm ở ngoài thân, 3. A-nan cho biểu hiện từ Như Lai tàng, Mười tám giới rằng tâm núp sau con mắt, 4. A-nan cho là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai rằng nhắm mắt thấy tối là tâm thấy trong tàng, Bảy đại là hiện tượng-tướng biểu thân, 5. A-nan cho rằng sự suy nghĩ hợp hiện từ Như Lai tàng, A-nan và đại chúng với chỗ nào thì tâm liền ở chỗ đó, 6. A-nan tán dương Phật-phát nguyện và trình Phật cho rằng tâm ở chặng giữa, 7. A-nan cho những điều tâm đắc của mình, Phật thuyết rằng tâm là cái không dính dáng vào đâu minh: Tánh của các đại vốn không ngăn cả, Luân hồi sanh tử không phải là hiện ngại gì nhau-nhằm khai thị chân lý: Sắc tượng họa gởi tai bay, Bồ-đề Niết-bàn không, Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của không phải là cảnh giới siêu nhiên do đấng hiện tượng tâm lý, Phật khai thị nguồn gốc siêu nhân nào ban tặng, Lại gạn hỏi cái duyên khởi của hiện tượng vật chất, Phật tâm, Tâm thì phải có thể tánh-không thể dạy rõ về hai tướng tương tục: Giác không tánh không phải là tâm, Cái tánh thấy của sanh mê-Thất đại dung được nhau mà mắt chỉ là hiện lượng, Gạn hỏi nghĩa không có gì trở ngại, Giác không sanh mê, khách trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung tưởng diệt sanh-Ví dụ chủ và hư không để nhau, Khiển trách chúng sanh bội giác hợp khai thị chân tâm thể thường trú, Trong trần và khai thị phương pháp bội trần hợp thân thể vô thường sanh diệt-còn có cái giác, Phật khai thị Như Lai tàng rời tất cả thường bất sanh bất diệt, Rằng ngược-rằng tướng "là" tất cả pháp, Như Lai tàng rời xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan một ý thức tất cả tướng, Như Lai tàng rời tất cả pháp,

Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn đắc Viên thông thường, 4. Do vị trần đắc pháp-không có vấn đề "là" hay "không là" Viên thông thường, 5. Do xúc trần đắc trong Như Lai tàng bản thể chân như mầu Viên thông thường, 6. Do pháp trần đắc nhiệm, Mê vọng không có nguyên nhân- Viên thông thường, 7. Do nhãn căn đắc hết mê là Bồ-đề, Lại rơi vào nhận thức đối Viên thông thường, 8. Do tỷ căn đắc Viên đãi của thuyết Nhân duyên và Tự nhiên, thông thường, 9. Do thiệt căn đắc Viên A-nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh thông thường, 10. Do thân căn đắc Viên vấn pháp tu giải thoát, Nghĩa

quyết định thông thường, 11. Do ý căn đắc Viên thứ nhất: - Phật dạy rõ về sự tác dụng của thông thường, 12. Do nhãn thức đắc Viên sắc tâm vô thỉ, - Khai thị về năm thứ ô thông thường, 13. Do nhĩ thức đắc Viên trược, - Dựa vào nhân tu mà suy biết quả thông thường, 14. Do tỷ thức đắc Viên sở chứng, Nghĩa quyết định thứ hai: - Trắc thông thường, 15. Do thiệt thức đắc Viên nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để thông thường, 16. Do thân thức đắc Viên tìm mối manh mở gút, Căn cảnh là nguồn thông thường, 17. Do ý thức đắc Viên gốc của sự buộc ràng. Tháo gỡ buộc ràng thông thường, 18. Do hỏa đại đắc Viên hãy tìm một căn thù thắng nhất, Sắc không thông thường, 19. Do địa đại đắc Viên tác dụng lẫn nhau-phản ánh ra căn trần thông thường, 20. Do thủy đại đắc Viên thành chủ thể và đối tượng, Vọng chủ thể thông thường, 21. Do phong đại đắc Viên phân biệt sanh đối tượng nhận thức làm thông thường, 22. Do không đại đắc Viên hạn chế tánh giác minh. Lục căn toàn thông thường, 23. Do kiến đại đắc Viên khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt, Phật thông thường, 24. Do thức đại đắc Viên bảo đánh chuông để nghiệm xét Tánh thông thường, Do nhĩ căn đắc Viên thông nghe của nhĩ căn là thường trú, A-nan nghi thường, - Quán Thế Âm trần thuật pháp tu ngờ: Kiến văn giác tri không có tự thể, chứng của mình, - Phật bảo Văn-thù so Khai thị Tánh nghe của nhĩ căn là thường sánh chọn căn ưu việt nhất, So sánh sự ưu trú, Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc khuyết của sáu cảnh-năm căn-sáu thức và rễ của vô minh. Hiểu biết vạn pháp đúng bảy đại, 1. Nhược điểm của sáu cảnh, 2. như thật là mở được cánh cửa vào thành Nhược điểm của năm căn, 3. Nhược điểm đô Niết-bàn trong hiện tại, A-nan lại hỏi của sáu thức, 4. Nhược điểm của bảy đại, về vấn đề mở gút, Khai thị chân lý vốn 5. Sự ưu việt của nhĩ căn, Sự chuyển biến không hai. Phật Phật đạo đồng, Căn cảnh tốt sau khi nghe và nhận thức tính ưu việt cùng một gốc-cột mở không hai nguồn, của nhĩ căn, Phật khai thị ba môn Vô lậu Tóm lược ý thú của những đoạn Kinh trên học, Phật khai thị bốn điều cơ bản xuất qua bài trùng tụng, Chỉ một cái khăn mà trần, Đức Phật chỉ rõ hai nguyên nhân điên sáu lần cột thì thành sáu gút-mở hết sáu đảo vọng chấp về thế giới và chúng sanh, gút một cũng không còn, Nguyên do của Phật dạy 3 món tiệm thứ, Những mối nghi một sáu dị đồng, Cột gút đã có thứ lớp thì ngờ sâu sắc có tính phổ biến được Phật phải mở có trước có sau, Quả vị có thấp dạy bày, Tu hành chỉ là một phương tiện cao giải thoát giống nhau không khác. Căn để diệt vọng quy chân; Lời sau sách. trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng Viên thông thường, 1. Do thanh 1.070. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH trần đắc Viên thông thường, 2. Do sắc trần Trực Chỉ Đề Cương – 3 Tập đắc Viên thông thường, 3. Do hương trần Giáo án Cao cấp Phật học

Nguyên tác: Pháp sư Thích Từ Thông tướng, nhưng nó không ngoài tất cả pháp, Huỳnh Mai Tịnh thất, PL. 2536 – DL. Giáo lý Nhân duyên vẫn chưa là đệ nhất 1992, Lưu hành nội bộ nghĩa, Thuyết Tự nhiên là một nhận thức Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, nền sai lầm chơn lý vũ trụ, Do nhận thức sai trắng, chữ tựa màu đen, có hoa văn chìm, lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm màu vàng, có viền khung màu đen. thanh tịnh, bản giác thường trú của mình, Tập I, dày 139 trang; nội dung gồm có 3 Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa hợp và chương: Lời nói đầu, C.1 Đề Kinh, Nhơn không hòa hợp, Bốn khoa, bảy đại là hiện duyên và thời điểm Phật nói Kinh Thủ tượng biểu hiện từ

Như Lai tạng, Năm ấm, Lăng Nghiêm; C.2 Tâm là căn bản của Sáu nhập, Mười hai xứ, Mười tám giới, Bồ-đề Niết-bàn và cũng là căn bản của Bảy đại là hiện tượng biểu hiện từ Như luân chuyển sanh tử, Ông A-nan cho rằng Lai tạng, Ông A-nan và đại chúng tán tâm ở: trong thân, ngoài thân, núp sau con dương Phật, phát nguyện và trình Phật mắt, Ông A-nan cho rằng nhắm mắt thấy những điều tâm đắc của mình. tối là tâm ở trong thân, Ông A-nan cho Tập II, dày 160 trang; nội dung gồm có 3 rằng sự suy nghĩ hợp với chỗ nào thì tâm chương (C.4, C.5 và C.6): C.4 Phật thuyết liền ở chỗ đó, Ông A-nan cho rằng: tâm ở minh tánh của các đại vốn không ngăn chặng giữa, tâm là cái không dính dán vào ngại gì nhau; nhằm khai thị chân lý: sắc đâu cả, Luân hồi sanh tử không phải là không không sắc, Phật chỉ nguồn gốc vọng hiện tượng họa gởi tai bay, Bồ-đề Niết-bàn tưởng của hiện tượng tâm lý, Khai thị không phải là cảnh giới siêu nhiên do đấng nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật siêu nhân nào ban tặng, Lại gạn hỏi cái chất, Phật dạy rõ về 3 tướng tương tục: tâm, Tâm thì phải có thể tánh, không thể Thế giới, chúng sanh và nghiệp lực, Tóm tánh không phải là tâm, Cái tánh thấy của kết: Giác không sanh mê, thất đại dung mắt chỉ là hiện lượng, Gạn hỏi nghĩa khác được nhau mà không có gì trở ngại, Lại trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng tưởng nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau, diệt sanh. Ví dụ chủ và hư không để khai Khiển trách chúng sanh bội giác hiệp trần thị bản thể chơn tâm thường trú; C.3 và khai thị phương pháp bội trần hiệp giác, Trong thân thể vô thường sanh diệt còn có Phật khai thị Như Lai tàng rời tất cả tướng cái thường bất sanh bất diệt, Rằng ngược là tất cả pháp, Dùng Phật nhãn nhìn hiện xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan, một ý thức tượng vạn pháp không có vấn đề “là” hay chấp mắc, Lựa bỏ tâm vương víu cảnh “không là” trong Như Lai tàng bản thể duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về, chơn như mầu nhiệm, Mê vọng không có Vật là đối tượng phân biệt của tâm, Tâm nguyên nhân hết mê là Bồ-đề (giác), Lại biểu hiện qua tánh thấy là chủ thể phân rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết Nhân biệt vật, Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối duyên và Tự nhiên, Phật chỉ hai nghĩa chỉ do tiền trần ngăn ngại mà thôi, Tánh quyết định, Ông A-nan trần thuật chỗ thâm thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh Bồ-đề ngộ và thỉnh vấn tu giải thoát, Nghĩa quyết nhiệm mầu sáng suốt, Không có cái nào là định thứ nhất, Sự tác dụng của sắc tâm vô tánh thấy, Tất cả cái nào cũng là tánh thấy, thỉ, Khai thị về năm thứ ô trược, Dựa vào Bồ-tát Văn-thù cầu Phật thương xót… nhân tu mà suy biết quả sở chứng, Nghĩa Phật dạy: Tánh thấy không thể đặt vấn đề quyết định thứ hai, Trắc nghiệm sự điên “là” hay “không là”, Tánh thấy rời tất cả đảo ở căn hay ở trần để tìm mối manh mở

gút, Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc Tập III, dày 147 trang; nội dung có 4 ràng, Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn chương (C.7, C.8, C.9 và C.10): C.7 1. thù thắng nhất, Sắc-không tác dụng lẫn Phật khai thị về hiệu năng của Mật giáo, 2. nhau, phản ánh ra căn trần thành năng sở, Phật tuyên nói Thủ Lăng Nghiêm tâm chú, Vọng năng sanh sở làm hạn chế tánh giác 3. Sự lợi ích của Thủ Lăng Nghiêm chú minh, Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn với mọi giai tầng xã hội, 4. Hỏi về cấp bậc không thêm bớt, Phật bảo đánh chuông để và địa vị trên đường tu chứng, 5. Đức Phật nghiệm xét tánh nghe của nhĩ căn là chỉ rõ hai nguyên nhân điên đảo vọng chấp thường trú, Ông A-nan nghi ngờ kiến văn về thế giới và chúng sanh trước khi giải giác tri không có tự thể, Khai thị tánh

nghe đáp vấn đề địa vị trên đường tu chứng; C.8 của nhĩ căn là thường trú; C.5 Hiểu biết 1. Phật dạy ba món tiệm thứ, 2. Các địa vị chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô trong tiến trình tu chứng, 3. Kinh Thủ minh, Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là Lăng Nghiêm có nhiều tên gọi, 4. Những nhân tố của Niết-bàn hiện tại, Ông A-nan mối nghi ngờ sâu sắc có tính phổ biến lại hỏi vấn đề mở gút, Khai thị chân lý vốn được Phật dạy bày, 5. Do những tập nhân không hai và Phật Phật đạo đồng, Căn trần bất thiện tự chiêu cảm các ác quả khổ đau, cùng một gốc, Cột mở không hai nguồn, 6. Sáu thứ khổ báo là kết quả của bất thiện Phật tóm lược ý thú của những đoạn Kinh nghiệp phát xuất từ lục căn và lục thức của trên qua bài văn trùng tụng, Một cái khăn con người, 7. Nói về các dư báo sau khi ra mà sáu lần cột thì thành sáu gút, Mở hết khỏi địa ngục, 8. Mười thứ tiên do tu Dị sáu gút một cũng không còn, Nguyên do nhân kết thành Dị quả, 9. Trời Dục giới; của một sáu dị đồng, Cột gút có thứ lớp thì C.9 1. Trời Sắc giới, 2. Trời Vô sắc giới, mở phải có trước sau, Quả vị có thấp cao, 3. Bốn loài A-tu-la, 4. Tu hành chỉ là một giải thoát giống nhau không khác mấy, phương tiện để diệt vọng qui chơn, 5. Trên Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện bước đường tu phải cảnh giác các hiện chứng viên thông, Phật hỏi đại chúng về tượng khuấy nhiễu của ma, 6. Những hiện nhân duyên ngộ đạo, và dữ kiện chứng đắc tướng thuộc phạm vi Sắc ấm, 7. Những viên thông (do sáu trần, sáu căn, sáu thức, hiện tướng thuộc phạm vi Thọ ấm, 8. bảy đại được viên thông); C.6 Do nhĩ căn Những hiện tướng thuộc phạm vi Tưởng được viên thông, Bồ-tát Quán Thế Âm ấm; C.10 1. Những nhận thức sai lầm trần thuật pháp tu chứng của mình, Do từ thuộc phạm vi Hành ấm, 2. Những nhận tâm Bồ-tát Quán Thế Âm hiện 32 ứng thức sai lầm thuộc phạm vi Thức ấm, 3. thân, Do bị tâm Bồ-tát Quán Thế Âm Phần lưu thông. thành tựu 14 đức vô úy, Quán Thế Âm có Phụ lục: Quả vô thượng Niết-bàn của Như 4 đức nhiệm mầu không thể nghĩ bàn, Phật Lai chỉ là kết quả của quá trình đấu tranh bảo Văn-thù so sánh chọn căn ưu việt với dục vọng và chiến thắng hoàn toàn nhất, So sánh sự ưu khuyết của sáu trần, bọn giặc cướp phiền não vô minh. 1. năm căn, sáu thức và bảy đại, Sự chuyển Muốn hiểu Niết-bàn trước hết cần điều biến tốt sau khi nghe và nhận thức tánh ưu chỉnh những quan niệm ngộ nhận về Niết- việt của nhĩ căn, Phật khai thị về ba môn bàn, 2. Hiểu đúng nghĩa Niết-bàn mới tìm vô lậu học và bốn điều cơ bản xuất trần, thấy và biết được Niết-bàn, 3. Niết-bàn Đoạn tâm dâm dục, Trừ tâm sát sanh, Dứt không phải là một cảnh giới dành để cho tâm thâu đạo, Bỏ tâm vọng ngữ. một hạng người.

Phật, 15. Yên vui, 16. Yêu thích, 17. Giận dữ, 18. Dơ bẩn, 19. Sống pháp, 20. Đường

TR đi, 21. Tạp lục, 22. Địa ngục, 23. Con voi, 24. Ái dục, 25. Tỳ-kheo, 26. Tịnh hạnh. Tác phẩm này tái bản năm 2011, Nxb 1.071. TRÌ THẾ ĐÀ-LA-NI KINH Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. (Vasudhàrà Dhàranì Sùtra) Mật Tạng bộ 3 – No. 1068 1.074. Triết Lý KINH HOA NGHIÊM Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Chân Tâm Nxb Tôn Giáo – 2006 Huyền Trang (602-664) Việt dịch (2007): Huyền Thanh Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 215 Tác phẩm Kinh này có 33 trang (PDF), nội trang. Nội dung gồm có: Triết lý Kinh Hoa dung gồm: 1. Thay lời tựa, 2. Trì Thế Đà- Nghiêm, Phần I. Vài dòng lịch sử về bộ la-ni Kinh, 3. Phật thuyết Vũ bảo Đà-la-ni Kinh và Tôn Hoa Nghiêm, Các bản dịch, Kinh, 4. Phật thuyết Đại thừa Thánh Cát Tên Kinh, Thời gian đức Phật nói Kinh tường Trì Thế Đà-la-ni Kinh, 5.

Thánh Trì Hoa Nghiêm, Nơi đức Phật nói Kinh Hoa Thế Đà-la-ni Kinh, 6. Vasudhàra Dhàranì. Nghiêm; Phần II. A. Chủ thuyết của Kinh Hoa Nghiêm, Lý Duyên khởi, Bốn Pháp giới, Sáu tướng, Mười huyền môn; B. Vũ trụ quan của Phật giáo qua Kinh Hoa 1.072. Trích Diễm Nghiêm, C. Nhân sinh quan của Phật giáo PHÁP CÚ NAM TÔNG Biên tập: Trí Quang qua Kinh Hoa Nghiêm, D. Kết luận; Thử Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011 tìm hiểu Kinh Hoa Nghiêm, Dẫn nhập, I. Sách dày hơn 100 trang, bìa cứng, có bìa Tên Kinh, II. Thời kỳ Phật nói Kinh Hoa bao, chữ tựa màu nâu đỏ. Nội dung gồm Nghiêm, III. Thành phần thính giả, IV. có 26 phẩm Kinh. Những địa điểm nói Kinh, V. Hai cách thuyết pháp, VI. Giáo lý căn bản, VII. Chủ Xem: Trích Pháp Cú Nam Tông trương và mục đích, VIII. Phương pháp tu hành, IX. Lợi ích, X. Kết luận. 1.073. TRÍCH PHÁP CÚ NAM TÔNG Biên tập: Trí Quang (1923-2019) Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2001 1.075. TRUNG A-HÀM (3 Cuốn) – Tiểu Sách có khổ 13 x 19cm, dày 616 trang, bìa Tạng Kinh mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đen, có Dịch và Chú: Tuệ Sỹ hình Đức Phật và chư Tăng. Nội dung tác Nxb Hồng Đức – 2019 phẩm gồm có: Tổng quan Pháp cú Nam Kinh có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 3 tông, Trích Pháp cú Nam tông, Trích cuốn dày 2.210 trang, bìa cứng. truyện tích Pháp cú Nam tông, Trích tụng (Bộ Trung A-hàm 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Pháp cú Nam tông, có 26 phẩm: 1. Song Mục lục) song, 2. Tự chế, 3. Tâm ý, 4. Hoa hương, Cuốn I, Trung A-hàm, dày 810 trang; nội 5. Kẻ ngu, 6. Người trí, 7. La-hán, 8. Số dung gồm có 8 phẩm, 86 Kinh: ngàn, 9. Điều ác, 10. Dao gậy, 11. Già Phẩm 1, 1.K THIỆN DUYÊN, 2.K TRÚ yếu, 12. Tự mình, 13. Cuộc đời, 14. Đức ĐỘ THỌ, I. Chu kỳ cây trú độ trổ hoa, II. Quá trình Thánh đệ tử tu tập, 3.K THÀNH

DỤ, I. Vương thành phòng hộ, II. Thánh địa động, Phật giữa tám chúng, 37.K đệ tử phòng hộ, 4.K THỦY DỤ, I. Bảy CHIÊM-BA, Thuyết Biệt giải thoát, Tám hạng người dưới nước, II. Bảy hạng phàm pháp vị tằng-hữu của Phật pháp, 38.K ÚC- Thánh, 5.K MỘC TÍCH DỤ, 6.K THIỆN GIÀ TRƯỞNG GIẢ (I), 39.K ÚC-GIÀ NHÂN VÃNG, 7.K THẾ GIAN PHƯỚC, TRƯỞNG GIẢ (II), 40.K THỦ TRƯỞNG I. Thế gian phước, II. Xuất thế gian phước, GIẢ (I), 41.K THỦ TRƯỞNG GIẢ (II); 8.K THẤT NHẬT, I. Bảy mặt trời, II. Đại Phẩm 5, Tương ưng Tập/393, 42.K HÀ sư Thiện Nhãn, IX.K THẤT XA, 1. Mãn NGHĨA, 43.K BẤT TƯ, 44.K NIỆM, Từ tử, 2. Xá-lợi-phất, 3. Giới tịnh và đoạn 45.K TÀM QUÝ (I), 46.K TÀM QUÝ trí tịnh, 4. Vô dư Niết-bàn, 5. Bảy trạm xe, (II), 47.K GIỚI (I), 48.K GIỚI (II), 49.K 6. Hai vị Tôn giả, 10.K LẬU TẬN, I. Tri CUNG KÍNH (I), 50.K CUNG KÍNH (II), kiến đoạn trừ lậu, II. Bảy đoạn trừ lậu; 51.K BỔN TẾ, 52.K THỰC (I), 53.K Phẩm 2, 11.K DIÊM DỤ, 12.K HÒA- THỰC (II), 54.K TẬN TRÍ, 55.K NIẾT- PHÁ, 13.K ĐỘ, 14.K L-HẦU-LA, 15.K BÀN, 56.K DI-HÊ, 57.K TỨC VỊ TỲ- TƯ, 16.K GIÀ-LAM, 17.K GIÀ-DI-NI, KHEO THUYẾT; 18.K SƯ TỬ, I. Ni-kiền tử Sư tử, II. Các Phẩm 6, Tương ưng Vương (I), 58.K tông chi, III. Sư tử quy y, 19.K NI-KIỀN, THẤT BẢO, 59.K TAM THẬP NHỊ 1. Túc nghiệp nhân, 2. Khổ hành hiện tại, TƯỚNG, 60.K TỨ CHÂU, 61.K NGƯU 3. Các thuận thọ nghiệp, 4. Năm quan PHẦN DỤ, 62.K TẦN-TỲ-SA-LA điểm đáng chỉ trích, 5. Pháp được chứng VƯƠNG NGHINH PHẬT, 63.K TỲ-BÀ- nghiệm, 6. Năm điều tán thán Như Lai, 7. LĂNG-KÌ, Phật Ca-diếp, Nhân duyên Pháp dẫn đến an lạc cứu cánh, 20.K BA-Nan-đề-bà-la, Nhân duyên Ưu-đà-la, Vua LA-LAO, 1. Thôn trưởng Ba-la-lao, 2. Giáp-tỳ, 64.K THIÊN SỨ, Sinh tử trí, Phật và huyễn thuật, 3. Nghiệp báo hiện Phán xử của Diêm

vương, Tội báo địa tại, 4. Sáu vị luận sĩ, 5. Phá chánh định; ngục, Ước nguyện của Diêm Vương, Phẩm 3, Tương ưng Xá-lợi-phất/183, 21.K Phẩm 7, 65.K Ô ĐIỂU DỤ, 66.K ĐẲNG TÂM, 22.K THÀNH TỰU GIỚI, THUYẾT BỔN, 67.K ĐẠI THIÊN NẠI 23.K TRÍ, 24.K SƯ TỬ HỐNG, 25.K LÂM, 68.K ĐẠI THIỆN KIẾN VƯƠNG, THỦY DỤ, 26.K CÙ-NI-SƯ, 27.K 69.K TAM THẬP DỤ, 70.K CHUYỂN PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN, 28.K GIÁO LUÂN VƯƠNG, 71.K TỲ-TỨ, 1. Phản HÓA BỆNH, 29.K ĐẠI CÂU-HI-LA, luận của Ca-diếp, 2. Các luận chứng của 30.K TƯỢNG TÍCH DỤ, Bốn Thánh đế, Tỳ-tứ, 3. Sự bảo thủ của Tỳ-tứ, 4. Tỳ-tứ Năm thủ uẩn, Địa giới, Thủy giới, Hỏa khuất phục, 5. Sự bố thí của Tỳ-tứ; giới, Phong giới, Thấy pháp, 31.K PHÂN Phẩm 8, Trường Thọ Vương/643, 72.K BIỆT THÁNH ĐẾ, Bốn Thánh đế, Xá-lợi- TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỔN KHỞI, phất; 73.K THIÊN, 74.K BÁT NIỆM, Tôn giả Phẩm 4, 32.K VỊ TẰNG HỮU PHÁP, A-na-luật, Tám điều suy niệm, 75.K TỊNH 33.K THỊ GIẢ, A-nan, Pháp vị tằng-hữu BẤT ĐỘNG ĐẠO, Niết-bàn không chấp của A-nan, A-nan tự thuyết, A-nan trước thủ, 76.K ÚC-GIÀ-CHI-LA, Bốn Niệm giờ Phật Niết-bàn, 34.K BẠC-CÂU-LA, xứ, Bốn vô lượng, 77.K SA-KÊ-ĐẾ TAM 35.K A-TU-LA, Tám pháp vị tằng-hữu TỘC TÁNH TỬ, Mục đích xuất gia, Diệt của biển, Tám pháp vị tằng-hữu của Phật trừ dục bất thiện pháp, Thọ dụng và đoạn pháp, 36.K ĐỊA ĐỘNG, Ba nguyên nhân trừ, Ý nghĩa thọ ký, 78.K PHẠM THIÊN

THỈNH PHẬT, Phạm thiên khởi tà kiến, VẤN KIẾN, Xả ly kiến chấp, Pháp tiệm Ma Ba-tuần thuyết lý, Phạm thiên thuyết giảm, Hành thiện pháp, Pháp hắc bạch, Tự lý, Phật tự tại, Ba hạng chư thiên, Thần điều phục, Nhập Niết-bàn, 92.K THANH lực Phạm thiên, Ma Ba-tuần tác động, BẠCH LIÊN HOA DỤ, 93.K THỦY 79.K HỮU THẮNG THIÊN, Tiên Dư Tài TỊNH PHẠM CHÍ, Hai mươi mốt cấu uế, Chủ, Đại tâm và vô lượng tâm, Quang Thủy tịnh, 94.K HẮC TỲ-KHEO, Hạng thiên, Tịnh quang thiên, Biến tịnh thiên, ưa tranh cãi, Hạng không ưa tranh cãi, 80.K CA-HI-NA, Nhân duyên Y Ca-hi-na, 95.K TRỤ PHÁP, 96.K VÔ; Phẩm 10, Pháp Ca-hi-na, Phật tán thán pháp Ca-hi- 97.K ĐẠI NHÂN, Duyên khởi thậm thâm, na, 81.K NIỆM THÂN, Tu thân hành 1. Ý nghĩa các chi, 2. Thọ và ngã, 3. Thi niệm, Chánh niệm chánh tri, Niệm hơi thở thiết ngã, 4. Thức trụ và giải thoát, 98.K ra vào, Đắc tứ thiền, Quang minh tưởng, NIỆM XỨ, 1. Quán Thân, 2. Quán Thọ- Quán thân, Bất tịnh tưởng, Thuận minh Tâm-Pháp, 3. Cứu cánh, 99.K KHỔ ẤM phần, Công đức niệm thân, 82.K CHI-LI- (I), Biến tri sắc, Biến tri thọ, 100.K KHỔ DI-LÊ, Chất-đa-la Tượng tử, Quán sát tâm ẤM (II), Diệt trừ một pháp, Năm dục công người, Chất-đa-la bỏ đạo, 83.K TRƯỞNG đức, Khổ hành Ni-kiền tử, 101.K TĂNG LÃO THƯỢNG TÔN THỤY MIÊN, Tôn THƯỢNG TÂM, 102.K NIỆM, Hai loại giả Đại Mục-kiền-liên, Đối trị thùy miên, tầm, Bất thiện tầm, Hý luận, Pháp tùy Tụ hội, Cảm thọ, 84.K VÔ THÍCH, 85.K pháp hành, Dứt tầm tứ, 103.K SƯ TỬ CHÂN NHÂN, 86.K THUYẾT XỨ, Năm HỐNG, Ngoại đạo không Sa-môn, Bốn thủ uẩn, Mười hai xứ, Giới, Duyên khởi, chứng tịnh, Duy nhất cứu cánh, Hai kiến, Niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Đoạn trừ thủ, 104.K ƯU-ĐÀM-BÀ-LA, Bốn thiền, Thánh đế, Bốn tưởng, Bốn vô Dị học Vô nhuế, Tằng ố hành: Khổ hành, lượng, Bốn vô sắc, Bốn Thánh chủng, Sa- Khổ hành cấu uế, Khổ hành không cấu uế, môn quả, Thành thục tưởng, Giải thoát xứ, Khổ hành đệ nhất, Pháp tối thượng vi Năm căn, Năm lực, Năm xuất yếu giới, diệu, Cư sĩ thật ý, Ý nghĩa Phật thuyết Thánh tài, Bảy lực, Giác chi, Thánh đạo. pháp, 105.K NGUYỆN,

106.K TƯỞNG; Bộ Trung A-hàm (4 cuốn) này in lần đầu Phẩm 11, 107.K LÂM (I), 108.K LÂM năm 2009, tái bản 2013 – Nxb Phương (II), 109.K TỰ QUÁN TÂM (I), 110.K Đông. TỰ QUÁN TÂM (II), 111.K ĐẠT PHẠM HẠNH, 112.K A-NÔ-BA, Đề-bà-đạt-đa, Cuốn II, Trung A-hàm, từ tr. 825 đến tr. Đại nhân căn trí, Ba hạng người, 113.K 1572; nội dung gồm có 7 phẩm (P.9 – CHƯ PHÁP BỔN, Pháp bản, Tích tập, P.15), từ K.87 đến K.165: 114.K ƯU-ĐÀ-LA, 115.K MẬT HOÀN Phẩm 9, 87.K UẾ PHẨM, Bốn hạng DỤ, Chấp Trượng Thích, Tông chỉ pháp người, Bình giá, Cấu uế, Không cấu uế, yếu, Đại Ca-chiên-diên quảng diễn, Phật Mục-kiền-liên tán thán, 88.K CẦU PHÁP, ấn chứng, 116.K CÙ-ĐÀM-DI, Cù-đàm-di Tỳ-kheo thừa tự thực, Tỳ-kheo tự pháp, thỉnh nguyện, A-nan thỉnh nguyện, Tám Phật lược thuyết, Xá-lợi-phất quảng diễn, kỉnh pháp, Kỉnh pháp thứ tám; Tôn sư và đệ tử, Đệ tử xứng đáng thừa tự, Phẩm 12, 117.K NHU NHUYẾN, 118.K Trung đạo, 89.K TỲ-KHEO THỈNH, Tỳ- LONG TƯỢNG, 119.K THUYẾT XỨ, kheo khó dạy, Tỳ-kheo dễ dạy, Tỳ-kheo tự 120.K THUYẾT VÔ THƯỜNG, 121.K quan sát, 90.K TRI PHÁP, 91.K CHU-NA THỈNH TỈNH, 122.K CHIÊM-BA, 123.K

SA-MÔN NHỊ THẬP ỨC, Tinh tấn quá tựa ai? Mười pháp tôn kính, Trú xứ của mức, Tự thuyết cứu cánh trí, 124.K BÁT Tỳ-kheo, Loại thiền không được tán thán, NẠN, 125.K BẦN CÙNG, 126.K HÀNH Thiền tứ được tán thán, 146.K TƯỢNG DỤC, 127.K PHƯỚC ĐIỀN, 128.K ƯU- TÍCH DỤ, Bốn dấu chân nơi Phật, Theo BÀ-TẮC, Năm giới, Bốn chứng tịnh, dấu chân voi, Theo dấu chân Phật, 147.K 129.K OÁN GIA, 130.K GIÁO ĐÀM-DI, VĂN ĐỨC, 148.K HÀ KHỔ, Khổ gì? Lạc Tỳ-kheo cộc cằn thô lỗ, Chuyển Luân gì? Lợi nghĩa gì? Lợi ích gì? Ác tri thức, vương Cao-lao-bà, Đại sư Thiện Nhãn, Thiện tri thức, 149.K HÀ DỤC, 150.K 131.K HÀNH MA, Ma quấy Mục-liên, UẤT-SẤU-CA-LA, Bốn cấp phục vụ, Quá khứ ác ma, Ác ma xúi dục, Ác ma Phụng sự ưu thắng, Phụng sự tín giới văn, quyến dụ, Ác ma hành hung, 132.K LẠI- Bốn loại tư hữu, Tư hữu xuất thế gian, TRA-HÒA-LA, Thanh niên Lại-tra-hòa- 151.K PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA, Tranh la, Quyết chí xuất gia, Hóa độ song thân, luận giai cấp, Chủ trương của Phật, Giai Hội thoại Câu-lao-bà, Bốn trường hợp suy cấp theo quốc độ, Pháp tính bình đẳng, vi, Bốn nguyên nhân xuất gia, 133.K ƯU- Giai cấp hành từ tâm, Các thí dụ về tính BA-LY, Ba phạt của Ni-kiền, Phật thuyết bình đẳng, Hôn phối dị chủng, Cổ tiên ý phạt, Ni-kiền tử Ưu-ba-ly thách thức, nhân A-tư-la, Phản ứng của các Bà-la- Các luận chứng về ý phạt, Ưu-ba-ly quy y môn; Phật, Cư sĩ Ưu-ba-ly và Ni-kiền tử, 134.K Phẩm 14, 152.K ANH VŨ (I), Phân biệt THÍCH VẤN, Ngũ kế nhạc thần, Câu tại gia và xuất gia, Năm pháp của Bà-la-chuyện của Thiên Đế-thích, Những câu môn, Bài báng pháp thượng nhân, Năm hỏi của Thiên Đế-thích, Tâm tư của Thiên pháp chướng ngại, Pháp thứ sáu, Phạm Đế-thích, Hỷ lạc của Thiên Đế-thích, Đế- Thiên đạo, 153.K MAN-NHÀN-ĐẾ, thích và Phạm Thiên, 135.K THIỆN 154.K BÀ-LA-BÀ ĐƯỜNG, 1. Phân biệt SANH, Lạy sáu phương, Lạy sáu phương đẳng cấp xã hội, 2. Nguồn gốc loài người theo Thánh pháp, Bốn động lực hành phi và đẳng cấp xã hội, 3. Giá trị xã hội: Đạo pháp, Sáu phi đạo, Bốn hạng không nên đức và Trí tuệ, 155.K TU-ĐẠT-ĐA, 1. gần, Bốn bạn lành, Sáu phương trong Tín tâm bố thí, 2. Trưởng giả Tùy-lam, 3. Thánh pháp, 136.K THƯƠNG NHÂN Công đức từ tâm, 156.K PHẠM BA-LA- CẦU TÀI, Đảo hoan lạc, Phát hiện nguy DIÊN, 157.K HOÀNG LÔ VIÊN, 158.K hiểm, Mưu thoát thân, Mao Mã vương, ĐẦU-NA, Tự xưng Bà-la-môn, Năm

hạng 137.K THẾ GIAN, 138.K PHƯỚC, 139.K Bà-la-môn, 159.K A-GIÀ-LA-HA-NA, TỨC CHỈ ĐẠO, 140.K CHÍ BIÊN, 141.K 160.K A-LAN-NA, 1. Đời người quá DỤ; ngắn, 2. Chuyện A-lan-na, 3. Những ví dụ, Phẩm 13, 142.K VŨ THẾ, A-xà-thế và 4. Tu tập Phạm thế pháp, 161.K PHẠM- Bạt-kỳ, Các pháp bất thối của chúng Tỳ- MA, Bà-la-môn tướng thuật, Ba mươi hai kheo, Sáu ủy lạo, 143.K THƯƠNG-CA- tướng đại nhân, Oai nghi, Ưu-đa-la xuất LA, Thế tự và xuất gia, Phước tích bởi gia, Phạm-ma quy y; xuất gia, Ba thị đạo, 144.K TOÁN SỐ Phẩm 15, 162.K PHÂN BIỆT LỤC GIỚI, MỤC-KIỀN-LIÊN, Ý nghĩa của toán số, Đức Phật và vị Tỳ-kheo trẻ, Đa giới, Sáu Trình tự tu tập, Cứu cánh bất định, Phạm giới tụ, Năm thọ, Xả thanh tịnh, Bốn xứ, hạnh ô uế, 145.K CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-Phất-ca-la-sa-lợi đắc pháp, 163.K PHÂN LIÊN, Ai thừa kế Phật, Tỳ-kheo nương BIỆT LỤC GIỚI, Sáu xúc xứ, Mười tám ý

cận hành, Ba mươi sáu cú, Hỷ, Ưu, Xả, trường hợp chỉ trích, 190.K TIỂU Đoạn trừ và thành tựu, Vô lượng thuyết KHÔNG, Không tánh trụ, Có, thấy có; pháp, Ba niệm trụ, Vô thượng Điều ngự, không, thấy không, Không định, Vô tướng 164.K PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP, Đại tâm định, 191.K ĐẠI KHÔNG, Tỳ-kheo Ca-chiên-diên, Tâm hướng ngoại, Không viễn ly độc trụ, An trụ nội không, Tác ý trụ bên trong, Không chấp thủ, Tán thán ngoại không, Tác ý nội ngoại không, Bất Ca-chiên-diên, 165.K ÔN TUYỀN LÂM di động, Chánh tri, Chánh tri hý luận, THIÊN, Thiên thần Ôn tuyền lâm, Nhất dạ Chánh tri ngũ dục, Chánh tri thủ uẩn, Bất hiền. phóng dật, Tùy Đại sư học, Phiền lụy Tôn sư, Phiền lụy đệ tử, Phiền lụy đồng phạm Cuốn III, Trung A-hàm, từ tr. 1.593 đến hạnh, Vô tránh hành, Oán hận Tôn sư, tr. 2.210; nội dung gồm có, tiếp theo P.15 Hành sự từ hòa; – P.20; từ K.166 đến K.222: Phẩm 18, 192.K CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI, Ân Phẩm 15 (tt), 166.K THÍCH TRUNG đức giáo giới của Phật, Nhất tọa thực, Phi THIỀN THẤT TÔN, 167.K A-NAN thời vào xóm, Thoát ly và triền phược, THUYẾT, 168.K Ý HÀNH, 169.K CÂU- Phàm phu lạc và Thánh lạc, 193.K MÂU- LÂU-SẤU VÔ TRÁNH, 170.K ANH VŨ, LÊ-PHÁ-QUẦN-NA, Quần tụ và phẫn 171.K PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP; tránh, Phụng hành học giới, Thiện ngữ Phẩm 16, 172.K TÂM, Tâm dẫn đạo, Tỳ- cung thuận, Nữ chủ và nô tỳ, Ngũ ngữ lộ, kheo đa văn, Tuệ quyết trạch, Hiệt tuệ, Nhu hòa nhẫn nhục, Thí dụ về lưỡi cưa, 173.K PHÙ-DI, Ước nguyện, Bốn thí dụ 194.K BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI, Bất kham học về ước nguyện, 174.K THỌ PHÁP (I), giới, Tỳ-kheo ly chúng, Tùy thuận Phật 175.K THỌ PHÁP (II), 176.K HÀNH giáo, Pháp loại trí, Cụ túc học giới, Phạm THIỀN, 177.K KINH THUYẾT, 178.K giới và khổ trị, Nhân duyên Phật chế giới, LẠP SƯ, 179.K NGŨ CHI VẬT CHỦ, Thí dụ huấn luyện ngựa, 195.K A-THẤP- 180.K CÙ-ĐÀM-DI, 181.K ĐA GIỚI; BỐI, Nhất tọa thực, Ác kiến về cảm thọ, Phẩm 17, 182.K MÃ ẤP (I), 183.K MÃ Cảm thọ khổ lạc và thiện bất thiện tăng ẤP (II), 184.K NGƯU GIÁC SA-LA giảm, Biết như thật pháp nên tu, Hành LÂM (I), 185.K NGƯU GIÁC SA-LA không phóng dật, Tiệm thứ tu tập, Pháp tứ LÂM (II), 186.K CẦU GIẢI, Tư duy về cú, 196.K CHÂU-NA, Tranh chấp giữa Như Lai, Quán sát sắc và thanh, Quán sát các Ni-kiền tử, Tránh sự trong Tăng, Lục hành pháp, Hành an lạc, Diệt tận, Pháp tránh bản, Bảy pháp diệt tránh, Sáu hòa tiệm thứ, 187.K THUYẾT TRÍ, Tự thuyết kính, 197.K ƯU-BA-LY, 198.K ĐIỀU cứu cánh trí, Biết năm thủ uẩn, Biết bốn NGỰ ĐỊA, Không thể lãnh hội, Huấn thức ăn, Biết bốn thuyết, Biết sáu nội xứ, luyện bất kham, Tầm nhìn hạn chế, Huấn Biết sáu giới, Đoạn biến tri, 188.K A-DI- luyện vương

tượng, Điều ngự trượng phu, NA, Nhất thiết trí và những nhầm lẫn, Trí Không được điều ngự, 199.K SI TUỆ tuệ sự, Chúng phi pháp, Chúng như pháp, ĐỊA, Ba tiêu tướng của ngu si, Khổ báo A-nan quảng diễn, 189.K THÁNH ĐẠO, hiện tại, Khổ thọ trong địa ngục, Khổ hình Tư cụ của Thánh đạo, Chánh định, Chánh trong địa ngục, Súc sinh khổ, Thân người kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh khó được, Nhân sinh khổ, Ba tiêu tướng nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, của trí tuệ, Hiện tại hỷ lạc, Sinh thiện xứ, Chánh niệm, Vô học mười chi, Mười Thiện xứ hạ sinh, 200.K A-LÊ-TRA, Ác

kiến dục, Lãnh hội văn nghĩa điên đảo, thiện, Như Lai thân hành vô cấu, Thân Như người bắt rắn, Thí dụ chiếc bè, Sáu hành thiện, Y tì-ha-đề, 215.K ĐỆ NHẤT kiến xứ, Nhân không thật hữu, Khả dĩ ĐẮC, Ba cõi biến dịch, Bốn tưởng, Tám chấp thủ, Tỳ-kheo băng hào, Như Lai thắng xứ, Mười biến xứ, Đệ nhất, Bốn chánh giải thoát, Pháp được giảng thuyết, thông hành, 216.K ÁI SANH, Bà-la-môn 201.K TRÀ-ĐẾ, Ác kiến thức lưu chuyển, mất con, Luyến ái sinh sầu bi, Ba-tư-nặc Thức duyên sinh, Tồn tại và thức ăn, Bốn và Mạt-lị, Phật khai thị, Mạt-lị giải thích, loại thức ăn và duyên khởi, Tồn tại hay 217.K BÁT THÀNH, Bát thành cư sĩ, An không tồn tại, Các yếu tố thọ thai, Ái tận trú một pháp, 218.K A-NA-LUẬT-ĐÀ (I), giải thoát; 219.K A-NA-LUẬT-ĐÀ (II), 220.K Phẩm 19, 202.K TRÌ TRAI, Ba loại trai, KIẾN, Vô ký vấn, 221.K TIỄN DỤ, Mười Thánh trai tám chi, Tu niệm năm pháp, bốn vô ký vấn, Phật không trả lời, Thí dụ Phước do trì trai, 203.K BÔ-ĐA-LỊ, Đoạn trúng tên độc, Những gì Phật tuyên bố, tuyệt tục sự, Tám chi đoạn tuyệt tục sự, 222.K LỆ. Tám thí dụ về dục, Đoạn tuyệt tục sự trong Trung A-hàm - Tổng Mục lục Thánh pháp, 204.K LA-MA, Pháp hội La- Sách dày 257 trang; nội dung gồm có: ma, Thánh cầu và phi Thánh cầu, Thích Tiểu sử truyền dịch, Toát yếu nội dung các Tôn tầm đạo, Học đạo A-la-la, Uất-đầu Kinh, Thư mục đối chiếu Hán-Pàli; Trung La-ma tử, Bên sông Ni-liên-thiền, Dị học A-hàm – Majjhimanikaya, Hán dịch đơn Ưu-đà, Vườn Nai Ba-la-nại, Giáo hóa năm hành bản, Thư mục đối chiếu Pàli-Hán, Tỳ-kheo, 205.K NGŨ HẠ PHẦN KẾT, Majjhimanikaya – Trung A-hàm, Danh Phân biệt kết và tùy miên, Tùy miên và mục Pháp số, Từ vựng Pàli – Hán, Sách triển, Đoạn kết đạo tích, Thú hướng Niết- dẫn Hán-Pàli. bàn, Y yểm ly y tịch tĩnh, 206.K TÂM Bộ Trung A-hàm (4 cuốn) này in lần đầu UẾ, Tâm tài và tâm phược, Thành tựu năm 2009; tái bản năm 2013, Nxb Phương mười lăm pháp, 207.K TIỄN MAO (I), Dị Đông. học Tiễn Mao, Sáu vị tông chủ, Năm pháp Tôn sư khả kính, Năm pháp chân thật 1.076. TRUNG BỘ KINH – cung kính, 208.K TIỄN MAO (II), Lục sư Majjhima Nikàya, 3 Tập và Nhất thiết trí, Túc mạng trí, Sắc tối Tạng Kinh Pàli – Bộ II; thượng, Đương lai nhất hướng lạc, Thế Pàli – Việt đối chiếu giới thuần lạc, 209.K TÌ-MA-NA-TU, Tối Việt dịch và chú thích: thắng sắc, Dục lạc tối thắng, Không cần Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012) biết đời trước, 210.K TỲ-KHEO NI PHÁP Tập I, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất bản, LẠC, 211.K ĐẠI CÂU-HY-LA; PL. 2517 – DL. 1973, dày 338 trang, bìa Phẩm 20, 212.K NHẤT THIẾT TRÍ, Vua mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Ba-tư-nặc nghe pháp, Có nhất thiết trí? Sai Lời tựa, và 50 Kinh; biệt bốn chủng tánh, Năm thắng chi, Đoạn Tập II, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất hành, Chánh cần, Chư thiên, A-nan và Tỳ- bản, PL. 2518 – DL. 1974, dày 213 trang, lưu-la, Phạm thiên, 213.K PHÁP TRANG bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm NGHIÊM, Ba-tư-nặc kính Phật, Pháp tĩnh, có: Lời giới thiệu, và 50 Kinh; 214.K

TỲ-HA-ĐỀ, A-nan và Ba-tư-nặc, Tập III, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất Thân hành của Như Lai, Thân hành bất bản, PL. 2518 – DL. 1975, dày 324 trang,

bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình đầu 1.078. TRƯỜNG A-HÀM (2 Cuốn) – Đức Phật. Nội dung gồm có: A. Phần Việt Tiểu Tạng Kinh ngữ, Lời tựa, và 52 Kinh; B. Phần Pàli, - Dịch và Chú: Tuệ Sỹ Từ Kinh 101 đến 106, Từ Kinh 107 đến Nxb Hồng Đức – 2018 152; C. Phụ lục: 1. Các bài kệ, 2. Danh từ Sách có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 2 riêng, tên Kinh và tên các Phẩm, 3. Danh cuốn dày 1.016 trang, bìa cứng. từ và các vấn đề, 4. Các ví dụ. (Tổng cộng (Bộ Trường A-hàm 2 cuốn và 1 cuốn Trung Bộ Kinh có 152 Kinh) Tổng Mục lục) Xem: Kinh Trung Bộ - 3 Tập, Đại Tạng Cuốn I, Trường A-hàm, dày 514 trang; Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu nội dung gồm có 2 phần, 17 Kinh: Trường dịch. A-hàm Phần một, I. KINH ĐẠI BẢN, 1. 1.077. Truyện Tranh - Quá khứ thất Phật, 2. Sự tích Phật Tì-bà- KINH PHÁP HOA thi, 3. Tịnh cư thiên; II. KINH DU HÀNH, Nguyên tác: Hirosachiya I. 1. Bảy pháp quốc gia hưng thịnh, 2. Tranh vẽ: Motoyamakazuki Pháp bất thối của Tăng, 3. Ba tăng thượng Người dịch: Thích Lệ Thiện học (1), 4. Tại gia trì giới, 5. Huyền ký Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2009. Sách Hoa tử thành, 6. Bốn pháp thâm diệu, 7. có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 127 trang. Các cư sĩ đắc Thánh quả, 8. Gương pháp, Nội dung gồm có 3 quyển: Q.I, Vượt 9. Kỹ nữ Vườn xoài, 10. Công đức bố thí; không gian và thời gian, Nhập diệt, Tiếng II. 11 Thế Tôn lưu mạng hành, 12. Ma của Thế Tôn, Trước khi thuyết pháp, Một vương thỉnh cầu, 13. Thế Tôn xả thọ hành, luồng ánh sáng, Bồ-tát Văn-thù, Con 14. Đại địa chấn động, 15. Thế gian tám đường dẫn đến Phật quả, Lời dạy khéo léo, chúng, 16. Công bố quyết định nhập diệt, Ba loại xe, Chân lý vĩnh hằng, Sự lý giải 17. A-nan thỉnh cầu, 18. Ba tăng thượng của các vị đệ tử, Thí dụ về cỏ và cây, Lời học (2), 19. Bốn đại giáo pháp, 20. Tối tiên tri; Q.II, Thuở quá khứ xa xưa, Thành hậu cúng dường, 21. Na-già thường tại đạo, Năm trăm đệ tử, Niềm vui của các đệ định, 22. Hiện tướng Niết-bàn, 23. Dòng tử, Kinh văn tôn quý, Bồ-tát Dược Vương, nước Câu-tôn; III. 24. Táng Luân vương Bảo tháp xuất hiện, Giáo pháp vĩ đại, Đề- thức, 25. Hiện tướng lão bệnh, 26. Sa-la bà-đạt-đa, Con gái của Long vương, Phát song thọ, 27. Tôn giả Phạm-ma-na, 28. Cổ nguyện truyền đạo, Những lời dạy được tích Câu-thi thành, 29. Những người Mạt- truyền bá, Bốn an lạc hạnh, Đại địa rúng la, 30. Thánh đệ tử cuối cùng, 31. Pháp hy nứt; Q.III, Thọ mạng vô lượng, Công đức hữu của A-nan, 32. Bốn chỗ Phật tích, 33. lương dược, Công đức của niềm tin, Công Tối hậu di giáo, 34. Hiện nhập Vô dư đức tùy hỷ, Lời dạy sâu xa, Sáu căn thanh Niết-bàn, 35. Thiên nhân thống thiết, 36. tịnh, Khen ngợi Kinh Pháp Hoa, Thần lực Cúng dường di thể, 37. Ma-ha Ca-diếp, của chư Phật, Các Bồ-tát cúng dường, Sự 38. Phân chia Xá-lợi; Kết Kinh. Những ủy thác giáo pháp, Thiêu thân cúng dường, ngày cần ghi nhớ; III. KINH ĐIỂN TÔN, Thần thông lực biến hóa tự tại, Từ bi I. Nhạc thần Ban-giá-dực, 1. Hội nghị chư quảng đại, Thần chú, Sự cứu giúp của Bồ- thiên, 2. Tám pháp Vô đẳng, 3. Thường tát Quán Thế Âm, Đức Phật vĩnh hằng, Hình đồng Phạm thiên, II. Truyền ký Đại Chuyện vua Diệu Trang Nghiêm, Vị Bồ- Điển Tôn, 4. Vị phụ tướng đại thần, 5. tát cỡi voi trắng. Phân chia Vương thổ, 6. Hội kiến Phạm

Thiên, 7. Xả tục xuất gia, III. Đạo cứu III. Thuyết pháp diệt trừ bất thiện, 1. Sự cánh; IV. KINH XÀ-NI-SA, I. Nghi vấn hối hận của Ni-câu-đà, 2. Phật thuyết pháp của A-nan, 1.

Các cư sĩ được thọ ký Thánh không tranh lợi dưỡng, 3. Ma Ba-tuần; IX. quả, 2. Vua Bình Sa, II. Chư Thiên Đao-lị, KINH CHÚNG TẬP, I. Nhân duyên Ni- 1. Tì-sa-môn Thiên vương, 2. Chư Thiên kiền-tử, II. Kết tập Pháp tạng: từ 1. Pháp tập hội, 3. Phạm Thiên xuất hiện, 4. Bốn một,... đến 10. Pháp mười; X. KINH Niệm xứ, 5. Bảy Định cụ, 6. Bốn Thần THẬP THƯỢNG, gồm có 1. Pháp một,... túc, 7. Ba lối đi; Trường A-hàm Phần hai, đến 10. Pháp mười; XI. KINH TĂNG V. KINH TIỂU DUYÊN, I. Phân biệt NHẤT, gồm có 1. Pháp một,... đến 10. đẳng cấp xã hội, 1. Hai thanh niên Bà-la- Pháp mười; XII. KINH TAM TỤ, gồm có môn, 2. Kiêu mạn giai cấp, 3. Đạo đức xã 1. Pháp một,... đến 10. Pháp mười; XIII. hội phi giai cấp, II. Nguồn gốc loài người KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN, I. và đẳng cấp xã hội, 1. Nguồn gốc và sự Duyên khởi, 1. Tư duy của A-nan, 2. Quan tiến hóa của loài người, 2. Tích lũy và hệ các chi duyên khởi, 3. Ý nghĩa các chi, cạnh tranh, 3. Xuất hiện chính quyền II. Ngã kiến, 1. Y cứ thọ, 2. Y cứ sắc, III. ngyên thủy, 4. Xã hội phân hóa và phân Các trú xứ và giải thoát, 1. Bảy thức trụ, 2. công, III. Giá trị xã hội: Đạo đức và Trí Hai nhập xứ, 3. Tám giải thoát; XIV. tuệ; VI. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG KINH THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN VẤN, TU HÀNH, I. Hãy tự làm hòn đảo an toàn I. Chư thiên Đao-lị, 1. Ngũ kế nhạc thần, cho mình, II. Các triều đại chuyển luân 2. Bản tình ca dâng Phật, 3. Thiên Đế- vương, 1. Vua Kiên Cố Niệm, 2. Các triều thích, 4. Thích nữ Cù-di, II. Những câu đại kế thừa, 3. Luân vương thứ bảy, 4. hỏi của Thiên Đế-thích, 1. Nguyên nhân Quá trình xã hội băng hoại và giảm thọ, 5. tranh chấp xã hội, 2. Nguyên nhân xu Nhân loại tương tàn và tự hủy, 6. Nhân hướng bất đồng, 3. Diệt trừ hý luận, III. loại phản tỉnh và đạo đức phục hồi, 7. Kỷ Tâm tư của Thiên Đế-thích, 1. Phỏng đạo, nguyên Phật Di-lặc, III. Yếu tố hưng thịnh 2. Hỷ lạc, 3. Công đức, 4. Phạm thiên tán của Tăng-già; VII. KINH TỆ-TÚ, I. Tà thán; XV. KINH A-NẬU-DI, I. Tỳ-kheo kiến hư vô thuyết, II. Chứng lý và phản Thiện Tú, II. Thị hiện pháp thượng nhân, bác hư vô thuyết, 1. Phản luận về thế giới 1. Ni-kiền tử Giá-la-lâu, 2. Ni-kiền tử khác, 2. Ví dụ về tội phạm tử hình, 3. Ví Cứu-la-đế, 3. Phạm chí Ba-lê tử, III. Khởi dụ về hố phân, 4. Trời Đao-lị và ví dụ nguyên của thế giới, 1. Phạm thiên sáng người mù, 5. Ví dụ về ngủ mộng, 6. Ví dụ tạo, 2. Hý tiếu thiên, 3. Ý phẫn thiên, 4. về dùi lửa, 7. Ví dụ về thỏi sắt, 8. Ví dụ về Vô nhân luận, IV. Tịnh giải thoát; XVI. tiếng tù và, III. Bảo thủ tà kiến, 9. Người KINH THIỆN SINH, I. Lễ bái sáu gánh gai, 10. Hai thương đoàn, 11. Người phương, II. Lễ bái sáu phương theo Thánh đội phân, 12. Mổ bụng xem thai, 13. Nuốt pháp, 1. Điều kiện an lạc và thịnh vượng, chất độc, IV. Xả tà kiến, 14. Tệ-tú quy y, 2. Sáu trường hợp tổn tài, 3. Bốn hạng bạn 15. Đại thí hội; VIII. KINH TÁN-ĐÀ-NA, giả dối, 4. Bốn hạng bạn chân thật, III. Ý I. Cư sĩ Tán-đà-na, 1. Vườn Ô-tạm-bà-lị, nghĩa sáu phương, 1. Phương Đông, cha 2. Phạm chí Ni-câu-đà, II. Luận về pháp mẹ; 2. Phương Nam, sư trưởng; 3. Phương khổ hành, 1. Các hình thức khổ hành, 2. Tây, thê thiếp; 4. Phương Bắc, thân thích; Khổ hành cấu uế, 3. Khổ hành vô cấu, 4. 5. Phương dưới, gia nhân; 6. Phương trên, Khổ hành chắc thật, 5. Khổ hành bậc nhất, Sa-môn; IV. Kệ tụng; XVII. KINH

THANH TỊNH, I. Tranh chấp nội bộ Ni- 1. Bốn phương tiện thoái thất, 2. Học Cổ kiền tử, II. Cơ sở giáo đoàn tồn tại, 1. tiên nhân, VI. Phất-già-sa-la quy Phật, 1. Pháp luật và hành trì, 2. Đạo sư và đệ tử, Khiển trách đệ tử, 2. Diện kiến Phật, 3. III. Phạm hạnh thành tựu, 1. Phạm hạnh Đắc quả và mạng chung; XXI. KINH chi đầy đủ, 2. Phạm hạnh Phật thi

thiết, PHẠM VÕNG, I. Hai thầy trò Phạm chí, IV. Hòa hiệp và an lạc, 1. Hòa hiệp kết II. Tán thán giới, 1. Giới đoạn trừ, 2. Giới tập, 2. Tri túc bốn duyên, 3. An lạc hành, sinh hoạt ác hành, 3. Giới sinh hoạt tà V. Các kiến chấp, 1. Ký thuyết, 2. Vô ký mạng, III. Tán thán pháp vi diệu, 1. Bản thuyết, 3. Kết sử tà kiến, 4. Nhân duyên tà kiếp bản kiến, 2. Mạt kiếp mạt kiến, 3. Phê kiến, 5. Diệt trừ tà kiến. phán; XXII. KINH CHỦNG ĐỨC, I. Bà-la-môn Chủng Đức, 1. Những phẩm tính Cuốn II, Trường A-hàm, dày 502 trang; của Chủng Đức, 2. Những phẩm tính của nội dung gồm có 2 phần, 13 Kinh (từ K. Phật, II. Luận về phẩm cách cao quý, 1. XVIII đến K. XXX) như sau: XVIII. Các đức tính của Bà-la-môn, 2. Đạo đức KINH TỰ HOAN HỶ, I. Xá-lợi-phất sư tử và trí tuệ, 3. Thành tựu giới và tuệ; XXIII. rống, II. Tổng tướng pháp, 1. Pháp hắc KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU, I. Bà-la-môn bạch, 2. Pháp chế định, 3. Phân biệt xứ, 4. Cứu-la-đàn-đầu, 2. Những phẩm tính của Bốn nhập thai, 5. Bảy giác chi, 6. Bốn Phật, II. Nghi thức đại tế đàn, 1. Nghi vấn thông hành, 7. Hành vô thượng, 8. Ngôn của Cứu-la-đàn-đầu, 2. Điều kiện cơ bản hành thanh tịnh, 9. Kiến đẳng chí, 10. của tế đàn, 3. Mười sáu tư cụ, 4. Cử hành Thường trú luận, 11. Quán tha tâm, 12. tế đàn, 5. Tiền thân Phật, III. Tế đàn tối Giáo giới, 13. Giới hành thanh tịnh, 14. thắng, 1. Công đức bố thí, 2. Thành tựu Tha giải thoát trí, 15. Túc mạng trí, 16. Tam minh, IV. Cứu-la-đàn-đầu đắc quả; Thiên nhãn trí, 17. Thần túc thông, 18. XXIV. KINH KIÊN CỐ, I. Hiển thị pháp Đẳng giác, III. Phật ấn chứng, 1. Ba đời thượng nhân, 1. Đề nghị Kiên cố, 2. Ba thị chư Phật, 2. Như Lai thiểu dục tri túc, 3. đạo, II. Nghi vấn của Tỳ-kheo Thần túc, 1. Quảng bá Kinh; XIX. KINH ĐẠI HỘI, I. Trả lời của chư thiên, 2. Trả lời của Phạm Tịnh cư thiên, II. Chư thiên tập hội, III. thiên, 3. Con chim tìm bờ; XXV. KINH Phật kết chú, 1. Kết chú Càn-thác-bà, 2. LÕA HÌNH PHẠM CHÍ, I. Nghi vấn khổ Kết chú chư thiên, 3. Ngũ thông Bà-la- hành của Ca-diếp, 1. Những điều xuyên môn, 4. Các Phạm thiên, 5. Ma vương; tạc, 2. Phương pháp tỉ giảo, 3. Đạo tích, II. Trường A-hàm Phần ba, XX. KINH A- Nan hành đạo, 1. Pháp khổ hạnh, 2. Giới MA-TRÚ, I. Phất-già-sa-la nghi vấn, II. và kiến, 3. Dễ và khó hành, III. Sư tử vô Thanh niên A-ma-trú, 1. Thái độ khinh úy, 1. Thuyết pháp vô úy, 2. Thành tựu mạn, 2. Dòng họ của A-ma-trú, III. Luận thính chúng, 3. Thành tựu hoan hỷ, 4. về giai cấp, 1. Sát-lị tối thắng, 2. Minh Thành tựu cung kính, 5. Thành tựu xuất hành tối thắng, IV. Minh hành cụ túc, 1. gia, 6. Cứu cánh phạm hạnh, 7. Ca-diếp Giới cụ túc, 2. Căn luật nghi, 3. Hành tri xuất gia; XXVI. KINH TAM MINH, I. túc, 4. Chánh niệm chính tri, 5. Trừ ngũ Tranh chấp dị luận, 1. Hai thanh niên Bà- cái, 6. Đắc tứ thiền, 7. Ý thành thân, 8. la-môn, 2. Diện kiến Phật, II. Truyền Thần túc thông, 9. Thiên nhĩ thông, 10. thuyết hay chứng tri, 1. Truyền thuyết, 2. Tha tâm trí, 11. Túc mạng trí, 12. Sinh tử Như luyến ái người nữ vô hình, 3. Như bắt trí, 13. Lậu tận trí, V. Bất kham thành tựu, thang lên hư không, 4. Như qua sông A-

di-la, 5. Điều kiện cộng trú với Phạm Kinh Đại duyên Phương tiện, 14. Kinh thiên, III. Phật thuyết đường lên Phạm Thích-đề-hoàn nhân vấn, 15. Kinh A-nâu- thiên, 1. Người chỉ đường, 2. Bốn Phạm di, 16. Kinh Thiện sinh, 17. Kinh Thanh trú; XXVII. KINH SA-MÔN QUẢ, I. Vua tịnh, 18. Kinh Tự Hoan hỷ, 19. Kinh Đại A-xà-thế, 1. Cảm hứng đêm trăng rằm, 2. hội, 20. Kinh A-ma-trú, 21. Kinh Phạm Đường đến Vườn xoài, 3. Vấn đạo, II. Lục võng, 22. Kinh Chủng đức, 23. Kinh Cứu- sư ngoại đạo, 1. Phất-lan Ca-diếp, 2.

Mạt- la-đàn-đầu, 24. Kinh Kiên cố, 25. Kinh già-lê Câu-xá-lị, 3. A-kì-đà Sí-xá-khâm- Lõa hình Phạm chí, 26. Kinh Tam minh, bà-la, 4. Ba-phù-đà Già-chiên-diên, 5. 27. Kinh Sa-môn quả, 28. Kinh Bố-tra-bà- Tán-nhã Tì-la-lê tử, 6. Ni-kiền tử, III. Kết lâu, 29. Kinh Lộ-già, 30. Kinh Thế ký: 1.P quả thiết thực của Sa-môn, 1. Thiết thực Diêm-phù-đề, 2.P Uất-đan-viết, 3.P hiện tại, 2. Vi diệu Sa-môn, 3. A-xà-thế Chuyển luân Thánh vương, 4.P Địa ngục, hối cải; XXVIII. KINH BỐ-TRA-BÀ- 5.P Long điểu, 6.P A-tu-la, 7.P Tứ thiên LÂU, I. Tướng sinh diệt, 1. Tưởng đẳng vương, 8.P Đao lị thiên, 9.P Tam tai, 10.P khởi, 2. Tưởng thứ đệ diệt, 3. Tưởng đỉnh Chiến đấu, 11.P Ba trung kiếp 12.P Thế điểm, 4. Tưởng và ngã, II. Ký thuyết và vô bản duyên; IV. Thư mục đối chiếu Trường ký, 1. Mười bốn vô ký, 2. Phản ứng của A-hàm – Dighanikaya và Hán dịch đơn các Phạm chí, 3. Thực và hư dối, 4. Ô hành bản, V. Danh mục pháp số: Một, Hai, nhiễm và thanh tịnh, III. Tự thân và giới Ba, Bốn, Năm, Sáu, Bảy, Tám, Chín, hệ, 1. Hiện thân các giới hệ, 2. Tự thân Mười, Dư; VI. Từ vựng Pali – Hán – Việt; đồng và dị thời, IV. Bố-tra-bà-lâu xuất gia; Sách dẫn Trường A-hàm Hán – Pali – XIX. KINH LỘ-GIÀ, I. Tham ác thuyết Sanskrit. pháp, 1. Bà-la-môn Lộ-già, 2. Người thợ Bộ Trường A-hàm (3 cuốn) này in lần đầu hớt tóc, II. Tự lợi lợi tha, 1. Ba hạng thầy, năm 2008; tái bản năm 2012, Nxb Phương 2. Đệ nhất Tôn sư, 3. Ngăn thuyết pháp; Đông. Trường A-hàm Phần bốn, XXX. KINH THẾ KÝ, P.1 Diêm-phù-đề, P.2 Uất-đan- 1.079. TRƯỜNG BỘ KINH – viết, P.3 Chuyển luân Thánh vương, P.4 DÌGHA NIKÀYA, 4 Tập Địa ngục, P.5 Long điểu, P.6 A-tu-la, P.7 Pàli – Việt đối chiếu Tứ thiên vương, P.8 Đao lị thiên, P.9 Tam Việt dịch: tai, P.10 Chiến đấu, P.11 Ba trung kiếp TT. Thích Minh Châu (1918-2012) P.12 Thế bản duyên; Bảng Viết tắt. Tập I, Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản – 1965, dày 110 trang, bìa mềm, chữ tựa Trường A-hàm – Tổng Mục Lục màu đỏ. Nội dung gồm có 3 Kinh: Lời giới Sách này dày 422 trang; Tổng Mục lục thiệu, Lời tựa, 1. Brahmajàlasutta (Kinh gồm: I. Giới thiệu, II. Mục lục, III. Toát Phạm Võng), 2. Samannaphalasutta (Kinh yếu nội dung các Kinh Trường A-hàm, 1. Sa-môn Quả), 3. Ambatthasutta (Kinh A- Kinh Đại bản, 2. Kinh Du hành, 3. Kinh ma-trú); Điền tôn, 4. Kinh Xà-ni-sa, 5. Kinh Tiểu Tập II, Ban Tu thư Viện Đại học Vạn duyên, 6. Kinh Chuyển luân vương tu Hạnh xuất bản – 1967, dày 253 trang, bìa hành, 7. Kinh Tệ-tú, 8. Kinh Tán-đà-na, 9. mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có Kinh Chúng tập, 10. Kinh Thập thượng, 10 Kinh: Lời giới thiệu, Lời tựa, 4. 11. Kinh Tăng nhất, 12. Kinh Tam tụ, 13. Sonadanda (Kinh Chủng đức), 5.

Kùtadanta (Kinh Cửu-la-đàn-đầu), 6. Xem: Kinh Trường Bộ - 2 Tập, Đại Tạng Mahali (Kinh Ma-ha-lê), 7. Jaliya (Kinh Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu Xá-lợi), 8. Kassapasihanada (Kinh Ca- dịch. diếp Sư tử hống), 9. Potthapàda (Kinh Bô-thác-bà-lậu), 10. Subha (Kinh Tu-ba), 11. 1.080. TRƯỞNG LÃO KỆ & TRƯỞNG Kevaddha (Kinh Kiên Cố), 12. Lohicca LÃO NI KỆ, (Kinh Lô-già), 13. Tevijja (Kinh Tam Tạng Kinh – Tiểu Bộ minh); (trước mỗi bài Kinh đều có bài Đại Theragàthàpàli & Therìgàthàpali ý của Kinh đó) Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 31 Tập III, Nhà Tu thư Viện Đại học Vạn Phụ trách phiên dịch: Tỳ-khưu Indacanda Hạnh xuất bản, PL. 2516 – DL. 1972, dày (Trương Đình Dũng) 358 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và PL. 2555 – DL. 2011 màu đen. Nội dung gồm có 10 Kinh: I. Lời Buddhist Cultural Centre, giới thiệu, II. Lời tựa, 14. Kinh 125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala- Mahàpadàna (Đại Bổn), 15. Kinh Sri

Lanka Mahànidana (Đại Duyên), 16. Kinh Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, Mahàparinibbàna (Đại bát Niết-bàn), 17. 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Kinh Mahàsudassana (Đại Thiện kiến), 18. Borelesgamuwa, Sri Lanka. Kinh Janavasabha (Xà-ni-sha), 19. Kinh Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng Mahàgovinda (Đại Điển tôn), 20. Kinh màu đỏ, chữ mạ vàng. Mahàsamaya (Đại Hội), 21. Kinh Trưởng Lão Kệ, dày hơn 286 trang, nội Sakkapanha (Đế Thích sở vấn), 22. Kinh dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Mahàsatipatthàna (Đại Niệm xứ), 23. Kinh Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt Pàyàsi (Tệ Túc); ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam Tập IV, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu bản, dày 293 trang, bìa mềm, chữ tựa màu tự Pali – Sinhala; Trưởng Lão kệ, Nhóm đỏ và màu đen. Nội dung gồm có: 1. Lời Một, có 12 phẩm, với kệ ngôn của 120 giới thiệu, 2. Lời nói đầu, 3. Kinh Pàtika Trưởng lão (1-120); Nhóm Hai, có 5 (số 24): Kinh Ba Lê, 4. Kinh Udumbarikà- phẩm, với kệ ngôn của 49 Trưởng lão Sìhanàda (số 25): Kinh Ưu-đàm-ba-la Sư (121-169); Nhóm Ba, kệ ngôn của 15 tử hống, 5. Kinh Cakavatti-Sìhanàda (số Trưởng lão (170-185); Nhóm Bốn, kệ 26): Kinh chuyển luân Thánh vương, 6. ngôn của 12 Trưởng lão (186-197); Nhóm Kinh Agganna (số 27): Kinh Khởi thế Năm, kệ ngôn của 12 Trưởng lão (198- nhân bổn, 7. Kinh Sampasàdaniya (số 28): 209); Nhóm Sáu, kệ ngôn của 14 Trưởng Kinh Tự hoan hỷ, 8. Kinh Pàsàdika (số lão (210-223); Nhóm Bảy, kệ ngôn của 5 29): Kinh Thanh tịnh, 9. Kinh Lakkhana Trưởng lão (224-228); Nhóm Tám, kệ (số 30): Tưởng Kinh, 10. Kinh Sigàlovàda ngôn của 3 Trưởng lão (229-231); Nhóm (số 31): Kinh Thi-ca-la-việt, 11. Kinh Chín, kệ ngôn của 1 Trưởng lão (232); Atànàtiya (số 32): Kinh A-Sha-Nàng-Chi, Nhóm Mười, kệ ngôn của 7 Trưởng lão 12. Kinh Sangiti (số 33): Kinh Phúng (233-239); Nhóm Mười một, kệ ngôn của tụng, 13. Kinh Dasuttara (số 34): Kinh 1 Trưởng lão (240); Nhóm Mười hai, kệ Thập thượng, 14. Các Phụ lục. ngôn của 2 Trưởng lão (241-242); Nhóm Mười ba, kệ ngôn của 1 Trưởng lão (243);

Nhóm Mười bốn, kệ ngôn của 2 Trưởng lão (244-245); Nhóm Mười sáu, kệ ngôn của 2 Trưởng lão (246-247); Nhóm Hai mươi, kệ ngôn của 10 Trưởng lão (248- V 257); Nhóm Ba mươi, kệ ngôn của 3 1.081. VIÊN GIÁC Trưởng lão (258-260); Nhóm Bốn mươi, Việt dịch: Thích Giải Ngạn kệ ngôn của 1 Trưởng lão (261); Nhóm Kinh có 70 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Năm mươi, kệ ngôn của 1 Trưởng lão có 12 phần: Lời giới thiệu (Hà thành- (262); Nhóm Sáu mươi, kệ ngôn của 1 1951), Phần đầu nói về Tựa: Từ chính tôi Trưởng lão (263); Nhóm Lớn, kệ ngôn của được thân nghe… đến bình đẳng của Như 1 Trưởng lão (264) (Sau mỗi Nhóm có Lai, 10 phần giữa là chính văn: 1. Bồ-tát phần tóm lược); Thư mục Câu kệ Pàli, Văn-thù hỏi Phật, 2. Bồ-tát Phổ Hiền hỏi Thư mục Danh từ riêng, Thư mục Từ đặc Phật, 3. Bồ-tát Phổ Nhãn hỏi Phật, 4. Bồ- biệt; tát Kim Cương Tạng hỏi Phật, 5. Bồ-tát Trưởng Lão Ni Kệ, dày hơn 96 trang, nội Di-lặc hỏi Phật, 6. Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ dung gồm có: Lời giới thiệu, Các chữ viết hỏi Phật, 7. Bồ-tát Uy Đức Tự Tại hỏi tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Trưởng lão Ni Phật, 8. Bồ-tát Biện Âm hỏi Phật, 9. Bồ-tát kệ (văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt): Tịnh Chư Nghiệp chướng hỏi Phật, 10. Nhóm Một, kệ ngôn của 18 Trưởng lão Ni Bồ-tát Phổ Giác hỏi Phật, 11. Bồ-tát Viên (1-18); Nhóm Hai, kệ ngôn của 10 Trưởng Giác hỏi Phật; Phần sau cùng là Lưu lão

Ni (19-28); Nhóm Ba, kệ ngôn của 8 thông: Bồ-tát Hiền Thiện Thủ hỏi Phật. Trưởng lão Ni (29-36); Nhóm Bốn, kệ (Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá-Lợi, ngôn của 1 Trưởng lão Ni (37); Nhóm Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KG. 119) Năm, kệ ngôn của 12 Trưởng lão Ni (38- 49); Nhóm Sáu, kệ ngôn của 8 Trưởng lão 1.082. VÔ LƯỢNG THỌ KINH Ni (50-57); Nhóm Bảy, kệ ngôn của 3 (AMITABHA-VYUHA-SUTRA) Trưởng lão Ni (58-60); Nhóm Tám, kệ Hán dịch: Thiên Trước Tam Tạng Khang ngôn của 1 Trưởng lão Ni (61); Nhóm Tăng Khải (Samghavarman) Chín, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (62); Việt dịch: Đoàn Trung Còn Nhóm Mười một, kệ ngôn của 1 Trưởng Phật học Tòng thơ xuất bản, In kỳ nhì – lão Ni (63); Nhóm Mười hai, kệ ngôn của 1972 1 Trưởng lão Ni (64); Nhóm Mười sáu, kệ Kinh dày 222 trang, bìa mềm, nền trắng, ngôn của 1 Trưởng lão Ni (65); Nhóm Hai chữ tựa màu đen, chữ Hán màu đỏ, có mươi, kệ ngôn của 5 Trưởng lão Ni (66- hình Tam Thánh nhỏ ở phần cuối. Nội 70); Nhóm Ba mươi, kệ ngôn của 1 dung gồm có: Phần đầu, Vô Lượng Thọ Trưởng lão Ni (71); Nhóm Bốn mươi, kệ Kinh nguyên văn chữ Hán và dịch âm; ngôn của 1 Trưởng lão Ni (72); Nhóm Phần sau, dịch Việt văn: (Thời gian và xứ Lớn, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (73); sở nghe Kinh, Các chúng Thinh văn, Các Thư mục Câu kệ Pàli, Thư mục Danh từ chúng Bồ-tát, Cơ duyên đại giáo khởi lên, riêng, Thư mục Từ đặc biệt. Chư cổ Phật xuất hưng, Địa vị nhơn duyên của ngài Pháp Tạng, Phát nguyện trước Phật, có 48 nguyện, Chứa trồng đức hạnh,

Ngài Pháp Tạng thành Phật, Cõi nước quí không? 1.6.2 Thọ mạng của Phật Di-đà là báu trang nghiêm, Quang minh vô lượng, hữu lượng hay vô lượng? 1.6.3 Cầu sanh Thọ mạng vô lượng, Thánh chúng vô Tịnh độ là Tiểu thừa hay Đại thừa? 1.6.4 lượng, Các cây bảy báu, Cây báu nơi đạo Vãng sanh Tịnh độ nói theo ý nghĩa rốt tràng, Đường xá-lầu quán, Hồ tắm thất ráo trong Phật pháp thì là hữu sanh hay vô bảo, Đồ mặc-đồ ăn tự nhiên, Nhan sắc sanh? 1.6.5 Vãng sanh Cực lạc cần phải dung mạo đoan chánh, Khen chung sự hội đủ những nhân duyên nào? 1.6.6 Mười trang nghiêm, Trong ánh hoa sen hiện ra niệm liên tục bèn được vãng sanh là chư Phật, Ba lớp vãng sanh, Chư Phật chuyện có thể ư? 1.7 Giải thích về người mười phương đều khen ngợi, Bồ-tát bổ xứ, dịch và người chú giải, 1.7.1 Luận về Bồ-tát ra đi cúng dường, Vô lượng thuyết người dịch, 1.7.2 Luận về người chú giải, pháp, Công đức của Bồ-tát, Khuyên tấn tới 2. Chánh giảng (phần giảng giải chánh đặng vãng sanh, Năm sự dữ-năm sự lành, yếu), 2.1 Huyền nghĩa, 2.1.1 Phán định Khuyên dạy thêm nữa, Lễ Phật hiện ra hào rạch rời giáo pháp, 2.1.1.1 Nêu rõ giáo quang, Nghi hoặc thai sanh, Các hàng Bồ- tướng của hai đạo, 2.1.1.2 Giải thích về sự tát được vãng sanh, Chỉ lưu lại Kinh này khó dễ giữa hai đường, 2.1.2.1.2 Giải thích mà thôi, Nghe Kinh được lợi ích). (Phần về năng y (người dựa vào Kinh tạo luận), cuối một số trang có chú thích) và nêu bày hai thứ lực dung, 2.1.2.1.3 Nêu Tác phẩm này đã được Phật học Tòng thơ lên tựa đề của bộ luận, giải thích về sự xuất bản năm 1947, Việt dịch: Huyền Mặc phiên dịch, 2.1.2.2 Giảng giải tựa đề của Đạo Nhân và Đoàn Trung Còn. (Bản lưu bộ luận, 2.1.2.2.1 Giảng giải tựa đề của bộ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học luận, 2.1.2.2.2 Giải thích về tên của người Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: tạo luận, 2.2.1.2 Giải thích kệ văn, Vie 2034) 2.2.1.2.1 Luận chủ tự thệ, 2.2.1.2.2 Nói đại lược về phần kệ tụng thuộc lễ bái-tán 1.083. VÔ LƯỢNG THỌ KINH thán-và tác nguyện môn, 2.2.1.2.2.1 Ba ƯU-BÀ-ĐỀ-XÁ Chú Giải Giảng Nghĩa

niệm môn, 2.2.1.2.3 Phần kệ rộng lớn về Tạo luận: Thế Thân Bồ-tát Quán sát môn và Hồi hướng môn, Hán dịch luận: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi 2.2.1.2.3.1 Quán sát môn, 2.2.1.2.3.1.1 Chú giải: Sa-môn Đàm Loan; Giảng Quán sát công đức thanh tịnh của khí thế nghĩa: Sa-môn Tánh Phạm gian, 2.2.1.2.3.1.1.1 Công đức thanh tịnh, Chuyển ngữ: Đệ tử Như Hòa 2.2.1.2.3.1.1.2 Lượng Công đức, Giảo chính: Đức Phong và Huệ Trang 2.2.1.2.3.1.1.3 Tánh Công đức, Nxb Hồng Đức – 2020. Kinh có khổ 18.8 2.2.1.2.3.1.1.4 Hình tướng Công đức, x 26cm, dày 481 trang, bìa cứng, nền màu 2.2.1.2.3.1.1.5 Chủng chủng sự Công đức, tím, chữ tựa mạ trắng bạc. Nội dung gồm 2.2.1.2.3.1.1.6 Diệu sắc Công đức, có: Đôi nét về Pháp sư Tánh Phạm, 2.2.1.2.3.1.1.7 Xúc Công đức, 1. Huyền đàm, 1.1 Thích danh, 1.1.1 Vô 2.2.1.2.3.1.1.8 Ba thứ Công đức, lượng thọ Kinh, 1.1.2 Ưu-bà-đề-xá, 1.1.3 2.2.1.2.3.1.1.8.1 Công đức của nước, Nguyện sanh kệ, 1.2 Biện định cái Thể, 2.2.1.2.3.1.1.8.2 Công đức nơi đất, 1.3 Minh định Tông, 1.4 Luận định về 2.2.1.2.3.1.1.8.3 Công đức nơi hư không, Dụng, 1.5 Phán định giáo tướng, 1.6 Vấn 2.2.1.2.3.1.1.9 Vũ Công đức, đáp từ nghi, 1.6.1 Có Cực lạc Tịnh độ hay 2.2.1.2.3.1.1.10 Quang minh Công đức,

2.2.1.2.3.1.1.11 Diệu thanh Công đức, 2.2.2.2.2.2.2 Giải thích từng môn trong 2.2.1.2.3.1.1.12 Chú Công đức, năm môn, 2.2.2.2.2.2.2.1 Lễ bái môn, 2.2.1.2.3.1.1.13 Quyến thuộc Công đức, 2.2.2.2.2.2.2.2 Tán thán môn, 2.2.1.2.3.1.1.14 Thọ dụng Công đức, 2.2.2.2.2.2.2.3 Tác nguyện môn, 2.2.1.2.3.1.1.15 Vô chư nạn Công đức, 2.2.2.2.2.2.2.4 Quán sát môn, 2.2.1.2.3.1.1.16 Đại nghĩa Công đức, 2.2.2.2.2.2.2.5 Hồi hướng môn, , 2.2.2.2.3 2.2.1.2.3.1.1.17 Công đức hết thảy điều Quán hạnh thể tướng, 2.2.2.2.3.1 Khí thể, mong cầu đều được thỏa mãn, 2.2.2.2.3.1.1 Quán thể tướng của quốc độ 2.2.1.2.3.1.2 Tiểu kết thành phát nguyện ấy, 2.2.2.2.3.1.1.1 Nêu chung sự chẳng thể vãng sanh, 2.2.1.2.3.1.3 Quan sát công nghĩ bàn, 2.2.2.2.3.1.1.2 Giải thích chi tiết đức thanh tịnh của chúng sanh thế gian, mười bảy công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.1 Nêu 2.2.1.2.3.1.3.1 Hai môn quan sát của chung, 2.2.2.2.3.1.1.2.2 Nói rõ riêng biệt chúng sanh thế gian, 2.2.1.2.3.1.3.2 Giải từng điều, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.1 Công đức thích về chúng sanh, 2.2.1.2.3.1.3.3 Quan thanh tịnh, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.2 Lượng công sát công đức trang nghiêm của A-di-đà đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.3 Tánh công đức, Như Lai, 2.2.1.2.3.1.3.3.1 Công đức của 2.2.2.2.3.1.1.2.2.4 Hình tướng công đức, hoa tòa, 2.2.1.2.3.1.3.3.2 Công đức nơi 2.2.2.2.3.1.1.2.2.5 Công đức các thứ sự, thân nghiệp, 2.2.1.2.3.1.3.3.3 Công đức 2.2.2.2.3.1.1.2.2.6 Diệu sắc công đức, nơi khẩu nghiệp, 2.2.1.2.3.1.3.3.4 Công 2.2.2.2.3.1.1.2.2.7 Xúc công đức, đức nơi tâm nghiệp, 2.2.1.2.3.1.3.3.5 Công 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8 Ba công đức, đức của đại chúng, 2.2.1.2.3.1.3.3.6 Công 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.1 Nước, đức của thượng thủ, 2.2.1.2.3.1.3.3.7 Chủ 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.2 Đất, Công đức, 2.2.1.2.3.1.3.3.8 Bất hư tác trụ 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.3 Hư không, trì Công đức, 2.2.1.2.3.1.3.4 Quan sát 2.2.2.2.3.1.1.2.2.9 Vũ công đức, Công đức trang nghiêm các vị Bồ-tát cõi 2.2.2.2.3.1.1.2.2.10 Quang minh công đức, ấy, 2.2.1.2.3.1.3.4.1 Nêu chung bốn loại 2.2.2.2.3.1.1.2.2.11 Diệu thanh công đức, Công đức, 2.2.1.2.3.1.3.4.2 Vấn đáp trừ 2.2.2.2.3.1.1.2.2.12 Chủ công đức, nghi, 2.2.1.2.3.1.3.4.3 Nói riêng bốn loại 2.2.2.2.3.1.1.2.2.13 Quyến thuộc công công đức, 2.2.1.2.3.1.3.4.3.1 Công đức đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.14 Thọ dụng công ứng hóa bất động, 2.2.1.2.3.1.3.4.3.2 Công đức,

2.2.2.2.3.1.1.2.2.15 Công đức không đức đồng thời đến trọn khắp, có các nạn, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.16 Công đức 2.2.1.2.3.1.3.4.3.3 Công đức cúng dường đại nghĩa môn, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.17 Công tán thán không thừa sót, 2.2.1.2.3.2 Hồi đức hết thảy mong cầu đều được thỏa hướng môn, 2.2.1.3 Tổng kết kệ tụng, mãn, , 2.2.2.2.3.1.2 Thị hiện tự lợi-lợi tha, 2.2.1.4 Vấn đáp để trừ nghi hoặc, 2.2.2 , 2.2.2.2.3.1.3 Nhập đệ Nhất nghĩa đế, Giảng giải phần Luận thích, 2.2.2.1 Nêu 2.2.2.2.3.2 Chúng sanh thể, 2.2.2.2.3.2.1 chung, 2.2.2.1.1 Chia thành các chương, Quán Phật, 2.2.2.2.3.2.1.1 Nêu chung tám 2.2.2.1.2 Giải thích Kinh văn, 2.2.2.2 Giải thứ tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2 Giải thích cặn kẽ thích ý nghĩa, 2.2.2.2.1 Đại ý của bài tám thứ tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2.1 Nêu bày Nguyện sanh kệ, 2.2.2.2.2 Khởi quán sanh tám thứ tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2.2 Nêu rõ tín, 2.2.2.2.2.1 Chỉ ra ngũ niệm lực, mỗi tướng trong tám tướng, 2.2.2.2.2.2 Nêu ra ngũ niệm môn, 2.2.2.2.3.2.1.2.2.1 Tòa công đức, 2.2.2.2.2.2.1 Nêu chung ngũ niệm môn, 2.2.2.2.3.2.1.2.2.2 Thân nghiệp công đức,

2.2.2.2.3.2.1.2.2.3 Thân nghiệp công đức, 2.2.2.2.10.2.2 Giải thích môn nhập thứ 2.2.2.2.3.2.1.2.2.4 Tâm nghiệp công đức, nhất, 2.2.2.2.10.2.3 Giải thích môn nhập 2.2.2.2.3.2.1.2.2.5 Đại chúng công đức, thứ hai, 2.2.2.2.10.2.4 Giải thích môn 2.2.2.2.3.2.1.2.2.6 Thượng thủ công đức, nhập thứ ba, 2.2.2.2.10.2.5 Giải thích môn 2.2.2.2.3.2.1.2.2.7 Chủ công đức, nhập thứ tư, 2.2.2.2.10.2.6 Môn thứ năm 2.2.2.2.3.2.1.2.2.8 Bất hư tác trụ trì công là Xuất, 2.2.2.2.10.3 Tổng kết thành tựu đức, 2.2.2.2.3.2.1.3 Thị hiện đức tự lợi-lợi của hai thứ lợi, 2.2.2.2.10.3.1 Tự lợi, tha của Như Lai, 2.2.2.2.3.2.2 Quán Bồ- 2.2.2.2.10.3.2 Lợi tha, 2.2.2.2.10.3.3 Trọn tát, 2.2.2.2.3.2.2.1 Nêu chung bốn thứ vẹn hai điều lợi, 2.3 Tổng kết; Hồi hướng. công đức do chánh tu hành, 2.2.2.2.3.2.2.2 Giải thích tường tận bốn thứ công đức chánh tu hành, 2.2.2.2.3.2.2.2.1 Bất động ứng hóa đức, 2.2.2.2.3.2.2.2.2 Đồng thời biến chí đức, 2.2.2.2.3.2.2.2.3 Vô dư cúng X tán đức, 2.2.2.2.3.2.2.2.4 Biến thị Tam bảo 1.084. XUẤT GIA CÔNG ĐỨC đức, 2.2.2.2.4.1 Quảng lược tương nhập, (Kinh Xuất Gia Công Đức) 2.2.2.2.4.2 Hai thứ thanh tịnh, 2.2.2.2.5 Việt dịch: Minh Lễ Thiện xảo nhiếp hóa, 2.2.2.2.5.1 Thành Chứng minh: TT. Thích Trí Tịnh tựu nhu nhuyễn tâm, 2.2.2.2.5.2 Như thật Chùa Vạn Đức, PL. 2512 – DL. 1968 biết các pháp, 2.2.2.2.5.3 2.2.2.2.5 Xảo Kinh có 83 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ phương tiện hồi hướng, 2.2.2.2.6 Ly Bồ-đề tựa màu vàng, có hình bánh xe pháp luân. chướng, 2.2.2.2.6.1 Nêu chung ba thứ Nội dung gồm có: Tựa, Kinh Xuất Gia chướng, 2.2.2.2.6.2 Nêu riêng từng pháp Công Đức, Tiểu sử và công hạnh Ấn trong ba loại chướng, 2.2.2.2.6.2.1 Nương Quang Đại sư, Chí thành niệm Phật, Công theo Trí tuệ môn, 2.2.2.2.6.2.2 Nương theo đức in tạo Kinh tượng. (Bản lưu tại Thư Từ bi môn, 2.2.2.2.6.2.3 Nương theo viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Phương tiện môn, 2.2.2.2.6.3 Tổng kết, tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2171) 2.2.2.2.7 Thuận Bồ-đề môn, 2.2.2.2.7.1 Nêu chung ba môn, 2.2.2.2.7.2 Nêu rõ từng môn riêng biệt trong ba môn, 2.2.2.2.7.2.1 Vô nhiễm thanh tịnh tâm, 2.2.2.2.7.2.2 An thanh tịnh tâm, 2.2.2.2.7.2.3 Lạc thanh tịnh tâm, 2.2.2.2.7.3 Tổng kết, 2.2.2.2.8 Danh nghĩa nhiếp đối, 2.2.2.2.8.1 Ba loại môn được thâu nhiếp, 2.2.2.2.8.2 Lìa ba loại pháp, 2.2.2.2.8.3 Thành tựu ba thứ tâm, 2.2.2.2.9 Nguyện sự thành tựu, 2.2.2.2.9.1 Có thể sanh vào Tịnh độ, 2.2.2.2.9.2 Tùy ý tự tại, 2.2.2.2.10 Lợi hành mãn túc, 2.2.2.2.10.1 Nêu chung, 2.2.2.2.10.2 Phần giải thích chánh yếu,

2.2.2.2.10.2.1 Nêu chung các công đức thành tựu xuất nhập,

phụng sự chư Phật và thiện tri thức, 10.

Y Khuyên chỉ cầu quả Phật, 11. Khuyên kết duyên với các đạo tục đã phát tâm Bồ-đề, 12. Khuyên học thông Kinh điển viên đốn, 13. Khuyên hiểu tất cả pháp trợ Bồ-đề, 14. 1.085. Yếu Chỉ HOA NGHIÊM Khuyên biết rõ Bốn pháp buông lung của – 2 Tập Việt dịch và chú thích: Bồ-tát, 15. Khuyên biết Bốn Pháp mau chóng của Bồ-tát, 16. Khuyên biết rõ Thích Nguyên Chơn Nxb Hồng Đức – 2015 Công đức của tâm Bồ-đề, 17. Giải thích Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn những nghi ngờ về sai biệt Phàm Thánh; 738 trang, bìa mềm, có hộp. Tập II, dày hơn 357 trang. Nội dung gồm Tập I, dày hơn 381 trang. Nội dung gồm có: Kim Sư tử chương Vân gian loại giải, có: Tựa, Chỉ thú Kinh Hoa Nghiêm 1. Nơi Tựa, 1. Luận về Duyên khởi, 2. Bàn về thuyết Kinh, 2. Thời gian thuyết Kinh, 3. sắc-không, 3. Căn cứ Ba tánh, 4. Hiển thị Đức Phật thuyết Kinh, 4. Chúng thuyết Vô tướng, 5. Thuyết về Vô sanh, 6. Luận Kinh, 5. Cách thức thuyết Kinh, 6. Luận về Năm giáo, 7. Thống suất Mười huyền, về giáo của Kinh, 7. Hiển thị nghĩa Kinh, 8. Khái quát sáu tướng, 9. Thành tựu Bồ- 8. Giải thích ý Kinh, 9. Lợi ích của Kinh, đề, 10. Nhập Niết-bàn; Hoa Nghiêm Kinh 10. Nêu lên chỗ viên mãn của Kinh; Đại ý nghĩa hải bách môn, 1. Duyên sanh hội Kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm du Tâm tịch, 2. Thật tế liễm tích, 3. Chủng trí phổ Pháp giới ký, Tựa, Du Tâm Pháp giới ký, diệu, 4. Chiếu soi dung thông nhậm vận, 5. Luận Nhất thừa quyết nghi, 1. Phản bác Thể dụng hiển lộ, 6. Sai biệt hiển hiện, 7. lời của Trình Tử, 2. Phản bác lời của Tu học nghiêm thành, 8. Đối trị được lợi Trương Tử, 3. Phản bác lời của Chu Tử, 4. ích, 9. Thể dụng khai hợp, 10. Quyết trạch Phản bác lời của Lục Tử, 5. Phản bác lời thành tựu, Bạt cho việc Hiệu đính; Hoa của Kính Trai Hồ Tử, 6. Phản bác lời của Nghiêm Ngũ giáo Chỉ Quán, 1. Pháp có Kinh Dương Cố Tử, 7. Phản bác lời của Ngã không, 2. Sanh tức vô sanh, 3. Sự-lý Lương Khê Cao Tử, Bạt; Diệu nghĩa viên dung, 4. Ngữ và Quán song tuyệt, 5. thành Phật của Hoa Nghiêm Nhất thừa, 1. Hoa Nghiêm Tam-muội; Nguyên Nhân Các môn thành Phật, 2. Những hạng người luận, 1. Phá mê chấp của người học Nho nhất định chứng đắc, 3. Giáo nghĩa sai và Đạo, 2. Phá tâm thiên lệch và thiển cận biệt, 4. Những hạng người mau được của người học giáo bất liễu nghĩa, 3. Thật thành Phật, 5. Hỏi đáp phân biệt; Hoa giáo liễu nghĩa chỉ thẳng nguồn chân, 4. Nghiêm Pháp giới Huyền cảnh, Quyển Hội qui dung thông bản-mạt; Hoa Nghiêm thượng, Quyển hạ; Văn Khuyên Tăng-tục Phát Bồ-đề Tâm chương, 1. Phát tâm, 2. Phát tâm Bồ-đề, Tựa, Văn Khuyên Tăng- Phân biệt giáo, 3. Nêu lỗi, 4. Biểu đức; tục Phát tâm Bồ-đề, 1. Ý nghĩa danh từ Hoa Nghiêm Nhất thừa Thập Huyền môn, Bồ-đề, 2. Thể của tâm Bồ-đề, 3. Ba tâm, 4. I. Lập Dụ luận thành Pháp, II. Dùng Pháp Năm thệ nguyện, 5. Khuyên hằng giữ tâm hội Lý; Tu Hoa Nghiêm áo chỉ Vọng tận Bồ-đề, 6. Khuyên độ chúng sanh, 7. hoàn nguyên quán, Bạt, Phụ lục: Mười Khuyên gom nhóm phước đức, 8. Khuyên năng lực tự tại của Bồ-tát ghi trong Kinh tu học Phật pháp, 9. Khuyên đích thân Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh yếu chỉ, Tựa, 1. Tựa về

Huyền chỉ, 2. Giải thích đề Kinh, 3. Phân 1.087. Yếu Chỉ KINH PHÁP HOA chương mục và giải thích, 4. Giải thích Biên soạn: Nguyên Hiểu Pháp năm hối. Việt dịch: Thích Như

Điển Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần đầu nói 1.086. Yếu Chỉ KINH PHÁP HOA về Đại ý Kinh Pháp Hoa; Phần hai là giải Tác giả: HT. Thích Thắng Hoan thích về Tông chỉ của Kinh; Phần ba là Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 phần: hợp lại làm sáng tỏ và khai thị chỗ dụng Phần mở đầu; Yếu chỉ Kinh Pháp Hoa: I. (trong mỗi phần còn có hỏi và đáp). P.10 Pháp sư); II. Phần Thị Phật tri kiến, - P.11 Hiện bảo tháp; III. Phần Ngộ Phật tri 1.088. Yếu Chỉ TÂM KINH BÁT-NHÃ kiến (từ P.12 Đề-bà-đạt-đa đến P.22 Chúc Tác giả: Thích Thông Phương lụy); IV. Phần Nhập Phật tri kiến (từ P.23 Nội dung tác phẩm này gồm có 5 phần: I. Dược vương Bồ-tát đến P.28 Phổ Hiền Dẫn nhập, II. Tinh thần Bát-nhã là phá Bồ-tát khuyến phát); Phụ bản: I. a. Pháp chấp, phủ định, III. Khẳng định, IV. Vượt Hoa Nhị diệu, b. Pháp Hoa Tam chu đặng qua dấu vết văn tự ngôn ngữ, V. Tóm kết. Pháp Hoa Lục thụy, e. Pháp Hoa Ngũ giải Kinh) trùng Huyền nghĩa; II. Những Kinh Luận Hán tạng)

NHỮNG TÁC PHẨM KINH thân của vị vua trời, - Chàng Kim Thiên, Dứt lụy trần, - Chú Tâm Mai, - Sạch nhơ DIỄN VĂN VẦN - THI HÓA cũng một lòng này, - Triệu Cát Tường, - Năm trăm người nghèo, - Bố thí đầu, - Bố 1.089. Đại cương KINH PHÁP HOA thí mắt, - Năm trăm người mù, - Phụng đô, Tác giả: HT. Thích Hồng Đạo - Áo rách lòng vàng, - Đại kiếp Tân ninh, - Chùa Qui Sơn (Vũng Tàu) xuất bản PL. Vi diệu Tỳ-khiêu Ni, - Người mẹ từ hòa, - 2516 – DL. 1972 Hóa thân cứu đời, - Vẽ tranh hóa đạo, - Sách dày 318 trang, bìa mềm; nội dung Con rắn cúng ngọc, - Thắng lòng tham gồm có: Lời giới thiệu, Lời giới thiệu của dục, - Nước vua Phạm thiên, - Xuống biển Bút giả, Nghi thức Nguyện hương: Đảnh tìm Kinh, - Bà buôn tơ trợ đạo, Con chim lễ-Kỳ nguyện-Sám hối, Nghi thức Khai soi nước, - Nhân quả chẳng dời, - Một Kinh trì tụng, và 28 phẩm Kinh Pháp Hoa lòng trợ đạo, - Vì đức quên thân, - Cá ba diễn kệ (theo thể ngũ ngôn, mỗi câu năm đầu, - Chúa Tiên cúng Phật, - Thiên tán ca. chữ). Sau cùng là Tâm Kinh Bát-nhã Ba- Tác phẩm Kinh Hiền này đã được xuất la-mật-đa, Vãng sanh Thần chú, Kệ khen bản lần đầu vào năm 1971. tướng Phật, Sám Quy Mạng, Phúng Kinh Hồi hướng, Phục nguyện (các Bài cầu 1.091. KIM CANG Tinh Yếu nguyện Cầu an – Cầu siêu), Tam Tự quy; (Vajracchedika Prajna Paramita) Phụ trương: Các bài Cầu nguyện. Vũ Anh Sương Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2008 1.090. HỘI HOA ĐÀM – Kinh Hiền Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, dày 176 trang, Tác giả: Phạm Thiên Thư bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu Nxb Văn Nghệ - 2006 (HT. Thích Thiện Trí), Lời giới thiệu (HT. Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 463 trang, Thích Giác Toàn), Thoại đầu thơ, Ngợi bìa cứng, chữ tựa màu trắng, có hình vẽ ba Kinh Kim Cang tinh yếu, Kim Cang Tâm, chiếc lá. Toàn bộ tác phẩm Hội Hoa Đàm Kim Cang kệ, 32 đoạn Kinh thi hóa, Kim gồm có hơn 50 bài từ Kinh Hiền Ngu thi Cang chơn ngôn, Tán viết, Chú thích Kim hóa, với hơn 12.050 câu thơ lục bát. Phần Cang tinh yếu, Chú thích Kim Cang kệ, đầu là Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2, Hồi hướng. Đề tựa; Phần nội dung: - Cơ duyên, - Hội Tác phẩm này được tái bản năm 2015, Phật dưới hoa, - Giữa đài mây tỏa, - Ngàn Nxb Tôn Giáo. ngọn hương dâng, - Hủy thân cầu đạo, - Chim Tiên cầu đạo, - Trăm con hạc trắng, 1.092. KINH A-DI-ĐÀ nghĩa - Hoa đơm hố lửa, - Rũ áo hồng trần, - Phật Học Tùng Thư – Kinh Tụng Giếng mắt rồng, - Trồng đào cúng Phật, - Việt dịch: HT. Huệ Đăng Lão đánh cá và thần biển, - Tìm duyên giải Hương Đạo xuất bản, Nhà in Sen Vàng thoát, - Người con hiếu hạnh, - Thay đổi (Sài Gòn) tái bản dung hoa, -

Ngọc nở thành sen, - Bắc cầu Giấy phép số 1526/XB. H.Đ.K.D. ngày dâng Phật, - Luyện kiếm độ đời, - Hạnh 13-7-1962 nhẫn nhục, - Chính đạo, - Phép mầu khai Kinh có 45 trang, khổ nhỏ. Nội dung gồm ngộ, - Hạnh nguyện, - Đức vua và con voi, có: Nghi thức Tụng Kinh A-di-đà nghĩa, - Phép trai giới, - Nàng Vân Anh, - Tiền Cúng hương, Tán thán Phật, Quán tưởng,

Đảnh lễ, Tán lư hương, Bài kệ khai Kinh; HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) Kinh A-di-đà (Kinh được dịch chuyển theo Tạp chí Liên Hoa số 4 – 5, xuất bản - thể thơ song thất lục bát), Tâm Kinh, Vãng 1958. Nội dung Kinh gồm có Tám điều sanh Thần chú, Bài Tán thán Phật A-di-đà, giác ngộ của bậc đại nhân (Bồ-tát) được Bài Tĩnh thế thứ nhứt, Sám Hồng trần, chuyển dịch theo thể thơ Song thất lục bát, Vãng sanh Thần chú, Hồi hướng, Phục rất thuận tiện trong việc tụng niệm hằng Lành. Sanskrit/Hán tạng)

1.093. KINH BÁCH DỤ 1.097. KINH DIỄN NGHĨA – Chuyển thơ: Tâm Minh-Ngô Tằng Giao TỊNH ĐỘ CHÁNH TÔNG Diệu Phương xuất bản 2007. Tác phẩm Diễn nghĩa và giải: Kinh chuyển thơ này gồm có 176 trang HT. Thanh Kế - Huệ Đăng (1873-1953) (PDF), nội dung: - Lời nói đầu, - Phần Nxb Tôn Giáo – 2013, khổ 16 x 24cm, dày Duyên khởi; Nội dung có 98 truyện ví dụ hơn 187 trang, bìa mềm. được chuyển theo thể thơ lục bát, cấu trúc Toàn bộ tác phẩm Kinh diễn nghĩa này được chia thành 3 phần, I. Từ truyện 1 – gồm có 2 phần: Phần I, Kinh diễn nghĩa, - 33; II. Từ truyện 34 – 66; III. Từ truyện 67 Lời cẩn bạch, - Nghi thức tụng niệm, Kinh học-PDF) Lan, Kinh Báo Ân, Bổ khuyết Tâm Kinh, Các bài sám; Nhơn tu sám nghĩa, Sám khể 1.094. KINH BÁO HIẾU thủ, Sám nhứt tâm, Sám thái bình, Nguyện Phổ thơ: tiêu nguyện sanh, Phục nguyện, Tự Quy y; Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987) Phần II, Tịnh độ chánh tông, - Lời tựa, P.1 Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần đầu là Hồi tâm hướng Đạo, P.2 Khuyến tu Tịnh Nghi thức tụng niệm (Tán hương, Khai độ, P.3 Tịnh độ hành nghi, P.4 Ngũ hối Kinh), chánh Kinh (Kinh được phổ thơ Bửu sám, P.5 Diễn giải chữ "Từ". theo thể Lục bát), sau cùng là Bát-nhã Tâm Kinh và Nghi thức Hồi hướng. 1.098. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – Kệ tụng: Huyền Không Cư sĩ 1.095. KINH BÁT CHÁNH ĐẠO Nxb Hồng Đức, PL. 2562 – DL. 2018 (tái Ban Biên tập Thiền Tôn Phật Quang bản lần thứ 13) Nxb Tôn Giáo – 2015 Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 429 trang, bìa Toàn bộ Kinh Bát Chánh Đạo (Chánh cứng, chữ mạ vàng. Toàn bộ Kinh gồm có Kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh 7 quyển, 28 phẩm Kinh được chuyển sang Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, thể kệ tụng tứ ngôn, mỗi câu 4 chữ, mỗi Chánh Niệm, Chánh Định) được chuyển khổ 4 câu. Nội dung như sau: Phần Khai thể theo thơ ngũ ngôn, mỗi câu 5 chữ, mỗi Kinh, Nghi thức lễ tụng; Phần Kinh văn, khổ 4 câu. Q.I P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, Sự tích chép 1.096. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Kinh thoát nạn giặc cướp; Q.II P.3 Thí dụ, Hán dịch: Tổ An Thế Cao P.4 Tín giải, Sự tích chép Kinh thoát khổ; Dịch văn vần: Q.III P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7

Hóa thành dụ, Sự tích đọc Kinh thoát khổ; Kinh, hồng danh chư Phật và Bồ-tát, Tiêu Q.IV P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9 Thọ tai Cát tường thần chú, Hồi hướng, Tam tự học-vô học ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện Quy y; Chú thích nghĩa. bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, Sự tích tụng đề Kinh mình và người đề thoát 1.100. KINH ĐỊA TẠNG – khổ; Q.V P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa Bằng Văn Vần dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17

Dịch giả: Tuệ Chiếu – Phạm Công Huyền Phân biệt Công đức, Sự tích chép Kinh Hiệu đính: Tỳ-kheo Thích Đồng Bổn cứu bạn đồng học; Q.VI P.18 Tùy hỷ Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 154 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai trang. Nội dung tác phẩm này có 13 phẩm: thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Lời nói đầu; P.1 Cung trời Đao Lợi, P.2 Vương Bồ-tát bổn sự, Sự tích tụng Kinh Phân thân hội họp, P.3 Nghiệp duyên thoát nữ thân; Q.VII P.24 Diệu Âm Bồ-tát, chúng sanh, P.4 Nghiệp cảm chúng sinh, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 P.5 Tên các địa ngục, P.6 Phật ngợi khen Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương công đức Bồ-tát Địa Tạng, P.7 Lợi ích cho bổn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, kẻ còn-người mất, P.8 Các vua Diêm-la Sự tích nghe Kinh khỏi thân chim, Sự tích khen ngợi Công đức, P.9 Xưng Danh hiệu tụng Kinh cứu toàn thành; Phần Hồi chư Phật, P.10 So sánh Công đức Nhân hướng, Bát-nhã Tâm Kinh, Hồi hướng; duyên Bố thí, P.11 Nói về địa thần-hộ Phần Giới thiệu, Lời giới thiệu 1, Lời giới pháp, P.12 Nói về lợi ích được nghe hoặc thiệu 2, Cảm đề Pháp Hoa, Thoại đầu, Chú được thấy Bồ-tát Địa Tạng, P.13 Ủy thác thích; Phụ lục: Lịch sử Kinh Diệu Pháp tế độ nhân duyên; Phần chú thích. Liên Hoa. Tác phẩm này tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo. 1.099. KINH DƯỢC SƯ Bổn Nguyện Công Đức (Diễn văn vần) 1.101. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN Hán dịch: Tam tạng Pháp sư NGUYỆN (Bằng văn bằng) Huyền Trang (602-664) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng Việt dịch: Thích Huyền Dung Việt dịch: Diễn văn vần: Thích Hạnh Thành HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Kinh Chuyển vận: TK. Thích Trí Thường – có khổ 14 x 20cm, có 66 trang, bìa mềm, TK. Thích Linh Như nền đỏ, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 18 x Phật Dược Sư. Tác phẩm này gồm có phần 28cm, dày hơn 181 trang, bìa mềm, nền đầu là Nghi thức tụng niệm (Niệm hương, màu đen, chữ tựa Kinh màu vàng. Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tán Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và 3 quyển dương chi, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Tán (Thượng-Trung-Hạ), với 13 phẩm Kinh Phật); Phần nội dung chính là Kinh Dược Địa Tạng chuyển vận văn bằng; Chú Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện thích; Phụ lục, Kinh Vu Lan bồn, Kinh Công Đức diễn văn vần theo thể song thất Báo hiếu Phụ mẫu Trọng ân, Sám Vu Lan. lục bát; Phần sau là Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn, Tán Dược Xoa, Bát Nhã Tâm

1.102. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 75 trang, NGUYỆN (Diễn văn vần) bìa mềm. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng Nội dung gồm có: Lời nói đầu và Kinh Việt dịch: Kim Cang diễn ngâm được diễn theo thể HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) thơ Song thất lục bát, hai bài kệ chuyển Diễn văn vần: Thích Hạnh Thành thể Lục bát, đoạn cuối Kinh là văn xuôi và Nxb Tôn Giáo – 2007. Kinh có khổ 13 x kệ Hồi hướng (Ngũ ngôn). 19cm, có 150 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này gồm có: Bài tựa Địa Tạng Bồ- 1.106. KINH LỜI VÀNG tát, Bài tán nguyện hương, Bài văn phát (Thi hóa Dhammapada-sutta) nguyện, Bài kệ khai kinh. Phần nội dung Tác giả: Minh Đức Triều Tâm Ảnh chính là Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bổn Nxb Phương Đông – 2008. Kinh có khổ Nguyện, có 3 quyển, 13 phẩm (Xem: Kinh 17 x 17cm, có 231 trang, bìa mềm, chữ tựa Địa Tạng), diễn văn vần theo thể thơ song màu đen, có hình phân nửa mặt Đức Phật thất lục bát. Sau cùng là Bát Nhã Tâm (nghệ thuật). Nội dung tác phẩm gồm có

Kinh, Vãng sanh Tịnh độ thần chú, Tán 26 phẩm, 423 bài kệ Kinh Pháp Cú thi thán Phật A-di-đà, Sám Mười phương, Hồi hóa. hướng, Tam tự Quy y. 1.107. KINH NGỌC QUÝ 1.103. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỔN Nguyên tác Anh ngữ: NGUYỆN Ven. Khatipalo & Sister Susanna Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng Việt dịch và chuyển thơ: Hạnh Đạo Việt dịch dưới thể thi kệ: Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm Tác phẩm Kinh này có 289 trang; nội dung Nội dung Kinh này có 13 phẩm Kinh Địa gồm 26 phẩm: Lời cảm tạ, Vài nét về Tiểu Tạng Bồ-tát Bổn Nguyện được dịch dưới sử tác giả, Lời nói đầu; 1.P Song yếu, 2.P Kinh Sanskrit/Hán tạng) 5.P Người ngu, 6.P Người trí, 7.P A-la- hán, 8.P Ngàn, 9.P Ác, 10.P Hình phạt, 1.104. KINH HIẾU 11.P Già, 12.P Tự ngã, 13.P Thế gian, Thi hóa: Phạm Thiên Thư 14.P Phật-đà, 15.P An lạc, 16.P Hỷ ái, Nxb Văn Nghệ - 2006 17.P Phẫn nộ, 18.P Cấu uế, 19.P Pháp tụ, Sách có khổ 10 x 18cm, có 46 trang, bìa 20.P Đạo, 21.P Tạp, 22.P Địa ngục, 23.P mềm, chữ tựa màu trắng, có hình hoa văn Voi, 24.P Tham ái, 25.P Tỳ-kheo, 26.P hoa sen, có tay gấp. Nội dung gồm có: Mở Bà-la-môn; Tài liệu tham khảo. Kinh, Kinh Hiếu (Thi hóa Kinh Vu Lan, theo thể song thất lục bát), Chiêu Hồn Ca, 1.108. KINH PHÁP CÚ – Tịnh Tâm, Niệm Phật. DHAMMAPADA SUTTA Thư pháp - clligraphy 1.105. KINH KIM CANG Diễn Ngâm Tác giả: Darian Đăng Học Vân Hà – Trần Thị Hồng Anh Nxb Tôn Giáo – 2015. Kinh có khổ 14.5 x Nxb Tôn Giáo – 2012 20.5cm, dày 522 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đen. Toàn bộ tác phẩm

này gồm có 26 phẩm, 423 bài kệ Kinh 1.111. KINH TỤNG Pháp cú được trình bày bằng thư pháp, sau Diễn Ca Tuyển Tập cùng là Lời cảm ơn, Gặp người viết Kinh Tập 1 (Kinh Diễn ca miền Nam) giữa phố mù sương. Biên soạn và chú thích: Thích Hạnh Thành 1.109. KINH PHÁP HOA Nxb Văn Hóa Sài Gòn – 2009 (Saddharma Pundarika Sùtra) Thi hóa Kinh có khổ 20 x 28cm, có 306 trang, bìa Thi hóa: Thích Hạnh Thành mềm, chữ tựa màu vàng và xanh dương, Nxb Tôn Giáo – 2007 có hình hai hoa sen. Toàn bộ tác phẩm này Kinh có khổ 13 x 19cm, có 210 trang, bìa gồm có: Lời nói đầu, 34 bài Kinh tụng mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời Diễn ca: 1.K. A-di-đà, 2.K. An vị Phật, giới thiệu, Tán Kinh, Hương sen, và 28 3.K. Báo đáp công ơn cha mẹ, 4.K. Bát đại phẩm Kinh Pháp Hoa thi hóa theo thể lục nhơn giác, 5.K. Bốn mươi hai bài, 6.K. bát, sau cùng là Kết hương 7, Phát nguyện. Cầu an, 7.K. Cầu nguyện, 8.K. Cầu phước, cầu lộc, 9.K. Cầu siêu, 10.K. Cầu thọ, 1.110. KINH TAM BẢO 11.K. Cúng cửu huyền, 12.K. Kinh Diệu Việt dịch: pháp liên hoa – Phẩm Phổ môn, 13.K. Dụ HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) ngôn bọt nước, 14.K. Dược Sư bổn Kệ tụng: Cư sĩ Huyền Không nguyện công đức, 15.K. Địa Tạng Bồ-tát Nxb Hồng Đức, PL. 2562 – DL. 2019 bổn nguyện, 16.K. Hạnh người xuất gia, Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 257 trang, bìa 17.K. Hồi hướng, 18.K. Khổng tước, mềm, chữ mạ vàng, có tay gấp. 19.K. Mười nguyện Phổ Hiền, 20.K. Mười Nội dung gồm có: Nghi thức Tụng Kinh pháp đến bờ kia, 21.K. Mười pháp quán A-di-đà (Hương tán, Khai Kinh kệ), 1. niệm, 22.K. Nhận thức vô thường và đau Phật nói Kinh A-di-đà, 2. Hồng danh Bửu khổ, 23.K. Nhổ mũi tên sầu muộn, 24.K. sám, 3. Phật thuyết Kinh Vu Lan bồn, 4. Phóng sinh, 25.K. Phổ nguyện, 26.K. Phật thuyết Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, 5. Phước đức, 27.K. Sống hòa hợp, 28.K. Phật thuyết Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba- Tâm Bát-nhã, 29.K. Tê giác, 30.K. Từ bi, la-mật; Kim Cang chơn ngôn, Phổ Hồi 31.K. Từ tâm, 32.K. Vô ngã tướng, 33.K.

hướng chơn ngôn, Tán viết; Chú thích; Vô thường, 34.K. Vu Lan bồn. Phụ lục: - Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Kinh Thiện sinh, - Thi kệ cuộc đời Đức Bạt Nhứt thiết Nghiệp chướng Căn bổn Phật, - Phật nhập Niết-bàn, - Sám hối sáu Đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Thập căn, - Lạy sám hồng danh, Tài liệu tham phương, Công đức Bửu sơn Thần chú, Hồi khảo. hướng, Nguyện, Chú thích, Phỏng dịch bài "Sám Thập phương" của Đại Từ Bồ-tát và 1.112. KINH THIỆN HỮU ÁC HỮU Mười Điều đại nguyện của Phổ Hiền Bồ- Diễn Nghĩa tát, Bài tựa về Văn "Mười Phương"; Lời Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam bạt, Nghi thức Sám hối Niệm Phật. Bốn Soạn giả: Minh Chánh - Đỗ Phước Tâm Kinh trên được chuyển sang thể kệ tụng tứ Hiệu đính và giới thiệu: ngôn (mỗi câu 4 chữ), sau mỗi bài Kinh và Tỳ-kheo Thích Đồng Bổn Sám đều có Phần Chú thích. Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 115 trang, Trang Nghiêm Vương bổn sự, P.28 Phổ bìa mềm. Nội dung gồm: - Lời giới thiệu, Hiền Bồ-tát khuyến phát; Chú thích; Bát- Nghi thức tụng (Cúng hương, Kỳ nguyện, nhã Tâm Kinh; Đảnh lễ Sám hối 108 Danh Tán thán Phật, Quán tưởng, Đảnh lễ, Tán hiệu Phật-Bồ-tát, Thánh hiền Tăng, Thiên lư hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ); long Bát bộ trong Kinh thơ Diệu Pháp Chánh văn: Kinh Đại Phương tiện Phật Liên Hoa; Phúng Kinh, Nguyện tiêu- Báo ân, Quyển đệ tứ-Phẩm đệ lục; Sự tích Nguyện sanh, Tam tự Quy y, Hồi hướng. nghĩa theo thể thơ Song thất lục bát); Tâm Kinh, Vãng sanh thần chú, Bài tán thán 1.114. KINH THƠ ĐẠI PHƯƠNG Phật A-di-đà, Sám Vu Lan, Hồi hướng, QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM Tam Tự Quy. Chuyển thơ: Như Ninh – Nguyễn Hồng Dũng 1.113. KINH THƠ Nxb Nguồn Sống – 2017 DIỆU PHÁP LIÊN HOA Toàn bộ tác phẩm Kinh thơ này có 370 Chuyển thơ: trang (PDF), gồm 15 phẩm: - Lời giới Như Ninh – Nguyễn Hồng Dũng thiệu, - Lời tựa, Cầu nguyện, Dâng hương Nxb Nguồn Sống – 2015 khai Kinh; P.1 Đại cương Kinh, P.2 Toàn bộ tác phẩm Kinh thơ này có 406 Đường tu Bồ-tát, P.3 Hội đạo tràng Bồ-đề, trang (PDF), gồm 7 quyển, 28 phẩm Kinh P.4 Tỳ-lô-hoa tạng giới, P.5 Chứng phần Pháp Hoa được chuyển theo thể thơ lục 1. Thập Hạnh, P.6 Chứng phần 2. Thập bát với 4368 câu. Nội dung: - Lời giới Lực, P.7 Chứng phần 3. Hành Lục độ, P.8 thiệu, - Duyên khởi, - Kinh thơ Diệu Pháp Chứng phần 4. Tùy hình Hóa độ, P.9 Liên Hoa, Dâng hương cúng dường, Phát Chứng phần 5. Kim Cang, P.10 Chứng nguyện, Chí tâm đảnh lễ Ba ngôi Thường phần 6. Thập môn, P.11 Chứng phần 7. trụ, Khai mở Kinh thơ; Nam mô Diệu Thập Tạng, P.12 Chứng phần 8. Thánh Pháp Liên Hoa Kinh – Phật thuyết tại Linh Ma-gia, P.13 Chứng phần 9. Thân giáo, Thứu sơn, Đạo tràng hội thượng Vô lượng P.14 Chứng phần 10. Phổ Hiền, P.15 Giải Thánh hiền, Q.I, P.1 Tự, P.2 Phương tiện; thoát; Bát-nhã Tâm Kinh, Kinh sách tham Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, P.5 khảo, Phương danh in Kinh, Đôi dòng về dụ; Q.IV, P.8 Ngũ Bá đệ tử Thọ ký, P.9 tạng) Thọ học Vô học nhơn ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, 1.115. KINH VÔ LƯỢNG THỌ P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Hán dịch: Pháp sư Khang Tăng Khải Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ Việt dịch: Sa-môn Thích Tuệ Đăng lượng, P.17 Phân biệt công đức; Q.VI, Chuyển thể Thi văn Kệ tụng: P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Công đức Cư sĩ Thanh Lam Pháp sư, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, Nxb Tôn Giáo – 2017. Sách có khổ 16 x P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, 24cm, dày hơn 388 trang. P.23 Dược Vương Bồ-tát; Q.VII, P.24 Nội dung

gồm có: Lời tựa, Đại Lễ vía Đức Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ- Phật A-di-đà, Nghi thức Sám hối, Nghi tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu thức Trì tụng, Bài văn Phát nguyện, Đức

Phật Thích-ca Mâu-ni Thuyết Kinh Vô 1.118. KINH VU LAN VÀ BÁO HIẾU Lượng Thọ (Quyển thượng); Đức Phật (Diễn Nghĩa) Thích-ca Mâu-ni Thuyết Kinh Vô Lượng Hán dịch: Thọ (Quyển hạ); Xưng Tán hồng danh, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ Bát-nhã Tâm Kinh, Bài Niệm Phật của Việt dịch và diễn nghĩa: ngài Đại Thế Chí Bồ-tát, Sám Tây HT. Thích Huệ Đăng (1873-1953) phương, Sám Phổ Hiền, Tán thán Công Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 đức Phật, Phục nguyện, Chí tâm Qui mạng (tái bản lần thứ 10) Kính lễ, Bài Thọ mạng Quy y, Nguyện Kinh có khổ 14 x 20cm, có 69 trang, tái Vãng sanh, Hồi hướng, Bài Văn lễ Phật và bản lần thứ 10. Tác phẩm Kinh diễn nghĩa Phát nguyện, Quán Sinh Cực lạc, Tây này gồm có: - Nghi thức tụng Kinh (Cúng Phương Bách vịnh, Trăm Bài thơ Vịnh hương, Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tây phương, Sơn Cư Bách vịnh, Làm Đảnh lễ Tam bảo, Tán lư hương, Chú Đại Người Quân tử, Quân tử Pháp ca, Bài Toát bi, Kinh Khai kệ); - Phật nói Kinh Vu Lan yếu Khuyên Thực hành Nhẫn nhục, Lìa bồn (được diễn nghĩa theo thể thơ Song Hình tướng-rõ chân tánh-Vãng sanh Tịnh thất lục bát); - Phật nói Kinh Báo đáp độ, Tỉnh, Thức, Bát Bất, Bát Hữu, Quán Công ơn Cha mẹ, Hán dịch: Tam tạng chiếu Vô thường, Thiền Tịnh song tu-Điều Pháp sư Cưu-ma-la-thập (344-413), Việt thân, Điều hơi, Điều tâm, Luận Giải dịch và diễn nghĩa: HT. Thích Huệ Đăng, Đường tu, Pháp môn Niệm Phật. (Kinh này cũng được diễn nghĩa theo thể thơ Song thất lục bát). 1.116. KINH VU LAN – DI-ĐÀ Nghĩa Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: và Ba mươi chín bài sám hay Năm PL. 2504 – DL. 1960, chùa Chơn Sưu tập: Thích Thiện Tâm Minh (tỉnh Định Tường), HT. Hiển Pháp Thu Tử xuất bản – 1961 và Phật tử ấn tống, với tựa “Vu Lan Bồn Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói Kinh”, khổ nhỏ, có 24 trang; năm 1966, đầu, Nghi thức tụng niệm (Cúng hương Long Vân Tự ấn tống, Nhà in Nguyễn Văn tán Phật, Tán hương, Khai Kinh kệ), Vu Hòa (Sài Gòn), tái bản Giấy phép số Lan Bồn Kinh, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm 1260/TXN ngày 22-9-56 N.T.T.N.V, do Tỳ- Kinh, Sám Mục-liên, Tán Phật, Hồi hướng kheo Thích Thiện Từ soạn, với tựa “Kinh Công đức, Phục nguyện, Tam Tự Quy y; Vu Lan Bồn diễn nghĩa”; năm 2008, Nxb Kinh A-di-đà và 39 bài sám. Tôn Giáo, với tựa “Kinh Vu Lan-Đại Báo (Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Ân, khổ 13 x 19cm, có 70 trang, bìa mềm; Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KT. 084) năm 2008, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2013-2016, Nxb Hồng Đức. 1.117. KINH VU LAN VÀ BÁO HIẾU Chùa Hoằng Pháp 1.119. LỜI VÀNG VI DIỆU Việt dịch: (Kinh Pháp Cú – Dhammapada) HT. Thích Huệ Đăng (1873-1953) Chuyển thơ: Thích Giác Toàn Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014 Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2015 Kinh có khổ 14 x 20cm, có 67 trang, bìa Sách có khổ 14 x 22cm, có 141 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng. mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời Xem: Kinh Vu Lan và Báo Hiếu diễn nghĩa giới thiệu, 26 phẩm, 423 bài kệ Kinh Pháp

cú thi hóa theo thể lục bát, sau cùng là Tài phần Phụ lục (15 phẩm Pháp cú Thí dụ), liệu tham khảo. Chú thích. Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 2010, 2011, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ 1.123. PHÁP HOA QUỐC NGỮ KINH Chí Minh. Soạn thuật: Lão thiền Pháp

Liên Diệc Ngu 1.120. PHÁP CÚ Phiên âm và nghiên cứu: Lê Mạnh Thát Chuyển thi kệ và Thư pháp: Trụ Vũ Tu thư Phật học Vạn Hạnh xuất bản – Nxb Tôn Giáo – 2003 1982. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 219 Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, có hơn 114 trang, bìa mềm. Nội dung tác phẩm gồm trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng do Trụ có: Tựa, Về Pháp Hoa Quốc ngữ Kinh (- Vũ viết thư pháp, có hình mộc tên của nhà Tình trạng văn bản, - Tác giả, năm soạn và thư pháp. Nội dung gồm 26 phẩm, trong tên gọi, - Phân tích nội dung, - Vị trí văn đó có 423 bài thi kệ (của Kinh Pháp Cú): học, - Phương thức giải âm), Phàm lệ; Lời giới thiệu; P.1 Song yếu, P.2 Tự chế, Pháp Hoa Quốc Ngữ Kinh, Phiên âm và P.3 Tâm, P.4 Hoa, P.5 Ngu, P.6 Hiền trí, chú thích, Tân san Pháp Hoa giải âm Kinh P.7 A-la-hán, P.8 Ngàn, P.9 Ác, P.10 Dao tự, Tựa, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh tiết yếu gậy, P.11 Già, P.12 Tự ngã, P.13 Thế gian, giải âm (có 28 phẩm (P): 1.P. Tự, 2.P. P.14 Phật-đà, P.15 An lạc, P.16 Hỷ ái, Phương tiện, 3.P. Thí dụ, 4.P. Tín giải, P.17 Phẫn nộ, P.18 Cấu uế, P.19 Pháp trụ, 5.P. Dược thảo, 6.P. Thọ ký, 7.P. Hóa P.20 Đạo, P.21 Tạp, P.22 Địa ngục, P.23 thành, 8.P. Thọ ngũ bách đệ tử ký, 9.P. Voi, P.24 Ái dục, P.25 Tỳ-kheo, P.26 Tịnh Thọ học vô học nhân ký, 10.P. Pháp sư, hạnh; Chú thích. 11.P. Hiện bảo tháp, 12.P. Đề-bà-đạt-đa, 13.P. Trì, 14.P. An lạc hạnh, 15.P. Tùng 1.121. PHÁP CÚ Nghĩa Thơ địa dõng xuất, 16.P. Như Lai thọ lượng, HT. Thanh Hùng 17.P. Phân biệt công đức, 18.P. Tùy hỷ Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh công đức, 19.P. Pháp sư công đức, 20.P. Sách có 106 trang, bìa mềm, nền màu Thường Bất Khinh, 21.P. Như Lai thần xanh dương, chữ tựa màu trắng, có hình lực, 22.P. Chúc lụy, 23.P. Dược vương, bảo tháp (tại Bồ-đề Đạo tràng-Ấn Độ) và 24.P. Diệu Âm, 25.P. Phổ môn, 26.P. Đà- tượng Phật ngọc. Nội dung Kinh Pháp Cú la-ni, 27.P. Diệu Trang Nghiêm, 28.P. Phổ nghĩa thơ gồm có: Lời tựa, và 26 phẩm, Hiền; Tổng kết, Pháp Hoa quốc âm bạt 430 kệ, 1720 câu thơ, theo thể song thất hậu. lục bát. Tác phẩm này được tái bản năm 2006, Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh. 1.122. PHÁP CÚ TINH HOA - DHAMMAPADA 1.124. PHÁP HOA Thi Hóa Tác giả: Vũ Anh Sương Thi hóa Tư tưởng Nxb Phương Đông – 2009 Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, có 179 trang, Saddharma Pundarika bìa mềm. Tác phẩm này gồm có Lời giới Hán dịch: Tam tạng Pháp sư thiệu, 26 phẩm Kinh Pháp cú thi hóa và Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Kệ tụng: Cư sĩ Huyền Không

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013 Kinh, Mở Kinh, Khép Kinh và 26 phẩm Sách có khổ 15.5 x 23cm, dày hơn 414 Kinh Pháp cú thi hóa. Sau cùng là các bài: trang. Nội dung gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Ngã pháp mây nổi, Hiện hóa pháp, Đại Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2, Thay lời nguyện, Với dòng Kinh Ngọc, Chùa, Cây tựa, Cảm đề Pháp Hoa Thi hóa, Thoại đầu; mọc, Quận, Vườn dâu, Hoa mướp, Con Phần Khai Kinh, Nghi thức Sám hối, Nghi kiến, Giọt về, Vào cõi không tịch. thức Trì tụng, Phần Kinh văn, Q.1 P.1 Tác phẩm này được Đại học Vạn Hạnh Tựa, P.2 Phương tiện, Sự tích chép Kinh xuất bản lần đầu vào năm 1969, Giấy thoát nạn giặc cướp; Q.2 P.3 Thí dụ, P.4 phép số 5183 BTT/PHNT ngày 5-12-1969, Tín giải, Sự tích chép Kinh thoát khổ; Q.3 dày 182 trang, bìa mềm, có hình Đức Phật P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa đang ngồi thuyết pháp cho các đệ tử nghe, thành dụ, Sự tích đọc Kinh thoát khổ; Q.4 với nhan đề “Kinh Ngọc” Phạm Thiên P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học-Vô Thư -thơ. học ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, Sự tích tụng 1.126. SUỐI NGUỒN VI DIỆU –

Kinh mình và người đều thoát khổ; Q.5 Kinh Thơ P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng (Thi hóa Tư tưởng Kinh Pháp Cú – xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân DHAMMAPADA) biệt Công đức, Sự tích chép Kinh cứu bạn Tác giả: Phạm Thiên Thư đồng học; Q.6 P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Nxb Văn Nghệ - 2006 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, có 143 trang, Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 bìa mềm, có tay gấp, nền trắng, chữ tựa Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bổn màu đỏ và nâu, có hình cành cây xanh. sự, Sự tích tụng Kinh thoát nữ thân; Q.7 Toàn bộ tác phẩm thi hóa này gồm có: P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Tựa, Tâm kệ, Rửa tay mặt, Mặc áo lễ, Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Thắp nến, Đốt trầm hương, Dâng quả, Trang Nghiêm vương Bổn sự, P.28 Phổ Dâng hoa, Thỉnh chuông, Cúng kinh, Mở Hiền Bồ-tát khuyến phát, Sự tích nghe kinh, Khai mõ, Khép khai, Cởi áo lễ, Mở Kinh khỏi thân chim; Phần Hồi hướng, hội Kinh thơ. Tiếp theo là 26 phẩm kinh Bát-nhã Tâm Kinh, Hồi hướng; Chú thích, thi hóa: 1. Yamakavaggo, 2. Phụ lục: Kiến Phật 1, Kiến Phật 2, Giác Appamadavaggo, 3. Citavaggo, 4. ngộ, Thiên sứ, Mười Giới pháp căn bản Puppavaggo, 5. Balavaggo, 6. Pan Di của người tu. Tanvaggo, 7. Sahassavaggo, 9. Papavaggo, 10. Dandavaggo, 11. 1.125. QUA SUỐI MÂY HỒNG – Kinh Jaravaggo, 12. Attavaggo, 13. Lokavaggo, Ngọc 14. Buddhavaggo, 15. Sukhavaggo, 16. Thi hóa: Phạm Thiên Thư Piyavaggo, 17. Kodhavaggo, 18. Nxb Văn Nghệ - 2006 Malavaggo, 19. Dhammatthavaggo, 20. Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 88 trang, Maggavaggo, 21. Oakinnakavaggo, 22. bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu trắng, Nirayavaggo, 23. Nagavaggo, 24. có hình cành cây khô có đọng giọt sương. Tanhavaggo, 25. Bhikkhuvaggo, 26. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời giới Brahmanavaggo. thiệu, Tựa, Kinh Ngọc, Ngợi Kinh, Dâng

1.127. Thi hóa KINH BÁCH DỤ 75. Giết lạc đà, 76. Nông phu mơ tưởng Thi hóa: Nguyễn Khánh Phước Hải công chúa, 77. Tìm sữa, 78. Đi không về Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2009 rồi, 79. Gánh ghế cho vua, 80. Uống thuốc Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 199 nước rửa ruột, 81. Không nên vu oan cho trang, bìa mềm. người hiền đức, 82. Gieo lúa, 83. Khỉ bị Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời trình đánh, 84. Nguyệt thực, 85. Đau mắt, 86. bạch; 1. Chàng ngu ăn muối, 2. Để dành Vì của giết con, 87. Bọn cướp chia của, sữa, 3. Khoanh tay chịu đòn, 4. Giả chết 88. Khỉ mất đậu, 89. Chuột vàng & rắn dối chồng, 5. Khát không uống nước, 6. độc, 90. Lượm được tiền, 91. Người Giết con thành gánh, 7. Nhận người làm nghèo, 92. Đứa nhỏ được đường, 93. Bà anh, 8. Trộm áo nhà vua, 9. Kẻ ngốc khen già đánh cọp, 94. Hiểu lầm, 95. Hai con cha, 10. Phú ông cất lầu, 11. Bà-la-môn hạc, 96. Giả mù, 97. Cướp áo lông dê, 98. giết con, 12. Quạt nước đường, 13. Sự thật Đứa nhỏ bắt rùa. chứng minh, 14. Giết người dẫn đường, 15. Muốn con mau lớn, 16. Tưới mía bằng 1.128. Thi hóa PHÁP HOA KINH – nước mía, 17. Vì nhỏ mất lớn, 18. Trên lầu An Lạc Hạnh Nghĩa mài dao, 19. Ghi dấu trên thuyền để tìm đồ Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Thiền sư rơi xuống biển, 20. Trả thịt, 21. Cầu con, Phiêm âm: Phạm Doanh 22. Bán trầm hương, 23. Trộm mền, 24. Thi hóa: Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm Gieo mè, 25. Nước và lửa, 26. Bắt chước Tác phẩm phẩm Thi hóa Kinh này gồm có: vua, 27. Trị vết thương, 28. Xẻo mũi, 29. - Tóm tắt Tiểu sử Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Đốt áo, 30. Nuôi dê, 31. Mua lừa, 32. Thiền sư (515-577); Nội dung có 162 bài Trộm vàng, 33. Chặt cây tìm trái, 34. Thâu thơ ngũ

ngôn (mỗi bài 4 câu, mỗi câu 5 ngắn đường đi, 35. Thấy bóng trong chữ). Bản Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh gương, 36. Lầm móc con mắt, 37. Giết Nghĩa, Hán ngữ và phiên âm. tường, 40. Người sói đầu tìm thuốc, 41. Hai con quỷ tranh vặt, 42. Che da lạc đà, 1.129. Thi hóa TRƯỜNG BỘ KINH 43. Mài đá, 44. Ăn bánh, 45. Giữ cửa, 46. (Dìgha Nikàya) – Trọn bộ 3 Tập Ăn trộm trâu, 47. Giả tiếng oan ương, 48. Dịch sang tiếng Việt từ Tam tạng Pàli: Chó và cây, 49. Vị tiên lầm lộn, 50. Sửa HT. Thích Minh Châu lưng gù, 51. Người tớ gái, 52. Trò vui giả Chuyển thể thơ: Giới Lạc Mai Lạc Hồng dối, 53. Lão sư bị hành hạ, 54. Đầu rắn và Nxb Phương Đông, PL. 2558 – DL. 2014 đuôi rắn tranh cãi, 55. Cạo râu vua, 56. Kinh có khổ 14 x 20cm, bìa cứng, có hộp Cái không có, 57. Bị đạp rụng răng, 58. đựng. Chia của, 59. Xem làm bình, 60. Thấy Tập I, dày 537 trang, nội dung gồm có: vàng dưới nước, 61. Tạo hình người, 62. Lời ngỏ; 1. Kinh Phạm Võng (Brahmajàla- Ăn thịt gà, 63. Chạy trốn, 64. Quỷ trong sutta), 2. Kinh Sa-môn Quả nhà cũ, 65. Ăn bánh độc, 66. Chết chìm, (Sàmanaphala-sutta), 3. Kinh Ambattha 67. Đánh cuộc, 68. Hại người thành hại (Kinh A-ma-trú), 4. Kinh Sonadanda mình, 69. Tổ truyền ăn rau, 70. Nếm trái (Kinh Chủng Đức), 5. Kinh Kutadanta tần-bà, 71. Đui mắt, 72. Sưng môi, 73. (Kinh Cứu-la-đàn-đầu), 6. Kinh Mahàli, 8. Ngựa đen đuôi trắng, 74. Mang bồn tắm, Kinh Kassapa (Kinh Ca-diếp), 9. Kinh

Potthapada (Kinh Bố-sá-bà-lâu), 10. Kinh người dịch, Tùy duyên, Lời tựa; 1. Twin Subha (Kinh Tu-bà), 11. Kinh Kevaddha Verses, 2. Heedfulness, 3. The Mind, 4. (Kinh Kiên Cố), 12. Kinh Lohicca (Kinh Flowers, 5. Fools, 6. The Wise, 7. The Lô-già), 13. Kinh Tevijja (Kinh Tam Worthy, 8. Thousands, 9. Evil, 10. The Minh) Rod or Punishment, 11. Old Age, 12. The Tập II, dày 528 trang, nội dung gồm có: Self, 13. The World, 14. The Enlightened, 14. Kinh Đại Bổn (Mahà Padàna Sutta), 15. Happiness, 16. Affection, 17. Anger, 15. Kinh Đại Duyên (Mahà Nidàna Sutta), 18. Impurities or Taints, 19. The Just or 16. Kinh Đại Bát Niết-bàn (Mahà the Righteous, 20. The Way or the Path, Parnibbàna Sutta) 1 và 2, 17. Kinh Đại 21. Miscellaneous, 22. Hell or Woeful, 23. Thiện Kiến vương (Mahà Sudassana The Elephant, 24. Craving, 25. The Sutta), 18. Kinh Xà-ni-sa (Janavasabha Bhikkhu, 26. The Brahmana; P.1 Song Sutta), 19. Kinh Đại Điển Tôn (Mahà yếu, P.2 Tinh cần, P.3 Tâm ý, P.4 Hoa Govinda), 20. Kinh Đại hội (Mahà hương, P.5 Ngu si, P.6 Hiền trí, P.7 A-la- Samaya Sutta), 21. Kinh Đế Thích Sở vấn hán, P.8 Muôn ngàn, P.9 Ác hạnh, P.10 (Sakka Panha Sutta), 22. Kinh Đại Niệm Hình phạt, P.11 Già yếu, P.12 Tự ngã, xứ (Mahà Satipatthàna Sutta), 23. Kinh Tệ P.13 Thế gian, P.14 Phật-đà, P.15 An lạc, túc (Pàyàsi Sutta). P.16 Hỷ ái, P.17 Phẫn nộ, P.18 Cấu uế, Tập III, dày 490 trang, nội dung gồm có: P.19 Pháp trụ, P.20 Chánh đạo, P.21 Tạp Lời ngỏ; 24. Kinh Ba-lê (Pàtika Sutta), 25. lục, P.22 Địa ngục, P.23 Voi rừng, P.24 Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư Tử hống Tham ái, P.25 Tỳ-kheo, P.26 Bà-la-môn; (Udumbarika Sutta), 26. Kinh Chuyển Chú giải từ vựng và thành ngữ; Phụ lục, Luân Thánh vương Sư tử hống An lạc-khát vọng của mọi cuộc hành trình. (Cakkavatti Sihanàda), 27. Kinh Khởi Thế nhân bổn (Agganna Sutta), 28. Kinh Tự 1.131. Thơ Hoan hỷ (Sampasàdaniya), 29. Kinh KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Thanh tịnh (Pàsàdika Sutta), 30. Kinh Tác giả: Đào Ngọc Phong Tướng (Lakkhana Sutta), 31. Kinh Giáo Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2008 thọ Thi-ca-la-việt (Singàlovàda Sutta), 32. Sách có khổ 16 x 24cm, dày 267 trang, bìa Kinh A-sá-nang-chi

(Atànàtiya), 33. Kinh cứng, nền xanh chữ vàng. Phúng tụng (Sangiti Sutta), 34. Kinh Thập Nội dung sơ lược gồm có 4 phần: 1. Lời thượng (Dasuttara). nói đầu, 2. Thơ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. 3. Tóm tắt ý chính 28 phẩm; I. Thơ Kinh 2555 – DL. 2010, Nxb Phương Đông, Đại thừa Vô Lượng Nghĩa, P.1 Đức hạnh, Trọn bộ 3 tập. P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; II. Thơ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có 28 1.130. Thi Kệ PHÁP CÚ KINH – phẩm Kinh Pháp Hoa chuyển thể thơ; III. DHAMMAPADA (Song ngữ Anh-Việt) Tri ân; IV. Kinh sách tham khảo. Narada Việt dịch và chú giải: Tịnh Minh 1.132. Thơ KINH HOA NGHIÊM Nxb Phương Đông – 2010 Tác giả: Đào Ngọc Phong Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 264 trang, Nxb Tôn Giáo – 2010 bìa mềm. Nội dung gồm có 26 phẩm: Lời

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 140 trang, bìa hình hoa sen bên trong có quyển kinh một cứng, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có 11 bàn tay xá và một tay lần chuỗi. phẩm chính: Lời nói đầu; P.1 Thế chủ Tác phẩm Trường ca này gồm có: Kính Diệu Nghiêm, P.2 Như Lai hiện tướng, P.3 bạch, Tóm lược đại ý Kinh Sa-môn quả, Phổ Hiền Tam-muội, P.4 Thế giới Thành Hồi hướng, Tri ơn, Đôi điều cảm nghĩ, tựu, P.5 Hoa tạng thế giới, P.6 Tỳ-lô-giá- Trường ca Kinh Sa-môn quả (có 102 đoạn na, P.7 Như Lai danh hiệu, P.8 Tứ Thánh Kinh chuyển thơ theo thể Song thất lục đế, P.9 Quang minh các, P.10 Bồ-tát vấn bát), Chú thích. minh, P.11 Tịnh hạnh; Lời cuối sách; Kinh sách tham khảo. 1.136. Trường ca KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN 1.133. Thơ KINH KIM CANG Chuyển thể thơ: Chân Tâm Đào Ngọc Phong Nxb Tôn Giáo – 2007 Nxb Hồng Đức – 2012 Kinh có khổ 14 x 20cm, có 65 trang, bìa Sách có khổ 16 x 24cm, dày 202 trang. mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời giới Nội dung gồm có: Lời nói đầu; và 32 thiệu, Xin đừng chấp, Thỉnh cầu; Nội Đoạn Kinh chuyển thể thơ, Lời cuối sách; dung Trường ca Kinh Đại bát Niết-bàn Chú thích, Tri ân Công đức Hỗ trợ Ấn được chuyển theo thể thơ Song thất lục tống, Kinh sách Tham khảo. bát, chia thành 6 phần; sau cùng là Chú Xem: (32 Đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã thích 24 từ ngữ Pàli. Ba-la-mật 1.137. TỲ-NI SA-DI OAI NGHI CẢNH 1.134. SÁCH (Văn Vần) TRĂNG VÀNG THUYỀN KHÔNG Diễn văn vần: (Kinh Pháp Bảo Đàn chuyển thơ) HT. Thích Đỗng Minh (1927-2005) Tác giả: Thích Giác Toàn Biên tập: Ban Phiên dịch Pháp tạng Phật Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2019. giáo Việt Nam Sách có khổ 14 x 22cm, dày 327 trang, bìa Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức (Nha mềm, có tay gấp. Tác phẩm này gồm có: Trang), PL. 2538 – DL. 1994 Lời nói đầu, Phẩm Tự thuật, Phẩm Bát- Tác phẩm “Bộ Luật tiểu” này được Hòa nhã, Phẩm Giải quyết nghi hoặc, Phẩm thượng Luật sư diễn văn vần theo thể Song Định huệ, Phẩm Diệu hạnh, Phẩm Sám thất lục bát, nội dung gồm có: Lời tựa hối, Phẩm Cơ duyên, Phẩm Đốn và tiệm, (Nha Trang, PL. 2552 – DL. 2008); Tỳ-ni: Phẩm Tuyên chiếu, Phẩm Dặn dò, Lời bạt Thức dậy, Đánh chuông, Nghe chuông, của Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, Phần chú thích. Mặc áo, Bận quần, Sửa áo, Xuống giường, Bước đi, Ra đường, Đi cầu, Rửa trôn, Bỏ 1.135. Trường ca đồ dơ, Rửa tay, Rửa mặt, Uống nước, Mặc KINH SA-MÔN QUẢ y năm điều, Mặc y bảy điều, Mặc đại y, Chuyển thể thơ: Chân Tâm Trải tọa cụ, Lên chánh điện, Tán Phật, Lạy Nxb Tôn Giáo – 2004 Phật, Cúng tịnh bình, Nhận thức ăn, Xuất Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 72 trang, sanh, Thị giả trao thức ăn, Xướng Tăng bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương, có bạt, Bưng bình bát lên, Tam đề, Ngũ quán, Rửa bát, Mở bình bát, Nhận

đồ cúng, Lấy

cành dương, Nhăm nhành dương, Súc miệng, Cầm tích trượng, Sửa chỗ ngồi, Ngồi thiền, Trước khi ngủ, Múc nước, Thấy sông, Thấy cầu, Tắm Phật, Tán Phật; Sa-di: Môn giới luật (từ Giới thứ nhất đến Giới thứ mười); Oai nghi: Môn oai nghi, 1. Kỉnh Đại Sa-môn, 2. Thờ thầy, 3. Hầu thầy ra đường, 4. Nhập chúng, 5. Cùng chúng ăn cơm, 6. Lễ lạy, 7. Nghe pháp, 8. Tập học Kinh điển, 9. Vào chánh điện, 10. Cùng chúng vào thiền đường, 11. Công tác, 12. Vào phòng tắm, 13. Vào cầu tiêu, 14. Nằm ngủ, 15. Sưởi lửa, 16. Ở chung phòng, 17. Đến chùa Ni, 18. Đến nhà người, 19. Khất thực, 20. Vào xóm làng, 21. Đi chợ, 22. Không được tự tiện làm, 23. Đi xa cần học, 24. Y-bát-cụ; Cảnh sách (có 2 quyển Thượng và Hạ).

1.138. 423 LỜI VÀNG CỦA PHẬT – KINH PHÁP CÚ (DHAMMAPADA) Việt dịch: Sa-môn Thích Nhật Từ Nxb Hồng Đức – 2018 Sách có khổ 10.5 x 14.5cm, có 171 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này có 3 phần: Lời giới thiệu; Phần Dẫn nhập, 1. Nguyện hương, 2. Đảnh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Tán dương giáo pháp; Phần Chánh Kinh, có 26 phẩm (x. Kinh Pháp Cú), trong đó có 423 bài Kinh Pháp Cú được dịch sang Việt ngữ theo thể thơ Song thất lục bát. Cuối cùng là Phần Sám nguyện: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Quán chiếu thực tại, 5. Sám quy nguyện, 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đảnh lễ Ba ngôi báu. Tác phẩm này tái bản nhiều lần: Năm 2016, Nxb Hồng Đức (tái bản lần 5), khổ 13.5 x 21cm, có 185 trang, bìa mềm, có tay gấp.

II. TÁC PHẨM GIỚI LUẬT ngữ, II. Một chi trừ phóng dật, là chi (5) giới cấm uống rượu, III. Hai chi ngăn trừ kiêu mạn, Một, (6) tránh không ngồi nằm

B trên các thứ giường tòa cao rộng; Hai, (7) tránh các thứ trang sức tràng hoa, anh lạc, thoa ướp hương thơm, cũng tránh không ca múa hát xướng, cố ý xem nghe; IV. 1.139. Một chi là thể của bát quan trai là (8) BÁCH TRƯỢNG THANH QUY không ăn phi thời; Tăng trưởng thiện căn. Nxb Phương Đông – 2009 Luật tạng) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 766 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình vẽ Đức Phật ngồi tòa sen và phía dưới là cảnh 1.141. BÁT QUAN TRAI GIỚI nông dân đang cấy lúa, có đề 2 câu nói nổi Biên soạn: HT. Thích Thiện Hoa (1918- tiếng của Thiền sư Bách Trượng bằng chữ 1973) Hán “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất Tác phẩm này gồm có: A. Mở đề, B. thực”. Chánh đề, I. Định nghĩa, II. Giải rõ Tám Nội dung gồm có 9 chương (C). Phần đầu: điều răn cấm nói trên: 1. Không được sát Lời người dịch trong lần tái bản, 1.1 Lời sanh, 2. Không được trộm cướp, 3. Không tự trần, 1.2 Lời tựa đầu tiên, 1.3 Nguyên được dâm dục, 4. Không được nói dối, 5. tựa Thanh Quy chứng nghĩa, 1.4 Tựa khắc Không được uống rượu, 6. Không được in lại Thanh Quy chứng nghĩa, 1.5 Lời bạt, trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và đi 1.6 Thanh Quy Thiền môn, 1.8 Thanh Quy xem, 7. Không được nằm ngồi giường cao Tòng Lâm nguyên nghĩa của Tổ Bách đẹp, rộng lớn, 8. Không được ăn quá giờ Trượng; C.1 Chúc diên – Chúc quốc ngọ; C. Kết luận: 1. Lợi ích của Bát quan vương; C.2 Báo ân; C.3 Báo đáp nguồn trai giới rất lớn lao, 2. Bởi vậy Phật tử nên gốc; C.4 Ân đức Tổ sư; C.5 Trụ trì; C.6 thực hành Bát quan Trai giới; Nghi thức Hai dãy Đông Tây lang; C.7 Phần trên – thọ Bát quan Trai giới: Bài cúng hương, Đại chúng; Phần

sau - Đại chúng; C.8 Bài nguyện, Bài sám hối, Bài phát nguyện Tuổi đạo; C.9 Những đồ pháp khí, hiệu thọ giới (nguyện giữ tám giới một ngày lệnh; Sách tham khảo. một đêm), Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Sách này được chùa Pháp Bảo Sydney và Tâm Kinh, Vãng sanh Thần chú, Tiêu tai chùa Viên Giác – Đức Quốc xuất bản lần Kiết tường Thần chú, Hồi hướng; Nghi đầu vào năm 2008. thức thọ trai; Nghi thức xả Bát quan trai giới; Kỷ luật Tu Bát quan trai giới trong 1.140. BÁT QUAN TRAI GIỚI 24 giờ; Chương trình Tu Bát quan trai giới Thích Tuệ Sỹ trong một ngày một đêm (24 giờ). (theo Nội dung tác phẩm này có 8 giới chính: Tu Phật Học Phổ Thông, tập 1, khóa I, HT. giới, Ý nghĩa Bát quan trai, Ý nghĩa thọ Thích Thiện Hoa, Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 giới, Nội dung Tám giới (chia làm 4 – DL. 2007) phần): I. Giới tự tánh, gồm có 4 chi: (1) sát sinh, (2) trộm cắp, (3) tà dâm, (4) vọng

1.142. BÁT QUAN TRAI GIỚI Những mẫu chuyện về Bồ-tát hành thí độ; THẬP GIẢNG Trì giới độ, I. Ý nghĩa về Luật và Giới, 1. Biên soạn: Pháp sư Diễn Bồi Ý nghĩa về Luật, 2. Giới là gì? II. Phân Việt dịch: Thích Thiện Huệ tích Giới: 1. Những phương diện khác Toàn bộ tác phẩm này có 10 chương; nội nhau của Giới, 2. Giới thu thúc, 3. Năm ác dung gồm: Duyên khởi, Lời giới thiệu; C.1 pháp, 4. Giới không vi phạm, 5. Vì sao Huấn luyện xuất gia, C.2 Chú thích danh được gọi là Giới, 6. Tứ ý nghĩa của Giới, nghĩa, C.3 Chế lập duyên khởi, C.4 Công 7. Lợi ích của Giới; III. Cách học Giới, A. ích thù thắng, C.5 Thọ giả phân biệt, C.6 Giới hai chi, B. Giới có 3 chi, C. Giới có 4 Sám hối tất yếu, C.7 Tác pháp lược thuyết, chi; IV. Giới Ba-la-mật. C.8 Chi số biện biệt, C.9 Vấn đề liệu giản, C.10 Lục niệm tu pháp, Phụng khuyến 1.144. BỒ-TÁT GIỚI Tăng tục nam nữ phổ trì Bát quan trai giới; Biên tập: Trí Quang (1923-2019) Tiểu sử Đại lão Pháp sư Thích Diễn Bồi. Giáo hội Tăng-già Thừa Thiên xuất bản gồm có: Lời nói đầu, 1. Bồ-tát giới, 2. 1.143. BỐ THÍ và TRÌ GIỚI ĐỘ Danh sách Bồ-tát giới, 3. Bồ-tát giới Đại Biên soạn: Tỳ-kheo Chánh Minh quan. Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 387 1.145. BỒ-TÁT GIỚI trang. Giảng nghĩa: Tổ Hoằng Tán Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Bố thí Soạn dịch: (dàna), Dứt bỏ (càga), Gia chủ (Ugga), Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) Gia chủ người làng Hatthi, Gia chủ người Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016 (Tái làng Vesàli; Sự khác nhau giữa Bố thí và bản lần thứ 2) Dứt bỏ: 1. Sự khác nhau về tâm lý, 2. Vì Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 316 sao không mong cầu được gọi là dứt bỏ? trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Tiểu sử 3. Khác nhau về cách thực hành, 4. Khác cố Đại lão Sư trưởng Hải Triều Âm, Lời nhau về vật thí, 5. Khác nhau về đối giới thiệu, Mười giới trọng, 1. Giới sát, 2. tượng; Sự giống nhau giữa Bố thí và Dứt Giới trộm, 3. Giới dâm, 4. Giới vọng, 5. bỏ: 1. Tác ý, 2. Vật thí nào được gọi là đại Bán rượu, 6. Rao nói tội lỗi tứ chúng, 7. dứt bỏ; Điều kiện của Bố thí sự (danà Khen mình chê người, 8. Bỏn sẻn thêm kammam): 1. Có ý (hay tác ý) đem cho, 2. mắng đuổi, 9. Giận hờn không nguôi, 10. Vật thí, 3. Người nhận; Phân định các loại Hủy báng Tam bảo, Kết răn; Bốn mươi Bố thí: Bố thí có 2 phần: A. Về vật thí, B. tám giới khinh, 1. Không kính thầy bạn, 2. Về tài thí (vật chất thí), C. Về người nhận; Uống rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn ngũ tân, 5. Theo Hỗn hợp: Bố thí có 3 chi, Bố thí có 4 Không dạy người sám hối, 6. Không cúng chi, Bố thí có 5 chi phần, Bố thí có 6 chi dường thỉnh pháp, 7. Không đi nghe pháp, phần, Bố thí có 8 chi phần, Bố thí Ba-la- 8. Trái bỏ Đại thừa, 9. Không nuôi bệnh, mật; Thế nào là Bố thí

Ba-la-mật? Tương 10. Chứa khí cụ sát sanh, 11. Đi sứ, 12. quan giữa Giới-Định-Tuệ và Bố thí Ba-la- Buôn bán phi pháp, 13. Hủy báng, 14. mật, Đặc tính của Bố thí Ba-la-mật, Phóng hỏa, 15. Dạy giáo lý ngoài Đại

thừa, 16. Vì lợi giảng pháp lộn lạo, 17. Ỷ Thanh văn, 9. Giới sống bằng tà mệnh, 10. thế xin đòi, 18. Không thông hiểu Kinh Giới háo động giỡn hớt, 11. Giới nói pháp luật mà làm thầy truyền giới, 19. Hai lưỡi, Bồ-tát lộn lạo, 12. Giới không phòng hộ 20. Không phóng sanh, 21. Đem sân báo sự nguy hiểm, 13. Giới không chiết phục sân-đem đánh trả đánh, 22. Kiêu mạn chúng sinh, 14. Giới trả đủa lại sự đánh không thỉnh pháp, 23. Kiêu mạn không tận mắng, 15. Giới không sám hối như pháp, tâm dạy, 24. Không học tập Đại thừa, 25. 16. Giới không nhận thọ sự sám hối, 17. Chức sự vụng về, 26. Riêng thọ lợi dưỡng, Giới hiềm khích hận thù kẻ khác, 18. Giới 27. Thọ biệt thỉnh, 28. Biệt thỉnh Tăng, 29. vì tâm tham mà nuôi dưỡng đệ tử, 19. Giới Tà mạng nuôi sống, 30. Không kính thời ham ngủ nghĩ, 20. Giới bàn luận chuyện lành, 31. Không mua chuộc, 32. Tổn hại thế sự, 21. Giới không tiếp thọ sự dạy dỗ chúng sanh, 33. Tà mạng giác quán, 34. của sư trưởng, 22. Giới sinh khởi tâm ngũ Tạm bỏ tâm Bồ-đề, 35. Không phát cái, 23. Giới chấp chặt vào thế gian thiền nguyện, 36. Không phát thệ, 37. Vào chỗ định, 24. Giới hủy báng pháp Thanh văn, hiểm nạn, 38. Trái thứ tự tôn ty, 39. 25. Giới bỏ Đại thừa học Tiểu thừa, 26. Không tu phước tuệ, 40. Không bình đẳng Giới không học tập Phật pháp, 27. Giới truyền giới, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Vì không tin Phật pháp thâm sâu, 28. Giới người ác giảng giới, 43. Cố tâm phạm khen mình chê người, 29. Giới vì kiêu giới, 44. Không cúng dường pháp bảo, 45. mạn không đi nghe pháp, 30. Giới khinh Không giáo hóa chúng sanh, 46. Không thường Pháp sư, 31. Giới không đồng sự, như pháp thuyết pháp, 47. Hạn chế phi 32. Giới không chăm sóc người bệnh, 33. pháp, 48. Phá diệt Phật pháp; Tổng kết, Giới không khuyên can kẻ ác, 34. Giới Lưu thông, Kệ khen giới pháp; Bồ-tát giới không báo ơn, 35. Giới không an ủi người đại quan, Căn bản, Thọ giới, Trì giới, Ảnh hoạn nạn, 36. Giới không bố thí tài vật, 37. hưởng, Đặc chất; Thượng tọa Trí Quang Giới không như pháp nhiếp thọ đệ tử, 38. phụ chú. Giới không tùy thuận chúng sanh, 39. Giới không tùy hỷ công đức, 40. Giới không 1.146. BỒ-TÁT GIỚI BỔN chiết phục chúng sanh, 41. Giới không Hán dịch: Đàm Vô Sấm dùng thần lực nhiếp thọ chúng sanh. Nội dung Giới bổn này gồm có: I. Bốn Luật tạng) pháp Ba-la-di: 1. Giới khen mình chê người, 2. Giới bỏn xẻn của cải Phật pháp, 1.147. BỒ-TÁT GIỚI Phạn Võng 3. Giới sân hận không thọ sám hối, 4. Giới Dịch & giải: Trí Quang (1923-2019) làm loạn chánh pháp; II. Bốn mươi mốt PL. 2531 – DL. 1987 điều giới Đột-kiết-la (là pháp Ma-đắc-lặc- Sách dày hơn 235 trang, bìa cứng, nền già) của Bồ-tát: 1. Giới không cúng dường màu xanh dương, chữ tựa mạ vàng (bản Tam bảo, 2. Giới tham tiền bạc của cải, 3. đánh máy). Nội dung gồm có 3 phần: Lời Giới không tôn kính bạn pháp, 4. Giới nói đầu, Mục lục, Phần I. C.1 Dẫn nhập, không thọ nhận sự cúng dường, 5. Giới C.2 Dịch giải Nghi thức tụng Bồ-tát giới không thọ nhận sự bố thí, 6. Giới không Phạn võng, C.3 Dịch giải chính văn Bồ-tát bố thí pháp, 7. Giới không dạy kẻ khác giới Phạn võng; Phần II. Trì tụng, C.1 Phụ sám hối, 8. Giới không đồng học với lục Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạn võng,

C.2 Chính văn Bồ-tát giới Phạn võng; mới không cúng Tam Bảo, 24. Không Phần III. Phụ lục: 1. Danh sách Bồ-tát giới nghe Tăng nói pháp, 25. Đi trước năm Phạn võng, 2. Phân

loại Bồ-tát giới Phạn chúng, 26. Chia phần Tăng bất công, 27. võng đối với xuất gia-tại gia, 3. Tiểu Nuôi tắm, 28. Trên đường thấy bệnh bỏ đi; truyện tự ghi. IX. Hồi hướng; X. Lời kết. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; 1.149. Bộ Hàm Chú Về Mã sách: Vie 984) GIỚI BỔN LUẬT TỨ PHẦN Sa-môn Đạo Tuyên tạo 1.148. BỒ-TÁT GIỚI TẠI GIA Việt dịch: Thích Thiện Phước Giản Yếu Nxb Tôn Giáo – 2009 Biên soạn: Thích Phước Thái Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 304 Nxb Quang Minh, PL. 2555 – DL. 2011 trang. Nội dung sơ lược gồm có: I. Bài kệ Tác phẩm Giới luật này gồm có: Thành Quy y, II. Lời người dịch, III. Lời tựa Giới kính tri ân, Lời nói đầu; I. Giải thích danh Kinh; IV. Bốn pháp Ba-la-di, V. Mười ba đề, 1. Nghi thức, 2. Tụng, 3. Tại gia, 4. pháp Tăng-già-bà-thi-sa, VI. Hai pháp Bất Bồ-tát, 5. Giới; II. Phần khai Kinh: 1. Tán định, VII. Ba mười pháp Ni-tát-kỳ ba-dật- hương, 2. Kệ khai Kinh; III. Nghi cách của đề, VIII. Chín mươi pháp Ba-dật-đề, IX. người tụng giới; IV. Phần quy kính; V. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, X. Một trăm Sách tiến tu tập; VI. Kiểm chúng để quyết pháp Thức-xoa-ca-la-ni (tức Chúng học định Bố-tát tụng giới; VII. Lời tựa mở pháp), XI. Bảy pháp dứt sự tranh cãi, XII. đầu; VIII. Phần tụng các giới: A. Sáu giới Kệ nói về bảy đức Phật, XIII. Phần lưu trọng, 1. Giới sát sanh, 2. Giới trộm cắp, thông. 3. Giới đại vọng ngữ, 4. Giới tà dâm, 5. Giới nói lỗi của tứ chúng, 6. Giới bán 1.150. BỘ LUẬT TẠNG – 12 Tập rượu; B. Hai mươi tám giới khinh, 1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập Không cúng dường cha mẹ và sư trưởng, 71 – 82 2. Đam mê uống rượu, 3. Không chăm sóc Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc bệnh khổ, 4. Thấy người xin mà không xuất bản – 2000 cho, 5. Bậc tôn trưởng không chào hỏi, 6. Tập 71, Bộ Luật I, số 1421, Luật Di-sa-tắc Thấy người phá giới sanh lòng kiêu mạn, Bộ Hòa-hê Ngũ phần (Giới pháp của Tỳ- 7. Không giữ sáu ngày thọ trì tám giới, 8. kheo), 1-2. Nói về Bốn pháp Ba-la-di; 3-4. Không đến nghe pháp, 9. Nhận vật dụng Nói về 13 pháp Tăng-tàn; 5. Nói về Hai của Tăng, 10. Uống nước có trùng, 11. Đi pháp Bất định; 6-7. Nói về 30 pháp Xả- đường vắng một mình, 12. Một mình ở đọa; từ 8-11. Nói về 91 pháp Đọa; 12. Nói đêm chùa Tăng-Ni, 13. Vì của mà đánh về Bốn pháp Hối quá; 13. Nói về 100 pháp người, 14. Đem đồ dở cho tứ chúng, 15. Chúng học; 14. Nói về 7 pháp Diệt tránh; Nuôi mèo chồn, 16. Nuôi dưỡng gia súc, Giới pháp Tỳ-kheo Ni- Luật Di-sa-tắc, Bộ 17. Không chứa y bát cúng dường, 18. Hòa-hê Ngũ phần; 15. Nói về 8 pháp Ba- Làm ruộng không tìm đất nước sạch, 19. la-di; 16. Nói về 17 pháp Tăng-tàn; 17. Buôn bán cân thiếu, 20. Hành dục phi Nói về 30 pháp xả-đọa; 18-20. Nói về 207 thời-phi xứ, 21. Buôn bán không đóng pháp Đọa; 21. Nói về 8 pháp Hối quá; 22. thuế, 22. Phạm luật nước, 23. Được đồ ăn Nói về 100 pháp Chúng học; 23-34. Nói

về các pháp: Thọ giới, Bố-tát, An cư, Tự xuất tinh; 85. Giới xúc chạm nữ nhân; 86. tứ, Y (ca-thi-na), Giày dép da, Thức uống; Giới nói năng thô tục; 87. Giới yêu cầu 35. Nói về pháp Diệt tránh; 36-37. Nói về người nữ hiến thân; 88. Giới làm mai mối; pháp Yết-ma; 38. Nói về pháp phá Tăng; 89. Giới làm nhà quá mức; 90. Giới không 39. Nói về pháp ngọa cụ; 40. Nói về tạp mời Tăng chỉ chỗ làm thất; 91. Giới vì tức pháp; 41. Nói về pháp oai nghi; 42. Nói về giận mà vu khống; 92. Giới xuyên tạc để pháp ngăn Bố-tát; 43. Nói về pháp Biệt vu khống; 93. Giới phá Tăng hòa hợp; 94. trú; 44. Nói về pháp Điều phục; 45. Nói về Giới đồng lõa với người phá Tăng; 95. các pháp Tỳ-kheo Ni: Phá Tăng, Ngọa

cụ, Giới bướng bỉnh; 96. Giới làm mất lòng tạp pháp oai nghi, Ngăn Bố-tát, Biệt trú; tin của tín đồ (từ số 84-96 là 13 pháp 46. Nói về Pháp Ngũ bách kết tập, Phá Tăng-tàn); 97. Giới ngồi chỗ khuất, chỗ Tăng, Ngọa cụ, tạp pháp oai nghi, Ngăn trống với người nữ (Hai pháp Bất định); Bố-tát, Biệt trú; 47. Nói về Pháp Thất bách 98. Giới cất y dư quá hạn; 99. Giới rời y kết tập, Phá Tăng, Ngọa cụ, tạp pháp oai mà ngủ; 100. Giới cất vải quá hạn; 101. nghi, Ngăn Bố-tát, Biệt trú; số 1422, - Di- Giới nhận y của người không phải bà con; sa-tắc Ngũ phần Giới bổn: 48. Bốn pháp 102. Giới nhờ Ni không phải bà con giặt y; Ba-la-di; 49. 13 pháp Tăng-già bà-thi-sa; 103. Giới xin y của người không phải bà 50. Hai pháp Bất định; 51. Ba mươi pháp con; 104. Giới nhận vải quá mức qui định; Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; 52. 91 pháp Ba-dật- 105. Giới khuyên người cúng y theo ý đề; 53. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni; 54. Bảy mình; 106. Giới khuyên hai gia đình pháp Diệt tránh; 55. Bốn pháp Ba-la-di; chung tiền sắm; 107. Giới đòi tiền y quá 56. Mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa; 57. số lần qui định; 108. Giới làm phu cụ lông Hai pháp Bất định; 58. Ba mươi pháp Ni- đen; 109. Giới làm phu cụ thuần màu đen; tát-kỳ Ba-dật-đề; 59. Chín mươi pháp Ba- 110. Giới dùng tơ trộn lông làm phu cụ; dật-đề; 60. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni; 61. 111. Giới dùng phu cụ chưa đủ sáu năm; Pháp Chúng học; 62. Bảy pháp Diệt tránh; 112. Giới không may một miếng cũ trên số 1423, Ngũ phần Tỳ-kheo Ni Giới bổn, phu cụ mới; 113. Giới cầm lông dê đi quá 63. Tám pháp Ba-la-di; 64. Mười bảy pháp hạn; 114. Giới nhờ Tỳ-kheo Ni giặt lông Tăng-già-bà-thi-sa; 65. Ba mươi pháp Ni-dê; 115. Giới cầm của tiền vàng bạc; 116. tát-kỳ Ba-dật-đề; 66. Hai trăm mười pháp Giới buôn bán; 117. Giới mua bán vàng Ba-dật-đề; 67. Pháp Chúng học; số 1424, - bạc; 118. Giới cất bát thừa quá hạn; 119. Bổn Di-sa-tắc Yết-ma, 68. Duyên khởi tác Giới bát cũ chưa hư mà đã tìm bát mới; pháp; 69. Pháp Kết giải các giới; 70. Xả 120. Giới cất thuốc quá hạn (từ số 98-120 thọ các giới; 71. Pháp Y dược thọ tịnh, thọ là 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề). trì Y pháp; 72. Pháp Tăng cùng Bố-tát; 73. Tập 72, Bộ Luật II, số 1425, - Luật Ma-ha Pháp Tăng cùng An cư; 74. Pháp Tăng Tăng-kỳ (tt), 1. Giới cho y rồi lấy lại, 2. cùng Tự tứ; 75. Pháp thọ thí chia Y; 76. Giới sắm áo mưa trước thời hạn, 3. Giới Pháp Sám hối các tội; 77. Pháp Trụ trì linh xin y chỉ sợi về dệt vải, 4. Giới quỵt tiền tinh; số 1425, - Luật Ma-ha Tăng-kỳ (Giới của thợ dệt, 5. Giới cất y cúng quá hạn, 6. pháp của Tỳ-kheo), 78-79. Giới dâm dục; Giới rời y quá hạn, 7. Giới biển thủ tài sản 80-81. Giới trộm cắp; 82. Giới sát sanh; của Tăng (từ số 1-7 là thuộc 30 pháp Ni- 83. Giới đại vọng ngữ-(từ số 78-83 là tát-kỳ Ba-dật-đề); 8. Giới cố ý vọng ngữ, thuộc 4 pháp Ba-la-di); 84. Giới cố ý làm 9. Giới gièm pha thành phần nghề nghiệp

người khác, 10. Giới nói để ly gián người 59. Giới cho tu sĩ ngoại đạo đồ ăn, 60. khác, 11. Giới khơi lại sự tranh cãi, 12. Giới ngồi nơi phòng ngủ nhà thí chủ, 61. Nói về 92 pháp Đơn-đề, 13. Giới thuyết Giới đi xem quân trận, 62. Giới ở trong pháp cho phụ nữ quá hạn, 14. Giới dạy quân trại quá lâu, 63. Giới xem quân đội người chưa thọ giới Cụ túc đọc tụng, 15. diễn tập, 64. Giới đánh Tỳ-kheo khác, 65. Giới nói thật rằng mình đắc đạo, 16. Giới Giới dọa đánh Tỳ-kheo khác, 66. Giới che nói tội nặng của Tỳ-kheo khác, 17. Giới dấu tội Tỳ-kheo khác, 67. Giới sát hại sinh đồng ý Yết-ma sau phủ nhận, 18. Giới hủy vật, 68. Giới gây phiền toái Tỳ-kheo khác, báng giới pháp, 19. Giới chặt phá cây 69. Giới y cho rồi lấy lại mặc, 70. Giới cất sống, 20. Giới nói nhiễu loạn người khác, giấu vật

dụng của người khác, 71. Giới hù 21. Giới chê trách chức sự của Tăng, 22. nhát Tỳ-kheo khác, 72. Giới đùa giỡn Giới trải đồ của Tăng ở chỗ trống, 23. Giới trong nước, 73. Giới chỉ chỏ lẫn nhau, 74. trải đồ của Tăng ở chỗ khuất, 24. Giới lôi Giới hẹn đi chung đường với người nữ, Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng, 25-26. Giới 75. Giới ngủ chung một nhà với người nữ, cưỡng chiếm chỗ nằm của người khác, 27. 76. Giới ngồi với phụ nữ ở chỗ vắng, 77. Giới ngồi giường có chân nhọn, 28. Giới Giới cho người chưa đủ tuổi thọ giới, 78. dùng nước có ký sinh trùng, 29. Giới lợp Giới hẹn đi chung với đám cướp, 79. Giới nhà quá ba lớp, 30. Giới tự đi dạy Ni, 31. đào xới đất đai, 80. Giới nhận cúng dường Giới giáo giới Ni cho đến trời tối, 32. Giới quá hạn, 81. Giới chống cự lại sự khuyên khi đi dạy Ni không bạch Tỳ-kheo khác, học, 82. Giới uống các thứ rượu, 83. Giới 33. Giới phỉ báng vị giáo thọ Ni, 34. Giới khinh thường người khác, 84. Giới nghe ngồi với Ni ở chỗ khuất, 35. Giới hẹn đi lén sự tranh cãi, 85. Giới lẵng lặng bỏ chung đường với Ni, 36. Giới hẹn đi cuộc họp mà đi, 86. Giới vào làng mà chung thuyền với Ni, 37. Giới đem y cho không báo người khác, 87. Giới đi phi thời Ni không phải bà con, 38. Giới may y cho không báo người khác, 88. Giới vào Ni không phải bà con, 39. Giới ăn thức ăn vương cung quá sớm, 89. Giới dùng do Ni ca ngợi, 40. Giới ăn quá giới hạn xương sừng ống đựng kim, 90. Giới làm được cúng dường, 41. Giới ăn nhiều lần chân giường cao quá cỡ, 91. Giới dùng trong ngày, 42. Giới ăn rồi ăn lại, 43. Giới bông làm nệm, 92. Giới làm tọa cụ quá qui khuyên người ăn rồi ăn nữa, 44. Giới ăn định, 93. Giới may y che ghẻ quá kích thức ăn không được mời, 45.Giới ăn phi thước, 94. Giới may áo tắm mưa quá kích thời, để dành thức ăn mà ăn, 46. Giới nhận thước, 95. Giới may y quá cỡ y Phật, 96. thức ăn quá mức đã cho, 47. Giới không Giới vô cớ vu khống người khác, 97. Giới bịnh mà xin thức ăn ngon, 48. Giới không xoay vật của Tăng về người khác, 98. Giới bịnh mà nhóm lửa, 49. Giới ngủ quá thời cố ý nói dối để chạy tội (từ số 8-98 là 92 hạn cho phép, 50. Giới gởi dục rồi phủ pháp Đơn-đề); 99. Giới nhận thức ăn tại nhận, 51. Giới làm cho người khác nhịn A-luyện-nhã, 100. Giới nhận thức ăn của đói, 52. Giới xuyên tạc giáo pháp không Tỳ-kheo Ni, 101. Giới ăn thức ăn Ni vận nghe lời khuyên, 53. Giới bao che người động, 102. Giới nhận thức ăn của học gia có lỗi, 54. Giới chứa chấp sa-di bị đuổi, (từ số 99-102 là 4 pháp Ba-la-đề-xá-ni); 55. Giới mặc y không hoại sắc, 56. Giới 103-104. Nói về 66 pháp chúng học, 105. cất giữ bảo vật, 57. Giới tắm quá giới hạn Thể thức thọ Cụ túc-Nêu dẫn về phẩm Tạp cho phép, 58. Giới uống nước có trùng, tụng và pháp Oai nghi, 106-107. Các già-

nạn, 108. Yết-ma, việc Yết-ma, 109. Tội Dùng đai có dây cột, 158. Nói rõ phẩm Tăng-già-bà-thi-sa, 110. Trách nhiệm của Tạp tụng thứ 10-Phép ăn chung, 159. Nói Tỳ-kheo đoán sự, 111. Có tội cũng biết, rõ phẩm Tạp tụng thứ 11-Bảy trăm vị Đại 112. Che giấu cũng biết, 113. Pháp Biệt hội kết tập pháp tạng, 160. Nói rõ phần trụ, 114. Pháp Ma-na-đỏa, 115. Pháp xuất Một của pháp oai nghi, tác phong của tội, 116. Nói rõ phẩm Tạp tụng thứ 4 tội Thượng tọa, 161. Nói rõ phần Hai của cũ, 117. Tội trung gian, 118. Việc nên làm pháp oai nghi, cách thức đi kinh hành, Yết-ma và không nên làm Yết-ma, 119. 162. Giới dâm dục- Nói về 8 pháp Ba-la-di Làm Tha-la-tha, 120. Dị trụ, 121. Cho của Tỳ-kheo Ni, 163. Giới khuyên người pháp học Hối Ba-la-di, 122. Tùy thuận làm điều phi pháp, 19 pháp Tăng-tàn, 164- hành mích tội tướng, 123. Việc cử tội- 166. Nói về 141

pháp Ba-dật-đề, 167. Luật Việc trị phạt-Đuổi đi-Dị trú, 124. Nói rõ Đại Tỳ-kheo giới bản, 168. Ma-ha Tăng- phẩm Tạp tụng thứ 5 pháp Yết-ma, Vấn đề kỳ Tỳ-kheo Ni giới bản; số 1428, Luật Tứ ruộng vườn, nhà đất, 125. Vấn đề Tăng- phần, 170. Nói về 13 pháp Tăng-tàng, già lam-Phép tắc về doanh sự, 126. Phép Giới pháp của Tỳ-kheo, Luật Tứ phần, tắc về giường nệm-Phép cung kính, 127. 171. Nói về 2 Bất định, 172. Nói về 30 Ni-Phép Bố-tát, 128. Phép An cư, 129. Nói rõ tát-kỳ Ba-dật-đề. phẩm Tạp tụng thứ 6-Vấn đề Y Ca-thi-na, Tập 73, Bộ Luật III, số 1428, - Luật Tứ Chẳng phải Y Ca-thi-na, 130. Thể thức xả phần (tt), Giới pháp của Tỳ-kheo, Nói về Y Ca-thi-na, Vấn đề Y pháp, 131. Phẩm 90 pháp Ba-dật-đề (từ số 1-90): 1. Cố ý vật thuộc Tăng hiện tiền, 132. Vấn đề Tỳ- vọng ngữ, 2. Mắng nhiếc, 3. Nói ly gián, kheo bị bịnh, 133. Phương pháp chăm sóc 4. Ngủ chung buồng người nữ, 5. Ngủ Tỳ-kheo bị bịnh, 134. Vấn đề thuốc, 135. chung buồng người chưa thọ Cụ túc giới, Trách nhiệm liên quan đến thầy và trò, 6. Đọc chung kinh, 7. Nói thô tội, 8. Nói 136. Trách nhiệm thầy đối với đệ tử, 137. pháp thượng nhân, 9. Thuyết pháp quá Những công việc đệ tử phải làm, 138. Nói năm lời, 10. Đào phá đất, 11. Phá hoại rõ phẩm Tạp tụng thứ 7-Phép tắc của Sa- thực vật, 12. Nói quanh, 13. Nói xấu Tăng di, 139. Phép tắc của Bát, 140. Cách thức sai, 14. Trải tọa cụ Tăng không cất, 15. dùng cháo, 141. Phép dùng bánh, rau, Trải tọa cụ trong phòng Tăng, 16. Chen lương khô, nước trái cây, 142. Phép dùng lấn chỗ ngủ, 17. Đuổi Tỳ-kheo ra ngoài, thức uống chế biến, 143. Phi Yết-ma, 144. 18. Ghế ngồi không vững, 19. Dùng nước Nói rõ phẩm Tạp tụng thứ 8, 145. Chướng có trùng, 20. Cất nhà lớn, 21. Giáo giới ngại-Không chướng ngại, 146. Vấn đề Tỳ- không được Tăng sai, 22. Giáo thọ Ni sau kheo Ni, 147. Nấu ăn ở chỗ ngủ và tự nấu mặt trời lặn, 23. Giáo thọ Ni vì lợi dưỡng, ăn, 148. Nhận thịt sống, 149. Tự lấy rồi 24. Cho y cho Tỳ-kheo Ni, 25. May y cho làm sạch vỏ, 150. Vật nặng-Vật vô Tỳ-kheo Ni, 26. Ngồi với Tỳ-kheo Ni ở thường, 151. Yết-ma công nhận bịnh chỗ khuất, 27. Hẹn đi chung đường với cuồng si-Bày tỏ sự không đồng tình, 152. Tỳ-kheo Ni, 28. Đi chung thuyền với Tỳ- Phá lòng tin của thí chủ, 153. Phép dùng kheo Ni, 29. Thức ăn do Tỳ-kheo Ni giày da, 154. Phép dùng guốc, phép tắm khuyến hóa, 30. Đi đường chung với rửa, phép dùng mạt hương, 155. Phép người nữ, 31. Lữ quán một bữa ăn, 32. dùng gậy và túi bằng dây-dùng tỏi, 156. Triển chuyển thực, 33. Biệt chúng thực, Phép phú bát, 157. Phép kết khuy vào y- 34. Nhận quá 3 bát, 35. Dư thực pháp, 36.

Mời người túc thực, 37. Phi thời thực, 38. 104-110 (điều 1-178 Thông giới); 111. Thức ăn cách đêm, 39. Bỏ vào miệng vật Nói về 8 pháp Ba-la-đề-xá-ni; 112. Thích không được cho, 40. Yêu sách mỹ thực, thị tế phổ, Nêu dẫn thọ giới; 113. Truyện 41. Cho ngoại đạo ăn, 42. Trước sau bữa Đức Thích Tôn; 114. Tăng pháp thọ giới; ăn đi đến nhà khác không báo, 43. Ngồi 115. Pháp thức thuyết giới, Nêu dẫn thuyết trong nhà có ăn, 44. Ngồi với người nữ ở giới; 116. Kết giới; 117. Kết giới An cư; chỗ khuất, 45. Ngồi một mình với người 118. Tự tứ; 119. Nhân duyên Thủ-lung-na, nữ tại chỗ trống, 46. Đuổi đi không cho Nêu dẫn da thuộc; 120. Nhân duyên Ức- thức ăn, 47. Thuốc bốn tháng, 48. Xem nhĩ; 121. Y phấn tảo, Nêu dẫn y; 122. Kỳ- quân trận, 49. Ngủ lại trong quân, 50. Xem bà đồng tử; 123. Các loại thuốc; 124. Y quân đội chiến đấu, 51. Uống rượu, 52. Ca-thi-na, Năm công đức, Nêu dẫn các Đùa giỡn trong nước, 53. Thọc cù nôn, 54. việc; 125. Câu-thiểm-di; 126. Chiêm-ba Bất kính, 55. Dọa nhát Tỳ-kheo, 56. Nửa Cử tội phi

pháp; 127. Khiển trách; 128. tháng tăm, 57. Đốt lửa, 58. Giấu vật dụng Người phú-tàng; 129. Phú-tàng; 130. Già của Tỳ-kheo, 59. Tự tiện dùng y không hỏi Yết-ma, cầu thỉnh; 131. Đề-bà-đạt-đa phá chủ, 60. Hoại sắc y mới, 61. Đoạn sinh Tăng; 132. Bảy diệt tránh; 133. Kiều-đàm- mạng, 62. Uống nước có trùng, 63. Cố di Tỳ-kheo Ni; 134. Khách Tỳ-kheo-Pháp. gieo nghi hối, 64. Che giấu thô tội, 65. Tập 74, Bộ Luật IV, số 1428, - Luật Tứ Truyền Cụ túc người chưa đủ 20 tuổi, 66. phần (tt), 1. Phòng xá-Nêu dẫn các việc Khơi lại tranh sự, 67. Đi chung với cướp, phòng xá tạp sự Ngũ bách kết tập,; 2. Tạp 68. Kiên trì ác kiến, 69. Hổ trợ Tỳ-kheo bị sự; 3-4 Ngũ bách kết tập; 5. Bất tịnh hạnh- xả trí, 70. Bao che Sa-di bị đuổi, 71. Ba-la-di-Điều bộ-Nêu dẫn các việc Thất Không chịu học giới, 72. Khinh chê học bách kết tập Điều-đạt-Tỳ-ni Tăng Nhất; 6. giới, 73. Vô tri học giới, 74. Phủ nhận yết- Bất dữ thủ; 7. Đoạn nhân mạng; 8. Đại ma, 75. Không dữ dục, 76. Dữ dục rồi hối, vọng ngữ; 9. Lộng âm-Tăng-già-bà-thi-sa, 77. Nghe lén đấu tranh, 78. Sân đánh Tỳ- Điều bộ-Nêu dẫn các việc Thất bách kết kheo, 79. Nhá đánh Tỳ-kheo, 80. Vu tập Điều-đạt-Tỳ-ni Tăng Nhất; 10. Xúc khống Tăng tàn, 81. Thâm nhập vương nữ; 11. Thô ác ngữ; 12. Sách cúng dường; cung, 82. Cầm nắm bảo vật, 83. Phi thời 13. Môi giới; 14. Vô căn Ba-la-di; 15. Tỳ- vào xóm, 84. Giường cao quá lượng, 85. ni Tăng Nhất; số 1429, - Tứ phần Tỳ-kheo Đệm bông, 86. Ống đựng kim, 87. Ni sư Giới bổn (Bản Đời Minh), Luật Tứ phần; đàn quá lượng, 88. Phú sang y, 89. Áo tắm 1430, - Tứ phần Tăng giới bổn (trích Đàm mưa, 90. Lượng y Như Lai; Nói về 4 pháp Vô Đức bộ); 1432, - Các pháp kết giới Ba-la-đề-xá-ni (từ số 91-94): 91. Nhận tướng, - Pháp thọ giới, - Các pháp trừ tội, - thức ăn phi thân lý Ni nơi tục gia, 92. Thọ Pháp thuyết giới, - Pháp an cư, - Pháp tự thực do Ni chỉ dẫn, 93. Thọ thực từ học tứ, - Pháp phân chia y vật, - Pháp tác tịnh, gia, 94. Thọ thực ngoài trú xứ A-lan-nhã; - Pháp linh tinh, - Các pháp kết giới-Thọ 95. Nói về 100 pháp Thức-xoa-ma-na, từ giới (Tỳ-kheo Ni Tạp Yết-ma Đàm-vô-đức số 95- 99; 100. Nói về 7 pháp Diệt tránh; Luật), - Pháp tội khác, - Pháp thuyết giới, - 101. Thông giới, Nói về 8 pháp Ba-la-di, Pháp an cư, tự tứ, số 1433, - Pháp kết giới, Giới pháp Tỳ-kheo Ni, Luật tứ phần: 102. - Pháp thọ giới, - Pháp trừ tội, - Pháp Nói về 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa; 103. thuyết giới, - Pháp an cư và tự tứ, - Pháp Nói về 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, từ chia y, - Tịnh pháp y dược, - Pháp phòng

xá linh tinh, - Pháp kết giới, thọ giới, - 40. Giới lìa y ngủ quá sáu đêm, 41. Giới Pháp thuyết giới, - Pháp an cư và tự tứ, - thọ y cấp thí, 42. Giới chứa y tắm mưa, 43. Pháp linh tinh; số 1434, - Pháp kết giới Giới hồi Tăng vật, 44. Giới cất chứa dược (Pháp Yết-ma Tứ phần Tỳ-kheo Ni, Luật phẩm quá 7 ngày (từ số 19-44 là 30 pháp Tứ phần), - Pháp trừ tội, - Pháp thuyết Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề), 45. Giới cố ý vọng giới, - Pháp an cư và tự tứ, - Pháp linh ngữ, 46. Giới chê bai người khác, 47. Giới tinh. nói hai lưỡi, 48. Giới phát khởi lại việc Tập 75, Bộ Luật V, số 1435, - Thập Tụng tranh cãi, 49. Giới nói quá năm sáu lời, 50. Luật, 1. Giới dâm, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới dạy cú pháp cho người chưa thọ Cụ Giới sát, 4. Giới vọng ngữ (từ 1-4 là Bốn túc giới, 51. Giới thật có pháp hơn người pháp Ba-la-di); 5. Giới cố ý làm xuất tinh, đem nói cho người chưa thọ Cụ túc giới, 6. Giới cố ý xúc chạm thân người nữ, 7. 52. Giới nói tội thô của Tỳ-kheo cho Giới nói lời thô tục với người nữ, 8. Giới người chưa thọ Cụ túc, 53. Giới vu báng khen người nữ đem thân cúng dường, 9. Tăng hồi chuyển Tăng vật, 54. Giới chê Giới mai mối, 10. Giới xây cất chùa quá bai giới

đã học, 55. Giới hiềm trách người lượng, 11. Giới xây cất phòng xá lớn, 12. được Tăng sai, 56. Giới cố ý xúc não Tỳ- Giới vô căn vu báng, 13. Giới lấy chút kheo, 57. Giới trải tọa cụ của Tăng không việc trong dị phần vu báng, 14. Giới can cất, 58. Giới ở trong phòng trải tọa cụ của phá hòa hợp Tăng, 15. Giới can bạn đảng Tăng, 59. Giới lôi kéo Tỳ-kheo, 60. Giới pháp Tăng, 16. Giới Ô-tha-gia, 17. Giới đến sau giành chỗ trải tọa cụ, 62. Giới tánh ác trái can (từ 5-17 là 13 pháp Tăng- dùng nước có trùng, 63. Giới xây phòng tàn); 18. Giới một mình cùng người nữ lớn lợp quá 3 lớp, 64. Giới Tăng không sai ngồi chỗ khuất (Hai pháp Bất định), 19. mà đi giáo hóa giới Ni, 65. Giới giáo giới Giới chứa y dư quá 10 ngày, 20. Giới lìa y Ni đến mặt trời lặn, 66. Giới nói giáo giới ngủ qua đêm, 21. Giới chứa y phi thời 1 Ni vì tài vật, 67. Giới cùng Tỳ-kheo Ni tháng, 22. Nhận y từ Tỳ-kheo Ni không hẹn đi chung đường, 68. Giới hẹn với Tỳ- phải bà con, 23. Giới nhờ Tỳ-kheo Ni kheo Ni đi chung thuyền, 69. Giới cho Tỳ- không phải bà con giặt y cũ, 24. Giới theo kheo Ni y không phải bà con, 70. Giới cư sĩ không phải bà con xin y, 25. Giới xin may y Tỳ-kheo Ni không phải bà con, 71. thọ y quá nhiều, 26. Giới theo cư sĩ không Giới một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ- thỉnh trước xin y, 27. Giới khuyên cư sĩ kheo Ni, 72. Giới một mình ở chỗ vắng vẻ không bà con hùn tiền cúng y, 28. Giới đòi với người nữ, 73. Giới ăn thức ăn do Tỳ- y quá, 29. Giới dùng Kiều-thi-na làm phu kheo Ni khen ngợi, 74. Giới thường cụ mới, 30. Giới gánh lông dê đi quá 3 do- thường ăn, 75. Giới thọ quá một bữa ăn tuần, 31. Giới nhờ Tỳ-kheo Ni không phải trong nhà phước đức, 76. Giới đến nhà bà con giặt nhuộm lông dê, 32. Giới tự tay bạch y thọ quá hai ba bát, 77. Giới thọ cầm vật báu, 33. Giới dùng vật báu mua pháp dư thực, 78. Giới khuyên ăn thức ăn bán các việc, 34. Giới mua bán đủ cách, dư không tác pháp, 79. Giới ăn biệt chúng, 35. Giới chứa y bát dư quá 10 ngày, 36. 80. Giới ăn phi thời, 81. Giới ăn cách đêm, Giới xin bát mới, 37. Giới tự xin chỉ sợi 82. Giới không thọ thức ăn, 83. Giới trong rồi bảo nhờ thợ dệt không phải bà con dệt nhà bạch y đòi hỏi thức ăn, 84. Giới uống y, 38. Giới bảo thợ dệt không phải bà con dùng nước có trùng, 85. Giới gượng ngồi dệt y, 39. Giới đoạt y của Tỳ-kheo khác, trong nhà ăn, 86. Giới gượng ngồi gần

người nữ trong nhà ăn, 87. Giới tự tay cho năm, 138. Pháp ngăn Yết-ma thứ sáu, 139. ngoại đạo thức ăn, 88. Giới xem quân trận, Pháp phòng xá ngọa cụ thứ bảy, 140. Pháp 89. Giới ở trong quân trận quá hai đêm, tránh sự thứ tám, 141. Tạp tụng (có 2 90. Giới giận đánh Tỳ-kheo, 91. Giới che pháp). giấu tội thô của Tỳ-kheo khác, 92. Giới Tập 76, Bộ Luật VI, số 1435-1441, - Thập xúc não Tỳ-kheo khác, 93. Giới nhóm lửa Tụng Luật (tt); số 1435, - Thập Tụng luật, nơi đất trống, 94. Giới cùng người chưa Q.5, 1. Tạp tụng, 2. Tám pháp Ba-la-di thọ Đại giới quá hai đêm, 95. Giới can Tỳ- (Luật Ni), 3. Mười bảy pháp Tăng-tàn, 4. kheo ác tà kiến, 96. Giới tùy thuận Tỳ- Ba mươi pháp Xả đọa, 5-8. Một trăm bảy kheo ác kiến, 97. Giới cầm giữ báu vật, mươi pháp Ba-dật-đề, 9. Tám pháp Ba-la- 98. Giới nhuộm y hoại sắc, 99. Giới nửa đề-xá-ni, 10. Tăng Nhất, 11. Hai pháp, tháng tắm một lần, 100. Giới đoạn mạng (Tụng thứ tám pháp), 12. Ba pháp, 13. súc sinh, 101. Giới cố ý làm cho Tỳ-kheo Bốn pháp, 14-15. Năm pháp (Tỳ-ni Tăng khác nghi hối, 102. Giới dùng tay chọc lét, nhất), 16. Sáu pháp, 17. Bảy-Mười pháp, 103. Giới cùng người nữ ngủ chung nhà, 18. Thêm Mười pháp Tăng nhất, 19. 104. Giới khủng bố Tỳ-kheo khác, 105. Tướng Tăng nhất, 20-23. Ưu-ba-li vấn Giới giấu y bát của Tỳ-kheo

khác, 106. pháp, 24-25. Tỳ-kheo tụng, 26-28. Tỳ-ni Giới đem tội tàn vô căn vu báng, 107. Giới tụng, 29-30. Thiện tụng, 31. Phẩm tạp hẹn với giặc đi chung đường, 108. Giới trong Tỳ-ni, 32. Phẩm Nhân duyên trong quá bốn tháng thọ thỉnh đòi hỏi, 109. Giới Tỳ-ni, số 1436, - Thập tụng Tỳ-kheo, 33. rình nghe lén-Khi Tăng xử đoán đứng dậy Tỳ-kheo Giới bổn (Ba-la-đề-mộc-xoa Giới bỏ đi, 110. Giới uống rượu, 111. Giới phi bổn); số 1437, - Thập tụng Tỳ-kheo Ni, thời vào tụ lạc, 112. Giới hứa thỉnh Tăng 34. Tỳ-kheo Ni Giới bổn; số 1438, 35. Đại lại bỏ đi đến nhà khác, 113. Giới vào cửa Sa-môn Bách Nhất Yết-ma pháp; số 1439, cung vua, 114. Giới nói không biết học 36. Thập tụng Yết-ma Tỳ-kheo yếu dụng; giới, 115. Giới làm ống kim bằng ngà, số 1440, từ 37-45, Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà- 116. Giới làm giường cao quá lượng, 117. sa, có 9 quyển; số 1441, từ 46-55, - Tát- Giới dồn Đâu-la-miên làm ngọa cụ, 118. bà-đa bộ Tỳ-ni Ma-đắc-lặc-già, có 10 Giới may áo tắm mưa quá lượng, 119. quyển. Giới cất chứa y che phủ ghẻ, 120. Giới cất Tập 77, Bộ Luật VII, số 1442, - Căn bản chứa Ni-sư-đàn, 121. Giới may y bằng Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da: từ số 1-49, lượng y của Phật (từ số 45-121 là 90 pháp có 49 quyển. Ba-dật-đề), 122. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, Tập 78, Bộ Luật VIII, từ số 1443-1447, - 123-124. Một trăm lẻ bảy pháp chúng học, Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô- 125. Bảy pháp diệt tránh, 126. Pháp thọ ni Tỳ-nại-da: số 1443, - Căn bản Thuyết giới Cụ túc thứ nhứt, 127. Pháp Bố-tát thứ Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô-ni Tỳ-nại-da, có hai, 128. Pháp Tự tứ thứ ba, 129. Pháp An 20 quyển; số 1444, - Căn bản Thuyết Nhất cư thứ tư, 130. Pháp Bì cách thứ năm, 131. thiết Hữu bộ Xuất gia sự, có 4 quyển; số Pháp Y dược thứ sáu, 132. Pháp Y thứ 1445, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ bảy, 133. Pháp Y Ca-thi-na thứ nhất, 134. An cư sự; số 1447, - Căn bản Thuyết Nhất Pháp Câu-xá-di thứ hai, 135. Pháp Chiêm- thiết Hữu bộ Bì-cách sự, có 2 quyển ba thứ ba, 136. Các pháp Yết-ma trị phạt Thượng-Hạ. thứ tư, 137. Pháp Sám tội Tăng-tàn thứ

Tập 79, Bộ Luật IX, số 1448-1451, - Căn Tỳ-kheo Tam thiên Oai nghi, có 2 quyển bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Thượng-Hạ; 1471, - Mười giới pháp và Dược Sự: số 1448, Căn bản Thuyết Nhất Oai nghi của Sa-di; 1472, - Oai nghi của thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Dược sự, có 18 Sa-di; 1473, - Kinh Sa-di Thập giới Nghi quyển; số 1449, - Căn bản Thuyết Nhất tắc; 1474, - Giới Kinh Sa-di Ni; 1475, - thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Y sự; số 1450, - Sa-di Ni ly giới văn; 1476, - Kinh Ưu-bà- Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại- tắc Ngũ giới tướng; 1477, - Kinh Phật da phá Tăng sự, có 20 quyển; số 1451, - thuyết giới Tiêu tai; 1478, - Kinh Đại Ái Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại- Đạo Tỳ-kheo Ni, có 2 quyển Thượng-Hạ; da Tạp sự, có 16 quyển. 1479, - Kinh Bí-sô Ngũ pháp; 1480, - Tập 80, Bộ Luật X, số 1451-1458, - Căn Kinh Bí-sô Ca-thi-ca Thập pháp; 1481, - bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Kinh Ngũ khủng bố thế; 1482, - Kinh Phật Tạp sự (tt), từ Q.17-Q.40; số 1452, - Căn A-tỳ-đàm Xuất gia tướng, có 2 quyển bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Ni-đà-na Thượng-Hạ; 1483, - Kinh Mục-liên vấn Mục-đắc-ca, có 10 quyển; số 1453, - Căn Giới luật Trung Ngũ bách Khinh trọng sự, bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bách nhất có 2 quyển Thượng-Hạ; 1484, - Kinh Yết-ma, có 10 quyển; số 1454, - Căn bản Phạm Võng, có 2 quyển Thượng-Hạ; Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô Giới 1485, - Kinh Bồ-tát Anh Lạc bổn nghiệp, Kinh; số 1455, - Căn bản Thuyết Nhất có 2 quyển Thượng-Hạ; 1486, - Kinh thiết Hữu bộ Bí-sô Ni Giới Kinh; số 1456, Thập thiện

giới; 1487, - Kinh Bồ-tát Nội - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Ni- giới; 1488, - Kinh Ưu-bà-tắc giới, có 7 đà-na Mục-đắc-ca Nhiếp tụng; số 1457, - quyển; 1489, - Kinh Thanh tịnh Tỳ-ni Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tạp sự phương quảng; 1490, - Kinh Tịch Điều Nhiếp tụng; số 1458, - Căn bản Tát-bà-đa Âm sở vấn; 1491, - Kinh Bồ-tát Tạng; bộ Luật Nhiếp, có 14 quyển. 1494, - Kinh Tịnh Nghiệp chướng; 1495, - Tập 81, Bộ Luật XI, số 1459-1464, - Căn Kinh Thiện cung kính; 1496, - Kinh Phật bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da thuyết Chánh Cung kính; 1497, - Kinh Tụng: số 1459, - Căn bản Thuyết Nhất Phật thuyết Đại thừa giới; 1498, - Kinh thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Tụng, có 3 quyển Bát chủng Trưởng dưỡng Công đức; 1499, Thượng, Trung và Hạ; số 1460, - Ấm - Văn Yết-ma giới Bồ-tát; 1500, - Kinh Quang bộ Giới Kinh Giải thoát; số 1461, - Giới bổn Bồ-tát; 1501, - Bồ-tát Giới bổn Chánh Lượng bộ Luật Nhị thập nhị Minh (Bồ-tát Di-lặc thuyết); 1502, - Kinh Bồ-tát liễu luận; số 1462, - Luật Thiện kiến Tỳ- Thọ trai; 1503, - Kinh Ưu-bà-tắc Ngũ giới bà-sa, có 18 quyển; số 1463, - Kinh Tỳ-ni Oai nghi; 1504, - Kinh Bồ-tát Ngũ pháp 10 quyển. Tập 82, Bộ Luật XII, từ số 1465-1504, - 1.151. BỘ LUẬT SỚ – 3 Tập Kinh Xá-lợi-phất vấn: 1465, - Kinh Xá- Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập lợi-phất vấn; 1466, - Kinh Ưu-ba-li vấn 143 – 145 Phật; 1467, - Kinh Phạm giới Tội báo Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Khinh trọng (2 bản, bản chính và dị bản); xuất bản – 2000 1468, - Kinh Mục-liên sở vấn; 1469, - Tập 143, Số 1804, - Tứ phần Luật San Kinh Ca-diếp Giới cấm; 1470, - Kinh Đại phồn Bổ khuyết Hành sự sao, có 3 quyển

Thượng, Trung và Hạ: Q. Thượng, (Phần sanh, Q.2, Giới trộm cắp, Q.3, Giới bất 1), Thọ dục-Đúng sai, Nói chung về Yết- dâm, Q.4, Giới tiếc lẫn mà còn hủy nhục, ma, Phương pháp Kiết giới, Giềng mối lớn Q.5, Giới bất kính thỉnh pháp, Q.6, Giới của Tăng chúng, Duyên nhóm họp thọ bỏ chánh theo tà; số 1814, - Sớ Bồ-tát Giới giới, Thầy trò nhiếp giữ nhau, Thuyết giới bản, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1815, - Chánh nghi, An cư sách tấn tu hành, Tông Phạm Võng Kinh Cổ tích ký, có 2 quyển Trong thiên Tăng-tàn, Trong 90 giới, Phép tắc trì phạm; Q. Hạ, Sự chung và riêng của 1.152. Bốn Quyển Luật TỲ-NI - SA-DI - 2 y, Thọ thanh tịnh 4 thứ thuốc, Bình bát OAI NGHI – CẢNH SÁCH chú chế thính, Đối thí hưng trị, Đầu-đà hạnh Việt dịch: Thích Định Huệ nghi, Trí kính tượng Tăng, Phép tắc thưa Nxb Tôn Giáo – 2013 thỉnh, Đạo tục hóa phương, Chủ khách đối Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 377 đãi nhau, Chăm sóc người bệnh và đưa trang. tiễn lúc qua đời, Sau Di biệt hành, Ni Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Tỳ-ni Nhật chúng biệt hành, Hành trì riêng của các dụng Thiết yếu; Sa-di Luật nghi Yếu lược, bộ; số 1805, - Tứ phần Luật Hành sự sao Giới luật môn, Oai nghi môn; Quy Sơn Tư trì ký, có 3 quyển Thượng, Trung và cảnh sách, Quy Sơn duyên khởi, Văn cảnh Hạ (tập 143, từ Q. Thượng – Q. Trung). sách: 1. Sắc thân là đại hoạn, 2. Trừ bỏ tật Tập 144, số 1805, - Tứ phần Luật Hành sự xấu, 3. Chánh nhân xuất gia, 4. Đường tắt sao Tư trì ký (tt), tập 144, từ Q. Trung – nhập đạo, 5. kết duyên dặn dò, Văn Bài Q. Hạ; số 1806, - Giới bản Tứ phần Luật minh, Chú thích; Phụ trang Trì tụng. Tỳ-kheo Hàm chú, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1807, - Tứ Phần Luật Tỳ- 1.153. BỔN GIỚI TỲ-KHEO NI kheo Giới bản sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; Lược Ghi số 1808, - Đàm Vô Đức bộ Tứ phần Luật Tác giả: Tổ Vô Tác Giới Biểu San bổ Tùy cơ Yết-ma, có 2 quyển Việt dịch: HT. Thích Thiện Chơn Thượng-Hạ: Q. Thượng, Các giới Kết giải, Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Đàm Uyển Các pháp Thọ

giới; Q. Hạ, Thọ y phục Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 402 trang, thuốc men thanh tịnh, Các pháp Thuyết bìa cứng. Nội dung gồm có 2 phần: I. Luật giới, Pháp các chúng An cư, Pháp các Tứ Phần lược ghi – Chỉ, Phân khoa, chúng Tự tứ, Pháp phân chia y, Pháp sám Duyên khởi, Phàm lệ, Kệ khai Luật, Tổng lục tự, Trụ trì tạp pháp. bày Giới tướng: I. Baladi, 8 giới; II. Tăng- Tập 145, Số 1809, - Tứ phần Tăng Yết- tàn, 17 giới; III. Xả đọa, 30 giới; IV. Đơn ma, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ đọa, 178 giới, V. Hối quá, 8 giới; VI. (xuất xứ từ Luật Tứ phần); số 1810, - Ni Chúng học, 100 giới; VII. Diệt tránh, 7 Yết-ma, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ pháp; VIII. Lược giáo (348 giới); Khuyên (xuất xứ từ Luật Tứ phần); số 1811, - Bồ- học Giới Kinh của bảy Phật, Quyết nghi, tát Giới nghĩa sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; Tụng hồi hướng, Những điều cần biết; II. số 1812, - Thiên Thai Bồ-tát Giới sớ, có 3 Pháp Yết-ma Chỉ nam – Tác, I. Pháp thông quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1813, - dụng, 1. Tác pháp sám-ma, 2. Nghi thức Sớ giải Giới bản Bồ-tát trong Kinh Phạm Bố-tát, 3. An cư, 4. Tự tứ, 5. Y công đức, Võng, có 6 quyển: Q.1, Giới không sát 6. Chia vật Tăng, 7. Chia vật vong, 8.

Thuyết tịnh, a. Vàng bạc (xem phần Chỉ, Hội đồng giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn thiên Xả đọa, giới 18); b. Y vải (xem phần Nxb Tôn Giáo – 2004. Sách có khổ 14 x Chỉ, thiên Ba-dật-đề, giới 129); II. Trị 20cm, dày 222 trang, bìa mềm, nền màu phạt, 1. Baladi học hối, 2. Tăng-tàn, 3. hường, chữ tựa màu trắng, có hình vẽ Thâu-lan-giá, 4. Yết-ma không thấy tội, 5. Tăng thân Làng Mai trong vòng tròn. Nội Yết-ma không sám tội, 6. Can hai Ni ở dung tác phẩm gồm có 5 phần (P) chính: gần, 7. Diệt tẩn, 8. Cuồng si; III. Kết giải Lời nói đầu, P.1 Thi kệ thực tập chánh các giới, 1. Đại giới, 2. Giới tràng, 3. Tiểu niệm, P.2 Mười giới Sa-di, P.3 Ba mươi giới, 4. Tịnh trù, 5. Tịnh khố, 6. Kho tang, chín thiên uy nghi, P.4 Lời cảnh giác và 7. Không mất y; IV. Độ người, 1. Tam khích lệ của Thiền sư Quy Sơn. P.5 Nói quy, 2. Ngũ giới, 3. Bát quan trai, 4. Cạo với người xuất gia trẻ. Nguồn gốc và nội tóc, 5. Độ ngoại đạo, 6. Truyền giới Sadi dung sách Bước Tới Thảnh Thơi. Cuối Ni, 7. Truyền giới Thức-xoa, 8. Truyền sách là Phụ lục: Nghi thức tụng mười giới, giới Tỳ-kheo Ni. Năm cái lạy, Ba cái lạy, Mở thêm rộng lớn con đường (nhạc). 1.154. BƯỚC ĐẦU HỌC LUẬT Tác phẩm này được tái bản năm 2019, Sa-môn Tự Tổ - Nguyên Hiền thuật Nxb Hồng Đức, khổ 13 x 20.5cm, có 225 Việt dịch (2002): Thích Thiện Phước trang. Tác phẩm này gồm có 3 quyển. Nội dung: Lời tựa Bước đầu học Luật; Quyển thượng, Duyên khởi của Luật bộ, Tam Quy y, Ngũ giới, Bát Quan trai, Ưu-bà-tắc giới, Giới Sa-di, Giới Thức-xoa-ma-na, C Tỳ-kheo giới, Pháp Tứ y, Tỳ-kheo Ni giới, 1.156. Bồ-tát giới; Quyển trung, Kết giới, Bố-tát, CÁC CẤP ĐỘ CỦA GIỚI PHÁP Thuyết dục, An cư, Tự tứ, Thọ dược, Chia Biên soạn: Thích Phước Sơn vật của Tăng qua đời, Pháp Sám hối sáu Toàn bộ tác phẩm Giới pháp này gồm có: nhóm tội, Pháp sám hối tội Tăng-già-bà- A. Dẫn nhập; B. Nội dung, 1. Tam quy, thi-sa, Pháp sám hối tội Thâu-lan-giá, Ngũ giới, 2. Bát quan trai giới, 3. Thập Pháp sám tội Ba-dật-đề (Pháp xả y đối với thiện giới, 4. Giới pháp của Sa-di và Sa-di một người, Pháp sám tội nhỏ, Nay trước Ni, 5. Giới pháp của Thức-xoa-ma-ni, 6. sám hối sáu tội nhỏ tùng sanh, Kế đến là Giới pháp của Tỳ-kheo, 7. Giới pháp của sám hối hai tội căn bản nhỏ), Pháp sám hối Tỳ-kheo Ni, 8. Giới pháp của Bồ-tát; C. tội Ba-la-đề Đề-xá-ni, Pháp sám hối tội Kết luận. (Trích từ Phật học Cơ bản, tập Đột-kiết-la; Quyển hạ, Tư cụ, Phép tắc 3, Chương trình

Phật học Hàm thụ, Ban hằng ngày, Bàn về sự sai lầm thọ giới, Hoằng pháp Trung ương - GHPGVN, Nxb Pháp số Luật học. Hồng Đức – 2014) 1.155. BƯỚC TỚI THẢNH THƠI 1.157. CÁC GIỚI KHINH – Giới Luật và Uy Nghi Của Các Vị Sa- CỦA BỒ-TÁT GIỚI TÂY TẠNG di Nguyên tác: (dùng chung cho nam và nữ) Secondary Bodhisattva Vows Biên soạn:

Tác giả: Alexander Berzin/ August 1997 chất của Cương giới, 1. Cương giới tự Chuyển ngữ: Tuệ Uyển nhiên, 2. Cương giới ấn định, a. Đại giới, Toàn bộ tác phẩm này gồm có: I. Giới b. Giới trường, c. Tiểu giới, d. Các Cương thiệu, II. Bảy hành vi lỗi lầm bất lợi cho giới biệt xuất, 3. Giới pháp lợi nhị đồng, 4. việc tu tập Thí Ba-la-mật, a. Hai hành vi Pháp đồng lợi biệt, 5. Pháp biệt lợi đồng, lỗi lầm bất lợi đến việc phát triển sẵn lòng 6. Giới không lìa y, 7. Tịnh trù và tịnh ban cho người khác vật chất (tài thí), b. khổ; IV. Thủ tục tiến hành Yết-ma Đại Hai hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc phát giới, a. Chuẩn bị tác pháp, b. Chính thức triển sự nhiệt tình bố thí sự bảo hộ cho tác pháp; V. Phép Kiết giới tràng và Đại người khác khỏi những hoàn cảnh sợ hãi, giới, a. Kết giới tràng, b. Kết đại giới; VI. c. Hai hành vi lỗi lầm của việc không cung Phép Kiết giới không mất y, a. Phép giải ứng những hoàn cảnh cho người khác trau Đại giới, b. Phép kết Tiểu giới để thọ giới, dồi và thực hành bố thí, d. Một hành vi lỗi c. Phép giải Tiểu giới đã thọ giới, d. Phép lầm bất lợi cho việc phát triển bố thí giáo kết giới tịnh trù, e. Phép giải giới tịnh trù, huấn, III. Chín hành vi lỗi lầm bất lợi cho f. Phép kết giới tịnh khổ; C.III Nghi thức việc tu tập Giới Ba-la-mật, a. Bốn hành vi thọ Tam quy, - Truyền Tam quy, - Nghi lỗi lầm liên hệ đến những hoàn cảnh mà thức thọ Ngũ giới, - Nghi thức thọ Thập trong ấy sự quan tâm chính của chúng ta là thiện, - Nghi thức thọ Bát quan trai giới; người khác, b. Ba hành vi lỗi lầm liên hệ C.IV Nghi thức Thế phát, - Phép Tỳ-kheo đến hoàn cảnh của chính chúng ta, c. Hai Ni nuôi chúng, - Phép Ni chúng trao giới lỗi lầm liên hệ đến cả chúng ta và người cho Thức-xoa-ma-na; C.V Bố-tát và khác, IV. Bốn hành vi lỗi lầm bất lợi cho thuyết giới, Các giai đoạn tiến hành: 1. Dự việc tu tập Nhẫn Ba-la-mật, V. Ba hành vi kỳ Sám hối, 2. Nhật kỳ Sám hối, 3. Tập lỗi lầm bất lợi cho việc tu tập Tấn Ba-la-Tăng hòa hợp, 4. Việc kiểm Tăng, 5. Gởi mật, VI. Ba hành vi lỗi lầm bất lợi cho dục thuyết tịnh; C.VI Kiết hạ An cư: Phép việc rèn luyện trong Thiền Ba-la-mật, VII. Đại đức Ni đối thú An cư, Phép đại chúng Tám hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc rèn An cư, Phép hậu An cư, Phép thọ nhật ra luyện trong Tuệ Ba-la-mật, VIII. Mười hai ngoài giới, Phép Tự tứ của Ni chúng, Phép hành vi lỗi lầm mâu thuẫn với việc làm lợi sai người Tự tứ đến trong Đại Tăng, Ngày ích cho người khác. rằm Tự tứ, Phép chính Tự tứ, Phép bốn dục, Thọ dục rồi chuyển trao gởi dục cho 1.158. CÁC PHÁP YẾT-MA vị khác, Phép thuyết dục, Đi bái tuế; C.VII Biên soạn: Thích nữ Tuệ Như Y công đức, 1. Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Nxb Phương Đông – 2010 Tác thành Ca-thi-na, - Chia vật Tăng, - Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 579 Chia vật vong; C.VIII Truyền giới-Thọ trang. giới, 1. Bước đầu xuất gia, 2. Tư cách làm Nội dung gồm có 11 chương: Lời giới thầy, 3. Yết-ma súc chúng, 4. Thế phát thiệu; C.I Tổng luận về Yết-ma: 1. Khái xuất gia-thọ giới Sa-di Ni; Giới Cụ túc, niệm về Tăng lữ, 2. Phân loại Tăng, 3. Tổng luận về Giới Cụ túc, a. Tính chất của Phân tích nội dung của Yết-ma; C.II Giới Cụ túc, b. Vấn đề đắc giới, c. Tư cách Cương giới, I. Ý nghĩa của Cương giới, II. người thọ giới, d. Tư cách của Hòa thượng Hiệu lực chi phối

của Cương giới, III. Bản truyền giới, e. Các điều kiện để Yết-ma

thành tựu, f. Tiến hành tác pháp; Nghi Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu (PL. thức thọ giới Sa-di Ni, Nghi thức thọ giới 2505 – DL. 1961); 1. Cách thức Sám hối Thức-xoa-ma-na, Nghi thức thọ giới Tỳ- các tội phạm giới, 2. Cách thức trị tội khác kheo Ni, Nghi thức của Giới sư Ni đem nhau, 3. Phương pháp diệt tẫn tội Ba-la-di, Giới tử đến chùa Tăng thọ giới, Vài điều 4. Học hối pháp, 5. Phương pháp diệt tẫn cần yếu trong khi truyền giới, Phép lễ cầu nếu người học hối pháp tái phạm, 6. thầy truyền giới; C.IX Khoa tiết truyền Phương pháp Sám hối tội Tăng tàn, 7. giới Bồ-tát; C.X Sám hối các tội Ngũ thiên Phương pháp Sám hối tội Phú tàng (Hành Thất tụ Ba-la-di, I. Ba-la-di học hối, II. biệt trú), 8. Phương pháp tác bạch ngày Tăng-tàn, 1. Cho Tỳ-kheo Ni pháp nửa thực hành hạnh Phú tang, 9. Phương pháp tháng Ma-na-đỏa, 2. Cho Tỳ-kheo Ni phát tác bạch tạm ngừng hành phú tàng, 10. xuất tội, 3. Cho Tỳ-kheo Ni hoại Ma-na- Phương pháp tác bạch tiếp tục hành Phú đỏa, pháp bản nhật trị, 4. Cho Tỳ-kheo Ni tàng (biệt trú) trở lại, 11. Cách tác bạch hoại Ma-na-đỏa pháp xuất tội; C.XI Pháp thay cho người muốn ngừng hạnh Phú Yết-ma trị phạt: 1. Pháp can pháp Tăng, 2. tàng, 12. Phương pháp tác bạch ngừng Pháp can giúp phá Tăng, 3. Pháp đuổi ra, hạnh Phú tàng (vì ngày thực hành đã đầy 4. Pháp giải đuổi ra, 5. Pháp mắng can đủ), 13. Phương pháp xin pháp Ma-na- người bị đuổi ra rồi chê gièm, 6. Pháp can đỏa, 14. Phương pháp tác bạch để hành người bị bỏ tính xấu, 7. Pháp trị người nói hạnh Ma-na-đỏa, 15. Phương pháp bạch lời khác, 8. Pháp trị người im lặng xúc não Tăng trong mỗi ngày, 16. Phương pháp tác Tăng, 9. Pháp can đừng gian ác, 10. Pháp bạch để chấm dứt hạnh Ma-na-đỏa khi đã cử tội không bỏ ác kiến, 11. Giải pháp cử thực hành đầy đủ, 17. Phương pháp xuất tội không bỏ ác kiến, 12. Pháp mắng can (giải) tội, 18. Phương pháp thực hành nửa Sa-di gian ác, 13. Pháp đuổi hẳn sa-di gian tháng Ma-na-đỏa của Tỳ-kheo Ni, 19. ác, 14. Pháp mắng trách, 15. Pháp giải sự Phương pháp xuất tội cho Tỳ-kheo Ni, 20. mắng trách, 16. Pháp cho y chỉ, 17. Pháp Phương pháp Ma-na-đỏa Bản nhật trị của giải y chỉ, 18. Pháp ngăn không được đến Tỳ-kheo Ni, 21. Phương pháp xuất tội hoại nhà cư sĩ, 19. Pháp sai người sám hối cư Ma-na-đỏa Bản nhật trị của Tỳ-kheo Ni, sĩ, 20. Pháp giải ngăn không được đến nhà 22. Cách thức Sám hối tội Thâu-lan-giá, cư sĩ, 21. Pháp cử tội không thấy tội, 22. 23. Cách thức sám hối ở trước đại Tăng về Pháp cử tội không thấy tội, 23. Pháp cử tội tội Thượng phẩm trọng Thâu-lan-giá, 24. không sám hối tội, 24. Pháp giải cử tội Sám hối tùng sanh tiểu tội, 25. Cách thức không sám hối tội, 25. Pháp cho úp bát, sám tội Thâu-lan-giá, 26. Cách thức sám 26. Pháp sai sứ bảo nhà úp bát, 27. Pháp hối tội Trung phẩm Thâu-lan-giá, 27. Cách giải pháp úp bát, 28. Pháp Ni can Ni đừng sám hối tội Hạ phẩm khinh Thâu-lan-giá, tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội, 29. Pháp Ni 28. Cách thức sám hối tội Ba-dật-đề, 29. can đừng tập ở gần nhau, 30. Pháp Ni can Cách thức sám hối tội Xả đọa trước đại Ni khuyên bảo tập ở gần nhau. Tăng, 30. Cách thức sám tội tùng sanh Ba-dật-đề, 31. Cách triển chuyển hoàn lại vật 1.159. CÁCH THỨC SÁM HỐI đã xả, 32. Cách trao ngay lại vật đã phạm, CÁC TỘI PHẠM GIỚI 33. Cách sám hối tội Xả đọa trước 4 người Biên soạn: sắp xuống, 34. Cách sám Xả đọa trước HT. Thích Đôn Hậu (1905-1992) một người, 35. Cách đối thú sám hối tội

Ba-dật-đề, 36. Cách sám bổn tội (Ba-dật- Bốn pháp của Sa-môn Ni; Quyển III, Nhận đề), 37. Cách đối thú sám tội Ba-la-đề-đề- nuôi đệ tử-Bạch nhị, Ni nhận nuôi đệ tử xá-ni, 38. Cách đối thú sám tội trọng Đột- không giới hạn-Bạch nhị; Không rời y cát-la, 39. Sám hối tội căn bản Đột-cát-la, Tăng-già-chi-Bạch nhị; Thuyết minh pháp 40. Cách tâm niệm Sám hối tội khinh Đột- kết cương giới; Thuyết minh pháp kết Đại cát-la. (phaptangpgvn.net, Pháp tạng) cương giới; Kết giới không mất y-Bạch nhị; Giải đại-tiểu cương giới-Bạch tứ; 1.160. CĂN BẢN GIỚI BỒ-TÁT CỦA Thuyết giới Bố-tát; Quyển IV, Khi Bao- PHẬT GIÁO TÂY TẠNG sái-đà tất cả Tăng đều có tội-Đơn bạch; Nguyên tác: Root Bodhisattva Vows Bao-sái-đà-Đơn bạch; Khi lễ Bao-sái-đà Tác giả: Alexander, Berzin không đến-Bạch nhị; Sai người phân ngọa Chuyển ngữ (2015): Tuệ Uyển cụ-Bạch nhị; Sai người giữ y-Bạch nhị; Tác phẩm Giới Bồ-tát này gồm có: - Giới Sai người giữ vật dụng-Bạch nhị; Tất cả thiệu, - Mười tám giới trọng của Bồ-tát Tă-già an cư mùa hạ-Đơn bạch; Sai người giới, - Duy trì các giới, - Bốn nhân tố thừa xem xét phòng xá-Bạch nhị; Thọ nhận nhận cho việc đánh mất giới, - Những giới ngày khi ra ngoài cương giới-Bạch nhị; yếu kém, - Làm mạnh mẽ những giới hạnh Sai người làm tùy ý sự-Bạch nhị; Khi tiến yếu kém, - Kết luận. hành tùy ý, Trong chúng tranh cãi về tội- định tội-Đơn bạch; Phân y vật để làm y 1.161. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Kiết-sỉ-na, Bạch nhị; Sai người trương y Bộ BÁCH NHẤT YẾT-MA Kiết-sỉ-na, Bạch nhị; Giao phó trương y (Mùlasarvàstivada-ekasatakarman) Kiết-sỉ-na, Bạch nhị; Xuất y Kiết-sỉ-na, Đại Tạng Kinh Việt Nam – Luật Tạng Đơn bạch; Quyển V, Cùng lợi dưỡng Hán dịch: Luật sư Nghĩa Tịnh (635-713) nhưng thuyết giới riêng; Thông báo đến Việt dịch: Thích Đỗng Minh – các nhà cư sĩ-Bạch nhị; Nói thô tội của Thích Tâm Hạnh người khác-Đơn bạch; Can gián phá Tăng- Chú thích: Thích Nguyên An, Bạch tứ; Can gián người trợ giúp phá Thích Tâm Nhãn, Thích Đạo Luận Tăng-Bạch tứ; Tác pháp học gia-Đơn Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 16.5 bạch; Xả pháp học gia-Đơn bạch; Thị sát x 23cm, dày 283 trang, bìa cứng, nền màu đường đi nguy hiểm trong rừng-Bạch nhị; nâu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Trao học pháp cho người (Phạm Ba-la-thị- Nội dung gồm có 10 quyển: Lời nói đầu; ca)-Bạch tứ; Cho thật lực tử y-Đơn bạch; Quyển I, A-giá-lợi-da, Ô-ba-đà-da, Thọ Khinh chê hủy báng trước mặt-Bạch tứ; giới Bí-sô; 1. Sai người dạy ở chỗ khuất- Mượn cớ khinh tiện hủy báng-Bạch tứ; Đơn bạch, 2. Hỏi pháp chướng ngại-Đơn Nhân duyên ức nhĩ (1. Tăng-già biên địa, bạch, 3. Bạch tứ Yết-ma, 4. Pháp tính thời 2. Những qui định da thuộc); Các loại gian, 5. Pháp tứ y, 6. Bốn pháp đọa lạc, 7. thuốc; Xem xét đất làm phòng nhỏ-Bạch Bốn pháp của Sa-môn; Quyển II, Thọ giới nhị; Xem xét đất làm chùa lớn-Bạch nhị; Bí-sô Ni, 1. Thọ Tam quy, Ngũ giới, 2. Cho Bí-sô công tác làm phu cụ; Quyển VI, Thọ Sa-di Ni, 3. Thọ Thức-xoa-ma-na, 4. Pháp sám hối chúng giáo tội, Nhân duyên Thọ giới Bí-sô Ni, 5. Pháp y chỉ, 6. Tám Ô-đà-di: 1. Pháp biến trú, 2. Trùng thâu pháp đọa lạc, 7. Tám pháp tôn kính, 8. căn bản, 3. Pháp ý hỷ, 4. Pháp xuất tội;

Quyển VII, Pháp sám hối chúng giáo tội trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình (tt); Số Tăng thọ cận viên; Sắm gậy-Bạch bàn tay đẩy bánh xe pháp luân. nhị; Cho ngoại đạo sống chung trong bốn tháng-Bạch tứ; Y chỉ; Sa-di xuất gia; Giáo giới Ni không được chúng sai; Sai giáo thọ 1.162. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Ni-Bạch nhị; Can gián Bí-sô Ni tạp trú- Bộ NI-ĐÀ-NA-MỤC-ĐẮC-CA Bạch tứ; Can gián, ngăn chặn sống riêng-

Hán dịch: Bạch tứ; Bí-sô Ni tác pháp không kính lễ- Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Bạch nhị; Can gián, ngăn cản Bí-sô Ni Việt dịch: Thích Tâm Hạnh thân cận phụng sự-Bạch tứ; Ở với trẻ con Tác phẩm này gồm có 10 quyển: Q.I, một phòng-Bạch nhị; Bí-sô Ni qua lại thân Tụng tổng quát, Tụng tổng quát phần 1, có mật với người thế tục-Bạch nhị; Chuyển 7 tụng (từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ căn; Khiến cho sợ-Bạch tứ; Yết-ma thâu bảy); Q.II, từ Tụng thứ tám đến Tụng thứ nhiếp; Quyển VIII, Chiết phục-Bạch tứ; mười; Ni-đà-na biệt môn thứ hai, Tụng Trục xuất-Bạch tứ; Yết-ma xin lỗi-Bạch tổng lược, Tụng thứ nhất, Tụng thứ hai; tứ; Giấu không nhận tội-Bạch tứ; Không Q.III, từ Tụng thứ ba đến Tụng thứ mười; bỏ ác kiến-Bạch tứ; Trục xuất cầu tịch ác Ni-đà-na biệt môn Tụng tổng nhiếp thứ ba, kiến-Bạch tứ; Thâu nhiếp-Bạch tứ; Tăng- từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ ba; Q.IV, già hòa hợp-Bạch tứ; Tăng-già hòa hợp từ Tụng thứ tư đến Tụng thứ mười; Ni-đà- trưởng tịnh; Trái cây; Da thuộc; Đãy lọc na Tụng tổng quát thứ tư, từ Tụng thứ nhất nước; Tăm xỉa răng, cây cạo lưỡi; Quyển đến Tụng thứ sáu; Q.V, từ Tụng thứ bảy IX, Chống lời Tăng dạy, gây phiền não đến Tụng thứ mười; Ni-đà-na biệt môn chúng-Bạch tứ; Úp bát-Đơn bạch; Mở bát- Tụng tổng nhiếp thứ năm, từ Tụng thứ Đơn bạch; Can gián nói lời thô ác-Bạch nhất đến Tụng thứ sáu; Q.VI, Đại môn tứ; Yêu cầu chấm dứt nói: dục, sân, si, bố- Tổng nhiếp tụng, Biệt môn Tổng nhiếp Bạch tứ; Tác điên cuồng-Bạch nhị; Cho tụng thứ nhất, từ Tụng thứ nhất đến Tụng bất si-Bạch tứ; Cho cầu tạ tội tánh-Bạch thứ tư; Q.VII, từ Tụng thứ năm đến Tụng tứ; Cho ức niệm-Bạch tứ; Chọn người thứ mười; Biệt môn Tụng tổng nhiếp thứ bình chánh-Bạch nhị; Chọn người bình hai, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ tư; chánh lần thứ hai-Bạch nhị; Chuyển người Q.VIII, (tt), từ Tụng thứ năm đến Tụng tranh tụng đến nơi khác-Bạch nhị; Kết tịnh thứ mười; Mục-đắc-ca đệ tam Biệt môn trù-Bạch nhị; Y (vải); Giữ đồ vật của Tổng nhiếp tụng, từ Tụng thứ nhất đến người chết-Đơn bạch; Cử (Bí-sô) quản lý Tụng thứ ba; Q.IX, từ Tụng thứ tư đến vật dụng của người qua đời-Đơn bạch; Tụng thứ mười; Mục-đắc-ca Biệt môn Quyển X, Hành bát có phạm; Phần cuối- Tổng nhiếp Tụng thứ tư, Tụng thứ nhất; Thuyết minh về lược giáo; Yết-ma Đơn Q.X, (tt), từ Tụng thứ hai đến Tụng thứ pháp; Bạch tứ Yết-ma có 32 pháp; Tụng Pháp bảo-Luật tạng) tóm lược Yết-ma đơn bạch; Tụng tóm lược Yết-ma nhị bạch; Tụng tóm lược Yết- ma Bạch tứ; Sách dẫn. Tác phẩm Luật này đã in Lưu hành nội bộ năm PL. 2540 – DL. 1996, dày hơn 370

1.163. CĂN BẢN THUYẾT NHẤT - Bất kiến cử, - Chứng tật linh tinh, 2. Bao THIẾT HỮU BỘ TÌ-NẠI-DA SỰ 1 – 4 sái đà sự: I. Duyên khởi (Ngoại đạo pháp, MÙLASARVÀSTIVÀDAVINAYAVAS Pháp chánh hành); II. Kiếp-tân-na (- Kiếp- TU PRAVRAJYÀVASTU tân-na, - Kiết giới cộng trú, - Kiết giới y, - Gzhi thams cad yod par smra ba dul ba Kết tiểu giới, - Giới tự nhiên, - Giải giới, gzhi Yết-ma tụng giới); III. Trú xứ (Trú xứ hạ Dịch và chú: Tuệ Sỹ, Nguyễn An, Tâm an cư, Khách đến, Gửi thanh tịnh, Túc số Nhẫn, Nguyễn Thịnh, Hoằng Trí Tăng); IV. Bí-sô (Gửi dục, Bất si, Sám Nxb Hồng Đức - 2016. Sách có khổ 14 x hối); V. Trùng thuyết giới (Bí-sô cựu trú, 20.5cm, dày 418 trang, bìa cứng. Bí-sô khách, Trùng thuyết giới); VI. Hòa Tác phẩm Luật này gồm có: Duyên khởi, hiệp thuyết giới (- Cận phá hoại, - Di Dẫn nhập, I. Bộ phái và truyền thừa; II. chuyển, - Kết vấn); 3. Tùy ý sự: - Duyên Phạn bản Mùlasarvàstivàda-Vinaya (- Thủ khởi, - Thể thức tác tùy ý, - Dữ tùy ý dục, bản Phạn, - Niên đại); III. Truyền thừa - Túc số

tùy ý, - Đình chỉ tùy ý, - Duyên Tây Tạng: 1. Thể hệ Tăng-già (Sơ truyền, sự đặc biệt, - Cử tội – thuyết tội, - Tập Tranh luận bSam yas (Sam-ye), Tăng-già chúng tùy ý, - Bí-sô khách và bệnh, - phục hoạt, Dharmapàla: Tây luật, Bí-sô- Nhân và sự; 4. An cư sự: - Chế pháp an ni); 2. Truyền dịch và chú sớ; 3. Luật học cư, - Tác pháp an cư, - Xuất giới, - nhị thắng; IV. Hán phiên dịch và truyền Chuyển trú xứ; Thư mục tham khảo. thừa (Phiên dịch, Truyền thừa); V. Nhật Bản chân ngôn luật tông, 1. Xuất gia sự: I. 1.164. Căn Bản Thuyết Nhất Thuyết Nhân duyên Xá-lợi-phất (- Chiến tranh Hữu Bộ TỲ-NẠI-DA TẠP SỰ - 2 Tập Ương-già và Ma-kiệt, - Bồ-tát giáng thần, (Cuộc đời Đức Phật và các Đệ tử) - Thái tử Ảnh Thắng, - Bà-la-môn Ma-tra- Hán dịch: la, - Phạm Chí Trường Trảo, - Ưu-ba-để- Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) xá, - Mục-kiền-liên, - Hai người bạn, - Lục Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đổng Minh sư ngoại đạo, - San-thệ-di); II. Những đệ Việt dịch: Tỳ-kheo Tâm Hạnh tử đầu tiên (- Sơ chuyển pháp luân, - Bí-sô (Bhikkhu Caràna Citto) Mã Thắng, - Hai đại đệ tử, - Ma-ha Câu- PL. 2542 – DL. 1998; Lưu hành nội bộ. hi-la, - Tiền thân Xa-lị-phất, - Tiền thân Tập I, dày 655 trang, bìa mềm, chữ tựa Mục-kiền-liên); III. Chế pháp xuất gia (- màu đỏ; tập này có 21 quyển. Tăng pháp thọ giới, - Ô-ba-đà-da và A- Tập II, từ tr. 656 đến tr. 1354, từ Q.22 đến già-ly, - Cận quân, - Tư cách - Ô-ba-đà-da, Q.40. Nội dung sơ lược 2 tập gồm có: - - Ngoại đạo cộng trú, - Phép y chỉ); IV. Lời người dịch, - Lời tri ân, nội dung có Điều kiện thọ giới (- Tuổi xuất gia, - Nô “Bốn mươi quyển (Tì-nại-da Tạp sự) này bộc, - Thiếu nợ, - Xin phép cha mẹ, - có tám môn. Một tụng đại môn bao trùm Chữa bệnh, - Cha mẹ cho phép, - Khu ô cương lĩnh cả bộ. Có tám tụng tổng nhiếp Sa-di); V. Chướng pháp (- Nhiễm ô Bí-sô- cho tám môn, trong mỗi môn lại có biệt ni, - Tặc trú, - Hoàng môn, - Bàng sinh, môn. Mỗi biệt môn có mười tụng. Tổng Nhân duyên Tăng hộ, Nhân duyên Tiểu cộng là Tám mươi chín tụng. Trong mỗi long, - Nội ngoại đạo, - Giết cha và mẹ, - nhiếp tụng có hàng ngàn. Người nào thọ Giết A-la-hán, - Phá hòa hiệp Tăng, - Ác trì thông thuộc, có thể nắm được toàn bộ ý tâm xuất huyết thân Phật, - Phạm biên tội, nghĩa cả bộ.” (Bản lưu tại Thư viện Xá-

Lợi-Phất; Pháp viện Minh Đăng Quang, (Tisaranagamana), III.2 Hạnh bố thí Tp. Hồ Chí Minh) (dàna), III.3 Hạnh trì giới (sìla), III.4 Hạnh tu tiến (bhàvanà); C.IV Các nghi thức 1.165. CƯ SĨ GIỚI PHÁP khóa lễ, IV.1 Nghi thức tụng niệm, IV.2 Biên soạn: Nghi thức quy y, IV.3 Nghi thức thọ Ngũ Tỳ-kheo Giác Giới (Bdhisìlabhikkhu) giới, IV.4 Nghi thức thọ Bát quan trai giới, Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 IV.5 Nghi thức sám hối lệ kỳ mỗi nửa Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 237 tháng, IV.6 Nghi thức thính pháp, IV.7 trang. Nghi thức lễ cầu an, IV.8 Nghi thức lễ cầu Nội dung gồm có 4 chương: C.I Cư sĩ siêu, IV.9 Nghi thức chúc thọ, IV.10 Nghi trong Phật giáo, I.1 Tứ chúng Phật giáo, thức cúng dường trai Tăng, IV.11 Nghi I.2 Ý nghĩa Ubàtắc và Ubàdi, I.3 Những thức cúng dường bát hội, IV.12 Nghi thức cư sĩ đầu tiên, I.4 Những cư sĩ có công cúng dường y tắm mưa, IV.13 Nghi thức hạnh lớn, I.5 Quả vị tu hành của người cư cúng dường y Kathina, IV.14 Nghi thức sĩ, I.6 Vai trò cư sĩ trong Phật giáo; C.II cúng dường y ngoại thời, IV.15 Nghi thức Các pháp môn thuyết cho cư sĩ, II.1 Mười cúng dường liêu cốc, IV.16 Nghi thức hạng cư sĩ, II.2 Năm pháp tánh người cận cúng dường hội trường, IV.17 Nghi thức sự tam bảo, II.3 Mười đức lành của người cúng dường chánh điện, IV.18 Nghi thức Phật tử, II.4 Bốn điều hạnh phúc của cư sĩ, cúng dường thuốc trị bệnh, IV.19 Nghi II.5 Bốn

pháp tạo lợi ích hiện tại, II.6 Bốn thức cúng dường tứ sự, IV.20 Nghi thức pháp đem lại lợi ích tương lai, II.7 Bốn ấn tống Kinh sách, IV.21 Nghi thức lễ an đức hạnh người tại gia, II.8 Bốn pháp vị Phật, IV.22 Nghi thức lễ nhiễu Phật; C. thịnh của gia đình, II.9 Tám nguồn công Phụ lục: Các vấn đề cần thiết: Vấn đề thờ đức sanh trời người, II.10 Bốn sự chung cúng của người Phật tử, Vấn đề lễ nghi sống gia đình, II.11 Bốn nhân duyên tạo của người Phật tử, Vấn đề trang phục của xứng đôi vợ chồng, II.12 Năm nghề buôn người Phật tử, Vấn đề ngôn ngữ của người bán trái đạo của cư sĩ, II.13 Mười bất thiện Phật tử, Vấn đề ẩm thực của người Phật nghiệp đạo, II.14 Mười thiện nghiệp đạo, tử, Vấn đề hưởng thụ của người Phật tử. II.15 Mười phước nghiệp sự, thập hạnh Tác phẩm này tái bản năm PL. 2556 – DL. phúc, II.16 Bảy pháp bất thối của người cư 2012, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, sĩ, II.17 Bảy pháp suy thoái của người cư dày 262 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa sĩ, II.18 Tám lỗi lầm… khiến Tăng chúng màu vàng. úp bát, II.19 Chín khuyết điểm… Tăng không đến nhà, II.20 Sáu cửa suy vong 1.166. CƯ SĨ GIỚI PHÁP cho người cư sĩ, II.21 Bốn hạng ngụy bằng Biên soạn: Bikkhu Giác Huệ hữu, II.22 Bốn hạng chân bằng hữu, II.23 Nxb Tôn Giáo – 2011 Các bổn phận giữa cha mẹ và con cái, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 584 trang. II.24 Các bổn phận giữa thầy và trò, II.25 Nội dung gồm có 4 phần, 13 chương: Lời Các bổn phận giữa vợ và chồng, II.26 Các nói đầu, Cảm đề, Tác bạch đề, Tán dương bổn phận giữa bạn bè-chủ khách, II.27 ân đức Tam bảo; Phần I, C.I Khái niệm về Các bổn phận giữa người chủ… II.28 Các thuật ngữ Gihivinaya – Luật cư sĩ, C.II bổn phận giữa cư sĩ và Sa-môn; C.III Pháp Tác dụng của giới và luật trong đời sống môn tu tập của cư sĩ, III.1 Quy y tam bảo cư sĩ, C.III Tam quy, C.IV Giới, C.V Thập

thiện nghiệp, C.VI Thập hạnh phúc, C.VII B.26 Cúng cơm cho chim đại bàng, B.27 Mười đức lành của người thiện tín; Phần Cúng cơm cho quỷ thần, B.28 Ăn cơm II, C.VIII Phận sự của người cư sĩ, C.IX chính niệm, B.29 Nâng bát cơm ngang Nghi thức và lễ giáo người cư sĩ, C.X trán, B.30 Ba điều Phát nguyện khi ăn Năm nghề người cư sĩ nên tránh, C.XI Bảy cơm, B.31 Năm điều Quán tưởng đang khi khuyết điểm của cư sĩ khiến Sa-môn ăn, B.32 Kết thúc ăn cơm, B.33 Rửa chén không đến nhà, C.XII Tám khuyết điểm bát, B.34 Khi mở bát cơm ăn, B.35 Nhận của người cư sĩ khiến Sa-môn úp bát, phẩm vật cúng dâng, B.36 Cầm tăm xỉa C.XIII Bảy điều bất hạnh của người cư sĩ; răng, B.37 Xỉa răng sau khi ăn, B.38 Đánh Phần Phụ lục: Vấn đề ăn chay, Ăn chay răng súc miệng, B.39 Khi cầm tích trượng, hay kiêng cử thịt cá, có phải chăng là một B.40 Trải tọa cụ ngồi thiền, B.41 Tư thế phương thức tu hành, Những duyên cớ nên ngồi thiền, B.42 Chính niệm lúc ngủ, B.43 ăn chay hay không, Bát đoán thị pháp Nhìn thấy nước chảy, B.44 Khi gặp sông Phật, Không ăn chay là thiếu lòng từ bi lớn, B.45 Khi thấy cầu-đường, B.46 Bài phải chăng? Vấn đề cúng sao hạn, bói kệ tắm Phật, B.47 Tán dương Phật tổ, toán, ngày giờ hên xui và một vài hình B.48 Kinh hành quanh tháp, B.49 Thăm thức mê tín; Phép quy y Tam bảo. viếng bệnh nhân, B.50 Cạo bỏ râu tóc, B.51 Tắm rửa thân thể, B.52 Rửa chân. 1.167. CHÍNH NIỆM TRONG CUỘC SỐNG HẰNG NGÀY 1.168. CHƠN LÝ - LUẬT NGHI (Tỳ-ni Nhật Dụng Thiết Yếu) KHẤT SĨ (riêng giới xuất gia) Ban Giáo dục Tăng Ni Trung Ương – Hệ phái Khất sĩ Giáo Trình Trung Cấp Phật Học Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2017 Chủ biên: TT. TS. Thích Viên Trí Sách có khổ 14 x 20cm, có 274 trang, bìa

Biên soạn: TT. TS. Thích Nhật Từ mềm, nền vàng, chữ tựa màu nâu và đỏ, có Nxb Phương Đông – 2015. Sách có khổ hình hoa sen và ngọn đuốc (nhỏ) ở phần 14.5 x 20.5cm, dày hơn 231 trang, bìa dưới tựa. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, mềm. Nội dung gồm có 52 bài: Lời giới Bài học Khất sĩ, Luật Khất sĩ, Bài học Sa- thiệu, Thay lời tựa; B.1 Thức dậy sớm, di, Kệ giới, Định, Niết-bàn, Giới bổn Tăng B.2 Thỉnh chuông tỉnh thức, B.3 Nghe (250 giới), Giới bổn Ni (348 giới), Giới chuông chính niệm, B.4 Đắp y-mặc áo Phật tử, Luật nghi (114 điều). quần, B.5 Xuống giường, B.6 Bước chân Tác phẩm Luật nghi Khất sĩ này tái bản không sát hại, B.7 Đi ra khỏi phòng, B.8 nhiều lần: Năm 1998-2012, Nxb Tổng hợp Vào nhà vệ sinh, B.9 Rửa sạch, B.10 Rửa Tp. Hồ Chí Minh. sạch nhơ bẩn, B.11 Rửa tay, B.12 Rửa mặt, B.13 Uống nước, B.14 Pháp y năm 1.169. Chú Giải điều, B.15 Pháp y bảy điều, B.16 Pháp y GIỚI LUẬT NGUYÊN THỦY giải thoát, B.17 Ngọa cụ, B.18 Lên đạo – Luật Tạng (Vinaya Pitaka) tràng, B.19 Ca ngợi Phật, B.20 Lễ bái (Samantapàsàdikà – The Vinaya Phật, B.21 Cúng bình sạch, B.22 Chơn Commentary) ngôn uống nước, B.23 Quán tưởng trước Nguyên tác: Buddhaghosa Mahathero khi múc nước, B.24 Quán tưởng khi đã Bản dịch Anh ngữ: N.A.Jayawickrama múc cơm, B.25 Cúng cơm cho chúng sinh, Bản dịch Việt ngữ: Tỳ-kheo Siêu Minh

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009 phái đoàn truyền bá giáo pháp của vua A- Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 236 dục, - Ngài Mahinda sang đảo Sư Tử (Tích trang. Đại cương tác phẩm gồm có 5 đề tài Lan), - Các đời vua ở đảo Sư Tử, - Ngài chính với 107 mục. Nội dung như sau: Lời Mahinda truyền bá giáo pháp; Quyển III, - tựa, Lời giới thiệu Dịch giả; I. (Kệ mở Tiếp theo phần ngài Mahinda truyền pháp đầu, Việc trình bày thành bảng), II. Tường tại Tích Lan, - Ngài Tu-ma-na thỉnh Xá- trình việc triệu tập Đại hội đầu tiên, III. lợi, xây dựng tinh xá, tháp Xá-lợi, hiện Bản tường trình việc triệu tập Đại hội thứ thần thông, - Thỉnh Tỳ-kheo Ni hai, IV. Bản tường trình việc triệu tập Đại Sanghamitta, con vua A-dục, và chuyển hội thứ ba, V. Tường trình liên tục của chư cây Thánh thọ Bồ-đề sang Tích Lan, - Vua Trưởng lão. A-dục đưa Thánh thọ Bồ-đề sang Tích Lan, - Cây Bồ-đề và Sanghamitta đến Tích 1.170. Chú Giải LUẬT THIỆN KIẾN Lan; Quyển IV, - Ngài Mahinda thành lập (SAMANTAPÀSÀDIKÀ NÀMA Tăng đoàn và sự truyền thừa giới luật tại VINAYATTHAKATHÀ) Tích Lan, - Phật pháp truyền bá khắp Tích Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Lan, - Mở đầu tạng Luật, - Giải thích Theravada mười hiệu của Đức Phật, - Chỗ ngồi của Hán dịch: Phật tử khi gặp Phật, Thiên thượng thiên Tăng-già-bạt-đà-la (Sanghabhadra) hạ duy Ngã độc tôn, - Các dục và các thiền Việt dịch: chi thuộc bốn thiền Sắc giới; Quyển V, - Tâm Hạnh (Caràna-citto Bhikkhu) Tiếp tục về bốn thiền Sắc giới, - Các cảnh Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011. Sách giới sanh và quả giải thoát, - Giải thích ba có khổ 14.5 x 20.5cm, có 821 trang, bìa quy y và ý nghĩa Ưu-bà-tắc (nam Phật tử), cứng, chữ tựa màu đỏ. Toàn bộ tác phẩm - Đức Phật an cư ở Tỳ-lan-nhã và phải ăn Luật này có 18 quyển. Phần đầu là Lời lúa của ngựa, - Phẩm Đại Mục-kiền-liên, - người dịch, Lời tri ân, Tài liệu tham khảo, Giới bổn và đời sống của chư Phật, - Phẩm Bài tham khảo; Nội dung: Quyển I, - Sự Xá-lợi-phất: Xá-lợi-phất xin Phật chế giới; việc sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Tôn Quyển VI, - Tiếp theo phần ở Tỳ-lan-nhã, - giả Ca-diếp tổ chức kiết tập pháp tạng, - Phẩm Ca-lan-đà chú thích giới bổn Tỳ- Giải thích về các từ ngữ của Tam tạng, - kheo, - Ba-la-di thứ nhất Dâm dục, - Tu- Đại

hội kiết tập Tam tạng lần thứ nhất, đề-na, người phạm đầu tiên, - Mười điều kiết tập với 500 vị A-la-hán, - Phẩm Bạt- lợi ích của sự chế định giới luật, - Phẩm xà-tử về 10 điều phi pháp, kiết tập Pháp con vượn, - Mười điều phi pháp, - Bốn tạng lần thứ hai, kiết tập với 700 vị, - loại Luật và ba pháp của Luật sư; Quyển Phẩm A-dục vương về sự việc kiết tập VII, Danh nghĩa các hạng Tỳ-kheo, Các Pháp tạng lần thứ ba, Truyện vua A-dục, - trường hợp đắc giới của Tỳ-kheo, Các Tiểu sử và nhân duyên xuất gia ngài trường hợp xả giới, Các hành động bất Mahinda và Sanghamitta, con vua A-dục; tịnh và ý nghĩa giới Ba-la-di dâm dục; Quyển II, - Tiếp theo phần ngài Mahinda Quyển VIII, - Nhân duyên về giới, - Các xuất gia, - Vua A-dục giải quyết bất hòa trường hợp Tăng và Ni chuyển căn, - giữa chư Tăng, - Tiểu sử Tôn giả Đế-tu Thuyết minh rõ về giới Dâm dục, - Giới (Tissa), - Kiết tập Tam tạng lần thứ ba, - Ba-la-di thứ hai: Trộm cắp, - Truyền Các vị tôn giả truyền thừa, - Mười sáu thuyết về thành Vương xá, - Giới trộm

cắp; Quyển IX, Giới trộm cắp (tiếp theo); bản năm 2006, 2007 và 2008, Nxb Tôn Quyển X, - Giới trộm cắp (tiếp theo), - Giáo. Giới Ba-la-di thứ ba: Giết người – Truyền thuyết về thành Tỳ-xá-ly, - Các tướng 1.171. Chú Giải SA-DI LUẬT NGHI trạng của 4 thiền pháp quán hơi thở; YẾU LƯỢC (Mười Giới Sa-Di) Quyển XI, - Giới giết người, - Nói về pháp Biên tập: quán hơi thở, - Giới Ba-la-di thứ tư: Nói Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612) dối chứng pháp thượng nhân; Quyển XII, - Chú giải: Sa-môn Hoằng Tán Tiếp theo phần đối chứng pháp thượng Việt dịch: Tỳ-kheo Phước Nghĩa nhân, - Các cảnh giới của ngạ quỷ, - Mười Nxb Tôn Giáo – 2011. Nội dung sách này ba pháp Tăng tàn, 1. Tiết tinh, 2. Xúc gồm có 10 giới Sa-di, chia 4 phần: phần chạm với người nữ; Quyển XIII, Tiếp theo một, hai và ba là phần Chánh văn theo thứ giới Tăng tàn thứ hai, 3. Nói lời thô tục, 4. tự chữ Hán, Phiên âm, Dịch nghĩa; phần Đòi dâng cúng sự dâm dục, 5. Làm mai thứ tư là phần Chú giải. mối, 6. Tự làm thất cho mình, 7. Làm nhà Tác phẩm Luật này đã được xuất bản năm lớn, có người dâng cúng, 8. Vu cáo vô cớ, 2009, Nxb Tôn Giáo. 9. Dựa vào cớ khác mà vu cáo, 10. Phá Tăng, 11. Hỗ trợ phá Tăng, 12. Ngoan cố 1.172. CHỨNG CỨ không nghe dạy; Quyển XIV, 13. Hành CÁC LOẠI TRÌ PHẠM động xấu, gây tiếng xấu, - Hai pháp bất Biên soạn: Thích Viên Tịnh định, - 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề Xả Dịch chú: Thích Giác Quả đọa Ưng xả đối trị: Từ pháp số 01 đến 06; Nxb Tôn Giáo – 2011 Quyển XV, Các giới Ưng xả đối trị xả đọa Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 132 tiếp theo: Từ pháp số 07 đến 30, - Pháp trang, bìa mềm. Ưng đối trị: Từ pháp số 01 đến 23; Quyển Tác phẩm này gồm có: Lời tựa; Chương XVI, - Pháp Ưng đối trị tiếp theo: Từ pháp đầu: Phương diện giữ giới, Mục 1. Khái số 23 đến 91, - Pháp Ba-la-đề-xá-ni Ứng lược về Giới, Mục 2. Công đức giữ Giới, phát lộ, - Các điều học, - Giới Tỳ-kheo Ni, Mục 3. Tinh tấn giữ Giới; Chương sau: - Các Kiền-độ - Truyền giới Sa-di, - Pháp Phương diện phạm giới, C.I, Răn bảo về đệ tử phục vụ thầy và truyền thọ giới cụ giữ Giới, C.II, Nghiệp báo của phạm Giới, túc; Quyển XVII, - Tiếp phần giới Tỳ- C.III, Sám hối khi phạm Giới; Phụ lục: kheo, Đức Phật về thăm quê hương, La- Phần Tổng kết; Chương đầu: Phương diện hầu-la và các Thích tử xuất gia, - Giải về giữ Giới, Mục 1. Khái lược về Giới, Mục các loại cương giới giải về y phục, - Giải 2. Công đức giữ Giới, Mục 3. Tinh tấn giữ về pháp dùng các loại thuốc; Quyển Giới; Chương sau: Phương diện phá Giới, XVIII, - Giải về y Ca-thi-na, - Giải về sự Mục 1. Răn bảo về giữ Giới, Mục 2. phạm tội và thể

thức sám hối tranh cãi ở Nghiệp báo của phạm Giới, Mục 3. Sám Câu-diệm-di và cách giải quyết, - Phần hối khi phạm Giới. bảy pháp diệt tranh cãi, - Giải về Tỳ-kheo Ni, - Chia vật dụng, - Phẩm Ưu-ba-ly giải 1.173. CƯƠNG YẾU GIỚI LUẬT về luật – Kệ tụng và giải thích. Biên soạn: Thích Thiện Siêu (1921-2001) Tác phẩm Luật này được in lưu hành nội Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn bộ lần đầu năm 1999; tiếp tục được tái hành – 1996

Sách có khổ 13 x 19cm, có 227 trang, bìa Tập II, dày 507 trang, nội dung gồm Phần mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời III, IV, V: nói đầu, Cương yếu giới luật (có 85 tiểu Phần thứ ba, C.I Pháp Thọ giới, 1. Thích mục), Bồ-tát giới, Bồ-tát danh và thiệt, thị thế phổ, 2. Truyện đức Thích Tôn, a. Xuất gia hoằng Phật đạo, Khai đạo giới tử Xuất gia thành đạo, b. Sơ Chuyển pháp thọ Tỳ-kheo giới, Khai đạo giới tử thọ Bồ- luân, 3. Tăng pháp thọ giới, a. Sơ chế tát giới, Khai đạo giới tử thọ Thập thiện và pháp, b. Hòa thượng pháp, c. Nhân và sự Bồ-tát tại gia. như pháp, d. Pháp thức truyền thọ cụ túc; Tác phẩm Luật này tái bản năm 2002, Nxb C.II Pháp Bố-tát, I. Pháp thức thuyết giới, Tôn Giáo. 1. Bố-tát (1), 2. Thuyết pháp (1), 3. Bố-tát (2), 4. Thuyết pháp (2), II. Tập Tăng, 1. Bạch Tăng, 2. Ba-la-đề-mộc-xoa, 3. Bố-tát

D và Thuyết giới (1), III. Kết giới, 1. Kết giới trường, 2. Giải giới trường, 3. Đại giới cộng trú, 4. Thất y giới, 5. Hối quá, 6. Chuyển trú xứ, 7. Bố-tát và Thuyết giới 1.174. Di-Sa-Tắc Bộ Hòa-Hê (2), 8. Dữ dục, 9. Bố-tát và Thuyết giới NGŨ PHẦN LUẬT (2 Tập) (3), 10. Phá Yết-ma, 11. Bố-tát và Thuyết MAHÌSÀSAKA-VINAYA Hán dịch: Tam tạng Phật-đà-thập và Trúc giới (4); C.III Pháp An cư, 1. Kết giới An cư, 2. Trú xứ An cư, 3. Xuất giới, 4. Phá Đạo Sinh Việt dịch: hạ, 5. Tiền hậu An cư; C.IV Pháp Tự tứ, 1. Á pháp, 2. Vấn thỉnh, 3. Pháp thức Tự tứ, Tỳ-kheo Thích Đổng Minh (1927-2005) Hiệu chính và phụ chú: 4. Ngăn Tự tứ; C.V Pháp Y, I. Đàn-việt thí y (1), 1. Kỳ-vực thỉnh nguyện, 2. Nhận y Tỳ-kheo Thích Đức Thắng và Tỳ-kheo Thích Tâm Nhãn đàn-việt cúng, II. Phấn tảo y (1), 1. Y gò Nxb Hồng Đức – 2016, khổ 19 x 26cm, 2 mả, III. Tạp sự (1), 1. Xương người-quỉ tập dày 1.158 trang, bìa cứng, có bìa bao, thần, 2. Các loại y quí, IV. Y Phấn tảo (2), nền đỏ, chữ mạ vàng, có hộp. V. Đàn-việt thí y (2), 1. Kỳ nữ thành Tỳ- Tập I, dày 647 trang, sơ lược nội dung xá-ly, 2. Ba y, 3. Nhận và chia y phấn tảo gồm có 2 phần: Lời người dịch, Phần thứ (1), 4. Y cát tiệt, VI. Tạp sự (2), 1. Làm nhất (Tỳ-kheo giới), C.I Ba-la-di (4 giới), phòng-chỗ kinh hành-y, 2. Di vật của Tỳ- C.II Tăng-tàn (13 giới), C.III Pháp Bất kheo, 3. Nhận và chia y đàn-việt thí (1), 4. định (2 pháp), C.IV Xả đọa (30 giới), C.V Thái tử Lưu Ly, VII. Tạp sự (3), 1. Gởi y, Pháp đọa (90 pháp), C.VI Pháp Hối quá (4 2. Tác tưởng đồng ý (1), VIII. Tạp sự (4), pháp), C.VII Pháp chúng học (100 điều), 1. Cách mặc y-y lót thân, 2. Nhận và chia C.VIII Bảy Pháp diệt tránh; y đàn-việt thí (2), 3. Các loại y phấn tảo, 4. Phần thứ hai (Tỳ-kheo Ni giới), C.I Tám Thọ và xả, IX. Tạp sự (5), 1. Nhận các loại pháp Ba-la-di, C.II Pháp Tăng-tàn (17 y, 2. Tác tưởng đồng ý (2); C.VI Pháp Da pháp), C.III Pháp Xả đọa (30 điều), C.IV thuộc, I. Nhân duyên Ức-nhĩ, 1. Tăng-già Pháp đọa (207 điều), C.V Pháp Hối quá (8 biên địa, 2. Những quy định về da thuộc, điều), C.VI Pháp chúng học (100 điều); II. Nhân duyên Thủ-lâu-na, 1. Hai bàn Sách dẫn, Bảng Viết tắt. chân có lông, 2. Lần đầu tiên bước chân xuống đất, 3. Dây đàn căng, 4. Những quy

định đầu tiên về dép da; C.VII Pháp móc, 26. Thần chú, 27. Úp bát, 28. Giải Thuốc, 1. Các loại thuốc, 2. Thuốc bảy Yết-ma úp bát, 29. Dù-gậy, 30. Mắt đau, ngày, 3. Thuốc trọn đời, 4. Tạp sự; C.VIII 31. Nhai lại, 32. Y chỉ như pháp, 33. Trùm Pháp Thực, 1. Các loại thức ăn uống, 2. mền ngủ chung, 34. Chữa cháy, 35. Vật tứ Giải phải tạm thời (nhân duyên), 3. Các phương Tăng, 36. Ăn tỏi sống, 37. Âu loại thịt, 4. Biệt chúng thực, 5. Tịnh nhục, đồng, 38. Đại tiểu tiện, 39. Xỉa răng, 40. 6. Tịnh xứ-tịnh thất-tịnh địa, 7. Tám thứ Trang nghiêm nơi Tự tứ, 41. Ác thú-trùng nước, 8. Tịnh-bất tịnh; C.IX Pháp Y Ca- độc, 42. Khóa cửa, 43. Hoạn phong, 44. thi-na, 1. Y công đức, 2. Thọ y như pháp; Nhuộm y, 45. Khác y Phật, 46. Đầu-đà, Phần thứ tư, C.I Pháp diệt tránh, I. Bốn 47. Thờ cúng quỉ thần, 48. Khắc hình-ca tránh sự, II. Diệt bốn tránh sự, 1. Diệt múa; C.IV Pháp Oai nghi, 1. Qui định đại ngôn tránh, 2. Giáo giới tránh, 3. Phạm tiểu tiện, 2. Xỉa răng, 3. Khất thực, 4. Thọ tránh, 4. Sự tránh; C.II Pháp Yết-ma, I. thực, 5. Hầu Hòa thượng, 6. Không được Yết-ma, 1. Ma-na-đỏa, 2. Biệt trú, 3. Bốn cúng dường, 7. Pháp cựu trú và khách Tỳ-Ma-na-đỏa, 4. Bốn biệt trú, 5. Che dấu kheo, 8. Pháp thọ trai, 9. Pháp thọ trai của một đến nhiều đêm, 6. Thôi tu rồi tu lại, 7. Thượng tọa, 10. Tỳ-kheo A-lan-nhã, 11. Biết-không biết phạm, 8. Tác nhất và dị Khất thực, 12. Chứa thức ăn, 13. Ngọa cụ-tưởng, 9. Tạp sự, II. Pháp Yết-ma, 1. Phá gậy-bùn đất, 14. Pháp y bát; C.V Pháp Tăng, 2. Biệt bộ Yết-ma, 3. Trường thọ Ngăn Bố-tát; C.VI Pháp Biệt trú; C.VII vương, 4. Hối quá, 5. Hòa hợp giải Yết- Pháp Điều phục, A. Ba-la-di, I. Bất tịnh ma, 6. Cử tội phi pháp, 7. Yết-ma bất hạnh, 1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn, 2. Cộng súc thành, 8. Các loại Yết-ma bất thành và sanh, 3. Phi đạo, 4. Cưỡng dâm, 5. Tắm thành, 9. Như pháp và phi pháp, 10. Túc chung, 6. Hành dâm trong mộng, 7. Sanh số Tăng Yết-ma, 11. Ngăn Yết-ma, 12. nghi, 8. Giữ học giới, II. Bất dữ thủ, 1. Giải Yết-ma thành-bất thành, 13. Khiển Thức ăn, 2. Đoạt lại vật bị cướp, 3. Đánh trách, 14. Hạ ý; lừa, 4. Súc sanh, 5. Ruộng vườn, 6. Bát lại, Phần thứ năm, C.I Pháp phá Tăng, 1. 7. Vọng ngữ, 8. Dùng chung nước, 9. Điều-đạt, 2. Ưu-ba-li thưa hỏi; C.II Pháp Trộm y, 10. Trộm Kinh, 11. Nhận di chúc, Ngọa cụ, 1. Tỳ-kheo Át-tỳ, 2. Tu-đạt-đa, 12. Đồng lõa, 13. Y vật, 14. Hỗ trợ trốn 3. Tinh xá, 4. Tạp sự, 5. Phân phối ngọa thuế, 15. Cố ý vọng ngữ, 16. Tháo nước, cụ, 6. Thọ nhận phi pháp, 7. Vật tứ 17. Quãng và lấy y; III. Đoạn nhân mạng, phương Tăng, 8. Tỳ-kheo tri sự; C.III Tạp 1. Ngộ sát và cố sát, IV. Đại vọng ngữ, 1. pháp, 1. Ăn chung, 2. Kính lễ và không Tự thuyết, 2. Tỳ-kheo Ni Hoa Sắc tự kính lễ, 3. Dao, 4. Tóc-tai-răng, 5. Bát thuyết, 3. Mục-kiền-liên tự thuyết, 4. được phép dùng, 6. Các loại bát cấm, 7. Vọng ngữ, 5. Tự hiện tướng, 6. Tự thấy, 7. Thị hiện giáo hóa, 8. Tịnh quả, 9. Phòng Nói không dụng ý, 8. Phương tiện bất tắm, 10. Câu nhiếp, 11. Gối đầu, 12. chính, 9. Tự ngôn, 10. Quán sát nhầm; B. Nhóm lửa, 13. Bát uống nước, 14. Linh Tăng-già-bà-thi-sa, I. Lộng âm, II. Xúc tinh, 15. Xây tháp, 16. Móng tay, 17. Leo nữ; C.VIII Pháp Tỳ-kheo Ni, I. Cù-đàm- cây, 18. Đãy lọc nước, 19. Chứa thuốc, 20. di, 1. Tỳ-kheo Ni đầu tiên, 2. Pháp Tỳ- Chứa dao-kim-quạt-bát, 21. Cân lường, kheo Ni, 3. Hai năm học giới, 4. Ma-na- 22. Điền trạch, 23. Bói toán chú thuật, 24. đỏa, 5. Kính lễ Tỳ-kheo, 6. Cạo tóc, 7. Chuyển thể Phật ngôn, 25. Dây lưng-khâu Thọ Kinh, 8. Cầu giáo thọ, 9. Cầu ba việc

Tự tứ, 10. Thọ Bát kính pháp; II. Ni lợi dưỡng, 3. Không kính đồng pháp, 4. thường hành (1); III. Ni thọ giới, 1. Pháp Không nhận lời người thỉnh, 5. Từ chối thọ giới Cụ túc, IV. Ni

thường hành (2); không nhận hiến cúng, 6. Không bố thí C.IX Ngũ bách kết tập, I. Duyên khởi, II. pháp, 7. Không giáo giới; ii. Chướng ngại A-nan, III. Tập Tăng, IV. Tập Luật tạng, trì giới, 1. Thanh văn cộng học giới, 2. V. Tập Kinh tạng, VI. Phú-lan-na, VII. Thanh văn bất cộng học giới, 3. Trụ tà Phạm-đàn; C.X Thất bách kết tập, I. mạng, 4. Trạo cử động loạn, 5. Không cầu Duyên khởi, II. Ly-bà-đa; Lời bạt, Sách Niết-bàn, 6. Không hộ trì thanh danh, 7. dẫn, Bảng Viết tắt; Thư mục tham khảo Không chiết phục chúng sanh; iii. Chướng Hiệu chính và Chú thích. ngại an nhẫn, 1. Bị mắng mắng trả, 2. Không nhẫn sám hối, 3. Không nhận 1.175. DU-GIÀ BỒ-TÁT GIỚI người hối lỗi, 4. Oán hận không nguôi; iv. (Bodhisattvabhùmavà dhàre Chướng ngại tinh tấn, 1. Nhiễm tâm ngự yogasthàne dasamath sìlapatalam) chúng, 2. Đam trước thụy miên, 3. Quần Việt dịch: Tuệ Sỹ tụ phí thời; v. Chướng ngại tĩnh lự, 1. Nxb Phương Đông – 2017 Không cầu học thiền, 2. Không trừ chướng Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày 370 trang, cái, 3. Tham vị tĩnh lự; vi. Chướng ngại bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Bát-nhã, 1. Hủy báng Thanh văn thừa, 2. Nội dung tác phẩm gồm có: Duyên khởi, Xả đại học tiểu, 3. Xả nội học ngoại, 4. Tổng luận Bồ-tát giới; C.i 1. Úc-già Chuyên học dị luận, 5. Bài bác thâm trưởng giả, 2. Thủ trưởng giả, 3. Thiện nghĩa, 6. Khen mình chê người, 7. Kiêu sinh; C.ii 1. Cư sĩ Duy-ma-cật, 2. Thắng không nghe pháp, 8. Khinh hủy pháp sư; Man phu nhân, 3. Thiếu niên Thiện Tài; vii. Chướng ngại nhiêu ích hữu tình, 1. C.iii i. Ba thừa Bồ-đề, ii. Bồ-đề tâm, iii. Không đến trợ bạn, 2. Không chăm sóc Phát Bồ-đề tâm, 1. Tam sĩ đạo, 2. Nhân bệnh, 3. Không ngăn nhân khổ, 4. Không duyên phát tâm, 3. Tuần tự phát tâm, 4. báo đáp ân nghĩa, 5. Không an ủi hoạn Nghi thức phát tâm; C.iv i. Giới thể Bồ-tát nạn, 6. Không thí tài vật, 7. Không nhiếp giới, 1. Ba loại luật nghi, 2. Giới thể vô chúng như pháp, 8. Không tùy thuận biểu, ii. Trì giới – phạm giới, 1. Nguyên lý chúng sanh, 9. Không tán thán hữu đức, trì phạm, 2. Các yếu tố hộ giới, 3. Lượng 10. Không thi hành chiết phục, 11. Không định trì phạm, 4. Mất giới – xả giới; iii. thần lực nhiếp phục; C.III Nguyên lý Trì Sám hối 1. Ý nghĩa sám hối, 2. Tứ lực sám Phạm: 1. Hộ trì tâm, 2. Phương tiện sám hối, 3. Thuyết tội; Giới Phẩm, Phần một. hối, 3. Phân biệt khinh trọng, 4. Viên mãn Giới Thể, C.I Tổng quát giới thể, 1. Giới lạc trú; Phần ba. 1. Giới khó hành, 2. Giới tự tính, 2. Giới phổ cập, C.II Ba tụ tịnh đa phương, 3. Giới thiện sỹ, 4. Giới đa giới, i. Nội dung tịnh giới, ii. An trụ tịnh dạng, 5. Giới toại nguyện, 6. Giới an lạc giới, Phần hai. Giới Tướng, C.I Yết-ma đời này đời sau, 7. Giới thanh tịnh, 8. Lợi thọ giới, C.II Bố-tát học xứ, I. Tha thắng ích thù thắng, Tổng nhiếp; Phụ lục I. Phạn xứ, A. Giới tướng, 1. Tự tán hủy tha, 2. văn, II. Hán văn, Sách dẫn. Xan lẩn tài pháp, 3. Sân hận không xả, 4. Bài bác chánh pháp; B. Phạm Tướng, II. 1.176. DU-GIÀ BỒ-TÁT GIỚI BỔN Các Khinh giới, i. Chướng ngại bố thí, 1. Tuyên thuyết: Di-lặc Bồ-tát Không cúng dường Tam bảo, 2. Tham cầu Hán dịch: Tam tạng Pháp sư -

Huyền Tráng (602-664) không tùy hỷ công đức của người khác, Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Pháp Chánh 42. Giới không chịu quở trách, chiết phục, Tác phẩm Giới bổn này gồm có, 4 pháp 43. Giới không dùng thần thông điều phục, 3. Giới sân hận không nhận sự tạ tội, 4. bảo/Luật tạng) Giới báng loạn chánh pháp. Sau đó là 43 giới (khinh): 1. Giới không cúng dường Tam bảo, 2. Giới tham cầu danh lợi, 3. Giới không cung kính bạn pháp, 4. Không đi ứng cúng, 5. Giới không thọ nhận sự bố Đ thí hậu hỉ, 6. Giới không bố thí

pháp, 7. 1.177. Đại Cương GIỚI TỲ-KHEO Giới xả bỏ người ác, 8. Giới cùng học với Biên soạn: Thích Minh Thông Thanh văn, 9. Giới không cùng học với Lưu hành nội bộ, Mùa an cư PL. 2548 – Thanh văn, 10. Giới sống bằng tà mạng, DL. 2004 11. Giới háo động hay đùa cợt, 12. Giới Sách dày hơn 158 trang, bìa mềm. Nội nói pháp Bồ-tát lộn lạo, 13. Giới không đề dung gồm có 11 chương: Lời nói đầu; phòng, biện bạch sự hủy báng, 14. Giới Mục lục; C.1 Dẫn nhập, C.2 Ba-la-di, C.3 không điều phục chúng sanh, 15. Giới trả Tăng-tàn, C.4 Bất định, C.5 Thâu-lan-giá, đủa sự sân hận, đánh đập, 16. Giới không C.6 Xả đọa, C.7 Tội đọa, C.8 Hướng bỉ chịu tạ tội, 17. Giới không thọ nhận sự tạ hối, C.9 Cần phải học, C.10 Diệt tranh cãi, lỗi, 18. Ôm lòng oán hận không xả bỏ, 19. C.11 Khuyến tu. Giới vì tâm tham mà nuôi dưỡng đệ tử, 20. Giới ham mê ngủ nghỉ, 21. Giới ưa đàm 1.178. Đại Giới Đàn Tâm Hoàn – luận vô ích lãng phí ngày giờ, 22. Giới NGHI TRUYỀN GIỚI không cầu sự chỉ giáo, 23. Giới không Tu viện Nguyên Thiều đoạn trừ ngũ cái, 24. Giới tham đắm thiền Soạn dịch: Tỳ-kheo Thích Quảng Bửu định thế gian, 25. Giới không học pháp Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014 Tiểu thừa, 26. Giới bỏ Đại thừa học Tiểu Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 359 thừa, 27. Giới bỏ Phật pháp học pháp trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. ngoại đạo, 28. Giới chuyên học sách vở Nội dung gồm có: Phần Cung an Chức sự, thế gian, 29. Giới nghe giáo pháp thâm sâu Lễ Kết giới Khai chung bảng, Nghi sinh tâm hủy báng, 30. Giới khen mình Truyền Giới Sa-di, Nghi Truyền Giới Tỳ- chê người, 31. Giới kiêu mạn không đi kheo, Nghi Truyền Giới Sa-di Ni, Nghi nghe pháp, 32. Giới khinh mạn hủy báng Truyền Giới Thức-xoa-ma-na, Nghi pháp sư, 33. Giới không làm bạn giúp đỡ, Truyền Giới Tỳ-kheo Ni, Nghi thức Giới 34. Giới không đến chăm sóc người bệnh, sư Ni đem Giới tử đến chùa Tăng cầu 35. Giới thấy kẻ khác làm việc phi lý mà Chánh pháp Yết-ma, Nghi Truyền Giới không can gián, 36. Giới không biết báo Bồ-tát Xuất gia, Nghi Truyền Giới Bồ-tát ơn, 37. Giới không an ủi người sầu khổ, Tại gia, Nghi Truyền Thập thiện, Nghi 38. Giới không bố thí của cải, 39. Giới Truyền Quy Giới, Nghi Truyền và Xả không lo lắng cho đệ tử đúng phép, 40. Giới, Bát Quan Trai. Giới không tùy thuận chúng sanh, 41. Giới

việc dụ dỗ, (sa-di) Kantaka, kẻ vô căn, kẻ 1.179. ĐẠI PHẨM, 2 Tập trộm tướng mạo (Tỳ-kheo), loài thú, kẻ (Tam tạng Việt ngữ, Tập 04 – giết mẹ, kẻ giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ Luật tạng) làm nhơ Tỳ-kheo Ni, người lưỡng căn, Phụ trách Phiên âm và dịch: người không có thầy tế độ, hai người Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng) không có bình bát, Hai mươi trường hợp Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009 không cho tu lên bậc trên, Ba mươi trường Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 784 hợp không nên cho xuất gia: người bị đứt trang, bìa cứng. cánh tay.v.v…, Các câu chuyện về sự Tập một, Đại Phẩm, dày 433 trang, kết nương nhờ vị không có liêm sĩ, Bốn câu cấu gồm có 5 chương. Phần đầu là Lược chuyện về (sống) không nương nhờ: vị đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết xuất gia.v.v… sự cho phép tuyên ngôn với tắt; tên của dòng họ, hai người có ý muốn tu I. Chương trọng yếu, Các Phần giảng về: lên bậc trên, việc tu lên bậc trên của người sự giác ngộ, (cội cây si của những) người hai mươi (tuổi) tính theo thai bào, việc hỏi chăn dê, cây Mucalinda, cây Ràjàyatana, các pháp chướng ngại đến, các người có ý sự thỉnh cầu của vị Phạm Thiên, nhóm muốn tu lên bậc trên, bốn vật nương nhờ, năm vị, sự xuất gia của Yasa, sự xuất gia bốn điều không nên làm, các vị bị

án treo: của bốn người bạn tại gia, ma vương (1), trong việc không nhìn nhận tội.v.v…, các sự xuất gia và sự tu lên bậc trên bằng ba câu kệ tóm lược); sự đi đến nương nhờ, ma vương (2), câu II. Chương Uposatha: Phần giảng về việc chuyện về những người bạn thuộc nhóm tụ hội vào ngày Uposatha, Việc đọc tụng các vương tử, sự kỳ diệu của Uruvelà, việc giới bổn Pàtimokkha, Phần giảng về sự gặp đức vua Bimbisàra, sự xuất gia của thanh tịnh của vị Mahàkappina, Việc ấn Sàriputta và Moggallàna, phận sự đối với định ranh giới, Việc chỉ định về hành lễ thầy tế độ, phận sự đối với đệ tử, những kẻ Uposatha, Việc hủy bỏ nhà hành lễ bị đuổi đi, phận sự đối với thầy dạy học, Uposatha, Việc ấn định mặt tiền của chỗ phận sự đối với học trò, việc đuổi đi-việc hành lễ Uposatha, Việc ấn định ranh giới xin lỗi, câu chuyện về các vị ngu dốt thiếu không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, Việc kinh nghiệm, sự đình chỉ việc nương nhờ, hủy bỏ ranh giới, Phần giảng về các ranh nhóm năm của phần "nên ban phép tu lên giới: làng,.v.v… Hai lễ Uposatha, Bốn bậc trên", nhóm sáu của phần "nên ban hành sự Uposatha, Năm cách đọc tụng phép tu lên bậc trên", người trước đây theo giới bổn Pàtimokkha, Việc đọc tụng giới ngoại đạo; Các câu chuyện về: năm thứ bổn Pàtimokkha một cách tóm tắt, Các bệnh, các binh sĩ của đức vua, kẻ cướp có trường hợp nguy hiểm đối với việc đọc mang chuỗi ngón tay, kẻ cướp phá ngục, tụng giới bổn Pàtimokkha, Việc hỏi về kẻ cướp bị cáo thị tầm nã, kẻ bị phạt đánh Luật, Việc trả lời về Luật, Việc buộc tội, bằng roi, kẻ bị phạt đóng dấu, kẻ thiếu nợ, Việc phản đối hành sự sai pháp, Sự ngăn kẻ nô tỳ, người thợ bạc bị sói đầu, thiếu cấm đọc tụng giới bổn Pàtimokkha ở hội niên Upàli, bệnh dịch hạch, (sa-di) chúng có sự hiện diện của cư sĩ, Việc Kantaka, (hướng đi) bị tắc nghẽn, việc thỉnh mời vị đọc tụng giới bổn nương nhờ, Ràhula, các điều học, hành Pàtimokkha, Việc thông báo về ngày lễ phạt, sự ngăn cấm khi chưa hỏi ý trước, Uposatha, Các việc làm trước, Câu chuyện

về các vị lên trời đi xa, Việc bày tỏ sự Việc bày tỏ về tội (đã phạm), Việc sửa trong sạch, Việc bày tỏ sự tùy thuận, Việc chữa tội đã phạm giống nhau, Mười lăm nắm giữ của các thân quyến, Sự đồng ý về trường hợp vô tội, Mười lăm trường hợp là bệnh điên, Sự phân loại các lễ Uposatha: phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, Lễ Uposatha của hội chúng.v.v…, Việc Mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ, sửa chữa tội (đã phạm), Việc sửa chữa tội Mười lăm trường hợp "bỏ qua sự ngần đã phạm giống nhau, Mười lăm trường ngại", Mười lăm trường hợp có dự tính hợp vô tội, Mười lăm trường hợp là phe chia rẽ, Phần tương tự có liên quan đến nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, các vị đi vào trong ranh giới, Tính chất Mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ, khác biệt về các ngày mười bốn.v.v…, Mười lăm trường hợp "bỏ qua sự ngần Việc nhìn thấy sự biểu hiện, đặc ngại", Mười lăm trường hợp có dự tính điểm.v.v… của việc cư trú, Lễ Pavàranà chia rẽ, Phần tương tự có liên quan đến với các vị thuộc nhóm cộng trú khác, Các các vị đi vào trong ranh giới, Việc nhìn trường hợp không nên đi, Các trường hợp thấy sự biểu hiện, đặc điểm.v.v… của việc có thể đi, Về sự hiện diện (ở lễ Pavàranà) cư trú, Việc tiến hành lễ Uposatha với các của những nhân vật cần phải tránh, Sự vị thuộc nhóm cộng trú khác, Các trường thỉnh cầu hai lần đọc, Các sự nguy hiểm hợp không nên đi, Các trường hợp có thể đối với lễ Pavàranà, Việc đình chỉ lễ đi, Về sự hiện diện (ở lễ Uposatha) của Pavàranà, Câu chuyện về tội Thullaccaya, những nhân vật cần phải

tránh, Các câu kệ Sự đình chỉ vì sự việc, Câu chuyện về các tóm lược; vị thường gây nên các sự xung đột, Sự đạt III. Chương vào mùa mưa: Hai thời điểm đến trạng thái an trú lạc, Sự đồng thuận về vào mùa (an cư) mưa, Sự ngăn cấm việc ra lễ Pavàranà, Các câu kệ tóm lược; đi trong mùa (an cư) mưa, Việc dời lại V. Chương da thú: Câu chuyện về Sona mùa (an cư) mưa, Phần giảng về công việc Kolivìsa, Việc ngăn cấm các đôi dép loại có thể giải quyết trong bảy ngày, Vô tội hai lớp, Việc ngăn cấm các đôi dép toàn cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa khi có màu xanh.v.v..., Việc cho phép các đôi chướng ngại, Vô tội cho việc cắt đứt mùa dép loại nhiều lớp, Sự ngăn cấm (mang) (an cư) mưa khi có sự chia rẽ hội chúng, dép trong khuôn viên tu viện, Việc ngăn Việc vào mùa (an cư) mưa ở khu rào gia cấm các đôi guốc.v.v..., Việc ngăn cấm súc,.v.v..., Các nơi chốn không nên vào (di chuyển bằng) xe, Việc ngăn cấm chỗ mùa (an cư) mưa, Điều thỏa thuận không nằm cao và chỗ nằm rộng lớn, Việc ngăn nên thực hiện, Tội dukkata ở sự nhận lời, cấm tất cả các loại da thú, Việc cho phép Các câu kệ tóm lược; về chỗ (ngồi) đã được làm sẵn bởi cư sĩ, IV. Chương Pavàranà: Phần giảng về việc Câu chuyện về vị Sona Kutikanna, Sự cho cư ngụ thoải mái và không thoải mái, phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị Cách thức và việc cho phép về lễ thứ năm rành rẽ về Luật ở các xứ thuộc Pavàranà, Hai lễ Pavàranà, Bốn hành sự vùng biên địa, Các câu kệ tóm lược. Phần Pavàranà, Việc bày tỏ lời thỉnh cầu, Việc Phụ chú: - Các bản dịch của Tỳ-kheo bày tỏ sự tùy thuận, Việc nắm giữ các thân Indacanda. quyến.v.v..., Sự phân loại về các lễ Bộ Đại Phẩm – 2 Tập đã xuất bản năm Pavàranà: lễ Pavàranà của hội 2005, Nxb Tôn Giáo; tái bản năm PL. chúng.v.v..., Việc sửa chữa tội (đã phạm), 2558 – DL. 2014, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5

x 20.5cm, dày 433 trang, bìa cứng, nền đỏ, chưa làm xong", Nhóm mười hai về chữ tựa màu vàng, có hình Đức Phật ngồi, "Không như ý mong mỏi", Nhóm mười tay kiết ấn. hai về "Như ý mong mỏi", Nhóm mười hai về "có công việc cần làm", Nhóm chín Tập hai, Đại Phẩm, dày 351 trang, nội về "chưa thâu thập", Nhóm năm về "vị có dung gồm: Lược đồ Tam tạng, Lời giới sự trú ngụ thoải mái", Phần giảng về điều thiệu, Các chữ viết tắt; vướng bận và không vướng bận, Các câu VI. Chương Dược phẩm kệ tóm lược; (Bhesajjakkhandhakam): Phần giảng về VIII. Chương Y phục năm loại dược phẩm; Phần giảng về các (Civarakkhandhakam): Câu chuyện về vị loại dược phẩm: mỡ thú.v.v... Câu chuyện Jivaka, Câu chuyện về người vợ của nhà về vị Pilindivaccha, Sự cho phép về (thọ đại phú, Câu chuyện về đức vua dụng) đường,.v.v... Phần giảng về sự cấm Bimbisara, Câu chuyện về nhà đại phú ở đoán vật thực đã được chuẩn bị ở bên Rajagaha, Câu chuyện về người con trai trong (khuôn viên), Sự thọ lãnh (trái cây) nhà đại phú, Câu chuyện về đức vua đã được nhặt lên, Sự cho phép về (vật Pajjota, Phần giảng về xấp vải đôi xứ Sivi, thực) đã được thọ lãnh,.v.v... Phần giảng Phần giảng về liều thuốc xổ tổng cộng 30 về sự cấm đoán việc mổ xẻ, Phần giảng về lần, Sự cầu xin điều ước muốn, Phần giảng sự cấm đoán (thọ dụng) thịt người, Phần về sự cho phép (sử dụng) tấm mền len, Sự giảng về sự cấm đoán (thọ dụng) thịt tìm kiếm vải dơ bị quăng bỏ, Sự chỉ định voi,.v.v... Sự cho phép về cháo và mật vị tiếp nhận y, Sự chỉ định nhà kho chứa viên, Câu chuyện về vị quan đại thần mới đồ, Việc nhuộm y, Sự cho phép về y đã có đức tin, Câu chuyện về Belattha được cắt, Sự cho phép về ba y, Phần giảng

Kaccana, Câu chuyện ở Pàtaligama, Câu về y phụ trội, Câu chuyện về bà Visakha, chuyện về Sunidha và Vassakara, Phần Sự cho phép về vật lót ngồi,.v.v… Phần giảng về Bốn chân lý ở Kotigama, Câu giảng về y có kích thước tối thiểu cần phải chuyện về nàng Ambapali, Câu chuyện về chú nguyện để dùng chung, Phần giảng về các vị dòng dõi Licchavi, Câu chuyện về sự phát sanh các y thuộc về hội chúng, tướng quân Siha, Sự cho phép về khu vực Câu chuyện về vị Upananda con trai dòng làm thành được phép, Câu chuyện về gia Sakya, Câu chuyện về vị bị bệnh, Phần chủ Mendaka, Sự cho phép về năm sản giảng về đồ đạc của người chết, Sự cấm phẩm từ bò,.v.v… Câu chuyện về đạo sĩ đoán về việc lõa thể, Sự cấm đoán về việc bện tóc Keniya, Câu chuyện về Roja che thân bằng cỏ Kusa,.v.v… Phần giảng người Malla, Câu chuyện về vị xuất gia về y chưa phát sanh cho các vị đã sống lúc tuổi già, Phần giảng về Bốn pháp dung qua mùa (an cư) mưa, Phần giảng về việc hòa, Các câu kệ tóm lược; phát sanh y khi hội chúng bị chia rẽ, Phần VII. Chương Kathina giảng về (y) đã được lấy sai trái và đã (Kathinakkhandhakam): Sự cho phép về được lấy đúng đắn, Tám tiêu đề về y, Các Kathina, Nhóm bảy về “cầm lấy”, Nhóm câu kệ tóm lược; bảy về mang theo, Nhóm sáu về cầm lấy, IX. Chương Campà Nhóm sáu về mang theo, Nhóm mười lăm (Campeyyakkhandhakam): Câu chuyện về về cầm lấy, Nhóm mười lăm về mang vị Kassapagotta, Phần giảng về sự hành sự theo, Nhóm mười lăm về “mang theo y sai pháp theo phe nhóm,.v.v… Phần giảng

về hành sự thiếu lời đề nghị,.v.v… Phần khu vườn cây Pacinavamsa, Phần giảng về giảng về việc làm của nhóm 4 vị,.v.v… việc đi đến Parileyyaka, Câu chuyện về Phần giảng về vị đang chịu hành phạt mười tám sự việc, Sự cho phép về việc parivasa,.v.v… Phần giảng về 2 trường phục hồi, Sự hợp nhất hội chúng, Các câu hợp mời ra,.v.v… Phần giảng về hành sự hỏi của vị Upali về sự hợp nhất hội chúng, sai pháp,.v.v… Các câu hỏi của vị Upali, Các câu kệ tóm lược. Hành sự khiển trách, Hành sự chỉ dạy, Tác phẩm này tái bản năm PL. 2558 – DL. Hành sự xua đuổi, Hành sự hòa giải, Hành 2014, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, sự án treo về việc không nhìn nhận tội, dày 351 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa Hành sự án treo về việc không sửa chữa màu vàng, có hình Đức Phật ngồi, tay kiết lỗi, Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà ấn. kiến ác, Sự thu hồi hành sự khiển trách, Sự thu hồi hành sự chỉ dạy, Sự thu hồi hành 1.180. Đại sư Tôn-Khách-Ba sự xua đuổi, Sự thu hồi hành sự hòa giải, Giải Thích PHẨM BỒ-TÁT GIỚI – Sự thu hồi hành sự án treo về việc không BỒ-TÁT ĐỊA nhìn nhận tội, Sự thu hồi hành sự án treo Nguyên tác Tạng văn: về việc không sửa chữa lỗi, Sự thu hồi Đại sư Tôn-khách-ba soạn hành sự án treo về việc không từ bỏ tà Hán dịch: Thích Pháp Tôn kiến, Phần giảng về sự tranh cãi về hành Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn sự khiển trách, Phần giảng về sự tranh cãi Nxb Hồng Đức – 2020. Sách có khổ 16 x về hành sự chỉ dạy, Phần giảng về sự tranh 24cm, dày 301 trang, bìa cứng, nền màu cãi về hành sự xua đuổi, Phần giảng về sự cam, có viền khung, hoa văn bốn góc, chữ tranh cãi về hành sự hòa giải, Phần giảng tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Đại sư về sự tranh cãi về hành sự án treo về việc Tôn-khách-ba (Tson-kha-pa, Tsongkhapa không nhìn nhận tội, Phần giảng về sự 1357-1419), Thích Pháp Tôn (1901-1981), tranh cãi về hành sự án treo về việc không Đại sư Tôn-khách-ba Giải thích Phẩm Bồ- sửa chữa lỗi, Phần giảng về sự

tranh cãi về tát Giới-Bồ-tát Địa; hành sự án treo về việc không từ bỏ tà Quyển I, Giải thích Phẩm Bồ-tát Giới, I. kiến, Phần giảng về sự thu hồi hành sự Tổng gom thành Ôn-đà-nam, II. Giải thích khiển trách, Phần giảng về sự thu hồi hành nghĩa trong Ôn-đà-nam, - Tự tính giới, - sự chỉ dạy, Phần giảng về sự thu hồi hành Tự tính, - Số lượng công đức, b. Sở tác sự xua đuổi, Phần giảng về sự thu hồi của công đức, - Đạo lý nhân quả của các hành sự hòa giải, Phần giảng về sự thu hồi công đức, - Số lượng công đức nhất định, - hành sự án treo về việc không nhìn nhận Sự thù thắng của giới, - Giải thích Nhất tội, Phần giảng về sự thu hồi hành sự án thiết giới, - Giải thích giới đã thụ, - Sai treo về việc không sửa chữa lỗi, Phần biệt, - Tự tính, - Nhiếp luật nghi giới, - giảng về sự thu hồi hành sự án treo về việc Nhiếp thiện pháp giới (Lược nêu, Giải không từ bỏ tà kiến, Các câu kệ tóm lược; thích rộng, Nghĩa nhiếp), - Nhân viên X. Chương Kosambi mãn, - Nhân viên mãn của Luật nghi giới, (Kosambikkhandhakam): Phần giảng về sự - Nhân viên mãn của Nghiếp thiện pháp tranh cãi ở Kosambi, Câu chuyện về giới, - Nhân viên mãn của Nhiêu ích hữu Dighavu, Phần giảng về việc đi đến tình giới; Balakalonakara, Phần giảng về việc đi đến

Quyển II, - Nghĩa nhiếp, - Giải thích pháp Quyển V, - Trái phạm Bát-nhã, - Đối cảnh thụ giới, - Nghĩa chung, - Nghĩa chính, - thấp kém, - Đối cảnh thù thắng, - Trái Pháp thụ có sư, - Gia hành pháp, - Thỉnh phạm Nhiêu ích hữu tình giới, - Đối cảnh bạch, - Bổ-đặc-già-la sai biệt (thân sai chung, - Đối cảnh riêng, - Pháp từ tội đã biệt, cảnh sai biệt), - Pháp thụ sai biệt, - phạm mà bảo hộ tâm, - Phương tiện xuất Người thụ pháp sai biệt, - Người truyền tội đã phạm, - Đức Phật thuyết mật ý của (cảnh) pháp sai biệt, - Tu tập tư lương, - tâm tham phạm tội nhẹ, - Phạm tội lớn nhỏ Xin mau chóng truyền giới, - Tu thắng sai biệt, - Duyên an lạc trụ, - Giải thích sai hoan hỷ, - Hỏi chướng nạn, - Chính hành biệt, - Nan hành giới, - Nan hành giới thứ pháp, - Kết hành pháp, - Thỉnh chứng nhất, - Nan hành giới thứ hai, - Nan hành minh, Ca ngợi lợi ích thù thắng, - Lễ tạ giới thứ ba, - Nhất thiết môn giới, - Thiện cúng dường, Không khinh suất, Pháp thụ sĩ giới, - Nhất thiết chủng giới, - Toại cầu không có sư, - Giải thích pháp (lý) thủ hộ, giới (Giới thỏa mãn mong cầu), - Thử thế - Luận chung; tha thế (nhị thế) lạc giới (đời này đời sau Quyển III, - Giải thích riêng, - Tội phải an lạc), - Thanh tịnh giới, - Lợi ích thù đoạn, - Tha thắng có năm ý, - Tự thể tha thắng của thi-la, - Lợi ích thù thắng cuối thắng, - Thuyết của Bồ-tát địa, - Bất cộng, cùng, - Lợi ích thù thắng hiện thời, - Tổng - Thuyết của các bộ luận khác, - Sở tác nhiếp của Thi-la, - Sở tác của thi-la. hoặc tai họa của Tha thắng, Ba triền sai biệt; 1.181. ĐẠI TỲ-KHEO Quyển IV, - Hoàn tịnh sai biệt, - Nhân TAM THIÊN OAI NGHI duyên xả giới, - Ác tác loại, - Nêu chung, - (Ba ngàn Oai nghi của vị Đại Tỳ-kheo) Giải thích riêng, - Trái phạm Nhiếp thiện Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao pháp, - Trái phạm bố thí, - Chính chướng Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn tài thí, - Pháp đối trị hoại tâm xan tham, - Tác phẩm này gồm có Quyển thượng, Trái phạm Vô úy thí, - Không tạo duyên Quyển hạ; Giáo giới Tân học Tỳ-kheo bố thí cho người, - Trái vượt pháp thí, - hành hộ Luật nghi. trọng người, - Hiển thị sai biệt học tập tính Luật tạng) tội, - Trái phạm không tôn trọng ta, - Hủy hoại tịnh mạng, - Phá hoại quy tắc, - Đắm 1.182. ĐÀM-VÔ-ĐỨC trước ba cõi, - Trái phạm không tôn trọng TỨ PHẦN LUẬT – Tỳ-kheo Giới Bổn ta và người, - Không thể bảo vệ danh tiếng Dịch giả: HT. Thích Trí

Thủ (1909-1984) của mình, - Không áp dụng gia hạnh lợi Tác phẩm luật này được dịch năm 1983, tha cứng mạnh, - Trái phạm nhẫn nhục, - gồm có 10 chương: Chương mở đầu, Không trụ nhân nhẫn nhục, - Không đoạn Chương I, Pháp Ba-la-di (Bất cộng trụ, 4 tâm sân tương tục, - Không đối trị phẩn điều); Chương II, Tăng-già-bà-thi-sa hận, - Trái phạm tinh tiến, - Gia hành hạ (Tăng tàn, 13 điều); Chương III, Pháp Bất liệt, - Hoàn toàn không có gia hành, - định (2 điều); Chương IV, Ni-tát-kỳ Ba- Tham việc thấp kém, - Trái phạm tĩnh lự, - dật-đề (Xả đọa, 30 điều); Chương V, Ba- Gia hành sai lầm, - Chính hành sai lầm, - dật-đề (Đơn đọa, 90 điều); Chương VI, Kết hành sai lầm; Ba-la-đề-xá-ni (Hướng bỉ hối, 4 điều); Chương VII, Pháp chúng học (100 điều);

Chương VIII, Pháp diệt tránh (7 điều); thập nhị, Tham phương đệ nhị thập tam, Y Chương kết. bát danh tướng đệ nhị thập tứ; Thư mục tham khảo.

G 1.185. Giáo Trình LUẬT HỌC Biên soạn: TT. Thích Phước Sơn Học viện PGVN Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2545 – DL. 2002 1.183. Giảng giải Sách có khổ 14 x 20cm, có 317 trang, bìa TỲ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU Biên soạn: Tỳ-kheo Độc Thể mềm, (Lưu hành nội bộ). Toàn bộ Giáo Giảng giải: Tỳ-kheo Ni Phật Oánh trình này gồm có 2 phần chính. Phần một, Việt dịch: Tỳ-kheo Phước Nghĩa Giới bổn Tỳ-kheo, có 2 chương. Chương I, Nxb Hồng Đức – 2015. Sách có khổ 14.5 Khái quát về giới luật, trình bày: Dẫn x 20.5cm, dày hơn 367 trang. nhập, Luật tạng được truyền dịch sang Nội dung sơ lược gồm có: Đề tài, 1. Lời Hán văn, các bộ quảng Luật, các bộ Luận người dịch, 2. Bài tựa, 3. Giải thích tên thuộc về Luật; Phân tích nội dung Luật bộ sách, 4. Giải thích về tác giả, và 45 bài kệ (nội dung Luật Tứ phần và Luật tạng Pàli). Tỳ-ni giảng giải; sau cùng là Kệ phát Chương II, Lịch sử truyền thừa Luật Tứ nguyện Hồi hướng, Lời ghi sau sách. Phần, nói về: - Việc xiển dương Luật tứ phần tại Trung Quốc, - Việc xiển dương Xem: Tỳ-ni Nhật Dụng Thiết Yếu Giải Luật học tại Việt Nam. Phần hai, Các pháp Yết-ma, gồm có 6 chương (Khái quát 1.184. GIÁO TRÌNH về Yết-ma, Thiết lập cương giới, Thể thức LUẬT UY NGHI GIẢI Nguyên tác: Ngài Vân Thê – thọ giới, Thể thức Bố-tát, An cư và tự tứ, Tạp sự). Châu Hoằng (1532-1612) Biên dịch: TT. Thích Trí Hải Nxb Tôn Giáo – 2017 1.186. Giáo Trình LUẬT HỌC TỲ-NI Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 432 trang. Trường Phật Học Đại Tòng Lâm Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Hạ thiên Biên soạn: Thích Nhuận Phước Uy nghi môn, Kính Đại Sa-môn đệ nhất, Nxb Tôn Giáo – 2008. Sách có khổ 14.5 x Sự sư đệ nhị, Tùy sư xuất hành đệ tam, 20.5cm, dày hơn 216 trang. Nhập chúng đệ tứ, Tùy chúng thực đệ ngũ, Nội dung gồm có: Lời ngỏ, I. Giới thiệu Lễ bái đệ lục, Thính pháp đệ thất, Tập học tác phẩm và tác giả; II. Chánh văn, có 45 Kinh điển đệ bát, Nhập tự viện đệ cửu, bài kệ dịch-giải; III. Lời kết; Phần phụ thứ Nhập Thiền đường tùy chúng đệ thập, nhất, Phần phụ thứ hai; Cách viết chữ Chấp tác đệ thập nhất, Nhập dục đệ thập Hán, 214 bộ chữ Hán. nhị, Nhập xí đệ thập tam, Thụy ngọa đệ thập tứ, Vi lộ đệ thập ngũ, Tại phòng trung 1.187. GIÁO TRÌNH trụ đệ thập lục, Đáo Ni tự đệ thập thất, Chí LUẬT HỌC CƠ BẢN, 5 Tập nhân gia đệ thập bát, Khất thực đệ thập Tập I, Tỳ-ni – Sa-di Yếu Giải; Tập II, Oai cửu, Nhập tụ lạc đệ nhị thập, Thị vật đệ Nghi – Cảnh Sách Yếu giải; Tập III, Bồ-nhị thập nhất, Phàm sở thi hành đệ nhị tát Giới Yếu giải; Tập IV, Tỳ-kheo Giới

Yếu giải; Tập V, Bồ-tát Ưu-bà-tắc Giới sám hối trước toàn thể đại chúng hay trước Kinh Yếu giảng. ba hoặc hai vị đại diện của Tăng đoàn). Biên soạn: Tác phẩm Giới Bản này được tái bản này Sa-môn Thích Minh Thành (1937-2000) được tái bản năm 2013, Nxb Hồng Đức, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, khổ 13 x 20.5cm, dày 180 trang. PL. 2537 – DL. 1993 Xem: Luật Học Cơ Bản 1.190. GIỚI BẢN KHẤT SĨ TÂN TU (The Revised Pratimoksha) 1.188. GIỚI BẢN NĂM GIỚI TÂN TU Nghi thức tụng giới nữ Khất sĩ Ts Thích Nhất Hạnh Thực hiện: Nội dung Giới bản này gồm có: Lời mở Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn đầu; Giới thứ nhất, Bảo vệ sự sống; Giới Xuất bản năm 2003, dày 204 trang, bìa thứ hai, Hạnh phúc chân thực; Giới thứ ba, mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có viền Tình thương đích thực; Giới thứ tư, Lắng khung hoa văn, có logo (nhỏ) của Đạo nghe và ái ngữ; Giới thứ năm, Nuôi dưỡng tràng Mai Thôn. Pháp bảo-Luật tạng) có 348 giới) này có: Lời ngỏ, dẫn nhập, mở kinh, khai thị, Tác pháp Yết-ma, tụng 1.189. GIỚI BẢN KHẤT SĨ TÂN TU giới, giới rơi rụng, giới Tăng thân giải (The Revised Pratimoksha) cứu, giới buông bỏ và phát lồ, giới phát lồ, Nghi thức tụng giới nam Khất sĩ giới uy nghi, phương pháp diệt trừ tranh Thực hiện: Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng chấp, kết thúc (bốn phép nương tựa, bốn Mai Thôn, cách xử sự), hồi hướng. Giới Tăng thân Xuất bản năm 2003, dày 178 trang, bìa giải cứu (phương pháp thực tập Biệt trú, mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có viền Làm mới và giải tội), Văn phát lồ (Văn khung hoa văn, có logo (nhỏ) của Đạo báo cáo mỗi ngày trong thời gian thực tập tràng Mai Thôn. Biệt trú; Văn xin thực tập sáu ngày Làm Nội dung toàn Giới bản nam Khất sĩ (gồm mới; Văn báo cáo mỗi ngày trong thời có 250 giới) này có: Lời ngỏ, dẫn nhập, gian sáu ngày Làm mới), Văn giải tội, mở kinh, khai thị, Tác pháp Yết-ma, tụng Giới buông bỏ và phát lồ (phương pháp giới, giới rơi rụng, giới Tăng thân giải sám hối trước toàn thể đại chúng hay trước cứu, giới buông bỏ và phát lồ, giới phát lồ, ba hoặc hai vị đại diện của Tăng đoàn). giới uy nghi, phương pháp diệt trừ tranh Tác phẩm Giới Bản này được tái bản này chấp, kết thúc (bốn phép nương tựa, bốn được tái bản năm 2013, Nxb Hồng Đức, cách xử sự), hồi hướng. Giới Tăng thân khổ 13 x 20.5cm, dày 216 trang. giải cứu (phương pháp thực tập Biệt trú, Làm mới và giải tội), Văn phát lồ (Văn 1.191. GIỚI BẢN TỲ-KHEO báo cáo mỗi ngày trong thời gian thực tập (Luật Ngũ Phần, Luật Ma-ha Tăng-kỳ, Biệt trú; Văn xin thực tập sáu ngày Làm Luật Thập Tụng, Luật Tứ Phần) mới; Văn báo cáo mỗi ngày trong thời Giới đài Viện Huệ Nghiêm – gian sáu ngày Làm mới), Văn giải tội, Ban dịch thuật Luật tạng Giới buông bỏ và phát lồ (phương pháp Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 297 trang, bìa Huyền Trang (602-664) mềm, có tay gấp, nền màu đỏ, có hình hoa Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn văn mây chìm, chữ tựa màu nâu đen, có Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x viền khung. Nội dung tác phẩm này gồm 24cm, dày 236 trang. có: 1. Giới bản Tỳ-kheo Luật Ngũ phần Di-sa-tắc, 2. Giới bản Tỳ-kheo Luật Ma- 1.195. GIỚI BỔN TỲ-KHEO – ha Tăng-kì, 3. Giới bản Tỳ-kheo Luật BHIKKHUPÀTIMOKKHA Thập tụng, 4. Giới bản Tỳ-kheo Luật Tứ Biên soạn: phần, 5. Phụ lục: 4 bản Hán Giới bản Tỳ- Tỳ-kheo Giác Giới (Bhik. Bodhisìla) kheo. Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 139 trang, bìa mềm. 1.192. GIỚI BẢN TỲ-KHEO NI Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Vấn đáp (Luật Ngũ Phần, Luật

Ma-ha Tăng-kỳ, Luật Bố-tát, A. Tự đề cử vấn luật, đáp Luật Thập Tụng, Luật Tứ Phần) luật, B. Bốn việc làm trước, C. Năm Giới đài Viện Huệ Nghiêm – nhiệm vụ phải hoàn tất, D. Bốn chi phần Ban dịch thuật Luật tạng hợp thời, E. Lời thỉnh sư Tụng giới; Phụ Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn chú: Cách tính ngày Bố-tát theo mùa, I. Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x Tụng Duyên khởi, II. Tụng giới triệt tiêu, 24cm, dày 243 trang, bìa mềm, có tay gấp, III. Tụng giới Tăng-tàn, IV. Tụng giới Bất nền màu đỏ, có hình hoa văn mây chìm, định, V. Tụng giới Tổng đề-Ưng xả đối trị, chữ tựa màu nâu đen, có viền khung. Nội 1.P Y phục, 2.P Tơ tằm, 3.P Bình bát, VI. dung gồm có: 1. Giới Bản Tỳ-kheo Ni Tụng giới Tổng đề-Ưng đối trị, 1.P Nói Luật Ngũ phần Di-sa-tắc, 2. Giới Bản Tỳ- dối, 2.P Thảo mộc, 3.P Giáo giới, 4.P Thọ kheo Ni Luật Ma-ha Tăng-kỳ, 3. Giới Bản thực, 5.P Lõa thể, 6.P Uống rượu, 7.P Có Tỳ-kheo Ni Luật Thập tụng, 4. Giới Bản sinh vật, 8.P Theo đúng pháp, 9.P Châu Tỳ-kheo Ni Luật Tứ phần. báu, VII. Tụng giới Tổng đề-Ưng phát lộ, VIII. Tụng giới Tổng đề-Ưng học pháp, 1.193. GIỚI BỔN 1.P Tề chỉnh, 2.P Cười giòn, 3.P Chống THỨC-XOA-MA-NA nạnh, 4.P Trang trọng, 5.P Vắt cơm, 6.P Tỳ-kheo Ni Thích Như Nguyệt Húp rột rột, 7.P Giày dép, IX. Tụng giới (Viên Minh) Tổng đề-Pháp diệt tranh; Phụ chú: Tụng Nxb Phương Đông – 2011 Giới bổn Tóm tắt. Sách có khổ 14 x 20cm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Phàm lệ, Lời tựa, Học pháp 1.196. GIỚI BỔN TỲ-KHEO NI căn bản, Học sáu pháp, 292 hành pháp. Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm - Huệ Quang 1.194. GIỚI BỒ-TÁT DU-GIÀ Việt dịch: Giới đài Viện Huệ Nghiêm – HT. Thích Huệ Hưng (1917-1990) Ban dịch thuật Luật tạng Nxb Hồng Đức – 2020 Nguyên tác Phạn văn: Sách có khổ 16 x 24cm, dày 130 trang, bìa Bồ-tát Di-lặc thuyết mềm, nền có hình vẽ tay cầm cành hoa Hán dịch: Tam tạng Pháp sư sen, chữ tựa màu trắng, có tay gấp. Nội

dung gồm có: Nghi thức Tụng Giới, Giới Phép Ni sai người Tự tứ đến trong đại bổn Tỳ-kheo Ni, Tám Pháp Ba-la-di, Tăng, 35. Ngày rằm Tự tứ, 36. Phép chính Mười bảy pháp Tăng-già Bà-thi-sa, Ba Tự tứ, 37. Phép bốn người trở xuống lần mươi Pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, Một trăm lượt Tự tứ, 38. Phép Gởi dục, 39. Thọ dục bảy mươi pháp Ba-dật-đề, Tám pháp Ba- rồi chuyển trao gởi dục cho vị khác, 40. la-đề-xá-ni, Trăm pháp chúng học, Bảy Phép Thuyết dục, 41. Đi bái tuế, 42. Phép pháp Diệt tránh; Phục nguyện, Văn bạch cho cạo tóc thọ giới, 43. Phép cho cạo tóc, Sám hối, Phụ thêm Bát kỉnh pháp. 44. Phép cho xuất gia trao giới Sa-di Ni, 45. Phép cho ngoại đạo cùng ở, 46. Phép 1.197. GIỚI ĐÀN NI cầu xin Y chỉ, 47. Nghi thức thế phát, 48. Soạn dịch: Phép Tỳ-kheo Ni nuôi chúng, 49. Phép Ni TT. Thích Minh Phát (1956-1996) chúng trao giới Thức-xoa-ma-na, 50. Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 Thỉnh Tam sư thất chứng Ni, 51. Có các (Tái bản lần thứ ba) nạn sự duyên không cho thọ giới. Sách có khổ 15.5 x 23cm, dày 244 trang, Tác phẩm này được tái bản năm 2013, bìa cứng, bao da màu nâu, chữ tựa và hình Nxb Tôn Giáo. 2 tay chấp đều mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Nghi thức thọ Tam quy, 1.198. GIỚI ĐÀN TĂNG 3. Nghi thức thọ Ngũ giới, 4. Nghi thức Dịch giả: thọ Thập thiện, 5. Nghi thức thọ Bát quan HT. Thích Thiện Hòa (1907-1978) trai giới, 6. Nghi lễ xả Bát quan trai giới, Nxb. Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 7. Nghi thức thọ Giới Sa-di Ni, 8. Nghi Sách có khổ 16 x 20cm, dày 288 trang, bìa thức thọ Giới Thức-xoa-ma-na, 9. Nghi cứng, bao da màu nâu, chữ tựa và hình thức thọ Giới Tỳ-kheo

Ni, 10. Nghi thức bánh xe pháp luân đều mạ vàng. của Giới sư Ni đem giới tử Ni đến chùa Nội dung gồm có 55 mục chính: 1. Nghi Tăng thọ giới, 11. Vài điều cần yếu trong thức thọ Quy giới, 2. Nghi thức thọ Ngũ khi truyền giới Tỳ-kheo Ni, 12. Pháp lễ giới, 3. Phép thọ giới Bát quan trai, 4. cầu thầy truyền giới, 13. Phép bạch lễ tạ, Nghi lễ xả giới Bát quan trai, 5. Phép 14. Văn phục nguyện, 15. Phép Kiết giới truyền thọ giới Sa Di, 6. Nghi thức thọ tràng và Đại giới, 16. Phép Kiết giới giới Tỳ Kheo, 7. Khoa tiết truyền giới Bồ không mất y, 17. Phép giải đại giới, 18. Tát, 8. Nghi thức của Giới sư Ni đem giới Phép Kết tiểu giới để thọ giới, 19. Phép tử Ni đến chùa Tăng thọ giới, 9. Vài điều giải tiểu giới đã thọ giới, 20. Phép Kiết cần yếu trong khi truyền giới Tỳ-kheo Ni, giới Tịnh trù, 21. Phép giải giới Tịnh trù, 10. Phép lễ cầu thầy truyền giới, 11. Phép 22. Phép Kiết giới Tịnh khố, 23. Vài điều bạch lễ tạ, 12. Văn phục nguyện (sau khi cần biết khi Kiết và Giải các giới, 24. Kiết truyền giới xong), 13. Phép kiết giới tràng hạ An cư, 25. Chúng sắp đến ngày An cư, và đại giới, 14. Phép kiết giới không mất 26. Phép Đại đức Ni đối thú An cư, 27. y, 15. Phép giải đại giới, 16. Phép kiết tiểu Phép đại chúng An cư, 28. Phép hậu An giới để thọ giới, 17. Phép giải tiểu giới đã cư, 29. Phép thọ nhựt ra ngoài giới, 30. thọ giới, 18. Phép kiết giới tịnh trù, 19. Phép thọ bảy ngày và ngoài giới, 31. Phép Phép giải giới tịnh trù, 20. Phép kiết giới thọ ngày còn dư ra ngoài giới, 32. Phép Tự tịnh khố, 21. Vài điều cần khi kiết và giải tứ của Ni chúng, 33. Phép Sám hối, 34. các giới, 22. Kiết hạ an cư, 23. Sắp đến

ngày an cư, 24. Phép Thượng tọa đối thú ba-dật-để-ca (Nissaggiya Pàcittiya), IV. an cư, 25. Phép đại chúng an cư, 26. Phép 180 Pháp Ba-dật-để-ca (Pàcittiya), V. 11 hậu an cư, 27. Phép tâm niệm an cư, 28. Pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni (Patidesaniya), VI. Phép thụ nhựt ra ngoài giới, 29. Phép thụ Pháp Chúng học (Sekkhiyavatta), VII. Bảy bảy ngày ra ngoài giới, 30. Phép thọ ngày pháp Diệt tránh (Adhikarana samatha); giới nửa tháng hoặc một tháng, 32. Phép Pháp bảo/Luật tạng) tự tứ, 33. Phép sám hối, 34. Phép chính tự tứ, 35. Phép 4 người trở xuống lần lượt tự 1.200. GIỚI LUẬT BẬC TỲ-KHEO tứ, 36. Phép 1 người tâm niệm tự tứ, 37. Phật-đà-da-xá Phép tu tiến hành đạo và thêm ngày tự tứ, Soạn dịch: Nguyễn Minh Tiến 38. Phép cạo tóc thọ giới, 39. Phép cho Nxb Tôn Giáo – 2018. Sách có khổ 14.5 x cạo tóc, 40. Phép cho xuất gia trao giới Sa 20.5cm, có 207 trang, bìa mềm. Di, 41. Phép cho ngoại đạo cùng ở, 42. Nội dung gồm: Lễ thọ giới Tỳ-kheo, Phần Phép cầu xin y chỉ, 43. Nghi thức thế phát Hán văn; Giới luật Tỳ-kheo, I. Phần mở (cạo tóc), 44. Phép Tỳ-kheo Ni nuôi đầu Giới Kinh, II. Bốn pháp Ba-la-di, III. chúng, 45. Phép Ni chúng trao giới cho Mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, IV. Hai Thức-xoa Ma-na Ni, 46. Phép tự tứ của Ni pháp không xác định, V. Ba mươi pháp chúng, 47. Phép Ni sai người tự tứ đến Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, VI. Chín mươi pháp trong đại Tăng, 48. Ngày rằm tự tứ, 49. Ba-dật-đề, VII. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, Phép gởi dục, 50. Thọ dục rồi chuyển trao VIII. Một trăm pháp cần phải học, IX. Bảy gởi dục cho vị khác, 51. Phép thuyết dục, pháp dứt sự tranh cãi, X. Lời dạy của chư 52. Đi bái tuế, 53. Ni chúng sắp đến ngày Phật, XI. Bài kệ kết thúc lễ tụng giới; Phần an cư, 54. Thỉnh tam sư thất chứng, 55. Có Hán văn. các nạn sự duyên không cho thọ giới. Phụ lục: 56. Nghi thức truyền thọ Thập thiện. 1.201. GIỚI LUẬT - Tác phẩm Giới Đàn Tăng được tái bản BẬC TỲ-KHEO NI nhiều lần: Năm 1960, Phật học đường Phật-đà-da-xá Nam Việt ấn hành; năm 1988 ấn hành; Soạn

dịch: Nguyễn Minh Tiến năm 2006, Nxb Tôn Giáo. Nxb Tôn Giáo – 2018. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 263 trang, bìa mềm. 1.199. GIỚI KINH CĂN BẢN BẬT-SÔ Nội dung gồm có: Lễ thọ giới Tỳ-kheo Ni, NI CỦA THUYẾT NHỨT THIẾT HỮU A. Nghi thức ở chúng Tỳ-kheo Ni, B. BỘ Nghi thức ở chúng Tỳ-kheo; Giới luật Tỳ- (Căn bổn Thuyết Nhứt thiết Hữu bộ kheo Ni, I. Phần mở đầu Giới Kinh, II. Bật-sô Ni Giới Kinh) Tám pháp Ba-la-di, III. Mười bảy pháp Hán dịch: Tăng-già-bà-thi-sa, IV. Ba mươi pháp Ni- Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) tát-kỳ Ba-dật-đề, V. Một trăm bảy mươi Việt dịch: Thích Tâm Hạnh tám pháp Ba-dật-đề, VI. Tám pháp Ba-la- Tác phẩm Giới Kinh này gồm có: Bài tựa đề-xá-ni, VII. Một trăm pháp cần phải học, Giới Kinh; I. Tám pháp Ba-la-thị-ca VIII. Bảy pháp dứt sự tranh cãi, IX. Lời (Pàràjika), II. 20 Pháp Tăng-già-phạt-thi- dạy của chư Phật, X. Bài kệ kết thúc lễ sa (Sanghadisesa), III. 33 Pháp Ni-tát-kỳ- tụng giới; Phần Hán văn.

Chú giải: Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu, 1.202. GIỚI LUẬT Sa-di Luật nghi Yếu lược, CỦA HÀNG XUẤT GIA Sa-di Ni Luật nghi Yếu lược (The Wheel Publication No 130/131 Biên dịch: Nhựt Chiếu The Buddhist Monk’s Discipline) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, cả Tác giả: Bhikkhu Khantipàlo bộ (8 tập) dày hơn 4.625 trang. Việt dịch: Phạm Kim Khánh Tập 1, Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. PL. 2514 – DL. 1970. Tác phẩm này có 63 2009, dày hơn 595 trang. Nội dung gồm trang (PDF), nội dung gồm: - Lời mở đầu; có: Lời giới thiệu, Tôn chỉ và Ý nghĩa biên Những Giới tu tập, Giá trị của Giới luật, tập, Tổng luận về giới pháp Sa-di và Sa-di Cải cách Giới luật, Kỷ luật tổng quát, Vài Ni, Chú giải Tỳ-ni Nhựt dụng thiết yếu, sắc thái của Giới luật; Chào đón, Nơi ở, Tỳ-ni Nhựt dụng thiết yếu, Phụ lục: Giới Tiền bạc, Thức ăn và thức uống, Di thiệu sơ lược về các giới tướng, năm đức chuyển, Phẩm hạnh tổng quát, Kết luận. và mười pháp số; Chú giả Sa-di Luật nghi (phatgiaonguyenthuy.com, Tác phẩm) yếu lược, Mười giới sa-di, Hai mươi bốn uy nghi; Chú giải Sa-di Luật nghi yếu 1.203. lược, Mười giới Sa-di Ni, Hai mươi hai uy GIỚI LUẬT HỌC CƯƠNG YẾU nghi; Lời kết. Nguyên tác: Tập 2, Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. HT. Thánh Nghiêm (1930-2009) 2009, dày hơn 691 trang. Nội dung gồm Dịch giả: Tuệ Đăng có: Tôn chỉ và Ý nghĩa biên tập, Lời tựa Nxb Tp. Hồ Chí Minh - 2000. Sách có khổ chung, 14 x 20cm, dày 526 trang, bìa mềm, nền Chú giải Kinh Bát Đại Nhân Giác, Lời nói đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hình tượng Đức đầu, A. Phần Tổng khởi, B. Phần Chánh Phật (bán thân). Nội dung gồm có 7 thiên. thuyết, C. Phần Lưu thông, Thi hóa Kinh Thiên thứ nhất, Tự luận, nói về Thọ giới, Bát Đại Nhân Giác; học giới và trì giới; sự truyền thừa và Chú giải Kinh Phật Di Giáo, Lời nói đầu, hoằng dương giới luật. Thiên thứ hai, nói A. Phần tựa, B. Phần Chánh tông, C. Phần về Quy y Tam bảo, phương pháp và lợi ích lưu thông; của quy y Tam bảo. Thiên thứ ba, nói về Chú giải Văn Cảnh Sách, Lời nói đầu, Sơ Ngũ giới, Thập thiện (phương pháp cầu lược tác giả và tác phẩm, A. Phần trường thọ ngũ giới và công đức). Thiên thứ tư, hàng, I. Cảnh giác, 1. Cảnh giác nghiệp nói về Bát quan trai giới. Thiên thứ năm, quả vô thường, 2. Cảnh giác xuất gia nói về Sa-di thập giới và Thức-xoa lục không trọn, 3. Cảnh giác không chịu tu, 4. pháp. Thiên thứ sáu, nói về Tỳ-kheo, Tỳ- Cảnh giác phải chịu luân hồi ác báo, 5. kheo Ni giới cương yếu. Thiên thứ bảy, Kết thúc cảnh giác; II. Sách tấn, 1. Sách nói về Bồ-tát giới cương yếu. tấn xuất gia cho trọn vẹn, 2. Sách tấn thực Sách Giới Luật Học cương yếu

này được hành những việc căn bản của người xuất ấn hành lần đầu vào năm 1994; Nxb gia, 3. Sách tấn tu thiền, 4. Sách tấn học Phương Đông – 2007. hỏi, hoằng pháp, trai giới và hướng thượng, III. Tổng kết, B. Phần trùng tụng, 1.204. GIỚI LUẬT THIẾT YẾU HỘI 1. Bài tụng nhắc nhở, 2. Bài tụng chỉ pháp, TẬP (Trọn bộ 8 Tập) Thi hóa; Chú giải Văn khuyên phát tâm

Bồ-đề, Lời nói đầu, Sơ lược tác giả và tác DL. 2009, dày hơn 561 trang; Nội dung phẩm, A. Phần tựa, I. Nêu chung tâm gồm có 4 phần: Lời nói đầu, Mục lục, Giới nguyện: Giới thiệu trước về việc tu hành, thiệu khái quát về Giới bổn Bồ-tát, Chú II. Biện biệt tâm nguyện: Tiêu chuẩn lập giải Giới bổn Bồ-tát: I. Nguyên do đầu hạnh, 1. Giới thiệu về tám tướng trạng mối thuyết giới, 1. Đầu mối dấu vết truyền phát tâm, 2. Những hình thức phát tâm, B. giới, 1.1 Phần Trường hàng, 1.2 Kệ tụng, Phần Chánh tông, I. Nêu chung nguyên 2. Nói ngay việc dưới cây khuyến phát, nhân phát tâm, II. Giải thích riêng về 2.1 Kinh gia tự thuật, 2.2 Đức Phật Thích- nghĩa chủ yếu của sự phát tâm: 1. Nhớ ơn ca tự thuyết; II. Liệt kê giới tướng nặng nặng của Phật, 2. Nhớ công ơn cha mẹ, 3. nhẹ, 1. Mười giới nặng, 1.1 Nêu chung, Nhớ ơn sư trưởng, 4. Nhớ ơn thí chủ, 5. 1.2 Giải thích riêng, 2. Bốn mươi tám giới Nhớ ơn chúng sanh, 6. Nhớ khổ sanh tử, 7. nhẹ, 2.1 Nêu chung, 2.2 Giải thích riêng, Tôn trọng tính linh của mình, 8. Sám hối 2.3 Tổng kết 48 giới nhẹ; III. Khuyên đại nghiệp chướng, 9. Cầu sanh Tịnh độ, 10. chúng phụng hành: 1. Nêu pháp tụng, 2. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài, C. Kết Dặn dò người lưu thông, 3. Lợi ích của sự luận – Phần lưu thông, 1. Tự mình phản lưu thông, 4. Khuyên phụng hành lần thứ tỉnh, 2. Khuyên khắp đại chúng, 3. So sánh hai, 5. Đại chúng vui vẻ thọ trì; IV. Phần khổ vui, 4. Dặn lại lần nữa, D. Lời bạt, Đ. lưu thông ích đời, 1. Kết thúc khai thị, 2. Thi hóa; Kệ tán. Giới pháp Thức-xoa-ma-na-ni, Lời nói Tập 5, Hội giải Giới bổn Bồ-tát trong đầu, I. Tổng luận về giới pháp Thức-xoa- Kinh Phạm Võng; Nxb Tôn Giáo – 2011, ma-na-ni, 1. Định nghĩa Thức-xoa-ma-na- dày hơn 586 trang. Nội dung gồm có: Lời ni, 2. Tại sao Sa-di Ni phải thọ giới pháp tựa cho bản Việt ngữ, Phàm lệ, Lời tựa; Thức-xoa, 3. Độ tuổi thọ giới Thức-xoa; Giới bổn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng, II. Cách thức thọ giới Thức-xoa; III. Giới Mục lục phân khoa (chi tiết), Phần trên: pháp Thức-xoa, 1. Học căn bản, 2. Học Theo văn thích nghĩa, Mười giới nặng, sáu pháp, 3. Học hành pháp, 4. Cách sám Bốn mươi tám giới nhẹ; Phần dưới: Biểu hối; IV. Kết luận, Nguyên bản chữ Hán và ghi, Tánh giá-bảy chúng và Đại – Tiểu phiên âm Hán việt, Thư mục tham khảo. thừa, Lý giải về quán tâm, Bảng ghi hành Tập 3, Chú giải: Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết pháp sám hối, Bảng ghi chung sự sai biệt yếu giải, Quy Sơn Cảnh Sách Cú thích về tu chứng và pháp môn, tính ác; Phụ lục: ký; Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010, Tập hợp và biên theo loại những bằng dày hơn 263 trang. Nội dung gồm có 2 chứng về trì giới và phạm giới; Phần trên: phần: Tôn chỉ và ý nghĩa biên tập, Lời tựa Môn trì giới, 1. Thuyết minh chung, 2. chung; Phần một. Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết Công đức, 3. Tinh tấn; Phần dưới: Môn yếu giải, Ni sư Phật Oánh soạn thuật, phạm giới, 1. Răn dạy, 2. Nghiệp báo, 3. Thích Nhựt Chiếu dịch; Phần hai. Quy Sám hối. Sơn Cảnh Sách cú thích ký, Thiền sư Linh Tập 6, Tổng Tập Giới Pháp Tại Gia; Hựu soạn, Luật sư Hoằng Tán phân câu Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012, dày giải thích, Tỳ-kheo Khai Quýnh ghi chú, hơn 734 trang. Nội dung tác phẩm gồm có Thích Nhựt Chiếu dịch. 3 phần chính:

Lời nói đầu, Mục lục Tổng Tập 4, Chú giải: Giới Bồ-tát trong Kinh quát; Phần một, Giới pháp tại gia được Phạm Võng; Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – trích lục từ Kinh tạng Pàli: Tiểu dẫn, Phần

A. Giới pháp căn bản Phật dạy trực tiếp Giới không tà dâm, 4. Giới không vọng cho người tại gia, Kinh Tiểu Bộ: Tiểu ngữ, 5. Giới không uống rượu; II. Không Tụng, Tam quy-Thập giới; Kinh Trường nói lỗi của bốn chúng, III. Kết thúc Bộ: Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt; Kinh khuyên phụng hành, IV. Hỏi đáp về sự Tăng Chi Bộ: Các lễ Uposatha (Bố-tát); thanh tịnh của giới, Kệ Hồi hướng khắp Phần B. Giới pháp căn bản Phật dạy cho cả; Giới Bồ-tát tại gia, Mười điều lành, người xuất gia nhưng nội dung chung cho Thập thiện giới (tham khảo thêm); Nếp cả hai chúng, Kinh Tương Ưng Bộ: Năm sống của Phật tử tại gia: Những vấn đề học pháp-Mười nghiệp đạo; Kinh Tăng Phật tử tại gia cần biết, 1. Khái quát về Chi Bộ I: Học giới-Sát sanh-Ăn trộm; Giới học, 2. Sơ lược về Giới pháp của Kinh Tăng Chi Bộ II: Có giới (1)-Có giới người Phật tử tại gia, 3. Người Phật tử tại (2)-Ác giới-Giới-Năm pháp (1); Kinh gia tu hành có hy vọng và mục đích gì? 4. Tăng Chi Bộ III: Phẩm ngày trai giới; Vai trò và bổn phận của người cư sĩ, 5. Lễ Phần hai. Giới pháp tại gia được trích lục Bố-tát, thuyết giới của hàng cư sĩ; Năm từ Kinh tạng A-hàm: Tiểu dẫn, Tăng Nhất giới là nền tảng xây dựng đạo đức cá nhân A-hàm: 1.P Tam bảo, 2.P Lễ Tam bảo, 3.P và xã hội: A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Ngũ giới; Trường A-hàm: 1.K Du hành, Tổng quan về Giới luật, 1. Ý nghĩa của 2.K Thiện sanh, 3. Lễ bái sáu phương theo Giới, 2. Vai trò của Giới, 3. Công năng và Thánh pháp, 4. Kệ tụng; Trung A-hàm: lợi ích của việc trì giới, 3.1 Công năng trì 1.K Thiện sanh, 2.K Người áo trắng, 3.K giới, 3.2 Lợi ích trì giới; II. Nội dung Năm Trì trai; Phần ba. Giới pháp tại gia được giới, III. Năm giới góp phần xây dựng nền phiên dịch từ Luật bộ và Luật giải: Giảng tảng luân lý đạo đức, 1. Năm giới giúp cá nghĩa Bát Quan Trai Giới, I. Giải thích tên nhân lành mạnh, gia đình hạnh phúc, xã gọi – Bát quan trai giới, II. Xuất thể, III. hội an ninh, 2. Năm giới là nền tảng luân Thọ giới chuyển ác thành thiện, IV. Sự dị lý đạo đức của con người, 3. So sánh Ngũ đồng giữa Năm giới và Tám giới, V. Sự dị giới và Ngũ thường; C. Kết luận; Tư liệu đồng giữa Tám giới và Sa-di giới, VI. tham khảo; Giới pháp của người Phật tử Nguyên do thọ pháp Tám quan trai, VII. tại gia: A. Dẫn nhập, B. Nội dung, C.I Nội dung Tám quan trai giới, 1. Giới Khái quát về Giới luật, 1. Nguyên nhân không sát sanh, 2. Giới không trộm cắp, 3. hình thành Giới luật, 2. Định danh Giới Giới không tà dâm, 4. Giới không nói dối, luật; C.II Nội dung Giới của Phật tử tại 5. Giới không uống rượu, 6. Giới không gia, 1. Ngũ giới, 2. Bát quan trai giới, 3. đeo tràng hoa thơm, không ca múa tấu Thập thiện giới, 4. Bồ-tát giới, C.III Vai nhạc, không đi nghe xem, 7. Giới không trò của Giới trong việc hình thành nếp ngồi nằm giường cao rộng lớn, 8. Giới sống đạo đức phạm hạnh, 1. Giới học và không ăn phi thời; VIII. Sáu ngày trai; IX. đạo đức, 2. Lợi ích thiết thực của Giới đối Điều kiện thọ Tám trai giới: 1. Chỉ có với cá nhân, 3. Sự cần thiết của Giới cho nhân loại có thể thọ giới này, 2. Phạm tội vệc xây dựng một nền đạo đức xã hội; C. Ngũ nghịch, phá tịnh giới thì không đắc Kết luận; Tài liệu tham khảo; Vai trò của giới, 3. Thời hạn thọ giới, 4. Phương thức Giới luật trong đời sống của người Phật tử: cầu thọ; Năm giới là vị thầy tốt: Duyên A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Tổng luận về khởi, I. Năm giới là vị thầy tốt, 1. Giới Giới luật, II. Sơ lược về các loại Giới không sát

sanh, 2. Giới không trộm cắp, 3. pháp, 1. Giới Thanh văn, Giới của người

tại gia, Giới của người xuất gia, 2. Giới văn và giới Bồ-tát, Luật nghi Tỳ-kheo và Bồ-tát; III. Vai trò của Giới luật trong đời Luật nghi Tỳ-kheo Ni, Khái quát về sự sống của người tại gia, 1. Đối với đời sống hoằng truyền giới luật của Trung Quốc, gia đình, 2. Đối với đời sống tâm linh; IV. Giáo nghĩa và truyện ký lịch sử của Tông Vai trò của Giới luật trong đời sống của Luật, Sự phát triển của tư tưởng Giới luật. người xuất gia, 1. Đối với đời sống cá nhân, 2. Đối với Tăng đoàn; V. Vai trò của 1.205. GIỚI LUẬT và OAI NGHI của Giới luật trong xã hội; C. Kết luận; Thư Bậc Sa-di & Sa-di Ni mục tham khảo. Sa-môn Đàm-đế Tập 7, Luật Học Đại Cương; Nxb Tôn Soạn dịch: Nguyễn Minh Tiến Giáo, PL. 2557 – DL. 2013, dày hơn 611 Nxb Tôn Giáo – 2018 trang. Nội dung sơ lược gồm có 5 phần: Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 149 Lời nói đầu; Phần một. Khái quát về giới trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lễ Thọ Luật, C.I Nguồn gốc của Giới luật, C.II giới Sa-di, Phần Hán văn; Thập giới của Vài khái niệm về Giới luật; Phần hai. Sơ Sa-di, Phần Hán văn; Oai nghi của Sa-di, lược lịch sử truyền bá Giới luật, C.I Giới Phần Hán văn; Lễ Thọ giới Sa-di Ni, Phần luật được truyền bá và Trung Quốc, C.II Hán văn; Thập giới của Sa-di Ni, Phần Sự truyền thừa Luật Tứ Phần, C.III Việc Hán văn; Oai nghi của Sa-di Ni, Phần Hán xiển dương Giới luật ở Việt Nam; Phần văn. ba. Các loại Giới bổn, C.I Giới Thanh văn, C.II Giới Bồ-tát; Phần bốn. Những phần 1.206. GIỚI PHÁP CỦA PHẬT TỬ Luật thiết yếu: C.I Yết-ma, C.II Cương TẠI GIA giới, C.III Truyền thọ giới, C.IV Người nữ Tác giả: HT. Diệu Liên xuất gia thọ giới, C.V Bố-tát – Thuyết Thiền Liên – Chơn Hiển – Hạnh Tuệ giới, C.VI An cư và Tự tứ, C.VII Y Ca- Biên dịch: Thích Nhựt Chiếu thi-na, C.VIII Thuốc-tịnh thí và phân vật; Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008. Sách Phần năm. Phạm giới-Sám hối và Trị phạt, có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 309 trang, bìa C.I Phạm giới, C.II Sám hối và Trị phạt, mềm. Nội dung gồm có 4 phần: Phần I. C.III Các pháp Yết-ma trị phạt; Tài liệu Năm giới là vị thầy tốt, Lời nói đầu, I. tham khảo. Năm giới là vị thầy tốt, Điều 1. Giới Xem: Luật Học Đại Cương do Nhựt Chiếu không sát sanh, Điều 2. Giới không trộm biên dịch. cắp, Điều 3. Giới không tà dâm, Điều 4. Tập 8, Trình Bày Khái Quát Về Tông Giới không vọng ngữ, Điều 5. Giới không Luật-Sự Thành Lập Và Phát Triển; Nxb uống rượu, II. Không nói lỗi của bốn Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2014, dày hơn chúng, III. Kết thúc khuyên phụng hành, 584 trang. Nội dung gồm: - Lời người IV. Hỏi đáp về tính chất thanh tịnh của dịch; Tôn chỉ và ý nghĩa của sự biên tập, Giới; Phần II. Năm Giới là nền tảng xây Nguyên lai của giới luật và nghiên cứu về dựng đạo đức cá nhân và xã hội, A. Dẫn tinh thần căn bản của nó, Sự chế định giới nhập, B. Nội dung, I. Tổng quan về Giới luật và tổ chức Luật tạng, Bàn về mấy luật, 1. Ý nghĩa của Giới, 2. Vai trò của điểm trọng yếu của Tông Luật, Khái quát Giới, 3. Công năng và lợi ích của việc trì về Giới học, Chỉ dẫn đại cương về Luật Giới, 3.1 Công năng trì Giới, 3.2 Lợi ích học, Chủng loại của Giới học, Giới Thanh trì Giới; II. Nội dung năm Giới; III. Năm

Giới góp phần xây dựng nền tảng luân lý nghi yếu lược: a. Định nghĩa Sa-di Ni, b. đạo đức, 1. Năm Giới giúp cá nhân lành Giới luật (Lời mở đầu, Nội dung 10 giới), mạnh, gia đình hạnh phúc, xã hội an ninh, c. Uy nghi (Lời tựa, Nội dung 22 uy nghi); 2. Năm Giới là nền tảng luân lý đạo đức 2. Giải thích: a. Giải thích Sa-di Ni Luật của con người, 3. So sánh Ngũ giới với nghi yếu lược, b. Giải thích sơ lược cội Ngũ thường; C. Kết luận; Tư

liệu tham nguồn giới luật, c. Giải thích 10 giới: 1. khảo; Phần III. Giới Pháp của người Phật Giới Sát, 2. Giới Trộm, 3. Giới Dâm, 4. tử tại gia, A. Dẫn nhập, B. Nội dung, C.I Giới Nói dối, 5. Giới Rượu, 6. Giới Không Khái quát Giới luật, 1. Nguyên nhân hình thoa hương thơm và đeo vòng chuỗi, 7. thành Giới luật, 2. Định danh Giới luật; Giới Không ngồi giường cao, rộng, 8. Giới C.II Nội dung Giới của Phật tử tại gia, 1. Không múa, xem nghe nhạc, 9. Giới Ngũ Giới, 2. Bát quan trai Giới, 3. Thập Không giữ vàng bạc và các vật quý, 10. Thiện Giới, 4. Bồ-tát Giới; C.III Vai trò Giới Không ăn phi thời; d. Lợi ích của sự của Giới trong việc hình thành nếp sống giữ giới; e. Giải thích 22 uy nghi (Định đạo đức phạm hạnh, 1. Giới học và đạo nghĩa uy nghi, Giải thích từ ngữ); Chương đức, 2. Lợi ích thiết thực của Giới đối với III, Tiểu sử Thiền sư Huệ Nam – Hoàng cá nhân, 3. Sự cần thiết của Giới cho việc Long, Lời dâng. xây dựng một nền đạo đức xã hội, C. Kết luận; Tài liệu tham khảo; Phần IV. Vai trò 1.208. GIỚI PHÁP của Giới luật trong đời sống của người THỨC-XOA-MA-NA-NI Phật tử, A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Trường Phật học Lâm Đồng – Tổng luận về Giới luật, II. Sơ lược về các Giáo trình Luật học Trung cấp loại Giới pháp, 1. Giới Thanh văn, Giới Biên dịch: Nhựt Chiếu của người tại gia, Giới của người xuất gia, Nxb Tôn Giáo – 2008 2. Giới Bồ-tát; III. Vai trò của Giới luật Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 134 trang, trong đời sống của người tại gia, 1. Đối bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. với đời sống gia đình, 2. Đối với đời sống Tổng luận về Thức-xoa-ma-na Ni, 1. tâm linh; IV. Vai trò của Giới luật trong Thức-xoa-ma-na Ni là gì? 2. Tại sao Sa-di đời sống của người xuất gia, 1. Đối với Ni phải thọ giới pháp Thức-xoa? 3. Độ đời sống cá nhân, 2. Đối với Tăng đoàn; tuổi thọ giới Thức-xoa; II. Cách thức thọ V. Vai trò của Giới luật trong xã hội; C. giới Thức-xoa; III. Giới pháp Thức-xoa, 1. Kết luận; Thư mục tham khảo. Học căn bản, 2. Học sáu pháp, 3. Học hành pháp, 4. Cách sám hối; IV. Kết luận; 1.207. GIỚI PHÁP SA-DI NI Nguyên bản chữ Hán và phiên âm Hán Chỉnh lý: Luật Học Sa-môn Độc Thể Việt, Thư mục tham khảo, Mục lục. Dịch – giải: Thích nữ Diệu Sơn Nxb Hồng Đức – 2018. Sách có khổ 14.5 1.209. GIỚI PHÁP x 20.5cm, có hơn 355 trang. Tác phẩm này THỨC-XOA-MA-NA-NI gồm có 3 chương: Chương I, Sơ lược cội Biện soạn: Luật Học Sa-môn Hoằng Tán nguồn giới luật (- Những vị đệ tử đầu tiên Việt dịch: Thích nữ Diệu Sơn thụ giới, - Lý do Phật chế giới, - Tiểu sử Nxb Hồng Đức – 2016 Luật sư Độc Thể); Chương II, Dịch và Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 156 trang, giải, 1. Bản dịch Việt văn Sa-di Ni Luật bìa mềm. Nội dung gồm có: 1. Lời nói

đầu, 2. Giới Bổn Thức-xoa-ma-na-ni, 3. Tác phẩm này tái bản năm 1998, Nxb Tp. Lời đầu sách, 4. Tiểu sử Thiền sư Hoằng Hồ Chí Minh. Tán, 5. Lời tựa, 6. Dàn bài GB. Thức-xoa- ma-na gồm ba phần 6.a. Học bốn giới căn 1.212. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 3 – bản, 6.b. Học sáu pháp, 6.c. Học 292 hành THỨC-XOA-MA-NA-NI GIỚI pháp, Chia 2 phần: c.1. 193 pháp thuộc Việt dịch: Trí Quang (1923-2019) giới, c.2. 99 pháp thuộc uy nghi, 7. Lời Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994 phụ, 8. Chú thích, 9. Phụ bản tiếng Hán, Sách có khổ 13 x 19cm, dày 93 trang, bìa 10. Tài liệu tham khảo, 11. Lời cuối sách. mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Mục lục, 1.210. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 1 – TỲ- Tựa, Mục lục của Giới bản Thức-xoa-ma- KHEO GIỚI na-ni, do Hoằng Tán biên tập, Một. Học Dịch giả: Thích Trí Quang (1923-2019) căn bản, Hai. Học 6 pháp, Ba. Học 292 Nxb Tp. Hồ Chí Minh, hành pháp (Cách Sám hối 292 hành pháp); PL. 2538 – DL. 1994 Ghi chú. Sách có

khổ 13 x 19cm, dày hơn 143 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Ghi sau 1.213. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 4 và 5 – khi duyệt Tỳ-kheo giới; Dẫn nhập Tỳ- SA-DI GIỚI và SA-DI NI GIỚI kheo giới của Tứ Phần Luật, Phần đầu Tỳ- Dịch giả: Thích Trí Quang (1923-2019) kheo giới; Tỳ-kheo giới: Lời mở đầu, 4 Nxb Tp. Hồ Chí Minh, giới khí, 13 giới Tăng-tàn, 2 giới Bất định, PL. 2538 – DL. 1994 30 giới Xả đọa, 90 giới Đơn đọa, 4 giới Sách có khổ 13 x 19cm, dày 431 trang, bìa Hối quá, 100 giới học, 7 pháp Diệt tránh; mềm. Lời kết thúc; Phần cuối Tỳ-kheo giới; Ghi Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Dẫn nhập, chú. Mục lục, Một. Phần kính phụng Di giáo, Tác phẩm này tái bản năm PL. 2547 – DL. Hai. Phần dịch âm-dịch nghĩa, 1. Tỳ-ni, 2. 2003, Nxb Tôn Giáo, khổ 13 x 19cm, dày Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni 145 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa Luật nghi, Ba. Phần sao lục Hoa văn: 1. màu đen, có hình Phật tay cầm bình bát. Tỳ-ni, 2. Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni Luật nghi, Phụ lục: Bản văn chữ 1.211. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 2 – TỲ- Hán. KHEO NI GIỚI Luật này được tái bản năm 1996, Nxb Tp. Dịch giả: Thích Trí Quang (1923-2019) Hồ Chí Minh; năm PL. 2542 – DL. 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 13 x 19cm, dày PL. 2538 – DL. 1994 431 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 161 màu đen. trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Ghi sau khi duyệt Tỳ-kheo Ni giới; Phần đầu Tỳ- 1.214. GIỚI PHÁP XUẤT GIA – kheo Ni giới, Tỳ-kheo Ni giới: Lời mở TẠI GIA BỒ-TÁT đầu; 8 giới khí, 17 giới Tăng-tàn, 30 giới Việt dịch: Trí Quang (1923-2019) Xả đọa, 178 giới Đọa, 8 giới Hối quá, 100 Nxb Tp. Hồ Chí Minh, giới Học, 7 pháp Diệt tránh; Lời kết thúc; PL. 2542 – DL. 1998 Phần cuối Tỳ-kheo Ni giới; Ghi chú.

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 353 Tỷ-kheo giới, 1. Lời mở đầu, 2. Bốn giới trang, bìa mềm. khí, 3. Mười ba giới Tăng tàn, 4. Hai giới Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Mục lục; bất định, 5. Ba mươi giới xả đọa, 6. Chín Phần I, Dịch giả, C.1 Dẫn nhập, C.2 Dịch mươi giới đọa, 7. Bốn giới hối quá, 8. Bảy giải Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạn pháp diệt tránh, 9. Lời kết thúc; III. Phần Võng, C.3 Dịch giải Chính văn Bồ-tát giới cuối Tỳ-kheo giới. Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạn Võng, Luật tạng) C.2 Chính văn Bồ-tát giới Phạn Võng; Phần III, Phụ lục: 1. Danh sách Bồ-tát giới 1.217. GIỚI THIỆU VỀ TẠNG LUẬT Phạn Võng, 2. Phân loại Bồ-tát giới Phạn Tác giả: Tỳ-kheo Indacanda Võng đối với xuất gia-tại gia. (Trương Đình Dũng) Tác phẩm này đã xuất bản năm PL. 2540 Tác phẩm này gồm có: Tạng luật tiếng – DL. 1996, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tỳ- Việt: 1. Phân tích giới Tỳ-kheo, 2. Phân kheo Tịnh Hạnh (Đài Loan) ấn tống; Sách tích giới Tỳ-kheo Ni, 3. Đại phẩm, 4. Tiểu có khổ 13 x 19cm, dày 357 trang, bìa phẩm, 5. Tập yếu (2005); Các bản dịch mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có hình của Tỳ-kheo Indacanda (cập nhật 2010): Đức Phật cầm bình bát. Trọn bộ bản dịch về Tạng luật Pàli (9 tập); Các bản dịch thuộc Tạng luật Pàli (6 tập); 1.215. GIỚI TỲ-KHEO TRONG Các dịch phẩm và tài liệu khác về Pàli; LUẬT TỨ PHẦN Các bản dịch từ Sankrit (Pdf. Files). (Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Bổn) (thuvienhoasen.org, Luật) Hán dịch: Phật-đà-da-xá Việt dịch: Thích Trí Thủ (1909-1984) Tác phẩm Giới luật này gồm có 10 chương: C. Mở đầu, Tựa thuyết giới; C.I Pháp Ba-la-di; C.II Tăng-già-bà-thi-sa; C.III Pháp bất định; C.IV Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề; C.V Ba-dật-đề; C.VI Ba-la-đề-xá- ni; C.VII Pháp chúng học; C.VIII Pháp diệt tránh; C. Kết, 1. Kết thuyết, 2. Thấy Phật giới Kinh, 3. Khuyến giới. Luật tạng)

1.216. GIỚI TỲ-KHEO TRONG
LUẬT TỨ PHẦN
(Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Bổn)
Hán dịch: Phật-đà-da-xá
Việt dịch và chú thích:
Thích Trí Quang (1923-2019)
Toàn bộ tác phẩm Giới luật này gồm có 3 phần, 9 mục: I. Phần đầu Tỳ-kheo giới, II. Truyền giới Thức-xoa, 8. Truyền giới Tỳ-

H kheo Ni.

1.219. HỌC PHẬT HÀNH NGHI (Phép 1.218. HAI CÁNH NHÀ NI – Bộ 2 Tập Tắc Cho Người Học Phật) Biên soạn: Lược dịch và phụ chú: Thích Minh Thông Lưu hành nội bộ - 2010 Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017 (Tái Tác phẩm này gồm có 24 bài: Lời tựa, Lời bản lần 2, có bổ sung) thưa, Lời giới thiệu; B.1 Tôn kính Phật, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày hơn B.2 Kính trọng Pháp, B.3 Cung kính Tăng, 666 trang. B.4 Trụ am thất, B.5 Hầu thầy, B.6 Phụng Tập I, Hai Cánh Nhà Ni - Phần Chỉ, Luật dưỡng người thân, B.7 Làm Bồ-tát ở nhà, Tứ Phần lược ghi, dày hơn 355 trang. Nội B.8 Tiếp đãi khách, B.9 Đọc Kinh sách, dung gồm: Thay lời bạch, Tiểu sử Cố Sư B.10 Làm quan chức, B.11 Làm thương trưởng Hải Triều Âm, Duyên khởi, Phàm mại, B.12 Làm nghề nông, B.13 Làm công lệ, Kệ khai Luật, Tổng bày Giới tướng: I. cho người, B.14 Làm việc chúng, B.15 Lễ Ba-la-di, II. Tăng-tàn, III. Xả đọa, IV. Ba- bái tụng Kinh, B.16 Ngồi thiền, B.17 Nghi dật-đề, V. Pháp Hối quá, VI. Chúng học, biểu khi ăn, B.18 Ngủ nghỉ, B.19 Cùng VII. Pháp Diệt tranh cãi, VIII. Lược giáo, người ở chung, B.20 Chăm sóc người Khuyên học các pháp, Quyết nghi, Kệ bệnh, B.21 Nhập thất tịnh tu, B.22 Duyên tụng Hồi hướng; Những điều cần biết: 1. sự khi ra ngoài, B.23 Tống táng hậu sự, Pháp truyền giới Tỳ-kheo Ni, 2. Pháp Y B.24 Các việc trong Thiền đường; Phụ chỉ, 3. Độ ngoại đạo, 4. Pháp nuôi bệnh, 5. lục: a. Lời di chúc và hộ niệm, b. Những Pháp hiếu cha mẹ, 6. Pháp đồng học, 7. điều gia quyến cần biết, c. Điều cần biết Pháp trị tội, 8. Pháp thượng tòa, 9. Tưởng khi hộ niệm, d. Khai thị cho người lúc lâm trừ ngũ cái, 10. Phước báo; Chủng giới; chung, e. Quy tắc và ý nghĩa của sự hộ Tập II, Hai Cánh Nhà Ni - Phần Tác, Pháp niệm. Yết-ma Chỉ Nam, dày hơn 311 trang. Nội dung gồm: I. Pháp thông dụng: 1. Tác 1.220. Hội Giải GIỚI BỔN BỒ-TÁT pháp Sám-ma, 2. Nghi thức Bố-tát, 3. An TRONG KINH PHẠM VÕNG cư, 4. Tự tứ, 5. Y công đức, 6. Chia Tăng Biên soạn: Lý Viên Tịnh vật, 7. Chia vật vong; II. Trị phạt: 1. Ba- Việt dịch: Nhựt Chiếu la-di học hối, 2. Tăng-tàn, 3. Thâu-lan-giá, Ấn Tống, PL. 2544 – DL. 2000 4. Yết-ma không thấy tội, 5. Yết-ma Sách dày hơn 670 trang, nội dung gồm có: không sám tội, 6. Can hai Ni thân gần phi Lời tựa cho bản Việt ngữ, Lời tựa, Giới pháp, 7. Diệt tẩn, 8. Cuồng si; III. Kết giải bổn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng, Đồ các giới: 1. Đại giới, 2. Giới tràng, 3. Tiểu biểu Phân khoa, Phần trên. Theo văn thích giới, 4. Tịnh trù (bếp), 5. Tịnh khố, 6. Kho nghĩa, Mười giới nặng, Bốn mươi tám giới tàng, 7. Không mất y; IV. 1. Tam quy, 2. nhẹ; Phần dưới. Lý giải về quán Tâm, Ngũ giới, 3. Bát quan trai, 4. Cạo tóc, 5. Bảng ghi Hành pháp Sám hối, Bảng ghi sự Độ ngoại đạo, 6. Truyền giới Sa-di Ni, 7. Sai biệt về Tu chứng và pháp môn tánh

ác; Phụ lục: Tập hợp và biên theo loại những bằng chứng về Trì-Phạm, Phần trên. Môn

Trì giới, 1. Thuyết minh chung, 2. Công Mai); 21. Một ít hiểu biết về sự Trì giới đức, 3. Tinh tấn; Phần dưới. Môn Phạm (Đường Trọng Dung); Phụ lục. giới, 1. Răn dạy, 2. Nghiệp báo, 3. Sám hối. 1.222. Hợp San TẠI GIA LUẬT HỌC KHÁI THUYẾT - 1.221. HỢP LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG NGŨ GIỚI BIỂU GIẢI Giảng Yếu TÔNG LUẬT Biểu giải: Thượng nhân Sám Vân Tùng San Học Thuật Phật Giáo Hiện Đại Tuyên giảng: HT. Thích Quả Thanh Chuyên Về Môn Tông Luật – Tập 2 Việt dịch: Cư sĩ Diệu Hiệp Chủ biên: Trương Mạn Đào Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x Tuyển dịch: Thích Nhựt Chiếu 24cm, có hơn 162 trang. Nxb Tôn Giáo, PL. 2648 – DL. 2004 Nội dung gồm có: Tại gia Luật học Khái Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 469 thuyết, Lời nói đầu, I. Giải thích tiêu đề, 1. trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời Tại gia, 2. Luật học, a. Luật có 3 tên gọi, người dịch, Chỉ thú biên dịch, Mục lục, 1. b. Luật có 4 ý nghĩa, c. Tam tụ tịnh giới, d. Lược bàn về Giới bổn Bồ-tát trong Du-già Kết tiêu đề; II. Tính quan trọng của Luật và Giới bổn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng học tại gia; III. Giảng giải nội dung Luật (Minh Tính); 2. Luật nghi Bồ-tát (Tục học tại gia; IV. Bồ-tát tại gia làm sao để trì Minh); 3. Phạm Võng và Du-già (Long giới thật tốt, 1. Thọ giới, 2. Học giới, 3. Tuệ); 4. Tư tưởng Giới luật (Lý Thế Kiệt); Thái độ trì giới, 4. Nguyên tắc trì giới, 5. 5. Đại cương Giới luật và Hình phạt (Long Uy nghi trì giới, 6. Sám hối, 7. Gia hạnh, Tuệ); 6. Tinh yếu của Triết học Pháp luật 8. Đầy đủ năm loại tâm; VI. Kết khuyến; Phật giáo (Lý Thế Kiệt); 7. Luật chế rất Ngũ giới Biểu giải, Lời tựa, 1. Ngũ giới coi trọng Can gián và bàn bạc (Nhân biểu giải, 2. Tu pháp Lục niệm, 3. Tu pháp Tuấn); 8. Trọng Pháp-trọng Luật và Pháp tam nhẫn, 4. Tu pháp tam từ (tu pháp Bi- Luật đều trọng (Nhân Tuấn); 9. So sánh Hỷ-Xả cũng liệt vào như Từ), 5. Pháp thất Ngũ giới và Ngũ thường (Linh Không); chư hành Từ, 6. Tu pháp quán Tứ niệm 10. Vài ý kiến thô thiển về Truyền giới xứ, 7. Pháp quán Tứ niệm xứ-bốn pháp Bồ-tát tại gia theo Kinh An Lạc Bổn quán Tổng biệt, 8. Thuật lại ý nghĩa duyên Nghiệp (Niệm Sinh); 11. Bàn về việc “Phá khởi Tứ niệm xứ, 9. Thọ giới và Sám hối, Tăng” của Đề-bà-đạt-đa (Ấn Thuận); 12. 10. Giải thích sơ về nội dung quan trọng Quan hệ với “không ăn phi thời” (Tục của đoạn văn trước-Luật sư Linh Chi đời Minh); 13. Nêu tội và xuất tội (Nhân nhà Tống, 11. Căn nguyên phạm giới tạo Tuấn); 14. Lược thuật về bất học và vô tri nghiệp, 12. Pháp ngữ trong Kinh Luận, 13. trong Luật (Liễu Liễu); 15. Những điểm Thuật yếu, 14. Văn tự phù hợp và tương quan trọng của Luật học (Tông Luật); 16. thông giữa sách Nho và Giới Luật, Lời Mạn đàm về Luật tạng (Thanh Lưu); 17. bạt, Bài ca thọ giới, Bài ca Năm giới; Ngũ Tổng luận về Giới bổn của các nhà... (Lữ giới Biểu giải Giảng yếu, Lời nói đầu, I. Trừng); 18. Xét duyệt Giới bổn trong Giới sát, 1. Giải thích danh xưng và ý Tạng yếu và bản Tạng văn (Ánh Nguyệt); nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. 19. Nghiên cứu về sự tập thành Kinh Ba- Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. la-đề-mộc-xoa (Ấn Thuận); 20. Một bộ Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của trước tác đồ sộ “Quý hơn ngọc lớn” (Nhị sát sanh, 8. Quả báo của giới sát; II. Giới

trộm cắp, 1. Giải thích danh xưng và ý Kiền-độ thọ giới thứ năm, Kiền-độ thuyết nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. giới Phẩm thứ năm. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của 1.224. Khai Thị Phép TAM QUY

NGŨ trộm cắp, 8. Quả báo của giới trộm cắp; GIỚI – KINH NIỆM PHẬT SỔ CHÂU III. Giới dâm, 1. Giải thích danh xưng và ý CÔNG ĐỨC nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. Biên soạn: TT. Thích Viên Thành Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 70 trang, tà dâm, 8. Quả báo của giới dâm; IV. Giới bìa mềm, chữ tựa màu vàng và màu đỏ, có vọng ngữ, 1. Giải thích danh xưng và ý hình Đức Phật A-di-đà đứng trên mây, tay nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. cầm hoa sen. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Ý nghĩa Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của Tam Quy, Những điều cần biết trong lễ vọng ngữ, 8. Quả báo của giới vọng ngữ; Quy y, Chính Quy y, Khai thị Ngũ Giới; V. Giới rượu, 1. Giải thích danh xưng và ý Kinh Lần tràng, Phật nói Kinh Mộc hoạn nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. tử, Phật nói Kinh Hiệu lượng sổ châu Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Công đức, Kim Cương đỉnh Du-già Niệm Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của châu Kinh; Phụ dẫn: Tô-tất-địa Kinh, Chư uống rượu, 8. Quả báo của giới uống rượu; Phật cảnh giới Nhiếp chân thực Kinh, Đà- VI. Lời kết; Phụ lục. la-ni Tập Kinh, Thủ hộ Quốc giới chủ Đà-la-ni Kinh, Tri hành tổng yếu; Phụ lục.

K L 1.223. KIỀN-ĐỘ THỌ GIỚI Việt dịch: Tỳ-kheo Ni Thích nữ Trí Hải (tự 1.225. LUẬT BÍ-SÔ, 2 Tập Như Hải) Hán dịch: PL. 2554 – DL. 2010 Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) Nội dung gồm có: Kiền-độ thọ giới thứ Việt dịch: nhứt, Nói về phụ hệ của Bồ-tát; Kiền-độ Bí-sô Thích Đỗng Minh (1927-2005) thọ giới thứ hai, Nói về việc Phật độ gia Chánh Pháp Cữu Trụ - 1998. Toàn bộ tác đình Trưởng giả Gia-thâu-già, Phật độ Y-phẩm Luật này có 50 quyển, phân làm 2 la-bát Long vương; Kiền-độ thọ giới thứ tập. Tập 1, có 25 quyển: Lời Phi lộ, Bài ba, Phật độ Bình Sa vương, Phật độ Ưu- tựa Tỳ-nại-da, từ Q.1 đến Q.10, có 4 Ba- ba-đề-xá và Câu-luật-đà; Kiền-độ thọ giới la-di, Giới 1. Học xứ Hạnh bất tịnh; Giới thứ tư, Tiêu chuẩn tư cách của một vị thầy 2. Học xứ Không cho mà lấy, Giới 3. Học khi tiếp nhận đồ chúng, Lý do không trao xứ Đoạn mạng người, Giới 4. Học xứ giới Cụ túc cho người chưa đủ hai mươi vọng nói mình đắc pháp thượng nhân; từ tuổi, Nhân duyên La-hầu-la xuất gia; Q.11 đến Q.16, có: Mười ba Phép Tăng- già-phạt-thi-sa, Hai pháp Bất định; từ Q.17

đến Q.25, có: Ba mươi Phép Ni-tát-kỳ-ba- 1.226. LUẬT BÍ-SÔ NY dật-đề; Tập 2, từ Q.26 đến Q.50. Nội Việt dịch: Bí-sô Thích Đỗng Minh (1927- dung: Phần 90 Ba-dật-đề-ca (tt), Q.26 2005) và Bí-sô Thích Đức Thắng (Học xứ 2-6) Mắng nhiếc (tt); Q.27 (Học Chánh Pháp Cữu Trụ, xứ 7-11) Đến người chưa thọ viên cụ nói PL. 2540 – DL. 1996 thô tội; Q.28 (Học xứ 12-13) Cơ hiềm hủy Sách dày 534 trang, bìa mềm. Nội dung bang khinh tiện; Q.29 (Học xứ 14-17) gồm có: Bài tựa, C.I Tám pháp Ba-la-thị- Không dọn dẹp phu cụ (tt); Q.30 (Học xứ ca, C.II Tăng-già-phạt-thi-sa, C.III Ni-tát- 18-21, Phần 1) Cố ý buông mình nằm nơi kỳ Ba-dật-để-ca, C.IV Ba-dật-để-ca, C.V giường sổ chân; Q.31 (Học xứ 21, Phần 2) Ba-la-để-để-xá-ni, C.VI Pháp chúng học. Chúng không sai vội giáo thọ Bí-sô Ni; Q.32 (Học xứ 21, Phần 3-24) Chúng 1.227. LUẬT BỒ-TÁT – không sai vội giáo thọ Bí-sô Ni; Q.33 PHÁP YẾT-MA (Học xứ 25-30) May y cho Bí-sô không Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Trí Hải phải bà con; Q.34 (Học xứ 31) Ăn nhiều Nxb Tôn Giáo – 2014 lần; Q.35 (Học xứ 32-33) Nơi cúng dường Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 193 trang, một bữa ăn mà thọ quá;

Q.36 (Học xứ 34- bìa mềm. 39) Ăn đủ; Q.37 (Học xứ 40-48) Đồ ăn Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Khởi ngon; Q.38 Học xứ 49-53) Dùng tay dọa nguyên Giới luật, Luật Bồ-tát Giới bổn, đánh; Q.39 (Học xứ 54-58) Cùng người Phật thuyết Kinh Phạm Võng, Mười Giới chưa thọ cận viên ngủ; Q.40 (Học xứ 59- trọng, Bốn Mươi tám Giới khinh, Phần 65) Cầm nắm vật báu; Q.41 (Học xứ 66- Lưu thông – Hồi hướng, Phạm Võng Kinh 76) Khủng bố Bí-sô; Q.42 (Học xứ 77-79) (chữ Hán), Phần Tóm tắt Giới Bồ-tát, Đại Không dự dục làm thinh đứng dậy; Q.43 cương Pháp Yết-ma, Bồ-tát Giới pháp (Học xứ 80-81) Vào tụ lạc phi thời không Yết-ma văn, Tăng pháp Yết-ma Cụ thất chúc thọ Bí-sô; Q.44 (Học xứ 82) Vào cửa phi, Thư mục tham khảo. vương cung, phần 1; Q.45 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 1; Q.46 (Học 1.228. LUẬT CĂN BẢN xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 3; Q.47 CỦA NGƯỜI XUẤT GIA (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 4; (Luật Sa-di Trường hàng nghĩa) Q.48 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, Soạn dịch: Thiện Thông – Đồng Bổn – phần 5; Q.49 (Học xứ 83) Dối nói không Nhựt Chiếu biết; Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni: Học xứ 1, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Nhận thức ăn từ Ni không phải bà con, PL. 2536 – DL. 1992 Học xứ 2, Nhận Bí-sô Ni chỉ vẽ trong khi Sách có khổ 15.5 x 23cm. Nội dung gồm ăn; Q.50 (Học xứ 3 của 4 pháp): Thọ thực có: Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu (âm nghĩa), ngoài trú của A-lan-nhã, Học pháp số Sa-di Luật nghi Yếu lược, Quyển thượng, đông; Bảy pháp diệt tránh; Kệ giới Kinh Thượng thiên: Giới luật môn; Quyển hạ, của bảy Đức Phật… Hạ thiên: Oai nghi môn; Quy Sơn Cảnh

1.229. LUẬT CHO NGƯỜI MỚI Đại thừa luật, Luật Việt dịch; Sa-di Yếu XUẤT GIA Giải: Lời mở đầu Luật Sa-di, Phần một, Biên soạn: Thích Huyền Vi (1926-2005) Nguồn gốc Luật này; Phần hai, Giải thích Tự viện Linh Sơn (9 avenue Jean Jaues, nhan đề và nêu mục tiêu giới luật, A. Giải 94340 Joinville-le-Pont) thích nhan đề, B. Nêu mục tiêu giới luật; PL. 2539 – DL. 1995 Phần ba, Mười giới Sa-di: 1. Không được Nội dung gồm có: I. Lời nói đầu, II. Luật sát sanh, 2. Không được trộm cắp, 3. Thiết yếu hằng ngày, III. Bộ Sa-di luật Không được dâm dục, 4. Không được nói nghi, Quyển thượng: Giới luật; Quyển hạ: dối, 5. Không được uống rượu, 6. Không Oai nghi, IV. Cảnh sách, V. Tổ huấn, - Tổ được vòng hoa thơm hay dùng hương Bách Trượng, - Chư Tổ, - Thanh quy Tùng thơm xoa mình, 7. Không được ca vũ hòa lâm, VI. Hành nghi, VII. Mười điều Tâm tấu biểu diễn và cố đi xem nghe, 8. Không niệm. được ngồi nằm giường cao tốt rộng lớn, 9. Không được ăn phi thời, 10. Không được 1.230. LUẬT HỌC CƠ BẢN – 5 Tập nắm giữ sanh tượng bảo vật; Phần bốn, Biên soạn: Kết luận và ứng dụng, Kết luận Thập giới, Sa-môn Thích Minh Thành (1937-2000) Phần phụ: Ứng dụng Bồ-tát. Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 Tập 2, Oai Nghi – Cảnh Sách Yếu giải, có Bộ Luật này có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng 142 trang, nội dung gồm: Oai nghi Yếu cộng 5 tập dày 884 trang, bìa mềm. giải, có 16 bài như sau: Lời nói đầu, Dẫn Tập 1, Tỳ-ni Sa-di Yếu Giải, có 210 trang, nhập, B.1 Kính bậc Đại Sa-môn, B.2 Phép nội dung gồm: Lời mở đầu Luật học, Tỳ-ni hầu thầy, B.3 Vào trong chúng, Phần phụ; Yếu Giải: Phần một, Nguồn gốc giới luật B.4 Ăn theo chúng, B.5 Phép lễ tụng, B.6 Phật giáo, I. Theo truyền thống giới luật Đi nghe pháp, B.7 Tập học Kinh điển, B.8 Phật giáo, II. Sự xiển dương giới luật Phật Theo chúng vào Thiền đường, B.9 Giữ giáo, 1. Thời kỳ nguyên thủy, 2. Thời kỳ việc làm, B.10 Vào nhà tắm, B.11 Vào nhà bộ phái, 3. Thời kỳ phát triển (Hưng khởi xí, B.12 Đến chùa Ni, B.13 Đến nhà

Đại thừa), III. Sự phục hưng giới luật Phật người, B.14 Vào xóm chợ, B.15 Sự tiếp giáo, IV. Chủ yếu của giới luật Phật giáo; khách, B.16 Đi tham học phương xa; Cảnh Phần hai, Ứng dụng giới luật và pháp luật Sách Yếu giải, Lời nói đầu và 12 bài với Phật giáo, I. Bản chất của giới luật, II. Sự bài phụ: Cảnh sách Phân công. phát triển giới luật và pháp luật Phật giáo, Tập 3, Bồ-tát Giới Yếu Giải, có 138 trang, III. Các thành phần giới luật và pháp luật nội dung như sau: Lời nói đầu, I. Khái Phật giáo, IV. Ứng dụng tinh thần giới luật lược đề mục của Bồ-tát giới Phạm võng, 1. và pháp luật Phật giáo; Phần ba, Nội dung Giới học là cơ bản trọng yếu của Phật Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu, I. Ý Tổ khai pháp, 2. Điểm dị đồng của giới Thanh văn sáng Luật Tỳ-ni, II. Môn đệ khai triển luật và giới Bồ-tát, 3. Lược giải đề mục của Tỳ-ni, III. Ý nghĩa nhan đề và kệ chú, IV. Kinh và đề mục của phẩm Tâm Địa; II. Giải đề mục có 3 nghĩa môn, V. Giải đề Danh sách Bồ-tát giới Phạm Võng, A. Tỳ-ni ngày dùng thiết yếu, VI. Đại ý các Mười giới nặng, B. Bốn mươi tám giới bài kệ chú Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu; nhẹ, I. 10 giới nhẹ thứ nhất, II. 10 giới nhẹ Phần bốn, Phụ lục: Danh mục những luật thứ hai, III. 10 giới nhẹ thứ ba, IV. 9 giới bộ từ Đại tạng xuất phát: Tiểu thừa luật, nhẹ thứ nhất, V. 9 giới nhẹ thứ hai; III.

Phân loại Bồ-tát giới đối với người xuất Nhân duyên Phật kiết giới Tỳ-kheo 1. Kiết gia và tại gia, Một, Phân loại mười giới giới Tứ Ba-la-di, 2. Kiết giới Thập tam nặng, Loại a. Răn cả xuất gia và tại gia, Tăng-tàn, 3. Kiết giới Nhị Bất định pháp, Loại b. Răn xuất gia nhiều tại gia ít, Loại 4. Kiết giới Tam thập Xả đọa, 5. Kiết giới c. Răn tại gia; Hai, Phân loại 48 giới nhẹ, Cửu thập Đọa, 6. Kiết giới Tứ Hối quá, 7. Loại a. Răn cả xuất gia và tại gia, Loại b. Kiết giới Bách chúng học, 8. Kiết giới Răn xuất gia, Loại c. Răn tại gia, Loại d. Thất Diệt tránh; IV. Khái lược nội dung Răn xuất gia nhiều tại gia ít, Loại đ. Răn các pháp Yết-ma, A. Nội dung Yết-ma, B. tại gia nhiều xuất gia ít; Ba, Bồ-tát tại gia Các pháp Yết-ma; V. Bảng so sánh số chỉ cần giữ tròn: A. 6 giới nặng, B. 28 giới lượng giới điều, A. Giữa Tỳ-kheo giới và nhẹ; IV. Phần nghi thức tụng Bồ-tát giới sáu bộ Luật tạng, B. Bảng so sánh Ngũ Phạm Võng: T.1 Quy kính khuyến khích, thiên tội phối với Ngũ hình tội ở thế gian; T.2 Sách tiến tu tập, T.3 Làm phương tiện VI. Phần quyết nghi. trước, T.4 Lời tựa mở đầu, T.5 Chất vấn Tập 5, Bồ-tát Ưu-bà-tắc Giới Kinh, có 194 thanh tịnh; V. Phần chánh văn Bồ-tát giới trang, nội dung gồm có 28 phẩm: Lời nói Phạm Võng, T.1 Mở đầu về Bồ-tát giới đầu, Duyên khởi, P.1 Tập hội, P.2 Phát Phạm Võng, M.1 Xuất xứ Bồ-tát giới Bồ-đề tâm, P.3 Tâm từ bi, P.4 Giải thoát, Phạm Võng, M.2 Quy định mấy điều cốt P.5 Ba thứ Bồ-đề, P.6 Tu hạnh nghiệp 32 yếu về Bồ-tát giới Phạm Võng, T.2 Giới tướng, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả và điều của Bồ-tát giới Phạm Võng, M.1 Về thật, P.9 Tâm kiên cố của Bồ-tát thật, P.10 10 giới nặng của Bồ-tát giới Phạm Võng, Tự lợi và lợi tha, P.11 Trang nghiêm cho M.2 Về 48 giới nhẹ của Bồ-tát giới Phạm mình và người, P.12 Phước trí trang Võng, T.3 Kết thúc và khuyến cáo thọ trì nghiêm, P.13 Nhiếp thủ, P.14 Thọ giới Bồ-tát giới Phạm Võng, M.1 Kết thúc về Bồ-tát, P.15 Tịnh giới, P.16 Trừ các điều phần Bồ-tát giới (Giới pháp vô tận), M.2 ác, P.17 Cúng dường Tam bảo, P.18 Lục Kết thúc toàn phẩm Bồ-tát Tâm địa giới Ba-la-mật, P.19 Bố thí Ba-la-mật, P.20 (Pháp môn Tâm địa), M.3 Phụ lục kết thúc Thanh tịnh tam quy, P.21 Thanh tịnh ngũ Bồ-tát giới bằng văn chỉnh cú; VI. Bồ-tát giới, P.22 Bát quan trai giới, P.23 Trì giới giới đại quan, a. Về căn bản, b. Về sự thọ, Ba-la-mật, P.24 Nghiệp, P.25 Nhẫn nhục c. Về sự trì, d. Về ảnh hưởng,

đ. Về đặc Ba-la-mật, P.26 Tinh tấn Ba-la-mật, P.27 chất. Thiền Ba-la-mật, P.28 Bát-nhã Ba-la-mật; Tập 4, Tỳ-kheo Giới Yếu Giải, dày 200 Tổng kết. trang, nội dung gồm: Lời nói đầu, I. Phần dẫn nhập, Tỳ-kheo giới của Tứ Phần Luật, 1.231. LUẬT HỌC Cương Yếu – LUẬT a. Năm bộ Luật văn hệ Trung Hoa, b. Bộ TU Xuất Gia Đàm-vô-đức với Tứ Phần Luật, c. Phân (Sách này chúng nhỏ và người tại gia loại 250 giới của Tứ Phần Luật, d. Sự sinh không được xem) hoạt giới luật của Phật và chư Tăng, đ. Biên soạn: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm Tương quan Tỳ-kheo giới và Bồ-tát giới, (1920-2013) e. Điều đáng nói là sự phá Tăng; II. Khái Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016 lược nội dung Tứ Phần Luật tạng và Tỳ- Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 122 kheo giới bổn, A. Nội dung Tứ phần luật trang, bìa cứng. tạng, B. Nội dung Tỳ-kheo giới bổn; III.

Nội dung gồm có: Tiểu sử, Luật Học chế định, 3. Mười lợi ích của việc chế cương yếu, Bồ-tát giới, Luật Tu xuất gia, giới; C.II Vài khái niệm về Giới luật, 1. I. Ba-la-đề-mộc-xoa, II. Hộ sáu căn, III. Bốn khoa của Giới, 2. Giới và Luật, 3. Chỉ Chánh mạng Thanh tịnh giới, IV. Giới trì và Tác trì, 4. Tính giới và Giá giới, 5. không quán tưởng về vật thọ dụng, V. Khai-giá-trì-phạm, 6. Biệt giới-Thông Phương pháp để trở về trong sạch; Phước giới; Phần hai. Sơ lược lịch sử truyền bá báo. Giới luật: C.I Giới luật được truyền vào Trung Quốc, 1. Đôi nét về Luật tạng được 1.232. LUẬT HỌC ĐẠI CƯƠNG hình thành ở Ấn Độ, 2. Luật tạng được Soạn giả: truyền dịch sang Hán văn, 3. Việc truyền HT. Thích Thanh Kiểm (1921-2000) giới trong thời kỳ đầu, 4. Sớ thích Giới Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 luật, 5. Tông Luật thành lập; C.II Sự Luật có khổ 14 x 20cm, dày 103 trang, bìa truyền thừa Luật Tứ Phần, 1. Nội dung mềm, nền tre đang màu đỏ, chữ tựa màu Luật Tứ Phần, 2. Sự hoằng truyền Luật Tứ vàng và đỏ. Nội dung Luật này gồm có: - Phần ở Trung Quốc, a. Đôi nét lịch sử, b. Khái quát về Luật học: 1. Tự luận, 2. Giới Tiểu sử của các vị Tổ sư tiêu biểu; C.III luật, 3. Phân loại Phật điển, 4. Tiểu thừa Việc xiển dương Giới luật ở Việt Nam, 1. Luật bộ, 5. Đại thừa Luật bộ, 6. Luật tạng Khái quát về tình hình học tập và truyền Kinh điển Pàli - Giáo nghĩa của Tiểu thừa thừa Giới luật, 2. Giới luật của Hệ phái Luật bộ và Đại thừa Luật bộ; - Giáo đoàn Khất sĩ Việt Nam, a. Luật nghi hành trì Phật giáo: 1. Ý nghĩa giáo đoàn, 2. Thành riêng của hệ phái, b. Phần chung với Giới phần của giáo đoàn, 3. Sinh hoạt của giáo luật Bắc tông, 3. Thiền sư Nhất Hạnh và đoàn, 4. Qui định của giáo đoàn, 5. Sự Giới luật, a. Bước tới Thảnh thơi, b. Giới biến thiên của giáo đoàn, 6. Sứ mệnh của Tiếp hiện, c. Giới bản Khất sĩ Tân tu, 4. giáo đoàn, - Luật tôn: 1. Tên tôn, 2. Giáo Các Thiền sư xiển dương Luật học, 5. nghĩa, 3. Truyền thừa, 4. Nội dung Tứ Tổng kết về sự truyền bá và hành trì Giới phần luật, 5. Nội dung giới bản, 6. Nội luật ở Việt Nam; Phần ba. Các loại Giới dung Yết-ma, 7. Các pháp Yết-ma, 8. bổn: C.I Giới Thanh văn, 1. Sơ lược ý Phân loại về giới pháp, 9. Bốn khoa của nghĩa của giới, 2. Giới bổn của chúng tại giới. gia, 3. Giới bổn của chúng xuất gia, 4. Tác phẩm Luật này được tái bản nhiều Giới luật trong Tạng Pàli; C.II Giới Bồ-tát, lần: Năm 1991-1999, THPG Tp. Hồ Chí 1. Sơ lược về Giới Bồ-tát, 2. Các loại Giới Minh ấn hành. bổn Bồ-tát, 3. Nội dung của giới Bồ-tát; Phần bốn. Những phần Luật thiết yếu: C.I 1.233. LUẬT HỌC ĐẠI CƯƠNG Yết-ma, 1. Định nghĩa Yết-ma, 2. Phân Trường Trung cấp Phật học Lâm Đồng loại Yết-ma, 3. Đối tượng của Yết-ma, 4. Soạn giả: Thích Nhựt Chiếu Các yếu tố hay điều kiện để thành tựu Yết- Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 - DL. 2007. ma, 5. Các giai

đoạn tiến hành Yết-ma, 6. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 579 Già Yết-ma, 7. Phi tướng của Yết-ma; C.II trang. Nội dung gồm có 5 phần: Lời nói Cương Giới, 1. Ý nghĩa và hiệu lực của đầu, Phần một. Khái quát về Giới luật: C.I cương giới, 2. Các loại cương giới, a. Nguồn gốc của Giới luật, 1. Lý do chế Cương giới tự nhiên, b. Cương giới quy định Giới luật, 2. Thời gian và quá trình định, c. Chuẩn bị tác pháp kiết giới; 3. Thể

thức Kết và Giải các Cương giới, a. Kết và pháp Yết-ma trị phạt, 1. Yết-ma can gián giải Giới trường, b. Kết và giải Tịnh trù, c. phá Tăng, 2. Yết-ma tẫn xuất, 3. Yết-ma Kết và giải Tịnh khố hay Khố tàng, d. Kết khiển trách, 4. Yết-ma giải pháp khiển và giải Đại giới, đ. Kết và giải Đại giới trách, 5. Yết-ma khuyên bỏ ác kiến, 6. không có giới trường, e. Kết và giải giới Khuyên can và đuổi Sa-di có ác kiến, 7. không mất y, f. Kết và giải Tiểu giới; C.III Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ, 8. Yết-ma cử Truyền giới-Thọ giới, 1. Lý tưởng giác tội không thấy tội, 9. Yết-ma can Tỳ-kheo ngộ giải thoát, a. Bước đầu xuất gia, b. Ni tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội, 10. Yết-ma Thế phát xuất gia – thọ giới Sa-di, c. phú bát, 11. Lời kết về pháp Yết-ma. Ngoại đạo xuất gia, 2. Giới Cụ túc, a. Điều kiện tác thành giới Cụ túc, b. Tiến hành 1.234. LUẬT HỌC TINH YẾU tác pháp truyền giới Cụ túc, 3. Vấn đề tiếp Biên soạn: HT. Thích Phước Sơn dẫn hậu lai, C.IV Người nữ xuất gia thọ Nxb Phương Đông – 2007 giới, 1. Nguyên nhân người nữ được xuất Luật có khổ 14 x 20cm, dày 405 trang, bìa gia, 2. Cách thọ giới Sa-di Ni và Thức- mềm, nền đen, chữ tựa màu vàng và trắng, xoa, 3. Truyền thọ giới Tỳ-kheo Ni, 4. Xả có hình vẽ hoa sen, có tay gấp. và Thọ các vật dụng tùy thân, 5. Thỉnh Toàn bộ Luật học Tinh yếu gồm có 4 thầy y chỉ; C.V Bố-tát – Thuyết giới, 1. chương: C.1, nói về Giới bản của Tỳ-kheo. Khái quát về lễ Bố-tát, 2. Các lễ Uposatha, Tác giả trình bày khái quát về Giới luật và 3. Những vấn đề liên quan đến Bố-tát- lịch sử truyền thừa Luật Tứ phần. C.2, nói Thuyết giới, a. Sám hối trước khi Bố-tát, về các pháp Yết-ma (khái quát về Yết-ma; b. Triển hạn Thuyết giới, c. Những quy thiết lập cương giới; truyền giới, thọ giới; định đối với Tỳ-kheo khách về Thuyết bố-tát tụng giới; an cư và tự tứ; tạp sự). giới, d. Việc kiểm Tăng, đ. Gởi dục, e. C.3, Hướng dẫn thể thức sám hối và trừng Công nhận bệnh cuồng si, 4. Chính thức phạt (phạm tội và sám hối; vi phạm và Bố-tát – Thuyết giới, a. Tăng pháp Yết-ma trừng phạt). C.4, nói về Giới Bồ-tát, bao Thuyết giới, b. Đối thủ Thuyết giới, c. gồm: kinh điển căn bản của giới Bồ-tát; Tâm niệm Thuyết giới, d. Mục đích nội dung các giới bản; khởi nguyên của Thuyết giới, đ. Phạm tội và Sám hối; C.VI giới pháp Bồ-tát; điều kiện truyền thọ giới An cư và Tự tứ, 1. An cư, 2. Tự tứ; C.VII Bồ-tát; thể thức thọ giới Bồ-tát; thể thức Y Ca-thi-na, 1. Khái quát, 2. May và thọ; sám hối; so sánh giới Tỳ-kheo và giới Bồ- C.VIII Thuốc, tịnh thí và phân vật, 1. tát. Cuối sách là 3 phụ lục, 1. Giới bản của Thuốc, 2. Vấn đề tịnh thí, 3. Phân vật; đại Tỳ-kheo; 2. Đối chiếu các bộ luật; 3. Phần năm. Phạm giới-Sám hối và Trị Nghi thức truyền giới Bồ-tát. phạt: C.I Phạm giới, 1. Khái quát, 2. Sự vi phạm giới pháp, C.II Sám hối và Trị phạt, 1.235. LUẬT HỌC TOÁT YẾU 1. Sám hối và trị phạt tội Ba-la-di, 2. Sám Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Minh Chánh hối và trị phạt tội Tăng-tàn; Phụ lục phần Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007 trị phạt tội Tăng-tàn, 3. Sám hối tội Thâu- Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 205 lan-giá, 4. Sám hối tội Xả đọa, a. Xả vật trang, bìa mềm. và sám hối, b. Cách trả lại vật, 5. Sám hối Nội dung tác phẩm gồm có: Lời phê của tội Đơn đọa, 6. Sám hối tội Ba-la-đề-đề- Hòa thượng Phó Pháp chủ

GHPGVN, Lời xá-ni, 7. Sám hối tội Đột-cát-la; C.III Các phê Chứng minh của Hòa thượng Trưởng

BTS Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sông Bé, Lời giới-Bạch tứ, Năm trường hợp thuyết giới nói đầu, Duyên khởi, Giới luật của hàng Kinh, Phương pháp gởi dục thanh tịnh, Trì tại gia Cư sĩ, Kết luật về phẩm Nhơn thừa, dục tịnh; Quyển IV, Trưởng tịnh-đơn bạch, Giới luật Thiên thừa, Bát Quan trai giới, Trưởng tịnh tất cả Tăng đều có tội-đơn Bồ-tát giới tại gia, Thắng nghĩa giới, Hai bạch, Trưởng tịnh không đến-bạch nhị, Sai mươi bốn Oai nghi của Sa-di, Danh và người phân ngọa cụ-bạch nhị, Sai người Tướng của Y bát, Năm Đức của Sa-di, phân chia y-bạch nhị, Sai người giữ vật Giới luật Sa-di Ni, Oai nghi của Sa-di Ni, dụng-bạch nhị, Sai người giữ y, Ngày Giới luật của Thức-xoa-ma-na Ni, Sám hối Tăng hạ an cư-đơn bạch, Sai người xem 293 hành pháp, Bát kỉnh pháp, Tứ phần xét phòng xá-bạch nhị, Thọ nhật ra ngoài Giới bổn – Giới luật Tỳ-kheo, Mười ba cương giới-bạch nhị, Sai người làm tùy ý điều răn nhắc, Luận hai chữ Tỳ-kheo, 250 sự-bạch nhị, Tùy ý sự trong chúng tranh giới tướng của Tỳ-kheo, Giới luật Tỳ-kheo cãi về tội-đơn bạch, Phân y vật để làm y Ni, Giới bổn Tỳ-kheo Ni, Nhân nơi lược Ca-sĩ-na-bạch nhị, Sai người trương y Yết- dạy tự làm Thông tắc, Giới luật Đại thừa – sĩ-na-bạch nhị, Giao phó trương y Yết-sĩ- Xuất gia Bồ-tát giới, Luận về việc Bố-tát na-bạch nhị, Xuất y Yết-sĩ-na-đơn bạch; (tụng giới), Bổn phận thị giả hầu thầy khi Quyển V, Năm năm đồng lợi dưỡng biệt già yếu bịnh hoạn. thuyết giới-bạch nhị, Thông báo đến nhà Tác phẩm này đã được Tịnh xá Giác Minh cư sĩ-bạch nhị, Thuyết thô tội của người ấn hành năm 1986. khác-đơn bạch, Can gián phá Tăng-bạch tứ, Can gián người trợ giúp phá Tăng-bạch 1.236. LUẬT HỮU BỘ tứ, Tác pháp học gia-đơn bạch, Xem xét BÁCH NHẤT YẾT-MA đường đi nguy hiểm trong rừng, Truyền (Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ pháp thọ học cho người-bạch tứ, Cho Thật Bách Nhất Yết-Ma) lực tử y-đơn bạch, Khinh chê hủy báng Hán dịch: trước mặt-bạch tứ, Dựa vào cớ khác để bôi Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) bác-bạch tứ, Năm vấn đề của Úc-nhĩ về Dịch giả: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh – truyền giới, Xem xét đất làm phòng nhỏ- Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh bạch nhị, Xem xét đất làm chùa lớn-bạch Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007. nhị, Cho Bí-sô doanh tác, muốn làm phu Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 268 cụ trong sáu năm-bạch nhị; Quyển VI, Cố trang. ý tiết tinh phạm Tăng-già phạt thi sơ nhiều Tác phẩm Luật này gồm có 10 quyển. Nội lần; Quyển VII, Sám hối tội thuộc Chúng dung: - Lời nói đầu; Quyển I, Thọ cận giáo phần, Đang hành biệt trú có người viên-bạch tứ, Vấn chướng pháp-đơn bạch; đến, 5 trường hợp không nên ghi chép, Quyển II, Thọ năm học xứ, Thọ mười học Súc trượng-bạch nhị, Cho ngoại đạo cộng xứ, Học hai năm về sáu pháp và sáu tùy trú trong 4 tháng-bạch tứ, Giáo thọ Bí-sô pháp; Quyển III, Thu nhận đệ tử-Bạch nhị, Ni, Sai giáo thọ Ni-bạch nhị, Can gián Bí- Thu nhận đệ tử không giới hạn-Bạch nhị, sô Ni tạp trú-Bạch tứ, Can gián ngăn Biệt Không rời y Tăng-già-chi-bạch nhị, trú-Bạch tứ, Bí-sô Ni tác pháp không kính Thuyết minh pháp kết cương giới, Thuyết lễ-Bạch nhị, Gián tùy gia Bí-sô Ni-Bạch minh pháp kết đại cương giới, Kết giới tứ, Ở với trẻ con một phòng-Bạch nhị, Bí- không mất y-Bạch nhị, Giải đại tiểu cương sô Ni qua lại thân mật với người thế tục-

Bạch nhị, Linh bố-Bạch tứ; Quyển VIII, Tập I (từ Q.1 đến Q.10), dày 509 trang. Chiết phục-bạch tứ, Khu tẩn-bạch tứ, Cầu Nội dung: Q.1, Giới pháp của Tỳ-kheo, tạ-bạch tứ, Giá bất kiến tội-bạch tứ, Bất xả Giới Ba-la-di; Q.2, Phần cuối của giới ác kiến-bạch tứ, Tẫn ác kiên cầu tịch-bạch Dâm ô; Q.3, Phần còn lại của giới Trộm tứ, Thu nhiếp-bạch tứ, Tăng-già hòa hợp- cắp; Q.4, Giới Sát sinh; Q.5, Giới Tăng- bạch tứ, Tăng già hòa hợp trưởng tịnh, tàn; Q.6, Phần còn lại của giới Tăng-tàn; Duyên khởi về tăm xỉa răng; Quyển IX, Ví Q.7, Phần còn lại của giới Tăng-tàn và Hai não chúng giáo-bạch tứ, Phú bát-đơn bạch, pháp Bất định; Q.8, Giới Ni-tát-kỳ; Q.9, Ngưỡng bát-đơn bạch, Gián thô ác ngữ- Phần thứ hai của pháp Ni-tát-kỳ; Q.10, bạch tứ, Gián thuyết dục sân si bố, Tác Phần thứ hai của pháp Ni-tát-kỳ. điên cuồng-bạch nhị, Cho bất si-bạch tứ, Tập II (từ Q.11 đến Q.20), dày 441 trang, Cho cầu tạ tội tánh-bạch tứ, Cho ức niệm- gồm có: Q.11, Nói rõ phần ba (nguyên văn bạch tứ, Chọn người bình đoán-bạch nhị, gọi phần bốn) của 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba- Chọn người bình đoán lần 2-bạch nhị, dạ-đề; Q.12, Nói rõ phần thứ nhất của 92 Chuyển người tranh tụng đến người khác- pháp Đơn đề; Q.13, Nói rõ phần thứ hai bạch nhị, Kết tịnh trù-bạch nhị, Ăn đường, của 92 pháp Đơn đề; Q.14, Nói rõ phần ba Y ngọa cụ, Lợi dưỡng, Thủ trì vật của của pháp Đơn đề; Q.15, Nói rõ phần thứ tư người chết-đơn bạch, Quản lý tư cụ của của 92 pháp Đơn đề; Q.16, Nói rõ phần người qua đời-đơn bạch, Bất hòa yết-ma, thứ năm của 92 pháp Đơn đề; Q.17, Nói rõ Hòa yết-ma; Quyển X, 5 loại thọ dụng, phần thứ sáu của 92 pháp Đơn đề; Q.18, Thế lực phân định của y, Các loại y, Hành Nói rõ phần thứ bảy của 92 pháp Đơn đề; bát có phạm, Thuyết minh về Lược giáo, Q.19, Nói rõ phần thứ tám của 92 pháp Tóm lược đề tựa 101 Yết-ma pháp, Tụng Đơn đề; Q.20, Nói rõ phần thứ chín của 92 tóm lược 101 Yết-ma pháp. pháp Đơn đề. Tác phẩm Luật này đã in Lưu hành nội bộ Tập III (từ Q.21 đến Q.30), dày 546 trang, năm PL. 2540 – DL. 1996; tái bản năm gồm có: Q.21, Nói rõ phần thứ mười của 2011, Nxb Tôn Giáo. 92 pháp Đơn đề, Nói rõ phần đầu của pháp Chúng học; Q.22, Nói rõ phần còn lại của 1.237. LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ pháp Chúng học; Q.23, Nói rõ Phẩm Tạp (Mahàsanghika) – Trọn bộ 4 Tập tụng thứ nhất; Q.24, Nói rõ Phẩm Tạp Hán dịch: Tam tạng Phật-đà-bạt-đà-la và tụng thứ hai; Q.25, Nói rõ Phẩm Tạp tụng Sa-môn Pháp Hiển thứ ba; Q.26, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ Việt dịch: tư; Q.27, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ năm; HT. Thích Phước Sơn (1938-2020) Q.28, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ sáu; Chứng nghĩa: Q.29, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ bảy; HT. Thích Đỗng Minh (1927-2005) Q.30, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ tám. Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014, (tái Tập IV (từ Q.31 đến Q.40), dày 461 trang, bản lần thứ tư). Luật có khổ 14.5 x gồm có: Q.31, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ 20.5cm, tổng cộng 4 tập dày 1.957 trang, chín; Q.32, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có mười; Q.33, Nói rõ Phẩm Tạp tụng thứ hình huy hiệu GHPGVN, có hộp đựng cả mười một; Q.34, Nói rõ phần đầu của Oai bộ. nghi; Q.35, Nói rõ phần thứ hai của Oai nghi; Q.36, Nói rõ phần đầu của 8 giới Ba-

la-di và giới pháp của Tỳ-kheo Ni; Q.37, Y, C.VI Pháp Da thuộc, C.VII Pháp Nói rõ phần còn lại của 19 pháp Tăng-tàn, Thuốc, C.VIII Pháp Thực, C.IX Pháp Y Phần đầu của 30 giới Ni-tát-kỳ, Nói rõ Ca-thi-na; Phần thứ tư, C.I Pháp diệt phần đầu của 141 giới Ba-dạ-đề; Q.38, tránh, C.II Pháp Yết-ma; Phần thứ năm, Nói rõ phần thứ hai của 141 giới

Ba-dạ- C.I Pháp Phá Tăng, C.II Pháp Ngọa cụ, đề; Q.39, Nói rõ phần thứ ba của 141 giới C.III Tạp pháp, C.IV Pháp Oai nghi, C.V Ba-dạ-đề; Q.40, Nói rõ phần còn lại của Pháp ngăn Bố-tát, C.VI Pháp Biệt trú, 141 giới Ba-dạ-đề, Nói rõ phần đầu của 8 C.VII Pháp Điều phục, C.VIII Pháp Tỳ- giới Đề-xá-ni, Bảy pháp Diệt tránh, Oai kheo Ni, C.IX Ngũ bách Kết tập, C.X Thất nghi của Tỳ-kheo Ni, Ghi chú riêng về bách Kết tập, Sách dẫn, Bảng Viết tắt. Luật Ma-ha Tăng-kỳ, Phật nói Kinh Tội Xem: Di-sa-tắc Bộ Hòa-hê Ngũ Phần Luật báo Nặng nhẹ về việc Phạm giới. – 2 tập Bộ Luật này đã in Lưu hành nội bộ từ các Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm năm: 1999, 2000, 2001; tái bản năm 2005, PL. 2541 – DL. 1997 (2 tập) Nxb Tôn Giáo. 1.239. LUẬT NGHI TỔNG QUÁT – 1.238. LUẬT NGŨ PHẦN – 3 Tập VINAYA SANKHEPA Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam Soạn giả: Việt dịch: Tỳ-kheo Giác Giới (Bodhisìla Bhikkhu) Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh (1927-2005) Nxb Tôn giáo – 2003 Hiệu chính và chú thích: Tác phẩm Luật này gồm có 6 phần chính: Tỳ-kheo Thích Đức Thắng Phần đầu, - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu; I. – Tỳ-kheo Thích Tâm Nhãn Lễ Bố-tát (Uposatha): Cách thức, Phép Nxb Hồng Đức, PL. 2555 – DL. 2011 vấn đáp, Thuyết phần Duyên khởi, các Tập I, dày hơn 609 trang, nội dung sơ lược Thuyết giới: Triệt khai, Tăng tàng, Bất gồm: Phần thứ nhất (Hán dịch từ Q.1 – định, Ưng xả đối trị, Ưng đối trị, Ưng phát Q.10), 1. Bốn Pháp Ba-la-di, 2. Hai mươi lộ, Ưng học pháp, Diệt tránh, Thuyết phần ba Pháp Tăng tàn, 3. Hai Pháp Bất định, 4. kết, Cách tụng Giới bổn tóm tắt, Cách Ba mươi Pháp Xả đọa, 5. Chín mươi mốt thức Gana-uposatha, Cách thức Puggala- Pháp Đơn đề, 6. Bốn Pháp Hối quá, 7. uposatha; II. Lễ Tự tứ (Pavàranà): Cách Pháp Học chúng, 8. Bảy Pháp diệt tránh; thức Sanghappvàranà, Cách thức Sách dẫn, Bảng Viết tắt; Ganappavàranà, Cách thức Tập II, dày hơn 199 trang, nội dung sơ Puggalappavàranà, Phép dời ngày Tự tứ; lược gồm: Phần thứ hai (Hán dịch từ Q.11 III. Tăng giao Y Kathina: Tăng sự kết giới – Q.14), 1. Tám Pháp Ba-la-di của Ni, 2. Sìmà, Tăng sự lễ tu Sa-di, Tăng sự truyền Pháp Tăng tàn của Ni, 3. Pháp Xả đọa của Cụ túc giới; IV. Tăng sự Gián nghị: Tăng Ni, 4. Pháp đọa của Ni, 5. Pháp Hối quá sự phê chuẩn chỗ xây cất, Tăng sự cho của Ni, 6. Pháp Chúng học của Ni; Sách phép rời Tam y; V. Tăng sự trị phạt tội dẫn, Bảng Viết tắt; Tăng tàng: Xử lý tội không che giấu, Xử Tập III, dày hơn 535 trang, sơ lược nội lý tội che giấu thời gian xác định, Xử lý dung gồm có 10 chương: Phần thứ ba, C.I tội che giấu thời gian không rõ, Xử lý tội Pháp Thọ giới, C.II Pháp Bố-tát, C.III liên tục sai phạm, Xử lý tội tổng hợp tội Pháp An cư, C.IV Pháp Tự tứ, C.V Pháp danh, Xử lý tội tái phạm khi đang thọ

phạt; VI. Phép sám hối tội: Phép trị phạt tựu Công đức siêu thoát, T.4 Thành tựu phạm đàn, Phép gởi thỏa hiệp Tăng sự, Công đức tinh tiến, T.5 Thành tựu Công Phép nhập hạ, Phép sử dụng y bát, Phép đức không quên chánh niệm, T.6 Thành ký gởi y bát. tựu Công đức Thiền định, T.7 Thành tựu Công đức trí tuệ, T.8 Thành tựu Công đức 1.240. LUẬT SA-DI & SA-DI NI không lý luận; Phần bốn, Hiển thị Công – 3 Tập đức sâu xa, Phần năm, Hiển thị Chứng Dịch giải: Trí Quang (1923-2019) Nhập quyết định, Phần sáu, Phân biệt chưa In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), nhập thượng chứng, T.1 Phân biệt, T.2 PL. 2517 – DL. 1973 Đoạn nghi, T.3 Lặp lại sự vô thường của Ba tập dày 1.407 trang, bìa mềm. pháp hữu vi, Phần bảy, Hiển thị vô ngã Tập I, Luật Sa-di & Sa-di Ni, dày hơn thanh tịnh; 494 trang. Nội dung gồm có 2 phần chính: Phần II. Phù trì Luật Sa-di, II.1

Bát Đại Thay lời tựa; a. Lời huấn thị Sa-di, b. Nhân giác Kinh (Kinh Tám điều Thượng Mười điều Tâm niệm; Tiểu dẫn, Tài liệu nhân Giác ngộ), Lược ghi về dịch giả, và ký hiệu dẫn dụng, Bảng chữ Tập I, Mục Phần mở đầu, Phần liệt kê; Điều Giác ngộ lục Tập I; I, Tự lợi 1: Tu niệm xứ, Điều Giác ngộ II, Phần I. Giáo huấn Tối hậu của Phật (Kinh Tự lợi 2: Tu thiểu dục, Điều Giác ngộ III, Di Giáo), I.1 Dịch âm Kinh Di Giáo, Khai Tự lợi 3: Tu tri túc, Điều Giác ngộ IV, Kinh, Phật thùy Niết-bàn Lược thuyết Lưỡng lợi 1: Tu tinh tiến, Điều Giác ngộ Giáo giới Kinh, Hồi hướng; I.2 Dịch nghĩa V, Lưỡng lợi 2: Tu trí tuệ, Điều Giác ngộ Kinh Di Giáo, Khai Kinh, Kinh Giáo huấn VI, Tha lợi 1: Tu bố thí, Điều Giác ngộ vắn tắt lúc sắp Niết-bàn của Phật, Hồi VII, Tha lợi 2: Tu ly nhiễm, Điều Giác hướng; I.3 Chú thích Kinh Di Giáo, Chú ngộ VIII, Tha lợi 3: Tu chịu thay; Phần thích phần Khai Kinh, Chú thích phần Tổng kết; Kinh Giáo huấn vắn tắt lúc sắp Niết-bàn II.2 Khuyến phát Bồ-đề Tâm văn (Bài văn của Phật,... Phần một, Tựa; Phần hai Tu Khuyến phát Bồ-đề Tâm), Tiểu dẫn, Tiểu tập Công đức thế gian, T.1 Tu tập Công truyện tác giả, Lược chú bài văn Khuyên đức đối trị tà nghiệp, M.1 Giới căn bản phát Bồ-đề Tâm; Phần một, Lời mở đầu; thanh tịnh, M.2 Giới phương tiện thanh Phần hai, Thẩm định tính chất Phát tâm; tịnh, M.3 Công đức của giới, M.4 Lợi ích Phần ba, Chỉ định sự việc Phát tâm: 1. của giới; T.2 Tu tập Công đức đối trị các Nguyện báo ơn Phật, vì nghĩ nhớ ơn nặng khổ, M.1 Đối trị cái khổ vì căn dục phóng của Ngài, 2. Nguyện báo ơn cha mẹ, vì túng, Đ.1 Đối trị cái khổ vì căn phóng nghĩ nhớ ơn của các Người, 3. Nguyện túng, Đ.2 Đối trị cái khổ vì dục phóng báo ơn sư trưởng, vì nghĩ nhớ ơn của túng, M.2 Đối trị cái khổ vì ăn nhiều, M.3 Người, 4. Nguyện báo ơn thí chủ, vì nghĩ Đối trị cái khổ vì nhác và ngủ; T.3 Tu tập nhớ ơn của họ, 5. Nguyện báo ơn chúng Công đức đối trị phiền não, M.1 Đối trị sanh, vì nghĩ nhớ ơn của họ, 6. Nguyện phiền não giận dữ, M.2 Đối trị phiền não giải thoát sanh tử, vì nghĩ nhớ nỗi khổ ấy, kiêu ngạo, M.3 Đối trị phiền não dua nịnh; 7. Nguyện phát hiện tâm tánh linh thiêng Phần ba, Thành tựu Công đức xuất thế, của mình, vì tôn trọng tâm tánh ấy, 8. T.1 Thành tựu Công đức ít muốn, T.2 Nguyện sám hối nghiệp chướng, vì thấy Thành tựu Công đức biết đủ, T.3 Thành nghiệp chướng cần phải sám hối, 9.

Nguyện sanh tịnh độ, vì dễ được sự không Sách tiến sự thăng tiến, M.2 Sách tiến sự thoái chuyển, 10. Nguyện nghĩ nhớ làm tự trọng, M.3 Sách tiến sự hướng thượng cho Phật pháp trường tồn, vì là nghĩa vụ và phấn chí, M.4 Sách tiến sự tự chủ; Phần và sứ mạng thiêng liêng và cảm động nhất; ba, Tổng kết, Phần bốn, Khuyến khích Phát tâm, 1. Nói II.4 Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu (Những sự tự mừng để khuyến khích phát tâm, 2. Điều Nhật dụng Thiết yếu của Giới luật), Nói sự tự tín để khuyến khích phát tâm, 3. Lược ghi về tác giả, Dịch giả Tỳ-ni Nhật Nói sự tinh tiến để khuyến khích phát tâm, dụng Thiết yếu; C.I Những điều Thiết yếu 4. Nói sự quan trọng của tâm nguyện và phải học và đa số phải làm của Sa-di, T.1 kết quả to lớn để khuyến khích phát tâm; Thức dậy, 1. Tảo giác (Sáng sớm thức Giải thích từ ngữ “Phát Bồ-đề Tâm”: 1. dậy), 2. Minh chung (Đánh chuông), 3. Giải thích “Bồ-đề”, 1. Danh nghĩa của Bồ- Văn chung (Nghe chuông); T.2 Sửa y áo, đề, 2. Loại biệt của Bồ-đề, 3. Tự tánh của 4. Trước y (Mặc áo), T.3 Xuống đi, 5. Hạ Bồ-đề, 4. Tương ưng của Bồ-đề, 5. Năng đơn (Xuống đơn), 6. Hành bộ bất thương sinh của Bồ-đề, 6. Sở đoạn của Bồ-đề, 7. trùng (Bước đi không hại sâu bọ), 7. Xuất Sở

duyên của Bồ-đề, 8. Sở y của Bồ-đề, 9. đường (Ra khỏi nhà), T.4 Vệ sinh, 8. Đăng Sở khởi của Bồ-đề, 10. Sở tác của Bồ-đề; xí (Vào nhà xí), 9. Tẩy tịnh (Rửa sạch), 2. Giải thích "Bồ-đề Tâm", 1. Bồ-đề Tâm 10. Khử uế (Khử bẩn), 11. Tẩy thủ (Rửa nghĩa là tâm cầu Bồ-đề, 2. Tâm có Bồ-đề tay), 12. Tẩy diện (Rửa mặt), 13. Ẩm thủy gọi là Bồ-đề Tâm, 3. Bồ-đề là Tâm gọi là (Uống nước), T.5 Ca-sa tọa-cụ, 14. Ngũ y Bồ-đề Tâm; 3. Giải thích "Phát Bồ-đề (Pháp y 5 điều), 15. Thất y (Pháp y 7 Tâm", 1. Tự tánh phát, 2. Tự trợ phát, 3. điều), 16. Đại y (Pháp y lớn); Phụ lục về Thiện căn phát, 4. Đẳng lưu phát, 5. Đoạn man y, 17. Ngọa cụ (Đồ nằm), T.6 Lên chứng phát; chùa, 18. Đăng đạo tràng (Lên đạo tràng), II.3 Quy Sơn Cảnh sách văn (Bài văn 19. Tán Phật (Ca tụng Phật), 20. Lễ Phật Cảnh sách của ngài Quy Sơn), Nhan đề (Lạy Phật), 21. Phổ lễ Chân ngôn (Chân Cảnh sách, Tác giả Cảnh sách, Chú thích ngôn đảnh lễ khắp cả), T.7 Cúng nước, 22. Cảnh sách; Phần một, Cảnh giác, T.1 Cảnh Cúng tịnh bình (Cúng bình sạch), 23. giác nghiệp quả vô thường, T.2 Cảnh giác Đãng tịnh bình chân ngôn (Chân ngôn súc xuất gia không trọn, T.3 Cảnh giác không bình sạch), 24. Quán thủy Chân ngôn học, không tu, không chịu cảnh giác, T.4 (Chân ngôn rót nước), T.8 Thọ trai, 25. Cảnh giác luân hồi ác báo vẫn chịu vô Thọ thực (Thọ thực), 26. Xuất sanh (Xuất cùng, T.5 Kết thúc cảnh giác; Phần hai, cho chúng sanh), 27. Thị giả tống thực Sách tiến, T.1 Sách tiến xuất gia cho trọn (Thị giả đưa ăn) (Xướng Tăng bạt) (Chính vẹn, T.2 Sách tiến thực hiện căn bản của thức thọ thực), 28. Kiết trai (Kết thúc sự sự xuất gia, M.1 Sách tiến thực hiện cái thọ trai), 29. Tẩy bát (Rửa bát), 30. Triển chí căn bản của sự xuất gia, M.2 Sách tiến bát (Mở bát), 31. Thọ sấn (Nhận đồ cúng thực hiện cái hạnh căn bản của sự xuất gia, dường), 32. Thủ dương chi (Lấy nhành M.3 Sách tiến thân cận thiện tri thức của dương), 33. Tước dương chi (Nhấm nhánh sự xuất gia, M.4 Sách tiến thực hiện cái tu dương), 34. Sấu khẩu (súc miệng), 35. căn bản của sự xuất gia, T.3 Sách tiến tu Xuất tích trượng (Lấy tích trượng), T.9 tập về Thiền, T.4 Sách tiến tu học và Ngủ, 36. Phu đơn tọa thiền (Bày đơn ngồi hoằng pháp, T.5 Sách tiến tinh tiến, M.1 thiền), 37. Thụy miên (Ngủ nghỉ), T.10

Lấy nước, 38 Thủ thủy (Lấy nước), T.11 bốn Uy nghi, 1. Kính đại Sa-môn, 2. Thờ Đối với Phật, 39. Dục Phật (Tắm Phật), thầy, 3. Theo thầy đi ra, 4. Nhập chúng, 5. 40. Tán Phật (Ca tụng Phật), 41. Nhiễu Theo chúng thọ thực, 6. Lễ bái, 7. Nghe tháp (Nhiễu quanh tháp Phật), T.12 Chăm pháp, 8. Học tập Kinh điển, 9. Vào tự sóc bịnh nhân, 42. Khán bịnh (Coi bịnh), viện, 10. Vào nhà thiền theo chúng, 11. T.13 Vài việc cần và thường, 43. Thế phát Nắm làm, 12. Vào nhà tắm, 13. Vào nhà (Cạo tóc), 44. Mộc dục (Gội tắm), 45. Tẩy xí, 14. Nằm ngủ, 15. Vây quanh lò bếp, túc (Rửa chân); 16. Ở trong phòng, 17. Đến chùa Ni, 18. C.II Mười Giới phải giữ của Sa-di, Đến nhà người, 19. Khất thực, 20. Vào Nguyên đề: Sa-di Thập giới tướng (10 chỗ tụ lạc, 21. Mua đồ, 22. Phàm thi hành Giới tướng Sa-di); C.III Năm đức phải đủ không được tự dụng, 23. Tham phương, và Mười pháp số phải biết của Sa-di, 24. Danh tướng của y bát; Phụ lục: Sa-di Nguyên đề: Sa-di ưng cụ ngũ đức, ưng tri Thập Giới Uy nghi Lục yếu (Bản Trích lục thập số (sa-di phải đủ 5 đức, phải biết 10 Những điều Cốt yếu về Mười Giới luật và pháp số); C.IV Bốn Giới tướng phải hiểu các Uy nghi của cấp bực Sa-di), Lời nói của Sa-di, 1. Sa-di Thập giới tướng: 10 đầu; Phần đầu, Môn Mười Giới luật (gồm Giới tướng Sa-di Ni, 2. Thức-xoa-ma-na có 10 Giới Sa-di); Phần kế, Môn các Uy Giới tướng: Giới tướng

Thức-xoa-ma-na, nghi (gồm có 26 mục thuộc về Uy nghi), 3. Ưu-bà-tắc Giới tướng: Giới tướng Ưu- Phụ lục; bà-tắc, 4. Bát quan trai Giới tướng: Giới Phần IV. Luật Sa-di Ni, Sa-di Ni Luật nghi tướng pháp Bát quan trai; Yếu lược (Bản Yếu lược về Giới luật và Tập II, Luật Sa-di & Sa-di Ni, dày hơn Uy nghi của Sa-di Ni), Phần một, Lược 434 trang. Nội dung gồm: Bảng chữa Tập giải đầu đề; Phần hai, Nói về Giới luật, II, Mục lục Tập II; T.1 Lời nói đầu, T.2 Mười Giới luật, M.1 Phần III. Luật Sa-di, Sa-di Luật nghi Yếu Giới sát sanh, M.2 Giới trộm cướp, M.3 lược (Bản Yếu lược về Giới luật và Uy Giới dâm dục, M.4 Giới nói dối, M.5 Giới nghi của Sa-di), Lược ghi về Tác giả, không uống rượu, M.6 Giới không mang Lược giải Sa-di Luật nghi Yếu lược, Phần hương hoa chuỗi ngọc, M.7 Giới không một, Giải thích nhan đề; Phần hai, Nói về ngồi giường cao-rộng lớn, M.8 Giới không Giới luật, T.1 Lời nói đầu, T.2 Mười Giới hát múa âm nhạc, M.9 Giới không nắm luật, M.1 Không được sát sanh, M.2 giữ vàng bạc, M.10 Giới không ăn phi Không được trộm cắp, M.3 Không được thời; Phần ba, Nói về Uy nghi, T.1 Lời nói dâm dục, M.4 Không được nói dối, M.5 đầu, T.2 Hai mươi hai Uy nghi, 1. Kính Không được uống rượu, M.6 Không được Tam bảo, 2. Kính đại Sa-môn, 3. Thờ thầy, mang vòng hoa thơm, Không được dùng Phụ lục về “Hạ an cư”, 4. Theo thầy đi ra, hương thơm xoa mình, M.7 Không được Phụ lục về “Bất tịnh quán”, 5. Nhập ca-vũ-hòa tấu-biểu diễn- Không được đi chúng, 6. Theo chúng thọ thực, 7. Lễ bái, xem-nghe, M.8 Không được ngồi giường 8. Học tập Kinh điển, 9. Nghe pháp, 10. cao và rộng lớn, M.9 Không được ăn phi Vào tự viện, 11. Vào nhà thiền theo thời, M.10 Không được nắm giữ sanh chúng, 12. Nắm làm, 13. Vào nhà tắm, 14. tượng (vàng bạc) bảo vật; Phần ba, Nói về Vào nhà xí, 15. Nằm ngủ, 16. Vây quanh Uy nghi, T.1 Lời nói đầu, Phụ lục: Sơ lược lò bếp, 17. Ở trong phòng, 18. Đến nhà về Bách Trượng Thanh Qui, T.2 Hai mươi đàn-việt, 19. Khất thực, 20. Vào chỗ tụ

lạc, 21. Mua đồ, 22. Phàm thi hành không Tác phẩm Luật này đã xuất bản năm 2005, được tự dụng. Nxb Tôn Giáo. Tập III, Luật Sa-di & Sa-di Ni, từ tr. 943 đến tr. 1.407. Nội dung gồm có: Bảng 1.242. LUẬT TỨ PHẦN (5 Tập) chữa tập III, Mục lục, Tiểu dẫn riêng tập Tiểu Tạng Thanh Văn III, Tổng kết về Luật Sa-di và Sa-di Ni; 1. Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Đổng Minh Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu, - Bảng kê số (1927-2005) giả đặt trong sách này đối chiếu với số Hiệu đính và chú thích: Tỳ-kheo Thích trang của tập I, - Nguyên văn chữ Hán, - Nguyên Chứng Dịch âm-dịch nghĩa; 2. Qui sơn Cảnh sách và Tỳ-kheo Thích Đức Thắng văn, - Bảng kê số giả đặt trong sách này Nxb Phương Đông – 2010 đối chiếu với số trang của tập I, - Nguyên Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, cả 5 tập dày văn chữ Hán, - Dịch âm-dịch nghĩa; 3. Sa- 2.439 trang, bìa mềm, có bìa bao, nền màu di Luật nghi yếu lược, - Bảng kê số giả đặt xanh nước biển, chữ tựa mạ trắng bạc, có trong sách này đối chiếu với số trang của hộp đựng cả bộ. tập II, - Nguyên văn chữ Hán, - Dịch âm- Tập I, dày 759 trang, có 8 chương: Tựa, dịch nghĩa; 4. Sa-di Ni Luật nghi yếu lược, Tự ngôn, Tán Duyên khởi, C.1 Ba-la-di, - Bảng kê số giả đặt trong sách này đối C.2 Tăng tàn, C.3 Bất định, C.4 Ni-tát-kỳ- chiếu với số trang của tập II, - Nguyên văn ba-dật-đề, C.5 Ba-dật-đề, C.6 Đề-xá-ni, chữ Hán, - Dịch âm-dịch nghĩa; 5. Sa-di C.7 Thức-xoa-ca-la-ni, C.8 Bảy diệt tránh; Thập giới Uy nghi lục yếu, - Bảng kê số Tập II, từ tr. 761 đến tr. 1.077, có 5 giả đặt trong sách này đối chiếu với số chương: C.1 Ba-la-di, C.2 Tăng-già-bà- trang

của tập II, - Dịch nghĩa; Kính Phụng thi-sa, C.3 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, C.4 Ba- Kinh Di Giáo, - Nguyên văn chữ Hán, - dật-đề, C.5 Ba-la-đề-xá-ni; Dịch âm, - Dịch nghĩa; Hồi hướng và Tam Tập III, từ tr. 1.079 đến tr. 1.835, có 18 Tự Quy y. chương: C.1 Thọ giới, C.2 Thuyết giới, Tác phẩm Luật này được chùa Từ Quang C.3 An cư, C.4 Tự tứ, C.5 Da thuộc, C.6 (Sài Gòn) ấn tống năm 1970. Y, C.7 Thuốc, C.8 Y Ca-thi-na, C.9 Câu- thiểm-di, C.10 Chiêm-ba, C.11 Khiển 1.241. LUẬT TIỂU trách, C.12 Người, C.13 Phú tàng, C.14 Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu – Oai nghi – Già yết-ma, C.15 Phá Tăng, C.16 Diệt Cảnh sách tránh, C.17 Tỳ-kheo Ni, C.18 Pháp; Việt dịch: Trí Quang (1923-2019) Tập IV, từ tr. 1.837 đến tr. 2.232, có 6 Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2009 chương: C.1 Phòng xá, C.2 Tạp sự, C.3 Luật có khổ 12.5 x 18.5cm, dày hơn 341 Ngũ bách kết tập, C.4 Thất bách kết tập, trang, bìa mềm, có bìa bao, chữ tựa màu C.5 Điều bộ, C.6 Tỳ-ni Tăng nhất; Tập V, đen, có hình Phật và 2 vị đệ tử bên cạnh. dày 207 trang; Mục lục Phần I, Mục lục Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Mục lục, Phần II, Mục lục Phần III, Mục lục Phần Một phần dịch âm-dịch nghĩa, 1. Tỳ-ni, 2. IV, Lịch sử truyền dịch, Đối chiếu các bộ Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni Luật, Thư mục Luật, Từ vựng Pali-Việt, Luật nghi; Hai phần sao lục Hoa văn, 1. Sách dẫn. Tỳ-ni, 2. Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Bộ Luật này đã được tái bản nhiều lần: Sa-di Ni Luật nghi. Năm 2006, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí

Minh, khổ 14.5 x 20.5cm, gồm có 7 quyển thợ dệt, 25. Đoạt lại y, 26. Thuốc bảy và 1 quyển Tổng mục lục. ngày, 27. Y tắm mưa, 28. Y cấp thí, 29. A- lan-nhã gặp nạn lìa y, 30. Xoay tăng vật về 1.243. LUẬT TỨ PHẦN mình (ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Giới tướng); C.5 Ba-dật-đề, có 90 giới, ở Hán dịch: Tam tạng Phật-đà-da-xá và mỗi giới có các phần: a. Duyên khởi, b. Trúc Phật Niệm Giới tướng; C.6 Đề-xá-ni, có 4 giới: 1. Việt dịch: HT. Thích Đỗng Minh và Thích Nhận thức ăn phi thân lý Ni nơi tục gia, 2. Đức Thắng Thọ thực do Ni chỉ dẫn, 3. Thọ thực từ học Hiệu chính và chú thích: gia, 4. Thọ thực ngoài trú xứ A-lan-nhã (ở Thích Nguyên Chứng mỗi giới có: a. Duyên khởi, b. Giới Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 tướng); C.7 Thức-xoa-ca-la-ni, gồm có Tác phẩm Luật này gồm có 6 quyển, 4 100 điều; C.8 Bảy diệt tránh (Bảy pháp phần chính: dứt trừ tranh cãi); sau mỗi chương có phần Phần I. Giới Tỳ-kheo, Tán Duyên khởi, Chú thích. C.1 Ba-la-di (có 4: 1. Bất tịnh hạnh, 2. Bất Phần II. Giới Tỳ-kheo Ni, C.1 Ba-la-di, có dữ thủ, 3. Đoạn nhân mạng, 4. Đại vọng 8 giới. A. Thông giới, 1. Bất tịnh hạnh, 2. ngữ, ở mỗi giới có các phần: a. Duyên Bất dữ thủ, 3. Đoạn nhân mạng, 4. Đại khởi, b. Giới văn, c. Thích nghĩa, d. Phạm vọng ngữ; B. Bất cộng giới, 5. Ma xúc, 6. tướng), C.2 Tăng tàn, có 13: 1. Cố ý tiết Bát sự, 7. Phú tàng trọng tội, 8. Tùy thuận tinh, 2. Xúc chạm nữ nhân, 3. Nói lời thô bị xử (4 giới sau của Bất cộng giới ở mỗi tục, 4. Yêu sách cúng dường, 5. Mai mối, giới có: a. Duyên khởi, b. Giới tướng); C.2 6. Lập thất nhỏ, 7. Cất chùa lớn, 8. Vô căn Tăng-già-bà-thi-sa, có 17 giới: 1. Mai mối, báng, 9. Giả căn báng, 10. Phá Tăng, 11. 2. Vô căn báng, 3. Giả căn báng, 4. Tố Tùy thuận phá Tăng, 12. Ô-tha-gia, 13. Ác tụng, 5. Độ nữ tặc, 6. Tự ý giải tội, 7. Độc tánh bất thọ nhân ngữ (trong mỗi giới có hành, 8. Nhận của nam nhiễm tâm, 9. Tán các phần: a. Duyên khởi, b. Giới văn, c. trợ Ni khất thực bất chính, 10. Phá hòa Thích từ, d. Phạm tướng); C.3 Bất định, có hiệp Tăng, 11. Tùy thuận phá Tăng, 12. Ô- 2 giới (ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi, tha-gia, 13. Ác tánh bất thọ gián ngữ, 14. Giới tướng); C.4 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, có Tương

thân tương trợ ác hành, 15. Tán trợ 30 giới: 1. Súc trường y, 2. Ngủ lìa y, 3. ác hành, 16. Dọa bỏ đạo, 17. Vu Tăng Chờ y một tháng, 4. Nhận y phi thân lý Ni, thiên vị (ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi, 5. Nhờ phi thân lý Ni giặt y cũ, 6. Xin y Giới tướng); C.3 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, có nơi nhà phi thân lý, 7. Nhận y quá phần, 8. tất cả 30 điều: A. Thông giới, có 18 điều, Khuyên cư sĩ tăng giá y, 9. Khuyên hai B. Bất cộng giới, có 11 điều (ở mỗi điều nhà tăng giá y, 10. Yêu sách giá y quá hạn, của Bất cộng giới có phần: Duyên khởi, 11. Ngọa cụ bằng tơ tằm, 12. Ngọa cụ toàn Giới tướng); C.4 Ba-dật-đề, có tất cả 178 đen, 13. Ngọa cụ quá phần, 14. Ngọa cụ điều A. Thông giới, có 69 điều; B. Bất dưới sáu năm, 15. Tọa cụ không hoại sắc, cộng giới, có 109 điều (109 điều này ở 16. Quảy lông dê, 17. Nhờ chải lông dê, mỗi giới có nói về: Duyên khởi và Giới 18. Cầm giữ vàng bạc, 19. Kinh doanh tài tướng) C.5 Ba-la-đề-xá-ni, có 8 điều; sau bảo, 20. Buôn bán, 21. Chứa bát dư, 22. mỗi chương đều có phần Chú thích. Đổi bát mới, 23. Xin chỉ sợi, 24. Chỉ dẫn

Phần III. Tăng sự: C.1 Thọ giới, I. Thích C.10 Chiêm-ba: 1. Cử tội phi pháp, 2. Túc thị thế phổ, II. Truyện đức Thích Tôn (1. số yết-ma, 3. Túc số Tăng, 4. Yết-ma bất Xuất gia và thành đạo, 2. Sơ chuyển pháp thành, 5. Ngăn yết-ma; C.11 Khiển trách: luân, 3. Da-xá, 4. Long vương Y-la-bát- 1. Khiển trách, 2. Tẩn xuất, 3. Y chỉ, 4. Hạ la); III. Tăng pháp thọ giới: 1. Sơ chế ý, 5. Xả trí; C.12 Người: 1. Phú tàng, 2. pháp, 2. Hòa thượng pháp, 3. Nhân và sự Không phú tàng, 3. Tổng hợp Tăng tàn; như pháp, 4. Pháp thức truyền thọ cụ túc; C.13 Phú tàng; C.14 Già Yết-ma: 1. Cầu C.2 Thuyết giới, I. Pháp thức thuyết giới: thỉnh, 2. Già thuyết giới, 3. Mười như 1. Bố-tát, 2. Thuyết pháp, 3. Ba-la-đề- pháp già, 4. Tỳ-kheo cử tội, 5. Pháp thức mộc-xoa, 4. Lịch pháp; II. Kết giới: 1. già, 6. Cáo tội, 7. Tỳ-kheo ngăn; C.15 Phá Giới trường, 2. Đại giới cọng trú, 3. Thất y Tăng: 1. Đề-bà-đạt-đa, 2. Truyện Thiện giới, 4. Đại giới liên kết, 5. Tiểu giới; III. Hành, 3. Ưu-ba-ly vấn; C.16 Diệt tránh: I. Tập Tăng, 1. Bạch Tăng, 2. Dữ dục, 3. Bảy diệt tránh: 1. Hiện tiền tì-ni, 2. Ức Thuyết giới, 4. Sám hối, 5. Hạn kỳ, 6. Phá niệm tì-ni, 3. Bất si tì-ni, 4. Tự ngôn trị, 5. Yết-ma, 7. Chuyển trú xứ, 8. Hòa hiệp Đa nhân ngữ, 6. Tội xứ sở, 7. Như thảo thuyết giới; C.3 An cư, 1. Kết giới an cư, phú địa, II. Bốn tránh sự, III. Tránh sự 2. Phân phòng xá, 3. Phân ngọa cụ, 4. Tiền diệt, 1. Nguyên tắc hiện tiền, 2. Diệt ngôn hậu an cư, 5. Trú xứ an cư, 6. Xuất giới, 7. tránh, 3. Diệt mích tránh, 4. Diệt phạm Phá hạ, 8. Ước định an cư; C.4 Tự tứ, 1. Á tránh, 5. Diệt sự tránh, 6. Ưu-ba-ly hỏi; pháp, 2. Cầu thỉnh, 3. Pháp thức tự tứ, 4. C.17 Tỳ-kheo Ni: I. Kiều-đàm-di, II. Ni Chúc thọ tự tứ, 5. Phá tự tứ, 6. Già tự tứ, thọ giới: 1. Sa-di Ni, 2. Thức-xoa-ma-na, 7. Hạn kỳ tự tứ, 8. Khách tự tứ; C.5 Da 3. Thọ Cụ túc; III. Ni thường hành; C.18 thuộc, I. Nhân duyên Thủ-lung-na (1. Hai Pháp: 1. Khách Tỳ-kheo, 2. Vệ sinh, 3. bàn chân, 2. Giây đàn căng, 3. Sáu tín Khất thực, 4. A-lan-nhã, 5. Ẩm thực, 6. giải), II. Nhân duyên ức nhĩ: 1. Tăng-già Nhuộm y; sau mỗi chương đều có phần biên địa, 2. Những quy định về da thuộc Chú thích. (a. Quy định chung về giày dép, b. Các Phần IV. Tạp pháp: C.1 Phòng xá:1. Ca- loại da, c. Các vật dụng bằng da); C.6 Y, I. lan-đà Trúc Viên, 2. Tinh xá, 3. Giường Y phấn tảo, II. Kỳ-bà đồng tử (1. Kỹ nữ nằm, 4. Chăn màn, 5. Sảnh đường, 6. Cấp thành vương xá, 2. Học thuốc, 3. Chữa Cô Độc, 7. Thứ bậc Tăng trong già-lam, 8. bệnh); III. Đàn việt thí y (1. Kỳ-bà thỉnh Trú trì, 9. Phòng ốc, 10. Tường rào chùa, nguyện, 2. Các loại y quí, 3. Nhận và chia, 11. Nhà tắm, 12. Dùng nước,

13. Đất 4. Y cái triệt, 5. Kỹ nữ thành Tỳ-da-li, 6. trống, 14. Lò sưởi, 15. Thọ nhận phi pháp, Ba y, 7. Pháp thức phân vật, 8. Tăng vật, 16. Tứ phương Tăng vật, 17. Tỳ-kheo Tri 9. Tỳ-lưu-ly, 10. Thân hậu, 11. Di vật của sự, 18. Chia cháo; C.2 Tạp sự: 1. Bát, 2. Tỳ-kheo, 12. Tạp sự); C.7 Thuốc (1. Các Dao, 3. Râu-tóc-móng, 4. Trang sức, 5. loại thuốc, 2. Các loại thịt, 3. Tịnh trù, 4. Thần biến thị đạo, 6. Thiên bức luân, 7. Tịnh nhục, 5. Tám thứ nước, 6. Tịnh địa); Các loại bát cấm, 8. Xông bát-nung bát, 9. C.8 Y Ca-thi-na: 1. Năm công đức, 2. Y Trì bát, 10. Tịnh quả, 11. Câu chấp, 12. như pháp, 3. Thọ y, 4. Xuất y; C.9 Câu- Khâu y, 13. Vá bát, 14. Lấy lửa, 15. Lọc thiểm-di: 1. Tránh sự phát khởi, 2. Biệt bộ nước, 16. Ăn ngủ chung, 17. Chuyển thể Yết-ma, 3. Hòa giải, 4. Trường Sanh Phật môn, 18. Kín đáo, 19. Dù-gậy-quạt- vương, 5. Tăng hòa hợp, 6. Giải Yết-ma; phất trần, 20. Chỗ ngồi, 21. Tỏi, 22.

Khuân vác, 23. Tháp Thanh văn, 24. Cạo Q.7, Phép Ba-dật-đề (từ giới 1 đến giới tóc, 25. Tháp Phật, 26. Tắm, 27. Úp bát, 45); Q.8, Phép Ba-dật-đề (tt. từ giới 46 28. Yết-ma trì gậy, 29. Im lặng cho qua, đến giới 90); Q.9, Phép Ba-dật-đề (tt. từ 30. Chúc lành-thề thốt, 31. Giây nịt, 32. giới 91 đến giới 135); Q.10, Phép Ba-dật- Gốm, 33. Chú thuật, 34. Răng lưỡi, 35. đề (tt. từ giới 136 đến giới 178), Phép hối Nuôi cầm thú, 36. Ưu-đà-diên; C.3 Ngũ quá (từ giới 1 đến giới 8); Q.11, Phép bách kết tập; C.4 Thất bách kết tập; C.5 chúng học (từ giới 1 đến giới 100); Q.12, Điều bộ: A. Ba-la-di, 1. Bất tịnh hạnh, 2. Phép diệt tránh (từ giới 1 đến giới 7), Bất dữ thủ, 3. Đoạn nhân mạng, 4. Đại Tổng kết Tướng trước, Các Phép học vọng ngữ; B. Tăng-già-bà-thi-sa, 1. Lộng khác, Giới Kinh 7 Phật, Tụng sau kết; Phụ âm, 2. Xúc nữ, 3. Thô ác ngữ, 4. (Yêu) lục: Bản đồ Nhiếp tụng Giới tướng; Lời sách cúng dường, 5. Môi giới, 6. Vô căn bạt Pháp hội Nhân duyên. Ba-la-di; C.6 Tỳ-ni Tăng nhất: 1. Một pháp, 2. Hai pháp, 3. Ba pháp, 4. Bốn 1.245. LUẬT TỨ PHẦN GIỚI BỔN pháp, 5. Năm pháp, 6. Sáu pháp, 7. Bảy Như Thích (Trọn bộ Thượng và Hạ) pháp, 8. Tám pháp, 9. Chín pháp, 10. Biên soạn: Sa-môn Hoằng Tán- Mười pháp, 11. Mười một pháp; sau mỗi Tại Tham (1611-1685) chương đều có phần Chú thích. Việt dịch: HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) 1.244. LUẬT TỨ PHẦN BỔN GIỚI Nxb Hồng Đức – 2013. Luật có khổ 14.5 x TỲ-KHƯU NI lược ký 20.5cm, dày 798 trang, bìa mềm, có tay Dịch giả: Thích Thiện Chơn gấp, nền đỏ, chữ tựa mạ trắng bạc. Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (trụ trì chùa Nội dung gồm có 12 quyển: Q.I, A. Thích Hải Tuệ - Sài Gòn) – Trưởng ban tổ chức đề mục, B. Thích bổn văn, a. Lời tựa ấn tống. In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia phương tiện trước, b. Chung bày giới Định), PL. 2513 – DL. 1969. tướng, c. Kết khuyên hồi hướng; a. Lời tựa Sách Luật dày 432 trang, bìa mềm, nền phương tiện trước: 1. Tỏ ý khen ngợi bài trắng, có hoa văn màu vàng chìm, hình tụng, 2. Trước làm phép phương tiện, 3. rồng, hoa sen và bàn tay đẩy bánh xe pháp Giữ bạch phép Yết-ma, 4. Nói lời tựa Giới luân, chữ tựa màu đen. Kinh; Q.II, b. Chung bày giới tướng: 1. Tác phẩm Bổn giới Tỳ-khưu Ni này kết Pháp Ba-la-di, 2. Pháp Tăng-tàng, 3. Pháp cấu có 12 quyển. Nội dung nói về giới luật Bất định, 4. Pháp Xả đọa, 5. Pháp Ba-dật- Tỳ-khưu Ni, gồm có: Q.1, Duyên khởi, đề, 6. Pháp Hối quá, 7. Pháp chúng học, 8. Phàm lệ, Khai Kinh, Bản đồ Tổng phân Pháp Diệt tránh; 1. Pháp Ba-la-di (có 4 khoa, Bốn đề mục (nhan đề), Kệ khen giới), 2. Pháp Tăng-tàng (5 giới); Q.III, 2. trước, Phương tiện trước, Bạch Yết-ma, Pháp Tăng-tàng (tt) (8 giới; tổng cộng có Tựa Giới Kinh, Phép Cầu giáo thọ; Q.2, 13 giới

Tăng-tàng), 3. Pháp Bất định; Pháp Ba-la-di (từ giới 1 đến 7), Phép Tăng Q.IV, 4. Pháp Xả đọa (11 giới); Q.V, 4. tàn (từ giới 1 đến giới 5); Q.3, Phép Tăng Pháp Xả đọa (tt) (16 giới); Q.VI, 4. Pháp tàn (tt. Từ giới 6 đến giới 17); Q.4, Phép Xả đọa (tt) (3 giới; tổng cộng có 30 giới xả đọa (từ giới 1 đến giới 11); Q.5, Phép Xả đọa); Q.VII, 5. Pháp Ba-dật-đề (25 xả đọa (tt. từ giới 12 đến giới 18); Q.6, giới); Q.VIII, 5. Pháp Ba-dật-đề (tt) (25 Phép xả đọa (tt. từ giới 19 đến giới 30); giới); Q.IX, 5. Pháp Ba-dật-đề (tt) (17

giới); Q.X, 5. Pháp Ba-dật-đề (tt) (23 giới; 1.247. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI tổng cộng có 90 giới Ba-dật-đề); 6. Nói về GIỚI BỔN Lược Ký pháp Sám hối (có 4 giới); Q.XI, 7. Pháp Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Chúng học; Q.XII, 8. Diệt tránh pháp (có Việt dịch: Tỳ-kheo Ni Thể Thanh 7 pháp); 1. Tóm kết tiền tướng, 2. Khuyến Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998 học các pháp, 3. Bảy Đức Phật nói Giới Chứng minh: HT. Thích Đôn Hậu, HT. Kinh, 4. Kết lời tụng Hồi hướng. Thích Mật Hiển, HT. Thích Thiện Siêu, Luật Từ Phần Giới Bổn như thích này đã HT. Thích Minh Châu, HT. Thích Đổng tái bản nhiều lần: Năm 1959, Phật học Minh đường Giác Nguyên (Sài Gòn) ấn hành; Toàn bộ tác phẩm Luật này có 12 quyển, năm PL. 2511 – DL. 1967, Tịnh xá Trung dày hơn 856 trang. Nội dung gồm: Lời Tâm (Gia Định) tái bản, Giấy phép số giới thiệu, Duyên khởi, Phàm lệ, Khai 3605/TBTTCH/BC3/XB ngày 21-11-1967, Kinh; Q.một, A. Giải thích đề mục, B. dày 492 trang, bìa mềm, nền trắng, có hoa Giải thích chánh văn, 1. Bài tựa nói về văn chìm màu vàng, chữ tựa màu đỏ; năm Tiền phương tiện, 2. Tác Tiền phương 1991, 1999, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn tiện; Q.hai, I. Tổng nêu giới tướng, 1. hành; năm 2006, Nxb Tôn Giáo; năm Pháp quyên khí (8), 1.1 Tổng tiêu, 1.2 2011, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, Giới tướng, Điều 1 – 8, 1 – 3. Kết vấn, 2. dày 798 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Pháp Tăng-tàn (17), 2.1 Tổng tiêu, 2.2 Giới tướng, Điều 1 – 5; Q.ba, Điều 6 – 17, 1.246. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO 2.3 Kết vấn; Q.bốn, 3. Pháp xả đọa (30), Giới Tướng Biểu Ký 3.1 Tổng tiêu, 3.2 Giới tướng, Điều 1 – Nguyên tác: Luật sư Hoằng Nhất 11; Q.năm, Điều 12 – 18; Q.sáu, Điều 19 – Chứng nghĩa: HT. Luật sư - 30, 3 – 3. Kết vấn; Q.bảy, 4. Pháp Ba-dật- Thích Đỗng Minh (1927-2005) đề, 4.1 Tổng tiêu, 4.2 Giới tướng, Điều 1 – Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh 45; Q.tám, Điều 46 – 90; Q.chín, Điều 91 Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007 – 135; Q.mười, Điều 136 – 178, 4.3 Kết Toàn bộ tác phẩm Luật này gồm có: - Lời vấn, 5. Pháp hối quá (8), 5.1 Tổng tiêu, 5.2 tri ân, - Lời giới thiệu, - Lời tựa tác giả; I. Giới tướng, Điều 1 – 8, 5.3 Kết vấn; Bốn pháp Ba-la-di; II. Mười ba pháp Q.mười một, 6. Pháp chúng học (100), 6.1 Tăng-tàn; III. Hai pháp Bất định; IV. Ba Tổng tiêu, 6.2 Giới tướng, Điều 1 – 100, mươi pháp xả đọa; V. Chín mươi pháp 6.3 Kết vấn; Q.mười hai, 7. Pháp diệt đơn đề; VI. Bốn pháp Đề-xá-ni; VII. Một tránh (7), 7.1 Tổng tiêu, 7.2 Giới tướng, trăm pháp chúng học; Bảy pháp diệt tránh; Điều 1 – 7, 7.3 Kết vấn; III. Kết khuyến Nam Sơn đối trị hưng trị thiên. hồi hướng, 1. Tổng kết các giới tướng Tác phẩm Luật này in Lưu hành nội bộ lần trước, 2. Khuyến học các pháp khác, 3. đầu năm PL. 2540 – DL. 1996; tái bản Giới Kinh do 7 đức Phật nói, 4. Văn hồi năm PL. 2555 – DL. 2011, Nxb Tôn Giáo, hướng kết thúc; Phụ lục: 1. Tác giả Luật khổ 14.5 x 20.5cm, dày 310 trang, bìa Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới bổn Lược ký, 2. mềm, với nhan đề: “Pháp Tạng Bộ - Luật Tiểu sử dịch giả Ni sư Thích nữ Thể Tứ Phần Tỳ-kheo – Giới Tướng Biểu Ký”. Thanh.

Tác phẩm Luật này đã được Trường Cao Giới 1 – giới 7; c. Gạn hỏi; III. Kết khuyến cấp Phật học Việt Nam ấn hành năm PL. Hồi hướng. 2534 – DL. 1991. Tác phẩm Luật này in tái bản lần thứ năm, PL. 2558 – DL. 2014, Lưu hành nội bộ. 1.248. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN Lược Ký 1.250. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI Ngài Vô Tác Giới Biểu ghi GIỚI BỔN Lược Ký Tập Yếu Việt dịch: Thích nữ Thể Dung Việt dịch: Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 805 trang. Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998 Nội dung gồm có 12 quyển: Lời tri ân, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 238 trang, Duyên khởi, Trình bày 13 điều mục căn bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: xanh dương, bản, Kệ Khai Kinh, Lời tựa, Bản đồ phân đỏ và đen. Kết cấu bộ Luật này gồm có 12 khoa, Q.1 đến Q.12. quyển: Q.I, Pháp dữ dục và Thuyết giới, Pháp cầu giáo giới; Q.II, Pháp dữ Học hối, 1.249. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI Pháp Ba-la-di diệt tẩn; Q.III, Kiết-giải các GIỚI BỔN Lược Ký giới; Hành pháp Ma-na-đỏa, Sám tội Hán văn: Vô Tác Giới Biểu Thâu-lan-giá, Sám tội Đột-kiết-la; Q.IV, Việt dịch: Tỳ-kheo Ni Như Đức Pháp kiết bất thất y giới, Pháp may ba y; PL. 2550 – DL. 2006 (in lần thứ tư) Q.V, Pháp Kiết hạ an cư, Pháp Tự tứ, Đồ Nội dung gồm có 12 quyển: Duyên khởi, cúng thuộc về ai và pháp phân chia y vật; Phàm lệ, Khai Kinh; Q.I, A. Giải thích đề Q.VI, Sám hối tội xả đọa, Q.VII, Pháp mục, B. Giải thích chánh văn, I. Bài tựa Tịnh thí, Q.VIII và IX, Điều kiện thọ giới nói về tiền phương tiện; Q.II, II. Nêu Cụ túc, Pháp Y chỉ, Tằng-giá phải đủ 12 chung Giới tướng, 1. Pháp quyên khí (có 8 năm mới được thọ giới Cụ túc; Q.X và XI, giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng (Giới 1 Hai thời thọ trai, Nghi tống chung, Lược – giới 8), c. Gạn hỏi, 2. Pháp Tăng-tàng giáo; Q.XII, Bản đồ Năm thiên-Bảy tụ; (có 17 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng; Phần Chú thích, Phần Phụ bản 1 và Phụ Q.III, (Giới 6 – giới 17), c.Gạn hỏi; Q.IV, bản 2. 3. Pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (có 30 giới), Bộ Luật này được tái bản nhiều lần: Năm a. Nêu chung, b. Giới tướng; Q.V, (Giới 1 1997, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; – giới 11); Q.VI, (Giới 12 – giới 18) (Giới năm PL. 2548 – DL. 2004, Nxb Tôn Giáo 19 – giới 30); c. Gạn hỏi; Q.VII, 4. Pháp (tái bản lần thứ II, có sửa chữa), khổ 15.5 Ba-dật-đề (có 178 giới), a. Nêu chung, b. x 23cm, dày 437 trang, bìa mềm, chữ tựa Giới tướng; Q.VIII, Giới 1 – giới 45; màu đỏ, có hình ao sen . Q.IX, Giới 46 – giới 90; Q.X, Giới 91 – giới 135; Giới 136 – giới 178; c. Gạn hỏi; 1.251. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI 5. Pháp Hối quá (có 8 giới), a. Nêu chung, GIỚI BỔN HỘI NGHĨA – Bộ 2 tập b. Giới tướng, Giới 1 – giới 8; c. Gạn hỏi; Biên soạn: Sa-môn Đức Cơ Q.XI, 6. Pháp Chúng học (có 100 giới), a. Việt dịch: Thích nữ Diệu Sơn Nêu chung, b. Giới tướng, Giới 1 – giới Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011 100, c. Gạn hỏi; Q.XII, 7. Pháp Diệt tránh Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 (có 7 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng, tập dày hơn 1.107 trang.

Tập I, gồm 6 quyển, dày hơn 581 trang. Tác phẩm này đánh máy Roneo năm 1986, Nội dung, Q.I, A. Giải thích đề mục, 1. nội dung gồm có 3 quyển: Thượng, Trung Giải thích tựa đề, 2. Giải thích tên người; và Hạ. B. Giải thích vấn Luật, I. Giải thích bài (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Trung tựa, II. Giải thích giới tướng, 1. Chỉ bày vô Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm, Q. Tân Phú, tác giới thể, 2. Nói rõ sự sai khác giữa Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: VRONEO thiên và tụ, 3. Giải thích giới tướng, 3.1 0138 - 0139) Tám pháp Ba-la-di; Q.II, (tt) Tám pháp Ba-la-di, C. Hỏi kết thúc khuyên hành trì; 1.253. LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI Q.III, 3.2 Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi- Soạn Yếu sa, a. Nêu chung, b.

Trình bày riêng 17 Soạn dịch: Tỳ-kheo Ni Thích nữ Như Hải giới tướng, c. Hỏi kết thúc, khuyên hành Nxb Tôn Giáo, PL. 2543 – DL. 2000 trì; Q.IV, 3.3 Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba- Luật có khổ 15 x 21,5cm, có 613 trang, bìa dật-đề, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng về mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình giới tướng; Q.V, (tt) Ba mươi pháp Ni-tát-ao sen. kỳ Ba-dật-đề, c. Hỏi kết thúc, khuyên hành Toàn bộ Luật Tứ phần Ty-kheo Ni (Luật trì; 3.4 178 Pháp Ba-dật-đề, a. Nêu chung, TPTKN) có 4 phần chính: I. Tổng tựa, nói b. Trình bày riêng về giới tướng; Q.VI, (tt) rõ về Tông chủ bản Luật, Giải thích chữ 178 Pháp Ba-dật-đề. Giới và Luật, Thông giới và Biệt giới, Giải Tập II, từ Q.VII đến Q.XII, dày hơn 526 thích Tứ phần (Đề Luật), Niên đại người trang. Nội dung gồm: Q.VII, Q.VIII, Q.IX phiên dịch từ Phạn sang Hán, khái quát và Q.X, (tt) 178 Pháp Ba-dật-đề, c. Hỏi kết lịch sử kinh tạng Phật giáo trải qua 4 lần thúc, khuyên hành trì; Q.XI, 3.5 Tám pháp kết tập và các bộ phái. II. Biệt tựa, Duyên hối quá, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng khởi bản Luật TPTKN, nói về Người nữ về giới tướng, c. Hỏi kết thúc, khuyên cầu xin xuất gia Bát kỉnh pháp, Kết giới và hành trì; 3.6 Giới pháp chúng học, a. Nêu thuyết giới, Phàm lệ gồm 13 điều. III. Đại chung, b. Trình bày riêng về giới tướng; khoa bản Luật, có Đề mục và phần Bản Q.XII, 3.7 Bảy pháp diệt tranh cãi, a. Nêu văn, gồm: - Giải thích Giới tựa, - Giải chung, b. Trình bày riêng về giới tướng, c. thích Giới tướng, - Kết vấn hồi hướng. Về Hỏi kết thúc, khuyên hành trì; III. Kết thúc Giới tựa gồm: Thuật lời tán tụng, tác tiền khuyên hồi hướng, 1. Tổng kết danh mục, phương tiện, kỉnh bạch Yết-ma, chính 2. Khuyên học các pháp khác, 3. Trình bày thuyết giới, kết vấn khuyến trì và Nói rõ giới Kinh của bảy đức Phật, 4. Kệ khen Ngũ Thiên, Thất tụ và 20 pháp Kiền độ. ngợi và hồi hướng; Phụ chú. Về Giới tướng thì tác giả giải thích: ý nghĩa Ba-la-di, Tăng tàn pháp, Ni-tát-kỳ 1.252. Ba-dật-đề, Ba-la-đề-xá-ni, 100 pháp chúng LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI SAO học và 7 pháp diệt tránh. IV. Kệ tụng hồi Trước thuật: hướng, nói về phần ứng dụng, sám tội Ba- Luật sư Đạo Tuyên (596-667) dật-đề, và kết giải Đại Tiểu giới. Dịch-giảng: Tác phẩm Luật này được tái bản năm Tỳ-kheo Đôn Hậu (1905-1992) 2011, Nxb Phương Đông.

1.254. LUẬT TỨ PHẦN Thích Nghĩa 1.257. Dịch giả: LUẬT TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN HT. Thích Đồng Huy (1919-2010) Biên soạn: TK. Thích Trí Hải PL. 2559 – DL. 2015 (Lưu hành nội bộ). Nxb Tôn Giáo – 2014 Toàn bộ tác phẩm Luật thích nghĩa này Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 203 trang, dày hơn 633 trang, gồm có 2 quyển: - Lời bìa mềm, chữ tựa màu trắng và đỏ, có hình phi lộ, - Lời nói đầu; Tỳ-kheo Giới bổn sớ ao sen. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tỳ- nghĩa (quyển thượng); Tỳ-kheo Giới bổn kheo Ni Giới bổn, Tựa Thuyết giới, Tám sớ nghĩa (quyển hạ); Tứ phần luật tạng, Giới khí, Mười bảy giới Tăng tàn, Ba Phần I. Duyên khởi; Tứ phần luật tạng, mươi giới Xả đọa, Một trăm bảy mươi tám Phần II. Tỳ-kheo Ni; Tỳ-kheo Tăng sao; giới Đọa, Tám giới Hối quá, Một trăm giới Phần Phụ lục. Học, Bảy pháp Diệt tránh; Tỳ-kheo Ni Bản Luật này đã được in Lưu hành nội bộ Giới bổn (chữ Hán), Khởi nguyên Giới vào năm PL. 2544 – DL. 2000. luật, Khái quát Luật tạng, Khởi nguyên Ni chúng, Lược yếu pháp Yết-ma, Tứ Phần 1.255. LUẬT TỲ-KHEO GIỚI BỔN Sớ luật San bổ Tùy cơ Yết-ma; Thư mục Nghĩa tham khảo. Tập - thuật: Sa-môn Truyền Nghiêm Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Đổng Minh 1.258. LUẬT TỲ-KHEO – YẾT-MA (1927-2005) YẾU CHỈ - Tập 1 Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004 Biên

soạn: Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 293 trang, HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn dung gồm có 8 chương: Thay lời tựa, hành – 1991 Duyên khởi Phật chế giới; Tứ Phần Giới Tác phẩm Luật này có 305 trang, gồm 8 Bổn, C.I, Thiên Ba-la-di; C.II, Tăng-già- chương: - Lời giới thiệu, - Lời tựa; bà-thi-sa; C.III, Hai pháp bất định; C.IV, C.I, Tổng luận về Yết-ma, 1. Yết-ma trong Ba mươi pháp Ni-tát-kì-ba-dật-đề; C.V, sinh hoạt của cộng đồng Tăng lữ: Khái Chín mươi pháp Ba-dật-đề; C.VI, Bốn niệm tổng quát về cộng đồng Tăng lữ, pháp Ba-la-đề-xá-ni; C.VII, Thức-xoa-ca- Thành phần của Tăng, Phân loại Tăng, la-ni; C.VIII, Bảy pháp diệt tránh. Các nguyên tắc chi phối đời sống của Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm Tăng; 2. Phân tích nội dung của Yết-ma: 1994. Yết-ma là gì? Đối tượng của Yết-ma, Phân loại Yết-ma, Các giai đoạn tiến hành của 1.256. Yết-ma, Các yếu tố để thành tựu Yết-ma, LUẬT TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN Già Yết-ma, Phi tướng của Yết-ma, Kết Việt dịch: HT. Thích Thiện Chơn luận; C.II, Cương giới: 1. Ý nghĩa và tầm Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 quan trọng của cương giới (Ý nghĩa cương Sách có khổ 15.5 x 23cm. Nội dung có giới, Hiệu lực cho phối của Cương giới), Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni Giới bổn. 2. Bản chất của Cương giới: a. Cương giới Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: tự nhiên (tự nhiên giới), b. Cương giới ấn Năm 2010 - 2015, Nxb Tôn Giáo. định (tác pháp giới), c. Thủ tục tiến hành yết-ma kiết giới, 3. Các pháp Yết-ma kết

và giải giới, a. Văn kết đại giới không giới Luật này đã được chùa Vạn Đức (Thủ trường, b. Văn giải đại giới, c. Văn kết đại Đức) ấn hành từ năm 1970, Tỳ-kheo Thích giới có giới trường gồm luôn cả nhà bếp Trí Tịnh đính chính và giới thiệu. và nhà kho, d. Văn giải giới trường, e. Văn giải tịnh trù, tịnh khố, khố tang, f. Kết giới 1.259. LUẬT TỲ-KHEO – không mất y trong trú xứ, g. Kết giới TỨ PHẦN HIỆP CHÚ - Tập 2A và 2B không mất y thông hai trú xứ, h. Giải giới Biên soạn: không mất y, i. Kết tiểu giới; C.III, Truyền HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) giới-thọ giới (1), 1. Bước đầu xuất gia: a. Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn Dẫn khởi, b. Tư cách làm thầy, c. Yết-ma hành – 1991 súc chúng, d. Thế phát xuất gia, e. Yết-ma Sách có khổ 14.5 x 20cm, 2 tập dày 730 bạch Tăng, f. Ngoại đạo xuất gia; 2. Giới trang, bìa mềm. Cụ túc, a. Tổng luận về giới Cụ túc, b. Tập 2A, dày 382 trang. Nội dung gồm có: Tiến hành tác pháp; 3. Xả và thọ y bát, a. I. Chánh văn, Tứ phần Giới bổn; II. Hiệp Ba y, b. Bình bát, c. Tọa cụ, d. Đãi lọc chú, gồm có 10 chương, Chương mở đầu: nước; 4. Thỉnh Y chỉ; C.IV, Truyền giới- Tựa thuyết giới, C.I Bốn pháp Ba-la-di, Thọ giới (2), 1. Ni xuất gia, a. Ni xin nuôi C.II 13 Pháp Tăng-già-bà-thi-sa, C.III Hai chúng, b. Sa-di Ni và ngoại đạo cộng trú, pháp bất định, C.IV 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-c. Thọ Thức-xoa-ma-na; 2. Thọ Tỳ-kheo dật-đề, C.V 90 pháp Ba-dật-đề. Ni giới, a. Bản lộ Yết-ma, b. Chính pháp Tập 2B, dày 348 trang. Nội dung gồm có: Yết-ma, c. Yết-ma cấm Tỳ-kheo Ni nuôi Lời mở đầu, C.V, Ba-dật-đề (tt), C.VI, Ba- chúng; C.V, Bố-tát và thuyết giới, 1. la-đề-đề-xá-ni, C.VII, Pháp chúng học, Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Các giai đoạn C.VIII, Bảy pháp diệt tránh, Chương kết. tiến hành (a. Dự kỳ sám hối, b. Nhật kỳ Tác phẩm này đã được chùa Vạn Đức sám hối, c. Tập Tăng hòa hợp, d. Việc (Thủ Đức) ấn hành năm 1970, Tỳ-kheo kiểm Tăng, e. Gởi dục và thuyết tịnh, f. Thích Trí Tịnh đính chính và giới thiệu; in Yết-ma công nhận bệnh cuồng si, g. Giáo Lưu hành nội bộ năm 1987. thọ Ni, h. Thuyết giới cho Sa-di; 3. Chính thức thuyết giới, a. Các thể thức thuyết

1.260. LUẬT TỲ-NI OAI NGHI giới, b. Tác pháp thuyết giới, c. Yết-ma Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Trí Hải thuyết giới; C.VI, An cư và tự tứ: 1. An cư, Nxb Tôn Giáo – 2014 a. Duyên khởi và ý nghĩa, b. Hạn kỳ an cư, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 198 trang, c. Thọ an cư, d. Xuất giới và phá hạ; 2. Tự bìa mềm. tứ, a. Ý nghĩa, b. Tác pháp tự tứ, c. Sau tự Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tỳ-ni Nhật tứ; C.VII, Ca-thi-na, 1. Duyên khởi và ý dụng yếu lược, Những Bài kệ chú, Sa-di nghĩa, 2. Tác thành Ca-thi-na, 3. Thọ Ca- Thập Giới Tướng, Sa-di Ưng cụ Ngũ đức, thi-na, 4. Xả Ca-thi-na; C.VIII, Thọ dược- Hạ thiên Oai nghi môn (Sa-di); Hạ thiên thuyết tịnh và phân vật, 1. Thọ dược (Các Oai nghi môn (Sa-di Ni); Tỳ-ni Nhật dụng loại dược, Thể thức thọ), 2. Thuyết tịnh yếu lược (chữ Hán), Sa-di Thập Giới (Phân loại tịnh thí, Tác pháp tịnh thí), 3. Tướng (chữ Hán); Thập Giới Tướng - Sa-Phân vật (Phân loại sở hữu, Thể thức phân di Ni; Hạ thiên Oai nghi môn, Sa-di (chữ chia, Tác pháp phân vật); Thư mục tham Hán); Hạ thiên Oai nghi môn, Sa-di Ni khảo; Tiểu sử Hòa thượng. (chữ Hán); Thư mục tham khảo.

Phủ nhận yết-ma, 10. Khinh chê học giới, 1.261. LUẬT THẬP TỤNG 11. Phá hoại thực vật, 12. Nói xấu người (Sarvàstivàda-vinaya) – I Tăng sai, 13. Nói quanh, 14. Trải tọa cụ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tăng không cất; Từ vựng Phạn-Pali-Việt Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) (phaptangpgvn.net, Luật tạng) Tác phẩm Luật này gồm có: Tự ngôn (PL. 2558 – DL. 2014), Tổng luận lịch sử Luật 1.262. Thập tụng, Phàm lệ, Bảng viết tắt, C.I Ba- LUẬT THIỆN KIẾN TỲ-BÀ-SA la-di, 1. Giới dâm dục, 2. Giới trộm cắp, 3. Hán dịch: Tam tạng Tăng-già Bạt-đà-la Giới sát sinh, 4. Giới đại vọng ngữ; C.II Việt dịch (1993): Tăng tàn, 1. Cố ý làm xuất tinh, 2. Xúc Ban Phiên dịch chùa Pháp Bảo, chạm người nữ, 3. Nói năng thô tục, 4. HT. Thích Tịnh Hạnh giám tu năm 2006 Bảo người nữ đem dâm dục cúng dường, Hiệu đính và nhuận văn: 5. Làm mai mối, 6. Làm nhà riêng quá Ni sư Như Lộc – 2010 lượng, 7. Cất phòng xá lớn, 8. Vô cớ vu Bộ Luật này gồm có 18 quyển: Q.I (Giải khống, 9. Dùng chuyện nhỏ phỉ báng, 10. thích Luật Tứ phần theo Nam truyền), P.1 Phá hòa hợp Tăng, 11. Trợ bạn phá Tăng, Tựa, P.2 Bạt-xà tử kết tập Pháp tạng lần 12. Làm hoen ố nhà người, 13. Tánh thứ hai, P.3 Vua A-dục kết tập Pháp tạng ngoan cố không nghe lời khuyên; C.III Bất lần thứ ba; Q.II (tt); Q.III, (tt); Q.IV P.1 định, 1. Giới thứ nhất, 2. Giới thứ hai; Nói về nhân duyên tại Tỳ-lan-nhã, Q.V Do C.IV Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, 1. Cất y dư quá xả bỏ khổ lạc, P. Đại Mục-kiền-liên, P. hạn, 2. Ngủ lìa y, 3. Được cất chứa y (vải) Xá-lợi-phất; Q.VI P. Ca-lan-đà; Q.VII (tt); trong một tháng, 4. Nhận y của Tỳ-kheo Q.VIII; Q.IX; Q.X; Q.XI; Q.XII; Q.XIII; Ni không phải thân quyến, 5. Sai Tỳ-kheo Q.XIV; Q.XV; Q.XVI; Q.XVII; Q.XVIII. y không phải thân quyến, 7. Cất phòng xá Luật tạng) lớn, 8. Yêu cầu cúng dường y quí giá, 9. Yêu cầu chung nhau sắm y, 10. Đòi y quá 1.263. LUẬT TRÙNG TRỊ - hạn, 11. Làm phu cụ bằng tơ tằm, 12. Phu Trùng Trị Tỳ-ni Sự Nghĩa Tập Yếu cụ thuần đen, 13. Phu cụ quá phần, 14. Đại sư Trí Húc (1599-1655) Dùng phu cụ chưa đủ sáu năm, 15. Tọa cụ Chứng minh: không hoại sắc, 16. Gánh lông dê, 17. Nhờ HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014) chải lông dê, 18. Cầm giữ vàng bạc, 19. Việt dịch: Thích Hoằng Triệu Kinh doanh tài bảo, 20. Mua bán, 21. Lưu hành nội bộ, PL. 2544 – DL. 2000 Chứa bát dư, 22. Đổi bát mới, 23. Xin chỉ Quyển đầu, dày 700 trang. Nội dung gồm sợi, 24. Chỉ dẫn thợ dệt, 25. Đoạt lại y, 26. có: Lời ngỏ (Dịch giả), Lời tựa, Lời tuyển, A-lan-nhã gặp nạn lìa y, 27. Cấp thí y, 28. Duyên khởi, Tổng vấn biện, Phàm lệ,

Đề Y tắm mưa, 29. Xoay vật của Tăng về cương, Tổng Mục lục tạng; và 17 Quyển mình, 30. Thuốc bảy ngày; C.V Ba-dật-đề, (Quyển một,... đến Quyển mười bảy); 1. Cố ý vọng ngữ, 2. Mắng nhiếc, 3. Nói Pháp tạp, Nguyên bạt, Lời bạt. ly gián, 4. Khơi lại tránh sự, 5. Thuyết pháp quá 5 lời, 6. Đọc kinh chung, 7. Nói đắc pháp thượng nhân, 8. Nói thô tội, 9.

1.264. LUẬT XUẤT GIA thương mến, Sáu đặc tính của kẻ si mê, Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Sáu hạng xuất gia. Tỳ-Nại-Da Hán dịch: 1.266. LUẬT XUẤT GIA Tóm Tắt – Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) 2 Quyển Việt dịch: Tỳ-kheo Tâm Hạnh (PABBAJITA VINAYA SANKHEPA) PL. 2545 – DL. 2000 Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ Tông (1893-1981) Sách có bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. (Lưu Quyển thượng, THPG Tp. Hồ Chí Minh hành nội bộ) ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993; nội dung Nội dung của Luật này gồm có: No. 1444, Luật này gồm có: - Tiểu tựa, - Dẫn tích, - Xuất Gia Sự; No. 1445, An Cư Sự; No. Lợi ích của sự trì luật; Phần I. Truyền giới, 1446, Tùy Ý Sự; No. 1449, Yết-sĩ-na-y sự; Bổn phận làm ông thầy Hòa thượng, Phép No. 1452, Ny-đà-na (Từ Q.1 đến Q.5); truyền giới sa-di, Phép truyền Tỳ-kheo Mục-đắc-ca (Từ Q.6 đến Q.10); No. 1454, giới, Giới luật sa-di: 1. Mười phép học Bí-sô Giới Kinh; No. 1455, Bí-sô Ni Giới (Sikkhàpada), 2. Mười phép hành phạt Kinh. (Dandakamma), 3. Mười phép trục xuất (Nàsananga); Phần II. Lời dạy tiếp 1.265. LUẬT XUẤT GIA Tóm Tắt (Anusàsana), Tam học (Trisikkhà), Phạm (PABBAJITA VINAYA SANKHEPA) tội (Àpatti), Điều học (Sikkhàpada), Biệt Soạn giả: Tỳ-khưu Hộ Tông (1893-1981) biệt giải thoát thu thúc giới (Pàtimokkha Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Samvarasìla), I. Bốn điều bất cộng trụ Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 425 (Pàràjika); Phần III, II. Mười ba điều học trang, bìa cứng, nền đỏ chữ vàng. Tăng-tàn (Sangha disesa), III. Điều học Nội dung gồm có: Tiểu tựa, Dẫn tích, Lợi bất định (Aniyatta); Phần IV. IV. 30 điều ích của sự Trì luật, Truyền giới bổn phận, học ưng xả đối trị (Nissaggiya Pàcittiya); làm ông thầy Hòa thượng, Phép Truyền Phần V. VI. VII, V. Ưng đối trị giới Sa-di, Phép Truyền Tỳ-kheo giới, (Pàcittiya); Phần VIII. VI. Bốn điều học Giới luật Sa-di, Lời dạy tiếp, Tam học, ưng phát lộ (Patidesaniya), VII. Bảy mươi Phạm tội, Điều học, Biệt biệt Giải thoát lăm điều học ưng học pháp thu thúc giới, Những Điều học ngoài Giới (Sekkhiyavatta), VIII. Diệt tranh bổn trọng tội, Những Điều học ngoài Giới (Adhikarana Samatha); Phần IX. Những bổn, Tác ác, Ác khẩu, Chú giải 10 điều điều học ngoài giới bổn chú giải 10 điều lầm lạc, 14 Pháp hành, Uposatha Bố-tát, lầm lạc, 14 pháp hành (Vatta 14); Phần X. Vassà-An cư, Pavàranà-Tự tứ, Vật dùng Uposatha, Bố-tát, Vassà, An cư, Pavàranà, theo thời, Giải về cách thức, Giải về cách Tự tứ; Phần XI. Giải về cách thức giữ y dư, Giải về cách đứt, Tổng kết, Pháp Adhitthàna, Tổng kết; Trích dịch ở Tạng làm cho trở nên Sa-môn, Phương tiện cho Luật, Pháp làm cho trở nên Sa-môn, pháp sanh pháp, Tội của bậc xuất gia tu Phương tiện cho pháp sanh pháp của bậc hành không chơn chánh, Mười Pháp mà xuất gia hoặc Sa-môn, Tội của bậc xuất bậc xuất gia phải quán tưởng thường gia tu hành không chơn chánh, Mười pháp xuyên, Phật ngôn, Tỳ-kheo có 7 pháp hàng mà bậc xuất gia phải quán tưởng thường phạm hạnh thương mến, Tỳ-kheo có 7 xuyên, Phật ngôn.

Luật Xuất Gia này ấn hành lần đầu vào trì trong Đầu-đà thường nương ngụ trong năm PL. 2510 – DL. 1966. rừng, 9. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường nương ngụ gần cội cây,

10. Cách thọ trì Quyển hạ, PL. 2510 – DL. 1966; nội dung trong Đầu-đà thường ngụ trong khoảng tác phẩm Giới luật này gồm có: Tứ Thanh (đất) trống, 11. Cách thọ trì trong Đầu-đà tịnh giới (1. Biệt giải thoát thu thúc giới thường ngụ nơi mộ địa, 12. Cách thọ trì (Pàtimokkhasamvarasila), 2. Giải về tiếng trong Đầu-đà thường ở trong chỗ Tăng đã àcàra và anàcàra, 3. Gocàra và agocàra, 4. cho đầu tiên không dời đổi, 13. Cách thọ Giải về tiếng "lo sợ nhỏ nhen chút ít", 5. trì trong Đầu-đà ngăn oai nghi nằm); Giải Kết luận trong Biệt giải thoát thu thúc về sự xét đoán chung trong 13 Đầu-đà; giới, 6. Lục căn thu thúc giới Giải về phân phát Đầu-đà; Phẩm Parivàra (Indriyasamvarasìla), 7. Giải về tiếng (Trích lục trong tạng Luật), Giải về "chẳng cảm xúc", 8. Giải về tiếng "tinh Kathina (Kathina Kathà), Năm quả báo, tấn gìn giữ lục căn", 9. Thu thúc và không Cách thức thọ Kathina, Giải về thể thức thu thúc, 10. Kết luận Lục căn thu thúc thọ Kathina không được kết quả, Giải về giới); Chánh mạng thanh tịnh giới thể thức thọ Kathina được kết quả, Giải về (Àjìvapàrisuddhisìla): 1. Giải về 6 điều nguyên nhân Kathina xả, Bó buộc, Hành học, 2. Giải về 5 ác pháp, 3. Giải về sự trình Kathina xả, Pakinnakakathà,, Giải về biết vô ích, 4. Kết luận trong pháp chánh cách thức các thứ y ca-sa, Phép dâng y mạng, 5. Quán tưởng về thọ vật dụng giới, Kathina đến Tăng. 6. Cách thức quán tưởng, 7. Giải về 4 phần (phatgiaonguyenthuy.com, Tác phẩm; giới, 9. Phép quán tưởng); Pháp làm cho Sách này được tái bản PL. 2537 – DL. giới trong sạch: 1. Tội báo trong sự phá 1993. giới, 2. Giải về phương pháp làm cho giới tử trở nên trong sạch, 3. Giải về vật ô 1.267. Lược Giải nhiễm của giới, 4. Giải về điều trong sạch DANH NGHĨA LUẬT TỨ PHẦN của giới, 5. Phước báu của sự trì giới; Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – Những điều cấm rời rạc; Giải về cách cho Ban Dịch Thuật Luật Tạng và thọ; Giải về cách sám hối; Giải về Nguyên tác Hán văn: phép Đầu-đà (Dhutangakathà), Giải về Hoằng Tán Tại Tham cách thọ trì Đầu-đà (Dhutangasamàdàna Chứng minh và thẩm định: Tỳ-kheo Hoằng Vidhànàdikathà), Đầu-đà có 13 phép (1. luật HT. Thích Minh Thông Cách thọ trì trong Đầu-đà thường mặc y Chủ biên và hiệu đính: Tỳ-kheo Thích Ca-sa đáng gờm như phẩn đất, 2. Cách thọ Nguyên Chơn trì trong Đầu-đà chỉ mặc tam y, 3. Cách Thành viên dịch thuật: thọ trì trong Đầu-đà thường đi để khất TK. Thọ Phước, TK. Bửu Hà, TK. Vạn thực, 4. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường Thiện, TKN. Đức Nghiêm, TKN. Nguyên đi khất thực theo mỗi nhà, 5. Cách thọ trì Nhã, TKN. Tuệ Thành, TKN. Thành trong Đầu-đà thường ngồi ăn trong một Thông, TKN. Đức Thuận, TKN. Đức chỗ, 6. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường Thuần, TKN. Lệ Nhã, TKN. Hạnh Diệu, ăn trong một bát, 7. Cách thọ trì trong TKN. Tịnh Hiền Đầu-đà ngăn atirittabhojana, 8. Cách thọ

Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 16 x tội Ba-dật-đề, 5. Sám hối tội Ba-la-đề-đề- 24cm, dày 912 trang, bìa cứng. xá-ni, 6. Sám hối tội Đột-cát-la; X. Tạp Nội dung sơ lược gồm có: Các thuật ngữ hạnh trụ trì, 1. Sáu niệm, 2. Tác pháp tàn trong Luật Tứ Phần được sắp theo mẫu tự thực, 3. Thưa trước khi vào thôn xóm, 4. tiếng Việt từ A, B,… Y, từ chữ đầu A-bàn- Thưa vào thôn xóm phi thời, 5. Buôn bán đề quốc đến chữ sau cùng là Yêu đới. cầu lợi, 6. Hòa thượng lượng xét khi đệ tử muốn từ biệt, 7. Đón tiếp cúng dường Tỳ- 1.268. Lược Thuật CÁC PHÁP kheo trì Luật, 8. Những người nên thuyết YẾT-MA (Ngũ Phần – Thập Tụng) giới, 9. Tăng Ni tôn ty lễ kính, 10. Năm Giới Đài Viện Huệ Nghiêm cách làm tịnh rau củ quả, 11. Đắp y cao Biên dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn thắp,

12. Thụ thỉnh ứng cúng, 13. Năm vật Nxb Hồng Đức – 2020 không được chiếm dụng bán và phân chia, Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 224 14. Phụng dưỡng cha mẹ; B. Yết-ma Luật trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: A. Yết- Thập Tụng, I. Văn thụ Tam quy Ngũ giới, ma Ngũ Phần, I. Duyên khởi tác pháp, 1. II. Văn thụ tám giới, III. Văn Yết-ma xin Lượng sự như pháp và phi pháp, 2. Pháp nuôi chúng, IV. Thụ mười giới Sa-di, V. nương vào cương giới (xứ) mà phát khởi, Sa-di Ni thụ sáu pháp, VI. Văn thụ giới 3. Giới hạn tập hợp Tăng, 4. Phân biệt Tỳ-kheo Ni, VII. Đến đại Tăng thụ giới chúng như pháp và phi pháp, 5. Hòa hợp- Cụ túc, VIII. Nghi thức thụ Đại giới Tỳ- không biệt chúng, 6. Hỏi đáp về hành sự, kheo, IX. Kết Tiểu giới, X. Kết Đại giới, 7. Yết-ma như pháp; II. Kết giải các cương XI. Kết cương giới không lìa y, XII. Giải giới, 1. Pháp kết và giải cương giới nhiếp Đại giới, XIII. Sai người làm chấp sự cho Tăng, 2. Pháp kết và giải cương giới nhiếp Tăng, XIV. Văn thụ An cư, XV. Thụ nhật, thực; III. Thụ và xả các giới pháp, IV. Thụ XVI. Văn Bố-tát; C. Các pháp Yết-ma của tịnh y và dược, 1. Pháp thụ trì ba y, 2. Đại Sa-môn, I. Pháp Yết-ma trừ tội Tăng- Pháp thụ dược (thuốc men), 3. Pháp tịnh già-bà-thi-sa có phú tàng, 1. Yết-ma trao thí (thuyết tịnh) ba y dư, 4. Pháp thỉnh chủ Ba-lợi-bà-sa, 2. Yết-ma trao pháp Ma-na- tịnh thí, 5. Chính thức thuyết tịnh, 6. Pháp đỏa, 3. Yết-ma Ba-lợi-bà-sa xuất tội; II. tịnh thí vàng bạc-lúa gạo; V. Nghi thức Yết-ma trừ tội Tăng-già-bà-thi-sa không Bố-tát; VI. Pháp chế An cư, 1. Tam ngữ phú tàng, 1. Yết-ma trao Ma-na-đỏa, 2. An cư, 2. Tâm niệm An cư, 3. Thụ nhật ra Yết-ma Ma-na-đỏa xuất tội, 3. Yết-ma bản khỏi đại giới An cư, 4. Pháp Yết-ma thụ trị (bản nhật trị), 4. Yết-ma bản trị xuất nhật, 5. Pháp tam ngữ thụ nhật; VII. Tự tứ tội; III. Pháp sám tội Thâu-lan-giá; IV. thanh tịnh, 1. Sai người nhận Tự tứ, 2. Văn sám hối tội Ba-dật-đề; V. Văn sám Đơn bạch nhiếp chúng sau khi được Tăng hối tội Hướng bỉ hối, VI. Văn sám hối tội sai, 3. Chính thức nói lời Tự tứ, 4. Lược Đột-cát-la; VII. Văn các pháp Yết-ma tẩn, Tự tứ, 5. Pháp Tự tứ bốn người trở xuống, VIII. Tăng Yết-ma sai người xử đoán, IX. 6. Pháp Ni sai người Tự tứ; VIII. Thụ thí Y Ca-hi-na; X. Yết-ma phân xử vật của chia y, 1. Tỳ-kheo đắp y phấn tảo, 2. Pháp Tỳ-kheo qua đời, XI. Yết-ma trao y vật phân chia vật của Tỳ-kheo qua đời; IX. cho người chăm sóc Tỳ-kheo bệnh, XII. Sám hối các tội đã phạm, 1. Sám hối tội Các pháp đơn bạch, XIII. Yết-ma sai Ba-la-di, 2. Sám hối tội Tăng-già-bà-thi- người nhận Tự tứ cho Tăng. sa, 3. Sám hối tội Thâu-lan-giá, 4. Sám hối

21. Giới hành thứ mười, 22. Giới hành thứ

M mười một, 23. Giới hành thứ mười hai, 24. Giới hành thứ mười ba, 25. Giới hành thứ mười bốn, 26. Giới hành thứ mười lăm, 27. Giới hành thứ mười sáu, 28. Giới hành 1.269. MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIỚI LUẬT – thứ mười bảy, 29. Giới hành thứ mười Tập 1 Tác giả: Tỳ-kheo Thích Phước Sơn tám, 30. Giới hành thứ mười chín, 31. Giới Nxb Phương Đông – 2006 hành thứ hai mươi, 32. Giới hành thứ hai Tác phẩm về Giới luật này có 392 trang, mươi mốt, 33. Giới hành thứ hai mươi hai, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, 34. Giới hành thứ hai mươi ba, 35. Giới Đôi nét về Giới luật, Các cấp độ Giới hành thứ hai mươi bốn, 36. Giới hành thứ pháp, Tính chất giáo dục của Giới luật hai mươi lăm; 37. So sánh giữa Bốn giới Phật giáo, Giới luật là công truyền hay bí và Giới Kinh. truyền, “Thập Tuế Tằng-giá” là thế nào?

N Giới luật có thể thay đổi được không? Trách nhiệm làm thầy, Phép cung kính, Các già-nạn đối với người xuất gia, Thể thức cử tội, Thể thức sám hối các tội, Phương pháp diệt tránh, Kiết hạ An cư, Ý 1.271. NỀN TẢNG THIẾT LẬP GIỚI nghĩa Tự tứ, Thể thức Tự tứ, Ý nghĩa của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Y Ca-thi-na, Pháp phục-ý nghĩa và công Thích Viên Giác dụng, Tháp-ý nghĩa và công dụng, Ba Nxb Phương Đông – 2010. Sách có khổ mươi lăm tác hại của rượu, Lời khuyên bỏ 14.5 x 20.5cm, có hơn 87 trang, bìa mềm. rượu thịt. Nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu; C.I Quá trình hình thành Giới, 1. Giáo 1.270. pháp là Giới, 2. Ba pháp Quy y là Giới, 3. MƯỜI GIỚI ĐỨC THÁNH SA-DI Giới Kinh, 4. Ni giới, 5. Giới bổn; C.II Tu viện Chơn Như (Kinh sách đạo đức của Giới luật cơ sở của Đạo đức, 1. Khái niệm mọi người) về Đạo đức, 2. Các quan niệm về Đạo đức, PL. 2548 – DL. 2004 3. Mục tiêu của Đạo đức, 4. Cơ sở xây Sách dày hơn 249 trang; nội dung gồm có: dựng Đạo đức; C.III Nền tảng của Giới 1. Lời nói đầu, 2. Tiểu sử La-hầu-la, 3. La- luật, 1. Từ bi, 2. Trí tuệ; Kết luận. hầu-la, 4. Chú bé không biết mặt cha, 5. Thầy Sa-di đầu tiên, 6. Giáo giới La-hầu- 1.272. NIỀM TIN BẤT HOẠI ĐỐI VỚI la, 7. Thầy Sa-di có thể ở chung, 8. Đức THÁNH GIỚI nhẫn nhục, 9. Lịch trình chứng đạo, 10. Tác giả: Thích Thái Hòa Nhập diệt, 11. Giới thiệu Giới hành Sa-di, Chứng minh: HT. Thích Huyền Quang – 12. Giới hành thứ nhất, 13. Giới hành thứ HT. Thích Đức Nhuận hai, 14. Giới hành thứ ba, 15. Giới hành Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 14.5 thứ tư, 16. Giới hành thứ năm, 17. Giới x 20.5cm, dày 731 trang, bìa cứng, chữ tựa hành thứ sáu, 18. Giới hành thứ bảy, 19. màu đỏ, có hình Đức Phật Thích-ca Giới hành thứ tám, 20. Giới hành thứ chín, chuyển pháp luân.

Nội dung gồm có 8 chương như sau: C.I, T.1 Lối vào, T.2 Ý nghĩa của Giới, T.3 Bản chất của Giới, T.4 Chức năng của Giới, T.5 Lợi ích của sự lãnh thọ và hành NG trì Giới, T.6 Tai hại của sự phá Giới, T.7 1.273. NGŨ GIỚI BIỂU GIẢI Nguyên tắc Trì Phạm, T.8 Phân khoa của Nguyên tác Hán văn: Pháp sư Sám Vân Giới; C.II, Cận sự Giới, T.1 Ý nghĩa và Soạn dịch: Thích Thiện Mãn – duyên khởi, T.2 Truyền và thọ, T.3 Những Thích nữ Chúc Hòa vị thọ trì cận sự giới tiêu biểu thời Đức Nxb Đồng Nai – 2018 Phật; C.III, Cận trú Giới, T.1 Ý nghĩa và Sách có khổ 13 x 19cm, có hơn 88 trang, duyên khởi, T.2 Thọ trì trai giới, T.3 Giới bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, tướng, T.4 Lợi ích của sự thọ trì trai giới; Lời ngỏ Cẩn bạch; Giới thứ nhất: Không C.IV, Sa-di giới, Sa-di Ni giới và Thức-Sát sanh, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. xoa-ma-na, T.1 Sa-di giới, T.2 Sa-di Ni Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội giới, T.3 Thức-xoa-ma-na; C.V, Tỳ-kheo nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. giới, T.1 Ý nghĩa, T.2 Thọ và Đắc, T.3 Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích Tiến hành tác pháp trao giới, T.4 Tổng của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; Giới quát về học giới; C.VI, Tỳ-kheo Ni giới, thứ hai, Không Trộm cắp, 1. Giải thích tên T.1 Thọ và Đắc, T.2 Thiên, Tụ và Đối gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên chiếu; C.VII, Thập thiện giới, T.1 Dẫn phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và nhập và ý nghĩa, T.2 Thọ và Đắc, T.3 Giới ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, tướng, Trì phạm và Nghiệp đạo, T.4 Duy 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp trì và phát triển, T.5 Hiệu quả và tổng kết; đối trị; Giới thứ ba, Không Tà dâm, 1. C.VIII, Bồ-tát giới, T.1 Tổng luận, T.2 Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ Nguyên ủy của Bồ-tát giới, T.3 Thọ và lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Đắc, T.4 Giới tướng, T.5 Trì phạm,

Sám Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của hối và Nuôi dưỡng, T.6 Lịch sử phát triển việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Bồ-tát giới; Thư mục tham khảo. Phương pháp đối trị; Giới thứ tư, Không Nói dối, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; Giới thứ năm, Không Uống rượu, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; Phụ lục: 1. Tu Ba Pháp nhẫn, 2. Tu Ba Tâm từ, 3. Thực hành pháp tu "Tứ niệm xứ", 4. Thọ giới và Sám hối, 5. Pháp ngữ trong Kinh luận, 6. Nguồn gốc

phạm giới tạo nghiệp, 7. Người học Luật có hai điểm cần phải chú ý, 8. Nêu tóm yếu về Năm điều giới; Lời bạt, Phần chữ Hán. NGH 1.275. NGHI BỐ-TÁT 1.274. NGŨ GIỚI Là Thường Giới Của Tu viện Phước Long Mọi Người (Pancasìla Niccasìla) Phiên dịch và tập thành: Tỳ-kheo Hộ Pháp (Dhammarakkhita Thích Giác Thiện Bhikkhu) Nxb Tôn Giáo – 2010 Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2016 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 343 Sách có khổ 12 x 18cm, dày hơn 402 trang, bìa cứng màu vàng chữ đỏ. trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ màu vàng, có Tác phẩm này gồm có 3 phần. Phần I. Bố- tay gấp. Nội dung sơ lược gồm có: Lời nói tát Tỳ-kheo; Phần II. Bố-tát Tỳ-kheo Ni đầu; Ngũ Giới Là Thường Giới của Mọi giới; Phần III. Bố-tát Bồ-tát giới; Phật Người, Nghi thức Thọ phép Quy y Tam thuyết Phạm Võng Kinh. bảo và Thọ trì Ngũ giới, Giảng giải về Ngũ giới, 1. Điều giới tránh xa sự sát sanh, 1.276. 2. Điều giới tránh xa sự trộm cắp, 3. Điều NGHI BỐ-TÁT – AN CƯ – TỰ TỨ giới tránh xa sự tà dâm, 4. Điều giới tránh Biên soạn: xa sự nói dối, 5. Điều giới tránh xa sự Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005) uống rượu-bia; - Phân tích 4 tính chất của Nxb Hồng Đức – 2020 Ngũ giới,... Giải thích 4 tính chất phạm Sách có khổ 16 x 26cm, dày hơn 203 Ngũ giới,... - Nghiệp và quả của nghiệp trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. của mỗi điều giới...; Nhận xét về nghiệp Nội dung gồm có: 1. Nghi Bố-tát, Sa-di, và quả của nghiệp Ngũ giới,... - Ác Tỳ-kheo; 2. Nghi thọ An cư; 3. Nghi Tự nghiệp và quả của nghiệp Ngũ giới, - Đại tứ; 4. Nghi Giải giới – Thâu chung bảng; thiện nghiệp và quả của đại thiện nghiệp 5. Nghi thọ y Ca-thi-na, a. Phép bốn thầy Ngũ giới, Tính chất của Ngũ giới, Những thọ y Ca-thi-na, b. Phép ba thầy thọ y Ca- tích liên quan đến mỗi giới,... - Nghiệp và thi-na, c. Phép hai thầy thọ y Ca-thi-na, d. quả của nghiệp...; Đoạn kết; Tài liệu tham Phép một thầy thọ y Ca-thi-na; 6. Nghi Xả khảo. y Ca-thi-na; 7. Nghi Bố-tát cho Phật tử tại gia. Tác phẩm này đã xuất bản năm 2013, Nxb Hồng Đức, khổ 16 x 26cm, dày 213 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

1.277.

NGHI BỐ-TÁT – AN CƯ – TỰ TỨ

Tu viện Nguyên Thiều

Soạn dịch: Tỳ-kheo Thích Quảng Bửu

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Sách có khổ 14 x 20cm, bìa mềm, nền đỏ, 1.280. NGHI THỨC TỤNG chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Nghi GIỚI BỒ-TÁT (Của Phật Tử Tại Gia) thức Bố-tát, (cho Giới Sa-di, cho Giới Tỳ- Chùa Huệ Nghiêm – Giới Đài Viện kheo), Giới Bồ-tát, Nghi Khai Hạ, Nghi

Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Minh Thông Giải Chế. Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013 Sách có khổ 13 x 18cm, có 60 trang, bìa 1.278. NGHI THỨC QUY GIỚI mềm, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Biên soạn: Thích Trí Thủ Nghi Thức Tụng Giới Bồ-tát (Của Phật Tử Chứng minh Hòa thượng Pháp Chủ Tại Gia): Tịnh Pháp giới Chơn ngôn, Tịnh Giáo hội Tăng-già Nam Việt ấn hành, PL. khẩu nghiệp Chơn ngôn, Án Thổ địa Chơn 2519 – DL. 1975 ngôn, Phổ cúng dường Chơn ngôn, Dâng Sách có 38 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ hương, Tán hương, Đảnh lễ Tam bảo, Tán tựa màu đỏ và màu đen. Nội dung gồm có: hương, Chú Đại bi, Tán, Bài kệ khai Luật, Lời nói đầu, 1. Lời giới thiệu, 2. Ba Pháp Sáu điều Giới Trọng, Hai mươi tám điều Quy y, 3. Năm điều Giới cấm, 4. Nghi Giới Khinh; Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la- thức Quy giới, 5. Lời dặn cần thiết với mật-đa, Quỳ sám, Hồi hướng, Tam Quy y, người đã Quy y, 6. Bát Quan trai giới, a. Tụng: “Trời A-tu-la Dạ-xoa thảy,…”, chú Cầu thầy truyền thọ, b. Tự thệ thọ giới, 7. Hộ Pháp. Cách niêm hương, 8. Lịch sử Đức Phật, 9. Pháp trưởng tịnh (Bố-tát) cho người tại 1.281. NGHI THỨC TỤNG gia. GIỚI BỔN BỒ-TÁT ĐỊA TRÌ Việt dịch: Thích Chánh Pháp 1.279. Nghi Thức Tu Nội dung tác phẩm này gồm có: I. Lư BÁT QUAN TRAI GIỚI hương tán, II. Sám hối, III. Khai Kinh kệ, Phật Học Tùng Thư IV. Tụng Kinh tự: - Bốn giới Ba-la-di, - Trích lục giả: Bốn mươi mốt pháp Đột-kiết-la, Chú Hương Đạo xuất bản, PL. 2508 – DL. 1964 1.282. NGHI THỨC TỤNG Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản. Sách TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN có 75 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa Dịch giả: HT. Thích Thiện Chơn màu xanh dương và màu đỏ. Nội dung THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, gồm có: 1. Nghi thức thọ Bát Quan Trai PL. 2536 – DL. 1992 Giới, có giới sư truyền, 2. Nghi thức Tự Sách có khổ 15.5 x 23cm, có 92 trang. thọ Bát Quan Trai Giới, 3. Nghi thức Quá Toàn bộ Giới bổn này gồm có: - Nghi thức đường cháo (điểm tâm), 4. Nghi thức Ngọ tụng Tỳ-kheo Ni giới bổn (có: 8 pháp Ba- trai (cơm trưa), 5. Nghi thức Xả giới (có la-di, 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa (Tăng giới sư), 6. Nghi thức Tự xả giới, 7. Kỷ tàn), 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, 178 luật tu Bát Quan Trai Giới, 8. Thời khóa pháp Ba-dật-đề, 8 pháp Ba-la-đề-xá-ni, biểu tu Bát Quan Trai, 9. Các Thần chú 100 pháp chúng học, 7 pháp diệt tránh); - thường dùng. Nghi thức tụng Thức-xoa-ma-na Giới bổn (có: Thức-xoa-ma-na giới bổn, 4 giới căn bản, 6 pháp hành, hành pháp (có: 193 giới

pháp và 99 pháp uy nghi), Sám hối hành tội trong 3 đời, 12. Khuyên phát nguyện pháp. rộng lớn, 13. Khải bạch pháp Yết-ma, 14. Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Chính thức bạch yết-ma, 15. Dặn bảo tồn THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành 1995; giữ giới pháp, 16. Truyền 6 trọng pháp, Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005. 17. Khuyên học và giữ 28 giới khinh (truyền 28 giới khinh), 18. Lợi ích của giới 1.283. NGHI THỨC THỌ GIỚI Bồ-tát, C. Cúng hương (nếu có), D. Hồi BỒ-TÁT DU-GIÀ (Trung Hoa) hướng, E. Giới tử lễ tạ, G. Giải tiểu giới Việt dịch: Thích Pháp Chánh (nếu có kiết giới), H. Thỉnh sư về Tổ Tác phẩm này gồm có 10 phần chính: A. đường, tạ Tổ, về tịnh phòng an nghỉ. Lời dẫn, B. Nghi thức thỉnh sư; Phần I. Tác phẩm này đã được Quảng Hương Cầu sư thọ pháp; Phần II. Thỉnh Thánh Già-lam in Lưu hành nội bộ năm 1981. chứng minh; Phần III. Lễ kính Tam Bảo; Phần IV. Truyền thọ Bốn bất hoại tín; 1.285. NGHI THỨC YẾT-MA Phần V. Phát lộ sám hối; Phần VI. Thỉnh Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – sư cầu giới; Phần VII. Lập thệ nguyện, hỏi Ban Dịch Thuật Luật Tạng Già-nạn; Phần VIII. Bỉnh pháp nạp thế;

Nguyên tác Hán văn: Sa-môn Thư Ngọc Phần IX. Tuyên thuyết giới tướng, phát Việt dịch: nguyện; Phần X. Kết tán Hồi hướng. Đồng Lưu-Thành Thông-Tuệ Thành Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 341 1.284. NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI và trang. BỐ-TÁT Nội dung gồm có 2 quyển (Q. thượng có Thập Thiện và Bồ-tát Tại Gia 10 chương; Q. hạ có 10 chương), sơ lược Biên soạn: như sau: Tựa, Duyên khởi, Phàm lệ; HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) Quyển thượng, Việc Đúng thời: C.I Hắc Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 bạch sám-ma, C.II Nửa tháng Bố-tát, C.III Sách có khổ 15.5 x 23cm, có 94 trang, bìa Nhận thẻ kiết hạ, C.IV Y chỉ An cư, C.V mềm. Hối quá tu tịnh, C.VI Tự tứ giải hạ, C.VII Nội dung tác phẩm gồm có: Lời Tựa, Nghi Trao nhận Y Công đức, C.VIII Xuất y Ca- thức Truyền giới Thập thiện, II. Nghi thức hi-na ngăn lợi ích, C.IX Xả và nhận y- Truyền giới Bồ-tát tại gia: A. Phần mở thuốc, C.X Tâm niệm Xả và Thụ; Quyển đầu, I. Tại nhà phương trượng hoặc tại hạ, Việc Phi thời: C.I Kết và Giải các Tăng đường, II. Tại Tổ đường, III. Tại cương giới, C.II Thụ nhật xuất giới, C.III chánh điện, B. Phần truyền giới Bồ-tát, III. Chia vật của Tỳ-kheo qua đời, C.IV Trao Họp Tăng kết Tiểu giới, IV. Truyền giới pháp hành phú tàng, C.V Trao pháp Ma- Bồ-tát tại gia: 1. Giới tử tựu ban, Hướng na-đỏa, C.VI Xuất tội khi hết kỳ hạn hành dẫn giới tử thỉnh sư, 3. Khai đạo giới tử, 4. hạnh, C.VII Sám hối tội Thâu-lan-giá, Hỏi về già nạn (có 7 câu hỏi), 5. Giới tử C.VIII Sám hối tội Ba-dật-đề, C.IX Sám thỉnh Phật và Bồ-tát làm Thập sư, 6. Giới hối tội đáng quở trách, C.X Sám hối tội sư thay giới tử bạch xin giới, 7. Khuyên Đột-cát-la; Bạt. phát Bồ-đề tâm, 9. Gạn hỏi Pháp thọ giới, 10. Thọ bốn tín tâm bất hoại, 11. Sám hối

kheo, I. Sự phát sinh của những người xuất 1.286. NGHI TRUYỀN GIỚI gia làm Sa-môn đối với xã hội Ấn Độ, II. Tập thành: Xuất gia và Giáo đoàn, III. Xuất gia giới Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh (1927-2005) và Tỳ-kheo giới, IV. Kinh Phân biệt và PL. 2544 – DL. 2000, Lưu hành nội bộ. Tỳ-kheo giới, V. Kiền-độ bộ và Tỳ-kheo Tác phẩm này có 302 trang, bìa mềm. Nội giới; C.III Sự gia nhập của đoàn thể Tỳ- dung gồm: 1. Lời người tập thành, 2. Lễ kheo và sự y chỉ, I. Việc thọ giới của Tỳ- khai đàn và cung an chức sự, 3. Nghi kheo và phép Tam quy, II. Mười loại thọ truyền giới Sa-di, 4. Nghi tấn đàn Tỳ- cụ, III. Bạch Tứ Yết-ma thọ cụ, 1. Giới kheo, 5. Giới đàn Ni, 6. Chánh pháp Yết- đàn, 2. Cầu thỉnh Hòa thượng, 3. Lời giáo ma cho Ni, 7. Nghi truyền giới Thập thiện, huấn của vị giáo thọ sư, 4. Bạch tứ Thọ cụ 8. Nghi truyền giới Bồ-tát xuất gia, 9. Yết-ma, 5. Giáo giới về Tứ y (bốn nơi Nghi truyền giới Bồ-tát tại gia, 10. Lễ nương tựa), Tứ bất ứng tác (bốn việc nhiên hương (nếu có), 11. Giải Đại giới và không được làm), 6. Tư cách thọ cụ của Giới trường, 12. Phép bạch lễ tạ, 13. Nghi Sa-di ngoại đạo, IV. Hòa thượng A-xà-lê thức thọ Tam quy, Ngũ giới, 14. Nghi pháp và Đệ tử pháp, 1. Hòa thượng pháp, truyền giới Bát quan trai, 15. Nghi xả giới 2. Hòa thượng A-xà-lê pháp và Đệ tử Bát quan trai, 16. Phụ lục, 17. Lời bạt. pháp, C.IV Sự tổ chức của Tăng-già, I. Sự tổ chức của Tăng-già Phật giáo, II. Hiện 1.287. Nghiên Cứu GIÁO ĐOÀN PHẬT tiền Tăng-già, III. Hình thức của sự quyết GIÁO THỜI NGUYÊN THỦY – 3 Tập nghị (ba loại Yết-ma), IV. Vô Giáo chủ Nguyên tác: Mitsuo Sàto Dr. Litt – chế và không thành lập việc phá môn, V. Đại học Taisho-Tokyo-Nhật Bản Chấp hành nhơn và tài sản chung, 1. Chấp Chuyển ngữ từ Nhật ngữ sang Việt ngữ: hành nhơn, 2. Tăng-già vật; Thích Như Điển Tập II, dày hơn 413 trang, nội dung gồm Nxb Phương Đông – 2009 có 4 chương: Lời nói đầu; C.V Những sự

Sách có khổ 14 x 20cm, cả bộ (3 tập) dày tranh luận (sự chấm dứt của tranh luận) hơn 1.341 trang, bìa mềm; nội dung có 10 và những diệt tránh của Tăng-già, I. Bốn chương. loại tránh và phương pháp Diệt tránh, 1. Tập I, dày hơn 531 trang, nội dung gồm Tránh luận Tránh sự, 2. Giáo huấn Tránh có 4 chương: Lời người dịch, Lời nói đầu, sự, 3. Phạm tội Tránh sự, 4. Sự Tránh sự; Nội dung các chương, C.I Vào đề, I. Nội II. Hiện tiền Tỳ-ni Diệt tránh của Tránh dung của Luật tạng (phần giải thuyết), II. luận-Tránh sự, 1. Hiện tiền Tỳ-ni của Luật Luật tạng và niên đại đức Phật nhập Niết- Pàli, 2. Hiện tiền Tỳ-ni của những Luật bàn, III. Kết tập Kinh điển lần thứ 2 và dịch ra chữ Hán; III. Sự Tranh luận Tranh truyền thuyết về sự trì tụng Luật tạng, IV. sự của các Luật; IV. Giáo giới (lời khuyên Hai kỳ Kết tập và Luật tạng, 1. Thời kỳ bảo) việc Diệt tránh của hai tội phạm, 1. Kết tập lần thứ nhất và Luật tạng, 2. Thời Ức niệm Tỳ-ni, 2. Bất si Tỳ-ni (giới không kỳ Kết tập lần thứ hai và Luật tạng, V. Sự si mê), 3. Nhiếp tội tướng pháp, 4. Tự truyền đạo của vua A-dục và các bộ phái ngôn trị pháp, 5. Như thảo phục địa pháp, của Luật tạng, VI. Thập tụng Luật và Căn V. Diệt tránh pháp của sự Tránh sự; VI. bản Hữu bộ Luật, VII. Sự thành lập của Phán đoán quyết định; C.VI Trừng phạt Luật tạng Kiền-độ bộ; C.II Xuất gia và Tỳ- Yết-ma đối với Tăng-già, I. Sự phục tội và

xuất tội của tội Tăng-tàn, 1. Biệt trụ, Ma- thức về Tự tứ và Ca-bố-na-y; C.VIII Luật na-thùy và Phục sự, 2. Sự ở Biệt trụ trở lại chế và Tịnh pháp, I. Tứ đại giáo pháp và và Bổn nhựt trị, a. Bổn nhựt trị, b. Hợp Ngũ tịnh pháp, Thất tịnh pháp, 1. Tứ đại nhứt Biệt trụ, c. Các loại Biệt trụ; II. giáo pháp, 2. Ngũ tịnh pháp và Thất tịnh Trừng phạt Yết-ma, 1. Khổ thiết Yết-ma, pháp, II. Mười sự việc trong kỳ Kết tập lần a. Đối tượng và nhân duyên của Khổ thiết thứ 2: 1. Diêm tịnh – Muối, 2. Nhị chỉ tịnh Yết-ma, b. Hành pháp của Khổ thiết Yết- – 2 lóng tay, 3. Tụ lạc gian tịnh – nơi thôn ma (cách phục sự), c. Điều kiện để trở xóm, 4. Trụ xứ tịnh của Luật Pàli, 5. Tùy ý thành như pháp Yết-ma; III. Y chỉ-trục tịnh của Luật Pàli, 6. Cửu trụ tịnh - ở lâu xuất-hạ ý Yết-ma, 1. Y chỉ Yết-ma, a. dài, 7. Sanh hòa hợp pháp, 8. Thủy tịnh, 9. Nguyên nhân của Y chỉ Yết-ma, b. Đối Bất đạo số Ni-sư-đàn tịnh, 10. Kim ngân tượng của Y chỉ Yết-ma, c. Hành pháp, d. tịnh; Sự như pháp của Yết-ma, 2. Trục xuất Tập III, dày hơn 397 trang, nội dung gồm Yết-ma, a. Nguyên nhân của Trục xuất có: Lời đầu sách; C.VIII (tt), III. Tiền bạc Yết-ma, b. Đối tượng của Khu xuất Yết- và tịnh pháp, IV. Việc ăn uống và đồ ma, c. Hành pháp của Khu xuất Yết-ma, d. dùng, V. Phương pháp thanh tịnh hóa đồ Việc như pháp của Trục xuất Yết-ma, 3. ăn và kiểm điểm bảy sự việc, VI. Tịnh Hạ ý Yết-ma, a. Nguyên nhân của Hạ ý pháp của y giới; C.IX Phật giáo và chế độ Yết-ma, b. Đối tượng của Hạ ý Yết-ma, c. y áo, I. Tỳ-kheo ba y và Tỳ-kheo năm y, Mẫn quá pháp của Hạ ý Yết-ma, d. Việc II. Ba y của Tỳ-kheo và làm phép thanh như pháp của Hạ ý Yết-ma, e. Phục bát tịnh (tác tịnh pháp), III. Năm y của Tỳ- Yết-ma, 4. Ba loại cử tội Yết-ma, Hiển thị kheo Ni, IV. Y áo liên hệ với Tỳ-kheo và Phạm đàn pháp, a. Nguyên nhân của giới, V. Giới lìa y để ngủ, VI. Nhiếp y Bất kiến tội cử tội Yết-ma, b. Nguyên giới, VII. Ngọa cụ và y vải; C.X Sự phá nhân của Bất sám tội cử tội Yết-ma, c. Tăng của Đề-bà và kỳ Kết tập lần thứ Nguyên nhân của Bất xả ác kiến cử tội nhất, I. Sự pháp Tăng của Đề-bà, II. Kết Yết-ma, d. Đối tượng của cử tội Yết-ma, e. tập lần thứ nhất, 1. Việc chuẩn bị cho sự Hành pháp của cử Yết-ma, f. Việc cử tội Kết tập, 2. Sự Kết tập Tam tạng, 3. Các Yết-ma như pháp và không

như pháp, g. vấn đề sau khi Kết tập; Phần Phụ lục: I. Cử tội Yết-ma và Học xứ, h. Ý nghĩa đặc Ông Frawallener và Luật tạng lúc ban đầu, biệt của việc Cử tội Yết-ma, Bất kiến tội II. Nội dung của nguyên hình Kiền-độ, 1. và Bất xả ác kiến, i. Hiển thị Yết-ma, j. Thọ giới Kiền-độ, 2. Bố-tát Kiền-độ, 3. An Phạm đàn pháp; C.VII Giới Kinh và An cư, cư Kiền-độ, 4. Tự tứ Kiền-độ, 5. Bì cách Bố-tát, I. Ba-la-đề-mộc-xoa và Bố-tát, 1. Kiền-độ, 6. Dược Kiền-độ, 7. Y Kiền-độ, Tỳ-kheo và Ba-la-đề-mộc-xoa (Giới 8. Ca-bố-na y Kiền-độ, 9. Câu-đàm-di Kinh), 2. Ba-la-đề-mộc-xoa, 3. Kệ Giới Kiền-độ, 10. Yết-ma Kiền-độ, 11. Bàn-trà- Kinh của 7 vị Phật Quá khứ, 4. Tỳ-kheo lộ-già Kiền-độ, 12. Nhơn Kiền-độ, 13. Tự giới Ba-la-đề-mộc-xoa, 5. Ba-la-đề-mộc- tứ Kiền-độ, 14. Thứ thuyết giới Kiền-độ, xoa và Bố-tát, 6. Bố-tát và Ba-la-đề-mộc- 15. Diệt tránh Kiền-độ, 16. Phá Tăng xoa, II. Đời sống Tăng viện của Tăng-già Kiền-độ, 17. Ngọa cụ Kiền-độ, 18. Oai Phật giáo, 1. Sự thay đổi nếp sống của Tỳ- nghi Kiền-độ, 19. Tạp Kiền-độ, 20. Tỳ- kheo, 2. Sự thay đổi chỗ ở của Tỳ-kheo, kheo Ni Kiền-độ, 21. Lưỡng độ Kết tập. III. Sự cố định của việc An cư, IV. Nghi

NH O 1.288. 1.289. OAI NGHI – NHỮNG ĐIỀU CĂN BẢN DÀNH CHO Con Đường Của Sự Tỉnh Thức NGƯỜI MỚI XUẤT GIA Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Biên tập: Tỳ-kheo Thích Tiến Đạt Tác giả: Thích Đạt-ma Khế Định Nxb Tôn Giáo – 2013 Nxb Tôn Giáo Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 165 Nội dung, Tập 1 bao gồm: Lời phi lộ, Dẫn trang, bìa mềm. nhập, 1. Kính bậc Đại Sa-môn, 2. Phép thờ Nội dung gồm có: Lời dẫn, Phần I. Các bài thầy, 3. Theo thầy ra đi, 4. Nhập chúng; kệ chú dùng hàng ngày; Phần II. Uy nghi Tập 2 có: 5. Tùy chúng thực, 6. Phép lễ Quốc ngữ diễn Nôm; Phần III. Mộc bản – bái, 7. Thính pháp, 8. Tập học Kinh điển, Cảnh sách, A. Ngày thường, I. Buổi sáng, 9. Vào chùa am, 10. Vào thiền đường phải 1. Mộc bản, 2. Bài Cảnh sách; II. Buổi tùy chúng, 11. Giữ làm việc chúng Tăng, chiều, 1. Mộc bản, 2. Bài Cảnh sách Thảo 12. Vào nhà tắm; Tập 3 gồm: 13. Vào nhà Đường; B. Ngày trai, I. Buổi sáng, 1. Mộc xí, 14. Phép nằm ngủ, 15. Phép quanh lò bản, 2. Tịnh nghiệp đường Cảnh sách, 3. hơ lửa, 16. Phép ở trong liêu phòng, 17. Lão đường Cảnh sách, 4. Chúng chức Đến chùa cô Ni, 18. Phép đến nhà người, Cảnh sách; II. Buổi chiều, 1. Mộc bản, 2. 19. Đi khất thực, 20. Vào tụ lạc, 21. Đi Thảo Đường Hòa thượng truy tố Cảnh chợ, 22. Phàm chỗ ra làm không được tự sách, 3. Bệnh đường Cảnh sách; C. Nghi ý, 23. Đi tham học phương xa, 24. Danh thức lâm thụy, D. Nghi thức niệm thực, E. và tướng của y bát. Bài văn thỉnh chung; Phụ: Bài Thỉnh chung nghĩa, F. Văn bạch Phật; Phần IV. 1.290. OAI NGHI Sa-di học giới Nghi quỹ tụng, Phần V. CỦA HÀNG PHẬT TỬ TẠI GIA Khóa lễ hàng ngày, I. Khóa sáng, II. Khóa Biên soạn: HT. Thích Minh Chánh lễ Di-đà, huân tu… Nxb Tôn Giáo – 2008 Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 84 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời duyệt phê của Hòa thượng Tôn sư thượng Bửu hạ Lai; Ý nghĩa của việc Quy y Tam bảo, Phương thức Tiếp thọ Quy giới của hàng Phật tử, Pháp tu thông thường của Phật tử tại gia, Tác phong và hạnh kiểm của người Phật tử, Hàng Phật tử tại gia nên biết, Điều cần nhớ của người Phật tử khi đến chùa, Thập điều vô ích, Các điều cần biết của người Phật tử khi có việc Cầu an-Cầu siêu, Bốn “Không” của Phật tử, Bốn Ân của người

Phật tử tại gia, Bố-tát Ngũ giới, Bố-tát Đức Phật đến thành Thất-la-phiệt; Q.IX, Thập thiện, Bố-tát Bồ-tát giới, Chuẩn bị Độ vua Thắng Quân, Độ Ô-đà-di, Trở về nếp sống tu sĩ. thành Kiếp-tỷ-la độ dòng họ Thích-ca, Chuyện tiền thân của hiền vương; Q.X,

Đề-bà-đạt-đa đánh chết Ni cô Ốt-bát-la-

P sắc, Chuyện sói và dê, Đề-bà-đạt-đa tìm cách làm nhục Da-du-đà-la, Đề-bà-đạt-đa bỏ chất độc vào móng tay định hại Phật, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên xuống địa 1.291. PHÁ TĂNG SỰ Hán dịch: ngục thăm Đề-bà-đạt-đa, Chuyện con trâu và con lừa, Chuyện con trâu và con cáo, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh & Chuyện xuất hỷ, Chuyện chim khổng tước mái; Q.XI, Nói rõ về việc phá hoại hòa Thích Tâm Tịnh PL. 2543 – DL. 2000, Lưu hành nội bộ. hợp chúng, Những hạng người phá hòa Toàn bộ tác phẩm này có 748 trang, gồm hợp chúng, Cách định tội phá hòa hợp 20 quyển. Nội dung: - Lời nói đầu; Q.I, chúng, Chuyện con rùa và bầy kiến, Lịch sử truyền thừa của dòng họ Thích-ca Chuyện con Kim Cang Tý, Chuyện vua từ khi trái đất mới hình thành cho đến đời Từ Lực, Lý do Phật phải tu khổ hạnh 6 vua Nhĩ Sanh, Câu chuyện tiên Kiều-đáp- năm; Q.XII, Da-du-đà-la sinh con, bị hàm ma con vua Nhĩ Sanh; Q.II, Bốn vương tử- oan và tự giải oan, Chuyện người ăn trộm con vua tăng trưởng-dòng họ Thích-ca bị tài giỏi, Độ Da-du-đà-la và các thể nữ, đuổi khỏi thành, Lịch sử truyền thừa của Chuyện tiên Độc giác, Chuyện vợ chồng dòng Thích-ca từ vua Tăng-trưởng đến La- Khẩn-na-la, Lý do Da-du-đà-la mang thai hầu-la, Chuyện vua Sư Tử Giáp kết thân 6 năm, Lý do Hiền vương làm vua dòng với vua Thiện Ngộ, Bồ-tát chuẩn bị giáng họ Thích, Chuyện con vượn cúng dường thế từ thời Đổ-sử-đa, Bồ-tát đản sanh; Phật; Q.XIII, Chuyện tiền thân của Ô-ba- Q.III, Hợp tập, vui đùa cùng các bạn, Bồ-ly, Chuyện cậu con nuôi của người thợ tát cưới vợ, Du quán tứ phương; Q.IV, Bồ- cạo, Phật độ A-nan-đà, Nguyên nhân A- tát xuất gia, Tu khổ hạnh; Q.V, Bồ-tát bỏ nan-đà bị mụn nhọt, Nguyên nhân A-nan- lối tu khổ hạnh, Hàng phục ma quân và đà được vua Thắng Quân quan tâm chăm chứng quả; Q.VI, Thuyết pháp độ sanh, sóc, Chuyện thái tử Nhật Trí, Đề-bà-đạt-đa Độ nhóm 5 anh em Kiều Trần Như, Độ học thần thông, Đề-bà-đạt-đa hiện thần Da-xá, gia đình và các bạn của Da-xá, Độ thông để thu phục A-xà-thế, Đề-bà-đạt-đa nhóm 60 người hiền, Độ anh em Ca-diếp đề nghị Phật trao quyền lãnh đạo Tăng cùng nhóm ngoại đạo thờ lửa; Q.VII, Độ đoàn cho mình; Q.XIV, Năm hạng giáo anh em Ca-diếp (tt), Độ vua Tần-bà-sa-la sư, Đề-bà-đạt-đa cùng đồng bọn bàn tính và dân chúng, Chuyện tiền thân của Tần- cách phá hòa hợp Tăng và được các Tỳ- bà-sa-la và dân chúng; Q.VIII, Chuyện kheo can gián, Chuyện cậu thanh niên học tiền thân của anh em Ca-diếp, Sự tích chú thuật, Chuyện thần cây vô trí, Chuyện vườn trúc Yết-lan-đạc-ca, Trưởng giả Cấp cậu bé Thiện Đức; Q.XV, Chuyện con voi Cô Độc hội ngộ Phật và mua đất xây dựng vô ân nghĩa, Chuyện nai chúa, Chuyện tịnh xá, Xá-lợi-phất chế phục ngoại đạo, người kết vòng hoa, Chuyện con sư tử bội bạc, Chuyện người kiếm củi vô ân,

Chuyện người kiếm củi gặp cọp, Chuyện 1.292. PHÁP DIỆT TRÁNH người bệnh nhân bội bạc, Chuyện thiện (ADHIKARANASAMATHÀ hạnh, ác hạnh; Q.XVI, Chuyện vợ chồng DHAMMÀ) Tiểu Chi, Chuyện thái tử Tự Tại, Chuyện Biên soạn: Thích Nguyên Chứng cậu ấm nữ tính; Q.XVII, Chuyện cậu ấm Nxb Phương Đông nữ tính (tt), Cậu bé nghèo cúng Phật, Tác phẩm này gồm có 3 phần: Phần một: Chuyện những con chó, Cứu vật vật trả Phá Tăng, 1. Tăng hòa hiệp, 2. Sự kiện ơn, cứu người người trả oán, Chuyện Kiều-thưởng-di, 3. Đề-bà-đạt-đa; Phần chuột, sói và rắn, Vị sanh Oán hại cha hai: Diệt

tránh, I. Duyên khởi và ý nghĩa, cướp ngôi vua; Q.XVIII, Chuyện người II. Nội dung chi tiết bảy Diệt tránh (1. thợ gốm và vị Bích chi Phật, Độ hai nhạc Hiện tiền tỳ-ni, 2. Ức niệm tỳ-ni, 3. Bất si sĩ, Chuyện quạ bị hại vì chiếc mũ vàng, tỳ-ni, 4. Tự ngôn trị, 5. Tội xứ sở, 6. Đa Chuyện con cáo và dấu chân voi, Đề-bà- nhân ngữ, 7. Như thảo phú địa), III. Bảy đạt-đa tạo xe ném đá hại Phật, Chuyện Diệt tránh và Bốn Tránh sự (Ngôn tránh, người thợ săn và vị tiên, Chữa trị vết Mích tránh, Phạm tránh và Sự tránh) các thương cho Thế Tôn, Chuyện cậu bé Hỷ trường hợp áp dụng; Phần ba: Trích văn, Lạc, Chuyện con cáo và quạ, Chuyện chim Chương XVI, Diệt tránh: I. Bảy diệt tránh, Cộng mạng, Chuyện Thái tử con của phu II. Bốn tránh sự (1. Duyên khởi, 2. Ý nhân Đạt-ma; Q.XIX, Chuyện hai người nghĩa, 3. Căn nguyên, 4. Tính loại, 5. lái buôn, Chuyện hai anh em ông trưởng Tương đối), III. Tránh sự diệt: 1. Quy tắc giả, Chuyện Hai người Bà-la-môn và bé hiện tiền, 2. Diệt ngôn tránh, 3. Diệt mích gái, Chuyện Đề-bà-đạt-đa thả voi Hộ Tài tránh, 4. Diệt phạm tránh, 5. Diệt sự tránh, hại Phật, chuyện ngỗng chúa Mãn Diện, 6. Ưu-ba-ly hỏi. Chuyện vua A-tra và Trương Bình, Chuyện con cáo và sư tử, Chuyện nai chúa 1.293. Pháp Kệ và nai cái, Chuyện con cáo và voi; Q.XX, TỲ-NI NHỰT DỤNG THIẾT YẾU Chuyện bầy khỉ và giấc mộng, Chuyện Biên soạn: Tỳ-kheo Độc Thể bầy khỉ và cây độc, Chuyện con mèo và Biên dịch: Nhựt Minh bầy chuột, Chuyện hai đàn bò, Chuyện Hiệu đính: CS. Minh Ngọc bầy khỉ vớt trăng, Đề-bà-đạt-đa dụ dỗ một Chứng minh: TT. Thích Đồng Bổn số Tỳ-kheo đi theo mình, Xá-lợi-phất và Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x Mục-kiền-liên đến thức tỉnh những người 24cm, có hơn 291 trang, bìa mềm. Toàn bị Đề-bà-đạt-đa dụ dỗ, Chuyện vị khách bộ tác phẩm này gồm có: Lời tựa, Phật nói tiên dụ dỗ các vị tiên đồng, Chuyện con Kinh hy Hữu Giảo Lượng Công Đức, cáo giả làm vua cầm thú, Chuyện vợ Pháp kệ Tỳ-ni Nhựt dung thiết yếu; Phần chồng voi, Chuyện vợ chồng người bắn I, Pháp kệ Tỳ-ni: Tảo giác, Minh chung, cung và tên cướp, Vua Vị Sanh Oán vấn Văn chung, Hạ đơn, Hành bộ bất thương Phật. trùng, Xuất đường, Đăng xí, Tẩy tịnh, Khứ uế, Tẩy thủ, Tịnh diện, Thủ thủy, Ẩm thủy, Trước y, Ngũ y, Thất y, Đại y, Xuất tích trượng, Ngọa cụ, Đăng đạo tràng, Tán Phật, Lễ Phật, Phổ lễ chân ngôn, Cúng tịnh bình, Triển bát, Thọ thực, Xuất sanh,

Thị giả tống thực, Xướng Tăng bạt, Tam 1.296. Pháp Thức Và Ý Nghĩa chủy-ngũ quán, Kết trai, Tẩy bát, Thọ sấn, HÀNH TRÌ GIỚI LUẬT Thủ dương chi, Tước dương chi, Sấu Tập thành: Tâm Hạnh khẩu, Phu đơn tọa thiền, Thùy miên, Dục Nxb Phương Đông – 2006 Phật, Tán Phật, Nhiễu tháp, Khán bệnh, Sách có khổ 14 x 20cm, dày 449 trang. Thế phát, Mộc dục, Tẩy túc; Phần II, Giới Nội dung gồm: - Lời giới thiệu; Phần CHỈ luật căn bản: 1. Tam quy y giới pháp, 2. TRÌ – Giới, C.I So sánh sự hành trì giới Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di ngũ giới pháp, 3. Tỳ-kheo của Nam tông và Bắc tông tại Sa-di và Sa-di Ni thập giới pháp, 4. Thức- Việt Nam, I. Nguồn gốc hình thành tạng xoa-ma-na giới pháp, 5. Bát quan trai giới Luật: 1. Đại hội kết tập lần thứ nhất và pháp; Phụ bản 1. Nghi thức thọ Bát quan hình thành Luật tạng khẩu truyền, 2. Đại trai, 2. Nghi thức tự thệ thọ Bát quan trai, hội kết tập lần thứ hai tại thành Tỳ-xá-ly 3. Lịch bố tát Bồ-tát giới, Phụ trương: (Vesaly), 3. Thượng tọa bộ và Đại chúng Tổng quan về pháp y Ca-sa. bộ phân phái, 4. Sơ lược lịch sử về Pháp tạng bộ và Tứ phần luật, 5. Nội dung giới 1.294. Pháp Tạng Bộ - bản Tỳ-kheo, 6. Sơ lược lịch sử về hình LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO thành

Thượng tọa bộ Tích Lan và Luật Giới Tướng Biểu Ký Nam truyền, 7. Nội dung Luật tạng Pali; Nguyên tác: Luật sư Hoằng Nhất II. Truyền thừa-phiên dịch: 1. Ấn Độ - Chứng nghĩa: HT. Luật sư Thích Đỗng Tích Lan, 2. Ấn Độ - Trung Hoa, 3. Việt Minh (1927-2005) Nam; III. Quan điểm về thọ Tỳ-kheo giữa Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh hai tông; C.II Điều kiện truyền và thọ giới Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 Tỳ-kheo; C.III Chức vụ trong giới đàn và Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 310 trang, qui định túc số truyền giới, thọ giới; C.IV bìa mềm. Phân loại về giới của Tỳ-kheo; C.V Giới Xem: Luật Tứ Phần Tỳ-kheo Giới Tướng Tỳ-kheo; Phần TÁC TRÌ – Luật, C.1 Bố- Biểu Ký do Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh dịch. tát, C.2 An cư, C.3 Tự tứ, C.4 Cương giới, C.5 Truyền giới Sa-di, C.6 Truyền giới 1.295. Pháp Tu BÁT QUAN TRAI Tỳ-kheo, C.7 Trình tự thọ Tỳ-kheo Ni Tỳ-kheo Thích Như Hiển giới, Vài suy nghĩ về phát giáo. Nxb Tôn Giáo – 2007 Sách có khổ 14 x 20cm, có hơn 30 trang, 1.297. PHÁP YẾT-MA CHỈ NAM (Tập bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời người I & II) Tập thành, A. Dẫn nhập, B. Chánh đề; I. Dịch giả: Định danh về Bát Quan Trai giới, II. Nội HT. Thích Bình Minh (1924-1988) dung Bát Quan Trai giới, III. Thế nào là THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Trai giới thanh tịnh? IV. Công đức và Lợi PL. 2535 – DL. 1991 ích của sự Thọ trì Bát Quan Trai giới; V. Sách có khổ 15.5 x 23cm, tổng cộng 2 tập Kết luận; Phụ lục, Nghi lễ, Nghi thức Thọ có hơn 610 trang, bìa mềm. Nội dung 2 tập trai, Kỷ luật Tu Bát quan trai giới trong 24 có 12 quyển, 15 chương. giờ. Tập I, có hơn 312 trang, từ quyển 1 – 6, gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Bài tựa Pháp Yết-ma chỉ nam, Pháp Yết-ma

chỉ nam đại chương mục, Quyển 1, Tác phẩm Luật này được chùa Huệ Chương 1. Bàn duyên thành hoại; Quyển Nghiêm (Q. Bình Tân, Tp. HCM) in lưu 2, Chương 2. Kết giải mọi giới; Quyển 3, hành nội bộ năm 2008. Sách có khổ 14.5 x Chương 3. Độ người thụ giới; Quyển 4, 20.5cm, dày 258 trang. Chương 4. Nửa tháng thuyết giới; Quyển 5, Chương 5. Kết hạ, an cư; Chương 6. 1.299. PHÂN TÍCH Thụ ngày ra ngoài giới; Chương 7. Chín GIỚI TƯỚNG TỲ-KHEO NI tuần tự tứ; Chương 8. Y công đức; Quyển và PHƯƠNG THỨC SÁM TỘI 6, Chương 9. Y bát thụ xả; Chương 10. Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Minh Thông Trao nhận các loại thuốc; Chương 11. Vật Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 14 dư thuyết tịnh; Chương 12. Được vật cho, x 20cm, dày 401 trang, bìa mềm. nhận chia; chương 13. Xử đoán vật của Nội dung gồm có 2 phần: Lời nói đầu; A. người mất. Dẫn nhập; B. Nội dung, Phần I. Giới Tập II, có hơn 298 trang, từ quyển 7 – 12, tướng Tỳ-kheo Ni, C.1 Ba-la-di, C.2 gồm có: Pháp Yết-ma chỉ nam, Quyển 7, Tăng-tàn, C.3 Xả-đọa, C.4 Nhóm tội nhẹ; Chương 14. Sáu tụ sám hối; Quyển 8 - Phần II. Phương thức Sám tội, C.5 Trị tội Quyển 9, 33 văn Yết-ma thuộc Tăng; người phạm Ba-la-di, C.6 Thể thức Sám Quyển 10, Bốn văn Yết-ma thuộc Ni; hối tội Tăng-tàn, C.7 Sám tội Thâu-lan- Quyển 11 - Quyển 12, Chương 15. Trái giá, C.8 Sám hối tội Xả đọa, C.9 Sám hối tình trị phạt. các tội nhẹ; C. Kết luận, Khuyến tu, Thư Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm mục tham khảo. 1981; tái bản năm 2015, Nxb Hồng Đức (in chung một quyển), khổ 16 x 24cm, bìa 1.300. PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU – mềm. 2 Tập Theravàda – Phật giáo Nguyên Thủy 1.298. PHÂN TÍCH Dịch giả: GIỚI TƯỚNG TỲ-KHEO và Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng) PHƯƠNG THỨC SÁM TỘI Nxb Tôn giáo, PL. 2549 – DL. 2005. Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Minh Thông Tập 1, Phân Tích Giới Tỳ-khưu, có 601 Nxb

Phương Đông – 2011 trang, gồm 5 chương: Phần đầu là Lược đồ Sách có khổ 14 x 20cm, có 273 trang, bìa Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt. mềm. I. Chương Veranjà: Tụng phẩm Veranja, Toàn bộ tác phẩm có 2 phần. Phần I, Phân Phần duyên khởi, Giảng về ân Đức Phật, tích về giới tướng Tỳ-kheo, bao gồm 5 Giảng về vị Bà-la-môn Veranja, Giảng về chương: 1. Ba-la-di, 2. Tăng tàn, 3. Bất trí, Trí ghi nhớ về các kiếp sống trước, Trí định, 4. Xả đọa, 5. Nhóm tội nhẹ; Phần II, về sự sanh tử của chúng sanh, Trí đoạn tận nói về Phương pháp sám tội, có 5 chương: các lậu hoặc, Sự đi đến nương nhờ của vị 6. Trị phạt người phạm tội Ba-la-di, 7. Thể Bà-la-môn Veranja, Sự nhận lời về việc cư thức sam hối tội Tăng-tàn, 8. Sám tội trú mùa mưa ở Veranja, Giảng về sự khan Thâu-lan-giá, 9. Sám hối tội Xả-đọa, 10. hiếm vật thực ở Veranja, Giảng về tiếng Sám hối các tội nhẹ. Cuối sách là phần rống Sư tử của Mahamoggallana, Sự thỉnh Khuyến tu, Thư mục tham khảo. cầu về việc qui định điều học của Sariputta, Sự thuyết giảng giáo pháp cho

vị Bà-la-môn Veranja, Sự du hành trong dẫn giải), 2. Điều học về xúc chạm thân xứ sở của Đức Thế Tôn; thể (Chuyện về vị Udayi, Sự quy định điều II. Chương Parajika, Điều Parajika thứ học, Phân tích từ ngữ, Chuyện dẫn giải), 3. nhất, Tụng phẩm Sudinna, Giảng về sự Điều học về lời nói thô tục (Chuyện về vị xuất gia của Sudinna, Sự đi đến nhà cha Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích từ mình của Sudinna, Sự cầu xin chủng tử ngữ, Chuyện dẫn giải), 4. Điều học về sự của mẹ cha, Xúi dục về việc đôi lứa với hầu hạ tình dục cho bản thân (Chuyện về người vợ cũ của Sudinna, Sự trình lên đức vị Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích Thế Tôn bởi những vị Tỳ-kheo bạn, Sự từ ngữ, Chuyện dẫn giải), 5. Điều học về qui định điều học của đức Thế Tôn, Sự qui việc mai mối (Chuyện vị Udayi, Sự quy định căn bản; Chuyện con Khỉ, Sự thực định căn bản, Sự tiến hành việc mai mối hiện việc đôi lứa với khỉ cái của vị Tỳ- cho cuộc tình phút chốc của Udayi, Sự kheo nọ, Sự qui định lần hai; Tụng phẩm quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Chuyện Được che phủ, Sự thực hiện đôi lứa của dẫn giải), 6. Điều học về làm cốc liêu các Tỳ-kheo Vajjiputtaka, Sự qui định lần (Chuyện làm cốc liêu của các vị Tỳ-kheo ba, Phân tích từ ngữ; Chuyện dẫn giải, ở thành Alavi, Giảng về rồng chúa Điều Parajika thứ nhì, Giảng về việc làm Manikantha, Giảng về vị Tỳ-kheo nọ sống liêu cốc của Dhaniya con trai người thợ ở Hi-mã-lạp sơn, Giảng về Rafthapala, Sự gốm, Giảng về việc lấy trộm đồ vật của quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 7. Đức vua, Sự quy định căn bản, Giảng về Điều học về làm trú xá (Chuyện về vị việc lấy trộm gói đồ nhuộm của các Tỳ- Channa, Sự quy định điều học, Phân tích kheo nhóm Lục sư, Sự quy định lần hai, từ ngữ), 8. Điều học thứ nhất về vị xấu xa Phân tích từ ngữ, Tiêu đề hướng dẫn, sân hận, Giảng về việc phân bố chỗ trú Chuyện dẫn giải, Điều Parajika thứ ba, ngụ của Dabbamallaputta, Chuyện về các Đức Thế Tôn giảng (đề mục) tử thi cho Tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, các Tỳ-kheo ở Vesali, Giảng về việc sai Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), bảo đoạt lấy mạng sống của các Tỳ-kheo ở 9. Điều học thứ nhì về vị xấu xa sân hận Vesali, Giảng về định của niệm hơi thở ra (Chuyện về các Tỳ-kheo nhóm Mettiya và hơi thở vào, Sự quy định căn bản, Sự quy Bhummajaka, Sự quy định điều học, Phân định lần hai, Phân tích từ ngữ, Tiêu đề tích từ ngữ), 10. Điều học thứ nhất về chia hướng dẫn, Chuyện dẫn giải, Điều rẽ hội chúng (Sự cầu xin năm sự việc

của Parajika thứ tư, Sự tuyên bố về pháp Devadatta, Sự quy định điều học, Phân Thượng nhân của các Tỳ-kheo ở bờ song tích từ ngữ), 11. Điều học thứ nhì về chia Vaggumuda, Giảng về năm kẻ cướp lớn, rẽ hội chúng (Chuyện về vị Devadatta, Sự Sự quy định căn bản, Sự quy định lần hai, quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 12. Phân tích từ ngữ, Các trường hợp đơn Điều học về sự khó dạy (Chuyện sai trái giản, Giảng về trường hợp "có ý định nói", của Channa, Sự quy định điều học, Phân Giảng về các trường hợp liên quan đến vật tích từ ngữ), Điều học về vị làm hư hỏng dụng, Chuyện dẫn giải; các gia đình (Chuyện sai trái của các vị III. Chương Sanghadisesa, 1. điều học về nhóm Assaji và Punabbasuka, Sự quy định việc xuất ra tinh dịch (Chuyện về vị điều học, Phân tích từ ngữ); Seyyasaka, Chuyện quy định lần đầu, Sự IV. Chương Aniyata, 1. Điều học Aniyata quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Chuyện thứ nhất (Chuyện về vị Udayi, Sự quy

định điều học, Phân tích từ ngữ), 2. Điều hai phần (Chuyện về các vị Lục sư, Sự học Aniyata thứ nhì (Chuyện về vị Udayi, quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 4. Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ); Điều học về sáu năm (Chuyện về việc bảo V. Chương Nissaggiya, Phẩm Y, 1. Điều làm tấm trải nằm hàng năm, Sự quy định học thứ nhất về Kathina (Chuyện về các vị căn bản, Chuyện về việc cầu xin sự đồng ý Lục sư, Sự quy định căn bản, Chuyện y về tấm trải nằm, Sự quy định lần hai, Phân phụ trội của Ananda, Sự quy định lần hai, tích từ ngữ), 5. Điều học về tấm lót ngồi Phân tích từ ngữ), 2. Điều học thứ nhì về và tấm trải nằm (Chuyện quăng bỏ các tấm Kathina (Chuyện du hành trong xứ sở với trải nằm, Sự quy định điều học, Phân tích y nội và thượng y của các Tỳ-kheo, Sự từ ngữ), 6. Điều học về các lông cừu quy định căn bản, Sự quy định lần hai, (Chuyện mang lông cừu, Sự quy định điều Phân tích từ ngữ), 3. Điều học thứ ba về học, Phân tích từ ngữ), 7. Điều học về việc Kathina (Chuyện y ngoài hạn kỳ của vị bảo giặt lông cừu (Chuyện về việc bảo giặt Tỳ-kheo nọ, Sự quy định điều học, Phân lông cừu của các vị nhóm Lục sư, Sự quy tích từ ngữ), 4. Điều học về y cũ (Chuyện định điều học, Phân tích từ ngữ), 8. Điều về người vợ cũ của Udayi, Sự quy định học về vàng bạc (Chuyện thọ lãnh vàng điều học, Phân tích từ ngữ), 5. Điều học về bạc của Upananda, Sự quy định điều học, nhận lãnh y (Chuyện Udayi nhận lãnh y từ Phân tích từ ngữ), 9. Điều học về việc trao Tỳ-kheo Ni Uppalavanna, Sự quy định căn đổi bằng vàng bạc (Chuyện trao đổi bằng bản, Chuyện về việc không nhận lãnh y vàng bạc của các vị nhóm Lục sư, Sự quy trao đổi, Sự quy định lần hai, Phân tích từ định điều học, Phân tích từ ngữ), 10. Điều ngữ), 6. Điều học về việc yêu cầu người học về việc mua bán (Chuyện về việc tiến không phải là thân quyến (Chuyện về vị hành mua bán của Upananda, Sự quy định Upananda, Sự quy định căn bản, Chuyện điều học, Phân tích từ ngữ); 5.3 Phẩm các Tỳ-kheo lõa thể, Sự quy định lần hai, Bình bát, 1. Điều học về bình bát (Chuyện Phân tích từ ngữ), 7. Điều học về vượt quá tích trữ bình bát của các vị nhóm Lục sư, số y ấy (Chuyện về việc yêu cầu nhiều y, Sự quy định căn bản, Chuyện bình bát phụ Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), trội của Ananda, Sự quy định lần hai, Phân 8. Điều học thứ nhất về (số tiền) đã được tích từ ngữ), 2. Điều học về chưa đủ năm chuẩn bị (Chuyện về việc đưa ra sự căn miếng vá (Chuyện yêu cầu bình bát của dặn về y của Upananda, Sự quy định điều các vị nhóm Lục sư, Sự quy định điều học,

học, Phân tích từ ngữ), 9. Điều học thứ nhì Phân tích từ ngữ), 3. Điều học về Dược về (số tiền) đã được chuẩn bị (Chuyện về phẩm (Chuyện về vị Pilindivaccha, Sự quy việc đưa ra sự căn dặn về y của Upananda, định điều học, Phân tích từ ngữ), 4. Điều Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), học về vải choàng tắm mưa (Chuyện tìm 10. Điều học về Đức vua (Chuyện về vị kiếm vải choàng tắm mưa của các vị nhóm Upananda, Sự quy định điều học, Phân Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ tích từ ngữ), 5.2 Kosiyavaggo – Phẩm Tơ ngữ), 5. Điều học về việc giật lại y tắm, 1. Điều học về tơ tắm (Chuyện về các (Chuyện về việc giật lại y của Upananda, vị Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), từ ngữ), 2. Điều học về thuần màu đen 6. Điều học về yêu cầu chỉ sợi (Chuyện (Chuyện về các vị Lục sư, Sự quy định yêu cầu chỉ sợi của các vị nhóm Lục sư, điều học, Phân tích từ ngữ), 3. Điều học về Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ),

7. Điều học quan trọng về thợ dệt (Chuyện có cặp vợ chồng, Thứ nhất về ngồi nơi kín đưa ra sự căn dặn về chỉ sợi đối với thợ đáo, Thứ nhì về ngồi nơi kín đáo, Đi thăm dệt của Upananda, Sự quy định điều học, viếng, Vị Mahanama, Quân đội động binh, Phân tích từ ngữ), 8. Điều học về y đặc Trú ngụ nơi binh đội, Nơi tập trận; 6.6 biệt (Chuyện về việc vượt quá thời hạn Phẩm uống rượu, Có 10 Điều học về: của y đặc biệt, Sự quy định điều học, Phân Uống rượu, Thọc lét bằng ngón tay, Chơi tích từ ngữ), Sự quy định điều học, Phân giỡn, Sự không tôn trọng, Việc làm cho tích từ ngữ), 9. Điều học về (chỗ ngụ) kinh sợ, Ngọn lửa, Việc tắm, Việc làm nguy hiểm (Chuyện về việc để lại y ở hoại sắc, Chú nguyện để dùng chung, Việc trong xóm nhà, Sự quy định điều học, thu giấu y; 6.7 Phẩm có sinh vật, Có 10 Phân tích từ ngữ), 10. Điều học về "Đã Điều học về: Việc cố ý (giết) sinh vật, được thuyết phục" (Chuyện các vị nhóm (nước) có sinh vật, Việc khơi lại, Tội xấu Lục sư thuyết phục dâng lợi lộc thuộc về xa, Người kém 20 tuổi, Đám người đạo hội chúng đến bản thân, Sự quy định điều tặc, Việc hẹn trước, Vị Aritha, Việc hưởng học, Phân tích từ ngữ), Dứt bộ thụ chung với vị bị án treo, Sa-di Kantaka; Parajikapali; Phần Phụ chú, Các bản dịch 6.8 Phẩm (Nói) theo pháp, có 10 Điều học của Tỳ-kheo Indacanda. về: (Nói) theo pháp, Việc gây ra sự bối Tập 2, Phân Tích Giới Tỳ-khưu, có 459 rối, Sự giả vờ ngu dốt, Cú đánh, Việc dơ trang, gồm: - Lược đồ Tam tạng, - Lời giới tay (dọa đánh), Không có nguyên cớ, Cố thiệu, - Các chữ viết tắt; VI. Chương ý, Việc nghe lén, Việc ngăn cản hành sự, Pacititiya, 6.1 Phẩm nói dối, có 10 Điều Việc bỏ đi không trao ra sự tùy thuận, Vị học về: Nói dối, Nói lời mắng nhiếc, Nói Dbba, Việc thuyết phục dâng; 6.9 Phẩm đâm thọc, Pháp theo từng câu, Nằm chung Đức vua, Các Điều học về: Hậu cung của chỗ ngụ, thứ nhì về nằm chung chỗ ngụ, đức vua, Vật quý giá, Việc vào làng lúc Thuyết pháp, Tuyên bố sự thực chứng, sái thời, Ống đựng kim, Giường nằm, Độn Công bố tội xấu, Việc đào đất; 6.2 Phẩm bông gòn, Tấm lót ngồi, Y đắp ghẻ, Vải thảo mộc, Có 10 Điều học về: Thảo mộc, choàng tắm mưa, Trưởng lão Nanda; VII. Nói tránh né, Việc phàn nàn, Thứ nhất về Chương Patidesaniya, có 4 Điều học, VIII. chỗ nằm ngồi, Thứ hai về chỗ nằm ngồi, Các điều Sekhiya; 8.1 Phẩm tròn đều, có Việc chen vào, Việc lôi kéo ra, Căn gác 10 Điều học; 8.2 Phẩm cười vang, có 10 lầu, Trú xá lớn, (nước) có sinh vật; 6.3 Điều học; 8.3 Phẩm chống nạnh, có 10 Phẩm giáo giới Tỳ-kheo Ni, Có 10 Điều Điều học; 8.4 Phẩm nghiêm trang, có 10 học về: Giáo giới, (mặt

trời) đã lặn, Chỗ Điều học; 8.5 Phẩm vắt cơm, có 10 Điều ngụ của Tỳ-kheo Ni, Vật chất, Cho y, May học; 8.6 Phẩm tiếng sột sột, có 10 Điều y, Việc hẹn trước, Việc lên thuyền, Được học; 8.7 Phẩm giày dép, có 15 Điều học; môi giới, Ngồi nơi kín đáo; 6.4 Phẩm vật Phần tóm lược các điều Sekhiya; IX. Các thực, Có 10 Điều học về: Vật thực ở pháp dàn xếp tranh tụng; Phần Phụ chú, phước xá, Vật thực chung nhóm, Vật thực Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda. thỉnh sau, Người mẹ của Kana, Thứ nhất Tác phẩm Phân tích giới Tỳ-khưu, Bộ về ngăn (vật thực), Vật thực sái giờ, Tích Phân tích Giới bổn, 2 tập, được tái bản trữ (vật thực), Thực thượng hạng, Tăm xỉa năm PL. 2558 – DL. 2014, Nxb Tôn Giáo. răng; 6.5 Phẩm đạo sĩ lõa thể, Có 10 Điều học về: Đạo sĩ lõa thể, Việc đuổi đi, Chỉ

1.301. PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHƯU Luật tứ phần, 5. Giới thể, 6. Thiền của NI - BHIKHUNIVIBHANGO Luật, 7. Phạm vi hành đạo của Thanh văn Tam Tạng Song Ngữ Pàli-Việt, tập 3 La-hán, 8. Mười nghiệp đạo lành, 9. Phạm Dịch giả: vi hoằng đạo lợi sinh của Bồ-tát, 10. Thiền Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng) của Luật Bồ-tát, 11. Thiệp thế, 12. Ý nghĩa PL. 2553 – DL. 2009. Tác phẩm Phân tích phép sám vô sinh, 13. Phép lý Sám hối, Giới Tỳ-khưu Ni có 441 trang (PDF), gồm 14. Tam Luật nghi (Bài 1), 15. Tam Luật 7 phần chính. - Mục lục tổng quát, - Lời nghi (Bài 2), 16. Tam Luật nghi (Bài 3), tựa (Lời dịch Việt của bản tiếng Sinhala), 17. Tam Luật nghi (Bài 4), 18. Lời nói đầu Thành phần Nhân sự, Tipitakapali-Tam bộ Luật Tứ phần, 19. Phật pháp Giới đức tạng Pàli, - Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, vô biên, 20. Tiếng tạo hóa với nghĩa Sắc Mẫu tự Pali-Sinhala; Nội dung: 1. Chương tạo, 21. Phát kiến sơ độ khoa học cơ bản, Parajika (Parajikakando), 2. Mười bảy 22. Phật độ vua Nhật Tử, 23. Giới thể- điều (Sanghadisesa), 3. Các điều học Giới tướng, 24. Tam qui y-Phép đầu tiên Nissaggiya, 4. Chương Pacittiya nhập đạo, 25. Thụ giới Bồ-tát làm việc (Pacittiyakando): 1. Phẩm Tỏi giúp đời, 26. Dẫn nhân nhập đạo phải làm (Lasunavaggo), 2. Phẩm Bóng tối đúng Luật Phật dạy, 27. Bổ sung Luật Tứ (Andhakaravaggo), 3. Phẩm lõa thể phần tập I, 28. Phật dạy bốn điều Luật thụ (Naggavaggo), 4. Phẩm Nằm chung trì Kinh Pháp Hoa, 29. Phép tu Lăng (Tuvattavaggo), 5. Phẩm Nhà triển lãm Nghiêm Đại Định, 30. Nghiệp đạo, 31. tranh (Cittagaravaggo), 6. Phẩm Tu viện Nghiệp báo nhân quả hiển nhiên, 32. Tâm (Aramavaggo), 7. Phẩm Sản phụ tạo, 33. Thuyết Phật ngồi gốc cây Bồ-đề, (Gabbhinivaggo), 8. Phẩm Thiếu nữ 34. Một số bài kệ Giới Kinh tóm tắt, 35. (Kumaribhutavaggo), 9. Phẩm Dù dép Ba bậc Bất thoái Thắng diệu trong Đạo (Chattupahanavaggo); 5. Các điều Phật, 36. Danh mục Luật Đại thừa Bồ-tát, Patidesaniya, 6. Các điều Sekhiya, 7. Các 37. Tam học với hòa bình, 38. Hiển Mật pháp dàn xếp tranh tụng viên thông, 39. Chúc Tết năm mới theo lời (Adhikaranasamatha Dhamma). Phật dạy, 40. Kệ giải thoát; Bổ di: 1. Xác Bắc truyền) Phật lịch với Phật đản, 3. Những ngày vía Tác phẩm Phân tích Giới Tỳ-khưu Ni này Phật liên quan đến ngày mùng 8, 4. Những trước đây đã xuất bản PL. 2549 – DL. Kinh sách tham khảo, 5. Diễn văn Khai 2005, Nxb Tôn giáo. mạc Ra mắt Phân viện Nghiên cứu Phật học, 6. Nghị quyết Kỳ họp thứ nhất, 7. Lời 1.302. PHẬT LUẬT HỌC khai mạc Hội thảo Khoa học về Hồ Chủ Biên soạn: Tịch, 8. Lời bế mạc Hội thảo, 9. Chủ tịch HT. Kim Cương Tử (1914-2001) Hồ Chí Minh với Phật giáo, 10. Truyền Nxb Tôn Giáo – 2001 thống dân tộc

giáo dục đạo đức, 11. Thư Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 332 Chúc Tết của Hòa thượng Kim Cương Tử, trang, bìa cứng. 12. Mấy Câu ca – kệ tóm tắt Ba thừa. Nội dung gồm có: Lời Phát đoan, 1. Luật tạng trong Đạo Phật, 2. Các hệ Luật Thanh văn, 3. Luật tông, 4. Giải thích 5 điều của

I. Tỳ-ni nhật dụng thiết yếu, gồm: Bảng kê

Q số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập một, Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa; II. Qui Sơn cảnh sách văn (Bảng kê số giả đặt trong sách này đối 1.303. QUI Y TAM BẢO chiếu với số trang của tập một, Nguyên và NGŨ GIỚI Biên soạn: văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa); III. Sa- di luật nghi yếu lược (Bảng kê số giả đặt HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973) Tác phẩm này gồm có 2 phần: I. Quy y trong sách này đối chiếu với số trang của Tam bảo, A. Mở đề, B. Chánh đề, 1. Định tập hai, Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm danh và giải nghĩa, a. Quy y là gì? b. Tam dịch nghĩa); IV. Sa-di Ni luật nghi yếu bảo là gì? c. Quy y Tam bảo là thế nào? 2. lược (Bảng kê số giả đặt trong sách này Ba bực Tam bảo, a. Đồng thể Tam bảo, b. đối chiếu với số trang của tập hai, Nguyên Xuất thế gian Tam bảo, c. Thế gian trụ trì văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa); V. Sa- Tam bảo; 3. Sự quy y Tam bảo (Sư quy y di thập giới uy nghi lục yếu (Bảng kê số Phật-Pháp-Tăng); 4. Lý quy y Tam bảo giả đặt trong sách này đối chiếu với số (Tự quy y Phật-Pháp-Tăng); 5. Nghi thức trang của tập hai, Dịch nghĩa); Kính phụng Quy y; 6. Lợi ích về Quy y Tam bảo; C. Kinh Di Giáo, gồm: Nguyên văn chữ Hán, Kết luận; II. Ngũ giới, gồm có: A. Mở đề, Dịch âm, Dịch nghĩa. B. Chánh đề, I. Định nghĩa Ngũ giới, II. Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Thành phần của Ngũ giới: 1. Không giết Năm 1994, 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; hại, 2. Không trộm cướp, 3. Không tà năm 2002, Nxb Tp. Hồ Chí Minh. dâm, 4. Không nói sai sự thật, 5. Không uống rượu; C. Kết luận. (theo Phật Học Tập II, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2546 – DL. 2002, có 567 trang, nội dung gồm: Phổ Thông, quyển Một, khóa I, Nxb Tôn Giáo – 2007) Một, Loại phù trì của Sa-di giới và Sa-di Ni giới; 1. Dịch giải Kinh Giáo Huấn để lại của Phật, 2. Dịch giải Kinh Tám điều

S Thượng nhân Giác ngộ, 3. Dịch giải văn Khuyến phát Tâm Bồ-đề, 4. Lược dịch “Phát Bồ-đề tâm”, 5. Dịch giải văn Cảnh sách của ngài Qui Sơn, 6. Dịch giải những 1.304. SA-DI GIỚI & SA-DI NI GIỚI – điều Nhật dụng Thiết yếu của Giới luật; 2 Tập Hai, Loại chủ yếu của Sa-di giới và Sa-di Dịch giải: Ni giới, 7. Dịch giải Bản yếu lược về giới HT. Thích Trí Quang (1923-2019) luật và uy nghi của Sa-di, 8. Dịch giải Bản Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 yếu lược về giới luật và uy nghi của Sa-di tập dày 905 trang, bìa mềm. Ni, 9. Dịch nghĩa Bản trích lục những điều Tập I, Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. cốt yếu về mười giới luật và uy nghi của 2013, có 338 trang. Nội dung gồm có 5 cấp bậc Sa-di. phần chính: Đầu sách là Một ít ghi chú cần Tác phẩm này đã được xuất bản năm thiết về chữ Hán, Mục lục, Tiểu dẫn riêng 1998, Nxb Phương Đông. tập ba, Tổng kết về Luật Sa-di và Sa-di Ni.

1.305. SA - DI LUẬT GIẢI nghe, 8. Không ngồi giường cao rộng lớn, Dịch giả: 9. Không được ăn trái thời (phi thời), 10. HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) Không được cầm giữ sinh tượng vàng bạc Nxb Tôn Giáo, PL. 2543 – DL. 1999 của báu; Thiên II. Môn Uy nghi của Sa-di, Sách có khổ 15 x 23cm, có 637 trang, bìa 1. Kính đại Sa-môn, 2. Hầu thầy, 3.

Theo cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Bộ thầy xuất hành, 4. Nhập chúng, 5. Theo Sa Di Luật Giải này do HT. Hành Trụ dịch chúng ăn, 6. Lễ bái, 7. Nghe pháp, 8. Học từ bản Sa Di Luật Nghi Yếu lược-Tăng chú tập Kinh điển, 9. Vào chùa viện, 10. Theo của Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612), ở chúng vào Thiền đường, 11. Chấp tác, 12. chùa Vân Thê, người Hàng Châu, Trung Vào nhà tắm, 13. Đi vào cầu tiêu, 14. Nằm Quốc, biên soạn; Sa-môn Hoằng Tán ngủ, 15. Sưởi, 16. Ở chung trong phòng, (1611-1685) chú giải, gồm 2 quyển, quyển 17. Đến chùa Ni, 18. Đến nhà người tại thượng, Thiên Sa Di yếu lược, quyển hạ, gia, 19. Khất thực (xin ăn), 20. Vào làng Thiên Oai nghi tăng chú. Phần sau là Qui xóm phố xá, 21. Đi chợ mua vật dụng, 22. Sơn Cảnh Sách cú thích ký do Sa-môn Làm việc không được tự tiện, 23. Tìm Hoằng Tán chú giải, Tỳ-kheo Khai Quýnh thầy, 24. Danh tướng của áo bát; Hai mười làm lời ký. bốn chương Uy nghi, Nghi thức thỉnh đại Luật giải này được tái bản nhiều lần: Năm hồng chung sáng và tối: Lời khuyên tu 1951, in tại Nhà in Thạnh Mậu - Gia Tịnh độ, Kệ chú hành trì, Kệ và chú lễ Định, với tên sách Sa-di Luật Giải thượng Phật, Kệ và chú nhiễu Phật, Kệ và chú tắm hạ, dịch giả Lê Phước Bình; năm 1960, Phật, Kệ và chú quán tượng Phật, Kệ và Chùa Chánh Giác (Sài Gòn) ấn hành; chú ngủ thức dậy, Kệ và chú trên giường năm 1967, Sen Vàng xuất bản; năm PL. bước xuống đất, Kệ và chú khi bước đi 2514 – DL. 1970, Giác Nguyên Phật Học không hại trùng, Kệ và chú đi tiểu, Kệ và Đường (Sài Gòn) ấn hành; năm 1972, chú đi cầu, Kệ và chú rửa hậu môn, Kệ và Liên Hoa Tịnh thất (ấn tống); năm 1992- chú rửa tay, Kệ và chú rửa mặt, Kệ và chú 1994-1997, THPH Tp. Hồ Chí Minh ấn súc miệng (đánh răng), Kệ và chú đốt đèn, hành; các năm: 2003-2006-2008-2013- Kệ và chú đốt nhang, Chú thụy ma (ngủ 2016, Nxb Tôn Giáo. gật), Kệ và chú uống nước, Kệ và chú rửa chân, Kệ và chú tắm gội, Kệ và chú đi 1.306. SA - DI LUẬT NGHI Yếu Lược ngủ, Kệ chú lên điện tháp, Chú Tiêu vạn Biên tập: Sa-môn Thích Thanh Minh bệnh, Chú Phật diệt tội, Chú diệt tội chân Nxb Hồng Đức – 2017 ngôn, Kệ và chú thế phát (cạo tóc), Chú hộ Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 114 trang, thân, Chú Cứu khổ, Chú Đoạn trừ ôn dịch, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Chú Sinh thiên. Tiểu sử, Sa-di Luật nghi Yếu lược Quyển thượng, Thiên I. Môn Giới luật của Sa-di: 1.307. SA - DI LUẬT NGHI Yếu Lược 1. Không được sát sanh, 2. Không được Chủ giảng (1994): trộm cắp, 3. Không được dâm dục, 4. Lão Pháp sư Tịnh Không Không được nói dối, 5. Không được uống Chuyển ngữ: Đệ tử Như Hòa rượu, 6. Không được đeo vòng hoa, bôi Nhuận sắc: Minh Tiến và Huệ Trang hương thơm trên thân thể, 7. Không được ca múa hát xướng, không được đi xem

Toàn bộ tác phẩm Luật này gồm có 5 phần – Chú giải, Quyển hạ (có 24 chương); Chú chính: - Lời trần tình, nội dung có 5 phần, thích Quyển hạ. cuối sách là Chú thích. Xem: (10 giới và 24 chương Oai nghi) của

1.308. SA - DI LUẬT NGHI 1.309. SA-DI LUẬT NGHI Yếu Lược Tăng Chú Yếu Lược Tập Giải Việt dịch: (Giới Luật Là Mạng Mạch Của Phật HT. Thích Hành Trụ (1904-1984) Pháp) Chuyển ngữ: HT. Thích Chân Thường Yếu lược: Đại sư Vân Thê Nxb Hồng Đức – 2013. Luật có khổ 14.5 x Tập giải: Tỳ-kheo Thích Tiến Đạt 20.5cm, dày 455 trang, bìa mềm, nền màu Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 14.5 đỏ, chữ tựa màu trắng bạc. Nội dung gồm x 20.5cm, dày 303 trang. có: Lời tựa chuyển ngữ; Sa-di Luật nghi Toàn bộ tác phẩm Luật này gồm có 2 Yếu lược-Tăng chú, Thượng thiên, Giới phần. Mở đầu là Lời

Phi lộ, I. Sơ lược về luật môn: Nhất viết, Bất Sát sanh; Nhị tên sách, II. Sơ lược về tác giả, III. Giải viết, Bất Đạo; Tam viết, Bất Dâm; Tứ viết, nghĩa tiêu đề; Phần thứ nhất: Giới luật Bất Vọng ngữ; Ngũ viết, Bất Ẩm tửu; Lục của Sa-di, có 10 chương; Chương mở đầu, viết, Bất Trước hương hoa man-bất hương Dẫn nhập, C.1 Không được sát sinh, C.2 đồ thân; Thất viết, Bất Ca vũ xướng kỹ-bất Không được trộm cắp, C.3 Không được vãng quan thính; Bát viết, Bất Tọa cao dâm dục, C.4 Không được vọng ngữ, C.5 quảng đại sàng; Cửu viết, Bất Phi thời Không được uống rượu, C.6 Không được thực; Thập viết, Bất Tróc trì sanh tượng- đeo tràng hoa thơm và không được lấy kim ngân bảo vật; Sa-di Luật nghi Yếu hương bôi xoa thân thể, C.7 Không được lược-Tăng chú, Quyển thượng chung; ca múa hòa tấu, biểu diễn và không được Kính Đại Sa-môn-đệ nhất, Sự sư-đệ nhị, đi xem nghe, C.8 Không được ngồi giường Tùy sư xuất hành-đệ tam, Nhập chúng-đệ cao rộng lớn, C.9 Không được ăn phi thời, tứ, Tùy chúng thực-đệ ngũ, Lễ bái-đệ lục, C.10 Không được cầm giữ sinh tượng, Thính pháp-đệ thất, Nhập tự viện-đệ cửu, vàng bạc, của báu; Phần thứ hai: Uy nghi Nhập Thiền đường, tùy chúng-đệ thập, của Sa-di, có 24 chương. Chương mở đầu, Chấp tác-đệ thập nhất, Nhập dục-đệ thập Dẫn nhập, C.1 Cung kính bậc đại Sa-môn, nhị, Nhập xí-đệ thập tam, Thụy ngọa-đệ C.2 Phép hầu thầy, C.3 Phép theo thầy ra thập tứ, Vi lư-đệ thập ngũ, Tại phòng đi, C.4 Phép vào trong chúng, C.5 Phép ăn trung trụ-đệ thập lục, Chí nhân gia-đệ thập theo chúng, C.6 Phép lễ bái, C.7 Thính bát, Khất thực-đệ thập cửu, Nhập tụ lạc-đệ pháp, C.8 Học tập Kinh điển, C.9 Vào nhị thập, Thị vật-đệ nhị thập nhất, Phàm chùa-viện, C.10 Vào Thiền đường phải sở thi hành-bất đắc tự dụng-đệ nhị thập theo chúng, C.11 Làm việc của Tăng nhị, Tham phương-đệ nhị thập tam, Y bát chúng, C.12 Vào nhà tắm, C.13 Vào nhà danh tướng- đệ nhị thập tứ; Lời tự dẫn; xí, C.14 Phép nằm ngủ nghỉ, C.15 Vây Luật nghi Sa-di, Tóm lược – Chú giải, quanh lò sưởi, C.16 Phép ở chung liêu Quyển thượng (có 10 giới); Chú thích phòng, C.17 Phép đến chùa Ni, C.18 Phép Quyển thượng; Luật nghi Sa-di, Tóm lược đến nhà người thế tục, C.19 Phép đi khất thực, C.20 Phép vào tụ lạc, C.21 Đi chợ

mua đồ, C.22 Phàm làm việc gì không PL. 2553 – DL. 2009, Lưu hành nội bộ được tự ý, C.23 Đi tham học phương xa, Sách dày hơn 312 trang, bìa cứng. Nội C.24 Danh tướng của y-bát. dung gồm có: Bảng Viết tắt, Cảm niệm thâm ân, Lời tựa, Tự tựa, Phàm lệ, Sa-di 1.310. SA-DI LUẬT NGHI Luật nghi Tỳ-ni Nhật dụng Hiệp tham; Yếu Lược Thượng Hạ Giới thứ 1. Không được sát sanh, Giới thứ Vựng tập: 2. Không được trộm cướp, Giới thứ 3. Thích Châu Hoằng (1532-1612) Không được dâm dục, Giới thứ 4. Không Chú thích: Thích Hoằng Tán được nói dối, Giới thứ 5. Không được Việt dịch: Thích Tâm Anh uống rượu, Giới thứ 6. Không được đeo Nxb Tôn Giáo – 2005. Sách có khổ 14.5 x vòng hoa thơm, không được xoa ướp 20.5cm, dày 527 trang. hương thơm, Giới thứ 7. Không được ca Toàn bộ tác phẩm Luật nghi này gồm có 2 múa-xướng hát-không được xem nghe, quyển: Quyển thượng, Sa-di Luật nghi yếu Giới thứ 8. Không được ngồi giường cao lược Tăng chú Trùng san duyên khởi tự, nệm lớn, Giới thứ 9. Không được ăn phi Phàm lệ Năm tắc, Thượng thiên Giới Luật thời, Giới thứ 10. Không được nắm giữ môn (có 10 giới), Nhất viết bất Sát sanh, vàng, bạc, bảo vật; Thư mục tham khảo Nhị viết bất Đạo, Tam viết bất Dâm, Tứ dịch và chú thích. viết bất Vọng ngữ, Ngũ viết bất Ẩm tửu,

Lục viết bất Trước hương hoa man, bất 1.312. SA-DI THẬP GIỚI NGHI TẮC hương đồ thân, Thất viết bất Ca vũ xướng (Phật thuyết Sa-di Thập giới Nghi tắc kỹ, bất Vãng quan thính, Bát viết bất Tọa Kinh) cao quảng đại sàng, Cửu viết bất Phi thời Hán dịch: Thi Hộ thực, Thập viết bất Tróc trì sanh tượng, Việt dịch: Thích Nguyên Chơn kim ngân, bảo vật; Quyển hạ, Hạ thiên Oai Nội dung tác phẩm này gồm có 10 giới nghi môn, có 24 chương: C.1 Kính bậc của Sa-di và phép tắc oai nghi Sa-di phải Đại Sa-môn, C.2 Thờ thầy, C.3 Theo thầy thực hành. Văn Giới luật này có khoảng ra đi, C.4 Nhập chúng, C.5 Theo chúng ăn 289 câu, được dịch theo thể ngũ ngôn, mỗi học Kinh điển, C.9 Vào chùa viện, C.10 Pháp Theo chúng vào Thiền đường, C.11 Làm bảo-Luật tạng) việc, C.12 Vào phòng tắm, C.13 Vào nhà xí, C.14 Nằm ngủ, C.15 Vây quanh lò lửa, 1.313. SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI C.16 Ở trong phòng, C.17 Đến chùa Ni, Lục Yếu C.18 Đến nhà người, C.19 Đi khất thực, Đại sư Trí Húc (1599-1655) C.20 Vào làng xóm, C.21 Đi chợ mua đồ, Việt dịch: Thích Hoằng Triệu C.22 Mọi động tĩnh không được tự ý, C.23 Nxb Phương Đông – 2006 Cầu học, C.24 Tên-tướng của y bát. Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 109 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Sa-di 1.311. SA-DI TỲ-NI Hiệp Tham – Thập Giới Oai Nghi lục yếu, Phần thứ Quyển thượng nhất. Mười Giới Sa-di; Phần thứ hai. Oai Sa-môn Châu Hoằng – Sa-môn Tế Nhạc nghi; 25. Giá nạn lúc Thọ Cụ, A. Mười ba Dịch và Chú: Hạnh Minh – Đạo Luận trọng nạn, B. Mười sáu khinh giá, 26.

Pháp thỉnh Hòa thượng; Phụ lục: Sa-di Oai thầy, Vẩy nước lau quét dọn đơn, Theo Nghi, Sa-di Nghi Tắc Kinh. thầy ăn, Lấy pháp y và tấm phủ, Rửa bát- Xem: (10 Giới và 24 Oai nghi) trong Sa-di bình, Lấy tích trượng, Hầu thầy tắm rửa- Luật Nghi yếu lược cạo tóc, Lúc chiều tối nên mặc pháp y, Cung cấp hương hoa, Đốt đèn, Hái hoa và 1.314. SA-DI THẬP GIỚI lấy dương chi, Các việc muốn làm không Pháp Tinh Oai Nghi được tự tiện, Theo thầy đi trước-sau-trở Phụ Bản Đời Đông Tấn về, Một mình đưa tiễn người chết-thăm Việt dịch: Thích Hoằng Triệu bệnh, Giữa đường gặp thầy, Lúc chúng Nxb Phương Đông – 2007 Tăng ăn cơm, Chúng Tăng nói Kinh, Trực Sách có khổ 13 x 19cm, có 103 trang, bìa nhật, Một mình đi phân vệ, Đi chợ mua mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Sa-di đồ, Đến chùa Tỳ-kheo Ni, Giảng Kinh-đọc Thập giới Pháp tinh Oai nghi, Thầy dạy giới, Nói chuyện Đạo, Đọc Kinh; Phụ: Sa-di, Sa-di hầu Hòa thượng, Sa-di hầu A-Năm đức và Mười tướng đối trị, Phụ lục: xà-lê, Đối với A-xà-lê, Trao Ca-sa, Xếp Phật nói Kinh Ca-diệp Cấm Giới; Phật nói ca-sa cho thầy, Gìn giữ bát, Cầm tích Kinh Phạm Giới Tội Nặng Nhẹ. trượng, Trao giầy, Nếu thầy bảo ngồi ăn cơm chung, Khi ăn cơm riêng, Vào thành 1.315. SAN BỔ khất thực, Cùng đi về đến nơi, Ăn cơm THỌ CHƯ GIỚI ĐÀN NI TẬP bên bờ sông, Ăn cơm dưới gốc cây, Giữa San bổ: Sa-môn Thích Phổ Tấn đường hầu thầy, Hợp bát, Đổi bát, Khi ăn Việt dịch: ngồi đối diện, Ăn trước ăn sau, Ăn xong Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015) rửa bát, Pháp rửa bát xong, Sa-di nhập Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000 chúng, Sa-di làm trị nhật, Lặt rau, Múc Sách có khổ 14 x 20cm, dày 240 trang, bìa nước, Rửa chỏ, Thổi bếp, Quét đất, Khi mềm, chữ tựa màu xanh dương. Nội dung Tỳ-kheo Tăng ăn cơm, Sa-di quét đất, Lấy gồm có: Lời tựa, Lời dẫn đầu, San bổ Thọ nước rửa thùng múc nước, Rửa chậu, Trao chư Giới đàn Ni tập: Nghi thức thọ Tam khăn tay, Giầy vải, Sa-di rửa bát, Lau bát, quy, Nghi thức thọ Năm giới, Nghi thức Khi đi hội-cúng dường cơm-dạy Sa-di gìn thọ Bát quan trai, Nghi san bổ Giới

đàn giữ bát, Thầy sai đem thư đi-người trả lời, Ni, Pháp kiết riêng Đại giới, Pháp kiết giới Sa-di giúp Tỳ-kheo Tăng làm chưa xong, tràng và Đại giới, Bản đồ ba lớp Tiêu không được tự ý vào phòng đại Sa-môn, tương của Giới tràng và Đại giới, Pháp Muốn vào phòng, Sa-di đi xa nên dạy kiết Bất thất y giới, Pháp kiết giới Tịnh pháp nói chữ thượng…hạ…; Vào nhà tắm, trù, Pháp giải Đại giới, Pháp giải Giới Sa-di vào nhà sau; Sa-di Thất thập nhị Oai tràng, Pháp giải Bất thất y giới, Pháp giải nghi, Sa-di làm lễ thầy, Sáng sớm thức Tiểu giới, Lược nêu bày các giới thác xứ, dậy vào phòng thầy, Xếp ba y, Theo thầy Bản đồ Giới đàn I, Bản đồ Giới đàn II, ra đi, Chỗ cần dùng của thầy phải cung Pháp xin xúc chúng, Pháp cho cạo tóc, cấp đầy đủ, Sa-di đánh răng, Sa-di trao ba rưới đảnh, Pháp cho ngoại đạo ở chung, y cho thầy, Sa-di rửa bát, Sa-di quét đất, Thỉnh cung an chức sự, Nghi thức thọ giới Sa-di theo thầy đến nhà đàn-việt, Sa-di Sa-di Ni, Nghi thức thọ giới Thức-xoa- vào nhà tắm, Sa-di lễ tiết oai nghi-sớm ma-na, Nghi thức thọ giới Tỳ-kheo Ni, trưa thưa hỏi lễ kính, Sa-di rửa bình cho Nghi thức chúng đem giới tử đến Đại

Tăng cầu thọ giới; Phần phụ: Sơ đồ Giới Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đàn của hai Thừa, Yết-ma thành hay hoại, Trùng biên: Thiền sư Đức Huy Văn y chỉ, Văn lược xả, thọ y, bát các vật, Việt dịch: Thích Phước Sơn Pháp xả y man điều, Pháp thọ y An-đà- và Lý Việt Dũng hội, Pháp thọ y Uất-đa-la-tăng, Pháp thọ y Nxb Phương Đông, PL. 2552 – DL. 2008 Tăng-già-lê; Đại y hạ ba phẩm, Đại y Tập I, dày 546 trang, gồm 4 quyển: - Lời trung ba phẩm, Đại y thượng ba phẩm; nói đầu, - Giới thiệu tổng quát: 1. Đôi Pháp thọ các y làm tùng, Pháp làm tùng y dòng lịch sử, 2. Thuyết ra đời sách Sắc tu An-đà-hội, Pháp làm tùng y Uất-đa-la- Bách Trượng Thanh Qui, 3. Tiểu sử người tăng, Pháp làm tùng y Tăng-già-lê, Pháp trùng biên và hiệu đính; thọ Bát-đa-la, Pháp thọ Tăng-kỳ-chi, Pháp Q.I, C.1 Chúc lụy, 1. Lễ chúc mừng Thánh thọ Phú-kiên-y, Pháp thọ Ni-sư-đàn, Pháp thọ Thánh Hoàng, 2. Chúc tụng các ngày thọ ống đựng kim, Pháp thọ đãy lọc nước, cảnh mạng và 4 ngày trì trai, 3. Mùng một, Pháp thọ tích trượng, Kệ chú đắp dùng y ngày rằm tại tạng điện chúc mừng tán bát các vật, Văn xả y pháp các vật; Phần tụng, 4. Chúc tán mỗi ngày, 5. Lễ chúc thọ Chú thích: Mười bốn pháp không hiện tiền Hoàng thái tử thiên thu, 6. Lễ các tháng tốt Yết-ma, Bảy món phi, Công-tư-đơn-cụ, lành; C.2 Báo ân, 1. Những ngày giỗ kỵ Trừ thôn-thôn ngoại giới, Thể-sắc-lượng của quốc gia, 2. Cầu đảo (a. Cầu mưa dầm của y; Phụ bản: Nghi thức của Giới sư Ni ngưng tạnh, b. Cầu mưa rơi, c. Cầu tuyết đem giới tử Ni đến chùa Tăng thọ giới, rơi, d. Cầu đuổi sâu vàng hại lúa, e. Mặt Pháp tứ y, Bốn pháp nên làm, Trao pháp trời bị ăn, f. Mặt trăng bị ăn); bát kỉnh, Trao ba pháp y, Trao bát, Trao Q.II, C.3 Báo bổn, 1. Lễ Phật đản, 2. Lễ Ni-sư-đàn, Trao đãy lọc nước; C.V, Kiết Phật thành đạo và bát Niết-bàn, 3. Tiểu sử hạ An cư: Pháp sai người phân phòng xá Đức Phật, 4. Thầy của vua qua đời, 5. Tiểu ngọa cụ, Pháp dự kỳ thọ thẻ, Pháp sai sử Đế sư Bạt-hiệp-tư-bát; C.4 Tôn Tổ, 1. người phân thẻ, Pháp đơn bạch phân thẻ, Giỗ kỵ Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma, 2. Sơ lược Pháp tiền an cư, Pháp an cư của ngôi Pháp Tiểu sử Tổ Bồ-đề-đạt-ma, 3. Giỗ kỵ Thiền chủ và chư Thượng tọa, Pháp đại chúng an sư Bách Trượng-Hoài Hải, 4. Tiểu sử cư, Pháp bạch an cư, Pháp hậu an cư, Pháp Thiền sư Bách Trượng-Hoài Hải, 5. Giỗ tâm niệm an cư; C.VI, Pháp Thọ nhựt ra kỵ Lịch đại Tổ sư, 6. Giỗ kỵ Thầy truyền ngoài giới: Bảy ngày xuất giới, Pháp

thọ pháp của Trụ trì; C.5 Trụ trì, 1. Quy tắc ngày còn dư ra ngoài giới, Pháp thọ nửa hành sự hằng ngày của Trụ trì (a. Thượng tháng, một tháng ra ngoài giới; C.VII, Ba đường, b. Tham vấn buổi chiều, c. Buổi tháng (90 ngày) xong Tự tứ: Pháp Sám tiểu tham, d. Lễ thắp hương, e. Phổ thuyết, hối, Pháp sai người đến trong Đại Tăng f. Vào thất, g. Niệm tụng, h. Tuần liêu, i. cầu Tự tứ, Pháp sai người Thọ Tự tứ, Pháp Xử phạt Tăng chúng phạm Thanh qui, j. chánh Tự tứ, Pháp Thượng tọa Tự tứ, Dạy dỗ đồng hành (chú điệu), k. Vì hành Pháp đại chúng Tự tứ, Pháp bốn người trở giả phổ thuyết, l. Nhận pháp y, m. Tiếp xuống lần lượt Tự tứ, Pháp một người đón chư Tôn túc, n. Thí chủ mời thăng tòa Tâm niệm Tự tứ; Mục lục trai Tăng, o. Nhận sự cúng dường Trai phạn của người nối pháp, p. Đưa di thư 1.316. SẮC TU BÁCH TRƯỢNG của thầy truyền pháp đến); THANH QUY – Trọn bộ 2 Tập

Q.III, 2. Mời trụ trì mới, a. Phái chuyên trì, p. Chiêu đãi người chủ tang và nhân sứ, b. Trụ trì đương nhiệm được mời nhậm viên ban lo liệu đám tang, 6. Hiệp thương chức, c. Tân trụ trì vừa mới thọ nhận sứ suy cử tân trụ trì, mệnh được mời thăng tòa, d. Chuyên sứ Q.IV, C.6 Lưỡng tự, 1. Liên quan đến Tây đặc biệt thiết tiệt chiêu đãi tân thọ mạng ban đầu thủ, a. Thủ tọa tiền đường, b. Thủ trụ trì, e. Nhà chùa khoản đãi trụ trì mới tọa hậu đường, c. Thư ký, d. Người coi thọ nhận chức và chuyên sứ, f. Trụ trì mới kho sách chùa, e. Người tiếp khách, f. nhận nhiệm vụ từ biệt chúng thượng Người lo việc tắm rửa trong chùa, g. đường dùng trà thang, g. Tây đường hoặc Người coi các điện đường trong chùa, h. Đầu thủ được thỉnh mời làm trụ trì, h. Thị giả (Thị giả y bát (không lập ban), Thị Người mới được mời làm trụ trì thăng tòa, giả trà nước, thuốc men (lập ban), Thị giả i. Chuyên sứ đặc biệt tổ chức tiệc chay tượng Thánh Tăng), 2. Tri sự của Đông tự, khoản đãi tân thọ mạng trụ trì, j. Nhà chùa a. Đô giám tự, b. Duy-na, c. Phó tự, d. khoản đãi thọ mạng tân trụ trì và chuyên Điển tọa, e. Trực tuế; 3. Các chức vụ tạp sứ, k. Người được mời thỉnh thọ mạng tân sự, a. Liêu nguyên, b. Liêu chủ và liêu trụ trì từ biệt chúng lên tòa dự trà thang; 3. phó, c. Đường chủ diên thọ đường, d. Tân thọ mạng trụ trì vào Thiền viện mới, Người dọn vệ sinh, e. Người lo việc hóa a. Nhà chùa thỉnh mời tân thọ mạng trụ trì duyên thí chủ bố thí, f. Người coi việc làm độ trai, b. Lễ khai đường cầu chúc Thánh vườn, g. Người coi nhà xay lúa, h. Người thọ Hoàng đế, c. Chùa nhà đặc biệt khoản phụ trách nước trong chùa, i. Người lo đãi trà và thang thủy tân thọ mạng trụ trì, cung cấp than củi, j. Trang chủ, k. Chư d. Buổi tiểu tham ngay chiều tối đó, e. Vì trang giám thu; 4. Nghi thức suy cử lập thí chủ kiến tạo bổn tự mà thăng tòa, f. Tăng Thủ tọa, 5. Nghi thức thỉnh mời Khoản đãi chuyên sứ, g. Thỉnh mời chấp danh đức Thủ tọa, 6. Nghi thức chấp sự sự Tăng hai tự ở lại chức vụ, h. Tân trụ trì Tăng Lưỡng tự tựu chức và thoái nhiệm, rời khỏi và trở về chùa phải báo tạ, i. Bàn 7. Thỉnh mời tri sự lúc treo bát, 8. Thị giả giao sổ bộ về ruộng vườn và tài vật của thoái chức và tựu nhiệm, 9. Chế độ bàn chùa, j. Tân trụ trì thọ nhận Lưỡng tự và giao đồ đạt của liêu xá, 10. Phương trượng cần cựu mời tiệc chay; 4, Qui định trụ trì đặc biệt đãi thang thủy tân-cựu Lưỡng tự, từ chức, 5. Trụ trì qua đời, a. Liệm di thể 11. Đường ty đặc biệt đãi trà thang thủy vào quan tài, b. Thỉnh mời chủ tang lễ, c. thị giả mới cũ, 12. Khố ty đặc biệt thiết đãi Mời thỉnh người biện sự của ủy viên hội lo Lưỡng tự cũ-mới thang thủy cơm tối, 13. tang lễ, d. Tang phục, e. Tên gọi và các Đường ty đưa cựu Thủ tọa và cựu Đô tự nghi thức Phật

sự, f. Đưa quan tài đi, g. đến bát vị, 14. Phương trượng khoản đãi Nghi thức treo chân tượng (di ảnh), cử ai Lưỡng tự mới-cũ, 15. Phương trượng đặc và dâng cúng trà thang, h. Các nghi thức biệt đãi trà tân Thủ tọa, 16. Tân Thủ tọa tiểu tham trước linh cửu, dâng cúng trà đặc biệt đãi trà Thủ tọa và đại chúng ở hậu thang, tụng niệm kinh kệ và trí tế, i. Thứ đường, 17. Trụ trì tưởng nghĩ thăm hỏi tự tế cúng, j. Xuất tang treo di ảnh, dâng Đầu thủ đãi trà, 18. Tiệc trà đãi Lưỡng tự cúng trà thang, k. Lễ trà tỳ, l. Nghi thức giao nhận chức vụ, 19. Đãi trà vào liêu và đưa toàn thân vào tháp, m. Rao bán đấu ra liêu, 20. Đầu thủ vào Tăng đường đãi giá di vật của cố trụ trì, n. Đưa linh cốt trà, 21. Lưỡng tự xuất ban dâng hương; vào tháp, o. Đưa trình thư để lại của cố trụ C.7 Đại chúng.

đại chúng vào dịp kết và giải hạ an cư, 5. Tập II, dày 563 trang, gồm 4 quyển: - Lời Pháp hội tụng chú Lăng Nghiêm, 6. Bản nói đầu, - Giới thiệu tổng quát: 1. Đôi kê khai giới lạp, 7. Trụ trì đãi thang thủy dòng lịch sử, 2. Thuyết ra đời sách Sắc tu đơn sơ cho đại chúng, 8. Tụng niệm thổ Bách Trượng Thanh Qui, 3. Tiểu sử người địa đường vào bốn ngày lễ lớn trong năm, trùng biên và hiệu đính; 9. Khố ty đãi thang thủy đặc biệt Thủ tọa Q.V, 1. Hành giả được làm Sa-di, 2. Sa-di và đại chúng vào 4 ngày lễ lớn trong năm, mới thọ giới tham đường, 3. Đăng đàn thọ 10. Nghi thức lễ kết hạ an cư, 11. Thuyết giới, 4. Giữ gìn giới luật, 5. Sắm sửa đạo pháp cho đại chúng vào 4 ngày lễ lớn cụ: a. Tọa cụ, b. Áo chéo vai, c. Quần, d. trong năm, 12. Phương trượng đãi trà cho Trực chuyết, e. Bình bát, f. Tích trượng, g. Thủ tọa và đại chúng vào dịp 4 ngày lễ lớn Chủ trượng, h. Cây xơ quất, i. Xâu chuỗi trong năm, 13. Khố ty đãi trà cho Thủ tọa hạt để lần, j. Tịnh bình, k. Túi lọc nước, l. và đại chúng vào dịp 4 ngày lễ lớn trong Giới đao, m. Trang bao; 6. Du phương năm, 14. Tiền đường đãi nước trà cho hậu tham học, 7. Ra mắt tập thể, a. Ghi tên cho đường và đại chúng vào 4 ngày lễ lớn nhiều người ở lại chùa, b. Ghi tên cho một trong năm, 15. Đãi trà vào dịp tuần đường số người ở lại chùa, c. Thủ tọa của Tây ngày mùng một và rằm, 16. Phương đường ghi tên, d. Những bậc danh đức ở trượng đãi trà cho các hành đường, 17. chùa các nơi ghi tên, e. Pháp quyến, biện Đầu thủ khố ty đãi trà cho các hành sự ghi tên; 9. Nén hương ra mắt trụ trì, 10. đường, 18. Các ngày lễ trong tháng cần Tạ ơn ghi tên cho ở lại chùa, 11. Phương phải biết; trượng đặc biệt đãi trà các người mới được Q.VIII, C.9 Pháp khí, 1. Các loại chuông ghi tên cho ở lại chùa, 12. Ngồi thiền, 13. (a. Đại hồng chung, b. Chuông treo ở Tăng Nghi thức tọa thiền; đường, c. Chuông để ở chánh điện); 2. Q.VI, (tt) 14. Ngồi tĩnh tâm trước khi tọa Bảng, 3. Mỏ, 4. Kiền chùy, 5. Khánh, 6. thiền, 15. Ngồi tham thiền, 16. Cầu trụ trì Chập chõa, 7. Các loại trống (a. Trống khai thị thêm, 17. Đến trai đường ăn cháo dùng khi tiến hành các pháp sự, b. Trống sáng, 18. Tham dự tiệc trà thang, 19. Tập đánh khi uống trà, c. Trống đánh lúc thọ hợp đại chúng tham gia lao động, 20. trai, d. Trống đánh lúc tập hợp đại chúng Những qui tắc sinh hoạt hằng ngày, 21. lao động, e. Trống đánh vào các canh giờ, Bài văn trình bày khuôn mẫu của Thiền f. Trống đánh báo hiệu giờ đi tắm); Phụ lâm, 22. Tụng niệm khi người lâm bệnh, lục: 1. Bài minh khắc trên tháp cố Thiền 23. Vị Tăng viên tịch: a. Ghi chép lưu giữ sư Hoài Hải, núi Bách Trượng, Hồng y bát, b. Các nghi thức dành cho người Châu, đời Đường (Trần Hủ soạn), 2. Bài qua đời, c. Bán đấu giá y vật của người ký gác thiên hạ sư biểu, chùa Đại Trí Thọ qua đời, d. Tụng niệm ban đêm, e. Đưa Thánh, núi Bách Trượng, 3. Bài nguyên đám tang, f. Lễ trà tỳ, g. Bán đấu giá y

vật tựa sách Bách Trượng Thanh qui (Dương của người quá cố, h. Nhập tháp; Ức soạn), 4. Bài tựa Sắc tu Bách Trượng Q.VII, 24. Bảng trướng thức; C.8 Các Thanh Qui, 5. Từ ngữ chú thích Sắc tu ngày lễ tiết và hạ An cư, 1. Bản thông báo Bách Trượng Thanh Qui. trước ngày nhập hạ, 2. Tiệc trà do người mới nhập liêu đãi Tăng chúng, 3. Trưng 1.317. SỰ TÍCH GIỚI LUẬT bày biểu đồ, 4. Các liêu thiết đãi trà thang Soạn dịch: Thích nữ Trí Hải

Nxb Tôn Giáo – 2003 20. Giới hành dâm không đúng thời, Tác phẩm này gồm có bảy phần chính, đầu không đúng chỗ, 21. Giới gian lận thuế, sách là Dẫn nhập: Ngũ thiên thất tụ; Phần 22. Giới vi phạm luật pháp quốc gia, 23. 1. Sự tích Tám tội khí; Phần 2. Sự tích 17 Giới được thực phẩm mới mà không dâng pháp Tăng tàng; Phần 3. Sự tích 30 pháp cúng Tam bảo trước, 24. Giới Tăng-già Xả đọa; Phần 4. Sự tích 178 pháp Đơn đề; không cho thuyết pháp mà tự chuyên, 25. Phần 5. Tám pháp Hối quá; Phần 6. 100 Giới đi trước năm chúng xuất gia, 26. Giới pháp Chúng học; Phần 7. Bảy pháp Diệt phân phối thức ăn cho chư Tăng không tránh; Phụ lục: Nguồn gốc các giới đơn đề. bình đẳng, 27. Giới nuôi tằm, 28. Giới đi đường gặp người bệnh không chăm sóc), VII. Bài kệ kết thúc, Chú thích.

T 1.319. TẠI GIA BỒ-TÁT GIỚI BỔN Giảng Nghĩa Soạn dịch: Tỳ-kheo Thích Pháp Chánh 1.318. TẠI GIA BỒ-TÁT GIỚI BỔN Việt dịch: Thích Pháp Chánh Tác phẩm Giới bổn giảng nghĩa này gồm Toàn bộ tác phẩm Giới bổn này gồm có 7 có 3 phần: I. Giới bổn Bồ-tát tại gia, II. phần: I. Lư hương tán, II. Sám hối, III. Sáu giới trọng, III. Hai mươi tám giới giới trọng (1. Giới giết hại, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới đại vọng ngữ, 4. Giới tà dâm, 1.320. TẠI GIA CƯ SĨ LUẬT 5. Giới rao nói lỗi của bốn chúng, 6. Giới Việt dịch: Phật tử Khánh Anh bán rượu), VI. Hai mươi tám giới khinh In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định) – (1. Giới không cúng dường cha mẹ, sư 1952 trưởng, 2. Giới uống rượu, 3. Giới không Sách dày 217 trang, bìa mềm. Nội dung sơ chăm sóc người bệnh, 4. Giới không bố thí lược gồm có: Lời đầu, đối với việc phiên người đến xin, 5. Giới không chào hỏi lễ dịch bộ “Tại gia Cư sĩ Luật”, Lời cáo dịch lạy các bậc tôn trưởng, 6. Giới khinh mạn và khuyến trì Kính cùng Quí cư sĩ, Giới người phá giới, 7. Giới không thọ sáu luật Tại gia Cư sĩ Cuốn thứ nhất, Tại gia ngày Bát quan trai giới mỗi tháng, 8. Giới Nhị chúng Thụ Tam qui Ngũ giới pháp, không đi nghe pháp, 9. Giới thọ dụng đồ Thầy Tỳ-kheo Trí Húc nhóm, Sơ Thọ Tam dùng của chư Tăng, 10. Giới uống nước có quy giới, Thứ thọ Ngũ giới pháp (Lãnh thọ trùng, 11. Giới đi một mình trong chỗ Năm điều Giới pháp), Phật nói Kinh Ưu- nguy hiểm, 12. Giới có một mình ngủ đêm bà-tắc Ngũ giới tướng; Phật nói Kinh nầy tại chùa Ni (Tăng), 13. Giới vì của đánh Dạy cách Ăn chay, Hán dịch: Ưu-bà-tắc người, 14. Giới bố thí thức ăn thừa cho Chi Khiêm, Phụ: Thọ Bát Quan trai pháp, bốn chúng, 15. Giới nuôi mèo, chồn, 16. chép thêm: Chịu “Pháp Bát Quan Trai”; Giới nuôi súc vật, 17. Giới không chứa 3 Chú giải Kinh Ưu-bà-tắc Ngũ giới tướng; y, bình bát, tích trượng, 18. Giới không Chú giải về Phật thuyết Trai Kinh; Giới lựa chỗ nước sạch, đất cao ráo để trồng luật của Bồ-tát Tại gia, Hán dịch: Tam trọt, 19. Giới buôn bán không chân chánh, tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm, Chính thức chịu Giới Tại Gia Bồ-tát (ở các bản Kinh

có: dịch âm và dịch nghĩa); Phụ lục: Kinh Kinh văn và giải thích); Phụ: Pháp Thọ Uy nghi của Bồ-tát Cư sĩ giới; Giải thích Bát Quan Trai. Quyển Giới luật của Bồ-tát tại gia; Bồ-tát Ưu-bà-tắc giới Uy-nghi Kinh lược chú. 1.322. TAM ĐÀN TRUYỀN GIỚI CHÁNH PHẠM 1.321. TẠI GIA LUẬT YẾU QUẢNG Biên soạn: Sa-môn Độc Thể TẬP – Quyển I Việt dịch: Thích Thiện Phước Biên tập: Đại sư - Nxb Phương Đông – 2010 Ngẫu Ích Trí Húc (1599-1655) Kết cấu tác phẩm này có 4 quyển, nội Nhuận sắc: Sa-môn Nguyên Hồng dung gồm: Lời người dịch, Lời tựa Bộ truyền giới Chánh phạm; Q.một, I. Đàn Hiệu đính: thứ nhất, trước khi trao truyền giới Sa-di: Ưu-bà-tắc Trần Chiếu Nguyên 1. Pháp tịnh đường tập chúng, 2. Khải Việt dịch: Thích Hoằng Triệu thỉnh hai thầy, 3. Thỉnh Giới sư khai đạo, Lưu hành nội bộ, PL. 2547 – DL. 2003. 4. Nghiệm y bát thứ tự, 5. Sám hối phát lộ; Sách dày hơn 140 trang, bìa mềm. Nội Q.hai, II. Đàn thứ hai, nghi thỉnh giới sám dung gồm có: Lời tựa, Tại Gia Luật yếu hối; Trước khi thọ giới Tỳ-kheo: 1. Nghi Quảng tập – Quyển I, Tứ Phần luật tạng, tập chúng, 2. Thỉnh Giới sư khai đạo, 3. Phụ: Pháp Ưu-bà-tắc Thọ Tam quy Ngũ Thông bạch 2 thầy, 4. Dạy về y bát, 5. giới, Phần 1. Pháp Thọ Tam quy, Ưu-bà- Thẩm giới sám hối (gồm 10 giới sa-di); tắc Thọ Tam quy Ngũ giới Pháp, Phần 2. Q.ba, III. Đàn thứ ba, trước khi thọ giới Pháp Thọ Năm giới; Kinh Tam Quy Ngũ Bồ-tát phải thực hành nghi thỉnh giới sám Giới Từ Tâm Yểm Ly Công Đức; Kinh hối, 1. Khải bạch hai thầy, 2. Thỉnh Giới Chú Quán đảnh Tam quy Ngũ giới, Tên ba sư khai đạo, 3. Khai thị khổ hạnh; Q.bốn, mươi sáu vị thần hộ người thọ Tam quy, Đàn đầu truyền thọ Sa-di giới Chánh Tên hai mươi lăm vị thần hộ người giữ phạm, 1. Nói rõ việc thỉnh sư, 2. Phần năm giới; Kinh Thiên tử Ta-miệt-nẳng chánh thức thỉnh sư, 3. Giới sư khai đạo, pháp; Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo; Phật 4. Nói rõ việc thỉnh Thánh, 5. Sám hối, 6. Nói Kinh Giới Tiêu tai; Kinh Năm Giới Vấn nạn, 7. Tam quy, 8. Tam kết, 9. Nói tướng Cư sĩ, (sơ lược) I. Giới giết người, về giới tướng, 10. Nghe lời dạy bảo, Nhị II. Giới trộm cắp, III. Giới dâm dục, IV. đàn truyền thọ giới Tỳ-kheo Chánh phạm, Giới vọng ngữ, V. Giới uống rượu; Phật 1. Nói rõ pháp thỉnh sư, 2. Phép tắc thỉnh Nói Kinh Trai, (nội dung sơ lược): Duyên sư, 3. Đàn chủ bạch pháp, 4. Chỗ để nhóm khởi, Ba loại trai (Trai theo kiểu chăn trâu, người thọ giới lại, 5. Pháp sai Giáo thọ, 6. Trai theo kiểu Ni-kiền, Trai theo Phật Pháp Giáo thọ ra khỏi chúng hỏi nạn, 7. pháp, tháng 6 ngày); Năm giới: 1. Không Pháp tác bạch cho vào trong chúng, 8. Nói sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không rõ việc xin giới pháp, 9. Pháp Yết-ma sư dâm dục, 4. Không vọng ngữ, 5. Không đơn bạch, 10. Chánh thức vấn nạn, 11. Nói uống rượu, 6. Không đeo tràng hoa, 7. rõ pháp trao giới thể, 12. Chánh thọ giới Không nằm giường tốt, 8. Không ăn phi thể, 13. Nói pháp bốn giới chướng, 14. thời; Các Nhớ nghĩ về: Phật, Pháp, chúng Pháp thọ Tứ y, 15. Kết khuyến hồi hướng; Tăng, Giới, Thí và Thiên (từ Duyên Tam đàn Truyền thọ giới Bồ-tát Chánh khởi,... đến Thiên, trong mỗi phần có: phạm, 1. nói rõ pháp kết đàn trải tòa, 2.

Nói rõ pháp thỉnh sư vào trong giới đàn, 3. nghĩa (ngũ giới), Năm giới: 1. Không giết Nói rõ pháp lễ kính Tam bảo, 4. Nói rõ hại, 2. Không trộm cướp, 3. Không tà dục, pháp thỉnh sư, 5. Nói rõ pháp khai đạo, 6. 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu; Nói rõ thỉnh pháp thỉnh Thánh, 7. Thọ Tứ Công dụng Năm giới, Quyết nghi, Kết bất hoại tín, 8. Pháp sám hối lỗi lầm, 9. luận. Nói rõ pháp phát nguyện, 10. Nói rõ pháp Tác phẩm này được tái

bản nhiều lần: phát giới thể-kế đến là pháp chánh thọ giới Năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm thể, 11. Nói rõ về việc tuyên nói giới 2010-2013, Nxb Tôn Giáo; năm 2012, Nxb tướng, 12. Kết tán hồi hướng; Thiền sư Văn hóa Văn nghệ; năm 2017, Nxb Hồng Giác Nguyên và Bổn sư là Tá An lão Hòa Đức. thượng bàn về sách Truyền giới. 1.325. TAM QUI - NGŨ GIỚI, 1.323. TAM QUI NGŨ GIỚI Theravàda – Phật Giáo Nguyên Thủy Tác giả: Thích Chân Tính Phạm Kim Khánh Nxb Tôn Giáo – 2004 PL. 2536 – DL. 1992 Nội dung sách này gồm có: Tam quy Ngũ Tác phẩm này gồm có: I. Tam quy, Tại sao giới, I. Tam quy, 1. Tam quy là gì? 2. Tại quy y? Thế gian có thực sự đầy hiểm họa sao Phật-Pháp-Tăng quý báu? a. Phật có không? Nương tựa châu toàn, Quy y Phật những đặc điểm, b. Pháp có những đặc bảo (1. Đấng Ứng cúng, 2. Đấng Chánh điểm, c. Tăng có những đặc điểm; 3. Tam biến tri, 3. Đấng Minh hạnh túc, 4. Đấng bảo có 3 bậc: a. Thế gian trụ trì Tam bảo, Thiện thệ, 5. Đấng Thế gian giải, 6. Đấng b. Xuất thế gian Tam bảo, c. Đồng thể Vô thượng sĩ, 7. Đấng Điều ngự trượng Tam bảo, 4. Sự lý Quy y Tam bảo, 5. Lợi phu, 8. Đấng Thiên nhân sư, 9. Đấng Giác ích của Quy y Tam bảo; II. Ngũ giới, 1. ngộ, 10. Đức Thế tôn); Quy y Pháp bảo, 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Giáo pháp được đức Thế Tôn truyền dạy Không tà dâm, 4. Không nói dối (Nói một cách toàn hảo, 2. Tự mình chứng ngộ, không đúng sự thật, Nói thêu dệt, Nói hai 3. Tức khắc trổ quả, 4. Mời đến quan sát, chiều, Nói lời thô ác), 5. Không uống 5. Dẫn đến Niết-bàn, 6. Để cho các bậc rượu; Giải nghi, Tám điều cần biết của thiện trí thấu đạt, mỗi vị cho chính mình; người Phật tử, Mấy lời tâm huyết. Quy y Tăng bảo, 1. Giáo hội chư Thinh Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: văn đệ tử của đức Thế Tôn có phẩm hạnh Năm 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2012, Nxb toàn hảo, 2. Giáo hội chư Thinh văn đệ tử Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. của đức Thế Tôn có phẩm hạnh chân chính, 3. Giáo hội chư Thinh văn đệ tử của 1.324. TAM QUI NGŨ GIỚI đức Thế Tôn có phẩm hạnh của bậc Trí Giảng giải: Thích Thanh Từ tuệ, 4. Giáo hội… Nếu tính đôi thì có Bốn Nxb Tôn Giáo – 2009 và nếu tính riêng rẽ thì có Tám, 5. Giáo Tác phẩm này gồm có: Tại sao phải Quy y hội… Đáng thọ lãnh lễ vật, 6. Giáo hội… Tam bảo, Quy y Tam bảo, Mở đề, Định Đáng thọ lãnh sự tiếp đãi nồng hậu, 7. nghĩa (Tam bảo Phật-Pháp-Tăng), Sự Quy Giáo hội… Đáng thọ lãnh những lễ vật y Tam bảo, Lý Quy y Tam bảo, Nghi thức cúng dường, 8. Giáo hội… Đáng thọ lãnh Quy y, Lợi ích Quy y Tam bảo, Quyết lễ bái, 9. Giáo hội… Là phúc điền vô nghi, Kết luận; Ngũ giới, Mở đề, Định thượng trên thế gian; II. Ngũ giới, Năm

giới căn bản: 1. Không sát sanh, 2. Không thuật; Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không vọng Chơn). ngữ, 5. Không dùng chất say; Hai sắc thái của giới, Hương thơm của giới đức; III. 1.328. Tân San Định Nghi thức thọ trì Tam quy Ngũ giới (Phật TỨ PHẦN TĂNG GIỚI BỔN giáo Nguyên Thủy). (Giới Bổn của Tỳ-kheo thuộc Luật Tứ Biên soạn: 1.326. TAM QUI – NGŨ GIỚI – Sa-môn Thích Đạo Tuyên (596-667) BÁT QUAN TRAI GIỚI Biên dịch: Sa-môn Thích Phước Nghĩa Biên soạn: Nguyên Hiền (đời nhà Minh) Chùa Huệ Nghiêm - Lưu hành nội bộ. Việt dịch: Thích Thiện Phước Sách dày hơn 314 trang, nội dung gồm có: Nxb Phương Đông Lời người dịch, Lời người biên soạn, Kệ Nội dung tác phẩm này gồm có: Tam Quy tán tụng, Tác tiền phương tiện, Thiên Ba- y: Qui y Phật, Qui y Pháp và Qui y Tăng; la-di (bại trận), Thiên Tăng-già-bà-thi-sa Tam bảo có nhiều bậc: 1. Hóa tướng Tam (Thân tàng chỉ Tăng

mới cứu chữa được bảo, 2. Biệt tướng Tam bảo, 3. Nhất thể tàn), Thiên Bất định (Không có nhất định), Tam bảo, 4. Trụ trì Tam bảo; Ngũ giới: 1. Thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (Sa đọa phải xả Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. vật phạm rồi mới sám hối), Thiên Ba-dật- Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không đề (Sa đọa), Thiên Ba-la-đề-đề-xá-ni (Sám uống rượu; Bát quan trai: tổng cộng có 9 hối tội lỗi), Thiên Chúng học pháp (100 chi, 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, giới Cần phải học giữ), Thiên Thất diệt 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. tránh (Bảy pháp diệt trừ sự tranh đấu), Bảy Không uống rượu, 6. Không đeo tràng hoa bài Giới Kinh, Bài Tụng kết lại và Hồi và thoa sức dầu thơm vào mình, 7. Không hướng, Bài Tụng tóm lược tên gọi của 250 ca múa hát xướng và đến xem nghe, 8. điều giới của Tỳ-kheo… Không ngồi trên giường cao rộng, 9. Không ăn phi thời. 1.329. TẬP YẾU, 2 Tập (Tạng Luật) Tam Tạng Việt Ngữ, Tập 08 1.327. TAM THIÊN OAI NGHI – Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014 HÀNH HỘ LUẬT NGHI Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 959 Hán dịch: An Thế Cao trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, Hán văn: Đạo Tuyên soạn có hình Đức Phật ngồi, tay kiết ấn. Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn Tập một, dày 605 trang, nội dung gồm: Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 14.5 Mục lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới x 20.5cm, dày 108 trang, bìa mềm. Tác thiệu, Các chữ viết tắt; phẩm Luật này gồm có: Quyển thượng, ĐẠI PHÂN TÍCH, 1. Phần Quy định tại Đại Tỳ-kheo Tam thiên Oai nghi (Hán đâu, 1.1 Chương Parajika, Tóm lược phần dịch: Tam tạng An Thế Cao; Việt dịch: này, 1.2 Chương Sanghadisesa, Tóm lược Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn); Quyển hạ, phần này, 1.3 Chương Aniyata, Tóm lược - Đại Tỳ-kheo Tam thiên Oai nghi; - Giáo phần này, 1.4 Chương Nissaggiya, 4.1 giới tân học Tỳ-kheo Hành hộ luật nghi Phẩm Kathina là thứ nhất, 4.2 Phẩm Tơ (Nguyên tác Hán văn: Sa-môn Đạo Tuyên tằm là thứ nhì, 4.3 Phẩm Bình bát là thứ

ba, Tóm lược phần này, 1.5 Chương Chương Sanghadisesa, 10. Phần Bao Pacittiya, 5.1 Phẩm Nói dối là thứ nhất, nhiêu tội, 10.1 Chương Pàràjika, 10.2 – 7. 5.2 Phẩm Thảo mộc là thứ nhì, 5.3 Phẩm Chương Sanghadisesa, 11. Phần Sự hư Giáo giới là thứ ba, 5.4 Phẩm Vật thực là hỏng; 12. Phần Được tổng hợp; 13. Phần thứ tư, 5.5 Phẩm Đạo sĩ lõa thể là thứ năm, Nguồn sanh tội; 14. Phần Sự tranh tụng; 5.6 Phẩm Rượu và chất say là thứ sáu, 5.7 15. Phần Dàn xếp; 16. Phần Sự quy tụ (và Phẩm có Sinh vật là thứ bảy, 5.8 Phẩm Bộ Đại phân tích được chấm dứt); theo Pháp là thứ tám, 5.9 Phẩm Đức vua là PHÂN TÍCH GIỚI TỲ-KHEO NI, 1. Phần thứ chín, Tóm lược phần này, Tóm lược Quy định tại đâu, 1.1 Chương Parajika, các Phẩm này, 1.6 Chương Pàtidesanìya, Tóm lược phần này, 1.2 Chương Tóm lược phần này, 1.7 Chương Sekhiya, Sanghadisesa, Tóm lược phần này, 1.3 7.1 Phẩm là Tròn đều thứ nhất, 7.2 Phẩm Chương Nissaggiya, Tóm lược phần này, Cười vang là thứ nhì, 7.3 Phẩm Chống 1.4 Chương Pacittiya, 4.1 Phẩm Tỏi là thứ nạnh là thứ ba, 7.4 Phẩm Đồ ăn khất thực nhất, 4.2 Phẩm Bóng tối là thứ nhì, 4.3 là thứ tư, 7.5 Phẩm Vắt cơm là thứ năm, Phẩm Lõa thể là thứ ba, 4.4 Phẩm Nằm 7.6 Phẩm Tiếng sột sột là thứ sáu, 7.7 chung là thứ tư, 4.5 Phẩm Nhà triển lãm Phẩm Giày dép là thứ bảy, Tóm lược phần tranh là thứ năm, 4.6 Phẩm Tu viện là thứ này, Tóm lược các Phẩm này (dứt phần sáu, 4.7 Phẩm Sản phụ là thứ bảy, 4.8 Quy định tại đâu thuộc bộ Đại Phân tích); Phẩm Thiếu nữ là thứ tám, 4.9 Phẩm Dù 2. Phần Bao nhiêu tội,

2.1 Chương dép là thứ chín, Tóm lược phần này, Tóm Pàràjika, 2.2 Chương Sanghadisesa, 2.3 lược các Phẩm này, 1.5 Chương Chương Nissaggiya, 3.1 Phẩm Kathina là Pàtidesanìya, Tóm lược phần này; 2. Phần thứ nhất, 3.2 Phẩm Tơ tằm là thứ nhì, 3.3 Bao nhiêu tội, 2.1 Chương Pàràjika, 2.2 Phẩm Bình bát là thứ ba, 2.4 Chương Chương Sanghadisesa, 2.3 Chương Pàcittiya, 4.1 Phẩm Nói dối là thứ nhất, Nissaggiya, 2.4 Chương Pàcittiya, 4.1 4.2 Phẩm Thảo mộc là thứ nhì, 4.3 Phẩm Phẩm Tỏi là thứ nhất, 4.2 Phẩm Bóng tối Giáo giới là thứ ba, 4.4 Phẩm Vật thực là là thứ nhì, 4.3 Phẩm Lõa thể là thứ ba, 4.4 thứ tư, 4.5 Phẩm Đạo sĩ lõa thể là thứ năm, Phẩm Nằm chung là thứ tư, 4.5 Phẩm Nhà 4.6 Phẩm Rượu và chất say là thứ sáu, 4.7 triển lãm tranh là thứ năm, 4.6 Phẩm Tu Phẩm có Sinh vật là thứ bảy, 4.8 Phẩm viện là thứ sáu, 4.7 Phẩm Sản phụ là thứ theo Pháp là thứ tám, 4.9 Phẩm Đức vua là bảy, 4.8 Phẩm Thiếu nữ là thứ tám, 4.9 thứ chín, 2.5 Chương Pàtidesanìya, 2.6 Phẩm Dù dép là thứ chín, 2.5 Chương Chương Sekhiya, 6.1 Phẩm là Tròn đều Pàtidesanìya, 3. Phần Sự hư hỏng; 4. Phần thứ nhất, 6.2 Phẩm Cười vang là thứ nhì, Được tổng hợp; 5. Phần Nguồn sanh tội; 6.3 Phẩm Chống nạnh là thứ ba, 6.4 Phẩm 6. Phần Sự tranh tụng; 7. Phần Dàn xếp; Đồ ăn khất thực là thứ tư, 6.5 Phẩm Vắt 8. Phần Sự quy tụ, Tóm lược phần này; 9. cơm là thứ năm, 6.6 Phẩm Tiếng sột sột là Phần Quy định tại đâu, 9.1 Chương thứ sáu, 6.7 Phẩm Giày dép là thứ bảy; Pàràjika, 9.2 – 7. Chương Sanghadisesa, 3. Phần Sự hư hỏng; 4. Phần Được tổng 10. Phần Bao nhiêu tội, 10.1 Chương hợp; 5. Phần Nguồn sanh tội; 6. Phần Sự Pàràjika, 10.2 – 7. Chương Sanghadisesa, tranh tụng; 7. Phần Dàn xếp; 8. Phần Sự 11. Phần Sự hư hỏng; 12. Phần Được tổng quy tụ, Tóm lược phần này; 9. Phần Quy hợp; 13. Phần Nguồn sanh tội; 14. Phần định tại đâu, 9.1 Chương Pàràjika, 9.2 – 7. Sự tranh tụng; 15. Phần Sự Dàn xếp; 16.

Phần Sự quy tụ, Tóm lược các phần này Tập hai, dày 354 trang, nội dung gồm: (Phân tích Giới Tỳ-kheo Ni được chấm Mục lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới dứt); thiệu, Các chữ viết tắt; Các câu hỏi về hợp TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN phần, Tóm lược phần này, Tăng theo từng SANH TỘI, Tóm lược về nguồn sanh tội, bậc, Nhóm một, Tóm lược phần này; Mười ba nguồn sanh tội, 1. Nguồn sanh tội Nhóm hai, Tóm lược phần này; Nhóm ba, của điều Pàràjika thứ nhất, 2. Nguồn sanh Tóm lược phần này; Nhóm bốn, Tóm lược tội của điều Pàràjika thứ nhì, 3. Nguồn phần này; Nhóm năm, Tóm lược phần sanh tội của điều Làm mai mối, 4. Nguồn này; Nhóm sáu, Tóm lược phần này; sanh tội của điều Nói nhắc nhở, 5. Nguồn Nhóm bảy, Tóm lược phần này; Nhóm sanh tội của điều Kathina, 6. Nguồn sanh tám, Tóm lược phần này; Nhóm chín, Tóm tội của điều Lông cừu, 7. Nguồn sanh tội lược phần này; Nhóm mười, Tóm lược của điều Pháp theo từng câu, 8. Nguồn phần này; Nhóm mười một, Tóm lược sanh tội của điều Đường xa, 9. Nguồn phần này, Tóm lược các chương này; Các sanh tội của điều Đám người đạo tặc, 10. câu vấn đáp về lễ Uposatha, v.v… Các câu Nguồn sanh tội của điều Thuyết giảng hỏi, Các câu trả lời, Lời Giải thích về điều pháp, 11. Nguồn sanh tội của điều Tuyên lợi ích, Tóm lược phần này; Sưu tập về bố sự thực chứng, 12. Nguồn sanh tội của các bài kệ, Bốn sự hư hỏng, Liên quan điều Tiếp độ nữ đạo tặc, 13. Nguồn sanh việc cắt bớt, Điều không quy định chung, tội của điều Chưa được cho phép; Tội Parajika, Tóm lược phần này; Phân SỰ TRÙNG LẶP LIÊN TỤC, Phần câu hỏi tích sự tranh tụng, Sự mở đầu,

v.v… của bao nhiêu, 1. Phần sáu nguồn sanh tội, 2. tranh tụng, Điều căn bản v.v… của tranh Phần bao nhiêu tội, 3. Bài kệ nguồn sanh tụng, Tội vi phạm là duyên của tranh tụng, tội, 4. Phần do duyên hư hỏng, 5. Phần do Chủ ý của sự tranh tụng, Phần vấn đáp, duyên tranh tụng, Phân tích cách dàn xếp, Phần được liên kết, Sự mở đầu, v.v… của 6. Phần phương thức trình bày, 7. Phần có Cách dàn xếp, Sự khác biệt, v.v… của liên quan, 8. Phần có cùng quan hệ, 9. Cách dàn xếp, Tóm lược phần này; Sưu Phần các cách dàn xếp, Có liên quan đối tập khác về các bài kệ, Chương cáo tội, Sự với Cách Dàn xếp, 10. Phần các Cách dàn thẩm vấn của vị xét xử, Sự thực hành của xếp có cùng quan hệ đối với Cách dàn vị cáo tội, Sự thiêu đốt chính mình của vị xếp, 11. Phần các Cách dàn xếp và hành cáo tội, Tóm lược phần này; Xung đột xử luật với sự hiện diện, 12. Phần Cách (Phần phụ), Sự thực hành của vị xét xử, hành xử, 13. Phần Tốt đẹp, 14. Phần Nơi Tóm lược phần này; Xung đột (Phần nào, 15. Phần Cách dàn xếp, 16. Phần chính), Sự thẩm vấn của vị xét xử, Phân được Gắn liền, 17. Phần được làm lắng tích về câu hỏi, Tóm lược phần này; Phân dịu, 18. Phần được làm lắng dịu & không tích Kathina, Vấn đáp, Phần sự tổng hợp, được làm lắng dịu, 19. Phần Cách dàn xếp Tóm lược phần này; Nhóm năm về Upàli, và sự tranh tụng, 20. Phần làm sanh lợi, 1. Phẩm không Nương nhờ, Tóm lược 21. Phần Liên hệ với, Tóm lược phần này phần này; 2. Phẩm không Thu hồi, Tóm (dứt Phân tích Cách dàn xếp); Phần Phụ lược phần này; 3. Phẩm Phát biểu, Tóm chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda; lược phần này; 4. Phẩm Trình bày quan điểm, Tóm lược phần này; 5. Phẩm đích thân khởi tố, Tóm lược phần này; 6. Phẩm

về pháp từ khước, Tóm lược phần này; 7. 2. Hành sự chỉ dạy, Câu chuyện về Phẩm Nói dối, Tóm lược phần này; 8. Trưởng lão Seyyasaka, Mười hai hành sự Phẩm giáo giới Tỳ-kheo Ni, Tóm lược sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, phần này; 9. Phẩm Đại biểu, Tóm lược Sáu trường hợp trong khi mong muốn, phần này; 10. Phẩm Giải quyết tranh tụng, Mười tám phận sự, Mười tám trường hợp Tóm lược phần này; 11. Phẩm kẻ chia rẽ không nên thu hồi, Mười tám trường hợp hội chúng, Tóm lược phần này; 12. Phẩm nên được thu hồi, Việc thu hồi; thứ nhì về kẻ chia rẽ hội chúng, Tóm lược 3. Hành sự xua đuổi, Hành vi sai trái của phần này; 13. Phẩm vị thường trú, Tóm các vị nhóm Assaji và Punabbasuka, Mười lược phần này; 14. Phẩm Thành tựu hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự Kathina, Tóm lược phần này, Tóm lược đúng pháp, Mười bốn trường hợp trong các Phẩm này; Nguồn sanh khởi, Tóm khi mong muốn, Mười tám phận sự, Mười lược phần này; Sưu tập về các bài kệ - tám trường hợp không nên thu hồi, Mười phần hai, Các bài kệ làm xuất mồ hôi, tám trường hợp nên được thu hồi, Việc thu Tóm lược phần này; Năm Phẩm, 1. Phẩm hồi; Hành sự, 2. Phẩm Điều lợi ích, 3. Phẩm 4. Hành sự hòa giải, Câu chuyện về Đã được quy định, 4. Phẩm Đã được quy Trưởng lão Sudhamma, Mười hai hành sự định về điều chưa được quy định, 5. Phẩm sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Chín cách tổng hợp, Tóm lược nhóm Năm Bốn trường hợp trong khi mong muốn, phẩm; Phần Phụ chú, Các bản dịch của Mười tám phận sự thuộc hành sự hòa giải, Tỳ-kheo Indacanda. Mười tám trường hợp không nên thu hồi, Bộ Tập Yếu – 2 Tập, đã xuất bản năm Mười tám trường hợp nên được thu hồi, 2005, Nxb Tôn Giáo. Việc thu hồi; 5. Hành sự án treo về việc không nhìn 1.330. TIỂU PHẨM (2 Tập) – nhận tội, Câu chuyện về Trưởng lão Tạng Luật Channa, Mười hai hành

sự sai pháp, Mười Nxb Tôn giáo, PL. 2558 – DL. 2014 hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn trong khi mong muốn, Bốn mươi ba phận 832 trang, bìa cứng. sự thuộc Hành sự án treo về việc không Tiểu Phẩm - Tập I, Bộ Hợp Phần, Tam nhìn nhận tội, Việc làm phận sự đúng đắn Tạng Việt Ngữ - Tập 06, dày hơn 385 của Tỳ-kheo Channa, Bốn mươi ba trường trang, nội dung gồm có 4 chương: Mục hợp không nên thu hồi, Bốn mươi ba lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi; chữ Viết tắt; 6. Hành sự án treo về việc không sửa chữa I. CHƯƠNG HÀNH SỰ, 1. Hành sự khiển lỗi, Câu chuyện về Trưởng lão Channa, trách, Câu chuyện về các Tỳ-kheo nhóm Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai Panduka và Lohitaka, Mười hai hành sự hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, khi mong muốn, Bốn mươi ba phận sự, Sáu trường hợp trong khi mong muốn, Bốn mươi ba trường hợp không nên thu Mười tám phận sự, Mười tám trường hợp hồi, Bốn mươi ba trường hợp nên được thu không nên thu hồi, Mười tám trường hợp hồi, Việc thu hồi; nên được thu hồi, Việc thu hồi; 7. Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, Câu chuyện về Tỳ-kheo Arittha,

Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai giấu dài ngày, Hình phạt Parivàsa hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong tháng, Cách thức nên hành Parivàsa hai khi mong muốn, Bốn mươi ba phận sự, tháng, Hình phạt Parivàsa từ mốc trong Mười tám trường hợp không nên thu hồi, sạch, 3. Bốn mươi trường hợp hành Mười tám trường hợp nên được thu hồi, Parivàsa, 4. Ba mươi sáu trường hợp hành Việc thu hồi, Các câu kệ Tóm lược; Parivàsa, 5. Một trăm trường hợp hành II. CHƯƠNG PARIVÀSA, 1. Phận sự của Parivàsa, 6. Bốn trăm trường hợp đưa về vị hành Parivàsa, 2. Phận sự của vị xứng lại (hình phạt) ban đầu, 7. Tám trường hợp đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, có hạn lượng, 8. Mười một trường hợp về 3. Phận sự của vị xứng đáng hình phạt hai vị Tỳ-kheo, 9. Chín trường hợp không Mànatta, 4. Phận sự của vị thực hành được trong sạch trong việc đưa về lại (hình Mànatta, 5. Phận sự của vị xứng đáng sự phạt) ban đầu, 10. Chín trường hợp được giải tội, Các câu kệ tóm lược; trong sạch trong việc đưa về lại (hình III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI, phạt) ban đầu, 11. Chín trường hợp được 1. Tội xuất tinh, Hình phạt Mànatta của tội trong sạch thứ nhì trong việc đưa về lại không có che giấu, Việc giải tội của tội (hình phạt) ban đầu, Các câu kệ tóm lược; không có che giấu, Hình phạt Parivàsa của IV. CHƯƠNG DÀN XẾP, 1. Hành xử luật tội che giấu một ngày, Hình phạt Mànatta với sự hiện diện, Chín trường hợp nói sai của tội che giấu một ngày, Việc giải tội pháp, Chín trường hợp nói đúng pháp, 2. của tội che giấu một ngày, Hình phạt Hành xử luật bằng sự ghi nhớ, 3. Hành xử Parivàsa của tội che giấu năm ngày, Việc luật khi không điên cuồng, 4. Việc phán đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị hành xử theo tội đã được thừa nhận, 5. Thuận Parivàsa, Việc đưa về lại (hình phạt) ban theo số đông, 6. Theo tội của vị ấy, Mười đầu của vị xứng đáng hình phạt Mànatta, hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự Hình phạt Mànatta của nhóm ba tội, Việc đúng pháp, Sáu trường hợp “trong khi đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị thực mong muốn” Mười tám phận sự, 7. Cách hành Mànatta, Việc đưa về lại (hình phạt) dùng có che lấp, 8. Bốn sự tranh tụng, 9. ban đầu của vị xứng đáng sự giải tội, Việc Cách giải

quyết sự tranh tụng, Hành xử giải tội của vị được đưa về lại (hình phạt) luật với sự hiện diện, Cách giải quyết theo ban đầu, Hình phạt Parivàsa của tội che lối đại biểu, Cách hành xử luật thuận theo giấu nửa tháng, Việc đưa về lại (hình phạt) số đông, Ba cách phân phát thẻ, Hành xử ban đầu của vị hành Parivàsa nửa tháng, luật bằng sự ghi nhớ, Hành xử luật khi Hình phạt Parivàsa kết hợp, Việc đưa về không điên cuồng, Theo tội của vị ấy, lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng đáng Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, hình phạt Mànatta, Hình phạt Mànatta của Cách dùng cỏ che lấp; Dứt chương Dàn nhóm ba tội, Việc đưa về lại (hình phạt) xếp là thứ tư; Phần Phụ chú, Các bản dịch ban đầu của vị thực hành Mànatta, Việc của Tỳ-kheo Indacanda; đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng Tiểu Phẩm - Tập II, Bộ Hợp Phần, Tam đáng sự giải tội, Việc giải tội của tội che Tạng Việt Ngữ - Tập 07, dày hơn 447 giấu nửa tháng; trang, nội dung gồm từ chương V đến XII. 2. Hình phạt Parivàsa, Hình phạt Parivàsa Phần đầu: Mục lục, Lược đồ Tam tạng, kết hợp với giá trị của tội, Hình phạt Lời giới thiệu, Các chữ Viết tắt; Parivàsa kết hợp với giá trị của tội che

V. CHƯƠNG CÁC TIỂU SỰ, Các Tiểu nhà tắm hơi, Phận sự ở nhà vệ sinh, Phận sự, Tụng Phẩm thứ ba, Các câu kệ tóm sự đối với thầy tế độ, Phận sự đối với đệ lược; tử, Phận sự đối với thầy dạy học, Phận sự VI, CHƯƠNG SÀNG TỌA, Sự cho phép đối với học trò, Các câu kệ tóm lược; về trú xá, Sự cho phép giường-ghế, Sự cho IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN phép (sơn) màu trắng, Sự ngăn cấm về PÀTIMOKKHA, Thỉnh cầu tuyên đọc hình ảnh gợi cảm, Sự cho phép nền móng giới bổn Pàtimokkha, Tám pháp kỳ diệu bằng gạch, Sự cho phép phòng hội họp, Sự về biển cả, Tám pháp kỳ diệu ở Pháp và cho phép hàng rào, Sự cho phép việc rào Luật, Vị xứng đáng nghe giới bổn quanh tu viện, Câu chuyện về Pàtimokkha, Việc đình chỉ giới bổn Anàthapindika, Sự giao công trình mới, Sự Pàtimokkha đúng Pháp và sai Pháp, Việc cho phép chỗ ngồi tốt nhất, Những người đình chỉ giới bổn Pàtimokkha đúng Pháp, không nên được đảnh lễ, Sự ngăn cấm về Các yếu tố của việc đích thân khởi tố, Các việc xâm phạm chỗ ngồi, Sự cho phép ở pháp cần được quán xét bởi vị khiển trách, chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ, Việc Phần giảng về mối liên quan giữa vị khiển nói lời tùy hỷ về trú xá Jetavana, Việc xâm trách và vị bị khiển trách, Các câu kệ tóm phạm chỗ ngồi, Sự chỉ định vị phân phối lược; chỗ trú ngụ, Câu chuyện về vật không nên X. CHƯƠNG TỲ-KHƯU NI, Câu chuyện phân chia, Phần giảng về việc giao công về bà Mahàpajàpatì Gotamì, Tám Kính trình mới, Sự ngăn cấm về đồ đạc của địa pháp, Sự cho phép về việc tu lên bậc trên điểm khác, Sự cho phép về bữa trai phạn của Tỳ-kheo Ni, Tụng phẩm thứ nhì, Tụng dâng đến hội chúng, Sự chỉ định vị sắp phẩm thứ ba, Các câu kệ tóm lược; xếp các bữa ăn, Sự chỉ định vị phân bố chỗ XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM trú ngụ, Sự chỉ định vị phân phát vật linh TRĂM VỊ, Duyên khởi của việc Kết tập, tinh, Sự chỉ định vị phân phối vải choàng, Phần giảng về các điều học nhỏ nhặt và ít Các câu kệ tóm lược; quan trọng, Phần giảng về hình phạt Phạm VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG, Thiên, Các câu kệ tóm lược; Phần giảng về sự xuất gia của sáu vị dòng XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY họ Sakya, Câu chuyện về Devadatta, Phần TRĂM VỊ, Tụng phẩm thứ nhất, Tụng giảng về năm hạng đạo sư, Hành sự công phẩm thứ nhì, Các câu kệ tóm lược; Phần bố, Câu chuyện về hoàng tử Ajàtasattu, Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Việc phái đi những

kẻ sát thủ, Nghiệp báo Indacanda. của kẻ làm chảy máu (ở đức Phật), Việc Tiểu Phẩm Tập I & II đã được xuất bản từ đưa ra con voi Nàlàgiri, Phần giảng về sự năm 2005, Nxb Tôn Giáo. yêu cầu năm sự việc, Phần giảng về việc chia rẽ hội chúng, Các câu hỏi của vị 1.331. Tìm Hiểu và Chú Giải Upali, Các câu kệ tóm lược; TỲ-NI HƯƠNG NHŨ NHẬT DỤNG VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ, Phận sự của THIẾT YẾU vị vãng lai, Phận sự của vị thường trú, (Tài liệu học tập cho Tăng Ni An cư kiết Phận sự của vị xuất hành, Phận sự của hạ) việc tùy hỷ, Phận sự ở chỗ thọ thực, Phận Bửu Hoa Sơn – sự của vị đi khất thực, Phận sự của vị ngụ Kiến Nguyệt Lão Hòa thượng ở rừng, Phận sự ở nơi cư ngụ, Phận sự ở Việt dịch: Thích Minh Chánh

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007 ngồi thiền), Thùy miên (ngủ nghỉ), Thủ Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 248 thủy (múc nước), Dục Phật (tắm Phật), trang. Nội dung gồm có 2 quyển: Lời giới Tán Phật (khen Phật), Nhiễu tháp (đi nhiều thiệu, Đôi lời cẩn chí, Tựa (Lời tựa mới vòng quanh tháp), Khán bịnh (thăm bịnh), khi khắc bản in lại bộ Tỳ-ni Hương nhũ Thế phát (cạo tóc), Mộc dục (tắm gội), Nhựt dụng Thiết yếu này), Lời tựa, Tựa, Tẩy túc (rửa chân); Chú thích từ ngữ. Phàm lệ về bài, Tỳ-ni rất thiết yếu thường dùng hằng ngày, danh đề là Hương nhũ 1.332. TỔNG TẬP ký; Pháp Tỳ-ni thường dùng hằng ngày rất GIỚI PHÁP XUẤT GIA (Bộ 2 Tập) thiết yếu, danh hiệu là Hương nhũ ký; Biên tập: Quyển thượng, I. Nhơn duyên giáo hưng, Tỳ-kheo Thích Trí Quang (1923-2019) II. Nhiếp về tạng-thừa-giáo, III. Chỗ dạy Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2010 về tông thú, IV. Giải thích chung nhan đề, Toàn bộ tác phẩm (2 tập) dày hơn 2.231 V. Giải riêng bài kệ, Tảo giác (Sớm thức), trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng. Minh chung (động chung), Văn chung Tập 1, dày hơn 1057 trang, nội dung gồm: (nghe chuông), Trước y phục (mặc quần Vài tên tắt, Mười điều tâm niệm, Ghi chú; áo), Hạ đơn (xuống đơn), Hành bộ bất A. Kính Phụng Kinh Di Giáo, I. Chính thương trùng, Xuất đường (ra nhà), Đăng văn, II. Lược giải; B. Sáu giới pháp xuất xí (lên nhà xí), Tựu thủy (đến nước), Khử gia: I. Bồ-tát giới (chính văn, lược giải), uế (rửa nhơ), Tẩy thủ (rửa tay), Tẩy diện II. Tỳ-kheo giới, III. Tỳ-kheo Ni giới, IV. (rửa mặt), Ẩm thủy (uống nước), Ngũ điều Thức-xoa-ma-na giới; y kệ (y năm điều), Thất điều y kệ (y bảy Tập 2, từ tr. 1167 đến tr. 2231, nội dung điều), Nhị thập ngũ điều (đại y-y lớn), gồm có: V. Sa-di giới (Hoa văn, Dịch âm- Ngọa cụ (trải cụ), Đăng đạo tràng (lên đạo dịch nghĩa, Lược giải), VI. Sa-di Ni giới tràng), Tán Phật (khen Phật), Lễ Phật (lạy (Hoa văn, Dịch âm-dịch nghĩa, Lược giải); Phật), Cúng tịnh bình (cúng bình sạch), C. Sáu tiểu phẩm hộ giới: I. Sa-di lục yếu, Chơn ngôn rửa tịnh bình, Chân ngôn rót II. Tỳ-ni nhật dụng (Hoa văn, Dịch âm- nước; Quyển hạ, Triển bát (giở bát), Thọ dịch nghĩa, Lược giải), III. Cảnh sách thực (dùng bữa-thọ trai), Phụ bài văn cúng (Hoa văn, Dịch âm-dịch nghĩa, Lược giải), dường, Cúng dường Phật Tỳ-lô-giá-na IV. Văn khuyên Phát Bồ-đề tâm, V. Lược Pháp thân thanh tịnh, Phật Lô-xá-na Báo giải từ ngữ “Phát Bồ-đề tâm”, VI. Kinh thân viên mãn, Phật Thích-ca Mâu-ni, Cực Bát Đại Nhân Giác. lạc Thế giới A-di-đà Phật, Đức Phật Di-lặc Tác phẩm Luật này được tái bản năm sẽ sanh xuống sau này, Mười phương ba 2018, Nxb Hồng Đức (Phân thành 4 tập), đời tất cả chư Phật, Đại Trí Văn-thù-sư-lợi dày hơn 2.257 trang, bìa cứng. Bồ-tát, Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Ma-ha Bát-nhã Ba- 1.333. Tục Khắc Trùng Trị la-mật; Xuất sanh, Thị giả tống thực, Tăng TỲ-NI SỰ

NGHĨA Tập Yếu bạt, Triển bát, Tẩy bát, Thọ thẩn (nhận của Giải thích: Sa-môn Trí Húc (1599-1655) thí), Thủ dương chi (lấy cành dương), Soạn dịch: Tước dương chi (nhăn cành dương), Sấu Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) khẩu (súc miệng), Xuất trượng (lấy tích Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2016 trượng), Phu đơn tọa thiền (lót giường

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 287 Tập I, Tứ Phần Luật, Phần I và II, dày trang, bìa cứng. hơn 1033 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Nội dung tác phẩm gồm (từ Q.XI đến Phần I (Giới Tỳ-kheo), Lời người dịch, Q.XVI): Tiểu sử Cố Đại lão Sư trưởng Hải Tựa (Ấn bản 2553), Tự ngôn, Lời Ấn bản Triều Âm, Lời giới thiệu, Lời tựa; Q.XI, thứ IV, Tán Duyên khởi; C.I Ba-la-di (có Tổng biện pháp Yết-ma, Pháp kết giới, 1. 4 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên Kết giới tràng, 2. Kết đại giới, 3. Kết giới khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng không lìa y, 4. Kết giới tịnh trù (tịnh địa), phạm), C.II Tăng-tàn (có 13 giới; ở mỗi 5. Quyền kết tiểu giới; Pháp truyền giới, 1. giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Pháp xuất gia thọ mười giới, 2. Thỉnh Hòa Thích nghĩa và Tướng phạm), C.III Bất thượng, 3. Đăng đàn thọ cụ túc, 4. Thọ cụ định (có 2 giới; ở mỗi giới có các phần: đắc pháp hay không; Q.XII, Pháp y chỉ, Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Pháp làm thầy, Pháp đệ tử hầu thầy, Pháp Tướng phạm), C.IV Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề thượng tòa, Pháp đồng học, Pháp lễ kính, (có 30 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên Pháp hiếu cha mẹ, Pháp An cư, Pháp Tự khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng tứ, Pháp Y Cahyna; Q.XIII, Pháp trị tội, 1. phạm), C.V Ba-dật-đề (có 90 giới; ở mỗi Pháp trị Tứ khí, 2. Pháp trị Tăng-tàn, 3. giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Pháp trị Thâu-lan-giá, 4. Pháp trị tội nhẹ, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.VI Đề- Yết-ma pháp, Pháp úp bát; Q.XIV, Pháp y, xá-ni (có 4 giới; ở mỗi giới có các phần: Pháp bát, Pháp dược, Pháp thọ ăn, Pháp Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và nuôi bệnh, Phòng xá, Pháp ngọa cụ, Pháp Tướng phạm), C.VII Thức-xoa-ca-la Ni khí vật (các vật dụng), Pháp tích trượng, (có 100 điều), C.VIII Bảy Diệt tránh (có 7 Pháp tùng lâm, Pháp A-lan-nhã, Pháp đại điều); Phần II (Giới Tỳ-kheo Ni), C.I Ba- chúng hội, Pháp chia vật, Pháp thuyết la-di (có 8 giới), C.II Tăng-già-bà-thi-sa pháp, Pháp đọc tụng, Pháp ngồi thiền, Tạp (có 17 giới), C.III Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (có pháp; Phật nói Kinh, Phạm giới tội Nặng 30 điều), C.IV Ba-dật-đề (có 178 điều), Nhẹ; Q.XVI, Tỳ-kheo Ni giới… C.V Ba-la-đề-đề-xá-ni (có 8 điều); Tập II, Tứ Phần Luật, Phần III và IV, từ 1.334. TỨ PHẦN LUẬT – tr. 1055 – tr. 1975. Nội dung gồm có: DHARMAGUPTAKA VINAYA Phần III, C.I Thọ Giới, I. Thích thị thế – Bộ 3 Tập phổ, II. Truyện đức Thích Tôn, 1. Xuất gia Đại Tạng Kinh Việt Nam – Luật Tạng và Thành đạo, 1.1 Vương tử họ Thích, 1.2 Hán dịch: Tam tạng Phật-đà-da-xá và Xuất gia tầm đạo, 1.3 Sáu năm khổ hạnh, Trúc Phật Niệm 1.4 Thành Đẳng Chánh giác, 1.5 Hai Chứng minh: người khách thương, 1.6 Nhân duyên quá Đại lão HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) khứ, 1.7 Hai Quy y, 1.8 Long vương Mục- Việt dịch: chân-lân-đà, 1.9 Phạm thiên khuyến thỉnh; Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh (1927-2005) 2. Sơ chuyển Pháp luân, 2.1 Trung đạo, Hiệu đính và Chú thích: 2.2 Chuyển Pháp luân Kinh, 2.3 Vô ngã Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ tướng Kinh; 3. Da-xá, 3.1 Thiện lai Tỳ- Nxb Hồng Đức – 2019. Luật có khổ 19 x kheo, 3.2 Ba Quy y, 3.3 Những người bạn, 26cm, bộ 3 tập dày hơn 2.132 trang, bìa 4. Long vương Y-la-bát-la; III. Tăng pháp cứng, nền màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Thọ giới, 1. Sơ chế pháp, 1.1 Tam ngữ đắc

Giới, 1.2 Bạt-đà-la-bạt-đề, 1.3 Uất-tỳ-la nữ thành Tỳ-xá-ly, 6. Ba y, 7. Pháp thức Ca-diếp, 1.4 Ba thị đạo, 1.5 Vua Bình-sa, phân vật, 8. Tăng vật, 9. Tỳ-lưu-ly, 10. 1.6 Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên; 2. Hòa Thân hậu, 11. Di vật của Tỳ-kheo, 12. Tạp thượng pháp, 2.1 Hòa thượng truyền giới, sự; C.VII 1. Các loại thuốc, 2. Các loại 2.2 Tuổi hạ của Hòa thượng, 2.3 Phận sự thịt, 3. Tịnh trù, 4. Tịnh nhục, 5. Tám thứ của Hòa thượng, 2.4 Phận sự của đệ tử, nước, 6. Tịnh địa, 7. Tịnh quả, 8. Nấu 2.5 A-xà-lê, 2.6 Y chỉ và dứt Y chỉ, 2.7 cháo, 9. Tám sự cho phép, 10. Tịnh vật Phẩm chất Hòa thượng, 2.8 Ngoại đạo linh tinh, 11. Dùng thuốc; C.VIII Y Ca- xuất gia, 2.9 Các Già-nạn (1), 2.10 Dữ học thi-na, 1. Năm Công đức, 2. Y như pháp, giới, 2.11 Sa-di xuất gia; 3. Nhân và Sự 3. Thọ y, 4. Xuất y; C.IX Câu-thiểm-di, 1. như pháp, 3.1 Kết và Giải Tiểu giới, 3.2 Tránh sự phát khởi, 2. Biệt bộ Yết-ma, 3. Hòa thượng như pháp, 3.3 Truyền Tứ y, Hòa giải, 4. Trường Sanh vương, 5. Tăng 3.4 Các Già-nạn (2), 3.5 Các liên hệ Già- hòa hợp, 6. Giải Yết-ma; C.X Chiêm-ba, nạn; 4. Pháp thức Truyền thọ Cụ túc, 4.1 1. Cử tội phi pháp, 2. Túc số Yết-ma, 3. Giáo thọ giới tử, 4.2 Giới tử bạch Tăng, Túc số Tăng, 4. Yết-ma bất thành, 5. Ngăn 4.3 Bạch Tứ Yết-ma, 4.4 Truyền pháp Tứ Yết-ma; C.XI Khiển trách, 1. Khiển trách, khí và Tứ y, a. Tứ khí, b. Tứ y, 4.5 Giáo 2. Tẫn xuất, 3. Y chỉ, 4. Hạ ý, 5. Xá-trí; Giới và Đắc Giới; C.II Thuyết Giới, I. C.XII Người, 1. Phú tàng, 1.1 Hành Ba- Pháp thức thuyết Giới, 1. Bố-tát, 2. Thuyết lợi-bà-sa, 1.2 Bán nhật trị, 1.3 Ma-na-đỏa, pháp, 3. Ba-la-đề-mộc-xoa, 4. Lịch pháp; 1.4 Xuất tội, 2. Không Phú-tàng, 3. Tổng II. Kết Giới, 1. Giới trường, 2. Đại Giới hợp Tăng-tàn; C.XIII Phú-tàng; C.XIV cộng trú, 3. Thất y giới, 4. Đại Giới liên Già Yết-ma, 1. Cầu thính, 2. Già thuyết kết, 5. Tiểu Giới; III. Tập Tăng, 1. Bạch giới, 3. Mười Như pháp Già, 4. Tỳ-kheo Tăng, 2. Dữ dục, 3. Thuyết Giới, 4. Sám cử tội, 5. Pháp thức Già, 6. Cáo tội, 7. Tỳ- hối, 5. Hạn kỳ, 6. Phá Yết-ma, 7. Chuyển kheo ngăn; C.XV Phá Tăng, 1. Đề-bà-đạt- trú xứ, 8. Hòa hiệp thuyết Giới; C.III An đa, 2. Truyện Thiện hành, 3. Ưu-ba-ly hỏi; cư, 1. Kết Giới An cư, 2. Phân phòng xá, C.XVI Diệt tránh, I. Bảy Diệt tránh, 1. 3. Phân ngọa cụ, 4. Tiền hậu An cư, 5. Trú Hiện tiền Tỳ-ni, 2. Ức niệm Tỳ-ni, 3. Bất xứ An cư, 6. Xuất giới, 7. Phá Hạ, 8. Ước si Tỳ-ni, 4. Tự ngôn trị, 5. Đa nhân ngữ, 6. định An cư; C.IV Tự tứ, 1. Á pháp, 2. Cầu Tội xứ sở, 7. Như thảo phú địa; II. Bốn thính, 3. Pháp thức Tự tứ, 4. Chúc thọ Tự Tránh sự, III. Tránh sự diệt, 1. Nguyên tắc tứ, 5. Phá Tự tứ, 6. Già Tự tứ, 7. Hạn kỳ Hiện tiền, 2. Diệt ngôn tránh, 2.1 Hiện tiền Tự tứ, 8. Khách Tự tứ; C.V Da thuộc, I. luật, 2.2 Đa nhân ngữ, a. Hành Xá-la, b. Nhân duyên Thủ-lung-na, 1. Hai bàn chân, Xá-la phi pháp, c. Bình đoán sự, 3. Diệt 2. Dây đàn căng, 3. Sáu tín giải; II. Nhân mích tránh, 4. Diệt phạm tránh, 5. Diệt sự duyên Ức nhĩ, 1. Tăng-già biên địa, 2. tránh, 6. Ưu-ba-ly hỏi; C.XVII Tỳ-kheo Những qui định về da thuộc, 2.1 Qui định Ni, I. Kiều-đàm-di, II. Ni Thọ giới, 1. Sa- chung về dép, 2.2 Các loại da, 2.3 Các vật di Ni, 2. Thức-xoa-ma-na, 3. Thọ Cụ túc, dụng bằng da; C.VI Y, I. Y phấn tảo; II. 3.1 Bản bộ Yết-ma, 3.2 Chánh pháp Yết- Kỳ-bà đồng tử, 1. Kỹ nữ thành Vương xá, ma, 3.3 Đại diện thọ giới, 4. Các Già-nạn; 2. Học thuốc, 3. Chữa bệnh; III. Đàn-việt III. Ni thường hành; C.XVIII Pháp, 1. thí y, 1. Kỳ-bà thỉnh nguyện, 2. Các loại ý Khách Tỳ-kheo, 2. Cựu Tỳ-kheo, 3. Vệ quý, 3. Nhận và chia, 4. Y cát tiệt, 5. Kỹ

sinh, 4. Khất thực, 5. A-lan-nhã, 6. Ẩm cóc trẻ, 23. Nhận di chúc; III. Đoạn nhân thực, 7. Nhuộm y; mạng, 1. Ưu-ba-ly thỉnh hỏi, 2. Khuyến Phần IV, C.I Phòng xá, 1. Ca-lan-đà

Trúc khích chết, 3. Phương tiện giết, 4. Phá viên, 2. Tinh xá, 3. Giường nằm, 4. Chăn thai, 5. Cho bệnh chết sớm, 6. Sai bảo giết, màn, 5. Sảnh đường, 6. Cấp Cô Độc, 7. 7. Ngộ sát và cố sát; IV. Đại vọng ngữ, 1. Thứ bậc Tăng trong Già-lam, 8. Trú trì, 9. Ưu-ba-ly thỉnh vấn, 2. Tự xưng, 3. Tự ám Phòng ốc, 10. Tường rào chùa, 11. Nhà chỉ, 4. Tự hiện tướng, 5. Mục-liên tự tắm, 12. Dùng nước, 13. Đất trồng, 14. Lò thuyết; B. Tăng-già-bà-thi-sa, 1. Lộng âm, sưởi, 15. Thọ nhận phi pháp, 16. Tứ 2. Xúc nữ, 3. Thô ác ngữ, 4. Sách cúng phương Tăng vật, 17. Tỳ-kheo tri sự, 18. dường, 5. Môi giới, 6. Vô căn Ba-la-di; Chia cháo; C.II Tạp sự, 1. Bát, 2. Dao, 3. C.VI Tỳ-ni Tăng nhất, 1. Một pháp, 2. Hai Râu-tóc-móng, 4. Trang sức, 5. Thần biến pháp, 3. Ba pháp, 4. Bốn pháp, 5. Năm thị đạo, 6. Thiên bức luân, 7. Các loại bát pháp, 6. Sáu pháp, 7. Bảy pháp, 8. Tám cấm, 8. Xông bát-nung bát, 9. Trì bát, 10. pháp, 9. Chín pháp, 10. Mười pháp, 11. Tịnh quả, 11. Câu-chấp, 12. Khâu y, 13. Mười một pháp và trên; Vá bát, 14. Lấy lửa, 15. Lọc nước, 16. Ăn Tập III, Tổng Mục Lục, Biên soạn: Tỳ- ngủ chung, 17. Chuyển thể Phật ngôn, 18. kheo Thích Tuệ Sỹ, dày hơn 157 trang. Nội Sinh nghi, 19. Dù-gậy-quạt-phất trần, 20. dung gồm có: Lược sử Hòa thượng Luật Chỗ ngồi, 21. Tỏi, 22. Khuân vác, 23. sư Thích Trí Thủ, Lược sử Hòa thượng Tháp Thanh văn, 24. Cạo tóc, 25. Tháp Luật sư Thích Đỗng Minh, Lịch sử Truyền Phật, 26. Nhà tắm, 27. Úp bát, 28. Chữa dịch, Những chữ viết tắt trong Chú thích, cháy, 29. Yết-ma trì gậy, 30. Mặc nhiên, Mục lục Phần I, Mục lục Phần II, Mục lục 31. Chúc lành-thề thốt, 32. Dây nịt, 33. Phần III, Mục lục Phần IV, Đối chiếu các Gốm, 34. Chú thuật, 35. Răng-lưỡi-tai, 36. Bộ Luật, Thư Mục luật, Từ vựng Pàli- Nuôi cầm thú, 37. Ưu-đà-diên; C.III Ngũ Việt, Sách dẫn. bách Kết tập, 1. Duyên khởi, 2. A-nan, 3. Bộ Tứ Phần Luật này đã in xuất bản vào Tập Tăng, 4. Tập luật tạng, 5. Tập Kinh năm 2002, Tứ Phần Luật – Phần thứ nhất tạng, 6. Phú-lâu-na; C.IV Thất bách Kết gồm 3 quyển, Ban Tu thư Phật học ấn tập, 1. Duyên khởi, 2. Ly-bà-đa, 3. Vận hành. động, 4. Các Thượng tọa, 5. Tập Tăng, 6. Bình nghị; C.V Điều bộ, A. Ba-la-di, I. 1.335. TỨ PHẦN LUẬT Bất tịnh hạnh, 1. Ưu-ba-ly thỉnh Phật, 2. Soạn lục: HT. Thích Thanh Sơn Cộng súc sanh, 3. Dữ học giới, 4. Phi đạo, Tác phẩm Luật này có 295 trang, bìa 5. Cưỡng dâm; II. Bất dữ thủ, 1. Ưu-ba-ly mềm; nội dung gồm: - Tân san định Tăng thỉnh vấn, 2. Vật gia dụng, 3. Y phục, 4. giới bổn tự (bản chữ Hán và phiên âm); - Trốn thuế, 5. Trộm có tổ chức, 6. Sở hữu Tỳ-kheo giới bổn. tụ lạc, 7. Trộm Kinh, 8. Đồng lõa, 9. Trộm nhầm, 10. Di chuyển vật, 11. Nguồn nước, 1.336. TỨ PHẦN LUẬT HÀM CHÚ 12. Chiếm dụng, 13. Hoa quả, 14. Xe- GIỚI BỔN thuyền, 15. Vật từ thú vật, 16. Giải phóng Nguyên tác: Thích Đạo Tuyên (596-667) súc vật, 17. Vật dụng của Tỳ-kheo, 18. Việt dịch: Thích Minh Phước Phần của người khác, 19. Cầm nhầm, 20. Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Sách Vật vô chủ, 21. Mượn tiếng lấy, 22. Bắt có khổ 14 x 20cm, dày 293 trang, bìa

mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình C.IV Pháp thụ Tịnh y và thuốc thang, 1. tượng Đức Phật Thích-ca thiền tọa (tượng Pháp thụ y, 2. Pháp xả y, 3. Pháp Ni thụ này tôn trí tại chùa Huệ Nghiêm, Q. Bình thêm 2 y, 4. Pháp tâm niệm thụ và xả y, 5. Tân, Tp. Hồ Chí Minh). Pháp thụ Ni-sư-đàn (tọa cụ), 6. Pháp thụ Tác phẩm Tứ Phần Luật Hàm chú này có Bát-đa-la, 7. Pháp thụ thuốc thang, 8. Pháp 8 chương, nói về giới luật Tỳ-kheo, trong thuyết Tịnh y; C.V Các pháp thuyết giới, mỗi giới nói rõ nhân duyên Đức Phật chế 1. Pháp Tăng thuyết giới, 2. Pháp tác bạch giới và giảng giải. Nội dung gồm: Tiểu sử khi

Tăng đồng phạm và biết lỗi, sám hối, ngài Đạo Tuyên, Lời nói đầu, Lời tựa; C.I 3. Pháp tác bạch khi Tăng đồng phạm lỗi- Thiên Ba-la-di, C.II Thiên Tăng-già bà- nghi có tội phát lộ, 4. Pháp Ni sai người thi-sa, C.III Hai pháp bất định, C.IV Thiên thỉnh giáo thụ, 5. Pháp giáo giới Ni, 6. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, C.V Thiên Ba-dật-đề, Pháp nói thanh tịnh, 7. Pháp biết tội phát C.VI Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, C.VII Pháp lộ, 8. Pháp nghi có tội phát lộ, 9. Pháp ở thức-xoa-ca-la-ni, C.VIII Bảy pháp dứt sự trên tòa thuyết giới nhớ tội phát lộ, 10. tranh cãi. Pháp lược thuyết giới, 11. Pháp đối thú tụng giới, 12. Pháp tâm niệm thuyết giới; 1.337. TỨ PHẦN LUẬT - C.VI Các pháp An cư, 1. Pháp An cư, 2. SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA Pháp thụ nhật; C.VII Các pháp Tự tứ, 1. Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – Pháp Tăng Tự tứ, 2. Pháp sai người thụ Tự Ban Dịch Thuật Luật Tạng tứ, 3. Pháp bạch Tăng Tự tứ, 4. Pháp chính Nguyên tác Hán văn: thức Tự tứ, 5. Pháp lược Tự tứ, 6. Pháp Đại sư Đạo Tuyên (596-667) Đối thú từ bốn người trở xuống, 7. Pháp Việt dịch: một người tâm niệm, 8. Pháp Ni sai người Đức Nghiêm-Đức Thuận-Đức Thuần đến Tăng cầu Tự tứ; C.VIII Các pháp phân Nxb Hồng Đức – 2017 chia y, 1. Pháp hai bộ Tăng được cúng Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 239 dường, 2. Pháp hai bộ hiện tiền Tăng được trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. cúng dường, 3. Pháp đúng thời hiện tiền Nội dung gồm có 2 quyển (thượng & hạ), Tăng được cúng dường, 4. Pháp phi thời 10 chương, sơ lược như sau: Quyển hiện tiền Tăng được cúng dường, 5. Pháp thượng, C.I Tập hợp duyên thành của các đúng thời Tăng được cúng dường, 6. Pháp pháp, 1. Pháp Yết-ma của Tăng, 2. Đối thú phi thời Tăng được cúng dường,...; C.IX Yết-ma, 3. Tâm niệm Yết-ma, 4. Duyên Pháp Sám sáu tụ, 1. Pháp Sám hối, 2. Pháp thành và hoại; C.II Kết và Giải cương giới, Sám hối tội Ba-la-di, 3. Pháp Sám hối tội 1. Pháp Kết và Giải cương giới nhiếp Tăng-già-bà-thi-sa, 4. Pháp Sám hối tội Tăng, 2. Pháp kết Giới trường, 3. Pháp kết Thâu-lan-giá, 5. Pháp Sám hối tội Ba-dật- ba Tiểu giới, 4. Pháp Kết và Giải giới đề, 6. Pháp Sám hối tội Xả đọa, 7. Pháp Nhiếp y, 5. Pháp Kết và Giải giới Nhiếp Sám hối hai tội căn bản nhẹ, 8. Pháp Sám thực; C.III Pháp thụ trì các giới, 1. Pháp hối tội căn bản, 9. Pháp Sám hối tội Đơn thọ Tam quy, 2. Pháp thụ Năm giới, 3. đọa, 10. Pháp Sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá- Pháp thụ giới Bát quan trai, 4. Pháp xuất ni, 11. Pháp Sám hối tội Đột-cát-la, 12. gia thụ giới, 5. Pháp thụ giới Tỳ-kheo, 6. Chính thức trình bày nghi thức sám hối, Pháp truyền giới cho Ni chúng, 7. Pháp 13. Pháp xả tội, 14. Pháp Sám hối tội vô ý truyền giới cho Tỳ-kheo Ni; Quyển hạ, phạm; C.X Các pháp trụ trì, 1. Sáu

niệm,... 2. Pháp tác bạch vào thôn xóm Việt dịch: Ban Dịch Thuật Luật Tạng Giới thụ thực trước và sau bữa ăn chính, 3. Phi Đài Viện thời vào thôn xóm, 4. Thực hiện pháp dư Nxb Hồng Đức – 2017 thực, 5. Pháp quở trách đệ tử, 6. Pháp đệ Sách có khổ 16 x 24cm, 2 tập dày 1.010 tử xin sám hối Hòa thượng để ra đi, 7. trang, bìa cứng, có bìa bao, gáy mo tròn, Pháp can gián Tác phạm, 8. Pháp can gián nền màu cam, chữ tựa mạ vàng, có hộp Chỉ phạm; Phụ lục: - Văn Yết-ma xin đựng 2 tập. được cất chứa gậy và túi vải của Tỳ-kheo Tập I, Hành Sự Sao, dày 574 trang, nội già bệnh, - Pháp Yết-ma Tăng cho phép dung gồm có Quyển thượng và Quyển Tỳ-kheo già bệnh cất chứa gậy và túi vải, - trung, với 14 chương: Lời đầu sách; Tứ Văn Yết-ma thụ 39 đêm trong Luật Thập Phần Luật San Phồn Bổ Khuyết HÀNH tụng, - Pháp thụ quá đêm trong Luật Thập SỰ SAO, Quyển thượng, Tựa, C.I Nêu tụng, - Văn Yết-ma 27 việc trong Luật tông và hiển

đức, 1. Nêu Tông thể, 2. Hiển Tăng-kỳ. đức, a. Thuận giới, b. Trái giới; C.II Tập hợp chúng chung-riêng, 1. Tập hợp chúng, 1.338. TỨ PHẦN LUẬT 2. Chung và riêng của cương giới, 2.1 Giới San Bổ Yết-ma Huyền Ty Sao hạn nơi chốn, 2.2 Giới hạn số Tăng; C.III Chú Yết-ma Kinh: Các tướng túc số, 1. Các tướng túc số, 1.1 Sa-môn Đạo Tuyên (596-667) Thể đúng mà sự lại trái, 1.2 Thể và cảnh Thuật Huyền ty sao: Tỳ-kheo Đức Thành đều trái, 1.3 Thể tuy trái, nhưng nhờ duyên Việt dịch: Ni sư Thích nữ Như Pháp thành dụng của Tăng, 1.4 Thể trái, duyên Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Luật thiếu nhưng cũng thành Tăng sự, 2. Biệt có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 520 trang, bìa chúng, 2.1 Biệt tướng, 2.2 Thành hay mềm, chữ tựa màu đỏ. Toàn bộ Tứ phần không thành; C.IV Nhận dục đúng-sai, 1. luật SBYMHTS, gồm có 12 quyển, 10 Nhân duyên nhận dục, 1.1 Ý nghĩa chế thiên. Lời tựa, Thiên thứ nhất, Tập pháp định, giải thích tên, bàn về thể, 1.2 Khai duyên thành; Thiên thứ hai, Các giới kết và ngăn, 1.3 Xác định duyên đúng-sai, 2. giải; Thiên thứ ba, Các pháp thọ giới; Cách thức nhận dục, 2.1 Cách gởi dục, 2.2 Thiên thứ tư, Y dược thọ tịnh; Thiên thứ Mất pháp dục, 2.3 Gặp duyên không năm, Các pháp Thuyết giới; Thiên thứ sáu, thuyết dục thành hay không thành; C.V Các chúng An cư; Thiên thứ bảy, Các Bàn chung về Yết-ma, 1. Đủ duyên tác pháp Tự tứ; Thiên thứ tám, Các pháp chia pháp, 2. Chung và riêng của pháp được lập Y; Thiên thứ chín, Các pháp sám tội; và giải thích văn Yết-ma, 2.1 Chung và Thiên thứ mười, Tạp pháp-trụ trì. riêng của pháp được lập, 2.2 Giải thích Tác phẩm Luật này đã được THPG Tp. Hồ văn Yết-ma; C.VI Phương pháp kết giới, Chí Minh ấn hành năm 1993. 1. Nêu số và định lượng, 1.1 Cương giới tự nhiên, 1.2 Cương giới tác pháp, 2. Y 1.339. TỨ PHẦN LUẬT San Phồn Bổ vào cương giới để tác pháp, 2.1 Các duyên Khuyết HÀNH SỰ SAO - Bộ 2 Tập thành tựu, 2.2 Trình bày pháp kết và giải, Giới Đài Viện Huệ Nghiêm 3. Pháp khởi hay không, 4. Kết phi pháp Nguyên tác Hán văn: mất tướng và không mất, 4.1 Phi pháp, 4.2 Luật Tổ Đạo Tuyên (596-667) Mất cương giới và không mất cương giới; Chủ biên: Tỳ-kheo Thích Minh Thông C.VII Đại cương phép tắc của Tăng, 1.

Căn cứ giáo hóa và chế giáo, 1.1 Giáo hóa, tảng của Thánh đạo, 1.2 Công dụng lớn 1.2 Chế giáo, 2. Căn cứ vào Tăng chế và của giới, 1.3 Tên gọi và ý nghĩa, 1.4 thức ăn, 2.1 Tăng chế, 2.2 Căn cứ theo Duyên bất đồng, 1.5 Hơn kém khác biệt, thức ăn để luận, 3. Căn cứ phép tắc, thời 1.6 Thụ lại, 1.7 Duyên thụ giới ở đất Hán, gian, người đối thú, 3.1 Phép tắc, 3.2 Căn 2. Giới thể, 2.1 Tướng trạng của giới thể, cứ thời gian, 3.3 Người đối thú, 4. Căn cứ 2.2 Thụ tùy đồng-dị, 2.3 Cảnh duyên rộng xứ và dụng, 5. Tướng của chúng chủ giáo hẹp, 2.4 Số lần phát sinh giới, 3. Giới thụ; C.VIII Tập hợp các duyên thụ giới, 1. hạnh, 4. Giới tướng, 4.1 Ba-la-di, 4.2 Đủ duyên thành tựu việc thụ giới, 1.1 Tăng-tàn, 4.3 Hai giới bất định, 4.4 Ba Người thụ, 1.2 Cảnh sở đối, 1.3 Phát tâm mươi giới xả đọa, 4.5 Chín mươi Ba-đật- thụ, 1.4 Tâm cảnh tương ưng, 1.5 Sự thành đề, 4.6 Bốn mươi giới Ba-la-đề-đề-xá-ni, cứu cánh, 2. Gia pháp, 2.1 Duyên khởi 4.7 Giới chúng học. phương tiện, 2.2 Thể dụng; C.IX Thầy trò Tập II, Hành Sự Sao, dày 436 trang, nội giúp đỡ nhau, 1. Đệ tử y chỉ, 1.1 Danh dung gồm: từ Quyển trung (tt) và Quyển tướng của thầy và trò, 1.2 Phương pháp y hạ, với 15 chương. C.XV Phép tắc Trì- chỉ, 2. Hai thầy nhiếp thụ, 2.1 Ý nghĩa Phạm, 1. Danh tự của Trì-Phạm, 1.1 Hai việc y chỉ, 2.2 Những thời gian không cần loại Trì, 1.2 Hai loại Phạm, 2. Thể trạng, thầy, 2.3 Phân biệt các đức của

thầy và sự 2.1 Năng Trì, 2.2 Sở Trì, 3. Thành tựu, khác nhau giữa các bậc thầy, 2.4 Pháp 4.Thông-Bít, 4.1 Căn cứ vào tác nghiệp, thỉnh sư, 2.5 Pháp thầy nhiếp thụ, 2.6 Pháp 4.2 Tâm đối cảnh, 4.3 Tự làm và dạy trị phạt, quở trách, 3. Quở trách phi pháp, người làm, 4.4 Tự nghiệp trước sau thành 4. Pháp từ tạ, 5. Mất pháp y chỉ; C.X tựu cho nhau, 5. Tiệm-Đốn, 5.1 Tâm Chính nghi thuyết giới, 1. Tăng pháp, 1.1 chung cho Tiệm-Đốn, 5.2 Luận theo hạnh, Thời gian bất đồng, 1.2 Tạp pháp chúng 5.3 Căn cứ theo Chỉ Phạm, 6. Hơn-kém, cụ, 1.3 Nghi thức thuyết giới, 1.4 Lược 6.1 Hơn-kém của hai Trì, 6.2 Hơn-kém thuyết các pháp khác, 2. Biệt pháp; C.XI của hai Phạm, 7. Phân biệt chọn lựa, 7.1 An cư khuyên tu, 1. An cư, 1.1 Duyên An Không học vô tri, 7.2 phương tiện hướng cư, 1.2 Pháp chia phòng xá, 1.3 Tác pháp đến tội quả, 7.3 Đủ duyên thành phạm, 7.4 không đồng, 1.4 Trong hạ gặp duyên, Cảnh tưởng, 7.5 Các tướng khác; C.XVI thành hạ hay không thành, 1.5 Năm lợi ích Pháp Sám hối Sáu tụ, 1. Lời dẫn, 2. Pháp của Y Ca-đề và giải cương giới đúng hay Sám hối, 2.1 Pháp Sám hối chung, 2.2 Căn sai, 2. Thụ nhật, 2.1 Phân biệt, 2.2 Duyên, cứ Luật tạng; 2.3 Gia pháp chính; C.XII Tông yếu của Quyển hạ, C.XVII Hai Y chung và riêng, Tự tứ, 1. Phần chính, 1.1 Các duyên tập 1. Môn chế, 1.1 Ba y, 1.2 Tọa cụ, 1.3 Đãy hợp tương ứng, 1.2 Phương pháp Tự tứ, 2. lọc nước, 2. Môn thính, 2.1 Một trăm lẻ Phần phụ, 2.1 Thời gian thụ y, 2.2 Thể của một món và những vật dư, 2.2 Y phấn tảo, y, 2.3 Chọn người, 2.4 Phương pháp thụ y, 2.3 Đàn việt thí, 2.4 Vật của năm chúng 2.5 Xả y và các tướng khác; qua đời; C.XVIII Thụ tịnh bốn loại thuốc, Quyển trung, C.XIII Tên gọi và tội báo 1. Tính chất của thuốc, 1.1 Căn cứ bốn của Thiên tụ, 1. Giới hộ là tông chỉ của loại thuốc, 1.2 Xác định sáu vị, 1.3 Những trái phạm, 2. Tên gọi và tội báo của thiên chất biến đổi, 1.4 Hòa trộn các loại thuốc, tụ, 2.1 Thiên tụ, 2.2 Quả báo của việc 2. Tịnh địa, 2.1 Ý nghĩa chế định, 2.2 Nêu phạm giới; C.XIV 1. Giới pháp, 1.1 Nền số lượng và tác pháp, 2.3 Gia pháp, 2.4

Phân biệt-chọn lựa, 3. Hộ tịnh, 3.1 Phiên đi đến nhà thí chủ, 4. Cách thức đến tòa tịnh, 3.2 Hộ tịnh, 3.3 Tội thông và tắc, 3.4 ngồi, 5. Xem xét thức ăn, 6. Dâng hương Tịnh và nhiễm, 3.5 Khai Tám việc, 4. Tịnh chú nguyện, 7. Lúc dâng thức ăn và thụ pháp khác nhau, 4.1 Ý nghĩa chế định, 4.2 thực, 7.1 Cách thức chú nguyện, 7.2 Cách Chỗ và người, 4.3 Pháp tác tịnh, 5. Hai thức thí thức ăn cho chúng sinh, 7.3 Cách phần Thụ, 5.1 Ý nghĩa chế định hai pháp thức nhận thức ăn, 7.4 Xướng đẳng cúng, Thụ, 5.2 Pháp Thụ chung bốn loại thuốc, 7.5 Cách thức thụ thực, 8. Cách thức khi 5.3 Đối với người không đồng, 5.4 Pháp ăn xong, 9. Dâng phẩm vật cúng dường, Thụ sai biệt, 5.5 Thuyết tịnh chung và 10. Cách rời nhà thí chủ; C.XXIV Phương riêng, 5.6 Rộng và hẹp của hai pháp Thụ, pháp giáo hóa đạo-tục, 1. Phép tắc thuyết 5.7 Có gia pháp hay không, 5.8 Các tướng pháp và cách thức thụ giới, 1.1 Phép tắc tội; C.XIX Chế giáo – Thính giáo về bát thuyết pháp, 1.2 Cách thức thụ giới, 2. và đồ vật, 1. Chế giáo, 1.1 Ý nghĩa chế Kính dâng vật phẩm nuôi sống cha mẹ, 3. định, 1.2 Thể của bát, 1.3 Màu sắc của bát Cách thức nam nữ vào chùa, 3.1 Ý nghĩa đúng pháp hay phi pháp, 1.4 Dung lượng chế định, 3.2 Cách thức vào chùa; C.XXV của bát đúng hay không đúng, 1.5 Pháp Cách thức đối xử giữa chủ và khách, 1. gia thụ, 1.6 Các trường hợp mất pháp thụ, Cách thức đối xử giữa chủ và khách, 1.1 1.7 Pháp sử dụng và bảo quản, 2. Thính Cách thức vào chùa, 1.2 Cách thức hỏi Tỳ- giáo; C.XX Đối với vật cúng dường khởi kheo ở lâu và nhận phòng, 1.3 Nghi thức tâm đối trị,

1. Người thụ phẩm vật cúng kính lễ ra mắt, 1.4 Cách thức hỏi để nhận dường, 2. Phương tiện nhàm chán và đối lợi dưỡng, 2. Bốn oai nghi; C.XXVI Chăm trị, 3. Lập quán có giáo, 4. Quán tưởng, sóc bệnh và an táng, 1. Chăm sóc bệnh, 4.1 Tính công lao khó nhọc để làm ra 1.1 Ý nghĩa chế định, 1.2 Chọn người phẩm vật này là bao nhiêu mà định lượng đúng-sai và phát cung cấp cho người bệnh, giá trị của phẩm vật mang đến cúng 1.3 Sắp xếp chỗ ở, 1.4 Thuyết pháp dường, 4.2 Tự xét đức hạnh của mình, 4.3 khuyến thiện, 2. Phát an táng, 2.1 Cách Phòng hộ tâm và xa lánh lỗi lầm, 4.4 chuyển tử thi đi, 2.2 Cách an táng; Chính là thuốc hay, 4.5 Vì thành tựu đạo C.XXVII Các hạnh cần thiết khác, 1. Đối nghiệp, 5. Tùy thuận đối trị các tướng; với Phật-Pháp-Tăng, 2. Những việc lặt vặt C.XXI Oai nghi phép tắc của hạnh Đầu- trong chúng, 2.1 Phép vào Thiền đường, đà, 1. Giải thích tên chung để hiển rõ đức 2.2 Phép đã tĩnh, 3. Mỗi người tự làm, 4. hạnh, 2. Liệt kê số mục, 2.1 Thứ lớp tương Pháp đại chúng cùng làm, 5. Hạnh nghiệp sinh, 2.2 Các hạnh, 3. Hạnh sai biệt của quan trọng của người xuất gia, 6. Cách xử các bộ Kinh luận, 4. Các pháp khác; trí khi gặp giặc cướp, 7. Cách thức đại tiểu C.XXII Cung kính Tăng và tượng, 1. tiện, 8. Cách thức thể hiện lòng từ cứu Cung kính Tăng và tượng, 1.1 Ý nghĩa chế giúp súc sinh, 9. Cách tránh xa chúng sinh định và phép tắc cung kính nhau, 1.2 Đối dữ, 10. Phương pháp trị bệnh; XXVIII duyên cung kính, 2. Cách thức tạo tượng Pháp hành riêng của Sa-di, 1. Nhân duyên Phật và tháp, 2.1 Ý nghĩa, cách thức tạo xuất gia, 2. Khuyên xuất gia có lợi ích, 3. tượng Phật, 2.2 Cách thức tạo tháp, 2.3 Ngăn cản xuất gia có tổn hại, 4. Xuất gia Cách thức tạo chùa; C.XXIII Cách thức tạo tội thế gian, 5. Xuất gia tu phúc thế Thụ thỉnh, 1. Cách thức nhận thỉnh, 2. gian, 6. Xuất gia tu Thánh đạo, 7. Xác Cách thức đi đến nơi thụ trai, 3. Cách thức định điểm đồng-dị giữa Đại thừa và Tiểu

thừa, 8. Tùy ý nghĩa giải thích, 8.1 Đủ dật-đề pháp (tt); Pháp Sám hối tội Ba-dật- duyên xuất gia, 8.2 Tác pháp không đồng, đề; Đệ lục khoa, Tứ Ba-la-đề-đề-xá-ni 8.3 Nghi thức thụ giới, 8.4 Tùy giới tướng, pháp; Pháp sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni; 8.5 Dạy các hạnh khác; C.XIX Hành pháp Đệ thất khoa, Bách chúng học pháp giới; riêng của chúng Ni, 1. Đại Ni, 1.1 Thụ Quyển IV, dày hơn 485 trang, nội dung giới, 1.2 Sám hối, 1.3 Thuyết giới, 1.4 gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Pháp an cư, 1.5 Pháp tự tứ, 1.6 Tùy giới bổn Chú giải, Bách chúng học pháp giới tướng, 1.7 Hạnh giữa thầy và trò, 2. Pháp (tt); Pháp sám hối tội Đột-cát-la; Đệ bát của Thức-xoa-ma-na, 3. Pháp của Sa-di khoa, Thất Diệt tránh pháp; VI. Tổng kết; Ni; C.XXX Hành pháp riêng của các bộ VII. Thuật thất Phật lược thuyết Giới Luật, 1. Số lượng Tăng chúng nhiều-ít, 2. Kinh; VIII. Văn kết Hồi hướng. Thánh chúng chung và riêng, 3. Trùng phạm không đồng, 4. Nhiếp sự rộng và 1.341. TỨ PHẦN LUẬT hẹp, 5. Tâm cảnh sai biệt, 6. Xả sám TỲ-KHEO HÀM CHÚ GIỚI BỔN không đồng, 7. Thứ bậc tướng sai biệt. Đường Đạo Tuyên (596-667) thuật Việt dịch: Thích Thọ Phước 1.340. TỨ PHẦN LUẬT - Tác phẩm Luật này gồm có 3 quyển, nội TỲ-KHEO GIỚI BỔN Chú Giải dung trình bày về giới Tỳ-kheo, Q.I, 4 – Trọn bộ 4 Quyển pháp Ba-la-di, 13 pháp Tăng-già bà-thi-sa, Chùa Huệ Nghiêm 2 pháp Bất định, 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật- Soạn giả: Tam tạng Phật-đà-da-xá đề; Q.II, có: 90 pháp Ba-dật-đề; Q.III, có: Việt dịch: Ni sư Thích nữ Như Hiền 4 pháp Ba-la-đề-xá-ni, 100 pháp Thức- Nxb Hồng Đức – 2020. Bộ Luật có khổ 19 xoa-ca-la-ni, 7 pháp Diệt tránh. trang, bìa cứng, chữ tựa

mạ vàng. Quyển I, dày hơn 583 trang, nội dung 1.342. TỨ PHẦN LUẬT TỲ-KHEO NI gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới GIỚI BẢN Lược Ký (Phiên âm) bổn Chú giải, I. Chánh đề, II. Văn quy Phiên âm: Tỳ-kheo Ni Đàm Thính kính, III. Tác tiền phương tiện, IV. Giới Nxb Hồng Đức – 2013 Kinh tự, V. Giới pháp: Đệ nhất khoa, Tứ Luật có khổ 16 x 24cm, có hơn 789 trang. Ba-la-di pháp; Đệ nhị khoa, Thập tam Giới bản lược ký gồm có: Lời nói đầu, Tứ Tăng-già-bà-thi-sa pháp; Pháp xuất tội phần lược ký tập Tứ phần Luật tạng, Tổng Tăng-tàn; mục; Tứ phần Luật Tỳ-kheo Ni giới bản Quyển II, dày hơn 286 trang, nội dung lược ký Tổng mục lục, Tứ phần Luật Tỳ- gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới kheo Ni giới bản: Lược ký duyên khởi, bổn Chú giải, Đệ tam khoa, Nhị Bất định Phàm lệ thập tam tiết, Khai kinh lược ký, pháp; Đệ tứ khoa, Tam thập Ni-tát-kỳ Ba-Trọng thân lược ký tự; Tứ phần luật Tỳ- dật-đề pháp; Pháp Sám hối tội Ni-tát-kỳ kheo Ni giới bản lược ký: Quyển đệ nhất, Ba-dật-đề; Đệ ngũ khoa, Cửu thập Ba-dật- Vô tác giới biểu ký; Quyển đệ nhị, Vô tác đề pháp; giới biểu, ký trung tổng liệt giới tướng; Quyển III, dày hơn 458 trang, nội dung Quyển đệ tam, Vô tác giới biểu ký giải cử gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Ni tội giới đệ lục; (các quyển) Quyển đệ bổn Chú giải, Đệ ngũ khoa, Cửu thập Ba- tứ, Quyển đệ ngũ, Quyển đệ lục, Quyển đệ

thất, Quyển đệ bát, Quyển đệ cửu, (đều) 1.344. TỨ PHẦN TỶ-KHEO NI Vô tác giới biểu ký; Quyển đệ thập, Vô tác GIỚI BẢN Chú Giải – 4 Tập giới biểu ký bất thụ học nữ cụ túc giới, đệ Lược dịch: Thích nữ Trí Hải nhất bách tam thập lục; Quyển thập nhất Nxb Hồng Đức – 2012 và Quyển thập nhị, (cũng) Vô tác giới biểu Sách có khổ 13.5 x 20cm, tổng cộng 4 tập ký; Hậu kết vấn, Hậu kết khuyến hồi dày hơn 1.734 trang. hướng, Sơ tổng kết tiền tướng, Nhị khuyến Tập I, dày hơn 434 trang, nội dung gồm: học dư pháp, Tam, thất Phật lược thuyết Vài lời của người dịch Việt ngữ, Lời tựa, giới Kinh, Tứ kết tụng hồi hướng, Phụ tiếp I. Chính đề, Chú thích về dịch giả, II. Văn tụng giới tướng đồ, Bạch, Pháp hội nhân quy kính, III. Tác tiền phương tiện, IV. duyên bạt ký, Tứ phần Ni Luật kim hiệu Lời đầu Giới Kinh, V. Giới pháp; Khoa thư khắc chỉ bản thủy chung lược ký. Mục thứ nhất: Tám Ba-la-di, 1.1 Giới dâm dục, lục. Nguyên nhân chế giới, Tám hạng Tỳ-kheo Ni, Nói về địa ngục, Ba mươi sáu loài quỷ, 1.343. TỨ PHẦN SAN ĐỊNH TỲ- Mười ưu não do phá giới, Tám quy tắc KHEO NI GIỚI BỔN sống trong sạch, 1.2 Giới trộm cắp, 1.3 Tống Nguyên Chiếu trùng định Giới sát, 1.4 Giới Đại vọng ngữ, 1.5 Giới Việt dịch: Đoàn Trung Còn – Nguyễn ma-xúc, 1.6 Giới nhiễm tâm tám việc, 1.7 Minh Tiến Giới che giấu tội nặng, 1.8 Giới theo Tác phẩm Giới bổn này gồm có: I. Phần người bị cử; Cách xin học giới Ba-la-di… mở đầu Giới Kinh, II. Tám pháp Ba-la-di, Tập II, dày hơn 434 trang, nội dung gồm: III. Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, IV. Khoa thứ hai: 17 Pháp Tăng-tàn, 2.1 Làm Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, V. Một mai mối, 2.2 Vu khống phỉ bang, 2.3 trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, VI. Xuyên tạc phỉ bang, 2.4 Thưa kiện kẻ Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, VII. Một trăm khác, 2.5 Độc tặc nữ xuất gia, 2.6 Giải cho pháp cần phải học, VIII. Bảy pháp dứt sự bĩ cử, 2.7 Phạm vào 4 việc, 2.8 Nhiễm tâm tranh cãi, IX. Lời dạy của chư Phật. nhận ăn, 2.9 Khuyên nhận nhiễm thực, Tăng, 2.12 Hoen ố tín đồ, 2.13 Ngoan cố chống cự, 2.14 Thân nhau giấu tội, 2.15 Xúi đừng ở riêng, 2.16 Sân bỏ Tam bảo, 2.17 Ưa cãi không nhớ, Cách xuất tội Tăng-tàn; Khoa thứ ba: Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề: 3.1 Y dư quá hạn, Các loại y – Ca-si- na y, 3.2 Lìa y ngủ cách đêm, 3.3 Chứa vải quá

hạn, 3.4 Không thân xin vải, 3.5 Nhận vải quá nhu cầu, 3.6 Khuyến thêm tiền y, 3.7 Khuyến chung tiền sắm y, 3.8 Đòi y quá sáu lần, 3.9 Chứa giữ tài vật, 3.10 Bán mua báu vật, 3.11 Buôn bán đủ thứ, 3.12 Xin bát quá nhiều, 3.13 Không thân nhờ dệt, 3.14 Bảo dệt tốt, thêm tiền, 3.15 Cho y đoạt lại, 3.16 Cất thuốc quá tuần, 3.17

Chứa y cúng cấp, 3.18 Xoay vật của Tăng, tội, 54. Dung sa-di Ni bị đuổi, 55. Chống 3.19 Đòi vầy đòi khác, 3.20 Xoay vật cúng cự khuyên học, 56. Hủy bang giới luật, 57. vào việc khác, 3.21 Xin một xoay về Sợ bị cử nói trước, 58. Yết-ma rồi hủy nhiều, 3.22 Tiền ăn làm y, 3.23 Tiền nhà báng Tăng, 59. Không gởi dục, 60. Gởi làm y, 3.24 Cất bát dư tốt, 3.25 Cất nhiều dục rồi hối, 61. Nghe lén tranh cãi, 62. đồ đẹp, 3.26 Không cho bệnh y, 3.27 Y Giận đánh Tỳ-kheo Ni, 63. Tát Tỳ-kheo thời phi thời, 3.28 Giận đổi y lại, 3.29 Xin Ni, 64. Vu khống phạm tội, 65. Vào cửa y dày quá hạn, 3.30 Xin y mỏng quá hạn, cung vua, 66. Cầm nắm bảo vật, 67. Vào Cách Sám tội xả đọa; xóm phi thời, 68. Làm giường quá lượng, Tập III, dày hơn 409 trang, nội dung gồm: 69. Dồn bông độn nệm, 70. Ăn các thứ tỏi, Khoa thứ tư, 178 pháp Ba-dật-đề: 1. Cố ý 71. Cạo lông ba chỗ, 72. Tẩy tịnh quá hạn, nói dối, 2. Nhiếc mắng thành phần 27, 3. 73. Dùng hồ dao làm nam căn, 74. Cùng Giới nói ly gián, 4. Ngủ chung một nhà, 5. vỗ nhau, 75. Bưng nước và quạt, 76. Xin Ngủ chung nhà quá hạn 54, 6. Đọc tụng ồn ngũ cốc sống, 77. Đại tiểu trên cỏ, 78. Đổ náo, 7. Nói tội thô của người khác, 8. Thật đồ dơ không xem, 79. Xem nghe kỷ nhạc, đắc đạo mà nói, 9. Nói pháp quá 5, 6 lời, 80. Cùng nam đứng chỗ khuất, 81. Đi vào 10. Đào cuốc đất đai, 11. Chặt phá cây chỗ khuất, 82. Đứng chung nói thầm, 83. sống, 12. Nói lời lạ để xúc não Tăng, 13. Không từ mà đi, 84. Không nói mà tự tiện Chê mắng tri sự, 14. Trải đồ nằm chỗ ngồi, 85. Không nói mà nằm ngủ 441, 86. trống, 15. Trải đồ nằm của chúng 115, 16. Cùng nam vào nhà tối, 87. Không nghe Cưỡng chiếm chỗ nằm, 17. Sân đuổi người cho kỹ, 88. Việc nhỏ mà thề, 89. Đấm khác ra khỏi phòng, 18. Ngồi giường sút ngực la khóc, 90. Không bệnh nằm chung chân, 19. Dùng nước có trùng, 20. Lợp 457, 91. Nằm chung chăn nệm, 92. Hỏi để nhà quá mức, 21. Ăn quá một bữa, 22. Ăn xúc não, 93. Không thăm nom bệnh, 94. riêng chúng, 23. Nhận ăn quá giới hạn, 24. An cư mà đuổi, 95. Ba mùa du hành, 96. Ăn phi thời, 25. Ăn đồ cách đêm, 26. Ăn An cư xong không đi, 97. Đi chỗ biên đồ không nhận, 27. Ra đi không dặn, 28. giới, 98. Đi chỗ hiểm trong giới vức, 99. Ngồi nán nhà thí chủ, 29. Cùng ngồi với Thân cận cư sĩ, 100. Đi xem hoàng cung, nam chỗ khuất, 30. Ngồi với nam chỗ Tập IV, dày hơn 457 trang, nội dung có: trống 180, 31. Đuổi người đi đi, 32. Nhận Khoa thứ tư, 178 pháp Ba-dật-đề (tt), 101. thuốc quá hạn, 33. Xem binh trận, 34. Ở Khỏa thân tắm sông, 102. Áo tắm quá trong quân quá hạn, 35. Xem quân trận lượng, 103. May y quá hạn, 104. Không giao chiến, 36. Uống rượu, 37. Giỡn trong coi sóc y, 105. Ngăn cúng Tăng y, 106. Tự nước, 38. Thọc léc cô khác, 39. Không tiện mặc y người khác, 107. Cho ngoại nghe can gián, 40. Dọa cho người sợ, 41. đạo y, 108. Ngăn Tăng như pháp chia y, Tắm dưới nửa tháng, 42. Đốt lửa đất 109. Ngăn khoan xả y, 110. Ngăn đừng trống, 43. Cất giấu vật dụng, 44. Cho rồi xuất y, 111. Không diệt tranh cãi, 112. lấy lại, 45. Dùng y mới không nhuộm, 46. Cho ngoại đạo ăn, 113. Để người sai sử, Cố giết mạng súc sinh, 47. Uống nước có 114. Xe chỉ đánh sợi, 115. Nằm ngồi trùng, 48. Quấy rối người khác, 49. Che giường cư sĩ, 116. Ngủ rồi không từ, 117. giấu tội người, 50. Khơi lại tranh chấp, 51. Tụng tập chú thuật, 118. Dạy

tụng chú Hẹn giặc cùng đi đường 281, 52. Có ác thuật, 119. Độ người có thai, 120. Độ kiến không nghe can, 53. Theo người có người con bú, 121. Độ người thiếu tuổi,

122. Không cho học giới, 123. Không dạy chỉnh mặc nội y, 2. Tề chỉnh mặc năm y, sáu pháp, 124. Không cho cứ truyền, 125. 3. Lật ngược y, 4. Lật ngược y ngồi, 5. Y Độ chưa đủ năm, 126. Độ không bạch quấn cổ vào nhà bạch y, 6. Y quấn cổ vào Tăng, 127. Độ cho dâm nữ, 128. Không nhà bạch y ngồi, 7. Che đầu vào nhà bạch hai pháp nhiếp, 129. Không nương tựa y, 8. Che đầu ngồi nhà bạch y, 9. Nhảy thầy, 130. Không cho cứ truyền, 131. nhót vào nhà thế tục, 10. Nhảy đi vào ngồi Thiếu hạ mà độ người, 132. Tăng không nhà cư sĩ, 11. Ngồi xổm, 12. Chống nạnh cho mà truyền, 133. Hủy báng không cho, đi, 13. Chống nạnh ngồi, 14. Đi mà lắc 134. Không được đồng ý, 135. Độ gái thân, 15. Ngồi lắc thân hình, 16. Vung tay đang yêu, 136. Không cho thọ giới, 137. mà đi, 17. Vung tay mà ngồi, 18. Khéo Nhận rồi không cho, 138. Độ nhiều đệ tử, che thân, 19. Che thân ngồi, 20. Nhìn ngó 139. Để cách một đêm, 140. Không thọ dáo dác, 21. Ngồi nhìn dáo dác, 22. Yên giáo thọ, 141. Không cầu giáo thọ, 142. lặng vào nhà cư sĩ, 23. Yên lặng ngồi nhà Không cầu tự tứ, 143. An cư không nương cư sĩ, 24. Cười giỡn vào nhà cư sĩ, 25. Tăng, 144. Không bạch mà vào, 145. Mạ lỉ Giỡn cười ngồi nhà cư sĩ, 26. Chú ý khi Tỳ-kheo, 146. Tranh cãi không nhớ, 147. ăn, 27. Nhận cơm ngang miệng bát, 28. Mổ nhọt không thưa, 148. Ăn rồi ăn nữa, Ngang bát thọ canh, 29. Cơm-thức ăn 149. Ganh tỵ với thầy, 150. Hương liệu tương đương, 30. Ăn tuần tự, 31. Không xoa thân, 151. Dầu mè xoa thân, 152. Bảo moi giữa bát ăn, 32. Xin đồ ăn và cơm, 33. Tỳ-kheo Ni xoa bóp, 153. Sai Thức-xoa Lấy cơm che đồ ăn, 34. Xem bát người chà thân, 154. Sai sa-di Ni xoa chà thân, bên cạnh, 35. Để ý nơi bát mà ăn, 36. Ăn 155. Bảo phụ nữ chà xát, 156. Mặc quần miếng lớn, 37. Hả miệng chờ đồ ăn, 38. lót độn, 157. Sắm đồ trang điểm, 158. Ngậm cơm nói, 39. Ném cơm vào miệng, Mang dép đi dù, 159. Không bệnh đi xe, 40. Ăn còn sót cơm, 41. Phồng má ăn, 42. 160. Không mặc Tăng-kỳ-chi, 161. Tối Nhai lớn tiếng, 43. Hớp cơm mà ăn, 44. đến nhà bạch y, 162. Sắp tối mở cổng Lấy lưỡi liếm đồ ăn, 45. Vung tay ăn, 46. chùa, 163. Trời lặn mở cổng, 164. Không Lượm cơm đổ mà ăn, 47. Tay bẩn cầm an cư, 165. Truyền giới thường xuất, 166. bát, 48. Đổ nước rửa bát, 49. Đại tiểu tiện Độ người hai hình, 167. Độ người hợp trên cỏ tươi, 50. Đại tiểu tiện trong nước, một, 168. Độ người nợ, bệnh, 169. Học 51. Đứng mà đại tiểu tiện, 52. Thuyết thuật số để sống, 170. Chỉ dạy thuật số, pháp cho người lật ngược y, 53. Nói pháp 171. Bị đuổi không đi, 172. Không cầu mà cho người y quấn cổ, 54. Nói pháp cho hỏi, 173. Uy nghi quấy rối, 174. Xây tháp người che đầu, 55. Nói pháp cho người chùa Tăng, 175. Không kính Tỳ-kheo, trùm đầu, 56. Nói pháp cho người chống 176. Đi lắc thân hình, 177. Dùng đồ trang nạnh, 57. Nói pháp cho người đi giày da, sức, 178. Sai ngoại đạo nữ, Cách sám tội 58. Nói pháp cho người mang guốc gỗ, 59. Ba-dật-đề; Khoa thứ năm, Tám pháp Hối Thuyết pháp cho người ngồi xe, 60. Ngủ quá: 1. Không bệnh xin tô, 2. Không bệnh nghỉ trong tháp Phật, 61. Chứa của cải xin dầu, 3. Không bệnh xin mật, 4. Không trong tháp, 62. Mang giày da vào tháp, 63. bệnh xin đường, 5. Không bệnh xin sữa Cầm giày da vào tháp, 64. Mang giày da ăn, 6. Không bệnh xin lạc ăn, 7. Không nhiễu tháp, 65. Mang ủng vào tháp, 66. bệnh xin cá ăn, 8. Không bệnh xin thịt ăn; Cầm ủng vào tháp, 67. Ngồi ăn dưới tháp, Khoa thứ sáu, Chúng học giới pháp: 1. Tề 68. Khiêng tử thi qua tháp, 69.

dưới tháp, 70. Thiêu tử thi dưới tháp, 71. 1.345. TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI Hướng tháp thiêu tử thi, 72. Bên tháp thiêu GIỚI BẢN Chú Giải – Trọn bộ 4 Tập tử thi, 73. Mang áo giường người chết qua Tổ Đình Huê Lâm tháp, 74. Đại tiểu tiện dưới tháp, 75. Soạn giả: Ni sư Phật Oánh Hướng tháp đại tiểu tiện, 76. Đại tiểu tiện Việt dịch: Ni sư Thích nữ Như Hiền xung quanh tháp, 77. Mang tượng Phật Sách có khổ 19 x 26cm, cả bộ (4 tập) dày đến chỗ đại tiểu tiện, 78. Xỉa răng dưới hơn 2.144 trang, bìa cứng nền đỏ, chữ tựa tháp, 79. Hướng tháp mà xỉa răng, 80. Xỉa mạ vàng. răng bốn bên tháp, 81. Hỉ nhổ dưới tháp, Tập I, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 82. Hướng tháp khạc nhổ, 83. Khạc nhổ 2017. Sách dày 532 trang, nội dung gồm xung quanh tháp, 84. Hướng tháp ngồi có: Lời tựa Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch duỗi chân, 85. Thờ Phật chỗ thấp, 86. Thánh, Lời tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ- Người ngồi-mình đứng nói pháp, 87. Nói kheo Ni Giới bổn chú giải: I. Chánh đề, II. pháp cho người đang nằm, 88. Người có Văn quy kính, III. Tác tiền phương tiện, ghế mình không, 89. Nói pháp cho người IV. Giới Kinh tự, V. Giới pháp; ngồi cao, 90. Nói pháp cho người đi trước Tập II, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách dày mình, 91. Nói pháp cho người chỗ kinh hơn 326 trang, nội dung gồm có: Lời tựa hành cao, 92. Nói pháp người đường Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời chính, mình bên lề, 93. Dắt tay nhau đi, tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới 94. Leo cây, 95. Tích trượng xâu vào đãy, bổn chú giải, Đệ tam khóa: Ni-tát-kỳ Ba- 96. Nói pháp cho người cầm gậy, 97. Vì dật-đề pháp; Đệ tứ khóa: Nhất bá thập bát người cầm gươm nói pháp, 98. Vì người Ba-dật-đề pháp; cầm mâu nói pháp, 99. Nói pháp cho Tập III, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách dày người cầm dao, 100. Nói pháp cho người hơn 538 trang, nội dung gồm có: Lời tựa cầm dù, Cách sám tội đột-các-la; Khoa thứ Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời bảy, Bảy cách diệt bất hòa: 1. Hiện tiền tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới tỳ-ni, 2. Ức niệm tỳ-ni, 3. Bất si tỳ-ni, 4. bổn chú giải: Nhất bá thập bát Ba-dật-đề Tự ngôn trị, 5. Đa nhân ngữ, 6. Mích tội pháp (tt); tướng, 7. Thảo phú địa; Giới Kinh do Phật Tập IV, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách dày nói: 1. Giới Kinh Phật Tỳ-bà-thi, 2. Giới hơn 747 trang, nội dung gồm có: Lời tựa Kinh Phật Thi-khí, 3. Giới Kinh Phật Tỳ- Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời khí-la, 4. Giới Kinh Phật Câu-lưu-tôn, 5. tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới Giới Kinh Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, 6. bổn chú giải: Nhất bá thập bát Ba-dật-đề Giới Kinh Phật Ca-diếp, 7. Giới Kinh Phật pháp (tt); Đệ ngũ khóa: Bát Hối quá pháp; Thích-ca; Văn Hồi hướng kết thúc: 1. Đệ lục khóa: Bách chúng học giới pháp; Khen lợi ích của trì giới, 2. Chư Phật minh Đệ thất khóa: Thất Diệt tránh pháp; Tổng chứng, 3. Khuyên tuân lời Phật dạy, 4. Nói kết; Thuật Thất Phật lược thuyết Giới rõ lợi ích giới, 5. Đoái tưởng mà dạy, 6. Kinh, Văn kết Hồi hướng, Tỳ-kheo Ni Bát Bảy lời khuyên hộ giới, 7. Hồi hướng Phật Kỉnh pháp; Phần Phụ lục, Lời bạt, Lời đạo. cuối.

1.346. Giới 8; Q.III, Giới Tăng-già-bà-thi-sa, TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN Giới 1 – Giới 17; Q.IV, Ba mươi pháp Ni- Soạn dịch: Thích nữ Tuệ Như tát-kỳ Ba-dật-đề, Giới 1 – Giới 18; Q.V, Nxb Phương Đông – 2010 Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (tt), Sách có hơn 388 trang, bìa mềm. Tác Giới 19 – Giới 30; Tụ thứ tư là 178 Pháp phẩm này gồm có: Lời tựa, I. Tứ Phần Ba-dật-đề, Giới 1 – Giới 37; Luật Tỳ-kheo Ni: - Tám hạng Tỳ-kheo Ni, Tập II, Q.VII, Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba- - Tám loại ngựa dữ, a. Tám pháp Ba-la-di, dật-đề

(tt), Giới 38 – Giới 60; Q.VIII, Tụ b. Mười bảy pháp Tăng tàn, c. 30 Pháp Ni- thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề (tt), Giới 61 tát-kỳ Ba-dật-đề, d. 178 Pháp Ba-dật-đề, e. – Giới 96; Q.IX, Tụ thứ tư là 178 Pháp Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, g. Chúng học Ba-dật-đề (tt), Giới 97 – Giới 134; Q.X, pháp giới, h. Bảy pháp diệt tránh, Giải Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề (tt), Giới thích Bảy pháp diệt tránh, Thuật lại bảy vị 136 – Giới 177; Q.XI, Tụ thứ năm, Tám Phật, Sám pháp tội Xả đọa; II. Trị phạt: Pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, Giới 1 – Giới 8; Kết giải các giới: Chương I, II và III. Tụ thứ sáu, Pháp Chúng học, Giới 1 – Giới 100; Q.XII, Tụ thứ bảy, Có 22 Pháp 1.347. TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI phải biết là bậc lợi căn đa văn để xử đoán GIỚI BỔN Hội Nghĩa – 2 Tập việc người, Bảy Pháp dứt tranh cãi; Phần Việt dịch: 1. Kết vấn khuyên trì, Phần 2. Khuyên học Tỳ-kheo Ni Thích nữ Như Pháp các pháp-Tường thuật Giới Kinh của bảy PL. 2531 – DL. 1988 đức Phật, Phần 3. Khuyên tuân theo lời Tập I, nội dung sơ lược gồm có: Lời tựa, Phật dạy, Phần 4. Trình bày việc lợi ích Q.I, Giải thích Tỳ-kheo Ni Giới bổn Hội của Giới, Phần 5. Lời di chúc Phật dạy nghĩa, Giải chữ Ni, Giải Thông và Biệt hai bảo, Phần 6. Khuyên thực hành Bồ-tát; tên, Giải thích: Giới-Định-Đạo và Tam tụ Đính chính. tịnh giới, Giải thích đề mục tên người (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung dịch; Phần II, Chánh văn nhập nghĩa chia tâm Dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. 3 phần: 1. Giải thích lời tựa giới, 2. Giải Hồ Chí Minh) thích Giới tướng, 3. Kết khuyến hồi hướng, 1. Giải thích lời tựa giới chia 5 1.348. TỨ THANH TỊNH GIỚI VÀ phần: a. Thuật bài tán tụng, b. Tác tiền PHẬN SỰ CỦA BẬC XUẤT GIA phương tiện, c. Bỉnh bạch Yết-ma, d. Tỳ-kheo Bửu Chơn Chính nói lời tựa của giới, đ. Kết vấn (Bhikkhu Nàga Thera) khuyến trì, a. Thuật bài tán tụng chia làm PL. 2504 – DL. 1960. Toàn bộ tác phẩm 6 phần: 1. Quy y Tam bảo, 2. Răn nhắc này gồm có 6 phần: - Phi lộ; I. Tứ thanh chúng họp nghe, 3. Thầy trò truyền thọ, 4. tịnh giới bổn Ba-la-đề-mộc-xoa của Tỳ- Thí dụ răn nhắc chớ hủy phạm, 5. Hiển kheo bất cộng trụ, Phần kể ra Tăng tàng; bày nên nói giới, 6. Khen ngợi vượt hơn, II. Phần kể ra về Bất định, Phần kể ra về tám kết chỉ bày,...; Thiên thứ nhất, Ba-la- Ưng xả đối trị; III. Phần kể ra về Ưng đối di, Tăng-tàn, Ba-dật-đề, Đột-kiết-la, Sự trị; IV. Phần kể ra về Ưng phát lộ, Phần kể chịu tội ở địa ngục, Duyên khởi lập Giới ra về Ưng học pháp, Phần kể ra về chi tiết dâm, Giải Thập cú nghĩa, Giải Tám hạng pháp Điều giải; V. Giới thu thúc lục căn Tỳ-kheo Ni; Q.II, Ba-la-di (tt) Giới 2 – (thanh tịnh), Giới nuôi mạng chân chánh

(thanh tịnh), Pà padhamma – Năm pháp 1.351. TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN ác, Asesana – Hai mươi mốt pháp tà Yếu Giải mạng, Giới quán tưởng (thanh tịnh), Cách Trường Cơ Bản Phật Học Tp. HCM làm lễ Phát lộ Uposatha (Bố-tát), Cách Biên soạn: Tỳ-kheo Ni Thích nữ Như Đức làm lễ Tự tứ - Pavàranà; VI. Cách nguyện Lưu hành nội bộ, PL. 2558 – DL. 2014 (in hoặc xả y, Chỉ định (nhường cho) cách y, lần thứ 3) bát – Vidhì vikappa, Cách sám hối, Cách Nội dung gồm có 4 thiên: Lời nói đầu; sám hối về Ưng xả đối trị, Cách xả vàng Thiên I. Lý do lập Luật có 2 chương: C.1 bạc mà mình đã thọ lãnh, Cách nhập hạ Tóm lược lịch sử, C.2 Phật độ người nữ; Vas'ùpanàyika, Cách thọ lễ dâng y – Thiên II. Giải thích tiền đề có 4 chương: Kathina, Thời hạn phức tạp của vật dụng, C.1 Giải thích đề mục, C.2 Kệ khen, C.3 Bốn pháp dung hòa – Mahàpadesa, Linh Tác tiền phương tiện, C.4 Lời tựa Giới tinh – Pakinnaka, Cách tỏ sự Ưng thuận và Kinh; Thiên III. Nội dung Luật học có 7 Trong sạch, Cách xuất Sa-di. chương: C.1 Pháp Ba-la-di, C.2 Pháp dật-đề,

C.4 Pháp Ba-dật-đề, C.5 Pháp Ba- 1.349. TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN la-đề-đề-xá-ni, C.6 Pháp Chúng học, C.7 Việt dịch: Pháp Diệt tránh; Thiên IV. Tổng kết và Ni trưởng Huyền Huệ (1924-2015) Hồi hướng, có 3 chương: C.1 Tổng kết Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Giới tướng, C.2 Giới Kinh bảy đức Phật, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 80 trang, C.3 Kết luận – Hồi hướng. bìa mềm. Nội dung gồm: Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni Giới bổn, Cúng tán Phật, Tán, 1.352. TỲ-KHEO NI Khai Kinh kệ, Các vị Ngũ giới xuất ban, và BỒ-TÁT GIỚI KINH Chúng Sa-di Ni thập giới ra ban, Chúng Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh Thức-xoa-ma-na ra ban, Giới bổn của Tỳ- và NT. Thích nữ Huyền Huệ kheo Ni (gồm có: 8 pháp Ba-la-di, 17 pháp PL. 2556 – DL. 2012 Tăng-già-bà-thi-sa, 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-Sách dày hơn 300 trang, nội dung gồm có: dật-đề, 178 pháp Ba-dật-đề, 8 pháp Ba-la-Tỳ-kheo Ni Giới Bổn, Nghi thức tụng Tỳ- đề-xá-ni, 100 giới pháp chúng học, 7 pháp kheo Ni Giới Bổn (Cung tán Phật, Tán, diệt tránh). Khai Kinh kệ); Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới, Hồi hướng; Phần Chú thích; Phần 1.350. TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN & Hán văn. KINH PHẠM VÕNG (Bản lưu tại Thư viện chùa: Huệ Nghiêm Chùa Huê Lâm (Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí (huyện Bình Tân) và chùa Vạn Đức (quận Minh) ấn tống Thủ Đức), Tp. Hồ Chí Minh) PL. 2557 – DL. 2013 Sách dày 366 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ 1.353. TỲ-NI HƯƠNG NHŨ vàng. Nội dung gồm có: Nghi thức tụng (âm và nghĩa) Tỳ-kheo Ni Giới bổn, Nghi thức tụng Dịch giả: HT. Thích Thiện Chơn Thức-xoa-ma-na Giới bổn, Kinh Phạm Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010, tái Võng Bồ-tát Giới; Phần Chú thích. bản lần thứ nhất.

Sách có khổ 15.5 x 23cm, dày 445 trang. trai, 26. Xuất sanh: Xuất cho chúng sanh, Nội dung gồm có: - Thay lời tựa, - Thanh 27. Thị giả tống thực: Thị giả đưa thức ăn, Việt Tỳ-kheo ký Tự (âm), - Tỳ-kheo 28. Kết trai: Kết thúc sự trai ngọ, 29. Tẩy Thanh Việt viết lời tựa (nghĩa), - Thơ bát: Rửa bát, 30. Triển bát: Mở bát, 31. Ngọc Tỳ-kheo ký Tự (âm), - Tỳ-kheo Thơ Thọ sấn: Nhận đồ cúng dường, 32. Thủ Ngọc viết Lời tựa (nghĩa), - Tỳ-ni Hương dương chi: Lấy nhành dương, 33. Tước nhũ – Quyển thượng (âm – nghĩa), Thích dương chi: Nhấm nhành dương, 34. Sấu nghĩa quyển thượng; Tỳ-ni Hương nhũ – khẩu: Súc miệng, 35. Xuất tích trượng: Quyển hạ (âm – nghĩa), Thích nghĩa quyển Lấy tích trượng, 36. Phu đơn tọa thiền: hạ; Cáo bạch. Bày đơn ngồi thiền, 37. Thùy miên: Ngủ Tỳ-ni Hương Nhũ này đã được Sa-môn nghỉ, 38. Thủ thủy: Lấy nước, 39. Dục Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa Hải Tuệ Phật: Tắm Phật, 40. Tán Phật: Ca tụng (Sài Gòn) Trưởng Ban Tổ chức ấn tống Phật, 41. Nhiễu tháp: Nhiễu quanh tháp năm PL. 2512 – DL. 1968, PL. 2513 – DL. Phật, 42. Khán bệnh: Chăm sóc bệnh, 43. 1969; tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo. Thế phát: Cạo tóc, 44. Mộc dục: Tắm gội, 45. Tẩy cước: Rửa chân, Kệ phát nguyện 1.354. hồi hướng; Lời ghi sau khi biên soạn. TỲ-NI NHỰT DỤNG THIẾT YẾU Biên soạn: Luật sư Độc Thể; 1.355. Giảng giải: Ni sư Phật Oánh TỲ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU Việt dịch: Tỳ-kheo Nhựt Chiếu (Luật Thiết Yếu Dùng Trong Ngày) Nxb Tôn Giáo – 2003. Sách có khổ 14.5 x (Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh, Tập 60, 20.5cm, dày 232 trang, bìa mềm, chữ tựa No. 1115) màu đỏ và đen. Hán văn: Tỳ-kheo Độc Thể Toàn bộ tác phẩm gồm có: Lời tựa, Giải Phục hồi Phạn chú và Việt dịch (2011): Tỳ-ni Nhật dụng thiết yếu, 1. Tảo giác: Huyền Thanh Sáng sớm thức dậy, 2. Minh chung: Thỉnh Toàn bộ tác phẩm này có 40 trang (Pdf), chuông, 3. Văn chung: Nghe chuông, 4. gồm các bài kệ

và chú thích: 1. Sáng sớm Trước y: Mặc áo, 5. Hạ đơn: Xuống đơn, tỉnh giấc, 2. Đánh chuông, 3. Nghe 6. Hành bộ bất thương trùng: Bước đi chuông, 4. Mặc áo, 5. Xuống giường, 6. không hại sâu bọ, 7. Xuất đường: Ra khỏi Bước đi chẳng gây hại cho côn trùng, 7. nhà, 8. Đăng xí: Vào nhà vệ sinh, 9. Tẩy Ra khỏi nhà, 8. Vào nhà cầu, 9, Rửa ráy tịnh: Rửa sạch, 10. Khử uế: Khử dơ, 11. sạch sẽ, 10. Trừ bỏ sự dơ bẩn, 11. Rửa bàn Tẩy thủ: Rửa tay, 12. Tẩy diện: Rửa mặt, tay, 12. Rửa mặt sạch sẽ, 13. Uống nước, 13. Ẩm thủy: Uống nước, 14. Ngũ y: Y 14. Áo năm điều, 15. Áo bảy điều, 16. Áo năm điều, 15. Thất y: Y bảy điều, 16. Đại kép, 17. Ngọa cụ, 18. Lên đạo trường, 19. y: Y lớn, 17. Ngọa cụ: Đồ nằm, 18. Đăng Ca ngợi Đức Phật, 20. Lễ Phật, 21. Chân đạo tràng: Lên đạo tràng, 19. Tán Phật: Ca ngôn lễ khắp cả, 22. Cúng tịnh bình, 23. tụng Phật, 20. Lễ Phật: Lạy Phật, 21. Phổ Chân ngôn rửa sạch tịnh bình, 24. Chân lễ chơn ngôn: Chân ngôn đảnh lễ khắp cả, ngôn rót nước, 25. Thọ thực, 26. Xuất 23. Đãng tịnh bình chân ngôn: Chân ngôn sinh, 27. Thị giả đưa thức ăn, 28. Tẩy rửa súc bình sạch, 24. Quán thủy chân ngôn: bát, 29. Mở bát, 30. Nhận của bố thí, 31. Chân ngôn rót nước, 25. Thọ thực: Thọ Lấy cành dương, 32. Nhai nhấm cành

dương, 33. Súc miệng, 34. Cầm tích Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 trượng đi ra ngoài, 35. Trải giường ngồi Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 337 thiền, 36. Ngủ nghỉ, 37. Lấy nước, 38. trang, bìa mềm. Tắm Phật, 39. Khen ngợi Phật, 40. Nhiều Nội dung gồm có 46 bài (B) kệ Tỳ-ni giải: vòng quanh cái tháp, 41. Trông nom người Lời nói đầu, Lời tựa, A. Phần mở đầu; B. bệnh, 42. Cạo tóc, 43. Tắm gội, 44. Rửa Phần Chánh văn Kệ tụng: B.1 Tảo giác, chân; - Mười giới tướng của Sa-di, - Mười B.2 Minh chung, B.3 Văn chung, B.4 giới tướng của Sa-di Ni, - Giới tướng của Trước y, B.5 Hạ đơn, B.6 Hành bộ bất Thức-xoa-ma-na, - Giới tướng của Ưu-bà- thương trùng, B.7 Xuất đường, B.8 Đăng tắc, - Giới tướng của pháp Bát quan trai. xí, B.9 Tẩy tịnh, B.10 Khử uế, B.11 Tẩy Ngũ y, B.15 Thất y, B.16 Đại y, B.17 1.356. Ngọa cụ, B.18 Đăng đạo tràng, B.19 Tán TỲ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU Phật, B.20 Lễ Phật, B.21 Phổ lễ chân (Thực tập Luật nghi Hằng ngày-cho ngôn, B.22 Cúng tịnh bình, B.23 Đãng người mới tu) tịnh bình chân ngôn, B.24 Quán thủy chân Biên soạn (1644-1661): Luật sư Độc Thể ngôn, B.25 Thọ thực, B.26 Xuất sinh, Việt dịch: Thích Nhật Từ B.27 Thị giả tống thực, B.28 Tăng bạt, Tác phẩm Luật nghi này gồm có 6 bài: Bài B.29 Kiết trai, B.30 Tẩy bát, B.31 Triển 1. Thực tập hạnh phúc buổi sáng; Bài 2. bát, B.32 Thọ sấn, B.33 Thủ dương chi, Thực tập chuyển hóa bất tịnh; Bài 3. Lễ B.34 Tước dương chi, B.35 Sấu khẩu, bái trên điện Phật; Bài 4. Chánh niệm B.36 Xuất tích trượng, B.37 Phu đơn-tọa trong ăn uống; Bài 5. Chánh niệm trong thiền, B.38 Thụy miên, B.39 Thủ thủy, sinh hoạt; Bài 6. Chánh niệm trong đời B.40 Dục Phật, B.41 Tán Phật, B.42 Nhiễu Pháp bảo-Luật tạng) B.45 Mộc dục, B.46 Tẩy túc; Kệ phát nguyện Hồi hướng; Lời soạn giả - Ni sư 1.357. TỲ-NI NHẬT DỤNG Phật Oánh. THIẾT YẾU GIẢI Giải thích: Pháp sư Phật Oánh 1.359. TỲ-NI NHẬT DỤNG Yếu Giải Việt dịch: Thích Phước Cẩn Chú giải: Nxb Phương Đông – 2011 Thích nữ Phước Hoàn (Như Thanh) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 303 trang, Nxb Phương Đông – 2009 bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Sách có khổ 14.5 x 21cm, dày 351 trang. Lời tựa, Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu giải, Nội dung gồm có 53 bài kệ Tỳ-ni Nhật Bảo Hoa Sơn hoằng giới Tỳ-kheo Độc dụng như sau: Lời giới thiệu; 1. Tảo giác – Thể tập, với 43 bài kệ Tỳ-ni

nhật dụng và Sớm thức, 2. Minh chung – Hô chuông, 3. giải thích. Văn chung – Nghe chuông, 4. Trước y – Xem: Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu Mặc y phục, 5. Hạ đơn – Xuống đơn, 6. Hành bộ bất thương trùng – Bước đi 1.358. TỲ-NI NHẬT DỤNG không hại côn trùng, 7. Xuất đường – Ra THIẾT YẾU GIẢI khỏi chùa, 8. Đăng xí – Lên nhà xí, 9. Tựu Việt dịch: HT. Thích Trí Minh thủy – Dội cầu, 10. Tẩy tịnh – Rửa sạch,

11. Tẩy thủ - Rửa tay, 12. Tẩy diện – Rửa Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 357 mặt, 13. Ẩm thủy – Uống nước, 14. Ngũ y trang. Nội dung gồm có: Lời người dịch, – Pháp y năm điều, 15. Thất y – Pháp y Bài tựa, Giải thích tên sách, Giải thích về bảy điều, 16. Đại y – Pháp y lớn, 17. Ngọa Tác giả; và 45 bài kệ Tỳ-ni Nhựt dụng cụ - Tấm trải nằm, 18. Đăng đạo tràng – (Bài 1,... đến Bài 45); Kệ Phát nguyện Lên đạo tràng, 19. Tán Phật – Khen ngợi Hồi hướng, Lời ghi sau sách; Phần Phụ lục đức Phật, 20. Lễ Phật, 21. Cúng tịnh bình bản chữ Hán. – Cúng bình sạch, 22. Phổ lễ chơn ngôn: Xem: (45 bài kệ) Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết Án Phạ Nhựt Ra Hộc, 23. Đản tịnh bình yếu chơn ngôn: Án Lam Tá Ha, 24. Quán thủy chơn ngôn: Án Phạ Tất Ba Ra Ma Ni Tá 1.361. TỲ-NI SA-DI OAI NGHI CẢNH Ha, 25. Triển bát – Mở nắp bình bát, 26. SÁCH Toàn Tập Thọ thực – Thọ trai (ăn ngọ), 27. Xuất Sao lục: HT. Thích Thanh Sơn sanh – Ban ra cho chúng sanh, 28. Thị giả Tổ đình Vạn Thọ (Q.I, Tp. Hồ Chí Minh), tống thực – Thị giả đem thức ăn đi cúng, PL. 2552 – DL. 2008 29. Xướng Tăng bạt – Phép xướng cúng Sách dày 334 trang, bìa mềm. Nội dung bình đẳng, 30. Cử bát – Nâng bình bát, 31. gồm có: Thiền Môn Trường Hàng Luật, Tam đề - Ba muỗng cơm phát nguyện, 32. Tỳ-ni Nhựt dụng Yếu lược, Sa-di Thập Ngũ quán vô vi – Năm pháp quán không giới Kinh, Hạ thiên Oai nghi môn, Qui trái, 33. Tẩy bát – Rửa bát, 34. Thủ dương Sơn Đại Viên Thiền sư Cảnh Sách (ở mỗi chi – Lấy tăm xỉa răng, 35. Tước dương quyển có: nguyên văn chữ Hán, dịch âm chi – Đánh răng (xỉa răng), 36. Kiết trai – và dịch nghĩa); Phần sau: Tỳ-ni Nhựt dụng Kết thúc ngọ trai, 37. Xuất tích trượng – Yếu lược (Phép tắc Hằng dùng rất dón), Lấy tích trượng, 38. Thọ thẩn – Nhận của Giác Duyên Lan-nhã thiền, Hòa thượng cúng thí, 39. Thấu khẩu – Súc miệng, 40. Hoằng Ân dịch nghĩa, Huê Nghiêm thiền Tán Phật – Khen đức Phật, 41. Nhiễu tháp viện Tỳ-kheo Huệ Lưu sao lục (các kệ Tỳ- – Đi vòng quanh tháp, 42. Khán bệnh – ni dịch âm, dịch nghĩa); Sa-di Luật nghi Chăm sóc bệnh nhân, 43. Thế phát – Cạo Yếu lược (Phép tắc Thầy Sa-di dón hẹp); tóc, 44. Mộc dục – Tắm gội, 45. Tẩy túc – Hạ thiên Oai nghi môn (Thiên sau Cửa Rửa chân, 46. Dục Phật – Tắm rửa tượng Oai nghi); Qui Sơn Đại Viên thiền sư Phật, 47. Phu đơn tọa thiền – Trải đơn tọa Cảnh Sách (Non Qui hiệu ông Đại Viên thiền, 48. Đoan tọa – Ngồi thẳng, 49. Thùy Thiền sư làm lời văn Cảnh sách), Thâu miên – Ngủ nghỉ, 50. Kiến đại hà – Nhìn tán. thấy sông lớn, 51. Kiến kiều đạo – Thấy Tác phẩm Luật này tái bản năm 2014, Nxb cầu đường, 52. Thủ thủy – Múc nước, 53. Hồng Đức, với nhan đề “Thiền Môn Cam lồ chơn ngôn. Trường Hàng Luật”

1.360. TỲ-NI NHỰT DỤNG
THIẾT YẾU Giảng Giải
Giảng giải: Tỳ-kheo Ni Phật Oánh
Việt dịch: Tỳ-kheo Phước Nghĩa

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005
HT. Thích Bửu Lai (1901-1990)

TH Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2014, tái bản lần thứ năm. Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, có 133 trang, bìa mềm. Toàn bộ Luật này gồm có 4 1.362. THEO DẤU CHÂN XƯA quyển: 1. Tỳ-ni Nhựt dụng yếu lược, 2. Thích Minh Thông Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 Sa-di Luật nghi yếu lược, 3. Hạ thiên oai Sách có khổ 14 x 20cm, dày 125 trang, bìa nghi môn, 4. Quy Sơn Đại Viên Thiền sư mềm. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Cảnh sách. Điều kiện trở thành Chúng Trung tôn, 3. Sách Luật này được Nhà in Sen Vàng (Sài Đôi lời tâm sự cùng giới tử, 4. Ba-la-đề- Gòn) tái bản năm PL. 2513 – DL. 1969, mộc-xoa, 5. Công đức trì giới, 6. Người Giấy phép số 1260/BTT/BC3/XB. Saigon, mang sứ mạng của Như Lai, 7. Trọng ngày 24-4-1966, có 131 trang, bìa mềm. trách người giữ gìn gia tài của Phật, 8. Thánh giới còn chăng giá trị hiện thực? 9. 1.365. Thiền môn Trường hàng Luật Vai trò của giới luật trước thiên niên kỷ TỲ-NI SA-DI OAI NGHI mới, 10. Phật giáo và Thánh giới, 11. CẢNH SÁCH Thanh tịnh và hòa hợp nguồn sinh lực của In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định) – Tăng-già, 12. Hiếu trong luật học, 13. Bát 1948 kỉnh pháp những điều lợi ích hay ràng Sách có 161 trang, bìa mềm, có hình vẽ buộc? 14. Tứ Thánh chủng, 15. Người Đức Phật tọa thiền. thắp đuốc ngày mai, 16. Độc xử nhàn cư. Nội dung gồm có: Tỳ-ni Nhựt dụng, Sa-di Luật nghi, Thiên Oai nghi môn, Đại Viên Cảnh Sách. 1.363. THIỀN MÔN - TRƯỜNG HÀNG LUẬT Sao lục: Tỳ-kheo Thích Thanh Sơn 1.366. THỌ TAM QUY NGŨ GIỚI Nxb Hồng Đức – 2014 Tác giả: Trưởng lão Thích Thông Lạc (Tái bản lần thứ hai) Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 254 Sách có khổ 13 x 20.5cm, có hơn 85 trang, trang, bìa mềm. bìa mềm. Nội dung gồm có 2 phần: Lời Nội dung gồm có: Lời người soạn lục, nói đầu, Phần I. Quy y Tam bảo, Ngôi thứ Truyền thừa Tông phái kệ, Cảnh huấn, nhất: Phật bảo, Ngôi thứ hai: Pháp bảo, Phần I. Tỳ-ni Nhật dụng Yếu lược; Phần Ngôi thứ ba: Tăng bảo; Phần II. Thọ Ngũ II. Sa-di Luật nghi Yếu lược, a. Thượng giới, Giới thứ nhất: Cấm sát sanh, Giới thứ thiên Giới luật môn, b. Hạ thiên Oai nghi hai: Cấm tham lam, trộm cắp, Giới thứ ba: môn; Phần III. Qui Sơn Cảnh Sách. Cấm tà dâm, Giới thứ tư: Cấm vọng ngữ, Giới thứ năm: Cấm uống rượu, Lời khuyên. 1.364. Thiền môn Trường hàng Luật TỲ-NI SA-DI OAI NGHI CẢNH SÁCH (Âm - Nghĩa) 1.367. Biên soạn: HT. Thích Đạt Dương THỨC XOA-MA-NA LUẬT NGHI Giảo chính: Biên soạn: Thích nữ Tuệ Như Nxb Phương Đông – 2009

Tác phẩm Luật này có 267 trang; nội dung gồm: - Lời giới thiệu, Lời tựa, Dẫn nhập, Nguyên nhân Phật chế giới cho Ni chúng, Kết tập; Bốn giới căn bản: 1. Giới dâm TR dục, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới đoạn mạng 1.369. TRẮC NGHIỆM GIỚI LUẬT – người, 4. Giới đại vọng ngữ; Sáu pháp Hỏi-Đáp Chỉ Trì & Tác Trì học, Hành pháp, Sám hối hành pháp; Sách Giảng giải: HT. Thích Minh Thông tham khảo. Lớp Hoằng Luật Huệ Nghiêm ghi Nxb Phương Đông – 2007 1.368. THỨC XOA-MA-NA NI GIỚI Sách có khổ 14 x 20cm, dày 345 trang, bìa Biên tập: Hoằng Tán mềm, chữ tựa màu đen và đỏ. Nội dung Việt dịch: Thích Trí Quang (1923-2019) gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Trắc Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994 nghiệm môn Chỉ trì, Đáp án môn Chỉ trì; Tác phẩm này gồm có 3 phần: I. Lời nói Trắc nghiệm môn Tác trì, Đáp án môn Tác đầu (PL. 2535 – DL. 1991), II. Tựa, III.

trì. Giới bản Thức-xoa-ma-na-ni giới: A. Một, Tác phẩm này tái bản năm 2018, Nxb học căn bản, B. Hai, học sáu pháp, C. Ba, Hồng Đức, khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn học 292 hành pháp, D. Cách sám hối 292 249 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. hành pháp. Tác phẩm này tái bản năm 1998, Nxb Tp. 1.370. TRÌ PHẠM TẬP CHỨNG Hồ Chí Minh. Biên soạn: Diệu Tịnh Pháp sư Việt dịch: Minh Bá PL. 2534 – DL. 1990 Sách dày hơn 74 trang, nội dung gồm có 2 thiên: Thiên đầu, Trì giới môn: 1. Tổng thuyết, 2. Công đức, 3. Tinh tấn; Thiên cuối, Phạm giới môn: 1. Phạm giới, 2. Nghiệp báo, 3. Sám hối.

1.371. Trích Dịch Thiết Yếu LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI Thích nữ Trí Hải (tự Như Hải) Nxb Hồng Đức – 2013 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 883 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần: Phần một, Tổng tựa và Biệt tựa, A. Tổng tựa bộ Luật, I. Nguồn gốc Luật tạng, II. Sở hoằng của năm bộ phái, 1. Bộ Ma-ha-tăngkỳ, 2. Bộ Đàm-vô-quất-đa-ca, 3. Bộ Tátbà-đa, 4. Bộ Ca-diếp-duy, 5. Bộ Di-sa-tắc; III. Giải thích Tứ phần giới bổn, 1. Tông chủ bộ Luật, 2. Giải thích Tứ phần, 3. Giải

thích nghĩa Luật, 3.1 Luật nghi giới, 3.2 Minh); Giới Thanh văn và Giới Bồ-tát Định cộng giới, 3.3 Đạo cộng giới, 4. Thời (Tục Minh); Luật nghi Tỳ-kheo và Luật điểm phiên dịch, IV. Giải thích hai pháp nghi Tỳ-kheo Ni (Tục Minh); Khái quát về Chỉ và Tác; B. Biệt tựa bộ Luật, I. Sơ lược sự hoằng truyền Giới luật của Trung Quốc giáo giới, II. Nhân duyên Phật chế giới, (Vĩ Phảng); Giáo nghĩa và Truyện ký Lịch III. Nhân duyên thuyết giới Bố-tát, IV. sử của Tông Luật (Tuệ Nhạc); Sự Phát Nhân duyên Kiều-đàm-di xuất gia, V. triển của Tư tưởng Giới luật (Thượng Pháp Tỳ-kheo Ni cầu xin độ chúng, VI. Điền Thiên Thụy). Phân loại Tỳ-kheo Ni, VI.1 Ác tánh Tỳ- kheo, VI.2 Tám hạng Tỳ-kheo Ni, VI.3 1.373. Trọng Yếu TAM QUI Tám loại ngựa dữ, VII. Bỉnh bạch Yết-ma, & TRÌ GIỚI (Qui Giới Yếu Tập) VIII. Tác tiền phương tiện, IX. Nội dung Nguyên tác Hán văn: Luật Tứ phần; Phần hai, - Tám pháp Ba- Sa-môn Hoằng Tán – Tại Tham la-di, - Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, Việt dịch: Tỳ-kheo Ni Tuệ Thành - Tám pháp hối quá, - Giới pháp chúng Nxb Hồng Đức – 2016 học, - Bảy pháp diệt tránh; Phần ba, Phụ Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 127 trang, chú: I. Nghi thức kết giới tràng và đại giới, bìa mềm. Nội dung gồm 3 quyển: Tựa, II. Thuật lại bảy vị Phật, III. Ngũ bá kiết Q.I, Pháp thụ Tam qui; Q.II, Pháp thụ Ngũ tập, IV. Thất bách kiết tập, V. Hai mươi giới; Q.III, Pháp thụ Bát quan trai. pháp kiền-độ, VI. Kiết giới bất thất y, VII. Khuyến học các pháp, A. Những bài kệ 1.374. TRÙNG TRỊ TỲ-NI của chư Phật, B. Quyết nghi, C. Kệ tụng Sự Nghĩa Tập Yếu (Trọn bộ 2 tập) hồi hướng. Tác giả: Sa-môn Trí Húc (1599-1655) Việt dịch: 1.372. TRÌNH BÀY KHÁI QUÁT VỀ Sa-môn Thích Đổng Minh (1927-2005) TÔNG LUẬT, Nhuận văn: Sa-môn Thích Đức Thắng SỰ THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 Tùng San Học Thuật Phật Giáo Hiện Đại Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn Chuyên Về Tông Luật – Tập 1 1.018 trang, bìa cứng. Chủ biên: Trương Mạn Đào Tập I, có hơn 535 trang, gồm có 9 quyển. Tuyển dịch: Thích Nhựt Chiếu Phần đầu là Tiểu sử Hòa thượng Luật sư Nxb Tôn Giáo, PL. 2647 – DL. 2003 Thích Đổng Minh, Lời tiểu dẫn, Bài tựa 1, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 508 Mục lục 19 quyển, Bài tựa 2, Khai từ, trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời Nguyên bạt, Tổng vấn biện, Phàm lệ, Đề người dịch, Tôn chỉ và ý nghĩa của sự biên cương, Luật tạng tổng mục, Tứ Phần luật tập, Nguyên lai của Giới luật và nghiên tạng phẩm mục, Mục dẫn các Kinh; Quyển cứu về tinh thần căn

bản của nó (Vương một, Phần đầu là đề mục, Phần hai là Văn Hiền); Sự chế định Giới luật và tổ chánh văn, a. Bài kệ khen ngợi, Phụ, Biện chức Luật tạng (Nhị Mai); Bàn về mấy minh; Quyển hai, b. Vấn đáp khải bạch, c. điểm trọng yếu của Tông Luật (Tham Chính nói bài tựa của giới, d. Nói để kết Thoại); Khái quát về Giới học (Tục Minh); thúc, I. Bốn pháp khí, 1. Giới dâm; Quyển Chỉ dẫn đại cương về Luật học (Chi ba, 2. Giới trộm, 3. Sát sanh, 4. Đại vọng Phong); Chủng loại của Giới học (Tục ngữ, II. Mười ba pháp Tăng tàn: Giới cố ý

làm xuất tinh, Giới xúc chạm thân người của Tăng mà không cất, Giới dọn dẹp nữ, Giới nói thô ác, Giới tự khen mình, đòi ngọa cụ trong phòng Tăng, Giới cưỡng cung phụng dục lạc, Giới làm mai mối; đoạt chỗ để ngủ, Giới kéo người ra khỏi Quyển bốn, Giới làm phòng riêng quá phòng, Giới trên gác ngồi giường sứt chân, lượng, Giới làm phòng lớn mà không..., Giới nước có trùng, trộn hồ trét vách, Giới Giới hủy báng không căn cứ, Giới lấy một lợp phòng quá ba lớp tranh, Giới tự tiện phần để hủy báng, Giới không bỏ pháp đến dạy Ni, Giới dạy Ni đến chiều tối, pháp Tăng, Giới không bỏ bè đảng phá Giới cơ hiềm luận bàn việc dạy Ni, Giới Tăng, Giới kẻ bị tẩn không chịu phục cho y người Ni không phải bà con, Giới tùng, Giới không bỏ ác tánh; III. Hai món may y cho Ni không phải bà con, Giới bất định; IV. Ba mươi pháp Xả đọa (Giới cùng với Ni ngồi chỗ vắng, Giới cùng Ni chứa dư y, Giới lìa y ngủ); Quyển năm, đồng đi, Giới đi đồng thuyền với Ni, Giới Giới chứa y quá một tháng, Giới lấy y của nhờ người Ni khen mà được ăn, Giới ăn Ni không phải bà con, Giới sai Ni không nhiều lần, Giới ăn riêng chúng, Giới nhận phải bà con giặt y, Giới xin y nơi người thức ăn quá ba bát, Giới không làm phép không phải bà con, Giới nhận y nhiều, dư thực, Giới khiến cho người phạm pháp Giới cầu được y tốt đẹp hơn, Giới đòi y dư thực, Giới ăn phi thời; Quyển tám, Giới quá sáu lần, Giới may ngọa cụ bằng tơ ăn thức ăn cách đêm, Giới tự nhận thức tằm, Giới may ngọa cụ màu đen, Giới làm ăn, Giới không bệnh đòi thức ăn ngon, ngọa cụ không có màu sắc tạp, Giới dùng Giới tự tay cho ngoại đạo thức ăn, Giới ngọa cụ không đủ sáu năm, Giới không đến nhà khác không dặn, Giới cưỡng ngồi may một miếng cũ, Giới cầm lông dê đi nơi nhà ăn, Giới ngồi chỗ vắng với thực đường xa, Giới sai Ni nhuộm lông dê, gia, Giới ngồi một mình với người nữ, Giới nhận vàng bạc, Giới mua bán bảo vật, Giới cố ý khiến người khác không được Giới mua bán, Giới chứa y bát dư, Giới thức ăn, Giới nhận thức ăn quá hạn định, chứa y bát cầu đẹp; Quyển sáu, Giới bảo Giới xem quân trận, Giới ở trong quân trận thợ dệt không phải bà con..., Giới cầu dệt quá ba đêm, Giới xem coi quân trận, Giới y mới cho tốt, Giới cho y rồi hờn giận lấy uống rượu, Giới nói giỡn trong nước, Giới lại, Giới dùng thuốc quá bảy ngày, Giới thọc léc nhau, Giới không nhận lời can xin áo tắm mưa, dùng phi thời, Giới chứa gián, Giới khủng bố người khác, Giới tắm y bát cấp thí quá hạn, Giới tháng sau, khi rửa quá nhiều, Giới nhen lửa chỗ đất mãn hạ lìa y..., Giới xoay vật của Tăng về trống, Giới giỡn chơi đấu vật của người cho mình. V. Chín mươi Ba-dật-đề, Giới khác, Giới vội đắp y đã tịnh thí, Giới y nói dối, Giới chê bai, Giới nói hai lưỡi, không hoại sắc, Giới giết súc sanh, Giới Giới ngũ cùng với người nữ, Giới cùng dùng nước có trùng, Giới cố ý làm phiền người chưa thọ giới ngủ ba đêm, Giới người, Giới che tội thô ác của người, Giới cùng với người chưa thọ đại giới..., Giới truyền giới không đúng pháp, Giới phát đến người ngoài nói tội thô..., Giới

đến khởi lại sự tranh cãi, Giới đi với giặc; người ngoài nói pháp đã chứng, Giới nói Quyển chín, Giới không bỏ ác kiến, Giới pháp cho người nữ nghe quá hạn, Giới đào bè đảng với người ác kiến, Giới nuôi Sa-di đất, Giới phá hoại nơi ở của quỷ thần, Giới bị tẫn xuất, Giới chống sự can gián, nạn nói quanh để quấy rầy người khác; Quyển vấn, Giới coi thường việc nói giới, Giới bảy, Giới cơ hiềm hủy mạ, Giới trải tọa cụ không biết giới, Giới chống lại việc đã

Yết-ma, Giới không gởi dục, Giới giữ dục - Minh định các pháp Yết-ma, - Minh định rồi sau lại hối hận, Giới lén nghe việc cãi pháp phú bát (úp bát); Quyển mười bốn, cọ rồi đem kể lại, Giới giận đánh Tỳ-kheo, Pháp về y, Pháp về bình bát, Pháp về ăn và Giới giận (nhá) đánh Tỳ-kheo, Giới giận uống thuốc, Pháp nhận thức ăn, Phương không căn cứ, hủy báng người khác..., pháp nuôi bệnh, Phòng xá, Pháp về ngọa Giới vào cửa cung đột ngột, Giới cầm vật cụ, Pháp về đồ vật, Pháp về tích trượng, báu, Giới vào tụ lạc phi thời, Giới làm Pháp về tòng lâm; Quyển mười lăm, Pháp giường cao, Giới dùng bông Đâu-la-miên A-lan-nhã, Pháp đại chúng hội họp, Pháp làm mền nệm, Giới làm ống kim bằng chia vật, Pháp nói pháp, Pháp đọc tụng, xương sừng, Giới làm tọa cụ quá lượng, Pháp tọa thiền, Pháp tạp, Phật nói Kinh tội Giới làm y che ghẻ quá lượng, Giới may phạm giới nặng nhẹ, Bài tụng của giới áo tắm quá lượng, Giới may y bằng với y tướng; Quyển mười sáu, 1. Giới của Tỳ- Phật; VI. Bốn pháp hối quá: Giới nhận kheo Ni, Tám pháp Ba-la-di, Mười bảy thức ăn của người không phải thân quyến, pháp Tăng-già-bà-thi-sa, Ba mươi pháp Giới không ngăn Ni thay mình đòi thức Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; Quyển mười bảy, Một ăn, Giới nhận thức ăn nơi học gia, Giới trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, Tám nhận thức ăn nơi có sự sợ sệt; VII. Pháp pháp Ba-la-đề-xá-ni, Pháp chúng học, Bảy chúng học. pháp diệt tránh; 2. Pháp xuất gia thọ giới Tập II, có hơn 483 trang, từ quyển 10 – của Ni, Pháp xuất gia thọ giới Sa-di Ni, 19; Quyển mười, VII. Pháp chúng học Thuyết minh về pháp thọ giới Thức Xoa- (tiếp theo); VIII. Bảy pháp diệt tránh: ma-na, Thuyết minh về pháp thọ giới Tỳ- Pháp hiện tiền diệt tránh, Pháp ức niệm kheo Ni; Quyển mười tám, 3. Giới pháp diệt tránh, Pháp bất si diệt tránh, Pháp tự của Sa-di (Môn thứ nhất: 10 giới, Môn thứ ngôn diệt tránh, Pháp mích tội tướng diệt hai: 26 chương oai nghi); Quyển mười tránh, Pháp đa nhơn ngữ diệt tránh, Pháp chín, Lược giải thích Kiền-độ, trì giới đại- như cỏ che đất diệt tránh; Quyển mười tiểu theo Tứ phần Luật tạng. một, 1. Bàn chung về vấn đề Yết-ma, 2. Tác phẩm Luật này đã được in Lưu hành Vấn đề kiết giới (Kiết giới trường, Kiết đại nội bộ năm 1994-1997. giới, Kiết giới không mất y, Kiết giới tịnh trù, Phương tiện kiết tiểu giới); 3. Vấn đề 1.375. TRUYỀN GIỚI CHÍNH PHẠM thọ giới (- Nói rõ về phương pháp xuất gia Giới Đài Viện Huệ Nghiêm – và thọ 10 giới, - Thuyết minh pháp thỉnh Ban Dịch Thuật Luật Tạng Hòa thượng và..., - Phương pháp đăng Nguyên tác Hán văn: Sa-môn Độc Thể đàn thọ cụ, - Phương pháp đắc giới và Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Thọ Phước không đắc giới); Quyển mười hai, Pháp y Chứng minh và Thẩm định: chỉ, Tư cách ông thầy, Pháp đệ tử thờ thầy, HT. Thích Minh Thông Pháp Thượng tọa, Pháp đồng học, Pháp lễ Hiệu đính: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn kính, Pháp hiếu kính cha mẹ, Pháp an cư, Nxb Hồng Đức – 2015. Sách có khổ 14.5 Pháp tự tứ, Y Ca-thi-na; Quyển mười ba, x 20.5cm, dày hơn 210 trang, bìa mềm, có Thuyết minh pháp trị tội: - Minh định tay gấp. Nội dung gồm có 4

quyển: Tựa, pháp trị tội thứ tứ khí, - Minh định pháp trị Truyền Giới Chính Phạm, Q.I 1. Đàn thứ tội Tăng tàn, - Minh định pháp trị tội nhất: Cách thức xin Giới và Sám hối trước Thâu-lan-giá, - Minh định pháp trị tội nhẹ, khi truyền Giới Sa-di; Q.II 2. Nghi thức

xin Giới, Sám hối trước khi truyền Giới Tỳ-kheo; Q.III 3. Nghi thức xin Giới, Sám hối trước khi lên đàn thụ Giới Bồ-tát; Q.IV. V 1.378. VIỆT NAM TRUYỀN GIỚI 1.376. TRUYỀN THỌ TAM QUY CHÁNH PHẠM Nguyên tác: Pháp sư Tịnh Không Biên soạn: Việt dịch: Thích Chân Tính Giới Đàn viện chùa Huệ Nghiêm Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Nxb Hồng Đức – 2017 Sách có khổ 13 x 19cm, có 77 trang, bìa Sách có khổ 16 x 24cm, có hơn 213 trang. mềm; nội dung gồm: Truyền thọ Tam quy; Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Giới thiệu, Bà chủ nhà làm thế nào trong sinh hoạt Nghi thức truyền giới Sa-di, Nghi thức hàng ngày tu Bồ-tát đạo?; Mấy lời tâm truyền giới Tỳ-kheo, Chánh pháp Yết-ma huyết. cho Ni, Nghi tấn đàn Tỳ-kheo Ni, Nghi thức truyền giới Thức-xoa-ma-na, Nghi

U thức truyền giới Sa-di Ni, Nghi thức truyền giới Bồ-tát, Lời bạt.

1.377. UY NGHI DÀNH CHO NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA Biên soạn: Thích Quảng Hướng X Nxb Phương Đông – 2011 1.379. XUẤT GIA TOÀN TẬP I – Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 61 trang, Đạo Hạnh Người Xuất Gia bìa mềm. Linh Quy Pháp Ấn Nội dung gồm có 13 chương: C.I Đến Thích Minh Thành chùa, C.II Tiếp xúc với quý Tăng Ni, C.III Nxb Hồng Đức – 2016 Thỉnh quý Thầy về nhà, C.IV Làm công Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 264 quả, C.V Ăn cơm, C.VI Vào nhà vệ sinh, trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. C.VII Quan hệ với các bạn đồng tu, C.VIII Nội dung gồm có 10 chương: Lời giới Nghe pháp thoại, C.IX Học hỏi đạo lý, thiệu, Lời giới thiệu, Lời ngỏ, C.I Ý nghĩa C.X Thờ Phật và lạy Phật, C.XI Ngồi Xuất gia, Ý nghĩa Xuất gia, Ba nghĩa của thiền-kinh hành-tụng Kinh và niệm Phật, Sa-môn; C.II Mục đích Xuất gia, Năm C.XII Bảo vệ môi trường, C.XIII Năm hạng Xuất gia, Mục đích Xuất gia; C.III giới. Giá trị Xuất gia, Buông bỏ thế gian, Chân chánh Xuất gia; C.IV Uy nghi Giới hạnh, Uy nghi trong Sinh hoạt, Giới hạnh Thanh tịnh; C.V Đạo hạnh Xuất gia, Căn bản vững chắc, Kính trọng bậc Tôn đức, Kính trọng bậc Bổn sư, Kính trọng Giáo thọ sư, Kính trọng Thiện tri thức, Đối xử với huynh đệ, Tiếp đãi cư sĩ; C.VI Đời sống

Xuất gia, Bốn điều kiện nền tảng, Thực 1.381. YẾT-MA YẾU CHỈ hành đúng pháp; C.VII Bổn phận Xuất Giảng thuật: gia,, Bốn việc cần làm, Lòng tin sâu sắc; HT. Thích Trí Thủ (1909-1984) C.VIII Trình tự Tu tập, Năm bước thực Soạn tập: Tỳ-kheo Thích Đổng Minh và hành, Một hơi thở phá vỡ Vô minh; C.IX Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng Xây dựng người tu, Xây dựng Tăng đoàn, Nxb Tôn Giáo – 2006. Sách có khổ 14.5 x Yếu tố xứng đáng, Ái ngữ và Lắng nghe, 20.5cm, dày 291 trang, bìa mềm, chữ tựa Cuộc sống triển hiện vẻ đẹp; C.X Người màu trắng. xưa khuyên nhủ, Tự lượng khí chất và Nội dung gồm có 8 chương: Tựa, Tiểu năng lực, Một phen sống chết. dẫn; Chương I, Tổng luận về Yết Ma, T.1, Yết-ma trong sinh hoạt của cộng đồng Tăng lữ, 1. Khái niệm tổng quát về cộng Y đồng Tăng lữ, 2. Thành phần Tăng, 3. Phân loại Tăng, 4. Các nguyên tắc chi phối 1.380. Ý NGHĨA GIỚI LUẬT đời sống của Tăng; T.2, Phân tích nội Tác giả: Viên Trí dung của Yết-ma, 1. Yết-ma là gì? 2. Đối Nxb Tôn Giáo – 2004 tượng của Yết-ma, 3. Phân loại Yết-ma, 4. Toàn bộ tác phẩm Giới luật này có 139 Các giai đoạn tiến hành của Yết-ma, 5.

trang, gồm 6 chương: - Lời giới thiệu; C.I Các yếu tố để thành tựu Yết-ma, 6. Già Tổng quan, 1. Ý nghĩa đại cương, 2. Phạm Yết-ma, 7. Phi tướng của Yết-ma, Kết trù nghiên cứu; C.II Xuất gia, 1. Định luận; Chương II, Cương giới, T.1, Ý nghĩa nghĩa từ ngữ "Nekkhamma" (xuất gia), 2. và tầm quan trọng của cương giới, 1. Ý Đời sống tự nguyện, 3. Đời sống phạm nghĩa của cương giới, 2. Hiệu lực chi phối hạnh (Brahmacariya); C.III Giới luật, 1. của cương giới; T.2, Bản chất của cương Định nghĩa Giới (sila), 2. Định nghĩa Luật giới, 1. Cương giới tự nhiên, 2. Cương (vinaya), 3. Giới tự nhiên, 4. Giới xã hội; giới ấn định, 3. Thủ tục tiến hành Yết-ma C.IV Nội dung của Giới luật, 1. Nội dung kiết giới; T.3, Các pháp yết-ma kết và giải các loại Giới luật, 2. Nội dung giới bổn giới, 1. Văn kết đại giới không giới Ba-la-đề-mộc-xoa (Patimokkha), 3. Bốn trường, 2. Văn giải đại giới (trước khi giải pháp Ba-la-di (Parajika-dhamma); C.V giới trường), 3. Văn kết đại giới có giới Tác động của Giới luật, 1. Tầm quan trọng trường (gồm luôn cả nhà bếp và nhà kho), của Giới luật, 2. Nguyên lý giải thoát của 4. Giới không mất y, 5. Kết tiểu giới; Giới luật, 3. Tác động giải thoát của Giới Chương III, Truyền giới, Thọ giới, T.1, luật ngay trong hiện tại, 4. Sự ảnh hưởng Bước đầu xuất gia, 1. Dẫn khởi, 2. Tư của Giới luật trong sự thịnh suy của Tăng cách làm thầy, 3. Yết-ma súc chúng, 4. đoàn; C.VI Kết luận, 1. Tinh thần thủ xả Thế phát xuất gia – thọ giới sa-di; T.2, của Giới luật, 2. Những ngộ nhận của Giới Giới cụ túc, Tổng luận về giới cụ túc; T.3, luật; Phụ lục, Sách tham khảo. 1. Ba y, 2. Xả man y, 3. Xả các y cũ, 4. Thọ ba y, 5. Bình bát, 6. Tọa cụ, 7. Đãy lọc nước; T.4, Thỉnh thầy y chỉ; Chương IV, Truyền giới, Thọ giới, T.1, Ni xuất gia, 1. Ni xin nuôi chúng, 2. Sa-di Ni và ngoại đạo cộng trú, 3. Thọ Thức-xoa-ma-na, T.2,

Thọ Tỳ-kheo Ni giới, 1. Bản bộ Yết-ma, 2. nghĩa Tỳ-kheo giới, B.4 Bốn thanh tịnh Chính pháp Yết-ma; Chương V, Bố-tát và Luật nghi, B.5 Năm thiên giới, B.6 Bảy tụ Thuyết giới, T.1, Duyên khởi và ý nghĩa, hay sáu tụ tội, B.7 Bảy tụ tội (tt), B.8 Bảy T.2, Các giai đoạn tiến hành, 1. Dự kỳ sám tụ tội (tt), B.9 Thất diệt tránh, B.10 Thất hối, 2. Nhật kỳ sám hối, 3. Tập Tăng hòa diệt tránh (tt), B.11 Thất diệt tránh (tt), hợp, 4. Việc kiểm Tăng, 5. Gởi dục và B.12 Ý nghĩa Yết-ma, B.13 Ý nghĩa Yết- thuyết tịnh, 6. Yết-ma công nhận bệnh ma (tt), B.14 Ý nghĩa Yết-ma (tt), B.15 Ý cuồng si, 7. Giáo thọ Ni, 8. Thuyết giới nghĩa Yết-ma (tt), B.16 Ý nghĩa Yết-ma cho Sa-di; T.3, Chính thức thuyết giới, 1. (tt), B.17 Phi tướng của Yết-ma, B.18 Phi Các thể thức giới, 2. Tác pháp thuyết giới, tướng của Yết-ma (tt); C.II Yếu nghĩa Bồ- 3. Yết-ma thuyết giới; Chương VI, An cư tát giới, B.1 Ý nghĩa của Bồ-tát Luật nghi và Tự tứ, T.1, An cư, 1. Duyên khởi và ý giới, B.2 Thọ đắc giới Bồ-tát, B.3 Vô tác nghĩa, 2. Hạn kỳ an cư, 3. Thọ an cư, 4. giới thể, B.4 Giai vị Bồ-tát, B.5 Giai vị Xuất giới và phá hạ; T.2, Tự tứ, 1. Ý Bồ-tát (2), B.6 Giai vị Bồ-tát (3), B.7 Giai nghĩa, 2. Tác pháp tự tứ, 3. Sau tự tứ; vị Bồ-tát (4), B.8 Giới tướng Bồ-tát, B.9 Chương VII, Ca-thi-na, 1. Duyên khởi và Giới tướng Bồ-tát (2), B.10 Giới tướng ý nghĩa, 2. Tác thành Ca-thi-na, 3. Trương Bồ-tát (3), B.11 Giới tướng Bồ-tát (4), ca-thi-na, 4. Thọ y ca-thi-na, 5. Xả y ca- B.12 Giới tướng Bồ-tát (5), B.13 Giới thi-na; Chương VIII, nói về pháp thọ tướng Bồ-tát (6), B.14 Sám hối hành pháp. dược, thuyết tịnh và phân vật, T.1, Thọ dược, 1. Các loại dược, 2. Thể thức thọ; T.2, Thuyết tịnh, 1. Phân loại tịnh thí, 2. Tác pháp tịnh thí; T.3, Phân vật, 1. Phân loại sở hữu, 2. Thể thức phân chia, 3. Tác pháp phân vật; Thư mục tham khảo, 1. Hán tạng, 2. Nam truyền. Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1987, in Lưu

hành nội bộ; năm PL. 2545 – DL. 2001, Ban Tu Thư Phật Học ấn hành, dày 226 trang, bìa mềm; năm 2011, Nxb Phương Đông, khổ 13.5 x 20.5cm, dày 350 trang, bìa mềm, nền màu xanh nước biển, chữ tựa mạ trắng bạc; năm 2014, Nxb Hồng Đức.

1.382. Yếu Nghĩa
TỲ-KHEO BỒ-TÁT GIỚI
Biên soạn: Thích nữ Như Lộc
PL. 2545 – DL. 2001
Sách dày 161 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 chương: C.I Yếu nghĩa Tỳ-kheo giới, có 18 bài, B.1 Đại cương về Giới
Luật, B.2 Nội dung Giới Luật, B.3 Ý
III. TÁC PHẨM LUẬN 1.385. A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ – Tiểu Tạng Luận – 5 Tập ABHIDHARMAKOSABHÀSYAM

A Acarya Vasubandhu Dịch và chú: Tuệ Sỹ Sách có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày 2.999 trang, bìa cứng, nền màu xám, 1.383. A-TỲ-ĐÀM chữ tựa mạ bạc trắng. Jintaro Takakusu Tập I, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Dịch giả: Tỳ-kheo Giác Nguyên Đức – 2017, dày 634 trang, nội dung gồm Luận A-tỳ-đàm này gồm có 12 chương có: Phẩm 1: Phân Biệt Giới và Phẩm 2: chính. Phần đầu là Lời vào sách, Phần nội Phân Biệt Căn; Giới thiệu A-tỳ-đạt-ma dung: C.1. A-tỳ-đàm truyền thống Hữu bộ, Câu-xá; Phần I. Tổng luận A-tỳ-đạt-ma; 1. C.2. Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, C.3. Phát A-tỳ-đạt-ma: Hệ thống triết học, 2. Từ trí luận (Jnanaprasthana) của Ca-đa Diễn nghĩa A-tỳ-đạt-ma, 3. A-tỳ-đạt-ma tạng, 4. tử (Katyayyaniputra), C.4. Túc luận Văn hiến A-tỳ-đạt-ma, 5. Thế Thân & (Sangitiparyaya), C.5. A-tỳ-đạt-ma Tập dị Câu-xá-luận; Phần II. Nội dung Câu-xá: môn túc luận, C.6. Prakaranapada (Đệ Nhị Thiên I. Phân biệt Giới, Thiên II. Phân biệt túc luận), C.7. Vijnanakaya (của Căn, Phàm lệ, Thiên 1. Phân Biệt Giới, Devasarma), C.8. Dhatukaya, C.9. Phần tựa: I. Quy kỉnh, II. Định nghĩa A-tỳ-Dharmaskandha, C.10. Prajnaptisastra, đạt-ma, 1. Tự thể của A-tỳ-đạt-ma, 2. Câu- C.11. Các tác phẩm A-tỳ-đàm quan trọng xá luận, III. Ý hướng A-tỳ-đạt-ma; C.I khác của Hữu bộ, C.12. Kết luận. Sách Tổng luận Pháp, I. Bản thể của Pháp: 1. tham khảo lúc dịch. Hữu lậu, 2. Vô lậu: a. Hư không vô vi, b. (https://thuvienhoasen.org; Trạch diệt vô vi, c. Phi trạch diệt vô vi; II. nghĩa, b. Đồng nghĩa, 2. Hữu lậu, a. Thủ 1.384. A-TỲ-ĐÀM Yếu Luận uẩn, b. Hữu tránh, c. Và các tên khác; III. Tác giả: Dr. Mehm Tin Mon Phân tích Uẩn, 1. Sắc uẩn, i. Tổng lược, ii. Dịch giả: Tỳ-kheo Minh Huệ Năm căn, iii. Năm cảnh, iv. Vô biểu, v. Nxb Tôn Giáo – 2008 Đại chủng, vi. Khái niệm sắc, vii. Tổng Tác phẩm Luận này có 427 trang; nội hợp uẩn-xứ-giới của sắc; 2. Các uẩn phi dung gồm 9 chương: - Cảm đề của Dịch sắc, i. Thọ uẩn, ii. Tưởng uẩn, iii. Hành giả, Lời tựa, Lời giới thiệu; C.1 Tâm, C.2 uẩn, iv. Tổng hợp uẩn-xứ-giới, v. Thức Sở hữu tâm (Cetasika), C.3 Tổng hợp uẩn; C.II Thiết lập Ba khoa, I. Thống nhất (Pakinnaka), C.4 Lộ trình tâm (Vìthi), C.5 Uẩn-Xứ-Giới, 1. Nguyên lý tổng thể, 2. Cá Các cõi giới (Vìthimut hay Bhumi), C.6 biệt, II. Tổng luận Ba khoa, 1. Ý nghĩa Sắc, C.7 Tập yếu (Samuccaya), C.8 Duyên uẩn-xứ-giới, i. Uẩn, ii. Xứ, iii. Giới, iv. (Paccya), C.9 Các đề mục thiền Phê phán định nghĩa; 2. Mục đích thiết (Kammatthàna); Kết luận. lập, i. Tổng lập ba khoa, ii. Thành phần của uẩn, iii. Vô

vi và uẩn, iv. Thứ tự của uẩn, v. Thứ tự của các xứ và các giới, vi. Khái niệm sắc xứ và pháp xứ, vii. Khái

niệm pháp uẩn, viii. Hai giới đặc biệt; lục: 1 và 2; Sách dẫn, Ngữ vựng Phạn- C.III Các đặc tính sai biệt của Pháp, 1. Tạng-Hán. Hữu kiến-vô kiến, 2. Hữu đối-vô đối, 3. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận I – Thiện-bất thiện-vô ký, 4. Giới hệ (i. Dục ABHIDHARMAKOSABHÀSYAM được giới hệ, ii. Sắc giới hệ, iii. Vô sắc giới hệ), xuất bản năm 2003, Nxb Phương Đông. 5. Hữu lậu-vô lậu, 6. Tầm-tứ, 7. Sở duyên, 8. Chấp thọ, 9. Đại chủng, 10. Khả tích, Tập II, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng 11. Khả phân, 12. Cân và đốt, 13. Dị thục Đức – 2017, dày 561 trang; nội dung gồm sanh và sở trưởng dưỡng, 14. Đẳng lưu, có: Phẩm 3: Phân Biệt Thế Gian, Dẫn 15. Thực chất, 16. Sát-na, 17. Thành tựu, nhập; C.I Tổng thuyết vũ trụ luận, I. Vũ 18. Nội và ngoại, 19. Đồng phần-bỉ đồng trụ luận thần thoại, 1. Vũ trụ luận cổ đại, phần, 20. Đoạn trừ, 21. Kiến-phi kiến, 22. 2. Ý nghĩa thần thoại; II. Vũ trụ luận Hy Sở thức, 23. Thường tính, 24. Căn-phi căn; Lạp, 1. Vũ trụ-kosmos, 2. Vũ trụ luận Thiên 2: Phân Biệt Căn, C.I Hai mươi hai khoa học: Thales (k. 624-546 tr.tl), 3. Căn, I. Căn nghĩa là gì? 1. Quan điểm Tỳ- Khởi nguyên vô hạn: Anaximandros (k. bà-sa, 2. Quan điểm Kinh bộ; II. Ý nghĩa 610-546 tr.tl), 4. Luận chứng vũ trụ: lập Căn, III. Chức năng của Căn, 1. Quan Aristole (384-322 tr.tl); C.II Vũ trụ luận điểm chính thống, 2. Dị thuyết, 3. Bác bỏ Phật giáo, I. Sơ kỷ vũ trụ luận, 1. Có hay Số luận; IV. Đặc tính của Căn, 1. Năm thọ không vũ trụ luận nguyên thủy, 2. Vũ trụ căn, 2. Ba vô lậu căn; V. Các vấn đề; 1. luận hay tiến hóa luận? II. Vũ trụ luận A- Hữu lậu-vô lậu, 2. Dị thục-Phi Dị thục, 3. tỳ-đạt-ma, 1. Nguồn tư liệu, 2. Vũ trụ hệ, Hữu dị thục-Vô dị thục, 4. Ba tánh, 5. Giới 3. Thế giới phân tầng; C.III Nội dung hệ, 6. Ba sở đoạn, 7. Đắc và xả căn; C.II phẩm Phân biệt Thế gian, 1. Ý nghĩa, 2. Các pháp Câu sanh, I. Sắc pháp câu-sanh, Khoa mục tổng quan, 3. Khoa mục theo ký 1. Thành phần tổ hợp sắc, 2. Xúc giác vật sớ Hán; A-tỳ-đạt-ma Câu-xá: Thiên 3: chất, 3. Sắc tụ thượng giới, 4. Phản bác; II. Phẩm Phân biệt Thế gian, C.I Phân loại Tâm pháp câu sanh, 1. Phân loại tâm sở, 2. thế gian, T.1 Thế giới môi sinh, I. Ba giới Tất yếu câu sinh, 3. Sai biệt loại tợ; C.III hệ, II. Năm định hướng, III. Bảy thức trụ, Tâm bất tương ưng hành, I. Tổng tiêu, II. IV. Chín hữu tình cư, V. Bốn thức trụ; T.2 Tự thể các bất tương ưng hành, 1-2. Đắc Hình thái tồn tại; 1. Bốn sinh đạo, 2. và phi đắc, 3. Đồng phần, 4. Vô tưởng Trung hữu, 3. Bốn nhập thai, 4. Trung hữu quả, 5-6. Hai đẳng chí, 7. Mạng căn, 8-11. vô ngã; C.II Nguyên lý duyên khởi, T.1 Hữu vi tướng, 12-14. Danh-cú-văn; III. Mười hai chi Duyên khởi, I. Nhân quả ba Thuộc tính các hành không tương ưng; thời, II. Thể của mười hai chi, T.2 Ý chỉ C.IV Nhân duyên quả, I. Sáu nhân, 1. duyên khởi, I. Bốn biểu thức duyên khởi, Năng tác nhân, 2. Câu hữu nhân, 3. Đồng II. Thâm ý của Phật, III. Duyên khởi hạn loại nhân, 4. Tương ưng nhân, 5. Biến định; T.3 Sinh tử luân chuyển, I. Ba lớp hành nhân, 6. Dị thục nhân, 7. Thời của nhân quả, II. Luân chuyển vô cùng; T.4 sáu nhân; II. Năm quả, 1. Tổng luận, 2. Duyên khởi và duyên dĩ sinh, I. Duyên dĩ Năm quả; III. Bốn duyên, 1. Tự thể của sinh, II. Duyên sinh nhân quả; T.5 Phân bốn duyên, 2. Phần vị hoạt động, 3. Tâm tích ngữ nguyên, I. Kinh bộ thích nghĩa, II. vô gián, 4. Đắc tự thể, 5. Tổng kết; Phụ Thất-lị-la-đa; T.6 Mô thức duyên khởi, I. Quan điểm Hữu bộ, II. Quan điểm Kinh

bộ, III. Quan điểm của Thế Thân; T.7 Ý cẩn, 5. Thời hạn; II. Đại tam tai, 1. Ba tai nghĩa các chi, I. Vô minh, II. Danh sắc, kiếp lớn, 2. Phê bình Thắng luận, 3. Đỉnh III. Xúc, IV. Thọ, V. Các chi còn lại; T.8 tam tai, 4. Đệ Tứ thiền, 5. Tuần tự tam tai; Duyên khởi thí dụ, I. Phiền não, II. Phụ lục: 1. Phạn văn, 2. Tạng văn, 3. Hán Nghiệp, III. Sự; C.III Đời sống của hữu văn, a. Huyền Trang, b. Chân-đế, Ngữ tình, I. Bốn hữu và ba giới, a. Bốn hữu, b. vựng Phạn-Tạng-Hán; Sách dẫn. Ba giới; II. Thực phẩm để tồn tại, 1. Đoạn thực, 2. Xúc tư thực, 3. Dinh dưỡng và tồn Tập III, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng tại, 4. Yếu tố dinh dưỡng, 5. Thức ăn theo Đức – 2019; dày 733 trang; nội dung gồm sinh loại; III. Sự chết, 1. Tử tâm, 2. Thức có: Phẩm 4: Phân Biệt Nghiệp, Tổng luận diệt, 3. Mạt-ma đoạn, 4. Ba tụ; C.IV Thế Nghiệp, Nghiệp luận ngoài Phật giáo, giới ngoại khí, T.1 Ba luân, 1. Phong luân, Nghiệp luận Phật giáo, Nghiệp luận A-tỳ- 2. Thủy luân, 3. Kim luân; T.2 Chín núi, 1. đạt-ma, Phụ luận: Đại thừa thành nghiệp Vị trí, 2. Thành phần cấu tạo, 3. Kích luận; A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Thiên thứ 4, thước; T.3 Tám biên; T.4 Các châu lục, 1. P.4 Phân biệt Nghiệp, C.I Bản thể Nghiệp, Bốn đại châu, 2. Tám trung châu; T.5 Núi T.1 Tổng thuyết, T.2 Biểu nghiệp, T.3 Thể sông trong Thiệm-bộ; T.6 Nại-lạc-ca, 1. tính vô biểu, T.4 Nghiệp và đại chúng, T.5 Tám ngục nóng, 2. Các ngục tăng, 3. Ngục Động lực kích khởi; C.II Vô biểu Nghiệp, tốt, 4. Tám ngục lạnh, 5. Tạp loại; T.7 Mặt T.1 Ba luật nghi, T.2 Thọ giới và trì giới, trời-mặt trăng, 1. Mô tả, 2. Vận hành; T.8 T.3 Tam quy-ngũ giới, T.4 Đắc luật nghi – Thiên khí và chư thiên, 1. Tứ đại thiên bất luật nghi, T.5 Xả giới, T.6 Giới và thú vương, 2. Tam thập tam thiên, 3. Không thành tựu luật nghi; C.III Giáo thuyết về cư thiên, 4. Chư thiên hành dục, 5. Lạc Nghiệp, T.1 Nghiệp và quả, T.2 Những sinh và dục sinh, 6. Khoảng cách thiên điển hình về nghiệp; C.IV Mười Nghiệp giới, 7. Tương kiến, 8. Lượng thiên cung, đạo, T.1 Biểu-vô biểu, T.2 Động lực của 9. Thế giới hệ; T.9 Hữu tình thân lượng- nghiệp đạo, T.3 Định mức nghiệp đạo, T.4 thọ lượng, 1. Thân lượng, 2. Thọ lượng; Danh nghĩa nghiệp đạo, T.5 Đoạn thiện T.10 Các đại lượng, 1. Sát-na, 2. Đơn vị căn, T.6 Quan hệ nghiệp đạo và tư, T.7 trường độ, 3. Đơn vị thời gian; C.V Các Hiện hành và tiềm hành, T.8 Năm quả chu kỳ tiến hóa, T.1 Kỷ nguyên-Kiếp, I. nghiệp đạo, T.9 Phân tích đặc tính; C.V Kiếp hại, 1. Hữu tình hoại, 2. Ngoại khí Luận thuyết về Nghiệp, T.1 Quy tắc đạo hoại; II. Kiếp thành, 1. Ngoại khí chuyển đức, T.2 Dẫn nghiệp-mãn nghiệp, T.3 Ba thành, 2. Hữu tình chuyển thành; III. Kiếp chướng, T.4 Phá Tăng, T.5 Vô gián, T.6 trụ; IV. Kiếp-số đếm; T.2 Bồ-tát đạo, 1. Nghiệp Bồ-tát, T.7 Ba cơ sở phước Thời gian hành Bồ-tát đạo, 2. Phật đẳng nghiệp; Chương phụ luận: 1. Hoạt động giác, 3. Độc Giác Phật; T.3 Chuyển luân nghệ thuật, 2. Tiếp cận danh nghĩa; Phụ vương, 1. Thời đại xuất hiện, 2. Kim luân lục: 1. Phạn văn, 2. Tạng văn, 3. Hán văn: vương, 3. Phật và Luân vương, 4. Luân a. Huyền Trang, b. Chân đế; Ngữ vựng vương thống trị, 5. Bảy báu và tướng hảo; STC; Sách dẫn. T.4 Khởi nguyên vương vị, 1. Nhân loại tối sơ, 2. Tiến hóa sinh thái, 3. Tiến hóa xã Tập IV, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng hội; T.5 Thế giới hủy diệt, I. Tiểu tam tai, Đức – 2016, dày 594 trang; nội dung gồm 1. Kiếp tận, 2. Đao binh, 3. Tật dịch, 4. Cơ có: Phẩm 5 & 6; Phần I. Tổng luận, I.

Danh nghĩa và phẩm loại, 1. Danh nghĩa tính của đạo, T.2 Thánh đế, 1. Khổ đế, 2. tùy mien, 2. Tính chất tùy miên, 3. Bộ loại Tập đế, 3. Tục đế và Thắng nghĩa đế; C.II tùy miên, 4. Phẩm loại tùy miên; II. Gia hành Thánh đạo, T.1 Tối sơ phát khởi, Nguyên lý

hoạt động, 1. Nguyên lý duyên 1. Gia hành tuệ, 2. Tịnh thân khí, T.2 Pháp khởi, 2. Quy luật nhân quả; III. Tiềm phục môn nhập tu, 1. Hai đối trị, 2. Gia hành và hoạt động, 1. Tùy miên tiềm phục, 2. niệm trụ; T.3 Thuận quyết trạch phần, 1. Quá trình sinh khởi; IV. Thể tính luận, 1. Bốn thiện căn, 2. Phụ luận: Thuận giải Nhất thiết hữu, 2. Phân loại thời gian, 3. thoát phần; C.III Kiến đạo, T.1 Nhẫn và Quá vị vô thể; Tổng luận Thánh đạo, I. trí; C.IV Tu đạo, T.1 Chín phẩm tư hoặc, Đối trị phiền não, 1. Thánh nhân và phàm T.2 Đạo quả hữu học; C.V, Vô học đạo, phu, 2. Thánh đạo trị liệu; II. Phần vị đạo, T.1 Hướng đạo, i. A-la-hán hướng, ii. Kim 1. Thứ tự thuyết pháp, 2. Thuận phước cang dụ định, T.2 A-la-hán quả, i. Thành phần, 3. Thuận giải thoát phần; III. Đạo và vô học, Phụ luận, ii. Sa-môn quả, T.3 A- đối trị đạo, 1. Đối trị đạo, 2. Chín phẩm la-hán chủng tính, i. Sáu chủng tính, ii. đoạn, 3. Thế gian đạo; IV. Thuận quyết Thối thất, iii. Chuyển căn; C.VI Thánh vị; trạch phần, 1. Lược đồ tu tập, 2. Gia hành C.VII, Các chủng loại đạo, i. Tổng thuyết thiện căn, 3. Nhập chánh tánh ly sanh; V. đạo, ii. Bốn thông hành, iii. Giác phần, iv. Thánh đạo và Thánh quả, 1. Hiện quán Bốn chứng tịnh, v. Chánh tri-giải thoát; Thánh đế, 2. Các Thánh quả, 3. Ngũ bất Phụ lục: I. Phạn văn, II. Tạng văn, III. Hán hoàn; VI. Vô học đạo, 1. Kim Cang dụ văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; Ngữ định, 2. Chín vô học, 3. Sáu chủng tính, 4. vựng Phạn – Tạng – Hán; Sách dẫn. Thối và bất thối; VII. Thành phần của Đạo, 1. Bồ-đề phần, 2. Bốn chứng tịnh; Tập V, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Phần II. Chính văn, Thiên thứ năm: C.I Đức – 2018, dày 477 trang; nội dung gồm Thể tính Tùy miên, T.1 Thuyết minh tổng có: Thiên 7: Phân Biệt Trí và Thiên 8: thể, i. Căn bản tùy miên, ii. Trong đối trị Phân Biệt Định; Khái thuyết Thiền định đạo, iii. Tri kiến ô nhiễm; C.II Phân loại Phật giáo, C.I Tư duy – Thiền, 1. Tư duy Tùy miên, Biến hành – phi biến hành, T.2 nhận thức, 2. Tư duy tiến hóa, 3. Tư duy Hữu lậu-vô lậu, T.3 Hai tùy tăng, T.4 Bất xã hội; C.II Khởi nguyên Thiền Phật giáo, thiện-vô ký; C.III Hệ phược, T.1 Tùy miên 1. Tư duy Thiền Phật giáo, 2. Bồ-tát học hệ phược, i. Thể tính hệ phược, ii. Thể tính Thiền; C.III Thiền và Yoga, I. Từ nghĩa thời gian; T.2 Hệ luận tùy miên, i. Ly hệ, luận, 1. Thiền và định, 2. Yoga, II. ii. Tâm sở duyên, iii. Tiềm phục theo căn, Yogasutra, 1. Tác giả và niên đại, 2. Ảnh iv. Tiến trình hoạt động; C.IV Phân loại hưởng Phật giáo, 3. Phân tích nội dung, tùy miên, T.1 Phân loại tùy miên, i. Các III. Hathayoga, 1. Yogàcàra – chủng loại, ii. Danh nghĩa, T.2 Phạm trù Maitreyanàtha, 2. Siddha – Yogi Nàtha, 3. phiền não, i. Kết, ii. Phược, iii. Tùy phiền Prayoga – Hathayoga, 4. Kumbhaka – não, iv. Triền & phiền não cấu, v. Ngũ cái, Thiền nín thở, 5. Khecarì – mudrà; C.IV T.3 Phiền não đoạn, i. Các phạm trù đoạn, Thiền Phật giáo, Islam, Thiên chúa giáo, I. ii. Diễn tiến ly hệ, iii. Biến tri đoạn; Phụ Thiền và Islam, 1. Islam – Hồi giáo Tây lục: I. Phạn văn, II. Tạng văn, III. Hán vực, 2. Các vương quốc Ấn – Hy, 3. Đế văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; Thiên chế Caliph Abbasid, 4. Al-Beruni, 5. Sufi thứ sáu: C.I Đạo và Thánh đế, T.1 Thể huyền bí, 6. Cầu nguyện và tư duy, 7.

Simnànì: ánh sáng thần bí, II. Thiên chúa hoặc, 1. Sở y địa, 2. Sở duyên, 3. Đoạn giáo: 1. Cầu nguyện và niệm chúa, 2. Các hoặc, 4. Cận phần định; C.III Đẳng trì, T.1 Giáo phụ Sa-mạc, 3. Meister Eckhrt và Chủng loại đẳng trì, 1. Tầm-tứ, 2. Giải Phật giáo, 4. Giáo hội La-mã, Kết luận; thoát môn, 3. Bốn tu định, T.2 Các phẩm A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận, Thiên 7: Phân tính y chỉ đẳng trì, 1. Bốn vô lượng tâm, 2. Biệt Trí, C.I Mười trí, T.1

Nhẫn-trí-kiến, Tám giải thoát, 3. Tám thắng xứ, 4. Mười T.2 Tổng luận mười trí, 1. Thực thể mười biến xứ, 5. Sở y-sinh khởi; Chương kết, 1. trí, 2. Hoạt dụng của mười trí, 3. Quan hệ Chánh pháp tồn tại, 2. Kết nghĩa, 3. Hậu mười trí, T.4 Sở duyên của mười trí, 1. Trí từ; Phụ lục: 1. Phạn văn, 2. Tạng văn, 3. sở duyên, 2. Pháp sở duyên, T.5 Trí tiềm Hán văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; hành, T.6 Giai vị tu tập mười trí, 1. Kiến Ngữ vựng, Sách dẫn. đạo, 2. Tu đạo; C.II Mười tám pháp bất cộng của chư Phật, T.1 Mười lực, 1. Thể 1.386. A-TỲ-ĐẠT-MA mười lực, 2. Địa và thân sở y mười lực, 3. PHÁP UẨN TÚC LUẬN Ý lực Phật, 4. Thân lực Phật; T.2 Bốn vô ABHIDHARMA- úy, 1. Tương quan vô úy và trí lực, 2. Ý DHARMASKANDHASASTRA nghĩa, T.3 Ba niệm trụ, T.4 Đại bi, 1. Thể Việt dịch: Tuệ Sỹ - Nguyên An đại bi, 2. Sai biệt đại bi và bi, T.5 Phẩm Nxb Hồng Đức – 2018 tính phổ quát và cá biệt của chư Phật, 1. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 508 trang, bìa Phật bình đẳng pháp, 2. Phật viên đức, 3. mềm, có tay gấp. Sai biệt công đức; C.III Pháp cộng thông Nội dung gồm có 21 phẩm: Tổng luận, 1. của chư Phật, 1. Thanh văn cộng thông, a. Luận thư và Luận sư, 2. Pháp Uẩn: Danh Vô tránh, b. Nguyện trí, c. Bốn vô ngại và Thể, 3. Pháp Uẩn và Vibhanga, 4. Pháp giải, d. Y biên tế tĩnh lự và gia hành đắc, Uẩn và Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, Thư mục 2. Dị sanh cộng thông, a. Sáu thông, b. Ba trích dẫn, P.1 Học Xứ, A. Kinh, B. Luận, minh, c. Ba thị đạo, d. Thần biến, e. Biến I. Cận sự và chi phần cận sự, II. Sáu hạng hóa tâm, f. Đắc thần biến, g. Thiên nhãn- cận sự, III. Thành tựu bốn mươi pháp, IV. nhĩ, h. Đắc thông trí; Phụ lục I. Phạn văn, Cận sự luật nghi, V. Học xứ và Quy y; P.2 II. Tạng văn, III. Hán văn, a. Huyền Dự lưu chi, A. Kinh, B. Luận, I. Thân cận Trang, b. Chân Đế; thiện sỹ, II. Thính văn chánh pháp, III. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận, Thiên 8: Phân Như lý tác ý, IV. Pháp tùy pháp hành, V. Biệt Định, C.I Tịnh lự và vô sắc, T.1 Bốn Tổng luận; P.3 Chứng tịnh, A. Kinh, B. tĩnh lự, 1. Danh nghĩa, 2. Đặc tính, T.2 Luận, I. Phật chứng tịnh, II. Pháp chứng Bốn vô sắc, 1. Tổng danh, a. Siêu sắc tịnh, III. Tăng chứng tịnh, IV. Thánh sở ái tưởng, b. Vô sắc không sắc, c. Sắc tục giới; P.4 Sa-môn quả, A. Kinh, B. Luận, I. sinh, 2. Biệt danh – định danh, a. Do gia Dự lưu, II. Nhất lai, III. Bất hoàn, IV. A- hành, b. Tưởng muội liệt; C.II Đẳng chí, la-hán; P.5 Thông hành, A. Kinh, B. Luận, T.1 Thể tính đẳng chí, T.2 Chức năng của 1. Khổ trì thông hành, 2. Khổ tốc thông tĩnh lự đẳng chí, 1. Tĩnh lự tịnh, 2. Tĩnh lự hành, 3. Lạc trì thông hành, 4. Lạc tốc nhiễm, 3. Tĩnh lự sinh đắc, T.3 Hoạch đắc thông hành, 5. Hỗ tương viên mạn; P.6 đẳng chí, 1. Nguyên nhân dẫn sinh đắc, 2. Thánh chủng, A. Kinh, B. Luận, I. Ý nghĩa Nguồn gốc dẫn sinh đắc, 3. Bổn thuận Thánh chủng, II. Nội dung Thánh chủng; phần, 4. Siêu đẳng chí, T.4 Y-duyên-đoạn P.7 Chánh thắng, A. Kinh, B. Luận, 1.

Chánh thắng thứ nhất, 2. Chánh thắng thứ Vô minh giới, VI. Uẩn phi sắc, VII. Ba hai, 3. Chánh thắng thứ ba, 4. Chánh thắng giới hệ, VIII. Ba giới, IX. Các giới linh thứ tư, 5. Kết nghĩa; P.8 Thần túc, A. tinh; P.21 Duyên khởi, A. Kinh, B. Luận, Kinh, B. Luận, 1. Dục định thần túc, 2. I. Duyên khởi – Duyên dĩ sanh, II. Ý nghĩa Cần định thần túc, 3. Tâm định thần túc, 4. các chi: 1. Vô minh, 2. Hành, 3. Thức, 4. Quán định thần túc, 5. Kết nghĩa; P.9 Danh sắc, 5. Sáu xứ, 6. Xúc, 7. Thọ, 8. Ái, Niệm trụ, A. Kinh, B. Luận, 1. Thân niệm 9. Thủ, 10. Hữu, 11. Sanh, 12. Già-chết, trụ, 2. Thọ niệm trụ, 3. Tâm niệm trụ, 4. 13. Sầu-thán-khổ-ưu-nhiễu não, 14. Tập Pháp niệm trụ; P.10 Thánh đế, A. Kinh, B. khởi khối lớn thuần khổ; Ngữ vựng Phạn- Luận, I. Thánh đế về Khổ, II. Thánh đế về Hán,

Sách dẫn. Tập khởi của Khổ, III. Thánh đế về Diệt khổ, IV. Thánh đế về Đạo diệt khổ; P.11 1.387. A-TỲ-ĐẠT-MA Tĩnh lự, A. Kinh, B. Luận, 1. Sơ Thiền, 2. PHÁP UẨN TÚC LUẬN Tĩnh lự thứ hai, 3. Tĩnh lự thứ ba, 4. Tĩnh ABHIDHARMA DHARMASKANDHA lự thứ tư; P.12 Vô lượng, A. Kinh, B. PADASASTRA Luận, 1. Từ vô lượng, 2. Bi vô lượng, 3. Chánh Văn Hỷ vô lượng, 4. Xả vô lượng; P.13 Vô sắc, Việt dịch và chú: Phước Nguyên A. Kinh, B. Luận, 1. Không vô biên xứ, 2. Nxb Hồng Đức – 2018 Thức vô biên xứ, 3. Vô sở hữu xứ, 4. Phi Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 700 trang, tưởng phi phi tưởng xứ; P.14 Tu định, A. bìa cứng. Nội dung gồm có 21 phẩm: Mục Kinh, B. Luận, 1. Hiện pháp lạc trú, 2. lục Tổng quát, Phần tựa, Tụng Quy kỉnh, Quang minh tưởng định, 3. Thắng phân Khen ngợi A-tỳ-đạt-ma, Giới thiệu, P.1 biệt tuệ, 4. Vĩnh viễn lậu tận; P.15 Giác Học xứ, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 chi, A. Kinh, B. Luận, 1. Niệm giác chi, 2. Tổng thuyết luật nghi cận sự, T.2 Phân Trạch pháp giác chi, 3. Tinh tấn giác chi, tích Năm học xứ, T.3 Kết luận; P.2 Dự lưu 4. Hỷ giác chi, 5. Khinh an giác chi, 6. chi, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Thân Định giác chi, 7. Xả giác chi; P.16 Tạp sự, cận Thiện sĩ, T.2 Thính văn chánh pháp, A. Kinh, B. Luận, 1. Bất thiện căn, 2. Tiểu T.3 Như lý tác ý, T.4 Pháp tùy pháp hành, phiền não, 3. Bất thiện biến hành, 4. Bảy T.5 Tổng thuyết; P.3 Chứng tịnh, A. Kinh mạn, 5. Kiêu dật, 6. Năm tà mạng, 7. Các văn, B. Luận giải, T.1 Chứng tịnh nơi dục và tham, 8. Kiến chấp, 9. Triền cái, Phật, T.2 Chứng tịnh nơi Pháp, T.3 Chứng 10. Tạp toái sự, 11. Tầm tư; P.17 Căn, A. tịnh nơi Tăng, T.4 Thánh sở ái Giới; P.4 Kinh, B. Luận, 1. Năm sắc căn, 2. Căn Sa-môn quả, A. Kinh văn, B. Luận giải, sinh dục, 3. Căn sinh mạng, 4. Căn tri T.1 Dự lưu quả, T.2 Nhất lai quả, T.3 Bất giác, 5. Căn cảm thọ, 6. Căn tu thiện, 7. hoàn quả, T.4 A-la-hán quả; P.5 Thông Căn vô lậu; P.18 Xứ, A. Kinh, B. Luận, 1. hành, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Nhãn và sắc, 2. Nhĩ và thanh, 3. Tỷ và Thông hành khổ thắng tri chậm, T.2 hương, 4. Thiệt và vị, 5. Thân và xúc, 6. Ý Thông hành khổ thắng tri nhanh, T.3 và pháp; P.19 Uẩn, A. Kinh, B. Luận, 1. Thông hành lạc thắng tri chậm, T.4 Thông Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3. Tưởng uẩn, 4. hành lạc thắng tri nhanh, T.5 Tổng kết; P.6 Hành uẩn; P.20 Đa giới, A. Kinh, B. Thánh chủng, A. Kinh văn, B. Luận giải, Luận, I. Mười tám giới, II. Sáu giới, III. T.1 Danh nghĩa, T.2 Phục hỷ túc, T.3 Ẩm Thiện và bất thiện giới, IV. Thọ giới, V. thực hỷ túc, T.4 Ngọa cụ hỷ túc, T.5 Lạc

đoạn lạc tu; P.7 Chánh thắng, A. Kinh văn, P.17 Căn, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. B. Luận giải, T.1 Đoạn ác bất thiện pháp Năm sắc căn, 2. Căn sinh dục, 3. Căn sinh đã sanh, T.2 Đoạn ác bất thiện pháp chưa mạng, 4. Căn tri giác, 5. Năm thọ căn, 6. sanh, T.3 Phát khởi thiện pháp chưa sinh, Năm thiện căn, 7. Ba vô lậu căn; P.18 Xứ, T.4 Phát khởi thiện pháp đã sinh, T.5 Kết A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Nhãn xứ-sắc luận; P.8 Thần túc, A. Kinh văn, B. Luận xứ, 2. Nhĩ xứ-thanh xứ, 3. Tỷ xứ-hương giải, T.1 Dục Tam-ma-địa thắng hành xứ, 4. Thiệt xứ-vị xứ, 5. Thân xứ-xúc xứ, thành tựu thần túc, T.2 Cần Tam-ma-địa 6. Ý xứ-pháp xứ; P.19 Uẩn, A. Kinh văn, thắng hành thành tựu thần túc, T.3 Tầm B. Luận giải, 1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3-4. Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần Tưởng uẩn và Thức uẩn, 5. Hành uẩn; túc, T.4 Quán Tam-ma-địa thắng hành P.20 Đa giới, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. thành tựu thần túc, T.5 Kết luận; P.9 Niệm Mười tám giới, 2. Sáu giới, 3. Thiện và bất trụ, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Thân thiện giới, 4. Thọ giới, 5. Vô minh giới, 6. niệm trụ, T.2 Thọ niệm trụ, T.3 Tâm niệm Uẩn phi sắc, 7. Ba giới

hệ, 8. Ba giải thoát trụ, T.4 Pháp niệm trụ; P.10 Thánh đế, A. giới, 9. Các giới lặt vặt; P.21 Duyên khởi, Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Khổ Thánh A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Ý chỉ đế, T.2 Khổ tập Thánh đế, T.3 Khổ diệt duyên khởi, T.2 Nguyên lý duyên khởi; Thánh đế, T.4 Thú Khổ diệt Thánh đế; Hậu tự; Sách dẫn. P.11 Tĩnh lự, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Sơ tĩnh lự, T.2 Đệ nhị tĩnh lự, T.3 Đệ 1.388. A-TỲ-ĐẠT-MA tam tĩnh lự, T.4 Đệ tứ tĩnh lự; P.12 Vô PHÁP UẨN TÚC LUẬN lượng, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Tâm ABHIDHARMA DHARMASKANDHA từ vô lượng, T.2 Tâm bi vô lượng, T.3 PADASASTRA Tâm hỷ vô lượng, T.4 Tâm xả vô lượng; Tổng Mục Lục P.13 Vô sắc, A. Kinh văn, B. Luận giải, Biên soạn: Phước Nguyên T.1 Không vô biên xứ, T.2 Thức vô biên Nxb Hồng Đức – 2018 xứ, T.3 Vô sở hữu xứ, T.4 Phi tưởng phi Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 382 phi tưởng xứ; P.14 Tu định, A. Kinh văn, trang, bìa cứng. Nội dung sơ lược gồm có: B. Luận giải, T.1 Tu định thứ nhất, T.2 Tu Mục lục Tổng quát, C.I, Dẫn vào Pháp định thứ hai, T.3 Tu định thứ ba, T.4 Tu uẩn Túc luận, I. Pháp uẩn là gì? 1. Khái định thứ tư; P.15 Giác chi, A. Kinh văn, B. niệm Pháp uẩn, 2. Ý nghĩa hệ thống, 3. Luận giải, T.1 Niệm giác chi, T.2 Trạch Cương yếu tổ chức; II. Phạn bản pháp giác chi, T.3 Tinh tấn giác chi, T.4 Dharmaskandha, 1. Thủ bản Phạn, 2. Tác Hỷ giác chi, T.5 Khinh an giác chi, T.6 giả của Dharmaskandha, III. Truyền bản Định giác chi, T.7 Xả giác chi; P.16 Tạp Tây tạng, C.II, Giáo nghĩa căn bản và bộ sự, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Bất thiện phái, I. Giáo nghĩa A-hàm và Nikàya, 1. căn, 2. Tiểu phiền não, 3. Bất thiện biến Học xứ, 2. Dự lưu chi, 3. Bốn chứng tịnh, hành, 4. Phức cảm tâm lý: mạn, 5. Kiêu 4. Thánh quả Sa-môn, 5. Thông hành, 6. dật, 6. Năm điều tà mạng, 7. Dục và tham, Thánh chủng, 7. Chánh thắng, 8. Thần túc, 8. Kiến chấp, 9. Bảy triền, 10. Thức ăn của 9. Bốn niệm trụ, 10. Thánh đế, 11. Tĩnh hôn trầm-thụy miên, 11. Tạp toái sự, 12. lự, 12. Vô lượng, 13. Vô sắc, 14. Giác chi, Ba bất thiện tầm tư, 13. Thức ăn của trạo 15. Uẩn, 16. Xứ, 17. Đa giới, 18. Duyên cử, ố tác, cái, 14. Sầu não, 15. Tổng kết; khởi; II. Luận thuyết Bộ phái, 1. So sánh

chương mục Dharmaskandha và Việt dịch và chú: Thích Phước Nguyên Vibhangapàli, 2. So sánh chương mục (Ấn bản Điện tử 02/02/2019) Dharmaskandha và Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm Nội dung tác phẩm gồm có: Thiên thứ luận; C.III, Nội dung Pháp uẩn túc luận, I. nhất: Tạp Uẩn, Chương I. Thế đệ nhất Tổng quan khoa mục toàn luận, II. Toát Pháp: - Giới thiệu, I. Danh nghĩa: Tính yếu nội dung các phẩm Pháp uẩn Túc chất, Sở hệ, Tầm và tứ, Tương ưng căn, luận, P.1 Học xứ, P.2 Dự lưu chi, 3. Nhất tâm và đa tâm, Không thoái chuyển; Chứng tịnh, 4. Sa-môn quả, 5. Thông II. Thuận quyết trạch phần: Đảnh và đảnh hành, 6. Thánh chủng, 7. Chánh thắng, 8. đọa, Noãn; III. Phân loại kiến chấp: 1. Ngã Thần túc, 9. Niệm trụ, 10. Thánh đế, 11. kiến và ngã sở kiến, 2. Năm kiến. định, 15. Giác chi, 16. Tạp sự, 17. Căn, 18. Xứ, 19. Uẩn, 20. Đa giới, 21. Duyên 1.391. A-TỲ-ĐẠT-MA khởi; Thư mục trích dẫn, Ngữ vựng Phạn TẬP DỊ MÔN TÚC LUẬN tạng Việt-Hán, Phụ lục I: 1A. Thủ bản Abhidharma-Sangìtiparyàya Phạn Dharmaskandha, 1B. Thủ bản Phạn Tiểu Tạng Luận Dharmaskandha, 1C. Thủ bản Phạn Việt dịch: Tuệ Sỹ - Nguyên An Dharmaskandha; Phụ lục II: Bản Phạn La- Nxb Hồng Đức – 2020 tin Dharmaskandha hội tập (1); Phụ lục Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày 579 trang, III: Bản Phạn La-tin Dharmaskandha hội bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 12 tập (2); Phụ lục IV: Bản Phạn La-tin chương: Khái thuyết Kinh Chúng tập và Dharmaskandha hội tập (3); Bảng

viết tắt. Luận Tập Dị môn; Chánh văn: C.I, P. Duyên khởi, 1. Trên đường nhập diệt, 2. Ly hệ Thân tử, 3. Kết tập Pháp tạng; C.II, 1.389. P. Một pháp, I. Kinh, II. Luận giải, Nhiếp A-TỲ-ĐẠT-MA PHÂN BIỆT LUẬN tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Tất ABHIDHAMMA VIBHANGA cả hữu tình tồn tại do y chỉ thức ăn, 2. Tất Việt dịch và chú (theo bản Pàli): cả hữu tình tồn tại đều do y chỉ hành, 3. Phước Nguyên Tối thắng trong các thiện pháp là không Nội dung tác phẩm này gồm có: Phẩm I. phóng dật; C.III, P. Hai pháp, I. Kinh, II. Phân Biệt Uẩn, C.1 Phân biệt theo Kinh: Luận giải, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, 1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3. Tưởng uẩn, 4. Thích nghĩa: 1. Danh-sắc, 2. Vô minh-Hành uẩn, 5. Thức uẩn; C.2 Phân biệt theo Hữu ái, 3. Hữu kiến-Vô hữu kiến, 4. Vô A-tì-đạt-ma (ngũ uẩn: Sắc uẩn, Thọ uẩn, tàm- Vô quý, 5. Tàm và Quý, 6. Ác ngôn- Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn); C.3 Ác hữu, 7. Thiện ngôn-Thiện hữu, 8. Nhập Phần chất vấn; Phẩm II. Phân biệt Xứ, C.1 tội thiện xảo-Xuất định thiện xảo, 9. Nhập Phân biệt theo Kinh, C.2 Phân biệt theo A- định thiện xảo-Xuất định thiện xảo, 10. tì-đạt-ma. Giới thiện xảo-Tác ý thiện xảo, 11. Kham 13. Cụ niệm-Chánh trì, 14. Chất trực-Nhu 1.390. A-TỲ-ĐẠT-MA hòa, 15. Tư trạch lực-Tu tập lực, 16. Bất PHÁT TRÍ LUẬN – Jnànaprasthàna hộ căn môn-Thực bất tri lượng, 17. Hộ trì căn môn-Thực tri lượng, 18. Quỹ giới-Quỹ

kiến, 19. Phá giới-Phá kiến, 20. Cụ giới- lượng, 8. Bốn vô sắc, 9. Bốn Thánh chủng, Cụ kiến, 21. Tịnh giới-Tịnh kiến, 22. 10. Bốn quả Sa-môn; Bốn pháp – Tụ II, Kiến-Như lý thắng, 23. Yểm-Như lý Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: thắng, 24. Tu thiện không thấy đủ-Tu đoạn 11. Bốn Dự lưu chi, 12. Bốn chứng tịnh, không ngừng nghỉ, 25. Xa-ma-tha Tát-bát- 13. Bốn trí (A), 14. Bốn trí (B), 15. Bốn xá-na, 26. Minh – Giải thoát, 27. Tận trí – lực, 16. Bốn xứ, 17. Bốn uẩn, 18. Bốn y, Vô sanh trí; C.IV, P. Ba pháp, I. Kinh, II. 19. Bốn pháp tích, 20. Bốn pháp cần Luận giải, Ba pháp – Tụ I, Nhiếp tụng, chứng; Bốn pháp – Tụ III, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Ba bất Liệt danh mục, Thích nghĩa: 21. Bốn hành thiện căn, 2. Ba thiện căn, 3. Ba bất thiện (A), 22. Bốn hành (B), 23. Bốn tu định, tầm, 4. Ba thiện tầm, 5. Ba ác hành, 6. Ba 24. Bốn nghiệp, 25. Bốn pháp thọ, 26. Bốn diệu hành, 7. Ba bất thiện giới: (1) dục ách, 27. Bốn ly hệ, 28. Bốn bộc lưu, 29. giới, (2) sân giới, (3) hại giới, 8. Ba thiện Bốn thủ, 30. Bốn thân hệ; Bốn pháp – Tụ giới: (1) xuất ly giới, (2) vô sân giới, (3) IV, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích vô hại giới, 9. Ba giới: (1) Dục giới, (2) nghĩa: 31. Bốn đại chủng, 32. Bốn thực, Sắc giới, (3) Vô sắc giới, 10. Ba giới: (1) 33. Bốn thức trụ, 34. Bốn ái, 35. Bốn điều Sắc giới, (2) Vô sắc giới, (3) Diệt giới; Ba không nên hành mà hành, 36. Bốn ký vấn, pháp – Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, 37. Bốn trường hợp thí, 38. Bốn nhiếp sự, Thích nghĩa: 11. Ba thời phần, 12. Ba 39. Bốn sanh, 40. Bốn đắc tự thể; Bốn ngôn y, 13. Ba sắc xứ, 14. Ba hành, 15. Ba pháp – Tụ V, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, tâm, 16. Ba-bổ-đặc-già-la, 17. Ba Thượng Thích nghĩa: 41. Bốn bổ-đặc-già-la hành tọa, 18. Ba tụ, 19. Ba cử tội sự, 20. Ba bất thuận lưu, 42. Bốn bổ-đặc-già-la hành tự hộ; Ba pháp – Tụ III, Nhiếp tụng, Liệt lợi, 43. Bốn bổ-đặc-già-la (từ tối v.v…), danh mục, Thích nghĩa: 21. Ba ái (A), 22. 44. Bốn bổ-đặc-già-la (tự khổ v.v…), 45. Ba ái (B), 23. Ba lậu, 24. Ba cầu, 25. Ba Bốn ngữ ác hành, 46. Bốn ngữ diệu hành, hữu, 26. Ba hắc ám thân, 27. Ba kinh sợ, 47. Bốn phi Thánh ngôn (A), 48. Bốn 28. Ba thọ, 29. Ba khổ tánh, 30. Ba mạn Thánh ngôn (A), 49. Bốn phi

Thánh ngôn loại; Ba pháp – Tụ IV, Nhiếp tụng, Liệt (B), 50. Bốn Thánh ngôn (B); C.VI, P. danh mục, Thích nghĩa: 31. Ba lửa (A), Năm pháp, I. Kinh, II. Luận giải, Năm 32. Ba lửa (B), 33. Ba phước nghiệp sự, pháp – Tụ I, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, 34. Ba dục sanh, 35. Ba lạc sanh, 36. Ba Thích nghĩa: 1. Năm uẩn, 2. Năm thủ uẩn, tuệ (A), 37. Ba tuệ (B), 38. Ba căn, 39. Ba 3. Năm diệu dục, 4. Năm xan, 5. Năm thú, mắt, 40. Ba vũ khí; Ba pháp – Tụ V, 6. Năm cái, 7. Năm tâm tải, 8. Năm tâm Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: phược, 9. Năm thuận hạ phần kết, 10. 41. Ba học, 42. Bat u, 43. Ba trụ, 44. Ba Năm thuận thượng phần kết; Năm pháp – định, 45. Ba thị đạo, 46. Ba thanh tịnh, 47. Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích Ba tịch mặc, 48. Ba tăng thượng, 49. Ba nghĩa: 11. Năm tai hại không nhẫn, 12. vô thượng, 50. Ba minh; C.V, P. Bốn Năm công đức nhẫn, 13. Năm tổn giảm, pháp, I. Kinh, II. Luận giải, Bốn pháp – 14. Năm viên mãn, 15. Năm ngữ lộ, 16. Tụ I, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích Năm vô kham năm xứ, 17. Năm thắng chi, nghĩa: 1. Bốn niệm trụ, 2. Bốn chánh 18. Năm thành thục giải thoát tưởng, 19. đoạn, 3. Bốn thần túc, 4. Bốn tĩnh tự, 5. Năm giải thoát xứ, 20. Năm căn, 21. Năm Bốn Thánh đế, 6. Bốn tưởng, 7. Bốn vô lực, 22. Năm bất hoàn, 23. Năm Tịnh cư

thiên, 24. Năm xuất ly giới; C.VII, P. Sáu lục, Lời nói đầu; C.I Tổng quan về xã hội pháp, I. Kinh, II. Luận giải, Nhiếp tụng, Ấn Độ tiền Phật giáo: 1. Văn minh Ấn Hà Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Sáu nội xứ, (Indus civilization), 2. Dân tộc Aryans, 3. 2. Sáu ngoại xứ, 3. Sáu thức thân, 4. Sáu Văn học Veda (Phệ-đà hoặc Vệ-đà), 4. xúc thân, 5. Sáu thọ thân, 6. Sáu tưởng Nguồn gốc tư tưởng giai cấp (Varna- thân, 7. Sáu tư thân, 8. Sáu ái thân, 9. Sáu caste), 5. Thuyết Tứ Hành Kỳ; C.II Xã hội pháp thuận thối, 10. Sáu pháp thuận bất Ấn Độ vào thời kỳ Phật giáo: 1. Chính trị, thối; Sáu pháp – Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt 2. Kinh tế-xã hội, 3. Triết học, 4. Hệ tư danh mục, Thích nghĩa: 11. Sáu hỷ cận tưởng Sa-môn và lược sử sáu vị đạo sư; hành, 12. Sáu ưu cận hành, 13. Sáu xả cận C.III Lược sử Đức Phật: 1. Nguồn gốc hành, 14. Sáu hằng trụ, 15. Sáu giới, 16. dòng họ Thích-ca (S. Sàkya; P. Sakiya), 2. Sáu xuất ly giới, 17. Sáu tránh căn, 18. Cuộc đời Đức Phật, a. Thời niên thiếu, b. Sáu pháp khả hỷ, 19. Sáu thông, 20. Sáu Tu tập và chứng đạo, c. Hằng pháp, d. Đức tưởng thuận minh phần, 21. Sáu tùy niệm, Phật nhập Niết-bàn vào năm nào? C.IV 22. Sáu pháp vô thượng, 23. Sáu quán đãi, Giáo lý căn bản của Phật giáo: 1. Tứ Diệu 24. Sáu sanh loại; C.VIII, P. Bảy pháp, I. Đế hay Tứ Thanh Đế (Cattàri Kinh, II. Luận giải, Bảy pháp – Tụ, Nhiếp Ariyasaccani), 2. Duyên Khởi (S: tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Bảy Pratìyasamutpàda; P: Paticcasamuppàda) đẳng giác chi, 2. Bảy bổ-đặc-già-la, 3. Bảy và Vô ngã (Àntta), 3. Ngũ Uẩn định cụ, 4. Bảy tài, 5. Bảy lực, 6. Bảy phi (Pancakkhandha), 4. Nghiệp (P: Kamma; diệu pháp (A), 7. Bảy diệu pháp (A), 8. S: Karma) và Nghiệp quả; C.V Quá trình Bảy phi diệu pháp (B), 9. Bảy diệu pháp hình thành phát triển Tăng đoàn: I. Bản (B), 10. Bảy thức trụ, 11. Bảy tùy miên, chất và ý nghĩa của Tăng đoàn Phật giáo, 12. Bảy sự không lỗi, 13. Bảy pháp chỉ II. Khởi nguyên và phát triển, 1. Thành lập tránh; C.IX, P. Tám pháp, I. Kinh, II. Luận Tăng đoàn, 2. Thành lập Ni đoàn, 3. Giới giải, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích luật và nếp sống tu viện, a. Quá trình hình nghĩa: 1. Tám đạo chi, 2. Tám bổ-đặc-già- thành giới bổn Pà timokkha (Ba-la-đề- la, 3. Tám loại thí, 4. Tám giãi đãi sự, 5. mộc-xoa), b. Bố-tát (S. Upavasatha; P. Tám tinh tấn sự, 6. Tám phước sanh, 7. Uposatha), c. An cư (P.

Vassàvàna; S. Tám chúng, 8. Tám thế pháp, 9. Tám giải Varshàvàna), d. Pavàrana (S. Pravàrana – thoát, 10. Tám thắng xứ; C.X, P. Chín Tự tứ), 4. Thành lập tu viện pháp, I. Kinh, II. Luận giải, Liệt danh (samghàràma), tinh xá (vihàra), 5. Ảnh mục, Thích nghĩa: 1. Chín kết, 2. Chín hữu hưởng của Tăng đoàn Phật giáo đối với tư tình cư; C.XI, P. Mười pháp, I. Kinh, II. tưởng xã hội Ấn Độ, a. Tư tưởng bình Luận giải, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. đẳng giai cấp, b. Bình đẳng địa vị và giới Mười biến xứ, 2. Mười pháp vô học; Kết tính; C.VI Ba kỳ Kiết tập: 1. Kiết tập Kinh Kinh; C.XII, Tán khuyến; Sách dẫn. điển lần thứ nhứt, a. Động cơ và mục đích, b. Thời gian, không gian và thành phần 1.392. ẤN ĐỘ PHẬT GIÁO SỬ LUẬN tham dự, c. Tiến trình đại hội, d. Tính xác Tác giả: Viên Trí thực của sử liệu, 2. Kiết tập Kinh điển lần Nxb Phương Đông – 2006 thứ hai, a. Nguyên nhân, b. Thời gian, Sách dày 336 trang, bìa mềm, chữ tựa màu không gian và thành phần tham dự, c. trắng. Nội dung gồm có 8 chương: Mục Diễn biến của đại hội nghị, (i) Thuyết

“Thập Phi Pháp Sự”, (ii) Thuyết “La-hán Ngũ Sự”, d. Tính xác thực của sử liệu, 3. Kiết tập Kinh điển lần thứ ba, a. Thời gian, không gian và nguyên nhân của đại B hội, b. Tiến trình đại hội, c. Tính xác thực 1.393. Ba Mươi Bài của kỳ kiết tập thứ ba; C.VII Văn điển LUẬN TỤNG DUY THỨC Phật giáo: A. Lịch sử biên tập Tam tạng (Duy Thức Tam Thập Luận Tụng) Pàli (Nam Phạn), 1. Pàli là gì? 2. Nguồn Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân gốc Pàli, 3. Niên đại và thời gian kết tập Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tam tạng Pàli; B. Lịch sử văn điển Huyền Trang (602-664) Sanskrit (Bắc Phạn), 1. Àgama là gì? 2. Việt dịch: Nguyên Hồng Tam tạng văn điển Sarvastivàda, a. Kinh Nội dung của 30 bài Luận tụng này, “hai tạng (Sutrapitaka), b. Luật tạng mươi bốn bài tụng (đầu) nói rõ tướng của (Vinayapitaka), c. Luận tạng duy thức, một bài tụng tiếp theo nói rõ tính (Abhidharmapitaka); C.VIII Thời kỳ bộ của duy thức, năm bài tụng sau nói rõ phái Phật giáo: I. Mầm mống, 1. Chuyện hành vị của duy thức”. Bài tụng theo thể Kosambi, 2. Chuyện Devadatta (Đề-bà- ngũ ngôn, mỗi bài có 4 câu, mỗi câu năm tập lần thứ nhứt, II. Nguyên nhân, 1. bảo/Luận tạng) Không có lãnh đạo tối cao, 2. Hệ thống chuyên môn hóa trong các ngành của văn 1.394. điển Pàli, 3. Những bậc thầy danh tiếng, 4. BÀI TỤNG VỀ NHÂN DUYÊN TÂM Một số nguyên nhân khác, III. Phân loại GIẢI THÍCH - các bộ phái, 1. Sử liệu, 2. Phân giáo, a. LUẬN NHƠN DUYÊN TÂM Tổng quan về lịch sử, b. Tổng quan tư Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) tưởng các bộ phái, A. Giáo lý nhóm I, 1. Nội dung tác phẩm này gồm có: Mười hai Quan niệm về đức Phật, Bồ-tát và A-la- Nhân duyên (Vô minh, Hành, Thức, Danh hán, 2. Một vài quan điểm tiêu biểu khác, sắc, Lục nhập, Xúc, Thụ, Ái, Thủ, Hữu, B. Giáo lý nhóm II (thuộc Mahàsanghika), Sinh, Lão tử); Giải thích Luận Nhân duyên 1. Phật, Bồ-tát và A-la-hán luận, 2. Một số tâm. tư tưởng tiêu biểu khác, 3. Giáo lý đặc thù của từng chi phái thuộc nhóm Andhaka, C. bảo-Luận tạng) Giáo lý nhóm III, 1. Một vài đặc điểm tư tưởng của Mahisàsaka, 2. Lịch sử và tư 1.395. Bản Giải SIÊU LÝ CAO HỌC tưởng của Sarvastivàda, 3. Dharmagupa, Phật giáo Nguyên Thủy – Theravada 4. Kàsyapìya, 5. Sautràntika hay Việt dịch: Đại Trưởng lão Tịnh Sự Samkantika, 6. Haimavata (Hemavata), 7. (Mahàthero Santakicco) Uttaràpathaka (Bắc Sơn Bộ), D. Giáo lý Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2556 của nhóm IV, 1. Giáo lý đặc thù của – DL. 2013 Sammitìya (Chính

Lượng Bộ), 2. Sách có khổ 21 x 29.7cm, dày 248 trang. Dharmmuttarìya, Bhadrayànika, Nội dung sơ lược gồm có: 24 Duyên Channagarika, 3. Vibhajyavàda, E. Giáo lý (Paccayo), Định nghĩa 24 duyên, Định nhóm V, Thư mục tham khảo.

nghĩa những Duyên chia ra theo rộng Sở hữu tâm, A. Sở hữu biến hành, B. Sở không trùng trước, 24 Duyên chia thành hữu biệt cảnh, C. Sở hữu bất thiện, D. Sở 47 Duyên, Kể 12 Duyên trùng, Chia pháp, hữu tịnh hảo; Phẩm ba theo Bộ Diệu pháp 16 Duyên không trùng, Duyên chia theo lý hợp, Hợp đồng (Sangaha), 1. Tâm bất đôi, Duyên chia theo Giống, Duyên chia thiện hợp đồng, 2. Tâm vô nhơn hợp đồng, theo Cõi, Duyên chia theo Thời, Duyên 3. Tâm dục giới tịnh hảo hợp đồng, 4. Tâm chia theo Danh sắc, Duyên chia theo Mãnh đáo đại hợp đồng, 5. Tâm siêu thế hợp lực, Phân duyên hợp trợ, Phân hiệp trợ; đồng, 6. Sự hợp đồng, 7. Môn hợp đồng, Bản đồ Siêu lý Cao học, Liên quan tương 8. Vật hợp đồng, 9. Thọ hợp đồng; Sắc sinh: Vô minh duyên Hành, Hành duyên pháp (Rùpa), Sắc tứ đại, Sắc y sinh Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc (Upàdàyarùpa), Sắc pháp chia hai, Nhơn duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, sanh sắc pháp, Phân bọn sắc pháp, Sắc Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên pháp phân theo cõi tục sinh; Cách đặng Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, mấy tâm, Tâm đặng mấy cách, Niết-bàn Sanh duyên Lão, Tử, Sầu, Khóc, Khổ, Ưu, (Nibbana), Nhơn-Sở hữu hợp đồng, Cảnh Ái, Lão tử duyên Vô minh. hợp đồng (Arammanasangaha), Người và cõi, Người (Puggala), Cõi (Bhùmi), Lộ 1.396. Bản Giải SIÊU LÝ TIỂU HỌC tâm (Cittavithi), Phần Tổng quát, Phần Chi Phật giáo Nguyên Thủy – Theravada tiết Lộ ngữ, Phần Chi tiết Lộ ý, Phần Chi Việt dịch: Đại Trưởng lão Tịnh Sự tiết Lộ Kiên cố, Phần Chi tiết Lộ nhập (Mahàthero Santakicco) Niết-bàn đặt biệt, Lộ sắc (Rùpavithì); Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Phẩm bảy theo Bộ Diệu pháp lý hợp, PL. 2556 – DL. 2012 Tương tập hợp đồng, 1. Bất thiện hợp Sách có khổ 21 x 29.5cm, dày 355 trang. đồng (akusalasangaha), 2. Hỗn tạp hợp Nội dung sơ lược gồm có: Từ ngữ học đồng (Missakasangaha), 3. Đẳng giác hợp Siêu lý Pàli-Việt, Giải tập gồm pháp, đồng (Bodhipakkhiyasangaha), 4. Hàm tận Phẩm nhất theo Bộ Diệu pháp lý hợp, Tâm hiệp đồng (Sabbasangaha); Pháp tụ Đầu đề (citta), I. Tâm dục giới (Kàmàvacàracitta), tam, Pháp tụ Đầu đề nhị, 1. Phần nhỏ thứ A. Phân giải Tâm bất thiện, 1. Phân giải nhất là phần Nhân, 2. Phần nhỏ thứ hai là tâm Tham (Lobha), 2. Phân giải tâm Sân phần Duyên, 3. Phần nhỏ thứ ba là phần (Dosa), 3. Phân giải tâm Si (Moha); B. Lậu, 4. Phần nhỏ thứ tư là phần Triền, 5. Phân giải Tâm đại thiện, C. Dẫn chứng Phần nhỏ thứ năm là phần Phược, 6. Phần phần Bất thiện và Đại thiện, D. Tâm đại nhỏ thứ sáu là phần Bộc, 7. Phần nhỏ thứ quả có 8 thứ, E. Tâm đại hạnh có 8 thứ, F. bảy là phần Phối, 8. Phần nhỏ thứ tám là Phân giải 18 Tâm vô nhơn, Tâm vô nhơn phần Cái, 9. Phần nhỏ thứ chín là phần chia làm 3 phần: 1. Tâm quả bất thiện có Khinh thị, 10. Phần nhỏ thứ mười là phần 7, 2. Tâm quả thiện vô nhơn có 8, 3. Tâm Đề đại, 11. Phần nhỏ thứ mười một là hạnh vô nhơn có 3 thứ; II. Tâm sắc giới phần Thủ, 12. Phần nhỏ thứ mười hai là (Rùpàvacàracitta), III. Tâm vô sắc giới phần Phiền não, 13. Phần nhỏ thứ mười là (Arùpàvacàracitta), IV. Tâm siêu thế phần Yêu bối; Nhị đề Kinh (Lokuttaracitta); Phẩm hai theo Bộ Diệu (Suttantamàtikà). pháp lý hợp, Sở hữu tâm (Cetasika), Nhơn sanh tâm có 4, 4 ý nghĩa chung của tất cả

1.397. Bản Giải giả Phú-lâu-na, - Hạnh tích Bồ-tát Long SIÊU LÝ TRUNG HỌC Thọ, - Tiểu sử Pháp sư Huyền Trang; C.II Phật giáo Nguyên Thủy – Theravada Văn Kinh Bát-nhã, T.1 Phẩm Phụng bát, Việt dịch: Đại Trưởng lão Tịnh Sự T.2 Phẩm Tu tập đúng Pháp, T.3 Phẩm (Mahàthero Santakicco) Bồ-tát tu sáu pháp Đáo bỉ ngạn, T.4 Phẩm Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, Thế nào là Bồ-tát phát tâm hướng về pháp PL. 2557 – DL. 2013 Đại thừa, T.5 Phẩm Bồ-tát Ma-ha-tát Sách có khổ 21 x 29.5cm, dày 375 trang. nương theo pháp Đại thừa, T.6 Phẩm Thần Nội dung sơ lược gồm có: Căn Song: chú Bát-nhã, T.7 Phẩm Thiết lập các món Chương Thiện, Chương Bất thiện, Chương châu báu, Phẩm vật cúng dường, T.8 Vô ký, Chương Danh; Uẩn song: I. Phần Phẩm Kinh điển, T.9 Phẩm Hồi hướng, Định danh, II. Phần Hành vi, A.1. Hành vi T.10 Phẩm Kinh Thiệt tướng Bát-nhã Ba- sanh hiện tại, A.2. Hành vi sanh quá khứ, la-mật, T.11 Phẩm Phật mẫu (thượng), A.3. Hành vi sanh vị lai, A.4. Hành vi T.12 Phẩm Phật mẫu (hạ); C.III Tôn chỉ sanh hiện tại quá khứ, A.5. Hành vi sanh Bát-nhã, T.1 Định nghĩa danh hiệu Bát- hiện tại vị lai, A.6. Hành vi sanh quá khứ nhã, T.2 Thuyết nhơn duyên trong Đạo vị lai; B.1. Hành vi diệt hiện tại, B.2. Hành Phật, T.3 Quán sát lý vô thường-vô ngã vi diệt quá khứ, B.3. Hành vi diệt vị lai, của hiện tượng giới, M.1 Lý vô ngã, M.2 B.4. Hành vi diệt hiện tại quá khứ, B.5. Quan niệm vô ngã theo chủ trương Trung Hành vi diệt hiện tại vị lai, B.6. Hành vi Đạo của Phật giáo, M.3 Lý vô thường, diệt quá khứ vị lai, C.1. Hành vi sanh diệt M.4 Tổng kết về lý vô ngã, vô thường, hiện tại, C.2. Hành vi sanh diệt quá khứ, M.5 Thế nào là Chân ngã và Chân thường, C.3. Hành vi sanh diệt vị lai, C.4. Hành vi T.4 Tánh không của Bát-nhã, M.1 Chữ sanh diệt hiện tại quá khứ, C.5. Hành vi Không trong đạo Phật, M.2 Chữ Không sanh diệt hiện tại vị lai, C.6. Hành vi sanh trong Bát-nhã, M.3 Mối liên hệ giữa Chân diệt quá khứ vị lai, III. Phần Đạt tri. không và Diệu hữu, M.4 Nơi căn cứ của thuyết Tánh không, T.5 So sánh chữ 1.398. BÁT-NHÃ Cương Yếu – 2 Tập Không và chữ Vô trong đạo Phật, T.6 Tai Tỳ-kheo Ni Như Thanh (1911-1999) hại của sự hiểu lầm của chữ Không và THPG Tp. Hồ Chí Minh, chấp Không, T.7 Tổng luận về lý Chân PL. 2533 – DL. 1989 không-Diệu hữu, M.1 Thấu suốt Tánh Tập I, dày 526 trang. Nội dung gồm có 3 không đến chỗ rốt ráo, M.2 Mối tương chương: C.I Nguồn gốc Kinh Bát-nhã, T.1 quan giữa pháp có và pháp không, M.3 Đức Phật thuyết Kinh Bát-nhã, T.2 Kinh Kiến “Không” đắc Đạo, M.4 “Không” là Bát-nhã được xiển dương sau khi Phật đặc chất của Phật pháp; Phụ lục: Tiểu sử nhập diệt, M.1 Giai đoạn 1, Thượng tọa ngài Tăng Triệu, Tài liệu về Tánh Không Bộ, M.2 Giai đoạn 2, Đại chúng Bộ, M.3 và Trung Đạo, Chú giải về Bát-nhã Trung Tư tưởng Tiểu thừa phát triển cao tột để Đạo; bước sang Đại thừa, M.4 Tư tưởng Bát- Tập II, dày 458 trang. Nội dung gồm có 4 nhã Đại thừa ra đời với công trình của Bồ- chương: C.IV Tu chứng Bát-nhã, T.1 Yếu tát Long Thọ, T.3 Lịch trình phiên dịch chỉ tu chứng, - Đại sư Huyền Giác, - Tứ Kinh Bát-nhã, T.4 Phân loại các danh hiệu Tổ Đạo Tín, T.2 Phương pháp Tu chứng Kinh Bát-nhã; Phụ lục: - Hạnh tích Tôn Bát-nhã, - Pháp Lục độ Ba-la-mật; Phụ

lục: Tự truyện của Thiền sư Mông Sơn, Tính chân thực của thực tại (pháp tính); Lược truyện Thiền sư Huệ Viễn, Lược Phần III. 9. Trung Quán không phải là hư truyện Ngài An Thế Cao; C.V Đạo tràng vô luận, 10. Hai bản thể của chân lý, 11. Bát-nhã, M.1 Kết lập Đạo tràng, - Tôn giả Định nghĩa thực tại tối hậu, 12. Chân lý Xá-lợi-phất và Tôn giả

Tu-bồ-đề luận bàn qui ước và mặc định của thế gian. Đạo tràng Bát-nhã, A. Học những gì? B. Học như thế nào, C. Học với ai? D. Học 1.400. BÁT-NHÃ ĐĂNG - với mục đích gì, E. Kết luận, M.3 Ba yếu LUẬN THÍCH – Prajnàpradìpa tố thành tựu Tín-Hạnh-Nguyện, - Bát-nhã Tạo luận: Tam đức, M.4 Gương hạnh người xưa, - Đại sĩ Thanh Biện (Bhàvaviveka) Lược truyện Thiền sư Tịnh Yết, - Diệu Hán dịch: Huệ đồng nữ; C.VI Hành thâm Bát-nhã, Tam tạng Pháp sư Ba-la-phả-mật-đa-la T.1 Duyên khởi: Kinh văn, M.1 Nguyên Việt dịch và chú giải (2018): nhân Phật khai thị pháp, M.2 Dẫn khởi Quảng Minh danh từ, T.2 Giảng luận: Định danh, Thích Toàn bộ tác phẩm Luận thích này gồm có nghĩa, M.1 Hiển bày sự lý Danh từ, M.2 15 quyển, 27 phẩm, với 726 trang (PDF). Dẫn khởi pháp Tu chứng; Tổng kết, Lưu Nội dung: Dẫn nhập, Bài tựa, Q.I, P.1 thông: Khuyến khích, Biểu đồ Ngũ uẩn, Quán duyên (Phần 1); Q.II, P.1 Quán Chú giải đề Kinh, Bổ thích; C.VII Sự tích Duyên (Phần 2); Q.III, P.2 Quán Khứ lai; Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất, - Hành tích Q.IV, P.3 Quán Sáu căn, P.4 Quán Năm Trưởng lão Tu-bồ-đề, - Tiểu sử Tôn giả ấm, P.5 Quán Sáu giới; P.6 Quán Nhiễm Xá-lợi-phất, - Xá-lợi-phất và Tu-bồ-đề vấn và người nhiễm, P.7 Quán Tướng hữu vi; đáp. Q.VI, P.8 Quán Tác giả và Nghiệp, P.9 Quán Thủ giả; Q.VII, P.10 Quán Lửa và 1.399. BÁT-NHÃ ĐĂNG LUẬN – Củi, P.11 Quán Sinh tử; Q.VIII, P.12 Prajnà-pradipa Quán Khổ, P.13 Quán Hành, P.14 Quán (Luận giải Đèn Bát-nhã) Hợp; Q.IX, P.15 Quán Hữu vô, P.16 Quán Tạo luận: Thanh Biện (Bhàvaviveka) Trói buộc và Giải thoát; Q.X, P.17 Quán Việt dịch: Cao Dao Nghiệp; Q.XI, P.18 Quán Pháp, P.19 Quán Luận này do Cao Dao trích dịch từ Thời; Q.XII, P.20 Quán Nhân quả hòa Chương 18 (Khảo sát về tự ngã và đối hợp, P.21 Quán Thành hoại; Q.XIII, P.22 tượng) của Bát-nhã Đăng luận (bản Nhật Quán Như Lai; Q.XIV, P.23 Quán Điên ngữ của Kajiyama Yuichi), chương này đảo, P.24 Quán Tứ đế; Q.XV, P.25 Quán gồm có 3 phần: Phần I. 1. Phủ định tự ngã Niết-bàn, P.26 Quán Thế đế Duyên khởi, như là một thể đồng nhất của thân và tâm, P.27 Quán Tà kiến; Phụ lục. các học phái khác, 4. Phủ định tương quan của ngã (Àtman) và những gì thuộc về ngã (A2tmiya-ngã sở); Phần II. 5. Chủ thể giải 1.401. BÁT THỨC QUY CỦ TỤNG thoát, 6. Giải thoát, như là một trạng thái Dịch giả: Thích Thắng Hoan vô ngã, 7. Thuyết giảng của Thế Tôn, 8. Nxb Nguồn Sống – 1997

Tác phẩm này dày 131 trang, bìa mềm. 1.404. BÁT THỨC QUY CỦ TỤNG Nội dung gồm có: Lời Nhà xuất bản, Lời Trang Chú người dịch; Nội dung Bát Thức Quy Củ Việt dịch: tụng có 4 chương; I. Xuất xứ, II. Định Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015) nghĩa; C.I Tiền Ngũ thức tụng; C.II Đệ THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Lục thức tụng; C.III Đệ Thất thức tụng; PL. 2537 – DL. 1993 C.IV Đệ Bát thức tụng; Bát Thức Quy Củ Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 232 Tụng chữ Hán; sau cùng là Phụ bản: Quá trang, bìa mềm. trình tu tập của Bồ-tát. Nội dung gồm có: I. Bát Thức Quy củ tụng Trang chú, 1. Lời nói đầu, 2. Lời tựa, 1.402. BÁT THỨC QUY CỦ TỤNG 3. Bài tụng Năm Thức trước, 4. Bài tụng Tác giả: Tam tạng Pháp sư Thức thứ sáu, 5. Bài tụng Thức thứ bảy, 6. Huyền Trang (602-664) Bài tụng Thức thứ tám, 7. Chú thích; II. Việt dịch và giảng nghĩa: Luận Đại Bách pháp minh môn Chuế Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969) ngôn, 1. Lời nói đầu, 2. Tất cả pháp vô Tác phẩm này có 4 chương: I. Tiền Ngũ ngã, 3. Tất cả pháp lược có 5 món: a. Tâm thức tụng, II. Lục Thức tụng, III. Thất pháp, b. Tâm sở hữu pháp, c. Sắc pháp, d. thức tụng, IV. Đệ Bát thức tụng. Mỗi Bất tương ưng hành pháp, e. Vô vi pháp,

chương có 12 câu, mỗi câu bảy chữ, nội 4. Vô ngã có hai: a. Bổ-đặc-già-la vô ngã, dung chỉ bày hành tướng của tám thức. b. Pháp vô ngã, 5. Chú thích; III. Luận Cách trình bày mỗi câu có: Phiên âm, chữ Quán Sở duyên duyên trực chỉ, 1. Lời nói Hán, dịch sang Việt ngữ và giảng nghĩa. đầu, 2. Luận văn chia làm 2: 1. Phá ngoại (theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê chấp, 2. Bày chánh nghĩa; (Giáp), I. Phá Đình Thám, tập 3, từ tr. 286 – 330, Thích ngoại chấp phân làm ba: 1. Chánh phá hai Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới chấp, 2. Phá các chuyển chấp, 3. Kết thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn - 2007) chẳng phải sắc ngoài; (Ất), I. Lại chia làm ba: 1. Gồm nêu phá, 2. Riêng đoạt phá, 3. 1.403. BÁT THỨC QUY CỦ TỤNG Kết trái lý; (Bính), I. Riêng đoạt phá phân Trang Chú làm hai: 1. Phá cực vi, 2. Phá hòa hợp; Hiệu đính: Đại sư Thái Hư (1889-1947) (Đinh), 2. Lại phân làm hai: 1. Lập bài Việt dịch và chú giải: Quảng Minh tụng, 2. Giải đáp; (Mậu), 2. Giải đáp lại Tác phẩm này dày 180 trang (Pdf), gồm có phân làm hai: 1. Chánh giải rõ nghĩa Sở 4 chương: - Lời nói đầu (2007), - Lời tựa; duyên duyên, 2. Giải bài tụng Trách nghĩa C.1 Năm thức trước, C.2 Thức thứ sáu, kia thiếu; (Đinh), 2. Phá hòa hợp phân làm C.3 Thức thứ bảy, C.4 Thức thứ tám; Phụ hai: 1. Lập bài tụng, 2. Giải thành; (Kỷ), 2. lục: Dịch âm-Dịch nghĩa-Chánh văn; Lời Phá các chuyển chấp, phân làm hai: 1. Phá bạt; Sách tham khảo. tướng cực vi hòa tập, 2. Phá Vị cực vi hòa học) 2. Đả phá; (Bính), 2. Phá vị cực vi hòa tập phân làm hai: 1. Nêu chấp, 2. Đả phá; (Đinh), 2. Đả phá phân làm hai: 1. Ước về tướng biết lẽ ra không khác để phá, 2. Ước về cực vi sai khác để phá; (Kỷ), 3. Kết

chẳng phải sắc ngoài; (Giáp), II. Bảy biến tướng, T.1 Tạng thức tư tưởng, T.2 chánh nghĩa phân làm ba: 1. Chánh thành Tạng thức quả tướng, T.3 Tạng thức nhân lập nội Sở duyên duyên, 2. Gom thành lập tướng, T.4 Mạt-na ngã tướng, T.5 Tiền lục Tăng thượng duyên y chẳng phải không, 3. thức tướng; C.XI Thức sở biến tướng, T.1 Kết duy nội cảnh; (Ất), I. Phân làm hai, 1. Chủng tử biến duyên, T.2 Căn khí biến Chánh lập, 2. Giải nghi. duyên, T.3 Thức cảnh duyên tướng; C.XII Nhị đệ cấp Tam tánh, T.1 Tứ trùng Nhị đế, 1.405. Biện Minh T.2 Tam chủng tự tánh, T.3 Tam chủng vô DUY THỨC HỌC – Tập II tánh; C.XIII Bàn thông tục đế, (So sánh Việt dịch: Giải Minh các triết thuyết với Duy Thức), Lời cuối Lưu hành nội bộ, PL. 2539 – DL. 1996 sách. Sách dày hơn 282 trang, bìa mềm; nội (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Q. Tân dung gồm có 13 chương: C.I Duy thức dữ Phú, Tp. Hồ Chí Minh) Thiền, T.1 Tâm thức thể dụng, T.2 Truyền pháp sai biệt, T.3 Chấp chướng hỗ tệ; C.II 1.406. Biện Minh DUY THỨC HỌC – Duy thức chỉ nghĩa, T.1 Năng sở duy thức, Tập IV T.2 Biến ảnh duy thức, T.3 Vọng kiến duy Việt dịch: Giải Minh thức, T.4 Pháp chi định nghĩa; C.III Chơn Lưu hành nội bộ, PL. 2542 – DL. 1998 vọng khởi chỉ, T.1 Nhân sanh chủng tử, Sách dày hơn 105 trang, bìa mềm; nội T.2 Thủy chung hữu vô, T.3 Lại-da vô thỉ dung gồm có: 1. Bổn luận lược tựa, 2. Bổn chung, T.4 Chân như dữ vô danh, T.5 Vô luận đọc pháp, 3. Chủ đích tạo luận, 4. minh hữu chung, T.6 Chúng sanh vô thỉ; Tông lược yếu chỉ, 5. Nêu rõ về Ba Năng C.IV Thức tướng khai hợp, T.1 Sanh thức biến, 6. Giả nói về Ngã-Pháp, 7. Bàn giải chủng tử, T.2 Căn vi thức y, T.3 Chân về sự Chuyển biến, 8. Cảnh thức Có- thức tục tướng, T.4 Tâm thức bất nhị; C.V Không, 9. Quyết trạch Ngã chấp, 10. Vương-sở tương ưng, T.1 Tâm sở do lai, Quyết trạch Pháp chấp, 11. Giải về Ba T.2 Thọ dụng chủng hiện, T.3 Tự chủng Năng biến, 12. Nhân

quả năng biến, 13. sanh hiện, T.4 Tâm sở tổng liệt, T.5 Phụ lục; Tài liệu tham khảo. Tương ưng đa thiểu, T.6 Tương ưng nghĩa (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Q. Tân giới, T.7 Tá ngoại minh nội; C.VI Tứ phần Phú, Tp. Hồ Chí Minh) bổ thích, T.1 Kiến tướng phần, T.2 Tự chứng phần, T.3 Chứng tự chứng phần, 1.407. BỒ-ĐỀ CHÁNH ĐẠO - T.4 Lập phân lý do; C.VII Chủng tánh BỒ-TÁT GIỚI LUẬN huân tập, T.1 Bổn thỉ nhị chủng, T.2 Ngũ Tạo luận: Thượng sư Tsong Kha Pa chủng tánh biệt, T.3 Lậu vô lậu chủng, T.4 Hán dịch: Thang Hương Danh Tánh phi bổn thiện, T.5 Tập viễn tức huân, Việt dịch: Thích Tịnh Nghiêm T.6 Huân tập sanh trưởng, T.7 Hiện hành Tường Quang Tùng Thư, trì tốc, T.8 Niệm Phật huân chủng, T.9 Hỗ PL. 2550 – DL. 2006. vi nhân quả, T.10 Nhân quả thời biệt; Tác phẩm Luận này có 278 trang (Pdf), C.VIII Nhân duyên cập quả, T.1 Thập nội dung như sau: A.I Phần tựa, 1. Tán nhân, T.2 Tứ duyên, T.3 Ngũ quả; C.IX thán: Phật Thích-ca, Phật Di-lặc, ngài Vô Lượng dữ cảnh, T.1 Tam lượng, T.2 Tam Trước, Bồ-tát Địa; 2. Nhân duyên ngài Vô cảnh, T.3 Tam cảnh dụ; C.X Thức năng Trước soạn Bồ-tát Địa; 3. Nhân duyên

đều phải trì giới; A.II Chánh thức giải thích giới phẩm: 1. Tổng nhiếp, 2. Phân 1.410. BỘ A-TỲ-ĐÀM LUẬN – 14 Tập tích (Nói sơ lược về tự tính, Nói tường tận Luận tạng - Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng về tất cả giới, Giới pháp, Luật nghi giới, Kinh, từ tập 89-102 Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc giới, Nhân duyên đầy đủ, Nhân duyên đầy xuất bản – 2000 đủ của Luật nghi giới, Nhân duyên đầy đủ Tập 89, Luận A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc của Nhiếp thiện pháp giới, Nhân duyên - Số 1536, Luận A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn đầy đủ của Nhiêu ích hữu tình giới, Thâu túc, có 20 quyển: Q.1, Duyên khởi; Q.2- góp ý nghĩa chánh yếu, Lãnh thọ giới Q.3, Hai pháp; Q.4-Q.6, Ba pháp; Q.7- pháp, Pháp có thầy truyền giới, Pháp Q.10, Bốn pháp; Q.11-Q.14, Năm pháp; không có thầy truyền giới, Phòng hộ giới Q.15-Q.16, Sáu pháp; Q.17, Bảy pháp; pháp,...) A.III Hậu phần, Chỗ y cứ và ý Q.18-Q.19, Tám pháp; Q.20, Mười pháp; chỉ của luận chủ, khuyến khích kỳ nguyện. số 1537, - Luận A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Dự lưu; Q.3, Chứng tịnh; Q.4, Chánh 1.408. BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN thắng; Q.5, Thần túc; Q.6, Niệm trụ; Q.7, (BODHICITTAVIVARANA) Tĩnh lự; Q.8, Vô sắc; Q.9, Giác chi; Q.10, Tác giả: Thánh giả Long Thọ Căn; Q.11, Nhiều cảnh giới; Q.12, Duyên Thuyết giảng: Đức Đạt-lai Lạt-ma khởi; số 1538, - Luận Thi thiết, có 7 Melbourne – Australia (2007) quyển: Q.1, Nhân thi thiết thế gian; từ Sách có 31 trang, nội dung gồm có: Tám Q.2-Q.7, Nhân thi thiết trong đối pháp Đại Thi kệ Chuyển Tâm (Eight Verses of luận; số 1539, - Luận A-tỳ-đạt-ma Thức Mind Transformation), Bồ-đề Tâm luận thân túc, có 16 quyển: Q.1-Q.2, Mục-kiền- (Boddhicittavivarana), Chân Diệu âm ca liên; Q.3, Bổ-đặc-già-la; Q.4-Q.5, Nhân của các bậc Hiền Thánh (A True duyên; từ Q.6-Q.10, Sở Nhân duyên; Melodious Song of the Sage), Tụng niệm Q.11-Q.12, Tạp; từ Q.13-Q.16, Thành tựu; Phổ thông (Teachings Prayers, Thất chi số 1540, - Luận A-tỳ-đạt-ma Giới thân túc, Phổ Hiền, Cúng dường Mạn-đà-la, Quy y có 3 quyển Thượng (Bản sự), Trung và Hạ – Phát Tâm Bồ-đề, Hồi hướng). (Phân biệt). (tuvien.com, Tu sách Phật học/ Mật tông) Tập 90, Luận Chúng sự phần A-tỳ-đàm - Số 1541, - Luận chúng sự phần A-tỳ- 1.409. BỒ-ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN đàm, có 11 quyển: Q.1, Năm pháp-Phân Luận chủ: Thánh giả Long Thọ biệt trí; Q.2, Phân biệt các Nhập-Bảy sự; Hán dịch: Tam tạng

Đạt-ma-hấp-đa Q.3, Phân biệt các sử; Q.4-Q.6, Phân biệt Việt dịch: Sa-môn Thích Như Điển các thâu tóm; Q.7, Phân biệt các thâu Chùa Viên Giác (Đức quốc) ấn tống PL. Nhiếp; từ Q.8-Q.11, Thiên vấn luận; số 2549 – DL. 2005. 1542, - Luận A-tỳ-đạt-ma Phẩm loại túc, Toàn bộ tác phẩm Luận này dày 126 trang có 18 quyển: Q.1, Biện về Năm sự; Q.2, (Pdf), gồm có 6 quyển. Biện luận các trí; Q.3, Biện về Bảy sự; Q.4-Q.5, Biện về Tùy miên; từ Q.6-Q.10,

Biện về Thâu giữ; từ Q.11-Q.17, Biện về Tạp uẩn-Luận về Thế đệ nhất pháp; từ ngàn câu hỏi; Q.18, Biện về Quyết trạch; Q.9-Q.23, Tạp uẩn-Luận về Trí; từ Q.23- số 1543, - Luận A-tỳ-đàm bát Kiền-độ, có Q.29, Tạp uẩn-Luận về Bổ-đặc-già-la; từ 30 quyển: Q.1, Tạp-Pháp thứ nhất của thế Q.29-Q.34, Tạp uẩn-Luận về Ái kính; từ gian; Q.2, Tạp-Nói về người; Q.3, Tạp- Q.34-Q.38, Tạp uẩn-Luận về Tàm quý; từ Nói về sắc; Q.4, Kiết sử-Bàn về bất thiện; Q.38-Q.42, Tạp uẩn-Luận về Vô nghĩa; từ Q.5-Q.6, Kiết sử-Bàn về Nhất hành; Q.7, Q.42-Q.45, Tạp uẩn-Luận về Tư; từ Q.46- Kiết sử-Bàn về người; Q.8, Kiết sử-Bàn về Q.50, Tạp uẩn-Luận về Bất thiện. mười môn; Q.9, Trí-Nói về tám đạo; Q.10, Tập 92, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa Trí-Nói về Năm chủng; Q.11-Q.12, Trí- (tt) Bàn về tu trí; Q.13-Q.14, Trí-Bàn về - Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà- Tương ưng; Q.15, Hành-Bàn về hành ác; sa, từ Q.51 – Q.100: từ Q.51-Q.55, Kiết Q.16, Hành-Nói về hại chúng sanh; Q.17, uẩn-Luận về Bất thiện; từ Q.56-Q.63, Kiết Hành-Nói về hữu giáo vô giáo; Q.18, Bốn uẩn-Luận về Nhất hành; từ Q.63-Q.70, đại-Bàn về Tịnh căn; Q.19, Bốn đại-Bàn Kiết uẩn-Luận về Hữu tình; từ Q.71-Q.92, về duyên; Q.20, Bốn đại-Bàn về Kiến đế; Kiết uẩn-Luận về Nhập môn; từ Q.93- Q.21, Căn-Bàn về căn; Q.22, Căn-Bàn về Q.97, Trí uẩn-Luận về Học chi; Q.98- tâm bắt đầu; Q.23-Q.24, Căn-Bàn về Q.99, Trí uẩn-Luận về Ngũ chủng; Q.99- duyên; Q.25-Q.26, Định-Bàn về Đắc quá Q.100, Trí uẩn-Luận về Tha tâm trí. khứ; Q.27, Định-Bàn về giải thoát; Q.28, Tập 93, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa Định-Bàn về Nhất hành; Q.29, Kiến-Bàn (tt) về Ý chỉ; Q.30, Kiến-Bàn về tưởng; số - Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà- 1544, - Luận A-tỳ-đạt-ma Phát trí, có 20 sa, từ Q.101 – Q.150: từ Q.101-Q.105, Trí quyển: Q.1, Tạp uẩn-Bàn về Pháp thế Đệ uẩn-Luận về Tha tâm trí; từ Q.105-Q.108, nhất; Q.2, Tạp uẩn-Bàn về Ái kinh; Q.3, Trí uẩn-Luận về Tu trí; Q.109-Q.111, Trí Kiết uẩn-Bàn về Pháp bất thiện; Q.4, Kiết uẩn-Luận về Thát Thánh; Q.112-Q.116, uẩn-Bàn về Nhất hành; Q.5, Kiết uẩn-Bàn Nghiệp uẩn-Luận về Ác hành; từ Q.116- về hữu tình; Q.6, Kiết uẩn-Bàn về mười Q.118, Nghiệp uẩn-Luận về Tà ngữ; từ môn; Q.7, Trí uẩn-Bàn về Giác chi; Q.8, Q.118-Q.121, Nghiệp uẩn-Luận về Hại Trí uẩn-Bàn về Tha tâm trí; Q.9, Trí uẩn- sinh; Q.122-Q.124, Nghiệp uẩn-Luận về Bàn về tu trí; Q.10, Trí uẩn-Bàn về bảy Biểu vô biểu; Q.125-Q.126, Nghiệp uẩn- Thánh; Q.11, Nghiệp uẩn-Bàn về Hành ác; Luận về Tự nghiệp; Q.127-Q.131, Đại Q.12, Nghiệp uẩn-Bàn về Biểu vô biểu; Chủng uẩn-Luận về Đại tạo; từ Q.131- Q.13, Đại chủng uẩn-Bàn về Đại tạo; Q.134, Đại chủng uẩn-Luận về Duyên; Q.14, Đại chủng uẩn-Bàn về chấp thọ; Q.134-Q.137, Đại chủng uẩn-Luận về Cụ Q.15, Căn uẩn-Bàn về Hữu; Q.16, Căn kiến; Q.137-Q.141, Đại chủng uẩn-Luận uẩn-Bàn về Ngư; Q.17, Định uẩn-Bàn về về Chấp thọ; Q.142-Q.146, Căn uẩn-Luận Đắc; Q.18, Định uẩn-Bàn về sự Thâu về Căn; Q.147-Q.148, Căn uẩn-Luận về Nhiếp; Q.19, Định uẩn-Bàn về Nhất hạnh; Hữu; Q.149-Q.150, Căn uẩn-Luận về Xúc. Q.20, Kiết uẩn-Bàn về Trí. Tập 94, Luận A-tỳ-đạt-ma

Đại Tỳ-bà-sa Tập 91, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt) - Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà- - Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà- sa, từ Q.1 – Q.50: Q.1, Tựa; từ Q.2-Q.9, sa, từ Q.151 – Q.200: từ Q.151-Q.154,

Căn uẩn-Luận về Đẳng tâm; Q.155, Căn thấy, Pháp có đối-không đối, Pháp hữu uẩn-Luận về Bình đẳng tâm; Q.155-Q.156, lậu-vô lậu, Pháp hữu vi-vô vi, Ba đời, Căn uẩn-Luận về: Nhất tâm, Ngư, Duyên; Thiện-Bất thiện-Vô ký, Lệ thuộc cõi Dục-Q.157-Q.162, Định uẩn-Luận về Đắc; cõi Sắc-cõi Vô sắc, Pháp học-Phi học-Phi Q.162-Q.165, Định uẩn-Luận về Duyên; vô học, Pháp kiết-Đoạn-bất đoạn; Q.8- từ Q.166-Q.173, Định uẩn-Luận về Nhiếp; Q.9, Xứ của: Bốn Thánh đế; Q.10, Xứ của từ Q.174-Q.183, Định uẩn-Luận về Bất Bốn thiền; Q.11, Xứ của Bốn đẳng; Q.12, hoàn; từ Q.183-Q.186, Định uẩn-Luận về Xứ của Bốn vô sắc, Tám giải thoát, Tám Nhất hành; từ Q.187-Q.192, Kiến uẩn- trừ nhập, Mười nhất thiết nhập; Q.13, Xứ Luận về Niệm trú; Q.192-Q.195, Kiến của: Tám trí, Ba Tam-muội; Q.14, Xứ của: uẩn-Luận về Tam hữu; Q.195-Q.196, Kiến Trung ấm, Bốn loài sanh. uẩn-Luận về Tưởng; Q.196-Q.197, Kiến Tập 97, Luận Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm uẩn-Luận về Trí; từ Q.198-Q.200, Kiến Số 1548, Luận Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, có uẩn-Luận về Kiến. 30 quyển: Q.1, P. Nhập của Phần vấn; Tập 95, Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa Q.2, P. Giới; Q.3, P. Ấm; Q.4, P. Bốn - Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, từ Q.1-Q.40: Thánh đế; Q.5, P. Căn; Q.6, P. Bảy giác, từ Q.1-Q.4, Kiền-độ tạp Pháp Thế đệ nhất; Bất thiện căn, Đại, Ưu-bà-tắc (từ P.1-6 từ Q.5-Q.12, Kiền-độ tạp-Trí; Q.13-Q.15, thuộc Phần vấn); Q.7, P. Giới, P. Nghiệp Kiền-độ tạp-Nhân; Q.16-Q.18, Kiền-độ thuộc về phần Phi vấn; Q.8, P. Nhân; Q.9- tạp Ái kính; Q.19-Q.20, Kiền-độ tạp Hổ Q.11, P. Trí; Q.12, P. Duyên; Q.13, P. thẹn, Sắc; Q.21-Q.22, Kiền-độ tạp Vô Niệm xứ, P. Chánh cần, P. Thần túc; Q.14, nghĩa; Q.23-Q.24, Kiền-độ tạp Tư; từ P. Thiền định; Q.15-Q.17, P. Đạo; Q.18- Q.25-Q.30, Kiền-độ sử Bất thiện; Q.31- Q.20, P. Phiền não (từ Q.7-Q.20 thuộc Q.33, Kiền-độ sử Một hành; Q.34-Q.36, phần Phi vấn); Q.21-Q.22, P. Nhiếp; Q.23- Kiền-độ sử Người; Q.37-Q.40, Kiền-độ sử Q.24, P. Tương ưng (từ Q.21-Q.24 thuộc Mười môn. phần Nhiếp Tương ưng); Q.25-Q.26, P. Tập 96, Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (tt) Biến; Q.26, P. Nhân, P. Danh sắc, P. Giả - Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, từ Q.41-Q.60: kiết; Q.27, P. Giả kiết, P. Hành, P. Xúc, P. từ Q.41-Q.46, Kiền-độ sử Mười môn; Giả tâm, P. Thập Bất thiện Nghiệp đạo, P. Q.46-Q.49, Kiền-độ Tri-Tám đạo; Q.50- Thập Thiện nghiệp đạo; Q.28-Q.30, P. Q.54, Kiền-độ tri-Tha tâm trí; Q.55-Q.56, Định (từ Q.25-Q.30 thuộc phần Đầu mối); Kiền-độ Tri-Tu trí; từ Q.57-Q.60, Kiền-độ số 1549, - Luận Tôn Bà-tu-mật Bồ-tát sở Tri-Tương ưng; số 1547, - Luận Tỳ-bà-sa, tập, có 10 quyển: từ Q.1-Q.3, Tụ Kiền-độ; có 14 quyển: Q.1, Xứ của Ba kiết; Q.2, Xứ Q.4, Kiền-độ Tam-muội; Q.5, Kiền-độ Tứ của: Ba căn bất thiện, Ba hữu lậu, Bốn đại, Kiền-độ khế kinh; Q.6, Kiền-độ Cánh lưu, Bốn thọ, Bốn thọ bị trói buộc; Q.3, lạc; Q.7, Kiền-độ kiết sử; Q.8, Kiền-độ Xứ của: Năm cái, Năm kiết, Năm kiết Hành, Kiền-độ Trí; Q.9, Kiền-độ Kiến, phần dưới, Năm kiết phần trên, Năm kiến, Kiền-độ Căn, Kiền-độ Nhất thiết hữu, Sáu Ái thân, Bảy sử, Chín kiết, 98 sử; Q.4, Kiền-độ Kệ; Q.10, Kiền-độ Kệ. Giải thích về 10 môn; Q.5, Xứ của 18 giới; Tập 98, Luận A-tỳ-đàm Tâm Q.6, Xứ của: 12 nhập, Năm ấm, Năm - Số 1550, - Luận A-tỳ-đàm Tâm, có 4 thịnh ấm, Sáu giới; Q.7, Xứ của: Pháp sắc- quyển: Q.1, Giới-Hành-Nghiệp; Q.2, Sử- Pháp vô sắc, Pháp có thể thấy-không thể Hiền thánh; Q.3, Trí-Định; Q.4, Khế kinh-

Phẩm tạp-Luận; số 1551, - A-tỳ-đàm Tâm biệt Tuệ; Q.21, Phân biệt Tam-ma-bạt-đề; luận Kinh, có 6 quyển: Q.1, Hành; Q.2, Q.22, Phá trừ thuyết Ngã; số 1560, - Luận Nghiệp; Q.3, Sử-Hiền thánh; Q.4, Trí- A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Bổn tụng, có 8 phẩm: Định; Q.5, Định, A-tu-la; Q.6, A-tu-la, P.1 Phân biệt Giới; P.2 Phân biệt Căn; P.3 Tạp, Vấn luận; số 1552, - Luận tạp A-tỳ- Phân biệt Thế giới; P.4 Phân biệt Nghiệp; đàm Tâm, có 11 quyển: Q.1, Mở tựa-Giới; P.5 Phân biệt Tùy miên; P.6 Phân biệt Q.2, Hành; Q.3, Nghiệp; Q.4, Sử; Q.5, Hiền thánh; P.7 Phân biệt Trí; P.8 Phân Hiền thánh; Q.6, Trí; Q.7, Định; Q.8, Tu- biệt Định; số 1561, - Luận A-tỳ-đạt-ma đa-la; Q.9, Tạp; Q.10, Trạch; Q.11, Trạch- Câu-xá Thật nghĩa sớ; số 1562, - Luận A- Luận; số 1553, - Luận A-tỳ-đàm Cam lộ tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý: từ Q.1-Q.8, vị, có 2 quyển: Q. Thượng: Bố thí-Trì Nói về Bản sự; từ Q.9-Q.20, Nói về Sai giới, Giới đạo, Trụ thực sinh, Nghiệp, Ấm khác; từ Q.21-Q.30, Nói về Duyên khởi. trì nhập, Hành, Nhân duyên chủng, Tịnh Tập 101, Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh căn, Kiết sử Thiền trí, 37 người vô lậu; Q. lý (tt) Hạ: Trí, Thiền định, Tạp định, Tam thập - Số 1562, - Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận thất phẩm, Bốn đế, Tạp; số 1554, - Luận Chánh lý: Q.31-Q.32, Nói về Duyên khởi; Nhập A-tỳ-đạt-ma, có 2 quyển Thượng- từ Q.33-Q.44, Nói về Nghiệp; từ Q.45- Hạ; số 1555, - Luận Ngũ sự Tỳ-bà-sa, Q. Q.56, Nói về Tùy miên; từ Q.57-Q.72, Nói Thượng, Q. Hạ: Phân biệt sắc, Phân biệt về Hiền thánh; Q.73-Q.76, Nói về Trí; tâm, Phân biệt tâm sở pháp; số 1556, - Q.77-Q.80, Nói về Định. Luận Tát-bà-đa tông Ngũ sự; số 1557, - Tập 102, Luận A-tỳ-đạt-ma Tạng Hiển Kinh A-tỳ-đàm Ngũ pháp hành. tông - Số 1563, - Luận A-tỳ-đạt-ma Tạng Hiển Tập 99, Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá tông, có 40 quyển: Q.1, Tựa; Q.2-Q.4, Nói - Số 1558, - Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, có về Bản sự; Q.5-Q.11, Nói về Sai khác; 30 quyển: Q.1-Q.2, Phân biệt các Giới; từ Q.12-Q.17, Nói về Duyên khởi; Q.18- Q.3-Q.7, Phân biệt Căn; từ Q.8-Q.12, Q.20, Nói về Nghiệp; Q.21, Nói về Biệt Phân biệt Thế giới; từ Q.13-Q.18, Phân nghiệp; Q.22-Q.24, Nói về Nghiệp; Q.25- biệt Nghiệp; từ Q.19-Q.21, Phân biệt Tùy Q.28, Nói về Tùy miên; Q.29-Q.34, Nói miên; Q.22-Q.25, Phân biệt Hiền thánh; về Hiền thánh; Q.35-Q.37, Nói về Trí; Q.26-Q.27, Phân biệt Trí; Q.28-Q.29, Q.38-Q.40, Nói về Định. pháp Chấp ngã; số 1559, - A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận: Q.1-Q.2, Phân biệt 1.411. BỘ CHẤT NGỮ Chú Giải – Giới; Q.2-Q.5, Phân biệt Căn; Q.6-Q.9, DHÀTUKATHÀ, 3 Tập Phân biệt Thế gian; Q.10-Q.12, Phân biệt Song Ngữ Anh – Việt Nghiệp. U NÀRADA MÙLA PATTHÀNA Tập 100, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận SAYADAW (tt) Tác giả bản Anh ngữ: - Số 1559, - A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích Discourse on Elements luận: Q.13, Phân biệt Nghiệp; Q.14-Q.15, Dịch chánh tạng Việt: Phân biệt Hoặc; Q.16-Q.18, Phân biệt HT. Tịnh Sự (1913-1984) Thánh đạo Quả nhân; Q.19-Q.20, Phân Dịch và chú giải: Tâm An – Minh Huệ

Thiền viện Phước Sơn ấn hành năm 2012. Giải thích phương pháp và Biểu đồ Sách có khổ lớn, bìa cứng màu trắng, chữ chương VIII, Biểu đồ chương VIII, 2 câu đen, cả bộ dày 1.165 trang. vấn đáp với chú giải chi tiết; C.IX Tương Tập I, dày hơn 401 trang, nội dung gồm có ưng theo tương ưng, Giải thích phương 3 chương: Lời nói đầu, Lời giới thiệu của pháp và Biểu đồ chương IX, Biểu đồ Miss I. B. Horner, Lời tựa của Thein chương IX, 34 câu vấn đáp với chú giải Nyun, Lời dẫn nhập của U Narada, Phần chi tiết; C.X Bất tương ưng theo bất tương xiển thuật; C.I Yếu hiệp và Bất yếu hiệp, ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương X, Biểu đồ

chương X, 56 câu vấn chương I, Biểu đồ phân loại Uẩn, Xứ, Giới đáp với chú giải chi tiết; C.XI Tương ưng- của chương I, 165 câu vấn đáp với chú Bất tương ưng theo Yếu hiệp, Giải thích giải chi tiết, 1. Ngũ uẩn, 2. Thập nhị xứ, 3. phương pháp và Biểu đồ chương XI, Biểu Thập bát giới, 4. Tứ đế, 5. Nhị thập nhị đồ chương XI, 8 câu vấn đáp với chú giải quyền, 6. Liên quan tương sinh và những chi tiết; C.XII Yếu hiệp-Bất yếu hiệp theo pháp khác, 7. Đầu đề tam 22, 8. Đầu đề Tương ưng, Giải thích phương pháp và nhị 100, Bảng nội phần đề, Bảng ngoại Biểu đồ chương XII, 31 câu vấn đáp với phần đề; C.II Bất yếu hiệp theo yếu hiệp, chú giải chi tiết; C.XIII Tương ưng-Bất Giải thích phương pháp và Biểu đồ tương ưng theo Bất yếu hiệp, Giải thích chương II, Biểu đồ chương II, 8 câu vấn phương pháp và Biểu đồ chương XIII, 8 đáp với chú giải chi tiết; C.III Giải thích câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.XIV phương pháp và Biểu đồ chương III, Biểu Yếu hiệp-Bất yếu hiệp theo Bất tương đồ chương III, 12 câu vấn đáp với chú giải ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chi tiết; chương XIV, 31 câu vấn đáp với chú giải Tập II, (từ tr. 425 đến tr. 838), nội dung chi tiết; Bảng tóm lược 14 chương. gồm có 3 chương: C.IV Yếu hiệp theo yếu Bộ Chất Ngữ chú giải – 2 tập, được tái hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ bản năm 2016, Nxb Hồng Đức. chương IV, Biểu đồ chương IV, 2 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.V Bất yếu hiệp 1.412. BỘ DU-GIÀ – 7 Tập theo bất yếu hiệp, Giải thích phương pháp Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập và Biểu đồ chương V, Biểu đồ chương V, 104 – 110 35 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.VI Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Tương ưng và bất tương ưng, Giải thích xuất bản – 2000 phương pháp và Biểu đồ chương VI, Biểu Tập 104, Luận Du-già Sư địa đồ chương VI, 78 câu vấp đáp với chú giải - Số 1579, - Luận Du-già Sư địa, có 100 chi tiết, 1. Ngũ uẩn, 2. Thập nhị xứ, 3. quyển: Q.1, Bản địa-Địa năm thức thân Thập bát giới, 4. Tứ đế, 5. Đầu đề tam 22, Tương ưng; Q.2-Q.3, Bản địa-Địa ý; từ 6. Đầu đề nhị 100; Q.4-Q.10, Bản địa-Địa có Tầm có Tứ 1-7; Tập III, (từ tr. 839 đến tr. 1165), nội dung Q.11-Q.13, Bản địa-Địa Tam-ma-hỷ-đa 1- gồm có 8 chương: C.VII Bất tương ưng 3; Q.13, Bản địa: Địa Phi Tam-ma-hý-đa, theo tương ưng, Giải thích phương pháp Địa có Tâm không Tâm, Địa do Văn tạo và Biểu đồ chương VII, Biểu đồ chương thành 1; Q.14-Q.15, Bản địa-Địa do Văn VII, 11 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; tạo thành 2-3; từ Q.16-Q.19, Bản địa-Địa C.VIII Tương ưng theo bất tương ưng, do Tư tạo thành 1-4; Q.20, Bản địa-Địa do

Tu tạo thành; Q.21, Bản địa-Địa Thanh sự-Khế kinh-Hành lựa chọn-Tóm thâu 2; văn-Chủng tánh địa; từ Q.22-Q.25, Bản Q.93-Q.96, Phần Nhiếp sự-Sự Khế kinh- địa-Địa Thanh văn-Xuất ly địa 1-4; từ Duyên khởi-Thực-Đế-Gồm thâu 3; Q.97- Q.26-Q.34, Bản địa-Địa Thanh văn-Xứ Q.98, Phần Nhiếp sự-Sự Khế kinh-Bồ-đề Du-già 2; Q.35, Bản địa-Địa Bồ-tát-Xứ trì phần Pháp lựa chọn-Gồm thâu 4; Q.99- Du-già-Chủng tánh; Q.36, Bản địa-Địa Q.100, Phần Nhiếp sự-Sự điều phục-Lựa Bồ-tát-Trì Du-già xứ-Tự tha lợi; Q.37, chọn gồm thâu chung 5; số 1580, - Luận Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì Du-già xứ-Uy lực; Thích Du-già Sư địa (Phần bản địa-Năm Q.38, Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì xứ Du-già- thức tương ưng); số 1581, - Kinh Bồ-tát Bồ-đề; Q.39, Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì xứ Địa Trì, có 10 quyển: Q.1, Chủng tánh của Du-già-Thí; Q.40-Q.42, Bản địa-Địa Bồ- xứ - Phương tiện đầu tiên, Phương tiện tát-Trì xứ Du-già-Giới. phát tâm Bồ-đề, Phương tiện tự lợi lợi tha, Tập 105, Luận Du-già Sư địa (tt) Phương tiện nơi nghĩa chân thật; Q.2, - Số 1579, - Luận

Du-già Sư địa: Q.43, Chủng tánh của xứ - Phương tiện nghĩa Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì xứ Du-già-Tỉnh lự; chân thật, Phương tiện của Lực; Q.3, Q.44, Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì xứ Du-già- Chủng tánh của xứ - Phương tiện thành Cúng dường thân cận vô thượng; Q.45- thục, Phương tiện Bồ-đề vô thượng, Q.46, Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì xứ Du-già- Phương tiện lực chủng tánh; Q.4, Xứ Bồ-đề phần; Q.47, Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì phương tiện Thí, Xứ phương tiện Giới; xứ Du-già-Tướng Bồ-tát; Q.48, Bản địa- Q.5, Xứ phương tiện Giới; Q.6, Xứ Địa Bồ-tát-Trì xứ Du-già-Tùy pháp trụ; phương tiện Nhẫn; Xứ phương tiện Tinh Q.49, Bản địa-Địa Bồ-tát-Trì xứ Du-già- tấn, Xứ phương tiện Thiền, Xứ phương Cứu cánh địa; Q.50, Bản địa-Địa Bồ-tát- tiện Tuệ; Q.7, Xứ phương tiện Bốn nhiếp, Trì xứ Du-già-Cứu cánh kiến lập; từ Q.51- Xứ phương tiện Cúng dường tập cận vô Q.57, Phần quyết trạch-Địa năm Thức lượng, Xứ phương tiện Bồ-đề, Xứ phương thân tương ưng và Địa ý; Q.58-Q.61, Phần tiện Bồ-đề; Q.8, Xứ phương tiện Bồ-đề, nhiếp quyết trạch-Ba địa có Tầm có Tứ; Xứ phương tiện Bồ-tát công đức, Xứ Q.62-Q.63, Phần nhiếp quyết trạch-Địa phương tiện thứ pháp-Bồ-tát tướng, Xứ Tam-ma-hý-đa; Q.64-Q.67, Phần nhiếp phương tiện thứ pháp-Dực; Q.9, Xứ quyết trạch-Địa Huệ do Văn tạo thành; phương tiện thứ pháp-Tâm tịnh, Xứ Q.68, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Thanh phương tiện thứ pháp-Trụ; Q.10, Xứ văn; Q.69, Phần nhiếp quyết trạch-Địa phương tiện cứu cánh-Sinh, Xứ phương Huệ do Tư tạo thành; Q.70-Q.71, Phần tiện cứu cánh-Nhiếp, Xứ phương tiện cứu nhiếp quyết trạch-Địa Thanh văn; từ Q.72- cánh-Địa, Xứ phương tiện cứu cánh-Hành, Q.80, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Bồ-tát; Kiến lập của xứ phương tiện cứu cánh; số Q.81-Q.82, Phần thâu Giải thích 1-2; 1582, - Kinh Bồ-tát Thiện Giới, có 9 Q.83-Q.84, Phần gồm thâu Dị môn 1-2; quyển: Q.1, Địa Bồ-tát, Tánh hạnh thiện Q.85, Phần Nhiếp sự-Khế kinh-Hành lựa của Địa Bồ-tát, Phát tâm Bồ-đề của địa chọn-Tóm thâu 1. Bồ-tát, Lợi ích trong ngoài của Địa Bồ-tát; Tập 106, Luận Du-già Sư địa (tt) Q.2, Nghĩa chân thật của Địa Bồ-tát, Địa - Số 1579, - Luận Du-già Sư địa: Q.86- Bồ-tát bất khả tư nghì; Q.3, Điều phục của Q.88, Phần Nhiếp sự-Khế kinh-Hành lựa Địa Bồ-tát, Bồ-đề của Địa Bồ-tát, Lực chọn-Tóm thâu 1; Q.89-Q.92, Phần Nhiếp tánh Bồ-đề của Địa Bồ-tát; Q.4, Bố thí của

địa Bồ-tát, Trì giới của Địa Bồ-tát; Q.5, quyển: Q.1, Y chỉ thắng tướng: Chúng Nhẫn nhục của Địa Bồ-tát, Tinh tấn của sanh-Tướng-Dẫn chứng-Sai biệt-Tướng Địa Bồ-tát, Thiền định của Địa Bồ-tát, Trí thù thắng nên biết; Q.2, Y chỉ thắng tuệ của Địa Bồ-tát, Lời nhu hòa của Địa tướng: Tướng thù thắng nên biết, Tướng Bồ-tát; Q.6, Cúng dường Tam bảo của Địa thù thắng của Nhập nên biết, Tướng thù Bồ-tát, 37 Phẩm trợ đạo của Địa Bồ-tát; thắng tiến vào nhân quả; Q.3, Y chỉ thắng Q.7, Pháp số trợ Bồ-đề của Địa Bồ-tát, tướng: Tướng thù thắng về tu sai biệt tiến Công đức của Địa Bồ-tát, Tướng của Bồ- vào nhân quả, Tướng thù thắng dựa vào tát Như pháp trụ, Thiền của Như pháp trụ; Giới học, Tướng thù thắng dựa vào Tâm Q.8, Tâm định của Như pháp trụ, Sinh Địa học, Tướng thù thắng dựa vào Tuệ học, Bồ-đề của Như pháp trụ, Sinh của Địa rốt Tướng thù thắng Sai biệt Trí; số 1594, - ráo; Q.9, Thâu giữ của Địa rốt ráo, Cứu Nhiếp Đại thừa Luận bản, có 3 quyển: Q. cánh của Địa rốt ráo, Hạnh của Địa rốt Thượng, Chỗ nương tựa của pháp Sở tri; ráo, 32 tướng tốt-80 vẻ đẹp của Địa rốt Q. Trung, Tướng phần của các pháp Sở tri, ráo, Trụ của Địa rốt ráo; số 1583, - Kinh Ngộ nhập các pháp Sở tri, Nhơn quả của Bồ-tát

Thiện Giới, Ưu-ba-ly hỏi pháp Thọ sợ ngộ nhập; Q. Hạ, Sự tu tập về Nhơn giới Bồ-tát; số 1584, - Luận Quyết Định quả, Giới tăng thượng của sự tu tập, Định Tạng, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ tăng thượng của sự tu tập, Tuệ tăng (luận về Tâm địa). thượng của sự tu tập, Trí tăng thượng của Tập 107, Thành Duy Thức luận sự tu tập; số 1595, - Nhiếp Đại thừa luận - Số 1585, - Thành Duy Thức luận, Tựa, Thích, có 15 quyển: Q.1, Giải thích y chỉ Nghĩa chữ Thành Duy thức; Nội dung có trong thắng tướng, Chúng danh-Vô đẳng 24 mục: 1. Lược nêu Tướng Duy thức Thánh giáo, Thứ tự 10 nghĩa, Chúng danh; luận, 2. Phá chấp ngã, 3. Hai thứ ngã chấp, Q.2, Giải thích trong y chỉ thắng tướng: 4. Giải thích vấn nạn, 5. Phá chấp pháp, 6. chúng danh, Tướng huân tập, Bất nhất bất Phá các thừa giáo chấp pháp, 7. Thức biến nhị-Làm nhân quả lẫn nhau, Nhân quả hiện thứ Nhất, 8. Giải rõ tướng Nhất thiết biệt-Bất diệt-Duyên sinh; Q.3, Giải thích chủng, 9. Chứng minh có thức thứ tám, dẫn chứng phẩm: Phiền não bất tịnh, 10. Thức biến hiện thứ Hai, 11. Thức biến Nghiệp bất tịnh-Sinh bất tịnh, Thế gian hiện thứ Ba, 12. Dựa 15 Y xứ lập 10 nhân, tịnh-Xuất thế gian tịnh; Q.4, Sai biệt- 13. Bốn duyên nhiếp 10 và 2 nhân, 14. Thuận đạo lý, Giải thích sai biệt-Ngôn Năm quả, 15-17. Giải thích vấn nạn, 18. thuyết ngã kiến hữu phần dẫn sinh quả báo Ba Vô tánh, 19. Năm Hạnh vị tu chứng, duyên tướng; Q.5, Giải thích Ưng tri thắng 20. Tư lương vị, 21. Gia hạnh vị, 22. tướng: Tướng, Sai biệt, Phân biệt; Q.6, Thông đạt vị, 23. Tu tập vị, 24. Cứu cánh Giải thích Ưng tri thắng tướng: Hiển thị vị; số 1586, - Duy Thức Tam thập tụng; số liễu ý y; Q.7, Giải thích Ưng tri nhập 1587, - Luận Chuyển Thức; số 1588, - thắng tướng: Chánh nhập tướng, Nhập Duy Thức luận; số 1589, - Luận Đại thừa phương tiện đạo, Nhập tư lương; Q.8, Duy Thức; số 1590, - Luận Duy Thức Nhị Nhập tư lương quả; Q.9, Giải thích nhập thập; số 1591, - Luận Thành Duy Thức nhân quả thắng tướng thứ 4: Nhân quả vị, Bảo sanh, có 5 quyển; số 1592, - Luận Lập danh; Q.10, Giải thích nhập Nhân quả Nhiếp Đại thừa, có 2 quyển Thượng-Hạ; tu sai biệt thắng tướng thứ 5: Đối trị, Lập số 1593, - Luận Nhiếp Đại thừa, có 3 danh, Tu tướng.

Tập 108, Nhiếp Đại thừa luận Thích (tt) Tập 109, Luận Biện Trung biên - Số 1595, - Nhiếp Đại thừa luận Thích: - Số 1600, - Luận Biện Trung biên, có 3 Q.11, Giải thích nhập nhân quả Tu sai biệt quyển: Q. Thượng, Nói về tướng, Nói về thắng tướng thứ 5: Tu thời, Giải thích y chướng; Q. Trung, Biện chân thật, Nói về Giới học tướng thù thắng thứ 6, Giải thích tu đối trị, Biện tu phẩm vị; Q. Hạ, Biện y Tuệ học sai biệt tướng thù thắng thứ 7; đắc quả-Nói về thừa vô thượng; số 1601, - Q.12, Giải thích y Tuệ học sai biệt tướng Luận Biện Trung biên tụng; số 1602, - thù thắng thứ 8; Q.13, Giải thích Học quả Luận Hiển dương Thánh giáo, có 20 tướng thù thắng thứ 9, Giải thích Trí sai quyển: từ Q.1-Q.4, Thâu nhiếp sự; Q.5, biệt tướng thù thắng thứ 10; Q.14-Q.15, Thâu nhiếp nghĩa thanh tịnh; Q.6-Q.10, Giải thích Trí sai biệt Tướng thù thắng thứ Thâu nhiếp nghĩa tịnh; Q.11, Nhiếp nghĩa 10; số 1596, - Giải thích Luận Nhiếp Đại tịnh; Q.12-Q.13, Thâu tóm nghĩa tịnh; thừa, có 10 quyển: Q.1, Nên biết y chỉ Q.14, Thành thiện xảo; Q.15, Thành lập Thắng tướng, Thắng ngữ-Thánh giáo vô khổ, Thành lập không; Q.16, Thành lập đẳng; Q.2, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Không-Thành lập Vô tính, Thành lập Hiện Thắng ngữ-Tướng; Q.3, Nên biết y chỉ quán; Q.17, Thành lập Hiện quán, Thành Thắng tướng, Thắng ngữ-Thế gian tịnh; lập Du-già, Thành lập bất tư nghì, Thâu Q.4, Nên biết y chỉ

Thắng tướng, Thắng nhiếp quyết trạch thù thắng; Q.18-Q.20, ngữ-Tướng; Q.5, Nên biết y chỉ Thắng Thâu nhiếp Quyết trạch thù thắng; số tướng, Thắng ngữ-Phân biệt; Q.6, Nên biết 1603, - Tụng Luận Hiển dương Thánh y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ; Q.7, Nên giáo: Nhiếp sự, Nhiếp tịnh nghĩa, Nhiếp biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ: Nhân thành thiện xảo-Thành vô thường, Thành quả vị, Đối trị-Lập danh; Q.8, Tăng khổ-Thành không, Thành Vô tánh-Thành thượng Giới học thắng tướng thắng ngữ; Hiện quán, Thành Du-già, Thành Bất tư Q.9, Thắng tướng thắng ngữ tăng thượng nghị, Nhiếp thắng quyết trạch; số 1604, - Tuệ học; Q.10, Trí thắng tướng thắng ngữ; Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh, có 13 số 1597, - Nhiếp Đại thừa Luận Thích (1), quyển: Lý Bách Dược vâng lệnh vua soạn có 10 quyển: Q.1, Nêu tổng quát về cương Lời tựa, Q.1, Duyên khởi, Thành lập yếu; Q.2-Q.3, Chỗ dựa của đối tượng nhận Tông, Quy y, Chủng tính; Q.2, Phát tâm, thức (sở tri y); Q.4-Q.6, Tướng của đối Thần thông-Thành thục; Q.3, Bồ-đề; Q.4, tượng nhận thức (sở tri chướng); Q.7, Nói về Tín; Q.5, Thuật cầu; Q.6, Hoằng Nhập Nhân quả ấy; Q.8-Q.9, Tuệ học tăng pháp; Q.7, Giáo thọ; Q.8, Độ nhiếp; Q.9, thượng; Q.10, Quả Trí kia; số 1598, - Cúng dường; Q.10, Giác phần; Q.12, Nhiếp Đại thừa Luận Thích (2), có 10 Công đức; Q.13, Hành-trụ. quyển: Q.1, Nêu tổng quát về cương yếu; Tập 110, Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập Q.2-Q.3, Chỗ dựa của đối tượng nhận - Số 1605, - Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma thức; Q.4-Q.5, Tướng của đối tượng nhận tập, có 7 quyển: Q.1-Q.3, Phần bản sự-Ba thức; Q.6, Nhập tướng của đối tượng nhận pháp-Ba pháp trong phần bản sự; Q.3, thức; Q.7, Nhập Nhân quả; Q.8, Tâm học Nhiếp trong phần bản sự-Tương ưng, tăng thượng; Q.9, Quả đoạn; Q.10, Quả Thành tựu trong phần bản sự-Phẩm đế Trí; số 1599, - Luận Trung biên Phân biệt, trong phần Quyết trạch; Q.4-Q.5, Phẩm có 2 quyển: Q. Thượng, Tướng; Q. Hạ, Đế trong phần Quyết trạch; Q.6, Pháp Đối trị tu trụ. trong phần Quyết trạch, Đắc trong phần

Quyết trạch; Q.7, Đắc trong phần Quyết 1.413. BỘ LUẬN SỚ – 15 Tập trạch, Nghị luận trong phần Quyết trạch; Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập số 1606, - Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp 146 – 160 tập, có 16 quyển: Q.1, Phần Bản sự-Ba Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc pháp; từ Q.2-Q.5, Ba pháp trong phần Bản xuất bản – 2000 sự; Q.5, Nhiếp trong phần Bản sự-Tương Tập 146, Số 1816, - Kim Cương Bát-nhã ưng trong phần bản sự; từ Q.6-Q.10, Phần luận Hội thích, có 3 quyển Thượng, Trung Quyết trạch-Đế; Q.11-Q.12, Phần Quyết và Hạ; số 1817, - Nói sơ lược Khen ngợi trạch-Pháp; Q.13-Q.14, Phần Quyết trạch- Một Bài tụng sau cùng trong Kinh Bát- Đắc; Q.15-Q.16, Phần Quyết trạch-Luận; nhã; số 1818, - Pháp Hoa Luận sớ, có 3 số 1607, - Luận Lục môn Giáo thọ tập quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1819, - định; số 1608, - Luận Nghiệp Thành tựu; Vô lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá Nguyện số 1609, - Luận Đại thừa Thành Nghiệp; sinh kệ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1820, - số 1610, - Luận Phật Tánh, có 4 quyển: Phật giáo Kinh Luận Sớ tiết yếu. Q.1, Duyên khởi-Phá chấp; Q.2, Hiển thể Tập 147, Số 1821, - Câu-xá luận ký, có 30 ba nhân-Ba tánh-Như Lai tạng; Q.3, Biệt quyển: Q.1-Q.2, P. Phân biệt Giới; từ Q.3- tướng-Tổng nhiếp-Phân biệt; Q.4, Biệt Q.7, P. Phân biệt Căn; Q.8, P. Phân biệt tướng-Vô biến dị-Không sai khác; số Thế; Q.9, P. Phân biệt thế gian; Q.10, Nói 1611, - Luận Cứu cánh Nhất thừa Bảo về 12 chi Duyên khởi; Q.11, Nói về Khí tánh, có 4 quyển: Q.1, Phần luận bổn, thế gian; Q.12, Nói về 3 phần bằng nhau; Phần Giải thích;

Q.2, Phật bảo-Pháp bảo- Q.13, Phân biệt Nghiệp; Q.14, Giải thích Tăng bảo; Q.3, Tất cả chúng sinh có Như riêng về Biểu Vô biểu; Q.15-Q.16, Phân Lai tạng; Q.4, Vô lượng phiền não trói biệt Nghiệp. buộc; số 1612, - Luận Đại thừa Ngũ uẩn; Tập 148, Số 1821, - Câu-xá luận ký (tt): số 1613, - Luận Đại thừa Quảng Ngũ uẩn; Q.17, Giải thích tên gọi Nghiệp đạo; Q.18, số 1614, - Luận Đại thừa Bách pháp Minh Nói riêng về Nghiệp chướng; Q.19, Giải môn bản sự Phần Trung lược lục danh số; thích Tùy miên; Q.20, Nói về Hoặc năng số 1615, - Luận Vương pháp Chánh lý; số hệ; Q.21, Phân biệt Tùy miên; từ Q.22- 1616, - Luận Thập bát Không; số 1617, - Q.25, Phân biệt Hiền Thánh; Q.26-Q.27, Luận Tam Vô tánh, có 2 quyển Thượng- Phân biệt Trí; Q.28, Phân biệt Định; Q.30, Hạ; số 1618, - Luận Hiển Thức; số 1619, - Phá chấp ngã; số 1822, - Câu-xá Luận sớ, Luận Vô tướng Tư trần; số 1620, - Luận có 30 quyển, tập 148, từ Q.1-Q.5. Giải Quyển; số 1621, - Luận Chưởng Tập 149, Số 1822, - Câu-xá Luận sớ (tt), Trung; số 1622, - Luận Thủ nhân Giả tập 149, từ Q.6-Q.30. thiết; số 1623, - Bài tụng Luận Quán tổng Tập 150, Số 1823, - Luận Câu-xá Tụng sớ tướng; số 1624, - Luận Quán Duyên sở bổn, có 30 quyển. duyên; số 1625, - Giải thích Luận Quán Sở Tập 151, Số 1824, - Trung Quán Luận sớ, duyên; số 1626, - Luận Đại thừa Pháp giới có 10 quyển, 26 phẩm: Q.1, P.1 Nhân Vô sai biệt (1); số 1627, - Luận Đại thừa duyên; Q.2-Q.3, P.1 Nhân duyên (tt); Q.4, Pháp giới Vô sai biệt (2). P.2 Khứ lai, P.3 Sáu tình, P.4 Năm ấm; nhiễm, P.7 Ba tướng; Q.6, P.8 Tác giả, P.9 Bản trụ, P.10 Đốt có thể đốt, P.11 Bản tế;

Q.7, P.12 Khổ, P.13 Hành, P.14 Hợp, P.15 Tập 159, Số 1835, - Biện Trung Biên luận Có không, P.16 Ràng buộc giải thoát; Q.8, Thuật ký, có 3 quyển Thượng, Trung và P.17 Nghiệp, P.18 Pháp, P.19 Thời; Q.9, Hạ; số 1836, - Luận Đại thừa Bách Pháp P.20 Nhân quả, P.21 Thành hoại, P.22 Minh môn Giải nghĩa, có 2 quyển Như Lai, P.23 Quán Điên đảo; Q.10, P.24 Thượng-Hạ; số 1837, - Luận Đại thừa Tứ đế, P.25 Niết-bàn, P.26 Mười hai Nhân Bách Pháp Minh môn Sớ giải, có 2 quyển duyên; số 1825, - Thập Nhị Môn luận sớ, Thượng-Hạ; số 1838, - Luận Đại thừa có 3 quyển, Bài tựa, Q. Thượng, (Phần Pháp giới Vô sai biệt; số 1839, - Lý Luận đầu), Môn quán hữu quả vô quả; Q. Môn thuật ký; số 1840, - Lời Sớ Nhân Trung, Môn duyên, Môn quán tướng; Q. Minh Nhập Chính lý luận, có 3 quyển Hạ, Môn quán hữu tướng vô tướng, Môn Thượng, Trung và Hạ; số 1841, - Nhân quán Nhân duyên; số 1826, - Thập Nhị Minh Nghĩa Đoạn; số 1842, - Nhân Minh Môn luận Tông trí nghĩa ký, có 2 quyển Nhập Chánh lý luận Nghĩa toát yếu; số Thượng-Hạ. 1843, - Đại thừa Khởi tín luận Nghĩa sớ, Tập 152, Số 1827, - Bách Luận sớ, có 3 có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1844, - Luận quyển: Q. Thượng, Cởi bỏ tội phước; Q. Khởi Tín sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ. Trung, Phá thần, Phá một, Phá dị, Phá Tập 160, Số 1845, - Luận Đại thừa Khởi tình, Phá trần; Q. Hạ, Phá trong nhân có Tín Biệt ký, có 2 quyển; số 1846, - Luận quả, Phá trong nhân không quả, Phá Đại thừa Khởi Tín Nghĩa ký, có 3 quyển thường, Phá không; số 1828, - Du-già Thượng, Trung và Hạ; số 1847, - Luận Luận ký, Bản luận quyển 100, tập 152, từ Đại thừa Khởi Tín Nghĩa ký Biệt ký; số Bản luận Q.1-Q.19. 1848, - Khởi Tín Luận sớ Bút sảo ký, có Tập 153, Số 1828, - Bách Luận sớ (tt): từ 20 quyển; số 1849, - Luận Đại thừa Khởi Bản luận Q.20-Q.56. Tín Nội nghĩa Lược Thám ký; số 1850, - Tập 154, Số 1828, - Bách Luận sớ (tt): từ Luận Đại thừa Khởi Tín luận Võng sớ, có Bản luận Q.57-Q.100. 6 quyển; Mục lục Tập 160, Luận sớ 15. Lược

toản, có 16 quyển. Tập 156, Số 1830, - Thành Duy Thức luận 1.414. BỘ LUẬN TẬP – 4 Tập Thuật ký, có 10 quyển, tập 156, từ Q.1- Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập Q.7. 111 – 114 Tập 157, Số 1831, - Thành Duy Thức luận Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Thuật ký (tt), tập 157, từ Q.8-Q.10; số xuất bản – 2000 1831, - Thành Duy Thức luận Chướng Tập 111, Bộ Luận Tập, Số 1628, - Nhân Trung xu yếu, có 2 quyển Thượng-Hạ; số minh Chánh lý Môn luận bổn; số 1629, - 1832, - Thành Duy Thức luận Liễu nghĩa Nhân minh Chánh lý Môn luận; số 1630, - đăng, có 7 quyển, tập 157, từ Q.1-Q.4. Luận Nhân minh Chánh lý; số 1631, - Hồi Tập 158, Số 1832, - Thành Duy Thức luận Tránh Luận; số 1632, - Luận Phương Tiện Liễu nghĩa đăng (tt), từ Q.5-Q.7; số 1833, Tâm; số 1633, - Luận Như thật Phản chất - Thành Duy Thức Luận Diễn bí, có 7 nạn phẩm; số 1634, - Luận Nhập Đại thừa, quyển; số 1834, - Duy Thức Thập nhị luận có 2 quyển: Q. Thượng, Phẩm Ý nghĩa; Q. Thuật ký, có 2 quyển Thượng-Hạ. Hạ, Phẩm Cơ luận Không; số 1635, - Luận Đại thừa Bảo yếu nghĩa, có 10 quyển; số

1636, - Luận Đại thừa Tập Bồ-tát học, có khứ, vị lai đều không-Tất cả pháp có 25 quyển: Q.1-Q.3, Tập bố thí học; Q.4, không; Q.3, Luận Phát tụ trung Phật bảo: Giới hộ trì chánh pháp; từ Q.5-Q.7, Có Trung ấm-Không có Trung ấm, Theo Không; Q.8, Tập ly nạn giới học-Hộ thân; thứ lớp-trong một lúc, Thoát lui-không Q.9, Hộ thân-Thọ dụng phước; Q.10, Hộ thoát lui-Tâm tánh; Tương ưng Bất tương thọ dụng phước-Thanh tịnh; Q.11-Q.12, ưng-Nghiệp quá khứ-Biện luận về Tam Thanh tịnh; Q.13, Tinh tấn Ba-la-mật, Nói bảo, Vô ngã-có ngã-không ngã, Nhóm về A-lan-nhã; Q.14, Nói về A-lan-nhã; Khổ đế sắc tướng trong sắc luận-tên gọi Q.15, Trị tâm; Q.16, Trị tâm-Niệm xứ; sắc-bốn đại giả danh, Bốn đại thật có-đó Q.17, Niệm xứ-Tự tánh thanh tịnh; Q.18- chẳng phải chứng, Làm rõ tôn chỉ của bổn Q.19, Tự tánh thanh tịnh; Q.20, Chánh luận-Không có tướng chứng-Có tướng mạng thọ dụng; Q.21, Tăng trưởng thắng chứng, Tướng bốn đại; Q.4, Căn Giả danh- lực; Q.22, Cung kính tác lễ; Q.23-Q.25, Phân biệt căn, Căn và bốn đại bằng nhau- Niệm Tam bảo; số 1637, - Luận Đại thừa Căn vô tri, Căn trần hợp ly, Thanh văn-Tướng, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1638, - ngửi mùi hương, Cảm giác về xúc-ý; Q.5, Luận Tập chư Pháp bảo Tối thượng nghĩa, Căn bất định-Tướng của sắc pháp, Tướng có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1639, - Luận của tiếng-Tướng của hương, Tướng của Đề-bà Bồ-tát Phá Lăng-già Kinh Trung vị-tướng của xúc; Trong thức luận của ngoại Đại thừa Tứ tông; số 1640, - Luận nhóm Khổ đế: Chẳng phải không có tâm Đề-bà Bồ-tát Phá Lăng-già Kinh Trung số pháp-Chẳng phải có tâm số pháp, Lập ngoại Tiểu thừa Niết-bàn; số 1641, - Luận không có tâm số-Lập có tâm số, Rõ ràng về Tùy Tướng (Giải Mười Đế trong luận); không có tâm số pháp-Không tương ưng, số 1642, - Luận Kim Cang Kế; số 1643, - Có tương ưng-Chẳng phải tương ưng, Kinh Ni-kiền-tử vấn Vô ngã nghĩa; số Nhiều tâm-một tâm-Chẳng phải nhiều tâm 1644, - Kinh Lập thế A-tỳ-đàm, có 10 chẳng phải một tâm, Nói rõ có nhiều tâm quyển: Q.1, Địa động; Q.2, Tượng vương thức tạm trú-Thức không trú, Thức cùng Lậu-xà-kỳ-lợi; Q.3, Vườn hoan hỷ; Q.4, sinh-Thức không cùng sinh; Q.6, Tưởng Thành Đề-đầu-lại-tra; Q.5, Thiên và Phi thọ trong luận Thọ nhóm Khổ đế-Hành thiên đánh nhau; Q.6, Vì sao; Q.7, Thọ khổ, Tưởng ấm trong nhóm Khổ đế, Biện sanh; Q.8, Địa ngục; Q.9, Tiểu tam tai tật minh về Ba thọ, hỏi về Thọ, Tư trong luận dịch; Q.10, Đại tam tai-Hỏa tai. Hành ấm ở nhóm Khổ đế: Hỷ-Tín-Cần- Tập 112, Bộ Luận

Tập, Số 1645, - Ức, Năm Thọ căn, Giác quan-những tâm Chương luận Sở tri, có 2 quyển Thượng- số khác; Q.7, Tư trong luận Hành ấm ở Hạ; số 1646, - Luận Thành Thật, có 16 nhóm Khổ đế: Bất tương ưng hành, Tư quyển: Q.1, Luận Phát tụ trung Phật bảo: trong luận Hành ấm ở nhóm Tập đế: Sơ Cụ túc-Thập lực, Tứ vô úy-Mười hiệu, Tướng nghiệp trong luận nghiệp-vô tác, Ba nghiệp không cần phòng hộ-Luận pháp Chẳng cố ý-tội nặng nhẹ, Nghiệp lớn nhỏ- bảo sơ tam thiện, Chúng pháp-12 bộ Kinh, ba nghiệp, Tà hạnh-chánh hạnh, Nghiệp Tăng bảo là luận về sự thanh tịnh làm đầu trói buộc; Q.8, Tư trong luận Hành ấm ở tiên-Phân biệt hiền Thánh, Ruộng phước nhóm Tập đế: Ba nghiệp báo-Ba loại thọ cát tường; Q.2, Luận Phát tụ trung Phật báo của nghiệp, Ba chướng-bốn nghiệp, bảo: Tứ đế-Pháp tụ, Trước 10 luận có Ngũ nghịch-năm giới, Sáu nghiệp, Bảy tướng-vô tướng, Có hai đời-Hai đời quá luật nghi, Bất thiện-thiện, Tám giới trai-

Tám loại ngữ-chín nghiệp, Mười đạo bất về Diệt đế; Q.4, Phân biệt Đạo đế; số thiện; Q.9, Tư trong luận Hành ấm ở nhóm 1648, - Luận Giải thoát Đạo, có 12 quyển: Tập đế: Mười đạo thiện-Quá hoạn, Ba Q.1, Nhân duyên; Q.2, Hạnh Đầu-đà, Phân nghiệp-khinh trọng, Nêu rõ nhân của biệt về định, Tìm thiện tri thức; Q.3, Phân nghiệp-Luận về phiền não và tướng phiền biệt hành-Phân biệt hành xứ; Q.4, Hành não, Tướng tham-nhân của tham, Lỗi lầm môn; Q.5, Hành môn 2; Q.6, Hành môn 3; của tham-đoạn tham, Sân giận-vô minh; Q.7, Hành môn 4; Q.8, Hành môn 5; Q.9, Q.10, Tư trong luận Hành ấm ở nhóm Tập Năm thần thông-phân biệt tuệ; Q.10-Q.11, đế: Kiêu mạng-nghi, Thân kiến-biên kiến, Năm Phương tiện; Q.12, Phân biệt Đế. Tà kiến-hai thủ, Tùy phiền não-căn bất Tập 113, Bộ Luận Tập, Số 1649, - Luận thiện, Tạp phiền não-chín kết; Q.11, Tư Tam-di-để bộ, có 3 quyển Thượng, Trung trong luận Hành ấm ở nhóm Tập đế: Tạp và Hạ; số 1650, - Luận Bích-chi Phật vấn-đoạn trừ lỗi, Minh nhân; Diệt đế: Nhân duyên, có 2 quyển Thượng-Hạ; số Tướng giả danh, Phá chấp là một-phá chấp 1651, - Luận Thập nhị Nhân duyên; số là khác, Phá chấp bất khả thuyết-phá chấp 1652, - Luận Duyên sinh; số 1653, - Luận không có-lập không có, Phá chấp bất khả Đại thừa Duyên sinh; số 1654, - Luận thuyết-Phá âm thanh-Phá hương vị xúc- Duyên duyên Tâm; số 1655, - Chỉ Quán Phá ý thức-Phá nhân quả; Q.12, Diệt đế: môn Luận tụng; số 1656, - Luận Bảo Hành Tâm pháp-diệt tận; Đạo đế: Phần nhận Vương Chánh, có 5 phẩm: P.1 An lạc Giải định trong luận về Định-Tướng định-Ba thoát, P.2 Tạp, P.3 Tư lương Bồ-đề, P.4 tam-muội, Bốn tu định, Bốn định vô Chính giáo vương, P.5 Xuất gia chánh lượng, Năm Thánh chi tam-muội-sáu tam- hạnh; số 1657, - Luận Thủ Trượng; số muội, Bảy tam-muội-tám giải thoát, Tám 1658, - Luận Chư giáo Quyết định danh thắng xứ-chín thứ lớp sơ thiền; Q.13, Đạo nghĩa; số 1659, - Luận Kinh Phát tâm Bồ- đế: Nhị thiền-Tam thiền, Thiền-Không vô đề, có 2 quyển, Q. Thượng: Khuyến phát- biên xứ, Ba định vô sắc-Định tận diệt, Phát tâm, Thệ nguyện-Đàn Ba-la-mật, Thi Mười nhất thiết xứ-Tưởng về vô thường- Ba-la-mật, Sắn-đề Ba-la-mật; Q. Hạ: Tỳ- tưởng khổ, Tưởng khổ-tưởng vô ngã; lê-da Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật, Bát-nhã Q.14, Tưởng chán ăn uống-tưởng về tất cả Ba-la-mật, Như thật Pháp môn, Không vô thế gian không thể an vui, Tưởng bất tịnh-tướng-Công đức trì; số 1660, - Luận Bồ-đề tưởng về sự chết-Ba tưởng sau, Năm định Tư lương, có 6 quyển; số 1661, - Luận Bồ- cụ đầu ở trong định cụ-sự hiểu biết bất đề Tâm ly

tướng; số 1662, - Kinh Bồ-đề thiện, Hiểu biết thiện, Năm định cụ sau- hạnh, có 4 quyển: Q.1, Ca ngợi tâm Bồ-đề, hơi thở ra vào, Chướng nạn của định; Bố thí cúng dường, Hộ giới; Q.2, Tâm Bồ- Q.15, Chỉ quán-tu định, Tưởng trí trong đề, Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa, Tinh tấn Ba- luận về Trí của tu Đạo đế, Kiến nhất đế-tất la-mật-đa; Q.3, Tâm Bồ-đề, Tỉnh lự Bát- cả duyên; Q.16, Thánh hành-kiến trí, Ba nhã Ba-la-mật-đa; Q.4, Tâm Bồ-đề Bát-tuệ-Bốn trí vô ngại, Năm trí-Sáu Thông nhã Ba-la-mật-đa, Hồi hướng; số 1663, - trí, Nhẫn trí-Chín trí-mười trí, Bốn mươi Bồ-đề Tâm Quán Thích; số 1664, - Luận bốn trí-Bảy mươi bảy trí; số 1647, - Luận Quảng thích Bồ-đề Tâm, có 4 quyển; số Tứ Đế, có 4 quyển: Q.1, Tư trạch, Lược 1665, - Luận Kim Cang Đảnh Du-già thuyết, Phân biệt khổ đế; Q.2, Phân biệt Trung Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Khổ đế-Suy xét về Tập đế; Q.3, Phân biệt Tâm Bồ-đề; số 1666, - Luận Đại thừa

Khởi Tín; số 1667, - Luận Đại thừa Khởi 1671, - Kinh Phước cái Chánh hành Sở tín Tân dịch, có 2 quyển Thượng-Hạ; số tập, có 12 quyển; số 1672, - Long Thọ Bồ- 1668, - Luận Thích Ma-ha diễn, có 10 tát vị Thiền-đà-ca vương Thuyết pháp yếu quyển. kệ; số 1673, - Khuyến Phát Chư vương Tập 114, Bộ Luận Tập, Số 1669, - Luận yếu kệ; số 1674, - Long Thọ Bồ-tát Đại tông Đại huyền Văn bổn, có 20 quyển: Khuyến giới vương tụng; số 1675, - Tán Q.1, Đại Quyết trạch Quy y đức xứ vô Pháp giới tụng (Bồ-tát Long Thọ); số biên; Q.2, Đại Quyết trạch Một loại Kim 1676, - Quảng Đại Phát nguyện tụng (Bồ- Cang đạo lộ; Q.3, Đại Quyết trạch Kim tát Long Thọ); số 1677, - Tam Thân Phạn luân Sơn vương đạo lộ; Q.4, Đại Quyết tán; số 1678, - Phật Tam thân Phạn tán; số trạch Đại hải Bộ tạng đạo lộ; Q.5, Đại 1679, - Phật Nhất bách bát Danh tán; số Quyết trạch Thâm lý xuất hưng Đại tạng 1680, - Nhất bách ngũ thập tán Phật tụng; đại Long vương đạo lộ; Q.6, Đại Quyết số 1681, - Phật Cát tường Đức tán, có 3 trạch vô tận vô cùng Trần trần số lượng quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1682, - đạo lộ; Q.7, Đại Quyết trạch Bất khả tư Thất Phật Tán bái Già-tha; số 1683, - Kiên nghì Câu câu vi trần Nhất thiết Sơn vương trì Phạn tán; số 1684, - Bát Đại linh Tháp đạo lộ; Q.8, Đại Quyết trạch Độc địa phi Phạn tán; số 1685, - Kinh Bát đại linh loạn Nhất định nhất định đạo lộ; Q.9, Đại Tháp danh hiệu; số 1686, - Hiền Thánh tập Quyết trạch Độc nhất vô nhị Sơn vương Già-đà Nhất bách tụng; số 1687, - Sự sư Tự tại đạo lộ; Q.10, Đại Quyết trạch San- Pháp ngũ thập tụng; số 1688, - Kinh Mật hội-đà-thi Phạm-ca-nặc đạo lộ; Q.11, Đại Tích lực sĩ Đại quyền Thần vương kệ Quyết trạch Thi-phạm-nặc Bổn vương đạo tụng; số 1689, - Thỉnh Tân-đầu-lư Pháp; lộ; Q.12, Đại Quyết trạch Nhất chủng số 1690, - Kinh Tân-đầu-lư Đột-la-xà vị Công đức Thuần thuần vô tạp Đại vương Ưu-đà-diên vương thuyết pháp; số 1691, - mãn Đại đạo lộ; Q.13, Đại Quyết trạch Kinh Ca-diếp Tiên nhơn thuyết y nữ nhân; Ma-ha bổn địa Cụ túc Phẩm tạng Phi hoạn số 1692, - Kinh Thắng quân Hóa thế bách Địa địa Phẩm loại bất cát tường đạo lộ; Q.15, Đại Quyết trạch Tự nhiên Bổn 1.415. BỘ NGUYÊN CHẤT NGỮ - vương Quảng đại chuyển địa Vô chứng vô DHÀTUKATHÀ (3) ngại câu hành đạo lộ; Q.16, Đại Quyết BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH – trạch Xuất ly hệ phượt Đại thanh bạch PUGGALAPANNATTI (4) Giải thoát đạo lộ; Q.17, Đại Quyết trạch Tạng Vô Tỷ Pháp Giải thoát Sơn vương đại đạo lộ; Q.18, (Abhidhammapitaka) Đại Quyết trạch Ma-ha Không trần Hải Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự tạng vương đạo lộ; Q.19, Đại Quyết trạch (Mahàthero Santakicco, 1913-1984) Giảo lượng Công đức Tán thán Tín hành Nxb Tôn

Giáo – 2012 Hiện thị lợi ích; Q.20, Đại Quyết trạch Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày hơn 119 Hiện thị bổn nhân Quyết định chứng thành trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Trừ sanh nghi sanh tín; số 1670 A, - Kinh Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Na-tiên Tỳ-kheo, có 2 quyển Thượng-Hạ; Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời số 1670 B, - Kinh Na-tiên Tỳ-kheo, có 3 cảm tưởng; quyển Thượng, Trung và Hạ (biệt bản); số

Bộ Nguyên Chất Ngữ, có 49 trang, nội Nội dung tác phẩm gồm có 23 phẩm: Lời dung gồm 14 phần: Màtikà: Đầu đề, Phần giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo I. Xiển minh câu yếu hiệp-Bất yếu hiệp, Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; P.I Phần Phần II. Xiển minh câu yếu hiệp với Bất nhân ngữ, Phần Thanh tịnh tỷ giáo, Phần yếu hiệp (Bất yếu hiệp), Phần III. Xiển Tỷ giáo, Phần Tứ chủng tỷ, Phần Tướng minh câu bất yếu hiệp với Yếu hiệp, Phần bình đẳng, Ngữ thanh khiết, Cật vấn chế IV. Xiển minh câu yếu hiệp với Yếu hiệp định, Thú hướng cật vấn, Y chế định cật (Yếu hiệp), Phần V. Xiển minh câu bất vấn, Phần nghiệp đặng kể, Cật vấn thông, yếu hiệp với bất Yếu hiệp (Bất yếu hiệp), Cật vấn thân tộc, Phần linh tinh, Hoại lìa Phần VI. Xiển minh Câu Phối hợp-Bất ngữ, Phạm hạnh ngữ, Hạn định ngữ, phối hợp, Phần VII. Xiển minh câu Tương Nguyên trừ ngữ, Chư tài vật ngữ, Quá khứ ưng dư Bất Tương ưng, Phần VIII. Xiển uẩn ngữ, Thích hợp ngữ, Niệm xứ ngữ, minh câu Bất Tương ưng với Tương ưng Hữu vô ngữ; P.II Tha dẫn ngữ, Bất tri ngữ, (Tương ưng), Phần IX. Xiển minh câu Hoài nghi ngữ, Tha tiếp dẫn ngữ, Ngôn Tương ưng dư Tương ưng (Tương ưng), chân biết ngữ, Khổ thực ngữ, Tâm trụ ngữ, Phần X. Xiển minh câu bất Tương ưng dư Nhiệt thấu ngữ, Tùng tiền thứ đệ ngữ, Từ bất Tương ưng, Phần XI. Xiển minh câu cú ngữ, Diệt ngữ; P.III Lực ngữ, Thánh Yếu hiệp dư Tương ưng-Bất Tương ưng, chung ngữ, Giải thoát ngữ, Giải thoát ngã Phần XII. Xiển minh câu Tương ưng dư mạn ngữ, Đệ bát ngữ, Đệ bát quyền ngữ, Yếu hiệp-Bất yếu hiệp, Phần XIII. Xiển Thiên nhãn ngữ, Thiên nhĩ ngữ, Tùy minh câu bất Yếu hiệp dư Tương ưng-Bất nghiệp hành trí ngữ, Thu thúc ngữ, Vô tương ưng, Phần XIV. Xiển minh câu bất tướng ngữ, Phi tưởng phi phi tưởng ngữ; Tương ưng dư Yếu hiệp-Bất yếu hiệp. P.IV Cư sĩ ứng cúng ngữ, Phát sinh ngữ, Bộ Nhân Chế Định, từ tr. 59 đến tr. 119, Phi cảnh lậu ngữ, Tùng hiệp ngữ, Xả tùng nội dung gồm: Phần xiển thuật, Uẩn chế hiệp ngữ, Phật do giác ngữ, Tướng hảo định, Xứ (nhập) chế định, Giới chế định, ngữ, Liên quan nhất định ngữ, Tùng hiệp Đề chế định, Quyền (căn) chế định, Nhân ngữ một nữa, Tuyệt trừ chư triền ngữ; P.V chế định; Phần xiển minh, Xiển minh phần Giải thoát ngữ, Vô học trí ngữ, Huyễn nhất, Xiển minh phần nhị, Xiển minh phần biến ngữ, Nhứt định ngữ, Đạt thông ngữ, tam, Xiển minh phần tứ, Xiển minh phần Tục trí ngữ, Tâm cảnh ngữ, Vị lai ngữ, ngũ, Xiển minh phần sáu, Xiển minh phần Hiện tại trí ngữ, Quả trí ngữ; P.VI Cổ bảy, Xiển minh phần tám, Xiển minh phần nhiên ngữ, Y tương sinh ngữ, Để ngữ, Vô chín, Xiển minh phần mười; Lời tri ân. sắc ngữ, Nhập diệt ngữ, Hư không ngữ, Hư không hữu kiến ngữ, Địa chất hữu kiến 1.416. BỘ NGỮ TÔNG – ngữ, Nhãn quyền hữu kiến ngữ, Thân KATHÀVATTHU nghiệp hữu kiến ngữ; P.VII Yếu hiệp ngữ, Tạng Vô Tỷ Pháp Tương ưng ngữ, Sở hữu tâm ngữ, Bố thí (Abhidhammapitaka) ngữ, Hưởng dụng thành tựu phước ngữ, Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự Tự thử thí ngữ, Đại địa nghiệp quả ngữ, (Mahàthero Santakicco, 1913-1984) Lão tử quả ngữ, Thánh nghiệp

quả ngữ, Nxb Tôn Giáo – 2011. Sách có khổ 20.5 x Pháp dị thục quả nhân ngữ; P.VIII Lục thú 29cm, dày hơn 443 trang, bìa cứng màu hướng ngữ, Trung hữu ngữ, Dục lạc ngữ, đỏ, chữ tựa mạ vàng. Dục ngữ, Sắc giới ngữ, Vô sắc giới ngữ,

Sắc giới lục xứ ngữ, Vô sắc hữu sắc ngữ, ngữ, Sắc thành Sắc giới-Vô sắc giới ngữ, Sắc hành động ngữ, Mạng quyền ngữ, Sắc ái-Sắc giới-Vô sắc ái-Vô sắc giới liên Nghiệp nhân ngữ; P.IX Thành quả ngữ, quan luân hồi ngữ; P.XVII La-hán khí Bất tử cảnh ngữ, Sắc hữu tri cảnh ngữ, phước ngữ, La-hán vô phi thời tử ngữ, Tùy miên vô hữu cảnh ngữ, Trí bất tri Nhất thế thử thành do nghiệp ngữ, Quyền cảnh ngữ, Quá khứ cảnh ngữ, Vị lai cảnh liên quan ngữ, Trừ ra Thánh đạo ngữ, Bất ngữ, Tầm liên quan ngữ, Tầm bá thinh ưng ngôn Tăng thọ cúng dường ngữ, Bất ngữ, Dẫn tâm ngôn ngữ, Tâm dẫn thân ngôn Tăng ưng thọ thí ngữ, Bất ngôn Tăng nghiệp ngữ, Quá khứ-vị lai-hiện tại ngữ; độ thực ngữ, Bất ngôn cúng Tăng đa quả P.X Diệt ngữ, Sắc đạo ngữ, Ngũ thức hội ngữ, Bất ngôn cúng Phật đa quả ngữ, Bố đạo tu ngữ, Ngũ thức thiện hỷ ngữ, Ngũ thí thanh tịnh ngữ; P.XVIII Thế giới nhân thức kiết phược ngữ, Nhị giới tùy tề ngữ, loại ngữ, Thuyết pháp ngữ, Bi ngữ, Khí Giới phi sở hữu tâm ngữ, Giới phi tùng xuất ngữ, Nhứt đạo ngữ, Thiền-đà ngữ, hành tâm ngữ, Nguyện trì nhân ngữ, Biểu Thiền hữu gián ngữ, Nhập thiền thinh tri giới ngữ, Vô biểu tri phạm giới ngữ; thinh ngữ, Nhãn kiến sắc ngữ; P.XIX Trừ P.XI Tam chủng tiềm thùy ngữ, Trí ngữ, phiền não ngữ, Tiêu diệt ngữ, Phổ thông Trí bất tương ưng tâm ngữ, Thử khổ ngữ, quả ngữ, Ân đức ngữ, Chân ngữ, Thiện Thần thông lực ngữ, Định ngữ, Pháp trụ ngữ, Cực thậm cổ nhiên ngữ, Quyền ngữ; ngữ, Vô thường ngữ; P.XII Thu thúc P.XX Vô cổ quyết ngữ, Trí ngữ, Diêm nghiệp ngữ, Nghiệp ngữ, Thinh dị thục vương ngữ, Bàng sanh ngữ, Đạo ngữ, Trí quả ngữ, Lục nhập ngữ, Thất lai chi ngữ; P.XXI Tông giáo ngữ, Bất nghiêm thượng ngữ, Lục lai nhất sanh ngữ, Mạng tịnh ngữ, Triền ngữ, Thần thông ngữ, Phật tuyệt ngữ, Khổ thủ ngữ, Thất sanh ngữ; ngữ, Chư phương ngữ, Pháp ngữ, Nghiệp P.XIII Bát kiếp ngữ, Thiện tâm phân ngữ; P.XXII Tịch diệt ngữ, Thiện tâm ngữ, chuyển ngữ, Vô gián bất hiệp ngữ, Quyết Bất động ngữ, Chứng thập pháp ngữ, Tam định sở nhất định ngữ, Cái ngữ, Hội diện toàn ngữ, Vô ký ngữ, Cổ hưởng duyên ngữ, Nhập thiền thích thành cảnh ngữ, Phi ngữ, Nhất sát-na ngữ; P.XXIII Đồng nhu cảnh ái ngữ, Pháp ái vô ký ngữ, Pháp ái yếu ngữ, La-hán nhãn sắc ngữ, Dục tác phi khổ tập ngữ; P.XIV Thiện bất thiện vương hồn ngữ, Ái thích hợp hành ngữ, liên kết ngữ, Lục nhập sanh ngữ, Vô gián Bất hiển minh ngữ; Lời tri ân. duyên ngữ, Thánh sắc ngữ, Bất đồng tùy miên ngữ, Già cái bất tương ưng tâm ngữ, 1.417. BỘ PHÁP TỤ - Liên quan luân hồi ngữ, Vô ký ngữ, Bất DHAMMASANGANÌ liên quan luân hồi ngữ; P.XV Duyên khởi Tạng Vô Tỷ Pháp ngữ, Hỗ tương duyên ngữ, Ký gian ngữ, (Abhidhammapitaka) Sát-na kỳ-gian đểm điểm ngữ, Lậu ngữ, Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự Lão tử ngữ, Tưởng hướng ngữ, Tưởng (Mahàthero Santakicco, 1913-1984) hướng ngữ thứ hai, Tưởng hướng ngữ thứ Nxb Tôn Giáo – 2012 ba, Vô tướng hữu ngữ, nghiệp tạo chứa Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày 218 trang, ngữ; P.XVI Chính lệ ngữ, Phò trì ngữ, Lạc bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. phú ngữ, Tập định tác ý ngữ, Sắc thành Nội dung tác phẩm gồm có: Lời giới thiệu, nhân ngữ, Sắc hữu nhân ngữ, Sắc thành Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên thiện-bất thiện ngữ, Sắc thành dị thục quả Thủy, Lời cảm tưởng; Mẫu đề, Thiên Tâm

sanh, Pháp thiện: Tám Tâm thiện dục giới, Nội dung gồm có 18 đề tài phân tích: Lời Thiện sắc giới, Thiện vô sắc giới, Tứ thiền giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Vô sắc giới, Ba bực pháp thiện trong ba Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; cõi, Thiện dục giới, Thiện sắc giới, Thiện I. Uẩn phân tích, A. Uẩn phân tích theo Vô sắc giới, Tâm thiện siêu thế, Tâm đạo Kinh, Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành thứ nhứt, Tâm thiện siêu thế, Tâm đạo thứ uẩn, Thức uẩn; B. Uẩn phân tích phân theo hai, Tâm đạo thứ ba, Tâm đạo thứ tư; Pháp Diệu pháp, Sắc uẩn đó ra sao? Thọ uẩn đó bất thiện: 12 Tâm bất thiện; Pháp Vô ký: ra sao? Tưởng uẩn đó ra sao? Hành uẩn đó Quả dục giới, Tám tâm đại quả, Quả sắc ra sao? Thức uẩn đó ra sao? C. Uẩn phân giới, Quả vô sắc giới, Quả siêu thế, Quả tích phần vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, của tâm đạo thứ hai, ba và tư, Vô ký quả Đáp theo nhị đề: Đáp phần chùm nhân, bất thiện, Dục giới tố, Sắc giới tố, Vô sắc Đáp phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, giới tố; Thiên Sắc pháp (Rùpakandam), Đáp phần chùm triền, Đáp phần chùm Đầu đề (Màtika), Phần nhứt đề, Phần nhị phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần đề, Phần tam đề, Phần tứ đầu đề, Phần ngũ chùm khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp đầu đề, Phần lục đầu đề, Phần thất đầu đề, phần chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Phần bát đầu đề, Phần cửu đầu đề (Cửu Đáp phần nhị đề yêu bối; yếu hiệp), Phần thập đầu đề, Phần thập II. Xứ phân tích, A. Xứ phân tích theo nhứt đầu đề; Sắc bình nhựt: Phần nhứt Kinh, B. Xứ phân tích phân theo Diệu xiển minh, Phần nhị xiển minh, Nhị đề pháp, C. Xứ phân tích phần vấn đáp, Đáp xiển minh, Tam đề xiển minh, Tứ đề xiển theo đầu đề tam, Đáp theo đầu đề nhị: Đáp minh, Ngũ đề xiển minh, Lục đề xiển phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, minh, Thất đề xiển minh, Bát đề xiển Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, minh, Cửu đề xiển minh, Thập đề xiển Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm minh, Thập nhứt đề xiển minh; Thiên toát bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần yếu: Đầu đề tam, Đầu đề nhị, Toát yếu nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần phần nhị đề Kinh; Thiên trích yếu: Đầu đề chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bối; tam và đầu đề nhị,..., Lời tri ân. III. Chất phân tích: A. Chất phân tích theo Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Kinh, B. Chất phân tích phân theo Diệu Năm PL. 2534 – DL. 1990, THPG Tp. Hồ pháp, C. Chất phân tích phần vấn đáp, Đáp Chí Minh ấn hành với tên sách: theo đầu đề tam, Đáp theo đầu đề nhị: Đáp Abhidhammapitaka Dhammasangani - phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, Tạng Diệu Pháp – Bộ Pháp Tụ; năm 2020, Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, Nxb Hồng Đức. Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần 1.418. BỘ PHÂN TÍCH - VIBHANGA nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần Tạng Vô Tỷ Pháp chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bối; (Abhidhammapitaka) IV. Đế phân tích: A. Đế phân tích phân Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự theo Kinh, Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh (Mahàthero Santakicco, 1913-1984) đế, Khổ diệt Thánh đế, Thánh đế tiến hành Nxb Tôn Giáo – 2012 nhân diệt khổ; B. Đế phân tích phân theo Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày hơn 360 Diệu pháp, Phần bát chi, Phần ngũ chi trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. đạo, Phần tất cả chi; C. Đế phân tích phần

vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo thục quả Thiện căn, Tâm dị thục quả thiện đầu đề nhị: Đáp phần chùm nhân, Đáp vô nhân, Tám tâm đại dị thục quả, Tâm dị phần nhị

đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp thục quả Sắc giới, Tâm dị thục quả Vô sắc phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, giới, Tâm dị thục quả Siêu thế, Xiển minh Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm phần Bất thiện căn dị thục quả, Bảy tâm dị khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần thục quả bất thiện; chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp VII. Niệm Xứ phân tích, A. Niệm Xứ phân phần nhị đề yêu bối; tích theo Kinh: Niệm thân xiển minh, V. Quyền phân tích, Quyền phân tích phần Niệm thọ xiển minh, Niệm tâm xiển minh, vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo Niệm pháp xiển minh, B. Niệm Xứ phân đầu đề nhị: Đáp phần chùm nhân, Đáp tích phân theo Diệu pháp, C. Niệm Xứ phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp phân tích phần vấn đáp; phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, VIII. Tứ Chánh cần phân tích, A. Tứ Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm chánh cần phân tích theo Kinh, B. Tứ khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần chánh cần phân tích phân theo Diệu pháp, chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp C. Tứ chánh cần phân tích phần vấn đáp; phần nhị đề yêu bối; IX. Như ý túc phân tích, A. Như ý túc phân VI. Duyên khởi phân tích, A. Duyên khởi tích theo Kinh, B. Như ý túc phân tích phân tích phân theo Kinh, B. Duyên khởi phân theo Diệu pháp, C. Như ý túc phân phân tích phân theo Diệu pháp, Bất thiện tích phần vấn đáp; xiển minh, Tâm bất thiện thứ nhất, Tứ X. Thất giác chi phân tích, A. Thất giác phần duyên khởi, Tứ phần nhân, Tứ phần chi phân tích theo Kinh, B. Thất giác chi Tương ưng, Tứ phần tương tế, Tâm bất phân tích phân theo Diệu pháp, C. Thất thiện thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12; giác chi phân tích phần vấn đáp; Thiện xiển minh, Tám Tâm thiện Dục XI. Đạo phân tích, A. Đạo phân tích theo giới: Tâm thiện Dục giới thứ nhất, Tâm Kinh, B. Đạo phân tích phân theo Diệu thiện Dục giới thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Tâm pháp, C. Đạo phân tích phần vấn đáp; thiện Sắc giới, Tâm thiện Vô sắc giới, XII. Thiền phân tích, A. Thiền phân tích Tâm thiện siêu thế, Vô ký xiển minh, Tám theo Kinh, B. Thiền phân tích phân theo tâm Dị thục quả thiện vô nhân: Tâm Dị Diệu pháp: Thiền thiện theo bốn bậc, thục quả thiện vô nhân thứ nhất, Tâm Dị Thiền thiện theo năm bậc, Thiền thiện siêu thục quả thiện vô nhân thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, thế theo bốn bậc, Thiền thiện siêu thế theo 8, Tám tâm Dị thục quả Dục giới, Tám năm bậc, Thiền dị thục quả theo bốn bậc tâm Dị thục quả Sắc giới, Tám tâm Dị và năm bậc, Thiền dị thục quả siêu thế thục quả Vô sắc giới, Tám tâm Dị thục theo bốn bậc và năm bậc, Thiền tố theo quả Siêu thế, Bảy tâm Dị thục quả bất bốn và năm bậc, C. Thiền phân tích phần thiện vô nhân: Tâm Dị thục quả bất thiện vấn đáp; vô nhân 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; 20 thứ tâm tố, XIII. Vô lượng phân tích, A. Vô lượng Xiển minh phần căn vô minh đối với thiện, phân tích theo Kinh: Từ vô lượng xiển Tám tâm đại thiện: Tâm đại thiện thứ nhất, minh, Bi vô lượng xiển minh, Tùy hỷ vô Tâm thiện Dục giới 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Tâm lượng xiển minh, Xả vô lượng xiển minh; thiện Sắc giới, Tâm thiện Vô sắc giới, B. Vô lượng phân tích phân theo Diệu Tâm thiện Siêu thế, Xiển minh phần dị pháp: Thiền thiện từ theo bốn bậc, Thiền

thiện từ theo năm bậc, Thiền thiện bi theo bao nhiêu, Phần thấu triệt, Phần cảnh, bốn bậc, Thiền thiện bi theo năm bậc, Phần hiện tại, Phần tam đề thiện, Phần tam Thiền thiện tùy hỷ theo bốn bậc, Thiền đề thọ, Phần tam đề dị thục quả, Phần đầu thiện tùy hỷ theo năm bậc, Thiền thiện xả, đề thủ cảnh thủ, Phần đầu đề hữu tầm, Thiền dị thục

quả “từ” theo bốn bậc, Thiền Phần nhị đề sắc, Phần nhị đề hiệp thế; Lời dị thục quả “bi” theo bốn và năm bậc, tri ân. Thiền dị thục quả “tùy hỷ” theo bốn và năm bậc, Thiền dị thục quả “xả”, Thiền tố 1.419. BỘ SONG ĐỐI - YAMAKA “từ” theo bốn và năm bậc; C. Vô lượng Tạng Vô Tỷ Pháp phân tích phần vấn đáp; XIV. Điều học (Abhidhammapitaka) phân tích, A. Điều học phân tích theo Diệu Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự pháp, Năm điều học phân theo tám tâm (Mahàthero Santakicco, 1913-1984) thiện Dục giới, Chia ngũ giới theo tám tâm Nxb Tôn Giáo – 2012. Sách có khổ 20.5 x thiện Dục giới, Pháp thành điều học, B. 29cm, dày hơn 726 trang, bìa cứng màu Điều học phân tích phần vấn đáp. đỏ, chữ tựa mạ vàng. XV. Đạt thông phân tích, A. Đạt thông Nội dung tác phẩm gồm có: Lời giới thiệu, phân tích phân theo Kinh, B. Đạt thông Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên phân tích phân theo Diệu pháp: Tứ đạt Thủy, Lời cảm tưởng; Căn song, Xiển thông phân theo tám tâm thiện Dục giới, thuật Căn song; Uẩn song, Phần định Tứ đạt thông phân theo tâm thiện Sắc giới, danh, Phần đạt tri; Giới song, Phần định Tứ đạt thông phân theo tâm thiện Vô Sắc danh, Phần xiển thuật, Phần xiển minh, giới, Tứ đạt thông phân theo tâm thiện Phần hành vi, Phần đạt tri; Đề song, Phần Siêu thế, Tứ đạt thông phân theo 12 tâm định danh, Phần hành vi, Phần đạt tri; bất thiện, Tam đạt thông phân theo tám Hành song, Phần định danh, Phần xiển tâm dị thục quả thiện vô nhân, Tam đạt thuật, Phần xiển minh, Phần câu lọc căn thông phân theo tám tâm dị thục quả thiện luân, Phần thuần hành, Phần bình nhựt, Dục giới, Tam đạt thông phân theo tâm dị Phần đạt tri; Tùy miên song, Phần tùy thục quả Sắc giới, Tam đạt thông phân miên, Phần tự y tùy miên, Phần trừ tùy theo tâm dị thục quả Vô Sắc giới, Tam đạt miên, Phần đạt trừ, Phần vấn sanh, Phần thông phân theo tâm dị thục quả Siêu thế, giới; Tâm song, Phần xiển thuật, Phần xiển Tam đạt thông phân theo bảy tâm dị thục minh; Pháp song, Phần án trí, Phần hành quả bất thiện, Tam đạt thông phân theo ba vi, Phần tu tiến; Quyền song, Phần án trí, tâm tố vô nhân, Tam đạt thông phân theo Phần hành vi, Phần chu tường; Lời tri ân. ba loại tâm tố; C. Đạt thông phân tích phần vấn đáp. 1.420. BỘ TRUNG QUÁN – 1 Tập XVI. Trí phân tích, Phần đầu đề, Phần xiển Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, tập minh… 103 XVII. Tiểu tông phân tích, Phần đầu đề, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc Phần xiển minh… xuất bản – 2000 XVIII. Pháp Tâm phân tích, Phần chư yếu - Số 1564, - Trung Luận, có 4 quyển: Q.1, hiệp, Phần tâm bất sinh, Phần liên quan Các quán về: Đi lại, Sáu tình, Năm ấm, bất liên quan, Phần danh siêu phi danh Sáu chủng, Ô nhiễm người ô nhiễm; Q.2, siêu, Phần kiến, Phần nghiệp sanh sống Quán về: Ba tướng, Tác-Tác giả, Đốt

cháy-Bị đốt cháy, Bản tế, Khổ, Hành; Q.3, Q.2-Q.3, Phá ngã; Q.4-Q.5, Phá thời; Q.6, Quán về: có-không, Trói-mở, Nghiệp, Phá kiến; Q.7, Phá căn-Phá cảnh; Q.8, Phá Pháp, Thời, Nhân quả, Thành hoại; Q.4, biên chấp; Q.9, Phá tướng hữu vi; Q.10, Quán về: Như Lai, Điên đảo, Tứ đế, Niết- Giáo giới đệ tử; số 1572, - Bách Tự luận; bàn, Nhân duyên, Tà kiến; số 1565, - số 1573, - Luận Nhất luân Lư Ca; số 1574, Thuận Trung luận Nghĩa nhập Đại Bát- - Luận Đại thừa Phá hữu; số 1575, - Luận nhã Ba-la-mật Kinh sơ Phẩm Pháp môn, Lục thập tụng Như lý; số 1576, - Luận Đại có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1566, - Bát-thừa Nhị thập tụng; số 1577, - Luận Đại nhã Đăng luận Thích, có 15 quyển: Q.1- Trượng phu, có 2 quyển, Q. Thượng: Thí Q.2, Quán Duyên; Q.3, Quán Khứ lai; thắng, Thí thắng

vị, chủ thể thí, Thí chủ Q.4, Quán: Sáu căn, Năm ấm, Lục giới; khất giả tăng trưởng-Giải thoát thù thắng, Q.5, Quán: Nhiễm nhiễm, Tướng hữu vi; Thí chủ tăng trưởng-Cung kính người xin, Q.6, Quán: Tác giả-Nghiệp, Thủ giả; Q.7, Tài vật thí-Xả nhất thiết, Xả ấm thọ-Thân Quán: Củi lửa, Sinh tử; Q.8, Quán: Khổ- mạng-Hiện bi-Pháp thí; Q. Hạ: Phát tâm Hạnh-Hợp; Q.9, Quán: Hữu vô, Phược- Bồ-đề, Công đức thù thắng, Thắng giải giải; Q.10, Quán Nghiệp; Q.11, Quán: thoát, Tạo lợi ích cho người khác, Thí thù Pháp, Thời; Q.12, Quán: Nhân quả Hòa thắng đối với khổ của kẻ khác, Ái bi, Hàng hợp, Thành hoại; Q.13, Quán Như Lai; trượng phu giác ngộ...; số 1578, - Luận Q.14, Quán: Điên đảo, Thánh đế; Q.15, Đại thừa Chưởng trân, có 2 quyển kiến; số 1567, - Đại thừa Trung Quán thích luận, có 9 quyển: Q.1-Q.2, Quán 1.421. BỘ VỊ TRÍ – PATTHÀNA – Duyên; Q.2-Q.3, Quán Khứ lai; Q.3, Quán Trọn bộ 6 Tập - Tạng Vô Tỷ Pháp Sáu căn; Q.4, Quán: Năm uẩn, Sáu giới; (Abhidhammapitaka) Q.5, Quán: Pháp nhiễm, người nhiễm, Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự Hữu vi; Q.5-Q.7, Quán Hữu vi; Q.7, Quán (Mahàthero Santakicco, 1913-1984) Tác giả-Tác nghiệp; Q.8, Quán Phần vị Nxb Tôn Giáo – 2012 đầu tiên; Q.9, Quán: Củi lửa, Sinh tử, Khổ, Sách có khổ 20.5 x 29cm, bìa cứng màu Hành; - Luận Thập nhị môn, 1. Quán Nhân đỏ, chữ mạ vàng. duyên, 2. Quán có quả-Không có quả, 3. Tập I & II, dày hơn 581 trang, nội dung Quán duyên, 4. Quán tướng, 5-6. Quán có gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tướng-Không có tướng, 7. Quán có-Không tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm có, 8. Quán tánh, 9-10. Quán Nhân quả- tưởng; Tác giả, 11-12. Quán ba thời gian-sinh; - Tập I. Bộ Vị Trí, Phần Đầu đề yếu lược, Bách Luận, có 2 quyển, Q. Thượng: Xả tội Phần Giải thích duyên, Vị trí Tam đề phước, Phá thần, Phá nhất; Q. Hạ: Phá dị, thuận: Tam đề thiện, Phần Liên quan, Tình trần, Phá trong nhân có quả-Trong Phần Đồng sanh, Phần Ỷ trượng, Phần nhân không quả, Phá thường-không; số Hỗn hợp, Phần Tương ưng, Phần Vấn đề 1570, - Quảng Bách luận bổn (Phá các phân giải, Phần nhãn căn, Phần cảnh căn, chấp: thường-không, Thời, Kiến chấp, Phần trưởng căn, Phần vô gián căn, Phần Căn, Cảnh, Biên chấp, Tướng hữu vi); số Liên tiếp căn, Phần Đồng sanh căn, Phần 1571, - Đại thừa Quảng bách luận – Thích Hỗ tương căn, Phần Y chỉ căn, Phần Cận y luận, có 10 quyển: Q.1-Q.2, Phá thường; căn, Phần Tiền sanh căn, Phần Hậu sanh

căn, Phần Cổ hưởng căn, Phần Nghiệp nghiệp căn, Phần quả căn, Phần thực căn, căn, Phần Quả căn, Phần Thực căn, Phần Phần quyền căn, Phần thiền căn, Phần đạo Quyền căn, Phần Thiền căn, Phần Đạo căn, Phần tương ưng căn; Tam đề quả: căn, Tương ưng căn, Bất tương ưng căn, Phần Liên quan, Phần đồng sanh, Phần ỷ Hiện hữu căn, Vựng lập danh, Vô hữu căn, trượng, Phần y chỉ, Phần hỗn hợp, Phần Ly căn, Bất ly căn, Vựng lập danh, Rút tương ưng, Phần vấn đề; Tam đề thủ: Phần ngược nơi vấn đề, Phần Phi nhân căn, Liên quan, Phần đồng sanh, Phần ỷ Phần Phi cảnh căn, Phần Phi đồng sanh trượng, Phần y chỉ, Phần hỗn hợp, Phần căn, Phần Phi hỗ tương căn, Phần Phi y tương ưng, Phần vấn đề; Tam đề phiền chỉ căn, Phần Phi cận y căn, Phần Phi tiền toái: Phần Liên quan, Phần câu đầu; sanh căn, Phần Phi hậu sanh căn, Phần Phi Tập II. Bộ Vị Trí, Tam đề tâm: Phần Liên nghiệp căn, Phần Phi thực căn, Phần Phi quan, Phần ỷ trượng, Phần hòa hợp, Phần quyền căn, Phần Phi bất tương ưng căn, nhan đề; Tam đề nghịch; Tam đề hỷ, Phần Phần Phi hiện hữu căn; Đếm thuận tùng- Liên quan, Phần nhan đề;

Tam đề sơ đạo: đối lập: Phần nhãn căn, Phần cảnh căn, Phần Liên quan, Phần đồng sanh, Phần ỷ Phần trưởng căn, Phần vô gián căn, Phần trượng, Phần hòa hợp, Phần tương ưng, liên tiếp căn, Phần đồng sanh căn, Phần hỗ Phần nhan đề; Tam đề hữu nhân sơ đạo tương căn, Phần y chỉ căn, Phần cận y tuyệt trừ: Phần Liên quan, Phần ỷ trượng, căn, Phần tiền sanh căn, Phần hậu sanh Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề nhân căn, Phần cổ hưởng căn, Phần nghiệp căn, sanh tử: Phần Liên quan, Phần ỷ trượng, Phần quả căn, Phần thực căn, Phần quyền Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề hữu căn, Phần thiền căn, Phần đạo căn, Phần học: Phần Liên quan, Phần ỷ trượng, Phần tương ưng căn, Phần bất tương ưng căn, hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề hi thiều: Phần hiện hữu căn, Phần vô hữu ly bất ly Phần Liên quan, Phần ỷ trượng, Phần hòa căn; Đếm đối lập-thuận tùng: Phần phi hợp, Phần vấn đề; Tam đề cảnh hi thiều, nhãn căn, Phần phi cảnh căn, Phần phi Phần vấn đề; Tam đề ty hạ, Phần Liên trưởng căn, Phần phi vô gián căn, Phần quan; Tam đề tả: Phần Liên quan, Phần ỷ phi liên tiếp căn, Phần phi đồng sanh căn, trượng, Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam Phần phi hỗ tương căn, Phần phi y chỉ căn, đề có đạo là cảnh: Phần liên quan, Phần Phần phi cận y căn, Phần phi tiền sanh vấn đề; Tam đề sanh tồn, Phần vấn đề; căn, Phần phi hậu sanh căn, Phần phi cổ Tam đề quá khứ, Phần vấn đề; Tam đề biết hưởng căn, Phần phi nghiệp-phi quả căn, cảnh quá khứ: Phần Liên quan, Phần vấn Phần phi thực căn, Phần phi quyền căn, đề; Tam đề nội phản: Phần Liên quan, Phần phi thiền căn, Phần phi đạo căn, Phần ỷ trượng, Phần vấn đề; Tam đề biết Phần phi tương ưng căn, Phần phi bất cảnh nội phản: Phần Liên quan, Phần vấn tương ưng căn, Phần phi hiện hữu căn, đề; Tam đề hữu kiến hữu đối chiếu: Phần Phần phi vô hữu căn, Phần phi ly căn, Liên quan, Phần vấn đề. Phần phi bất ly căn; Tam đề thọ: Phần Tập III & IV, Bộ Vị Trí, dày hơn 465 Liên quan, Phần tương ưng, Phần vấn đề, trang, nội dung gồm có: Nhị đề nhân, Phần nhãn căn, Phần cảnh căn, Phần PHẦN LIÊN QUAN, Vô gián duyên, Liên trưởng căn, Phần vô gián và liên tiếp căn, tiếp duyên, Đồng sanh duyên đều có đại Phần đồng sanh-tương tế và y chỉ căn, sung, luôn cả người Vô tưởng, Dị thời Phần cận y căn, Phần cổ hưởng căn, Phần nghiệp duyên, Quả duyên,... Tóm tắt, Bất

ly duyên, Dứt thuận thứ, Dứt cách ngược, phân tích như Phần Liên quan Quyền Dứt cách thuận nghịch, Dứt cách nghịch duyên nên phân rộng có 9 câu, Hậu sanh thuận, PHẦN VẤN ĐỀ, Trưởng cảnh như: như: Nhân làm duyên cho thân ấy sanh Nặng chấp về nhân làm cho nhân sanh ra, trước bằng Bất tương ưng duyên, Hậu Trưởng đồng sanh như nhân Trưởng làm sanh như: Uẩn phi nhân làm duyên cho duyên cho nhân tương ưng bằng Trưởng thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên, Trưởng cảnh như nặng chấp về duyên, Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, nhân làm cho Uẩn phi nhân sanh ra, vật làm duyên cho nhân bằng Bất tương Trưởng đồng sanh như: Trưởng nhân làm ưng duyên, Tiền sanh như: Vật làm duyên duyên cho Uẩn tương ưng và sắc tâm bằng cho nhân bằng Bất tương ưng duyên, Tiền Trưởng duyên, Sau khi bố thí... Tóm tắt... sanh như: Vật làm duyên cho Nhân và xin sắp luôn đến uẩn phi nhân, Trưởng Uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên, đồng sanh như: Trưởng phi nhân làm Hậu sanh như: Nhân làm duyên cho thân duyên cho Uẩn tương ưng và Sắc tâm ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, Đồng bằng Trưởng duyên, Trưởng cảnh như: sanh như:

Nhân và Đại sung làm duyên Sau khi bố thí… Tóm tắt… xin sắp luôn cho Sắc tâm ấy bằng Hiện hữu duyên, Hậu cho đến vật và uẩn phi nhân, Trưởng đồng sanh như: Nhân và Đoàn thực làm duyên sanh như: Trưởng phi nhân làm duyên cho cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên, Dứt nhân tương ưng bằng Trưởng duyên, thuận tùng, Dứt đối lập, Dứt thuận nghịch, Trưởng cảnh như: Chấp trước nhân và Dứt nghịch thuận (hết Nhị đề nhân); NHỊ Uẩn tương ưng nặng rồi làm cho nhân ĐỀ HỮU NHÂN, Dù Thiền duyên hay sanh ra, Thuần cận y như: Nhân làm Đạo duyên cũng như Đồng sanh duyên, duyên cho nhân bằng Cận y duyên, Thuần không có Đại sung ngoại, Dứt thuận tùng, cận y như: Nhân làm duyên cho Uẩn phi Dứt đối lập, Dứt thuận tùng-đối lập, Dứt nhân bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: đối lập-thuận tùng, Phần Đồng sanh cũng Nhân làm duyên cho Nhân và Uẩn tương như Phần Liên quan; PHẦN Ỷ TRƯỢNG, ưng bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ… thân thức Cận y duyên đoạn thứ 2, Thuần cận y như: nhờ cậy thân xứ, uẩn vô nhân nhờ cậy vật, Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên cho Dứt thuận tùng, Dứt đối lập, Dứt thuận nhân bằng Cận y duyên, Vật tiền sanh tùng-đối lập, Dứt đối lập-thuận tùng, Phần như: Vật làm duyên cho Nhân bằng Tiền Y chỉ như Phần Ỷ trượng; PHẦN HÒA sanh duyên, Vật tiền sanh như: Vật làm HỢP, Dứt thuận tùng, Dứt đối lập, Dứt duyên cho Nhân và Uẩn tương ưng bằng thuận tùng-đối lập, Dứt đối lập-thuận tùng, Tiền sanh duyên, Biệt thời như: Tư phi Uẩn hữu nhân khai đoan (mở mối) cho nhân làm duyên cho Uẩn quả và Sắc tục uẩn hữu nhân sanh ra, Trưởng đồng sanh sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, Đồng như: Trưởng hữu nhân làm duyên cho sắc sanh như: Tư phi nhân làm duyên cho tâm bằng Trưởng duyên, Thuần cận y như: nhân tương ưng bằng Dị thời nghiệp Uẩn hữu nhân làm duyên cho Uẩn hữu duyên, Biệt thời như: Tư phi nhân làm nhân bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: duyên cho nhân Dị thục quả bằng Dị thời Uẩn hữu nhân làm duyên cho Uẩn vô nhân nghiệp duyên, Vô tham thuộc Dị thục quả và si bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: làm duyên cho Vô sân và Vô si bằng Quả Thân lạc làm duyên cho thân lạc, thân khổ duyên, Nên sắp 9 câu đề trong phần Quả và si bằng Cận y duyên, Vật tiền sanh như:

Vật làm duyên cho Uẩn hữu nhân bằng (Hết Nhị đề nhân hữu nhân); Nhị đề nhân Tiền sanh duyên, Dù khai môn hay hộ Tương ưng nhân, Nên phân rộng ra như kiếp đều không có trong cố hưởng duyên, thị đề nhân và hữu nhân, Dứt Nhị đề nhân nên trừ ra 9 câu, Đồng sanh như: Tư hữu tương ưng nhân; Nhị đề phi nhân hữu nhân làm duyên cho Uẩn tương ưng bằng nhân, Dứt thuận tùng, Dứt đối lập, Dứt Dị thời nghiệp duyên, Biệt thời như: Tư thuận tùng-đối lập, Dứt đối lập-thuận tùng, hữu nhân làm duyên cho Uẩn hữu nhân Phần Đồng sanh cũng phân như thế; Phần thuộc quả bằng Dị thời nghiệp duyên, Ỷ trượng, Uẩn phi nhân hữu nhân nhờ cậy Đồng sanh như: Tư hữu nhân làm duyên vật, Sát-na tục sinh… duyên hiệp trợ có 3 cho Sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên, câu; về Bình nhựt và Tục sinh nên sắp đầy Tiền sanh như: Vật làm duyên cho Uẩn đủ, Dứt thuận tùng, Dứt đối lập; Phần Hòa hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên, Hậu hợp, Dứt thuận tùng, Dứt đối lập, Đếm 2 sanh như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho cách ngoài ra, cũng như đây; Phần Vấn đề, thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, Uẩn phi nhân hữu nhân mở mối cho uẩn Tái tục sắp luôn đến người Vô tưởng, Dứt phi

nhân hữu nhân sanh ra, Uẩn phi nhân đối lập, Dứt đối lập-thuận tùng, Dứt Nhị vô nhân mở mối cho uẩn phi nhân vô nhân đề hữu nhân, Nhị đề tương ưng nhân, Phần sanh ra, Uẩn phi nhân vô nhân mở mối Liên quan, Dứt Nhị đề tương ưng nhân, cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh ra, Biệt Nhị đề nhân hữu nhân, Phần Liên quan, thời như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên Dứt thuận tùng, Dứt đối lập, Dứt thuận cho Uẩn quả phi nhân vô nhân và Sắc tục tùng-đối lập, Dứt đối lập-thuận tùng, Phần sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, Biệt thời vấn đề, Tha tâm thông thấu rõ tâm người như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho khác đang đầy đủ tâm hữu nhân phi nhân, Uẩn quả phi nhân hữu nhân và Sắc tục Trưởng cảnh như: Nặng chấp về nhân rồi sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, Pháp phi làm cho nhân phát sanh, Trưởng cảnh như: nhân vô nhân làm duyên pháp phi nhân vô Nặng về nhân rồi làm cho Uẩn hữu nhân nhân bằng Dị thời nghiệp duyên, Đồng phi nhân sanh ra, Trưởng cảnh như: Nặng sanh như: Uẩn phi nhân vô nhân làm về nhân rồi làm cho Nhân và Uẩn tương duyên cho Sắc tâm bằng Bất tương ưng ưng sanh ra, Trưởng cảnh như: Sau khi bố duyên, Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho thí… trùng như câu đầu, Trưởng cảnh vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm như: Sau khi bố thí… trùng như câu đầu, duyên cho Uẩn bằng Bất tương ưng duyên, Trưởng cảnh như: Nặng về Nhân và Uẩn Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho tương ưng rồi làm cho nhân sanh ra, Hữu nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân nhân phi nhân căn có 3 câu như một, Tất thức; vật làm duyên cho Uẩn phi nhân vô cả vấn đề căn chỉ có 2 như thế, Trong hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên, Nhị đề nhân phi nhân căn nên phân rộng theo hữu duyên, Nhị đề hữu kiến, Nhị đề hữu nhân này, còn ngoài ra đó chỉ có 2 câu đề, đối chiếu, Nhị đề sắc, Nhị đề hiệp thế, Nhị Đồng sanh như: Tư hữu nhân phi nhân đề cũng có tâm biết đặng, Nhị đề lậu làm duyên cho nhân tương ưng bằng Dị (trầm), Nhị đề cảnh lậu, Nhị đề tương ưng thời nghiệp duyên, Nên sắp rộng như lậu, Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu, Nhân duyên, nên nhận rõ ràng là quả có cả Nhị đề triền, Nhị đề cảnh triền, Nhị đề 9 câu đề, Dứt thuận tùng, Dứt đối lập, Dứt tương ưng triền, Nhị đề triền cảnh triền, thuận tùng-đối lập, Dứt đối lập-thuận tùng Nhị đề triền tương ưng triền, Nhị đề Bất

tương ưng triền cảnh triền, Nhị đề phược, lập, Vị trí-Tam đề-Tam đề đối lập, Vị trí- Nhị đề cảnh phược, Nhị đề tương ưng Nhị đề-Nhị đề đối lập, Vị trí thuận tùng phược, Nhị đề phược tương ưng phược, đối lập, Vị trí-Tam đề thuận tùng đối lập, Nhị đề Bất tương ưng phược cảnh phược, Vị trí-Nhị đề-Tam đề thuận nghịch, Vị trí- Nhị đề chùm lậu-phối, Nhị đề cái, Nhị đề Tam đề thuận nghịch, Vị trí-Nhị đề-Nhị đề cảnh cái, Nhị đề tương ưng cái, Nhị đề cái thuận nghịch, Vị trí nghịch thuận, Vị trí- cảnh cái, Nhị đề cái tương ưng cái, Nhị đề Nhị đề nghịch thuận, Vị trí-Nhị đề-Tam đề tương ưng cái cảnh cái, Nhị đề khinh thị, nghịch thuận, Vị trí-Tam đề-Nhị đề nghịch Nhị đề cảnh khinh thị, Nhị đề khinh thị thuận, Vị trí- Tam đề-Tam đề nghịch cảnh khinh thị, Nhị đề hữu cảnh, Nhị đề thuận, Vị trí-Nhị đề-Nhị đề nghịch thuận; tâm, Nhị đề sở hữu tâm, Nhị đề hòa hợp Lời tri ân. tâm, Nhị đề có tâm làm sở sanh, Nhị đề Tác phẩm này đã xuất bản năm 2003, Nxb đồng sanh tồn với tâm, Nhị đề tùng tâm Tp. Hồ Chí Minh, với nhan đề “Tạng Diệu thông lưu, Nhị đề hòa hợp với tâm và có Pháp-Bộ Vị Trí, Abhidhammapitaka: tâm làm sở sanh, Nhị đề y tâm hòa sanh Pattihana”. tồn, Nhị đề sở y tâm hòa tùng hành, Nhị

đề nội bộ, Nhị đề y sinh, Nhị đề thủ, Nhị 1.422. BỬU TẠNG LUẬN đề cảnh thủ, Nhị đề tương ưng thủ, Nhị đề Tác giả: Đại sư Tăng Triệu (384-414) thủ cảnh thủ, Nhị đề thủ tương ưng thủ, Việt dịch: Thích Duy Lực (1923-2000) Nhị đề Bất tương ưng thủ cảnh thủ, Nhị đề Từ Ân Thiền Đường, Santa Ana (Hoa Kỳ) phiền não, Nhị đề cảnh phiền não, Nhị đề ấn hành PL. 2548 – DL. 2004. Toàn bộ tác phiền toái, Nhị đề tương ưng phiền não, phẩm Luận này gồm có 3 phẩm: - Lời dịch Nhị đề phiền não cảnh phiền não, Nhị đề giả; P.1 Quảng chiếu Không Hữu, P.2 Ly phiền não tương ưng phiền não, Nhị đề vi thế tịnh, P.3 Bản tế hư huyền. Nhị đề sơ đạo kiến, Nhị đề ba đạo cao (Tu Tác phẩm này đã xuất bản tại Sài Gòn kiến), Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, năm 2001. Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, Nhị đề hữu tâm, Nhị đề hữu tứ, Nhị đề hữu hỷ, 1.423. BỬU TẠNG LUẬN Nhị đề đồng sanh lạc, Nhị đề đồng sanh Tác giả: Tăng Triệu Đại sư (384-414) xả, Nhị đề dục giới, Nhị đề sắc giới, Nhị Việt dịch: Mai Hạnh Hiền đề Vô sắc giới, Nhị đề Liên quan luân hồi, Sách có 47 trang, bìa mềm; nội dung gồm Nhị đề nhân xuất luân hồi, Nhị đề nhứt có: Lời dịch giả, Bửu Tạng Luận của ngài định, Nhị đề hữu thượng, Nhị đề hữu y. Tăng Triệu, P.I Quảng chiếu Không-Hữu, Tập V & VI, Bộ Vị Trí, dày hơn 734 P.II Ly vi thể tịnh, P.III Bản tế hư huyền; trang, nội dung sơ lược gồm có: Lời giới Phụ lục, Duy Tâm quyết của ngài Vĩnh thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Minh, Trích từ Tông Cảnh Lục của ngài Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; Vị trí nhị Vĩnh Minh, Tiểu sử của ngài Vĩnh Minh. đề-Tam đề thuận tùng, Vị trí-Tam đề-Nhị (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung đề thuận, Vị trí-Tam đề-Tam đề thuận, Vị Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Q. trí-Nhị đề-Nhị đề thuận, Vị trí Tam đề đối Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh) lập, Vị trí Nhị đề đối lập, Vị trí Nhị đề- Tam đề đối lập, Vị trí-Tam đề-Nhị đề đối

Năm uẩn, Đoạn 2. Thứ lớp của Xứ-Giới,

C T.5 Phế và lập các danh từ, T.6 Nhiếp dị danh, Đoạn 1. Lược nhiếp Pháp uẩn, Đoạn 2. Xếp loại các uẩn khác, Đoạn 3. Nói riêng về sáu Giới; C.XI Chư Môn Phân 1.424. CU-XÁ LUẬN TỤNG biệt, T.1 Hữu kiến và vô kiến, Hữu đối và Lược Thích vô đối, T.2 Phân biệt các giới hệ, T.3 Hữu Thế Thân Bồ-tát Nguyên tác Nhật ngữ: lậu và vô lậu, T.4 Tần và Từ, T.5 Hữu sở duyên và Vô sở duyên-Chấp thọ và không Trai Đằng Duy Tín Hán dịch: Huệ Viên cư sĩ chấp thọ, T.6 Đại chủng và sở tạo, Tích Việt dịch: Học Tăng Lớp Chuyên khoa tập và phi tích tập, T.7 Năng chước và Sở chước-Năng thiêu và Sở thiêu-Năng xứng Phật học viện Trung Phần Phật học viện Trung Phần (Nha Trang) ấn và Sở xứng, T.8 Năm loại nôn, T.9 Đắc và hành, PL. 2518 – DL. 1974 Thành tựu-Xả và bất Thành tựu, T.10 Nội Sách dày hơn 139 trang, bìa mềm, chữ tựa và ngoại, T.11 Đồng phận và bĩ đồng màu xanh dương. (bản đánh máy, in một phận, T.12 Kiến và phi kiến, Đoạn 1. Vấn mặt). Nội dung gồm có: Giới thiệu, đề chính, Đoạn 2. Các vấn đề liên hệ, 1. Chương Dẫn nhập, 1. Tác giả và thời gian, Một nắt thấy hay hai nắt thấy, 2. Căn cảnh 2. Ý hướng tạo luận, 3. Tổ chức của bộ ly hay hiệp, 3. Căn cảnh cùng lượng hay luận, 4. Tông chỉ của bộ luận, 5. Phiên không cùng lượng, 4. Thời gian của sáu dịch và hoằng truyền; C.I Nguyên văn các Thức, 5. Vì sao Căn là Sở y, 6. Về Tùy bài Tụng bằng chữ Hán; C.II Vấn đề Ba thức lập danh, 7. Đồng và dị theo Giới địa, Phần đoạn, C.III Bố cục phần Tựa, C.IV T.14 Thức sở thức-thường và vô thường- Văn nghĩa của phần Tựa, T.1 Quy kính và căn và phi căn.

phát khởi, T.2 Danh và Thể của đối pháp, T.3 Giải thích chữ Tạng, Trình bày ý nói 1.425. Chú Giải BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN và người nói; C.V Bố cục phần Chính (Bodhicitta Satra) tông; C.VI Tổng tiêu Đại cương; C.VII Tác giả: Long Thọ Bồ-tát (Nagajurna) Văn đoạn của phần Biệt thích; C.VIII Tiêu Việt dịch và chú giải: Nguyễn Pram – Uẩn biện dị danh, T.1 Danh và thể của Pháp Định pháp hữu vi, T.2 Các dị danh của hữu lậu, Nội dung gồm có: Lời giới thiệu khi dịch C.IX Giải thích Uẩn lập Xứ-Giới, T.1 Giải ra Việt ngữ, Tựa, Dịch giả, I. Bậc A-xà-lê thích Uẩn lập Xứ-Giới, Đoạn 1. Giải thích giới thiệu, II. Thệ nguyện, III. Thực tướng, Sắc uẩn lập Xứ-Giới, Đoạn 2. Giải thích IV. Tam-ma-địa, Ghi chú riêng của người Thọ-Tưởng-Hành thành lập Xứ và Giới, dịch, Chú thích, Bodhicitta Shastra. Đoạn 3. Giải thích Thức uẩn lập Xứ-Giới, (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Q. Tân T.2 Về Tổng nhiếp và khai-hiệp, Đoạn 1. Phú, Tp. Hồ Chí Minh) Tổng nhiếp, Đoạn 2. Khai hiệp; C.X Danh và nghĩa của ba khoa, T.1 Giải thích ba 1.426. Chú Giải BỘ PHÂN TÍCH – danh từ Uẩn-Xứ-Giới, T.2 Nhân duyên Tạng Luận thuyết pháp, T.3 Lập và phế các uẩn, T.4 Dịch giả: Tỳ-kheo Siêu Minh Thứ lớp các danh từ, Đoạn 1. Thứ lớp của Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007

Toàn bộ tác phẩm Chú giải này dày 1.062 thiền, C.V Đệ Ngũ thiền, C.VI Bốn điều trang, nội dung gồm 18 chương: C.1 Phân tiến hành, C.VII Bốn đối tượng của Ý, tích các Uẩn, C.2 Phân tích các Xứ, C.3 C.VIII Mười sáu điều kết hợp, C.IX Đề Phân tích các Giới, C.4 Phân tích Thánh mục Hoàn tịnh (Kasina), C.X Những đề đế, C.5 Phân tích các Quyền, C.6 Phân mục khác, C.XI Bài pháp về đề mục tích Duyên khởi, C.7 Phân tích Tứ niệm Thắng xứ, C.XII Về Giải thoát, C.XIII xứ, C.8 Phân loại Chánh tinh tấn, C.9 Phạm trú, C.XIV Về Bất tịnh; Phần VI. Phân tích Thần túc, C.10 Phân tích các Tâm thiện Vô sắc giới; Phần VII. Tâm Giác chi, C.11 Phân tích Đề đạo, C.12 thiện nơi ba cõi khác nhau; Phần VIII. Phân tích các Tầng thiền, C.13 Phân tích Tâm Siêu thế (Lokuttara), C.I Sơ đạo, C.II Pháp vô lượng, C.14 Phân tích các Học Nhị đạo, C.III Tam đạo và Tứ đạo; Phần giới, C.15 Phân tích các Đạt thông, C.16 IX. Pháp bất thiện, C.I Pháp tóm lược các Phân tích Trí, C.17 Phân tích các Tiểu trạng thái tâm, C.II Loại tâm bất thiện đầu Tông, C.18 Phân tích Pháp tâm; Lời bạt. tiên, C.III Loại tâm bất thiện thứ nhì và các loại tâm tiếp theo; Phần thứ X. Tâm 1.427. Chú Giải BỘ PHÁP TỤ Vô ký, C.I Nhị nguyên nhận thức trí tuệ, (ATTHASÀLINÌ) – Quyển I, II, III C.II Quả thiện Dục giới, C.III Tâm quả Luận Tạng (Abhidhamma pitaka) Sắc giới và Vô sắc giới, C.IV Quả Siêu Tác giả: Buddhaghosa thế, C.V Quả Bất thiện, C.VI Tâm tố Ý Việt dịch: Tỳ-kheo Siêu Minh thức giới, C.VII Kết luận; Q.II, Những đặc Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2005 tính Sắc pháp (Rùpa), C.I Sắc pháp là Vô Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 790 ký, C.II Sắc tứ đại hiển, C.III Những đặc trang. Nội dung gồm có 3 quyển: Lời nói tính của Sắc y sinh; Phần II. Chương Toát đầu, Kệ nhập môn; Q.I, Phần I. Mẫu đề yếu (Nikkhepa), C.I Tam đề, C.II Những (Màtikà), C.I Mẫu đề Tam, C.II Mẫu đề nhị đề và các nhóm khác; Q.III, Chương Nhị, C.III Những bộ Kinh (Suttas); Phần Trích yếu. II. Phân tích các thuật ngữ, C.I Mẫu đề Tam về thiện pháp; Phần III. Pháp về Môn 1.428. Chú Giải BỘ SONG ĐỐI (hoặc Cổng), C.I Môn chính là thân (YAMAKATTHAKATHÀ) nghiệp, C.II Môn thuộc khẩu nghiệp, C.III Tạng Diệu Pháp – Abhidhamma Môn thuộc ý nghiệp, C.IV Nghiệp Pitaka (Kamma), C.V Bất thiện nghiệp đạo, C.VI Việt dịch: Đại Trưởng lão Tịnh Sự (Mahà Thiện nghiệp đạo, C.VII Kết

luận; Phần Thera Santakicco) IV. Kinh nghiệm tâm thiện trong dục giới, Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 C.I Bản tóm tắt Trạng thái Tâm, C.II Bài Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 575 pháp về phần Chú giải, C.III Phần Kết trang, bìa cứng màu đen, chữ mạ vàng. luận, C.IV Phần nói về trống rỗng, C.V Nội dung tác phẩm gồm có 3 phần: Lời Loại tâm thứ hai, C.VI Loại tâm thứ ba, giới thiệu, Lời dẫn nhập, Lời tựa, Lời giải; C.VII Loại tâm thứ tư, C.VIII Các loại tâm Phần Căn song: C. Thiện, C. Bất thiện, C. thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và thứ tám; Vô ký, C. Danh; Phần Uẩn song: 1. Định Phần V. Bài pháp Tâm thiện nơi cõi Sắc danh – Câu lọc, Định danh – Câu lọc Căn giới, C.I Hệ thống Bốn bậc thiền, C.II Đệ luân, Định danh – Thuần uẩn, Định danh – Nhị thiền, C.III Đệ Tam thiền, C.IV Đệ Tứ Thuần uẩn Căn luân, 2. Hành vi sanh hiện

tại, Hành vi sanh quá khứ, Hành vi sanh vị nghĩa căn bản của Thuyết Chuyến bộ, Lời lai, Hành vi sanh hiện tại-quá khứ, Hành bạt; Các bản chữ Hán: Dị bộ Tông luân vi sanh hiện tại-vị lai, Hành vi sanh quá luận, Bộ Chấp dị luận, Thập Bát bộ luận, khứ-vị lai, Hành vi diệt hiện tại, Hành vi Dị bộ tông Tinh thích, Dị bộ Thuyết tập. diệt quá khứ, Hành vi diệt vị lai, Hành vi diệt hiện tại-quá khứ, Hành vi diệt hiện 1.430. Chú Giải THUYẾT LUẬN SỰ - tại-vị lại, Hành vi diệt quá khứ-vị lai, Tạng Vi Diệu Pháp Hành vi sanh và diệt hiện tại, Hành vi sanh (Kathàvatthuppakarana Atthakathà) và diệt quá khứ, Hành vi sanh và diệt vị Biên dịch Anh ngữ: Bimala Churn Law, lai, Hành vi sanh và diệt hiện tại-quá khứ, Ph. D, M. A, B.L Hành vi sanh và diệt hiện tại-vị lai, Hành Biên dịch Việt ngữ: Nguyễn Văn Sáu vi sanh và diệt quá khứ-vị lai; Phần Đạt Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2004 tri: Hiện tại, Quá khứ, Vị lai, Hiện tại-quá Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 403 khứ, Hiện tại-vị lai, Quá khứ-vị lai. trang, có 23 chương. Nội dung gồm có: Lời tựa, Lời giới thiệu; 1.429. Chú Giải C.I Nhân ngữ, có 53 điểm tranh luận về: DỊ BỘ TÔNG LUÂN LUẬN Bản ngã, Hoại lìa, Phạm hạnh, Thanh tịnh Dịch giả: Thích Hạnh Bình dần dần, Diệt tà, “Vạn vật tồn tại”, “Quá Nxb Phương Đông – 2011 khứ uẩn”, “Một số điểm (quá khứ và Toàn bộ tác phẩm Chú giải này có 200 tương lai của chúng ta) vẫn đang tồn tại”, trang, bìa mềm; nội dung gồm: Lời nói “Niệm xứ”, “Các phương thức bất biến tồn đầu, Tổng luận; Dị bộ Tông luân luận, Lời tại ra sao”; C.II Các điểm tranh luận (từ 54 tựa, C.I, Lịch sử phân chia bộ phái, 1. Sự đến 61) về: “Ô nhiễm của vị A-la-hán phân chia cơ bản, 2. Quá trình phân chia (Purùpahàra)”, (1) Liệu vô minh có khả của Đại chúng bộ, 3. Sự phân phái của hệ năng xảy ra nơi một vị A-la-hán hay Thượng tọa bộ; C.II, Tư tưởng của các không? (2) Liệu vị A-la-hán có gặp rắc rối phái, 1. Tư tưởng cơ bản của các phái hay không? Và (3) Ngài có khả năng trội Nhất thuyết, Thuyết Xuất thế, Kê dẫn, 2. vượt hơn người khác hay không?” “Phát Những quan điểm khác nhau vào thời kỳ âm khi nhập thiền” (vaci) (của người nhập cuối của các phái Đại chúng, Nhất thuyết, thiền Jhàna), Nhập thiền quán do (thốt lên) Thuyết Xuất thế, Kê dẫn bộ, 3. Giáo nghĩa từ “phiền não”, Tâm đình trụ, Cõi đời giới cơ bản của phái Đa văn, 4. Giáo nghĩa cơ này (giống như) một đống tro tàn, Thành bản của phái Thuyết, 5. Giáo nghĩa cơ bản tích dần được thể hiện, Ngôn ngữ của đức của các bộ Chế Đa sơn, Tây Sơn trụ và Phật, Diệt đế hay chấm dứt; C.III Các Bắc Sơn trụ, 6. Giáo nghĩa căn bản của điểm tranh luận (từ 62 đến 71) về: Lực hay phái Thuyết Nhất thiết hữu bộ, 7. Giáo sức mạnh, Phẩm chất (gọi là) Thánh đức, nghĩa căn bản của phái Tuyết Sơn bộ, 8. Giải thoát, Tiến

trình giải thoát, Người thứ Giáo nghĩa căn bản của phái Độc Tử bộ, 9. tám, Quyền của người thứ tám, Thiên Giáo nghĩa của phái Pháp thượng, Hiền vị, nhãn, Thiên nhĩ, Trí thấy hạnh nghiệp Chánh lượng, Mật lâm sơn bộ, 10. Giáo chúng sanh, Những thu thúc đạo đức, nghĩa của phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa Cuộc sống vô tưởng, Phi tưởng phi phi căn bản của phái Pháp tạng, 12. Giáo tưởng hữu; C.IV Các điểm tranh luận về: nghĩa căn bản của Ẩm Quang bộ, 13. Giáo Liệu một cư sĩ có trở thành một A-la-hán

được không? Một người có thể thành A-la- có đối tượng tâm linh, Trí quán không biết hán khi vừa tục sinh, Không vướng phải cảnh, Những quan điểm cảnh quá khứ, nguyên nhân ô nhiễm, Giữ lại Thánh quả, Điểm áp dụng tâm linh tiên khởi, Âm Một vị A-la-hán được phú cho Lục xả vô thanh như là cách truyền tải các ứng dụng ký, Nhờ hành vi giác ngộ-ta trở thành tâm linh tiên khởi và kéo dài, Lời nói đấng Giác Ngộ, Quan điểm của phái không phù hợp với tư tưởng, Hành động Uttarapathakas, Bắt đầu được bảo đảm, (hay tác nghiệp) không khớp với tư tưởng, Tài năng thiên phú, Việc trừ khử tất cả Chứng đạt về kinh nghiệm quá khứ và gông cùm; C.V Các điểm tranh luận (từ 80 tương lai còn hiện hữu; C.X Các điểm đến 88) về: Giải thoát, Tuệ của bậc Vô tranh luận (từ 122 đến 128) về: Việc kết học, Sai lạc hay ảo giác (khi nhập Thiền thúc (Diệt), Cho rằng sắc pháp (của bất kỳ Jhàna), Thánh đạo nhất định, Tuệ phân ai đang tu luyện Thánh đạo) cũng gộp cả tích, Phàm tuệ hay tục trí, Đối tượng tâm trong Thánh đạo đó, Đạo tuệ tưởng của linh, Thiền quán tương lai, Trí hiện tại, người đang có được Ngũ thức căn, Hai Tuệ quả; C.VI Các điểm tranh luận (từ 89 luật đạo đức, Nhân đức tự động mà có, đến) về: Định luật chắc chắn, Luật duyên Nhân đức không được tiến hành theo đúng khởi, Tứ diệu đế, Bốn cõi Vô sắc giới, như tư tưởng, Công đức không tiến triển Thành tích nhập định Diệt, Không gian, theo đúng việc nắm giữ giới luật, Các Khoảng không có thể thấy, Phải chăng hành vi tiên liệu việc công đức, Hành vi nguyên tố đất là hữu hình?; C.VII Các đạo đức không được tiên liệu là phi đạo điểm tranh luận về: Phân loại các vật thể, đức; C.XI Các điểm tranh luận (từ 129 đến Các trạng thái tương ưng, Những đặc tính 134) về: Ba sự kiện liên quan đến các tâm linh, Bố thí, Công đức hệ tại tính khuynh hướng tiềm tàng, có nghĩa là (i) vô hưởng dụng, Quả do bố thí đem lại ngay nhân (không rõ ràng, mập mờ), (ii) vô ký trên cõi đời này, Trái đất này và kết quả và (iii) không tương ưng tâm, Tuệ quán, của nghiệp đem lại, Lão-tử và thành quả Tuệ không liên quan tới tư tưởng, “Đây của nghiệp, Các hiện trang trí tuệ Thánh chính là khổ đế!”, Phép thần thông, Nhập đức và những Thánh quả từ đó mà ra (quả định (Dục thần túc), Định đề nơi vạn vật. của Thánh nghiệp), Những Pháp quả tạo ra Pháp được tiên liệu. Tính vô thường; Pháp quả; C.VIII Các điểm tranh luận (từ C.XII Các điểm tranh luận (từ 135 đến 106 đến 114) về: Các cảnh giới tái sanh, 139) về: Tự kiềm chế là một nghiệp (tích Hiện trạng tái sanh trung gian (Thân trung cực), Nghiệp, Tiếng nói được coi như là ấm), Những khoái cảm thọ quan, Các dục Dị thục quả, Sáu giác quan, Bậc Thất lai, vọng giác quan, Nguyên tố (uẩn) sắc giới, Người chiếm được thứ bậc cao hơn nơi Vô sắc giới cũng vậy. Ở đây ta nên hiểu ý Thánh đạo bậc một, và điều liên quan đến nghĩa bằng cùng một phương pháp nêu “người giao hạt” nên được hiểu theo cùng trên, Xứ nơi cõi Sắc giới, Sắc pháp nơi cõi một cách thức như trên, Tội giết người, Vô sắc giới, Sắc hành động, Mạng quyền, Khổ cảnh giới, Kẻ nào đã đạt đến tái sanh Nghiệp là

nhân duyên; C.IX Các điểm lần thứ bảy; C.XIII Các điểm tranh luận tranh luận (từ 115 đến 121) về: (Giải thoát (từ 140 đến 146) về: Địa ngục vô gián trọn nhờ quả phúc) Điều thiện, Bất diệt là đối kiếp, Phần thưởng suốt đời dành cho tượng suy tư, Sắc có thể biết đối tượng là người đạt được thành tích tốt, Kẻ xúi dục tâm linh, Tùy miên không có cảnh không phạm nghiệp vô quán, Những vị Bồ-tát

nhất định, Những ai bị chướng ngại-ngăn dâng cho Tăng bảo cũng đều mang lại cản, Người buộc phải giáp mặt với những phần thưởng to lớn, Việc tinh luyện của bố gông cùm, Người nhập và đạt đến bậc thí; C.XVIII Các điểm tranh luận (từ 171 thiền Jhàna, Lòng tham muốn đối với đến 176) về: Nơi ở của đức Thế Tôn trên những điều khó chịu, Pháp ái đối với pháp cõi phàm này, Việc (đức Phật) thuyết vô ký, Pháp ái không phải là nguyên nhân pháp, Lòng đại bi (đức Thế Tôn đã cảm tạo khổ; C.XIV Các điểm tranh luận (từ thấy), Những mùi thơm (nơi con người 147 đến 151) về: Tính liên tục hỗ tương đức Phật), Chánh đạo duy nhất và có một giữa thiện và bất thiện, Lục xứ, Liên tục không hai, Sự chuyển hóa giữa các bậc trực tiếp nơi giác quan, Thân-khẩu của thiền Jhàna, Kẻ nhập thiền Jhàna vẫn còn một vị Thánh, Những khuynh hướng tiềm có thể nghe thấy tiếng động, Chúng ta có ẩn tách riêng ra một bên, Những bộc phát thể nhìn thấy đối tượng thị giác bằng mắt tùy miên, Sắc ái "gồm chung lại", Những trần (khi nhập thiền Jhàna); C.XIX Các gì chưa được khám phá, Không liên quan điểm tranh luận (từ 177 đến 182) về: Khử (đến luân hồi); C.XV Các điểm tranh luận trừ ô nhiễm, Trống rỗng, Sa-môn quả, (từ 152 đến 157) về: Mối tương quan Thành tích đạt được (là vô vi), (chứng (nhân quả đặc biệt cố định), Nhân duyên ngộ), Như thị (như như), Điều thiện xét hỗ tương, Tương tục, Những chốc lác- dưới góc độ đạo đức, Thành tích đạt đến những lúc-những giây lát ngắn ngủi, nhất định, Quyền; C.XX Các điểm tranh Những lậu hoặc (tức là những nguyên luận (từ 183 đến 187) về: Tội ác không cố nhân đồi bại), Lão và tử, Diệt-tưởng-thọ- ý, Tuệ giác, Những lính canh địa ngục, thức (thuộc lãnh vực siêu phàm), Việc đạt Súc sinh (nơi cõi bên kia), Chánh đạo, Tuệ đến vô tưởng, Nghiệp và việc tích lũy giác; C.XXI Các điểm tranh luận (từ 188 những nghiệp đó; C.XVI Các điểm tranh đến 191) về: Giáo lý (của chúng ta), Kinh luận (từ 158 đến 162) về: Điều khiển (tâm nghiệm về những gì tồn tại riêng rẽ, Gông tha nhân), Tạo hạnh phúc nơi tha nhân, cùm, Phép thần thông biến hóa, Các Phật Chăm lo cho chúng sanh cùng một, Sắc nhân, Đức Phật hiện diện khắp mọi nơi, pháp và nhân thiện, Vật chất hiểu là điều Đạt-ma, Nghiệp; C.XXII Các điểm tranh thiện và điều bất thiện dưới gốc độ đạo luận (từ 193 đến 196) về: Sự viên tịch, đức, Vật chất là (chánh) quả, Vật chất Tâm đạo đức, Tâm điềm tĩnh, Am hiểu thuộc cõi Sắc giới (Phạm thiên) và cõi Vô giáo pháp, Điều vô ký, Tương quan tái tục, sắc giới, Tham dục suốt đời nơi cõi Sắc Tính nhất thời; C.XXIII Các điểm tranh giới và Vô sắc giới; C.XVII Các điểm luận (từ 197 đến…) về: Quyết tâm tác tranh luận (từ 163 đến 170) về: Vị A-la- hợp, Những biểu hiện bề ngoài nơi các vị hán đã tích lũy công đức như thế nào?, Vị A-la-hán, Thành tích đạt được qua tham A-la-hán không phải trải qua cái chết quyền cố vị, Tình trạng giả vờ trước tính không đúng thời, Cho toàn bộ là do nghiệp ái và…, Những gì chưa rõ ràng; Lời bạt, mà ra, Tất cả đều quy về khả năng cảm Thuật ngữ chuyên môn. thọ, Chỉ được giải thoát nhờ chánh đạo, Không nên nói: Tăng bảo nhận của bố thí, 1.431. Chương DUY THỨC - Chẳng nên nói: Tăng bảo

tẩy uế của bố thí, Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm Chẳng nên nói: Tăng bảo hưởng của bố Việt dịch: thí, Không nên nói rằng: Bất kỳ điều gì Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Thuyết minh Địa nào đoạn, 3. Nêu rõ sự PL. 2534 – DL. 1990 sai khác của Chướng, a. Luận Du-già có 3 Sách có hơn 146 trang, bìa mềm. Nội dung Trụ, b. Kinh Giải Thâm Mật có 3 món Tùy gồm có: Lời nói đầu, Lời tựa dẫn, Một. miên, c. Thuyết minh Luận Bảo Tánh có 4 Lược giải mười môn, Hai. Giải rõ mười chương, d. Kinh Thắng Man thuyết minh 5 môn, Môn I. Xuất Thể, 1. Thể sở quán, 2. Trụ Địa phiền não; Môn X. Nhiếp qui Nhị Năm lớp Duy thức quán, a. Lớp 1: Trừ mê Không, 1. Nêu giải, 2. Giải vấn nạn, 3. Kết vọng lưu lại chơn thật, b. Lớp 2: Xã lạm thành, 4. Mục lục. lưu thuần, c. Lớp 3: Nhiếp mạc qui bổn thức, d. Lớp 4: Ẩn liệt hiển thắng, e. Lớp 5: Bỏ tướng chứng tánh, 3. Nêu rõ Thể năng quán, 4. Biện dị giải; Môn II. Biện danh từ Duy Thức, 1. Giải chữ Duy, 2. D Giải nạn duy Tâm, 3. Giải nạn duy Trí, 4. 1.432. DỊ BỘ TÔNG LUÂN LUẬN Giải thích Tổng hội; Môn III. Dùng cách Tác giả: Bồ-tát Thế Hữu thức ly hợp hội giải, 1. Chánh thức hội Hán dịch: Tam tạng Pháp sư giải, 2. Giải tên sở quán, 3. Hai danh hội Huyền Trang (602-664) giải, 4. Ba danh hội giải, 5. Bốn danh hội Việt dịch và chú thích: giải, 6. Năm danh hội giải, 7. Sáu danh hội Thích Nguyên Tuấn giải, 8. Tổng kết thành; Môn IV. Thức nào Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ làm Quán môn, 1. Nêu lời gạn hỏi, 2. Đưa Chí Minh ấn hành. ra dị thuyết, 3. Nêu bày chánh nghĩa; Môn Tác phẩm Luận này gồm có: - Nguyên do V. Nêu bày chủng loại sai khác, 1. Thuyết phát khởi, - Sự phân chia bộ phái, - Các minh chơn tánh thức, 2. Thuyết minh tục quan điểm của các bộ phái thuộc Đại sự thức, a. Chánh nêu rõ sự sai biệt, b. chúng bộ, - Các quan điểm của các bộ phái Riêng nói rõ bốn phần, c. Kết luận chẳng thuộc Thượng tọa bộ, - Bảng đối chiếu phải một-chẳng phải khác, d. Tổng kết luận điểm các bộ phái. thành; Môn VI. Nêu rõ thứ lớp tu chứng, 1. Nói rõ vị thứ, a. Dẫn Luận Nhiếp Đại thừa, b. Dẫn luận Thành Duy thức, c. Dẫn 1.433. DỊ TÔNG LUẬN luận Du-già, d. Hội thông, 2. Biện minh tu Dịch, ghi chú và lược giải: chứng, a. Chứng tu, b. Tướng tu, c. Nói rõ HT. Thích Trí Quang (1923-2019) vị tu, d. Địa tu; Môn VII. Nêu rõ pháp Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, quán Duy thức thuộc tánh nào? 1. Nêu lập PL. 2555 – DL. 2011 hai môn, 2. Tùy nêu riêng giải, a. Thuyết Tác phẩm luận dày 189 trang, bìa mềm, minh năng quán, b. Thuyết minh sở quán, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Dẫn c. Phân quán vị thứ tư tu quán, d. Hội giải; nhập; Dị tông luận, A.1. Mở đầu, A.2. Nội Môn VIII. Nói rõ các Địa nào khởi quán, - dung, B.1. Nói các Bộ phái (Dị bộ); C.1. Biện minh y thân, a. Thuyết minh Đốn Thời đại và nguyên nhân của sự phân hóa ngộ, b. Thuyết minh Tiệm ngộ, Nói rõ bất bộ phái; C.2. Các bộ phái thuộc về Đại Kinh sanh, Thuyết minh Kinh sanh, chúng bộ; C.3. Các bộ phái thuộc về Thuyết minh y Địa khởi; Môn IX. Đoạn Thượng tọa bộ; B.2. Nói học thuyết (Tông các chướng nhiễm, 1. Nêu rõ danh số, 2.

luân) của các bộ phái ấy; C.1. Mở đầu, Thuyết chuyển bộ, Lời bạt; Bộ Chấp Dị C.2. Nói học thuyết của các bộ phái thuộc Luận, C.I, Lịch sử phân chia bộ phái, 1. hệ Đại chúng bộ, D.1. Nói phần chính, Sự phân chia cơ bản, 2. Quá trình phân D.2. Nói phần phụ; C.3. Nói học thuyết chia của Đại chúng bộ, 3. Sự phân phái của các bộ phái thuộc hệ Thượng tọa bộ, của hệ Thượng tọa bộ; C.II, Tư tưởng của D.1. Nói phần chính, D.2. Nói phần phụ; các phái, 1. Tư tưởng cơ bản của các phái Lời ghi của ngài Huyền Tráng; Hồi quan.

Đại chúng, 2. Những quan điểm khác nhau Tác phẩm này đã xuất bản từ năm 1994, giữa Đại chúng và 3 bộ khác, 3. Giáo Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 13 x 19cm, dày nghĩa cơ bản của phái Đa văn, 4. Giáo 146 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có nghĩa cơ bản của phái Thuyết giả bộ, 5. hình Bồ-tát Quán Thế Âm (bán thân) tay Giáo nghĩa căn bản của Chế-đa sơn, Bắc cầm nhành dương liễu. sơn trụ bộ, 6. Giáo nghĩa căn bản của phái Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, 7. Giáo nghĩa 1.434. Dịch chú và Đối chiếu các bản căn bản của phái Tuyết sơn bộ, 8. Giáo khác nhau về nghĩa căn bản của phái Độc tử bộ, 9. Giáo DỊ BỘ TÔNG LUÂN LUẬN nghĩa của phái Pháp thượng, Hiền trụ, Dịch và đối chiếu: Thích Hạnh Bình Chánh lượng, Mật lâm Sơn bộ, 10. Giáo Nxb Phương Đông – 2016 nghĩa của phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 253 căn bản của Pháp hộ bộ, 12. Giáo nghĩa trang, bìa mềm. căn bản của Thiện tuế bộ, 13. Giáo nghĩa Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tổng luận; căn bản của Thuyết độ bộ, Lời bạt sau khi Dị Bộ Tông Luân Luận, C.I, Lịch sử phân dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán; Thập chia bộ phái, 1. Sự phân chia cơ bản, 2. Bát Bộ Luận, Lời tựa, C.I, Lịch sử phân Quá trình phân chia của Đại chúng bộ, 3. chia bộ phái, 1. Sự phân chia cơ bản, 2. Sự phân phái của hệ Thượng tọa bộ; C.II, Quá trình phân chia của Đại chúng bộ, 3. Tư tưởng của các phái: 1. Tư tưởng cơ bản Sự phân phái của hệ Thượng tọa bộ; C.II, của các phái Nhất Thuyết, Thuyết Xuất Tư tưởng của các phái, 1. Tư tưởng của Thế, Kê Dẫn, 2. Những quan điểm khác các phái thuộc Đại chúng, 2. Những quan nhau vào thời kỳ cuối của các phái Đại điểm khác nhau vào thời kỳ cuối của Đại chúng, Nhất thuyết, Thuyết xuất thế, Kê chúng, Thuyết xuất thế, Kê dẫn bộ, 3. dẫn bộ, 3. Giáo nghĩa cơ bản của phái Đa Giáo nghĩa cơ bản của phái Đa văn, 4. văn, 4. Giáo nghĩa cơ bản của phái Thuyết Giáo nghĩa cơ bản của phái Thuyết giả bộ, giả bộ, 5. Giáo nghĩa cơ bản của các bộ: 5. Giáo nghĩa căn bản của các bộ: Chi-đề- Chế-đa sơn, Tây sơn trụ và Bắc sơn trụ, 6. la, A-bà-uất-đa-la-thi-la, 6. Giáo nghĩa căn Giáo nghĩa căn bản của phái Thuyết Nhất bản của phái Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, 7. thiết Hữu bộ, 7. Giáo nghĩa căn bản của Giáo nghĩa căn bản của bộ phái Tuyết sơn, phái Tuyết sơn bộ, 8. Giáo nghĩa căn bản 8. Giáo nghĩa căn bản của phái Độc tử bộ, của phái Độc tử bộ, 9. Giáo nghĩa của phái 9. Giáo nghĩa của bộ phái Đa-lê-la-ya-ni, Pháp thượng, Hiền trụ, Chánh lượng, Mật Tam-di-để, Lục thành, 10. Giáo nghĩa của lâm Sơn bộ, 10. Giáo nghĩa của phái Hóa phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa căn bản địa bộ, 11. Giáo nghĩa căn bản của phái của bộ phái Pháp tạng, 12. Giáo nghĩa căn Pháp tạng, 12. Giáo nghĩa căn bản của Ẩm bản của Ẩm quang bộ, 13. Giáo nghĩa căn quang bộ, 13. Giáo nghĩa căn bản của bản của Thuyết chuyển bộ, Lời bạt sau khi

dịch; Dị Bộ Tông tinh thích, C.I, C.II và Long Thụ, II. Phê phán về Du-già hành C.III; Dị Bộ thuyết tập, Index. tông, III. Truyền thuyết về Long Thụ, IV. Tính không, V. Căn bản Trung Quán Luận 1.435. DU-GIÀ HÀNH TÔNG – tụng (Mulamadhyamaka-Kàrikà), VI. YOGÀ CÀRA Tuyên bố của Long Thụ, VII. Tóm tắt Biên dịch: Thích Nhuận Châu những ý chính; Bài 3. Tư tưởng Trung Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2008 Quán, Duy Thức và ngài Tịch Hộ, I. Khái Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày hơn 334 niệm chung về ảnh hưởng của Du-già trang, bìa mềm. hành tông trong pháp môn Đại thủ ấn, II. Nội dung tác phẩm gồm có 5 chương: C.I Bản tánh giác ngộ của hữu tình, III. Ý Tổng quan về Du-già hành

tông, I. Tổng niệm về tánh không, IV. Sự tạo tác của quan về lịch sử, II. Du-già hành tông tâm, V. Thảo luận của Tralegrinpoche không phải là chữ nghĩa duy tâm siêu cùng nhà Sử học (David) và một Tiến sĩ hình, 1. Về thuật ngữ duy tâm, 2. Sự khác Triết học (Dr. R); Bài 5. Ý nghĩa nhau giữa Ấn Độ và phương Tây khi tiếp Vijnaptimàtratà và Abhidharma trong Du- cận triết học, 3. Tiếp cận triết học Du-già già hành tông, I. Nhận định ban đầu, II. A- hành tông, III. Nghiệp, vật thể và nhận tỳ-đạt-ma Câu-xá luận Thích thức chủ quan, IV. Tám thức, V. Tam tính, (Abhidharmakosabhasya) và cựu Du-già VI. Ngũ vị (Duy thức tu đạo Ngũ vị); C.II hành tông (Early Yogàcàra), III. Tiền thân Chuyển Thức thành Trí trong Thành Duy A-tỳ-đạt-ma của Duy thức Thức Luận, I. Hệ thống tám thức, II. Các (Vijnaptimatràtà), IV. Du-già hành tông và loại chấp trước, 1. Chấp ngã, 2. Chấp A-tỳ-đạt-ma của các trường phái ngoài pháp, III. Năm tiến trình tu đạo của hàng Đại thừa, V. Những điều ngài Thế Thân đã Bồ-tát, 1. Tư lương vị, 2. Gia hạnh vị, 3. bổ sung trong luận giải của mình; Bài 6. Thông đạt vị (còn gọi là Kiến đạo vị), 4. Phái Số luận (Samkhya), I. Tổng quan về Tu tập vị (còn gọi là Tu đạo vị), 5. Cứu lịch sử, II. Thần ngã và tự tánh, III. Sự cánh vị (Diệu giác Phật), IV. Sự vận hành phát triển của hệ thống, IV. Giác (Buddhi), của trí tuệ, 1. Sự phát triển của Bốn dạng V. Nhận thức luận chính thống, VI. Trí tuệ giác ngộ (Tứ trí), 2. Bốn loại Trí Nguyên nhân luận, VII. Thần luận; C.V tuệ Phật quả, 3. Kết luận; C.III Nhìn lại Các Luận sư Du-già hành tông, Bài 1. Vô quá trình nghiên cứu Du-già hành tông ở Trước, Bài 2. Thế Thân, I. A-tỳ-đạt-ma Tây Phương trong thế kỷ XX, I. Thuật ngữ Câu-xá luận, II. Những tác phẩm chuyển Du-già hành tông, II. Những điều đã làm tiếp của ngài Thế Thân, III. Chuyển sang được, III. Chìm lắng hay chảy ngầm? C.IV Đại thừa với Duy thức Tam thập tụng, IV. Du-già hành tông và các tông phái Phật Duy thức Nhị thập tụng, V. Quan điểm giáo khác, Bài 1. Du-già hành tông và Hoa chính của ngài Thế Thân, VI. Tác phẩm, Nghiêm tông, I. Nguồn gốc của A-lại-da Bài 3. Mười đại luận sư Duy thức tông, thức, II. Nghiệp tướng (Karmalaksana), Bài 4. Hộ pháp, Bài 5. Đức huệ, Bài 6. An III. Nghiệp tướng và Tự chứng huệ, Bài 7. Huyền Trang, I. Động cơ sang (Svasamvitti), IV. Nghiệp tướng và vũ trụ Ấn Độ của ngài Huyền Trang, II. Ngài luận trong Kinh Hoa Nghiêm, V. Kết luận; Huyền Trang ở Ấn Độ, III. Dự án chương Bài 2. Du-già hành tông và Trung Quán trình phiên dịch, IV. Thành Duy thức luận Luận, I. Tổng quan về phương pháp của và ngài Khuy Cơ, V. Luận điểm quan

trọng trong Thành Duy thức luận, VI. Di chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không sản của ngài Huyền Trang với sự nghiệp Tứ địa (Phần 1); Q.5, Thứ 3. Có Tầm có phiên dịch và tác phẩm: 1. Đại Bồ-tát tạng Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Kinh, 2. Hiển dương Thánh giáo luận Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần tụng, 3. Phật địa Kinh, 4. Lục môn Đà-la- 2); Q.6, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. ni Kinh, 5. Hiển dương Thánh giáo luận, Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không 6. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận, 7. Tầm không Tứ địa (Phần 3); Q.7, Thứ 3. Đại Đường Tây vực ký, 8. Đại thừa Ngũ Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ uẩn luận, 9. Nhiếp Đại thừa luận Vô tánh có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ thích, 10. Du-già Sư-địa luận, 11. Giải địa (Phần 4); Q.8, Thứ 3. Có Tầm có Tứ Thâm mật Kinh, 12. Nhân Minh nhập địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ chính lý luận, 13. Thiên Thỉnh vấn Kinh, 5. Không Tầm không Tứ địa

(Phần 5); 14. Thập Cú nghĩa luận, 15. Duy Thức Q.9, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. tam thập luận, 16. Kim Cang Bát-nhã Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Kinh, 17. Bách pháp minh môn luận, 18. Tầm không Tứ địa (Phần 6); Q.10, Thứ 3. Nhiếp Đại thừa luận Thế Thân thích, 19. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ Nhiếp Đại thừa luận bản, 20. Duyên khởi có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ Thánh đạo Kinh, 21. Thức thân túc luận, địa (Phần 7); Q.11, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa 22. Như Lai thị giáo Thắng Quân vương địa (Phần 1); Q.12, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa Kinh, 23. Thậm Hy hữu Kinh, 24. Bát-nhã địa (Phần 2); Q.13, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa Tâm Kinh, 25. Bồ-tát giới Yết-ma văn, 26. địa (Phần 3), Thứ 7. Phi Tam-ma-hí-đa Vương pháp Chỉnh lý Kinh, 27. Tối Vô tỷ địa, Thứ 8. Hữu tâm địa, Thứ 9. Vô tâm Kinh, 28. Bồ-tát giới bản, 29. Đại thừa địa, Thứ 10. Văn sở thành địa (Phần 1); chưởng trân luận, Q.14, Thứ 10. Văn sở thành địa (Phần 2); Q.15, Thứ 10. Văn sở thành địa (Phần 3); 1.436. DU-GIÀ-SƯ-ĐỊA LUẬN – Q.16, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 1); 5 Tập Q.17, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 2); Thuyết giảng: Bồ-tát Di Lặc Q.18, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 3); Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Q.19, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 4); Huyền Trang (602-664) Q.20, Thứ 12. Tu sở thành địa. Việt dịch: Sa-môn Thích Giác Phổ và Tập II, dày 814 trang, từ Q.21 đến Q.40. Cư sĩ Trần Phá Nhạc Nội dung gồm: Q.21, Thứ 13. Thanh văn Hiệu đính: Sa-môn Thích Lệ Quang địa, Phần đầu, Du-già xứ-chủng tánh địa Nxb Thanh Niên – 2010 Thứ 1, Phần đầu, Du-già xứ-Thú nhập địa Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 5 Thứ 2; Q.22, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần tập dày 4.017 trang, bìa cứng. đầu, Du-già xứ-xuất ly địa Thứ 3-1; Q.23, Tập I, dày 814 trang, có 20 quyển. Nội Thứ 13. Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già dung gồm: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; xứ-xuất ly địa Thứ 3-2; Q.24, Thứ 13. Du-già-sư-địa luận, I. Phần Bản địa, Q.1, Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già xứ-xuất Thứ 1. Năm thức thân tương ưng địa, Thứ ly địa Thứ 3-3; Q.25, Thứ 13. Thanh văn 2. Ý địa (Phần 1); Q.2, Thứ 2. Ý địa (Phần địa, Phần đầu, Du-già xứ-xuất ly địa Thứ 2); Q.3, Thứ 2. Ý địa (Phần 3); Q.4, Thứ 3-4; Q.26, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 2, 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm Du-già xứ Thứ 1; Q.27, Thứ 13. Thanh

văn địa, Phần 2, Du-già xứ Thứ 2; Q.28, Sanh, P.2 Nhiếp thọ; Q.49, Thứ 15. Bồ-tát Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 2, Du-già xứ địa, Phần ba, Trì Cứu cánh Du-già xứ: P.3 Thứ 3; Q.29, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần Địa, P.4 Hành, P.5 Kiến lập – 1; Q.50, 2, Du-già xứ Thứ 4; Q.30, Thứ 13. Thanh Thứ 15. Bồ-tát địa, Phần ba, Trì Cứu cánh văn địa, Phần 3, Du-già xứ Thứ 1; Q.31, Du-già xứ: P.5 Kiến lập – 2, Phần bốn, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 3, Du-già xứ Thứ lớp trì Du-già xứ, Phẩm Phát tâm Thứ 2; Q.32, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần chánh đẳng Bồ-đề, Thứ 16. Hữu dư y địa, 3, Du-già xứ Thứ 3; Q.33, Thứ 13. Thanh Thứ 17. Vô dư y địa; II. Phần Nhiếp quyết văn địa, Phần 4, Du-già xứ Thứ 1; Q.34, trạch, Q.51, Thứ 1. Năm thức thân tương Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 4, Du-già xứ ưng địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 1; Q.52, Thứ Thứ 2, Thứ 14. Độc Giác địa; Q.35, Thứ 1. Năm thức thân tương ưng địa, Thứ 2. Ý 15. Bồ-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: địa, Phần 2; Q.53, Thứ 1. Năm thức thân P.1 Chủng tánh, P.2, Phát tâm, P.3 Tự lợi- tương ưng địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 3; Q.54, lợi tha Thứ 1; Q.36, Thứ 15. Bồ-tát địa, Thứ 1. Năm thức thân tương ưng địa, Thứ Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.3 Tự lợi-lợi tha 2. Ý địa, Phần 4; Q.55, Thứ 1. Năm thức Thứ 2, P.4 Chân thật nghĩa; Q.37, Thứ 15. thân tương ưng địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 5;

Bồ-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.5 Q.56, Thứ 1. Năm thức thân tương ưng Uy lực, P.6 Thành thục; Q.38, Thứ 15. Bồ- địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 6; Q.57, Thứ 1. tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.7 Bồ- Năm thức thân tương ưng địa, Thứ 2. Ý đề, P.8 Lực chủng tánh; Q.39, Thứ 15. Bồ- địa, Phần 7; Q.58, Thứ 3. Có Tầm có Tứ tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.9 Bố địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ thí; Q.40, Thứ 15. Bồ-tát địa, Phần đầu, 5. Không Tầm không Tứ địa, Phần 1; Trì Du-già xứ: P.10 Trì giới – 1. Q.59, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Tập III, dày 812 trang, từ Q.41 đến Q.60. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Nội dung gồm: Q.41, Thứ 15. Bồ-tát địa, Tầm không Tứ địa, Phần 2; Q.60, Thứ 3. Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.10 Trì giới – 2; Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ Q.42, Thứ 15. Bồ-tát địa, Phần đầu, Trì có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ Du-già xứ: P.10 Trì giới – 3, P.11 An địa, Phần 3. nhẫn, P.12 Tinh tấn; Q.43, Thứ 15. Bồ-tát Tập IV, dày 731 trang, từ Q.61 đến Q.80. địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.13 Tĩnh Nội dung gồm: Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, lự, P.14 Trí tuệ, P.15 Nhiếp sự; Q.44, Thứ Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. 15. Bồ-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: Không Tầm không Tứ địa, Phần 4; Q.62, P.16 Cúng dường-thân cận-vô lượng, P.17 Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa Phần 1; Q.63, Bồ-đề Phần 1; Q.45, Thứ 15. Bồ-tát địa, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa Phần 2, Thứ 7. Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.17 Bồ-đề Phần Phi Tam-ma-hí-đa địa, Thứ 8. Hữu tâm 2; Q.46, Thứ 15. Bồ-tát địa, Phần đầu, Trì địa, Thứ 9. Vô tâm địa; Q.64, Thứ 10. Văn Du-già xứ: P.17 Bồ-đề Phần 3, P.18 Công sở thành tuệ địa; Q.65, Thứ 11. Tư sở đức Bồ-tát; Q.47, Thứ 15. Bồ-tát địa, Phần thành tuệ địa Phần 1; Q.66, Thứ 11. Tư sở hai, Tùy pháp Trì Du-già xứ: P.1 Tướng thành tuệ địa Phần 2; Q.67, Thứ 12. Tu sở Bồ-tát, P.2 Phần, P.3 Ý lạc tăng thượng, thành tuệ địa, Thứ 13. Thanh văn địa Phần P.4 Trụ - 1; Q.48, Thứ 15. Bồ-tát địa, Phần 1; Q.68, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 2; hai, Tùy pháp Trì Du-già xứ: P.4 Trụ - 2, Q.69, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 3; Phần ba, Trì Cứu cánh Du-già xứ: P.1 Q.70, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 4;

Q.71, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 5; 1.437. DU-GIÀ-SƯ-ĐỊA LUẬN Q.72, Thứ 15. Bồ-tát địa Phần 1; Q.73, (Yoga-Carya Bhumi-Castra) – Thứ 15. Bồ-tát địa Phần 2; Q.74, Thứ 15. Tập I & II Bồ-tát địa Phần 3; Q.75, Thứ 15. Bồ-tát Hán dịch: Tam tạng Pháp sư địa Phần 4; Q.76, Thứ 15. Bồ-tát địa Phần Huyền Trang (602-664) 5; Q.77, Thứ 15. Bồ-tát địa Phần 6; Q.78, Việt dịch: TT. Thích Giác Thiện và Cư sĩ Thứ 15. Bồ-tát địa Phần 7; Q.79, Thứ 15. Trương Văn Minh Bồ-tát địa Phần 8; Q.80, Thứ 15. Bồ-tát Nxb Tôn Giáo – 2009 địa Phần 9, Thứ 16. Hữu dư y địa, Thứ 17. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, màu Vô dư y địa. vàng chữ đỏ. Tập V, dày 846 trang, từ Q.81 đến Q.100. Tập I, dày hơn 731 trang, nội dung gồm Nội dung gồm: III. Phần Nhiếp thích, có: Lời người dịch, Tiểu sử Pháp sư Q.81, Phần Nhiếp thích, Phẩm Thượng; Huyền Trang, Lời tựa, từ Q.1 đến Q.20, Q.82, Phần Nhiếp thích, Phẩm Hạ; IV. Phần chú thích; Tập II, dày hơn 742 trang, Phần Nhiếp dị môn, Q.83, Phần Nhiếp dị gồm có Lời người dịch, Tiểu sử Pháp sư môn Phẩm Thượng; Q.84, Phần Nhiếp dị Huyền Trang, Lời tựa, nội dung từ Q.21 môn Phẩm Hạ; V. Phần Nhiếp sự, Q.85, đến Q.39, Phần chú thích. Thứ 1. Nhiếp trạch sự hành khế Kinh - Tập I đã được xuất bản từ năm 2003; Tập Phần 1; Q.86, Thứ 1. Nhiếp trạch sự hành II xuất bản năm 2006, Nxb Tôn Giáo. khế Kinh - Phần 2; Q.87, Thứ 1. Nhiếp trạch sự hành khế Kinh - Phần 3; Q.88, 1.438. Thứ 1. Nhiếp trạch sự hành khế Kinh - DU-GIÀ-SƯ-ĐỊA

LUẬN THÍCH Phần 4; Q.89, Thứ 2. Nhiếp trạch sự xứ Trước tác: Bồ-tát Tối Thắng Tử khế Kinh - Phần 1; Q.90, Thứ 2. Nhiếp Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - trạch sự xứ khế Kinh - Phần 2; Q.91, Thứ Huyền Trang (602-664) 2. Nhiếp trạch sự xứ khế Kinh - Phần 3; Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Q.92, Thứ 2. Nhiếp trạch sự xứ khế Kinh - Ấn hành năm PL. 2543 – DL. 1999 Phần 4; Q.93, Thứ 3. Nhiếp trạch sự Du-già-sư-địa luận Thích là một quyển Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - luận mang số 1580 trong Đại chính Tân tu Phần 1; Q.94, Thứ 3. Nhiếp trạch sự Đại tạng Kinh Du-già (Yoga). Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - Phần 2; Q.95, Thứ 3. Nhiếp trạch sự 1.439. DUY TÂM LUẬN TRONG Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - KINH ĐIỂN ĐẠI THỪA Phần 3; Q.96, Thứ 3. Nhiếp trạch sự Biên soạn: Thích Nguyên Hiền Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - Nxb Hồng Đức – 2014 Phần 4; Q.97, Thứ 4. Nhiếp trạch sự Pháp Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 271 Bồ-đề Phần khế Kinh - Phần 1; Q.98, Thứ trang, bìa mềm. 4. Nhiếp trạch sự Pháp Bồ-đề Phần khế Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Kinh - Phần 2; Q.99, Thứ 5. Nhiếp trạch Lời nói đầu; Phần I. Vài khảo chứng về Chung sự Điều phục - Phần 1; Q.100, Thứ pháp môn Tịnh độ, Dẫn nhập, Thiền Tịnh 5. Nhiếp trạch Chung sự Điều phục - Phần song hành – một thái độ dung hòa tuyệt 2; Biện Nhiếp thứ tự sự bản mẫu. vời của Thiền tông Pháp Nhãn, Lạm bàn về tông phái, Về Vĩnh Minh Diên Thọ, Về

Vĩnh Minh Tứ liệu giản, Khảo chứng của Pháp Tướng Tông, M.2 Kinh luận y thuyết Liên tông Thập tam đồ, Khảo cứu cứ, M.3 Ba thời Giáo tướng, M.4 Lượt Tịnh độ luận của Thế Thân; Phần II. Duy thuật về Trăm pháp, M.5 Ba tướng của Đệ Tâm luận của Vĩnh Minh Diên Thọ, Duy Bát Thức, M.6 Ba vị của Đệ Bát Thức, tâm luận, Duy tâm quyết; Phần III. Duy M.7 Cảnh nhiễm tịnh của Đệ Thất Thức, tâm luận trong Kinh Điển Đại thừa, Dẫn M.8 Bốn thứ Ý thức, M.9 Sự Duyên cảnh nhập, Tinh thần Bất nhị của Kinh Bát-nhã, của Tâm vương-Tâm sở, M.10 Sự Tương Lý Nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa, Lý ưng của Tâm vương-Tâm sở, M.11 Sự Bình đẳng Như như trong Kinh Tư Ích, Câu khởi của các Tâm sở, M.12 Năm vị Pháp giới Thuần chân trong Kinh Hoa Duy thức, M.13 Sự Duyên cảnh của Tám Nghiêm, Giác tánh Viên mãn hay nghĩa lý thức, M.14 Danh nghĩa của Tám thức, Nhất tâm trong Kinh Viên Giác, Mười M.15 Tám thức với hai lối chấp, M.16 phương ngời hiện trong Kinh Thủ Lăng Ngã chấp và Pháp chấp, M.17 Phiền não Nghiêm, Đại Tập bộ và tư tưởng nhiễm và sở tri, M.18 Hai thứ ngã pháp, M.19 tịnh dung thông, Đại Bảo tích và sự tan Nghĩa của Chướng và Chấp, M.20 Năng hợp của căn trần, Sự ẩn mật của Niết-bàn, Biến kế chấp, M.21 Luận về Ba tánh, Duy-ma trực tâm thị đạo tràng; Phụ lục: M.22 Tự tướng và Cộng tướng, M.23 Định huệ tương tư ca. Luận về Ba lượng, M.24 Ba thứ Phân biệt, M.25 Luận về Năm thọ, M.26 Luận về 1.440. DUY THỨC Bốn phần, M.27 Nghĩa tức ly của Tâm- Việt dịch: Bồ-tát giới Đệ tử Tuệ Nhuận Tâm sở, M.28 Nghĩa đồng-dị của tám Giấy phép số 31 KD/BV ngày 5-1-1952 thức, M.29 Sự sanh chuyển của tám thức, của Nha Thông tin Việt Nam M.30 Giới địa của tám thức, M.31 Danh Sách dày 192 trang, bìa mềm, có tay gấp. nghĩa của chủng tử, M.32 Năng-sở huân Nội dung gồm có: Duy Thức Tam Thập của tám thức, M.33 Tân huân và Bản hữu, Luận Tụng (Vijnana Matrasiddhi Trimsati M.34 Sự huân tập của chủng tử, M.35 Hai Sastra Karika – Vijnana Matravada), Ba thứ chủng tử, M.36 Ba thứ tập khí, M.37 Mươi bài Tụng luận Duy Thức, Tạo luận: Luận về Bốn duyên, M.38 Sở y của Tám

Bồ-tát Thế Thân, Hán dịch: Tam tạng thức, M.39 Sở y của Tâm vương-Tâm sở, Pháp sư Huyền Trang; Tiểu dẫn, Lời mở M.40 Nghĩa sai biệt của Nhân duyên và đầu của Dịch giả, Lập tông, Lợi ích, và 30 Câu hữu, M.41 Nghĩa sai biệt của khai Bài tụng luận Duy Thức (ở mỗi bài có: đạo, M.42 Sanh duyên của các thức, M.43 Chính văn (chữ Hán), dịch âm, dịch nghĩa Thể tướng của Năm quả, M.44 Ba Nghiệp và giải nghĩa); Cải chính. trong ba lỗi, M.45 Hai Tư nghiệp, M.46 Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang Định-Bất định nghiệp, M.47 Sự chiêu ảnh ấn năm 2017. Nghiệp của tám Thức, M.48 Nghĩa của Tứ tướng, M.49 Tuần thứ của Ngũ tâm, M.50 1.441. DUY THỨC Cương Yếu Nhân quả của Năng biến, M.51 Nghĩa Diễn thuật: HT. Thích Thiền Tâm lượng của Duy thức, M.52 Sự ngộ nhập tri PL. 2538 – DL. 1995 thức của bốn trí, M.53 Luận về Tứ biến, Sách dày 185 trang, nội dung gồm có 85 M.54 Biến tướng của Khí thế giới, M.55 Mục (M): Vào đề, Cương yếu về Tông Cộng và Bất cộng Nghiệp, M.56 Đại Pháp Tướng Duy Thức, M.1 Danh nghĩa chủng Năng tạo, M.57 Danh nghĩa của Tứ

đại, M.58 Năm Nhân lực, M.59 Ba Nhân 1.443. DUY THỨC HỌC duyên biến đổi, M.60 Trăm pháp với Ba Tác giả: Giáo sư Thạc Đức khoa, M.61 Luận về Ba cảnh, M.62 Ba thứ Phật Học Đường Nam Việt xuất bản – bất tùy, M.63 Ba thứ thông Tình-Bản, 1953 M.64 Tổng quát về Ba cảnh, M.65 Luận Xem: Duy Thức Học thông luận của Giáo về Ba tánh, M.66 Ba vô tánh, M.67 Hai sư Thạc Đức thứ Trung đạo, M.68 Năm chủng tánh, M.69 Mười pháp hạnh, M.70 Mười Ba-la- 1.444. DUY THỨC HỌC mật, M.71 Năm lớp Duy thức quán, M.72 Dịch giả: Duy thức với Tịnh độ, M.73 Năm vị tu HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973) chứng, M.74 Hạnh vị của Bồ-tát, M.75 THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Ngôi thứ Gia hạnh, M.76 Chân và Tướng PL. 2536 – DL. 1992 kiến đạo, M.77 Thứ lớp của sự phục đoạn, Sách dày 420 trang, bìa mềm, chữ tựa màu M.78 Công dụng và Vô công dụng, M.79 nâu, có hình ngọn tháp. Đốn ngộ và Tiệm ngộ, M.80 Ba hạng Bồ- Nội dung gồm có 3 tập, 2 quyển (Thượng- tát, M.81 Sự đoạn hoặc của mười Địa, Hạ): - Lời nói đầu, và 10 Bài: B.1 & B.2 M.82 Sự đoạn trừ của Kim Cang và cực Luận Đại thừa trăm pháp, B.3 Tâm vương, Giải thoát đạo, M.83 Nhị chuyển y và Nhị B.4 Ý thức, B.5 Mạt-na thức, B.6 A-lại-da chuyển xả, M.84 Quả viên mãn của Diệu thức, B.7 Tâm sở, B.8 Tùy phiền não, B.9 giác, M.85 Sự sanh khởi của Bốn trí; Niên Bất định tâm sở - Sắc pháp, B.10 Tâm bất phổ. tương ưng hành pháp – Vô vi pháp; Tập I, Lời của dịch giả, Lời nguyên tự, Lời tựa; 1.442. DUY THỨC Dị Giản Duy Thức Phương tiện đàm, Quyển Việt dịch: Thích Trí Hữu thượng: B.1 & B.2 Thành lập tám thức, PL. 2501 – DL. 1957 B.3 Nói lược các tâm sở, B.4 Kinh nghiệm Sách có 73 trang, bìa mềm. Nội dung gồm Duy Thức, B.5 Đem việc chiêm bao để xét có: Lời nói đầu, Bài tựa của Duy Thức Dị nghiệm lý Duy Thức, B.6 Lược giải lời Giản; Duy Thức Dị Giản (Tác giả: Thiên vấn nạn của ngoại nhân, B.7 Kết luận; Tập Thân Bồ-tát, Người giải: Cư sĩ Đường Đại II, Lời tựa và Bài kệ, Duy Thức Phương Viên, Việt dịch: Thích Trí Hữu), Cảnh tiện đàm, Quyển hạ, B.1 Nói về Duy Thức duyên của tám Thức, Đáp câu hỏi bài thứ và Thiền tôn, B.2 Nói về yếu chỉ của Duy nhất, Bốn quả Thánh, Thập bát giới, Ba Thức, B.3 Nói về chơn vọng và sanh diệt, Thức Năng biến, Bản đồ tám Thức Tâm B.4 Nói về tướng của Thức chia và hiệp, vương, Bản đồ sáu Thức hiện khởi, Bản B.5 Tâm vương và Tâm sở tương ưng, B.6 đồ bốn phần, Bản đồ Pháp dụ của 4 phần, Giải thích 4 phần, B.7 Nói về chủng tánh Ba Năng biến Thức,

Bản đồ A-lại-da, Bản và huân tập; Tập III, Duy Thức Phương đồ Y-tha-khởi, Bản đồ Ba tánh, Các pháp, tiện đàm, Quyển hạ (tt), B.8 Nói về 10 Mật ý, Ba vô tánh, Duy thức tánh, Thông duyên, 4 nhân và 5 quả, B.9 Nói về 3 đạt vị, Bản đồ Ngôi tu tập, Bản đồ Ngôi lượng và 3 cảnh, B.10 Nói về tướng trạng Cứu cánh, Duy thức tánh năm ngôi. của Thức biến, B.11 Nói về tướng "sở (Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, biến" của các Thức, B.12 Nói về 2 Đế và Tp. Hồ Chí Minh) Tánh, B.13 Dẫn sách thế tục để so sánh; Luận A-đà-na Thức; Duy Thức Tam Thập

Tụng dị giải, Lời của dịch giả, Lời tựa, và Biên soạn: TT. Quảng Liên (1926-2009) 7 Bài; Duy Thức Tam Thập Tụng; Nhơn Tu viện Quảng Đức xuất bản – 1972 Minh Luận, Lời tựa, Nhơn Minh Luận, Sách có khổ 13.3 x 18.9cm, dày 164 trang, Nhơn Minh Luận cương yếu, A. Tôn, B. bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 4 Nhơn, C. Dụ. chương: C.I Giới thiệu Tổng quát: Đời Tác phẩm này đã được in chung trong bộ sống Đức Phật, Tứ diệu đế, Nhân quả- Phật học Phổ thông quyển 3, khóa IX, Nxb Nghiệp báo, Nhân duyên sinh, Luân hồi, Tôn Giáo-2005 (tái bản nhiều lần); các Vô thường-vô ngã; C.II Duy Thức học, A. năm: 2003-2006-2010-2012-2016, Nxb Nguồn gốc Duy thức học, B. Định nghĩa Tôn Giáo. Duy thức học, C. Phương pháp nhận thức của Duy thức học; C.III Duy thức Tam 1.445. DUY THỨC HỌC thập tụng, - Duy thức cảnh, - Duy thức (Bát Thức Quy Củ Tụng – hạnh, - Duy thức quả; C.IV Nhận định, - Tam Thập Tụng) Duy thức học, - Nhất thiết hữu, - Trung Tạo luận: Bồ-tát Vasubandhu (Thế Thân) Quán-Không lý; Phụ bản Phạn ngữ Duy Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Thức Tam thập tụng, Tài liệu khảo cứu. Huyền Trang (602-664) Tác phẩm này tái bản năm 2004, Nxb Tôn Việt dịch và giải: Tỳ-kheo Thiện Hạnh Giáo. PL. 2556 – DL. 2012. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 153 trang (PDF): I. Vài nét đại 1.447. DUY THỨC HỌC cương về Duy Thức học: 1. Khởi nguyên, Tuệ Quang 2. Duy Thức, 3. Tâm và Thức, 4. Kinh Huyền Cơ Phật học viện – chùa Pháp Luận Duy thức tôn căn cứ (a. Về kinh, b. Vương (Sài Gòn) xuất bản – 1967 Về luận), 5. Sự phát triển và truyền thừa Sách dày 272 trang, bìa mềm, có tay gấp. (1. Ở Ấn Độ, 2. Ở Trung Hoa); II. Bát Nội dung gồm có 14 phần (P): Lời nói Thức Quy Củ tụng: A. Duy thức Cảnh, 1. đầu; P.1 Tổng quát về Duy thức học; P.2 Duy thức tướng (a. Tam Năng biến: (1) Lược sử Duy thức học; P.3 Thành lập Duy Alaya, (2) Mạt-na, (3) Sáu thức trước; b. thức, 1. Mục đích, 2. Ai lập ra Duy thức, Những tâm Sở tương ưng ba Năng biến, c. 3. Duy thức là gỉ? 4. Đồng nghiệp và Biệt Phân vị hiện khởi của 6 thức trước, d. Lý nghiệp, 5. Nói riêng về Sa-bà thế giới, 6. do thành lập Duy thức); 2. Duy thức tánh, Đứng về mặt chúng sanh; P.4 Tám thức: a. Ba tự tánh, b. Ba vô tánh; B. Duy thức 1. Chia tám Thức, 2. Tu chứng, 3. Đồng Hạnh; C. Duy thức Quả, 1. Tư lương vị, 2. nghiệp và Biệt nghiệp, 4. Kể tên tám Gia hạnh vị, 3. Thông đạt vị, 4. Tu tập vị, Thức; P.5 Vào đề, 1. Tên bộ sách này, 2. 5. Cứu cánh vị; Lời tri ân. Nguyên nhân tạo bộ luận này, 3. Phá chấp; PDF) sở biến, 2. Giải thích Ngã và Pháp, 3. Các tướng đều nương nơi Thức, 4. Vì Phân 1.446. DUY THỨC HỌC biệt, 5. Giả và Thực; P.7 Chấp Ngã và Vijanavada-Trimsika Vijanapatikarika Pháp, 1. Ngã chấp, 2. Pháp chấp; P.8 (Vasubandhu) Năng-biến thức, 1. Nói chung ba loại, 2. Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Triết học Nhân quả năng biến Thức, 3. P.9 Thức thứ Đông Phương Quảng Đức tám: 1. Tướng Năng biến thứ nhất, 2. A-

lại-da Thức, 3. Dị thục Thức, 4. Nhất thế chủng, 5. Chủng tử, 6. Sáu điều kiện của chủng tử, 7. Huân tập, 8. Sở duyên: Cảnh, 1.449. DUY THỨC HỌC – 4 Tập 9. Tâm sở, 10. Vô phú-vô ký, 11. Hằng Soạn giả: chuyển, 12. A-la-hán xả, 13. Sao biết thức Tỳ-kheo Ni Như Thanh (1911-1999) này có? P.10 Thức thứ bảy: 1. Tướng THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Năng biến thứ hai, 2. Mạt-na: Tư lương, 3. PL. 2535 – DL. 1991 Sở y, 4. Sở duyên, 5. Tư lương làm tính Tập một, Thuyết minh, Vấn đề triển khai: tướng, 6. Tương ưng với Tâm sở, 7. Nhiếp C.I, Nguồn gốc Duy Thức học, 1. Việc về Hữu phú-vô phú, 8. Buộc theo chỗ sở truyền thừa Duy thức học, 2. Những Kinh- sinh, 9. Xả, 10. Sao biết thức này có, P.11 Luận, Sở y của pháp học Duy thức; C.II, Sáu thức trước: 1. Tướng Năng biến thứ Nhận thức tư tưởng của Duy thức học, 1. ba, 2. Sáu thức: Liễu cảnh, 3. Nhiếp về ba Con đường đi vào pháp học Duy thức, 2. tánh, 4. Tâm sở, 5. Biệt cảnh Tâm sở, 6. Phương pháp nhận thức và tư tưởng của Thiện Tâm sở, 7. Phiền não, 8. Tùy phiền Bát Thức; C.III, Việc giáo dục của Duy não, 9. Bất định Tâm sở, 10. Hiện khởi; thức tông, 1. Đường lối giáo dục Triết học P.12 Lý Duy thức: 1. Duy thức, 2. Do đâu của Phật giáo trong Duy thức tông, 2. Giáo sinh phân biệt? 3. Bốn duyên, 4. Mười dục của Duy thức tông; C.IV, Giảng luận nhân, 5. Năm quả, 6. Sinh tử nối luôn, 7. bổ túc, 1. Giảng luận phần Thể, Dụng của Tập khí, 8. Tịnh pháp nối luôn, 9. Ba tính, Duy thức, 2. Giảng luận Niết-bàn vô trụ, 10. Biến kế sở chấp, 11. Y tha khởi tính, 3. Giảng luận Nhị Trí để nêu rõ Trí hậu 12. Viên thành thật, 13. Kết luận về ba đắc, 4. Quyết trạch Hai Đế luận đàm nghĩa tính, 14. Ba Không tính, P.13 Tu học: 1. chân tục, 5. Quyết trạch Ba Lượng luận Tu chứng, 2. Hai chủng tính Đại thừa, 3. nói Thánh ngôn, 6. Quyết trạch Ba Tánh Ngộ nhập 5 vị Duy thức, 4. Lần lữa ngộ luận đàm phần Y Tha; Kết luận; Chương nhập, 5. Vị Tư lương, 6. Vị gia hành, 7. Vị Chú thích; Tài liệu tham khảo; thông đạt, 8. Vị tu tập, 9. Chuyển y, 10. Tập hai, Duy Thức căn bản, C.I, Duyên Bốn trí, 11. Kết về vị tu tập, 12. Vị cứu khởi, 1. Giảng rõ nguyên nhân tạo bộ luận, cánh; P.14 Tổng Kết luận. 2. Hiển bày sự truyền dịch của Duy Thức; C.II, Đại thừa Bách pháp, 1. Giảng rõ 1.448. DUY THỨC HỌC danh từ Bách pháp, 2. Hiển bày lý nghĩa Biên soạn: Thích Thanh Châu Bách pháp; C.III, Duy Thức Tam Thập Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2003 Tụng; C.IV, Duy Thức biến, 1. Duy thức Sách có khổ 12 x 20cm, có hơn 79 trang, biến, 2. Chư pháp Duy thức hiện; C.V, bìa mềm. Nội dung gồm có: C.I Giới Chư Nghiệp tập khí, 1. Giảng rõ chư thiệu; C.II Nội dung, A. Duy thức cảnh, B. Nghiệp tập khí, 2. Hiển bày Nhứt thiết Duy thức hành, C. Duy thức quả; C.III Kết chủng thức; C.VI, Sở duyên duyên, Quán luận; Chánh văn: Duy Thức Tam Thập Sở duyên duyên; C.VII, Ba Chủng trọng Tụng. yếu, 1. Mười thắng hạnh, 2. Mười trọng chướng, 3. Mười chơn như; C.VIII, Nhất thiết pháp, 1. Giảng rõ Nhất thiết pháp, 2. Hiển bày Nhất thiết trí; C.IX, Cảnh Hạnh Quả, 1. Giảng rõ phần Tổng thuyết, 2.

Hiển bày phần Biệt minh; C.X, Duy thức học, 4. Phụ ghi: - Như tưởng và Như thực, Hạnh, Duy thức Quả, 1. Giảng rõ Duy - Đại Bồ-tát phát đại thệ nguyện, - Hoát thức Hạnh, 2. Giảng rõ Duy thức Quả; nhiên đại ngộ; 14. Tứ Vô lượng tâm; Kết Tập ba, Duy Thức giảng yếu, C.I, Tôn chỉ luận: Phật quả thậm thâm, - Tổng luận và Cảnh sở quy lý nghĩa Duy thức, 1. Duy thức học; Phần Phụ lục. Giảng rõ tôn chỉ Duy thức và Cảnh sở quy Bộ Duy Thức Học này được tái bản năm của Duy thức, 2. Hiển bày lý nghĩa Duy 2005, Nxb Tôn Giáo, 2 tập. thức; C.II, Tụng văn và Ngã-Pháp, 1. Giảng rõ Tụng văn, 2.

Hiển bày Ngã- 1.450. DUY THỨC HỌC Cương Yếu Pháp; C.III, Duy Tâm và Duy Thức, 1. Biên soạn: Giảng rõ lý Duy Tâm, 2. Hiển bày nghĩa Thích Nguyên Ngôn (1938-2005) Duy Thức; C.IV, Tâm Vương và Tâm Sở, Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 1. Giảng rõ Tâm vương, 2. Hiển bày Tâm Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 128 trang, Sở; C.V, Tam Tánh-Tam Vô Tánh, 1. bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có 4 Giảng rõ Tam Tánh, 2. Hiển bày Tam Vô phần: Lời nói đầu, Phần I. Giới thiệu tổng tánh; C.VI, Tam Lượng-Tam Cảnh, 1. quát truyền thừa Duy Thức Học, Phần II. Giảng rõ Tam Lượng, 2. Hiển bày Tam Gợi ý khi học môn Duy Thức, Phần III. Cảnh; C.VII, Chân tướng Duy Thức, giả Giới thiệu Tâm vương-Tâm sở, có 15 bài: lập Duy Thức, 1. Giảng rõ chân tướng của B.1, Tìm hiểu tám thức Tâm vương, B.2, Duy thức, 2. Hiển bày giả lập của Duy Lớp thứ 2 nói về Ý thức, B.3, Lớp thứ 3 thức; C.VIII, Hữu phú Vô ký-Vô phú Vô có 2 thức Tâm vương vi tế, quan trọng, ký, 1. Giảng rõ Hữu phú Vô ký, 2. Hiển B.4, Luận về ba Cảnh và Lượng của Thức, bày Vô phú vô ký; C.IX, Chánh nhơn Hữu B.5, Bốn Duyên của Thức, B.6, Ba Tự lậu phân, Cực vô lậu, 1. Giảng rõ Chánh tánh và Ba Vô tánh, B.7, Danh nghĩa của nhơn Hữu lậu, 2. Hiển bày phân, Cực vô Chủng tử, B.8, Luận về Ba loại Phân biệt, lậu; C.X, Bồ-tát Đại Huệ thỉnh vấn Phật, B.9, Luận về Sở y của Thức, B.10, Luận 1. Bồ-tát Đại Huệ thỉnh vấn Phật, 2. Hiển về Sanh duyên của Thức, B.11, Luận về bày Thánh trí tự giác; Năm lớp quán Duy thức, B.12, Luận về Tập bốn, Tu chứng (Pháp tánh tôn), Quan Ngũ vị Tu chứng Duy thức, B.13, Luận về niệm về vấn đề tu chứng, Tổng quát 14 đề Chướng và Chấp, B.14, Luận về Hạnh vị mục tu chứng; 1. Hiện tượng quán, 2. Tứ của Bồ-tát đạo, B.15, Luận về Pháp hạnh Tầm Tư quán, 3. Tứ Như thật trí, 4. Ngũ và quả vị của Bồ-tát; Phần Kết. vị Duy thức quán, 5. Ngũ trùng Duy thức quán, 6. Cảnh-Giáo-Lý-Hạnh-Quả, 7. 1.451. DUY THỨC HỌC – Định nghĩa chữ “Tu” trong Duy thức-vị trí Tập IV và V tu tập Duy thức, 8. Tâm năng quán và Phật Học Tùng Thư Cảnh sở quán, 9. Hiển bày sự Đốn ngộ Dịch giả: Duy thức, 10. Phân biệt Phiền não chướng, HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973) Câu-sanh phiền não chướng, 11. Phân biệt Hương Đạo xuất bản – 1971 (tái bản); In Sở tri chướng, Câu-sanh Sở tri chướng, tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), 12. Thập Địa, 13. Tu học Thiền pháp, 1. Giấy phép số 2721/XB U.B.K.D.T.Ư. Giảng luận về Thiền học, 2. Pháp môn tịnh Saigon, ngày 10-11-1962. tọa, 3. Giảng luận về Thiền học và Bát-nhã

Tập IV, có 45 trang, bìa mềm. Luận A-đà- Vấn đề nhân-quả, Vấn đề còn-mất, Vấn đề na Thức, Pháp sư Thái Hư giảng (Hán sinh-tử, Vấn đề nhân-duyên, Vấn đề luân ngữ). Nội dung gồm có 8 phần: 1. Nêu cái hồi, Vấn đề có-không, Vấn đề vật chất, tên, 2. Định giới nghĩa, 3. Giải thích và Vấn đề tu chứng; Phụ lục: Lợi ích của Duy chọn lựa, 4. Nêu cái thể, 5. Hội lại giải thức học, I. Phá trừ mê chấp nghiệp báo, thích, 6. Chỉ những chỗ sai lầm, 7. Lập tôn II. Thành lập sinh hoạt giác ngộ trí tuệ. chỉ, 8. Chỉ cái dụng. Tác phẩm này đã xuất bản năm 1953, với Tác phẩm Duy Thức Học - tập IV được tựa “Duy Thức Học” do Phật Học Đường Hương Đạo xuất bản lần thứ nhất năm Nam Việt (Sài Gòn) ấn hành; tái bản năm 1960, In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), 2003, Nxb Tôn Giáo. Giấy phép số 2288/XB. của H.Đ.K.D. cấp Saigon, ngày 3-11-1960. 1.453. DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN Tập V, có 102 trang, bìa mềm. Nội dung (Giáo án Cao đẳng Phật học-Trường Phật gồm có: Lời của Dịch giả, Lời tựa, 1. Duy học Tp. Hồ Chí Minh) Thức Tam thập tụng Dị

giải, 2. Duy Thức Nguyên tác: Thế Thân Bồ-tát Tam Thập Tụng chánh văn, 3. Phụ lục: 2 Biên dịch: Từ Thông Hòa thượng cái biểu. Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000. Tác phẩm Luận này gồm có: Lời đầu sách và 14 bài 1.452. DUY THỨC HỌC Thông Luận yếu luận về Duy Thức (10 bài đầu, trong Một trong những Hệ thống Triết học mỗi Bài có 4 phần: - Hỏi (về Duy thức), - của Đại thừa Phật giáo Bài tụng Duy thức đáp, - Giải thích thuật Tác giả: Giáo sư Thạc Đức ngữ, - Yếu luận), B.11 Bát Thức Quy Củ Phật Học Đường Nam Việt xuất bản – Tụng, B.12 Đệ Thất Thức Tụng (Mạt-na), 1958 B.13 Đệ Lục Thức Tụng, B.14 Tiền Ngũ Tác phẩm này có 122 trang, bìa mềm; nội Thức Tụng; sau cùng là Toàn văn Ba mươi dung gồm: Lời giới thiệu; Phần thứ nhất, bài Tụng (phiên âm và dịch nghĩa). Đối tượng và phương pháp Duy thức học, Luận này được Trường Cao cấp Phật học I. Đối tượng của Duy thức học, Pháp, Việt Nam ấn hành năm 1987, với nhan đề Tướng, Pháp tướng, Pháp tướng Duy thức; “Duy Thức Luận”; tái bản nhiều lần: II. Phương pháp của Duy thức học, Căn Năm PL. 2536 – DL. 1992, Huỳnh Mai bản tri thức luận, Duy thức học với vấn đề Tịnh thất ấn hành; năm 2005, Nxb Tôn tri thức, Phương pháp Duy thức học; Phần Giáo, khổ 14 x 20cm, có hơn 92 trang. thứ hai, Nhu yếu thành lập Duy thức học: Duyệt qua các lối giải thích vũ trụ vạn 1.454. DUY THỨC NHẬP MÔN hữu, Thần thoại, Huyền đàm, Khoa học Phật học Tùng thư – Luận thực nghiệm, Tiểu thừa Phật giáo, Các Dịch giả: Thích Thiện Hoa (1918-1973) thuyết Duy tâm: Chủ quan Duy tâm luận, Hương Đạo xuất bản năm 1971. In tại Nhà Khách quan Duy tâm luận, Ý chí Duy tâm in Sen Vàng (Sài Gòn), Giấy phép số luận, Kinh nghiệm Duy tâm luận, Trực 2634/XB. Bộ Thông Tin Saigon, ngày 31- giác Duy tâm luận; Phần thứ ba, Những 10-1962. giải quyết của Duy thức học: Vấn đề hư Sách có 95 trang, bìa mềm. Nội dung gồm thực, Vấn đề tự biến-cọng biến, Vấn đề tự- có: Lời nói đầu, và 10 Bài (B), B.1 & B.2 tha, Vấn đề tổng-biệt, Vấn đề tâm-cảnh, Luận Đại thừa trăm pháp, B.3 Tâm vương

(có 8 món), B.4 Ý thức (Thức thứ sáu), 1.457. DUY THỨC - B.5 Mạt-na thức (Thức thứ bảy), B.6 A- TAM THẬP TỤNG Dị Giản lại-da thức (Thức thứ tám), B.7 Tâm sở Soạn dịch: Giải Minh (có 51 món), B.8 Tùy phiền não (có 20 Nxb Phương Đông – 2008 món), B.9 Bất định tâm sở (có 4 món)- Sách có khổ 14 x 20cm, có hơn 119 trang, Sắc pháp (có 11 món), B.10 Tâm bất bìa mềm. tương ưng hành pháp (có 24 món) – Vô vi Nội dung gồm có 3 phần: Lời tựa; Phần I. pháp (có 6 món). Duy Thức Tam thập tụng Dị giản, Chú Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1958; thích phần I; Phần II. Đại thừa Bách pháp năm 1962, Hương Đạo tái bản. minh môn luận giản nghĩa, Chú thích phần II; Phần Phụ lục. 1.455. DUY THỨC NHỊ THẬP LUẬN Luận giả: Bồ-tát Thế Thân 1.458. DUY THỨC - Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - TAM THẬP TỤNG Lược Giải Huyền Trang (602-664) Lược giải: Thích Trí Châu Việt dịch và chú (2017): Quảng Minh Thanh Lương Thiền thất, Tác phẩm này có 64 trang (Pdf), nội dung PL. 2549 – 2005 gồm: - Dẫn nhập; - Duy Thức Nhị thập Toàn bộ tác phẩm này gồm có 14 chương: luận, có 21 bài kệ tụng và luận giải; - Mở đầu, - Tiểu sử Bồ-tát Thế Thân, - nguyên bản Hán ngữ và Phạn ngữ. Duy Thức Tam thập tụng (Ba mươi Bài lại-da thức, C.3 Đặc tánh của A-lại-da 1.456. thức, C.4 Mạt-na thức, C.5 Liễu biệt cảnh DUY THỨC TAM THẬP TỤNG thức, C.6 Các Tâm sở thiện, Phiền não và Trimsikà-Vijnaptimàtratàsiddhih Bất tịnh, C.7 Sắc pháp và Tiền lục thức, The Thirty Verses on Consciousness- C.8 Duyên Cảnh và Lượng, C.9 Căn thân only và thế giới, C.10

Bất Tương ưng hành Tạo luận: Bồ-tát Vasubandhu (Thế Thân) pháp, C.11 Tam tánh, C.12 Tam vô tánh, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư C.13 Các địa vị tu tập, C.14 Tóm tắt; Tìm Việt dịch: HT. Thích Thuyền Ấn Luật-Duy Tài liệu học tập Lớp Cao học Triết của Đại Thức học) học Văn Khoa Viện Đại học Vạn Hạnh, niên khóa: 1972-1973. Tác phẩm này có 1.459. DUY THỨC - 29 trang (PDF), nội dung có 30 bài tụng TAM THẬP TỤNG THÍCH LUẬN Duy Thức nguyên bản Sanskrit, Anh ngữ, Nguyên bản Phạn ngữ: bản Hán ngữ, phiên âm và dịch nghĩa. TRIMSIKÀVIJNAPTIBHÀSYAM PDF) Việt dịch và chú: Phước Nguyên Tác phẩm này gồm có: - Tựa; C.I Ngã và Pháp, 1. Tổng thuyết Ngã Pháp, 2. Ý nghĩa giả thác, 3. Thức biến; C.II Thức A-

lại-da, 1. Định danh, 2. Hành tướng và Sở chứng, T.4 Chủ nghĩa thực dụng; C.III, duyên, 3. Tâm sở tương ưng. Duy thức Triết học: T.1 Đản sanh, lịch Thức học) Duy thức, Đoạn 1. Phân tích về năm thức trước, Đoạn 2. Ý thức thứ 6; Cái biểu của 1.460. DUY THỨC THẬP NHỊ MÔN ý thức thứ sáu, Đoạn 3. Thức Mạt-na thứ LUẬN – QUÁN SỞ DUYÊN DUYÊN – bảy, Đoạn 4. A-lại-da thứ tám, 1. Thích NHỊ THẬP TỤNG nghĩa của danh A-lại-da thức, 2. Thích Tạo luận: Thế Thân Bồ-tát nghĩa huân tập, trì chủng A-lại-da thức, 3. Việt dịch: Giải Minh Các tên riêng của A-lại-da thức, Đoạn 5. Lưu hành nội bộ, PL. 2552 – DL. 2013 Chuyển thức thành Trí, và Tâm sở của 8 Nội dung gồm có: Thập Nhị Môn Luận có Thức, Cái biểu của 51 Tâm sở của Ý thức, 12 phẩm, P.1 Quán Nhân duyên môn, P.2 T.3 Thật tại luận của Duy thức,, T.4 Biện Quán Hữu quả-Vô quả môn, P.3 Quán chứng pháp của Duy thức, T.5 Khoa học Duyên môn, P.4 Quán Tướng môn, P.5 quan của Duy thức, T.6 Vũ trụ quan của Quán Hữu tướng-Vô tướng môn, P.6 Quán Duy thức, T.7 Nhân sanh quan của Duy Nhất-Dị môn, P.7 Quán Hữu-Vô môn, P.8 thức; Cái biểu 20 pháp của Tùy phiền não, Quán Tánh môn, P.9 Quán Nhân Quả Cái biểu 75 pháp của Tiểu thừa, Cái biểu môn, P.10 Quán Tác môn, P.11 Quán Tam 100 pháp của Đại thừa, Cái biểu 24 pháp thời môn, P.12 Quán Sanh môn; Quán Sở chẳng tương ưng với tâm, T.8 Nhân quả Duyên Duyên luận, Trực giải, Bồ-tát Trần ba đời của Duy thức; C.IV, Duy thức Triết Na tạo, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang học đương thách giá triết học hiện đại, 1. dịch, Ngẫu Ích Đạo nhân Trí Húc giải; Nhà Duy vật luận chủ trương… 2. Nhà Việt dịch: Thiện Quả; Duy Thức Nhị Thập Duy vật luận chủ trương… 3. Chủ nghĩa Tụng; Phần Phụ lục Nội dung, Tóm lược Thật chứng chủ trương… 4. Chủ nghĩa về 20 bài tụng; Phần Hán văn. Thật dụng chủ trương…; C.V, Lời kết luận. 1.461. DUY THỨC Triết Học (Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Việt dịch: Phật tử Khánh Anh Tp. Hồ Chí Minh) Nội dung gồm có: C.I, Lời đầu bài luận, T.1 Sao là Triết học? T.2 Thái độ và 1.462. DUY THỨC Triết Học phương pháp của Triết học, T.3 Điều quan Paramartha-Chân Đế hệ giữa Triết học khoa học; C.II, T.1 Duy Soạn dịch: Giải Minh Tâm luận, Đoạn 1. Chỗ đản sanh và Tôn Nxb Phương Đông – 2011 chỉ với người đại biểu Duy Tâm luận, Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 348 trang, Đoạn 2. Duy Tâm luận ở các nước bên bìa mềm. Nội dung gồm có 5 phần: Tiểu Thái-Tây; T.2 Duy Tâm luận, Đoạn 1. sử Tác giả, Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Duy tâm luận của ông Mã Khắc Ty, Đoạn Khánh Anh, Thay Lời tựa; Phần I. Khái 2. thượng tầng kiến trúc của Bố-cáp-lin, 1. quát về môn Duy thức học, I. Lịch sử Khoa học kiến trúc trên kinh tế, 2. Triết truyền thừa, II. Diễn tiến y cứ của bộ môn học kiến trúc trên kinh tế, 3. Tôn giáo kiến Duy thức, III. Nội dung tư tưởng pháp

trúc trên kinh tế, Đoạn 3. Biện chứng pháp tướng Duy thức học, IV. Pháp tướng Duy của Địch Trì Căn, T.3 Chủ nghĩa thật thức học còn gọi là Duy thức Triết học, V.

Chuyển Thức thành Trí, VI. Các Tâm sở với nhan đề "Đại cương Luận Câu-xá"; của Tâm vương, VII. Thật tại luận của năm 2006, Nxb Tôn Giáo, khổ 13 x 20cm, Duy thức Triết học; Phần II. Nhận xét giữa dày hơn 673 trang. Duy thức Triết học và Triết học hiện thời (TK. XIX), Phần kết; Phần III (Phần phụ 1.464. Đại cương ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN khảo), Duy thức Triết học quan; Phần IV Biên soạn: Sa-môn Thích Huệ Đăng (Phần khảo luận) Chân Đế, Các loại Triết Nxb Tôn Giáo – 2011 học (Hệ phái Triết học), I. Định nghĩa, II. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 702 trang, Thái độ và phương pháp của Triết học, III. bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Điều quan hệ giữa Khoa học với Triết học, Nội dung gồm có 5 tập, 100 quyển: Lời IV. Bàn qua về các hệ phái Triết học hiện nói đầu, Tóm lược triết lý Đại Trí Độ, A. đại, V. Duy tâm luận ở các nước phương Giải thích luận đề, B. Tóm lược triết lý Tây, VI. Duy vật luận, VII. Bàn về thượng Luận Đại Trí Độ, C. Lộ trình hành Thập tầng kiến trúc của Bố-cáp-lin, VIII. Biện độ của Bồ-tát; Tập I, từ Q.1 đến Q.8, Kết chứng pháp Duy vật luận của Địch-tri-căn, luận Tập I; Tập II, từ Q.9 đến Q.20, Kết IX. Thực chứng chủ nghĩa, X. Thật dụng luận Tập II; Tập III, từ Q.21 đến Q.39, Kết chủ nghĩa; Phần V. Nguyên tác Duy thức luận Tập III; Tập IV, từ Q.40 đến Q.55, Nhị thập tụng: từ Bài tụng thứ I,... đến Kết luận Tập IV; Tập V, từ Q.56 đến Bài tụng thứ XXI; Phụ khảo, Lời cuối Q.100, Kết luận Tập V; Kết luận Đại sách. cương Đại Trí Độ Luận, Mục lục.

1.465. Đại cương LUẬN PHẬT THỪA

Đ Biên soạn: Tuệ Giác – Lệ Thiên Lan Nxb Văn Hóa Văn Nghệ - 2015 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 210 trang, bìa mềm, chữ tựa có màu trắng và đỏ, có 1.463. Đại cương CÂU-XÁ LUẬN Tác giả: Luận sư Thế Thân (Vasubandhu) hình ao sen. Nội dung gồm có: Lời Dẫn Soạn thuật: HT. Thích Thiện Siêu (1921- nhập, Phật pháp với Vấn đề Thế gian, Vấn đề Yếm thế-Xuất thế-Nhập thế, Phật pháp 2001) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn với vấn đề hữu-vô, Phật pháp với vấn đề hành – 1992 Nghiệp, Phật pháp với vấn đề đương Sách có khổ 13 x 19cm, có 284 trang, bìa Niệm, Phật pháp với Tinh thần Vô trụ, mềm. Toàn bộ Luận bản này có 8 phẩm. 1. Tam vô lậu học, Giáo lý Ngũ uẩn, Tam Phẩm phân biệt Giới, 2. Phẩm phân biệt Pháp ấn, Giáo lý Duyên sinh-Vô ngã, Khái Căn, 3. Phẩm phân biệt Thế gian, 4. Phẩm quát về giáo lý Duyên khởi, Giáo nghĩa phân biệt Nghiệp, 5. Phẩm phân biệt Tùy Câu-xá Tông, Giáo nghĩa Thành Thật miên, 6. Phẩm phân biệt Hiền Thánh, 7. Tông, Giáo nghĩa Tam Luận Tông, Giáo Phẩm phân biệt Trí, 8. Phẩm phân biệt nghĩa Hoa Nghiêm Tông, Giáo nghĩa Pháp Định. Hoa Tông, Giáo nghĩa Thiền Tông, Giáo nghĩa Tịnh Độ Tông, Giáo nghĩa Chơn Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều Ngôn Tông, Giáo nghĩa Giới Luật Tông, lần: Năm 1987; năm 2000, Nxb Tôn Giáo, Giáo nghĩa Duy Thức Tông, Pháp Đại khổ 13 x 19cm, dày 285 trang, bìa mềm, thừa (Pháp hạnh Bồ-tát), Khái quát Cương

yếu Trụ trì, Khái quát về Nghi lễ, Ý nghĩa luận; C.1 Atisa, C.2 Giá trị cao quý của Phú pháp Truyền thừa, Thư mục tham Phật pháp, C.3 Phương cách lắng nghe và khảo. lý giải về giáo pháp của Đức Phật, C.4 Nương tựa vào thầy, C.5 Thời Thiền, C.6 1.466. Đại cương Bác bỏ quan niệm sai lầm về Thiền, C.7 LUẬN THÀNH DUY THỨC Một kiếp

người an lạc và thuận duyên, C.8 Biên soạn: Thích Thiện Nhơn Ba loại người, C.9 Chánh niệm về cái Lưu hành nội bộ, PL. 2548 – DL. 2004 chết, C.10 Quán tưởng về kiếp sống tương Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 210 trang. lai của quý vị, C.11 Quy y Tam bảo, C.12 Nội dung gồm có 4 mục chính: Phần đầu Giới Quy y, C.13 Các tính chất tổng quát là Lời nói đầu, Phần Tổng quát, I. Quy của Nghiệp, C.14 Các loại Nghiệp khác kính Tam Bảo và lý do tạo luận, II. Trình nhau, C.15 Trau giồi giới hạnh, C.16 Thái bày về lý Duy thức: - Nêu lý do và trình độ của người có khả năng nhỏ, C.17 Tám bày về 3 thức năng biến, - Trình bày Thức loại khổ, C.18 Sáu loại khổ, C.19 Thiền Năng biến thứ I, II và III, - Giải thích các quán thêm về khổ, C.20 Nguồn gốc của sự Tâm Sở tương ưng Thức năng biến thứ III, khổ, C.21 Mười hai yếu tố Duyên khởi, - Trình bày lý do tại sao có các thứ phân C.22 Thái độ của một người có khả năng biệt, có sinh tử luân hồi, - Trình bày về Ba trung bình, C.23 Nắm chắc bản chất của tánh, - Trình bày về 3 Vô tánh, trình bày con đường dẫn tới giải thoát, C.24 Tính sự tu hành, tu chứng (a. Tư lương vị, b. chất của Tam vô lậu học. Gia hạnh vị, c. Thông đạt vị, d. Tu tập vị, Tập II (quyển trung), dày 362 trang, gồm e. Cứu cánh vị); III. Kết luận; IV. Phụ lục: có 15 chương: Kính lễ, Lamrim Lotsawas, 1. Duy thức Tam thập tụng bản Phạn ngữ, Lời tựa của Chủ biên cho bản dịch Anh 2. Duy thức Tam thập luận bản Hán ngữ. ngữ, Bảng chữ viết tắt, - Dàn ý cho quyển 2; C.1 Giai trình dành cho những cá nhân 1.467. ĐẠI LUẬN VỀ GIAI TRÌNH có khả năng cao, C.2 Từ bi, cánh cửa bước CỦA ĐẠO GIÁC NGỘ - 3 tập vào Đại thừa, C.3 Bảy phép luyện tâm, Truyền thừa Nàlanda C.4 Hoán chuyển ngã-tha, C.5 Lễ phát tâm Tác giả: Tsongkhapa Bồ-đề, C.6 Nuôi dưỡng Bồ-đề tâm, C.7 Nhóm dịch thuật: Lamrim Lotsawas Dẫn nhập về Lục độ Ba-la-mật-đa, C.8 Tu (Lê Xuân Dương, Đàm Quang Trung, Mai tập Đại thừa: các giới luật và Ba-la-mật- Tuyết Ánh, Nguyễn Thị Trúc Mai, Võ đa, C.9 Bố thí Ba-la-mật-đa, C.10 Cách Quang Nhân, Tiểu Nhỏ, Trần Cường thức bố thí, C.11 Trì giới Ba-la-mật-đa, Việt…) C.12 Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa, C.13 Tinh Nxb Hồng Đức – 2013 tấn, C.14 Thiền định và Trí tuệ, C.15 Giúp Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 người phát triển – Bốn phương tiện thu tập dày 1.530 trang. phục đệ tử. Tập I (quyển thượng), dày 551 trang, gồm Tập III (quyển hạ), dày 617 trang, gồm có có 24 chương: - Lời nói đầu của Bản dịch 2 phần, 27 chương: - Lời nói đầu cho Tập Việt ngữ, Kính lễ, Lời cảm tạ, Lời tựa từ III, - Lời tựa của Chủ biên bản Anh ngữ, Chủ biên của Bản dịch Anh ngữ, Lời nói Kính lễ, Lamrim Lotsawas, Bảng chữ viết đầu cho Bản dịch Anh ngữ, Lamrim tắt, Dàn ý Tập III; Phần I. Định từ Thiền, Lotsawas, Bảng chữ viết tắt, Dàn ý, Khai C.1 Định và Tuệ, C.2 Chuẩn bị cho Định

từ Thiền, C.3 Tập trung tinh thần, C.4 Đối phát tâm. Sau cùng là phần tu hành tín tâm phó với hôn trầm và trạo cử, C.5 Thành và lợi ích và khuyên tu. tựu Định, C.6 Định-một phần của Đạo pháp; Phần II. Tuệ giác, C.7 Tại sao trí tuệ 1.469. ĐẠI THỪA NGŨ UẨN LUẬN là cần thiết, C.8 Nương dựa vào các nguồn Tác giả: Vu Lăng Ba liễu nghĩa, C.9 Giai trình bước vào thực Việt dịch: Lê Hồng Sơn tại, C.10 Nhận diện sai đối tượng bị phủ Nxb Phương Đông – 2013 định, C.11 Duyên khởi và tánh không, Tác phẩm Luận này có hơn 167 trang, bìa C.12 Phân tích lập luận, C.13 Sự xác lập mềm. Nội dung gồm có 12 bài. Mở đầu là hiệu quả, C.14 Sự tồn tại ước lệ, C.15 Sự Lời giới thiệu; B.1 Nói về sự nhóm họp sinh khởi không bị bác bỏ, C.16 Phủ định của Năm Uẩn, B.2 Ngũ uẩn luận

với không đủ, C.17 Đối tượng bị phủ định thật Quảng Ngũ uẩn luận, B.3 Sắc uẩn như thế sự, C.18 Những diễn dịch sai lạc về sự nào, B.4 Tứ đại và Cực vi, B.5 Thọ uẩn và khác nhau giữa phái Cụ duyên và Y tự Tưởng uẩn, B.6 Pháp Tương ưng hành ở khởi, C.19 Bác bỏ các diễn dịch sai lạc trong hành uẩn, B.7 Tâm sở thiện và phiền (của phái khác) về Y tự khởi và Cụ duyên, não trong tương ưng hành, B.8 Giảng Tâm C.20 Diễn dịch của chúng tôi về sự khác sở tùy phiền não, Bất định, B.9 Hành uẩn nhau giữa Y tự khởi và Cụ duyên, C.21 trong Bất tương ưng hành, B.10 Thức uẩn, Phê phán của chúng tôi về Y tự khởi một trong sáu thức trước, B.11 Thức Mạt- không ảnh hưởng đến các luận điểm của na và thức A-lại-da, B.12 Tam khoa-Lục chúng tôi, C.22 Phân tích về một cổ xe vô vi. ngựa, C.23 Cá nhân thiếu bản chất cố hữu (nhân vô ngã), C.24 Các đối tượng thiếu 1.470. ĐẠI THỪA TẬP BỒ-TÁT vắng tự tính (pháp vô ngã), C.25 Trí tuệ HỌC LUẬN (SIKSASAMUCCAYA) đòi hỏi phân tích, C.26 Hợp nhất Định và Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Tuệ, C.27 Lược yếu và kết luận; Tài liệu Quyển 32, Luận tập Bộ toàn, Kinh số tham khảo chung. 1636 Tạo luận: Bồ-tát Pháp Xứng 1.468. ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN (Santideva-Tịch Thiên) Tác giả: Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Pháp Hộ Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160) Việt dịch (2004): Dịch và giải: Chân Hiền Tâm Sa-môn Thích Như Điển Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2004 Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 25 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 299 trang, quyển, 18 phẩm: Q.I, P.1 Tập Bố thí học bìa mềm. Tác phẩm Luận này chia làm 2 (Danaparita Prathamah Paricchrdah) (phần phần chính: Phần I, giải thích nghĩa Đại 1); Q.II, P.1 Tập Bố thí học (phần 2); thừa Khởi tín luận, trình bày nhân duyên, Q.III, P.1 Tập Bố thí học (phần 3); Q.IV, lập nghĩa; hiển thị chánh nghĩa, về tâm P.2 Hộ trì Chánh pháp giới chân như và tâm sanh diệt, nhân duyên (Silaparamitajam Saddharma-Parigraho sanh diệt, tướng sanh diệt. Phần II, nói về Nama Dvitiyah Paricchedah) (phần 1 và Vọng tâm huân tập và vô minh huân tập; 2), P.3 Tối thượng Lưỡng Túc Tôn, P.4 cách đối trị tà chấp, phân biệt tướng đạo Không (phần 1); Q.V, P.4 Không (phần 2); Q.VI, P.4 Không (phần 3); Q.VII, P.4

Không (phần 4), Tập Ly nan giới học (Ratnatrayanusmrtirnamastadasah) (phần (Silaparamitayam Anarthavarjanam 1); Q.XXIII, P.18 Niệm Tam bảo (phần 2); Pamcamah Taricchedah); Q.VIII, P.5 Tập Q.XXIV, P.18 Niệm Tam bảo (phần 3); Ly nan giới học (Silaparamitayam Q.XXV, P.18 Niệm Tam bảo (phần 4). (Atmabhavaraksa Sastah Paricchedah) Tác phẩm này được chùa Phật Bảo và (phần 1); Q.IX, P.6 Hộ thân (phần 2), P.7 Phật tử Việt Nam tại Hoa Kỳ ấn tống, PL. Thọ dụng phước (Bhogapunyaraksa Sap 2549 – DL. 2005 Tamah Paricchedah) (phần 1); Q.X, P.7 Hộ-Thọ dụng phước (Bhogapunyaraksa 1.471. ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO - Sap Tamah Paricchedah) (phần 2), P.8 TƯ TƯỞNG LUẬN Thanh tịnh (Parasodhanam Astamah Tác giả: Kimura Taiken Paricchedah) (phần 1); Q.XI, P.8 Thanh Hán dịch: Thích Diễn Bồi tịnh (phần 2); Q.XII, P.8 Thanh tịnh (phần Việt dịch: 3), P.9 Nhẫn nhục (Ksantiparamita HT. Thích Quảng Độ (1928-2020) Navamah Paricchedah); Q.XIII, P.10 Tinh Sách luận khổ 14 x 20cm, có 635 trang, tấn Ba-la-mật-đa, P.11 Nói về A-lan-nhã bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm luận này gồm (Aranyasamvarnanam Namamaikadasah có 3 thiên. Thiên thứ nhất, nói về Đại thừa Paricchedah) (phần 1); Q.XIV, P.11 Nói Phật giáo tư tưởng sử (tổng luận, tư trào về A-lan-nhã (phần 2), P.12 Trị tâm (Citta của các bộ phái trước ngày Đại

thừa hưng Parikarma Devadesah Paricchedah), (Phụ khởi, Đại thừa Phật giáo đến thời đại Long vào phần Thiền định Ba-la-mật); Q.XV, Thọ, Đại thừa Phật giáo từ sau thời đại P.12 Trị tâm (phần 2) (Lại cũng có tên là Long Thọ đến thời đại Vô Trước và Thế Phẩm Thiền định Ba-la-mật); Q.XVI, P.12 Thân, Phật giáo ở thời đại Vô Trước và Trị tâm (phần 3), P.13 Niệm xứ Thế Thân (thế kỷ VI-VII); Thiên thứ hai, (Smrtyupasthana Paricchedah Trayodasah) lý luận Đại thừa Phật giáo (luận về: bản (phần 1); Q.XVII, P.13 Niệm xứ (phần 2), chất của tôn giáo với Phật giáo, luận về P.14 Tự tánh thanh tịnh giải thoát, đặc chất của Phật giáo tại ba (Atmabhavaparisuddhih Paricchedas quốc gia, tinh thần của Đại thừa, quan Caturdasah) (phần 1); Q.XVIII, P.14 Tự niệm chân như của Phật giáo, thiền và ý tánh thanh tịnh (phần 2); Q.XIX, P. 14 Tự nghĩa triết học, sự khai triển của tư tưởng tánh thanh tịnh (phần 3), P.15 Chánh Phật giáo và sự khảo sát về thiền, tư tưởng mệnh thọ dụng (Bhogapunyasuddhih Phật giáo với văn hóa sử, kinh Pháp Hoa); Pancadasah Paricchedah) (phần 1); Q.XX, Thiên thứ ba, luận về Đại thừa Phật giáo P.15 Chánh mệnh thọ dụng (phần 2), P.16 thực tiễn (gồm: ý nghĩa đạo đức, quan Tăng trưởng Thắng lực (Bhadracayavidhih niệm về nghiệp của Phật giáo với tự do ý Sodasah Paricchedah) (phần 1); Q.XXI, chí, chủ nghĩa tự lực và chủ nghĩa tha lực, P.16 Tăng trưởng Thắng lực (phần 2), ý nghĩa cuộc đời, sự triển khai của tư P.17 Cung kính hành lễ tưởng bản nguyện và ý nghĩa đạo đức và (Vandananusamsah Saptadasah văn hóa của nó, quan niệm về Tịnh độ, Paricchedah) (phần 1); Q.XXII, P.17 Cung Tịnh độ thực tại và Tịnh độ sinh thành, kính hành lễ (phần 2), P.18 Niệm Tam bảo hiện thực và Tịnh độ, ý nghĩa chính trị).

Tác phẩm này được tái bản năm 2012, Sách có khổ 14 x 20cm, dày 379 trang, bìa Nxb Tôn Giáo. mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: I. Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, Biện 1.472. ĐẠI THỪA - chứng trong Phật pháp Tuyệt đối, Luận về QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN Bốn tướng, Phật tánh siêu việt lý Logic; II. (Luận giảng Rộng Ý nghĩa Năm Uẩn theo Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, Lời dịch Giáo pháp Đại thừa) giả, Bài tựa, Chánh văn; III. Tham Thiền (ĐCTTĐTK, No. 1613) Phổ Thuyết, Lời dịch giả, Lời tựa của ngài Luận chủ: Bồ-tát An Huệ Lai Quả, 1. Phát tâm học đạo, 2. Nguyện Hán dịch: Tam tạng Địa-bà-ha-la trụ tòng lâm, 3. Lập hạnh quyết định, 4. Việt dịch: Thích Nguyên Hùng Đánh hét khó chịu, 5. Quy cũ khó học, 6. (PL.2556 – DL. 2012) Thân tâm bất an, 7. Thiệt thòi khó chịu, 8. Chú thích: Tuệ Sỹ Tập khí khó trừ, 9. Nhẫn khổ, 10. Lục căn Tác phẩm này có 18 trang (Pdf). khó nhiếp, 11. Thỉnh cầu khai thị, 12. học) Nhẫn nại phiền toái, 15. Chẳng trọng tu tuệ, 16. Chẳng muốn thường trụ, 17. Dễ 1.473. ĐẠI THỪA - phạm quy cũ, 18. Hỷ xả tất cả, 19. Phát QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN tâm dũng mãnh, 20. Thân tâm quen thuộc, Giảng giải: Vu Lăng Ba 21. Chẳng tin tham thiền, 22. Nghi pháp, Việt dịch: Lê Hồng Sơn 23. Nghi người, 24. Toan tính thối lui, 25. Nxb Phương Đông – 2013 Biết sám hối, 26. Biết hỗ thẹn, 27. Phát Nội dung tác phẩm gồm có 12 bài: Lời khởi lòng tin, 28. Nghe được lãnh hội, 29. giới thiệu, B.1 Nói về sự nhóm họp của Thấy có tương ưng, 30. Tự nguyện dụng Năm uẩn; B.2 Ngũ uẩn luận với Quảng công, 31. Quên mệt nhọc, 32. Nghi tình Ngũ uẩn luận; B.3 Sắc uẩn như thế nào? chẳng đắc lực, 33. Thân tâm bực bội, 34. B.4 Tứ đại và cực vi; B.5 Thọ uẩn và Tâm thối lui bỗng nổi dậy, 35. Nhân sự Tưởng uẩn; B.6 Pháp tương ưng hành ở khuyến thỉnh của đại chúng, 36.

Vọng tâm trong hành uẩn; B.7 Tâm sở thiện và phiền tạm nghỉ, 37. Ngoài thân tạm quên, 38. não trong Tương ưng hành; B.8 Giảng Cảm thấy thân khinh an, 39. Trụ chỗ khô Tâm sở tùy phiền não, Bất định...; B.9 tịnh, 40. Bày đặt bậy bạ, 41. Ham thích Hành uẩn trong Bất tương ưng hành; B.10 thơ kệ, 42. Chẳng nguyện tiến sâu, 43. Cái Thức uẩn, một trong sáu thức trước; B.11 đúng để khởi, 44. Công năng trừ vọng, 45. Thức Mạt-na và thức A-lại-da; B.12 Tam Công năng trừ ngủ, 46. Lạc đường tự tại, khoa, Lục vô vi. 47. Vọng tự thừa đương, 48. Giới luật sai trái, 49. Tâm pháp đều tịch, 50. Được chút 1.474. ít cho là đủ, 51. Sanh tâm dụng, 52. Hữu ĐẠI THỪA TUYỆT ĐỐI LUẬN tâm dụng, 53. Tán tâm dụng, 54. Nắm giữ Tác giả: Nguyệt Khuê Thiền sư dụng, 55. Đắc lực dụng, 56. Phóng tâm Việt dịch: Thích Duy Lực (1923-2000) dụng, 57. Thân thiết dụng, 58. Gián đoạn Chấp bút: Chánh Đạo dụng, 59. Thô tâm dụng, 60. Miên mật THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành dụng, 61. Chẳng gián đoạn dụng, 62. Tế PL. 2538 – DL. 1994 tâm dụng, 63. Lìa pháp dụng, 64. Vô tâm

dụng, 65. Chân tâm dụng, 66. Chuyển thân Lời người dịch, Lời bạt, Văn bia Thành dụng, 67. Đồng thể đại bi, 68. Thay chúng đạo của Pháp sư Nguyệt Khê, I. Lục Ba- chịu khổ, 69. Đại từ tạo vui, 70. Xót la-mật – pháp môn tu hành của Đại thừa, thương chúng khổ, 71. Học hạnh Bồ-tát, II. Parmenides nói về "tồn tại", III. Sự giới 72. Bố thí, 73. Trì giới, 74. Nhẫn nhục, 75. hạn về ba Thừa của Phật pháp, IV. Tám Tinh tấn, 76. Thiền định, 77. Trí tuệ, 78. tông phái Đại thừa: 1. Thiền tông, 2. Duy Hỷ xả, 79. Ái ngữ, 80. Lợi hành, 81. Đồng thức tông, 3. Tịnh độ tông, 4. Tam luận sự, 82. Lập chí hướng thượng, 83. Trừ tông, 5. Thiên Thai tông, 6. Hoa Nghiêm biếng nhác, 84. Cung kính, 85. Cúng tông, 7. Luật tông, 8. Chân ngôn tông. dường, 86. Tán thán, 87. Ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện, 88. Trừ phỉ báng, 89. Dứt tranh cãi, 90. Ba điều thường 1.476. ĐẠI THỪA TƯ TƯỞNG LUẬN không đủ, 91. Khuyến trụ tòng lâm, 92. Biên soạn: Sa-môn Thích Huệ Đăng Phát tâm làm việc, 93. Thích làm thanh Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 chúng, 94. Tình nguyện nhận chức hành Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày dày hơn đơn, 95. Biết nhân biết quả, 96. Phát thệ 578 trang, bìa cứng. nguyện lớn, 97. Sự lý dung, 98. Hóa đạo Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, dung, 99. Tha thọ dụng, 100. Tự thọ dụng, Nội dung hệ thống Kinh Đại thừa, Triết lý 101. Thiền pháp, 102. Tu tạp hạnh, 103. của các bộ Kinh, Tư tưởng Đại thừa Khởi Cầu thần thông, 104. Hiếu thắng, 105. Tín Luận; Tư tưởng Kinh Duy-ma-cật; Tư Dụng công phu ngoại đạo, 106. Hiểu lầm, tưởng Kinh Hoa Nghiêm; Tư tưởng Kinh 107. Công phu chẳng bị thế gian chuyển, Thủ Lăng Nghiêm; Tư tưởng Kinh Viên 108. Công phu chẳng bị thân chuyển, 109. Giác; Tư tưởng Tâm Kinh Bát-nhã; Tư Công phu chẳng bị tâm chuyển, 110. Công tưởng Kinh Kim Cang Bát-nhã; Thiền ứng phu chẳng bị hôn trầm chuyển, 111. Làm dụng vào cuộc sống; Tư tưởng Kinh Pháp chủ sanh tử, 112. Đầu sào trăm thước, 113. Bảo Đàn; Tư tưởng Chứng Đạo Ca; Tư Trên bờ vực thẳm buông tay, 114. Tuyệt tưởng Kinh Lăng-già; Tư tưởng Luận Đại hậu tái tô, 115. Qua sơ quan, 116. Phá Trí Độ; Tư tưởng Kinh Đại Bảo Tích trùng quan, 117. Thấu lao quan, 118. (Pháp hội Tam tụ Luật nghi); Tư tưởng Buông không xuống, 119. Khai tòng lâm, Kinh Đại Bảo Tích (Pháp hội Vô lượng 120. Chánh pháp trụ lâu. thọ); Tư tưởng Kinh Đại Bảo Tích (Pháp Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều hội Vô biên trang nghiêm); Tư tưởng Kinh lần: Từ Ân Thiền đường (Santa Ana -Hoa Đại

Nhật; Tư tưởng Kim Cang Thừa; Tư Kỳ) ấn hành 2001; năm 2007, Nxb Tôn tưởng Kinh Đại Bảo Tích (Pháp hội Mật Giáo Tích Kim Cang Lực Sĩ); Hành trình về Tâm thức; Tư tưởng Kinh Diệu Pháp Liên 1.475. ĐẠI THỪA - Hoa; Tư tưởng Kinh Đại Bát Niết-bàn; TUYỆT ĐỐI LUẬN – Tập 1 Kết luận. Tác giả: Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên Việt dịch: Hậu học Đặng Hữu Trí 1.477. ĐẠO TRÀNG BÁT-NHÃ & Nxb Thời Đại – 2011 KIM CANG Giảng Luận Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 190 trang, Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 112 Hành xử, XXVI. Luận về các Kỳ diệu trang. Nội dung gồm có: Tiểu sử cố Đại (biến hóa), XXVII. Luận về Cùng tột đỉnh, lão Sư trưởng Hải Triều Âm, Đạo tràng XXVIII. Luận về các nền tảng của Quán Bát-nhã, I. Lựa chon học viên, Học những niệm, XXIX. Luận về quán Thực tánh, gì? Học thế nào? Học với ai? Học với mục XXX. Luận về Đề mục; Bảng tra Việt- đích gì? II. Gương hạnh người xưa, Tịnh Anh, Bảng Trích dẫn, Chữ viết tắt Pàli, Yết Thiền sư, Tỳ-kheo Ni Ưu-ba-tiên-na; Tài liệu tham khảo. III. Yếu chỉ tu chứng, Phương tiện tu tập; Lược truyện ngài An Thế Cao; Văn kết; Kim Cang giảng luận, Lời mở đầu, Kim 1.479. ĐẠT-MA TỔ SƯ LUẬN Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, có 32 đoạn; (The Zen Teaching of Bodhidharma) Văn kết; Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la- Tác giả: Red Pine mật-đa. Việt dịch: Thích nữ Thuần Bạch Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Nxb Hồng Đức – 2014. Tác phẩm Luận Ba-la-mật này có 255 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Lời đầu sách; Chánh văn, - Nhị chủng 1.478. ĐẠO VÔ NGẠI GIẢI nhập, - Huyết mạch luận, - Ngộ tánh luận, (PATISAMBHIDÀMAGGA) - Phá tướng luận; Giảng giải: Nhị chủng Việt dịch: Nguyễn Văn Ngân nhập, Tự tánh, Tam giới, Tam độc, Sáu Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 Ba-la-mật, Tam tụ tịnh giới tâm, Chánh Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 900 kiến, Việc công đức, Niệm Phật, Tắm rửa, trang. Tam thân, Hiện tượng lạ, Truyện. Nội dung gồm có 2 tập, 3 phần: Tập một (i), Lời tựa, Phần thứ nhất. I. Luận về trí, 1.480. ĐẠT-MA TỔ SƯ LUẬN II. Luận về quan điểm, III. Luận về quán Giảng Lục hơi thở; Tập hai (ii), Phần thứ nhất (tt), Viện Nghiên cứu Phật học – IV. Luận về các năng lực gây ảnh hưởng, Tủ sách Thiền học V. Luận về giải thoát, VI. Luận về các cõi Giảng lục: Thích Thông Phương tái sanh tới, VII. Luận về hành vi, VIII. Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Luận về các điên đảo, IX. Luận về các đạo Tác phẩm này có 337 trang, nội dung lộ, X. Luận về tinh hoa để uống; Phần thứ gồm: 1. Lời đầu, 2. Lời dẫn; 3. Huyết hai. Về sóng đôi… XI. Luận về sóng đôi, mạch luận, 4. Ngộ tánh luận, 5. Phá tướng XII. Luận về các chân lý, XIII. Luận về luận. các yếu tố tạo thành giác ngộ, XIV. Luận về tâm từ, XV. Luận về hết tham muốn, 1.481. ĐỊA TRÌ LUẬN XVI. Luận về các Vô ngại giải, XVII. BỒ-TÁT GIỚI YẾT-MA Luận về bánh xe giáo pháp, XVIII. Luận Tạo luận: Bồ-tát Di-lặc về siêu thế, XIX. Luận về các lực, XX. Hán dịch: Luận về tính trống rỗng; Phần thứ ba. Về Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm Đại tuệ…, XXI. Luận về đại Tuệ, XXII. Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Pháp Chánh Luận về Thần thông (năng lực siêu nhiên), Nội dung tác phẩm này chia làm 4 phần: XXIII. Luận về Chứng ngộ đồng thời, A.1 Chính thức từ người khác thọ giới; XXIV. Luận về Cách ly, XXV. Luận về A.2 Chuyên tinh hộ trì; A.3 Sau khi phạm

có thể sám hối; A.4 Dùng tâm lành thanh tịnh thọ giới. PDF) G 1.484. Giải thích BỘ SONG ĐỐI – CĂN 1.482. SONG và UẨN SONG, 2 Quyển ĐỐN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN

Nguyên bản: Saddhamma Jotika Dịch giả: Thích Thanh Từ Việt dịch: Tỳ-kheo Khải Minh Nội dung gồm có: Lời dịch giả (Tu viện Nxb Hồng Đức – 2019 Chân Không – 1971); Tiểu sử Thiền sư Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng. Tuệ Hải (Đại Châu), Đốn ngộ Nhập đạo Quyển I, dày hơn 813 trang, nội dung gồm yếu môn, Ghi lời sư đáp các người đến hỏi có: Lời nói đầu, Lời lễ bái Tam bảo, Ý và dạy chúng. nghĩa khởi đầu trong Bộ Song Đối; Tác phẩm này tái bản năm 1999, Nxb Tp. Căn Song, Câu Thiện: A. Phương pháp Hồ Chí Minh, in chung trong tác phẩm căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, Thiền Đốn Ngộ, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 3. Hỗ tương căn song, B. Phương pháp căn 238 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ, căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có 3. Hỗ tương căn song, C. Phương pháp tay gấp. nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. 1.483. ĐỐN NGỘ - Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, NHẬP ĐẠO YẾU MÔN LUẬN 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn Việt dịch: HT. Thích Minh Trực Thiền sư song; Câu Bất Thiện: A. Phương pháp căn, Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 134 trang, bìa Hỗ tương căn song, B. Phương pháp căn mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, Kính cáo, Định Tâm chân ngôn, Tham 3. Hỗ tương căn song, C. Phương pháp thiền kệ, Tựa, Đốn ngộ Nhập đạo Yếu môn nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng luận, Quyển thượng-Quyển hạ, Sơ Tổ Bồ- căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. đề Đạt-ma Đại sư An tâm pháp môn; Lời Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, phụ. 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song; Câu Vô Ký, A. Phương pháp căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, B. Phương pháp căn căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, C. Phương pháp nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song; Câu Danh, A. Phương pháp căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ

tương căn song, B. Phương pháp căn căn, uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn Hỗ tương căn song, C. Phương pháp gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng quá khứ thuận tùng, Phần người: Sắc uẩn căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần song; người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Uẩn Song, Phần định Danh, A. Phần xiển Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần quá minh định Danh, Phần câu lọc căn thuận khứ đối lập, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ tùng, 1. Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn song, 3. uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Tưởng uẩn song, 4. Hành uẩn song, 5. Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Thức uẩn song, Phần câu lọc đối lập, 1. Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn song, 3. Tưởng người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, uẩn song, 4. Hành uẩn song, 5. Thức uẩn Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc. song, Phần câu lọc căn luân thuận tùng, 1. Quyển II, Giải thích Bộ Song Đối – Uẩn Sắc uẩn gốc, 2. Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn Song, dày hơn 678 trang. Nội dung gồm gốc, 4. Hành uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, có: B. Phần Biến chuyển

(Tiếp Quyển I), Phần câu lọc căn luân đối lập, 1. Sắc uẩn Phần Vị lai Thuận tùng, Phần người, Sắc gốc, 2. Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, Phần Hành uẩn gốc; Phần cõi, Sắc uẩn gốc, Thọ thuần uẩn thuận tùng, 1. Sắc uẩn song, 2. uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Thọ uẩn song, 3. Tưởng uẩn song, 4. Hành Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn uẩn song, 5. Thức uẩn song, Phần thuần gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần uẩn đối lập, 1. Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn Vị lai Đối lập, Phần người, Sắc uẩn gốc, song, 3. Tưởng uẩn song, 4. Hành uẩn Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn song, 5. Thức uẩn song, Phần thuần uẩn gốc; Phần cõi, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, căn luân thuận tùng, 1. Sắc uẩn gốc, 2. Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. Hành người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, Phần thuần uẩn Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Hiện căn luân đối lập, 1. Sắc uẩn gốc, 2. Thọ tại Quá khứ Thuận tùng, Phần người: Sắc uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. Hành uẩn uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, gốc, 5. Thức uẩn gốc, B. Phần biến Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ chuyển, 1. Phần sanh trong phần biến uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; chuyển, Phần hiện tại thuận tùng, Phần Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn Hiện tại Quá khứ Đối lập, Phần người, Sắc gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi, Sắc uẩn gốc, Thọ Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; gốc; Phần hiện tại đối lập, Phần người: Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ Hiện tại Vị lai Thuận tùng, Phần người:

Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, phương tiện (Chi 1. Ấm, Nhập, Giới, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ Nhân duyên; Chi 2. Thánh đế Phương uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; tiện), P.12 Phân biệt về Đế; Phần II: Tìm Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn hiểu, Phần tìm hiểu về các Phẩm: P.1 gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Nhân duyên, P.2 Giới, P.3 Đầu-đà, P.4 Hiện tại Vị lai Đối lập, Phần người: Sắc Phân biệt về Định, P.5 Tìm gặp thiện tri uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, thức, P.6 Phân biệt về tánh hạnh, P.7 Phân Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ biệt về Hành xứ, P.8 Hành môn P.9 Năm uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; thần thông, P.10 Phân biệt Huệ, P.11 Năm Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn phương tiện, P.12 Phân biệt Đế, Phần

1.485. GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN 1.487. Giảng Giải Dịch và lược chú: Tỳ-kheo Ni Mạn-đà-la LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN Nxb Tôn Giáo – 2006 Giảng giải: HT. Ấn Thuận (1906-2005) Sách có khổ 14.3 x 20.3cm, dày 561 trang, Việt dịch: Quán Như bìa cứng. Nội dung gồm có: I. Tri ân công Nxb Phương Đông – 2012 đức, II. Lời nói đầu, III. Bảng chữ viết tắt, Tác phẩm Giảng giải luận này có 460 IV. Giới thiệu Giải thoát Đạo luận, V. trang, nội dung gồm 6 chương. Mở đầu là Phân khoa Giải thoát Đạo luận; VI. Dịch Tổng luận, I. Tác giả và dịch giả, II. Vị trí chính văn; VII. Sách tham khảo; VIII. Luận Đại thừa Khởi tín trong Phật pháp; Bảng sách dẫn. Phần giải thích: C.I Ý hướng của sự quy kính

và mục đích tạo luận, I. Quy kính 1.486. GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN – Tam Bảo, II. Mục đích của sự quy kính, VIMUTTI MAGGA III. Năm phần; C.II 1. Nhân duyên tạo Tạo luận: luận, 2. Nguyên nhân tất yếu; C.III Ý A-la-hán Ưu-ba-đế-sa (Upatissa) nghĩa hình thành pháp Đại thừa, 1. Tổng Hán dịch: Tăng-già-ba-la (Sanghapàla) quát, 2. Tâm chúng sanh, 3. Pháp Đại Việt dịch: Thiện Nhựt thừa; C.IV Giải thích ý nghĩa pháp Đại Montréal, Canada – 2003. Toàn bộ tác thừa, I. Trình bày ý nghĩa chân chính pháp phẩm Luận này gồm có 2 phần, 12 phẩm. Đại thừa, 1. Nhất tâm Nhị môn, 2. Tâm Phần I: Bản dịch Việt văn, P.1 Nhân Chơn như môn, 3. Tâm sanh diệt môn, a. duyên, P.2 Giới, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt Tâm thủy giác tiệm ngộ, b. Tướng tùy về Định, P.5 Tìm gặp thiện tri thức, P.6 nhiễm của bản giác, c. Tướng bất giác, d. Phân biệt về tánh hạnh, P.7 Phân biệt về Sự trạng giống và khác nhau giữa giác và Hành xứ, P.8 Hành môn (Chi 1. Nhứt thiết bất giác, II. Nhân duyên sanh diệt của tâm, nhập địa, các Thiền chi của Sơ Thiền, Chi 1. Tạng tâm vì y vào các thức mà sanh 2. Nhị thiền đến Phi tưởng định, các Nhứt khởi, 2. Vô minh do vì nhiễm tâm mà diệt, thiết nhập khác, Chi 3. Mười tưởng bất 3. Tướng sanh diệt của tâm: a. Hai loại tịnh, mười Niệm, Chi 4. Mười niệm (tt), sanh diệt, b. Thể của tâm bất diệt, c. Huân Chi 5. Bốn tâm vô lượng, Tứ đại, Tưởng tập, d. Do huân tập sanh khởi pháp tạp chẳng khứng thức ăn), P.9 Năm thần nhiễm, e. Do huân tập sanh khởi pháp thông, P.10 Phân biệt về Huệ, P.11 Năm thanh tịnh, g. Huân tập tạp nhiễm thì hữu

hạn, huân tập thanh tịnh thì vô tận, 4. Từ C.16 Thuận đạo lý, C.17 Sai biệt; - Phải sanh diệt đến chơn như, a. Phá chấp về biết thắng tướng thắng ngữ 2-1, C.1 pháp nhân, b. Phá chấp về pháp ngã, III. Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 Phân biệt; - Phải Phân biệt phát thú đạo tướng, 1. Thành tựu biết thắng tướng thắng ngữ 2-2, C.3 Phân tín phát tâm, 2. Ba hình thức phát tâm, 3. biệt (tt), C.4 Bốn ý bốn hợp nghĩa; - Nhập Bốn loại phương tiện, 5. Phân biệt về thối sở tri thắng tướng thắng ngữ 3, - Nhập chuyển và bất thối chuyển, IV. Giải hành nhân quả thắng tướng thắng ngữ 4, C.1 phát tâm, V. Chứng phát tâm, C.V Phần tu Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 tập tín tâm, I. Khái quát, II. Nội dung tu Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập tín tâm, III. Phương pháp tu tập, 1. tập, C.7 Sai biệt, C.8 Gồm thâu, C.9 Đối Năm pháp môn, 2. Tu chỉ, 3. Tu quán, 4. trị, C.10 Công đức, C.11 Hiển thị lẫn Phương tiện tu hành thù thắng, C.VI Lợi nhau; - Tu sai biệt thắng tướng thắng ngữ ích của việc siêng năng tu tập, I. Khuyến 5, C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Được khích tu tập, 1. Công đức tu học, 2. Lỗi tướng, C.4 Tu tướng, C.5 Thời gian tu tập; lầm của việc phỉ báng, 3. Tổng kết khuyến - Tăng thượng giới học thắng tướng thắng khích, II. Hồi hướng. ngữ 6, - Tăng thượng tâm học thắng tướng thắng ngữ 7, - Tăng thượng tuệ học thắng 1.488. Giảng luận DUY BIỂU HỌC tướng thắng ngữ 8, - Tịch diệt thắng tướng Giảng luận: Nhất Hạnh thắng ngữ 9, - Trí thắng tướng thắng ngữ Lá Bối xuất bản – 1996 10 (có 2 phần). mềm. Tác phẩm luận này gồm có: Phần Luận tạng) dẫn nhập, Duy biểu Ngũ thập tụng; Phần giảng luận 50 bài kệ.

1.489. Giảng Luận và Giải Thích LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA (Nhiếp Đại Thừa Luận Thích Luận) Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân Dịch giả: Cấp-đa và Củ-đẳng Việt dịch: Nguyên Hồng Nội dung tác phẩm này gồm có: - Phải biết y chỉ thắng tướng thắng ngữ 1, C.I Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của 10 nghĩa, C.3 Các tên; - Phải biết y chỉ thắng tướng thắng

ngữ 1-2, C.4 Tướng, C.5 Huân tập, C.6 Không một không khác, C.7 Làm nhân quả cho nhau, C.8 Nhân quả khác hay không khác, C.9 Duyên sinh, C.10 Bốn duyên, C.11 Phiền não nhiễm, C.12 Nghiệp nhiễm, C.13 Sinh nhiễm; - Phải biết y chỉ thắng tướng thắng ngữ 1-3, C.14 Thế gian tịnh, C.15 Xuất thế gian tịnh,

H K 1.490. 1.492. Kệ Tụng HOA NGHIÊM DIỆU TÁNH LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ-LUẬN Giảng luận: Thích Giác Thiện (A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Luận bổn Tụng) Nxb Tôn Giáo – 2007 Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 439 trang. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Hoa Huyền Tráng (602-664) Nghiệm Diệu Tánh Luận, I. Cảnh giới Việt dịch: Thích Tuệ Sỹ chúng hội tại Rừng Thệ-đa và những nét Dịch theo bản Sanskrit Phân Biệt Giới đặc thù của hàng Bồ-tát, II. Cuộc trải thân – Prathamam kosas thanam (Dhatunir cầu đạo Bồ-tát của Thiện Tài đồng tử; desah) Năm mươi ba lần Cầu đạo của Thiện Tài Tác phẩm này gồm có: I. Quy kỉnh, II. đồng tử: Cầu đạo lần thứ nhất,... đến Cầu Định nghĩa Abhidharmakosa, a. đạo lần thứ năm mươi ba; I. Thiện Tài Abhidharma, b. Kosa, III. Ý hướng đồng tử cầu đạo, Xuất xứ, Ý nghĩa của Abhidharma, Chú thích (24 mục từ); Tiết việc tìm cầu 53 vị Thiện tri thức, II. Tinh 1, Tổng luận pháp, I. Bản thể củ pháp, A. thần học hỏi của Thiện Tài. Tụng văn, B. Luận thích, 1. Tổng thuyết, 2. Hữu lậu, 3. Vô vi, C. Phi trạch diệt vô 1.491. HỘ PHÁP LUẬN – vi, II. Pháp thường nghiệm, A. Tụng văn, Biện minh Nho Giáo và Phật Giáo B. Luận thích (1. Hữu vi, 2. Hữu lậu), III. Tác giả: Tiến sĩ Trương Thương Anh Phân tích Uẩn, A. Tụng văn, B. Luận Việt dịch: Tu sĩ Thích Tuệ Hải thích, 1. Sắc uẩn (a. Tổng lược, b. Năm Nxb Hương Quang xuất bản PL. 2506 – căn, c. Năm cảnh, d. Vô biểu, e. Đại DL. 1962. Tác phẩm này có 79 trang, bìa chủng, g. Khái niệm sắc), 2. Các uẩn phi mềm; nội dung gồm: - Lời đầu sách, - Lời sắc, a. Tổng hợp uẩn-xứ-giới của sắc, b. nguyên tựa, Hộ Pháp luận. Thọ uẩn, c. Tưởng uẩn, d. Hành uẩn, e. Thức uẩn; Chú thích (115 mục từ). bảo/Luận tạng)

1.493. Khai thị luận ĐẠI THỪA KHỞI TÍN Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Nxb Tôn Giáo – 2014 Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 265 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu vàng và xanh dương, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 2 phần: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập, - Thông lệ; Phần thứ

nhất, Năm nghĩa lớp màu: 1. Giải thích thẳng cây gậy của ngài Liên Hoa Sanh tên bộ luận, 2. Nêu rõ phần thể, 3. Minh (Padmasambhava), 2. Lời khai thị của định tông chỉ, 4. Luận về đức dụng, 5. Thiền sư Zom; Kết luận. Phân định về giáo tướng; Phần thứ hai, Giải thích về thể văn bộ luận: 1. Phần 1.496. Khái Luận Lịch Sử - nhân duyên, 2. Phần lập nghĩa, 3. Phần PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ giải thích, 4. Phần tín tâm và tu hành, 5. Tác giả: Sa Sa Ki Kyò Go, Taka Saki Jiki Phần lợi ích khuyến tu; Kết luận. Ddu, I No Kuchi Tai Jun, Tsuka Moto Kei Shô 1.494. Khai thị luận ĐẠI TRÍ ĐỘ Hán dịch: Thích Đạt Hòa Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Việt dịch: Thích Hạnh Bình – Nxb Tôn Giáo – 2014 Phương Anh Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 213 trang, Nxb Phương Đông – 2012. Sách có khổ bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu vàng và 14.5 x 20.5cm, dày 214 trang, bìa mềm, xanh dương, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn chữ tựa có 3 màu: Đen, đỏ và cam, có hình bộ tác phẩm Luận này gồm có: Lời nói ngọn tháp tại Bồ-đề Đạo tràng (Ấn Độ). đầu; Triết lý Đại

Trí Độ; Nội dung từ Kết cấu tác phẩm gồm có 15 chương, nội quyển 1 đến quyển 100; Kết luận. dung như sau: Lời giới thiệu, Lời tựa, Lời người dịch tiếng Hoa; C.I, Dẫn luận 1. 1.495. Khai thị luận Đặc tính địa lý, 2. Tính chất khí hậu, 3. KIM CANG THỪA Tính đa dạng của các giống dân Ấn Độ, 4. Tác giả: Sa-môn Thích Huệ Đăng Tư tưởng tôn giáo Ấn Độ; C.II, Xã hội và Nxb Tôn Giáo – 2014 tôn giáo ở Ấn Độ vào thời cổ đại, 1. Sự Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 165 trang, xâm nhập của người Àryan, 2. Văn học bìa mềm, có tay gấp, nền màu hường, chữ Phệ-đà, 3. Tôn giáo Bà-la-môn và sự tựa màu cam và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. thành lập giai cấp, 4. Tính triết học trong Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 phần “Áo nghĩa thư”, 5. Phát triển đô thị, 6. Sự chính: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập; I. Đôi biến hóa của tổ chức xã hội, 7. Sa-môn và nét về ý nghĩa và lịch sử của Kim Cang Bà-la-môn, 8. Lục sư ngoại đạo; C.III, Cù- thừa; II. Giáo lý và các nghi quỹ thuộc đàm – Đức Phật, 1. Văn học Phật truyện Kim Cang thừa: 1. Các giáo lý bí mật và và giá trị tư liệu này, 2. Từ đản sinh đến sự truyền thừa, 2. Các siêu hình, 3. Thánh xuất gia, 3. Tu tập thiền định và khổ hạnh, điện, 4. Các bí ẩn trong Tam Mật, 5. Các 4. Nội dung Thành đạo và Giác ngộ của biểu tượng trong sự thờ phụng, 6. Nghi Đức Phật, 5. Sơ chuyển pháp luân, 6. Giáo thức Quán đảnh, 7. Nghi quỹ và năng lực hóa đệ tử, 7. Niết-bàn, 8. Niên đại Phật huyền bí, 8. Tiến trình giải thoát; III. nhập diệt; C.IV, Giáo đoàn Phật giáo thời Đường lối tu tập của Kim Cang thừa: 1. kỳ đầu, 1. Sự hình thành giáo đoàn, 2. Sự Dòng pháp Đà-la-ni, 2. Trì chú, 3. Ứng thay đổi phương thức sinh hoạt của Tỳ- dụng của Kim Cang thừa hay nguồn năng kheo, 3. Sự phát triển Tăng viện, 4. Sự lực của tâm; IV. Những đặc điểm của Kim hình thành hệ thống giới luật và tổ chức Cang thừa: - Đại toàn thiện, - Một vài Tăng-già, 5. Đại cương về giáo nghĩa, 6. quan niệm sai lầm về Kim Cang thừa; V. Cuộc kết tập Kinh điển lần thứ nhất, 7. Những lời khai thị: 1. Lời khai thị chỉ Cuộc kết tập Kinh điển lần thứ hai, 8.

Truyền thuyết về sự phân chia căn bản, 9. sư và tư tưởng Duy Thức, 7. Hệ thống hóa Tình hình thật tế của sự phân chia căn bản; học thuyết Duy thức; C.XII Phật giáo sau C.V, Sự phát triển Phật giáo vào Vương thời kỳ rạn nứt thuộc vương triều Cấp Đa triều Khổng Tước, 1. Sự phát hiện của 1. Sự xâm nhập của Bạch Hung Nô, 2. quốc gia thống nhất, 2. Các đạo luật do Vận mệnh tư tưởng Như Lai tạng, 3. Phái vua A-dục ban hành, 3. Công lao của vua Du-già hành, 4. Phái Trung Quán, 5. Sự A-dục, 4. Cuộc kết tập Thánh điển lần thứ phát triển của Luận lý học, 6. Vận mệnh 3, 5. Đề cử sứ giả đi truyền pháp; C.VI, Sự của hai học phái Đại thừa; C.XIII, Vương liên hệ giữa Vương triều Ấn Độ-Hy Lạp và triều Ba-la và Mật giáo 1. Ấn Độ vào thời Phật giáo, 1. Ấn Độ sau thời kỳ mai một kỳ trước khi vương triều Ba-la ra đời, 2. của vương triều Khổng Tước, 2. Vua Miền Đông Ấn Độ dưới thời Vương triều Pusyamitra phá hoại Phật giáo, 3. Người Ba-la, 3. Tính chất đặc thù của Mật giáo, Hy Lạp ở Ấn Độ, 4. Vua Milinda và Phật 4. Chân ngôn thừa, 5. Các luận sư ở thời giáo, 5. Câu hỏi của vua Milinda, 6. Người kỳ đầu của vương triều Ba-la, 6. Kim Hy Lạp và tín ngưỡng Phật giáo; C.VII, Bộ Cang thừa, 7. Thời Luân thừa; C.XIV, Sự phái Phật giáo vào thời đại Saka, An Tức xâm lược của các tín đồ Hồi giáo và sự 1. Sự xâm nhập Ấn Độ của dân tộc Saka, diệt vong của Phật giáo; C.XV, Cuộc vận An Tức, 2. Người Saka và Pahlava bị Hy động phục hưng Phật giáo của Ấn Độ cận Lạp hóa, 3. Người Saka và Parthia quy y đại 1. Thời kỳ vắng mặt của Phật giáo, 2. Phật giáo, 4. Sự

phát triển Phật giáo bộ Hiệp hội Mahàbodhi Society của phái, 5. Thành lập Tam tạng Kinh điển, 6. Dharmapàla, 3. Phong trào Phật giáo mới Sự xuất hiện của tự viện Phật giáo trong của Vimrao Ramji Ambedkar, 4. Hoạt hang đá; C.VIII, Vương triều Quý Sương động của chư Tăng; Phụ lục: 1. Sự phát và Phật giáo Hữu bộ 1. Vương triều Quý triển về mỹ thuật Phật giáo ở Ấn Độ, 2. Sự Sương xâm chiếm Ấn Độ, 2. Vua Ca-nị-truyền bá Phật giáo tại các vùng lân cận sắc-ca quy y Phật giáo, 3. Sự phát triển Ấn Độ, a. Đông Nam Á, b. Tây vực-Trung của Hữu bộ, 4. Mỹ thuật Gandhara; C.IX, Quốc, c. Tây Tạng; Niên biểu; Tài liệu Sự hình thành Ấn Độ giáo và Phật giáo tham khảo; Index. Đại thừa 1. Sự phát triển thế lực của Bà- la-môn, 2. Sự hình thành Ấn Độ giáo, 3. 1.497. Khái Luận TỊNH ĐỘ GIÁO Sự hưng thịnh của Phật giáo Đại thừa, 4. Tác giả: Mochizuki Shinko Kinh điển Đại thừa thời kỳ đầu; C.X, Hán dịch: Thích Ấn Hải Vương triều Sàtavàhana và Phật giáo 1. Việt dịch: Thích Nhuận Đạt Tình thế Nam Ấn Độ, 2. Long Thọ, 3. Nxb Tôn Giáo – 2011. Sách có khổ 14.5 x Phương pháp luận chứng về “Không” và 20.5cm, dày 476 trang, bìa cứng. “Trung đạo”, 4. Sự tổng hợp của Phật giáo Tác phẩm khái luận này có 21 chương, nội Đại thừa, 5. Người kế thừa tư tưởng Long dung gồm: Lời giới thiệu, Lời Người dịch, Thọ; C.XI, Phật giáo vào thời đại của Sơ lược Tiểu sử tác giả Mochizuki Shinko, vương triều Cấp Đa, 1. Tái thống nhất Sơ lược Tiểu sử Pháp sư Thích Ấn Hải, nước Ấn Độ, 2. Phạn ngữ hóa Kinh điển Tựa của Pháp sư Nhân Tuấn, Lời tựa tác Phật giáo, 3. Hữu bộ và Kinh lượng bộ, 4. giả Mochizuki Shinko; C.1 Lời tựa, C.2 Khuynh hướng mới của Kinh điển Đại Luận về khả năng tất cả chúng sanh thành thừa, 5. Tư tưởng Như Lai tạng, 6. Du-già Phật và thuyết chư Phật trong Mười

phương xuất hiện, C.3 Giáo nghĩa về sự Pháp tướng: A. Xuất phát nhu yếu Nghiên làm thanh tịnh cõi Phật và sự phát nguyện cứu chân thật, B. Xuất phát nhu yếu sự tồn của Bồ-tát, C.4 Tịnh độ của Đức Phật A- tại của điều thiện; C.III, Sự thành lập của súc và bản nguyện của Ngài, C.5 Luận về Pháp tướng: A. Các Duy tâm luận không Đức Phật A-di-đà, C.6 Bản nguyện ở nhân thể thành lập, B. Lý do Pháp tướng Duy vị của Phật A-di-đà, C.7 Tịnh độ của đức thức học thành lập, C. Độc ảnh cảnh có Phật A-di-đà – Thế giới Tây phương Cực hai thứ, D. Còn vấn đề Đới chất cảnh cũng lạc, C.8 Đức Thích tôn xuất hiện ở Diêm- có hai thứ; IV. Sự lợi ích của pháp tướng: phù-đề và luận điểm về ta-bà tức là Tịnh a. Pháp trừ sự chấp sai lầm của ngã pháp, độ, C.9 Thuyết về thế giới Liên Hoa tạng b. Diệt tận hoặc chướng của sanh pháp, c. trong Kinh Hoa Nghiêm, C.10 Thuyết Báo Giải thoát nghiệp báo biến hoại, d. Ý thân-Báo độ trong Nhiếp Đại thừa luận và nguyện của tâm tánh đầy đủ, e. Thành tựu Tịnh độ quan về Phật A-di-đà của Thế an lạc vĩnh cửu, f. Chứng đắc thanh tịnh Thân, C.11 Phân loại Tịnh độ và tính vô ngại. tương quan của Thân và Độ, C.12 Thuyết Tịnh độ Sanh nhân được trình bày trong 1.499. KHẢO NGHIỆM Kinh A-di-đà, C.13 Thuyết Nhân sinh DUY THỨC HỌC – 2 Quyển Tịnh độ của Ấn Độ, Trung Quốc, C.14 Tâm Lý Học Thực Nghiệm Thuyết nói về khả năng và an tâm khởi Tác giả: HT. Thích Thắng Hoan hạnh đầy đủ của hàng phàm phu Nhập báo PL. 2542 – DL. 1998 độ, C.15 Thuyết tuyển trạch bản nguyện Quyển I, dày 392 trang, gồm có 7 chương: Niệm Phật, C.16 Các hạnh lành có thể - Lời nói đầu, C.I Ý nghĩa và sự hình Vãng sanh hay không và Thuyết các Hạnh thành Duy Thức học, 1. Định nghĩa Duy bản nguyện, C.17 Luận về đa Niệm tương thức học, 2. Mục đích của Duy

thức học, tục và Tự lực-Tha lực, C.18 Thuyết Nhất 3. Lợi ích của Duy thức học, 4. Sự hình niệm Vãng sanh và Tư tưởng Bản giác của thành Duy thức học; C.II Khảo sát sự có Thiên Thai, C.19 Tam tâm lãnh giải và mặt của con người, 1. Những yếu tố cấu thuyết Phật thể tức Hạnh, C.20 Thuyết tạo con người và vạn pháp, 2. Nhận định Nguyện lực Hồi hướng và Tín tâm chánh sự có mặt của con người và vụ trụ, 3. nhân, C.21 Tổng kết. Thành phần xây dựng con người; C.III Khảo sát sự sinh hoạt của tám tâm thức, 1. 1.498. KHÁI LUẬN VỀ Khảo sát năm tâm thức ở trước, 2. Khảo PHÁP TƯỚNG DUY THỨC HỌC sát sự có mặt của Ý thức, 3. Khảo sát sự Tác giả: Đại sư Thái Hư (1889-1947) có mặt của Thức Mạt-na, 4. Khảo sát sự có Dịch giả: Thích Thắng Hoan mặt của thức Alaya; C.IV Khảo sát sự có Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2009 mặt của các Tâm sở, 1. Định nghĩa Tâm Sách có khổ 14 x 20cm, có hơn 99 trang, sở, 2. Sự quan hệ giữa Tâm vương và Tâm bìa mềm. Nội dung gồm có 4 chương: Lời sở, 3. Số lượng các Tâm sơ: a. Biến hành giới thiệu, Lời nói đầu; C.I, Giải thích tâm sở, b. Biệt cảnh Tâm sở, c. Thiện tâm tổng quát về Pháp tướng Duy thức học, A. sở, d. Căn bản phiền não tâm sở, e. Tùy Sao gọi là Pháp? B. Sao gọi là Tướng? C. phiền não Tâm sở, f. Bất định tâm sở; C.V Sao gọi là Pháp tướng? D. Sao gọi là Pháp Khảo sát tánh chất và giá trị những yếu tố tướng Duy thức? C.II, Lý do sanh khởi tạo thành vạn pháp, 1. Thành phần của

Tâm thức, 2. Vấn đề ngã tướng và pháp triển Mười hai Nhân duyên của các Kinh tướng, 3. Vấn đề thức Dị thục, 4. Ba Tánh luận: 1. Kinh Trường A-hàm, 2. Kinh Tạp chất (Tam tánh), 5. Chung quanh vấn đề A-hàm, 3. Luận Câu-xá, 4. Luận Đại Tỳ- Nghiệp và Hành, 6. Nguyên lý Tứ đại; bà-sa, 5. Luận A-tỳ-đạt-ma Tạp tập, 6. Ý C.VI Những nguyên lý quan hệ và sự hình nghĩa nguyên thủy Mười hai Nhân duyên, thành vạn pháp, 1. Minh định vấn đề Thức 7. Giá trị Mười hai Nhân duyên, 8. Sự sinh và Tâm, 2. Tánh chất chủng tử, 3. Vấn đề hoạt của Mười hai Nhân duyên; C.V Tự biến và Cộng biến, 4. Vấn đề Lượng và Phương pháp tu tập của Duy thức, I. Nhìn Cảnh, 5. Ba loại không có thật tánh (Tam lại phương pháp tu tập của đức Phật chỉ vô tánh), 6. Vấn đề Có và Không, Đầu tiên dạy, 1. Tứ niệm xứ, 2. Tứ chánh cần, 3. Tứ và Cuối cùng, 7. Quan niệm về thế giới như ý túc, 4. Ngũ căn, 5. Ngũ lực, 6. Thất của Phật giáo; C.VII Kết luận, - Những giác chi, 7. Bát chánh đạo; II. Phương sách tham khảo. pháp trị liệu tâm bệnh qua sự tu tập, A. Quyển II, dày 287 trang, gồm có 6 Phát huy tâm sở thiện, B. Kỷ thuật hóa chương: Lời nói đầu, C.I, I. Giá trị sự quan giải, 1. Hóa giải Tâm sở Đại tùy, 2. Hóa hệ của Tâm vương và Tâm sở, A. Sự quan giải Tâm sở Trung tùy, 3. Hóa giải Tâm sở hệ của Tâm vương và Tâm sở, B. Giá trị Tiểu tùy, 4. Hóa giải sáu Tâm sở Phiền sự quan hệ của Tâm vương và Tâm sở, 1. não Căn bản; III. Pháp môn tu tập Duy Giá trị sự quan hệ của năm Tâm thức và thức quán: Ngũ vị Duy thức, 1. Phương 51 Tâm sở, a. Tánh chất của năm Thức pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc Tư Tâm vương, b. Quan hệ với năm Tâm sở lương, 2. Phương pháp Tu tập và Quán Biến hành, c. Quan hệ với năm Tâm sở chiếu nơi cấp bậc Gia hạnh, 3. Phương Biệt cảnh, d. Quan hệ với các Tâm sở còn pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc lại; 2. Giá trị sự quan hệ của Ý thức và 51 Thông đạt, 4. Phương pháp Tu tập và Tâm sở, 3. Giá trị sự quan hệ của Thức Quán chiếu nơi cấp bậc Tu tập, 5. Phương Mạt-na và 51 Tâm sở, 4. Giá trị sự quan pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc hệ của Thức Alaya và 51 Tâm sở; C.II Cứu cánh; C.VI Kết luận; Những Kinh Minh định vấn đề

Chủng tử, Nhân duyên Luận tham khảo. và Nhân quả, A. Vấn đề Chủng tử, I. Định nghĩa, II. Phân loại nội Chủng tử, 1. 1.500. KHỞI TÍN LUẬN Chủng tử của tám Tâm thức, 2. Chủng tử Dịch giải: Trí Quang (1923-2019) của đất-nước-gió-lửa, 3. Chủng tử của Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011 Nghiệp, B. Vấn đề Nhân duyên, C. Vấn đề Sách luận dày 381 trang, bìa cứng, có bìa Nhân quả, 1. Mười nhân, 2. Năm quả, 3. bao, chữ tựa màu vàng. Nội dung gồm có: Tánh chất và giá trị Nhân quả; C.III - Giản lược, - Phần dạo đầu; 1. Dịch giải Chung quanh vấn đề Sắc pháp-Tâm bất Khởi Tín luận (Trong phần này đã ghi tương ưng hành pháp và Vô vi pháp, I. Sắc khoa mục rất rõ mà không loạn mắt); 2. pháp, A. Hữu đối sắc, 1. Ngũ căn sắc, 2. Chính văn Khởi Tín luận; 3. Dị dịch Khởi Ngũ trần sắc, B. Vô đối sắc, II. Tâm bất Tín luận. tương ưng hành pháp, III. Vô vi pháp; Tác phẩm Luận này đã xuất bản năm C.IV Mười hai Nhân duyên qua sự quán 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 13 x chiếu của Duy thức, A. Định nghĩa, B. Ý 19cm, dày 343 trang, bìa mềm, chữ tựa nghĩa Mười hai Nhân duyên, C. Sự khai

màu trắng, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm Nxb Hồng Đức – 2014. Bộ luận có 8 tập, (bán thân). 200 quyển, tổng cộng dày 5.403 trang, khổ 14.5 x 20cm, bìa mềm, trọn bộ đóng thành hộp.

L Tập I, dày 658 trang, từ Q.1 đến Q.23. Nội dung gồm: Giới thiệu, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, từ Q.1 đến Q.23 như sau: Q.1, Phần tự; Q.2, C.1 Tạp uẩn, P.1 Pháp 1.501. Lối vào NHÂN MINH HỌC Thế đệ nhất, phần 1; Q.3, C.1 Tạp uẩn, P.1 (Luận lý học Phật giáo) Soạn và dịch: Pháp Thế đệ nhất, phần 2; Q.4, C.1 Tạp uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 3; Q.5, Thích Thiện Siêu (1921-2001) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam C.1 Tạp uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần ấn hành – 1994 4; Q.6, C.1 Tạp uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, Sách có khổ 13 x 19cm, dày 185 trang, bìa phần 5; Q.7, C.1 Tạp uẩn, P.1 Pháp Thế đệ mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, nhất, phần 6; Q.8, C.1 Tạp uẩn, P.1 Pháp Danh nghĩa Nhân minh, Chủ đích Nhân Thế đệ nhất, phần 7; Q.9, C.1 Tạp uẩn, P.1 minh, Khởi nguyên Nhân minh, Các luận Pháp Thế đệ nhất, phần 8, P.2 Bàn về Trí, chứng Nhân minh (a. Túc mục, b. Di-lặc, phần 1; Q.10, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, c. Vô Trước và An Huệ, d. Thế Thân, đ. phần 2; Q.11, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, Trần-na, e. Thiên Chủ), Cổ Nhân minh – phần 3; Q.12, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, Tân Nhân minh (Tân Nhân minh có: 1. phần 4; Q.13, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, Tám môn Nhân minh, 2. Những pháp thức phần 5; Q.14, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, biện luận, 3. Luận về chơn năng lập, 4. phần 6; Q.15, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, Tổng kết về chơn năng lập, 5. Luận về tợ phần 7; Q.16, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, năng lập), Kết: - Nhân minh với luận lý phần 8; Q.17, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, học Aristote, - Nhân minh nhập chánh lý phần 9; Q.18, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, luận dịch nghĩa, - Từ ngữ Nhân minh; Phụ phần 10; Q.19, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về lục: Nhân minh Tổng luận của cư sĩ Tâm Trí, phần 11; Q.20, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn Minh. về Trí, phần 12; Q.21, C.1 Tạp uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 13; Q.22, C.1 Tạp uẩn, Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: P.2 Bàn về Trí, phần 14; Q.23, C.1 Tạp Năm 1997, Viện Nghiên cứu Phật học Việt uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 15, P.3 Nói về Nam ấn hành; năm 2001-2006, Nxb Tôn Bổ-đặc-già-la, phần 1. Giáo. Tập II, dày 690 trang, từ Q.24 đến Q.47. Nội dung: Q.24, C.1 Tạp uẩn, P.3 Nói về 1.502. LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA Bổ-đặc-già-la, phần 2; Q.25, C.1 Tạp uẩn, ĐẠI TỲ-BÀ-SA (Trọn bộ 8

Tập) P.3 Nói về Bổ-đặc-già-la, phần 3; Q.26, (Abhidharma Mahàvibhàsà Sàstra) C.1 Tạp uẩn, P.3 Nói về Bổ-đặc-già-la, 500 Đại A-la-hán & Tôn giả Thế Hữu Hán dịch: Tam tạng Pháp sư phần 4; Q.27, C.1 Tạp uẩn, P.3 Nói về Bổ- đặc-già-la, phần 5; Q.28, C.1 Tạp uẩn, P.3 Huyền Tráng (602-664) Việt dịch: Nguyên Huệ Nói về Bổ-đặc-già-la, phần 6; Q.29, C.1 Tạp uẩn, P.3 Nói về Bổ-đặc-già-la, phần 7, P.4 Nói về Ái kính, phần 1; Q.30, C.1 Tạp

uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 2; Q.31, C.1 về Nhất hành, phần 7; Q.63, C.2 Kiết uẩn, Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 3; Q.32, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 8; P.3 Bàn về C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 4; Hữu tình, phần 1; Q.64, C.2 Kiết uẩn, P.3 Q.33, C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, Bàn về Hữu tình, phần 2; Q.65, C.2 Kiết phần 5; Q.34, C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 3; Q.66, kính, phần 6, P.5 Bàn về không hổ thẹn, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần phần 1; Q.35, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về 4; Q.67, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu không hổ thẹn, phần 2; Q.36, C.1 Tạp uẩn, tình, phần 5; Q.68, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn P.5 Bàn về không hổ thẹn, phần 3; Q.37, về Hữu tình, phần 6; Q.69, C.2 Kiết uẩn, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về không hổ thẹn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 7; Q.70, C.2 phần 4; Q.38, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 8; không hổ thẹn, phần 5; P.6 Bàn về Tướng, Q.71, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 1; Q.38, C.1 Tạp uẩn, P.6 Bàn về phần 1; Q.72, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Tướng, phần 2; P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần Mười môn, phần 2. 1; Q.40, C.1 Tạp uẩn, P.7 Bàn về Vô Tập IV, dày 668 trang, từ Q.73 đến Q.96. nghĩa, phần 2; Q.41, C.1 Tạp uẩn, P.7 Bàn Nội dung gồm: Q.73, C.2 Kiết uẩn, P.4 về Vô nghĩa, phần 3; Q.42, C.1 Tạp uẩn, Bàn về Mười môn, phần 3; Q.74, C.2 Kiết P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 4; P.8 Bàn về uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 4; Q.75, Tư, phần 1; Q.43, C.1 Tạp uẩn, P.8 Bàn về C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần Tư, phần 2; Q.44, C.1 Tạp uẩn, P.8 Bàn về 5; Q.76, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười Tư, phần 3; Q.45, C.1 Tạp uẩn, P.8 Bàn về môn, phần 6; Q.77, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn Tư, phần 4; Q.46, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Mười môn, phần 7; Q.78, C.2 Kiết uẩn, về Bất thiện, phần 1; Q.47, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 8; Q.79, C.2 P.1 Bàn về Bất thiện, phần 2. Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 9; Tập III, dày 674 trang, từ Q.48 đến Q.72. Q.80, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, Nội dung: Q.48, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về phần 10; Q.81, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Bất thiện, phần 3; Q.49, C.2 Kiết uẩn, P.1 Mười môn, phần 11; Q.82, C.2 Kiết uẩn, Bàn về Bất thiện, phần 4; Q.50, C.2 Kiết P.4 Bàn về Mười môn, phần 12; Q.83, C.2 uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 5; Q.51, Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 13; C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần Q.84, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, 6; Q.52, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất phần 14; Q.85, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về thiện, phần 7; Q.53, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn Mười môn, phần 15; Q.86, C.2 Kiết uẩn, về Bất thiện, phần 8; Q.54, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 16; Q.87, C.2 P.1 Bàn về Bất thiện, phần 9; Q.55, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 17; Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 10; Q.88, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, Q.56, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 18; Q.89, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về phần 1; Q.57, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Mười môn, phần 19; Q.90, C.2 Kiết uẩn, Nhất hành, phần 2; Q.58, C.2 Kiết uẩn, P.2 P.4 Bàn về Mười môn, phần 20; Q.91, C.2 Bàn về Nhất hành, phần 3; Q.59, C.2 Kiết Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 21; uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 4; Q.60, Q.92, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, C.2 Kiết uẩn,

P.2 Bàn về Nhất hành, phần phần 22; Q.93, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn về 5; Q.61, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất Học chi, phần 1; Q.94, C.3 Trí uẩn, P.1 hành, phần 6; Q.62, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn Bàn về Học chi, phần 2; Q.95, C.3 Trí uẩn,

P.1 Bàn về Học chi, phần 3; Q.96, C.3 Trí C.4 Nghiệp uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô biểu, uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 4. phần 3; P.5 Bàn về Tự nghiệp, phần 1; Tập V, dày 668 trang, từ Q.97 đến Q.119. Q.125, C.4 Nghiệp uẩn, P.5 Bàn về Tự Nội dung gồm: Q.97, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn nghiệp, phần 2; Q.126, C.4 Nghiệp uẩn, về Học chi, phần 5; P.2 Bàn về Năm loại P.5 Bàn về Tự nghiệp, phần 3; Q.127, C.5 (ngũ chủng), phần 1; Q.98, C.3 Trí uẩn, Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần P.2 Bàn về Năm loại, phần 2; Q.99, C.3 1; Q.128, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Trí uẩn, P.2 Bàn về Năm loại, phần 3; P.3 Đại tạo, phần 2; Q.129, C.5 Đại chủng Bàn về Tha tâm trí, phần 1; Q.100, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 3; Q.130, uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 2; C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, Q.101, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm phần 4; Q.131, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 trí, phần 3; Q.102, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Bàn về Đại tạo, phần 5; P.2 Bàn về Duyên, Tha tâm trí, phần 4; Q.103, C.3 Trí uẩn, phần 1; Q.132, C.5 Đại chủng uẩn, P.2 P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 5; Q.104, C.3 Bàn về Duyên, phần 2; Q.133, C.5 Đại Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 6; chủng uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 3; Q.105, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm Q.134, C.5 Đại chủng uẩn, P.2 Bàn về trí, phần 7; P.4 Bàn về Tu trí, phần 1; Duyên, phần 4; P.3 Bàn về Nhận thức đầy Q.106, C.3 Trí uẩn, P.4 Bàn về Tu trí, đủ, phần 1; Q.135, C.5 Đại chủng uẩn, P.3 phần 2; Q.107, C.3 Trí uẩn, P.4 Bàn về Tu Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 2; Q.136, trí, phần 3; Q.108, C.3 Trí uẩn, P.4 Bàn về C.5 Đại chủng uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức Tu trí, phần 4; Q.109, C.3 Trí uẩn, P.5 Bàn đầy đủ, phần 3; Q.137, C.5 Đại chủng uẩn, về Bảy Thánh, phần 1; Q.110, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 4; P.4 P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 2; Q.111, C.3 Bàn về Chấp thọ, phần 1; Q.138, C.5 Đại Trí uẩn, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 3; chủng uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 2; Q.112, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành Q.139, C.5 Đại chủng uẩn, P.4 Bàn về ác, phần 1; Q.113, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Chấp thọ, phần 3; Q.140, C.5 Đại chủng Bàn về Hành ác, phần 2; Q.114, C.4 uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 4; Q.141, Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 3; C.5 Đại chủng uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, Q.115, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành phần 5; Q.142, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn về ác, phần 4; Q.116, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Căn, phần 1; Q.143, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn Bàn về Hành ác, phần 5; P.2 Bàn về Tà về Căn, phần 2; Q.144, C.6 Căn uẩn, P.1 ngữ, phần 1; Q.117, C.4 Nghiệp uẩn, P.2 Bàn về Căn, phần 3; Q.145, C.6 Căn uẩn, Bàn về Tà ngữ, phần 2; Q.118, C.4 Nghiệp P.1 Bàn về Căn, phần 4. uẩn, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 3; P.3 Bàn Tập VII, dày 680 trang, từ Q.146 đến về Hại sinh, phần 1; Q.119, C.4 Nghiệp Q.173. Nội dung gồm: Q.146, C.6 Căn uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 2. uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 5; Q.147, C.6 Tập VI, có 685 trang, từ Q.120 đến Q.145. Căn uẩn, P.2 Bàn về Hữu, phần 1; Q.148, Nội dung gồm: Q.120, C.4 Nghiệp uẩn, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Hữu, phần 2; P.3 Bàn về Hại sinh, phần 3; Q.121, C.4 Q.149, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Xúc, phần Nghiệp uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 4; 1; Q.150, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Xúc, Q.122, C.4 Nghiệp uẩn, P.4 Bàn về Biểu- phần 2; Q.151, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Vô biểu, phần 1; Q.123, C.4 Nghiệp uẩn, Đẳng tâm, phần 1; Q.152, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô biểu, phần 2; Q.124, P.4 Bàn về Đẳng tâm, phần 2; Q.153,

C.6

Căn uẩn, P.4 Bàn về Đẳng tâm, phần 3; C.7 Định uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành, phần Q.154, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Đẳng tâm, 2; Q.185, C.7 Định uẩn, P.5 Bàn về Nhất phần 4; Q.155, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về hành, phần 3; Q.186, C.7 Định uẩn, P.5 Đẳng tâm, phần 5; P.5 Bàn về Nhất tâm, Bàn về Nhất hành, phần 4; Q.187, C.8 phần 1; Q.156, C.6 Căn uẩn, P.5 Bàn về Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 1; Nhất tâm, phần 2; P.6 Bàn về Ngư, P.7 Q.188, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, Nhân duyên; Q.157, C.7 Định uẩn, P.1 phần 2; Q.189, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Bàn về Đắc, phần 1; Q.158, C.7 Định uẩn, Niệm trụ, phần 3; Q.190, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 2; Q.159, C.7 Định P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 4; Q.191, C.8 uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 3; Q.160, C.7 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 5; Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 4; Q.161, Q.192, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 5; phần 6; P.2 Bàn về Ba hữu, phần 1; Q.193, Q.162, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, C.8 Kiến uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 2; phần 6; P.2 Bàn về Duyên, phần 1; Q.163, Q.194, C.8 Kiến uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, C.7 Định uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 2; phần 3; Q.195, C.8 Kiến uẩn, P.2 Bàn về Q.164, C.7 Định uẩn, P.2 Bàn về Duyên, Ba hữu, phần 4; P.3 Bàn về Tưởng, phần phần 3; Q.165, C.7 Định uẩn, P.2 Bàn về 1; Q.196, C.8 Kiến uẩn, P.3 Bàn về Duyên, phần 4; Q.166, C.7 Định uẩn, P.3 Tưởng, phần 2; P.4 Bàn về Trí, phần 1; Bàn về Gồm thâu, phần 1; Q.167, C.7 Q.197, C.8 Kiến uẩn, P.4 Bàn về Trí, phần Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 2; 2; Q.198, C.8 Kiến uẩn, P.5 Bàn về Kiến, Q.167, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm phần 1; Q.199, C.8 Kiến uẩn, P.5 Bàn về thâu, phần 3; Q.169, C.7 Định uẩn, P.3 Kiến, phần 2; Q.200, C.8 Kiến uẩn, P.5 Bàn về Gồm thâu, phần 4; Q.170, C.7 Bàn về Kiến, phần 3. Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 5; Q.171, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm 1.503. LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA thâu, phần 6; Q.172, C.7 Định uẩn, P.3 PHÁP UẨN TÚC Bàn về Gồm thâu, phần 7; Q.173, C.7 Tác giả: Tôn giả Đại Mục-kiền-liên Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 8. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tập VIII, dày 680 trang, từ Q.174 đến Huyền Tráng (602-664) Q.200. Nội dung gồm: Q.174, C.7 Định Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 1; Q.175, Nxb Hồng Đức – 2020 C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần Tuệ Quang Foundation 2; Q.176, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 297 hoàn, phần 3; Q.177, C.7 Định uẩn, P.4 trang, bìa mềm. Bàn về Bất hoàn, phần 4; Q.178, C.7 Định Nội dung gồm có 12 quyển, 21 phẩm: Lời uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 5; Q.179, giới thiệu, Tiểu sử tóm tắt; Q.I, P.1 Học C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần xứ; Q.II, P.2 Chi Dự Lưu, P.3 Chứng tịnh, 6; Q.180, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất phần 1; Q.III, P.3 Chứng tịnh, phần 2, P.4 hoàn, phần 7; Q.181, C.7 Định uẩn, P.4 Quả Sa-môn, P.5 Thông hành, P.6 Thánh Bàn về Bất hoàn, phần 8; Q.182, C.7 Định chủng, P.7 Chánh thắng, phần 1; Q.IV, P.7 uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 9; Q.183, Chánh thắng, phần 2, P.8 Thần túc, phần C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 1; Q.V, P.8 Thần túc, phần 2, P.9 Niệm 10; P.5 Bàn về Nhất hành, phần 1; Q.184, trụ, phần 1; Q.VI, P.9 Niệm trụ, phần 2,

P.10 Thánh đế, P.11 Tĩnh lự, phần 1; Biên dịch: Tỳ-kheo Thích Trí Hải Q.VII, P.11 Tĩnh lự, phần 2, P.12 Vô Nxb Văn Hóa Văn Nghệ – 2015 lượng; Q.VIII, P.13 Vô sắc, P.14 Tu định, Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 194 trang, P.15 Giác chi, phần 1; Q.IX, P.15 Giác bìa

mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, chi, phần 2, P.16 Tạp sự; Q.X, P.17 Căn, Bách Pháp luận giải (Hán văn), Thiên P.18 Xứ, P.19 Uẩn, P.20 Nhiều Giới, phần Thân Bồ-tát lược truyện, Lược sử Bồ-tát 1; Q.XI, P.20 Nhiều Giới, phần 2, P.21 Thế Thân, Thích nghĩa Danh đề luận, Duyên khởi, phần 1; Q.XII, P.21 Duyên Luận Bá Pháp Tướng Tông, Lược giải Từ khởi, phần 2. ngữ, Tây Du ký với Duy Thức học, Đại Đường Cao Tăng Đại sư Huyền Trang; 1.504. LUẬN A-TỲ-ĐẠT-MA Thư mục Tham khảo. TẬP DI MÔN TÚC Tác giả: Tôn giả Xá-lợi-phất 1.506. LUẬN BẢN NHIẾP ĐẠI THỪA Hán dịch: Tam tạng Pháp sư (Nhiếp Đại Thừa Luận Bổn) Huyền Tráng (602-664) Luận giả: Bồ-tát Vô Trước Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nxb Hồng Đức – 2020 Huyền Trang (602-664) Tuệ Quang Foundation Việt dịch: Nguyên Hồng Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 455 Nội dung Luận này gồm có 3 quyển, 9 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 20 phần. Quyển thượng: Phần I. Cương yếu, quyển, 12 phẩm như sau: Lời giới thiệu, Phần II. Sở tri y; Quyển trung: Phần III. Tiểu sử Tóm tắt, Q.1, P.1 Duyên khởi, P.2 Sở tri tướng, Phần IV. Ngộ nhập tướng sở Một Pháp, P.3 Hai Pháp, phần 1; Q.2, P.3 tri, Phần V. Ngộ nhập nhân quả; Quyển Hai Pháp, phần 2; Q.3, P.3 Hai Pháp, phần hạ: Phần VI. Tu tập sai biệt, Phần VII. 3, P.4 Ba Pháp, phần 1; Q.4, P.4 Ba Pháp, Tăng thượng giới học, Phần VIII. Tăng phần 2; Q.5, P.4 Ba Pháp, phần 3; Q.6, P.4 thượng tâm học, Phần IX. Tăng thượng tuệ Ba Pháp, phần 4, P.5 Bốn Pháp, phần 1; học. Pháp, phần 3; Q.9, P.5 Bốn Pháp, phần 4; bảo-Luận tạng) Q.10, P.5 Bốn Pháp, phần 5; Q.11, P.6 Năm Pháp, phần 1; Q.12, P.6 Năm Pháp, 1.507. phần 2; Q.13, P.6 Năm Pháp, phần 3; LUẬN BẢO HÀNH VƯƠNG CHÁNH Q.14, P.6 Năm Pháp, phần 4; Q.15, P.7 Hán dịch: Chơn Đế Sáu Pháp, phần 1; Q.16, P.7 Sáu Pháp, Việt dịch: Thích Như Điển phần 2, P.8 Bảy Pháp, phần 1; Q.17, P.8 Tác phẩm Luận này gồm có 5 phẩm: P.1 Bảy Pháp, phần 2; Q.18, P.9 Tám Pháp, An lạc giải thoát, P.2 Tạp, P.3 Phẩm Bồ- phần 1; Q.19, P.9 Tám Pháp, phần 2, P.10 đề tư lương, P.4 Giáo vương (dạy vua), Chín Pháp, P.11 Mười Pháp, phần 1; Q.20, P.5 Xuất gia chánh hạnh. Khuyến. bảo-Luận tạng)

1.505. 1.508. LUẬN BẢO TẠNG LUẬN BÁ PHÁP TƯỚNG TÔNG Trước tác: Tăng Triệu

Việt dịch: Thích Duy Lực Nxb Hồng Đức – 2014; Sách có khổ 13 x Xem: Bửu Tạng Luận do Thích Duy Lực 20.5cm, có 221 trang, bìa mềm. dịch Nội dung tác phẩm gồm có 7 phẩm: Mở bảo-Luận tạng) hư vọng phân biệt, 1. Dựa hư vọng phân biệt biện hữu tướng, 2. Dựa hư vọng phân 1.509. LUẬN BẢO VƯƠNG TAM- biệt biện vô tướng, 3. Dựa hư vọng phân MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ biệt biện sở hữu tự tướng, 4. Dựa hư vọng Biên soạn (Hán văn): Sa-môn Diệu Hiệp phân biệt nhiếp ba tự tướng, 5. Dựa hư Việt dịch (2001): Minh Chánh vọng phân biệt nhập vô tướng, phương Tác phẩm Kinh này có 127 trang (PDF), tiện tướng, 6. Dựa hư vọng phân biệt nói nội dung gồm: - Lời giới thiệu của Tỳ- sắc thái sai biệt và dị môn, 7. Dựa hư vọng kheo Thích Đức Niệm, - Lời giới thiệu của phân biệt nói sắc thái sanh khởi, 8. Dựa hư Đại sư Ngẫu Ích, - Lời tựa; 1. Y-Chánh vọng phân biệt nói sắc thái tạp nhiễm; II. cõi Cực lạc, 2. Phá vọng hiển chơn, 3. Biện sở tri không tánh, 1. Biện các tướng Trách cứ nhận thức sai lầm, 4. Phân tích không, 2. Biện dị môn không, 3. Biện tâm Phật quán tuệ, 5. Tôn tượng Phật tại nghĩa dị môn, 4. Biện sai biệt không, 5. đạo tràng, 6. Phá thuyết chấp không, 7. Biện thành lập không; P.II Biện chướng, I. Khai thị Thiền Tịnh không hai, 8. Giải Biện 5 chướng, II. Biện

chánh gia hành thích tâm chán Ta-bà vui về Cực lạc, 9. chướng (9 kết), III. Biện nhân chướng (10 Khuyên tu, 10. Khuyên giữ giới sát, 11. năng tác chướng), IV. Biện các chướng Khuyên giữ các giới, 12. Khuyên nỗ lực của giác phần, 6 độ, 10 địa, V. Biện 2 tinh tấn, 13. Chánh hạnh, 14. Biện minh chướng phiền não và sở tri, P.III Biện phương cách tu tam-muội, 15. Nghi thức chân thật, I. Biện chân thật căn bản, II. tu Tam-muội, 16. Tán thán đức hóa độ của Biện chân thật tướng, III. Biện chân thật Phật, 17. Mười điều chướng ngại, 18. không điên đảo, IV. Biện chân thật nhân Nghĩa Nhất hạnh tam-muội, 19. Hiển thị quả, V. Biện chân thật thô tế, VI. Biện một nguyện đủ bốn nghĩa, 20. Giải thích chân thật cực thành, VII. Biện chân thật niệm Phật tiêu tội, 21. Lược thuật chư Tổ tịnh sở hành, VIII. Biện chân thật nhiếp vãng sanh, 22. Hồi hướng khuyên cầu thọ, IX. Biện chân thật sai biệt, X. Biện vãng sanh; Phụ lục: a. Niệm Phật phá chân thật thiện xảo; P.IV Biện đối trị, I. vọng, b. Kệ Tứ liệu giản, c. Văn khuyến Biện sự tu 37 phẩm, II. Biện tu giác phần phát tâm Bồ-đề; Chú thích. sai biệt tướng, III. Kết tu đối trị; P.V Biện PDF) biện phần vị, III. Tùy vị sai biệt thiết lập bổ-đặc-già-la, IV. Tổng kết các phần vị; P.VI Biện đắc quả, I. Biện giải 5 quả, II. Biện giải những quả khác, III. Kết tất cả 1.510. LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN quả; P.VII Biện Vô thượng thừa, I. Chung Madhyàntavibhàgabhàgabhàsya biện vô thượng, II. Riêng biện vô thượng Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - (1. Biện vô thượng chánh hành, 2. Biện vô Huyền Trang (602-664) thượng sở duyên, 3. Biện vô thượng tu Việt dịch và chú giải: Quảng Minh chứng, Tổng kết vô thượng); III. Kết thích

luận danh (1. Thích 3 nghĩa Trung biên, 2. Địa ý, Phần 2; Q.3, Địa thứ 2: Địa ý, Phần Thích luận 5 nghĩa). 3; Q.4, Địa 3, 4, 5: Địa có Tầm, có Tứ, Phần 1; Q.5, Địa 3, 4, 5: Địa có Tầm, có 1.511. LUẬN BỒ-ĐỀ TƯ LƯƠNG Tứ, Phần 2; Q.6, Địa 3, 4, 5: Địa có Tầm, Nguyên bản: Long Thọ có Tứ, Phần 3; Q.7, Địa 3, 4, 5: Địa có Chú thích: Tỳ-kheo Tự Tại Tầm, có Tứ, Phần 4; Q.8, Địa 3, 4, 5: Địa Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa có Tầm, có Tứ, Phần 5; Q.9, Địa 3, 4, 5: Việt dịch: Thích Như Điển Địa có Tầm, có Tứ, Phần 6; Q.10, Địa 3, Toàn bộ tác phẩm Luận này có 6 quyển. 4, 5: Địa có Tầm, có Tứ, Phần 7; Q.11, bảo-Luận tạng) Q.12, Địa Tam-ma-hý-đa, Phần 2; Q.13, Địa Tam-ma-hý-đa, Phần 3, Địa thứ 7: Địa 1.512. LUẬN CHỈ QUÁN Tam-ma-hý-đa (Phần Bản địa), Địa thứ 8, (Đại thừa Chỉ Quán pháp môn: Chỉ 9: Địa có Tâm-không Tâm, Địa thứ 10: Quán của Đại thừa) Địa do Văn tạo thành, Phần 1; Q.14, Địa Dịch giải: Thích Trí Quang thứ 10: Địa do Văn tạo thành, Phần 2; Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1995 Q.15, Địa thứ 10: Địa do Văn tạo thành, Tác phẩm Luận này gồm có: I. Lược Phần 3; Q.16, Địa thứ 11: Địa do Tư tạo truyện Tôn giả đại cương, II. Lời dẫn 1, thành, Phần 1; Q.17, Địa thứ 11: Địa do III. Lời dẫn 2, IV. Luận Chỉ quán, A.1 Mở Tư tạo thành, Phần 2; Q.18, Địa thứ 11: đầu, A.2 Giải thích; B.1 Nói căn cứ của Địa do Tư tạo thành, Phần 3; Q.19, Địa Chỉ Quán, B.2 Nói đối tượng của Chỉ thứ 11: Địa do Tư tạo thành, Phần 4; Q.20, Quán, B.3 Nói thể trạng của Chỉ Quán, Địa thứ 12: Địa do Tu tạo thành; Q.21, B.4 Nói hiệu năng của Chỉ Quán, B.5 Nói Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hiệu quả của Chỉ Quán; A.3 Chỉ việc; V. nhất, Phần 1: Địa chúng tánh; Xứ Du-già Pháp môn Chỉ Quán Đại thừa, A.1 Phụ lục thứ nhất, Phần 2: Địa hướng nhập; Q.22, Bản dịch, A.2 Lời giới thiệu, A.3 Pháp Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ môn Chỉ quán Đại thừa. nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (1); Q.23, Địa thứ 13: Địa Thanh văn,

Xứ Du-già thứ 1.513. LUẬN DU-GIÀ-SƯ-ĐỊA – nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (2); Q.24, Địa Trọn bộ 4 Tập thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ Giảng thuật: Bồ-tát Di-lặc nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (3); Q.25, Địa Ghi chép: Bồ-tát Vô Trước thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (4); Q.26, Địa Huyền Trang (602-664) thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hai: Việt dịch: Nguyên Huệ Đoạn 1; Q.27, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Nxb Hồng Đức – 2013. Sách khổ 14.5 x Xứ Du-già thứ hai: Đoạn 2. 20.5cm, tổng cộng 4 tập dày 3.080 trang, Tập II, dày 782 trang, từ Q.28 đến Q.53. bìa mềm, có hộp đựng cả bộ. Nội dung: Phần Bản Địa (tt), Q.28 Địa thứ Tập I, dày 797 trang, nội dung gồm 27 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hai: quyển: Phần Bản Địa, Q.1, Địa thứ 1: Địa Đoạn 3; Q.29 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, năm thức thân tương ưng, Địa thứ 2: Địa Xứ Du-già thứ hai: Đoạn 4; Q.30 Địa thứ ý, Phần 1 (phần Bản địa); Q.2, Địa thứ 2: 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ ba:

Đoạn 1; Q.31 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 3: Trì xứ Du-già Cứu Xứ Du-già thứ ba: Đoạn 2; Q.32 Địa thứ cánh. P.5 Phần 2: Kiến lập; Đoạn 4: Trì xứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ ba: Du-già Thứ lớp phẩm Phát tâm Chánh Đoạn 3; Q.33 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, đẳng Bồ-đề; Địa thứ 16: Địa Hữu dư; Địa Xứ Du-già thứ tư: Đoạn 1; Q.34 Địa thứ thứ 17: Địa Vô dư y; Phần Nhiếp Quyết 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ tư: Trạch, Q.51 Địa Năm Thức thân tương Đoạn 2; Địa thứ 14: Địa Độc giác; Q.35 ưng và Địa ý; Q.52 Địa Năm Thức thân Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ tương ưng và Địa ý, Đoạn 2; Q.53 Địa Du-già. P.1 Chủng tánh, P.2 Phát tâm, P.3 Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn Phần 1: Tự tha lợi; Q.36 Địa thứ 15: Địa 3; Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.3 Phần 2: Tập III, dày 766 trang, từ Q.54 đến Q.78, Tự tha lợi, P.4 Nghĩa chân thật; Q.37 Địa nội dung gồm: Địa Năm Thức thân tương thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. ưng và Địa ý, Đoạn 4; Q.55 Địa Năm P.5 Uy lực, P.6 Thành thục; Q.38 Địa thứ Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 5; 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.7 Q.56 Địa Năm Thức thân tương ưng và Bồ-đề, P.8 Lực chủng tánh; Q.39 Địa thứ Địa ý, Đoạn 6; Q.57 Địa Năm Thức thân 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.9 tương ưng và Địa ý, Đoạn 7; Q.58 Ba Địa Thí; Q.40 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: có tầm có tứ, Đoạn 1; Q.59 Ba Địa có tầm Trì xứ Du-già. P.10, Phần 1: Giới; Q.41 có tứ, Đoạn 2; Q.60 Ba Địa có tầm có tứ, Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Đoạn 3; Q.61 Ba Địa có tầm có tứ, Đoạn Du-già. P.10, Phần 2: Giới; Q.42 Địa thứ 4; Q.62 Địa Tam-ma-hí-đa, Đoạn 1; Q.63 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. Địa Tam-ma-hí-đa, Đoạn 2; Địa Phi Tam- P.10, Phần 3: Giới; P.11 Nhẫn, P.12 Tinh ma-hí-đa, Địa có tâm, Địa không tâm; tấn; Q.43 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Q.64 Địa Tuệ do Văn tạo thành; Q.65 Địa Trì xứ Du-già. P.13 Tĩnh lự, P.14 Tuệ, Tuệ do Tư tạo thành, Đoạn 1; Q.66 Địa P.15 Nhiếp sự; Q.44 Địa thứ 15: Địa Bồ- Tuệ do Tư tạo thành, Đoạn 2; Q.67 Địa tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.16 Cúng Tuệ do Tu tạo thành, Địa Thanh văn, Đoạn dường thân cận vô lượng, P.17, Phần 1: 1; Q.68 Địa Thanh văn, Đoạn 2; Q.69 Địa Bồ-đề phần; Q.45 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Thanh văn, Đoạn 3; Q.70 Địa Thanh văn, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.17, Phần 2: Bồ- Đoạn 4; Q.71 Địa Thanh văn, Đoạn 5; đề phần; Q.46 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Q.72 Địa Bồ-tát, Đoạn 1; Q.73 Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.17, Phần 2: Bồ- Đoạn 2; Q.74 Địa Bồ-tát, Đoạn 3; Q.75 đề phần, Phần 3: Bồ-đề phần, P.18 Công Địa Bồ-tát, Đoạn 4; Q.76 Địa Bồ-tát, Đoạn đức của

Bồ-tát; Q.47 Địa thứ 15: Địa Bồ- 5; Q.77 Địa Bồ-tát, Đoạn 6; Q.78 Địa Bồ- tát, Đoạn 2: Trì xứ Du-già Tùy pháp. P.1 tát, Đoạn 7; Tướng Bồ-tát, P.2 Phần, P.3 Ý lạc tăng Tập IV, dày 735 trang, từ Q.79 đến Q.100, thượng; P.4, Phần 1: Trụ; Q.48 Địa thứ 15: nội dung gồm: Phần Nhiếp Quyết Trạch Địa Bồ-tát, Đoạn 2: Trì xứ Du-già Tùy (tt), Q.79 Địa Bồ-tát, Đoạn 8; Q.80 Địa pháp. P.4, Phần 2: Trụ; Đoạn 3: Trì xứ Bồ-tát, Đoạn 9: Hai Địa Hữu dư và Vô Dư Du-già Cứu cánh, P.1 Sinh, P.2 Thâu y; Phần Nhiếp Thích, Q.81 Phần Nhiếp nhận; Q.49 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn thích 1; Q.82 Phần Nhiếp thích 2; Phần 3: Trì xứ Du-già Cứu cánh. P.3 Địa, P.4 Nhiếp Dị môn, Q.83 Phần Nhiếp Dị môn Hành, P.5, Phần 1: Kiến lập; Q.50 Địa thứ 1; Q.84 Phần Nhiếp Dị môn 2; Phần Nhiếp

sự, Q.85 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Luận Bồ-tát Giới Du-già, Phần Chú thích Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 1; 17 Địa, Phần Chú thích các thuật ngữ, Q.86 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa Phần Chú thích về Thập Địa, Phần Chú chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 2; Q.87 thích về Tổng Giới, Phần Chú thích về Trì Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, Giới Ba-la-mật. gồm thâu về hành. Đoạn 3; Q.88 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu 1.515. LUẬN DUY THỨC - về hành. Đoạn 4; Q.89 Đoạn thứ hai: Sự TAM THẬP TỤNG Thích Lược Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ, Việt dịch: Đoạn 1; Q.90 Đoạn thứ hai: Sự Khế Kinh. Ni trưởng Huyền Huệ (1924-2015) Lựa chọn, gồm thâu về xứ, Đoạn 2; Q.91 Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005 Đoạn thứ hai: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, Sách có khổ 14 x 20cm, có 70 trang, bìa gồm thâu về xứ, Đoạn 3; Q.92 Đoạn thứ mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. hai: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về Thức A-lại-da (Thức thứ tám), II. Thức xứ, Đoạn 4; Q.93 Đoạn thứ ba: Sự Khế Mạt-na (Thứ bảy), III. Sáu thức trước, Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, Năm vị là gì? Tam tánh, Có năm ngôi vị. thực, đế, giới. Đoạn 1; Q.94 Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về 1.516. LUẬN DUYÊN SANH duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 2; Q.95 Tạo luận: Uất-lăng-ca Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Việt dịch: Thích Như Điển Đoạn 3; Q.96 Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Tác phẩm Luận này gồm có: - Lời tựa về Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, Luận Duyên sanh; - Luận Duyên sanh. Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về pháp bảo-Luận tạng) Bồ-đề phần. Đoạn 1; Q.98 Đoạn thứ tư: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về pháp Bồ-đề phần. Đoạn 2; Q.99 Đoạn thứ năm: Sự Điều phục. Lựa chọn, gồm thâu chung. Đoạn 1; Q.100 Đoạn thứ năm: Sự Điều phục. Lựa chọn, gồm thâu chung. Đoạn 2; 1.517. LUẬN ĐƯỜNG VỀ TỊNH ĐỘ - 2 Đoạn thứ sáu: Sự Bản mẫu: Nêu bày, biện Tập giải, gồm thâu. Biên soạn: TK. Thích Trí Hải Nxb Tôn Giáo – 2015 1.514. LUẬN DU-GIÀ BỒ-TÁT GIỚI Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 565 Dịch và Giải thích: trang, bìa mềm. Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn Tập I, dày 274 trang. Nội dung gồm có 16 Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013 bài (B): Lời dẫn nhập, Tổng luận, B.1 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 111 Khuyến Phát Bồ-đề Tâm, B.2 Khởi lập trang, bìa mềm. Tín-Hạnh-Nguyện, B.3 Cầu học Pháp Đại Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tiểu sử thừa, B.4 Thọ Ngũ uẩn Sanh Thân, B.5 Bồ-tát Vô Trước, Tiểu sử Pháp sư Huyền Xuất gia Hành Phật Đạo, B.6 Điều phục Trang, Khái luận Lược sử Giới Bồ-tát, Vọng Tâm thức, B.7 Nhiếp hóa các Căn-

Trần, B.8 Chế ngự tiền Ngũ Thức, B.9 vương đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 10. Thọ Bát-nhã Tâm Kinh, B.10 Thể nhập Đại long vương Trùng trùng Quảng hải vô Như Lai tang, B.11 Tứ Thánh thử lòng tận Đại tạng Đại quyết trạch; Q.VI, Phần Thiền, B.12 Liễu ngộ Pháp sanh diệt, B.13 11. Vô tận vô cùng Trần trần số lượng đạo Thực hành Đại Từ Tâm, B.14 Minh tà- lộ Đại quyết trạch, Phần 12. Bất khả tư chánh chân-ngụy, B.15 Tu Trí tuệ thị nghì Bất khả xưng lượng Câu câu vi trần Nghiệp, B.16 Bát Phong xuy bất động; bổn Đại sơn vương Đại quyết trạch; Thư mục tham khảo; Q.VII, Phần 13. Bất khả tư nghì Câu câu Tập II, dày 291 trang. Nội dung gồm từ vi trần nhứt thiết Sơn vương đạo lộ Đại B.17 đến B.32 như sau: Tổng luận, B.17 quyết trạch, Phần 14. Tất cả hư không, tất Tri Nhân duyên Nghiệp quả, B.18 Quán cả vi trần số lượng, Cao vương Đại quyết Tận tế Vô minh, B.19 Hôn trầm cập Giải trạch; Q.VIII, Phần 15. Độc địa phi loạn đãi, B.20 Trạo cử tịnh Kiêu mạn, B.21 Nhứt định nhứt định đạo lộ Đại quyết Chuyển Mê Tham dục ái, B.22 Độc giác trạch, Phần 16. Độc địa độc thiên Nhứt ngươn Thỉ tôn, B.23 Tình tưởng lụy Kiếp chủng quảng đại vô nhị Sơn vương Đại sanh, B.24 Đảo mã độc Ý thức, B.25 Chân quyết trạch; Q.IX, Phần 17. Độc nhứt vô vọng đồng Nhứt thể, B.26 Thệ dứt trừ nhị Sơn vương tự tại đạo lộ Đại quyết Tam chướng, B.27 Tẩy Tâm tảo bổn Tháp, trạch, Phần 18. Ma-ha vô nhị Sơn vương B.28 Hạnh Tinh tấn Viễn ly, B.29 Thoát Tối thắng cao đảnh nhứt địa Đại quyết Ngũ ấm Phi hữu, B.30 Nhập Tối thắng trạch; Q.X, Phần 19. Giác hồi Đà-thi phạn Phật tử, B.31 Liễu Thất đại bổn Không, chư đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 20. Giác B.32 Vô khứ diệc Vô lai; Thư mục sách hồi Đà-thi phạm Ca-nặc Bổn vương bổn tham khảo. địa Đại quyết trạch; Q.XI, Phần 21. Giác Thi-phạn-nặc bổn vương đạo lộ Đại quyết 1.518. LUẬN ĐẠI TÔNG - trạch, Phần 22. Ma-ha Giác Thi-phạn-nặc ĐỊA HUYỀN VĂN BỔN mẫu nguyên chủ thiên vương Đại quyết Tạo luận: Bồ-tát Mã Minh trạch; Q.XII, Phần 23. Nhứt chủng công Hán dịch: Chơn Đế đức Đốn đốn vô tạp Đại viên mãn địa đạo Việt dịch: Thích Như Điển lộ Đại quyết trạch, Phần 24. Nhứt chủng Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 20 công đức Ma-ha bổn địa Minh bạch ly ác quyển, 40 phần: Q.I, Phần 1. Quy y đức xứ Phẩm tạng Đại quyết trạch; Q.XIII, Phần Vô biên đại quyết trạch, Phần 2. Quy y 25. Ma-ha Bổn địa cụ túc Phẩm tạng Phi đức xứ Vô biên Đại quyết trạch; Q.II, xung đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 26. Ma- Phần 3. Nhứt chủng Kim Cang đạo lộ Đại ha Bảo luân vương Quảng đại viên mãn quyết trạch, Phần 4. Kim Cang Bảo luận Vô thượng địa địa Đại quyết trạch; Q.XIV, Sơn vương Đại quyết thích; Q.III, Phần 5. Phần 27. Phồn phược địa địa Phẩm loại Kim Luân vương đạo lộ Đại quyết trạch, bất kiết tường đạo lộ Đại quyết trạch, Phần Phần 6. Độc nhứt sơn vương Ma-ha sơn 28. Phồn phược địa địa Tự nhiên bổn vương quyết trạch; Q.IV, Phần 7. Đại hải vương Ma-ha nguy phẩm Đại quyết trạch; bộ Tạng đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 8. Q.XV, Phần 29. Tự nhiên bổn vương Thâm lý xuất hưng Đại Tạng đại long Quảng đại chuyển địa vô chướng, vô ngại vương Đại quyết trạch; Q.V, Phần 9. cụ hành đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 30. Thâm lý xuất hưng Địa Tạng Đại long Tối cực quảng đại cụ hành Sơn vương Vô

tận hải hải Đại quyết trạch; Q.XVI, Phần Sách dày 117 trang, bìa mềm, nền trắng, 31. Xuất ly phồn phược địa thanh bạch chữ tựa màu xanh dương, có hình hoa sen Giải thoát đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 32. trong vòng tròn. Nội dung gồm có 10 Giải thoát

sơn vương Căn bản địa địa Vô quyển: Nhân duyên chuyển ngữ, Đôi nét ngại tự tại Đại quyết trạch; Q.XVII, Phần về các Nhà phiên dịch, Q.1, Luận về thân 33. Giải thoát sơn vương Đại đạo lộ Đại người khó được, Phật pháp khó nghe; Q.2, quyết trạch, Phần 34. Quảng đại vô tận Phát tâm Bồ-đề rộng lớn; Q.3, So sánh Giải thoát hải hải Ma-ha sơn vương Đại phước đức cúng dường; Q.4, Tham đắm quyết trạch; Q.XVIII, Phần 35. Ma-ha dục lạc bị đọa lạc; Q.5, Thân cận học hỏi không trần Hải tạng sơn vương đạo lộ Đại bậc thiện tri thức; Q.6, Phước đức cúng quyết trạch, Phần 36. Đại bất khả tư nghì dường-Phương tiện độ sanh; Q.7, Các trọng trọng Bất khả xưng lượng A thuyết pháp tự tánh đều không; Q.8, Pháp an ổn bổn vương Đại quyết trạch; Q.XIX, Phần vô trụ; Q.9, Trí Bát-nhã siêu việt; Q.10, 37. Giảo lượng (so sánh) công đức tán Hoa tạng thế giới hải; Chú thích. (Bản lưu thán tín hành hiện thị lợi ích Đại quyết tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học trạch, Phần 38. Giảo lượng quá xung Kha Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: tính phỉ báng hiện thị chúng nghiệp Đại Vie 1167) quyết trạch; Q.XX, Phần 39. Hiện thị bổn nhơn quyết định chứng thành trừ nghi 1.521. LUẬN ĐẠI THỪA 100 PHÁP sanh tín Đại quyết trạch, Phần 40. Khuyến Biên soạn: Bồ-tát Thiên Thân trì lưu thông Phát đại nguyện hải địa quyết Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - Pháp Soạn thuật: Cư sĩ Giản Kim Võ bảo-Luận tạng) Việt dịch: Cư sĩ Lê Hồng Sơn Nxb Hồng Đức. Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 366 trang. Nội dung gồm có 22 chương: - Lời người dịch (2013), - Lời 1.519. LUẬN ĐẠI THỪA - tựa; C.1 Mục đích nghiên cứu, C.2 Giới BÁCH PHÁP MINH MÔN thiệu Luận chủ, C.3 Làm rõ ý tạo luận là Giảng giải: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) vì lợi ích của loài hữu tình, C.4 Giải thích Việt dịch: Ban Phiên dịch Việt ngữ - sơ lược ý của đề luận, C.5 Giới thiệu Vạn Phật Thánh Thành người dịch, C.6 Như lời Đức Thế Tôn nói: Buddhist Text Translation Society Tất cả pháp vô ngã, C.7 Những gì là tất cả xuất bản. pháp, Tại sao là vô ngã? C.8 Năm vị, 100 Tác phẩm giảng giải Luận này có 164 pháp, C.9 Tuần tự 100 pháp, C.10 Tâm trang, nội dung gồm: - Lời đầu; Kinh Hoa pháp, Tám tâm vương, C.11 Tâm sở hữu văn, Kinh Hán văn; Đại thừa Bách Pháp pháp-Biến hành, C.12 Tâm sở hữu pháp- Minh môn luận, Kinh Anh văn. Biệt cảnh, C.13 Tâm sở hữu pháp-Thiện, C.15 Tâm sở hữu pháp-Tiểu tùy phiền 1.520. LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU não, C.16 Tâm sở hữu pháp-Trung tùy Việt dịch: Thích Bảo Lạc phiền não, C.17 Tâm sở hữu pháp-Đại tùy Pháp Bảo-Sydney-ấn hành – 1988 phiền não, C.18 Tâm sở hữu pháp-Bất

định, C.19 Sắc pháp, C.20 Tâm bất tương Luận về Đức Dụng, 5. Phân định về Giáo ưng hành pháp, C.21 Vô vi pháp, C.22 Vô tướng; II. Khoa thứ hai, Giải thích về văn ngã. bộ luận, 1. Phần Nhân duyên, 2. Phần lập nghĩa, 3. Phần giải thích, 4. Phần tín tâm 1.522. LUẬN ĐẠI THỪA - tu hành, 5. Phần lợi ích và khuyên tu; Tiểu KHAI TÂM HIỂN TÁNH ĐỐN NGỘ sử Bồ-tát Mã Minh. CHƠN TÔNG Đường Huệ Quang thích 1.525. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN Việt dịch: Thích Thanh Từ Tác giả: Bồ-tát Mã Minh Luận này hành văn theo cách vấn đáp, có Hán dịch: Chân Đế khoảng 146 câu hỏi (của cư sĩ) và trả lời Việt dịch và giải: Cao Hữu Đính (của Thiền sư Đại Chiếu) về sự khai tâm Nxb Thuận Hóa-Huế - 1996. Sách có khổ hiển tánh đốn ngộ theo chơn tông Đại 13 x 19cm. Nội dung gồm có 2 quyển Pháp bảo/Luận tạng) chương có: phần Chánh văn (âm Hán Việt), phần Dịch nghĩa và Giải thích): Lời 1.523. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN nói đầu, Dẫn nhập,

Quyển thượng: C.I Tạo luận: Tông chỉ và Mục đích, C.II Tông bổn, Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160) C.III Nhân duyên tạo luận, C.IV Lập Dịch từ chữ Phạn sang Hán: Tam tạng nghĩa; Quyển hạ: C.V Đối trị Tà chấp, Pháp sư Chơn Đế C.VI Phát thú Đạo tướng, C.VII Tu hành Việt dịch: Thích Thiện Hoa (1918-1973) Tín tâm, Chương cuối cùng, Vì Lợi ích Hương Đạo xuất bản, lần thứ nhất – 1962 nên khuyến tu. Sách có 201 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 5 chương chính: Lời dịch giả, C.1 1.526. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN Phần Nhơn duyên, C.2 Định danh nghĩa, giảng giải C.3 Phần Giải thích, C.4 Tín tâm-tu hành, Tác giả: C.5 Lợi ích và khuyên tu. Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160) Tác phẩm Luận này tái bản 1967, Nxb Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Hương Đạo (Sài Gòn). Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2016 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 274 trang, 1.524. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp Trước tác: chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp. Nội Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160) dung gồm có 5 phẩn chính: I. Phần Nhân Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Chơn Đế duyên, II. Phần Lập nghĩa, III. Phần giải Diễn giảng: Đại sư Bảo Tịnh thích, có 4 mục: A. Hiển bày chánh nghĩa Việt dịch: Thích nữ Tịnh Điền (1. Chân như môn, 2. Sanh diệt môn Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003. (nghĩa giác, nghĩa bất giác (có: tam tế, lục Toàn bộ tác phẩm Luận này có 386 trang, thô, tướng giác và bất giác, nhân duyên gồm: - Lời tựa, - Luận về Đại thừa để khởi sanh diệt, nói về ý thức, nói về tàng thức, lòng tin; I. Khoa thứ nhất, Năm lớp huyền nói về tâm nhiễm, sắc thái sanh diệt, pháp nghĩa: 1. Giải thích tên bộ luận, 2. Hiển tịnh nhiễm huân tập, nghĩa huân tập của bày phần thể, 3. Minh định tông chỉ, 4. pháp nhiễm và pháp tịnh, thể đại và tướng

đại của chân như, dụng đại của chân như), Không (tt); Q.VIII, P.5 Tập ly nan giới 3. Hiển bày từ môn sanh diệt hội nhập học; P.6 Hộ thân; Q.IX, P.6 Hộ thân (tt); môn Chân như. B. Đối trị tà chấp, giảng P.7 Hộ thọ dụng phước; Q.X, Phần 2, P.7 giải về: nhân ngã kiến, pháp ngã kiến, cứu Hộ thọ dụng phước (tt); P.8, 1. Thanh tịnh; cánh lìa tất cả vọng chấp. C. Phân biệt Q.XI, P.8, 2. Thanh tịnh (tt); Q.XII, P.8, 3. phát tâm tiến đến Đạo quả gồm có: - Tín Thanh tịnh (tt); P.9 Nhẫn nhục; Q.XIII, thành tựu phát tâm, - Giải hạnh phát tâm, - P.10 Tinh tấn Ba-la-mật-đa; P.11 Nói về Chứng phát tâm, - Sự hoàn tất của chứng Lan Nhã; Q.XIV, Phần 2, P.11 Thuyết A- phát tâm. IV. Tu hành tín tâm, giảng về lan-nhã; P.12 Trị tâm; Q.XV, Phần 2, P.12 năm cửa để thành tựu tín tâm (các cửa: bố Trị tâm (tt); Q.XVI, Phần 3. P.12 Trị tâm thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, chỉ quán) (tt); P.13, 1. Niệm xứ; Q.XVII, P.13, 2. và phương tiện cứu vớt. V. Khuyến tu lợi Niệm xứ (tt); P.14, 1. Tự tánh thanh tịnh; ích. Q.XVIII, P.14, 2. Tự tánh thanh tịnh (tt); Tác phẩm Luận này đã xuất bản năm Q.XIX, P.14, 3. Tự tánh thanh tịnh (tt); 2011, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. P.15, 1. Chánh mệnh thọ dụng; Q.XX, P.15, 2. Chánh mệnh thọ dụng (tt); P.16, 1. 1.527. LUẬN ĐẠI THỪA NGŨ UẨN Tăng trưởng thắng lực; Q.XXI, P.16, 2. Luận giả: Bồ-tát Thế Thân Tăng trưởng thắng lực (tt); P.17, 1. Cung Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - kính hành lễ; Q.XXII, P.17, 2. Cung kính Huyền Trang (602-664) hành lễ (tt); P.18, 1. Niệm Tam bảo; Các bản Việt dịch: 1. Thích Nhất Chân; 2. Q.XXIII, P.18, 2. Niệm Tam bảo (tt); Thích Như Điển P.18, 3. Niệm Tam bảo (tt); Q.XXV, P.18, Nội dung của tác phẩm này luận về 5 uẩn: 4. Niệm Tam bảo (tt). Hành uẩn, 5. Thức uẩn; 6. Nghĩa của năm bảo-Luận tạng) uẩn, 7. Mười hai xứ, 8. Mười tám giới. Luận tạng) HỌC Tạo luận: Pháp

Xứng 1.528. LUẬN ĐẠI THỪA - Hán dịch: Pháp Hộ TẬP BỒ-TÁT HỌC Việt dịch: Nguyên Hồng Tạo luận: Pháp Xưng Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 13 Hán dịch: Pháp Hộ x 20.5cm, dày hơn 475 trang. Nội dung Việt dịch: Thích Như Điển gồm 25 quyển, 18 phẩm. Q.I, P.1 Tập hợp Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 25 học xứ về bố thí 1; Q.II, P.1 Tập hợp học quyển, 18 phẩm: Phần một, Q.I, P.1 Tập xứ về bố thí 2; Q.III, P.1 Tập hợp học xứ bố thí học; Q.II, Phần hai, P.1 Tập bố thí về bố thí 3, P.2 Về giới hộ trì chính pháp học (tt); Q.III, Phần ba, P.1 Tập bố thí học 1; Q.IV, P.2 Học xứ về giới hộ trì chính (tt); Q.IV, Phần một, P.2 Hộ trì chánh pháp 2, P.3 Học xứ về hộ pháp sư, P.4 pháp giới; Phần hai, P.2 Hộ trì chánh pháp Học xứ về Không 1; Q.V, P.4 Học xứ về giới (tt); P.3 Ủng hộ Pháp sư; P.4 Không; Không 2; Q.VI, P.4 Học xứ về Không 3; Q.V, Phần 2, P.4 Không (tt); Q.VI, Phần Q.VII, P.4 Học xứ về Không 4, P.5 Tập 3, P.4 Không (tt); Q.VII, Phần 4, P.4 hợp lìa các chướng nạn về học giới 1;

Q.VIII, P.5 Tập hợp lìa các chướng nạn về ý, tiếp xúc, cảm thọ, nghĩ tưởng, suy tư); học giới 2, P.6 Học xứ về hộ thân; Q.IX, 2. Biệt cảnh (có 5: mong muốn, quyết P.6 Học xứ về hộ thân 2, P.7 Học xứ về hộ định, ghi nhớ, tập trung, suy lường); 3. thụ dụng phúc 1; Q.X, P.7 Học xứ về hộ Thiện (có 11: lòng tin, tinh tấn, xấu hổ, hổ thụ dụng phúc 2, P.8 Học xứ về thanh tịnh thẹn, không tham lam, không sân hận, 1; Q.XI, P.8 Học xứ về thanh tịnh 2; không si mê, khinh an, không buông lung, Q.XII, P.8 Học xứ về thanh tịnh 3; P.9 xả bỏ, không tổn hại); 4. Căn bổn phiền Học xứ về nhẫn nhục; Q.XIII, P.10 Học não (có 6: tham lam, sân hận, si mê, kiêu xứ về tinh tiến Ba-la-mật, P.11 Học xứ về mạn, nghi ngờ, bất chánh kiến); 5. Tùy A-lan-nhã 1; Q.XIV, P.11 Học xứ về A- phiền não (có 20: phẫn nộ, hận thù, phiền lan-nhã 2, P.12 Học xứ về trị tâm 1; muộn, che giấu, dối trá, nịnh bợ, kiêu Q.XV, P.12 Học xứ về trị tâm 2; Q.XVI, ngạo, tổn hại, tật đố, keo kiệt, không biết P.12 Học xứ về trị tâm 3, P.13 Học xứ về xấu hổ, không biết hổ thẹn, bất tín, lười niệm xứ 1; Q.XVII, P.13 Học xứ về niệm biếng, buông lung, hôn trầm, bồn chồn, xứ 2, P.14 Học xứ về tự tính thanh tịnh 1; mất chánh niệm, tà tri, tán loạn); 6. Bất Q.XVIII, P.14 Học xứ về tự tính thanh định (có 4: ngủ, hối tiếc, tìm tòi, dò xét); tịnh 2; Q.XIX, P.14 Học xứ về tự tính III. Sắc pháp, có 11 loại: mắt, tai, mũi, thanh tịnh 3, P.15 Học xứ về chính mạng lưỡi, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc, thụ dụng 1; Q.XX, P.15 Học xứ về chính pháp; IV. Tâm bất tương ưng hành pháp, mạng thụ dụng 2, P.16 Học xứ về tăng có 24: Đạt được, mạng sống, điểm tương trưởng thắng lực 1; Q.XXI, P.16 Học xứ đồng, tánh dị biệt, vô tưởng định, diệt tận về tăng trưởng thắng lực 2, P.17 Học xứ định, vô tưởng báo, danh từ, câu cáng, văn về cung kính tác lễ 1; Q.XXII, P.17 Học tự, sanh, trụ, lão, vô thường, lưu chuyển, xứ về cung kính tác lễ 2, P.18 Học xứ về đặc điểm, tương ứng, tốc độ, thứ tự, thời nghĩ nhớ Tam bảo 1; Q.XXIII, P.18 Học gian, phương hướng, số mục, tánh hòa xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 2; Q.XXIV, P.18 hợp, tánh không hòa hợp; V. Vô vi pháp, Học xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 3; Q.XXV, có 6 loại: 1. Hư không vô vi, 2. Trạch diệt P.18 Học xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 4. vô vi, 3. Phi trạch diệt vô vi, 4. Bất động diệt vô vi, 5. Tưởng thọ diệt vô vi, 6. Chân 1.530. LUẬN ĐẠI THỪA - như vô vi; Về vô ngã, có 2 loại: Sổ thủ thú TRĂM PHÁP MINH MÔN vô ngã, Pháp vô ngã. Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân bảo-Luận tạng) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664) 1.531. LUẬN ĐẠI THỪA - Việt dịch: Nguyên Thuận TRĂM PHÁP MINH MÔN PL. 2548 – DL. 2004 Lược

giảng: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) Nội dung của tác phẩm này luận về 100 Ban Phiên dịch Việt ngữ (Vạn Phật Thánh pháp, gồm có: I. Tâm pháp, có 8 loại: Thành – Mỹ Quốc) Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, Buddhist Text Translation Society, thân thức, ý thức, Mạt-na thức, A-lại-da xuất bản – 2004 thức; II. Tâm sở hữu pháp, có 51 loại và (Trường Đại học Pháp Giới; Tổng Hội phân làm 6 nhóm: 1. Biến hành (có 5: khởi Phật giáo Pháp Giới)

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 174 trang, thích tán thán Đàn Ba-la-mật, C.19. Giải bìa mềm, có tay gấp. Nội dung sơ lược thích tướng của Đàn Ba-la-mật, C.20. Giải gồm: Lời đầu, Kinh Hoa văn; Kinh Hán thích Đàn Ba-la-mật pháp thí; Cuốn 12 – văn, Đại thừa Bách Pháp Minh môn Luận; 13, C.21. Giải thích Thi-la Ba-la-mật, Kinh Anh văn, Shastra on the Door to C.22. Giải thích nghĩa của giới tướng, Understanding the Hundred Dharmas; C.23. Giải thích tán thán nghĩa Thi-la Ba- Tựa; C.I Giải thích tổng quát về Danh đề, la-mật; Cuốn 14, Giải thích Thi-la Ba-la- C.II Người tạo luận, Thiên Thân Bồ-tát, mật, C.24. Giải thích Sằn-đề Ba-la-mật; C.III Dịch giả, ngài Tam tạng Pháp sư Cuốn 15, Giải thích Sằn-đề Ba-la-mật Huyền Trang, C.IV Biệt giảng Văn nghĩa; pháp nhẫn, C.25. Giải thích Tỳ-lê-gia Ba- Sơ lược về Hòa thượng Tuyên Hóa; Kệ la-mật; Cuốn 16, Giải thích tinh tấn Ba-la- Hồi hướng. mật; Cuốn 17, C.26. Giải thích thiền Ba- la-mật; Cuốn 18, C.27. Giải thích Bát-nhã 1.532. LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ Ba-la-mật, C.28. Giải thích tướng Bát-nhã; (MAHÀPRAJNÀPÀRAMITÀ- Cuốn 19, C.29. Giải thích 37 phẩm trợ SÀSTRA) – Trọn bộ 5 Tập đạo; Cuốn 20, C.30. Giải thích ba tam- Tác giả: Long Thọ (Nàgàrjuna) muội, bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn vô Dịch từ Phạn sang Hán: Cưu-ma-la-thập sắc định; Phụ lục: nội dung luận Đại trí độ, (Kumàrajiva, 344-413) Khái quát sự truyền dịch kinh Bát-nhã. Việt dịch: Thích Thiện Siêu (1921-2001) Tập II, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998. Tập Toàn bộ Đại luận này gồm có 100 cuốn, này từ cuốn 21 – 40. Có: Lời đầu quyển, 90 phẩm. Cuốn 21 - 40, các Giải thích: phẩm Tựa Tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt (tiếp), 8 thắng xứ, 10 nhất thiết xứ, 9 Nam ấn hành 1997. Tập này có: Mục lục, tưởng, 8 niệm, 10 tưởng, 11 trí, 10 lực, 4 Lời nói đầu, Nội dung từ cuốn 1 – 20. việc không sợ, 4 trí vô ngại, 18 pháp Cuốn 1. Duyên khởi luận, Giải thích phẩm không chung, Đại từ bi, hãy tập hành Bát- tựa đầu (gồm 46 chương (C), C.1. Giải nhã Ba-la-mật, 6 thần thông, tùy hỷ, hồi thích Như thị, Ngã văn, Nhứt thời; C.2. hướng, thiện căn cúng dường, 18 không, Tổng thuyết Như thị, Ngã văn; Cuốn 2. Nghĩa 4 duyên, Đến bờ kia, Trí trì, Phẩm C.3. Giải thích Bà-già-bà; Cuốn 3, C.4. Dâng bát thứ 2, Phẩm Tập tương ưng thứ Giải thích trú Vương xá Thành, C.5. Giải 3; Phẩm vãng sanh thứ 4, Phẩm Thán độ thích cọng Ma-ha Tỳ-kheo Tăng, C.6. Giải thứ 5, Phẩm tướng lưỡi thứ 6; Phụ lục. thích nghĩa ba chúng; Cuốn 4, C.7. Giải Tập II, Luận Đại Trí Độ được Viện Nghiên thích Bồ-tát; Cuốn 5, C.8. Giải thích Ma- cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1998. ha Tát-đỏa, C.9. Giải thích Bồ-tát công Tập III, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998. đức; Cuốn 6, C.10. Giải thích mười dụ; Tập này từ cuốn 41 – 60, các Giải thích: Cuốn 7, C.11. Giải thích Phật thế giới Phẩm Ba giả thứ 7, Phẩm khuyến học thứ nguyện, C.12. Giải thích Tam-muội, C.13. 8, Phẩm Tập tản thứ 9, Phẩm Hành tướng Giải thích phóng quang; Cuốn 8 – 9, C.14. thứ 10, Phẩm huyễn học thứ 11, Phẩm Cú Giải thích hiện Phổ thân, C.15. Giải thích nghĩa thứ 12, Phẩm Ma-ha-tát thứ 13, 10 phương chư Bồ-tát đến; Cuốn 10 – 11, Phẩm đoạn

kiến thứ 14, Phẩm Phú-lâu-na C.16. Giải thích Xá-lợi-phất nhân duyên, thứ 15, Phẩm Thừa thừa thứ 16, Phẩm C.17. Giải thích Đàn Ba-la-mật, C.18. Giải Trang nghiêm thứ 17, Phẩm Đại thừa thứ

18, Phẩm Bốn niệm xứ thứ 19, Phẩm Phát Tát-bà-đa luân, Phẩm Đàm-vô-kiệt, Phẩm thú thứ 20, Phẩm xuất đáo thứ 21, Phẩm chúc lụy. thắng xuất thứ 22, Phẩm Hàm thụ thứ 23, Luận Đại Trí Độ (Tập IV và V), được Viện Phẩm Hội tông thứ 24, Phẩm 10 vô thứ Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 25; Cuốn 53, Phẩm Vô sanh tam quán thứ 2001; tái bản năm 2016, Nxb Hồng Đức 26, Phẩm Thiên vương thứ 27, Phẩm Như (Trọn bộ 5 tập) huyễn thứ 28, Phẩm tán hoa thứ 29, Phẩm Tam thán thứ 30, Phẩm diệt tránh thứ 31, 1.533. LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ - 5 Tập Phẩm Đại minh thứ 32, Phẩm thuật thành Tác giả: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) thứ 33, Phẩm khuyến trì thứ 34, Phẩm Hán dịch: Tam tạng Cưu-ma-la-thập Phạm chí thứ 35, Phẩm tôn đạo thứ 36, (Kumàrajiva, 344-413) Phẩm Xa-lợi thứ 37, 10 thiện thứ 38. Việt dịch: Tập III, Luận Đại Trí Độ được Viện NT. Thích nữ Diệu Không (1905-1997) Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – Nhuận văn: HT. Thích Thiện Trí và Cư sĩ 1999. Tâm Viên-Lê Văn Lâm Tập IV, Nxb Tp. Hồ Chí Minh PL. 2544 – Nxb Thời Đại – 2011; Sách có khổ 14 x DL. 2000, khổ 14.5 x 20.5cm, có 781 20cm, tổng cộng 5 tập dày 3.360 trang, bìa trang. Toàn bộ Tập IV của Luận Đại Trí cứng. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có Độ gồm từ cuốn 61 đến cuốn 80, nội dung 5 tập, 100 quyển. giải thích về các Phẩm: Tùy hỷ, Chiếu Tập I, dày 675 trang, từ Q.1 đến Q.20, minh, Tín hủy, Thán tịnh, Vô tác, Các Ba- gồm có: Lời tựa, Lời nói đầu; Q.1, P. Mở la-mật, Văn trì, Ma sự, Hai bên không hòa đầu-Duyên khởi, P.1 Tự; Q.2, P.1 (tt) – hợp, Phật mẫu, Vấn tướng, Thành biện, Bà-già-bà; Q.3, P.1 (tt) – Trụ vương xá Thí dụ, Trí thức, Thú trí, Đại như, Chẳng thành, Ma-ha Tỳ-kheo Tăng, Tam chúng thoái chuyển, Chuyển bánh xe, Thâm áo, (Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di); Q.4, Mộng hành, Hà thiên, Học không không, P.1 (tt) – Bồ-tát; Q.5 P.1 (tt) – Công đức Mộng thệ, Ma sầu, Đẳng học, Tịnh của Bồ-tát; Q.6, P.1 (tt) – Mười Thí dụ; nguyện, Độ không, Chúc lụy, Vô tận, Sáu Q.7, P.1 (tt) – Phật thế giới nguyện, Tam- độ tương nhiếp (các phẩm này từ trong muội, phóng quang; Q.8, P.1 (tt) – Phóng Kinh Đại Bát Nhã, phần 2) quang; Q.9, P.1 (tt) – Hiện phổ thân; Q.10, Tập V, Nxb Tp. Hồ Chí Minh PL. 2545 – P.1 (tt) – Bồ-tát mười phương đến; Q.11, DL. 2001. Tập V, Luận này từ cuốn 81 – P.1 (tt) – Xá-lợi-phất, Đàn Ba-la-mật, a. 100, các Giải thích về: Phẩm Sáu độ tương Nghĩa của bố thí Ba-la-mật, b. Tán thán nhiếp, Phẩm Phương tiện, Phẩm Ba tuệ, nghĩa bố thí Ba-la-mật, c. Tướng của bố Phẩm Ba Tuệ, Phẩm Đạo thọ, Phẩm Bồ-tát thí Ba-la-mật, d. Pháp thí Ba-la-mật; Q.12, hạnh, Phẩm gieo trồng căn lành, Biến học, P.1 (tt) – Pháp thí Ba-la-mật (tt); Q.13, P.1 Phẩm ba thứ lớp học, Phẩm một niệm đủ (tt) – Thi-la Ba-la-mật, a. Nghĩa của giới muôn hạnh, Phẩm sáu dụ, Phẩm bốn tướng, b. Tán thán nghĩa giới tướng, c. Trì nhiếp, Phẩm khéo thông suốt, Phẩm thật giới; Q.14, P.1 (tt) – c. Trì giới (tt), Sằn-đề tế, Phẩm Cụ túc, Phẩm Tịnh Phật quốc độ, Ba-la-mật (nhẫn nhục Ba-la-mật); Q.15, Phẩm chắc chắn, Phẩm bốn đế, Phẩm bảy P.1 (tt) – Sằn-đề Ba-la-mật (tt), Tỳ-lê-gia dụ, Phẩm bình đẳng, Phẩm như hóa, Phẩm Ba-la-mật (tinh tấn); Q.16, P.1 (tt) – Tỳ- lê-gia Ba-la-mật (tt); Q.17, P.1 (tt) –

Thiền-na Ba-la-mật; Q.18, P.1 (tt) – Bát- quán vô sanh; Q.54, P.27 Vua trời; Q.55, nhã Ba-la-mật (trí tuệ); Q.19, P.1 (tt) – 37 P.28 Người huyễn nghe pháp, P.29 Rải phẩm trợ

đạo; Q.20, P.1 (tt) – Tam-muội: hoa; Q.56, P.30 Ba phen tán thán, P.31 Không, vô tướng, vô tác; Thiền, vô lượng Diệt trừ cạnh tranh; Q.57, P.32 Tháp báu tâm, vô sắc định. Đại Minh, P.33 Thuật lại sự thành tựu; Tập II, dày 614 trang, từ Q.21 đến Q.40: Q.58, P.34 Khuyến trì, P.35 Phạm chí, Q.21, P.1 (tt) – 8 Bối xả, 8 Thắng xứ, 10 P.36 A-nan xưng tán; Q.59, P.37 Xá-lợi; Nhất thiết nhập, 9 Thứ đệ định, 9 Quán Q.60, P.38 So sánh và lượng về pháp thí. tưởng (về thây người chết), 8 niệm; Q.22, Tập IV, dày 734 trang, từ Q.61 đến Q.80: P.1 (tt) – 8 niệm (tt); Q.23, P.1 (tt) – Q.61, P.39 Tùy hỷ; Q.62, P.40 Chiếu sáng; Thập tưởng (10 quán tưởng thuộc nhóm P.41 Tín kính và hủy báng; Q.63, P.41 Tín vô thường), Mười một trí, Hữu giác hữu kính và hủy báng (tt), P.42 Tán thán thanh quán tam-muội, Vô giác hữu quán tam- tịnh; Q.64, P.42 Tán thán thanh tịnh (tt), muội, Vô giác vô quán tam-muội; Q.24, P.43 Vô tác; Q.65, P.43 Vô tác (tt), P.44 P.1 (tt) – Mười lực; Q.25, P.1 (tt) – 4 vô Trăm Ba-la-mật; Q.66 – Q.67, P.45 Nghe sở úy, 4 vô ngại trí; Q.26, P.1 (tt) – Mười và thọ trì; Q.68, P.46 Ma sự, P.47 Hai bên tám pháp bất cộng; Q.27, P.1 (tt) – Đại từ, chẳng hòa hợp; Q.69, P.47 Hai bên chẳng đại bi, đạo trí tuệ, đạo chủng huệ; Q.28, hòa hợp (tt), P.48 Mẹ của chư Phật; Q.70, P.1 (tt) – Sáu thần thông; Q.29, P.1 (tt) – P.48 Mẹ của chư Phật (tt), P.49 Hỏi về các Tùy hỷ công đức; Q.30, P.1 (tt) – Thiện tướng; Q.71, P.50 Nói về yếu tố thành tựu; căn cúng dường; Q.31, P.1 (tt) – Mười P.51 Thí dụ, P.52 Thiện tri thức, P.53 tám không; Q.32, P.1 (tt) – Bốn duyên; Hướng về Nhất thiết trí; Q.72, P.54 Đại Q.33, P.1 (tt) – Qua bờ bên kia; Q.34, P.1 như; Q.73, P.55 A-bệ-bạt trí (bất thối (tt) – Tin và giữ; Q.35, P.2 Dâng bát; chuyển), P.56 Chuyển-bất chuyển; Q.74, Q.36, P.3 Tu tập tương ưng; Q.37, P.3 Tu P.56 Chuyển-bất chuyển (tt), P.57 Thâm tập tương ưng (tt); Q.38, P.4 Vãng sanh; áo; Q.75, P.57 Thâm áo (tt), P.58 Hành Q.40, P.4 Vãng sanh (tt), P.5 Tán thán Ba- trong mộng, P.59 Hằng-già-đề-bà; Q.76, la-mật, P.6 Tướng lưỡi. P.60 Học không-bất chứng, P.61 Trong Tập III, dày 666 trang, từ Q.41 đến Q.60: mộng chẳng chứng; Q.77, P.61 Trong Q.41, P.7 Ba thứ giả lập, P.8 Khuyến học; mộng chẳng chứng (tt), P.62 Đồng học, Q.42, P.9 Họp và tan; Q.43, P.9 Họp và P.63 Đẳng học; Q.78, P.64 Nguyện thanh tan (tt), P.10 Sự vận hành của tướng; Q.44, tịnh, P.65 Độ hư không; Q.79, P.65 Độ hư P.11 Người huyễn; Q.45, P.12 Cú nghĩa, không (tt), P.66 Chúc lụy; Q.80, P.67 P.13 Kim cang, P.14 Đoạn trừ các kiến, Chẳng cùng tận, P.68 Sáu độ nhiếp lẫn P.15 Phú-lâu-na; Q.46, P.16 Ngồi xe Đại nhau. thừa, P.17 Trang nghiêm, P.18 Hỏi về Đại Tập V, dày 671 trang, từ Q.81 đến Q.100: thừa; Q.47, P.18 Hỏi về Đại thừa (tt); Q.81, P.68 Sáu độ nhiếp lẫn nhau (tt); Q.48, P.19 Thừa rộng lớn; Q.49, P.20 Q.82, P.69 Phương tiện lớn; Q.83, P.69 Hướng đến 10 địa; Q.50, P.20 Hướng đến Phương tiện lớn (tt), P.70 Tam huệ; Q.84, 10 địa (tt), P.21 Ra và đến; Q.51, P.22 P.70 Tam huệ (tt); Q.85, P.71 Cây đạo, Vượt lên trên hết thảy; P.23 Bằng với hư P.72 Hạnh Bồ-tát, P.73 Gieo trồng căn không; Q.52, P.24 Hội các tông chỉ, P.25 lành; Q.86, P.74 Khắp học, P.75 Học theo Mười điều không; Q.53, P.26 Ba pháp ba thứ lớp; Q.87, P.75 Học theo ba thứ lớp

(tt), P.76 Một tâm đủ vạn hạnh; Q.88, P.77 Sách có 71 trang, bìa mềm, chữ tựa màu Sáu thí dụ, P.78 Tứ nhiếp pháp; Q.89, đỏ, có hình hoa sen. Toàn bộ tác phẩm này P.78 Tứ nhiếp pháp (tt), P.79 Khéo thông gồm có 29 phẩm: Lời giới thiệu, Tựa, Lệ đạt; Q.90, P.80 Thật tế; Q.91, P.81 Đầy ngôn; 1. Sự bố thí thù thắng, 2. Chất vị đủ; Q.92, P.82 Thanh tịnh cõi Phật; Q.93, của sự bố thí, 3. Tư cách người bố thí, 4. P.82 Thanh tịnh cõi Phật (tt),

P.83 Tất Người xin giúp người cho, 5. Giải thoát định; Q.94 P.83 Tất định (tt), P.84 Tứ thù thắng, 6. Người cho đặc biệt, 7. Kính Thánh đế; Q.95 P.85 Bảy thí dụ, P.86 Bình trọng người xin, 8. Bố thí với tham lẫn, 9. đẳng; Q.96, P.87 Như hóa, P.88 Tát-bà- Bố thí bằng tài sản, 10. Xả bỏ tất cả, 11. đa-luân; Q.97 – Q.98, P.88 Tát-bà-đa-luân Bỏ thân thọ thân, 12. Xả bỏ thân mạng, (tt); Q.99, P.89 Đàm-vô-kiệt; Q.100, P.89 13. Đại bi biểu hiện, 14. Bố thí chánh Đàm-vô-kiệt (tt), P.90 Phó chúc. pháp, 15. Phát Bồ-đề tâm, 16. Công đức thù thắng, 17. Giải thoát thù thắng, 18. Lợi 1.534. LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ - tha, 19. Thay người chịu khổ, 20. Từ bi, Trọn bộ 9 Tập 21. Ái và Bi, 22. Đại trượng phu, 23. Đại Tác giả: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) bi, 24. Bố thí của Đại bi, 25. Năng lực của Hán dịch: Tam tạng Cưu-ma-la-thập Ái và Bi, 26. Trí tuệ, Từ bi và Giải thoát, (Kumàrajiva, 344-413) 27. Lập chí nguyện, 28. Lập chí nguyện Việt dịch: rộng và cao, 29. Lập chí nguyện thù thắng. HT. Thích Trung Quán (1918-2003) Tác phẩm này đã được xuất bản năm THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, 1950; Phật học Tùng thư tái bản năm PL. PL. 2540 – DL. 1996 2513 – DL. 1969, được sự Chứng minh Bộ Luận có khổ 14 x 20cm. Tập I, dày của HT. Thích Tịnh Khiết. hơn 453 trang, Lời nói đầu, nội dung có 9 quyển, từ Q.1 đến Q.9; Tập II, dày hơn 1.536. LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU 623 trang, Thay lời tựa, từ Q.10 đến Q.20; Việt dịch: Đại đức Thích Chân Lạc Tập III, dày hơn 593 trang, Lời nói đầu, từ Sách có 45 trang (bản đánh máy), bìa Q.21 đến Q.31; Tập IV, dày hơn 497 mềm. Nội dung gồm có: Tựa (Tiểu truyện trang, Lời nói đầu, từ Q.31 (tt) đến Q.40; Luận chủ Đề-bà), Luận Đại Trượng Phu, Tập V, dày hơn 587 trang, Lời nói đầu, từ Tạo luận: Bồ-tát Đề-bà; Hán dịch: Sa-môn Q.41 đến Q.52; Tập VI, dày hơn 565 Đạo Thái; Quyển thượng, P.1 Thí thắng, trang, Lời nói đầu, từ Q.53 đến Q.64; Tập P.2 Thí thắng vị, P.3 Thí chủ thế, P.4 Thí VII, dày hơn 617 trang, Lời nói đầu, từ chủ-người xin tăng trưởng, P.5 Thắng Giải Q.65 đến Q.76; Tập VIII, dày 595 trang, thoát, P.6 Thí chủ tăng trưởng, P.7 Cung Lời nói đầu, từ Q.77 đến Q.88; Tập IX, kính người xin, P.8 Thí xan tham, P.9 Thí dày hơn 531 trang, Lời nói đầu, từ Q.89 tài vật, P.10 Bỏ tất cả, P.11 Xả ấm-Thọ đến Q.100. ấm, P.12 Xả thân mạng, P.13 Hiền bi, P.14 Pháp thí; Quyển hạ, P.15 Phát Tâm Bồ-đề, 1.535. LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU P.16 Công đức thù thắng, P.17 Thắng Giải Việt dịch: Thích Trí Quang (1923-2019) thoát, P.18 Lợi tha, P.19 Bố thí người khổ Ấn tống năm PL. 2546 – DL. 2002 thù thắng, P.20 Bi ái, P.21 Giác ngộ kẻ In tại Đường Sáng ấn quán, 712 N. 9th trượng phu, P.22 Đại Trượng phu, P.23 Street, San Jose, CA 95112. Thuyết Từ bi, P.24 Thí Từ bi thanh tịnh,

P.25 Bi ái thù thắng, P.26 Bi-Trí Giải hiểu rõ về Xúc, Tiêu đề 11. Trí hiểu rõ về thoát, P.27 Phát nguyện, P.28 Đồng đẳng Sáu xứ, Tiêu đề 12. Trí hiểu rõ về Danh phát nguyện, P.29 Phát nguyện thù thắng. sắc, Tiêu đề 13. Trí hiểu rõ về Thức, Tiêu (Dịch xong năm PL. 2517 – DL. 1973; đề 14. Trí hiểu rõ về Hành, Tiêu đề 15. Trí Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu hiểu rõ về Vô minh; Phần III. Bất tri Tứ Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; đế, I. Không biết về Khổ, II. Không biết Mã sách: Vie 2363) về Tập khởi của Khổ, III. Không biết sự Diệt khổ, IV. Không biết Con đường đưa 1.537. LUẬN ĐỀ-BÀ BỒ-TÁT GIẢI đến khổ diệt, Tiêu đề 16. Trí hiểu rõ về THÍCH VỚI NGOẠI ĐẠO TIỂU Pháp ngâm Tầm; Tài liệu tham khảo: Kinh THỪA VỀ NIẾT-BÀN THEO KINH tạng, Luật tạng và Luận tạng. LĂNG-GIÀ (Đề-bà Bồ-tát Thích Lăng-già Kinh 1.539. Luận Giải THI TỤNG

Trung ngoại đạo Tiểu thừa MƯỜI BỨC TRANH CHĂN TRÂU Niết-bàn Luận) Tác giả: Thiền sư Quảng Trí ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận Tập Bộ Toàn, Giảng giải: Thích Thanh Từ Ks. 1640. Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999. Sách có Tạo luận: Bồ-tát Đề-bà; khổ 14.5 x 20.5cm, dày 546 trang, bìa Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp Việt dịch (2004): chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp. Sa-môn Thích Như Điển Nội dung gồm có 2 phần chính: Lời dẫn, Tác phẩm Luận này có 4 trang (PDF). Biểu dâng vua Lê Dụ Tông, Lời tựa Tranh PDF) chăn, 2. Luận thẳng về chưa chăn (có 2 phần), 3. Nói thẳng về mới điều phục (có 2 1.538. Luận Giải CHÁNH TRI KIẾN phần), 4. Luận thẳng về mới điều phục (có Phật giáo Nguyên Thủy 2 phần), Phần II. 1. Vấn đáp về các Tranh Biên soạn: Tỳ-kheo Chánh Minh Chăn Trâu, 2. Luận giải các Bài tụng Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Tranh Chăn Trâu của Thiền sư Phổ Minh, Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 678 B.1 Chưa chăn, B.2 Mới điều phục – Tĩnh trang. Nội dung gồm có 3 phần chính: Lời lự - Mới chăn (Sơ điều), B.3 Chịu phục, nói đầu, Những chữ viết tắt; Phần I. B.4 Quày đầu, B.5 Thuần phục, B.6 Duyên khởi, A. Chánh tri kiến, B. Có tri Không ngại, B.7 Buông Mặc tình, B.8 kiến chánh trực; Phần II. Mười sáu tiêu Cùng quên, B.9 Soi một mình, B.10 Dứt đề, Tiêu đề 1. a. Trí biết rõ bất thiện và bặt cả hai, 3. Tổng luận về tướng viên giác gốc rễ của bất thiện, b. Trí biết rõ thiện và Tịnh quang và thể Chân không diệu hữu, gốc rễ của thiện, Tiêu đề 2. Trí hiểu rõ về 4. Tổng kết; Phụ bản chữ Hán. bốn loại vật thực, Tiêu đề 3. Trí hiểu rõ Tứ Tác phẩm Luận giải này được tái bản năm đế, Tiêu đề 4. Trí hiểu rõ về Già và Chết, 2011, Nxb Tôn Giáo. Tiêu đề 5. Trí hiểu rõ về Sanh, Tiêu đề 6. Trí hiểu rõ về Hữu, Tiêu đề 7. Trí hiểu rõ 1.540. LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO về Thủ, Tiêu đề 8. Trí hiểu rõ về Ái, Tiêu (Luận về Con đường Giải thoát) đề 9. Trí hiểu rõ về Thọ, Tiêu đề 10. Trí Tạo luận: Ưu-ba-đề-sa

Hán dịch: Tăng-già-bà-la thức, Toán học và Thế giới, A. Tâm thức Việt dịch: Thích Như Điển và máy tính, B. Bài toán A-lại-da duyên Tác phẩm Luận này gồm có 12 quyển, 12 khởi, C. Bài toán Tánh khởi, D. Tổng kết; phẩm: Q.I, P.1 Nhơn duyên, P.2 Phân biệt Tài liệu tham khảo. Giới; Q.II, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt Định, P.5 Mịch thiện tri thức; Q.III, P.6 1.542. Phân biệt Hành (việc làm), P.7 Phân biệt LUẬN GIẢNG RỘNG TÂM BỒ-ĐỀ hành xứ; Q.IV, P.8, 1. Hành môn; Q.V, (Quảng Thích Bồ-đề Tâm Luận) P.8. 2 Hành môn (tt); Q.VI, P.8, 3. Hành Tạo luận: Bồ-tát Liên Hoa Giới môn (tt); Q.VII, P.8, 4. Hành môn (tt); Hán dịch: Thí Hộ Q.VIII, P.8, 5. Hành môn (tt); Q.IX, P.9 Việt dịch: Thích Như Điển Ngũ thông, P.10 Phân biệt Huệ, Q.X, P.11, Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 1. Ngũ phương tiện; Q.XI, P.11, 2. Ngũ quyển. Q.XII, P.12, 2. Phân biệt Chân lý (tt). bảo-Luận tạng) bảo-Luận tạng) 1.543. LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO 1.541. LUẬN GIẢI TRUNG LUẬN – (Arya-sàsana-prakarana-sàtra) Tánh Khởi và Duyên Khởi Tạo luận: Đại sĩ Vô Trước Luận giải: Hồng Dương Nguyễn Văn Hai Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 Huyền Trang (602-664) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 644 trang. Việt dịch và chú giải: Quảng Minh Nội dung tác phẩm Luận giải này gồm có: Toàn bộ tác phẩm Luận này có 832 trang - Lời đầu sách; I. Nhân và Duyên, 1. Quán (PDF), nội dung gồm 20 quyển, 11 phẩm: nhân duyên, 2. Bát bất và Duyên khởi, 3. - Dẫn nhập (PL. 2560 – DL. 2016); từ Q.1 Nhân duyên và Tứ cú; II. Pháp giới Duyên đến Q.4, P.1 Nhiếp sự (4 phần); từ Q.5 đến khởi, 4. Viên dung vô ngại, 5. Nhân duyên Q.13, P.2

Nhiếp Tịnh nghĩa (9 phần); pháp giới, 6. Bốn pháp giới, 7. Tánh khởi Q.14, P.3 Thành thiện xảo, P.4 Thành vô và duyên khởi; III. Vô thường và Phật thường; Q.15, P.5 Thành khổ, P.6 Thành tánh, 8. Phật tánh và chuyển y, 9. Vô không; Q.16, P.6 Thành không (tt), P.7 thường tức thị Phật tánh, 10. Phật tánh tức Thành vô tánh, P.8 Thành hiện quán (phần thị Vô thường; IV. Hữu tình, 11. Đi tìm 1); Q.17, P.8 Thành hiện quán (phần 2), Ngã, 12. Hữu tình, 13. Hữu tình (Trí, tình, P.9 Thành Du-già, P.10 Thành Bất tư ý), 14. Hữu tình (Tâm, Tâm sở), 15. Hữu nghị, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch (phần tình (Xúc động và lý trí); V. Luận giải, 16. 1); Q.18, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch Nhân và duyên trong Phẩm I, 17. Vô (phần 2); Q.19, P.11 Nhiếp thắng Quyết thường và biến chuyển trong Phẩm II, 18. trạch (phần 3); Q.20, P.11 Nhiếp thắng Điều kiện nhận thức trong Phẩm III, 19. Quyết trạch (phần 4); Phụ lục: Hiển Năng tạo và sở tạo trong Phẩm IV, 20. Dương Thánh Giáo Luận Tụng (A. Duyên Năng tưởng và sở tưởng trong Phẩm V, khởi, B. Chánh minh Du-già, C. Quy kết 21. Hữu và sở hữu trong Phẩm VI, VI. năm địa Du-già; I. Phẩm Nhiếp sự, II. Tâm thức, Toán học và Thế giới, 22. Tâm Phẩm Tịnh nghĩa, III. Thành thiện xảo, IV.

Thành vô thường, V. Phẩm thành khổ, VI. phần kệ trên thứ tư. tánh, VIII. Phẩm Thành hiện quán, IX. bảo-Luận tạng) Phẩm Thành Du-già, X. Phẩm Thành bất tư nghị, XI. Phẩm Nhiếp thắng quyết 1.547. LUẬN KIM CƯƠNG - Tạo luận: Bồ-tát Vô Trước 1.544. LUẬN HOA NGHIÊM - Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa NIỆM PHẬT TAM-MUỘI Việt dịch: Nguyên Huệ Thuật luận: Bành Tế Thanh Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 3 Việt dịch: Định Huệ quyển. Sách có 71 trang, bìa mềm. Nội dung gồm bảo-Bộ Bát-nhã) có 5 môn: 1. Môn niệm pháp thân Phật để chỉ thẳng vào tự tánh của chúng sinh; 2. 1.548. LUẬN KIM CƯƠNG TIÊN Môn niệm công đức Phật sinh ra báo thân Luận giả: Thế Thân Bồ-tát và hóa thân của các Đức Phật; 3. Môn Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi niệm danh tự Phật để thành tựu phương Việt dịch: Nguyên Huệ tiện thanh tịnh hay nhất; 4. Môn niệm Phật (Trích dịch từ Tập 25, Thích Kinh Luận Tỳ-lô-giá-na để chóng nhập pháp giới Hoa bộ, số 1512, 10 quyển) Nghiêm; 5. Môn niệm Phật A-di-đà Phật ở Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, thế giới Cực lạc để viên mãn đại nguyện chia thành 2 phần: phần đầu, từ Q.1 đến Phổ Hiền; Cuối cùng là giải đáp nghi vấn. Q.5; phần hai, từ Q.6 đến Q.10. 1.545. LUẬN HỘ PHÁP & giải Kinh) PHẬT GIÁO VỚI KHOA HỌC Tác giả: Trương Thương Anh 1.549. LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA Việt dịch: HT. Thích Đức Nghiệp Tạo luận: Nxb Tôn Giáo – 2007 Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160) Sách có khổ 14 x 20cm. Nội dung gồm có: Hán dịch: Tam tạng Chân Đế I. Lời mở đầu, II. Ba bài Tựa của Luận Hộ Dịch giải: Tỳ-kheo Thích Giác Quả Pháp, III. Luận Hộ Pháp, IV. Phật giáo với Nxb Thuận Hóa, Huế - 2012 khoa học. Tác phẩm Luận này có 272 trang (PDF), nội dung gồm 2 chương: - Lời tựa; C.I 1.546. LUẬN HỒI TRÁNH Nhận thức khái quát, 1. Bối cảnh thành Tạo luận: Bồ-tát Long Thọ lập, 2. Bản dịch, 3. Tiểu sử Luận chủ, 4. Hán dịch: Tỳ-mục-trí-tiên và Sơ lược nội dung, 5. Giải thích đề luận; Cù-đàm-lưu-chi C.II Nội dung tư tưởng, 1. Dàn ý nội dung, Việt dịch: Thích Như Điển A. Mở đề, B. Nội dung, 1. Lý do (- Nói lý Tác phẩm Luận này gồm có: - Ghi lại bài do, - Giải thắc mắc); 2. Chủ thuyết (lập tựa của Hồi Tránh Luận khi phiên dịch; nghĩa), 3. Giải thích (- Chỉ thị nghĩa lý Phần kệ đầu thứ nhất, Phần kệ đầu thứ hai, chính xác về tâm, Tâm có hai mặt, Nói Giải thích

phần kệ đầu thứ ba, Giải thích mặt Chân như của tâm biểu thị thể vĩ đại

của Tâm: - Nói về Chân như, - Nói về hai quán, Nói rộng về chỉ-quán), Nói rộng về mặt của Chân như, Nói mặt sanh diệt của chỉ (Nói chánh định chân như, Nói ma sự tâm để biểu thị thể-tướng-dụng vĩ đại của khác nhau giữa tà định và chánh định, Nói tâm; Nói sinh diệt và sinh diệt liên tục để hiệu quả của chánh định chân như); Nói biểu thị thể-tướng-dụng vĩ đại của tâm rộng về quán (Nói lý do sự quán, Nói bốn trong 2 lĩnh vực mê và ngộ; Nói sinh diệt, sự quán); Song tu chỉ quán, Chỉ quán đối Nói nội dung sinh diệt, Nói tổng quát, Nói trị, Chỉ cách đề phòng sự thối chuyển, về giác, Nói về giác và thỉ giác của giác, Khuyến tu; Kết luận (lưu thông); Ghi chú thiện thỉ giác, Nói rõ thêm về sự trong Sách Phật học-PDF) sáng của giác trước và sau khi hoàn thiện thỉ giác, Nói về bất giác, Đối quán giác với 1.550. LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO bất giác, Nói yếu tố sinh diệt, Nói yếu tố Tác giả: Nguyễn Khuê làm cho ô nhiễm (bất giác), Nói yếu tố làm Nxb Hồng Đức – 2013 cho trong sáng (giác), Nói sắc thái sinh Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 636 trang, diệt, Nói sự sinh diệt liên tục, Nói tổng bìa cứng trong, có bìa ngoài bao. quát, Nói pháp nhiễm liên tục như thế nào, Nội dung gồm có 3 phần. Lời nói đầu, Nói pháp tịnh liên tục như thế nào, Nói Những chữ viết tắt; Phần I. Tam đoạn pháp nào bất diệt, Nói thể-tướng-dụng của luận và Nhân minh học, C.I Tam đoạn chân như để biểu thị thể-tướng-dụng vĩ đại luận, C.II Từ Nhân minh cũ đến Nhân của tâm trong lĩnh vực ngộ, Nói thể và minh mới; Phần II. Tám môn của Nhân tướng vĩ đại của chân như, Nói dụng vĩ đại minh mới, C.I Khái luận về Tám môn Hai của chân như, Chỉ cách từ sinh diệt hội ích và phương pháp biện luận, C.II Chân nhập chân như, Sửa chữa nhận thức sai năng lập và Tự năng lập, C.III Hiện lượng lầm về tâm, Sửa chữa những ngộ nhận liên và Tỷ lượng, C.IV Chân năng phá và Tự quan nhân ngã, Sửa chữa những ngộ nhận năng phá; Phần III. Dịch và chú giải: liên quan pháp ngã, Sửa chữa triệt để mọi Nhân minh Nhập chính lý luận trực giải, I. sự ngộ nhận, Phân tích sắc thái phát huy Giải đề, II. Giải văn: A. Bài tụng, B. Giải về tâm, Nói tổng quát về sự phát tâm, Nói thích riêng tám môn chia thành bảy đoạn, phát tâm bằng sự tin, Nói tư cách và lý do 1. Môn chân năng lập, 2. Môn tự năng lập, phát tâm bằng sự tin, Nói tư cách và lý do 3. Hai môn chân hiện lượng và chân tỷ phát tâm của người được đứng vào chánh lượng; Tổng kết, Thuật ngữ Nhân minh và định tụ, Nói tư cách và lý do phát tâm của Tam đoạn luận (Việt-Anh đối chiếu), Tài người chưa đứng vào chánh định tụ, Nói liệu tham khảo, Sách dẫn. ba tâm được phát và bốn phương tiện được tu, Nói thành quả của sự phát tâm ấy, Nói 1.551. LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO – sự phát tâm bằng sự biết và làm, Nói sự BUDDHIST LOGIC, 2 Tập phát tâm bằng sự chứng; Cách tu tập, - F. Th. Stcherbatky Nói tư cách người tu sự tin, - Nói tổng Việt dịch: quát về sự tin và sự tu của sự tin mà người Tỳ-kheo Thiện Minh (1969-2018) ấy phải tu, - Đặc biệt nói về sự tu; Nói về Nxb Hồng Đức – 2017 Thí, Nói về Giới, Nói về Nhẫn, Nói về Sách có khổ 20.5 x 29cm, 2 tập dày hơn Tấn, Nói về chỉ và quán (Nói lược về chỉ- 943 trang.

Tập I, dày hơn 558 trang, nội dung gồm thức Sàntiraskita, 10. Biến đổi và đoạn có 4 phần chính: Từ viết tắt, Lời tựa, Lời diệt, 11. Chuyển động không liên tục, 12. giới thiệu, Đoạn mở đầu; 1. Luận lý Phật Đoạn diệt là một điều tiền nghiệm đích giáo là gì? 2. Vị trí luận lý chiếm giữ trong xác, 13. Tính nhất thời suy diễn ra từ Định lịch sử Phật giáo, 3.

Giai đoạn triết học luật Mâu thuẫn, 14. Liệu thực tại có phải Phật giáo đầu tiên, 4. Giai đoạn triết học là thời điểm chăng? Phép tính Vi phân, 15. Phật giáo thứ hai, 5. Giai đoạn triết học Lịch sử học thuyết Tính nhất thời, 16. Một Phật giáo thứ ba, 6. Vị thế luận lý Phật học thuyết Tây Âu tương đương; C.II giáo trong lịch sử triết học Ấn Độ, 7. Luận Nhân quả, 1. Nhân quả là điều phụ thuộc lý Phật giáo trước thời Dignàga, 8. Tiểu sử Thực dụng, 2. Công thức nguyên nhân, 3. của Dignàga, 9. Tiểu sử ngài Thiền sư Nhân quả và thực tại đồng nhất, 4. Hai Dharmakìti, 10. Các tác phẩm của ngài loại Duyên khởi, 5. Tính đa dạng nơi Dharmakìti, 11. Thứ tự các chương trong nguyên nhân, 6. Tính bất tận nơi nguyên Kinh Pramàna-vàtika, 12. Các vị chú giải nhân, 7. Nhân quả và tự do ý chí, 8. Bốn ý theo trường phái Triết học, 13. Công dân nghĩa của nguyên tắc Duyên khởi, 9. Một Cashmere hay các vị chú giải theo trường số học thuyết Phương Tây tương đương; phái Triết học, 14. Các vị chú giải theo C.III Nhận thức Giác quan, 1. Định nghĩa trường phái thứ ba hay trường phái Tôn nhận thức Giác quan, 2. Thí nghiệm của giáo, 15. Luận lý hậu học Phật giáo và ngài Dharmakìti, 3. Nhận thức và ảo cuộc chiến giữa thuyết Duy thực và thuyết tưởng, 4. Tính đa dạng của nội quan, 5. Nhất nguyên tại Ấn Độ, 16. Luận lý học Lịch sử quan điểm Ấn Độ về nhận thức Phật giáo tại Trung Quốc và Nhật Bản, 17. Giác quan, 6. Một số học thuyết Châu Âu Luận lý học Phật giáo tại Tây Tạng và tương đương; C.IV Thực tại tuyệt đối, 1. Mông Cổ; Thực tại tuyệt đối là gì? 2. Vật đặc thù là PHẦN I. THỰC TẠI VÀ TRÍ NĂNG, 1. Thực tại tuyệt đối, 3. Thực tại là điều Mục tiêu và mục đích Luận lý học Phật không thể diễn tả được bằng lời, 4. Thực giáo, 2. Nguồn Trí năng là gì? 3. Tri thức tại tạo ra một hình ảnh sống động, 5. Thực và công nhận, 4. Thử nghiệm Chân đế, 5. tại tuyệt đối mang tính năng động, 6. Đơn Quan điểm Duy thực và Phật giáo về kinh tử và nguyên tử, 7. Thực tại chính là nghiệm, 6. Hai thực tại, 7. Hai đặc tính Khẳng định, 8. Những điều phản bác, 9. thấy nơi nguồn trí năng, 8. Những giới hạn Sự phát triển các quan điểm về thực tại, tri thức. Thuyết giáo điều và Phê bình 10. Một số học thuyết Châu Âu tương luận; đương; PHẦN II. THẾ GIỚI GIÁC QUAN, C.I PHẦN III. THẾ GIỚI ĐƯỢC TÁC Học thuyết sanh vật tồn tại tức thời, 1. THÀNH, C.I Phán đoán, 1. Chuyển từ Khẳng định vấn đề, 2. Thực tại động lực, cảm giác thuần túy sang khái niệm, 2. 3. Luận cứ năng lực tưởng tượng về Thời Những bước trí tuệ đầu tiên, 3. Phán đoán gian và Không gian, 4. Kỳ gian và trương là gì? 4. Phán đoán và tổng hợp trong các độ không có thực, 5. Luận cứ từ nhận thức khái niệm, 5. Phán đoán và đặt tên, 6. Các trực tiếp, 6. Nhận thức không thể chứng phạm trù, 7. Phân tích Phán đoán, 8. Phán minh kỳ gian là gì, 7. Các luận cứ từ phân đoán có giá trị khách quan, 9. Lịch sử nói tích khái niệm hiện hữu, 8. Luận cứ từ về học thuyết Phán đoán, Một số học phân tích khái niệm phi hiện hữu, 9. Công thuyết Châu Âu tương đương; C.II Hậu

kết, 1. Phán đoán và Hậu kết, 2. Ba hạn từ, luật Mâu thuẩn, 1. Nguồn gốc Mâu thuẩn 3. Một số định nghĩa Hậu kết đa dạng, 4. là gì? 2. Mâu thuẩn mang tính chất luận lý, Suy luận và Hậu kết, 5. Hậu kết trở thành 3. Đối kháng năng động, 4. Luật Tha thể, chánh trí năng đến mức độ nào? 6. Ba khía 5. Những công thức luật Mâu thuẩn và luật cạnh lý luận, 7. Bài Tiểu luận về Tương Tha thể, 6. Những trường phái Ấn Độ bàn quan của ngài Dharmakìti, 8. Hai đường về luật Mâu thuẩn, 7. Một số học thuyết nét phụ thuộc,

9. Những Phán đoán phân Phương Tây tương đương; C.III Tính phổ tích và tổng hợp, 10. Biểu mẫu chung cuộc quát, 1. Phổ quát tính tĩnh tại vạn vật thay các phạm trù, 11. Liệu các tiết mục trong thế tương đồng tính hành động, 2. Lịch sử biểu mẫu có loại trừ nhau không, 12. Liệu liên quan đến vấn đề Phổ quát; Một số học biểu mẫu Tương quan Phật giáo đã thấu thuyết Phương Tây tương đương; C.IV đáo chưa? 13. Những Phán đoán phổ quát Biện chứng tính, 1. Chính danh Thuyết và thiết yếu, 14. Những giới hạn trong sử Dignàga, 2. Jinedraksita chú giải về Ý dụng tuệ tri thuần túy, 15. Phác họa lịch sử nghĩa Phủ định các tên gọi, 3. Santiraksita những quan điểm về Hậu kết, 16. Một số và Kamalasila bàn về ý nghĩa phủ định của học thuyết Phương Tây tương đương; những hạn từ, 4. Phác thảo lịch sử pháp C.III Tam đoạn luận, 1. Định nghĩa Tam triển phương pháp Biện luận Phật giáo, 5. đoạn luận, 2. Các thành phần của Tam Một số học thuyết Phương Tây tương đoạn luận, 3. Tam đoạn luận và Qui nạp, đương; C.V Tự tính ngoại cảnh, 1. Tự tính 4. Những hình thái Tam đoạn luận, 5. Tam là gì? 2. Thực tại ngoại vi là gì? 3. Tam đoạn luận có giá trị gì, 6. Phác họa lịch sử giới, 4. Duy thực thuyết Phê phán, 5. Nhất Tam đoạn luận được quan niệm như là nguyên thuyết Tuyệt đối, 6. Duy tâm Hậu kết “dành cho người khác”, 7. Tam thuyết, 7. Tiểu luận ngắn Dignàga viết về đoạn luận Tây Phương và Tam đoạn luận Phi thực tại ngoại cảnh, 8. Tập Tiểu luận Phật giáo; C.IV Những sai lầm luận lý, 1. Dharmakìti viết về Việc khước từ, 9. Lược Phân loại, 2. Sai lầm ngược lại với thực tại sử vấn đề thực tại liên quan đến cõi ngoại (asiddha-hety-àbhàsa), 3. Sai lầm nơi cảnh (liên quan đến thế giới bên ngoài), nguyên nhân trái ngược, 4. Sai lầm thuộc 10. Một số học thuyết Phương Tây tương nguyên nhân không chắc chắn, 5. Sai lầm đương, 11. Tiểu luận Ấn Độ - Phương Tây tương phản, 6. Một số tình huống do ngài về Thực tại Ngoại cảnh; Kết luận, Dharmakìti thêm vào, 7. Lịch sử, 8. Một Appendix; số học thuyết Tây Âu tương đương; Tập II, dày hơn 385 trang, nội dung gồm PHẦN IV. PHỦ ĐỊNH, C.I Phán đoán có: Lời tựa, C.I Nhận thức, 1. Chủ đề và Phủ định, 1. Yếu tính của Phủ định là gì? mục đích tác phẩm này, 2. Định nghĩa 2. Phủ định cũng chính là Hậu kết, 3. Chánh trí, 3. Các loại Chánh trí, 4. Định Những hình thái Tam đoạn luận Phủ định, nghĩa Nhận thức, 5. Các loại tri thức trực Hình thái Phủ định đơn giản, 4. Mười hình tiếp, 6. Đối tượng các tri thức trực tiếp, 7. thái còn lại, 5. Tính chất quan trọng của Kết quả do hành vi nhận thức đem lại, 8. Phủ định, 6. Mâu thuẩn và Nhân quả chỉ Nhận thức chính là phán đoán; C.II Hậu tồn tại trong lãnh vực thường nghiệm, 7. kết một qui trình Tư duy, 1. Định nghĩa và Phủ định những đối tượng vô dụng, 8. kết quả, 2. Phụ Tùy bất biến hay Ba khía Những diễn biến tại Ấn Độ, 9. Một số học cạnh tiêu hiệu luận lý hợp lệ, 3. Tiểu tiền thuyết Phương Tây tương đương; C.II Qui đề. Phép Qui nạp từ những tình huống, 4.

Ba loại Tiêu hiệu. Cách phân loại Hậu kết, ra nhận định, 1. Phản xạ đơn giản và phản 5. Bằng cách nào phán đoán tổng hợp và xạ có điều kiện, 2. Thuộc tính của các đối phân tích lại tồn tại được, 6. Nguyên lý tượng ngoại vi, chứ không phải tên gọi của Phán đoán phủ định, 7. Những dạng Phán các thuộc tính này mới là những thực tại đoán phủ định khác nhau, 8. Tính chất ngoại vi, 3. Trả lời học thuyết Phật giáo quan trọng của các công thức phủ định, 9. cho rằng mỗi khoảnh khắc, 4. Nhận thức Phủ định dựa trên kinh nghiệm khả giác, về tính ổn định không phải là ảo giác, 5. 10. Giá trị phủ định nơi

siêu hình học; Trả lời luận cứ Phật giáo về đặc tính cảm C.III Tam đoạn luận, 1. Định nghĩa và các giác không thể diễn đạt bằng lời, 6. Trả lời loại Tam đoạn luận, 2. Phương pháp Đồng luận cứ phi thực tại nơi những điều Phổ thuận, 3. Phép Diễn dịch phân tích và Diễn quát, 6. Tương quan thực thể-thuộc tính dịch đồng hiện hữu, 4. Tam đoạn luận cũng giống hệt như tương quan chủ thể- nhân quả với phương pháp Đồng thuận, 5. đối tượng vậy, 7. Liệu ta có nên nhận thức Phép Diễn dịch thông qua phương pháp hai thực tại riêng rẽ trong cùng một trình khác biệt, 6. Tương đồng giữa phương bày hay không? 8. Vị Duy thực kết luận; pháp Đồng thuận và Khác biệt, 7. Kết luận Bản Phụ lục II, Học thuyết Phật giáo khác Thành phần thiết yếu cho Tam đoạn luận, biệt cơ bản giữa cảm giác và khái niệm, 1. 8. Định nghĩa một Chánh đề, 9. Những sai Dẫn nhập, 2. Một đoạn trong tác phẩm lầm luận lý, 10. Những lý do phi thực tế, Nyàya-vàrtika của ngài Uddyokàra, 3. Chú 11. Lý do không chắc chắn, 12. Qui luật giải của ngài Vàcastimsra, 4. Ngài Mâu thuẩn, 13. Lý do không chắc chắn Uddyokàra trả lời, 5. Chú giải trong tác (tt), 14. Lý do Mâu thuẩn, 15. Lý do đối phẩm Vàcaspatimsra; Bản Phụ lục III, nghịch với nguyên lý đã được chấp nhận, Học thuyết Cảm giác Tâm linh, 1. Định Một sai lầm khác nữa về lý do không chắc nghĩa, 2. Các loại Cảm giác Tâm linh, 3. chắn, 16. Sai lầm nào sẽ xảy ra khi cả hai Nét đặc trưng về nguồn gốc Cảm giác khía cạnh, 17. Lý do đối trọng, 18. Tầm Tâm linh, 4. Khảo sát học thuyết gán cho quan trọng của những ví dụ, 19. Những ví ngài Prajnàkaragupta, 5. Khảo sát học dụ tích cực sai lầm, 20. Những ví dụ phủ thuyết Sankaràananda, 6. Sự xác minh nơi định sai lầm, 21. Cách khước từ, 22. Kết học thuyết của ngài Dharmottara; Bản Phụ luận; lục IV, Bàn về hành vi và nội dung tri Bản Phụ lục I: Học thuyết Nhận thức Phật thức, về cách phối hợp (sàrùpya) giữa tri giáo, Phần I. Người Phật giáo khẳng định giác với các đối tượng và về kiến tri của quan điểm của mình vị Duy thực chèn chúng ta liên quan đến thế giới bên ngoài, thêm những gợi ý, 1. Lấy cảm giác và 1. Khước từ học thuyết Mìmàsaka về tâm tưởng tượng, 2. Vị Duy thực cho rằng tên thức thuần túy và phi hình tượng, 2. Tâm gọi Tương ứng với thực tại bị loại bỏ, 3. thức chứa đựng những hình ảnh phối kết Vị Duy thực cho rằng điều Phổ quát cố hợp với các đối tượng bên ngoài, 3. Cuộc hữu nơi điều Đặc thù, Vị Phật giáo trả lời, tranh luận với Duy tâm thuyết Cực đoan, 4. Điều vô lý nếu ta coi Phổ quát và Đặc Nhận thức giác quan không thể bảo đảm thù như những thực tại ngang bằng với sự tồn tại thế giới bên ngoài, 4. Không thể nhau, 5. Kết luận của các vị Phật giáo; lấy suy luận để chứng minh thực tại thế Phần II. Vị Duy thực Cứu xét từng luận cứ giới bên ngoài, 5. Ngài Dignàga và Phật giáo rồi trả lời. Người Phật giáo đưa Jinendrabuddhi bàn về hành động và nội

dung tri thức, dựa trên sự phối kết hợp 1.552. LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO những tư tưởng với những đối tượng của TRONG KINH KIM CANG những ý tưởng và kiến tri của chúng ta về Tác giả: Shigenori Nagatomo thế giới bên ngoài, 1. Tác phẩm Pramana- Việt dịch: Thích Nhuận Châu Samucca, I, 9 và lời giải thích của tác giả, Nội dung tác phẩm gồm có: I. Dẫn nhập, 2. Ngài Jinendrabuddhi chú giải câu cách II. Mục tiêu của Kinh Kim Cang, III. Tư ngôn này, 3. Châm ngôn của ngài tưởng xuyên suốt bộ Kinh: Bồ-tát đạo, IV. Dignàga, Pramàna-Samucca, 5. Mười hai Khẳng định về A, V. A chẳng phải là A, Lời phê bình của ngài Jinendrabuddhi, 6. VI. Khả năng chuyển hóa, VII. Do vậy A Kết

quả nhận thức theo quan điểm Duy là A, VIII. Kết luận. (ProQuest Religion- tâm, 7. Mối tương quan chủ thể-đối tượng pg.213 Edited 05/12/2006) thức theo quan điểm Duy thực, 9. Chẳng học) có kiến tri thật sự nào vượt quá cảm giác cả, 10. Thực tại tuyệt đối, 11. Cấu trúc 1.553. LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA kiến tri thực nghiệm, 12. Hiểu biết và sai Tạo luận: Bồ-tát Kiên Ý lầm; Bản Phụ lục V. Vacaspatimisra bàn Hán dịch: Đạo Thái Đẳng về Duy danh thuyết Phật giáo (apoha- Việt dịch: Thích Như Điển vàda): I. Phần một, 1. Phần mở đầu, 2. Tên Tác phẩm Luận này gồm có 3 phẩm: P.1 gọi là nghĩa rộng cấu trúc tâm linh hay Nhập Đại thừa luận, P.2 Hỏi và luận về điều Phổ quát, 3. Tính chất phi lý của chủ chỗ Không, P.3 Thuận tu các Hành. của một phán đoán giác quan, 5. Bằng bảo-Luận tạng) cách nào hành vi có mục đích, 6. Tất cả các tên gọi đều biểu thị các mối tương 1.554. LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA quan; II. Phần hai, Vị Duy thực đưa ra câu Tạo luận: A-tăng-già trả lời: 1. Cả hai điều Phổ quát và điều Hán dịch: Phật-đà-phiến-đa Đặc thù đều có thực như nhau, 2. Không Việt dịch: Nguyên Hồng có phối kết hợp giữa hình ảnh với điểm Tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển: khoảnh khắc ngoại vi, nhưng những hình Quyển thượng và Quyển hạ. luận học thuyết Phật giáo cho rằng toàn bộ bảo-Luận tạng) những tên gọi có nghĩa rộng đều mang tính chất tương đối, bởi vì các tên gọi này 1.555. LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA đều là tiêu cực lẫn tích cực cùng một lúc, Tác giả: Bồ-tát Vô Trước 4. Bình luận học thuyết bàn về điều Phổ Hán dịch: Chơn Đế quát tương đối và phủ định, 5. Điều Đặc Việt dịch: Nguyên Hồng thù thực nghiệm và siêu thế, 6. Hình ảnh Tác phẩm Luận này gồm có: P.1 Các tên được hình thành tùy thuộc vào kinh trong Y chỉ thắng tướng, P.2 Nói về tướng, nghiệm của chúng ta, 7. Biến học thuyết P.3 Dẫn chứng, P.4 Sai biệt, P.5 Phải biết Phật giáo thành phi lý, 8. Luận cứ chung thắng tướng 1, Phải biết thắng tướng 2, cuộc đối nghịch lại học thuyết Phật giáo. Phải biết nhập thắng tướng 3, Nhập nhân quả thắng tướng 4, Nhập nhân quả tu sai

biệt thắng tướng 5, Y giới học thắng tướng P.3 Như Lai tàng; D. Phần Biện tướng, P.1 6, Y tâm học thắng tướng 7, Học quả tịch Tướng tự thể, P.2 Tướng nhân, P.3 Tướng diệt thắng tướng 9, Trí sai biệt thắng tướng quả, P.4 Năng sự; Q.III, D. Phần Biện bảo-Luận tạng) P.7 Giai vị, P.8 Biến mãn; Q.IV, P.9 Vô biến dị, 1. Vô tiền-hậu tế biến dị, a. Trụ tự 1.556. LUẬN NHƯ THẬT tính Phật tính, b. Dẫn xuất Phật tính, 2. Vô ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận tập Bộ toàn, Ks. nhiễm tịnh biến dị, 3. Vô sinh biến dị, 4. 1633 Vô lão biến dị, 5. Vô y trụ biến dị, 6. Vô Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân diệt biến dị, P.10 Vô sai biệt. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Chân Đế Việt dịch (2004): 1.559. LUẬN PHẬT THỪA TÔN YẾU Sa-môn Thích Như Điển (Hiện đại Phật giáo Khái luận) Tác phẩm Luận này gồm có 3 phẩm: P.1 Tạo luận: Đại sư Thái Hư Vấn nạn vô đạo lý, P.2 Vấn nạn đạo lý, Việt dịch: Tỳ-kheo Thiện Hạnh P.3 Rơi vào phụ xứ (trong phẩm Phản chất PL. 2556 – DL. 2012. Toàn bộ tác phẩm tạng Bắc truyền; gồm 4 phần chính: - Lời giới thiệu; A. bảo-Luận tạng) của Phật giáo, C.2 Quan niệm tự lợi-lợi tha, C.3 Phật giáo là nhu yếu của nhân 1.557. tâm, C.4 Phật giáo với các vấn đề trọng LUẬN PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC đối tuyệt đối; B. Nội dung chính (Chánh Thất dịch, Hậu Hán lục tông), I. Phật giáo thuần chánh, C.1 Các Việt dịch: Nguyên Huệ phân phái trong Phật giáo thuần túy, C.2 Tác phẩm Luận này gồm có 5 quyển. Tiểu thừa Phật giáo, C.3 Đại thừa Phật bảo-Luận tạng) Đại thừa; II. Phật giáo

ứng dụng, C.1 Bình phẩm về các Tôn giáo, Học phái thế giới, 1.558. LUẬN PHẬT TÍNH C.2 Sự quan hệ giữa Phật giáo và người Nguyên tác Phạn văn: đời, C.3 Sự quan hệ giữa Phật giáo và Bồ-tát Thiên Thân soạn nhân dân Trung Hoa, C.4 Sự lưu truyền Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Chân Đế Phật pháp ở thế gian hiện tại và tương lai; Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn C. Kết luận, C.1 Quy y, C.2 Hồi hướng; D. Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 16 x Phụ lục: - Sơ lược hành trạng Đại sư Thái 24cm, có hơn 166 trang, bìa mềm. Hư (1889-1947), - Lời tri ân. Bồ-tát Thiên Thân, Luận Phật Tính, Q.I, PDF) A. Phần Duyên khởi, B. Phần Phá chấp, P.1 Phá kiến chấp của Tiểu thừa, P.2 Phá 1.560. kiến chấp của ngoại đạo, P.3 Phá thiên LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU chấp của hàng Đại thừa hữu học; Q.II, C. Nguyên tác: Đại sư Thái Hư (1889-1947) Phần Hiển thể, P.1 Ba nhân, P.2 Ba tính, Dịch giả: HT. Thích Nhật Quang

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh tông, Giáo nghĩa Tịnh độ tông, Giáo nghĩa Toàn bộ tác phẩm luận này có 4 phần: - Chơn Ngôn tông, Giáo nghĩa Luật tông, Mở đầu, - Lời người dịch; Phần I, C.1 Hệ Giáo nghĩa Duy Thức tông; Phần III. Ứng thống quan Phật giáo, C.2 Quan niệm Tự dụng Phật pháp trong đời sống, B.1 Phật lợi và Lợi tha của Phật pháp, C.3 Nhu yếu pháp trong lòng người; B.2 Phật pháp ứng Phật pháp là Ứng hóa thân tâm hiện đại, dụng vào đời. C.4 Phật pháp khả thuyết và Bất khả Tác phẩm Luận này đã được Ban Giáo thuyết; Phần II, - Phật pháp thuần chính: dục Tăng Ni Tỉnh Hội (Phật giáo Đồng C.1 Phân loại của Phật pháp thuần chính, Tháp) ấn hành năm 1999. C.2 Tiểu thừa, C.3 Đại thừa, C.4 Quan hệ giữa Tiểu thừa và Đại thừa; Phần III, Phật 1.562. pháp ứng dụng: C.1 Bình luận của các học LUẬN QUÁN SỞ DUYÊN DUYÊN phái, các tôn giáo trong thế gian, C.2 Quan Tao luận: Bồ-tát Trần Na hệ giữa Phật thừa cùng người đời, C.3 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Dịch giả xin lượt bớt, C.4 Phật giáo lưu Huyền Trang (602-664) truyền đối với người đời trong hiện tại và Việt dịch: Quảng Minh tương lai; Phần IV, Kết luận: - Quy túc, - Tác phẩm Luận này gồm có 8 bài kệ luận Hồi thú; Phụ lục: Tiểu sử Đại sư Thái Hư. về Quán sở duyên duyên. 2001, Nxb Tôn Giáo. học)

1.561. 1.563. LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU LUẬN RÕ RÀNG VỀ CHỖ BIẾT Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Trí Hải Đại Chánh Tân Tu Đại tạng Kinh, Quyển Nxb Tôn Giáo – 2011 thứ 32 thuộc Luận tập Bộ toàn, Kinh văn Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 205 số 1645. trang, bìa mềm. Tạo luận: Đế sư Phát Hợp Tư Ba Nội dung gồm có 3 phần: Lời nói đầu; Hán dịch: Đại sư Sa-la-ba Phần I. Hệ thống quan Phật giáo, Bài Việt dịch (2005): (B).1 Thích nghĩa đề luận; B.2 Phật pháp Sa-môn Thích Như Điển với vấn đề thế gian; B.3 Phật pháp với vấn Tác phẩm Luận này có 24 trang (PDF), đề yếm thế-xuất thế-nhập thế; B.4 Phật nội dung gồm 2 quyển, 5 phẩm: Quyển pháp với vấn đề tự lợi và lợi tha, Lược thượng, P.1 Khí thế giới, P.2 Tình thế giảng Tứ nhiếp pháp; B.5 Phật pháp với giới; Quyển hạ, P.3 Đạo pháp, P.4 Quả pháp khả thuyết và pháp bất khả thuyết; pháp, P.5 Vô vi pháp. Pháp hạnh Duyên giác hay Thập nhị Nhân PDF) duyên; Lược giảng Bát Chánh Đạo; Lược giảng Tứ Thánh Đế; Phần II. Thuần 1.564. LUẬN SỬ TÔNG TỊNH ĐỘ Chánh Phật pháp, Tổng luận, Giáo nghĩa Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam – Tập 85 Câu-xá tông, Pháp Đại thừa, Giáo nghĩa Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt Tam luận, Giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Giáo Nam ấn hành nghĩa Pháp Hoa tông, Giáo nghĩa Thiền

Việt dịch: Quảng Tấn – Quảng Ân – Việt dịch: Thích Như Điển Quảng Bình – Quảng Hiếu – Huệ Hải – Tác phẩm Luận này gồm có 4 phẩm: P.1 Quảng Xả - Quảng Mẫn – Tâm Đức – Huệ Nói về tạo Luận, P.2 Nói về phụ xứ, P.3 Chí – Tâm Đại – Hạnh Minh – Nhuận Độ Bàn về chính luận, P.4 Tương ưng. Nguyên An bảo-Luận tạng) Chứng nghĩa: Thích Đỗng Minh Phụ chú: Thích Tâm Nhãn 1.567. LUẬN TÂN DUY THỨC Sách dày 762 trang, bìa mềm. Nội dung Nguyên tác: Thái Hư Đại sư (1889-1947) gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; Việt dịch: Thích Thiện Siêu (1921-2001) Nguồn gốc Tịnh độ, Sự biến đổi tư tưởng Nội dung Luận này gồm có: A. Phát đoạn, Tịnh độ, Lược sử Tịnh độ giáo Trung B. Duy thức luận với vấn đề vũ trụ nhân Quốc, Sơ lược lịch sử Tịnh độ tông Trung sinh, C. Sự phân tích kinh nghiệm – quan Quốc, Lịch sử Tịnh độ tông Trung Quốc, sát và hệ thống của Duy Thức Luận, D. Diễn biến Tịnh độ tông Trung Quốc, Sự Luận Duy thức với vấn đề chuyển hóa, Phát triển Tịnh độ tông của Phật giáo biến hiện, duyên khởi và sinh hoạt, 1. Trung Quốc, Cuộc đời và tư tưởng niệm Nhân duyên, 2. Đẳng vô gián duyên, 3. Sở Phật của Đại sư Huệ Viễn, Phụ lục Niên duyên duyên, 4. Tăng thịnh duyên, E. phổ Đại sư Huệ Viễn, Đàm Loan và Đạo Luận Duy thức và vấn đề chân lý thật tính, Xước, Sự tích và học thuyết của Đại sư F. Luận Duy thức với vấn đề liễu ngộ, giải Thiện Đạo, Phụ lục về Đại sư Thiện Đạo phóng, cải tạo, tiến hóa và lựa chọn quyết và nghệ thuật Tịnh độ, Luận Thiền-Tịnh định, G. Luận Duy thức với sự thật chứng, song tu của ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, Tư biến hiện, siêu tuyệt, thắng diệu và thành tưởng Tịnh độ của Đại sư Liên Trì, Tư công, H. Cứu cánh của luận Duy thức. tưởng Tịnh độ của Đại sư Ngẫu Ích, Tư (trích từ Thức Biến, HT. Thích Thiện Siêu, tưởng Tịnh độ của Cư sĩ Dương Nhân Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2003) Sơn, Những vị Tổ Tịnh độ tôi tôn kính, Ngôn hạnh cao đẹp của mười ba vị Tổ 1.568. LUẬN TẠNG – Liên tông, Giáo nghĩa Tịnh độ của Tam ĐẠI TẠNG KINH tạng Từ Mẫn. (Tập 25 đến Tập 32) Tuệ Quang Foundation 1.565. LUẬN TAM PHÁP ĐỘ Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 Hán dịch: Tăng-già-đề-bà Luận có khổ 19 x 27cm, bìa cứng, có hộp Việt dịch: Nguyên Huệ đựng mỗi tập. Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 3 TẬP 25, Luận Tạng, gồm 4 cuốn. phẩm: Quyển thượng, P.1 Đức; Quyển Cuốn 25/1, No. 1505 – 1509, dày hơn 754 trung, P.1 Đức (tt), P.2 Ác; Quyển hạ, P.3 trang. Nội dung gồm có: Tổng luận, Giới Nương dựa. thiệu tóm lược về nội dung Tập 25; Số bảo-Luận tạng) quyển; Số 1506/3, Luận Tam Pháp Độ, Quyển thượng, P.1 Đức; Quyển trung, P.1 1.566. LUẬN TÂM PHƯƠNG TIỆN Đức, phần 2, P.2 Ác; Quyển hạ, P.3 Hán dịch: Kiết-ca-dạ Nương dựa; Số 1507/5, Luận Phân biệt

Công đức, có 5 quyển; Số 1508/1, Kinh A- Việc không sợ-Bốn Trí vô ngại; C.38 Giải hàm Khẩu giải Thập nhị Nhân duyên; Số thích. Mười tám Pháp Không chung; C.39 1509/100, Luận Đại Trí Độ, Duyên Khởi Giải thích. Đại từ đại bi, hãy tập hành Bát- luận, Phẩm Tựa đầu, C.1 Giải thích. Như nhã Ba-la-mật; C.40 Giải thích. Sáu Thần thị-Ngã văn-Nhất thời; C.2 Giải thích. thông; C.41 Giải thích. Tùy hỷ-Hồi Tổng thuyết Như thị Ngã văn; C.3 Giải hướng; C.42 Giải thích. Thiện căn Cúng thích. Bà-già-bà; C.4 Giải thích. Trú dường; C.43 Giải thích. Mười tám không; Vương Xá thành; C.5 Giải thích. Cọng C.44 Giải thích. Nghĩa bốn Duyên; C.45 Ma-ha Tỳ-kheo Tăng; C.6 Giải thích. Giải thích. Đến Bờ kia; C.46 Giải thích. “Nghĩa Ba chủng”; C.7 Giải thích. Bồ-tát; Tín Trì; Các Giải thích về: P. Dâng bát thứ C.8 Giải thích. Ma-ha Tát-đỏa; C.9 Giải 2, P. Tập Tương ưng thứ 3, P. Vãng sanh

thích. Bồ-tát Công đức; C.10 Giải thích. thứ 4, P. Thán độ thứ 5, P. Tướng lưỡi thứ Mười Dụ; C.11 Giải thích. Phật Thế giới 6, P. Ba Giả thứ 7, P. Khuyến học thứ 8, P. Nguyện; C.12 Giải thích. Tam-muội; C.13 Tập Tán thứ 9, P. Hành tướng thứ 10, P. Giải thích. Phóng quang; C.14 Giải thích. Huyễn học thứ 11, P. Cú nghĩa thứ 12, P. Hiện Phổ thân; C.15 Mười Phương chư Ma-ha-tát thứ 13, P. Đoạn kiến thứ 14, P. Bồ-tát đến; C.16 Giải thích. Xá-lợi-phất Phú-lâu-na thứ 15, P. Thừa thừa thứ 16, P. Nhân duyên; C.17 Giải thích. Đàn Ba-la- Trang nghiêm thứ 17, P. Đại thừa thứ 18, mật; C.18 Giải thích. Tán thán Đàn Ba-la- P. Bốn Niệm xứ thứ 19, P. Phát thú thứ mật; C.19 Giải thích. Tướng của Đàn Ba- 20, P. Xuất đáo thứ 21, P. Thắng xuất thứ la-mật; C.20 Giải thích. Đàn Ba-la-mật 22, P. Hàm thụ thứ 23, P. Hội tông thứ 24, Pháp thí; C.21 Giải thích. Thi-la Ba-la- P. Mười Vô thứ 25, P. Vô sanh Tam quán mật; C.22 Giải thích. Nghĩa của Giới thứ 26, P. Thiên vương thứ 27, P. Như tướng; C.23 Giải thích. Tán thán nghĩa huyễn thứ 28, P. Tán hóa thứ 29, P. Tam Thi-la Ba-la-mật; Giải thích. Thi-la Ba-la- thán thứ 30, P. Diệt tránh thứ 31; mật; C.24 Giải thích. Sằn-đề Ba-la-mật, Cuốn 25/3, No. 1509, dày hơn 711 trang. Giải thích. Sằn-đề Ba-la-mật Pháp nhẫn; Nội dung gồm có: Số 1509/100, Luận Đại C.25 Giải thích. Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, Giải Trí Độ (tt), Các Giải thích: P. Đại minh nghĩa. Tinh tấn Ba-la-mật; C.26 Giải thứ 32, P. Thuật thành thứ 33, P. Khuyến thích. Thiền Ba-la-mật; C.27 Giải thích. trì thứ 34, P. Phạm Chí thứ 35, P. Tôn Đạo Bát-nhã Ba-la-mật; C.28 Giải thích. thứ 36, P. Xá-lợi thứ 37, P. Mười Thiện Tướng Bát-nhã; C.29 Giải thích. 37 Phẩm thứ 38, P. Tùy hỷ thứ 39, P. Chiếu Minh Trợ Đạo; C.30 Giải thích. Tam-muội, Bốn thứ 40, P. Tín hủy thứ 41, P. Thán Tịnh Thiền, Bốn Vô lượng Tâm, Bốn Vô Sắc thứ 42, P. Vô tác thứ 43, P. Các Ba-la-mật Định; C.31 Giải thích. Tám Bội xả-Tám thứ 44, P. Văn Trì thứ 45, P. Ma Sự thứ Thắng xứ-Chín thứ đệ Định-Mười Nhất 46, P. Hai bên không Hòa hợp thứ 47, P. thiết xứ; C.32 Giải thích. Chín Tưởng; Phật mẫu thứ 48, P. Vấn tướng thứ 49, P. C.33 Giải thích. Tám Niệm; Thành biện thứ 50, P. Thí dụ thứ 51, P. Tri Cuốn 25/2, No. 1509, dày hơn 738 trang. thức thứ 52, Thú Trí thứ 53, P. Đại như Nội dung gồm có: Số 1509/100, Luận Đại thứ 54, P. Chẳng Thoái chuyển thứ 55, P. Trí Độ (tt), C.34 Giải thích. Mười Tưởng; Chuyển Bánh xe Bất thoái thứ 56, P. C.35 Giải thích. Mười một Trí; C.36 Giải Thâm áo thứ 57, P. Mộng hành thứ 58, P. thích. Mười Lực; C.37 Giải thích. Bốn Hà thiên thứ 59, P. Học Không không Thủ

chứng thứ 60, P. Mộng thệ thứ 61, P. Ma Cuốn 26/1, No. 1519 – 1522, dày hơn 783 sầu thứ 62, P. Đẳng học thứ 63, P. Tịnh trang. Nội dung gồm có: Tổng luận, Giới nguyện thứ 64, P. Độ không thứ 65, P. thiệu tóm lược về nội dung Tập 26; Số Chúc lụy thứ 66, P. Vô tận 67, P. Sáu độ 1519/2, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Ưu-ba- Tương nhiếp thứ 68, P. Sáu độ Tương đề-xá, Quyển thượng, P.1 Mở đầu, P.2 nhiếp thứ 68 (tt), P. Phương tiện thứ 69, P. Phương tiện, phần 1; Quyển hạ, P.2 Ba Tuệ thứ 70, P. Đạo thọ thứ 71, P. Bồ- Phương tiện, phần 2, P.3 Thí dụ; Số tát hạnh thứ 72, P. Gieo trồng Thiện căn 1520/1, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Luận thứ 73, P. Biến học thứ 74, P. Ba thứ Lớp Ưu-ba-đề-xá, P.1 Mở đầu, P.2 Phương học thứ 75, P. Một Niệm đủ muôn hạnh tiện, P.3 Thí dụ; Số 1521/17, Luận Thập thứ 76, P. Sáu Dụ thứ 77, P. Bốn Nhiếp Trụ Tỳ-bà-sa, Q.1, P.1 Mở đầu, P.2 Nhập thứ 78, P. Khéo Thông suốt thứ 79, P. Địa thứ nhất; Q.2, P.3 Tướng Địa, P.4 Thật tế thứ 80, P. Cụ túc thứ 81; Tịnh Địa, P.5 Thích nguyện, phần 1; Q.3, Cuốn 25/4, No. 1505 - 1518, dày hơn 738

P.5 Thích nguyện, phần 2, P.6 Phát Tâm trang. Nội dung gồm có: Số 1509/100, Bồ-đề; Q.4, P.7 Điều phục Tâm, P.8 Luận Đại Trí Độ (tt), P. Tịnh Phật quốc độ Tướng không Thoái chuyển; Q.5, P.9 Dị thứ 82, P. Chắc chắn thứ 83, P. Bốn đế thứ Hành, P.10 Trừ Nghiệp; Q.6, P.11 Phân 84, P. Bảy thí thứ 85, P. Bình đẳng thứ 86, biệt Công đức, P.12 Phân biệt Bố thí, phần P. Như hóa thứ 87, P. Tát-bà-đa-luân thứ 1-2; Q.7, P.13 Phân biệt Pháp thí, P.14 88, P. Đàm-vô-kiệt thứ 89, P. Chúc lụy Tướng quy mạng, P.15 Năm Giới, P.16 thứ 90; Số 1510/2, Luận Kim Cương Bát- Biết những Tai họa của Gia đình; Q.8, nhã, có 2 quyển; Số 1510/3 (biệt bản), P.17 Vào chùa, P.18 Cùng hành; Q.9, P.19 Luận Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la- Bốn pháp, P.20 Niệm Phật; Q.10, P.21 mật, có 3 quyển; Số 1511/3, Luận Kinh Bốn mươi Pháp Bất cộng, P.22 Vấn nạn Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, có 3 về người Nhất thiết trí trong bốn mươi quyển; Số 1512/10, Luận Kim Cương Pháp bất cộng, phần 1; Q.11, P.22 Vấn Tiên, có 10 quyển; Số 1513/3, Luận thích nạn về người Nhất thiết trí trong bốn mươi Kinh Năng đoạn Kim Cương Bát-nhã Ba-Pháp bất cộng, phần 2; P.23 Khéo nhận la-mật-đa, có 3 quyển; Số 1514/1, Luận biết Bất định trong bốn mươi Pháp bất tụng Kinh Năng đoạn Kim Cương Bát-nhã cộng; Q.12, P.24 Kệ tán thán Phật, P.25 Ba-la-mật-đa; Số 1515/2, Luận Kinh Kim Tam-muội trợ niệm Phật, P.26 Thí dụ, Cương Bát-nhã Ba-la-mật Phá Thủ trước phần 1; Q.13, P.26 Thí dụ, phần 2, P.27 Bất hoại giả danh, có 2 quyển; Số 1516/2, Lược nói về Hạnh, P.28 Phân biệt Nghiệp Luận Thánh Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật- Đạo của Địa thứ hai, phần 1; Q.14, P.28 đa Cửu tụng Tinh nghĩa, có 2 quyển; Số Phân biệt Nghiệp Đạo của Địa thứ hai, 1517/4 Thích Luận Phật mẫu Bát-nhã Ba- phần 2; P.29 Phân biệt Thanh văn và Phật la-mật-đa Viên tập Yếu nghĩa, có 4 quyển; Bích chi, phần 1; Q.15, P.29 Phân biệt Số 1518/1, Luận Phật mẫu Bát-nhã Ba-la- Thanh văn và Phật Bích chi, phần 2; P.30 mật-đa Viên tập Yếu nghĩa. Đại thừa; Q.16, P.31 Hộ Giới, P.32 Giải thích về Đầu-đà, phần 1; Q.17, P.32 Giải TẬP 26, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. thích về Đầu-đà, phần 2, P.33 Hỗ trợ quả 2561 – DL. 2017, gồm 5 cuốn. Thi-la, P.34 Khen ngợi Giới, P.35 Quả báo của Giới; Số 1522/12, Luận Kinh Thập

Địa, từ Q.1 đến Q.3, Địa (Đ).1 Địa Hoan Pháp, P.11 Mười Pháp, phần 1; Q.20, P.11 hỷ, phần 1-3; Q.4, Đ.2 Địa Ly cấu; Q.5, Mười Pháp, phần 2, P.12 Khen-khuyên; Đ.3 Địa Minh; Q.6, Đ.4 Địa Diệm; Q.7, Số 1537/12, Luận A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Đ.5 Địa Nan thắng; Q.8, Đ.6 Địa Hiện Túc, Q.1, P.1 Học xứ; Q.2, P.2 Chi Dự tiền, Q.9, Đ.7 Địa Viễn hành; Q.10, Đ.8 Lưu, P.3 Chứng tịnh, phần 1; Q.3, P.3 Địa Bất động; Q.11, Đ.9 Địa Thiện Tuệ; Chứng tịnh, phần 2, P.4 Quả Sa-môn, P.5 Q.12, Đ.10 Địa Pháp vân; Thông hành, P.6 Thánh chủng, P.7 Chánh Cuốn 26/2, No. 1523 – 1536, dày hơn 833 thắng, phần 1; Q.4, P.7 Chánh thắng, phần trang. Nội dung gồm có: Số 1523/4, Luận 2, P.8 Thần túc, phần 1; Q.5, P.8 Thần túc, Kinh Đại Bảo Tích, có 4 quyển; Số phần 2, P.9 Niệm trụ, phần 1; Q.6, P.9 1524/1, Kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá; Niệm trụ, phần 2, P.10 Thánh đế, P.11 Số 1525/9, Luận Kinh Di-lặc Bồ-tát Sở Tĩnh lự, phần 1; Q.7, P.11 Tĩnh lự, phần 2, vấn, Q.1, Phần Luận Kinh Di-lặc Bồ-tát P.12 Vô lượng; Q.8, P.13 Vô sắc, P.14 Tu Sở vấn, từ Q.2,... đến Q.9; Số 1526/1, định, P.15 Giác chi, phần 1; Q.9, P.15 Kinh Bảo kế Tứ pháp Ưu-ba-đề-xá; Số Giác chi, phần 2, P.16 Tạp sự; Q.10, P.17 1527/1, Luận Niết-bàn; Số 1528/1, Luận Căn, P.18 Xứ, P.19 Uẩn, P.20 Nhiều giới, Kinh Niết-bàn Bản Hữu kim Vô kệ; Số phần 1; Q.11, P.20

Nhiều giới, phần 2, 1529/1, Luận Kinh Di Giáo; Số 1530/7, P.21 Duyên khởi, phần 1; Q.12, P.21 Luận Kinh Phật Địa, có 7 quyển; Số Duyên khởi, phần 2; Số 1538/7, Luận Thi 1531/2, Luận Kinh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Thiết, có 7 quyển; Số 1539/16, Luận A-tỳ- Sở vấn Bồ-đề, Quyển thượng và Quyển đạt-ma Thức Thân Túc, Q.1, Uẩn thứ 1. hạ; Số 1532/4, Luận Kinh Thắng Tư Duy Mục-kiền-liên, phần 1, 2, 3, 4; Q.2, Uẩn Phạm Thiên Sở Vấn, có 4 quyển; Số thứ 1. Mục-kiền-liên, phần 5, Uẩn thứ 2. 1533/1, Kinh Chuyển Pháp Luân Ưu-ba- Bổ-đặc-già-la, phần 1; Q.3, Uẩn thứ 2. Bổ- đề-xá; Số 1534/1, Kinh Tam Cụ Túc Ưu- đặc-già-la, phần 2, 3, 4; Q.4, Uẩn thứ 3. ba-đề-xá; Số 1535/1, Thích Kinh Đại Nhân duyên, phần 1; Q.5, Uẩn thứ 3. Nhân Thừa Tứ Pháp; Số 1536/20, Luận A-tỳ- duyên, phần 2; từ Q.6 đến Q.10, Uẩn thứ đạt-ma Tập Dị Môn Túc, Q.1, P.1 Duyên 4. Sở Duyên duyên, phần 1-5; Q.11 và khởi, P.2 Một Pháp, P.3 Hai Pháp, phần 1; Q.12, Uẩn thứ 5. Tạp, phần 1-2; từ Q.13 Q.2, P.3 Hai Pháp, phần 2; Q.3, Hai Pháp, đến Q.16, Uẩn thứ 6. Thành tựu, phần 1-4; phần 3, P.4 Ba Pháp, phần 1; Q.4 và Q.5, Số 1540/3, Luận A-tỳ-đạt-ma Giới Thân P.4 Ba Pháp, phần 2-3; Q.6, P.4 Ba Pháp, Túc, Quyển thượng, P.1 Bản sự, P.2 Phân phần 4, P.5 Bốn Pháp, phần 1; từ Q.7 đến biệt; Quyển trung, P.2 Phân biệt; Quyển Q.10, P.5 Bốn Pháp, phần 2-5; từ Q.11 hạ, P.2 Phân biệt; Số 1541/12, Luận đến Q.13, P.6 Năm Pháp, phần 1-3; Chúng sự phần A-tỳ-đàm, Q.1, P.1 Năm Cuốn 26/3, No. 1536 – 1541, dày hơn 819 Pháp, P.2 Phân biệt về Trí; Q.2, P.3 Phân trang. Nội dung gồm có: Số 1536/20, Luận biệt về các Nhập, P.4 Phân biệt về Bảy sự; A-tỳ-đạt-ma Tập Dị Môn Túc (tt), Q.14, Q.3, P.5 Phân biệt về các Sử; Q.4, P.6 P.6 Năm Pháp, phần 4; Q.15, P.7 Sáu Phân biệt về Thâu tóm, phần 1; Pháp, phần 1; Q.16, P.7 Sáu Pháp, phần 2, Cuốn 26/4, No. 1541 – 1543, dày hơn 833 P.8 Bảy Pháp, phần 1; Q.17, P.8 Bảy trang. Nội dung gồm có: Số 1541/12, Luận Pháp, phần 2; Q.18, P.9 Tám Pháp, phần Chúng sự phần A-tỳ-đàm (tt), từ Q.5 đến 1; Q.19, P.9 Tám Pháp, phần 2, P.10 Chín Q.7, P.6 Phân biệt về Thâu tóm, phần 2-4;

Q.8, P.7 Thiên Vấn luận (Biện luận về Bàn về Ngư tử; Q.23 và Q.24, P.7 Bàn về ngàn câu hỏi), phần 1; từ Q.9 đến Q.11, Duyên, phần 1-2; Q.25, P.1 Bàn về Đắc P.7 Thiên Vấn luận, phần 2-4; Q.12, P.7 quá khứ, phần 1; Q.26, P.1 Bàn về Đắc Thiên Vấn luận, phần 5, P.8 Lựa chọn- quá khứ, phần 2, P.2 Bàn về Duyên; Q.27, Gồm thâu; Số 1542/18, Luận A-tỳ-đạt-ma P.3 Bàn về Giải thoát, P.4 Bàn về A-na- Phẩm Loại Túc, Q.1, P.1 Biện về Năm sự, hàm; Q.28, P.5 Bàn về Nhất Hành; Q.29, P.2 Biện về các Trí, phần 1; Q.2, P.2 Biện P.1 Bàn về Ý chỉ, P.2 Bàn về Dục; Q.30, về các Trí, phần 2, P.3 Biện về các Xứ, P.3 Bàn về Tưởng, P.4 Bàn về Trí thời, P.4 Biện về Bảy sự, phần 1; Q.3, P.4 Biện P.5 Bàn về Kiến, P.6 Bàn về Kệ; Số về Bảy sự, phần 2, P.5 Biện về Tùy miên, 1544/20, Luận A-tỳ-đạt-ma Phát Trí, Q.1, phần 1; Q.4, P.5 Biện về Tùy miên, phần C.1 Tạp Uẩn, P.1 Pháp Thế Đệ nhất, P.2 2; Q.5, P.5 Biện về Tùy miên, phần 3, P.6 Nói về Trí, P.3 Bổ-đặc-già-la; Q.2, C.1 Biện về Thâu giữ, phần 1; từ Q.6 đến Q.9, Tạp Uẩn, P.4 Bàn về Ái kính, P.5 Bàn về P.6 Biện về Thâu giữ, phần 2-5; Q.10, P.6 Vô Tàm (không hổ), P.6 Bàn về Tướng, Biện về Thâu giữ, phần 6, P.7 Biện về P.7 Bàn về Vô nghĩa, P.8 Bàn về Tư; Q.3, Ngàn câu hỏi, phần 1; từ Q.11 đến Q.17, C.2 Kiết Uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, P.2 P.7 Biện về Ngàn câu hỏi, phần 2-8; Q.18, Bàn về Nhất hành, phần 1; Q.4, C.2 Kiết P.8 Biện về Quyết trạch; Số 1543/30, Uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 2; Q.5, Luận A-tỳ-đàm Bát Kiền-độ, Q.1, P.1 C.2 Kiết Uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, P.4 Pháp thứ nhất Thế gian, P.2 Bàn về Trí; Bàn về Mười

Môn, phần 1; Q.6, C.2 Kiết Q.2, P.4 Bàn về Ái-Cung kính, P.5 Bàn về Uẩn, P.4 Bàn về Mười Môn, phần 2; Q.7, vô Tàm quý (không hổ thẹn); Q.3, P.6 Bàn C.3 Trí Uẩn, P.1 Bàn về Chi Học, P.2 Bàn về Sắc, P.7 Bàn về Vô nghĩa, P.8 Bàn về về Năm Thứ; Q.8, C.3 Trí Uẩn, P.3 Bàn về Tư; Q.4, P.1 Bàn về Thiện; Q.5 và Q.6, Tha Tâm Trí, P.4 Bàn về Tu Trí, phần 1; P.2 Bàn về Nhất hành, phần 1-2; Q.7, Bàn Q.9, C.3 Trí Uẩn, P.4 Bàn về Tu Trí, phần về Người; Q.8, P.4 Bàn về Mười Môn; 2, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 1; Q.10, Q.9, P.1 Bàn về Tám Đạo; Q.10, P.2 Bàn C.3 Trí Uẩn, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần về Năm thứ, P.3 Biết Tâm người khác; 2; Q.11, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Q.11 và Q.12, P.4 Bàn về Tu Trí, phần 1- Hành Lạc, P.2 Bàn về Tà Ngữ, P.3 Bàn về 2; Q.13 và Q.14, P.5 Bàn về Trí Tương Hại Sinh; Q.12, C.4 Nghiệp Uẩn, P.4 Bàn ưng, phần 1-2; Q.15, P.1 Bàn về Hành ác, về Biểu-Vô Biểu, P.5 Bàn về Tự Nghiệp; P.2 Bàn về Tà ngữ; Q.16, P.3 Bàn về Hại Q.13, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.1 Bàn về Đại chúng sinh; Tạo, P.2 Bàn về Duyên, P.3 Bàn về Thấy Cuốn 26/5, No. 1543 – 1544, dày hơn 820 đủ; Q.14, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.4 Bàn về trang. Nội dung gồm có: Số 1543/30, Luận Chấp thọ; C.6 Căn Uẩn, P.1 Bàn về Căn; A-tỳ-đàm Bát Kiền-độ (tt), Q.17, P.4 Bàn Q.15, C.6 Căn Uẩn, P.2 Bàn về Hữu, P.3 về hữu giáo-vô giáo, P.5 Bàn về Tự Hành; Bàn về Xúc, P.4 Bàn về Đẳng Tâm, P.5 Q.18, P.1 Bàn về Tịnh Căn; Q.19, P.2 Bàn Bàn về Nhất Tâm; Q.16, C.6 Căn Uẩn, P.6 về Duyên; Q.20, P.3 Bàn về Kiến đế, P.4 Bàn về Ngư, P.7 Bàn về Nhân duyên; Nội tạo; Q.21, P.1 Bàn về Căn, P.2 Bàn về Q.17, C.7 Định Uẩn, P.1 Bàn về Đắc, P.2 Hữu, P.3 Bàn về Cánh lạc (Xúc trong 12 Bàn về Duyên; Q.18, C.7 Định Uẩn, P.3 nhân duyên); Q.22, P.4 Bàn về Tâm Bắt Bàn về sự Gồm thâu, P.4 Bất hoàn; Q.19, đầu, P.5 Bàn về Tâm vừa phát khởi, P.6 C.7 Định Uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành; C.8

Kiến Uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, P.2 Bàn Kiết Uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 2-8; về Ba hữu, P.3 Bàn về Tưởng; Q.20, C.8 từ Q.71 đến Q.76, C.2 Kiết Uẩn, P.4 Bàn Kiến Uẩn, P.4 Bàn về Trí, P.5 Bàn về về Mười Môn, phần 1-6; Kiến, P.6 Bàn về Già-tha. Cuốn 27/3, No. 1545, dày hơn 738 trang. Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A- TẬP 27, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), từ Q.77 đến 2561 – DL. 2017, gồm 5 cuốn. Q.92, C.2 Kiết Uẩn, P.4 Bàn về Mười Cuốn 27/1, No. 1545, dày hơn 718 trang. Môn, phần 7-22; từ Q.93 đến Q.96, C.3 Nội dung gồm có: Giới thiệu; Số Trí Uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 1-4; 1545/200, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà- Q.97, C.3 Trí Uẩn, P.1 Bàn về Học chi, sa, Q.1, Phần Tự; từ Q.2 đến Q.8, C.1 Tạp phần 5, P.2 Bàn về Năm loại (Ngũ chủng), Uẩn, P.1 Pháp Thế Đệ nhất, phần 1-7; Q.9, phần 1; Q.98, C.3 Trí Uẩn, P.2 Bàn về C.1 Tạp Uẩn, P.1 Pháp Thế Đệ nhất, phần Năm loại, phần 2; Q.99, C.3 Trí Uẩn, P.2 8, P.2 Bàn về Trí, phần 1; từ Q.10 đến Bàn về Năm loại, phần 3, P.3 Bàn về Tha Q.22, C.1 Tạp Uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần tâm trí, phần 1; từ Q.100 đến Q.104, C.3 2-14; Q.23, C.1 Tạp Uẩn, P.2 Bàn về Trí, Trí Uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 2-6; phần 15, P.3 Nói về Bổ-đặc-già-la, phần 1; Q.105, C.3 Trí Uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm từ Q.24 đến Q.28, C.1 Tạp Uẩn, P.3 Nói trí, phần 7, P.4 Bàn về Tu trí, phần 1; từ về Bổ-đặc-già-la, phần 2-6; Q.29, C.1 Tạp Q.106 đến Q.108, C.3 Trí Uẩn, P.4 Bàn về Uẩn, P.3 Nói về Bổ-đặc-già-la, phần 7, P.4 Tu trí, phần 2-4; từ Q.109 đến Q.111, Bàn Nói về Ái kính, phần 1; từ Q.30 đến Q.33, về Bảy Thánh, phần 1-3; từ Q.112 đến C.1 Tạp Uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 2- Q.114, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành 5; Q.34, C.1 Tạp Uẩn, P.4 Nói về Ái kính, ác, phần 1-3; phần 6, P.5 Bàn về không Hổ

thẹn, phần 1; Cuốn 27/4, No. 1545, dày hơn 741 trang. từ Q.35 đến Q.37, C.1 Tạp Uẩn, P.5 Bàn Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A- về không Hổ thẹn, phần 2-4; tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), Q.115, C.4 Cuốn 27/2, No. 1545, dày hơn 722 trang. Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 4; Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A- Q.116, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), Q.38, C.1 Tạp ác, phần 5, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 1; Uẩn, P.5 Bàn về không Hổ thẹn, phần 5, Q.117, C.4 Nghiệp Uẩn, P.2 Bàn về Tà P.6 Bàn về Tướng, phần 1; Q.39, C.1 Tạp ngữ, phần 2; Q.118, C.4 Nghiệp Uẩn, P.2 Uẩn, P.6 Bàn về Tướng, phần 2, P.7 Bàn Bàn về Tà ngữ, phần 3, P.3 Bàn về Hại về Vô nghĩa, phần 1; Q.40 và Q.41, C.1 sinh, phần 1; từ Q.119 đến Q.121, C.4 Tạp Uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 2-3; Nghiệp Uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 2- Q.42, C.1 Tạp Uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, 4; Q.122 và Q.123, C.4 Nghiệp Uẩn, P.4 phần 4, P.8 Bàn về Tư, phần 1; từ Q.43 Bàn về Biểu-Vô Biểu, phần 1-2; Q.124, đến Q.45, C.1 Tạp Uẩn, P.8 Bàn về Tư, C.4 Nghiệp Uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô phần 2-4; từ Q.46 đến Q.55, C.2 Kiết Uẩn, Biểu, phần 3, P.5 Bàn về Tư Nghiệp, phần P.1 Bàn về Bất thiện, phần 1-10; từ Q.56 1; Q.125 và Q.126, C.4 Nghiệp Uẩn, P.5 đến Q.62, C.2 Kiết Uẩn, P.2 Bàn về Nhất Bàn về Tư Nghiệp, phần 2-3; từ Q.127 đến hành, phần 1-7; Q.63, C.2 Kiết Uẩn, P.2 Q.130, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.1 Bàn về Bàn về Nhất hành, phần 8, P.3 Bàn về Đại tạo, phần 1-4; Q.131, C.5 Đại Chủng Hữu tình, phần 1; từ Q.64 đến Q.70, C.2 Uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 5, P.2 Bàn

về Duyên, phần 1; Q.132 và Q.133, C.5 về Tưởng, phần 1; Q.196, C.8 Kiến Uẩn, Đại Chủng Uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần P.3 Bàn về Tưởng, phần 2, P.4 Bàn về Trí, 2-3; Q.134, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.2 Bàn phần 1; Q.197, C.8 Kiến Uẩn, P.4 Bàn về về Duyên, phần 4, P.3 Bàn về Nhận thức Trí, phần 2; từ Q.198 đến Q.200, C.8 Kiến đầy đủ, phần 1; Q.135 và Q.136, C.5 Đại Uẩn, P.5 Bàn về Kiến, phần 1-3. Chủng Uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 2-3; Q.137, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.3 TẬP 28, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 4, P.4 Bàn 2561 – DL. 2018, gồm 5 cuốn. về Chấp Thọ, phần 1; từ Q.138 đến Q.141, Cuốn 28/1, No. 1546, dày hơn 767 trang. C.5 Đại Chủng Uẩn, P.4 Bàn về Chấp Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm lược về Thọ, phần 2-5; từ Q.142 đến Q.146, C.6 nội dung tập 28; Số 1546/60, Luận A-tỳ- Căn Uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 1-5; đàm Tỳ-bà-sa, từ Q.1 đến Q.4, C.1 Kiền- Q.147 và Q.148, C.6 Căn Uẩn, P.2 Bàn về độ Tạp, P.1 Pháp Thế Đệ nhất, phần 1-4; Hữu, phần 1-2; Q.149 và Q.150, C.6 Căn từ Q.5 đến Q.12, C.1 Kiền-độ Tạp, P.2 Uẩn, P.3 Bàn về Xúc, phần 1-2; từ Q.151 Trí, phần 1-8; từ Q.13 đến Q.15, C.1 Kiền- đến Q.154, C.6 Căn Uẩn, P.4 Bàn về Đẳng độ Tạp, P.3 Người, phần 1-3; từ Q.16 đến Tâm, phần 1-4; Q.155, C.6 Căn Uẩn, P.4 Q.18, C.1 Kiền-độ Tạp, P.4 Ái kính, phần Bàn về Đẳng Tâm, phần 5, P.5 Bàn về 1-3; Q.9 và Q.20, C.1 Kiền-độ Tạp, P.5 Nhất Tâm, phần 1; Không Hổ thẹn, phần 1-2; Q.21 và Q.22, Cuốn 27/5, No. 1545, dày hơn 752 trang. C.1 Kiền-độ Tạp, P.7 Bàn về Vô nghĩa, Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A- phần 1-2; Q.23 và Q.24, C.1 Kiền-độ Tạp, tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), Q.156, C.6 P.8 Bàn về Tư duy, phần 1-2; từ Q.25 đến Căn Uẩn, P.5 Bàn về Nhất Tâm, phần 2, Q.28, C.2 Kiền-độ Sử, P.1 Bất Thiện, P.6 Bàn về Ngư, P.7 Nhân duyên; từ phần 1-4; Q.157 đến Q.161, C.7 Định Uẩn, P.1 Bàn Cuốn 28/2, No. 1546, dày hơn 768 trang. về Đắc, phần 1-5; Q.162, C.7 Định Uẩn, Nội dung gồm có: Số 1546/60, Luận A-tỳ- P.1 Bàn về Đắc, phần 6, P.2 Bàn về đàm Tỳ-bà-sa (tt), Q.29 và Q.30, C.2 Duyên, phần 1; từ Q.163 đến Q.165, C.7 Kiền-độ Sử, P.1

Bất Thiện, phần 5-6; từ Định Uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 2-4; từ Q.31 đến Q.33, C.2 Kiền-độ Sử, P.2 Một Q.166 đến Q.173, C.7 Định Uẩn, P.3 Bàn Hành, phần 1-3; từ Q.34 đến Q.36, C.2 về Gồm thâu, phần 1-8; từ Q.174 đến Kiền-độ Sử, P.3 Người, phần 1-3; từ Q.37 Q.182, C.7 Định Uẩn, P.4 Bàn về Bất đến Q.45, C.2 Kiền-độ Sử, P.4 Mười Môn, Hoàn, phần 1-9; Q.183, C.7 Định Uẩn, P.4 phần 1-9; Q.46, C.2 Kiền-độ Sử, P.4 Mười Bàn về Bất Hoàn, phần 10, P.5 Bàn về Môn, phần 10, C.3 Kiền-độ Trí; Q.47 và Nhất hành, phần 1; từ Q.184 đến Q.186, Q.49, C.3 Kiền-độ Trí, P.1 Tám Đạo, phần C.7 Định Uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành, 2-4; từ Q.50 đến Q.54, C.3 Kiền-độ Trí, phần 2-4; từ Q.187 đến Q.191, C.8 Kiến P.2 Tha Tâm Trí, phần 2-6; Q.55 và Q.56, Uẩn, P.1 Bàn về Niệm Trụ, phần 1-5; C.3 Kiền-độ Trí, P.3 Tu Trí, phần 1-2; từ Q.192, C.8 Kiến Uẩn, P.1 Bàn về Niệm Q.57 đến Q.60, C.3 Kiền-độ Trí, P.4 Trụ, phần 6, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 1; Tương ưng, phần 1-4; Q.193 và Q.194, C.8 Kiến Uẩn, P.2 Bàn Cuốn 28/3, No. 1547 – 1548, dày hơn 797 về Ba hữu, phần 2-3; Q.195, C.8 Kiến trang. Nội dung gồm có: Số 1547/14, Luận Uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 4, P.3 Bàn Tỳ-bà-sa, Q.1, Phần (P).1 Xứ Ba Kiết;

Q.2, P.2 Xứ Ba Căn bất thiện, P.3 Xứ Ba Cuốn 28/4, No. 1548 – 1549, dày hơn 802 Hữu lậu, P.4 Xứ Bốn Lưu, P.5 Xứ Bốn trang. Nội dung gồm có: Số 1548/30, Luận Thọ (Bốn Thủ), P.6 Xứ Bốn thứ Trói buộc Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm (tt), Q.11, P.4 Phần thân; Q.3, P.7 Xứ Năm Cái (Năm thứ không hỏi về Trí, phần 3; Q.12, P.5 Phần Phiền não che lấp), P.8 Xứ Năm Kiết, P.9 không hỏi về Duyên; Q.13, Phần không Xứ Năm Kiết phần dưới, P.10 Xứ Năm hỏi về Niệm xứ, P.7 Phần không hỏi về Kiết phần trên, P.11 Xứ Năm Kiến, P.12 Chánh cần, P.8 Phần không hỏi về Thần Xứ Sáu Ái thân, P.13 Xứ Bảy Sử, P.14 Xứ túc; Q.14, P.9 Phần không hỏi về Thiền Chín mươi tám sử; Q.4, Chương lớn. Giải định; từ Q.15 đến Q.17, P.10 Phần không thích về Mười Môn, P.16 Xứ 22 Căn; Q.5, hỏi về Đạo, phần 1-3; từ Q.18 đến Q.20, P.17 Xứ 18 Giới; Q.6, P.18 Xứ 12 Nhập, Phần không hỏi về Phiền não, phần 1-3; P.19 Xứ Năm Ấm, P.20 Xứ Năm Thịnh Q.21 và Q.22, P.1 Phần Gồm thâu thuộc ấm (Năm Thủ ấm), P.21 Xứ Sáu Giới; về Tương ưng, phần 1-2; Q.23 và Q.24, Q.7, P.22 Xứ Pháp có sắc-Pháp không sắc, P.2 Phần Gồm thâu Tương ưng theo P.23 Xứ Pháp có thấy-Pháp không thấy, Tương ưng, phần 1-2; Q.25, P.1 Phần Đầu P.24 Xứ Pháp có đối-Pháp không đối, P.25 mối hiện khắp, phần 1; Q.26, P.1 Phần Xứ Pháp hữu lậu-Pháp vô lậu, P.26 Xứ Đầu mối hiện khắp, phần 2, P.2 Nhân của Pháp Hữu vi-Pháp Vô vi, P.27 Xứ Ba đời, Phần đầu mối, P.3 Danh sắc của Phần đầu P.28 Xứ Thiện-Bất Thiện-Vô ký, P.29 Xứ mối, P.4 Kiết giả của Phần đầu mối, phần Pháp thuộc cõi Dục-Cõi Sắc, cõi Vô sắc, 1; Q.27, P.4 Kiết giả của Phần đầu mối, P.30 Xứ Pháp học-Pháp Vô học-Pháp Phi phần 2, P.5 Hành của Phần đầu mối, P.6 học phi vô học, P.31 Xứ Pháp do Kiến Xúc của Phần đầu mối, P.7 Tâm giả lập đoạn-do Tư duy đoạn-Không đoạn; Q.8, của Phần đầu mối, P.8 Mười Đạo nghiệp P.32, Đoạn 1. Xứ Bốn Thánh đế, Đoạn 2. bất thiện của Phần đầu mối, P.9 Mười Đạo Xứ Bốn Thánh đế; Q.10, P.33 Xứ Bốn nghiệp thiện của Phần đầu mối; từ Q.28 Thiền; Q.11, P.34 Xứ Bốn Đẳng; Q.12, đến Q.30, P.10 Định của Phần đầu mối, P.35 Xứ Bốn Vô sắc, P.36 Xứ Tám Giải phần 1-3; Số 1549/10, Luận Tôn-bà-tu- thoát, P.37 Xứ Tam Trừ nhập, P.38 Xứ mật Bồ-tát Sở tập, Q.1, P.1 Kiền-độ Tụ, Mười Nhất thiết nhập; Q.13, P.39 Xứ Tám phần 1-4; Q.2, P.1 Kiền-độ Tụ, phần 5-7; Trí, P.40 Xứ Ba Tam-muội; Q.14, P.41 Xứ Q.3, P.2 Kiền-độ Tâm; Q.4, P.3

Kiền-độ Trung ấm, P.42 Xứ Bốn loài; Số 1548/30, Tam-muội, P.4 Kiền-độ Thiên; Q.5, P.5 Luận Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm, Q.1, P.1 Phần Kiền-độ Tứ đại, P.6 Kiền-độ Khế định; hỏi về Nhập; Q.2, P.2 Phần hỏi về Giới; Q.6, P.7 Kiền-độ Cánh lạc (Xúc); Q.7, P.8 Q.3, P.3 Phần hỏi về Ấm; Q.4, P.4 Phần Kiền-độ Kiết Sử; Q.8, P.9 Kiền-độ Hành hỏi về Bốn Thánh đế; Q.5, P.5 Phần hỏi về (nghiệp), P.10 Kiền-độ Trí; Căn; Q.6, P.6 Phần hỏi về Bảy giác, P.7 Cuốn 28/5, No. 1549 – 1557, dày hơn 839 Phần hỏi về Căn Bất thiện, P.8 Phần hỏi trang. Nội dung gồm có: Số 1549/10, Luận về Căn Thiện, P.9 Phần hỏi về Ưu-bà-tắc; Tôn-bà-tu-mật Bồ-tát Sở tập (tt), Q.9, P.11 Q.7, P.1 Phần không phải hỏi về Giới, P.2 Kiền-độ Kiến, P.12 Kiền-độ Căn, P.13 Phần không hỏi về Nghiệp; Q.8, P.3 Phần Kiền-độ Nhất thiết hữu, P.14 Kiền-độ Kệ, không hỏi về Người; Q.9 và Q.10, P.4 phần 1; Q.10, P.14 Kiền-độ Kệ, phần 2, Phần không hỏi về Trí, phần 1-2; Phẩm Kệ, phần đầu và phần hai; Số 1550/4, Luận A-tỳ-đàm Tâm, Q.1, P.1

Giới, P.2 Hành, P.3 Nghiệp; Q.2, P.4 Sử, 5; từ Q.13 đến Q.18, P.4 Phân biệt P.5 Hiền Thánh; Q.3, P.6 Trí, P.7 Định; Nghiệp, phần 1-6; từ Q.19 đến Q.21, P.5 Q.4, P.8 Khế Định, P.9 Tạp, P.10 Luận; Phân biệt Tùy miên, phần 1-3; từ Q.22 đến Số 1551/6, Luận Kinh A-tỳ-đàm Tâm, Q.25, P.6 Phân biệt Hiền Thánh, phần 1-4; Q.1, P.1 Giới, P.2 Hành; Q.2, P.3 Nghiệp, Q.26 và Q.27, P.7 Phân biệt Trí, phần 1-2; P.4 Sử, phần 1; Q.3, P.4 Sử, phần 2, P.5 Q.28, P.8 Phân biệt Định, phần 1; Q.29, Hiền Thánh; Q.4, P.6 Trí, P.7 Định, phần P.8 Phân biệt Định, phần 2, P.9 Phá chấp 1; Q.5, P.7 Định, phần 2, P.8 Tu-đa-la, Ngã, phần 1; Q.30, P.9 Phá chấp Ngã, phần 1; Q.6, P.8 Tu-đa-la, phần 2, P.9 phần 2; Số 1559/22. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Tạp, P.10 Vấn luận; 1552/11 Luận Kinh Thích luận, Q.1, P.1 Phân biệt Giới, phần A-tỳ-đàm Tâm, Q.1, P. Mở đầu, P.1 Giới; 1; Q.2, P.1 Phân biệt Giới, phần 2, P.2 Q.2, P.2 Hành; Q.3, P.3 Nghiệp; Q.4, P.4 Phân biệt Căn, phần 1; từ Q.3 đến Q.5, P.2 Sử; Q.5, P.5 Hiền Thánh; Q.6, P.6 Trí; Phân biệt Căn, phần 2-4; Q.6, P.3 Phân Q.7, P.7 Định; Q.8, P.8 Tu-đa-la; Q.9, P.9 biệt Thế gian, phần 1; Tạp; Q.10 và Q.11, P.10 Trạch, phần 1-2, Cuốn 29/2, No. 1559 – 1562, dày hơn 741 P.11 Luận; Số 1553/2, Luận Kinh A-tỳ-trang. Nội dung gồm có: Số 1559/22. A- đàm Cam-lồ vị, Quyển thượng, P.1 Bố thí, tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận (tt), từ Q.7 Trì giới, P.2 Giới đạo, P.3 Trụ thực sinh, đến Q.9, P.3 Phân biệt Thế gian, phần 2-4; P.4 Nghiệp, P.5 Ấm trì nhập, P.6 Hành, từ Q.10 đến Q.13, P.4 Phân biệt Nghiệp, P.7 Chủng loại Nhân duyên, P.8 Căn tịnh, phần 1-4; Q.14 và Q.15, P.5 Phân biệt P.9 Kiết sử, Thiền trí, P.10 Ba mươi bảy Hoặc, phần 1 & 2; từ Q.16 đến Q.18, P.6 Người vô lậu; Quyển hạ, P.11 Trí, P.12 Phân biệt Thánh đạo Quả Nhân, phần 1-3; Thiền định, P.13 Tạp định, P.14 Ba mươi Q.19 và Q.20, P.7 Phân biệt Tuệ, phần 1- bảy Phẩm, P.15 Bốn đế, P.16 Tạp; Số 2; Q.21, P.8 Phân biệt Tam-ma-bạt-đề; 1554/2, Luận Nhập Tỳ-tỳ-đạt-ma, Quyển Q.22, P.9 Phá trừ chấp Ngã; Số 1560/1. thượng và Quyển hạ; Số 1555/2, Luận Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Bản tụng, P.1 Ngũ sự Tỳ-bà-sa, Quyển thượng, P.1 Phân Phân biệt Giới (gồm 44 tụng), P.2 Phân biệt Sắc, phần 1; Quyển hạ, P.1 Phân biệt biệt Căn (gồm 74 tụng), P.5 Phân biệt Tùy Sắc, phần 2, P.2 Phân biệt Tâm, P.3 Phân miên (gồm 69 tụng), P.6 Phân biệt Hiền biệt Tâm sở pháp; Số 1556/1, Luận Tát- Thánh (gồm 83 tụng), P.7 Phân biệt Trí bà-đa Tông Ngũ sự; Số 1557/1, Kinh A- (gồm 61 tụng), P.8 Phân biệt Định (gồm tỳ-đàm Ngũ Pháp Hành. 39 tụng); Số 1561/1. Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thật nghĩa sớ, từ Q.1 đến Q.4, P.1 TẬP 29, Luận Tạng, Nxb

Hồng Đức, PL. Phân biệt Giới; Q.5, P.2 Phân biệt Căn; Số 2561 – DL. 2018, gồm 5 cuốn. 1562/80. Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh Cuốn 29/1, No. 1558 – 1559, dày hơn 720 lý, từ Q.1 đến Q.8, P.1 Biện về Bản sự, trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm phần 1-8; Q.9, P.2 Biện về Sai biệt, phần lược về nội dung tập 29; Số 1558/30. Luận 1; A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Q.1, P.1 Phân biệt Cuốn 29/3, No. 1562, dày hơn 723 trang. Giới, phần 1; P.1 Phân biệt Giới, phần 2; Nội dung gồm có: Số 1562/80. Luận A-tỳ- từ Q.3 đến Q.6, P.2 Phân biệt Căn, phần 1- đạt-ma Thuận Chánh lý (tt), từ Q.10 đến 4; Q.7, P.2 Phân biệt Căn, phần 5; từ Q.8 Q.20, P.2 Biện về Sai biệt, phần 2-12; từ đến Q.12, P.3 Phân biệt Thế giới, phần 1- Q.21 đến Q.32, P.3 Biện về Duyên khởi,

phần 1-12; từ Q.33 đến Q.42, P.4 Biện về Quán về Thời, P.20 Quán về Nhân quả, Nghiệp, phần 1-10; P.21 Quán về Thành-Hoại; Q.4, P.22 Quán Cuốn 29/4, No. 1562, dày hơn 714 trang. về Như Lai, P.23 Quán về Điên đảo, P.24 Nội dung gồm có: Số 1562/80. Luận A-tỳ-Quán về Bốn đế, P.25 Quán về Niết-bàn, đạt-ma Thuận Chánh lý (tt), Q.43 đến P.26 Quán về Mười hai Nhân duyên, P.27 Q.44, P.4 Biện về Nghiệp, phần 11-12; từ Quán về Tà kiến; Số 1565/2. Thuận Trung Q.45 đến Q.56, P.5 Biện về Tùy miên, Luận nghĩa Nhập Đại Bát-nhã Ba-la-mật phần 1-12; từ Q.57 đến Q.72, P.6 Biện về Kinh sơ phẩm Pháp môn, Quyển thượng- Hiền Thánh, phần 1-16; từ Q.73 đến Q.76, Quyển hạ; Số 1566/15. Bát-nhã Đăng luận P.7 Biện về Trí, phần 1-4; từ Q.77 đến thích, Q.1, P.1 Quán về Duyên, phần 1; Q.80, P.8 Biện về Định, phần 1-4; Q.2, P.1 Quán về Duyên, phần 2; Q.3, Cuốn 29/5, No. 1563, dày hơn 760 trang. Quán về Đi-Đến; Q.4, P.3 Quán về Sáu Nội dung gồm có: Số 1563/40. Luận A-tỳ- căn, P.4 Quán về Năm ấm, P.5 Quán về đạt-ma Tạng Hiển tông, Q.1, P.1 Phần Mở Sáu giới; Q.5, P.6 Quán về Nhiễm-Người đầu, P.2 Biện về Bản sự, phần 1; từ Q.2 nhiễm, P.7 Quán về Tướng hữu vi; Q.6, đến Q.4, P.2 Biện về Bản sự, phần 2-4; từ P.8 Quán về Tác giả-Nghiệp, P.9 Quán về Q.5 đến Q.11, P.3 Biện về Sai biệt, phần Giữ lấy; Q.7, P.10 Quán về Củi lửa, P.11 1-7; từ Q.12 đến Q.17, P.4 Biện về Duyên Quán về Sinh tử; Q.8, P.12 Quán về Khổ, khởi, phần 1-6; từ Q.18 đến Q.24, P.5 P.13 Quán về Hành, P.14 Quán về Hợp; Biện về Nghiệp, phần 1-7; từ Q.25 đến Q.9, P.15 Quán về Có-Không, P.16 Quán Q.28, P.6 Biện về Tùy miên, phần 1-4; từ về Buộc-Mở; Q.10, P.17 Quán về Nghiệp; Q.29 đến Q.34, P.7 Biện về Hiền Thánh, Q.11, P.18 Quán về Pháp, P.19 Quán về phần 1-6; từ Q.35 đến Q.37, P.8 Biện về Thời; Q.12, P.20 Quán về Nhân quả Hòa Trí, phần 1-3; từ Q.38 đến Q.40, P.9 Biện hợp, P.21 Quán về Thành-Hoại; Q.13, về Định, phần 1-3. P.22 Quán về Như Lai; Q.14, P.23 Quán về Điên đảo, P.24 Quán về Thánh đế; TẬP 30, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. Q.15, P.25 Quán về Niết-bàn, P.26 Quán 2561 – DL. 2018, gồm 4 cuốn. về Duyên khởi của Thế đế, P.27 Quán về Cuốn 30/1, No. 1564 – 1574, dày hơn 909 Tà kiến; Số 1567/1. Đại thừa Trung Quán trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm thích luận, Q.1, P.1 Quán Duyên, phần 1; lược về nội dung tập 30; Số 1564. Trung Q.2, P.1 Quán Duyên, phần 2, P.2 Quán Luận, Q.1, P.1 Quán về Nhân duyên, P.2 Đi-Đến, phần 1; Q.3, P.2 Quán Đi-Đến, Quán về Đi-Đến, P.3 Quán về Sáu Tình phần 2, P.3 Quán Sáu Căn; Q.4, P.4 Quán (căn), P.4 Quán về Năm Ấm, P.5 Quán về Năm Uẩn, P.5 Quán Sáu Giới; Q.5, P.6 Sáu Chủng, P.6 Quán về Nhiễm-người Quán Pháp nhiễm-người nhiễm, P.7 Quán nhiễm; Q.2, P.7 Quán về Ba tướng, P.8 Hữu vi, phần 1; Q.6, P.7 Quán Hữu vi, Quán về Tác-Tác giả, P.9 Quán về Bản phần 2; Q.7, P.7 Quán Hữu vi, phần 3, P.8

trụ, P.10 Quán về Đốt cháy-Bị Đốt cháy, Quán Tác-Tác giả Nghiệp; Q.8, P.9 Quán P.11 Quán về Bản tế, P.12 Quán về Khổ, Phần vị Đầu tiên, P.10 Quán Củi lửa, phần P.13 Quán về Hành (Gồm 9 kệ), P.14 1; Q.9, P.10 Quán Củi lửa, phần 2, P.11 Quán về Hợp; Q.3, P.15 Quán về Có- Quán Sinh tử, P.12 Quán Khổ, P.13 Quán Không, P.16 Quán về Buộc-Mở, P.17 Hành; Số 1568/1. Luận Thập Nhị Môn Quán về Nghiệp, P.18 Quán về Pháp, P.19 (M), M.1 Quán Nhân duyên, M.2 Quán Có

Quả-Không có Quả, M.3 Quán Duyên, P.19 Thí thù thắng đối với khổ của kẻ M.4 Quán Tướng, M.5 Quán Có Tướng- khác, P.20 Ái bi, P.21 Hàng Trượng phu Không Tướng, M.6 Quán Một-Khác, M.7 Giác ngộ, P.22 Đại Trượng phu, P.23 Nói Quán Có-Không có, M.8 Quán Tánh, M.9 về Bi, P.24 Thí Bi tịnh, P.25 Ái Bi thắng, Quán Nhân quả, M.10 Quán Tác giả, M.11 P.26 Trí Bi giải thoát, P.27 Phát nguyện, Quán Ba thời, M.12 Quán Sinh; Số P.28 Cùng đồng Phát nguyện, P.29 Phát 1569/2. Bách Luận, Quyển thượng, P.1 Xả nguyện thù thắng; Số 1578/2 Luận Đại Tội-Phước, P.2 Phá Thần ngã, P.3 Phá thừa Chưởng trần, Quyển thượng-Quyển Nhất; Quyển hạ, P.4 Phá Dị, P.5 Phá Căn, hạ; Số 1579/100. Luận Du-già-sư-địa, P.6 Phá Trần, P.7 Phá trong Nhân có Quả, Phần Bản Địa Q.1, Địa (Địa) 1. Địa Năm P.8 Phá trong Nhân không Quả, P.9 Phá Thức thân Tương ưng, Đ.2 Địa Ý, phần 1 chấp Thường, P.10 Phá chấp Không; Số (Phần Bản Địa); Q.2, Đ.2 Địa Ý, phần 2 1570/1. Quảng Bách Luận Bản, P.1 Phá (Phần Bản Địa); Q.3, Đ.2 Địa Ý, phần 3 chấp Thường, P.2 Pháp chấp Ngã, P.3 Phá (Phần Bản Địa); từ Q.4 đến Q.10, Đ.3, 4, 5 chấp về Thời, P.4 Phá chấp Kiến, Phá Căn Địa có Tầm có Tứ, phần 1-7 (Phần Bản cảnh, P.6 Phá Biên chấp, P.7 Phá Tướng Địa); Q.11, Q.12, Đ.6 Địa Tam-ma-hý-đa, Hữu vi, P.8 Dạy khuyên Đệ tử; Số phần 1-2 (Phần Bản Địa); Q.13, Đ.6 Địa 1571/10. Đại thừa Quảng bách Luận thích Tam-ma-hý-đa, phần 3 (Phần Bản Địa), luận, Q.1, P.1 Phá chấp Thường, phần 1; Đ.7 Địa Phi Tam-ma-hý-đa (Phần Bản Q.2, P.1 Phá chấp Thường, phần 2, P.2 Địa), Đ.8, 9 Địa có Tâm – không Tâm Phá Ngã, phần 1; Q.3, P.2 Phá Ngã, phần (Phần Bản Địa), Đ.10 Địa do Văn tạo 2; Q.4, P.3 Phá Thời, phần 1; Q.5, P.3 Phá thành, phần 1 (Phần Bản Địa); Q.14, Q.15, Thời, phần 2; Q.6, P.4 Phá Kiến; Q.7, P.5 Đ.10 Địa do Văn tạo thành, phần 2-3 Phá Căn-Cảnh; Q.8, P.6 Phá Biên chấp; (Phần Bản Địa); từ Q.16 đến Q.19, Đ.11 Q.9, P.7 Phá Tướng Hữu vi; Q.10, P.8 Dạy Địa do Tư tạo thành, phần 1-4 (Phần Bản khuyên Đệ tử; Số 1572/1. Bách Tự Luận; Địa); Q.20, Đ.12 Địa do Tu tạo thành Số 1573/1. Luận Nhất Thâu-lô-ca; Số (Phần Bản Địa); Q.21, Đ.13 Địa Thanh 1574/1. Luận Đại thừa Phá Hữu. văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 1, Cuốn 30/2, No. 1575 – 1579, dày hơn 892 phần 1. Địa Chủng tánh, Xứ Du-già thứ 1, trang. Nội dung gồm có: Số 1575/1. Luận phần 2. Địa Hướng nhập; Q.22, Đ.13 Địa Lục Thập tụng Như lý; Số 1576/1. Luận Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ Đại thừa Nhị thập tụng; Số 1577/2. Luận 1, phần 3. Địa Xuất ly (1); Q.23, Đ.13 Địa Đại Trượng phu, Quyển thượng, P.1 Thí Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ thắng, P.2 Thí thắng vị, P.3 Thể Thí chủ, 1, phần 3. Địa Xuất ly (2); Q.24, Đ.13 Địa P.4 Thí chủ-người xin tăng trưởng, P.5 Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ Giải thoát thù thắng, P.6 Thí chủ tăng 1, phần 3. Địa Xuất ly (3); Q.25, Đ.13 Địa trưởng, P.7 Cung kính Người cầu xin, P.8 Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ Thí cho kẻ bỏn sẻn, P.9 Tài vật thí, P.10 1, phần 3. Địa Xuất ly (4); từ Q.26 đến Xả nhất thiết, P.11 Xả ấm thọ ấm, P.12 Xả Q.29, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản thân mạng, P.13 Hiện

bi, P.14 Pháp thí; Địa), Xứ Du-già thứ 2, Đoạn 1-4; từ Q.30 Quyển hạ, P.15 Phát Tâm Bồ-đề, P.16 đến Q.32, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Công đức thù thắng, P.17 Giải thoát thù Địa), Xứ Du-già thứ 3, Đoạn 1-3; Q.33 thắng, P.18 Tạo lợi ích cho người khác, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ

Du-già thứ 4, Đoạn 1; Q.34, Đ.13 Địa Cứu cánh, P.1 Sinh, P.2 Thâu nhận; Q.49, Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 3, 4, Đoạn 2; Đ.14 Địa Độc giác (Phần Bản Trì xứ Du-già Cứu cánh, P.3 Địa, P.4 Địa); Q.35, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Hành, P.5, phần 1. Kiến lập; Q.50, Đ.15 Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.1 Chủng Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 3, Trì xứ tánh, P.2 Phát Tâm, P.3, Phần 1. Tự Tha Du-già Cứu cánh, P.5, phần 2. Kiến lập; lợi; Q.36, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 4, Trì xứ Du-già Thứ lớp, Phẩm Phát Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.3, Phần 2. Tự tâm Chánh đẳng Bồ-đề; Đ.16 Địa Hữu dư Tha lợi, P.4 Nghĩa Chân thật; Q.37, Đ.15 y (Phần Bản Địa), Đ.17 Địa Vô dư y Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì (Phần Bản Địa); từ Q.51 đến Q.57, Phần Xứ Du-già. P.5 Uy lực, P.6 Thành thục; Nhiếp Quyết trạch: Địa năm Thức thân Q.38, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Tương ưng và Địa ý; từ Q.58 đến Q.61, Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.7 Bồ-đề, P.8 Phần Nhiếp Quyết trạch: Ba Địa có Tầm Lực chủng tánh; Q.39, Đ.15 Địa Bồ-tát có Tứ; Q.62, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. Tam-ma-hí-đa; Q.63, Phần Nhiếp Quyết P.9 Thí; Q.40, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản trạch: Địa Tam-ma-hí-đa, Địa Phi Tam- Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.10, phần 1. ma-hí-đa, Địa có Tâm, Địa không Tâm; Giới; Q.64, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa do Cuốn 30/3, No. 1579, dày hơn 892 trang. Văn tạo thành; Q.65 và Q.66, Phần Nhiếp Nội dung gồm có: Luận Du-già-sư-địa, Quyết trạch: Địa do Tư tạo thành; Q.67, Phần Bản Địa, Q.41 Đ.15 Địa Bồ-tát Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa do Tu tạo (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. thành; Địa Thanh văn; từ Q.68 đến Q.71, P.10, phần 2. Giới; Q.42, Đ.15 Địa Bồ-tát Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa Thanh văn; (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. từ Q.72 đến Q.79, Phần Nhiếp Quyết P.10, phần 3. Giới; P.11 Nhẫn, P.12 Tinh trạch: Địa Bồ-tát; Q.80, Phần Nhiếp Quyết tấn; Q.43, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản trạch: Địa Bồ-tát, Hai Địa Hữu dư y và Vô Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.13 Tĩnh lự, dư y; Q.81 và Q.82, Phần Nhiếp thích 1 & P.14 Tuệ, P.15 Nhiếp sự; Q.44, Đ.15 Địa 2; Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Cuốn 30/4, No. 1579 – 1584, dày hơn 866 Du-già. P.16 Cúng dường Thân cân Vô trang. Nội dung gồm có: Số 1579/100. lượng, P.17, phần 1. Bồ-đề Phần; Q.45, Luận Du-già-sư-địa, Phần Bản Địa, Q.83 Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, và Q.84, Phần Nhiếp Dị môn 1 & 2; Q.85, Trì Xứ Du-già. P.17, phần 2. Bồ-đề Phần; Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa Q.46, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 1; Q.86, Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.17, phần 3. Bồ- Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa đề Phần; P.18 Công đức của Bồ-tát; Q.48, chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 2; Q.87, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 2, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa Trì xứ Du-già Tùy pháp, P.1 Tướng Bồ- chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 3; Q.88, tát, P.2 Phần, P.3 Ý lạc Tăng thượng, P.4, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa phần 1. Trụ; Q.48, Đ.15 Địa Bồ-tát (Phần chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 4; Q.89, Bản Địa), Đoạn 2, Trì xứ Du-già Tùy Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa pháp, P.4, phần 2. Trụ; Đ.15 Địa Bồ-tát chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 1; Q.90, (Phần Bản Địa), Đoạn 3, Trì xứ

chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 2; Q.91, phần 2, P.18 Công đức của Bồ-tát; Xứ Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa Phương tiện thứ Pháp, P.1 Tướng Bồ-tát chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 3; Q.92, (Đoạn 2, 4 phẩm), P.2 Hỗ trợ; Q.9, Xứ Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa Phương tiện thứ Pháp, P.3 Tâm tịnh, P.4 chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 4; Q.93, Trụ; Q.10, Xứ Phương tiện Cứu cánh, P.1 Phần Nhiếp Sự, Đoạn 3: Sự khế Kinh, Lựa Sinh (Đoạn 3, có 5 phẩm), P.2 Gồm thâu, chọn, gồm thâu về Duyên khởi-Thực-Đế- P.3 Địa, P.4 Hành, P.5 Kiến lập; Số Giới, Đoạn 1; Q.94, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1582/9. Kinh Bồ-tát Thiện Giới, Q.1 P.1 3: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Mở đầu của Địa Bồ-tát, P.2 Tánh hành Duyên khởi-Thực-Đế-Giới, Đoạn 2; Q.95, Thiện của Địa Bồ-tát, P.3 Phát Tâm Bồ-đề Phần Nhiếp Sự, Đoạn 3: Sự khế Kinh, Lựa của Địa Bồ-tát, P.4 Lợi ích trong ngoài chọn, gồm thâu về Duyên khởi-Thực-Đế- của Địa Bồ-tát; Q.2, P.5 Nghĩa Chân thật Giới, Đoạn 3; Q.96, Phần Nhiếp Sự, Đoạn của Địa Bồ-tát, P.6 Bất khả Tư nghì của 3: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Địa Bồ-tát; Q.3, P.7 Điều phục của Địa Duyên khởi-Thực-Đế-Giới, Đoạn 4; Q.97, Bồ-tát, P.8 Bồ-đề của Địa Bồ-tát, P.9 Tánh Phần Nhiếp Sự, Đoạn 4: Sự khế Kinh, Lựa lực Bồ-đề của Địa Bồ-tát; Q.4, P.10 Bố thí chọn, gồm thâu về Pháp Bồ-đề phần, Đoạn của Địa Bồ-tát, P.11 Trì giới của Địa Bồ- 1; Q.98, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 4: Sự khế tát; Q.5, P.12 Nhẫn nhục của Địa Bồ-tát, Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Pháp Bồ-đề P.13 Tinh tấn của Địa Bồ-tát, P.14 Thiền phần, Đoạn 2; Q.99, Phần Nhiếp Sự, Đoạn định của Địa Bồ-tát, P.15 Trí tuệ của Địa 5: Sự Điều phục, Lựa chọn, gồm thâu Bồ-tát, P.16 Lời nhu hòa của Địa Bồ-tát; chung, Đoạn 1; Q.100, Phần Nhiếp Sự, Q.6, P.17 Cúng dường Tam bảo của Địa Đoạn 5: Sự Điều phục, Lựa chọn, gồm Bồ-tát, P.18 Ba Mươi bảy Phẩm Trợ đạo thâu chung, Đoạn 2; Đoạn 6: Sự Bản mẫu, của Địa Bồ-tát; Q.7, P.19 Pháp Số Trợ Bồ- Nêu bày-Biện giải, Gồm thâu; Số 1580/1. đề của Địa Bồ-tát, P.20 Công đức của Địa Luận Thích Du-già-sư-địa, Phần Bản Địa, Bồ-tát; P.1 Tướng của Bồ-tát Như pháp Đ.1 Năm Thức Tương ưng; Số 1581/10. Trụ, P.2 Thiền của Như pháp Trụ; Q.8, P.3 Kinh Bồ-tát Địa trì, Q.1 Xứ Phương tiện Tâm Định của Như pháp Trụ, P.4 Sinh địa Thứ nhất, P.1 Chủng tánh, P.2 Phát Tâm Bồ-đề của Như pháp Trụ, P.1 Sinh của Địa Bồ-đề, P.3 Tự lợi Lợi tha, P.4 Nghĩa Chân Cứu cánh; Q.9, P.2 Thâu giữ của Địa Cứu thật, phần 1; Q.2, Xứ Phương tiện Thứ cánh, P.3 Rốt ráo của Địa Cứu cánh, P.4 nhất, P.4 Nghĩa Chân thật, phần 2; P.5 Hành của Địa Cứu cánh, P.5 Ba mươi hai Lực; Q.3, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.6 tướng tốt-Tám mươi vẻ đẹp của Địa Cứu Thành thục, P.7 Bồ-đề Vô thượng, P.8 cánh; Số 1583/1. Kinh Bồ-tát Thiện Giới Lực Chủng tánh; Q.4, Xứ Phương tiện (Ưu-ba-ly hỏi Pháp Thọ Giới Bồ-tát); Số Thứ nhất, P.9 Thí, P.10 Giới, phần 1; Q.5, 1584/3. Luận Quyết Định Tạng, Quyển Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.10 Giới, phần thượng: Phẩm Tâm Địa, phần 1; Quyển 2; Q.6, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.11 trung: Phẩm Tâm Địa, phần 2; Quyển hạ: Nhẫn, P.12 Tinh tấn, P.13 Thiền, P.14 Phẩm Tâm Địa, phần 3. Tuệ; Q.7, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.15 Bốn Nhiếp, P.16 Cúng dường Tập cận Vô TẬP 31, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. lượng, P.17 Bồ-đề phần, phần 1; Q.8, Xứ 2561 – DL. 2018, gồm 4 cuốn. Phương tiện Thứ nhất, P.17 Bồ-đề phần,

Cuốn 31/1, No. 1585 – 1595, dày hơn 725 tịnh, C.3 Sinh bất tịnh, C.4 Thế gian tịnh, trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm C.5 Xuất thế gian tịnh; Q.4, Giải thích Các lược về nội

dung tập 31; Số 1585. Luận Dẫn chứng, C.6 Thuận Đạo lý, P.4 Giải Thành Duy Thức, có 10 quyển; Số 1586. thích Sai biệt, C.1 Ngôn thuyết, C.2 Ngã Duy Thức Tam thập Luận tụng; Số 1587. kiến, C.3 Hữu phân, C.4 Dẫn sinh, C.5 Chuyển Thức luận (Trích từ Vô Tướng Quả báo, C.6 Duyên tướng, C.7 Tướng luận); Số 1588. Duy Thức luận (còn tên là mạo; Q.5, P.5 Phải biết Thắng tướng, C.1 Phá Sắc Tâm luận); Số 1589. Đại thừa Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 Phân biệt; Q.6, Duy Thức luận; Số 1590. Duy Thức Nhị P.5 Phải biết Thắng tướng 2, C.4 Làm rõ thập luận; Số 1591. Luận Thành Duy Thức Ý y; Q.7, Phải biết Nhập Thắng tướng 3, Bảo sanh, có 5 quyển; Số 1592. Luận C.1 Tướng chính nhập, C.2 Người năng Nhiếp Đại thừa, Quyển thượng-Quyển hạ; nhập, C.3 Cảnh giới nhập, C.4 Vị nhập, Số 1593. Luận Nhiếp Đại thừa: Quyển C.5 Nhập Phương tiện đạo, C.6 Nhập Tư thượng, P.1 Các tên trong Y chỉ Thắng lương; Q.8, C.7 Nhập Tư lương quả, C.8 tướng, P.2 Nói về Tướng, P.3 Dẫn chứng, Hai Trí dụng, C.9 Hai Trí y chỉ, C.10 Hai P.4 Sai biệt, P.5 Phải Biết Thắng tướng; Trí sai biệt; Quyển trung, Phải biết Thắng tướng 2, Cuốn 31/2, No. 1595 – 1597, dày hơn 711 Phải biết Nhập Thắng tướng 3, Nhập Nhân trang. Nội dung gồm có: Số 1595. Nhiếp quả Thắng tướng 4; Quyển hạ, Nhập Nhân Đại thừa Luận thích, Q.9, Nhập Nhân quả quả Tu sai biệt Thắng tướng 5, Y Giới học Thắng tướng 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thắng tướng 6, Y Tâm học Thắng tướng Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, 7, Y Tuệ học Thắng tướng 8, Học quả C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Tịch diệt Thắng tướng 9, Trí sai biệt Nhiếp, C.9 Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Thắng tướng 10; Số 1594. Nhiếp Đại thừa Hiển thị lẫn nhau; Q.10, Giải thích Nhập luận bản, Quyển thượng, Phần 1. Cương Nhân quả Tu sai biệt Thắng tướng 5, C.1 yếu, Phần 2. Sở Tri y; Quyển trung, Phần Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Tướng chứng đắc, 3. Sở Tri tướng, Phần 4. Ngộ nhập Tướng C.4 Tu chứng; Q.11, Giải thích Nhập sở tri, Phần 5. Ngộ nhập Nhân quả; Quyển Nhân quả Tu sai biệt Thắng tướng 5-2, hạ, Phần 6. Tu tập sai biệt, Phần 7. Tăng C.5 Tu thời, Giải thích y Giới học Thắng thượng Giới học, Phần 8. Tăng thượng tướng 6, Giải thích y Tâm học Thắng Tâm học, Phần 9. Tăng thượng Tuệ học, tướng 7; Q.12, Y Giới học Thắng tướng 8; Phần 10. Quả đoạn, Phần 11. Quả trí; Số Q.13, Học quả Tịch diệt Thắng tướng 9, 1595. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.1, P.1 Trí sai biệt Thắng tướng 10; Q.14, Giải Giải thích các tên trong Y chỉ Thắng thích Trí sai biệt Thắng tướng 10-2; Q.15, tướng, P.1 Các tên, C.I Vô đẳng Thánh Giải thích Trí sai biệt Thắng tướng 10-3; giáo, C.II Thứ tự của 10 nghĩa, C.III Các Số 1596. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.1 tên gọi; Q.2, P.2 Giải thích các tên trong Y Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1, chỉ Thắng tướng 2, Chương Các tên khác, C.1 Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của C.2 Huân tập, C.3 Không một không khác, 10 nghĩa, C.3 Các tên; Q.2, Phải biết Y chỉ C.4 Làm Nhân quả cho nhau, C.5 Nhân Thắng tướng Thắng ngữ 1-2, C.4 Tướng, quả riêng hay không riêng, C.6 Duyên C.5 Huân tập, C.6 Không một không khác, sinh, C.7 Bốn duyên; Q.3, P.3 Dẫn chứng, C.7 Làm Nhân quả cho nhau, C.8 Nhân C.1 Phiền não bất tịnh, C.2 Nghiệp bất quả khác hay không khác, C.9 Duyên sinh,

C.10 Bốn duyên, C.11 Phiền não nhiễm, Thắng ngữ 2-2, C.3 Phân biệt, C.4 Bốn ý C.12 Nghiệp nhiễm, C.13 Sinh nhiễm; bốn hợp nghĩa; Q.6, Nhập Sở tri Thắng Q.3, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng tướng Thắng ngữ 3; Q.7, Nhập Nhân quả ngữ 1-3, C.14 Thế gian tịnh, C.15 Xuất thế Thắng tướng Thắng ngữ 4, C.1 Nhân quả gian tịnh, C.16 Thuận đạo

lý, C.17 Sai vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 biệt; Q.4, Phải biết Thắng tướng Thắng Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai ngữ 2-1, C.1 Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 biệt, C.8 Gồm thâu, C.9 Đối trị, C.10 Phân biệt; Q.5, Phải biết Thắng tướng Công đức, C.11 Hiển thị lẫn nhau; Tu sai Thắng ngữ 2-2, C.3 Phân biệt, C.4 Bốn ý biệt Thắng tướng Thắng ngữ 5, C.1 Đối bốn hợp nghĩa; Q.6, Nhập Sở tri Thắng trị, C.2 Đặt tên, C.3 Được tướng, C.4 Tu tướng Thắng ngữ 3; Q.7, Nhập Nhân quả tướng, C.5 Thời gian Tu tập; Q.8, Tăng Thắng tướng Thắng ngữ 4, C.1 Nhân quả thượng Giới học Thắng tướng Thắng ngữ vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 6, Tăng thượng Tâm học Thắng tướng Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai Thắng ngữ 7, Tăng thượng Tuệ học Thắng biệt, C.8 Gồm thâu, C.9 Đối trị, C.10 tướng Thắng ngữ 8; Q.9, Tăng thượng Tuệ Công đức, C.11 Hiển thị lẫn nhau; Tu sai học Thắng tướng Thắng ngữ 8-2, Tịch diệt biệt Thắng tướng Thắng ngữ 5, C.1 Đối Thắng tướng Thắng ngữ 9, Trí Thắng trị, C.2 Đặt tên, C.3 Được tướng, C.4 Tu tướng Thắng ngữ 10-1; Q.10, Trí Thắng tướng, C.5 Thời gian Tu tập; Q.8, Tăng tướng Thắng ngữ 10-2; Số 1597. Nhiếp thượng Giới học Thắng tướng Thắng ngữ Đại thừa Luận thích, Q.1, 1. Cương yếu, 6, Tăng thượng Tâm học Thắng tướng 2-1. Sở tri y; Q.2, 2-2. Sở tri y; Q.3, 2-3. Thắng ngữ 7, Tăng thượng Tuệ học Thắng Sở tri y; Q.4, 3-1. Tướng sở tri; Q.5, 3-2. tướng Thắng ngữ 8; Q.9, Tăng thượng Tuệ Tướng sở tri; Q.6, 4. Ngộ nhập Tướng sở học Thắng tướng Thắng ngữ 8-2, Tịch diệt tri; Q.7, 5. Ngộ nhập Nhân quả, 6. Tu tập Thắng tướng Thắng ngữ 9, Trí Thắng sai biệt; Q.8, 7. Tăng thượng Giới học, 8. tướng Thắng ngữ 10-1; Q.10, Trí Thắng Tăng thượng Tâm học, 9. Tăng thượng tướng Thắng ngữ 10-2; Số 1597. Nhiếp Tuệ học; Q.9, 9. Tăng thượng Tuệ học, 10. Đại thừa Luận thích luận, Q.1, Phải biết Y Quả đoạn, 11. Quả trí; Q.10, 11. Quả trí chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1, C.1 Vô (tt); Số 1598. Nhiếp Đại thừa Luận thích, đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của 10 nghĩa, Q.1, 1. Tổng nêu cương yếu, 2-1. Sở tri y; C.3 Các tên; Q.2, Phải biết Y chỉ Thắng Q.2, 2-2. Sở tri y; Q.3, 2-3. Sở tri y; Q.4, tướng Thắng ngữ 1-2, C.4 Tướng, C.5 3-1. Sở tri tướng; Q.5, 3-2. Sở tri tướng; Huân tập, C.6 Không một không khác, C.7 Cuốn 31/3, No. 1597 – 1604, dày hơn 755 Làm Nhân quả cho nhau, C.8 Nhân quả trang. Nội dung gồm có: Số 1598. Nhiếp khác hay không khác, C.9 Duyên sinh, Đại thừa Luận thích, Q.6, 4. Ngộ nhập C.10 Bốn duyên, C.11 Phiền não nhiễm, Tướng sở tri; Q.7, 5. Ngộ nhập Nhân quả, C.12 Nghiệp nhiễm, C.13 Sinh nhiễm; 6. Tu tập sai biệt, 7. Tăng thượng Giới Q.3, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng học; Q.8, 8. Tăng thượng Tâm học, 9. ngữ 1-3, C.14 Thế gian tịnh, C.15 Xuất thế Tăng thượng Tuệ học; Q.9, 10. Quả đoạn, gian tịnh, C.16 Thuận đạo lý, C.17 Sai 11. Quả trí; Q.10, 11. Quả trí; Số 1599. biệt; Q.4, Phải biết Thắng tướng Thắng Luận Trung biên Phân biệt, Quyển ngữ 2-1, C.1 Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 thượng, P.1 Tướng, P.2 Chướng, P.3 Chân Phân biệt; Q.5, Phải biết Thắng tướng thật; Quyển hạ, P.4 Đối trị Tu tập, P.5 Tu

trụ, P.6 Đắc quả, P.7 Vô thượng thừa; Số thừa Trang nghiêm Kinh (tt), Q.11, P.21-2 1600. Luận Biện Trung biên, Quyển Giác phần; Q.12, P.22 Công đức; Q.13, thượng, P.1 Biện tướng, P.2 Biện chướng; P.23 Hành trụ, P.24 Kính Phật; Số 1605. Quyển trung, P.3 Biện Chân thật, P.4 Biện Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận, Q.1, P.1 tu Đối trị, P.5 Biện tu Phần vị; Quyển hạ, Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần; Q.2, P.6 Biện Đắc quả, P.7 Biện Vô thượng P.1-2 Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần; thừa; Số 1601. Biện Trung Biên luận

tụng, Q.3, P.1-3 Phẩm Ba pháp trong Bản sự P.1 Biện tướng, P.2 Biện chướng, P.3 Biện phần; P.2 Phẩm Nhiếp trong Bản sự phần, Chân thật, P.4 Biện tu Đối trị, P.5 Biện tu P.3 Phẩm Tương ưng trong Bản sự phần, Phần vị, P.6 Biện Đắc quả, P.7 Biện Vô P.4 Phẩm Thành tựu trong Bản sự phần, thượng thừa; Số 1602. Luận Hiển dương P.1-1 Phẩm Đế trong Quyết trạch phần; Thánh giáo, Q.1, P.1 Nhiếp sự, Q.2, P.1-2 Q.4, P.1-2 Phẩm Đế trong Quyết trạch Nhiếp sự, Q.3, P.1-3 Nhiếp sự, Q.4, P.1-4 phần; Q.5, P.1-3 Phẩm Đế trong Quyết Nhiếp sự, từ Q.5 đến Q.13, P.2-(1-9) trạch phần; Q.6, P.2 Phẩm Pháp trong Nhiếp Tịnh nghĩa, Q.14, P.3 Thành Thiện Quyết trạch phần, P.3 Phẩm Đắc trong xảo, P.4 Thành Vô thường, Q.15, P.5 Quyết trạch phần; Q.7, P.3 Phẩm Đắc Thành Khổ, P.6 Thành Không, Q.16, P.6 trong Quyết trạch phần, P.4 Phẩm Luận Thành Không (tt), P.7 Thành Vô tính, P.8- nghị trong Quyết trạch phần; Số 1606. Đại 1 Thành Hiện quán, Q.17, P.8-1 Thành thừa A-tỳ-đạt-ma Tạp tập luận, từ Q.1 đến Hiện quán (tt), P.9 Thành Du-già, P.10 Q.4, P.1 (1-4) Phẩm Ba pháp trong Bản sự Thành Bất tư nghị, P.11-1 Nhiếp thắng phần; Q.5, P.1-5 Phẩm Ba pháp trong Bản Quyết trạch, từ Q.18 đến Q.20, P.11-(2-4) sự phần; P.2 Phẩm Nhiếp trong Bản sự Nhiếp thắng Quyết trạch; Số 1603. Hiển phần, P.3 Phẩm Tương ưng trong Bản sự dương Thánh giáo luận tụng, P.1 Nhiếp phần, P.4 Phẩm Thành tựu trong Bản sự sự, P.2 Nhiếp Tịnh nghĩa, P.3 Thành phần; từ Q.6 đến Q.10, P.1 (1-5) Phẩm Đế Thiện xảo, P.4 Thành Vô thường, P.5 trong Quyết trạch phần; Q.11, P.2-1 Phẩm Thành Khổ, P.6 Thành Không, P.7 Thành Pháp trong Quyết trạch phần; Q.12, P.2-2 Vô tính, P.8 Thành Hiện quán, P.9 Thành Phẩm Pháp trong Quyết trạch phần; Q.13, Du-già, P.10 Thành Bất tư nghị, P.11 P.3-1 Phẩm Đắc trong Quyết trạch phần; Nhiếp thắng Quyết trạch; Số 1604. Luận Q.14, P.3-2 Phẩm Đắc trong Quyết trạch Đại thừa Trang nghiêm Kinh, Q.1, P.1 phần; Q.15, P.4-1 Phẩm Luận trong Quyết Duyên khởi, P.2 Thành Tông, P.3 Quy y, trạch phần; Q.16, P.4-2 Phẩm Luận trong P.4 Chủng tính; Q.2, P.5 Phát Tâm, P.6 Quyết trạch phần; Số 1607. Luận Lục môn Hai lợi, P.7 Chân thật, P.8 Thần thông, P.9 Giáo thụ Tập định; Số 1608. Luận Nghiệp Thành thục; Q.3, P.10 Bồ-đề; Q.4, P.11 Thành tựu; Số 1609. Luận Đại thừa Thành Minh tín, P.12-1 Thuật cầu; Q.5, P.12-2 Nghiệp; Số 1610. Luận Phật tính, Q.1, Thuật cầu; Q.6, P.13 Hoằng pháp, P.14 Phần 1. Duyên khởi, Phần 2. Phá chấp; P.1 Tùy tu; Q.7, P.15 Giáo thụ, P.16 Nghiệp Phá chấp Tiểu thừa, P.2 Phá ngoại đạo, bạn, P.17 Độ nhiếp; Q.8, P.17-2 Độ nhiếp; P.3 Phá kiến Đại thừa; Q.2, Phần 3. Hiển Q.9, P.18 Cúng dường, P.19 Thân cận, thể, P.1 Ba Nhân, P.2 Ba Tính, P.3 Như P.20 Phạm trụ; Q.10, P.21-1 Giác phần; Lai tạng, Phần 4. Biện tướng, P.1 Tướng Cuốn 31/4, No. 15604 – 1627, dày hơn tự thể, P.2 Minh nhân, P.3 Hiển quả, P.4 759 trang. Nội dung gồm có: Luận Đại Sự năng; Q.3, P.5 Tổng nhiếp, P.6 Phân

biệt, P.7 Giai vị, P.8 Biến mãn; Q.4, P.9 minh Chính lý môn luận bản; Số 1629. Vô biến dị, P.10 Vô sai biệt; Số 1611. Nhân minh Chính lý môn luận; Số 1630. Luận Cứu cánh Nhất thừa Bảo tính, Q.1, Luận Nhân minh Nhập chính lý; Số 1631. P.1 Giáo hóa, P.2 Phật bảo, P.3 Pháp bảo, Luận Hồi tránh; Số 1632. Luận Phương P.4 Tăng bảo, P.5 Tất cả Chúng sanh có tiện Tâm, P.1 Nói rõ việc tạo luận, P.2 Nói Như Lai tạng, P.6 Vô lượng Phiền não trói rõ phụ xứ, P.3 Biện chính, P.4 Tương ưng; buộc, P.7 Vì nghĩa gì nói? P.8 Thân Số 1633. Luận Như thật Phẩm Phản Chất chuyển Thanh tịnh thành Bồ-đề, P.9 Như vấn, P.1 Luận nạn về không đạo lý trong Lai công đức, P.10 Phật nghiệp tự nhiên Phẩm Phản

Chất vấn, P.2 Luận nạn về đạo không ngừng nghỉ, P.11 Hiệu lượng tín lý trong Phẩm Phản Chất vấn, P.3 Rơi vào Công đức; Q.2, P.2 Phật bảo, P.3 Pháp chỗ thua bại trong Phẩm Phản Chất vấn; bảo, P.4 Tăng bảo; Q.3, P.5 Tất cả chúng Số 1634. Luận Nhập Đại thừa, Quyển sanh có Như Lai tạng; Q.4, P.6 Vô lượng thượng, Quyển hạ, P.2 Bài bác về luận Phiền não trói buộc, P.7 Vì nghĩa gì nói? không, P.3 Thuận tu các hạnh; Số 1635. P.8 Thân chuyển Thanh tịnh thành Bồ-đề, Luận Đại thừa Bảo yếu nghĩa, từ Q.1 đến P.9 Như Lai công đức, P.10 Phật nghiệp tự Q.10; Số 1636. Luận Đại thừa Tập Bồ-tát nhiên không ngừng nghỉ, P.11 Hiệu lượng học, Q.1, P.1 Tập hợp học xứ về Bố thí 1, tín Công đức; Số 1612. Luận Đại thừa Q.2, P.1 Tập hợp học xứ về Bố thí 2, Q.3, Ngũ uẩn; Số 1613. Luận Đại thừa Quảng P.1 Tập hợp học xứ về Bố thí 3, P.2 Về Ngũ uẩn; Số 1614. Luận Đại thừa Bách Giới hộ trì chính pháp 1, Q.4, P.2 Học xứ pháp Minh môn (Lược lục Danh số trong về Giới hộ trì Chính pháp 2, P.3 Học xứ Bản sự phần); Số 1615. Luận Vương Pháp về hộ Pháp sư, P.4 Học xứ về Không 1, chỉnh lý; Số 1616. Luận Thập bát Không Q.5, P.4 Học xứ về Không 2, Q.6, P.4 Học (Hoặc 16, hoặc 18, hoặc 14, hoặc 17); Số xứ về Không 3, Q.7, P.4 Học xứ về Không 1617. Luận Tam Vô tính (Xuất từ Vô 4, P.5 Tập hợp lìa các chướng nạn về Học Tướng luận), Quyển thượng-Quyển hạ; Số giới 1, Q.8, P.5 Tập hợp lìa các chướng 1618. Luận Hiển Thức (Xuất xứ từ Luận nạn về Học giới 2, P.6 Học xứ về Hộ thân Vô Tướng); Số 1619. Luận Vô Tướng tư 1, Q.9, P.6 Học xứ về Hộ thân 2, P.7 Học trần; Số 1620. Luận Giải Quyển; Số 1621. xứ về Hộ thụ dụng Phúc 1, Q.10, P.7 Học Luận Chưởng Trung; Số 1622. Luận Thủ xứ về Hộ thụ dụng Phúc 2, P.8 Học xứ về nhân giả thiết; Số 1623. Quán Tổng tướng Thanh tịnh 1, Q.11, P.8 Học xứ về Thanh Luận tụng; Số 1624. Luận Quán Sở Duyên tịnh 2, Q.12, P.8 Học xứ về Thanh tịnh 3, duyên; Số 1625. Quán Sở Duyên luận P.9 Học xứ về Nhẫn nhục, Q.13, P.10 Học thích; Số 1626. Luận Đại thừa Pháp giới xứ về Tinh tiến Ba-la-mật-đa, P.11 Học xứ Vô sai biệt; Số 1627. Luận Đại thừa Pháp về A-lan-nhã 1, Q.14, P.11 Học xứ về A- giới Vô sai biệt (Cũng có một tên là Luận lan-nhã 2, P.12 Học xứ về Trị tâm 1 (Phụ Như Lai tạng). thêm: Thiền định Ba-la-mật-đa), Q.15, P.12 Học xứ về Trị tâm 2 (còn tên là Phẩm TẬP 32, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. Thiền định Ba-la-mật-đa), Q.16, P.12 Học 2561 – DL. 2018, gồm 4 cuốn. xứ về Trị tâm 3, P.13 Học xứ về Niệm xứ Cuốn 32/1, No. 1628 – 1644, dày hơn 724 1, 17, P.13 Học xứ về Niệm xứ 2, P.14 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm Học xứ về Tự tính Thanh tịnh 1, Q.18, lược về nội dung tập 32; Số 1628. Nhân P.14 Học xứ về Tự tính Thanh tịnh 2,

Q.19, P.14 Học xứ về Tự tính Thanh tịnh đầy đủ, P.2 Mười năng lực, P.3 Bốn Vô 3, P.15 Học xứ về Chính mạng Thụ dụng úy, P.4 Mười Danh hiệu, P.5 Ba Không 1, Q.20, P.15 Học xứ về Chính mạng Thụ hộ, P.6 Luận Pháp bảo-trước tiên là 3 dụng 2, P.16 Học xứ về Tăng trưởng thiện, P.7 Các giáo pháp, P.8 Mười hai bộ Thắng lực 1, Q.21, P.16 Học xứ về Tăng Kinh, P.9 Luận Tăng bảo, Trước tiên là trưởng Thắng lực 2, P.17 Học xứ về Cung Thanh tịnh, P.10 Phân biệt Hiền-Thánh, kính Tác lễ 1, Q.22, P.17 Học xứ về Cung P.11 Ruộng phúc, P.12 Cát tường; Q.2, kính Tác lễ 2, P.18 Học xứ về Nghĩ nhớ P.13 Lập luận, P.14 Các môn luận, P.15 Tam bảo 1, Q.23, P.18 Học xứ về Nghĩ Khen ngợi, P.16 Bốn pháp, P.17 Bốn đế, nhớ Tam bảo 2, Q.24, P.18 Học xứ về P.18 Các nhóm pháp, P.19 Mười luận: Nghĩ nhớ Tam bảo 3, Q.25, P.18 Học xứ Trước tiên là Tướng có, P.20 Tướng về

Nghĩ nhớ Tam bảo 4; Số 1637. Luận không, P.21 Có 2 đời, P.22 Không có 2 Tập Đại thừa Tướng, Quyển thượng- đời, P.23 Tất cả có-không, Q.3, P.24 Có Quyển hạ; Số 1639. Luận Đề-bà Bồ-tát Trung ấm, P.25 Không có Trung ấm, P.26 Phá-lăng-già Kinh trung ngoại đạo Tiểu Thứ tự, P.27 Cùng một lúc, P.28 Thoái lui, thừa Tứ tông; Số 1640. Luận Đề-bà Bồ-tát P.29 Không thoái lui, P.30 Tâm tính, P.31 Phá-lăng-già Kinh trung ngoại đạo Tiểu Tương ưng và không Tương ưng, P.32 thừa Niết-bàn; Số 1641. Luận Tùy Tướng; Nghiệp quá khứ, P.33 Nói về 2 ngôi báu, Số 1642. Luận Kim cương châm; Số 1643. P.34 Vô ngã, P.35 Có ngã-không có ngã, Kinh Ni-càn tử hỏi nghĩa Vô ngã; Số P.36 Sắc tướng trong luận về Sắc của 1644. Luận Lập thế A-tỳ-đàm, Q.I, P.1 nhóm Khổ đế, P.37 Sắc danh, P.38 Bốn Địa động, P.2 Nam Diêm-phù-đề, P.3 Sáu Đại giả danh, P.39 Bốn Đại thật có, P.40 nước lớn, P.4 Thần Dạ-xoa; Q.II, P.5 Voi Không phải kia cứng, P.41 Làm Sáng tỏ chú Lậu-xà-kì-lợi, P.6 Bốn Thiên hạ, P.7 Bản tông, P.42 Không có Tướng cứng, Số lượng, P.8 Cõi trời; Q.III, P.9 Vườn P.43 Có Tướng cứng, P.44 Tướng của 4 Hoan hỷ, P.10 Vườn chúng xa, P.11 Vườn Đại; Q.4, P.45 Căn giả danh, P.46 Phân Ác khẩu, P.12 Vườn tạp, P.13 Vườn Ba- biệt căn, P.47 Căn và Đại đồng nhau, P.48 lợi-dạ-đa; Q.IV, P.14 Thành Đề-đầu-lại- Căn vô tri, P.49 Căn-Trần hợp nhau lìa tra, P.15 Thành Tỳ-lưu-lặc-xoa, P.16 Tỳ- nhau, P.50 Thanh văn, P.51 Nghe mùi, lưu-bát-xoa, P.17 Thành Tỳ-sa-môn; Q.V, P.52 Biết xúc, P.53 Ý; Q.5, P.54 Căn P.18 Chiến đấu giữa trời và phi thiên, P.19 không quyết định, P.55 Tướng của sắc Nhật nguyệt hành; Q.VI, P.20 Vì sao? nhập, P.56 Tướng của tiếng, P.58 Tướng Cuốn 32/2, No. 1644 – 1648, dày hơn 713 của vị, P.59 Tướng của xúc, P.60 Trong trang. Nội dung gồm có: Số 1644. Luận Thức luận của nhóm Khổ đế-lập không số, Lập thế A-tỳ-đàm, Q.VII, P.21 Thụ sinh, P.61 Lập có số, P.62 Chẳng phải không số, P.22 Thọ lượng; Q.VIII, P.23 Địa ngục; P.63 Chẳng phải có số, P.64 Thuyết minh Q.IX, P.24 Tiểu Tam tai; Q.X, P.1 Địa không số, P.65 Không tương ưng, P.66 Có động, P.25 Đại Tam tai; Số 1645. Luận tương ưng, P.67 Chẳng phải tương ưng, Chương sở tri, Quyển thượng, P.1 Khí thế P.68 Nhiều tâm, P.69 Một tâm, P.70 giới, P.2 Tình thế giới; Quyển hạ, P.3 Đạo Chẳng phải nhiều tâm, P.71 Chẳng phải pháp, P.4 Quả pháp, P.5 Vô vi pháp; Số một tâm, P.72 Thuyết minh nhiều tâm, 1646. Thành Thật luận, Q.1, P.1 Nhóm mở P.73 Thức Tam trụ, P.74 Thức không trụ, đầu luận Phật bảo, Trước tiên là đức tính P.75 Thức cùng sinh, P.76 Thức không

đồng thời cùng sinh; Q.6, P.77 Tưởng ấm âm thanh, P.149 Phá chấp về hương-vị- trong nhóm Khổ đế, P.78 Tướng của Thụ xúc, P.150 Phá chấp về Ý thức, P.151 Phá trong luận về Thụ của nhóm Khổ đế, P.79 chấp về Nhân quả, P.152 Thế-đế; Q.12, Hành khổ, P.80 Hoại khổ, P.81 Luận về 3 P.153 Diệt pháp tâm, P.154 Diệt tận, Thụ, P.82 Hỏi về Thụ, P.83 Năm Thụ căn, P.155 Định nhân trong luận về Định của P.84 Luận về Tư trong Hành ấm của nhóm nhóm Đạo đế, P.156 Tướng của Định, Khổ đế, P.85 Xúc, P.86 Niệm, P.87 Dục, P.157 Ba Tam-muội, P.158 Bốn Tu định, P.88 Hỷ, P.89 Tin, P.90 Cần, P.91 Hồi ức, P.159 Bốn Vô lượng định, P.160 Năm P.92 Giác quán, P.93 Các Tâm số; Q.7, nhánh Thánh Tam-muội, P.161 Sáu Tam- P.94 Bất Tương ưng hành, P.95 Tướng muội, P.162 Bảy Tam-muội, P.163 Tám của Nghiệp trong luận về Nghiệp của Giải thoát, P.164 Tám Thắng xứ, P.165 Sơ nhóm Khổ đế, P.96 Không tạo tác, P.97 thiền; Q.13, P.166 Nhị thiền, P.167 Tam Cố ý và không cố ý, P.98 Tội nhẹ nặng, thiền, P.168 Tứ thiền, P.169 Vô Biên

hư P.99 Nghiệp lợi lớn nhỏ, P.100 Ba nghiệp, không xứ, P.170 Ba Vô sắc định, P.171 P.101 Tà hành, P.102 Chình hành, P.103 Diệt tận định, P.172 Mười Nhất thiết xứ, Nghiệp buộc; Q.8, P.104 Ba Nghiệp báo, P.173 Mười tưởng-Vô thường tưởng, P.105 Ba thứ Nghiệp thụ báo, P.106 Ba P.174 Tướng của Khổ, P.175 Tưởng Vô Chướng, P.107 Bốn Nghiệp, P.108 Ngũ ngã; Q.14, P.176 Tưởng chán ăn, P.177 Nghịch, P.109 Năm Giới, P.110 Sáu Tưởng tất cả thế gian không gì có thể vui, Nghiệp, P.111 Bảy Bất thiện Luật nghi, P.178 Tưởng bất tịnh, P.179 Tưởng về sự P.112 Bảy Thiện Luật nghi, P.113 Tám chết, P.180 Ba Tưởng sau, P.181 Năm Giới trai, P.114 Tám thứ lời nói, P.115 Định cụ đầu trong các Định cụ, P.182 Bất Nghiệp, P.116 Mười con đường bất thiện; Thiện giác, P.183 Thiện giác, P.184 Năm Q.10, P.117 Mười Thiện đạo, P.118 Tội Định cụ sau, P.185 Hơi thở ra vào, P.186 lỗi, P.119 Ba Nghiệp nhẹ nặng, P.120 Nói Định nạn; Q.15, P.187 Chỉ quán, P.188 Tu rõ Nghiệp nhân, P.121 Tướng của Phiền Định, P.189 Tướng của Trí trong luận về não-trong luận về Phiền não của nhóm Trí của nhóm Đạo đế, P.190 Thấy một Đế, Tập đế, P.122 Tướng của Tham, P.123 P.191 Duyên tất cả; Q.16, P.192 Thánh Nhân của Tham, P.124 Lỗi của Tham, hành, P.193 Kiến trí, P.194 Ba Tuệ, P.195 P.125 Dứt trừ Tham, P.126 Sân nhuế, Bốn Trí vô ngại, P.196 Năm Trí, P.197 Trí P.127 Vô minh, P.128 Kiêu mạn, P.129 sáu Thông, P.198 Trí Nhẫn, P.199 Chín Nghi, P.130 Thân kiến, P.131 Kiến chấp Trí, P.200 Mười Trí, P.201 Bốn Mươi bốn một bên, P.132 Tà kiến, P.133 Hai Thủ, Trí, P.202 Bảy mươi bảy Trí; Số 1647. Tứ P.134 Tùy Phiền não, P.135 Bất Thiện Đế luận, Q.1, P.1 Tư duy lựa chọn, P.2 căn, P.136 Tạp Phiền não, P.137 Chín thứ Lược nói 4 Đế, P.3 Phân biệt Khổ đế 1; Kết; Q.11, P.138 Các Câu hỏi khác, P.139 Q.2, P.3 Phân biệt Khổ đế 2; P.4 Tư duy Dứt lỗi, P.140 Thuyết minh về Nhân, về Tập đế; Q.3, P.5 Phân biệt Diệt đế; Q.4, P.141 Trong nhóm Diệt đế-trước tiên lập P.6 Phân biệt Đạo đế; Số 1648. Luận Giải Giả danh, P.142 Tướng của Giả danh, thoát đạo, Q.I, P.1 Nhân duyên, P.2 Phân P.143 Phá chấp cho là một, P.144 Phá biệt Giới; Q.II, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt chấp cho là khác, P.145 Phá chấp cho là về Định, P.5 Tìm Thiện tri thức. bất khả thuyết, P.146 Phá chấp không, Cuốn 32/3, No. 1648 – 1667, dày hơn 752 P.147 Thành lập không, P.148 Phá chấp về trang. Nội dung gồm có: Số 1648. Luận

Giải thoát đạo (Con đường Giải thoát), Luận Phát tâm Vô thượng Chính đẳng Q.III, P.6 Phân biệt Hành, P.7 Phân biệt Chính giác trong Kim Cương đỉnh Du-già; Hành xứ; Q.IV, P.8 Hành môn 1; Q.V, P.8 Số 1666. Luận Đại thừa Khởi tín; Số Hành môn 2; Q.VI, P.8 Hành môn 3; 1667. Luận Đại thừa Khởi tín, Quyển Q.VII, P.8 Hành môn 4; Q.VIII, P.8 Hành thượng-Quyển hạ. môn 5; Q.IX, P.9 Năm Thần thông, P.10 Cuốn 32/4, No. 1668 – 1692, dày hơn 648 Phân biệt Tuệ; Q.X, P.11 Năm Phương trang. Nội dung gồm có: Số 1668. Luận tiện 1; Q.XI, P.11 Năm Phương tiện 2, Thích Ma-ha-diễn, có 10 quyển; Số P.12 Phân biệt Đế 1; Q.XII, Phân biệt Đế 1669/20, Luận Đại Tông Địa huyền văn 2; Số 1649. Luận Tam-di-để bộ, Quyển bản, có 20 quyển; Số 1670/2 (Bản A. 2 thượng-Quyển trung-Quyển hạ; Số 1650. quyển). Kinh Na-tiên Tỳ-kheo, Quyển Luận Bích-chi Phật Nhân duyên, Quyển thượng; Số 1671/12. Kinh Phước cái thượng-Quyển hạ; Số 1651. Luận Thập Chánh hạnh Sở tập, có 12 quyển; Số nhị Nhân duyên; Số 1652 [1653]. Luận 1672/1. Long Thọ Bồ-tát vị Thiền-đà-ca Duyên sinh; Số 1654. Luận Nhân duyên Vương Thuyết pháp yếu kệ; Số 1673/1. Tâm, Bài tụng Luận Nhân duyên Tâm, Khuyến Phát chư

Vương yếu kệ; Số Giải thích Luận Nhân duyên Tâm; Số 1674/1. Long Thọ Bồ-tát Khuyến Giới 1655. Luận Chỉ Quán môn tụng; Số 1656. Vương tụng; Số 1675/1. Tán Pháp Giới Luận Bảo Hành vương chính, P.1 An lạc tụng; Số 1676/1. Quảng Đại Phát nguyện Giải thoát, P.2 Tạp, P.3 Bồ-đề tư lương, tụng; Số 1677/1. Tam Thân Phạn tán; Số P.4 Chính giáo vương, P.5 Chính hạnh 1678/1. Phật Tam thân tán; Số 1679/1. xuất gia; Số 1657. Luận Thủ Trượng; Số Phật Nhất bách bát Danh tán; Số 1680/1. 1658. Luận Chư giáo Quyết định Danh Nhất Bách ngũ thập tán Phật tụng; Số nghĩa; Số 1659. Luận Phát Bồ-đề Tâm 1681/3. Phật Cát tường đức tán, Quyển Kinh, Quyển thượng, P.1 Khuyên Phát thượng-Quyển trung-Quyển hạ; Số tâm, P.2 Phát tâm, P.3 Thệ nguyện, P.4 1682/1. Thất Phật tán Bối-già-tha; Số Đàn Ba-la-mật, P.5 Thi Ba-la-mật, P.6 1683/1. Kiền Trùy Phạn tán; Số 1684/1. Sằn-đề Ba-la-mật; Quyển hạ, P.7 Tỳ-lê-da Bát Đại Linh Tháp Phạn tán; Số 1685/1. Ba-la-mật, P.8 Thiền Ba-la-mật, P.9 Bát- Kinh Phật thuyết Bát đại linh Tháp danh nhã Ba-la-mật, P.10 Pháp môn Như thật, hiệu; Số 1686/1. Hiền Thánh tập-già-đà P.11 Không-Vô tướng, P.12 Công đức trì; Nhất bách tụng; Số 1687/1. Sự sư Pháp Số 1660. Luận Bồ-đề Tư lương, có 6 ngũ thập tụng; Số 1688/1. Kinh Mật Tích quyển; Số 1661. Luận Bồ-đề Tâm ly Lực sĩ Đại quyền Thần vương kệ tụng; Số tướng; Số 1662. Kinh Bồ-đề hành, Q.I, P.1 1689/1. Kinh Thỉnh Tân-đầu-lô; Số Ca ngợi Tâm Bồ-đề, P.2 Tâm Bồ-đề thí 1690/1. Kinh Tân-đầu-lô Đột-la-xà vị Ưu- cúng dường, P.3 Hộ Giới; Q.II, P.4 Tâm đà-diên vương Thuyết pháp; Số 1691/1. Bồ-đề Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa, P.5 Tâm Kinh Ca-diếp Tiên nhân thuyết y nữ nhân; Bồ-đề Tinh tiến Ba-la-mật-đa; Q.III, P.6 Số 1692/1. Kinh Thắng Quân hóa thế bách Tâm Bồ-đề Tĩnh lự Ba-la-mật-đa; Q.IV, dụ Già-tha. P.7 Tâm Bồ-đề Bát-nhã Ba-la-mật-đa, P.8 Tâm Bồ-đề Hồi hướng; Số 1663. Bồ-đề Tâm Quán thích; Số 1664. Luận Quảng thích Bồ-đề Tâm, có 4 quyển; Số 1665.

1.569. LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO Tu viện Chơn Không (Vũng Tàu) – 1972 TỐI THƯỢNG NGHĨA Sách này có 19 trang, bìa mềm. Nội dung Tạo luận: Bồ-tát Thiện Tịch gồm có: Lời giới thiệu; Luận Tọa Thiền; Hán dịch: Thí Hộ Tiểu sử Tác giả; Tỉnh Hành văn; Văn Phát Việt dịch: Thích Như Điển nguyện; Lời bạt. Luận này được trích từ các Kinh điển: Kinh Pháp Tập, Kinh Bảo Tích, Kinh 1.572. LUẬN TỐI THƯỢNG THỪA Lăng-già, Kinh Bảo Vân, Kinh Hiển Ái, Thuật luận: Hoằng Nhẫn (602-675) Kinh Phong Bát Đa Thiết Đa, Kinh Hoa Dịch giả: Thích Thanh Từ Pháp bảo-Luận tạng) này có 95 trang, nội dung gồm: Lời Dịch giả, Luận Tối Thượng thừa; Truyền Tâm 1.570. LUẬN TỊNH ĐỘ pháp yếu-Tựa; Pháp yếu Truyền tâm- Hán dịch: Thích Ca Tài Thiền sư Đoạn Tế núi Hoàng Bá; Hoàng Việt dịch: Giới Niệm-Diệu Thảo- Bá Đoạn tế Thiền sư Uyển Lăng lục; Tiểu Chúc Đức-Định Tuệ sử ngài Hoàng Bá. Nxb Tôn Giáo – 2009 Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 9 1.573. chương: Quyển thứ nhất, C.I Xác định thể LUẬN TỤNG CHỈ QUÁN MÔN tính của cõi nước, 1. Thể tính, 2. Thuộc Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân hay không thuộc tam giới; C.II Xác định Hán dịch: người vãng sanh; C.III Xác định nhân Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) vãng sanh, 1. Dẫn Kinh Luận, 2. Vắn tắt Việt dịch: Thích Như Điển về nhân vãng sanh; Quyển thứ hai, C.IV Nội dung Luận tụng này luận nói về môn Lý luận, 1. Lý lẽ của việc vãng sanh Tịnh Chỉ Quán. Văn luận tụng được trình bày độ, 2. Phân tích và giải thích những điểm theo thể ngũ ngôn, mỗi câu 5 chữ, toàn bộ khó hiểu; C.V Dẫn chứng Kinh luận, 1. có khoảng 306 câu. Quyển thứ ba, C.VI Dẫn chứng người

bảo-Luận tạng) được vãng sanh, 1. Tỳ-kheo Tăng được vãng sanh, 2. Tỳ-kheo Ni được vãng sanh, 1.574. LUẬN TÙY TƯỚNG 3. Cư sĩ nam được vãng sanh, 4. Cư sĩ nữ Tạo luận: Pháp sư Đức Huệ được vãng sanh; C.VII So sánh cõi Tây Hán dịch: Chơn Đế Phương và cung trời Đâu-suất, 1. Sự khác Việt dịch: Thích Như Điển nhau giữa hai cõi tịnh và uế, 2. Sự cầu Nội dung Luận này giải thích về 18 chân giảng giáo pháp; C.IX Dạy người chán cõi bảo-Luận tạng) uế, ưa cõi tịnh, 1. Chán cõi uế, 2. Ưa cõi tịnh. 1.575. LUẬN TỨ ĐẾ (Luận về Bốn Chân Lý) 1.571. LUẬN TỌA THIỀN Tạo luận: Bà-tẩu-bạt-ma Tác giả: Thiền sư Đại Giác (1215-1270) Hán dịch: Chơn Đế Việt dịch: Thích Nhật Quang

Các bản Việt dịch: B.1 Nguyên Hồng; B.2 tụng (Phạn ngữ); b. Tam Thập Duy thức Thích Như Điển luận tụng (Hán ngữ); c. Ba mươi bài tụng Bản 1 gồm có 4 quyển, 6 phẩm: Q.I, P.1 Duy Thức (Việt ngữ); d. Sáu bộ kinh, Tư duy lựa chọn, P.2 Lược nói Bốn đế, mười một bộ luận của Duy Thức tông. P.3 Phân biệt Khổ đế 1; Q.II, P.3 Phân biệt Luận này được tái bản nhiều lần: Năm Khổ đế 2, P.4 Tư duy về Tập đế; Q.III, P.5 1999, Nxb Tôn Giáo; năm 2006, Nxb Văn Phân biệt Diệt đế; Q.IV, P.6 Phân biệt Đạo hóa Sài Gòn. đế. Bản 2, Q.I, 1.P Tư trạch, 2.P Lược nói, 3.P 1.577. LUẬN THÀNH DUY THỨC Phân biệt Khổ đế (1); Q.II, 3.P Phân biệt Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Khổ đế (2), 4.P Tư lương Tập đế; Q.III, Huyền Trang (602-664) 5.P Phân biệt Diệt đế; Q.IV, 6.P Phân biệt Dịch và chú: Tuệ Sỹ Đạo đế. Nxb Phương Đông – 2009 bảo/Luận tạng) chương: Mục lục, Tựa quy kỉnh; Chương I. Biểu hiện của Thức (1. Ngã và pháp, 2. 1.576. LUẬN THÀNH DUY THỨC Tổng kết); Chương II. A-lại-da thức (1. Tác giả: Bồ-tát Hộ Pháp Định danh, 2. Chủng tử, 3. Hành tướng và Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - sở duyên, 4. Tâm sở tương ưng, 5. Bản Huyền Trang (602-664) chất và tồn tục, 6. Thức hằng chuyển, 7. Dịch và chú: Xả A-lại-da, 8. Chứng minh sự tồn tại của Thích Thiện Siêu (1921-2001) căn bản thức); Chương III. Thức Mạt-na Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn (1. Định danh, 2. Sở y của Mạt-na, 3. Sở hành – 1996 duyên của Mạt-na, 4. Tính tướng của Mạt- Luận có khổ 13 x 19cm, dày 585 trang, bìa na, 5. Tâm sở tương ưng, 6. Phần vị khởi mềm. Tác phẩm luận này gồm có 5 phần diệt, 7. Chứng lý tồn tại); Chương IV. Về chính: 1. Tựa, 2. Nghĩa chữ Thành Duy sáu thức (1. Các đặt tính, 2. Tâm sở tương Thức, 3. Luận Thành Duy Thức (1. Lược ưng, 3. Phần vị hiện khởi của sáu thức); nêu tướng Duy Thức, 2. Phá chấp ngã, 3. Chương V. Sở biến của Thức (1. Biến thái Hai thứ ngã chấp, 4. Giải thích vấn nạn, 5. của Thức, 2. Chứng minh giáo nghĩa Duy Phá chấp pháp, 6. Phá các thừa giáo chấp Thức, 3. Duy Thức duyên khởi, 4. Chủng pháp, 7. Thức biến hiện thứ Nhất, 8. Giải tử và hiện hành); Chương VI. Tiến trình rõ tướng Nhất thiết chủng, 9. Chứng minh sinh tử (1. Giải thích văn nghĩa, 2. Mười có thức thứ Tám, 10. Thức biến hiện thứ hai hữu chi); Chương VII. Ba Tự tính (1. Hai, 11. Thức biến hiện thứ Ba, 12. Dựa Định nghĩa, 2. Các vấn đề, 3. Ba Vô tính); 15 xứ lập 10 nhân, 13. Bốn duyên nhiếp Chương VIII. Thể nghiệm của Thức (1. 10 và 2 nhân, 14. Năm quả, 15. Chánh Tư lương vị, 2. Gia hành vị, 3. Thông đạt luận về duyên sanh phân biệt, 16. Giải vị, 4. Tu tập vị, 5. Cứu cánh vị). thích vấn nạn, 17. Ba tự tánh, 18. Ba vô Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều tánh, 19. Năm hạnh vị tu chứng, 20. Tư lần: Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức lương vị, 21. Gia hạnh vị, 22. Thông đạt Nha Trang, Ban Tu Thư Phật học ấn hành vị, 23. Tu tập vị, 24. Cứu cánh vị); 4. Chú năm 2003 – 2005; năm 2014 - 2019, Nxb thích, 5. Phụ lục: a. Duy

Thức Tam thập Hồng Đức.

1.578. LUẬN THÀNH THẬT định, P.55 Tướng của sắc nhập, P.56 (Satyasiddhi-sàstra) Tướng của tiếng, P.57 Tướng của hương, Tạo luận: Ha-lê-bạt-ma (Harivarman) P.58 Tướng của vị, P.59 Tướng của xúc, Hán dịch: P.60 Lập không số trong Thức luận của Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) nhóm Khổ đế, P.61 Lập có số, P.62 Chẳng Việt dịch: Nguyên Hồng phải không số, P.63 Chẳng phải có số, Nxb Phương Đông, P.64 Thuyết minh không số, P.65 Không PL. 2556 – DL. 2012. Tương ưng, P.66 Có Tương ưng, P.67 Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 749 trang, Chẳng phải tương ưng, P.68 Nhiều tâm, bìa mềm, tựa chữ Việt màu trắng, tựa chữ P.69 Một tâm, P.70 Chẳng phải nhiều tâm, Hán và chữ Phạn màu đen. P.71 Chẳng phải một tâm, P.72 Thuyết Nội dung gồm có 16 quyển, 202 phẩm: minh nhiều tâm, P.73 Thức tạm trụ, P.74 Q.I, P.1 Nhóm mở đầu Luận Phật bảo, Thức không trụ, P.75 Thức cùng sinh, trước tiên đức tính đầy đủ, P.2 Mười năng P.76 Thức không đồng thời cùng sinh; lực, P.3 Bốn vô úy, P.4 Mười danh hiệu, Q.VI, P.77 Tướng ấm trong nhóm Khổ đế, P.5 Ba không hộ, P.6 Luận Pháp bảo, P.78 Tướng của Thụ trong luận về Thụ trước tiên 3 thiện, P.7 Các giáo pháp, P.8 của nhóm Khổ đế, P.79 Hành khổ, P.80 Mười hai bộ Kinh, P.9 Luận Tăng bảo, Hoại khổ, P.81 Luận về 3 Thụ, P.82 Hỏi trước tiên thanh tịnh, P.10 Phân biệt Hiền về Thụ, P.83 Năm Thụ căn, P.84 Luận về Thánh, P.11 Ruộng phúc, P.12 Cát tường; Tư trong Hành ấm, P.85 Xúc, P.86 Niệm, Q.II, P.13 Lập luận, P.14 Các môn luận, P.87 Dục, P.88 Hỷ, P.89 Tín, P.90 Cần, P.15 Khen ngợi, P.16 Bốn pháp, P.17 Bốn P.91 Hồi ức, P.92 Giác quán, P.93 Các đế, P.18 Các nhóm pháp, P.19 Mười luận- tâm số; Q.VII, P.94 Bất tương ưng hành, trước tiên Tướng có, P.20 Tướng không, P.95 Tướng của Nghiệp trong Luận về P.21 Có 2 đời, P.22 Không có 2 đời, P.23 Nghiệp của nhóm Tập đế, P.96 Không tạo Tất cả có không; Q.III, P.24 Có Trung ấm, tác, P.97 Cố ý và không cố ý, P.98 Tội nhẹ P.25 Không có Trung ấm, P.26 Thứ tự, nặng, P.99 Nghiệp lợi lớn nhỏ, P.100 Ba P.27 Cùng một lúc, P.28 Thoái lui, P.29 Nghiệp, P.101 Tà hành, P.102 Chính hành, Không thoái lui, P.30 Tâm tính, P.31 P.103 Nghiệp buộc; Q.VIII, P.104 Ba Tương ưng và không tương ưng, P.32 Nghiệp báo, P.105 Ba thứ Nghiệp thụ báo, Nghiệp quá khứ, P.33 Hai ngôi báu, P.34 P.106 Ba Chướng, P.107 Bốn Nghiệp, Vô ngã, P.35 Có ngã-không có ngã, P.36 P.108 Năm Nghịch, P.109 Năm Giới, Sắc tướng trong luận về Sắc của nhóm P.110 Sáu Nghiệp, P.111 Bảy Bất thiện Khổ đế, P.37 Sắc danh, P.38 Bốn đại giả luật nghi, P.112 Bảy Thiện luật nghi, danh, P.39 Bốn đại thật có, P.40 Không P.113 Tám giới trai, P.114 Tám thứ lời phải kia cứng, P.41 Làm sáng tỏ bản tông, nói, P.115 Nghiệp, P.116 Mười con đường P.42 Không có tướng cứng, P.43 Có tướng bất thiện; Q.IX, P.117 Mười thiện đạo, cứng, P.44 Tướng của 4 đại; Q.IV, P.45 P.118 Tội lỗi, P.119 Ba Nghiệp nhẹ nặng, Căn giả danh, P.46 Phân biệt căn, P.47 P.120 Nói rõ Nghiệp nhân, P.21 Tướng Căn và Đại đồng nhau, P.48 Căn vô tri, của phiền não, trong luận về phiền não của P.49 Căn Trần hợp nhau lìa nhau, P.50 nhóm Tập đế, P.122 Tướng của tham, Nghe tiếng, P.51 Nghe mùi, P.52 Biết cảm P.123 Nhân của tham, P.124 Tội lỗi của xúc, P.53 Ý; Q.V, P.54 Căn không quyết tham, P.125 Dứt trừ tham, P.126 Sân

nhuế, P.127 Vô minh; Q.X, P.128 Kiêu P.197 Trí sáu thông, P.198 Trí nhẫn, P.199 mạn, P.129 Nghi, P.130 Thân kiến, P.131 Chín Trí, P.200 Mười Trí, P.201 Bốn Kiến chấp một bên, P.132 Tà kiến, P.133 mươi bốn Trí, P.202 Bảy mươi bảy Trí. Hai thủ, P.134 Tùy

phiền não, P.135 Bất thiện căn, P.136 Tạp phiền não, P.137 1.579. LUẬN THÀNH DUY THỨC Chín thứ kết; Q.XI, P.138 Các câu hỏi BẢO SANH khác, P.139 Dứt lỗi, P.140 Thuyết minh về (Thành Duy Thức Bảo Sanh Luận) nhân, P.141 Trong nhóm Diệt đế, trước Tạo luận: Bồ-tát Hộ Pháp tiên lập giả danh, P.142 Tướng của giả Hán dịch: danh, P.143 Phá chấp cho là một, P.144 Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Phá chấp cho là khác, P.145 Phá chấp cho Việt dịch: Nguyên Hồng là Bất khả thuyết, P.146 Phá chấp Không, Tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển. về Âm thanh, P.149 Phá chấp về Hương- bảo-Luận tạng) Vị-Xúc, P.150 Phá chấp về Ý thức, P.151 Phá chấp về Nhân quả, P.152 Thế-đế; 1.580. LUẬN THÍCH MA-HA-DIỄN Q.XII, P.153 Diệt pháp tâm, P.154 Diệt (Thích Ma-ha-diễn Luận) tận, P.155 Định Nhân trong Luận về định Tạo luận: Bồ-tát Long Thọ của nhóm Đạo đế, P.156 Tướng của Định, Hán dịch: Phạt-đề-ma-đa P.157 Ba Tam-muội, P.158 Bốn tu Định, Việt dịch: Thích Như Điển P.159 Bốn Vô lượng định, P.160 Năm Tác phẩm Luận này gồm có 10 quyển. muội, P.162 Bảy Tam-muội, P.163 Tám bảo-Luận tạng) Giải thoát, P.164 Tám Thắng xứ, P.165 Sơ thiền; Q.XIII, P.166 Nhị thiền, P.167 Tam 1.581. thiền, P.168 Tứ thiền, P.169 Vô biên Hư LUẬN THÍCH NHÂN DUYÊN TÂM không xứ, P.170 Ba Vô sắc định, P.171 LUẬN TỤNG NHƠN DUYÊN TÂM Diệt tận định, P.172 Mười Nhất thiết xứ, Tạo luận: Bồ-tát Mãnh Long P.173 Mười Tưởng vô thường tưởng, Việt dịch: Thích Như Điển P.174 Tướng của Khổ, P.175 Tưởng Vô Giải thích về Nhân duyên tâm ngài Long ngã; Q.XIV, P.176 Tưởng chán ăn, P.177 Thọ Bồ-tát tạo. P.178 Tưởng bất tịnh, P.179 Tưởng về sự bảo-Luận tạng) Chết, P.180 Ba Tưởng sau, P.181 Năm Định cụ đầu trong các Định cụ, P.182 Bất 1.582. LUẬN THÍCH PHẬT MẪU thiện giác, P.183 Thiện giác, P.184 Năm BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA Định cụ sau, P.185 Hơi thở ra vào, P.186 VIÊN TẬP YẾU NGHĨA Định nạn; Q.XV, P.187 Chỉ Quán, P.188 Tạo luận: Bồ-tát Đại Vực Long Tu định, P.189 Tướng của Trí trong Luận Hán dịch: Thi Hộ về Trí của nhóm Đạo đế, P.190 Thấy một Việt dịch: Nguyên Huệ đế, P.191 Duyên tất cả; Q.XVI, P.192 Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 P.195 Bốn Trí vô ngại, P.196 Năm trí, Pháp bảo-Luận tạng)

1.583. LUẬN THUYẾT MỚI VỀ TỊNH Xem: (27 phẩm) Luận Trung Quán ĐỘ VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC HÀNH THIỀN 1.585. LUẬN VÀO ĐẠI THỪA Tác giả: Đại sư Ấn Thuận ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận tập Bộ toàn, Nxb Hà Nội – 1991 Ks. 1634 Tác phẩm này dày 283 trang, bìa mềm. Tác giả: Bồ-tát Kiên Ý Nội dung gồm có: - Lời giới thiệu, - Giới Hán dịch: Sa-môn Thích Đạo Thái thiệu Tác giả; Tịnh độ: I. Luận thuyết mới Việt dịch (2003): về Tịnh độ, 1. Ý nghĩa của Tịnh độ trong Sa-môn Thích Như Điển Phật pháp, 2. Các loại Tịnh độ, 3. Tình Trợ dịch: Tỳ-kheo Thích Đồng Văn và Tỳ- hình chung về Tịnh độ, 4. Tịnh độ Di-lặc, kheo Thích Hạnh Giới 5. Quan điểm Tịnh độ lấy Di-đà làm trung Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 2 tâm, 6. Cõi Phật và cõi chúng sinh, 7. quyển, 2 phẩm: Quyển thượng, P.1 Nghĩa; Trang nghiêm Tịnh độ và vãng sinh Tịnh Quyển hạ, P.2 Cơ luận không. tu hành và đạo khó tu hành; II. Sơ lược về niệm Phật: 1. Phật thất, 2. Phật A-di-đà và 1.586. LUẬN VỀ BỐN CHÂN LÝ thế giới Cực lạc, 3. Ba đặc trưng của pháp Tạo luận: Bà-tẩu-bạt-ma môn niệm Phật, 4. Ba điều quan trọng của Hán dịch: Chơn Đế niệm Phật, 5. Niệm Phật, 6. Nhất tâm bất Việt dịch: Thích Như Điển loạn, 7. Vãng sinh và dứt đường sinh tử, 8. Tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển, 6 Kết luận: Thâu tóm ý nghĩa quan trọng; phẩm: Q.I, P.1 Tư trạch, P.2 Lược nói, P.3 III. Cầu sinh cõi trời và vãng sinh

Tịnh độ; Phân biệt Khổ đế; Q.II, P.4 Phân biệt Khổ IV. Khai thác những điều vi diệu của Tịnh đế (tt), P.5 a. Tư lương Tập đế; Q.III, P.5 độ Đông Phương; V. Kinh Lăng-già bản b. Phân biệt Diệt đế; Q.IV, P.6 Phân biệt dịch đời Tống và Thiền Đạt-ma; Thiền: Đạo đế. của tọa thiền; Từ cái tôi tiểu ngã đến cái bảo-Luận tạng) vô ngã; Công án; Thiền bệnh; Bái sư; Giữa thầy và trò; Thiền- Như lai như khứ 1.587. LUẬN VỀ (như đến như đi). CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT Đại Tạng Kinh Tiếng Việt 1.584. LUẬN TRUNG QUÁN Tạo luận: A-la-hán Uptissa (Đại Quang) Giảng giải: Hán dịch: Tam tạng Tăng-già-bà-la Pháp sư Ấn Thuận (1906-2005) (Samghaphala) Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Tâm Trí Việt dịch (2005): Nxb Hồng Đức – 2016 Sa-môn Thích Như Điển Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 623 Chùa Viên Giác (Hanover – Đức Quốc) và trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời quý Phật tử tại Hoa Kỳ ấn tống năm 2006. người dịch, Huyền luận, Người Sơ Tâm Tác phẩm Luận này có 341 trang (PDF), học Phật, xin chớ đả phá quan hệ Thánh nội dung gồm có 12 quyển, 12 phẩm: Q.I, phàm; Giải thích chính, có 27 phẩm Luận P.1 Nhơn duyên, P.2 Phân biệt giới; Q.II, Trung Quán giảng giải. P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt Định, P.5 Mịch

Thiện tri thức; Q.III, P.6 Phân biệt hạnh tát thuộc Hữu bộ, 3. Hồi hướng sự chuyển (việc làm), P.7 Phân biệt Hành xứ; Q.IV, biến thọ và phước; C. Ý nghĩa Hồi hướng P.8 Hành môn (phần 1); Q.V, P.8 Hành trong thời kỳ Đại thừa lúc đầu: 1. Tương môn (phần 2); Q.VI, P.8 Hành môn (phần ứng với Bồ-tát nguyện, tâm đại bi và vô sở 3); Q.VII, P.8 Hành môn (phần 4); Q.VIII, đắc, 2. Hồi hướng được mô tả trong pháp P.8 Hành môn (phần 5), Thêm vào để làm môn Tịnh độ; D. Tiểu kết; IV. Tính khả rõ nghĩa Tứ vô lượng; Q.IX, P.9 Ngũ hành của Hồi hướng: a. Quan điểm của thông, P.10 Phân biệt Tuệ; Q.X, P.11 Ngũ Long Thọ, b. Nhân duyên của chúng sinh; Phương tiện (phần 1); Q.XI, P.11 Ngũ V. Kết luận; Thư mục tham khảo; Nghiên Phương tiện (phần 2), P.12 Phân biệt chân cứu Tín ngưỡng luận Tịnh độ tư tưởng Hồi lý (phần 1); Q.XII, P.12 Phân biệt chân lý hướng của Thế Thân, Đàm Loan và Thân (phần 2), Giải thoát phân biệt chân lý. Loan, Tóm tắt, Tiết thứ nhất, Lý luận liên quan của Hồi hướng, chuyển biến và 1.588. chuyển y, Hàm ý Thuyên thích học Phật LUẬN VỀ HIỂU BIẾT RÕ RÀNG giáo trong thuyết Hồi hướng, Hai tầng (Chướng Sở Tri Luận) nghĩa của thuật ngữ Hồi hướng, Hàm ý Tạo luận: Phát Hiệp Tư Ba Thuyên thích học Phật giáo của Hồi Hán dịch: Sa-la-ba hướng, Chuyển biến, Chuyển y và Tín Việt dịch: Thích Như Điển ngưỡng luận của nó, Phân tích Chuyển Tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển, 5 biến và Chuyển y; Tiết thứ hai, Đại tín tâm phẩm: Quyển thượng, P.1 Khí thế giới, P.2 tức là Đại Phật tính, tức là Như Lai, Tình thế giới; Quyển hạ, P.2 Tình thế giới Thuyên thích học Phật giáo của Tín (tt), P.3 Đạo pháp, P.4 Quả pháp, P.5 Vô ngưỡng Tịnh độ, - Đại tín tâm tức là Đại vi pháp. Phật tính, - Giải thích Hồi hướng và tín Pháp bảo-Luận tạng) độ luận Phật giáo Đông Á có ba phân đoạn, - Tịnh độ luận của Đàm Loan liên 1.589. LUẬN VỀ HỒI HƯỚNG quan đến việc xác lập bản nguyện tha lực, Soạn dịch: Thích Nhuận Đạt - Sự giải thích về Ngũ niệm môn của Đàm Nxb Tôn Giáo – 2012 Loan và sự khác biệt giữa nó với Tịnh độ Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 174 trang, luận của Thế Thân, - Mối quan hệ giữa tư bìa mềm. tưởng Tín tâm tha lực của Thân Loan và Nội dung gồm có: Lời người dịch, Nghiên tư tưởng Bản giác của Thiên Thai: Chủ thể cứu sơ lược về Hồi hướng, Tóm tắt; I. Lời Hồi hướng tóm thâu bản nguyện tha lực nói đầu, II. Ngữ nghĩa Hồi hướng, III. Sự của Như Lai Di-đà là trung

tâm Hồi diễn biến hàm nghĩa Hồi hướng; A. Ý hướng; Kết luận, Hậu ký; Thư mục tham nghĩa Hồi hướng trong thời kỳ Phật giáo khảo. nguyên thủy: 1. Hồi hướng Niết-bàn, 2. Quyết định nghiệp báo và vãng sinh đường lành, 3. Bố thí và Hồi hướng; B. Ý nghĩa Hồi hướng trong thời kỳ Phật giáo bộ phái: 1. Kế thừa quan điểm trong Kinh A-hàm, 2. Hồi hướng trong tư tưởng Bồ-

1.590. LUẬN VỀ Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều NHÂN DUYÊN BÍCH CHI PHẬT lần: Năm 1998, 2000, 2004, 2008, Nxb (Bích Chi Phật Nhơn Duyên Luận) Tôn Giáo. Việt dịch: Thích Như Điển Tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển, 1.592. LUẬN VỀ Quyển thượng và Quyển hạ. NHÂN QUẢ TRONG PHẬT PHÁP bảo-Luận tạng) Việt dịch: Hương Bối Nxb Phương Đông – 2007 1.591. LUẬN VỀ NHÂN QUẢ Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 225 Luận giả: Thích Chân Quang trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Luận Nxb Tôn Giáo – 2005 này gồm có: - Luận về Nhân quả trong Tác phẩm Luận này có 367 trang, nội Phật pháp; - Nhân quả có phải là mê tín dung gồm có 3 phần chính: - Lời giới không? – Khuyên chú trọng về Nhân quả thiệu, - Lời tựa; Luận về Nhân quả, Chứng (Gia ngôn lục, Đại sư Ấn Quang); - Luận kiến và chứng minh, Môi trường và nhân về Nhân quả trong Phật pháp (Pháp sư quả, Một số trường hợp điển hình về nhân Diễn Bồi): I. Khẳng định phép tắc của quả; A. Nhân quả thế gian, 1. Thiên nhãn Nhân quả; II. Bàn về Nhân quả thông của A-la-hán, 2. Đẹp và giàu, 3. Sống khắc thường của thế gian; III. Luận Nhân quả khổ hà tiện, 4. Bố thí trân trọng, 5. Làm chân chính của Phật pháp; IV. Kết luận; - tròn bổn phận, 6. Dụng tâm khi bố thí, 7. Lược thuyết về Nhân quả của Phật giáo Bình đẳng, 8. Ảnh hưởng của văn hóa, 9. (Nhân Tuấn); - Nguyên lý Nhân quả của Quả báo rất nhẹ, 10. Đối xử với Tăng, 11. Phật giáo (Thích Thánh Đức): 1. Chủng Giả dạng, 12. Phỉ báng bậc Thánh, 13. Tu loại của Nhân quả, 2. Tánh phổ biến của tập từ tâm, 14. Khinh bỉ, 15. Vũ kịch, 16. Nhân quả, 3. Dẫn nghiệp và Mãn nghiệp, Muối và nước, 17. Vua và đất nước; B. 4. Biệt nghiệp và Cộng nghiệp, 5. Sự tăng Nhân quả xuất thế gian, 1. Nguyên nhân cường của nghiệp báo, 6. Kết luận; - Quan của đau khổ, 2. Giới định huệ, 3. Cúng hoa niệm Nhân quả của Phật giáo (Châu Trung tháp Phật, 4. Thoái thất đạo quả, 5. Quả vị Nhất); - Tính chất đặc biệt của Nhân quả Dự lưu, 6. Hai hạng người sai khác, 7. Phật giáo (Pháp Tín); - Nghiệp và Luân Xuất gia, 8. Hòa hợp Tăng, 9. Dễ ngộ, 10. hồi (Lương Khải Siêu); - Nghiệp lực đáng Sử dụng không đúng, 11. Đủ công đức sợ đáng yêu (Phương Luân); - Bàn về chứng ngộ, 12. Bảy năm trong bụng mẹ, “Thần diệt luận” (Chiêm Lệ Ngô); - Bàn 13. Khoe khoang, 14. Pháp môn thích hợp, về Nhân quả (Trí Tuyên). 15. Trưởng lão Losaka; C. Nhân quả Bồ- tát đạo, 1. Đồng sự nhiếp, 2. Tạo cơ hội 1.593. LUẬN VỀ PHÁP HOA KINH An cho chúng sanh tác phước, 3. Nhẫn nhục, Lạc Hạnh Nghĩa 4. Tự trang nghiêm bằng công đức, 5. An Annotated Translation and Study of Nghịch hạnh, 6. Các vị Bồ-tát trong Kinh The Meaning of the Lotus Sutra’s Coures Đại thừa, 7. Phật quả; Suy luận Nhân quả, of Ease and Bliss Kết luận. Thiên Thai Tông – Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Thiền Sư Phiên dịch-chú giải:

Daniel B. Stevenson & Hiroshi Kanno Đại Thiền sư Lập Thệ nguyện văn (1 Phiên dịch-thi hóa: quyển), Tác giả: Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm Thiền sư; Chư Pháp vô tránh Tam-muội Phiên âm-sưu tập: Phạm Doanh Pháp môn (2 quyển), Tác giả: Nam Nhạc Nxb Phương Đông – 2012. Sách có khổ 14 Tuệ Tư Đại Thiền sư; Tùy Tự Ý

Tam- x 20cm, dày hơn 954 trang. muội (1 quyển), Tác giả: Nam Nhạc Tuệ Nội dung gồm có 5 phần: Tóm tắt Tiểu sử Tư Đại Thiền sư; Phụ lục: Nhánh tay Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Thiền sư (515- Thiên thủ trên non Linh Thứu, Tác giả: 577); Phần I. Nam Nhạc Tuệ Tư – Mặc Trần Thị Hoa Trắng. tưởng, Tác phẩm và tư tưởng, Những chữ viết tắt và ký hiệu; C.I Nam Nhạc Tuệ Tư 1.594. LUẬN VỀ trong lịch sử Phật giáo, 1. Mặc tưởng Nam PHƯƠNG TIỆN CỦA TÂM Nhạc Tuệ Tư, 2. Nam Nhạc Tuệ Tư trong ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận tập Bộ toàn, Thánh tích học Phật giáo Trung Quốc; C.II Ks. 1632 Tác phẩm của Nam Nhạc Tuệ Tư: Lịch sử Tạo luận: Bồ-tát Long Thọ văn bản, tương quan, và vấn đề diễn giải, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cát-già-dạ 1. Tác phẩm lưu truyền của Nam Nhạc Việt dịch (2004): Tuệ Tư, 2. Bản tóm tắt về từng tác phẩm Sa-môn Thích Như Điển của Nam Nhạc Tuệ Tư: Chủ đề Liên tục, Trợ dịch: Tỳ-kheo Thích Đồng Văn và Tỳ- 3. Xuất xứ và thời điểm biên soạn của bốn kheo Thích Hạnh Giới tác phẩm còn lưu truyền của Nam Nhạc Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có: P.1 Tuệ Tư Đại Thiền sư; C.III Chi giữa Phật Nói về Tạo luận, P.2 Nói về Phụ xứ, P.3 với Phật: Cái thấy của Nam Nhạc Tuệ Tư Bàn về Chính luận, P.4 Tương ưng. không người khảy của A-tu-la: Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Tam-muội, và Thần thông, 1.595. LUẬN VỀ TAM DI ĐỂ BỘ 2. Như Lai tạng, 3. Thực tướng của Pháp, (Tam Di Để Bộ Luận) Như thị, và những biến thể, 4. Kết luận đối Việt dịch: Thích Như Điển chiếu: Kinh Pháp Hoa và thực pháp; Phần Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển: II. [A] Cái thấy chân thực đối với Kinh Quyển thượng, trung và hạ. Thiền sư qua Pháp Hoa Kinh An lạc Hạnh bảo-Luận tạng) nghĩa, [B] Vấn đề đưa ra, 1. Cái thấy đối với Kinh Pháp Hoa trong mở đầu Pháp 1.596. LUẬN VỀ Hoa Kinh An lạc Hạnh nghĩa, 2. Cái thấy TỊNH ĐỘ SANH-VÔ SANH đối với Kinh Pháp Hoa hiển lộ qua những Soạn giả: Minh Truyện Đăng bài kệ, 3. Bố cục mười câu hỏi và trả lời; Việt dịch: Thích Hồng Nhơn Phần III. Daniel B. Stevenson & Hiroshi Tác phẩm Luận này gồm có 10 môn: - Kanno: Chú giải Pháp Hoa Kinh An lạc Quy kỉnh Tam bảo, Luận chủ tạo Luận Hạnh nghĩa; Phần IV. Pháp Hoa Kinh An này lập thành 10 môn: 1. Nhất Chơn pháp lạc Hạnh nghĩa thi hóa, Từ Hoa Nhất Tuệ giới, 2. Thân cõi duyên khởi, 3. Tâm cõi Tâm; Phần V. Các bản văn liên hệ (Hán liên hệ nhau, 4. Chúng sanh và Phật không văn: Source: CBETA), Nam Nhạc Tuệ Tư hai, 5. Pháp giới là một niệm, 6. Cảnh

quán hòa nhau, 7. Ba quán như vậy, 8. HT. Ấn Thuận (1906-2005) Cảm ứng tương quan, 9. Kia đây luôn là Việt dịch: Hạnh Bình và Quán Như một, 10. Hiện tại và vị lai hòa hợp nhau. Nxb Phương Đông – 2010. Tác phẩm Pháp bảo-Luận tạng) mềm; nội dung gồm: - Lời nói đầu, 1. Lược thuật nhân duyên ấn hành, 2. Các bài 1.597. LUẬN VỀ VẤN ĐỀ tụng tuyển chọn từ Trung Quán Luận; HỘ NIỆM LÚC LÂM CHUNG Quan điểm lập trường của Luận này, Tất Theo Kinh Tạng Nikaya cả pháp đều không; (1) Người ngoài chấp Chúc Phú không lại trách không, (2) Luận chủ lấy Nội dung gồm có: Hộ niệm lúc lâm chung khái niệm “Không” để lập “Không”; nhìn từ lịch sử Kinh điển, Thời khắc vàng Thành lập Nhị đế, Hiển thị Chơn không, và nội dung giáo giới, Mẫu hình cư sĩ độ Hoàn thành Phật pháp, (1) Duyên khởi- sanh, Chuẩn bị cho chuyến viễn hành. Không-Trung đạo, - Duyên khởi vô tự (2) Vọng có tức không mà chẳng chấp 1.598. Lược Giảng trước, - Vọng có đồng nghĩa không, - LUẬN TRUNG QUÁN Không chấp trước tánh không; (1). Quán Tác giả: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) sát phiền não, - Quán sát sự hiện khởi của

Biên soạn: Thích Thiện Nhơn phiền não, - Đối trị phiền não; (2). Quán Ấn hành PL. 2548 – DL. 2004 sát nghiệp, (3). Quán sát về khổ, - Ba tế Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 324 trang, không thể có, - Tứ tác chẳng thành, Quán bìa mềm, (Lưu hành nội bộ). Nội dung của hành của Trung đạo: (1). Quán vô ngã, (2). Trung luận gồm có 4 quyển, 27 phẩm. Xả ly hý luận, (3). Phù hợp thật tướng; Tổng cộng có 446 kệ tụng, mỗi kệ tụng có Kết quả tu chứng của hành giả Trung 4 câu, 1784 câu, 8920 chữ. Toàn bộ cả 27 quán: Quả Niết-bàn, Như Lai; Tán thán phẩm là phá chấp về: Nhân duyên, đi và quy tông; Lược giảng Luận Trung Quán, đến, sáu hình thức (sáu thức), năm ấm, sáu 1. Tổng luận, 2. Trung luận, Lấy quan đại chủng, sự ô nhiễm và người ô nhiễm, điểm Trung làm Tông, (1). Từ phương ba tướng, hành động tạo tác và tác giả, bản diện sự lý, (2). Phương diện tu tập; Trung ngã (thần ngã), lửa và nhiên liệu (củi), lấy Không làm tướng, Không lấy duyên biên giới, khổ, các hành, sự hòa hợp, có và khởi làm luận cứ, 3. Tác giả của Trung không, trói buộc và giải thoát, nghiệp, ngã Luận, Lược sử Long Thọ, Nhận thức đặc và pháp, thời gian, nhân quả, sư hình thù của Long Thọ; (1). Không trở ngại thành và hoại diệt, Như Lai, sự điên đảo, giữa Đại thừa và Tiểu thừa, (2). Không trở sự thật (Tứ đế), Niết-bàn, 12 nhân duyên, ngại pháp thế gian và xuất thế gian, 4. tà kiến. Hoằng truyền Trung Luận (Ở Ấn Độ, Ở Trung Quốc), 5. Ứng dụng Trung Luận 1.599. Lược Giảng vào cuộc sống; Phần giải thích chính: 1. LUẬN TRUNG QUÁN Yếu chỉ của Tông, 2. Tất cả pháp đều Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam – không, Người ngoài chấp không lại trách Trung tâm Phật học Hán truyền không, Thuyết minh về Không; (1). Thành Lược giảng (Hán ngữ): lập Nhị đế, (2). Hiển thị Chơn không, (3).

Hoàn thành Phật pháp; 3. Duyên khởi- Không-Trung đạo, Duyên khởi vô tánh tức Trung Đạo; (1). Duyên khởi vô tự tánh, (2). Duyên khởi lìa hữu biên-vô biên, N Vọng có tức không, không chấp trước, (1). 1.601. NIỆM PHẬT LUẬN Vọng có tức không, (2). Không chấp trước Tác giả: Đại sư Thái Hư (1889-1947) tánh không; 4. Quán sát sự tạp nhiễm của Việt dịch: Giới Nghiêm thế gian, Quán sát phiền não; (1). Quán sát Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2013. sự hiện khởi phiền não, (2). Quán sát đối Sách có khổ 13 x 19cm, có 83 trang, bìa trị diệt trừ phiền não; Quán sát nghiệp, mềm. Tác phẩm Luận này gồm có 2 phần: Quán sát về khổ; (1). Không có điểm cuối, Niệm Phật luận và Khai thị Phật thất (2). Tứ tác chẳng thành; 5. Quán hành của (Pháp sư Tịnh Không). Trung đạo, Quán vô ngã, Xả ly hý luận, Tác phẩm này đã xuất bản năm 2010, Nxb Khế hợp thật tướng; 6. Quả chứng của Phương Đông. hành giả Trung Quán, Quả Niết-bàn, Quả vị Như Lai; 7. Kết luận tán thán Quy tông; 1.602. Giới thiệu về Pháp sư Huệ Oánh. NIỆM PHẬT QUANG MINH LUẬN Tác phẩm Luận này được tái bản năm Cư sĩ Huệ Liên 2014, Nxb Phương Đông. Nxb Hồng Đức – 2015 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 61 trang, 1.600. Lý Cư Minh bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, LUẬN VỀ MẬT TÔNG Niệm Phật Quang minh luận, 48 Đại Tác giả: Lý Cư Minh nguyện của Đức Phật A-di-đà, Ba Phẩm Biên dịch: Việt Thư thượng, Ba Phẩm trung và Ba Phẩm hạ; Nxb Từ Điển Bách Khoa – 2011 Trì danh niệm Phật: Đại Thế Chí Bồ-tát, Sách có khổ 13.5 x 21cm, dày hơn 269 Quán Thế Âm Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, trang. Nội dung gồm có 8 chương: Lời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Mã Minh Bồ-tát, Nhà xuất bản, Lời mở đầu, C.I Đời người Long Thọ Bồ-tát, Giác Minh Diệu hạnh vì lẽ gì?, C.II Ngồi thiền vì mục đích gì? Bồ-tát, Liên

tông chư Tổ: Sơ Tổ Huệ Viễn C.III Nguyệt luân là gì? C.IV Thế nào là Đại sư, Nhị Tổ Thiện Đạo Đại sư, Tam Tổ A-di-đà Phật? C.V Thế nào là học Phật Thừa Viễn Đại sư, Tứ Tổ Pháp Chiếu Đại quy linh? C.VI Thế nào là bái thần và tu sư, Ngũ Tổ Thiếu Khương Đại sư, Lục Tổ hành? C.VII Người tu hành là gì? C.VIII Diên Thọ Đại sư, Thất Tổ Tỉnh Thường Thế nào là tu tập Mật tông? Đại sư, Bát Tổ Châu Hoằng Đại sư, Cửu Tác phẩm này được tái bản năm 2017, Tổ Trí Húc Đại sư, Thập Tổ Triệt Lưu Đại Nxb Hồng Đức. sư, Thập nhất Tổ Thiệt Hiền Đại sư, Thập nhị Tổ Tế Tỉnh Đại sư, Thập tam Tổ Ấn Quang Đại sư; Công đức niệm Phật, Hậu bạt.

1.603. NIỆM PHẬT TAM-MUỘI mở đầu; I. Niệm vị lai Phật chóng thành BẢO VƯƠNG LUẬN Tam-muội, II. Người nữ, kẻ trộm đều Biên soạn: Phi Tích không nên khinh, III. Thấy người trì giới Việt dịch: Định Huệ phá giới chỉ sanh ý tưởng Phật, IV. Hiện Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 20 đang đọa ở địa ngục cũng vẫn được thọ môn: Q.I, Môn thứ 1. Niệm Phật vị lai ký, V. Quán không, vô ngã chọn thiện mà chóng thành Tam-muội, Môn thứ 2. Gái theo, VI. Không có thiện để chọn không giang hộ và kẻ cướp không đáng khinh, có ác để bỏ, VII. Không nên ăn thịt chúng Môn thứ 3. Trì giới, phá giới chỉ tưởng là sanh, VIII. Niệm chuyên chú 1 cảnh Phật Phật, Môn thứ 4. Ngay trong địa ngục vẫn hiện tại, IX. Đời này đời sau tùy thuộc một không ngại cho sự thọ ký, Môn thứ 5. niệm và mười niệm, X. Tâm này là Phật, Quán không, vô ngã chọn thiện làm theo, tâm này làm Phật, XI. To tiếng niệm Phật Môn thứ 6. Không điều thiện đáng chọn, mặt hướng về Tây, XII. Mộng tỉnh đều chỉ không điều ác đáng bỏ, Môn thứ VII. một tâm, XIII. Niệm ba thân Phật phá ba Không được ăn thịt chúng sanh; Q.II, Môn chướng, XIV. Niệm Phật quá khứ, nhân thứ 8. Niệm Phật hiện tại chuyên chú một quả như nhau, XV. Song tu lý sự vô tâm cảnh, Môn thứ 9. Đời này, đời khác và niệm Phật, XVI. Liễu đạt tâm và cảnh thì một niệm, mười niệm, Môn thứ 10. Tâm vọng tưởng chẳng sanh, XVII. Nên ở này là Phật, Tâm này làm Phật, Môn thứ trong tâm hành mà cầu giải thoát và chư 11. To tiếng niệm Phật và dây mặt về Phật, XVIII. Ba nghiệp cúng dường chân hướng Tây, Môn thứ 12. Lấy một tâm thật biểu lộ sự cung kính, XIX. Vô tướng mộng và thực để thuyết minh Tam-muội, dâng hoa, tin hủy chiêu báo, XX. Muôn Môn thứ 13. Niệm ba thân Phật để phá ba thiện chung qui đều thành Tam-muội. chướng; Q.III, Môn thứ 14. Niệm Phật quá khứ nhân quả tương đồng, Môn thứ 15. Vô 1.605. NIỆM PHẬT TAM-MUỘI tâm niệm Phật, lý sự song tu, Môn thứ 16. BỬU VƯƠNG LUẬN Liễu đạt tâm và cảnh thì vọng tưởng Việt dịch: Thích Đức Nghiêm không sanh, Môn thứ 17. Trong tâm hành THPG Tp. Hồ Chí Minh, cầu sự giải thoát của chư Phật, Môn thứ PL. 2540 – DL. 1996 18. Ba nghiệp cúng dường chân thật biểu Sách có khổ 14 x 20cm, có 95 trang, bìa kính, Môn thứ 19. Vô tướng hiến hoa, tin mềm. Nội dung gồm có: Lời khái quát, và hủy báng đều có quả báo, Môn thứ 20. Niệm Phật Tam-muội Bửu Vương luận, Vạn thiện đồng quy đều thành Tam-muội. Phi Tích Thiền sư, Lời mở đầu, và 20 mục Luận tạng) Xem: Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận 1.604. NIỆM PHẬT TAM-MUỘI LUẬN BẢO VƯƠNG Phi Tích Thiền sư Dịch giả: Tịnh Sĩ Nxb Phương Đông – 2008 Tác phẩm Luận về niệm Phật này có 91 trang, nội dung gồm: - Lời khái quát, - Lời

thứ nhất, nêu lên phương pháp chỉnh lý

NG nguyên thủy Phật giáo với phương châm của bộ sách này, Phật giáo với thời đại và giáo lý đại cương; Thiên thứ hai, trình bày về thế giới quan hiện thực (luận về Khổ, 1.606. NGỘ TÁNH LUẬN Tập đế): Nhân quả quan về nguyên lý thế (Bồ-đề Đạt-ma Ngộ Tánh luận) Thuật luận: Bồ-đề Đạt-ma giới, Hữu tình luận đại cương, Tâm lý Việt dịch: Thích Trí Tịnh luận, Nghiệp và luân hồi, Luận về mười THPG Tp. Hồ Chí Minh – 1996 hai duyên khởi, Luận về bản chất tồn tại, Nội dung của Luận này gồm có: I. Tông căn cứ và sự phán đoán giá trị của sự tồn và thể Đại thừa, II. Tánh thể bất giảm bất tại; Thiên thứ ba, nói về Lý tưởng và sự tăng, III. Vô niệm thường định, IV. Tâm thực hiện (luận về Diệt và Đạo đế): Tổng bất khả đắc, V. Loạn và định đều rời, VI. quát về tu đạo luận, Khái luận về đạo đức, Bình đẳng vô sai biệt, VII. Chánh kiến vô Sự tu đạo của tín đồ, Phương pháp tu trụ, VIII. Sắc tâm bất nhị, IX. Chơn kiến dưỡng của người xuất gia, Tiến trình tu vô kiến, X. Tội tánh bổn không, XI. Đắc đạo với La-hán, Niết-bàn luận. vô sở đắc, XII. Thân diệt đạo thành, XIII. Tác phẩm này được tái bản năm 2012, Thoát căn ly trần, XIV. Không tâm tức Nxb Tôn Giáo. Thánh, XV. Pháp không, XVI. Tức tâm

NGH tức Phật, XVII. Giác tâm thanh tịnh, XVIII. Thuyết vô sở thuyết, XIX. Thời thuyết thời mặc, XX. Văn tự tức giải thoát, XXI. Thừa phi để hiển thị, XXII. Thiệt tướng vô tướng, XXIII. Nhứt thể bình 1.608. NGHĨA KHÔNG CỦA TRUNG đẳng, XXIV. Kiến tánh thành Phật, XXV. LUẬN (Trung Quán Kim Luận) Nhứt thể đồng quan, XXVI. Độ vô sở độ, Nguyên tác: Đại sư Ấn Thuận XXVII. Như Lai vô trụ, XXVIII. Tánh cụ Việt dịch: Nguyên Chơn tam thân, XXIX. Phật thân ly tướng, L. Vô Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2005 tâm vô nghiệp, LI. Duy tâm, LII. Đinh Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 346 trang. ninh khai thị. Toàn bộ tác phẩm luận này gồm có 12 Tác phẩm này được chùa Vạn Đức (Thủ chương: C.1. Nội dung và ý nghĩa của Đức) ấn hành năm 1973. Trung Đạo, C.2. Long Thọ và những bộ kinh của ngài, C.3. Duyên khởi sanh diệt 1.607. NGUYÊN THỦY PHẬT GIÁO và bất sanh bất diệt, C.4. Phương pháp TƯ TƯỞNG LUẬN luận về Trung Đạo, C.5. Luận đề căn bản Tác giả: Kimura Taiken của Trung Quán, C.6. Bát bất, C.7. Hữu – Hán dịch: Âu Dương Hãn Tồn Thời – Không – Động, C.8. Luận về thật Việt dịch: tướng các pháp, C.9. Trung Đạo hiện HT. Thích Quảng Độ (1928-2020) tượng và thật tánh, C.10. Luận về Nhị đế, Khuông Việt ấn hành năm 1971. Sách có C.11. Thực hiện Trung Đạo, C.12. Không khổ 14 x 20cm, dày 470 trang, bìa mềm. tông và Hữu tông. Tác phẩm Luận này gồm có 3 thiên. Thiên

1.609. Nghiên Cứu Nguồn Gốc Nhân minh, B.2 Tôn chỉ và mục đích của DUY THỨC HỌC Nhân minh, B.3 Mục đích của Nhân minh, Tác giả: Đại sư Ấn Thuận (1906-2005) B.4 Mục đích của Nhân minh (tt), Tổng Việt dịch: Nhựt Chiếu kết phần I. Tôn chỉ và mục đích của Nhân Nxb Tôn Giáo – 2006. Sách dày 334 trang. minh; Phần II. Tam chi tác pháp của Tân Xem: Tìm hiểu Nguồn gốc Duy Thức Học Nhân minh, B.5 Tam chi tác pháp của Tân Nhân minh, A. Tôn, B.6 Tôn chơn năng lập, B.7 Tam chi tác pháp của Tân Nhân

NH minh, B. Nhân, B.8 Tam chi tác pháp của Tân Nhân minh, C. Dụ, Tổng kết phần Tam chi tác pháp; Phần III. Tợ năng lập, A. Chín lỗi của Tợ năng lập (từ B.9 đến 1.610. B.36 và Bài đọc thêm); Phần IV. Phụ đính NHÂN MINH HỌC PHẬT GIÁO Tác giả: Minh Chi

nguyên bản chữ Hán. Nxb Tôn Giáo – 2005 Tác phẩm này được THPG Tp. Hồ Chí Tác phẩm này có 261 trang, bìa mềm; nội Minh ấn hành từ năm 1997. dung gồm 3 phần: Phần I. Khái quát về Nhân minh học, C.1 Logic học phương 1.612. NHÂN MINH Đông cũng gọi là Nhân minh học, C.2 NHẬP CHÁNH LÝ LUẬN Nhân minh học Phật giáo, C.3 Vài nét về Dịch & Sưu soạn: Giải Minh lịch sử Nhân minh học Phật giáo, C.4 Vài PL. 2553 – DL. 2010 nét về Nhân minh học Phật giáo; Phần II. Sách có hơn 134 trang, bìa mềm; nội dung Nhận thức luận Phật giáo, C.1 Nhận thức gồm có 4 phần: Tựa, Phần I. Nhân Minh trực tiếp hay hiện lượng, C.2 Phán xét tỷ Luận cương yếu, - Nội dung chủ yếu và lượng theo quan điểm Phật giáo; Phụ lục; Nhân minh; Phần II. - Nói về các lỗi về Phần III. Tam đoạn luận, C.1 Tám mục Tôn, - Nói về các lỗi về Nhân, - Nói về chính của Nhân minh học Phật giáo, C.2 các lỗi về Dụ; Phần III. Phần Tổng kết, Lập Tôn hay Thuyết mà không dùng gọi là Biểu đồ Tóm lược, Lời kết; Phần Nguyên Tợ năng lập, Giới thiệu khái quát về môn tác Hán văn. Nhân minh học Phật giáo; Phần Phụ lục chữ Hán. 1.613. NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ LUẬN Soạn dịch: 1.611. NHÂN MINH LUẬN Biên soạn: TT. Thích Thiện Hoa (1918-1973) Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) xuất bản - HT. Thích Đổng Quán (1926-2009) Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 1969 Sách có khổ 14 x 20cm, có 196 trang, bìa Sách có 67 trang, bìa mềm. Nội dung gồm mềm. có: Lời tựa, Nhân Minh Nhập Chánh lý Nội dung gồm có 4 phần chính: Lời tựa, luận, I. Nguyên nhân, a. Xuất xứ, b. Lịch Lời giới thiệu, Nhân minh Nhập chánh lý sử Nhân minh học, c. Cải cách Nhân minh luận, Sách dùng tham khảo; B.1 Giải thích học, d. So sánh Nhân minh với Luận lý đề sách; Phần I. Tôn chỉ và mục đích của học; II. Định nghĩa đề mục (Ngũ minh: Thanh minh, Công xảo minh, Y phương

minh, Nội minh, Nhân minh); Nhập Chánh trái ngược của bên địch thì cả bên lập là lý luận, III. Phần chủ yếu, Ý niệm tổng bên địch đều phạm cái lỗi gọi là “tương vi quát về các bộ Luận và Nhân minh, Định quyết định”, 8. Cái nhân không thể trái với nghĩa về Tám môn, Ý nghĩa Tôn-Nhân- tự tướng của tánh cách năng biệt nơi cái Dụ, I. Tôn chơn năng lập, II. Nhân chơn tôn, 9. Cái nhân không thể trái với ý nghĩa năng lập, III. Dụ chân năng lập, Tợ năng của bên lập đối với cái năng biệt, 10. Cái lập, I. Tôn tợ năng lập, II. Nhân tợ năng nhân không thể trái với tự tướng của sự lập, III. Tợ Dụ có hai loại, a. Tợ dụ đồng vật sở biệt nơi tôn, 11. Cái nhân không thể pháp, b. Tợ dụ dị pháp. trái với cái ý nghĩ bên lập đối với cái sở biệt; III. Dụ; (Kết luận). (theo Tác phẩm 1.614. NHÂN MINH TỔNG LUẬN của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập Tác giả: 1, từ tr 170 - 189, Thích Trung Hậu-Thích Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969) Hải Ấn sưu tập và giới thiệu, Nxb Văn hóa Nội dung Luận này gồm có 3 đề mục Sài Gòn – 2007) chính: I. Tôn: 1. Bên địch phải công nhận các sự vật sở biệt là tổn hại, 2. Bên địch 1.615. NHẬP TRUNG QUÁN LUẬN phải hiểu cái tánh cách năng biệt như mình (Giảng nghĩa Căn bản Trung Quán và phải công nhận có vật giữa đời có tánh Luận của Bồ-tát Long Thọ) cách ấy, 3. Cái “Tôn” không được trái với Giảng nghĩa: Tổ Nguyệt Xứng sự hiện thực, 4. Cái tôn cần phải không Việt dịch: trái với sự so sánh hiển nhiên, 5. Cái tôn Thích Hạnh Tấn và Sư cô Hạnh Nhật cần phải không trái với giáo pháp của bên Ananda KL Boston November 15, 2015 - lập, 6. Cái tôn cần phải không trái với Prajna Upadesa Foundation những điều mà học thức thế gian đồng Tác phẩm Luận này có 144 trang (PDF), công nhận, 7. Lời

nói trước và lời nói sau với nội dung: - Tiểu sử dịch giả, Phần I, của tôn không được trái nhau, 8. Cái tôn Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ nhất, cần phải trái với ý kiến hiện thời bên địch; Tâm Bồ-đề thứ nhất Hoan hỷ địa – Bố thí II. Nhân: 1. Bên địch cần phải công nhận (nguyên Bản Tạng ngữ dịch sang Việt cái sở biệt thật có cái tánh cách đã dùng ngữ); Phần II, Bước vào Trung Đạo, Phát làm cái nhân ấy, 2. Cái nhân cần phải đích Tâm thứ hai, Tâm Bồ-đề thứ hai Ly cấu xác rõ ràng không được mơ hồ do dự, 3. địa – Giữ giới; Phần III, Bước vào Trung Nếu dùng Kinh điển thì cái nhân cần phải Đạo, Phát Tâm thứ ba, Tâm Bồ-đề thứ ba căn cứ nơi các kinh điển mà bên địch đã Phát quang địa – Nhẫn nhịn; Phần IV, công nhận là đúng, 4. Cái nhân không thể Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ tư, là một tánh cách chung của sự vật, 5. Cái Tâm Bồ-đề thứ tư Diễm huệ địa – Tinh nhân không thể là một tánh cách đặc biệt tấn; Phần V, Bước vào Trung Đạo, Phát của sở biệt mà phải là một cái tánh cách Tâm thứ năm, Tâm Bồ-đề thứ năm Nan chung cùng với một vài cái nữa, 6. Nhân thắng địa; Phần VI, Bước vào Trung Đạo, không thể là một tánh cách chung cho Phát Tâm thứ sáu, Tâm Bồ-đề thứ sáu – những sự vật dị phẩm, nghĩa là những sự Hiện tiền địa; Phát Tâm thứ sáu (tt), Phủ vật có tánh cách trái với năng biệt của tôn, định sinh từ cả hai (tha sinh, tự sinh); 7. Cái nhân, dù lập đúng cách, nhưng nếu Thành lập không có Nhân Ngã (nhân vô bên lập chưa có phá được một cái thuyết ngã); Liệt kê Tánh không (Tính không);

Phát Tâm thứ bảy, Viễn hành địa; Phát Luận có khổ 13 x 19cm, dày 359 trang, bìa Tâm thứ tám, Bất động địa; Phát Tâm thứ mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Bồ-tát chín, Thiện huệ địa; Phát Tâm thứ mười, Quán Thế Âm (bán thân). Luận-Luận tạng Bắc truyền) có 4 chương. C.1: Nói cương yếu của Đại thừa, C.2 Nói Đại thừa là thù thắng, C.3 1.616. NHẤT NGUYÊN LUẬN Nói Đại thừa là Phật thuyết, C.4 Nói tổng (Thể Cách Tri Nhận Tánh Không) quát cả Đại thừa; Tác giả: Phổ Nguyệt Tiết mục 1: Căn cứ của các Pháp Sở tri, Tác phẩm Luận này gồm có 6 phần: I. Dẫn C.1 Xác lập A-lại-da bằng giáo lý, có 2 nhập, II. Tánh không, A. Tánh không và tiết: Tiết 1: Giải thích danh xưng để chứng duyên khởi hay thực tại giả lập, 1. Duyên minh về A-lại-da, có 3 mục: Mục 1: Danh khởi từ vật chất, 2. Duyên khởi từ vật chất xưng A-lại-da; Mục 2: Danh xưng A-đà- đến phi vật chất: a. Cảm giác, b. Ý thức, c. na; Mục 3: Danh xưng tâm, có 2 đoạn: Cảm xúc, d. Hành động, e. Tưởng, f. Đoạn 1: Giải thích trước về Ý, Đoạn 2: Thức; B. Tánh không và giả danh hay thực Giải thích về Tâm; Mục 4: Các danh xưng tại tùy thuộc; III. Chuyển thức thành trí, khác trong Tiểu thừa; Mục 5: Lời kết; Tiết A. Tâm thức không có thật, B. Nhị nguyên 2: Ngăn chặn sự giải thích khác đi; C.2 tính, C. Chuyển thức thành trí, 1. Nhất Xác lập A-lại-da bằng lý luận, có 4 tiết: nguyên tương đối, 2. Năng sở song vong; Tiết 1: Xác lập đặc tính của A-lại-da, có 6 IV. Từ Nhất nguyên luận tới Thực tại tuyệt mục: Mục 1: Nói về 3 đặc tính, Mục 2: đối, A. Nhất nguyên tuyệt đối, B. Thực tại Nói về sự huân tập, Mục 3: Nói A-lại-da tuyệt đối hay chân lý tối hậu: vô thời với chủng tử là đồng nhất hay biệt lập, không, 1. Không gian, 2. Thời gian, C. Vài Mục 4: Nói A-lại-da với các pháp làm thí dụ, 1. Trung đạo hay Tánh giác, 2. nhân duyên cho nhau, Mục 5: Nói A-lại-da Pháp môn bất khả tư nghì, D. Các loại trí, là nhân của các pháp đa dạng, Mục 6: Nói 1. Trí phân tích, 2. Trí phân biệt, 3. Trí vô đạo lý Duyên khởi sâu xa của Đại thừa, có phân biệt, E. Truyện nàng Bhadda; V. 3 đoạn: Đoạn 1: Nói về 2 loại Duyên khởi, Phương

cách thể hiện thực tại, A. Rèn Đoạn 2: Nói về Chủng tử, Đoạn 3: Qui luyện thân xác, 1. Ăn uống, 2. Hoạt động, nạp theo 2 Thức và 4 Duyên; Tiết 2: Xác B. Bồi dưỡng tình cảm, C. Trau dồi trí tuệ, lập A-lại-da là căn cứ của nhiễm tịnh, Mục 1. Đối với thế tục, 2. Đối với tu sĩ, a. Tri 1: Nói tổng quát, Mục 2: Nói phiền não nhận thực tại, b. Thể hiện thực tại, b.1 tạp nhiễm phi A-lại-da thì bất thành, có 3 Pháp niệm Phật, b.2 Pháp niệm Phật bằng đoạn: Đoạn 1: Nói chuyển thức huân tập ba tự tánh, b.3 Pháp niệm chú, b.4 Pháp phiền não bất thành, Đoạn 2: Nói ly dục thiền; VI. Kết luận. thoái xuống phiền não bất thành, Đoạn 3: (www.tuvienquangduc.com.au/ Luận) Nói thức đối trị sinh phiền não bất thành, Mục 3: Nói Nghiệp tạp nhiễm phi A-lại-da 1.617. NHIẾP LUẬN thì bất thành, Mục 4: Nói Sinh tạp nhiễm Dịch và giải: phi A-lại-da thì bất thành, có 2 đoạn: Đoạn HT. Thích Trí Quang (1923-2019) 1: Nói khi sinh, có 4 thứ: Thứ 1. Nói dục Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994 giới, có 4 số: Số 1. Nói kiết sinh liên tục bất thành, Số 2. Nói chấp thọ Căn thân bất

thành, Số 3. Nói Thức với Danh sắc dựa rộng rãi về nghĩa Duy thức, có 3 mục: nhau bất thành, Số 4. Nói Thức thực bất Mục 1: Nói các pháp không thật mà xác thành; Thứ 2: Nói Sắc giới và Vô sắc giới, lập Duy thức, có 2 đoạn: Đoạn 1: Lặp lại có 3 số: Số 1. Nói chủng tử của Tâm kiết 11 thức để thống nhiếp các pháp, Đoạn 2: sinh bất thành, Số 2. Nói chủng tử của Biện minh Duy thức không thật, có 3 thứ: thiện tâm ô nhiễm bất thành, Số 3. Nói Dị Thứ 1. Biểu thị bằng ví dụ, Thứ 2. Tỷ tri thục của Tâm xuất thế bất thành, Đoạn 2: bằng giáo lý, Thứ 3. Giải thích gạn hỏi, có Nói khi chết, Mục 5: Nói thanh tịnh của 4 số: Số 1. Nghi về Sắc thì không phải thế gian phi A-lại-da thì bất thành, Mục 6: Duy thức, Số 2. Nghi về sắc kiên trú liên Nói thanh tịnh của xuất thế phi A-lại-da tục, Số 3. Nghi về sự hóa hợp của các thì bất thành, có 2 đoạn: Đoạn 1: Nói cái Thức, Số 4. Nghi về sự biểu hiện sai biệt; Tâm xuất thế, có 2 thứ: Thứ 1. Nói sự văn Mục 2: Nói 3 tướng mà xác lập Duy thức, huân tập phi A-lại-da thì bất thành, Thứ 2. có 2 đoạn: Đoạn 1: Căn cứ Năng Sở của Nói sự văn huân tập, có 4 số: Số 1. Nói về chuyển Thức mà xác lập Duy thức, có 2 nhân, Số 2. Nói về sở y, Số 3. Nói về thứ: Thứ 1. Đa Thức luận, Thứ 2. Ý Thức phẩm loại, Số 4. Nói về Thể tánh và Tác luận, có 2 số: Số 1. Lấy 1 ý thức mà xác dụng; Đoạn 2: Nói cái Thức diệt định, có 2 lập Duy thức, Số 2. Dẫn Kinh làm chứng thứ: Thứ 1. Nói cái Thức diệt định phi A- cho sự xác lập ấy, Đoạn 2: Căn cứ tướng lại-da thì bất thành, Thứ 2. Nói Sắc với kiến của Bản thức mà xác lập Duy thức, Tâm vô gián phát sinh làm chủng tử cũng Mục 3: Nói 4 Trí mà xác lập Duy thức, bất thành, Mục 7: Kết luận xác lập A-lại- C.2 Giải thích danh nghĩa của 3 tướng, có da, Mục 8: Nói riêng chuyển y phi A-lại- 2 tiết: Tiết 1: Giải thích 3 tướng, Tiết 2: da thì bất thành, Tiết 3: Xác lập các dạng Giải thích riêng Biến kế, C.3 Nói về sự của A-lại-da, có 3 mục: Mục 1: Tổng quát đồng dị của 3 tướng, C.4 Nói về phẩm loại nêu lên, Mục 2: Nói 3 sự sai biệt, Mục 3: của 3 tướng, Tiết 1: Nói chung phẩm loại Nói 4 sự sau biệt, có 3 đoạn: Đoạn 1: của 3 tướng, Tiết 2: Nói riêng phẩm loại Tổng quát nêu lên, Đoạn 2: Nói dẫn phát của Biến kế, Tiết 3: Lược nói 10 thứ phân sai biệt, Dị thục sai biệt và Duyên tướng biệt, C.5 Giải thích sự gạn hỏi về 3 tướng, sai biệt, Đoạn 3: Nói tướng mạo sai biệt, Tiết 1: Mặt khác không khác, Tiết 2: Tên có 6 thứ: Thứ 1. Tổng quát nêu lên, Thứ 2. không xứng thể, Tiết 3: Y-tha toàn không, Nói các dạng chung với riêng và không C.6 Thông thích Khế Kinh về

3 tướng, cảm giác với có cảm giác, Thứ 3. Nói các Tiết 1: Căn cứ 3 tướng mà thông thích dạng nặng với nhẹ, Thứ 4. Nói các dạng Khế Kinh Đại thừa, Mục 1: Thông thích hết với còn, Thứ 5. Nói các dạng ví dụ, Phương quảng Đại thừa, Đoạn 1: Giải Thứ 6. Nói các dạng còn đủ với không đủ, thích 3 tướng, Đoạn 2: Nói 8 dụ Y-tha, Tiết 4: Nói tính chất vô phú-vô ký của A- Mục 2: Thông thích Kinh Phạn vấn, Mục lại-da; 3: Thông thích Kinh Đại thừa A-tì-đạt-ma, Tiết mục 2: Sắc thái của các pháp Sở tri, Mục 4: Thông thích các Kinh khác, Đoạn C.1 Nói về thể tướng của 3 tướng, có 2 1: Trường hàng, Đoạn 2: Chỉnh cú, Tiết 2: tiết: Tiết 1: Lược giải 3 tướng, có 4 mục: Căn cứ 4 ý thú và 4 bí mật mà lý giải mọi Mục 1: Tổng quát nêu lên, Mục 2: Lược Phật ngôn, Tiết 3: Do 3 tướng mà giải giải Y-tha, Mục 3: Lược giải Biến kế, Mục thích Đại thừa: Mục 1: Do nói về Duyên 4: Lược giải Viên thành; Tiết 2: Xác lập

khởi, Mục 2: Do nói về Duyên sinh, Mục tiết, Tiết 1: Đối tượng, Tiết 2: Chủng loại, 3: Do nói về ngữ nghĩa; Tiết 3: Đối trị, Tiết 4: Năng lực, Tiết 5: Tiết mục 3: Ngộ nhập các pháp Sở tri, C.1 Dẫn ra, Tiết 6: Việc làm, Mục 1: Làm thần Nói bằng tản văn, Tiết 1: chủ yếu ngộ thông, Mục 2: Làm việc khó, Đoạn 1: Nói nhập, Tiết 2: Tư cách ngộ nhập, Tiết 3: 10 việc khó, Đoạn 2: Nói riêng việc khó Địa vị ngộ nhập, Tiết 4: Yếu tố ngộ nhập, thứ 8 là hiểu-khó hiểu, Thứ 1. Nói qua sự Mục 1: Nói 3 sự luyện mài, Mục 2: Nói 4 giải thích 6 độ, Thứ 2. Nói qua sự giải sự phải bỏ, Tiết 5: Quán trí ngộ nhập, Tiết thích 10 ác, Thứ 3. Nói qua sự giải thích 6: Chủ đề ngộ nhập, Tiết 7: Ngộ nhập Sở pháp Phật sâu xa, Mục 3: Làm 4 việc; tri, Tiết 8: Ích lợi ngộ nhập, Tiết 9: Lịch Tiết mục 8: Tuệ tăng thượng của sự tu tập, trình ngộ nhập, Tiết 10: Địa vị tu đạo, Tiết C.1 Nói về Tuệ tăng thượng, Tiết 1: Nói 11: Hiện quán khác nhau, C.2 Nói bằng sắc thái, Mục 1: Nêu lên, Mục 2: Giải chỉnh tu, Tiết 1: Chỉnh cú tự làm, Tiết 2: thích, Đoạn 1: Giải thích tự tánh, Đoạn 2: Chỉnh cú dẫn luận phân biệt Du-già, Tiết Giải thích 16 chi tiết, Thứ 1. Tự tánh, Thứ 3: Chỉnh cú dẫn luận Đại thừa Trang 2. Sở y, Thứ 3. Nhân duyên, Thứ 4. Sở nghiêm Kinh; duyên, Thứ 5. Hành tướng, Thứ 6. Nhiệm Tiết mục 4: Nhân quả của sự ngộ nhập ấy, trì, Thứ 7. Trợ bạn, Thứ 8. Dị thục, Thứ 9. C.1 Tổng minh nhân quả, C.2 Phân tích 10 Đẳng lưu, Thứ 10. Xuất ly, Thứ 11. Cứu mục, Tiết 1: Nói bằng tản văn, Mục 1: Nói cánh, Thứ 12. Thắng lợi, Thứ 13. Sai biệt, về số mục, Mục 2: Nói về sắc thái, Đoạn Thứ 14. Thí dụ, Thứ 15. Tác sự, Thứ 16. 1: Nói 6 thứ tối thắng, Đoạn 2: Nói 4 câu Thậm thâm; Tiết 2: Nói chi tiết, Tiết 3: phân biệt, Mục 3: Nói về thứ tự, Mục 4: Dẫn khế Kinh, Mục 1: Dẫn Kinh Đại thừa Nói về Danh từ, Mục 5: Nói về tu tập, A-tỳ-đạt-ma nói về không phải thật, Mục Đoạn 1: Nói chung 5 sự tu tập, Đoạn 2: 2: Dẫn Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói về Nói riêng sự tu tập tác ý, Mục 6: Nói về không phải chỗ, Tiết 4: Nói thù thắng, C.2 chi tiết, Mục 7: Nói về thống nhiếp, Mục Giải nghi về 3 tăng thượng; 8: Nói về sở tri, Mục 9: Nói về lợi ích, Tiết mục 9: Đoạn đức của sự tu tập, C.1 Mục 10: Nói về quyết trạch, Tiết 2: Kết Nói bằng tản văn, Tiết 1: Nói thể tướng, bằng chỉnh cú; Tiết 2: Nói chi tiết, Mục 1: Nói chi tiết, Tiết mục 5: Sự tu tập về nhân quả ấy, C.1 Mục 2: Nói mất được, C.2 Nói bằng chỉnh Thiết lập 10 địa, C.2 Danh nghĩa 10 địa, cú, Tiết 1: Nói về chuyển y giải thoát, Tiết C.3 Nói về thủ đắc, C.4 Nói về tu tập, Tiết 2: Nói về Niết-bàn vô trú; 1: Tu chỉ quán, Tiết 2: Tu 10 độ, C.5 Nói Tiết mục 10: Trí đức của sự tu tập, C.1 về thì gian, Tiết 1: Nói bằng tản văn, Tiết Nói thể tánh, C.2 Phân tích 10 chi tiết, Tiết 2: Nói bằng chỉnh cú; 1: Tổng tiêu, Tiết 2: Giải

thích, Mục 1: Tiết mục 6: Giới tăng thượng của sự tu Tướng, Đoạn 1: Chuyển y, Đoạn 2: Bạch tập, C.1 Nói về xuất xứ, C.2 Nói về 4 thù pháp thành tựu, Đoạn 3: Vô nhị, Đoạn 4: thắng, Tiết 1: Chi tiết thù thắng, Tiết 2: Thường trú, Đoạn 5: Bất khả tư nghị, Mục Chung với không chung thù thắng, Tiết 3: 2: Chứng đắc, Mục 3: Tự tại, Mục 4: Y Rộng lớn thù thắng, Tiết 4: Sâu xa thù chỉ, Mục 5: Nhiếp trì, Mục 6: Sai biệt, thắng, C.3 Kết chỉ Kinh khác; Mục 7: Đức, Đoạn 1. Nói các đức, Đoạn 2. Tiết mục 7: Định tăng thượng của sự tu Nói 6 đức, Mục 8: Sâu xa, Mục 9: Niệm, tập, C.1 Nêu lên chi tiết, C.2 Biện giải chi Đoạn 1: Nói về niệm Phật, Đoạn 2: Nói về

Tịnh độ, Mục 10: Nghiệp, C.3 Giải thích 4. Bất ly, 5. Đảo ly; Nhơn Minh luận gạn hỏi, Tiết 1: Về Nhất thừa, Tiết 2: Về Cương yếu. đồng thời có nhiều Phật, Tiết 3: Về Niết- bàn không Niết-bàn, Tiết 4: Về Thọ dụng thân không phải Tự tánh thân, Tiết 5: Về Biến hóa thân không phải Tự tánh thân, Tiết 6: Về 2 thân là thường, Tiết 7: Về P Biến hóa thân không phải thường trú, Tiết 1.619. 8: Về thành Phật là phải có dụng công. PHÁP HOA YẾU NGHĨA LUẬN Luận giải: Sơn Nhân 1.618. NHƠN MINH LUẬN Nxb Hồng Đức – 2019 Tác giả: Trần Na Bồ-tát Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 370 trang, Việt dịch: Thích Thiện Hoa (1918-1973) bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm luận yếu Hương Đạo xuất bản (in lần thứ hai) – nghĩa về 28 phẩm kinh Diệu Pháp Liên 1962 Hoa: 1. Phẩm tựa yếu nghĩa, 2. Phẩm Sách có 47 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ Phương tiện yếu nghĩa, 3. Phẩm Thí dụ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời tựa, yếu nghĩa, 4. Phẩm Tín giải yếu nghĩa, 5. Nhơn Minh Luận có 3 phần Tôn-Nhơn- Phẩm Dược thảo dụ yếu nghĩa, 6. Phẩm Dụ; Tợ Tôn có 9 lỗi, 1. Hiện lượng tương Thọ ký yếu nghĩa, 7. Phẩm Hóa thành dụ vi, 2. Tỷ lượng tương vi, 3. Tự giáo tương yếu nghĩa, 8. Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký vi, 4. Thế gian tương vi, 5. Tự ngữ tương yếu nghĩa, 9. Phẩm Thọ học vô học nhơn vi, 6. Năng biệt bất cực thành, 7. Sở biệt ký yếu nghĩa, 10. Phẩm Pháp sư yếu bất cực thành, 8. Cấu bất cực thành, 9. nghĩa, 11. Phẩm Hiện bửu tháp yếu nghĩa, Tương phù cực thành; Tợ Nhơn có 14 lỗi, 12. Phẩm Đề-bà-đạt-đa yếu nghĩa, 13. phân làm 3 phần, I. Bất thành có 4 lỗi, 1. Phẩm Trì yếu nghĩa, 14. Phẩm An lạc Lưỡng câu bất thành, 2. Tùy nhứt bất hạnh yếu nghĩa, 15. Phẩm Tùng địa dũng thành, 3. Dụ dự bất thành, 4. Sở y bất xuất yếu nghĩa, 16. Phẩm Như Lai thọ thành, II. Bất định có 6 lỗi, 1. Cộng bất lượng yếu nghĩa, 17. Phẩm Phân biệt công định, 2. Bất cộng bất định, 3. Đồng phẩm đức yếu nghĩa, 18. Phẩm Tùy hỷ công đức nhứt phần chuyển, Dị phẩm chuyển biến yếu nghĩa, 19. Phẩm Pháp sư pháp sư công bất định, 4. Dị phẩm nhứt phần chuyển, đức yếu nghĩa, 20. Phẩm Thường bất Đồng phẩm biến chuyển bất định, 5. Câu khinh yếu nghĩa, 21. Phẩm Như Lai thần phẩm nhứt phần chuyển bất định, 6. lực yếu nghĩa, 22. Phẩm Chúc lụy yếu Tương vi quyết định bất định; III. Tương nghĩa, 23. Phẩm Dược vương Bồ-tát bổn vi có 4 lỗi, 1. Pháp tự tướng tương vi, 2. sự yếu nghĩa, 24. Phẩm Diệu Âm Bồ-tát Pháp sai biệt tương vi, 3. Hữu pháp tự yếu nghĩa, 25. Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát tướng tương vi, 4. Hữu pháp sai biệt tương yếu nghĩa, 26. Phẩm Đà-la-ni yếu nghĩa, vi; Tợ Dụ có 10 lỗi, phân làm 2 phần: I. 27. Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương bổn Tợ đồng Dụ có 5 lỗi, 1. Năng lập pháp bất sự yếu nghĩa, 28. Phẩm Phổ Hiền khuyến thành, 2. Sở lập pháp bất thành, 3. Câu bất phát yếu nghĩa. thành, 4. Vô hiệp, 5. Đảo hiệp; II. Tợ dị Dụ có 5 lỗi, 1. Sở lập pháp bất khiển, 2. Năng lập pháp bất khiển, 3. Câu bất khiển,

1.620. Pháp Tướng Tông – 1.622. PHẬT GIÁO KHÁI LUẬN DUY THỨC TAM THẬP TỤNG Tác giả: Mật Thể Nguyên tác: Nxb Minh Đức – 1971 Bồ-tát Thế Thân (Vasubandhu) Sách có khổ 12.5 x 18.5cm, dày 220 trang, Giảng giải: Cư sĩ Vu-lăng-ba bìa mềm, có tay gấp. Tác phẩm này gồm Việt dịch: Cư sĩ Lê Hồng Sơn có: Lời giới thiệu, Lời tựa, Vài nét về Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 13 x Thiền sư Thích Mật Thể (1913-1961); 1. 20.5cm, dày 237 trang, bìa mềm. Tổng thuyết, 2. Câu-xá tôn, 3. Thành Thật Toàn bộ tác phẩm này gồm có 12 chương: tôn, 4. Luật tôn, 5. Pháp Tướng tôn, 6. Chương 1, Tổng quan Duy Thức Tông; Tam Luận tôn, 7. Thiên Thai tôn, 8. Mật Chương 2, Phân đoạn đại cương Tam tôn, 9. Hoa Nghiêm tôn, 10. Thiền tôn, 11. Thập Tụng; Chương 3, Khái niệm Cơ bản Tịnh độ tôn, 12. Lời sau cùng. của Duy Thức Học; Chương 4, Thức biến: Tác phẩm này được tái bản năm 2004, Tám thức, Tam năng biến; Chương 5, Nxb Tôn Giáo. Thức thứ Tám: Dị Thục năng biến; Chương 6, Tư lương năng biến – Thức thứ 1.623. PHẬT HỌC KHÁI LUẬN Bảy; Chương 7, Năng biến Liễu cảnh – Tác giả: Thích Chơn Thiện (1942-2016) Thức thứ Sáu; Chương 8, Tâm vương – Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 Tâm Sở Tương ưng với sáu thức trước; Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 521 trang, Chương 9, Giải thích chính xác về Duy bìa mềm, chữ tựa màu cam vàng, có hình thức và giải đáp những vấn nạn; Chương đầu Đức Phật và hoa sen. 10, Giải đáp những vấn nạn trái với giáo Toàn bộ tác phẩm này gồm có 3 chương: - lý: Ba Tự tánh và Ba Vô tánh; Chương 11, Lời giới thiệu; C. I Phật bảo: 1. Lược sử Minh Duy Thức tánh: Chân Như; Chương Đức Phật, 2. Đức Phật trong Nam tạng và 12, Nói rõ về Duy thức vị và Tu tập Duy Bắc tạng, 3. Đức tướng và đức tánh của thức vị. Thế Tôn, 4. Tuệ giác của Thế Tôn, 5. Phật-Niết-bàn-Thành đạo, 6. Các tinh thần 1.621. PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN giáo dục của Thế Tôn và sự liên hệ giữa Dịch giả: Ngài với các hàng đệ tử, chư Thiên, Ác Thích Nguyên Ngôn (1938-2005) ma và ngoại đạo; C.II Pháp bảo: 1. Duyên Nxb Tôn Giáo – 2005 khởi và vô ngã, 2. Ngũ uẩn và vô ngã, 3. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 12 Tứ Thánh đế, 4. Nhân quả, 5. Nghiệp và phẩm: - Lời giới thiệu; P.1 Khuyến phát nghiệp báo, 6. Luân hồi, 7. Sáu giới-Mười tâm, P.2 Phát Bồ-đề tâm luận, P.3 Thệ hai xứ-Mười tám giới, 8. Giới học, 9. Bát nguyện, P.4 Đàn-na Ba-la-mật, P.5 Giới Thánh đạo, 10. Thất giác chi, 11. Ngũ căn Ba-la-mật, P.6 Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.7 và ngũ lực, 12. Tứ như ý túc, 13. Tứ chánh Tinh tấn Ba-la-mật, P.8 Thiền định Ba-la- cần, 14. Tứ niệm xứ, 15. Chánh và tà mật, P.9 Bát-nhã Ba-la-mật, P.10 Như thật pháp-Thiện và bất thiện-Thuyết pháp- pháp môn, P.11 Không-vô tướng, P.12 Nghe pháp-Sống theo pháp và hành theo Công đức trì; - Lời bạt. pháp; C.III Tăng bảo: 1. Đời sống của chư Tăng, 2. Liên hệ giữa chư Tăng và cư sĩ, 3. Quả vị Sa-môn, 4. Ngũ minh.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Vườn ngoài ngăn cách địa ngục (9), P. Địa Năm 1993, Ban Giáo dục Tăng Ni TƯ. ngục Diêm-la (10); Q.IX, P.24 Tiểu tam GHPGVN ấn hành; năm 1997, Viện tai và bệnh tật (1), P. Tiểu tam tai về đao Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành; binh (2), P. Tiểu tam tai về đói khát; Q.X, năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; Nxb Đại tam tai-P.25 Hỏa tai. Phương Đông; năm 2006, Nxb Văn hóa – Sài Gòn; năm 2009, Nxb Phương Đông; 1.625. PHẬT PHÁP KHÁI LUẬN năm 2016, Nxb Hồng Đức; năm 2018, Nxb Tác giả: Ấn Thuận Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. Biên dịch: Thích Phúc Tuệ - Thích Thanh Ninh 1.624. PHẬT NÓI LUẬN A-TỲ-ĐÀM Nxb Văn hóa-Thông

tin – 2011 VỀ VIỆC THÀNH LẬP THẾ GIỚI Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 286 ĐCTTĐTK, Q. 32, thuộc Luận tập Bộ trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 20 toàn, Ks. 1644. chương chính: Đề tựa, Lời giới thiệu, Bài Hán dịch: Tam tạng Chơn Đế Bạt bản tiếng Việt của cuốn "Phật Pháp Việt dịch (2005): Khái Luận", Mục lục, Lời tựa, Chương mở Sa-môn Thích Như Điển đầu; C.1 Pháp với người giác ngộ đầu tiên Hội Giáo dục Từ thiện Sariputtra ấn tống và người phụng hành, C.2 Giáo pháp, C.3 PL. 2549 – DL. 2006 Hữu tình-Phật pháp lấy loài người làm (Sariputra Educational Charity gốc, C.4 Hữu tình và thân tâm hữu tình, Foundation) C.5 Sự tiếp nối và sinh mới của hữu tình, Sách dày có 286 trang, kết cấu gồm có 10 C.6 Cái căn bản về luân hồi sinh tử của quyển, 25 phẩm. Nội dung như sau: Q.I, hữu tình, C.7 Về nghiệp lực luân hồi của P.1 Địa động, P.2 Nam Diêm-phù-đề, P.3 hữu tình, C.8 Tâm lý quán của Phật pháp, Sáu nước lớn, P.4 Thần Dạ-xoa; Q.II, P.5 C.9 Thế gian của chúng ta, C.10 Ngã luận Lậu-xà-kỳ-lợi tượng vương, P.6 Tứ thiên Nhân thuyết Nhân, C.11 Duyên khởi pháp, hạ, P.7 Số lượng, P.8 Thiên trụ xứ; Q.III, C.12 Sự thống nhất Ba lý tính lớn, C.13 P.9 Vườn hoa hỷ, P.10 Xe trong vườn, Bàn chung về Trung đạo, C.14 Yếu tố tâm P.11 Vườn ác khẩu, P.12 Vườn lẫn lộn, trong đức hạnh và nguyên tắc thực thi, P.13 Vườn Ba-lợi-dạ-đa; Q.IV, P.14 C.15 Tín đồ trong Phật pháp, C.16 Đức Thành Đề-đầu-lại-tra, P.15 Thành Tỳ-lưu- hành của hàng tín đồ tại gia, C.17 Đức lặc-xa, P.16 Thành Tỳ-lưu-bát-xoa, P.17 hạnh của hàng tín đồ xuất gia, C.18 Khảo Thành Tỳ-sa-môn; Q.V, P.18 Thiên và phi sát Giới-Định-Tuệ, C.19 Đức hạnh của thiên chiến đấu với nhau, P.19 Nhựt bậc Bồ-tát, C.20 Chính giác và Giải thoát. nguyệt hành; Q.VI, P.20 Vì sao; Q.VII, P.21 Thọ sanh, P.22 Thọ lượng; Q.VIII, 1.626. PHẬT TÂM LUẬN P.23 Địa ngục, P. Tiện sanh địa ngục (1)- Tác giả: Cứu cánh địa ngục Hắc thằng (2), Hắc Một Thiền sư Việt Nam (khuyết danh) thằng địa ngục phẩm cứu cánh, P. Tụ khái Dịch giả: Thích Phước Hảo (1930-2014) địa ngục (3), P. Địa ngục khiếu hoán (4), Tu viện Chơn Không ấn hành năm 1974 P. Địa ngục đại khiếu hoán (5), P. Địa Sách có khổ 14 x 19cm, có 156 trang, bìa ngục thiêu chín (6), P. Địa ngục đại thiêu mềm. Nội dung quyển luận này, nhằm chính (7), P. A-tỳ-chỉ địa ngục (8), P. muốn cho chúng ta nhận ra Đức Phật sẵn

có ở tự tâm của mỗi người, hướng về Đức Phật ấy mà tu tập để thấy Phật tánh. Bản Luận này được tái bản nhiều lần: Năm 1991, Thiền viện Thường Chiếu ấn Q hành; năm 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 1.628. 2014, Nxb Phương Đông. QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT TÍN LUẬN Sanskrit: Avalokiteshvara; Tibetain: 1.627. PHẬT THỪA TÔNG YẾU Spyan-ras-gzigs LUẬN (Hiện đại Phật giáo Khái luận) Tác giả: Hải Tín cư sĩ Tác giả: Đại sư Thái Hư (1889-1947) Phật học (Sài Gòn) – 1965 Việt dịch: Thích Thiện Hạnh Sách dày hơn 308 trang, bìa mềm. Nội PL. 2556 – DL. 2012. Tác phẩm Luận này dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Tựa, dày 210 trang (Pdf), gồm có: - Lời giới Duyên khởi, Phần I. Kiến Đạo phận, C.I thiệu; A. Tựa (1. Hệ thống quan của Phật Tìm nguồn gốc khổ, C.II Thấy biết chơn giáo, 2. Quan niệm tự lợi, lợi tha, 3. Phật chánh, 1. Sự thật về cái chết thân thể, 2. giáo là nhu yếu của nhân tâm, 4. Phật giáo Nguồn gốc của thân thể, 3. Đời sống của với các vấn đề trọng đối tuyệt đối); B. Nội "cái ta" là bất diệt, 4. Thời gian sống của dung chính (Chánh tông), I. Phật giáo một thân thể, 5. Quan niệm về thế giới, 6. thuần chánh: C.1 Các phân phái trong Nguyên nhân của tư tưởng, 7. Sự chuyển Phật

giáo thuần túy, C.2 Tiểu thừa Phật tiếp giữa mầm tưởng và tư tưởng, 8. Nhiều giáo, C.3 Đại thừa Phật giáo, C.4 Sự quan mầm tưởng mà sanh một lần một thân, 9. hệ giữa Tiểu thừa và Đại thừa; II. Phật Người lành còn sanh ác và người ác còn giáo ứng dụng: C.1 Bình phẩm về các tôn sanh lành, 10. Bản chất của cái Ta với cái giáo, Học phái thế giới, C.2 Sự quan hệ tư tưởng đầu tiên, 11. Cái Ta, 12. Quan giữa Phật giáo và người đời, C.3 Sự quan niệm về nghĩa linh hồn, 13. Quan niệm về hệ giữa Phật giáo và nhân dân Trung Hoa, cái Tâm, 14. Trọng tâm của Đạo Phật, 15. C.4 Sự lưu truyền Phật pháp ở thế gian Tu Phật, 16. Minh chứng luật Nhân quả, hiện tại và tương lai; C. Kết luận (Lưu 17. Tu để biết đời sau của mình; Phần II. thông). 1. Quy y, 2. Hồi hướng; D. Phụ Pháp Đạo phận, C.I Thông thường luận lục: - Sơ lược hành trạng Đại sư Thái Hư giải, 1. Nguồn gốc của Pháp, 2. Danh từ (1889-1947); - Lời tri ân. Quán Thế Âm Bồ-tát, 3. Mục đích tổng lạy, 5. Công phu, 6. Đắc an lạc, 7. Phân biệt thiện ác, 8. Tánh bình đẳng, 9. Chướng ngại ngăn cản thật hành điều lành, 10. Sức mạnh của pháp, 11. Hạnh phúc ở nơi đâu? 12. Tu vì chúng sanh, 13. Kiểm soát tư tưởng, 14. Trọng tâm của pháp, 15. Lực âm thinh Quán Thế Âm Bồ-tát, 16. Không phải là pháp ỷ lại bên ngoài, 17. Nghỉ lầm Quán Thế Âm Bồ-tát là một đấng thần linh cũng vô hại, 18. Yếu tố của

đức tin, 19. Làm nghề ác cũng có thể tu tát, 21. Quán Thế Âm Bồ-tát không nhận pháp Quán Thế Âm Bồ-tát, 20. Không bỏ xâu chuỗi của Vô Tận Ý Bồ-tát, khi chưa các dục lạc ở đời, 21. Sống lâu vô lượng, có lời của Phật dạy, 22. Quán Thế Âm Bồ- 22. Sự trai lạt, 23. Giải thoát sân hận, 24. tát chia xâu chuỗi làm 2 phần: Một phần Hết các sự lo sợ, 25. Phật trí, 26. Tài biện dưng cho đức Thích-ca Mâu-ni Phật, và luận, 27. Nhẫn nhục, 28. Lòng nhân từ, 29. một phần dưng cho đức Đa Bảo Phật tháp, Ổn định tinh thần, 30. Tiền của, 31. So 23. Quán Thế Âm Bồ-tát hầu nghìn đức sánh pháp thiền với pháp Quán Thế Âm Phật, 24. Quán Thế Âm Bồ-tát phát Bồ-tát, 32. Đường lối tu hành, 33. Sự sanh nguyện đại thanh tịnh, 25. Lực tác dụng hóa biến diệt của tư tưởng, 34. Tánh tướng của niệm tưởng Quán Thế Âm Bồ-tát, 26. của quả Phật, 35. Đắc pháp, 36. Niết-bàn; Hạnh nghiệp của pháp Quán Thế Âm Bồ- C.II Kinh văn luận giải, 1. Quán Thế Âm tát, 27. Quán Thế Âm Bồ-tát là đạo nghiệp Bồ-tát giải thoát các tánh đa sân hận, đa tự tại, 28. Trì Địa Bồ-tát; C.III Tổng luận dâm dục và mê muội, 2. Tà quỉ không hại giải, 1. Làm thế nào mà biết được là pháp được người niệm Quán Thế Âm Bồ-tát và hay? 2. Là một pháp thờ lạy, nhưng tại sao trở lại hại người sai chúng, 3. Niệm Quán quá chú trọng đến tâm tánh? 3. Quán Thế Thế Âm Bồ-tát, gông xiềng gươm đao Âm Bồ-tát pháp độ sanh hay độ tử? 4. Lễ không làm hại đặng, 4. Niệm danh hiệu lạy là tăng cường lực của pháp, 5. Dùng Quán Thế Âm Bồ-tát, vào lửa, lửa chẳng tâm “không ta” hay “có ta” mà niệm danh đốt cháy đặng, 5. Bị nước làm trôi, niệm hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát? 6. Đã nhìn Quán Thế Âm Bồ-tát, liền đặng chỗ cạn, nhận có vô lượng chư Phật và Bồ-tát ở 10 6. Niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, quỉ không phương, nhưng sao lại không cầu khẩn? 7. nhìn được, 7. Quán Thế Âm Bồ-tát, một Quán Thế Âm Bồ-tát không phải là cái thời nghe hết các tiếng để phân biệt cứu niệm tưởng cầu may, 8. Lý do cầu nguyện khổ, 8. Một người niệm Quán Thế Âm hay là nghĩa “tha lực”, 9. Quán Thế Âm Bồ-tát, nhiều người được giải thoát, 9. Bồ-tát chánh niệm, 10. Quán Thế Âm Bồ- Niệm Quán Thế Âm Bồ-tát giải thoát được tát là pháp cao trổi nhứt, 11. Quán Thế các nạn oán tặc, 10. Lễ lạy cúng

dường Âm Bồ-tát là một niệm cụ túc đức lành, Quán Thế Âm Bồ-tát, sẽ sanh được con 12. Tu tập pháp Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ trai trí tuệ và con gái đoan chánh, 11. Lễ mau được thành Phật, 13. Thờ phượng, 14. lạy Quán Thế Âm Bồ-tát, phước đức Chơn-như duyên khởi, 15. Tạng tâm chẳng luống mất, 12. Thọ trì danh hiệu duyên khởi, 16. Phật lực duyên khởi; Phần Quán Thế Âm Bồ-tát, phước đức bằng thọ III. Cứu cánh Pháp phần, 1. Trong lúc lâm trì danh hiệu của 62 ức hằng sa Bồ-tát, 13. chung, cần phải cầu sanh về Tây phương Quán Thế Âm Bồ-tát dạo khắp cõi ta-bà, Cực Lạc Thế giới, 2. Pháp lực, 3. Cảnh 14. Quán Thế Âm Bồ-tát diễn thuyết các Thế giới Tây phương Cực lạc là giả hay pháp, 15. Quán Thế Âm Bồ-tát dùng thật? Kết luận, Giải thích danh từ, Công phương tiện lực, 16. Quán Thế Âm Bồ-tát đức pháp thí. (Bản lưu tại Thư viện Viện không hiện thân Bồ-tát, 17. Quán Thế Âm Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Bồ-tát hiện các thân thuyết pháp, 18. Vô Chí Minh; Mã sách: Vie 2503) Tận Ý Bồ-tát, 19. Vô Tận Ý Bồ-tát có xâu chuỗi đá quí, 20. Vô Tận Ý Bồ-tát cúng dường xâu chuỗi cho Quán Thế Âm Bồ-

cõi; Lộ tâm, B.27 Lộ ngũ môn, B.28 Lộ ý

S môn, B.29 Lộ đắc thiền-đắc đạo (lộ kiên cố), B.30 Lộ nhập thiền hiệp thế và thiền cơ, B.31 Lộ viên tịch liên thiền-liên thông, B.32 Lộ phản kháng chi thiền, B.33 Sở 1.629. SIÊU LÝ HỌC Dịch giả: hẹp và rộng; Lộ sắc, B.34 Lộ sắc (bảng 1, 2, 3, 4), B.35 Lộ sắc (bảng 5, 6, 7, 8, 9); Đại Trưởng lão Tịnh Sự (1913-1984) Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014. Tâm đặng mấy cách-cách đặng mấy tâm, Tác phẩm này có 212 trang, nội dung Đầu đề tam, B.36 Tam đề thiện, B.37 Tam gồm: Vô tỷ pháp, Sở hữu pháp; Bài (B) 1. đề thành do thủ, B.38 Tam đề pháp hỷ, Sở hữu tợ tha phối hợp, B.2 Sở hữu bất B.39 Tam đề nhân sanh tủ, B.40 Tam đề thiện phối hợp, B.3 Sở hữu Tịnh hảo phối cảnh hy thiểu, B.41 Tam đề có đạo thành hợp; Tâm nhiếp, B.4 Tâm bất thiện nhiếp, cảnh, B.42 Tam đề cảnh quá khứ; Đầu đề B.5 Tâm vô nhân nhiếp, B.6 Tâm dục giới nhị, B.43 Phần tụ nhân, B.44 Nhị đề đinh, Tịnh hảo nhiếp, B.7 Tâm đáo đại nhiếp, B.45 Phần chùm lậu, B.46 Phần tụ triền, B.8 Tâm siêu thế nhiếp; Sắc pháp (Rupa), B.47 Phần tụ (chùm) phược, B.48 Phần tụ B.9 Sắc pháp, B.10 Chia 2 sắc pháp, B.11 (chùm) bộc, B.49 Phần tụ (chùm) phối, Nhân sanh sắc pháp, B.12 Phân bọn sắc B.50 Phần tụ (chùm) cái, B.51 Phần tụ pháp, B.13 Sắc pháp theo cõi tái tục, B.14 (chùm) khinh thị, B.52 Phần nhị đề đại, Niết-bàn & Đoàn tâm, B.15 Tên Tâm gồm B.53 Phần tụ thù, B.54 Phần tụ (chùm) đủ 121 thứ tâm, B.16 Chia tâm; Nhiếp phiền não, B.55 Phần yêu bối; Nhị đề (Sangaha), B.17 Thọ và Sự nhiếp (- Thọ kinh, Duyên: Nhân duyên, Cảnh duyên, nhiếp (Vedanasangaha), - Sự nhiếp Cảnh trưởng duyên hay Cảnh tăng thượng (Kiccasangaha), B.18 Môn & Vật nhiếp, duyên, Câu sanh trưởng duyên, Vật cảnh B.19 Nhân, Sở nhân và Cảnh nhiếp; tiền sanh trưởng duyên, Vô giản duyên, Tương tập nhiếp, B.20 Bất thiện tương tập Câu sanh duyên, Hồ tương duyên, Vật tiền nhiếp (Tứ lậu, Tứ bạo (tứ bộc), Tứ phối, sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Tứ nhược, Tứ thủ, Lục cái, Thất tùy miên Thường cận y duyên, Cảnh tiền sanh (theo Vô tỷ pháp), Thập triền (theo Kinh), duyên, Hậu sanh duyên, Trùng dụng Thập phiền não (theo Kinh); B.21 Hỗn tạp duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Dị thời tương tập nhiếp (Lục nhân tương ưng, nghiệp duyên, Vô gián nghiệp duyên, Dị Thất chi thiền, Thập nhị đạo, Nhị thập nhị thục quả duyên, Sắc vật thực

duyên, Cầu quyền, Cửu lục, Tứ trưởng, Tứ thực); B.22 sanh quyền duyên, Tiền sanh quyền Đẳng giác tương tập nhiếp (Tứ niệm xứ, duyên, Sắc mạng quyền duyên, Thiền-na Tứ chánh cần, Tứ như ý túc (thần túc), duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Ngũ quyền, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát Câu sanh bất tương duyên; Phần Duyên chánh đạo); B.23 Hàm tận tương tập nhiếp chia theo danh sắc, Phần Duyên theo thời, (Chia uẩn, Chia thủ uẩn, Chia thập nhị xứ, Chia Duyên theo mãnh lực, Chia Duyên Chia thập bát giới, Chia Tứ đế); Người và theo cõi; Chỉ chấm & cách đọc bảng nêu: cõi, B.24 Ba mươi mốt cõi, B.25 Người có Tâm, Sở hữu, Sắc pháp, Pháp, Chế định, đặng mấy tâm-tâm sanh đặng mấy người, Sở hữu phối hợp, Tâm nhiếp, Sự nhiếp, B.26 Cõi đặng mấy tâm-tâm đặng mấy Môn nhiếp, Vật nhiếp, Thọ nhiếp, Sắc pháp, Sắc pháp chia 2, Nhơn sanh sắc

pháp, Phân bọn sắc pháp, Sắc pháp phản theo cõi tái tục, Cách đặng mấy tâm-tâm đặng mấy cách, Nhân-sở hữu và cảnh nhiếp; Người và cõi, Người xài đặng mấy T tâm, Tâm sanh đặng mấy người, Cõi đặng 1.631. TAM LUẬN LƯỢC CHƯƠNG mấy tâm, Tâm đặng mấy cõi; Lộ trình tâm, Biên soạn: Cát Tạng Tương tập nhiếp, Bất thiện tương tập Việt dịch: Đức Thuận-Đức Nghiêm nhiếp, Hỗn tạp tương tập nhiếp, Đẳng giác Nội dung Luận này gồm có: - Nghĩa Nhị tương tập nhiếp, Hàm tận tương tập nhiếp, đế, - Nghĩa Nhị trí-nghĩa Bát-nhã, 1. Nhị Pháp tụ Đầu đề tam. trí, 2. Nghĩa Bát-nhã; Chân-ứng và Niết- Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm bàn, 1. Nghĩa chân thân-ứng thân, 2. 1974; tái bản: Năm 2014, Nxb Tổng hợp Nghĩa Niết-bàn; Chính pháp và Tượng Tp. Hồ Chí Minh, bộ sách giải về Siêu Lý pháp; Kim cang Tam-muội; Nghĩa Sinh Học này có 3 quyển, do Đại Trưởng lão không và Pháp không; Nghĩa hai chim Tịnh Sự soạn giải: 1. Bản giải Siêu Lý Thường và Vô thường; Nghĩa Bán tự và Tiểu Học, dày 355 trang; 2. Bản giải Siêu Mãn tự; Nghĩa Phật tính. Siêu Lý Cao Học, dày 248 trang, bìa mềm. bảo-Luận tạng) 1.630. SIÊU LÝ HỌC 1.632. TAM LUẬN TOÀN TẬP Biên soạn: Tỳ-kheo Giác Chánh Tác giả: Tổ Long Thọ (Nàgàrjuna) và (Bodhissammabhikkhu) Ngài Thánh Thiên (Arya Deva) Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 Dịch từ Phạn sang Hán: Cưu-ma-la-thập Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 597 trang. (Kumàrajiva, 344-413) Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Siêu Lý Việt dịch: Sa-môn Thích Đức Nghiệp cương yếu (133 mục đề), Đầu đề nhị, Phần Nxb Tôn Giáo – 2002. Luận có khổ 14.5 x đề nhơn, Phần đề tiểu đỉnh, Phần đề lậu, 20.5cm, có 427 trang. Tác phẩm Tam luận Phần đề triền, Phần đề phược, Phần tụ bộc, toàn tập gồm có ba bộ luận: Trung luận, Phần tụ phối, Phần tụ cái, Phần tụ khinh Thập nhị môn luận của Bồ-tát Long Thọ thị, Phần nhị đề đại đỉnh, Phần tụ thủ, và Bách luận của ngài Thánh Thiên. Tác Phần tụ phiền não, Nhị đề yêu bối, Nhị đề phẩm Trung luận được phân thành 4 kinh, Duyên sinh, Duyên hệ, Tứ niệm xứ. quyển, 27 phẩm. Quyển thứ nhất, nói về Nhân duyên, nhận xét (phá chấp) về: đi và đến, sáu giác quan, năm ấm, sáu đại, sự nhiễm dục và người nhiễm dục; Quyển thứ hai, nhận xét (phá chấp) về: ba tướng, người làm và việc làm, bản ngã, lửa cháy và nhiên liệu, bản thể đầu tiên, khổ, hành nghiệp, thành hợp; Quyển thứ ba, nhận xét (phá chấp) về: có và không, trói buộc và cởi mở, nghiệp quả, ngã, thời gian, nhân quả, thành và hoại; Quyển thứ tư, nhận xét

(phá chấp) về: Như Lai, điên đảo, sự thật (Tứ đế), Niết-bàn, 12 nhân duyên, tà kiến. 1.634. Tạng Diệu Pháp - BỘ PHÁP TỤ Còn Thập nhị môn luận gồm có 12 phần. (ABHIDHAMMAPITAKA Nội dung nhận xét về 12 môn: nhân DHAMMASANGANI) duyên, có quả - không quả, duyên, tướng Dịch giả: Đại Trưởng lão Tịnh Sự trạng, có tướng và không có tướng, một và (Màhatherasantakicco, 1913-1984) khác, có và không, tính, nhân quả, người THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, làm (tác giả), ba thời nhân quả, sinh ra. PL. 2534 – DL. 1990 Sau cùng là Bách luận gồm có 2 quyển, 10 Sách có khổ 14 x 20cm, có 458 trang. Bộ phẩm. Quyển thượng (3 phẩm), nói về xả pháp tụ này gồm có 4 chương. Chương bỏ tội phúc, phá chấp thần ngã, phá chấp Tâm sanh, nói về: Thiện dục giới, Thiện "một"; Quyển hạ (7 phẩm), phá chấp về: sắc giới, Thiện vô sắc giới, Thiện siêu thế, "khác", căn (giác quan), đối tượng (trần Pháp bất thiện, Pháp vô ký; Chương Sắc, cảnh), trong nhân có quả, trong nhân nói về yếu hiệp trong các pháp vô ký, mẫu không có quả, thường, "không". đề (phần chia sắc, xiển minh nhất đề, xiển minh nhị đề, xiển minh tam đề, xiển minh 1.633. TAM PHÁP ĐỘ LUẬN – tứ đề, xiển minh ngũ đề); Chương Toát TRIDHARMAKASÀSTRA yếu, về các pháp: trích yếu tam đề, trích Nghiên cứu Ngữ học và Giáo thuyết yếu phần tụ nhân, nhị đề tiểu đỉnh, phần tu (Luận án Tiến sĩ Đệ Tam cấp) lậu, phần tụ triền, phần tụ phược, phần tụ Tác giả: bộc, phần tụ phối, phần tụ cái, phần tụ HT. Thích Thiện Châu (1931-1998) khinh thị, phần nhị đề đại đỉnh, phần tụ Nxb Tôn Giáo – 2004 thủ, phần tụ phiền não, phần nhị đề yêu Tác phẩm Luận này có 269 trang, nội bối, phần nhị đề kinh; Chương Trích yếu dung gồm 5 phần: Phần một: Tổng quan, (trích yếu tam đề, trích yếu nhị đề, phần tụ A. Tên sách và cách Dàn ý, B. Tác giả, nhân, nhị đề tiểu đỉnh, phần tu lậu, phần tụ Luận giả và Dịch giả: I. Tác giả, II. Luận triền, phần tụ phược, phần tụ bộc, phần tụ giả, III. Các dịch giả, C. Niên đại, D. phối, phần tụ cái, phần tụ khinh thị, phần Ngôn ngữ, E. Công việc phiên dịch, F. tụ thủ, phần tụ phiền não, phần nhị đề yêu Chủ thuyết đặc thù, G. Học phái gốc của bối, và các lược đồ: đầu đề tam, đầu đề Tam Pháp Độ Luận; Phần hai: Phân tích nhị, yếu hiệp. chi tiết Tam pháp độ luận, A. C.1 Thiện Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: pháp (Kusala), B. C.2 Bất thiện pháp Năm 2012, Nxb Tôn Giáo; năm 2020, Thư (Akusala), C. C.3 Căn để (Nisraya); Phần viện Phật giáo Nguyên Thủy ấn tống. ba: Các luận đề của Độc Tử Bộ; Phần bốn: Các điểm giáo pháp quan trọng của Tam 1.635. Tạng Diệu Pháp – pháp độ luận; Phần năm: Các bản văn BỘ PHÂN TÍCH tương tự với Tam pháp độ luận, A. Tạp A- Dịch giả: hàm chú giải, B. Chính lượng bộ Tập luận; Đại Trưởng lão Tịnh Sự (1913-1984) Kết luận, Thư mục. THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2536 – DL. 1992 Tác phẩm này có 385 trang, nội dung gồm: - Lời tựa, - Lời giới thiệu; Uẩn phân

tích theo Kinh, Uẩn phân tích theo Vi diệu Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: pháp, Phần Uẩn vấn đáp, Xứ phân tích Năm 1995 đã được THPG Tp. Hồ Chí theo Kinh, Phần xứ vấn đáp, Giới phân Minh ấn hành; năm 2012, Nxb Tôn Giáo. tích theo Vi diệu pháp, Phần giới vấn đáp, Đế phân tích theo Kinh, Đế phân tích theo 1.637. TẠP TẠNG Vi diệu pháp, Phần quyền vấn đáp, Duyên Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, khởi phân tích theo Kinh, Mẫu đề Vi diệu tập 163 pháp, Duyên khởi phân tích theo Vi diệu Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc pháp, Niệm xứ phân tích theo Kinh, Niệm xuất bản xứ phân tích theo Vi diệu pháp, Phần Tập 163, Số 1852, - Tam luận Huyền Niệm xứ vấn

đáp, Tứ Chánh cần phân tích nghĩa; số 1853, - Đại thừa Huyền luận, có theo Kinh, Phần Tứ chánh cần vấn đáp, 5 quyển; số 1854, - Nhị đế Nghĩa, có 3 Phần Giác chi vấn đáp, Đạo phân tích theo quyển; số 1855, - Tam luận Du ý nghĩa; số Kinh, Đạo phân tích theo Vi diệu pháp, 1856, Cưu-ma-la-thập Pháp sư Đại nghĩa, Phần Đạo vấn đáp. có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số Tác phẩm này tái bản năm 2012, Nxb Tôn 1857, - Luận Bảo Tạng, có 3 phẩm; số Giáo. 1858, - Triệu Luận; số 1859, - Triệu Luận sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1860, - 1.636. Tạng Diệu Pháp – Triệu Luận Tân sớ, có 3 quyển Thượng, BỘ SONG ĐỐI Trung và Hạ. Dịch giả: Đại Trưởng lão Tịnh Sự (1913-1984) 1.638. TĂNG TRIỆU THPG Tp. Hồ Chí Minh, ấn hành năm và Tánh Không Học Đông Phương 1998. Việt dịch: Tuệ Hạnh Tác phẩm này có 573 trang, nội dung Nxb Nguồn Sống – 1990 gồm: Tâm Song: Xiển thuật phần Người, (Quảng Hương Tùng Thư) Xiển thuật phần Pháp, Xiển thuật phần (Pháp Duyên Tịnh xá, 3720 Klein Road. Người và Pháp, Xiển thuật phần Hỗn hợp, San Jose, CA 95148) Xiển minh phần Người, Xiển minh phần Nội dung gồm có: Lời người dịch, Dẫn Pháp, Xiển minh phần Người và Pháp, nhập; I. Sử lược, II. Tác phẩm của Triệu, Xiển minh phần Hỗn hợp; Pháp song: III. Các bài Sớ và Tự, IV. Chú giải và bình Phần định danh, Xiển thuật, Xiển minh, luận về triết lý Tăng Triệu, a. Ý nghĩa Phần câu lọc, Phần câu lọc căn luân, Phần “khuôn thức”, b. Lịch sử về sự thuyên giải thuần pháp, Phần thuần pháp căn luân, thuộc Phật đạo, c. Chú giải về Bát-nhã, d. Phần chuyển biến, Phần sanh, Phần diệt, Vật chất chân không luận, e. Thời gian-vật Phần sanh diệt, Phần tiến tu; Quyển Song: bất thiên, f. Niết-bàn vô danh, g. Thiền Phần định danh, Xiển thuật, Xiển minh, định của Triệu, h. Trao đổi văn thư với Phần câu lọc, Phần câu lọc căn luân, Phần Lưu Di Dân, Vật Bất Thiên luận, Lưu Di thuần quyển, Phần thuần quyển căn luân, Dân thư vấn, Đáp Lưu Di Dân thư, Niết- Phần chuyển biến, Phần biến tri. bàn vô danh luận, Niết-bàn vô danh luận (chánh văn); Chú thích.

1.639. TÂN DUY THỨC LUẬN Tích ấn hành lần đầu – 2013, tái bản 2017; Tác giả: Đại sư Thái Hư (1889-1947) Tập III, Phẩm 4. Phân biệt Nghiệp, Hương Soạn dịch: Giải Minh Tích ấn hành lần đầu – 2015, tái bản 2019; Nxb Phương Đông – 2010 Tập IV. Phẩm 5 & 6, Hương Tích ấn hành Tác phẩm Luận này có 171 trang, bìa – 2016; Tập V. Thiên 7. Phân biệt Trí, mềm; nội dung gồm: Tựa, Duyên khởi, Thiên 8. Phân biệt Định, Hương Tích ấn Nguyên văn Tam Thập Tụng; Phụ bản hành – 2018; Hán văn, Tài liệu tham khảo. A-tỳ-đạt-ma Tập Dị Môn Túc Luận, Abhidharma-sangìtiparyàya, dịch Việt: 1.640. TÂY PHƯƠNG HIỆP LUẬN Tuệ Sỹ & Nguyên An, Nxb Hồng Đức, Tác giả: Tiến sĩ Viên Hoành Đạo Hương Tích ấn hành lần đầu 2020. Việt dịch: Thích Trí Thông A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2003. Abhidharma-Dharmaskandhasastra, dịch Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, có 236 trang, Việt: Tuệ Sỹ & Nguyên An, Nxb Hồng bìa mềm. Sách Luận này gồm có 10 Đức – 2018… chương. Nội dung luận về: 1. Cõi nước, 2. Duyên khởi, 3. Bộ loại, 4. Giáo tướng, 5. 1.643. TIỂU THỪA PHẬT GIÁO Lý đế, 6. Xứng tánh, 7. Vãng sinh, 8. Kiến TƯ TƯỞNG LUẬN võng, 9. Tu trì và 10. Thích dị. Tác giả: Kimura Taiken Việt dịch: 1.641. TIỂU LUẬN VỀ HT. Thích Quảng Độ (1928-2020) BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA (Bodhi Dharma) Sách luận này khổ 14.5 x 20.5cm, dày 784 Tác giả: Phạm Công Thiện trang, bìa mềm. Toàn bộ Tiểu thừa Phật Nxb Tân Ý Thức – 1964 giáo Tư tưởng luận được phân thành 6 Sách có khổ 12.2 x

19.5cm, có 92 trang, thiên. Thiên thứ nhất, luận về Phật-đà bìa mềm. Nội dung gồm có: I. Về (Tổng luận, tài liệu liên quan đến Phật Bodhidharma, II. Những vị Tổ sư Phật truyện, A-tỳ-đạt-ma dự tưởng Phật truyện, giáo, III. Ai là Tổ sư thứ nhất của Thiền sự khảo sát về Phật và Bồ-tát của A-tỳ- tông? IV. Bồ-đề-đạt-ma có thực hay đạt-ma, luận về Bồ-tát và Phật thân quan); không? V. Đôi nét về cuộc đời của Bồ-đề- Thiên thứ hai, nói về yếu tố thành lập vũ đạt-ma, VI. Những bài thuyết pháp của trụ (bản chất tồn tại, vũ trụ quan của Bồ-đề-đạt-ma, VII. Những người mở nguyên thủy Phật giáo và của A-tỳ-đạt-ma đường cho tư tưởng của Bồ-đề-đạt-ma, Phật giáo, khuynh hướng thực tại luận VIII. Tư tưởng của Bồ-đề-đạt-ma. (đặc biệt lấy Hữu bộ làm trung tâm), khuynh hướng duy tượng luận, khuynh 1.642. TIỂU TẠNG LUẬN hướng thực tại luận hình nhi thượng (đặc A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, biệt về tư tưởng vô vi và chân như), các Abhidharmakosabhàsyam, 5 Tập, Tuệ Sỹ yếu tố và sự phân loại các pháp, vật chất dịch và chú: Tập I, Phẩm 1. Phân biệt luận, tâm lý luận, khái niệm giữa vật và Giới, Phẩm 2. Phân biệt Căn, Hương Tích tâm (tâm bất tương ưng hành luận), nhân ấn hành lần đầu – 2012, tái bản 2013; Nxb duyên luận, chư môn phân biệt); Thiên thứ Hồng Đức – 2017; Tập II, Phẩm 3. Phân ba, nói về Thế giới quan của Phật giáo biệt Thế Gian, Nxb Hồng Đức, Hương nguyên thủy, thế giới quan của A-tỳ-đạt-

ma, tài liệu về thế giới quan và phân loại lập 5 Thức trước, T.2 Thành lập Ý thức, thế giới quan; thế giới quan của Ba-la-môn T.3 Thành lập Mạt-na Thức, T.4 Thành giáo; thế giới quan của Phật giáo (khí thế lập A-lại-da thức; C.III Nói qua về Tâm gian, địa ngục, hữu tình thế gian, sự Sinh, sở, T.1 Danh nghĩa Tâm sở, T.2 Mối quan Trụ, Dị, Diệt của thế giới); Thiên thứ tư, hệ của Tâm vương-Tâm sở, T.3 Ngôi số luận về Tâm (tâm thể luận, các vấn đề Tâm sở, T.4 Hình tướng của 5 món trong tướng trạng của tâm, luận tâm lý tác ngôi Biến hành, T.5 Hình tướng của 5 dụng); Thiên thứ năm, luận về Luân lý món Biệt cảnh Tâm sở; C.IV Kinh nghiệm (tổng luận, nói về ba tính thiện, ác và vô rõ lẽ Duy thức, T.1 Ngâm thơ hiểu lẽ Duy ký, những tác dụng của ba tính, những thức, T.2 Chứng rõ Ngũ câu Ý thức, T.3 tướng của hành vi đạo đức, thiện, ác Suy xét lại biết có thức thứ 7 và thứ 8, T.4 nghiệp với quả báo, tướng trạng luân hồi, Dùng thí dụ tỏ được Thức thứ 7 và thứ 8, hình thức luân hồi và luận Duyên khởi, T.5 Bởi đâu có ngã tướng? C.V Nghiệm mười hai nhân duyên và hình thức luân giấc một rõ lẽ Duy thức, T.1 Cái nghĩa hồi); Thiên thứ sáu, luận về Tu đạo (động phóng tâm cũng nghĩa Duy thức, T.2 cơ tu đạo với tu đạo pháp nhất ban, Mộng-tỉnh, có-không, T.3 Chứng rõ có nguyên tắc tu đạo với Giới, Định và Tuệ, Tam tính thực; C.VI Giải thích qua cái lẽ luận về thiền định). người căn dặn, T.1 Coi núi thấy lẽ Thức Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1957, biến, T.2 Thức trong chiêm bao như trong [Knxb]; tái bản: Năm 1969, Tu thư Đại lúc tỉnh, T.3 Thức biến được và chẳng Học Vạn Hạnh xuất bản, Giấy phép số biến được, T.4 Các cái thức đã biến ra có 5525/ BTT/ PHNT ngày 23-12-1969; năm thêm có bớt, T.5 Cùng biến thấy riêng, T.6 1971, Khuông Việt (Sài Gòn) xuất bản; Thức biến phải mượn bản chất; C.VII Kết năm 2012, Nxb Tôn Giáo. luận; Duy thức Phương tiện Đàm (tập dưới), C.I Duy thức với Thiền tông, T.1 1.644. Tìm Hiểu DUY THỨC HỌC Tâm-thức-thể-dụng, T.2 Truyền pháp khác – 2 Tập nhau; C.II Ý nghĩa Duy thức, T.1 Năng sở Thích Tâm Giác (1917-1973) cũng chỉ là Thức, T.2 Chỉ là cái bóng của Nha Tuyên Úy Phật giáo ấn hành.

Thức ra, T.3 Rõ lẽ Duy thức thì hết thảy là Tập I, có hơn 123 trang, nội dung gồm có: giả, T.4 Cái nghĩa chữ Pháp; C.III Thân Duy thức Sơ học, T.1 Giảng nghĩa Duy vọng nối ngừng, T.1 Chủng tử của đời thức, T.2 Tâm vương, T.3 Tâm sở "hữu người, T.2 Trước-sau, có-không, T.3 A- pháp", T.4 Bốn phần của Thức, 5. Sự biến lại-da không có trước-sau, T.4 Chân như của Thức, T.6 Tứ duyên, T.7 Tam lượng với vô minh cùng có, T.5 Vô minh có sau (năng duyên), T.8 Tam cảnh (sở duyên), chót, T.6 Chúng sinh không có trước mà T.9 Tam tự tính, T.10 Tam vô tính, T.11 có sau chót; C.IV Thức tướng khai hợp, Kinh Luận sở y (chuyên khoa), T.12 Lược T.1 Sinh chủng tử thức, T.2 Căn là chỗ sử sáng lập Duy thức ở Ấn Độ, T.13 Lịch cho Thức nương, T.3 Thức là chân, tướng sử các Tổ nối pháp bên Tàu; Duy thức là tục, T.4 Tâm với thức chẳng phải là hai; Phương tiện Đàm (quyển trên), C.I Tự C.V Tâm vương-Tâm sở-Tương ứng, T.1 luận, T.1 Chí nguyện làm luận, T.2 Thế Vì đâu có Tâm sở, T.2 Chủng tử thức cũng nào là Duy thức, T.3 Thành lập môn Duy như hạt giống cây, T.3 Chủng tử thứ nào thức; C.II Thành lập tám Thức, T.1 Thành hiện hành thứ ấy, T.4 Bảng kể Tâm sở, T.5

Số Tương ứng nhiều ít, T.6 Cái nghĩa Vạch toang cái trò quỷ thuật huyền bí, Tương ứng; C.VI Thích thêm bổn phận, Chủng tử hiện hành chủng tử, Đất vụn làm T.1 Kiến phận-Tướng phận, T.2 Tự chứng sao nắm lại được, Quan sát cảnh giới về phận, T.3 Chứng tự chứng phận, T.4 Lý không gian, Bàng sinh đạo (Tiyaggoni), do thành lập 4 phần; C.VII Bản tính và Ngã quỷ đạo (Preta), Nhân đạo huân tập chủng tử, T.1 Hai thứ chủng tử (Manusya), Thiên đạo (Reva), Hoại kiếp sẵn có và mới nẩy, T.2 Năm thứ chủng tử (Samvarta Kalpa), Không kiếp (Samvarta tính khác nhau, T.3 Chủng tử hữu lậu và Siddlakalpa), Thành kiếp (Vivarta Kalpa), vô lậu, T.4 Tính người chẳng phải nguyên Trụ kiếp (Virvar Siddha Kalpa); Sự phát là thiện cả, T.5 Tập quen tức là cái nghĩa động của Nghiệp lực, Đức tính của Nghiệp huân tập, T.6 Huân tập tính tướng, T.7 lực, Quả báo của Nghiệp lực, Phân lượng Hiện hành chậm chóng, T.8 Niệm Phật tức của Nghiệp lực, Tác dụng của Nghiệp lực; là phép huân tập chủng tử, T.9 Cùng làm Tứ phận-Tam loại- một nửa đường trường nhân quả cho nhau, T.10 Nhân quả có khi học Duy Thức, Phần 1. Tướng phận, Phần cùng-khi khác; C.VIII Nhân Duyên và 2. Kiến phận, Phần 3. Tự chứng phận, Quả, T.1 Mười nhân-Những gì là 10 nhân? Phần 4. Chứng tự chứng phận, Loại 1. T.2 Tứ duyên, T.3 Ngũ quả; C.IX Lượng Tính cảnh, Loại 2. Độc ảnh cảnh, Loại 3. và Cảnh, T.1 Tam lượng, T.2 Tam cảnh, Đới chất cảnh; Một loại của tính cảnh: Vô T.3 Thí dụ cho rõ cảnh; C.X Thức hay chất tính cảnh, Hữu chất tính cảnh; Hai biến tướng, T.1 Tự tướng của Tạng thức, loại của độc ảnh cảnh: Vô chất độc ảnh T.2 Quả tướng của Tạng thức, T.3 Nhân cảnh, Hữu chất độc ảnh cảnh; Hai loại của tướng của Tạng thức, T.4 Ngã tướng của đới chất cảnh: Chân đái chất cảnh, Tự đái Mạt-na, T.5 Hình tướng của sáu thức chất cảnh; Phương pháp tu hành của Tông trước; C.XI Hình tướng của Thức đã biến Pháp tướng như thế nào? Giới học của ra, T.1 Chủng tử biến duyên, T.2 Căn khí Tông Pháp tướng, Định học của Tông biến duyên, T.3 Thức cảnh duyên tưởng Pháp tướng, Tuệ học của Tông Pháp phận; C.XII Nhị đế và Tam tính, T.1 Tứ tướng; 10 cuộc tính toan song tất mọi pháp trùng và Nhị đế, T.2 Ba món tự tính, T.3 của Tông Pháp tướng, Ngũ Pháp, Tam Ba món vô tính; Tính: Biến kế sở chấp tính, Y tha khởi Tập II, sách dày 338 trang, nội dung gồm tính, Viên thành thực tính; Nhị vô ngã:

có: Thử mở một con đường tắt để nghiên Nhân vô ngã, Pháp vô ngã; Tứ trùng xuất cứu Tông Pháp Tướng (Duy Thức), Nhất thế: Thể dụng biệt luận, Nhiếp giả tùy môn phán giáo, Nhị môn phán giáo, Tam thực, Nhiếp cảnh tòng lâm, Nhiếp tướng môn phán giáo, Tứ môn phán giáo, Ngũ quy tính; Tứ trùng nhị đế: Thế gian nhị đế, môn phán giáo, Thập môn phán giáo, Đa Đạo lý nhị đế, chứng đắc nhị đế, Thắng môn phán giáo, Thời kỳ xuất hiện của các nghĩa nhị đế; Hai trùng trung đạo: Ngôn Tông bên Ấn Độ, Thời kỳ xuất hiện của thuyên trung đạo, Lý ngôn trung đạo; các Tông ở Trung Quốc, Loại 1. Tám món Chừng ấy đoạn đường phải qua để chuyển Tâm pháp, Loại 2. Năm mươi mốt món Thức thành Trí, Tư lương vị, Thập trụ, Tâm sở hữu pháp, Loại 3. Mười một món Thập hành, Thập Hồi hướng, Gia hành vị: Sắc pháp, Loại 4. Hai mươi bốn món Tâm Noãn vị, Đính vị, Nhẫn vị, Thế đệ nhất bất tương ưng hành pháp, Loại 5. Sáu món pháp vị; Ngôi thông đạt, Hai thứ vô lậu trí, Vô vi pháp, Ai chính là chúa Tạo vật? Hai thứ kiến đạo, Chân kiến đạo, Tướng

kiến đạo, Ngôi tu tập: Bảy thứ Tối thắng, vương và sở đồng nhất thể; 4. Phân biệt Mười phép Ba-la-mật; Ngôi cứu kính: thuyết bộ với tư tưởng Bản thức, a. Sơ Kim cương vô gián đạo, Kim cương giải lược về Tâm thức luận của Phân biệt thoát đạo, Một cuộc kết thúc lớn sau chót, Thuyết bộ, b. Nhất tâm tương tục, c. Tâm Cái năm pháp tướng. tánh bản tịnh (Sơ lược về tính chất trọng yếu của vấn đề, Thuyết tâm tánh bản tịnh); 1.645. Tìm Hiểu Nguồn Gốc d. Năm pháp Biến hành và Nhiễm câu ý, e. DUY THỨC HỌC Hữu phần thức, f. Tế ý thức; 5. Đại chúng Tác giả: Đại sư Ấn Thuận (1906-2005) bộ và tư tưởng Bản thức, a. Sự đặc sắc của Việt dịch: Thích Quảng Đại Đại chúng bộ, b. Tế ý thức biến y căn Nxb Tôn Giáo – 2006 thân, c. Căn bản thức sanh khởi lục thức; Tác phẩm này có 271 trang, bìa mềm. Nội C.III Nguồn gốc Chủng tập luận, 1. Sơ dung gồm có 2 phần.: Lời giới thiệu, Lời lược tư tưởng Chủng tập, 2. Phiền nảo tựa; Phần một, Tư tưởng Duy thức trong tiềm ẩn vi tế, a. Tùy miên (Khái niệm, Phật giáo Nguyên thủy, C.I Sơ lược về tư Thuyết Tâm tương ưng hành của Hữu bộ, tưởng Phật giáo Nguyên thủy, 1. Phật giáo Tâm bất tương ưng của Đại chúng Phân Nguyên thủy, 2. Tư tưởng căn bản của biệt thuyết, Thuyết vừa Tâm bất tương Phật giáo Nguyên thủy, 3. Pháp Duyên ưng hành vừa Tâm bất tương ưng hành khởi (a. Khảo sát các chi duyên khởi, b. của Độc tử bộ); b. Tập khí, c. A-lại-da; 3. Thuyết Năm chi, c. Thuyết Mười chi, d. Sự tồn tại của nghiệp lực, A. Khái lược, B. Thuyết Mười hai chi, e. Tổng hợp các Các quan điểm về sự tồn tại của nghiệp thuyết); C.II Tư tưởng Duy thức trong lực, a. Thuyết Vô biểu sắc của Tát-bà-đa Phật giáo Nguyên thủy, 1. Vài quan niệm bộ, b. Tư chủng tử của Kinh bộ, c. Nghiệp về tư tưởng Duy thức học, 2. Phật giáo vô tác của Thành thật luận, d. Thành tựu Nguyên thủy và tư tưởng Duy thức học; của Đại chúng và phân biệt Thuyết hệ, e. Phần hai, Tư tưởng Duy thức học trong Pháp bất thất của Chánh lượng bộ, C. Kết Phật giáo Bộ phái, C.I Sơ lược về Phật luận; C.IV Chủng tử hữu lậu, 1. Thuyết giáo Bộ phái, 1. Vài nét về tình hình phân Nhân vị uẩn của Thuyết chuyển bộ, 2. chia Bộ phái, 2. Sự phân hóa và xu thế của Thuyết Cùng sanh tử uẩn của Hóa địa bộ, Thượng tọa bộ; C.II Nguồn gốc Bản thức 3. Thuyết Nhiếp thức của Đại chúng bộ, 4. luận, 1. Khái quát quát, 2. Độc tử bộ và tư Thuyết chủng tử của Kinh lượng bộ, a. Sự tưởng Bản thức, 3. Thuyết Nhất thiết Hữu thành lập thuyết chủng tử, b. Tên khác của bộ cùng tư tưởng Bản thức, 3.1 Thắng

chủng tử, c. Thể tướng của chủng tử, d. nghĩa Bổ-đặc-già-la của Thuyết chuyển Thọ huân và sở y, e. Tân huân và Bản hữu, bộ, 3.2 Giả danh ngã của Hữu bộ và Bất f. Chủng tử diệt và khởi, g. Sự vi diệu của khả thuyết ngã của Độc tử bộ, 3.3 Thuyết chủng tử; 5. Chủng tử vô lậu, A. Theo Tế tâm của Kinh bộ Thí dụ sư, 3.3.1 Tế Hữu bộ, B. Theo Kinh bộ, a. Thánh pháp tâm tương tục (a. Nguồn gốc sâu xa và của Thuyết Chuyển bộ, b. Tịnh giới và vô dòng phái của Kinh bộ, b. Thuyết Tế tâm lậu chủng tử của Kinh bộ, c. Bạch tập khí của Thí dụ sư, c. Thuyết Tế tâm của ngài của Đại đức, C. Theo Đại chúng Phân biệt Thế Hữu, d. Thuyết Tế tâm của thầy trò thuyết; C.V Nguồn gốc của Vô cảnh luận. phái Thượng tọa, e. Thuyết Tế tâm của phái Nhất loại Kinh lượng), 3.3.2 Hai tâm 1.646. Tìm Hiểu TRUNG LUẬN

NHẬN THỨC VÀ KHÔNG TÁNH nghĩa; C.III, Cầu sanh cõi trời và vãng Tác giả: Hồng Dương Nguyễn Văn Hai sanh Tịnh độ; C.IV, Đông phương Tịnh Nguyệt san Phật học xuất bản PL. 2545 – độ: - Duyên khởi về các cảnh giới, - Đông DL. 2001. Nội dung tác phẩm này gồm có phương Tịnh độ là: cõi trời thanh tịnh hóa, 3 phần: - Lời giới thiệu, - Tựa, - Vài lời tuyệt đỉnh của nhân gian, cõi nước quang bày tỏ; Phần I. Nhận thức luận Phật giáo, minh, biểu trưng tự tâm; C.V, Tịnh độ: a. 1. Ngôn ngữ và biện chứng, 2. Thấy vậy Phân loại Tịnh độ, b. Luận về cõi Tịnh độ mà không phải vậy, 3. Hãy đến mà thấy! Phật A-di-đà, c. Nhơn duyên sanh về Tịnh 4. Lý duyên khởi, 5. Nhận thức luận Phật độ và thứ bậc chín phẩm sen vàng; Phần giáo, 6. Nhân Minh luận, 7. Biện chứng chú thích. pháp Apoha; Phần II. Không tánh Trung Quán Luận, 1. Trung Quán luận (Phá tà 1.648. TỊNH ĐỘ GIÁO KHÁI LUẬN hiển chánh), 2. Nhị đế (Triết học về Nguyên tác Nhật ngữ: Không thuyết và Ngôn thuyết), 3. Biện Vọng Nguyệt Tín Hanh chứng pháp Trung Quán, 4. Toán ngữ và Hán dịch: Pháp sư Ấn Hải Tứ cú, 5. Mười ba bài tụng chủ yếu của Việt dịch: Thích nữ Viên Thắng; Trung Luận, 6. Tánh Không phủ định cái Hiệu đính: Định Huệ gì? 7. Cái còn lại trong tánh Không, 8. Tự Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 14 tính Không và Tha tính Không, 9. Hý luận x 20cm, dày 355 trang. về không, 10. Sinh mệnh tức Không; Phần Nội dung gồm có 21 chương: Lời giới III. Nhận thức và không tánh; Tài liệu thiệu; C.I Tự luận, C.II Luận về khả năng tham khảo. thành Phật của chúng sanh và thuyết Mười Tác phẩm này tái bản năm 2001, Nxb Tôn phương chư Phật xuất hiện, C.III Giáo lý Giáo. cõi Thanh tịnh và Bồ-tát phát nguyện, 1.647. TỊNH ĐỘ ĐẠI THỪA C.IV Tịnh độ của Phật A-súc và bản TƯ TƯỞNG LUẬN nguyện của Ngài, C.V Luận về Phật A-di- Nguyên tác: Đại sư Ấn Thuận đà, C.VI Bản nguyện tại nhân vị của Phật Dịch giả: HT. Thích Đức Niệm A-di-đà, C.VII Tịnh độ của Phật A-di-đà – Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Thế giới Tây phương Cực lạc, C.VIII Luận có khổ 14 x 20cm, dày 260 trang. Thích tôn xuất hiện tại Diêm-phù-đề và Nội dung gồm có 5 chương. Phần đầu là luận về ta-bà tức Tịnh độ, C.IX Thuyết thế Thay lời tựa; C.I, Luận về Tịnh độ: - Ý giới Liên Hoa tạng của Kinh Hoa Nghiêm, nghĩa về Tịnh độ, - Các loại Tịnh độ, - C.X Thuyết báo thân, báo độ của luận Cảnh trí Tịnh độ, - Di-lặc Tịnh độ, - Di-đà Nhiếp Đại thừa và quan điểm Tịnh độ Phật Tịnh độ, - Phật độ và chúng sanh độ, - A-di-đà của Thế Thân, C.XI Phân loại Trang nghiêm Tịnh độ và vãng sanh Tịnh Tịnh độ và tính tương quan của “Thân và độ, - Xưng danh và niệm Phật, - Dễ hành Độ”, C.XII Thuyết Sanh nhân Tịnh độ đạo và khó hành đạo; C.II, Lược nói về được hiển thị trong Kinh A-di-đà…,

niệm Phật: 1. Phật thất, 2. Phật A-di-đà và C.XIII Thuyết Sanh nhân Tịnh độ của các thế giới Cực lạc, 3. Đặc điểm của pháp nhà Ấn Độ, Trung Quốc..., C.XIV Thuyết môn niệm Phật, 4. Niệm Phật tam yếu, 5. Phàm phu có thể nhập Báo độ và an tâm Niệm Phật, 6. Nhứt tâm bất loạn, 7. Vãng khởi hạnh đầy đủ, C.XV Thuyết Tuyển sanh và liễu sanh tử, 8. Tổng quát yếu trạch bản nguyện Niệm Phật, C.XVI

Thuyết Các Thiện hạnh có thể Vãng sanh của mình; Mục 7. Phương pháp tu của hay không và các Hạnh bản nguyện, phái Tịnh độ thuần túy; Mục 8. Phương C.XVII Luận về nhiều Niệm tương tục và pháp niệm Phật của phái Thiền Tịnh song Tự lực-Tha lực, C.XVIII Thuyết Một niệm tu; Mục 9. Kết quả công phu niệm Phật A- Vãng sanh và Tư tưởng bản giác của tông di-đà; C.XIII Đào sâu vào lý bất nhị, Mục Thiên Thai, C.XIX Thuyết Lãnh giải Ba 10. Nhận định về vấn đề sống và chết; tâm và Phật thể tức là Hành, C.XX Thuyết Mục 11. Nhận định về vấn đề vui buồn, Nguyện lực hồi hướng và Tín tâm chánh sướng khổ và thiện ác ở đời; Mục 12. nhân, C.XXI Tổng kết. Nhận định về vấn đề xa và gần; C.XIV Nhận định về không gian và thời gian; 1.649. TỊNH ĐỘ LUẬN Mục 14. Lý tương đối của các pháp trong Minh Đức-Thanh Lương vũ trụ; Mục 15. Vũ trụ và con người; Mục Nxb Tôn Giáo – 2001 16. Đạo và đời; C.XV Nhận định về các Sách có khổ 14 x 20cm, dày 386 trang, bìa cõi Tịnh độ; Phần bốn, Kết luận. mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật A-di-đà đứng trên thuyền giữa biển, tay 1.650. TỊNH ĐỘ NHẬP MÔN LUẬN cầm hoa sen. Toàn bộ tác phẩm này gồm Luận giảng: Thích Giác Thiện có: Phần một, C.I Chân giá trị của pháp Nxb Tôn Giáo – 2007 môn Tịnh độ; C.II Vài dòng sử liệu về Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 225 pháp môn Tịnh độ; Phần hai, C.III Những trang, bìa mềm, nền màu vàng cam, chữ nghi vấn chung quanh vấn đề niệm Phật tựa màu đỏ, có hình hoa sen. A-di-đà cầu vãng sanh Tịnh độ, A. Phái Nội dung gồm có: Các bài giảng về Tịnh niệm Phật theo sự tướng, B. Phái niệm độ Nhập môn luận: Phụ truyện, Bốn loại Phật theo lý tính; Phần ba, C.IV Nhận Tịnh độ, Ba yếu tố để cầu sanh Tịnh độ, định về nghi vấn: Có hay không có đức Phương pháp tu về Tịnh độ, Lợi ích của Phật A-di-đà và cõi Tây Phương Cực Lạc? phép niệm Phật, Những giáo điển của Tịnh C.V Nhận định về vấn đề đới nghiệp vãng độ giáo hệ lấy Kinh Đại thừa Vô Lượng sanh; C.VI Nhận định về một số quan Thọ làm trung tâm; Tiết (T) 10. Sự cải tạo niệm sai lầm thong thường của người thời tâm với sự bạt khổ dữ lạc; T.11 Sự ức chế đại; Mục 1. Thuyết nhị nguyên, Mục 2. những cảm giác tham cầu với sự diệt khổ; Hư vô chủ nghĩa, Mục 3. Tri phải hành; T.12 Đạo Bồ-tát, Phương pháp diệt khổ; C.VII Nhận định về nghi vấn: Lời Phật và T.13 Tinh thần căn bản của Đạo Bồ-tát; lời Tổ dạy có mâu thuẫn nhau không? T.14 Bồ-tát đạo với Tịnh độ; T.15 Thế Mục 4. Chân đế và tục đế, Mục 5. Lý giới lý tưởng và Tịnh độ; T.16 Sự kiến Chân không diệu hữu và lý Trung đạo; thiết Tịnh độ với luân hồi; T.17 Kết luận; C.VIII Nhận định về sự lý niệm Phật; Chương thứ năm, Sự triển khai của tư C.IX Nhận định về mục tiêu tối thượng tưởng bản nguyện và ý nghĩa đạo đức văn của hai bộ Kinh A-di-đà và Địa Tạng; C.X hóa và tôn giáo của nó: T.1 Lời mở đầu, Nhận định về mối liên hệ giữa Tịnh độ T.2 Sự khai triển của tư tưởng bản nguyện, tông, Thiền tông và Duy Thức tông; C.XI T.3 Ý nghĩa đạo đức, văn hóa và tôn giáo Nhận định về tha lực và tự lực; C.XII trong tư tưởng bản nguyện; Chương thứ Phương pháp tu để được vãng sanh Cực sáu, T.1 Tịnh độ quan niệm, Tịnh độ thực lạc quốc hay trở về

với chân tâm bản tính tại và sinh thành Thiền định và Tịnh độ,

T.2 Điểm lợi-hại của thuyết quan niệm và tu hành Tịnh độ, 4. Trì danh niệm Phật, 5. thuyết thực tại, T.3 Thuyết sinh thành Phát nguyện vãng sanh Cực lạc, 6. Dùng thống hợp hai thuyết trên; Chương thứ quán tưởng hỗ trợ trì danh, 7. Bàn luận các bảy, Hiện thực và Tịnh độ, T.1 Hai sứ nghĩa khác, 8. Lược chuyện các bậc tiền mệnh lớn của Phật giáo, T.2 Lý tưởng nhân vãng sanh; Khái lược tông Tịnh độ: Tịnh độ kết hợp hai sứ mệnh lớn, T.3 1. Sự truyền thừa và trước thuật của các Quán chiếu Tịnh độ, T.4 Tha phương Tịnh Tông sư, 2. Lai lịch Thánh hiệu đức Phật độ, T.5 Tịnh độ tương lai trên cõi này, - A-di-đà, 3. Lý do xưng danh niệm Phật, 4. Nghi thức cho khóa tu Tịnh độ, Nghi thức Hiện thực và phân loại Tịnh độ, 5. Việc hành lễ, - Sám phát nguyện niệm Phật, Bài cần thiết đầu tiên của Tịnh độ là Tín- Phát nguyện: Lễ Phật A-di-đà, Văn phát Hạnh-Nguyện; Đại ý tông Tịnh độ: 1. Tây nguyện; Phần kết. phương Tịnh độ, 2. Quá trình phát triển và biến đổi của tông Tịnh độ; Nghĩa yếu Tịnh 1.651. độ tông: 1. Tổng luận, 2. Triết học quán TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI LUẬN niệm, 3. Triết học xưng danh, 4. Triết học Dịch giả: của Tín tâm, 5. Triết học Tịnh độ; Luận HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992) yếu về tông Tịnh độ Lô Sơn: 1. Lời nói Nxb Tôn Giáo – 2013 đầu, 2. Thần thức bất diệt, sanh tử lưu Sách có khổ 14 x 20cm, có 118 trang, bìa chuyển, 3. Tư tưởng Tịnh độ của ngài Tuệ mềm. Viễn, 4. Kết luận; Tông chỉ-cương yếu Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Tịnh Độ pháp môn Tịnh độ; Luận biện về Tịnh độ, Thập Nghi Luận do Thiên Thai Trí Giả Luận biện về Tịnh độ; Giảng giải Luận Đại sư soạn và Tịnh Độ Hoặc Vấn do Vãng sanh Tịnh độ: 1. Giải thích đề, 2. Thiên Như Duy Tắc Thiền sư thuật. Giải thích văn; Luận về Tịnh độ giáo của Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb cư sĩ: 1. Tịnh độ giáo của Vương Long Tôn Giáo. Thư, 2. Tịnh độ giáo của Viên Trung Lang, 3. Tịnh độ giáo của Châu An Sĩ, 4. 1.652. TỊNH ĐỘ TÔNG KHÁI LUẬN Tịnh độ giáo của Trương Sư Thành, 5. Chủ biên: HT. Thích Đỗng Minh Tịnh độ giáo của Bành Nhị Lâm; Tịnh độ Việt dịch: Thích Quảng Hạnh và hiện thực: 1. Hai sứ mệnh to lớn của Hiệu chính và phụ chú: Thích Tâm Nhãn Phật giáo, 2. Tư tưởng Tịnh độ kết hợp với Nxb Văn hóa Văn nghệ - 2013. Sách có hai sứ mệnh lớn, 3. Quán chiếu Tịnh độ, 4. khổ 14.5 x 20.5cm, dày 568 trang. Tha phương Tịnh độ, 5. Tương lai cõi này Tác phẩm luận này dày trên 567 trang, nội là Tịnh độ, 6. Lời kết; Nói về Tịnh độ: 1. dung gồm: Dẫn từ, Phi lộ (PL. 2546 – DL. Lời nói đầu, 2. Giải thích nghĩa Tịnh độ, 3. 2002); Giải thích chữ A, Lời tựa, Khái Nguyên lý niệm Phật, 4. Sự quan hệ giữa luận Tịnh độ tông Phật giáo: I. Cương yếu Thiền và Tịnh độ, 5. Các phương pháp trì Phật pháp, II. Mở bày giáo lý Tịnh độ, III. danh, 6. Phát nguyện vãng sanh, 7. Lâm Hạnh môn về tông chỉ Tịnh độ, IV. Hạnh chung chánh niệm, 8. Thiên tùy bút sau môn của tổ sư Đông độ; Luận về pháp cùng; Pháp dễ hành trong môn dễ hành: 1. môn Tịnh độ; Khái thuật về pháp Tịnh độ: Hai môn dễ hành và khó hành, 2. Cái khó Lời nói đầu, 1. Ý nghĩa Tịnh độ, 2. Phác của sự khó hành, 3. Định đoạt việc khó dễ thảo về nước Cực Lạc, 3. Con đường tắc trong môn dễ hành, 4. Sự chọn lựa của 5

pháp, 5. Kết luận; Sách dẫn, Bảng viết tắt, hạnh vãng sanh, T.7 Mối quan hệ ba Tài liệu tham khảo Hiệu chính và Phụ nguyện nhiếp thủ chúng sanh, T.8 Lợi ích chính. của việc niệm Phật; C.IX, Phàm phu nhập báo, T.1 Thân-Độ-Báo-Hóa, T.2 Phàm 1.653. TỊNH ĐỘ

TÔNG KHÁI LUẬN phu nhập báo, T.3 Mau chóng thành Phật, Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm T.4 Thai sanh-hóa sanh, T.5 Bối phẩm- Huệ Quang giai vị, T.6 Bình sanh nghiệp thành, T.7 Nguyên tác: Pháp sư Tịnh Tông Hiện sanh bất thoái; C.X, Tông chỉ và đặc Người dịch: Hữu Chơn; sắc của Tông Tịnh độ, T.1 Ý nghĩa về tông Hiệu đính: Định Huệ chỉ và đặc sắc, T.2 Bốn câu kệ tông chỉ, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 14.5 T.3 Bốn câu kệ đặc sắc; Phụ lục: Giáo x 20.5cm, dày 269 trang, bìa cứng, chữ tựa chương của Tông Tịnh độ. màu đỏ, có hình ao sen trong khung tròn. Toàn bộ tác phẩm Khái luận Tịnh độ tông 1.654. TỊNH ĐỘ TƯ TƯỞNG LUẬN này gồm có 10 chương. Nội dung: Lời giới Việt dịch: Pháp Hiền thiệu, Lời nói đầu; C.I, Khái thuyết nghĩa Thiện Tri Thức của tông Tịnh độ, T.1 Định nghĩa và đặc Sách dày 452 trang. Nội dung gồm có: Tri sắc về tông, T.2 Đại sư Thiện Đạo khai ân, Bốn mươi sáu nguyện của Phật A-di- tông, T.3 Thuật yếu tông Tịnh độ; C.II, đà, A-di-đà là ai? Tịnh độ là gì? Niệm Phán thích giáo tướng của tông Tịnh độ, Phật là gì? Ngợi ca Tịnh độ siêu thắng, T.1 Ý nghĩa việc phán thích giáo tướng, Tông Tịnh độ, Hiện thực của Nhân quả, T.2 Ba vị Đại sư phán giáo; C.III, T.1 Ý Tư tưởng niệm Phật và thuở sinh thời của nghĩa Kinh điển y cứ chính, T.2 Ba Kinh Đại sư Huệ Viễn, Tư tưởng Tịnh độ của Tịnh độ, T.3 Mối quan hệ của 3 Kinh, T.4 Đại sư Ngẩu Ích, Đàm Loan và Đạo Xước, Thứ tự trước sau của 3 Kinh; C.IV, Luận Tư tưởng Tịnh độ của Đại sư Liên Trì, thích tương thừa của Tông Tịnh độ, T.1 Ý Pháp môn Niệm Phật, Pháp môn niệm nghĩa luận thích tương thừa, T.2 Luận tạng Phật và Tịnh độ, Sự khai triển của tư tương thừa, T.3 Thích văn tương thừa; tưởng Tịnh độ, Hiện thực và Tịnh độ, Khai C.V, An tâm, T.1 Ý nghĩa của An tâm, T.2 triển tư tưởng bổn nguyện và ý nghĩa tôn Tổng An tâm, T.3 Biệt An tâm; C.VI, giáo văn hóa đạo đức của tư tưởng ấy, Khởi hạnh, T.1 Ý nghĩa của khởi hạnh, Phật A-di-đà tu Bồ-tát thừa, phát 48 T.2 Hai Hạnh chánh-tạp, T.3 Năm loại Nguyện và Tín-Hạnh của Người, Tư tưởng Chánh hạnh, T.4 Hai Nghiệp chánh-trợ, Tịnh độ của Cư sĩ Dương Nhân Sơn, Tịnh T.5 Sự được mất giữa hai hanh-hai tu, T.6 độ Hoằng Cương luận, Luận Thiền-Tịnh Ngũ Niệm môn; C.VII, Tác Nghiệp hành song tu của Vĩnh Minh Diên Thọ, Học nghi, T.1 Ý nghĩa của tác nghiệp, T.2 Tứ thuyết và sự tích của Đại sư Thiện Đạo, tu, T.3 Ba loại hành nghi; C.VIII, Bản Sự Xây dựng mới của tông Tịnh độ, Vãng nguyện xưng danh, T.1 Ý nghĩa của bản Sinh Tịnh Độ Luận giảng yếu. nguyện, T.2 Nhân bản nguyện-Bốn mươi tám nguyện (Phân loại 48 nguyện), T.3 1.655. TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN Nguyện căn bản-Nguyện thứ mười tám, Nguyên tác: T.4 Bản nguyện xưng danh, T.5 Tuyển Thiên Thai Trí Giả Đại sư (538-597) chọn bản nguyện, T.6 Bản nguyện nhân Việt dịch: Thích Thiền Tâm (1925-1992)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, Hướng dẫn phiên dịch và hiệu đính: thầy PL. 2537 – DL. 1993 Ngộ Đạo – Acàriya Maggabujjhano Sách có khổ 14 x 20cm, có 127 trang. Nội Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, dung luận này gồm có: Lời đầu và 26 câu PL. 2560 – DL. 2016. Sách có khổ sách hỏi và trả lời những nghi vấn về tông Tịnh 20.5 x 29cm, dày có 243 trang, gồm 9 độ. Cuối sách là Đề bạt (thơ – Tây Trai lão chương. Nội dung như sau: - Lời giới nhơn). thiệu, Lời nói đầu, Lời tựa; C.I, Tâm Tác phẩm này đã được Nxb Huệ Nghiêm (Citta): 1. Tâm dục giới, 2. Tâm sắc giới, xuất bản năm 1965, Kiểm duyệt số 251/XB 3. Tâm vô sắc giới, 4. Tâm siêu thế; C.II, ngày 18-1-1965. Sở hữu tâm (Cetasika):

1. Sở hữu tợ tha, 2. Sở hữu bất thiện, 3. Sở hữu tịnh hảo, 4. Sự phối hợp của mỗi sở hữu với những tâm 1.656. TỌA THIỀN TAM-MUỘI khác nhau, 5. Sự phối hợp của những sở Trứ thuật: Samgharakasa hữu khác nhau với những tâm khác nhau, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - 6. Sở hữu nhất định và Sở hữu bất định; Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) C.III, Linh tinh (hỗn hợp) – Pakinnaka: Việt dịch: Thích Thanh Từ Thọ nhiếp, Nhân nhiếp, Sự nhiếp, Môn Tác phẩm này có 50 trang (PDF), nội dung nhiếp, Cảnh nhiếp, Vật nhiếp; C.IV, Lộ gồm: - Lời dịch giả (Phương Bối am – trình – Vìthi: Lộ trình tâm, Lộ nhãn môn, 1961); Phần Duyên khởi, C.I Tổng khởi, Lộ ý môn, Cõi và tâm; C.V, Ngoại lộ/ cõi C.II Khảo sát tâm bệnh, C.III Tùy bệnh – Vìthimut/ Bhùmi: 1. Bốn cõi (hay bốn đối trị (1. Pháp môn trị đa dục, 2. Pháp sanh thú), 2. Bốn dạng tái tục, 3. Bốn loại môn trị nóng giận, 3. Pháp môn trị ngu si, nghiệp, 4. Bốn nhân đưa đến tử; C.VI, Sắc 4. Pháp môn trị lo nghĩ, 5. Pháp môn trị pháp – Rùpa: Bảng liệt kê sắc pháp..., đẳng phần); C.IV Tướng tu chứng (1. Tứ Tiến trình của sắc pháp sinh khởi trong thiền, 2. Tứ không, 3. Tứ vô lượng tâm, 4. mỗi chúng sanh, Tiến trình của sắc pháp Ngũ thông, 5. Tứ niệm chỉ, 6. Tứ đế, 7. Tứ khi tử, Tiến trình của sắc pháp sanh ở cõi gia hạnh, 8. Tứ quả Thanh văn, 9. Quả sắc giới, Niết-bàn; C.VII, Tương tập – Bích-chi Phật); C.V Bồ-tát tu Ngũ pháp: 1. Samuccaya: 1. Bất thiện tương tập nhiếp, Bồ-tát niệm Phật Tam-muội, 2. Bồ-tát 2. Hỗn tạp tương tập nhiếp, 3. Đẳng giác quán bất tịnh Tam-muội, 3. Bồ-tát quán từ tương tập nhiếp, 4. Hàm tận tương tập Tam-muội, 4. Bồ-tát quán nhân duyên nhiếp; C.VIII, Duyên – Paccaya: (1). Định Tam-muội, 5. Bồ-tát quán A-na-ban-na; luật liên quan tương sinh, (2). Định luật vị C.VI Tổng kết. trí – Tương quan nhân quả; CIX, Nghiệp Chỉ nghiệp xứ, b. Minh sát hay Tuệ quán 1.657. TOÁT YẾU VÔ TỶ PHÁP nghiệp xứ). CỦA ĐỨC PHẬT (phatgiaonguyenthuy.com, Tác Phẩm) THE ESSENCE OF BUDDHA ABHIDHAMMA 1.658. TÔNG TAM LUẬN Biên soạn: Dr. Mehm Tin Mon Trung Luận – Thập Nhị Môn Luận – Việt dịch: Bách Luận Tỳ-kheo Siêu Thiện (Bhikkhu Abhikusala) Tác giả: Bồ-tát Long Thọ - Bồ-tát Đề-bà

Hán dịch: Biên dịch: Minh Chánh Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập Nxb Phương Đông – 2008 Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 306 Nxb Hồng Đức – 2020 trang. Nội dung gồm có 5 chương: Duyên Tuệ Quang Foundation khởi, Lý Hiện thực; C.I Sự thực Hiện biến, Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 308 1. Sự việc như thực của hiện khởi biến trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời động, 2. Thế giới của Biện chứng pháp, 3. giới thiệu, Tiểu sử tóm tắt, Số 1564/4/4 – Vũ trụ của Dịch học, 4. Nhân quả của hai TRUNG LUẬN, có 4 quyển, 27 phẩm: loại sanh tử, 5. Sự khởi diệt trong từng sát- Q.1, P.1 Quán về nhân duyên, P.2 Quán về na của Sắc tâm, 6. Sự huân trì của chủng đi đến, P.3 Quán về sáu tình (căn), P.4 tử hiện hành, 7. Sự hằng chuyển của phi Quán về năm ấm, P.5 Quán về sáu chủng, đoạn phi thường, 8. Sự hoại diệt tự nhiên P.6 Quán về nhiễm-người nhiễm; Q.2, P.7 của pháp hữu vi, 9. Nghĩa vô thường của Quán về ba tướng, P.8 Quán về tác-tác giả, Ba tánh, 10. Nghĩa Nhân duyên của “bát P.9 Quán về bản trụ, P.10 Quán về đốt bất”; C.II Hiện sự thực Tánh, 1. Tánh chân cháy-bị đốt cháy, P.11 Quán về bản tế, thực của sự thực hiện biến, 2. Không có P.12 Quán về khổ, P.13 Quán về hành, tánh chủ tể sáng tạo, 3. Không có tánh bản P.14 Quán về hợp; Q.3, P.15 Quán về có- nhân đặc biệt, 4. Thế gian không có Tánh không, P.16 Quán về buộc-mở, P.17 Quán

tiến hóa, 5. Các duyên sanh và duy thức về nghiệp, P.18 Quán về pháp, P.19 Quán hiện, 6. Chúng sanh vô ngã, 7. Các pháp về thời, P.20 Quán về nhân quả, P.21 vô ngã, 8. Tánh không của Ba tự tánh, 9. Quán về thành hoại; Q.4, P.22 Quán về Tánh thường lạc của Niết-bàn, 10. Trùng Như Lai, P.23 Quán về điên đảo, P.24 trùng nhị đế; C.III Hiện tánh Thực giác, 1. Quán về Bốn đế, P.25 Quán về Niết-bàn, Thực chứng giác của Tánh hiện sự, 2. Bản P.26 Quán về 12 nhân duyên, P.27 Quán thể có thể biết và không thể biết, 3. Hiện về tà kiến; Số 1568/1 – THẬP NHỊ MÔN lượng-tỷ lượng và Thánh giáo lượng, 4. Sự LUẬN, gồm có 12 môn, Môn (M) 1. Quán thành tựu Trí tuệ của văn-tư-tu, 5. Sáu nhân duyên, M.2 Quán có quả-không có Hiện quán và Mười sáu quán hạnh, 6. quả, M.3 Quán duyên, M.4 Quán tướng, Chín Trí-Mười Trí-Mười một Trí, 7. Sự M.5 Quán có tướng-không tướng, M.6 dẫn sanh bốn Trí như thật của Tư-Tầm, 8. Quán một-khác, M.7 Quán có-không có, Hai Trí- Ba Trí-Bốn Trí và Năm trí, 9. Tự M.8 Quán tánh, M.9 Quán nhân quả, M.10 giác Thánh trí, 10. Vô thượng Biến chánh Quán tác giả, M.11 Quán ba thời, M.12 giác; C.IV Hiện giác Thực biến, 1. Sự Quán sinh; Số 1569/2 – BÁCH LUẬN, có chọn lựa phân biệt của hiện giác thực biến, 2 quyển, 10 phẩm: Quyển thượng, P.1 Xả 2. Sự lưu chuyển-hoàn diệt của Mười hai tội phước, P.2 Phá thần ngã, P.3 Phá nhất; duyên, 3. Vì “không” cho nên tất cả pháp Quyển hạ, P.4 Phá dị, P.5 Phá căn, P.6 Phá thành, 4. Năng biến và sở biến nhiễm tịnh trần, P.7 Phá trong nhân có quả, P.8 Phá của Duy thức, 5. Như Lai tạng là nhân của trong nhân không quả, P.9 Phá chấp thiện và bất thiện, 6. Lý và sự tạo thành ba thường, P.10 Phá chấp không. ngàn tánh tướng, 7. Sự sự vô ngại của Sáu tướng-Mười huyền, 8. Sáu đại-Bốn mạn- 1.659. TÔNG THỂ LUẬN Ba Mật song vận, 9. Điên đảo tạp nhiễm Đại sư Thái Hư tức bí tạng Niết-bàn, 10. Pháp thân Như

Lai biến chuyển; C.V Bốn Hiện thực luận, 1. Mối quan hệ của Bốn trùng hiện thực, 2. Hiện biến thực sự và Hiện sự thực tánh, 3. Hiện sự thực tánh và Hiện tánh thực giác, TH 4. Hiện tánh thực giác và Hiện giác thực 1.661. THANH TỊNH ĐẠO – 2 Tập biến, 5. Hiện giác thực biến và Hiện biến (The Path of Purification – thực sự, 6. Hiện thực là Tổng trì rộng lớn Visuddhimagga) duy nhất, 7. Chân hiện thực vô biên trung Tác giả: Luận sư Bhadantacariya thủy chung, 8. Chân tiến hóa của Chân Buddhaghosa hiện thực, 9. Phát đạt nhơn sanh tức chứng Anh ngữ: Nanamoli Bhikkhu Phật quả, 10. Thanh tịnh nhân gian tức Việt dịch: Thích nữ Trí Hải (1938-2003) trang nghiêm cõi… Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 1.442 trang. 1.660. TUYỆT QUÁN LUẬN Tập I, dày 685 trang, nội dung gồm có 2 Tác giả: Bồ-đề Đạt-ma phần: - Lời giới thiệu (1991), - Lời dẫn, - Việt dịch: Vũ Thế Ngọc Tiểu sử Ngài Phật Âm (Buddhaghosa), - Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 Tiểu sử ngài Nanamoli, - Tổng luận, - Tác phẩm này có 116 trang, bìa mềm; nội Bảng tra chữ tắt; Phần I. Giới Thanh tịnh, dung gồm: Tựa, Phần dẫn nhập, Tuyệt 1. Mô tả về Giới, 2. Hạnh Đầu-đà; Phần II. Quán Luận; Phụ lục: Bồ-đề Đạt-ma hành Tâm Thanh tịnh, 3. Mô tả Định, Nhận một trạng, Lược biện Đại thừa Nhập đạo Tứ đề mục, 4. Định – Kasina (đất), 5. Định – hạnh, Tâm Kinh Bát-nhã, Đạo Đức Kinh, Những Kasina khác, 6. Định – bất tịnh Kinh Lăng-già. quán, 7. Định – Sáu tùy niệm, 8. Định – Đề mục quán bằng tùy niệm, 9. Mô tả Định – các phạm trú, 10. Định – các vô sắc xứ, 11. Mô tả Định – kết luận; Tập II, dày 757 trang, nội

dung gồm có 1 phần: 12. Mô tả Giới, 13. Thắng trí – kết luận; Phần III. Tuệ Thanh tịnh, 14. Mô tả về các Uẩn, 15. Mô tả về xứ và giới, 16. Căn và Đế, 17. Định nghĩa Duyên sanh, 18. Kiến thanh tịnh, 19. Đoạn nghi thanh tịnh, 20. Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, 21. Đạo tri kiến thanh tịnh, 22. Tri kiến thanh tịnh, 23. Lợi ích trong sự tu Tuệ; Kết. Tác phẩm này đã in xuất bản năm 2001, Nxb Tôn Giáo (in chung 1 quyển).

1.662. THANH TỊNH ĐẠO Giảng Giải Kasina đỏ, 7. Kasina trắng, 8. Kasina ánh – Giới và Định sáng, 9. Kasina không gian, 10. Diễn giải Giảng giải: chung; C.VI Thiền bất mỹ, 1. Những định Venerable Sayadaw U Sìlànanda nghĩa, 2. Diễn giải chung; C.VII Sáu Tùy Biên dịch: Pháp Triều niệm, 1. Giới thiệu chung, 2. Niệm Phật, Nxb Tôn Giáo, PL. 2564 – DL. 2020 3. Niệm Pháp, 4. Niệm Giới, 5. Niệm Thí, Sách có khổ 14 x 20cm, dày 1.029 trang, 6. Niệm Thiên; C.VIII Những đề mục Tùy bìa cứng nền vàng, chữ màu đỏ. niệm còn lại: 1. Niệm chết, 2. Pháp chế Nội dung tác phẩm gồm có 2 phần, 13 định, 3. Thân hành niệm, 4. Niệm hơi thở, chương: Lời nói đầu, Ký hiệu viết tắt, Mục 5. Niệm sự an lạc; C.IX Các Phạm trú: 1. lục; Phần I. GIỚI, C.I Miêu tả về Giới, 1. Từ, 2. Bi, 3. Hỷ, 4. Xả, 5. Diễn giải chung; Giới thiệu, 2. Giới, 2.1 Giới là gì? 2.2 Ý C.X Thiền Vô sắc giới: 1. Không vô biên nghĩa của Giới, 2.3 Đặc tính, chức năng, xứ, 2. Thức vô biên xứ, 3. Vô sở hữu xứ, sự biểu hiện và nguyên nhân gần của Giới, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ, 5. Diễn giải 2.4 Lợi ích của Giới, 2.5 Các loại Giới, 2.6 chung; C.XI Tính bất tịnh của vật thực và Ô nhiễm và thanh lọc Giới; C.II Các hạnh phân tích tứ đại: 1. Tính bất tịnh của vật Đầu-đà: 1. Giới thiệu, 2. Hạnh y phấn tảo, thực, 2. Phân tích tứ đại, 3. Lợi ích của 3. Hạnh tam y, 4. Hạnh đi khất thực, 5. Thiền định; C.XII Thần thông, 1. Giới Hạnh khất thực từng nhà, 6. Hạnh nhất tọa thiệu, 2. Thần túc thông; C.XIII Những thực, 7. Hạnh ăn một bát, 8. Hạnh không loại thần thông khác: 1. Thiên nhĩ thông, nhận tàn thực, 9. Hạnh ở rừng, 10. Hạnh ở 2. Tha tâm thông, 3. Túc mạng minh, 4. gốc cây, 11. Hạnh sống ngoài trời, 12. Thiên nhãn thông, 5. Diễn giải chung; Phụ Hạnh ở nghĩa trang, 13. Hạnh ở chỗ nào lục: Bảng nêu chi pháp, Tài liệu tham cũng được, 14. Hạnh ngồi, 15. Phần linh khảo. tinh; Phần II. ĐỊNH, C.III Bắt đề mục thiền: 1. Định và ý nghĩa của Định, 2. Đặc 1.663. THANH TỊNH ĐẠO LUẬN toản tính, chức năng, sự biểu hiện và nguyên yếu nhân gần của Định, 3. Các loại Định, 4. Biên soạn: Cách tu tập, 4.1 Các chướng ngại, 4.2 HT. Thích Phước Sơn (1938-2020) Thiện hữu, 4.3 Các cơ tánh, 4.4 Các đề Nxb Hồng Đức – 2018 mục, 4.5 Sự dâng hiến, 4.6 Các cách Sách có khổ 14 x 20cm, có 247 trang, bìa thuyết giảng; C.IV Kasina – Đất, 1. Mười mềm, có tay gấp, nền màu cam, chữ tựa tám khuyết điểm của một tự viện, 2. Năm màu xanh dương, có hình tượng Đức Phật yếu tố (thích hợp) của một tự viện, 3. tọa thiền. Nội dung gồm có 3 phần, 23 Kasina – Đất, 4. Hai loại Định, 5. Hộ trì ấn chương: Lời nói đầu, Tiểu sử soạn và dịch tướng, 6. Mười kỹ năng do sự an trú, 7. giả, Dẫn nhập; Phần thứ nhất, Giới (2 Quân bình Tấn và Định, 8. Lộ tâm Thiền, chương), C.1 Giảng nghĩa về giới, C.2 9. Sơ Thiền, 10. Nới rộng Quang tướng, Hạnh Đầu-đà và khổ hạnh; Phần thứ hai, 11. Nhị Thiền, 12. Tam Thiền, 13. Tứ Định (11 chương): C.3 Mô tả về định – Thiền, 14. Phương pháp chia năm; C.V chọn đề mục thiền quán, C.4 Định-Phân Những đề mục Kasina còn lại: 1. Kasina tích đề mục đất, C.5 Định-các đề mục nước, 2. Kasina lửa, 3. Kasina Gió, 4. khác, C.6 Định-Quán bất tịnh, C.7 Định- Kasina xanh dương, 5. Kasina vàng, 6. Sáu tùy niệm, C.8 Định-Những tùy niệm

khác, C.9 Định-các phạm trú, C.10 Định- người mặc tam y, 3. Phương pháp thọ trì các vô sắc xứ, mô tả, C.11 Định-mô tả, chi của người thọ dụng đồ ăn khất thực, 4. C.12 Định-các thần thong, C.13 Định-các Phương pháp thọ trì chi của người đi tuần thần thông; Phần thứ ba, Tuệ (10 chương): tự khất thực, 5. Phương pháp thọ trì chi Mô tả về đất cho Tuệ sinh trưởng, C.14 của người chỉ thọ thực một chỗ ngồi, 6. Mô tả về các uẩn, C.15 Mô tả về xứ và Phương pháp thọ trì chi của người chỉ thọ giới, C.16 Căn, đế - mảnh đất cho Tuệ thực trong bát, 7. Phương pháp thọ trì chi tăng trưởng, C.17 Đạo lý duyên khởi, C.18 của người không nhận vật thực cúng Kiến thanh tịnh, C.19 Đoạn nghi thanh dường sau bữa ăn, 8. Phương pháp thọ trì tịnh, C.20 Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, chi của người sống trong rừng, 9. Phương C.21 Đạo tri kiến thanh tịnh, C.22 Tri kiến pháp thọ trì chi của người sống dưới gốc thanh tịnh, C.23 Những lợi ích của sự tu cây, 10. Phương pháp thọ trì chi của người Tuệ; Tổng luận. sống ngoài trời, 11. Phương pháp thọ trì Bản Luận này tái bản nhiều lần: Trường chi của người sống nơi nghĩa địa, 12. Cao cấp Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Phương pháp thọ trì chi của người bằng Minh ấn hành, PL. 2540 – DL. 1996, khổ lòng bất cứ sàng tọa nào được cúng 14.5 x 20.5cm, có 292 trang, bìa mềm; dường, 13. Phương pháp thọ trì chi của năm 2004, Nxb Tôn Giáo; năm 2010, Nxb người chỉ có oai nghi ngồi, 1. Phân tích Phương Đông. bằng cách Tam đề thiện; V. Giải thích về phân loại: 1. Diệt trừ, 2. Diệt trừ luận, 3. 1.664. THANH TỊNH ĐẠO Pháp diệt trừ, 4. Các trừ chi, 5. Người nào (VISUDDHIMAGGO) – Phần Giới thực hành trừ chi thích hợp; VI. Giải thích Tác giả: Buddhaghosa tóm tắt về trừ chi; VII. Giải thích chi tiết Việt dịch (1985): Tỳ-kheo Ngộ Đạo về trừ chi. Tác phẩm này có 205 trang, bìa mềm; nội phẩm) dung gồm: - Lời tựa, - Lời phi lộ, Buddhaghosanidana-Lịch sử ngài Giác 1.665. THANH TỊNH ĐẠO Âm, Chương thứ nhất đến Chương thứ (VISUDDHIMAGGO) – Phần Tuệ tám, Thanh Tịnh Đạo, Phần Giới, C.I Giới Tác giả: Buddhaghosa xiển minh, 1. Câu hỏi Giới là gì? 2. Câu Việt dịch: Tỳ-kheo Ngộ Đạo hỏi: Gọi là Giới do ý nghĩa thế nào? III. Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012. Bây giờ sẽ giải thích tiếp theo câu hỏi: Tác phẩm này có 506 trang, gồm 10 Trạng thái, phận sự, thành tựu và nhân cận chương như sau: C.XIV, Uẩn xiển minh, của Giới là gì? IV. Câu hỏi: Giới có quả C.XV, Xứ-Giới xiển minh, C.XVI, báo thế nào? V. Bây giời Tôi sẽ giải thích Quyền-Đế xiển minh, C.XVII, Tuệ, nền câu hỏi: Giới có bao nhiêu loại? (a. Giới tảng xiển minh, C.XVIII, Kiến Thanh tịnh một loại, b. Giới hai loại, c. Giới ba loại, xiển minh, C.XIX, Đoạn nghi Thanh tịnh d. Giới bốn loại, e. Giới năm loại) C.II Trừ xiển minh, C.XX, Đạo phi đạo Tri kiến xiển minh: I. Phân tích về ý nghĩa, II. Phân Thanh tịnh xiển minh, C.XXI, Hành Tri tích về trạng thái, III. Phương pháp thọ trì: kiến Thanh tịnh xiển minh, C.XXII, Tri 1. Phương pháp thọ trì chi của người mặc kiến Thanh tịnh xiển minh, C.XXIII, Quả y phấn tảo, 2. Phương pháp thọ trì chi của báo tu tiến Tuệ xiển minh.

1.666. THÀNH THẬT LUẬN tương ưng, P.68 Đa tâm, P.69 Nhất tâm, Tạo luận: Ha-lê-bạt-ma P.70 Phi đa tâm; Q.VI, P.71 Phi nhất tâm, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư P.72 Minh đa tâm, P.73 Thức tạm trụ, Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) P.74 Thức vô trụ, P.75 Thức câu sinh, Việt dịch: P.76 Bất câu sinh, P.77 Tướng Ấm trong Tỳ-kheo Thích Trí Nghiêm (1911-2003) nhóm Khổ đế, P.78 Thọ tướng trong Thọ Chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) ấn hành – 1967 luận nhóm Khổ đế, P.79 Hành khổ, P.80 Nội dung gồm có 20

quyển, chia thành Hoại khổ, P.81 Diệt tam thọ, P.82 Văn 202 phần: Q.I, P.1 Phần Duyên khởi trong thọ, P.83 Ngũ thọ căn; Q.VII, P.84 Tư nhóm Phát tụ trước phẩm luận Phật bảo, trong luận Hành ấm nhóm Khổ đế, P.85 P.2 Thập lực, P.3 Tứ Vô úy, P.4 Thập Xúc, P.86 Niệm, P.87 Dục, P.88 Hỷ, P.89 hiệu, P.5 Tam bất hộ; P.6 Luận pháp bảo – Tín, P.90 Cần, P.91 Ức, P.92 Giác quán, Trước P. Tam thiện, P.7 Chúng pháp, P.8 P.93 Dư tâm số, P.94 Bất Tương ưng Thập nhị bộ Kinh; P.9 Luận Tăng bảo – hành, P.95 Nghiệp tướng trong Nghiệp Trước P. Thanh tịnh, P.10 Phân biệt Hiền luận nhóm Tập đế, P.96 Vô tác, P.97 Cố- Thánh, P.11 Phước điền; Q.II, P.12 Cát bất cố, P.98 Kinh trong tội, P.99 Đại tiểu tường, P.13 Lập luận, P.14 Luận môn, lợi nghiệp; P.15 Tán luận, P.16 Tứ pháp, P.17 Tứ đế, Q.VIII, P.100 Tam nghiệp, P.101 Tà hạnh, P.18 Pháp tụ, P.19 Thập luận trước hữu P.102 Chính hành, P.103 Kế nghiệp, P.104 tướng, P.20 Vô tướng; Q.III, P.21 Nhị thế Tam báo nghiệp, P.105 Tam thọ báo hữu, P.22 Nhị thế vô, P.23 Nhất thiết hữu nghiệp, P.106 Tam chướng, P.107 Tứ vô, P.24 Có Trung ấm, P.25 Không Trung nghiệp, P.108 Ngũ nghịch; Q.IX, P.109 ấm, P.26 Thứ đệ, P.27 Nhất thời, P.28 Ngũ giới, P.110 Lục nghiệp, P.111 Bảy Thối, P.29 Bất thối, P.30 Tâm tính, P.31 bất thiện luật nghi, P.112 Bảy thiện luật Tương ưng- bất tương ưng, P.32 Quá khứ nghi, P.113 Tám giới trai, P.114 Tám nghiệp, P.33 Biện nhị bảo, P.34 Vô ngã, chủng ngữ, P.115 Chín nghiệp, P.116 P.35 Hữu ngã-vô ngã, P.36 Sắc tướng Mười bất thiện đạo, P.118 Quá hoạn; Q.X, trong Sắc luận nhóm Khổ đế, P.37 Danh P.119 Tam nghiệp khinh trọng, P.120 sắc, P.38 Tứ đại giả danh, P.39 Tứ đại thật Minh nghiệp nhân, P.121 Tướng phiền hữu; Q.IV, P.40 Phi bỉ chứng, P.41 Minh não trong Phiền não luận nhóm Tứ đế, bổn tông, P.42 Không tướng cứng, P.43 P.122 Tham tướng, P.123 Tham nhân, Có tướng cứng, P.44 Tướng Tứ đại, P.45 P.124 Tham quá, P.125 Đoạn tham, P.126 Căn giả danh, P.46 Phân biệt Căn, P.47 Sân nhuế, P.127 Vô minh, P.128 Kiêu Căn Tứ đại đồng nhau, P.48 Căn vô tri, mạn, P.129 Nghi; Q.XI, P.130 Thân kiến, P.49 Căn trần hiệp ly; Q.V, P.50 Thanh P.131 Biên kiến, P.132 Tà kiến, P.133 Nhị văn, P.51 Văn hương, P.52 Giác xúc, P.53 thủ, P.134 Tùy phiền não, P.135 Bất thiện Ý, P.54 Căn bất định, P.55 Sắc nhập căn; Q.XII, P.136 Tạp nhiễm phiền não, tướng, P.56 Thanh tướng, P.57 Hương P.137 Cửu kiết, P.138 Tạp văn, P.139 tướng, P.58 Vị tướng, P.59 Xúc tướng, Đoạn quá khứ, P.140 Minh nhân; Q.XIII, P.60 Lập vô số trong nhận thức luận nhóm P.141 Trước phẩm lập giả danh trong Khổ đế, P.61 Lập hữu số, P.62 Phi vô số, nhóm Tập đế, P.142 Tướng giả danh, P.63 Phi hữu số, P.64 Minh vô số, P.65 Vô P.143 Phá nhật, P.144 Phá dị, P.145 Phá tương ưng, P.66 Hữu tương ưng, P.67 Phi bất khả thuyết, P.146 Phá vô, P.147 Lập

võ, P.148 Phá thanh, P.149 Phá hương-vị- Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 190 xúc; Q.XIV, P.150 Phá ý thức, P.151 Phá trang, bìa mềm. nhân quả, P.152 Thế đệ, P.153 Diệu pháp Nội dung gồm có 9 chương: 1. Lời nói tâm, P.154 Diệt tận, P.155 Định nhân đầu, 2. C.I, Biệt Phân tâm nhiếp: Tâm Dục trong Định luận nhóm Đạo đế, P.156 Định giới (54 tâm), Tâm Sắc giới (15 tâm), Tâm tướng, P.157 Ba Tam-muội, P.158 Tứ tu Vô sắc giới (12 tâm), Tâm siêu thế (8 hoặc định; Q.XV, P.159 Tứ Vô lượng định, 40 tâm); 3. C.II, Biệt Phân tâm sở nhiếp: P.160 Năm nhánh Thánh tam-muội, P.161 Lược thuyết 52 tâm sở, Tâm sở phối hợp, Sáu tam-muội, P.162 Bảy tam-muội, Tâm sở phối hợp Bất định – Nhất định, P.163 Tám giải thoát, P.164 Tam thắng Tâm nhiếp; 4. C.III, Biệt Phân linh tinh xứ,

P.165 Chín thứ lớp Sơ thiền, P.166 nhiếp: Thọ nhiếp (5 thọ) – Nhân nhiếp (6 Nhị thiền; Q.XVI, P.167 Tam thiền, P.168 nhân), Sự nhiếp (14 sự), Phân loại 10 Sở, Tứ thiền, P.169 Vô biên hư không xứ, Tâm có mấy Sự, Sự có mấy Tâm, Môn P.170 Ba Vô sắc định, P.171 Diệt tận định, nhiếp (6 môn), Cảnh nhiếp (6 cảnh), Vật P.172 Mười nhất thiết xứ, P.173 Mười nhiếp (6 vật); 5. C.IV, Biệt Phân lộ nhiếp: tưởng-vô thường tưởng; Q.XVII, P.174 Lộ ngũ môn, Lộ ý môn, Lộ kiên cố (đắc Khổ tưởng, P.175 Vô ngã tưởng, P.176 Đạo – đắc Thiền), Sự xác định đổng tốc, Thực yểm tưởng, P.177 Nhất thiết thế gian Tâm nào sanh cho cá nhân (người) nào, bất khả lạc tưởng, P.178 Bất tịnh tưởng, Tâm nào sanh cho địa giới (cõi) nào; 6. P.179 Tử tưởng, P.180 Hậu tam tưởng, C.V, Biệt Phân siêu lộ nhiếp: Tứ pháp địa P.181 Trong Định cụ trước năm Định cụ, (4 cõi nương sanh), Tứ pháp tái tục (sanh P.182 Bất thiện giác; Q.XVIII, P.183 Thiện vào 4 cõi), Tứ pháp Nghiệp (4 phân loại giác, P.184 Sau năm Định cụ, P.185 Xuất Nghiệp), Tái tục tam nhân – Nhị nhân, Tứ nhập tức, P.186 Định nạn, P.187 Chỉ quán, pháp tử (4 cách chết); 7. C.VI, Biệt Phân P.188 Tu định; Q.XIX, P.189 Trí tướng sắc nhiếp: Lý lược kê sắc (28 sắc pháp), trong Trí luận nhóm Đạo đế, P.190 Kiến Lý phân loại sắc, Lý khởi xứ Sắc (Nhân nhất đế, P.191 Nhất thiết duyên, P.192 sanh Sắc), Lý Khối tụ Sắc (các Khối sắc), Thánh hành; Q. XX, P.194 Tam Tuệ, P.195 Lý biến chuyển Sắc (tái tục, tử...), Niết- Bốn vô ngại trí, P.196 Năm trí, P.197 Lục bàn (2 hoặc 3 loại); 8. C.VII, Biệt Phân thông trí, P.198 Nhẫn trí, P.199 Chín trí, tương tập nhiếp: Bất thiện nhiếp, Hổn tạp P.200 Mười trí, P.201 Bốn mươi bốn trí, nhiếp, Giác phần nhiếp, Nhất thiết nhiếp; P.202 Bảy mươi bảy trí. 9. C.VIII, Biệt Phân duyên nhiếp: Lý Y Tác phẩm này được Tỳ-kheo Thích Đăng tương sinh (12 duyên sinh), Lý Biến xứ Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ-Sài Gòn), tái (24 duyên hệ), 6 Nhóm duyên, Danh pháp bản năm 1970, 1979. duyên Danh pháp (có 6 Duyên), Danh pháp duyên Danh + Sắc (có 5 Duyên), 1.667. Danh pháp duyên Sắc pháp (có 1 duyên), THẮNG PHÁP LÝ NHIẾP LUẬN Sắc pháp duyên Danh pháp (có 1 duyên), (ABHIDHAMMATTHASANGAHA) Chế định + Danh + Sắc duyên Danh pháp Việt dịch: (có 2 Duyên), Danh Sắc duyên Danh Sắc TT. Pháp Chất – Luận sư A-tỳ-đàm (có 6 duyên), 2 loại Chế định (Thể và Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 Danh chế định); 10. C.IX, Biệt Phân nghiệp xứ nhiếp: Chỉ nhiếp (40 đề mục

Thiền chỉ), 10 Biến xứ, 10 Bất mỹ (tử thi) ngoài loại trình (Vithimutta): Bốn địa, Các + 10 Tùy miên, 4 Vô lượng (Phạm trú), loại kiết sanh thức, Thọ mạng trên sắc giới Vật thực Uế trược tưởng + Xác định giới + thiên, Thọ mạng trên vô sắc giới thiên, 4 Vô sắc, 5 loại Thắng trí (Thần thông), Bốn loại nghiệp, Nguyên nhân của chết, Minh quán nhiếp (Thiền quán), 10 Minh Nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng, Lộ quán trí, 7 Biệt tịnh, 10 Tùy phiền não trình tâm của một người sắp chết, Giòng Minh quán, 3 Giải thoát môn (đạo), Phân tâm thức; Phụ lục: 1. Pali – Việt, 2. Việt – loại giải thoát (quả), Phân loại Cá nhân Pali. (Thánh nhân), Phân loại Định nhập Tập II, xuất bản năm 1973, có 149 trang, (Thánh định), Kệ ngôn Duyên khởi và kết gồm 4 chương (VI, VII, VIII và IX) tiếp thúc. theo tập I. Chương VI, Sắc (Rùpa), có 6 phần: Tóm lược, Phân loại các Sắc pháp, 1.668. THẮNG PHÁP TẬP YẾU - Sắc sinh khởi, Tổng hợp các Sắc, Diễn LUẬN - Tập I và II biến Sắc pháp, Niết-bàn. Chương VII, Tập ABHIDHAMMATTHASANGAHA hay yếu những danh từ Abhidhamma Môn Tâm lý học của Đạo Phật (Samuccaya-Sangaha-Vibhàgo),

gồm: Tạp Dịch và giải: loại tập yếu và Tổng quát tập yếu. Chương Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012) VIII, Duyên khởi và duyên hệ, có 2: Trợ Ban Tu thư viện Đại học Vạn Hạnh duyên tập yếu và Duyên hệ duyên. xuất bản Chương IX, Nghiệp xứ và đối tượng tu Sách có khổ 15 x 23cm, tổng cộng 2 tập hành. Sau cùng là phần Phụ lục I. Pàli – dày 315 trang, bìa mềm, nội dung gồm có Việt, Phụ lục II. Việt – Pàli. 10 chương. Bộ Luận này được tái bản năm 2005, Viện Tập I, xuất bản năm 1966, có 166 trang, Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb Tôn gồm 5 chương: Lời nói đầu, Chương I, Giáo. Tâm vương (Bất thiện tâm, Vô nhân tâm, Tịnh quang tâm, Sắc giới tâm, Vô sắc giới 1.669. tâm, Siêu thế tâm); Chương II, 1. Các loại THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN tâm sở: Biến hành, Biệt cảnh, Bất thiện, ABHIDHAMMATTHASANGAHA Tịnh quang, 2. Những tâm sở nào hiện Nguyên tác: hành trong những tâm sở nào (biến hành, Trưởng lão Saddhamma Jotika biệt cảnh, bất thiện và tịnh quang), 3. Loại Việt dịch: Sư Thiện Duy tâm nào có những loại tâm sở nào và bao Lưu hành nội bộ, PL. 2560 – DL. 2016 nhiêu tâm sở (với: siêu thế tâm, đại hành Sách dày hơn 329 trang. Nội dung gồm có: tâm, dục giới tịnh quang tâm, bất thiện Lời nói đầu, Tiểu sử ngài Saddhamma tâm, vô nhân tâm); Chương III, Pakinnaka Jotika Dhammacariya (2492-2509), Lời (linh tinh): Phân loại theo: thọ, nhân, công dẫn nhập, Nội quy trong việc dạy và học; tác, căn môn, đối tượng, trú căn; Chương Pháp tục đế: Danh chế định- IV, Lộ trình của tâm (Citavithi): - Lộ trình Namapannatti: gồm có 6 là, Nghĩa chế của tâm qua 5 căn, - Lộ trình qua ý môn, - định-Atthapannatti: gồm có 7 là; Pháp Lộ trình của An chỉ tốc hành tâm, - Đồng chân đế: C.I, Tâm chân đế-Citta Sangaha, sở duyên tâm, - Tốc hành tâm, - Các loại Phân tích tâm theo cõi, Tổng quát cách chúng sanh, - Các địa giới; Chương V, Ra chia tâm: 12 Tâm bất thiện (Akusalacitta),

2 Tâm vô nhân (Ahetukacitta), 30 Tâm bất đại quả và Tâm siêu thế, Trình bày Sở hữu tịnh hảo (Asobhanacitta) và 59 hoặc 91 làm cho Tâm có sự phân biệt, Trình bày Tâm tịnh hảo (Sobhanacitta), 24 Tâm tịnh chi tiết Sở hữu có 3.426 Sở hữu; hảo dục giới (Kàmàvacarasobhnacitta), 54 Tadubhayanissakanaya: 1. 13 Sở hữu tợ Tâm dục giới (Kàmàvacaracitta), 15 Tâm tha (Annasamànacetasika), 2. 14 Sở hữu sắc giới-Rùpàvacaracitta, 12 Tâm vô sắc bất thiện (Akusalacetasika), 3. 25 Sở hữu giới-Arùpàvacaracitta, 27 Tâm đáo đại tịnh hảo (Sobhanacetasika), Câu hỏi trong (Mahaggatacitta), 81 Tâm hiệp thế Cetasika Paramattha, C.VI, Sắc pháp – (Louttaracitta), 89 Tâm theo 4 Sanjati tái Niết-bàn, Phần 1. Sắc pháp – tục, 89 Tâm chia theo cõi Rùpaparamattha, Phân tích 28 Sắc sanh (Bhùmibhedana), Không có lãnh vực khác trong 11 cõi dục, Phân tích 23 Sắc sanh nhau, Tâm siêu thế-Lokutaracitta, 67 Tâm khởi trong 15 cõi sắc (trừ chúng sanh cõi thiền (Jhana), 89/121 Tâm chia theo 9 vô tưởng), theo 4 nhân sanh (Samutthàna), cách (Naya), Những câu hỏi về Tâm chân Phân tích 17 Sắc sanh khởi trong cõi Vô đế; C.II, Sở hữu: 1. Sở hữu tợ tha tưởng (Asannasattabhùmi), theo 4 nhân (Annasamànacetasika), 2. Sở hữu bất thiện sanh (Samutthàna), Sắc sanh không được (Akusalacetasika), 3. 25 Sở hữu tịnh hảo trong thời tái tục (Patisandhikala), Sanh (Sobhanacetasika), 4. Cách phối hợp của loại (Yoni), Trình bày sự sanh khởi của cả 25 Sở hữu Tịnh hảo, Giải thích chi tiết 2 5 nhóm Sắc do Nghiệp sanh, Sự tồn tại Sở hữu Vô lượng phần, Sở hữu bất định của 4 Sắc trong cõi dục

như đóm lửa hoặc phần-Cố định phần; Tâm nhiếp (Sangaha), dòng nước, Trình bày sự diệt của tất cả 4 Sở hữu phối hợp tối đa trong 67 Tâm thiền Sắc, Kệ ngôn trình bày sự luân chuyển (Jhànacitta), Phân tích 27 Sở hữu theo 12 trong vòng sanh tử của Sắc; Những câu Tâm bất thiện (Sattavìsatti Punnamhi), 7 hỏi về Sắc pháp Chân đế, Phần 2. Niết-bàn Cách nhiếp (Sangaha) trong 12 Tâm bất – Nibbana, Niết-bàn có 1, Niết-bàn có 2, thiện, 14 Sở hữu bất thiện Biến hành, Phân Niết-bàn có 3, Câu hỏi trong Niết-bàn. tích 12 Sở hữu với 18 Tâm vô nhân, 4 Cách nhiếp trong 18 Tâm vô nhân, Phân 1.670. THẮNG PHÁP TẬP YẾU - tích 38 Sở hữu theo 24 Tâm tịnh hảo dục LUẬN hậu sớ giải giới, 12 Cách nhiếp trong 24 Tâm tịnh hảo Dịch giả: Tỳ-khưu Khải Minh dục giới, 35 Sở hữu theo 27 Tâm đáo đại, Nxb Tôn Giáo – 2008 Kệ trình bày 5 cách phối hợp của 27 Tâm Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày có 584 đáo đại, Phân tích 36 Sở hữu theo 40 Tâm trang, nội dung gồm: - Lời tựa; - Trình bày siêu thế, Kệ ngôn trình bày 5 cách phối 16 Nghiệp phân thành 4 nhóm, - Thích hợp của 40 Tâm siêu thế, Ý nghĩa khác giải rộng nhóm 4 Nghiệp; 1. Nhóm 4 nhau của Sở hữu Thọ phối hợp cùng với 5 Nghiệp theo phận sự (Kammacatukka); 2. Tâm thiền (Jhàna), Vài phần Sở hữu tịnh Nhóm 4 Nghiệp cho quả theo tuần tự hảo không phối hợp, Nguyên nhân 3 Sở (Pakadan Apariyayacatuka); 3. Nhóm 4 hữu ngăn trừ phần không Phối hợp với Nghiệp theo thời gian (Pakakalacatukka); Tâm đại quả và Tâm đại tố, Nguyên nhân Bốn nguyên nhân tử 3 Sở hữu ngăn trừ phần không Phối hợp (Maranuppatticatukka). với Tâm đáo đại, Nguyên nhân 2 Sở hữu Vô lượng phần không Phối hợp với Tâm

1.671. THẮNG PHÁP TẬP YẾU cách phối hợp: - Phương cách phối hợp LUẬN và Lời Giải Thích – Tập 1 của 13 Tâm sở Tợ tha, - Phương cách phối Nguyên bản: Nhóm Dunadhammanidhi hợp của 14 Tâm sở bất thiện, - Phương Người dịch: Tỳ-khưu Khải Minh cách phối hợp của 25 Tâm sở Tịnh hảo; (Bhikkhu Jotivàdi) Phương cách Yếu hiệp: - Phương cách Nxb Hồng Đức – 2017 Yếu hiệp trong Tâm siêu thế, - Phương Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 454 cách Yếu hiệp trong Tâm Đáo đại, - trang, bìa cứng. Phương cách Yếu hiệp trong Tâm dục giới Nội dung gồm có 3 chương: Lời tựa, Kệ Tịnh hảo, - Phương cách Yếu hiệp trong ngôn khởi đầu, - Ý nghĩa của Từ tâm, - Ý Tâm bất thiện; C.III Linh tinh Tập yếu: nghĩa của Từ “Tâm sở”, Ý nghĩa của Từ Thọ tập yếu, Phân tích Tâm đồng sanh với “Sắc pháp”, Ý nghĩa của Từ “Niết-bàn”; thọ, Kệ ngôn Thọ tập yếu; Nhân tập yếu, C.I Tâm tập yếu, Tâm dục giới, Mười hai Phân tích Tâm tương ưng với nhân, Kệ Tâm bất thiện: Giải thích về tám Tâm ngôn trong Nhân tập yếu, Xác định Tâm đồng sanh tham, Giải thích về hai Tâm có bao nhiêu Sự, Kệ ngôn về Sự tập yếu; sân, Giải thích về hai Tâm si; Mười tám Môn tập yếu, Phân tích Tâm diễn tiến theo Tâm vô nhân: Bảy Tâm quả bất thiện, Môn, Kệ ngôn trong Môn tập yếu; Cảnh Tám tâm quả thiện vô nhân, Ba Tâm tố vô tập yếu, Phân tích Tâm biết cảnh theo nhân; Hai mươi bốn Tâm dục giới Tịnh đường Môn, Giải thích Phân tích về Phân hảo: Tám tâm thiện dục giới, Tám Tâm tố loại và Số lượng Cảnh tâm biết; Vật tập dục giới hữu nhân; Tâm Sắc giới: Tâm yếu, Phân tích về Vật, Quy định về Tâm thiện sắc giới, Tâm quả sắc giới, Tâm tố sinh diễn nương vào Vật, Giải thích về kệ sắc giới; Tâm Vô sắc giới: Tâm thiện Vô ngôn Vật tập yếu. sắc giới, Tâm quả Vô sắc giới, Tâm tố Vô sắc giới; Tâm Siêu thế: Giải thích về Tâm 1.672. THẬP NHỊ MÔN LUẬN thiện siêu thế, Giải thích về Tâm quả siêu

Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ thế; C.II Tâm Sở tập yếu, Mười ba Tâm sở Thiền viện Thường Chiếu – 1987 tợ tha: 1. Xúc, 2. Thọ, 3. Tưởng, 4. Tư, 5. Sách dày có 59 trang, bìa mềm, nền vàng, Nhất hành, 6. Mạng quyền, 7. Tác ý, 8. chữ tựa màu đen. Kết cấu gồm 12 chương: Tầm, 9. Tứ, 10. Thắng giải, 11. Cần, 12. C.1 Quán Nhân duyên môn, C.2 Quán hữu Hỷ, 13. Dục; Mười bốn Tâm sở bất thiện, quả vô quả môn, C.3 Quán Duyên môn, 1. Si, 2. Vô tàm, 3. Vô úy, 4. Phóng dật, 5. C.4 Quán Tướng môn, C.5 Quán Hữu Tham, 6. Tà kiến, 7. Ngã mạn, 8. Sân, 9. tướng vô tướng môn, C.6 Quán nhất dị Tật, 10. Lận, 11. Hối, 12. Hôn trầm, 13. môn, C.7 Quán hữu vô môn, C.8 Quán Thụy miên, 14. Hoài nghi; Hai mươi lăm tánh môn, C.9 Quán nhân quả môn, C.10 Tâm sở Tịnh hảo: 1. Tín, 2. Niệm, 3. Tàm, Quán tác giả môn, C.11 Quán tam thời 4. Úy, 5. Vô tham, 6. Vô sân, 7. Hành xả, môn, C.12 Quán sanh môn; Vô sanh pháp 10. Khinh thân, 11. Khinh tâm, 12. Nhu nhẫn thống nhiếp nghĩa Thập nhị môn. thân, 13. Nhu tâm, 14. Thích thân, 15. (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Thích tâm, 16. Thuần thân, 17. Thuần tâm, Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, 18. Chánh thân, 19. Chánh tâm, 20. Chánh Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vluan 0147) ngữ, 21. Chánh nghiệp, 22. Chánh mạng, 23. Bi, 24. Tùy hỷ, 25. Tuệ quyền; Phương

1.673. THẬP NHỊ MÔN LUẬN Nội dung tác phẩm này gồm có: - Dẫn (Luận về Mười hai Cửa) nhập; và 73 bài kệ luận về Tánh không của Tạo luận: Long Thọ (Nàgàrjuna) Bồ-tát Long Thọ, nguyên bản kệ chữ Hán Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - (mỗi câu 5 chữ, một bài có 4 câu), phiên Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) âm và dịch nghĩa. Viện Triết lý Việt Nam và Thế giới xuất không) bản 2000. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: - Lời mở đầu của Dịch giả bản dịch Anh 1.676. Thích Nghĩa LUẬN NHIẾP ĐẠI ngữ; Cửa 1. Quán nhân duyên, Cửa 2. THỪA (Nhiếp Đại Thừa Luận Thích) Quán hữu quả và vô quả, Cửa 3. Quán Thích nghĩa: Bồ-tát Thế Thân duyên, Cửa 4. Quán tướng, Cửa 5. Quán Hán dịch: Chơn Đế hữu tướng hay vô tướng, Cửa 6. Quán Việt dịch: Nguyên Hồng đồng nhất hay dị biệt, Cửa 7. Quán hữu và Tác phẩm Luận này gồm có: P.1 Giải vô, Cửa 8. Quán tánh, Cửa 9. Quán nhân thích các tên trong Y chỉ thắng tướng 1, quả, Cửa 10. Quán tác giả (quán tạo hóa), C.1 Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của Cửa 11. Quán tam thời, Cửa 12. Quán 10 nghĩa, C.3 Các tên gọi; P.2 Giải thích Tánh không) Tướng, C.2 Huân tập, C.3 Không một không khác, C.4 Làm nhân quả cho nhau, 1.674. THẬP NHỊ MÔN LUẬN C.5 Nhân quả riêng hay không riêng, C.6 (Luận về Mười hai Cửa) Duyên sanh; P.3 Dẫn chứng, C.1 Phiền Tạo luận: Long Thọ (Nàgàrjuna) não bất tịnh, C.2 Nghiệp bất tịnh, C.3 Sinh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- bất tịnh, C.4 Thế gian tịnh, C.5 Xuất thế thập (Kumàrajiva, 344-413) gian tịnh, P.3 Giải thích các dẫn chứng, Việt dịch: Thích Nhất Chân C.6 Thuận đạo lý; P.4 Giải thích Sai biệt, Tác phẩm Luận này gồm có 12 môn (M): C.1 Ngôn thuyết, C.2 Ngã kiến, C.3 Hữu M.1 Quán Nhân duyên, M.2 Quán có quả-phân, C.4 Dẫn sinh, C.5 Quả báo, C.6 không có quả, M.3 Quán Duyên, M.4 Duyên tướng, C.7 Tướng mạo; P.5 Phải Quán Tướng, M.5 Quán Hữu tướng-vô biết thắng tướng 1, C.1 Tướng, C.2 Sai tướng, M.6 Quán Nhất dị, M.7 Quán Hữu biệt, C.3 Phân biệt; P.5 Phải biết thắng vô, M.8 Quán Tính, M.9 Quán Nhân quả, tướng 2, C.4 Làm rõ ý y; Phải biết nhập M.10 Quán Tác giả, M.11 Quán Ba thời, thắng tướng 3, C.1 Tướng chính nhập, C.2 M.12 Quán Sinh. Người năng nhập, C.3 Cảnh giới nhập, C.4 bảo-Luận tạng) Nhập tư lương,

C.7 Nhập tư lương quả, C.8 Hai trí dụng, C.9 Hai trí y chỉ, C.10 1.675. Hai trí sai biệt; Nhập nhân quả thắng THẤT THẬP KHÔNG TÁNH LUẬN tướng 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6 Tác giả: Bồ-tát Long Thọ số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên, Hán dịch: C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Nhiếp, C.9 Pháp sư Pháp Tôn (1902-1980) Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Hiển thị lẫn Việt dịch (2017): Quảng Minh nhau; Giải thích nhập Nhân quả Tu sai biệt

thắng tướng 5 (1), C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, phá những giải thích sai lầm, 1. Ngũ C.3 Tướng chứng đắc, C.4 Tu chứng; Giải nghịch báng pháp được tiếp dẫn hay thích nhập Nhân quả Tu sai biệt thắng không, 2. Niệm Phật trong thời tượng tướng 5 (2), C.5 Tu thời; Giải thích Y giới pháp, mạt pháp, 3. Cật vấn học giả Tam học thắng tướng 6; Giải thích Y tâm học giai giáo, 4. Sự bất đồng giữa khai và thắng tướng 7; Y tuệ học thắng tướng 8; ngăn, 5. Lưu lại trăm năm, 6. Sự diệt tội Học quả tịch diệt thắng tướng 9; Trí sai trong Kinh Thập Luân, 7. Năm lợi ích thù biệt thắng tướng 10 (1); Giải thích Trí sai thắng của sự niệm Phật; Quyển bốn, 8. biệt thắng tướng 10 (2); Giải thích Trí sai Báng pháp và vãng sanh, 9. Phật pháp biệt thắng tướng 10 (3). đúng căn cơ, 10. Chuyên tu và tạp tu, 11. bảo/Luận tạng) Phật trừ ma; Phần VII. So sánh sự hơn kém giữa cõi Đâu-suất và cõi Cực Lạc, 1. 1.677. THÍCH TỊNH ĐỘ - So sánh giữa hai cõi, 2. Sự dị đồng giữa QUẦN NGHI LUẬN hai cõi; Phần VIII. Sự khởi nghiệp của Biên soạn: Hoài Cảm hành giả vãng sanh, 1. Tịnh độ nhuận Việt dịch: Thích Pháp Chánh sanh, 2. Duyên sanh có không, 3. Phiền Nội dung Luận này gồm có 7 quyển, 12 não không khởi, 4. Phiền não câu-sanh phần: Quyển một, Phần I. Thân và cõi của sinh khởi, 5. Vãng sanh bất thoái, 6. Sự phàm phu vãng sanh, 1. Nói tổng quát về vui khác biệt giữa cõi tịnh và cõi uế, 7. thân và cõi, 2. Nói về thân và cõi Cực Lạc, Siêu Thánh không khổ; Quyển năm, Phần 3. Cõi hữu lậu và cõi vô lậu, 4. Tam giới IX. Hành nghiệp của sự vãng sanh, 1. nhiếp hay không nhiếp, 5. Hữu lậu cũng Không hữu tùy căn cơ, 2. Chỉ khuyên thanh tịnh, 6. Cõi tịnh có cõi uế, 7. Ba vãng sanh Tây Phương, 3. Mạng chung hỷ nghĩa của Pháp sư Đạo An; Phần II. Phàm xả, 4. Niệm Phật dài ngắn, 5. Thoái vị hân phu có thể vãng sanh, 1. Truy cầu hữu tịnh, 6. Có hay không có hóa nữ, 7. Bất tạp tướng, 2. Sự lý của sự cầu sanh; Quyển kiết sử, 8. Đối trị lúc lâm chung, 9. Tịnh hai, 3. Thế đế vãng sanh, 4. Quán sắc độ mau chứng, 10. Thường khuyên niệm không tà, 5. Phật đến không đến, 6. Phật Phật, 11. Chư ác không khởi, 12. Ngũ danh hữu thuyên; Phần III. Hội thong sự nghịch không định, 13. Bốn nghiệp có mâu thuẩn của Luận Nhiếp Đại thừa, 1. nhiếp hay không, 14. Ba nghiệp có nhiếp Hội thông ba địa, 2. Hội thông biệt thời; hay không, 15. Ba mươi lợi ích thù thắng, Phần IV. Đối với phàm phu vãng sanh nêu 16. Hành môn không phải chỉ có một, 17. rõ bổn xứ, 1. Năm nẻo vãng sanh, 2. Thiển vị cầu tịnh, 18. Nhị thừa không Trung ấm cõi Cực lạc; Phần V. Đối với sanh, 19. Vĩnh tuyệt ác thú; Quyển sáu, phàm phu vãng sanh nêu rõ sự tăng trưởng 20. Tất cả đều được vãng sanh hay không, lòng tin, 1. Chư Phật chứng thành, 2. Phật 21. Cõi nước Thanh Thái, 22. Ngũ thông đầy đủ các nguyện, 3. Biết chắc vãng siêu thắng, 23. Phần đoạn biến dịch, 24. sanh, 4. Không nguyện vãng sanh về cõi Cực Lạc không có sự khổ, 25. Cực Lạc độ sắc, 5. Trì giới được trường thọ, 6. Hối khổ, 26. Tám thức ba thọ, 27. Thân không tiếc được vãng sanh, 7. Không khuyên có trùng, 28. Cách đây không xa, 29. Tâm vãng sanh Tịnh độ của cõi Ta-bà; Quyển đó làm Phật,

30. Có thể thấy Phật đảnh ba, Phần VI. Hội thông Kinh điển để đả hay không, 31. Được thấy chư Phật, 32.

Sanh trước chư Phật, 33. Tức thấy Phật Tác phẩm Luận này gồm có: - Thi kệ tâm; Phần X. Biện biệt chín phẩm, 1. Chín ngưỡng vọng vãng sinh: Luận theo Kinh phẩm vãng sanh, 2. Lục tín không thoái Vô Lượng Thọ; Luận giải: I. Ba thực tập chuyển, 3. Phật có đến rước người vãng chánh niệm đầu tiên, II. Quán chiếu về cõi sanh Trung phẩm Hạ sanh hay không, 4. Tịnh độ, III. Tự lợi và lợi tha toàn hảo, IV. Diệt tội nhiều ít, 5. Nghe Kinh niệm danh Cõi Tịnh độ hướng đến thực tại tối hậu, V. hiệu Phật, 6. Đầy đủ mười niệm, 7. Bảy sự Quán tưởng Đức Phật Di-đà, VI. Quán thù thắng của niệm Phật, 8. Vô thượng chiếu về những Bồ-tát, VII. Tất cả những công đức, 9. Một niệm được sanh; Quyển sự biểu hiện kỳ diệu thâm nhập vào trong bảy, 10. Riêng khuyên vãng sanh cõi Phật tâm-nguyện, VIII. Thâm nhập vào trong A-di-đà, 11. Niệm Phật nhiều thiện, 12. Sự giáo pháp một nguyên lý, IX. Hai loại lý của niệm Phật, 13. Nghiệp thành được thanh tịnh, X. Chuyển hóa chúng sinh với sanh hay không, 14. Lâm chung niệm phương tiện thiện xảo, XI. Tiêu trừ những Phật, 15. Lửa và hoa sen khác biệt, 16. Hạ chướng ngại đến giác ngộ, XII. Thành tựu hạ sen vàng, 17. Thời kiếp của cõi Cực phù hợp với giác ngộ, XIII. Tóm tắt một Lạc, 18. Nhân duyên hoa khép, 19. Tịnh số thuật ngữ chìa khóa, XIV. Hoàn thành độ diệt tội, 20. Một niệm mười niệm, 21. những thệ nguyện và hành động, XV. Tổn lực ích năng, 22. Nghiệp cũ được Hoàn thành những hành động lợi ích. Biện biệt hành tướng niệm Phật Tam- bảo-Luận tạng) muội, 1. Chứng cứ của pháp Niệm Phật Tam-muội, 2. Thứ lớp tu đạo, 3. Phàm 1.679. THIỀN LUẬN – 2 quyển Thánh đều học, 4. Thông niệm ba thân, 5. ESSSAYS IN ZEN BUDDHISM Trong định thấy sự khác biệt, 6. Hạ căn Tác giả: Daisetz Teitaro Suzuki đắc định, 7. Trong định thấy cảnh giới có Dịch giả: Trúc Thiên (1920-1972) lường, 8. Định cảnh chân thật, 9. Biết thật và Tuệ Sỹ Tam-muội, 10. Tu tam-muội được lợi ích, An Tiêm xuất bản – 1971 11. Định học sâu cạn, 12. Tổn hoại của sự Thiền Luận, Quyển thượng gồm có 8 luận, phỉ báng và lợi ích của lòng tin, 13. Niệm dày 658 trang. Luận I, Thiền: Thuật trừng Phật trong phòng tối; Phần XII. Biện biệt tâm và khai phóng nhân sinh (tổng luận); pháp Sám hối bằng cách giập đầu đấm Luận II, Thiền: Đạo giác ngộ qua kiến giải ngực, 1. Biện biệt pháp Sám hối bằng cách Trung Hoa; Luận III, Giác ngộ và vô giập đầu đấm ngực. minh; Luận IV, Lịch sử Thiền tông từ Đạt- Luận tạng) phát hiển một chân lý mới trong đạo Thiền; Luận VI, Thiền pháp thực tập; 1.678. Luận VII, Thiền đường và Thanh qui; THIÊN THÂN TỊNH ĐỘ LUẬN Luận VIII, Mười bức tranh chăn trâu; Phụ Nguyên tác: Vasubandhu’s Discourse On trương Hán tự; Biểu tra cứu; Đồ biểu pháp The Pure Land hệ Thiền; Phụ bản: 1 (Đạt-ma, Huệ Năng, Tác giả: Thiên Thân Tôn giả Đức Sơn, Lâm Tế); 2. Mười tranh chăn Dịch từ Hoa ngữ: Hisao Inagaki trâu; Đính chính. Chuyển ngữ: Tuệ Uyển (04/12/2010)

Thiền Luận, Quyển hạ gồm có 8 luận, dày Lời giới thiệu; C.1 Thức thứ Tám là gì? 629 trang: - Tựa; Luận I, Từ Thiền đến C.2 Những tên gọi của Thức thứ Tám, C.3 Hoa Nghiêm; Luận II, Gandavyùha, lý Khảo sát sự hiện diện của Thức thứ Tám, tưởng Bồ-tát và Phật; Luận III, Trụ xứ của C.4 Chức năng của Thức thứ Tám thể hiện Bồ-tát; Luận IV, Gandavyùha nói về mong qua nhân duyên và Nghiệp dẫn tái sinh, cầu giác

ngộ; Luận V, Ý nghĩa của Tâm C.5 Những điều kiện trợ duyên cho Thức Kinh Bát-nhã trong Phật giáo Thiền tông; thứ Tám, C.6 Sự phân loại các pháp, đối Luận VI, Triết học và tôn giáo trong Bát- tượng biểu biệt của Thức thứ Tám, C.7 nhã Ba-la-mật-đa; Luận VII, Văn hóa Những thuộc tính của Thức thứ Tám, C.8 Nhật Bản và những cống hiến của Phật Ba tự Tánh và Ba vô Tánh, C.9 Hành trình giáo, đặc biệt Thiền tông; Luận VIII, Sinh chuyển Thức thành Trí, C.10 Thay lời kết hoạt Thiền trong các họa phẩm; Đính luận; Phụ trang – Tiểu sử Tác giả. chính; Mục lục các họa phẩm. Tác phẩm này tái bản nhiều lần: Năm 1973, Nxb An Tiêm; năm 1992, Nxb Tp. Hồ Chí Minh. TR 1.680. THIỀN TÔNG KHẢO LUẬN 1.682. Triết học A-TỲ-ĐÀM Tác giả: Huỳnh Trung Chánh của Phật Giáo Truyền Thống Nxb Hồng Đức – 2014 (Buddha Abhidhamma-Ultimate Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 phần: Sciene) Phần I. Đại cương, 1. Định nghĩa (Thiền- Nguyên tác: Dr.Mehm Tin Mon định), 2. Phân loại Thiền: 1. Ngoại đạo Việt dịch: Tỳ-kheo Giác Nguyên thiền, 2. Phàm phu thiền, 3. Nhị thừa Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 14.5 thiền, 4. Đại thừa thiền; Phần II. Lịch sử x 20.5cm, dày 517 trang, bìa cứng. Nội Thiền tông: 1. Tổ Thiền tông Ấn Độ, 2. Tổ dung gồm có 9 chương: Phần đầu là Hồi Thiền tông Trung Hoa, 3. Nhận định giá hướng, Lời người dịch, Tiểu sử tác giả, trị sử liệu Thiền tông, 4. Kết luận; Phần Mục lục, Danh mục bảng, Danh mục hình; III. Chủ yếu tư tưởng Thiền tông, 1. Vị trí C.1, Tâm pháp; C.2, Tâm sở; C.3, Tạp Thiền trong tư tưởng Đại thừa, 2. Đặc tính phần tập yếu; C.4, Tâm lộ; C.5, Sinh loại- Thiền tông (Tinh thần phá chấp, Ngộ và cảnh giới-tái sanh; C.6, Sắc pháp và Níp- kiến tánh...); Phần IV. Thực hành Thiền, bàn; C.7, A-tỳ-đàm tập yếu; C.8, Duyên 1. Thiền và giới, 2. Hình thức tu tập, 3. sinh; C.9, Thiền chỉ tịnh. Sau cùng là Sách Thiền và Tranh chăn trâu; Phần V. Tổng tham khảo. kết, 1. Thực chất Thiền tông, 2. Ưu điểm Thiền tông, 3. Vài trở ngại thiền tập. 1.683. TRIẾT LÝ CHƠN KHÔNG – TRUNG QUÁN LUẬN 1.681. THỨC THỨ TÁM Tác giả: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) Lâm Như Tạng Biên dịch và giải thích: Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006 Pháp sư Quảng Liên (1926-2009) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 499 Tu viện Quảng Đức (Thủ Đức) xuất bản – trang. Nội dung gồm có 10 chương: Lời 1994 giới thiệu nhân lần tái bản tại Việt Nam,

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 230 trang, bìa Quán sát về 12 nhân duyên, C.27 Quán sát mềm. về tà kiến. (Trích từ Lịch sử Tư tưởng và Xem: Trung Quán Luận-Triết lý Chơn Triết học Tánh không của Thích Tâm không Thiện, Nxb Tp. Hồ Chí Minh 1999)

1.684. TRIỆU LUẬN Lược giải 1.686. TRUNG LUẬN Tác giả: Tăng Triệu Đại sư (384-414) Tác giả: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) Lược giải: Hám Sơn Đại sư (1546-1623) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư - Việt dịch: Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000) Việt dịch và chú giải: Nxb Tôn Giáo – 2005. Toàn bộ tác phẩm Thích nữ Chân Hiền Luận này gồm có: - Lời Dịch giả - Tựa; 1. Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2003 Giải đề, 2. Tông bản nghĩa, 3. Vật bất Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời của thiên, 4. Bất chân không, 5. Bát-nhã vô tri, Dịch giả và 27 chương Trung Luận (với 6. Niết-bàn vô danh. hơn 430 bài kệ). Tác phẩm này đã được Thiền thất Diệu 1.685. TRUNG LUẬN Trạm (Sài Gòn) in Lưu hành nội bộ năm Tác giả: Bồ-tát Long Thọ 1994. Việt dịch: Thích Tâm Thiện Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 quyển, 27 1.687. TRUNG LUẬN Giảng Giải phẩm, 446 bài tụng (mỗi bài 4 câu, mỗi Viện Nghiên Cứu Phật Học – câu 5 chữ), được

dịch Việt ngữ (văn xuôi); Ban Thiền Học Nội dung có: - Ghi chú về bản dịch lời Tạo luận: Bồ-tát Long Thọ Việt Trung Luận; Quyển I, C.1 Quán sát Dịch và giảng giải: Thích Thanh Từ về nhân duyên, C.2 Quán sát về sự vận Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 hành, C.3 Quán sát về sáu tình thức, C.4 Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1.032 Quán sát về năm uẩn, C.5 Quán sát về sáu trang, bìa mềm, bìa cứng, nền vàng, chữ đại, C.6 Quán sát về ô nhiễm và người ô tựa màu đỏ. Kết cấu Luận gồm có 5 nhiễm; Quyển II, C.7 Quán sát về ba quyển, 27 phẩm. Nội dung như sau: - Lời tướng, C.8 Quán sát về tác nghiệp và tác nói đầu; Q.I, P.1 Phá Nhân duyên, P.2 Phá giả, C.9 Quán sát về cội nguồn, C.10 Quán đi và đến, P.3 Phá Lục tình, P.4 Phá Ngũ sát về lửa và củi, C.11 Quán sát về biên tế, ấm; Q.II, P.5 Phá Lục chủng, P.6 Phá pháp C.12 Quán sát về khổ đau, C.13 Quán sát nhiễm và người nhiễm, P.7 Quán Tam về hành, C.14 Quán sát về sự hòa hợp; tướng, P.8 Quán pháp tác và tác giả; Q.III, Quyển III, C.15 Quán sát về hư vô, C.16 P.9 Phá Bổn trụ, P.10 Phá đốt và bị đốt, Quán sát về sự trói buộc và giải thoát, P.11 Phá Bản tế, P.12 Phá Khổ, P.13 Phá C.17 Quán sát về nghiệp, C.18 Quán sát Hành; Q.IV, P.14 Phá Hợp, P.15 Quán về ngã và pháp, C.19 Quán sát về thời Hữu Vô, P.16 Quán phược giải, P.17 Quán gian, C.20 Quán sát về nhân quả, C.21 Nghiệp, P.18 Quán Pháp, P.19 Quán Thời; Quán sát về sự sinh thành và hoại diệt; Q.V, P.20 Quán Nhân quả, P.21 Quán Quyển IV, C.22 Quán sát về Như Lai, C.23 Thành hoại, P.22 Quán Như Lai, P.23 Quán sát về sự điên đảo, C.24 Quán sát về Quán Điên đảo, P.24 Quán Tứ đế, P.25 Tứ đế, C.25 Quán sát về Niết-bàn, C.26

Quán Niết-bàn, P.26 Quán Mười hai Nhân kệ), P.4 Quán về năm uẩn (9 bài kệ), P.5 duyên, .27 Quán Tà kiến; Phần Hán văn. Quán về sáu chủng (8 bài kệ), P.6 Quán về ô nhiễm và người ô nhiễm (10 bài kệ); 1.688. TRUNG LUẬN Cuốn II. (8 phẩm): P.7 Quán về ba tướng (MADHYAMAKA SASTRA) (35 bài kệ), P.8 Quán về tác-tác giả (12 bài Tác giả: Nagaruna (Bồ-tát Long Thọ) kệ), P.9 Quán về bổn trụ (12 bài kệ), P.10 Việt dịch và tóm tắt: Quán về sự đốt cháy-người bị đốt cháy (16 Thích Thiện Siêu (1921-2001) bài kệ), P.11 Quán về bổn tế (8 bài kệ), Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2001 P.12 Quán về khổ (10 bài kệ), P.13 Quán Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 386 trang, về hành (9 bài kệ), P.14 Quán về hiệp (8 bìa mềm, chữ tựa màu nâu. bài kệ); Cuốn III. (7 phẩm): P.15 Quán về Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 27 có-không (11 bài kệ), P.16 Quán về trói và phẩm: - Lời giới thiệu; P.1 Quán về Nhân mở (10 bài kệ), P. 17 Quán về nghiệp (33 duyên, P.2 Quán về đi lại, P.3 Quán về sáu bài kệ), P.18 Quán về pháp (12 bài kệ), tình, P.4 Quán về Năm ấm, P.5 Quán về P.19 Quán về thời (6 bài kệ), P.20 Quán sáu chủng, P.6 Quán về ô nhiễm, người ô về nhân quả (24 bài kệ), P.21 Quán về nhiễm, P.7 Quán về ba tướng, P.8 Quán về thành hoại (20 bài kệ); Cuốn IV. (6 phẩm): tác-tác giả, P.9 Quán về bổn trụ, P.10 P.22 Quán về Như Lai (16 bài kệ), P.23 Quán về đốt cháy-bị đốt cháy, P.11 Quán Quán về điên đảo (24 bài kệ), P.24 Quán về bổn tế, P.12 Quán về khổ, P.13 Quán về Tứ đế (40 bài kệ), P.25 Quán về Niết- về Hành, P.14 Quán về hiệp, P.15 Quán về bàn (24 bài kệ), P.26 Quán về 12 nhân có-không, P.16 Quán về trói-mở, P.17 duyên (9 bài kệ), P.27 Quán về tà kiến (31 Quán về nghiệp, P.18 Quán về pháp, P.19 bài kệ). Quán về thời, P.20 Quán về nhân quả, P.21 Quán về thành-hoại, P.22 Quán về 1.690. TRUNG LUẬN Như Lai, P.23 Quán về điên đảo, P.24 (MADHYAMAKAKÀRIKÀ) Quán về Tứ đế, P.25 Quán về

Niết-bàn, Tác giả: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) P.26 Quán về Mười hai nhân duyên, P.27 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Quán về tà kiến; Phụ lục (chữ Hán). thập (Kumàrajiva, 344-413) Việt dịch: Thích Viên Lý 1.689. TRUNG LUẬN Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 quyển, 27 (MÙLAMADHYAMAKA-KÀRIKA) phẩm của Trung Luận. Thích luận: Thanh Mục (Pingalanettra) không) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) 1.691. TRUNG LUẬN Việt dịch: Thích Thiện Hạnh (MADHYAMAKAKÀRIKÀ) PL. 2556 – DL. 2012. Toàn bộ tác phẩm VÀ HỒI TRANH LUẬN Luận này gồm có 4 cuốn, 27 phẩm với 446 (VIGRAHAVYÀVARTANÌ) bài kệ. Cuốn I. (6 phẩm): - Lời người dịch, Tạo luận: Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna) - Tựa (Thiền sư Tăng Triệu), P.1 Quán về Bình phẩm: Luật sư Thanh Mục nhân duyên (16 bài kệ), P.2 Quán về đi lại Hán dịch: Tam tạng Pháp sư (25 bài kệ), P.3 Quán về sáu tình (8 bài Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Anh dịch: Brian Bocking - Lời giới thiệu, - Lời người dịch, - Tựa; 1. Việt dịch: Đỗ Đình Đồng Nghĩa không của Trung Luận, 2. Long PL. 2555 – DL. 2012. Tác phẩm này có Thọ và những bộ luận của Ngài, 3. Duyên 247 trang, nội dung gồm: - Một số Tác khởi sanh diệt và bất sanh bất diệt, 4. phẩm của Long Thọ, - Lời người dịch; Phương pháp luận về Trung đạo, 5. Luận Trung Luận, có 27 chương: - Lời tựa của đề căn bản của Trung Quán Luận, 6. Bát Tăng Duệ; C.1 Quán Nhân duyên, C.2 Đi bất, 7. Hữu thời-Không-Động, 8. Luận về và đến, C.3 Quán Sáu tình, C.4 Quán Năm thật tướng của các pháp theo Trung Quán, uẩn, C.5 Quán Sáu đại, C.6 Quán Nhiễm 9. Trung đạo hiện tượng và Thật tánh, 10. và người nhiễm, C.7 Quán Ba tướng, C.8 Luận về Nhị đế. Quán Nghiệp và tác nhân, C.9 Quán Bản trụ, C.10 Quán Lửa và nhiên liệu, C.11 1.694. TRUNG QUÁN LUẬN – Quán Bản tế, C.12 Quán Khổ, C.13 Quán Triết Lý Chơn Không Hành, C.14 Quán Hòa hợp, C.15 Quán Có Biên dịch và giải thích: và không, C.16 Quán Ràng buộc và giải Pháp sư Quảng Liên (1926-2009) thoát, C.17 Quán Nghiệp, C.18 Quán Nxb Tôn Giáo – 2007 Pháp, C.19 Quán Thời, C.20 Quán Nhân Tác phẩm Luận này gồm có 6 chương: - và quả, C.21 Quán Thành và hoại, C.22 Lời nói đầu; C.I, A. Khái quát nguồn gốc Quán Như Lai, C.23 Quán Thấy điên đảo, và Tư tưởng văn hóa truyền thống sự phát C.24 Quán Bốn Thánh đế, C.25 Quán triển Văn hóa triết học Ấn Độ, B. Văn hóa Niết-bàn, C.26 Quán Mười hai nhân tư tưởng phi truyền thống; C.II, Nguồn duyên, C.27 Quán Tà kiến; Hồi Tranh gốc tư tưởng văn hóa Phật giáo, A. Địa vị Luận, Tụng (1-241); Thư mục. và đặc tính Phật giáo, B. Tư tưởng nguyên PDF) khi Phật nhập Niết-bàn, D. Tư tưởng Đại thừa xuất hiện; C.III, Sự bành trướng Đại 1.692. TRUNG LUẬN Yếu Giải thừa và Tiểu thừa, A. Nam tông Phật giáo Nguyên tác: Long Thọ Bồ-tát (Hinayana), B. Cương lãnh, C. Bắc tông Hán dịch: Thích Trí Dụ Phật giáo, D. Trường phái Đại thừa Phật Việt dịch: Giải Minh giáo Trung Hoa; C.IV, Tư tưởng Trung Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 Quán Luận, a. Nguồn gốc, b. Tiểu sử ngài Sách có khổ 14 x 20cm, dày 387 trang, bìa Long Thọ (Nagarjuna), c. Định nghĩa và mềm. Nội dung gồm có: Tựa, Trung luận tư tưởng Sunya, d. Nagarjuna và vấn đề cùng Bát-nhã, Tóm lược, và 27 phẩm, 446 nhân duyên sinh, e. Nagarjuna và Lục bài tụng. chủng, g. Nagarjuna và vấn đề sanh-trụ- Xem: (27 phẩm) Trung Luận diệt, h. Nagarjuna và vấn đề tác nghiệp, i. Nagarjuna và vấn đề linh hồn, k. 1.693. TRUNG QUÁN LUẬN Nagarjuna và vấn đề bản thể, Luân hồi, Giảng giải: Nhân quả, l.

Nagarjuna và vấn đề Hữu-Vô, Đại sư Ấn Thuận (1906-2005) m. Nagarjuna và vấn đề Nghiệp báo, o. Việt dịch: TT. Thích Nguyên Chơn Nagarjuna và vấn đề Niết-bàn; C.V, Nhận Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008. định; C.VI, Dịch và lược thích Trung Toàn bộ tác phẩm này gồm có 10 đề mục: Quán Luận (nguyên văn).

Tác phẩm Luận này đã được ấn hành từ chủng, P.6 Phá Nhiễm-người nhiễm, P.7 năm 1974, hiện còn bản Roneo, Mã số: Phá Tam tướng, P.8 Phá Tác-tác giả, P.9 VRONEO 0011, lưu tại Thư viện Huệ Phá Bổn tế, P.10 Phá Hành, P.11 Phá Quang, Tp. Hồ Chí Minh; tái bản năm Buộc-mở, P.12 Quán Pháp, P.13 Phá Thời 1994 do Tu viện Quảng Đức (Thủ Đức, gian. Tp. HCM) ấn hành. 1.697. TRUNG QUÁN LUẬN Kệ Tụng 1.695. TRUNG QUÁN LUẬN Tác giả: Long Thọ Bồ-tát Tác giả: Bồ-tát Long Thọ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Dịch & giải: CHT Chánh Tấn Tuệ Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001 Việt dịch: Thích Tịnh Nghiêm Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 317 Tường Quang Tùng thư, PL. 2546 – DL. trang. Nội dung gồm có: Lời cám ơn, Lời 2003. Toàn bộ tác phẩm Luận kệ tụng này giới thiệu, Lời nói đầu; 1. Phá Nhân duyên gồm có 19 phẩm: - Lời giới thiệu, - Tựa – luận giải, 2. Phá Đi và Đến – luận giải, Trung Luận, - Phần giới thiệu, - Sách tham 3. Phá Lục tình – luận giải, 4. Phá Ngũ ấm khảo, - Kệ tán Phật; P.1 Quán nhân duyên, – luận giải, 5. Phá Lục chủng – luận giải, P.2 Quán sự chuyển động, P.3 Quán sáu 6. Phá Nhiễm – người nhiễm, 7. Phá Tam tình, P.4 Quán năm ấm, P.5 Quán sáu tướng – luận giải, 8. Phá Tác – Tác giả, 9. chủng, P.6 Quán sự ô nhiễm và kẻ ô Phá Bổn trụ, 10. Phá Đốt – Bị đốt, 11. Phá nhiễm, P.7 Quán ba tướng, P.8 Quán sự Bổn tế - luận giải, 12. Phá Khổ, 13. Phá tạo nghiệp và kẻ tạo nghiệp, P.9 Quán bản Hành – luận giải, 14. Phá Hiệp – luận giải, trụ, P.10 Quán lửa và nhiên liệu, P.11 15. Phá Có – Không – luận giải, 16. Phá Quán sự khổ, P.12 Quán bản tế, P.13 Quán Trói – Buộc, 17. Quán Nghiệp, 18. Quán các hành, P.14 Quán sự hòa hợp, P.15 Pháp – luận giải, 19. Phá Thời gian – luận Quán hữu-vô, P.16 Quán sự trói buộc và giải, 20. Phá Nhân và Quả, 21. Phá Thành giải thoát, P.17 Quán nghiệp báo, P.18 – Hoại, 22. Phá Như Lai, 23. Phá Điên đảo Quán pháp, P.19 Quán thời gian. – luận giải, 24. Phá Tứ đế - luận giải, 25. Quán Niết-bàn – luận giải, 26. Phá Thập 1.698. TRUNG QUÁN LUẬN – nhị Nhân duyên, 27. Phá Tà kiến; Tổng MADHYAMAKAKÀRIKÀ luận, Lời bạt, Sách Tham khảo, Mục lục, Tác giả: Nàgàrjuna (Long Thụ) Lời Cám ơn. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) 1.696. TRUNG QUÁN LUẬN 13 Phẩm Việt dịch: Cao Dao Tác giả: Bồ-tát Long Thọ Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- quyển, 27 phẩm: Quyển I, P.1 Quán nhân thập (Kumàrajiva, 344-413) duyên tạo tác, P.2 Quán sát chuyển động Việt dịch và giải thích: Chân Hiền Tâm (khứ lai), P.3 Quán sát sáu cách cảm thụ Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007. (lục tình), P.4 Quán sát năm điều kiện của Nội dung tác phẩm này gồm có 13 phẩm: - nhận thức (ngũ ấm), P.5 Quán sát sáu thực Lời đầu sách, - Tìm hiểu Trung Luận; P.1 thể: đất, nước, lửa, gió, hư không và ý Phá Nhân duyên, P.2 Phá đi và đế, P.3 Phá thức, P.6 Quán sát kẻ tạp nhiễm và cái gây Lục tình, P.4 Phá Ngũ ấm, P.5 Phá lục tạp nhiễm; Quyển II, P.7 Quán sát ba trạng

thái sinh khởi, tồn sinh và hoại diệt (tam tướng), P.8 Quán sát chủ thể tạo tác và hành vi tạo tác, P.9 Quán sát Bản trụ, chủ thể tự ngã, P.10 Quán sát cái đốt cháy và V cái bị

đốt cháy, P.11 Quán sát giới hạn của 1.700. VÃNG SINH TỊNH ĐỘ LUẬN nhân sinh và vũ trụ (bản tế), P.12 Quán sát Giảng Ký - Ấn Thuận về đau khổ, P.13 Quán sát các tác vi VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU-BA-ĐỀ- (hành), P.14 Quán sát chủ thể, đối tượng XÁ NGUYỆN SINH KỆ CHÚ, và tác vi; Quyển III, P.15 Quán sát tồn tại LƯỢC LUẬN TỊNH ĐỘ - Đàm Loan và không tồn tại (hữu-vô), P.16 Quán sát Việt dịch: Nhất Chân về sự trói buộc và giải thoát, P.17 Quán Duc Vien Buddhist Communty Pagoda sát về tích lũy tạo tác (nghiệp) và kết quả 2420 – 2440 Mc Laughlin Ave. tương ứng (báo), P.18 Quán sát cái tôi San Jose, CA 95121 – 2745 USA (ấn (ngã) và cái thuộc về tôi (ngã sở), P.19 hành) Quán sát thời gian, P.20 Quán sát nhân và Sách dày 243 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ quả, P.21 Quán sát về sinh thành và hoại vàng. diệt; Quyển IV, P.22 Quán sát Như Lai Nội dung gồm có: Lời tựa, Giới thiệu sơ tính, P.23 Quán sát điên đảo, P.24 Quán lược về Ấn Thuận và Đàm Loan, Tịnh Độ sát Bốn ý nghĩa căn để của thế gian (Tứ luận: 1. Vãng Sinh Tịnh Độ Luận Giảng đế), P.25 Quán sát Niết-bàn, P.26 Quán sát ký, 2. Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá 12 điều kiện tạo tác và nhân tạo tác (Thập Nguyện sinh Kệ chú, Quyển thượng và nhị nhân duyên), P.27 Quán sát những cái Quyển hạ, 3. Lược luận An lạc Tịnh Độ nhìn sai lệch (tà kiến). nghĩa. không) 1.701. VÃNG SINH THẬP NGHI – QUẢNG NGŨ UẨN CHƯ LUẬN 1.699. TRUNG QUÁN Giảng Ký VÀ DU-GIÀ HÀNH TÔNG Tác giả: Trưởng lão Đạo Nguyên – (Nghiên cứu về Triết học Trung Quán) Pháp sư Trí Viên, Tác giả: Gadjin M. Nagao Pháp sư Thích Tịnh Chiếu Việt dịch (2007): Thích Nhuận Châu Chuyển ngữ: Tác phẩm này gồm có: 1. Bản thể luận Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa trong Phật giáo Đại thừa, 2. Luận lý về Giảo chánh: Đức Phong và Huệ Trang chuyển y, 3. Một cách hiểu thuật ngữ Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 18.8 trong Phật học, 4. Phật thân, 5. Tánh x 26cm, dày hơn 383 trang, bìa cứng. Nội không, 6. Cái an lập trong tánh không, 7. dung gồm có: I. Vô Lượng Thọ Kinh Ưu- Thế giới quan Phật giáo giải thích qua ba-đề-xá Nguyện sanh kệ giảng ký, II. thuyết Tam tánh và những ẩn dụ, 8. Từ Tịnh độ Thập nghi luận giảng ký, III. Đại Trung Quán đến Du-già hành tông. thừa Quảng Ngũ Uẩn luận Thích yếu. không)

1.702. VI DIỆU PHÁP Cách đếm Thuận tùng Đối lập trong Phần (ABHIDHAMMA) Giảng Giải yếu tri Căn nhân, Đếm đối lập Thuận tùng Phật Giáo Nguyên Thủy Theravàda trong Phần Yếu tri; 2. Tam đề Thọ, Phần Giảng giải: Tỳ-kheo Giác Chánh Liên quan, Phần Tương ưng, Phần Yếu tri; Ban Hoằng pháp Pháp quốc tái bản. Toàn 3. Tam đề Quả, Phần liên quan, Phần Câu bộ tác phẩm này gồm có 20 đề mục: - Dẫn sanh, Phần Duyên trợ, Phần Y chỉ, Phần nhập; 1. Pháp, 2. Pháp tục đế, 3. Pháp Hòa hợp, Phần Tương ưng, Phần Yếu tri; chơn đế, 4. Tâm, 5. Tâm bất thiện, 6. Tâm 4. Tam đề Bị thủ, Phần Liên quan, Phần vô nhân, 7. Tâm dục giới tịnh hảo, 8. Tâm Câu sanh, Phần Duyên, Phần Y chỉ, Phần sắc giới, 9. Tâm vô sắc giới, 10. Tâm siêu Tương hợp, Phần Tương ưng, Phần Yếu thế, 11. Tổng kết các loại tâm, 12. Sở hữu tri, 5. Tam đề Phiền toái, Phần Liên quan, tâm, 13. Sở hữu tợ tha, 14. Sở hữu bất Phần Yếu tri; Trích cú Từ điển. thiện, 15. Sở hữu tịnh hảo, 16. Tổng kết Tập II, “Nội dung Bộ Vị trí này trình bày các hữu tâm, 17. Sự phối hợp giữa tâm và cũng còn trong Vị trí Tam đề Thuận tùng, các sở hữu tâm, 18. Lộ trình tâm, 19. Phi phân tích 17 đầu đề Tam (tikamàtikà) còn lộ, 20. Sắc pháp. lại, từ Tam đề Tầm (vitakkattika) đến hết, Nguyên thủy) ssappatighattika). Hai tập I và II của Bộ Vị

trí đã trình bày trọn vẹn 22 Đầu đề tam 1.703. VI DIỆU PHÁP – (Bàvisatitikamàtikà)". Sơ lược như sau: Bộ Vị Trí (6 Tập) Lời giới thiệu, Lời nói đầu, 6. Tam đề Dịch giả: Tỳ-kheo Tịnh Sự Tầm, 7. Tam đề Hỷ, 8. Tam đề Kiến đạo, (Santakicco Bhikkhu; 1913-1984) 9. Tam đề Hữu nhân Kiến đạo Ưng trừ, Nội dung gồm có: - Tựa, - Lời nói đầu; 10. Tam đề Nhân tích tập, 11. Tam đề Hữu "Nội dung Bộ Vị Trí này được trình bày học, 12. Tam đề Hy thiểu, 13. Tam đề theo 4 luận cứ: 1. Pháp thuận, 2. Pháp Cảnh Hy thiểu, 14. Tam đề Ti hạ, 15. Tam nghịch, 3. Pháp thuận nghịch, 4. Pháp đề Tà tánh, 16. Tam đề Đạo thành cảnh, nghịch thuận. Bốn luận cứ ấy, mỗi luận cứ 17. Tam đề Dĩ sanh, 18. Tam đề Quá khứ, được phân tích theo 6 phạm trù (1. Tam đề 19. Tam đề Cảnh Quá khứ, 20. Tam đề vị trí, 2. Nhị đề vị trí, 3. Nhị đề tam đề vị Nội phần, 21. Tam đề Hữu cảnh Nội phần, trí, 4. Tam đề nhị đề vị trí, 5. Tam đề tam 22. Tam đề Hữu kiến Hữu đối (trong mỗi đề vị trí, 6. Nhị đề nhị đề vị trí). Như vậy, Tam đề đa số có các phần: Phần Liên ở mỗi luận cứ có 6 phạm trù và 32.308 vị quan, Phần Câu sanh, Phần Duyên sở, trí. Tổng cộng 4 luận cứ sẽ có 24 phạm trù Phần Y chỉ, Phần Hòa hợp, Phần Tương và 129.232 vị trí. Mỗi vị trí phân tích theo ưng, Phần Yếu tri); Trích cú Từ điển; 24 duyên...; Tập III, Lời nói đầu, "Nội dung Bộ Vị trí Tập I, Sơ lược nội dung gồm có luận 24 này đã trình bày duyên hệ luận giải theo duyên theo năm Tam đề như sau: Phần thứ pháp Đầu đề nhị (Dukamàtikà), bắt đầu từ nhất, Phần Yếu lược Đầu đề, Phần Phân Nhị đề phân (Hetuduka) cho đến Nhị đề giải Duyên, 1. Tam đề Thiện, Phần Liên Bất tương ưng Kiến chấp cảnh kiến chấp quan, Phần Đồng sanh, Phần Duyên, Phần (Paràmàsavippayutta-paramatthaduka), cả Y chỉ, Phần Hòa hợp, Phần Tương ưng, thảy gồm 43 Nhị đề (từ Phần 1 đến Phần Cách đếm Thuận tùng trong phần yếu tri, 7). Cách lập luận ở đây cũng dựa theo khía

cạnh: Thuận tùng, Đối lập, Thuận tùng đối Tác phẩm này được tái bản năm 2000, lập, Đối lập thuận tùng". Sau cùng là Trích Nxb Tp. Hồ Chí Minh, với tên sách: Tạng cú Từ điển; Diệu Pháp – Bộ Vị Trí, dày 609 trang. Tập IV, Lời nói đầu, "Nội dung Bộ Vị trí này cũng trình bày tiếp theo các Pháp nhị 1.704. VI DIỆU PHÁP Nhựt Dụng đề (Dukamàtikà) từ Nhị đề hữu cảnh Phiên dịch: Thiện Nhựt (Sàrammanaduka) cho đến Nhị đề hữu y Sách dày 209 trang. Nội dung gồm có 11 (Saranaduka). Cả thảy là 46 Đầu đề (được chương: I. Vài lời xin thưa trước, II. Tiểu trình bày trong 15 phần), và đó là hoàn tất sử của ngài Ashin Janakabhivamsa, III. pháp Đầu đề nhị (Dukamàtikà)". Cuối Lời tựa của U Ko Lay, IV. Lời tựa của Tác sách là Trích cú Từ điển; giả; C.1 Về Chơn đế và Tâm thức, C.2 Tập V, Lời nói đầu, "Nội dung Bộ Vị trí Tâm sở và các Tâm sở Bất thiện, C.3 Các này trình bày bốn phần vị trí (Patthàna): 1. Tâm sở thiện, C.4 Về các Tâm sở phụ hợp Vị trí Nhị đề tam đề; 2. Vị trí Tam đề nhị với Tâm thức thiện và bất thiện, C.5 Tập đề; 3. Vị trí Tam đề tam đề; 4. Vị trí Nhị khí, C.6 Mười Căn bản của Thiện pháp, đề nhị đề". Cuối sách là Trích cú Từ điển; C.7 Nghiệp, C.8 Các Tâm trạng ngay Tập VI, "Nội dung Bộ Vị trí này trình bày trước khi chết, C.9 Bản thể của tái sanh, 3 phần: A. Phần Đối lập (Paccanìya), B. C.10 Sắc pháp, C.11 Các Cảnh giới của Phần Thuận tùng đối lập hiện hữu; Lời bạt, Mục lục. (Anulomapaccanìya), C. Phần Đối lập thuận tùng (Paccanìyànuloma)". Sơ lược 1.705. VI DIỆU PHÁP Sơ Cấp như sau: Lời nói đầu; Phần I, Vị trí Tam Biên soạn: Giáo thọ sư Giác Giới đề đối lập: Vị trí Nhị đề Đối lập; Vị trí Nhị

Lưu hành nội bộ. Sách dày 367 trang, bìa đề Tam đề Đối lập; Vị trí Tam đề Nhị đề mềm, nền vàng, chữ tựa màu đen (bản Đối lập; Vị trí Tam đề Tam đề Đối lập; Vị photo). Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, trí Nhị đề Nhị đề Đối lập; Phần II, Vị trí Hai sự thật (Sacca), Pháp chân đế Tam đề Thuận tùng Đối lập: Vị trí Nhị đề (Paramatthasacca), 80 pháp thực tính Thuận tùng Đối lập; Vị trí Nhị đề Tam đề (Sabhàvadhamma), Bốn loại tâm Thuận tùng Đối lập; Vị trí Tam đề Nhị đề (Cittacatudhà), Sự phân loại tâm Thuận tùng Đối lập; Vị trí Tam đề Tam đề (Cittabheda), Các loại tâm sở (Cetasika), Thuận tùng Đối lập; Vị trí Nhị đề Nhị đề Sự tương quan giữa tâm và tâm sở, Tâm Thuận tùng Đối lập; Phần III, Vị trí Tam nhiếp tâm sở (Sangaha), Tâm sở phối hợp đề Đối lập Thuận tùng: Vị trí Nhị đề Đối tâm, Sắc pháp (Rùpa), Sự phân loại sắc lập Thuận tùng; Vị trí Nhị đề Tam đề Đối pháp, Bốn nhân sanh sắc pháp, Các bọn lập Thuận tùng; Vị trí Tam đề Nhị đề Đối sắc pháp (Kalàpa), Linh tinh yếu hiệp lập Thuận tùng; Vị trí Tam đề Tam đề Đối (Vedanà), Nhân (Hetu), Sự (Kicca), Môn lập Thuận tùng; Vị trí Nhị đề Nhị đề Đối (Dvàra), Vật (Vatthu), Cảnh (Àrammana), lập Thuận tùng. Tương tập yếu hiệp (Samuccayasangaha), (https://phatphapungdung.com Bất thiện yếu hiệp (Akusala), Tạp loại yếu -Pháp bảo/Luận tạng; hiệp (Missaka), Đảng giác yếu hiệp phatgiaonguyenthuy.com) (Bodhipakkhiya), Hàm tận yếu hiệp (Sabba), Ngoại lộ (Vithivimutta), Người (Puggala), Cõi (Bhùmi), Lộ trình tâm

(Cittavìthi), Lộ tâm ngũ môn, Lộ tâm ý Phương thức Diễn tiến của chặp đăng ký môn, Lộ sắc (Rupapavattikkama), Sắc Tâm, 260. Phương thức diễn tiến của Tốc pháp diễn tiến trong cõi dục, Sắc pháp hành Tâm (Javana), 265. Diệt Thọ tưởng diễn tiến trong cõi sắc hữu tưởng, Sắc định, 269. Phân hạng Chúng sanh, 270. pháp diễn tiến trong cõi sắc vô tưởng, Những Cảnh giới, 272. Đồ biểu 9, 275; Duyên sinh, Đầu đề tam, Đầu đề nhị. C.V Phần Không có Tiến trình, Bốn Cảnh (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu giới sinh tồn, 277. Cảnh trời, 283. Bốn Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Phương cách Tái sanh, 286. Bốn loại Mã sách: Vie 12119) Nghiệp, 294. Nghiệp bất Thiện, 298. Nghiệp Thiện, 299. Nghiệp, 302. Những 1.706. VI DIỆU PHÁP Toát Yếu loại Nghiệp khác nhau, 304. Hiện tượng A Manual of Abhdhamma Chết và Tái sanh, 314. Chết, 319. Biểu (Nguyên tác: Abhidhammattha tượng Lâm chung, 322. Dòng Diễn tiến Sanghaha; của Tâm, 324. Đồ biểu 10, 327. Đồ biểu Tác giả: Bhadanta Anuruddhacariya) 11, 328-329. Đồ biểu 12, 330; C.VI Phân Chuyển dịch từ Pali sang Anh ngữ và chú tách Sắc pháp, Lời Mở đầu, Câu Kệ nhập giải: Nàrada Mahà Thera đề; 339. Phân loại các Sắc pháp, 350. Sự Dịch từ Anh ngữ Việt ngữ: Phạm Kim khởi sanh của các Sắc pháp, 357. Các Khánh nhóm Sắc pháp, 365. Phương thức khởi Sách dày hơn 451 trang, nội dung gồm có sanh của các Sắc pháp, 368. Niết-bàn, 370. 9 chương: Lời mở đầu, C.I Tâm vương, Đồ biểu 13, 379; C.VII Toát yếu những Câu kệ mở đầu; Đề tài: 14. Bốn loại Tâm Phân loại, Câu kệ Nhập đề, 380. Những vương, 19. Tâm bất Thiện thuộc Dục giới, loại Bất Thiện pháp, 382. Đồ biểu 14, 391. 21. Tâm vô nhân, 38. Đồ biểu 1-2-3, 46. Những loại pháp linh tinh, 392. Những Tâm “đẹp”, 49. Tâm thuộc Sắc giới, Thiền yếu tố của sự Giác ngộ, 400. Đồ biểu 15, (Jhàna), 57. Tâm thuộc Vô sắc giới, 72. 409. Tổ hợp Tổng quát, 410. Tóm lược, Tâm Siêu thế, 77. 121 Loại Tâm, 79. Sự 413; C.VIII Toát yếu về những Duyên hệ, chứng ngộ Niết-bàn, 82. Đồ biểu 4-5-6-7- Câu kệ Nhập đề, 417. Định luật Tùy thuộc 8-9, 89; C.II

Tâm sở, Lời mở đầu, Định Phát sanh, 420. Định lý Tương quan nghĩa, 96. 52 loại Tâm sở, 98. Những sự Duyên hệ, 429. Những Duyên hệ của phối hợp khác nhau của các Tâm sở, 146. Danh và Sắc, 434. Khái niệm, 445; C.IX Tâm sở Bất thiện, 149. Tâm sở "đẹp", 152. Đề mục hành Thiền, Câu kệ Nhập đề, 451. Tâm Siêu thế, 154. Tâm cao thượng, 159. Khái lược về Thiền vắng lặng, 451. Những Tâm "đẹp" thuộc Dục giới, 160. Tâm bất Giai đoạn luyện Tâm, 458. Những Ấn thiện, 164. Tâm vô nhân, 167; C.III Phần chứng của công trình Luyện Tâm, 459. Linh tinh, Thọ, 172. Nhân, 184. Tác dụng, Thiền Sắc giới, 460. Thiền Vô sắc, 460. 190. Tốc hành tâm (Javana), 199. Tử tâm, Siêu Trí, 461. Những Bẩm tánh, 462. 203. Môn, 208. Đối tượng, 216. Thời gian, Những Pháp thanh tịnh khác nhau, 477. Sự 224. Siêu Trí, 230. Căn, 233; C.IV Phân Chứng ngộ, 483. Giải thoát, 494. Những tách Tiến trình Tâm, Tiến trình Tâm xuyên bậc Thánh nhân, 496. Thanh tịnh đạo, 500. qua Năm Căn môn, 241. Những Tiến trình Những Sự chứng đắc, 507. Ước nguyện, Tâm, 245. Tiến trình Tâm xuyên qua Ý 510. môn, 252. Tiến trình Tâm Appanà, 253.

1.707. VI DIỆU PHÁP Vấn Đáp Yên Tử, C.10 Trần Thái Tông (1218- (Prasnà Abhidhamma) 1277), C.11 Tuệ Trung Thượng Sĩ, C.12 Dịch giả: Trưởng lão HT. Hộ Tông Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm, (Vansarakkhita MahàThera) C.13 Thiền sư Pháp Loa (1284-1330), Nội dung tác phẩm này gồm có: Tiểu tựa, C.14 Thiền sư Huyền Quang (1254-1334), Prasnà Abhidhamma; Tâm vấp đáp, Tâm C.15 Những khuôn mặt Phật tử khác trong sở vấn đáp (Cetaskapanhà), Vấn đáp về đời Trần, C.16 Tổng quan về Phật giáo đời sắc (Rùpapanhà), Niết-bàn vấn đáp; Pháp Trần; Các Phụ bản, Tài liệu Tham khảo; trích lục; 1. Giải về các pháp nên ghi nhớ, Tập II, từ C.17 đến C.25; C.17 Sinh hoạt 2. Tam tướng (trilakkhana), 3. Phương của Tăng đồ và cư sĩ, C.18 Đạo Phật trong pháp quán tưởng sắc theo chi tiết. thời Nho học độc tôn, C.19 Sức sáng tạo (phatgiaonguyenthuy.com, Tác của giới Phật tử đại chúng, C.20 Sự phục phẩm) hưng của môn phái Trúc Lâm, C.21 Thiền sư Hương Hải, C.22 Thiền phái Lâm Tế và 1.708. VI DIỆU PHÁP Vấn Đáp Phật giáo ở Đàng Trong, C.23 Thiền phái Biên soạn: Giác Chánh Tào Động tới nước Việt, C.24 Lý học và Sách dày 200 trang, bìa mềm. Nội dung Phật giáo, C.25 Các danh Tăng đời gồm có: Lời nói đầu (Vĩnh Long - 1971), Nguyễn; Các Phụ bản, Tài liệu tham khảo, và 620 mục từ Vi diệu pháp vấn đáp (từ 1. Bảng tên; Pháp,... đến 620. Đạo diệu đế); Lời chung Tập III, từ C.26 đến C.40; nội dung gồm: kết. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên Lời Nhà xuất bản, C.26 Khái quát về công cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí cuộc chấn hưng Phật giáo từ 1930 đến Minh; Mã sách: Vie 3873) 1945, C.27 Thiền sư Khánh Hòa và công cuộc vận động ở Nam Kỳ, C.28 Hội An 1.709. VIỆT NAM PHẬT GIÁO Nam Phật học ở Trung Kỳ, C.29 Công SỬ LUẬN (I – II – III) cuộc chấn hưng ở Bắc Kỳ, C.30 Sau Cách Tác giả: Nguyễn Lang mạng Tháng tám, C.31 Xây dựng lại các Nxb Văn Học (Hà Nội) – 2000 cơ sở hành đạo, C.32 Chùa Ấn Quang và Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1.162 chùa Xá Lợi, C.33 Chùa Linh Quang và trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu chùa Từ Đàm ở Trung Việt, C.34 Chùa trắng, có hình chùa Một Cột. Quán Sứ ở Bắc Kỳ, C.35 Con đường Toàn bộ tác phẩm gồm có 3 tập, 40 thống nhất, C.36 Thế đứng của Phật giáo chương. Việt Nam, C.37 Những nguyên do đưa tới Tập I, nội dung gồm có 16 chương: C.1 cuộc vận động chống chế độ Ngô Đình Trung tâm Phật

giáo Luy Lâu, C.2 Hai thế Diệm, C.38 Cuộc vận động chống đối chế kỷ đầu, C.3 Khởi nguyên của Thiền học độ Ngô Đình Diệm, C.39 Phật tử đòi thực Việt Nam, C.4 Sách Thiền Uyển Tập Anh thi thông cáo chung, C.40 Chính quyền và các tài liệu khác về đạo Phật Việt Nam Ngô Đình Diệm sụp đổ; Các Phụ bản, Tài đời Đường, C.5 Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu- liệu tham khảo, Bảng tra cứu. chi, C.6 Thiền phái Vô Ngôn Thông, C.7 Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Thiền phái Thảo Đường, C.8 Tổng quan Năm 1973-1974-1978-1985-1993, Nxb Lá về Phật giáo đời Lý (1010-1225), C.9 Nền Bối; năm 1992-1994-2008, Nxb Văn Học. tảng của Phật giáo đời Trần-Thiền phái (Theo các bản lưu tại Thư viện Viện

Nghiên cứu Viện Nghiên cứu Phật học sắc pháp, Tiến trình của sắc pháp sinh Việt Nam và Thư viện Huệ Quang-Trung khởi trong mỗi chúng sanh, Tiến trình của Tâm Dịch Thuật Hán Nôm tại Tp. Hồ Chí sắc pháp khi tử, Tiến trình của sắc pháp Minh) sanh ở cõi sắc giới, Lộ sắc, Định nghĩa về Niết-bàn; C.VII, Tương tập nhiếp – 1.710. VÔ TỶ PHÁP Tập Yếu – Samuccaya Sangaha: 1. Bất thiện nhiếp, ABHIDHAMMATTHASANGAHA 2. Hỗn tạp nhiếp, 3. Đẳng giác nhiếp, 4. Biên soạn (1973): Trưởng lão Tịnh Sự Hàm tận nhiếp; C.VIII, Duyên nhiếp – (Thera Santakicco, 1913-1984) Paccaya Sangaha: (1). Cách lien quan Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 (tái tương sinh, (2). Định luật vị trí – Duyên bản lần 2) trợ hay duyên tương quan, Phân duyên Bhikkhu Abhikusala – Siêu Thiện dịch và theo giống; C.IX, Nghiệp xứ nhiếp – bổ sung từ: Kammatthàna Sangaha: 1. Tu tiến, 2. Abhidhammatthasangaha – Thera Narada Nghiệp xứ (a. Chỉ nghiệp xứ, b. Minh sát Abhidhamma (Higher level) – Mehm Tin hay Tuệ quán nghiệp xứ; Đầu đề (Màtikà), Mon Pháp tụ Đầu đề tam – Tikamàtikà (có 22 Chỉ đạo phiên dịch và hiệu đính phần bổ đề); Pháp tụ Đầu đề nhị - Dukamàtikà (có sung: 100 đề): 1. Phần nhỏ thứ nhất là phần tụ À cariya Maggabujjhano – thầy Ngộ Đạo Nhân, 2. Phần nhỏ thứ hai là phần Duyên, Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày 782 trang, 3. Phần nhỏ thứ ba là phần tụ Lậu, 4. Phần bìa mềm. Nội dung gồm có 9 chương như nhỏ thứ tư là phần tụ Triền, 5. Phần nhỏ sau: Thutivacana (Lời tán dương); C.I, thứ năm là phần tụ Phược, 6. Phần nhỏ thứ Tâm nhiếp - Citta Sangaha, Phân chia sáu là phần tụ Bộc, 7. Phần nhỏ thứ bảy là “Citta” Tâm theo cõi: 1. Tâm dục giới, 2. phần tụ Phối, 8. Phần nhỏ thứ tám là phần Tâm sắc giới, 3. Tâm vô sắc giới, 4. Tâm tụ Cái, 9. Phần nhỏ thứ chín là phần tụ siêu thế, Phân chia Tâm theo chín cách; Khinh thị, 10. Phần nhỏ thứ mười là phần C.II, Sở hữu tâm – Cetasika: 1. Sở hữu tợ Đề đại, 11. Phần nhỏ thứ mười một là tha, 2. Sở hữu bất thiện, 3. Sở hữu tịnh phần tu Thủ, 12. Phần nhỏ thứ mười hai là hảo, 4. Sở hữu tâm, 5. Tâm (citta) Nhiếp phần tu Phiền não, 13. Phần nhỏ thứ mười (sangaha) Sở hữu tâm (Cetasika), 6. Sở ba là phần Yêu bối; Nhị đề Kinh – hữu nhất định và Sở hữu bất định; C.III, Suttantamàtikà (có 42 đề); Chỉ chấm 270 Linh tinh (hỗn hợp) nhiếp – Pakinnaka bảng nêu (Từ C.I – C.VII); Chỉ chấm bảng sangaha: 1. Thọ nhiếp, 2. Nhân nhiếp, 3. nêu các Chương: I, II, III, IV, V, VI, VII; Sự nhiếp, 4. Môn nhiếp, 5. Cảnh nhiếp, 6. Ghi chú. Vật nhiếp; C.IV, Lộ trình tâm nhiếp – Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Citta Vìthi Sangaha: 1. Lộ ngũ môn, 2. Lộ Tôn Giáo, với nhan đề “Vô Tỷ Pháp- ý môn (a. Lộ ý môn đổng lực dục giới, b. Abhidhamma”. Lộ ý môn đổng lực kiên cố); C.V, Ngoại lộ nhiếp – Vìthimutta Sangaha: 1. Nhóm bốn 1.711. VŨ TRỤ QUAN THẾ KỶ 21 – cõi hiện hữu hay

bốn sanh thú, 2. Nhóm YẾU CHỈ PHẬT PHÁP bốn dạng tái tục, 3. Nhóm bốn loại nghiệp, – YẾU CHỈ TRUNG QUÁN LUẬN 4. Nhóm bốn nhân đưa đến tử; C.VI, Sắc Tác giả: Thích Duy Lực (1923-2000) pháp nhiếp – Rùpa Sangaha: Bảng liệt kê

Nxb Tôn Giáo – 1999. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 151 trang, bìa mềm. Kết cấu tác phẩm gồm 3 phần. Lời nói đầu; Phần I. Vũ trụ quan Thế kỷ 21: Về năng Y lượng do vật chất phát ra phải bắt đầu từ 1.712. Yếu Chỉ TRUNG QUÁN LUẬN Newton, I. Ngũ pháp, II. Tam tự tính, III. Dịch và giải thích: Bát thức; Phần II. Yếu chỉ Trung Quán Thích Duy Lực (1923-2000) Luận (gồm có 27 phẩm, x. Trung Quán Nội dung gồm có 27 phẩm: Lời nói đầu; Luận); Phần III. Yếu chỉ Phật pháp: 1. Thế P.1 Phá nhân duyên, P.2 Phá khứ lai, P.3 lưu bố tưởng và trước tưởng, 2. Hai thứ Phá lục tình, P.4 Phá ngũ ấm (ngũ uẩn), chiêm bao do thức biến hiện, Biểu đồ của P.5 Phá lục chủng, P.6 Phá nhiễm và kẻ Bốn thừa, 3. So sánh sự sai biệt giữa Đại nhiễm, P.7 Quán tam tướng, P.8 Quán phá thừa và Tiểu thừa, 4. Tứ tướng, 5. Ba “Pháp tác và kẻ tác” (pháp làm và kẻ làm), mươi sáu pháp đối trong Kinh Pháp Bảo P.9 Phá bản trụ (bản lai vốn đã có), P.10 Đàn, 6. Lược trích “Trang Phật học”, 7. Phá “đốt” và “sở đốt”, P.11 Phá bản tế Ba lần cảnh cáo khi sắp nhập Niết-bàn của (thực tế bản lai vốn sẵn), P.12 Phá khổ, Đức Phật Thích-ca, 8. “Pháp môn an tâm” P.13 Phá hành, P.14 Phá hợp, P.15 Phá của Tổ Đạt-ma, 9. Lăng Nghiêm tông hữu-vô, P.16 Quán trói-mở, P.17 Quán thông, 10. Trích từ Đại Trí Độ Luận của nghiệp, P.18 Quán pháp, P.19 Quán thời, ngài Long Thọ Bồ-tát, Tâm như hư không P.20 Quán nhân quả, P.21 Quán thành- vô sở hữu, 11. Nguồn gốc của Phật pháp, hoại, P.22 Quán Như Lai, P.23 Quán điên 12. Trích lục từa Lăng Nghiêm tông đảo, P.24 Quán Tứ đế, P.25 Quán Niết- thông. bàn, P.26 Thập nhị nhân duyên, P.27 Quán tà kiến. không)

PHỤ LỤC

I. NHỮNG TÁC PHẨM KINH - LUẬT - LUẬT TRÊN CÁC TRANG WEBSITE PHẬT GIÁO

1. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN Bản Devanàgari (Mahàyànasùtra- samgraha I 98) A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT HUNG (A- Việt dịch: Thích Quảng Giác Giảng giải: HT. Tịnh Không Sanskrit/Hán tạng) Việt dịch: Thích Nhuận Nghi Sách dày 242 trang, bìa mềm, chữ tựa màu BÁT-NHÃ Cương Yếu – 2 tập trắng. Nội dung gồm có: A-nan vấn Phật Tác giả: Tỳ-kheo Ni Như Thanh sự cát hung, giải thích tên Kinh, Kinh văn THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành – 1989 và Giảng. BÁT-NHÃ TÂM KINH A-XÀ-THẾ VƯƠNG VẤN NGŨ Giảng giải (1993): Thiền sư Viên Minh ĐCTTĐTK, Bộ Kinh Tập, Ks. 0508 Hán dịch: Sa-môn Pháp Cự BÁT-NHÃ TÂM KINH Việt dịch (2014): Dịch-giảng: Thích Trúc Thông Quang Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Quang ấn hành Hiệu đính: HT. Thích Như Điển – 2007 Sanskrit/Hán tạng) BÁT-NHÃ TÂM KINH giảng giải Giảng giải: HT. Tịnh Không BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM Việt dịch: Các Cư sĩ Vọng Tây – KINH Viên Đạt Giảng giải: Lão Pháp sư Tịnh Không Biên tập: PT. Diệu Hiền Việt dịch: Cư sĩ Vọng Tây, Tác phẩm Kinh này có 93 trang. Cư sĩ Viên Đạt Biên tập: Phật tử Diệu Hiền BẤT TỰ THỦ Ý KINH Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 7 phần. (1 quyển, T. 02, Ks. 107) Các bản Việt dịch: 1. B.S. Trần Văn BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM Nghĩa; 2. TN. Tịnh Quang (Bản ngắn và bản dài, dịch từ nguyên bản PDF) Sanskrit) Mahà-sutra-samgraha, ed. By Vaidya, The Mithila Institute, 1961, p.97

BỔN MÔN PHÁP HOA KINH VÀ DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH CHƯ KINH NHẬT TỤNG VĂN CÚ Biên soạn: HT. Thích Trí Quảng Giảng giải (Hán ngữ): Chùa Phổ Hiền ấn hành – 2015 Thiên Thai Trí Giả Đại sư Việt dịch: HT. Thích Như Điển Chú Giải KINH CỰC LẠC Chùa Viên Giác ấn tống (SUKHAVATI – SUTRA) PL. 2557 – DL. 2013 Kinh có 17 trang. (Viết và hoàn tất tại Tiểu bang Ohio, Hoa ĐẠI BI KINH Kỳ - 2007) Chứng minh: HT. Như Đắc-Từ Nhẫn (Trụ trì Linh Nguyên Tự) Chú Giải Việt dịch: Yết-ma Thiện Quảng (Từ Quang KINH NHÂN QUẢ PHƯỚC ĐỨC Tự) Thích Đạt-ma Phổ Giác Nhà In Nguyễn Văn Huấn (Sài Gòn). Kinh Nxb Phương Đông. Sách có 56 trang. có 28 trang, khổ nhỏ.

CHUYỆN NGẠ QUỶ - PETAKKATHÀ Đại cương KINH HOA NGHIÊM, Tập 1 Tam Tạng quyển I, trang 360 và quyển Dịch và lược giải: CE Petakkathà Hoa Nghiêm xuất bản Soạn dịch và giảng: Tỳ-kheo Bửu Chơn Printed in the Republic of Taiwan. (Bhikkhu Nàga Mahà Thera) Second edition, 2000 PL. 2506 – DL. 1962. Tác phẩm này có 27 trang (PDF), nội dung gồm: Lời phi lộ; Đại cương KINH LĂNG-NGHIÊM Ngạ quỉ (Petakkathà). Việt dịch: Thích Thiện Hoa (1918-1973) (phatgiaonguyenthuy.com) Nxb Hương Đạo – 1962 (Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN tại DI-ĐÀ YẾU GIẢNG Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTV003492) Yếu giải: Thích Phước Nhơn Phổ Quang (Taiwan) ấn hành, PL. 2542 – ĐẠI LUÂN KIM CANG TỔNG TRÌ ĐÀ- DL. 1998, có 220 trang. RA-NI KINH Việt dịch: Thích Viên Đức Khóa Lễ Đầu Năm bảo-Bộ Mật giáo) Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Giác Nghiên Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012. Sách ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA có khổ 16 x 24cm. NGHIÊM KINH: PHẨM TỊNH HẠNH Giảng giải: Lão Pháp sư Tịnh Không Chuyển ngữ: Như Hòa, Đức Phong, Huệ Trang, Minh Tiến Nxb Hồng Đức – 2017

TẠNG BỒ-TÁT THẦN CHÚ PDF) Việt dịch: Cư sĩ Tuệ Khai Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh KIM CƯƠNG KINH Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) ĐỨC PHẬT THUYẾT - Việt dịch: Chu Tước Nhi KINH PHÁP DIỆT TẬN Nxb Hồng Đức – 2013 Đại Chánh tạng, Quyển 13, Hiệt 1118 số Kinh có khổ 19 x 27cm, dày 248 trang. 396, Niết-bàn bộ Anh dịch: Tỳ-kheo Thích Hằng Thật KINH A-DI-ĐÀ – AMITABHA SUTRA Việt dịch: Thích Nhuận Châu (SUTRA D'AMITABHA) Ban Việt dịch Vạn Phật Thánh Thành đối Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 366 chiếu Hán văn và Hiệu đính. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Việt dịch (2006): Nguyên Tánh Giảng Luận KINH TỨ NIỆM XỨ Tuệ Quang Wisdom Light Foundation Giảng luận: Satya Naraya (PO Box 91748, Henderson, NV 89009, Nxb Lao Động – 2014 USA). Tác phẩm Kinh này có 35 trang học-PDF) GIẢI NGHĨA KINH KIM CANG Giải nghĩa: Lục Tổ Huệ Năng (638-713) KINH A-DI-ĐÀ - BỐN MƯƠI TÁM Việt dịch: Nguyên Hiển NGUYỆN – KỆ NGUYỆN SINH bảo-Bộ Tục tạng Kinh) Biên dịch: Thích Nguyên Chơn Nxb Hồng Đức – 2019, khổ 16 x 24cm, có KIM CANG QUYẾT NGHI 80 trang, bìa cứng. (1 quyển, X. 25, Ks. 474) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư KINH A-DI-ĐÀ CỔ ÂM THANH Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413) VƯƠNG ĐÀ-LA-NI Biên soạn: Sa-môn Hám Sơn – (1 quyển, T. 12, Ks. 370) Đức Thanh Việt dịch: Thích nữ Chơn Tịnh THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) PL. 2539 – DL. 1995. KINH A-DI-ĐÀ Lược Giải KIM CANG TÔNG THÔNG (Kinh Phật thuyết A-di-đà) Kinh văn (Hán): Tam tạng Pháp sư Cưu- Hán văn: Tam tạng Pháp sư ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Tông thông: Cư sĩ Tăng Phụng Nghi Giảng giải: Tuyên Hóa Thượng nhân Việt dịch (2006): Thích Nhuận Châu

(1918-1995) Tác phẩm này có 580 trang.

II. Hiển thế, III. Minh tông, IV. Luận dụng, V. Phán giáo, VI, VII, VIII và IX. KINH A-NA-LUẬT BÁT NIỆM Hán dịch: Chi Diệu KINH A-DI-ĐÀ (văn vần) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) bảo-Bộ A-hàm) Việt dịch (văn vần, thể Lục bát): HT. Thích Khánh Anh (1895-1961) KINH A-NAN PHÂN BIỆT bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) Hán dịch: Thích Pháp Kiên Việt dịch: Chúc Đức TÁT-LÂU PHẬT ĐÀN QUÁ ĐỘ bảo-Bộ Kinh tập) NHƠN ĐẠO (2 quyển, T. 12, Ks. 362) Hán dịch: Ngô Chi Khiêm KINH A-NAN TỨ SỰ Việt dịch: Ban Phiên dịch Pháp Tạng (1 quyển, T.14, Ks. 493) Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Hán dịch: Ngô Chi Khiêm Quyển thượng và Quyển hạ. Việt dịch: Thích Bửu Hà bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH A-DI-ĐÀ và PHỔ MÔN KINH A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT - (diễn nghĩa) HUNG (1 quyển, T.14, Ks. 492b) Diễn giải: Phật tử Khánh Anh (A-nan Vấn sự Phật cát hung Kinh) PL. 2501 - DL. 1957 Hán dịch: An Thế Cao Việt dịch: Thích Đức Niệm MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T.25, Ks. 1508) Hán dịch: KINH A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT - An Huyền và Nghiêm Phật Điều HUNG (1 quyển, T.14, Ks. 492a) Việt dịch: Nguyên Huệ (Phật thuyết A-nan Vấn sự Phật cát hung bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: An Thế Cao Việt dịch: Thích nữ Tuệ Thành (Akkosa Sutta: Insult) bảo-Bộ Kinh tập) Translated from the Pali by Acharya Buddharakkhita Chuyển ngữ: Nguyễn Văn Tiến Source-Nguồn: accesstoinsight.org KINH A-NẬU-LA-ĐỘ

Dịch giả: Thích Nhất Hạnh KINH ÁT-BA-LA-DIÊN VẤN CHỦNG (Trích dịch từ Tương Ưng Bộ của tạng TÔN (1 quyển, T. 01, Ks. 71) Pali (Samyutta Nikàya IV, 380; Kinh Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan tương đương trong tạng Hán là Kinh số Việt dịch: T. Chánh Lạc Giảng giải Kinh) KINH BA LẦN CHUYỂN BÁNH XE KINH A-NẬU PHÁT PHÁP (1 quyển, T. 02, Ks. 110) (1 quyển, T. 01, Ks. 58) (Phật thuyết Tam chuyển Pháp luân Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan Kinh) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Hán dịch: Nghĩa Tịnh bảo-Bộ A-hàm) KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT (7 quyển, T. 13, Ks. 403) KINH BA MƯƠI BẢY PHẨM HẠNH Hán dịch: THIỀN (1 quyển, T. 15, Ks. 604) Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ Hán dịch: An Thế Cao Việt dịch: Tuệ Khai Cư sĩ Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh Kinh; 2. Tuệ Khai đang cập nhật). bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Đại tập; KINH BÀ-LA-MÔN TRỐN TRÁNH Hán dịch: An Thế Cao KINH ANH VÕ (1 quyển, T. 01, Ks. 79) Các bản Việt dịch: 1. Thân An – Hán dịch: Cầu-na-bạt-đà-la Minh Quý; 2. Thích Thanh Từ bảo-Bộ A-hàm) KINH BÀ LÃO KINH ÂN CHA MẸ KHÓ ĐỀN ĐÁP (Phật thuyết Lão mẫu Kinh) (1 quyển, T. 16, Ks. 684) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Các bản Việt dịch: 1. TN. Tịnh Quang; bảo-Bộ Kinh tập) 2. Nguyên Thuận; 3. Huyền Thanh; 4. TN. Tịnh Hiền KINH BÀ LÃO LỤC ANH bảo-Bộ Kinh tập) (Phật thuyết Lão Mẫu Lục anh Kinh) Hán dịch: Cầu-na Bạt-đà-la Việt dịch: Thích Tâm Nhãn

bảo-Bộ Kinh tập) Bộ Kinh tập)

KINH BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM KINH BẢO THỤ BỒ-TÁT BỒ-ĐỀ Việt dịch: Thích Đồng Bổn HÀNH (1 quyển, T. 14, Ks. 488) Nxb Hồng Đức – 2013 Hán dịch: Pháp Hiền Việt dịch: TN. Thành Thông- KINH BÁCH DỤ TN. Tịnh Hiền Biên soạn: Tăng-già-tư-na

bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Cầu-na-tỳ-địa Việt dịch: Thích nữ Viên Thắng KINH BÁT DƯƠNG THẦN CHÚ Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 100 (1 quyển, T. 14, Ks. 428) chuyện ví dụ. Hán dịch: Trúc Pháp Hộ bảo-Bộ Bổn duyên) 2. Huyền Thanh KINH BÁCH DỤ bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch và bình: HT. Thích Thiện Huệ Tác phẩm Kinh này có 320 trang (PDF). KINH BÁT ĐẠI BỒ-TÁT PDF) Hán dịch: Pháp Hiền Các bản Việt dịch: 1. Thân An- KINH BÁCH THIÊN ẤN THẦN CHÚ Minh Quý; 2. TN. Hạnh Diệu Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Nguyên Thuận bảo-Bộ Mật giáo) (Phật nói Kinh Tám điều Giác ngộ của bậc Đại nhân) KINH BAHIYA SUTTA – Version 2 Việt dịch: HT. Thích Huyền Tôn Việt dịch (2016): Lê Huy Trứ (2 quyển, T. 01, Ks. 6) KINH BÁO ÂN PHỤ MẪU – VU LAN Việt dịch: HT. Thích Chánh Lạc xá Di Lặc, Gia Định) ebook 11/8/2009). PL. 2518 – DL. 1974 Tác phẩm Kinh này có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. (1 quyển, T. 16, Ks. 686) PDF) Việt dịch: Huyền Thanh

THUẬT TÁN Bộ Kinh tập) Biên soạn: Khuy Cơ Việt dịch: Thích Bảo Lạc KINH BẤT TẤT ĐỊNH NHẬP ĐỊNH Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 NHẬP ẤN (1 quyển, T. 15, Ks. 645) quyển. Hán dịch: Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi bảo-Bộ Kinh tập) KINH BÁT-NHÃ NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC THẦN BẢO KÝ KINH BẤT TỰ THỦ Ý Việt dịch: Thích Bảo Lạc (1 quyển, T.02, Ks. 107) Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển. Hán dịch: Chi Khiêm 2. TN. Tịnh Quang (ĐCTTĐTK, Bộ Kinh tập, số 0431) bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: Tam tạng Xà-na-quật-đa Việt dịch (2013): Thích Hạnh Tuệ KINH BÉ GÁI TRONG BỤNG NGHE Hiệu đính: HT. Thích Như Điển KINH (1 quyển, T. 14, Ks. 563) Hán dịch: Đàm Vô Sấm KINH BÁT QUAN TRAI Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Hán dịch: Cư sĩ Trở Cừ Kinh Thanh bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. Thích Chánh Lạc; 2. Thích Thiện Long; 3. Huyền Thanh KINH BỆ-MA-TÚC Tác phẩm Kinh này có 3 trang (PDF). (1 quyển, T. 01, Ks. 90) PDF) Việt dịch: HT. Chánh Lạc Tác phẩm Kinh này có 6 trang (PDF). (1 quyển, T. 14, Ks. 494) PDF) Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan Các bản Việt dịch: 1. TN. Tuệ Thành; KINH BỒ-TÁT DI-LẶC HỎI ĐỨC 2. Huyền Thanh PHẬT VỀ BỔN NGUYỆN bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Tam tạng Trúc Pháp Hộ Các bản Việt dịch: 1. Thích Chánh Lạc; 2. KINH BẢY NGƯỜI NỮ Huyền Thanh Hán dịch: Ngô Chi Khiêm bảo-Kinh tạng) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn

(2 quyển, T. 13, Ks. 408) Bộ Kinh tập) Hán dịch: Xà-na-quật-đa Việt dịch: Tuệ Khai KINH BỒ-TÁT THIÊN THỦ THIÊN bảo-Bộ Đại tập) THÂN (1 quyển, T. 20, Ks. 1058) Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi KINH BỒ-TÁT QUỞ TRÁCH SẮC DỤC Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư bảo-Bộ Mật giáo) Huyền Trang (602-664) Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên KINH BỐ-THÍ THỨC ĂN ĐƯỢC NĂM Xuân; 2. Thích Thiện Giới PHƯỚC BÁO bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Quảng Lượng – Lý Hồng Nhựt KINH BỒ-TÁT SANH ĐỊA bảo-Bộ A-hàm) (1 quyển, T. 14, Ks. 533) Hán dịch: Ngô Chi Khiêm KINH BỐN PHẨM PHÁP MÔN Việt dịch: Thích nữ Tâm Chánh (1 quyển, T.17, Ks. 776) bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Huyền Thanh KINH BỒ-TÁT SƯ TỬ TRANG bảo-Bộ Kinh tập) NGHIÊM VƯƠNG THƯA HỎI (1 quyển, T. 14, Ks. 486) KINH BỐN PHÁP CỦA ĐẠI THỪA Hán dịch: Na-đề (1 quyển, T. 17, Ks. 772) Việt dịch: Thích Thọ Phước Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà bảo-Bộ Kinh tập) 2. Bùi Đức Huề KINH BỒ-TÁT TU HÀNH BỐN PHÁP bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 17, Ks. 773) Hán dịch: Địa-bà-ha-la KINH BỐN VỊ THIÊN VƯƠNG Việt dịch:

Huyền Thanh (1 quyển, T. 15, Ks. 590) bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh; 2. Huyền Thanh ĐẠI THỪA DUYÊN SINH THÍ DỤ CÂY bảo-Bộ Kinh tập) LÚA (1 quyển, T. 16, Ks. 710) Hán dịch: Bất Không Việt dịch: Quảng Minh

(1 quyển, T. 17, Ks. 775) bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Huyền Thanh KINH CỔ LAI THẾ THỜI bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Thích Chánh Lạc KINH BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC CỦA bảo-Bộ A-hàm) BẢY ĐỨC PHẬT DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI KINH CÔNG ĐỨC CỦA BA QUY Y – (2 quyển, T.14, Ks. 451) TỪ TÂM VÀ NHÀM CHÁN Hán dịch: Nghĩa Tịnh (1 quyển, T.01, Ks. 72) Các bản Việt dịch: Thích Nguyên Chơn; 2. Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; TN. Tâm Thường 2. Thích Chánh Lạc; 3. Huyền Thanh bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ A-hàm)

KINH BỔN TƯƠNG Ỷ TRÍ KINH CÔNG ĐỨC CHƯ PHẬT HỘ (1 quyển, T.01, Ks. 36) NIỆM KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN Hán dịch: An Thế Cao (Phật thuyết Bất tư nghị Công đức Chư Việt dịch: Thích Chánh Lạc Phật Sở hộ niệm Kinh) bảo-Bộ A-hàm) Việt dịch: Nguyên Thuận Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: KINH CA-DIẾP PHÓ PHẬT BÁT NIẾT-Quyển thượng và Quyển hạ. Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: Huyền Thanh; 2. Thích nữ Đức Nghiêm KINH CÔNG ĐỨC NHIỄU QUANH bảo-Bộ Niết-bàn) (1 quyển, T. 16, Ks. 700) Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà KINH CẦU DỤC Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; Hán dịch: Pháp Cự 2. Thích Thọ Phước bảo-Bộ A-hàm) KINH CÔNG ĐỨC TẠO THÁP KINH CON NGƯỜI DO DỤC SANH (1 quyển, T. 16, Ks. 699) (1 quyển, T.01, Ks. 14) Hán dịch: Địa-bà-ha-la Hán dịch: An Thế Cao Các bản Việt dịch: 1. Quảng Minh; Việt dịch: Thích Chánh Lạc – 2. Trần Văn Nghĩa

bảo-Bộ Kinh tập) KINH CƯ SĨ TỊNH Ý THƯA HỎI (1 quyển, T. 17, Ks. 755) KINH CÔNG ĐỨC TẮM PHẬT – (Phật thuyết Tịnh Ý Ưu-bà-tắc Sở vấn Khóa Lễ Phật Đản Kinh) Thành Hội Phật Giáo Hải Phòng Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Sa-môn Thích Thanh Giác Việt dịch: Thích Hằng Đạt bảo-Bộ Kinh tập) KINH CÔNG ĐỨC TẮM PHẬT (1 quyển, T. 16, Ks. 697-698) KINH CỨU BẠT DIỆM KHẨU NGẠ Hán dịch: QUỸ ĐÀ-LA-NI Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) (1 quyển, T. 21, Ks. 1313) Các bản Việt dịch: 1. TN. Trung Thể; Hán dịch: Bất Không 2. Nguyên Thuận; 3. Quảng Minh Việt dịch: Thích Thọ Phước bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Mật giáo)

KINH CÔNG ĐỨC TIN PHẬT KINH CỬU SẮC LỘC (1 quyển, T. 01, Ks. 18) (1 quyển, T. 03, Ks. 181a) Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền Hán dịch: Ngô Chi Khiêm Việt dịch: HT. Thích Chánh Lạc Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo bảo-Bộ Bổn duyên) KINH CÔNG ĐỨC XUẤT GIA Việt dịch: Thích Thiện Phước KINH CHA MẸ ÂN TRỌNG Nxb Tôn Giáo (Phụ mẫu Ân trọng Kinh) (1 quyển, T.85, Ks. 2887) KINH CÔNG ĐỨC XƯNG TÁN ĐẠI Việt dịch: Nguyên Thuận Hán dịch: Tam tạng Pháp sư bảo-Bộ Đôn Hoàng) Huyền Trang (602-664) Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ KINH CHANDA (Chiên-đà) Hiệu đính: HT. Thích Như Điển (Trích từ Tạp A-hàm, Kinh 262)

KINH CÙ-ĐÀM-DI KÝ QUẢ KINH CHÁNH PHÁP ĐẠI TẬP HỘI (1 quyển, T.01, Ks. 60) (5 quyển, T. 13, Ks. 424) Hán dịch: Huệ Giản Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ A-hàm) gồm 5 quyển.

bảo-Bộ Đại tập) KINH CHƯ PHÁP BỔN (1 quyển, T.01, Ks. 49) KINH CHÁNH PHÁP HOA – Quyển 7 Hán dịch: Chi Khiêm Hán dịch: Tam tạng Pháp Hộ Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Sanh – Từ Vũ Tác phẩm Kinh này có 9 trang (PDF). Kinh Chánh Pháp Hoa, (Bộ Thượng) - bảo-Bộ A-hàm) Quyển 7 gồm có 3 phẩm: P.13 An Lạc Hạnh; P.14 Bồ-tát từ đất vọt lên; P.15 Như KINH CHƯ PHẬT Lai Hiện thọ. (phaptangpgvn.net, Pháp (1 quyển, T. 14, Ks. 439) tạng) Hán dịch: Thi Hộ Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; KINH CHÂN HẠNH PHÚC 2. TN. Đức Thuận Dịch giả: bảo-Bộ Kinh tập) HT. Thích Thiện Châu (1931-1998) điển) (1 quyển, T. 21, Ks. 1325) Hán dịch: Nghĩa Tịnh KINH CHÚ ĐÀ-LA-NI MA-LỢI CHI Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; THIÊN (1 quyển, T. 21, Ks. 1256) 2. Thích Nguyên Chơn bảo-Bộ Mật giáo) KINH DANH HIỆU BÁT ĐẠI LINH KINH CHÚ TỐI THẮNG PHẬT ĐỈNH THÁP (1 quyển, T. 32, Ks. 1685) ĐÀ-LA-NI TỊNH TRỪ NGHIỆP Hán dịch: Pháp Hiền CHƯỚNG (1 quyển, T. 19, Ks. 970) Các bản Việt dịch: 1. Thích Như Điển; Hán dịch: Địa-bà-ha-la 2. Huyền Thanh 2. Nguyên Thuận bảo-Bộ Luận tập) bảo-Bộ Mật giáo) KINH DI GIÁO Việt dịch: Trí Nguyệt LỚN (Đại ngư sự Kinh) (1 quyển, T. 04, Ks. 216) KINH DI-LẶC HẠ SANH Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan (1 quyển, T. 14, Ks. 454) Các bản Việt dịch: 1. Thanh Mai-Thanh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Nhiên; 2. Trần Văn Nghĩa thập (Kumarajiva, 344-413) bảo-Bộ Bổn duyên)

ebook 18/8/2009; PDF) Người thực hiện: Nam Thiên. PDF) Thông Nghĩa Nguyên tác: Hám Sơn – Đức Thanh KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Việt dịch: Thích Viên Giác Giảng Giải – 3 Quyển Nxb Tôn Giáo – 2002 Giảng giải: Thích Tuệ Hải Nxb Tôn Giáo – 2018 KINH DỤ NƯỚC BIỂN (1 quyển, T.01, Ks. 29) KINH DIỆT TRỪ TỐI TĂM TRONG Việt dịch: Thích Chánh Lạc (1 quyển, T. 14, Ks. 435) bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Các bản Việt dịch: 1. TN. Tâm Thường; 2. KINH DỤ MẶT TRĂNG Nguyên Thuận (1 quyển, T.02, Ks. 121) bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. Thích Đức Thắng; 2. TN. Tịnh Quang NHẬP NIẾT-BÀN bảo-Bộ A-hàm) (1 quyển, T. 14, Ks. 463) Hán dịch: Nhiếp Đạo Chơn KINH DUYÊN BỔN TRÍ Việt dịch: Nguyên Thuận (1 quyển, T.01, Ks. 37) bảo-Bộ A-hàm) KINH DIỆU HUỆ ĐỒNG NỮ Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi KINH DUYÊN KHỞI Việt dịch: HT. Thích Chơn Minh (1 quyển, T.02, Ks. 124) Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994. Hán dịch: Huyền Trang (bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, số 116, Việt dịch: Huyền Thanh Phú, Tp. Hồ Chí Minh) bảo-Bộ A-hàm)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA TAM- KINH DUYÊN SINH MUỘI BÍ MẬT TAM-MA-GIA (1 quyển, T. 16, Ks. 709) Vạn Tân Toản Tục Tạng Kinh, Tập 2, No. Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Hán dịch: Tam tạng Đại Quảng Trí Bất bảo-Bộ Kinh tập) Không (Amogha-vajra) Việt dịch: Huyền Thanh

NHƯ LAI BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC bảo-Kinh tạng) (1 quyển, T. 14, Ks. 450) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư KINH ĐÀ-LA-NI TỐI THẮNG PHẬT Huyền Trang (602-664) ĐỈNH (1 quyển, T.19, Ks. 974a) Việt dịch: Nguyên Thuận Hán dịch: Pháp Thiên bảo-Bộ Mật giáo) KINH DƯỢC SƯ Nghĩa Hán dịch: Tam tạng Pháp sư KINH ĐÀ-LA-NI THẮNG PHAN ANH Huyền Trang (602-664) LẠC (1 quyển, T.21, Ks. 1410) Việt dịch: Hán dịch: Thi Hộ Pháp sư Thích Quảng Liên (1926-2009) Việt dịch: Huyền Thanh PL. 2532 – DL. 1988 bảo-Bộ

Mật giáo)

KINH ĐÀ-LA-NI DIÊN THỌ DIỆU KINH ĐÀ-LÂN-NI BÁT MÔN (1 quyển, T.20, Ks. 1140) (1 quyển, T.21, Ks. 1352) Hán dịch: Pháp Hiền Hán dịch: Pháp Hiền Việt dịch: Huyền Thanh Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ Mật giáo) bảo-Bộ Mật giáo)

KINH ĐÀ-LA-NI XUẤT TƯỢNG KINH ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT NIẾT-BÀN Dịch giả: Dà-phạm Đạt-ma (1 quyển, T.02, Ks. 144) Bản Roneo, có 162 trang. Hán dịch: Bạch Pháp Tổ PL. 2548 – DL. 2004 Việt dịch: Thích Thanh Từ bảo-Bộ A-hàm) KINH ĐÀ-LA-NI TẤT CẢ DANH HIỆU NHƯ LAI KINH ĐẠI AN BAN THỦ Ý (1 quyển, T.21, Ks. 1350) (2 quyển, T. 15, Ks. 602) Hán dịch: Pháp Hiền (Phật thuyết Đại An Ban Thủ Ý Kinh) Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: An Thế Cao bảo-Bộ Mật giáo) Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng, Quyển hạ. VÃNG SANH A-DI-ĐÀ bảo-Bộ Kinh tập) TAM-MA-ĐỊA (1 quyển, T. 19, Ks. 933) Hán dịch: Bất Không Việt dịch: Huyền Thanh

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH ĐẠI HỒI HƯỚNG HẾT SỨC Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 375 THÂM SÂU (Phật thuyết Thậm thâm Đại Hán dịch: Sa-môn Tuệ Nghiêm Hồi hướng Kinh) Phiên âm và lược dịch điện tử: Nguyên (1 quyển, T.17, Ks. 825) Tánh & Nguyên Hiển Các bản Việt dịch: 1. TN. Thuần Hạnh; 2. Việt dịch (2008): Thích nữ Tuệ Quảng Thích Thiện Trí Tuệ Quang Foundation. Tác phẩm Kinh bảo-Bộ Kinh tập) này 36 quyển, với 1.732 trang (PDF). PDF) HIỀN HỘ BỒ-TÁT Hán dịch: Xà-na-quật-đa KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI Việt dịch: Thích Hằng Đạt (1 quyển, T. 20, Ks. 1060) Tác phẩm Kinh này gồm có 17 phẩm. Các bản Việt dịch: 1. Thích Thiền Tâm bảo-Bộ Đại tập) (1925-1992); 2. Nguyên Thuận bảo-Bộ Mật giáo) BẤT TƯ NGHÌ CẢNH GIỚI Hán dịch: KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ-LA-NI Tam tạng Pháp sư Thật-xoa-nan-đà XUẤT TƯỢNG Các bản Việt dịch: 1. HT. Thích Minh Lễ; Biên tập: Nguyễn Tường Long 2. Nguyên Thuận; Nxb Tôn Giáo – 2006 3. Thích nữ Như Phúc bảo-Bộ Hoa Nghiêm) KINH ĐẠI DIỆU KIM CANG ĐẠI CAM LỘ QUÂN-NÃ-LỢI DIỆM-MAN-SÍ KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG NHƯ LAI THẠNH PHẬT TẠNG (1 quyển, T. 16, Ks. 666) (1 quyển, T.19, Ks. 965) Hán dịch: Phật-đà Bạt-đà-la Hán dịch: Đạt-ma Tây-na Việt dịch: Thích Trí Thủ bảo-Bộ Mật giáo) KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐẲNG TU-ĐA-LA KINH ĐẠI ĐÀ-LA-NI MẠT PHÁP VƯƠNG (1 quyển, T. 14, Ks. 575) TRUNG NHẤT TỰ TÂM CHÚ Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Mật Tạng bộ 2 – No. 956 Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Việt dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí bảo-Bộ Kinh tập)

TẠNG KINH TRUNG PDF) VĂN-THÙ-SƯ-LỢI CĂN BỔN NHỨT TỰ ĐÀ-LA-NI KINH ĐẠI SỰ NHÂN DUYÊN LỢI ÍCH (1 quyển, T. 20, Ks. 1181) CỦA DANH HIỆU PHẬT VÔ LƯỢNG Hán dịch: Bảo Tư Duy THỌ (1 quyển, X. 01, Ks. 11) Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: Khương Tăng Khải bảo-Bộ Tục tạng Kinh) KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHẬP NHƯ LAI TRÍ ĐỨC BẤT TƯ NGHÌ KINH ĐẠI TAM-MA-NHẠ (1 quyển, T. 10, Ks. 304) (1 quyển, T.01, Ks. 19) Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà; Hán dịch: Pháp Thiên Việt dịch: TN. Như Phúc Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ Hoa Nghiêm) bảo-Bộ A-hàm)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG LAI BÍ MẬT TẠNG TẠNG BỒ-TÁT SỞ VẤN (2 quyển, T. 17, Ks. 821) Hán dịch: Bất Không Việt dịch: TN. Thuần Hạnh Việt dịch: Tuệ Khai bảo-Bộ Đại tập) KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHỔ

HIỀN SỞ THUYẾT KINH ĐẠI THỪA BIẾN CHIẾU (1 quyển, T. 10, Ks. 298) QUANG MINH TẠNG VÔ TỰ PHÁP Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà MÔN (1 quyển, T. 17, Ks. 830) Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Lộc; Hán dịch: Địa-bà-ha-la 2. Huyền Thanh Việt dịch: Nguyên Thuận bảo-Bộ Hoa Nghiêm) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TỔNG KINH ĐẠI THỪA DUYÊN SINH TRÌ BẢO QUANG MINH (Phật thuyết Đại thừa Đạo can Kinh) Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển (1 quyển, T.16, Ks. 712) 10, Hoa Nghiêm bộ Việt dịch: Thích Tâm Châu Việt dịch (2001): bảo-Bộ Kinh tập) Tỳ-kheo Thích Như Điển Tác phẩm Kinh này gồm 5 quyển, 102 trang (PDF).

KINH ĐẠI THỪA ĐỒNG TỬ BẢO KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG QUẢNG NGUYỆT VẤN PHÁP TỔNG TRÌ (1 quyển, T. 09, Ks. 275) (1 quyển, T. 14, Ks. 437) Hán dịch: Tỳ-ni-đa-lưu-chi Hán dịch: Thi Hộ Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; Các bản Việt dịch: 1. TN. Tâm Thường; 2. 2. Nguyên Thuận bảo-Bộ Kinh tập) KINH ĐẠI THỪA THẬP PHÁP KINH ĐẠI THỪA GIÀ-DA SƠN ĐỈNH (1 quyển, T. 11, Ks. 314) (1 quyển, T. 14, Ks. 467) Hán dịch: Tăng-già-bà-la Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường bảo-Bộ Kinh tập) KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC BẢO VƯƠNG Việt dịch: Thích Đồng Thái Hán dịch: Thiên Tức Tai Nxb Tôn Giáo – 2001 Việt dịch: Nguyên Thuận Kinh có khổ 15.5 x 23cm, bìa mềm, có tay Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 Pháp bảo-Bộ Mật giáo) KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA (10 quyển, T. 08, Ks. 261) và KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Hán dịch: Sa-môn Bát-Nhã Việt dịch: Thích Tuệ Hải Việt dịch: Thích Tâm Châu Nxb Hồng Đức – 2016 KINH ĐẠI VÂN LUÂN CẦU MƯA KINH ĐẠI THỪA LÝ THÚ LỤC Hán dịch: Bất Không BA-LA-MẬT QUY Y TAM BẢO Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: Sa-môn Bát-Nhã Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển.

KINH ĐẠI THỪA LƯU CHUYỂN HỮU KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN (1 quyển, T. 14, Ks. 577) (1 quyển, T. 16, Ks. 703) Hán dịch: Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) thập (Kumarajiva, 344-413) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Các bản Việt dịch: 1. TN. Tuệ Thành; bảo-Bộ Kinh tập)

KINH ĐẾ THÍCH SỞ VẤN Các bản Việt dịch: 1. TN. Như Tuyết; (1 quyển, T. 01, Ks. 15) 2. Huyền Thanh Việt dịch: HT. Thích Chánh Lạc bảo-Bộ A-hàm) sang ebook 11/8/2009; KINH ĐỨC TỪ THỊ HẠ SANH THÀNH Người thực hiện: Nam Thiên. PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 455) Tác phẩm Kinh này có 19 trang (PDF). Hán dịch: PDF) Việt dịch: Nguyên Thuận KINH ĐỆ TỬ CHẾT RỒI SỐNG LẠI bảo-Bộ Kinh tập) (Đệ tử Tử phục sanh Kinh) Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh KINH GIẢI HẠ (1 quyển, T. 01, Ks. 63) Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Hán dịch: Tam tạng Đại sư Pháp Hiền bảo-Bộ Kinh tập) Thích Tâm Châu KINH ĐỘ CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI điển) QUANG NGHIÊM (1 quyển, T. 10, Ks. 302) KINH GIẢI ƯU Việt dịch: Thích nữ Như Phúc (1 quyển, T. 17, Ks. 804) bảo-Bộ Hoa Nghiêm) Hán dịch: Pháp Thiên Việt dịch: Chơn Tĩnh Tạng Đại Chánh tạng Kinh, Tăng Nhất A-hàm, bảo-Bộ Kinh tập) Kinh số 125 Hán dịch: Tăng-già-đề-bà KINH GIÁO HÓA BỊNH Việt dịch: Thiền sư Thích Nhất Hạnh Dịch và chú: Thích Tuệ Sỹ Sanskrit/Hán tạng) KINH ĐỒNG TỬ VÔ NGÔN Hán dịch: Trúc Pháp Hộ KINH GIỚI TIÊU TAI Việt dịch: Tuệ

Khai (Phật thuyết Giới Tiêu tai Kinh) Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: (1 quyển, T.24, Ks. 1477) Quyển thượng và Quyển hạ. Hán dịch: Chi Khiêm bảo-Bộ Đại tập) Thích Nguyên Chơn KINH ĐỨC PHẬT NÓI VỀ HƯƠNG bảo-Bộ luật) GIỚI ĐỨC (1 quyển, T.02, Ks. 116) Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan

KINH HẢI ĐẢO TỰ THÂN KINH HIỆU LƯỢNG SỔ CHÂU CÔNG (99, Tạng Kinh Đại Chính, Kinh số 639, ĐỨC (1 quyển, T. 17, Ks. 788) bộ Tạp A-hàm) Hán dịch: Bảo Tư Duy Việt dịch: Thích Nhất Hạnh Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Sanskrit/Hán tạng) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH HẠNH NGUYỆN PHỔ HIỀN KINH HOA NGHIÊM BỒ-TÁT GIỚI (Trích từ Kinh Hoa Nghiêm) Dịch và lược giải: Thích Hằng Trường Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bát-nhã Nxb Tôn Giáo – 2007 Việt dịch: Cư sĩ Hạnh Cơ PL. 2549 – DL. 2005 KINH HOA NGHIÊM – Sanskrit/Hán tạng) Dịch và lược giải: Thích Hằng Trường Nxb Tôn Giáo – 2003 KINH HIỀN THỦ (1 quyển, T. 14, Ks. 570) KINH HÓA CHÂU BẢO MẠNG Hán dịch: Thánh Kiên (1 quyển, X. 01, Ks. 25) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Việt dịch: Thích nữ Lệ Nhã bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Tục tạng Kinh)

KINH HIỂN VÔ BIÊN PHẬT ĐỘ KINH HỘ QUỐC CÔNG ĐỨC (1 quyển, T. 10, Ks. 289) (1 quyển, T.01, Ks. 69) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Hán dịch: Pháp Hiền Huyền Trang (602-664) Việt dịch: T. Chánh Lạc bảo-Bộ Hoa Nghiêm) KINH HỒNG DANH LỄ SÁM KINH HIỆN TẠI HIỀN KIẾP THIÊN (Phật thuyết Phật danh Kinh) PHẬT DANH (1 quyển, T. 14, Ks. 447a) Việt dịch và chú thích: Thích Huyền Vi Việt dịch: Nguyên Thuận Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 30 bảo-Bộ Kinh tập) KINH HIẾU TỬ (1 quyển, T. 16, Ks. 687) KINH HỒNG DANH SÁM HỐI (Phật thuyết Hiếu tử Kinh) Biên tập: Đỗ Thị Quỳnh Các bản Việt dịch: 1. TN. Tịnh Hiền; Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 2. Huyền Thanh 20.5cm. bảo-Bộ luật)

KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT KINH KIM CANG CHƯ GIA – Dịch THẦN CHÚ (1 quyển, T.13, Ks. 406) nghĩa Hán dịch: Đàm-ma Mật-đa Dịch giả: Thích Huệ Tông (chùa Phổ Việt dịch: Tuệ Khai Nguyện) bảo-Bộ Đại tập) KINH KIM CANG ĐỈNH DU-GIÀ NIỆM KINH HƯ KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT CHÂU (1 quyển, T. 17, Ks. 789) THẦN CHÚ (1 quyển, T. 13, Ks. 407) Hán dịch: Bất Không Hán dịch: Đàm-ma-mật-đa Các bản Việt dịch: 1. Thích Tâm Châu; 2. Việt dịch: Tuệ Khai Thích nữ Đức Nghiêm bảo-Bộ Đại tập) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH HƯNG KHỞI HẠNH KINH KIM CANG Lược Giải (2 quyển, T. 04, Ks. 197) Lược giải (2004): Đồng Mai Hán dịch: Khương Mạnh Tường Nội dung tác phẩm này gồm có 32 đoạn Việt dịch: Thích Chánh Lạc Kinh Kim Cang lược giải. bảo-Bộ Bổn duyên) giải Kinh)

KINH KIÊN Ý (1 quyển, T. 17, Ks. 733) KINH KIM CANG QUYẾT NGHI Hán dịch: An Thế Cao (1 quyển, X. 25, Ks. 474) Việt dịch: Thích nữ Tịnh Quang Biên soạn: Đức Thanh bảo-Bộ Kinh tập) 2. Vương Gia Hớn KINH KIẾN CHÁNH bảo-Bộ Tục tạng Kinh) (1 quyển, T. 17, Ks. 796) (Phật nói Kinh Kiến Chánh) KINH KIM CƯƠNG Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan Dịch giả: Thích Nhất Hạnh 2. Thích Trí Đức; 3. Thích Nguyên Lộc; Sanskrit/Hán tạng) 4. Thích Trí Hải bảo-Bộ Kinh tập) Sutra) - Phạn Bản Tân Dịch (Kinh

Trí Tuệ Siêu Việt Toàn Hảo Có khả KINH KIỀN-ĐÀ QUỐC VƯƠNG Năng Phá Hủy Như Sấm Sét) (1 quyển, T. 14, Ks. 506) Vajracchedikàprajnàpàramità Hán dịch: An Thế Cao Vajracchedikà nàma trisatikà Việt dịch: Thích Hạnh Tuệ prajnàpàramità bảo-Bộ Kinh tập) bản Sanskrit

Ấn bản điện tử: 22/11/2018 KINH LÀM CON NĂM NGƯỜI MẸ PDF) (Ngũ Mẫu tử Kinh) Hán dịch: Ngô Chi Khiêm KINH KIM CƯƠNG TAM-MUỘI BẢN Việt dịch: Thích Tâm Nhãn DIỆT (1 quyển, T. 15, Ks. 644) bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Tuệ Khai bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Nguyên Thuận KINH KỲ-LỢI-MA-NAN bảo-Bộ Kinh tập) (GIRIMÀNANDASUTTA) (Trích từ Tăng Chi Bộ Kinh) KINH LÃO NỮ NHÂN Việt dịch: Toại Khanh (1 quyển, T. 14, Ks. 559) Hán dịch: Chi Khiêm KINH KHỔ ẤM (1 quyển, T.01, Ks. 53) Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Việt dịch: TN. Tịnh Quang 2. Thích Tâm Nhãn bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH KHỔ ẤM NHÂN SỰ KINH LÃO ÔNG BẦN CÙNG (1 quyển, T.01, Ks. 55) (1 quyển, T.17, Ks. 797a) Hán dịch: Pháp Cự Hán dịch: Huệ Giản Việt dịch: Thích Chánh Lạc Các bản Việt dịch: 1. Thích Thiện Trí; bảo-Bộ Kinh tập) KINH LẠC TƯỞNG (1 quyển, T.01, Ks. 56) KINH LẦU CÁC CHÁNH PHÁP CAM- Hán dịch: Trúc Pháp Hộ LỒ CỔ (1 quyển, T. 16, Ks. 704) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Hán dịch: Thiên Tức Tai bảo-Bộ Kinh tập) KINH LẠI-TRA-HÒA-LA (1 quyển, T.01, Ks. 68) KINH LẬU PHÂN BỐ Hán dịch: Chi Khiêm (1 quyển, T.01, Ks. 57) Việt dịch: T. Chánh Lạc Hán dịch: An Thế Cao bảo-Bộ A-hàm)

BA-LA-MẬT-ĐA bảo-Bộ A-hàm) (1 quyển, T. 08, Ks. 247) Hán dịch: Thi Hộ KINH LỰC TRANG NGHIÊM Các bản Việt dịch: 1. TN. Tịnh Hiền; TAM-MUỘI (3 quyển, T. 15, Ks. 647) 2. TN. Tịnh Nguyên Hán dịch: Na-liên-đề-da-xá bảo-Bộ Kinh tập) KINH LONG THÍ BỒ-TÁT BỔN KHỞI (1 quyển, T. 14, Ks. 558) KINH LY CẤU TUỆ BỒ-TÁT SỞ VẤN Hán dịch: Trúc Pháp Hộ LỄ PHẬT PHÁP Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Hán dịch: Na-đề bảo-Bộ Kinh tập) KINH LÒNG HAM MUỐN DẪN ĐẾN ĐAU KHỔ KINH LY THÙY (1 quyển, T.01, Ks. 47) (Sở Dục Chí Hoạn Kinh) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Hán dịch: Tam tạng Trúc Pháp Hộ Việt dịch: Thích Chánh Lạc Sanskrit/Hán tạng) KINH MA NHIỄU LOẠN KINH LỘC MẪU (1 quyển, T.01, Ks. 66) (1 quyển, T. 03, Ks. 182b) Việt dịch: T. Chánh Lạc Hán dịch: Trúc Pháp Hộ bảo-Bộ A-hàm) Các bản Việt dịch: 1. Tuệ Uyển; 2. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh KINH MẠN PHÁP bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Pháp Cự Việt dịch: Thích Thiện Trí PHẬT bảo-Bộ Kinh tập) Dịch giả: HT. Thích Đức Nhuận SÁNH CÔNG ĐỨC TRÀNG HẠT KINH LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO (1 quyển, T. 17, Ks. 787) (1 quyển, T. 01, Ks. 38) Hán dịch: (Phật nói Kinh Luân Vương Thất Bảo) Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Hán dịch: Thi Hộ Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; 2. TN. Việt dịch: Thích Chánh Lạc Tịnh Hiền

bảo-Bộ Kinh tập) KINH MỘC HOẠN TỬ (1 quyển, T. 17, Ks. 786) KINH MƯỜI PHÁP TU VÃNG SANH Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) CỰC LẠC (1 quyển, X. 01, Ks. 14) bảo-Bộ Tục tạng Kinh) KINH MỘT TRĂM DANH HIỆU PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 444) KINH NẠI-NỮ VÀ KỲ-BÀ Hán dịch: Na-liên-đề-da-xá (1 quyển, T. 14, Ks. 554) Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Hán dịch: An Thế Cao 2. Huyền Thanh Việt dịch: Thích Tâm Nhãn bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH MỤC-LIÊN SỞ VẤN KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA (1 quyển, T.24, Ks. 1468) DIÊM-LA (1 quyển, T.01, Ks. 43) Hán dịch: Pháp Thiên Hán dịch: Huệ Giản Việt dịch: Thích Nguyên Chơn Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ Luật) bảo-Bộ A-hàm)

KINH MƯỜI DANH HIỆU CÁT KINH NIỆM XỨ (Song ngữ Anh-Việt) TƯỜNG CỦA CHƯ PHẬT (Trích từ Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh (1 quyển, T. 14, Ks. 432) Trung Bộ) Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Việt dịch: 2. Huyền Thanh HT. Thích Minh Châu (1918-2012) bảo) Satipatthana Sutta 10; Frames of Reference Translated by Bhikkhu KINH MƯỜI DANH HIỆU CỦA PHẬT Thanissaro; For free distribution only, as a (1 quyển, T. 17, Ks. 782) gifl of Dhamma. Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; 2. Thân An-Minh Quý KINH NI-KIỀN-TỬ HỎI VỀ VÔ NGÃ bảo-Bộ Kinh tập) Kinh số 1643 Mã Minh Bồ-tát tập KINH MƯỜI LỰC CỦA PHẬT Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Nhật Xứng (1 quyển, T. 17, Ks. 781) Việt dịch (2004): Sa-môn Thích Như Điển

(1 quyển, T. 14, Ks. 557) KINH NÓI VỀ BA TƯỚNG CỦA Hán dịch: Ngô Chi Khiêm; NGỰA (1 quyển, T.02, Ks. 114) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Việt dịch: Trần Văn Nghĩa bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ A-hàm) KINH NỮ MA-ĐẶNG (1 quyển, T. 14, Ks. 551) KINH NÓI VỀ LỄ TẮM PHẬT SAU (Phật thuyết Ma-đặng nữ Kinh) KHI ĐỨC PHẬT ĐÃ NHẬP DIỆT Hán dịch: An Thế Cao (1 quyển, T. 12, Ks. 391) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn bảo-Bộ Niết-bàn) KINH NƯỚC SÔNG HẰNG KINH NÓI VỀ MƯỜI HAI PHẨM (1 quyển, T.01, Ks. 33) SANH TỬ (1 quyển, T. 17, Ks. 753) Hán dịch: Pháp Cự (Thập nhị Phẩm Sanh tử Kinh) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thích Nguyên Hưng bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ Kinh tập) KINH NGÀI MA-HA CA-DIẾP ĐỘ BÀ LÃO NGHÈO (1 quyển, T. 14, Ks. 497) KINH NÓI VỀ NGHI THỨC TẨN Hán dịch: Cầu-na Bạt-đà-la LIỆM AN TÁNG KHI NHƯ LAI DIỆT Việt dịch: Huệ Đắc-Tâm Nhãn Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Lộc; bảo-Bộ Kinh tập) 2. Nguyên Tánh-Nguyên Hiển bảo-Bộ Niết-bàn) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm KINH NÓI VỀ TÁM THÓI XẤU CỦA Huệ Quang NGỰA (1 quyển, T. 02, Ks. 115) Nxb Phương Đông – 2016 Hán dịch: Chi Diệu Kinh có khổ 16 x 24cm, bìa mềm, có tay Các bản Việt dịch: 1. TN. Tịnh Quang; gấp. 2. Trần Văn Nghĩa bảo-Bộ A-hàm) NGHĨA VÔ NGÃ CỦA PHÁP ĐẠI THỪA (1 quyển, T. 17, Ks. 846) Hán dịch: Pháp Thiên Việt dịch: Huyền Thanh KINH NỮ LONG THÍ bảo-Bộ Kinh tập)

Hán dịch: Huệ Giản KINH NGŨ MÔN THIỀN PHÁP YẾU Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Hán dịch: Đàm-ma-mật-đa bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Thích Nguyên Xuân điển) HẠNH (1 quyển, T. 14, Ks. 571) Hán dịch: Thánh Kiên KINH NGŨ THẬP TỤNG Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Hán dịch: Thi Hộ bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. TN. Nguyên Nhã; 2. TN. Tịnh Nguyên KINH NGHI QUỸ KIM CANG ĐỈNH bảo-Bộ Bát-nhã) NHÃN QUÁN TỰ TẠI TU HẠNH (2 quyển, T. 20, Ks. 1056) KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁCH PHẬT Hán dịch: Bất Không DANH THẦN CHÚ TRỪ CHƯỚNG Việt dịch: Huyền Thanh Hán dịch: Xà-na-quật-đa bảo-Bộ Mật giáo) Việt dịch: Nguyên Thuận Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 8 KINH NHÂN DUYÊN Pháp bảo-Bộ Kinh tập) Tranh vẽ: Hoàng Trung Châu Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012. KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI (1 quyển, T. 15, Ks. 640) KINH NHÂN DUYÊN Hán dịch: Tiên Công Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm Các bản Việt dịch: 1. Tuệ Khai; Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019 2. Thích Chánh Lạc (tái bản lần thứ 4)

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 10 quyển. bảo-Bộ Kinh tập) ĐẢNH SINH (6 quyển, T. 03, Ks. 165) Hán dịch: Thi Hộ KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Biên soạn: Thích Đạt-ma Phổ Giác Đại Tạng Kinh; 2. Chúc Đức Phật dạy Kinh Người Áo Trắng. bảo-Bộ Bổn duyên) giải Kinh)

KINH NGƯỜI CÀY RUỘNG LÀM KINH NHÂN DUYÊN ĐỒNG TỬ BIẾNG (1 quyển, T. 17, Ks. 827) QUANG MINH

(4 quyển, T. 14, Ks. 549) Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch (1975): Việt dịch: Thích nữ Diệu Thiện Sa-môn Thích Viên Đức Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển. Kinh này gồm có 26 danh hiệu Như Lai. bảo-Bộ Kinh tập) thừa)

KINH NHÂN DUYÊN XUẤT GIA KINH NHƯ LAI ĐỘC CHỨNG TỰ (1 quyển, T. 17, Ks. 791) THỆ TAM-MUỘI Hán dịch: An Thế Cao (1 quyển, T. 15, Ks. 623) Việt dịch: Thích nữ Nguyên Nhã Hán dịch: Trúc Pháp Hộ bảo-Bộ Kinh tập) KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC Việt dịch: KINH NHỨT THIẾT NHƯ LAI DANH Thích Trung Quán (1918-2003) HIỆU ĐÀ-RA-NI Ban Hoằng Pháp Miền Vĩnh Nghiêm – Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền 1964 Việt dịch (1975): Sa-môn Thích Viên Đức (1 quyển, T. 15, Ks. 646) Hán dịch: KINH PHẠM VÕNG BỒ-TÁT GIỚI Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Giảng giải (Hoa ngữ): Pháp sư Diễn Bồi Việt dịch: Tuệ Khai Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Minh Trí bảo-Bộ Kinh tập) Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007. Sách KINH NHẤT THIẾT CAO VƯƠNG có khổ 14.5 x 20.5cm. (1 quyển, T. 17, Ks. 823) Hán dịch: Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi KINH PHẠM VÕNG BỒ-TÁT GIỚI Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm bảo-Bộ Kinh tập) Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm.

KINH NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ KINH PHẠM VÕNG Giảng Lược NHÂN (1 quyển, T.01, Ks. 31) Giảng lược: Hán dịch: An Thế Cao Thiền sư Duy Lực (1923-2000) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Soạn lục (2005): Thích Đồng Thường KINH NHẤT THIẾT NHƯ-LAI DANH KINH PHẠM VÕNG 62 TÀ KIẾN HIỆU ĐÀ-RA-NI (1 quyển, T.01, Ks. 21)

Hán dịch: Chi Khiêm Hán dịch: Pháp Cự Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ A-hàm)

KINH PHÁP ẤN KINH PHÁP TỐI THƯỢNG VƯƠNG (1 (1 quyển, T. 02, Ks. 104) quyển, T. 17, Ks. 824) Hán dịch: Đại sư Thi Hộ Hán dịch: Xà-na-quật-đa Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Sanskrit/Hán tạng) KINH PHÁP THƯỜNG TRỤ KINH PHÁP BẢO ĐÀN (1 quyển, T. 17, Ks. 891) Tác giả: Lục Tổ Huệ Năng (638-713) Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Nxb Tôn Giáo – 2012 bảo-Bộ Kinh tập)

KINH PHÁP CÚ BẮC TRUYỀN KINH PHÂN BIỆT Biên soạn: Tôn giả Pháp Cứu (Phật nói Kinh Phân Biệt) Hán dịch: Sa-môn Duy-kỳ-nan Đại Tạng Kinh, Q. 14, Kinh Tập bộ 1 Việt dịch: Cư sĩ Nguyên Huệ Hán dịch: Nxb Hồng Đức – 2020 Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ Các bản Việt dịch: 1. Thích Thiện Trì; KINH PHÁP DIỆT TẬN 2. Thích nữ Thành Thông 2. Quảng Minh; 3. Thích nữ Thành bảo-Bộ Kinh tập) Thông; 4. Nguyên Thuận bảo-Bộ Niết-bàn) (1 quyển, T. 01, Ks. 84) Hán dịch: Thi Hộ KINH PHÁP ĐÚNG-PHÁP SAI Việt dịch: Thích Thiện Trí Hán dịch: An Thế Cao Việt dịch: Thích Chánh Lạc KINH PHÂN BIỆT DUYÊN SANH bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Việt dịch: Thích

Thiện Trí bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHÁP HẢI KINH PHẬT ẤN TAM-MUỘI (1 quyển, T.01, Ks. 34) (1 quyển, T. 15, Ks. 621)

Hán dịch: An Thế Cao (Phật thuyết Phật Y Kinh) Việt dịch: Huệ Đắc Hán dịch: Trúc Luật Diễm và Chi Việt bảo-Bộ Kinh tập) Thích Nguyên Hùng KINH PHẬT DẠY NĂM PHÁP BỐ THÍ bảo-Bộ Kinh tập) LỚN (1 quyển, T. 16, Ks. 706) Hán dịch: Thi Hộ KINH PHẬT DẠY KHÔNG TĂNG Các bản Việt dịch: 1. Thích Thiên Ân; KHÔNG GIẢM (1 quyển, T.16, Ks. 668) 2. Thích Tâm Nhãn Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT DẠY TU TẬP MƯỜI NGHIỆP LÀNH KINH PHẬT DẠY VỀ TÔN THẮNG (1 quyển, T. 15, Ks. 600) ĐẠI MINH VƯƠNG Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà (1 quyển, T. 21, Ks. 1413) Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Hán dịch: Thi Hộ Đại Tạng Kinh; 2. Nguyên Thuận; Việt dịch: Thích Viên Đức bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT DẠY VUA ƯU-ĐIỀN KINH PHẬT DẠY NĂM PHÁP BỐ THÍ DÙNG CHÁNH PHÁP TRỊ NƯỚC LỚN (1 quyển, T.16, No. 706) Hán dịch: Bất Không Hán dịch: Thí Hộ Việt dịch: Thích Tâm Nhãn 2. Thích Tâm Nhãn bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT ĐỊA (1 quyển, T. 16, Ks. 780) KINH PHẬT DẠY TU TẬP MƯỜI Hán dịch: Tam tạng Pháp sư NGHIỆP LÀNH Huyền Trang (602-664) (1 quyển, T.15, No. 600) Việt dịch: Thích nữ Tịnh Quang Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Sanskrit/Hán tạng) Đại Tạng Kinh; 2. Nguyên Thuận; 3. Thích Tâm Châu; 4. Thích Trí Thủ KINH PHẬT GIÁO HÓA PHẠM-CHÍ bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Thích Chánh Lạc KINH PHẬT DẠY VỀ ĐỐI TRỊ BỆNH TẬT (1 quyển, T. 17, Ks. 793) KINH PHẬT LÂM NIẾT-BÀN KÝ

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư bảo-Bộ Niết-bàn) Huyền Trang (602-664) Các bản Việt dịch: 1. Thích nữ Như Tuyết; KINH PHẬT NÓI NĂM ĐIỀU ĐÁNG 2. Thích nữ Tịnh Hiền; 3. Huyền Thanh SỢ HÃI Ở ĐỜI Chứng nghĩa: (1 quyển, T.24, Ks. 1481) Thích Đỗng Minh và Thích Tâm Hạnh Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh Kinh-Hán tạng) bảo-Bộ luật)

KINH PHẬT NÓI GIỚI ĐẠI THỪA KINH PHẬT NÓI VỀ CÂY CHIÊN- (1 quyển, T.24, Ks. 1497) ĐÀN (1 quyển, T. 17, Ks. 805) Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Thích Thọ Phước (phatphapungdung.com; Pháp bảo-Bộ bảo-Bộ Kinh tập) luật) KINH PHẬT NÓI VỀ CÔNG ĐỨC KINH PHẬT NÓI GIỚI HƯƠNG XUẤT GIA (1 quyển, T. 16, Ks. 707) (1 quyển, T.02, Ks. 117) Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Lộc; Hán dịch: Pháp Hiền 2. Thích Tâm Nhãn bảo-Bộ A-hàm) KINH PHẬT NÓI VỀ ĐẠI CA-DIẾP (1 quyển, T. 14, Ks. 496) KINH PHẬT NÓI VỀ CÂY CHIÊN- Hán dịch: Trúc Pháp Hộ ĐÀN (1 quyển, T.17, Ks. 805) Việt dịch: Huệ Đắc-Tâm Nhãn bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT NÓI VỀ PHÚC BÁO TẠO KINH PHẬT NGỮ HÌNH TƯỢNG PHẬT (1 quyển, T.17, Ks. 832) (1 quyển, T. 16, Ks. 693) Hán dịch: Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi Việt dịch: Thích nữ Đức Thuận Sanskrit/Hán tạng)

KINH PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN MẬT KINH PHẬT NÓI VỀ PHÁP BỐ THÍ TÍCH KIM CƯƠNG LỰC SĨ AI (1 quyển, T. 16, Ks. 705) LUYẾN (1 quyển, T.12, Ks. 394) Hán dịch: Pháp Hiền Việt dịch: Thích nữ Lệ Nhã

Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Lộc; Việt dịch: Thích nữ Đức Thuận bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT RĂN DẠY VẮN TẮT KINH PHẬT NÓI VỀ SỰ TU HÀNH (1 quyển, T. 17, Ks. 799) CỦA BỒ-TÁT (1 quyển, T. 12, Ks. 330) (Phật thuyết Lược Giáo Giới Kinh) Hán

dịch: Bạch Pháp Tổ Hán dịch: Việt dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) TN. Huệ Thanh & TN. Tâm Chánh Các bản Việt dịch: 1. Thích Quảng An; 2. bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT NÓI VỀ TẮM TƯỢNG PHẬT (1 quyển, T.16, Ks. 695) KINH PHẬT TỲ-BÀ-THI Hán dịch: Pháp Cự (2 quyển, T. 01, Ks. 3) Việt dịch: Thích Lệ Nhã – Thích Nguyên Việt dịch: Thích Tâm Hạnh

KINH PHẬT NÓI VỀ THỜI VÀ PHI KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ THỜI (1 quyển, T. 17, Ks. 794a) Diễn Giải Hán dịch: Nhược La Nghiêm Dịch giả: HT. Thích Minh Cảnh bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ THẦN CHÚ CỨU NGẠ QUỶ KINH PHẬT NÓI VỀ TU LẠI DIỆN NHIÊN (1 quyển, T. 12, Ks. 329) Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà Hán dịch: Chi Thí Lôn Việt dịch: Quảng Minh bảo-Kinh tạng) KINH PHẬT THUYẾT DI-LẶC HẠ KINH PHẬT NÓI VỀ TU LẠI SANH THÀNH PHẬT Việt dịch: Thích nữ Huệ Thanh và Thích (1 quyển, T.14, Ks. 455) nữ Tâm Chánh Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) TN. Như Phúc SÁM HỐI TỘI LỖI bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T.24, Ks. 1492) Hán dịch: An Thế Cao KINH PHẬT THUYẾT DIỆU CÁT

TƯỜNG BỒ-TÁT SỞ VẤN NHẬT TỬ VƯƠNG SỞ VẤN ĐẠI THỪA PHÁP LOA (1 quyển, T. 12, Ks. 333) (1 quyển, T. 14, Ks. 473) Hán dịch: Pháp Thiên Hán dịch: Pháp Hiền Việt dịch: Thích nữ Huệ Thánh & Thích Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường nữ Tâm Chánh bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Kinh tạng)

KINH PHẬT THUYẾT DƯỢC SƯ KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA NHƯ LAI BỔN NGUYỆN THIỆN KIẾN BIẾN HÓA (1 quyển, T. 14, Ks. 449) VĂN-THÙ-SƯ-LỢI VẤN PHÁP Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT THUYẾT HA-ĐIÊU A-NA- HÀM (1 quyển, T. 14, Ks. 538) KINH PHẬT THUYẾT ĐÀ-LA-NI CỨU Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan BẠT NGẠ QUỸ DIỆM KHẨU Việt dịch: Thích nữ Huệ Thanh Hán dịch: Bất Không bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. Quảng Minh; 2. Thích Thọ Phước KINH PHẬT THUYẾT HIỀN GIẢ NGŨ bảo-Bộ Mật giáo) Hán dịch: Bạch Pháp Tổ Việt dịch: Thích Hạnh Tuệ THẦN CHÚ CỨU NGẠ QUỸ bảo-Bộ Kinh tập) DIỆN NHIÊN (1 quyển, T.21, Ks. 1314) Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà KINH PHẬT THUYẾT LÔ-CHÍ Việt dịch: Quảng Minh TRƯỞNG GIẢ NHÂN DUYÊN bảo-Bộ Mật giáo) Việt dịch: Thích nữ Huệ thanh KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI CA-DIẾP bảo-Bộ Kinh tập) VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP (5 quyển, T. 12, Ks. 352) Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Khuyết danh KINH PHẬT THUYẾT NĂM UẨN Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển. ĐỀU KHÔNG bảo-Kinh tạng) Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) Việt dịch: Quảng Minh

Việt dịch: Thích nữ Tâm Chánh QUANG ĐỒNG TỬ bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 14, Ks. 534) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ; KINH PHẬT THUYẾT THÍ NGẠ QUỶ Việt dịch: Thích nữ Tâm Chánh CAM LỘ VỊ ĐẠI ĐÀ-LA-NI bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Bạt-đà-mộc-a Việt dịch: Quảng Minh PHẨM (1 quyển, T. 11, Ks. 315a) bảo-Bộ Mật giáo) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Việt dịch: Thích nữ Tâm Thường KINH PHẬT THUYẾT THỌ-ĐỀ-GIÀ (1 bảo-Kinh tạng) Hán dịch: Cầu-na Bạt-đà-la Việt dịch: Thích nữ Huệ Thanh BỒ-TÁT HẠ SANH bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 14, Ks. 453) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ KINH PHẬT THUYẾT TRƯỞNG GIẢ Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; NỮ YÊM-ĐỀ-GIÁ SƯ TỬ HỐNG LIỄU 2. TN. Như Phúc NGHĨA (1 quyển, T. 14, Ks. 580) bảo-Bộ Kinh tập) KINH

PHẬT THUYẾT QUỶ HỎI MỤC- LIÊN (1 quyển, T. 17, Ks. 734) KINH PHẬT THUYẾT VỀ TÁM ĐIỀU Hán dịch: An Thế Cao NUÔI LỚN CÔNG ĐỨC Việt dịch: Chơn Tĩnh Tạng (1 quyển, T.24, Ks. 1498) bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Thích Quảng An KINH PHẬT THUYẾT TỘI NGHIỆP bảo-Bộ luật) BÁO ỨNG GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC (1 quyển, T. 17, Ks. 724) KINH PHẬT THUYẾT VỊ TẰNG HỮU Hán dịch: An Thế Cao (Phật thuyết Vị tằng hữu Kinh) Việt dịch: Thích nữ Đức Nghiêm (1 quyển, T. 16, Ks. 688) bảo-Bộ Kinh tập) KINH PHẬT THUYẾT THÂN NHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 535) KINH PHẬT VÌ HẢI LONG VƯƠNG Hán dịch: Trúc Pháp Hộ DẠY PHÁP ẤN

(1 quyển, T. 15, Ks. 599) Hán dịch: KINH PHỤC DÂM Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) (1 quyển, T.01, Ks. 65) Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Hán dịch: Pháp Cự Đại Tạng Kinh; 2. Nguyên Thuận; 3. Tuệ Việt dịch: T. Chánh Lạc bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ A-hàm)

KINH PHẬT VÌ TA-GIÀ-LA LONG KINH QUÁ KHỨ TRANG NGHIÊM VƯƠNG SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA KIẾP THIÊN PHẬT DANH (1 quyển, T. 15, Ks. 601) (1 quyển, T. 14, Ks. 446a) Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Nguyên Thuận Đại Tạng Kinh; 2. Huyền Thanh; bảo-Bộ Kinh tập) 3. Tuệ Khai bảo-Bộ Kinh tập) THÍ (1 quyển, T.01, Ks. 74) Hán dịch: Pháp Thiên KINH PHẬT VÌ TỲ-KHEO TRẺ TUỔI Việt dịch: T. Chánh Lạc (Phật vi Niên thiếu Tỳ-kheo thuyết Chánh bảo-Bộ A-hàm) sự Kinh) ĐCTTĐTK, Bộ Kinh tập, Kinh số 0502 KINH QUÁN DI-LẶC BỒ-TÁT Hán dịch: Sa-môn Pháp Cự THƯỢNG SANH ĐÂU-SUẤT THIÊN Việt dịch và chú: Thích Hạnh Tuệ (Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng Hiệu đính: HT. Thích Như Điển sanh Đâu-suất Thiên Kinh) bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh; Các bản Việt dịch: 1. Thích Tâm Châu; 2. KINH PHẬT VỊ A-CHI-LA CA-DIẾP TỰ TN. Như Phúc (1 quyển, T. 14, Ks. 499) bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Chơn Tĩnh Tạng bảo-Bộ Kinh tập) TÁT (1 quyển, T. 13, Ks. 409) Hán dịch: Đàm-ma-mật-đa Các bản Việt dịch: 1. Tuệ Khai; 2. Thích KINH PHỔ MÔN Vạn Thiện Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- bảo-Bộ Đại tập) thập (Kumarajiva, 344-413) Việt dịch: Thích Tuệ Nhuận KINH QUÁN TỪ THỊ BỒ-TÁT SANH Nxb Hồng Đức LÊN TRỜI HỶ TÚC

sanh Đâu-suất Thiên Kinh) bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 14, Ks. 452) Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh KINH SA-DI-LA Việt dịch: Nguyên Thuận (1 quyển, T.17, Ks. 750) bảo-Bộ Kinh tập) KINH QUÁN TƯỞNG PHẬT MẪU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA BỒ-TÁT (1 KINH SÁU SÁU quyển, T. 08, Ks. 259) (Trong Trung Bộ Kinh – Phẩm 148) Hán dịch: Thiên Tức Tai Giảng giải: HT. Thích Giác Khang Các bản Việt dịch: 1. Thích Vạn Thiện; 2. Nxb Hồng Đức – 2018 Thích nữ Tịnh Nguyên bảo-Bộ Bát-nhã) DẠY CHO TÔN GIẢ XÁ-LỢI-PHẤT (1 quyển, T.24, Ks. 1492) KINH QUÁN THÂN Hán dịch: An Thế Cao (1 quyển, T.15, Ks. 612) Việt dịch: Nguyên Thuận Việt dịch: TN. Tịnh Quang bảo-Bộ luật) bảo-Bộ Kinh tập) KINH SÁU ĐIỀU THIẾT YẾU CHO BÀ LÃO (1 quyển, T. 14, Ks. 560) KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT THỌ Hán dịch: Cầu-na Bạt-đà-la KÝ (1 quyển, T. 12, Ks. 371) Việt dịch: Nguyên Thuận Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; bảo-Bộ Kinh tập) 2. Thích Tâm Châu bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) (1 quyển, T. 17, Ks. 837) Hán dịch: Xà-na-quật-đa KINH QUÁN THẾ ÂM VÃNG SANH Việt dịch: Huyền Thanh (1 quyển, X. 01, Ks. 12) bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Thích Nguyên Chơn bảo-Bộ Tục tạng Kinh) Hán

dịch: Pháp Cự Việt dịch: T. Chánh Lạc (1 quyển, T.17, Ks. 762) bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: Pháp Hiền Việt dịch: Thích Hạnh Tuệ KINH TAM-MUỘI NGỒI THIỀN

(2 quyển, T. 15, Ks. 614) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư KINH TÁM DANH HIỆU CÁT Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) TƯỜNG CỦA CHƯ PHẬT Việt dịch: Thích Nguyên Xuân (1 quyển, T. 14, Ks. 430) bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; 2. Thích nữ Đức Thuận; 3. Huyền Thanh (1 quyển, T. 16, Ks. 692) bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Nguyên Thuận bảo-Bộ Kinh tập) BẬC ĐẠI NHÂN (Phật thuyết Bát Đại Nhơn giác Kinh) KINH TÁM BỘ DANH HIỆU CỦA CHƯ (1 quyển, T. 17, Ks. 779) PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 429) Hán dịch: An Thế Cao Hán dịch: Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; 2. 2. Thích Minh Quang; Huyền Thanh; 3. TN. Hạnh Diệu 3. Thích Huyền Tôn; 4. Thích Nhất Hạnh bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH TÁM CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ KINH TÁM ĐỨC CỦA BIỂN (1 quyển, T. 14, Ks. 427) (1 quyển, T. 01, Ks. 35) Hán dịch: Ngô Chi Khiêm Hán dịch: Cưu-ma-la-thập Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ Kinh tập) KINH TÁT-BÁT-ĐA TÔ-LÝ-DU-NẠI- KINH TÁM BỘ DANH HIỆU CỦA DÃ (1 quyển, T. 01, Ks. 30) CHƯ PHẬT (1 quyển, T.14, Ks. 429) Hán dịch: Pháp Hiền Hán dịch: Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi Việt dịch: Thích Chánh Lạc 2. TN. Hạnh Diệu; 3. Huyền Thanh bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ Kinh tập) KINH TÁM CON ĐƯỜNG CHÍNH KINH TÂM THANH TỊNH ĐÚNG (1 quyển, T. 02, Ks. 112) (1 quyển, T. 17, Ks. 803) (Phật thuyết Bát Chánh đạo Kinh) Hán dịch: Thi Hộ Hán dịch: An Thế Cao Các bản Việt dịch: 1. Thích Thiện Trí; Việt dịch: Huyền Thanh 2. Như Hòa; 3. Thích Chúc Tịnh bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ Kinh tập)

KINH TỊCH CHÍ QUẢ KINH TÂN TUẾ (1 quyển, T. 01, Ks. 22) (1 quyển, T. 01, Ks. 62) Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan Việt dịch: TT. Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thích Chánh Lạc

KINH TĂNG CHI BỘ KINH TỊCH CHIẾU THẦN BIẾN TAM- Song Ngữ Anh Việt MA-ĐỊA (1 quyển, T. 15, Ks. 648) (Trích từ các chương Một pháp, Hai pháp, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Ba pháp và Bốn pháp) Huyền Trang (602-664) Dịch từ Pali sang Anh ngữ bởi Việt dịch: Tuệ Khai Việt dịch và ghi chú: Nguyên Giác bảo-Bộ Kinh tập) (thuvienhoasen.org, Kinh Pali) KINH TINH YẾU ĐẾ THÍCH BÁT-NHÃ KINH TÂM MINH (1 quyển, T.08, Ks. 249) (1 quyển, T. 14, Ks. 569) Hán dịch: Thi Hộ Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Các bản Việt dịch: 1. TN. Đức Nghiêm; 2. Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Huyền Thanh; 3. TN. Tịnh Nguyên bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Bát-nhã)

KINH TÂM PHẬT KINH TINH XÁ ĐẦU VOI (2 quyển, T. 19, Ks. 920) (1 quyển, T. 14, Ks. 466) Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chí Hán dịch: Tỳ-ni-đa-lưu-chi Việt dịch: Thích Quảng Trí Các bản Việt dịch: 1. TN. Tuệ Thành; bảo-Bộ Kinh tập) KINH “TẤT CẢ ĐỀU BỐC CHÁY” – ADITTAPARIYAYA-SUTTA KINH TÍN LỰC NHẬP ẤN PHÁP (Trích từ Tương Ưng Bộ Kinh – MÔN (5 quyển, T. 10, Ks. 305) Samyutta-Nikkaya IV, 19-20) Hán dịch: Đàm-ma-lưu-chi Việt dịch: Hoang Phong Việt dịch: Thích nữ Như Phúc bảo-Bộ Hoa Nghiêm) KINH TỆ-MA-THỬ TÔN GIẢ MỤC- LIÊN (1 quyển, T. 01, Ks. 67) KINH TÔN THƯỢNG Hán dịch: Chi Khiêm (1 quyển, T. 01, Ks. 77) Việt dịch: T. Chánh Lạc Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

bảo-Bộ A-hàm)

bảo-Bộ Niết-bàn) KINH TU ĐẠT (1 quyển, T. 01, Ks. 73) Hán dịch: Cầu-na-tỳ-địa KINH TƯƠNG ỨNG TƯƠNG KHẢ Các bản Việt dịch: 1. T. Chánh Lạc; (1 quyển, T. 02, Ks. 111) 2. Huyền Thanh Hán dịch: HT. Pháp Cự bảo-Bộ A-hàm) Tác phẩm Kinh này có 9 trang (PDF). KINH TƯ-HA-MUỘI PDF) (1 quyển, T. 14, Ks. 532) Hán dịch: Ngô Chi Khiêm KINH TƯỞNG PHÁP HẠNH THIỀN Việt dịch: Thích nữ Tâm Chánh (1 quyển, T. 15, Ks. 605) bảo-Bộ Kinh tập) Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh; 2. Tuệ Khai Hán dịch: An Thế Cao bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ A-hàm) (1 quyển, T. 85, Ks. 2870) Việt dịch (2009): Thích Chúc Hiền THÀNH PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 454) bảo-Bộ Đôn Hoàng; Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-Https://hoavouu.com, Sách Phật học- thập (Kumarajiva, 344-413) PDF) Việt dịch: Nguyên Thuận bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Sa-môn Thích Viên Đức KINH TỰ THỆ TAM-MUỘI (1 quyển, T. 15, Ks. 622) KINH TỪ BI (METTA SUTTA) – Hán dịch: An Thế Cao Song Ngữ Anh Việt Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên Dịch giả: Thích Thiện Châu (1931-1998) bảo-Bộ Kinh tập) (Sutta Nipata) 143-152, của Tiểu Bộ kinh) (thuvienhoasen.org, Kinh Pali) KINH TƯƠNG LAI BIẾN ĐỔI KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT ĐẠI THÀNH (1 quyển, T. 12, Ks. 395) PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 456) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) 2. Như Hòa; 3. Thích nữ Lệ Nhã; Việt dịch: Nguyên Thuận

Các bản Việt dịch: 1. Thích Thọ Phước; 2. KINH TỲ-KHEO CHIÊM-BÀ Thích nữ Tịnh Nguyên Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ Bát-nhã) KINH THẮNG QUÂN HÓA THẾ KINH TỲ-KHƯU TRÁNH TIẾNG BÁCH LUẬN GIÀ-THA XẤU VỀ NGƯỜI NỮ, MUỐN TỰ SÁT (1 quyển, T. 32, Ks. 1692) (1 quyển, T. 14, Ks. 503) Hán dịch: Thiên Tức Tai (Tỳ-kheo Tị Nữ Ác Danh Dục Tự Sát Việt dịch: Thích Như Điển Hán dịch: Pháp Cự bảo-Bộ Luận tập/Kinh điển Đại thừa) Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 14, Ks. 536) Hán dịch: Cầu-na Bạt-đà-la KINH THÁI TỬ TU-ĐẠI-NÃ Việt dịch: Thích nữ Huệ Thanh Hán dịch: Sa-môn Thánh Kiên bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch (2011): B.S. Trần Văn Nghĩa Tác phẩm Kinh này có 15 trang (PDF). KINH THÂN PHÁP PDF) Hán dịch: Pháp Hiền Việt dịch: Bùi Đức Huề BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 08, Ks. 230) Hán dịch: Thi Hộ KINH THẬP NHỊ DU Việt dịch: Thích Bửu Hà (1 quyển, T. 04, Ks. 195) bảo-Bộ Bát-nhã) Việt dịch: Thích Chánh Lạc KINH THÁNH PHÁP ẤN bảo-Bộ Bổn duyên) (1 quyển, T. 02, Ks. 103) Hán dịch: Pháp Hộ Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ A-hàm) BÁCH PHẬT DANH (1 quyển, T. 14, Ks. 442) KINH THÁNH PHẬT MẪU TIỂU TỰ Việt dịch (2013): Nguyên Thuận BÁT-NHÃ (1 quyển, T. 08, Ks. 258) Hiệu đính: Nhóm Phiên dịch Tam tạng Hán dịch: Thiên Tức Tai Kinh điển Phật giáo

bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 04, Ks. 215) Hán dịch: Pháp Cự KINH THẤT PHẬT PHỤ MẪU TÁNH Việt dịch: Thích Bảo An Việt dịch: TT. Thích Chánh Lạc bảo-Bộ Bổn duyên) Hiệu chú: Tuệ Sỹ - Đức Thắng (1 quyển, T. 02, Ks. 105) KINH THẤT TRI Hán dịch: An Thế Cao (1 quyển, T. 01, Ks. 27) Các bản Việt dịch: 1. Trần Văn Nghĩa; Hán dịch: Chi Khiêm 2. TN. Tịnh Quang Thích Tuệ Sỹ bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ A-hàm) KINH THÍCH-MA-NAM BỔN (1 quyển, T. 01, Ks. 54) KINH THẾ GIAN XUẤT HIỆN BỐN Hán

dịch: Chi Khiêm LOẠI NGƯỜI (1 quyển, T. 02, Ks. 127) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thân An – Minh Quý bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ A-hàm) KINH THIÊN THỈNH VẤN (1 quyển, T. 15, Ks. 592) KINH THẾ TÔN DI GIÁO Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- (602-664) thập (Kumarajiva, 344-413) Các bản Việt dịch: 1. Linh Sơn Pháp Bảo Việt dịch: Thích Thuyền Ấn Đại Tạng Kinh; 2. Thích Tâm Châu; KINH THI-CA-LA-VIỆT LẠY SÁU bảo-Bộ Kinh tập) PHƯƠNG (1 quyển, T. 01, Ks. 16) Hán dịch: An Thế Cao KINH THIỆN ÁC NHƠN QUẢ Các bản Việt dịch: 1. Thích Chánh Lạc; 2. (1 quyển, T. 85, Ks. 2881) Huyền Thanh Việt dịch: Thích Giác Quả bảo-Bộ Đôn Hoàng) KINH THÍ DỤ (1 quyển, T. 04, Ks. 217) Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) KINH THIỆN SANH TỬ Việt dịch: Nguyên Thuận (1 quyển, T. 01, Ks. 17) bảo-Bộ Bổn duyên) Việt dịch: TT. Thích Chánh Lạc KINH THÍ DỤ ĐÀN BÒ

KINH THIẾT THÀNH NÊ-LÊ (Phật thuyết Di-lặc lai thời Kinh; 1 quyển, (1 quyển, T. 01, Ks. 42) T. 14, Ks. 457) Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan Việt dịch: Nguyên Thuận bảo-Bộ A-hàm) KINH THỦY MẠT SỞ PHIÊU KINH THỌ KÝ SAI-MA-BÀ-ĐẾ (1 quyển, T. 02, Ks. 106) (1 quyển, T. 14, Ks. 573) (Phật thuyết Thủy mạt Sở phiêu Kinh) (Sai-ma-bà-đế Thọ ký Kinh) Hán dịch: Trúc Đàm Vô Lan Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Việt dịch: Trần Văn Nghĩa bảo-Bộ Kinh tập) KINH THỦY SÁM KINH THỌ TÂN TUẾ Ban Hoằng Pháp-Hội Việt Nam Phật Giáo (1 quyển, T. 01, Ks. 61) (chùa Phước Hòa), PL. 2505 – DL. 1961 Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Các bản Việt dịch: 1. Thích Chánh Lạc; 2. KINH THỦY SÁM: SÁM THI NƯỚC Thích Tâm Châu TỪ BI bảo-Bộ A-hàm) Nxb Tôn Giáo – 2008 Taiwan: The Corporate Body of the KINH THỌ TUẾ Buddha Educational Foundation – 2015 (1 quyển, T. 01, Ks. 50) Hán dịch: Trúc Pháp Hộ KINH TRANG NGHIÊM TÂM BỒ-ĐỀ Các bản Việt dịch: 1. Thích Chánh Lạc; 2. (1 quyển, T. 10, Ks. 307) Thích Tâm Châu Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- bảo-Bộ A-hàm) Việt dịch: Huyền Thanh KINH THỌ TRÌ DANH HIỆU BẢY ĐỨC bảo-Bộ Hoa Nghiêm) PHẬT SANH RA CÔNG ĐỨC (1 quyển, T. 14, Ks. 436) KINH TRÌ CÚ THẦN CHÚ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (1 quyển, T. 21, Ks. 1351) (602-664) Hán dịch: Chi Khiêm Các bản Việt dịch: 1. TN. Tâm Thường; 2. Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ Kinh tập) KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI HỘ KINH THỜI GIAN XUẤT THẾ CỦA TỪ CHƯ ĐỒNG TỬ ĐÀ-LA-NI THỊ BỒ-TÁT

Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Phật-đà-ba- lợi KINH VĂN-THÙ BỒ-TÁT LỤC TỰ Việt dịch: Mạt Nhân Đạo Quang CHÚ CÔNG NĂNG PHÁP Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012 (2 quyển, T. 20, Ks. 1179) Việt dịch: Huyền Thanh THẦN CHÚ BẢO HỘ CÁC EM BÉ bảo-Bộ Mật giáo) (1 quyển, X. 01, Ks. 17) Hán dịch: KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI PHÁT Tam tạng Sa-môn Phật-đà-ba-lợi NGUYỆN (1 quyển, T. 10, Ks. 296) Việt dịch: Nguyên Thuận Hán dịch: Phật-đà Bạt-đà-la Huyền Thanh (1 quyển, T. 14, Ks. 578) bảo-Bộ Hoa Nghiêm) Hán dịch: Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi Việt dịch: Thích Tâm Nhãn KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THỈNH bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la- thập (Kumàrajiva, 344-413) KINH VĂN-THÙ-SƯ-LỢI BÁT NIẾT- Việt dịch (1996): BÀN (1 quyển, T. 14, Ks. 463) Thích Tâm Châu (1921-2015) Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; Sanskrit/Hán tạng) 2. TN. Thành Thông bảo-Bộ Kinh tập) Lược Giảng Thiền viện Trúc Lâm Trí Đức KINH VĂN-THÙ SỞ THUYẾT MA-HA Lược giảng: Hạnh Chiếu BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT Nxb Phương Đông – 2010. Kinh có khổ (2 quyển, T. 08, Ks. 232) 14.5 x 20.5cm. Hán dịch:

Mạn-đà-la-tiên Việt dịch: Thích Minh Lễ bảo-Bộ Bát-nhã) KINH VỀ NGƯỜI CHĂN BÒ (1 quyển, T. 02, Ks. 123) KINH VĂN-THÙ SỞ THUYẾT TỐI Hán dịch: Cưu-ma-la-thập THẮNG DANH NGHĨA Các bản Việt dịch: 1. Thích Đức Thắng; 2. (2 quyển, T. 20, Ks. 1188) TN. Tịnh Quang Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ A-hàm) bảo-Bộ Mật giáo) KINH VỊ LAI TINH TÚ KIẾP THIÊN

PHẬT DANH (1 quyển, T. 14, Ks. 448a) Việt dịch: Nguyên Thuận KINH VÔ TỰ BẢO KHIẾP bảo-Bộ Kinh tập) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi KINH VỊ TẰNG HỮU THUYẾT NHÂN Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh DUYÊN Chứng nghĩa: (Nhân duyên chưa từng có nói) – Tỳ-kheo Thích Đổng Minh (1927-2005) Adbhutadharma và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh Việt dịch: Bồ-tát Giới đệ tử Tuệ Nhuận Sanskrit/Hán tạng) Ấn tống năm 1962. KINH VÔ THƯỜNG KINH VIÊN GIÁC (1 quyển, T. 17, Ks. 801) Dịch và lược giải: Hán dịch: Tỳ-kheo Thích Hằng Đạt Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Sanskrit-Hán tạng) Thuận; 3. Thích Trí Thủ KINH VIÊN SANH THỌ bảo-Bộ Kinh tập) (1 quyển, T. 01, Ks. 28) Hán dịch: Thi Hộ KINH VỢ TRƯỞNG GIẢ PHÁP CHÍ Việt dịch: Thích Chánh Lạc (1 quyển, T. 14, Ks. 572) bảo-Bộ Kinh tập) KINH VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT Hán dịch: Pháp sư Khương Tăng Khải KINH VU LAN BỒN Luận Địa Ngục Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh (1917- Việt dịch: Bồ-tát giới Đệ tử Tuệ Nhuận 2014) In tại Nhà in Tân Việt (Hà Nội) – 1949. (Pháp hội Vô lượng thọ Như Lai Thứ năm, Kinh có 19 trang. Kinh Đại Bảo Tích, Hán bộ từ quyển 17 (Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Tp. Hồ đến hết quyển 18). Chí Minh; Mã sách: KG. 074) Sanskrit/Hán tạng) KINH VUA A-XÀ-THẾ HỎI VỀ NĂM TỘI NGHỊCH (1 quyển, T. 14, Ks. 508) KINH VÔ NĂNG THẮNG PHAN Hán dịch: Pháp Cự; VƯƠNG NHƯ LAI TRANG NGHIÊM Việt dịch: Thích Hạnh Tuệ Hán dịch: Thi Hộ bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ Mật giáo) (1 quyển, T. 14, Ks. 518)

Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh Hán dịch: Đàm Vô Sấm Việt dịch: Thân An-Minh Quý Việt dịch: Thích Chánh Lạc bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ A-hàm)

KINH VUA ĐẠI CHÁNH CÚ KINH XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT (1 quyển, T. 01, Ks. 45) NHIẾP THỌ Hán dịch: Pháp Hiền (1 quyển, T. 12, Ks. 367) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Hán dịch: Tam tạng Pháp sư bảo-Bộ A-hàm) Các bản Việt dịch: 1. Như Hòa; 2. Quảng Minh; 3. Nguyên Thuận (1 quyển, T. 14, Ks. 517) bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh Việt dịch: Thân An-Minh Quý KINH Ý (1 quyển, T. 01, Ks. 82) (phatphapungdung.com; Pháp bảo-Bộ Hán dịch: Trúc Pháp Hộ Kinh tập) Việt dịch: T. Chánh Lạc KINH VUA TẦN-BÀ-SA-LA bảo-Bộ A-hàm) (1 quyển, T. 01, Ks. 41) Hán dịch: Pháp Hiền LUẬN KINH VÔ LƯỢNG THỌ Việt dịch: Thích Chánh Lạc (1 quyển, T. 26, S. 1524) bảo-Bộ A-hàm) Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Việt dịch: Huyền Thanh HỎI (1 quyển, T. 14, Ks. 516) bảo-Luận tạng) Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Thích Hạnh Tuệ Lược giải KINH VU LAN BỒN bảo-Bộ Kinh tập) Giảng sư Thanh Nguyên Việt dịch: Thích nữ Liên Nghiêm Phật học viện Mân Nam – Hạ Môn – KINH VUA ƯU-ĐIỀN Trung Quốc, ngày 15/7/2002 Hán dịch: Pháp Cự Việt dịch: Ban Phiên dịch Pháp tạng Lược giải TÂM KINH BÁT-NHÃ bảo-Kinh tạng) Đường Pháp Tạng thuật Việt dịch: Thích Bảo Tạng (1 quyển, T. 01, Ks. 40) bảo-Bộ Bát-nhã)

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA NGHI QUỸ ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA ĐẠI MINH CHÚ KINH THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ (1 quyển, T. 08, Ks. 250) KINH LIÊN HOA THAI TẠNG BI Hán dịch: Tam tạng Pháp sư SANH MẠN-ĐỒ-LA QUẢNG ĐẠI Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) THÀNH TỰU (2 quyển, T.18, Ks. 852b) Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Việt dịch: Huyền Thanh 3. Thích nữ Tịnh Nguyên bảo-Bộ Mật giáo) bảo-Bộ Bát-nhã) NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA- SÁT TẬP THÀNH MÃ HỮU BÁT THÁI THÍ NHÂN (3 quyển, T. 04, Ks. 194) KINH (Số 115) Hán dịch: Hán dịch: Tỳ-kheo Chi Diệu Phù Tần Tăng-gia-bạt-trừng Đẳng Việt dịch (2011): B.S. Trần Văn Nghĩa Việt dịch: Thích Chánh Lạc PDF) PHẠN NGỮ BÁT-NHÃ MÃ HỮU TAM TƯỚNG KINH BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH (Số 114) (1 quyển, T. 08, Ks. 256) Hán dịch: Tỳ-kheo Chi Diệu Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; Việt dịch (2011): B.S. Trần Văn Nghĩa 2. TN. Tịnh Nguyên PDF)

MỘT TRĂM NGÀN BÀI TỤNG CỦA KINH ĐẠI TẬP BỒ-TÁT ĐỊA TẠNG HỎI ĐỨC PHẬT VỀ PHÁP THÂN Hán dịch: Tam tạng Sa-môn Bất Không Việt dịch: Thích Chánh Lạc Tác phẩm Kinh tụng này dịch theo thể ngũ PHẨM ĐẠI OAI ĐỨC TỐI THẮNG KIM tự (mỗi câu năm chữ). LUÂN TAM-MUỘI CHÚ KINH ĐÀ-LA- QUANG TẤT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-LA NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM ĐẠI THẦN LỰC ĐÔ NHIẾP NHỨT KINH THIẾT CHÚ VƯƠNG (1 quyển, gồm có 6 Nhà in Liên Hoa – Huế, phẩm, T. 19, Ks. 947) PL. 2509 – DL. 1965. Việt dịch: Thích Quảng Trí bảo-Bộ Kinh tập) bảo-Bộ Mật giáo)

(1 quyển, T. 14, Ks. 542) PHẨM THÍCH TỰ MẪU KINH DU- Hán dịch: Trở Cừ Kinh Thinh GIÀ KIM CANG ĐỈNH Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Hán dịch: Bất Không bảo-Bộ Kinh tập) Việt dịch: Huyền Thanh bảo-Bộ Mật giáo) (1 quyển, T. 01, Ks. 95) Hán dịch: Tam tạng Đại sư Thi Hộ PHÁP BẢO ĐÀN KINH – LỤC TỔ Việt dịch: Thích Chánh Lạc Biên tập: Thiền sư Pháp Hải Việt dịch: Như Phẩm PHẬT NÓI KINH DỤ MŨI TÊN Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 13 x (1 quyển, T. 01, Ks. 94) 29cm, có 149 trang. Việt dịch: Thích Chánh Lạc PHẬT ĐẢNH TÔN THẮNG ĐÀ-LA-NI KINH PHÁP NGHI QUỸ PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA NIỆM TỤNG (1 quyển, T. 19, Ks. 972) Việt dịch: HT. Chánh Lạc Hán dịch: Bất Không Tác phẩm Kinh này có 8 trang (PDF). bảo-Bộ Mật giáo) PHẬT NÓI KINH ĐẠI TAM-MA-NHÃ (1 quyển, T. 01, Ks. 19) PHẬT NÓI ĐẠI OAI ĐỨC KIM LUÂN Hán dịch: Đại sư Pháp Thiên PHẬT ĐẢNH XÍ THẠNH QUANG NHƯ Việt dịch: HT. Chánh Lạc LAI TIÊU TRỪ NHẤT THIẾT TAI NẠN Tác phẩm Kinh này có 6 trang (PDF). (1 quyển, T. 19, Ks. 964) PDF) Việt dịch (1979): Thích Giác Viên Thừa) PHẬT NÓI KINH CON CỦA BÀ-LA-PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THIỆN MÔN MẠNG CHUNG KIẾN BIẾN HÓA VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THƯƠNG NHỚ KHÔNG NGUÔI (1 HỎI PHÁP (1 quyển, T. 14, Ks. 472) quyển, T. 01, Ks. 91) Hán dịch: Thiên Tức Tai Hán dịch: An Thế Cao Việt dịch: Huyền Thanh Tác phẩm Kinh này có 5 trang (PDF). bảo-Bộ Kinh tập) PDF) PHẬT NÓI KINH ĐẢNH SANH VƯƠNG CỔ SỰ PHẬT NÓI KINH DA-KỲ Hán dịch: Sa-môn Thích Pháp Cự

Tác phẩm Kinh này có 8 trang (PDF). (hoavouu.com, Sách Phật học-PDF) PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHẤM DỨT ĐẤU TRANH PHẬT NÓI KINH “ĐÂU ĐIỀU” (1 quyển, T. 01, Ks. 85) Việt dịch: HT. Chánh Lạc Việt dịch: Thích Chánh Lạc PDF) PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH PHẬT NÓI KINH HỘ QUỐC (1 quyển, T. 01, Ks. 51) Hán dịch: Tam tạng Đại sư Pháp Hiền Hán dịch: (Phụ lục vào đời Đông Tấn) Việt dịch: Thích

Chánh Lạc Việt dịch: Thích Chánh Lạc

PHẬT NÓI KINH MA-ĐĂNG-GIÀ NỮ PHẬT NÓI KINH PHẠM-MA-DỤ Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao (1 quyển, T. 01, Ks. 76) Việt dịch: (khuyết danh) Hán dịch: Ưu-bà-tắc Chi Khiêm PHẬT NÓI KINH MƯỜI CƯ SĨ NGƯỜI BÁT-THÀNH PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT THIỆN Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao ÁC BÁO ỨNG Việt dịch: Thích Chánh Lạc (2 quyển, T. 01, Ks. 81) Việt dịch: Thích Chánh Lạc PHẬT NÓI KINH NĂM THIÊN SỨ Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 CỦA VUA DIÊM-LA quyển Thượng và Hạ. Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huệ Giản Sanskrit/Hán tạng) Việt dịch: Thích Chánh Lạc PHẬT NÓI KINH NÊ-LÊ quyển, T. 01, Ks. 98) (1 quyển, T. 01, Ks. 86) Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thích Chánh Lạc (1 quyển, T. 01, Ks. 93) PHẬT NÓI KINH NGHIỆP BÁO SAI Hán dịch: (Phụ lục đời Đông Tấn) BIỆT CHO TRƯỞNG GIẢ THỦ-CA Việt dịch: Thích Chánh Lạc Hán dịch: Cù-đàm Pháp Trí Việt dịch: Thích Chánh Lạc

PHẬT NÓI KINH TÁT-BÁT-ĐA TÔ- Hán dịch: Đại sư Pháp Thiên; Việt dịch: LÝ-DU-NẠI-DÃ Thích Chánh Lạc Hán dịch: Tam tạng Đại sư Pháp Hiền Việt dịch: Thích Chánh Lạc PHẬT THUYẾT HỌC KINH CHO LÃO Hán dịch: (Mất tên người dịch, nay phụ PHẬT NÓI KINH TỘI PHÚC vào Tống Lục) BÁO ỨNG Việt dịch: HT. Chánh Lạc Hán dịch: Ngài Cầu-na Bạt-đà-la Tác phẩm Kinh này có 5 trang (PDF). tạng) PHẬT NÓI KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO PHẬT THUYẾT KINH CHUYỂN HỮU Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà (1 quyển, T. 14, Ks. 576) Việt dịch: Thích Tâm Châu (1921-2015) Hán dịch: Phật-đà-phiến-đa (Trích dịch từ Chánh Tân Tu Đại Tạng, Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Sanskrit/Hán tạng) PHẬT THUYẾT KINH CHUYỂN PHẬT NÓI KINH TRỊ Ý THÂN NỮ (1 quyển, T. 14, Ks. 564) (1 quyển, T. 01, Ks. 96) Hán dịch: Đàm-ma-mật-đa Hán dịch: (Phụ lục đời Tây Tấn) Việt dịch: Thích Tâm Nhãn

PHẬT NÓI KINH ƯU-BÀ-DI ĐỌA-XÁ- PHẬT THUYẾT KINH DIỄN ĐẠO CA (1 quyển, T. 01, Ks. 88) TỤC NGHIỆP (1 quyển, T. 17, Ks. 820) Hán dịch: (Mất tên người dịch, nay phụ Hán dịch: Sa-môn Thích Thánh Kiên bản đời Tống) Việt dịch: Ni sư Thuần Hạnh Việt dịch: Thích Chánh Lạc Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh Tác phẩm Kinh này có 22 trang (PDF). Nxb Tôn Giáo – 2010 tạng)

PHẬT THUYẾT ĐẠI TAM-MA-NHẠ PHẬT THUYẾT KINH ĐẠI THỪA
KINH (1 quyển, T. 01, Ks. 19) ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
(Phật nói Kinh Đại Tam-Ma-Nhã) QUANG
Numéro: 438
Hán dịch: Tam tạng Pháp Hộ KINH QUYẾT ĐỊNH NGHĨA Việt dịch: Ni sư Tâm Thường Hán dịch: Đại sư Pháp Hiền Tác phẩm Kinh này có 11 trang (PDF), Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ gồm 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. Hiệu đính: HT. Thích Như Điển Sanskrit/Hán tạng) PHẬT THUYẾT KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG PHẬT THUYẾT KINH NỮ KIÊN CỐ (4 quyển, T. 20, Ks. 1050) (1 quyển, T. 14, Ks. 574) Hán dịch: Sa-môn Thiên Tức Tai Hán dịch: Na-liên-đề-da-xá Việt dịch: Tại gia Bồ-tát giới Ưu-bà-tắc Việt dịch: Thích Tâm Nhãn Sanskrit/Hán tạng) PHẬT THUYẾT KINH NGƯỜI CÀY PHẬT THUYẾT KINH ĐỆ TỬ CHẾT RUỘNG LÀM BIẾNG RỒI SỐNG LẠI Hán dịch:

Sa-môn Huệ Giản Hán dịch: Cư sĩ tự Cừ Kinh Thanh Việt dịch: Thích Chánh Lạc Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh

PHẬT THUYẾT KINH PHÁP TỐI PHẬT THUYẾT KINH PHÓNG BÁT THƯỢNG VƯƠNG (1 quyển, T. 15, Ks. 629) (1 quyển, T. 17, Ks. 824) Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh bảo-Bộ Kinh tập) Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh PHẬT THUYẾT KINH SO SÁNH CÔNG CHƯỚNG CỦA 12 DANH HIỆU CHƯ PHẬT THUYẾT KINH PHÁP PHẬT THƯỜNG TRỤ (1 quyển, T. 21, Ks. 1348) (1 quyển, T. 17, Ks. 819) Hán dịch: Xà-na-quật-đa Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh Việt dịch: Nguyên Thuận và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh bảo-Bộ Mật giáo) PHẬT THUYẾT KINH THẬM THÂM PHẬT THUYẾT ĐẠI HỒI HƯỚNG

Việt dịch: Thích nữ Thuần Hạnh PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đỗng Minh KINH và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh ĐCTTĐTK, Quyển thứ 32 thuộc Luận tập Biên tập: Bồ-tát Long Thọ PHẬT THUYẾT QUÁN VÔ LƯỢNG Hán dịch: Sa-môn Nhựt Xứng THỌ PHẬT KINH Việt dịch (2009): Đại Chánh Tân Tu Đại tạng Kinh , Quyển Sa-môn Thích Như Điển thứ 12, No. 365 Toàn bộ tác phẩm Kinh có 142 trang Hán dịch: Cương-lương-da-xá (PDF), gồm 12 quyển. Tác phẩm Kinh này có 28 trang (PDF). PDF) PDF) QUÁN THẾ ÂM THẬP NHỨT DIỆN THẦN CHÚ TÂM KINH PHẬT THUYẾT THẮNG QUÂN Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang VƯƠNG SỞ VẤN KINH (602-664) Hán dịch: Đại sư Thí Hộ Việt dịch: Sa-môn Thích Viên Đức Hiệu đính: HT. Thích Như Điển (Trích dịch từ Đại Chánh Tân Tu, Bộ Kinh QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH tập, Kinh số 0516) Sớ Sao Diễn Nghĩa Sanskrit/Hán tạng) Lão Pháp sư Thích Tịnh Không Chuyển ngữ: Như Hòa PHẬT THUYẾT THẬP VÃNG SANH A- Giảo chính: Minh Tiến, Đức Phong và DI-ĐÀ PHẬT QUỐC KINH Huệ Trang (Vạn Tự Tục Tạng Kinh, quyển 87, Kinh Nxb Hồng Đức – 2017 số 738) Tác phẩm Kinh sớ sao diễn nghĩa này gồm Chuyển ngữ (2004): Đệ tử Như Hòa có 28 tập. (vnbet.vn) PHẬT THUYẾT XUẤT GIA DUYÊN TÂM KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT- KINH ĐA (1 quyển, T. 08, Ks. 253) Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao Hán dịch: Bát-nhã và Lợi Ngôn Việt dịch: Hoàng Phước Đại Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; (Trích dịch từ Càn Long Đại Tạng Kinh, 2. Quảng Minh; 3. Thích nữ Tịnh Nguyên Tác phẩm Kinh này có Kinh văn: Phật bảo-Bộ Bát-nhã) thuyết Xuất gia duyên Kinh, dịch nghĩa và phiên âm Hán-Việt. TÂM KINH Giảng Nghĩa Sanskrit/Hán tạng) (1897-1969)

(theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 1, từ tr 218 – 252, Thích TỐI THƯỢNG Ý ĐÀ-LA-NI KINH Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới Hán dịch: Đại sư Thí Hộ thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007) Việt dịch: Sa-môn T. Viên Đức TÂM KINH PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG Thừa) BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA (1 quyển, T. 08, Ks. 252) TỔNG QUAN BỐN BỘ A-HÀM Đường Pháp Nguyệt Trong dịch Biên soạn: Thích Nguyên Hùng Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận; Nxb Hồng Đức – 2012 2. Quảng Minh; Tác phẩm này được tái bản năm 2014, 3. Thích nữ Tịnh Nguyên Nxb Hồng Đức. bảo-Bộ Bát-nhã) 423 BÀI KỆ KINH PHÁP CÚ với hình vẽ minh họa TÂM KINH THÁNH PHẬT MẪU Việt

dịch: BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA HT. Thích Minh Châu (1918-2012) (1 quyển, T. 08, No. 257) Ảnh: Họa sĩ Mr. P. Wickramanayaka Hán dịch: Thi Hộ (Dieuphapam.net) Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh; 2. Quảng Minh;3. Thích nữ Tịnh Nguyên bảo-Bộ Bát-nhã)

Tiểu luận về PHƯƠNG PHÁP KIẾN
TÁNH
Thích Minh Chánh
Tỉnh Hội Phật giáo Đồng Nai, PL. 2541 –
DL. 1998
NHỮNG TÁC PHẨM KINH DIỄN
TỊNH ĐỘ NGŨ KINH VĂN VẦN - THI HÓA
Dịch giả: Thích Hành Trụ (1904-1984)
Giác Nguyên Phật Học Đường ấn hành KINH A-DI-ĐÀ
Kinh này gồm có 3 quyển: Quyển thượng, Phổ thơ:
Quyển trung và Quyển hạ. Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)
TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN –
TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN KINH VU-LAN-BỒN
– THIỀN TỊNH QUYẾT NGHI Phổ thơ:
Việt dịch: HT. Thích Thiền Tâm và HT. Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)
Thích Trí Tịnh
Kinh này được Ni trưởng phổ thơ theo thể Hán dịch: Phật-đà-da-xá Lục bát. Việt dịch: Đoàn Trung Còn và Nguyễn THI HÓA KINH LĂNG NGHIÊM bảo-Bộ Luật) Thi hóa: Phạm Thiên Thư Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2015 KHUYÊN DẠY CÁC VỊ TỲ-KHEO MỚI Sách có khổ 13 x 20cm, dày 239 trang. PHẢI NGHIÊM TRÌ GIỚI LUẬT (Giáo Giới Tân học Tỳ-kheo Hạnh hộ Luật nghi) (1 quyển, T. 45, S. 1897) Giảng thuật: Đạo Tuyên Luật sư Việt dịch: Thích Nguyên Chơn bảo-Bộ Luật)

LUẬT HỌC
Tác giả:
Tôn sư Hải Triều Âm (1920-2013)
Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.
LUẬT TÔN-TRÌ LUẬT,
TỲ-KHEO TRÌ LUẬT
Tác giả:
Thích Hành Trụ (Lê Phước Bình)
Viện Hóa Đạo ấn hành năm 1965 (bản
Roneo, Mã số: VRONEO 0023, lưu tại
Thư viện Huệ Quang – Tp. Hồ Chí Minh)
LUẬT TỨ PHẦN TỲ-KHEO NI SAO, 2. TÁC PHẨM LUẬT Tập 2 (Quyển thượng và Quyển trung) Dịch giả: Dẫn Giải TÁM ĐIỀU GIỚI và TRAI HT. Thích Đôn Hậu (1905-1992) PHÁP của PHÁP TU BÁT QUAN TRAI (Bản Roneo, Mã số: VRONEO 0138 và Soạn thuật: Thích

Hoằng Năng VRONEO 0139, lưu tại Thư viện Huệ Nxb Phương Đông, PL. 2555 – DL. 2011. Quang, Tp. Hồ Chí Minh) Sách có khổ 14 x 20cm. Nghi Thức Tụng GIỚI TỲ-KHEO TRONG LUẬT TỨ BỒ-TÁT GIỚI & PHẦN (Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Bổn; TỲ-KHEO NI GIỚI BỔN 1 quyển, T. 22, S. 1429) Biên soạn: Ni trưởng Hải Triều Âm Chùa Dược Sư - Lâm Đồng,

Lưu hành nội bộ - 2009 Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh; Việt dịch: Thích Tâm Hạnh GIỚI THỨC-XOA và SA-DI NI bảo-Bộ Luật) Biên dịch: Tỳ-kheo Thích Tiến Đạt Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014 PHƯƠNG THỨC THẨM XÉT GIỚI VÀ SÁM HỐI PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA Giới Đài Viện Chùa Huệ Nghiêm THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ Biên soạn: Tỳ-kheo Thích Minh Thông TÌ-NẠI-DA VỀ VIỆC AN CƯ Nxb Hồng Đức – 2018 (1 quyển, T. 23, S. 1445) Hán dịch: SA-DI LUẬT NGHI Toát Yếu Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Biên soạn: Việt dịch: Thích Tâm Hạnh Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) bảo-Luật tạng) có khổ 14.5 x 20.5cm.

PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA TAM QUY và NGŨ GIỚI THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TÌ- Giảng giải: NẠI-DA VỀ VIỆC TỰ TỨ Tôn sư Hải Triều Âm (1920-2013) (1 quyển, T. 23, S. 1446) Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 Hán dịch: Sách có khổ 14.5 x 20.5cm. Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Việt dịch: Thích Tâm Hạnh TĂNG ĐỒ NHÀ PHẬT VÀ GIỚI bảo-Luật tạng) Việt dịch: Đoàn Trung Còn Phật học Tòng thơ – 1934

PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA TỲ-NẠI-DA (10 quyển, T. 24, Ks. 1464) THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ Hán dịch: Trúc Phật Niệm TÌ-NẠI-DA VỀ VIỆC XUẤT GIA Việt dịch: Thích Tâm Tịnh Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh bảo-Bộ Luật) Việt dịch: Thích Tâm Hạnh bảo-Bộ Luật) Sa-môn Thích Đăng Quang – Trụ trì chùa Hải Tuệ (Sài Gòn), Trưởng Ban Tổ chức PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA ấn tống. THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TÌ-NẠI-DA VỀ YẾT-SỈ-NA-Y THẬP TỤNG LUẬT VÀ SỰ CẤU (1 quyển, T. 24, S. 1449) TRÚC LẠI BỘ LUẬT NGUYÊN TÁC

CỦA NHẤT THIẾT HỮU BỘ (Ấn bản Điện tử 17/11/2018) Nguyên tác: “Shih-sung-lu and the Nội dung tác phẩm này gồm có: - Phẩm Reconstruction of the Original Bản sự, - Phẩm Phân biệt. B. Mukherjiee Biên tập: Giáo sư Sanghasen Singh A-TỲ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TÚC Chuyển ngữ: Sư cô Hiếu Liên LUẬN – Bộ 2 Quyển Nghiên cứu Tam tạng) Nxb Hồng Đức – 2017. Sách khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1.102 trang, bìa cứng. Thiền Môn Trường Hàng Luật TỲ-NI – SA-DI – OAI NGHI –CẢNH SÁCH A-TỲ-ĐẠT-MA TẬP DỊ MÔN TÚC Sao lục: Tỳ-kheo Huệ Lưu LUẬN – ABHIDHARMA (Hoa Nghiêm Thiền viện) SANGITIPARYÀYA PÀDASÀSTRA Soạn thành Việt ngữ: Thích Giác Quang Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Tráng Chùa Thiên Phước (Cầu Kho - Sài Gòn), (602-664) PL. 2511 – DL. 1967 Dịch và chú: Phước Nguyên Ấn bản điện tử: 17/11/2018 THUẬT NGỮ LUẬT TẠNG PÀLI Nxb Ananda Viet Foundation. Luận này Biên dịch: Giác Nguyên có 20 quyển. Nxb Tôn Giáo – 2006. BA MƯƠI BÀI TỤNG DUY THỨC Dịch THỨC-XOA-MA-NA Nghĩa Biên soạn: Dịch giả: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013) HT. Thích Khánh Anh (1895-1961) có khổ 14.5 x 20.5cm. học)

3. TÁC PHẨM LUẬN CHỈ QUÁN MÔN LUẬN TỤNG ĐCTTĐTK, Luận tập Bộ toàn, Quyển thứ A-DI-ĐÀ Giảng Luận 32 Giảng luận: Giới Nghiêm Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân Nxb Phương Đông – 2008 Hán dịch: Sách có khổ 13 x 19cm. Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713) Việt dịch (2006): A-TỲ-ĐẠT-MA GIỚI THÂN TÚC Sa-môn Thích Như Điển LUẬN Phụ Hiệu đính (2016): Tác giả: Tôn giả Thế Hữu Tỳ-kheo Thích Hạnh Nhẫn Huyền Trang (602-664) Việt dịch và chú: Phước Nguyên DUY THỨC TAM THẬP TỤNG Giảng Yếu

Dịch giảng: Giáo sư Thích Hoàn Quan Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới Chùa Khánh Vân – Hoa Đạo xuất bản thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007) năm 1969. LUẬN BẢN NHÂN MINH CHÁNH LÝ Đại Cương Giáo Trình MÔN (1 quyển, T. 32, S. 1628) LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU Tạo luận: Bồ-tát Đại Vực Long Trường Cơ bản Phật học Tp. Hồ Chí Minh Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Biên soạn: Thích Thiện Nhơn Huyền Trang (602-664) Lưu hành nội bộ - 1991 Việt dịch: Thích Như Điển ĐẠI THỪA NGŨ UẨN LUẬN bảo-Luận tạng) Đại Tạng Kinh, quyển 31. Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân LUẬN CHUYỂN THỨC Hán dịch: Tam tạng Pháp sư (1 quyển, T. 31, S. 1587) Huyền Trang (602-664) Hán dịch: Chơn Đế Việt dịch: Thích Như Điển Việt dịch: Nguyên Hồng có 33 trang (PDF). bảo/Luận tạng) PDF) LUẬN CHƯ GIÁO QUYẾT ĐỊNH DANH NGHĨA (1 quyển, T. 32, S. 1658) HUYẾT MẠCH LUẬN Tạo luận: Bồ-tát Từ Thị (Đạt-ma Đại sư Huyết Mạch luận) Hán dịch: Thí Hộ Thuật luận: Bồ-đề Đạt-ma Việt dịch: Thích Như Điển bảo-Luận tạng)

KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ LUẬN LUẬN DUY THỨC Nguyên tác: Bồ-tát Vô Trước Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa Hán dịch: Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi Việt dịch: Nguyên Huệ Việt dịch: Nguyên Hồng 25, số 1510a, 2 quyển) bảo-Luận tạng) giải Kinh) LUẬN DUY THỨC TAM THẬP TỤNG Lược Giảng KHỞI TÍN LUẬN Biên soạn: Thích Thiện Nhơn (Luận Đại Thừa Khởi Tín) Lưu hành nội bộ - 2000 Dịch giả: (Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN-Tp. Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969) Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTV019225) (theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 1, từ tr 13 – 64, Thích LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

(10 quyển, T. 32, S. 1635) Hán dịch: Pháp Hộ LUẬN KIM CANG ĐỈNH DU-GIÀ Việt dịch: Thích Như Điển TRUNG PHÁT TÂM A-NẬU-ĐA-LA Tác phẩm Luận này gồm có10 quyển. TAM-MIỆU TAM BỒ-ĐỀ bảo-Bộ Luận tập) Hán dịch: Bất Không Các bản Việt dịch: 1. Thích Như Điển; LUẬN ĐẠI THỪA DUY THỨC 2. Huyền Thanh; 3. Nguyên Hồng Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân bảo-Bộ Luận tập) Hán dịch: Chơn Đế Việt dịch: Nguyên Hồng LUẬN KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ bảo/Luận tạng) Tạo luận: Bồ-tát Vô Trước Hán dịch: Đạt-ma-cấp-đa LUẬN GIẢNG RỘNG Ý NGHĨA NĂM Việt dịch: Nguyên Huệ (Đại thừa Quảng Ngũ uẩn luận) bảo-Bộ Bát-nhã) (1 quyển, T.31, S. 1613) Tạo luận: An Huệ Bồ-tát LUẬN KIM CƯƠNG TIÊN Hán dịch: Địa-bà-ha-la (10 quyển, T. 25, S. 1512) Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân Hùng; 2. Thích Như Điển Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi bảo-Bộ Bát-nhã)

LUẬN HAI MƯƠI BÀI KỆ TỤNG DUY LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ THỨC (1 quyển, T.31, S. 1590) BA-LA-MẬT PHÁ THỦ TRƯỚC BẤT Tạo luận: Bồ-tát Thế Thân

HOẠI GIẢ DANH Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Luận giả: Công Đức Thí Bồ-tát Huyền Trang (602-664) Hán dịch: Địa-bà-ha-la Việt dịch: Nguyên Hồng Việt dịch: Nguyên Huệ bảo-Luận tạng) bộ, số 1515, 2 quyển) LUẬN KIM CANG CHÂM giải Kinh) (1 quyển, T.32, S. 1642) Tạo luận: Bồ-tát Pháp Xưng LUẬN NHÂN MINH CHÁNH LÝ Hán dịch: Pháp Thiên MÔN (1 quyển, T. 32, S. 1629) Việt dịch: Thích Như Điển Tạo luận: Bồ-tát Đại Vực Long bảo-Bộ Luận tập) Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: Thích Như Điển Các bản Việt dịch: 1. Thích Tâm Châu; 2. bảo-Bộ Luận tập) LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ (1 quyển, T. 32, S. 1630) LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG Tạo luận: Bồ-tát Ma-yết-la chủ (1 quyển, T. 32, S. 1637) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tạo luận: Bồ-tát Giác Kiết Tường Trí Huyền Trang (602-664) Hán dịch: Thí Hộ; Việt dịch: Thích Như bảo-Luận tạng) LUẬN TỤNG KINH NĂNG ĐOẠN KIM LUẬN NHỊ THỪA DUY THỨC CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA Lược Giảng (1 quyển, T. 25, S. 1514) Biên soạn: Thích Thiện Nhơn Luận giả: Vô Trước Bồ-tát Lưu hành nội bộ - 1996 Hán dịch: (Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN-Tp. Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTV019209) Việt dịch: Nguyên Huệ (Trích dịch từ Tập 25, Thích Kinh Luận LUẬN PHÁ BỐN TÔNG TIỂU THỪA bộ, số 1514, 1 quyển) LĂNG-GIÀ (1 quyển, T. 32, S. 1639) giải Kinh) Tạo luận: Bồ-tát Đề-ba Hán dịch: Bồ-đề-lưu-chi Việt dịch: Thích Như Điển bảo-Bộ Luận tập) LUẬN THÁNH PHẬT MẪU BÁT- NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA CỬU TỤNG LUẬN PHẬT MẪU BÁT-NHÃ TINH NGHĨA (2 quyển, T.25, S. 1516) BA-LA VIÊN TẬP YẾU NGHĨA Tạo luận: Bồ-tát Thắng Đức Xích Y (1 quyển, T. 32, S. 1518) Hán dịch: Pháp Hộ Tạo luận: Bồ-tát Đại Vực Long Việt dịch: Nguyên Huệ Việt dịch: Nguyên Huệ bảo-Bộ Bát-nhã) bảo-Luận tạng) LUẬN THÍCH DU-GIÀ SƯ-ĐỊA Tạo luận: Tối Thắng Tử LUẬN TÂM BỒ-ĐỀ LÌA HÌNH Hán dịch: Tam tạng Pháp sư TƯỚNG (Bồ-đề Tâm Ly Tướng Luận) Huyền Trang (602-664) (1 quyển, T. 32, S. 1661) Việt dịch: Thích Tâm Châu Hán dịch: Thí Hộ bảo-Bộ Du-già)

Việt dịch và lược giải: Tâm Minh-Lê Đình LUẬN THÍCH PHẬT MẪU BÁT-NHÃ Thám BA-LA-MẬT-ĐA VIÊN TẬP (theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê YẾU NGHĨA (4 quyển, T.25, S. 1517) Đình Thám, tập 1, từ tr 65 - 169, Thích Tam Bảo Tôn Bồ-tát tạo; Đại Vực Long Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới Bồ-tát tạo Bổn luận thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007) Hán dịch: Thi Hộ Việt dịch: Nguyên Huệ LƯỢC LUẬN VỀ NGHĨA AN LẠC bảo-Bộ Bát-nhã) Hán dịch: Đàm Loan Các bản Việt dịch: 1. Thích Bửu Hà; LUẬN THỦ TRƯỢNG 2. Thích Nhất Chân; 3. Thích Hồng Nhơn Hán dịch: Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713) bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông) Việt dịch: Thích Như Điển Luận tạng) VƯƠNG LUẬN (3 quyển, T. 47, S. 1967) LUẬN VỀ ĐẠI THỪA DUYÊN SANH Biên soạn: Phi Tích Tạo luận: Uất-lăng-ca Việt dịch: Thích Hồng Nhơn Hán dịch: Bất Không Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 20 bảo-Luận tạng) NGỘ TÁNH LUẬN LUẬN VỀ MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN (1 quyển, X. 63, S. 1219) (1 quyển, T. 32, S. 1651) Thuật luận: Bồ-đề Đạt-ma Tạo luận: Bồ-tát Tịnh Ý; Hán dịch: Bồ-đề- Việt dịch: Nguyễn Minh Tiến Việt dịch: Thích Như Điển bảo-Luận tạng) Bộ Luận tập) NGHIÊN CỨU VỀ DUY THỨC HỌC Thích Thiện Toàn LUẬN VÔ TÂM (1 quyển, T.85, S. 2831) Nxb Hồng Đức – 2018 Việt dịch: Thích Đắc Pháp (1938-2012) Sách dày 310 trang. Bộ Đôn Hoàng) NHƠN MINH LUẬN LÝ HỌC Dịch-giải: Thích Thiện Hoa Lược Giải NHÂN MINH NHẬP CHÁNH Lưu hành nội bộ - 1957 (bản

Roneo, Mã LÝ LUẬN số: VRONEO 0024, lưu tại Thư viện Huệ Tạo luận: Thương Yết-la chủ Quang, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang Chí Minh) (602-664)

PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN TÙY TƯỚNG LUẬN Tạo luận: Bồ-tát Thiên Thân (1 quyển, T. 32, S. 1641) Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Tạo luận: Pháp sư Đức Tuệ Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413) Hán dịch: Tam tạng Chân Đế Việt dịch: Quảng Minh Việt dịch (2004): Toàn bộ tác phẩm Luận này có 47 trang Sa-môn Thích Như Điển (PDF), gồm 2 quyển (thượng và hạ), 12 Phụ Hiệu đính (2016):

TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG TUYỆT QUÁN LUẬN NGHĨA LUẬN Nguyên tác: Bồ-đề Đạt-ma ĐCTTĐTK, Q. 32 thuộc Luận tập Bộ Chánh văn & Bình giải: toàn, Ks. 1638 Thiền sư Soko Morinaga Tạo luận: Bồ-tát Thiện Tịch Chánh văn Việt ngữ: Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Thí Hộ Thích Thông Phương Việt dịch (2004): Lời bình và dịch: Sa-môn Thích Như Điển… Thuần Bạch và Ngọc Bảo Tác phẩm Luận này có 11 trang (PDF), Nxb Hồng Đức – 2015. Sách có khổ 13.7 gồm 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. x 21cm. PDF) THANH TỊNH ĐẠO LUẬN Toát Yếu Việt dịch: Thích nữ Trí Hải (1938-2003) Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2001 TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG LUẬN THÀNH DUY THỨC Thuật Ký ĐCTTĐTK, Q. 32 thuộc Luận tập Bộ Viện Cao Đẳng Phật Học Huệ Nghiêm toàn, Ks. 1637 Tác giả: Sa-môn Khuy Cơ Tác giả: Bồ-tát Giác Cát Tường Trí Giảng giải: HT. Thích Trí Tịnh Hán dịch (2003): Thí Hộ Sách dày 209 trang, khổ A.4 (Roneo) Việt dịch: Sa-môn Thích Như Điển Phụ Hiệu đính (2016): TRUNG QUÁN TÂM NGỘ LUẬN Tỳ-kheo Thích Hạnh Nhẫn Tác giả: Bồ-tát Long Thọ - Nagarjuna; Lưu hành nội bộ 2016. Luận này có 2 Việt dịch: Cư sĩ Huyền Tạng quyển (Thượng – Hạ). THPG Tp. Hồ Chí Minh,

Tìm Hiểu Nguồn Gốc YAMAKA KHANDHAYAMAKA TÁNH KHÔNG HỌC CĂN – SONG Tác giả: Đại sư Ấn Thuận Tác giả: Santakicco Bhikkhu (Tỳ-kheo Việt dịch: Thích Tâm Trí Tịnh Sự, 1913-1984) Nxb Hồng Đức – 2013 Soạn dịch: Ns. Tịnh Sự & Thích Huệ Lực Bản In Vi tính, có 213 trang, năm 1999.

YAMAKA KHANDHAYAMAKA ẤN QUANG ĐẠI SƯ Gia Ngôn Lục UẨN – SONG Tác giả: Đại sư Ấn Quang Tác giả: Santakicco Bhikkhu (Tỳ-kheo Việt dịch: Như Hòa Tịnh Sự, 1913-1984) Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 14 x Soạn dịch: Ns. Tịnh Sự & Thích Huệ Lực 20cm, dày hơn 489 trang, bìa mềm, có tay Bản In Vi tính, có 254 trang, năm 1973. gấp, nền đỏ vân gỗ, chữ tựa có các màu: gồm 6 phần: Lời tựa, Duyên khởi; Phần I. 1. Tịnh độ thù thắng, 2. Khuyên Tín Hạnh Nguyện nên chân thành tha thiết; Phần II. 3. Chỉ dạy phương pháp tu trì; Phần III. 4. Luận về việc lớn sanh tử; Phần IV. 5. Khuyên chú trọng nhân quả; Phần V. 6. Phân định giới hạn giữa Thiền và Tịnh, 7. Giải quyết những điều nghi hoặc thường gặp; Phần VI. 8. Khuyên nhủ các thiện tín tại gia, Phần tăng bổ, Mấy lời tâm huyết.

BÁ TRƯỢNG NGỮ LỤC
Tác giả: Thiền sư Hoài Hải –
Bá Trượng (720-814)

Việt dịch và lược giải:
Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)
Từ Ân Thiền Đường (Hoa Kỳ) xuất bản –
Thiền/Ngữ lục)
BÁ TRƯỢNG NGỮ LỤC
Việt dịch: Thích Thông Huệ
Thiền viện Thường Chiếu,
PL. 2534 – DL. 1990
Tác phẩm Ngữ lục này có 93 trang, nội dung gồm: Giải đề Ngữ lục và Quảng lục
Bá Trượng Đại Trí Thiền sư; Bá Trượng ngữ lục; Bá Trượng quảng lục.
BẠCH ẨN NGỮ LỤC vô nan, T.3 Mã Tổ mặt trời Phật-mặc Biên dịch: Hạnh Huệ và Thuần Bạch trăng Phật, T.4 Đức Sơn mắc áo vấn đáp, Nxb Hồng Đức T.5 Tuyết Phong lúa gạo, T.6 Vân Môn Tác phẩm Ngữ lục này có hơn 229 trang, mỗi ngày đều là ngày tốt, T.7 Huệ Siêu bìa mềm, phân làm 2 tập, nội dung gồm: hỏi Phật, T.8 Thúy Nham lông mày, T.9 Tập I. (Huệ Hạnh và Thuần Bạch dịch), Triệu Châu bốn cửa, T.10 Mục Châu kẻ Tọa thiền hòa tán (Amakuki Sessan), có cướp rỗng, T.11 Hoàng Bá bọn ăn hèm, 12 chương; Tập II. (Thuần Bạch dịch), T.12 Động Sơn ba cân gai, T.13 Ba Lăng Dẫn nhập, 1. Liếm nuốt đàm dãi Hồ Ly một chén bạt đựng tuyết, T.14 Vân Môn của Hư Đường, 2. Độc dược để lại của bậc giáo lý một đời, T.15 Vân Môn đảo một tiên đức, 3. Công khó đền ơn chư Phật tổ, nói, T.16 Cảnh Thanh thốt trác cơ, T.17 4. Chánh pháp không thể truyền. Hương Lâm ngồi lâu sinh nhọc, T.18 Trung Quốc sư tháp Vô Phùng, T.19 Câu BÀNG UẨN NGỮ LỤC Chi đưa một ngón tay, T.20 Thúy Vi thiền Dịch giả: Dương Đình Hỷ bản, T.21 Trí Môn hoa sen lá cọng, T.22 Tác phẩm Lục này có 200 trang (PDF), Tuyết Phong con rắn to, T.23 Bảo Phước- nội dung gồm: Các Đối thoại với: Thạch Trường Khánh dạo núi, T.24 Lưu-thiết-ma Đầu, Mã Tổ, Dược Sơn, Tế Phong, Đơn trâu cái già, T.25 Liên Hoa Phong cầm cây Hà, Bách Linh, Tùng Sơn, Bản Khê, Đại gậy, T.26 Bá Trượng ngồi riêng ngọn Đại Mai, Đại Dục, Tắc Xuyên, Thạch Lâm, Hùng, T.27 Vân Môn thân bày gió thu, Đạo Giả, Đại Đồng Phổ Tế; Bàng cư sĩ T.28 Nam Tuyền pháp chẳng nói, T.29 đọc Kinh, Gặp một ông Tăng hóa duyên, Đại Tùy theo kìa đi, T.30 Triệu Châu củ Gặp mục đồng, Cư sĩ và giảng sư, Bà cải to, T.31 Ma Cốc cầm gậy nhiễu Bàng ở chùa, Bàng cư sĩ và con gái, Cư sĩ giường, T.32 Thượng tọa Định đứng sững, mất; Lịch đại tản văn, Những bài kệ của T.33 Trần Tháo đủ một con mắt, T.34 Bàng Uẩn (gồm có 172 bài). Ngưỡng Sơn chẳng từng dạo núi, T.35 lục) cỏ thơm hoa rụng, T.37 Bàn Sơn tam giới không pháp, T.38 Phong Huyệt Tổ sư tâm BÍCH NHAM LỤC ấn, T.39 Vân Môn hoa thược lan, T.40 Trước tác: Thiền sư Viên Ngộ Lục Hoàn trời đất đồng gốc, T.41 Triệu Việt dịch: Thích Thanh Từ Châu người đại tử, T.42 Bàng cư sĩ tuyết THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, đẹp mảnh mảnh, T.43 Động Sơn không PL. 2539 – DL. 1995 lạnh nóng, T.44 Hòa Sơn biết đánh trống, Tác phẩm Lục này có khổ 14 x 20cm, dày T.45 Triệu Châu bảy cân vải bố, T.46 1.004 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa Cảnh Thanh tiếng mưa rơi, T.47 Vân Môn màu đỏ, có hình vẽ cảnh thiên nhiên núi sáu chẳng thâu, T.48 Chiêu Khánh lật cao. Nội dung có: Bích Nham Lục giải đề, ngược ấm trà, T.49 Tam Thánh cá vàng các Tựa: I, II, III, IV; và 100 Tắc (T) công phủng lưới, T.50 Vân Môn trần trần tam- án (trong

mỗi Tắc gồm có các phần: Lời muội, T.51 Tuyết Phong là cái gì, T.52 dẫn, Công án, Giải thích, Tụng và Giải Triệu Châu độ lừa độ ngựa, T.53 Bá tụng). Một trăm Tắc như sau: T.1 Thánh Trượng con ngỗng, T.54 Vân Môn lại xòe đế đệ nhất nghĩa, T.2 Triệu Châu chí đạo ngửa tay, T.55 Đạo Ngô đến nhà cúng

điếu, T.56 Khâm Sơn một mũi phá cổng, có 3 phần: 1. Lời dẫn, 2. Công án, 3. Giải T.57 Triệu Châu kẻ tới nhà ruộng, T.58 thích). Triệu Châu bối rối, T.59 Triệu Châu sao Tác phẩm Lục này được tái bản nhiều lần: chẳng dẫn hết, T.60 Vân Môn cây gậy hóa Tu viện Chân Không ấn hành năm 1980; rồng, T.61 Phong Huyệt nhà nước hưng năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn thạnh, T.62 Vân Môn trong có một hòn hành; năm 2004, Nxb Văn hóa Văn nghệ; ngọc, T.63 Nam Tuyền chặt con mèo, năm 2001-2010, Nxb Tôn Giáo; năm T.64 Triệu Châu đầu đội giày cỏ, T.65 2014, Nxb Văn hóa Văn nghệ (gồm 2 tập). Ngoại đạo ngựa hay bóng roi, T.66 Nham Đầu thâu kiếm Hoàng Sào, T.67 Phó Đại BÍCH NHAM LỤC Sĩ giảng Kinh xong, T.68 Ngưỡng Sơn Việt dịch: ông tên gì? T.69 Nam Tuyền vẽ vòng tròn, Thiền sư Thích Mãn Giác (1929-2006) T.70 Qui Sơn thỉnh Hòa thượng nói, T.71 Nxb Phương Đông – 2007 Ngũ Phong Hòa thượng dẹp hết, T.72 Vân Sách có khổ 16 x 24cm, dày 706 trang, bìa Nham Hòa thượng có, T.73 Mã Tổ "tứ cú cứng, chữ tựa mạ vàng. Tác phẩm gồm có: bách phi", T.74 Kim Ngưu thùng cơm, Vài nét về Dịch giả, Lời giới thiệu; nội T.75 Ô Cựu gậy cong gậy cong, T.76 Đơn dung gồm 100 Tắc (công án), chia làm 10 Hà ăn cơm rồi chưa? T.77 Vân Môn bánh phần, mỗi phần có 10 Tắc; Phụ lục Hán hồ, T.78 Khai Sĩ vào tắm, T.79 Đầu Tử tất văn. cả tiếng Phật, T.80 Triệu Châu hài tử mới Tác phẩm Lục này được Chùa Việt Nam sanh, T.81 Dược Sơn hươu trong hươu, Trung tâm Văn hóa Phật giáo Việt Nam T.82 Đại Long pháp thân kiên cố, T.83 tại Hoa Kỳ ấn hành – 1988. Vân Môn cổ Phật cột cái, T.84 Kinh Duy-ma "pháp môn bất nhị", T.85 Am chủ BÍCH NHAM LỤC Đồng Phong làm tiếng cọp, T.86 Vân Môn ĐCTTĐTK, tập 48, No. 2003 kho trù ba cửa, T.87 Vân Môn thuốc bệnh Biên soạn: Thiền sư Viên Ngộ - trị nhau, T.88 Huyền Sa người ba thứ Khắc Cần (1063-1135) bệnh, T.89 Vân Nham đại bi ngàn mắt, Bản Đức ngữ: Giáo sư Wilhelm Gundert T.90 Trí Môn Bát-nhã thể, T.91 Diêm Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ: Chân Quan cây quạt tê ngưu, T.92 Thế Tôn Nguyên đăng tòa, T.93 Đại Quang đây là dã hồ Tác phẩm Lục này có 153 trang (PDF), tinh, T.94 Lăng Nghiêm chẳng thấy, T.95 nội dung gồm: Thay lời tựa, Dẫn nhập của Trường Khánh A-la-hán ba độc, T.96 Giáo sư Wilhelm Gundert, Dạng xuất hiện Triệu Châu ba chuyển ngữ, T.97 Kinh đầu tiên của Bích Nham Lục, Tuyết Đậu- Kim Cang tội nghiệp tiêu diệt, T.98 Thiên Trọng Hiển, người sưu tập các bản công Bình hành cước, T.99 Trung Quốc sư án và tác giả của những bài kệ tụng, Tuyết mười thân Điều ngự, T.100 Ba Lăng kiếm Đậu Bách tắc tụng cổ, Viên Ngộ-Khắc thổi lông; Phần Phụ lục: Lời người ghi, Cần, người thuyết trình các công án và Bích Nham Lục giảng giải, Giải đề, Tựa I, tụng cổ của Tuyết Đậu, Bích Nham Lục, II, III và IV; giải 20 Tắc đầu (từ Tắc 1, Nhật Bản với tư cách gìn giữ và truyền bá "Thánh đế đệ nhất nghĩa" đến Tắc 20, Phật pháp, Phần đóng góp của các nhà "Thúy Vi ba cân gai", (trong mỗi Tắc gồm nghiên cứu Đức, Về vấn đề dịch thuật từ Hán ngữ, Các bản chú giải Hoa-Nhật,

Những bổ sung thêm trong bản dịch Đức tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình ngữ, Thứ tự trong những chương, Tên gọi, xướng về kệ tụng, Bình giảng (Vân Môn danh

hiệu; đại đệ tử của Tuyết Phong, Về bản công Tắc 1. Ý nghĩa đệ nhất của Thánh đế, có: án, Về kệ tụng); Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng Tắc 7. Pháp Nhãn đáp Huệ Siêu câu hỏi về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Phật, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước Thùy thị, Về những nhân vật trong công ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, án, Về bản công án, Về trước ngữ của bản Bình giảng (Về năm đoạn của lời Thùy thị, công án, Về lời bình xướng của Viên Ngộ, Pháp Nhãn Văn Ích, Khai Tổ tông Pháp Về bài tụng của Tuyết Đậu và lời bình của Nhãn, Về bản công án, Về kệ tụng); Viên Ngộ); Tắc 8. Lông mày của Thúy Nham, có: Tắc 2. Lời bình của Triệu Châu về câu Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng "Chí đạo không khó", có: có: Thùy thị, về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Lời tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình dẫn, Về lời Thùy thị, Các nhân vật của xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời cuộc đàm thoại: bốn đệ tử của Tuyết Thùy thị, Triệu Châu môn đệ của Nam Phong, Về bản công án, Về kệ tụng); Tuyền, Về bản công án, Về kệ tụng, Về Tắc 9. Bốn cửa thành của Triệu Châu, có: câu của Viên Ngộ "Lô hành giả là bạn Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng đồng hành của ông ta"; về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Tắc 3. Mã Tổ nhật diện Phật, nguyệt diện Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Phật, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Thùy thị, Về bản công án); Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước Tắc 10. Kẻ cướp rỗng của Mục Châu, có: ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng Bình giảng (Về lời Thùy thị, Mã Tổ và sư về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, phụ Nam Nhạc, Về bản công án, Về kệ Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời tụng); Thùy thị, Mục Châu-đệ tử của Hoàng Bá, Tắc 4. Đức Sơn cặp áo dọ hỏi, có: Thùy Về bản công án, Về kệ tụng); thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về Tắc 11. Bọn ăn hèm của Hoàng Bá, có: bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Thùy thị, Qui Sơn môn đệ của Bách Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng Trượng, Về bản công án, Về kệ tụng); (Hoàng Bá, đệ tử của Bách Trượng và Tắc 5. Cọng lúa của Tuyết Phong, có: thầy Lâm Tế, Về bản công án và trước ngữ Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng của Viên Ngộ, Những chi tiết trong lời về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, bình xướng của Viên Ngộ về bản tắc); Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Tắc 12. Ba cân gai của Động Sơn, có: Thùy thị, Tuyết Phong môn đệ của Đức Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng Sơn và thầy của Vân Môn, Về bản công về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, án, Về kệ tụng); Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Động Tắc 6. Mười lăm ngày của Vân Môn, có: Sơn Thủ Sơ, đệ tử của Vân Môn, Về lời Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản Thùy thị, Về bản công án);

Niên biểu lịch sử Thiền tông Trung Hoa Ngưỡng tông; Q.12, Lâm Tế Nghĩa (giản lược), Bối cảnh lịch sử Thiền tông, Huyền, vị Tổ của Lâm Tế tông; Q.13, Đồ biểu truyền thừa của các vị Thiền sư Pháp hệ của Hà Trạch tông, Truyện ký về xuất hiện trong Bích Nham Lục: I. 28 vị 2 vị Trừng Quán và Tông Mật thuộc Hoa Tổ Ấn Độ, II. Sáu vị Tổ và các nhánh Nghiêm tông; Q.14, Thạch Đầu Hy Thiên Thiền tại Trung Hoa, Nam Thiền sơ đại, và pháp hệ; Q.15, Động Sơn Lương Giới; III A. Lược hệ từ Thanh Nguyên đến Q.16,

Các đệ tử nối pháp của Thiền sư Tuyết Đậu, III B. Lược hệ từ Nam Nhạc Đức Sơn Tuyên Giám; Q.17, Pháp hệ của đến Viên Ngộ. Tào Động tông; Q.18-19, Pháp hệ của lục) Pháp hệ của Thiền sư Tào Sơn Bản Tịch; Q.21, Pháp hệ của Thiền sư Huyền Sa Sư CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC Bị; Q.22 – 23, Pháp hệ của Vôn Môn tông; (Trọn bộ 3 cuốn) Q.24-25-26, Pháp hệ của Pháp Nhãn tông; (7 vị Phật – 27 Tổ Tây Thiên – 6 Tổ Đông Q.27, Các Thiền sư nổi tiếng không thuộc Độ - 1.661 Thiền sư) bất cứ tông phái nào; Q.28, Các ngữ lục Biên soạn: Đạo Nguyên Tổ sư đặc biệt của 11 Thiền sư như: Nam Dương Việt dịch: Lý Việt Dũng Huệ Trung, Hà Trạch Thần Hội,.v.v...; Nxb Hồng Đức – 2015. Tác phẩm Cảnh Q.29, Tựa đề là tán tụng kệ thi gồm tất cả Đức Truyền Đăng Lục này gồm 30 quyển kệ tụng của 17 vị như: Bạch Cư Dị; Q.30, (vốn có tựa là Phật Tổ Đồng Tham tập) Tựa đề là Minh ký châm ca gồm tất cả 13 được xếp vào Đại Chính Tân Tu Đại Tạng loại: Tọa thiền châm, Chứng đạo ca... Kinh, tập 51, số 2076. Tác phẩm Lục này đã được xuất bản từ Nội dung toàn Lục như sau: Q.1-Q.2, Bảy năm 2013, Nxb Hồng Đức. đời đức Phật quá khứ và Tổ Ma-ha Ca- diếp truyền xuống đến Tổ thứ 27 là Bát- CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA – nhã-đa-la; Q.3, Năm vị Tổ Trung Quốc: THIỀN THẤT KHAI THỊ LỤC Bồ-đề-đạt-ma, Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tác giả: Nguyệt Khuê – Lai Quả Thiền sư Tín, Hoằng Nhẫn; Q.4, Pháp hệ chi nhánh Việt dịch: của Tứ Tổ Đạo Tín và Ngũ Tổ Hoằng HT. Thích Duy Lực (1923-2000) Nhẫn như: Ngưu Đầu Thiền, Bắc Tông Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014 Thiền, Tịnh Chúng Tông,.v.v... và truyện Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 175 ký của các vị: Ngưu Đầu Pháp Dung, trang, bìa mềm. Nội dung gồm 3 chương: Thần Tú; Q.5, Lục Tổ Huệ Năng và pháp Lời dịch giả, Lời luận tổng quát, Cội hệ của sư; Q.6, Mã Tổ Đạo Nhất và Bách nguồn truyền thừa, C.I Cội nguồn truyền Trượng Hoài Hải; Q.7, Nga Hồ Đại Nghĩa thừa, C.II Yếu chỉ Thiền tông, C.III Thỉnh và Ma Cốc Bảo Triệt; Q.8, Gồm 54 vị ích (hỏi đạo); Phụ lục: 1. Nguyệt Khuê như: Nam Tuyền Phổ Nguyện; Q.9, Gồm Pháp sư Cao ngọa xứ bi văn, 2. Tiểu 30 vị nối pháp Thiền sư Bách Trượng truyện của Nguyệt Khuê Pháp sư; Thiền Hoài Hải; Q.10, Gồm các vị nối pháp thất Khai thị lục, Tiểu sử Thiền sư Lai Thiền sư Nam Tuyền như: Triệu Châu Quả. Tòng Thẩm; Q.11, Các đệ tử nối pháp của Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu Tổ của Quy

DUY LỰC NGỮ LỤC – Khai thị Chân Như; Thư đáp Từ Đôn Tế; Trọn bộ 2 Quyển Khai thị Tăng Thúc Trì; Thư đáp Hứa Thọ Tác giả: HT. Thích Duy Lực (1923-2000) Nguyên; Khai thị Trần Minh Trọng; Khai Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 thị Trịnh Thành Trung; các Thư đáp: Ngữ lục có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng Vương Đại Thụ, Lý Tự Biểu, Trương 2 quyển dày 1.234 trang, bìa mềm, nền Dương Thúc, thư đáp Lý Bỉnh (tự Hán trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình vẽ mỹ thuật Lão) có (1), (2), (3); Giang Thiếu Minh, Tổ Bồ-đề Đạt-ma (nhỏ) đứng trên cành thư đáp Phú Quí Thân có (1), (2), (3); thư lau, có hộp đựng cả bộ. Quyển thượng, đáp Trần Quí Nhậm có (1), (2); thư đáp dày 622 trang, nội dung: - Lời nói đầu; Triệu Đạo Phu; các thư gởi: Trương Ích Duy Lực ngữ lục (Phần I: Những thời Chi, Triệu Sư Trọng, Lý Bá Hòa. thăng tòa khai thị của Thiền sư Duy Lực từ năm 1983 – 03/5/1993, gồm có 682 câu HẢI HỘI THÁNH HIỀN LỤC hỏi của hành giả và 682 lời khai thị, giải Kết tập: HT. Hải Hiền đáp từ Thiền sư); Quyển hạ, dày 612 Việt dịch: Diệu Âm trang, nội dung: Duy Lực ngữ lục (Phần II: Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2016 Những thời thăng tòa khai thị của Thiền sư Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày

286 trang. từ 20/10/1993 – 1999, gồm có 811 câu hỏi Nội dung gồm có 48 mục: 1. Trước khi của hành giả và 811 lời khai thị, giải đáp xuất gia, 2. Xuất gia, 3. Hiếu thân, 4. từ Thiền sư). Phụng thị sư trưởng, 5. Những năm đầu Tác phẩm này đã xuất bản vào năm 2001, trên núi Đồng Bách, 6. Kết lô cộng tu, 7. Nxb Tôn Giáo. Mẫu thân vãng sanh, 8. Làm đội trưởng đội sản xuất, 9. Giáng phục đại ngưu, 10. ĐẠI HUỆ NGỮ LỤC Lão Hòa thượng và một con mãng xà, 11. Tác giả: Thiền sư Tông Cảo (1089-1163) Câu chuyện giữa lão Hòa thượng và sói, Việt dịch và lược giải: 12. Lai Phật cổ tự, 13. Một ngày không Thích Duy Lực (1923-2000) làm, một ngày không ăn, 14. Cái gì cũng Từ Ân Thiền Đường (Hoa Kỳ) ấn hành, bảo người hầu hạ, thế thì thụt lùi rồi, 15. PL. 2535 – DL. 1992 Có thể chịu khổ mới có thể hết khổ, 16. Tác phẩm Ngữ lục này có 154 trang, bìa Thích làm việc thiện, 17. Nhặt rau không mềm; nội dung gồm: Lời Dịch giả, Tiểu sử vứt phần còn non, hơn hẳn tụng Kinh tạng, (Thiền sư Tông Cảo); Phổ thuyết, Khám 18. Cúng dường A-la-hán, 19. Trí tuệ của xét, Cơ duyên, Phụ lục lời khai thị của lão Hòa thượng, 20. Đường Thái Tông tích Khiêm Thiền sư, Thư đáp về Pháp yếu phước, 21. Trì giới tinh nghiêm, 22. Nhẫn (Thư đáp Lý Hiến Thần (1), (2) và (3); giả tự an, 23. Ôn hòa hậu đạo, 24. Khiêm Khai thị Lý Hiến Thần (4), (5) và (6); Thư tốn cung kính, 25. Tôi không học qua bất đáp Huỳnh Bá Thành, Khai thị Huỳnh Bá cứ thứ gì, chỉ niệm A-di-đà Phật, 26. Câu Thành; các Thư đáp: La Mạnh Bách, Từ chuyện của lão đức Hòa thượng, 27. Khi Đôn Lập, Đặng Tử Lập, Lữ Thuấn làm việc không làm lỡ niệm Phật, 28. Nguyên; Ngụy Công thỉnh thăng tòa, các Trong tâm có Phật, làm gì cũng không thư đáp: Tăng Thiên Du (1), (2), (3), (4), mệt, 29. Pháp môn niệm Phật, 30. Phương (5), (6); Thư đáp Lâu Khu Mật; Khai thị pháp tu học của Tịnh tông học hội, 31. Không Huệ; Khai thị Nghiêm Tử Kham; Cảnh giới niệm Phật của lão Hòa thượng,

32. Lạy Phật chỉ lạy ra tự tánh, 33. Chăm khi lâm chung hai giờ đồng hồ, - Hướng chỉ niệm, 34. Lão Hòa thượng và đệ tử của dẫn thăm nhục thân sau khi người bệnh ngài, 35. Đề huề giáo giới đối với hậu bối, lâm chung, 12. Củng cố phương pháp hộ 36. Túi phân bón che mưa, 37. Trong niệm, 13. Cần tránh sơ suất khi hộ niệm thanh tao có vi diệu, 38. Cuộc sống của lời nhắc nhở của cư sĩ Diệu Âm Minh Trị, giới-định-tuệ, 39. Lão Phật gia để tôi ở thế 14. Niệm Phật thế nào để vãng sanh bất gian biểu pháp, 40. Trợ niệm không đáng thối thành Phật, trợ niệm như thế nào mới tin cậy, 41. Dự tri, 42. Lời dặn dò cuối như lý như pháp giúp người vãng sanh cùng, 43. 92 năm thiện thủy thiện chung, được đắc lực. 44. Thoại tướng vãng sanh, 45. An táng tại chùa Lai Phật, 46. Biểu pháp của Hòa HƯ HƯ LỤC - Chiếc Gương Soi Mặt thượng Hải Hiền, 47. Biểu pháp cuối (Tập truyện đạo và lời bình) cùng, 48. Nếu muốn Phật pháp hưng, duy Tác giả: Như Thủy chỉ có Tăng khen Tăng; Phụ lục: Nhục Nxb Phương Đông – 2014 thân Bồ-tát Pháp sư Hải Khánh, Mười Sách có khổ 14 x 20cm, dày 203 trang, bìa công đức ấn tống Kinh tượng Phật. mềm. Nội dung gồm có: Chiếc gương soi mặt, Thuốc thành bệnh, Bắt chước thầy, HỘ NIỆM YẾU LỤC Một bông hồng cho em, Ba bà hoàng hậu, Tác giả: Diệu Âm (Minh Trị) Làm sao đây, Ba cái bánh ít, Kỹ thuật nhà Nxb Hồng Đức – 2013 nghề, Đông Thi nhăn mặt, Ăn trộm dạy Tác phẩm Lục này có 177 trang, nội dung con, Quyển Kinh đi lạc, Người hướng đạo, gồm: 1. Nhân duyên, 2. Những điều cần Khi người về, Chỉ một giới thôi, Dasaka, thực hiện trước khi nhận ca hộ niệm, 3. Bảng chỉ đường, Bát cháo lú,

Hai thằng đệ Nội dung cần thiết nhất khi hộ niệm, 4. tử, Ô Sào thiền sư, Cuộc chiến hai bàn tay, Những điều thành viên hộ niệm cần lưu ý, Chiếc lu vô tận, Chú chuột vô hình, Bàn 5. Nội quy cho thành viên Ban hộ niệm, 6. tay đã mất, Mối tình có duyên, Tưới dưa Những quy định cho gia đình người bệnh, cho người, Câu hỏi khó trả lời, Phá Táo 7. Những điều lưu ý đối với gia đình khi đọa, Tử Uyên thê, Khi quạ trổ tài, Ngựa người bệnh lâm chung, 8. Những thong nhà, Cụ già tu mướn, Ương-quật-ma-la, báo khi hộ niệm, 9. Lời căn dặn dự bị lúc Vakkali, Khi công tử chê tiền, Ni-đề, Pháp lâm chung, 10. Ba bài khai thị cho oan gia sư Đậu hũ, Xa-đầu tụ lạc, Tôn giả Thất trái chủ của HT. Tịnh Không, 11. Trích Lai, Châu-lợi-bàn-đặc, Einstein Giải thích đoạn 48 tọa đàm hướng dẫn – khai thị của thuyết Tương đối, A-xà-thế, Ca-lưu-đà-di, cư sĩ Diệu Âm Minh Trị: - Lời khai thị Hai bà hàng xóm, Hòa thượng Cua, Chúa cho oan gia trái chủ, - Lời khai thị cho và quỷ, Bốn viên ngọc, Bảy mươi năm người bệnh khi còn tỉnh táo, - Lời khai thị cuộc đời, Ma-đăng-già Mục-đế-lệ, Quả bí cho người bệnh và chư vị oan gia trong đầu mùa, Dây vạn niên thanh, Chiếc giày cơn hấp hối, - Lời khai thị cho người bệnh chờ đợi, Giá trị lời nói, Chùm nho mơ khi vừa lâm chung, - Lời khai thị cho ước, Ván cờ định mệnh, Ba tội đáng chết, người bệnh sau khi lâm chung được 30 Hoa vương, Người đánh xe, Công chúa xử phút, - Lời khai thị cho oan gia trái chủ và kiện, Những con ngựa dữ. người bệnh sau khi lâm chung một giờ đồng hồ, - Lời khai thị cho người bệnh sau

HƯƠNG HẢI THIỀN SƯ NGỮ LỤC Khuông Việt ấn hành, In tại Nhà in Thăng Giảng Giải Long (Sài Gòn), Giảng giải: Thích Thanh Từ Giấy phép số 3253 BTT/PHNT, ngày 19- Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 9-1972 Tác phẩm Ngữ lục này có khổ 14.5 x Sách dày hơn 189 trang, bìa mềm. Nội 20.5cm, dày 391 trang, bìa mềm, chữ tựa dung gồm có: Tựa, Tựa sách Thiền tông màu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần Chỉ nam, Văn Khóa hư của vua Trần Thái dưới, có tay gấp. Nội dung như sau: A. Tông, Chánh văn, I. Bài tựa, II. Tiểu sử Thiền sư Quyển I, Kệ Bốn núi, Núi thứ nhất: Tướng Hương Hải, III. Sư bị chúa nghe lời dèm sinh, Núi thứ hai: Tướng lão, Núi thứ ba: pha truyền cho về quê cũ, IV. Sự ra vùng Tướng bệnh, Núi thứ tư: Tướng chết, bên ngoài gần trấn lập Thiện Tịnh viện, V. Thuyết phổ thông về Sắc tướng của thân, Sư ra trụ trì dựng lập chùa Nguyệt Đường, Văn Khuyến phát tâm, Văn Giới sát sanh, VI. Khai Thị Ngộ Nhập được duyên tốt Văn Giới sắc, Văn Giới trộm cướp, Văn truyền trao ấn chứng, VII. Sư năm 88 tuổi Giới vọng ngữ, Văn Giới rượu, Luận dặn dò Niết-bàn; B. Giảng giải (toàn bộ thuyết về Giới-Định-Tuệ, Luận về Thụ phần A. Chánh văn); Phụ lục bản chữ Hán. giới, Luận về Niệm Phật, Luận về Ngồi thiền, Luận về tấm gương Tuệ, Luận Kinh KHÓA HƯ LỤC Kim Cương phép Tam-muội, Thuyết phổ Trần Thái Tôn thông về một đường đi lên, Vấn đáp giữa Phiên dịch và chú giải: Đào Duy Anh thầy trò; Nxb Khoa học Xã hội-Hà Nội – 1974 Khóa Hư Lục Quyển dưới II, Tựa khóa Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 228 nghi cho sáu buổi Sám hối, Tựa văn lễ trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời đầu Sám hối bình đẳng, Dâng hương buổi sách, Nói tóm tắt về Thiền tôn, Khóa Hư sáng, Sám hối nghiệp căn Mắt, Chúc Lục (Phần giải âm của Phúc Điền Hòa hương buổi trưa, Sám hối nghiệp căn Tai, thượng), I. Tựa mới sách Khóa Hư Lục, II. Dâng hương lúc trời lặn, Sám hối nghiệp Quyển thượng, III. Quyển trung, IV. căn Mũi, Kệ khuyên người đời buổi hoàng Quyển hạ; Khóa Hư Lục (dịch lại), I. Tựa hôn, Kệ tám mối khổ, Dâng hương buổi mới sách

Khóa Hư Lục, II. Quyển thượng, sẩm tối, Sám hối nghiệp căn Lưỡi, Dâng III. Quyển trung, IV. Quyển hạ; V. Phần hương nửa đêm, Sám hối nghiệp căn của dịch thêm: Những bài luận và tự; Khóa Hư Thân, Dâng hương buổi hết đêm, Sám hối Lục (Nguyên văn chữ Hán); Phụ lục: nghiệp căn của Ý, Kệ khuyên quần chúng; Trích dịch thơ của Tuệ Trung Thượng sĩ, Lời bạt cuối cùng. 1. Tựa, 2. Quyển thượng 3. Quyển trung, Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang 4. Quyển hạ, 5. Những bài luận và tự, 6. ảnh ấn năm 2018 Thơ Tuệ Trung Thượng Sĩ. Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang KHÓA HƯ LỤC ảnh ấn năm 2019 Chế tác: Trần Thái Tông Hoàng Đế Dịch giả: Sa-môn Thích Thanh Kiểm KHÓA HƯ LỤC Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003 Trần Thái Tông Sách có khổ 14 x 20cm, có 181 trang, bìa Dịch và chú giải: Nguyễn Đăng Thục mềm. Nội dung gồm 2 quyển: Tựa “Khóa

Hư lục”, Tựa dẫn nhập; Quyển thượng, (sám hối tội căn thân), g. Dâng hương cuối Nói về Bốn núi, Nói về Sắc thân, Văn đêm (sám hối tội căn ý); 15. Tựa Bình khuyên phát tâm Bồ-đề, Văn răn sát sinh, đẳng Sám hối, 16. Tựa Kinh Kim Cang Văn răn trộm cắp, Văn giới sắc, Văn răn Tam-muội, 17. Nói rộng một đường vọng ngữ, Văn răn giới rượu, Bàn về Giới hướng thượng, 18. Ngữ lục vấn đáp, 19. Định Tuệ, Bàn về Thọ giới, Bàn về Niệm Niêm tụng kệ, 20. Lời bạt của người sau, Phật, Bàn về tọa Thiền, Bàn về Gương tuệ 21. Khóa Hư Lục bản chữ Hán. giác, Bài tựa sách Thiền tông Chỉ nam, Tác phẩm Ngữ lục này đã được tái bản Bài tựa Kinh Kim Cương Tam-muội, Tựa nhiều lần: Năm PL. 2540 – DL. 1996, khoa nghi sáu thời sám hối, Tựa văn lễ GHPGVN-Ban Văn hóa Trung ương, Nxb sám bình đẳng, Nói rộng một đường Tp. Hồ Chí Minh, Thiền viện Thường hướng thượng, Ngữ lục vấn đáp môn hạ, Chiếu ấn hành, khổ 14 x 20cm, dày 874 Lời vấn đáp trong môn nhân, Niệm tụng trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ; năm kệ (âm-nghĩa); Quyển hạ, Kệ cảnh sách 2008, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh. chúng giờ Dần, Lễ dâng hương thời sáng sớm, Lễ dâng hương buổi trưa, Lễ dâng LÂM GIAN LỤC – Tập 1 hương buổi mặt trời lặn, Kệ khuyên chúng Tác giả: Hồng Giác Phạm chúng buổi hoàng hôn, Kệ tám khổ, Lễ Việt dịch: Thích Đạt-ma Viên Diệu dâng hương buổi chập tối, Lễ dâng hương Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 14 nửa đêm, Lễ dâng hương cuối đêm; Chú x 20cm, dày 218 trang, bìa mềm. Nội dung thích “Khóa Hư lục”. sơ lược gồm có: Lời đầu sách, Tiểu sử Tác phẩm này đã được THPG Tp. Hồ Chí Thiền sư Hồng Giác Phạm, Bài tựa Lâm Minh ấn hành – 1992. Gian Lục, và 40 câu chuyện hành đạo và ngộ đạo của các Thiền sư, sau mỗi chuyện KHÓA HƯ LỤC Giảng Giải có Lời bàn. Giảng giải: Thích Thanh Từ Nxb Văn hóa-Văn nghệ - 2015 LÂM TẾ NGỮ LỤC Lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn Dịch giả: HT. Thích Thanh Từ 700 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: 1. Lời Tác phẩm Lục này có 23 trang (PDF). 3. Tựa Thiền Tông Chỉ Nam; 4. Năm giới, LÂM TẾ NGỮ LỤC 5. Bốn núi, 6. Nói rộng Sắc thân, 7. Rộng Tác giả: Thiền sư Lâm Tế - khuyên Phát tâm Bồ-đề, 8. Luận về Thọ Nghĩa Huyền (787-867) giới, 9. Luận Tọa thiền, 10. Luận về Giới- Việt dịch: Thích Duy Lực (1923-2000) Định-Tuệ, 11. Luận Gương tuệ giáo, 12. Từ Ân Thiền Đường (Hoa Kỳ) xuất bản Luận về Niệm Phật, 13. Tựa Khoa nghi PL. 2536 – DL. 1993 Sáu thời Sám hối, 14. Khóa lễ sáu thời Tác phẩm Lục này có: Lời Dịch giả, nội Sám hối: Dịch giảng: a. Dâng hương buổi dung có 4 phần. sáng (sám hối tội căn mắt), b. Dâng hương buổi trưa (sám hối tội căn tai), c. Dâng LÂM TẾ NGỮ

LỤC hương buổi mặt trời lặn (sám hối tội căn The Sayings of Zen Master Ling Yixuan mũi), d. Dâng hương buổi đầu hôm (sám Tác giả: Eido T.Shimano hối tội căn lưỡi), e. Dâng hương nửa đêm Việt dịch: Thích nữ Thuần Bạch

có 287 trang, nội dung gồm: Lời đầu sách; Thiền/ Ngữ lục) Chánh văn: Tựa, Thượng đường, Khám biện, Hành lục; Giảng giải: 1. Vô vị chân LÂM TẾ NGỮ LỤC ĐẠI TOÀN – nhân, 2. Tổ sư Tây lai ý, 3. Đại ý Phật NGƯỜI VÔ SỰ pháp, 4. Tứ liệu giản. Bình giảng: Nhất Hạnh Lá Bối xuất bản. LÂM TẾ NGỮ LỤC Tác phẩm Ngữ lục này dày 737 trang, bìa Dịch và chú thích: Trần Tuấn Mẫn mềm, nền màu nâu, chữ tựa màu trắng do Nxb Tp. Hồ Chí Minh, chính Thiền sư Nhất Hạnh viết bằng thư PL. 2547 – DL. 2004 pháp và hình vòng tròn. Nội dung gồm có: Sách có khổ 14 x 20cm, dày 204 trang, bìa I. Lời nói đầu; II. Phần nguyên lục: a. Dạy mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời giới chúng, b. Đối trị căn cơ, c. Du hành, d. thiệu, Tựa, Trấn châu Lâm Tế-Tuệ Chiếu Tinh yếu Lâm Tế lục; III. Phần bình Thiền sư Ngữ lục, Thị chúng, Khám biện, giảng: A. Lâm Tế ngữ lục: 1. Dạy chúng, Hành lục, Phụ lục; Bài Bia minh nói về 2. Đối trị căn cơ, 3. Bốn phép độ người, 4. đạo hạnh của ngài Chơn Định Thập Bốn trường hợp khách và chủ; B. Tinh yếu phương Lâm Tế-Tuệ Chiếu huyền công Lâm Tế lục; IV. Lời cuối. Đại tôn sư; Lâm Tế Chánh Tông bia, Chú Tác phẩm Ngữ lục này tái bản năm 2016, thích, Nguyên bản chữ Hán. Nxb Tri Thức, khổ 15.5 x 24cm, dày 568 trang. LÂM TẾ NGỮ LỤC Thiền sư Nhất Hạnh Lược Giảng Lá Bối xuất bản TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI Ngữ lục này có hơn 125 trang, nội dung Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng gồm có: Dạy chúng, Đối trị căn cơ, Tinh Quảng Lục yếu Lâm Tế ngữ lục. Việt dịch: HT. Thích Duy Lực (1923-2000) LÂM TẾ NGỮ LỤC Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015 (song ngữ Anh-Việt) Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 715 trang. The Sayings of Zen Master Ling Yixuan Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời dịch Compiled by Thích nữ Thuần Bạch giả, Bài tựa, Lược giảng Bài tựa; Tín Tâm Vietnamese version: Zen Master Thích Minh Tịch Nghĩa giải, 1. Chí đạo vô nan, Thanh Từ duy hiềm giảng trạch, 2. Đản mạc tắng ái, English version: Eido T.Shimano đổng nhiên minh bạch, 3. Hào ly hữu sai, Tác phẩm Lục này có 196 trang (PDF), thiên địa huyền cách, 4. Dục đắc hiện tiền, nội dung gồm: Lời đầu sách – Introduction mạc tồn thuận nghịch, 5. Vi thuận tương (Spring – 2011); A. Vô vị chân nhân – tranh, thị vi tâm bịnh, 6. Bất thức huyền True man without rank; B. Tổ sư Tây lai ý chỉ, đồ lao niệm tịnh, 7. Viên đồng thái – The Intention of the patriarch; C. Đại ý hư, vô khiếm vô dư, 8. Lương do thủ xả, Phật pháp – The Essence of the sở dĩ bất như, 9. Mạc trục hữu duyên, vật Buddhadharma; D. Tứ liệu giản – The four trụ không nhẫn, 10. Nhất chủng bình hoài, dẫn nhiên tự tận, 11. Chỉ động quy chỉ, chí

cánh di động, 12. Duy trệ lưỡng biên, ninh ký bất thành, nhất hà hữu nhĩ, 54. Cứu tri nhất chủng, 13. Nhất chủng bất thông, cánh cùng cực, bất tồn quy tắc, 55. Khế lưỡng xứ thất công, 14. Khiển hữu một tâm bình đẳng, sở tác câu tức, 56. Hồ nghi hữu, tùng không bội không, 15. Đa ngôn tịnh tận, chánh tín điều trực, 57. Nhất thiết đa lự, chuyển bất tương ưng, 16. Tuyệt bất lưu, vô khả ký ức, 58. Hư minh tự ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông, 17. Quy chiếu, bất lao tâm lực, 59. Phi tư lương xứ, căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông, 18. Tu du thức tình nan trắc, 60. Chơn như pháp phản chiếu, thắng khước tiền không, 19. giới, vô tha vô tự, 61. Yếu cấp tương ưng, Tiền không chuyển biến, giai do

vọng duy ngôn bất nhị, 62. Bất nhị giai đồng, vô kiến, 20. Bất dụng cầu chơn, duy tu tức bất bao dung, 63. Thập phương trí giả, giai kiến, 21. Nhị kiến bất trụ, thận vật truy nhập thử tông, 64. Tông phi xúc diên, nhất tầm, 22. Tài hữu thị phi, phấn nhiên thất niệm vạn niên, 65. Vô tại bất tại, thập tâm, 23. Nhị do nhất hữu, nhất diệc mạc phương mục tiền, 66. Cực tiểu đồng đại, thủ, 24. Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô vong tuyệt cảnh giới, 67. Cực đại đồng cửu, 25. Vô cửu vô pháp, bất sanh bất tâm, tiểu, bất kiến biên biểu, 68. Hữu tức thị vô, 26. Năng tùy cảnh diệt, cảnh trục năng vô tức thị hữu, 69. Nhược bất như thử, tất trầm, 27. Cảnh do năng cảnh, năng do bất tu thủ, 70. Nhất tức nhất thiết, nhất cảnh năng, 28. Dục tri lưỡng đoạn, nguyên thiết tức nhất, 71. Đản năng như thị, hà lự thị nhất không, 29. Nhất không đồng bất tất, 72. Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, lưỡng, tề hàm vạn tượng, 30. Bất kiến tinh 73. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ phi kim. thô, ninh hữu thiên đảng, 31. Đại đạo thể khoan, vô dị vô nan, 32. Tiểu kiến hồ MÃ TỔ - BÁCH TRƯỢNG Ngữ Lục nghi, chuyển cấp chuyển trì, 33. Chấp chi Dịch và chú: Trần Tuấn Mẫn thất độ, tất nhập tà lộ, 34. Phóng chi tự An Tiêm xuất bản lần thứ nhất năm 1974 nhiên, thể vô khứ trụ, 35. Nhậm tánh hợp – Sài Gòn. đạo, tiêu dao tuyệt não, 36. Hệ niện quai Tác phẩm Lục này có 120 trang, bìa mềm; chơn, hôn trầm bất hảo, 37. Bất hảo lao nội dung gồm: - Lời nói đầu; I. Giang Tây trần, hà dụng sơ thân, 38. Dục thủ nhất - Mã Tổ Đạo Nhất Thiền sư Ngữ lục; II. thừa, vật ố lục trần, 39. Lục trần bất ố, Hồng Châu – Bách Trượng Đại Trí Thiền hoàn đồng chánh giác, 40. Trí giả vô vi, sư Ngữ lục; Chú thích; Phụ lục: Nguyên ngu nhơn tự phược, 41. Pháp vô dị pháp, bản Hán văn. vọng tự ái trước, 42. Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thố, 43. Mê sanh tịch loạn, NAM TUYỀN NGỮ LỤC ngộ vô hảo ố, 44. Nhất thiết nhị biên, VÀ BỬU TẠNG LUẬN lượng do châm chước, 45. Mộng huyễn Việt dịch: không hoa, hà lao bã tróc, 46. Đắc thất thị HT. Thích Duy Lực (1923-2000) phị, nhất thời phóng khước, 47. Nhãn Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012 nhược bất thùy, chư mộng tự trừ, 48. Tâm Tác phẩm Lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, nhược bất dị, vạn pháp nhất như, 49. Nhất có 88 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Nam như thể huyền, ngột nhĩ vong duyên, 50. Tuyền ngữ lục (trích dịch trong Chỉ Vạn pháp tề quán, quy phục tự nhiên, 51. Nguyệt lục); Bửu Tạng Luận của ngài Dẫn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ, 52. Chỉ Tăng Triệu. động vô động, động chỉ vô chỉ, 53. Lưỡng

NGỮ LỤC Tác giả: HT. Tuyên Hóa (1918-1995) NGỮ LỤC Biên soạn: Ban Việt ngữ - Viện Phiên dịch CỦA THIỀN SƯ PHẬT NHÃN Kinh Điển Vạn Phật Thánh Thành Việt dịch: Thích Trúc Thông Quảng Nxb Lao Động – 2008 Nxb Thời Đại – 2014 Sách có khổ 14 x 20cm, có 159 trang, bìa Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 103 mềm. Nội dung gồm có: Tám Qui luật của trang, bìa mềm. Viện Phiên dịch Kinh điển, Lời tựa, và Nội dung gồm có: Lời tựa, Bài tựa Ngữ những lời thuyết giảng trong suốt quá trình lục của Thiền sư Phật Nhãn 1; Bài tựa hành đạo, hoằng pháp của Hòa thượng Ngữ lục của Thiền sư Phật Nhãn 2; Bài Tuyên Hóa, được sắp thành từng đoạn văn tựa Ngữ lục của Thiền sư Phật Nhãn 3; hay từng câu; Sau cùng là Sơ lược về Hòa Phần 1: Tiểu sử, Phần 2: Ngữ lục của thượng Tuyên Hóa; Mười tám Đại ngyện Thiền sư Thanh Viễn hiệu Phật Nhãn ở của Hòa thượng Tuyên Hóa; Kệ Hồi Long Môn – Thư Châu; - Cổ Tôn túc Ngữ hướng. lục quyển 27; - Cổ Tôn túc Ngữ lục quyển 28; - Cổ Tôn túc Ngữ lục quyển 29. NGỮ LỤC –

BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA Việt dịch: Nguyên Hảo NGỮ LỤC Nxb Phương Đông – 2013 THIỀN SƯ TÀO SƠN BẢN TỊCH Sách có khổ 13 x 20.5cm, có hơn 79 (Phủ Châu Tào Sơn Bổn Tịch Thiền Sư trang, bìa mềm. Ngữ Lục) Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Ngài Bồ- Biên soạn: Nhật Bổn Huyền Khiết đề Đạt-ma, Ngữ lục Bồ-đề Đạt-ma, Bốn Việt dịch: Thích Nguyên Chơn Quán hạnh vào đạo của Đại thừa, Huyết Tác phẩm Ngữ lục này gồm có: Trùng Mạch luận, Ngộ Tánh luận, Phá Tướng biên, Ngôn hạnh của Thiền sư Tào Sơn luận, Hán văn và Phiên âm. Nguyên Chứng, Tự tựa; Quyển thượng và Quyển hạ; Giải thích Động Sơn ngũ vị NGỮ LỤC CỦA ĐẠO SƯ ẤN THUẬN hiển quyết, Chú thích Động Sơn ngũ vị Dịch giả: Nhựt Chiếu tụng, Ba loại đọa, Bốn Dị loại. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 366 trang, bìa mềm. Nội dung Ngữ lục này gồm có 9 NGỮ LỤC THIỀN SƯ TUỆ CHIẾU – chương: C.1 Lời nói đầu, C.2 Tư tưởng Tôn Lâm Tế của Phật giáo Nguyên Thủy, C.3 Nhận Biên tập: Thiền sư Tuệ Nhiên định mới về Tịnh Độ, C.4 Sự hưng thịnh Việt dịch: Tỳ-kheo Thiện Hạnh của Mật giáo và sự hủy diệt của Phật giáo, Tác phẩm Ngữ lục này có 189 trang C.5 Tư tưởng Trung Quán, C.6 Phật giáo ở (PDF), nội dung gồm: Lời dẫn đầu sách nhân gian khế lý khế cơ, C.7 Bàn việc vụn (2012); I. Tựa, II. Ngữ lục (Đối trị căn cơ), vặt của Phật giáo Trung Quốc, C.8 Quan III. Khám biện (Kiểm định khả năng liễu niệm về Tôn giáo, C.9 Một đời bình ngộ), IV. Du hành, V. Chú thích, VI. Phụ thường. lục: 1. Hành trạng Thiền sư Lâm Tế - Tác phẩm này đã được xuất bản năm Nghĩa Huyền; 2. Chánh văn bản Hoa ngữ, 2005, Nxb Tôn Giáo. từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, tập

47, Kinh thứ 1985; Sách tham khảo. bụi hồng, 34. Đạo lớn không khó, 35. Tâm lục) Chợt hứng, 39. Bốn núi nên phá, 40. Cây gậy thiền, 41. Soi mình, 42. Tự đề, 43. NGỮ LỤC – Thượng Sĩ Huệ Trung Chợt tỉnh, 44. Tự tại, 45. Lui về, 46. Bảo (Trần Quốc Tảng) học trò, 47. Bảo cho biết nghiệp tu Tây Việt dịch: Trúc Thiên (1920-1972) phương Tịnh độ, 48. Thoát đời, 49. Vui Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh ấn hành – thú sông hồ; Phần bốn: Con người và đạo 1968 nghiệp của Thượng Sĩ; Bạt, Lược dẫn; Sách dày 197 trang, bìa mềm, nền trắng, Phần Hán văn. tựa chữ Việt Ngữ lục màu đen, tựa chữ Hán Ngữ lục viền đỏ, ruột màu trắng. NHÂN GIAN PHẬT GIÁO NGỮ LỤC Nội dung gồm có 3 phần: Tựa khắc Kinh, – 3 Quyển Lược dẫn; Phần một: Đối ứng với cơ Tác giả: Đại sư Tinh Vân duyên; Phần hai: Cử Công án, 1. Pháp Việt dịch: Giới Niệm – Huệ Trang – sanh diệt, 2. Niết-bàn vui, 3. Quán thân – Khánh Hiếu quán Phật, 4. Chẳng sanh chẳng diệt, 5. Nxb Hồng Đức-Công ty Sách Thời Đại – Thứ nhất – thứ nhì, 6. Tánh Phật ở khúc 2017 nào? 7. Triệu Châu đốt tượng, 8. Ngưỡng Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, 3 quyển dày Sơn đập gương, 9. Vinh nhục đầu đáng sợ hơn 768 trang, bìa mềm. như nhau, 10. Không lạy Phật – Không lạy Quyển thượng, dày hơn 264 trang, nội Tổ, 11. Lừa trước ngựa sau, 12. Thầy lạy dung gồm có 12 chương: C.1 Thiền là gì? trò, 13. Sư đánh Ni; Phần ba: Thơ tụng, 1. C.2 Mục đích học Thiền, C.3 Tham Thiền Khúc ca Phật tâm, 2. Khúc hát ngao, 3. như thế nào? C.4 Thiền định và Bát-nhã, Sống chết nhàn thôi vậy, 4. Phàm Thánh C.5 Cuộc sống tu trì của Thiền giả, C.6 chẳng hai, 5. Mê ngộ chẳng hai, 6. Trừu Quang cảnh trí tuệ Thiền, C.7 Thế nào gọi thần ngâm, 7. Bài văn trữ từ tự văn, 8. là Tịnh độ? C.8 Tu pháp môn Tịnh độ như Thời tiết tự nhiên, 9. Nuôi chân tánh, 10. thế nào? C.9 Pháp yếu niệm Phật, C.10 Vào vòng cát bụi, 11. Muôn vật trở về kiến lập Tịnh độ duy tâm, C.11 Ý nghĩa như, 12.

Thói đời hư dối, 13. Họa thơ quan của Tịnh độ nhân gian, C.12 Bản đồ của huyện, 14. Cảnh vật Tịnh Bang, 15. Họa Phật giáo nhân gian; thơ Hưng Trí Thượng Vị Hầu, 16. Ca tụng Quyển trung, dày hơn 250 trang, nội dung Đạo học của Trần Thánh Tông, 17. Chăn gồm có 12 chương: C.1 Quan niệm về trâu đất, 18. Vui thích giang hồ, 19. Vật Cuộc sống, C.2 Quan niệm về Luân lý, tùy người, 20. Viếng Đại sư Tăng Điền, C.3 Quan niệm về Tu trì, C.4 Quan niệm 21. Hỏi thăm bệnh của Đại sư Phước về Xử thế, C.5 Quan niệm về Nghi lễ, C.6 Đường, 22. Lễ Thiền sư Tiêu Dao, 23. Quan niệm về Giáo dục, C.7 Quan niệm Cảnh vật Phước Đường, 24. Tặng Pháp sư về Kinh tế, C.8 Quan niệm về Chính trị, Thuần Nhất, 25. Đùa thầy Trí Viễn đọc C.9 Quan niệm về Quản lý, C.10 Quan giải Kinh, 26. Điếu Tiên sư, 27. Khuyên niệm về Thế giới, C.11 Quan niệm về Sinh đời vào đạo, 28. Bảo chúng, 29. Bảo mạng, C.12 Quan niệm về Tôn giáo; Phụ chúng, 30. Bảo cho hàng học giả, 31. Chợt lục. hứng, 32. Cội tùng đáy khe, 33. Ra khỏi

Quyển hạ, dày hơn 254 trang, nội dung gởi Châu Tẩy Tâm, 31. Thư gởi Đinh Liên gồm có 6 chương: C.1 Hệ thống tư tưởng, Lữ, 32. Trả lời thư ông Hàn Triều Tập, 33. C.2 Hoằng pháp lợi sanh, C.3 Pháp môn Thư trả lời Đường Nghi Chi; Mấy lời Tâm Tu trì, C.4 Tông phong của Phật Quang, huyết. C.5 Tân hỏa Truyền đăng, C.6 Tịnh độ thực tiễn. PHẬT LỤC Tủ sách Phật học Tân Việt PHÁP NGỮ - Biên soạn: Trần Trọng Kim (1882-1953) HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA Nhà Tân Việt xuất bản – 1964 Nxb Lao Động Tác phẩm lục này có 96 trang, bìa mềm; Tác phẩm Pháp ngữ này có 237 trang, bìa nội dung gồm: Mấy lời ngỏ cùng độc giả, mềm; nội dung gồm: Pháp ngữ, Tu hành, Lời mở đầu; I. Thích-ca Mâu-ni Phật, Trì giới-nhẫn nhục, Tham thiền-niệm Phật, Thập đại đệ tử...; II. Chư Phật: A-di-đà Hạnh của người xuất gia, Nhân quả-sám Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Phật; III. hối và chuyển hóa, Giáo dục, Đạo Phật và Chư Bồ-tát: Di Lặc Bồ-tát, Quán Thế Âm Phật pháp, Trí tuệ. Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn Thù Bồ- tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Địa Tạng Bồ-tát; IV. PHÁP NGỮ CỦA ĐẠI SƯ NGẪU ÍCH Thế gian và thế giới; V. Sự thờ phụng và Tác giả: Đại sư Ngẫu Ích cách bài trí các tượng ở trong chùa; Hình: Việt dịch: Như Hòa 1. Tượng đức Phật Thích-ca Mâu-ni lúc Nxb Phương Đông mới mới thành Phật chỉ xuống đất mà bảo Tác phẩm Pháp ngữ này có 91 trang, bìa ma vương, 2. Tượng đức Phật Thích-ca mềm; nội dung gồm: 1. Dạy Pháp Nguyên, Mâu-ni thuyết pháp, 3. Tượng đức A-di-đà 2. Dạy Vương Tâm Quỳ, 3. Dạy Tĩnh Phật, 4. Tượng đức Quan Âm có 32 tay, 5. Văn, 4. Dạy Quách Thiện Hữu, 5. Dạy Tượng đức Văn Thù Bồ-tát ngồi trên con Tống Dưỡng Liên, 6. Dạy Lục Dụ Liên, 7. Thanh sư, 6. Tượng đức Phổ Hiền Bồ-tát Dạy Ưu-bà-di Tịnh Kiên, 8. Dạy Phương ngồi trên con Bạch tượng, 7. Tượng Tam Nhĩ Giai, 9. Dạy Lưu Kim Độ, 10. Dạy thế (quá khứ, hiện tại, tương lai Phật), 8. Huyền Trứ, 11. Dạy Tự Thiên, 12. Dạy Tượng Hộ pháp (1), Tượng Hộ pháp (2). Thạch Hữu, 13. Dạy Lương Nhiên, 14. Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Dạy Minh Tây, 15. Dạy Tạ Tại Chi, 16. Nxb Tôn Giáo. Dạy Thái Nhị Bạch, 17. Dạy Chứng Tâm, 18. Dạy Niệm Phật Xã, 19. Dạy Mân Châu TAM TỔ THỰC LỤC Đĩnh, 20. Giảng về Pháp môn Niệm Phật, Dịch và chú: 21. Giảng về Niệm Phật Tam-muội, 22. Thích Phước Sơn (1938-2020) Bàn về Niệm Phật Tam-muội, 23. Nói với Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn Dựng Liên, 24. Luận về Trì danh Niệm hành - 1995 Phật Cửu phẩm Vãng sanh, 25. Lời phổ Tác phẩm Lục này có khổ 13 x 19cm, dày thuyết của Nhân Nghĩa Viện thuộc

Phong 243 trang, bìa mềm. Nội dung có: 1. Lời Nam, Hấp Tây, 26. Lời phổ thuyết ở Thiên giới thiệu, 2. Lời nói đầu, 3. Lý do hiệu Mã Viện, Hấp Phổ, 27. Phạm thất ngẫu đính, 4. Phần I: Sơ Tổ Trúc Lâm (1258- đàm, 28. Thư trả lời Tịnh Thiền sư, 29. 1308); 5. Phần II: Nhị Tổ Pháp Loa (1284- Thư trả lời ông Đặng Tĩnh Khởi, 30. Thư 1330); 6. Phần III: Tam Tổ Huyền Quang

(1254-1334); Chú thích, Tài liệu tham sư (Thiên Thai Trí Giả), Hoằng Tế Đại sư, khảo; Phần Phụ lục bản chữ Hán "Tam Tổ Đức Thanh-Hám Sơn Đại sư, Đế Nhàn Thực Lục". Pháp sư, Thọ Tâm Đại sư, Tư Ngạn Đại sư, Chí Thiện Thiền sư, Mặc Am Đại sư, TAM TỔ TRÚC LÂM giảng giải Dương Kiệt, Vương Cổ, Ngu Thuần Hy, Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Viên Hoằng Đạo, Vương Điền, Vương Nxb Tp. Hồ Chí Minh Nhựt Hưu (Vương Long Thơ), Viên Liệt Thiền viện Thường Chiếu ấn hành, Tinh, Việt Quốc Phu Nhơn, Mã Vinh Tổ, PL. 2541 – DL. 1997 Ngô Doãn Thăng, Phạm Ngươn Lễ, Châu Nội dung tác phẩm này gồm có: 1. Lời đầu Phu Nhơn, Hạ Quốc Xương, Phương Hải sách, 2. Lời dẫn, 3. Sơ Tổ phái Trúc Lâm: Sanh, Dương Liên Hàng, Bần Phụ, Tiểu Trần Nhân Tông, Tham vấn, Thi phú Hán Vương, Tào Vân Tôn, Diệp Cửu Thành, Nôm, Phần phụ giảng, Đắc thú Lâm tuyền Trần Tánh Lương, Nhaa6m Cung Nhơn, thành đạo ca; 4. Tổ thứ hai phái Trúc Lâm: Châu Thị, Cư sĩ Hạ Liên Cư (1884-1965), Thiền sư Pháp Loa, Tham vấn, Lời khuyên Cư sĩ Lý Bỉnh Nam (1889-186), Cư sĩ Xuất gia tiến đạo, Khuyên chúng Thượng Hoàng Niệm Tổ (1913-1992), HT. Tịnh thừa Tam học, Cách học cần biết rõ; 5. Tổ Không giảng năm 1998; Tịnh độ Thánh thứ ba phái Trúc Lâm: Thiền sư Huyền hiền lục (Việt Nam): Việt Nam Liên Tông Quang, Thơ phú còn sót lại, Vịnh Vân Sơ Tổ, Vô Nhất Đại Ninh Bồ-tát, HT. Yên tự phú. Thích Thiền Tâm, Tiểu sử-Thân thế và Thời kỳ hành đạo, Bồ-tát Thích Quảng TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC Đức-Ngọn lửa Từ bi và Trái tim bất diệt, Việt dịch: HT. Thích Minh Đức, HT. Thích Hải HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992) Quang, Phần phụ thêm những đoạn khai Kết tập: Cư sĩ Diệu Âm – Hạnh Siêu thị từ tuyển tập Lá thư Tịnh độ của Tổ Ấn Nxb Hồng Đức – 2014 Quang, Đại lão HT. Thích Trí Tịnh, Đại Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 457 trang. lão HT. Thích Trí Tịnh, Đại lão HT. Thích Nội dung gồm có: Duyên khởi kết tập, Trí Tịnh dạy về cách Nhất tâm, Tinh tấn Tịnh độ Thánh hiền lục, Trung Hoa: Huệ và Chuyển hóa vọng niệm, Đại lão HT. Viễn Đại sư-Liên tông Sơ Tổ, Thiện Đạo Thích Trí Tịnh, TT. Thích Thanh Chân, Đại sư- Liên tông Nhị Tổ, Thừa Viễn Đại Thời kỳ hành đạo, TT. Thích Phước Minh, sư-Liên tông Tam Tổ, Pháp Chiếu Đại sư- Xá-lợi của Sa-di Thích Minh Đạt, Nhâm Liên tông Tứ Tổ, Thiếu Khang Đại sư- Ngọc Hựu, Sư bà Đàm Lựu, Sư bà Thích Liên tông Ngũ Tổ, Vĩnh Minh Diên Thọ nữ Như Phụng, Bà Nguyễn Thị Danh-Nán Đại sư-Liên tông Lục Tổ, Tỉnh Thường lại một ngày, Bà Trần Thị Lai, Ông Hồ Đại sư-Liên tông Thất Tổ, Liên Trì Đại Văn Định, Bà Lý Thị Cúc, Bà Huỳnh sư-Liên tông Bát Tổ, Ngẫu Ích Đại sư- Ngọc Tuyết, Bà Thái Xương, Thân phụ Sư Liên tông Cửu Tổ, Hành Sách Đại sư-Liên cô Huệ Tâm ở Biên Hòa, Bà Nguyễn Thị tông Thập Tổ, Thật Hiền Đại sư-Liên tông Trị, 80 tuổi, Thời kỳ lâm bệnh và giây Thập nhất Tổ, Triệt Ngộ Đại sư-Liên tông phút lâm chung, Đôi lời chia sẻ, Chị Bùi Thập nhị Tổ, Ấn Quang Đại sư-Liên tông Thị Gái, Đôi lời chia sẻ, Nguyễn Xuân Thập tam Tổ, Tịnh độ Thánh hiền lục Phương, Ông Diệc Trung Hòa, Chuột (Trung Hoa): Phần 2. Lời đầu, Trí Giả Đại Vãng Sanh, Cụ Đào Thị Hòa, Cư sĩ

Trương Biết, Cụ Nguyễn Văn Trợ, Phật tử Lược dẫn Thiền phái đồ; I. Đối cơ, II. Trần Nguyên Hạnh, Cô Phan Thị Diệu Tụng cổ, III. Thi tụng (1), IV. Thượng Sĩ Anh, Cụ Nguyễn Thị Tiêu, Phật tử hành trạng; V. Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ Nguyễn Văn Bê, Đôi lời chia sẻ, Anh lục Hậu bạt (Lời bạt của Trần Khắc Thạch Sơn Vương, Phật tử Trần Thị Kim Chung); VI. Lời dẫn của người khắc in lại Tuyến, Chị Nguyễn Thị Kim Thảo; Tịnh sách; Việt Nam Thiền tông Thành ngữ độ Thánh hiền lục, Danh sách Ban Hộ Điển cố Tối lược giải; Trung Quốc Thiền niệm toàn quốc, Danh sách Ban Hộ niệm ở tông Thành ngữ Điển cố Tối lược giải; nước ngoài, Mười điều tâm niệm. Tóm tắt Hai mươi bộ Kinh lục danh tiếng Trung Quốc; Phụ lục: “Tuệ Trung Thượng TỊNH KHÔNG PHÁP SƯ Sĩ ngữ lục” bản chữ Hán. Tác giả: HT. Tịnh Không Thiền/ Ngữ lục) Việt dịch: Thích Nhuận Nghi Nxb Phương Đông – 2013 TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ - Sách có khổ 14 x 20cm, có 118 trang. NGỮ LỤC Giảng Giải Ban Văn Hóa Trung ương GHPGVN TÔNG CẢNH LỤC – Trọn bộ 5 Tập Giảng giải: Thích Thanh Từ Tác giả: Thiền sư Diên Thọ (904-975) Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Việt dịch: Tuệ Đăng – Hân Mẫn Thiền viện Thường Chiếu ấn hành, Nxb Phương Đông: 2009-2010-2011. Sách PL. 2540 – DL. 1996 có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 657 trang, hơn 2.980 trang, gồm 100 quyển. Tập I, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ, có dày 654 trang, nội dung gồm: Lời giới hình chùa Một Cột (nhỏ) ở phần dưới. Nội thiệu, Về Tác giả, Về tác phẩm, Bài tựa; dung gồm có: I. Lời đầu sách; II. Trúc Chương I. Q.1 Lập chính tông, tiếp theo Lâm Tổ sư Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục, Q.2 đến Q.20; Tập II, dày hơn 678 trang, III. Trần triều Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ từ Q.21 đến Q.40; Tập III, dày hơn 587 lục (Lược dẫn bản đồ Thiền phái), IV. trang, từ Q.41 đến Q.60; Tập IV, dày hơn Hành trạng Thượng Sĩ Trần Tung: 1230 – 549 trang, từ Q.61 đến Q.80; Tập V, dày 1291, V. Đối cơ (trả lời người hỏi), VI. hơn 512 trang, từ Q.81 đến Q.100. Tụng cổ, VII. Thi ca: Bài ca Tâm Phật, Bài Ngâm phóng cuồng, Sống chết nhàn TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ - mà thôi, Phàm Thánh không hai, Mê ngộ NGỮ LỤC Dịch Giải không khác, Ngâm bĩu môi, Bài văn Trừ Dịch giải: Lý Việt Dũng từ tự răn, Thời tiết an định, Dưỡng chân, Nxb Mũi Cà Mau – 2003 Vào cát bụi, Muôn việc về ‘như”, Thói đời Tác phẩm Ngữ lục dịch giải này có 842 hư dối, Họa thơ Quan Huyện, Cảnh vật trang (PDF), nội dung gồm: Lời Nhà xuất Tịnh Bang, Họa thơ Hưng Trí thượng Vị bản, Lời bạt, Lời tựa, Vài nhận xét nhân hầu, Tụng đạo học Trần Thánh Tông, dịch Trần triều Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ Chăn trâu đất, Vui thích giang hồ, Vật lục, Phần dịch giải “Tuệ Trung Thượng Sĩ không tùy người, Viếng Đại sư Tăng Điền, ngữ lục”, Bài tựa của Huệ Nguyên, Lược Thăm bệnh Đại sư Phước Đường, Lễ dẫn Thiền phái đồ (Tính Tự Dẫn), Bảng Thiền sư Tiêu Dao ở Phước Đường, Cảnh

vật Phước Đường, Tặng Pháp sư Thuần Trần Thái Tông, Vua Trần Thanh Tông, Nhất, Đùa Thiền sư Trí Viễn xem Kinh Vua Trần Nhân Tông, Vua Trần Anh giải nghĩa, Điệu Tiên sư, Khuyên đời vào Tông, Vua Trần Minh Tông; Kết luận. đạo, Bảo chúng, Bảo học giả, Chợt hứng (1), Cội tùng đáy khe, Xuất trần, Đạo lớn Thiền ngữ HOÀNG BÁ không khó, Tâm vương, Thả trâu, Đề tinh TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU xá, Chợt hứng (2), Cây gậy, Chiếu thân, (Chung Lăng lục và Uyển Lăng lục) Tự đề, Chợt tỉnh, Tự tại, Bảo học trò, Bảo Dịch và chú thích: Trần Tuấn Mẫn tu nghiệp Tây Phương, Thoát đời, Vui thú Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn giang hồ; VIII. Lời bạt; IX. Phụ lục chữ hành – 1992

Hán. Tác phẩm Thiền ngữ này có khổ 13 x Tác phẩm Ngữ lục này tái bản nhiều lần: 19cm, dày 119 trang, bìa mềm. Nội dung Năm 1997-2008, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ gồm: - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu; Chí Minh. Chung Lăng lục; Uyển Lăng lục; Phụ lục: (Trích Ngũ gia Chính tông tán của Hòa TỨ ĐẠI THIỀN GIA NGỮ LỤC thượng Hy Tẩu đời Tống); Chú thích. Việt dịch: Trần Tuấn Mẫn Nxb Phương Đông – 2008 THIỀN SƯ THẦN HỘI Giảng Giải Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 405 Giảng giải: Thích Thanh Từ trang. Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002 Nội dung gồm có: I. Mã Tổ Bách Trượng Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 424 trang, ngữ lục, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Giang bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp Tây Mã Tổ - Đạo Nhất Thiền sư ngữ lục, chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp. Kết Hồng Châu Bách Trượng Đại Trí Thiền sư cấu tác phẩm này gồm có 3 phần: Lời đầu ngữ lục, Chú thích; Phụ lục nguyên bản sách, I. Tiểu sử Thiền sư Thần Hội, II. Hán văn; II. Hoàng Bá truyền tâm pháp Thần Hội Ngữ lục: Giới thiệu sơ lược, yếu, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Chung Phần Ngữ lục, III. Hiển tông ký. Lăng lục, Uyển Lăng lục; Phụ lục, Chú thích; Phụ lục nguyên bản Hán văn; III. THIỀN TÔNG KHÓA HƯ NGỮ LỤC Lâm Tế ngữ lục, Lời giới thiệu, Tựa, Trấn Trần Thái Tông Châu Lâm Tế Tuệ Chiếu Thiền sư ngữ Tuệ Tĩnh dịch Nôm; Khảo cứu-phiên chú: lục; Phụ lục, Chú thích; Phụ lục nguyên Trần Trọng Dương bản Hán văn. Hiệu đính: GS. TS. Nguyễn Ngọc San Nxb Văn Học – 2009. Sách dày hơn 200 THÁNH ĐĂNG LỤC Giảng Giải trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần: Giảng giải: Thích Thanh Từ Ảnh Trần Thái Tông, Mục lục, Lời cảm Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999 ơn, Bảng kí hiệu chữ viết tắt; Phần I. Tác phẩm Lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, Khảo cứu, Thời điểm giải nghĩa Thiền dày 249 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền tông Khóa Hư Ngữ Lục qua khảo sát một màu cam, chữ tựa màu đỏ, có hình chùa số chứng tích ngôn ngữ-văn tự, 1. Lai lịch Một Cột (nhỏ) ở phần dưới. Nội dung và hiện trạng văn bản, 2. Vấn đề dịch giả gồm: Thay lời tựa, Tựa Trùng khắc Thánh và niên đại của bản dịch, 2.1 Vấn đề dịch Đăng Lục, Giải chữ Thánh Đăng Lục; Vua giả, 2.2 Vấn đề niên đại của bản dịch, 3.

Tình hình chữ Nôm trong văn bản, 4. Ngữ Pháp ngữ khởi thất, Khởi thất, Khai thị từ âm tiếng Việt cổ, 4.1 Loại chữ Nôm dùng ngày 16/10 đến ngày 27/11 (từ Thất đầu hai mã chữ để ghi những từ song âm tiết, đến thất sáu, mỗi ngày đều khai thị); tiếp 4.2 Loại chữ Nôm dùng một mã chữ để tục Khai thị ngày 01/12 đến ngày 27/12 ghi tổ hợp phụ âm đầu, 5. Từ vựng tiếng (từ Thất bảy đến thất mười, hầu hết mỗi Việt cổ, 5.1 Thực từ, 5.2 Hư từ tiếng Việt ngày đều có khai thị, chỉ ngưng vài ngày); cổ, Phụ lục: 1. Bảng Thống kê các đoạn bỏ Khảo công phu và giải thất. dịch trong AB. 268; 2. Bảng Đính chính các chữ Nôm viết sai trong văn bản AB. TRÍ ĐỨC VĂN LỤC 268; 3. Bảng Từ cổ trong Thiền tông Khóa Tác giả: Hư Ngữ Lục AB. 268; Phần II. Phiên chú, HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001) Thiền tông Khóa Hư Ngữ Lục, Tựa, Trần Sưu tập: Thích Trung Hậu triều Thánh tổ tự soạn Khóa hư tam quyển PL. 2527 – DL. 1983, Lưu hành nội bộ. mục lục, Thái tông Hoàng đế ngự chế Tác phẩm Lục này gồm có: Lời thưa đầu Khóa hư lục quyển thượng: Phổ thuyết Tứ quyển, Tiểu sử, Kinh Dược Sư (Toát yếu), sơn (Nói rộng về bốn núi), Nhất sơn, Nhị Từ bi, Luân hồi, Đại ý Kinh Vu Lan, Bất sơn, Tam sơn, Tứ sơn; Phổ khuyến sắc diệt trong sanh diệt, Chữ “Tu” trong đạo thân, Phổ khuyến Bồ-đề tâm, Thái tông Phật, Thường Bất Khinh Bồ-tát, Giải thoát Hoàng đế Ngự chế Khóa

hư lục quyển một mục đích, Đại ý Kinh Lăng Nghiêm, trung: Dần thì cảnh sách chúng kệ, Sơ nhật Tâm Từ bi, Cầu thấy Phật, Bồ-tát danh và chúc hương, Hiến hương kệ, Hiến hoa kệ, thiệt, Muốn được yên vui sanh tồn, Vài Này lời sám hối tội căn con mắt, Sơ nhật chủ điểm trong lối giáo dục, Tám trai giới vô thường kệ, Nhật trung chúc hương, và phụ lục, Giới thiệu Phát Bồ-đề tâm, Sám hối nhĩ căn tội, Thử nhật vô thường Nhận xét nghi lễ Phật giáo, Lịch sử Phật kệ, Nhật một phần hương, Lễ sám hối tỷ giáo, Giới thiệu Quyển Di-đà sớ sao, Giới căn tội; Thái tông Hoàng đế Ngự chế thiệu Phật pháp thường thức, Giới thiệu Khóa hư lục quyển hạ: Hoàng hôn khuyến tập Hương Đạo, Pháp thoại nói với người chúng kệ, Nay kệ bát khổ nói rằng, Sơ dạ xuất gia, Lý Luân hồi hay Thập Nhị nhân chúc hương, Khải bạch văn, Sám hối thiệt duyên, Tứ Thánh đế, Bài giảng trong dịp căn tội, Chí tâm phát nguyện, Thử thì vô Lễ Vu Lan, Để phân biệt Phật pháp với thường kệ, Hậu dạ chúc hương, Khải bạch ngoại đạo, Nhất thừa đạo, Nhà Như Lai-văn, Sám hối ý căn tội, Chí tâm khuyến tòa Như Lai-áo Như Lai, Giới thiệu Phật thỉnh, Chí tâm tùy hỷ, Chí tâm hồi hướng, pháp thường thức 2, Khai đạo giới tử Chí tâm phát nguyện, Thử thì vô thường (Thập thiện), Đại cương Kinh Kim Cang, kệ; Bạt hậu văn; Phần III. Nguyên văn chữ Giới thiệu Câu chuyện Số mệnh, Giới Hán. thiệu Đại cương Kinh Pháp Hoa, Nhứt thiết duy tâm tạo, Lược ghi thứ tự 23 THIỀN THẤT KHAI THỊ LỤC phẩm Kinh Pháp Hoa. Việt dịch: Thích Duy Lực (1923-2000) Từ Ân Thiền Đường xuất bản năm 1991. TRIỆU CHÂU NGỮ LỤC Tác phẩm Lục này gồm có: Tiểu sử Thiền Tác giả: Thiền sư Triệu Châu – sư Lai Quả; Thiền Thất Khai Thị Lục: Tòng Thẩm (778-897)

Việt dịch: Dương Đình Hỷ thị thượng nhân Không ở Hải Đông, Khai (dịch theo tài liệu của Lư Sơn Thê Hiền thị thiền nhân Viên, Khai thị thiền nhân Bảo Giác Thiền viện Trụ trì truyền pháp Vận, Khai thị Đầu-đà Đạo giả Chí Thành, Tứ tử; Sa-môn Trừng Quế Trọng Tường Khai thị Thủ tọa Dưỡng Trực Mông, Khai Định; Bản khắc của Minh Thanh và bản thị thiền nhân ở Nam Từ, Khai thị thiền của James Green). nhân Vô Ẩn Hối, Khai thị thiền nhân Bách Tác phẩm Lục này có 522 đoạn. Tây Đinh, Pháp ngữ trích từ Bộ Quảng lục) Lâm Tế Ngữ lục, Lời dịch giả, Lâm Tế Ngữ lục. TRIỆU CHÂU NGỮ LỤC Tác giả: Thiền sư Triệu Châu – TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU Tùng Thẩm (778-897) Giảng Giải Việt dịch: Thích Thông Phương Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007 Tác phẩm Ngữ lục này gồm có: 1. Lời Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 209 trang, dẫn, 2. Hành trạng, 3. Ngữ lục, 4. Đối cơ bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời khám biện, 5. Khúc ca 12 giờ, 6. Thập nhị đầu sách, Tựa, Pháp Yếu Truyền Tâm- thời ca. Thiền sư Đoạn Tế ở núi Hoàng Bá (nội dung văn bản phân ra từng đoạn: Chánh TRUNG PHONG PHÁP NGỮ - văn và Giảng). LÂM TẾ NGỮ LỤC Việt dịch: UYỂN LĂNG LỤC Giảng Giải HT. Thích Duy Lực (1923-2000) Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 105 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 166 trang, trang, bìa mềm. Tác phẩm này có 2 phần. bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ. Nội dung Phần I. Trung Phong Pháp ngữ, Lời đầu gồm có: Lời đầu sách, Uyển Lăng Lục sách, Khai thị đồ chúng, Khai thị thị (được phân thành từng đoạn giảng giải, chúng, Kiết hạ khai thị chúng ở Thuận gồm: Chánh văn và Giảng); Tiểu sử Thiền Tâm am, Khai thị chúng Phát Bồ-đề tâm, sư Hoàng Bá. Khai thị thị chúng, Khai thị thiền nhân Tác

phẩm Lục này đã được in lưu hành chánh văn, Khai thị thiền nhân Khả Ông nội bộ năm PL. 2547 – DL. 2003, có 201 Nhiên ở Hải Đông, Khai thị Thủ tọa Linh trang. Tẩu Cổ, Khai thị Thủ tọa Uyên ở Hải Đông, Khai thị thiền nhân Vô Địa Lập, UYỂN LĂNG LỤC Giảng Giải Khai thị Thượng chủ Phù, Khai thị thiền Giảng giải: Trúc Thông Quang nhân Nhật Bổn Nguyên, Khai thị Thị giả Nxb Tôn Giáo – 2010 tự Hải Văn, Khai thị thiền nhân Ý, Khai Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 324 thị thiền nhân Nhân, Khai thị thiền nhân trang. Nội dung gồm có: Duyên khởi, Mở Diệu Nhiên, Khai thị thiền nhân Huyền, đầu, Phần Hỏi-Đáp và lời giảng (gồm có Khai thị thiền nhân Mục, Khai thị thượng 15 câu hỏi-đáp và giảng), Tổng kết, Kết. nhân Dật, Khai thị thiền nhân Anh, Khai

300 TẮC THIỀN NGỮ Biên tập: Ngữ Phong Viên Tín, Quách Tác giả: Chung Học Tử Ngưng Chi Việt dịch: Thông Thiền Việt dịch: Thích Đạo Tâm Nxb Thời Đại – 2014 Sách có khổ 13 x 21cm, dày 360 trang. QUI SƠN NGỮ LỤC (Đàm Châu Quy Nội dung gồm có 300 tắc Thiền ngữ trong Sơn Linh Hựu Thiền sư Ngữ lục) 14 đề mục: Lời đầu sách, Tựa của Tác giả; (1 quyển, T. 47, No. 1989) 1. Tự cụ Phật tánh, 2. Đốn ngộ thành Phật, Tác giả: Thiền sư Qui Sơn – 3. Nhận thức tự ngã, 4. Bình thường tự Linh Hựu (771-853) nhiên, 5. Nhất ty bất quảy, 6. Nhất thiết Biên tập: bất vi, 7. Bất lập văn tự, 8. Thạch hỏa điện Ngữ Phong Viên Tín, Quách Ngưng Chi quang, 9. Ha Phật mạ Tổ, 10. Siêu thường Việt dịch: Đạo Tâm xuất cách, 11. Vạn pháp như nhất, 12. Thị Tác phẩm Lục này có 33 trang (PDF). Thiêm thiêm Thiền đăng. Thiền Tông KHÓA HƯ NGỮ LỤC Tác giả: Trần Thái Tông Phụ lục: Việt dịch: Tuệ Tĩnh Nxb Văn Học – 2009 CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG (30 quyển, T. 51, S. 2076) THIỀN UYỂN KẾ ĐĂNG LỤC Tác giả: Đạo Nguyên Toản Nguyên tác: Sa-môn Như Sơn Việt dịch: Minh Tuệ-Dương Thanh Khải Việt dịch: Thích Thiện Phước Nxb Hồng Đức – 2015 ĐỘNG SƠN NGỮ LỤC (1 quyển, T. 47, S. 1986b) VẠN PHÁP QUI TÂM LỤC Tác giả: Thiền sư Động Sơn – (1 quyển, X. 65, S. 1288) Lương Giới (807-869) Siêu Minh Trước Việt dịch: Đạo Tâm Việt dịch: Thích Đắc Pháp (1938-2012) Tác phẩm Lục này có 41 trang (PDF).

NGỮ LỤC CỦA THIỀN SƯ QUÂN
CHÂU ĐỘNG SƠN NGỘ BỔN
(Quân Châu Động Sơn Ngộ Bổn Thiền sư
Ngữ lục) (1 quyển, T. 47, S. 1986a)
Huệ Ấn
Việt dịch: Thích Đạo Tâm
NGỮ LỤC CỦA THIỀN SƯ VIÊN CHÂU NGƯỠNG SƠN HUỆ TỊCH (Viên Châu Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền sư Ngữ lục) (1 quyển, T. 47, S. 1990)

III. TỪ ĐIỂN Vietnamese – English Việt – Anh I (A to Đ, E to H); Vietnamese – English Việt – PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN Anh II (I to M, M to N, N to NH); Biên soạn: Đoàn Trung Còn (1908-1988) Vietnamese – English Việt – Anh III (O to Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2009 S, TA to TO); Vietnamese – English Việt Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày 1.558 – Anh IV (TH to Y, TU to TY); trang, bìa cứng, màu đỏ, chữ vàng. “Cách Vietnamese – English Việt – Anh V (A to trình bày Phật học Từ điển này, Phần thứ Z, A to Y). nhất, tra cứu theo chữ Pháp, chữ Phạn, English – Vietnamese Anh – Việt I (A – chữ Hán, chữ Tây

Tạng, bốn thứ danh từ B); English – Vietnamese Anh – Việt II (C này âm theo chữ La-mã (Âu Mỹ), để dễ – D); English – Vietnamese Anh – Việt III dàng cho những bạn đọc kinh Phật bằng (E – F); English – Vietnamese Anh – Việt chữ Âu châu, khi gặp danh từ Phật giáo IV (G – K); English – Vietnamese Anh – mà muốn tra cứu...; Phần thứ hai (nội Việt V (L – N); English – Vietnamese Anh dung: Từ chữ A tới chữ Y) đây là phần – Việt VI (O – R); English – Vietnamese quan trọng, phần này sắp xếp theo vần Anh – Việt VII (S); English – Vietnamese Việt ngữ A-B-C, có chua chữ Hán và chữ Anh – Việt VIII (TA – TE); English – Pháp, cũng có chua những chữ âm theo Vietnamese Anh – Việt IX (TH – TZ); Hán, Nhật, Tây Tạng, Phạn bằng chữ La English – Vietnamese Anh – Việt X (U – một số danh từ triết học, ngoại giáo". Tác phẩm Từ điển này đã được Phật học PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN – Tòng thơ xuất bản năm 1966 Tập nhứt (Từ Trọn bộ 8 Tập A đến H) -in kỳ đầu, Giấy phép số 1.266 Dịch giả: B.T.T BC3/XB ngày 29-4-1966, Tập này Sa-môn Thích Quảng Độ (1928-2020) dày 616 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ Nxb Phương Đông – 2014 tựa màu đen; năm 1967, Phật học Tòng Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày 8.146 thơ tiếp tục xuất bản Tập nhì (tt. H đến T), trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. Giấy phép số 3292 B.T.T BC3/XB ngày Phật Quang Đại Từ Điển được biên tập 26-10-1967, dày 800 trang, bìa mềm; năm bởi 50 học giả Phật giáo thuộc Phật Quang 1968, xuất bản Tập ba (tt. T đến X), Giấy Đại Tạng Kinh Biên Tu Ủy viên hội ở Đài phép số 276 B.T.T BC3/ XB ngày 18-1- Loan biên soạn bằng Hoa ngữ trong 10 1968, từ tr.801 đến tr. 1530, bìa mềm. năm (1978-1988) và do Phật Quang Xuất Bản xã ấn hành gồm 7 tập, dày 6.984 PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN – BUDDHIST trang, khổ 15 x 22cm, chứa đựng 22.608 DICTIONNARY VIETNAMESE- từ độc lập và bảy triệu chữ giải thích các ENGLISH VIET-ANH từ, và có riêng 1 tập Sách dẫn. Riêng tại Soạn giả: Thiện Phúc Việt Nam, HT. Quảng Độ phải mất 7 năm Tổ đình Minh Đăng Quang, 3010W. mới dịch xong (1990-1997). Harvad Street Santa Ana, CA 92704 USA Tập 1, dày 1533 trang, gồm có: Giấy Ủy Tel & Pax (714) 437-9511 quyền, Thay Lời tựa, Phàm lệ I, Phàm lệ II, Mục lục Tập 1, nội dung từ vần: A, B, C, D;

Tập 2, từ tr. 1.543 đến tr. 2.988, gồm có: thứ tự mẫu tự Pàli như sau: A, À, I, Ì, U, Phàm lệ, Mục lục Tập 2, nội dung gồm Ù, E, O, K, KH, G, GH, N, C, CH, J, JH, vần: Đ, E, G, H, I, K; N, T, TH, D, DH, N, T, TH, D, DH, N, P, Tập 3, từ tr. 2.999 đến tr. 4.460, gồm có: PH, B, BH, M, Y, R, L, V, S, H. Phàm lệ, Mục lục Tập 3, nội dung gồm vần: L, M, N; TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA PHẬT GIÁO Tập 4, từ tr. 4.471 đến tr. 5.731, gồm có: VIỆT NAM – 2 Tập Phàm lệ, Mục lục Tập 4, nội dung từ vần: Chủ trương: Thích Trí Thủ (1909-1984) O, Ô, P, Q, S, T; Chủ biên: Lê Mạnh Thát Tập 5, từ tr. 5.743 đến tr. 6.964, gồm có: Tu Thư Vạn Hạnh xuất bản (Tp. Hồ Chí Phàm lệ, Mục lục Tập 5, nội dung vần: T; Minh) Tập 6, từ tr. 6.975 đến tr. 8.146 (hết), gồm Từ điển Bách khoa này đã xuất bản được 2 có: Mục lục Tập 6, nội dung từ vần: T, U, tập. Tập 1 (ấn hành 1980), vần A, từ A V, X, Y. đến chữ A-di-đà; Tập 2 (ấn hành 1981), Sách dẫn Phật Quang Đại Từ Điển, 2 Tập vần A, từ chữ A-di-đà (Tịnh độ giáo) đến Tập I, dày 805 trang, nội dung gồm: Phàm A-di-đà tự. lệ Sách dẫn Việt văn và Ngoại văn, Mục Từ điển Bách Khoa PGVN này được tái lục (Sách dẫn Phật Quang Đại Từ Điển): bản năm 2005 tại Hoa Kỳ, 2 tập, khổ 15 x A, B, C, D, Đ, Ê, G, H, I, K, L, M, N, 0; 20.7cm, bìa cứng. Tập II, dày 781 trang, nội dung gồm: Mục lục (Sách dẫn Phật Quang

Đại Từ Điển): TỪ ĐIỂN DANH TỪ RIÊNG PÀLI P, Q, R, S, T, U, V, X, Y. Dictionary of Pàli Proper Names – Bộ Đại Từ điển này được tái bản nhiều Quyển 1 lần: Năm 2000, HT. Tịnh Hạnh thuộc Hội Biên soạn: G.P. Malalasekera Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc cho Việt dịch: Cư sĩ Chơn Quán – Trần Ngọc xuất bản lần đầu tiên tại Đài Loan (gồm 6 Lợi tập nội dung, từ vần A-Y và 2 tập Phụ Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013 lục); năm 2012 tái bản, Nxb Quê Mẹ tại Từ điển có khổ 14 x 20cm, dày 767 trang, Paris và phát hành ở Hoa Kỳ với 6 tập, bìa mềm, nền màu xanh, chữ tựa màu dày 7.374 trang, in trên bìa da mạ vàng, vàng và trắng. Nội dung gồm có: Lời toàn bộ đóng thành hộp và ấn loát. người dịch, Bảng Mẫu tự Pàli, Bảng Chữ tắt, Lời nói đầu, Cách sử dụng Tự điển, và TỰ ĐIỂN PÀLI – VIỆT NAM các Danh từ riêng Pali. (Thu ngắn) A.P. BY BUDDHADATTA – MAHÀTHERA TỪ ĐIỂN PHÁP SỐ TAM TẠNG Soạn giả: Nàga Mahà Thera: Chủ biên (Hán ngữ): Bửu Chơn (1911-1979) Pháp sư Thích Nhất Như Ấn hành PL. 2521 – DL. 1976, khổ 15 x Hiệu đính: Đinh Phúc Bảo 21cm, có 340 trang. Việt dịch: Cư sĩ Lê Hồng Sơn Toàn bộ Tự điển này gồm có: Bài tựa, Lời Nxb Phương Đông – 2011. Từ điển có khổ nói đầu, Những chữ viết tắt 16 x 24cm, dày 985 trang, bìa cứng. Từ (Abbreviations), Những chú ý; Nội dung, điển này nguyên là sách Tam Tạng Pháp cách trình bày các mục từ được xếp theo Số ra đời vào triều đại nhà Minh (Trung

Quốc), niên hiệu Vĩnh Lạc (1424), do tông, Dòng Minh Am Vinh Tây, Pháp Pháp sư Thích Nhất Như vâng chiếu vua Đăng phái, Thánh Nhất phái, Huyễn Trụ biên soạn, có 55 quyển, 1555 điều, mỗi phái, Hoàng Bá tông, Mộng Song phái, danh từ đều có số đi kèm, nên gọi là Pháp Nguyệt Am phái, Tuyết Giang phái, Thiền số. Đặc biệt, mỗi danh từ đều có nêu xuất phái Trúc Lâm Yên Tử, Thiền phái Thảo xứ từ Kinh, Luật, Luận và chú sớ nào. Từ Đường, Tông Tào Động truyền sang miền điển Pháp số Tam tạng gồm có: Lời tựa, Trung, Tông Tào Động truyền sang miền Nội dung Từ điển các mục từ được xếp Bắc, Tông Lâm Tế truyền sang miền Nam, theo thứ tự pháp số (âm Hán) Nhất, Nhị, Tông Lâm Tế truyền sang miền Bắc; Thư Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu, Thập, mục tham khảo, Mục lục tra cứu. Thập nhất, Thập nhị, Thập tam, Thập tứ, Từ điển này đã xuất bản năm 1999, Nxb Thập ngũ, Thập lục, Thập thất, Thập bát, Thuận Hóa – Huế; tái bản năm 2006, Nxb Nhị thập,… Bát vạn tứ thiên. Tôn Giáo.

TỪ ĐIỂN PHÁP TƯỚNG TÔNG TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC Duy Thức Danh Từ Bạch Thoại tân giải (Anh – Hán – Việt) Biên soạn: Vu Lăng Ba Nguyên Bản CJKV DICTIONARY Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Giác Trí – Biên soạn: Charlers Muller Cư sĩ Lê Hồng Sơn Việt dịch: Thích Nhuận Châu Nxb Hồng Đức – 2016 Nxb Hồng Đức – 2018. Từ điển có khổ 16 Từ điển có khổ 15 x 24cm, dày hơn 706 x 24cm, dày 691 trang, bìa cứng. trang, bìa cứng. Nội dung sơ lược gồm có: Nội dung gồm có: Lời thưa, Phàm lệ, mục Lời giới thiệu, Tựa; và hơn 1500 danh từ từ sắp theo mẫu tự tiếng Việt: A, B, C, D, Duy Thức học tân giải. Đ,…. đến X, Y.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC HÁN VIỆT, Ban Biên Dịch Đạo Uyển I – II Chân Nguyên-Nguyễn Tường Bách- Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thích Nhuận Châu Phân Viện Nghiên cứu Phật học Nxb Thời Đại – 2011 Chủ biên: Kim Cương Tử (1914-2001) Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày hơn 991 Các soạn giả: Thích Quảng Độ, Trương trang, bìa

cứng. Đình Nguyên, Vũ Tá Nhí, Mai Xuân Hải, Nội dung sơ lược gồm có: Vài nét về lần Đỗ Văn Hỷ, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn tái bản thứ nhất 2005, Lời nói đầu (lần Phát, Nguyễn Tương Lai, Lương Gia Tĩnh, xuất bản 1999), Cách sử dụng sách, Phạn, Nguyễn Thị Quế, Thích Thanh Ninh Pàli và Tạng ngữ, Hoa ngữ, Nhật ngữ, Hiệu duyệt: Kim Cương Tử, Thích Phổ Viết tắt, Vài nét về kỹ thuật thực hiện, Tuệ, Thích Quảng Độ, Thích Thanh Kiểm, Cảm tạ, Ban Biên dịch Đạo Uyển; Vần A, Thích Thanh Tứ, Hà Văn Tấn, Trương A-chin-ta… đến vần Y, Z; Tông Tào Đình Nguyên Động, Lâm Tế Tông, Vân Môn Tông, Quyển I, Phân Viện Nghiên cứu Phật học Pháp Nhãn Tông, Cội nguồn của phong Việt Nam (Hà Nội), xuất bản năm 1992, trào Ngũ Sơn, Bước du nhập của Tông khổ 17 x 24cm, dày 1098 trang, bìa cứng. Lâm Tế tại Nhật Bản, Nhật bản Đạt-ma Quyển I, gồm có: Mấy dòng nói đầu, Vài

lời của nhóm biên soạn, Phàm lệ, Lời cảm Tịnh Cảnh; các Cư sĩ: Võ Văn Quới, Trí ơn, Từ điển: từ vần A đến N. Không, Nguyễn Văn Mãi, Thiện Tịnh; Lớp Quyển II, Phân Viện Nghiên cứu Phật học luyện dịch Hán Nôm Huệ Quang khóa 1; Việt Nam (Hà Nội), xuất bản năm 1994, Tập thể thành viên Trung tâm Phiên dịch khổ 17 x 24cm, dày 1029 trang, bìa cứng, Huệ Quang; Giảng viên, Chư Tăng Ni lớp từ vần O đến Y; cuối sách là Mục lục Tra Cao cấp, Trường Doanh Thương Trí cứu: A, B, C,… Toàn bộ 2 quyển Từ điển Dũng. Phật học này có khoảng 20.000 từ điều Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (2003 – (mục từ). Mỗi mục từ được miêu tả theo 2007). Từ điển có khổ 21 x 29.7cm, bìa qui thức: a. Tên mục từ ghi bằng âm Hán cứng, cả bộ dày hơn 7.246 trang. Toàn bộ Việt phổ thông, b. Viết nguyên văn chữ Từ điển gồm có: 1. Hội đồng Chứng minh, Hán dạng phồn thể ở các mục từ chính, c. 2. Hội đồng Thẩm định, 3. Lời giới thiệu, Viết chữ Phạn đã được La-tinh hóa ở một 4. Lời nói đầu, 5. Ban Biên soạn và Ban số mục từ chính, d. Chuyển dịch một số từ Phiên dịch, 6. Thư của Hội Phật Quang sang tiếng Việt, đ. Phân môn loại để trong Sơn, 7. Hướng dẫn sử dụng Từ điển ngoặc đơn, e. Giải thích nội dung và dẫn (Phàm lệ), 8. Nội dung, Bộ Từ điển này dụ để minh họa (dẫn giải). gồm hơn 23.000 mục từ chính và hơn 3.000 hình ảnh minh họa, được tổ chức TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG thành 08 tập Nội dung và 01 tập Mục lục (Trọn bộ 8 tập) tra cứu (trong đó gồm 100.000 mục từ có Chủ biên: Thích Minh Cảnh (1937-2018) nghĩa tương đương với 23.000 mục từ Ban Biên soạn: Thích Phước Cẩn, Thích chính). Nó chứa đựng các thuật ngữ, pháp Thông Thiền, Thích Nhật Trí, Thích số, tên người, tên đất (xứ), tên tác phẩm, Nguyên Hiền, Thích Nguyên Chơn, Thích tông phái, tự viện, văn học, nghệ thuật, Viên Khai, Thích nữ Nhật Đạo, Thích nữ công án, nghi thức, pháp khí cũng như các Như Hiếu, Thích nữ Từ Huyền, Thích nữ vấn đề lịch sử liên quan đến các nước có Đạt Hạnh, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyễn Phật giáo như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Hiền Đức. Điện, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Ban Phiên dịch: HT. Thích Hân Hiền, TT. Nhật Bản, Triều Tiên, Tây Tạng, Mông Cổ Thích Nhật Quang, TT. Thích Minh Nghĩa, và Việt Nam. Thứ tự các mục từ được sắp TT. Thích Tịnh Thuận, TT. Thích Hoằng xếp theo bảng mẫu tự tiếng Việt: A, (Á, Từ, ĐĐ. Thích Thông Phương, ĐĐ. Thích A); B, C, CH, D (Đ), E, (Ê), G, H, I, K, Nhật Từ, ĐĐ. Thích Thông Hội, ĐĐ. KH, L, M, N, NG, NGH, NH, O (Ơ), P, Q, Thích Thông Huệ, ĐĐ. Thích Kiến Châu, S, T, TH, TR, U (Ư), V, X, Y. Cách trình ĐĐ. Thích Tịnh Thường, ĐĐ. Thích bày các mục từ: - Số tự mục từ, - Nguyên Hoằng Tất, ĐĐ.

Minh Thanh, ĐĐ. Nguyên ngữ của mục từ, - Tên bộ phận hạng mục, Viên, ĐĐ. Chiếu Sáng, ĐĐ. Vạn Hạnh, - Các tên gọi khác... SC. Tuệ Đăng, Chư Ni Tu viện Viên Tập I, xb năm 2003, dày 1023 trang, gồm Chiếu, SC. Như Giác, SC. Viên Nhã, SC. có: Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Từ Nguyện, SC. Như Huệ, SC. Như Thẩm định, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Khương, SC. Hạnh Huệ, SC. Như Thủy, Ban Biên soạn và Ban Phiên dịch, Thư của SC. Diệu Phúc, SC. Diệu Đức, SC. Nhật Hội Phật Quang Sơn, Hướng dẫn sử dụng Nhẫn, SC. Như Lộc, SC. Chơn Minh, SC.

Từ điển (Phàm lệ), Nội dung: các vần A, Độ Học Nhật Bản của Đại học Tokyo chủ B, C, CH; Tán thán công đức. biên hay những chú thích được lấy ra từ Tập II, xb năm 2003, từ trang 1025 – trong những tác phẩm mà tác giả đã tuyển 2091, các vần D, Đ, E, G, H. chọn để phiên dịch, chú thích...". Nội Tập III, xb năm 2004, từ trang 2093 – dung sơ lược gồm: Lời Phi lộ, Lời Giới 3121, các vần I, K, KH, L, M, N, NG, thiệu, Các chữ viết tắt, Thư mục tham NGH. khảo và các mục từ Phật học tinh tuyển. Tập IV, xb năm 2004, từ trang 3123 – 4019, các vần NH, O, PH, QU, S. TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC TUỆ QUANG – Tập V, xb năm 2005, từ trang 4021 – 2 Tập 4990, vần T. TUỆ QUANG DICTIONARY OF Tập VI, xb năm 2005, từ trang 4991 – BUDDHIST TERMS 5732, vần TH. Vietnamese-Chinese-Sanskrit-English Tập VII, xb năm 2005, từ trang 5733 – (Việt-Hán-Phạn-Anh) 6244, các vần U, Ư, X, Y. Chủ biên: Nguyên Hiển Tập VIII, xb năm 2007, dày 1012 trang. Nguyên Hồng – Nguyên Tánh Mục lục tra cứu (theo mẫu tự tiếng Việt) Nxb Phương Đông – 2015 và các Thuật ngữ Phật học tiếng nước Từ điển có khổ 16 x 24cm, 2 tập dày 2909 ngoài. trang, bìa cứng. Bộ Từ điển này tái bản năm 2016, Trọn bộ Tập I, dày 1245 trang, nội dung gồm: Tựa 8 tập, khổ 21 x 29.7cm, bìa cứng, cả bộ Từ điển Phật học Tuệ Quang, Việt – Hán – dày hơn 7.246 trang. Phạn – Anh (Dictinary of Buddhist Terms), Phàm lệ, từ vần A... đến N; Tập TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC Tinh Tuyển II, từ tr. 1545 đến tr. 2909, từ vần O... đến Biên soạn: Thích Nguyên Tâm Y; Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục Nxb Phương Đông – 2012 4. Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày hơn 1560 trang, bìa cứng. TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC ONLINE "Tác phẩm nầy là tập thành của những chú Từ điển này gồm nhiều nguồn từ điển kết thích do tác giả biên soạn trong quá trình hợp, hiện có 93.344 mục từ và sẽ được cập phiên dịch, chú giải, soạn tập các tác phẩm nhật thường xuyên. như Mỗi Ngày Một Câu Chuyện Thiền, Lịch Sử Thiền Học tập I, Tinh Hoa Phật TỪ ĐIỂN THIỀN & Giáo Nhật Bản tập I & II, Sớ Điệp Công THUẬT NGỮ PHẬT GIÁO Văn tập I, Bản Công Văn Thủ Bút Của DICTIONARY OF ZEN & Hòa Thượng Giác Tiên..." "có nhiều mục BUDDHIST TERMS, VIỆT – ANH từ được tinh tuyển và biên soạn từ những VIETNAMESE – ENGLISH thư tịch văn học Phật giáo Nhật Bản của Biên soạn: Thiện Phúc những nhà Phật học Nhật Bản nổi tiếng Bộ Từ điển này ấn hành năm 2015, gồm như Mochizuki, Naoshiro Tsuji, Daisetsu có 12 quyển, gần 7.000 trang khổ lớn. Teitaro Suzuki, từ những bài nghiên cứu Volume One: Việt – Anh từ A đến B – Phật học trong bộ Journal of Indian and Vietnamese – English From A to B Buddhist studies do Hội Phật Học và Ấn

Volume Two: Việt – Anh Mẫu tự C – Lược đồ sử Thiền tông Việt Nam. Cách Vietnamese – English Letter C trình bày các mục từ được xếp theo thứ tự Volume Three: Việt – Anh từ D đến G – mẫu tự tiếng Việt. Vietnamese – English From D to G Volume Four: Việt –

Anh từ H đến K – TỪ ĐIỂN THIỀN TÔNG Vietnamese – English From H to K Tân Biên (2 tập) Volume Five: Việt – Anh từ L đến M – Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam Vietnamese – English From L to M Biên soạn: Hân Mẫn – Thông Thiền Volume Six: Việt – Anh từ N đến P – Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019 Vietnamese – English From N to P Từ điển có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng. Volume Seven: Việt – Anh từ Q đến T – Tập I, từ A – O, dày 959 trang; Tập II, từ Vietnamese – English From Q to T P – Y. Toàn bộ Từ điển này có 8.565 mục Volume Eight: Việt – Anh từ TH đến TO từ, gồm có 5 phần, với các mục: Lời nói Vietnamese – English From TH to TO đầu, Thể lệ chung, Chánh văn, Phần phụ Volume Nine: Việt – Anh từ TR đến Y – lục: Các dòng kệ, Biểu đồ truyền thừa. Vietnamese – English From TR to Y Năm phần có: 1. Thuật ngữ Thiền tông: Volume Ten: Việt – Anh từ A đến I – khoảng 5.500 mục từ (bao gồm các loại: Vietnamese – English From A to I Phật giáo ngữ, Thiền lâm dụng ngữ, Điển Volume Eleven: Việt – Anh từ J đến R – cố ngữ, Tục ngữ, Khẩu ngữ, Thành ngữ, Vietnamese – English From J to R Hành nghiệp ngữ, Tạp ngữ, Công án); 2. Volume Twlve: Việt – Anh từ S đến Z – Nhân danh (Thiền sư Ấn Độ, Thiền sư Vietnamese – English From S to Z. Việt Nam, Thiền sư Nhật Bản, Thiền sư Thiền sư đời Ngũ đại, Thiền sư đời Tống, TỪ ĐIỂN THIỀN TÔNG HÁN - VIỆT Thiền sư đời Kim Nguyên, Thiền sư đời Biên dịch: Hân Mẫn – Thông Thiền Minh, Thiền sư đời Thanh, Thiền sư Cận Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2002 đại – Hiện đại, Đương đại, Đại sư Trung Từ điển có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1078 Hoa, Ni sư, Cư sĩ, Học giả); 3. Địa danh trang, bìa cứng. (Chùa, Thiền viện, Tháp, Núi); 4. Tác Toàn bộ Từ điển này có trên 5.000 mục từ, phẩm (Đăng lục, Ngữ lục, Truyện, Chí, gồm có: Lời nói đầu, Thể lệ chung, Nội Tác phẩm khác: Biên niên sử, Bút ký, dung, Từ điển có 5 phần: 1. Thuật ngữ (có Luận, Luận nghị, Lục, Niêm tụng bình trên 3.200 mục từ, gồm các loại: Thiền xướng, Tụng, Tụng cổ, Thanh quy, Thi ca lâm phương ngữ, điển cố ngữ, khẩu ngữ biệt tập, Thi ca hợp tập); 5. Phụ lục: - 11 của Thiền sư, thành ngữ dân gian Trung Biểu đồ về Pháp hệ Thiền tông Ấn Độ, Quốc, hành nghiệp ngữ...), 2. Nhân danh, Trung Quốc, Nhật Bản và 5 biểu đồ về 3. Địa danh, 4. Tác phẩm và 5. Phụ lục: - pháp hệ Thiền tông Việt Nam, - 1 Bản đồ Biểu đồ truyền thừa (15 biểu đồ về pháp Thiền Đông độ, - 3 Bản đồ Thiền tông hệ Thiền tông Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Việt Nam. Các mục từ được xếp theo thứ Bản trong đó có 4 biểu đồ liên hệ đến tự mẫu tự tiếng Việt. Thiền tông Việt Nam), - Bảng tra thuật ngữ Thiền tông, - Thư mục tham khảo, - Lược đồ sử Thiền tông Trung Quốc, -

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ Giám định: Pháp sư Trúc Ma THIỀN TÔNG Soạn dịch: Giải Minh Biên dịch: Thông Thiền Nxb Phương Đông – 2007. Sách có khổ 14 Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008 x 20cm, dày 1095 trang, bìa cứng, chữ tựa Từ điển có khổ 16 x 24cm, bìa cứng, dày màu trắng và màu xanh dương, có hình 1059 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Lời hoa sen. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, nói đầu, Thể lệ chung, Chính văn; Phần Tựa, và các Từ vựng Phật học thường Phụ lục: Các dòng kệ, Bảng tra Thuật ngữ dùng được sắp theo mẫu tự tiếng Việt: A, Thiền tông, Biểu đồ truyền thừa, Tham B, C, D, ... Y; sau cùng là Tài liệu tham khảo, Lược đồ sử Thiền tông Trung Quốc, khảo. Lược đồ sử Thiền tông Việt Nam, Vị trí các chùa có Thiền sư Trụ trì. THUẬT NGỮ DUY THỨC HỌC Phụ lục: Soạn dịch: Giải Minh Nxb Phương Đông – 2011 DANH TỪ PHẬT HỌC

Thực Dụng Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 454 trang, Biên soạn: Tâm Tuệ Hỷ bìa mềm. Sách Thuật ngữ Duy Thức Học Nxb Tôn Giáo – 2004 này do ngài Giải Minh dịch từ nguyên bản Sách có khổ 14 x 20cm, dày 602 trang, bìa chữ Hán (chép tay) của Đại đức Thích cứng, chữ tựa có 2 màu: trắng và vàng, có Chơn Giác trao cho từ trước năm 1963, hình hoa sen trong vòng tròn. Nội dung bên cạnh đó, dịch giả còn dựa vào các bản gồm có: Lời nói đầu, và các Danh từ Phật Duy Thức: Du-già-sư-địa luận, Thành Duy học thực dụng được sắp theo mẫu tự tiếng Thức luận, Duy Thức Tam thập tụng, Duy Việt: A, B, C,… Y. Thức Phương tiện đàm,… rút ra những thuật ngữ để bổ sung vào tác phẩm. Nội DANH TỪ THIỀN HỌC chú giải dung sách gồm có: Lời ngỏ, và các thuật Biên soạn: Thích Duy Lực (1923-2000) ngữ Duy Thức được trình bày theo mẫu tự THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành PL. 2539 tiếng Việt từ A (A-lại-da thức), B, C,… – DL. 1995 đến Y (Yểu tướng). Sách có khổ 14 x 20cm, có 69 trang. Toàn bộ tác phẩm có 302 mục từ thuật ngữ Thiền tông. Cách trình bày các mục từ THUẬT NGỮ PHẬT HỌC Đối Chiếu được xếp theo thứ tự mẫu tự tiếng Việt. Thích Nhuận Châu Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019 TRÍCH LỤC TỪ NGỮ PHẬT HỌC Sách dày 330 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ (Quyển Thượng và Quyển Hạ) vàng. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và Biên soạn: Cư sĩ Hạnh Cơ các Thuật ngữ Phật học đối chiếu được Ban Bảo Trợ Phiên dịch Pháp tạng Việt sắp theo mẫu tự: A, B, C, D, E, F, G, H, I, Nam in lần thứ nhất, J, K, L, M, N, O, P, Q, R, S, T, U, V, W, California – USA, 2009 X, Y, Z.

TỪ VỰNG PHẬT HỌC Thường Dùng Biên soạn: Trần Nghĩa Hiếu

IV. MỤC LỤC DỊCH GIẢ-SOẠN GIẢ CỦA TÁC PHẨM

A
Chân An: 320
Cư sĩ Minh An: 246
Nguyên An: 1.163, 1.386, 1.391, 1.564, 1.642
Tâm An: 1.411
Vân Hà-Trần Thị Hồng Anh: 1.105
(Phật tử Khánh Anh) Thích Khánh Anh: 306, 924, 1.320, 1.461
Phương Anh: 1.496
Thích Tâm Anh: 1.310
Minh Đức-Triều Tâm Ảnh: 708, 1.106
Nhóm Diệu Âm: 145
Ban Dịch thuật Hán tạng Pháp Âm: 168
TK. Ni Hải Triều Âm: 166, 219, 273, 543, 743, 748, 755, 815, 950, 1.059, 1.145, 1.218, 1.231, 1.333, 1.477
Quảng Ân: 1564
Chùa Từ Ân (Huế): 678
TK. Thiên Ân: 235
TK. Ni Như Ấn: 489
Thích Thuyền Ấn: 1.456

B
Thích Minh Bá: 749, 759, 1.370
Thích Từ Bạch: 1.009
TN. Thuần Bạch: 180, 1.479
Ban Phiên dịch Chùa Pháp Bảo: 1.262
Thích Hạnh Bình: 153, 154, 1.429, 1.434, 1.496, 1.599
Quảng Bình: 1.564
Hương Bối: 620, 995, 1.592
Đồng Bổn: 1.228
Thích Hạnh Bổn: 525
Ngộ Bổn: 590
Thích Quảng Bửu: 1.178, 1.277
Thích Thông Bửu: 398, 611
C
Thích Thanh Cát: 234, 265, 563
Thích Minh Cảnh: 414, 845
Thích Phước Cẩn: 228, 1.357
Đoàn Trung Còn: 33, 83, 87, 90, 93, 98, 109, 146, 188, 212, 326, 337, 347, 365, 409, 457, 472, 585, 653, 715, 720, 728, 804, 901, 905, 936, 1.002, 1.082, 1.343
Cư sĩ Hạnh Cơ: 370, 381, 509, 804, 820
Huyền Cơ: 128
TK. Giác Chánh: 1.630, 1.702, 1.708
Minh Chánh: 982, 1.509, 1.659
Thích Minh Chánh: 103, 274, 345, 1.235, 1.290, 1.331
Thích Pháp Chánh: 1.146, 1.176, 1.281, 1.283, 1.318, 1.319, 1.481, 1.677
Huỳnh Trung Chánh: 1.680
Thích Nhất Chân: 303, 661, 1.527, 1.674, 1.700
Thích Pháp Chất: 1.667
TN. Diệu Châu: 262
Thích Minh Châu: 85, 130, 269, 593, 596, 681, 694, 710, 767, 769, 775, 847, 1.014, 1.021, 1.022, 1.041, 1.045, 1.057, 1.076, 1.079, 1.668
Thích Nhuận Châu: 478, 750, 1.435, 1.552, 1.699
Thích Tâm Châu: 200, 218, 264, 297, 305, 367, 396, 439, 503, 524, 658, 662, 687, 701, 763, 1.394, 1.438
Thích Thanh Châu: 1.448
Thích Thiện Châu: 227, 231, 1.633
Thích Trí Châu: 1.458
Minh Chi: 1.610
Vọng Chí: 898

Nhựt Chiếu: 141, 1.204, 1.208, 1.220, 1.228, 1.609
Thích Nhựt Chiếu: 156, 471, 557, 1.206, 1.221, 1.233, 1.354
Thích Từ Chiếu: 645
Nhóm Thiền sinh Thiền viện Thường Chiếu: 27
Viên Chiếu: 1.023
Thích Giác Chính: 809
TK. Bửu Chơn: 1.348
Hạnh Chơn: 280, 1.036
Hữu Chơn: 1.653
Nguyên Chơn: 1.608
Thích Nguyên Chơn: 150, 349, 355, 490, 878, 1.067, 1.085, 1.180, 1.181, 1.191, 1.192, 1.194, 1.268, 1.312, 1.327, 1.558, 1.693
Thích Thiện Chơn: 644, 784, 1.153, 1.244, 1.256, 1.282, 1.353
Thích Nguyên Chứng: 845, 1.292, 1.381
Thiều Chửu: 165, 839, 869
D
Cao Dao: 1.399, 1.698
TK. Ni Hạnh Diệu: 1.267
Thích Huyền Diệu: 382
Viên Diệu: 641
Thích Đạt-ma Viên Diệu: 110
Liên Du: 663, 1.001
Thích Huyền Dung: 344, 1.099
Thích Tâm Dung: 76
TN. Thể Dung: 758, 1.248
(Indacanda) Trương Đình Dũng: 51, 53, 75, 120, 688, 899, 958, 976, 1.024, 1.026, 1.063, 1.080, 1.179, 1.217, 1.300, 1.301
Như Ninh-Nguyễn Hồng Dũng: 1.113, 1.114
Lý Việt Dũng: 845, 1.043, 1.316
Sư Thiện Duy: 1.669
Trần Văn Duy: 615
Thích Đạt Dương: 1.364
Đ
Đồng An-Hoàng Phước Đại: 290
Quảng Đại: 1.645
Tâm Đại: 1.564
Thích Đạt Đạo: 222
Đương Đạo: 25, 535, 802
Hạnh Đạo: 1.107

Hồng Đạo: 332
Thích Hồng Đạo: 226, 1.089
Thích Khế Đạo: 112
TK. Ngộ Đạo: 1.664, 1.665
Thích Hằng Đạt: 13
TK. Minh Đạt: 63, 143
Thích Nhuận Đạt: 1.497, 1.589
Thích Tiến Đạt: 1.288, 1.309
Cư sĩ Viên Đạt: 239, 638, 993
Thích Huệ Đăng: 378, 379, 817, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 1.040, 1.464, 1.476, 1.493, 1.494, 1.495
Thích Huệ Đăng (Tổ đình Thiên Thai): 1.092, 1.097, 1.116, 1.118
Thích Tuệ Đăng: 669, 807, 1.037, 1.115
TN. Tuệ Đăng: 475, 959, 1.203
Thích Minh Điền: 686, 873, 879, 882, 884
Phúc Điền: 1.016
TN. Tịnh Điền: 1.524
Thích Như Điển: 52, 255, 261, 271, 371, 949, 956, 966, 1.087, 1.287, 1.409, 1.470, 1.507, 1.511, 1.516, 1.518, 1.527, 1.528, 1.537, 1.540, 1.542, 1.546, 1.553, 1.556, 1.563, 1.566, 1.569, 1.573, 1.574, 1.575, 1.580, 1.581, 1.585, 1.586, 1.587, 1.588, 1.590, 1.594, 1.595, 1.624
Cao Hữu Đính: 516, 1.525
Thích Hạnh Định: 525
Thích Đạt-ma Khế Định: 887, 1.289
Thích Minh Định: 201, 311, 314, 442, 727
Nguyễn Pram-Pháp Định: 1.425
TK. Tăng Định: 550
Nguyễn Văn Đọng: 962, 1.030, 1.032
Nhuận Độ: 1.564
Thích Quảng Độ: 387, 513, 1.471, 1.607, 1.643
Thích Trí Độ: 19
Trí Độ: 499
Đỗ Đình Đồng: 148, 1.691
Trường Phật học Lâm Đồng: 599
Chúc Đức: 1.570
Như Đức: 842
TK. Ni Như Đức: 1.249, 1.351
Tâm Đức: 1.564
Thạc Đức: 1.443, 1.452

Thạch Đức: 172
Thích Thông Đức: 741
Chùa Vạn Đức: 547
Thích Viên Đức: 286, 287, 406, 510, 651, 699, 898
G
Tâm Minh-Ngô Tằng Giao: 1.031, 1.093
Thích Mãn Giác: 581, 582
Nguyên Giác: 553, 600
Thích Đạt-ma Phổ Giác: 60, 706
Thích Tâm Giác: 1.644
Thích Viên Giác: 135, 323, 399, 613
Thích Viên Giác (chùa Từ Tân): 237, 241, 300, 301, 712, 713, 1.271
Thích Chơn Giám: 1.068
Như Giáo: 1564
TK. Giác Giới: 1.165, 1.195, 1.239, 1.705
H
Thích Bửu Hà: 1.267
Nhuận Hà: 139
Hồng Dương-Nguyễn Văn Hai: 1.541, 1.646
Giác Hải: 373, 739
Huệ Hải: 1.564
TN. Như Hải: 267, 660, 1.253
Nguyễn Khánh Phước Hải: 1.127
TN. Trí Hải: 405, 605, 769, 931, 970, 1.029, 1.041, 1.223, 1.317, 1.344, 1.371, 1.561, 1.661
Thích Tuệ Hải: 318, 408, 482, 656
Thích Tuệ Hải (chùa Long Hương): 152, 461, 733, 875, 883, 897
Tu sĩ Thích Tuệ Hải: 1.491
Trí Hải: 577
Thích Trí Hải: 895, 1.184, 1.227, 1.257, 1.260, 1.505, 1.517
(Nguyễn Lang) Thích Nhất Hạnh: 11, 31, 34, 142, 205, 240, 486, 528, 576, 597, 659, 664, 923, 1.003, 1.004, 1.188, 1.488, 1.709
Thích Quảng Hạnh: 1.652
Thích Tâm Hạnh: 169, 170, 737, 845, 1.161, 1.162, 1.164, 1.170, 1.199, 1.236, 1.246, 1.264, 1.291, 1.294, 1.296
Thích Tịnh Hạnh: 845
Tuệ Hạnh: 1.638
Thích Thiện Hạnh: 570, 1.445, 1.559, 1.627, 1.689
Thích Phước Hảo: 757, 1.626

Thích Đôn Hậu: 1.159, 1.252
Hiền Hậu: 425
TN. Chân Hiền: 1.686
TK. Đức Hiền: 448, 594, 709, 1.050
Thích Giải Hiền: 735
Mai Hạnh Hiền: 500, 1.423
Thích Nguyên Hiền: 1.439
TN. Như Hiền: 1.340, 1.345
Pháp Hiền: 1.654
TN. Tịnh Hiền: 1.267
Nguyên Hiển: 392, 466, 484, 614, 870
Thích Như Hiển: 1.295
Cư sĩ Diệu Hiệp: 1.222
Quảng Hiếu: 1.564
Tâm Hiếu: 1.564
Lý Kim Hoa: 845
Từ Hoa: 943
Thích Thiện Hoa: 21, 195, 249, 459, 561, 800, 1.141, 1.279, 1.303, 1.444, 1.451, 1.454, 1.523, 1.613, 1.618
Thích Thắng Hoan: 1.086, 1.401, 1.498, 1.499
TN. Phước Hoàn (Như Thanh): 1.359
Thích Vĩnh Hóa: 144, 199, 295, 341, 714, 1.060
TN. Chúc Hòa: 1.273
Bửu Hòa: 1.036
Thích Thái Hòa: 20, 181, 193, 456, 474, 655, 948, 1.272
Thích Thiện Hòa: 1.061, 1.198
Như Hòa: 64, 86, 123, 216, 480, 957, 979, 985, 1.083, 1.307, 1.701
Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học: 207
Hội Linh Sơn Nghiên cứu Phật học: 579
Darian Đăng Học: 1.108
Tạng Thư Phật Học: 541
Giới Lạc-Mai Lạc Hồng: 1.129
Nguyên Hồng: 215, 309, 586, 696, 725, 1.393, 1.489, 1.506, 1.529, 1.554, 1.555, 1.575, 1.578, 1.579, 1676
Tịnh Liên-Nghiêm Xuân Hồng: 844
Bùi Đức Huề: 299, 634
Định Huệ: 281, 415, 754, 1.544, 1.570, 1.603
Thích Định Huệ: 992, 994, 1.152
TK. Giác Huệ: 1.166

TK. Ni Huyền Huệ: 1.250, 1.315, 1.349, 1.352, 1.404, 1.431, 1.515
Minh Huệ: 1.411
Thích Minh Huệ: 451
TK. Minh Huệ: 66, 1.384
Cư sĩ Như Huệ: 845
Cư sĩ Nguyên Huệ: 177, 845, 861, 862, 864, 920, 1.502, 1.503, 1.504, 1.513, 1.547, 1.548, 1.557, 1.565, 1.582, 1.658
Thích Thiện Huệ: 108, 244, 1.142
TK. Liên Hạnh – Thích Thiện Huệ: 88
Thích Thông Huệ: 801
Thích Nguyên Hùng: 363, 591, 1.047, 1.472
Thích Thanh Hùng: 336, 1.121
Thích Đồng Huy: 1.254
Trần Huỳnh: 184
Tuệ Chiếu-Phạm Công Huyền: 1.100
TN. Như Huyền: 229
Đàm Hưng: 426
Thích Huệ Hưng: 100, 329, 469, 1.196
Thích Giới Hương: 190
TN. Giới Hương: 4
Thích Quảng Hướng: 1.377
Cực Lạc Liên Hữu: 338
Thích Trí Hữu: 791, 1.442
Lê Tự Hỷ: 213, 487
K
Lệ Thần-Trần Trọng Kim: 841
Thích Thanh Kiểm: 94, 138, 539, 795, 1.232
Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh: 36, 37, 38, 39, 41, 43, 44, 45, 46, 430, 780, 1.150, 1.151, 1.410, 1.412, 1.413, 1.414, 1.420, 1.637
Sa-môn Trừng Ngộ - Minh Kính: 96
Hân Kỉnh: 965
Thích Viên Thành-Nguyễn Hữu Kha: 573
Lê Kim Kha: 40
Cư sĩ Tuệ Khai: 178, 225, 232, 368, 492, 534, 665, 666, 754
Á Nam-Trần Tuấn Khải: 937
Thích Tâm Khanh: 700
Phạm Kim Khánh: 164, 435, 588, 813, 847, 1.202, 1.325, 1.706
Thích Chơn Không: 675
TN. Diệu Không: 302, 335, 496, 1.533

Thích Đạo Không: 402
Cư sĩ Huyền Không: 1.098, 1.110, 1.124
Cư sĩ Trí Không: 845
Nguyễn Khuê: 1.550
L
Thiện Anh Lạc: 449
Thích Bảo Lạc: 250, 446, 463, 1.005, 1.006, 1.010, 1.139, 1.520
Thích Chánh Lạc: 391, 447, 519, 621, 624, 770, 787, 969, 972, 973, 974, 975
Thích Chân Lạc: 1.536
Thích Thông Lạc: 1.366
Cư sĩ Thanh Lam: 1.115
Tâm Nguyên-Trần Phương Lan: 694
Tuệ Giác-Lệ Thiên Lan: 1.465
Chùa Châu Lâm (Huế): 464, 695
Chùa Huê Lâm (Tp. HCM): 1.350
Nhóm Phiên dịch Đại tạng Chùa Châu Lâm: 646
Thích Minh Lễ: 233, 383, 521, 783, 907, 1.084
THPG Tp. HCM – Ban Nghi Lễ: 542
Cư sĩ Huệ Liên: 1.602
TN. Huỳnh Liên: 674, 1.094
Thích Quảng Liên: 6, 407, 544, 1.446, 1.683, 1.694
Thích Nhựt Long: 932
Nguyễn Tường Long: 372
Nhóm Dịch thuật Lamrim Lotsawas: 1.467
TK. Giác Lộc: 58, 61
Thích Nguyên Lộc: 512, 527, 918
TN. Như Lộc: 845, 1.382
Đạo Luận: 1.311
Minh Đức-Thanh Lương: 1.649
Đồng Lưu: 693, 1.285
Thích Duy Lực: 12, 82, 101, 458, 495, 498, 578, 744, 793, 889, 891, 892, 1.422, 1.474, 1.508, 1.684, 1.711, 1.712
Thích Chân Lý: 522
Diệu Lý: 898
Thích Huyền Lý: 241
Thích Viên Lý: 1.673, 1.690
M
Thích Thiện Mãn: 1.273
TK. Ni Mạn-đà-la: 1.485

Quảng Mẫn: 1.564
Trần Tuấn Mẫn: 843, 649, 914
Thích Từ Mẫn: 635, 694
Thích Bình Minh: 272, 1.297
TK. Chánh Minh: 850, 852, 854, 1.143, 1.538
Thích Đỗng Minh: 845, 1.137, 1.161, 1.174, 1.225, 1.226, 1.236, 1.238, 1.242, 1.243, 1.255, 1.276, 1.286, 1.334, 1.374, 1.381
Giải Minh: 1.405, 1.406, 1.457, 1.460, 1.462, 1.612, 1.639, 1.692
Hạnh Minh: 1.311, 1.564
TK. Khải Minh: 1.484, 1.670, 1.671
Quảng Minh: 15, 16, 17, 523, 574, 667, 781, 782, 849, 896, 978, 1.400, 1.403, 1.455, 1.510, 1.543, 1.562, 1.675
Thích Như Minh: 460, 483
Nhựt Minh: 1.293
Thiền sư Pháp Minh: 62
TK. Siêu Minh: 65, 67, 68, 70, 71, 1.169, 1.426, 1.427
Thích Tâm Minh: 768
Lê Đình Thám – Tâm Minh: 753, 1.020, 1.402, 1.614
Tịnh Minh: 1.130
Thích Thanh Minh: 1.306
Vương Gia Hớn - Thiền Minh: 191
TK. Thiện Minh: 1.551
Thích Trí Minh: 204, 566, 930, 1.358
Cư sĩ Trương Văn Minh: 1.437
Cư sĩ Viên Minh: 1.028
TK. Quê Mùa: 48
N
TK. Bửu Nam: 163, 575
Lão nhân Đồ Nam: 196
Ban Phiên dịch Pháp Tạng PGVN: 3, 7, 8, 131, 176, 689, 690, 691, 692
Phân Viện Nghiên cứu PHVN: 284
Thích Giải Năng: 126
Thích Đức Niệm: 373, 724, 982, 1.647
Giới Niệm: 1.570
Huỳnh Văn Niệm: 74
Thích Thanh Ninh: 1.625
NG
Thích Giải Ngạn: 1.081
Nguyễn Văn Ngân: 1.478

Trần Anh Ngọc: 378
TN. Huệ Ngọc: 587
Cư sĩ Minh Ngọc: 851
Vũ Thế Ngọc: 915, 1.660
Nguyễn Văn Ngoạn: 981
Thích Đồng Ngộ: 591
Thích Nguyên Ngôn: 245, 1.450, 1.621
(Toại Khanh) Giác Nguyên: 711, 922
Thích Giác Nguyên: 257, 926, 1.383, 1.682
Thích Liễu Nguyên: 941
Nguyên Nguyên: 185
Thích Phước Nguyên: 351, 986, 1.387, 1.388, 1.389, 1.390, 1.459
Tâm Nguyên: 750
Thanh Nguyên: 845
TN. Tịnh Nguyên: 493, 555, 640, 788, 803
TK. Ni Như Nguyệt: 1.193
Phổ Nguyệt: 1.616
NGH
Thích Nhuận Nghi: 221
Thích Phước Nghĩa: 59, 514, 1.171, 1.183, 1.328, 1.360
Trần Văn Nghĩa: 1.013
Thích Đức Nghiệp: 1.038, 1.545, 1.632
Thích Ấn Nghiêm: 980
TK. Ni Đức Nghiêm: 1.267, 1.337
Thích Đức Nghiêm: 1.605, 1.631
Giới Nghiêm: 1.601
TK. Giới Nghiêm: 174, 434, 900
TK. Ni Hoa Nghiêm: 623
Giới Đàn viện chùa Huệ Nghiêm: 1.378
Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm: 129, 223, 772
Thích Minh Nghiêm: 868
Nhất Nghiêm: 918
Thích Tịnh Nghiêm: 1.007, 1.407, 1.697
Thích Trí Nghiêm: 316, 322, 369, 506, 685, 1.666
Tổ đình Vĩnh Nghiêm: 79
NH
TK. Ni Lệ Nhã: 1.267
TK. Ni Nguyên Nhã: 1.267
Cư sĩ Trần Phá Nhạc: 1.436

Thích Tâm Nhãn: 779
Sơn Nhân: 1.619
Tâm Nhẫn: 1.163
TN. Hạnh Nhật: 1.615
Đạo Nhơn: 320
Huyền Mặc Đạo Nhơn: 146, 936
Thích Hồng Nhơn: 906, 1.596
Thích Phước Nhơn: 951
Thích Thiện Nhơn: 114, 115, 116, 117, 118, 119, 256, 258, 431, 511, 721, 890, 1.466, 1.514, 1.598
Thích Đức Nhuận: 838
Tuệ Nhuận: 160, 217, 339, 637, 789, 840, 912, 1.440
Tu Viện Chơn Như: 1.270
Hồng Như: 279, 1.035
Thích Linh Như: 1.101
TK. Minh Như: 357
Cư sĩ Nhứt Như: 134
Quán Như: 153, 154, 1.487, 1.599 TN. Tuệ Như: 568, 928, 1.158, 1.346, 1.367 Thiện Nhựt: 1.034, 1.486, 1.704

P

Học Tăng lớp Chuyên khoa Phật học Phật học viện Trung Phần: 1.424
Thích Chơn Pháp: 187
TK. Hộ Pháp: 289, 1.274
Chùa Hoằng Pháp (Tp. HCM): 546
Cư sĩ Như Pháp: 183
TN. Như Pháp: 1.338, 1.347
Thích Minh Phát: 1.197
Thích Thiện Phát: 602
Hoang Phong: 282, 283
Đào Ngọc Phong: 1.131, 1.132, 1.133
Thích Giác Phổ: 395, 580, 1.436
Thích Chúc Phú: 717, 1.597
Thích Hạnh Phú: 81
Tắc Phú: 404
TN. Như Phúc: 494, 647, 1.040
Thích Thông Phương: 127, 470, 584, 608, 752, 1.088, 1.48
Thích Minh Phước: 1.336
Thích Nhuận Phước: 1.186
Thích Như Phước: 1.068

Tâm Phước: 157
Thích Thiện Phước: 427, 501, 517, 874, 964, 1.018, 1.149, 1.154, 1.322, 1.326
Thích Thọ Phước: 2, 760, 997, 1.267, 1.341, 1.375
Nguyễn Pram: 376
Q
Thích Giác Quả: 1.172, 1.549
Thích Hoàn Quan: 296, 628, 718, 730, 977
Thích Chánh Quang: 410
Thích Chân Quang: 853, 927, 938, 1.591
Đạo Quang: 616
Mạt Nhân Đạo Quang: 777
Thích Đăng Quang: 538
Thích Hằng Quang: 348
Ban Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang: 823
Thích Minh Quang: 236, 601, 904
Thích Nguyệt Quang: 105
Thích Nhật Quang: 92, 798, 940, 1.560, 1.571
Ban Biên tập Thiền Tôn Phật Quang: 1.095
TN. Tịnh Quang: 766
Tuệ Quang: 499, 1.447
Từ Quang: 9933
Thích Từ Quang: 745, 960, 1.068
Thích Trúc Thông Quang: 243, 468
Thích Trí Quang: 104, 173, 224, 263, 298, 325, 340, 416, 429, 454, 481, 515, 567, 606, 609, 610, 631, 723, 785, 794, 816, 817, 818, 824, 845, 888, 939, 947, 1.048, 1.049, 1.072, 1.073, 1.144, 1.147, 1.210, 1.211, 1.212, 1.213, 1.214, 1.216, 1.240, 1.241, 1.304, 1.332, 1.368, 1.433, 1.500, 1.512, 1.535, 1.617
Thích Đổng Quán: 167, 1.611
TN. Thể Quán: 569
Thích Trung Quán: 175, 350, 393, 437, 533, 622, 623, 740, 792, 919, 1.534
Thích Trí Quảng: 49, 50, 54, 342, 814, 872, 876, 877, 880, 886
Thích Pháp Quân: 380
Diệu Quý: 404
S
Nguyễn Văn Sáu: 1.430
(Trí Đức) Thích Thiện Siêu: 129, 171, 592, 596, 679, 774, 845, 847, 885, 1.173, 1.463, 1.501, 1.532, 1.567, 1.576, 1.688
TN. Diệu Sơn: 1.207, 1.209, 1.251
Cư sĩ Lê Hồng Sơn: 526, 845, 1.469, 1.473, 1.521, 1.620

Thích Phước Sơn: 697, 845, 1.156, 1.185, 1.234, 1.237, 1.269, 1.316, 1.663
Thích Thanh Sơn: 1.335, 1.361, 1.363
TK. Supanno: 560
Vũ Anh Sương: 1.091, 1.122
Tịnh Sĩ: 1.604
TK. Tịnh Sự: 1.395, 1.396, 1.397, 1.411, 1.415, 1.416, 1.417, 1.418, 1.419, 1.421, 1.428, 1.629, 1.634, 1.635, 1.636, 1.703, 1.710
Tuệ Sỹ: 35, 99, 179, 765, 773, 1.012, 1.025, 1.042, 1.064, 1.075, 1.078, 1.140, 1.163, 1.175, 1.385, 1.386, 1.391, 1.492, 1.577, 1.642
T
Lâm Như Tạng: 913, 916, 917, 1.681
Ban Phiên dịch Pháp Tạng: 413, 648
Sa-môn Trí Tạng: 562
Thích Trí Tạng: 505
Quảng Tánh: 848
Vũ Xuân Tăng: 89
Chân Tâm: 1.074, 1.135, 1.136
Thích Hạnh Tâm: 525
Minh Tâm: 334, 1.037
Chân Hiền Tâm: 726, 732, 1.468, 1.696
Minh Chánh-Đỗ Phước Tâm: 1.112
Từ Hoa-Nhất Tuệ Tâm: 1.103, 1.128, 1.593
Thanh Tâm: 320
Thích Thiền Tâm: 373, 394, 520, 531, 629, 668, 739, 898, 988, 1.037, 1.441, 1.651, 1.655
Thích Thiện Tâm: 558, 1.046, 1.116
Thuần Tâm: 192, 324
Thích Hạnh Tấn: 1.615
Quảng Tấn: 1.564
Cư sĩ Vọng Tây: 239, 412, 638, 984, 993
Thích Chơn Tế: 362
Thích Nhẫn Tế: 756
Chánh Tiến: 845
Thích Chính Tiến: 387
Thích Đồng Tiến: 248
Thích Giác Tiến: 285
Nguyễn Minh Tiến: 87, 212, 253, 337, 347, 365, 409, 457, 472, 585, 653, 715, 720, 804, 902, 1.200, 1.201, 1.205, 1.343
Thích Phước Tiến: 24, 909

Nguyễn Văn Tiến: 452
Cư sĩ Hải Tín: 1.628
Thích Chân Tính: 1.323, 1.376
Minh Trung chez M. Ngô Trung Tính: 871
TK. Hải Tịnh: 806
Thích Phước Tịnh: 266
Tâm Tịnh: 411, 983
Thích Trí Tịnh: 208, 210, 220, 276, 308, 319, 361, 364, 375, 385, 419, 440, 462, 508, 559, 565, 568, 572, 604, 652, 657, 672, 811, 845, 908, 944, 946, 952, 953, 954, 1.008, 1.037, 1.040, 1.101, 1.102, 1.110, 1.352, 1.606
Thích Giác Toàn: 29, 847, 1.119, 1.134
Thích Huyền Tôn: 359, 436, 819
TK. Hộ Tông: 55, 703, 704, 1.058, 1.062, 1.265, 1.266, 1.707
Thích Hiển Tu: 539
Thích Nguyên Tuấn: 1.432
Pháp Tuệ: 328
Thích Phúc Tuệ: 1.625
Chánh Tấn Tuệ: 1.695
TN. Lệ Tuyên: 390
Lê Sỹ Minh Tùng: 155, 330, 607, 751
Bậc-sô Thanh Tùng: 107
Thích Hưng Từ: 670
Thích Nhật Từ: 202, 343, 417, 504, 625, 626, 627, 649, 650, 654, 705, 719, 1.027, 1.138, 1.167, 1.356
Thích Tịnh Từ: 346
Thích Thanh Từ: 22, 23, 129, 186, 242, 312, 333, 467, 497, 502, 583, 595, 679, 682, 722, 730, 797, 1.324, 1.482, 1.522, 1.526, 1.539, 1.572, 1.656, 1.672, 1.687
Truyền Từ: 388
Ngộ Chân Tử: 304
Kim Cương Tử: 1.302
An Sỹ - Chu Tước: 140
TH
Thích Đồng Thái: 401
Thích Phước Thái: 598, 1.148
Huyền Thanh: 1, 73, 77, 106, 121, 122, 197, 198, 254, 259, 275, 291, 354, 360, 377, 413, 465, 473, 485, 491, 507, 529, 651, 676, 742, 754, 819, 846, 898, 961, 1.000, 1.065, 1.071, 1.355
TK. Ni Như Thanh: 881, 1.398, 1.449
TK. Ni Thể Thanh: 1.247

Thích Thiện Thanh: 384
TN. Huệ Thanh: 400
Thích Hạnh Thành: 1.099, 1.102, 1.109, 1.111
Thích Minh Thành (chùa Ấn Quang): 1.187, 1.230
Thích Minh Thành: 1.379
Nguyễn Xuân Hy-Minh Thành: 934
Nguyên Thành: 1.564
Tuệ Thành: 693, 1.267, 1.285, 1.373
Ban Phiên dịch Việt ngữ-Vạn Phật Thánh Thành: 95, 420, 455, 612, 630, 819, 867, 1.519, 1.531
Thích Trí Thành: 125, 313, 747
Thích Viên Thành: 573, 1.124
Diệu Thảo: 1570
Lê Mạnh Thát: 278, 866, 1.123
Thích Đức Thắng: 680, 683, 845, 1.011, 1.015, 1.025, 1.243
Phật tử Phước Thắng: 822, 989
TN. Viên Thắng: 1.648
TK. Ni Đàm Thính: 1.342
Nguyễn Thịnh: 1.163
Thích Mật Thể: 805, 1.622
Khải Thiên: 762
Trúc Thiên: 1.679
Thông Thiền: 963
Phạm Công Thiện: 1.641
Thích Chơn Thiện: 843, 914, 1.033, 1.051, 1.052, 1.053, 1.054, 1.055, 1.623
Thích Giác Thiện: 532, 684, 729, 1.275, 1.437, 1.490, 1.650
Thích Lệ Thiện: 423, 1077
TK. Siêu Thiện: 1.657, 1.710
Thích Tâm Thiện: 1.685
Thích Vạn Thiện: 1.267
TK. Brahmapalita (Thạch Long Thinh): 958, 976
Pram Nguyễn – Thiện Thọ: 132
Thích Minh Thời: 540
Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn: 911, 1.155, 1.189, 1.190
Thích Minh Thông: 571, 1.177, 1.219, 1.280, 1.298, 1.299, 1.339, 1.362, 1.369
TK. Pháp Thông: 158, 159, 161, 162, 1.044
Thành Thông: 693, 1.267, 1.285
Thiện Thông: 1228
Thích Thiện Thông: 5, 260, 280, 397, 632, 776, 778, 786, 810, 995

Thích Tuệ Thông: 530, 968
Thích Từ Thông: 18, 102, 111, 182, 310, 925, 945, 1.069, 1.070
Thích Trí Thông: 1.640
Thích Trí Thủ: 9, 251, 736, 1.017, 1.096, 1.182, 1.215, 1.258, 1.259, 1.278, 1.284, 1.381
Đức Thuần: 1.267, 1.337
Đức Thuận: 1.267, 1.337, 1.631
Nguyên Thuận: 230, 421, 589, 617, 643, 778, 804, 819, 863, 1.530
Thiện Thuận: 603, 639
Trần Quang Thuận: 331
Phạm Thiên Thư: 1.090, 1.104, 1.125, 1.126
Việt Thư: 1.600
Thích Chân Thường: 317, 366, 808, 1.308
TN. Tâm Thường: 30, 247, 268, 642, 998
Thích Trí Thường: 1.101
Nguyễn Vĩnh Thượng: 288
TR
Huệ Trang: 388
Nguyên Trang: 603, 639
Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang: 129, 764, 845
Đinh Sỹ Trang: 194, 203, 327, 962, 1.030, 1.032, 1.056
Tuệ Nhuận-Thích Mật Tri: 352
Thánh Tri: 238, 716
Hoằng Trí: 1.163
TN. Hương Trí: 1.040
Hậu học Đặng Hữu Trí: 189, 1.019, 1.475
Minh Đức-Nguyệt Trí: 252
Thích Quảng Trí: 1, 28, 32, 77, 106, 121, 122, 353, 428, 518, 536, 537, 556, 846, 898, 961, 1.000
Thích Tâm Trí: 69, 1.584
Thích Thiện Trí: 990
Pháp sư Thiện Trí: 124, 315
Thiện Trí: 441
Thích Viên Trí: 1.167, 1.380, 1.392
Thích Thiện Trì: 488
Nhóm Phiên dịch Đại tạng Kinh Phật giáo Quảng Trị: 865
TN. Minh Triều: 206, 821
Pháp Triều: 1.662
Thích Hoằng Triệu: 1.263, 1.313, 1.314, 1.321
Thiền sư Kim Triệu: 432

Không Trú: 778
(Lê Phước Bình) Thích Hành Trụ: 214, 294, 438, 564, 738, 771, 790, 1.245, 1.305, 1.308
Chánh Trí-Mai Thọ Truyền: 10, 26, 147, 746, 942, 996
Cư sĩ Nguyên Trừng: 136
Thích Hằng Trường: 113, 443, 444, 445
Thích Minh Trực: 97, 137, 935, 1.066, 1.483
TN. Trí Hải:
U TK. Ni Đàm Uyển: 1.153 Tuệ Uyển: 1.157, 1.160, 1.678

V
Thích Đồng Văn: 910
Chính Trang-Giác Vân: 151
Thích Hương Vân: 300, 590
Ngoại Thiên Tường Vân: 582
Thích Huyền Vi: 47, 72, 91, 149, 386, 479, 796, 955, 967
Thích Định Viên: 433
Ban Dịch thuật Luật tạng Giới Đài Viện: 1.339
Pa-Auk Thiền Lâm Viện: 551 Thi Vũ: 671 Trụ Vũ: 1.120

X
Quảng Xả: 1.564
Tổ đình Linh Quang Tịnh Xá: 211, 450
Thích Nguyên Xuân: 618, 698, 702, 971
Y TN. Tịnh Ý: 734

V. BẢNG TRA CỨU PHÂN LOẠI TÁC PHẨM I. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN I.1 Kinh dịch (chánh văn): 1, 3, 5, 6, 7, 8, 28, 30, 32, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 43, 44, 45, 51, 52, 73, 75, 77, 83, 89, 90, 93, 96, 97, 100, 101, 105, 106, 107, 109, 121, 122, 127, 128, 129, 130, 131, 143, 146, 168 (Tập I & II), 174, 175, 176, 178, 187, 188, 192, 193, 197, 200, 201, 207, 210, 211, 212, 213, 218, 223, 224, 225, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 247, 248, 251, 252, 254, 255, 257, 259, 260, 261, 262, 264, 267, 268, 269, 271, 272, 275, 276, 278, 279, 280, 281, 285, 286, 290, 291, 292, 296, 297, 298, 299, 302, 303, 305, 308, 309, 310, 311, 318, 319, 320, 322, 326, 328, 329, 337, 338, 339, 340, 349, 350, 353, 354, 355, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 373, 375, 376, 377, 381, 383, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 413, 414, 415, 417, 418, 419, 420, 421, 428, 430, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 446, 447, 448, 451, 452, 453, 456, 457, 458, 460, 462, 464, 465, 466, 473, 475, 482, 483, 485, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 500, 503, 504, 506, 507, 508, 510, 512, 513, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 525, 527, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 555, 556, 557, 562, 564, 565, 566, 568, 571, 573, 574, 577, 580, 581, 585, 586, 588, 589, 591, 592, 593, 594, 596, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 609, 614, 617, 618, 620, 621, 622, 624, 625, 626, 627, 629, 630, 631, 634, 635, 639, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 657, 658, 660, 661, 662, 663, 665, 666, 667, 668, 669, 672, 676, 677, 678,

679, 680, 681, 682, 683, 685, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 710, 715, 716, 723, 725, 727, 728, 737, 740, 741, 742, 745, 753, 754, 756, 758, 759, 760, 763, 764, 765, 766, 767, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 778, 779, 780, 782, 784, 785, 786, 787, 788, 790, 791, 793, 794, 796, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 816, 819, 822, 823, 842, 843, 845, 846, 869, 896, 898, 899, 900, 905, 907, 908, 918, 933, 935, 936, 937, 952, 953, 954, 958, 959, 960, 961, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 971, 972, 974, 975, 976, 977, 978, 980, 982, 983, 987, 988, 989, 990, 997, 998, 1.000, 1.001, 1.002, 1.007, 1.008, 1.010, 1.011, 1.014, 1.015, 1.016, 1.021, 1.022, 1.023, 1.024, 1.025, 1.026, 1.037, 1.038, 1.057, 1.061, 1.062, 1.063, 1.065, 1.067, 1.068, 1.071, 1.075, 1.076, 1.078, 1.079, 1.080, 1.081, 1.082, 1.084

I.2 Kinh dịch và giảng giải: 9, 10, 11, 12, 14, 19, 22, 23, 25, 26, 29, 31, 47, 74, 82, 86, 104, 108, 120, 123, 125, 137, 141, 142, 144, 145, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 171, 190, 196, 203, 205, 220, 221, 236, 237, 239, 242, 243, 266, 289, 295, 312, 313, 314, 315, 316, 323, 330, 333, 341, 345, 348, 412, 422, 424, 432, 461, 467, 468, 469, 470, 471, 477, 479, 484, 497, 502, 563, 583, 584, 595, 607, 608, 619, 638, 641, 659, 731, 747, 748, 750, 751, 752, 792, 797, 798, 813, 870, 904, 919, 920, 926, 930, 938, 939, 946, 957, 979, 984, 985, 993, 1.003, 1.004, 1.018, 1.019, 1.020, 1.036, 1.060, 1.083

I.3 Giới Kinh: 33, 169, 170, 514, 517, 564, 656, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 575, 760, 780, 781, 782, 783, 789, 928, 929, 930, 953, 970, 974, 997, 1.007, 1.061

I.4 Kinh Luận giảng: 34, 46, 133, 134, 135, 148, 168 (Tập III & VII), 186, 334, 398, 463, 499, 507, 611, 729, 801, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 956, 981, 1.040, 1.064, 1.619

I.5 Kinh dịch-Chú giải: 20, 41, 42, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 87, 88, 98, 99, 103, 132, 136, 149, 150, 151, 181, 183, 184, 194, 204, 208, 214, 215, 216, 240, 246, 253, 258, 265, 282, 283, 288, 294, 325, 327, 332, 351, 380, 384, 416, 429, 454, 472, 474, 478, 486, 487, 501, 505, 509, 511, 515, 528, 567, 570, 575, 576, 606, 615, 664, 671, 718, 720, 721, 724, 726, 730, 734, 735, 757, 762, 773, 789, 795, 818, 824, 839, 932, 934, 962, 986, 1.013, 1.017, 1.056, 1.075, 1.076, 1.078

I.6 Kinh dịch-Lược giải-Lược giảng: 13, 21, 24, 48, 95, 124, 126, 172, 173, 180, 185, 189, 195, 198, 199, 217, 222, 235, 238, 244, 245, 256, 274, 277, 301, 306, 335, 336, 379, 431, 443, 444, 445, 455, 459, 498, 569, 578, 579, 610, 612, 628, 636, 655, 686, 711, 712, 713, 714, 732, 733, 736, 743, 744, 800, 802, 867, 872, 873, 874, 875, 876, 977, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 897, 931, 947, 970, 991, 994

I.7 Nghiên cứu-Tìm hiểu Kinh: 91, 92, 140, 179, 241, 250, 263, 331, 378, 481, 717, 913, 914, 915, 916, 917, 992, 1.012, 1.027, 1.028, 1.029, 1.030, 1.031, 1.032, 1.033, 1.034

I.8 Đại cương-Huyền nghĩa-Yếu chỉ Kinh: 15, 16, 18, 27, 53, 54, 72, 85, 102, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 138, 139, 147, 177, 182, 187, 219, 249, 317, 324, 346, 480, 623, 637, 749, 769, 812, 925, 940, 942, 943, 944, 945, 948, 949, 950, 951, 1.035, 1.041, 1.042, 1.043, 1.044, 1.045, 1.046, 1.070, 1.085, 1.086, 1.087, 1.088

I.9 Kinh tụng-Nghi thức Tụng niệm: 5, 6, 49, 50, 76, 78, 79, 80, 81, 84, 94, 96, 149, 165, 200, 202, 209, 210, 211, 212, 257, 273, 276, 284, 293, 307, 308, 310, 318, 319, 321, 338, 339, 342, 343, 344, 347, 349, 350, 352, 355, 358, 359, 373, 382, 393, 399, 401, 408, 410, 414, 417, 418, 419, 436, 450, 451, 460, 476, 482, 488, 489, 490, 505, 522, 523, 524, 525, 526, 532, 533, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 558, 559, 560, 561, 562, 613, 625, 626, 627, 631, 632, 649, 650, 653, 654, 656, 657, 658, 669, 672, 673, 674, 675, 677, 678, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 719, 740, 776, 778, 784, 786, 799, 807, 808, 814, 815, 817, 840, 909, 910, 911, 912, 921, 922, 923, 924, 927, 941, 953, 954, 978, 988, 1.008, 1.009, 1.039, 1.050, 1.066

I.10 Kinh Diễn văn vần-Thi hóa-Minh họa tranh-Thư pháp: 206, 356, 374, 423, 425, 427, 530, 531, 597, 616, 670, 739, 777, 820, 821, 868, 874, 995, 1.077, 1.089, 1.090,

1.091, 1.092, 1.093, 1.094, 1.095, 1.096, 1.097, 1.098, 1.099, 1.100, 1.101, 1.102, 1.103, 1.104, 1.105, 1.106, 1.107, 1.108, 1.109, 1.110, 1.111, 1.112, 1.113, 1.114, 1.115, 1.116, 1.117, 1.118, 1.119, 1.120, 1.121, 1.122, 1.123, 1.124, 1.125, 1.126, 1.127, 1.128, 1.129, 1.130, 1.131, 1.132, 1.133, 1.134, 1.135, 1.136, 1.137, 1.138

II. TÁC PHẨM GIỚI LUẬT II.1 Giới luật dịch (chánh văn): 1.139, 1.146, 1.149, 1.150, 1.154, 1.161, 1.162, 1.164, 1.174, 1.175, 1.176, 1.179, 1.180, 1.181, 1.182, 1.191, 1.192, 1.194, 1.199, 1.202, 1.203, 1.209, 1.215, 1.216, 1.220, 1.223, 1.225, 1.226, 1.236, 1.237, 1.238, 1.242, 1.243, 1.245, 1.246, 1.247, 1.251, 1.252, 1.255, 1.256, 1.262, 1.263, 1.264, 1.291, 1.294, 1.297, 1.305, 1.310, 1.312, 1.313, 1.315, 1.316, 1.326, 1.327, 1.329, 1.330, 1.334, 1.336, 1.337, 1.338, 1.339, 1.340, 1.341, 1.355, 1.357, 1.373, 1.374

II.2 Giới luật dịch-Chú giải-Biên soạn: 1.143, 1.147, 1.148, 1.151, 1.156, 1.158, 1.159, 1.163, 1.168, 1.169, 1.170, 1.171, 1.172, 1.173, 1.185, 1.187, 1.218, 1.219, 1.221, 1.234, 1.235, 1.258, 1.259, 1.260, 1.278, 1.280, 1.292, 1.298, 1.299, 1.311, 1.332, 1.333, 1.344, 1.345, 1.370

II.3 Giới luật Giảng giải-Lược giải-Lược ký: 1.153, 1.183, 1.244, 1.247, 1.248, 1.249, 1.250, 1.267, 1.342, 1.360, 1.369, 1.381

II.4 Luật học: Cơ bản-Đại cương-Thiết yếu: 1.154, 1.177, 1.187, 1.203, 1.204 (Tập 7 & 8), 1.228, 1.230, 1.231, 1.232, 1.233, 1.234, 1.235, 1.265, 1.266, 1.269, 1.288, 1.293, 1.302, 1.354, 1.372

II.5 Luật Sa-di – Sa-di Ni: 1.152, 1.155, 1.167, 1.184, 1.186, 1.204 (Tập 1 & 3), 1.205, 1.207, 1.213, 1.229, 1.230 (Tập 1 & 2), 1.240, 1.241, 1.260, 1.270, 1.289, 1.293, 1.304, 1.305, 1.306, 1.307, 1.308, 1.309, 1.310, 1.311, 1.312, 1.313, 1.314, 1.331, 1.353, 1.354, 1.355, 1.356, 1.357, 1.358, 1.359, 1.360, 1.361, 1.363, 1.364, 1.365

II.6 Giới pháp Thức-xoa-ma-na-ni: 1.193, 1.204 (Tập 2), 1.208, 1.209, 1.212, 1.367, 1.368

II.7 Luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni: 1.149, 1.153, 1.177, 1.181, 1.182, 1.189, 1.190, 1.191, 1.192, 1.195, 1.196, 1.199, 1.200, 1.201, 1.210, 1.211, 1.215, 1.216, 1.225, 1.226, 1.230 (Tập 4), 1.242 (Tập I & II), 1.243 (Phần I & II), 1.244, 1.245, 1.246, 1.248, 1.249, 1.250, 1.251, 1.252, 1.253, 1.254, 1.255, 1.256, 1.257, 1.258, 1.259, 1.261, 1.282, 1.292, 1.294, 1.298,

1.299, 1.300, 1.301, 1.327, 1.328, 1.334, 1.335, 1.336, 1.337, 1.340, 1.341, 1.342, 1.343, 1.344, 1.345, 1.346, 1.347, 1.349, 1.350, 1.351, 1.352, 1.371, 1.382

II.8 Giới pháp Cư sĩ và Giới Bồ-tát: 1.140, 1.141, 1.142, 1.144, 1.145, 1.146, 1.147, 1.148, 1.157, 1.160, 1.165, 1.166, 1.175, 1.176, 1.180, 1.188, 1.194, 1.204 (Tập 4, 5 & 6),

1.206, 1.214, 1.220, 1.222, 1.224, 1.227, 1.230 (Tập 3 & 5), 1.273, 1.274, 1.279, 1.290, 1.295, 1.303, 1.318, 1.319, 1.320, 1.321, 1.323, 1.324, 1.325, 1.326, 1.352, 1.366, 1.373, 1.377, 1.382 II.9 Giới đàn-Nghi thức: 1.178, 1.197, 1.198, 1.275, 1.276, 1.277, 1.278, 1.279, 1.280, 1.281, 1.282, 1.283, 1.284, 1.285, 1.286, 1.315, 1.322, 1.375, 1.376, 1.378

III. TÁC PHẨM LUẬN III.1 Luận dịch (chánh văn): 1.383, 1.384, 1.385, 1.386, 1.390, 1.393, 1.399, 1.404, 1.405, 1.406, 1.407, 1.409, 1.410, 1.411, 1.412, 1.413, 1.414, 1.415, 1.416, 1.417, 1.418, 1.419, 1.420, 1.421, 1.422, 1.423, 1.424, 1.429, 1.430, 1.431, 1.432, 1.435, 1.436, 1.437, 1.438, 1.442, 1.456, 1.462, 1.467, 1.469, 1.470, 1.471, 1.472, 1.473, 1.474, 1.475, 1.478, 1.479, 1.481, 1.482, 1.483, 1.484, 1.486, 1.489, 1.491, 1.492, 1.497, 1.498, 1.500, 1.502, 1.503, 1.504, 1.506, 1.507, 1.509, 1.511, 1.513, 1.516, 1.518, 1.521, 1.522, 1.523, 1.524, 1.527, 1.528, 1.529, 1.530, 1.532, 1.533, 1.534, 1.535, 1.536, 1.540, 1.542, 1.543, 1.544, 1.545, 1.546, 1.547, 1.548, 1.551, 1.552, 1.553, 1.554, 1.555, 1.556, 1.558, 1.559, 1.560, 1.562, 1.563, 1.565, 1.566, 1.567, 1.568, 1.569, 1.570, 1.571, 1.572, 1.573, 1.574, 1.575, 1.578, 1.579, 1.580, 1.581, 1.582, 1.584, 1.585, 1.586, 1.587, 1.588, 1.592, 1.594, 1.595, 1.596, 1.600, 1.601, 1.603, 1.604, 1.605, 1.606, 1.607, 1.608, 1.609, 1.615, 1.618, 1.624, 1.627, 1.631, 1.632, 1.637, 1.639, 1.640, 1.642, 1.645, 1.647, 1.651, 1.655, 1.656, 1.658, 1.666, 1.667, 1.669, 1.673, 1.674, 1.675, 1.676, 1.678, 1.679, 1.685, 1.686, 1.689, 1.690, 1.691, 1.692, 1.693, 1.697, 1.698, 1.699, 1.700, 1.701, 1.703, 1.706

III.2 Luận dịch-Giảng giải-Giảng luận: 1.402, 1.408, 1.480, 1.487, 1.488, 1.489, 1.490, 1.526, 1.531, 1.539, 1.598, 1.599, 1.650, 1.672, 1.687, 1.702

III.3 Luận dịch-Chú giải-Biên soạn: 1.387, 1.388, 1.389, 1.390, 1.394, 1.398, 1.400, 1.403, 1.424, 1.425, 1.426, 1.427, 1.428, 1.429, 1.432, 1.433, 1.434, 1.439, 1.445, 1.446, 1.448, 1.450, 1.455, 1.459, 1.463, 1.468, 1.485, 1.501, 1.510, 1.514, 1.517, 1.525, 1.538, 1.549, 1.576, 1.577, 1.589, 1.602, 1.610, 1.611, 1.612, 1.613, 1.617, 1.668, 1.670, 1.671, 1.677, 1.683, 1.684, 1.694, 1.695, 1.696

III.4 Luận-Phật giáo Nam truyền: 1.395, 1.396, 1.397, 1.411, 1.415, 1.416, 1.417, 1.418, 1.419, 1.421, 1.426, 1.427, 1.428, 1.430, 1.484, 1.607, 1.629, 1.630, 1.634, 1.635, 1.636, 1.643, 1.657, 1.661, 1.662, 1.663, 1.664, 1.665, 1.702, 1.703, 1.704, 1.705, 1.706, 1.707, 1.708, 1.710 III.5 Luận-Đại thừa: 1.393, 1.398, 1.399, 1.400, 1.401, 1.402, 1.403, 1.404, 1.405, 1.406, 1.420, 1.431, 1.439, 1.440, 1.441, 1.442, 1.443, 1.444, 1.445, 1.446, 1.447, 1.448, 1.449, 1.450, 1.451, 1.452, 1.453, 1.454, 1.455, 1.456, 1.457, 1.458, 1.459, 1.460, 1.461, 1.462, 1.466, 1.468, 1.469, 1.470, 1.471, 1.472, 1.473, 1.474, 1.475, 1.476, 1.477, 1.479, 1.481, 1.482, 1.483, 1.487, 1.488, 1.489, 1.490, 1.493, 1.494, 1.495, 1.498, 1.499, 1.500, 1.505, 1.506, 1.512, 1.515, 1.519, 1.520, 1.521, 1.522, 1.523, 1.524, 1.525, 1.526, 1.527, 1.528, 1.529, 1.530, 1.531, 1.532, 1.533, 1.534, 1.541, 1.544, 1.547, 1.549, 1.553, 1.554,

1.555, 1.558, 1.567, 1.569, 1.572, 1.576, 1.577, 1.579, 1.582, 1.584, 1.585, 1.598, 1.599, 1.608, 1.615, 1.616, 1.620, 1.626, 1.628, 1.631, 1.632, 1.639, 1.644, 1.645, 1.646, 1.647, 1.658, 1.659, 1.660, 1.672, 1.673, 1.674, 1.675, 1.676, 1.681, 1.683, 1.685, 1.686, 1.688, 1.689, 1.690, 1.691, 1.692, 1.693, 1.694, 1.695, 1.696, 1.697, 1.698, 1.699, 1.711, 1.712

III.6 Luận sử: 1.392, 1.496, 1.564, 1.709

III.7 Đại cương-Tông yếu-Khái quát luận: 1.453, 1.464, 1.465, 1.466, 1.497, 1.498, 1.559, 1.560, 1.561, 1.622, 1.623, 1.625, 1.627, 1.648, 1.652, 1.653, 1.688, 1.711, 1.712

VI. MỤC LỤC NHÀ IN - NHÀ XUẤT BẢN TIÊU BIỂU

1. Nhà in

1.1 Trước năm 1975

Ấn quán Cô Nhi (Long Thành-Đồng Nai)

Ấn quán Phú San, Sài Gòn

Ấn quán Sen Vàng, Chợ Lớn-Sài Gòn

Ấn quán Thạnh Mậu, Gia Định

Ấn quán Vạn Hạnh, Sài Gòn

Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn

Nhà in Hạnh Phúc, Gia Định

Nhà in Hiệp Hưng, Sài Gòn

Nhà in Hoa Sen, Nha Trang

Nhà in Hòa Chánh, Sài Gòn

Nhà in Hòa Ký, Hà Nội

Nhà in Hữu Luyên, Chợ Lớn

Nhà in Khảo Chánh, Sài Gòn

Nhà in Lê Thị Đảm, Sài Gòn

Nhà in Liên Hoa, Huế

Nhà in Minsang, Hà Nội

Nhà in Nam Quan, Sài Gòn

Nhà in Nguyễn Văn Công, Sài Gòn

Nhà in Nguyễn Văn Hòa, Sài Gòn

Nhà in Nguyễn Văn Huấn, Sài Gòn

Nhà in riêng của Phật Học Tòng Thơ, Sài Gòn

Nhà in Phan Thanh Giản, Sài Gòn

Nhà in Trần Minh Châu, Sài Gòn

Nhà in Trường Sơn, Sài Gòn

Nhà in Việt Liên, Sài Gòn

1.2 Sau năm 1975

Công ty Cổ phần In Khuyến Học Phía Nam, Tp. HCM

Công ty Cổ Phần In Khánh Hội, Q.4, Tp. HCM

Công ty CP In Người Lao Động, Q.6, Tp. HCM

Công ty In chuyên ngành Lao Động-Xã Hội, Q.5, Tp. HCM
Công ty In chuyên ngành LĐ-XH -Xưởng in 14, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
Công ty In Trần Phú, Q.1, Tp. HCM
Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
Công ty In & Văn Hóa Phẩm
Công ty Nhật Nam, Tp. HCM
Công ty TNHH Cẩm Chí, Q. Bình Tân, Tp. HCM
Công ty TNHH VH In SX-TM-DV Liên Tường, Q.6, Tp. HCM
Công ty TNHH 1 thành viên In Người Lao Động
Công ty TNHH In ấn Trường Sơn, Q.3, Tp. HCM
Công ty TNHH In Ngọc Hoan
Công ty TNHH Cơ Khí In ấn Tuệ Mẫn, Q. Bình Tân, Tp. HCM
Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In, Q.1, Tp. HCM
Nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng
Nhà in Itaxa, Q.3, Tp. HCM
Phân xưởng in Nxb Giao Thông Vận Tải, Tp. HCM
Xí Nghiệp In Gia Định (Công ty Cổ phần In Gia Định), Tp. HCM
Xí Nghiệp In số 2, số 3, Q.1, Tp. HCM
Xí Nghiệp In Fahasa, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Xí Nghiệp In Đường Sắt Sài Gòn
Xí Nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, (Q.11 và Q. Tân Bình), Tp. HCM
Xưởng in kẻ tập Fahasa, Tp. HCM
Xưởng in Phú Nhuận, Tp. HCM
2. Nhà xuất bản
2.1 Trước năm 1975
Nhà xuất bản An Tiêm
Nhà xuất bản Hoa Đạo
Nhà xuất bản Hương Đạo, Sài Gòn
Nhà xuất bản Hưng Long
Nhà xuất bản Lá Bối
Nhà xuất bản Minh Đức
Nhà xuất bản Tân Ý Thức
Nhà xuất bản Quang Minh
Nhà xuất bản Hương Quang, Sài Gòn
Nhà xuất bản Thu Tử
Hương Nghiêm
Phật Học Tòng Thơ, Sài Gòn
Phật Học Thơ Xã, Sài Gòn
Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn

2.2 Sau năm 1975
Nhà xuất bản Đà Nẵng
Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội
Nhà xuất bản Phương Đông
Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh
Nhà xuất bản Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh
Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội
Nhà xuất bản Thanh Niên
Nhà xuất bản Thời Đại
Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế
Nhà xuất bản Văn Hóa-Sài Gòn
Nhà xuất bản Văn hóa-Văn nghệ
Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội
Nhà xuất bản Văn nghệ
Tu Thư Phật Học Vạn Hạnh, Sài Gòn
Tuệ Quang Foundation
Thành Hội Phật Giáo - Tp. HCM
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Phân Viện Nghiên cứu PHVN, Hà Nội
3. Phụ lục (Giáo hội, Tổ chức Phật giáo và Chùa ấn tống-ấn hành)
3.1 Trong nước
Ban Giáo dục Tăng Ni TƯ.GHPGVN
Ban Liên Hoa-Miền Vĩnh Nghiêm
Ban Hội Trì Tam Bảo-Việt Nam Quốc Tự
Ban Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn
Bộ Quốc Gia Giáo Dục
Chùa An Phước
Chùa Ấn Quang, Chợ Lớn-Sài Gòn
Chùa Bồ-đề, Gia Định
Chùa Bửu Quang, Thủ Đức-Sài Gòn
Chùa Châu Lâm, Huế
Chùa Chơn Minh, tỉnh Định Tường
Chùa Dược Sư, Gia Định
Chùa Đại Giác, Sài Gòn
Chùa Đông Hưng, Thủ Thiêm-Sài Gòn
Chùa Giác Hải, Sài Gòn
Chùa Hải Đức, Nha Trang
Chùa Hải Tuệ, Sài Gòn
Chùa Hiển Quang

Chùa Hoằng Pháp, Hốc Môn-Gia Định
Chùa Huệ Nghiêm, Tp. HCM
Chùa Kim Huê (Sa-đéc, Đồng Tháp)
Chùa Khánh Vân, Sài Gòn
Chùa Linh Xứng
Chùa Long Hoa, Sài Gòn
Chùa Long Vân, Sài Gòn
Chùa Long Vĩnh, Sài Gòn
Chùa Phật Quang, Sài Gòn
Chùa Phước Duyên, Huế
Chùa Qui Sơn, Vũng Tàu
Chùa Từ Ân, Huế
Chùa Từ Quang, Sài Gòn
Chùa Tường Vân, Huế
Chùa Thiên Phước, Sài Gòn
Chùa Vạn Đức, Thủ Đức-Gia Định
Chơn Đức Thiền Viện, Sài Gòn
Cực Lạc Liên Hữu, Sài Gòn
Đạo Phật Ngày Nay (chùa Giác Ngộ), Tp. HCM
Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất
Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam
Giáo hội Tăng-già Nam Việt
Giáo hội Tăng-già Thừa Thiên
Giới đài viện Huệ Nghiêm, Tp. HCM
Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. HCM
Hội Phật học Nam Việt (chùa Xá Lợi), Sài Gòn
Hội quán chùa Linh Sơn, Sài Gòn
Hội Phật tử Việt Nam, miền Bắc
Huyền Cơ Phật Học Viện (chùa Pháp Vương), Sài Gòn
Huỳnh Mai Tịnh thất, Sài Gòn
Hương Tích, Sài Gòn
Lăng Nghiêm Thiền viện
Liên Hoa Tịnh thất, Mỹ Tho
Liên Hải Phật Học Trường, Sài Gòn
Linh Quang Tịnh xá, Sài Gòn
Linh Sơn Phật Học Tùng Thư, Sài Gòn
Miền Vĩnh Nghiêm
Ni viện Hương Sen, Lâm Đồng
Pa-Auk Thiền Lâm Viện

Phật Giáo Nguyên Thủy-Theravàda
Phật Học Đường Giác Nguyên, Sài Gòn
Phật Học Đường Nam Việt, Chợ Lớn-Sài Gòn
Phật Học Viện Trung Phần, Nha Trang
Phương Liên Tịnh Xứ, Lâm Đồng
Quảng Hương – Già-lam, Gia Định
Rừng Thiền Huyền Không Sơn Thượng, Huế
Tăng-già Tự, Khánh Hội-Sài Gòn
Tỉnh hội Thừa Thiên-Huế
Tịnh xá Trung Tâm, Gia Định
Tịnh xá Ngọc Phương, Gia Định
Tổ đình Huê Lâm, Q.Bình Tân, Tp. HCM
Tổ đình Vạn Thọ, Q.1, Tp. HCM
Tổ đình Vĩnh Nghiêm, Tp. HCM
Tổng Trị sự Hội Việt Nam Phật Học
Tu viện Chơn Không, Vũng Tàu
Tu viện Huệ Quang, Tp. HCM
Tu viện Quảng Đức, Thủ Đức-Sài Gòn
Tu viện Kim Sơn, Thừa Thiên-Huế
Tường Quang Tùng Thư
Tuệ Quang-Phật học viện Huyền Cơ, Sài Gòn
Thiện Tri Thức
Thiền Tịnh Đạo Tràng-Phật Bửu Tự, Sài Gòn
Thiền viện Thường Chiếu, Đồng Nai
Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II tại Tp. HCM
Trường Cơ bản Phật học Tp. HCM
Việt Nam Quốc Tự, Sài Gòn
Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, Sài Gòn
Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức
Việt Nam Phật Học Hội
Viện Phật học Phổ Hiền
3.2 Nước ngoài (Nxb, Tổ chức Phật giáo và Chùa ấn tống)
Chùa Báo Ân, Hoa Kỳ
Chùa Đức Viên, San Jose-Hoa Kỳ
Chùa Phật Tổ, Long Beach
Chùa Phổ Quang, Đài Loan
Chùa Viên Giác, Đức Quốc
Giáo hội Vạn Hạnh-chùa Liên Hoa, Cali (Hoa Kỳ)
Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc (Đài Loan)

Liên Xã Đại Giác-Cựu Kim Sơn, Hoa Kỳ
Nhà xuất bản Nguồn Sống
Phật học viện Quốc Tế
Tu viện Quảng Đức, Australia
Từ Ân Thiền đường, Santa Ana, Hoa Kỳ
Tự viện Linh Sơn, Pháp Quốc
Viện Triết lý Việt Nam & Triết học Thế Giới, California-Hoa Kỳ
Thư Viện Hoa Sen chuyển qua định dạng ebook PDF ngày 4 tháng 7 năm 2021

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.